TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

06

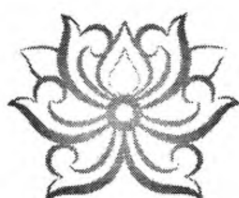
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

06

KINH TIỂU BỘ

(Khuddaka Nikāya)

2



Dịch giả

Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

NGUYÊN TÂM - TRẦN PHƯƠNG LAN

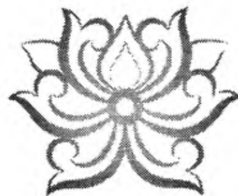
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

KINH TIỂU BỘ
(Khuddaka Nikāya)

2

CHUYỆN TIỀN THÂN
(*Jātaka*)

Phần I



NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ
ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC



HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

(Nhiệm kỳ 2017 – 2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
- Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

- Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN

- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội

- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT

- Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ



•Cố vấn
- Hòa thượng VIÊN MINH
- Hòa thượng Tiến sĩ THIỆN TÂM

•Trưởng ban
- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

•Phó Trưởng ban
- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN

•Tổng Biên tập
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ

•Phó Tổng Biên tập
- Thượng tọa GIÁC GIỚI

•Thư ký Biên tập
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG

•Ủy viên Biên tập
- Thượng tọa Thạc sĩ GIÁC TRÍ
- Thượng tọa Tiến sĩ BỬU HIỀN
- Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
- Sư cô Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN THỦY

•Trưởng ban Tài chánh
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có ghi: "*Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển pháp luân*" (佛以一一身, 處處轉法輪), nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp.

Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pāli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác.

Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "*Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chỉ*" (以聖教爲明鏡照見自心, 以自心爲智燈照經幽旨), nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn.

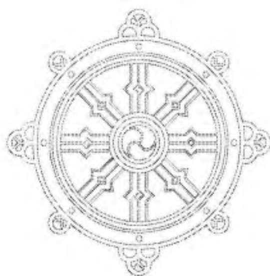
Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự."

Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
(Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)



LỜI GIỚI THIỆU

Thay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này.

Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

1. Về thuật ngữ

Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "*Đại tạng kinh Việt Nam*", vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*", nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay.

Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. *Sutta Piṭaka*, H. 經藏) tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. *Vinaya Piṭaka*, H. 律藏, Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. *Abhidhamma Piṭaka*, H. 論藏, Luận tạng), Văn học Chú giải (P. *Aṭṭhakathā*), Văn học Phụ chú giải (P. *Ṭīkā*), Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v...

2. Về Văn học sử Phật giáo

"Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, H. 法, Pháp), Đạo đức (P=S. *Vinaya*, H. 戒律, Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. *Abhidhamma,* S. *Abhidharma,* H. 無比法, Vô tỷ pháp).

Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngôn ngữ Pāli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm *Đảo sử* (*Dīpavaṃsa*) và *Đại sử* (*Mahāvaṃsa*) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pāli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn.

Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhist Canon*) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. Về phương diện lịch sử

Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (*Ma-ha Bát-nhã*, *Hoa Nghiêm*, *Đại Bảo Tích*, *Niết-bàn*, *Pháp Hoa*); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (*Đại Bát-nhã*); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (*Trung A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (*Trường A-hàm*, *Tạp A-hàm*), v.v…

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pāli sang tiếng Việt.[1] Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pāli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pāli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pāli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pāli.

Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,[2] gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam.

Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành *Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh*.

Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa.

4. Về bản sắc quốc gia

Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pāli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ.

Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có *Khai Bảo tạng* được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

[1] Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành *Kinh Trường bộ* từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập *Kinh Trung bộ*: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III).

[2] Còn thiếu 5 quyển trong *Kinh Tiểu bộ*: *Diễn giải, Phân tích đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử* và *Hạnh tạng*.

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng.

Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大藏經), hay còn gọi là *Bát vạn Đại tạng kinh* (八萬大藏經), có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn.

Nhật Bản có *Thiên Hải tạng* (天海蔵) đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大蔵經, 1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất.

Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác.

Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch.

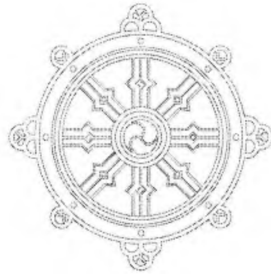
Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. *Sutamayapaññā*, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. *Cintāmayapaññā*, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. *Bhāvanāmayapaññā*, Tu tuệ).

Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh *Tam tạng Thánh điển*

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* sớm thành tựu mỹ mãn.

Xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
(Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)



LỜI NÓI ĐẦU

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saṅghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vaṭṭagāmaṇī Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniṣka từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền.

Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pāli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vaṭṭagāmaṇī Abhaya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách.

Tạng Pāli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pāli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pāli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pāli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V.

Ngoài tạng Pāli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là *Khai Bảo tạng*, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó *Bát vạn Đại tạng kinh* (còn gọi là *Cao Ly Đại tạng kinh*) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*Taishō Shinshū Daizōkyō*, 大正新脩大藏經) do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông Cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện.

Lịch sử thực hiện *Đại tạng kinh Việt Nam* khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,…

Như vậy, nội dung bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

Nguồn tư liệu này dựa vào *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo.

Phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pāli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

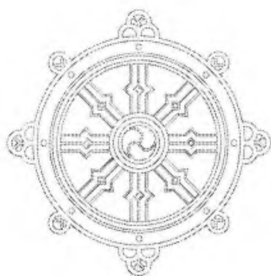
Bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo.

Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này thật bất khả tư nghì.

Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị.

Thành kính cúng dâng ấn phẩm ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
(Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)



BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

A.	*Aṅguttara Nikāya* (*Kinh Tăng chi bộ*)
AA.	*Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tăng chi bộ*)
Ap.	*Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*)
ApA.	*Apadāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thánh nhân ký sự*)
Asl.	*Aṭṭhasālinī* (*Chú giải Pháp tụ*)
Bvs.	*Buddhavaṃsa* (*Phật sử*)
BvsA.	*Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phật sử*)
CNid.	*Cūḷaniddesa* (*Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải*)
CNidA.	*Cūḷaniddesa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Tiểu nghĩa thích / Chú giải Tiểu diễn giải*)
Cp.	*Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*)
CpA.	*Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Hạnh tạng*)
Cv.	*Cūḷavagga* (*Tiểu phẩm*)
Cvs.	*Cūḷavaṃsa* (*Tiểu sử*)
D.	*Dīgha Nikāya* (*Kinh Trường bộ*)
DA.	*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Dh.	*Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*)
DhA.	*Dhammapada Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Pháp cú*)
Dhs.	*Dhammasaṅgaṇī* (*Pháp tụ*)
Dpvs.	*Dīpavaṃsa* (*Đảo sử*)
Gāt.	*Gātha* (*Thera* và *Therī*): *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*
It.	*Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*)
ItA.	*Itivuttaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Phật thuyết như vậy*)
J.	*Jātaka* (*Chuyện Tiền thân*)
Kh.	*Khuddakapāṭha* (*Tiểu tụng*)

Kkvt.	*Kaṅkhāvitaraṇī (Giải nghi)*
Kv.	*Kathāvatthu (Luận sự / Những điểm dị biệt)*
M.	*Majjhima Nikāya (Kinh Trung bộ)*
MA.	*Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Trung bộ)*
Mhbv.	*Mahābodhivaṃsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan)*
Mhvs.	*Mahāvaṃsa (Đại sử)*
Miln.	*Milindapañha (Mi-tiên vấn đáp / Milinda vấn đạo)*
MNid.	*Mahāniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải)*
MNidA.	*Mahāniddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Đại nghĩa thích / Chú giải Đại diễn giải)*
MT.	*Majjhima Nikāya Ṭīkā (Phụ chú giải Kinh Trung bộ)*
Mv.	*Mahāvagga (Đại phẩm)*
Nid.	*Niddesa (Nghĩa thích / Diễn giải)*
NidA.	*Niddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải)*
Netti.	*Nettipakaraṇa (Chỉ đạo luận / Cẩm nang học Phật)*
Paṭ.	*Paṭṭhāna (Duyên hệ)*
Pe.	*Peṭakopadesa (Chú thích Kinh tạng / Tìm hiểu Tam tạng)*
Ps.	*Paṭisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo / Phân tích đạo)*
PsA.	*Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo)*
Pug.	*Puggalapaññatti (Nhân thi thiết)*
PugA.	*Puggalapaññatti Aṭṭhakathā (Chú giải Nhân thi thiết)*
Pv.	*Petavatthu (Ngạ quỷ sự / Chuyện Ngạ quỷ)*
PvA.	*Petavatthu Aṭṭhakathā (Chú giải Ngạ quỷ sự / Chú giải Chuyện Ngạ quỷ)*
S.	*Saṃyutta Nikāya (Kinh Tương ưng bộ)*
SA.	*Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ)*
Sn.	*Suttanipāta (Kinh tập)*
SnA.	*Suttanipāta Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh tập)*
Sum.	*Sumaṅgalavilāsinī (Chú giải Kinh Trường bộ)*
Thag.	*Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ)*
ThagA.	*Theragāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ)*
Thīg.	*Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)*

ThīgA. *Therīgāthā Aṭṭhakathā* (*Chú giải Trưởng lão Ni kệ*)

Thūvs. *Thūpavaṃsa* (*Biên niên sử chùa tháp Tích Lan*)

Ud. *Udāna* (*Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ*)

UdA. *Udāna Aṭṭhakathā*
(*Chú giải Kinh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ*)

Uj. *Upāsakajanālaṅkāra* (*Ưu-bà-tắc trang nghiêm*)

Vbh. *Vibhaṅga* (*Phân tích*)

VbhA. *Vibhaṅga Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phân tích*)

Vin. *Vinaya Piṭaka* (*Luật tạng*)

VinA. *Vinaya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Luật tạng*)

Vism. *Visuddhimagga* (*Thanh tịnh đạo*)

Vv. *Vimānavatthu* (*Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung*)

VvA. *Vimānavatthu Aṭṭhakathā*
(*Chú giải Thiên cung sự / Chú giải Chuyện Thiên cung*)

Yam. *Yamaka* (*Song đối*)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy. *Divyāvadāna* (*Thiên cung sự*)

Mhvu. *Mahāvastu* (*Đại sự*)

MPS. *Mahāparinirvānasūtra* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH

BBS. *Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhima Nikāya* (*Kinh Trung bộ*, phiên bản tiếng Miến, Nxb. Buddhasāsana Samiti)

BD. *Book of Discipline* (*Luật tạng*)

BI. *Buddhist India* (*Phật giáo Ấn Độ*)

BPE. *Buddhist Manual of Psychological Ethics* (*Cẩm nang Tâm lý Đạo đức Phật giáo*)

Cpd. *Compendium of Philosophy* (*Cương yếu triết học / Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasaṅgaha*)

DB. *Dialogues of the Buddha* (*Kinh Trường bộ*)

Expos. *Expositor* (*Chú giải Pháp tụ*)

GS. *Gradual Sayings* (*Kinh Tăng chi bộ*)

KS. *Kindred Sayings* (*Kinh Tương ưng bộ*)
MB. *A Manual of Buddhism* (*Cẩm nang Phật giáo*)
MLS. *Middle Length Sayings* (*Kinh Trung bộ*)
QKM. *Questions of King Milinda* (*Milinda vấn đạo*)
PC. *Points of Controversy* (*Những điểm dị biệt*)
Pss. Breth. *Psalms of the Brethren* (*Trưởng lão Tăng kệ*)
Pss. Sis. *Psalms of the Sisters* (*Trưởng lão Ni kệ*)
SBB. *Sacred Books of the Buddhists* (*Thánh điển Phật giáo*)
SBE. *The Sacred Books of the East* (*Thánh điển phương Đông*)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT

TTTĐPGVN. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*
TTPV. *Tam tạng Pāḷi-Việt*

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại./T. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大蔵經)
N. *Nam truyền Đại tạng kinh* (南傳大藏經)
Biệt Tạp. *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh* (別譯雜阿含經)
Tăng./ EĀ. *Tăng nhất A-hàm kinh* (增壹阿含經, *Ekottarikāgama*)
Tạp./ SĀ. *Tạp A-hàm kinh* (雜阿含經, *Saṃyuktāgama*)
Trung./ MĀ. *Trung A-hàm kinh* (中阿含經, *Mādhyamāgama*)
Trường./ DĀ. *Trường A-hàm kinh* (長阿含經, *Dīrghāgama*)

TỪ ĐIỂN

BHSD. *Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary* (*Từ điển Phật giáo Sanskrit hỗn hợp*)
CPD. *Critical Pāli Dictionary* (*Từ điển Biện giải Pāli*)
DPPN. *Dictionary of Pāli Proper Names* (*Từ điển Danh từ riêng Pāli*)
EB. *Encyclopaedia of Buddhism* (*Bách khoa Từ điển Phật giáo*)
EPD. *English-Pāli Dictionary* (*Từ điển Anh - Pāli*)
ERE. *Encyclopedia of Religion and Ethics* (*Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức*)
PED. *Pāli-English Dictionary* (*Từ điển Pāli - Anh*)

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ

CST.	Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6)
PTS.	Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli)
VRI.	Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán)
JPTS.	*Journal of Pali Text Society* (*Tạp chí Hội Thánh điển Pāli*)
JRAS.	*Journal of the Royal Asiatic Society* (*Tạp chí Hội Hoàng gia Á châu*)

CÁC TỪ VIẾT TẮT

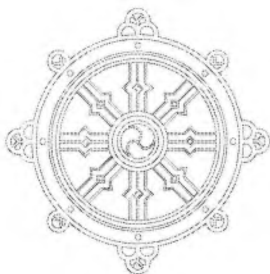
Tiếng Việt

S.	Tiếng Sanskrit	P.	Tiếng Pāli
H.	Tiếng Hán	E.	Tiếng Anh
TTL.	trước Tây lịch	DL.	Dương lịch
PL.	Phật lịch	tr.	trang
Sđd.	Sách đã dẫn	Nxb.	Nhà xuất bản
nt.	như trên		
HT.	Hòa thượng	TT.	Thượng tọa
ĐĐ.	Đại đức	NS.	Ni sư
SC.	Sư cô	TS.	Tiến sĩ
ThS.	Thạc sĩ	ND.	Người dịch
BBT.	Ban Biên tập		

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini)	Công nguyên
BC. (Before Christ)	trước Công nguyên
Cf. (confer)	Tham chiếu, so sánh
ed. (by)	biên tập (bởi)
edn. (edition)	ấn bản
etc. (et cetera)	vân vân… (v.v…)
f./ ff. (following pages)	trang kế tiếp / các trang kế tiếp
fig.	hình minh họa
ibid. (ibidem)	cùng trang đã dẫn / như trên
n. (note)	chú thích
op. cit (opere citato)	sách đã dẫn
p./ pp. (page/ pages)	trang / các trang

tr. (by)	dịch bởi
trans. (translation)	bản dịch
v. (verse)	bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn
vol./ vols. (volume/ volumes)	tập, quyển / các tập, các quyển



TỔNG QUAN KINH TIỂU BỘ

1. Khái niệm "*Kinh Tiểu bộ*"

"*Kinh Tiểu bộ*" (*Khuddaka Nikāya,* 小部經) dịch sát nghĩa *là "Hợp tuyển các tập kinh ngắn"* (*The Collection of Little Texts, Minor Collection*), là tuyển tập (*nikāya*) điển tịch thứ năm trong năm bộ kinh thuộc kho tàng kinh điển Pāli (*Sutta Piṭaka,* 巴利文大藏經) của Phật giáo Thượng Tọa bộ (上座部佛教), còn gọi là Phật giáo Nam truyền (南傳佛教) hoặc Phật giáo Thượng Tọa bộ Nam truyền (南傳上座部佛教). Bộ này gồm 16 tập kinh chứa đựng nhiều bài kinh lẻ, thi kệ, đoạn kinh ngắn về chân lý, lộ trình tu tập, đạo đức sống và tư liệu lịch sử, phần lớn do đức Phật giảng và một số do các Thánh Tăng A-la-hán giảng hay biên tập.

Từ "*Khuddaka*" trong tiếng Pāli có nghĩa là "tiểu" (小) hay "tạp" (雜), tương đương trong tiếng Sanskrit là "*Kṣudraka.*" Trong văn học Hán tạng, chữ "*Nikāya*" thường được phiên âm là "Ni-kha-da" (尼柯耶), tương đương với từ "*Āgama*" trong tiếng Sanskrit mà Phật giáo Đại thừa thường sử dụng và được phiên âm trong Hán ngữ là "A-hàm" (阿含) hoặc "A-cấp-ma" (阿笈摩).

Cụm từ "*Khuddaka Nikāya*" (小部經) được phiên âm trong Hán ngữ là "Khuất-đà-ca Ni-kha-da" (屈陀迦尼柯耶). *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* (善見律毘婆沙) gọi *Tiểu bộ kinh* là "Khuất-đà-ca kinh" (屈陀迦經).[1] Bộ tương đương với *Khuất-đà-ca kinh* gọi là "Khuất-đà-già A-hàm" (屈陀伽阿含). Tổng hợp vừa dịch nghĩa vừa phiên âm, "*Khuddaka Nikāya*" trong tiếng Pāli và từ tương đương "*Kṣudraka Āgama*" trong tiếng Sanskrit thường được dịch trong tiếng Hán là "Tiểu Ni-kha-da" (小尼柯耶), trong đó "tiểu" có nghĩa là nhỏ, "Ni-kha-da" là từ phiên âm Hán Việt. Phật-đà-thập (Buddhajīva) và Trúc Đạo Sinh trong *Ngũ phần luật* (五分律) gọi là "Tạp tạng" (雜藏),[2] còn Ngài Huyền Trang dịch là "Tạp loại A-cấp-ma" (雜類阿笈摩).[3]

---

[1] Xem *T*.24. 1462.1. 0675b19-20: 何謂為五部？答曰：長阿鋡經，中阿鋡經，僧述多經，殃堀多羅經，屈陀迦經。

[2] *Di-sa-tắc bộ Hòa-hê Ngũ phần luật* (彌沙塞部和醯五分律) (*T*.22. 1421.30. 0191a24) ghi: 此是長經, 今集為一部, 名長阿含; 此是不長, 不短, 今集為一部, 名為中阿含; 此是雜說, 為比丘, 比丘尼, 優婆塞, 優婆夷, 天子, 天女說, 今集為一部, 名雜阿含; 此是從一法, 增至十一法, 今集為一部, 名增一阿含;自餘雜說, 今集為一部, 名為雜藏, 合名為修多羅藏。

[3] Xem *Đại A-la-hán Nan-đề Mật-đa-la sở thuyết pháp trụ ký* 大阿羅漢難提蜜多羅所說法住記 (*T*.49. 2030. 0014b06): 有五阿笈摩, 謂長阿笈摩, 中阿笈摩, 增一阿笈摩, 相應阿笈摩, 雜類阿笈摩。

Về từ nguyên, "*Nikāya*" có nghĩa là: (i) Giáo phái (教派, *school*), bộ phái (部派, *sect*), (ii) Đoàn thể (團體, *body, assembly*), nhóm (部類, *group*),[4] (iii) Bộ sưu tập hay tuyển tập các bài kinh (收集, *collection*).[5] Trong ngữ cảnh văn học Pāli, "*Nikāya*" được hiểu là tuyển tập các bài kinh Phật (*collection of Buddhist suttas*). Theo từ điển *Pāli-English Dictionary,* tựa đề *Kinh Tiểu bộ* phát xuất từ thực tế rằng đây là tuyển tập các bài kinh ngắn so với bốn bộ kinh Pāli.[6] Theo tác phẩm *Chú giải Tiểu tụng* (*Paramatthajotikā*), tựa đề *Kinh Tiểu bộ* là do 15 bản văn của tuyển tập kinh điển này, chứa đựng nhiều chủ đề và sắc thái Phật học khác nhau.[7]

Phật Quang đại từ điển cho rằng: "Sở dĩ bộ kinh này có tên gọi là *Kinh Tiểu bộ* vì tuyển tập này tập hợp các truyền thuyết, kệ tụng và cách ngôn trong bốn bộ kinh Pāli gồm *Kinh Trường bộ, Kinh Trung bộ, Kinh Tương ưng bộ* và *Kinh Tăng chi bộ* thành các bài kinh ngắn."[8] Quan điểm này chỉ đúng một phần, vì trên thực tế có nhiều bài kinh, chương, đoạn và thi kệ trong *Kinh Tiểu bộ* hoàn toàn độc lập với bốn bộ kinh nêu trên. Từ góc độ nội dung, 15 bản văn kết hợp với bản *Milinda vấn đạo* (trong ấn bản *TTTĐPGVN* này) của *Kinh Tiểu bộ* là kho tàng văn học Phật giáo về những gì chưa được đề cập hoặc đã đề cập một phần trong bốn bộ kinh Pāli, chứa đựng các bản văn giai đoạn đầu và giai đoạn sau.[9] Đây chính là một trong những đóng góp quan trọng của *Kinh Tiểu bộ* trong văn học Kinh tạng Pāli.

2. Thể tài văn học của *Kinh Tiểu bộ*

Về thể loại, *Kinh Tiểu bộ* là tuyển tập hỗn hợp hay tạp kinh (雜文, *miscellaneous collection*) gồm thể tài văn xuôi và phần lớn là thi kệ (*gāthā,* 偈頌, *verse*). Bên cạnh một số chương và phẩm được thể hiện dưới dạng văn xuôi, nhiều nội dung của 16 tập kinh này là thi kệ, bao hàm các bài kệ thơ ngắn gọn, đa dạng, đặc sắc, thể hiện tính văn học và triết học Phật giáo sâu sắc.

Các tập kinh trong *Kinh Tiểu bộ* có độ dài ngắn không đồng nhất. Ngắn nhất

---

[4] Xem mục từ "*Nikāya*" trong *Từ điển Pāli - Hán* (巴漢詞典) của Bhikkhu Mahāñāṇo, cũng như ấn bản tương tự do Tôn giả Minh Pháp (明法尊者) hiệu đính.

[5] Xem mục từ "*Nikāya*" trong từ điển *Pāli-English Dictionary* của Hội Thánh điển Pāli (Pali Text Society) và tương tự mục từ "*Nikāya*" trong từ điển *Concise Pāli-English Dictionary* của A. P. Buddhadatta Mahāthera, tr. 170.

[6] Nguyên tác: "The name *Khuddaka Nikāya* is taken from the fact that it is a collection of books-short, that is as compared with the Four Nikāyas." *The Anagatavaṃsa* (*JPTS.* 1886), p. 35; *The Gandhavaṃsa* (*JPTS.* 1886), p. 57.

[7] Xem H. Smith, (ed.), *The Khuddaka-Pāṭha Together with Its Commentary Paramatthajotikā* I (London: PTS, 1915), p. 12.

[8] Nguyên tác: 係集輯長，中，相應，增支等四尼迦耶之傳說，偈頌，格言等而成，概為短篇，故稱小部。

[9] Hirakawa Akira, *A History of Indian Buddhism*, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: "It has been suggested that the *Khuddaka Nikāya* was the repository for materials that were left out of the four Nikāyas (the *Dīgha Nikāya, Majjhima Nikāya, Saṃyutta Nikāya* and *Aṅguttara Nikāya*) and thus included both early and late texts."

là *Tiểu tụng,* chưa đầy 10 trang Pāli trong ấn bản của PTS, trong khi *Chuyện Tiền thân* với 547 câu chuyện có số trang lên đến cả ngàn. Trong mỗi tập kinh, có những bài kinh vài trang, nhưng cũng có những bài kinh rất ngắn với 4-5 hàng Pāli, chứa đựng những lời dạy minh triết mang tính trị liệu cao.

3. Vị trí của *Kinh Tiểu bộ* trong các thể tài kinh

Tam tạng Pāli (*Tipiṭaka*) phân loại 9 thể tài kinh,[10] vốn được Thượng Tọa bộ chủ trương và được sự chấp nhận cao trong Phật giáo bộ phái. Tam tạng Phật giáo Đại thừa phân loại thành 12 thể tài kinh (S. *dvādaśāṅga-dharma-pravacana*),[11] vốn bắt nguồn từ *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự* (根本說一切有部毘奈耶雜事)[12] và được chấp nhận trong Pháp Tạng bộ (法藏部, S. Dharmaguptaka, P. Dhammaguptaka), Hóa Địa bộ (化地部, S. Mahīśāsaka, P. Mahisāsaka) và Đại Chúng bộ (大眾部, S. Mahāsaṁghika, P. Mahāsaṅghika).

Thứ tự về 9 thể tài kinh[13] và 12 thể tài kinh[14] được tìm thấy khác nhau trong văn học Kinh tạng chữ Hán như sau:

1. **Kinh** (經, S. *Sūtra, P. Sutta*) hoặc Khế kinh (契經), hay Trường hàng (長行), phiên âm là Tu-đa-la (修多羅), chỉ chung các bài kinh do Phật thuyết giảng.

2. **Trùng tụng** (重頌, S. *Geya,* P. *Geyya*) còn dịch là Ứng tụng (應頌), phiên âm là Kỳ-dạ (祇夜), loại kệ tụng có nhiều câu được lặp lại.

---

[10] Còn gọi là 9 phần giáo (九分教), 9 bộ kinh (九部經), 9 bộ pháp (九部法), 9 kinh (九經). Tham chiếu danh mục chín thể tài kinh trong *Phật Quang đại từ điển*: https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 11/02/2021).

[11] Còn gọi là thập nhị bộ kinh (十二部經), thập nhị phần giáo (十二分教), thập nhị phần Thánh giáo (十二分聖教), thập nhị phần kinh (十二分經). Tham chiếu danh mục 12 thể tài kinh trong *Phật Quang đại từ điển*: https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 11/02/2021). Tham chiếu: *Thanh tịnh kinh* 清淨經 (*T*.01. 0001.17. 0074b19-23); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.49.1. 0794b14); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.33. 0306c17-19): 修多羅, 祇夜, 受記經, 伽陀, 優陀那, 因緣經, 阿波陀那, 如是語經, 本生經, 廣經, 未曾有經, 論議經。 Cách dụng ngữ không chính xác trong cước chú trên và trong cước chú này đã gây ngộ nhận cho nhiều độc giả khi chưa hiểu bản chất của 9 hoặc 12 thể loại văn học.

[12] (*T*.24. 1451.38. 0398c25-27): 契經, 應頌, 記別, 諷頌, 自說, 因緣, 本事, 本生, 方廣, 希有, 譬喻, 論議。

[13] *Ma-ha-tăng-kỳ luật* 摩訶僧祇律 (*T*.22. 1425.1. 0227b11): 爾時佛告舍利弗, 有如來不為弟子廣說修多羅, 祇夜, 授記, 伽陀, 憂陀那, 如是語, 本生, 方廣, 未曾有經。舍利弗, 諸佛如來不為聲聞制戒, 不立說波羅提木叉法, 是故如來滅度之後法不久住。Trật tự trong *Luật tạng Pāli* như sau: (巴利律藏): 舍利弗！拘樓孫佛, 拘那含牟尼佛, 迦葉佛, 不疲厭為聲聞弟子廣說正法, 多為彼等說契經, 祇夜經, 授記經, 偈經, 自說經, 因緣經, 本生經, 未曾有經, 方等經, 為弟子制立學處, 教示波羅提木叉。

[14] *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1138. 0300c05): 佛告二比丘。汝等持我所說修多羅, 祇夜, 受記, 伽陀, 優陀那, 尼陀那, 阿波陀那, 伊帝目多伽, 闍多伽, 毘富羅, 阿浮多達摩, 優波提舍等法。Trật tự trong *Tứ phần luật* (四分律 (*T*.22. 1428.1. 0569b03): 佛告舍利弗。拘那含牟尼佛, 隨葉佛。不廣為諸弟子說法。契經, 祇夜經, 授記經, 偈經, 句經, 因緣經, 本生經, 善道經, 方等經, 未曾有經, 譬喻經, 優波提舍經。 如是生經, 本經, 善因緣經, 方等經, 未曾有經, 譬喻經, 優婆提舍經, 句義經, 法句經, 波羅延經, 雜難經, 聖偈經, 如是集為雜藏。Trong *Ngũ phần luật* 五分律 (*T*.22. 1421.1. 0001b25): 舍利弗。拘樓孫佛, 拘那含牟尼佛, 迦葉佛, 廣為弟子說法。無有疲厭所謂修多羅, 祇夜, 受記, 伽陀, 憂陀那, 尼陀那, 育多伽婆, 本生, 毘富羅, 未曾有, 阿婆陀那, 憂波提舍, 自餘雜說今集為一部, 名為雜藏。

3. **Ký thuyết** (記說, S. *Vyākaraṇa,* P. *Veyyākaraṇa*) còn gọi là Thọ ký (受記), phiên âm là Hoa-già-la-na (華遮羅那) hay Hòa-già-la-na (和伽羅那), bao gồm lời Phật chứng nhận cho các đệ tử sẽ thành Phật trong tương lai.

4. **Kệ-đà** (偈陀, S=P. *Gāthā*) thường dịch là Phúng tụng (諷頌) hay Ký chú (記註), gồm những bài thi kệ không có văn xuôi ở trước.

5. **Tự thuyết** (自說, S=P. *Udāna*) còn gọi là Vô vấn tự thuyết (無問自說) hoặc Tán thán kinh (讚歎經), phiên âm là Ưu-đà-na (憂陀那), gồm những bài kinh đức Phật giảng do cảm hứng tự nhiên, không có người thỉnh cầu.

6. **Nhân duyên** (因緣, S. *Nidāna*) còn dịch là Quảng thuyết (廣說), phiên âm là Ni-đà-na (尼陀那), gồm những bài kinh giảng về nhân duyên thuyết pháp.

7. **Thí dụ** (譬喻, S. *Avadāna*) còn gọi là Diễn thuyết giải ngộ kinh (演說解悟經), phiên âm là A-ba-đà-na (阿波陀那), gồm những kinh chứa nhiều thí dụ, ẩn dụ, ngụ ngôn để giải thích chân lý cho dễ hiểu hơn.

8. **Như thị ngữ** (如是語, S. *Itivṛttaka,* P. *Itivuttaka*) còn gọi là Bổn sự kinh (本事經), phiên âm là Y-đế-mục-đa-già (醫帝目多伽), gồm những bài kinh nói pháp tu tập của các đệ tử Thánh trong quá khứ và vị lai.

9. **Bổn sanh kinh** (本生經, S=P. *Jātaka*), phiên âm là Xà-đà-già (闍陀伽) gồm các bài kinh nói về tiền thân của đức Phật Thích-ca.

10. **Phương quảng** (方廣) còn gọi là Phương đẳng (方等, S. *Vaipulya,* P. *Vedalla*) hoặc Quảng kinh (廣經), phiên âm là Tỳ-phật-lược (毗佛略), gồm các bài kinh do đức Phật hay các đệ tử Thánh trao đổi, giảng giải, triển khai sâu rộng với các vị Tăng, Ni hay cư sĩ.

11. **Vị tằng hữu** (未曾有, S. *Adbhutadharma,* P. *Abbhutadhamma*) còn gọi là Hy pháp (希法), phiên âm là A-phù-đà-đạt-ma (阿浮陀達磨), gồm các kinh nói về thần lực siêu phàm của đức Phật mà người đời khó hiểu được.

12. **Luận nghị** (論議, S. *Upadeśa*) còn gọi là Cận sự thỉnh vấn kinh (近事請問經), phiên âm là Ưu-ba-đề-xá (優波提舍), gồm các bài kinh thiên nặng về lý luận và phân tích chi tiết các khái niệm Phật học.

Danh mục 9 thể tài kinh trong văn học Pāli gồm có: 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, tức không bao gồm ba thể loại "Nhân duyên" (thứ 6), "Thí dụ" (thứ 7) và "Luận nghị" (thứ 12) như trong văn học Phật giáo Đại thừa. *Kinh Ví dụ con rắn*", số 22, trong *Trung bộ* và một số kinh khác trong *Tăng chi bộ, Luật tạng* và *Luận tạng* đều thống nhất một danh sách 9 thể loại văn học: Kinh (*Sutta*), Ứng tụng (*Geyya*), Ký thuyết (*Veyyākaraṇa*), Kệ tụng (*Gāthā*), Cảm hứng ngữ (*Udāna*), Như thị ngữ (*Itivuttaka*), Bổn sanh (*Jātaka)*, Vị tằng hữu pháp (*Abbhutadhamma*), Phương quảng (*Vedalla*).[15]

---

[15] Xem *A*. II. 6, 103, 177; *Vin*. III. 8; *Pug*. 43.

Có thể nói, văn học *Kinh Tiểu bộ* bao gồm tất cả 9 thể tài văn học này. Các thể tài văn học "Nhân duyên", "Thí dụ" và "Luận nghị" tuy không được đề cập trong văn học Thượng Tọa bộ, nhưng trên thực tế, văn học Kinh tạng Pāli đều có các nội dung này. Do đó, có thể khẳng định rằng 16 tập trong *Kinh Tiểu bộ* có mối quan hệ mật thiết với hai hệ thống thể tài văn học của Thượng Tọa bộ và Đại thừa.

4. Niên đại và tác giả của *Kinh Tiểu bộ*

Đại Chúng bộ, Hóa Địa bộ và Pháp Tạng bộ chấp nhận đưa *Kinh Tiểu bộ* vào danh mục Kinh tạng của mình, đang khi một số bộ phái chỉ chấp nhận bốn bộ kinh Pāli. Ở chừng mực nào đó, *Kinh Tiểu bộ* của Phật giáo Thượng Tọa bộ là ví dụ mở rộng của Tiểu tạng (*Khuddaka Piṭaka*).[16]

Dựa vào văn bản học, chúng ta có thể truy nguyên niên đại của *Kinh Tiểu bộ* gồm giai đoạn đầu và giai đoạn sau khác nhau.[17] Sáu tuyển tập của *Kinh Tiểu bộ* được ra đời trong giai đoạn đầu gồm *Kinh Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập, Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ.* Tuyển tập ra đời trong giai đoạn sau gồm *Chuyện Thiên cung, Chuyện Ngạ quỷ, Diễn giải* (*Nghĩa thích*), *Phân tích đạo* (*Vô ngại giải đạo*), *Thánh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng, Tiểu tụng* và sau nhất là *Milinda vấn đạo.* Riêng *Chuyện Tiền thân* có hơn 500 câu chuyện ra đời trong giai đoạn đầu và một số câu chuyện được bổ sung trong giai đoạn sau.

Về niên đại ra đời, Giáo sư Oliver Abeynayaka cho rằng *Kinh Tiểu bộ* được ra đời gần với giai đoạn hình thành văn học A-tỳ-đạt-ma.[18] *Kinh Tiểu bộ* được hình thành và phát triển trong khoảng thời gian dài, bắt đầu từ thời đức Phật qua hình thức khẩu truyền cho đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ 3 (*The Third Buddhist Council*) vào thế kỷ III TTL tại Pātaliputta, thủ phủ của Đại đế Asoka.[19] Giáo sư Rhys Davids dựa vào việc sử dụng khái niệm "người thông suốt năm bộ kinh Pāli" (*pañcanekāyika*) trên các chỉ dụ vào thế kỷ III TTL, gián tiếp chứng minh rằng *Kinh Tiểu bộ* ra đời vào thế kỷ III TTL.[20]

---

[16] Xem chi tiết trong Hirakawa Akira, *A History of Indian Buddhism*, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: "Though Buddhist schools such as the Mahisāsaka, Dharmaguptaka and Mahāsaṁghika included a *Khuddaka Piṭaka* in their canons, the *Khuddaka Nikāya* of the Theravāda school is the only extant example of such a *Khuddaka Piṭaka*."

[17] Giáo sư Oliver Abeynayake, "*A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya*" (*Phân tích phương diện lịch sử và văn bản của Kinh Tiểu bộ*) (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 113, đưa ra luận điểm này với nhiều dẫn chứng thuyết phục: "The *Khuddaka Nikāya* can easily be divided into two strata, one being early and the other late. The texts *Sutta Nipāta*, *Itivuttaka*, *Dhammapada*, *Therīgāthā*, *Theragāthā*, *Udāna* and *Jātaka* belong to the early stratum and the texts *Khuddakapāṭha*, *Vimānavatthu*, *Petavatthu*, *Niddesa*, *Paṭisambhida*, *Apadāna*, *Buddhavaṃsa* and *Cariyapiṭaka* can be categorized in the later stratum."

[18] Xem Oliver Abeynayaka, *A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya* (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 116.

[19] Xem chi tiết tại sách, Charles Willemen, Bart Dessein, Collett Cox, *Sarvāstivāda Buddhist Scholasticism* (*Handbuch Der Orientalistik*) (Leiden: Brill, 1998), p. 45.

[20] Xem T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (London: G. P. Putnam's Sons, 1903), p. 168.

Về tác giả, phần lớn các học giả Phật giáo Nam truyền đều cho rằng đức Phật và một số vị A-la-hán là tác giả truyền miệng của 15 tập kinh đầu, đang khi hai tập 16-17 do Ngài Kaccāna (Ca-chiên-diên) làm tác giả, và tập 18[21] do Ngài Nāgasena trước tác. Bằng phương pháp phân tích văn bản học, Giáo sư Oliver Abeynayaka chứng minh rằng nếu bốn bộ kinh điển Pāli là do đức Phật thuyết giảng thì các bản văn thuộc *Kinh Tiểu bộ* do các vị đệ tử Thánh của đức Phật thuyết giảng hoặc biên tập.[22] Giáo sư A. K. Warder cho rằng tính tác giả của *Kinh Tiểu bộ* rất khó chứng minh rõ ràng. Có nhiều bài kinh do đức Phật giảng, đang khi nhiều bài kinh khác có thể do các vị đệ tử Thánh thuyết giảng hoặc biên tập.[23]

5. Phân loại và số lượng bản văn thuộc *Kinh Tiểu bộ*

Có bốn phân loại chính về *Kinh Tiểu bộ*: Bộ 14 tập, 15 tập, 17 tập và 18 tập. Theo *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* (善見律毘婆沙) quyển 1, *Kinh Tiểu bộ* chỉ có 14 tập, không bao gồm *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha,* 小誦).[24]

Căn cứ theo *Chú giải Luật tạng* (*Samantapāsādikā*) bản Pāli, cũng như lời tựa của bản *Chú giải Kinh Trường bộ* (*Sumaṅgalavilāsinī*) bản Pāli, do có bổ sung *Tiểu tụng* nên *Kinh Tiểu bộ* gồm có 15 tập.[25] Số lượng tuyển tập này tương ứng với phân loại Tam tạng Phật giáo Thái Lan (泰國所傳巴利三藏). Theo Étienne Lamotte, *Kinh Tiểu bộ* gồm 15 tập kinh thuộc Phật giáo Thượng Tọa bộ, trường phái Phật giáo duy nhất có đầy đủ *Kinh Tiểu bộ*.[26]

Căn cứ vào Lời tựa của ấn bản đầu trong *Chú giải Kinh Trường bộ* do Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) biên soạn vào thế kỷ V, các nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* (*Dīgha-bhāṇaka,* 長部誦者, 長部誦師) chỉ liệt dẫn ra các tập 2-12 trong *Kinh Tiểu bộ*, trong khi các nhà đọc tụng *Kinh Trung bộ* (*Majjhima-bhāṇaka,*

[21] Theo cách phân loại Tam tạng của Phật giáo Miến Điện, *Tiểu bộ* có tất cả 18 tập, trong đó tập 16 là *Chỉ đạo luận* hay còn gọi là *Cẩm nang học Phật* (*Nettipakaraṇa*) và tập 17 là *Tạng thích* hay còn gọi là *Chú thích Kinh tạng* (*Peṭakopadesa*).

[22] Xem Oliver Abeynayaka, *A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya* (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 16: "It is believed that the first four *Nikāyas* contain discourses preached by the Buddha, whereas the texts of the *Khuddaka Nikāya* are compositions of the disciples."

[23] Xem A. K. Warder, *Indian Buddhism* (Delhi: Motilal Banarsidass, 2000), p. 202-03.

[24] *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* 善見律毘婆沙 (*T.*04. 1462.1 0676a07-10): 法句, 喻, 軀陀那, 伊諦佛多伽, 尼波多, 毘摩那卑, 多涕羅, 涕利, 伽陀, 本生, 尼涕婆波, 致參毘陀, 佛種性經, 若用藏者, 悉入屈陀迦。

[25] Tác phẩm *Samantapāsādikā*, còn có tên khác là *Pārājikakaṇḍa-aṭṭhakathā* (*paṭhamo bhāgo*). Chú giải chương Ba-la-di, phần mở đầu đã nêu: "Khuddakapāṭha-dhammapada-udāna-itivuttaka-suttanipāta-vimānavatthu-petavatthu-theragāthā-therīgāthā-jātaka-niddesa-paṭisambhidā-apadāna-buddhavaṃsa-cariyāpiṭakavasena pannarasappabhedo khuddakanikāyoti." Bản Hán dịch tác phẩm này cũng ghi nhận tương tự như vậy. Xem *Nhất thiết Thiện Kiến luật chú tự* 一切善見律註序 (*N.*70. 0036.1. 0019a06-08): 由小誦經, 法句經, 自說經, 如是語經, 小經, 集經, 天宮事經, 餓鬼事經, 長老長老尼偈經, 本生經, 義釋經, 無礙解道經, 譬喻經, 佛種姓經, 所行藏經, 之十五分為小部。 Trong đoạn này cũng có sự nhầm lẫn nhỏ, dịch giả xưa đã thêm "*Tiểu kinh*" (小經) vào danh sách *Kinh Tiểu bộ* này, và gộp "*Trưởng lão Tăng kệ*" và "*Trưởng lão Ni kệ*" thành một.

[26] Étienne Lamotte, (1956) "Problèmes Concernant les Textes Canoniques *Mineurs*", *Journal Asiatique*, số 244, tr. 249-64.

中部誦者, 中部誦師) liệt dẫn ra 14 tập gồm 2-15 trong *Kinh Tiểu bộ*. Bản *Chú giải Luật tạng* (*Samantapāsādikā*)[27] giới thiệu *Kinh Tiểu bộ* gồm tập 1-15 như ấn bản chúng ta có hiện nay, đang khi tác phẩm *Chú giải A-tỳ-đạt-ma* (*Aṭṭhasālinī*)[28] đề cập chỉ có 14 bản văn, không có *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha*).[29]

Chú giải về Lời tựa Kinh Trường bộ bằng tiếng Pāli cho rằng chỉ có sự khác biệt về cách phân loại số lượng các tập kinh trực thuộc, hoàn toàn không khác biệt về nội dung của *Kinh Tiểu bộ*. Sở dĩ có sự khác biệt về số lượng các tập kinh trong *Kinh Tiểu bộ* là do tình trạng gộp lại của một số tập kinh, trong khi một số nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* và *Kinh Trung bộ* có khuynh hướng tách lập các bộ kinh riêng biệt. Chẳng hạn các nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* đề cập đến việc trùng tuyên 11 bản văn (ngoại trừ *Tiểu tụng, Thánh nhân ký sự, Phật sử* và *Hạnh tạng*). Trên thực tế, các bản văn này đã được gộp vào trong ấn bản của 11 bản văn trước.[30]

Theo phân loại của Tam tạng Phật giáo Tích Lan, *Kinh Tiểu bộ* có 17 tập kinh do bổ sung hai tuyển tập gồm "*Chỉ đạo luận*" hay còn gọi là "*Cẩm nang học Phật*" (*Nettippakaraṇa*, 指導論) và "*Tạng thích*" hay "*Giải thích kinh*" (*Peṭakopadesa*, 藏釋). Tam tạng Phật giáo Miến Điện bổ sung tập *Milindapañha* (*Milinda vấn đạo*), tức bản tiếng Hán "*Di-lan vương vấn*" (彌蘭王問) hay *Di-lan-đà vấn* (彌蘭陀問) nên *Kinh Tiểu bộ* của Miến Điện gồm 18 tập.[31]

Ấn bản *Kinh Tiểu bộ* gồm 18 tập của Phật giáo Miến Điện được biên tập trong Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 5 (*Pañcamasaṃgāyanā, The Fifth Buddhist Council*) tại thành phố Mandalay, Miến Điện vào năm 1871, dưới sự bảo trợ của Vua Mindon.[32] Tại Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 6 (*Chaṭṭha Saṅgāyana, The Sixth Buddhist Council*) vào năm 1954 tại chùa Kaba Aye, thành phố Yangon, Miến Điện, nhân dịp nước này kỷ niệm 2500 năm đức Phật nhập Niết-bàn, Tam tạng Thánh điển Pāli được thống nhất một lần nữa, từ đó *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* (CST) chính thức ra đời, và *Kinh Tiểu bộ* cũng có 18 tập.

---

[27] J. Takakusu and M. Nagai (eds.), *Samantapāsādikā*: *Buddhaghosa's Commentary on the Vinaya Piṭaka*, 8 vols, (London: PTS, 1947-75), p. 12-15.

[28] Edward Müller (ed.), *The Aṭṭhasālinī*: *Buddhaghosa's Commentary on the Dhammasaṅginī* (London: PTS, 1979), p. 26.

[29] Xem Oskar von Hinüber, *A Handbook of Pāli Literature* (New Delhi: Munshiram Manoharlal, 1997), p. 42.

[30] Tham chiếu: T. W. Rhys Davids, J. E. Carpenter and W. Stede (eds.), *The Sumaṅgalavilāsinī*: *Buddhaghosa's Commentary on the Dīgha Nikāya*, vol. I. (London: PTS, 1886-1932), p. 15.

[31] Trong tác phẩm *An Introduction to Pāli Literature* (Calcutta, India: Punthi Pustak, 1964), p. 43, S. C. Banerji cho rằng: "*Kinh Tiểu bộ* theo truyền thống Miến Điện có tất cả 19 tập, bao gồm 15 tập trên và các tập sau: 1) *Milindapañha*, 2) *Suttasaṃgaha*, 3) *Peṭakopadesa*, 4) *Netti* hay *Nettipakaraṇa*." *Phật Quang đại từ điển* cũng cho rằng ấn bản *Kinh Tiểu bộ* của Phật giáo Miến Điện gồm có 19 tập (十九部), tức là tính thêm bộ *Suttasaṃgaha* (經集). Tham chiếu tại đường dẫn: http://buddhaspace.org/dict/fk/data/ (truy cập ngày 13/01/2021).

[32] Xem thông tin chi tiết trong sách: Mendelson, *Sangha and State in Burma* (*Tăng đoàn và Nhà nước tại Miến Điện*), (Ithaca, New York: Cornell University Press, 1975), pp. 276ff.

Tựa tiếng Việt, Pāli, Hán	Tiếng Anh	Ấn bản
(1) *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha*, 小誦)	*The Short Passages*	PTS, Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, CST, CBETA
(2) *Kinh Pháp cú* (*Dhammapada*, 法句)	*Verses on Dhamma*	- nt -
(3) *Kinh Phật tự thuyết* (*Udāna*, 自說)	*Inspired Utterances*	- nt -
(4) *Kinh Phật thuyết như vậy* (*Itivuttaka*, 如是語)	*Thus It Was Said*	- nt -
(5) *Kinh tập* (*Suttanipāta*, 經集)	*Group of Discourses*	- nt -
(6) *Chuyện Thiên cung* (*Vimānavatthu*, 天宮事)	*Stories of Heavenly Abodes*	- nt -
(7) *Chuyện Ngạ quỷ* (*Petavatthu*, 餓鬼事)	*Stories of Hungry Ghosts*	- nt -
(8) *Trưởng lão Tăng kệ* (*Theragāthā*, 長老偈)	*Verses of the Male Elders*	- nt -
(9) *Trưởng lão Ni kệ* (*Therīgāthā*, 長老尼偈)	*Verses of the Female Elders*	- nt -
(10) *Chuyện Tiền thân* (*Jātaka*, 本生)	*Birth Stories*	- nt -
(11) *Diễn giải* (*Niddesa*, 義釋)	*Exposition*	- nt -
(12) *Phân tích đạo* (*Paṭisambhidāmagga*, 無礙解道)	*Way of Analysis*	- nt -
(13) *Thánh nhân ký sự* (*Apadāna*, 譬喻)	*Legends*	- nt -
(14) *Phật sử* (*Buddhavaṃsa*, 佛種姓)	*Lineage of the Buddhas*	- nt -
(15) *Hạnh tạng* (*Cariyāpiṭaka*, 行藏)	*Basket of Conduct*	- nt -
(16) *Chỉ đạo luận* (*Nettipakaraṇa*, 指導論)	*The Guide*	PTS, Tích Lan, Miến Điện và CST

(17) *Tạng thích* (*Peṭakopadesa*, 藏釋)	*Piṭaka Disclosure*	PTS, Tích Lan, Miến Điện và CST
(18) *Milinda vấn đạo* (*Milindapañha*, 彌蘭王問)	*Questions of Milinda*	PTS, Miến Điện và CST

Kế thừa việc bổ sung và chọn lọc ấn bản *Kinh Tiểu bộ* của các nước Phật giáo Nam truyền, Ban Biên tập đã thống nhất ấn bản *Kinh Tiểu bộ* thuộc *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có 16 tập, gồm 15 tập đầu theo truyền thống chú giải của Phật giáo Thượng Tọa bộ từ thời Ngài Buddhaghosa và thêm tập thứ 18 như ấn bản PTS, Miến Điện và Ấn Độ (CST) ngày nay.

6. Dịch giả, bản dịch và nguyên tác *Kinh Tiểu bộ*

Trong bộ này có tất cả 16 tuyển tập, với ba dịch giả: Hòa thượng Thích Minh Châu, cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan và Tỳ-khưu Indacanda.

(1) Hòa thượng Thích Minh Châu dịch 7 tập, gồm: *Tiểu tụng, Kinh Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Ni kệ* và 120 câu chuyện đầu của *Chuyện Tiền thân.*

Đối với *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*, Hòa thượng dựa vào bản *Chú giải* (*Aṭṭhakathā*) của hai bản kinh này để dịch và có tham khảo bản tiếng Anh "*Psalms of the Early Buddhist*" do Bà Rhys Davids dịch, PTS xuất bản năm 1909 (*Psalms of the Sisters*) và 1913 (*Psalms of the Brethren*).

(2) Cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan đã tham gia công tác phiên dịch cao quý này với hai tuyển tập *Chuyện Thiên cung* (*Thiên cung sự*), *Chuyện Ngạ quỷ* (*Ngạ quỷ sự*) và 427 câu chuyện tiền thân còn lại từ nguyên tác tiếng Anh, vốn được dịch từ *Chú giải.*

Về bản dịch *Chuyện Thiên cung* và *Chuyện Ngạ quỷ*, dịch giả dựa vào bản dịch tiếng Anh: *The Minor Anthologies of the Pali Canon (Part IV) - Vimāna Vatthu: Stories of Mansion, Peta Vatthu: Stories of the Departed* của Jean Kennedy và Henry S. Gehman, do Bà Rhys Davids biên tập và viết lời giới thiệu, PTS xuất bản năm 1942.

Tập *Chuyện Tiền thân đức Phật* (*Bổn sanh*) gồm 547 câu chuyện, được Robert Chalmers, W. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B. Cowell dịch sang Anh ngữ và được E. B. Cowell biên tập thành 6 tập, do PTS xuất bản năm 1895.

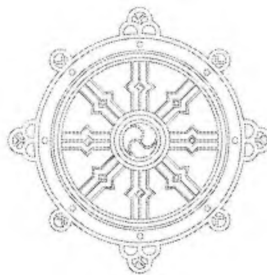
Điểm lưu ý khác, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan dựa vào nguyên tác Pāli của Hội PTS ấn hành. Ban Biên tập đã đánh số bản dịch Việt theo CST, đồng bộ với 4 bộ đã ấn hành

để tiện việc tra cứu. Nhiều thi kệ trong tập *Chuyện Tiền thân* của ấn bản trước bị tỉnh lược và dịch ra Việt văn bằng văn xuôi, Ban Biên tập thống nhất dịch đủ và đúng theo thể văn vần như trong nguyên tác vốn có, để giữ được tính thi ca trong văn học Pāli, đồng thời bổ sung thêm những câu, đoạn bị thiếu, hoặc đánh máy nhầm, sai sót.

(3) Vị thứ ba đóng vai trò khá quan trọng trong việc hoàn thiện Tam tạng Thánh điển Pāli này là Tỳ-khưu Indacanda. Với sự nhẫn nại, kiên trì và hoài bão đóng góp cho kho tàng Pháp bảo Phật giáo Việt Nam, Tỳ-khưu Indacanda đã và đang dịch các kinh, luật, luận, chú giải chưa được dịch sang tiếng Việt.[33] Đối với Kinh tạng của bộ *TTTĐPGVN* này, có 6 dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda được đưa vào: *Diễn giải* (*Đại diễn giải* và *Tiểu diễn giải*), *Phân tích đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng* và *Milinda vấn đạo.* Trong 6 bản dịch này, với tính đặc thù của nguyên tác Pāli Tích Lan, Ban Biên tập giữ nguyên theo cách chữ đậm, chữ nghiêng, đánh số bản dịch của dịch giả.

Nội dung khái lược của từng tập trong bộ này được giới thiệu trước mỗi tập trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam.*

Cẩn chí,
Mùa An cư PL. 2565 – DL. 2021
TT.TS. Thích Nhật Từ
(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



[33] Xem các bản dịch *Tam tạng Pāḷi-Việt* của Tỳ-khưu Indacanda (Sri Lanka: Buddhist Cultural Center), xuất bản từ năm 2007-2018, hoặc https://www.tamtangpaliviet.net/.

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Chúng tôi bắt đầu dịch tập *Jātaka* (*Bổn sanh* hay *Chuyện Tiền thân*) này, theo cách phân loại, đây là tập thứ 10 trong bộ *Khuddaka Nikāya* (*Kinh Tiểu bộ*). Những kinh đã được dịch là: *Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*, số 2); *Udāna* (*Kinh Phật tự thuyết*, số 3); *Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*, số 4); *Suttanipāta* (*Kinh tập,* số 5); *Theragāthā* (*Trưởng lão Tăng kệ*, số 8); *Therīgāthā* (*Trưởng lão Ni kệ*, số 9); nay dịch tập *Jātaka* (*Bổn sanh*, số 10).

Theo tập *Jātaka* bằng chữ Pāli, thời con số cuối cùng là 547 mẫu chuyện. Nhưng ở bản dịch tiếng Anh ghi là 550 chuyện, chia thành 22 chương (*nipāta*). Phân loại này phần lớn dựa trên số kệ (*gāthā*) trong mỗi chuyện. Ví như chương một có 150 mẫu chuyện, mỗi mẫu chuyện có một bài kệ. Chương hai gồm 100 mẫu chuyện, mỗi mẫu chuyện có hai bài kệ. Chương ba, chương bốn, mỗi chương gồm 50 chuyện, mỗi chuyện có ba và bốn bài kệ. Cho đến chương hai mươi mốt có 5 câu chuyện, mỗi chuyện có 80 bài kệ. Chương hai mươi hai có 10 câu chuyện, với một số kệ nhiều hơn. Mỗi *Jātaka* (*Bổn sanh*) gồm có bốn phần:

1) Paccuppannavatthu (Câu chuyện hiện tại): Một câu chuyện được xem là xảy ra trong thời đức Phật tại thế, nên gọi là câu chuyện hiện tại, và vì câu chuyện này, đức Phật kể ra một câu chuyện quá khứ.

2) Atītavatthu: Câu chuyện quá khứ có liên hệ đến những nhân vật trong câu chuyện hiện tại. Trong câu chuyện quá khứ, luôn luôn có sự hiện diện của Bồ-tát (là tiền thân của đức Phật) trong một vai trò nào đó. Có một hay nhiều bài kệ, khi thì do Bồ-tát nói, khi thì do đức Phật nói, phần lớn dưới hình thức một bài dạy đạo đức.

3) Veyyākaraṇā: Giải thích bài kệ hay một vài danh từ trong câu chuyện quá khứ.

4) Samodhāna (Phần kết hợp): Đức Phật kết hợp hai mẫu chuyện hiện tại và quá khứ, có khi thêm một bài thuyết pháp, kết quả của bài ấy và cuối cùng là phần nhận diện Bổn sanh, chỉ rõ sự liên hệ giữa những nhân vật chính trong hai câu chuyện quá khứ và hiện tại.

Theo truyền thống Tích Lan, câu chuyện hiện tại, câu chuyện quá khứ, lời giải thích và phần kết hợp gồm thành tập *Jātaka Aṭṭhakathā* (*Bổn sanh sớ giải*).

Tập này được dịch sang tiếng Sinhala (Tích Lan), trừ các bài kệ vẫn giữ tiếng Pāli. Tập *Jātaka Aṭṭhakathā* bằng tiếng Sinhala lại được dịch qua tiếng Pāli với danh từ là *Jātakassa Aṭṭhavaṇṇanā*, mà nay chúng tôi đang dịch ra tiếng Việt. Truyền thống cho rằng chính Buddhaghosa đã dịch từ tiếng Sinhala ra tiếng Pāli, nhưng truyền thống này chưa được các học giả đồng ý.

Chúng tôi không dịch phần III, Veyyākaraṇā, vì phần này có tánh cách sớ giải.

Vì chỉ mới dịch có 120 mẫu chuyện…, nên chúng tôi chỉ có thể dựa vào số 120 mẫu chuyện này để phân tích và đưa đến một vài kết luận hay nhận xét cho riêng 120 mẫu chuyện mà thôi...

Trước hết là nhận xét về trú xứ của câu chuyện hiện tại và câu chuyện quá khứ:

Dựa theo những công trình của các vị học giả đã nghiên cứu trước, chúng ta nhận thấy các câu chuyện quá khứ được xảy ra phần lớn về phương Bắc và phương Tây nước Ấn Độ. Còn các câu chuyện hiện tại được xảy ra phần lớn về phương Đông Ấn Độ. Ví dụ, trong các câu chuyện quá khứ, Ba-la-nại được đề cập đến 428 lần, Gandhāra 25 lần; còn trong câu chuyện hiện tại, Kosala được đề cập 428 lần và Magadha 58 lần… Riêng trong 120 mẫu chuyện hiện được phiên dịch, trong các câu chuyện hiện tại, Kỳ Viên được nói đến 83 lần, Trúc Lâm 10 lần, Xá-vệ 6 lần, v.v...

Jātaka hay *Bổn sanh* là những mẫu chuyện diễn tả các đời sống trước (tiền thân) của đức Phật và danh từ dùng trong các câu chuyện quá khứ là Bồ-tát. Chúng ta phải xác nhận ở nơi đây, danh từ Bồ-tát trong các chuyện *Bổn sanh* chỉ cho tiền nhân của đức Phật trong những đời sống quá khứ, khi làm chư thiên, khi làm thú vật, khi làm vua, khi làm hoàng tử, v.v... Trong các câu chuyện quá khứ, nhân vật nổi bật nhất luôn luôn là Bồ-tát, thường đóng vai trò linh động nhất hay quan trọng nhất.

Phân tích 120 câu chuyện quá khứ đầu tiên…, chúng tôi xin ghi nhận nơi đây những vai trò Bồ-tát đã đóng như sau: 26 lần Bồ-tát làm chim làm thú: 1 lần làm chó, 2 lần làm ngựa, 4 lần làm bò đực, 1 lần làm voi, 2 lần làm cá, 5 lần làm nai, 3 lần làm khỉ và 8 lần làm chim. Về các loài chim: ngỗng trời 1 lần, cun cút 3 lần, chim trĩ 1 lần, chim chúa 2 lần, chim bồ câu 1 lần.

Bồ-tát làm vua 6 lần, làm con vua 6 lần, làm đại thần 7 lần, làm triệu phú 10 lần, làm địa chủ 1 lần, làm Bà-la-môn 4 lần, làm vị Hiền trí 11 lần, làm Sư trưởng 8 lần, làm ẩn sĩ 6 lần. Bồ-tát hành nghề cũng rất rộng rãi và đa dạng: làm trưởng đoàn lữ hành 3 lần, làm nghề đi buôn 2 lần, làm người cày ruộng 1 lần, làm người đánh trống 1 lần, làm người thổi tù và 1 lần, làm thầy thuốc 1 lần, làm thợ hớt tóc 1 lần, nghề nhào lộn 2 lần, làm con trai một gia đình 2 lần. Ngoài ra, chúng ta còn ghi nhận thêm: Bồ-tát làm chư thiên 5 lần, làm thần cây 8 lần.

Nhìn chung, chúng ta cũng thấy vai trò của vị Bồ-tát thật là đa dạng, thật là phong phú, và vì đóng vai trò tiền thân của đức Phật, phong cách đạo đức của Bồ-tát thật hoàn toàn tuyệt diệu từ lời nói, từ suy tư cho đến việc làm.

Mỗi chuyện tiền thân có một bài kệ, phần lớn do Bồ-tát nói, có khi đức Phật nói. Những bài kệ này có thể là một lời phê bình khi nhận xét những sự việc đã xảy ra, có khi là một lời cảnh cáo những nhân vật trọng yếu, sai trái, có khi là một lời khuyên giáo đạo đức, dựa trên câu chuyện đã xảy ra. Nghiên cứu các bài kệ này cũng là một nguồn cảm hứng đặc biệt, và các bài kệ được xem là phần cổ kính nhất của tập *Bổn sanh* này.

Phân tích 120 câu chuyện hiện tại trong *Bổn sanh* này, chúng ta nhận thấy những đề tài được đề cập liên hệ trực tiếp với đức Phật, với các vị Trưởng lão kề cận đức Phật, với các vị Tỷ-kheo, và một số cư sĩ liên hệ nhiều với đạo Phật. Ngoài ra, có đề cập những đề tài thông thường như đồ ăn cho người chết, lễ cúng dường khi cầu nguyện, các chòi lá bị cháy, v.v... Đề tài sau này chiếm tỷ lệ rất thấp.

Những đề tài liên hệ trực tiếp đến đức Phật như thần thông song hành (29), Devadatta luôn tìm cách hại Phật (11, 21, 26, 57, 58, 72, 113), nữ Bà-la-môn Ciñcā vu oan đức Phật (120), đức Phật nhập Niết-bàn (95). Tiếp đến là một số Trưởng lão thân cận với đức Phật như Ānanda (92, 95), Rāhula (số 16), Sāriputta (37, 69), Cullapanthaka (4), Lāludāyī (5), v.v... Tiếp đến nữa là đề cập một số Tỷ-kheo có các hạnh không được tốt đẹp và cần đức Phật giáo giới, đề tài này có thể nói là chiếm đa số. Như Tỷ-kheo thối thất tinh tấn (2, 3, 23, 24, 51, 52, 55), Tỷ-kheo có nhiều đồ vật (6, 32), Tỷ-kheo khó nói (15, 43, 48, 59, 60, 82, 104, 116), Tỷ-kheo bị ái luyến (30, 61, 63, 66, 85, 106), Tỷ-kheo nói khoác (80), Tỷ-kheo ném con ngỗng trời (107), Tỷ-kheo làm ồn phi thời (119), Tỷ-kheo uống nước không có lọc (31). Tiếp theo là các đề tài liên hệ đến các đệ tử cư sĩ của đức Phật hay của các vị Trưởng lão. Ông Cấp Cô Độc được nói đến khá nhiều (1, 40, 45, 83, 90, 103), đệ tử của Sāriputta (25, 39). Lại có một số đề tài có thể xem là không liên hệ đến đạo Phật như đồ ăn cho người chết (18), lễ cúng dường khi cầu nguyện (19), làm lợi ích cho bà con (12), cái chòi lá bị cháy (36), các cơn mộng (77) và đề tài liên hệ đến nữ nhân (61, 62, 63, 64, 65, 66, 67).

Dựa trên các đề tài được đề cập trong các câu chuyện hiện tại, chúng ta có thể nói, những đề tài phần lớn đề cập đến Giáo hội trong thời đức Phật còn tại thế và khoảng 100 năm sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, nhất là một số tệ trạng các Tỷ-kheo gặp phải sau khi đạo Phật được truyền bá khắp xứ Ấn Độ và khi bậc Đạo sư không còn nữa. Các đề tài và các mẫu chuyện cũng giúp chúng ta hiểu được một số nét về tình trạng xã hội đương thời.

Ở đây, một vấn đề cần phải được đặt ra là: "Ai là tác giả các tập *Jātaka* này?" Tuy bộ này được phân loại vào *Khuddaka Nikāya* (*Kinh Tiểu bộ*), tức là

một trong năm bộ *Nikāya* (Kinh tạng), và mỗi câu chuyện đều được diễn tả như là đức Phật đã kể lại, chúng ta có những lý do xác đáng để khẳng định tác giả các tập này phải là các vị Tỷ-kheo, hoặc sống trong thời đức Phật, hoặc sau đó khoảng vài chục năm. Vì chỉ có những vị này mới thông hiểu được tổ chức của Giáo hội và hiểu được những mẫu chuyện dân gian của Ấn Độ. Vì chỉ những người am hiểu dân tình, đồng quê xứ sở Ấn Độ mới có thể ghi nhận và trình bày được. Bài giới thiệu không cho phép chúng tôi đi sâu vào vấn đề tác giả của các mẫu chuyện *Bổn sanh* này. Nhưng căn cứ trên ngôn ngữ học, trên cách hành văn, trên các danh từ được dùng trong các câu chuyện, các giáo lý được đề cập, đức Phật được diễn tả, pháp môn được tu tập, v.v... chúng ta có những lý do để khẳng định tập *Jātaka* này mở một kỷ nguyên mới trong văn học Phật giáo và trong cung cách truyền bá đạo Phật, được diễn ra sau khi Phật nhập Niết-bàn.

Tuy vậy, chúng ta phải xác nhận rằng nền văn học *Jātaka* này có tác dụng rất lớn, ảnh hưởng đến nền văn học Phật giáo, ảnh hưởng đến việc truyền bá đạo Phật, trong quá khứ cũng như trong hiện tại, ở Ấn Độ cũng như ngoài Ấn Độ, không những trong lãnh vực văn học mà còn lan rộng đến lãnh vực nghệ thuật, kiến trúc,... đời sống xã hội nhân dân.

Trước hết, một số mẫu chuyện *Jātaka* được khắc trên những tác phẩm điêu khắc tại các chùa, các tháp như ở Sanchi, Amaravatī, đặc biệt Bharhut, Ấn Độ. Tại đây, tên các *Jātaka* được khắc rõ ràng. Ngày nay, một số công trình điêu khắc ấy vẫn còn được giữ khá nguyên vẹn tại các di tích Phật giáo Ấn Độ. Những công trình điêu khắc ấy chứng tỏ các câu chuyện tiền thân đã được biết đến rất nhiều vào thế kỷ III TTL. Pháp Hiển, nhà chiêm bái Trung Quốc, khi đến thăm Tích Lan vào thế kỷ IV, đã chứng kiến tại ngôi chùa Adhayagiri, sự trình diễn 500 chuyện tiền thân của đức Phật khi Ngài còn là Bồ-tát, dưới hình thức con voi, con nai, v.v... Chúng tôi khi còn ở Tích Lan, nhân ngày Phật đản, có chứng kiến các tấm pandal rất lớn về các mẫu chuyện *Jātaka* để dân chúng đến xem và chiêm ngưỡng. Và tại các pandal ấy, có diễn xuất các vở kịch mẫu chuyện *Jātaka* nữa. Vì vậy, ngày lễ Phật đản ở Tích Lan là ngày mà rất đông dân chúng đi từ pandal này qua pandal khác, vừa dự lễ vừa xem diễn các vở kịch về *Jātaka*; dân chúng vui chơi một đêm trong ngày hội lớn. Các mẫu chuyện này cũng được dùng làm đề tài thuyết pháp trong các dịp lễ, dân chúng đến nghe suốt đêm, nghe các vị sư Tích Lan kể chuyện tiền thân *Jātaka* mà không biết mệt.

Một ảnh hưởng nữa mà các câu chuyện này đem lại, nhất là các mẫu chuyện về súc vật, nhiều khi vượt qua biên giới tôn giáo Ấn Độ và trở thành những chuyện cổ tích dân gian, nửa thần thoại, nửa thực tế, không lệ thuộc tôn giáo nào hay xứ sở nào. Chúng tôi tin rằng có một số chuyện cổ tích Việt Nam được bắt nguồn từ những chuyện *Jātaka* này như chuyện *Tấm Cám* chẳng hạn. Những mẫu chuyện cổ tích này đã trở thành gia tài chung của nền văn hóa dân gian,

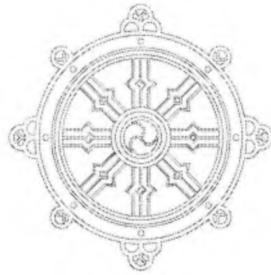
phản ánh được những tính chất bình thường của dân chúng dưới mọi chân trời, trong đời sống hằng ngày của dân chúng, khi phải tiếp xúc với những gì tốt hoặc xấu của cuộc đời. Chính vì vậy mà các tập *Jātaka* này rất được phổ biến, không những trong giới Phật tử mà còn lan tràn khắp mọi địa phương, mọi dân tộc.

Qua việc dịch tập *Jātaka*, chúng tôi gặp phải một thể văn hoàn toàn khác với các bản *Nikāya*, danh từ khác lạ, rất phong phú, rất nhiều chữ mới. Đó là thể văn kể chuyện, trực tiếp ghi chép các cuộc đối thoại, nên vừa dài vừa linh động, dịch cho gọn và cho sát với nguyên bản thật là cả một vấn đề.

Mùa An cư năm 1980 – Canh Thân

Tỷ-kheo Thích Minh Châu

(Viện trưởng Viện Phật học Vạn Hạnh)



DẪN LUẬN CHUYỆN TIỀN THÂN

Chuyện Tiền thân (*Jātaka*), còn được gọi là *Bổn sanh* (本生), là tuyển tập thứ 10 trong *Kinh Tiểu bộ* gồm 16 tập thuộc *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. *Chuyện Tiền thân* khơi dậy cảm xúc tích cực và hiền thiện trong tâm hồn của người nghe cũng như người đọc, đồng thời xây dựng, củng cố niềm tin nơi Phật pháp và làm cho những thông điệp về từ bi và trí tuệ của Phật giáo lan xa tỏa rộng. Mặt khác, *Chuyện Tiền thân* còn là nguồn tư liệu giá trị về đời sống kinh tế, chính trị, tập quán, văn hóa, tôn giáo và xã hội của đất nước và con người Ấn Độ thời cổ đại.[1]

I. NHỮNG NÉT LỚN

1. Từ nguyên

Từ "Bổn sanh" hay "Tiền thân" có gốc Pāli và Sanskrit là *Jātaka*. Ngữ căn "*Jāta*" có nghĩa là "đã được sanh ra" + "*ka*" có nghĩa là "liên quan đến việc đã được sanh ra." *Jātaka* có ba nghĩa: (1) "Câu chuyện" được tìm thấy trong những tập sách có trước thời Phật. Trong phạm vi ngữ nghĩa này, *Jātaka* là câu chuyện kể lại kiếp sống trong quá khứ của đức Phật, một mẫu người hiền trí của đời trước; (2) Câu chuyện của kiếp quá khứ, trong những kiếp đó, tiền thân của đức Phật có thể trong hình hài của bất kỳ một sinh thể nào, từ con người cho đến con nai hay con chó rừng, v.v… Theo nghĩa này, các câu chuyện tiền thân được tìm thấy không nhiều trong 4 bộ Nikāya đầu tiên, nhưng lại có mặt nhiều ở Bharhut, một di tích cổ kính hàng đầu của Phật giáo có niên đại vào khoảng thế kỷ III TTL, và có mặt hầu hết trong mỗi câu chuyện của tập *Jātaka*; (3) *Jātaka* là tựa đề của tuyển tập thứ 10 trong *Tiểu bộ* gồm 547 câu chuyện.[2] Trong các thể loại văn học, *Jātaka* là một trong 9 thể loại ấy[3] và được đức Phật thỉnh thoảng sử dụng trong quá trình giáo hóa. Về mặt từ vựng, Ananda Salgadu Kulasuriya có một bài nghiên cứu chuyên sâu hơn về thuật ngữ *Jātaka*.[4]

---

[1] Kanai Lal Hazra, *Pali Language and Literature*, vol. I (New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd., 1994), p. 311.

[2] T. W. Rhys Davids & William Stede, *Pāli-English Dictionary* (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1921), p. 281.

[3] Tham chiếu: HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Trung bộ* trong *TTTĐPGVN* (tập 2), (Hà Nội: Nxb. Hồng Đức, 2020), tr. 161: "... một số thiện nam tử học pháp như Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng."

[4] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 3-7.

2. Cấu trúc của một câu chuyện tiền thân

T. W. Rhys Davids cho rằng cấu trúc của một *Chuyện Tiền thân* gồm có 4 mục: "Trước hết chúng ta có một khung ngoại vi gồm (1) một đoạn giới thiệu và (2) một đoạn nhận diện tiền thân. Bên trong khung ngoại vi chúng ta có (3) câu chuyện tiền thân đơn thuần "câu chuyện của quá khứ" như cách mà nó được gọi trong văn học Pāli. Câu chuyện đó, chúng ta lại có trong tập *Jātaka* đang có mặt trong *Chánh tạng*, (4) hạt nhân của toàn thể, khổ kệ tụng."[5]

Lại có cách phân loại khác, cho rằng cấu trúc của một *Chuyện Tiền thân* hoàn chỉnh gồm 5 mục, hay 6 mục: (1) Câu chuyện hiện tại (*Paccuppannavatthu*) là duyên để đức Phật kể lại chuyện kiếp trước; (2) Câu chuyện quá khứ (*Atītavatthu*) được đức Phật kể lại; (3) Kệ tụng (*Gāthā*) là một thành tố của câu chuyện quá khứ nhưng cũng thường xuyên là thành tố của câu chuyện hiện tại; (4) Chú giải (*Veyyākaraṇa*) làm sáng tỏ hơn ý nghĩa của những từ ngữ trong mục kệ tụng; (5) Mối liên quan (*Samodhāna*) thường được gọi là mục nhận diện tiền thân,[6] trong đó đức Phật nói về những nhân vật trong câu chuyện hiện tại đã từng là nhân vật nào trong câu chuyện quá khứ;[7] (6) Tựa đề.[8]

Tuy có các cách phân chia như vậy nhưng khuôn mẫu 4 mục gồm 2 mục ngoại vi và 2 mục cốt lõi mà T. W. Rhys Davids chủ trương đã phản ánh đúng thực tế và có tính thuyết phục cao.

3. Cấu trúc của tuyển tập *Jātaka*

Nhìn tổng thể, tập *Jātaka* tiếng Việt hiện tại là một bộ sưu tập gồm 547 câu chuyện tiền thân phân bố thành 22 chương hay tiểu tập (*nipāta*) với 6.644 khổ kệ.[9] Nguyên tắc phân bố mang tính số học, chương I có 150 câu chuyện tiền thân, trong đó mỗi câu chuyện có 1 khổ kệ. Chương II có 100 câu chuyện, mỗi câu chuyện có 2 khổ kệ. Cũng vậy, chương III có 50 câu chuyện, mỗi chuyện có 3 khổ kệ… cho đến chương 22, theo nguyên tắc sẽ hàm chứa những câu chuyện có 22 khổ kệ. Chương số hiệu lớn dần thì số lượng chuyện tiền thân trong chương ấy càng nhỏ dần. Tuy phần lớn sự phân bố tuân theo nguyên tắc nhưng vẫn có độ linh hoạt nhất định. Ví dụ như chương VI, câu chuyện ít nhất có 6 khổ kệ và nhiều nhất 18 khổ kệ; chương XXI tuy là chương 80 kệ nhưng số khổ kệ dao động từ 81-124. Chương XIV gọi là "Tạp kệ", có câu chuyện ít

---

[5] "Mỗi một hạng mục như vậy có một lịch sử riêng biệt" là điều được nhấn mạnh. Xem T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 194.

[6] Cũng có trường hợp ngoại lệ, như *Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta,* số §514, không có phần nhận diện tiền thân này.

[7] Kanai Lal Hazra, *Pali Language and Literature*, vol. I (New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd., 1994), p. 311; Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 111; G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 13.

[8] Oskar von Hinüber, *A Handbook of Pali Literature* (New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, 1996), p. 56.

[9] Xem Phụ lục 3: Thống kê và đối chiếu số kệ *Chuyện Tiền thân* giữa 3 bản (CST, PTS và Tích Lan).

kệ nhất là 16 và nhiều nhất là 48 khổ kệ. Riêng chương XXII có 10 câu chuyện, chuyện ít nhất có 122 khổ kệ và nhiều nhất có 786 khổ kệ. Trong một số trường hợp thì khổ kệ được gắn vào câu chuyện tiền thân theo cấu trúc chung gồm 4 mục mà không phải là thành tố hữu cơ mật thiết với mạch lạc của câu chuyện.[10]

4. Các phiên bản của tuyển tập *Jātaka*

Con số 550[11] chuyện tiền thân chỉ là phiên bản chính của bộ sưu tập. Có khoảng thời gian tập *Jātaka* ấy thất lạc 3 câu chuyện nên còn lại 547. Cặn kẽ hơn, con số 547 cũng không phải là con số chính xác nên Maurice Winternitz đã cẩn thận khi dùng cụm từ "trên 500 *Jātaka*", bởi vì có trường hợp, nhiều câu chuyện được ghép lại với nhau, có trường hợp chỉ là những dẫn chiếu đến các câu chuyện tiền thân sau đó, cũng có trường hợp cùng một câu chuyện nhưng xuất hiện nhiều lần dưới hình thức dị bản.[12] Theo *Chú giải Luật tạng* của Theravāda, Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) trong phần mở đầu của *Pārājikakaṇḍa-aṭṭhakathā* (*paṭhamo bhāgo*) có nói rằng: "*Apaṇṇakajātakādīni paññāsādhikāni pañca jātakasatāni jātakanti veditabbaṃ*" nghĩa là nói chính xác về tập *Jātaka* thì có khoảng 505 *Jātaka* hoặc có mối liên hệ với *Jātaka* được biết đến.

Ngoài phiên bản 500 câu chuyện tiền thân, còn có nhiều phiên bản khác,[13] như 560 hay 565[14] câu chuyện cùng với những thông tin liên quan. Phiên bản có thể xem là nhỏ nhất của *Jātaka* có mặt ở Sài Gòn[15] năm 1954 tựa là *La Version Mône du Nārada Jātaka* (*Bản dịch tiếng Mône về chuyện tiền thân Nārada*) do École Française d'Extrême Orient xuất bản.[16] Từ lâu *Jātaka* đã trở thành một hình thái, bộ loại hay thể loại văn học riêng với những quy phạm và đặc sắc riêng có. Ngoài bản *Jātaka* này, chúng ta còn có một bộ sưu tập *Jātaka* nổi trội tên là *Jātakamāla* (*Bổn sanh man*, 本生蔓), nghĩa là *Tràng hoa những câu chuyện tiền thân* với 34 câu chuyện; một phiên bản khác có 35 câu chuyện và một phiên bản lớn hơn có 100 câu chuyện.[17]

---

[10] E. B. Cowell (ed.), *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births* (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1895), p. xxiii; Bimala Churn Law, *A History of Pali Literature* (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 274; Kanai Lal Hazra, *Pali Language and Literature*, vol. I (New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd., 1994), p. 311-12; Oskar von Hinüber, *A Handbook of Pali Literature* (New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, 1996), p. 54.

[11] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 24.

[12] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 119.

[13] E. B. Cowell (ed.), *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births* (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1895), p. xxii; G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 20.

[14] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 20 và p. 24.

[15] Ngày nay là một khu vực lớn thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh.

[16] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 20.

[17] Pierre Dupont, *La Version Mône du Narada-Jataka* (Saigon: École Française d'Extrême Orient, 1954); G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 24.

Phiên bản 100 câu chuyện có từ câu chuyện kể về hành trạng của một vị Đạo sư thuở xa xưa tên là Āryaśūra (Thánh Dũng, 聖勇) do sử gia Tāranātha[18] kể lại. Thuở ấy, những câu chuyện tiền thân được lưu truyền bằng nhiều cách như nghe người khác kể, ghi nhớ, tích tập trong ký ức và thuật lại. Tất cả những phương thức ấy đều thuần là truyền khẩu. Truyền thống *Jātaka* chữ viết bắt đầu bằng câu chuyện Đạo sư Āryaśūra lập dự án cho công trình chọn lọc và viết xuống thành văn tự những câu chuyện tiền thân để tôn vinh mười Ba-la-mật của đức Phật. Mỗi một Ba-la-mật được tôn vinh bằng mười câu chuyện, như vậy tổng số sẽ là 100 câu chuyện. Tiếc thay, khi viết xong câu chuyện thứ 34 thì Āryaśūra mệnh chung.

Một thần tích kể rằng trong thời gian viết *Jātakamāla*, Āryaśūra quán chiếu về hạnh bố thí của vị Bồ-tát, cụ thể là vị Bồ-tát Thái tử Mahā Satva (Ma-ha Tát-đỏa, 摩呵薩埵) đã hy hiến thân thể của mình cho bầy hổ đói. Khi quán chiếu như vậy, Āryaśūra khởi phát tâm cao thượng hướng đến Ba-la-mật và nhận ra rằng hạnh bố thí như vậy không quá khó, ngay bản thân mình cũng có thể thực hiện được. Lúc ấy, Āryaśūra thấy một con hổ mẹ và bầy con đang đói lã, sắp chết. Thoạt đầu, Āryaśūra chưa quyết định hy hiến cho đến khi phát khởi độ thâm tín viên mãn và mạnh mẽ nơi đức Phật, khi ấy cũng là lúc Ngài đang sử dụng dòng máu của bản thân để viết xuống những câu chuyện tiền thân. Việc dùng máu làm mực đã là nếp quen của mỗi ngày, song giờ đây, Āryaśūra cũng dùng chính dòng máu của bản thân ấy nhưng không phải để viết tiếp mà là để bố thí cho những con hổ đói khát. Lúc ấy, những con hổ tỉnh dần và hồi phục sức lực thì cũng chính là lúc Āryaśūra hy sinh thân thể. Tập *Jātakamāla* vì vậy mà kết thúc với 34 câu chuyện thay vì 100 câu chuyện như dự án ban đầu của Āryaśūra.[19]

Nơi phát tích của những câu chuyện tiền thân đầu tiên là Bắc Ấn, cụ thể hơn là ở một xứ sở có tên là Madhyadesa (Quốc độ trung tâm),[20] và từ đó trải rộng tầm ảnh hưởng rộng khắp nhiều châu lục, liên tục bổ sung từ nhiều nguồn văn học qua việc giao thoa chia sẻ với và được chia sẻ từ các nền văn hóa khác nhau. Các học giả hàng đầu đều nhận định rằng hầu hết những câu chuyện tiền thân đều có nguồn gốc từ văn học dân gian lưu hành ở Bắc Ấn.[21] Mặt khác, bộ sưu tập *Jātaka* này không bao hàm hết những câu chuyện tiền thân đang hiện hữu ngay trong thời kỳ nguyên sơ của Phật giáo Bắc Ấn.[22] Trên thực tế, bản *Jātaka* không bao gồm những câu chuyện tiền thân được ghi lại trong *Trường*

---

[18] Tāranātha, *History of Buddhism in India*, tr. by Lama Chimpa, Alaka Chattopadhyaya (from Tibetan), ed. by Debiprasad Chattopadhyaya (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted). Tác phẩm này cũng được V. Vasil'ev dịch sang tiếng Nga và Schiefner dịch sang tiếng Đức xuất bản năm 1869.

[19] Các học giả không dễ dàng đồng thuận với con số 34 *Jātaka* theo cách như vậy.

[20] Bimala Churn Law, *A History of Pali Literature* (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 237; Kanai Lal Hazra, *Pali Language and Literature*, vol. I (New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd., 1994), p. 311.

[21] Bimala Churn Law, *A History of Pali Literature* (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 274.

[22] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 8.

bộ như *Kinh Cứu-la-đàn-đầu* (số 5), *Kinh Đại Thiện Kiến vương* (số 17) và trong *Trung bộ* như *Kinh Ghaṭikāra* (số 81), *Kinh Makhādeva* (số 83).

Từ lúc phát tích đến lúc định hình vững chắc và cho ra đời những bộ sưu tập như chúng ta thấy ngày nay là một quá trình kéo dài hàng ngàn năm. Xuất phát là những câu chuyện đầu tiên có mặt ngay thời đức Phật còn tại thế, sau đó là những câu chuyện xuất hiện trong hình thức phù điêu và những dòng chữ được chạm khắc vào đá ở di tích Bharhut và Sanchi có niên đại vào thế kỷ III TTL, cuối cùng là số lượng lớn những câu chuyện nằm trong những bộ sưu tập, cụ thể là bộ sưu tập vào thế kỷ V tức bản *Jātaka* này.[23]

Công trình kéo dài cả ngàn năm như vậy được thực hiện bởi những người học thuộc lòng và kể lại, những người phiên tả, những tác gia, những nhà sưu tầm, biên tập, sao chép, dịch thuật... thuộc nhiều thế hệ, có khoảng cách khác biệt rất xa với nhau về thời đại, bối cảnh đời sống và về nhiều phương diện khác. Những người tham gia góp phần vào công trình này thuộc nhiều thành phần khác nhau, có cả tu sĩ lẫn cư sĩ, sống và làm việc trong các môi trường địa lý, chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, tín ngưỡng và xã hội khác nhau. Những khác biệt ấy đã để lại dấu vết trong bộ sưu tập được đưa vào *Chánh tạng*, đó là tập *Chuyện Tiền thân* mà chúng ta đang có.

5. Các thể loại câu chuyện tiền thân trong tuyển tập *Jātaka*

Trước hết chúng ta cần nhận thức rằng những đoạn văn vần trong *Chuyện Tiền thân* cổ kính hơn so với những thiên sử thi hay thể loại trường ca cùng loại. Tuy nhiên, sự cẩn trọng trong nghiên cứu cho biết rằng chúng ta không thể xác quyết độ cổ kính của những câu chuyện ngang qua hình thái câu chữ có khớp với thời gian thật trong lịch sử hay không.[24] *Chuyện Tiền thân* với hơn 500 câu chuyện chứa đựng trong đó tất cả hình thái, bộ loại, thể thức của dòng thơ ca. Maurice Winternitz cho rằng có 5 thể loại[25] như sau:

1) Dạng phổ quát là một mạch chuyện dưới dạng văn xuôi, thỉnh thoảng được ngắt quãng bằng những đoạn văn vần. Có khi mạch chuyện được dừng lại để đan xen vào một bài thơ ngụ ngôn hay những khổ kệ kể chuyện đời xưa. Cũng có khi mạch chuyện được điểm xuyết bởi một câu nói đạo lý thâm trầm. Thế nên, thơ và văn xuôi, chuyện đang diễn ra và chuyện đã diễn ra đan bện và tổng hòa vào nhau tạo thành một thực thể thẩm mỹ vừa cổ kính vừa thanh tân.

2) Dạng kịch thơ, như *Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta* (số §514)[26] với tựa đề gốc là "*Ái hậu mắt nhung đẹp tuyệt trần*" có đoạn đàm thoại bằng thơ giữa nhà Vua và Hoàng hậu Subhadda như sau:

---

[23] *Sđd*. tr. 7.

[24] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 119.

[25] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 119-20; G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 15.

[26] M. L. Feer năm 1895 đã nghiên cứu cặn kẽ *Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta* dựa trên việc so sánh 5 phiên bản khác nhau: 2 phiên bản Pāli, 1 phiên bản Sanskrit và 2 phiên bản chữ Hán.

Khi nghe tin nàng bị bệnh, Vua vội vào hậu cung ngồi bên vương sàng vuốt nhẹ lưng nàng và ngâm vần kệ đầu tiên:

Ái hậu mắt nhung đẹp tuyệt trần,
Nàng xanh xao quá, dáng đau buồn,
Như tràng hoa dưới chân giày xéo,
Vì cớ sao nàng héo úa dần?

Nghe lời này, nàng liền đáp bằng vần kệ thứ hai:

Dường như chuyện thấy ở trong mơ,
Thần thiếp hằng mong mỏi thiết tha,
Mộng ước hão huyền e khó đạt,
Cho nên lòng thiếp mãi buồn lo.

Vua nghe thế lại ngâm vần kệ nữa:

Những lạc thú nào ở thế gian,
Con người khao khát tận tâm can,
Điều gì mong trẫm đem ban tặng,
Hãy nói trẫm nghe ước nguyện nàng!

Ở thể thức kịch thơ, người đọc cần phân biệt hai loại thơ kệ. Một, những dòng thơ đàm thoại như vừa nêu ở trên. Hai, những dòng thơ của người kể chuyện. Người kể chuyện ở đây chính là đức Phật, danh xưng trong câu chuyện là bậc Đạo sư. Trong câu chuyện trên, bậc Đạo sư nói lên bài kệ về cái hố và mũi tên mà con người giăng ra để chờ bắt con voi trắng như sau:

Che hố trước tiên đậy ván dày,
Bước vào, cung nắm ở trong tay,
Vừa khi bạch tượng đi qua đó,
Kẻ ác cho tên dữ vút bay.

3) Dạng chuyện dài bắt đầu bằng thể văn xuôi và nối theo bằng thơ, cũng có khi mạch chuyện theo thể văn xuôi được ngắt nhịp bằng những khổ thơ kể chuyện hay những khổ thơ đàm thoại; trong trường hợp như vậy thì mạch văn xuôi không thể không có. Tuy nhiên, mạch văn xuôi trong *Chuyện Tiền thân* thuộc dạng thứ ba này[27] không phải nguyên gốc xa xưa mà vốn là đã được viết thêm và hiệu đính nhiều lần với những đoạn chú giải được chèn vào.

4) Dạng chùm những câu châm ngôn về một chủ đề nào đó.

5) Dạng trường ca hay một phân khúc của trường ca. Trong hai dạng 4 và 5, Maurice Winternitz cho rằng phần văn xuôi hầu hết là những chú giải thừa thải và nhạt nhẽo.[28] Người viết lại cho rằng, nhiều câu chuyện văn xuôi cũng rất thú vị và lý giải sâu sắc và tinh tế được nội dung được trình bày trong thi kệ.

---

[27] Tên gốc trong tạng Pāli là *Jātakatthavaṇṇana* (*Chú giải Chuyện Tiền thân*).
[28] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 120.

6. Nội dung của các câu chuyện trong tuyển tập *Jātaka*

Tổng quan về nội dung, Maurice Winternitz[29] liệt kê 7 mục như sau:

(1) Chuyện ngụ ngôn, hầu hết đều giống với ngụ ngôn Ấn Độ nói về những điều khôn khéo trong cuộc sống thế gian, chỉ có một ít chuyện mang thiên hướng đạo đức trong hình thái thơ kệ của những vị ẩn sĩ. Còn lại là những chuyện ngụ ngôn nguyên chất Phật giáo.

(2) Chuyện thần tiên hay cổ tích, trong đó nhân vật là những con vật, hầu hết đều có sắc thái tương tự như những chuyện thần tiên lưu hành rộng rãi ở châu Âu, không liên hệ nhiều đến Phật giáo. Một số chuyện được bổ sung thêm ý hướng của Phật giáo hay cải biên thành chuyện nhà Phật. Một số chuyện khác dĩ nhiên là những sáng tác thuần chất Phật giáo.

(3) Những đoản cú hóm hĩnh hay ứng đối chớp nhoáng linh mẫn nhưng không liên hệ nhiều đến Phật giáo.

(4) Chuyện ngắn, chuyện dài hay tiểu thuyết, những câu chuyện này có khi kể lại những chuyến phiêu lưu, có khi chứa đựng một số ít hay nhiều những câu chuyện khác đan kết lại với nhau. Đó là những câu chuyện không liên quan nhiều đến Phật giáo ngoại trừ nhân vật chính diện là vị Bồ-tát.

(5) Những câu chuyện đạo lý.

(6) Một số câu châm ngôn.

(7) Một số thần tích nói về tấm lòng chí thành chí kính trong giới Phật giáo, số nhiều hơn là những thần tích khác thuộc về nền thơ ca của giới ẩn sĩ Ấn Độ.

II. KẾT CẤU LÕI VÀ KHUNG NGOẠI VI – PHƯƠNG THỨC HÌNH THÀNH MỘT CHUYỆN TIỀN THÂN CHUẨN

1. Cấu trúc bốn phần của một *Chuyện Tiền thân*

Một trong những *Jātaka* chuẩn mực là *Chuyện con nai Nigrodha* (số §12) gồm 4 phần được đánh số (1) đến (4) như sau:

(1) Sau sự cố một vị Tỳ-kheo-ni có thai và bị Đề-bà-đạt-đa tẩn xuất, đức Phật làm mọi chuyện trở nên rõ ràng và chứng minh rằng vị Tỳ-kheo-ni ấy Phạm hạnh thanh tịnh. Để làm nổi bật đạo lý trong câu chuyện ấy, Thế Tôn kể lại câu chuyện quá khứ.

(2) *Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một con nai. Khi từ bụng mẹ sanh ra, con nai có màu sắc vàng, mắt của nó giống như hòn châu báu, sừng màu trắng bạc, miệng đỏ như tấm màn nhung, móng chân láng trơn như màu sơn mài, đuôi giống như đuôi con trâu rừng, thân to lớn bằng con nghé. Nó sống trong rừng, được vây quanh với năm trăm con nai và được gọi là "nai chúa Nigrodha." Không xa bao nhiêu, có một con nai*

[29] *Sđd*, tr. 120-21.

khác với năm trăm con nai tùy tùng và được gọi là nai Sākha, nai này cũng màu sắc vàng.

Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại thường hay săn bắn nai, không có thịt nai thì không ăn cơm. Hàng ngày, vua triệu tập tất cả dân chúng từ thành thị đến nông thôn lại, đình chỉ công việc của mọi người vì khoanh vùng cho vua đi săn bắn. Mọi người suy nghĩ: "Nay vua đình chỉ công việc của chúng ta; chúng ta hãy gieo bẫy mồi và đặt nước uống cho các con nai trong vườn, đuổi nhiều nai vào trong ấy, đóng cửa lại và bắt dẫn chúng đến vua."

Như vậy, họ gieo cỏ làm bẫy mồi, đặt nước uống khắp vườn, cho sắp đặt cửa, đem theo những người trong thành, tay cầm côn, gậy và các loại binh khí khác đi vào rừng tìm nai; họ bao một vòng vây khoảng độ một do-tuần để bắt đàn nai bị vây ở giữa, và như vậy, họ vây quanh chỗ ở của đàn nai Nigrodha và đàn nai Sākha.

Khi thấy đàn nai, họ bắt đầu lấy gậy đập cây, đập bụi, đập đất đuổi đàn nai ra khỏi chỗ ở của chúng, khua động các loại vũ khí như gươm, giáo, cung, la hét và đuổi đàn nai vào khu vườn. Rồi họ đóng cửa lại, đi đến gặp vua và thưa:

– Thưa Đại vương, vì luôn luôn đi săn nai, Đại vương phá hoại công việc của thần dân. Nay chúng thần đã dẫn đàn nai rừng vào đầy cả khu vườn của Đại vương. Từ nay trở đi, Đại vương có thể ăn thịt chúng.

Sau khi thưa như vậy, dân chúng bỏ đi. Nhà vua nghe họ nói, đi đến khu vườn, nhìn các con nai, thấy hai con nai vàng, liền tha chết cho chúng. Từ đấy về sau, có khi nhà vua tự đi bắn một con nai rồi đem về, có khi người đầu bếp đi đến bắn nai rồi đem về. Các con nai thấy cây cung liền run rẩy vì sợ chết nên bỏ chạy. Nhưng khi bị hai, ba vết thương, chúng mệt mỏi, bị bệnh và bị giết. Đàn nai báo sự việc như vậy lên Bồ-tát. Bồ-tát cho gọi Sākha và nói:

– Này bạn, nhiều con nai bị hại, dầu thế nào chúng cũng phải chết. Bắt đầu từ nay trở đi, chớ để các con nai bị tên bắn một cách vô ích. Hãy để các con nai thay phiên nhau đi đến chỗ phải chết. Một ngày là phiên đàn nai của tôi, một ngày là phiên đàn nai của bạn. Con nai nào đến phiên của mình cứ đi đến, nằm xuống, đặt đầu vào chỗ phải chết. Làm vậy, các con nai khác khỏi bị thương.

Con nai Sākha chấp thuận. Từ đấy trở đi, theo phiên mình, một con nai đi đến, nằm xuống đặt cổ vào chỗ bị giết. Người đầu bếp đến, bắt con nai nằm đấy rồi đem đi.

Một hôm, đến phiên một con nai cái có mang ở trong đàn nai Sākha. Con nai cái đến gặp Sākha và thưa:

– Thưa chúa tể, tôi có thai, sắp sanh con, như vậy đàn có hai mạng sống đến phiên, hãy cho qua phiên của tôi!

Nai Sākha nói:

– Không thể bảo những con nai khác thế phiên cho ngươi được. Ngươi hãy chịu những gì sẽ đến với ngươi, hãy đi đi!

Con nai cái ấy không được nai Sākha chấp thuận, liền đi đến Bồ-tát và trình bày sự việc. Bồ-tát nghe xong liền nói:

– Được, hãy đi đi! Ta sẽ bỏ qua phiên của ngươi.

Rồi nai chúa tự mình đi đến, đặt đầu vào chỗ chết nằm chờ. Người đầu bếp thấy vậy liền nói:

– Con nai chúa đã được tha khỏi chết, nay lại nằm ở chỗ chết này. Sự việc này là cớ sao?

Rồi kẻ ấy đi báo cho vua hay. Nhà vua lập tức ngự lên xe, đi đến với đoàn tùy tùng đông đảo, thấy Bồ-tát liền nói:

– Này bạn nai chúa, ta đã tha khỏi chết cho ngươi. Sao nay ngươi nằm ở đây?

– Thưa Đại vương, một con nai cái đến gặp tôi, yêu cầu một con khác thay phiên cho nó. Tôi không có thể bắt một con nào khác chịu đau đớn vì bị chết được. Tôi quyết định cho con nai cái ấy mạng sống của tôi, nhận lấy cái chết thay cho con nai cái nên nằm ở đây, Đại vương chớ có nghi ngờ gì khác!

Vua nói:

– Hỡi nai chúa sắc vàng, từ trước, ta chưa bao giờ thấy giữa loài người, có ai đầy đủ kham nhẫn, hòa ái, từ bi như ngươi. Do vậy, ta thật bằng lòng với ngươi. Hãy đứng dậy, ta sẽ cho ngươi và con nai cái ấy thoát khỏi sợ hãi!

– Thưa bậc Nhân chủ, có hai con nai được thoát khỏi sợ hãi, đàn nai còn lại thì thế nào?

– Này nai chúa, ta sẽ cho đàn nai còn lại thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, như vậy, các con nai trong khu vườn này được thoát khỏi sự sợ hãi nhưng các con nai khác thì sao?

– Này nai chúa, ta cũng cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, các con nai được thoát khỏi sự sợ hãi nhưng các loài sinh vật bốn chân khác thì sao?

– Này nai chúa, ta cũng cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, các loài bốn chân được thoát khỏi sợ hãi nhưng các đàn chim thì thế nào?

– Này nai chúa, ta cũng sẽ cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, các loài chim như vậy được thoát khỏi sợ hãi nhưng còn đàn cá sống ở trong nước thì thế nào?

– Này nai chúa, ta cũng sẽ cho chúng thoát khỏi sợ hãi. Như vậy, con nai chúa đã xin vua cho tất cả chúng sanh được thoát khỏi sợ hãi; đứng dậy, khuyên nhà vua thọ năm giới và nói:

– Thưa Đại vương, hãy sống theo Chánh pháp! Hãy xử sự đúng Chánh pháp đối với cha mẹ, đối với con trai, con gái; đối với Bà-la-môn, gia chủ; đối với dân chúng thành thị và nông thôn. Hãy tự mình sống đúng Chánh pháp, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Sau khi thuyết pháp cho vua với uy lực kỳ diệu của vị Phật, Bồ-tát sống tại khu vườn trong một vài ngày để khuyến giáo vua, rồi cùng với đàn nai vây quanh đi vào rừng. Con nai cái đẻ ra một con nai đực đẹp như một nụ hoa. Nai con này đi chơi với đàn nai Sākha. Thấy nai mình đi chơi với đàn nai Sākha, nai mẹ khuyên con mình, bắt đầu từ nay chớ đi tới Sākha, nên đi tới Nigrodha và nói lên bài kệ:

(3) *Sống với Nigrodha, Chớ sống với Sākha.*
Chết với Nigrodha, Hơn sống với Sākha.

Từ đấy trở đi, các con nai thoát khỏi sợ hãi khi ăn lúa của dân chúng. Và dân chúng nhớ rằng, các con nai được thoát khỏi sợ hãi, nên không dám đánh đập hay đuổi chúng đi. Họ tụ họp tại sân vua và báo lên vua biết. Vua nói:

– Do ta bằng lòng, ta đã cho nai Nigrodha một đặc ân. Ta thà mất nước chớ không bỏ lời đã hứa. Hãy đi đi, trong quốc độ của ta, không con nai nào bị đánh cả!

Nai Nigrodha nghe tin này, liền họp đàn nai lại và bảo:

– Bắt đầu từ nay, chớ ăn lúa của người khác!

Sau khi bảo chúng hứa như vậy, nai Nigrodha báo tin cho dân chúng biết:

– Bắt đầu từ nay, những người trồng lúa chớ rào ruộng lại để bảo vệ lúa, chỉ làm dấu bằng cách cột lá lúa lại.

Bắt đầu từ đấy, theo tin đồn, khởi lên tục lệ cột lá lúa lại giữa các đồng ruộng. Bắt đầu từ đấy, các con nai không vượt qua đồng ruộng có lá lúa cột lại. Đây là nhờ Bồ-tát khuyến giáo chúng như vậy. Sau khi khuyến giáo đàn nai, Bồ-tát sống ở đấy cho hết tuổi thọ, rồi cùng với đàn nai đi theo nghiệp của mình. Còn nhà vua nghe lời khuyến giáo của Bồ-tát, suốt đời làm các công đức, rồi sau đó mạng chung đi theo nghiệp của mình.

(4) *Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư nói:*

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới bảo vệ Trưởng lão Ni và Kumāra Kassapa mà thuở trước Ta cũng bảo vệ như vậy.

Rồi Ngài thuyết giảng bốn sự thật, nêu sự liên hệ giữa hai câu chuyện, kết hợp chúng với nhau và kết luận bằng cách nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con nai Sākha là Devadatta, đàn nai là tùy tùng của Devadatta, nai cái là Trưởng lão Ni, nai con là Kumāra Kassapa, vua là Ānanda, còn nai chúa Nigrodha là Ta vậy.

Theo cách trình bày của T. W. Rhys Davids, bố cục hay kết cấu của một câu chuyện tiền thân gồm có 4 thành phần chính: Hai thành phần thuộc khung ngoại vi để trang hoàng bên ngoài của câu chuyện và hai thành phần thuộc căn cốt của câu chuyện được lồng vào nhau. Câu chuyện tiền thân *Chuyện con nai Nigrodha* trên đây[30] được thuật lại và đánh số từ (1) đến (4) để minh họa.

Khung ngoại vi của một câu chuyện tiền thân gồm phần giới thiệu, đoạn (1), và phần nhận diện tiền thân, đoạn (4). Bên trong là phần căn cốt hay "Câu chuyện quá khứ", đoạn (2). Ở giữa đoạn (2) chứa đựng yếu tố hạt nhân hay tinh hoa của toàn câu chuyện; trường hợp mẫu như chúng ta đã thấy ở trên, phần kệ tụng tức là đoạn (3).

Bàn thảo thêm về quá trình hình thành tập *Jātaka* mà chúng ta đang có, T. W. Rhys Davids nhấn mạnh rằng, mỗi một thành phần như vậy có lịch sử hay câu chuyện của riêng nó.

2. Cấu trúc đơn thuần của một câu chuyện tiền thân cổ xưa

Hình dạng cổ xưa nhất mà bất kỳ *Jātaka* nào cũng có một cách tự nhiên là hình dạng của câu chuyện ngụ ngôn hay dụ ngôn đơn giản và không có khung ngoại vi. Trường hợp *Chuyện con nai Nigrodha* trong hình dạng nguyên sơ sẽ không có đoạn (1) và (4), đồng thời cũng không có đoạn (3) tức phần kệ tụng.

Câu chuyện ngụ ngôn trong bài kinh *Kinh Con chim ưng* (*Sakuṇagghisutta*)[31] thuộc *Kinh Tương ưng bộ* được đơn cử như là một hình dạng gốc hay cổ xưa nhất của một *Jātaka*:

"Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút bị con chim ưng mái bắt, than khóc như sau:

– Như thế này, thật bất hạnh cho tôi! Thật thiếu công đức cho tôi! Vì rằng tôi đã đi vào chỗ không phải hành xứ của mình, đi vào cảnh giới của người khác. Nếu tôi đi trong chỗ hành xứ của tôi, trong cảnh giới của cha mẹ tôi, thời con chim ưng này không thể hơn tôi, nếu phải đánh nhau.

– Này chim cút, thế nào là chỗ hành xứ của ngươi, thế nào là cảnh giới của cha mẹ ngươi?

– Là vạt đất được lưỡi cày xới lên.

Rồi này các Tỷ-kheo, con chim ưng mái không có siết mạnh sức mạnh của mình, không có bóp chặt sức mạnh của mình, thả con chim cút rồi nói:

[30] Một bức phù điêu ở tháp Bharhut phác họa nhiều phân cảnh từ câu chuyện tiền thân này.

[31] Phiên bản trong *J.* II. 58, *Chuyện chim diều hâu* (*Sakuṇagghijātaka*), số §168.

– Hãy đi, này chim cút. Sau khi đi tại chỗ ấy, ta sẽ không thả ngươi.

Rồi này các Tỳ-kheo, con chim cút đi đến vạt đất được lưỡi cày xới lên, leo lên một hòn đất lớn, đứng trên ấy và nói với con chim ưng:

– Này, hãy đến ta, chim ưng! Này, hãy đến ta, chim ưng!

Rồi này các Tỳ-kheo, con chim ưng mái siết mạnh sức mạnh của mình, bóp chặt sức mạnh của mình, xếp cả hai cánh, thình lình vồ lấy con chim cút. Này các Tỳ-kheo, khi con chim cút biết được: "Con chim ưng này đang vồ mạnh xuống ta", liền nấp sau hòn đất ấy. Này các Tỳ-kheo, ở đây, con chim ưng bị bể ngực.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, đối với ai đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác. Do vậy, này các Tỳ-kheo, chớ có đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác. Này các Tỳ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác, thời Ác ma nắm được cơ hội, Ác ma nắm được đối tượng.

Này các Tỳ-kheo, chỗ nào không phải hành xứ của Tỳ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của người khác? Chính là năm dục công đức..."[32]

Câu chuyện ngụ ngôn ở trên với chức năng dẫn khởi để đi đến lời khuyên răn đạo đức là một câu chuyện đơn giản, chỉ có thành phần căn cốt mà thôi. Ở dạng này, câu chuyện không có khung ngoại vi (câu chuyện dẫn khởi ở đoạn 1 và phần nhận diện tiền thân để kết thúc ở đoạn 4 và cũng không có kệ tụng). Do vậy, đây chưa phải là một *Jātaka* chuẩn định.

Thế nhưng, một trong những yếu tố định hình một *Jātaka* chính là câu chuyện ngụ ngôn ấy, phần lớn là khớp với nhau từng lời từng chữ. Câu chuyện sau đó được trang hoàng bằng một khung ngoại vi gồm câu chuyện dẫn khởi và phần nhận diện tiền thân... Đâu là phiên bản cổ kính hơn không còn là câu hỏi. Câu chuyện tiền thân đã trích xuất từ *Kinh Con chim ưng*, bài kinh chứa căn cốt của câu chuyện *Jātaka* trong kho tàng *Chánh tạng* đã có từ trước.

Nói cách khác, trong nhiều trường hợp, những nhà phát triển truyền thống *Jātaka* đã chọn ra và sử dụng một cái lõi hay cái căn cốt dưới hình thức một dụ ngôn, một câu chuyện ngụ ngôn, hay một minh dụ có sẵn trong *Chánh tạng*; sau đó trang hoàng phần căn cốt ấy bằng một khung ngoại vi rồi đặt một khổ kệ tụng làm điểm nhấn và cũng là chủ đề của toàn bộ câu chuyện. Như vậy, một *Jātaka* mới được hình thành.

Đây không phải là trường hợp cá biệt. T. W. Rhys Davids đã liệt kê thêm 9 trường hợp khác.

Bảng 01:

[32] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Tương ưng bộ*, *Kinh Con chim ưng* (*Sakuṇagghisutta*), *TTTĐPGVN*, tập 3 (Hà Nội: Nxb. Hồng Đức, 2020), tr. 1106-7.

STT	Số	Dựa trên bản dịch của Fausböll	Đối chiếu với Chánh tạng PTS		Jātaka tiếng Việt
1	1.	*Apaṇṇakajātaka*	*Majjhima*	II. 342	*Chuyện không lỗi lầm*
2	9.	*Makhādevajātaka*	*Majjhima*	II. 75	*Chuyện Vua Makhādeva*
3	10.	*Sukhavihārijātaka*	*Vinaya*	II. 183	*Chuyện Trưởng lão Sukhavihāri*
4	37.	*Tittirajātaka*	*Vinaya*	II. 161	*Chuyện con chim trĩ*
5	91.	*Littajātaka*	*Dīgha*	II. 348	*Chuyện đã được thoa*
6	95.	*Mahāsudassanajātaka*	*Dīgha*	II. 169	*Chuyện Vua Đại Thiện Kiến*
7	203.	*Khandhajātaka*	*Vinaya*	III. 1095	*Chuyện tu tập từ tâm*
8	253.	*Maṇikaṇṭhajātaka*	*Vinaya*	III. 145	*Chuyện vua rắn Maṇikaṇṭha*
9	405.	*Bakabrahmajātaka*	*Majjhima*	I. 328	*Chuyện Phạm thiên Baka*
			Saṃyutta	I. 142	

Những nhân vật chính diện trong *Chuyện Vua Makhādeva* (số §9) và *Chuyện Vua Đại Thiện Kiến* (số §95) đã có sẵn trong những bản kinh xưa hơn[33] và được nhận diện là tiền thân của đức Phật ở cuối câu chuyện. Một số trường hợp như *Chuyện đã được thoa* (số §91) và *Chuyện Phạm thiên Baka* (số §405), phần kệ tụng cũng đã có sẵn. Những câu chuyện tiền thân còn lại trong bảng danh sách trên đều thiếu cả phần kệ tụng lẫn phần nhận diện tiền thân.

Ở trên là những trường hợp dựa vào kinh điển cổ kính hơn để có phần căn cốt rồi gia công thêm phần khung và phần kệ. Kết quả là một chuyện tiền thân hoàn chỉnh với đầy đủ những thành phần thiết yếu. Nói cách khác, những nhà phát triển *Jātaka* đã khai thác nguồn tư liệu xưa hơn, phát hiện những chuyện tiền thân chưa hoàn chỉnh, làm cho hoàn chỉnh và đưa vào tập *Jātaka*.

Kế đến là những trường hợp gần như ngược lại, trong nguồn tư liệu cổ kính đã có sẵn những chuyện tiền thân hoàn chỉnh và đã có đầy đủ các thành phần. Thế nhưng những nhà phát triển *Jātaka* vì lý do nào đó lại không đưa vào tập *Jātaka*. Điều thú vị là trước khi có một bộ chuyện được đặt tên là *Jātaka*, những câu chuyện trong trường hợp trên đã có tên là *Jātaka*. Kho tàng kinh điển nhà Phật từ xưa đã được xếp thành 12 thể loại, xưa hơn nữa xếp thành 9 thể loại. Cách phân chia thành 9 thể loại được ghi lại trong *Trung bộ*, *Tăng chi bộ* và *Luật tạng*.[34] Trong cả hai trường hợp đều có thể loại tên là *Bổn sanh* (Tiền thân). Thể loại này bao gồm những đoạn kinh kể về những chuyện xa xưa ở kiếp trước, những đoạn kinh ấy phải có trước rồi sự phân chia thể loại mới có sau. Như vậy, thể loại *Bổn sanh* không phải chỉ cho tập *Chuyện Tiền thân*, đơn giản là vì tập *Jātaka* chưa có mặt. Điều quan trọng chúng ta cần ghi nhận, không có trường

[33] *D.* 17, *Kinh Đại Thiện Kiến vương* (*Mahāsudassanasutta*); *M.* 83, *Kinh Makhādeva* (*Makhādevasutta*).
[34] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 196ff.

hợp nào thuộc về thể loại *Bổn sanh* mà tiền thân của đức Phật được nhận diện là một con thú. Tiền thân của đức Phật chỉ được nhận diện là những vị Thánh trí, những vị Đạo sư trong kiếp trước. Đó là ý niệm mà từ vựng *Jātaka* thời nguyên sơ chuyển tải. Những điều mà chúng ta thấy trong tập chuyện *Jātaka* ngày nay đều nằm trong sự phát triển của giai đoạn sau này.

Hai sự thật quan trọng mà chúng ta có thể nhận ra khi ý thức được sự có mặt của những chuyện tiền thân nguyên sơ thuộc thể loại *Bổn sanh*. Một, những chuyện tiền thân nguyên sơ ấy hầu hết đều không có khung ngoại vi và không có kệ tụng, hoàn toàn bằng văn xuôi như những câu chuyện thần tiên,[35] thần thoại,[36] thần tích.[37] Hai, tập chuyện tiền thân mà chúng ta đang có chỉ là một phần được bảo tồn, không phải là tất cả những chuyện tiền thân đang lưu hành trong cộng động Phật giáo thuở xa xưa ấy.

III. DẤU VẾT CỦA NIÊN ĐẠI TRONG VĂN THỂ VÀ DỮ LIỆU LỊCH SỬ

1. *Jātaka* trong phiên bản kệ tụng

Ở vạch xuất phát, *Jātaka* xuất hiện trong thể văn nào, thể văn xuôi hay thể kệ tụng, và sau đó tiến triển ra sao vẫn là một câu hỏi khó có câu trả lời thuyết phục. Câu trả lời của Maurice Winternitz được xem khá có thẩm quyền, cho rằng:[38] "Phần văn xuôi không thể được xem là xa xưa và nguyên gốc khi so với phần kệ tụng. Điều này trở nên hiển nhiên khi phần văn xuôi được dịch từ tiếng Pāli sang tiếng Sinhalese (Tích Lan), sau đó lại được dịch ngược trở lại từ tiếng Sinhalese về tiếng Pāli; chưa kể trong quá trình dịch xuôi và dịch ngược như vậy đã xảy ra nhiều cải biến, thêm thắt, thậm chí là biên tập thành một phiên bản hoàn toàn mới. Trong nhiều trường hợp, phần văn xuôi bộc lộ cho chúng ta thấy sự không đồng nhất về phương diện văn chương, rất tuyệt trong những câu chuyện ngụ ngôn hay chuyện thần tiên ngắn và rất nhạt trong những trường hợp mà phần văn xuôi tỏ ra không cần thiết."[39] Thậm chí có những phần văn xuôi được biên soạn và thêm vào khá trễ sau này, trong đó có nhiều dẫn chiếu đến Tích Lan.

Hai phần văn xuôi và kệ tụng đôi khi như là bất nhất với nhau, cụ thể là trường hợp *Chuyện con mèo* (số §128), phần kệ tụng gọi là mèo, phần văn xuôi gọi là chó rừng. Tuy nhiên, chúng ta có thể hiểu ở một cách khác là cách diễn đạt của thời cổ mượn việc A để nói việc B, vì tính mưu mẹo, lường gạt kẻ khác xem như là thói của con mèo. Ngôn ngữ được sử dụng trong phần kệ tụng là dạng ngôn ngữ cổ xưa hơn so với ngôn ngữ trong phần văn xuôi. Điều này thêm xác quyết khi cho rằng phần kệ tụng của *Jātaka* được giữ nguyên từ thời khởi

[35] Câu chuyện đạo lý cổ xưa với đặc điểm là những con vật có những phẩm chất như con người.

[36] Câu chuyện đạo lý cổ xưa với đặc điểm là những con người có những phẩm chất siêu phàm.

[37] Câu chuyện đạo lý cổ xưa với đặc điểm là những con người có thật trong lịch sử được thần thánh hóa.

[38] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 115.

[39] *Sđd.* tr. 116.

phát, không phải trải qua hai lần dịch xuôi và ngược như phần văn xuôi.

Tiểu kết: Phần kệ tụng xa xưa hơn, xuất hiện trước và có mặt trong *Chánh tạng* trước. Chỉ có phần kệ tụng được chọn ghi chép vào *Chánh tạng* phiên bản đầu tiên, còn phần xuôi thì không. Lý do được nêu lên là vì phần kệ tụng đã được xác định như vậy, vững chắc và ổn định, cứ như vậy được viết xuống, trong khi phần văn xuôi bất định hơn. Nói cách khác, sở dĩ phần văn xuôi bất định hơn vì tùy vào phong cách thuyết giảng và vốn sống của từng vị giảng sư khác nhau, hình thành nên kỹ năng kể chuyện khác nhau, mạch lạc dẫn dắt câu chuyện khác nhau, thậm chí thay đổi, thêm hoặc bớt những chi tiết trong câu chuyện. Trái lại, như là một truyền thống cố định, khi kể chuyện gặp những đoạn kệ tụng, các vị giảng sư thường có ý hướng giữ gìn chính xác từng câu, từng chữ và ngâm nga lại những câu chữ ấy, thậm chí với những làn điệu trầm bổng như nhau. Vì vậy, phần kệ tụng có được sự thống nhất, tính đồng thuận cao nhất và được đưa vào *Chánh tạng* ngay từ đầu. Phần văn xuôi không được như vậy vì bị tùy thuộc nơi ý hướng và cảm xúc thường là rất khác nhau của từng vị giảng sư khi thuyết giảng.

2. *Jātaka* trong phiên bản kệ tụng và văn xuôi

Mặc dù bản *Chánh tạng* đầu tiên của *Jātaka* chỉ có phần kệ tụng nhưng điều này không có nghĩa là những câu chuyện tiền thân ở thời nguyên sơ có mặt trong Kinh tạng và Luật tạng hay trong nền văn hóa dân gian chỉ có kệ tụng. Cần phải nhận thức rằng thuở nguyên sơ ấy, *Jātaka* là những câu chuyện vừa có văn xuôi vừa có kệ tụng đan xen vào nhau. Đó là thể thức phổ quát và được ưa chuộng trong nền văn học Ấn Độ, là nền tảng mà trên đó nền văn học Phật giáo hình thành và phát triển. Người Ấn Độ thời cổ đại khi kể chuyện bằng văn xuôi, thỉnh thoảng đệm vào những câu kệ làm cho câu chuyện thêm sống động và dậy men cảm khái nơi người nghe. Những câu kệ ấy có khi là một tiểu kết ngắn gọn cho những nội dung đã diễn đạt, có khi là một bài học đạo lý rõ ràng và súc tích. Mặt khác, khi muốn ngâm nga một câu kệ, người xưa sẽ sử dụng câu văn xuôi để mào đầu như một kỹ thuật trần thiết khung cảnh trước, hay như một dạng tiền trạm rồi mới đưa những câu kệ vào.

Ananda Salgadu Kulasuriya[40] đã kết luận rằng mặc dầu mối quan hệ giữa phần văn xuôi và phần kệ tụng có mức độ chưa rõ ràng nhưng chúng ta đừng quên rằng phần kệ tụng cổ điển hơn và quan trọng hơn so với phần văn xuôi ở chỗ phần kệ tụng đặt nền móng cho một *Jātaka* và là một thành phần thiết yếu của câu chuyện.

3. Phân loại chi tiết các nhóm câu chuyện tiền thân

Ông Ananda Salgadu Kulasuriya cũng cố gắng làm rõ hơn mối tương quan của hai thể loại văn xuôi và kệ tụng thông qua việc xếp *Jātaka* thành những

[40] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 10.

nhóm khác nhau như sau:

1. Nhóm *Jātaka* là những câu chuyện văn xuôi với một hoặc hai khổ kệ, hoặc nhiều hơn, được dùng để chuyển tải bài học đạo lý hay nêu lên đại ý của câu chuyện. Nhóm này giữ gìn ở nhiều mức độ nội dung của câu chuyện xa xưa.

2. Nhóm *Jātaka* là một thể thơ ca tên là *campu*,[41] với mạch lạc của câu chuyện được kể khi thì bằng văn xuôi khi thì bằng kệ tụng. Nhóm này chuyển tải một nguyên bản văn xuôi đầu nguồn.

3. Nhóm *Jātaka* trong phiên bản ngọn nguồn xa xưa chỉ gồm có phần kệ tụng. Dạng này lại được chia thành những chùm nhỏ hơn:

a) Chùm kịch thơ theo thể thức đối thoại bằng kệ tụng.

b) Chùm kịch thơ gồm hai thể thức kệ tụng kết hợp với nhau: Kệ tụng dẫn chuyện và kệ tụng đối thoại.

c) Chùm những thiên trường ca hay những phân đoạn của thiên trường ca.

d) Chùm những câu nói đạo lý xâu kết lại theo một chủ đề nào đó.

Trong tất cả trường hợp này, phần văn xuôi chỉ là diễn giải.

4. Vết tích của Bà-la-môn giáo trong *Jātaka*

Ngoài những điều trên, T. W. Rhys David đã đi thêm một mức và gợi ý rằng, nhân vật của 10 *Jātaka* như đã đề cập trong bản 01 vốn đã có mặt từ trước trong hình dạng nguyên sơ đã cho chúng ta thấy vết tích của lịch sử thuộc thời kỳ tiền Phật giáo. Trong 10 câu chuyện không có chứa điều gì đặc nét Phật giáo, không có nhân vật nào là thuần túy Phật giáo, ngay cả đạo lý mà 10 câu chuyện này chuyển tải cũng là đạo lý Ấn Độ, tất cả đều được cải biến để ít nhiều phù hợp với đạo đức nhà Phật.[42] Ngay cả câu chuyện của Vua Đại Thiện Kiến, mạch chính vẫn là một thần thoại của Ấn Độ về tín ngưỡng thờ mặt trời. Chín câu chuyện còn lại đều nằm trong kho tàng chuyện kể dân gian Ấn Độ. Chuyện dân gian đầy những yếu tố mê tín dị đoan. Phật giáo loại bỏ những yếu tố ấy. Thế thì dấu ấn Phật giáo nằm ở đâu? Câu trả lời là nằm ở cách lựa chọn, nằm ở sự cải biến. Như đã nói, sau khi chọn lựa, những nhà phát triển *Jātaka* cũng ra sức gia công để nâng cấp câu chuyện về cả hình thức văn chương lẫn nội dung tư tưởng.

5. *Jātaka* trong các bức điêu khắc bằng sa thạch

Nhìn vào một bức điêu khắc chứa nhiều phân cảnh của một chuyện tiền thân, đối với một người chưa từng biết qua câu chuyện bằng văn xuôi, T. W. Rhys Davids cho rằng người ấy hoàn toàn không thể hiểu nổi. Trường hợp ngoại lệ là một bức phù điêu không còn nguyên vẹn có khắc dòng chữ: "*Yaṃ*

---

[41] *Campu* là tiếng Sanskrit dùng để chỉ cho một thể loại thơ ca. Xem G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 19.

[42] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 197.

bāmaṇo avāyesi Jātaka."[43] Đây là những chữ khởi đầu trong bài kệ của câu chuyện tiền thân *Chuyện cô gái trên lầu bảy tầng*, số §62.

Tên gọi của một câu chuyện tiền thân cũng có những biến đổi. Từ năm 1880, T. W. Rhys Davids cho rằng cùng là một chuyện tiền thân nhưng được gọi bằng một tên khác khi nằm trong tập chuyện *Jātaka* chuẩn định. Ngay cả trường hợp của những bức phù điêu vô cùng xa xưa, có khi cũng điêu khắc hai tên gọi khác nhau cho cùng một câu chuyện. Một mẫu điêu khắc minh họa cho câu chuyện thần tiên về con mèo và con gà. Câu chuyện này được gọi cả hai tên trong tiếng Pāli: "*Chuyện Tiền thân con mèo*" và "*Chuyện Tiền thân con gà trống*."[44] Lý do tại sao một câu chuyện tiền thân có thể có nhiều tên cũng đơn giản. Trường hợp của câu chuyện tiền thân kể về con sư tử và con chó rừng[45] để chỉ cho sự ưu thắng của một đức tính tốt, câu chuyện cần có một tên gọi ngắn và được gọi là "*Chuyện Tiền thân sư tử*" hay được gọi bằng một tên khác là "*Chuyện Tiền thân chó rừng*", thậm chí cũng được gọi bằng một tên khác nữa là "*Chuyện Tiền thân về đức tính tốt.*" Khi câu chuyện tiền thân kể về một con rùa để chuyển tải đạo lý hậu quả của thói lắm lời,[46] câu chuyện ấy được gọi tên là "*Chuyện Tiền thân của kẻ huyên thuyên*", hoặc còn được gọi bằng tên "*Chuyện Tiền thân con rùa.*" Thế là chỉ có một câu chuyện mà có đến hai tên gọi khác nhau. Nhận thức thông thường cho chúng ta biết rằng rất khó nếu không nói là không thể trong một khoảnh khắc mà đặt định được một tên gọi nêu bật được đạo lý và hành vi của nhân vật khiến cho đạo lý ấy được chuyển tải. Như vậy, những tên gọi khác nhau được đặt định và chúng có thể hoán đổi cho nhau. Cũng không có gì ngạc nhiên khi chúng ta thấy trường hợp những từ vựng trọng yếu của phần kệ tụng được sử dụng làm tựa hay tên gọi cho câu chuyện *Jātaka*. May mắn lớn nhất vẫn là việc những từ trọng yếu ấy vẫn còn hiện hữu trên đời dưới dạng những dòng chữ khắc trên đá ở thế kỷ III TTL.

6. Giả thuyết về *Jātaka* được đưa vào *Chánh tạng* và tác giả

Một điều nữa cần được quan tâm là phiên bản gốc hay bản đầu nguồn của tập *Jātaka* khi được đưa vào *Chánh tạng* như thế nào. Bản gốc ấy[47] rất hiếm hoi, hiếm hoi ngay cả dưới dạng bản cảo nguyên sơ chưa biên tập. Vô cùng thú vị là việc khám phá ra được tập *Jātaka* phiên bản tinh tuyền, và chúng ta hãy xem trong phiên bản ấy có nói gì về tên gọi hay tựa đề của *Jātaka* hay không, có chứa dị bản nào của phần kệ tụng hay không.

---

[43] Pāli của ấn bản CST: "*Yaṃ brāmaṇo avādesi Jātaka.*"

[44] Theo ấn bản Tam tạng của chúng ta đang thực hiện, chỉ có *Chuyện con mèo (Biḷārajātaka)*, số §128. Xem *J.* I. 460. Rất có thể "*Chuyện Tiền thân con gà trống*" xuất hiện trên các bản điêu khắc.

[45] *J.* II. 23, *Chuyện công đức* (*Guṇajātaka*), số §157; T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 199.

[46] *J.* II. 175, *Chuyện con rùa* (*Kacchapajātaka*), số §215.

[47] Tập *Jātaka* thuộc Thánh điển ấy trong phiên bản tinh tuyền đến độ chỉ chứa kệ tụng, vì vậy mà người đọc hay người nghe không thể hiểu được khi thiếu phần chú giải hay diễn giải.

Phiên bản của tập *Jātaka* nổi tiếng do Giáo sư Fausböll biên tập, cung cấp cho chúng ta phần chú giải nhưng không cho biết về niên đại. Điều mà chúng ta biết là trước thế kỷ V, không hề có dạng chú giải viết xuống dưới dạng kinh văn như vậy, tất cả đều ở dưới dạng truyền khẩu.[48]

Phần chú giải này có thể có cùng niên đại, tức là vào thế kỷ V. Người biên soạn đã tự giới thiệu một chút về bản thân trong dòng kệ tụng khởi đầu nhưng vẫn không giới thiệu đạo hiệu hay danh tánh. Thay vì nói tên của mình, người biên soạn ấy đã nói tên ba người thúc đẩy ông dấn thân vào công trình biên soạn, và nói thêm rằng công việc này kế tục theo truyền thống *Jātaka*, một truyền thống thế thế truyền thừa trong sơn môn Đại tu viện của xứ Anuradhapura (Tích Lan). Trong 7 tập lớn của công trình này, người biên soạn đã hai lần gián tiếp nhắc đến những vị học giả Tích Lan thuộc thế kỷ II.[49] Mặc dầu người biên soạn nhắc tên như vậy trong mục ghi chú nhưng như thế là đã khá đủ cho chúng ta đi đến kết luận rằng công trình này được thực hiện ở Tích Lan. Giáo sư Childers nghĩ rằng người biên soạn chính là Ngài Buddhaghosa, một tác gia nổi tiếng của nhiều công trình chú giải khác.[50]

7. Bối cảnh văn hóa, tôn giáo, chính trị thời tiền Phật giáo tại Ấn Độ trong *Jātaka*

Liên quan đến niên đại của tập *Chú giải*, của bối cảnh cuộc sống mà tập *Chú giải* phản ánh, của phần kệ tụng và phần văn xuôi… có nhiều học giả hàng đầu bàn đến như Lüders, Fick và Hofrath Bühler. Quan điểm của Hofrath Bühler được xem là có thẩm quyền và công tâm nhất, cho rằng:

"Điều chủ yếu cần nghĩ tới là khi vay mượn (cốt chuyện) như vậy những nhà Sư Phật giáo có cải biến nhiều không? Đặc biệt, những miêu tả về cuộc sống mà tập *Jātaka* chứa đựng có được canh tân cho khớp với thời đại khi mà Phật giáo đã trở thành một lực lượng ở Ấn Độ hay không? Câu trả lời chỉ có thể là: Có rất ít dấu vết Phật giáo trong những câu chuyện vay mượn ấy và tập *Jātaka* không miêu tả bối cảnh đời sống ở Ấn Độ trong thế kỷ III-IV TTL mà là bối cảnh đời sống xa xưa hơn nữa."[51]

Hofrath Bühler nêu lý do:

"Những miêu tả về bối cảnh chính trị, tôn giáo và xã hội ấy rõ ràng là dẫn chiếu tới một thời xa xưa trước khi những vương triều lớn phía Đông trỗi dậy như vương triều Nanda và vương triều Maurya, khi mà Pāṭaliputra đã trở thành thủ đô của Ấn Độ. Những *Jātaka* không đề cập đến vương triều này cũng không

---

[48] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 200-01.

[49] T. W. Rhys Davids đã bàn thảo về chi tiết thú vị này năm 1902 trong một bài viết nhan đề: "Người cuối cùng xuất gia" (*The Last to Go Forth*) đăng trong *JRAS*, vol. 33, kỳ 4/10 năm 1901.

[50] T. W. Rhys Davids không nghĩ như Giáo sư Childers. Xem T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 201.

[51] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 202.

đề cập đến vương triều kia và không nhận thức gì về những vương quốc lớn phủ trùm toàn bộ hay phủ trùm những khu vực mênh mông của Ấn Độ. Số lượng đáng kể là những vương quốc mà nhà vua xuất hiện trong những câu chuyện tiền thân, cụ thể là Madra, Pancala, Kosala, Videha, Kasi và Vidarbha. Những vương quốc ấy lại khớp với những vương quốc mà nền văn học Vệ-đà đề cập đến. Trong khi đó, một số những vương quốc khác như Kalinga và Assaka đã được đề cập sớm nhất bởi những Thiên trường ca (*Epics*) và trong những bài kinh *Pāṇini* thuộc nền văn học Bà-la-môn. Những cái tên đặc biệt như Andhra, Pāṇḍya và Kerala lại không thấy được đề cập đến.

Mặc dầu đọc trong *Jātaka*, chúng ta không thấy một trung tâm chính trị nhưng có những câu nói liên quan đến việc giáo huấn dành cho những thanh niên Bà-la-môn và những người cao quý. Việc giáo huấn này cho chúng ta thấy rằng có một trung tâm học thuật ở Takkasilā, thủ đô của xứ Gandhāra… Hơn nữa, hầu như chắc chắn rằng Gandhāra, quê quán của *Pāṇini*, là một trung tâm học thuật vững mạnh của Bà-la-môn giáo vào thế kỷ IV-V TTL, thậm chí là xa xưa hơn nữa. Những câu nói trong *Jātaka* có liên quan đến bối cảnh tôn giáo của Ấn Độ dẫn chiếu tới một thời kỳ xa xưa như vậy. Cũng giống như ba tập Vệ-đà là căn bản cho giáo dục cao cấp, hoạt động tâm linh thịnh hành thời bấy giờ là con đường của lễ nghi và tế tự. Hai dạng tế lễ nổi tiếng là Vājapeya và Rājasūrya đặc biệt được *Jātaka* nhắc đến nhiều lần. Song song với giáo dục và lễ nghi là những lễ hội dân gian ăn mừng thời khắc Nakshatra[52] được công bố. Tưng bừng rộn rã với những cuộc vui chơi đủ kiểu, những cuộc chè chén say sưa với rượu mạnh *surah*. Ở một mảng sinh hoạt khác, người có tín tâm thì đi lễ bái các vị thần, thần cây, thần núi… Đậm chất tâm linh siêu phóng là hình bóng của những vị ẩn sĩ, du sĩ rày đây mai đó. Tất cả đều thuộc về thời kỳ ban sơ với những nét đặc trưng cổ đại. Nền văn minh mà *Jātaka* phản ánh mang tính giai đoạn sơ kỳ về nhiều phương diện, đáng chú ý là độ phổ biến của kiến trúc gỗ. Chỉ dấu từ những bức phù điêu bằng đá cho biết rằng kiến trúc gỗ không còn thịnh hành và hầu như biến mất vào thế kỷ III TTL. Thế mà những hoàng cung trong các câu chuyện tiền thân khi được miêu tả chi tiết thường cho chúng ta biết đấy là những kiến trúc làm bằng gỗ. Như vậy là đủ để chúng ta thấy độ xa xưa của những câu chuyện."

Trong bài tựa của tập *Jātaka* cuối cùng, bản thân Giáo sư Fausböll cũng đã cho chúng ta thấy điều này. Ngoài ra còn có sự đồng thuận của những học giả hàng đầu khác nên chúng ta đủ cơ sở khoa học để xác lập độ cổ kính được phản ánh trong truyền thống *Jātaka*. Mặt khác, dựa trên những kệ ngôn trong *Jātaka*, chúng ta có thể lọc ra được những thông tin để làm sử liệu cho một giai đoạn hay một thời kỳ trong trường thiên lịch sử Ấn Độ. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng việc đưa vào và lưu giữ *Jātaka* trong *Chánh tạng* xứng đáng nhận một lời

[52] Một dạng thiên văn học của Ấn Độ cổ đại. Xem T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 203.

cảm ơn từ chuyên ngành lịch sử Ấn Độ. Truyền thống *Jātaka* đã bảo tồn thông tin về xã hội và chính trị theo ánh nhìn của những người thuộc thế hệ xa xưa hơn. Phần kệ tụng trong *Jātaka*, dĩ nhiên, có độ khả tín cao nhất, dụng ngữ của nó thuộc về thời kỳ xưa hơn vài ba thế kỷ về trước. Phần văn xuôi từ trước đến nay hẳn là phần đồng hành xuyên suốt với phần kệ tụng[53] và được các bức phù điêu minh họa như thể đó là chuyện đương nhiên. Chúng ta cần nhìn nhận giá trị của phần văn xuôi ấy một cách tương xứng.

8. Các giai kỳ biên tập *Jātaka*

Chúng ta đã ghi nhận một vài điều về niên đại sớm hay muộn của những câu chuyện *Jātaka* khi so sánh với nhau và thấy rằng có hai giai đoạn riêng biệt trong tiến trình hình thành truyền thống *Jātaka*. Toàn bộ những câu chuyện dài, có trường hợp dài như một quyển tiểu thuyết ngắn của thời hiện đại, đều được xếp vào trong tập VI của phiên bản Fausböll tiếng Pāli. Những câu chuyện dài này thuộc về giai đoạn phát triển hậu kỳ thể hiện trong phương diện dụng ngữ cũng như trong ánh nhìn của chúng về bối cảnh đời sống của Ấn Độ cổ đại. Tập VI có niên đại trễ hơn so với 5 tập đầu. Tuy có niên đại trễ hơn và trễ nhất so với tổng thể nhưng một số câu chuyện tiền thân cũng đã kịp có mặt trong những bức phù điêu của thế kỷ III TTL. Niên đại ấy là niên đại của cả hai phần, kệ tụng và văn xuôi, bởi vì những bức phù điêu cũng đã dẫn chiếu đến phần văn xuôi của câu chuyện.

Ở một giai đoạn xa xưa hơn trước đó, chúng ta có thể kết luận rằng một số câu chuyện khi được đưa vào Phật giáo[54] thì bản thân chúng lúc ấy vốn đã là câu chuyện xa xưa lắm rồi. Như đã nói ở trên, niên đại của một số trường hợp có thể truy ngược thời gian về giai đoạn tập *Jātaka* chưa có mặt. Số trường hợp ấy chiếm đến 60-70%, chúng còn ở trong hình dạng đơn thuần và chưa có phần kệ tụng đi kèm theo. Ngày nay trong tập *Jātaka* mà chúng ta hiện có, vẫn còn một số lượng đáng kể những câu chuyện đơn thuần như vậy. Dạng kệ tụng[55] mà chúng ta thấy xuất hiện trong những trường hợp này chỉ là phần kệ tụng của khung ngoại vi.[56] Một dạng kệ tụng nữa[57] xuất hiện trong những trường hợp khác thực chất chỉ là một đoạn hợp xướng hay một đoạn ca tụng được đặt vào miệng của một vị thiên. Từ những điều trên T. W. Rhys Davids đi đến kết luận rằng những câu chuyện ấy đã có sẵn trước và trong tình trạng đơn sơ đơn tuyến không có kệ tụng đi theo. Sau đó, những nhà phát triển *Jātaka* đưa chúng vào khung chuẩn của một *Jātaka* kiểu mẫu thông qua việc thêm vào phần kệ

[53] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 204.

[54] Dĩ nhiên là không thể nào trễ hơn thế kỷ III TTL.

[55] Cần ghi nhận rằng khung ngoại vi như đã nói chỉ là công cụ thiết yếu trong tay của những nhà phát triển truyền thống *Jātaka* dùng để trang hoàng cho một câu chuyện xưa rồi dựa theo đó mà đưa câu chuyện vào truyền thống Phật giáo.

[56] M. Senart đã đề cập điều này trong bài viết của ông đăng trên *Journal Asiatique* (France: Paris Publisher, 1902).

[57] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 205.

tụng. Vì vậy, những câu chuyện ấy không chỉ thuộc về thời kỳ tiền Phật giáo mà chúng còn là di sản văn hóa được kế thừa từ những thời kỳ rất xa xưa, có thể nói là quá khứ của quá khứ.

Mặt khác, chúng ta cũng thấy rằng chính phương thức có tính tập tục được sử dụng trong việc truyền tải những câu chuyện hay những thần tích từ thế hệ tiền hiền xuống thế hệ hậu bối cũng là phương thức của thời tiền Phật giáo. Phật giáo dựa trên phương thức ấy mà truyền thừa di sản *Jātaka*, đó là những mạch chuyện truyền miệng bằng thể loại văn xuôi, chỉ có phần hội thoại bằng thể loại văn vần hay kệ tụng. Nói cách khác, di sản tập chuyện *Jātaka* chỉ là một thí dụ nữa tuy mang tầm vóc lớn hơn của hình thái tiền trường ca (*pre-epic*) văn vần thuộc một nền văn học cổ đại. Trong nền văn học ấy, có rất nhiều mảnh di sản khác ngắn hơn được lưu giữ trong kinh văn thuộc giai kỳ sớm hơn trong *Chánh tạng*.[58]

9. Đúc kết của đại học giả Rhys Davids về *Jātaka*

T. W. Rhys Davids tóm tắt những điều ông nói về *Jātaka* trong 15 điều:

(1) Tập *Jātaka* trong Thánh điển chỉ thuần là kệ tụng được biên soạn trước thời Asoka ở Bắc Ấn tại Madhyadesa. Tập *Jātaka* này vẫn chưa xuất bản.

(2) Chắc chắn rằng tập *Jātaka* thuần kệ tụng ngay từ đầu đã được truyền thừa song song với tập *Chú giải*. Tập *Chú giải* ấy chủ yếu là gồm những câu chuyện truyền khẩu bằng văn xuôi. Sở dĩ như vậy là bởi vì nếu không có những câu chuyện đi kèm theo, người ta không thể hiểu được những câu kệ tụng.

(3) Một số những câu chuyện trên đã được những bức phù điêu của thế kỷ III TTL minh họa. Không những vậy, một trong những bức phù điêu ấy còn ghi lại phân nửa của một khổ kệ.

(4) Có những câu chuyện tiền thân nằm trong Thánh điển, chúng xa xưa hơn những câu chuyện tiền thân nằm trong tập *Jātaka*.

(5) Những câu chuyện tiền thân xưa nhất còn giữ được là những dụ ngôn, những ngụ ngôn, hay những thần tích; chúng thường không có khung ngoại vi và cũng không có kệ tụng.

(6) Tập *Jātaka* mà chúng ta đang có không phải là tập *Chánh tạng Jātaka* mà là tập *Chú giải Jātaka*; tập *Chú giải* này hẳn là đã được viết xuống vào thế kỷ V ở Tích Lan, tác giả khiếm danh.

(7) Tập *Chú giải* này gồm tất cả những khổ kệ tụng và những câu chuyện bằng văn xuôi với những khổ kệ tụng được đan xen vào. Mỗi một câu chuyện như vậy được thêm vào một khung ngoại vi gồm một đoạn giới thiệu (cho biết thời gian, địa điểm và nhân duyên đức Phật kể lại) và một đoạn nhận diện tiền thân (nhân vật trong các câu chuyện được nhận diện là đức Phật và những người đồng đại với Ngài trong kiếp trước).

---

[58] *Sđd*, tr. 206.

(8) Tập *Chú giải* này là một bản dịch sang tiếng Pāli từ một tập *Chú giải* truyền thừa ở Tích Lan. Bản gốc của tập *Chú giải* trong tiếng Sinhalese (Tích Lan) trừ những khổ kệ tiếng Pāli và đã bị thất lạc.

(9) Những câu chuyện trong tập *Chú giải* tiếng Pāli mà chúng ta đang có đã giữ trọn vẹn truyền thống *Jātaka* của thế kỷ III TTL. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp vẫn có những cải biến đã bị phát hiện.

(10) Khi gián tiếp đụng chạm đến tình hình chính trị xã hội, hầu hết những câu chuyện tiền thân ấy đều dẫn chiếu tới tình hình ở Bắc Ấn Độ thời Phật và trước thời Phật.

(11) Khi tập *Jātaka* gốc đang trong quá trình tiệm tiến định hình, hầu hết những câu chuyện được khai thác nguyên dạng từ kho tàng văn học dân gian Bắc Ấn Độ.

(12) Việc xác định niên đại tương đối của những câu chuyện thời ấy phần nào đã tiến triển. Những câu chuyện trong tập VI là những câu chuyện dài nhất và trễ nhất. Trong đó, một số câu chuyện đã được chọn ra để minh họa bằng những bức phù điêu của thế kỷ III TTL.

(13) Tất cả những câu chuyện tiền thân ấy đều có kèm theo kệ tụng. Trong một vài trường hợp, những khổ kệ tụng nằm trong khung ngoại vi mà không nằm trong bản thân câu chuyện. Những câu chuyện không có kệ tụng ấy có lẽ đã giữ lại hình dạng gốc [của nó] trong kho tàng chuyện dân gian Ấn Độ.

(14) Trong một số trường hợp, những khổ kệ tụng mặc dầu thuộc về câu chuyện lại chỉ là một dạng đồng ca, không tham gia vào làm một phần của mạch chuyện. Trong những trường hợp này, chúng ta có thể đi đến kết luận tương tự [như kết luận ở (13)].

(15) Tập *Jātaka* này là bộ sưu tập cổ xưa nhất, hoàn chỉnh nhất, đáng tin cậy nhất của kho tàng chuyện cổ tích dân gian mà chúng ta còn giữ được trong nền văn học thế giới.[59]

IV. GIAO THOA, TIẾP BIẾN VỚI CÁC NỀN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY

1. Ảnh hưởng của các nhà hoằng pháp Phật giáo đối với *Jātaka*

Trải qua dòng lịch sử của gần một ngàn năm khởi phát và truyền thừa, bổ sung và chuẩn hóa ngang qua nhiều địa tầng văn hóa, văn học truyền khẩu và văn chương bác học của những nền văn minh Đông Tây tạo cho *Jātaka* có diện mạo mà chúng ta thấy hôm nay, đa dạng về thể loại, phong phú đến kinh ngạc về nội dung. *Jātaka* chứa đựng nhiều nội dung đậm đà bản sắc Phật giáo, có khi nhạt hơn, thậm chí có khi thiếu hẳn. Câu hỏi đặt ra: Tại sao phong phú, đa dạng và có sắc thái Phật giáo ở những mức độ cao thấp không đều như vậy? Câu trả lời là Phật giáo truyền đến đâu sẽ dung hòa hay dung nhiếp những yếu

[59] *Sđd*, tr. 206-08.

tố văn hóa ở đó. Thần thánh của những địa phương xa lạ cũng được cải biên để trở thành các vị thần hộ pháp; những câu chuyện dân gian của các xứ sở xa xôi cũng được cải biên để trở thành những câu chuyện Phật giáo. Đó là điều không hề hiếm thấy trong nhãn quan của các học giả chuyên ngành đã từng nỗ lực soi rọi vào những lớp trầm tích văn hóa cổ xưa.

Những nhà hoằng pháp Phật giáo thường có nguồn gốc xuất thân từ nhiều môi trường văn hóa khác nhau, thậm chí từ những tôn giáo khác nhau, đông đảo nhất là những vị trước kia là Bà-la-môn, gia chủ. Trước khi xuất gia, những nhà hoằng pháp Phật giáo đã sống trong những khung cảnh khác nhau, hoạt động ở những giai tầng xã hội khác nhau, làm việc mưu sinh trong những đoàn thể, ngành nghề, chức nghiệp khác nhau. Trong phạm vi của mỗi cộng đồng như vậy lại riêng có những cụm câu chuyện mang phong vị riêng trong giới của mình. Sau khi gia nhập vào hàng ngũ Tăng-già, tham gia hoạt động hoằng pháp, những vị ấy vẫn còn mang theo trong lòng những câu chuyện, điển tích, những nét văn hóa và kể lại sau khi đã tẩm sắc thái Phật giáo vào những câu chuyện ấy, nổi trội nhất là hạnh bố thí. Nói cách khác, khi giảng thuyết, những vị ấy thường cố gắng tiếp tục vận dụng những câu chuyện đã từng biết để minh họa cho ý pháp, làm cho bài thuyết giảng thực tế hơn, sống động và sâu sắc hơn. Lâu dần, những câu chuyện ấy được chọn lọc, biên tập và đưa vào Thánh điển thông qua khung cửa của truyền thống *Jātaka*.

2. Dấu chỉ văn hóa Ấn Độ cổ đại trong *Jātaka*

Trong *Chuyện tiền thân* có những chỉ dấu văn hóa của Ấn Độ thời cổ đại, cụ thể là những câu chuyện ngụ ngôn như *Chuyện con mèo* (trong phiên bản *Jātaka* là con chó rừng) giả dạng tu hành để ăn đàn chuột, chuyện con sư tử và con trâu vốn là bạn bị con dã can làm cho chia lìa và giết hại lẫn nhau, chuyện con khỉ khôn ngoan hơn so với con cá sấu. Những câu chuyện này vốn đã nằm sẵn trong những tác phẩm như *Tantrākhyāyika*, *Pañcatantra*, v.v... thuộc nền văn chương Ấn Độ cổ đại. Nói đúng hơn, mô-típ của những câu chuyện này có mặt khắp thế giới phương Đông lẫn phương Tây, vì vậy nguồn gốc rất khó xác định.[60]

Sau đây là *Chuyện con mèo* (*Biḷārajātaka*, số §128), kể lại chuyện con chó rừng giả dạng tu hành chơn chánh để lừa ăn gần hết đàn chuột.

Đầu đàn là một con chuột thông minh sáng suốt với thân hình to lớn giống như heo con. Con chó rừng ma mãnh và kín đáo chọn một vị trí không quá xa tầm ngắm của đàn chuột rồi hàng ngày đứng trên một chân, mặt hướng về mặt trời và hứng gió, ngửi gió, hít gió vào. Con chuột đầu đàn nghĩ đây là bậc có giới hạnh nên tiếp cận và hỏi:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả tên gì?

---

[60] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 122.

– Ta tên là Dhammika (Như Pháp).

– Sao Tôn giả không đứng trên bốn chân mà chỉ đứng một chân thôi?

– Nếu ta đứng bốn chân thì trái đất không thể chở nổi, do vậy, ta chỉ đứng một chân.

– Vì sao Tôn giả đứng lại há miệng?

– Ta không ăn gì khác, ta chỉ ăn gió mà thôi.

– Tại sao Tôn giả đứng hướng mặt về phía mặt trời?

– Ta đảnh lễ mặt trời.

Thốt ra những điều phi thường, siêu việt, con chó rừng lừa được con chuột đầu đàn và lựa thế ăn thịt từng con chuột trong đàn. Mỗi lần ăn xong, nó chùi miệng sạch sẽ rồi về đúng vị trí, đứng trên một chân và há miệng như cũ. Đàn chuột vơi dần, sinh nghi, con chuột đầu đàn chủ động đi tìm hiểu và biết rõ sự tình. Một trận đối đầu đầy kịch tính diễn ra, bộ mặt thật của con chó rừng, kẻ làm xấu đi hình ảnh ngọn cờ Chánh pháp bị phơi bày:

Ai yêu cờ Chánh pháp, *Bí mật làm điều ác,*
Dụng ý để lường gạt, *Các loài sinh vật khác,*
Giới cấm kẻ như vậy, *Được gọi thói con mèo.*

Kết thúc có hậu. Con chó rừng gặt hái những gì mà nó đã gieo. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: Thời ấy, con chó rừng là Tỷ-kheo lừa đảo, còn chuột chúa là Ta vậy.

3. Giao thoa với tác phẩm *Tantrākhyāyika* thuộc nền văn hóa Ấn Độ cổ đại và Hy Lạp[61]

Chuyện lời gièm pha (*Sandhibhedajātaka*, số §349) nói về tình bạn giữa một con sư tử và một con bò mộng sẽ vô cùng bền vững nếu không có con chó rừng xuất hiện. Thuở ấy, con chó rừng rơi vào tình trạng không có thức ăn nên muốn ăn thịt con sư tử và con bò mộng bằng cách gây bất hòa giữa hai bên. Nó tới hầu hạ hai con kia và nói những lời gièm pha. Hai con vật cãi vã và đấu nhau chí mạng. Chờ cho đến khi cả hai đều chết, con chó rừng thong thả ăn thịt cả hai. Nhà vua nói lên bài kệ:

... Xảo gian thủ thuật khéo bày,
Phân chia bằng hữu lâu ngày kết thân,
Thú kia hèn kém nhất trần,
Nhưng bò, sư tử phải thành mồi ngon...

Sau đó, nhà vua nhặt lấy bờm, da, móng, răng của sư tử rồi quay về kinh thành. Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và nhận diện tiền thân: Bấy giờ, Ta là vị vua nọ.

[61] *Sđd.*

"Cáo mượn oai hùm" là một điển tích mà thời nào cũng có, trong thực tiễn và cũng hầu như không có biên giới giữa các nền văn hóa, tuy có nhiều phiên bản khác nhau. *Chuyện tấm da sư tử* (*Sīhacammajātaka*, số §189) nói về một con lừa khoác lên lưng bộ da sư tử và có lợi thế được ăn uống. Không may, một khi cất tiếng kêu, nó liền bị phát hiện, bị đuổi đánh gãy xương và tử vong.

Tiếng hí này không phải,
Tiếng sư tử hay cọp,
Cũng không phải tiếng beo,
Con vật ti tiện này,
Dù trùm da sư tử,
Cũng chỉ hí tiếng lừa.

Sau bài pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: Lúc bấy giờ, con lừa là Kokālika (một người tự khen mình), người nông phu hiền trí (người đã nhận ra đấy là con lừa) là Ta vậy.

Phiên bản *Jātaka* thì đó là da con sư tử, ngoài ra còn có những phiên bản khác của phương Đông cũng như phương Tây. Cụ thể, trong *Tantrākhyāyika* đó là da con báo đen, trong *Pañcatantra* và *Hitopadeśa* đó là da con hổ. Điều thú vị, Aesop là một người sống ở Hy Lạp vào thế kỷ VII TTL, chuyên kể những câu chuyện ngụ ngôn và có một bộ chuyện ngụ ngôn cùng tên với ông vào thời Hy Lạp cổ đại. Tác phẩm *Ngụ ngôn của Aesop* ấy lại có chứa một phiên bản rất gần với phiên bản *Jātaka*: Con lừa khoác lên mình bộ da con sư tử.

Mô-típ "ba-chọn-một" gần như không có biên giới giữa các nền văn hóa. Nói rõ hơn: Trong ba người thân chỉ được chọn ra một người để cứu. Ở đây, câu trả lời khôn ngoan của người phụ nữ đã cứu mạng được cả ba. Tác phẩm *Rāmāyaṇa* thuộc văn hệ Bà-la-môn có điểm nhấn là một tục ngữ Ấn Độ: "Trên đời mọi thứ khác đều dễ có hơn so với một người anh em ruột." Ta có thể nhận diện khoảng giao thoa và tiếp biến văn hóa qua câu chuyện của Herodotus trong nền văn học Hy Lạp kể về người vợ của Intaphernes và câu chuyện của Sophocles về nàng Antigone.[62] Chia sẻ cùng một mô-típ ấy, *Chuyện người đàn bà thôn quê* (*Ucchaṅgajātaka*, số §67) nói về vua xứ Kosala đang chuẩn bị hành quyết ba người nông phu bị cáo buộc là đã cướp phá dân làng, bỗng có chuyện khác thường xảy ra: Một người phụ nữ chạy đến hoàng cung khóc kể thảm thiết xin một cái gì đó để che thân. Vua sai cho cô ấy một tấm áo, cô ấy không nhận tấm áo mà lại muốn một tấm chồng và nói rằng người chồng mới thực sự là vật che thân cho đàn bà; còn người đàn bà nào không có chồng, dù cho nàng ấy mặc áo quần đáng giá cả ngàn đồng tiền cũng chẳng khác gì mình trần thân trụi.

Chẳng khác dòng sông suối cạn khô,
Cũng vậy, mình trần thân lại trụi,
Vì không tùng, trúc cạnh đào tơ,
Nhìn xem quả thật nàng trơ trọi,
Dù có mười anh ruột một nhà.

[62] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 131.

Khi nàng nhận diện được ba người thân đang bị nhà vua bắt là người chồng, anh trai và con trai, nhà vua ban cho nàng một ân sủng là nàng được chọn để cứu một trong ba người kia. Thật hài hước, người mà nàng chọn để cứu không phải là tấm chồng như mới đây nàng khóc lóc thảm thiết một mực xin cho được, mà người nàng chọn lại chính là người anh trai. Đối thoại với nhà vua, nàng trình bày lý lẽ rằng hai người kia có thể thay thế, nhưng anh trai thì không bao giờ có nữa. Rồi nàng lại ngâm nga:

Tìm kiếm chồng con thật dễ dàng,
Tha hồ chọn, họ đứng đầy đường,
Song tìm đâu được người anh nữa,
Dù khổ đau cho đến đoạn trường?

Kết thúc có hậu. Nhà vua đẹp ý phán: Nàng ấy nói chí lý!

Vua ra lệnh giao ba người đàn ông kia cho nàng, nàng liền đưa cả ba người ra về. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: Người đàn bà và ba người đàn ông ngày nay cũng là người đàn bà và ba người đàn ông ngày trước và Ta chính là vị vua ấy.

4. Sự sâu sắc của *Jātaka* và sự gặp gỡ các chuyện cổ tích Đông Tây

Hài hước, thâm trầm, u mặc trong câu chuyện dưới đây nằm ở chỗ thế giới của loài người được nhìn bằng đôi mắt của con khỉ. *Chuyện đáng chỉ trích* (*Garahitajātaka*, số §219) nói về một con khỉ chúa vốn là vua của một bầy khỉ hoang dã, bị bắt, bị giam lỏng và phải phục vụ nhiều chục năm trong hoàng cung. Một hôm nọ, nhà vua thả tự do cho nó. Nó quay lại rừng, cả đám khỉ bề tôi vây quanh khỉ chúa và hỏi thăm sự tình như thế nào trong thế giới loài người trong ngần ấy năm dài. Con khỉ chúa lắc đầu, xua tay, nó không muốn nói nhưng cuối cùng vì áp lực của bầy khỉ nên nó phải nói một vài việc mà loài người hay làm như sau: "Loài người dù là Sát-đế-lỵ hay Bà-la-môn đều hay nói: 'Đây là tài sản của tôi!' Họ không hiểu tính vô thường làm cho mọi vật biến hoại. Các bạn hãy nghe hành động của những kẻ mù lòa ngu si ấy!" Rồi nó nói lên bài kệ:

Vàng ròng là của tôi!
Ngọc quý là của tôi!
Như vậy suốt ngày đêm,
Chúng rêu rao lớn tiếng,
Những người ngu si ấy,
Không nhìn đến Chánh pháp.
Trong nhà có hai chủ,
Một chủ không có râu,
Vú dài, có tóc bện,
Hai tai có đâm lỗ,
Được mua với nhiều tiền,
Làm khổ đau mọi người.

Nghe đến đấy bọn khỉ hết hồn chạy tán loạn, vừa bịt tai vừa hét lên: "Chớ nói nữa, chớ nói nữa, chúng tôi vừa nghe điều không đáng nghe!"

Kết thúc có hậu, sau bài pháp thoại ấy, vị Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: Lúc bấy giờ, đàn khỉ là hội chúng của Như Lai, còn khỉ chúa là Ta vậy.

Câu chuyện trên cho thấy thấp thoáng chút u mặc của phong hóa Ấn Độ, phảng phất chút trầm tư của sắc thái Hy Lạp, quả thật việc xác định Đông hay Tây, Ấn hay Hy,[63] đâu là gốc của câu chuyện là một việc không dễ dàng chút nào. Tuy nhiên, văn hóa phương Đông trên đại thể vẫn là nền văn hóa chủ đạo của *Jātaka*.

Một chỉ dấu rõ nét khác của nền văn hóa Ấn Độ là một số nhân vật của nền văn hóa cổ kính ấy xuất hiện và tái xuất hiện trong nền văn học *Jātaka*. *Chuyện thiên nữ Alambusā* (*Alambusajātaka*, số §523) và *Chuyện Công chúa Niḷinikā* (*Niḷinikājātaka*, số §526) kể lại chuyện chàng thanh niên ẩn sĩ Isisiṅga thuần khiết thanh tân, từ nhỏ đến lớn chưa hề biết đến nữ nhân.[64] Lại có một nàng thiên nữ Alambusā xinh đẹp, tài năng và khôn khéo. Cả hai nhân vật đã có mặt trong thiên trường ca lịch sử *Mahābhārata* và *Purāna* thuộc thể loại kịch thơ của nền văn học Bà-la-môn cổ đại[65] tái xuất hiện trong hình thái kệ tụng và được lồng vào trong những câu chuyện tiền thân.

Isisiṅga là một cậu bé sanh ra từ một con nai trong rừng núi trùng điệp hoang vu. Isisiṅga được vị ẩn sĩ nuôi lớn và truyền dạy các pháp thiền định. Vì sanh ra và lớn lên giữa chốn núi rừng hoang vắng, chỉ lo công phu thiền định không có một ý niệm gì về người khác giới nên dù đã thành niên, ẩn sĩ Isisiṅga vẫn là biểu tượng cao nhất của sự trong sáng, tinh khôi và thanh khiết đúng nghĩa trong thế giới của những vị ẩn sĩ. Uy lực của sự trong sáng, tinh khôi và thanh khiết ấy[66] gây chấn động, đặc biệt sự chấn động đã vượt lên mấy tầng trời, làm rung chuyển và lay động ngai vàng của Vua trời Đế-thích. Cảm thấy bị thách thức, Đế-thích ra lệnh cho thiên nữ Alambusā xuống phá hoại công hạnh của chàng thanh niên.

... Vậy nàng quả thật đóa hoa khôi,
Hãy bước lên đường, tố nữ ơi,
Dùng lực thần kia là mỹ sắc,
Buộc hiền nhân nọ phục oai trời...

Thế là giai nhân tuyệt sắc Alambusā nhận nhiệm vụ phải tiếp cận và chinh phục thanh niên ẩn sĩ Isisiṅga. Alambusā được trang điểm lộng lẫy và tinh tế của một tuyệt thế giai nhân với sự yểm trợ của đoàn tùy tùng thiện nghệ, am tường và thuần thục trong nhiệm vụ này. Trong rừng núi trùng điệp hoang vu, từ buổi sáng tinh mơ vị ẩn sĩ già đã đi vào rừng thiêng hái thuốc. Isisiṅga còn

[63] *Jātaka* còn có mặt trong nền văn chương Ả-rập. Xem G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 10.

[64] Phần dẫn khởi câu chuyện cho chúng ta thấy mẹ của cậu là một con nai. Câu chuyện này có niên đại rất xa xưa, nó đã xuất hiện trên bức phù điêu ở di tích Bharhut. Một con nai cái sanh em bé và vị ẩn sĩ nhặt về nuôi. Niên đại của bức phù điêu này vào khoảng thế kỷ III TTL.

[65] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 142.

[66] Uy lực của người thật tu được Đế-thích tiết lộ để Vua Brahmadatta biết qua câu thoại trong *Chuyện Công chúa Niḷinikā* (số §526): "Trên vùng Tuyết sơn, này Đại vương, có một ẩn sĩ tên là Isisiṅga. Vị này hành trì khổ hạnh hết sức khắc nghiệt, khi trời sắp mưa, ông giận dữ nhìn lên trời khiến mưa ngưng lại..."

lại một mình thiền định giữa chốn thảo lư. Chuyện gì phải đến đã đến. Isisinga và Alambusā chạm mặt, nữ nhân đầu tiên mà ẩn sĩ Isisinga gặp được. Một trải nghiệm hoàn toàn mới mẻ và đầy sức mê hoặc đối với vị thanh niên ẩn sĩ xưa nay sống và tu luyện trong cảnh trí hoang sơ, với tất cả sự hồn nhiên, trong sáng, tinh khôi và thanh khiết. Những phút giây gay cấn bắt đầu, mỗi một tình tiết, mỗi một diễn tiến là mỗi một sự hồi hộp cho người nghe. Isisinga ngâm kệ hỏi thiên nữ kiều diễm Alambusā:

... Ai đó như tia chớp sáng ngời,
Rõ ràng như thể ánh sao mai,
Đôi tay đeo ngọc, hoa tai điểm,
Lấp lánh từ xa rực cả trời?
Như phấn chiên-đàn tỏa ngát hương,
Huy hoàng chẳng khác ánh triêu dương,
Yêu kiều vóc liễu thanh thanh dáng,
Tuyệt sắc cho ai ngắm ngắm nàng.
Dịu dàng, trong trắng với lưng thon,
Nhún nhảy nhịp nhàng, nhón gót son,
Yểu điệu thân nàng bao diễm lệ,
Làm ta say đắm cả tâm hồn...[67]
Trong muôn loài giữa cõi trần gian,
Ta chẳng thấy ai sánh kịp nàng,
Thân phụ là ai cùng quý tánh,
Ta mong nàng thổ lộ cho tường.

Trong lúc vị ẩn sĩ tán tụng nàng Alambusā từ bàn chân lên đến đỉnh đầu không sót đường tơ kẻ tóc nào, nàng vẫn giữ yên lặng. Và khi nghe chàng nói lời lẽ dài dòng như vậy, nàng nhận biết tâm trạng của chàng đã dao động đến mức nào rồi, bèn ngâm nga bài kệ:

... Sao chàng mãi hỏi chi vơ vẩn,
Chẳng phải đôi ta chỉ một mình?...

Mạch lạc của câu chuyện lúc êm đềm du dương, lúc kịch tính, lúc vỡ òa. Diễn tiến của câu chuyện đang tiết điệu nhịp nhàng bỗng chuyển biến rẽ hẳn sang hướng khác. Kết thúc của câu chuyện ý nhị và thâm trầm như thế nào chỉ có người đọc trực tiếp, nghe trực tiếp thiên trường ca này mới cảm được. Tuy nhiên, mẫu số chung vẫn là một kết thúc có hậu với phần nhận diện tiền thân: Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại dành cho vị Tỷ-kheo kia và cuối phần giảng giải các Thánh đế, vị Tỷ-kheo ấy đắc Sơ quả (Dự lưu). Lúc bấy giờ, Alambusā chính là người vợ trước kia, Isisinga là vị Tỷ-kheo có tâm bất mãn này và đại ẩn sĩ cha chàng chính là Ta. Câu chuyện Alambusā ở trên là một điển

[67] Những câu kệ kế tiếp vì sắc thái phồn thực cổ đại quá phô bày nên không trích dẫn ở đây.

hình cho việc chuyển thể những câu chuyện có sẵn trong nền văn hóa chủ lưu Bà-la-môn thời bấy giờ[68] thành câu chuyện Phật giáo và đưa vào Thánh tạng.

5. *Jātaka* mang chức năng như một diễn đàn

Có những *Jātaka* tạo điều kiện hay làm nền cho những cuộc hội luận về triết học trong *Upaniṣads* (*Áo nghĩa thư*), những cuộc hội luận về lịch sử trong sử thi *Mahābhārata*, một trong hai bộ sử thi bằng tiếng Sanskrit nổi tiếng nhất của nền văn học Bà-la-môn thời cổ đại. Nói cách khác những *Jātaka* này chỉ có chức năng đơn thuần và duy nhất là khung sườn cho một diễn đàn hội luận để các nhân vật xuất hiện trò chuyện, tranh luận và giảng thuyết. *Chuyện bậc Đại trí Nārada Kassapa* (*Mahānāradakassapajātaka*, số §545)[69] kể lại chuyện Vua Aṁgati của xứ Videha triệu tập ba vị đại thần để tham vấn. Đại tướng quân Alāta chỉ vẽ một cuộc chiến dữ dội và hài hước. Đại thần Sunāma lại bảo rằng không cần thiết phải có một cuộc chiến, tốt hơn là nên thưởng thức những tiếng đàn hát du dương, ngắm nhìn những vũ điệu nghê thường và còn có bao nhiêu là lạc thú. Đại thần Vijaya lại gợi ý rằng nhà vua nên nghe những lời đạo lý từ một vị ẩn sĩ tinh thâm hay một vị Bà-la-môn nói lên. Với những điều mà Đại tướng quân gợi ý, nhà vua cùng triều thần đến gặp vị ẩn sĩ lõa thể Guṇa Kassapa. Guṇa Kassapa tuyên bố thẳng thừng về giáo lý duy vật: "Không có quả báo của hành vi thiện ác, không có đời sau, không có đời trước, không có sư trưởng, mọi người đều bình đẳng và giống nhau, không có người đáng được kính lễ cũng như không có kẻ phải kính lễ người khác, không có các đức tính dũng mãnh hoặc can trường trong đời này, số phận đã an bài từ trước, không có bố thí." Alāta tuyên bố rằng ông tín thọ những lời giáo huấn ấy và nói: "Ta nhớ lại những kiếp xa xưa khi ta là một đồ tể, một người thợ săn và đã giết rất nhiều sanh mạng, thế màkiếp này ta lại sanh vào một gia đình danh giá được kính trọng và hiện giờ đang là một vị đại tướng." Đồng thuận với Alāta, một người nô lệ tên Bījaka đang có mặt ở đó nói: "Trong một kiếp quá khứ tôi là một người tốt và rộng lượng, thế mà tôi lại tái sanh làm con trai của một kỹ nữ và giờ đây là một người nô lệ. Tôi đã thua canh bạc kiếp người, Alāta đã chiến thắng vì đã khôn khéo khi chơi canh bạc này."

Vua Aṁgati bị thuyết phục bởi những lời như vậy nên khởi sự một cuộc sống hưởng thụ mọi sự sung sướng, và tâm lúc nào cũng nghĩ đến lạc thú nên đã để vương quốc cho những người khác cai trị. Một nhân vật khác lại xuất hiện, đó là Rujā, cô con gái tốt bụng và thành tâm của nhà vua. Rujā tuyên dương Chánh pháp: "Người nào nghe theo kẻ xấu quấy, người đó trở thành xấu quấy. Giống như chiếc thuyền của một thương nhân chở quá nặng chìm xuống nước, cũng vậy một người chìm xuống địa ngục khi đã gánh vác một gánh

[68] Jan Knappert, *Indian Mythology* (London: Diamond Books, 1995), p. 209-10. Trong tác phẩm này, Jan Knappert đã trình bày một phiên bản thú vị khác của câu chuyện về Isisiṅga. Đây là một phiên bản mang phong vị thuần túy Ấn Độ cổ đại, không mang sắc thái Phật giáo.

[69] Bản CST số 545. Bản Tích Lan và PTS số 544.

quá nặng vì chất đầy tội lỗi. Rồi Sujā kể lại kiếp quá khứ là một người thanh niên trẻ tán tỉnh nhiều phụ nữ, sau đó tái sanh nhiều lần vào thế giới của người nam, của những loài thú và rơi vào địa ngục, chịu đựng hình phạt khốc liệt. Lúc ấy, từ trên cõi trời, vị thiên tên là Nārada hiện xuống, và như Rujā, tuyên thuyết Chánh pháp: "Có nghiệp và có thế giới khác." Tuy nhiên, nhà vua nói: "Nếu có thế giới khác, ngươi hãy đưa cho ta 500 thỏi vàng và ta sẽ trả lại cho ngươi 1000 thỏi vàng trong thế giới khác đó." Nārada trả lời: "Ta chắc chắn sẽ đưa cho ngài 500 thỏi vàng nhưng ai sẽ bảo đảm với ta rằng ngài sẽ hoàn trả lại cho ta khi ngài còn phải ở trong địa ngục? Ngay cả trong đời này, người ta chỉ cho người đáng tin cậy mượn tiền." Rồi Nārada miêu tả cặn kẻ cảnh địa ngục và những hình phạt trong đó, kết luận bằng một minh dụ rằng thân thể con người như một cỗ xe. Cuối cùng, Nārada cảm hóa được nhà vua quay về với Chánh pháp.

V. *JĀTAKA* TRONG PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA VÀ SỰ BẢN ĐỊA HÓA

1. Hình ảnh Bồ-tát trong *Jātaka* với Phật giáo Đại thừa

Mối liên quan giữa *Jātaka* và Phật giáo Đại thừa hay Phật giáo phát triển đã thu hút sự chú ý của những học giả như Bimala Churn Law và Ananda Salgadu Kulasuriya. Sự chú ý này phần nào có thể đã được khơi gợi từ ánh nhìn của Edward Bytes Cowell vào cuối thế kỷ XIX. Tập chuyện *Jātaka* do E. B. Cowell biên tập năm 1895 viết: "Bản thân *Jātaka* dĩ nhiên là có tác dụng gây phấn chấn vì đó là những biểu mẫu đặc biệt của nền văn học Phật giáo, nhưng điều gây phấn chấn hơn cả lại nằm ở mối liên quan rất riêng giữa *Jātaka* và văn hóa dân gian."[70] Phấn chấn ở đây có nghĩa là một dạng cảm xúc tôn giáo, một dạng năng lượng tích cực và hướng thượng cần được nuôi dưỡng hay huân tu thường xuyên.

Giáo lý dễ trình bày, dễ hiểu, dễ tín thọ và dễ phụng hành nhất chắc chắn không phải là giáo lý Tánh không (*Śūnyatā*) hay Trí tuệ Bát-nhã (*Prajñāpāramitā*) mà là giáo lý Nhân quả được triển khai từ nguyên lý Nghiệp (*Karma*), thông qua những hành vi đạo đức (*sīla*) cụ thể. Hành trạng của vị Bồ-tát (P. Bodhisatta, S. Bodhisatva) trong những kiếp sống xưa kia được xem là mẫu mực về đạo đức và trí tuệ. Trên cuộc hành trình dài nhiều A-tăng-kỳ kiếp, để đạt đến Phật quả, vị Bồ-tát sanh vào đời dù ở hoàn cảnh nào, vị thứ xã hội ra sao vẫn thể hiện được những phẩm chất như hy sinh, can đảm, tốt bụng, thông minh hay trí tuệ đã đạt đến độ siêu phàm.

Vị hành giả trong *Jātaka* không canh cánh trong lòng lý tưởng A-la-hán với mục tiêu cần đạt đến là cảnh giới Niết-bàn theo nghĩa truyền thống. Vị hành giả trong *Jātaka* hướng về lý tưởng Bồ-tát, cụ thể là cứu cái khổ mà vị ấy đang

---

[70] E. B. Cowell (ed.), *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births* (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1895), p. xxv.

tiếp xúc, cái khổ đang xảy ra trong thực tế cuộc sống của vạn loại sanh linh, nhà Phật gọi là chúng sanh. Thính chúng hay đối tượng của dạng Phật giáo Đại thừa hay dạng Phật giáo phát triển phần nào phản ánh qua hình ảnh của đối tượng mà vị Bồ-tát cứu độ trong câu chuyện tiền thân nên mặc nhiên đã hình thành mối dây cảm xúc tuy vô hình mà vững chắc.

Đức độ được thể hiện qua những hạnh lành của vị Bồ-tát đều đạt đến độ viên mãn nên còn được gọi là Ba-la-mật (*Pāramitā*); tuy nhiên, hạnh bố thí vẫn nổi bật nhất và dễ lay động lòng người nhất, đặc biệt đối với những người bình thường của mọi tầng lớp xã hội. Điều này góp phần giải thích lý do tại sao Phật giáo trong *Jātaka* không mặn mà với tiêu chí nguyên chất hay thuần khiết mà lại thiên về dạng Phật giáo phát triển theo thời đại và quốc độ với lý tưởng được thể hiện bằng tiêu ngữ: "Phục vụ chúng sanh là thiết thực cúng dường chư Phật." Hai câu chuyện tiêu biểu cho đỉnh cao của hạnh bố thí là *Chuyện Đại vương Sivi* (*Sivijātaka*, số §499) và *Chuyện Đại vương Vessantara* (*Vessantarajātaka*, số §547).

Thính chúng của Phật giáo dân gian là một tập thể bao gồm những nhóm người vô cùng đa dạng về bối cảnh xuất thân, về nền văn hóa được un đúc sẵn, về ngành nghề chức nghiệp và về địa vị xã hội. Tất cả đều là những biến số lớn và vô cùng phức hợp. Để đáp ứng được yêu cầu càng lúc càng cao của thính chúng, những nhà phát triển *Jātaka* đã tăng dần về số lượng và độ dài của những câu chuyện. Càng về sau những câu chuyện càng dài và số kệ tụng cũng theo đó mà gia tăng với những con số đáng kinh ngạc. *Chuyện Đại vương Vessantara* có đến 786 khổ kệ, nếu tính mỗi khổ kệ thông thường có 4 câu, chúng ta sẽ có 3.144 câu kệ.[71] Từ những câu chuyện của một vài kiếp chót trong kinh tạng truyền thống, tức 4 bộ *Nikāya* đầu tiên, ở thời điểm xuất phát, *Jātaka* đã tăng dần số lượng của kiếp sống quá khứ trong những thời kỳ sau đó cho đến khi số kiếp sống không còn đếm được, hay vô số kiếp liên quan đến tổng số những câu chuyện tiền thân, nghĩa là con số 547 hay 550 không phải là con số cuối cùng mà chỉ là con số tạm dừng vào thời điểm tập *Jātaka* được cơ cấu vào Thánh điển.

Không chỉ có nhu cầu tăng số lượng, tăng độ dài của những câu chuyện mà còn có nhu cầu tăng độ phong phú, đa dạng, đa sắc thái và đa biến hóa liên quan tới nhân thân của Bồ-tát. "Đức Cồ-đàm được gọi là Bồ-tát cho đến khi Ngài đạt được giác ngộ; không chỉ (là Bồ-tát) trong kiếp chót ở cõi trần mà còn trong vô số kiếp, những kiếp đó có khi là con người, có khi là con thú, có khi là vị thần,

[71] Như vậy số kệ của câu chuyện khoảng 96,6% so với *Truyện Kiều* (3.254 câu). Chúng tôi đếm được tổng số kệ của bản PTS là 6.514 khổ kệ. Bản Tích Lan do TT. Indacanda dịch sang Việt ngữ có 6.796 khổ kệ. Ấn bản *Buddha Jayanti Tripiṭaka* cũng tại Tích Lan có tới 6.905 khổ kệ. Bản CST có 6.644 khổ kệ. Tính trung bình mỗi bài kệ chỉ 4 câu thì theo bản nào cũng đều dài hơn gấp 8 lần *Truyện Kiều*. Nếu tính chi tiết hết các bài kệ có 6 câu, 8 câu hoặc 12 câu và các bài kệ đan xen của các tuyến nhân vật trong khi đối đáp mà không được đánh số, có lẽ độ dài của nó có thể phải hơn gấp 9 lần *Truyện Kiều*.

vị Bồ-tát đều đã trải qua trước khi Ngài được tái sanh lần cuối vào hoàng cung dòng họ Thích-ca."[72] Ananda Salgadu Kulasuriya đã liệt kê những dạng nhân vật mà Bồ-tát tái sanh vào: Vua chúa, hoàng tử, quan đại thần, thương nhân, gia chủ, nông dân, người phiêu lưu hồ hải và vị khất sĩ du phương; các loài chim, các loài thú và các dạng thần rừng, quỷ, thần, hồn ma sống trên cây và dưới hồ nước, hiện thân của chân lý và trí tuệ của các thời đại.[73]

2. *Jātaka* với Phật giáo quần chúng

Phật giáo dân gian không ưa chuộng các kiểu lập luận, học thuyết này hay triết thuyết kia, không ưa chuộng các mạch suy tư về giáo lý khúc chiết cao siêu. Trái lại, Phật giáo dân gian ưa chuộng hình ảnh thực tế, cách diễn bày trực tiếp để tạo nên cảm xúc thánh thiện và thiêng liêng. Đó chính là chỗ đắc địa của nghệ thuật tạo hình. Truyền thống *Jātaka* đã cung cấp cho nghệ thuật tạo hình các đề tài đa dạng khác nhau, các hình tượng nhân vật phong phú từ muôn thú đến cỏ cây và đủ loại cốt truyện để các nghệ nhân thỏa sức miêu tả và biểu đạt. Mục tiêu là giúp con người có thể rời khỏi những thứ bình phàm thường nhật, hướng tâm hồn đến cảnh giới thiện lương siêu vượt. Tác động ngược lại, nghệ thuật đã làm cho những câu chuyện tiền thân có hình dáng và đường nét, màu sắc và phong thái, ắt hẳn là sống động hơn để khách hữu duyên vừa thưởng lãm cái đẹp của nghệ thuật vừa thấm dần những bài học đạo lý. Nói gọn, *Jātaka* dưới hình thái những câu chuyện được ghi nhớ và kể lại vốn là công cụ chuyên tải đạo Phật một cách hữu hiệu; giờ đây *Jātaka* lại được nghệ thuật tạo hình chắp cánh nên càng trở nên trực quan và hữu hiệu hơn.

Các ngành nghệ thuật như phù điêu, bích họa, tạo tượng... cho chúng ta thấy chỉ dấu của việc bản địa hóa ngay trong giai đoạn xuất phát của dòng lịch sử phát triển của *Jātaka*. Nhiều *Jātaka* vốn là những câu chuyện nằm sẵn nhiều đời trong kho tàng văn học của những nền văn minh lớn, cụ thể là nền văn minh Ấn Độ. Phật giáo đã kế thừa, tiếp biến và khai thác từ kho tàng chung ấy như chúng ta đã biết khi nói về những khoảng giao thoa nơi mà đạo lý Phật giáo vốn là đạo lý Ấn Độ, câu chuyện Phật giáo vốn là câu chuyện Ấn Độ.

Về phương diện minh triết, Phật giáo đã nâng đạo lý trong những câu chuyện ấy lên tầm cao mới, đạt đến độ viên mãn và vì vậy mà trở thành giáo lý đặc trưng của nhà Phật. Về phương diện câu chuyện, ngay từ khâu chọn lựa, Phật giáo đã có những tiêu chí nhất định. Kho tàng chung ấy chứa đầy những yếu tố mê tín, ma quái và thần quyền, như đã nói, khi Phật giáo chọn lựa để thừa tiếp, những yếu tố ấy bị Phật giáo loại bỏ. Sau khi chọn lựa, những nhà phát triển *Jātaka* cũng ra sức gia công để nâng cấp câu chuyện về cả hình thức văn chương lẫn nội dung tư tưởng. T. W. Rhys Davids trong tác phẩm *Buddhist*

[72] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 109.
[73] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 19.

India xuất bản lần đầu năm 1903[74] đã trình bày mở rộng những điều mà ông đã nói năm 1878:[75]

"Tập *Jātaka* mà chúng ta đang có chỉ là một phần của những gì được lưu giữ. Tập sách này không chứa tất cả câu chuyện tiền thân đã từng lưu hành trong cộng đồng Phật giáo thời kỳ đầu của nền văn học *Jātaka*. Chắc chắn là như thế. Nhưng tôi (T. W. Rhys Davids) mạo muội đi xa hơn một chút và gợi lên rằng nhân vật trong 10 câu chuyện *Jātaka* đầu tiên này, trong hình dạng của phiên bản tiền *Jātaka*, cho phép chúng ta truy ngược dòng lịch sử đến chỗ vượt ngoài phạm vi của toàn bộ nền văn học Phật giáo. Không có nhân vật nào mang đặc nét Phật giáo. Có lẽ, tất cả đều được cải biến ít nhiều cho phù hợp với đạo đức Phật giáo. Hầu hết những câu chuyện khác đều như vậy, ngay cả câu chuyện Vua Đại Thiện Kiến, mạch lạc chính cũng đơn giản là một thần tích nói về việc thờ phụng mặt trời. Những mạch chuyện còn lại thuộc về chuyện dân gian tiền Phật giáo. Không có gì đặc nét Phật giáo ngay cả đạo lý mà những câu chuyện này truyền đạt. Như vậy, khi nói về chất Phật liên quan tới những câu chuyện ấy, trong hình dạng xa xưa nhất của chúng, chỉ nói về cách chọn lựa được thực hiện. Nhiều lắm những câu chuyện dân gian khác dĩ nhiên là đầy ắp sắc thái mê tín, sắc thái không được Phật giáo chọn lựa. Đạo lý dĩ nhiên thuộc dạng rất giản dị. Đó là sữa cho các em bé. Câu chuyện này rõ ràng có gốc là thần tích Vua Đại Thiện Kiến. Trong hình dạng *Jātaka* sau này, câu chuyện có trọng tâm là tính chất vô thường của tất cả các pháp thế gian, là bài học cổ xưa về tính phù phiếm của thế giới. Trong hình dạng xa xưa hơn, dạng (nằm trong) Thánh điển, câu chuyện còn có trọng tâm là những thiền chứng (*jhāna*), có lẽ thuộc thời tiền Phật giáo và các Phạm trú (*Brahma vihāra*), chắc chắn là đặc nét Phật giáo (mặc dù ý niệm tương tự cũng có mặt trong *Yoga Sūtra* thời kỳ sau). Đây là những nội dung sâu xa và khó nắm bắt hơn nhiều."[76]

3. *Jātaka* với nghệ thuật tạo hình

Những câu chuyện tiền thân ấy đi vào thế giới của nghệ thuật tạo hình, chúng ta lại thấy chỉ dấu của việc bản địa hóa. Việc chọn nội dung cho những bức phù điêu không chỉ là chỉ dấu của việc bản địa hóa mà còn là chỉ dấu của tâm thái cận nhân tình trong mối tương tác giữa Phật giáo với người dân khi thực hiện những công trình tín ngưỡng. Tất cả đều có chủ hướng là phục vụ cho mục tiêu truyền bá Chánh pháp, đem lại an vui hạnh phúc cho số đông sanh loại, hữu hình và vô hình.

Xa xưa nhất còn ghi nhận được là những bức phù điêu ở di tích Bharhut và Sanchi thuộc Ấn Độ cổ đại. Những ngôi tháp cổ được bao bọc bởi rào chắn làm bằng đá nguyên khối lớn và kiên cố với nhiều bức phù điêu miêu tả những

---

[74] In lại tại Ấn Độ năm 1997.

[75] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 189.

[76] *Sđd.* tr. 196-97.

phân cảnh trên đó có tựa đề của những câu chuyện tiền thân được viết bằng tự dạng của thế kỷ III TTL. Những phù điêu khác không có tựa đề nhưng những dòng chữ có cùng tự dạng. Có 27 phù điêu được nhận diện là những phân cảnh minh họa cho tập chuyện *Jātaka* đang hiện hành thời ấy và 23 phù điêu chưa nhận diện được, trong đó chắc chắn có những phù điêu minh họa cho những câu chuyện tiền thân được lưu hành trong dân chúng thuộc địa bàn nhưng không được đưa vào Thánh tạng.[77]

4. *Jātaka* trong các bức phù điêu tại di tích Bharhut và các nơi khác

Năm 1903, T. W. Rhys Davids đã liệt kê đề tựa của 28 phù điêu ở di tích Bharhut được khắc nổi và tên của *Jātaka* tương ứng trong tập *Jātaka* Pāli. Chúng ta cũng biết thêm rằng trước đó vào năm 1897 một bảng liệt kê tương tự cũng đã được công bố.[78]

Thông tin chi tiết về 28 bức phù điêu gồm (1) Số hiệu của phù điêu theo nhà khảo cổ học Cunningham, (2) tựa đề được khắc trên phù điêu, (3) số *Jātaka* theo phiên bản Fausböll, (4) tên câu chuyện theo PTS. Khi (5) tựa *Jātaka* bằng tiếng Việt tương ứng được đưa vào, chúng ta có bản liệt kê như dưới đây:

Bảng 02

Stt	Số hiệu			Tựa trên phù điêu	Số hiệu	Tựa theo PTS	Tựa tiếng Việt
1	XVIII			*Vitura Punakiya Jātaka*	545	*Vidhura Paṇḍita Jātaka*	*Chuyện bậc Đại trí Vidhura*
2	XXV	Fig.	1	*Miga Jātaka*	12	*Nigrodhamiga Jātaka*	*Chuyện con nai Nigrodha*
3	“	“	2	*Nāga Jātaka*	267	*Kakkaṭa Jātaka*	*Chuyện con cua*
4	“	“	3	*Yavamajhakiya Jātaka*	546	*Episode in Mahāummagga Jātaka*	*Câu chuyện đàn bò* trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*
5	“	“	4	*Mugapakaya Jātaka*	538	*Mūgapakkha Jātaka*	*Chuyện Vương tử què câm*
6	XXVI	“	5	*Latuvā Jātaka*	357	*Laṭukikā Jātaka*	*Chuyện chim cút*
7	“	“	6	*Chadanatiya Jātaka*	514	*Chaddanta Jātaka*	*Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta*

[77] Bimala Churn Law, *A History of Pali Literature* (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 279.
[78] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 209.

8	"	"	7	*Isisingiya Jātaka*	523	*Alambusa Jātaka*	*Chuyện thiên nữ Alambusā*
9	"	"	8	*Yaṃ bamaṇo avayesi Jātaka*	62	*Aṇḍabhūta Jātaka*	*Chuyện cô gái trên lầu bảy tầng*
10	XXVII	"	9		206	*Kuruṅgamiga Jātaka*	*Chuyện con nai núi*
11	"	"	10		349	*Sandhibheda Jātaka*	*Chuyện lời gièm pha*
12	"	"	11	*Hanasa Jātaka*	32	*Nacca Jātaka*	*Chuyện múa ca*
13	"	"	12	*Kinara Jātaka*	485	*Candakinnara Jātaka*	*Chuyện đôi ca thần Canda*
14	"	"	13		181	*Asadisa Jātaka*	*Chuyện Hoàng tử Asadisa*
15	"	"	14		461	*Dasaratha Jātaka*	*Chuyện Đại vương Dasaratha*
16	XXXIII	"	15		407	*Mahākapi Jātaka*	*Chuyện đại hầu vương*
17	XLI	"	1.3		324	*Cammasāṭaka Jātaka*	*Chuyện thầy tu mặc áo da*
18	XLIII	"	2.8	*Isimigo Jātaka*	372	*Migapotaka Jātaka*	*Chuyện chú nai con*
19	XLIV	"	2	*Janako Rājā Sivali devī*	539	*Mahājanaka Jātaka*	*Chuyện Đại vương Mahājanaka*
20	XLV	"	5		46&268	*Ārāmadūsaka Jātaka*	*Chuyện kẻ làm hại vườn*
21	"	"	7		42	*Kapota Jātaka*	*Chuyện chim bồ câu*
22	XLVI	"	2	*Uda Jātaka*	400	*Dabbhapuppha Jātaka*	*Chuyện Dabbhapuppha*
23	"	"	8	*Secha Jātaka*	174	*Dūbhiyamakkaṭa Jātaka*	*Chuyện con vượn lừa dối*
24	XLVII	"	3	*Sujato Gahuto Jātaka*	352	*Sujāta Jātaka*	*Chuyện chàng Sujāta*
25	"	"	5	*Biḍala Jātaka Kukuta Jātaka*	383	*Kukkuṭa Jātaka*	*Chuyện kê vương*

26	XLVIII	"	2	*Maghādeviya Jātaka*	9	*Makhādeva Jātaka*	*Chuyện Vua Makhādeva*
27	"	"	7	*Bhisa Haraniya Jātaka*	488	*Bhisa Jātaka*	*Chuyện củ sen*
28	L	"			547	*Vessantara Jātaka*	*Chuyện Đại vương Vessantara*

Đất nước Ấn Độ vừa là nơi phát tích vừa là một cường quốc *Jātaka* khi đã đưa truyền thống *Jātaka* đến khắp nơi trong nước với những trọng điểm như Bharhut đã nói ở trên, như Sanchi, Gayā, Amaravatī, Ajanta, Ellora; sau đó lan tỏa ra thế giới như trường hợp Borobudur ở Java (Indonesia), Pagan (Miến Điện) và Sukhodaya (Thái Lan). Trong *Bách khoa Toàn thư Tôn giáo và Đạo đức*, tập VII,[79] có đoạn:

"Quả vậy, những câu chuyện tiền thân đã cung cấp nhiều đề tài cho điêu khắc và hội họa xuyên suốt mọi thế kỷ, xuyên qua mọi đất nước Phật giáo. Sự thật ấy cho chúng ta thấy độ biến mãn của *Jātaka* tại Ấn Độ như ở Bharhut, Sanchi và Bodhgaya vào thế kỷ III-II TTL, ở Amaravatī vào thế kỷ II TTL, sau đó là ở Ajanta. Hàng trăm phù điêu với các phân cảnh của *Jātaka* được sử dụng để trang hoàng cho những ngôi đền thờ nổi tiếng hầu hết đều dựa trên những thần tích trong bộ chuyện *Lalitavistara Sūtra* (*Phổ Diệu kinh*, 普曜經)[80] như Borobudur xứ Java vào thế kỷ IX, các ngôi chùa xứ Pagan, đất nước Miến Điện vào thế kỷ XIII và xứ Sukhodaya ở đất nước Thái Lan vào thế kỷ XIV."

5. Ảnh hưởng của *Jātaka* từ Trung Á đến các nước lân cận

Nhìn bao quát hơn nữa, chúng ta thấy từ đất nước Ấn Độ, truyền thống *Jātaka* đã lan tỏa đến những khu vực địa lý rộng lớn từ Trung Á đến Đông Nam Á, từ Tây Âu đến Viễn Đông.[81] Trong đó những nước góp phần đáng kể vào việc bảo tồn, truyền bá và ghi dấu ấn riêng vào truyền thống *Jātaka* là Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, và những nước, khu vực khác như Lào, Campuchia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, Việt Nam.

Từ Trung Á đến Đông Nam Á, từ Tây Âu đến Viễn Đông ngày xưa, những nơi mà *Jātaka* đã ảnh hưởng đến, có nơi đã ảnh hưởng đến độ thấm đẫm trong lòng người dân thời ấy. Hình ảnh thường thấy là một đám đông dân chúng ngồi xung quanh một nhà Sư đang kể chuyện, câu chuyện thu hút tâm trí của họ khiến cho lòng họ đắm chìm vào thế giới linh thánh xa xưa, khi đức Phật còn là vị Bồ-tát. Những câu chuyện ấy được kể trong những đêm trăng rằm, những ngày Bố-tát và những lễ hội lớn... Nhiều người rướm lệ khi ngồi quanh

[79] James Hastings (ed.), *Encyclopedia of Religion and Ethics*, vol. VII (New York: Charles Scribner's Sons, 1915).

[80] Một tác phẩm kinh điển bằng tiếng Sanskrit được cho là thuộc Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvāstivāda).

[81] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 22.

đống lửa bập bùng thâu đêm nghe câu chuyện hy sinh lay động lòng người của vị Bồ-tát. Đối với tâm hồn chất phác của những người dân sẵn tánh thiện lương, *Chuyện Tiền thân* không phải là một thể loại văn chương hay một câu chuyện bình phàm mà là những gì vừa hiện thực vừa thánh thiện đang xảy ra ngay trong thế gian này. Tuy việc hấp thụ có nhiều mức độ khác nhau nhưng khi ở mức độ như vậy, những câu chuyện tiền thân có khả năng tác động vào tâm hồn, thấm vào tận căn cốt của mỗi người.[82]

6. Ảnh hưởng *Jātaka* tại Miến Điện

Ở Miến Điện, vô cùng phổ biến từ thế kỷ IV-XIII là một phiên bản hiện đại của *Nāradajātaka*. *Nāradajātaka* được đồng nhất với câu chuyện *Bậc Đại trí Nārada Kassapa*, số §545. Mặc dầu, câu chuyện thu hút sự chú ý của những học giả ngang qua nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc, nhưng cần ghi nhận rằng câu chuyện tiền thân này còn được các bia ký đương thời dẫn chiếu tới. Ngoài ra, về mặt văn học phải kể tới một bộ chuyện tiền thân có tên là *Paññāsajātaka* (*Năm mươi Chuyện Tiền thân*) phổ biến rộng rãi ở Miến Điện được xem là hoa trái của quá trình địa phương hóa.[83] Lịch sử Phật giáo Miến Điện cho chúng ta biết rằng khoảng thời gian 1054-58, Vua Anuruddha (Miến Điện) chiếm được Thaton, thủ đô của người Mon, đã giải vua người Mon là Makuta về Pagan, cùng mang về các phiên bản Tam tạng Thánh điển, nhiều nhà Sư và nghệ nhân. Bản tường thuật xưa nhất của người Mon về tập *Jātaka* lớn được đề cập trên bia ký *Makuta's Pandit* được tìm thấy ở chùa Schwezagon, Thaton.[84]

Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể liên quan đến *Jātaka* ở Miến Điện bao gồm hầu hết những hình thái nghệ thuật biểu đạt cổ đại gồm có bia đá, kiến trúc, điêu khắc, tượng đất nung, bích họa. Nổi bật có khi là những pho tượng đất nung, có khi là những bức bích họa về toàn bộ 560 *Jātaka*. Ví dụ, *"Chuyện không lỗi lầm"* (*Apannakajātaka,* số §1) và *"Chuyện bậc Hiền trí Mātaṅga"* (*Mātaṅgajātaka*, số §497) ở chùa Ānanda, xứ Kyanzittha; *Mātaṅgajātaka* (số §497) ở chùa Đông Tây Petika; *"Chuyện lộc vương Rohanta* (*Rohantamigajātaka,* số §501) ở chùa Gubyaukgyi xứ Myinpagan; *"Chuyện vấn đáp của vị thiên"* (*Devatāpañhajātaka,* số §350) ở chùa Abeyadanā; *"Chuyện Trưởng lão Samiddhi"* (*Samiddhijātaka,* số §167), *"Chuyện con vẹt Rādha"* (*Rādhajātaka*, số §198) ở chùa Pyatsa Shwe và *"Chuyện lộc vương Rohanta"* (*Rohantamigajātaka*, số §501) ở chùa Mingalazedi. Tập *Jātaka* này không những được biểu đạt bằng nghệ thuật điêu khắc hay bích họa mà còn kèm theo những đoạn kinh văn, cụ thể như *Samiddhijātaka* dẫn chiếu tới câu chuyện vị Thánh giả là một ẩn sĩ; trong *Rādhajātaka* - Ngài là một loài két, và trong *Rohantamigajātaka* - vị Phật tương lai là một con nai vàng.[85]

---

[82] *Sđd.* tr. 20.
[83] *Sđd.* tr. 12.
[84] *Sđd.* tr. 20.
[85] *Sđd.* tr. 20.

7. Ảnh hưởng *Jātaka* tại Tích Lan

Khi Ấn Độ là vùng đất phát tích để tập *Jātaka* dần dần hình thành và đạt đến chuẩn mực Thánh điển thì Tích Lan là vùng đất phong nhiêu kế thừa, góp phần cho truyền thống *Jātaka* được giữ gìn và phát huy cao nhất. Về phương diện văn học, như đã được trình bày, toàn bộ tập *Jātaka* trong Thánh điển Phật giáo hiện nay vốn là tập kinh tiếng Pāli được truyền sang đất nước Tích Lan, rồi được dịch toàn bộ sang tiếng bản địa Sinhalese trừ phần kệ tụng; sau đó, lại được dịch ngược trở lại tiếng Pāli và trở thành tập *Jātaka* mà chúng ta đang có. Vì vậy, phần kệ tụng trước và sau khi dịch, lần một và lần hai, đều không thay đổi nhưng phần văn xuôi có khác. Khả năng xảy ra gần như đương nhiên vì trong quá trình của hai lần dịch như vậy hẳn là đã có nhiều cải biến, thêm thắt, thậm chí là biên tập lại toàn bộ.

Về phương diện quảng bá, cũng như các nước Nam Á và Đông Nam Á khác, dưới ảnh hưởng sâu đậm của lý tưởng Bồ-tát, người ta thường thấy những câu chuyện tiền thân tại các ngôi chùa ở Tích Lan được biểu đạt bằng hình thức này hay hình thức khác. Không những ở các đô thị lớn, những cộng đồng dân cư tập trung đông đảo mà ngay cả ở những vùng nông thôn, làng mạc vẫn có những nhà Sư đứng ra chủ trương, dẫn dắt và tạo cảm hứng để các họa sĩ, nghệ nhân địa phương biểu đạt hình tượng những vị Bồ-tát từ truyền thống *Jātaka*, cũng có trường hợp các Tăng sĩ tự tay thực hiện.[86] Những điều trên làm cho chúng ta không cảm thấy ngạc nhiên khi biết rằng Pháp Hiển, một trong những nhà chiêm bái vượt qua cung đường ngàn dặm từ Trung Hoa đến Tích Lan vào năm 400 đã mục kích tại chùa Abhayagiri (Vô Úy Sơn),[87] ngôi chùa thờ Xá-lợi răng Phật, 500 thân tướng mà vị Bồ-tát từng tái sanh trong tiền kiếp. Pháp Hiển ấn tượng nhất là vị Bồ-tát trong thân tướng một tia chớp, một con voi chúa và một con nai.[88] Số lượng lớn những bản thảo *Jātaka* nằm rải rác nơi này nơi kia khắp đất nước Tích Lan là một chỉ dấu cho thấy độ phổ biến của truyền thống *Jātaka*. Ngày nay, những chùa chiền, tự viện ra công biên chép và in ấn *Jātaka* cũng như kinh điển nói chung, đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao thói quen đọc sách của người dân.[89]

8. Ảnh hưởng *Jātaka* tại Thái Lan

Có một khoảng cách địa lý nhất định đối với đất nước Ấn Độ so với Tích Lan và Miến Điện, cho nên việc Thái Lan phát triển *Jātaka* dưới hình thức phù

[86] Ngài Devaragampola Silvatanna nổi tiếng với những bức tranh vẽ tại tinh xá Malvatu và tinh xá Degaldoruwa ở Kandy (Tích Lan).

[87] 500 thân tướng của vị Bồ-tát có mặt trong đám rước Xá-lợi răng Phật đến tinh xá Abhayagiri vào thế kỷ V. Xem Oskar von Hinüber, *A Handbook of Pali Literature* (New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, 1996), p. 57.

[88] E. B. Cowell (ed.) *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births* (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd. 1895), tr. xxii.

[89] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 21.

điêu trễ hơn. Tuy nhiên, truyền thống *Jātaka* Thái Lan vẫn có độ phong phú đáng kể từ thế kỷ XIV. Hàng trăm bức phù điêu biểu đạt những phân cảnh của các câu chuyện tiền thân được dùng để trang trí cho những ngôi chùa nổi tiếng ở nhiều nơi,[90] nổi trội là xứ Sukhodaya vào thế kỷ XIV.[91] Hầu hết nội dung của những bức phù điêu ấy đều dựa vào *Lalitavistara Sūtra*, một tác phẩm thiêng liêng bậc nhất viết bằng ngôn ngữ Sanskrit thuộc hệ kinh điển Phương quảng của Phật giáo Phát triển.[92] Sau khi Thánh điển Phật giáo đã hoàn thành, chúng ta biết rằng văn học *Jātaka* vẫn tiếp tục phát triển với những tập *Jātaka* thời hậu Thánh điển, cụ thể như bộ *Paññāsajātaka* mà cả ba nước Thái Lan, Lào và Campuchia cùng nhau chia sẻ, trong đó đáng chú ý là *Sudhanajātaka* (số 2).[93] Câu chuyện này được học giả Louis Finot nhắc đến trong bài viết "Recherches sur la Littérature Laotienne" (*Nghiên cứu Văn học Lào*) do Viện Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội xuất bản năm 1917.

Ở Đông Nam Á, trong tác phẩm *La Version Mône du Nārada Jātaka* (*Bản dịch tiếng Mône của Bổn sanh Nārada*), xuất bản ở Saigon năm 1954, Pierre Dupont đã đề cập đến một phiên bản mới của *Nāradajātaka* (phiên bản Pāli cổ điển là *Mahānāradakassapajātaka*, số §545), một trong 10 câu chuyện làm nên *Mahānipātajātaka*. Đó là những câu chuyện rất phổ biến ở Miến Điện từ thế kỷ IV-XIII và được chuyển tải thông qua nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc; chúng còn được những bia ký thời đại ấy đề cập đến. Cần ghi nhận rằng Pagan, kinh đô của Miến Điện từ thế kỷ XI-XIII là nơi mà hầu hết dấu vết của Phật giáo Mon được tìm thấy, cụ thể là những bia ký bên cạnh các di tích kiến trúc và điêu khắc, tượng đất nung và bích họa.

9. Ảnh hưởng *Jātaka* tại Lào

Trong nền văn học Pāli ở Lào lại có thêm một tập *Jātaka* bản địa được xem là hoa trái của quá trình giao thoa tiếp biến thậm chí là hòa vào nhau giữa văn hóa Phật giáo và văn hóa dân gian Đông Nam Á.[94] Sự thật, đa phần những câu chuyện trong tập *Jātaka* ấy hầu như đều do chế tác mà có nên độ chính thống tông truyền rất hạn chế khi so với tập *Jātaka* trong Thánh tạng. Tuy nhiên, điều ấy không làm giảm sút giá trị của nhận thức rằng những câu chuyện ấy đã là thành tố quan trọng của nền văn học dân gian và có vai trò vô cùng mật thiết trong việc định hình phong thái sống cho người dân cũng như xây dựng một thế giới quan, vũ trụ quan cho những cộng đồng dân cư nơi mà tập *Jātaka* ấy lưu hành.[95]

---

[90] Xứ Java (Indonesia) vào thế kỷ IX, xứ Pagan (Miến Điện) vào thế kỷ XIII.

[91] Bimala Churn Law, *A History of Pali Literature* (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 279.

[92] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 278.

[93] Đó là dị bản của "*Chuyện đôi ca thần Canda*" (*Candakinnarījātaka*, số §485).

[94] H. Saddhatissa đã trình bày trong bài viết: *Pali Literature from Laos* (*Nền văn học Pali từ đất nước Lào*)" đăng trong tuyển tập *Studies in Pali and Buddhism* (*Nghiên cứu Pāli và Phật giáo*), A Memorial Volumn in Honor of Bhikkhu Jagdish Kashyap, ed. by A. X. Narain (New Delhi: B. R. Pub. Corp., 1979).

[95] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 21.

10. Ảnh hưởng *Jātaka* có tầm châu lục

Một câu chuyện tiền thân thi vị, "*Chuyện con thỏ*" (*Sasajātaka*, số 316) có độ phổ biến hay độ trùng hợp đáng kinh ngạc. Một con thỏ hiền trí đã nhảy vào đống lửa để tặng thân thể của mình cho người khách:

"*Bảy cá hồng tôi đã gọn mang...*

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về sự cúng dường vật dụng cho các Tỳ-kheo.

Một người chủ đất nọ tại Xá-vệ cung cấp đủ mọi thứ cần thiết cho Tăng đoàn, đứng đầu là đức Phật. Ông ta dựng một cái rạp ở trước cửa nhà ông rồi mời các Tỳ-kheo cùng đức Phật là vị dẫn đầu, đến ngồi vào chỗ trang nghiêm đã chuẩn bị sẵn và cúng dường các vị đủ mọi thức ăn cao lương thượng hạng. Ông còn nói:

– Ngày mai, xin quý vị trở lại.

Ông khoản đãi họ trọn một tuần và đến ngày thứ bảy, ông dâng cúng đức Phật cùng năm trăm vị Tỳ-kheo của Ngài đủ mọi thứ vật dụng cần thiết. Vào cuối bữa tiệc, bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ công đức:

– Này cư sĩ, ông tạo sự thỏa lòng mãn ý do sự bố thí này, thật là đúng lý. Vì đây là một truyền thống của hàng trí giả ngày xưa, những vị đã hiến cả thân mạng mình cho bất cứ kẻ hành khất nào mà họ gặp, họ còn cho những kẻ ấy ăn cả thịt của chính họ nữa.

Rồi do thỉnh cầu của gia chủ, Ngài kể một chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một con thỏ sống trong một khu rừng. Một phía rừng này là chân một ngọn núi, ở phía kia là một con sông và ở phía thứ ba là một ngôi làng biên địa. Thỏ có ba bạn: Một con khỉ, một con chó rừng và một con rái cá. Bốn con vật khôn ngoan này sống với nhau, mỗi con săn tìm thức ăn của mình trong một khu riêng biệt và đến chiều tối, chúng đến họp lại với nhau. Thỏ rất thông tuệ, có tài khuyến dụ, thường thuyết chân lý cho ba bạn kia, dạy các bạn ấy nên bố thí, nên tuân hành luật đạo đức và giữ gìn ngày trai giới. Chúng đều tiếp thu lời khuyến dụ ấy và mỗi con đến trú ở chỗ riêng của mình trong khu rừng ấy.

Thời gian trôi qua, một hôm Bồ-tát quan sát bầu trời, nhìn mặt trăng và biết rằng hôm sau là ngày trai giới liền dặn ba bạn kia:

– Ngày mai là trai nhật. Cả ba bạn hãy thực hành giới luật và giữ gìn ngày trai giới. Ai tỏ ra kiên định trong việc thực hiện đạo đức thì việc bố thí sẽ mang lại cho vị ấy kết quả xứng đáng. Thế thì hễ có kẻ nào đến xin bạn, bạn hãy cho họ ăn bằng chính thức ăn của bạn.

Tất cả đều đồng ý, rồi ai nấy về chỗ của mình. Tờ mờ sáng hôm sau, rái cá ra đi tìm mồi, xuống tới bờ sông Hằng. Bấy giờ, có một người đánh cá bắt được

bảy con cá hồng, xâu cá vào một sợi mây rồi đem chôn chúng dưới cát trên bờ sông. Sau đó, ông ta lại xuống sông để bắt thêm cá. Rái cá đánh hơi được mấy con cá đang được chôn vùi kia, liền bới cát lên, trông thấy cá liền lôi ra và kêu lớn lên ba lần:

– Cá của ai đây?

Không thấy chủ nhân đâu, nó liền lấy răng cắn xâu cá ấy mang vào rừng đem về để vào nơi nó ở, định sẽ ăn vào lúc thích hợp. Thế rồi nó nằm xuống suy nghĩ: "Mình thật đạo hạnh quá!"

Con chó rừng cũng ra đi kiếm thức ăn và tìm thấy trong túp lều của một người trông coi đồng ruộng hai xiên thịt nướng, một con rắn mối và một lọ sữa đông. Nó kêu lớn lên ba lần:

– Các thứ này của ai đây?

Sau đó không thấy ai là chủ nhân, nó tròng dây vào cổ mang cái lọ, dùng răng cắn con rắn mối và hai xiên thịt mang về cất vào hang của nó. Nó tự nghĩ: "Vào lúc thích hợp, ta sẽ ăn các thứ này." Rồi nó nằm xuống, suy nghĩ vừa rồi nó giữ đạo hạnh thật tốt.

Con khỉ cũng vào trong lùm cây, lượm một cành xoài rồi mang lên cất vào khu của nó trong rừng, định sẽ ăn các trái xoài ấy vào lúc thích hợp. Rồi nó nằm xuống, suy nghĩ nó đã giữ đạo hạnh thật đúng.

Còn Bồ-tát vào lúc cần, ra ngoài định ăn đọt non trên bãi cỏ kusa và trong lúc nằm trong rừng, ngài chợt nghĩ: "Ta chẳng có dầu, chẳng có cơm, chẳng có các thứ như thế. Nếu có ai đến đây xin ta, ta đâu có thể lấy cỏ mà cho họ được. Nếu có người hành khất nào đến với ta, ta sẽ cho người ấy thịt của chính ta vậy." Sự biểu lộ đức hạnh sáng ngời ấy làm cho chiếc ngai bằng cẩm thạch trắng của Thiên chủ Đế-thích nóng lên. Đế-thích quán tưởng và khám phá ra duyên cớ, rồi quyết định thử lòng con thỏ chúa này. Trước hết, Thiên chủ giả làm một Bà-la-môn đến đứng gần nơi ở của con rái cá. Rái cá hỏi tại sao ông đứng đó, ông đáp:

– Này hiền giả, tôi vừa nhịn đói giữ trai giới, nếu có được thứ gì để ăn, tôi sẽ hoàn tất mọi bổn phận của một đạo sĩ.

Rái cá nói:

– Tốt lắm, tôi sẽ cho ngài thức ăn.

Rồi nó đọc bài kệ đầu để nói với Đế-thích:

> *Bảy cá hồng tôi đã gọn mang,*
> *Từ dòng nước cả của sông Hằng,*
> *Bà-la-môn hỡi, ăn cho thỏa,*
> *Và ở lại đây chốn núi ngàn.*

Vị Bà-la-môn bảo:

– Hãy để đến ngày mai rồi tôi sẽ tính.

Rồi ông đến với con chó rừng. Khi được hỏi vì sao ông đứng đó, ông cũng trả lời như trước kia. Chó rừng cũng sẵn sàng hứa tặng ông đồ ăn và nói với ông bằng bài kệ thứ hai:

Người coi đồng dành thức ăn tối,
Bình sữa kia, rắn mối nữa đây,
Và hai xiên thịt nướng này,
Tôi đây trót dại lấy ngay ấy mà.
Có bao nhiêu tôi đà tặng đấy,
Bà-la-môn, xin hãy ăn thôi!
Nếu ngài hạ cố đến nơi,
Rừng này ở lại cùng tôi một hồi.

Vị Bà-la-môn bảo:

– Hãy để đến mai rồi tôi sẽ tính.

Rồi ông đến với con khỉ. Khi được hỏi vì sao ông đứng đó, ông cũng trả lời như trước. Khỉ sẵn sàng cho ông đồ ăn và nói với ông bài kệ thứ ba:

Dòng nước lạnh với cành xoài mọng,
Chốn rừng xanh rợp bóng yên lành,
Để ngài vui hưởng, sẵn dành,
Nếu ngài thỏa ý, rừng xanh nương mình.

Vị Bà-la-môn bảo:

– Hãy để đến mai rồi tôi sẽ tính.

Rồi ông đến con thỏ rừng tinh khôn. Khi được hỏi vì sao ông đứng đó, ông cũng trả lời như trên. Khi nghe ông ta muốn gì, Bồ-tát rất thỏa ý, liền nói:

– Này Bà-la-môn, ngài đến với tôi để kiếm đồ ăn thì thật là đúng lắm. Hôm nay, tôi muốn trao tặng một thứ mà trước đây tôi chưa bao giờ trao tặng và ngài sẽ không phải phạm giới sát sinh. Này bằng hữu, khi ngài chất củi và nhóm lên một ngọn lửa xong, hãy đến báo cho tôi biết, tôi sẽ nhảy vào trong lửa để hiến mạng sống của tôi. Khi thân tôi đã được nướng chín, ngài hãy ăn thịt tôi rồi hoàn thành các bổn phận đạo sĩ của ngài.

Rồi thỏ nói với ông bài kệ thứ tư:

Tôi chẳng có thức ăn mè, đậu,
Cùng gạo cơm để hậu đãi ngài,
Thịt tôi hãy nướng lửa thôi,
Nếu ngài sống với chúng tôi chốn này.

Thiên chủ Đế-thích nghe bảo thế, liền dùng thần lực tạo nên một đống than cháy đỏ rồi đến báo cho Bồ-tát hay, Bồ-tát từ chỗ nằm bằng cỏ kusa đứng lên

và đến nơi ấy, ngài lắc mình ba lần để nếu có côn trùng vào nằm trong bộ lông của ngài rơi ra mà thoát chết.

Rồi để hiến dâng toàn cả thân mình, Bồ-tát nhảy vọt lên trong một niềm hoan lạc tràn trề. Ngài rơi xuống đống than cháy rực giống như một con thiên nga vương giả đáp xuống cụm hoa sen. Nhưng ngọn lửa tắt ngay khi chạm đến những lỗ chân lông trên toàn thân ngài giống như ngài rơi vào vùng sương giá. Ngài liền hỏi Đế-thích:

– Này Bà-la-môn, ngọn lửa ngài vừa nhóm lên giá lạnh quá, nó chẳng làm nóng được các lỗ chân lông trên thân thể tôi. Tại sao thế?

Đế-thích đáp:

– Thưa Hiền giả, ta chẳng phải là một Bà-la-môn, ta là Đế-thích, ta đến đây để thử đức hạnh của ngài.

Bồ-tát nói:

– Thưa Đế-thích, không những chỉ riêng ngài mà nếu tất cả mọi người trên thế gian này đến đây để thử tôi về cung cách bố thí như thế kia thì họ cũng sẽ không bao giờ thấy rằng tôi từ bỏ một ý định bố thí nào.

Nói xong, Bồ-tát thốt lên tiếng reo sảng khoái như tiếng rống của sư tử.

Bấy giờ, Đế-thích nói với Bồ-tát:

– Này thỏ hiền trí, mong cho đức hạnh của ngài được tỏa sáng muôn đời.

Rồi Thiên chủ ép một trái núi, lấy nước tinh từ đó ra mà vẽ hình một con thỏ trên mặt trăng. Sau khi đặt thỏ vào chỗ nằm bằng cỏ non kusa, Thiên chủ quay về cung điện của mình ở trên trời.

Bốn con vật khôn ngoan kia sống hạnh phúc hài hòa bên nhau, giữ tròn giới luật, tuân hành các ngày trai giới, rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết bốn chân lý. Ở phần kết thúc bốn chân lý, người gia trưởng đã cúng dường các vật dụng cần thiết cho các Tỳ-kheo kia đắc quả Dự lưu, và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ Ānanda là con rái cá, Mục-kiền-liên là con chó rừng, Xá-lợi-phất là con khỉ, còn Ta là con thỏ hiền trí ấy."

Câu chuyện hào sảng này chứa đựng những chi tiết gây phấn chấn tâm hồn, vừa hoành tráng vừa thi vị. Để kỷ niệm hành động hy hiến bản thân của chú thỏ, Vua trời Đế-thích đã nhấc một hòn núi lên làm bút và vẽ hình ảnh của chú thỏ lên vầng trăng. Những người Phật tử Kalmuks, một trong hai sắc dân lớn nhất của người Mông Cổ, đã gìn giữ thần tích này với tên gọi: "Thỏ ngọc vầng trăng."[96] Câu chuyện "Thỏ ngọc" này không chỉ phổ biến rộng khắp một vùng

[96] T. W. Rhys Davids đề cập chuyện này trong tác phẩm *Buddhism* (London: Society for Promoting Christian Knowledge, 1890).

địa lý bao la bao gồm những đất nước và khu vực lớn nhỏ như Ấn Độ,[97] Tây Tạng, Miến Điện và Nhật Bản mà còn lan tỏa sang Trung Hoa và trở thành một nét văn hóa cơ hữu, đặc sắc của đất nước tỷ dân ấy. Không dừng ở đó, chú thỏ trên vầng trăng còn lan xa đến Âu Mỹ. Chắc chắn, Phật giáo Đại thừa dưới dạng những câu chuyện sẽ tiếp tục là nguồn dưỡng chất thánh thiện, cao siêu và trác tuyệt, tạo nền tảng cho mặt bằng đạo đức và lòng hy hiến nơi những tâm hồn hiền thiện và thanh lương.

VI. PHIÊN BẢN *JĀTAKA* TIẾNG VIỆT

1. Để bản của *Jātaka* tiếng Việt

Tập *Chuyện Tiền thân* (2 quyển) trong bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* này, mang số hiệu 06-07, được HT. Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan dịch từ tiếng Pāli và tiếng Anh sang Việt ngữ. Các ấn bản tiếng Pāli này đều được PTS ấn hành.[98] Hòa thượng chỉ dịch 120 câu chuyện đầu từ tiếng Pāli và cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan dịch các câu chuyện còn lại từ bản tiếng Anh. Phần dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu, như *Lời giới thiệu* của Hòa thượng đã nói, là không dịch phần *Veyyākaraṇā*, tức phần giải thích bài kệ hoặc các danh từ trong câu chuyện quá khứ.

Cũng cần đề cập ở đây, bản *Jātaka* bằng tiếng Pāli của PTS do V. Fausböll biên tập đầu tiên với tựa đề: *The Jātaka Together with Its Commentary Bring Tales of the Anterior Births of Gotama Buddha* (*Jātaka kết hợp với Chú giải mang lại những câu chuyện về tiền thân của đức Phật Gotama*) gồm 6 tập, được PTS xuất bản tại London từ năm 1877-96. Ấn bản này có sự khác biệt rất lớn với ấn bản Tích Lan và CST, vì gom chung *Chánh tạng* (*Mūla*) và *Chú giải* (*Aṭṭhakathā*) thành một bản như chúng ta đang thấy trong *TTTĐPGVN*, trong khi đó, bản *Jātaka* thuộc *Chánh tạng* của Tích Lan và CST chỉ có các câu kệ và các phần còn lại như câu chuyện hiện tại, câu chuyện quá khứ, giảng giải các danh từ, giảng rộng nội dung bài kệ, v.v... được trình bày trong *Chú giải*.[99]

T. W. Rhys Davids đã dịch hai tập đầu sang tiếng Anh với tựa đề: *Buddhist Birth Stories* (*Những chuyện tiền thân Phật giáo*), được PTS xuất bản năm 1880. Sau đó các học giả R. Chalmers, W. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B. Cowell lần lượt dịch sang tiếng Anh, và E. B. Cowell biên tập thành 6 tập với tựa đề: *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births*, được PTS xuất bản tại London từ năm 1895-1913. Trong bản tiếng Anh này, các dịch

---

[97] Đây là câu chuyện có niên đại tiền Phật giáo. Xem Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 145.

[98] *Jātaka*, 6 vols., ed. by V. Fausböll (London: PTS, 1877-96); *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births* (*A Translation of the Jātaka*), 6 vols., tr. by R. Chalmers, W. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B. Cowell, and ed. by E. B. Cowell (London: PTS, 1895-1913).

[99] Ngoại trừ câu chuyện 536, *Chuyện chim chúa Kuṇāla*, trong bản Tích Lan và CST vừa có văn xuôi vừa có bài kệ.

giả chuyển dịch từ Pāli sang Anh ngữ cũng lược bỏ bớt phần giải thích các danh từ và nội dung của bài thi kệ, tức là bỏ phần *Veyyākaraṇā*.

2. Ấn bản *Jātaka* tiếng Việt hiện nay

Trong quá trình nhuận sắc lại bản dịch tiếng Việt, Ban Biên tập có tham khảo bản *Jātaka* trong *Chánh tạng* và *Chú giải* của ấn bản Tam tạng do Tăng-già Phật giáo Theravāda kết tập lần thứ 6 (*Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka*) tại Miến Điện. Ấn bản này được Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) tại Ấn Độ biên tập và đăng tải tại tipitaka.org rất phổ biến trong giới học giả ngày nay.

Về bản dịch *Chuyện Tiền thân* trong ấn bản *TTTĐPGVN*, Ban Biên tập thống nhất giữ nguyên bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan, đánh số kệ theo thứ tự mặc ước trong *Chánh tạng* CST, đồng thời bổ sung trên 600 bài thi kệ (dịch trên 100 bài kệ, tách kệ đã dịch theo bản CST trên 100, và chuyển thi kệ từ văn xuôi đã dịch trên 400 bài).

Một số dữ liệu khác trong bản dịch Việt cũng được điều chỉnh đúng theo *Chánh tạng* và *Chú giải Jātaka* của CST. Tuy nhiên, tiêu đề và các chữ dùng trong bản này cũng viết theo PTS và ghi chú sự khác biệt giữa chúng với bản CST và ấn bản Tích Lan trong Phụ lục 4.

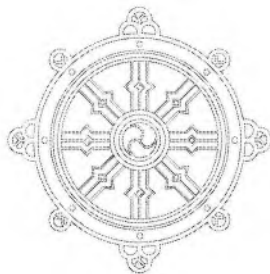
Tất cả sự nỗ lực của chư vị Trưởng lão, dịch giả tiền bối và Ban Biên tập ngày nay đều hướng đến sự hoàn thiện bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* như hàng triệu trái tim người con Phật Việt Nam trong nước và nước ngoài hằng mong đợi.

Cẩn bút,

Mùa An cư kiết hạ PL. 2565 – DL. 2021

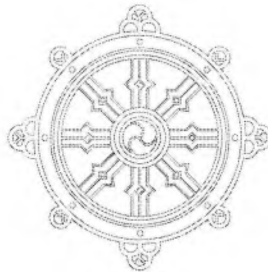
TT.TS. Thích Minh Thành

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



MỤC LỤC

CHUYỆN TIỀN THÂN



CHUYỆN TIỀN THÂN
(*JĀTAKA*)

CHƯƠNG I

MỘT KỆ

(*EKANIPĀTA*)

I. PHẨM KHÔNG LỖI LẦM

(*APAṆṆAKAVAGGA*)

§1. CHUYỆN KHÔNG LỖI LẦM (*Apaṇṇakajātaka*) (*J.* I. 95)

Có những người nói lên...

Đức Thế Tôn khi ở tinh xá Kỳ Viên, gần Xá-vệ, đã thuyết pháp thoại này. Vì ai, pháp thoại này được đề cập? Vì năm trăm người bạn của vị triệu phú Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đều là đệ tử ngoại đạo.[1]

Một ngày kia, vị triệu phú Cấp Cô Độc đem năm trăm người bạn của mình, đều là đệ tử ngoại đạo, cho mang theo nhiều vòng hoa, hương thơm, dầu hương cùng dầu thắp, mật ong, mật mía, vải và áo choàng, đi đến Kỳ Viên đảnh lễ Thế Tôn, cúng dường Ngài các vật liệu như: Vòng hoa, v.v... phân phát cho chư Tăng dược phẩm trị bệnh và vải mặc. Làm xong việc ấy, ông ngồi xuống một bên và tránh sáu tật xấu trong lúc ngồi.

Cũng vậy, các đệ tử ngoại đạo đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên gần ông Cấp Cô Độc, nhìn lên gương mặt đức Bổn sư chói sáng như trăng rằm, vẹn toàn các tướng tốt chính và phụ; nhìn lên Phạm thân tỏa ánh sáng rộng một sải và nhìn lên hào quang rực rỡ của đức Phật, những hào quang phóng ra như thể từng đôi vòng, từng cặp một.

Rồi giống con sư tử trẻ rống như sấm động ở thung lũng Đỏ, như mây bão tố trong mùa mưa, như sông Hằng thiên giới (dải thiên hà) ào ào đổ xuống và như đan dệt một chuỗi châu báu; tuy vậy, với một Phạm âm đầy đủ tám phần tuyệt hảo, kỳ diệu làm tai thích thú, Ngài thuyết pháp cho họ, một pháp thoại dịu ngọt và chói sáng với nhiều vẻ đẹp khác nhau.

Họ nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, tâm được tịnh tín, liền đứng dậy đảnh lễ bậc Đạo sư, phá vỡ pháp quy y ngoại đạo, rồi quy y Phật. Từ đấy, họ luôn

---

[1] Chỉ cho các trường phái, các dị giáo thời bấy giờ, gồm có 6 trường phái lớn của 6 đạo sư: Purāṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambala, Kakudha Kaccāyana, Sañjaya Belaṭṭhiputta và Nigaṇṭha Nāthaputta. Xem *D.* I. 47, *Sāmaññaphalasutta* (*Kinh Sa-môn quả*), số 2.

luôn đi đến tinh xá với ông Cấp Cô Độc, tay cầm hương thơm, vòng hoa, v.v... nghe pháp, bố thí, trì giới và thọ bát quan trai giới.

Rồi Thế Tôn từ Xá-vệ lại đi đến Vương Xá. Trong thời gian Như Lai đi vắng, họ phá vỡ pháp quy y Phật. Rồi họ lại quy y ngoại đạo, trở lui nguyên trạng của họ. Sau bảy, tám tháng, Thế Tôn về lại Kỳ Viên. Ông Cấp Cô Độc đem năm trăm người bạn đồng tu đi đến yết kiến bậc Đạo sư, cúng dường Ngài với hương thơm, v.v... đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên. Họ cũng đảnh lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ông Cấp Cô Độc báo cho Thế Tôn biết, sau khi Ngài ra đi, họ phá vỡ pháp quy y đã thọ, chấp nhận quy y lại pháp ngoại đạo, trở lui nguyên trạng của họ.

Mở miệng như hoa sen của Ngài như mở hộp châu báu đầy những hương thơm sai biệt, thơm với hương thơm chư thiên, do uy lực nói lời chơn thực trải vô lượng ức kiếp không gián đoạn, Thế Tôn phát ra âm thanh dịu ngọt và hỏi:

– Này các nam cư sĩ, có thật chăng các ông đã phá vỡ tam quy và đi theo quy y ngoại đạo?

Khi không thể che giấu, họ thú nhận:

– Thật vậy, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các cư sĩ, không có một chỗ nào, dưới từ đáy địa ngục, trên cho đến chư thiên, không có một chỗ nào trong các thế giới vô lượng trải rộng bề ngang, không có ai bằng, chớ đừng nói cao hơn đức Phật về những công đức như giữ giới, v.v...

Rồi Ngài trình bày cho họ những công đức của Ba ngôi báu như đã được nói đến trong kinh điển:

– Này các Tỷ-kheo, giữa các chúng sanh không chân, hai chân, hay bốn chân, Như Lai được gọi là tối thượng. Nếu có những tài sản nào ở đời này hay đời sau... Và thật vậy, tối thượng giữa những tín đồ...

Rồi Ngài nói tiếp:

– Không có một cư sĩ nào, nam hay nữ đã quy y Ba ngôi báu, những ngôi báu đầy đủ công đức tối thượng như vậy, phải tái sanh trong các địa ngục, v.v... Họ được thoát khỏi sanh vào đọa xứ, họ được sanh vào thế giới chư thiên và đắc thiền chứng lớn. Do đó, khi các ông phá vỡ quy y như vậy và đi đến quy y ngoại đạo, các ông đã làm một việc sai lạc.

Và ở đây, để nêu rõ rằng, không có ai đã quy y Ba ngôi báu với sự giải thoát tối thượng lại phải sanh vào đọa xứ, những đoạn kinh này được nói lên:

Những ai quy y Phật, Sẽ không đi đọa xứ,
Từ bỏ thân làm người, Sẽ tràn đầy thiên giới.
Những ai quy y Pháp, Sẽ không đi đọa xứ,
Từ bỏ thân làm người, Sẽ tràn đầy thiên giới.

Những ai quy y Tăng,
Từ bỏ thân làm người,
Loài người sợ, hoảng hốt,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Quy y ấy không ổn,
Quy y các chỗ ấy,
Ai quy y đức Phật,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy khổ và khổ tập,
Thấy đường Thánh tám ngành,
Thật quy y an ổn,
Có quy y như vậy,

Sẽ không đi đọa xứ,
Sẽ tràn đầy thiên giới.
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc vườn cây, đền tháp,
Không quy y tối thượng,
Không thoát mọi khổ đau.
Chánh pháp và chư Tăng,
Thấy được bốn sự thật,
Thấy sự khổ vượt qua,
Đưa đến khổ não tận,
Thật quy y tối thượng,
Mới thoát mọi khổ đau.[2]

Bậc Đạo sư không chỉ thuyết pháp cho họ như vậy, Ngài còn nói tiếp:

– Này các nam cư sĩ, pháp hành niệm Phật, pháp hành niệm Pháp, pháp hành niệm Tăng đem lại Dự lưu đạo, Dự lưu quả, Nhất lai đạo, Nhất lai quả, Bất lai đạo, Bất lai quả, A-la-hán đạo, A-la-hán quả.

Sau khi Ngài thuyết pháp cho họ với nhiều phương thức, Ngài nói:

– Với sự phá vỡ quy y như vậy, các ông đã làm một việc sai lạc.

Và ở đây, sự đem lại các Dự lưu đạo, Dự lưu quả, v.v... cho những ai hành trì niệm Phật, v.v... cần phải được nêu rõ với những đoạn kinh như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có một pháp, nếu được tu tập và được làm cho viên mãn, đưa đến hoàn toàn yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Chính là niệm Phật, v.v...

Như vậy, Thế Tôn với các phương tiện khác nhau, thuyết giảng cho các nam cư sĩ:

– Này các nam cư sĩ, cũng vậy, trong thời quá khứ, những ai chấp chặt tà luận, chấp chặt điên đảo luận, nghĩ rằng: Cái gì không phải là chỗ quy y, lại xem là chỗ quy y chân thật, những người ấy sẽ bị quỷ dạ-xoa ăn thịt trong cảnh sa mạc, chỗ trú của phi nhân và bị lâm vào đại nạn. Còn những ai chấp chặt sự thật vô hý luận, chấp chặt pháp tối thượng, chấp chặt pháp không điên đảo thì trong cảnh sa mạc ấy, họ đạt được yên ổn, an toàn.

Khi nói đến đây, Ngài im lặng. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, tán thán Ngài với hai tay đặt trên đầu và thưa như sau:

– Bạch Thế Tôn, nay thật rõ ràng cho chúng con thấy trong thời hiện tại, những người nam cư sĩ ấy, sau khi phá vỡ pháp quy y tối thượng đã rơi vào rừng rậm tà luận. Nhưng trong quá khứ, đại nạn của những ai chấp chặt tà luận tại sa mạc, chỗ trú của phi nhân và sự yên ổn an toàn của những người chấp chặt pháp vô hý luận, đối với chúng con đang bị che lấp, chỉ rõ ràng đối với Ngài.

---
[2] Xem *Dh*. v. 188-92.

Lành thay, nếu Thế Tôn như thể khiến mặt trăng tròn mọc lên, làm sáng tỏ sự kiện này cho chúng con!

Rồi Thế Tôn nói:

– Này gia chủ, chính vì mục đích loại bỏ các nghi nan ở đời, nhờ sự thực hành trọn vẹn mười Ba-la-mật[3] trải vô lượng kiếp mà Ta chứng đắc Nhất thiết trí. Hãy cẩn thận lắng tai nghe như thể các ông đang đổ tủy của sư tử vào một cái ống bằng vàng!

Sau khi khích lệ sự chú ý của người triệu phú, Ngài nói lên câu chuyện đã bị tái sanh che lấp, như mặt trăng tròn được giải tỏa sau khi phá tan đám mây tuyết.

***

Thuở xưa trong nước Kāsi, tại thành Ba-la-nại, có vị vua tên là Brahmadatta. Khi ấy, Bồ-tát được sanh trong gia đình thương gia, làm chủ đoàn lữ hành và tiếp tục lớn lên, đi chỗ này chỗ kia buôn bán với năm trăm cỗ xe, khi thì đi từ Đông qua Tây, khi thì đi từ Tây qua Đông. Tại thành Ba-la-nại, có một người chủ đoàn lữ hành khác còn trẻ và ngu si, không giỏi tùy cơ ứng biến.

Lúc bấy giờ, sau khi chất đầy năm trăm cỗ xe với hàng hóa có giá trị lớn, Bồ-tát sẵn sàng lên đường. Người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si kia cũng chất đầy hàng hóa tương tự trên năm trăm cỗ xe khác, sẵn sàng lên đường. Bồ-tát suy nghĩ: "Nếu người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si này đi với ta, với một ngàn cỗ xe cùng đi một lần trên con đường thì con đường sẽ không thể chịu nổi; thật sẽ khó tìm được củi, nước cho đoàn người và cỏ cho các con bò. Hoặc là họ, hoặc là ta phải đi trước."

Ngài nhắn tin mời người ấy đến, trình bày sự việc và nói:

– Hai chúng ta không thể đi cùng một lần được. Vậy bạn sẽ đi trước hay đi sau?

Kẻ ấy suy nghĩ: "Nếu ta đi trước, sẽ có nhiều lợi ích. Ta sẽ đi con đường chưa bị phá hư, các con bò sẽ ăn cỏ chưa bị động chạm; còn các người nhà ta sẽ hái được các ngọn lá nấu cà-ri chưa bị động chạm, nước được trong lặng; và sau cùng định giá bán theo sở thích, ta sẽ bán các hàng hóa."

Nghĩ vậy, kẻ ấy nói:

– Này bạn, tôi sẽ đi trước.

Còn Bồ-tát thấy đi sau có nhiều lợi ích vì ngài lý luận như vầy: "Những người đi trước sẽ san bằng con đường chưa được san bằng; ta sẽ đi con đường đã được họ đi qua. Các con bò của họ sẽ ăn cỏ đã già, đã cứng; các con bò của ta sẽ ăn cỏ mới mọc và ngọt. Người của ta sẽ tìm được các ngọn lá nấu cà-ri mới mọc tại chỗ các lá đã được hái đi. Tại chỗ không có nước, họ phải đào để lấy nước, chúng ta sẽ uống nước trong các giếng được người khác

[3] Xem *Cp.* 98, *Vaṭṭapotakacariya* (*Hạnh của chim cút con*); *J.* I. 212, *Vaṭṭakajātaka* (*Chuyện chim cút*), số §35.

đào lên. Việc định giá giống như sát hại mạng sống con người, ta đi sau sẽ bán hàng hóa theo giá thông thường đã quy định." Khi thấy những lợi ích như vậy, Bồ-tát nói:

– Này bạn, bạn hãy đi trước.

– Lành thay, này bạn!

Người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si nói như vậy, rồi cho thắng các cỗ xe, ra đi thứ lớp, vượt qua các thôn xóm và bắt đầu đến biên giới sa mạc. Thuở bấy giờ, các sa mạc có năm loại: Sa mạc trộm cướp, sa mạc thú dữ, sa mạc không có nước, sa mạc phi nhân và sa mạc không có đồ ăn.

Trước tiên, con đường nào có trộm cướp trú ẩn, chỗ ấy được gọi là sa mạc trộm cướp; thứ hai, con đường nào có sư tử, v.v... trú ẩn, được gọi là sa mạc thú dữ; thứ ba, chỗ nào không có nước để tắm hay để uống, được gọi là sa mạc không có nước; thứ tư, con đường nào có các loài phi nhân (quỷ thần) trú ẩn, được gọi là sa mạc phi nhân; thứ năm, con đường nào không tìm thấy các loại rễ cây có thể ăn được, v.v... được gọi là sa mạc không có đồ ăn.

Trong năm loại sa mạc này, có hai loại sa mạc nguy hiểm là sa mạc không có nước và sa mạc phi nhân. Do vậy, người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si ấy cho đặt lên xe những ghè rất lớn, đổ đầy nước và bắt đầu di chuyển vào bãi sa mạc dài sáu mươi do-tuần này.

Khi họ đã đi được nửa đường, con quỷ dạ-xoa trú ở sa mạc nghĩ: "Ta sẽ làm cho những người này quăng nước cất giữ, làm cho họ yếu sức, rồi ta sẽ ăn thịt tất cả bọn họ." Rồi nó hóa hiện một cỗ xe đẹp đẽ với những con bò mộng trắng trẻo, được hộ vệ với mười, mười hai phi nhân tay cầm cung tên, khiên và binh khí; nó trang sức với vòng hoa sen xanh và hoa súng trắng trên đầu, với tóc ướt và áo ướt, ngồi trên cỗ xe ấy như một vị chúa tể; nó dẫn bước trên đường với các bánh xe dính bùn. Còn đoàn tùy tùng đi trước và đi sau, với tóc ướt, áo ướt; trang sức với vòng hoa sen xanh và hoa súng; với những bó sen trắng, sen đỏ cầm tay; nhai những cọng sen, củ sen nhỏ giọt nước và bùn.

Bấy giờ, khi gió thổi trước mặt, những người chủ đoàn lữ hành theo lệ thường ngồi trong cỗ xe đi trước với những người hầu hạ bao vây để tránh bụi. Khi gió thổi đằng sau, họ đi xe phía sau. Nay gió thổi phía trước, do vậy, người chủ đoàn lữ hành trẻ đi xe ở phía trước. Con quỷ dạ-xoa thấy người ấy đến gần, liền cho đậu xe ở một bên đường, chào đón một cách thân tình và hỏi đi đâu. Người chủ đoàn lữ hành cũng cho đậu xe của mình một bên đường và nói với quỷ dạ-xoa:

– Thưa ông bạn, chúng tôi đi từ Ba-la-nại tới. Các ông trang sức với hoa sen xanh và hoa súng, tay cầm hoa sen trắng và đỏ, đang nhai những cọng sen và củ sen lấm bùn vừa đi vừa chảy những giọt nước. Vậy phải trên đường các ông đi có mưa, có những hồ ao phủ đầy với hoa sen xanh, v.v…?

Quỷ dạ-xoa nghe hỏi, liền nói lớn:

– Này bạn, bạn nói gì vậy? Đằng kia đã hiện rõ đường lằn sẫm của rừng xanh. Từ đó trở đi toàn là rừng, không có gì ngoài nước. Luôn luôn trời mưa, ở đó các hồ đều ngập; khắp nơi đều có những ao nước đầy hoa sen.

Sau khi nói như vậy và đoàn xe đã đi ngang qua, nó hỏi:

– Những cỗ xe này đi đâu vậy?

Họ trả lời:

– Đi tới chỗ này chỗ kia.

– Trong mỗi cỗ xe này có hàng hóa gì vậy?

– Nhiều loại hàng hóa.

Rồi khi cỗ xe cuối cùng đi qua chở rất nặng nề, nó hỏi:

– Trong cỗ xe này chở gì vậy?

– Chở nước trong ấy.

– Từ chỗ khởi hành cho đến chỗ này, bạn đã mang nước là tốt; nhưng từ chỗ này trở đi, không cần phải mang nước nữa, từ phía trước mặt có nhiều nước. Hãy đập vỡ các ghè nước để đi cho thoải mái.

Và nó nói thêm:

– Các ông hãy đi, chúng tôi lên đường kẻo chậm trễ rồi!

Rồi nó đi một lát đến chỗ khuất dạng, liền trở về thành dạ-xoa. Người chủ đoàn lữ hành ngu si ấy, do sự ngu si của mình, nghe theo lời quỷ dạ-xoa, cho đập vỡ các ghè, không để dành lại dù chỉ một bụm nước, cứ đổ tất cả và ra lệnh các xe đi. Càng đi về phía trước, một giọt nước cũng không có. Bọn họ không được uống nước trở nên mệt mỏi. Họ vẫn tiếp tục đi cho đến khi mặt trời lặn.

Khi ấy, họ tháo dây buộc xe ra, xếp thành một vòng tròn và buộc các con bò vào bánh xe. Chúng không có nước uống. Họ không có cháo, không có cơm, nên yếu sức, nằm xuống khắp nơi rồi ngủ. Khi đêm vừa xuống, quỷ dạ-xoa từ thành dạ-xoa đi đến, diệt tất cả mạng sống người và bò, ăn thịt chúng, chỉ để lại xương rồi bỏ đi. Như vậy, chỉ vì một người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si, tất cả đã mắc vào đại nạn, xương cốt của người và vật rải khắp nơi, chỉ năm trăm cỗ xe còn đứng yên với đầy đủ hàng hóa.

Phần Bồ-tát, đợi từ ngày người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si ra đi, độ một tháng rưỡi trôi qua, với năm trăm cỗ xe từ thành phố ra đi, dần dần đi đến biên giới sa mạc. Vị ấy cho đổ đầy nước vào các ghè nước, cho lấy thêm nhiều nước dự trữ rồi đánh trống hội họp đoàn người lại và nói như sau:

– Nếu không hỏi ta thì một bụm nước cũng không được dùng. Có nhiều cây độc trong bãi sa mạc, không một ai trong các ngươi được ăn lá, hoa hay quả chưa ăn từ trước mà không hỏi ta.

Sau khi chỉ dạy cho họ như vậy, Bồ-tát mới bắt đầu đi vào bãi sa mạc với năm trăm cỗ xe. Khi đi đến giữa sa mạc, quỷ dạ-xoa ấy hiện hình ra trên

con đường của Bồ-tát như cách thức trước. Bồ-tát thấy nó liền nhận ra ngay và suy nghĩ: "Nơi này không có nước và được gọi là sa mạc không có nước. Người này có con mắt đỏ, bộ dạng không sợ hãi lại không có bóng chiếu, không nghi ngờ gì nữa, người chủ đoàn lữ hành ngu si và trẻ tuổi đi trước bị nó xúi giục, đã đổ tất cả nước, nên kiệt sức và bị nó ăn thịt cùng cả đoàn tùy tùng. Nhưng nó không biết ta có tài trí và khéo dùng phương tiện."

Vì vậy, Bồ-tát nói to với con quỷ:

– Ông hãy đi đi, chúng tôi là người lái buôn. Chưa thấy được nước khác, chúng tôi không đổ nước đã được dự trữ. Chỗ nào thấy nước, chúng tôi mới yên lòng đổ nước đi làm cho nhẹ các cỗ xe.

Quỷ dạ-xoa đi một lát đến chỗ khuất dạng, liền trở về thành dạ-xoa. Khi dạ-xoa đã đi, đoàn người hỏi Bồ-tát:

– Thưa ông chủ, những người này chỉ cho thấy đằng kia là dãy rừng xanh. Phía ngoài xa khu rừng ấy, trời luôn luôn mưa. Họ đội trên đầu những vòng hoa sen xanh và hoa súng; họ cầm những bó hoa sen đỏ và trắng; họ hái các củ sen và cọng sen; áo bị ướt, đầu bị ướt, họ đi với những giọt nước rơi chảy. Vậy chúng ta hãy đổ nước đi, khiến cho các cỗ xe được nhẹ, chúng ta đi mau hơn.

Bồ-tát nghe họ nói như vậy, liền cho dừng các cỗ xe, họp tất cả mọi người lại và hỏi:

– Trong các chú, có ai trước đây nghe nói rằng bãi sa mạc này có ao hay hồ không?

– Thưa ông chủ, không có ai nghe cả. Vì thế nơi này được gọi là bãi sa mạc không có nước.

– Nay có một số người nói rằng: Xa hơn dãy rừng xanh đằng kia, trời có mưa. Gió mưa có thể thổi xa được bao nhiêu?

– Thưa ông chủ, khoảng độ một do-tuần.

– Gió mưa có thể thổi đến chạm thân của một ai trong các ngươi không?

– Thưa ông chủ, không.

– Cách xa bao nhiêu, đầu mây có thể thấy được?

– Khoảng độ một do-tuần, thưa ông chủ.

– Có ai trong các ngươi được thấy một đầu mây không?

– Thưa ông chủ, không có ai.

– Xa bao nhiêu, ánh sáng chớp có thể thấy được?

– Thưa ông chủ, khoảng bốn, năm do-tuần.

– Có ai trong các ngươi thấy được ánh sáng chớp?

– Thưa ông chủ, không có ai.

– Tiếng sấm xa bao nhiêu có thể nghe được?

– Thưa ông chủ, khoảng hai, ba do-tuần.

– Có ai trong các ngươi nghe được tiếng sấm?

– Thưa ông chủ, không có ai.

– Chúng không phải là người. Chúng là quỷ dạ-xoa. Dạ-xoa đến và nghĩ: "Chúng ta xúi đoàn người đổ nước và khi đoàn người yếu sức, chúng ta sẽ ăn thịt họ." Vì người chủ đoàn lữ hành trẻ tuổi và ngu si đi trước không có kinh nghiệm thiện xảo, chắc chắn bị chúng xúi đổ nước đi và khi mệt nhọc, họ đã bị quỷ dạ-xoa ăn thịt, còn năm trăm cỗ xe được để lại đựng đầy hàng hóa như trước, hôm nay, chúng ta sẽ thấy chúng. Đừng đổ đi, ngay cả một bụm nước cũng phải gìn giữ. Hãy đi tới, càng mau càng tốt!

Đốc thúc đoàn người của mình đi tới, Bồ-tát tiếp tục đi cho đến khi thấy được năm trăm cỗ xe đầy hàng hóa, xương cốt của các con bò và đoàn người bất hạnh trước rải rác khắp mọi nơi. Ngài cho tháo dây buộc các xe, đặt các xe thành vòng tròn, họp lại thành trại, cho đoàn người và bò ăn chiều sớm, rồi sắp các con bò nằm nghỉ giữa bọn họ.

Rồi ngài chọn một số người lãnh đạo mạnh mẽ, tự mình đứng canh gác với gươm cầm tay, suốt ba canh ban đêm cho đến khi rạng đông. Sáng sớm ngày kế tiếp, ngài cho làm xong các công việc cần thiết, cho các con bò ăn, quăng bỏ các cỗ xe hư gãy, lấy các cỗ xe vững chắc, quăng bỏ loại hàng hóa ít có giá trị, chất lên hàng hóa có giá trị, đi đến chỗ đã định trước và bán các hàng hóa với giá tiền bằng hai ba giá vốn. Sau đó, ngài cùng với đoàn tùy tùng trở về thành phố của mình.

***

Câu chuyện chấm dứt, bậc Đạo sư nói:

– Này cư sĩ, như vậy trong thời quá khứ, những ai chấp chặt tà luận phải gặp đại nạn. Còn những ai chấp nhận sự thật vô hý luận đã thoát khỏi tay các phi nhân và đến chỗ mình muốn một cách an toàn.

Sau khi kết hợp hai câu chuyện với nhau, vì mục đích giới thiệu lời dạy về sự thật vô hý luận này, bậc Chánh Giác nói bài kệ:

1. Có những người nói lên, Sự thật vô hý luận,
Nhưng các hạng người khác, Tuyên bố về tà luận,
Kẻ trí biết điều này, Giữ chặt pháp tối thượng.

Như vậy, Thế Tôn dạy về pháp chân thật vô hý luận này, rồi Ngài nói thêm:

– Con đường chơn chánh này không những đem lại ba thiện sự thành tựu, sáu cõi trời ở dục giới, sự thành tựu Phạm thiên giới mà cuối cùng đem đến quả A-la-hán. Còn con đường gọi là tà luận đem đến tái sanh trong bốn đọa xứ và trong năm gia đình thấp kém.

Tiếp đó, Ngài giảng thêm về bốn sự thật với mười sáu hành tướng. Cuối bài giảng ấy, tất cả năm trăm nam cư sĩ chứng quả Dự lưu.

Sau khi thuyết pháp, bậc Đạo sư nêu rõ những bài học và kể hai câu chuyện rồi kết hợp chúng với nhau, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Trong thời ấy, người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu si là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), tùy tùng của kẻ ấy là tùy tùng của Devadatta; tùy tùng của người chủ đoàn lữ hành hiền trí là tùy tùng của Như Lai, còn người chủ đoàn lữ hành hiền trí là Ta vậy.

§2. CHUYỆN BÃI SA MẠC (*Vaṇṇupathajātaka*) (*J.* I. 106)

Không mệt mỏi họ đào...

Pháp thoại này được Thế Tôn nói lên khi Ngài ở Xá-vệ. Vì ai mà Ngài nói? Vì một Tỷ-kheo đã từ bỏ tinh tấn. Khi Thế Tôn ở tại Xá-vệ, có một thiện gia nam tử trú ở Xá-vệ, đi đến Kỳ Viên nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, tâm sanh tịnh tín, thấy nguy hiểm trong các dục nên xin xuất gia. Sống năm năm chờ thọ Cụ túc giới,[4] người ấy học thuộc lòng hai bài tóm tắt, tu tập pháp môn thiền quán, nhận lấy từ bậc Đạo sư một đề tài thiền quán mà mình ưa thích, rồi đi vào một khu rừng.

Trải qua một kỳ an cư mùa mưa, sau ba tháng, vị ấy không thể khởi lên một tia sáng hay một quán tưởng gì. Rồi vị ấy suy nghĩ: "Bậc Đạo sư dạy có bốn hạng người. Trong họ, ta có phải là hạng thấp kém nhất không? Ta nghĩ rằng không thể có Đạo và Quả cho tự thân ta, vậy ta sống trong rừng làm gì? Hãy đi về với bậc Đạo sư, sống để chiêm ngưỡng thân Phật với dung sắc tối thượng, để nghe thuyết pháp dịu ngọt còn hơn."

Nghĩ vậy, vị ấy trở về Kỳ Viên. Các bạn thân tín nói với vị ấy:

– Này Hiền giả, bạn đã nhận được từ bậc Đạo sư một đề tài thiền quán, đã đi với quyết tâm thực hiện pháp Sa-môn. Nay bạn lại trở về sống vui thích với hội chúng, hay là bạn đã đạt được mục đích tối thượng của bổn phận người xuất gia và đã chấm dứt tái sanh?

– Này các Hiền giả, tôi không chứng được cả Đạo lẫn Quả, tự nghĩ mình là người không có khả năng nên tôi từ bỏ tinh tấn và về đây.

– Này Hiền giả, bạn đã làm một việc không phải; khi đã xuất gia trong giáo pháp của bậc Đạo sư, kiên trì tinh tấn, bạn lại từ bỏ tinh tấn. Hãy đi đến yết kiến đức Như Lai, chúng ta sẽ trình bày để Ngài rõ chuyện này.

Họ đưa vị này đến gần bậc Đạo sư. Khi Ngài thấy vị ấy, liền nói:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đem Tỷ-kheo này đến đây ngoài ý muốn của vị ấy. Người này đã làm gì?

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này, sau khi xuất gia trong giáo pháp chơn chánh giải thoát như vậy, sau khi thực hành Sa-môn pháp, lại từ bỏ tinh tấn và trở về đây.

---

[4] Xem *Mv.* I. 77ff.

Thế Tôn nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông đã từ bỏ tinh tấn?

– Thưa thật vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, vì sao sau khi xuất gia trong giáo pháp như vậy, ông lại không biết sống thiểu dục, tri túc, viễn ly hay tinh tấn, lại là người từ bỏ tinh tấn? Ông có biết chăng, thời trước ông là người có tinh tấn? Do sự tinh tấn của một mình ông mà trong bãi sa mạc toàn cát, đoàn người và đàn bò của năm trăm cỗ xe đã được nước uống và sống an lạc. Nay vì sao ông lại từ bỏ tinh tấn?

Với những lời như vậy, vị Tỷ-kheo ấy cảm thấy được khích lệ, sách tấn. Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con đã rõ sự từ bỏ tinh tấn hiện nay của vị Tỷ-kheo này. Nhưng thuở trước, do sự tinh tấn của một mình người này, trong bãi sa mạc toàn cát, các đoàn người và đàn bò đã uống nước và sống an lạc. Câu chuyện ấy đang còn bị che đậy đối với chúng con, chỉ được rõ ràng với Thế Tôn là bậc Nhất Thiết Trí. Hãy nói cho chúng con câu chuyện này!

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy lắng nghe.

Sau khi gợi sự chú ý của các Tỷ-kheo, Thế Tôn nêu lên rõ ràng sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

***

Thuở trước, trong khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, nước Kāsi, Bồ-tát sanh ra trong gia đình chủ đoàn lữ hành thương gia, lớn lên và thường đi buôn bán với năm trăm cỗ xe. Một thời, Bồ-tát đi vào bãi sa mạc toàn cát, dài sáu mươi do-tuần, với năm trăm cỗ xe. Trong sa mạc ấy, cát rất mịn, khi được vốc trong nắm tay thì nó sẽ chảy xuống hết. Khi mặt trời mọc lên, cát trở thành nóng như đống than hừng, không thể nào đi lên trên được. Do vậy, những ai đi qua bãi sa mạc ấy, đem theo củi, nước, dầu, gạo... trên các cỗ xe, chỉ đi ban đêm. Khi mặt trời mọc, họ xếp các cỗ xe thành vòng tròn, làm một cái tàn che trên đầu; sau khi ăn xong thật sớm, họ thường ngồi trong bóng mát trọn ngày.

Khi mặt trời lặn, họ ăn chiều sớm, cát đã nguội, họ cho thắng các cỗ xe lại và ra đi. Đi qua bãi sa mạc này giống như đi biển vậy. Người hướng dẫn được gọi là Địa lý trưởng, hướng dẫn đoàn lữ hành đi qua nhờ sự hiểu biết về các ngôi sao. Người chủ đoàn lữ hành này thời bấy giờ đi qua bãi sa mạc với phương tiện như vậy.

Sau khi đi hết năm mươi chín do-tuần, vị ấy nghĩ: "Hôm nay, còn một đêm nữa, ta sẽ ra khỏi sa mạc này." Sau khi ăn chiều, vị ấy ra lệnh vứt bỏ củi và nước, thắng các cỗ xe và ra đi. Người lữ hành trưởng cho trải tấm vải trong cỗ xe đi đầu để ngồi nhìn các ngôi sao và từ đó nói lên con đường sẽ đi, rồi nằm xuống. Vị ấy đã có một thời gian dài không ngủ nên mệt mỏi, ngủ say, không

biết rằng các con bò đã đi vòng quanh và trở lại con đường cũ. Các con bò suốt đêm đi như vậy.

Khi trời rạng đông, vị lãnh đạo thức dậy nhìn các ngôi sao và bảo:

– Hãy cho quay các cỗ xe trở lại gấp!

Nhưng khi các cỗ xe đã quay trở lại và xếp thành hàng thì trời đã sáng. Các người trong đoàn nói:

– Hôm qua, chúng ta đã cho các cỗ xe cắm trại ở đây. Củi và nước chúng ta đã vứt bỏ hết. Nay chúng ta bị nguy khốn rồi.

Họ tháo dây buộc các cỗ xe, xếp thành vòng tròn, giăng một màn che trên đầu, mỗi người nằm xuống dưới cỗ xe của mình, sầu muộn tuyệt vọng. Bồ-tát suy nghĩ: "Nếu ta từ bỏ tinh tấn, tất cả sẽ bị nguy hại." Vào buổi sáng, khi trời đang mát, vị ấy đi qua đi lại, thấy một đám cỏ dabbha, tự nghĩ: "Dưới đám cỏ này, chắc thế nào cũng có mạch nước thì cỏ mới mọc được", bèn cho lấy cuốc và đào chỗ ấy. Họ đào đến sáu mươi khuỷu tay; đến đây, cuốc chạm vào hòn đá ở dưới. Khi ấy, tất cả đều thất vọng, không cố gắng nữa. Bồ-tát nghĩ rằng thế nào cũng có nước dưới hòn đá. Ngài đi xuống, đứng trên hòn đá; cúi xuống, ngài lắng tai nghe. Nghe được tiếng nước chảy dưới hòn đá, ngài leo lên lại, nói với người thị giả hầu cận:

– Này bạn thân, nếu bạn từ bỏ tinh tấn thì tất cả chúng ta sẽ bị nguy hại. Bạn chớ từ bỏ tinh tấn. Hãy cầm cái búa lớn đi xuống và đập trên hòn đá ấy!

Vâng theo lời chủ, trong khi tất cả mọi người đều đứng chán nản, người này không từ bỏ tinh tấn, leo xuống và đập hòn đá. Hòn đá bị vỡ ở giữa, rơi xuống và dòng nước phun đứng lên cao ngang thân cây thốt nốt. Tất cả mọi người đều uống nước và tắm, rồi chặt phá các bánh xe, trục xe dư thừa, nấu cháo và cơm. Khi ăn xong, họ cho bò ăn.

Đến khi mặt trời lặn, họ buộc một cây cờ cắm gần dòng nước, rồi đi đến chỗ đã định. Tại đấy, họ bán hàng hóa lấy được tiền lời gấp hai, gấp bốn lần tiền vốn, rồi trở về nhà. Họ sống hết tuổi thọ và khi mạng chung đi theo nghiệp của mình. Còn Bồ-tát, trọn đời bố thí và làm các công đức, cũng đi theo nghiệp của mình khi mạng chung.

***

Khi nói xong pháp thoại này, bậc Chánh Đẳng Giác đọc bài kệ:

2. Không mệt mỏi họ đào, Họ đào con đường cát,
Đến khi có dòng nước, Tại đấy, họ được nước.
Cũng vậy, bậc ẩn sĩ, Với sức mạnh tinh tấn,
Không thối chí mệt mỏi, Tìm được tâm an tịnh.

Rồi Ngài giảng về bốn sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo đã từ bỏ tinh tấn ấy chứng quả A-la-hán tối cao.

Sau khi bậc Đạo sư kể xong hai câu chuyện và kết hợp chúng với nhau, Ngài kết luận bằng sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người thị giả không từ bỏ tinh tấn, đập vỡ hòn đá và đem lại nước cho đoàn người tức là vị Tỷ-kheo đã từ bỏ tinh tấn này; tùy tùng của vị chủ đoàn lữ hành là tùy tùng của Như Lai; còn vị chủ đoàn lữ hành là Ta vậy.

§3. CHUYỆN NGƯỜI BUÔN GHÈ SERIVA (*Serivāṇijajātaka*) (*J*. I. 110)

Nếu đây ông thối thất...

Thế Tôn thuyết pháp thoại này khi ở Xá-vệ, cũng liên hệ đến một Tỷ-kheo từ bỏ tinh tấn. Khi vị ấy được các Tỷ-kheo đưa đến bậc Đạo sư, trong trường hợp giống như câu chuyện trước, bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, ông xuất gia trong giáo pháp đem lại Đạo và Quả như vậy, lại từ bỏ tinh tấn, ông sẽ sầu muộn lâu dài như người lái buôn Seriva đã mất một cái bát bằng vàng trị giá trăm ngàn đồng tiền vàng.

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn phân tích sự việc này. Thế Tôn làm sáng tỏ ý nghĩa qua câu chuyện quá khứ sau đây.

***

Thuở xưa, năm kiếp về trước, Bồ-tát ở trong nước Seri làm nghề đi buôn ghè bát và được gọi là Seriva. Seriva cùng với một người lái buôn bán ghè bát tham lam khác, vượt qua con sông Talavāha đi vào thành Andhapura, phân chia những con đường trong thành và bán hàng hóa của mình tại con đường đã được phân chia, còn người kia nhận con đường phần mình. Trong thành ấy, có một gia đình triệu phú bị sa sút. Tất cả con trai, anh, em và tài sản đều bị mất sạch. Những người sống sót là một người con gái và bà nội, cả hai bà cháu sống bằng nghề làm thuê cho các người khác. Trong nhà có một cái bát bằng vàng, xưa kia người đại triệu phú dùng để ăn cơm. Bát ấy lâu ngày bị quăng vào giữa các chén bát khác không được dùng đến và bụi nhớp dính đầy. Họ không biết cái bát ấy bằng vàng. Lúc bấy giờ, người lái buôn tham lam kia đang vừa đi vừa rao:

– Hãy lấy ghè nước, hãy lấy ghè nước!

Và đến cửa ngôi nhà. Người con gái thấy kẻ ấy liền nói với bà nội:

– Thưa bà, hãy lấy cho con một đồ trang sức.

– Này con thân, chúng ta rất nghèo, đem đổi cái gì để lấy ghè nước?

– Có một cái bát không giúp ích gì cho chúng ta. Hãy đem cái này đổi lấy ghè!

Bà cho gọi người lái buôn, lấy ghế mời ngồi, đưa cái bát cho kẻ ấy và nói:

– Này ông, hãy lấy vật này và đổi cho chị một chút gì.

Người lái buôn cầm bát suy nghĩ: "Bát này có thể bằng vàng", xoay bát trên tay, cạo một đường với một cây kim sau lưng bát, biết được bát bằng vàng, kẻ ấy nghĩ: "Không cần cho những người này một cái gì cả, ta sẽ lấy cái bát", bèn nói:

– Vật này mà giá bao nhiêu, giá của nó không đáng nửa đồng xu.

Kẻ ấy quăng bát xuống đất, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bỏ đi. Bấy giờ, giữa hai người lái buôn có sự thỏa thuận rằng: Khi một người đã vào con đường rồi bỏ đi, người kia có thể vào con đường ấy được. Vì thế, Bồ-tát đi vào con đường ấy rao hàng:

– Ai lấy ghè nước không?

Và đi đến cửa ngôi nhà ấy. Cô con gái nói với bà nội như trước. Bà nội nói với cô:

– Này con thân, người lái buôn đến trước đã quăng bát xuống đất và bỏ đi, nay chúng ta có thể cho cái gì để lấy được?

– Thưa bà, người lái buôn kia ăn nói thô ác. Còn người này có dáng mặt dễ thương, ăn nói dịu dàng. Rất có thể người này nhận lấy.

– Vậy hãy gọi họ lại.

Cô gái gọi người này lại. Khi vị này vào nhà và ngồi, họ đưa cái bát cho xem. Vị này biết cái bát bằng vàng, liền nói:

– Thưa mẹ, cái bát này đáng giá trăm ngàn đồng tiền vàng. Tôi không có trong tay hàng hóa giá trị bằng cái bát này.

– Này ông, người lái buôn đi đến trước nói rằng cái bát này không đáng giá nửa đồng xu, đã quăng bát xuống đất bỏ đi. Nay bát này nhờ công đức của ông, trở thành bằng vàng. Vậy chúng tôi cho ông cái bát này. Hãy cho chúng tôi một chút ít thứ gì để đổi lấy cái bát.

Lúc đó, Bồ-tát có trong tay tám trăm đồng tiền vàng và hàng hóa trị giá năm trăm đồng tiền vàng, liền đem cho tất cả và nói:

– Hãy cho tôi giữ lại cái cân, cái giỏ và tám đồng tiền vàng.

Sau khi xin như vậy rồi, ngài cầm lấy cái bát và ra đi. Ngài đi mau đến bờ sông, cho người chủ thuyền tám đồng tiền và leo lên thuyền. Khi ấy, người lái buôn tham lam trở lại và nói:

– Hãy đem cái bát ra đây, ta sẽ cho các người một ít thứ gì.

Nhưng bà già mắng lại kẻ ấy:

– Ngươi cho rằng cái bát bằng vàng của chúng tôi trị giá một trăm ngàn đồng lại không đáng giá nửa đồng xu, nhưng một người lái buôn chơn chánh giống như thầy của ngươi đã cho chúng tôi một ngàn đồng vàng, lấy cái bát và ra đi rồi.

Nghe nói như vậy, kẻ ấy than:

– Ta đã mất đi cái bát bằng vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng rồi. Nó thật là tên ăn cướp đã hại ta.

Người lái buôn tham lam ấy sanh khởi ưu tư sầu muộn, không thể tập trung tâm trí, trở thành điên loạn, tự tay vung vãi đồng tiền vàng và hàng hóa trước

cửa nhà ấy, quăng bỏ áo mặc, áo choàng, và tay cầm cán cân như cái gậy đi theo con đường của Bồ-tát, đến bờ sông. Thấy Bồ-tát đã đi qua sông, kẻ ấy liền kêu:

– Hỡi bạn lái đò, hãy quay lại!

Nhưng Bồ-tát ngăn chặn và nói:

– Đừng quay lại!

Thấy Bồ-tát dần dần đi xa, sầu muộn ưu tư của kẻ ấy khởi lên, quả tim nóng ran, máu nóng trào ra miệng và quả tim của kẻ ấy bị nứt ra như bùn dưới đáy của một bể nước. Do hận tâm chống Bồ-tát, kẻ ấy mạng chung ngay tại chỗ. Đây là lần đầu tiên Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) có hận tâm chống Bồ-tát. Còn Bồ-tát, trọn đời làm các công đức như bố thí... rồi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Chánh Giác đọc bài kệ:

3. Nếu đây ông thối thất, Không hướng đích Diệu pháp,
Ông sẽ khổ lâu dài, Như người buôn Seri.

Như vậy, sau khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này đưa đến tột đỉnh A-la-hán, Ngài giảng bốn sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo từ bỏ tinh tấn chứng quả A-la-hán tối cao.

Sau khi kể hai câu chuyện và kết hợp chúng với nhau, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người lái buôn ngu si là Devadatta, còn người lái buôn hiền trí là Ta vậy.

§4. CHUYỆN TIỂU TRIỆU PHÚ (*Cullakaseṭṭhijātaka*) (*J.* I. 114)

Bậc trí với ít vốn...

Pháp thoại này được Thế Tôn thuyết khi Ngài ở rừng xoài Jīvaka,[5] gần Rājagaha (Vương Xá), về Trưởng lão Cullapanthaka. Ở đây, cuộc đời của Cullapanthaka cần được nói đến. Tại Vương Xá, con gái của một triệu phú giàu có thông gian với người nô lệ của mình. Sợ việc làm này bị người khác biết, cô gái nói với người nô lệ:

– Chúng ta không thể sống ở chỗ này. Nếu cha mẹ ta biết được tội lỗi này, sẽ xé xác chúng ta. Chúng ta nên đi sống ở một chỗ khác.

Với đồ đạc tư trang cầm tay, cả hai cùng trốn ra khỏi cửa ít khi được mở, thỏa thuận với nhau, tìm chỗ nào không ai biết đến họ và sẽ sống tại đấy. Sau một thời gian sống với nhau, cô gái thụ thai. Đến khi sinh nở, người vợ nói với chồng:

– Nay em đã gần tới kỳ sinh nở, ở chỗ này lại không có bà con. Đến khi em sinh nở, hai chúng ta sẽ gặp khổ sở. Vậy chúng ta hãy đi về nhà.

[5] Jīvaka là một cư sĩ nổi tiếng thời đức Phật và là một y sĩ giỏi của Vua Seniya Bimbisāra, xứ Magadha. Xem *AA*. I. 216; *Vin*. I. 268-81.

Người chồng cứ hẹn lần hết ngày này qua ngày khác và để ngày tháng trôi qua. Người vợ suy nghĩ: "Người ngu này ý thức tội lỗi quá lớn của mình nên không dám đi. Cha mẹ là bạn tốt nhất của mình. Chồng ta đi hay ở lại, ta cũng phải đi."

Đợi người chồng đi ra khỏi nhà, người vợ sắp đồ đạc trong nhà và báo tin cho những người sống kế cận biết là nàng trở về nhà cha mẹ, rồi nàng lên đường.

Khi người chồng về không thấy nàng, hỏi người láng giềng, biết nàng đã trở về gia đình, liền vội vã đi theo và bắt gặp nàng giữa đường. Tại đấy, nàng sinh con. Người chồng hỏi:

– Này em thân, việc gì vậy?

– Này chàng, em đã sinh đứa con trai.

– Vậy chúng ta sẽ làm gì?

Cả hai đồng ý rằng, mục đích đi về nhà là để sinh đẻ, nhưng giữa đường việc ấy đã giải quyết xong, nay còn đi về làm gì nữa. Họ liền trở về chỗ trọ cũ.

Vì đứa con sanh ra giữa đường nên được đặt tên là Panthaka (Lữ Khách). Không bao lâu, người vợ lại có thai. Tất cả sự việc như lần trước đã diễn tiến lại. Vì đứa con thứ hai này cũng được sinh giữa đường, họ đặt tên đứa đầu là Mahāpanthaka (Đại Lữ Khách) và đứa sau là Cullapanthaka (Tiểu Lữ Khách). Rồi họ đem cả hai đứa con trở về nhà của họ. Trong khi họ sống tại chỗ ấy, đứa trẻ Panthaka nghe các đứa trẻ khác gọi các cậu, các ông nội, bà nội, nó về hỏi mẹ:

– Thưa mẹ, các đứa trẻ khác gọi các cậu, các ông nội, bà nội. Vậy chúng ta không có bà con sao?

Bà mẹ đáp:

– Chúng ta cũng có. Nhưng bà con của con không ở đây. Ông của con là một triệu phú ở Vương Xá. Tại đấy, con có rất nhiều bà con.

– Thưa mẹ, vì sao chúng ta không đi đến đấy?

Nàng nói cho con biết lý do vì sao không đi về nhà của mình và khi các con hỏi nữa, nàng nói với chồng:

– Những đứa trẻ con này làm cho em rất mệt. Không lẽ cha mẹ thấy chúng ta, lại ăn thịt chúng ta? Hãy đi về để cho mấy đứa trẻ biết nhà ông bà chúng nó.

– Ta không thể đứng giáp mặt với cha mẹ em được nhưng ta sẽ đưa chúng đến đấy.

Nàng nói:

– Như vậy cũng được, làm cách nào cho mấy đứa trẻ thấy nhà ông bà của chúng là được.

Hai vợ chồng đem hai đứa trẻ về đến Vương Xá, tạm trú tại một quán trọ gần cửa thành Vương Xá. Rồi người vợ đem hai con nhờ người đưa tin cho cha mẹ nàng biết là họ đã đến. Khi nghe được tin này, cha mẹ nàng nói:

– Sống ở đời mà không có con trai, con gái là một việc không thể có được, nhưng chúng đã có tội quá lớn đối với chúng ta. Chúng ta không thể giáp mặt được. Đây là số tiền cho chúng. Chúng hãy lấy số tiền ấy mà sống thoải mái tại một chỗ nào đó, nhưng phải giao hai đứa trẻ ở lại đây.

Người con gái vị triệu phú lấy số tiền cha mẹ cho và giao hai đứa trẻ tận tay người đưa tin. Hai đứa trẻ lớn lên trong gia đình ông ngoại chúng. Cullapanthaka còn nhỏ nên Mahāpanthaka thường đi với ông ngoại đến nghe bậc Đạo sư thuyết pháp. Thường nghe thuyết pháp và thấy bậc Đạo sư, tâm của Mahāpanthaka thiên về xuất gia. Nó nói với ông ngoại nó:

– Nếu ông chấp thuận, cháu sẽ xuất gia.

– Này cháu thân, cháu nói gì vậy? Ôi, ta sẽ vô cùng vui sướng được thấy cháu xuất gia còn hơn là thấy toàn thế giới xuất gia! Này cháu thân, nếu có thể được, hãy xuất gia!

Ông ngoại chấp nhận và đưa cháu đi gặp bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này triệu phú, ông mang theo đứa trẻ nào vậy?

– Bạch Thế Tôn, đứa trẻ này là cháu của con, nó muốn xuất gia với Thế Tôn.

Bậc Đạo sư bảo một vị Khất sĩ cho đứa trẻ xuất gia. Vị Trưởng lão đọc đề tài thiền quán gồm năm phần từ da trở đi[6]... và làm phép xuất gia cho đứa trẻ. Đứa trẻ học nhiều lời dạy của đức Phật và khi cậu đến tuổi, cậu được thọ Đại giới. Nhờ chuyên tâm tinh cần làm đủ các bổn phận tu tập, Mahāpanthaka chứng quả A-la-hán. Trong khi thọ hưởng an lạc thiền định và an lạc Thánh đạo, người anh nghĩ nên cho em là Cullapanthaka cũng hưởng được an lạc ấy. Rồi người anh đi đến gọi ông ngoại triệu phú và nói:

– Nếu ông ngoại chấp thuận, con sẽ làm lễ xuất gia cho Cullapanthaka.

– Thưa Tôn giả, hãy làm lễ xuất gia cho nó.

Vị Trưởng lão làm lễ xuất gia cho Cullapanthaka và cho thọ mười giới. Nhưng Sa-di Cullapanthaka, sau khi xuất gia, tỏ ra rất ám độn. Người em trong bốn tháng không thể học thuộc lòng bài kệ này:

Như bông sen thơm dịu, Vào rạng đông buổi sáng,
Hoa được nở toàn diện, Với mùi hương bát ngát.
Nhìn đức Phật chói sáng, Với hào quang chiếu diệu,
Như mặt trời rực sáng, Trên bầu trời quang đãng.

Chúng ta được kể rằng, trong thời đức Phật Kassapa, Cullapanthaka xuất gia, có trí tuệ, đã cười khinh bỉ một Tỷ-kheo ám độn đang học thuộc lòng một đoạn kinh. Tỷ-kheo ấy hổ thẹn vì bị khinh bỉ đến nỗi không thể nhớ và đọc lên đoạn kinh ấy. Do kết quả nghiệp ấy, Cullapanthaka trở thành ám độn, những câu vị ấy mới học làm vị ấy quên đi những câu đã học trước.

---

[6] Đây là pháp quán 32 phần bất tịnh trong thân. Xem *J.* I. 145, *Nigrodhamigajātaka* (*Chuyện con nai Nigrodha*), số §12; *Sn.* 34, *Vijayasutta* (*Kinh Thắng trận*).

Và bốn tháng đã trôi qua, trong khi vị ấy đang cố gắng học một câu kệ, Mahāpanthaka nói với em:

– Này Panthaka, em không có khả năng trong giáo pháp này. Bốn tháng trôi qua, em không thể học thuộc lòng một câu kệ, làm sao em có thể đạt được sự nghiệp tối thượng của người xuất gia? Hãy đi ra khỏi tinh xá!

Như vậy, người anh đuổi người em. Nhưng Cullapanthaka đã gắn bó đặc biệt với giáo pháp của đức Phật nên không muốn trở thành một người tại gia.

Trong thời ấy, Mahāpanthaka đang làm người phân phối bữa ăn. Một hôm, Jīvaka Komārabhacca đem nhiều hương thơm và vòng hoa đến vườn xoài của mình để cúng dường Thế Tôn. Sau khi nghe pháp, Jīvaka từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ bậc Thập Lực (Dasabala), rồi đi đến gần Mahāpanthaka và hỏi:

– Thưa Tôn giả, có bao nhiêu Tỷ-kheo ở gần bậc Đạo sư?

– Khoảng năm trăm.

– Vậy ngày mai, xin Tôn giả hãy mời năm trăm Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu, dùng bữa ăn tại nhà tôi.

– Này cư sĩ, Cullapanthaka là kẻ ám độn, không thể lớn mạnh trong giáo pháp. Tôi chấp nhận lời mời tất cả, trừ nó ra.

Nghe vậy, Cullapanthaka suy nghĩ: "Vị Trưởng lão nhận lời mời tất cả Tỷ-kheo và loại ta ra ngoài. Không nghi ngờ gì nữa, tình cảm của anh ta đối với ta đã bị đổ vỡ. Nay ta còn ở trong giáo pháp này làm gì nữa? Vậy ta sẽ làm người cư sĩ, sống làm các công đức như bố thí..."

Rạng ngày hôm sau, Cullapanthaka ra đi với ý nghĩ: "Ta trở lại đời sống gia chủ." Bậc Đạo sư vào sáng sớm, khi quán sát khắp thế giới, thấy sự kiện này nên ra đi sớm hơn Cullapanthaka. Ngài đi qua đi lại trước cửa ngõ trên con đường Cullapanthaka sẽ đi và đứng lại. Cullapanthaka từ nhà đi ra, thấy bậc Đạo sư, đến gần Ngài và đảnh lễ. Thấy Cullapanthaka, Thế Tôn hỏi:

– Này Cullapanthaka, con đi đâu vào giờ này?

– Bạch Thế Tôn, anh con đuổi con, cho nên con đi lang thang.

– Này Cullapanthaka, con xuất gia với Ta. Khi anh con đuổi, sao con không đến gặp Ta? Con sống tại gia để làm gì? Hãy đến sống gần Ta!

Rồi Thế Tôn dẫn Cullapanthaka đi, bảo ngồi trước hương phòng. Ngài đưa Cullapanthaka một miếng vải sạch mà Ngài đã tạo bằng thần thông, rồi nói:

– Này Cullapanthaka, hãy hướng mặt về phía Đông, dùng miếng vải này lau qua lau lại và nói: "Đồ vật lau bụi, đồ vật lau bụi."

Đúng giờ đã định, đức Thế Tôn cùng với các Tỷ-kheo vây quanh đi đến nhà Jīvaka và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Còn Cullapanthaka, với mặt hướng phía mặt trời, ngồi cầm miếng vải lau qua lau lại và nói: "Đồ vật lau bụi, đồ vật lau bụi", cho đến khi miếng vải trở thành dơ bẩn. Rồi Cullapanthaka suy nghĩ:

"Vừa rồi tấm vải này rất là sạch sẽ; nhưng nay vì bản thân ta, nó đã bỏ nguyên trạng của nó và trở thành dơ bẩn. Thật sự các hành là vô thường." Ngay khi Cullapanthaka thông hiểu tánh đoạn diệt, thiền quán được tăng trưởng. Bậc Đạo sư biết tâm thiền quán của Cullapanthaka đã đạt viên mãn, bèn nói với Cullapanthaka:

– Chớ để ý đến miếng vải này đã bị bụi làm bẩn, trong con có bụi tham... hãy tẩy trừ chúng!

Rồi Thế Tôn phóng hào quang hóa hiện một danh sắc do trí tuệ tạo thành, ngồi trước mặt vị ấy và đọc các bài kệ này:

Tham mới gọi là bụi, Chớ không phải bụi này,
Tham mới thật đồng nghĩa, Với chữ bụi thường dùng.
Hỡi này các Tỷ-kheo, Hãy từ bỏ bụi này,
Hãy sống trong giáo pháp, Của vị Không Bụi Bẩn!

Sân mới gọi là bụi, Chớ không phải bụi này,
Sân mới thật đồng nghĩa, Với chữ bụi thường dùng.
Hỡi này các Tỷ-kheo, Hãy từ bỏ bụi này,
Hãy sống trong giáo pháp, Của vị Không Bụi Bẩn!

Si mới gọi là bụi, Chớ không phải bụi này,
Si mới thật đồng nghĩa, Với chữ bụi thường dùng.
Hỡi này các Tỷ-kheo, Hãy từ bỏ bụi này,
Hãy sống trong giáo pháp, Của vị Không Bụi Bẩn!

Cuối câu kệ, Cullapanthaka chứng quả A-la-hán với bốn vô ngại giải, vị ấy thấu hiểu tất cả tạng kinh điển. Tương truyền rằng trong thời quá khứ, vị ấy làm vua và khi đang đi bộ xung quanh thành phố, mồ hôi chảy từ trán, vị ấy lấy một miếng vải sạch lau trán. Miếng vải trở thành bẩn, vị ấy suy nghĩ: "Do thân này của ta, miếng vải đã bỏ nguyên trạng trong trắng và trở thành dơ bẩn. Thật sự các hành là vô thường." Vị ấy nắm được tướng vô thường. Như vậy, chính nhờ sự đoạn trừ bụi bẩn này tạo thành nhân duyên giải thoát cho vị ấy. Trong khi ấy, Jīvaka Komārabhacca dâng nước bố thí lên đấng Đại Giác. Bậc Đạo sư lấy tay che bình bát và nói:

– Này Jīvaka, trong tinh xá còn có Tỷ-kheo nào hay không?

Mahāpanthaka thưa:

– Bạch Thế Tôn, trong tinh xá không còn Tỷ-kheo nào.

Nhưng bậc Đạo sư nói:

– Này Jīvaka, còn có Tỷ-kheo.

Jīvaka liền sai một người đi xem thử trong tinh xá có Tỷ-kheo hay không. Trong lúc ấy, Cullapanthaka biết người anh của mình nói không có Tỷ-kheo ở trong tinh xá và muốn tỏ cho người anh thấy rằng còn có nhiều Tỷ-kheo ở trong tinh xá, liền làm cho toàn rừng xoài đầy những Tỷ-kheo. Một số Tỷ-kheo đang

làm y, một số đang nhuộm, một số đang học kinh điển. Cullapanthaka tạo ra một ngàn Tỷ-kheo, không ai giống ai. Người kia thấy rất nhiều Tỷ-kheo ở trong tinh xá, trở về báo cho Jīvaka biết:

– Thưa ông chủ, toàn rừng xoài đầy những Tỷ-kheo! Có bậc Trưởng lão ở tại đấy!

Trưởng lão Panthaka, Hóa mình thành ngàn lần,
Ngồi rừng xoài xinh đẹp, Chờ thời được gọi đến.[7]

Bậc Đạo sư nói với người ấy:

– Hãy đi đến tinh xá, nói Thế Tôn cho gọi Cullapanthaka!

Người ấy đi và khi nói như vậy thì ngàn miệng nói lên:

– Tôi là Cullapanthaka! Tôi là Cullapanthaka!

Người ấy về thưa:

– Bạch Thế Tôn, tất cả đều nói: "Tôi là Cullapanthaka."

– Vậy ông hãy đi đến và nếu ai nói đầu tiên: "Tôi là Panthaka", hãy nắm tay người ấy, tất cả người còn lại sẽ biến mất.

Người ấy làm đúng như vậy. Ngay lúc ấy, cả ngàn Tỷ-kheo đều biến mất. Vị Trưởng lão đi với người ấy đến bậc Đạo sư. Sau khi dùng bữa ăn xong, bậc Đạo sư nói với Jīvaka:

– Này Jīvaka, hãy lấy cái bát của Cullapanthaka. Vị này sẽ nói lời cám ơn ông.

Jīvaka làm như lời bậc Đạo sư đã nói. Vị Trưởng lão rống tiếng rống của sư tử, làm cho sống động tất cả các tạng kinh điển trong lời nói cám ơn của mình.

Rồi Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, với chúng Tỷ-kheo vây quanh, đi trở về tinh xá. Sau khi các Tỷ-kheo phân bố công việc xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đứng trước hương phòng thuyết lời khuyến cáo của bậc Thiện Thệ cho chúng Tỷ-kheo, cho họ đề tài thiền quán, giải tán chúng Tỷ-kheo, rồi đi vào hương phòng sực nức mùi thơm và nằm xuống phía hông bên mặt như dáng nằm con sư tử.

Vào buổi chiều, các Tỷ-kheo đắp y vàng từ nhiều nơi quy tụ lại trong pháp đường, ngồi xuống như thể trải một tấm màn vàng rực chung quanh bậc Đạo sư và bắt đầu tán thán công đức của Ngài:

– Này các Hiền giả, Mahāpanthaka không biết khả năng của Cullapanthaka, đã đuổi Cullapanthaka ra khỏi tinh xá, cho là ngu si ám độn, trong bốn tháng học không thuộc một câu kệ. Nhưng bậc Chánh Đẳng Giác với đức tánh Pháp Vương Vô Thượng, chỉ trong một bữa ăn, đã đem lại cho Cullapanthaka quả A-la-hán với các vô ngại giải. Với các vô ngại giải ấy, Cullapanthaka nắm được toàn bộ các tạng kinh điển. Ôi, Phật lực thật lớn vậy thay!

---

[7] Xem *Thag.* v. 563.

Thế Tôn biết được diễn tiến câu chuyện trong pháp đường, nghĩ rằng nay cần phải đi đến chỗ ấy, liền đứng dậy từ chỗ nằm của đức Phật, mặc hai tấm áo màu đỏ chói, thắt cái nịt thân như chớp nhoáng và đắp lại y. Bậc Thiện Thệ như tấm mền đỏ thắm, từ hương phòng đi ra, đi đến pháp đường với uy nghi vô tận của một đức Phật, di động với dáng điệu oai hùng đẹp đẽ của con voi, con sư tử trong thời sung sức. Bước lên Phật tòa được sắp bày lộng lẫy ở giữa pháp đường trang nghiêm, Ngài ngồi trên Phật tòa phóng ra những hào quang. Phật có sáu màu như mặt trời mới mọc từ trên đỉnh núi Yugandhara, Ngài chói sáng đến tận đáy biển.

Ngay khi bậc Chánh Giác đến, chúng Tỷ-kheo chấm dứt câu chuyện và giữ im lặng. Bậc Đạo sư với tâm từ bi hòa nhã, quan sát hội chúng và suy nghĩ: "Hội chúng này thật rực sáng, không có một động tay, không có một động chân, không một tiếng đằng hắng, không một tiếng ho. Tất cả vì tôn kính Ta, nếu Ta ngồi không nói cho đến suốt đời, đại chúng đều không dám nói trước khi Ta nói. Ta biết Ta cần phải nói trước. Ta sẽ nói trước." Với Phạm âm ngọt dịu, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi ở đây nói đề tài gì và câu chuyện gì chưa được nói xong?

– Bạch Thế Tôn, chúng con ngồi đây không nói chuyện nhảm. Chúng con ngồi tán thán công đức của Ngài như sau: "Này các Hiền giả, Mahāpanthaka không biết khả năng của Cullapanthaka, đã đuổi Cullapanthaka ra khỏi tinh xá... Ôi, Phật lực thật lớn vậy thay!"

Thế Tôn nghe các Tỷ-kheo nói vậy, bèn nói:

– Này các Tỷ-kheo, Cullapanthaka nay do nhờ Ta, đã đạt được sự vĩ đại trong giáo pháp. Còn thời quá khứ cũng do nhờ Ta, vị ấy đã đạt được tài sản vĩ đại trong các tài sản.

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn giải thích ý nghĩa này, và Thế Tôn liền trình bày rõ sự việc tái sanh che lấp qua câu chuyện sau đây.

***

Thuở xưa, tại nước Kāsi, trong thành Ba-la-nại, khi Vua Brahmadatta đang trị vì, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình triệu phú và được gọi là Cullakaseṭṭhi (Tiểu Triệu Phú). Ngài có trí thông minh, biết tất cả loại tướng. Một hôm, trong khi đi đến hầu vua, giữa đường thấy một con chuột chết; ngay lúc ấy, ngài tính toán các vì sao và nói:

– Một thiện nam tử nào có mắt, chỉ cần lượm con chuột này lên có thể xây dựng cơ nghiệp và nuôi một người vợ.

Bấy giờ, có một thiện nam tử đang bị túng thiếu, nghe triệu phú nói vậy, suy nghĩ: "Người này biết cái gì mới nói", bèn lượm con chuột lên, bán được một xu ở một tiệm hàng mua cho mèo ăn. Với đồng xu ấy, chàng mua đường mật

và lấy nước uống với một cái bình. Gặp những người làm vòng hoa từ rừng về, chàng cho mỗi người một ít đường, mật và nước uống với một ít cái gáo. Mỗi người làm vòng hoa cho chàng một nắm hoa.

Ngày hôm sau, với số tiền bán hoa ấy, chàng lấy đường mật, một ghè nước rồi đi đến vườn hoa. Ngày ấy, các người làm vòng hoa cho chàng những cành hoa đã hái còn sót lại rồi bỏ đi. Không bao lâu với phương tiện này, chàng có được tám đồng tiền vàng.

Rồi vào một ngày mưa gió, trong vườn của vua có rất nhiều cành cây khô và lá bị gió làm rụng xuống, người giữ vườn không biết cách nào để quét chúng cho sạch. Chàng đi đến nói với người giữ vườn:

– Tôi sẽ quét sạch với điều kiện là củi và lá này thuộc về của tôi.

Người giữ vườn chấp thuận. Người đệ tử này của vị Tiểu Triệu Phú đi đến sân chơi của bọn trẻ, cho chúng đường mật và nhờ chúng dọn sạch củi, lá chất thành một đống trước vườn hoa trong một thời gian ngắn. Khi ấy, người làm đồ gốm cho vua đang đi tìm củi để đốt nung các chén bát cho nhà vua, thấy đống củi ấy tại cửa vườn hoa, ông ta mua ngay và tự tay mang nó đi.

Ngày ấy, đệ tử vị Tiểu Triệu Phú bán củi có được mười sáu đồng tiền, ghè bình và năm cái bát. Sau khi có được hai mươi bốn đồng tiền, chàng nghĩ đến một kế hoạch, đặt một ghè nước không xa cửa thành và đem nước cho năm trăm người cắt cỏ uống. Họ nói:

– Bạn giúp ích cho chúng tôi rất nhiều. Bạn muốn chúng tôi làm gì cho bạn?

Chàng trả lời:

– Khi nào tôi có việc, tôi sẽ nói cho các anh biết.

Trong khi đi qua lại, chàng làm thân với một người buôn bán trên bộ và một người buôn bán trên biển. Người buôn bán trên bộ báo tin cho chàng biết, ngày mai sẽ có người buôn ngựa đến tại thành này với năm trăm con ngựa. Nghe vậy, chàng nói với những người cắt cỏ:

– Hôm nay, mỗi người hãy cho tôi một bó cỏ và không bán cỏ của các anh cho đến khi tôi bán xong cỏ của tôi.

Họ bằng lòng và đem đến nhà chàng năm trăm bó cỏ. Người lái buôn ngựa không tìm được cỏ trong toàn thành phố, liền cho chàng một ngàn đồng tiền và lấy cỏ của chàng. Sau một vài ngày, người buôn bán trên biển báo tin cho chàng biết, sẽ có một chiếc tàu lớn cập bến. Chàng nghĩ đến một kế hoạch khác. Với tám đồng tiền chàng thuê một cỗ xe trang bị đầy đủ, được thuê theo giờ và đi đến bến cảng với vẻ rất uy nghi bệ vệ.

Sau khi đưa chiếc nhẫn làm bảo chứng cho chiếc tàu, chàng bảo dựng một cái lều không xa bao nhiêu, ngồi ở trong lều và dặn người làm công như sau:

– Khi có các người lái buôn từ ngoài đến, hãy báo cho ta biết qua ba người giới thiệu.

Khi nghe tin có tàu đến, khoảng một trăm người lái buôn từ Ba-la-nại đến để mua hàng. Họ được cho biết là hàng không thể lấy được vì phải để dành cho người lái buôn ở tại chỗ ấy đã có bảo chứng. Họ nghe vậy, liền đi đến gặp chàng. Những người hầu, như đã được dặn trước, báo tin họ đến qua ba người giới thiệu.

Một trăm người lái buôn ấy, mỗi người cho chàng một ngàn đồng để làm người hùn vốn trên tàu và cho một ngàn đồng nữa để trả tiền lấy hàng hóa phần của mình. Như vậy, người đệ tử vị Tiểu Triệu Phú lấy được hai trăm ngàn đồng tiền và đi về Ba-la-nại.

Để bày tỏ sự biết ơn đối với vị Tiểu Triệu Phú, chàng đem theo một trăm ngàn đồng tiền và đi đến thăm vị Tiểu Triệu Phú. Vị Tiểu Triệu Phú hỏi chàng đã làm gì để được số tiền này, chàng tường thuật tất cả câu chuyện, từ khi theo lời vị Tiểu Triệu Phú trải qua bốn tháng bắt đầu với việc chàng lượm con chuột chết. Vị Tiểu Triệu Phú nghe chàng nói như vậy, nghĩ rằng: Không thể để một chàng trai trẻ như vậy rơi vào tay người khác, liền gả con gái mới lớn lên của mình cho chàng và cho chàng làm chủ toàn bộ gia sản. Khi người triệu phú qua đời, chàng đã trở thành vị triệu phú của thành ấy. Khi mạng chung, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi nói lên pháp thoại này, bậc Chánh Giác đọc bài kệ:

4. Bậc trí với ít vốn, Bậc có mắt, ít hàng,
Tự xây dựng cho mình, Tài sản lớn như vậy,
Như dùng hơi thở mình, Thổi lớn đám lửa nhỏ.

Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, chính dựa vào Ta, Cullapanthaka ngày nay đạt được pháp tối thượng trong các pháp, cũng như ngày xưa đã đạt được tài sản tối thượng trong các tài sản.

Sau khi nói xong pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai mẩu chuyện với nhau và kết luận bằng sự nhận diện tiền thân như sau:

– Trong thời ấy, đệ tử của Tiểu Triệu Phú là Cullapanthaka, còn Cullakaseṭṭhi là Ta vậy.

§5. CHUYỆN ĐẤU GẠO (*Taṇḍulanālijātaka*) (*J.* I. 123)

Giá đấu gạo bao nhiêu...

Câu chuyện này được Thế Tôn khi ở tại Kỳ Viên, đã kể về Trưởng lão Lāḷudāyī. Trong thời ấy, Tôn giả Dabba, con bộ tộc Mallā, làm người phân phối cơm ăn cho chúng Tăng.[8] Thời ấy, vào buổi sáng, trong khi phân phối thẻ cơm,

[8] Xem *Vin.* III. 158.

Trưởng lão Udāyī khi thì được gạo tốt, khi thì được gạo xấu. Vào ngày được gạo xấu, Udāyī thường làm rộn lên trong phòng phát thẻ và nói:

– Sao chỉ có Dabba biết phát thẻ, chớ chúng tôi không biết hay sao?

Một hôm, khi Udāyī làm rộn lên trong phòng phát thẻ, các Tỷ-kheo đưa sổ phát thẻ cho Udāyī và nói:

– Hôm nay, Hiền giả hãy phát thẻ.

Bắt đầu từ hôm ấy, Udāyī phát thẻ cho chúng Tăng. Nhưng trong khi phát thẻ, Udāyī không biết gạo nào là gạo tốt, gạo nào là gạo xấu; Udāyī cũng không biết số hạ lạp như thế nào[9] được phát gạo tốt, số hạ lạp như thế nào được phát gạo xấu. Khi làm sổ thứ tự để chia phần, Udāyī không nghĩ đến thứ tự hạ lạp. Do vậy, khi các Tôn giả đứng vào vị trí của mình, Udāyī ghi một cái dấu trên sàn hoặc trên tường để chỉ rõ hàng này đứng chỗ này, hàng kia đứng chỗ kia.

Đến ngày sau, trong phòng phân phối thẻ có ít Tỷ-kheo hơn trong hàng này và có nhiều Tỷ-kheo hơn trong hàng kia. Hàng nào ít Tỷ-kheo hơn thì các dấu ghi quá thấp, hàng nào nhiều Tỷ-kheo hơn thì các dấu ghi quá cao. Nhưng Udāyī không biết gì về hàng sắp, đã phân phối các thẻ theo những dấu của mình. Do vậy, các Tỷ-kheo nói với Udāyī:

– Các dấu hoặc là quá thấp, hoặc là quá cao. Gạo tốt dành cho những vị có hạ lạp như thế kia còn gạo xấu lại dành cho những vị có hạ lạp như thế này.

Nhưng Udāyī gạt họ ra một bên và nói:

– Nếu dấu này là như vậy, sao các Hiền giả không đứng như vậy? Sao tôi lại tin các Hiền giả? Tôi tin các dấu của tôi hơn.

Các vị trẻ tuổi và các Sa-di kéo Udāyī ra khỏi phòng phân phối và nói:

– Này Hiền giả Udāyī ám độn, khi Hiền giả phân phối thẻ, các Tỷ-kheo nhận thiếu phần họ được nhận. Hiền giả không xứng đáng để phân phối. Hãy đi ra đi!

Trong khi ấy, tại phòng phân phối thẻ có tiếng ồn ào lớn. Nghe vậy, bậc Đạo sư gọi hỏi Trưởng lão Ānanda:

– Này Ānanda, trong phòng phân phối thẻ có tiếng ồn ào lớn, tiếng gì vậy?

Trưởng lão Ānanda bạch với Như Lai sự việc vừa xảy ra. Thế Tôn nói:

– Này Ānanda, không phải hiện nay, Udāyī với sự ngu si của mình, mới làm cho người khác bị thiệt hại khi nhận phần của họ. Thuở trước, Udāyī cũng đã làm như vậy.

Trưởng lão Ānanda thỉnh cầu Thế Tôn làm sáng tỏ vấn đề này. Thế Tôn trình bày rõ sự việc bị tái sanh che lấp qua câu chuyện quá khứ.

***

[9] Xem *Vin*. II. 167.

Thuở xưa, ở nước Kāsi, tại thành Ba-la-nại, Vua Brahmadatta đang trị vì. Lúc ấy, Bồ-tát của chúng ta làm người đánh giá cho vua. Ngài đánh giá voi, ngựa, v.v... đánh giá châu báu, vàng, v.v... Và ngài thường trả cho những người chủ các hàng hóa đúng giá tiền như ngài đã quy định. Nhưng vua là người tham lam và bản tánh tham của vua khiến vua suy nghĩ: "Người đánh giá này với cách đánh giá như vậy, không bao lâu sẽ làm cho tài sản tròng nhà của ta khánh kiệt. Ta phải tìm một người đánh giá khác." Mở cửa sổ nhìn xuống sân, vua thấy một người quê mùa, tham và ngu đang đi qua sân, nghĩ rằng: "Kẻ ấy có thể làm người đánh giá cho mình", bèn cho gọi kẻ ấy lên và hỏi anh ta có thể làm người đánh giá cho vua được không. Kẻ ấy trả lời:

– Thưa Đại vương, tôi có thể làm được.

Vua liền đặt người ngu ấy vào chức vụ người đánh giá với mục đích bảo vệ tài sản của mình. Từ khi ấy trở đi, người ngu ấy đánh giá voi, ngựa, v.v... không đếm xỉa gì đến giá trị, nói giá tùy theo sở thích. Vì giữ chức vụ ấy, kẻ ấy nói gì thì giá tiền là phải như vậy, không thể khác.

Lúc bấy giờ, từ vùng phương Bắc, một người buôn ngựa đi đến với năm trăm con ngựa. Vua cho gọi kẻ ấy lên và bảo anh ta đánh giá ngựa. Kẻ ấy đánh giá năm trăm con ngựa bằng giá một đấu gạo, bảo trả cho người buôn ngựa giá tiền một đấu gạo và bảo dắt ngựa vào chuồng. Người buôn ngựa đi đến gặp người đánh giá cũ, thuật lại sự việc này và hỏi phải làm thế nào. Bồ-tát nói:

– Hãy cho người ấy một số tiền hối lộ và hỏi nó: "Biết rằng giá tiền các con ngựa chúng tôi đáng giá một đấu gạo thì ông có thể cho chúng tôi biết, theo ông tiền một đấu gạo là bao nhiêu, ông có thể tuyên bố giá ấy trước mặt vua được không?" Nếu nó trả lời có thể được thì đưa nó đến ngay trước mặt vua và tôi cũng sẽ có mặt ở đấy.

Người lái buôn nghe theo lời Bồ-tát, cho người đánh giá một số tiền hối lộ, và đặt vấn đề với kẻ ấy. Khi kẻ ấy nhận hối lộ và nói có thể đánh giá đấu gạo được, người buôn ngựa đưa ngay anh ta đến trước mặt vua. Bồ-tát cùng nhiều đại thần khác cũng đi đến. Người buôn ngựa, sau khi đảnh lễ vua, liền thưa:

– Thưa Đại vương, con đã biết giá tiền năm trăm con ngựa bằng giá tiền một đấu gạo.

– Nhưng giá tiền một đấu gạo là bao nhiêu?

– Đại vương hãy hỏi người đánh giá này.

Không biết sự việc đã xảy ra, vua nói:

– Này người đánh giá, khanh nói cho ta biết giá tiền năm trăm con ngựa.

– Thưa Đại vương, là giá tiền một đấu gạo.

– Hãy là vậy, này khanh. Năm trăm con ngựa này trị giá một đấu gạo. Vậy giá trị một đấu gạo là bao nhiêu?

Người ngu si ấy trả lời:

– Một đấu gạo trị giá bằng tất cả thành Ba-la-nại với nhiều ngoại ô.

Như vậy, chúng ta được biết rằng, để làm vui lòng ông vua, kẻ ấy trị giá các con ngựa bằng một đấu gạo; nhưng sau khi lấy tiền hối lộ từ tay người lái buôn, anh ta đánh giá một đấu gạo bằng toàn bộ nội ngoại thành Ba-la-nại. Lúc bấy giờ, toàn thành bao bọc Ba-la-nại dài đến mười hai do-tuần, còn nội thành và ngoại thành Ba-la-nại rộng lớn ba trăm do-tuần; tuy vậy, kẻ ngu ấy trị giá nội thành và ngoại thành Ba-la-nại rộng lớn này chỉ bằng một đấu gạo. Nghe kẻ ấy nói vậy, các đại thần vỗ tay cười và nói:

– Trước kia chúng ta thường nghĩ rằng: Quả đất và quốc độ là vô giá. Nhưng nay chúng ta được biết rằng thành phố lớn Ba-la-nại này cùng với vị vua trị giá chỉ có một đấu gạo mà thôi. Ôi, kẻ đánh giá thật đầy đủ trí tuệ! Sao nó có thể giữ địa vị của nó lâu như vậy! Nhưng thật sự kẻ đánh giá này phù hợp với vua chúng ta một cách tuyệt diệu!

Các đại thần vỗ tay, cười đùa và mỉa mai như vậy.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

5. Giá đấu gạo bao nhiêu? Bằng cả nội ngoại thành,
Thành phố Ba-la-nại, Cả năm trăm con ngựa,
Cũng chỉ bằng giá tiền, Một đấu gạo mà thôi.

Lúc bấy giờ, vua xấu hổ đuổi kẻ ngu ấy đi và đặt Bồ-tát vào chức vụ đánh giá như cũ. Rồi đến khi mạng chung, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi trình bày pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện với nhau và kết luận bằng sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, kẻ đánh giá quê mùa ngu si là Udāyī, còn vị đánh giá có trí là Ta vậy.

§6. CHUYỆN THIÊN PHÁP (*Devadhammajātaka*) (*J.* I. 126)

Đầy đủ tàm và quý...

Khi ở Kỳ Viên, Thế Tôn kể câu chuyện này về một Tỳ-kheo có nhiều đồ vật. Ở Xá-vệ, có một vị trưởng giả giàu có, sau khi vợ chết mới xuất gia. Trước khi xuất gia, vị ấy có làm một phòng để ở, một phòng để lửa và một kho chứa đồ, cho chất đầy kho chứa đồ với bơ, sữa, gạo, v.v... rồi mới xuất gia. Sau khi xuất gia, vị ấy cho gọi những người đầy tớ của mình, bảo nấu các đồ ăn theo sở thích và thọ dụng các món ăn ấy. Vị ấy có rất nhiều vật dụng, ban đêm có bộ đồ lót, có áo choàng riêng; ban ngày có bộ đồ lót, có áo choàng riêng và sống cách biệt sau biên địa ngôi tinh xá.

Một hôm, trong khi vị ấy lấy các y và đồ nằm, trải chúng trong phòng để phơi cho khô, một số đông Tỳ-kheo ở các tỉnh, đi từ trú xứ này đến trú xứ khác, đến phòng kia thấy các y áo, v.v... liền hỏi chúng thuộc về ai. Vị ấy trả lời:

– Của tôi, thưa các Hiền giả.

– Thưa Hiền giả, y này, áo lót này, đồ nệm này, tất cả của Hiền giả phải không?

– Vâng, của tôi.

Họ nói:

– Này Hiền giả, Thế Tôn chỉ cho phép ba y. Hiền giả xuất gia trong giáo pháp đức Phật ít dục như vậy, lại chất đầy cả kho vật dụng như vậy. Chúng tôi sẽ đưa Hiền giả đến bậc Đạo sư.

Rồi các Tỷ-kheo này đem vị ấy đi đến bậc Đạo sư. Thấy vậy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, phải chăng các ông đem đến đây một Tỷ-kheo ngoài ý muốn của vị ấy?

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này có nhiều đồ vật và có cả kho vật dụng.

– Này Tỷ-kheo, có phải ông có nhiều vật dụng?

– Thật vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, sao ông lại có nhiều vật dụng như vậy? Có phải Ta nói lời tán thán hạnh ít dục, biết đủ... viễn ly, tinh tấn không?

Nghe bậc Đạo sư nói vậy, vị ấy sanh phẫn nộ và nói:

– Nay tôi sẽ cởi đồ và đi như thế này.

Vị ấy quăng y choàng ngoài, chỉ mặc một y trong và đứng giữa hội chúng.

Bậc Đạo sư muốn khích lệ, liền nói:

– Này Tỷ-kheo, thuở trước, ông là con quỷ nước dạ-xoa đi tìm tàm quý, sống trong mười hai năm đi tìm tàm quý. Sao nay ông đã xuất gia trong giáo pháp Phật được tôn kính này, lại quăng y choàng ngoài giữa bốn chúng, từ bỏ tàm quý và đứng như vậy?

Khi nghe lời bậc Đạo sư, tàm quý khởi lên, vị ấy đắp y, đảnh lễ bậc Đạo sư, rồi ngồi xuống một bên. Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn giải thích rõ ràng ý nghĩa này. Thế Tôn trình bày ý nghĩa sự việc bị tái sanh che lấp qua câu chuyện sau đây:

***

Vào thời Vua Brahmadatta đang trị vì nước Kāsi tại Ba-la-nại, Bồ-tát tái sanh làm con bà hoàng hậu của vua, trong ngày đặt tên, được đặt tên là Hoàng tử Mahiṁsāsa (Ngưu Vương). Khi Bồ-tát bắt đầu đi được, chạy được, một con trai thứ hai ra đời và được đặt tên là Hoàng tử Canda (Mặt Trăng). Khi đứa trẻ này bắt đầu đi được, chạy được, mẹ Bồ-tát mạng chung. Vua đưa một người khác lên làm hoàng hậu, rất được vua sủng ái. Bà hoàng hậu này trong tình thương yêu ấy, sanh được một con trai đặt tên là Hoàng tử Suriya (Mặt Trời). Vua cha thấy con, tâm tư hết sức hoan hỷ, hứa cho bà hoàng hậu một lời yêu cầu nhân danh con bà. Bà hoàng hậu giữ lời hứa lại, mong được thực hiện ý muốn mai sau. Khi con bà lớn lên, bà tâu với vua:

– Khi sanh con của thiếp, Đại vương có hứa cho một điều yêu cầu. Vậy hãy cho con thiếp làm vua.

Vua từ chối và nói:

– Ta có hai con trai, sáng chói như đám lửa. Ta không thể giao vương quốc cho con hoàng hậu được.

Nhưng sau, thấy hoàng hậu cứ tiếp tục yêu cầu mãi, vua ngại bà có âm mưu ác hại các con của mình, nên cho gọi các con lại và bảo:

– Này các con thân, khi sinh Hoàng tử Suriya, ta có cho một điều yêu cầu. Nay mẹ Suriya có yêu cầu vương quốc, ta không muốn cho nó. Đàn bà hay có tánh ác, có thể âm mưu ác, hại các con. Vậy hai con hãy đi vào rừng và khi nào ta mạng chung, hãy trở về trị vì, thành này là gia sản của nhà ta.

Nói vậy với nước mắt và lời than, vua hôn hai con trên đầu và đưa họ ra đi. Sau khi đảnh lễ vua cha, hai hoàng tử từ giã lâu đài ra đi. Hoàng tử Suriya đang chơi trong sân, thấy vậy, biết được sự việc, liền quyết định cùng ra đi với hai anh, và họ cùng ra đi.

Họ đi vào Tuyết sơn. Bồ-tát bước xuống đường, ngồi trên một gốc cây và bảo Hoàng tử Suriya:

– Này Suriya thân, hãy đi đến hồ nước này. Sau khi tắm và uống, hãy đem cho chúng ta nước uống trong các lá sen.

Cái hồ ấy do Thiên vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn)[10] cho một con quỷ nước dạ-xoa với lời dặn: "Trừ những người biết được thiên pháp, còn tất cả những ai xuống hồ nước này, ngươi có quyền bắt ăn thịt. Những ai không xuống nước, thì ngươi không có quyền."

Từ đó về sau, quỷ dạ-xoa hỏi thiên pháp những ai xuống hồ nước ấy, ai không biết thì nó ăn thịt. Hoàng tử Suriya đi đến hồ nước ấy, không quan sát gì, cứ bước xuống hồ. Quỷ dạ-xoa bắt được và hỏi:

– Ngươi có biết thiên pháp không?

Hoàng tử đáp:

– Ta biết. Đó là mặt trời, mặt trăng.

Quỷ dạ-xoa nói:

– Ngươi không biết thiên pháp.

Rồi bắt chàng xuống nước và giam chàng tại thủy cung của mình. Bồ-tát thấy em mình đi quá lâu, liền sai Hoàng tử Canda đi tìm. Quỷ dạ-xoa cũng bắt chàng, hỏi về thiên pháp và Hoàng tử Canda trả lời: "Thiên pháp là bốn phương." Quỷ dạ-xoa nói chàng không biết thiên pháp, bắt chàng và cũng giam tại chỗ ấy.

[10] Xem *J.* I. 327, *Rukkhadhammajātaka* (*Chuyện luật cây rừng*), số §74.

Bồ-tát thấy Canda đi quá lâu, nghĩ rằng chắc có trở ngại gì xảy ra cho mỗi người, liền tự mình đi đến chỗ ấy. Thấy được dấu chân của hai người đi xuống, nghĩ rằng hồ ấy có thể là chỗ trú ẩn của quỷ dạ-xoa, Bồ-tát liền rút kiếm ra, cầm cung và đứng sẵn sàng. Con quỷ nước dạ-xoa biết Bồ-tát không chịu xuống nước, hóa hiện một người đi làm rừng, nói với Bồ-tát:

– Này bạn, bạn đi đường mệt, sao bạn không xuống hồ này tắm, uống nước, ăn củ sen, trang điểm với hoa sen, rồi đi chỗ nào bạn ưa thích.

Bồ-tát thấy vậy, biết nó là quỷ dạ-xoa, liền hỏi nó:

– Có phải ngươi bắt các người em của ta?

– Phải, ta bắt.

– Vì sao?

– Vì ai xuống hồ này đều thuộc về ta.

– Có phải tất cả đều thuộc về ngươi?

– Trừ những ai biết được thiên pháp, còn lại đều thuộc về ta.

– Ngươi có muốn biết thiên pháp không?

– Có, ta muốn biết.

– Nếu như vậy, ta sẽ nói cho ngươi về thiên pháp.

– Vậy bạn hãy nói đi, ta sẽ nghe thiên pháp.

Bồ-tát nói:

– Ta có thể nói thiên pháp, nhưng tay chân đều lấm bụi.

Quỷ dạ-xoa tắm cho Bồ-tát, cho ngài ăn, cho uống nước, cho trang sức với bông hoa, cho thoa với hương thơm và làm một sàng tọa giữa một cái rạp được trang hoàng lộng lẫy. Bồ-tát ngồi trên sàng tọa, bắt quỷ dạ-xoa ngồi dưới chân, và nói:

– Hãy lắng tai, cẩn thận nghe thiên pháp.

Ngài nói lên bài kệ này:

6. Đầy đủ tàm và quý, Chuyên tâm về bạch pháp,
An tịnh bậc chân nhân, Ở đời gọi thiên pháp.

Dạ-xoa nghe pháp thoại này, tâm sanh tịnh tín, thưa với Bồ-tát:

– Thưa bậc Hiền trí, tôi cảm thấy tịnh tín đối với ngài và muốn cho ngài một người em. Vậy tôi đem đến người nào?

– Hãy đem đến đứa trẻ nhất.

– Thưa bậc Hiền trí, dầu ngài biết hoàn toàn thiên pháp, ngài lại không xử sự theo thiên pháp.

– Sao vậy?

– Sao ngài lại chọn người em, bỏ người anh? Ngài không kính trọng tuổi lớn hơn của nó.

– Này dạ-xoa, ta không những biết thiên pháp mà còn xử sự đúng thiên pháp. Chính vì đứa em ấy mà chúng ta đi vào rừng này. Chính vì hạnh phúc cho đứa em ấy mà mẹ nó xin vua cha quốc độ và phụ vương chúng ta từ chối không chấp nhận lời yêu cầu, bằng lòng cho chúng ta sống ở trong rừng với mục đích bảo vệ chúng ta. Đứa trẻ ấy không nghĩ đến trở về, đã đi theo chúng ta. Nếu như ai nghe được rằng trong rừng, một dạ-xoa đã ăn nó rồi thì không ai có thể tin được. Chính vì sợ bị quở trách mà ta bảo ngươi đem nó cho ta.

– Lành thay, lành thay, bậc Hiền trí! Ngài không những biết thiên pháp mà ngài còn thực hành thiên pháp.

Quỷ dạ-xoa nói lên sự đồng tình của mình và đem trả cả hai người em. Rồi Bồ-tát nói với nó:

– Này bạn, do kết quả việc ác ngươi làm từ trước nên nay ngươi sanh làm dạ-xoa, ăn thịt và máu của những người khác. Nay ngươi lại làm điều ác nữa, việc ác này không thể làm ngươi thoát khỏi địa ngục, v.v... Do vậy, từ nay trở đi, hãy bỏ việc ác, làm việc lành!

Và Bồ-tát nhiếp phục quỷ dạ-xoa.

Khi nhiếp phục quỷ dạ-xoa, Bồ-tát sống ở đấy với sự bảo vệ của quỷ dạ-xoa. Một ngày kia, nhìn lên các vì sao, biết được phụ vương đã mạng chung, Bồ-tát đem theo quỷ dạ-xoa về Ba-la-nại, lấy lại vương quốc, phong Hoàng tử Canda làm Phó vương, đặt Hoàng tử Suriya làm Đại tướng quân. Còn đối với quỷ dạ-xoa, Bồ-tát cho làm trú xứ tại một địa điểm tốt đẹp, cho nó nhận được vòng hoa tốt nhất, các hoa tốt nhất, các đồ ăn tốt nhất. Riêng Bồ-tát trị vì theo Chánh pháp và khi mạng chung, đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư liền thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, Tỷ-kheo ấy chứng quả Dự lưu. Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác kể xong hai câu chuyện, kết hợp chúng với nhau và kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, quỷ dạ-xoa là Tỷ-kheo có nhiều đồ vật, Hoàng tử Suriya là Ānanda, Hoàng tử Canda là Sāriputta và Hoàng tử Mahiṁsāsa là Ta vậy.

§7. CHUYỆN NÀNG LƯỢM CỦI (*Kaṭṭhahārijātaka*) (*J*. I. 133)

Kính thưa bậc Đại vương...

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể khi ở Kỳ Viên về nàng Vāsabhakhattiyā. Câu chuyện sẽ được tìm thấy trong chương XII, *Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla*.[11] Truyền thuyết kể rằng, nàng là con gái của vị Thích-ca tên Mahānāma với một nữ tỳ tên là Nāgamuṇḍā, về sau trở thành hoàng hậu của vua nước

[11] Xem *J*. IV. 144, *Bhaddasālajātaka* (*Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla*), số §465.

Kosala. Nàng sanh một con trai cho vua. Về sau, vua biết được dòng họ nữ tỳ của nàng, liền truất phế địa vị của nàng và truất phế luôn người con trai là Viḍūḍabha. Cả hai chỉ sống ở trong nội cung. Thế Tôn biết được sự việc này, vào buổi sáng, với năm trăm Tỷ-kheo vây quanh, đi đến trú xứ của vua, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói:

– Thưa Đại vương, Vāsabhakhattiyā ở đâu?

Vua kể lại câu chuyện ấy.

– Thưa Đại vương, Vāsabhakhattiyā là con gái của ai?

– Bạch Thế Tôn, của Mahānāma.

– Khi nàng đến, nàng là vợ của ai?

– Bạch Thế Tôn, của tôi.

– Thưa Đại vương, nàng là con gái của vua. Nàng đến làm vợ vua. Nàng sanh đứa con trai cho vua. Đứa con trai ấy, do lý do gì lại không làm chủ vương quốc thuộc sở hữu của người cha? Thuở xưa, một vị vua có đứa con trai từ một người con gái đi lượm củi và một cuộc gặp gỡ tình cờ đã cho người con trai ấy vương quốc.

Vua thỉnh cầu Thế Tôn làm sáng tỏ ý nghĩa câu chuyện. Thế Tôn liền kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, ở Ba-la-nại, Vua Brahmadatta đi vào ngự uyển với uy nghi lớn của nhà vua. Đang đi qua lại để tìm trái cây và bông hoa, vua gặp một thiếu nữ đang lượm củi, vừa lượm vừa hát. Vua đắm say nàng và ăn ở với nàng. Bồ-tát được thụ thai trong bụng nàng. Nàng cảm thấy bụng nàng nặng nề như mang lưỡi tầm sét [lưỡi búa] của Đế-thích. Biết rằng mình đã có thai, nàng tâu nhà vua việc ấy. Vua đưa cho nàng một chiếc nhẫn và nói:

– Nếu sanh con gái, hãy giữ chiếc nhẫn này để lấy tiền nuôi dưỡng nó. Nếu sanh con trai, hãy đem nó đến cho ta với chiếc nhẫn này!

Nói xong, vua ra đi. Khi bào thai đúng thời, nàng sanh Bồ-tát. Đến tuổi Bồ-tát đi được, chạy được; trong khi chơi ở sân chơi, có tiếng la:

– Ta bị đứa không có cha đánh.

Nghe vậy, Bồ-tát đi đến mẹ và hỏi:

– Ai là cha con?

– Này con thân, con là con vua xứ Ba-la-nại.

– Thưa mẹ, có cái gì làm chứng?

– Này con thân, vua có cho chiếc nhẫn này và nói: "Nếu sanh con gái thì giữ chiếc nhẫn này để nuôi dưỡng nó. Nếu sanh con trai, hãy đem nó đến cho ta với chiếc nhẫn này!".

– Thưa mẹ, sự tình là như vậy, sao mẹ không đưa con đến gặp cha?

Nàng biết ý định của con nên đem con đến cửa cung điện và xin yết kiến vua. Khi được gọi vào, nàng đảnh lễ vua và tâu:

– Thưa Đại vương, đây là con của Đại vương.

Vua biết vậy, nhưng cảm thấy xấu hổ trước đông đảo quần chúng nên nói:

– Nó không phải con của ta.

– Tâu Đại vương, đây là chiếc nhẫn của Ngài. Chắc Ngài nhận ra được chiếc nhẫn này?

– Đây không phải là chiếc nhẫn của ta.

– Tâu Đại vương, tôi không có vật gì khác để bảo chứng cho sự thật. Nếu đứa trẻ này là con Ngài, nó sẽ đứng trên hư không. Nếu không phải, nó sẽ rơi xuống đất và chết!

Rồi nàng cầm chân Bồ-tát quăng lên hư không. Bồ-tát ngồi kiết-già trên hư không và với âm thanh dịu ngọt, tuyên bố pháp cho phụ vương, đọc bài kệ này:

7. Kính thưa bậc Đại vương, Tôi là con trai ngài.
Kính thưa bậc Nhân chủ, Hãy nuôi dưỡng con lớn!
Vua nuôi dưỡng người khác, Không nuôi con mình sao?

Nghe Bồ-tát ngồi trên hư không thuyết pháp như vậy, vua bèn nói:

– Hãy đến, này con thân, ta sẽ nuôi con! Ta sẽ nuôi con!

Và vua đưa hai tay lên. Một ngàn bàn tay đưa lên để đón Bồ-tát, nhưng Bồ-tát không xuống bàn tay nào khác, chỉ xuống vào bàn tay nhà vua và ngồi trên bắp vế vua. Vua phong cho con làm Phó vương, phong cho mẹ làm Hoàng hậu. Sau khi vua mạng chung, Bồ-tát lên làm vua có tên là Kaṭṭhavāhana (Vua Con Của Người Lượm Củi), trị vì vương quốc bằng Chánh pháp và khi mạng chung, ngài đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này cho vua nước Kosala, trình bày hai câu chuyện và kết hợp chúng với nhau, bậc Đạo sư kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người mẹ là Mahāmāyā, người cha là Vua Suddhodana (Tịnh Phạn vương) và Vua Kaṭṭhavāhana là Ta vậy.

§8. CHUYỆN VUA GĀMANI (*Gāmanijātaka*) (*J.* I. 136)

Không vội vã vượt qua...

Câu chuyện được bậc Đạo sư kể khi ở Kỳ Viên về một Tỷ-kheo từ bỏ tinh tấn. Trong tiền thân này, câu chuyện về hiện tại và quá khứ sẽ được trình bày

ở chương XI, *Chuyện Vương tử Saṁvara.*[12] Câu chuyện ấy và câu chuyện này giống nhau nhưng các bài kệ khác nhau.

***

Hoàng tử Gāmani an trú trong lời dạy của Bồ-tát, là em út của một trăm anh em, được vây quanh với một trăm anh em, ngồi dưới lọng trắng, trên chỗ ngồi huy hoàng rực rỡ, ngắm nhìn sự quang vinh của mình và nghĩ: "Tất cả sự quang vinh này ta có được là do vị Đạo sư của chúng ta", rồi cảm thấy bằng lòng thoải mái, nói lên lời cảm hứng này:

8. Không vội vã vượt qua, Thành tựu quả mong đợi,
Gāmani hãy biết, Phạm hạnh ta thành thục.

Bảy hay tám ngày sau khi vị ấy lên ngôi vua, tất cả những người anh đều đi về trú xứ của mình. Vua Gāmani trị vì theo Chánh pháp, khi mạng chung đi theo nghiệp của mình. Bồ-tát làm các công đức và khi mạng chung cũng đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi trình bày pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng về các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo từ bỏ tinh tấn ấy chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo sư kể hai câu chuyện và kết hợp chúng với nhau, rồi kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Hoàng tử Gāmani là vị Tỷ-kheo từ bỏ tinh tấn ấy, và Ta chính là vị Đạo sư.

§9. CHUYỆN VUA MAKHĀDEVA (*Makhādevajātaka*)[13] (*J*. I. 137)

Những tóc bạc đầu ta...

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể khi ở Kỳ Viên về sự kiện xuất gia lớn đã được kể trong tập *Nidānakathā*. Khi ấy, các Tỷ-kheo đang ngồi tán thán sự ra đi của đấng Đại Giác thì Thế Tôn đi đến pháp đường, ngồi trên Phật tòa, hỏi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi nói chuyện gì?

– Bạch Thế Tôn, không có chuyện gì khác. Chúng con ngồi tán thán hạnh ra đi của Thế Tôn!

---

[12] Xem *J*. IV. 130, *Saṁvarajātaka* (*Chuyện Vương tử Saṁvara*), số §462.

[13] Bản CST, Thái Lan viết Maghadeva. Bản Tích Lan viết Makhādeva. Tham chiếu: *J*. VI. 95, *Nimijātaka* (*Chuyện Đại vương Nimi*), số §541; *M*. II. 74, *Maghadevasutta* (*Kinh Maghadeva*), số 83; *Cp*. 76, *Nimirājacariya* (*Hạnh của đức Vua Nimi*); *Đại Thiên nại lâm kinh* 大天奈林經 (*T*.01. 0026.67. 0511c21); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.1.1. 0549b09); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.4. 0806c21); *Ma-điều vương kinh* 摩調王經 (*T*.03. 0152.87. 0048b25); *Pháp cú kinh* "Đạo-lợi phẩm" 法句經道利品 (*T*.04. 0210.38. 0574b16); *Pháp cú thí dụ kinh* "Đạo-lợi phẩm" 法句譬喻經道利品 (*T*.04. 0211.38. 0606b16); *Phật thuyết Trừ khủng tai hoạn kinh* 佛說除恐災患經 (*T*.17. 0744. 0533b01).

– Này các Tỷ-kheo, không phải nay Như Lai mới ra đi; trước đây, Ta cũng ra đi rồi.

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn giải thích câu chuyện ấy. Thế Tôn trình bày câu chuyện quá khứ sau đây.

***

Thuở ấy, tại nước Videha có vị vua tên là Makhādeva ở Mithilā, hành trì đúng pháp của một vị Pháp vương. Trải qua tám mươi bốn ngàn năm, ngài đã vui chơi trong địa vị hoàng tử, đã trị vì trong địa vị phó vương và trong địa vị đại vương. Sau một thời gian dài vua sống như vậy, một hôm, ngài gọi người cắt tóc và nói:

– Này khanh, khi nào khanh thấy tóc bạc trên đầu ta, hãy báo cho ta biết!

Người cắt tóc, sau một thời gian dài, thấy giữa đám tóc đen nhánh của vua có một sợi tóc bạc, liền báo cho vua biết. Vua bảo:

– Hãy nhổ sợi tóc bạc ấy và đặt nó trên tay ta!

Nghe nói vậy, người cắt tóc lấy cái nhíp bằng vàng nhổ sợi tóc bạc và đặt lên bàn tay vua. Lúc ấy, nhà vua đang có tám mươi bốn ngàn năm còn lại để sống. Tuy vậy, thấy sợi tóc bạc, ngài cảm thấy xúc động mạnh, như thần chết đã đến đứng gần đó, như bị nhốt vào trong ngôi nhà lá đang bốc cháy. Nhà vua suy nghĩ: "Này Makhādeva ngu si ơi, tóc bạc đã mọc lên nhưng ngươi chưa có thể loại trừ những phiền não này."

Và khi nghĩ đến sự xuất hiện của sợi tóc bạc, nhà vua cảm thấy bị nung đốt nội tâm, từ thân mồ hôi toát ra, áo quần như đè nén nhà vua và trở thành không thể chịu nổi. Nhà vua nghĩ: "Hôm nay, ta phải ra đi và xuất gia."

Sau khi cho người cắt tóc hưởng lợi tức một ngôi làng trị giá một trăm ngàn đồng, vua cho gọi người con đầu và nói:

– Này con thân, trên đầu ta, tóc bạc đã hiện ra. Ta nay đã già rồi. Các dục vọng liên hệ đến con người, ta đã hưởng thụ đầy đủ. Nay ta muốn tìm cầu các dục lạc ở thiên giới. Nay là thời ta phải ra đi, con hãy trị vì vương quốc này. Sau khi xuất gia, ta sẽ ở trong rừng xoài Makhādeva và sống theo pháp Sa-môn.

Các đại thần nghe tin vua muốn xuất gia, liền đến hỏi vua vì sao lại muốn xuất gia, vua cầm sợi tóc bạc trong tay và nói bài kệ với các đại thần:

9. Những tóc bạc đầu ta, Xuất hiện cướp tuổi xanh,
Các thiên sứ đã đến, Là thời ta xuất gia.

Sau khi nói vậy, ngay trong ngày ấy, nhà vua từ bỏ vương quốc, xuất gia làm ẩn sĩ sống trong rừng xoài Makhādeva. Trải qua tám mươi bốn ngàn năm tu tập bốn Phạm trú, an trú thiền không có gián đoạn, ngài mạng chung và sanh lên Phạm thiên giới; từ đấy lại sanh ở Mithilā và làm vua tên Nimi. Sau khi trị

vì và truyền ngôi, ngài lui về ở ẩn, xuất gia tại rừng xoài ấy, tu tập bốn Phạm trú và tái sanh Phạm thiên giới.

***

Bậc Đạo sư nói rằng Như Lai không phải chỉ nay mới ra đi với sự xuất gia ấy mà thuở trước cũng đã ra đi như vậy rồi. Trình bày pháp thoại này xong, Ngài thuyết về bốn sự thật. Một số chứng được quả Dự lưu, một số chứng được quả Nhất lai, một số chứng được quả Bất lai.

Sau khi kể xong hai câu chuyện này và kết hợp chúng với nhau, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người cắt tóc là Ānanda, người con trai là Rāhula và Vua Makhādeva là Ta vậy.

§10. CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SUKHAVIHĀRI

(*Sukhavihārijātaka*)[14] (*J.* I. 140)

Người không được bảo vệ...

Câu chuyện này, khi ở tại rừng xoài Anūpiya, bậc Đạo sư đã kể về Trưởng lão Bhaddiya Sukhavihāri. Trưởng lão Bhaddiya Sukhavihāri đã xuất gia cùng với sáu vị trong hoàng tộc, cùng với Upāli là người thứ bảy. Trưởng lão Bhaddiya, Trưởng lão Kimbila, Trưởng lão Bhagu và Trưởng lão Upāli chứng quả A-la-hán, Trưởng lão Ānanda chứng quả Dự lưu, Trưởng lão Anuruddha chứng được Thiên nhãn, Devadatta chứng được Thiền định. Câu chuyện của sáu vị trong hoàng tộc này dẫn đến sự kiện ở Anūpiya, sẽ được trình bày trong *Chuyện Tế sư Khaṇḍahāla*.[15]

Trong thời kỳ làm vua, Tôn giả Bhaddiya tự bảo vệ mình như một vị thiên sắp đặt sự bảo vệ, nay nghĩ đến tâm trạng sợ hãi mà vị ấy đã sống, dầu được bảo vệ với nhiều sự bảo vệ, vẫn nằm lăn qua trở lại trên đại sàng tọa đặt trên lầu cao. Vị ấy so sánh sự sợ hãi ấy với trạng thái không sợ hãi, vì nay vị ấy đã chứng quả A-la-hán khi đi lang thang đây đó trong các khu rừng, v.v... Khi nghĩ vậy, vị ấy nói lên lời cảm hứng:

– Ôi hạnh phúc thay! Ôi hạnh phúc thay!

Các Tỷ-kheo nghĩ rằng Tôn giả Bhaddiya nói lên chánh trí của mình, nên trình lên Thế Tôn. Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, Bhaddiya không phải chỉ nay mới sống hạnh phúc mà thuở trước, vị ấy cũng đã sống hạnh phúc.

---

[14] Sukhavihāri: Sống An Lạc, tên gọi của vị Trưởng lão. Xem *Thag*. v. 597, *Saṅkiccattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Saṅkicca).

[15] Bản Tích Lan viết *Khaṇḍahālajātaka*, số 542. Bản CST viết *Candakumārajātaka*, số 544; xem *J*. VI. 129, *Khaṇḍahālajātaka* (*Chuyện Tế sư Khaṇḍahāla*).

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn trình bày rõ ý nghĩa này. Thế Tôn làm sáng tỏ ý nghĩa qua câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, ở Ba-la-nại, trong khi Vua Brahmadatta đang trị vì vương quốc, Bồ-tát sinh làm một vị Bà-la-môn giàu có ở phương Bắc. Thấy nguy hiểm trong các dục, lợi ích trong xuất ly, ngài từ bỏ các dục vào Tuyết sơn xuất gia làm ẩn sĩ, đạt được tám thiền chứng. Số tùy tùng của ngài lên đến năm trăm vị khổ hạnh.

Khi mùa mưa đến, ngài rời Tuyết sơn với chúng khổ hạnh vây quanh, đi bộ qua làng, qua thị trấn, đến Ba-la-nại; ngài trú ở ngôi vườn của vua, nương tựa nhà vua. Tại đây, sau khi sống bốn tháng trong mùa mưa, ngài đến từ biệt nhà vua. Nhà vua nói:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả đã lớn tuổi, Tôn giả sống ở Tuyết sơn làm gì? Hãy để các đệ tử đến Tuyết sơn, còn Tôn giả ở lại đây.

Bồ-tát giao năm trăm vị khổ hạnh cho đệ tử trưởng và nói:

– Con hãy đi sống ở Tuyết sơn với những người này, còn ta sẽ sống ở đây.

Vị đệ tử trưởng ấy, trước kia làm vua, sau từ bỏ vương quốc lớn, xuất gia, lấy đề tài thiền quán, chứng được tám thiền chứng. Vị ấy sống ở Tuyết sơn với các vị khổ hạnh.

Một hôm, muốn yết kiến Bổn sư, vị ấy gọi các vị khổ hạnh kia và bảo:

– Hãy sống thoải mái ở đây, ta đi đảnh lễ Bổn sư rồi lại về.

Vị ấy đi đến Bổn sư, đảnh lễ ngài, chào mừng ngài rất chân tình, rồi trải tấm thảm, nằm xuống bên cạnh Bổn sư. Lúc bấy giờ, nhà vua đi đến ngôi vườn để yết kiến vị khổ hạnh, đảnh lễ ngài rồi ngồi xuống một bên. Vị đệ tử khổ hạnh thấy vua đến nhưng không đứng dậy, vẫn nằm dài và nói lời cảm hứng:

– Ôi hạnh phúc thay! Ôi hạnh phúc thay!

Nhà vua không hoan hỷ với vị khổ hạnh thấy vua mà không đứng dậy, nên nói với Bồ-tát:

– Thưa Tôn giả, người khổ hạnh này có lẽ đã ăn quá đầy đủ nên nằm sung sướng, nói lên lời cảm hứng.

– Thưa Đại vương, người khổ hạnh này trước cũng làm vua như ngài. Vị ấy suy nghĩ: "Trước kia ta còn là cư sĩ, đầy đủ uy quyền của nhà vua, được bảo vệ bởi nhiều người có binh khí cầm tay nhưng không được hạnh phúc như thế này. Nay do tự mình được hạnh phúc xuất gia, được hạnh phúc thiền định", nên nói lên lời cảm hứng như vậy.

Để giảng pháp thoại cho nhà vua, Bồ-tát đọc bài kệ này:

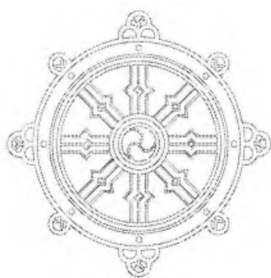
10. Người không được bảo vệ, Không bảo vệ người khác,
Thưa Đại vương, người ấy, Thật sự được an lạc,
Vì không chờ đợi gì, Đối với các dục vọng.

Nhà vua nghe pháp thoại xong, cảm thấy thoải mái, đảnh lễ rồi đi về cung. Vị đệ tử đảnh lễ Bổn sư rồi đi về Tuyết sơn. Bồ-tát tiếp tục sống tại đấy, thiền định không gián đoạn và khi mạng chung, sanh lên Phạm thiên giới.

***

Bậc Đạo sư kể lại hai câu chuyện, kết hợp chúng với nhau rồi nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, vị đệ tử là Tôn giả Bhaddiya, còn vị Bổn sư chính là Ta vậy.



II. PHẨM GIỚI
(*SĪLAVAGGA*)

§11. CHUYỆN CON NAI LAKKHAṆA (*Lakkhaṇajātaka*) (*J.* I. 142)

Con người có giới hạnh...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, gần thành Vương Xá, đức Phật kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Câu chuyện về Devadatta sẽ được kể cho đến khi làm tướng cướp trong *Chuyện Tế sư Khaṇḍahāla*,[16] khi bị đuổi đi khỏi chức vụ người giữ kho bạc trong *Chuyện thiên nga chúa*,[17] khi bị quả đất nuốt sống trong chương XII, *Chuyện thương nhân trên biển cả*.[18]

Một thời, Devadatta yêu cầu năm điều kiện nhưng không được, bèn phá hòa hợp Tăng, đem theo năm trăm Tỷ-kheo đến ở tại Gayāsīsa. Rồi khi biết trí của những Tỷ-kheo ấy được thuần thục, bậc Đạo sư bảo hai đệ tử đầu tay:[19]

– Này Sāriputta (Xá-lợi-phất), năm trăm Tỷ-kheo đệ tử của ông thích thú sở đắc của Devadatta, đã đi với ông ấy. Nay trí của họ đã được thuần thục. Ông hãy đi đến đấy với nhiều Tỷ-kheo, thuyết pháp cho họ, làm họ giác ngộ về Đạo và Quả và đưa họ về.

Theo lời Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta đi đến đó, thuyết pháp cho họ, làm họ giác ngộ về Đạo và Quả; đến ngày hôm sau, khi trời mới rạng đông, Tôn giả đem các Tỷ-kheo ấy về Trúc Lâm. Sau khi về, Trưởng lão Sāriputta đảnh lễ Thế Tôn. Khi đang đứng tại đây, các Tỷ-kheo tán thán vị Trưởng lão với Thế Tôn như sau:

– Bạch Thế Tôn, sáng chói huy hoàng là pháp huynh niên trưởng của chúng con, bậc Tướng quân Chánh pháp với năm trăm Tỷ-kheo vây quanh đã đi trở về. Còn Devadatta mất hết những người theo ông ấy.

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Sāriputta mới sáng chói huy hoàng khi về với bà con hội chúng vây quanh mà trong thời quá khứ cũng sáng chói huy hoàng như vậy!

---

[16] Bản Tích Lan viết *Khaṇḍahālajātaka*, số 542. Bản CST viết *Candakumārajātaka*, số 544; Xem *J.* VI. 129, *Khaṇḍahālajātaka* (*Chuyện Tế sư Khaṇḍahāla*).

[17] Xem *J.* IV. 423, *Haṁsajātaka* (*Chuyện thiên nga chúa*), số §502; *J.* V. 333, *Cullahaṁsajātaka* (*Chuyện tiểu thiên nga*), số §533.

[18] Xem *J.* VI. 158, *Samuddavāṇijajātaka* (*Chuyện thương nhân trên biển cả*), số §466.

[19] Chỉ cho Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) còn được gọi là "Tướng quân Chánh pháp" và Tôn giả Moggallāna (Mục-kiền-liên). Xem *Vin.* I. 23.

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn làm sáng tỏ vấn đề này. Thế Tôn trình bày rõ ràng câu chuyện quá khứ sau đây.

***

Thuở xưa, tại nước Ma-kiệt-đà, trong thành Vương Xá, một vị vua nước Ma-kiệt-đà đang trị vì. Lúc ấy, Bồ-tát ra đời làm một con nai, lớn lên và ở trong rừng với đàn nai một ngàn con. Bồ-tát sanh được hai con nai, tên là Lakkhaṇa (Cát Tường Tướng) và Kāḷa (Đen). Khi đã già, Bồ-tát nói với hai con:

– Này con thân, ta nay đã già, các con hãy coi sóc đàn nai.

Rồi Bồ-tát giao năm trăm nai cho mỗi con. Từ đấy về sau, hai con nai ấy chăm sóc đàn nai.

Trong nước Ma-kiệt-đà, vào mùa lúa chín, khi lúa trổ đầy, có nhiều nguy hiểm cho đàn nai. Với mục đích giết hại những con thú ăn lúa, dân làng đào hầm hố, cắm chông, bày bẫy đá, đặt bẫy sập và các loại cạm bẫy khác. Nhiều con nai bị nạn phải chết.

Bồ-tát biết là thời lúa chín trổ đầy, cho gọi hai con lại và nói:

– Này con thân, nay là thời lúa chín trổ đầy, nhiều con nai đã gặp nạn. Ta nay đã già, sẽ dùng bất cứ phương tiện nào để ở lại một chỗ. Còn các con hãy đem đàn nai của các con ẩn vào những con đường núi đá trong rừng, đợi khi lúa gặt hái xong sẽ trở về lại!

Chúng vâng theo lời dạy của cha, ra đi với đàn nai tùy tùng. Dân làng biết được con đường của chúng đi: Thời điểm nào, các con nai leo núi; thời điểm nào, chúng xuống núi; nên họ ẩn núp tại các chỗ kín đây đó dọc đường để bắn và giết chúng vô số.

Con nai Kāḷa, với sự ngu si của mình, không biết thời nào nên đi, thời nào không nên đi, cứ đem đàn nai đi sáng, chiều, khi chạng vạng, khi rạng đông, ngang qua cửa làng. Và các nông dân hoặc lộ liễu, hoặc ẩn núp chỗ này chỗ kia giết chúng, khiến nhiều con nai gặp nạn. Như vậy, với sự ngu si của mình, nai Kāḷa làm cho nhiều con nai gặp nạn; số còn lại đi vào rừng với nó rất ít.

Còn nai Lakkhaṇa nhờ có trí, thông minh, thiện xảo, biết thời nào nên đi, thời nào không nên đi; nó không đi ngang qua cửa làng, không đi ban ngày, không đi lúc hoàng hôn, khi rạng đông, mà chỉ đem đàn nai đi vào lúc nửa đêm. Do vậy, không một con nai nào gặp nạn và chúng cùng nó đi vào rừng. Chúng sống bốn tháng tại đây, khi lúa đã được gặt hái mới xuống núi.

Kāḷa trên đường về, lặp lại hành động ngu si trước, khiến những con nai còn lại gặp nạn; một lần nữa, chỉ có một mình nó trở về. Con nai Lakkhaṇa không làm một nai nào bị nạn, cùng với năm trăm nai vây quanh, đi về với cha mẹ. Khi Bồ-tát thấy hai con đi về, nghĩ về đàn nai, liền nói lên bài kệ này:

11. Con người có giới hạnh, Được phần thưởng đón mừng,
Xem Lakkhaṇa về, Dẫn đầu chúng bà con,
Hãy xem Kāḷa này, Với bà con hủy diệt.

Như vậy, Bồ-tát đón mừng nai con, sống tại đấy cho hết tuổi thọ rồi đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Sāriputta không phải chỉ hôm nay mới được chói sáng với bà con vây quanh mà trước kia cũng đã chói sáng như vậy. Còn Devadatta không phải chỉ hôm nay mới làm cho quyến thuộc bị hủy diệt mà trước kia cũng như vậy.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, so sánh hai câu chuyện và kết hợp chúng với nhau, Ngài kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con nai Kāḷa là Devadatta, đoàn tùy tùng của nó là đoàn tùy tùng của Devadatta, con nai Lakkhaṇa là Sāriputta, nai mẹ là mẹ của Rāhula (La-hầu-la) và nai cha là Ta vậy.

§12. CHUYỆN CON NAI NIGRODHA (*Nigrodhamigajātaka*)[20] (*J.* I. 144)

Sống với Nigrodha...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về mẹ của Trưởng lão Kumāra Kassapa (Cưu-ma-la Ca-diếp). Tục truyền rằng, thuở còn là con gái một triệu phú giàu có ở thành Vương Xá, nàng đầy thiện căn để chấm dứt các hành, sống đời cuối cùng như cây đèn trong ghè, nội tâm nàng sáng chói niềm hy vọng chứng quả A-la-hán. Từ khi hiểu biết về mình, nàng không vui trong đời sống gia đình và muốn xuất gia. Nàng thưa với cha mẹ:

– Thưa cha mẹ thân, tâm con không vui với đời sống gia đình, con muốn xuất gia trong giáo pháp giải thoát của đức Phật. Hãy cho phép con xuất gia.

– Này con, con nói gì vậy? Gia đình này rất giàu có. Con là con gái độc nhất của chúng ta. Con không được xuất gia!

Nàng tiếp tục xin, không được cha mẹ cho xuất gia, nàng nghĩ: "Thôi, hãy chấp nhận là vậy. Khi nào về nhà chồng, được chồng bằng lòng, ta sẽ xuất gia."

Nàng lớn lên, đi về nhà chồng, trở thành người vợ trung thành, sống trong gia đình có giới hạnh và theo thiện pháp. Khi nàng sống trong gia đình, nàng thụ thai nhưng không biết mình đã thụ thai.

Một ngày hội lớn được tuyên bố trong thành ấy và mọi người trong thành phố vui chơi hội lớn. Thành phố được trang hoàng như thành phố chư thiên. Nhưng trong khi lễ hội lớn đạt đến cao độ, nàng vẫn không thoa phấn son, không đeo đồ trang sức, ăn mặc như ngày thường. Chồng nàng nói với nàng:

---

[20] Xem *J.* IV. 43, *Nigrodhajātaka* (*Chuyện Vua Nigrodha*), số §445; *Ap.* II. 473, *Kumārakassapattherāpadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Kumārakassapa*).

– Này hiền thê, toàn thành phố vui chơi hội lớn, còn em thì không săn sóc gì cho thân mình.

– Thưa hiền phu, thân này của em đầy ba mươi hai bộ phận của thân xác, trang điểm thân này làm gì? Thân này không do chư thiên hóa sanh, không do Phạm thiên hóa sanh; không làm bằng vàng, không làm bằng châu báu, không làm bằng gỗ chiên-đàn vàng; không sanh từ đài sen trắng, sen hồng hay sen xanh; không đựng đầy thuốc trường sanh. Thân này uế nhiễm do cha mẹ sanh, bị vô thường hủy diệt, băng hoại tan nát, làm nghĩa địa tăng trưởng, bị ái chấp thủ; là nhân của sầu ưu, là căn cứ địa của than khóc, là kho tàng của mọi bệnh tật, là chỗ dung nạp của nghiệp lực; nội bộ ô uế, ngoại bộ thường bài tiết. Thật vậy, như toàn thế giới có thể thấy cứu cánh của nó là chết, đi đến nghĩa địa, là chỗ tụ hội của các côn trùng. Và nàng nói lên lời cảm thán:

Ràng buộc bởi gân xương, Dính lại với da thịt,
Thân bị da bao trùm, Không thấy được như thật.
Trong một bụng chứa đầy, Cục gan và bọng đái,
Quả tim và buồng phổi, Cả thận và tỳ tạng.
Nước mũi và nước miếng, Mồ hôi và nước mỡ,
Máu và nước khớp xương, Mật và bạch huyết cầu.
Từ chín nguồn nước này, Bất tịnh luôn luôn chảy,
Từ mắt, đồ bẩn chảy, Từ tai, đồ bẩn chảy.
Nước mũi từ lỗ mũi, Từ miệng, có khi mửa,
Mửa mật và đàm dãi, Từ thân, mồ hôi bẩn.
Và trong đầu trống rỗng, Chứa đầy những óc, não.
Bị vô minh dắt dẫn, Kẻ ngu nghĩ tịnh sạch.
Thân nguy hiểm vô cùng, Như loài cây có độc,
Nơi trú các bệnh tật, Cả một khối khổ đau.
Nếu những gì trong thân, Bỗng tuôn hết ra ngoài,
Người ta sẽ cầm roi, Đuổi xua như chó, quạ.
Thân xác thối, dơ nẩy, Như phân, như tử thi,
Bậc chánh trí xem thường, Kẻ ngu lại vui thích.
Vết thương lớn chín lỗ, Bọc trong lớp da sống,
Rỉ bất tịnh mọi chỗ, Mùi uế trược bay xa.

– Kính thưa hiền phu, em trang điểm thân này làm gì? Có phải chăng trang điểm thân này chẳng khác gì trang điểm bề ngoài một cái bình đựng đầy phân?

Người triệu phú nghe nàng nói như vậy, bèn hỏi:

– Nếu hiền thê thấy thân này tội lỗi như vậy, sao hiền thê không xuất gia?

– Thưa hiền phu, nếu em được phép xuất gia, em sẽ xuất gia ngay hôm nay!

Nói xong, sau khi tổ chức bố thí lớn và tỏ lòng hết sức kính trọng Giáo hội, người triệu phú cùng với một số tùy tùng lớn đưa nàng xuất gia; và nàng được

xuất gia với chúng Tỷ-kheo-ni thuộc phái Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Sau khi xuất gia, nàng sống hoan hỷ với tâm tư viên mãn.

Khi cái thai của nàng đã thuần thục, các Tỷ-kheo-ni nhận thấy các căn của nàng đổi khác, tay chân và lưng lớn lên, màn da bụng to lên, hỏi nàng:

– Này hiền muội, hình như hiền muội có thai. Sự việc này thế nào?

– Thưa các hiền tỷ, tôi không biết sự việc này. Giới hạnh tôi đầy đủ.

Rồi các Tỷ-kheo-ni đưa nàng đến Devadatta và hỏi Devadatta:

– Thưa Tôn giả, thiện nữ nhân này, với sự chấp nhận khó khăn của người chồng, đã được xuất gia. Nay nàng có thai, chúng tôi không biết nàng thọ thai nhi khi còn là cư sĩ hay khi đã xuất gia. Nay chúng tôi phải làm gì?

Devadatta tự mình chưa phải là bậc Giác ngộ nên không có lòng kham nhẫn, từ bi, từ mẫn và suy nghĩ: "Một Tỷ-kheo-ni thuộc phái Devadatta nay đã có thai và Devadatta lại hỷ xả. Ta sẽ bị chỉ trích như vậy. Ta phải đuổi người này." Rồi không điều tra, như xô đẩy một tảng đá, Devadatta lập tức khẳng định và nói:

– Hãy đi ngay và tẩn xuất người này!

Chúng Tỷ-kheo-ni ấy nghe nói vậy, đứng dậy đảnh lễ rồi đi về trú xứ. Nàng thiếu phụ thưa với các Tỷ-kheo-ni ấy:

– Thưa các nữ Tôn giả, Trưởng lão Devadatta không phải đức Phật! Con xuất gia không phải với Devadatta, con xuất gia với bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Tối Thượng ở đời. Chớ làm mất nơi con điều mà con đã được một cách khó khăn! Hãy đưa con đi đến Kỳ Viên, gặp bậc Đạo sư!

Chúng Tỷ-kheo-ni ấy đưa nàng đi, vừa qua con đường dài bốn mươi lăm do-tuần, từ Vương Xá dần dần đến Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư và tường trình sự việc. Bậc Đạo sư suy nghĩ: "Dầu thai của nàng ấy được tượng hình khi còn là gia chủ, đây cũng là một dịp để ngoại đạo nói rằng Sa-môn Gotama đã nhận lấy một Tỷ-kheo-ni bị Devadatta loại bỏ. Để chấm dứt câu chuyện, vấn đề này cần được giải quyết trước mặt vua và tùy tùng của vua."

Ngày hôm sau, Thế Tôn cho mời Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala, ông Cấp Cô Độc lớn, Cấp Cô Độc nhỏ, nữ cư sĩ Visākhā và các nhân vật có tiếng khác. Rồi vào buổi chiều, giữa bốn chúng đã tụ họp, Thế Tôn bảo Trưởng lão Upāli:

– Hãy đi làm cho sáng tỏ sự việc của Tỷ-kheo-ni trẻ này giữa bốn chúng!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Vị Trưởng lão đi đến giữa hội chúng, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cho mình, cho gọi nữ cư sĩ Visākhā trước mặt nhà vua và giao việc điều tra này:

– Hãy đi, này Visākhā, trước hết hãy xác định ngày xuất gia, tháng xuất gia của người thiếu phụ này. Sau khi biết rõ rồi, hãy tìm hiểu nàng thụ thai trước đây hay sau thời gian ấy.

Nữ cư sĩ chấp nhận lời dạy, cho treo một cái màn. Sau cái màn ấy, nữ cư sĩ

quan sát tay, chân, lỗ rún, bụng, các phần thân khác của Tỷ-kheo-ni trẻ. Sau khi tính ngày tháng, biết được nàng thụ thai trong thời kỳ còn là gia chủ, nữ cư sĩ đi đến vị Trưởng lão và báo cáo kết quả.

Vị Trưởng lão ở giữa bốn chúng, tuyên bố Tỷ-kheo-ni ấy là thanh tịnh. Bấy giờ, nàng được xác nhận là thanh tịnh, liền đến đảnh lễ chúng Tỷ-kheo và bậc Đạo sư rồi đi về trú xứ với các Tỷ-kheo-ni. Khi bào thai đã thuần thục, nàng sanh được một bé trai có uy lực lớn, do nàng cầu nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara cách đây nhiều kiếp.

Nhà vua, một hôm đi đến gần trú xứ của Tỷ-kheo-ni, nghe tiếng khóc của đứa trẻ và hỏi các triều thần. Các triều thần biết câu chuyện, thưa lại với vua:

– Tâu Đại vương, vị Tỷ-kheo-ni trẻ ấy sanh được một đứa con trai. Đây là tiếng khóc của đứa trẻ.

– Này các khanh, nuôi con là một chướng ngại cho các Tỷ-kheo-ni. Chúng ta sẽ nuôi dưỡng nó.

Vua giao đứa trẻ cho các thiếu phụ bà con và bảo nuôi dưỡng nó lớn như một hoàng tử. Đến ngày đặt tên, nó được đặt tên là Kassapa nhưng được biệt danh là "Kumāra Kassapa", vì được nuôi dưỡng như một hoàng tử. Khi lên bảy tuổi, Kassapa xuất gia với bậc Đạo sư và khi đầy đủ tuổi, được thọ Đại giới. Thời gian đi qua, vị ấy trở thành một nhà thuyết pháp tài giỏi giữa các nhà thuyết pháp. Rồi bậc Đạo sư ấn chứng cho vị ấy:

– Này các Tỷ-kheo, vị này là đệ nhất trong các đệ tử thuyết pháp của Ta, tức là Kumāra Kassapa. Vị ấy nhờ *Kinh Gò mối*[21] đã chứng quả A-la-hán. Tỷ-kheo-ni, mẹ vị ấy, nhờ phát triển thiền quán chứng quả cao nhất. Trưởng lão Kumāra Kassapa, giữa giáo pháp đức Phật, sáng chói như mặt trăng rằm giữa hư không.

Một hôm, sau khi đi khất thực, ăn xong và trở về, đức Như Lai khuyến giáo các Tỷ-kheo xong, đi vào hương phòng. Sau khi được lời khuyến giáo, Tăng chúng sinh hoạt trong các gian phòng ban ngày hay gian phòng ban đêm của họ. Vào buổi chiều, họ hội họp tại pháp đường và tán thán đức hạnh của đức Phật:

– Này các Hiền giả, Devadatta tự mình không phải là Phật, lại không có kham nhẫn, lòng từ bi, lòng từ mẫn, đã khiến cho Trưởng lão Kumāra Kassapa và Trưởng lão Ni gần bị hại. Nhưng bậc Chánh Đẳng Giác tự mình là bậc Pháp Vương, lại thành tựu kham nhẫn, lòng từ bi, lòng từ mẫn, đã trở thành chỗ nương tựa cho hai vị ấy.

Bậc Đạo sư, với uy nghi của đức Phật, đi vào pháp đường, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi luận bàn chuyện gì?

Các Tỷ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn, chúng con bàn đến công đức của Thế Tôn.

---

[21] Xem *M.* 23, *Vammikasutta* (*Kinh Gò mối*).

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới trở thành chỗ nương tựa cho hai người ấy, trong quá khứ cũng vậy.

Các Tỳ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn làm sáng tỏ vấn đề này. Thế Tôn trình bày rõ câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một con nai. Khi từ bụng mẹ sanh ra, con nai có màu sắc vàng, mắt của nó giống như hòn châu báu, sừng màu trắng bạc, miệng đỏ như tấm màn nhung, móng chân láng trơn như màu sơn mài, đuôi giống như đuôi con trâu rừng, thân to lớn bằng con nghé. Nó sống trong rừng, được vây quanh với năm trăm con nai và được gọi là "nai chúa Nigrodha." Không xa bao nhiêu, có một con nai khác với năm trăm con nai tùy tùng và được gọi là nai Sākha, nai này cũng màu sắc vàng.

Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại thường hay săn bắn nai, không có thịt nai thì không ăn cơm. Hàng ngày, vua triệu tập tất cả dân chúng từ thành thị đến nông thôn lại, đình chỉ công việc của mọi người vì khoanh vùng cho vua đi săn bắn. Mọi người suy nghĩ: "Nay vua đình chỉ công việc của chúng ta; chúng ta hãy gieo bẫy mồi và đặt nước uống cho các con nai trong vườn, đuổi nhiều nai vào trong ấy, đóng cửa lại và bắt dẫn chúng đến vua."

Như vậy, họ gieo cỏ làm bẫy mồi, đặt nước uống khắp vườn, cho sắp đặt cửa, đem theo những người trong thành, tay cầm côn, gậy và các loại binh khí khác đi vào rừng tìm nai; họ bao một vòng vây khoảng độ một do-tuần để bắt đàn nai bị vây ở giữa, và như vậy, họ vây quanh chỗ ở của đàn nai Nigrodha và đàn nai Sākha.

Khi thấy đàn nai, họ bắt đầu lấy gậy đập cây, đập bụi, đập đất đuổi đàn nai ra khỏi chỗ ở của chúng, khua động các loại vũ khí như gươm, giáo, cung, la hét và đuổi đàn nai vào khu vườn. Rồi họ đóng cửa lại, đi đến gặp vua và thưa:

– Thưa Đại vương, vì luôn luôn đi săn nai, Đại vương phá hoại công việc của thần dân. Nay chúng thần đã dẫn đàn nai rừng vào đầy cả khu vườn của Đại vương. Từ nay trở đi, Đại vương có thể ăn thịt chúng.

Sau khi thưa như vậy, dân chúng bỏ đi. Nhà vua nghe họ nói, đi đến khu vườn, nhìn các con nai, thấy hai con nai vàng, liền tha chết cho chúng: Từ đấy về sau, có khi nhà vua tự đi bắn một con nai rồi đem về, có khi người đầu bếp đi đến bắn nai rồi đem về. Các con nai thấy cây cung liền run rẩy vì sợ chết nên bỏ chạy. Nhưng khi bị hai, ba vết thương, chúng mệt mỏi, bị bệnh và bị giết. Đàn nai báo sự việc như vậy lên Bồ-tát. Bồ-tát cho gọi Sākha và nói:

– Này bạn, nhiều con nai bị hại, dầu thế nào chúng cũng phải chết. Bắt đầu từ nay trở đi, chớ để các con nai bị tên bắn một cách vô ích. Hãy để các con nai thay phiên nhau đi đến chỗ phải chết.[22] Một ngày là phiên đàn nai của tôi, một

[22] *Dhammagaṇḍikā*. Xem *J*. II. 124; III. 41.

ngày là phiên đàn nai của bạn. Con nai nào đến phiên của mình cứ đi đến, nằm xuống, đặt đầu vào chỗ phải chết. Làm vậy, các con nai khác khỏi bị thương.

Con nai Sākha chấp thuận. Từ đấy trở đi, theo phiên mình, một con nai đi đến, nằm xuống đặt cổ vào chỗ bị giết. Người đầu bếp đến, bắt con nai nằm đấy rồi đem đi.

Một hôm, đến phiên một con nai cái có mang ở trong đàn nai Sākha. Con nai cái đến gặp Sākha và thưa:

– Thưa chúa tể, tôi có thai, sắp sanh con, như vậy đàn có hai mạng sống đến phiên, hãy cho qua phiên của tôi!

Nai Sākha nói:

– Không thể bảo những con nai khác thế phiên cho ngươi được. Ngươi hãy chịu những gì sẽ đến với ngươi, hãy đi đi!

Con nai cái ấy không được nai Sākha chấp thuận, liền đi đến Bồ-tát và trình bày sự việc. Bồ-tát nghe xong liền nói:

– Được, hãy đi đi! Ta sẽ bỏ qua phiên của ngươi.

Rồi nai chúa tự mình đi đến, đặt đầu vào chỗ chết nằm chờ. Người đầu bếp thấy vậy liền nói:

– Con nai chúa đã được tha khỏi chết, nay lại nằm ở chỗ chết này. Sự việc này là cớ sao?

Rồi kẻ ấy đi báo cho vua hay. Nhà vua lập tức ngự lên xe, đi đến với đoàn tùy tùng đông đảo, thấy Bồ-tát liền nói:

– Này bạn nai chúa, ta đã tha khỏi chết cho ngươi. Sao nay ngươi nằm ở đây?

– Thưa Đại vương, một con nai cái đến gặp tôi, yêu cầu một con khác thay phiên cho nó. Tôi không có thể bắt một con nào khác chịu đau đớn vì bị chết được. Tôi quyết định cho con nai cái ấy mạng sống của tôi, nhận lấy cái chết thay cho con nai cái nên nằm ở đây, Đại vương chớ có nghi ngờ gì khác!

Vua nói:

– Hỡi nai chúa sắc vàng, từ trước, ta chưa bao giờ thấy giữa loài người, có ai đầy đủ kham nhẫn, hòa ái, từ bi như ngươi. Do vậy, ta thật bằng lòng với ngươi. Hãy đứng dậy, ta sẽ cho ngươi và con nai cái ấy thoát khỏi sợ hãi!

– Thưa bậc Nhân chủ, có hai con nai được thoát khỏi sợ hãi, đàn nai còn lại thì thế nào?

– Này nai chúa, ta sẽ cho đàn nai còn lại thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, như vậy, các con nai trong khu vườn này được thoát khỏi sự sợ hãi nhưng các con nai khác thì sao?

– Này nai chúa, ta cũng cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, các con nai được thoát khỏi sự sợ hãi nhưng các loài sinh vật bốn chân khác thì sao?

– Này nai chúa, ta cũng cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, các loài bốn chân được thoát khỏi sợ hãi nhưng các đàn chim thì thế nào?

– Này nai chúa, ta cũng sẽ cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, các loài chim như vậy được thoát khỏi sợ hãi nhưng còn đàn cá sống ở trong nước thì thế nào?

– Này nai chúa, ta cũng sẽ cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

Như vậy, con nai chúa đã xin vua cho tất cả chúng sanh được thoát khỏi sợ hãi; đứng dậy, khuyên nhà vua thọ năm giới và nói:

– Thưa Đại vương, hãy sống theo Chánh pháp! Hãy xử sự đúng Chánh pháp đối với cha mẹ, đối với con trai, con gái; đối với Bà-la-môn, gia chủ; đối với dân chúng thành thị và nông thôn. Hãy tự mình sống đúng Chánh pháp, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Sau khi thuyết pháp cho vua với uy lực kỳ diệu của vị Phật, Bồ-tát sống tại khu vườn trong một vài ngày để khuyến giáo vua, rồi cùng với đàn nai vây quanh đi vào rừng. Con nai cái đẻ ra một con nai đực đẹp như một nụ hoa. Nai con này đi chơi với đàn nai Sākha. Thấy nai mình đi chơi với đàn nai Sākha, nai mẹ khuyên con mình, bắt đầu từ nay chớ đi tới Sākha, nên đi tới Nigrodha và nói lên bài kệ:

12. Sống với Nigrodha, Chớ sống với Sākha.
Chết với Nigrodha, Hơn sống với Sākha.

Từ đấy trở đi, các con nai thoát khỏi sợ hãi khi ăn lúa của dân chúng. Và dân chúng nhớ rằng, các con nai được thoát khỏi sợ hãi, nên không dám đánh đập hay đuổi chúng đi. Họ tụ họp tại sân vua và báo lên vua biết. Vua nói:

– Do ta bằng lòng, ta đã cho nai Nigrodha một đặc ân. Ta thà mất nước chớ không bỏ lời đã hứa. Hãy đi đi, trong quốc độ của ta, không con nai nào bị đánh cả!

Nai Nigrodha nghe tin này, liền họp đàn nai lại và bảo:

– Bắt đầu từ nay, chớ ăn lúa của người khác!

Sau khi bảo chúng hứa như vậy, nai Nigrodha báo tin cho dân chúng biết:

– Bắt đầu từ nay, những người trồng lúa chớ rào ruộng lại để bảo vệ lúa, chỉ làm dấu bằng cách cột lá lúa lại.

Bắt đầu từ đấy, theo tin đồn, khởi lên tục lệ cột lá lúa lại giữa các đồng ruộng. Bắt đầu từ đấy, các con nai không vượt qua đồng ruộng có lá lúa cột lại. Đây là nhờ Bồ-tát khuyến giáo chúng như vậy. Sau khi khuyến giáo đàn nai, Bồ-tát sống ở đấy cho hết tuổi thọ, rồi cùng với đàn nai đi theo nghiệp của mình. Còn nhà vua nghe lời khuyến giáo của Bồ-tát, suốt đời làm các công đức, rồi sau đó mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới bảo vệ Trưởng lão Ni và Kumāra Kassapa mà thuở trước Ta cũng bảo vệ như vậy.

Rồi Ngài thuyết giảng bốn sự thật, nêu sự liên hệ giữa hai câu chuyện, kết hợp chúng với nhau và kết luận bằng cách nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con nai Sākha là Devadatta, đàn nai là tùy tùng của Devadatta, nai cái là Trưởng lão Ni, nai con là Kumāra Kassapa, vua là Ānanda, còn nai chúa Nigrodha là Ta vậy.

§13. CHUYỆN MŨI TÊN (*Kaṇḍinajātaka*)[23] (*J.* I. 153)

Đáng nguyền rủa mũi tên...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, Thế Tôn đã kể lại sự cám dỗ của người vợ trước đối với Tỷ-kheo. Câu chuyện này sẽ được kể trong chương VIII, *Chuyện các căn.*[24] Thế Tôn nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, do người đàn bà này, trước kia mạng ông bị hoại diệt và bị thiêu sống trong lửa hừng.

Các Tỷ-kheo thỉnh cầu Thế Tôn giải thích rõ câu chuyện ấy và Thế Tôn trình bày rõ câu chuyện bị tái sanh che lấp.

(Bắt đầu từ đây, chúng tôi sẽ không nói đến lời yêu cầu giải thích của các Tỷ-kheo, sự trình bày rõ câu chuyện bị tái sanh che lấp, mà chúng tôi chỉ nói: Kể câu chuyện quá khứ. Tất cả các phần còn lại đều được hiểu như ở các câu chuyện trước).

***

Thuở xưa, tại nước Ma-kiệt-đà, vua nước ấy đang trị vì thành Vương Xá. Đến mùa lúa, các con nai trú ở Ma-kiệt-đà gặp nguy hiểm, vì vậy chúng đi vào con đường núi trong rừng. Tại đấy, một con nai rừng lại luyến ái một con nai cái sống ở một làng biên địa. Khi các con nai từ đường núi về trong thời đi xuống biên địa của làng, vì tâm luyến ái con nai cái ấy, con nai núi đi theo nó. Con nai cái nói:

– Chàng là một con nai núi ngu si. Tại biên địa của làng có nguy hiểm và có chuyện đáng sợ hãi. Chớ đi xuống với chúng tôi.

Vì con nai núi có tâm luyến ái, không chịu trở lui, vẫn đi với con nai cái. Người dân ở Ma-kiệt-đà biết thời kỳ các con nai từ đường núi đi xuống và ẩn núp tại chỗ kín bên đường.

Trên đường hai con nai ấy trở về, một người thợ săn ẩn núp tại một chỗ kín. Con nai cái đánh được hơi người, biết có người thợ săn ẩn núp, nên bảo con nai

[23] Bản Tích Lan viết *Kaṇḍinajātaka*. Bản CST viết *Kaṇḍijātaka*.

[24] Xem *J.* III. 461, *Indriyajātaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

ngu si đi trước, còn mình đi sau. Người thợ săn chỉ với một phát tên, bắn ngã con nai tại chỗ.

Con nai cái biết con nai rừng bị bắn trúng, liền nhảy lên, chạy như gió. Người thợ săn ra khỏi chỗ ẩn núp, lột da con nai núi, nhen lửa và nướng thịt nai ngon ngọt trên đống than cháy không ngọn. Sau khi ăn thịt, uống nước xong, với đòn gánh, anh ta mang về nhà phần thịt dư thừa còn máu nhỏ giọt để làm vui lòng mấy đứa trẻ.

Lúc ấy, Bồ-tát được sanh làm một vị thần ở khu rừng ấy. Thấy sự việc đã xảy ra, ngài suy nghĩ như sau: "Con nai ngu dại này chết không phải do mẹ, không phải do cha, chỉ do lòng dục. Chúng sanh hưởng lạc thú khi dục mới tượng hình, nhưng rồi sẽ gặp nạn khổ đau, bị chặt tay, bị năm loại khổ đau, bị trói, bị đánh. Làm cho những người khác khổ và chết là điều đáng bị chỉ trích ở trong đời này! Quốc độ nào có nữ nhân cai trị, ra mệnh lệnh, quốc độ ấy bị nữ nhân lãnh đạo là điều đáng chỉ trích! Những chúng sanh nào chịu để cho nữ nhân chi phối thật đáng bị chỉ trích."

Trong khi các vị thần khác nói lời tán thán và cúng dường hương, hoa, v.v... Bồ-tát tóm thâu ba lời chỉ trích trong một bài kệ, khiến toàn khu rừng ấy vang lên âm thanh dịu ngọt. Ngài thuyết pháp với bài kệ này:

13. Đáng nguyền rủa mũi tên, Bắn người gây thống khổ!
Đáng nguyền rủa quốc độ, Do nữ nhân lãnh đạo!
Đáng nguyền rủa chúng sanh, Chịu thần phục đàn bà!

Như vậy, với một câu kệ, cả ba lời chỉ trích được Bồ-tát tóm thâu và toàn khu rừng vang dậy lời thuyết pháp khi Bồ-tát thuyết giảng uy lực của đức Phật.

***

Bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, liền giảng về bốn sự thật. Cuối bài thuyết giảng, vị Tỷ-kheo ái luyến chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư kể hai câu chuyện, kết hợp chúng với nhau và kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con nai rừng là vị Tỷ-kheo luyến ái, con nai cái là vợ trước của Tỷ-kheo, còn vị thần thuyết pháp nêu rõ tội lỗi của dục tham là Ta vậy.

§14. CHUYỆN CON NAI GIÓ (*Vātamigajātaka*) (*J.* I. 155)

Không gì ác hại hơn...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về Tỷ-kheo Cullapiṇḍapātika Tissa. Theo truyền thuyết, khi bậc Đạo sư ở tại Trúc Lâm, gần Vương Xá, con trai của một gia đình triệu phú giàu có tên là Tissakumāra, một hôm đi đến Trúc Lâm, nghe bậc Đạo sư thuyết pháp. Tissa về nhà, xin phép xuất gia, nhưng cha mẹ không bằng lòng. Tissakumāra bèn nhịn đói trong bảy ngày như Raṭṭhapāla[25] và được cha mẹ chấp thuận cho xuất gia với bậc Đạo sư.

[25] Xem *M.* 82, *Raṭṭhapālasutta* (*Kinh Raṭṭhapāla*); *Vin.* III. 13, 148.

Độ nửa tháng, sau khi truyền giới xuất gia cho Tissakumāra, bậc Đạo sư từ Trúc Lâm đi đến Kỳ Viên. Tại đấy, vị thiện nam này theo mười ba hạnh đầu-đà, dùng thời gian khất thực từng nhà ở Xá-vệ.[26] Với danh xưng Tỷ-kheo Cullapiṇḍapātika Tissa, vị ấy trở thành sáng chói trong giáo pháp bậc Đạo sư, như mặt trăng giữa bầu trời.

Trong khi ấy, tại Vương Xá, nhân một ngày hội lớn được tổ chức, cha mẹ của Tỷ-kheo ấy lấy đồ trang sức mà con thường dùng trong khi còn ở nhà, bỏ vào trong một cái hộp bạc đặt lên trên ngực, vừa khóc vừa nói như sau:

– Trong các ngày hội vui khác, con chúng ta thường mang những đồ trang sức này. Sa-môn Cồ-đàm đem đứa con một của chúng ta đi đến thành Xá-vệ. Nay con chúng ta ngồi ở đâu, đứng ở đâu?

Một kỹ nữ có nhan sắc đi đến gia đình ấy, thấy vợ nhà triệu phú khóc, liền hỏi vì sao bà khóc. Bà kể lại câu chuyện. Người kỹ nữ thưa:

– Thưa bà, con trai bà ưa thích gì?

– Nó ưa thích thứ này, thứ này.

– Nếu bà cho con chủ quyền hoàn toàn trong gia đình này, con sẽ đem con trai bà về.

Bà vợ triệu phú chấp thuận lời đề nghị, cho tiền phí tổn, tiễn kỹ nữ đi với tùy tùng đông đảo:

– Hãy đi và dùng sức mạnh của mình đem con ta về!

Người kỹ nữ ấy ngồi trong xe có màn che đi đến Xá-vệ, tạm trú tại con đường Tỷ-kheo ấy thường đi khất thực. Nàng được vây quanh với đoàn tùy tùng của mình, và không cho Tỷ-kheo ấy thấy những người tùy tùng cùng đến từ gia đình triệu phú. Khi Tỷ-kheo ấy bắt đầu đi vào đường này khất thực, nàng dùng thìa, dùng bát cúng dường đồ ăn, trói buộc Tỷ-kheo ấy với lòng tham vị, lần lượt mời Tỷ-kheo ấy vào ngồi trong nhà và cúng dường đồ ăn.

Khi biết Tỷ-kheo ấy đã bị mình chinh phục, nàng giả đau, nằm ở phòng trong. Tỷ-kheo ấy, trong khi đi khất thực từng nhà, đến tại cửa nhà nàng. Người hầu cầm lấy bình bát của vị ấy và mời vào ngồi trong nhà. Sau khi ngồi, Tỷ-kheo ấy hỏi:

– Nữ cư sĩ ở đâu?

– Thưa Tôn giả, nữ cư sĩ bị đau và mong muốn được thấy Tôn giả.

Bị trói buộc bởi lòng tham vị ngon, phá hoại giới cấm mình đã nhận, Tỷ-kheo ấy đi vào phòng ngủ của nàng. Sau đó, nàng kể lại nguyên do nàng đến đây cám dỗ vị ấy, trói buộc vị ấy với lòng tham vị, khiến vị ấy từ bỏ sự xuất gia, đặt vị ấy vào trong thế lực của mình và đưa vị ấy ngồi trong xe với đoàn tùy tùng đông đảo, đi về Vương Xá. Sự việc này được lan truyền rộng rãi. Các Tỷ-kheo ngồi trong pháp đường nói chuyện này:

---

[26] Xem *J.* I. 123, *Taṇḍulanālijātaka* (*Chuyện đấu gạo*), số §5.

– Này chư Hiền giả, một kỹ nữ có nhan sắc đã trói buộc Tỷ-kheo Cullapiṇḍapātika Tissa với lòng tham vị ngọt và đã đem Tỷ-kheo ấy đi!

Bậc Đạo sư đi đến pháp đường, ngồi xuống trên bảo tòa được soạn sẵn và hỏi chuyện gì đang được các Tỷ-kheo bàn. Các Tỷ-kheo thuật lại chuyện ấy. Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ Tỷ-kheo này bị trói buộc bởi lòng tham vị, đã rơi vào thế lực của nàng mà thuở trước kẻ ấy cũng đã rơi vào thế lực của nàng.

Rồi Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một người giữ vườn tên là Sañjaya. Một con nai gió đi đến khu vườn ấy, thấy Sañjaya liền bỏ chạy. Sañjaya không làm cho nó sợ hãi, cho nó thoát đi. Con nai ấy tiếp tục đến và thường đi qua lại trong khu vườn. Người giữ vườn thường hái các loại hoa quả trong vườn và hàng ngày dâng vua. Một ngày kia, vua hỏi:

– Này khanh, khanh có thấy sự việc gì lạ ở trong khu vườn không?

– Tâu Đại vương, con không thấy gì khác, con chỉ thấy một con nai gió đi đến, đi qua đi lại trong khu vườn.

– Khanh có bắt nó được không?

– Nếu được một chút mật ong, con có thể dẫn nó đến ngay trong nội cung.

Vua bảo cho kẻ ấy mật ong. Người giữ vườn lấy mật, đi đến khu vườn tại chỗ con nai gió thường đi, kẻ ấy bôi cỏ với mật và ẩn núp. Con nai đi đến ăn cỏ có dính mật, bị trói buộc bởi lòng tham vị, không đi chỗ khác chỉ đến khu vườn. Người giữ vườn biết được con nai đã tham đắm cỏ dính mật, liền dần dần xuất đầu lộ diện. Những ngày đầu thấy người giữ vườn, con nai ấy liền bỏ chạy; nhưng rồi thấy luôn, nó khởi lòng tin, dần dần đến ăn cỏ đặt trong tay người giữ vườn.

Người giữ vườn biết đã lấy được lòng tin của con thú ấy, bèn rải trên đường những cành lá non dày như tấm thảm cho đến nội cung, quàng bên nách một hũ đựng mật, giắt một nắm cỏ vào thắt lưng, rải cỏ có dính mật trước mặt con nai và đưa nó đến tận nội cung.

Khi con nai đã vào tận nội cung, họ đóng cửa lại. Con nai thấy người, hoảng hốt, sợ phải chết, cứ chạy qua chạy lại trong nội cung. Nhà vua từ lâu đài đi xuống, thấy con nai hoảng sợ, liền nói:

– Con nai gió này cả một tuần không đi đến chỗ nó thấy người, trọn đời không đi đến chỗ nó sợ hãi; con vật sống nơi rừng rậm ấy bị trói buộc bởi lòng tham vị, nay đã đi đến cảnh ngộ như thế này! Thật vậy, không có gì ác độc hơn là lòng tham vị ở đời.

Rồi với bài kệ, vua thuyết pháp:

14. Không gì ác hại hơn,
Ở nhà hay với bạn,
Chinh phục con nai gió,
[Truyền thuyết nói là vậy],
Sañjaya với vị,
Chỉ nương tựa núi rừng.

Sau khi nói vậy, vua liền thả con nai ấy về rừng.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, người kỹ nữ có nhan sắc ấy không phải chỉ nay mới trói buộc vị ấy với lòng tham vị và chinh phục vị ấy, mà trong thời quá khứ cũng đã làm như vậy.

Sau khi thuyết pháp thoại này, Thế Tôn kết hợp hai câu chuyện với nhau, rồi kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Sañjaya là người kỹ nữ có nhan sắc, con nai gió là Cullapiṇḍapātika, còn vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§15. CHUYỆN CON NAI KHARĀDIYĀ (*Kharādiyajātaka*) (*J.* I. 158)

Khi nai có tám móng[27]*...*

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Theo truyền thuyết, vị Tỷ-kheo khó bảo không chấp nhận lời khuyến giáo. Vì thế, bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông khó bảo, không chấp nhận lời khuyến giáo?

– Thưa thật vậy, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn nói:

– Thuở xưa, vì khó bảo, ông không chấp nhận lời khuyến giáo của bậc Hiền trí nên bị bắt trong bẫy sập và mạng sống bị diệt vong.

Nói vậy xong, Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con nai, với đàn nai vây quanh sống ở trong rừng. Một con nai chị đưa đến một nai con và nói:

– Này em, đây là cháu của em. Hãy dạy nó học những sự khôn ngoan của loài nai!

Bồ-tát nói với con nai cháu:

– Vào giờ ấy, hãy đến học.

Nhưng con nai cháu không đến vào giờ hẹn. Một ngày như vậy, bảy ngày

---

[27] *Aṭṭhakkhuranti ekekasmiṃ pāde dvinnaṃ dvinnaṃ vasena aṭṭhakkhuraṃ.* 8 móng: Do mỗi bàn chân có 2 móng, nên [4 chân] có 8 móng.

cũng như vậy, bỏ qua bảy lời khuyến giáo, nó không đến học sự khôn ngoan của loài nai; và cuối cùng, khi đi lang thang đây đó, nó bị bắt trong một cái bẫy.

Mẹ nó đến hỏi Bồ-tát:

– Này em, em có dạy cho cháu những sự khôn ngoan của loài nai không?

Bồ-tát nói:

– Đừng nghĩ đến con nai không chấp nhận khuyến giáo ấy nữa. Con của chị không học những sự khôn ngoan của loài nai. Nay em không còn muốn khuyến giáo nó nữa.

Bồ-tát đọc bài kệ này:

15. Khi nai có tám móng,
Lại có bảy mưu chước,
Ta không dạy nó nữa,
Với sừng chĩa nhiều nhánh,
Để tự cứu lấy mình,
Hỡi Kharādiyā.

Rồi người thợ săn giết con nai bị bắt trong bẫy ấy và mang thịt về.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới khó bảo, thuở trước ông cũng khó bảo như vậy.

Thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và kết luận với sự hiện diện tiền thân:

– Thời ấy, con nai cháu là Tỷ-kheo khó bảo, con nai chị là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), còn con nai khuyến giáo là Ta vậy.

§16. CHUYỆN CON NAI CÓ BA CỬ CHỈ
(*Tipallatthamigajātaka*)[28] (*J.* I. 159)

Nai với ba cử chỉ...

Câu chuyện này, khi ở tại tinh xá Badarika ở Kosambī, bậc Đạo sư đã kể về Trưởng lão Rāhula (La-hầu-la) ham học các học giới. Một thời, bậc Đạo sư trú ở điện Aggāḷava, gần thành Ālavī, nhiều nữ cư sĩ và Tỷ-kheo-ni thường đến tinh xá để nghe pháp. Thuyết pháp được tổ chức ban ngày. Nhưng sau một thời gian, các nữ cư sĩ và các Tỷ-kheo-ni không đi nữa, chỉ có Tỷ-kheo và nam cư sĩ; từ đấy, thuyết pháp được tổ chức ban đêm.

Sau buổi thuyết pháp, các Tỷ-kheo trưởng lão đi về chỗ ở của mình, còn các tu sĩ trẻ nằm tại phòng giảng với các nam cư sĩ. Khi họ ngủ, một số nằm ngáy khò khò và nghiến răng; một số chỉ nằm một lát rồi dậy, nhìn thấy sự kiện không thích đáng ấy, các nam cư sĩ báo lên Thế Tôn. Thế Tôn chế ra học giới như sau:

---
[28] Hay còn được hiểu là 3 tư thế nằm.

– Tỷ-kheo nào nằm ngủ với người chưa thọ Đại giới là phạm tội *Pācittiya*.[29]

Rồi Ngài đi đến Kosambī. Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo nói với Tôn giả Rāhula:

– Hiền giả Rāhula, Thế Tôn đã đặt ra học giới. Hiền giả nay hãy tìm chỗ ở của mình.

Lúc trước, vì kính trọng Thế Tôn, vì Tôn giả tha thiết học hỏi các học giới, các Tỷ-kheo ấy đã tiếp đón Rāhula như vào nhà của mình, đã soạn một chiếc giường nhỏ và cho Tôn giả một cái y làm gối. Nhưng từ hôm ấy, các Tỷ-kheo vì sợ vi phạm học giới nên không cho Rāhula chỗ ở.

Hiền giả Rāhula không đi đến Thế Tôn là phụ thân của mình, cũng không đi đến Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vị Tướng quân Chánh pháp và là Giáo thọ sư của mình, cũng không đi đến Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) là bậc Sư trưởng của mình, lại đi vào phòng vệ sinh của Thế Tôn như thể đi vào cung điện Phạm thiên và trú ở đấy.

Trong phòng vệ sinh của đức Phật, cửa luôn luôn khéo đóng; nền làm bằng đất thơm; hoa và vòng hoa kết thành vòng dọc theo những bức tường, suốt đêm có cây đèn thắp sáng. Hiền giả Rāhula không vì cảnh sang trọng này mà trú ở đấy, chỉ vì các Tỷ-kheo bảo tìm lấy chỗ ở, chỉ vì tôn trọng lời khuyên bảo, vì muốn học tập nên trú chỗ ấy.

Thỉnh thoảng, các Tỷ-kheo thấy Tôn giả từ xa đi đến; vì mục đích thử thách, thường quăng bên ngoài cái cán chổi hay một ít rác, chờ khi Rāhula đi đến, liền hỏi:

– Hiền giả, ai quăng đồ rác này?

Khi được nghe chính Rāhula đi qua đường này, Rāhula không nói: “Thưa Tôn giả, tôi không biết việc này.” Trái lại, Rāhula thường dọn rác ấy đi, khiêm tốn xin lỗi và sau khi được tha lỗi mới đi. Vì mong muốn học tập như vậy, nên Rāhula mới trú tại chỗ ấy.

Rồi trước khi rạng đông, bậc Đạo sư đứng trước cửa phòng vệ sinh và đằng hắng. Tôn giả đằng hắng lại.

– Ai đó?

– Con là Rāhula.

Rồi Tôn giả đi ra đảnh lễ.

– Này Rāhula, sao con nằm ở đây?

– Vì không có chỗ ở, bạch Thế Tôn, trước đây các Tỷ-kheo cho con ở chung; nay vì sợ phạm tội, không cho con chỗ ở; vì nghĩ rằng, đây là chỗ không va chạm một ai, nên con nằm ở đây!

Thế Tôn xúc động mạnh vì Chánh pháp, suy nghĩ: “Với Rāhula, các Tỷ-kheo còn vất bỏ như vậy thì đối với các lớp chúng trẻ mới xuất gia, có gì họ không làm được.”

---

[29] Ba-dật-đề: Tội phải sám hối trước Tăng chúng.

Buổi sáng sớm, Thế Tôn cho họp các Tỷ-kheo và hỏi Tướng quân Chánh pháp:

– Này Sāriputta, ông có biết nay Rāhula trú tại chỗ nào không?

– Bạch Thế Tôn, con không biết.

– Này Sāriputta, Rāhula đang ở trong nhà vệ sinh! Này Sāriputta, nếu các ông vứt bỏ Rāhula như vậy thì đối với các lớp trẻ mới xuất gia, có gì các ông không làm được? Nếu sự việc là vậy, những ai xuất gia trong giáo pháp này sẽ không ở lại. Bắt đầu từ hôm nay, các ông được phép cho người chưa thọ Đại giới ở chung một hay hai ngày. Đến ngày thứ ba, cho họ ở ngoài, sau khi biết chỗ ở của họ.

Sau khi thêm điều khoản phụ này, Thế Tôn chế định học giới. Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo ngồi trong pháp đường tán thán đức hạnh của Rāhula:

– Thưa các Hiền giả, hãy xem Rāhula tha thiết học tập như thế nào. Khi được hỏi chỗ ở của mình, Rāhula không nói: "Ta là con đức Thế Tôn." Rāhula không chống đối một Tỷ-kheo nào, nhưng đã đến ở phòng vệ sinh.

Khi các Tỷ-kheo đang nói như vậy, bậc Đạo sư đến tại pháp đường, ngồi xuống bảo tòa có trang hoàng và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi ở đây đang nói chuyện gì?

– Bạch Thế Tôn, chúng con nói đến lòng tha thiết học tập của Rāhula, không nói chuyện gì khác.

Bậc Đạo sư nói:

– Không phải chỉ nay Rāhula mới tha thiết học tập mà trước kia khi làm bàng sanh, cũng đã tha thiết học tập rồi.

Và Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, một vị vua nước Ma-kiệt-đà đang trị vì tại Vương Xá. Lúc ấy, Bồ-tát sanh làm một con nai với đàn nai vây quanh sống ở trong rừng. Con nai chị đem con mình đến và nói:

– Này em, hãy dạy cho cháu em sự khôn ngoan của loài nai!

– Tốt lắm.

Bồ-tát đáp lại và nói:

– Này cháu thân, hãy đi và vào giờ ấy, hãy đến học!

Con nai cháu không quên giờ cậu nói, đúng giờ nó đến và học sự khôn ngoan của loài nai. Một ngày kia, khi đi qua lại trong rừng, nó bị mắc vào bẫy sập và thốt tiếng kêu của con thú bị bắt. Đàn nai bỏ chạy, về báo cho nai mẹ biết con bị mắc bẫy. Nó đi đến nai em và hỏi:

– Này em, cháu đã học sự khôn ngoan của loài nai chưa?

Bồ-tát nói:

– Đừng sợ những điềm dữ đến với cháu. Nó đã khéo học được sự khôn ngoan của loài nai. Nay sẽ đến lượt chị cười rồi đó!

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ này:

16. Nai với ba cử chỉ,
Biết dùng chân tám móng,
Chỉ với một lỗ tai,
Với sáu sự khôn ngoan,
Với nhiều sự khôn ngoan,
Biết nửa đêm uống nước,
Thở theo nhịp độ đất,
Cháu tôi thắng người thù.

Như vậy, Bồ-tát nêu rõ cháu mình đã học tốt đẹp sự khôn ngoan của loài nai và an ủi nai chị. Còn nai con bị bắt trong bẫy sập, không vùng vẫy, nằm duỗi chân hết sức thoải mái theo một bên hông, móng chân cào đất tại chỗ gần chân, hất lên bụi và cỏ, đi tiểu và đại tiện, đầu gục xuống, le lưỡi, làm thân đẫm ướt mồ hôi; rồi nó nín thở khiến bụng trướng lên, trợn mắt, chỉ thở với một lỗ mũi ở dưới, nín thở với lỗ mũi ở trên khiến toàn thân cứng đờ như con vật đã chết. Vì thế cho nên các loài ruồi xanh đến bu quanh nó. Chỗ này chỗ kia, các con quạ đã đậu xuống. Người thợ săn đi đến, lấy tay vỗ bụng nó, suy nghĩ: "Con này bị bắt hồi sáng, nay đã bắt đầu thối rồi", kẻ ấy cởi dây trói cho nai và nói:

– Nay ta làm thịt nó ở đây và sẽ mang thịt về.

Không ngờ vực gì cả, người thợ săn bắt đầu lượm cành cây và lá. Con nai con liền trỗi dậy, đứng trên bốn chân, vùng vẫy cái thân, vươn cổ; và như đám mây bị gió lớn tan, nó chạy rất nhanh về với mẹ nó.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Rāhula không phải nay mới ham học, thuở trước cũng đã ham học như vậy.

Thuyết pháp thoại này xong, sau khi kết hợp hai câu chuyện, Ngài kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Khi ấy, con nai cháu là Rāhula, con nai mẹ là Uppalavaṇṇā và con nai cậu là Ta vậy.

§17. CHUYỆN GIÓ THỔI (*Mālutajātaka*) (*J.* I. 164)

Nếu là tối hay sáng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về hai Tỷ-kheo xuất gia đã lớn tuổi. Truyền thuyết kể rằng, tại quốc độ Kosala, họ sống trong một khu rừng, một Trưởng lão tên Tối và một Trưởng lão tên Sáng. Một hôm, Tối hỏi Sáng:

– Thưa Tôn giả, thời nào gọi là lạnh?

Sáng nói:

– Trong thời tối trăng.

Một hôm, Sáng hỏi Tối:

– Thưa Tôn giả, thời nào gọi là lạnh?

Tối nói:

– Trong thời sáng trăng.

Cả hai không thể tự giải quyết sự phân vân, bèn đi đến bậc Đạo sư, đảnh lễ Ngài rồi hỏi:

– Bạch Thế Tôn, thời nào gọi là lạnh?

Bậc Đạo sư lắng nghe câu chuyện của họ xong, liền nói:

– Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, Ta đã trả lời câu hỏi này cho các ông. Do nhiều đời sống chất chứa nên các ông nhận định không rõ ràng nữa.[30]

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Một thời, dưới chân núi, một con sư tử và một con cọp làm bạn với nhau, cùng ở trong một cái hang. Lúc bấy giờ, Bồ-tát xuất gia làm một ẩn sĩ, cũng ở dưới chân núi ấy. Một hôm, một cuộc tranh cãi khởi lên giữa hai con vật ấy về vấn đề lạnh. Con cọp nói trời lạnh trong thời mặt trăng tối. Con sư tử lại nói trời lạnh trong thời mặt trăng sáng. Chúng không thể tự giải quyết sự phân vân, bèn đến hỏi Bồ-tát. Ngài nói lên bài kệ:

17. Dù là tối hay sáng,
Khi nào có gió thổi,
Có gió thổi trời lạnh,
Cả hai không ai thua.

Như vậy, Bồ-tát giải hòa đôi bạn.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, thuở trước, Ta đã trả lời cho các ông câu hỏi này.

Thuyết pháp thoại này xong, Ngài thuyết giảng bốn sự thật. Cuối bài giảng ấy, hai vị Trưởng lão chứng quả Dự lưu. Sau khi kết hợp hai chuyện, bậc Đạo sư kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, con cọp là Sáng, con sư tử là Tối, còn Ta là người khổ hạnh đã trả lời câu hỏi.

§18. CHUYỆN ĐỒ CÚNG NGƯỜI CHẾT (*Matakabhattajātaka*) (*J.* I. 165)

Nếu chúng sanh biết được...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về đồ cúng người chết. Trong thời ấy, nhiều người giết hại nhiều dê, cừu... để cúng đồ ăn cho người thân đã mạng chung. Các Tỷ-kheo thấy họ làm như vậy, hỏi bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, nay nhiều người giết hại sinh mạng nhiều loài hữu tình để cúng đồ ăn cho người chết. Bạch Thế Tôn, ở đây có hạnh phúc, lợi ích nào không?

Thế Tôn nói:

---

[30] *Bhavasaṁkhepagatattā*. Xem *J.* I. 463; II. 137.

– Cúng đồ ăn như vậy cho người chết không có lợi ích gì. Khi đã sát sanh, làm sao có lợi ích được? Thuở xưa, các bậc Hiền trí ngồi giữa hư không thuyết pháp, nói rõ nguy hại của tập tục này, khiến toàn thể dân chúng ở cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) từ bỏ hành động ấy. Nhưng nay, bị sanh hữu tích lũy nên hành động ấy lại khởi lên.

Nói vậy xong, Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại. Một Bà-la-môn thông hiểu ba tập Vệ-đà, là danh sư nổi tiếng bốn phương, muốn cúng dường đồ ăn cho người chết nên cho bắt một con dê và bảo các đệ tử:

– Này các con thân, hãy dẫn con dê này đến sông, tắm cho nó, đeo vòng hoa ở cổ nó, cho nó ăn lúa độ nửa đấu, chải chuốt cho nó rồi đem nó lại đây.

Các đệ tử vâng lời, dắt con dê đến sông, tắm cho nó, chải chuốt cho nó rồi để nó đứng trên bờ sông. Con dê ấy thấy được việc của mình đã làm từ đời trước, suy nghĩ: "Hôm nay, ta sẽ được thoát đau khổ." Vì vậy, nó cảm thấy sung sướng, cười lớn tiếng như đập bể cái ghè; lại nghĩ: "Bà-la-môn này khi giết ta, sẽ chịu nỗi đau khổ của ta thuở trước", nó khởi lòng thương hại người Bà-la-môn và khóc lớn tiếng. Các thanh niên ấy hỏi nó:

– Này bạn, bạn cười lớn tiếng rồi khóc lớn tiếng. Vì nhân gì bạn cười, vì nhân gì bạn khóc?

– Hãy hỏi câu hỏi này trước mặt thầy các ông!

Họ đem con dê ấy đi và báo cáo cho thầy biết. Vị thầy nghe câu chuyện, hỏi con dê:

– Này dê, sao ngươi lại cười và sao ngươi lại khóc?

Con dê nhờ trí biết được đời trước, nhớ đến việc đã làm của mình và nói với Bà-la-môn:

– Này Bà-la-môn, thuở trước, giống như ông, ta là một Bà-la-môn học giỏi các chú thuật, muốn cúng dường đồ ăn cho người chết, đã giết một con dê để cúng dường. Vì giết chỉ một con dê, ta bị chém đầu trong bốn trăm chín mươi chín lần sống chết; nay là lần thứ năm trăm sống chết cuối cùng của ta; hôm nay, ta sẽ thoát khỏi sự đau khổ ấy; nghĩ vậy, ta cảm thấy sung sướng, do nhân duyên này ta cười. Còn ta khóc, vì ta nghĩ rằng chỉ vì giết một con dê, ta phải chịu khổ hình chặt đầu đến năm trăm lần, hôm nay ta sẽ thoát cái khổ ấy; nhưng Bà-la-môn này, vì giết ta, sẽ như ta chịu khổ hình chặt đầu trải năm trăm đời sống; vì thương xót ông, nên ta khóc.

– Này dê, chớ sợ, ta sẽ không giết ngươi!

– Này Bà-la-môn, ông nói gì thế? Dầu ông có giết ta hay không, hôm nay ta cũng không thể thoát chết.

– Này dê, chớ sợ, ta sẽ bảo vệ ngươi, sẽ cùng đi với ngươi!

– Này Bà-la-môn, nhỏ nhoi thay là sự bảo vệ của ông và mạnh bạo thay là nghiệp ác ta làm!

Vị Bà-la-môn thả con dê ra, nói với các đệ tử:

– Chúng ta đừng cho ai giết con vật này.

Và cùng với các đệ tử, vị Bà-la-môn đi theo con vật. Con dê vừa được thả, vươn cổ lên, đến bụi cỏ mọc sau lưng tảng đá ấy và bắt đầu ăn lá cỏ. Liền khi ấy, sét đánh trên lưng tảng đá ấy, một mảng đá bị đánh vỡ rơi trên cổ con dê đang vươn ra và chặt đứt đầu. Nhiều người quy tụ lại xem.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm vị thần cây tại chỗ ấy. Với uy lực của vị thần, Bồ-tát ngồi kiết-già trên hư không, trên đại chúng đang đứng nhìn và suy nghĩ: "Những chúng sanh này, nếu biết được kết quả của việc ác như vậy sẽ không làm ác nữa!" Rồi với âm thanh dịu ngọt, ngài thuyết pháp qua bài kệ:

18. Nếu chúng sanh biết được, Sự này sanh đau khổ,
Hữu tình sẽ không còn, Giết hại hữu tình nữa,
Vì ai giết hữu tình, Sẽ phải sầu, phải khổ.

Như vậy, bậc Đại sĩ thuyết pháp khiến cho mọi người sợ hãi địa ngục. Và nhiều người nghe bài thuyết pháp ấy, biết sợ hãi địa ngục nên từ bỏ sát sanh. Bồ-tát thuyết pháp xong, an trú quần chúng vào ngũ giới rồi về sau đi theo nghiệp của mình. Còn quần chúng an trú trong lời khuyên của Bồ-tát, sau khi làm các phước đức như bố thí, v.v... được sanh lên thiên giới, làm tràn đầy thành phố chư thiên.

***

Bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, kết hợp hai câu chuyện với nhau và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Ta là vị thần cây.

§19. CHUYỆN LỄ CÚNG DO CÓ LỢI (*Āyācitabhattajātaka*) (*J.* I. 168)

Nếu muốn thoát hiện tại...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về lễ cúng dường do cầu nguyện các thần linh. Lúc bấy giờ, theo truyền thuyết, quần chúng trong khi đi buôn thường hay giết các loài hữu tình để làm lễ cúng dường cho các thần, với lời cầu nguyện: "Nếu chúng tôi về được an toàn, có được tiền lời, chúng tôi sẽ làm lễ cúng dường cho các ngài!" Cầu nguyện như vậy rồi họ ra đi. Khi trở về được an toàn, có được tiền lời, họ nghĩ được vậy là nhờ uy lực các vị thần nên giết hại nhiều loài hữu tình, làm lễ cúng dường để giải tỏa lời cầu nguyện của mình.

Thấy vậy, các Tỷ-kheo hỏi Thế Tôn việc này có lợi ích gì không, Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, tại nước Kāsi, một vị gia chủ tại một ngôi làng nhỏ có hứa làm đồ ăn cúng dường cho thần cây bàng mọc gần cổng làng. Khi đi về được an toàn, vị ấy giết nhiều loài hữu tình và đến gốc cây để xin giải tỏa lời hứa. Nhưng vị thần cây đứng giữa hai cành cây nói lên bài kệ này:

19. Nếu muốn thoát hiện tại, Hãy nghĩ thoát đời sau,
Thoát hiện tại như vậy, Là trói buộc thật chặt,
Bậc trí không thoát vậy, Thoát vậy buộc kẻ ngu.

Từ đấy về sau, dân chúng từ bỏ sát sanh, sống theo Chánh pháp, sau khi mạng chung được sanh lên thiên giới làm tràn đầy thành phố chư thiên.

***

Bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Ta là vị thần cây.

§20. CHUYỆN UỐNG NƯỚC BẰNG CỌNG LAU

(***Naḷapānajātaka***) (*J.* I. 169)

Thấy dấu chân đi xuống...

Trong khi du hành ở Kosala, đi đến làng Naḷakapāna, sống ở rừng Ketaka, gần hồ Naḷakapāna, bậc Đạo sư kể câu chuyện này về cọng lau. Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo, sau khi tắm tại hồ Naḷakapāna, bảo các Sa-di đi lấy những cọng lau để làm ống kim.[31] Họ thấy các cọng lau đều trống rỗng hoàn toàn, liền đến hỏi Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con cho lấy các cọng lau để làm ống kim. Nhưng từ gốc cho đến ngọn, các cọng lau ấy đều trống rỗng hoàn toàn. Vì sao lại như vậy?

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, đây là do đại nguyện xưa của Ta vậy.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, theo truyền thuyết, tại đây có cái hồ trong khu rừng rậm. Trong hồ ấy, có một con quỷ la-sát ăn thịt những ai xuống nước. Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm khỉ chúa, to lớn như một con nai màu đỏ, được vây quanh với độ tám mươi ngàn con khỉ, Bồ-tát che chở đàn khỉ sống ở trong rừng. Bồ-tát thường khuyên đàn khỉ:

– Này các con thân, trong rừng này có những cây độc và có những hồ chết, tại đấy các loài phi nhân đang sống. Khi các con ăn những trái cây trước kia chưa ăn và uống nước trước kia chưa uống, hãy hỏi ta trước đã.

[31] Xem *Cv.* V. 115.

Đàn khỉ vâng lời. Một hôm, đi đến một chỗ trước kia chưa từng đến, sau nhiều ngày, chúng tìm nước uống và thấy một cái hồ. Nhưng chúng không uống nước, cứ ngồi chờ Bồ-tát. Ngài đến và nói:

– Các con thân, sao các con không uống nước?

– Chúng con chờ ngài đến.

– Tốt lắm, các con thân!

Bồ-tát đi vòng hồ thấy có dấu chân đi xuống, không có đi lên, và suy nghĩ: "Không còn gì nghi ngờ nữa, hồ này có phi nhân ẩn trú." Bồ-tát nói với đàn khỉ:

– Này các con thân, việc các con làm tốt lắm, vì đã không uống nước. Hồ này có phi nhân ẩn trú.

Con quỷ la-sát dưới nước biết được chúng không uống nước, liền hiện ra hình thù ghê rợn với bụng xanh, mặt trắng vàng, tay chân màu đỏ, rẽ nước đi lên và nói:

– Sao lại ngồi đây, hãy xuống uống nước!

Bồ-tát hỏi:

– Có phải ngươi là la-sát ở trong nước không?

– Phải.

– Có phải ngươi bắt những ai xuống uống nước ở đây?

– Phải. Ta bắt từ con chim nhỏ xuống nước trở lên; ở tại đây, ta không tha một ai. Ta sẽ ăn tất cả các ngươi.

– Chúng tôi sẽ không để ngươi ăn chúng tôi.

– Nhưng hãy uống nước đi.

– Được, chúng tôi sẽ uống nước. Nhưng chúng tôi sẽ không rơi vào quyền lực của ngươi.

– Làm sao các ngươi uống nước được?

– Sao ngươi nghĩ rằng chúng tôi sẽ đi xuống rồi uống nước à? Không đi xuống nước, tám mươi ngàn chúng tôi mỗi ngày lấy một cành lau; như uống nước ngang qua một cành sen xanh, chúng tôi sẽ uống nước hồ của ngươi. Như vậy, ngươi sẽ không thể ăn thịt chúng tôi được!

***

Biết được ý nghĩa này, bậc Đạo sư đọc câu kệ:

20. Thấy dấu chân đi xuống, Không thấy dấu chân lên,
Uống nước với cọng lau, Ngươi không giết ta được!

Nói vậy xong, Bồ-tát cho đem lại một cọng lau, hồi tưởng lại mười hạnh Ba-la-mật,[32] phát lời chân ngôn, lấy miệng thổi cọng lau. Cọng lau trở thành trống rỗng hoàn toàn, không một khúc, mắt nào còn lại ở trong. Với cách thức

[32] Xem *J.* I. 212, *Vaṭṭakajātaka* (*Chuyện chim cút*), số §35.

này, Bồ-tát cho đem lại ống lau khác, rồi ống lau khác và thổi. Nhưng nếu làm vậy, Bồ-tát không thể thổi hết được. Do đó, Bồ-tát không làm như vậy nữa. Rồi Bồ-tát đi vòng quanh hồ và ra lệnh:

– Tất cả cọng lau đều trống rỗng hết!

Do lợi hành rộng lớn của các vị Bồ-tát, mệnh lệnh ấy được thành tựu. Từ đấy trở đi, tất cả cọng lau ở xung quanh hồ trở thành trống rỗng.

Trong kiếp này, có bốn thần thông tồn tại suốt kiếp. Thế nào là bốn?

1. Tướng con thỏ trong mặt trăng,[33] sẽ tồn tại trong suốt kiếp này.

2. Địa điểm mà lửa được dập tắt, như đã được kể ở *Chuyện chim cút*,[34] địa điểm ấy sẽ không bị lửa chạm đến trong suốt kiếp này.

3. Tại chỗ có ngôi nhà của người làm đồ gốm Ghaṭīkāra, không bao giờ mưa rơi xuống trong suốt kiếp này.[35]

4. Các cây lau mọc xung quanh hồ này sẽ hoàn toàn trống rỗng trong suốt kiếp này.

Đây là bốn thần thông sẽ tồn tại trong suốt kiếp này.

Bồ-tát ra lệnh như vậy và lấy một cọng lau rồi ngồi xuống. Tám vạn con khỉ ấy, mỗi con cầm lấy một cọng lau, đều ngồi xuống vòng quanh hồ. Và trong khi Bồ-tát hút nước vào qua ống lau, tất cả chúng đều ngồi trên bờ uống nước. Chúng uống nước như vậy, con quỷ la-sát dưới nước không bắt được một ai nên không hoan hỷ, bỏ đi về trú xứ của nó. Còn Bồ-tát với tùy tùng vây quanh, trở về sống ở trong rừng.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, những cây lau này hoàn toàn trống rỗng chính do lời phát nguyện xưa của Ta.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, Ngài kết hợp hai câu chuyện và kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con quỷ la-sát nước là Devadatta, tám vạn con khỉ là hội chúng của Như Lai, còn khỉ chúa khéo dùng phương tiện là Ta vậy.

---

[33] Xem *J*. III. 51, *Sasajātaka* (*Chuyện con thỏ*), số §316; *Cp*. 82, *Sasapaṇḍitacariya* (*Hạnh của con thỏ hiền trí*).

[34] Xem *J*. I. 212, *Vaṭṭakajātaka* (*Chuyện chim cút*), số §35.

[35] Xem *J*. I. 212, *Vaṭṭakajātaka* (*Chuyện chim cút*), số §35; *M*. 81, *Ghaṭikārasutta* (*Kinh Ghaṭikāra*); *Miln*. 222.

III. PHẨM SƠN DƯƠNG
(*KURUṄGAVAGGA*)

§21. CHUYỆN CON NAI SƠN DƯƠNG (*Kuruṅgamigajātaka*) (*J.* I. 173)

Sơn dương biết rõ rằng...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, được bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Một thời, tại pháp đường, các Tỷ-kheo ngồi tụ họp, nói lời chỉ trích Devadatta:

– Thưa các Hiền giả, với mục đích sát hại Như Lai, Devadatta đã mướn những người bắn cung xô tảng đá xuống, thả rong con voi Dhanapāla (Tài Hộ); dùng mọi cách thức để giết hại Thế Tôn.[36]

Rồi bậc Đạo sư đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi đây nói câu chuyện gì?

– Bạch Thế Tôn, chúng con ngồi ở đây nói chuyện về những điều thất đức mà Devadatta đã làm để sát hại Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới tìm cách sát hại Ta. Xưa kia, Devadatta cũng đã làm như vậy nhưng không thể sát hại Ta được.

Sau khi nói vậy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì thành Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con nai sơn dương, ăn trái cây và sống trong rừng. Một thời, Bồ-tát ăn các trái sepaṇṇi từ những cây sepaṇṇi sai quả. Có người thợ săn ở làng, một hôm tìm thấy những dấu chân nai dưới gốc cây sai quả ấy, liền dựng một cái giàn trên cây, ngồi ở đấy, phóng cây giáo xuống các con nai đi đến ăn trái cây. Kẻ ấy sống với nghề săn và bán thịt nai như vậy.

Một hôm, thấy dấu chân Bồ-tát dưới một gốc cây, kẻ ấy ăn thật sớm, cầm cây giáo vào khu rừng, leo lên cây và ngồi trên giàn. Bồ-tát vào buổi sáng, từ chỗ ẩn nấp trong rừng đi ra với ý định ăn trái cây sepaṇṇi. Bồ-tát không vội đến gốc cây mà đi vòng quanh, đứng vòng ngoài suy nghĩ: "Có khi những thợ săn đặt giàn, dựng giàn trên cây. Có thể có nguy hiểm như vậy ở đây."

Người thợ săn biết Bồ-tát không đi đến, vẫn ngồi trên giàn quăng những trái sepaṇṇi xuống, rơi trước mặt Bồ-tát. Ngài suy nghĩ: "Những trái cây này rơi

[36] Xem *Cv.* VII. 188.

trước mặt ta, có thể có người thợ săn ở trên." Bồ-tát quan sát xung quanh, thấy người thợ săn, làm vẻ như không thấy, nói to:

– Này bạn cây quý hóa ơi, trước kia, bạn làm những trái cây rơi thẳng xuống như dây leo lòng thòng xuống nhưng nay bạn từ bỏ đặc tánh cây. Vì bạn từ bỏ đặc tánh cây, ta sẽ đi đến gốc cây khác để tìm đồ ăn cho ta vậy. Nói xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

21. Sơn dương biết rõ rằng, Trái cây ngươi rơi nát,
Ta đi đến cây khác, Ta không thích trái ngươi.

Người thợ săn ngồi trên giàn, quăng cây giáo xuống và nói:

– Hãy đi đi! Nay ta đã bắt hụt ngươi rồi!

Bồ-tát nhảy vòng tròn, đứng lại và nói:

– Này người kia, chú tuy giết hụt ta nhưng chú không bắt hụt kết quả hành động chú làm; tức là tám địa ngục lớn, mười sáu địa ngục phụ và năm hình thức trói buộc và hành tội.

Nói vậy xong, Bồ-tát liền chạy xa để tìm đồ ăn. Còn người thợ săn leo xuống đi đến chỗ kẻ ấy muốn.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới tìm cách sát hại Ta. Xưa kia, Devadatta cũng làm như vậy nhưng không có thể làm được.

Thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân.

– Lúc bấy giờ, người thợ săn dựng cái giàn là Devadatta, còn con nai sơn dương là Ta vậy.

§22. CHUYỆN CON CHÓ (*Kukkurajātaka*) (*J.* I. 175)

Những con chó lớn lên...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, Thế Tôn đã kể về việc làm lợi ích cho bà con. Câu chuyện sẽ được trình bày trong chương XII, *Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla.*[37] Để xác chứng lời dạy này, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát do duyên hành động lợi ích cho bà con như vậy, được sanh làm con chó đầu đàn rất thông minh, sống trong một nghĩa địa lớn với đàn chó hàng trăm con vây quanh.

Một hôm, vua ngự trên xe được trang hoàng đẹp đẽ, được kéo bởi những con ngựa Sindh giống quý, đi đến khu vườn, trọn ngày vui chơi tại đấy; và khi

[37] Xem *J.* IV. 144, *Bhaddasālajātaka* (*Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla*), số §465.

mặt trời lặn, vua mới trở về thành. Yên cương của xe vẫn mắc vào xe, quân hầu để xe trong sân hoàng cung trọn đêm. Ban đêm, trời mưa, yên cương bị ướt. Các con chó của nhà vua thuộc nòi giống tốt, từ trên lầu đi xuống, nhai ăn da và dây cương chiếc xe ấy. Hôm sau, họ báo với vua:

– Thưa Thiên tử, từ những miệng cống chui vào, các con chó đã nhai ăn da và dây cương chiếc xe.

Vua nổi giận, ra lệnh giết tất cả chó mà họ thấy được. Từ đấy trở đi, khởi lên tai nạn lớn cho loài chó. Chúng chạy trốn vào nghĩa địa và đến bên cạnh Bồ-tát. Bồ-tát hỏi:

– Các con tụ họp đông ở đây vì duyên cớ gì?

Chúng đáp:

– Trong nội thành, da và dây cương của chiếc xe vua bị chó nhai ăn. Vua tức giận ra lệnh tàn sát chúng con. Nhiều anh em con bị giết hại. Cuộc khủng bố lớn đã khởi lên.

Bồ-tát suy nghĩ: "Tại một chỗ được bảo vệ như vậy, các con chó ở ngoài không có cơ hội để vào. Đây là việc làm của đàn chó giống tốt trong nội cung. Nay những con có tội không gặp việc gì, còn những con vô tội lại bị giết. Ta hãy cho vua thấy những con chó có tội kia và cứu mạng sống cho bà con vô tội của ta."

Bồ-tát an ủi:

– Các con chớ sợ, ta sẽ làm cho các con hết sợ hãi. Hãy chờ ở đây cho đến khi ta yết kiến nhà vua!

Rồi ngài hướng tâm đến các Ba-la-mật, đặt hạnh từ bi lên hàng đầu, ngài nguyện: "Không một ai dám quăng đá hay gậy để hại ta." Rồi Bồ-tát một mình đi vào thành.

Sau khi ra lệnh sát hại các con chó, vua ngồi một mình trong pháp đình. Bồ-tát đi đến đây, nhảy thẳng đến dưới chỗ ngồi của vua. Các người hầu cận của vua cố gắng hết sức đuổi ra, nhưng vua ngăn lại. Bồ-tát nghỉ một lát, từ dưới ghế đi ra, đảnh lễ vua rồi hỏi:

– Có phải Đại vương sai giết hại các loài chó?

– Phải, chính ta.

– Lỗi của chúng là gì, thưa bậc Nhân chủ?

– Chúng nhai ăn đồ da phụ tùng và dây cương ở xe của ta.

– Ngài có biết những con nào đã ăn đồ da không?

– Ta không biết.

– Không biết những con chó nào đã ăn đồ da, lại ra lệnh giết; như vậy không phải lẽ, thưa Đại vương.

– Vì các con chó đã ăn đồ da ở xe ta, nên ta ra lệnh tàn sát tất cả con chó thấy được.

– Các người của ngài giết tất cả chó hay có tha chết một số chó?

– Những con chó nòi giống tốt trong cung của ta được khỏi chết.

– Tâu Đại vương, vừa rồi ngài nói ra lệnh giết tất cả con chó mà họ thấy được vì chúng đã ăn đồ da ở xe của ngài. Nhưng nay ngài lại nói những con chó giống tốt trong cung của ngài được khỏi chết. Sự việc là vậy, ngài đã thực hành theo bốn sở hành vô lý: Thiên vị, ghét bỏ, ngu si và sợ hãi. Hành động vô lý như vậy là không chính đáng, không phải là phép vua. Vì vua trong khi xử kiện, cần phải giống như cán cân. Nay các con chó nòi giống tốt được khỏi chết, còn các con chó yếu đuối lại bị giết. Sự việc như vậy, thì đây không phải sự giết hại không thiên vị tất cả loài chó mà chỉ là sự giết hại các loài chó yếu đuối thôi!

Nói xong, Bồ-tát với âm thanh dịu ngọt bảo vua:

– Tâu Đại vương, sở hành của ngài không phải là công lý.

Rồi thuyết pháp cho vua, Bồ-tát đọc bài kệ này:

22. Những con chó lớn lên, Trong cung điện nhà vua,
Thuộc loài nòi giống tốt, Có dung sắc, sức mạnh,
Chúng khỏi bị giết hại. Chỉ chúng tôi bị giết,
Đây không giết tất cả, Chỉ giết kẻ yếu hèn.

Nghe Bồ-tát nói, vua bèn hỏi:

– Này chó hiền trí, ngươi có biết ai đã ăn da ở xe ta không?

– Vâng, tôi có biết.

– Ai đã ăn?

– Chính những con chó nòi giống tốt trong cung của ngài.

– Làm thế nào biết được chúng đã ăn?

– Tôi sẽ nêu rõ chính chúng đã ăn.

– Này chó hiền trí, hãy nói rõ đi.

– Hãy cho gọi các con chó nòi giống tốt trong cung của ngài, cho đem một ít nước sữa và cỏ dabba đến đây.

Vua làm theo lời yêu cầu. Rồi Bồ-tát nói:

– Hãy cho nghiền nát cỏ này trong nước sữa và cho những con chó ấy uống.

Vua làm theo như vậy. Khi đang uống, các con chó liền nôn ra những miếng da.

– Ôi, thật giống như đức Phật Toàn Tri xử kiện!

Vua reo mừng, liền tỏ lòng tôn kính Bồ-tát bằng cách dâng cúng cái lọng trắng. Nhưng Bồ-tát thuyết pháp cho vua với mười câu kệ về pháp hành trong *Chuyện ba con chim*,[38] mở đầu với câu:

[38] Xem *J.* V. 109, *Tesakuṇajātaka* (*Chuyện ba con chim*), số §521.

– Hãy hành Chánh pháp! Thưa bậc Đại vương thuộc dòng Sát-đế-ly, từ nay trở đi, Đại vương chớ phóng dật!

Sau khi khuyên nhà vua giữ năm giới, Bồ-tát trả lại vua cái lọng trắng.

Nghe lời Bồ-tát thuyết pháp, vua tha chết cho mọi loài chúng sanh, rồi ra lệnh cung cấp cho tất cả loài chó, bắt đầu từ Bồ-tát, cơm ăn thường xuyên giống như thức ăn của vua. Tuân theo lời Bồ-tát khuyến giáo cho đến trọn đời, vua làm các phước đức như bố thí, v.v... vì vậy sau khi mạng chung, vua sanh lên cõi trời. Lời khuyến giáo của con chó tồn tại đến mười ngàn năm. Còn Bồ-tát sống đến hết thọ mạng, rồi đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới hành động lợi ích cho bà con, trong quá khứ cũng đã làm như vậy.

Thuyết pháp thoại này xong và kết hợp hai mẩu chuyện với nhau, bậc Đạo sư kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, nhà vua là Ānanda, hội chúng của Như Lai là bầy chó hiền lành, còn con chó hiền trí là Ta vậy.

§23. CHUYỆN CON NGỰA THUẦN CHỦNG (*Bhojājānīyajātaka*) (*J.* I. 178)

Nay tuy nằm một bên...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo từ bỏ tinh tấn. Thời ấy, bậc Đạo sư gọi Tỷ-kheo ấy và nói:

– Này Tỷ-kheo, thuở trước, các bậc Hiền trí trong những hoàn cảnh khó khăn vẫn kiên trì tinh tấn, dầu có bị thương vẫn không thối thất.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì thành Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh làm con ngựa Sindh nòi giống tốt, con ngựa báu của vua, được trang sức lộng lẫy. Nó ăn cơm nấu với gạo cũ ba năm, đầy đủ hương vị đặc biệt đựng trong một cái đĩa bằng vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng.

Chuồng ngựa được dựng trên đất ướp thơm với bốn loại hương. Xung quanh chuồng có treo những màn đỏ, trên trần treo cái tán bằng vải, được trang hoàng với các vì sao bằng vàng; trên tường thả xuống những chuỗi hoa thơm, vòng hoa và một ngọn đèn dầu thơm luôn luôn cháy đỏ. Không có vị vua nào không thèm muốn vương quốc Ba-la-nại.

Một thời, bảy vị vua bao vây thành Ba-la-nại, gửi tối hậu thư cho vua xứ Ba-la-nại, nói:

– Hãy trao vương quốc cho chúng tôi, hay là giao chiến!

Vua mời các đại thần hội họp, báo tin ấy và hỏi:

– Này các khanh, nay phải làm gì?

– Tâu Thiên tử, ngài không nên tự mình giao chiến trước. Hãy sai một vị cưỡi ngựa đi giao chiến trước. Nếu vị ấy thất bại, chúng ta sẽ tính sau.

Rồi vua cho mời vị ấy đến và hỏi:

– Khanh có thể giao chiến với bảy vị vua không?

– Thưa Thiên tử, nếu thần được con ngựa Sindh nòi giống tốt, kể gì bảy vị vua, thần có thể giao chiến với các vua ở toàn cõi Diêm-phù-đề.

– Này khanh, con ngựa Sindh giống tốt hay con nào khác, tùy ý khanh muốn, hãy lấy con ngựa ấy và đi giao chiến!

– Lành thay, thưa Thiên tử!

Vị ấy đảnh lễ vua, từ trên lầu bước xuống, cho đem lại con ngựa Sindh giống tốt, khéo mặc áo giáp cho nó; tự mình vũ trang toàn diện, đeo gươm rồi leo lên lưng ngựa Sindh đi ra khỏi thành và nhanh như chớp đánh tan đội quân thứ nhất; bắt sống một vua, cho dẫn vua ấy về giam ở đội quân trong thành. Rồi vị ấy đi nữa, đánh tan đội quân thứ hai; cũng vậy, đội quân thứ ba, thứ tư, thứ năm và bắt sống được năm ông vua.

Nhưng khi vị ấy đánh tan đội quân thứ sáu và bắt vua thứ sáu thì con ngựa Sindh giống tốt bị thương, chảy máu và cảm thấy đau đớn rất nhiều. Biết con ngựa đã bị thương, người kỵ mã cho nó nằm xuống trước cửa cung vua, cởi áo giáp cho nó và sai lính nai nịt một con ngựa khác.

Bồ-tát nằm một bên hông rất thoải mái, mở mắt thấy người kỵ mã, tự nghĩ: "Người kỵ mã đang nai nịt một con ngựa khác, sẽ không thể nào đánh tan đội quân thứ bảy, không thể nào bắt được ông vua thứ bảy. Như vậy, nó làm tiêu tan công lao ta đã làm; còn người kỵ mã không ai sánh kịp này sẽ bị giết và nhà vua sẽ rơi vào tay quân thù. Ngoài ta ra không một con ngựa nào khác đánh tan được đội quân thứ bảy và có thể bắt được vị vua thứ bảy."

Đang nằm như vậy, Bồ-tát gọi người kỵ mã và nói:

– Này bạn, ngoài tôi ra, không có con ngựa nào khác có thể đánh tan đội quân thứ bảy, bắt được ông vua thứ bảy. Tôi sẽ không để ai hủy hoại thành quả tôi đã làm. Hãy đỡ tôi dậy và nai nịt cho tôi!

Sau khi nói vậy, Bồ-tát đọc bài kệ này:

23. Nay tuy nằm một bên, Bị bắn bởi mũi tên,
Con ngựa nòi giống tốt, Thắng hơn con ngựa khác.
Hỡi này người kỵ mã, Hãy nai nịt cho tôi!

Người kỵ mã đỡ con ngựa dậy, băng bó vết thương, khéo nai nịt áo giáp cho nó rồi nhảy lên lưng ngựa ra trận đánh tan đội quân thứ bảy, bắt sống ông vua thứ bảy và dẫn vị ấy về đội quân của vua mình. Người kỵ mã dắt Bồ-tát đến cửa thành và vua đi ra để xem Bồ-tát. Bồ-tát nói với vua:

– Tâu Đại vương, chớ giết bảy ông vua ấy. Hãy bắt họ thề sẽ trung thành với ngài rồi thả họ ra. Hãy cho người kỵ mã thọ hưởng danh vọng xứng đáng với công lao. Thật không phải đạo nếu để một chiến sĩ đã bắt được bảy vị vua phải chịu thiệt thòi! Đại vương hãy bố thí, hãy giữ giới, hãy trị vì quốc độ với Chánh pháp công bằng!

Khi Bồ-tát khuyến giáo vua như vậy xong, người ta cởi áo giáp cho Bồ-tát. Nhưng khi được cởi tung mảnh giáp, Bồ-tát mạng chung. Vua lo việc hỏa táng con ngựa rất trọng thể, cho người kỵ mã hưởng danh vọng lớn và đòi bảy ông vua kia phải tự mình thề không còn phản bội gây chiến nữa rồi đưa họ về nhà của họ. Vua trị vì quốc độ với Chánh pháp và công lý, sau khi mạng chung, đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, như vậy thuở trước, các bậc Hiền trí trong những hoàn cảnh khó khăn vẫn kiên trì tinh tấn, dầu có bị thương vẫn không thối thất. Còn ông được sống trong giáo pháp giải thoát như vậy, vì sao lại thối thất tinh tấn?

Sau khi nói xong, Thế Tôn thuyết giảng bốn sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo thối thất tinh tấn chứng quả A-la-hán. Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện với nhau và kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua là Ānanda, người cưỡi ngựa là Sāriputta và con ngựa Sindh nòi giống tốt là Ta vậy.

§24. CHUYỆN ĐÔI NGỰA NÒI TỐT (*Ājaññajātaka*) (*J.* I. 180)

Dầu thời nào, chỗ nào...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Bậc Đạo sư gọi Tỷ-kheo ấy và nói:

– Này Tỷ-kheo, thuở trước các bậc Hiền trí trong những hoàn cảnh khó khăn vẫn kiên trì tinh tấn, dầu có bị thương vẫn không thối thất.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì thành Ba-la-nại, có bảy vị vua bao vây thành. Một chiến sĩ cưỡi xe, thắng hai con ngựa Sindh anh em vào xe, đi ra khỏi thành, đánh tan sáu đội quân và bắt sống sáu ông vua. Trong giờ phút ấy, con ngựa anh bị thương. Người cưỡi xe, đánh xe đến cửa thành của vua mình, mở con ngựa anh ra khỏi xe, cởi áo giáp của nó, đặt con ngựa nằm một bên hông và bắt đầu cho nai nịt một con ngựa khác. Bồ-tát thấy vậy, suy nghĩ như đã suy nghĩ trong câu chuyện trước, rồi cho gọi người cưỡi xe, vừa nằm vừa nói lên bài kệ này:

24. Dẫu thời nào, chỗ nào, Dẫu khi nào ở đâu,
Con ngựa nòi giống tốt, Vẫn hăng hái chiến đấu.
Còn con ngựa yếu hèn, Tại đấy chịu đầu hàng.

Người đánh xe đỡ Bồ-tát dậy, thắng ngựa vào xe, đánh tan đội quân thứ bảy, bắt sống ông vua thứ bảy rồi đánh xe đến cửa nhà vua và mở con ngựa ra khỏi xe. Bồ-tát nằm thoải mái một bên hông, nói lời khuyến giáo vua như trong câu chuyện trước rồi mạng chung. Vua làm lễ hỏa táng con ngựa rất trọng thể, ban thưởng nhiều danh vọng cho người đánh xe và sau khi trị vì nước đúng theo Chánh pháp, vua đi theo nghiệp của mình lúc mạng chung.

***

Sau khi kể câu chuyện, bậc Đạo sư trình bày bốn sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỳ-kheo thối thất tinh tấn chứng được quả A-la-hán. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua là Trưởng lão Ānanda, con ngựa anh là bậc Chánh Đẳng Giác.

§25. CHUYỆN BẾN TẮM (*Titthajātaka*) (*J.* I. 182)

Hãy thay bến nước khác...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỳ-kheo đệ tử của vị Tướng quân Chánh pháp, trước kia làm thợ vàng. Chỉ các đức Phật mới có trí biết được tâm hướng của chúng sanh, chớ không ai khác. Do vậy, vị Tướng quân Chánh pháp tự mình không biết tâm hướng của người đệ tử, đã cho một đề tài thiền quán về bất tịnh. Đề tài ấy không thích hợp với người đệ tử. Vì sao?

Theo truyền thuyết, người đệ tử ấy trải năm trăm năm liên tục sanh ra trong gia đình thợ vàng, tích lũy lâu ngày chỉ thấy vàng thanh tịnh nên không hợp với đề tài bất tịnh. Trải qua bốn tháng, người đệ tử không thể làm khởi lên một tư tưởng nào của thiền quán. Vị Tướng quân Chánh pháp không thể đem lại quả A-la-hán cho đệ tử của mình, tự nghĩ: "Người này chỉ có đức Phật mới nhiếp phục được, ta sẽ đưa vị ấy đến gặp Như Lai."

Vào buổi sáng sớm, vị Tướng quân Chánh pháp đem người đệ tử đi đến gặp bậc Đạo sư. Ngài hỏi:

– Này Sāriputta (Xá-lợi-phất), vì sao ông đến đây lại đem theo một Tỳ-kheo?

– Bạch Thế Tôn, con cho đệ tử con một đề tài thiền quán, nhưng sau bốn tháng, vị ấy không phát khởi lên một chút tư tưởng nào của thiền quán. Nghĩ rằng người này chỉ có đức Phật mới giáo hóa được, nên con đưa đến gặp Thế Tôn.

– Này Sāriputta, ông dạy đề tài thiền quán nào cho đệ tử?

– Bạch Thế Tôn, con dạy đề tài thiền quán về bất tịnh.

– Này Sāriputta, ông không hiểu biết tâm hướng của đệ tử. Hãy về đi và để đệ tử ở lại đây, chiều trở lại và đem đệ tử của ông về.

Sau khi bảo Trưởng lão đi về, bậc Đạo sư cho Tỳ-kheo ấy mặc hạ y và

thượng y tốt đẹp, đem Tỷ-kheo ấy đi theo Ngài vào làng khất thực, khiến Tỷ-kheo ấy nhận được đồ ăn tuyệt hảo, đủ loại cứng và loại mềm. Đi về tinh xá một lần nữa với các Tỷ-kheo vây quanh, ban ngày bậc Đạo sư vào nghỉ trong hương phòng và buổi chiều đem Tỷ-kheo ấy đi theo. Ngài đi dạo trong tinh xá, hóa hiện một hồ nước trong vườn xoài, có nhiều hoa sen và một hoa sen lớn hiện ra. Thế Tôn bảo Tỷ-kheo ấy ngồi quán sát hoa sen, rồi Ngài đi vào hương phòng.

Tỷ-kheo ấy liên tục quán sát hoa sen. Thế Tôn khiến cho bông hoa ấy héo tàn. Trong khi Tỷ-kheo ấy đang quán sát, hoa sen ấy tàn dần, héo dần và mất màu sắc. Bắt đầu từ vòng ngoài cùng, các cánh hoa rơi xuống và trong một thời gian ngắn, tất cả cánh hoa đều rơi hết. Rồi đến các nhụy hoa rơi, rơi dần chỉ còn lại gương sen. Tỷ-kheo ấy thấy vậy, liền suy nghĩ: "Hoa sen này xinh đẹp như vậy nhưng chẳng mấy chốc màu sắc hoa tàn phai, các cánh hoa, nhụy hoa rụng xuống chỉ còn lại gương sen. Hoa sen như vậy đã đi đến héo tàn. Thân ta rồi cũng đi đến cảnh như vậy. Các hành là vô thường!"

Với tư tưởng ấy, Tỷ-kheo đạt được thiền quán. Bậc Đạo sư biết tâm Tỷ-kheo ấy đã đạt thiền quán, vẫn ngồi trong hương phòng, phóng hào quang từ kim thân và nói lên bài kệ này:

Tự cắt dây ái dục, Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh, Niết-bàn, Thiện Thệ dạy.[39]

Cuối bài kệ này, Tỷ-kheo ấy chứng quả A-la-hán. Với ý nghĩ: "Ta đã thoát mọi sanh hữu", vị ấy nói lên lời cảm hứng với các bài kệ:

Ai đã sống cuộc đời, Tâm tư được viên mãn,
Các lậu hoặc đã đoạn, Mang nhục thân cuối cùng,
Giới hạnh thật thanh tịnh, Các căn khéo định tĩnh,
Như mặt trăng được thoát, Khỏi miệng thần Rāhu.[40]
Ngu si hắc ám lớn, Bao phủ trùm khắp ta,
Ta gột sạch, trừ sạch, Mọi cấu uế không còn.
Ta rực sáng, chói sáng, Sáng chói ánh quang minh,
Như mặt trời trên không, Chiếu ngàn tia ánh sáng.

Sau khi nói lời cảm hứng, Tỷ-kheo ấy đi đến đảnh lễ Thế Tôn. Vị Trưởng lão cũng đến đảnh lễ bậc Đạo sư và đem đệ tử của mình về. Khi tin tức này lan truyền giữa các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ngồi họp tại pháp đường, tán thán những đức tính của bậc Pháp Vương:

– Này các Hiền giả, Trưởng lão Sāriputta vì không hiểu biết tâm hướng của chúng sanh nên không hiểu biết tâm hướng đệ tử mình. Còn bậc Đạo sư biết được nên chỉ trong một ngày, đã đem lại quả A-la-hán với những vô ngại biện tài. Ôi, lớn lao thay uy đức của đức Phật!

[39] Xem *Dh*. v. 285.

[40] Thần Rāhu là vua a-tu-la. Hiện tượng nguyệt thực hay nhật thực theo truyền thuyết được cho rằng là do thần Rāhu tạm thời nuốt chửng mặt trăng hay mặt trời.

Rồi bậc Đạo sư đến ngồi trên chỗ đã soạn sẵn và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi ở đây bàn chuyện gì?

– Không có gì khác, bạch Thế Tôn, ngoài câu chuyện chỉ Thế Tôn mới có trí hiểu biết tâm hướng đệ tử của vị Tướng quân Chánh pháp.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là kỳ diệu gì. Không phải nay Ta là Phật mới biết tâm hướng của Tỷ-kheo ấy. Thuở trước, Ta cũng đã biết tâm hướng của vị ấy rồi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm người chỉ đạo cho vua về thế sự và thánh sự. Lúc bấy giờ, tại bến nước, chỗ tắm thường ngày của con ngựa báu, người ta đang tắm một con ngựa tầm thường yếu hèn. Khi người giữ dẫn con ngựa báu đến bến tắm, nó ghê tởm con ngựa tầm thường nên không chịu đi xuống. Người giữ ngựa trình lên vua:

– Tâu Thiên tử, con ngựa báu không chịu xuống bến nước.

Vua cho gọi Bồ-tát:

– Này bậc Hiền trí, hãy đi ra tìm hiểu lý do gì khi con ngựa đi đến bến nước lại không chịu xuống.

Vâng lệnh Thiên tử, Bồ-tát đi đến bờ sông, nhìn con ngựa, biết con ngựa không bị bệnh, ngài cố gắng tìm hiểu lý do gì con ngựa này không đi xuống bến nước. Bồ-tát suy nghĩ: “Có lẽ một con ngựa khác được tắm trước ở đây, vì ghê tởm con ngựa ấy nên nó không đi xuống bến nước.” Nghĩ vậy, Bồ-tát liền hỏi người giữ ngựa:

– Có con ngựa nào khác được tắm trước ở bến nước này không?

– Thưa ngài, có một con ngựa tầm thường khác.

Bồ-tát nghĩ: “Con ngựa này vì lòng tự ái thương tổn, không muốn tắm tại đây. Vậy đem nó đến tắm tại một bến nước khác.” Biết tâm hướng của nó, Bồ-tát nói:

– Này bạn giữ ngựa, một người ăn đi ăn lại các món ngon như cơm, sữa, bơ, mật, đường, v.v... lâu ngày rồi cũng phát ngán. Con ngựa này đã tắm nhiều lần tại bến nước ở đây. Hãy đưa nó xuống một bến nước khác, cho nó tắm và uống nước.

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ này:

25. Hãy thay bến nước khác, Hỡi này người đánh xe,
Hãy cho ngựa uống nước, Khi bến này, bến khác.
Người quá gần cơm, sữa, Cũng chán món ăn ấy.

Sau khi nghe lời Bồ-tát, họ dắt ngựa xuống một bến nước khác, cho nó uống nước và tắm. Trong khi ấy, Bồ-tát liền đi đến yết kiến vua. Vua hỏi:

– Này khanh, con ngựa được tắm và được uống nước rồi phải không?

– Thưa rồi, tâu Thiên tử.

– Vì lý do gì, trước nó không muốn làm như vậy?

– Do lý do này...

Bồ-tát báo sự việc lên vua và vua nói:

– Ôi, thật là sáng suốt, khanh biết được tâm hướng của cả con vật này!

Vua thưởng cho Bồ-tát danh vọng lớn. Và khi mạng chung, Bồ-tát và vua đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới biết tâm hướng của vị ấy, quá khứ Ta cũng biết rồi.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong và kết hợp hai câu chuyện với nhau, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con ngựa báu là vị Tỷ-kheo này, vua là Ānanda và vị đại thần Hiền trí chính là Ta vậy.

§26. CHUYỆN CON VOI MAHILĀMUKHA

(*Mahilāmukhajātaka*) (*J.* I. 185)

Trước nghe lời ăn trộm...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Devadatta chiếm được lòng tin của Hoàng tử Ajātasattu (A-xà-thế) nên đã được lợi dưỡng và danh vọng. Hoàng tử Ajātasattu xây dựng một tinh xá ở Gayāsīsa cho Devadatta và mỗi ngày đem đến cho vị ấy năm trăm phần cơm nấu bằng gạo thơm ba năm với hương vị hảo hạng. Dựa trên lợi dưỡng và danh vọng, hội chúng của Devadatta trở thành đông đúc. Devadatta chỉ sống ở tinh xá với hội chúng, không hề ra khỏi tinh xá.

Lúc bấy giờ, có hai người bạn trú ở Vương Xá. Một người xuất gia với bậc Đạo sư, một người xuất gia với Devadatta. Họ đến thăm nhau tại chỗ này chỗ kia hay tại tinh xá. Một hôm, người bạn y chỉ với Devadatta nói với người kia:

– Này Hiền giả, sao hàng ngày bạn phải đi khất thực với mồ hôi tuôn chảy mệt nhọc như vậy? Còn Devadatta chỉ ngồi ở tinh xá tại Gayāsīsa, được ăn món ngon với hương vị đặc biệt. Không có phương tiện nào khác sao? Sao bạn lại chịu khổ? Sao vào buổi sáng, bạn lại không đến tại Gayāsīsa, uống cháo với hương vị, rồi ăn mười tám món đặc và các món mềm tuyệt hảo với những hương vị đặc biệt?

Người kia nghe nói đi nói lại mãi nên muốn đi và bắt đầu từ đấy, thường đến Gayāsīsa ăn và uống rồi trở về Trúc Lâm đúng giờ giấc.

Tuy thế, không phải lúc nào vị ấy cũng giấu giếm được. Không bao lâu, người ta biết người ấy đi đến Gayāsīsa ăn các món do Devadatta sắp đặt cho. Các người bạn hỏi vị ấy:

– Này Hiền giả, có đúng sự thật chăng, Hiền giả ăn các món do Devadatta sắp đặt cho?

– Ai nói vậy?

– Người này, người này.

– Này Hiền giả, đúng sự thật là tôi có đi Gayāsīsa để ăn. Nhưng không phải Devadatta cho tôi ăn. Chính những người khác cho tôi ăn.

– Này Hiền giả, Devadatta là kẻ chống đối đức Phật. Devadatta theo ác giới, lấy được lòng tin của Ajātasattu, thâu hoạch cho mình lợi dưỡng và danh vọng một cách phi pháp. Hiền giả xuất gia trong giáo pháp giải thoát như vậy, lại ăn các món do Devadatta nhận được một cách phi pháp. Hãy đi, chúng tôi sẽ đưa Hiền giả đến gặp bậc Đạo sư.

Rồi họ đưa Tỷ-kheo ấy đến pháp đường. Bậc Đạo sư thấy vậy hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, sao các ông đem lại đây một Tỷ-kheo ngoài ý muốn của vị ấy?

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này đã xuất gia với Thế Tôn, lại ăn các món do Devadatta nhận được một cách phi pháp.

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng, ông đã ăn các món do Devadatta nhận được một cách phi pháp?

– Bạch Thế Tôn, không phải Devadatta cho con. Chính những người khác cho con ăn món ăn ấy.

– Này Tỷ-kheo, chớ dối quanh ở đây! Devadatta không có chánh hạnh, theo ác giới. Sao ông xuất gia ở đây, tuân theo lời dạy của Ta, lại ăn các món của Devadatta. Ông thường hay bị lôi kéo, hễ gặp ai thì đi theo người ấy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm đại thần cho vua ấy. Lúc ấy, vua có một con voi báu tên là Mahilāmukha (Mỹ Nhân Diện), có giới đức chánh hạnh, không làm hại một ai. Một hôm, bọn ăn trộm, giữa đêm đi đến gần chuồng voi, ngồi không xa con voi bao nhiêu và bàn tính như sau:

– Đây là con đường hầm phải đào. Đây là lỗ tường cần phải đục. Đường hầm và lỗ tường cần phải đục thông và mở rộng như con đường hay như bến nước rồi mới mang đồ đạc đi. Hãy giết người để mang đồ đi, nếu cần. Như vậy, không ai có thể chống lại.

Bọn ăn trộm không có giới đức chánh hạnh, rất tàn nhẫn, độc ác, bạo hành. Sau khi bàn luận, dạy bảo lẫn nhau như vậy, bọn chúng bỏ đi. Với

phương tiện như vậy, ngày hôm sau và nhiều ngày nữa, chúng cũng đến tại chỗ ấy và cũng bàn luận với nhau. Con voi nghe lời của chúng, tưởng chúng dạy cho mình cần phải trở thành tàn nhẫn, độc ác, bạo hành. Rồi con voi thực hành như vậy.

Vào buổi sáng, khi người nài đến, nó dùng vòi bắt lấy, quật xuống đất và giết chết người nài. Cũng vậy, nó giết một người nữa, rồi một người nữa. Con voi giết những ai đi đến gần nó. Người ta trình lên vua:

– Con voi Mahilāmukha đã trở thành điên. Nó giết những ai mà nó thấy!

Vua cho gọi Bồ-tát và nói:

– Hãy đi, bậc Hiền trí, và tìm hiểu vì lý do gì nó trở thành độc ác.

Bồ-tát đi đến, biết con voi khỏe mạnh, rồi tìm hiểu lý do khiến con voi trở thành độc ác, và kết luận: “Chắc hẳn con voi nghe những người nói chuyện gần nó, tưởng họ dạy nó học nên trở thành độc ác.” Bồ-tát hỏi người giữ voi:

– Ban đêm, có ai đến gần chuồng voi để nói chuyện không?

– Thưa ngài có. Những người ăn trộm đến và nói chuyện.

Bồ-tát đi đến vua và báo cáo:

– Thưa Thiên tử, thân con voi không có gì biến đổi khác. Vì nghe các người ăn trộm nói chuyện, nó trở thành độc ác.

– Vậy nay cần phải làm gì?

– Hãy cho những Sa-môn, Bà-la-môn có giới hạnh đến ngồi gần chuồng voi, và chỉ cần nói những chuyện giới đức chánh hạnh.

– Này khanh thân, hãy làm như vậy.

Bồ-tát đưa những Sa-môn, Bà-la-môn có giới hạnh ngồi gần chuồng voi và nói những câu chuyện giới hạnh. Họ ngồi không xa con voi và nói những câu chuyện tốt lành:

– Chớ hành hạ một ai! Chớ giết hại một ai! Hãy trở thành người có giới hạnh, nhẫn nhục, thân ái và từ mẫn!

Con voi nghe vậy, tự nghĩ: “Những người này muốn dạy bảo ta. Bắt đầu từ nay, ta cần phải có giới hạnh.” Và con voi trở thành hiền từ.

Vua hỏi Bồ-tát:

– Này khanh, con vật đã trở thành tốt chưa?

Bồ-tát trả lời:

– Thưa Thiên tử, nó đã trở thành tốt rồi! Con voi độc ác như vậy, nhờ các bậc Hiền trí nên đã an trú trên Chánh pháp như xưa.

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ này:

26. Trước nghe lời ăn trộm, Voi báu này giết hại,
Sau nghe lời bậc trí, Con voi báu tối thượng,
An trú trên thiện tánh, Làm công đức tốt đẹp.

Vua nói:

– Khanh biết được tâm hướng của loài thú vật.

Vua liền ban cho Bồ-tát danh vọng lớn. Sau khi sống tròn thọ mạng, vua cùng với Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, trong quá khứ, hễ ông gặp ai thì theo người ấy. Nghe lời các người ăn trộm, ông đi theo những người ăn trộm. Nghe lời những người tu hành Chánh pháp, ông hành đúng Chánh pháp.

Sau khi kể lại pháp thoại này và kết hợp hai mẩu chuyện với nhau, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thuở ấy, Mahilāmukha là vị Tỷ-kheo phản bội, vua là Ānanda, còn vị đại thần là Ta vậy.

§27. CHUYỆN ĐÔI BẠN THÂN THIẾT (*Abhiṇhajātaka*) (*J.* I. 188)

Một miếng nó không ăn...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một nam cư sĩ và một Trưởng lão lớn tuổi. Theo truyền thuyết, ở Xá-vệ có hai người bạn. Một người xuất gia, hàng ngày đi đến nhà người kia. Người kia bố thí món ăn, tự mình cũng ăn, sau đó theo người bạn đi về tinh xá; và đến khi mặt trời lặn, họ ngồi nói chuyện với nhau rồi mới đi vào thành. Vị Tỷ-kheo thường đi tiễn bạn tận cửa thành rồi trở về. Sự thân thiết giữa hai người ấy được các Tỷ-kheo biết rõ. Một hôm, các Tỷ-kheo đang ngồi trong pháp đường, nói về sự thân thiết giữa hai người ấy. Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang bàn luận chuyện gì?

Các Tỷ-kheo nói:

– Bạch Thế Tôn, chúng con nói chuyện này...

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải những người này nay mới thân thiết với nhau. Trong quá khứ, họ đã thân thiết với nhau rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm vị đại thần. Lúc ấy, một con chó đi đến chuồng con voi báu và ăn những vắt cơm rơi tại chỗ con voi báu ăn. Con chó đi đến vì miếng ăn, đã trở thành thân thiết với con voi báu và ăn gần con voi. Cả hai không có nhau không thể sống được. Con chó thường nắm lấy vòi con voi và chơi đùa bằng cách đưa qua đưa lại.

Một hôm, một người ở làng cho tiền người nài và đem con chó ấy về làng của mình. Từ đó về sau, không thấy con chó, con voi bỏ ăn, bỏ tắm. Người nài báo việc ấy lên vua rõ. Vua cho gọi Bồ-tát đến:

– Này bậc Hiền trí, hãy đi tìm hiểu lý do gì con voi làm như vậy.

Bồ-tát đi đến chuồng voi, biết được con voi rất buồn nản, tự nghĩ: "Thân thể con vật này không tỏ lộ bệnh gì. Có thể nó có tình bạn thân thiết với ai đó, và vì không thấy bạn, nó trở nên sầu muộn."

Bồ-tát hỏi người nài:

– Con voi này có thân thiết với ai không?

– Thưa ngài, có. Nó có tình bạn thân thiết với con chó.

– Con chó ấy nay đâu rồi?

– Có một người dắt nó đi rồi.

– Chú có biết chỗ ở của người ấy không?

– Thưa ngài, tôi không biết.

Bồ-tát đi tâu với vua:

– Thưa Thiên tử, con voi không có bệnh gì. Nhưng nó có tình bạn thân thiết sâu đậm với con chó, nay không thấy bạn nên nó không ăn. Tôi nghĩ là như vậy.

Nói xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

27. Một miếng nó không ăn,
Không nuốt cơm và cỏ,
Tôi nghĩ vì con voi,
Thường thấy bạn, con chó,
Cho nên nó luyến ái,
Con chó ấy, bạn mình.

Vua nghe lời Bồ-tát nói, liền hỏi:

– Thưa bậc Hiền trí, nay phải làm gì?

– Thưa Thiên tử, hãy cho người đánh trống và tuyên bố như sau: "Con chó, bạn con voi báu của nhà vua, bị người bắt lấy đem đi. Nhà nào có con chó ấy, nhà đó sẽ bị trừng phạt!"

Vua làm theo lời khuyên này. Nghe được tin, người ấy liền thả con chó ra. Con chó lập tức chạy thật mau đến gần con voi. Con voi vừa lấy vòi đặt con chó lên trên đầu trán mình vừa mừng rỡ khóc lớn và đặt nó từ đầu trán xuống, để con chó ăn trước, rồi mình ăn sau.

– Ngay cả tâm hướng của loài vật, bậc Hiền trí cũng biết!

Vua nói vậy và tặng cho Bồ-tát danh vọng lớn.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải những người này nay mới thân thiết với nhau. Trong quá khứ, họ đã thân thiết với nhau rồi.

Sau khi kể lại pháp thoại này và thuyết giảng bốn sự thật, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện với nhau rồi nhận diện tiền thân như sau:

– Người cư sĩ là con chó lúc ấy, con voi là vị Trưởng lão lớn tuổi, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§28. CHUYỆN CON BÒ NANDIVISĀLA (*Nandivisālajātaka*)[41] (*J*. I. 190)

Chỉ nói lời từ hòa...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về những lời nhiếc mắng của nhóm sáu Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, nhóm Tỷ-kheo, khi cãi nhau với các hiền thiện Tỷ-kheo, thường khiêu khích, mắng nhiếc, châm biếm và nhục mạ họ. Các Tỷ-kheo báo lên Thế Tôn. Ngài cho gọi nhóm sáu Tỷ-kheo, hỏi có phải thật như vậy không; và khi được trả lời là thật vậy, Ngài chê trách họ:

– Này các Tỷ-kheo, lời nói ác độc làm cho ngay cả loài thú vật cũng hiềm hận. Thuở trước, một thú vật đã làm cho một người nói lời ác phải mất một ngàn đồng tiền vàng.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Trong thời quá khứ, tại nước Gandhāra có vị vua trị vì Takkasilā, và Bồ-tát sanh ra làm con bò, được đặt tên là Nandivisāla (Đại Hỷ). Một Bà-la-môn đi đến những người thường hay cúng dường bò, xin được con Nandivisāla khi còn là con nghé. Người Bà-la-môn đối xử với nó như con ruột, thương mến cho nó ăn ròng cơm cháo và nuôi dưỡng nó rất chu đáo. Khi lớn lên, Bồ-tát suy nghĩ: "Ta được người Bà-la-môn này nuôi dưỡng một cách khó nhọc. Trong toàn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ), không có một con bò nào khác có thể mang nặng như ta. Vậy ta hãy biểu lộ sức mạnh của ta và cho người Bà-la-môn tiền nuôi dưỡng."

Một hôm, Bồ-tát nói với vị Bà-la-môn:

– Này Bà-la-môn, hãy đi đến một triệu phú giàu về đàn bò và nói: "Con bò của tôi, nếu được cột chặt vào một trăm cỗ xe, cũng có thể kéo đi!" Và đánh cá với người ấy một ngàn đồng tiền vàng.

Vị Bà-la-môn đi đến một triệu phú và gợi chuyện:

– Trong thành này, con bò của ai có được sức mạnh?

Người triệu phú trả lời:

– Chính nhà này, nhà của ta.

Và ông còn nói tiếp:

– Trong toàn thành này, không một ai có con bò giống như con bò của chúng tôi.

Người Bà-la-môn nói:

---

[41] Xem *Vin*. IV. 5.

– Một con bò của tôi có thể kéo được một trăm cỗ xe cột chặt lại.

Người triệu phú hỏi:

– Con bò như vậy ở đâu?

Vị Bà-la-môn nói:

– Ở nhà tôi.

– Vậy chúng ta hãy đánh cá đi.

– Tốt lắm, tôi bằng lòng.

Và vị Bà-la-môn đánh cá một ngàn đồng tiền vàng. Rồi vị Bà-la-môn chất đầy một trăm cỗ xe với cát, sạn và đá; đặt chúng nối tiếp nhau, cột tất cả làm một, cáng xe với trục xe; cho tắm Nandivisāla và cho nó ăn một đấu gạo thơm; trang sức vòng hoa vào cỗ xe đầu. Người Bà-la-môn tự mình ngồi trên cáng xe, đưa cao gậy thúc bò và nói:

– Hi, hi, hãy đi, đồ ranh con! Hãy kéo, đồ ranh con!

Bồ-tát nghĩ: "Ta không phải ranh con, nhưng người này gọi ta với danh từ ranh con", và Bồ-tát đứng thẳng chân như những cột trụ, không hề di động.

Ngay lúc ấy, người triệu phú bắt người Bà-la-môn đem lại một ngàn đồng. Vị Bà-la-môn thua một ngàn đồng, mở con bò ra, rồi về nhà nằm dài với tâm tư sầu muộn.

Nandivisāla vào nhà, thấy vị Bà-la-môn sầu muộn, liền hỏi:

– Này Bà-la-môn, có phải ông nằm ngủ?

– Làm sao ta có thể ngủ được khi ta thua mất một ngàn đồng!

– Này Bà-la-môn, trong suốt thời gian ta sống ở nhà ông, có bao giờ ta làm bể chén bát gì, hay chà đạp một ai, hay đi đại tiểu tiện không phải chỗ?

– Này con thân, không bao giờ có.

– Vậy sao ông gọi ta là đồ ranh con? Đây là lỗi của ông, không phải lỗi của ta; hãy đi và cá với người kia hai ngàn đồng tiền vàng, nhưng ta không phải ranh con, không được gọi là đồ ranh con.

Vị Bà-la-môn nghe Bồ-tát nói, liền đi đến nhà triệu phú và cá hai ngàn đồng. Vị ấy buộc một trăm cỗ xe như cách đã làm, cho Nandivisāla trang điểm và buộc nó vào cái cáng gỗ xe thứ nhất. Ông buộc như thế nào? Buộc chặt cái ách vào cáng xe rồi thắng con bò Nandivisāla vào một phía ách và buộc chặt phía bên kia bằng một miếng gỗ trơn từ ách vào trục xe; như vậy, ách được cứng thẳng, không nghiêng một bên; như vậy, chỉ một con bò có thể kéo một cỗ xe được làm cho cả hai con kéo. Rồi người Bà-la-môn ngồi trên cáng xe, vừa xoa lưng Nandivisāla vừa nói:

– Hi, hi, chú bạn hiền thiện! Hãy kéo, chú bạn hiền thiện!

Bồ-tát được buộc chặt vào một trăm cỗ xe, với một cái kéo mạnh cả một trăm cỗ xe, khiến cỗ xe cuối đứng vào chỗ mà cỗ xe đầu đã di động. Người triệu

phú giàu đàn bò thua cuộc, phải trả hai ngàn đồng. Những người khác cũng cho Bồ-tát nhiều tiền. Tất cả đều thuộc về vị Bà-la-môn. Như vậy, nhờ Bồ-tát, người Bà-la-môn được nhiều tiền của.

***

Bậc Đạo sư nói, sau khi khiển trách sáu Tỷ-kheo ấy:

– Này các Tỷ-kheo, lời nói độc ác không làm ai vừa ý.

Và Ngài chế thành học pháp. Rồi bậc Chánh Đẳng Giác nói lên bài kệ:

28. Chỉ nói lời từ hòa,
Không từ hòa, không nói.
Ai nói lời từ hòa,
Kéo đi được gánh nặng,
Khiến nó được tài sản,
Do vậy, nó ưa thích.

***

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, Bà-la-môn là Ānanda, còn Nandivisāla là Ta vậy.

§29. CHUYỆN CON BÒ ĐEN (*Kaṇhajātaka*) (*J.* I. 193)

Với gánh nặng phải mang...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về thần thông song hành. Câu chuyện này và câu chuyện từ thiên giới xuống sẽ được trình bày trong chương XIII, *Chuyện lộc vương Sarabha.*[42]

Sau khi thị hiện thần thông song hành, từ thiên giới, bậc Chánh Đẳng Giác đi xuống thành Saṁkassa. Trong ngày đại lễ Tự tứ,[43] với một đoàn tùy tùng đông đảo, Ngài đi vào Kỳ Viên. Các Tỷ-kheo đang ngồi họp ở pháp đường, tán thán đức hạnh bậc Đạo sư, nói:

– Này các Hiền giả, Như Lai không có ai sánh bằng. Không một ai khác có thể mang được gánh nặng như đức Như Lai. Sáu ngoại đạo sư nói: "Chúng ta sẽ thị hiện thần thông, chúng ta sẽ thi thố thần thông!" Tuy nói vậy, họ không thị hiện được thần thông nào. Ôi, bậc Đạo sư thật không ai sánh bằng!

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp ở đây bàn chuyện gì?

– Bạch Thế Tôn, không có gì khác ngoài chuyện tán thán đức hạnh Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, nay ai sẽ mang gánh nặng do Ta mang? Trong thời quá khứ, khi Ta sanh làm thú vật, cũng không một ai so sánh với Ta được.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

[42] Xem *J.* IV. 263, *Sarabhamigajātaka* (*Chuyện lộc vương Sarabha*), số §483.

[43] Lễ Tự tứ được tổ chức vào cuối mùa an cư. Xem *Mv.* IV. 1.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một con bò. Khi bò còn là nghé, những người chủ sống trong nhà một bà già đem Bồ-tát cho bà để giải quyết tiền ở trọ. Bà nuôi dưỡng Bồ-tát như con ruột, cho Bồ-tát ăn cháo và cơm. Bồ-tát được gọi là "Con bò đen của bà già." Lớn lên, Bồ-tát có sắc lông đen láng, thường đi với các con bò hiền thiện trong làng. Trẻ con ở làng thường nắm sừng, nắm tai, đeo cổ, nắm đuôi bò chơi đùa và ngồi trên lưng bò.

Một hôm, Bồ-tát nghĩ: "Mẹ ta sống khổ cực, xem ta như con đẻ, nuôi dưỡng ta rất khó khăn. Vậy ta hãy làm ra tiền để giải thoát bà cụ khỏi đời khổ cực này."

Từ đó trở đi, Bồ-tát cố gắng tìm cho ra tiền. Một hôm, người chủ trẻ của một đoàn lữ hành với năm trăm cỗ xe đi đến một khúc sông cạn rất gồ ghề. Các con bò của người ấy không thể kéo các cỗ xe qua được. Những con bò của năm trăm cỗ xe được cột vào cáng xe liên tục với nhau cũng không thể kéo một cỗ xe qua được.

Lúc ấy, Bồ-tát đang đi với các con bò làng đến gần khúc sông cạn. Người chủ trẻ của đoàn lữ hành biết đánh giá loài bò, đang tìm trong những con bò này xem con nào giống tốt có thể kéo những cỗ xe của mình qua được. Thấy Bồ-tát, biết con bò giống tốt này sẽ có thể kéo được những cỗ xe, người ấy liền hỏi những người chăn bò:

– Này bạn, ai là chủ con bò này? Nếu tôi cột nó vào những cỗ xe và nó kéo qua được, tôi sẽ trả tiền thuê.

Các người chăn bò ấy nói:

– Hãy bắt và cột nó vào! Tại chỗ này, không có ai là chủ con vật.

Người chủ trẻ cột dây vào mũi bò kéo đi, nhưng con bò không di động. Theo truyền thuyết, Bồ-tát không đi khi chưa được trả giá. Người chủ trẻ của đoàn lữ hành biết được ý định của con bò và nói:

– Này chủ đàn, ta sẽ trả cho ông một ngàn đồng tiền thuê kéo năm trăm cỗ xe, mỗi cỗ xe kéo qua được trả hai đồng.

Lúc ấy, Bồ-tát mới chịu đi. Người ta cột bò vào những cỗ xe. Với một cái kéo mạnh, bò đã kéo bổng chiếc xe đầu tiên và đặt lên bờ kia. Với phương cách như vậy, bò kéo tất cả cỗ xe qua. Người chủ trẻ của đoàn lữ hành chỉ trả một đồng cho mỗi chiếc xe và cột một gói năm trăm đồng treo ở cổ Bồ-tát. Bồ-tát suy nghĩ: "Người này không trả cho ta tiền thuê như đã quyết định. Nay ta không cho nó đi!" Rồi Bồ-tát đứng chặn đường trước cỗ xe, dầu đoàn lữ hành cố gắng dắt xe đi, cũng không thể dắt được. Người chủ trẻ của đoàn lữ hành suy nghĩ: "Hình như nó biết ta trả thiếu tiền thuê", bèn gói một ngàn đồng trong bọc, cột ở cổ Bồ-tát và nói:

– Đây là tiền thuê của ngươi đã kéo qua.

Bồ-tát mang gói tiền liền đi đến bà mẹ. Trẻ con trong làng thấy một vật gì đeo ở cổ bò đen của bà cụ, bèn chạy đến gần Bồ-tát. Nhưng Bồ-tát đuổi chúng

chạy xa, rồi đến gần bà mẹ. Vì đã kéo qua năm trăm cỗ xe, Bồ-tát hết sức mệt mỏi với đôi mắt đỏ kè. Bà cụ thấy gói một ngàn đồng ở cổ Bồ-tát, liền kêu lớn:

– Này con thân, tiền này con lấy được ở đâu?

Rồi hỏi những đứa trẻ chăn bò và biết được câu chuyện, bà nói to:

– Này con thân, ta đâu có muốn sống nhờ tiền công con làm được. Sao con lại chịu khổ nhọc như vậy?

Nói xong, bà lấy nước nóng tắm cho con vật, thoa dầu toàn thân, cho uống nước và cho bò ăn đủ loại đồ ăn thích hợp. Bà sống với Bồ-tát cho đến khi mạng chung rồi đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai không có ai sánh bằng. Trong thời quá khứ, cũng không có ai sánh bằng.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Chánh Đẳng Giác đọc bài kệ:

29. Với gánh nặng phải mang, Với khúc sông phải qua,
Chúng cột con bò đen, Bò kéo đi gánh nặng!

Như vậy, Ngài nêu rõ:

– Này các Tỳ-kheo, khi ấy, chỉ có con bò đen kéo được gánh nặng.

Thế Tôn kết hợp hai câu chuyện với nhau và nhận diện tiền thân như sau:

– Bà cụ lúc ấy là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), còn "Con bò đen của bà già" là Ta vậy.

§30. CHUYỆN CON HEO MUṆIKA (*Muṇikajātaka*) (*J.* I. 196)

Chớ ham Muṇika...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, Thế Tôn đã kể về sự cám dỗ của một phụ nữ béo phệ. Câu chuyện này sẽ được trình bày ở chương XIII, *Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*.[44] Bậc Đạo sư hỏi Tỳ-kheo ấy:

– Này Tỳ-kheo, có thật chăng ông đang bị tham dục chi phối?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Vì nhân duyên gì?

– Bạch Thế Tôn, vì sự cám dỗ của một phụ nữ béo phệ.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỳ-kheo, thiếu nữ này tạo bất hạnh cho ông. Thời quá khứ, trong ngày đám cưới của nàng, ông đã bị mạng chung và trở thành món ăn ngon cho số đông người.

---

[44] Xem *J.* IV. 219, *Cullanāradajātaka* (*Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*), số §477.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, tại một làng nọ, Bồ-tát sanh làm con bò tên Mahālohita (Đỏ Lớn) trong nhà một người có gia sản. Bồ-tát có một em trai tên là Cullalohita (Đỏ Nhỏ). Trong gia đình, hai con bò này làm tất cả công việc chuyên chở.

Gia đình đó có một cô con gái. Cô ta đã đính hôn với người con trai cùng làng. Với mục đích dọn món ngon đãi khách đến dự đám cưới của con gái mình, cha mẹ cô gái nuôi một con heo tên là Muṇika và cho nó ăn toàn cháo cơm. Thấy vậy, Lohita em nói với con bò anh:

– Trong gia đình này, đồ nặng do hai anh em mình chở hết, nhưng họ chỉ cho chúng ta ăn cỏ, lá, v.v... còn họ nuôi con heo với cháo và cơm. Vì lý do gì nó lại được như vậy?

Bồ-tát nói:

– Này Lohita em thân, chớ có ham đồ ăn ấy! Con heo này ăn đồ ăn ngon để chờ chết. Với mục đích dọn món ngon đãi khách đến dự ngày đám cưới của cô gái, nên họ mới nuôi con heo này. Vài ngày nữa, những người ấy sẽ đến, họ cột chân con heo, kéo nó ra khỏi chuồng, chấm dứt mạng sống của nó và sẽ làm thành món cà-ri đãi khách.

Nói xong, Bồ-tát đọc kệ này:

30. Chớ ham Muṇika, Nó ăn để chờ chết.
Ít dục, hãy ăn rơm, Do vậy thọ mạng dài.

Rồi không bao lâu, những người ấy đến. Họ giết Muṇika và nấu nó thành nhiều món ăn. Bồ-tát nói với Lohita em:

– Này em thân, hãy xem Muṇika!

– Thưa anh, em đã thấy kết quả món ăn của Muṇika. Trăm lần, ngàn lần tốt hơn là món rơm của chúng ta, món ăn tối thượng; không có tai hại là tướng của mạng sống lâu dài.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, như vậy, trong thời quá khứ, vì thiếu nữ này, ông đã mạng chung và làm thành món ăn cho nhiều người!

Sau khi nói lên pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo bị tham dục chi phối chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện với nhau và nhận diện tiền thân như sau:

– Khi ấy, con heo Muṇika là Tỷ-kheo bị tham dục chi phối, người thiếu nữ trong hai mẩu chuyện là một. Lohita em là Ānanda, Lohita anh là Ta vậy.

IV. PHẨM TỔ CHIM CON
(*KULĀVAKAVAGGA*)

§31. CHUYỆN TỔ CHIM CON (*Kulāvakajātaka*)[45] (*J.* I. 197)

Hãy để tổ chim con...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo uống nước không lọc. Theo truyền thuyết, hai bạn trẻ Tỷ-kheo từ Xá-vệ đi về tỉnh, trú tại một địa điểm thoải mái cho đến thỏa thích, rồi từ đó ra đi, hướng về Kỳ Viên để yết kiến bậc Chánh Đẳng Giác.

Một Tỷ-kheo có trong tay một lọc nước và người kia không có.[46] Hai người thường lọc nước chung để uống. Một hôm, họ cãi lộn nhau. Người chủ cái lọc nước không cho người kia dùng lọc nước, tự mình lọc riêng rồi uống nước. Người kia không có đồ lọc nước và không thể nhịn khát, nên uống nước không lọc. Hai người ấy tuần tự đi đến Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống.

Sau khi chào đón thân tình, bậc Đạo sư liền hỏi:

– Các ông từ đâu đến?

– Bạch Thế Tôn, chúng con ở quốc độ Kosala, sống trong một làng, từ đấy ra đi để yết kiến Ngài.

– Nhưng các ông đi đường có hòa thuận không?

Người không có lọc nước nói:

– Bạch Thế Tôn, người này giữa đường cãi lộn với con, không cho con lọc nước.

Người kia nói:

– Bạch Thế Tôn, người này không lọc nước; tuy biết, vẫn uống nước có loài hữu tình.

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng, ông tuy biết, vẫn uống nước có loài hữu tình?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn, con uống nước không lọc.

Bậc Đạo sư:

– Này Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, các bậc Hiền trí trị vì thành phố chư thiên, trong khi thua trận chạy trốn trên mặt biển, quyết không vì vương quyền

---

[45] Tham chiếu: *S.* I. 224, *Kulāvakasutta* (*Kinh Tổ chim*); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1222. 0333b24); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.49. 0390a03).

[46] Xem *Cv.* V. 118.

giết hại các hữu tình, nên đã từ bỏ danh vọng lớn để cứu mạng sống cho các loài chim con, loài Kim Sí điểu,[47] mà họ đã cho xe quay lui.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, trong nước Ma-kiệt-đà, tại thành Vương Xá có một vị vua xứ Ma-kiệt-đà trị vì. Cũng như nay, Đế-thích (Thiên chủ Sakka) trong một đời sống trước đã sanh ra trong làng Macala ở nước Ma-kiệt-đà. Thời đó, Bồ-tát được sanh làm con trai một đại gia đình quý tộc cùng ở trong làng Macala ấy. Vào ngày đặt tên, Bồ-tát được đặt tên là Maghakumāra; khi lớn lên có tên là Maghamāṇava (Thanh niên Magha).

Cha mẹ cưới cho Bồ-tát một người vợ từ một gia đình môn đăng hộ đối. Bồ-tát cùng với con trai, con gái lớn lên thường hay bố thí và giữ gìn năm giới. Trong làng ấy có ba mươi gia đình và những người trong ba mươi gia đình ấy, một hôm đứng ở giữa làng bàn bạc, giải quyết những vấn đề ở trong làng. Bồ-tát tại chỗ mình đứng, dùng chân quét sạch bụi làm chỗ ấy trở thành tốt đẹp và đứng đó. Rồi một người khác đến đứng thế chỗ, Bồ-tát làm một chỗ khác tốt đẹp và đứng đấy. Lại một người khác đến đứng thế chỗ ấy, Bồ-tát lại làm một chỗ khác, một chỗ khác, cho đến khi chỗ đứng cho tất cả mọi người trở thành tốt đẹp.

Trong một thời khác, Bồ-tát dựng một cái lều, sau đó dẹp lều, rồi dựng một phòng lớn, trong ấy có đặt ghế giường và ghè nước. Trong một thời khác, ba mươi người ấy do Bồ-tát hướng dẫn trở thành dân tốt như mình, Bồ-tát an trú họ trong năm giới. Từ đấy về sau, Bồ-tát thường cùng đi với họ làm các công đức như: Sáng sớm thức dậy, với rìu nhỏ, búa, chùy cầm tay đến ngã tư đường, họ đập với cái chùy làm bật lên những hòn đá, đẩy đá qua một bên, dọn dẹp những cây va chạm vào trục xe, san bằng con đường gồ ghề, xây cầu, đào ao hồ, dựng phòng ốc, bố thí và giữ giới. Như vậy, phần lớn toàn dân trú trong làng vâng theo lời khuyên dạy của Bồ-tát, giữ gìn các giới.

Người thôn trưởng suy nghĩ về họ: "Trước đây, khi những người này uống rượu, sát sanh, v.v... ta lấy được nhiều tiền, nào tiền rượu, tiền phạt, tiền cúng. Nay Maghamāṇava khiến họ giữ giới nên họ không còn sát sanh nữa, v.v... Nay ta sẽ làm cho họ từ bỏ năm giới."

Kẻ ấy phẫn nộ đi đến hầu vua và thưa:

– Tâu Thiên tử, có một đoàn ăn cướp đang phá xóm làng và làm nhiều tội ác.

Vua nghe kẻ ấy nói như vậy, liền bảo:

– Hãy đi và dẫn chúng đến!

Người thôn trưởng bắt họ trói lại, dẫn họ đến và báo với vua:

– Thưa Thiên tử, những người ăn cướp đã được dẫn đến.

Không điều tra việc làm của họ, vua nói:

[47] Xem *J.* II. 12, *Uragajātaka* (*Chuyện con rắn*), số §154.

– Hãy đem chúng cho voi chà!

Vua bắt tất cả những người ấy nằm xuống trên sân vua và đem voi lại.

Bồ-tát khuyên bảo họ:

– Các bạn hãy hành trì giới! Hãy khởi lòng từ đối với kẻ vu cáo, đối với vua, đối với con voi, đối với tự thân đều giống nhau!

Họ làm như lời khuyên ấy. Các người của vua đem voi đến để chà họ chết. Con voi được dắt đến nhưng không lại gần, chỉ rống to rồi bỏ chạy. Họ lại đem con voi khác, con voi khác nữa, tất cả đều bỏ chạy như vậy. Vua nghĩ: "Chắc trong tay họ có thuốc trường sanh!" và vua ra lệnh soát. Sau khi soát không thấy gì, họ thưa lên với vua:

– Vậy chắc họ có đọc bùa chú.

– Hãy hỏi họ!

Những người của vua hỏi, Bồ-tát trả lời:

– Có.

Họ thưa lại với vua. Vua cho gọi tất cả bọn họ đến và bảo:

– Hãy đọc bài chú của các người!

Bồ-tát trả lời:

– Thưa Thiên tử, chúng tôi không biết bùa chú gì khác. Nhưng ba mươi người chúng tôi không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh, không nói láo, không uống rượu. Chúng tôi khởi lòng từ, chúng tôi bố thí, chúng tôi san bằng đường sá, chúng tôi đào ao hồ, chúng tôi xây phòng ốc. Đấy là bùa chú của chúng tôi, là sự bảo vệ của chúng tôi, là sức mạnh của chúng tôi.

Vua rất bằng lòng với họ, liền cho họ tất cả gia sản của người vu cáo, bắt người vu cáo làm nô lệ cho họ, rồi cho họ cả đàn voi và ngôi làng. Từ đấy trở đi, họ làm các công đức theo sở thích của họ, họ gọi thợ mộc để xây dựng một phòng họp lớn tại ngã tư đường. Vì không còn ham muốn đối với nữ nhân, họ không cho nữ nhân tham gia vào công đức làm phòng họp ấy.

Lúc bấy giờ, tại nhà Bồ-tát có bốn nữ nhân tên là Sudhammā (Thiện Pháp), Cittā (Tâm Trí), Nandā (Hoan Hỷ), Sujāta (Thiện Sanh). Một trong bốn nữ nhân là Thiện Pháp tự mình đi tìm người thợ mộc, hối lộ cho người ấy và nói:

– Này anh, hãy cho tôi đóng góp phần chính trong việc làm phòng họp này.

Người thợ mộc chấp nhận lời yêu cầu, trước tiên cho phơi khô gỗ làm tháp nhọn, chặt đẽo, đục lỗ làm xong cái tháp nhọn rồi lấy vải cuốn lại và cất đi. Khi người thợ mộc làm xong phòng họp, đến thời đặt tháp nhọn lên, anh ta lại kêu than:

– Ôi, thưa các Tôn giả, có một vật chúng ta chưa làm.

– Cái gì vậy?

– Cần phải có một cái tháp nhọn.

– Được, chúng tôi sẽ đem đến.

– Nay không thể làm với cây mới chặt được. Chúng ta cần phải có một cái tháp nhọn với cây đã chặt trước phơi khô một thời gian, rồi cắt đẽo và đục lỗ để dành.

– Vậy nay phải làm gì?

– Hãy tìm xem trong nhà của ai có cất một cái tháp nhọn đã làm xong và để bán.

Họ tìm kiếm và thấy trong nhà của Thiện Pháp có cái tháp ấy nhưng không mua được.

– Nếu các ông cho tôi dự phần công đức làm phòng họp thì tôi sẽ biếu cái tháp nhọn.

– Không được, chúng tôi không cho nữ nhân dự phần công đức.

Người thợ mộc nói với họ:

– Sao các Tôn giả lại nói vậy? Chỉ trừ Phạm thiên giới, không một chỗ nào khác loại trừ nữ nhân. Hãy lấy tháp nhọn! Có như vậy công việc của chúng ta mới hoàn thành.

Họ bằng lòng lấy tháp nhọn và làm xong phòng họp. Sau đó, họ cho sắp những ghế dài bằng gỗ, đặt những ghè đựng nước, cung cấp cháo và cơm. Họ xây một bức tường xung quanh phòng họp, gắn cửa ra vào, rải cát giữa những bức thành và ngoài bức thành trồng một dãy cây cọ dừa.

Còn nàng Tâm Trí xây dựng một công viên tại chỗ ấy. Tại đó, không có một cây hoa nào, cây trái nào mà không có tên nàng. Nàng Hoan Hỷ đào một hồ nước đẹp đẽ, tràn đầy hoa sen năm sắc. Còn nàng Thiện Sanh không làm gì cả.

Bồ-tát làm đầy đủ bảy điều thệ nguyện: Hầu hạ mẹ, hầu hạ cha, kính trọng anh cả, nói lời chân thật, không nói lời ác, không nói lời vu cáo, nhiếp phục xan tham và tóm tắt trong bài kệ:

Người nuôi dưỡng mẹ cha, Kính bậc trưởng gia đình,
Nói từ hòa, ái ngữ, Từ bỏ lời vu cáo,
Nhiếp xan tham, nói thật, Phẫn nộ được chế ngự,
Chư thiên Ba Mươi Ba, Gọi là bậc chân nhân.

Bồ-tát đạt trạng thái đáng được tán thán như vậy, khi mạng chung được sanh làm Thiên chủ Đế-thích ở cõi trời Ba Mươi Ba. Những người bạn của Bồ-tát cũng sanh lên đó. Trong thời ấy, tại cõi trời Ba Mươi Ba, các thần asura (a-tu-la) cũng sống chung. Thiên chủ Đế-thích nói:

– Tốt gì cho chúng ta khi một vương quốc phải ở chung với kẻ khác?

Rồi Ngài cho các a-tu-la uống nước chư thiên; khi chúng say, Thiên chủ Đế-thích cầm chân chúng ném xuống vực núi Sineru (Tu-di). Chúng rơi vào lâu đài ở cảnh giới a-tu-la. Lâu đài của a-tu-la nằm ở tầng thấp nhất của núi Tu-di, rộng bằng cõi trời Ba Mươi Ba.

Tại đấy có mọc một cây giống như cây san hô của chư thiên sống suốt một kiếp và được gọi là cây bông kèn. Cây bông kèn nở hoa, cho chúng biết đây không phải là cõi trời của chúng vì cõi trời có nở hoa san hô. Chúng nói:

– Ông già Đế-thích cho chúng ta uống say rồi quăng chúng ta trên mặt biển lớn và chiếm thành chư thiên của chúng ta. Chúng ta hãy tiến đánh lão ấy và lấy lại thành chư thiên của chúng ta!

Rồi chúng leo lên sườn núi Tu-di như những con kiến leo lên cột. Đế-thích nghe các thần a-tu-la đã leo lên, liền xông ra mặt biển giao tranh, bị chúng đánh bại, liền chạy trốn trên chiếc xe Vejayanta dài một trăm năm mươi do-tuần, chạy trên những đầu ngọn sóng biển phía Nam. Chiếc xe của Đế-thích chạy lướt trên mặt biển, đi đến ngôi rừng cây bông lụa. Trên đường đi của chiếc xe, rừng cây bông lụa bị chặt đứt như những cây cọ dừa và rơi trên mặt biển. Các Kim Sí điểu[48] bay quanh trên mặt biển kêu gào lớn tiếng. Đế-thích hỏi thần lái xe Mātali:

– Mātali thân mến, tiếng kêu gì vậy? Nó kêu thật bi thương!

– Thưa Thiên đế, vì rừng cây bông lụa rơi xuống, do tốc độ cỗ xe của Ngài nghiền nát, các Kim Sí điểu sợ chết, đồng thanh kêu gào như vậy.

Bồ-tát nói:

– Mātali thân mến, chớ làm chúng mệt mỏi vì chúng ta. Chúng ta không vì chủ quyền thiên giới mà sát sanh. Vì lợi ích của chúng, ta sẽ từ bỏ mạng sống và nộp mình cho loài a-tu-la. Hãy quay xe lại đi!

Nói vậy xong, Đế-thích đọc bài kệ:

31. Hãy để tổ chim con, Hỡi này Mātali!
Trong rừng Simbalī, Tránh miệng ác chủ tể,
Ta sẵn sàng nộp mạng, Cho các a-tu-la,
Chớ để các chim này, Bị xé nát khỏi tổ.

Thần đánh xe Mātali nghe lời Đế-thích, quay xe lại, đi về hướng thiên giới bằng con đường khác. Các thần a-tu-la thấy Đế-thích quay xe lại, tự nghĩ: "Chắc chắn các Đế-thích từ những thế giới khác đến, được sức mạnh tiếp viện nên mới quay xe lại." Bị dao động vì sợ chết, chúng liền chạy trốn vào lâu đài a-tu-la.

Còn Đế-thích đi vào thành chư thiên, đứng ở giữa thành với thiên chúng của hai thiên giới vây quanh. Trong thời khắc ấy, đất nứt ra và lâu đài Vejayanta (Tối Thắng) trồi lên cao một ngàn do-tuần. Vì nó trồi lên khi thắng trận nên được gọi là lâu đài Vejayanta. Để ngăn chặn các a-tu-la trở lại, Đế-thích ra lệnh cho bảo vệ năm chỗ; liên hệ vấn đề này, Đế-thích nói lên bài kệ:

Giữa hai thành Bất Thắng, Đặt năm chỗ bảo vệ,
Bảo vệ bởi rắn thần, Bởi loài Kim Sí điểu,
Kumbhaṇḍa, dạ-xoa, Và bởi Bốn Thiên Vương.

[48] Garuḷa: Chim thần Cánh Vàng.

Được năm chỗ bảo vệ này, Thiên chủ Đế-thích thọ hưởng những vinh quang thiên giới. Nàng Thiện Pháp, sau khi mạng chung được sanh làm vương hậu một lần nữa; do kết quả cúng dường cái tháp nhọn, đã khởi lên cho nàng một lâu đài tên là Thiện Pháp đình với thiên báu cao đến năm trăm do-tuần. Tại đấy, dưới một chiếc lọng trắng của chư thiên, Thiên chủ Đế-thích ngồi trên một tấm nệm bằng vàng rộng một do-tuần và làm những công việc cần phải làm cho chư thiên và loài người. Còn Tâm Trí, sau khi mạng chung cũng sanh làm vương hậu của Đế-thích; do kết quả xây dựng một công viên, đã khởi lên cho nàng một công viên tên là Cittalatāvana (Tâm Trí). Hoan Hỷ, khi mạng chung cũng sanh làm vương hậu của Đế-thích; do kết quả cúng dường cái hồ, đã khởi lên cho nàng một cái hồ tên là Nandā (Hoan Hỷ). Còn Thiện Sanh, do không làm thiện nghiệp gì, được sanh làm con chim hạc ở một hang động trong rừng.

Không thấy bóng dáng Thiện Sanh, muốn biết nàng tái sanh chỗ nào, Đế-thích hướng tâm xem xét và thấy nàng, liền đi đến chỗ ấy thăm nàng rồi đưa nàng lên thiên giới, chỉ cho thấy thành phố chư thiên đẹp đẽ, lâu đài chư thiên của Thiện Pháp, rừng cây leo của Tâm Trí, cái hồ của Hoan Hỷ. Đế-thích nói:

– Những nàng này, vì có làm việc thiện nên được sanh làm vương hậu của ta. Còn nàng không làm việc lành phải sanh làm chim hạc. Bắt đầu từ nay, hãy giữ giới!

Sau khi khuyến giáo nàng và trao cho nàng năm giới, Đế-thích đưa nàng về lại chỗ cũ và thả nàng ra. Từ đấy trở đi, nàng giữ giới. Sau một thời gian, muốn tìm hiểu nàng có giữ giới nữa không, Đế-thích đi đến hiện hình làm con cá nằm trước mặt nàng. Nghĩ rằng cá đã chết, hạc ngậm lấy đầu cá. Cá vẫy đuôi, hạc liền thả cá ra và nói:

– Ôi, nó còn sống!

Đế-thích nói:

– Lành thay, nàng có thể giữ giới được!

Rồi ngài ra đi. Con hạc sau khi mạng chung được sanh vào một gia đình làm đồ gốm ở Ba-la-nại. Đế-thích không biết nàng tái sanh ở đâu. Khi biết chỗ tái sanh của nàng, Đế-thích liền chở đầy một xe dưa chuột bằng vàng, giả dạng một ông già ngồi giữa làng và la lớn:

– Hãy đến lấy dưa chuột! Hãy đến lấy dưa chuột!

Nhiều người tụ lại nói:

– Này ông bạn thân, hãy cho chúng tôi!

– Ta chỉ cho những người nào giữ giới. Các chú có giữ giới không?

– Chúng tôi không biết giới. Chúng tôi sẽ trả tiền.

– Ta không cần tiền. Ta sẽ cho những ai giữ giới.

Các người ấy nói:

– Cụ già này thật lẩn thẩn.

Rồi họ bỏ đi. Thiện Sanh nghe thấy, nghĩ rằng những trái dưa chuột này được mang đến cho nàng, liền đi đến và nói:

– Này ông bạn thân, hãy cho tôi!

– Nàng có giữ giới không?

– Thưa, tôi có giữ giới.

– Những trái dưa chuột này chính ta mang đến cho nàng.

Rồi Đế-thích để xe dưa chuột trước cửa nhà nàng và ra đi. Còn nàng giữ giới cho đến trọn đời. Từ đấy mạng chung, nàng sanh làm con gái của chúa thần a-tu-la Vepacitti, nhờ giữ giới nên nàng rất đẹp. Đến tuổi trưởng thành, cha nàng cho họp các thần a-tu-la lại để cô con gái tự do chọn lựa chồng theo sở thích của nàng.

Lúc ấy, Đế-thích đang tìm xem Thiện Sanh ở đâu và biết được chỗ nàng tái sanh, tự nghĩ: "Nàng đang tìm chồng theo sở thích, chắc chắn nàng sẽ lấy ta!" Đế-thích liền hóa hiện ra một thần a-tu-la và đi đến chỗ ấy. Nàng được trang sức và được đưa đến chỗ tụ họp để lựa chọn chồng theo ý muốn. Nàng nhìn Đế-thích, với tình yêu thuở trước, liền chọn ngay Đế-thích:

– Đây là chồng của tôi.

Đế-thích đưa nàng về thành chư thiên, đặt nàng lên địa vị nữ vương dẫn đầu hai mươi lăm triệu vũ nữ. Nàng sống như vậy cho đến mạng chung rồi đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể câu chuyện, bậc Đạo sư đã khiển trách vị Tỳ-kheo ấy và nói:

– Như vậy, này Tỷ-kheo, thuở trước, trong khi các bậc Hiền trí trị vì thiên quốc, dầu từ bỏ thân mạng của mình cũng không sát sanh. Còn ông xuất gia trong giáo pháp giải thoát như vậy, lại uống nước không lọc, có các loại hữu tình.

Sau khi khiển trách Tỷ-kheo ấy và kết hợp hai câu chuyện, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, thần đánh xe Mātali là Ānanda, còn Đế-thích là Ta vậy.

§32. CHUYỆN MÚA CA (*Naccajātaka*) (*J.* I. 206)

Âm thanh ngươi êm dịu...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo có nhiều đồ vật. Giống như câu chuyện đã được nói đến trong *Chuyện Thiên pháp*,[49] bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông có nhiều đồ vật?

– Thưa phải, bạch Thế Tôn.

[49] Xem *J.* I. 126, *Devadhammajātaka* (*Chuyện Thiên pháp*), số §6.

– Vì sao ông có nhiều đồ vật?

Nghe đến đây, Tỷ-kheo ấy phẫn nộ, quăng bỏ y trong, y ngoài, đứng trần truồng trước mặt bậc Đạo sư và nói:

– Nay tôi sẽ thoát y như thế này.

Mọi người đều nói:

– Ôi, xấu hổ thay!

Tỷ-kheo ấy bỏ chạy rồi hoàn tục. Các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường, nói về thái độ bất nhã của Tỷ-kheo ấy đã làm trước mặt bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp tại đây bàn câu chuyện gì?

– Bạch Thế Tôn, chúng con đang nói về thái độ bất nhã của Tỷ-kheo ấy; trước mặt Thế Tôn và giữa bốn chúng, từ bỏ tàm quý, đã đứng trần truồng như một đứa trẻ ở làng; bị quần chúng ghét bỏ, vị ấy đã hoàn tục, từ bỏ giáo pháp.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải nay Tỷ-kheo ấy mới không có tàm quý, từ bỏ pháp bảo. Trong đời quá khứ, kẻ ấy đã từ bỏ vợ báu của mình.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện sau đây.

***

Thuở xưa, trong kiếp thứ nhất, các loài thú bốn chân tôn sư tử làm vua, các loài cá tôn cá thần Ānanda và các loài chim tôn ngỗng trời Suvaṇṇa (Kim nga).[50] Con gái vua ngỗng trời Suvaṇṇa, một ngỗng trời con rất đẹp, được vua ban cho một ước nguyện. Nàng ước nguyện được một tấm chồng theo sở thích của mình. Vua ngỗng trời làm theo ước nguyện của con, cho tập hợp tất cả loài chim tại Tuyết sơn. Từng đàn chim đủ loại như ngỗng trời, chim công, v.v... lũ lượt bay tới tấp, tập hợp trên một cao nguyên bằng đá lớn. Vua ngỗng trời cho gọi con gái đến và nói:

– Con hãy lựa chọn chim chồng mà con thích ý!

Nàng nhìn đàn chim, thấy con chim công có cổ đẹp với màu sắc châu báu, có lông đuôi nhiều màu, liền chọn con chim ấy và nói:

– Con chim này sẽ là chồng con.

Đàn chim vây quanh chim công nói:

– Này bạn chim công, công chúa này, giữa những đàn chim, đã chọn bạn làm chồng. Hãy vui sướng lên bạn!

Con chim công quá sung sướng nói lớn:

– Cho đến hôm nay, các ngươi chưa thấy sức mạnh của ta!

[50] Xem *J.* II. 351, *Ulūkajātaka* (*Chuyện con chim cú*), số §270.

Rồi giữa các đàn chim, bỏ mất tàm quý, chim công xòe cánh ra, bắt đầu múa và khi múa nó không che thân. Vua ngỗng trời Suvaṇṇa xấu hổ nói:

– Con chim này không có lòng tàm khởi lên từ nội tâm, không có lòng quý khởi lên từ bên ngoài, ta sẽ không gả con gái ta cho kẻ đã phá hoại tàm quý.

Rồi vua ngỗng trời nói lên bài kệ giữa đàn chim:

32. Âm thanh ngươi êm dịu, Lưng ngươi thật đẹp đẽ,
Cổ ngươi về màu sắc, Chẳng khác ngọc lưu ly,
Lông đuôi ngươi xòe rộng, Dài rộng đến một tầm,[51]
Nhưng vì ngươi nhảy múa, Ta không cho con gái.

Trước mặt đàn chim ấy, vua ngỗng trời gả công chúa cho một ngỗng trời con, cháu của vua. Còn con chim công mất công chúa ngỗng trời, xấu hổ, bay cao và trốn mất. Vua ngỗng trời cũng đi về chỗ ở của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải nay Tỷ-kheo ấy mới bỏ mất tàm quý, từ bỏ Pháp bảo. Trong thời quá khứ, kẻ ấy đã làm mất vợ báu của mình.

Khi Ngài kể xong pháp thoại này, Ngài kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, con chim công là người có nhiều đồ vật, còn vua ngỗng trời là Ta vậy.

§33. CHUYỆN SỐNG HÒA HỢP (*Sammodamānajātaka*) (*J.* I. 208)

Khi chung sống hòa hợp...

Câu chuyện này, khi ở tại vườn Nigrodha gần Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), bậc Đạo sư đã kể về việc tranh cãi nhau vì cái gối. Câu chuyện sẽ được trình bày trong *Chuyện chim chúa Kuṇāla*.[52]

Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư bảo các bà con:

– Này các Đại vương, các bà con không nên tranh cãi nhau. Trong thời quá khứ, các loài thú khi sống hòa hợp đã chiến thắng được kẻ thù, còn khi sống bất hòa đã bị nạn diệt vong lớn.

Theo thỉnh cầu của các hoàng tộc bà con, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con chim cun cút đầu đàn, được vây quanh với hàng ngàn con chim cun cút, sống ở trong rừng. Lúc bấy giờ, một thợ săn chim đi đến vùng cun cút, nhờ bắt chước tiếng

[51] Một tầm bằng 1,8m.

[52] Xem *J.* V. 412, *Kuṇālajātaka* (*Chuyện chim chúa Kuṇāla*), số §536.

kêu của loài cun cút, kẻ ấy biết được chỗ tụ họp của đàn chim. Người thợ săn liền quăng lưới lên trên đàn chim, chặn lại các đường viền, tóm tất cả đàn chim cút thành một mối, bỏ vào giỏ đi về nhà, đem bán và nuôi sống với số tiền ấy.

Một hôm, Bồ-tát nói với các con chim cun cút:

– Người thợ săn chim này giết hại nhiều bà con chúng ta, nay ta có một phương kế khiến kẻ ấy không thể bắt chúng ta được. Từ nay trở đi, khi kẻ ấy vừa quăng lưới trên đầu các ngươi, mỗi một chim cun cút chui đầu vào một lỗ của lưới, nhấc bổng lưới lên đến chỗ các ngươi muốn và hạ xuống trên một bụi gai. Làm như vậy, chúng ta sẽ trốn thoát khỏi nhiều mẻ lưới.

Tất cả chúng đều vâng theo. Vào ngày hôm sau, khi lưới được quăng trên đàn chim, chúng liền nhấc bổng lưới lên như lời Bồ-tát dặn và thả xuống trên một bụi gai rồi trốn thoát theo ngã dưới. Người thợ săn chim đang còn gỡ lưới khỏi bụi gai thì trời đã xế chiều nên đi về với tay không.

Nhiều ngày kế tiếp, các con chim cun cút đều làm như vậy. Người thợ săn chim cứ loay hoay cho đến khi mặt trời lặn, chỉ lo gỡ lưới không bắt được gì và đi về nhà tay không.

Người vợ tức giận nói:

– Ngày lại ngày, ông về hai tay không. Tôi nghĩ rằng, có lẽ ông có một chỗ nuôi dưỡng khác.

Thợ săn chim nói:

– Này bà, ta không có chỗ nuôi dưỡng nào khác. Các con chim cun cút sống hòa hợp với nhau. Chúng mang đi lưới ta quăng và thả xuống một bụi gai rồi bỏ đi. Nhưng chúng sẽ không luôn luôn sống hòa thuận được, bà chớ lo. Khi chúng tranh cãi nhau, lúc ấy, ta sẽ bắt gọn tất cả chúng, nụ cười sẽ trở lại trên môi bà.

Rồi kẻ ấy nói lên bài kệ với người vợ:

33. Khi chung sống hòa hợp, Các chim mang lưới đi.
Khi chúng tranh cãi nhau, Chúng rơi vào tay ta.

Vài ngày trôi qua, khi một con chim cun cút đậu xuống chỗ ăn, vô ý bước trên đầu một con chim khác. Chim ấy tức giận nói:

– Ai bước trên đầu ta?

– Chính tôi vô ý bước. Đừng giận tôi!

Tuy vậy, con chim ấy vẫn giận, tiếp tục nói:

– Ngươi nghĩ rằng chỉ một mình ngươi nhấc bổng lưới lên chăng?

Khi chúng tranh cãi nhau, Bồ-tát suy nghĩ: “Khi tranh cãi nhau thì không có an toàn, nay bọn chim sẽ không nhấc bổng lưới lên nữa. Do vậy, bọn cun cút sẽ gặp nạn, người thợ săn sẽ nắm được cơ hội. Ta sẽ không sống ở chỗ này nữa!” Rồi Bồ-tát đem đàn chim của mình đi đến một chỗ khác. Người thợ săn chim lại đến, sau một vài ngày, bắt chước giọng chim cun cút và quăng lưới lên chỗ chúng đang tụ họp. Một con chim cun cút nói:

– Nghe nói, khi ngươi nhấc bổng lưới lên, lông trên đầu rơi xuống. Vậy nay hãy nhấc bổng lên!

Một con chim khác nói:

– Nghe nói, khi ngươi nhấc bổng lưới lên, lông hai cánh của ngươi rơi xuống. Vậy nay hãy nhấc bổng lên!

Như vậy, khi đàn chim cun cút đang tranh cãi nhau, người thợ săn chim nhấc bổng lưới lên, bắt tất cả đàn chim nhét đầy vào một cái giỏ, đem về nhà và hy vọng đem lại thật nhiều nụ cười cho bà vợ.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Như vậy, thưa các Đại vương, các bà con không nên tranh cãi nhau. Tranh cãi là nguồn gốc của diệt vong.

Thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư kết hợp hai mẩu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con chim cun cút vô trí là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), còn con chim cun cút có trí là Ta vậy.

§34. CHUYỆN CON CÁ (*Macchajātaka*) (*J.* I. 210)

Ta không vì nóng lạnh...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo si mê bà vợ trước thời xuất gia. Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo ấy:

– Có thật chăng, này Tỷ-kheo, ông bị ái nhiễm?

– Thật vậy, bạch Thế Tôn!

– Bị ái nhiễm bởi ai?

– Bạch Thế Tôn, vợ trước của con rất êm dịu khi xúc chạm. Con không thể bỏ nàng được!

Bậc Đạo sư nói với vị Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, chính nữ nhân ấy đã tạo nên bất hạnh cho ông. Trong thời trước, ông gần chết vì nữ nhân ấy; nhờ có Ta đi đến, ông được thoát chết.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Trong thời quá khứ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm vị phụ trách về nghi lễ tôn giáo của vua.

Lúc bấy giờ, các người đánh cá quăng lưới trên sông. Một con cá trống lớn đi theo chơi với con cá mái vợ của nó một cách rất luyến ái. Con cá mái ấy đi trước, ngửi mùi hương của lưới, bơi quanh lưới rồi bỏ đi. Con cá trống bị mù

quáng bởi lòng tham luyến, đi thẳng vào trong mắt lưới. Những người đánh cá biết được cá đã mắc vào lưới bèn kéo lên, bắt con cá nhưng chưa giết nó, lại quăng nó trên bãi cát. Họ nói:

– Chúng ta sẽ nướng con cá này trên than hừng để ăn.

Rồi họ chất một đống than và chuốt nhọn cây gậy. Con cá trống suy nghĩ: "Ta không than khóc vì bị nướng trên than hồng, hay bị đâm xuyên bởi gậy nhọn, hay sự đau khổ nào khác, mà chỉ vì con cá mái vợ ta sẽ buồn rầu, nghĩ rằng ta đã ra đi với con cá mái khác. Đó là điều làm ta đau đớn!"

Vừa than khóc, cá nói lên bài kệ:

34. Ta không vì nóng lạnh, Không vì bị mắc lưới,
Chỉ sợ vợ ta nghĩ, Ta say mê nàng khác!

Lúc bấy giờ, vị phụ trách nghi lễ tôn giáo cùng với các nô tỳ vây quanh, đi đến bờ sông để tắm. Vị ấy biết tiếng mọi loài, nghe con cá than, vị ấy suy nghĩ: "Con cá này đang khóc tiếng khóc than ai oán. Bị chết trong trạng thái tâm bệnh như vậy, nó sẽ sanh xuống địa ngục. Ta sẽ là người giúp đỡ nó!" Vị ấy đi đến gần những người đánh cá và nói:

– Này các bạn, các bạn không bán cho chúng tôi một con cá mỗi ngày để làm món cà-ri đó sao?

Những người đánh cá nói:

– Thưa ngài, sao ngài nói vậy? Ngài có thể lấy đi mọi thứ cá ngài thích!

– Chúng tôi không cần con cá nào khác trừ con cá này.

– Thưa ngài, ngài hãy lấy nó đi.

Bồ-tát với hai tay bắt lấy con cá, ngồi trên bờ sông và khuyên:

– Này bạn cá, nếu hôm nay ta không thấy ngươi thì ngươi đã chết. Nhưng từ nay trở đi, ngươi chớ nên để ái tình chi phối!

Khuyên răn xong, Bồ-tát thả con cá xuống nước và trở về thành phố.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo bị ái nhiễm chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư kết hợp hai mẩu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con cá mái là người vợ thời trước, con cá trống là Tỷ-kheo bị ái nhiễm, còn vị phụ trách lễ nghi tôn giáo là Ta vậy.

§35. CHUYỆN CHIM CÚT (*Vaṭṭakajātaka*)[53] (*J.* I. 211)

Có cánh không bay được...

---

[53] Xem *Cp.* 97, *Saccasavhayopaṇḍitacariya* (*Hạnh của Đạo sĩ Hiền trí Sacca*); *Cp.* 98, *Vaṭṭapotakacariya* (*Hạnh của chim cút con*).

Câu chuyện này, khi đang du hành ở xứ Ma-kiệt-đà, bậc Đạo sư đã kể về lửa rừng bị dập tắt. Một thời, Thế Tôn đang du hành trong xứ Ma-kiệt-đà. Khi đang đi khất thực trong một làng nhỏ ở Ma-kiệt-đà, sau bữa ăn, trên đường trở về với chúng Tỷ-kheo, Thế Tôn thấy một đám lửa lớn bùng lên. Phía trước và phía sau Ngài có nhiều Tỷ-kheo. Ngọn lửa tràn đến, lan rộng, tạo thành một màn khói và một màn lửa. Một số Tỷ-kheo còn là phàm phu, vì sợ chết liền nói:

– Chúng ta hãy tạo nên một đám lửa đối nghịch tại chỗ ngọn lửa đang cháy, ngọn lửa kia sẽ không cháy lan rộng.

Rồi với ý định này, họ lấy que làm lửa và đốm lửa được nhen lên. Một số Tỷ-kheo khác nói:

– Này Hiền giả, làm gì vậy? Các Hiền giả như những người không thấy mặt trăng đứng giữa hư không hay vòng tròn mặt trời với ngàn tia sáng mọc lên từ thế giới phương Đông, hoặc đại dương mà chúng ta đang đứng trên bờ. Hoặc các Hiền giả không thấy núi Tu-di khi các Hiền giả cùng đi với bậc Thượng Nhân ở đời này và trên thiên giới. Các Hiền giả không nhìn đến bậc Chánh Đẳng Giác mà chỉ la: "Chúng ta hãy tạo nên một ngọn lửa đối nghịch!" Các Hiền giả không biết Phật lực. Chúng ta hãy đi lại gần bậc Đạo sư!

Tất cả Tỷ-kheo từ phía trước, phía sau đều đi đến gần bậc Đạo sư, đứng thành một nhóm. Bậc Đạo sư cùng với chúng Tỷ-kheo đứng trên một khoảng đất. Các ngọn lửa rừng ầm ầm lan đến như muốn nuốt sống tất cả, nhưng khi lan đến chỗ Như Lai đứng, chúng lan xung quanh, không đến gần hơn mười sáu tầm. Nó không có sức mạnh lan rộng một vùng rộng ba mươi hai tầm.

Các Tỷ-kheo nói lên lời tán thán đức hạnh bậc Đạo sư:

– Ôi, đức hạnh của chư Phật! Ngọn lửa vô tri này không có thể cháy lan đến chỗ chư Phật đứng mà bị dập tắt như bó đuốc cỏ trong nước. Ôi, uy lực của chư Phật thật là kỳ diệu!

Bậc Đạo sư nghe câu chuyện của họ, liền nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta có sức mạnh khiến ngọn lửa tắt đi khi cháy đến chỗ đất này. Đây chính là sức mạnh của hạnh chân thật xưa kia Ta đã làm. Chính tại chỗ này, hoàn toàn trong suốt một kiếp, lửa sẽ không đốt cháy. Thần thông này tồn tại suốt một kiếp.

Rồi Tôn giả Ānanda xếp chiếc áo Tăng-già-lê làm bốn, làm thành tấm nệm cho bậc Đạo sư ngồi. Bậc Đạo sư ngồi kiết-già. Chúng Tỷ-kheo đảnh lễ Như Lai, vây xung quanh Ngài và ngồi xuống. Các Tỷ-kheo thỉnh cầu:

– Bạch Thế Tôn, chúng con chỉ biết hiện tại, còn quá khứ bị che kín. Mong Thế Tôn làm sáng tỏ vấn đề cho chúng con.

Theo lời thỉnh cầu của họ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, ở nước Ma-kiệt-đà, tại chỗ này, Bồ-tát được tái sanh làm con chim cun cút. Từ cái trứng, con chim con tự mình mổ vỏ và thoát ra, thân hình to bằng trái banh.[54] Cha mẹ đặt nó nằm trong tổ chim, chim mẹ tha đồ ăn về nuôi nó. Tự nó không có sức mạnh để xòe cánh bay giữa hư không, cũng không có sức mạnh giơ chân lên để đi trên đất liền.

Tại chỗ ấy, năm này qua năm khác, lửa rừng thường phát cháy. Trong thời gian này, lửa rừng đang đốt cháy với tiếng gầm thét to lớn. Các đàn chim từ trong tổ bay ra, sợ chết kêu la và bay trốn. Cha mẹ Bồ-tát sợ chết, bay trốn bỏ lại Bồ-tát. Bồ-tát nằm trong tổ, ngóc cổ vươn ra, thấy lửa đang cháy lan tới, liền suy nghĩ: "Nếu ta có sức mạnh xòe cánh bay lên hư không, ta có thể đi đến một chỗ khác; hay nếu ta có sức mạnh giơ chân lên, ta có thể đi bằng chân đến một chỗ khác. Cha mẹ ta vì sợ chết đã bỏ ta một mình, đã bỏ chạy để cứu mình. Nay ta không có chỗ nương tựa nào khác. Tự mình không nơi nương tựa, ta phải làm gì đây!"

Ngài lại suy nghĩ: "Trong thế giới này có công đức, thật sự có công đức. Có những vị trong quá khứ viên mãn thành tựu các hạnh Ba-la-mật, ngồi dưới gốc Bồ-đề chứng Chánh đẳng giác; đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thành tựu chân lý, lân mẫn từ bi, nhẫn nhục, tu tập lòng thân ái, bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, là những vị Phật Nhất Thiết Trí. Có những công đức pháp mà các vị ấy đã chứng đắc. Và ta có được một sự thật: Một tự tánh pháp hiện hữu. Do vậy, ta cần phải niệm các công đức đã được các đức Phật quá khứ chứng đắc; nắm giữ tự tánh pháp về sự thật hiện có nơi ta; làm một hạnh chân thật đẩy lui ngọn lửa, đem lại an toàn cho ta và cho các con chim còn lại." Do vậy, bài kệ này được nói lên:

Ở đời có giới đức, Chân thật, tịnh, từ bi,
Chính với chân thật ấy, Ta sẽ làm một hạnh,
Hạnh chân thật vô thượng. Hay hướng niệm Pháp lực,
Niệm chư Phật quá khứ, Dựa sức mạnh chân thật,
Ta làm hạnh chân thật.

Rồi Bồ-tát niệm công đức chư Phật đã nhập Niết-bàn trong quá khứ, nhân danh tánh chân thật hiện có trên tự thân, làm một hạnh chân thật và đọc bài kệ:

35. Có cánh không bay được, Có chân không thể đi,
Cha mẹ đã bỏ ta, Hỡi lửa, hãy đi lui!

Khi Bồ-tát nói sự thật ấy, ngọn lửa đi trở lui khoảng mười sáu tầm. Khi trở lui như vậy, lửa không đốt cháy khu rừng nó đi ngang qua và được dập tắt tại chỗ ấy; như bó đuốc nhúng vào nước. Do vậy, bài kệ được nói như sau:

Ta làm hạnh chân thật, Màn lửa lớn lửa ngọn,
Đi lui mười sáu tầm, Như ngọn đuốc gặp nước.

Trong suốt kiếp này, chỗ ấy không bị lửa đốt cháy được gọi là thần thông

[54] Xem Morris, *JPTS*. 1984, p. 90.

tồn tại trong một kiếp. Như vậy, Bồ-tát đã làm hạnh chân thật, và khi mạng chung ngài đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta có sức mạnh không cho ngọn lửa cháy đến khu rừng này, mà thời xưa, khi làm chim cun cút con, Ta đã có sức mạnh của một hạnh chân thật.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, một số người chứng quả Dự lưu, một số người chứng quả Nhất lai, một số người chứng quả Bất lai, một số người chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo sư kết hợp hai mẩu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Cha mẹ của Ta trong hiện tại chính là cha mẹ của Ta trong quá khứ, còn vua loài cun cút là Ta vậy.

§36. CHUYỆN CON CHIM (*Sakuṇajātaka*) (*J.* I. 215)

Các chim sống trên đời...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về cái chòi lá bị cháy. Truyền thuyết nói, một Tỷ-kheo lấy đề tài thiền quán từ bậc Đạo sư. Từ Kỳ Viên đi đến Kosala, vị ấy sống tại một trú xứ trong khu rừng, gần một làng ở biên địa. Trong tháng đầu, chòi lá vị ấy bị cháy. Vị ấy báo cho mọi người biết:

– Chòi lá tôi bị cháy. Tôi sống khó khăn.

Và các người được báo nói:

– Nay ruộng chúng tôi bị hạn, tát nước cho ruộng xong, chúng tôi sẽ làm.

Khi tát nước xong, họ gieo giống; gieo giống xong, họ làm hàng rào; làm hàng rào xong, họ nhổ cỏ, họ gặt, họ đập lúa. Như vậy, họ đề cập việc này sang việc khác, cho đến lúc ba tháng đã trôi qua. Tỷ-kheo ấy trong ba tháng phải sống khổ sở ngoài trời, đã tăng trưởng đề tài thiền quán nhưng không đạt được như ý. Vì thế, lễ Tự tứ xong, Tỷ-kheo ấy đi đến bậc Đạo sư, đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Sau khi chào đón thân tình, bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, ông an cư mùa mưa có thoải mái không, đề tài thiền quán của ông có đạt kết quả không?

Tỷ-kheo ấy báo sự việc lên và nói:

– Vì con không được một trú xứ thích hợp nên đề tài thiền quán không có kết quả.

Bậc Đạo sư nói:

– Trong thời trước, này Tỷ-kheo, ngay các loài thú cũng biết trú xứ thích hợp và không thích hợp với mình, làm sao ông lại không biết?

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con chim, với đàn chim vây quanh sống dựa trên một cây lớn đầy đủ cành cây trong một khu rừng. Một ngày kia, khi các cành cây cọ xát nhau, bụi cây rơi xuống, khói khởi lên. Thấy vậy, Bồ-tát suy nghĩ: "Hai nhánh cây này cọ xát như vậy sẽ sanh lửa. Lửa rơi xuống sẽ đốt các lá cũ. Từ đấy, cây này sẽ bị cháy. Chúng ta không thể ở đây được. Ta phải bỏ đi đến một chỗ khác."

Rồi Bồ-tát nói bài kệ này với đàn chim:

36. Các chim sống trên đời,
Dựa vào trú xứ nào,
Chỗ ấy sanh ra lửa,
Hỡi loài chim tránh xa,
Hãy đi các phương khác.
Nếu y tựa chỗ ấy,
Sợ hãi sẽ sanh ra.

Các con chim có trí nghe theo lời Bồ-tát, lập tức cùng với Bồ-tát bay lên hư không đi tới chỗ khác. Các chim không có trí nói:

– Vị ấy như ếch ngồi đáy giếng.

Nên chúng không nghe theo lời Bồ-tát, vẫn sống ngay tại chỗ ấy.

Từ đấy không bao lâu, như Bồ-tát đã nghĩ trước, lửa sanh ra và đốt cháy cây ấy. Trong khi khói và lửa bốc lên, các con chim bị khói làm mù mắt không thể đi chỗ khác, đã rơi vào biển lửa, hết con này đến con khác và bị tiêu diệt.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, trong thời trước, các con vật sống trên cây cao cũng biết được chỗ thích hợp hay không thích hợp cho mình, sao ông lại không biết?

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo ấy chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, các con chim làm theo lời Bồ-tát là hội chúng của Như Lai, và con chim có trí là Ta vậy.

§37. CHUYỆN CON CHIM TRĨ (*Tittirajātaka*)[55] (*J.* I. 216)

Ai kính bậc lớn tuổi...

Câu chuyện này, khi đi đến Xá-vệ, bậc Đạo sư kể về Trưởng lão Sāriputta

[55] Tham chiếu: *J.* III. 310, *Vighāsajātaka* (*Chuyện vật thực còn thừa*), số §393.; *Xuất diệu kinh* "Niệm phẩm"出曜經念品 (*T.*04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Ái lạc phẩm"法集要頌經愛樂品 (*T.*04. 0213.5. 0779c23); *Vin.* II. 146.

(Xá-lợi-phất) đã bị tước đoạt trú xứ như thế nào. Khi ông Cấp Cô Độc đã làm xong ngôi tinh xá và gửi sứ giả báo tin, bậc Đạo sư từ Vương Xá ra đi, đến Tỳ-xá-ly sống tại đấy cho thỏa thích rồi lên đường đi Xá-vệ. Lúc bấy giờ, các đệ tử của nhóm sáu Tỷ-kheo đi phía trước; khi các trú xứ chưa được các Trưởng lão ở, họ giành lấy:

– Trú xứ này dành cho Giáo thọ sư chúng tôi, trú xứ này dành cho Sư trưởng chúng tôi, trú xứ này dành cho chúng tôi.

Các Trưởng lão đến sau không được các trú xứ. Các đệ tử của Trưởng lão Sāriputta tìm trú xứ cho Trưởng lão nhưng không được. Trưởng lão không được trú xứ, ngồi hay đi kinh hành dưới một gốc cây không xa trú xứ bậc Đạo sư bao nhiêu.

Sáng sớm, bậc Đạo sư đi ra, đằng hắng thành tiếng. Trưởng lão đằng hắng lại. Thế Tôn hỏi:

– Ai đó?

– Bạch Thế Tôn, con là Sāriputta.

– Này Sāriputta, vào giờ này, ông làm gì ở đây?

Trưởng lão kể lại sự việc ấy. Bậc Đạo sư nghe câu chuyện, suy nghĩ: "Nay Ta còn sống, các Tỷ-kheo còn thiếu tôn trọng, không kính nể lẫn nhau. Khi Ta diệt độ rồi, họ sẽ làm như thế nào nữa!" Nghĩ vậy, bậc Đạo sư khởi lên sự lo âu vì Chánh pháp.

Khi trời vừa sáng, Ngài bảo tập hợp đại chúng và hỏi các Tỷ-kheo:

– Có thật chăng, này các Tỷ-kheo, các đệ tử nhóm sáu Tỷ-kheo đi trước giành hết trú xứ của các Tỷ-kheo Trưởng lão?

– Thưa thật vậy, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn liền chỉ trích nhóm sáu Tỷ-kheo. Ngài thuyết pháp, bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, ai xứng đáng được chỗ ngồi tốt nhất, được nước uống tốt nhất, được đồ ăn khất thực tốt nhất?

Có người nói:

– Vị xuất gia từ gia đình Sát-đế-ly.

Có người nói:

– Vị xuất gia từ gia đình Bà-la-môn, từ gia đình gia chủ.

Những người khác nói:

– Những vị trì luật, những vị thuyết pháp, những vị đã chứng thiền thứ nhất, thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư.

Những người khác nữa nói:

– Những vị Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán, những vị chứng Ba minh, Sáu thắng trí.

Khi các Tỷ-kheo đã nói ý nghĩ của mình, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, trong giáo pháp của Ta, xứng đáng được chỗ ngồi tốt nhất, không phải vị xuất gia từ gia đình Sát-đế-ly, không phải vị xuất gia từ gia đình Bà-la-môn, từ gia đình gia chủ, không phải vị trì luật, không phải vị trì kinh, không phải vị trì luận, không phải những vị đã chứng sơ thiền, v.v... không phải những vị Dự lưu, v.v... Nhưng này các Tỷ-kheo, trong giáo pháp này, tùy theo tuổi lớn mà quyết định về sự đảnh lễ, nghênh tiếp, chắp tay, phục vụ, mà nhận được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, đồ ăn khất thực tốt nhất. Chính ở đây, tuổi lớn là mức đo lường. Do vậy, Tỷ-kheo tuổi lớn xứng đáng được những sự ấy. Nhưng nay, này các Tỷ-kheo, Sāriputta đệ tử cao nhất của Ta, vị chuyển bánh xe tùy pháp, xứng đáng được trú xứ tiếp theo trú xứ của Ta; vị ấy lại không được trú xứ, đã trải qua đêm nay sống dưới gốc cây. Nếu nay các ông không tôn trọng, không kính nể lẫn nhau thì với thời gian trôi qua, các ông sẽ xử sự như thế nào?

Với mục đích khuyến giáo các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, các loài thú cũng nghĩ: "Thật không thích đáng cho chúng tôi nếu chúng tôi sống không tôn trọng, không kính nể lẫn nhau, sống không tùy thuận nhau. Sau khi biết ai lớn tuổi nhất trong chúng tôi, chúng tôi sẽ đảnh lễ vị ấy."

Sau khi khéo tìm hiểu, biết được vị cao niên nhất, chúng đảnh lễ vị ấy, vì vậy khi mạng chung, chúng được sanh tràn đầy thiên giới.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, trên sườn Tuyết sơn có ba con vật sống gần một cây bàng lớn: Con chim trĩ, con khỉ và con voi. Chúng sống không tôn trọng, không kính nể, không tùy thuận lẫn nhau. Rồi chúng suy nghĩ: "Thật không xứng đáng cho chúng ta sống như thế này. Ai cao niên nhất giữa chúng ta, chúng ta sẽ đảnh lễ vị ấy!" Trong khi chúng tìm hiểu vị cao niên nhất giữa chúng thì một hôm, giữa chúng khởi lên phương tiện này khi cả ba con ngồi dưới gốc cây bàng; chim trĩ và khỉ hỏi con voi:

– Này bạn voi, bạn có biết, khi bạn thấy cây bàng này lần đầu tiên, cây ấy to lớn như thế nào?

Con voi nói:

– Này các bạn, khi tôi còn bé nhỏ, cây bàng chỉ là một bụi cây, tôi đi ngang qua nó đụng bắp vế tôi. Khi tôi đứng ngang cây ấy, cành cây cao nhất chỉ chạm đến lỗ rốn. Như vậy tôi biết cây này từ khi còn là một bụi cây.

Rồi hai con vật ấy lại hỏi con khỉ như trên, con khỉ nói:

– Này các bạn, khi tôi còn là khỉ con, tôi ngồi trên đất, chỉ vươn cổ ra có thể ăn được chồi cao nhất của cây bàng non này. Như vậy tôi biết cây này từ khi còn nhỏ.

Hai con vật kia lại hỏi con chim trĩ như trên, con chim trĩ nói:

– Này các bạn, thuở trước, tại một chỗ nọ, có một cây bàng lớn, tôi ăn trái cây ấy, đi đại tiện ở chỗ này, từ đấy cây này mọc lên. Như vậy, tôi biết cây này từ khi cây ấy chưa mọc. Do vậy, tôi cao niên hơn các bạn.

Được nghe nói như vậy, con khỉ và con voi nói với chim trĩ có trí:

– Này bạn, bạn cao niên hơn chúng tôi. Từ nay trở đi, chúng tôi sẽ cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường bạn. Chúng tôi sẽ đảnh lễ, nghênh tiếp, chắp tay, phục vụ bạn. Chúng tôi sẽ vâng theo lời khuyến giáo của bạn. Bắt đầu từ nay, bạn sẽ chỉ dạy khuyên bảo chúng tôi.

Từ hôm ấy trở đi, con chim trĩ khuyên bảo chúng, an trú chúng trong giới luật, và tự mình thọ trì giới luật. Cả ba con vật kính trọng, kính nể lẫn nhau, tùy thuận nhau, sống như vậy cho đến mạng chung, rồi đi lên thiên giới.

Bậc Đạo sư nói:

– Ba con vật này có được Phạm hạnh là nhờ nơi chim trĩ. Này các Tỷ-kheo, nếu những thú vật ấy sống tôn trọng, kính nể lẫn nhau thì vì sao các ông đã xuất gia trong Pháp, Luật khéo giảng này lại không thể sống tôn trọng, kính nể lẫn nhau? Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các ông, bắt đầu từ nay trở đi, tùy theo tuổi lớn, các ông hãy đảnh lễ, nghênh tiếp, chắp tay, phục vụ; tùy theo tuổi lớn, hãy dành chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, đồ ăn khất thực tốt nhất; bắt đầu từ nay trở đi, không bao giờ một vị lớn tuổi lại bị một vị trẻ tuổi tranh giành trú xứ. Ai tranh giành sẽ phạm tội.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Chánh Đẳng Giác đọc bài kệ:

37. Ai kính bậc lớn tuổi, Là thiện xảo trong pháp,
Đời này được tán thán, Đời sau sanh cõi lành.

***

Như vậy, bậc Đạo sư nói lên lời tán thán hạnh kính lễ bậc lớn tuổi và kết hợp hai câu chuyện với nhau, rồi nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con voi là Moggallāna (Mục-kiền-liên), con khỉ là Sāriputta và con chim trĩ là Ta vậy.

§38. CHUYỆN CON CÒ (*Bakajātaka*) (*J.* I. 220)

Kẻ có trí lường gạt...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo làm thợ may y. Theo truyền thuyết, có một Tỷ-kheo trú ở Kỳ Viên, rất thiện xảo về công việc may y như cắt, ráp, sắp xếp và may lại, v.v... Do thiện xảo này, vị ấy thường làm y và có tên là "Thợ May Y." Vị ấy làm gì? Từ những mảnh vải cũ mòn, với bàn tay khéo léo, vị ấy làm thành y mềm dịu vừa ý. Sau khi may xong, vị ấy nhuộm với nước bột, ủi bằng vỏ ốc, làm cho y trơn láng đẹp đẽ. Những Tỷ-kheo không biết làm y, đem vải mới đến Tỷ-kheo ấy và nói:

– Này Hiền giả, chúng tôi không biết làm y, hãy may giúp cho chúng tôi!

Tỷ-kheo ấy nói:

– Này Hiền giả, làm xong một y cần nhiều thời gian, nhưng nay có một y tôi mới làm xong. Hãy để vải này lại, lấy y ấy mà dùng!

Vị ấy đem y ra cho họ xem. Những Tỷ-kheo ấy chỉ thấy màu sắc y tươi đẹp mà không biết bề trong của y, tưởng rằng y ấy chắc chắn nên đưa cho Tỷ-kheo thợ may xấp vải mới, đổi lấy y và ra đi. Khi y ấy hơi bị nhớp và được giặt trong nước nóng, thực chất của y hiện rõ. Đây đó, những chỗ cũ mòn được phơi bày. Họ hối tiếc việc trao đổi trước. Như vậy, vị ấy lường gạt những ai đem vải đến may và khắp mọi nơi đều biết chuyện ấy.

Giống như vị Tỷ-kheo lừa gạt ở Kỳ Viên, tại một làng nhỏ nọ, có một Tỷ-kheo khác may y cũng lừa dối thiên hạ. Những Tỷ-kheo bạn của vị ấy báo cho biết:

– Này Tôn giả, ở Kỳ Viên có một thợ may y lừa dối thiên hạ như Tôn giả vậy.

Vị ấy tự bảo: "Ta sẽ lường gạt thợ may ở thành thị này." Vị ấy làm một cái y với nhiều tấm vải cũ rất đẹp, nhuộm với màu vàng đậm và đắp y ấy đi đến Kỳ Viên. Thợ may kia thấy y ấy, khởi lòng tham và hỏi:

– Thưa Tôn giả, y này có phải Tôn giả đã may không?

– Này Hiền giả, phải, tôi đã làm.

– Này Tôn giả, hãy nhường cho tôi y này, Tôn giả sẽ lấy y khác.

– Này Hiền giả, chúng tôi là người ở làng, rất khó được các vật dụng. Nếu tôi cho Hiền giả y này, tôi sẽ đắp cái gì?

– Thưa Tôn giả, tôi có vải mới chưa may. Tôn giả hãy lấy vải ấy và làm y cho Tôn giả.

– Thưa Hiền giả, y này là do tay tôi làm. Hiền giả đã nói như vậy thì tôi từ chối gì được? Thôi, Hiền giả hãy lấy đi.

Sau khi đưa cái y gồm nhiều tấm vải cũ, vị ấy lấy vải mới, lừa dối Tỷ-kheo ấy rồi ra đi. Vị Tỷ-kheo ở Kỳ Viên, sau vài ngày đắp y ấy, giặt y ấy với nước nóng, thấy những miếng vải cũ mòn và bị chê cười xấu hổ. Toàn thể chúng Tăng được biết rõ là người thợ may ở Kỳ Viên đã bị người thợ may ở làng nhỏ lường gạt.

Một hôm, tại pháp đường, các Tỷ-kheo đang ngồi nói về câu chuyện ấy. Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn chuyện gì. Các Tỷ-kheo trình bày câu chuyện, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay người thợ may ở Kỳ Viên mới lường gạt những người khác; trong thời quá khứ, vị ấy cũng đã lường gạt rồi. Và người thợ may ở ngôi làng nhỏ, không phải chỉ nay mới lường gạt người thợ may ở Kỳ Viên; trong thời quá khứ, vị ấy cũng đã lường gạt rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, tại một khu rừng, Bồ-tát sanh làm thần cây. Cây ấy mọc gần một hồ sen. Lúc bấy giờ, trong một hồ khác không lớn lắm, vào mùa hạn hán, nước thấp, nhưng tại đấy có cá rất nhiều. Một con cò thấy đàn cá, suy nghĩ cách lường gạt và ăn chúng. Cò đi đến hồ, ngồi bên bờ nước suy tư. Đàn cá thấy vậy liền hỏi cò:

– Ngài ngồi suy nghĩ gì vậy?

– Tôi ngồi suy nghĩ đến các bạn!

– Ngài suy nghĩ gì đến chúng tôi?

– Trong hồ này nước cạn, đồ ăn ít, hạn hán lại lớn. Nay các bạn sẽ làm gì? Chính ta ngồi đây suy nghĩ như vầy.

– Vậy thưa ngài, chúng tôi sẽ phải làm gì?

– Này, nếu các bạn làm theo lời ta, ta sẽ ngậm từng bạn trong mỏ ta, đưa các bạn đến một hồ lớn tràn đầy hoa sen năm sắc và thả các bạn ở đấy.

– Thưa ngài, từ thuở khai thiên lập địa đến nay, không bao giờ loài cò lại nghĩ đến loài cá. Ngài chỉ muốn ăn chúng tôi từng con một thôi.

– Ta sẽ không ăn các bạn khi các bạn có lòng tin ở ta. Nếu các bạn không tin lời ta là đằng kia có một cái hồ, hãy cử một con cá đi với ta để chính nó thấy cái hồ ấy.

Đàn cá tin con cò ấy, liền cử một con cá lớn mù một mắt, nghĩ rằng nó có khả năng đối nghịch với cò dưới nước và trên cạn, bảo con cò mang đi. Cò ngậm lấy cá ấy mang đi, thả trong hồ, chỉ cho thấy toàn bộ cái hồ, rồi đưa nó về, thả nó lại với đàn cá trong hồ cũ. Cá này về tán thán sự quyến rũ của hồ mới cho chúng bạn nghe. Nghe nó tán thán, đàn cá đều muốn đi và nói với cò:

– Lành thay, ngài hãy mang chúng tôi đi!

Con cò trước hết mang con cá lớn một mắt ấy, đưa nó đến bờ hồ, chỉ cho nó thấy cái hồ, rồi đậu xuống cây varaṇa mọc bên bờ hồ. Cò ném con cá vào giữa hai cành cây, lấy mỏ mổ con cá, giết chết nó và ăn thịt, thả xương xuống gốc cây rồi trở về nói:

– Con cá ấy đã được ta thả rồi. Con khác hãy đi.

Với phương cách ấy, cò mang đi từng con cá một, ăn hết cả đàn cá và cuối cùng không tìm thấy con cá nào nữa. Tại đấy chỉ có con cua còn ở lại. Con cò muốn ăn nó nên nói:

– Này bạn cua, tất cả đàn cá ấy đã được ta mang đi, thả xuống hồ lớn đầy những bông sen; hãy đến đấy, ta sẽ mang bạn đi!

– Làm thế nào ngài mang tôi đi?

– Ngậm lấy bạn, ta sẽ mang đi.

– Ngậm tôi mang đi như vậy, ngài sẽ làm rơi tôi xuống. Tôi sẽ không đi với ngài đâu.

– Chớ sợ, ta sẽ ngậm bạn thật chặt và mang đi.

Con cua suy nghĩ: "Nó mang những con cá mà không thả cá vào trong hồ. Nếu nó thả ta vào trong hồ thì tốt. Nếu nó không thả, ta sẽ cắt đứt cổ của nó và giết nó."

Rồi cua nói với cò:

– Này bạn cò, bạn không thể ngậm tôi chắc chắn được. Chúng tôi loài cua đã kẹp thì kẹp chặt. Nếu tôi lấy cái càng kẹp cổ bạn, tôi sẽ kẹp chặt cổ bạn và sẽ đi với bạn.

Con cò không biết con cua muốn lường gạt mình bèn bằng lòng. Như với cái kềm của người thợ rèn, con cua với những cái càng của mình, kẹp rất chặt cổ cò và nói:

– Nào, chúng ta hãy đi!

Cò đưa cua đi, trước hết chỉ cho nó thấy cái hồ, rồi đi về phía cây varaṇa. Cua nói:

– Cậu à, cái hồ ở phía này, sao cậu lại đưa tôi đi phía khác?

– Ta không phải là cậu của ngươi và ngươi cũng không phải là con của chị ta. Ngươi tưởng ta là nô lệ của ngươi, nhấc bổng và đưa ngươi đi không sao? Hãy nhìn đống xương này dưới gốc cây varaṇa! Ta đã ăn tất cả con cá ấy. Cũng vậy, nay ta sẽ ăn ngươi.

Cua nói:

– Những con cá ấy vì ngu si nên bị ngươi ăn. Nhưng ta sẽ không để ngươi ăn ta đâu. Ta sẽ giết ngươi! Ngươi thật là ngu ngốc! Ngươi bị ta lừa mà không biết. Nếu chết, cả hai cùng chết. Ta sẽ cắt đứt đầu ngươi trước khi ta rơi xuống đất.

Nói xong, cua kẹp chặt cổ cò lại như gọng kềm. Với miệng há to, nước mắt từ từ chảy, quá kinh hãi vì sợ chết, cò nói:

– Thưa ngài, tôi sẽ không ăn ngài. Hãy cho tôi sống!

– Nếu ngươi hạ xuống và thả ta trong hồ.

Cò bay trở lui, hạ xuống hồ, thả cua trên mặt bùn bên bờ hồ. Nhưng con cua, trước khi đi xuống nước, cắt đứt cổ cò như con dao cắt một cọng sen.

Vị thần sống ở trên cây thấy sự lạ lùng này, đã làm cho toàn khu rừng vang dậy lời tán thán khi nói lên bài kệ này với âm thanh dịu ngọt:

38. Kẻ có trí lường gạt,
Không may bị kẻ gạt,
Con cò có trí gạt,
Đã bị cua gạt lại.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay người thợ may ở Kỳ Viên mới bị người thợ may ở làng lường gạt. Trong thời quá khứ, vị ấy cũng bị lường gạt rồi.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai mẩu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, người thợ may ở Kỳ Viên là con cò, người thợ may ở làng là con cua, còn Ta là thần cây.

§39. CHUYỆN NGƯỜI NÔ LỆ NANDA (*Nandajātaka*) (*J.* I. 224)

Nghĩ rằng là chỗ chôn...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một đệ tử của Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất). Tương truyền, Tỷ-kheo ấy là người dễ bảo, kham nhẫn, thường nỗ lực hầu hạ Trưởng lão. Một thời, sau khi xin phép bậc Đạo sư, Trưởng lão đã ra đi bộ hành đến xứ Dakkhiṇāgiri, ở miền Nam Magadha (Ma-kiệt-đà); Tỷ-kheo ấy đến xứ này trở thành kiêu ngạo, cứng đầu, không vâng lời Trưởng lão. Khi Trưởng lão bảo:

– Này Hiền giả, hãy làm điều này.

Vị ấy liền gây sự chống lại Trưởng lão. Trưởng lão không biết tâm tánh vị ấy vì sao thay đổi như vậy. Sau khi bộ hành tại đấy, Trưởng lão lại đi về Kỳ Viên. Từ khi theo Trưởng lão về đến Kỳ Viên, tánh tình Tỷ-kheo ấy trở lại như cũ. Trưởng lão thưa với đức Như Lai:

– Bạch Thế Tôn, con có một đệ tử, tại một chỗ, xử sự như một nô lệ được mua với giá một trăm đồng tiền; nhưng tại một chỗ khác lại trở thành kiêu mạn, cứng đầu, bảo làm gì cũng gây sự chống đối.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Sāriputta, Tỷ-kheo này không phải nay mới có tánh tình như vậy. Trước kia, khi đến chỗ này, kẻ ấy xử sự như một nô lệ được mua với giá một trăm đồng tiền; nhưng khi đi chỗ khác thì gây sự, đối nghịch.

Nói vậy xong, theo lời Trưởng lão thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một địa chủ. Bạn của Bồ-tát cũng là một địa chủ lớn tuổi hơn Bồ-tát, nhưng có một người vợ trẻ, sanh được một con trai. Người địa chủ lớn tuổi suy nghĩ: "Vợ ta còn trẻ, khi ta chết đi, không biết sẽ lấy ai và tiêu phí tài sản này, thay vì giao cho con trai của ta? Vậy tốt hơn ta hãy chôn tài sản dưới đất."

Nghĩ vậy, người địa chủ đem theo một người nô lệ trong nhà tên là Nanda đi vào rừng, chôn tài sản ấy vào một chỗ và bảo:

– Này Nanda thân, sau khi ta chết, hãy báo cho con ta biết tài sản này. Chớ quên khu rừng.

Sau khi khuyên như vậy, người địa chủ già ấy mạng chung. Đứa con trai dần dần lớn lên; đến tuổi thành niên, mẹ nó nói:

– Này con thân, cha con đem theo nô lệ Nanda, đã chôn giấu tài sản. Hãy bảo nó mang về mà cai quản gia sản thừa tự.

Một hôm, người thanh niên nói với Nanda:

– Này cậu, có phải cha ta đã chôn tài sản?

– Thưa ông chủ, có.

– Chôn tài sản tại đâu?

– Thưa ông chủ, trong rừng.

– Vậy chúng ta hãy đi lấy.

Sau khi đem cuốc và thúng đi đến chỗ chôn giấu, người thanh niên hỏi:

– Này cậu, tài sản ở đâu?

Nanda leo lên, đứng trên chỗ đã chôn tài sản; do vì tài sản ấy, nó khởi lòng kiêu mạn và mắng nhiếc chàng thanh niên chủ nó:

– Đi đi! Đứa con hư, đứa con nô lệ. Từ đâu ngươi có được tài sản này?

Nghe ác ngữ của nó, chàng thanh niên làm như không nghe gì, chỉ nói:

– Thôi, chúng ta đi về.

Rồi hai người cùng về. Sau hai ba ngày, cả hai lại đi, nhưng Nanda lại mắng chửi như cũ. Chàng thanh niên không nói ác ngữ với nó, và suy đi nghĩ lại như sau: "Người nô lệ này, khi đi có ý định báo cho ta biết tài sản. Nhưng đến đó, lại mắng nhiếc ta, chẳng biết vì lý do gì? À, cha ta có người bạn địa chủ, hãy đến hỏi vị ấy!"

Thanh niên ấy đi đến gặp Bồ-tát trình bày tất cả sự việc và hỏi:

– Thưa ngài, vì lý do gì mà tại chỗ Nanda đứng mắng nhiếc con là chỗ cha con chôn tài sản thừa tự?

– Này con, khi Nanda mắng chửi con, con chỉ nên nói: "Này người nô lệ, người mắng chửi ai vậy?"; rồi kéo nó ra, lấy cuốc đào chỗ ấy, lấy tài sản thừa tự của gia đình, bảo người nô lệ nhấc lên và mang về nhà.

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ này:

39. Nghĩ rằng là chỗ chôn,
Đống vàng và nữ trang,
Chỗ nô tỳ hạ sanh,
Tên là Nandaka,
Đang đứng và la to,
Những lời lẽ thô bạo.

Chàng thanh niên liền đảnh lễ Bồ-tát, về nhà và đưa Nanda đi đến chỗ chôn giấu tài sản. Làm đúng theo lời khuyên bảo, chàng đem về tài sản ấy và cai quản gia đình; chàng thanh niên cũng vâng theo lời Bồ-tát khuyên, làm các công đức như bố thí... đến khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói:

– Trong thời quá khứ, tánh tình của kẻ ấy cũng như vậy.

***

Sau khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này, Ngài kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Nanda là đệ tử của Sāriputta và người địa chủ có trí là Ta vậy.

§40. CHUYỆN HỐ THAN LỬA CÂY KEO (*Khadiraṅgārajātaka*) (*J.* I. 226)

Ta thà rơi địa ngục...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về ông Cấp Cô Độc. Ông Cấp Cô Độc đã tiêu hết cho giáo pháp đức Phật một số tiền là năm trăm bốn mươi triệu đồng để xây dựng tinh xá; và ông không nghĩ đến châu báu nào khác ngoài ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng. Trong khi bậc Đạo sư còn ở Kỳ Viên, mỗi ngày vị triệu phú đi đến tinh xá ba lần để cúng dường: Một vào buổi sáng, một vào buổi trưa, một vào buổi chiều. Ngoài ra, còn nhiều sự giúp đỡ khác.

Ông Cấp Cô Độc không bao giờ đi tay không, ngại các Sa-di hay Tỷ-kheo trẻ xem mình có đem gì trong tay không. Buổi sáng ông đem theo cháo; sau buổi ăn sáng, đem theo bơ chín, bơ tươi, mật ong, đường mật. Buổi chiều ông đem theo hương liệu, vòng hoa, vải may y. Ngày này qua ngày khác, vị ấy tiêu dùng như vậy không hạn chế.

Ngoài ra, nhiều người sống bằng nghề buôn bán tự tay trao phiếu nợ, mượn ông tài sản ước lượng một trăm triệu đồng và vị đại triệu phú không đòi họ trả. Còn những gia sản khác trị giá một trăm tám mươi triệu đồng được chôn cất trên bờ sông. Khi bị gió bão, nước phá vỡ bờ sông, gia sản ấy đã trôi ra biển lớn. Các ghè chậu bằng đồng chìm xuống lòng biển còn khóa chặt và đóng dấu nguyên xi.

Trong nhà vị triệu phú luôn luôn có phần cơm cho năm trăm Tỷ-kheo, nhà vị đại triệu phú giống như cái giếng trong xanh ở ngã tư đường cho chúng Tỷ-kheo; như ngôi nhà cha mẹ đối với tất cả đại chúng. Vì vậy, bậc Chánh Đẳng Giác thường đi đến nhà vị đại triệu phú. Tám mươi vị đại Trưởng lão cũng đi đến. Các Tỷ-kheo khác cũng đến và đi không thể kể xiết. Nhà vị đại triệu phú có đến bảy tầng lầu được trang hoàng với bảy cửa gác. Tại cửa gác thứ tư của ngôi nhà ấy, một thần nữ có tà kiến thường trú. Khi bậc Chánh Đẳng Giác vào nhà, thần nữ ấy không ở được trong lầu của mình, đã đem theo mấy đứa con nhỏ xuống ở tại tầng cuối cùng. Khi tám mươi vị đại Trưởng lão và các Trưởng lão khác đến và đi, thần nữ ấy cũng phải làm như vậy. Nàng suy nghĩ: "Khi Sa-môn Gotama và các đệ tử vào nhà này, ta không được an lạc; ta cũng không thể luôn luôn xuống tầng trệt được. Ta phải làm thế nào để những người ấy không đến nhà này nữa."

Một hôm, khi người tổng quản đã về phòng an nghỉ, thần nữ ấy đi đến, chói sáng hào quang và đứng lại. Được hỏi:

– Ai đó?

Nàng trả lời:

– Ta là thần nữ thường trú ở cửa gác thứ tư.

– Vì sao nàng đến đây?

– Ông không thấy việc phải làm của vị đại triệu phú, không nghĩ đến đời sau cho mình, tiêu phí tài sản, làm giàu cho Sa-môn Gotama, không lo buôn bán, không lo làm việc. Ông hãy khuyên vị triệu phú làm việc của mình, đừng để Sa-môn Gotama và các đệ tử vào nhà này nữa.

Người tổng quản ấy nói với thần nữ:

– Này thần nữ ngu si, nếu vị đại triệu phú dùng tài sản, vị ấy chỉ dùng cho giáo pháp chư Phật đưa đến giải thoát. Dù vị đại triệu phú nắm búi tóc ta và bán ta làm nô lệ, ta vẫn sẽ không nói gì. Nàng hãy đi đi!

Hôm khác, thần nữ ấy đi đến người con trai cả của vị đại triệu phú và khuyến giáo tương tự. Người con trai cả cũng mắng nàng như trước. Nhưng nàng không dám nói việc này với vị đại triệu phú.

Do bố thí không ngừng nghỉ, do không kinh doanh, tiền thâu vào ít dần, tài sản vị ấy đi đến khánh tận. Dần dần vị đại triệu phú rơi vào cảnh nghèo thiếu, gia sản, áo quần, sàng tọa, thực phẩm không còn được như xưa. Dầu ở trong tình trạng như vậy, ông Cấp Cô Độc vẫn cúng dường chúng Tăng, tuy rằng không thể cúng dường các món tốt đẹp.

Một hôm, sau khi ông Cấp Cô Độc đảnh lễ và ngồi xuống, Thế Tôn hỏi:

– Này gia chủ, tại nhà ông còn có vật bố thí không?

– Bạch Thế Tôn, thưa có vật bố thí. Đó là cháo tấm với bột chua để lại từ hôm qua.

Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, tâm đừng buồn phiền khi bố thí đồ vật thô xấu; khi tâm tốt đẹp thì đồ vật cúng dường chư Phật, Độc Giác Phật, đệ tử chư Phật cũng không trở thành thô xấu. Vì sao? Vì quả dị thục to lớn. Ai có thể làm tâm tốt đẹp thì vật bố thí không thể thô xấu được. Như vậy ông cần phải hiểu biết.

Và đức Thế Tôn đọc bài kệ:

Khi tâm được tịnh tín, Bố thí không gọi nhỏ,
Cho Như Lai, chư Phật, Hay cho đệ tử Ngài,
Không có cúng dường nào, Được xem là bé nhỏ.[56]

Thế Tôn lại nói thêm:

– Này gia chủ, ông cúng dường món ăn thô xấu nhưng cúng dường tám bậc Thánh nhân. Trong thời Velāma, Ta làm náo động cả Diêm-phù-đề với việc bố thí bảy thứ báu; trong khi đại bố thí, Ta làm chúng tuôn chảy như làm năm con sông trở thành một dòng thác. Nhưng Ta không tìm được ai thọ ba quy y hay

[56] Xem *Vv*. 44.

giữ năm giới. Những người xứng đáng được cúng dường như vậy thật khó kiếm được. Do vậy, khi bố thí cho Ta đồ ăn thô xấu, tâm ông chớ buồn phiền.

Sau đó, bậc Đạo sư nói *Kinh Velāma*.[57]

Bấy giờ, thần nữ ấy không dám nói với người triệu phú khi vị ấy đang có uy quyền, lại suy nghĩ: "Nay vị triệu phú này gặp tình cảnh khó khăn, có thể nghe theo lời ta." Nghĩ vậy, nửa đêm, thần nữ vào phòng vị ấy chiếu sáng hào quang, đứng giữa hư không. Vị triệu phú thấy nàng liền hỏi:

– Ngươi là ai?

– Này đại triệu phú, ta là thần nữ ở cửa gác thứ tư.

– Ngươi đến có việc gì?

– Ta muốn nói lời khuyên ông.

– Vậy hãy nói đi!

– Này đại triệu phú, ông không nghĩ đến thời sau; không nhìn đến con trai, con gái. Ông đã tiêu phí tài sản cho giáo pháp của Sa-môn Gotama. Do ông đã phung phí tài sản lâu ngày, do không làm công việc mới, vì Sa-môn Gotama, ông trở thành nghèo thiếu. Sự việc đã như vậy, ông vẫn không từ bỏ Sa-môn Gotama. Hôm nay, các Sa-môn ấy vẫn đi vào nhà ông như trước. Những gì họ đã lấy đi từ ông, không thể đem về nhà được. Hãy tin chắc là như vậy. Nhưng bắt đầu từ nay trở đi, ông chớ tự mình đi đến Sa-môn Gotama; chớ cho phép những đệ tử của Sa-môn vào nhà này nữa. Hãy xoay lưng không nhìn Sa-môn Gotama nữa; hãy tự mình kinh doanh buôn bán và xây dựng lại sản nghiệp.

Vị triệu phú nói với thần nữ:

– Có phải đấy là lời khuyến giáo ngươi cần nói với ta?

– Đúng như vậy.

Vị đại triệu phú nói:

– Bậc Đạo sư đã làm cho ta không bị dao động bởi trăm, bởi ngàn, bởi trăm ngàn thần nữ như ngươi. Lòng tin của ta như núi Tu-di không dao động, được khéo an trú. Tài sản được ta tiêu dùng cho Pháp bảo đưa đến giải thoát. Lời ngươi nói không thích đáng, là một đòn do ngươi đánh vào giáo pháp đức Phật. Con quỷ đen thiếu lễ độ, theo ác giới, không có chuyện ngươi sống chung trong nhà của ta. Hãy ra khỏi nhà ta mau, đi ở chỗ khác!

Thần nữ nghe lời nói của vị Thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu, không thể ở lại được, bèn về chỗ ở của mình, tay bồng con ra đi với ý nghĩ: "Nếu ta không tìm được chỗ khác, ta sẽ xin lỗi vị đại triệu phú và sẽ trú tại đây." Nghĩ vậy, nàng đi đến vị thiên tử hộ trì thành phố, đảnh lễ vị ấy rồi đứng dậy. Khi được hỏi:

– Nàng đến có chuyện gì?

Nàng trả lời:

---

[57] Xem *A*. IV. 392, *Velāmasutta* (*Kinh Velāma*); *DA*. 234.

– Thưa thiên tử, tôi vô ý nói chuyện với ông Cấp Cô Độc nên vị đại triệu phú giận tôi, đuổi tôi ra khỏi nhà ở. Hãy đưa tôi đến vị đại triệu phú xin lỗi và xin cho tôi được trú tại nhà như cũ.

– Nhưng nàng đã nói với vị triệu phú những gì?

– Bắt đầu từ nay, chớ hộ trì Phật, chớ hộ trì chúng Tăng, chớ để Sa-môn Gotama vào nhà! Thưa thiên tử, tôi đã nói như vậy.

– Lời nàng nói không chính đáng, là một đòn đánh vào giáo pháp. Ta không thể đưa nàng đến gặp vị đại triệu phú được.

Không nhận được sự ủng hộ từ vị này, thần nữ đi đến Bốn Đại Thiên Vương, cũng bị bốn vị ấy bác bỏ. Thần nữ đi đến Thiên chủ Đế-thích thuật câu chuyện ấy và mong cầu giúp đỡ khẩn thiết hơn:

– Thưa Thiên chủ, con không được chỗ ở, phải bồng con trên tay, con lang thang không nơi trú ẩn. Với uy lực của ngài, hãy cho con một chỗ ở!

Thiên chủ trả lời:

– Ngươi làm điều không thích đáng, đã đánh một đòn vào giáo pháp của bậc Chiến Thắng. Ta không thể nói với vị đại triệu phú giùm cho ngươi. Nhưng ta sẽ nói với ngươi một phương pháp làm vị triệu phú tha thứ ngươi.

– Thưa Thiên chủ, lành thay, xin nói lên!

– Có nhiều người đã mượn của vị đại triệu phú một số tài sản trị giá một trăm tám mươi triệu đồng... Ngươi hãy giả dạng người đại diện cho vị triệu phú mà không cho ai biết, cầm giấy mắc nợ ấy, với một số dạ-xoa trẻ vây quanh, một tay cầm giấy nợ, một tay cầm biên lai đi đến nhà họ, đứng ở giữa nhà dọa nạt họ với uy lực dạ-xoa của mình và nói: "Đây là giấy nợ của các ngươi. Khi bậc triệu phú của chúng tôi có uy lực, đã không đòi hỏi gì các ngươi. Nay ngài gặp cơn nghèo túng, hãy trả lại tiền các ngươi đã mượn!" Với uy lực dạ-xoa của ngươi, ngươi sẽ lấy lại được tất cả một trăm tám mươi triệu đồng vàng ấy đổ đầy kho bạc trống không của vị triệu phú. Vị triệu phú còn có tài sản khác chôn giấu ở bờ sông Aciravatī, khi bờ sông bị lở, tài sản ấy bị trôi vào biển. Với uy lực của ngươi, hãy đem số tài sản ấy về đổ đầy kho bạc. Lại còn có một tài sản khác nữa trị giá một trăm tám mươi triệu đồng nằm chôn không chủ tại một chỗ nào đó, hãy lấy đem về đổ đầy kho bạc trống không. Với năm trăm bốn mươi triệu đồng ấy, ngươi đổ đầy các kho bạc trống không, lấy đó để đền tội, rồi đến xin vị đại triệu phú tha tội cho.

Thần nữ đáp:

– Tốt lành thay, thưa Thiên chủ!

Thần nữ chấp nhận lời Thiên chủ, mang lại tất cả tài sản như đã được nói.

Nửa đêm, thần nữ đi vào phòng của vị đại triệu phú, chiếu sáng hào quang rực rỡ, đứng giữa hư không. Được hỏi là ai, nàng đáp:

– Thưa bậc đại triệu phú, tôi là thần nữ mù quáng, ngu si ở tại cửa gác thứ tư.

Do tôi quá ngu si, không biết công đức của đức Phật, đã nói với ngài những lời lỗi lầm trong những ngày trước. Hãy tha thứ lỗi ấy của tôi! Theo lời Thiên chủ Đế-thích, tôi đã đòi lại số tiền nợ một trăm tám mươi triệu đồng cho ngài, đã đem lại số tiền một trăm tám mươi triệu đồng bị trôi ra biển và một số tiền một trăm tám mươi triệu đồng khác được chôn giấu vô chủ tại một chỗ nọ. Như vậy tôi đã mang lại năm trăm bốn mươi triệu đồng đổ đầy các kho bạc trống rỗng của ngài để chuộc lại tội lỗi. Số tiền ngài đã tiêu dùng cho tinh xá Kỳ Viên, tất cả nay đã được thâu lại. Tôi vì không có trú xứ nên rất khổ sở. Chớ nghĩ đến những gì tôi đã làm do sự vô trí của tôi. Hãy tha thứ cho tôi, thưa bậc đại triệu phú!

Ông Cấp Cô Độc nghe vậy, tự nghĩ: "Thần nữ này đang nói đã lập công chuộc tội và đã nhận tội của mình. Bậc Đạo sư sẽ suy xét việc này và sẽ cho nó biết những công đức của mình. Ta sẽ đem thần nữ đến gặp bậc Chánh Đẳng Giác." Vị triệu phú nói:

– Này thần nữ, nếu người muốn xin lỗi ta, hãy xin lỗi ta trước mặt bậc Đạo sư.

– Lành thay, tôi sẽ làm như vậy! Hãy đưa tôi đến bậc Đạo sư!

Vị triệu phú bằng lòng. Khi đêm đã tàn, vào buổi sáng, vị triệu phú đem thần nữ đến bậc Đạo sư và báo với đức Như Lai tất cả việc làm của thần nữ. Bậc Đạo sư nghe xong liền nói:

– Ở đây, này gia chủ, kẻ làm ác, khi điều ác chưa chín muồi, kẻ ấy thấy là thiện; khi điều ác của kẻ ấy chín muồi, chỉ khi ấy kẻ ấy mới thấy là ác. Kẻ làm thiện, khi điều thiện chưa chín muồi, kẻ ấy thấy là ác; khi điều thiện của kẻ ấy chín muồi, chỉ khi ấy kẻ ấy thấy là thiện.

Sau đó, bậc Đạo sư nói lên hai bài kệ này trong *Kinh Pháp cú*:

Người ác thấy là thiện,
Khi ác chưa chín muồi,
Khi ác nghiệp chín muồi,
Người ác mới thấy ác.
Người hiền thấy là ác,
Khi thiện chưa chín muồi,
Khi thiện được chín muồi,
Người hiền thấy là thiện.[58]

Cuối bài kệ này, thần nữ chứng quả Dự lưu. Nàng đảnh lễ chân có tô điểm bánh xe của bậc Đạo sư và nói:

– Bạch Thế Tôn, vì bị nhiễm tham ái, bị sân kích động, bị si mờ ám, bị vô minh bao phủ, con không biết những công đức của Thế Tôn, đã nói những lời ác, xin tha thứ cho con!

Rồi nàng được bậc Đạo sư tha thứ và được vị đại triệu phú tha thứ.

Lúc bấy giờ, ông Cấp Cô Độc ở trước mặt bậc Đạo sư, nói lên công đức của mình:

– Bạch Thế Tôn, thần nữ này đã cố ngăn chặn con chớ cúng dường đức Phật, v.v... nhưng không có thể ngăn chặn con được; nàng đã cố ngăn chặn con chớ bố thí nhưng con vẫn bố thí. Bạch Thế Tôn, đấy là công đức của con.

[58] Xem *Dh*. v. 119, 120.

Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, ông là Thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu, có lòng tin bất động, có tri kiến thanh tịnh. Thật không có gì kỳ diệu là ông đã không bị ngăn chặn bởi thần nữ bất lực này. Nhưng có điều thật sự kỳ diệu là người Hiền trí thuở quá khứ, khi đức Phật chưa xuất hiện, khi trí tuệ chưa chín muồi; dầu Ác ma, chủ cõi dục giới đứng giữa hư không nói lớn: "Nếu ngươi bố thí, ngươi sẽ bị thiêu sống trong địa ngục này", và chỉ rõ một hố đầy than hừng, sâu đến tám mươi khuỷu tay; dầu bị ngăn chớ bố thí, người Hiền trí vẫn đứng giữa đóa sen bố thí như thường.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của ông Cấp Cô Độc, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một vị triệu phú ở Ba-la-nại, được nuôi dưỡng trong sự xa hoa như một hoàng tử. Khi đến tuổi trưởng thành, vừa mới mười sáu tuổi, Bồ-tát đã đạt đến điêu luyện trong tất cả kỹ thuật. Sau khi cha chết, được đặt lên địa vị triệu phú, Bồ-tát cho xây dựng sáu trường bố thí là bốn nhà tại bốn cửa thành, một nhà tại trung tâm thành, một nhà trước cửa trú xứ của mình và tổ chức bố thí lớn; giữ giới, tuân giữ những ngày Bố-tát.

Một hôm, trong giờ điểm tâm, khi các món ăn hảo hạng được mang vào cho Bồ-tát, một vị Độc Giác Phật, sau bảy ngày thiền vừa xuất định và nhận xét: "Đã đến giờ đi khất thực, nay ta phải đến nhà của vị triệu phú Ba-la-nại." Sau khi chùi răng với que đánh răng bằng cọng trầu leo, rửa mặt tại hồ Anotatta rồi đứng trên cao nguyên Manosilātala; vị Độc Giác Phật mang y dưới, cột dây lưng, đắp y ngoài, lấy bình bát bằng đất do thần thông hóa hiện, đi ngang qua hư không và đứng trước cửa nhà, trong khi bữa điểm tâm được mang vào cho Bồ-tát. Bồ-tát thấy vị Độc Giác Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhìn người đứng hầu, chỉ rõ cần dâng cúng món ăn. Người hầu nói:

– Thưa ông chủ, con phải làm gì?

Bồ-tát nói:

– Hãy đem bình bát vị ấy lại đây!

Ngay trong thời khắc ấy, Ác ma lồng lộn hiện lên, tự nghĩ: "Vị Độc Giác Phật này chỉ được đồ ăn từ bảy ngày trước, nếu hôm nay không được ăn, vị ấy sẽ chết. Ta sẽ làm vị ấy chết và làm vị triệu phú chấm dứt việc bố thí."

Ngay lúc ấy, Ác ma đi đến, hóa hiện ở trong nhà một hố than hừng sâu tám mươi khuỷu tay. Hố ấy đầy những than hừng bằng cây keo cháy rực, cháy đỏ có ngọn, hiện ra như địa ngục. Sau khi tạo ra hố than hừng ấy, Ác ma tự mình đứng giữa hư không. Người hầu đi đến, định mang bình bát lại, thấy vậy hoảng sợ quay lui. Bồ-tát hỏi:

– Này con thân, sao con trở lui?

Người ấy nói:

– Thưa ông chủ, trong nhà có một hố than hừng, cháy đỏ rực, cháy có ngọn. Những người khác đi đến cũng hoảng sợ chạy trốn hết.

Bồ-tát suy nghĩ: "Hôm nay, Ác ma có uy lực, đang nỗ lực ngăn chặn ta bố thí. Ta cần phải cho nó biết dù trăm ma, ngàn ma, trăm ngàn ma cũng không làm cho ta dao động. Hôm nay ta sẽ làm cho chúng thấy ai mạnh hơn ai, ai có uy lực hơn ai."

Bồ-tát tự mình cầm lấy bát cơm đã sẵn sàng, đi ra khỏi nhà, đứng ngay trên bờ hố than hừng, nhìn lên trời thấy Ác ma, liền hỏi:

– Ngươi là ai?

– Ta là Ác ma.

– Có phải ngươi hóa hiện hố than hừng này?

– Phải, chính ta hóa hiện.

– Vì mục đích gì?

– Vì mục đích ngăn chặn ngươi bố thí, vì mục đích giết mạng sống của vị Độc Giác Phật.

Bồ-tát nói:

– Ta sẽ không cho ngươi ngăn chặn ta bố thí. Ta cũng không cho ngươi giết mạng sống của vị Độc Giác Phật. Hôm nay, ta sẽ làm cho ngươi biết giữa ta và ngươi, ai có sức mạnh lớn hơn.

Vẫn đứng trên bờ hố than hừng, Bồ-tát nói:

– Bạch Thế Tôn, Độc Giác Phật, dầu con có rơi đầu lộn ngược vào hố than hừng này, con vẫn không trở lui. Mong Thế Tôn chấp nhận món ăn do con cúng dường.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ này:

40. Ta thà rơi địa ngục, Chân trên, đầu phía dưới,
Ta sẽ làm việc Thánh, Hãy nhận lấy món ăn!

Rồi với quyết tâm vững chắc, Bồ-tát cầm bát cơm bước lên mặt hố than hừng. Khi Bồ-tát làm như vậy, từ mặt hố than hừng sâu đến tám mươi khuỷu tay, mọc lên một hoa sen tuyệt đẹp đỡ lấy chân Bồ-tát. Từ hoa sen ấy, nhụy sen khoảng chừng một đấu lớn phun lên, rơi trên đầu bậc Đại sĩ, phủ khắp toàn thân như rắc hột vàng. Bồ-tát đứng trên đóa hoa sen, đặt vào trong bát vị Độc Giác Phật những món ăn thượng vị khác nhau. Vị Độc Giác Phật nhận đồ ăn, nói lên lời tùy hỷ, rồi quăng bình bát lên trên hư không; và ngay trước mắt của đại chúng, tự mình bay lên hư không về phía Tuyết sơn, để lại một đường mây gồm nhiều hình thù kỳ diệu đặc biệt. Còn Ác ma bị thất bại và sầu muộn đi về trú xứ của mình. Bồ-tát vẫn đứng trên tòa sen, thuyết pháp cho đại chúng, tán thán bố

thí, giới đức; và cùng với đại chúng vây quanh, bước vào trú xứ của mình. Bồ-tát trọn đời làm công đức, rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

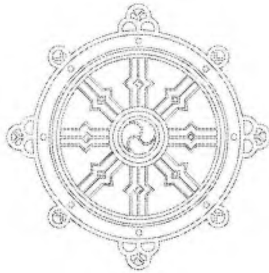
***

Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, việc này không có gì kỳ diệu khi một người đầy đủ tri kiến như ông không để cho thần nữ làm dao động. Thật sự kỳ diệu là những gì bậc Hiền trí đã làm trong thời quá khứ.

Thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vị Độc Giác Phật tại chỗ ấy nhập Niết-bàn; còn Ta chính là người triệu phú Ba-la-nại, sau khi đánh bại Ác-ma, đứng trên đóa hoa sen, cúng dường thức ăn khất thực vào bát của vị Độc Giác Phật.



V. PHẨM LỢI ÁI
(*ATTHAKĀMAVAGGA*)

§41. CHUYỆN TRƯỞNG LÃO LOSAKA (*Losakajātaka*) (*J.* I. 234)

Với người muốn mình tốt...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về Trưởng lão Losakatissa. Ai là Trưởng lão Losakatissa? Một người ở xứ Kosala, con của người đánh cá, là một tai ương cho gia đình. Khi làm Tỷ-kheo, vị ấy không bao giờ nhận được gì cả.

Từ chỗ được sanh ở đời trước và khi mạng chung, vị ấy đã đầu thai vào bụng vợ một người đánh cá trong một làng đánh cá gồm một ngàn gia đình ở Kosala. Trong ngày vị ấy đầu thai, một ngàn gia đình ấy, với lưới cầm tay, đi đánh cá trên sông, trên hồ không bắt được một con cá nhỏ nào. Từ ngày đó trở đi, những người đánh cá gặp những điều tổn hại. Khi vị ấy còn ở trong thai, làng của họ bị lửa đốt cháy bảy lần và bị vua xử phạt bảy lần. Như vậy, dần dần họ rơi vào túng thiếu. Họ suy nghĩ: "Trước kia, chúng ta không như vậy. Nay chúng ta gặp nhiều tổn hại. Giữa chúng ta phải có một người có số đen. Chúng ta hãy chia thành hai nhóm, mỗi nhóm năm trăm gia đình, và nhóm nào có người có số đen, nhóm ấy bị tổn hại, nhóm kia được tăng thịnh."

Và cứ thế họ chia nhóm ấy làm hai, chia làm hai, chia làm hai nữa. Như vậy, họ chia cho đến khi chỉ còn lại một gia đình ấy, và khi tìm được kẻ số đen ở trong gia đình ấy, họ liền đánh đuổi đi. Người mẹ phải kiếm sống một cách khó nhọc với bụng mang thai, khi thai đến kỳ, bà sanh được đứa con trai. Đứa bé ấy được sanh trong đời sống cuối cùng, do đó không thể bị giết hại, như ngọn đèn trong chiếc ghè, điều kiện để thành A-la-hán cháy đỏ trong tim của nó.

Người mẹ nuôi dưỡng nó, tập nó chạy tới, chạy vòng, và khi nó đã đi được, bà đặt trong tay nó một cái bát đi xin, bảo nó đi vào một nhà kia, rồi bà bỏ trốn. Từ đó, đứa bé sống một mình, tìm đồ ăn tại chỗ này, nằm ngủ tại chỗ khác, không tắm, không săn sóc thân mình, kiếm sống một cách cực khổ chẳng khác con quỷ ăn bùn. Nó dần dần lớn lên được bảy tuổi, lượm từng miếng cơm một mà ăn, như con quạ tại một cửa nhà nọ có được đồ ăn còn lại từ các nồi cơm được rửa.

Một hôm, Tướng quân Chánh pháp Sāriputta (Xá-lợi-phất) đang đi khất thực ở Xá-vệ, thấy đứa bé, suy nghĩ không biết đứa bé đáng thương này ở làng nào, khởi lòng từ bi đối với nó và gọi:

– Hãy đến đây!

Đứa bé đến đảnh lễ Trưởng lão và đứng lại. Trưởng lão hỏi:

– Con sống ở làng nào? Cha mẹ ở đâu?

– Thưa Tôn giả, con sống không nơi nương tựa. Cha mẹ vì con, sống quá mệt mỏi nên bỏ rơi con mà trốn đi.

– Con có muốn xuất gia không?

– Thưa Tôn giả, con muốn xuất gia. Nhưng ai sẽ truyền giới xuất gia cho kẻ khốn nạn như con?

– Ta sẽ truyền giới xuất gia cho con.

– Lành thay, Tôn giả hãy truyền giới xuất gia cho con!

Trưởng lão cho nó ăn các món ăn loại cứng và loại mềm, dắt nó đến tinh xá, tự tay tắm rửa nó, truyền giới xuất gia cho nó làm Sa-di, và khi tuổi đầy đủ, liền trao Đại giới cho nó. Khi nó trưởng thành, nó được gọi là Trưởng lão Losakatissa.

Trưởng lão Losakatissa ít phước đức, nên ít nhận được đồ cúng dường. Truyền thuyết nói, dầu có lễ bố thí to lớn không gì sánh được, bụng Trưởng lão cũng không no, mà chỉ được ăn vừa đủ để nuôi mạng sống. Một muỗng cháo đổ vào bát của Trưởng lão hình như làm tràn đầy bình bát, những người cho nghĩ rằng bình bát đã đầy tràn nên đem cháo cho người sau. Khi cháo được đổ vào bình bát Trưởng lão, người ta nói cháo trong đĩa của người cúng như biến mất, các đồ ăn cứng khác cũng như vậy.

Trưởng lão, sau một thời gian, thiền quán được tăng trưởng, chứng quả A-la-hán tối thượng, nhưng vẫn được đồ cúng dường ít ỏi. Thọ hành Trưởng lão dần dần giảm thiểu và ngày nhập Niết-bàn đã đến. Tướng quân Chánh pháp hướng tâm đến, biết ngày Trưởng lão đắc Niết-bàn Vô dư y, tự nghĩ: “Trưởng lão Losakatissa hôm nay sẽ nhập Niết-bàn. Ta sẽ khuyên người ta cúng dường Trưởng lão đồ ăn như ý muốn.” Tôn giả Sāriputta đưa Trưởng lão vào thành Xá-vệ khất thực. Tôn giả Sāriputta và Trưởng lão Losakatissa dầu đưa tay cho nhiều người ở Xá-vệ, cũng không nhận được ngay cả một tô cháo. Tôn giả Sāriputta bảo Losakatissa về trước ngồi tại phòng họp, rồi giữ đồ ăn nhận được đem về cho Losakatissa. Những ai được Sāriputta giao đồ ăn đem về đều quên trao cho Losakatissa và tự mình ăn đồ ăn ấy.

Khi Trưởng lão Sāriputta đứng dậy và đi về tinh xá, Losakatissa đi đến đảnh lễ, Trưởng lão dừng bước quay lại hỏi:

– Này Hiền giả, Hiền giả có được đồ ăn không?

– Thưa Tôn giả, chúng con sẽ nhận được đúng thời.

Trưởng lão Sāriputta hoảng hốt nhìn giờ. Thời giờ đã quá rồi. Trưởng lão nói:

– Này Hiền giả, hãy ngồi ở đây.

Trưởng lão bảo Losakatissa ngồi xuống trong phòng họp, rồi đi đến trú xứ vua nước Kosala. Nhà vua cho người lấy bát Trưởng lão, bỏ đầy bát với bốn loại bánh ngọt và nói:

– Đây là đồ ăn phi thời.[59]

Trưởng lão cầm bát, đi về và nói:

– Này Hiền giả Tissa, hãy ăn bốn loại bánh ngọt này.

Nói xong, Tôn giả cầm bát và đứng chờ. Nhưng Losakatissa hổ thẹn vì lòng kính trọng đối với Tôn giả Sāriputta nên không dám ăn. Trưởng lão Sāriputta nói với Losakatissa:

– Này Hiền giả, hãy đến! Ta đứng cầm bình bát này, còn Hiền giả ngồi và ăn. Nếu tay ta rời bình bát này thì không còn vật gì nữa.

Rồi trong khi bậc Tối thượng Tướng quân Chánh pháp đứng cầm bát, Tôn giả Losakatissa ăn bốn loại bánh ngọt. Do thần thông lực thuộc bậc Thánh của Tôn giả Sāriputta, bánh ấy không biến mất. Khi ấy, Trưởng lão Losakatissa được ăn như ý muốn, đầy đủ, no bụng. Ngày hôm ấy, Trưởng lão Losakatissa đắc Niết-bàn Vô dư y. Bậc Chánh Đẳng Giác đứng một bên và chứng kiến thân vị ấy được hỏa táng. Các Xá-lợi được thâu thập và điện tháp được dựng lên trên.

Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo đang ngồi họp tại pháp đường nói:

– Này các Hiền giả, Losakatissa ít phước đức, ít nhận đồ cúng dường. Do ít phước đức, ít được cúng dường như vậy, làm sao lại được Thánh pháp?

Bậc Đạo sư đến pháp đường hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi họp tại đây, đang bàn câu chuyện gì?

Chúng Tỷ-kheo báo câu chuyện ấy lên Thế Tôn. Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy do nghiệp mình làm nên không được cúng dường và đồng thời chứng được Thánh pháp. Vị ấy thuở trước do làm chướng ngại người khác cúng dường nên ít được cúng dường; nhưng do chú tâm thiền quán vô thường, vô ngã nên được Thánh quả, chứng được các thắng pháp.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở ấy, trong thời bậc Chánh Đẳng Giác Ca-diếp, có một Tỷ-kheo sống ở một ngôi làng nhỏ, được một vị điền chủ hộ trì. Tỷ-kheo ấy tính tình bộc trực, hồn nhiên, giữ giới, chuyên tu tập thiền quán. Lại cũng có một Trưởng lão A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc, sống bình đẳng với các bậc đồng Phạm hạnh. Vị này trước kia chưa bao giờ đến ngôi làng có người điền chủ đã ủng hộ Tỷ-kheo ấy, nay mới đến lần đầu. Người điền chủ hoan hỷ với cử chỉ của Trưởng lão,

---

[59] Nghĩa là khi quá giờ ngọ (bóng của cái cây thẳng đứng rộng bằng ngón tay), Tỷ-kheo giữ luật nghiêm túc sẽ không ăn cơm nữa, tuy nhiên vẫn dùng được những thức ăn nhẹ như mật, bơ, đường, xem đó là món thuốc chữa bệnh.

cầm lấy bình bát, mời vào nhà, cung kính mời ăn. Rồi vị ấy nghe thuyết bài pháp ngắn, đảnh lễ Trưởng lão và thưa:

– Thưa Tôn giả, hãy đi đến ngôi tinh xá gần đây của chúng tôi. Chúng tôi vào buổi chiều sẽ đến yết kiến ngài.

Trưởng lão đi đến ngôi tinh xá, đảnh lễ Trưởng lão trụ trì và sau khi xin phép, ngồi xuống một bên. Vị trụ trì thân mật hỏi thăm Trưởng lão:

– Thưa Hiền giả, Hiền giả được đồ ăn chưa?

– Thưa được rồi.

– Được tại đâu?

– Tại nhà điền chủ trong làng gần đây của Tôn giả.

Sau khi nói vậy, Trưởng lão hỏi chỗ sàng tọa của mình, sửa soạn cất đặt y bát, rồi ngồi xuống thọ hưởng lạc về thiền và lạc về quả. Vào buổi chiều, người điền chủ ấy đem theo hương, vòng hoa, đèn và dầu đi đến tinh xá, đảnh lễ vị trụ trì và hỏi:

– Thưa Tôn giả, vị Trưởng lão khách đã đến chưa?

Sau khi được biết vị ấy đã đến rồi, người điền chủ đi đến vị Trưởng lão khách, đảnh lễ, ngồi xuống một bên và nghe thuyết pháp. Vào buổi chiều mát, người điền chủ đảnh lễ điện Phật, cây Bồ-đề, thắp đèn, mời hai vị đến nhà rồi ra đi.

Trưởng lão trụ trì suy nghĩ: “Điền chủ này đã bị phân tâm. Nếu Tỷ-kheo này trú ở đây, điền chủ ấy không còn đếm xỉa đến ta một chút nào nữa.”

Trưởng lão trụ trì với tâm tư không được vui, suy nghĩ: “Ta phải làm thế nào để vị ấy không ở được trong tinh xá này.” Đến giờ hầu thăm, khi Trưởng lão khách đến, Trưởng lão trụ trì không nói gì. Vị Trưởng lão khách đoạn tận các lậu hoặc, biết được ý định của Trưởng lão trụ trì, tự nghĩ: “Trưởng lão này không biết ta không bao giờ gây trở ngại cho gia đình cúng dường vị ấy hay đồ chúng vị ấy”, liền đi về trú xứ của mình, hưởng thọ lạc về thiền và lạc về quả.

Trưởng lão trụ trì, ngày hôm sau, đánh nhẹ cái chuông phòng vị khách trọ, rồi lấy móng tay gõ nhẹ vào cửa và đi đến nhà người điền chủ. Người điền chủ cầm lấy bát vị ấy, mời ngồi trên chỗ đã soạn sẵn và hỏi:

– Trưởng lão khách ở đâu?

– Tôi không biết tin tức của bạn ngài. Tôi đã đánh chuông gõ cửa, nhưng không thể đánh thức vị ấy dậy. Tôi chắc là bữa qua, sau khi ăn thượng vị ở nhà của ngài, vị ấy chưa có thể tiêu hoá được; do vậy, nay đang còn ngủ. Rất có thể, ngài hoan hỷ với những sự kiện như vậy.

Trong khi ấy, vị Trưởng lão đã đoạn tận các lậu hoặc nghĩ rằng thời gian đi khất thực của mình đã đến, liền sửa soạn thân mình tử tế, cầm y bát, bay lên hư không và đi đến một chỗ khác.

Còn người điền chủ ấy cúng dường vị Trưởng lão trụ trì cơm và sữa với bơ tươi, mật ong và đường. Rồi ông bảo chùi bát với bột thơm, đổ thức ăn đầy bát lần nữa và thưa:

– Thưa Tôn giả, Trưởng lão ấy đi đường mệt, hãy đem đồ ăn này về cho vị ấy.

Rồi đưa bát cho Trưởng lão trụ trì. Vị này không thể từ chối, cầm bát đi và suy nghĩ: "Nếu Tỳ-kheo ấy uống cơm sữa này, có ai nắm cổ đuổi đi, vị ấy cũng không đi. Nhưng nếu ta cho người khác cơm sữa này, việc ta làm sẽ bị bại lộ. Nếu ta đổ xuống nước, bơ tươi sẽ nổi lên trên mặt nước và bị lộ. Nếu ta quăng trên đất, loài quạ sẽ tụ họp lại và sẽ bị thấy. Nay ta quăng món ăn này ở đâu?"

Đang phân vân suy tính như vậy, vị ấy thấy một đám ruộng vừa bị đốt. Tỳ-kheo ấy bới các than đỏ lên, quăng đồ ăn tại đấy, lấy than đỏ che đậy lên trên, rồi đi về tinh xá. Không thấy Tỳ-kheo khách ở đâu, Tỳ-kheo trụ trì suy nghĩ: "Chắc Tỳ-kheo ấy đã đoạn tận các lậu hoặc, biết được ý định của ta và đã đi chỗ khác. Ôi, ta vì nhân duyên cái bụng, đã làm một việc không thích đáng." Do vậy, sầu ưu khởi lên; và từ đấy, vị Tỳ-kheo trụ trì như một con ma trên đất, không bao lâu mạng chung, tái sanh vào địa ngục.

Trong hàng trăm ngàn năm, nó bị nấu ở địa ngục. Do ác nghiệp chín muồi, nó bị sanh năm trăm năm liên tục làm quỷ dạ-xoa, không được ăn đầy bụng, dầu chỉ một ngày; chỉ trừ một ngày, nó được ăn no bụng với đồ uế nhiễm của bào thai. Rồi trong năm trăm đời, nó sanh làm chó; khi ấy, chỉ có một ngày nó được ăn no bụng với cơm được nôn ra. Trong thời gian còn lại, nó không bao giờ được đồ ăn đầy bụng.

Từ thai tạng chó mạng chung, nó sanh trong một gia đình nghèo đói, trong một làng ở Kāsi. Từ khi nó sanh ra, gia đình trở thành nghèo đói cùng cực. Nó không bao giờ được một nửa tô nước cháo chua vào bụng. Nó được đặt tên là Mittavindaka. Cha mẹ nó không thể chịu khổ vì đói, đánh đuổi nó đi.

– Hãy đi đi, đồ gây ra đen đủi bất hạnh!

Không nơi nương tựa, nó đi lang thang và đến tại Ba-la-nại.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát được sanh làm vị giáo sư có tiếng khắp bốn phương và đang dạy nghề cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn. Lúc ấy, dân ở Ba-la-nại thường cho tiền những người nghèo đói và cho họ học nghề. Mittavindaka học nghề không tiền với Bồ-tát. Nhưng tánh nó độc ác khó dạy, hay đánh lộn và hay đi lang thang. Được Bồ-tát khuyên dạy, nó vẫn không nghe theo. Vì có nó, tiền dạy của Bồ-tát trở thành ít ỏi. Nó gây lộn với các thanh niên khác, không nghe lời khuyên; cuối cùng trốn đi lang thang đây đó, đến một làng biên địa và làm thuê sinh sống.

Tại đấy, nó lấy một người đàn bà nghèo khổ và sinh được hai đứa con. Người trong làng thuê nó dạy cho họ biết thế nào là thiện, thế nào là ác, và cho nó một cái chòi để sống tại cửa làng. Do Mittavindaka đến đây sống, dân

chúng ở làng biên địa ấy bị vua xử phạt bảy lần, nhà của họ bị cháy bảy lần và hồ chứa nước bị cạn bảy lần. Họ suy nghĩ: "Trước khi Mittavindaka đến đây, chúng ta không có như vậy. Từ khi nó đến, chúng ta bị tổn hại." Vì thế, họ đánh đuổi nó đi.

Nó đem vợ con ra đi, đến một chỗ khác, vào một khu rừng do phi nhân ngự trị. Tại đấy, các phi nhân giết, ăn thịt vợ con nó. Nó chạy trốn khỏi chỗ ấy, đi lang thang chỗ này chỗ kia; đến một bến tàu tên là Gambhīra, đúng vào ngày một chiếc tàu mới được hạ thủy, nó trở thành người làm thuê trên tàu.

Khi chiếc tàu đi trên mặt biển được bảy ngày, đến ngày thứ bảy, tàu đứng lại như bị mắc cạn. Họ rút thăm ai là con số đen bất hạnh. Bảy lần thẻ rơi vào Mittavindaka. Họ cho nó một cái bè tre, bắt tay nó quăng xuống biển, rồi tàu lại ra đi. Mittavindaka leo lên bè tre và trôi trên mặt biển.

Do quả nó đã giữ giới trong thời đức Phật Ca-diếp Chánh Đẳng Giác nên trên mặt biển, nó gặp bốn tiên nữ trong một lâu đài bằng pha lê. Với chúng, nó sống trong bảy ngày hưởng hạnh phúc. Bấy giờ, các loài quỷ ở lâu đài ấy hưởng hạnh phúc trong bảy ngày. Sau bảy ngày, chúng phải ra đi để chịu đau khổ. Lúc ra đi, chúng bảo nó đợi ở đây cho đến khi chúng trở về.

Chúng đi rồi, Mittavindaka lại leo lên bè tre đi chỗ khác và gặp được tám tiên nữ ở trong lâu đài bằng ngọc. Từ đấy, nó đi nữa và gặp được ba mươi hai tiên nữ ở trong mười sáu lâu đài bằng vàng. Không nói gì với chúng, nó lại bỏ đi và thấy một thành dạ-xoa ở giữa hòn đảo.

Tại đấy, có một nữ dạ-xoa sống dưới hình dạng con dê. Mittavindaka không biết nó là nữ dạ-xoa, nắm lấy chân con dê để ăn thịt. Con dạ-xoa nữ ấy, với uy lực của mình, nhấc bổng nó lên và quăng nó ra xa. Nó bị quăng ngang qua biển, rơi xuống một bụi gai tại một cái hào khô nước, lăn tròn rồi đứng dậy.

Lúc bấy giờ, tại cái hào ấy, bọn trộm thường đến giết dê của vua. Các người chăn dê đứng núp rình bắt ăn trộm. Mittavindaka, sau khi lăn tròn, đứng dậy trên đất, thấy các con dê liền nghĩ: "Ta đã bắt chân con dê trên hòn đảo ở biển và bị nó quăng rơi tại đây. Nếu nay ta lại bắt lấy chân một con dê thì nó sẽ quăng ta đến chỗ các tiên nữ ở trong lâu đài trên mặt biển, tại bờ bên kia." Khi tác ý bất chánh như vậy, nó liền nắm chân một con dê, lập tức con dê bị nắm kêu lên. Các người chăn dê từ nhiều chỗ núp chạy đến bắt nó và nói:

– Đây là đứa ăn trộm đã bắt các con dê của nhà vua từ trước đến nay.

Chúng đánh nó, trói nó và dẫn nó đến trước mặt vua. Lúc bấy giờ, Bồ-tát với năm trăm thanh niên Bà-la-môn vây quanh, ra khỏi thành để đi tắm. Thấy Mittavindaka, nhận được nó, Bồ-tát nói với các người ấy:

– Này các bạn thân, đây là đệ tử của tôi. Sao lại bắt nó?

Các người ấy nói:

– Thưa Tôn giả, đây là đứa ăn trộm dê, nó bắt chân một con dê nên chúng tôi bắt nó.

– Hãy giao nó cho chúng tôi để làm nô lệ. Nó sẽ dựa vào chúng tôi để sống.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Rồi họ thả nó và ra đi. Bồ-tát hỏi nó:

– Này Mittavindaka, từ trước cho đến nay ngươi sống ở đâu?

Nó kể lại tất cả công việc nó làm. Bồ-tát nói:

– Vì không nghe lời những người muốn ngươi hạnh phúc nên ngươi phải chịu mọi sự bất hạnh như vậy.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ này:

41. Với người muốn mình tốt,
Cứng đầu không theo lời,
Chẳng khác Mittaka,
Với người thương tưởng mình,
Sẽ gặp điều sầu muộn,
Nắm chặt chân con dê.

Lúc bấy giờ, khi cả vị giáo sư và Mittavindaka mạng chung, họ đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, chính Losakatissa này đã tự làm cho mình được ít đồ cúng dường và đồng thời được Thánh pháp.

Sau khi nói pháp thoại này xong, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Mittavindaka là Trưởng lão Losakatissa, vị giáo sư được danh bốn phương là Ta vậy.[60]

§42. CHUYỆN CHIM BỒ CÂU (*Kapotajātaka*)[61] (*J.* I. 241)

Với người muốn mình lợi...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỳ-kheo có lòng tham. Lòng tham của vị này sẽ được kể trong chương VI, *Chuyện con quạ*.[62] Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo báo cho bậc Đạo sư biết:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo này có lòng tham.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỳ-kheo, có thật như vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, có thật.

Bậc Đạo sư nói:

---

[60] Xem 3 câu chuyện có cùng tên *Mittavindajātaka* (*Chuyện chàng trai Mittavinda*): *J.* I. 363, số §82; *J.* I. 413, số §104; *J.* III. 206, số §369; *J.* IV. 1, *Catudvārajātaka* (*Chuyện bốn cổng thành*), số §439; *Pv.* 89, *Gūthakhādakapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ ăn phân*), số 43.

[61] Bản CST viết *Kapotajātaka*. Bản Tích Lan viết *Kapotakajātaka*.

[62] Xem 2 câu chuyện cùng tên *Kākajātaka* (*Chuyện con quạ*): *J.* I. 397, số §140; *J.* III. 314, số §395.

– Thuở trước, này Tỷ-kheo, ông cũng có lòng tham. Vì lòng tham, ông đã mất mạng và các vị hiền trí cũng vì ông đã mất trú xứ của họ.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta (Phạm Thọ) trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con chim bồ câu. Lúc bấy giờ, dân chúng ở Ba-la-nại ưa thích làm công đức, thường treo những ổ rơm chỗ này chỗ kia để các chú chim có nơi ẩn náu thuận tiện, an ổn. Người đầu bếp của vị triệu phú Ba-la-nại cũng treo một ổ rơm tại nhà bếp. Bồ-tát sống tại đấy, buổi sáng bay đi tìm mồi và chiều lại bay về.

Một hôm, một con quạ bay ngang qua mái nhà bếp, ngửi mùi thơm của cá muối, cá tươi, thịt chua, thịt tươi; tại chỗ ấy, nó khởi lòng tham, tự nghĩ: “Ta phải tìm cách ăn cho được cá thịt này.” Nghĩ vậy, nó đậu cách đó không xa, dò xét xung quanh, nó thấy buổi chiều Bồ-tát bay về và đi vào bếp, nghĩ rằng nhờ con chim bồ câu này nó sẽ được ăn cá và thịt.

Ngày hôm sau, vào buổi sáng, nó bay lên. Khi Bồ-tát bay ra đi kiếm đồ ăn, nó bay sát theo sau khắp nơi như cái bóng. Bồ-tát nói với nó:

– Này bạn, vì sao bạn đi theo tôi?

– Thưa ngài, cử chỉ của ngài khiến tôi ưa thích. Bắt đầu từ nay, tôi xin hầu hạ ngài.

– Này bạn, món ăn của bạn khác, món ăn của tôi khác. Bạn hầu hạ tôi sẽ gặp khó khăn.

– Thưa ngài, khi ngài tìm đồ ăn, tôi cũng tìm đồ ăn và tôi sẽ theo ngài.

– Thôi được, nhưng bạn phải hết sức siêng năng.

Như vậy, Bồ-tát khuyên con quạ đi tìm đồ ăn, các loại hột cỏ, hột giống. Trong khi Bồ-tát đi tìm đồ ăn, con quạ cũng đi, lật lên các miếng phân, ăn các loại trùng nhét cho đầy bụng, rồi đi đến Bồ-tát và nói:

– Thưa ngài, ngài dùng quá nhiều thì giờ cho việc tìm đồ ăn, thật không tốt.

Khi Bồ-tát tìm đồ ăn xong, buổi chiều bay về, con quạ cũng bay theo vào nhà bếp. Người nấu bếp nói:

– Con bồ câu của chúng ta có đem một con chim khác về.

Anh ta liền treo một tổ rơm nữa cho con quạ. Từ đấy chim bồ câu và quạ sống với nhau. Một hôm, người ta đem đến nhiều cá và thịt cho người triệu phú. Người đầu bếp lấy cá và thịt ấy đem treo chỗ này chỗ kia trong bếp. Con quạ thấy vậy, lòng tham khởi lên: “Ta sẽ không đi tìm đồ ăn ngày mai, ta phải ăn món này.” Đêm đến, nó nằm ngủ, vừa ngủ vừa rên. Ngày hôm sau, Bồ-tát đi tìm mồi nói:

– Hãy đi, này bạn quạ!

– Thưa ngài, ngài hãy đi một mình. Tôi bị đau bụng.

– Này bạn, từ trước đến nay, chưa bao giờ loài quạ đau bụng. Ban đêm trong ba canh, bốn canh, cứ mỗi canh loài quạ có bất tỉnh, nhưng khi chúng nuốt tim đèn, chúng được thỏa mãn ngay lúc ấy. Có thể bạn muốn ăn thịt và cá. Hãy đi nào, món ăn của người không thích hợp với các bạn đâu. Chớ làm như vậy, hãy đi kiếm ăn với ta!

– Thưa ngài, tôi không thể đi.

– Hành động của bạn sẽ lộ rõ, chớ để lòng tham chi phối, chớ phóng dật.

Khuyên nó xong, Bồ-tát đi kiếm ăn. Người đầu bếp cố gắng làm nhiều món thịt cá khác nhau. Lúc giở các nắp chảo để hơi nóng thoát ra, người đầu bếp đặt trên mặt chảo một cái rá lọc rồi đi ra ngoài, đứng lau mồ hôi.

Trong khi ấy, con quạ từ ổ rơm ló đầu ra, nhìn vào nhà bếp, biết người đầu bếp đã ra đi, tự nghĩ: "Nay ta sẽ được thỏa mãn tham vọng, sẽ được ăn thịt. Nhưng ta nên ăn miếng thịt lớn hay miếng thịt nhỏ? Với miếng thịt nhỏ, khó có thể đầy bụng mau được. Vậy ta hãy mau chóng mang miếng thịt lớn bỏ vào ổ rơm rồi nằm ăn."

Quạ bay ra khỏi ổ, đậu trên cái rá lọc. Rá lọc ấy phát ra tiếng động "kili". Người đầu bếp nghe tiếng động, không biết cái gì, đi vào thấy con quạ, liền nói:

– Đây là con quạ ranh con! Mày muốn ăn thịt nấu cho vị triệu phú của ta. Ta sống làm việc vì người chủ triệu phú, chớ không vì đồ ngu như mày. Đồ như mày nào có liên hệ gì với ta!

Kẻ ấy đóng cửa, bắt con quạ, nhổ sạch lông, đem củ gừng giã nhỏ với muối và cây thì là, trộn với nước sữa chua, thoa lên toàn thân con quạ, rồi ném con quạ vào ổ rơm. Con quạ chịu khổ, đau đớn nằm rên. Bồ-tát, buổi chiều về, thấy quạ gặp nạn như vậy, liền nói:

– Ôi, con quạ tham lam, vì không làm theo lời ta, vì lòng tham của ngươi, ngươi bị đau đớn lớn.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ này:

42. Với người muốn mình lợi,
Với người thương tưởng mình,
Có những lời khuyên bảo,
Nhưng không làm theo lời,
Như con quạ tham lam,
Không làm theo lời khuyên,
Của con chim bồ câu,
Nó bị ngã rơi vào,
Như rơi vào tay địch.

Bồ-tát nói xong, tự nghĩ: "Nay ta không thể ở nơi này nữa", bèn đi một chỗ khác. Còn con quạ mạng chung ngay lúc ấy. Người đầu bếp nhặt nó từ ổ rơm và quăng nó vào đống rác.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, không phải nay ông mới tham, trước kia ông cũng đã tham; do lòng tham của ông, các bậc hiền trí đã mất trú xứ của họ.

Sau khi thuyết pháp thoại, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, Tỷ-kheo ấy chứng được quả Nhất lai. Bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện với nhau và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, con quạ là Tỷ-kheo tham lam, còn con bồ câu là Ta vậy.

§43. CHUYỆN CON RẮN TRE (*Veḷukajātaka*) (*J.* I. 244)

Với người muốn mình lợi...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Thế Tôn hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông là người khó bảo?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới khó bảo. Thuở trước, ông cũng đã khó bảo rồi. Vì tánh ông khó bảo, không nghe lời các bậc Hiền trí, ông mạng chung vì miệng con rắn.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình giàu có ở nước Kāsi. Khi lớn lên, thấy sự nguy hiểm của dục vọng, thấy lợi ích khi xa lìa nó, Bồ-tát từ bỏ các dục, đi vào Tuyết sơn, xuất gia làm vị ẩn sĩ, chuẩn bị tốt đẹp đề tài thiền quán, đạt được năm thắng trí và tám thiền chứng, sống hưởng thọ thiền lạc. Sau một thời gian, Bồ-tát có một hội chúng lớn với năm trăm ẩn sĩ khổ hạnh vây quanh. Ngài sống làm bậc Đạo sư của hội chúng.

Bấy giờ, một con rắn độc con, theo bản tánh của mình, đi đến am thất của một vị tu khổ hạnh. Vị tu khổ hạnh khởi lòng thương con rắn như con mình, cho nó nằm trong một ống tre và nuôi dưỡng nó. Vì nằm ở trong ống tre nên nó được gọi là Veḷuka (Rắn Tre). Vì vị tu khổ hạnh nuôi dưỡng con rắn với tình thương như con mình nên vị ấy được gọi là "Cha của Veḷuka".

Lúc bấy giờ, Bồ-tát nghe có vị tu khổ hạnh nuôi dưỡng con rắn độc, bèn cho gọi vị ấy lên và hỏi:

– Có thật chăng, ông đã nuôi dưỡng con rắn độc?

Khi được biết là có thật, Bồ-tát nói:

– Chớ tin con rắn độc. Chớ nuôi dưỡng nó như vậy!

Vị tu khổ hạnh nói:

– Con rắn ấy đối với tôi như đệ tử đối với thầy. Không có nó, tôi không thể sống được.

– Vậy ông sẽ bị mạng chung vì sống gần con rắn độc này.

Vị tu khổ hạnh không nghe lời Bồ-tát, không chịu từ bỏ con rắn độc. Nhiều ngày sau, tất cả vị tu khổ hạnh đi hái quả, đến một chỗ được nhiều trái cây và ở tại đấy hai, ba ngày. Trước đó, cha của rắn tre cũng đi với họ, đã.đặt con rắn độc nằm trong ống tre, đóng cửa lại rồi ra đi. Sau hai, ba ngày, vị ấy cùng về với các vị tu khổ hạnh, định đến cho Veḷuka ăn; vị ấy mở ống tre, vừa đưa tay vừa nói:

– Này con, hãy đến đây! Chắc con đói lắm.

Con rắn độc nổi giận vì hai, ba ngày không có đồ ăn, liền mổ vào tay vị tu khổ hạnh, khiến vị này chết ngay tại chỗ, rồi rắn bỏ vào rừng. Các vị tu khổ hạnh thấy vậy thưa với Bồ-tát. Ngài bảo hỏa táng người chết. Rồi ngồi giữa chúng ẩn sĩ, ngài nói lên bài kệ này:

43. Với người muốn mình lợi, Với người thương tưởng mình,
Nếu cứng đầu không nghe, Không theo lời khuyên dạy,
Sẽ bị hại đến chết, Như cha Veḷuka.

Như vậy, Bồ-tát khuyến cáo chúng ẩn sĩ. Rồi ngài tu tập từ, bi, hỷ, xả và khi mạng chung, ngài sanh lên cõi trời Phạm thiên.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới khó bảo. Trước kia do khó bảo, ông đi đến hoại diệt vì miệng con rắn độc.

Sau khi thuyết pháp thoại, bậc Đạo sư kết hợp hai mẩu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Khi ấy, cha của Veḷuka là Tỷ-kheo khó bảo, hội chúng còn lại là hội chúng của Như Lai và bậc Đạo sư có hội chúng là Ta vậy.

§44. CHUYỆN CON MUỖI (*Makasajātaka*) (*J.* I. 246)

Tốt hơn là kẻ thù...

Câu chuyện này, khi bộ hành ở xứ Ma-kiệt-đà, bậc Đạo sư đã kể về những người ngu si trong một ngôi làng. Theo truyền thuyết, một thời, đức Như Lai từ Xá-vệ đi đến xứ Ma-kiệt-đà. Tại đấy, Ngài đi bộ đến một ngôi làng. Người trong làng ấy phần lớn là những người ngu. Một hôm, các người ngu hội họp lại và nói:

– Này các bạn, khi chúng ta vào rừng làm việc, các con muỗi cắn chúng ta; do duyên cớ ấy, việc làm của chúng ta bị trở ngại. Tất cả chúng ta hãy đi, cầm theo cung và các vũ khí, gây chiến với các con muỗi, bắn giết tất cả chúng nó.

Nghĩ vậy, họ đi vào rừng với ý định bắn các con muỗi, nhưng họ bắn lẫn nhau, đánh lẫn nhau, làm đau khổ lẫn nhau, rồi đi về, nằm xuống ở cổng làng, giữa làng và cuối làng.

Bậc Đạo sư được chúng Tỳ-kheo vây quanh, đi vào làng ấy khất thực. Các bậc Hiền trí trong làng thấy Thế Tôn, liền dựng một cái rạp tại cổng làng, tổ chức cúng dường trai phạn cho chúng Tỳ-kheo, đứng đầu là đức Phật. Họ đảnh lễ bậc Đạo sư rồi ngồi xuống. Bậc Đạo sư thấy chỗ này chỗ kia có những người bị thương, liền hỏi các nam cư sĩ:

– Sao có nhiều người bị bệnh thế. Họ đã làm gì vậy?

– Bạch Thế Tôn, những người này đi đánh các con muỗi, nhưng lại bắn lẫn nhau, nên bị bệnh tình như vậy.

Bậc Đạo sư nói:

– Không phải chỉ nay các người ngu si đi đánh các con muỗi, rồi trở lại đánh mình. Trước kia, cũng có những người đi đánh các con muỗi, rồi trở lại đánh những người khác.

Sau đó, theo lời thỉnh cầu của những nam cư sĩ ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sống làm nghề đi buôn. Lúc bấy giờ, trong một làng biên địa ở nước Kāsi, nhiều người thợ mộc sống tại đây. Có một thợ mộc đầu hói đang đẽo một thân cây. Một con muỗi đậu trên đầu của kẻ ấy, cái đầu sáng chói như một cái bát đồng. Với cái miệng như mũi tên, muỗi đốt vào đầu như kiếm đâm. Kẻ ấy gọi đứa con đang ngồi gần và nói:

– Này con thân, con muỗi đốt vào đầu ta như bị kiếm đâm. Hãy đuổi nó đi!

– Thưa cha thân, hãy ngồi im! Với một cái đánh, con sẽ giết nó!

Lúc bấy giờ, Bồ-tát đi tìm hàng hóa cho mình, đến tại làng ấy, đang ngồi tại cửa quán người thợ mộc. Người thợ mộc ấy nói với đứa con:

– Này con, hãy đuổi con muỗi này!

Đứa con nói:

– Này cha thân, con sẽ đuổi.

Nó giơ cao một cái búa lớn sắc bén, đứng một bên lưng người cha nói:

– Con sẽ đánh muỗi.

Nó lại chém vỡ đôi đầu người cha. Người thợ mộc chết ngay tại chỗ. Bồ-tát thấy sự việc đã xảy ra cho người thợ mộc, suy nghĩ: "Một kẻ thù có trí còn tốt hơn, vì nó sợ hình phạt, sẽ không giết người."

Rồi ngài nói lên bài kệ này:

44. Tốt hơn là kẻ thù,
Nhưng có trí sáng suốt,
Còn hơn là người bạn,
Thiếu trí tuệ thông minh.
Đứa con ngu và điếc,
Định giết chết con muỗi,
Lại chém đầu người cha,
Vỡ ra thành hai mảnh.

Nói vậy xong, Bồ-tát đứng dậy ra đi, về sau mạng chung đi theo nghiệp của mình. Còn bà con của người thợ mộc lo việc thiêu xác của người thợ mộc.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các nam cư sĩ, trong thời quá khứ cũng có những người muốn đánh con muỗi lại đánh ngã các người khác.

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, người đi buôn hiền trí nói xong bài kệ rồi đi chính là Ta vậy.

§45. CHUYỆN NỮ TỲ ROHIṆĪ (*Rohiṇījātaka*) (*J.* I. 248)

Tốt hơn là kẻ thù...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về người nữ tỳ của vị triệu phú Cấp Cô Độc. Theo truyền thuyết, ông Cấp Cô Độc có một người nữ tỳ tên là Rohiṇī. Người mẹ già của nó đi đến nhà giã gạo và nằm xuống, những con ruồi bu quanh cắn bà như đâm với mũi kim. Bà kêu đứa con gái:

– Này con thân, các con ruồi cắn ta. Hãy đuổi chúng đi!

Đứa con gái nói:

– Thưa mẹ, con sẽ đuổi.

Nó giơ cái chày lên với ý định giết các con ruồi trên thân bà mẹ, nó nói:

– Con sẽ giết chúng.

Rồi nó lấy cái chày đập vào bà mẹ khiến bà chết tại chỗ.

Thấy vậy, nó khóc:

– Mẹ ôi!

Người ta báo cho vị triệu phú biết tin ấy. Sau khi bảo hỏa táng bà mẹ, vị triệu phú đi đến tinh xá, báo cho bậc Đạo sư biết toàn thể câu chuyện. Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, đây không phải lần đầu tiên với ý định giết các con ruồi trên thân bà mẹ mà nó đập với cái chày và giết bà mẹ. Thuở trước, nó cũng đã làm như vậy.

Sau khi nói như vậy, bậc Đạo sư theo lời thỉnh cầu của ông Cấp Cô Độc, kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình người triệu phú; sau khi cha mất, lên thay địa vị của cha. Vị triệu phú có người nữ tỳ tên là Rohiṇī. Nữ tỳ ấy đi đến chỗ giã gạo, nghe người mẹ đang nằm bảo:

– Hãy đuổi những con ruồi trên thân ta, này con thân!

Nó lấy cái chày đánh con ruồi và giết luôn bà mẹ rồi khóc. Bồ-tát nghe kể chuyện ấy, tự nghĩ: "Trên đời này, một kẻ thù có trí còn tốt hơn."

Rồi để tán thán người có trí, Bồ-tát đọc bài kệ này:

45. Tốt hơn là kẻ thù,
Có trí tuệ thông minh,
Hơn kẻ thương hại mình,
Nhưng ngu si vô trí.
Hãy xem Rohiṇī,
Giết bà mẹ khốn khổ,
Rồi than khóc hoài công.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, đây không phải lần đầu tiên với ý định sẽ giết các con ruồi mà nó giết bà mẹ. Lúc trước, nó cũng đã làm như vậy.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp lại hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, bà mẹ và người con gái là bà mẹ và con gái ngày nay, còn vị đại triệu phú là Ta vậy.

§46. CHUYỆN KẺ LÀM HẠI VƯỜN (*Ārāmadūsakajātaka*)[63] (*J.* I. 249)

Bậc thiện không làm hại...

Câu chuyện này, tại một làng nhỏ ở Kosala, bậc Đạo sư đã kể về người làm hại vườn. Theo truyền thuyết, bậc Đạo sư đang bộ hành giữa dân chúng nước Kosala, đến một ngôi làng nhỏ. Tại đây, một người điền chủ thỉnh đức Như Lai vào ngồi trong vườn của mình, cúng dường chúng Tăng với đức Phật là vị dẫn đầu, và thưa:

– Bạch Thế Tôn, chư vị có thể đi kinh hành ở trong vườn này tùy theo sở thích.

Các Tỷ-kheo đứng dậy cùng với người giữ vườn đi dạo trong vườn, thấy một khoảng đất trống, liền hỏi người giữ vườn:

– Này nam cư sĩ, trong vườn này, các chỗ khác có cây cối rậm rạp, nhưng tại chỗ này không có cây, cũng không có bụi cây. Vì lý do gì vậy?

– Thưa các Tôn giả, khi vườn này được trồng cây, một đứa trẻ ở làng tưới cây tại chỗ này, nhổ rễ các cây non lên, rồi tùy theo lượng rễ cây mà tưới nước nhiều hay ít. Các cây non ấy bị héo và chết. Vì lý do ấy, chỗ này thành trống không.

Các Tỷ-kheo đi đến bậc Đạo sư, báo cáo câu chuyện. Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, đứa trẻ ở làng không phải chỉ nay mới là kẻ làm hư vườn. Thuở trước, nó cũng là kẻ làm hư vườn.

[63] Xem *J.* II. 345, *Ārāmadūsakajātaka* (*Chuyện kẻ làm hại vườn*), số §268; *J.* II. 351, *Udapānadūsakajātaka* (*Chuyện kẻ làm bẩn giếng nước*), số §271.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, một ngày lễ hội được tổ chức ở Ba-la-nại. Bắt đầu từ khi nghe tiếng trống lễ hội, toàn thể dân chúng trong thành ào ra tham dự. Lúc bấy giờ, trong vườn nhà vua có nuôi rất nhiều khỉ. Người giữ vườn suy nghĩ: "Thành phố vui chơi lễ hội, ta sẽ bảo những con khỉ này tưới nước, còn ta sẽ đi chơi lễ hội." Anh ta đến con khỉ đầu đàn và hỏi:

– Này bạn khỉ chúa, vườn này đã giúp đỡ các bạn nhiều. Các bạn ở đây ăn hoa, trái và đọt non. Thành phố hôm nay đang vui chơi lễ hội, ta sẽ đi dự hội. Cho đến khi ta về, các bạn có thể tưới nước giúp các cây non trong vườn này không?

– Lành thay, chúng tôi sẽ tưới.

– Vậy các bạn hãy cẩn thận.

Để chúng có thể tưới nước, người giữ vườn đưa cho chúng những bao da chứa nước và các thùng gỗ, rồi ra đi.

Các con khỉ cầm bao da chứa nước và các thùng gỗ, bắt đầu tưới nước cho các cây non. Con khỉ chúa nói với chúng:

– Này các bạn khỉ, hãy gìn giữ nước. Khi các bạn tưới nước trên các cây non, trước hết hãy kéo những cây ấy lên, xem rễ của chúng như thế nào. Những rễ nào đâm sâu thì tưới nhiều nước vào rễ. Rễ nào không đâm sâu, hãy tưới ít nước. Nếu tưới nhiều nước, chúng ta thật khó tìm thêm nước.

Chúng vâng theo và làm đúng như vậy. Lúc bấy giờ, một người hiền trí thấy các con khỉ ấy làm như vậy trong vườn của vua, liền hỏi:

– Này các bạn khỉ, sao các bạn lại kéo các cây non lên và tưới nước tùy theo lượng của rễ?

Chúng trả lời:

– Chúa khỉ đầu đàn của chúng tôi khuyên như vậy.

Nghe chúng nói, người hiền trí ấy suy nghĩ: "Ôi, những kẻ ngu si vô trí, dầu muốn làm điều tốt, lại làm điều có hại!"

Rồi vị ấy đọc bài kệ này:

46. Bậc thiện không làm hại, Làm lành đem đến lạc;
Người ngu hại điều lành, Như khỉ giết hại vườn.

Người hiền trí ấy chỉ trích con khỉ đầu đàn như vậy rồi đem đoàn tùy tùng của mình ra đi.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, đứa trẻ ở làng không phải chỉ nay mới là kẻ làm hại vườn. Thuở trước, nó cũng đã là kẻ làm hại vườn.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Khi ấy, con khỉ đầu đàn là đứa trẻ ở làng làm hại vườn, còn người Hiền trí là Ta vậy!

§47. CHUYỆN RƯỢU MẠNH (*Vāruṇijātaka*) (*J.* I. 251)

Bậc thiện không làm hại...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một người phá hư rượu. Tương truyền, bạn của ông Cấp Cô Độc là một người bán rượu. Kẻ ấy dự trữ một số rượu cay mạnh để bán cho quần chúng và họ trả bằng vàng và bạc. Quần chúng tụ họp đông đảo trong quán rượu, kẻ ấy bảo người đệ tử học việc:

– Này con thân, hãy lấy tiền trước khi giao rượu!

Sau khi ra lệnh như vậy, kẻ ấy đi tắm. Người đệ tử bán rượu cho quần chúng. Khách uống bảo nó đem cho họ muối và đường cục để vừa ăn vừa uống rượu. Thấy vậy, nó liền nghĩ: "Rượu chắc thiếu muối. Ta sẽ bỏ muối vào rượu."

Nó liền bỏ độ một cân muối vào hủ rượu rồi rót rượu cho họ. Khi họ vừa uống một ngụm đầy miệng, họ liền nhổ ra và hỏi:

– Anh đã làm gì vậy?

– Các anh uống rượu đòi tôi đem muối lại. Thấy vậy, tôi bỏ thêm muối vào.

– Này kẻ ngu kia, chú mày đã làm hư rượu ngon như vậy rồi.

Khách hàng chỉ trích người ấy rồi lần lượt đứng dậy và bỏ đi. Người buôn rượu đi về, không thấy một người khách nào, liền hỏi những người uống rượu đã đi đâu rồi. Nó tường thuật lại sự việc. Người thầy của nó mắng:

– Này kẻ ngu kia, mày đã phá hư rượu rồi!

Và ông đi báo với ông Cấp Cô Độc. Ông Cấp Cô Độc nghĩ: "Đây là một câu chuyện hay nên nói", liền đi đến Kỳ Viên đảnh lễ bậc Đạo sư và thưa lại câu chuyện. Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, không phải nay kẻ học việc ấy mới là người phá hư rượu. Thuở trước, nó cũng là người phá hư rượu rồi.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của ông Cấp Cô Độc, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm người triệu phú ở Ba-la-nại. Nương tựa vào Bồ-tát là một người sống với nghề buôn rượu. Sau khi tích trữ một số rượu mạnh, kẻ ấy bảo người đệ tử tên là Koṇḍañña bán rượu rồi đi tắm. Trong khi người buôn rượu đi khỏi, người đệ tử đổ muối vào rượu, và vì vậy đã phá hư rượu. Thầy của nó về, biết được nguyên nhân, liền báo cho người triệu phú rõ. Người triệu phú nói:

– Người thiện không làm hại, còn người ngu dầu muốn làm điều tốt, lại làm điều có hại.

Và đọc thêm bài kệ này:

47. Bậc thiện không làm hại,
Làm lành đem đến lạc,
Người ngu hại điều lành,
Thật giống Koṇḍañña,
Đổ muối vào bình rượu.

Bồ-tát thuyết pháp với bài kệ này.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, không phải nay nó mới là người phá rượu. Thuở trước, nó cũng là người phá hư rượu.

Sau khi nói xong, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thuở ấy, kẻ làm hư rượu là kẻ làm hư rượu bây giờ, còn vị triệu phú Ba-la-nại là Ta vậy.

§48. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN VEDABBHA (*Vedabbhajātaka*)[64] (*J.* I. 252)

Dùng phương tiện không tốt...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới khó bảo, thuở trước ông cũng đã khó bảo! Do lời nói của ông, do không làm theo lời các bậc Hiền trí, ông bị gươm chém đứt đôi và bị quăng trên đường. Chính do nhân duyên độc nhất ấy, khiến một ngàn người mạng chung.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, trong một ngôi làng nhỏ, có một Bà-la-môn biết được bùa chú tên là Vedabbha. Bấy giờ, người ta nói bùa chú ấy có giá trị rất lớn. Khi có sự giao hội các hành tinh, nếu ai đọc chú ấy và nhìn lên trời thì từ trời mưa xuống bảy vật báu (vàng, bạc, trân châu, san hô, lưu ly, hồng ngọc và kim cương).

Lúc bấy giờ, Bồ-tát đi học nghề với Bà-la-môn ấy. Một hôm, vị Bà-la-môn đem Bồ-tát đi theo, vì một vài công việc đi ra khỏi làng của mình và đến nước Ceti. Giữa đường, tại một khu rừng, có năm trăm kẻ cướp được gọi là "kẻ cướp sứ giả", chúng làm cho con đường không thể đi được, chúng bắt Bồ-tát và Bà-la-môn Vedabbha.

---

[64] Bản Tích Lan viết *Vedabbhajātaka*. Bản CST, Thái Lan viết *Vedabbajātaka*.

Vì sao chúng được gọi là những "kẻ cướp sứ giả"? Người ta nói, khi chúng bắt được hai người, chúng cử một người đi lấy tiền chuộc; do vậy, chúng được gọi là những "kẻ cướp sứ giả". Nếu chúng bắt được hai cha con, chúng cử người cha đi đem tiền chuộc cho chúng để dắt người con về.

Với phương tiện này, nếu chúng bắt được mẹ và con gái, chúng cử người mẹ đi; chúng bắt được hai anh em cả và út, chúng cử người anh cả đi; nếu chúng bắt được thầy và trò, chúng cử người học trò đi. Lúc ấy, chúng giữ lại Bà-la-môn Vedabbha và cử Bồ-tát đi. Bồ-tát đảnh lễ thầy và nói:

– Con sẽ về trong một hai ngày, thầy chớ sợ hãi. Nhưng thầy hãy làm theo lời con. Hôm nay sẽ có giao hội các hành tinh để mưa châu báu xuống, chớ vì chịu khổ cực không nổi mà đọc thần chú và làm mưa châu báu xuống. Nếu mưa xuống, thầy sẽ bị diệt vong, cả năm trăm tên cướp này cũng vậy.

Sau khi khuyên thầy như vậy, Bồ-tát đi lấy tiền chuộc. Khi mặt trời lặn, các tên cướp trói vị Bà-là-môn lại, bắt nằm xuống. Đúng thời khắc ấy, mặt trăng tròn ngày rằm từ chân trời phương Đông mọc lên. Vị Bà-la-môn nhìn các vì sao, biết sự giao hội các hành tinh để mưa châu báu đã thành hình. Vị ấy tự nghĩ: "Sao ta lại chịu khổ như thế này, ta hãy đọc thần chú, làm mưa châu báu xuống cho các tên cướp tài sản và sẽ sung sướng ra đi." Vì vậy, vị Bà-la-môn nói với các tên cướp:

– Này các bạn, vì mục đích gì các bạn bắt tôi?

– Vì mục đích tài sản.

– Nếu các bạn muốn có tài sản, lập tức hãy cởi trói cho tôi, rửa đầu cho tôi, mang áo mới thoa hương thơm và trang điểm bông hoa, rồi để tôi ở một mình.

Các tên cướp nghe nói, liền làm theo như vậy. Vị Bà-la-môn biết được sự giao hội các hành tinh, đọc thần chú và mắt nhìn lên trời. Từ trên trời, các châu báu rơi xuống. Các tên cướp thâu lượm tài sản ấy, gói lại thành từng bọc với áo khoác ngoài, rồi ra đi cả đoàn. Vị Bà-la-môn theo chúng đi sau cùng. Các tên cướp ấy bị năm trăm tên cướp khác bắt. Chúng hỏi bọn kia:

– Các anh bắt chúng tôi vì mục đích gì?

– Vì mục đích tài sản.

– Nếu các anh muốn tài sản, hãy bắt Bà-la-môn này! Nó nhìn lên trời, làm mưa tài sản rơi xuống. Chính nó cho chúng tôi tài sản này.

Các tên cướp sau thả các tên cướp trước, rồi bắt vị Bà-la-môn và nói:

– Hãy cho chúng tôi tài sản như vậy!

Bà-la-môn nói:

– Tôi không thể cho các anh tài sản. Từ nay cho đến một năm, sự giao hội các hành tinh để mưa tài sản mới thành hình. Nếu các anh muốn có tài sản, hãy chờ đợi. Khi ấy, tôi sẽ làm mưa tài sản xuống.

Các tên cướp tức giận nói:

– Đồ xảo quyệt Bà-la-môn, ngươi làm mưa tài sản ngay cho bọn kia, lại bắt chúng ta đợi một năm nữa.

Chúng nó lấy gươm sắc bén chém vị Bà-la-môn làm hai, vất bỏ trên đường. Rồi chúng đuổi theo gấp, giao chiến với bọn cướp kia, giết chết bọn chúng và lấy tài sản. Rồi chúng chia thành hai nhóm, giao chiến lẫn nhau cho đến khi giết hai trăm năm mươi tên. Với cách thức ấy, chúng chém giết lẫn nhau cho đến khi chỉ còn lại hai tên. Như vậy, cả ngàn người ấy đi đến diệt vong.

Hai tên còn lại mang tài sản ấy chôn giấu tại một khu rừng gần làng, một tên cầm gươm ngồi giữ, một tên lấy gạo đi vào làng để nấu cơm. Tên ngồi gần tài sản suy nghĩ: "Lòng tham là cội gốc của diệt vong. Nếu tên kia về, tài sản sẽ phải chia làm hai. Khi tên kia vừa về, ta sẽ lấy gươm chém giết nó." Nghĩ vậy, nó rút gươm ra, ngồi chờ tên kia về. Tên kia cũng suy nghĩ: "Tài sản kia phải được chia làm hai. Ta hãy bỏ thuốc độc vào cơm cho tên kia ăn, khiến nó mạng chung, như vậy, chỉ một mình ta được tài sản."

Khi cơm nấu chín, nó ăn phần của nó, rồi bỏ thuốc độc phần còn lại, đem theo đi đến chỗ ấy. Khi nó đặt cơm ấy xuống, vừa đứng dậy, tên kia lấy kiếm chém nó đứt đôi, ném xác nó vào chỗ kín. Rồi nó ăn phần cơm ấy và chết ngay tại chỗ. Như vậy, vì tài sản toàn thể bị diệt vong.

Sau hai ba ngày, Bồ-tát mang tiền chuộc đi đến chỗ ấy, không thấy thầy mình, thấy tài sản rơi vãi, tự nghĩ: "Thầy ta không làm theo lời ta, làm mưa tài sản xuống, khiến tất cả phải chịu nạn diệt vong."

Rồi Bồ-tát theo con đường lớn đi tới. Trong khi đang đi, thấy thầy mình bị chặt đứt làm hai ở trên đường lớn, lại nghĩ: "Vì không theo lời ta nên thầy đã bị giết." Bồ-tát chất củi làm một giàn thiêu đốt xác thầy và cúng dường với hoa trong rừng. Đi nữa, Bồ-tát gặp năm trăm người mạng chung; tiếp tục đi tới nữa, thấy hai trăm năm mươi người; tiếp tục đến chỗ các người mạng chung, chỉ thiếu có hai. Thấy vậy, Bồ-tát suy nghĩ: "Một ngàn người, trừ hai người, đi đến diệt vong. Thế nào cũng còn lại hai tên cướp nữa. Chúng không thể không đánh nhau, không biết chúng đã đi đâu?"

Tiếp tục đi nữa, Bồ-tát thấy con đường mà hai người mang tài sản đi vào trong khu rừng; đi nữa, Bồ-tát thấy đống tài sản được gói thành từng bọc và một tên cướp nằm chết với bát cơm bị rơi vãi. Đây là việc làm của chúng, Bồ-tát biết tất cả, tự hỏi: "Người kia ở đâu?" Tìm thấy nó bị quăng xác tại chỗ đầu kia, Bồ-tát suy nghĩ: "Thầy ta không làm theo lời ta, do tánh khó bảo của thầy, tự mình đã bị diệt vong còn làm cho một ngàn người khác cũng vì mình bị diệt vong. Ai dùng phương tiện không chánh đáng, vì lý do sai lạc, đem lại sự giàu sang cho chính mình rồi cũng bị diệt vong như thầy ta vậy."

Suy nghĩ vậy, Bồ-tát đọc bài kệ này:

48. Dùng phương tiện không tốt, Mong lợi sẽ bị hại,
Cướp giết Vedabbha, Tất cả bị diệt vong.

Rồi Bồ-tát nói thêm:

– Như thầy ta, do ý nghĩ không tốt đẹp, do cố gắng sai chỗ, làm mưa tài sản xuống, tự mình bị mạng chung còn làm cho những người khác cũng bị diệt vong. Cũng vậy, với ai ý nghĩ không chánh đáng, nỗ lực cố gắng muốn lợi cho mình, tự mình diệt vong hoàn toàn, lại còn làm cho những người khác cũng bị diệt vong nữa.

Bồ-tát làm vang động cả khu rừng vì tiếng nói của mình khiến chư thần cây đáp ứng tán đồng. Với bài kệ này, Bồ-tát thuyết pháp. Sau đó, ngài dùng phương tiện đem tài sản ấy về nhà, làm các công đức như bố thí và nhiều thiện sự khác,... rồi sống cho đến hết tuổi thọ. Khi mạng chung, Bồ-tát đi lên con đường thiên giới.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông là người khó bảo. Thuở trước, ông cũng đã là người khó bảo. Vì khó bảo, ông đi đến diệt vong hoàn toàn.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Vedabbha là Tỷ-kheo khó bảo, còn người đệ tử là Ta vậy.

§49. CHUYỆN CÁC VÌ SAO (*Nakkhattajātaka*) (*J.* I. 257)

Chờ đợi các vì sao...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một người tà mạng ngoại đạo. Theo truyền thuyết, một thiện nam tử ở thôn quê hỏi cưới cho con trai mình cô con gái của một gia đình ở Xá-vệ và hẹn ngày cưới. Khi đến ngày ấy, ông hỏi một kẻ tà mạng ngoại đạo thân tín với gia đình:

– Thưa Tôn giả, hôm nay chúng tôi sẽ làm một lễ phù hợp ngày lành, vậy các vì sao có tốt không?

Vị này tức giận suy nghĩ: “Người này không hỏi ta trước, đã quyết định ngày, nay mới hỏi ta. Ta hãy cho nó một bài học.” Vị ấy nói:

– Hôm nay, các vì sao không tốt. Chớ nên làm lễ hôm nay. Nếu làm lễ, sẽ có nạn diệt vong lớn.

Các người trong gia đình ở thôn quê tin vị ấy và không đi rước dâu trong ngày ấy. Trong khi ấy, những người thuộc gia đình nhà gái ở thành thị đã sửa soạn tất cả để làm lễ cưới. Thấy các người kia không đến, họ nói:

– Chính họ quyết định ngày hôm nay và họ không đến, chúng ta đã phí tổn rất nhiều. Họ là hạng người gì? Chúng ta sẽ gả con gái chúng ta cho một người khác.

Rồi họ gả con gái cho một người khác và làm lễ cưới như đã được sửa soạn. Vào ngày sau, đám người thôn quê đi đến và xin rước dâu. Những người ở thành Xá-vệ nói:

– Các ông gia chủ sống ở thôn quê là những người độc ác. Chính các ông đã quyết định ngày, lại khinh thường chúng tôi và không đến. Các ông hãy về lại theo con đường các ông đã đến. Chúng tôi đã gả con gái cho người khác rồi.

Họ mắng những người kia như vậy. Những người kia cũng mắng lại, rồi cuối cùng đi về theo con đường họ đã đến.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo biết được toàn bộ câu chuyện ấy và thầm trách kẻ tà mạng ngoại đạo ấy đã làm trở ngại ngày lành của những người kia. Các Tỳ-kheo ngồi hội họp trong pháp đường nói:

– Này các Hiền giả, kẻ tà mạng ngoại đạo kia đã làm trở ngại ngày lành của gia đình ấy.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, hôm nay, ở đây các ông ngồi hội họp bàn chuyện gì?

Khi được biết câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay kẻ tà mạng ngoại đạo ấy mới làm trở ngại ngày lành của gia đình kia. Thuở trước, kẻ ấy tức giận họ và cũng làm trở ngại ngày lành.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, những người dân ở thành phố xin cưới cô con gái ở thôn quê, đã định ngày cưới và hỏi một kẻ tà mạng ngoại đạo, bạn của gia đình:

– Thưa Tôn giả, hôm nay chúng tôi định làm lễ ngày lành, vậy các vì sao có tốt đẹp không?

Người tà mạng ngoại đạo tức giận suy nghĩ: "Những người này đã quyết định ngày theo sở thích của mình, nay mới hỏi ta. Vậy ta sẽ làm trở ngại ngày lành của họ." Kẻ ấy nói:

– Hôm nay các vì sao không tốt. Nếu các ông làm lễ, các ông sẽ gặp nạn diệt vong lớn.

Họ tin kẻ ấy, nên không đi đến. Những người ở thôn quê biết được họ không đến liền nói với nhau:

– Nay họ đã định ngày, nhưng lại không đến. Họ là hạng người gì đối với chúng ta?

Và họ gả con gái cho người khác. Những người ở thành phố đến vào ngày sau và xin đón con dâu. Những người ở thôn quê nói:

– Các ông, những người ở thành phố, là những gia chủ không có liêm sỉ. Chính các ông đã định ngày, nhưng không đón con dâu. Vì các ông không đến nên chúng tôi đem gả con cho người khác rồi.

– Chúng tôi hỏi một vị đạo sĩ, biết được các vì sao không tốt, nên chúng tôi không đến. Hãy cho chúng tôi rước dâu!

– Vì các ông không đến, chúng tôi đã gả nó cho người khác rồi! Nay làm sao lại có thể dắt nó về được?

Trong khi họ đang cãi nhau như vậy, một người hiền trí ở thành phố đi đến thôn quê vì một công việc gì đó, nghe kể lại câu chuyện ấy, liền nói:

– Có nghĩa lý gì là các vì sao? Được người con gái đâu có phải nhờ các vì sao?

Rồi người hiền trí đọc bài kệ này:

49. Chờ đợi các vì sao, Kẻ ngu hỏng điều lành,
Điều lành chiếu điều lành, Sao trời làm được gì?

Các người ở thành phố cãi lộn xong, không rước dâu được đành ra về.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay kẻ tà mạng ngoại đạo này mới làm trở ngại ngày lành của gia đình ấy, thuở trước cũng đã làm rồi.

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư kết hợp hai mẩu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, kẻ tà mạng ngoại đạo là kẻ tà mạng ngoại đạo hôm nay, các gia đình ấy là một, người hiền trí nói kệ là Ta vậy.

§50. CHUYỆN NHỮNG KẺ VÔ TRÍ (*Dummedhajātaka*) (*J.* I. 259)

Với ngàn kẻ vô trí...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về các hành vi đem lại lợi ích cho đời. Câu chuyện này được kể ở chương XII, *Chuyện đại hắc thiên cẩu.*[65]

***

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập thai vào vị hoàng hậu của vua ấy. Từ bào thai sanh ra, trong ngày đặt tên, Bồ-tát được gọi là Hoàng tử Brahmadattakumāra. Khi đến mười sáu tuổi, ngài được khéo giáo dục ở Takkasilā, học thành thục ba tập Vệ-đà và hiểu biết thông suốt mười tám ngành học thuật. Vua cha phong cho hoàng tử chức Phó vương.

Lúc bấy giờ, các người dân ở Ba-la-nại thường hành lễ ngày lành cúng chư

[65] Xem *J.* IV. 10, *Mahākaṇhajātaka* (*Chuyện đại hắc thiên cẩu*), số §469.

thần, họ đảnh lễ chư thần. Họ giết hại nhiều dê, cừu, gà... và không chỉ làm lễ vật cúng dường với nhiều loại hương hoa mà cả với thịt tươi đầy máu nữa. Bồ-tát suy nghĩ: "Nay quần chúng thường hành lễ ngày lành cúng chư thần và giết hại nhiều sinh vật. Phần lớn quần chúng theo phi pháp. Sau khi cha mất, ta sẽ được cả quốc độ, ta sẽ tìm một phương tiện không làm phiền não một ai và chấm dứt sự giết hại các sinh vật."

Một hôm, Bồ-tát lên xe, từ thành đi ra, thấy một số quần chúng lớn tụ họp tại một cây thần lớn, cầu xin vị thần cây ban cho con trai, con gái, danh vọng, tài sản... muốn gì thì phát nguyện như vậy. Bồ-tát xuống xe, đi đến cây ấy, cúng dường với hương hoa, rưới cây với nước, đi quanh cây ấy về hướng phải, thành kính lễ bái thần cây. Sau đó, Bồ-tát leo lên xe, rồi đi vào thành.

Từ đấy trở đi, với phương tiện này, Bồ-tát thỉnh thoảng đi đến cây ấy, đảnh lễ như người tôn thờ thần cây. Sau một thời gian, phụ vương qua đời, Bồ-tát được đặt lên ngôi vua. Ngài từ bỏ bốn con đường ác, thực hành mười đức tính của một vị vua và trị vì quốc độ đúng pháp. Ngài suy nghĩ: "Nay ta đã đạt được ý định cao tột và được đặt lên ngôi vua. Trước kia, sở nguyện của ta như thế nào, nay ta phải thực hành cho kỳ được."

Bồ-tát hội họp các đại thần, các Bà-la-môn, quý tộc, gia chủ và nói:

– Các khanh có biết ý muốn của ta trước khi ta đạt được vương vị chăng?

– Thưa Thiên tử, chúng thần không biết.

– Các khanh có thấy trước đây ta đảnh lễ thần cây ấy với hương hoa và chắp tay cúi lạy cây ấy hay không?

– Thưa Thiên tử, có.

– Lúc ấy, ta phát nguyện rằng, nếu ta được làm vua, ta sẽ hiến vật cúng cho thần cây ấy. Ta nhờ uy lực thần cây ấy, nên đã được quốc độ. Nay ta sẽ hiến cúng cho thần cây, các khanh chớ làm trở ngại. Hãy mau sửa soạn hiến vật cúng thần!

– Chúng thần lấy gì cúng dường thần cây?

– Này các khanh, ta có nguyện với thần ấy như sau: "Tất cả những ai trong quốc độ của tôi chấp nhận và thực hành năm ác giới như sát sanh... và mười hạnh bất thiện, tôi sẽ giết những người ấy; và với nội tạng, thịt và máu của chúng, tôi sẽ hiến vật cúng thần!" Lời nguyện của ta là vậy. Các khanh hãy đánh trống bố cáo như sau: "Đại vương của chúng ta, khi còn làm Phó vương, có phát nguyện: 'Nếu ta đạt được quốc độ, những ai là kẻ theo ác giới trong nước ta, ta sẽ giết tất cả chúng làm vật hiến cúng thần! Vậy nay ta sẵn sàng bảo giết một ngàn người nào chấp nhận và thực hành năm ác giới và mười ác hạnh, cho lấy tim và thịt của chúng để làm vật hiến cúng thần.' Như vậy, nay ta tuyên bố cho các thị dân được biết!"

Vua lại tuyên bố như sau:

– Chỉ những ai, bắt đầu từ hôm nay, còn phạm các giới ác hạnh, một ngàn người như vậy sẽ bị giết để làm lễ tế đàn và ta sẽ giải tỏa hạnh nguyện của ta.

Để ý nghĩa này được rõ ràng, Bồ-tát đọc bài kệ:

50. Với ngàn kẻ vô trí, Ta nguyện giết tế lễ,
Nay ta sẽ làm lễ, Giết những kẻ phi pháp.

Các bậc đại thần vâng theo lời Bồ-tát; cho đánh trống bố cáo trong thành Ba-la-nại, khắp cả mười hai do-tuần. Khi nghe lời bố cáo, không có đến một người dám đứng lên làm ác giới, ác hạnh. Suốt thời gian Bồ-tát trị vì quốc độ như vậy, không một ai phạm pháp. Bồ-tát không làm phiền não một ai, khiến toàn thể nhân dân trong nước gìn giữ giới luật, tự mình làm các công đức như bố thí... cho đến khi mạng chung, ngài mang theo hội chúng của mình đi đến và tràn ngập cả thành phố chư thiên.

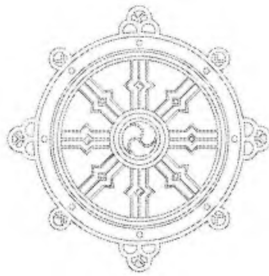
***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai sống đem lại lợi ích cho đời, thuở trước Như Lai cũng đã làm như vậy.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong và kết hợp hai câu chuyện, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, quần thần là hội chúng của Như Lai và vua thành Ba-la-nại là Ta vậy.



VI. PHẨM HY VỌNG
(*ĀSIṀSAVAGGA*)[66]

§51. CHUYỆN VUA SĪLAVA VĨ ĐẠI (*Mahāsīlavajātaka*)[67] (*J.* I. 261)

Người luôn luôn hy vọng...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo ấy:

– Có thật chăng, này Tỷ-kheo, ông thối thất tinh tấn?

– Bạch Thế Tôn, thật vậy.

– Này Tỷ-kheo, vì sao ở trong giáo pháp đưa đến giải thoát như vậy, ông lại thối thất tinh tấn? Thuở trước, các bậc Hiền trí sau khi mất quốc độ, vẫn kiên trì tinh tấn, cuối cùng lấy lại danh tiếng đã mất.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì quốc độ ở xứ Ba-la-nại, Bồ-tát đầu thai làm con bà hoàng hậu. Trong ngày đặt tên, ngài được gọi là Hoàng tử Sīlava (Giới Đức). Khi đến mười sáu tuổi, ngài thành thục trong tất cả các tài nghệ. Sau một thời gian, khi vua cha mạng chung, ngài được đặt lên vương vị với danh hiệu Vua Mahāsīlava (Đại Giới Đức).

Vị vua đúng pháp trị vì theo pháp. Tại bốn cửa thành, vua xây dựng bốn trường bố thí, lại xây dựng thêm giữa thành phố một cái, tại cửa cung điện ngài một cái. Sáu trường bố thí được xây dựng bố thí cho những kẻ nghèo khổ lữ hành. Vua trì giới, gìn giữ ngày trai giới (Bố-tát), đầy đủ lòng nhẫn nại, nhân ái và từ mẫn. Vị ấy trị vì quốc độ đúng pháp và muốn tất cả chúng sanh được hạnh phúc như muốn đứa con yêu quý ngồi trên bắp vế mình được hạnh phúc.

Một đại thần của vua làm tà hạnh trong nội cung và sau một thời gian bị phát hiện, các đại thần tâu với vua. Vua điều tra, tự mình rõ biết sự việc, cho gọi đại thần ấy đến, tẩn xuất kẻ ấy ra khỏi nước và nói:

– Này kẻ ngu si kia, việc ngươi làm không thích đáng, ngươi không xứng đáng sống trong quốc độ của ta. Hãy đem tài sản, vợ con và đi chỗ khác!

---

[66] Bản Tích Lan và Thái Lan viết *Āsiṃsavagga*. Bản CST viết *Āsīsavagga*.

[67] Xem *J.* IV. 269, *Sarabhamigajātaka* (*Chuyện lộc vương Sarabha*), số §483.

Kẻ ấy đi khỏi nước Kāsi, đến làm việc với vua nước Kosala, dần dần trở thành người cố vấn tín cẩn thân cận của vua. Một hôm, kẻ ấy tâu với vua nước Kosala:

– Thưa Thiên tử, nước Kāsi như bánh mật ong không có ruồi bu. Vua rất nhu nhược, chỉ với một ít đội quân là có thể chiếm lấy thành Kāsi.

Nghe kẻ ấy nói vậy, vua liền suy nghĩ: "Nước Ba-la-nại to lớn. Nó lại nói với một ít đội quân là có thể chiếm lấy thành ấy. Rất có thể nó là tên cướp được thuê mướn." Vua nói:

– Ta nghĩ khanh là tên cướp được thuê mướn.

– Thưa Thiên tử, hạ thần không phải là tên cướp được thuê mướn! Thần chỉ nói sự thật. Nếu bệ hạ không tin thần, hãy cử người đến tàn phá một làng biên địa, rồi bệ hạ sẽ thấy, khi những người đi tàn phá bị bắt và được dẫn đến trước vua nước Kāsi, vua ấy sẽ cho tài sản và thả họ về.

Vua nước Kosala nghĩ: "Người này thật rất bạo dạn khi đã nói như vậy, ta sẽ điều tra xem sao." Rồi vua cử một số người của vua, đi tàn hại một làng ở biên địa Ba-la-nại. Họ bị bắt và dẫn đến trước mặt vua Kāsi. Vua hỏi:

– Này các bạn thân, sao lại tàn hại dân làng ta?

– Thưa Thiên tử, vì chúng tôi không thể kiếm sống được.

– Vậy sao các người không đến ta? Từ nay trở đi, chớ làm như vậy nữa.

Vua cho họ tiền của và thả họ về. Họ báo cáo lại sự tình lên vua nước Kosala. Với kinh nghiệm này, vua chưa dám cử quân đi, bèn sai người tới tàn hại miền giữa quốc độ. Những kẻ trộm ấy được vua nước Kāsi cho tiền của như trước rồi thả về. Vua nước Kosala với kinh nghiệm này nữa, cũng chưa dám cử quân đi, lại sai người tới cướp phá ngay trong đường phố. Vua nước Kāsi cho các tên cướp ấy tiền của rồi cũng thả chúng về. Lúc bấy giờ, vua nước Kosala mới biết vua nước Kāsi là vị vua trị vì hết sức nhân từ, liền quyết định cử đội quân đi chiếm lấy nước Ba-la-nại.

Lúc bấy giờ, vua nước Ba-la-nại có một ngàn đại chiến sĩ, những bậc anh hùng siêu việt, vô úy; những vị này có thể đối mặt không thối chạy bởi sự tấn công của một con voi điên loạn, không sợ hãi khi bị sét đánh trên đầu; là một đội quân vô địch có thể chiếm toàn cõi Diêm-phù-đề theo ý muốn của Đại vương Sīlava. Họ nghe tin vua nước Kosala đến, liền đến báo cáo vua nước Kāsi:

– Thưa Thiên tử, vua nước Kosala đến với ý định chiếm lấy nước Ba-la-nại. Chúng tôi sẽ đi đánh và bắt vua ấy, không cho vua ấy bước qua biên giới.

– Này các khanh, chớ vì ta mà làm các người khác phiền não. Những ai muốn quốc độ, hãy để họ lấy quốc độ ta. Các khanh chớ đi!

Vua ngăn chặn các chiến sĩ ấy chống trả quân xâm lược. Sau đó, vua nước Kosala vượt qua biên giới và xâm nhập miền giữa quốc độ. Các đại thần đến báo cáo với vua như lần trước. Vua lại ngăn chặn như lần trước. Bấy giờ, vua

nước Kosala đến đứng ngoài thành và đưa tin cho Đại vương Sīlava giao quốc độ hay giao chiến. Vua nước Kāsi đưa tin trả lời là vua không giao chiến.

– Hãy tới mà lấy quốc độ!

Lần thứ ba, các đại thần lại đến tâu vua:

– Thưa Thiên tử, chúng thần không để cho vua nước Kosala vào thành. Chúng thần sẽ đánh vua ấy ở ngoài thành và bắt vua ấy.

Nhưng vua nước Kāsi vẫn ngăn chặn như các lần trước, cho mở các cửa thành, rồi ngồi trên vương tòa lộng lẫy với một ngàn đại thần vây quanh. Vua nước Kosala cùng với đội quân lớn vào thành Ba-la-nại. Không thấy một ai chống cự, vua đi đến cung điện của vua nước Kāsi, với các cửa mở toang. Vua nước Kosala liền ra lệnh bắt Vua Mahāsīlava đang ngồi im lặng trên ngai vàng cùng với ngàn đại thần vây quanh.

– Hãy trói vua này với các đại thần, trói thật chặt cánh tay chúng ra sau lưng, dắt chúng đến bãi tha ma, đào những hố sâu đến cổ, khiến mọi người không thể giơ tay, rồi đổ đất xuống và chôn sống chúng. Ban đêm, các con chó rừng sẽ đến và sẽ làm những gì cần phải làm đối với chúng.

Các người tùy tùng theo lệnh vua cướp nước, trói vua nước Kāsi với các đại thần, trói thật chặt cánh tay ra sau lưng, rồi dắt họ đi. Lúc bấy giờ, Đại vương Sīlava không có tư tưởng sân hận gì với vua cướp nước. Trong khi các đại thần ấy bị trói như vậy và dắt đi, không một ai có thể trái lời vua nước Kāsi, hội chúng vua nước Kāsi được khéo huấn luyện về kỷ luật như vậy.

Rồi những người lính của vua cướp nước dắt Vua Sīlava và các đại thần đi đến bãi tha ma, đào những hố sâu ngang cổ, chôn tất cả xuống cái hố, Đại vương Sīlava bị chôn ở giữa, hai bên chôn các đại thần, rải đất lên, lấy chày nện xuống rồi bỏ đi. Vua Sīlava không phẫn nộ đối với vua cướp nước và khuyên các đại thần:

– Này các khanh, hãy tu tập hạnh từ bi!

Nửa đêm, các con chó rừng đến, định ăn thịt người. Thấy chúng, vua và các đại thần đồng thanh la to lên, các con chó rừng sợ hãi chạy trốn. Khi chúng quay trở lại nhìn, biết không có ai đuổi theo, chúng liền trở lui. Các người ấy lại la lớn hơn trước. Như vậy, chúng chạy trốn đến lần thứ ba, rồi lại nhìn lui, biết không có ai đuổi theo, chúng nghĩ: "Các người này rồi cũng chết", nên mạnh dạn trở lui và khi nghe la lớn, chúng không chạy trốn nữa. Con chó rừng đầu đàn đến gần Vua Sīlava, các con còn lại đến gần những người kia. Vốn thiện xảo về phương tiện, biết được con vật đến gần mình, vua nước Kāsi liền vươn cổ lên như để cho con vật cắn, rồi với xương hàm kéo giật cổ con chó rừng, vua cắn thật chặt như kẹp với gọng kềm. Con chó rừng bị cắn chặt cổ, bị kẹp bởi xương hàm của vị vua có sức mạnh như voi, không thể nào tự mình thoát được; và kinh hãi vì sợ chết, nó bèn hú lên lớn tiếng.

Nghe tiếng kêu cầu cứu, nghĩ rằng con chó rừng chúa ấy đã bị một người

bắt, các con kia không đi đến gần các đại thần và kinh hãi vì sợ chết, tất cả đều bỏ chạy. Bị cắn chặt bởi xương hàm của vua nước Kāsi, con chó rừng bị bắt hốt hoảng chạy qua chạy lại, làm cho đất mềm tơi ra; và vì sợ chết, với cả bốn chân nó cào đất trên chỗ vua nước Kāsi. Vua biết được đất đã mềm tơi ra, liền thả con chó rừng. Với sức mạnh như voi, vua di chuyển qua lại, giơ lên được hai tay, rồi vịn lên bờ thành miệng hố; vua thoát khỏi miệng hố như mây bị xé tan trước gió và đứng dậy rồi an ủi, động viên các đại thần; vua bới đất lên, kéo tất cả mọi người ra khỏi hố. Với các đại thần vây quanh, vua đứng trong bãi tha ma.

Lúc bấy giờ, người ta quăng một xác chết trong bãi tha ma, đúng ở biên giới địa phận của hai con dạ-xoa. Hai con dạ-xoa không thể chia phần người chết ấy, chúng nói:

– Chúng ta không thể chia phần xác chết này. Vua Sīlava là vị sống đúng pháp, vị ấy sẽ chia phần cho chúng ta. Chúng ta hãy đi đến vị ấy!

Chúng cầm chân xác chết, kéo đi đến vua và thưa:

– Thưa Thiên tử, hãy chia người này cho chúng tôi!

– Này các vị dạ-xoa, ta sẽ chia phần xác chết này cho các vị. Nhưng vì ta không sạch, hãy tắm cho ta đã.

Các dạ-xoa, với uy lực của mình, đem lại nước thơm dành cho vua cướp nước để vua tắm; sau khi tắm xong, chúng thâu lại áo của vua nước Kāsi, đem áo dành cho vua cướp nước đến mặc cho vua; rồi chúng đem cho vua một hộp đựng bốn loại nước hoa. Khi vua đã xức nước hoa, chúng lại cho vua những bông hoa đủ loại đính trên quạt bằng ngọc trong một hộp bằng vàng và trang sức cho vua.

Rồi khi vua đang đứng, chúng hỏi vua có cần chúng làm gì nữa không. Vua ra dấu cho chúng hiểu là vua đói. Các dạ-xoa liền đi lấy cho vua các món ăn thượng vị đã sửa soạn sẵn cho vua cướp nước. Sau khi tắm, xức nước hoa, mặc áo và trang điểm, vua nước Kāsi ăn các món ăn thượng vị. Các dạ-xoa đem lại nước thơm dành cho vua cướp nước, với bình bát bằng vàng và chén vàng để vua uống nước, súc miệng. Và trong khi vua rửa tay, các dạ-xoa đem đến trầu gia vị với năm loại hương được têm sẵn cho vua cướp nước dùng. Ăn trầu xong, khi vua đang đứng, các dạ-xoa hỏi vua có cần chúng làm việc gì khác nữa. Vua bảo:

– Đem các gươm báu đặt trên gối vua cướp nước về cho ta.

Và chúng đi lấy đem về. Rồi vua cầm gươm, đưa thẳng trên xác chết, chặt xuống giữa đỉnh đầu, chia thành hai phần bằng nhau cho hai con dạ-xoa. Sau khi chia xong, vua rửa gươm, đeo vào và đứng thẳng. Các dạ-xoa ăn uống no nê, tâm tư thỏa mãn, hỏi vua có sai bảo chúng làm việc gì nữa không. Vua bảo các dạ-xoa ấy dùng uy lực của mình đưa vua vào vương phòng của vua cướp nước và đưa các đại thần về nhà. Chúng chấp thuận, làm theo lời vua.

Lúc bấy giờ, vua cướp nước đang nằm ngủ trên long sàng trong vương phòng được trang hoàng. Vua nước Kāsi dùng mặt bằng cây gươm đánh trên

bụng vua cướp nước đang ngủ say. Vua ấy hoảng hốt thức dậy, với ánh sáng ngọn đèn, nhận biết là Đại vương Sīlava, liền từ trên giường đứng dậy, lấy hết can đảm nói với vua nước Kāsi:

– Thưa Đại vương, đêm tối như vầy, có phòng hộ canh gác, các cửa đều đóng, trong cung điện không chỗ nào là không có người canh gác, làm thế nào ngài lại đến được bên giường này, đeo gươm, trang sức, mặc hoàng bào sẵn sàng?

Vua nước Kāsi kể tất cả câu chuyện với các chi tiết về các sự kiện đưa vua đến đây. Nghe xong, vua cướp nước xúc động mạnh và thưa:

– Thưa Đại vương, tôi tuy là con người mà không biết công đức của ngài. Nhưng các công đức của ngài lại được các dạ-xoa hung bạo, độc ác, uống máu, ăn thịt người kia biết rõ ràng. Ôi, bậc Nhân chủ, nay tôi sẽ không còn bày mưu phản bội một bậc giới đức như ngài nữa!

Rồi vua nước Kosala cầm gươm thề nguyền thân hữu, xin lỗi vua nước Kāsi và để vua nước Kāsi nằm ngủ trên long sàng còn mình nằm ngủ trên chiếc giường nhỏ.

Khi đêm tàn, mặt trời đã mọc, vua truyền đánh trống mời tất cả quân lính, đại thần, Bà-la-môn, gia chủ hội họp lại. Đứng trước mặt quần thần như đưa mặt trăng rằm lên trên trời cao, vua nước Kosala tán thán công đức của Vua Sīlava giữa cả hội chúng, xin lỗi Vua Sīlava lần nữa, trả lại quốc độ cho vua ấy và thưa:

– Từ nay trở đi, nếu có nạn trộm cướp khởi lên cho ngài, tôi xin chịu trách nhiệm. Ngài hãy trị vì quốc độ, còn tôi canh gác hộ trì.

Nói xong, vua nước Kosala trị tội kẻ đã vu cáo và mang quân đội đi về nước của mình. Còn Vua Mahāsīlava trang sức, mặc áo uy nghi, dưới cái lọng trắng, ngồi trên long sàng bằng vàng có chân như con nai, nhìn ngắm thành quả của mình và suy nghĩ: "Thành quả này và sự cứu sống sinh mạng của một ngàn đại thần, nếu ta không tinh tấn thì không có được chút gì. Chính do sức mạnh tinh tấn, ta không bị hoại diệt và phục hồi được danh tiếng đã mất. Ta đã cứu sinh mạng của một ngàn đại thần. Thật sự để chí hướng không bị hủy hoại, cần phải hết sức tinh tấn. Với người luôn luôn tinh tấn, quả vị sẽ được thành tựu viên mãn.

Sau khi suy nghĩ như vậy, vua nước Kāsi đọc bài kệ này như lời cảm hứng:

51. Người luôn luôn hy vọng, Bậc trí không chán nản,
Ta thấy khổ vượt qua, Ta muốn gì được vậy!

Bồ-tát nói:

– Ôi, với những ai đầy đủ giới đức, quả tinh tấn sẽ được thành tựu!

Với bài kệ này, Bồ-tát nói lên lời cảm hứng, trọn đời làm các công đức rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài

giảng ấy, vị Tỷ-kheo thối thất tinh tấn chứng quả A-la-hán. Sau khi kết hợp hai câu chuyện, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vị đại thần phản bội là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), một ngàn đại thần là hội chúng của Như Lai và Đại vương Sīlava là Ta vậy.

§52. CHUYỆN TIỂU JANAKA (*Cūḷajanakajātaka*) (*J.* I. 267)

Hãy tinh tấn, này ngươi!...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Ở đây, tất cả các sự việc xảy ra sẽ được nói đến trong *Chuyện Đại vương Mahājanaka*.[68]

Vua ngồi dưới chiếc lọng trắng nói lên bài kệ này:

52. Hãy tinh tấn, này ngươi! Hiền trí không nhàm chán.
Ta thấy khổ vượt qua, Từ nước đạt đất liền.

Ở đây, vị Tỷ-kheo thối thất tinh tấn đạt được quả A-la-hán và Vua Janaka là bậc Chánh Đẳng Giác.

§53. CHUYỆN BÌNH RƯỢU ĐẦY (*Puṇṇapātijātaka*) (*J.* I. 268)

Bình rượu đầy như vậy...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về rượu thuốc độc. Một thời ở Xá-vệ, một số người nghiện rượu họp lại và bàn với nhau.

– Tiền mua rượu của chúng ta đã khô cạn, vậy làm sao bây giờ?

Một tay bợm rượu nói:

– Chớ lo, đã có cách.

– Cách gì vậy?

– Cấp Cô Độc thường đeo nhẫn, mặc áo đẹp đi chầu vua. Chúng ta đổ thuốc mê vào trong bình rượu, dựng một quán rượu, ngồi tại đấy. Khi Cấp Cô Độc đi về, hãy mời vị đại triệu phú vào và cho uống rượu ấy. Khi lão già ấy bị mê say, chúng ta lấy nhẫn, lấy áo và chúng ta sẽ có tiền mua rượu.

Chúng chấp thuận đề nghị ấy, làm theo như vậy, và khi vị triệu phú đi về, chúng đến gặp và nói:

– Thưa ngài đại triệu phú, chúng tôi có rượu rất ngon. Hãy uống một chút rồi đi!

Cấp Cô Độc nghĩ: "Thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu làm sao uống rượu được. Dầu không muốn uống, ta cũng sẽ phát hiện âm mưu của bọn nghiện rượu này." Nghĩ vậy, Cấp Cô Độc đi vào quán rượu, nhìn chúng làm, biết rằng rượu ấy đã bị chúng pha thuốc mê vào; ông quyết định sẽ làm cho chúng bắt đầu từ nay phải trốn biệt. Ông nói:

[68] Xem *J.* VI. 30, *Mahājanakajātaka* (*Chuyện Đại vương Mahājanaka*), số §539.

– Này bọn nghiện rượu ác ý kia, các ngươi để thuốc mê vào trong bình rượu, khiến những người qua lại uống, làm cho họ say mê rồi cướp của. Các ngươi dựng lên một quán bán rượu, ngồi tại đấy, chỉ tán thán rượu này, nhưng không một người nào trong bọn ngươi dám uống. Nếu rượu này không có pha thuốc mê thì các ngươi hãy uống trước đi.

Cấp Cô Độc làm cho bọn nghiện rượu hoảng sợ, khiến chúng chạy trốn rồi đi về nhà. Nghĩ rằng việc làm của những tên nghiện rượu cần phải trình lên đức Như Lai, Cấp Cô Độc đi đến và thưa rõ sự việc. Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, lần này, các người nghiện rượu lừa dối gia chủ. Trong quá khứ, chúng cũng đã lừa dối các bậc Hiền trí.

Nói vậy xong, với lời thỉnh cầu của vị gia chủ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì nước Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm người triệu phú ở Ba-la-nại. Lúc bấy giờ, những người nghiện rượu này, sau khi bàn bạc với nhau, đã pha rượu với thuốc mê, chờ người triệu phú ở Ba-la-nại đi đến, chúng đón ông và nói những lời tương tự. Người triệu phú dầu không muốn uống, cũng muốn phát giác chúng nên đi vào nhìn chúng làm, biết chúng có mưu mô, quyết định làm cho chúng phải trốn chạy, nên nói:

– Này các bạn uống rượu, nếu uống rượu xong rồi mà đi đến cung vua, thật không thích đáng. Đến chầu vua xong, khi trở về, tôi sẽ tính việc này. Các ngươi hãy ngồi tại đây.

Người triệu phú đi vào chầu vua rồi trở về. Các người nghiện rượu mời ông vào. Vị triệu phú đi vào, nhìn những bình rượu bị pha thuốc mê, liền nói như sau:

– Này các bạn uống rượu, việc các bạn làm ta không ưa thích. Các bình rượu của các bạn vẫn còn đầy tràn. Các bạn chỉ có tán thán rượu, nhưng không uống một giọt. Nếu như rượu này ngon thật thì các bạn đã uống rồi. Rượu này đã được các bạn pha thuốc mê vào.

Và để đánh tan ý định của chúng, Bồ-tát đọc bài kệ này:

53. Bình rượu đầy như vậy, Rượu đâu có đổi khác,
Vì lý do ta biết, Rượu này không phải tốt.

Bồ-tát trọn đời làm các công đức như bố thí... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, những người nghiện rượu kia là những người nghiện rượu ngày nay và vị triệu phú Ba-la-nại là Ta vậy.

§54. CHUYỆN TRÁI CÂY (*Phalajātaka*)[69] (*J.* I. 270)

Cây này không khó leo...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một nam cư sĩ giỏi về trái cây. Truyền thuyết nói rằng, một điền chủ trú ở Xá-vệ mời chúng Tăng với đức Phật là vị dẫn đầu, ngồi trong ngôi vườn của mình, cúng dường cháo và bánh xong, điền chủ bảo người giữ vườn:

– Hãy đưa các Tỷ-kheo đi bộ trong vườn và cúng dường các loại trái như xoài...

Người làm vườn vâng theo lời dặn, đưa chúng Tỷ-kheo đi bộ trong khu vườn, nhìn lên cây và biết trái này còn sống, trái này hơi chín, trái này thật chín. Điều gì kẻ ấy nói đều đúng như vậy. Các Tỷ-kheo thưa với đức Như Lai:

– Bạch Thế Tôn, người giữ vườn này thật giỏi về các loại trái cây. Đứng dưới đất nhìn lên cây, kẻ ấy biết trái này còn sống, trái này hơi chín, trái này thật chín.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ có người giữ vườn này giỏi trái cây. Trong quá khứ, cũng có những bậc Hiền trí giỏi về trái cây.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh vào gia đình một triệu phú, khi lớn lên, làm nghề đi buôn với năm trăm cỗ xe. Một thời, Bồ-tát đi đến một khu rừng rất lớn, đứng ở đầu rừng, họp đoàn người lại và nói:

– Trong rừng này có những cây độc. Phàm gặp những lá gì, bông gì, trái gì mà trước kia các ngươi chưa từng ăn, chớ ăn trước khi hỏi ta.

Bọn họ vâng theo lời dặn và đi vào rừng. Đầu rừng có một cửa làng, tại đấy có một cây gọi là cây kiṃphala. Thân cây, cành cây, lá cây, bông và trái của cây màu giống như cây xoài. Không những chỉ về màu sắc, hình dáng mà cả về mùi thơm và vị ngọt, các trái sống và trái chín đều giống như trái xoài, nhưng nếu ai ăn chúng thì giống như thuốc độc, lập tức bị chết ngay.

Một số người tham ăn đi trước, tưởng đó là cây xoài, bèn ăn trái. Một số khác quyết định hỏi người trưởng đoàn lữ hành rồi mới ăn, họ cầm trái cây trong tay và đứng chờ. Khi vị trưởng đoàn lữ hành đến, họ hỏi có thể ăn những trái cây ấy không. Bồ-tát biết rằng cây ấy không phải cây xoài, nên nói:

– Cây hình dáng giống cây xoài này là cây độc, chớ ăn!

Sau khi ngăn chặn họ, Bồ-tát làm cho những người đã ăn phải nôn ra và cho họ uống bốn loại mật để chữa họ lành bệnh.

Lúc trước, dưới gốc cây này, đã có những đoàn lữ hành đến tạm trú, ăn

[69] Bản Thái Lan viết *Phalajātaka*. Bản Tích Lan, CST viết *Kiṃphalajātaka*.

những trái cây độc mà họ tưởng lầm là trái xoài và mạng chung. Ngày sau đó, dân làng đi ra thấy những người chết, liền kéo chân họ giấu vào một chỗ kín, lấy tất cả sở hữu của họ với các cỗ xe rồi đem đi.

Ngay vào ngày đoàn lữ hành này mới đến, dân làng nghe tin có người trúng độc. Lúc trời mới rạng đông, họ vội vàng đi đến gốc cây ấy và nói với nhau:

– Các con bò sẽ là của ta, cỗ xe sẽ là của ta, hàng hóa sẽ là của ta!

Khi thấy cả đoàn người ấy còn lành mạnh, họ liền hỏi:

– Làm sao các ông biết cây này không phải cây xoài?

Họ trả lời:

– Chúng tôi không biết. Nhưng trưởng đoàn lữ hành của chúng tôi biết.

Dân làng đến hỏi Bồ-tát:

– Thưa bậc Hiền trí, làm thế nào ngài biết được?

– Có hai điều báo cho ta biết.

Bồ-tát đáp, rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

54. Cây này không khó leo, Không xa làng bao nhiêu,
Do vậy nên ta biết, Cây này quả không tốt!

Sau khi thuyết pháp cho đại chúng, Bồ-tát đi đến chỗ an toàn.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, như vậy thuở xưa các bậc Hiền trí cũng giỏi về trái cây.

Sau khi thuyết pháp thoại này và kết hợp hai mẩu chuyện, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, đoàn lữ hành là hội chúng của Như Lai, còn người trưởng đoàn lữ hành là Ta vậy.

§55. CHUYỆN NĂM VŨ KHÍ (*Pañcāvudhajātaka*) (*J*. I. 272)

Người với tâm ly tham...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Thế Tôn cho gọi Tỷ-kheo ấy và hỏi:

– Có thật chăng, này Tỷ-kheo, ông thối thất tinh tấn?

– Thưa có thật, bạch Thế Tôn.

– Thuở xưa, trong những trường hợp cần phải tinh tấn, bậc Hiền trí đã tinh tấn; do vậy, đã đạt được vương vị.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì nước Ba-la-nại, Bồ-tát nhập thai vào

làm con hoàng hậu. Đến ngày đặt tên, sau khi mời tám trăm vị Bà-la-môn và cúng dường những vị này mọi dục lạc, vua và hoàng hậu hỏi họ về các tướng. Các Bà-la-môn thiện xảo về tướng, thấy được sự thành tựu các tướng của hoàng tử, đã trả lời:

– Thưa Đại vương, hoàng tử đầy đủ các công đức; sau khi ngài qua đời, sẽ lên ngôi vua, được danh vọng lẫy lừng với tài sử dụng năm loại vũ khí, sẽ trở thành con người tối thượng ở toàn cõi Diêm-phù-đề.[70]

Nghe lời nói của các Bà-la-môn, vua và hoàng hậu đặt tên cho hoàng tử là Pañcāvudhakumāra (Hoàng tử có năm vũ khí). Đến lúc trưởng thành, vừa mười sáu tuổi, vua cho gọi hoàng tử và bảo:

– Này con thân, con hãy đi học nghề!

– Thưa Thiên tử, con học với ai?

– Hãy đi, con thân, con sẽ học với bậc thầy có danh tiếng mọi phương tại thành Takkasilā trong nước Gandhāra. Và đây là tiền con sẽ trả cho thầy.

Nói xong, vua giao cho một ngàn đồng tiền vàng và đưa hoàng tử ra đi. Hoàng tử đến đấy, học nghề xong, được thầy cho năm loại vũ khí. Sau đó đảnh lễ thầy, hoàng tử ra khỏi thành Takkasilā, đem theo năm loại vũ khí và lên đường trở về Ba-la-nại. Giữa đường, hoàng tử vừa đến một khu rừng, tại đấy có một dạ-xoa tên là Silesaloma (Lông Dính) đang ngự trị. Từ đầu rừng, người đi đường thấy hoàng tử liền ngăn chặn chàng lại, bảo rằng trong rừng có dạ-xoa tên là Silesaloma ngự trị sẽ giết hại mọi người khi nó thấy họ. Hoàng tử tự tin mình, không chút sợ hãi, như con sư tử lông bờm, vẫn đi vào khu rừng.

Gặp nhau ở giữa khu rừng ấy, con dạ-xoa hiện ra trước hoàng tử với thân cao như cây cọ dừa (tāla), với đầu lớn như ngôi nhà có nóc nhọn, với cặp mắt to như hai cái bát, với hai nanh như hai búp cây củ cải, với mỏ như diều hâu, với bụng có nhiều đốm đỏ tía, với bàn tay bàn chân xanh lè, dạ-xoa nói:

– Ngươi đi đâu đấy? Hãy đứng lại. Ngươi là món ăn của ta!

Hoàng tử nói:

– Này dạ-xoa, ta tin ở ta nên vào đây, ngươi thật là liều mạng. Nếu ngươi đến gần ta, ta sẽ bắn ngươi với mũi tên có tẩm thuốc độc và hạ ngươi tại chỗ.

Sau khi dọa nạt, hoàng tử lắp tên có tẩm thuốc độc và bắn, bắn liên tục cho đến năm mươi mũi tên. Tất cả đều dính vào lông dạ-xoa, nó gạt năm mươi mũi tên rơi xuống chân nó, liền xông tới hoàng tử. Hoàng tử lại dọa rút gươm chém, cây gươm dài ba mươi hai đốt tay cũng dính vào lông dạ-xoa. Rồi hoàng tử đâm ngọn giáo vào nó, ngọn giáo cũng dính chặt vào đó. Biết khả năng bắt dính của dạ-xoa, hoàng tử lấy quả chùy đập nó, quả chùy cũng dính vào lông. Hoàng tử nói:

[70] Một trong 4 châu: Jampudīpa (南贍部洲, Nam Thiệm-bộ châu hay Diêm-phù-đề), Pubbavideha (東勝神洲, Đông Thắng-thần châu), Aparagoyāna (西牛貨洲, Tây Ngưu-hóa châu), Uttarakuru (北拘盧洲, Bắc Câu-lô châu).

– Này dạ-xoa, ngươi chưa nghe ta là Hoàng tử Pañcāvudha. Khi ta mạo hiểm đi vào khu rừng này do ngươi ngự trị, ta đặt lòng tin không phải ở cung tên... mà hoàn toàn đặt lòng tin vào ta. Nay ta sẽ đánh ngươi, chỉ một cú đánh, khiến ngươi trở thành cát bụi!

Sau khi hét lên, hoàng tử dùng bàn tay phải đánh dạ-xoa, bàn tay dính vào lông. Hoàng tử đánh với bàn tay trái, tay trái cũng dính. Hoàng tử đá với chân phải, chân phải cũng dính... chân trái cũng dính. Hoàng tử lại la to:

– Ta sẽ đập ngươi tan như cát bụi.

Và chàng lấy đầu đánh nó, đầu cũng dính vào lông. Bấy giờ hoàng tử bị mắc dính năm phần vào năm chỗ. Tuy vậy, hoàng tử vẫn không kinh hãi, không chút run sợ. Dạ-xoa suy nghĩ: "Đây không phải là một người bình thường mà là người phi thường, một con sư tử giữa loài người. Dầu bị một dạ-xoa như ta bắt, nó vẫn không run sợ. Trước đây, từ khi ta bắt đầu giết người đi trên đường này, chưa bao giờ ta thấy một người như vậy! Sao nó không sợ hãi?" Nghĩ vậy, dạ-xoa không dám ăn thịt hoàng tử và hỏi:

– Này thanh niên Bà-la-môn, vì sao chàng không sợ hãi?

– Này dạ-xoa, ta tin ở ta nên không sợ hãi. Ta biết mỗi cá thể thế nào cũng đi đến cái chết. Nhưng trong bụng ta, ta có vũ khí kim cang. Nếu ngươi ăn ta, ngươi không thể tiêu hóa vũ khí ấy. Vũ khí ấy sẽ cắt nội tạng ngươi thành từng miếng nhỏ và chấm dứt mạng sống của ngươi. Như vậy, cả hai sẽ bị tiêu diệt. Vì lý do này, ta không sợ hãi!

Theo truyền thuyết, ở đây hoàng tử muốn ám chỉ vũ khí trí tuệ trong nội tâm. Nghe hoàng tử nói vậy, dạ-xoa suy nghĩ: "Thanh niên Bà-la-môn này chỉ nói sự thật. Chỉ một miếng thịt nhỏ bằng hạt đậu từ thân thể của con sư tử giữa loài người này, bụng ta cũng không thể tiêu hóa được. Ta hãy thả nó ra." Vì sợ chết, nó thả hoàng tử ra và nói:

– Này thanh niên Bà-la-môn, chàng là con sư tử giữa loài người. Ta sẽ không ăn thịt chàng đâu. Nay chàng được giải thoát khỏi tay ta như mặt trăng thoát khỏi miệng Rāhu (vua thần a-tu-la). Hãy ra đi và hãy mang lại hoan hỷ tốt lành cho bà con, bè bạn và đất nước!

Bồ-tát nói:

– Này dạ-xoa, ta sẽ đi. Nhưng trước đây, do làm nhiều điều bất thiện, ngươi sanh làm dạ-xoa độc ác, tay vấy máu, ăn thịt, uống máu người. Nếu nay, trong thời hiện tại, ngươi vẫn làm điều bất thiện nữa thì ngươi sẽ đi từ cảnh tối tăm này đến cảnh tối tăm khác. Nay ngươi đã gặp ta, ngươi không thể làm điều bất thiện nữa. Hãy biết rằng, ai sát sanh sẽ bị đọa vào cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Nếu được sanh làm người thì tội ác ấy sẽ đưa đến yểu mạng.

Với cách này và nhiều cách khác, Bồ-tát thuyết về sự nguy hiểm của năm ác giới và lợi ích của năm thiện giới, làm cho dạ-xoa sợ hãi bằng nhiều hình thức như thuyết pháp, nhiếp phục... khiến dạ-xoa trở thành nhu thuận, an trú trong

năm giới. Rồi biến dạ-xoa thành vị thần ở khu rừng với quyền được thâu thuế (được cúng tế).[71] Bồ-tát khuyên nó không được phóng dật. Sau đó, Bồ-tát đi ra khỏi khu rừng, báo tin cho những người ở tại đầu rừng tỏ tường sự việc; rồi nai nịt với năm loại vũ khí, ngài đi đến Ba-la-nại gặp lại mẹ cha.

Sau một thời gian lên ngôi vua, trị vì quốc độ đúng pháp, ngài làm các công đức như bố thí... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Chánh Đẳng Giác đọc bài kệ:

55. Người với tâm ly tham, Với ý cũng ly tham,
Tu tập theo thiện pháp, Đạt an ổn khổ ách,
Và tiếp tục chứng đạt, Đoạn diệt mọi kiết sử.[72]

Như vậy, sau khi bậc Đạo sư thuyết pháp đưa đến đỉnh cao nhất là quả A-la-hán, Ngài giảng bốn sự thật. Cuối bài giảng, Tỷ-kheo ấy chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, dạ-xoa là tướng cướp Aṅgulimāla (đeo vòng ngón tay),[73] và Hoàng tử Pañcāvudha là Ta vậy.

§56. CHUYỆN KHỐI VÀNG (*Kañcanakkhandhajātaka*) (*J.* I. 276)

Người với tâm hoan hỷ...

Câu chuyện này, khi ở tại Xá-vệ, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo. Theo truyền thuyết, một thiện nam tử ở Xá-vệ, sau khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, gởi cả tâm tư vào Ba ngôi báu và xuất gia. Hai vị Sư trưởng và Giáo thọ sư dạy về Giới:

– Này Hiền giả, đây là Giới; một loại, hai loại, ba loại, bốn loại, năm loại, sáu loại, bảy loại, tám loại, chín loại, mười loại, nhiều loại. Đây là Tiểu giới, đây là Trung giới, đây là Đại giới. Đây là Giới do hành trì Giới bổn, đây là Giới hộ trì các căn, đây là Giới thanh tịnh mạng, đây là Giới sử dụng các đồ vật.

Tỷ-kheo trẻ ấy suy nghĩ: "Giới này thật quá nhiều. Với chừng ấy giới được chấp nhận, ta không thể nào giữ trọn. Không thể giữ trọn đủ giới thì xuất gia có lợi ích gì? Ta hãy trở lại làm gia chủ, làm các công đức như bố thí... và nuôi dưỡng vợ con!" Nghĩ vậy, Tỷ-kheo thưa:

– Thưa các Tôn giả, con không có thể giữ giới. Không thể giữ giới thì xuất gia có lợi ích gì? Con sẽ hoàn tục. Xin các Tôn giả hãy lấy lại y, bát.

Sư trưởng nói:

– Nếu sự việc là như vậy thì Hiền giả hãy đến đảnh lễ bậc Đạo sư.

Các vị ấy đưa Tỷ-kheo đến pháp đường gặp bậc Đạo sư. Thấy vậy, Ngài nói:

---

[71] Xem *J.* II. 15, *Gaggajātaka* (*Chuyện nhảy mũi*), số §155.

[72] Xem *J.* I. 276, *Kañcanakkhandhajātaka* (*Chuyện khối vàng*), số §56; *J.* II. 17, *Alīnacittajātaka* (*Chuyện Hoàng tử Alīnacitta*), số §156.

[73] Xem *M.* II. 98, *Aṅgulimālasutta* (*Kinh Aṅgulimāla*), số 86.

– Này các Tỷ-kheo, sao các ông đem một Tỷ-kheo đến đây mà vị ấy không muốn?

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này nói không thể giữ giới, trả lại y, bát, nên chúng con dẫn vị ấy đến đây.

– Này các Tỷ-kheo, sao ông lại nói quá nhiều giới cho Tỷ-kheo này? Bao nhiêu giới vị ấy có thể giữ được, vị ấy sẽ giữ từng ấy giới. Bắt đầu từ nay, các ông chớ nói nữa. Ở đây, Ta sẽ biết những gì nên nói.

Rồi bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Hãy đến, này Tỷ-kheo! Lo gì đến nhiều giới vậy? Ông có giữ được ba giới không?

– Con có thể giữ được, bạch Thế Tôn.

– Vậy bắt đầu từ nay, ông hãy giữ ba cửa: Cửa về thân, cửa về lời, cửa về ý. Chớ làm điều ác về thân, về lời, về ý. Hãy tinh tấn lên, chớ hoàn tục! Chỉ giữ ba giới này thôi.

Cho đến như vậy, Tỷ-kheo ấy hết sức hoan hỷ và nói:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn, con sẽ giữ ba giới này.

Sau khi đảnh lễ bậc Đạo sư, Tỷ-kheo ấy đi về với vị Sư trưởng và Giáo thọ sư của mình, giữ gìn đầy đủ ba giới ấy. Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Giới được vị Sư trưởng và Giáo thọ sư nói với ta, vì tự mình không phải là Phật, các vị ấy không thể làm cho ta hiểu được từng ấy giới. Bậc Chánh Đẳng Giác, vì tự mình khéo giác ngộ Chánh giác, là vị Pháp Vương Vô Thượng, Ngài tóm thâu bao nhiêu giới trong ba cửa và bảo ta gìn giữ chúng. Bậc Đạo sư thật sự là một hỗ trợ cho ta vậy!"

Tỷ-kheo ấy phát triển thiền quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Biết được tin này, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường, ngồi nói về công đức của bậc Đạo sư:

– Này các Hiền giả, Tỷ-kheo này không thể giữ giới, muốn hoàn tục. Bậc Đạo sư tóm thâu tất cả giới vào ba phần, bảo Tỷ-kheo ấy giữ chúng và giúp vị ấy đạt được quả A-la-hán.

Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi nói chuyện gì. Được họ cho biết về đề tài câu chuyện, Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, một vật hết sức nặng, nếu được chia thành từng phần cũng trở thành nhẹ. Thuở xưa, các bậc Hiền trí được một khối vàng lớn, không thể nhấc lên nổi, đã chia thành từng phần, rồi nhấc lên nổi và đem vàng đi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm người cày ruộng tại một ngôi làng. Ngày kia, Bồ-tát đang cày trên một thửa ruộng,

thửa ruộng này trước đây là một ngôi làng bị bỏ hoang, vì trong làng có một vị triệu phú đã chết và chôn tại đó một đống vàng lớn bằng bắp vế người và cao đến bốn khuỷu tay, lưỡi cày của Bồ-tát mắc phải đống vàng ấy nên đứng khựng lại. Nghĩ rằng đó là rễ tỏa rộng của cây, Bồ-tát đào đất lên, nhưng lại thấy được khối vàng. Bồ-tát chùi đất thật sạch và cày tiếp cho xong ngày ấy.

Khi mặt trời lặn, để ách và cày một bên, Bồ-tát nghĩ đến phương cách đem khối vàng đi. Nhưng Bồ-tát không nhấc nó lên được. Bồ-tát ngồi và nghĩ: "Để phần như vậy, ta sẽ nuôi sống bản thân của ta; để phần như vậy, ta sẽ chôn giấu; để phần như vậy, ta sẽ làm các công việc; để phần như vậy, ta sẽ làm các công đức như bố thí..."

Rồi Bồ-tát chia thành bốn phần. Khi được Bồ-tát chia như vậy, khối vàng ấy trở thành nhẹ. Bồ-tát nhấc vàng lên được, đem về nhà, chia thành bốn phần. Bồ-tát trọn đời làm các công đức như bố thí cùng nhiều thiện sự khác và đi theo nghiệp của mình.

***

Khi kể câu chuyện này xong, bậc Chánh Đẳng Giác đọc bài kệ:

56. Người với tâm hoan hỷ, Với ý cũng hoan hỷ,
Tu tập theo thiện pháp, Đạt an ổn khổ ách,
Và tiếp tục chứng đạt, Đoạn diệt mọi kiết sử.

Rồi sau khi hướng lời thuyết pháp lên đỉnh cao là quả A-la-hán, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người được khối vàng là Ta vậy.

§57. CHUYỆN KHỈ CHÚA (*Vānarindajātaka*) (*J.* I. 278)

Ai đủ bốn pháp này...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về âm mưu của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) muốn ám hại Ngài. Lúc bấy giờ, khi nghe nói Devadatta âm mưu ám hại, bậc Đạo sư liền nói với các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới âm mưu ám hại Ta. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã âm mưu nhưng không thể làm gì được.

Sau khi nói vậy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con khỉ. Nó to lớn như một con ngựa con, có sức mạnh và sống một mình bên bờ sông. Giữa con sông ấy có một hòn đảo, trên hòn đảo có nhiều loại cây ăn trái như xoài, mít... Con khỉ mạnh như con voi, đầy đủ sức lực.

Mỗi sáng, nó nhảy từ bờ sông bên này đến một hòn đá ở giữa sông, rồi từ hòn đá ấy, nó lại nhảy đến hòn đảo. Tại đấy, nó ăn các loại trái và đến chiều với

phương tiện cũ, nó trở về chỗ ở của mình. Ngày qua ngày, con khỉ sống nếp sống như vậy.

Lúc bấy giờ, có hai vợ chồng con cá sấu sống trong sông ấy. Thấy con khỉ đi qua đi lại, vợ con cá sấu đang có thai khởi lên lòng tham muốn ăn quả tim con khỉ, bèn nói với chồng:

– Này chàng, em thèm ăn quả tim con khỉ chúa này quá.

Sấu đực nói:

– Thật lành thay, em sẽ được như ý!

Sấu đực suy nghĩ: "Chiều nay, khi con khỉ từ hòn đảo về, ta sẽ bắt nó."

Sấu đực đến nằm chờ trên hòn đá. Con khỉ cả ngày lang thang trên đảo, vào buổi chiều, nó đứng trên hòn đảo, nhìn hòn đá và nghĩ: "Hòn đá hôm nay có vẻ cao hơn, vì lý do gì?" Bồ-tát luôn luôn khéo đo lường. Nhìn tầm cao của hòn đá và tầm cao của nước, Bồ-tát suy nghĩ: "Hôm nay, nước con sông này không giảm cũng không tăng. Nhưng hòn đá này lại có vẻ to hơn. Rất có thể, con cá sấu đang nằm với mục đích bắt ta tại chỗ ấy." Để tìm sự việc này, con khỉ vẫn đứng tại chỗ ấy, làm bộ như nói với hòn đá, gọi lớn:

– Này bạn hòn đá!

Và khỉ không được trả lời. Khỉ gọi đến ba lần:

– Này bạn hòn đá!

Hòn đá vẫn không trả lời. Con khỉ nói:

– Này bạn hòn đá, sao hôm nay bạn không trả lời ta?

Con cá sấu suy nghĩ: "Như vậy, trong những ngày trước, hòn đá này đã trả lời con khỉ chúa. Vậy nay ta sẽ trả lời nó." Con cá sấu nói:

– Này bạn khỉ chúa, cái gì vậy?

– Ngươi là ai?

– Ta là cá sấu.

– Ngươi nằm đó vì mục đích gì?

– Để bắt ngươi và ăn quả tim của ngươi.

Con khỉ suy nghĩ: "Ta không có đường đi nào khác. Nay ta phải lừa dối con cá sấu này." Vì thế, khỉ nói:

– Này bạn cá sấu, ta sẽ chịu đầu hàng bạn thôi. Bạn hãy há miệng ra và khi ta nhảy đến gần, bạn sẽ bắt ta.

Khi con cá sấu há miệng thì tự nhiên mắt nó nhắm lại. Cá sấu không nghĩ đến mưu kế này, liền há miệng ra và mắt nó nhắm lại, từ từ nằm xuống. Con khỉ đã biết tình hình như vậy, từ nơi hòn đảo nhảy qua, đạp trên đầu con cá sấu, rồi từ đầu con cá sấu lại nhanh như chớp nhảy qua đứng ở bờ bên kia. Con cá sấu thấy sự kỳ diệu này, nghĩ rằng con khỉ chúa này đã làm một việc hết sức phi thường, nó nói:

– Này, ngài khỉ chúa, ai đầy đủ bốn pháp ở trong đời, sẽ nhiếp phục được kẻ thù. Ta nghĩ rằng, ngài có đủ tất cả trong nội tâm.

Nói vậy xong, cá sấu đọc bài kệ này:

57. Ai đủ bốn pháp này, Này khỉ chúa, như ngài,
Chân thật và nghĩ xa, Cương nghị và vô úy,
Ngài có bốn pháp này, Đánh bại được quân thù.

Như vậy, con cá sấu tán thán khỉ chúa rồi đi về trú xứ của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới âm mưu ám hại Ta, trong quá khứ, kẻ ấy cũng đã làm như vậy.

Sau khi thuyết pháp thoại này và kết hợp hai mẩu chuyện, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, cá sấu là Devadatta, vợ cá sấu là Ciñcamānavikā,[74] còn khỉ chúa là Ta vậy.

§58. CHUYỆN BA PHÁP (*Tayodhammajātaka*) (*J.* I. 280)

Ai đầy đủ ba pháp...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về âm mưu ám hại của Đề-bà-đạt-đa.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) sanh ra làm con khỉ ở gần dãy Tuyết sơn, lãnh đạo một đoàn khỉ toàn do nó sanh ra. Vì sợ chúng lớn lên sẽ tranh giành quyền lãnh đạo đàn khỉ này, con khỉ đầu đàn liền dùng răng cắn và thiến chúng, khiến hột giống bị hoại diệt.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát cũng do duyên con khỉ ấy, nhập thai vào bụng một con khỉ cái. Con khỉ cái biết thai đã thành, muốn bảo vệ thai của mình, bèn đến một ngôi rừng dưới chân núi. Khi thai đến đúng ngày, nó sanh ra Bồ-tát. Bồ-tát lớn lên, đến tuổi trưởng thành, đầy đủ sức mạnh phi thường. Một hôm, Bồ-tát hỏi mẹ:

– Thưa mẹ, cha con đâu?

– Này con thân, cha con đang sống lãnh đạo đàn khỉ dưới chân núi.

– Thưa mẹ, hãy đưa con đến gần cha con.

– Này con thân, mẹ không thể đưa con đến gần cha con được. Cha con vì sợ các khỉ con sẽ tranh giành lãnh đạo đàn khỉ nên dùng răng cắn và thiến chúng, khiến hột giống hoại diệt.

[74] Xem *Dh.* v. 176. Kệ pháp cú này được đức Bổn sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Ciñcamānavikā.

– Thưa mẹ, hãy đưa con lại đấy. Con sẽ có cách.

Khỉ mẹ liền đem khỉ con đến gần khỉ cha. Vừa thấy con trai mình, con khỉ cha nghĩ rằng, rồi đây con mình sẽ không cho mình lãnh đạo đàn khỉ, nay mình cần phải giết con bằng cách giả ôm hôn rồi siết con thật chặt cho đến chết. Nghĩ vậy, nó nói:

– Hãy đến, này con thân, lâu nay con ở đâu?

Nói vậy, nó ôm hôn và siết khỉ con thật chặt. Nhưng Bồ-tát với sức mạnh như voi đã siết chặt trở lại, khiến các xương khỉ cha như gãy nát. Khỉ cha suy nghĩ: "Con này khi lớn lên sẽ giết ta. Với phương tiện nào, ta hãy giết nó trước đã. À, cách đây không xa, một hồ nước có quỷ la-sát ở. Tại đấy, ta sẽ cho quỷ la-sát ăn nó." Nghĩ vậy, khỉ cha nói:

– Này con thân, ta nay đã già. Ta sẽ giao cho con lãnh đạo đàn khỉ này. Hôm nay, ta sẽ phong vương cho con. Tại chỗ nọ, có một hồ nước, trong hồ có hai loại hoa súng, ba loại hoa sen xanh, năm loại hoa sen trắng. Hãy đi hái và đem các hoa ấy về!

Bồ-tát nói:

– Lành thay, cha thân, con sẽ mang hoa lại!

Nói xong, Bồ-tát ra đi, nhưng không xuống hồ gấp. Xung quanh hồ, Bồ-tát quan sát có dấu chân, chỉ có dấu chân xuống, không có dấu chân lên, Bồ-tát suy nghĩ: "Cái hồ này phải có quỷ la-sát trú ẩn! Cha ta không thể tự mình giết ta, muốn quỷ la-sát ăn thịt ta. Ta sẽ không đi xuống hồ này, vẫn lấy được hoa như thường."

Bồ-tát đi đến một chỗ không có nước, lấy đà nhảy từ bờ bên này, hái hai cái hoa mọc cao trên mặt nước mà không dính nước, rồi hạ xuống bờ bên kia. Rồi từ bờ bên kia, Bồ-tát nhảy đến bờ bên này, theo phương thức trước, bẻ hai cái hoa. Cứ như thế, từ cả hai bên bờ, Bồ-tát hái được nhiều hoa, chất thành hai đống nhưng vẫn không xuống chỗ trú của quỷ la-sát.

Đến khi không thể nhảy qua hồ nước hái hoa được nữa, Bồ-tát gom lấy các hoa ấy chất thành đống để tại một chỗ. Con quỷ la-sát kinh ngạc suy nghĩ: "Lâu nay, chưa bao giờ ta thấy một người nào sáng suốt, kỳ diệu như vậy. Các hoa sen được con khỉ này hái như ý muốn, mà nó vẫn không xuống trú xứ của ta." Rồi quỷ la-sát rẽ nước đi lên, đến bên Bồ-tát và nói:

– Này khỉ chúa, trong hồ này, ai có được ba pháp vị ấy sẽ chiến thắng kẻ thù. Ta nghĩ rằng, tất cả pháp ấy ngài đều có đủ.

Quỷ la-sát đọc bài kệ:

58. Ai đầy đủ ba pháp,
Thiện xảo và anh hùng,
Ngài đủ ba pháp ấy,
Này khỉ chúa, như ngài,
Đầy đủ cả trí tuệ,
Đánh bại được kẻ thù.

Như vậy, quỷ la-sát trong hồ ấy đã tán thán Bồ-tát với bài kệ này và hỏi:

– Ngài lấy các hoa này làm gì?

– Cha ta muốn phong vương cho ta, vì lý do này, ta lấy hoa.

– Một bậc sáng suốt như ngài không nên hái hoa và mang hoa, tôi sẽ hái và mang cho ngài.

Rồi nó nhổ hoa lên và mang hoa đi theo sau lưng Bồ-tát. Con khỉ cha ở đằng xa thấy Bồ-tát, liền nghĩ: "Ta giục nó đi để quỷ la-sát ăn thịt nó. Nay nó lại an toàn trở về với quỷ la-sát mang hoa cho nó, ta bị nguy hại rồi!"

Nghĩ đến đó, quả tim nó vỡ thành bảy mảnh và nó mạng chung tại chỗ. Đàn khỉ còn lại hội họp và tôn Bồ-tát lên làm vua.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, chúa của đàn khỉ là Devadatta, còn con trai của chúa đàn khỉ là Ta vậy.

§59. CHUYỆN TIẾNG TRỐNG (*Bherivādajātaka*)[75] (*J.* I. 283)

Đánh, đánh, chớ đánh quá...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo ấy:

– Có thật chăng, ông là người khó bảo?

– Thưa có thật, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới khó bảo. Trong thời quá khứ, ông cũng đã khó bảo rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm người đánh trống, sống ở trong làng. Khi nghe có lễ tế các vì sao ở Ba-la-nại, người đánh trống suy nghĩ: "Ta sẽ đánh trống cho quần chúng tụ hội và sẽ được tiền." Nghĩ vậy, người ấy đem con đi theo đến Ba-la-nại. Tại chỗ ấy, hai cha con đánh trống và được nhiều tiền. Mang theo tiền, trên đường về làng của mình, phải ngang qua một khu rừng có bọn cướp, người cha ngăn chặn con trai đang miên man đánh trống liên hồi:

– Này con thân, chớ có đánh trống như vậy. Chỉ đánh từng hồi một thôi, như trống của một chủ tướng vậy mà.

Dầu bị cha ngăn, đứa con vẫn nói:

---

[75] Bản Tích Lan viết *Bherivādajātaka*. Bản CST viết *Bherivādakajātaka*.

– Với tiếng trống, ta sẽ đuổi bọn cướp chạy.

Nên nó vẫn đánh trống liên hồi.

Bọn cướp ban đầu nghe tiếng trống, nghĩ là tiếng trống của vị chủ tướng nên chạy trốn. Nhưng khi nghe tiếng trống một mặt cứ liên hồi, biết không phải là tiếng trống của một chủ tướng, chúng liền trở lại tìm hiểu. Thấy chỉ có hai người, bọn chúng liền xông ra đánh cướp hết cả. Người cha than:

– Vì con đánh trống liên hồi nên con làm mất tất cả tiền thâu được một cách khó khăn.

Nói xong, người cha đọc bài kệ:

59. Đánh, đánh, chớ đánh quá! Đánh quá thành không tốt.
Do đánh được của tiền, Do đánh tiền mất hết.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, đứa con trai là Tỷ-kheo khó bảo này, còn người cha là Ta vậy.

§60. CHUYỆN THỔI TÙ VÀ (*Saṁkhadhamanajātaka*)[76] (*J.* I. 284)

Thổi, thổi, chớ thổi quá...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo... (như trên).

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người thổi tù và, cùng cha đi đến chỗ tế lễ các vì sao ở Ba-la-nại. Do thổi tù và, hai cha con được nhiều tiền. Khi về đến một khu rừng có bọn cướp, người con ngăn cha chớ có thổi tù và liên hồi. Người cha nói:

– Với tiếng tù và, ta sẽ đuổi bọn cướp chạy.

Nên ông cứ thổi liên hồi. Bọn ăn cướp trốn ở đó trước, xông ra cướp của. Người con nói lên bài kệ:

60. Thổi, thổi, chớ thổi quá! Thổi quá thành không tốt.
Do thổi được tài sản, Do thổi bay hết tiền.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người cha là Tỷ-kheo khó bảo này, còn người con là Ta.

[76] Bản Tích Lan viết *Saṅkhadhamanajātaka*. CST viết *Saṅkhadhamajātaka*.

VII. PHẨM NỮ NHÂN
(*ITTHIVAGGA*)[77]

§61. CHUYỆN CHÚ THUẬT ASĀTA (*Asātamantajātaka*) (*J.* I. 284)

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo bị tham dục chi phối trong lúc trú tại Kỳ Viên. Câu chuyện sẽ được trình bày ở *Chuyện kỹ nữ Ummadantī.*[78]

§62. CHUYỆN CÔ GÁI TRÊN LẦU BẢY TÀNG (*Aṇḍabhūtajātaka*)[79] (*J.* I. 289)

Trò chơi sáo, giả mù...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo bị ái dục chi phối tâm trí trong lúc trú tại Kỳ Viên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Tăng chúng bảo rằng ông bị ái dục chi phối, có phải vậy chăng?

– Thưa vâng, quả đúng như vậy.

– Này Tỷ-kheo, không ai canh giữ đàn bà được cả. Ngày xưa, có kẻ đầy mưu trí canh giữ một nữ nhân từ khi nó mới lọt lòng mà cũng không thể nào giữ nó được.

Nói vậy xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, Vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát sinh làm vương tử của bà chánh hậu. Khi ngài lớn lên, ngài tinh thông mọi môn học thuật, và khi vua cha băng hà, ngài lên ngôi làm một vị anh quân, trị dân đúng pháp. Thời ấy, ngài thường chơi xúc xắc với vị tế sư của triều đình, và khi ném con bài xúc xắc bằng vàng trên mặt chiếc bàn bằng bạc, ngài thường ca khúc hát cầu may này:

Muôn vật lẽ thường tình, Sông ngòi uốn lượn quanh,
Còn các loài thảo mộc, Là cây cối mọc thành,
Hễ gặp thời cơ tới, Nữ nhân phạm ác hành.

Vì khúc hát này làm cho vua thắng cuộc mãi nên theo đúng luật chơi bài, vị tế sư luôn bị thua cuộc. Và muốn khỏi sạt nghiệp, vị ấy quyết định tìm cho ra một cô gái chưa hề thấy người đàn ông nào, đem về nhà khóa cửa nhốt trong

---

[77] Bản Tích Lan và CST viết *Itthivagga*. Bản Thái Lan viết *Itthīvagga*.

[78] Xem *J.* VI. 209, *Ummadantījātaka* (*Chuyện kỹ nữ Ummadantī*), số §527; *JRAS*. 1893, p. 786.

[79] Bản CST, Thái Lan viết *Aṇḍabhūtajātaka*. Bản Tích Lan viết *Andhabhūtajātaka*.

phòng. Vị ấy nghĩ thầm: "Ta không thể nuôi một cô gái đã từng thấy đàn ông. Vậy ta phải tìm một đứa trẻ sơ sinh, giữ kỹ nó lúc lớn lên, canh chừng nó thật cẩn mật để không ai có thể đến gần nó và nó sẽ trung thành với người đàn ông duy nhất thôi. Lúc ấy, ta sẽ thắng vua và trở nên giàu có."

Bấy giờ, vị này rất giỏi khoa tướng số, nên vừa thấy một người đàn bà nghèo sắp sinh con và đứa trẻ sẽ là con gái. Vị ấy bèn thuê tiền để đem bà ta về ở trong nhà mình, giữ thật kỹ đến ngày sinh đứa con xong, bà ta phải đi ngay với một số tiền. Còn hài nhi kia được toàn phụ nữ nuôi nấng, không một nam nhân nào được nhìn thấy nó, trừ vị tế sư. Khi nó lớn lên, nó thuộc về quyền sở hữu của vị tế sư, chủ nhân của nó.

Suốt thời gian cô bé lớn dần, vị tế sư tránh việc chơi bài với vua, nhưng khi nó đã trưởng thành dưới quyền kiểm soát của chính mình thì vị tế sư lại thách thức vua chơi bài. Ngài chấp thuận và bắt đầu cuộc chơi. Trong khi vừa ném con xúc xắc, ngài vừa hát khúc ca cầu may ấy thì vị tế sư nói thêm:

– Nhưng bao giờ cô bé của hạ thần cũng là ngoại lệ đấy!

Rồi vận may cũng đổi chiều, chính vị tế sư thắng cuộc và nhà vua thua bài. Khi xét kỹ vấn đề trên, Bồ-tát nghi ngờ vị tế sư có giấu kín một cô gái đức hạnh trong nhà nên ngài cho người dò tìm và quả đúng như vậy. Thế là để làm cho cô bé kia phải sa ngã và phạm lỗi, ngài truyền đưa tới một gã điếm đàng, giảo quyệt và hỏi gã có cách quyến rũ cô gái chăng.

Gã kia đáp:

– Tâu Đại vương, chắc chắn là được.

Nghe vậy, nhà vua cho gã tiền và bảo gã thi hành lệnh ngài ngay, chớ để mất thì giờ lâu. Với số tiền vua ban, gã mua đủ loại nước hoa, hương liệu và mở cửa tiệm bán nước hoa gần nhà vị tế sư. Bấy giờ, nhà vị tế sư cao bảy tầng, có bảy cổng, mỗi cổng đều có người ngồi canh, toàn phụ nữ canh cổng, không đàn ông nào được phép vào nhà trừ vị Bà-la-môn. Ngay cả những thúng đựng rác cũng được khám xét thật kỹ trước khi đem vào nhà.

Chỉ riêng vị tế sư ấy được quyền nhìn thấy cô gái, và cô bé cũng chỉ có một nữ tỳ hầu hạ. Nữ tỳ này được giao tiền đi mua hoa tươi và nước hoa về tặng cô chủ; trên đường đi, bà ta thường bước ngang qua cửa tiệm mà gã điếm đàng kia mới mở. Gã ấy biết rõ bà ta chính là người hầu của cô gái kia, bèn đợi một ngày nọ bà ta đến gần, gã vội vã chạy bổ ra ngoài cửa hiệu, quỳ xuống chân bà, hai tay ôm chặt đầu gối bà, miệng lắp bắp:

– Ôi, mẹ ôi! Mẹ đi đâu lâu nay thế hở mẹ?

Và đồng bọn của gã đứng canh ở đó đều kêu lên:

– Ồ giống như tạc! Tay chân, mặt mũi, cả cách ăn mặc nữa, đều y hệt nhau!

Trong khi mọi người cứ xem xét trầm trồ không ngớt về sự giống nhau kỳ diệu kia, người đàn bà ấy đâm ra hốt hoảng trông thật thảm hại. Bà ta òa khóc

lớn rằng, đây hẳn là con trai bà! Rồi vừa khóc lóc vừa kể lể, cả hai người cứ ôm lấy nhau mà ngã lăn ra. Sau đó, gã hỏi:

– Nay mẹ đang ở đâu vậy mẹ?

– Mẹ đang ở nhà vị tế sư đấy con ạ. Ngài có một cô tiểu thiếp đẹp vô song, quả là tiên trên trời mới đẹp như thế và mẹ là người hầu của nàng ấy.

– Thế mẹ đang đi đâu đấy?

– Mẹ đi mua hoa tươi và nước hoa cho nàng ấy.

Gã kia bảo:

– Sao mẹ còn đi đâu mà mua các thứ ấy nữa? Lần sau mẹ cứ đến đây.

Và gã tặng bà già trầu cau cùng đủ thứ hoa mà không lấy tiền. Cô gái ngạc nhiên thấy số hoa tươi và nước hoa bà ta đem về quá nhiều, bèn hỏi tại sao vị tế sư Bà-la-môn lại hậu hĩ với nàng thế. Bà già đáp:

– Sao con lại nói thế hở con?

– Vì số hương hoa bà đem về nhà đấy mà.

– Ồ không, chẳng phải ngài Bà-la-môn cho tiền hào phóng đâu mà chính vì già này lấy các thứ kia ở tiệm của con trai già đấy.

Bà già bảo. Và từ đó, bà già giữ riêng số tiền vị Bà-la-môn đưa, rồi đi đến lấy hoa tươi cùng đủ thứ khác tại tiệm gã kia khỏi mất tiền. Vài ngày sau, gã giả vờ đau ốm, lên giường nằm. Khi bà già ấy đến cửa tiệm hỏi con trai bà đâu thì được biết gã đang bị bệnh. Bà vội bước vào tận nơi, âu yếm vuốt ve đôi vai gã và hỏi nguyên nhân cơn bệnh. Nhưng gã không đáp.

– Tại sao con không nói cho mẹ biết hả con?

– Dù con có chết đi cũng không dám nói với mẹ đâu.

– Nhưng nếu con không nói với mẹ thì còn nói với ai được nữa?

– Thế thì mẹ ôi, bệnh của con phát ra chỉ vì nghe mẹ cứ khen cô tiểu chủ của mẹ đẹp tuyệt trần nên con đâm ra si tình phát ốm tương tư đó thôi! Nếu con chiếm được nàng, con mới sống nổi, còn không thì con đành nằm ở đây chờ chết.

– Con ơi, con cứ để việc này cho mẹ lo liệu.

Bà già nói một cách vui vẻ.

– Con đừng lo lắng gì về chuyện đó.

Thế rồi mang một thúng chất đầy hoa tươi cùng nước hoa, bà đem về nhà, nói với nàng tiểu thiếp của vị Bà-la-môn:

– Chao ôi! Con trai già đang ốm tương tư vì nàng, chỉ vì già bảo cho nó biết nàng đẹp tuyệt vời! Bây giờ biết làm sao đây?

Cô gái đáp:

– Nếu bà tìm cách lén đem được cậu ấy vào đây thì ta cho phép bà đấy.

Ngay sau đó, mụ già liền bắt tay quét dọn tất cả đồ đạc hư cũ, rác rưởi

trong nhà, thâu góp cả bảy tầng lầu từ rầm thượng cho đến nhà bếp, bỏ vào một thúng đựng hoa to tướng rồi tìm cách đưa ra ngoài. Khi người ta lục soát như thường lệ thì mụ già đổ cả thúng rác lên đầu người đàn bà giữ cổng, khiến người đó bỏ chạy ngay trước cách đối xử quá thô bạo như thế. Mụ già cũng làm cách ấy với các người giữ cổng kia, khiến cho họ ngộp thở vì đống rác rưởi trút lên đầu và mọi người la lối mụ đủ điều.

Thế là từ đó về sau, mụ già có đưa vào đưa ra bất cứ vật gì cũng không ai có gan lục soát mụ nữa. Thời cơ đã đến tay, mụ lén đưa gã điếm đàng giấu trong thúng hoa vào gặp cô tiểu chủ. Gã làm hư hỏng đức hạnh của cô gái ngay và còn cả gan ở lại một hai ngày trong những căn gác nhỏ trên lầu. Gã lánh mặt khi vị tế sư đến nhà và bầu bạn với cô gái khi vị ấy đi khỏi. Sau một hai ngày, cô gái bảo tình nhân:

– Này lang quân yêu quý, chàng phải ra đi rồi đấy.

– Đúng rồi, nhưng ta muốn đánh lão Bà-la-môn ấy một cái đã.

– Được lắm chứ.

Cô gái đáp và đem giấu gã một nơi. Sau đó, vị Bà-la-môn đến, cô nàng kêu lên:

– Này phu quân yêu dấu, tiện thiếp ưa thích ca múa biết bao, ước gì phu quân vui lòng thổi sáo cho thiếp.

– Vậy ái nương hãy múa đi nào.

Vị Bà-la-môn lập tức thổi sáo lên.

– Nhưng nếu phu quân nhìn thiếp thì thiếp xấu hổ, thẹn thùng quá, không sao dám múa đâu, để tiện thiếp lấy cái khăn che kín khuôn mặt khôi ngô khả ái của phu quân trước đã, rồi tiện thiếp mới dám múa.

– Thôi được rồi, nếu ái nương quá khiêm nhượng mà không dám múa thì cứ làm thế đi.

Vậy là cô nàng lấy một tấm vải thật dày buộc chặt lên mặt lão Bà-la-môn để che mắt lão. Và cứ giả mù như thế, lão bắt đầu thổi sáo. Nhảy múa được một lát, cô nàng lại kêu lên:

– Chàng yêu quý ôi, thiếp lại còn thích đánh chàng một cái trên đầu nữa cơ!

– Vậy thì nàng cứ đánh đi nào!

Lão già ngốc nghếch đáp mà không chút nghi ngờ gì cả. Thế là cô ả liền ra hiệu cho gã tình nhân, hắn nhẹ nhàng lẻn ra sau lưng lão Bà-la-môn đánh cho lão một đấm trên đầu nên thân. Cái đấm mới đích đáng làm sao, khiến hai mắt lão như muốn lòi ra khỏi mặt, trên đầu lão u lên một cục lớn. Lão thấy đau điếng người, liền gọi cô ả kia đến gấp, đưa tay cho lão xem, và cô ả bèn đặt tay mình vào tay lão:

– Ồ bàn tay nàng mềm mại quá, sao nó lại đánh đau thế này?

Bấy giờ, khi gã đểu cáng kia đánh lão Bà-la-môn xong, gã lại đi ẩn mình như

cũ. Lúc ấy, cô gái mở khăn ra khỏi mặt lão, thoa dầu lên chỗ đầu bị u. Một lát sau lão ra về, gã kia lại được mụ già giấu vào giỏ hoa đưa ra khỏi nhà. Lập tức gã đến yết kiến đức vua và tâu trình toàn thể cuộc phiêu lưu của gã cho ngài hay.

Bởi thế, khi vị Bà-la-môn vào chầu, vua liền đề nghị chơi bài xúc xắc, vị ấy đồng ý và chiếc bàn chơi bài được đem ra. Khi vua ném con bài, ngài cũng ca khúc hát ấy. Và vị Bà-la-môn, vì không hay biết gì về sự hư hỏng của cô tiểu thiếp nên vẫn nói thêm:

– Bao giờ cô gái của hạ thần cũng là ngoại lệ đấy.

Nhưng lần này lão thua cuộc!

Còn vua đã biết rõ mọi việc xảy ra, liền bảo tế sư:

– Sao lại trừ nàng ấy ra? Nàng ấy đã hư thân mất nết rồi. Ồ, khanh cứ tưởng là đem về nuôi một con bé từ khi lọt lòng mẹ và nhốt nó trong bảy vòng canh giữ là khanh có thể vững lòng tin vào nó ư? Này khanh, không thể tin vào một nữ nhân nào cả, dù cho khanh có ôm nó trong lòng, quanh quẩn suốt ngày bên nó không rời một khắc! Chẳng hề có một người đàn bà nào giữ dạ chung thủy với một người đàn ông duy nhất trên đời. Còn về ả tiểu thiếp của khanh, ả bảo khanh rằng ả muốn nhảy múa, rồi khi đã bịt mắt khanh xong xuôi, khanh thổi sáo cho ả thì ả lại để gã tình nhân đánh lên đầu khanh đấy, sau đó lén đưa gã ra khỏi nhà. Thế thì ngoại lệ của khanh ở đâu chứ?

Khi nói vậy xong, nhà vua liền ngâm kệ:

62. Trò chơi sáo giả mù,
Bà-la-môn ngồi đó,
Tạo nên người đức hạnh,
Học ngay từ việc ấy,

Vì vợ bé phỉnh phờ,
Cố gìn giữ gái tơ,
Trong trắng chẳng bùn nhơ,
Mà sợ đám liễu bồ!

Bằng cách ấy, Bồ-tát thuyết pháp cho vị Bà-la-môn. Vị ấy về nhà hạch hỏi cô gái về tội hư thân mất nết mà cô ả đã bị tố cáo trên. Cô gái phân trần:

– Này phu quân yêu quý, ai có thể nói như vậy về tiện thiếp đấy? Tiện thiếp vô tội thật mà, chính bàn tay thiếp đánh chàng thật mà, chứ còn ai vào đây nữa? Nếu phu quân không tin lời thiếp thì thiếp xin nguyện đem thân này ra thử lửa để chứng tỏ không hề có bàn tay nam nhân nào từng đụng vào người thiếp cả, nhờ vậy mong chàng tin tưởng thiếp.

– Muốn thế thì được ngay.

Vị Bà-la-môn liền bảo đem một đống củi vào và châm lửa lên. Sau đó, cô gái được gọi đến:

– Này, nếu nàng tin tưởng lời mình thật thì hãy thử lửa đi.

Vị Bà-la-môn nói.

Trước đó, cô gái đã dặn dò mụ già nọ như sau:

– Này mẹ ôi, mẹ hãy gọi con trai mẹ đến sẵn đây để nắm lấy tay con đúng lúc con sắp bước vào lửa nhé!

Và mụ già làm đúng như lời cô ả dặn, bảo gã kia đứng chen vào đám đông đang vây quanh. Sau đó, để đánh lừa vị Bà-la-môn, cô gái đứng trước mặt mọi người, hăng hái thề thốt:

– Thưa phu quân, không hề có tay ai trừ tay chàng đụng vào người thiếp cả, với lời thề chân thật này, thiếp cầu mong ngọn lửa đừng làm hại thân thiếp.

Nói vậy xong, cô ả tiến đến đống lửa vừa đúng lúc gã tình nhân nhảy lên chụp lấy tay ả, hét to rằng, vị Bà-la-môn thật đáng xấu hổ vì đã bắt buộc một thiếu nữ diễm lệ thế kia phải nhảy vào lửa đỏ! Cô gái giật mạnh tay ra khỏi tay gã và kêu ca rằng lời xác nhận trước đây của ả đã bị làm hỏng mất rồi, nên bây giờ ả không thể thử lửa được nữa! Vị Bà-la-môn hỏi:

– Tại sao lại không được?

Cô ả đáp:

– Bởi vì trước kia thiếp xác nhận không hề có bàn tay nam nhân nào đụng vào người thiếp trừ tay chàng ra, nhưng bây giờ lại có một người đàn ông vừa chụp lấy tay thiếp.

Nghe vậy, vị Bà-la-môn biết rằng mình đã bị lừa, liền tống cổ cô ả ra khỏi nhà bằng những cái đấm thẳng tay.

Xem đấy, chúng ta biết rõ sự hư thân mất nết của đàn bà ra sao rồi. Không có tội lỗi nào mà chúng không phạm đến cả, rồi sau đó muốn đánh lừa các ông chồng thì có lời thề thốt nào chúng không nói bừa cho xong đã chứ! Ngay giữa ban ngày ban mặt thế mà dám cho rằng chẳng hề phạm tội gì cả đấy! Lòng dạ chúng thật giả dối, điêu ngoa làm sao! Do đó từ xưa đã có tục ngữ như vầy:

Một giống toàn lừa phỉnh, dối gian,
Làm sao hiểu nổi, cứ tung tăng,
Như đàn cá lội theo dòng nước,
Lộng giả thành chân, thói các nàng!
Tựa giống bò tham đồng cỏ mới,
Má đào mơ ước đổi tình lang,
Khác nào cát lún, không hề thỏa,
Độc dữ như loài rắn hổ mang!
Bọn nữ nhi thường rành mọi sự,
Còn chi giấu được đám hồng nhan?

***

Bậc Đạo sư nói:

– Quả thật không làm sao giữ nổi đàn bà.

Khi pháp thoại chấm dứt, Ngài tuyên thuyết các sự thật. Đến cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo bị tham ái chi phối kia đắc quả Dự lưu. Bậc Đạo sư cũng nêu mối liên hệ giữa hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Vào thời ấy, Ta là vua xứ Ba-la-nại kia vậy.

§63. CHUYỆN HIỀN SĨ CHÀ LÀ (*Takkajātaka*)[80] (*J.* I. 295)

Bọn nữ nhân đầy dẫy hận sân...

Câu chuyện này, trong khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo bị tham dục chi phối. Khi được hỏi, vị Tỷ-kheo thú nhận rằng mình bị tham dục chi phối, bậc Đạo sư hỏi:

– Đàn bà thật vong ân bội nghĩa, tại sao ông lại để dục tham chi phối vì họ?

Và Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát đã chọn đời ẩn sĩ, xây dựng cho mình một am thất bên bờ sông Hằng. Tại đó, ngài đã đạt các thắng trí cùng các thiền chứng và an trú trong thiền lạc. Thời ấy, vị quan giữ công khố ở thành Ba-la-nại có một cô con gái rất hung dữ, độc ác được mệnh danh là "Ác tiểu thư", thường hay mắng chửi đánh đập gia nhân, nô tỳ của mình.

Một ngày kia, bọn gia nhân đưa cô tiểu chủ đến vui chơi giải trí trên sông Hằng, khi cả đám đang đùa giỡn tung tăng trên mặt nước thì mặt trời lặn dần và một cơn bão lớn bỗng nổi lên. Vì thế, mọi người vội vã chạy trốn, còn lại bọn nữ tỳ của nàng kêu to: "Đây chính là thời cơ tống khứ kẻ ác độc này đi!" Rồi chúng ném thẳng cô gái xuống nước và vội vã bỏ về. Mưa trút xuống như thác, mặt trời dần khuất và màn đêm xuống rất nhanh.

Khi bọn nô tỳ về nhà mà không có cô tiểu chủ, liền bị tra hỏi tiểu thư đâu, họ đều thưa rằng tiểu thư đã bước lên khỏi bờ sông nhưng họ không biết nàng đã đi đâu cả. Gia đình này đi tìm kiếm khắp nơi, nhưng không thấy tung tích cô gái đi lạc.

Trong lúc ấy, nàng kêu gào thất thanh vì bị nước lũ cuốn trôi, đến nửa đêm thì trôi dạt vào gần am thất của Bồ-tát. Nghe tiếng kêu cứu, ngài tự nhủ: "Đây là tiếng đàn bà kêu cứu. Ta phải cứu người ấy khỏi nước cuốn mới được." Thế là ngài cầm ngọn đuốc cỏ soi sáng để tìm, thấy nàng giữa dòng nước.

– Đừng sợ! Đừng sợ!

Ngài vui mừng kêu lên và lội xuống, rồi nhờ sức lực cường tráng như voi của ngài, ngài đưa cô gái vào bờ an toàn. Sau đó, ngài nhóm lửa trong am thất để sưởi ấm nàng và mang trái cây ngon ngọt đủ loại cho nàng dùng. Khi nàng vừa ăn, ngài hỏi:

– Nhà cô nương ở đâu, cớ sao lại rơi xuống sông?

Cô gái kể hết mọi việc đã xảy ra cho mình. Ngài bảo:

– Cô nương cứ tạm thời ở lại đây.

Ngài để cô gái ở trong am thất, còn phần ngài ra ở ngoài trời khoảng hai, ba ngày. Sau đó, ngài bảo cô gái ra đi, song cô ả cứ nấn ná ở lại cho đến khi quyến

[80] Bản Tích Lan viết *Takkajātaka*. Bản CST viết *Takkapaṇḍitajātaka*.

rũ được vị ẩn sĩ này say mê mình mà cô vẫn không chịu đi đâu cả. Thời gian qua, cô gái dùng mọi vẻ yêu kiều của mỹ nhân kế khiến ngài mất hết thiền lực, trí tuệ. Ngài vẫn cùng nàng ấy sống trong rừng.

Nhưng nàng lại không thích ở nơi hiu quạnh mãi, nên đòi ngài đem về nơi có dân cư. Thế là chiều theo lời năn nỉ ỉ ôi kia, ngài đành đem nàng ấy ra đi, đến một làng ở biên địa, nuôi sống nàng bằng cách bán quả chà là, nên được gọi tên là Hiền sĩ Chà Là. Dân làng nhờ ngài dạy cho cách biết trước lúc được mùa hoặc mất mùa rồi trả tiền cho ngài và biếu ngài một túp lều để sống ở cổng làng.

Bấy giờ, vùng biên địa hay bị bọn cướp từ núi xuống tàn hại, phá phách. Ngày kia, bọn chúng tấn công vào làng ngài đang ở và cướp của cải. Chúng bắt dân làng khốn khổ kia thu góp hết tài sản cho chúng rồi cao chạy xa bay, mang theo cô tiểu thư con quan thủ khố cùng với nhiều người khác về sào huyệt của chúng. Đến nơi, chúng thả mọi người kia ra, song giữ lại cô gái có nhan sắc ấy để làm áp trại phu nhân của viên tướng cướp thủ lãnh.

Khi Bồ-tát biết việc này, ngài suy nghĩ: “Chắc nàng sẽ không chịu ở xa ta đâu. Nàng sẽ trốn về đây với ta.” Thế rồi ngài vẫn ở đó chờ đợi nàng trở về. Trong lúc ấy, nàng thấy rất hạnh phúc và được phỉ nguyện với bọn cướp kia, nên cứ nơm nớp lo sợ có ngày vị hiền sĩ bán chà là đến bắt nàng đi về lần nữa. Nàng nghĩ thầm: “Ta sẽ được an lạc hơn nếu vị ấy chết đi. Vậy ta phải nhắn tin cho vị ấy, giả vờ làm vẻ thương yêu để dụ vị ấy đến đây mà chịu chết cho xong.” Sau đó, nàng tìm cách đưa tin cho ngài biết là nàng đang khổ sở lắm và nàng mong ước ngài đến cứu về.

Ngài tin lời nàng, vội lên đường đến cổng làng của bọn cướp, nhắn tin cho nàng. Nàng bảo:

– Bây giờ ta trốn đi, chắc phải rơi vào tay tên thủ lãnh và hắn giết ta thôi. Vậy ta hãy đợi đến nửa đêm rồi đào tẩu.

Thế là nàng đem giấu ngài trong phòng, vào nửa đêm tên cướp trở về nực nồng hơi rượu, nàng hỏi hắn:

– Này lang quân, chàng sẽ làm gì nếu tình địch ở trong tay chàng?

Hắn bảo sẽ làm thế này thế nọ đối với tình địch. Nàng bảo:

– Có lẽ gã kia cũng không ở đâu xa xôi như chàng tưởng đâu. Hiện nó đang ở trong phòng kế bên ấy.

Cầm vội ngọn đuốc, tên cướp chạy vào chụp lấy Bồ-tát đánh đấm khắp mình mẩy cho hả giận. Cam lòng chịu đựng những cái đánh đấm kia, Bồ-tát không hề kêu than gì mà chỉ thì thầm:

– Ôi, phường vong ân bội nghĩa, thật là gian ác! Bọn lừa đảo điêu ngoa xảo trá thế là cùng!

Ngài chỉ nói chừng ấy thôi. Sau khi đã đánh đập và trói chân Bồ-tát lại, tên cướp ăn uống xong liền nằm lăn ra ngủ. Sáng dậy, sau giấc ngủ tiêu tan hết cơn say sưa hồi hôm, tên cướp lại đánh đập Bồ-tát lần nữa, ngài cũng không kêu

than gì mà chỉ lặp lại mấy lời trên. Tên cướp ngạc nhiên trước chuyện này và hỏi lý do tại sao khi bị đánh đập ngài cứ nói mãi như thế.

Hiền sĩ Chà Là đáp:

– Này nghe đây, rồi ngươi sẽ hiểu rõ. Trước kia, ta là ẩn sĩ độc cư trong rừng hoang, đã chứng đắc thiền định và thắng trí. Sau đó, ta cứu người đàn bà này ra khỏi sông Hằng và giúp đỡ nó đủ mọi nhu cầu, song đã bị nó quyến rũ nên mất hết thắng trí. Rồi ta từ bỏ rừng sâu, đem nó về làng sinh sống, từ đó nó bị cướp mang đi. Nó lại nhắn tin cho ta là nó đang chịu khổ sở và xin ta đến giải cứu nó. Nay nó đưa ta vào tay ngươi, vì vậy ta cứ kêu lên như thế đó.

Nghe vậy, tên cướp bắt đầu suy nghĩ lại, hắn thầm nhủ: “Nếu cô ả chẳng chút thương tiếc một người tốt đã từng làm ơn cho cô ả nhiều như vậy thì ả sẽ không làm hại ta sao được? Ả phải chết!”

Thế là sau khi an ủi Bồ-tát xong, hắn đánh thức cô ả dậy, vừa cầm kiếm trong tay, hắn vừa bảo rằng hắn sắp giết Bồ-tát ngoài cổng làng. Rồi bảo ả giữ chặt Hiền sĩ Chà Là, hắn tuốt kiếm ra làm vẻ sắp giết ngài nhưng lại chặt làm đôi cô ả đàn bà kia. Xong xuôi hắn tắm gội cho Bồ-tát sạch sẽ từ đầu đến chân và tiếp đãi ngài đủ món cao lương mỹ vị suốt mấy ngày liền cho thỏa thích. Cuối cùng, tướng cướp hỏi:

– Thế bây giờ ngài định đi đâu?

Bậc hiền sĩ nói:

– Trần thế chẳng có gì vui thú đối với ta cả. Ta sẽ sống đời ẩn sĩ như xưa kia tại am thất cũ trong rừng.

– Thế thì kẻ hèn này cũng muốn làm ẩn sĩ.

Như vậy, cả hai đều trở thành ẩn sĩ sống tại am thất trong rừng kia, cùng đắc các thắng trí và các thiền chứng, cho đến khi mạng chung thì thọ sanh lên Phạm thiên giới.

***

Kể câu chuyện ấy xong, bậc Đạo sư nêu lên sự liên hệ giữa hai câu chuyện qua các vần kệ sau:

63. Bọn nữ nhân đầy dẫy hận sân,
Nói mồm hai lưỡi, bọn vong ân,
Kẻ gieo chia rẽ, rồi gây chiến.
Vậy hỡi Tỳ-kheo, hãy bước chân,
Thẳng tiến đường thanh cao chánh hạnh,
Rồi ngươi thấy cực lạc siêu trần.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc bài giảng, vị Tỳ-kheo bị tham dục chi phối đắc quả Dự lưu; và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Vào thời ấy, Ānanda là tướng cướp và Ta chính là Hiền sĩ Chà Là kia vậy.

§64. CHUYỆN NGƯỜI VỢ KHÓ HIỂU (*Durājānajātaka*) (*J.* I. 299)

Chàng tưởng má hồng yêu mến chăng...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể về một nam cư sĩ trong lúc trú tại Kỳ Viên. Chuyện kể rằng, thời ấy, tại Xá-vệ có một nam cư sĩ thọ tam quy và ngũ giới, là một đệ tử thuần thành của Phật, Pháp, Tăng. Nhưng vợ người này là một nữ nhân độc ác, nham hiểm. Vào những ngày người vợ ấy phạm lỗi lầm, nàng nhu mì nhẫn nhục như một nữ tỳ được mua về với giá một trăm đồng tiền, còn những ngày nàng không phạm tội gì thì nàng lên mặt bà chủ nhà hay giận dữ và khắc nghiệt. Người chồng không sao hiểu nổi nàng. Nàng cứ làm khổ người chồng đến độ chàng không đến yết kiến đức Phật được.

Một ngày kia, chàng mang hương hoa đến, sau khi kính cẩn đảnh lễ xong, chàng ngồi xuống thì bậc Đạo sư bảo:

– Này nam cư sĩ, làm sao đã bảy, tám ngày qua ông không đến hội kiến Như Lai?

– Bạch Thế Tôn, vợ con có ngày thì dễ bảo như một tỳ nữ được mua về với giá một trăm đồng tiền, vào ngày khác thì hay giận dữ khắt khe như một bà chủ. Con không làm sao hiểu vợ con được. Chính vì vợ con làm phiền lòng, lâu nay con không đến hầu đức Thế Tôn.

Khi nghe người ấy nói vậy, bậc Đạo sư bảo:

– Này cư sĩ, ông đã được các bậc Hiền trí thời xưa nói cho biết rằng, thật khó hiểu được bản tính nữ nhân.

Và Ngài nói thêm:

– Nhưng vì các tiền kiếp đã trở nên lẫn lộn trong trí ông nên ông không nhớ nổi.

Nói vậy xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm một vị giáo sư danh tiếng lừng lẫy khắp nơi, với năm trăm thanh niên Bà-la-môn thọ giáo với ngài. Trong số đó, có một thanh niên từ phương xa đến, chàng đã yêu một thiếu nữ và cưới người đó làm vợ.

Dù chàng đang sống tại Ba-la-nại, chàng vẫn không thể nào đến hầu Sư phụ trong hai, ba lần liền, vì vợ chàng là người đàn bà độc ác; hễ ngày nào phạm lỗi lầm thì nàng ra vẻ nhu mì như một tỳ nữ, còn ngày nào không làm gì sai trái thì nàng lên mặt một bà chủ, hay nóng giận, khắc nghiệt. Chồng nàng không thể nào hiểu nổi tính nàng ra sao cả, và quá chán, bực mình, khổ sở vì nàng đến độ chàng không đến hầu hạ sư phụ. Bấy giờ, bảy, tám ngày sau, chàng lại đến hội kiến ngài, và được Bồ-tát hỏi tại sao lâu nay vắng mặt.

Chàng đáp:

– Bạch Sư phụ, nguyên nhân là tại vợ con.

Rồi chàng kể cho Bồ-tát nghe, nàng đã nhu mì ra sao trong lúc làm vẻ như một tỳ nữ, lúc khác lại khắt khe chuyên quyền khiến chàng không sao hiểu nàng được. Và chàng quá phiền muộn khổ sở vì tánh tình thất thường của nàng nên đã vắng mặt như thế.

– Này cậu trai Bà-la-môn, rõ ràng như vậy, vào ngày lầm lỗi, đàn bà tỏ ra khúm núm trước mặt chồng mình và nhẫn nhục như bọn tỳ nữ; còn ngày nào không lầm lỗi, họ tỏ ra cứng đầu, bướng bỉnh với cả phu quân. Đàn bà độc ác nham hiểm như thế đấy, khó mà biết được bụng dạ họ ra sao. Vậy cậu không nên quan tâm đến những sở trường, sở đoản của họ làm gì.

Nói vậy xong, Bồ-tát ngâm kệ này để khích lệ đệ tử ngài:

64. Chàng tưởng má hồng yêu mến chăng?
Này chàng trai hỡi, chớ vui mừng!
Tưởng là nàng chẳng yêu chàng nữa?
Nhẫn nại mà thôi, chớ oán hờn.
Lòng dạ đàn bà ai hiểu được,
Như bầy cá lội nước tung tăng.

Đó là lời khuyến cáo của Bồ-tát đối với đệ tử ngài, nên từ đó, chàng chẳng còn quan tâm đến tính thất thường của nàng nữa. Còn nàng khi nghe nói nết hạnh kém cỏi của mình đã đến tai Bồ-tát thì nàng bỏ ngay thói hư tật xấu kia, không còn tái phạm.

Phần người vợ của nam cư sĩ này tự nhủ: "Người ta bảo là đức Phật đã hiểu rõ thói hư tật xấu của mình rồi!" Từ đó, nàng không còn sai phạm lỗi lầm như trước kia.

***

Khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Đến lúc kết thúc bài giảng, vị nam cư sĩ đắc quả Dự lưu. Sau đó, bậc Đạo sư nêu mối liên hệ giữa hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Vào thời ấy, hai vợ chồng kia là hai vợ chồng ngày nay và Ta chính là vị giáo sư ấy.

§65. CHUYỆN NỖI BẤT MÃN (*Anabhiratijātaka*) (*J.* I. 301)

Khác gì xa lộ, các dòng sông...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên, cũng về một nam cư sĩ như chuyện trước. Người này trong lúc tìm hiểu, đã biết chắc chắn về sự hư hỏng của vợ mình, liền cãi vã với nàng, kết quả là người ấy bực bội đến độ bảy, tám ngày liền không đến yết kiến bậc Đạo sư.

Một ngày kia, chàng đến tinh xá, đảnh lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống. Khi được hỏi tại sao chàng vắng mặt bảy, tám ngày qua, chàng đáp:

– Bạch đức Thế Tôn, vợ con hư hỏng khiến con quá phiền lòng về việc ấy, đến độ không đến đây được.

Bậc Đạo sư bảo:

– Này cư sĩ, ngày xưa người hiền thiện đã khuyên ông đừng buồn giận vì thói hư tật xấu của đàn bà, mà phải giữ lòng bình thản; tuy vậy, ông đã quên chuyện này vì vòng luân hồi sinh tử đã che mắt ông.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vị cư sĩ, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị giáo sư tiếng tăm lừng lẫy khắp nơi như trong chuyện trước. Một đệ tử của ngài biết được vợ mình hư hỏng, lấy làm phiền muộn về điều này, đến độ lánh mặt đi vài ngày. Nhưng một ngày kia, khi được vị giáo sư hỏi thăm lý do vắng mặt của chàng, chàng liền thổ lộ tâm sự của mình. Sau đó, vị giáo sư bảo:

– Này con, chẳng có gì riêng tư trong bọn đàn bà cả. Họ là của chung cho mọi người đấy. Vì vậy, khi người trí biết được nhược điểm của họ, các vị ấy không tức giận vì họ nữa.

Nói vậy xong, ngài ngâm kệ này để khích lệ tinh thần đệ tử:

65. Khác gì xa lộ, các dòng sông,
Nhà trọ, sân vườn, các quán ăn,
Tửu điếm mở ra mời tất cả,
Thập phương lữ khách, thói ân cần.
Thường tình nhi nữ là như thế,
Người trí không hề tỏ hận sân,
Hạ cố bận lòng vì nhược điểm,
Của loài liễu yếu, bọn hồng quần.

Đó là lời khuyến cáo của Bồ-tát đối với đệ tử ngài. Từ đó về sau, vị này giữ bình thản trước mọi việc làm của nữ giới. Người vợ kia cũng được cảm hóa ngay khi nghe vị giáo sư đã biết rõ bản chất của mình. Nàng từ bỏ thói hư tật xấu cũ. Và vợ của người cư sĩ cũng vậy, khi nghe rằng bậc Đạo sư đã hiểu rõ bản chất của mình, liền từ bỏ thói hư tật xấu cũ.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Đến lúc kết thúc bài giảng, vị cư sĩ đắc quả Dự lưu. Bậc Đạo sư cũng nêu sự liên hệ giữa hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Hai vợ chồng này ngày nay cũng là hai vợ chồng ngày xưa và Ta chính là vị giáo sư Bà-la-môn ấy.

§66. CHUYỆN HOÀNG HẬU TỪ TÂM (*Mudulakkhaṇajātaka*) (*J.* I. 302)

Trước thời ta được Từ Tâm...

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về tính tham đắm ái dục. Chuyện kể rằng, một thiện gia nam tử ở Xá-vệ, sau khi nghe đức Phật thuyết pháp liền thành tâm hướng về Tam bảo. Vị ấy xuất gia sống đời Phạm hạnh, theo đúng chánh đạo, thực hành thiền định và không bao giờ xao lãng trầm tư đối với đề tài thiền quán mà vị ấy đã chọn.

Một ngày kia, trong lúc đang khất thực tại thành Xá-vệ, vị ấy chợt gặp một nữ nhân có nhan sắc quyến rũ khiến vị ấy ham thích, nên đã vi phạm giới luật tu hành là đưa mắt ngắm nàng. Dục tham bỗng khởi lên trong tâm vị ấy, khiến chẳng khác gì cây sung bị búa rìu đốn ngã xuống đất.

Từ ngày ấy, do dục tham chi phối, thân tâm vị ấy đều mất hết sinh khí trong đời sống tu hành, cũng chẳng tìm được pháp lạc; vị ấy chẳng khác gì một con thú hoang trong rừng, cứ để râu tóc, móng tay, móng chân mọc dài ra dần và y phục bẩn thỉu, hôi hám.

Khi các vị đồng Phạm hạnh biết được tâm trạng khổ đau của vị ấy, liền bảo:

– Này Hiền giả, tại sao tâm trí Hiền giả chẳng được như trước?

Vị ấy đáp:

– Niềm an lạc của ta đã mất rồi.

Tăng chúng liền dẫn vị ấy đến yết kiến bậc Đạo sư, Ngài hỏi tại sao chúng Tăng dẫn vị Tỷ-kheo ấy đến, dù vị ấy không muốn.

– Bạch Thế Tôn, vì niềm an lạc của vị ấy đã mất rồi.

– Này Tỷ-kheo, có đúng vậy chăng?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Vậy ai đã khiến ông phải phiền não?

– Bạch Thế Tôn, trên đường đi khất thực, con đã vi phạm giới luật của bậc Thánh khi nhìn ngắm một nữ nhân và tham dục khởi lên trong tâm con, vì thế con sanh ra phiền não.

Bậc Đạo sư liền bảo:

– Này Tỷ-kheo, chẳng có gì lạ khi ông vi phạm giới luật vì ham dục lạc, ông đã nhìn ngắm một đối tượng trái với giới luật và bị tham dục chi phối. Thuở xưa, ngay cả những bậc đã đắc năm thắng trí và tám thiền chứng; những bậc đã dập tắt dục tham nhờ uy lực của thiền quán, tâm đã được thanh tịnh và đôi chân đã có thể rảo bước giữa không gian; ngay cả các vị Bồ-tát, chỉ vì vi phạm giới luật khi nhìn ngắm một đối tượng ngoài thông lệ nên phải để mất hết thiền lực, tâm bị tham dục khuấy động và phải chịu nhiều phiền não. Thế thì trận cuồng phong đủ năng lực xô ngã núi Tu-di có sá gì mà quan tâm đến một ngọn đồi trọc không lớn hơn con voi; cơn gió thổi mạnh làm bật gốc cây hồng đào cổ

thụ có màng gì bụi cỏ bên vách đá; hay cơn gió càn quét khô cạn cả đại dương có kể gì đến cái ao bé tí kia chứ? Nếu tham dục có uy lực làm cuồng si tâm trí của các vị Bồ-tát đã giác ngộ và thanh tịnh thì làm sao tham dục lại phải nao núng trước ông kia chứ? Này, ngay cả những người đã thanh tịnh cũng bị tham dục làm lạc hướng và người đã đạt đến vinh quang tột đỉnh cũng phải chịu khổ nhục suy tàn.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát thọ sanh vào một gia đình Bà-la-môn giàu có tại quốc độ Kāsi. Khi ngài trưởng thành và việc học vấn đã hoàn mãn, ngài từ bỏ dục tham, xuất gia sống đời ẩn sĩ, đi vào sống độc cư ở Tuyết sơn. Tại đó, nhờ thành tựu các pháp môn đưa đến thiền định, ngài đã đạt các thắng trí và các thiền chứng, và sống an vui như vậy trong thiền lạc vi diệu.

Vì thiếu muối và giấm, một ngày kia, ngài vào Ba-la-nại; tại đó, ngài đến cư trú trong ngự viên của nhà vua. Ngày kế tiếp, sau khi đã tắm rửa xong thân mình, ngài xếp chiếc y bằng vỏ cây vẫn thường đắp, khoác lên vai tấm da linh dương màu đen, buộc các cuộn tóc rối thành một búi trên đỉnh đầu và mang đòn gánh với hai thúng trên lưng, ngài bắt đầu du hành để khất thực.

Trên đường đi, đến cổng hoàng cung, oai nghi của ngài khiến nhà vua thán phục và truyền mời ngài vào. Thế là vị ẩn sĩ được đặt lên một bảo tòa cực kỳ huy hoàng lộng lẫy và được thết đãi mọi thứ cao lương mỹ vị. Khi ngài nói lời tùy hỷ công đức, ngài lại được mời đến cư ngụ ở hoa viên. Vị ẩn sĩ nhận lời mời và trong mười sáu năm liền sống ở hoa viên, thường thuyết giáo cho cả hoàng gia và thọ hưởng ngự thiện do vua cúng dường.

Bấy giờ, một ngày kia, vua phải ra chốn biên địa để dẹp loạn. Song trước khi khởi hành, vua ủy thác cho hoàng hậu được mệnh danh là Từ Tâm, phải cung cấp các vật dụng cần thiết cho vị ẩn sĩ thanh tịnh kia. Vì vậy, sau khi vua ra đi, Bồ-tát vẫn thường đi đến cung điện khi ngài muốn.

Một ngày kia, Hoàng hậu Từ Tâm đã chuẩn bị một bữa cơm dâng cúng Bồ-tát, nhưng vì ngài đến muộn nên hoàng hậu vô phòng tắm rửa. Sau khi tắm nước hoa xong, bà vận xiêm y hết sức lộng lẫy và nằm xuống đợi ngài đến trên một bảo tòa nhỏ trong một khách sảnh rộng lớn.

Khi vừa xuất khỏi thiền định, thấy đã trễ giờ, Bồ-tát liền phi hành qua không gian để đến cung điện. Chợt nghe tiếng sột soạt của chiếc y bằng vỏ cây, hoàng hậu vội vã đứng dậy để đón tiếp ngài. Trong lúc vội vàng, chiếc y của hoàng hậu tuột xuống, để lộ mọi vẻ kiều diễm của bà trước mặt vị ẩn sĩ khi ngài vừa đến cửa. Thấy vậy, ngài bỗng ham thích chiêm ngưỡng sắc đẹp nữ nhân kỳ diệu kia nên đã phạm giới đức, lửa dục nhen nhúm trong tâm ngài, khiến ngài giống như thân cây to bị chiếc rìu đốn ngã.

Lập tức ngài đánh mất thiền lực, ngài chẳng khác gì con quạ bị cắt cụt đôi cánh. Ngài vẫn đứng yên, tay nắm chặt thức ăn, nhưng ngài không ăn được mà bước ra đi, toàn thân rung động vì dục vọng. Ngài trở về am thất trong vườn hoa, nằm xuống trên sàng tọa bằng gỗ và suốt bảy ngày liền chịu đói khát, toàn thân bị siết chặt trong vòng vây của sắc đẹp yêu kiều kia, nội tâm ngài như bị lửa dục thiêu đốt bừng bừng.

Vào ngày thứ bảy, nhà vua trở về sau khi đã bình định biên thùy. Vừa ngự vương xa giữa đám rước linh đình quanh hoàng thành xong, vua đi vào cung. Rồi vua muốn thăm vị ẩn sĩ kia ngay, bèn đi đến hoa viên. Tại am thất, vua thấy Bồ-tát đang nằm trên sàng tọa. Tưởng vị ẩn sĩ bị bệnh, vua ra lệnh quét dọn sạch sẽ am thất; vua vừa vỗ vào chân ẩn sĩ ấy vừa hỏi ngài bị bệnh gì.

– Tâu Đại vương, tâm ta đang bị dục tham trói buộc. Đó là căn bệnh duy nhất của ta.

– Ngài có tham dục đối với ai?

– Tâu Đại vương, với Hoàng hậu Từ Tâm đấy.

Nhà vua bảo:

– Vậy thì từ nay hoàng hậu thuộc về ngài, trẫm ban nàng cho ngài đấy.

Sau đó, nhà vua cùng vị ẩn sĩ đến cung điện, ra lệnh cho hoàng hậu phục sức cực kỳ lộng lẫy rồi trao bà cho Bồ-tát. Nhưng trong lúc ban tặng hoàng hậu, nhà vua bí mật ủy thác bà phải đem hết sức mình cứu nạn cho vị ẩn sĩ thanh tịnh ấy. Hoàng hậu bảo:

– Xin Thánh thượng đừng lo ngại, thần thiếp sẽ đi cứu ngài.

Thế là cùng với hoàng hậu, vị tu khổ hạnh ra khỏi cung điện. Sau khi đã vượt qua đại hoàng môn, hoàng hậu kêu lên rằng hai người phải có một ngôi nhà để ở; thế là ngài phải trở lại để xin vua một cái nhà. Và vua ban cho hai vị một túp lều đổ nát mà khách qua đường dùng làm nhà tắm. Vị ẩn sĩ đưa hoàng hậu đến đó, nhưng bà không chịu bước vào trong vì nó dơ bẩn quá.

Ngài kêu lên:

– Vậy ta còn phải làm gì nữa?

Bà đáp:

– Này, chàng hãy dọn dẹp nhà cửa cho sạch sẽ.

Bà lại bảo ngài trở về cung vua xin một cái cuốc và một cái thúng, rồi bảo ngài khuân hết mọi rác rưởi dơ bẩn đi. Xong lại bảo đi tìm phân bò về trét lên các bức tường. Hết việc ấy, bà bảo ngài đi đóng cái giường, cái ghế, trải một tấm nệm, lấy một bình nước, một cái chén, cứ mỗi lúc lại bảo đi tìm một món. Kế đó, bà lại bảo ngài đi gánh nước về và thêm cả ngàn việc khác nữa. Thế là ngài ra đi tìm nước đổ đầy bình, xong lấy nước về tắm rửa và dọn giường. Vừa khi ngài ngồi trên giường cùng bà, bà liền nắm râu ngài kéo ngài xuống đối mặt mình và bảo:

– Thế ngài đã quên rằng, ngài là một Bà-la-môn thanh tịnh rồi sao?

Nghe thế, ngài liền tỉnh ngộ sau một thời gian cuồng tâm loạn trí. [Nhân đây, cũng nên nhắc lại bài thuyết giảng bắt đầu bằng: "Như vậy, dục tham triền cái được gọi là ác dục, vì chúng phát khởi từ vô minh, này các Tỷ-kheo, những gì phát khởi từ vô minh đều tạo nên khối si ám dày đặc."]

Thế là sau khi hồi tỉnh, ngài suy nghĩ thấy rõ bằng cách nào khát ái này trở nên mãnh liệt, dần dần sẽ đưa ngài đến bốn đọa xứ. Ngài kêu lên:

– Nội ngày hôm nay, ta quyết đưa nữ nhân này trả lại cho nhà vua và bay thẳng lên núi!

Ngài liền cùng hoàng hậu đến yết kiến vua và nói:

– Tâu Đại vương, ta không còn ham muốn hoàng hậu nữa, chính vì hoàng hậu mà trước đây khát ái đã bừng dậy trong lòng ta.

Nói vậy xong, ngài ngâm kệ:

66. Trước thời ta được Từ Tâm,
Lòng ta chỉ một ước mong chiếm nàng.
Đến khi nhan sắc nữ hoàng,
Ngự trong tâm trí, ta càng đắm mê,
Dục tham dồn dập tứ bề,
Đại vương, ta quyết bay về núi xưa.

Lập tức thiền lực trước kia đã mất nay trở lại với ngài. Nhảy vụt lên từ mặt đất và trụ giữa hư không, ngài thuyết pháp cho vua và phi hành qua không gian đến dãy Tuyết sơn. Ngài không bao giờ trở lại đường thế tục nữa mà tu tập phát khởi từ bi tâm cùng với thiền quán không gián đoạn, cho đến khi ngài mạng chung và tái sanh vào Phạm thiên giới.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư thuyết giảng bốn sự thật. Vào lúc kết thúc bài giảng, vị Tỷ-kheo đắc quả A-la-hán. Bậc Đạo sư cũng nêu lên mối liên hệ giữa hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Vào thời ấy, Ānanda là nhà vua, Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) là Từ Tâm và Ta là ẩn sĩ ấy.

§67. CHUYỆN NGƯỜI ĐÀN BÀ THÔN QUÊ (*Ucchaṅgajātaka*) (*J.* I. 306)

Tìm kiếm chồng con thật dễ dàng...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể về một người đàn bà ở thôn quê trong lúc trú tại Kỳ Viên.

Một thuở nọ, trong quốc độ Kosala, có ba người đang cày ruộng ở ven rừng; cùng lúc, một bọn cướp phá hại dân chúng trong rừng xong và đang đào tẩu. Các nạn nhân chạy vào rừng tìm kiếm bọn vô lại nhưng hoài công, khi đến tận nơi ba người cày ruộng, họ la lên:

– Đây là bọn sơn tặc giả dạng nông phu!

Thế là họ kéo cả ba người cày ruộng đến trình vua xứ Kosala. Lúc bấy giờ, có một người đàn bà đến cung vua khóc than kể lể thảm thiết, xin có được cái gì đó để che thân. Nghe tiếng kêu than, nhà vua ra lệnh ban cho người đàn bà ấy một tấm áo, nhưng nàng từ chối bảo rằng đấy không phải là thứ nàng muốn xin. Vì vậy, thị nữ của vua trở lại trình rằng, người đàn bà ấy không cần áo quần mà cần một tấm chồng. Sau đó, vua truyền đưa người đàn bà vào chầu và hỏi có phải nàng muốn kiếm chồng thật chăng. Người đàn bà đáp:

– Tâu Đại vương, đúng thế. Vì người chồng mới thực sự là vật che thân cho đàn bà; còn người đàn bà nào không có chồng, thì dù cho nàng ấy mặc áo quần đáng giá cả ngàn đồng tiền, cũng chẳng khác gì mình trần thân trụi!

Và để làm cho lý lẽ này thêm vững mạnh, nàng lại ngâm câu tục ngữ:

Khác nào đất nước vì vua,
Chẳng khác dòng sông suối cạn khô,
Cũng vậy mình trần thân lại trụi,
Vì không tùng, trúc cạnh đào tơ,
Nhìn xem quả thật nàng trơ trọi,
Dù có mười anh ruột một nhà!

Vua hài lòng với lời giải đáp của người đàn bà, nên vua hỏi mối liên hệ giữa nàng với ba người cày ruộng kia ra sao. Nàng đáp rằng một người là chồng nàng, một người là anh nàng, một người là con trai nàng.

Vua bảo:

– Này, hãy nhận lấy một đặc ân của trẫm. Trẫm sẽ ban cho nàng một trong ba người ấy, nàng chọn người nào?

Nàng đáp :

– Tâu Đại vương, nếu tiện thiếp còn sống, tiện thiếp có thể lấy chồng khác sinh con khác; song nay cha mẹ thiếp đã mất rồi, chẳng bao giờ thiếp có anh em nào khác nữa. Vậy tâu Đại vương, thiếp xin chọn người anh trai.

Nhà vua đẹp ý với nàng, bèn thả cả ba người; vậy chính người đàn bà này là phương tiện cứu nguy cho ba người đàn ông.

Khi Tăng chúng biết được chuyện này, liền khen ngợi người đàn bà kia trong pháp đường thì bậc Đạo sư bước vào. Ngài hỏi Tăng chúng đang bàn luận vấn đề gì và được kể như trên, Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên, này các Tỳ-kheo, người đàn bà này cứu nguy cho ba mạng sống ấy, mà ngày xưa cũng vậy.

Nói xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, ba người đàn ông cày ruộng ở ven rừng và mọi chuyện xảy ra như chuyện trên.

Khi được vua hỏi muốn chọn người nào trong ba người, nàng đáp:

– Tâu Đại vương, Đại vương có thể gia ân ban cho tiện thiếp cả ba người chăng?

Vua đáp:

– Không, trẫm không thể.

– Vậy tâu Đại vương, nếu tiện thiếp không thể xin tha cả ba thì mong Đại vương ban cho thiếp người anh trai.

Vua đáp:

– Hãy nhận lấy người chồng hay con trai của nàng đi, chứ anh trai thì có quan hệ gì?

Người đàn bà đáp:

– Hai người kia có thể thay thế được, chứ anh trai thì không bao giờ có nữa.

Nói vậy xong, nàng lại ngâm khúc hát:

67. Tìm kiếm chồng con thật dễ dàng,
Tha hồ chọn, họ đứng đầy đường,
Song tìm đâu được người anh nữa,
Dù khổ đau cho đến đoạn trường?

Vua đẹp ý, phán:

– Nàng ấy nói chí lý!

Vua bèn ra lệnh đưa ba người đàn ông kia từ ngục thất đến giao cho người đàn bà, nàng liền đưa cả ba người ra về.

Bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỳ-kheo, chính người đàn bà này, thuở xưa kia đã có lần cứu mạng cho cả ba người đàn ông.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, Ngài nêu sự liên hệ giữa hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Người đàn bà và ba người đàn ông ngày nay cũng là người đàn bà và ba người đàn ông ngày trước, và Ta chính là vị vua ấy.

§68. CHUYỆN THÀNH SĀKETA (*Sāketajātaka*) (*J.* I. 308)

Ý an trú vào ai...

Câu chuyện này, khi ở tại rừng Añjana gần Sāketa, bậc Đạo sư đã kể về một Bà-la-môn. Truyền thuyết nói rằng, trong khi Thế Tôn với chúng Tỳ-kheo vây quanh đang đi vào Sāketa; một Bà-la-môn lớn tuổi ở tại Sāketa, từ thành đi ra ngoài, thấy bậc Đạo sư tại ngưỡng cửa, cúi mình xuống chân Ngài, ôm chặt mắt cá và nói to:

– Này con thân, phải chăng cha mẹ khi già yếu phải được các con nuôi dưỡng? Sao mãi cho đến nay, con không để chúng ta thấy mặt con? Nay ta thấy con rồi. Hãy để cha mẹ thấy mặt con.

Nói vậy xong, người Bà-la-môn già đưa bậc Đạo sư vào nhà của mình. Bậc Đạo sư vào nhà, ngồi xuống trên ghế đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Vị nữ Bà-la-môn đi đến, cúi mình xuống chân bậc Đạo sư, khóc và nói:

– Này con thân, từ trước đến nay con đã đi đâu? Phải chăng cha mẹ khi già cả phải được các con hầu hạ?

Rồi bà gọi các con trai, con gái lại, bảo đảnh lễ anh cả. Hai vị hoan hỷ cúng dường bố thí lớn. Sau khi dùng cơm, bậc Đạo sư đọc cho hai vị Bà-la-môn bài kinh nói về tuổi già.[81] Sau bài kinh ấy, cả hai đều chứng quả Nhất lai. Rồi bậc Đạo sư từ chỗ ngồi đứng dậy, đi về rừng Añjana. Các Tỷ-kheo ngồi họp tại pháp đường bắt đầu câu chuyện như sau:

– Này các Hiền giả, vị Bà-la-môn đã biết Vua Tịnh Phạn là phụ thân của đức Như Lai, mẹ Ngài là Mahāmāyā. Tuy vậy, ông cùng với nữ Bà-la-môn, cả hai gọi đức Như Lai là con của họ và bậc Đạo sư lại chấp nhận, việc này có lý do gì?

Bậc Đạo sư nghe câu chuyện của họ bèn nói:

– Này các Tỷ-kheo, cả hai vị ấy gọi Ta là con của họ như vậy là đúng.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, vị Bà-la-môn này là cha của Ta, tiếp tục như vậy không gián đoạn cho đến năm trăm đời, là cậu của Ta trong năm trăm đời, là ông của Ta trong năm trăm đời. Còn vị nữ Bà-la-môn này là mẹ của Ta, tiếp tục như vậy không gián đoạn trong năm trăm đời, là dì của Ta trong năm trăm đời, là bà của Ta trong năm trăm đời. Ta được lớn lên trong tay người Bà-la-môn trong một ngàn năm trăm đời và trong tay vị nữ Bà-la-môn trong một ngàn năm trăm đời.

Sau khi kể về ba ngàn đời sống, bậc Đạo sư là bậc Chánh Đẳng Giác đọc lên câu kệ này:

68. Ý an trú vào ai, Tâm tư được hoan hỷ,
Khi mới thấy lần đầu, Hãy tin tưởng người ấy!

***

Như vậy, sau khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Vị Bà-la-môn và nữ Bà-la-môn này là hai vợ chồng trong các đời trước, còn người con trai là Ta vậy.

---

[81] Xem *Sn*. 158, *Jarāsutta* (*Kinh Già*).

§69. CHUYỆN CON RẮN PHUN NỌC ĐỘC (*Visavantajātaka*) (*J.* I. 310)

Đáng rủa thay nọc độc...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về vị Tướng quân Chánh pháp. Theo truyền thuyết, trong một thời gian Trưởng lão ấy thường ăn các món làm bằng bột do các thiện nam tín nữ đem đến tinh xá cúng dường. Khi chúng Tỷ-kheo đã ăn đầy đủ, số bánh còn lại rất nhiều. Các vị thiện tín thưa:

– Thưa các Tôn giả, hãy lấy phần cho những vị đi vắng.

Trong lúc ấy, đệ tử cộng trú với Trưởng lão đã đi vào trong làng. Sau khi lấy phần cho người ấy, người ấy vẫn chưa về và thời gian đã quá trễ, người ta cúng dường phần ấy cho Trưởng lão. Khi Trưởng lão đang ăn thì vị Tỷ-kheo trẻ trở về. Trưởng lão nói với Tỷ-kheo trẻ ấy:

– Này Hiền giả, chúng tôi đã ăn phần của Hiền giả.

Vị ấy nói:

– Thưa Tôn giả, chúng ta đều thích đồ ngọt cả.

Bậc Đại Trưởng lão cảm thấy xúc động, phiền lòng và quyết định từ lúc ấy trở đi không ăn bánh làm bằng bột nữa. Bắt đầu từ đấy, người ta đồn Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất) không ăn bánh làm bằng bột như trước nữa. Sự không ăn bánh ấy của Trưởng lão được chúng Tỷ-kheo biết rõ. Các Tỷ-kheo nói về vấn đề này trong khi ngồi họp ở pháp đường. Rồi bậc Đạo sư hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi bàn tán về vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, khi Sāriputta đã từ bỏ vật gì thì dù mất thân mạng, cũng không chấp nhận lại vật ấy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình thầy thuốc chữa nọc độc rắn và làm nghề thầy thuốc ấy để sinh sống. Bấy giờ, một con rắn cắn một người dân quê. Bà con kẻ ấy lập tức đưa anh ta đến thầy thuốc, thầy thuốc hỏi:

– Bà con muốn chữa trị với dược liệu và rút nọc độc ra hay là bắt con rắn đã cắn và bảo nó hút nọc độc ra?

Theo yêu cầu, thầy thuốc cho bắt con rắn. Khi hỏi có phải nó cắn người ấy không, con rắn xác nhận chính nó cắn, thầy thuốc bảo:

– Ngươi hãy lấy miệng hút nọc độc của ngươi ra tại chỗ bị cắn.

Con rắn kêu:

– Từ trước tới nay, chưa có một lần nào ta lại hút nọc độc mà ta đã phun ra. Ta không hút nọc độc ấy đâu.

Thầy thuốc bảo đem củi lại, nhen lửa lên và nói:

– Nếu ngươi không hút nọc độc ra, ngươi phải bò vào lửa này.

Con rắn nói:

– Thà ta bò vào lửa chịu chết, chứ ta sẽ không hút nọc độc mà ta đã một lần phun ra.

Rồi nó đọc bài kệ này:

69. Đáng rủa thay nọc độc, Một lần đã phun ra,
Nay lại vì mạng sống, Ta phải hút trở vào,
Thà ta chết tốt hơn, Là sống phải làm vậy.

Nói vậy xong, con rắn bò vào lửa. Thầy thuốc ngăn chặn nó lại, rút nọc độc cho người bị nạn bằng thuốc và bùa chú, trao giới cho con rắn, rồi thả rắn ra và nói:

– Bắt đầu từ nay, chớ làm hại một ai!

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Sāriputta mới từ bỏ vật gì một lần rồi, dầu phải mất thân mạng cũng không chấp nhận lại vật ấy. Thuở trước, Sāriputta cũng đã như vậy.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp các câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thuở ấy, con rắn là Sāriputta, còn thầy thuốc là Ta vậy.

§70. CHUYỆN HIỀN TRÍ CÁI CUỐC (*Kuddālajātaka*) (*J.* I. 311)

Chiến thắng ấy không tốt....

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về Trưởng lão tên là Cittahattha Sāriputta. Theo truyền thuyết, Trưởng lão ấy là một thanh niên thuộc gia đình tốt ở Xá-vệ. Một hôm, trên con đường về nhà, sau khi cày xong, thanh niên ấy đi vào tinh xá, nhận được các món ăn thượng vị béo và ngọt từ bát của một Trưởng lão. Kẻ ấy suy nghĩ: "Chúng ta ngày đêm tự tay làm nhiều công việc, nhưng không được các món ăn ngọt như thế này. Vậy ta hãy trở thành một Sa-môn!" Kẻ ấy xuất gia, sau một tháng rưỡi tinh cần, nhưng bị phiền não chinh phục, kẻ ấy hoàn tục. Rồi vì kiếm ăn mệt nhọc, kẻ ấy trở lại xuất gia, học Thắng pháp.

Với phương diện này, sáu lần kẻ ấy hoàn tục, sáu lần xuất gia, nhưng đến lần thứ bảy trở lại thành Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo này thông suốt bảy bộ A-tỳ-đàm (Thắng pháp), và do đọc lớn tiếng nhiều lần giáo pháp của Tỷ-kheo; nhờ triển khai thiền quán, vị ấy chứng quả A-la-hán. Các thân hữu Tỷ-kheo cười nhạo, nói:

– Này, Hiền giả, trước kia tâm Hiền giả là như vậy, nay làm sao các phiền não không tăng trưởng được?

– Thưa các Hiền giả, từ hôm nay trở đi, tôi không có thể trở lui đời sống gia đình được.

Vấn đề vị này chứng quả A-la-hán như vậy được nói lên tại pháp đường:

– Thưa các Hiền giả, dầu được căn duyên trở thành một vị A-la-hán như vậy, Tôn giả Cittahattha Sāriputta đã sáu lần từ bỏ đời xuất gia. Ôi, thật sự là sai lầm cho tánh phàm phu của vị ấy!

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, nay các ông ngồi họp bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, tâm của hạng phàm phu là nhẹ dạ, khó điều phục, bị các đối tượng chi phối, hay dính chặt. Một khi đã dính chặt thì không thể thoát ly mau lẹ. Tâm tư như vậy được nhiếp phục thật là tốt lành. Một khi tâm được nhiếp phục thì nó đem lại an lạc.

Khó nắm giữ, khinh động, Theo các dục quay cuồng,
Lành thay điều phục tâm, Tâm điều, an lạc đến.[82]

Do tánh khó nhiếp phục này, thuở xưa, các bậc Hiền trí chỉ vì một cái cuốc mà họ không thể bỏ được, vì lòng tham, sáu lần từ bỏ đời xuất gia. Chỉ lần xuất gia thứ bảy, thiền định khởi lên, họ mới nhiếp phục được lòng tham ấy!

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người làm vườn. Lớn lên, Bồ-tát được gọi là vị "Hiền trí Cái Cuốc." Với cái cuốc, Bồ-tát dọn sạch khoảng đất, tự mình gieo trồng các loại như rau, bí, bầu, dưa leo và các thứ rau khác để bán và sinh sống một cách khó khăn. Ngoại trừ cái cuốc này ra, Bồ-tát không có một tài sản gì khác.

Một hôm, Bồ-tát suy nghĩ: "Ta sống trong gia đình làm gì? Hãy xin đi xuất gia." Bồ-tát cất cái cuốc ấy vào một chỗ kín, xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ. Lại nhớ đến cái cuốc ấy, không thể chặt đứt lòng tham vì cái cuốc sứt mẻ, Bồ-tát từ bỏ đời xuất gia. Như vậy lần thứ hai, lần thứ ba, cho đến lần thứ sáu, Bồ-tát chôn cái cuốc vào một chỗ kín, xuất gia rồi lại bỏ xuất gia. Đến lần thứ bảy, Bồ-tát suy nghĩ: "Chỉ vì cái cuốc sứt mẻ này, ta tiếp tục từ bỏ xuất gia, nay ta sẽ quăng nó vào con sông lớn rồi sẽ xuất gia!"

Bồ-tát đi đến bờ sông, lại nghĩ: "Nếu thấy được nơi cái cuốc bị rơi thì ta có thể đi đến đó và vớt nó lên được." Nghĩ vậy, với sức mạnh kiên trì như voi, Bồ-

[82] Xem *Dh*. v. 35.

tát cầm cán cuốc quay tròn trên đầu ba lần, nhắm mắt lại, quăng cái cuốc vào giữa dòng sông và rống lên tiếng rống con sư tử ba lần:

– Ta đã chiến thắng! Ta đã chiến thắng!

Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại vừa dẹp xong loạn ở biên giới trở về, tắm trong con sông ấy. Sau khi trang điểm đủ mọi châu báu, vua ngồi trên lưng voi; đang đi, nghe tiếng Bồ-tát la lớn liền nghĩ: "Người này nói: 'Ta đã chiến thắng'. Nó đã chiến thắng ai vậy? Ta hãy gọi nó." Khi Bồ-tát đến, vua hỏi:

– Này bạn, ta vừa thắng trận ở chiến trường trở về. Còn bạn chiến thắng ai vậy?

Bồ-tát thưa:

– Thưa Đại vương, một ngàn hay một trăm ngàn chiến trận được Đại vương chiến thắng đều vô ích, nếu Đại vương không tự mình chiến thắng các phiền não. Chính do chiến thắng tham dục trong nội tâm, ta đã chiến thắng các phiền não.

Trong khi nói vậy, Bồ-tát nhìn con sông lớn, khởi lên thiền quán với đối tượng về nước, đắc thiền chứng, ngồi trên hư không thuyết pháp cho vua và đọc bài kệ này:

70. Chiến thắng ấy không tốt, Nếu chiến thắng rồi bại.
Chiến thắng thật tốt lành, Là chiến thắng nội tâm.

Nhà vua nghe thuyết pháp, với sự đoạn trừ vọng kiến, các phiền não được đoạn tận, tâm tư hướng về xuất gia. Ngay lúc ấy, tham dục đối với vương vị cũng tiêu diệt. Vua hỏi Bồ-tát:

– Nay Bồ-tát sẽ đi đâu?

Bồ-tát trả lời sẽ đi vào Tuyết sơn, xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ. Vua nói lên ý muốn xuất gia của mình và cùng đi với Bồ-tát. Toàn bộ số người, các Bà-la-môn gia chủ, toàn thể quần chúng hội họp tại chỗ ấy, tất cả đều cùng đi với vua. Dân chúng ở Ba-la-nại được nghe vua xứ Ba-la-nại của họ hướng về xuất gia sau khi nghe bậc Hiền trí thuyết pháp, nghĩ rằng họ ở lại đây làm gì, cũng xin đi xuất gia. Từ nội thành dài mười hai do-tuần, tất cả dân chúng trong thành đều ra đi. Hội chúng dài đến mười hai do-tuần cùng với Bồ-tát đi vào Tuyết sơn.

Bấy giờ, chiếc ngai của Thiên chủ Đế-thích trở thành nóng. Tìm hiểu lý do, Đế-thích thấy bậc Hiền trí đang tiến hành một đại sự xuất gia. Ước lượng số đại chúng và số trú xứ cần cho họ ở, Đế-thích truyền gọi Vissakamma, thần xây dựng của chư thiên, và nói:

– Này khanh thân, bậc Hiền trí đang tiến hành một đại sự xuất gia, cần phải có trú xứ cho họ ở. Hãy đi đến Tuyết sơn, trên một chỗ bằng phẳng, khanh hãy cho xây dựng một khu ẩn cư dài ba mươi do-tuần, rộng mười lăm do-tuần.

Vissakamma vâng lời và cho làm đúng như đã nói. (Đây chỉ là tóm tắt. Các chi tiết đầy đủ sẽ được nói trong *Chuyện Hiền giả Hatthipāla*[83]).

[83] Xem *J.* V. 473, *Hatthipālajātaka* (*Chuyện Hiền giả Hatthipāla*), số §509.

Vissakamma hóa hiện ra một khu chòi lá tại các vùng ẩn cư, đuổi xa các loài thú ồn ào, các loài chim, các loài phi nhân và lập một con đường theo mỗi phương hướng chính, con đường rộng vừa một người đi. Rồi Vissakamma đi về trú xứ của mình.

Còn bậc Hiền trí đem theo hội chúng ấy đi vào dãy Tuyết sơn, đến chỗ ẩn cư đã được Đế-thích cho, đem theo các vật dụng xuất gia do Vissakamma tạo ra, tự mình xuất gia trước, rồi sau truyền giới xuất gia cho hội chúng, phân phối chỗ ẩn cư rồi giao cho họ. Tất cả đều từ bỏ vương vị ngang bằng vương vị của Đế-thích. Hội chúng tràn đầy chỗ ẩn cư dài đến ba mươi do-tuần. Sau khi chuẩn bị các đối tượng đề tài thiền quán và tu tập tâm từ, bi, hỷ, xả, Bồ-tát dạy đề tài thiền quán cho hội chúng. Tất cả đều đạt thiền chứng và được sanh lên cõi Phạm thiên. Còn tất cả những ai hộ trì hội chúng, đều được sanh lên cảnh giới chư thiên.

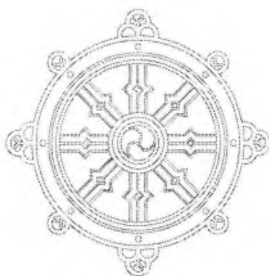
***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, như vậy, khi tâm bị các phiền não chi phối, thật khó từ bỏ. Các đối tượng tham ái khởi lên rất khó từ bỏ, khiến cho các bậc Hiền trí cũng trở thành vô trí.

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, một số người chứng quả Dự lưu, một số người chứng quả Nhất lai, một số chứng quả Bất lai, một số chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua là Ānanda, hội chúng ấy là hội chúng đức Phật, còn bậc Hiền trí là Ta vậy.



VIII. PHẨM CÂY VARAṆA (*VARAṆAVAGGA*)[84]

§71. CHUYỆN CÂY VARAṆA (*Varaṇajātaka*) (*J.* I. 316)

Ai có việc làm trước...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về Trưởng lão tên là Kuṭumbiyaputtatissa (Tissa con vị điền chủ). Theo truyền thuyết, một hôm, ba mươi thiện nam tử thân hữu với nhau ở Xá-vệ đem theo hương hoa, vải, áo, với đại chúng vây quanh, đi đến Kỳ Viên để nghe bậc Đạo sư thuyết pháp. Khi đến, họ ngồi một lát trong những lùm cây sāla có tán lá phủ xung quanh.

Cho đến chiều, khi bậc Đạo sư từ hương phòng thơm ngát đến pháp đường, ngồi trên Phật tòa trang nghiêm; họ cùng với tùy tùng đi đến cúng dường hương hoa lên bậc Đạo sư, đảnh lễ dưới chân Ngài, đôi bàn chân tốt đẹp như hoa sen nở rộ, dưới bàn chân có dấu bánh xe; và họ ngồi xuống một bên nghe pháp. Họ suy nghĩ như sau: "Tùy sự hiểu biết của chúng ta đối với pháp được Thế Tôn thuyết giảng, chúng ta sẽ xuất gia."

Khi Như Lai từ pháp đường đi ra, họ đến đảnh lễ Ngài rồi xin xuất gia. Bậc Đạo sư cho họ xuất gia. Được sự chấp nhận của bậc Sư trưởng và Giáo thọ sư, họ được thọ Đại giới. Trong năm năm sống gần bậc Sư trưởng và Giáo thọ sư, họ học thuộc lòng hai bản tóm tắt; biết được những điều gì nên làm, những điều gì không nên làm; học thuộc lòng ba cách thức nói lên lời tùy hỷ; biết may và nhuộm các y. Muốn thực hành Sa-môn pháp, họ xin phép vị Sư trưởng và Giáo thọ sư, đi đến bậc Đạo sư đảnh lễ, ngồi xuống một bên và thỉnh cầu:

– Bạch Thế Tôn, chúng con ưu não đối với sanh hữu, lo âu về sanh, già, bệnh, chết; vì mục đích thoát khỏi luân hồi, xin Thế Tôn cho chúng con đề tài thiền quán.

Bậc Đạo sư lựa chọn một đề tài thích hợp trong ba mươi tám đề tài thiền quán và đã nói cho họ đề tài ấy. Sau khi được nghe đề tài thiền quán từ bậc Đạo sư, họ đảnh lễ Ngài, thân hướng về phía hữu, đi về am thất, rồi nhìn vị Sư trưởng và Giáo thọ sư, lấy y bát, với ý định sẽ hành trì Sa-môn pháp, họ ra đi.

Trong hội chúng, có một Trưởng lão Tỷ-kheo tên là Kuṭumbiyaputtatissa biếng nhác, yếu kém, thiếu tinh tấn, tham ăn vị ngon. Vị ấy suy nghĩ: "Ta không thể sống ở trong rừng, ta không thể nỗ lực tinh tấn, ta không thể sống theo hạnh

[84] Bản Tích Lan viết *Varaṇavagga*. Bản CST viết *Varuṇavagga*.

khất thực. Vậy ta đi theo họ nào có ích lợi gì? Ta sẽ trở lui." Vị ấy thối thất tinh tấn, đi theo các Tỷ-kheo một đoạn rồi trở lui. Các Tỷ-kheo đi bộ trong xứ Kosala, đến một làng ở biên địa, an cư mùa mưa tại một khu rừng gần làng ấy. Sau ba tháng khổ luyện tinh cần, nhận được hột giống thiền quán khiến cho quả đất reo mừng, các Tỷ-kheo ấy chứng quả A-la-hán, làm lễ Tự tứ, xuất an cư với ý định: "Chúng ta sẽ báo tin công đức đạt được lên bậc Đạo sư."

Từ chỗ ấy, họ dần dần đi đến Kỳ Viên. Sau khi cất đặt y bát, gặp vị Sư trưởng và Giáo thọ sư, các Tỷ-kheo ấy đi đến yết kiến bậc Đạo sư, đảnh lễ rồi ngồi xuống. Bậc Đạo sư nói lên những lời thăm hỏi dịu ngọt. Sau đó, họ báo cáo lên bậc Đạo sư những công đức tự mình chứng đắc. Bậc Đạo sư tán thán các Tỷ-kheo ấy.

Riêng Trưởng lão Kuṭumbiyaputtatissa nghe bậc Đạo sư tán thán những công đức của họ, liền khởi ý muốn tự mình hành trì Sa-môn pháp. Còn các Tỷ-kheo kia xin phép bậc Đạo sư được trở về sống tại khu rừng trước của họ và được bậc Đạo sư chấp thuận. Họ đảnh lễ Ngài và đi về am thất.

Rồi Trưởng lão Kuṭumbiyaputtatissa, giữa đêm, quá hăng hái tinh tấn, quá hấp tấp hành trì Sa-môn pháp; trong canh giữa, ngủ đứng, dựa vào giường gỗ, trở mình và ngã xuống làm gãy xương bắp vế, đau đớn vô cùng. Các Tỷ-kheo phải chăm sóc cho Trưởng lão Tissa nên không đi được. Vào giờ họ đến yết kiến bậc Đạo sư, Ngài hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, phải chăng hôm nay các ông sẽ lên đường. Hôm qua các ông đã xin phép rồi mà?

– Thưa phải, bạch Thế Tôn. Nhưng bạn của chúng con là Trưởng lão Tissa, vì tinh tấn phi thời, quá hấp tấp hành trì Sa-môn pháp, bị giấc ngủ chi phối, xoay mình và ngã xuống làm bắp vế gãy. Vì Trưởng lão ấy, chúng con chưa đi được.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay do thiếu sự tinh tấn của mình, Tissa đã tinh tấn phi thời và quá hấp tấp, tạo chướng ngại việc các ông ra đi. Thuở trước, Tissa cũng đã tạo chướng ngại cho sự ra đi của các ông rồi.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của các vị Tỷ-kheo, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, tại nước Gandhāra, ở Takkasilā, Bồ-tát sanh ra làm vị giáo sư có danh tiếng khắp nơi, dạy nghề cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn. Các thanh niên ấy, một hôm đi vào rừng để lượm củi đem về. Trong bọn họ có một thanh niên biếng nhác, thấy một cây varaṇa lớn, tưởng cây ấy đã khô, nên nghĩ: "Ta sẽ nằm ngủ một lát, sau sẽ leo lên cây, bẻ củi xuống, nhặt lấy rồi mang về." Nghĩ vậy, anh ta trải áo ngoài, nằm xuống, rơi vào giấc ngủ và ngáy lớn. Các thanh

niên khác bó lại từng bó củi, mang đi đến chỗ ấy, lấy chân đá vào lưng cho đến khi anh ta thức dậy rồi bỏ đi.

Thanh niên biếng nhác thức dậy, chùi mắt, chùi mấy lần vẫn còn ngái ngủ. Anh ta leo lên cây, nắm một cành kéo đến sát mặt mình và bẻ gãy cành ấy. Khi bẻ gãy, phần bị gãy của cành cây quật lại đập vào mắt anh ta. Với một tay anh ta bịt mắt, với một tay anh ta bẻ gãy cành tươi, rồi anh ta leo xuống, bó lại thành bó củi, mang lên vai đi mau về nhà, quăng bó củi của mình trên các bó củi của những người khác.

Hôm ấy, một gia đình ở làng quê mời vị giáo sư ngày mai đến nhà họ làm lễ cúng dường. Vị giáo sư nói với các thanh niên:

– Này các con thân, ngày mai các con phải đến một làng. Các con không thể đi mà không ăn. Vậy sáng sớm, hãy cho nấu cháo và ăn cháo trước khi đi đến đấy. Rồi các con sẽ lấy phần của ta và lấy tất cả phần các con mang về.

Sáng sớm hôm sau, các thanh niên đánh thức một tỳ nữ dậy, bảo nó nấu cháo gấp cho họ. Nữ tỳ ấy đi lấy củi, lấy những bó củi xanh chồng trên cao nhất, liên tiếp dùng miệng thổi, nhưng không làm cho lửa cháy được, cho đến khi mặt trời mọc. Các thanh niên thấy trời đã quá sáng, không thể đi được nữa, bèn đi đến gặp giáo sư. Giáo sư hỏi sao các thanh niên chưa đi. Họ nói lý do:

– Có một thanh niên biếng nhác đi cùng với chúng con hái củi, nằm ngủ dưới gốc cây varaṇa, sau khi leo lên cây hấp tấp, bị cành cây đánh vào mắt, đã đem về các củi xanh của cây varaṇa, quăng lên trên các bó củi của chúng con đem về. Vì vậy, người tỳ nữ định nấu cháo, lấy các củi ấy tưởng là khô, cho đến khi mặt trời mọc vẫn không thể nhen lửa. Đó là lý do làm chướng ngại việc chúng con đi.

Vị giáo sư nghe việc làm của thanh niên ấy, liền nói:

– Chính việc làm của kẻ ngu si đã đem đến sự tổn hại như vậy.

Rồi vị giáo sư đọc bài kệ này:

71. Ai có việc làm trước, Về sau mới chịu làm,
Như bẻ varaṇa, Về sau nó chịu khổ.

Như vậy, Bồ-tát nói rõ lý do này cho các đệ tử, rồi trọn đời làm các công đức như bố thí... Và khi mạng chung, ngài đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải ngày nay kẻ ấy mới làm chướng ngại cho các ông. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã làm vậy rồi.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài kết hợp hai mẩu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, thanh niên bị cành cây đánh vào mắt là Tỷ-kheo bị gãy xương bắp vế. Các thanh niên khác là hội chúng của Như Lai, còn giáo sư Bà-la-môn là Ta vậy.

§72. CHUYỆN TƯỢNG VƯƠNG ĐỨC HẠNH (*Sīlavanāgajātaka*) (*J.* I. 319)

Con người không biết ơn...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường và nói chuyện:

– Thưa các Hiền giả, Devadatta vô ơn, không biết những công hạnh của đức Như Lai.

Bậc Đạo sư đến hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi ở đây đang nói chuyện gì?

Sau khi được biết câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới vô ơn. Trước kia, kẻ ấy cũng đã vô ơn rồi. Kẻ ấy không bao giờ biết công đức gì của Ta.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của họ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập thai trong bụng một con voi ở dãy Tuyết sơn. Khi sanh ra, Bồ-tát toàn trắng như một khối bạc; đôi mắt Bồ-tát giống như những hòn châu báu, chói sáng như năm loại ánh sáng;[85] miệng giống như tấm vải đỏ; vòi giống như sợi dây bạc điểm thêm những chấm vàng đỏ; bốn chân mài láng như sơn mài. Như vậy, thân hình Bồ-tát có sắc đẹp tối thượng, được trang điểm với mười hạnh Ba-la-mật tuyệt hảo.

Khi Bồ-tát lớn lên, tất cả con voi Tuyết sơn tụ họp lại để hầu hạ Bồ-tát. Khi sống ở Tuyết sơn được vây quanh với tám vạn con voi, Bồ-tát thấy tội lỗi của đàn voi trong tương lai nên tách rời khỏi đàn, sống một mình trong rừng; và với đức hạnh của mình, được gọi là "tượng vương có đức hạnh."

Một người sống ở Ba-la-nại, chưa quen sống ở rừng, đi vào dãy Tuyết sơn, tìm những vật liệu cho nghề nghiệp nuôi sống bản thân mình. Do không nhận định được phương hướng, lạc đường, kẻ ấy hoảng hốt vì sợ bị chết, vừa đi vừa dang tay ra than khóc. Bồ-tát nghe kẻ ấy than khóc quá độ, động lòng thương, muốn cứu kẻ ấy thoát khổ, liền đi đến gần. Kẻ ấy thấy Bồ-tát liền hoảng sợ chạy trốn. Bồ-tát thấy kẻ ấy chạy, liền đứng lại ngay tại chỗ. Người ấy thấy Bồ-tát đứng, cũng đứng lại. Bồ-tát đi đến, người ấy lại bỏ chạy. Khi thấy Bồ-tát đứng, kẻ ấy cũng đứng lại và suy nghĩ: "Con voi này, khi ta chạy thì đứng lại, khi ta đứng thì đi đến gần, chắc nó không có ý muốn hại ta mà chỉ muốn giúp ta thoát khỏi khổ này." Nghĩ vậy, trở thành mạnh dạn, kẻ ấy đứng lại. Bồ-tát đi đến gần và nói:

[85] Xem *J.* III. 344.

– Này bạn, sao bạn lại đi lang thang ở đây và khóc than như vậy?

– Thưa chúa voi, không nhận định được phương hướng, lạc đường, nên tôi sợ chết!

Rồi Bồ-tát đưa người ấy về trú xứ của mình trong một vài ngày, thết đãi kẻ ấy với trái cây và những vật thực khác, và nói:

– Này bạn, chớ sợ hãi. Ta sẽ đưa bạn đến con đường của loài người đi.

Bồ-tát để kẻ ấy ngồi trên lưng, đưa đến con đường có loài người đi. Người ấy là một người phản bạn, nghĩ rằng nếu có ai hỏi, sẽ nói lên những gì cần phải nói. Tuy ngồi trên lưng Bồ-tát, nhưng người ấy vừa đi vừa nhận diện tướng cây, tướng núi. Bồ-tát đi ra khỏi rừng, đứng trên con đường lớn đưa đến Ba-la-nại, tiễn người ấy đi và nói:

– Này bạn, hãy đi theo con đường này. Dù có ai hỏi hay không hỏi chỗ của ta, cũng đừng nói cho ai biết.

Nói xong, để người ấy ra đi, rồi Bồ-tát trở lại trú xứ của mình.

Người ấy đến Ba-la-nại, trong khi đang đi đến con đường của người thợ ngà voi, thấy nhiều đồ vật khác nhau được làm ra từ ngà voi, bèn hỏi:

– Các bạn, nếu được ngà một con voi đang sống, bạn có lấy không?

– Bạn nói gì vậy? Ngà con voi đang sống có giá trị nhiều hơn ngà con voi chết rồi.

– Ta sẽ đem về cho bạn ngà một con voi đang sống.

Sau khi chuẩn bị lương thực, đem theo một cái cưa sắc bén, kẻ ấy đi đến trú xứ của Bồ-tát. Chúa voi thấy kẻ ấy liền hỏi:

– Ngươi đến đây vì mục đích gì?

– Thưa chúa voi, tôi nghèo khổ, đời sống quá khổ cực. Nếu bạn cho tôi đôi ngà của bạn, tôi sẽ bán chúng lấy tiền để nuôi sống.

– Vậy này bạn, ta cho bạn ngà của ta, bạn có cái cưa để cưa cặp ngà không?

– Thưa chúa voi, tôi đến đây có đem theo cái cưa.

– Vậy hãy cưa ngà rồi đem về.

Rồi Bồ-tát co hai chân lại, ngồi xuống như con bò ngồi. Người ấy cưa hai ngà tối thượng của chúa voi. Bồ-tát lấy cái vòi giao hai cái ngà cho kẻ ấy và nói:

– Này bạn, không phải vì không thích ý, vì không ưa cặp ngà này mà ta cho bạn. Nhưng ngàn lần, trăm ngàn lần thân yêu hơn đối với ta là cặp ngà giải thoát giác ngộ, ngà này có thể giúp ta hiểu tất cả các pháp. Do vậy, mong rằng sự bố thí đôi ngà này của ta sẽ đem lại cho ta Nhất thiết trí!

Với lời nói ấy, Bồ-tát đưa hai cái ngà cho người ấy như là cái giá của Nhất thiết trí. Kẻ ấy lấy ngà xong, đem bán đi. Khi tiền tiêu hết rồi, kẻ ấy lại đi đến Bồ-tát và nói:

– Thưa chúa voi, sau khi bán hai cái ngà của bạn, với tiền lấy được, tôi chỉ trả hết nợ cũ. Vậy hãy cho tôi các ngà còn lại.

Bồ-tát chấp thuận, bảo cưa các ngà còn lại như trước. Người ấy đem bán chúng, rồi lại đi đến và nói:

– Tôi không thể sống được, hãy cho tôi chân gốc của các ngà.

– Được lắm!

Con voi nói và ngồi xuống như lần trước. Con người độc ác ấy đạp lên trên cái vòi giống như sợi dây bạc của bậc Đại sĩ, leo lên trên đầu voi như đỉnh núi Kelāsa, đánh vào gốc chân của hai cái ngà cho đến khi móc thịt ra. Rồi kẻ ấy dùng cưa sắc bén cưa cái gốc chân ngà và lấy đem đi. Khi người ác độc ấy vừa ra khỏi tầm mắt của Bồ-tát thì quả đất cứng dày đặc, dài hơn hai trăm ngàn dặm, có thể chở nổi sức nặng kinh khủng của núi Tu-di, với các triền núi bao vây, với tất cả phân tiểu ghê tởm hôi thối, nhưng quả đất không thể chịu nổi sự độc ác kia, nên đã nứt ra tạo thành một vực thẳm. Các ngọn lửa từ đáy đại A-tỳ địa ngục phun lên, bao phủ con người phản bạn với một cái màn tử vong, cuốn lấy kẻ ấy đem đi. Như vậy, khi con người độc ác ấy bị nuốt vào lòng đất, vị thần trú ở khóm rừng làm vang dậy khắp cả khu rừng với lời nói:

– Người bạn vô ơn phản bội, dầu được cho quốc độ của Vua Chuyển Luân cũng không cảm thấy thỏa mãn.

Và để thuyết pháp, vị thần ấy đọc bài kệ này:

72. Con người không biết ơn, Luôn luôn thấy kẽ hở,
Dầu được cho quả đất, Không bao giờ thỏa mãn.

Như vậy, vị thần cây thuyết pháp làm vang động cả khu rừng ấy. Còn Bồ-tát sống cho đến mạng chung rồi đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới vô ơn. Trong quá khứ, kẻ ấy cũng đã vô ơn rồi.

Sau khi kể pháp thoại ấy, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người bạn phản bội là Devadatta, vị thần cây là Sāriputta (Xá-lợi-phất), còn tượng vương có đức hạnh là Ta vậy.

§73. CHUYỆN ĐÚNG VẬY CHĂNG (*Saccaṁkirajātaka*) (*J.* I. 322)

Như vậy, họ nói thật...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về âm mưu sát hại. Khi ấy, chúng Tỳ-kheo đang ngồi trong pháp đường nói về sự độc ác của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa):

– Này các Hiền giả, Devadatta không biết công đức của bậc Đạo sư nên đã âm mưu sát hại Ngài.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp và đang bàn câu chuyện gì?

Khi được biết câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải nay Devadatta mới âm mưu sát hại Ta, trong thời quá khứ, kẻ ấy cũng đã làm như vậy.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vua có một con trai tên là Hoàng tử Ác Độc. Hoàng tử bạo ngược giống như con rắn độc bị thương, không đối với ai mà không mắng nhiếc, đánh đập. Đối với dân trong nội cung và ngoại cung, hoàng tử như bụi trong mắt, như con quỷ đến ăn thịt; ai cũng ghét bỏ và sợ hãi.

Một hôm, muốn chơi trò dưới nước cùng với một đám tùy tùng đông đảo, hoàng tử đi đến bờ sông. Trong lúc ấy, giông tố nổi lên, các phương trời trở thành tối tăm mù mịt. Hoàng tử bảo các người hầu hạ:

– Này các ngươi, hãy đưa ta ra giữa sông, tắm cho ta và đưa ta về!

Họ đưa hoàng tử ra giữa sông bàn với nhau:

– Vua sẽ làm gì chúng ta? Chúng ta hãy giết đứa ác nhân này ngay ở nơi đây!

Họ thả hoàng tử xuống nước và nói:

– Đồ con quỷ đen, hãy đi vào đấy!

Rồi họ leo lên, đứng trên bờ. Khi được hỏi hoàng tử ở đâu, họ trả lời:

– Chúng tôi không thấy hoàng tử. Thấy giông tố khởi lên, hoàng tử ra khỏi nước và đi trước rồi.

Các đại thần đi đến hầu vua, vua hỏi hoàng tử đâu, họ trả lời:

– Thưa Thiên tử, chúng tôi không được biết. Khi giông tố khởi lên, chúng tôi nghĩ rằng hoàng tử đã đi trước rồi nên chúng tôi mới đi về.

Vua sai mở rộng cửa, đi xuống sông, sai đi tìm chỗ này chỗ khác, nhưng không một ai thấy hoàng tử.

Trong cơn giông, trời tối mù, đang mưa, hoàng tử trôi theo dòng nước cuốn, bỗng thấy một khúc cây, liền ngồi trên ấy, vừa sợ chết vừa khóc than. Lúc bấy giờ, một triệu phú ở Ba-la-nại đã chết, có chôn trên bờ sông số tài sản trị giá bốn trăm triệu. Vì tham luyến tài sản nên vị ấy sanh làm con rắn tại chỗ chôn tài sản. Một người khác cũng tại chỗ ấy đã chôn ba trăm triệu, vì tham lam tài sản nên tái sanh làm con chuột tại chỗ ấy. Nước vào ngập chỗ chúng ở. Chúng thoát ra từ con đường nước vào, cắt ngang dòng bơi đi, đến được khúc cây trên ấy hoàng tử đang ngồi; một con leo lên đầu này, một con leo lên đầu kia và nằm trên khúc cây ấy.

Trên bờ sông, có một cây bông gòn, tại đó có một con vẹt trẻ đang ở. Cây bông gòn bị nước làm bật gốc rễ, rơi xuống dòng sông. Con vẹt trẻ gặp mưa xối xả, không thể bay lên được, liền ẩn núp vào một bên khúc cây ấy. Như vậy có bốn sinh vật cùng trôi theo dòng nước với nhau.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn phía Tây Bắc, lớn lên xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ tại một khúc quanh của sông. Bồ-tát dựng lên một chòi lá để ở. Nửa đêm, đang đi kinh hành, Bồ-tát nghe tiếng khóc than thảm thiết của hoàng tử, tự nghĩ: "Trước mắt một người tu khổ hạnh có lòng từ bi như ta, thật không thích đáng để người này chết. Ta hãy vớt nó ra khỏi nước và cứu mạng nó." Rồi Bồ-tát an ủi hoàng tử:

– Chớ sợ hãi!

Và Bồ-tát lội cắt ngang dòng nước, đến cầm lấy một đầu của khúc cây ấy, với sức mạnh kiên trì như con voi, Bồ-tát kéo nhanh khúc gỗ vào bờ, đưa hoàng tử lên đặt trên bờ. Thấy các con vật kia, Bồ-tát đỡ chúng lên và đưa đến am thất, rồi nhen lửa. Những con yếu nhất được Bồ-tát hơ cho ấm, trước là con rắn, con chuột, con vẹt... rồi sau mới hơ ấm thân hoàng tử, khiến cho chúng được bình phục, rồi cho chúng đồ ăn; trước hết, cho các con vật ăn, rồi sau mới bày biện các thứ trái và các thức ăn khác cho hoàng tử. Hoàng tử suy nghĩ: "Kẻ khổ hạnh khốn nạn này không kể ta là hoàng tử, lại tỏ sự cung kính đối với loài thú vật." Rồi hoàng tử nuôi dưỡng hận thù đối với Bồ-tát.

Sau một vài ngày, khi tất cả đã lấy lại sức khỏe, nước sông đã rút xuống, con rắn đảnh lễ vị khổ hạnh và nói:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả đã giúp đỡ tôi rất nhiều. Tôi không phải nghèo khổ. Tại một chỗ ấy, tôi có chôn vàng đáng giá bốn trăm triệu. Khi nào Tôn giả cần tiền, tôi có thể cho Tôn giả số tiền ấy. Tôn giả chỉ cần đến chỗ ấy và gọi: "Rắn ơi!"

Nói xong, con rắn bỏ đi. Rồi con chuột cũng như vậy, đến chào vị tu khổ hạnh và nói:

– Hãy đến tại chỗ ấy và gọi: "Chuột ơi!"

Nói xong, con chuột bỏ đi. Con vẹt đảnh lễ vị tu khổ hạnh và nói:

– Thưa Tôn giả, tôi không có tài sản. Nhưng nếu Tôn giả cần gạo đỏ, hãy đến trú xứ của tôi và gọi: "Vẹt ơi!" Tôi sẽ gọi bà con của tôi, chúng tôi sẽ đem gạo đỏ đến, chở nhiều xe đầy và tôi sẽ biếu Tôn giả.

Nói xong, con vẹt bay đi. Rồi đến hoàng tử, không nói gì để cảm ơn, với tâm tánh phản bội bạn bè, hoàng tử suy nghĩ: "Nếu nó đến gần ta, ta sẽ giết nó." Tuy vậy, cố giấu ý định, hoàng tử nói:

– Thưa Tôn giả, khi tôi lên ngôi vua, tôi sẽ cúng dường Tôn giả bốn vật dụng cần thiết.

Rồi ra đi và không bao lâu, hoàng tử được đặt lên vương vị.

Bồ-tát muốn thử thách chúng, trước hết đi đến chỗ con rắn đứng, không xa chỗ nó ở và gọi:

– Rắn ơi!

Khi nghe tiếng gọi, con rắn bò ra, đảnh lễ Bồ-tát và nói:

– Thưa Tôn giả, tại chỗ này có bốn trăm triệu tiền vàng. Hãy đào chúng lên và lấy tất cả!

Bồ-tát nói:

– Như vậy là tốt. Khi nào cần đến chúng, tôi sẽ cho biết.

Từ giã con rắn, Bồ-tát đi đến chỗ con chuột ở và lên tiếng:

– Chuột ơi!

Con chuột làm y như con rắn đã làm. Bồ-tát từ biệt con chuột, đi đến con vẹt và gọi:

– Vẹt ơi!

Con vẹt nghe tiếng, từ trên ngọn cây bay xuống đảnh lễ Bồ-tát và hỏi:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả có cần tôi nói những bà con đem gạo mọc hoang từ dãy Tuyết sơn về cho Tôn giả không?

Bồ-tát trả lời khi nào cần ngài sẽ cho biết và từ biệt con vẹt. Rồi để thử thách hoàng tử, Bồ-tát đi đến trú ở công viên của vua. Vào ngày hôm sau, ngài chuẩn bị y phục đàng hoàng, bộ hành khất thực và đi vào thành. Trong lúc ấy, ông vua phản bội bạn bè ngồi với tất cả nghi vệ trang nghiêm trên lưng con voi được trang sức, đang đi vòng quanh thành với một đám tùy tùng lớn. Vua thấy Bồ-tát từ đàng xa, suy nghĩ như sau: "Tên khổ hạnh khốn nạn này, nay đã đến để xin ăn và sống nhờ ta. Ta phải bảo chém đầu nó trước khi nó tuyên bố giữa đại chúng công đức mà nó đã làm cho ta."

Vua ra hiệu các người tùy tùng, họ hỏi vua bảo họ làm gì. Vua bảo:

– Ta nghĩ rằng tên khổ hạnh khốn nạn này muốn đến xin ta một việc gì đó. Đừng cho ta thấy tên quỷ đen tu khổ hạnh ấy. Hãy bắt nó, trói chặt tay ra đằng sau, đánh nó tại những ngã tư đường, đưa nó ra khỏi thành, chặt đầu tại pháp trường và bêu đầu trên cây nhọn!

Họ vâng lời, đi đến trói bặc Đại sĩ vô tội, đánh ngài tại ngã tư đường rồi dẫn ngài đến pháp trường. Bồ-tát trong khi bị đánh không than khóc, không kêu mẹ, không kêu cha, không bị dao động, chỉ nói lên bài kệ này:

73. Như vậy họ nói thật,
Cứu vớt khúc gỗ trôi,
Những người hiểu đời này,
Tốt hơn một số người.

Như vậy, tại chỗ bị đánh, Bồ-tát nói lên bài kệ này. Nghe vậy, những người có trí ở đấy bèn nói:

– Này vị xuất gia, đối với vua của chúng ta, Hiền giả đã làm công đức gì?

Bồ-tát kể lại câu chuyện ấy và nói:

– Như vậy, vì cứu vớt người này ra khỏi dòng nước lớn, tôi đã làm khổ tôi thôi! Nhớ lại, vì tôi không nghe lời các bậc Hiền trí thời xưa, tôi mới nói như các ông vừa nghe.

Khi họ nghe xong, các vị Sát-đế-ly, Bà-la-môn, v.v... trú ở thành đều phẫn nộ nói:

– Nhà vua phản bạn này, đối với vị đầy công đức như vậy, lại không biết đến ơn của người đã cho mình mạng sống. Làm sao chúng ta có được lợi ích gì từ vua ấy? Hãy bắt lấy nó!

Trong cơn phẫn nộ, họ xông tới vua từ nhiều ngã; với cung, kiếm, đá, gậy... họ giết vua đang cưỡi trên lưng voi, nắm lấy chân vua kéo đi và quăng xác xuống hố. Rồi họ làm lễ Quán đảnh Bồ-tát và đặt Bồ-tát lên vương vị. Bồ-tát trị nước rất đúng pháp.

Một hôm, muốn thử thách con rắn, Bồ-tát cùng với số đông tùy tùng đi đến chỗ ở của rắn và kêu:

– Rắn ơi!

Con rắn bò tới, đảnh lễ vua và thưa:

– Thưa ngài, đây là tài sản của ngài... Hãy lấy nó đi!

Vua bảo các đại thần cất số tiền vàng bốn trăm triệu rồi đi đến chỗ ở của con chuột và gọi:

– Chuột ơi!

Nó bò ra, đảnh lễ vua rồi đưa tài sản ba trăm triệu. Vua bảo các đại thần cất giữ số vàng rồi đi đến chỗ ở của con vẹt và gọi:

– Vẹt ơi!

Con vẹt đến, đảnh lễ chân vua và thưa:

– Thưa ngài, tôi có phải đem gạo đến không?

Vua nói:

– Khi nào cần lúa gạo, ngươi hãy mang đến. Nay chúng ta hãy đi.

Đem theo ba sinh vật với bảy trăm triệu tiền vàng, vua đi vào thành, ngự lên trên lầu cao trong cung điện sang trọng, cho cất giữ và phòng hộ tài sản. Rồi ngài truyền làm một ống bằng vàng để con rắn ở, một hang bằng pha-lê cho con chuột và một lồng bằng vàng cho con vẹt.

Hằng ngày, theo lệnh của vua, đồ ăn được dọn cho ba con vật trong bát đĩa bằng vàng, bắp rang ngọt cho con vẹt và con rắn, còn gạo thơm cho con chuột. Vua thường làm các công đức như bố thí và nhiều thiện sự khác. Như vậy, vua và các con vật này sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau cho đến trọn đời, rồi chúng đi theo nghiệp của chúng.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới âm mưu sát hại Ta. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã làm như vậy rồi.

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, nhà vua ác độc là Devadatta, con rắn là Sāriputta (Xá-lợi-phất), con chuột là Moggallāna (Mục-kiền-liên), con vẹt là Ānanda, còn vị vua được vương quốc và trị vì đúng pháp là Ta vậy.

§74. CHUYỆN LUẬT CÂY RỪNG (*Rukkhadhammajātaka*) (*J.* I. 327)

Lành thay nhiều bà con...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một cuộc tranh chấp nước. Do cuộc tranh chấp này, bà con của Ngài gặp nạn diệt vong. Biết việc này, bậc Đạo sư đi ngang qua hư không, ngồi kiết-già trên sông Rohiṇī, chiếu sáng hào quang xanh, làm các bà con Ngài hoảng sợ. Rồi từ hư không bước xuống, bậc Đạo sư ngồi trên bờ sông kể câu chuyện tranh chấp này. (Đây chỉ là tóm tắt, phần chi tiết được nói đến trong *Chuyện chim chúa Kuṇāla.*[86]) Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư gọi các bà con lại và nói với vua:

– Thưa Đại vương, các bà con cần phải đối xử với nhau hòa hợp và hoan hỷ. Khi các bà con hòa hợp đoàn kết, kẻ thù không tìm được cơ hội để phá hoại. Không phải chỉ riêng loài người mới cần phải đoàn kết mà các loài vật vô tri cũng cần phải hòa hợp đoàn kết. Thuở trước, trong dãy Tuyết sơn, một ngọn gió thổi qua rừng cây sāla; tuy thế, vì các cây, lùm cây, bụi cây, dây leo, v.v... của khu rừng ấy cột chặt với nhau nên cơn gió không thể làm ngã một cây nào, chỉ thổi lướt qua trên đầu cây thôi. Nhưng trong sân có một cây sāla rất lớn đứng một mình, đầy đủ cành cây, thân cây nhưng không cột chặt với các cây khác nên gió thổi bật gốc ngã xuống đất. Vì lý do này, các vị cần phải sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau.

Nói vậy xong, theo lời các Tỷ-kheo thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Đại vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn)[87] thứ nhất mạng chung. Đế-thích đưa một vị vua khác thay thế. Trong sự thay đổi này, Vua Vessavaṇa mới kế vị gửi thông điệp đến các thần cây, lùm cây, bụi cây, cây leo...

– Các ngươi hãy tự lựa chọn trú xứ mình ưa thích!

---

[86] Xem *J.* V. 412, *Kuṇālajātaka* (*Chuyện chim chúa Kuṇāla*), số §536.

[87] Còn được gọi là Kuvera, tên của vua loài dạ-xoa (*yakkha*) cai quản phía Bắc tức Bắc Câu-lô châu (Uttarakuru).

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm thần cây trong một rừng cây sāla. Bồ-tát nói với các bà con:

– Khi các ngươi lựa chọn trú xứ, chớ lựa chọn các cây mọc một mình ở khoảng trống. Hãy lựa chọn trú xứ chung quanh chỗ mà ta đã lựa chọn trong rừng sāla này!

Các thần cây Hiền trí làm theo lời Bồ-tát, lựa chọn trú xứ của họ quanh trú xứ của Bồ-tát. Những thần cây không có trí nói:

– Sao chúng ta lại lựa chọn trú xứ ở trong rừng? Chúng ta hãy lựa chọn trú xứ tại chỗ có người, ngoài cửa các làng, thị trấn, kinh đô, vì các thần cây sống gần làng nhận được lễ vật cúng dường tối thượng và danh vọng tối thượng.

Vì thế, những thần cây ấy lựa chọn trú xứ tại con đường có người, những chỗ có cây lớn, tại các khoảng trống. Một hôm, mưa to gió lớn nổi lên, những cây xưa nhất ở trong rừng có rễ ăn sâu chắc chắn đã kiên trì đứng riêng biệt trong quá khứ cũng đều bị gãy cành và thân, bị bật gốc rễ và ngã xuống.

Trái lại, khi giông tố thổi qua rừng, các cây sāla đứng thành nhóm cột chặt vào nhau, tuy giông tố có đánh mạnh chỗ này chỗ kia nhưng không thể làm ngã một cây nào. Các thần cây có trú xứ bị phá vỡ không còn chỗ nương tựa, tay bồng các con nhỏ đi đến dãy Tuyết sơn và kể lại nỗi đau khổ của mình cho chư thần trong rừng sāla. Những vị này báo cáo cho Bồ-tát biết sự việc này. Bồ-tát nói:

– Chính vì chúng không vâng theo lời các bậc Hiền trí, đi đến trú xứ không đủ nhân duyên nên gặp phải sự tình như vậy.

Rồi Bồ-tát thuyết pháp qua bài kệ này:

74. Lành thay nhiều bà con, Như cây sanh từ rừng,
Gió thổi ngã những cây, Đứng một mình riêng lẻ.

Bồ-tát thuyết pháp như vậy và sống cho đến khi mạng chung, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Như vậy, thưa Đại vương, các bà con cần sống với nhau trong hòa hợp, hòa thuận, hoan hỷ, ái kính nhau.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, chư thần là hội chúng của Như Lai, còn vị thần Hiền trí là Ta vậy.

§75. CHUYỆN CON CÁ (*Macchajātaka*) (*J.* I. 329)

Nổi sấm, Pajjunna...

Câu chuyện này khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về cơn mưa do chính

Ngài làm. Một thời, theo truyền thuyết, tại nước Kosala, trời không mưa, mùa màng khô héo, chỗ này chỗ kia, ao hồ, bể nước đều khô cạn. Ngay cả hồ Kỳ Viên cũng khô cạn nước. Các loài cá, rùa đi vào đám bùn, nằm mắc cạn. Rồi quạ, diều hâu... đến, với mỏ như lưỡi giáo mổ chúng, kéo chúng ra và ăn chúng đang còn vùng vẫy. Bậc Đạo sư thấy cá, rùa mắc nạn ấy, với từ tâm, Ngài xúc động suy nghĩ:

– Hôm nay, Ta phải làm mưa!

Khi đêm đã qua, tắm rửa thân thể xong, thấy đã đến giờ khất thực, với đại chúng Tỷ-kheo vây quanh, với uy nghi của một đức Phật, Ngài đi vào thành Xá-vệ để khất thực. Sau khi đi khất thực, ăn xong, trên con đường từ Xá-vệ trở về, Ngài đi đến tinh xá, đứng trên tầng cấp của hồ Kỳ Viên, bảo Trưởng lão Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đem áo tắm đến đây! Ta sẽ tắm trong hồ Kỳ Viên.

– Nhưng bạch Thế Tôn, hồ Kỳ Viên đã cạn nước. Chỉ có bùn còn lại.

– Này Ānanda, Phật lực rất lớn. Hãy đem áo tắm lại!

Trưởng lão đem áo tắm và đưa cho bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư với một đầu áo quấn quanh thân dưới và một đầu áo che thân trên, đứng trên tầng cấp và nói:

– Ta sẽ tắm ở hồ Kỳ Viên.

Trong thời khắc ấy, chiếc ngai bằng tảng đá vàng của Thiên chủ Đế-thích trở thành nóng. Đế-thích tìm hiểu nguyên nhân, biết được lý do, liền cho gọi thần mưa, thần mây và nói:

– Này các thần, bậc Đạo sư đứng trên tầng cấp chính, muốn tắm ở hồ Kỳ Viên; hãy cho mưa đổ xuống gấp, thành một dòng, khắp tất cả nước Kosala!

Vâng theo lời Đế-thích, thần mây và thần mưa lấy một đám mây mặc vào như mặc đồ lót, lấy một đám mây khác che thân và hát lên bài ca giông tố,[88] vị ấy vụt ra đi, mặt hướng về phương Đông. Ở phương Đông, khởi lên một đám mây lớn bằng sân đập lúa. Đám mây ấy lớn dần lên cho đến bằng một trăm, một ngàn sân đập lúa và nó làm sấm, làm chớp, đổ nước xuống xứ Kosala như một dòng nước lớn.

Cơn mưa không gián đoạn và trong giây lát nước ngập đầy hồ Kỳ Viên. Khi chạm đến tầng cấp cao nhất thì nước đứng lại. Bậc Đạo sư tắm trong hồ xong, mặc đôi y màu đỏ, buộc cái nịt thân, đắp Đại y Thiện Thệ vào một bên vai. Với chúng Tỷ-kheo vây quanh, Ngài đi đến hương phòng, ngồi trên Phật tòa được trang hoàng đẹp đẽ. Và khi chúng Tỷ-kheo làm xong phận sự, bậc Đạo sư đứng dậy, từ trên tầng cấp châu báu của bảo tòa, Ngài khuyến giáo chúng Tỷ-kheo và cho họ giải tán. Rồi Ngài vào hương phòng, nằm phía hông bên phải như dáng nằm con sư tử.

[88] Xem *JRAS*. 12, p. 286, *Meghasūtra*.

Vào buổi chiều, khi chúng Tỷ-kheo tụ hội tại pháp đường, họ nói đến sự thành tựu đức nhẫn nhục, từ bi, lân mẫn của bậc Đạo sư:

– Khi mùa màng bị khô héo, khi các hồ đều ráo cạn, khi các loài cá, loài rùa gặp đau khổ lớn, vì lòng thương xót muốn cứu chúng thoát khổ, Ngài mặc áo tắm, đứng trên tầng cấp cao nhất của hồ Kỳ Viên và chỉ trong thời gian ngắn làm mưa xuống, khiến toàn xứ Kosala tràn ngập dòng nước lớn, giải thoát đại chúng khỏi đau khổ về thân, về tâm, rồi trở về tinh xá.

Khi câu chuyện nói đến đó, bậc Đạo sư từ hương phòng đi ra, đến pháp đường và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp lại ở đây và đang bàn vấn đề gì?

Khi nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới làm mưa cho đại chúng khỏi mệt mỏi. Thuở xưa, khi sanh làm thú vật, khi làm vua loài cá, Như Lai cũng đã làm trời mưa rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở trước, trong nước Kosala, ở Xá-vệ này, tại chỗ hồ Kỳ Viên, có một cái hồ chằng chịt những cây leo. Bồ-tát sanh ra làm con cá với đàn cá vây quanh sống tại đấy. Giống như nay vậy, trong xứ ấy trời không mưa, mùa màng của dân chúng bị khô héo; các ao hồ cạn nước, các con cá, con rùa bị mắc cạn. Trong hồ này, các con cá mắc cạn trong bùn, ẩn núp tại những chỗ ấy. Các con quạ đến nơi, mổ chúng với cái mỏ, đem chúng lên và ăn chúng.

Bồ-tát thấy bà con mình gặp tai nạn ấy, tự nghĩ: "Ngoài ta ra, không một ai khác có thể cứu chúng thoát khỏi cảnh khổ này. Ta hãy làm một hạnh nói lên sự thật khiến trời mưa và giải thoát bà con ta khỏi cảnh khổ phải chết này."

Rẽ bùn đen ra làm hai, Bồ-tát đi lên, đó là một con cá lớn, đen đủi với bùn như một cái hộp làm bằng lõi cây mun. Bồ-tát mở mắt như hòn ngọc được rửa sạch, nhìn lên trời và nói với Pajjunna, vua chư thiên:

– Này bạn Pajjunna, ta đau khổ vì bà con ta. Khi ta, một bậc giữ giới bị đau buồn, làm sao bạn lại không làm trời mưa? Vì ta dầu sanh ra trong loài phải ăn thịt bà con, từ thuở ban đầu là con cá nhỏ, ta cũng không bao giờ ăn một con cá chỉ bằng hột gạo, cũng không bao giờ đoạt mạng sống của một sanh vật khác. Với sự thật này, hãy làm cho trời mưa và giải thoát bà con ta thoát khỏi đau khổ!

Sau khi nói vậy, như ra lệnh cho nô tỳ hầu hạ, Bồ-tát nói với Pajjunna, vua chư thiên bài kệ này:

75. Nổi sấm, Pajjunna,
Hãy làm quạ sầu muộn,
Chặn quạ gây tai hại,
Giúp ta khỏi sầu bi!

Như vậy, Bồ-tát bảo Pajjunna làm mưa lớn trong toàn nước Kosala và giải thoát đại chúng khỏi đau khổ vì phải chết. Và khi mạng chung, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ có nay Như Lai mới làm trời mưa. Thuở trước, khi sanh làm con cá, Ta cũng đã làm trời mưa rồi.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, đàn cá là hội chúng của Như Lai, vua chư thiên Pajjunna là Ānanda, và vua loài cá là Ta vậy.

§76. CHUYỆN NGƯỜI KHÔNG SỢ HÃI (*Asaṁkiyajātaka*) (*J.* I. 332)

Trong làng, ta không sợ...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một nam cư sĩ sống ở tại Xá-vệ. Theo truyền thuyết, vị này là một bậc Dự lưu Thánh đệ tử, vì một công việc phải làm, cùng đi đường với một người dẫn đầu đoàn xe lữ hành. Trong một khu rừng, các cỗ xe được mở ra, đặt thành một doanh trại và vị ấy đi kinh hành không xa người dẫn đầu bao nhiêu.

Có năm trăm tên cướp, sau khi xem giờ đã định, tay cầm cung, gậy và các binh khí khác với mục đích đánh cướp trại, bao vây chỗ ấy. Vị nam cư sĩ vẫn đi kinh hành. Các tên cướp thấy vị ấy, tưởng đó là người canh gác doanh trại, quyết định chờ đợi vị ấy ngủ mới đánh cướp. Vì không thể đột kích nên chúng đứng yên tại nhiều chỗ. Nam cư sĩ ấy vẫn đi kinh hành trong canh thứ nhất, trong canh thứ hai và trong canh cuối.

Đến rạng đông, các tên cướp không tìm được cơ hội, liền quăng bỏ đá và côn chúng đem theo, rồi bỏ chạy. Vị nam cư sĩ làm xong công việc của mình, đi đến Xá-vệ, đến yết kiến bậc Đạo sư và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, có phải khi nào bảo vệ mình cũng là bảo vệ người khác không?

– Này nam cư sĩ, đúng vậy. Trong khi bảo vệ mình, con người cũng bảo vệ người khác. Trong khi bảo vệ người khác, con người cũng bảo vệ mình.

– Ôi, khéo nói thay là lời của Thế Tôn! Khi con cùng đi đường với người dẫn đầu đoàn lữ hành, con đi kinh hành dưới một gốc cây để bảo vệ con, và do đó, con đã bảo vệ cả đoàn lữ hành.

Bậc Đạo sư nói:

– Này nam cư sĩ, thuở trước, các bậc Hiền trí trong khi tự bảo vệ mình, đã bảo vệ người khác.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, thấy được sự nguy hiểm trong các dục, Bồ-tát xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ, sống ở dãy Tuyết sơn.

Vì cần đi lấy muối và giấm, Bồ-tát đi về vùng quê. Bồ-tát đi cùng đường với vị dẫn đầu đoàn lữ hành. Khi đoàn lữ hành dừng lại tại một khu rừng, Bồ-tát quyết định đi kinh hành dưới một gốc cây, thọ hưởng thiền lạc, không xa đoàn lữ hành bao nhiêu. Có năm trăm tên cướp, sau buổi ăn chiều, bao vây doanh trại để đánh cướp đoàn lữ hành ấy, thấy vị tu khổ hạnh, bọn chúng dừng lại và nói:

– Nếu nó thấy chúng ta, nó sẽ báo động. Hãy chờ cho nó ngủ, rồi chúng ta sẽ đánh cướp trại!

Nghĩ vậy, bọn chúng chờ tại chỗ ấy. Vị tu khổ hạnh suốt đêm vẫn đi kinh hành. Các tên cướp không có được cơ hội, quăng bỏ các côn, gậy, đá chúng đã mang theo và la lên cho những người trong đoàn lữ hành nghe:

– Này các bạn lữ hành, nếu hôm nay không có vị tu khổ hạnh đi kinh hành thì tất cả các bạn đã bị cướp phá lớn rồi. Ngày mai, hãy tôn trọng vị tu khổ hạnh ấy!

Nói xong, bọn cướp bỏ đi. Khi đêm đã sáng, đoàn lữ hành thấy các côn, gậy, các hòn đá mà bọn cướp bỏ lại; họ rất sợ hãi, đi đến Bồ-tát, đảnh lễ và hỏi:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả có thấy bọn cướp không?

– Này các Hiền giả, tôi có thấy.

– Thưa Tôn giả, thấy chừng ấy bọn cướp, Tôn giả không sợ hãi, không e ngại sao?

Bồ-tát nói:

– Này các Hiền giả, thấy bọn cướp, kẻ có tài sản mới sợ hãi. Ta không có tài sản, sao ta lại sợ hãi? Khi sống ở làng hay ở rừng, ta không sợ hãi, không e ngại vì ta không có gì để mất.

Sau khi thuyết pháp cho họ, Bồ-tát đọc bài kệ này:

76. Trong làng, ta không sợ, Trong rừng, ta không sợ,
Bước lên đường giải thoát, Với lòng từ, lòng bi.

Như vậy, Bồ-tát thuyết pháp với bài kệ này, làm các người ấy được hoan hỷ và họ cung kính đảnh lễ Bồ-tát. Bồ-tát sống cho đến khi mạng chung, tu tập bốn vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) và được sanh lên cảnh giới Phạm thiên.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, các người trong đoàn lữ hành là hội chúng của Như Lai và vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§77. CHUYỆN GIẤC MỘNG LỚN (*Mahāsupinajātaka*) (*J.* I. 334)

Trước bò đực, cây con...

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể về mười sáu giấc mộng kỳ bí trong khi trú tại Kỳ Viên. Tương truyền, vào khoảng canh năm, đêm gần mãn, Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala đang ngủ say, suốt đêm lại mơ mười sáu giấc mộng lạ lùng khiến vua kinh hãi tỉnh dậy và lo ngại về những điềm xấu có thể xảy đến cho mình. Vua sợ chết đến nỗi không cử động được, cứ nằm trùm chăn trên long sàng. Bấy giờ, khi trời gần sáng, các vị Bà-la-môn tế sư đến yết kiến vua và cung kính đảnh lễ, vấn an:

– Hoàng thượng có được ngon giấc chăng?

– Này các quốc sư, làm sao trẫm ngủ ngon giấc được vì đúng lúc tảng sáng, trẫm mơ thấy mười sáu giấc mơ thật kỳ bí và trẫm kinh hoàng từ đó! Này các quốc sư, thử nói cho trẫm biết ý nghĩa giấc mơ này.

– Tâu Hoàng thượng, chúng thần sẽ phán đoán khi nghe chuyện.

Thế rồi, vua kể cho các quốc sư nghe các giấc mơ và hỏi những cảnh kia báo trước tai họa gì cho mình chăng.

Các vị Bà-la-môn đều nắm chặt bàn tay lại. Nhà vua hỏi:

– Này các quốc sư, sao nắm tay lại thế?

– Tâu Đại vương, vì chính toàn ác mộng cả.

– Vậy chuyện gì sẽ xảy ra?

Vua hỏi.

– Tâu Đại vương, một trong ba đại nạn sẽ xảy ra làm hại vương quyền, tính mạng cùng tài sản của Đại vương.

– Vậy có cách gì cứu chữa được chăng?

– Hiển nhiên, những giấc mộng này báo trước những điềm hiểm nguy khó mà cứu vãn được; tuy thế, chúng thần quyết tìm phương cách đối trị chúng. Nếu không thì việc học hành thông thái uyên bác của chúng thần để làm gì chứ!

– Vậy chư vị hiền khanh định làm gì để tránh tai họa đó?

– Tâu Đại vương, ở bất kỳ ngã tư đường nào, chúng thần cũng xin lập tế đàn cúng bái cả.

Nhà vua trong lúc lo sợ, vội kêu lên:

– Này các hiền khanh, tính mạng trẫm trong tay chư vị, xin hãy mau mau hành sự cho trẫm được bình an!

Các Bà-la-môn như mở cờ trong bụng, nghĩ thầm: "Thế là những số tiền kếch xù, thực phẩm ê hề đủ loại sắp về tay chúng ta rồi!"

Và họ trấn an vua rồi cùng lui về. Ngoài kinh thành, họ đào hố tế lễ và thu góp cả đàn súc vật bốn chân, lựa giống toàn hảo, không tỳ vết bệnh tật và vô số chim muông. Song, họ vẫn thấy còn thiếu nhiều thứ quá, nên cứ lui tới cung

điện đòi thức nọ thức kia mãi. Thời bấy giờ, những việc làm không thoát khỏi tầm mắt của Hoàng hậu Mallikā (Mạt-lợi); bà bèn đến yết kiến vua và hỏi việc gì khiến các Bà-la-môn cứ đến gặp vua mãi vậy.

Vua phán bảo:

– Trẫm thèm được như Ái khanh, thật con rắn đã chui vào tai mà Ái khanh chẳng biết gì cả.

– Tâu Hoàng thượng, ngài phán bảo điều gì đấy?

– Ôi, trẫm đã mơ thấy những giấc mộng thật xui xẻo! Các vị Bà-la-môn kia bảo rằng chúng báo trước một trong ba đại họa, nên các vị ấy nôn nóng dâng lễ tế đàn để tránh tai ương đó, vì thế chư vị đến đây hoài.

– Song, Hoàng thượng đã thỉnh ý vị Bà-la-môn tối thượng của chư thiên và loài người chưa?

Quốc vương hỏi:

– Này Ái khanh, hãy cho trẫm biết vị đó là ai vậy?

– Thế Hoàng thượng không biết vị Đạo sư Bà-la-môn tối thượng của thế gian, bậc Toàn Tri, Thanh Tịnh, Vô Cấu ấy chăng? Dĩ nhiên Ngài là đức Thế Tôn sẽ hiểu rõ các giấc mộng của Hoàng thượng, xin Hoàng thượng hãy đến yết kiến Ngài và hỏi cho rõ.

Nhà vua đáp:

– Này Ái hậu, vậy thì trẫm sẽ đi ngay.

Thế là vua liền ngự đến tinh xá, đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống.

– Có việc gì khiến Đại vương đến đây từ sáng tinh mơ thế này?

Bậc Đạo sư hỏi bằng giọng êm dịu.

Nhà vua đáp :

– Bạch Thế Tôn, lúc gần tảng sáng, trẫm đã mơ mười sáu giấc mộng kỳ bí khiến trẫm kinh hoàng và kể lại cho các vị Bà-la-môn nghe. Các vị ấy bảo giấc mộng kia báo trước điềm dữ, vậy để tránh tai họa xảy ra, chư vị ấy phải dâng lễ tế đàn ở bất kỳ ngã tư đường nào. Và chư vị ấy bận rộn chuẩn bị tế lễ, trong khi nhiều sinh vật lo sợ cái chết đang kề trước mắt. Song, bạch Thế Tôn, xin hãy cho biết những gì sẽ xảy ra từ những giấc mộng kia. Thế Tôn là bậc Tối Thượng của chư thiên và loài người, bậc Toàn Tri về mọi việc hiện tại, quá khứ và vị lai.

– Thật vậy, này Đại vương, không có ai ngoài Ta có thể nói đúng ý nghĩa các giấc mộng của Đại vương và những gì sẽ xảy ra sau đó. Ta sẽ nói. Vậy trước tiên, ngài hãy kể cho Ta nghe những giấc mộng xuất hiện ra sao.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Vua đáp và lập tức đưa ra bản liệt kê này, theo thứ tự các giấc mộng xuất hiện:

Trước bò đực, cây con, Sau bò cái, bê non,
Ngựa, bát vàng, sơn cẩu, Bình nước, hồ sen trong,

Cơm sống, chiên-đàn quý,
Đá to thì trôi nổi,
Xé tan bầy rắn hổ,
Chính bầy hoàng nga đẹp,

Bầu bí lặn xuống dòng,
Nhái bén, ễnh ương cùng,
Quạ lại có tùy tùng,
Chó sói sợ dê rừng.

Như vậy, bạch Thế Tôn, trẫm đã mơ thấy những giấc mơ này nghĩa là thế nào? Hình như có bốn con bò đực, sắc đen tuyền, từ bốn hướng chạy vào sân chầu với vẻ muốn đánh nhau, dân chúng đổ xô đến xem đấu bò, họp thành một đám đông, nhưng bầy bò chỉ giương oai múa võ, gầm thét ầm ĩ rồi cuối cùng bỏ đi chứ không đánh nhau. Đó là giấc mơ đầu của trẫm. Nó báo trước điều gì sẽ xảy ra chăng?

– Này Đại vương, giấc mơ ấy không có hậu quả gì ngay trong thời Đại vương hay trong thời của Ta đâu. Mà sau này, vào thời kỳ vua chúa xan tham, bất công, khi dân chúng không theo Chánh pháp, thế giới đảo điên, việc thiện suy giảm và điều ác đồng thời tăng trưởng. Trong những ngày thế giới điêu tàn ấy, sẽ không có mưa từ trời rơi xuống, gió không thổi, mùa màng cây cỏ khô héo, nạn đói nổi lên trên địa cầu. Rồi mây sẽ kéo đến từ góc trời như thể sắp mưa, khiến dân chúng vội vã, trước tiên là mang vào nhà mọi thứ thóc lúa, hoa màu mà phụ nữ đã đem phơi nắng vì sợ ướt hết. Sau đó đám đàn ông đem xẻng, thúng... đi đắp đê. Bầu trời như thể có dấu hiệu mưa tới, sấm nổ ầm ầm, chớp lóe sáng lòa xé mây, nhưng rồi cũng như bầy bò trong giấc mơ nọ, không đánh nhau thì mây kia cũng sẽ tan nhanh và mưa chẳng đến. Những việc ấy mà các Bà-la-môn bảo ngài làm, chỉ cốt để sinh lợi cho họ thôi.

Khi bậc Đạo sư đã nói xong giấc mộng này, Ngài bảo:

– Đại vương hãy kể cho Ta nghe giấc mộng thứ hai!

– Bạch Thế Tôn, giấc mộng thứ hai của trẫm như vầy: Hình như có những bụi cây con từ dưới đất trồi lên, khi chúng chỉ mới cao chừng vài tấc thì chúng đã đơm hoa kết trái. Đó là giấc mơ thứ hai và chuyện gì sẽ xảy ra từ đây chăng?

– Này Đại vương, giấc mộng này sẽ thành hiện thực vào thời thế giới này suy đồi và con người yểu mệnh. Trong thời vị lai, dục vọng sẽ rất mãnh liệt, có những bọn con gái rất non trẻ đi đến sống chung với bọn đàn ông và rồi cũng theo lề lối đàn bà, chúng sẽ thụ thai và sinh con cái. Hoa quả kia tượng trưng cho con cái của chúng. Nhưng Đại vương chẳng có gì phải lo sợ cả. Đại vương hãy nói cho Ta nghe giấc mơ thứ ba!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm mơ thấy bầy bò cái bú sữa con mà chúng vừa sanh ra trong một ngày thôi. Đó là giấc mơ thứ ba. Vậy điều gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mơ này, thưa Đại vương, chỉ thành hiện thực trong thời vị lai, khi các người già không còn được kính trọng nữa. Trong thời ấy, người đời không tỏ lòng kính trọng cha mẹ hay nhạc phụ, nhạc mẫu của mình. Chính con cháu sẽ cai quản tài sản gia đình, nếu họ muốn, họ sẽ cho cha mẹ thức ăn, áo mặc, còn nếu không thích thì họ sẽ cất hết các quà biếu ấy lại. Lúc ấy, những người

già sống thiếu thốn và lệ thuộc vào bọn con cháu, tùy theo ân huệ ban bố của con cháu mình, giống như bò cái bú sữa bò con vừa mới sinh một ngày! Nhưng Đại vương chẳng cần phải lo sợ gì cả. Hãy kể cho Ta nghe giấc mơ thứ tư!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy người ta mở dây buộc đàn bò lực lưỡng mạnh bạo ra, rồi đem đàn bò con bắt kéo xe và chúng không đủ sức mang gánh nặng đặt lên đầu chúng nên không chịu đi, chỉ đứng yên, khiến xe cộ không chạy được trên đường sá. Đó là giấc mộng thứ tư của trẫm và việc gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mộng này, thưa Đại vương, cũng chẳng thành hiện thực mãi cho đến ngày vị lai, thời có các vua chúa bất minh. Trong thời vị lai ấy, các vua chúa xan tham, bất chánh, không có lòng tôn kính các bậc trưởng thượng thông thái, am hiểu luật pháp cổ kim, đa mưu túc kế, thành thạo việc đời, nên vua không bổ nhiệm vào pháp đình những vị phán quan thông minh, uyên bác về luật vua phép nước. Chẳng những thế, bọn vua chúa ấy quý trọng những người quá non trẻ ngu si và chỉ định chúng vào những chức chủ tọa tòa án. Đám người này vừa ngu dốt việc triều chính, vừa kém cỏi không thể vận dụng kiến thức và thực hành, nên không đủ sức mang nổi trách nhiệm cao cả của chúng hoặc trị dân trị nước, mà sẽ làm nghiêng ngả giềng mối quốc sự vì thiếu năng lực tài ba. Do đó, những bậc cao niên trưởng thượng thông thái kia, dù đầy đủ tài năng đương đầu với mọi trở lực gian lao, vẫn nhớ rõ là họ đã bị bỏ rơi như thế nào rồi, nên sẽ từ chối giúp sức và bảo: "Đây không phải là việc của chúng ta, chúng ta là người ngoài cuộc, cứ để cho bọn trẻ nội bộ lo liệu." Từ đó, các vị ấy đứng tách rời ra và cảnh suy tàn sẽ vây hãm đám vua chúa kia từ mọi phía. Chuyện ấy cũng giống như dây thắng xe đem buộc vào bầy bò con chưa đủ sức kéo xe nặng nề, chứ không phải buộc vào đàn bò kéo xe lực lưỡng từ xưa, chính bọn chúng đã thừa khả năng đảm đang việc ấy. Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải sợ hãi cả. Hãy kể tiếp giấc mơ thứ năm!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm mơ thấy một con ngựa có cái mồm cả hai bên, thức ăn được bỏ vào cả hai bên, nên nó ăn luôn cả hai mồm cùng một lúc, đó là giấc mơ thứ năm. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mơ này cũng chỉ thành hiện thực trong tương lai, thời kỳ các vua chúa ngu si, bất chánh, bổ nhiệm bọn người tham lam, bất chánh làm phán quan. Bọn người hèn hạ này là một bọn ngu si, khinh chê điều thiện, sẽ nhận tiền của hối lộ từ cả hai bên trong lúc chúng ngồi ghế xét xử; chúng sẽ nhét đầy túi tham với cách những lạm cả hai phía này, chẳng khác nào con ngựa ăn cỏ cả hai mồm cùng một lúc. Tuy thế, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ chuyện đó cả. Hãy kể tiếp giấc mộng thứ sáu!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy người ta cầm một cái bát vàng sáng loáng, đáng giá trăm ngàn đồng tiền, lại đưa ra mời một con chó rừng già nua tiểu tiện vào đấy. Và trẫm thấy con vật kia đã làm như vậy. Đó là giấc mộng thứ sáu. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mộng này cũng chỉ thành hiện thực trong tương lai, khi các vua chúa dù xuất thân từ dòng dõi hoàng tộc, lại không tin dùng các vương tôn công tử quý phái từ xưa, lại đem ban chức tước cho bọn hạ đẳng, khiến những quý tộc phải sa sút nghèo hèn và đám cùng đinh lên ngôi cao trọng. Sau đó, những danh gia vọng tộc bị quẫn bách bần cùng phải cố tìm kế mưu sinh bằng cách nương tựa vào đám người trưởng giả mới lên và đem con gái mình gả cho chúng. Như vậy, mối nhân duyên kết hợp những tiểu thư đài các với đám tục tử hạ lưu có khác gì việc con chó rừng già tiểu tiện vào cái bát vàng kia! Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải lo ngại cả. Hãy kể tiếp giấc mộng thứ bảy đi!

– Bạch Thế Tôn, có một kẻ đan sợi dây thừng, trong khi vừa đan, nó lại vừa thả dây này xuống chân, dưới ghế ngồi khi ấy có một con chó cái rừng đói mồi, nên cứ ăn mãi sợi dây thừng kia mà người ấy chẳng hề biết. Đó là giấc mơ thứ bảy mà trẫm đã thấy. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mộng này cũng không thành hiện thực cho tới thời vị lai, khi ấy, đám nữ nhân đầy tham dục chạy theo bọn đàn ông và rượu nồng, ngọc ngà, trang sức vàng bạc, lê bước khắp nẻo đường, thọ hưởng mọi lạc thú trần gian. Trong lối sống phóng đãng hoang phí kia, chúng cũng say sưa bên men rượu nồng cùng bọn tình nhân; chúng cứ phô trương đủ thứ vòng hoa, sáp thơm thật bóng lộn, chẳng còn quan tâm đến việc tề gia nội trợ dù cấp bách đến đâu đi nữa; chúng chỉ suốt ngày chờ đợi bọn tình nhân, cứ nhìn qua khe hở cao tít ở ngoài vách tường quanh nhà; chúng lại đem hết thóc giống để dành gieo hạt ngày sau ra giã làm bột, cốt để ăn chơi thỏa thích. Bằng mọi cách trên, chúng lấy hết kho thóc lúa do công lao của chồng chúng làm ra trên đồng ruộng; chúng xâu xé tài sản của bọn đàn ông khốn khổ kia, có khác gì con chó rừng đói mồi dưới chân ghế cứ gặm hết đoạn dây thừng trong lúc người ấy đang kết dây lại. Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải sợ hãi cả. Hãy kể giấc mộng thứ tám của Đại vương!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy tại hoàng môn có một bình lớn đầy nước tận miệng, ở giữa một số bình trống không. Rồi từ bốn phương có bốn dòng người gồm cả bốn giai cấp (Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà), liên tục mang nước trong các bình đất đến đổ vào chiếc bình lớn kia, làm nước tràn chảy hết ra ngoài. Tuy vậy, họ vẫn cứ đổ mãi nước vào bình đã tràn ấy mà chẳng có người nào thèm liếc mắt tới những bình trống không cả. Đó là giấc mơ thứ tám của trẫm. Xin cho biết có việc gì xảy ra chăng?

– Giấc mơ này cũng chẳng thành hiện thực cho tới thời vị lai, khi ấy, thế giới sẽ suy tàn, vương quốc trở thành kiệt quệ, vua chúa sẽ nghèo khó và sinh thói xan tham, người giàu nhất trong đám vua chúa cũng không thể có nhiều hơn một trăm ngàn đồng tiền trong kho. Trong lúc túng quẫn, bọn vua chúa này bắt toàn dân ra sức làm việc cho họ; vì thế, để phụng sự vua, dân chúng bỏ hết công việc riêng của mình, đi gieo hạt lúa, đậu, trông coi gặt hái, đập giã và cất vào công khố; để phụng sự vua, dân chúng phải trồng mía làm đường, nấu mật; để phụng sự vua, dân chúng phải trồng vườn hoa, vườn trái cây và thu hoạch

hoa màu. Khi thu hoạch đủ loại sản phẩm, chúng đem chứa đầy vào các kho tích trữ của vua chúa đến tràn lan, mà chẳng buồn gì đến các vựa trống không ở nhà mình. Như vậy, chẳng khác gì đổ tràn các bình đã đầy và chẳng quan tâm những bình trống rỗng. Tuy nhiên, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ việc ấy cả. Hãy kể cho Ta nghe giấc mộng thứ chín!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy một hồ sâu có bờ cao bao quanh mọc đầy năm loại hoa sen. Từ bốn phía hồ, các loài vật hai chân, bốn chân kéo đến từng đàn để uống nước. Chính giữa hồ thì nước sâu lại đục ngầu như quấy bùn nhưng nước lại trong trẻo lấp lánh ở các bờ hồ, nơi đủ loại súc vật bước xuống uống ăn. Đó là giấc mộng thứ chín của trẫm. Chuyện gì sẽ xảy ra từ điềm ấy chăng?

– Giấc mơ này cũng chỉ thành hiện thực ở thời tương lai. Thời ấy, vua chúa trở thành bất công, cai trị theo ý muốn và sở thích riêng của mình, nên không xử án theo công lý. Bọn vua chúa này thèm khát vàng bạc và gia tăng việc nhận hối lộ; họ không tỏ lòng thương xót, yêu mến dân chúng của mình mà lại tàn ác, vơ vét của cải bằng cách chà đạp bọn bề tôi như ép mía và đánh thuế dân đến độ đồng xu chẳng còn dính túi. Vì không thể nào trả nổi sưu thuế đè nặng trên lưng, dân chúng khắp thị thành, làng mạc sẽ bỏ trốn, tìm nơi trú ẩn ở các vùng biên địa của xứ sở nên trung tâm của tổ quốc trở thành chốn hoang vu, trong khi vùng biên địa lại đông đúc dân chúng. Chuyện ấy cũng giống như nước giữa hồ vẩn đục, còn ở bờ hồ lại trong trẻo. Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ việc ấy cả. Hãy kể cho Ta nghe giấc mộng thứ mười!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy cơm sôi trong nồi mà không được trộn cho đều. Vì không được khuấy đều nên nồi gạo giống như được chia ra ba phần rõ rệt theo ba giai đoạn nấu cơm: Phần thì nhão nhoẹt, phần thì sống sượng, phần thì vừa chín thật ngon lành. Đó là giấc mộng thứ mười của trẫm. Việc gì sẽ xảy ra từ điềm ấy chăng?

– Giấc mộng này cũng chẳng thành sự thật cho đến thời vị lai, khi ấy, vua chúa bất công, dân chúng dưới quyền cũng trở thành bất chánh, các Bà-la-môn, gia chủ, thị dân, nông dân cũng thế; đúng vậy, dân chúng đều thành ra bất chánh cả, ngay cả những Bà-la-môn thông thái. Kế đó là các thần linh hộ trì chúng, những thần linh mà chúng thường dâng tế lễ như thần cây cối, thần giữa không gian cũng trở thành bất chánh, ngay cả gió thổi qua quốc độ của các hôn quân này cũng trở thành cuồng phong hỗn loạn, làm rung chuyển các đền đài trên thiên giới, khiến chư thần trên đó phẫn nộ, không cho mưa rơi xuống; hoặc là nếu có mưa đi nữa cũng chẳng rơi đều khắp quốc độ cùng một lúc, cũng chẳng có những cơn mưa dông lớn, tốt lành tưới đều trên các vùng đất cày cấy, gieo hạt để giúp dân chúng đang cơn túng quẫn. Vì thế, trong một quốc gia rộng lớn, trong mỗi thôn làng, hồ, ao, mưa không rơi xuống cùng một lúc trong cùng một phạm vi; nếu mưa ở phần trên thì không mưa ở phần dưới, nơi này mùa màng bị hư hại nặng vì úng thủy, nơi kia lại khô cằn vì hạn hán, nơi khác nữa lại thịnh vượng nhờ những cơn mưa thuận gió hòa đều đặn. Thế là mùa màng

trong cùng một quốc độ như cơm trong một nồi, sẽ không giống nhau. Tuy thế, Đại vương không có gì phải lo sợ vì chuyện đó cả. Hãy kể cho Ta nghe giấc mộng thứ mười một!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy bơ tươi được đem đi đổi lấy gỗ chiên-đàn (trầm hương) quý trị giá cả một trăm ngàn đồng tiền. Đó là giấc mơ thứ mười một. Có điều gì xảy ra từ đó chăng?

– Giấc mộng này cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai, ngày mà giáo pháp của Ta suy tàn. Vào thời đó, nhiều Tỷ-kheo tham lam, vô tàm, vô quý sẽ xuất hiện, chỉ vì miếng cơm, manh áo mà chúng thuyết giảng. Chính giáo pháp Ta đã truyền bá cốt để tận diệt dục tham! Do chúng từ bỏ Giáo hội chỉ vì lợi dưỡng tấm thân và đứng vào hàng ngũ của bọn tà giáo nên chúng không thể giảng Chánh pháp đưa đến Niết-bàn. Không, chúng chỉ suy nghĩ, trong lúc giảng pháp, làm sao dùng đủ lời lẽ hoa mỹ và giọng nói ngọt ngào để dụ dỗ quần chúng đem cho chúng thực phẩm, y phục đắt tiền cùng các thứ đại loại như thế và chỉ chuyên tâm đến lợi dưỡng cúng dường. Có những kẻ ngồi ở đại lộ, góc đường, hoàng môn... cúi mình xuống giảng pháp vì tiền, vì các đồng tiền lớn nhỏ.[89] Và trong khi chúng đem bán rẻ giáo pháp đưa đến Niết-bàn vô giá để đổi lấy thực phẩm, y phục, vàng bạc thì chúng có khác gì kẻ đem đổi gỗ chiên-đàn đáng giá trăm ngàn đồng tiền để lấy thứ bơ tươi kia? Tuy thế, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ chuyện ấy cả. Hãy kể giấc mộng thứ mười hai cho Ta nghe!

– Bạch Thế Tôn, trẫm thấy dây bí, bầu rỗng ruột lại chìm xuống nước. Vậy có điều gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mộng này cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai có vua chúa bất công, thế giới điên đảo. Thời ấy, vua chúa không quý trọng những người dòng dõi quý tộc mà chỉ ưu đãi bọn hạ đẳng, nên bọn này sẽ thành ra những chúa tể quyền cao chức trọng, trong khi những quý tộc phải bị dìm xuống cảnh nghèo khổ. Cũng vậy, ở chốn triều đình, ở cung môn, tại sảnh đường hay tòa án chỉ có lời nói của bọn hạ đẳng mà dây bầu, bí rỗng ruột tượng trưng cho chúng, lại được xác lập vững vàng như thể chìm tận đáy nước. Ngay các hội chúng Tỷ-kheo, trong các cuộc đàm luận lớn nhỏ, trong tứ sự cúng dường: Thực phẩm, y phục, sàng tọa, dược liệu cũng vậy, chỉ ý kiến của kẻ ác dục, suy đồi được xem là có quyền định đoạt chứ không phải ý kiến của các Tỷ-kheo biết thiểu dục tri túc. Chuyện như thế khắp nơi, chẳng khác gì cảnh dây bầu, bí rỗng ruột lại chìm. Tuy vậy, Đại vương không có gì phải lo sợ chuyện đó cả. Hãy kể giấc mộng thứ mười ba cho Ta nghe!

Khi ấy nhà vua nói:

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy những tảng đá lớn bằng ngôi nhà lại nổi bồng bềnh như thuyền bè trên nước. Vậy việc gì sẽ xảy ra chăng?

[89] Xem *Vin.* II. 294.

– Giấc mộng này cũng không thành sự thật cho tới thời vị lai như Ta đã nói trên. Thời ấy, vua chúa bất công, tận dụng đám người hạ đẳng, chúng sẽ trở thành các chúa tể đầy quyền lực trong lúc những người quý tộc sa sút, nghèo khổ. Người ta không còn tôn sùng quý tộc mà chỉ tôn sùng bọn mới giàu sang thôi. Lúc vua lâm triều, trong phòng họp cơ mật hay ở chốn pháp đình, lời nói của các vị quý tộc tinh thông luật pháp, chính các tảng đá lớn tượng trưng cho hạng người này lại trôi dạt bồng bềnh chứ không lắng sâu vào tâm tư mọi người. Khi các vị này cất tiếng thì bọn trưởng giả mới nổi sẽ cười nhạo khinh bỉ, bảo nhau: "Các tên kia đang nói gì thế?" Cũng vậy, trong các hội chúng Tỳ-kheo, giống như đã nói trên đây, người ta không biết kính trọng những bậc tối thắng giữa hàng Sa-môn nên lời nói của các vị này không lắng đọng lại mà chỉ trôi dật dờ đi mất, chẳng khác nào các tảng đá nổi bồng bềnh trên mặt nước. Tuy nhiên, Đại vương không có gì phải sợ hãi chuyện ấy cả. Hãy kể tiếp cho Ta nghe giấc mộng thứ mười bốn!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy những con nhái bén, chẳng lớn hơn những cánh hoa bé tí teo, lại nhanh nhẹn săn bắt những con rắn khổng lồ, cắn xé chúng ra từng khúc như các ngó sen và nhai ngấu nghiến chúng trong chốc lát là xong. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mộng này cũng chẳng thành sự thật cho tới thời vị lai, những việc trước Ta đã nói, thời thế giới suy tàn. Lúc ấy, tham ái của bọn nam nhân nổi lên quá mãnh liệt, dục vọng quá nồng nàn đến độ chúng trở thành lũ nô lệ cho bọn hầu thiếp còn trẻ con; trong nhà từ những kẻ tôi tớ, làm công, trâu bò, heo gà, vàng bạc, cho đến mọi vật khác đều tùy thuộc đám thê thiếp định đoạt. Giả sử người chồng khốn khổ kia hỏi xem tiền bạc, áo quần để ở đâu, liền được đáp rằng: "Nó ở đâu kệ nó, chàng ta phải lo chuyện mình đi, đừng hỏi han gì lôi thôi về việc gì trong nhà vợ chàng ta cả!" Rồi sau đó bằng mọi cách, bọn thê thiếp kia dùng lời lẽ mạ lỵ, khinh chê, châm chọc để đàn áp và đô hộ các người chồng như bầy nô lệ, tôi tớ. Như vậy, chẳng khác gì lũ nhái bén, chẳng lớn hơn cái hoa tí xíu, lại nuốt chửng rắn hổ mang! Tuy nhiên, ngài chẳng có gì phải lo lắng về việc đó cả. Hãy nói cho Ta nghe giấc mộng thứ mười lăm!

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy một con quạ đồng quê, đầy đủ mười ác hạnh, lại được một đoàn tùy tùng gồm toàn chim quý hộ tống, những con chim này màu lông vàng ánh, thường được đặt tên là Kim nga vương giả. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mơ này, thưa Đại vương, cũng không thành tựu cho đến thời vị lai, thời đại các quốc vương suy thoái. Đó là thời xuất hiện những vị vua chẳng hiểu biết gì về võ thuật, voi, ngựa và lại hèn nhát khi ra trận, vì sợ bị truất phế hay tống xuất ra khỏi vương quốc nên chúng đưa những bọn cận vệ, hầu tắm, hớt tóc, đại loại như thế lên nắm quyền, thay vì đưa nhóm người quý tộc lên. Như vậy, những người quý tộc này không được hưởng ơn vua lộc nước nên không đủ sức cấp dưỡng cho mình, đành phải cam chịu hạ mình chầu hầu bọn trưởng giả mới,

giống như chim quạ được đám Kim nga vương giả theo hầu. Tuy thế, Đại vương không có gì phải lo sợ về điều ấy cả. Hãy kể cho Ta nghe giấc mơ thứ mười sáu!

– Xưa nay, chính loài hổ báo săn bắt sơn dương, nhưng hình như trẫm mơ thấy sơn dương săn bắt hổ báo và xé xác ăn rau ráu. Trong lúc vừa thấy bóng bầy dê từ đàng xa, bầy chó sói hoảng hốt chạy trốn và lập tức giấu mình vào bụi rậm. Đó là giấc mơ của trẫm. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mơ này, thưa Đại vương, cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai, thời vua chúa bất minh cai trị. Thời ấy, bọn hạ đẳng được nắm quyền cao chức trọng và được nhiều ân sủng của vua chúa, trong lúc những quý tộc sa vào cảnh bần cùng tối tăm. Vì có được nhiều thế lực trong tòa án do ân sủng của vua ban, bọn mới giàu sang này đòi tước đoạt quyền tư hữu đất đai, y phục và mọi tài sản do tổ tiên để lại của những quý tộc xưa. Khi những người này cố bênh vực cho quyền lợi của họ trước tòa án, liền bị đám hầu cận thân tín của vua lấy gậy gộc đánh đập, nắm cổ quẳng ra ngoài với lời thô bỉ, đại khái là: "Liệu thần hồn đấy, bọn ngu si kia! Sao? Các ngươi muốn tranh giành với chúng tôi ư? Đức vua sẽ biết được sự hỗn láo của các ngươi, rồi chúng tôi sẽ sai chặt tay chân của các ngươi ra và trừng phạt thích đáng cả lũ." Sau đó, những người quý tộc kinh hoàng nhận ra rằng, tài sản của họ nay đã trở thành tài sản của đám người thống trị mới quá khắc nghiệt kia, nên phải yêu cầu bọn mới được ân sủng này nhận lấy tài sản của họ. Rồi họ vội vã về nhà trốn tránh trong nỗi lo âu sợ hãi. Cũng vậy, các ác Tỷ-kheo tha hồ khủng bố, tiêu diệt các Tỷ-kheo hiền thiện, xứng đáng, cho đến khi các người này không thấy còn ai bảo vệ mình nữa, đành phải trốn vào rừng sâu. Như vậy, sự đàn áp hội chúng quý tộc và thiện Tỷ-kheo cũng giống như bầy chó sói bị bầy dê hăm dọa. Tuy nhiên, ngài không có gì phải sợ hãi chuyện ấy cả. Vì giấc mộng này cũng chỉ liên hệ đến thời vị lai mà thôi. Như vậy, không phải vì chân lý hay lòng yêu mến Đại vương khiến cho các Bà-la-môn tiên đoán như cách họ đã nói với Đại vương đâu. Đó chỉ là lòng tham muốn lợi dưỡng, cái tri thức được nuôi dưỡng bởi tham dục làm cho họ thốt ra những lời nói đem mối lợi phần mình mà thôi.

Như vậy, bậc Đạo sư đã thuyết giảng ý nghĩa của mười sáu giấc mộng lớn trên xong, và Ngài nói thêm:

– Này Đại vương, ngài không phải là người đầu tiên nằm mộng như thế; ngày xưa, các vua chúa cũng từng mơ thấy những giấc mộng này và cũng như giờ đây, các Bà-la-môn tìm thấy những cớ đó để dâng lễ tế đàn; vì việc này, theo lời thỉnh cầu của người hiền thiện và có trí, Bồ-tát đã được tham vấn, và các giấc mộng đã được các bậc Hiền trí ngày xưa giải thích giống hệt như cách chúng được giải thích giờ đây.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát thọ sanh làm một

Bà-la-môn ở một quốc độ phương Bắc. Khi ngài đến tuổi trưởng thành, ngài từ giã thế tục, sống đời ẩn sĩ. Ngài đạt được các thắng trí và các thiền chứng, an trú tại vùng Tuyết sơn với thiền lạc thanh tịnh.

Ngày ấy, (cũng như trên) Vua Brahmadatta mơ những giấc mơ này tại thành Ba-la-nại và tham vấn ý kiến các Bà-la-môn liên hệ vấn đề và các Bà-la-môn cũng như hiện nay, khởi sự việc tế đàn. Trong đám ấy, một thanh niên Bà-la-môn có trí, thông thái là đệ tử của vị tế sư của hoàng tộc, thưa với thầy mình:

– Bạch Sư phụ, Sư phụ đã dạy con ba tập Thánh điển Vệ-đà. Vậy không có kinh nào bảo rằng việc giết một sinh vật không đem lại đời sống cho một sinh vật khác sao?

– Này đồ đệ, việc này sẽ đem lại nhiều tiền cho chúng ta, vô số tiền đấy. Hình như con chỉ mong đừng hao tốn công khố của đức vua thôi ư?

Thanh niên Bà-la-môn nói:

– Bạch Sư phụ, vậy xin Sư phụ cứ làm theo ý mình. Còn phần con, con còn ở lại đây với Sư phụ để làm gì kia chứ?

Nói vậy xong, chàng từ giã thầy mình và đi đến ngự viên của hoàng gia.

Cùng ngày đó, Bồ-tát biết hết việc này, ngài nghĩ thầm: "Giả sử hôm nay ta viếng cõi trần, ta sẽ giải thoát cho nhiều sinh vật khỏi cảnh giam cầm ấy ngay." Thế rồi, ngài du hành qua không gian, giáng hạ tại ngự viên kia; ngài an tọa và chiếu sáng như một bức tượng bằng vàng trên thạch bàn dành cho đại lễ. Thanh niên Bà-la-môn đến gần, đảnh lễ ngài và ngồi xuống một bên với vẻ thân hữu. Cuộc đàm đạo êm thắm diễn ra, và Bồ-tát hỏi thanh niên Bà-la-môn có nghĩ là vua này cai trị đúng pháp chăng.

Thanh niên đáp:

– Thưa Tôn giả, đức vua vốn là người chân chính, song các Bà-la-môn đã làm cho ngài thiên về ác hạnh. Khi được vua hỏi ý kiến về mười sáu giấc mộng lớn mà ngài vừa thấy, các Bà-la-môn liền chụp ngay cơ hội đó để đòi tế đàn và bảo hành động tức thì. Vậy thưa Tôn giả, nếu Tôn giả vui lòng đến giải thích cho vua hiểu rõ ý nghĩa thật sự của các giấc mộng ấy và thế là giải cứu được vô số sinh linh khỏi nỗi kinh hoàng vì chết chóc, chẳng phải là một việc thiện lành đó chăng?

– Nhưng này nam tử, ta không biết vua mà vua cũng chẳng biết ta. Tuy vậy, nếu vua muốn đến đây hỏi ta, ta sẽ nói cho vua nghe.

Thanh niên Bà-la-môn đáp:

– Thưa Tôn giả, con sẽ đi rước đức vua đến đây. Chỉ xin Tôn giả vui lòng ngồi đợi đây một lát cho đến khi con trở lại.

Sau khi được Bồ-tát nhận lời, chàng đến bệ kiến vua và tâu:

– Trong ngự viên vừa có một ẩn sĩ phi hành qua không gian và giáng hạ, vị này bảo có thể giải thích các giấc mộng của Đại vương; kính mong Đại vương kể lại các giấc mộng này cho vị ẩn sĩ ấy được chăng?

Khi vua nghe việc này, lập tức cùng đoàn tùy tùng đến ngự viên. Vừa đảnh lễ vị ẩn sĩ, vua ngồi xuống bên ngài và hỏi có thật là ngài hiểu rõ việc gì sẽ xảy ra từ những giấc mộng ấy chăng. Bồ-tát đáp:

– Dĩ nhiên là đúng vậy. Nhưng trước hết hãy kể cho ta nghe những giấc mộng của Đại vương!

– Bạch Tôn giả, trẫm xin sẵn sàng. Vua đáp và bắt đầu kể như sau:

77. Trước bò đực, cây con, Sau bò cái, bê con,
Ngựa, bát vàng, sơn cẩu, Bình nước, hồ sen trong,
Cơm sống, chiên-đàn quý, Bầu, bí lặn xuống dòng,
Đá to thì trôi nổi, Nhái bén, ễnh ương cùng,
Xé tan bầy rắn hổ, Quạ có đám tùy tùng,
Là bầy hoàng nga đẹp, Chó sói sợ dê rừng!

Và kế đó, vua kể các giấc mộng giống như Vua Pasenadi đã kể trên.

Bậc Đại sĩ bảo:

– Thôi đủ rồi, Đại vương không có gì phải sợ hãi về việc này.

Sau khi trấn an nhà vua xong và giải thoát cho đám sinh vật kia khỏi bị giam giữ, Bồ-tát liền trụ trên không, khuyến giáo và an trú vua vào ngũ giới rồi kết luận với những lời này:

– Thưa Đại vương, từ nay về sau, Đại vương đừng cộng tác với các Bà-la-môn trong việc giết súc vật để tế đàn.

Sau khi thuyết giảng xong, Bồ-tát du hành qua không gian để trở lại nơi trú ngụ của ngài. Còn nhà vua, chấp trì lời dạy đã được nghe, chuyên sống đời bố thí, cùng làm nhiều thiện sự công đức khác và khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Đại vương không có gì phải sợ các giấc mộng ấy cả. Vậy hãy hủy bỏ việc tế đàn!

Sau khi bảo vua hủy bỏ việc tế đàn và giải cứu vô số sinh linh, Ngài kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Vào thời ấy, Ānanda là vua, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là thanh niên Bà-la-môn và Ta là vị ẩn sĩ ấy.

§78. CHUYỆN VỊ TRIỆU PHÚ ILLĪSA (*Illīsajātaka*)[90] (*J.* I. 345)

Cả hai què và còm...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một vị triệu phú keo

[90] Bản Tích Lan viết *Illīsajātaka*. Bản CST, Thái Lan viết *Illisajātaka*.

kiệt. Không xa Vương Xá bao nhiêu, có một thị trấn tên là Sakkhara. Tại đó, có một vị triệu phú có tài sản đến tám trăm triệu đồng tiền tên là Maccharikosiya. Ông hà tiện đến nỗi một giọt dầu lấy từ ngọn cỏ kusa cũng không cho ai và cũng không tự mình dùng. Như vậy, tài sản của ông không đem lại lợi ích nào cho vợ con, cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn... Gia sản ấy nằm yên như vậy, không ai thọ hưởng, như hồ nước có quỷ la-sát chiếm cứ.

Một hôm, thức dậy vào sáng sớm, bậc Đạo sư khởi lòng đại bi, quán sát toàn thể thế giới xem ai có khả năng giác ngộ. Ngài thấy sống cách xa Ngài khoảng bốn mươi lăm do-tuần, có hai vợ chồng ấy đủ khả năng chứng quả Dự lưu. Đó là hai vợ chồng nhà triệu phú keo kiệt nói trên.

Ngày hôm trước, đi đến hoàng cung để chầu vua, sau khi trở về, vị triệu phú thấy một người nông dân đói bụng, đang ăn một loại bánh chiên nhồi với bột chua. Ngay lúc ấy, vị triệu phú khởi lên thèm khát, vừa đi về nhà vừa nghĩ: "Nếu ta nói ta muốn ăn bánh chiên nhồi bột chua thì sẽ có nhiều người muốn ăn với ta. Như vậy sẽ tốn cho ta nhiều gạo, bơ chín, đường... Vì vậy, ta sẽ không nói gì với ai hết." Về nhà, ông đi qua đi lại, dằn ép thèm muốn đến nỗi sắc da trở thành vàng, mạch máu nổi lên trên thân. Cuối cùng, không dằn ép được cơn thèm muốn, ông đi vào phòng, nằm co ro trên giường.

Như vậy, vì sợ hao hụt tài sản, ông không nói với ai cả. Vợ ông đến, xoa lưng ông và hỏi:

– Này ông, cái gì làm ông không được thoải mái như vậy?

– Ta không có việc gì cả.

– Hay nhà vua nổi giận với ông?

– Vua không nổi giận với ta.

– Hay con trai, con gái hoặc người nô tỳ làm công có gì khiến ông phật ý chăng?

– Không có gì như vậy cả.

– Hay ông có thèm khát vật gì?

Nghe nói vậy, sợ hao hụt tài sản, ông nằm im lặng. Người vợ nói:

– Này ông, hãy nói đi! Ông thèm khát vật gì?

Ông nuốt nước miếng trả lời:

– Ta có một thèm muốn.

– Thưa ông, ông thèm muốn gì?

– Ta muốn ăn bánh chiên trong chảo.

– Ý muốn ấy có gì đâu mà ông không nói! Ông đâu có nghèo! Nay tôi sẽ làm bánh ngọt chiên trong chảo đủ dọn cho toàn thể dân chúng ở thị trấn Sakkhara.

– Sao lại cho chúng? Chúng cần phải làm để có ăn.

– Vậy tôi sẽ làm đủ dọn cho những người ở cùng một đường.

– Đâu có được.

– Vậy tôi làm bánh ngọt vừa đủ dọn cho tất cả những người ở trong nhà này.

– Sao bà lại hoang phí như vậy?

– Vậy tôi làm bánh ngọt vừa đủ để dọn cho con trai, con gái của ông ăn.

– Sao lại đề cập đến chúng làm gì?

– Vậy tôi làm bánh ngọt đủ để dọn cho ông và tôi ăn.

– Sao bà lại có ở trong đó?

– Vậy tôi làm bánh ngọt vừa đủ cho một mình ông ăn.

– Nói khẽ chứ, tại chỗ này có nhiều người chờ đợi bà nấu ăn. Hãy để dành các hột gạo nguyên, chỉ lấy gạo tấm, cái lò và cái chảo, với một ít sữa, bơ chín, mật, đường cục, đem lên sàn nhà lớn tầng lầu thứ bảy và chiên ở đấy. Tại đấy, ta sẽ ngồi ăn một mình không bị ai quấy rầy.

– Được lắm!

Người vợ vâng lời, đem theo những đồ cần dùng, leo lên trên lầu, bảo các nô tỳ đi chỗ khác, cho mời vị triệu phú lên. Người triệu phú từ dưới leo lên, gài chốt tất cả các cửa, sau cùng đến sàn lớn lầu thứ bảy. Tại đấy, ông đóng cửa lại và ngồi xuống. Người vợ đốt lửa nhen lò, đặt chảo lên và bắt đầu chiên bánh.

Lúc ấy, bậc Đạo sư, vào buổi sáng, bảo Trưởng lão Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên):

– Này Mahāmoggallāna, có người triệu phú hà tiện ở tại thị trấn Sakkhara, không xa Vương Xá bao nhiêu, ông ta muốn ăn bánh chiên trong chảo, nhưng sợ các người khác thấy, nên cho làm bánh trên tầng lầu thứ bảy. Ông hãy đến đó nhiếp phục triệu phú ấy, khiến ông ta từ bỏ tất cả, rồi dùng thần lực của ông đem cả hai vợ chồng và tất cả bánh, sữa, bơ chín, mật và đường cục về Kỳ Viên. Hôm nay, Ta cùng năm trăm Tỷ-kheo sẽ ngồi tại Kỳ Viên và Ta làm cho Tăng chúng sẽ dùng bữa với bánh ấy.

Trưởng lão vâng theo lời bậc Đạo sư, lập tức với thần thông lực đi đến thị trấn ấy. Trưởng lão khéo vận y trong và đắp y ngoài sáng rực như một bức tượng bằng châu báu, đứng giữa hư không, trước cửa sổ căn lầu của triệu phú. Vừa chợt thấy vị Trưởng lão, tim vị đại triệu phú xúc động mạnh vì sợ hãi. Ông suy nghĩ: “Ta đã sợ như vậy nên đến chỗ này, thế mà vị này cũng đến đứng trước cửa sổ.”

Không thể hiểu được những gì ông cần phải hiểu, ông tức giận nói lắp bắp những lời như muối và đường bỏ vào trong lửa:

– Này Sa-môn, đứng giữa hư không như vậy, ông đâu có được gì? Dầu ông kinh hành cho đến khi vạch được một con đường giữa hư không, ông cũng không được gì.

Trưởng lão bèn đi kinh hành qua lại giữa hư không. Vị triệu phú nói:

– Đi kinh hành như vậy, ông đâu có được gì? Dầu ngồi kiết-già giữa hư không, ông cũng sẽ không được gì.

Trưởng lão liền ngồi kiết-già giữa hư không. Triệu phú nói:

– Ngồi vậy, ông đâu có được gì? Dầu ông có thể đến đứng ở bậc cửa, ông cũng không được gì.

Trưởng lão đến đứng trên bậc cửa. Vị triệu phú nói:

– Dầu ông phun khói, ông cũng sẽ không được gì.

Trưởng lão phun ra cho đến khi cả lâu đài tràn đầy khói. Mắt vị triệu phú bắt đầu cay, đau như bị kim châm. Vì sợ nhà có thể bị cháy, ông không dám nói: "Dầu có đốt lửa, ông cũng sẽ không được gì."

Ông suy nghĩ: "Sa-môn này thật là gan lì. Không được gì cũng không đi. Ta phải bảo cho ông ta một cái bánh mà thôi."

Vì thế, ông liền nói với vợ:

– Này bà, hãy chiên một cái bánh nhỏ xíu cho Sa-môn ấy, rồi tống ông ta đi!

Người vợ lấy một ít bột, bỏ vào miệng chảo. Bột ấy phồng to lên trở thành cái bánh thật lớn, đầy cả miệng chảo. Vị triệu phú thấy vậy, nghĩ rằng vì vợ mình lấy nhiều bột nên nó thành như vậy. Ông tự mình lấy một ít bột trên đầu cái muỗng và thả vào trong chảo. Miếng bột nhỏ trở thành cái bánh to lớn hơn bánh trước. Như vậy, ông càng chiên bột bao nhiêu, bánh trở thành to bấy nhiêu. Vị triệu phú nản chí nói với vợ:

– Này bà, hãy cho người này một cái bánh!

Khi bà lấy một cái bánh từ giỏ, tất cả bánh đều dính chùm với nhau. Người vợ nói với chồng:

– Này ông, tất cả bánh dính liền với nhau và tôi không thể tách rời chúng ra được.

– Để tôi tách rời bánh cho.

Nhưng vị triệu phú cũng không tách rời bánh được. Cả hai người cầm cả đống bánh, kéo bánh ra nhưng không thể tách rời được. Trong khi cố gắng kéo bánh, mồ hôi từ thân đổ ra và cơn thèm khát của ông chấm dứt. Ông liền nói với vợ:

– Này bà, ta nay không còn cần bánh nữa! Hãy cho Tỷ-kheo này tất cả bánh trong giỏ!

Người vợ lấy cái giỏ đi đến Trưởng lão. Trưởng lão thuyết pháp cho cả hai người và nói lên công đức tối cao của Ba ngôi báu. Rồi dạy rằng bố thí sẽ có kết quả, vị ấy nêu rõ kết quả của bố thí và các thiện sự khác sáng ngời như mặt trăng trên bầu trời. Nghe Trưởng lão nói, vị triệu phú khởi tâm tịnh tín và nói:

– Thưa Tôn giả, hãy đến đây. Hãy ngồi trên giường này và ăn bánh!

Trưởng lão nói:

– Này đại triệu phú, bậc Chánh Đẳng Giác muốn ăn bánh; Ngài đang ngồi tại tinh xá với năm trăm Tỷ-kheo. Nếu hai vị hoan hỷ, ông bà hãy đem bánh, sữa... và chúng ta cùng đi đến cúng dường bậc Đạo sư.

– Thưa Tôn giả, bậc Đạo sư nay ở tại đâu?

– Này đại triệu phú, từ đây đến tinh xá Kỳ Viên khoảng bốn mươi lăm do-tuần.

– Làm sao chúng ta đi hết khoảng đường ấy mà không mất nhiều thì giờ?

– Này đại triệu phú, nếu ông hoan hỷ, ta sẽ đưa ông bà đến đó với thần thông lực của ta! Đầu thang lâu đài của ông sẽ ở tại chỗ này, còn chân thang lầu sẽ đến tại cửa tinh xá Kỳ Viên. Với cách này, ta sẽ đưa ông bà đến tinh xá Kỳ Viên bằng thời gian đi từ đầu thang xuống chân thang lầu.

Vị triệu phú bằng lòng chấp thuận. Vị Trưởng lão giữ đầu thang lầu ở tại chỗ đó và bảo:

– Chân thang lầu hãy đến tại cổng chính Kỳ Viên!

Sự kiện xảy ra đúng như vậy! Rồi Trưởng lão đưa vị triệu phú và bà vợ bước từ đầu thang lầu đến chân thang lầu rất nhanh vào Kỳ Viên.

Cả hai vợ chồng đi đến yết kiến bậc Đạo sư và báo giờ cúng dường. Bậc Đạo sư đi vào phòng ăn, ngồi trên Phật tòa đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Đại triệu phú đổ nước cúng dường trên tay đức Phật và Tăng chúng, trong khi bà vợ đặt bánh trong bình bát của đức Phật. Bậc Đạo sư lấy bánh vừa đủ ăn và năm trăm Tỷ-kheo cũng lấy tương tợ như vậy.

Rồi vị triệu phú đi quanh cúng dường sữa, bơ chín, mật, đường cục. Bậc Đạo sư cùng với năm trăm Tỷ-kheo dùng xong, cuối cùng đại triệu phú cùng với vợ ăn cho đến thỏa thích, tuy vậy, bánh cũng không hết. Cho đến khi tất cả Tỷ-kheo và các người ăn mót đồ thừa khắp Kỳ Viên đã có đủ phần của mình, bánh cũng không thấy hết. Họ báo lên Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, bánh vẫn không hết.

– Vậy hãy quăng bỏ bánh tại một bên cổng lớn của Kỳ Viên.

Họ đem quăng bánh xuống một cái hang không xa cổng lớn. Nay chỗ ấy được biết với tên là “Hang chứa bánh chiên trong chảo.”

Vị đại triệu phú và vợ đi đến Thế Tôn rồi đứng một bên. Ngài nói lên lời tùy hỷ; cuối lời tùy hỷ, cả hai vợ chồng đều chứng được quả Dự lưu. Rồi họ đảnh lễ bậc Đạo sư, leo lên thang lầu ở cổng lớn và đi về lâu đài của mình. Từ đấy về sau, vị đại triệu phú cúng dường cho giáo pháp đức Phật đến tám trăm triệu đồng tiền.

Ngày sau, bậc Chánh Đẳng Giác đi khất thực ở Xá-vệ, đi đến Kỳ Viên, nói lời khuyến giáo của bậc Thiện Thệ cho các Tỷ-kheo xong, Ngài đi vào hương phòng tĩnh tọa. Vào buổi chiều, các Tỷ-kheo tụ họp tại pháp đường, rồi nói lên lời tán thán công đức của Trưởng lão Mahāmoggallāna:

– Này các Hiền giả, hãy xem uy lực của Trưởng lão Mahāmoggallāna! Trưởng lão nhiếp phục vị triệu phú hà tiện trong giây lát, khiến ông ta từ bỏ tất cả, đem theo các thứ bánh; đưa ông bà đến Kỳ Viên, trước mặt bậc Đạo sư và an trú họ vào quả Dự lưu. Ôi, Trưởng lão thật có đại uy lực!

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, các ông đang ngồi bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo muốn nhiếp phục một gia đình, không nên làm hại và áp bức gia đình ấy. Giống như con ong, chỉ đến lấy nhụy hoa, không làm hại hoa. Cũng vậy, vị Tỳ-kheo đi đến gia đình ấy để nói lên các công đức tối thắng của đức Phật.

Rồi bậc Đạo sư tán thán Trưởng lão:

Như ong đến với hoa, Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy. Cũng vậy, vị Sa-môn,
Bậc Thánh đi vào làng, Không được áp bức ai.[91]

Sau khi nói lên câu kệ trong *Kinh Pháp cú*, bậc Đạo sư nêu công đức vị Trưởng lão:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay vị triệu phú hà tiện được Mahāmoggallāna nhiếp phục. Thuở trước, Trưởng lão cũng đã nhiếp phục vị triệu phú và dạy ông ta biết sự liên hệ giữa hành động và kết quả.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, tại thành này có người triệu phú tên là Illīsa, giàu đến tám trăm triệu đồng tiền và có đủ mọi tật xấu của con người. Ông què, còm lưng và lé mắt. Ông là người không có lòng tin, hà tiện không bao giờ cho ai, không tự mình hưởng thụ; nhà ông giống như cái hồ bị quỷ la-sát chiếm cứ. Tuy vậy, trải qua bảy đời trước, các tổ tiên của ông là những người bố thí, những thí chủ rất hào phóng. Khi được địa vị triệu phú, ông phá hoại truyền thống của gia đình, đốt cháy trường bố thí, đánh đuổi kẻ ăn xin và tích lũy tài sản.

Một hôm đi chầu vua, khi trở về nhà mình, vị triệu phú thấy một người nông dân đi đường mệt mỏi, tay cầm một bình rượu ngồi trên ghế, rót đầy cốc rượu chua, nhắm rượu với một miếng cá khô hôi thối. Thấy vậy, ông khởi lên lòng ham muốn uống rượu nhưng lại nghĩ: "Nếu ta uống rượu, nhiều người sẽ muốn uống với ta. Như vậy, tài sản ta sẽ hao mòn." Vì thế, ông chế ngự cơn thèm khát, đi qua đi lại, nhưng trong khi đi, không thể trấn áp cơn thèm khát, da ông trở thành vàng như bông lúa và các mạch máu nổi lên trên tấm thân ốm

[91] Xem *Dh*. v. 49.

yếu của ông. Cuối cùng, ông vào phòng, nằm co ro trên giường. Vợ ông đến, xoa lưng ông và hỏi:

– Này ông, cái gì làm ông không được thoải mái vậy? (Chi tiết đều giống như chuyện đã nói ở trên).

– Vậy tôi nấu rượu vừa đủ cho một mình ông uống.

Khi nghe nói vậy, người triệu phú nói:

– Tại nhà này, nhiều người đang chờ đợi nấu rượu. Còn đem rượu từ quán về và ngồi uống tại đây thì không thể được.

Người triệu phú cho một đồng, bảo một người nô lệ đem một ghè rượu từ quán về và bảo anh ta mang ghè rượu ấy đi theo ra khỏi thành phố, đến bờ sông, đi vào một lùm cây gần con đường lớn, cho đặt ghè rượu xuống, rồi bảo người nô lệ đi ra ngồi ở đàng xa. Ông rót rượu ra chén rồi bắt đầu uống.

Người cha đời trước của ông do làm các công đức như bố thí... đã được sanh làm Thiên chủ Đế-thích. Ngay trong lúc ấy, người cha muốn biết sự bố thí của mình có được tiếp tục hay không, và được biết, đứa con trai không tiếp tục sự nghiệp của mình đã chấm dứt truyền thống gia đình, đã đốt trường bố thí, đánh đuổi các người ăn xin, tánh tình hà tiện, nay sợ phải có người khác uống rượu đã lén đi vào lùm cây để uống một mình. Thấy vậy, Đế-thích quyết định: "Ta sẽ làm cho nó xúc động, ta sẽ giáo hóa nó, giúp nó biết sự liên hệ giữa hành động và kết quả, làm cho nó biết bố thí, khiến nó trở thành nhân từ, xứng đáng được sanh ở cõi đời."

Thế rồi, Thiên chủ xuống cõi nhân thế, hóa hiện thành triệu phú Illīsa, cũng què chân, cũng còm lưng, cũng lé mắt không khác gì Illīsa. Với hình thù như vậy, vị ấy đi vào thành Vương Xá, đứng trước cửa hoàng cung, tự tin báo cho vua biết mình tới. Khi được mời vào, vị ấy vào đảnh lễ vua và đứng hầu bên cạnh. Vua hỏi:

– Việc gì đưa đại triệu phú đến đây quá sớm như vậy?

– Thưa Thiên tử, tôi đến đây để thưa rằng, trong nhà tôi có tài sản đến tám trăm triệu đồng tiền. Xin Thiên tử hãy truyền mang về đổ đầy ngân khố của mình!

– Thôi vừa rồi, đại triệu phú! Trong cung của ta có nhiều tài sản hơn tài sản của ông!

– Thưa Thiên tử, nếu ngài không làm, tôi sẽ lấy tài sản ấy bố thí theo sở thích của tôi.

– Hãy bố thí, này triệu phú!

– Thưa vâng, Thiên tử.

Sau khi đảnh lễ vua, đi ra, Đế-thích (tức người cha) hóa dạng đi về nhà triệu phú Illīsa. Tất cả người hầu cận tùy tùng đến vây quanh. Không một ai có thể biết được đây không phải là Illīsa. Đế-thích vào nhà đứng ở ngưỡng cửa, cho gọi người gác cửa và nói:

– Nếu có một ai giống như ta đến đây, tự xưng là chủ nhà này, hãy lấy gậy đuổi nó đi!

Nói xong, Đế-thích bước lên lầu, ngồi trên bảo tòa hết sức lộng lẫy và cho gọi vợ triệu phú vào. Với một nụ cười, ông nói:

– Này bà, chúng ta sẽ bố thí.

Nghe nói như vậy, vợ triệu phú, con trai, con gái, các người nô tỳ làm công đều suy nghĩ: "Đã lâu lắm rồi, tâm chủ ta không nghĩ đến bố thí. Nay chắc là sau khi uống rượu, choáng váng say ông mới sanh ra ý muốn bố thí."

Vì vậy, bà vợ triệu phú nói:

– Thưa ông, hãy bố thí theo sở thích.

– Vậy hãy cho gọi người đánh trống đến, bảo nó đi đánh trống khắp cả thành phố và rao lên: "Những ai cần vàng, bạc, châu báu, ngọc ngà, v.v... hãy đi đến nhà triệu phú Illīsa!"

Bà vợ làm theo như lời dặn. Một đám đông người đem theo giỏ và bao... tụ tập tại cửa nhà vị triệu phú. Đế-thích cho mở toang các phòng đựng châu báu và nói:

– Ta sẽ cho các ngươi. Hãy đến đây lấy như ý các ngươi muốn rồi ra đi!

Quần chúng đem tài sản ra, chất thành đống giữa sàn nhà, đựng đầy các giỏ, các chậu mà họ mang đến và đem chúng đi. Một người nông dân khác, cột những con bò của Illīsa vào cỗ xe của vị triệu phú, chất đầy xe với bảy món báu, ra khỏi thành. Trong khi đi trên con đường lớn, anh ta đánh xe đến gần lùm cây và tán thán triệu phú Illīsa như sau:

– Mong rằng chủ của tôi, triệu phú Illīsa sống đến một trăm tuổi! Nhờ Illīsa, nay ta không cần làm việc, có thể sống cho đến trọn đời. Xe này của Illīsa, con bò này của Illīsa, nhà này của Illīsa. Bảy món báu không phải mẹ ta cho, không phải cha ta cho, chính do Illīsa, chủ của ta cho.

Anh ta vừa đi vừa tán thán công đức của vị triệu phú. Người triệu phú (thật) nghe vậy hoảng hốt, sợ hãi, nghĩ: "Sao người này nói đi nói lại tên ta trong lời nói của nó? Hay vua đã đem tài sản của ta cho quần chúng rồi?"

Ông liền nhảy ra khỏi lùm cây, nhận ra chiếc xe và con bò của mình, bèn nắm dây mũi con bò dắt đi và nói:

– Ôi, kẻ nô lệ kia, đây là con bò của ta, đây là cỗ xe của ta!

Người nông dân xuống xe nói:

– Ôi, đồ khốn nạn ác độc! Triệu phú Illīsa bố thí cho toàn thành phố. Ngươi là ai vậy?

Người nông dân xông tới đánh Illīsa ngã như chớp nhoáng rồi lấy xe đi. Người triệu phú đứng dậy, tức giận run lên, phủi bụi, chạy theo thật mau, nắm lấy chiếc xe. Người nông dân lại xuống xe, nắm lấy tóc, bẻ quặp ông ta xuống, lấy cùi chỏ đánh ông, nắm cổ quăng ông về hướng con đường ông đã đi tới rồi

bỏ đi. Khi tỉnh rượu vì trận đòn thô bạo ấy, vị triệu phú run lên vì tức giận, đi mau về tới cửa nhà, thấy người ta hì hục mang tài sản đi, ông nói:

– Ôi! Sao lạ vậy. Phải chăng vua cho người ăn cướp tài sản của ta?

Ông đi đến nắm lấy người này, người kia, những ai bị ông nắm liền đánh ông ngã gục dưới chân. Bị đau đớn ê chề, ông đi vào nhà ẩn tránh. Người gác cửa thấy ông, liền kêu:

– Ôi! Đồ gia chủ giả, mi đi vào đâu đó?

Trước hết, người ấy lấy gậy tre đánh ông, rồi nắm cổ lôi ông ra ngoài cửa. Người triệu phú nghĩ: "Nay ngoài vua ra, không có một ai làm chỗ nương tựa cho ta được." Ông đi đến cung vua và thưa:

– Thưa Thiên tử, có phải ngài chiếm đoạt nhà của tôi chăng?

– Này triệu phú, ta không chiếm đoạt! Có phải ông đã đến đây và nói: "Nếu ngài không lấy thì tôi sẽ đem bố thí tài sản của tôi?" Có phải ông đã cho đánh trống khắp cả thành, rao rằng ông sẽ bố thí?

– Thưa Thiên tử, không phải tôi đến đây gặp ngài vì việc ấy. Ngài không biết tính hà tiện của tôi sao? Tôi không cho ai cả, dù chỉ một giọt dầu lấy từ đầu ngọn cỏ. Ai đã bố thí tài sản tôi, xin hãy cho gọi nó đến và xét hỏi nó, thưa Thiên tử.

Vua cho gọi Đế-thích đến, sự sai biệt giữa hai người này, cả vua và các đại thần đều không thể biết. Vị triệu phú hà tiện nói:

– Thưa Thiên tử, người này đâu phải triệu phú. Tôi mới là triệu phú.

– Chúng tôi không biết được ai là triệu phú thật! Ai có thể biết được họ chăng?

– Thưa Thiên tử, vợ tôi.

Vua cho gọi bà vợ đến và hỏi:

– Người nào là chồng bà?

Bà vợ nói:

– Người này.

Và bà đứng lại gần Đế-thích. Vua cho gọi các người con trai, con gái, các nô tỳ, các người làm công và hỏi. Tất cả đều đứng gần Đế-thích. Rồi vị triệu phú suy nghĩ: "Trên đầu ta có một nốt ruồi được tóc che kín, chỉ có người thợ hớt tóc mới biết. Ta sẽ cho gọi nó đến."

Ông nói:

– Thưa Thiên tử, người thợ hớt tóc nhận biết tôi. Hãy cho gọi nó đến!

Thời ấy, Bồ-tát là người thợ hớt tóc của ông. Vua cho gọi Bồ-tát đến và hỏi:

– Ngươi có biết triệu phú Illīsa không?

– Thưa Thiên tử, nhìn vào đầu, tôi sẽ nhận ra.

– Vậy hãy nhìn lên đầu hai vị triệu phú!

Trong giờ phút ấy, Đế-thích làm cho một nốt ruồi nổi lên trên đầu mình. Bồ-tát nhìn lên đầu hai vị, thấy hai cái nốt ruồi, liền thưa:

– Tâu Đại vương, cả hai vị đều có nốt ruồi. Tôi không thể nhận biết giữa hai người này ai thật sự là Illīsa.

Sau đó, Bồ-tát đọc bài kệ:

78. Cả hai què và còm, Cả hai đều lé mắt,
Cả hai có nốt ruồi, Ta không biết hai người,
Ai là Illīsa.

Nghe Bồ-tát nói như vậy, vị triệu phú run lập cập, vì ưu sầu mất tài sản, ông không thể chịu đựng được, liền ngã xuống bất tỉnh. Lúc bấy giờ, Đế-thích mới nói:

– Thưa Đại vương, ta không phải là Illīsa, ta là Đế-thích.

Rồi ngài bay lên, đứng trên hư không với tất cả uy lực siêu phàm. Người ta lau mặt cho Illīsa và rưới nước lên người ông. Illīsa hồi tỉnh đứng dậy, đảnh lễ Thiên chủ và đứng một bên. Đế-thích nói:

– Này Illīsa, tài sản này là của ta, không phải của ngươi. Ta là cha ngươi. Ngươi là con ta. Trọn đời ta nhờ làm các công đức như bố thí, v.v... nên được sanh làm Đế-thích. Ngươi đã cắt đứt truyền thống của ta, không bố thí, không giữ giới, an trú trên xan tham, đốt cháy trường bố thí, đánh đuổi những người ăn xin, lo tích lũy tài sản. Ngươi không hưởng thụ tài sản ấy. Người khác cũng không được hưởng. Tài sản ngươi đứng như cái hồ bị quỷ la-sát chiếm cứ ở đó, không ai có thể uống cho đã khát. Ngươi nên làm lại trường bố thí của ta như cũ, bố thí như vậy là tốt! Nếu ngươi không làm vậy, ta sẽ làm biến mất tất cả tài sản của ngươi, đập nát đầu ngươi với chùy kim cương của Indra và chấm dứt mạng sống của ngươi.

Triệu phú Illīsa hoảng hốt vì sợ bị chết, liền xin hứa:

– Bắt đầu từ nay con sẽ bố thí.

Đế-thích nhận lời hứa, ngồi trên hư không thuyết pháp, an trú ông trong giới hạnh và đi về trú xứ của mình. Còn Illīsa, sau đó chuyên tâm làm các công đức như bố thí, v.v... và được sanh lên thiên giới.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Mahāmoggallāna mới nhiếp phục vị triệu phú hà tiện mà thuở trước cũng đã nhiếp phục kẻ ấy rồi.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại, Ngài kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Illīsa là triệu phú hà tiện, Thiên chủ Đế-thích là Mahāmoggallāna, vua là Ānanda và người hớt tóc là Ta vậy.

§79. CHUYỆN TIẾNG TRỐNG ỒN ÀO (*Kharassarajātaka*) (*J.* I. 354)

Ăn cướp, giết bò xong...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một vị đại thần. Nghe nói, một đại thần của vua nước Kosala được vua tin dùng, sau khi thâu thuế cho vua ở một làng biên địa, đã đồng lõa với các tên cướp:

– Ta sẽ đưa các người dân làng vào rừng. Sau khi đánh cướp làng, các ngươi hãy chia cho ta một nửa.

Nói vậy xong, vào tảng sáng, vị ấy tụ họp các người dân làng ấy lại, dẫn họ đi vào rừng. Rồi các tên cướp đến ngôi làng không được bảo vệ ấy, giết trâu bò ăn thịt, cướp bóc làng và bỏ đi. Đến chiều, vị ấy về làng với đám tùy tùng. Không bao lâu, việc làm của vị ấy bị bại lộ và được trình báo với vua. Vua cho gọi vị ấy đến, xác nhận tội của vị ấy, xử phạt vị ấy đúng theo luật nước, sau đó cử một người khác lên thay. Rồi vua đi đến Kỳ Viên báo cáo với Thế Tôn sự việc ấy. Thế Tôn nói:

– Thưa Đại vương, không phải chỉ nay đạo đức vị ấy mới vậy. Trước kia, vị ấy đã như vậy rồi.

Nói vậy xong, Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vua cử một ông quan làm trưởng một ngôi làng ở biên địa. (Sự việc xảy ra như câu chuyện trước). Khi ấy, Bồ-tát là một thương nhân đang đi qua lại tại vùng biên địa và sống trong ngôi làng ấy. Khi người thôn trưởng ấy trở về với một số tùy tùng đông đảo, vừa đi về vừa đánh trống. Bồ-tát nói:

– Người thôn trưởng ác độc này đã đồng lõa với bọn cướp để cướp làng, đợi đến khi bọn cướp đã chạy trốn trong rừng, nó lại trở về làng, vừa đi vừa đánh trống.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

79. Ăn cướp, giết bò xong, Nhà đốt, người bị bắt,
Nó về với tiếng trống, Tiếng trống vang khó chịu.

Như vậy, Bồ-tát đọc bài kệ này chỉ trích người thôn trưởng. Không bao lâu, việc làm của kẻ ấy bị bại lộ. Và nhà vua phạt kẻ ấy theo luật nước.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Thưa Đại vương, không phải chỉ nay đạo đức của kẻ ấy như vậy. Thuở trước, đạo đức của kẻ ấy cũng như vậy rồi.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài kết hợp các câu chuyện và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vị đại thần là vị đại thần hiện nay và người Hiền trí đọc bài kệ là Ta vậy.

§80. CHUYỆN NGƯỜI THỢ DỆT BHĪMASENA

(***Bhīmasenajātaka***) (*J.* I. 355)

Trước ngươi nói khoác lác...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo nói khoác lác. Tương truyền, có Tỷ-kheo thường tụ họp một số Tỷ-kheo lại và nói như sau:

– Này các Hiền giả, không có một thiện sanh nào bằng thiện sanh chúng tôi. Không có một dòng họ nào bằng dòng họ chúng tôi. Tôi được sanh trong đại gia đình vương tộc như vậy. Không có ai sánh bằng chúng tôi theo dòng họ tổ tiên. Không làm sao kể cho cùng tận vàng, bạc, v.v... của chúng tôi. Các nô tỳ và người làm công của chúng tôi chỉ ăn cơm gạo thơm và thịt, chúng mặc áo bằng vải Kāsi, chúng bôi son phấn Kāsi. Riêng tôi, vì là người xuất gia nên phải ăn những món ăn hèn mạt như vậy, phải mặc những thứ vải thô xấu như vậy.

Kẻ ấy thường đại ngôn như vậy giữa các Tỷ-kheo trưởng lão, trung niên, tân học, khoác lác lừa dối mọi người về thọ sanh, v.v... Nhưng một Tỷ-kheo khác, sau khi điều tra gia cảnh của Tỷ-kheo ấy, nói cho các Tỷ-kheo về sự đại ngôn của kẻ ấy. Các Tỷ-kheo hội họp trong pháp đường nói về việc đại ngôn của Tỷ-kheo ấy như sau:

– Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo này, sau khi xuất gia trong giáo pháp đưa đến giải thoát, đã nói lời khoác lác và lừa dối.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp ở đây bàn về vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề nêu trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo ấy nói lời khoác lác mà thuở trước cũng đã nói lời khoác lác và lừa dối rồi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở phương Bắc tại một làng của thị trấn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát học ba tập Vệ-đà và mười tám nghề với một giáo sư trứ danh ở Takkasilā. Sau khi đạt được sự thuần thục trong tất cả học thuật, Bồ-tát được gọi là nhà Culladhanuggahapaṇḍita (Hiền trí Tiểu Xạ Thủ).

Rời bỏ Takkasilā, Bồ-tát đi đến nước Andha để tìm kinh nghiệm hành nghề trong tất cả mọi thời. Trong tiền thân này, Bồ-tát là một người lùn, nhỏ bé và hơi còm. Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu ta đi đến một nhà vua nào, vua ấy sẽ nói: ‘Với một thân hình lùn như ngươi, chúng ta sẽ làm gì?’ Vậy ta hãy tìm một người đàn

ông đẹp trai, cao và to lớn làm cái gốc, núp sau lưng của nó, để nuôi sống ta." Nghĩ rồi, Bồ-tát đi tìm một người như vậy. Đi đến khu thợ dệt, thấy một người thợ dệt to lớn tên là Bhīmasena (lãnh tụ đạo quân khủng khiếp). Sau khi thân mật chào đón, Bồ-tát hỏi kẻ ấy:

– Này bạn, bạn tên gì?

– Tôi tên là Bhīmasena.

– Sao anh đẹp trai, đầy đủ sanh y, lại làm nghề hèn hạ này?

– Vì không có nghề nào khác có thể kiếm sống.

– Này bạn, chớ làm nghề này nữa, không có người nào bắn cung giỏi như ta trong khắp xứ Diêm-phù-đề. Nếu bạn cùng ta đi đến nhà vua nào, khi vua ấy lắc đầu nói với ta: "Một người lùn như vậy, chúng tôi sẽ làm gì được?" thì bạn hãy nói: "Tôi biết bắn cung." Nhà vua sẽ trả tiền lương cho bạn và luôn luôn dùng bạn trong nghề của bạn. Ta sẽ làm việc thế chỗ bạn và ta sẽ sống núp bóng sau lưng của bạn.

Người thợ dệt chấp thuận. Rồi Bồ-tát đưa kẻ ấy đi Ba-la-nại, tự mình xử sự như người nhỏ bé hầu cung, đặt kẻ ấy đi trước và khi đến cửa hoàng cung, họ báo tin cho vua biết. Khi được mời đi yết kiến vua, cả hai đều vào đảnh lễ vua và đứng thẳng. Vua hỏi:

– Lý do gì các ngươi đến đây?

Bhīmasena trả lời:

– Tôi là người bắn cung tài giỏi. Toàn cõi Diêm-phù-đề, không có người nào bắn cung như tôi.

– Để làm việc cho ta, ngươi lấy bao nhiêu?

– Thưa Thiên tử, nửa tháng tôi sẽ lấy một ngàn.

– Còn người này đi với ngươi là ai vậy?

– Thưa Thiên tử, đó là đứa bé hầu cung.

– Tốt lắm, hãy bắt đầu phục vụ ta!

Từ đó trở đi, Bhīmasena và Bồ-tát phục vụ nhà vua, nhưng bao giờ mọi công việc khởi lên đều do Bồ-tát làm cả. Lúc bấy giờ, trong nước Kāsi, tại một khu rừng, có một con cọp chặn đường nhiều người qua lại và bắt họ ăn thịt. Dân chúng báo cho vua biết tin ấy. Vua cho gọi Bhīmasena và nói:

– Này khanh, khanh có thể bắt cọp được không?

– Thưa Thiên tử, tôi được gọi là người bắn cung, sao tôi không thể bắt cọp được?

Vua trả tiền công cho kẻ ấy và tiễn kẻ ấy đi. Anh ta về nhà nói cho Bồ-tát biết. Bồ-tát nói:

– Tốt lắm, bạn hãy đi.

– Nhưng bạn không đi sao?

– Phải, tôi sẽ không đi. Nhưng tôi sẽ nói cho bạn một phương kế.

– Hãy nói lên bạn.

– Một mình bạn, bạn chớ đi gấp đến chỗ ở của cọp. Hãy tụ họp các thôn dân lại, đem theo một ngàn hay hai ngàn cây cung và đi đến đấy. Khi biết con cọp đã dậy, bạn liền đi trốn, chui vào một lùm cây, nằm sát xuống. Các thôn dân sẽ bắn con cọp cho đến chết. Khi con cọp đã chết, bạn sẽ lấy răng cắn đứt một dây leo, nắm lấy đầu dây leo ấy, bạn đi đến gần con cọp chết và nói: "Này các ngươi, ai đã giết con cọp này? Ta định cột con cọp này với dây leo như một con bò và dắt nó về cho nhà vua. Vì cần có dây leo, ta đã đi vào lùm cây. Trước khi ta đem được dây leo về, ai đã giết con cọp? Hãy nói lên!" Các thôn dân sẽ hoảng hốt, run sợ và hối lộ bạn nhiều tiền để yêu cầu bạn đừng báo cho vua biết. Người ta sẽ tưởng con cọp do bạn giết được và bạn sẽ được nhà vua cho nhiều tiền.

Kẻ ấy chấp thuận, ra đi sắp đặt việc giết con cọp đúng theo phương thức Bồ-tát dặn, làm cho khu rừng được yên ổn, rồi trở về Ba-la-nại với đại chúng vây quanh, đi đến gặp vua và thưa:

– Thưa Thiên tử, tôi đã giết được con cọp, đã làm cho khu rừng được yên ổn.

Nhà vua rất bằng lòng, cho kẻ ấy rất nhiều tiền.

Lại một hôm, người ta báo cho vua biết có một con trâu chặn đường phá hại. Ngay tức khắc, vua cho gọi Bhīmasena. Làm theo cách thức của Bồ-tát, kẻ ấy giết được con trâu như đã giết con cọp và đi trở về. Vua lại cho kẻ ấy nhiều tiền. Anh ta trở thành có quyền hành lớn. Say mê quyền thế, anh ta khinh thường Bồ-tát, không chấp thuận ý kiến của Bồ-tát nữa. Anh ta nói:

– Ta sống đâu có cần ngươi. Ngươi tưởng ngươi là kẻ nào vậy?

Anh ta nói nhiều lời ác độc thô lỗ như vậy. Sau một vài ngày, một vị vua thù địch đi đến, bao vây Ba-la-nại và đưa tối hậu thư cho vua: Hoặc là giao thành, hoặc là đánh. Vua sai Bhīmasena ra giao chiến.

Kẻ ấy mặc đồ lính trận, mang áo giáp đầy mình, ngồi trên lưng con voi cũng khéo mang áo giáp. Bồ-tát sợ Bhīmasena bị giết, cũng nai nịt áo giáp đầy đủ ngồi nép mình sau lưng Bhīmasena. Con voi với đại chúng vây quanh, đi ra khỏi cửa thành, đến đầu bãi chiến trường. Bhīmasena nghe tiếng trống trận, bắt đầu run sợ. Bồ-tát nói:

– Nay nếu bạn rơi từ trên lưng con voi xuống, bạn sẽ chết.

Bồ-tát lấy một sợi dây cột Bhīmasena lại cho khỏi rơi từ lưng voi và nắm chặt lấy dây. Nhưng khi thấy bãi chiến trường, Bhīmasena quá run rẩy, sợ chết, đã đi đại tiện trên lưng voi. Bồ-tát nói:

– Bhīmasena trước kia không phù hợp với Bhīmasena hiện tại. Trước ngươi tự cho là chiến sĩ đánh trận, nay ngươi chỉ có tài đại tiện trên lưng voi.

Nói xong, Bồ-tát đọc bài kệ này:

80. Trước ngươi nói khoác lác, Nay ngươi chảy nước hôi,
Hai Bhīmasena, Đâu có phù hợp nhau,
Đây là lời quyết chiến, Và đây ngươi thảm bại.

Như vậy, Bồ-tát chỉ trích kẻ ấy và nói:

– Này bạn, chớ sợ hãi! Ta đứng đây sao lại để bạn thảm bại?

Bồ-tát đỡ Bhīmasena xuống lưng voi, bảo nó rửa ráy rồi về nhà. Bồ-tát nói:

– Hôm nay, ta sẽ giành được danh xưng!

Bồ-tát xông vào chiến trận, hét lớn tiếng, đánh tan đội quân, tóm cổ ông vua thù địch và giải về cho vua xứ Ba-la-nại. Vua rất bằng lòng, thưởng cho Bồ-tát danh vọng lớn. Từ đấy về sau, bậc Hiền triết Culladhanuggaha được biết danh tiếng khắp cõi Diêm-phù-đề. Vua cho Bhīmasena tiền công và đưa kẻ ấy về trú xứ cũ. Còn vua trọn đời làm các công đức như bố thí, v.v... và đi theo nghiệp của mình khi mạng chung.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này mới nói khoác lác mà xưa kia cũng đã như vậy rồi!

Bậc Đạo sư nói pháp thoại xong, kết hợp các câu chuyện và nhận diện tiền thân:

– Lúc ấy, Bhīmasena là Tỷ-kheo nói khoác, còn Hiền trí Tiểu Xạ Thủ là Ta vậy.

IX. PHẨM CHÚNG CON ĐÃ UỐNG (*APĀYIMHAVAGGA*)

§81. CHUYỆN UỐNG RƯỢU (*Surāpānajātaka*) (*J.* I. 360)

Chúng con đã uống rượu...

Câu chuyện này, khi bậc Đạo sư ở tại vườn Ghosita gần Kosambī, đã kể về Trưởng lão Sāgata.

Sau khi an cư mùa mưa ở Xá-vệ, đức Thế Tôn đi bộ đến một thị trấn tên là Bhaddavatikā. Tại đây, các người chăn bò, chăn dê, làm ruộng, người đi đường thấy bậc Đạo sư liền đảnh lễ và ngăn chặn Ngài:

– Bạch Thế Tôn, chớ đi đến bến nước Amba (Cây Xoài). Tại bến nước Cây Xoài, trong am thất của những ngoại đạo bện tóc có con rắn thần (*nāga*) nguy hiểm tên Ambatitthaka (rắn thần ở bến Cây Xoài). Nó có thể làm hại Thế Tôn.

Thế Tôn làm như không nghe lời nói của họ, vẫn cứ đi tới, dù họ nói lời can ngăn lần thứ ba. Trong khi Thế Tôn trú ở một khu rừng không xa Bhaddavatikā, Trưởng lão Sāgata, một thị giả của Thế Tôn, có đầy đủ thần thông của hạng phàm phu, đi đến am thất ấy, tại trú xứ của xà vương, trải nệm cỏ và ngồi kiết-già.

Không thể giấu nổi ác tánh, con rắn thần phun khói, Trưởng lão cũng phun khói. Con rắn thần phun lửa, Trưởng lão cũng phun lửa. Lửa con rắn thần không làm hại Trưởng lão nhưng lửa của Trưởng lão lại làm hại con rắn thần. Như vậy, trong giây lát, Trưởng lão nhiếp phục con rắn thần, khiến nó thọ tam quy và ngũ giới, rồi đi đến bậc Đạo sư. Sau đó, bậc Đạo sư ở tại Bhaddavatikā cho đến khi thỏa thích rồi đi đến Kosambī.

Tin Trưởng lão Sāgata nhiếp phục con rắn thần lan khắp vùng ấy. Các thị dân ở Kosambī đến nghênh đón bậc Đạo sư, đảnh lễ Ngài; sau đó, họ đi đến gần Trưởng lão Sāgata, đảnh lễ Trưởng lão, đứng một bên và nói như sau:

– Thưa Tôn giả, hãy nói lên những vật gì Tôn giả cần, chúng con sẽ lo liệu đủ.

Trưởng lão giữ im lặng. Nhưng nhóm sáu Tỷ-kheo nói:

– Này chư Hiền, đối với các người xuất gia, rượu trắng khó tìm và rất thích ý. Các ông xem có thể tìm được rượu trắng trong cho Trưởng lão không?

Các vị thị dân bằng lòng, mời bậc Đạo sư ngày mai thọ trai. Rồi họ đi vào thành, sắp đặt mọi người, mỗi nhà phải có rượu trắng trong để cúng dường Trưởng lão.

Hôm sau, họ mời Trưởng lão vào cúng dường rượu trắng. Trong mỗi nhà, Trưởng lão đều uống rượu và bị say. Khi đi ra khỏi thành, Trưởng lão ngã xuống tại cửa thành, vừa nằm vừa nói mê sảng. Bậc Đạo sư dùng cơm xong, đi ra khỏi thành, thấy Trưởng lão nằm trong hoàn cảnh như vậy, liền bảo các Tỳ-kheo mang Sāgata về tinh xá. Các Tỳ-kheo đặt Trưởng lão nằm, đầu Trưởng lão dưới chân đức Như Lai, nhưng Trưởng lão xoay trở lại nằm đặt chân trước mặt đức Như Lai. Bậc Đạo sư hỏi các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo, nay Sāgata có tỏ sự kính trọng đối với Ta như trước kia đã làm không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỳ-kheo, ai đã nhiếp phục con xà vương Ambatitthaka?

– Sāgata, bạch Thế Tôn.

– Nhưng nay Sāgata có thể nhiếp phục được một con rắn nước không?

– Thưa không được, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỳ-kheo, có thích hợp chăng khi uống một loại gì khiến con người mất lý trí?

– Thưa không thích hợp, bạch Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn chỉ trích Trưởng lão và bảo các Tỳ-kheo:

– Ai uống rượu men rượu nấu, người ấy phạm tội cần phải thú nhận và xin sám hối.

Sau khi thiết lập học giới, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào hương phòng. Các Tỳ-kheo hội họp tại pháp đường, nói lời chỉ trích uống rượu:

– Thật là một tội lỗi lớn nếu uống rượu, vì uống rượu làm cho một người có trí tuệ và thần thông như Sāgata mù quáng, không thấy công đức của đức Phật.

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, các ông ngồi tại đây đang bàn vấn đề gì?

Sau khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay các vị xuất gia này mới uống rượu và mất lý trí, trước kia họ cũng đã làm vậy rồi. Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình ở phương Bắc nước Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, người xuất gia làm tiên nhân du sĩ, đạt được các thắng trí và thiền chứng, vui hưởng thiền lạc, trú ở dãy Tuyết sơn, được vây quanh giữa năm trăm môn sinh. Khi mùa mưa đến, các môn sinh thưa với Bồ-tát:

– Thưa Sư trưởng, chúng con sẽ đi đến chỗ có người ở để xin muối và giấm.

– Các Hiền giả, ta sẽ ở lại đây. Các con hãy đi, hãy bảo trọng lấy thân và sống qua mùa mưa rồi trở về.

– Thưa Sư trưởng, vâng.

Họ đảnh lễ Sư trưởng, đi đến Ba-la-nại và sống trong công viên của vua. Ngày kế tiếp, họ đi khất thực ngoài cửa làng, nhận đồ cúng dường đầy đủ, ngày kế tiếp nữa, họ trở về thành. Mọi người thương mến cúng dường đồ ăn và sau vài ngày, họ báo cho vua biết:

– Thưa Thiên tử, có năm trăm ẩn sĩ từ Tuyết sơn đến trú ở công viên, tu hạnh khắc khổ, nhiếp phục các căn và giữ giới.

Vua nghe công đức của các vị ấy, liền đi đến công viên, đảnh lễ, tiếp đón họ niềm nở và mời họ ở lại đó trong bốn tháng mùa mưa. Từ đấy trở đi, họ ăn trong cung điện nhà vua và ở tại công viên. Một hôm, có một ngày hội lớn uống rượu trong thành. Nhà vua nghĩ rằng, các vị xuất gia khó có được rượu, nên cúng dường họ nhiều rượu thượng hạng. Các nhà khổ hạnh uống rượu, đi vô công viên, bị rượu làm cho say, một số người đứng dậy múa, một số người hát; một số sau khi múa và hát, vứt lung tung những thúng đựng gạo, v.v... rồi nằm xuống ngủ. Khi hết say rượu, họ tỉnh dậy, nghe và thấy những hành động bất chánh của mình, họ khóc than:

– Chúng ta đã làm những hành động không xứng đáng với người xuất gia. Chúng ta sở dĩ làm điều ác như vậy vì chúng ta sống không có bậc Sư trưởng của chúng ta.

Ngay lúc ấy, họ từ bỏ công viên, đi về Tuyết sơn. Sau khi dọn dẹp các vật cần dùng, họ đảnh lễ Sư trưởng và ngồi xuống. Sư trưởng hỏi:

– Này các con thân, các con có được an lạc không? Khi đi khất thực có mệt nhọc không? Các con có sống hòa hợp với nhau không?

– Thưa Sư trưởng, chúng con đã sống được an lạc. Nhưng chúng con đã uống rượu, lẽ ra không được uống; rượu làm cho mất lý trí, không giữ được chánh niệm nên chúng con đã hát và đã múa.

Họ báo rõ mọi sự việc rồi đọc bài kệ này:

81. Chúng con đã uống rượu, Đã hát, múa và khóc,
Uống rượu mất lý trí, Đâu được hóa thành vượn.

Bồ-tát nói:

– Do vì không ở với Sư trưởng nên sự việc như vậy đã xảy ra.

Sau khi quở trách các vị tu khổ hạnh ấy, Bồ-tát khuyến giáo họ:

– Từ nay chớ làm như vậy nữa!

Rồi trọn đời tu tập thiền định không gián đoạn, Bồ-tát được sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân [bắt đầu từ đây, sẽ không nói đến "sau khi kết hợp"] như sau:

– Lúc bấy giờ, hội chúng của vị ẩn sĩ là hội chúng của Như Lai, vị Sư trưởng hội chúng là Ta vậy.

§82. CHUYỆN CHÀNG TRAI MITTAVINDA (*Mittavindajātaka*)[92] (*J.* I. 363)

Thế là vượt qua rồi...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Câu chuyện tiền thân này xảy ra trong thời kỳ đức Phật Ca-diếp, sẽ được nói đến trong chương X, *Chuyện bốn cổng thành.*[93]

***

Rồi Bồ-tát nói lên bài kệ này:

82. Thế là vượt qua rồi, Lâu đài bằng thủy tinh,
Bằng bạc, bằng châu báu, Khi ngươi đã đội vào,
Chiếc mũ bằng đá cứng, Trọn đời ngươi không thoát.

Sau khi đọc bài kệ này, Bồ-tát đi lên trú xứ thiên giới của mình. Còn Mittavindaka, khi đã đội chiếc mũ ấy, phải chịu đựng đau khổ lớn và khi các ác hành đã đoạn tận, mạng chung và đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Mittavinda là Tỷ-kheo khó bảo và vua chư thiên là Ta vậy.

§83. CHUYỆN KĀḶAKAṆṆĪ (*Kāḷakaṇṇijātaka*) (*J.* I. 364)

Bạn quen chính là người...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một người bạn của ông Cấp Cô Độc. Tương truyền, người bạn ấy đã cùng ông Cấp Cô Độc chơi thân với nhau, đã đi học nghề cùng một thầy, người bạn ấy tên là Kāḷakaṇṇī (Bất Hạnh). Thời gian qua, kẻ ấy trở thành nghèo đói, không thể sống được nên đã đi đến vị triệu phú. Vị triệu phú khích lệ kẻ ấy, trả lương, giao kẻ ấy quản lý gia sản của mình. Kẻ ấy trở thành người làm công cho vị triệu phú và làm tất cả công việc. Trong thời gian đi đến với vị triệu phú, kẻ ấy thường nghe những câu:

– Hãy đứng lại, này Kāḷakaṇṇī! Hãy ngồi xuống, này Kāḷakaṇṇī! Hãy ăn đi, này Kāḷakaṇṇī!

Một hôm, các bạn thân của vị triệu phú đi đến thăm nhà vị ấy và nói như sau:

---

[92] Bản Tích Lan viết *Mittavindajātaka*. Bản CST viết *Mittavindakajātaka*.

[93] Xem *J.* IV. 1,*Catudvārajātaka* (*Chuyện bốn cổng thành*), số §439; *Divy.* 603.

– Này vị đại triệu phú, chớ để người này sống gần ông. Nghe những lời xui xẻo như: "Hãy đứng lại, này Kāḷakaṇṇī; hãy ngồi xuống, Kāḷakaṇṇī; hãy ăn đi, này Kāḷakaṇṇī" thì quỷ dạ-xoa cũng chạy trốn. Nó đâu có được ngang bằng với ông. Nó nghèo đói, một kẻ bần cùng. Sao ông có liên hệ với nó?

Ông Cấp Cô Độc nói:

– Không phải vậy! Cái tên chỉ để gọi một người. Bậc Hiền trí không đánh giá người bằng cái tên. Chớ nên xem là điềm lành, điềm xấu khi nghe tiếng gọi. Tôi không thể từ bỏ một người bạn đã cùng chơi thân với nhau chỉ vì một cái tên.

Vị triệu phú không chấp nhận lời khuyên của họ. Một hôm, vị triệu phú đi đến làng mà vị ấy làm thôn trưởng và để người bạn ấy giữ nhà. Bọn cướp biết vị triệu phú đã đi về làng, dự định đến cướp phá nhà triệu phú. Với nhiều loại vũ khí cầm tay, ban đêm, chúng vây quanh nhà.

Nhưng Kāḷakaṇṇī đã nghi, thế nào bọn cướp cũng đến nên không ngủ, ngồi chờ chúng. Khi biết bọn cướp đã đến, kẻ ấy đánh thức mọi người dậy, bảo người này thổi tù và, người kia đánh trống, khiến cho toàn gian nhà đầy cả tiếng động như là một hội chợ lớn. Những tên cướp nói:

– Chúng tôi nghe lầm là nhà không có người, sao vị đại triệu phú có mặt ở đây?

Chúng bỏ chạy và quăng tại chỗ các hòn đá và vô số dụng cụ khác. Ngày hôm sau, người trong nhà thấy những cục đá quăng bỏ chỗ này chỗ kia, họ hoảng hốt lo sợ và tán thán người bạn ấy:

– Nếu hôm nay không có một người tuần phòng ngôi nhà sáng suốt như vậy thì bọn cướp đã bước vào nhà tùy theo sở thích và đã cướp lấy cả nhà rồi. Nhờ người bạn kiên trì này, vị triệu phú được lợi ích và hạnh phúc.

Khi người triệu phú trở về, họ báo cáo tất cả tin này cho ông biết, ông nói:

– Các ngươi muốn ta tẩn xuất một người bạn đã giữ nhà cửa của ta như vậy đó. Nếu ta nghe theo lời các ngươi tẩn xuất người này thì nay gia sản của ta không còn gì nữa. Chính cái tên không có giá trị gì, cái tâm tốt mới có giá trị.

Nói vậy xong, người triệu phú tăng lương cho người bạn. Nghĩ rằng đây là một câu chuyện đáng kể, ông đi đến bậc Đạo sư và tường thuật đầy đủ từ đầu câu chuyện ấy. Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, không phải chỉ nay Kāḷakaṇṇī mới bảo vệ gia sản của bạn mình, lúc trước kẻ ấy cũng làm như vậy.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vị triệu phú, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị triệu phú có danh tiếng lớn. Bạn của Bồ-tát tên là Kāḷakaṇṇī. (Tất cả đều giống như câu

chuyện hiện tại). Khi từ làng mình làm thôn trưởng trở về, Bồ-tát nghe câu chuyện ấy liền nói:

– Nếu ta nghe lời nói các ngươi, tẩn xuất người bạn như vậy, thì nay ta không còn gia sản gì hết.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

83. Bạn quen chính là người,
Đi bảy bước giúp đỡ,
Bạn thân mới là người,
Đi đến mười hai bước,
Thời gian tháng, nửa tháng,
Mới thật là bà con,
Thời gian có dài hơn,
Mới thật là bằng ta.
Sao ta lại có thể,
Vì an lạc của ta,
Đuổi Kāḷakaṇṇī,
Người ta biết đã lâu?

***

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Kāḷakaṇṇī là Ānanda và vị triệu phú ở Ba-la-nại là Ta vậy.

§84. CHUYỆN CỬA NGÕ HẠNH PHÚC (*Atthassadvārajātaka*) (*J.* I. 366)

Hãy tìm cầu không bệnh...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một người con trai tài giỏi về vấn đề hạnh phúc tinh thần. Tại Xá-vệ, có một triệu phú giàu có, sanh một người con trai. Khi lên bảy tuổi, cậu con trai có trí tuệ và chăm lo hạnh phúc tinh thần.

Một hôm, cậu con trai đến hỏi cha về cửa ngõ đưa đến hạnh phúc tinh thần. Người cha không biết, nhưng vẫn suy nghĩ: "Đây là một câu hỏi rất tế nhị. Ngoài đức Phật Toàn Tri, không một ai trên trời dưới đất có thể trả lời câu hỏi này." Rồi người cha dắt con trai, mang theo nhiều vòng hoa, hương liệu, dầu thơm đi đến Kỳ Viên. Ông cúng dường bậc Đạo sư, đảnh lễ Ngài, rồi ngồi xuống một bên và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đứa trẻ này có trí tuệ, thiện xảo về hạnh phúc tinh thần, hỏi con một câu hỏi về cửa ngõ đưa đến hạnh phúc tinh thần. Con không trả lời được câu hỏi ấy, nên con đến yết kiến Ngài. Lành thay, nếu Thế Tôn trả lời câu hỏi ấy!

Bậc Đạo sư nói:

– Này cư sĩ, thuở trước Ta đã được đứa trẻ này hỏi câu ấy và Ta đã trả lời cho nó. Lúc bấy giờ, nó đã biết câu trả lời. Nhưng nay, nó không có nhớ được vì đã đi qua nhiều đời kiếp.

Nói vậy xong, theo thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một triệu phú có

rất nhiều tiền của. Con của Bồ-tát mới có bảy tuổi đã có trí tuệ và thiện xảo về hạnh phúc tinh thần. Một hôm, nó đi đến hỏi cha nó về cửa ngõ đưa đến hạnh phúc tinh thần:

– Thưa cha thân, thế nào là cửa ngõ đưa đến hạnh phúc tinh thần?

Người cha trả lời nó với bài kệ này:

84. Hãy tìm cầu không bệnh, Là lợi đắc tối thượng,
Giữ giới, kính trưởng thượng, Biết nghe học kinh điển.
Hãy tùy thuận Chánh pháp, Thoát ly các chấp thủ,
Chính sáu cửa ngõ này, Đưa đến chân hạnh phúc.

Như vậy, Bồ-tát trả lời câu hỏi về cửa ngõ đưa đến hạnh phúc tinh thần. Từ đấy trở đi, đứa trẻ sống đúng theo sáu pháp ấy. Còn Bồ-tát trọn đời làm các công đức như bố thí... và đi theo nghiệp của mình khi mạng chung.

***

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Đứa con trai thời ấy là đứa con trai hiện tại và vị đại triệu phú là Ta vậy.

§85. CHUYỆN TRÁI CÂY KIMPAKKA (*Kimpakkajātaka*)[94] (*J.* I. 367)

Không biết hại tương lai...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo có tâm luyến ái. Tương truyền, có một thiện nam tử đặt lòng tin vào giáo pháp Phật và xuất gia. Một hôm, trong khi đi khất thực ở Xá-vệ, thấy một thiếu nữ trang sức đẹp đẽ, Tỷ-kheo ấy khởi tâm luyến ái. Vị Sư trưởng và Giáo thọ sư đưa Tỷ-kheo ấy đến gặp bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông bị luyến ái?

Khi được đáp có thật vậy, bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, năm dục này khi được thọ dụng, thật là khả ái, nhưng thọ dụng nhiều, tạo thành nghiệp và sẽ sanh vào địa ngục, v.v... Cũng như ăn trái cây kimpakka (cây có trái độc), trái cây kimpakka có sắc, có hương, có vị, nhưng khi ăn, nó phá vỡ nội tạng đưa đến mạng chung. Thuở trước, nhiều người không thấy sự tác hại của nó, đã tham đắm sắc, hương, vị, đã ăn trái ấy và đi đến mạng chung.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là người lãnh đạo một đoàn lữ hành, đang đi với năm trăm cỗ xe từ Đông sang Tây. Bồ-tát đến đầu của khu rừng, họp các người tùy tùng lại và khuyên như sau:

[94] Bản Tích Lan, CST viết *Kiṃpakkajātaka*. Bản Thái Lan viết *Kimpakkajātaka*.

– Tại khu rừng này có những cây độc, các bạn chớ ăn trái cây trước đây chưa từng ăn mà không hỏi ta.

Khi họ đã vượt qua khu rừng, đến biên địa của rừng bên kia, họ thấy một cây kimpakka với cành cây cong xuống vì mang nặng trái. Về hình dáng, màu sắc, vị và hương, thân cây, cành cây, lá và trái cây ấy giống như cây xoài. Một số người lầm về màu sắc, hương vị của những trái cây ấy, tưởng chúng là những trái xoài nên đã ăn những trái ấy. Một số người đứng lại, hái và đứng chờ, chỉ quyết định ăn sau khi hỏi vị lãnh đạo đoàn lữ hành.

Bồ-tát đến chỗ ấy, bảo quăng các trái cây đã hái. Những ai đã ăn, Bồ-tát làm cho họ nôn ra và cho uống thuốc. Một số người trong họ khỏi bệnh, nhưng những ai đã ăn trước tiên đều mạng chung.

Sau đó, Bồ-tát đã đi đến chỗ mình muốn, thâu hoạch lợi tức, rồi đi về trú xứ của mình. Trọn đời Bồ-tát làm các công đức như bố thí rồi đi theo nghiệp của mình khi mạng chung.

***

Kể xong câu chuyện, bậc Đạo sư nói lên bài kệ này:

85. Không biết hại tương lai, Ai thọ dụng các dục,
Quả chín, chúng khổ não, Như ăn kimpakka.

Sau khi nêu rõ ràng các dục, khi thọ dụng đem lại thích thú và khi chín muồi đem lại khổ não, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỳ-kheo có tâm luyến ái chứng được quả Dự lưu, một số chứng quả Nhất lai, một số chứng quả Bất lai, một số chứng quả A-la-hán.

Pháp thoại kết thúc, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Hội chúng thời ấy là hội chúng của Như Lai và vị lãnh đạo đoàn lữ hành là Ta vậy.

§86. CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC (*Sīlavīmaṁsanajātaka*)[95] (*J.* I. 368)

Giới được xem chí thiện...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Bà-la-môn thử thách giới đức. Vị này sống dựa vào vua nước Kosala, thọ ba quy, giữ năm giới không sai phạm và thông suốt ba tập Vệ-đà. Vua nghĩ rằng, đây là một người có giới đức và đối xử rất kính trọng. Vị Bà-la-môn ấy suy nghĩ: "Vua kính trọng ta hơn các vị Bà-la-môn khác và đặt ta vào địa vị Đạo sư tối thượng. Nhưng vua kính trọng ta là do thiện sanh, dòng họ, gia đình, quốc độ, nghề nghiệp thành đạt của ta hay là do giới đức của ta? Ta hãy đem ra thử thách."

Một hôm, sau khi đi hầu vua, vị ấy trở về nhà và không hỏi ai, đã lấy một đồng tiền vàng tại quầy của người giữ tiền. Người giữ tiền vì kính trọng vị

[95] Bản Tích Lan viết *Sīlavīmaṃsajātaka*. Bản CST viết *Sīlavīmaṃsakajātaka*. Bản Thái Lan viết *Sīlavīmaṁsanajātaka*.

Bà-la-môn, ngồi yên không nói gì. Ngày kế tiếp, người ấy lấy hai đồng tiền vàng. Người giữ tiền vẫn chịu đựng như trước. Ngày thứ ba, người ấy lấy một nắm đồng tiền vàng. Người giữ tiền nói:

– Hôm nay là ngày thứ ba, ông đánh cắp tài sản của vua.

Rồi anh ta la lên ba lần:

– Ta đã bắt được tên ăn trộm tài sản của vua!

Người ta chạy từ nhiều phía đến và nói:

– Từ trước cho đến nay, ông giả bộ có đức hạnh!

Họ đánh người ấy hai ba đấm, trói lại và dắt đến trước vua. Lòng đầy buồn phiền, vua nói:

– Này Bà-la-môn, sao ông lại làm ác giới, ác hạnh như vậy? Hãy đem người này đi và xử tội theo lệnh ta!

Vị Bà-la-môn nói:

– Thưa Đại vương, tôi không phải là người ăn trộm.

– Vậy sao ông lấy đồng tiền vàng ở quầy của người giữ gia sản của ta?

– Vì ngài đối xử với tôi rất mực cung kính nên tôi làm như vậy để thử xem ngài hết sức kính trọng tôi vì thiện sanh... của tôi hay là vì giới đức. Nay tôi được biết một cách chắc chắn rằng, vì giới đức mà ngài đối xử với tôi rất kính trọng, chớ không phải do thiện sanh... Do đó, tôi kết luận: Trong đời này, giới là tối thượng, giới là đệ nhất. Tôi cũng biết rằng, tôi không thể nào thành tựu giới này một cách tốt đẹp khi tôi còn sống trong nhà, thọ hưởng các dục lạc uế nhiễm. Hôm nay, tôi sẽ đi đến Kỳ Viên và sẽ xin xuất gia với bậc Đạo sư. Xin Đại vương cho phép tôi xuất gia.

Sau khi được vua chấp thuận, vị ấy đi đến Kỳ Viên. Các bạn bè thân quyến hội họp lại, không thể ngăn chặn vị ấy được nên trở về. Vị ấy đi đến bậc Đạo sư, xin phép xuất gia. Sau khi được xuất gia và thọ Đại giới, với sự tu hành không ngừng nghỉ, tăng trưởng thiền quán, vị ấy chứng quả A-la-hán, rồi đi đến bậc Đạo sư và nói lên chánh trí của mình:

– Bạch Thế Tôn, con xuất gia đã được quả tối thượng này.

Lời tuyên bố về chánh trí của vị ấy được chúng Tỷ-kheo biết đến. Một hôm, tại pháp đường, các Tỷ-kheo ngồi họp, tán thán công đức của vị ấy như sau:

– Thưa các Hiền giả, vị Bà-la-môn này hầu cận của vua, muốn thử thách giới đức của mình, rồi từ giã nhà vua đi xuất gia, cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông đang ngồi bàn luận câu chuyện gì?

Khi được nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay người Bà-la-môn này, sau khi thử thách giới đức của mình, đã xuất gia và đã đạt được những giải thoát cho mình.

Thuở xưa, các bậc Hiền trí sau khi thách thức giới đức của mình, cũng đã xuất gia và đạt được giải thoát cho mình.

Nói xong, bậc Đạo sư nói câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một người Bà-la-môn chuyên lo tế tự, thiên về bố thí, hướng đến giới đức, giữ năm giới rất tinh tấn. Vua đối xử với Bà-la-môn ấy rất đặc biệt, kính trọng hơn các Bà-la-môn khác. (Tất cả giống như câu chuyện trước). Sau khi bị trói và dắt đến nhà vua, giữa đường Bồ-tát gặp một số người dụ rắn đang trình diễn các trò chơi rắn. Họ nắm rắn ở đuôi, ở cổ và cuốn rắn quanh cổ họng. Thấy vậy, Bồ-tát nói:

– Này các bạn thân, chớ nắm rắn này ở đuôi, chớ nắm rắn này ở cổ, chớ cuốn rắn này quanh cổ họng, rắn này sẽ cắn các bạn và khiến các bạn mạng chung.

Các người dụ rắn nói:

– Này Bà-la-môn, con rắn hổ giữ giới, theo chánh hạnh, không có ác giới như ông. Vì ác giới và không chánh hạnh, ông thành kẻ trộm cướp, phá gia sản nhà vua, nay đã bị bắt và bị dẫn đi.

Bồ-tát suy nghĩ: "Ngay các con rắn, khi chúng không cắn, không làm hại cũng được gọi là có giới đức. Còn nói gì là loài người? Giới trong đời này là tối thượng, không có gì cao hơn giới nữa." Rồi họ đưa Bồ-tát đến trước mặt nhà vua. Vua hỏi:

– Người này là ai vậy?

– Đây là kẻ ăn trộm đã cướp phá gia sản của vua.

– Vậy hãy xử tội nó theo lệnh của vua.

Bồ-tát thưa:

– Thưa Đại vương, tôi không phải là người ăn trộm.

– Vậy sao ngươi lại lấy những đồng tiền vàng?

Tất cả được báo cáo giống cách thức ở trên. Bồ-tát nói:

– Do lý do này, tôi đi đến kết luận rằng: Trong đời này, giới là tối thượng, giới là đệ nhất. Con rắn hổ do không cắn, không làm hại cũng được gọi là có giới đức. Giới là tối thượng, giới là tuyệt diệu.

Tán thán giới như vậy, Bồ-tát nói lên bài kệ:

86. Giới được xem chí thiện, Giới vô thượng ở đời,
Hãy xem con rắn độc, Có giới không làm hại.

Như vậy, Bồ-tát với bài kệ này, thuyết pháp cho vua rồi đoạn trừ các dục, xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ, đi vào Tuyết sơn, chứng được năm thắng trí và tám thiền chứng, về sau được sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Sau khi kể lại pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, hội chúng của vua là hội chúng của Như Lai và vị Bà-la-môn tế tự là Ta vậy.

§87. CHUYỆN ĐIỀM LÀNH (*Maṁgalajātaka*) (*J.* I. 371)

Ai thoát điềm lành dữ...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về một vị Bà-la-môn giỏi đoán tướng các loại vải. Truyền thuyết nói rằng, ở Vương Xá có một vị Bà-la-môn hết sức mê tín, không tin Ba ngôi báu, theo tà kiến nhưng rất giàu có, tài sản lớn.

Một hôm, sau khi tắm xong, người Bà-la-môn bảo đem cặp áo lại và được báo cho biết là áo bị con chuột cái cắn. Người ấy suy nghĩ: "Nếu cặp áo bị chuột cắn, trong nhà này sẽ có đại nạn xảy ra. Đấy là một điềm xấu, giống như một lời nguyền rủa. Khi áo bị chuột cắn thì không thể cho con trai, con gái, nô tỳ hay các người làm công... Ai lấy cặp áo này, đại nạn sẽ đến với tất cả những người xung quanh. Ta hãy quăng nó vào nghĩa địa, chỗ quăng xác chết (không thiêu, không chôn). Nhưng ta không thể giao cho những người nô tỳ làm việc này được. Chúng có thể khởi lòng tham, lấy cặp áo và gặp nạn. Vậy ta hãy trao tận tay cho con trai ta đi vứt áo."

Người Bà-la-môn gọi con trai và nói rõ sự việc ấy:

– Này con thân, chớ lấy tay xúc chạm cặp áo này. Hãy lấy gậy mang cặp áo quăng nó vào nghĩa địa, rồi tắm cả đầu cho thật sạch và trở về!

Sáng sớm ngày hôm ấy, bậc Đạo sư quán sát xem ai có thể được Ngài hóa độ, thấy cha con ấy có căn duyên đạt quả Dự lưu. Như người thợ săn thú, Ngài đi theo con đường thú đi và ngồi trước cửa nghĩa địa ấy, phóng ra hào quang sáu sắc của đức Phật. Thanh niên Bà-la-môn vâng theo lời cha, mang cặp áo ấy trên đầu một cây gậy như mang con rắn nhà và đi đến cửa nghĩa địa. Bậc Đạo sư nói:

– Này thanh niên Bà-la-môn, ngươi làm gì vậy?

– Thưa Tôn giả Gotama, cặp áo này bị con chuột cái cắn, được xem như là lời nguyền rủa, được ví như nọc độc con rắn. Cha con sợ rằng, nếu giao người khác quăng cặp áo ấy, lòng tham có thể khởi lên và lấy cặp áo, nên sai con làm việc này. Con cầm lấy cặp áo, hứa rằng con sẽ quăng và sẽ tắm cả đầu. Con đến đây vì việc ấy, thưa Tôn giả Gotama.

– Vậy ngươi hãy quăng đi!

Thanh niên Bà-la-môn liền quăng cặp áo ấy. Bậc Đạo sư nói:

– Cặp áo này thích hợp với Ta.

Rồi bậc Đạo sư đến lượm cặp áo ngay trước mặt chàng thanh niên. Nhưng chàng thanh niên ngăn chặn bậc Đạo sư:

– Tôn giả Gotama chớ lấy, chớ lấy cặp áo giống như lời nguyền rủa này!

Bậc Đạo sư vẫn cứ lấy cặp áo có điềm xấu ấy và đi về hướng Trúc Lâm. Chàng thanh niên ấy vội vàng đi thật mau về nhà thưa với cha:

– Thưa cha thân, cặp áo con quăng ở nghĩa địa, dầu con đã ngăn cản nhưng Sa-môn Gotama vẫn cứ lấy cặp áo vì cho là chúng thích hợp với Ngài và đã đi đến Trúc Lâm.

Vị Bà-la-môn suy nghĩ: "Cặp áo ấy là điềm xấu, giống như lời nguyền rủa. Nếu dùng nó, Sa-môn Gotama sẽ bị tai hại. Do vậy, chúng ta sẽ bị chỉ trích. Ta sẽ đem cho Sa-môn Gotama nhiều áo khác và bảo Ngài quăng cặp áo ấy đi."

Vị Bà-la-môn cho đem theo nhiều áo, cùng với con trai đi đến Trúc Lâm. Thấy bậc Đạo sư, vị ấy đến đứng một bên và thưa:

– Thưa Tôn giả Gotama, có thật chăng Tôn giả đã lấy cặp áo bị vứt ở nghĩa địa?

– Thật vậy, này Bà-la-môn.

– Thưa Tôn giả Gotama, cặp áo ấy sẽ đem lại điềm xấu. Nếu Tôn giả sử dụng nó, Ngài sẽ bị tai hại và cả tinh xá cũng bị tai hại. Nếu Tôn giả không có áo mặc hay áo đắp, hãy lấy những áo này và vứt cặp áo kia đi!

Bậc Đạo sư nói với người Bà-la-môn:

– Này Bà-la-môn, chúng tôi là người xuất gia. Đối với chúng tôi, các mảnh vải bị vứt tại các chỗ như nghĩa địa, giữa đường, trong đống rác, chỗ tắm rửa, vẫn còn có thể dùng được. Nhưng ông đã mê tín điềm lành dữ ngày nay cũng như thuở trước.

Và theo lời thỉnh cầu của vị ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, tại nước Ma-kiệt-đà, ở thành Vương Xá có vua xứ Ma-kiệt-đà trị nước đúng pháp. Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn phương Bắc. Đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ, chứng được các thắng trí và thiền chứng, rồi đến sống ở Tuyết sơn.

Một thời, Bồ-tát rời khỏi Tuyết sơn, đi đến công viên của vua ở Vương Xá, trú tại đấy, đến ngày hôm sau ngài đi vào thành để khất thực. Nhà vua thấy Bồ-tát, bảo gọi vào, mời ngồi trong cung điện, cúng dường đồ ăn và mời ở lại tại công viên. Bồ-tát ăn tại cung điện nhà vua và ở tại công viên.

Lúc bấy giờ, trong thành Vương Xá có người Bà-la-môn làm nghề đoán tướng vải mặc. Thấy cặp áo để trong rương bị chuột cắn, ông ta sợ điềm chẳng lành sẽ xảy ra, nên liền sai con trai đem vứt vào nghĩa địa. Khi chàng thanh niên đi đến nghĩa địa, Bồ-tát đã đi đến trước, ngồi tại cửa nghĩa địa, nhặt lấy cặp áo và đi về công viên. Chàng thanh niên về báo tin cho người cha biết. Người cha suy nghĩ: "Vị tu khổ hạnh thân cận với vua sẽ bị tai nạn", ông liền đi đến gặp Bồ-tát và thưa:

– Thưa vị khổ hạnh, hãy quăng cặp áo mà ngài đã lượm được, nếu không ngài sẽ gặp tai nạn!

Bồ-tát nói:

– Đối với chúng tôi, các tấm vải quăng ở nghĩa địa vẫn còn dùng được. Chúng tôi không mê tín về điềm lành dữ. Mê tín điềm lành dữ này không được các đức Phật, Độc Giác Phật và Bồ-tát tán thán. Do vậy, bậc Hiền trí không mê tín điềm lành dữ.

Khi Bồ-tát thuyết pháp cho vị Bà-la-môn như vậy, vị ấy từ bỏ quan niệm sai lầm của mình và quy y với Bồ-tát. Còn Bồ-tát giữ thiền quán không gián đoạn, về sau được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

***

Sau khi kể câu chuyện quá khứ cho vị Bà-la-môn, bậc Đạo sư nói lên bài kệ này:

87. Ai thoát điềm lành dữ, Thoát mộng và các tướng,
Vị ấy vượt qua được, Lỗi lầm do mê tín,
Hai ách được nhiếp phục, Không còn phải tái sanh.

Như vậy, bậc Đạo sư thuyết pháp cho vị Bà-la-môn với bài kệ này, rồi giảng về các sự thật. Cuối bài thuyết giảng, vị Bà-la-môn cùng với người con trai chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Người cha và con trai hiện nay là cha và con trai trong thời quá khứ, còn vị tu khổ hạnh chính là Ta vậy.

§88. CHUYỆN CON BÒ SĀRAMBHA (*Sārambhajātaka*) (*J.* I. 374)

Hãy nói lời tốt lành...

Câu chuyện này, khi ở tại Xá-vệ, bậc Đạo sư đã kể về học giới liên hệ đến lời mắng chửi. Hai câu chuyện hiện tại và quá khứ giống như câu chuyện trong *Chuyện con bò Nandivisāla*,[96] đã nói ở trên. Nhưng trong tiền thân này, Bồ-tát là một con bò đực tên Sārambha, của một Bà-la-môn trú ở Takkasilā trong nước Gandhāra.

***

Nói câu chuyện quá khứ xong, bậc Đạo sư là bậc Chánh Đẳng Giác, đọc bài kệ này:

88. Hãy nói lời tốt lành, Chớ nói lời độc ác,
Lành thay lời tốt lành, Lời ác sanh ưu não.

Như vậy, sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn là Ānanda, nữ Bà-la-môn là Uppalavaṇṇā, còn Sārambha là Ta vậy.

---

[96] Xem *J.* I. 191, *Nandivisālajātaka* (*Chuyện con bò Nandivisāla*), số §28.

§89. CHUYỆN KẺ LỪA ĐẢO (*Kuhakajātaka*) (*J.* I. 375)

Nghe lời của ngươi nói...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một kẻ lừa đảo. Các chi tiết của câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện nam tử Uddālaka.*[97]

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại. Gần một ngôi làng nhỏ, có một người tu khổ hạnh lừa đảo thuộc ngoại đạo bện tóc. Một người điền chủ làm cho người ấy cái chòi lá trong rừng để ở và nuôi sống kẻ ấy trong chòi với đồ ăn ngon lành. Người điền chủ tin người ngoại đạo bện tóc lừa đảo ấy là người có giới đức. Vì sợ ăn trộm, một hôm, người điền chủ đem đến chòi lá của người ngoại đạo ấy năm trăm đồng tiền vàng, chôn dưới đất và yêu cầu người ấy coi ngó giùm. Vị tu khổ hạnh nói:

– Thưa Hiền giả, đối với những người xuất gia, không nên nói lời như vậy. Chúng tôi không có lòng tham với gia sản của người khác.

– Lành thay, Tôn giả!

Người điền chủ tin lời của kẻ ấy và ra đi. Kẻ ác khổ hạnh suy nghĩ: "Chừng ấy tiền đủ sống trọn đời người." Sau một vài ngày, kẻ ấy lấy số tiền, chôn tại một chỗ bên vệ đường, rồi trở về sống tại chòi lá. Ngày kế tiếp, kẻ ấy đi đến nhà người điền chủ, sau khi ăn cơm xong, liền nói:

– Thưa Hiền giả, nhờ ngài, tôi đã sống ở đây một thời gian dài. Sống tại một chỗ quá lâu cũng như người sống chung đụng với loài người. Sống chung đụng là một cấu uế đối với những người xuất gia. Do vậy, tôi sẽ ra đi.

Nói vậy xong, dầu được yêu cầu nhiều lần, kẻ ấy cũng không muốn trở lại. Người điền chủ nói:

– Sự việc là như vậy, thưa Tôn giả, Tôn giả hãy đi!

Người điền chủ tiễn kẻ ấy ra tận cửa làng rồi mới trở về. Người tu khổ hạnh đi một lát, rồi suy nghĩ: "Ta nên lừa dối người điền chủ này." Nghĩ vậy, kẻ ấy cắm một ngọn cỏ giữa búi tóc và đi trở về. Người điền chủ hỏi:

– Sao Tôn giả trở về?

– Thưa Hiền giả, một ngọn cỏ từ mái nhà của Hiền giả đã mắc vào bện tóc của tôi. Người xuất gia không được lấy vật không cho. Vậy tôi trở về đem trả ngọn cỏ ấy.

Người điền chủ nói:

– Tôn giả hãy vứt ngọn cỏ rồi đi!

Và nghĩ: "Vị này không lấy gia sản của người khác dù chỉ một ngọn cỏ. Ôi, Tôn giả này thật tế nhị đối với ta!" Người điền chủ sanh tịnh tín, đảnh lễ kẻ ấy, rồi từ biệt.

---

[97] Xem *J.* IV. 292, *Uddālakajātaka* (*Chuyện nam tử Uddālaka*), số §487.

Lúc bấy giờ, vì mục đích buôn bán, Bồ-tát đi đến biên địa và ở tại trú xứ ấy. Nghe lời người tu khổ hạnh nói, Bồ-tát suy nghĩ: "Chắc hẳn kẻ ác khổ hạnh này có lấy tiền bạc gì của người điền chủ này." Bồ-tát hỏi người điền chủ:

– Này bạn, bạn có giao cái gì cho người tu khổ hạnh này giữ không?

– Thưa bạn, tôi có giao cho vị ấy giữ năm trăm đồng tiền vàng.

– Vậy hãy tìm kiếm số tiền ấy.

Người điền chủ đi đến chòi lá, tìm không thấy số tiền, liền trở về rất nhanh, báo cho Bồ-tát là tiền không còn nữa.

Bồ-tát nói:

– Không có ai khác lấy tiền vàng của bạn ngoài tên khổ hạnh bện tóc lừa đảo. Chúng ta hãy đuổi theo bắt lấy nó!

Họ chạy đuổi theo, bắt được tên tu khổ hạnh lừa đảo, đánh nó và bảo nó đem trả tiền vàng. Thấy số tiền vàng đã được trả lại, Bồ-tát khinh bỉ nói với tên tu khổ hạnh:

– Ngươi thật không dính một ngọn cỏ mà lại dính đến năm trăm đồng tiền vàng!

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ này:

89. Nghe lời của ngươi nói,
Không dính đến ngọn cỏ,
Lời nhẹ nhàng êm dịu,
Mà dính năm trăm vàng.

Rồi Bồ-tát nói thêm:

– Này kẻ bện tóc gian dối kia, chớ làm như vậy nữa!

Khuyến giáo và khiển trách kẻ ấy xong, Bồ-tát sống làm các công đức đến lúc mạng chung, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này mới lừa đảo mà trong quá khứ cũng đã lừa đảo rồi.

Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, người tu khổ hạnh lừa đảo là Tỷ-kheo lừa đảo này, còn người Hiền trí là Ta vậy.

§90. CHUYỆN KẺ VONG ÂN (*Akataññūjātaka*) (*J.* I. 376)

Ai trước được làm ơn...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về ông Cấp Cô Độc. Tương truyền, một người triệu phú sống tại biên địa là một người bạn của ông Cấp Cô Độc, nhưng hai người chưa từng gặp nhau. Một hôm, người bạn này chất đầy năm trăm cỗ xe với hàng hóa biên địa và bảo những người làm công:

– Các bạn hãy đi, đem hàng hóa này đến Xá-vệ, bán trước mặt ông Cấp Cô Độc là người bạn của chúng tôi, và đem về hàng hóa nhận được do đổi hàng.

Họ vâng lời dặn của vị triệu phú ấy, đi đến Xá-vệ gặp vị đại triệu phú trao tặng phẩm và trình bày sự việc. Vị đại triệu phú tiếp đón họ niềm nở, cho họ chỗ ở và tiền tiêu, hỏi thăm người bạn có được an lạc không, rồi bán các hàng hóa và giao cho họ hàng hóa trao đổi. Rồi họ đi về biên địa, báo cáo sự việc lên vị triệu phú.

Một thời gian khác, ông Cấp Cô Độc, như lần trước cho đánh năm trăm cỗ xe đến biên địa. Những người của ông Cấp Cô Độc đến biên địa, đem theo tặng phẩm đi đến gặp vị triệu phú sống ở biên địa. Ông này hỏi:

– Các người từ đâu đến?

– Chúng tôi từ Xá-vệ đến, là những người hầu cận của ông Cấp Cô Độc, người bạn của ông.

– Cấp Cô Độc, người nào cũng có tên như vậy!

Rồi ông cười mỉa mai họ, nhận lấy quà tặng và bảo họ đi mà không cho họ chỗ ở và tiền tiêu. Vì vậy, họ tự bán các hàng hóa, mang các hàng hóa trao đổi, rồi đi về Xá-vệ và báo cáo sự việc cho vị triệu phú.

Rồi người triệu phú ở biên địa, một lần nữa như lần trước, cho đánh năm trăm cỗ xe đến Xá-vệ. Các người thuộc hạ mang quà tặng đến gặp vị đại triệu phú. Thấy họ, những người nhà ông Cấp Cô Độc liền thưa:

– Thưa ông chủ, chúng tôi sẽ lo cho họ chỗ ở, cơm ăn và tiền tiêu.

Nói xong, họ đưa các cỗ xe của những người ấy ra khỏi thành, bảo họ tháo xe tại một chỗ đã lựa chọn và nói:

– Các bạn hãy ở đây. Từ nhà chúng tôi, chúng tôi sẽ đưa đến cho các bạn cháo, cơm và tiền tiêu.

Nói xong họ đi, họp các người làm công lại, lúc nửa đêm vào canh giữa, họ đến cướp năm trăm cỗ xe, cướp sạch áo mặc, áo đắp, đánh đổi các con bò, tháo bánh xe ra khỏi các cỗ xe, đặt các cỗ xe xuống đất, lấy các bánh xe rồi bỏ đi. Những người trú ở biên địa chỉ còn làm chủ một cái áo mặc, không còn gì cả, sợ hãi chạy mau đi trốn và trở về biên địa.

Những người nhà triệu phú báo cáo sự việc ấy lên vị đại triệu phú Cấp Cô Độc. Đại triệu phú nghĩ: "Đây là một câu chuyện quan trọng có thể trình bậc Đạo sư."

Ông Cấp Cô Độc đi đến bậc Đạo sư, tường thuật tỉ mỉ đầu đuôi câu chuyện. Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, không phải chỉ nay, kẻ ở biên địa ấy có hạnh như vậy. Trong quá khứ, kẻ ấy cũng đã có hạnh như vậy rồi.

Nói xong, theo lời thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một người triệu phú có tài sản lớn ở Ba-la-nại. Một người triệu phú ở biên địa là người bạn chưa bao giờ thấy mặt của Bồ-tát. (Tất cả đều giống như câu chuyện hiện tại trên). Được những người của mình báo cáo: "Đây là việc chúng tôi làm hôm nay", Bồ-tát nói:

– Do không biết báo đáp một công việc đã làm trước cho mình, nên về sau họ phải gặp sự việc như vậy.

Nói vậy xong, trước hội chúng tụ họp, Bồ-tát thuyết pháp với bài kệ này:

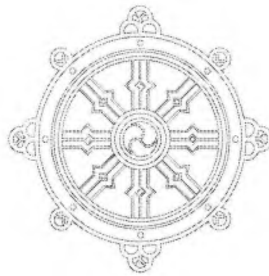
90. Ai trước được làm ơn, Không biết đáp ứng lại,
Về sau, việc xảy đến, Không tìm được người giúp.

Như vậy, với bài kệ này, Bồ-tát thuyết pháp và trọn đời làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể lại pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Người ở biên địa thời ấy là người ở biên địa hiện nay, còn vị triệu phú ở Ba-la-nại là Ta vậy.



X. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC THOA
(*LITTAVAGGA*)

§91. CHUYỆN ĐÃ ĐƯỢC THOA (*Littajātaka*)[98] (*J.* I. 379)

Thuốc độc được thoa bôi...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể lại về cách thọ dụng sự vật không suy nghĩ. Nghe nói, lúc bấy giờ, phần lớn các Tỷ-kheo nhận được y, v.v... có thói quen sử dụng chúng không suy nghĩ. Do sử dụng bốn vật dụng không suy nghĩ, họ không thoát khỏi đọa xứ, địa ngục, súc sanh. Bậc Đạo sư biết được việc này, liền dùng nhiều phương tiện thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, nói lên sự nguy hiểm lúc sử dụng bốn đồ vật mà không suy nghĩ:

– Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo không được sử dụng bốn đồ vật cần thiết mà không suy nghĩ. Do vậy, từ nay trở đi, hãy suy nghĩ xong rồi mới thọ dụng chúng!

Cách thức suy nghĩ này được nêu rõ:

– Ở đây, các Tỷ-kheo có suy tư khi sử dụng y, cốt để ngăn ngừa lạnh.

Sau khi đặt ra các điều lệ tương tự cho các vật dụng khác, bậc Đạo sư kết luận:

– Này các Tỷ-kheo, cần suy nghĩ như vậy mới nhận bốn vật dụng. Không suy nghĩ lúc nhận các vật dụng cũng giống như thọ dụng nọc độc con rắn. Các người xưa vì không suy nghĩ, không biết sự nguy hiểm đã thọ dụng thuốc độc, khi quả chín muồi phải chịu thống khổ.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình có gia sản lớn, khi đến tuổi trưởng thành, trở thành một người chơi con xúc xắc. Một người chơi con xúc xắc khác có tánh lừa đảo, chơi với Bồ-tát khi nó hơn, nó tiếp tục chơi, không xóa bỏ bàn chơi. Nhưng khi người khác hơn, nó liền đưa con xúc xắc vào miệng xem như là mất, rồi xóa bàn chơi và bỏ đi. Biết được việc làm của nó, Bồ-tát nói:

– Thôi được, ta có cách.

Bồ-tát đem những con xúc xắc về nhà, thoa thuốc độc, phơi khô, đi đến gần

[98] Xem *D.* II. 316, *Pāyāsisutta* (*Kinh Tệ-túc*).

nó và rủ nó chơi. Kẻ kia bằng lòng và sửa soạn bàn chơi. Khi đang chơi với Bồ-tát, thấy mình bị thua, nó liền bỏ một con xúc xắc vào trong miệng. Bồ-tát thấy nó làm như vậy, liền nói:

– Hãy nuốt đi. Sau ngươi sẽ biết cái này là gì!

Rồi Bồ-tát đọc câu kệ này để trách móc nó:

91. Thuốc độc được thoa bôi, Đốt cháy thật mãnh liệt,
Ngươi nuốt con xúc xắc, Nào đâu có biết vậy.
Nuốt, hãy nuốt nữa đi, Kẻ chơi ác độc kia,
Cuối cùng ngươi sẽ bị, Đau đớn cực thống khổ!

Khi Bồ-tát đang nói vậy, thuốc độc bắt đầu ngấm vào kẻ chơi xúc xắc lừa đảo, mắt nó xoay tròn, thân cúi quặp và té xuống đất. Bồ-tát nói:

– Thôi, ta sẽ cứu ngươi sống lại!

Bồ-tát cho nó uống loại thuốc trộn lẫn với các thứ thuốc khác, làm cho nó nôn ra, rồi cho nó ăn bơ chín, mật, đường, v.v... Khi nó bình phục, Bồ-tát khuyên nó lần sau chớ làm như vậy nữa. Bồ-tát tiếp tục trọn đời làm công đức bố thí, v.v... và khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, thọ dụng các đồ vật không suy nghĩ cũng như thọ dụng thuốc độc không suy nghĩ.

Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người hiền trí chơi xúc xắc là Ta vậy.

§92. CHUYỆN ĐẠI BẢO VẬT (*Mahāsārajātaka*) (*J.* I. 381)

Chiến trận cần anh hùng...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tôn giả Ānanda. Một thời, những nữ nhân ở cung vua xứ Kosala suy nghĩ như sau: "Đức Phật ra đời thật khó. Cũng vậy, được làm người với các căn đầy đủ thật khó. Dầu chị em ta có thân người này trong một thời có đức Phật, chị em ta vẫn không được đi đến tinh xá như ý muốn, không được nghe pháp, cúng dường hay bố thí. Chúng ta sống như bị quăng trong một cái hộp. Chị em ta hãy yêu cầu nhà vua cho cử một Tỷ-kheo xứng đáng thuyết pháp cho chị em ta. Khi nghe pháp, chị em ta có thể học làm các công đức như bố thí, v.v... Như vậy, với thời gian ngắn ngủi này, chị em ta sẽ có kết quả lợi ích." Tất cả nữ nhân cùng đi đến đức vua và nói lên sự suy tư của mình. Nhà vua chấp thuận.

Một hôm, vua muốn đi dạo chơi ở công viên và báo người giữ vườn dọn dẹp sạch sẽ. Trong khi dọn dẹp sạch sẽ công viên, người giữ vườn thấy bậc Đạo sư ngồi dưới một gốc cây, liền đi đến hầu vua và thưa:

– Thưa Thiên tử, công viên đã được dọn dẹp sạch sẽ. Nhưng tại đấy, dưới một gốc cây, đức Thế Tôn đang ngồi.

Vua nói:

– Tốt lắm, chúng ta sẽ nghe pháp từ bậc Đạo sư.

Rồi vua ngự lên cỗ xe có trang hoàng đẹp đẽ, đi đến công viên và yết kiến bậc Đạo sư. Lúc bấy giờ, Chattapāṇi, một nam cư sĩ đã chứng quả Bất lai đang ngồi nghe pháp từ bậc Đạo sư. Khi thấy nam cư sĩ ấy, vua ngần ngại, đứng một lát, suy nghĩ: “Nếu là người độc ác, người này đã không ngồi nghe pháp từ bậc Đạo sư. Vì không phải là người độc ác nên nó mới làm như vậy.”

Nghĩ xong, nhà vua đi đến gần bậc Đạo sư, đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên. Nam cư sĩ vì sự kính trọng đối với đức Phật, không đứng dậy hay đảnh lễ vua. Vua không hoan hỷ với vị ấy. Biết được nhà vua không hoan hỷ đối với nam cư sĩ ấy, bậc Đạo sư nói lên công đức của vị ấy:

– Thưa Đại vương, nam cư sĩ này nghe nhiều kinh tạng đã được Ta trao truyền và đã xa lìa các dục.

Vua nghĩ: “Chắc chắn người này không thể là người tầm thường, vì bậc Đạo sư tán thán công đức.” Vua hỏi:

– Này nam cư sĩ, nếu có cần gì hãy nói cho ta biết.

Nam cư sĩ nói:

– Tốt lành thay!

Vua nghe pháp từ bậc Đạo sư xong, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Một hôm, sau khi ăn sáng, cầm dù đi đến Kỳ Viên, vua gặp nam cư sĩ ấy, liền gọi đến và nói:

– Này nam cư sĩ, nghe nói ông là người nghe nhiều. Các nữ nhân của ta muốn nghe và học Chánh pháp. Lành thay, nếu ông nói pháp cho họ!

– Thưa Thiên tử, thật không thích hợp để những người tại gia nói pháp cho nội cung của vua. Việc ấy chỉ thích hợp với các Tôn giả xuất gia.

Vua nói:

– Người này nói sự thật.

Vua liền bảo người ấy ra đi, rồi cho gọi các nữ nhân và nói:

– Này các hiền nữ, ta sẽ đi đến bậc Đạo sư và xin cử một Tỳ-kheo thuyết pháp cho các hiền nữ. Trong tám mươi Đại đệ tử, ta sẽ xin ai?

Tất cả nữ nhân họp bàn và đồng ý lựa chọn Trưởng lão Ānanda, vị Chưởng khố Chánh pháp. Vua đi đến gặp bậc Đạo sư, đảnh lễ, ngồi xuống một bên và thưa:

– Bạch Thế Tôn, các nữ nhân trong cung của trẫm muốn nghe pháp và học pháp từ Trưởng lão Ānanda. Lành thay, nếu Trưởng lão ấy có thể thuyết pháp cho những người trong cung của trẫm!

Bậc Đạo sư chấp nhận cho Trưởng lão Ānanda. Từ đấy về sau, các nữ nhân của vua nghe pháp và học pháp từ Trưởng lão Ānanda.

Một hôm, một viên ngọc trên khăn vua bị mất. Vua biết được viên ngọc bị mất, cho gọi các đại thần và ra lệnh bắt tất cả mọi người trong nội cung để tìm cho ra viên ngọc trên khăn. Các đại thần bắt đầu từ các nữ nhân tra hỏi viên ngọc trên khăn. Họ làm phiền nhiễu rất nhiều người nhưng không tìm ra. Hôm ấy, Trưởng lão Ānanda vào cung điện vua. Trước kia, khi các nữ nhân thấy Trưởng lão họ đều hoan hỷ nghe pháp, học pháp. Lần này họ không được như vậy, tất cả đều sầu ưu. Khi Trưởng lão hỏi vì sao hôm nay họ lại như vậy, họ trả lời:

– Thưa Tôn giả, đức vua đã mất viên ngọc trên khăn. Và đức vua ra lệnh các đại thần bắt đầu tra hỏi từ các nữ nhân để tìm ngọc, làm phiền nhiễu mọi người ở trong cung. Chúng tôi không biết việc gì sẽ xảy ra cho ai. Do vậy, chúng tôi ưu phiền.

Trưởng lão nói an ủi họ:

– Chớ lo nghĩ việc ấy nữa!

Rồi Trưởng lão đi đến gặp nhà vua, ngồi trên ghế đã soạn sẵn và hỏi:

– Thưa Đại vương, tôi nghe nói Đại vương mất viên ngọc phải không?

– Thưa Tôn giả, sau khi bắt tất cả mọi người ở trong cung và làm phiền nhiễu họ, tôi vẫn chưa có thể tìm được.

– Thưa Đại vương, không cần phiền nhiễu đông người, vẫn có phương cách tìm ra viên ngọc.

– Cách thức nào vậy, thưa Tôn giả?

– Thưa Đại vương, bằng cách cho một nắm rơm.

– Cho nắm rơm để làm gì vậy, thưa Tôn giả?

– Thưa Đại vương, với những ai bị ngài nghi ngờ, hãy họp họ lại, cho mỗi người một nắm rơm hay cục đất sét và nói: "Ngày mai, vào sáng sớm, hãy đem cái này và đặt tại chỗ ấy." Người nào lấy viên ngọc sẽ đặt nó trong nắm rơm hay cục đất sét mang lại. Nếu ngày đầu họ mang lại thì rất tốt. Nếu không, ngày thứ hai, ngày thứ ba, họ cũng phải mang lại. Như vậy, đại chúng không bị phiền nhiễu và ngài có thể lấy lại được viên ngọc.

Nói vậy xong, Trưởng lão ra về. Vua làm theo lời dặn, nhưng ba ngày qua, không ai đem lại viên ngọc. Trưởng lão đến vào ngày thứ ba và hỏi:

– Thưa Đại vương, viên ngọc đã được đem lại chưa?

– Thưa Tôn giả, chưa.

– Vậy Đại vương, trong sân lớn, tại một chỗ kín hãy cho đặt một cái ghè nước lớn, đổ đầy nước, treo xung quanh một cái màn. Rồi ra lệnh cho mọi người lui tới trong nội cung, đàn ông và cả đàn bà, phải cởi áo ngoài, lần lượt đi vào trong màn một mình, rửa tay rồi đi ra.

Trưởng lão nói phương tiện này xong rồi ra đi. Nhà vua làm như lời dặn. Kẻ ăn cắp hòn ngọc suy nghĩ: "Vị Chưởng khố Chánh pháp đã nắm lấy vấn đề này, nếu không tìm ra được viên ngọc sẽ không bỏ cuộc. Nay đã đến lúc cần phải đem trả lại viên ngọc." Nghĩ vậy, nó giấu viên ngọc trong người, đi vào trong tấm màn, bỏ rơi ngọc vào ghè nước rồi đi ra. Khi tất cả mọi người đã đi xong, người ta đổ nước và tìm được viên ngọc. Vua nói:

– Nhờ Trưởng lão, không phiền nhiễu đại chúng, ta đã tìm được viên ngọc.

Vua rất bằng lòng. Những người lui tới trong nội cung cũng bằng lòng và nói:

– Nhờ Trưởng lão, chúng tôi được thoát khỏi đau khổ lớn.

Câu chuyện nhờ uy lực tuyệt diệu của Ānanda, họ đã tìm ra viên ngọc trên khăn vua, được toàn kinh thành và chúng Tỷ-kheo biết. Các Tỷ-kheo ngồi họp tại pháp đường tán thán công đức của Trưởng lão:

– Thưa các Hiền giả, nhờ nghe nhiều, nhờ bác học, nhờ phương tiện thiện xảo của Trưởng lão Ānanda, đại chúng không bị phiền nhiễu, với phương tiện, viên ngọc được tìm lại.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi ở đây luận bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải nay đồ vật gì đã vào tay người khác lại tìm được là nhờ Ānanda. Thuở trước, các bậc Hiền trí không làm phiền nhiễu đại chúng, chỉ với phương tiện, tìm được đồ vật đã đi vào tay của loài vật.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmandatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát đạt sự thuần thục trong tất cả các nghề và trở thành vị đại thần của vua ấy. Một hôm, nhà vua cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo đi đến công viên, sau khi dạo chơi giữa rừng xong, lại muốn đi chơi trong nước.

Vua đi xuống một hồ nước dành cho vua và gọi các cung nữ cởi các vàng ngọc trang sức trên đầu, trên cổ, đặt chúng trên cái áo ngoài, đưa vào trong hộp và giao các nữ tỳ trông coi rồi đi xuống hồ.

Khi ấy, có một con khỉ cái ở công viên ngồi giữa các cành cây, thấy hoàng hậu cởi các đồ trang sức bỏ trên cái áo ngoài, đặt chúng vào trong hộp. Con khỉ cái muốn đeo dây chuyền bằng ngọc của hoàng hậu, ngồi nhìn chờ xem khi nào người nữ tỳ lơ đễnh là nó đánh cắp.

Người nữ tỳ canh gác, thỉnh thoảng nhìn qua nhìn lại rồi bắt đầu ngủ gật. Con khỉ cái biết người nữ tỳ đã lơ đễnh, liền leo xuống mau như gió, lấy sợi dây chuyền lớn đeo cổ, leo lên cũng mau như gió, ngồi núp giữa các cành cây. Rồi

sợ các con khỉ cái khác thấy, nó giấu sợi dây chuyền vào một cái lỗ cây và ngồi canh gác với dáng điệu bình tĩnh.

Người nữ tỳ tỉnh dậy, không thấy sợi dây chuyền, quá run sợ, không có cách gì khác liền la to:

– Có người đàn ông lấy cắp sợi dây chuyền của hoàng hậu rồi chạy trốn!

Nghe người nữ tỳ la, những người canh gác từ nhiều phía tụ họp lại, liền báo cho vua biết. Vua ra lệnh bắt tên ăn trộm. Họ chạy ra khỏi công viên, đi tìm tên ăn trộm khắp nơi. Một kẻ dân quê đang lễ bái, nghe tiếng la, liền hoảng sợ bỏ chạy. Thấy vậy, các người ấy nghĩ nó là thằng ăn trộm bèn đuổi theo bắt nó, đánh nó và nói mỉa mai:

– Đồ ăn trộm ác độc kia, ngươi lấy cắp đồ trang sức đắt tiền như vậy để làm gì?

Người dân quê suy nghĩ: "Nếu ta nói không lấy, mạng sống ta hôm nay không còn nữa. Chúng sẽ đánh và giết ta. Vậy ta hãy nhận là có lấy." Nó nhận có lấy, liền bị trói và dẫn đến vua. Vua hỏi nó:

– Có phải ngươi lấy đồ trang sức đắt tiền?

– Thưa Thiên tử, tôi có lấy.

– Nay vật ấy ở đâu rồi?

– Thưa Thiên tử, vật quý giá đối với tôi, tôi lấy để làm gì? Tôi là người từ trước không bao giờ có được cái giường, chiếc ghế. Nhưng người triệu phú bảo tôi lấy đồ trang sức đắt tiền ấy. Tôi đã lấy và giao cho ông ta rồi. Ông ta biết đồ trang sức ấy.

Vua truyền gọi người triệu phú và hỏi ông có lấy đồ trang sức quý giá từ tay người dân quê ấy không.

– Thưa Thiên tử, có.

– Đồ ấy ở đâu rồi?

– Tôi đã đưa cho người cố vấn tế tự của ngài.

Người cố vấn tế tự được gọi và được hỏi như trước. Ông thú nhận có lấy và đã đưa cho người nhạc trưởng. Người nhạc trưởng bị gọi và hỏi, liền khai đã đưa cho một người kỹ nữ như là một món quà tặng. Người kỹ nữ bị hỏi, cô trả lời không lấy. Trong khi hỏi chưa xong thì mặt trời lặn, vua nói:

– Nay hết giờ rồi, ngày mai sẽ tiếp tục việc này.

Vua giao năm người ấy cho các vị đại thần và đi vào thành.

Lúc ấy, Bồ-tát suy nghĩ: "Đồ trang sức này bị mất ở trong công viên. Kẻ dân quê này ở ngoài công viên và cửa có lính gác thì không thể vào trong công viên, còn người ở trong công viên cũng không thể lấy và chạy trốn ra ngoài được. Người nghèo khổ này nói: 'Tôi đã đưa cho người triệu phú', có lẽ vì để tự giải thoát cho mình thôi. Còn người triệu phú nói: 'Tôi đã đưa cho người cố vấn

tế tự', có lẽ vì muốn làm cho kẻ ấy thành đồng lõa để cùng được thoát ra. Còn người cố vấn tế tự nói: 'Tôi đã đưa cho người nhạc trưởng', có lẽ vì nghĩ rằng nhờ người nhạc trưởng, sẽ sống vui trong nhà tù. Người nhạc trưởng nói: 'Tôi đã cho người kỹ nữ', với hy vọng mình sẽ được hưởng lạc thú với người kỹ nữ ở trong tù. Cả năm người này không thể là người ăn trộm. Trong công viên có nhiều loài khỉ. Vật trang sức có lẽ đã rơi vào tay một con khỉ cái!"

Nghĩ vậy, Bồ-tát đi đến yết kiến vua và thưa:

– Thưa Đại vương, hãy giao những người ăn trộm cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ tìm kiếm ai đã làm việc này.

Vua chấp thuận, giao những người ăn trộm cho Bồ-tát. Bồ-tát cho gọi những người làm công và bảo:

– Hãy cho năm người này ở trong một chỗ, canh gác xung quanh, lóng tai nghe họ nói những gì và báo cho ta biết!

Nói xong, Bồ-tát ra đi và các người ấy làm theo lời dặn. Trong khi cả năm người đang ngồi tù, người triệu phú nói với người dân quê:

– Này đồ dân quê ác độc kia, ta với ngươi trước đây không có gặp nhau. Vậy sao ngươi nói ngươi đưa cho ta đồ trang sức ấy?

– Thưa ông đại triệu phú, tôi không bao giờ biết đến cái giường, cái ghế đẩu với chân bằng lõi cây được gọi là quý giá. Tôi nghĩ, tôi nương nhờ vào ông mới được giải thoát, nên tôi nói vậy. Mong ông chủ chớ giận tôi!

Người cố vấn tế tự hỏi người triệu phú:

– Thưa ông đại triệu phú, làm sao ông lại đưa cho tôi một vật mà người này không hề đưa cho ông?

– Vì tôi nghĩ rằng hai chúng ta là những người có quyền thế. Nếu chúng ta cùng đứng với nhau, thời sự việc sẽ được giải quyết mau chóng! Do nghĩ vậy nên tôi đã khai như vậy.

Vị nhạc trưởng nói với người cố vấn tế tự:

– Này Bà-la-môn, ông đưa cho tôi đồ trang sức lúc nào?

– Tôi nghĩ rằng nhờ ông, tôi sẽ sống an lạc tại chỗ cư trú, nghĩ vậy nên tôi nói vậy.

Người kỹ nữ nói với người nhạc trưởng:

– Này người nhạc trưởng độc ác kia, trước đây tôi chưa bao giờ đến với ông, trước đây ông cũng chưa bao giờ đến với tôi. Vậy ông đưa tôi vật trang sức khi nào?

– Này chị, chị phẫn nộ làm gì? Năm chúng ta cùng chung sống với nhau trong một nhà. Hãy hoan hỷ sống cho được thoải mái! Do nghĩ vậy nên tôi khai cho chị.

Bồ-tát nghe câu chuyện ấy từ những người được giao việc, biết rằng năm

người ấy không phải ăn trộm, chắc con khỉ cái đã lấy đồ trang sức và tìm một phương tiện để làm cho nó bỏ rơi đồ trang sức ấy. Bồ-tát sai làm nhiều đồ trang sức bằng chuỗi hạt, cho bắt một số khỉ cái trong vườn, cho chúng đeo các đồ trang sức bằng chuỗi hạt trên tay, trên chân, trên cổ rồi thả chúng ra. Trong khi ấy, con khỉ cái ăn trộm kia vẫn ngồi ở công viên canh gác bảo vật của nó. Bồ-tát ra lệnh cho họ:

– Các người hãy đi và dò xét, rình xem tất cả bầy khỉ cái. Khi nào thấy đồ trang sức ở con khỉ cái nào, hãy dọa nó và lấy lại đồ trang sức!

Những con khỉ cái ấy được cho các đồ trang sức, tự mãn, tự hào, đi qua đi lại trong công viên, đi đến con khỉ cái ăn trộm kia và nói:

– Này, xem đồ trang sức của chúng tôi!

Con khỉ cái kia không dằn nổi lòng ganh tị, liền nói:

– Quý gì đồ trang sức bằng hạt ấy!

Rồi nó lấy dây chuyền ngọc mang vào. Các người đứng rình thấy vậy liền tìm cách làm cho nó cởi bỏ đồ trang sức ra, rồi mang về cho Bồ-tát. Cầm lấy đồ trang sức ấy, Bồ-tát đem dâng vua và thưa:

– Thưa Đại vương, năm người ấy không phải là ăn trộm. Chính con khỉ cái trong vườn đã lấy đồ trang sức này.

Vua nói:

– Thưa bậc Hiền trí, làm sao bậc Hiền trí biết được là chính con khỉ cái ấy tự tay lấy chuỗi ngọc? Làm sao bậc Hiền trí lấy chuỗi ngọc lại được?

Bồ-tát kể lại toàn bộ câu chuyện, nhà vua rất bằng lòng và nói:

– Dẫn đầu các chiến trường cần phải có những anh hùng.

Vua thưởng cho Bồ-tát rất nhiều vàng ngọc và nói lên bài kệ:

92. Chiến trận cần anh hùng, Khuyên bảo cần bình tĩnh,
Ăn uống cần bạn thân, Gặp việc cần Hiền trí.

Như vậy, nhà vua tán thán Bồ-tát, đề cao Bồ-tát và cúng dường Bồ-tát bảy món báu. Vâng theo lời khuyến giáo của Bồ-tát, vua sống trọn đời làm các công đức rồi đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nói lên công đức của Trưởng lão và nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda, còn đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§93. CHUYỆN NGỘ ĐỘC DO LUYẾN ÁI (*Vissāsabhojanajātaka*) (*J*. I. 387)

Chớ tin người thân tín...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể sự thọ dụng dựa vào người thân. Nghe nói, trong thời ấy, các Tỷ-kheo phần lớn tự bằng lòng với bốn

vật dụng do các bà con cúng dường và thọ dụng các vật ấy mà không suy tư. Họ viện lẽ rằng, khi còn là cư sĩ, họ đã nhận đồ vật từ mẹ hay từ cha, từ anh em hay từ chị em, từ mẹ nhỏ hay từ cha nhỏ, từ chú cậu hay từ dì cô.

Bậc Đạo sư nghe việc này nghĩ rằng cần phải cho các Tỷ-kheo một bài thuyết pháp. Vì thế, Ngài họp các Tỷ-kheo lại và nói:

– Này các Tỷ-kheo, dầu người cho là những người bà con hay những người khác, Tỷ-kheo cần phải suy tư khi thọ dụng bốn đồ vật. Thọ dụng không suy tư, khi đúng thời, Tỷ-kheo không thể thoát khỏi tái sanh làm dạ-xoa hay ngạ quỷ. Thọ dụng các đồ vật không suy tư cũng giống như thọ dụng thuốc độc. Và thuốc độc, dẫu từ người cho là người thân tín hay người không thân tín vẫn giết chết được. Thuở xưa, có chúng sanh thọ dụng thuốc độc do bạn thân tín cho và đã đi đến mạng chung.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị triệu phú giàu có. Bồ-tát có một người chăn bò, khi đến mùa lúa chín, kẻ ấy liền bắt các con bò lại, dắt chúng vào rừng làm một cái chuồng bò và sống tại đấy để chăn giữ chúng. Thỉnh thoảng, kẻ ấy mang sữa về cho vị triệu phú. Không xa chuồng bò bao nhiêu có con sư tử trú tại đấy. Các con bò cái vì sợ hãi sư tử nên sữa khô cạn, không có nhiều. Một hôm, khi người chăn bò đem bơ chín cho vị triệu phú, vị ấy hỏi:

– Này bạn chăn bò, sao bơ chín ít vậy?

Người chăn bò nói rõ lý do.

– Này bạn, con sư tử ấy có ái mộ ai không?

– Thưa ông chủ, nó thân ái với con nai cái.

– Vậy bạn có thể bắt được con nai cái không?

– Thưa ông chủ, được.

– Bạn hãy bắt con nai cái, rồi với thuốc độc, bạn thoa đi thoa lại, bắt đầu từ trán đến hết cả lông trên thân nai, để cho khô, sau hai ba ngày hãy thả con nai cái ra. Con sư tử vì luyến ái con nai cái, sẽ liếm thân nó và sẽ đi đến mạng chung. Hãy lấy da, móng, răng và mỡ con sư tử rồi đem lại đây!

Nói xong, Bồ-tát đưa thuốc độc và bảo kẻ ấy đi. Người chăn bò đặt lưới, bắt được con nai cái và làm như đã được dặn. Con sư tử thấy con nai cái, với lòng luyến ái mạnh, liếm thân con nai cái và mạng chung. Người chăn bò lấy da sư tử, v.v... và đi đến Bồ-tát. Ngài biết sự việc xảy ra, liền nói:

– Không nên luyến ái người khác. Con sư tử, vua các loài thú, có sức mạnh như vậy, nhưng do ái nhiễm nên quá thân mật, liếm thân con nai cái, ăn phải thuốc độc và mạng chung.

Nói vậy xong, ngài thuyết pháp cho hội chúng đang tập hợp và đọc bài kệ này:

93. Chớ tin người thân tín, Chớ tin người không thân.
Do tin sợ hãi đến, Như sư tử, nai cái.

Như vậy, Bồ-tát thuyết pháp cho hội chúng và trọn đời làm các công đức bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người triệu phú là Ta vậy.

§94. CHUYỆN NỖI KINH HOÀNG (*Lomahaṁsajātaka*)[99] (*J.* I. 389)

Nay nóng ran, lạnh buốt...

Câu chuyện này, khi trú ở Pāṭikārāma gần Vesāli (Tỳ-xá-ly), bậc Đạo sư đã kể về Sunakkhatta. Một thời, Sunakkhatta, thị giả của bậc Đạo sư, đem theo y bát, thích thú đi theo giáo pháp của Sát-đế-ly Kora, gửi trả lại y bát cho bậc Đạo sư. Do duyên Sát-đế-ly Kora, Sunakkhatta trở thành một gia chủ. Trong khi Kora bị tái sanh làm thần a-tu-la Kālakañjika, còn Sunakkhatta thường bộ hành trong ba vòng tường của Vesāli, chỉ trích bậc Đạo sư và nói:

– Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng với bậc Thánh. Sa-môn ấy thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm và thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, không có thể dẫn người thực hành đến diệt tận khổ đau.

Rồi trong khi Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) đi khất thực, nghe lời chỉ trích của kẻ ấy như vậy, khi trở về, Tôn giả báo cáo sự việc ấy lên Thế Tôn. Ngài nói:

– Sunakkhatta phẫn nộ và ngu si. Do phẫn nộ nên nó nói vậy, lại do phẫn nộ nên nó nói rằng: "Pháp ấy không có thể dẫn người thực hành đến diệt tận khổ đau", nó cũng không biết công đức của Ta để mà nói. Kẻ ngu si ấy không biết được công đức của Ta. Này Sāriputta, Ta có được sáu thắng trí, đấy là pháp thượng nhân của Ta. Ta có mười lực, có bốn vô sở úy, có trí biết bốn sanh hữu và có trí biết năm sanh thú, đấy là pháp thượng nhân của Ta. Ta có pháp thượng nhân như vậy. Ai nói rằng: "Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân", người ấy nếu không chấm dứt lời nói ấy, nếu không chấm dứt tâm ấy, nếu không từ bỏ tà kiến ấy sẽ bị rơi vào địa ngục.

Sau khi nói công đức các pháp thượng nhân tự có, bậc Đạo sư nói thêm:

– Này Sāriputta, nghe nói Sunakkhatta ưa thích tà khổ hạnh khó hành trì của Sát-đế-ly Kora, do ưa thích tà khổ hạnh nên nó không thể tịnh tín đối với Ta. Cách đây chín mươi mốt kiếp, Ta sống đời Phạm hạnh gồm có bốn phần để suy

---

[99] Xem *M.* I. 68, *Mahāsīhanādasutta* (*Đại kinh Sư tử hống*), số 12.

tư tìm hiểu tà khổ hạnh ngoại đạo thật sự có căn bản chân lý hay không. Là người tu khổ hạnh, Ta tu khổ hạnh đệ nhất. Là người hành trì thô thực, Ta tu hạnh thô thực đệ nhất. Là người hành trì yểm ly, Ta tu hạnh yểm ly đệ nhất. Là người hành trì hạnh viễn ly, Ta tu hạnh viễn ly đệ nhất.

Sau khi nói như vậy, theo lời thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, chín mươi mốt kiếp về trước, để suy xét tìm hiểu về khổ hạnh ngoại đạo, Bồ-tát đã xuất gia làm vị tà mạng ngoại đạo, sống lõa thể, thân lấm đầy bụi, sống viễn ly cô độc, thấy người liền chạy trốn như con nai, ăn các thứ đại bất tịnh như cá thúi, phân bò, v.v... Để giữ mình không phóng dật, Bồ-tát sống trong một lùm cây đáng sợ hãi trong rừng. Sống tại đấy, vào mùa đông có tuyết, trong những đêm giữa các ngày thứ tám, trước và sau rằm, Bồ-tát đi ra khỏi lùm cây, sống ngoài trời, khi mặt trời mọc, Bồ-tát vô lùm trở lại. Ban đêm, Bồ-tát bị ướt vì ngài ở ngoài trời tuyết. Ban ngày, Bồ-tát cũng bị ướt bởi những giọt nước rơi từ lùm cây. Như vậy, ngày đêm, Bồ-tát cảm thọ khổ đau vì lạnh. Trong cuối tháng mùa hạ, ban ngày, Bồ-tát bị đốt cháy bởi ánh nắng mặt trời; cũng vậy, ban đêm, Bồ-tát bị nóng nực ở trong lùm cây không có gió. Vì thế, mồ hôi thoát chảy từ thân ngài. Câu kệ này từ trước chưa từng được nghe, khởi lên trong trí ngài:

94. Nay nóng ran, lạnh buốt, Cô độc trong rừng hiểm,
Ngồi trần truồng, không lửa, Ẩn sĩ tìm chân lý.

Như vậy, Bồ-tát suốt đời sống khổ hạnh khắc nghiệt với đầy đủ bốn phần (thời học tập, thời gia chủ, thời tôn giáo, thời Sa-môn). Khi lâm chung, ngài thấy tướng địa ngục khởi lên, biết được khổ hạnh này không có kết quả. Ngay lúc ấy, ngài phá vỡ tà kiến của mình, nắm giữ chánh tri kiến và tái sanh lên thiên giới.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Ta là vị tà mạng ngoại đạo.

§95. CHUYỆN VUA ĐẠI THIỆN KIẾN (*Mahāsudassanajātaka*)[100] (*J.* I. 390)

Các hành là vô thường...

Câu chuyện này, khi nằm trên giường, đắc Niết-bàn Vô dư y, bậc Đạo sư đã kể về lời nói của Trưởng lão Ānanda: “Thế Tôn chớ nhập Niết-bàn tại thành phố nhỏ tồi tàn này.”

[100] Xem *D.* II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*), số 16; *D.* II. 169, *Mahāsudassanasutta* (*Kinh Đại Thiện Kiến Vương*), số 17; *S.* I. 5, *Nandanasutta* (*Kinh Nandana*); *S.* I. 157, *Parinibbānasutta* (*Kinh Bát-niết-bàn*); *S.* II. 190, *Vepullapabbatasutta* (*Kinh Núi Vepulla*); *Thag.* v. 1146, *Dhammasavaṇiyattheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Dhammasavaṇiya*); *Ap.* I. 64, 73; II. 384; *Cp.* 75, *Mahāsudassanacariya* (*Hạnh của* [*đức Bồ-tát*] *Mahāsudassana*).

Khi Như Lai trú ở Kỳ Viên, Ngài suy nghĩ: “Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất) sanh ở làng Nāḷaka, đắc Niết-bàn Vô dư y ở Varaka vào đêm rằm Kattikā. Còn Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) mạng chung cũng vào tháng Kattikā trong phần trăng tối. Như vậy, hai đệ tử đầu tay đã đắc Niết-bàn Vô dư y. Ta sẽ đắc Niết-bàn Vô dư y ở Kusinārā.”

Rồi bậc Đạo sư tiếp tục bộ hành đi đến đấy và nằm không dậy nữa trên chiếc giường, đầu hướng về phía Bắc, giữa hai cây sāla. Rồi Trưởng lão Ānanda thỉnh cầu Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ diệt độ tại thành phố nhỏ tồi tàn này, tại thành phố nhỏ hoang vu này, tại thành phố nhỏ ngoại ô này. Thế Tôn hãy diệt độ tại một trong những thành phố lớn như Vương Xá, v.v...

Bậc Đạo sư nói:

– Này Ānanda, chớ nói đây là một thành phố nhỏ tồi tàn, thành phố nhỏ hoang vu, thành phố nhỏ ngoại ô. Thuở xưa, trong thời Vua Chuyển Luân Thiện Kiến, Ta đã sống trong thành phố này. Lúc ấy, thành phố này là một đô thị vĩ đại được bao bọc với những bức thành bằng châu báu dài đến mười hai do-tuần.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của Trưởng lão, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Lúc ấy, Hoàng hậu Subhaddā (Thiện Tường) thấy Vua Đại Thiện Kiến từ lâu đài Chánh pháp (Dhamma) đi xuống không xa bao nhiêu, rồi nằm về phía hông bên phải trên long sàng được sửa soạn cho ngài, tại rừng sāla làm bằng bảy báu, từ đó ngài không dậy nữa. Thấy vậy, bà nói:

– Thưa Thiên tử, tám mươi bốn ngàn thành phố, đứng đầu là kinh đô Kusāvatī, thuộc quyền của Đại vương, hãy hướng ý muốn về chúng!

Nghe vậy, Vua Đại Thiện Kiến nói với Hoàng hậu:

– Hoàng hậu chớ nói vậy! Hoàng hậu nên khuyến khích ta: Hãy hướng tâm đến chỗ này, chớ mong chờ các chỗ khác!

Hoàng hậu hỏi:

– Vì sao?

Vua đáp:

– Hôm nay ta sẽ băng hà.

Hoàng hậu khóc. Sau khi lau nước mắt, bà nói lên một cách khó khăn, mệt nhọc như lời vua khuyên bảo, rồi bà khóc than. Tám mươi bốn ngàn nữ nhân còn lại cũng đều than khóc theo bà. Các đại thần cũng không thể chịu đựng nổi. Tất cả đều khóc ròng. Vua nói:

– Chớ làm ồn!

Sau khi ngăn chặn mọi người, ngài nói với hoàng hậu:

– Hoàng hậu chớ khóc, chớ than! Vì nhỏ cho đến hột mè, không có hành nào là thường còn. Tất cả là vô thường, chịu sự biến hoại.

Nói vậy xong, để khuyến giáo hoàng hậu, ngài đọc bài kệ này:

95. Các hành là vô thường, Bản tánh chúng sanh diệt,
Chúng sanh rồi chúng diệt, Nhiếp chúng là an lạc.

Như vậy, Vua Đại Thiện Kiến lấy Đại Niết-bàn bất tử là đỉnh thuyết pháp cao nhất, rồi khuyến giáo đại chúng còn lại:

– Hãy bố thí, trì giới và hành trì trai giới!

Khuyến cáo xong, cuối cùng, ngài tái sanh ở thiên giới.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Hoàng hậu Subhaddā là mẹ Rāhula (La-hầu-la), Hoàng tử là Rāhula, hội chúng còn lại là hội chúng của Như Lai và Vua Đại Thiện Kiến là Ta vậy.

§96. CHUYỆN BÁT DẦU (*Telapattajātaka*) (*J.* I. 393)

Như người mang bát dầu...

Câu chuyện này, khi ở tại một rừng cây gần thị trấn Desaka, nước Sumbha, bậc Đạo sư đã kể về *Kinh Janapadakalyāṇi*.[101] Tại đấy, Thế Tôn nói:

– Này các Tỷ-kheo, ví như một đại chúng tụ họp lại và la to: "Hoan hô cô gái đẹp địa phương!" Khi cô gái địa phương tuyệt diệu ấy hát lên, một đại chúng lớn hơn nữa tụ họp lại và la to: "Hoan hô cô gái đẹp địa phương múa và hát tuyệt diệu!" Khi ấy, một người đàn ông đến, muốn sống không muốn chết, muốn an lạc không muốn khổ. Họ nói với người ấy: "Này gã kia, chú hãy mang bát dầu đầy ắp này đi giữa đám đông và cô gái đẹp địa phương. Một người đàn ông với cây kiếm giơ cao đi sau lưng chú. Chỗ nào chú làm đổ một ít dầu ra, ngay chỗ ấy, nó sẽ chém đầu chú." Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào, người ấy có thể không tác ý đến bát dầu ấy, mang đi với tâm phóng dật hướng ngoại không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, đây là ví dụ Ta dùng để làm ý nghĩa được rõ ràng. Ý nghĩa này ở đây là như sau: "Bát dầu đầy ắp, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với thân hành niệm." Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: "Thân hành niệm cần phải được chúng tôi tu tập và khéo hành trì." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập!

Rồi bậc Đạo sư nói lên *Kinh Janapadakalyāṇi* này.

Sau khi nói kinh này, Thế Tôn lại nói thêm:

---

[101] Xem *Ap.* II. 572, *Nandājanapadakalyāṇīapadāna* (*Ký sự về Nandā, mỹ nhân của xứ sở*).

– Vị Tỷ-kheo muốn tu tập thân hành niệm, cũng giống như người đàn ông ấy với bàn tay bưng bát dầu. Phải nắm giữ niệm, không phóng dật. Tu tập thân hành niệm cần phải như vậy.

Các Tỷ-kheo nghe kinh này xong và hiểu ý nghĩa kinh bèn nói như sau:

– Bạch Thế Tôn, thật khó làm đối với người ấy không nhìn cô gái đẹp địa phương, vừa bưng bát dầu vừa đi.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, làm như người đàn ông ấy không khó lắm, mà chính là dễ làm. Vì sao? Vì kẻ ấy được một người đi theo dọa nạt với cây gươm giơ cao. Nhưng thật rất khó cho những bậc Hiền trí thuở xưa, không phóng dật, không bỏ niệm, chế ngự các căn, không nhìn sắc đẹp hoàn mỹ của thiên nữ được hóa sanh, vẫn đi và đạt được quốc độ.

Sau khi nói vậy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm người con trai trẻ nhất trong một trăm người con của vua, dần dần đến tuổi trưởng thành. Thời ấy, các vị Phật Độc Giác thường đến dùng cơm trong cung điện của vua, và Bồ-tát phục vụ các vị ấy. Một hôm, Bồ-tát suy nghĩ: "Ta có rất nhiều anh, không biết ta có được vương quốc thuộc gia sản trong thành này hay không? Nếu hỏi các vị Phật Độc Giác, ta sẽ biết."

Vào ngày kế tiếp, khi các vị Phật Độc Giác đến, Bồ-tát đem lại bình thủy, lọc nước rửa chân cho các vị ấy và lau khô. Ăn xong, khi các vị ấy đang ngồi, Bồ-tát đảnh lễ, ngồi xuống một bên và hỏi vấn đề ấy. Các Phật Độc Giác trả lời:

– Này Hoàng tử, ngài sẽ không được vương quốc trong thành phố này. Từ đây cách xa khoảng hai ngàn do-tuần, tại nước Gandhāra, có một thành phố tên là Takkasilā. Nếu Hoàng tử có thể đến đó trong vòng bảy ngày, ngài sẽ được vương quốc, nhưng có sự nguy hiểm trên con đường đi đến đó. Nếu như đi thẳng, con đường dài năm mươi do-tuần, ngài phải ngang qua khu rừng lớn. Bằng cách đi vòng khu rừng ấy thì con đường dài một trăm do-tuần. Đó là khu rừng hoang vu có phi nhân ở. Giữa quãng đường rừng, các nữ dạ-xoa dựng lên những căn nhà, dưới cái tàng có trang hoàng bằng những ngôi sao vàng lấp lánh, chúng bày một cái giường lớn quý giá, xung quanh có màn treo đẹp đẽ, với nhiều màu sắc tuyệt diệu. Chúng tô điểm với đồ trang sức chư thiên và ngồi trong các căn nhà ấy. Khi có những người đàn ông đi đến, chúng cám dỗ, kêu gọi với những lời dịu ngọt: "Các người có vẻ mệt mỏi, hãy đến đây, ngồi xuống uống nước rồi đi!" Với những ai đến đó, các nữ dạ-xoa đều mời ngồi, làm họ khởi dậy lòng tham dục với sắc đẹp mỹ miều của chúng, khiến họ bị ái dục chi phối. Khi họ hành lạc với chúng, ngay khi ấy, các nữ dạ-xoa ăn thịt họ với máu còn nhỏ giọt, chấm dứt mạng sống của họ. Những ai đam mê sắc, chúng lấy sắc đẹp tuyệt trần cám dỗ; những ai đam mê tiếng, chúng lấy lời ca, điệu nhạc dịu

ngọt cám dỗ; những ai đam mê hương, chúng lấy thiên hương cám dỗ; những ai đam mê vị, chúng lấy các món ăn chư thiên hảo hạng cám dỗ; những ai đam mê xúc, chúng lấy giường chư thiên với nệm đỏ hai đầu cám dỗ. Nhưng nếu Hoàng tử nhiếp phục được các căn, cương quyết không nhìn chúng, an trú chánh niệm mà đi; đến ngày thứ bảy, ngài sẽ nhận được vương quốc tại đây.

Bồ-tát thưa:

– Thưa các Tôn giả, mong sự việc là như vậy. Sau khi nhận lãnh lời khuyến giáo của các Tôn giả, làm sao chúng tôi lại nhìn các nữ dạ-xoa ấy?

Sau khi nhờ các vị Phật Độc Giác chú nguyện, mang theo cát làm bùa, sợi dây làm bùa, Bồ-tát đảnh lễ các vị Phật Độc Giác và mẹ cha rồi đi về nhà nói với những người hầu hạ của mình:

– Ta đi Takkasilā để lấy vương quốc, các bạn hãy ở lại đây!

Năm người xin được cùng đi với Bồ-tát, ngài nói:

– Các bạn không thể đi được, nghe nói giữa đường các nữ dạ-xoa thấy những người tham sắc, chúng sẽ dùng sắc... khiến họ sanh lòng ái dục, rồi bắt lấy những người ấy. Sự nguy hiểm thật lớn, nhưng ta tự tin vào ta và ta sẽ đi.

– Thưa Hoàng tử, làm sao đi với ngài, chúng tôi lại nhìn sắc đẹp khả ái ấy? Chúng tôi sẽ đi đến đấy.

Bồ-tát nói:

– Vậy các bạn chớ phóng dật, phải quyết tâm!

Bồ-tát đem theo năm người ấy và lên đường. Các nữ dạ-xoa tạo nên các làng, v.v... và ngồi chờ.

Một người tham sắc trong bọn họ nhìn các nữ dạ-xoa ấy, bị trói buộc bởi sắc đẹp của chúng nên đi chậm lại sau, Bồ-tát nói:

– Sao bạn đi chậm ra sau?

– Thưa Hoàng tử, chân của tôi đau. Sau khi ngồi nghỉ ở căn nhà kia một lát, tôi sẽ đi.

– Này bạn, chúng là nữ dạ-xoa, chớ có tham đắm chúng.

– Dầu sự việc là vậy, thưa Hoàng tử, tôi cũng không thể đi nữa.

– Nếu vậy, bạn sẽ thấy sự việc xảy ra như thế nào!

Nói xong, Bồ-tát đem bốn người kia đi. Người tham đắm sắc đi đến gần các nữ dạ-xoa. Khi người ấy bắt đầu hành lạc với chúng, chúng liền giết chết để ăn thịt. Rồi chúng đi về phía trước, tạo lên một căn nhà khác, đem theo nhiều loại nhạc khí ngồi hát. Ở đấy, người tham đắm tiếng đi chậm lại sau. Các nữ dạ-xoa ăn thịt kẻ ấy, rồi đi tới trước, mở một quán hàng, bày đầy các hộp hương thơm và ngồi đợi. Ở đấy, người ham mê hương đi chậm lại sau. Các nữ dạ-xoa ăn thịt kẻ ấy, rồi đi về phía trước, mở một quán bán đồ ăn, bày những chén bát mâm đĩa đựng nhiều món ăn hảo hạng của chư thiên và chúng ngồi đợi tại đây. Người

tham đắm các vị, khi đi đến đấy, bèn đi chậm lại sau. Các nữ dạ-xoa ăn thịt kẻ ấy, rồi đi tới phía trước, bày biện những giường nằm chư thiên và ngồi tại đấy. Ở đấy, người tham đắm xúc đi chậm lại sau, rồi cũng bị ăn thịt. Khi chỉ còn một mình Bồ-tát, một nữ dạ-xoa nói:

– Người này dầu có kiên trì mấy đi nữa, ta cũng sẽ ăn thịt nó và đi trở về.

Rồi nữ dạ-xoa đi sau lưng Bồ-tát. Các người thợ làm rừng ở các khu vực khác trong rừng thấy nữ dạ-xoa, liền hỏi:

– Người đàn ông đi trước nàng là ai vậy?

– Thưa các ông, đấy là người chồng trẻ thanh lịch của tôi.

– Này bạn, khi bạn có người vợ trẻ tuyệt sắc, đẹp như bó hoa, tế nhị như vòng hoa, đã bỏ gia đình riêng theo bạn và đặt lòng tin vào bạn, sao bạn không đi cùng với nàng cho nàng khỏi mệt nhọc?

– Này các ông, nó không phải vợ tôi. Nó là nữ dạ-xoa đã ăn thịt năm người bạn của tôi.

– Ôi, thưa các ông, khi người đàn ông đã phẫn nộ thì chính vợ của mình cũng cho là nữ dạ-xoa, là ngạ quỷ!

Nữ dạ-xoa ấy nói vậy và đi theo Bồ-tát, khi thì hiện hình có mang, khi thì hiện dáng dấp của một người đàn bà đã sanh con, khi thì bồng con bên nách. Nhiều người thấy vậy, cũng hỏi như cách thức trước. Bồ-tát trả lời như trước và đi đến Takkasilā. Nữ dạ-xoa làm đứa con biến mất và một mình đi theo Bồ-tát. Còn Bồ-tát đi đến cửa thành và vào ngồi trong căn nhà dành cho người chiêm bái. Vì uy lực của Bồ-tát, nữ dạ-xoa không thể vào được, liền hóa hiện ra một thiên nữ đứng trước cửa nhà chiêm bái.

Lúc bấy giờ, vua ở thành Takkasilā đang đi đến công viên. Thấy nàng, tâm vua bị cám dỗ, vua sai một người đến hỏi nàng có chồng hay chưa. Người ấy đến hỏi và nàng trả lời:

– Tôi đã có chồng. Chồng tôi đang ngồi trong căn nhà dành cho người chiêm bái.

Bồ-tát nói:

– Nó không phải vợ tôi. Nó là con nữ dạ-xoa đã ăn thịt năm người bạn đồng hành của tôi.

Nữ dạ-xoa nói:

– Ôi thưa ông, khi người đàn ông đã phẫn nộ thì họ nói đủ chuyện mà họ nghĩ ra.

Người ấy báo cáo lại cho vua lời nói của hai người. Vua nói cái gì không có chủ đều thuộc quyền của vua. Vua truyền gọi nữ dạ-xoa lại, cho nó ngồi trên lưng một con voi, đi vòng xung quanh thành rồi trở về cung điện và cho nó ở một nội cung của hoàng hậu. Sau khi vua tắm rửa, vào buổi chiều, ăn xong rồi lên long sàng. Nữ dạ-xoa ấy tự ăn đồ ăn thích hợp cho mình, sửa soạn trang

điểm và nằm với vua trên long sàng. Đêm đã qua, sau khi vua hưởng lạc, đang nằm ngủ, nữ dạ-xoa xoay mình qua một bên hông rồi khóc. Vua hỏi vì sao nàng khóc, nữ dạ-xoa trả lời:

– Thưa Đại vương, thiếp được Đại vương gặp ở giữa đường và đem về cung, nhưng cung của Đại vương có nhiều tỳ thiếp. Sống ở đây giữa thù địch, thiếp cảm thấy như bị nắm đầu dìm xuống, bị choáng váng khi họ hỏi: "Cha mẹ nàng là ai? Dòng họ hay thọ sanh nàng là gì? Nàng chỉ là người được nhặt về giữa đường!" Nếu Đại vương cho thiếp quyền uy và thế lực trên cả vương quốc thì không ai có thể làm thiếp tức giận với câu nói như vậy nữa!

– Này hiền thê, ta không có quyền đối với những ai ở trong vương quốc này. Ta không phải là chúa tể hay chủ nhân của họ. Những ai làm vua tức giận hay làm điều gì sai quấy, khi ấy ta mới là chủ của họ.[102] Vì lý do này, ta không thể cho hiền thê quyền uy và thế lực trên cả vương quốc.

– Vậy thưa Đại vương, nếu Đại vương không thể cho thiếp thế lực trên cả nước hay trên toàn thành, ít nhất hãy cho thiếp thế lực trên những người ở trong nội cung, để thiếp có thể ngự trị những ai sống trong hoàng cung.

Vua quá đắm say bởi thiên xúc nên không thể từ chối lời nói của nữ dạ-xoa, bèn chấp thuận.

– Lành thay, này hiền thê, ta sẽ cho hiền thê thế lực đối với những ai sống trong nội cung. Như vậy, hiền thê có thể đặt họ dưới quyền lực của mình.

Nữ dạ-xoa ưng thuận, chờ cho vua ngủ, liền đi về thành dạ-xoa đem theo cả đoàn nữ dạ-xoa vào cung. Rồi nó tự tay đoạt sinh mạng của vua và ăn tất cả gân, da, thịt, máu, chỉ để lại xương. Các nữ dạ-xoa còn lại từ cửa lớn đi vào, bắt ăn từ các con gà, con chó trong nội cung, chúng ăn tất cả, chỉ để lại xương. Ngày hôm sau, thấy cửa còn đóng, người ta đến đập cửa rầm rầm và tìm cách đi vào trong, chỉ thấy xương rải rác khắp nội cung. Thấy vậy, họ nói:

– Người đàn ông ấy đã đúng khi nói rằng, nàng ấy không phải là vợ mình, chính là nữ dạ-xoa! Còn nhà vua không biết chút gì, lấy nó làm vợ. Nữ dạ-xoa ấy chắc đã gọi các con dạ-xoa đến, ăn thịt tất cả rồi bỏ đi.

Còn Bồ-tát, ngày ấy ở tại căn nhà dành cho các người chiêm bái, sau khi đặt bùa cát trên đầu và cột bùa chỉ quanh trán, liền cầm gươm đứng dậy chờ trời sáng. Các người khác dọn sạch toàn bộ nội cung, lát đất với cỏ xanh, thoa hương, rắc hoa, treo từ mái nhà thòng xuống những bó hoa, xông hương thơm, cột những vòng hoa, rồi họ tụ họp lại, bàn tính với nhau:

– Thưa các bạn, người ấy chế ngự được các căn, không nhìn nữ dạ-xoa hiện hóa thiên sắc đi theo sau. Người thật là bậc Đại nhân kiên trì, thông minh và đầy đủ trí tuệ! Được người như vậy trị vì vương quốc, tất cả quốc độ sẽ được hạnh phúc. Hãy tôn vị ấy lên làm vua!

[102] Xem *Miln*. 359.

Tất cả các vị đại thần và thị dân đều đồng một ý muốn, liền đi đến Bồ-tát và thưa:

– Thưa Hoàng tử, hãy trị vì vương quốc này!

Họ mời Bồ-tát vào thành, đặt Bồ-tát trên đống châu báu, làm lễ Quán đảnh và tôn Bồ-tát lên làm vua ở thành Takkasilā. Từ bỏ con đường đưa đến bốn ác thú, không vi phạm mười vương pháp, Bồ-tát trị vì quốc độ đúng pháp, trọn đời làm các công đức như bố thí, v.v... rồi đi theo nghiệp của mình khi mạng chung.

***

Bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ xong liền đọc bài kệ này:

96. Như người mang bát dầu, Đầy ắp không cho đổ,
Cũng vậy, bảo vệ tâm, Như đi phương hướng lạ!

Như vậy, bậc Đạo sư hướng đến điểm cao nhất của thuyết pháp là Niết-bàn và nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, chúng tùy tùng của vua là hội chúng của Như Lai, còn hoàng tử được vương quốc là Ta vậy.

§97. CHUYỆN ĐIỀM LÀNH CỦA TÊN (*Nāmasiddhijātaka*) (*J.* I. 401)

Thấy Jīvaka chết...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo tin vào sự tác thành của tên gọi. Tương truyền, một thiện nam trẻ tên là Pāpaka (Người Ác), có tâm tín thành vào giáo pháp và xuất gia. Khi các Tỷ-kheo gọi:

– Hãy đến, Hiền giả Pāpaka! Hãy đứng lại, Hiền giả Pāpaka!

Tỷ-kheo ấy nghĩ: "Ở đời, tên Pāpaka có nghĩa là ác độc, là lời nguyền rủa, ta cần phải đặt một tên khác có liên hệ đến điềm lành."

Tỷ-kheo ấy đến vị Sư trưởng và Giáo thọ sư thưa:

– Thưa các Tôn giả, tên của con chỉ cho điềm xấu. Hãy đặt cho con một cái tên khác!

Hai vị ấy nói với Tỷ-kheo:

– Này Hiền giả, cái tên chỉ để gọi thôi, không có nghĩa thành tựu mục đích. Hãy tự bằng lòng với cái tên mình!

Tỷ-kheo ấy lại yêu cầu nhiều lần. Chúng Tăng biết được Tỷ-kheo ấy tin tưởng vào điềm lành của tên. Một hôm, các Tỷ-kheo ngồi họp ở pháp đường, và bắt đầu câu chuyện như sau:

– Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo ấy tin tưởng vào điềm lành của tên, yêu cầu đặt một tên liên hệ đến điềm lành.

Bậc Đạo sư đi đến pháp đường hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông đang ngồi bàn luận chuyện gì?

Khi được nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mới như vậy, xưa kia, Tỷ-kheo ấy cũng tin tưởng vào điềm lành của tên.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, tại Takkasilā, Bồ-tát là một vị Sư trưởng có danh tiếng ở nhiều phương và năm trăm thanh niên Bà-la-môn đến học Vệ-đà, học thuộc lòng. Một thanh niên trong chúng có tên Pāpaka. Được nghe gọi: "Hãy đến Pāpaka, hãy đi Pāpaka!" Anh ta suy nghĩ: "Tên của ta là một điềm xấu, ta hãy xin đổi một tên khác."

Thanh niên đi đến gặp Sư trưởng và thưa:

– Thưa Sư trưởng, tên của con là một điềm xấu. Hãy đặt cho con một cái tên khác có tính cách tốt đẹp!

Sư trưởng nói:

– Hãy ra đi, này con thân! Hãy đi trong cả nước tìm được một tên có điềm lành mà con thích, rồi trở về đây, ta sẽ đổi tên cho con!

Chàng thanh niên vâng lời, đem theo lương thực lên đường, đi từ làng này sang làng khác và đến một thành phố. Tại đấy, có một người đã chết tên là Jīvaka (Người Sống). Anh ta thấy người chết được những bà con đưa đến nghĩa địa bèn hỏi:

– Người ấy tên chi.

– Tên là Jīvaka.

– Jīvaka mà cũng chết ư?

– Jīvaka cũng chết. Ajīvaka (Người Không Sống) cũng chết. Cái tên chỉ dùng để gọi thôi. Hình như ông là người khùng thì phải.

Nghe nói vậy, chàng thanh niên cảm thấy hơi yên tâm với cái tên của mình và đi vào trong thành. Bấy giờ một tỳ nữ, vì không đem tiền công về, bị những người chủ bắt ra ngồi ngoài đường, đánh nó với dây roi. Tên của người nữ tỳ ấy là Dhanapālī (Người Giàu Có). Đang đi giữa đường thấy nữ tỳ bị đánh, anh ta hỏi:

– Vì sao đánh người này?

– Vì nó không đem tiền công về.

– Tên cô ta là gì?

– Tên nó là Dhanapālī.

– Với tên Dhanapālī, cô ta lại không thể cho tiền công sao?

– Dhanapālī hay Adhanapālī (Người Không Giàu Có), chúng đều nghèo khổ. Cái tên chỉ dùng để gọi thôi. Ông hình như khùng thì phải.

Anh ta càng thấy yên tâm hơn nữa với cái tên của mình. Đi ra khỏi thành, giữa đường anh ta gặp một người đi lạc.

Thấy và biết người ấy lạc đường, chàng thanh niên hỏi tên người ấy:

– Ông tên là gì?

– Tên tôi là Panthaka (Người Chỉ Đường)

– Tên là Panthaka mà lại lạc đường sao?

– Panthaka hay Apanthaka (Lạc Đường) đều có thể lạc đường. Cái tên chỉ để gọi thôi. Hình như ông khùng thì phải.

Khi ấy, chàng thanh niên Bà-la-môn hoàn toàn yên tâm với cái tên của mình. Anh ta đi về gặp Bồ-tát và được Bồ-tát hỏi đã tự bằng lòng với cái tên gì chưa mà trở về, anh ta trả lời:

– Thưa Sư trưởng, Jīvaka hay Ajīvaka đều chết. Dhanapālī hay Adhanapālī đều nghèo. Panthaka hay Apanthaka đều lạc đường. Cái tên chỉ để gọi thôi. Cái tên không tác thành công việc. Cái tên không làm nên công việc. Vì thế, con bằng lòng với tên của mình và không muốn đổi tên khác nữa.

Bồ-tát kết hợp điều người thanh niên Bà-la-môn ấy đã thấy và điều người ấy đã làm, rồi nói lên bài kệ này:

97. Thấy Jīvaka chết,
Dhanapālī nghèo,
Và thấy Panthaka,
Đi lạc ở trong rừng,
Pāpaka bằng lòng,
Trở về với tên mình.

***

Sau khi kể chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nói thêm:

– Này các Tỳ-kheo, nay cũng như trong quá khứ, Tỳ-kheo ấy cũng tin tưởng vào điềm lành của tên.

Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, kẻ tin tưởng vào điềm lành của tên cũng là Tỳ-kheo hiện nay tin tưởng vào điềm lành của tên, hội chúng của Sư trưởng là hội chúng của Như Lai, còn Sư trưởng là Ta vậy.

§98. CHUYỆN NGƯỜI ĐI BUÔN LỪA ĐẢO (*Kūṭavāṇijajātaka*) (*J.* I. 403)

Lành thay, vị Paṇḍita...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một người đi buôn lừa đảo. Tại Xá-vệ, có hai người cùng chung nhau làm nghề đi buôn, chở hàng hóa bằng xe, đi khắp toàn quốc, được tiền lời rồi đi về. Người đi buôn lừa đảo suy nghĩ: "Người đi buôn này trải qua nhiều ngày ăn uống, ngủ nghỉ cực khổ nên mệt mỏi. Nay về nhà, được ăn uống thỏa thích với các món ngon, nhiều thứ đặc biệt, nó có thể chết vì bội thực. Ta sẽ chia hàng hóa này thành ba phần, một phần cho con cháu nó, hai phần thuộc về ta." Nghĩ vậy, kẻ ấy hẹn chia phần

ngày này qua ngày khác, nhưng thực sự không muốn chia. Người đi buôn Hiền trí không muốn bức bách kẻ ấy phải chia nên đi đến tinh xá đảnh lễ bậc Đạo sư và được tiếp đón thân tình. Bậc Đạo sư hỏi:

– Có gì trở ngại lớn chăng? Sao nay ông mới đến đây, đã lâu rồi sao ông không đến hầu thăm đức Phật?

Ông đem tất cả câu chuyện thuật lại với Thế Tôn, bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, không phải chỉ nay nó mới là người đi buôn lừa đảo. Thuở xưa, nó cũng là người đi buôn lừa đảo rồi. Nay nó đang muốn lường gạt ông, như trước kia nó đã lường gạt các bậc Hiền trí.

Theo lời thỉnh cầu của người đi buôn Hiền trí, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình thương gia, đến ngày đặt tên, được đặt tên là Paṇḍita (Hiền Trí). Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát cùng chung vốn với một người đi buôn khác. Người ấy tên là Atipaṇḍita (Đại Hiền Trí). Họ chở hàng hóa trên năm trăm cỗ xe, đi khắp quốc độ, buôn bán hàng hóa, lấy được tiền lời rồi đi về Ba-la-nại. Đến thời chia hàng hóa, Atipaṇḍita nói:

– Tôi phải lấy hai phần.

– Vì sao vậy?

– Bạn là Paṇḍita, tôi là Atipaṇḍita. Paṇḍita xứng đáng được một phần, Atipaṇḍita xứng đáng được hai phần.

– Hai chúng ta bỏ chung về tiền vốn, về bò xe... đều bằng nhau. Sao bạn lại được hai phần?

– Vì ta là Atipaṇḍita.

Như vậy, lời qua tiếng lại tăng thêm, đi đến cãi lộn nhau. Atipaṇḍita nghĩ ra một kế, bảo cha mình trốn vào trong một bộng cây và nói:

– Khi nào hai chúng tôi đến, cha hãy nói: “Atipaṇḍita xứng đáng được hai phần.”

Rồi Atipaṇḍita đi đến Bồ-tát và nói:

– Này bạn, tôi có xứng đáng được hai phần hay không, vị thần của cây này biết, chúng ta đến hỏi thần ấy.

Nó liền yêu cầu thần cây:

– Thưa vị thần cây, chúng tôi có sự tranh chấp, xin ngài giải quyết cho.

Người cha giả thần đổi giọng nói:

– Vậy hãy nói lên.

– Thưa ngài, người này là Paṇḍita, tôi là Atipaṇḍita, chúng tôi cùng nhau buôn bán. Ở đây cần phân chia lợi tức như thế nào?

– Paṇḍita nên được một phần, còn Atipaṇḍita nên được hai phần.

Bồ-tát nghe lời phán quyết tranh chấp như vậy, quyết tìm xem đó có phải thần cây hay không, bèn đem rơm đến, bỏ đầy vào lỗ cây, rồi đốt lửa. Cha của Atipaṇḍita, thân bị đốt bởi ngọn lửa đang cháy, liền leo lên vịn vào cành cây.

Vừa rơi xuống đất, ông vừa nói lên bài kệ:

98. Lành thay, vị Paṇḍita! Atipaṇḍita không lành,
Vì con Atipaṇḍita, Ta gần bị chết thiêu!

Sau đó, cả hai chia đồng đều, lấy nửa phần bằng nhau... rồi về sau, khi mạng chung, họ đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư kết luận với câu:

– Thuở trước, nó là người đi buôn lừa đảo cũng như bây giờ.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Kẻ đi buôn lừa đảo lúc ấy là kẻ đi buôn lừa đảo hôm nay, còn người đi buôn tên Paṇḍita là Ta vậy.

§99. CHUYỆN HƠN MỘT NGÀN NGƯỜI (*Parosahassajātaka*) (*J.* I. 405)

Ngàn kẻ ngu tụ hội...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một câu hỏi của người phàm phu ngoại đạo. Câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện Đại nhân thiện xạ Sarabhaṅga.*[103]

Một thời, các Tỷ-kheo hội họp tại pháp đường, ngồi tán thán công đức của vị Tướng quân Chánh pháp như sau:

– Tướng quân Chánh pháp Sāriputta (Xá-lợi-phất) đã giải thích một cách rộng rãi câu trả lời vắn tắt của bậc Đạo sư.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi đang bàn luận vấn đề gì?

Khi được trả lời về vấn đề đang bàn đến, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Sāriputta mới giải thích một cách rộng rãi câu nói vắn tắt của Ta. Trong thời quá khứ, Sāriputta cũng đã trả lời như vậy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một Bà-la-môn phương Tây Bắc, học tất cả tài nghệ ở Takkasilā. Rồi

---

[103] Xem *J.* V. 125, *Sarabhaṅgajātaka* (*Chuyện Đại nhân thiện xạ Sarabhaṅga*), số §522.

ngài từ bỏ dục, xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ, chứng được năm thắng trí và tám thiền chứng và trú tại Tuyết sơn. Bồ-tát có năm trăm vị tu khổ hạnh vây quanh. Vị đệ tử đầu tay của ngài, trong mùa mưa, đem theo một nửa hội chúng tu sĩ đi đến chỗ ở của quần chúng để xin muối và giấm. Đây là thời Bồ-tát phải đi đến mạng chung. Các đệ tử muốn biết sự chứng đắc của ngài, liền hỏi:

– Ngài đạt được quả vị gì?

Bồ-tát trả lời:

– Không có gì.

Nói vậy xong, ngài từ trần và sanh lên cõi Phạm thiên Quang Âm. (Các Bồ-tát có thể được thiền chứng sắc giới, nhưng không thể vượt qua sắc giới để sanh vào vô sắc giới). Các đệ tử không hiểu ý nghĩa lời nói ấy, liền nói:

– Thầy chúng ta đã không chứng được gì.

Vì vậy, họ không có tổ chức lễ thiêu ở nghĩa địa một cách cung kính. Người đệ tử đầu tay trở về và hỏi:

– Sư trưởng ở đâu?

– Sư trưởng đã tịch rồi.

– Các bạn có hỏi Sư trưởng chứng đắc gì không?

– Vâng, chúng tôi có hỏi.

– Sư trưởng trả lời như thế nào?

– Sư trưởng trả lời: "Không có gì!" Nghe nói vậy, chúng tôi không làm lễ thiêu ở nghĩa địa một cách cung kính.

Vị đệ tử đầu tay nói:

– Các bạn không hiểu ý nghĩa của lời Sư trưởng nói. Sư trưởng đã đạt được thiền chứng Vô sở hữu xứ [không có gì].

Chúng đệ tử nghe vị ấy nói vậy nhiều lần nhưng không tin. Bồ-tát biết được sự việc, suy nghĩ: "Các người ấy thật là mù và ngu. Chúng không tin đệ tử đầu tay của ta! Ta sẽ làm cho sự việc này trở thành rõ ràng trước đại chúng."

Rồi Bồ-tát từ Phạm thiên giới đi xuống, với thần lực lớn đứng giữa hư không, trên tu viện của mình, tán thán trí tuệ của đệ tử trưởng và nói lên bài kệ này:

99. Ngàn kẻ ngu tụ hội, Khóc than một trăm năm,
Không bằng một người trí, Hiểu nghĩa lời được nói.

Như vậy, bậc Đại sĩ đứng giữa hư không thuyết pháp, làm cho hội chúng các vị tu khổ hạnh tỉnh ngộ, rồi đi về Phạm thiên giới. Các vị tu khổ hạnh ấy trở thành có trí và sau khi mạng chung cũng đều được tái sanh về cõi Phạm thiên.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị đệ tử đầu tay là Sāriputta, còn Đại Phạm thiên là Ta vậy.

§100. CHUYỆN SẮC THÂN BẤT LẠC (*Asātarūpajātaka*)[104] (*J*. I. 406)

Chính đẳng, không phải ngọt...

Câu chuyện này, khi ở tại rừng Kuṇḍadhāna gần thành Kuṇḍiya, bậc Đạo sư đã kể về nữ cư sĩ Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya. Lúc bấy giờ, nữ cư sĩ ấy mang thai đã bảy năm, chịu đau đớn khi sanh đến bảy ngày, cảm thọ rất khốc liệt. Dầu bị khổ đau khốc liệt, nàng vẫn chịu đựng với ba tư niệm này: "Chánh Đẳng Giác là bậc Thế Tôn, Ngài thuyết pháp để đoạn trừ đau khổ như vậy. Tăng chúng, đệ tử của Thế Tôn, khéo hành trì để đoạn trừ đau khổ như vậy. Đại an lạc là Niết-bàn, tại đấy, đau khổ không có mặt."

Nàng cho gọi chồng lại, bảo chồng đến yết kiến bậc Đạo sư, trình Ngài biết tình trạng của nàng và những lời đảnh lễ của nàng.

Sau khi nghe những lời đảnh lễ, bậc Đạo sư liền chú nguyện: "Mong rằng Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya được an lạc, được khỏe mạnh và nàng sẽ sanh ra đứa con trai khỏe mạnh." Nhờ lời nói ấy của Thế Tôn, Suppavāsā, con gái vua xứ Koliya an lạc khỏe mạnh, sanh ra được một đứa con trai khỏe mạnh. Chồng nàng đi về nhà, thấy nàng đã sanh được con trai, nói:

– Ôi, thật vi diệu thay!

Và tâm tư ông hết sức khâm phục đại thần lực vi diệu của Như Lai. Sau khi sanh con, Suppavāsā muốn cúng dường trong bảy ngày cho chúng Tăng với đức Phật là vị dẫn đầu, liền bảo chồng đi mời.

Lúc bấy giờ, đức Phật và Tăng chúng cũng được một tín chủ của Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) mời cúng dường. Bậc Đạo sư muốn tạo cơ hội cho Suppavāsā cúng dường, liền cử người đến bậc Trưởng lão, tin cho Trưởng lão biết là Ngài đã nhận sự cúng dường của Suppavāsā trong bảy ngày với chúng Tỷ-kheo.

Đến ngày thứ bảy, Suppavāsā mặc áo đẹp cho đứa con tên là Sīvali, bảo con đảnh lễ bậc Đạo sư và chúng Tỷ-kheo. Tuần tự thứ lớp, đứa con được đưa đến Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất). Trưởng lão thân mật đón tiếp đứa trẻ và hỏi:

– Này Sīvali, mọi việc đều tốt đẹp với con chăng?

Đứa trẻ liền nói với Trưởng lão:

– Thưa Tôn giả, sao con có thể an lạc được! Trong bảy năm, con đã sống trong bình máu.

Suppavāsā nghe vậy, hết sức hoan hỷ nói:

---

[104] Tham chiếu: *Ud*. 15, *Suppavāsāsutta* (*Kinh Suppavāsā*); *Pháp cú kinh* "Thế tục phẩm" 法句經世俗品 (*T*.04. 0210.21. 0566a19); *Pháp cú thí dụ kinh* "Thế tục phẩm" 法句譬喻經世俗品 (*T*.04. 0211.21. 0594a04); *Xuất diệu kinh* "Niệm phẩm"出曜經念品 (*T*.04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Ái lạc phẩm" 法集要頌經愛樂品 (*T*.04. 0213.5. 0779c23).

– Con tôi mới có bảy ngày, đã thảo luận với bậc Tướng quân Chánh pháp về vấn đề giác ngộ.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Suppavāsā, con có muốn các con trai khác như vậy không?

– Bạch Thế Tôn, nếu có được bảy đứa con trai như vậy, con cũng muốn.

Sau khi nói lời cảm hứng, bậc Đạo sư hoan hỷ khích lệ và đi về. Thiếu niên Sīvali vào năm thứ bảy, hiến tâm mình cho đạo và xuất gia. Khi tuổi được đầy đủ, vị ấy thọ Đại giới, làm các công đức, đạt được lợi đắc cao nhất trên cõi đất, tức là quả A-La-hán và khiến quả đất vang lên tiếng động hoan nghênh.

Một hôm, các Tỳ-kheo hội họp tại pháp đường, nói như sau:

– Hiền giả Sīvali được đại phước như vậy là do cầu nguyện, cuối cùng mới được sanh, bảy năm ở trong bình máu, bảy ngày chịu trận đau đẻ. Ôi, hai mẹ con chịu đựng đau khổ lớn. Cả hai đã tạo nghiệp gì sanh quả vậy?

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, các ông nay ngồi ở đây bàn luận vấn đề gì?

Sau khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, Sīvali là người đại phước, bảy năm ở trong bình máu, bảy ngày chịu trận đau đẻ, căn bản là do nghiệp tự mình tạo ra. Còn Suppavāsā chịu đau khổ mang thai trong bụng bảy năm, chịu khổ đau vì sanh đẻ bảy ngày, căn bản cũng do nghiệp mình tạo ra.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát đầu thai làm con bà hoàng hậu của vua, đến tuổi trưởng thành, ngài học tất cả tài nghệ. Sau khi phụ vương mất, ngài trị vì vương quốc đúng pháp. Lúc bấy giờ, vua xứ Kosala đi đến với một đạo quân lớn chiếm lấy Ba-la-nại, giết vua xứ Ba-la-nại, lấy hoàng hậu của vua làm hoàng hậu của mình.

Khi cha bị giết, hoàng tử con vua xứ Ba-la-nại chạy trốn ngang qua các ống cống, tập hợp lực lượng, đi đến Ba-la-nại, cắm trại không xa, gửi tin nói:

– Hãy giao thành hay giao chiến?

Vua gửi tin trả lời sẵn sàng đánh. Mẹ hoàng tử nghe sự việc như vậy, nhắn tin con:

– Chớ đánh. Hãy cắt đứt giao thông từ mọi phía, bao vây thành Ba-la-nại, chờ cho đến khi nào củi, nước, gạo khánh kiệt, mọi người mệt mỏi, không cần đánh con cũng sẽ lấy được thành.

Hoàng tử nghe lời khuyên của mẹ, trong bảy ngày cắt đứt đường giao thông và vây chặt thành phố. Dân thành phố không nhận được tiếp viện đến bảy ngày.

Ngày thứ bảy họ lấy đầu vua và đem nạp cho hoàng tử. Hoàng tử đi vào thành, lấy lại vương quốc và khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Hoàng tử đã cắt đứt đường giao thông, vây hãm thành bảy ngày, do kết quả của hành động ấy, phải sống bảy năm trong bình máu và chịu [cơn đau] bảy ngày vì người mẹ khó sanh. Nhưng vì hoàng tử cúi đầu đảnh lễ chân đức Phật Padumuttara, cầu nguyện với bố thí lớn để chứng được quả vị tối thượng. Lại nữa, trong thời đức Phật Vipassī (Tỳ-bà-thi), hoàng tử cùng với thị dân bố thí đường, sữa đông, v.v... trị giá ngàn đồng vàng và cũng nói lên lời cầu nguyện ấy; do vậy, với uy lực của mình, hoàng tử chứng được quả tối thượng. Vì Suppavāsā gửi tin báo con vây và chiếm thành nên nàng phải mang thai bảy năm và chịu cơn đau sanh đẻ bảy ngày.

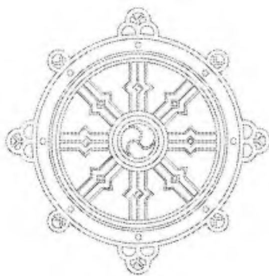
***

Bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ xong, liền đọc bài kệ này:

100. Chính đắng, không phải ngọt, Chính hận, không phải ái,
Chính khổ, không phải lạc, Nhiếp phục kẻ phóng dật.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, hoàng tử vây hãm thành và lấy được vương quốc là Sīvali, người mẹ là Suppavāsā và người cha, vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.



XI. PHẨM HƠN MỘT TRĂM NGƯỜI (*PAROSATAVAGGA*)

§101. CHUYỆN HƠN MỘT TRĂM NGƯỜI (*Parosatajātaka*) (*J.* I. 410)

Trăm kẻ ngu tụ hội...

101. Trăm kẻ ngu tụ hội, Thiền tư một trăm năm,
Không bằng một người trí, Hiểu nghĩa lời Phật dạy.

Tiền thân về câu chuyện này, giải thích và nhận diện tiền thân đều giống như *Chuyện hơn một ngàn người*,[105] chỉ riêng ở đây đề cập đến *jhāyeyya* (thiền tư).

§102. CHUYỆN NGƯỜI BÁN RAU (*Paṇṇikajātaka*) (*J.* I. 411)

Người đáng che chở ta...

Câu chuyện này, khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một cư sĩ bán rau trái. Nghe nói, có một cư sĩ trú ở Xá-vệ, buôn các loại củ và lá, các loại bí, bầu, v.v... để nuôi sống; cư sĩ ấy có một người con gái xinh đẹp, tín thành, đầy đủ chánh hạnh, giới đức, biết tàm, biết quý, nhưng luôn luôn có nụ cười trên mặt.

Khi các gia đình môn đăng hộ đối đến xin hỏi cưới nàng, người cư sĩ suy nghĩ: "Con gái của ta cần phải gả chồng, nhưng nó có tật hay cười. Khi một đứa con gái đứng đắn, đưa đến một gia đình khác có tật hay cười là một cái nhục cho bố mẹ. Ta phải tìm hiểu, nó có phải là người con gái tốt nết hay không."

Một hôm, cư sĩ bảo người con gái đem giỏ theo, đi vào rừng để hái lá trong rừng. Rồi để thử nàng, cư sĩ cầm tay nàng nói những lời kín đáo tỏ tình như muốn phạm lỗi, nàng liền bật khóc và than:

– Thưa cha thân, làm vậy không tốt, giống như lửa hiện ra từ nước. Chớ làm vậy!

– Này con thân, chỉ vì cha muốn thử con nên cha mới cầm tay con. Con hãy nói lên: "Nay con vẫn là đứa con gái có đức hạnh."

– Từ trước đến nay, con chưa nhìn người đàn ông nào với lòng tham ái!

Người cha an ủi con gái, dắt về nhà, tổ chức tiệc cưới và đưa con gái về nhà chồng. Rồi người cư sĩ ấy quyết định đi đảnh lễ bậc Đạo sư, đem theo hương, vòng hoa... Ông đến Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư, cúng dường rồi ngồi xuống một bên. Khi được hỏi vì sao lâu nay không thấy đến, người cư sĩ ấy thuật câu chuyện cho Thế Tôn rõ. Bậc Đạo sư nói:

[105] Xem *J.* I. 405, *Parosahassajātaka* (*Chuyện hơn một ngàn người*), số §99.

– Này cư sĩ, thiếu nữ này từ lâu đã sống có chánh hạnh, có giới đức. Không phải chỉ nay, ông mới thử nó. Chính trong quá khứ, ông cũng đã thử rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một thần cây ở trong rừng. Một người cư sĩ bán rau trái ở Ba-la-nại (câu chuyện giống như câu chuyện hiện tại). Khi người cư sĩ cầm tay con gái để thử lòng, cô con gái bật khóc và nói lên bài kệ này:

102. Người đáng che chở ta, Trong khi ta đau khổ,
Người ấy là cha ta, Lại làm quấy với ta.
Chính tại giữa khu rừng, Ta khóc việc làm ấy,
Người đáng che chở ta, Lại là kẻ thù ta.

Khi ấy, người cha an ủi con gái, hỏi nàng có biết giữ gìn bản thân không, người con gái trả lời, nàng biết giữ gìn bản thân mình. Người cha đem nàng về nhà, tổ chức tiệc cưới và đưa về nhà chồng.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng về các sự thật. Và cuối bài giảng ấy, người bán rau được an trú vào quả Dự lưu. Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Người cha và con gái lúc bấy giờ là người cha và con gái hiện tại, thần cây chứng kiến sự việc ấy là Ta vậy.

§103. CHUYỆN KẺ THÙ (*Verijātaka*) (*J.* I. 412)

Tại chỗ kẻ thù ở...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về ông Cấp Cô Độc. Nghe nói, Cấp Cô Độc khi đến làng mà ông đang làm thôn trưởng để giải quyết công việc, trên đường trở về, ông thấy bọn ăn trộm, liền nghĩ: “Thật không nên chậm trễ giữa đường. Ta phải đi gấp về Xá-vệ.” Ông thúc bò đi thật mau, đến được Xá-vệ trong ngày hôm sau, đi đến Kỳ-Viên, ông kể lại sự việc cho bậc Đạo sư rõ. Bậc Đạo sư nói:

– Này gia chủ, thuở trước, các vị Hiền trí giữa đường thấy bọn ăn trộm, đã vội đi ngay về nhà, không chậm trễ.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là vị triệu phú có tài sản lớn. Bồ-tát được một dân làng mời đi ăn. Ăn xong, trên đường trở về, Bồ-tát thấy những tên ăn trộm, Bồ-tát không ở lại giữa đường, thúc bò đi gấp

về đến nhà của mình. Sau khi ăn nhiều món ngon khác nhau, ngồi trên giường lớn, Bồ-tát nói:

– Ta thoát khỏi tay bọn ăn trộm, nay được về nhà của mình, không có sợ hãi.

Rồi Bồ-tát cảm hứng đọc bài kệ này:

103. Tại chỗ kẻ thù ở, Người trí không ở đấy.
Một đêm hay hai đêm, Gặp khổ giữa kẻ thù.

Như vậy, Bồ-tát thốt lên lời cảm hứng, và trọn đời làm các công đức bố thí... rồi khi mạng chung, khi mạng chung ngài đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Ta là người triệu phú ở Ba-la-nại.

§104. CHUYỆN CHÀNG TRAI MITTAVINDA

(*Mittavindajātaka*) (*J.* I. 413)

Từ bốn đi đến tám...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Câu chuyện đã được nói đến với các chi tiết trong *Chuyện chàng trai Mittavinda.*[106] Chuyện tiền thân này xảy ra trong thời đức Phật Ca-diếp.

***

Lúc bấy giờ, một người trong địa ngục bị quăng bánh xe trên ngực, đang bị đốt nấu trong địa ngục, hỏi Bồ-tát:

– Thưa Tôn giả, tôi đã làm điều ác gì?

Bồ-tát nói:

– Ngươi đã làm tội này, tội này!

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

104. Từ bốn đi đến tám, Từ tám đi mười sáu,
Mười sáu đến băm hai, Kẻ tham đến bánh xe,
Bánh xe lăn trên đầu, Đến khi dục đoạn tận.

Nói vậy xong, Bồ-tát đi về thế giới chư thiên của mình. Còn chúng sanh trong địa ngục, sau khi ác hạnh đoạn tận, mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Mittavinda là Tỷ-kheo khó bảo, còn vị thiên tử là Ta vậy.

---

[106] Xem *J.* I. 234, *Losakajātaka* (*Chuyện Trưởng lão Losaka*), số §41; *J.* I. 363, *Mittavindajātaka* (*Chuyện chàng trai Mittavinda*), số §82.

§105. CHUYỆN NHÁNH CÂY YẾU ỚT (*Dubbalakaṭṭhajātaka*) (*J*. I. 414)

Rừng này có nhiều cành...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo sống trong tình trạng hoảng sợ. Tương truyền, một thiện nam tử ở Xá-vệ, sau khi nghe pháp, xuất gia, nhưng lại luôn luôn sợ chết, ban đêm cũng như ban ngày. Bất cứ chỗ nào nghe tiếng gió thổi, cành cây khô rơi, chim kêu hay tiếng vật bốn chân, vị ấy liền la hét bỏ chạy. Vị ấy không biết, có thành tức có hoại; nếu vị ấy biết: "Các hành là vô thường, ta sẽ chết" thì vị ấy sẽ không sợ chết.

Vì không tu tập niệm chết nên mới sợ chết. Tánh sợ chết của vị ấy được chúng Tỷ-kheo biết đến. Một hôm, các Tỷ-kheo ở tại pháp đường, khởi lên câu chuyện:

– Này chư Hiền, Tỷ-kheo tên này, bị sự chết làm hoảng hốt nên sợ chết. Vậy mỗi Tỷ-kheo cần phải tu tập pháp môn niệm chết rằng: "Ta thế nào cũng phải chết."

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp tại đây đang bàn luận vấn đề gì?

Khi được nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư cho gọi Tỷ-kheo ấy đến, hỏi có thật vị ấy sợ chết chăng, khi được Tỷ-kheo ấy trả lời có thật, bậc Đạo sư nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chớ có tư tưởng không hoan hỷ đối với Tỷ-kheo này. Không phải chỉ nay, vị ấy mới sợ chết. Trong quá khứ, vị ấy cũng đã sợ chết rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì thành Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm thần cây ở Tuyết sơn. Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại đem con voi báu của mình giao cho các người nài voi để huấn luyện nó đừng dao động. Họ cột chặt con voi bất động vào một cột trụ, và với gậy nhọn cầm tay, họ vây quanh và bắt đầu huấn luyện voi, tập tánh bất động. Khi con voi bị bắt tập như vậy, không thể chịu nổi đau khổ, liền bẻ gãy cây cột, đuổi các người tập và đi vào Tuyết sơn. Người ta không thể bắt nó được, bèn đi trở về.

Tại đấy, con voi bắt đầu sợ chết, nghe tiếng gió động, nó hoảng hốt sợ chết, đập vòi qua lại và chạy thật nhanh như khi nó bị cột vào cây cột, tập đừng dao động. Không hưởng được thân thoải mái hay tâm thoải mái, nó đi lang thang trong sự dao động. Thần cây thấy nó, đứng trên chỗ nhánh chĩa hai của thân cây, nói lên bài kệ này:

105. Rừng này có nhiều cành,
Gió bẻ gãy cành mục,
Này voi, nếu ngươi sợ,
Ngươi sẽ ốm yếu thôi.

Như vậy, thần cây khuyên dạy con voi ấy. Từ đó trở đi, con voi không sợ hãi nữa.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết về các sự thật. Cuối bài giảng, Tỷ-kheo ấy chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con voi là Tỷ-kheo ấy, còn thần cây là Ta vậy.

§106. CHUYỆN MÚC NƯỚC (*Udañcanijātaka*) (*J.* I. 416)

Hạnh phúc, đời sống tôi...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về sự cám dỗ của một thiếu nữ béo mập. Câu chuyện này sẽ được kể trong chương XIII, *Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada.*[107] Bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Có thật chăng, này Tỷ-kheo, ông bị luyến ái?

Khi được trả lời là thật có như vậy, bậc Đạo sư hỏi:

– Ông luyến ái ai?

Tỷ-kheo ấy trả lời:

– Con luyến ái một thiếu nữ béo mập.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, người thiếu nữ này đã làm chuyện không tốt lành cho ông. Thuở xưa, cũng vì thiếu nữ này, ông đã gặp nạn, đi lang thang dao động, may nhờ có bậc Hiền trí, ông mới lấy lại an lạc.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, chuyện này đã xảy ra. Câu chuyện này sẽ được kể trong *Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*. Lúc bấy giờ, vào buổi chiều, Bồ-tát mang trái cây đi đến am thất bằng lá, mở cửa và nói với con trai là Cullatāpasa (Tiểu Khổ Hạnh):

– Này con thân, trong những ngày trước, con đã đem củi, nước uống, thức ăn và đốt lửa. Nhưng hôm nay, con không làm một việc gì cả mà nằm với vẻ mặt buồn bã, bơ phờ như vậy?

– Thưa cha thân, khi cha đi hái các loại trái, v.v... một nữ nhân đến cám dỗ con và muốn đem con đi. Nhưng con không đi vì chưa được phép cha. Con bảo nàng ngồi tại chỗ ấy, chờ đợi con đến. Nay thưa cha thân, con muốn ra đi.

Bồ-tát biết rằng, con mình quá say mê luyến ái, không thể từ bỏ nữ nhân ấy, nên nói:

– Này con thân, con cứ đi đi! Nhưng khi nào cô ấy muốn ăn cá thịt, v.v...

---

[107] Xem *J.* IV. 219, *Cullanāradajātaka* (*Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*), số §477.

và cần dùng các món bơ chín, muối, gạo, v.v... và sai con đi tìm để mang về cái này cái khác, làm con mệt mỏi, hãy nhớ am thất của cha và chạy trốn về đây!

Rồi Bồ-tát cho đứa con đi. Đứa con ấy cùng với nữ nhân đi về chỗ ở của dân chúng. Nữ nhân ấy về nhà mình, khi cần dùng vật gì, liền sai người tình đi lấy:

– Hãy mang thịt về, hãy mang cá về!

Khi ấy, đứa con trai suy nghĩ: "Nữ nhân này hành hạ ta chẳng khác đầy tớ hay người nô lệ của mình." Cậu liền bỏ trốn, đi về với người cha, đảnh lễ cha, rồi đứng dậy và nói bài kệ này:

106. Hạnh phúc, đời sống tôi, Bị nữ tặc cướp mất,
Nhân danh là vợ tôi, Tôi phải nấu, phải nướng,
Phải múc nước, gánh nước, Phải xin muối, xin dầu!

Rồi Bồ-tát an ủi con trai, dạy cậu tu tập lòng từ, lòng bi, hạnh hỷ, hạnh xả và trình bày đối tượng thiền quán. Người con trai ấy không bao lâu, đắc các thắng trí và thiền chứng, cùng với người cha được sanh lên Phạm thiên giới.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng về các sự thật. Cuối bài giảng, Tỷ-kheo ấy chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Người thiếu nữ béo mập thời ấy là người thiếu nữ béo mập hiện nay, Cullatāpasa là Tỷ-kheo bị luyến ái, còn người cha là Ta vậy.

§107. CHUYỆN NGHỀ NÉM ĐÁ (*Sālittakajātaka*) (*J.* I. 418)

Lành thay một nghề tinh...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tỷ-kheo đã ném trúng con ngỗng trời. Nghe nói, có một thiện nam tử ở Xá-vệ, đạt thuần thục trong nghề ném đá. Vị này nghe pháp, hiến tâm cho đạo, xuất gia và được thọ Đại giới. Nhưng vị ấy không ưa học tập và không đạt được thù thắng trong đức hạnh. Một hôm, vị ấy đưa một Tỷ-kheo trẻ đi đến sông Aciravatī tắm, còn vị ấy đứng trên bờ. Lúc ấy, hai con ngỗng trời màu trắng bay ngang qua hư không. Vị ấy nói với Tỷ-kheo trẻ:

– Với hòn đá, ta sẽ ném trúng mắt con ngỗng trời bay sau, làm cho ngỗng rơi xuống dưới chân ta.

Người kia nói:

– Bằng cách nào làm rơi được? Thầy không thể quăng trúng đâu.

– Hãy chờ một lát! Ta sẽ quăng trúng con mắt bên phía này xuyên qua con mắt bên phía kia.

– Chuyện thầy nói không thể xảy ra.

– Vậy ông hãy đợi xem.

Vị ấy cầm một hòn đá có ba cạnh, dùng ngón tay liệng hòn đá về phía sau lưng con ngỗng trời ấy. Con ngỗng trời nghe tiếng đá bay, nghĩ rằng có nguy hiểm, quay đầu lại để nghe. Trong giây phút ấy, vị ấy lấy một hòn đá tròn, khi con ngỗng trời đang quay đầu lại, liền quăng hòn đá trúng con mắt ở phía bên kia của ngỗng trời. Hòn đá đi xuyên qua con mắt bên này. Con ngỗng trời kêu lên một tiếng lớn, rồi rơi xuống dưới chân hai vị.

Vị Tỷ-kheo kia thấy vậy, trách Tỷ-kheo ấy đã làm một việc hoàn toàn không thích đáng, rồi dẫn vị ấy đến gặp bậc Đạo sư và kể việc làm không tốt đẹp kia. Bậc Đạo sư quở trách Tỷ-kheo ấy và nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo ấy mới thiện xảo trong nghề của mình. Thuở xưa, vị ấy cũng đã thiện xảo rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một đại thần của vua. Lúc bấy giờ, vị cố vấn tế tự của vua nói nhiều, lắm mồm lắm miệng. Khi ông ta bắt đầu nói, người khác không có cơ hội để nói. Nhà vua suy nghĩ: "Ta phải tìm cho được người có thể cắt đứt lời nói của nó." Từ đó, vua đi tìm một người như vậy.

Lúc bấy giờ, ở Ba-la-nại có một người què, thuần thục trong nghề ném đá. Các đứa trẻ trong làng đặt người đó trên chiếc xe nhỏ, kéo ra cửa thành Ba-la-nại. Tại đó, có một cây bàng lớn, có nhiều cành lá rậm rạp. Các đứa trẻ đưa người đó ra tại đấy, vây quanh và cho người đó một số tiền nhỏ bảo làm hình con voi, con ngựa, v.v... Người đó ném đá và tạo thành hình các con vật trên các ngọn lá của cây bàng. Tất cả đều bị cắt qua cắt lại như vậy.

Rồi nhà vua trong khi đi dạo công viên đến tại chỗ ấy. Các đứa trẻ sợ nghi vệ của vua nên bỏ chạy, chỉ còn lại người què nằm đó. Vua đi đến gốc cây bàng, ngồi trên xe, thấy từng đám lá cây loang lổ, ngó lên thấy tất cả lá bị cắt đứt, liền hỏi ai đã làm như vậy. Khi được nói chính là người què đã làm như vậy, nhà vua suy nghĩ: "A, nhờ người này, nay đã có cách có thể cắt lời nói của vị Bà-la-môn ấy được rồi!"

Vua bèn hỏi người què ở đâu. Chúng đi tìm, thấy người đó nằm dưới gốc cây, liền báo cho vua biết. Vua kêu người đó lại, bảo các tùy tùng tránh xa và hỏi:

– Chúng tôi có một vị Bà-la-môn lắm mồm lắm miệng, ngươi có thể làm cho ông ta ngưng nói được không?

– Thưa Đại vương, có thể được, nếu tôi có hột phân dê khô đầy một ống thổi.

Vua đem người què về cung, bảo người què ngồi sau lưng một cái màn có một lỗ hở, đặt ghế ngồi của vị Bà-la-môn hướng về lỗ hở ấy và cho đặt gần người què một ống thổi đầy phân dê khô. Vị Bà-la-môn đi đến hầu vua, ngồi

trên cái ghế riêng của ông ta và bắt đầu câu chuyện. Cũng như bao lần trước, ông ta không cho ai khác có cơ hội để nói.

Bấy giờ, người què ngang qua lỗ hở của màn, bắn phân dê từng viên một vào đúng cổ họng của vị Bà-la-môn như những con ruồi tuần tự đi vào. Vị Bà-la-môn nuốt các viên phân ấy mỗi khi chúng bay đến. Khi tất cả viên phân dê từ ống thổi đã đi vào bụng vị Bà-la-môn, chúng nở to lên bằng nửa *āḷhaka*.[108] Khi vua biết được các viên phân dê không còn nữa, mới nói:

– Này Sư trưởng, ông nói nhiều quá nên đã nuốt các viên phân dê đầy cả một ống mà không hay biết gì! Ông không thể nào tiêu hóa nhiều hơn thế nữa. Hôm nay, hãy về uống nước cây tắc để nôn ra và được khỏi bệnh.

Từ đó về sau, người cố vấn tế tự ngồi với miệng ngậm câm, không nói gì trong khi bàn luận. Vua nói:

– Lỗ tai của ta được an lạc nhờ người què này!

Vua cho người què bốn làng trong bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc có huê lợi một trăm ngàn đồng.

Sau đó, Bồ-tát đi đến hầu vua và thưa:

– Thưa Đại vương, nghề này, các bậc Hiền trí ở đời cần phải học. Chỉ nghề ném đá đã đem lại cho người què kết quả vinh hiển như vậy.

Nói xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

107. Lành thay một nghề tinh, Dầu đó là nghề gì,
Xem kẻ què ném đá, Được làng cả bốn phương.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người què là vị Tỷ-kheo này, vua là Ānanda, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§108. CHUYỆN CÔ THÔN NỮ (*Bāhiyajātaka*) (*J.* I. 420)

Hãy học điều cần học...

Câu chuyện này, khi trú ở ngôi nhà lớn có nóc nhọn tại Đại Lâm, gần Tỳ-xá-ly, bậc Đạo sư đã kể về một người Licchavi. Nghe nói, vị vua xứ Licchavi này có lòng tin, hoan hỷ mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị đứng đầu, và tổ chức một lễ cúng dường lớn tại trú xứ của mình. Bà vợ của vua, tay chân béo mập, như có tướng phát phì ra và ăn mặc lôi thôi. Bậc Đạo sư dùng cơm xong, nói lời tùy hỷ, rồi đi về tinh xá. Sau khi giáo giới các Tỷ-kheo, Ngài vào hương phòng. Các Tỷ-kheo ngồi họp tại pháp đường bắt đầu câu chuyện.

– Này các Hiền giả, vua xứ Licchavi ấy đẹp trai như vậy, lại có bà vợ tay chân béo mập, ăn mặc lôi thôi. Sao vua có thể thương một người như vậy?

---

[108] *Āḷhaka*: Một đơn vị đo lường, 1 *āḷhaka* khoảng hơn một lít.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi tại đây đang bàn luận về vấn đề gì?

Sau khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà thôi, thuở xưa, vị ấy cũng đã thương mến nữ nhân thân thể béo mập rồi!

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là vị đại thần của vua. Có một nữ nhân thôn quê, thân thể béo mập, ăn mặc lôi thôi, làm công ăn lương, đang đi ngang qua gần sân chầu của nhà vua, cảm thấy thân bị bức bách, bèn ngồi xuống lấy áo che thân, giải tỏa sự bức bách của thân và nhanh nhẹn đứng dậy.

Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại tình cờ đang nhìn xuống, ngang qua cửa sổ, thấy nữ nhân ấy liền suy nghĩ: "Người này trong khi giải tỏa sự bức bách của thân tại sân vua như vậy, vẫn không từ bỏ tàm quý, dùng áo che đậy, giải tỏa bức bách xong liền đứng dậy một cách nhanh nhẹn. Nữ nhân này chắc chắn khỏe mạnh, nhà cửa nữ nhân này chắc chắn sạch sẽ. Với nhà cửa sạch sẽ, nếu nàng có một đứa con, đứa con ấy chắc chắn sẽ được sạch sẽ và sống có giới đức. Ta phải đặt người này lên làm hoàng hậu."

Sau khi biết được nữ nhân này chưa thuộc sở hữu của ai, vua bèn cho gọi nữ nhân ấy đến và đặt nàng vào địa vị hoàng hậu. Nàng trở thành người được vua yêu thương và thân thiết. Không bao lâu, nàng sanh được con trai. Nhà vua đặt con trai nàng lên làm Chuyển Luân Vương. Bồ-tát nghe câu chuyện về sự may mắn của nàng, liền dùng cơ hội này thưa với vua:

– Thưa Đại vương, phàm việc gì, cần phải làm cho được tốt đẹp, sao lại không học tập? Sự việc này, do nữ nhân có đức hạnh lớn, khi giải tỏa sự bức bách của thân, vẫn không từ bỏ tàm quý, biết dùng phương tiện che đậy, khiến Đại vương đẹp lòng và ban cho nàng phước lớn như vậy.

Rồi để tán thán mọi việc cần phải làm cho được tốt đẹp, Bồ-tát đọc bài kệ này:

108. Hãy học điều cần học, Dầu có kẻ cứng đầu.
Gái quê khéo tiểu tiện, Làm đẹp lòng đức vua.

Như vậy, Bồ-tát nói lời tán thán những ai đã làm tốt đẹp những điều cần phải học.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Hai vợ chồng thời ấy là vợ chồng hiện tại, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§109. CHUYỆN BÁNH BỘT TRẤU ĐỎ (*Kuṇḍakapūvajātaka*) (*J.* I. 422)

Người cúng ăn thứ gì...

Câu chuyện này, khi trú ở Xá-vệ, bậc Đạo sư đã kể về một người rất nghèo khổ. Ở Xá-vệ, khi thì chỉ một gia đình cúng dường chúng Tăng với đức Phật là vị đứng đầu, khi thì ba bốn gia đình họp lại, khi thì chúng hội, khi thì cả một khu phố chung lại, khi thì cả thành chung lại, đóng góp cúng dường. Nhưng nay là người của cả con đường chung sức lại cúng dường các thức ăn với cháo và bánh.

Lúc bấy giờ, có một người rất nghèo khổ, làm thuê cho các người khác cũng ở trong con đường ấy, tự nghĩ: "Ta không thể cúng dường cháo. Ta cúng dường bánh vậy!" Anh ta cạo lấy bột đỏ của vỏ trấu mềm nhào với nước, gói bánh ấy trong ngọn lá bạch vi, rồi nướng bánh trong than đỏ. Với ý định đem cúng dường đức Phật, anh ta cầm bánh ấy đi đến đứng trước mặt đức Phật. Khi mới nghe nói: "Hãy đem bánh đến cúng dường", anh ta liền đến trước tất cả mọi người và đặt các bánh vào trong bát bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư không nhận lấy bánh của những người khác, chỉ ăn các bánh của anh ta. Khi ấy, toàn thành đều đồn vang: "Bậc Chánh Đẳng Giác không khinh chê bánh làm bằng bột trấu đỏ của người nghèo khổ và đã ăn bánh ấy."

Khi ấy, từ vua, đại thần... cho đến các người gác cửa, tất cả đều hội họp lại, đảnh lễ bậc Đạo sư, rồi đi đến người nghèo khổ ấy và nói:

– Hãy lấy đồ ăn, hãy lấy hai trăm, hãy lấy năm trăm đồng tiền, nhưng cho chúng tôi công đức cúng dường bánh ấy!

Người nghèo khổ nghĩ: "Phải hỏi bậc Đạo sư rồi ta mới quyết định."

Anh ta đi đến bậc Đạo sư và thưa lại câu chuyện ấy. Bậc Đạo sư nói:

– Hãy lấy toàn bộ tài sản họ cho, nhưng hồi hướng công đức ấy về cho tất cả chúng sanh!

Anh ta bắt đầu nhận tiền. Một số người cho gấp hai, gấp bốn, gấp tám kẻ khác... Như vậy, cho đến khi anh ta nhận được chín trăm ngàn tiền vàng. Bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ, rồi đi về tinh xá. Sau khi nói lên những công việc phải làm và khuyến giáo lời tốt lành cho các Tỳ-kheo, bậc Đạo sư đi vào hương phòng.

Vào buổi chiều, vua cho gọi người nghèo khổ ấy đến và mời anh ta làm quan giữ kho bạc cho vua. Các Tỳ-kheo ngồi họp tại pháp đường bắt đầu câu chuyện như sau:

– Này các Hiền giả, bậc Đạo sư đã ăn bánh bằng bột trấu đỏ của người nghèo khổ như ăn món bất tử. Nhờ vậy, người nghèo khổ được nhiều tiền và được địa vị làm quan giữ kho bạc, được nhiều phước lộc lớn lao.

Bậc Đạo sư đến hỏi các Tỳ-kheo đang ngồi bàn luận vấn đề gì. Được biết vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới không khinh chê và ăn bánh làm bằng bột trấu đỏ của người ấy. Thuở trước, khi làm thần cây, Ta

cũng đã ăn như vậy rồi. Và cũng nhờ Ta mà kẻ ấy được chức vụ làm quan giữ kho bạc.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở trước, Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm vị thần cây trên cây đu đủ dầu. Lúc bấy giờ, những người trong ngôi làng ấy, tin tưởng sức mạnh thiêng liêng của các vị thần. Trong một lễ hội, người ta làm nhiều lễ vật để cúng các thần cây. Có một người nghèo khổ, thấy các người ấy sửa soạn cúng dường các thần cây, cũng sắp đặt cúng dường thần cây đu đủ dầu.

Các người ấy đi đến mang theo vòng hoa, hương, hương liệu, các món bánh... còn anh ta chỉ đem theo bánh làm bằng bột trấu đỏ và nước đựng trong cái gáo dừa. Anh ta đi đến, đứng xa cây đu đủ dầu và nghĩ: "Các vị thần ăn bánh chư thiên. Thần của ta sẽ không ăn bánh làm bằng bột trấu đỏ này. Sao ta làm phí mất các bánh này? Ta hãy ăn nó đi!" Nghĩ vậy, anh ta quay trở về. Bồ-tát đứng trên nhánh chĩa ba của cây, nói lớn:

– Này ông bạn tốt ơi! Nếu bạn là người có quyền thế, bạn sẽ cúng dường ta bánh ngon bánh ngọt. Nhưng bạn nghèo khổ, nếu ta không ăn bánh làm bằng bột trấu đỏ thì ta sẽ ăn cái gì khác được? Chớ làm mất phần của ta!

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

109. Người cúng ăn thứ gì, Thần cũng ăn thứ ấy,
Đem lại bánh bột trấu, Chớ làm mất phần ta!

Anh ta quay trở lại, nhìn thấy Bồ-tát, rồi dâng vật cúng. Bồ-tát ăn chất dinh dưỡng từ bánh ấy, rồi nói với anh ta:

– Này bạn, vì mục đích gì bạn cúng dường ta?

– Thưa ngài, tôi là người nghèo khổ. Tôi cúng dường với mục đích nhờ ngài giúp tôi thoát cảnh nghèo khổ này.

– Này bạn, chớ có lo nghĩ việc ấy nữa. Bạn đã cúng dường cho một vị thần biết ơn nghĩa và nhớ đến các việc làm tốt. Nhiều ghè chứa châu báu được chôn xung quanh cây đu đủ dầu này. Chúng được xếp hàng, cổ ghè này chạm cổ ghè khác. Hãy báo cho vua biết, dùng cỗ xe chở tài sản, chất đống tại sân chầu vua. Vua sẽ bằng lòng bạn và cho bạn chức quan giữ kho bạc.

Sau khi nói xong, Bồ-tát biến mất. Anh ta làm như Bồ-tát dặn và được vua ban cho chức quan giữ kho bạc. Như vậy, nhờ Bồ-tát, anh ta đạt được nhiều phúc lợi lớn và khi mạng chung, đi theo nghiệp của mình.

***

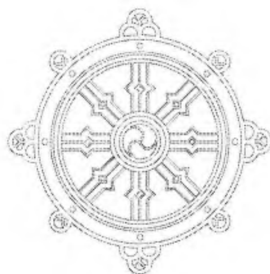
Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, liền nhận diện tiền thân như sau:

– Kẻ nghèo khổ thời ấy là kẻ nghèo khổ hiện tại, và thần cây đu đủ dầu là Ta vậy.

§110. CÂU HỎI VỀ HỖN HỢP ĐỦ LOẠI HƯƠNG
(*Sabbasaṁhārakapañha*) (*J.* I. 424)

Không bao gồm tất cả...

Câu hỏi về hỗn hợp đủ loại hương này sẽ được kể trong *Chuyện đường hầm vĩ đại.*[109]



[109] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

XII. PHẨM THIÊN NGA (*HAṂSIVAGGA*)[110]

§111. CÂU HỎI VỀ CON LỪA (*Gadrabhapañha*) (*J.* I. 424)

Ngươi nghĩ mình là ngỗng...

Câu hỏi về con lừa sẽ được nói đến trong *Chuyện đường hầm vĩ đại.*[111]

§112. CÂU HỎI CỦA HOÀNG HẬU AMARĀ (*Amarādevīpañha*) (*J.* I. 424)

Các thứ bánh và cháo...

Câu hỏi của Hoàng hậu Amarā[112] cũng sẽ được kể ở chuyện số 546, như trên.

§113. CHUYỆN CON CHÓ RỪNG (*Sigālajātaka*)[113] (*J.* I. 424)

Ông tin chó rừng say...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo ngồi họp tại pháp đường, bàn đến những việc làm tổn đức của Devadatta.

– Thưa các Hiền giả, Devadatta đem theo năm trăm Tỷ-kheo đi đến Gayāsīsa và nói: “Sa-môn Gotama làm không đúng pháp, điều ta làm mới đúng pháp.” Các Tỷ-kheo ấy bị đưa vào đường sai lạc bởi những lời nói dối như vậy, kẻ ấy đã phá hòa hợp Tăng và tổ chức hai lễ Bố-tát trong một tuần.

Bậc Đạo sư đến, hỏi vấn đề gì đang được bàn luận, và khi được biết vấn đề ấy, Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới nói láo, lúc trước kẻ ấy cũng đã nói láo rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

---

[110] Bản Tích Lan viết *Haṃsavagga*. Bản CST viết *Haṃcivagga*.

[111] Xem chú thích 109 ở trên.

[112] Hoàng hậu Amarā của Vua Mahosadha. Xem *Miln.* 205.

[113] Bản Tích Lan viết *Sigālavagga*. Bản CST viết *Siṅgālavagga*.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một thần cây ở một khu rừng có nghĩa địa. Lúc bấy giờ, ở Ba-la-nại có lễ hội cúng sao. Các người tổ chức cúng lễ các quỷ dạ-xoa. Họ rải khắp các công viên, các ngã tư đường... nhiều cá thịt và sắp đặt nhiều bát rượu.

Lúc ấy, có con chó rừng, vào nửa đêm, chui từ lỗ cống đi vào thành ăn cá thịt, uống rượu, rồi chui vào trong một bụi cây nằm ngủ đến sáng. Khi nó thức dậy, thấy ánh sáng, biết rằng nay không thể trở ra được. Nó đi đến gần đường, nằm xuống một chỗ mà người ta không thấy nó được nhưng nó thấy người ta và nằm im không nói gì.

Rồi một Bà-la-môn đang đi đến rửa mặt, thấy người ấy, con chó rừng suy nghĩ: "Các Bà-la-môn hay tham tiền, ta phải đánh trúng vào tánh tham lam ấy để họ giấu ta giữa nách, che ta với áo ngoài và đưa ta ra ngoài thành." Với giọng người, nó nói:

– Này Bà-la-môn!

Vị Bà-la-môn quay lại hỏi:

– Ai kêu ta đó?

– Chính là tôi, Bà-la-môn.

– Có chuyện gì vậy?

– Này Bà-la-môn, tôi có hai trăm đồng tiền vàng. Nếu bạn giấu tôi giữa nách, che tôi với áo ngoài, không cho một ai thấy và có thể đưa tôi ra ngoài thành, tôi sẽ cho bạn hai trăm đồng tiền vàng ấy.

Bà-la-môn vì tham tiền nên nhận lời, làm đúng như lời dặn, đưa con chó rừng ra ngoài thành. Đi được một lát, con chó rừng hỏi:

– Này Bà-la-môn, đây là chỗ nào?

– Chỗ ấy, chỗ ấy.

– Hãy đi thêm một lát nữa!

Như vậy, nó thúc đẩy vị Bà-la-môn nhiều lần, cho đến khi ra nghĩa địa lớn. Khi ấy, con chó rừng nói:

– Hãy thả tôi xuống đây!

Vị Bà-la-môn thả nó xuống, chó rừng nói:

– Này Bà-la-môn, hãy trải cái áo ngoài ra!

Vì lòng tham, kẻ ấy trải áo ngoài ra. Chó rừng lại nói:

– Này Bà-la-môn, hãy đào gốc cây này!

Và khi Bà-la-môn đang đào đất, con chó rừng leo lên cái áo ngoài, đi đại tiện trên năm chỗ, bốn góc và chính giữa bôi phân cho nhớp rồi tiểu tiện cho ướt và bỏ đi vào rừng.

Bồ-tát đứng trên chỗ chĩa ba của cây đọc bài kệ này:

113. Ông tin chó rừng say, Hỡi Bà-la-môn ơi!
Trăm tiền ốc chả có, Đâu có hai trăm vàng?

Sau đó, Bồ-tát nói với vị Bà-la-môn:

– Này Bà-la-môn, hãy đi tắm và giặt áo ngoài của ông!

Nói xong, Bồ-tát biến mất. Vị Bà-la-môn nghe vậy, biết mình đã bị lừa và sầu muộn bỏ đi.

***

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con chó rừng là Devadatta, còn vị thần cây là Ta vậy.

§114. CHUYỆN CON CÁ NGHĨ VỪA (*Mitacintijātaka*) (*J*. I. 426)

Nghĩ Nhiều và Nghĩ Ít...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về hai Trưởng lão lớn tuổi. Nghe nói, hai Trưởng lão ấy, sau khi an cư mùa mưa tại một làng thôn quê, đã quyết định đi đến yết kiến bậc Đạo sư, và chuẩn bị lương thực để lên đường. Nhưng họ hoãn ngày này qua ngày khác, cho đến một tháng trôi qua. Rồi họ chuẩn bị lương thực mới, và cũng như lần trước, trì hoãn tháng này qua tháng khác. Như vậy, vì sự biếng nhác, tham đắm trú xứ của họ, ba tháng trôi qua, họ mới lên đường đi đến Kỳ Viên. Sau khi cất đặt y, bát tại phòng chung, họ đến yết kiến bậc Đạo sư. Khi các Tỳ-kheo hỏi vì sao lâu ngày họ không đến hầu đức Phật và nguyên nhân của sự chậm trễ, họ báo cáo về sự biếng nhác của mình.

Tại pháp đường, câu chuyện về sự biếng nhác của các Tỳ-kheo ấy được Tăng chúng đề cập. Bậc Đạo sư đến, hỏi về vấn đề đang được bàn luận và khi được báo cáo vấn đề ấy, bậc Đạo sư cho gọi hai Tỳ-kheo ấy và hỏi có đúng như vậy không. Khi được họ xác nhận sự thật là vậy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay họ mới biếng nhác; thuở trước, họ cũng đã biếng nhác và tham đắm trú xứ như vậy rồi.

Sau khi nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có ba con cá sống ở sông Ba-la-nại, một con tên Nghĩ Nhiều, một con tên Nghĩ Ít, một con tên Nghĩ Vừa. Chúng từ rừng đi đến cảnh giới loài người. Tại đấy, Nghĩ Vừa nói với hai con kia:

– Cảnh giới loài người này thật nguy hiểm và dễ sợ. Các người đánh cá quăng lưới, đặt bẫy và bắt cá. Chúng ta hãy đi về nguồn lại!

Hai con cá vì biếng nhác, vì tham mồi, trì hoãn lên đường cho đến ba tháng trôi qua. Rồi những người đánh cá quăng lưới xuống sông. Nghĩ Nhiều và Nghĩ Ít tìm mồi đi trước, vì mù quáng ngu si, chúng không đề phòng lưới giăng nên

đi vào trong mạng lưới. Nghĩ Vừa đi sau cẩn trọng đề phòng. Biết được hai con kia đã sa vào mạng lưới, nó suy nghĩ: "Ta sẽ cứu sống những con cá biếng nhác, mù quáng, ngu si này."

Nó bơi đến phía ngoài lưới giăng, làm vùng vẫy mắt lưới như đã được thoát ra và làm tung tóe nước như đã lặn về phía trước lưới. Rồi nó đi vào mạng lưới. Các người đánh cá nghĩ rằng, các con cá đã vùng vẫy ra khỏi lưới và đã trốn đi rồi nên nắm một góc lưới và kéo lên. Hai con cá ấy thoát khỏi lưới và lặn xuống nước. Như vậy, nhờ Nghĩ Vừa, mạng sống của chúng đã được cứu thoát.

***

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư Chánh Đẳng Giác đọc bài kệ này:

114. Nghĩ Nhiều và Nghĩ Ít, Cả hai đều mắc lưới,
Chỉ có cá Nghĩ Vừa, Giải thoát cho bọn chúng,
Cả ba đã gặp nhau, Chính tại con sông này.

Như vậy, sau khi kể pháp thoại này xong, Bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, hai Tỷ-kheo Trưởng lão chứng được quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Nghĩ Nhiều và Nghĩ Ít là hai Tỷ-kheo Trưởng lão này, còn Nghĩ Vừa là Ta vậy.

§115. CHUYỆN CON CHIM CÁI KHUYÊN RĂN
(*Anusāsikajātaka*) (*J.* I. 428)

Ai khuyên răn kẻ khác...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo-ni để giáo giới người khác. Nghe nói ở tại Xá-vệ, có một thiện nữ nhân xuất gia, nhưng từ khi thọ Đại giới, Tỷ-kheo-ni ấy không chú tâm vào Sa-môn pháp, chỉ tham luyến tài vật. Tại chỗ nào các Tỷ-kheo-ni khác không đi, thì tại chỗ ấy Tỷ-kheo-ni này đi khất thực một mình. Và người ta cúng dường cho Tỷ-kheo-ni này những món thượng vị. Bị trói buộc bởi lòng tham vị, cô suy nghĩ: "Nếu tại chỗ này, các Tỷ-kheo-ni khác đi đến khất thực, đồ lợi dưỡng của ta bị tổn giảm. Ta phải làm thế nào để các Tỷ-kheo-ni khác không đi đến địa phương ấy." Cô đi đến trú xứ các Tỷ-kheo-ni và nói:

– Này các Hiền tỷ, tại chỗ ấy có voi dữ, có ngựa dữ, có chó dữ, đó là một chỗ nguy hiểm. Chớ nên đi khất thực tại đấy!

Tỷ-kheo-ni này khuyên răn các Tỷ-kheo-ni như vậy. Nghe vị này nói, không một Tỷ-kheo-ni nào dám quay đầu ngó về địa phương ấy.

Một hôm, trên đường khất thực tại đấy, khi đi vội vào một ngôi nhà, cô bị một con cừu hung dữ húc làm Tỷ-kheo-ni này gãy xương. Người ta chạy đến, cột hai khúc xương gãy làm một, đặt Tỷ-kheo-ni ấy nằm trên chiếc cáng, khiêng đến trú xứ của Tỷ-kheo-ni. Các Tỷ-kheo-ni nhạo cười vị ấy và nói:

– Tỷ-kheo-ni này khuyên các Tỷ-kheo-ni khác đừng đi nhưng tự mình đi đến địa phương ấy, do vậy bị gãy xương.

Việc làm của Tỷ-kheo-ni này không bao lâu được chúng Tỷ-kheo biết. Một hôm, tại pháp đường, các Tỷ-kheo nói về hạnh phi công đức của Tỷ-kheo-ni ấy:

– Này các Hiền giả, Tỷ-kheo-ni ấy khuyên răn các người khác, còn tự mình đi đến tại chỗ ấy nên bị con cừu hung dữ húc cho đến gãy xương.

Bậc Đạo sư đến, hỏi các Tỷ-kheo đang thảo luận vấn đề gì. Khi biết vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà xưa kia, cô ấy cũng đã lên tiếng khuyên răn nhưng tự mình lại không làm theo lời răn cho nên nàng thọ khổ lâu dài.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con chim, lớn lên trở thành chim chúa, có hàng trăm con chim vây quanh và trú ở Tuyết sơn. Khi Bồ-tát sống tại đấy, có một con chim cái hung dữ, đi theo một con đường lớn để tìm đồ ăn. Con chim cái này lấy được lúa, đậu, hột giống, v.v... từ các cỗ xe rơi xuống. Nó suy nghĩ: “Nay ta phải làm thế nào để các con chim khác đừng đến chỗ này.” Nghĩ vậy, nó khuyên răn đàn chim như sau:

– Con đường lớn đầy nguy hiểm, có voi, có ngựa, có cỗ xe do các con bò hung dữ kéo và các vật nguy hiểm khác qua lại. Không thể nào cất cánh bay lên mau được. Chớ nên đi trên đường ấy!

Vì lời khuyên ấy, đàn chim gọi nó là “Con chim cái khuyên răn.” Một hôm, đang tìm mồi trên con đường lớn, nghe tiếng cỗ xe chạy mau, con chim cái ấy quay cổ lại nhìn, nghĩ rằng xe còn xa nên vẫn đi. Nhưng cỗ xe ấy đến gần nó mau như gió. Trong khi nó không thể bay lên được, bánh xe cán phải nó và xe vẫn chạy vùn vụt.

Khi họp đàn chim, chim chúa không thấy nó bèn hỏi:

– Con chim cái khuyên răn sao không có mặt? Hãy đi tìm nó!

Các con chim đi tìm, thấy nó bị cán đứt đôi, và về báo tin cho chim chúa biết, chim chúa nói:

– Chim cái ấy ngăn chặn các con chim khác, còn tự mình lại đi tại đấy nên bị cán đứt đôi.

Rồi chim chúa đọc bài kệ:

115. Ai khuyên răn kẻ khác, Tự mình chạy theo tham,
Bị gãy cánh nằm xuống, Bánh xe giết đời chim.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con chim cái khuyên răn là Tỷ-kheo-ni khuyên răn, còn chim chúa là Ta vậy.

§116. CHUYỆN NGƯỜI KHÓ DẠY BẢO (*Dubbacajātaka*) (*J.* I. 430)

Thưa Sư trưởng, vì thầy...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo khó bảo. Câu chuyện này sẽ được nói đến trong chương IX, *Chuyện chim thứu.*[114] Bậc Đạo sư gọi Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới khó bảo mà thuở trước ông cũng đã khó bảo rồi. Do khó bảo, không làm theo lời khuyên của bậc Hiền trí nên ông bị cây giáo đâm phải và mạng chung.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình diễn trò nhào lộn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát có trí tuệ, thiện xảo trong phương tiện. Với một nhà diễn trò nhào lộn, Bồ-tát học nghề múa với ngọn giáo, và cùng với thầy đi khắp đó đây để biểu diễn.

Vị Sư trưởng chỉ biết nghề múa với bốn ngọn giáo, chớ không biết múa với năm ngọn giáo. Một hôm, trong khi biểu diễn tại một ngôi làng, vị Sư trưởng ngà ngà say, đặt mỗi dãy năm ngọn giáo và nói:

– Ta sẽ biểu diễn điệu múa với năm ngọn giáo.

Bồ-tát liền nói với vị ấy:

– Thưa Sư trưởng, Sư trưởng không biết nghề múa với năm ngọn giáo. Hãy cất đi một ngọn. Nếu Sư trưởng biểu diễn, Sư trưởng sẽ bị ngọn giáo thứ năm đâm phải và mạng chung.

Sư trưởng khá say nói:

– Con không biết được khả năng của ta.

Sư trưởng không nghe lời của Bồ-tát, múa qua được bốn ngọn giáo, nhưng đến ngọn giáo thứ năm bị giáo đâm thủng như hoa madhuka trên cành. Sư trưởng nằm oằn oại rên la, Bồ-tát nói:

– Do không nghe lời bậc Hiền trí nên thầy phải gặp nạn này.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

116. Thưa Sư trưởng, vì thầy,
Làm quá sức của thầy,
Thầy không ưa, không thích,
Lời khuyên này của tôi,
Bốn giáo, thầy múa qua,
Ngọn thứ năm đâm chết.

[114] Xem *J.* III. 483, *Gijjhajātaka* (*Chuyện chim thứu*), số §427.

Nói vậy xong, Bồ-tát đỡ thầy ra khỏi ngọn giáo và làm những gì cần phải làm sau cùng cho xác thân thầy.

***

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị Sư trưởng là Tỷ-kheo khó bảo này, còn người đệ tử là Ta vậy.

§117. CHUYỆN CHIM ĐA ĐA (*Tittirajātaka*) (*J.* I. 431)

Lời quá thời cao mạnh...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về Kokālika. Câu chuyện sẽ được kể rõ ràng trong chương XIII, *Chuyện Hiền giả Takkāriya.*[115] Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải nay mà cả thời xưa nữa, Kokālika đã bị nạn diệt vong rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở phía Tây Bắc. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát học tất cả các nghề ở Takkasilā, rồi từ bỏ các dục, xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ, chứng được năm thắng trí và tám thiền chứng. Tất cả hội chúng ẩn sĩ ở Tuyết sơn họp lại, tôn Bồ-tát lên làm Sư trưởng khuyên giáo và đi theo thầy. Bồ-tát lãnh đạo năm trăm ẩn sĩ, hưởng thọ thiền lạc, sống ở Tuyết sơn.

Lúc ấy, một vị tu khổ hạnh bị bệnh vàng da, đang dùng búa chặt củi. Một vị tu khổ hạnh nói nhiều đến ngồi gần vị này và nói:

– Hãy chặt chỗ này, hãy chặt chỗ này!

Vị tu khổ hạnh kia mất kiên nhẫn, phẫn nộ và nói:

– Ngươi đâu phải là thầy dạy ta bửa củi?

Kẻ ấy giơ cây búa sắc bén, và với một nhát búa, giết ngay mạng sống của vị tu khổ hạnh nói nhiều. Bồ-tát lo liệu các việc phải làm đối với thi thể nạn nhân.

Lúc bấy giờ, không xa am thất bảo, có một con chim đa đa sống dưới chân một gò mối. Vào buổi chiều, nó thường hay đứng trên gò mối ấy và hót lớn tiếng. Nghe tiếng nó, một thợ săn độc ác nhận ra được là tiếng con đa đa, liền giết nó và mang xác đi.

Bồ-tát không nghe tiếng con chim ấy, liền hỏi các người tu khổ hạnh tại gò mối:

[115] Xem *J.* IV. 242, *Takkāriyajātaka* (*Chuyện Hiền giả Takkāriya*), số §481. Kokālika là một trong những người rời Tăng đoàn đi theo Devadatta.

– Tại sao ta không nghe tiếng nó nữa?

Các vị tu khổ hạnh báo cáo sự việc cho Bồ-tát rõ. Bồ-tát kết hợp hai sự kiện với nhau và nói lên bài kệ này giữa hội chúng ẩn sĩ:

117. Lời quá thời cao mạnh, Đưa chết cho người nói.
Chim đa đa mất mạng, Vì ngu, hót quá lời.

Như vậy, Bồ-tát tu tập bốn vô lượng tâm và được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Kokālika vì lời nói của mình bị nạn diệt vong, mà thuở trước kẻ ấy cũng đã bị diệt vong rồi.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị tu khổ hạnh nói nhiều là Kokālika, chúng ẩn sĩ là hội chúng của Như Lai, còn Đạo sư hội chúng là Ta vậy.

§118. CHUYỆN CHIM CÚT (*Vaṭṭakajātaka*) (*J.* I. 432)

Không suy nghĩ, người này...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về con trai của triệu phú Uttara. Nghe nói ở Xá-vệ, có vị triệu phú Uttara rất giàu, vợ triệu phú sanh được một con trai có đức hạnh từ Phạm thiên giới xuống, khi đến tuổi trưởng thành, cậu rất đẹp trai giống như Phạm thiên.

Một hôm, khi ngày hội cúng sao Kattikā được tổ chức ở Xá-vệ, mọi người vui chơi hội lớn. Những người bạn, con trai các triệu phú khác đều có vợ. Riêng con trai triệu phú Uttara vì sống lâu ở Phạm thiên giới nên tâm không hướng đến luyến ái. Các bạn của cậu muốn đem cho cậu một nữ nhân để vui chơi hội sao, liền bàn với nhau đến gặp cậu và nói:

– Này bạn, trong thành phố này, hội cúng sao Kattikā được tổ chức một đêm. Chúng tôi sẽ tìm cho bạn một nữ nhân để cùng nhau vui chơi hội lớn.

Dầu cậu nói không cần nữ nhân, các bạn vẫn nài ép bắt cậu nhận. Họ trang điểm một nữ tỳ xinh đẹp, dắt đến nhà cậu, bảo nữ nhân ấy đi đến nhà con trai triệu phú, dẫn nàng đến phòng cậu rồi bỏ đi. Khi cô gái ấy vào phòng ngủ, người con triệu phú không ngó nàng và không nói năng gì. Cô gái suy nghĩ: "Ta tuyệt sắc, duyên dáng, mỹ lệ như thế này. Người này không ngó cũng không nói với ta. Nay ta dùng sự cám dỗ và vẻ duyên dáng nữ nhân của ta, làm người này phải nhìn đến ta."

Nghĩ vậy, cô gái trình diễn mọi sự cám dỗ của nữ nhân. Để làm đẹp lòng cậu, nàng để lộ hàm răng tuyệt đẹp của nàng và mỉm cười. Chàng trai triệu phú nhìn nàng, nắm lấy hình tướng bộ xương răng. Tư tưởng về bộ xương khởi lên trong tâm chàng cho đến khi toàn thân nàng hiện ra như một chuỗi xương. Chàng trai cho tiền người con gái rồi bảo nàng đi.

Khi nàng ra khỏi nhà, một người quý phái thấy nàng ở giữa đường, liền cho tiền và dẫn nàng về nhà. Bảy ngày qua, lễ hội sao chấm dứt. Mẹ người nữ tỳ xinh đẹp không thấy con gái của mình trở về, liền đến nhà những người con trai các vị triệu phú, hỏi con gái ở đâu. Họ đi đến nhà con trai triệu phú Uttara để hỏi và được trả lời:

– Cô gái có đến một lát, tôi đã cho tiền và bảo đi về.

Nhưng mẹ cô gái không thấy con mình, bắt buộc họ phải trả nàng lại, và đem con trai triệu phú Uttara đến xin vua phân xử. Vua hỏi:

– Những người con trai các vị triệu phú có đem người nữ tỳ xinh đẹp giao cho ngươi không?

– Thưa Đại vương, có.

– Nay cô ta đâu rồi?

– Tôi không được biết. Cô ta chỉ ở lại một lát và tôi đã bảo đi về rồi.

– Vậy nay ngươi có thể đem cô ta lại không?

– Thưa Đại vương, không được.

Vua nói:

– Nếu ngươi đem lại không được, hãy áp dụng hình phạt của vua!

Họ trói tay cậu ra phía sau, dắt cậu đi áp dụng hình phạt của vua. Cả thành vang dậy lời bàn tán:

– Nghe nói con trai người triệu phú vì không trả lại đứa nữ tỳ xinh đẹp nên bị đưa đi áp dụng hình phạt của vua.

Một đám quần chúng để tay trên ngực, vừa đi theo sau vừa than:

– Việc này là thế nào, thưa ông chủ? Sao ông chủ lại gặp một việc bất công như thế này?

Người con trai triệu phú suy nghĩ: “Sự đau khổ này xảy ra, vì ta sống trong gia đình. Nếu ta thoát ly được gia đình, ta sẽ xuất gia với bậc Đại Gotama Chánh Đẳng Giác.”

Bấy giờ, cô nữ tỳ xinh đẹp nghe tiếng đồn vang, liền hỏi dò sự việc. Khi được nghe câu chuyện ấy, nàng chạy ra thật mau và la to:

– Các ông hãy dẹp qua một bên, dẹp qua một bên! Cho tôi gặp các người lính của vua.

Và nàng tự trình diện. Quân hầu của vua thấy nàng, liền giao nàng lại cho bà mẹ, thả con trai người triệu phú và bỏ đi. Người con trai triệu phú cùng với bạn bè vây quanh, đi đến sông, gội đầu thật sạch. Rồi cậu về nhà, ăn sáng xong, liền xin phép cha mẹ được xuất gia. Vị ấy mang theo các y cùng với một số tùy tùng đông đảo đi đến bậc Đạo sư, đảnh lễ Ngài và xin xuất gia. Được xuất gia và được thọ Đại giới, vị ấy phát triển thiền quán không gián đoạn, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Một hôm, các Tỷ-kheo hội họp tại pháp đường, nói lời tán thán con trai triệu phú ấy:

– Thưa các Hiền giả, con trai vị triệu phú này, trong giờ phút nguy hiểm cho mình, đã biết được công đức của giáo pháp, nghĩ đến xuất gia để thoát khỏi đau khổ ấy. Nhờ khéo suy tư như vậy nên vị ấy được thoát nạn, được xuất gia và chứng quả A-la-hán tối thượng.

Bậc Đạo sư đến và hỏi đề tài được bàn luận, sau khi biết câu chuyện, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, con trai triệu phú Uttara, trong giờ phút nguy hiểm xảy ra cho mình, đã nghĩ đến phương tiện ấy, để thoát khỏi sự đau khổ kia và được thoát chết.

Thuở trước, các nhà Hiền trí, khi nguy hiểm xảy ra cho mình, cũng đã nghĩ đến phương tiện ấy, để giải thoát sự đau khổ kia. Nhờ suy nghĩ như vậy, họ được thoát khỏi đau khổ do nạn chết đem lại.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát tái sanh nhiều lần, rồi sanh ra làm con chim cun cút. Lúc bấy giờ, có một người thợ săn chim cun cút, thường bắt nhiều cun cút trong rừng đem về nhà nuôi dưỡng chúng cho mập. Sau khi lấy tiền, anh ta bán chúng cho những người đi đến, và nuôi sống với nghề như vậy.

Một hôm, anh ta bắt được Bồ-tát với nhiều con chim cun cút khác và đem về nhà. Bồ-tát suy nghĩ: "Nếu ta ăn đồ ăn và uống nước của người này, nó sẽ bắt ta và đưa cho những người đến xem. Nếu ta không ăn, ta sẽ trở thành ốm yếu, và thấy ta ốm yếu, các người ấy sẽ không bắt ta làm gì. Như vậy, ta được an toàn. Ta hãy làm theo phương tiện này." Bồ-tát làm theo như vậy cho đến khi chỉ còn da và xương. Người ấy thấy chim quá ốm nên không bắt.

Sau khi bán hết các con chim khác trừ Bồ-tát, anh ta đem Bồ-tát ra khỏi lồng, đặt lồng ở nơi cửa, để Bồ-tát trên lòng bàn tay và nhìn xem con cun cút này có đau bệnh gì. Biết được người thợ săn không chú ý, Bồ-tát xòe cánh lên và bay vụt về rừng. Các con chim cun cút khác thấy Bồ-tát liền hỏi:

– Sao không thấy mặt bạn, bạn đi đâu vậy?

– Ta bị người thợ săn bắt.

– Làm sao bạn lại thoát được?

– Vì ta không ăn đồ ăn nó cho, không uống nước của nó, nhờ nghĩ đến phương tiện này, ta được thoát.

Nói xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

118. Không suy nghĩ, người này, Không được lợi đặc biệt,
Hãy xem quả suy tư! Ta thoát trói, thoát chết.

Như vậy, Bồ-tát kể lại sự việc mình đã làm.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con chim cun cút thoát chết là Ta vậy.

§119. CHUYỆN CON GÀ GÁY PHI THỜI (*Akālarāvijātaka*) (*J.* I. 435)

Không mẹ cha nuôi dưỡng...

Câu chuyện này, khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Tỷ-kheo làm ồn phi thời; Tỷ-kheo ấy là một thiện nam tử ở Xá-vệ, xuất gia trong giáo pháp nhưng không làm các phận sự của mình hay học pháp. Vị ấy không biết: Thời này, ta phải làm việc này; thời này, ta phải hầu hạ; thời này, ta phải học hành. Trong canh đầu, canh giữa, canh cuối và trong những giờ thức giấc, vị ấy làm ồn khiến các Tỷ-kheo không thể ngủ được.

Tại pháp đường, các Tỷ-kheo nói đến hạnh không tốt của vị ấy:

– Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo tên ấy, xuất gia trong giáo pháp như vậy nhưng không biết phận sự hay học pháp đúng thời hay phi thời.

Bậc Đạo sư đến, hỏi các câu chuyện đang bàn luận, sau khi được biết vấn đề, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay vị ấy mới làm ồn phi thời như vậy mà thuở trước, vị ấy cũng đã làm ồn phi thời. Do không biết thời và phi thời, vị ấy đã bị vặn cổ chết.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở phương Tây Bắc. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài vượt qua biên giới, học tất cả tài nghệ, trở thành vị Sư trưởng có tiếng khắp nhiều phương và dạy nghề cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn. Các người thanh niên ấy có một con gà trống gáy đúng giờ giấc. Khi nghe tiếng gà gáy, họ thức dậy học bài. Khi con gà ấy chết đi, họ đi tìm một con gà khác.

Một thanh niên đi nhặt củi trong khu rừng có nghĩa địa, thấy một con gà trống, liền bắt nó về nhốt trong chuồng và nuôi nó. Vì quen sống ở nghĩa địa, nó không biết giờ nào cần phải gáy, có khi nó gáy lúc nửa đêm, có khi nó gáy lúc rạng đông. Khi các thanh niên ấy nghe nó gáy lúc nửa đêm, họ thức dậy học bài, cho đến rạng đông, họ quá mệt, không học được nữa. Vì buồn ngủ, họ không thấy được vấn đề cần phải thấy. Và khi quá sáng, con gà ấy gáy ồn ào, họ không có cơ hội yên tĩnh để học ôn bài. Các thanh niên Bà-la-môn suy nghĩ:

"Con gà này gáy vào nửa đêm, hoặc ban đêm, hoặc ban ngày. Do đó, chúng ta học không có kết quả." Vì vậy, họ bắt con gà ấy, vặn cổ cho chết đi và báo cáo lên Sư trưởng biết:

– Vì con gà gáy phi thời, chúng tôi đã giết nó rồi.

Vị Sư trưởng lấy đó làm bài học và nói:

– Do nó không được dạy dỗ tốt nên nó phải chết.

Rồi Sư trưởng đọc bài kệ:

119. Không mẹ cha nuôi dưỡng, Không thầy dạy dỗ nó,
Con gà này không biết, Đúng thời hay phi thời.

Sau khi nêu rõ lời dạy về sự việc này, Bồ-tát sống hết thọ mạng rồi đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con gà gáy phi thời là vị Tỷ-kheo này, các đệ tử là hội chúng của Như Lai, còn vị Sư trưởng là Ta vậy.

§120. CHUYỆN GIẢI THOÁT SỰ TRÓI BUỘC

(*Bandhanamokkhajātaka*) (*J.* I. 437)

Chỗ nào kẻ ngu nói...

Câu chuyện này, khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về thiếu nữ Bà-la-môn Ciñcā. Câu chuyện này sẽ được kể trong chương XII, *Chuyện Vương tử Paduma vĩ đại.*[116] Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay thiếu nữ Bà-la-môn này vu cáo Ta điều không có thật. Thuở trước, cô ấy cũng đã vu cáo rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát lớn lên trong gia đình một người cố vấn tế tự và sau khi cha mất, Bồ-tát kế nghiệp chức vụ ấy. Lúc ấy, hoàng hậu được vua cho một ước nguyện.

– Này Hoàng hậu, nàng muốn gì, hãy nói lên!

Hoàng hậu nói như sau.

– Lời ước nguyện của thiếp không khó thực hiện. Từ nay trở đi, Đại vương không được nhìn một nữ nhân khác với con mắt luyến ái.

Ban đầu, vua từ chối. Nhưng sau bị nàng bức bách nhiều lần, không thể bỏ qua lời của hoàng hậu, vua phải chấp nhận; và từ đấy trở đi, vua không bao giờ nhìn một nữ nhân nào trong số mười sáu ngàn vũ nữ.

[116] Xem *J.* IV. 187, *Mahāpadumajātaka* (*Chuyện Vương tử Paduma vĩ đại*), số §472.

Rồi một cuộc nổi loạn khởi lên ở biên địa. Quân lính ở biên địa, sau hai ba lần giao chiến với các tên cướp, đưa tin về cho vua là họ không thể dẹp loạn được. Vua muốn đi đến đấy, liền tập hợp một đội binh lớn, cho gọi hoàng hậu đến và nói:

– Này Hiền thê, ta ra biên địa, tại đấy chiến trận đủ loại xảy ra, sẽ đưa đến chiến thắng hay chiến bại. Những chỗ ấy, không thích hợp với nữ nhân. Hoàng hậu hãy ở lại đây!

Hoàng hậu nói:

– Thưa Đại vương, thiếp không thể ở lại đây.

Khi bị vua từ chối nhiều lần, hoàng hậu nói:

– Vậy sau khi đi được mỗi dặm, Đại vương hãy gửi một người về để hỏi thăm sức khỏe của thiếp.

Nhà vua chấp nhận. Bồ-tát ở lại trong thành, còn vua ra đi với một đội quân lớn, cứ đi mỗi dặm, lại gửi một người về với trách nhiệm báo tin cho biết sức khỏe của nhà vua và hỏi thăm hoàng hậu có được an lạc không. Khi có một người đàn ông đi về, nàng hỏi:

– Vua sai ngươi về có mục đích gì?

– Để hỏi Hoàng hậu có được an lạc không.

Hoàng hậu bảo người ấy đến và sống phi pháp với nó. Vua đi đường được ba mươi hai dặm, gửi về ba mươi hai người, và hoàng hậu sống phi pháp với tất cả bọn họ.

Sau khi dẹp loạn xong, bình định được quốc độ, trên đường về, vua cũng gửi về ba mươi hai sứ giả. Hoàng hậu cũng sống phi pháp với họ. Cho quân thắng trận dừng chân gần thành, vua gửi tin nhắn, Bồ-tát sửa soạn thành phố để đón tiếp ngài. Bồ-tát cho sửa soạn thành phố xong, mới sửa soạn cung điện để đón vua và đi đến cung thất của hoàng hậu. Hoàng hậu thấy thân thể của Bồ-tát tuyệt đẹp, không thể dằn lòng nổi, liền nói:

– Này Bà-la-môn, hãy đáp lại tình yêu của ta!

Bồ-tát nói:

– Chớ nói vậy! Hãy kính trọng vua! Tôi sợ điều bất thiện. Tôi không thể làm như vậy được.

– Sáu mươi bốn tên sứ giả đã không kính trọng vua, đã không sợ điều bất thiện, vậy ngươi lại kính trọng vua và sợ điều bất thiện sao?

– Thưa vâng, nếu họ suy nghĩ, họ đã không làm như vậy, nhưng vì tôi có biết điều phải, tôi sẽ không làm việc ác này.

– Đừng nói bậy nhiều như vậy! Nếu ngươi không làm theo lời ta, ta sẽ bảo chặt đầu ngươi.

– Thôi được, dầu cắt đầu tôi trong một đời này hay trong trăm ngàn đời, tôi cũng không thể làm như vậy.

– Hãy để đấy, rồi sẽ biết tay ta!

Hoàng hậu đe dọa Bồ-tát rồi đi vào trong phòng của mình, lấy móng tay cào trên thân, lấy dầu thoa tay chân, mặc áo dơ bẩn vào giả bệnh và cho gọi các nữ tỳ:

– Nếu vua có hỏi hoàng hậu ở đâu thì trả lời hoàng hậu bị bệnh.

Trong lúc ấy, Bồ-tát đi đón vua. Sau khi đi vòng quanh thành phố, vua ngự lên cung điện, không thấy hoàng hậu, liền hỏi hoàng hậu ở đâu. Khi được trả lời hoàng hậu bị bệnh, vua đi vào phòng hoàng hậu, xoa lưng hoàng hậu và hỏi:

– Hoàng hậu đau bệnh gì?

Hoàng hậu im lặng. Khi vua hỏi lần thứ ba, hoàng hậu nhìn vua và nói:

– Thưa Đại vương, nay Đại vương còn sống nhưng nữ nhân như thiếp cần phải có một người chồng.

– Ái khanh nói gì lạ vậy?

– Đại vương đặt địa vị cố vấn tế tự ở lại giữ thành, nó lấy cớ là sửa sang nội cung đến đây, và vì thiếp không làm theo lời nó, nó đánh đập thiếp cho thỏa mãn ý của nó rồi bỏ đi.

Vua đùng đùng nổi giận như muối và đường bỏ vào lửa, vụt đi ra khỏi cung phòng. Vua cho gọi các người gác cửa, các lính bộ binh đến, bảo họ bắt Bồ-tát ngay, trói cánh tay ra sau lưng như người bị xử án chém rồi dẫn ra khỏi thành đến pháp trường xử trảm. Họ đi thật mau, trói cánh tay vị cố vấn tế tự ra sau lưng và cho đánh trống báo tin có hành quyết. Bồ-tát suy nghĩ: "Như vậy, nhà vua đã bị hoàng hậu độc ác đầu độc trước rồi. Hôm nay, ta phải cứu ta khỏi tai ương này với sức của mình." Vì thế, Bồ-tát nói với những người lính:

– Trước khi các người giết ta, hãy đưa ta yết kiến vua!

– Để làm gì?

– Vì ta là người phục vụ vua, đã làm được nhiều công việc. Ta biết tài sản chôn giấu rất nhiều. Chính ta quản lý đất ruộng nhà vua. Nếu ta không gặp vua thì nhiều tài sản sẽ bị tiêu diệt. Sau khi ta nói cho vua biết gia sản của vua, các ngươi hãy làm bổn phận của mình.

Họ đưa vị cố vấn tế tự đến gặp vua. Vua thấy vị ấy liền nói:

– Này Bà-la-môn, ngươi không xấu hổ đối với ta sao? Sao ngươi lại làm ác hạnh như vậy?

– Thưa Đại vương, tôi sanh ra trong gia đình Bà-la-môn thượng lưu. Từ trước đến nay, tôi không sát sanh, ngay cả một con kiến. Từ trước đến nay, tôi không lấy của không cho, ngay cả một cọng cỏ. Từ trước đến nay, tôi không nhìn đến một nữ nhân của người khác với con mắt luyến ái, dù chỉ một cái liếc mắt đưa tình. Từ trước đến nay, tôi không nói một lời nói dối, dầu chỉ để đùa vui. Tôi không có uống rượu, dù chỉ một giọt bằng ngọn cỏ kusa. Tôi hoàn

toàn vô tội đối với Đại vương. Nhưng Hoàng hậu độc ác kia đã cầm tay tôi với tâm tư đầy dục vọng, bị tôi cự tuyệt nên mới dọa nạt tôi, nói rõ cho tôi biết ác hạnh bí mật của mình trước khi đi vào cung phòng. Trước tôi đã có sáu mươi bốn người sứ giả đến đây, đem theo thông điệp của Đại vương gửi Hoàng hậu, những người ấy đều có tội. Hãy gọi họ đến đây và hỏi từng người trong bọn họ có làm như Hoàng hậu đã bảo hay không?

Vua cho gọi sáu mươi bốn người kia và hoàng hậu đến. Vua hỏi họ có làm như hoàng hậu đã bảo hay không. Họ thú nhận có làm. Nhà vua sai trói họ lại và ra lệnh chặt đầu cả sáu mươi bốn người ấy. Đến đây, Bồ-tát thưa:

– Thưa Đại vương, những người này không có tội! Chúng chỉ làm theo sở thích của Hoàng hậu. Chúng vô tội, vậy hãy tha cho chúng! Còn Hoàng hậu cũng không có tội. Tánh dâm dục của Hoàng hậu không bao giờ thỏa mãn, sanh ra đã như vậy rồi. Hoàng hậu chỉ làm thuận theo bản tánh của mình thôi. Do vậy, hãy tha thứ cho Hoàng hậu!

Như vậy, bằng nhiều cách, Bồ-tát làm cho vua hiểu rõ sự việc, cứu mạng sống sáu mươi bốn người ấy và bà hoàng hậu ngu si, và xin vua ban cho họ những trú xứ để ở. Sau khi tất cả mọi người được giải thoát, được cho chỗ ở, Bồ-tát đến vua và thưa:

– Thưa Đại vương, lời nói buộc tội không căn cứ của kẻ ngu si và đui mù, làm cho các bậc Hiền trí bị trói vào chỗ không xứng đáng, bị trói quặp cánh tay sau lưng; còn lời nói của bậc Hiền trí là nguyên nhân khiến kẻ ngu si thoát khỏi bị trói tay sau lưng. Như vậy, lời kẻ ngu trói buộc một cách không thích đáng, còn lời nói bậc Hiền trí, thời giải thoát các trói buộc.

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ này:

120. Chỗ nào kẻ ngu nói, Chúng trói kẻ vô tội,
Chỗ nào bậc trí nói, Cứu thoát kẻ bị trói.

Như vậy, bậc Đại sĩ với bài kệ này, thuyết pháp cho vua và nói:

– Tôi gặp sự đau khổ này là vì còn sống đời gia đình. Nay tôi không có công việc gì trong gia đình nữa. Hãy cho phép tôi được xuất gia!

Sau khi được phép xuất gia, từ bỏ bà con thân thuộc, từ bỏ tài sản lớn, Bồ-tát làm bậc tiên nhân du sĩ, sống ở Tuyết sơn, đạt được các thắng trí và thiền chứng, tái sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, bà hoàng hậu độc ác là thiếu nữ Bà-la-môn Ciñcā, vua là Ānanda, còn vị cố vấn tế tự là Ta vậy.

XIII. PHẨM THẦN CÂY CỎ KUSA
(*KUSANĀḶIVAGGA*)

§121. CHUYỆN THẦN CÂY CỎ KUSA (*Kusanāḷijātaka*) (*J.* I. 441)

Hãy để cho tất cả...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người bạn chân thật của ông Cấp Cô Độc. Các thân hữu, bạn bè quen biết, các thân tộc của ông Cấp Cô Độc ngăn chặn ông:

– Thưa đại trưởng giả, người này không ngang bằng, không hơn trưởng giả về thọ sanh, dòng họ, tài sản, ngũ cốc. Trưởng giả chớ chơi thân với người ấy!

Cấp Cô Độc trả lời:

– Tình bạn thân chớ nên dựa vào sự so sánh thấp hơn, bằng nhau hay cao hơn.

Trưởng giả không nghe lời can ngăn và đi về làng mà trưởng giả làm thôn trưởng, mời người ấy làm quản lý gia sản của mình. Mọi việc xảy ra như trong *Chuyện Kāḷakaṇṇī*.[117] Nhưng trong trường hợp này, khi trưởng giả tường thuật sự việc xảy đến cho nhà mình lên bậc Đạo sư, Ngài nói:

– Này gia chủ, một người bạn chân thật, không bao giờ nhỏ hơn. Ở đây, sự đo lường tình bạn nằm ở khả năng bảo vệ tình bạn. Một người bạn chân thật, bằng mình hay kém hơn mình, phải được xem là cao hơn. Tất cả người bạn ấy, sẽ giải quyết gánh nặng, sự khó khăn đã dành cho mình. Nay chính nhờ người bạn chân thật của mình mà gia chủ đã cứu được tài sản của mình. Thuở trước, bạn bè chân thật đã cứu được cung điện của một thần cây.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vị ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm vị thần ở một khóm cỏ kusa trong công viên của vua. Trong công viên ấy, gần nơi tấm đá vua thường ngồi có một cây điềm lành, thân cây cao thẳng, cành lá sum suê, rất được vua ưa thích. Tại đấy, sanh ra một thần cây, trước kia là một ông vua có uy quyền lớn. Bồ-tát là bạn thân với thần cây ấy.

Lúc bấy giờ, vua sống trong lâu đài được một cột trụ chống đỡ nhưng cây cột ấy bị lung lay. Tình trạng ấy được báo lên vua. Vua cho gọi thợ mộc và bảo:

---

[117] Xem *J.* I. 364, *Kāḷakaṇṇijātaka* (*Chuyện Kāḷakaṇṇī*), số §83.

– Cột trụ độc nhất chống đỡ lâu đài của trẫm bị lún, hãy lấy một cây cột khác có lõi cứng rắn thay vào!

Tốp thợ mộc vâng theo lời vua, đi tìm một cây thích hợp, nhưng chưa tìm được. Họ đi vào công viên, thấy cây điềm lành, liền đến yết kiến vua. Khi vua hỏi có tìm được cây nào thích hợp không, họ thưa:

– Tâu Đại vương, chúng tôi đã thấy nhưng không dám đốn cây ấy.

Được vua hỏi vì sao, họ thưa:

– Chúng tôi không tìm thấy một cây nào khác nên đã đi vào công viên. Tại đấy, trừ cây điềm lành của vua, chúng tôi không tìm thấy cây nào khác. Nhưng chúng tôi không dám đốn cây điềm lành ấy.

– Hãy đốn cây ấy và làm trụ cột cho lâu đài của trẫm! Trẫm sẽ trồng một cây điềm lành khác.

Các người ấy vâng lời, đem theo đồ cúng thần đi đến công viên, dâng lễ vật cúng cho cây, trình thần cây biết, ngày mai sẽ đốn cây, rồi đi về. Nữ thần cây biết được sự việc này, suy nghĩ: "Ngày mai, nhà ở của ta bị hủy hoại, rồi ôm các con, ta sẽ đi đâu bây giờ?"

Nữ thần cây không tìm thấy chỗ cần đi, phải cõng con trên lưng rồi khóc. Các thần rừng, bạn bè thân thích của nữ thần cây ấy tới hỏi nguyên do. Sau khi nghe sự việc, thấy mình không có phương tiện gì để chặn tay các người thợ mộc lại, liền ôm nữ thần cây ấy và bắt đầu khóc. Lúc bấy giờ, Bồ-tát đi đến thăm nữ thần cây, biết được sự việc liền nói:

– Chớ lo nghĩ, ta sẽ không để cho chặt cây. Ngày mai, khi thợ mộc đến, ta sẽ có cách đối phó.

Ngày hôm sau, khi tốp thợ mộc đến, Bồ-tát hóa làm con tắc kè, đến trước thợ mộc, chui vào giữa rễ của cây điềm lành, làm cho cây ấy như trống rỗng, tắc kè leo lên chính giữa cây, chui ra khỏi đầu thân cây rồi nằm xuống lắc đầu qua lại. Người tổ trưởng thợ mộc thấy vậy, lấy tay đập vào thân cây và nói:

– Cây này trống rỗng, không có lõi. Hôm qua không nhìn kỹ, chúng ta đã làm lễ cúng dâng.

Rồi anh ta bỏ đi, đầy khinh bỉ đối với cây to lớn mà không chắc ấy. Như vậy, nữ thần cây nhờ Bồ-tát, vẫn làm chủ chỗ ở của mình. Và nhiều thần cây thân hữu quen biết tụ họp để chúc mừng nàng. Nữ thần cây hài lòng với vị thần đã cho nàng trú xứ, giữa các vị thần ấy, nàng tán thán công đức của Bồ-tát:

– Thưa chư thần, chúng ta có phước đức, có quyền lực lớn nhưng với trí tuệ chậm chạp, không biết phương tiện này. Còn vị thần khiêm tốn của cây cỏ lau, với trí thông minh của mình, đã cho chúng ta làm chủ ngôi nhà của chúng ta. Thật vậy, chúng ta cần phải làm bạn với các vị bằng ta, hơn ta và thua ta. Tất cả các vị, tùy theo sức mạnh của mình, có thể giúp các bạn thoát khỏi đau khổ và an trú trong hạnh phúc.

Sau khi tán thán tình bạn, nữ thần cây nói bài kệ này:

121. Hãy để cho tất cả, Bằng, hơn hay thua ta,
Làm hết sức của mình, Trong thời hoạn nạn đến,
Như ta được giúp đỡ, Nhờ thần cây cỏ lau!

Do vậy, những ai muốn giải thoát khỏi đau khổ, chớ phân biệt bạn bằng ta hay hơn ta, hãy làm bạn với những bậc có trí dù địa vị ra sao.

Như vậy, nữ thần cây thuyết pháp cho chư thần với bài kệ này. Nàng sống cho đến trọn đời và sau cùng với vị thần cây cỏ lau mạng chung, rồi đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi nói lên pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, nữ thần cây là Ānanda, còn thần cây cỏ lau là Ta vậy.

§122. CHUYỆN KẺ NGU (*Dummedhajātaka*) (*J.* I. 444)

Kẻ ngu được danh xưng...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Trong pháp đường, các Tỷ-kheo nói về sự ác đức của Devadatta:

– Này các Hiền giả, khi Devadatta nhìn lên tự thân chói sáng tối thượng của Như Lai, với gương mặt sáng như trăng rằm, thân vẹn toàn ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại nhân sáng tỏa rộng một tầm, với hào quang chói sáng của đức Phật phóng ra, chiếu từng đôi vòng, từng cặp một, Devadatta không hoan hỷ mà khởi lòng ganh ghét. Devadatta không chịu nổi và càng ganh ghét hơn khi nghe những lời tán thán đức Phật đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp ở đây và nói lên vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay khi nghe lời tán thán về Ta, Devadatta mới sanh lòng ganh ghét. Lúc trước, Devadatta cũng đã như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi vua nước Ma-kiệt-đà trị vì thành Vương Xá, Bồ-tát sanh ra làm con voi trắng, đầy đủ dung sắc tuyệt hảo.[118] Vì đầy đủ các tướng như vậy, nhà vua phong nó lên địa vị vương tượng. Trong một ngày lễ, thành phố được trang hoàng toàn bộ như thành phố chư thiên, vua ngự lên vương tượng được

[118] Xem *M.* II. 146, *Selasutta* (*Kinh Sela*), số 92; *Sn.* 103, *Selasutta.*

trang điểm đẹp đẽ, đi diễu hành khắp thành phố với uy lực của bậc Đại vương. Quần chúng đứng chỗ này chỗ kia, thấy thân hình, dung sắc tuyệt đẹp của vương tượng, liền tán thán:

– Ôi, dung sắc! Ôi, cử chỉ! Ôi, dáng đi uyển chuyển làm sao! Ôi, các tướng được thành tựu, một con voi toàn trắng như vậy, xứng đáng thuộc về Vua Chuyển Luân!

Nhà vua nghe lời tán thán vương tượng, không thể chịu đựng nổi, khởi tâm ganh ghét và suy nghĩ: "Hôm nay, ta sẽ quăng nó xuống vực thẳm của núi và chấm dứt mạng sống của nó." Nghĩ vậy, vua cho gọi người nài đến và hỏi:

– Con voi này được ngươi huấn luyện như thế nào?

– Thưa Đại vương, nó được khéo huấn luyện!

– Nó không được khéo huấn luyện, nó được huấn luyện dở.

– Thưa Đại vương, nó được khéo huấn luyện!

– Nếu nó được khéo huấn luyện, ngươi có thể cho nó leo lên đỉnh núi Vepulla không?

– Thưa được, tâu Đại vương.

– Vậy hãy đi lên!

Sau khi tự mình xuống voi, vua bảo người nài ngồi trên lưng voi, leo lên đỉnh núi Vepulla. Rồi vua được các đại thần vây quanh, cùng trèo lên đỉnh núi, bảo con voi đứng bên bờ vực thẳm và nói:

– Ngươi nói con voi này được ngươi khéo huấn luyện, vậy hãy bảo nó đứng ba chân!

Người nài ngồi trên lưng voi và nói:

– Này bạn, hãy đứng lên ba chân.

Và với cái gậy thúc, người ấy làm dấu cho con voi. Rồi vua nói:

– Hãy làm cho nó đứng với hai chân trước!

Bồ-tát giơ hai chân sau lên và đứng hai chân trước. Vua truyền:

– Hãy đứng với bàn chân sau!

Con voi giơ hai chân trước lên và đứng với hai chân sau. Vua truyền:

– Hãy đứng với một chân!

Con voi giơ cả ba chân lên và đứng một chân.

Biết rằng con voi không thể ngã xuống, vua nói:

– Nếu được, hãy bảo nó đứng giữa hư không!

Người nài voi suy nghĩ: "Khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) không có con voi nào được huấn luyện khéo như con voi này, không nghi ngờ gì nữa, ông vua muốn làm con voi rơi xuống vực thẳm và giết nó."

Vì vậy, người nài nói thầm vào tai con voi:

– Này bạn thân, vua muốn bạn rơi xuống vực thẳm và giết bạn. Nó không xứng đáng với bạn. Nếu bạn có sức mạnh bay lên hư không và cho tôi ngồi trên lưng, hãy bay trên hư không về Ba-la-nại!

Bồ-tát đầy đủ thần lực vô úy, ngay lúc ấy, đứng trên hư không.

Người nài thưa:

– Thưa Đại vương, con voi này đầy đủ thần lực vô úy, không tương xứng với một người ngu si, yếu kém như Đại vương. Con voi chỉ xứng đáng với một vị vua đầy đủ công đức và hiền trí. Nếu những người có công đức yếu kém như Đại vương làm chủ con voi như thế này, họ sẽ không biết được đức tánh của nó. Vì vậy, họ sẽ mất con voi ấy và hủy diệt mọi danh vọng còn lại.

Nói như vậy xong, ngồi trên lưng voi, người nài đọc bài kệ:

122. Kẻ ngu được danh xưng, Tự mình gây nguy hiểm,
Đem hại đến cho mình, Đem hại cho người khác.

Sau khi thuyết pháp khiển trách vua, người nài nói:

– Nay Đại vương hãy đứng ở đây, xin từ biệt!

Người nài và voi cùng bay lên hư không về Ba-la-nại và đứng trên hư không, giữa sân chầu của cung vua. Toàn thành náo động cả lên, mọi người đều la to:

– Con voi quý đã đến với vua chúng ta, ngang qua hư không và đang đứng trên sân chầu vua.

Họ mau chóng trình lên vua hay. Vua liền đi khỏi cung điện và nói:

– Nếu các quý vị đến vì lợi ích cho chúng tôi thì hãy hạ xuống đất!

Con voi liền đứng xuống đất. Người nài leo xuống, đảnh lễ vua và khi được hỏi từ đâu đến, ông ta trả lời:

– Từ Vương Xá đến.

Và ông ta tường thuật tất cả sự việc. Vua nói:

– Các bạn thân, các bạn đến đây thật là một việc đẹp ý vừa lòng.

Nhà vua hân hoan, truyền lệnh trang hoàng thành phố, đặt con voi vào địa vị vương tượng, chia toàn quốc thành ba phần. Một phần cho con voi, một phần cho người nài và một phần vua giữ lại cho mình. Từ đó, toàn cõi Diêm-phù-đề đều nằm vào trong tay vua. Vua trở thành đại đế cõi Diêm-phù-đề, chuyên tâm làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua nước Ma-kiệt-đà là Devadatta, vua xứ Ba-la-nại là Sāriputta, người nài voi là Ānanda và con voi là Ta vậy.

§123. CHUYỆN CÁI CÁN CÀY (*Naṅgalīsajātaka*) (*J.* I. 446)

Kẻ ngu nói hạn chế...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Trưởng lão Lāḷudāyī (Udāyī khờ khạo). Theo truyền thuyết, khi nói, Trưởng lão ấy không biết cái gì thích ứng, cái gì không thích ứng, trong trường hợp này nên nói cái này, trong trường hợp này không nên nói cái này. Nếu chúc lễ hội điềm lành, Trưởng lão nói lên điềm xấu.[119] Ngang qua các đường đi, tại các ngã đường dân chúng đứng, nếu là lễ tang, Trưởng lão nói lời tùy hỷ điềm vui. Một hôm, tại pháp đường, các Tỷ-kheo khởi lên câu chuyện:

– Này các Hiền giả, Lāḷudāyī không biết cái gì thích ứng, cái gì không thích ứng.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi tụ họp đang bàn luận vấn đề gì?

Khi biết đề tài câu chuyện, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Lāḷudāyī nói lời đần độn, không biết cái gì nên nói, cái gì không nên nói. Thuở trước, vị ấy cũng như vậy rồi. Vị ấy luôn luôn ngu đần.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn giàu có. Đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát đi học ở Takkasilā, trở thành một vị Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương ở Ba-la-nại và Bồ-tát dạy nghề cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn.

Lúc bấy giờ, trong các thanh niên Bà-la-môn ấy, có một thanh niên đần độn, hay nói lời ngớ ngẩn, vì bản tánh đần độn nên không học nghề được. Thanh niên ấy hầu hạ Bồ-tát, làm mọi công việc như người nô lệ. Một hôm vào buổi chiều, sau khi ăn xong, Bồ-tát đang nằm nghỉ trên giường, thanh niên ấy đến xoa bóp tay chân và lưng ngài. Khi anh ta làm xong, định đi thì Bồ-tát nói:

– Này con thân, chêm cao chân cái giường lên.

Thanh niên ấy chêm được một chân giường lên cao, còn chân kia không tìm được đồ chêm giường, anh ta dùng bắp vế của mình làm đồ chêm giường và trải qua một đêm như vậy. Vào buổi sáng thức dậy, Bồ-tát thấy vậy liền hỏi:

– Này con thân, con ngồi làm gì đây?

– Thưa Sư trưởng, con không tìm thấy đồ chêm giường nên dùng bắp vế thay vào và ngồi ở đây.

Bồ-tát cảm thấy xúc động, suy nghĩ: "Nó là người thị giả rất chí thành của ta, nhưng so với các thanh niên Bà-la-môn, nó là đứa đần độn, không thể học

[119] Xem *JRAS*. 1870, p. 319.

được nghề; vậy ta hãy giúp cho nó trở thành người có trí." Rồi Bồ-tát suy nghĩ: "Nay có phương tiện này, ta sẽ đưa thanh niên Bà-la-môn này đi nhặt củi và lá. Khi nó về, ta sẽ hỏi: 'Hôm nay con đã thấy gì, làm gì?' Chắc nó sẽ trả lời: 'Hôm nay con thấy cái này, làm cái này'; rồi ta sẽ hỏi: 'Điều con thấy, con làm giống cái gì?' Nó sẽ dùng ví dụ, tìm lý do để nói: 'Con thấy như thế này...' Điều ấy khiến nó nói ví dụ và lý do mới hoài. Với phương tiện này, ta có thể làm cho nó trở thành người có trí." Nghĩ vậy, Bồ-tát kêu anh ta lại và nói:

– Này con thân, bắt đầu từ hôm nay, con hãy đi lượm củi và lá; và tại chỗ con đi, con thấy cái gì, ăn cái gì, uống cái gì, nhai cái gì, lúc về con hãy báo cáo cho ta biết!

Anh ta vâng theo lời dạy. Một hôm, anh ta đi vào rừng để lượm củi và lá cùng với các thanh niên Bà-la-môn khác, anh ta thấy một con rắn. Khi về anh ta báo cáo lại:

– Thưa Sư trưởng, con có thấy con rắn.

– Này con thân, con rắn giống cái gì?

– Nó giống cán cày.

Bồ-tát nói:

– Tốt lắm, này con thân, các ví dụ con trình bày rất hợp lý, con rắn thật giống như cái cán cày.

Rồi Bồ-tát suy nghĩ: "Các ví dụ do thanh niên này trình bày rất hợp lý. Ta có thể làm cho người này thành người có trí."

Lại một ngày khác, thanh niên Bà-la-môn này thấy con voi trong rừng, và đi về thưa:

– Thưa Sư trưởng, con có thấy con voi.

– Này con thân, con voi giống cái gì?

– Nó giống như cái cán cày.

Bồ-tát suy nghĩ: "Cái vòi voi giống như cán cày. Cái ngà voi cũng vậy. Người này phân tích một cách ngu si, không thể nói như vậy." Nghĩ vậy Bồ-tát giữ im lặng.

Rồi một hôm, được mời đi ăn mía, anh ta về thưa:

– Thưa Sư trưởng, hôm nay con được ăn mía.

– Cây mía giống cái gì?

– Thưa, giống cái cán cày.

Anh ta nói. Vị Sư trưởng suy nghĩ: "Nó nói cũng có một phần đúng" nên giữ im lặng. Lại nữa, một hôm được mời cùng một số thanh niên ăn đường cục với sữa đông và uống sữa, khi về anh ta thưa:

– Thưa Sư trưởng, hôm nay chúng con được ăn sữa đông và uống sữa.

Khi được hỏi về sữa đông và sữa giống cái gì, anh ta trả lời:

– Thưa, giống cái cán cày.

Vị Sư trưởng suy nghĩ: "Thanh niên Bà-la-môn này khi nói con rắn giống cái cán cày, vậy là khéo. Khi nó nói con voi giống như cái cán cày, vì liên hệ đến cái vòi, là nói một cách gượng ép. Khi nó nói cây mía giống như cái cán cày, vậy cũng là nói hơi gượng ép. Còn sữa đông và sữa luôn luôn màu trắng, lấy theo hình dáng đồ vật chúng được đặt vào, vậy cái ví dụ nó nói hoàn toàn không thể chấp nhận. Ta không thể dạy cho kẻ ngớ ngẩn này học được."

Nghĩ xong, Bồ-tát nói lên bài kệ:

123. Kẻ ngu nói hạn chế, Tại chỗ không hạn chế,
Nó không biết sữa đông, Cũng không biết cán cày,
Nó nghĩ là sữa đông, Giống như cái cán cày.

***

Sau khi nghe pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, thanh niên ngớ ngẩn là Lāḷudāyī và Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương là Ta vậy.

§124. CHUYỆN TRÁI XOÀI (*Ambajātaka*) (*J.* I. 449)

Này, người hãy tinh tấn...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Bà-la-môn làm đầy đủ các nhiệm vụ. Theo truyền thuyết, con trai một thương gia ở Xá-vệ, hiến dâng tâm trí cho Chánh pháp và xuất gia, làm đầy đủ các nhiệm vụ. Vị ấy làm tốt các bổn phận đối với Sư trưởng, đối với Giáo thọ sư, các nhiệm vụ về đồ ăn uống, nhà họp Bố-tát, nhà tắm, v.v... hoàn toàn đầy đủ trong mười bốn nhiệm vụ quan trọng và tám mươi nhiệm vụ nhỏ. Vị ấy thường hay quét tinh xá, quét phòng riêng, hành lang, con đường đưa đến tinh xá, đem nước cho những người khát. Dân chúng hoan hỷ vì sự vẹn toàn nhiệm vụ của vị này nên đã cúng dường năm trăm phần ăn hàng ngày cho chúng Tăng và đem lại lợi dưỡng, danh vọng lớn cho tinh xá. Nhờ vị này, nhiều người được thoải mái lạc trú trong tinh xá.

Rồi một hôm, các Tỷ-kheo họp ở pháp đường, bắt đầu câu chuyện:

– Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo tên ấy, thành tựu các nhiệm vụ của mình, đã tạo nên lợi dưỡng, danh vọng lớn. Chỉ nhờ một mình người ấy, nhiều người đã đạt được lạc trú.

Thế Tôn đến và hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi nói vấn đề gì, khi được biết vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này làm đầy đủ nhiệm vụ. Thuở xưa, chỉ nhờ một mình người ấy, năm trăm ẩn sĩ đi hái trái cây đã được cung cấp các trái cây do người ấy đem lại.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở phương Bắc. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia làm vị ẩn sĩ, được vây quanh với năm trăm ẩn sĩ sống dưới chân núi.

Thời ấy, ở Tuyết sơn, một nạn hạn hán khắc nghiệt đã xảy ra, chỗ này chỗ kia nước uống bị thiếu hụt, các loài thú không có nước uống, cảm thấy khổ cực. Một vị trong số những người tu khổ hạnh ấy, thấy các loài thú đau khổ vì khát nước, đã đốn một cây làm thành cái máng, chắt chiu tất cả nước uống đựng đầy cái máng và cho chúng uống nước.

Các loài thú tập hợp rất nhiều, và trong khi cho chúng uống nước người tu khổ hạnh không có thì giờ để đi hái trái. Dầu không có thức ăn, vị ấy vẫn cho chúng uống nước. Đàn thú suy nghĩ: "Vị này vì cho chúng ta uống nước, không có thì giờ để hái quả. Vì không có thức ăn, vị ấy trở thành mỏi mệt. Vậy chúng ta hãy giao ước với nhau như sau: Bắt đầu từ hôm nay, những ai đến uống nước, hãy tùy theo sức mình, hái các loại trái cây và đem lại cúng dường vị tu khổ hạnh."

Từ đó về sau, mỗi con mỗi thứ, hái các loại trái ngọt như xoài, đào, mít, v.v... đem đến cho vị tu khổ hạnh, đựng đầy hai trăm năm mươi cỗ xe. Như vậy, năm trăm vị khổ hạnh ăn uống đầy đủ và có đồ dư để dành nữa. Thấy vậy, Bồ-tát nói:

– Như vậy, chỉ nhờ một người làm đầy đủ nhiệm vụ nên được cung cấp trái cây, v.v... đủ số lượng cho các vị tu khổ hạnh khác. Thật vậy, chúng ta cần phải luôn tinh tấn làm thiện sự.

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

124. Này, người hãy tinh tấn, Bậc Hiền trí không nản,
Xem quả của tinh tấn, Xoài được ăn thỏa thích.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị tu khổ hạnh làm đầy đủ nhiệm vụ là Tỷ-kheo này và bậc Đạo sư hội chúng là Ta vậy.

§125. CHUYỆN NGƯỜI NÔ LỆ KAṬĀHAKA (*Kaṭāhakajātaka*) (*J.* I. 451)

Nó nói nhiều, đại ngôn...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo nói khoác lác. Chuyện này giống như chuyện đã kể trước.[120]

***

[120] Xem *J.* I. 355, *Bhīmasenajātaka* (*Chuyện người thợ dệt Bhīmasena*), số §80.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một nhà triệu phú giàu có. Bà vợ triệu phú sanh một con trai. Cũng trong ngày ấy, một người nữ tỳ sanh một con trai. Hai trẻ ấy lớn lên cùng tuổi với nhau. Khi con trai vị triệu phú học viết, con trai người nô tỳ cũng mang tấm gỗ xin học viết luôn với cậu chủ. Rồi nó học hai hay ba công nghệ. Lớn lên, nó trở thành một thanh niên ăn nói giỏi, đẹp trai và được đặt tên là Kaṭāhaka.

Khi làm quản lý các kho trong nhà triệu phú, anh ta suy nghĩ: "Những người này sẽ không bắt ta làm quản lý các kho suốt đời được. Nếu thấy ta có lỗi gì, họ sẽ đánh ta, trói ta, đóng dấu vào ta, cho ta đồ ăn của bọn nô lệ. Tại biên địa, có người triệu phú là bạn của triệu phú này, ta sẽ viết thư, nhân danh người triệu phú, cầm đi đến đấy và nói ta là con của triệu phú, lừa dối vị triệu phú biên địa để lấy con gái của ông ta, hưởng hạnh phúc và sống an lạc suốt đời."

Nghĩ vậy, anh ta lấy giấy và viết thư như sau: "Tôi gửi người con trai của tôi tên là Kaṭāhaka đến với bạn. Thật là xứng đáng nếu hai gia đình chúng ta kết làm sui gia với nhau, con của tôi lấy con của bạn. Do vậy, hãy gả con gái của bạn cho con trai của chúng tôi, cho nó sống tại đấy, khi nào có cơ hội tôi sẽ đến!" Viết xong, anh ta đóng triện của người triệu phú, đem theo nhiều tiền bạc, áo quần, hương thơm, v.v... đưa đến biên địa, đảnh lễ vị triệu phú và đứng chờ. Người triệu phú hỏi:

– Này con thân, con từ đâu lại?

Anh ta đáp:

– Từ Ba-la-nại.

– Con là ai?

– Là con vị triệu phú xứ Ba-la-nại.

– Vì mục đích gì con đến đây?

Lúc bấy giờ Kaṭāhaka đưa bức thư và nói:

– Ông xem bức thư này, rồi sẽ rõ.

Người triệu phú đọc thư xong, rồi nói:

– Nay mới thật là ta sống cuộc đời mới.

Ông hoan hỷ gả con gái và cho người hỗ trợ anh ta. Được tôn quý như vậy, Kaṭāhaka trở thành kiêu ngạo. Đối với các món ăn như cháo, đồ ăn cứng... và các loại vải hương được đem lại, anh ta chỉ trích như sau: "Chúng nấu cháo như thế này, nấu đồ ăn cứng như thế này. Ôi, thật là những người ở biên địa!"

Anh ta chỉ trích những người thợ dệt vải và những người thợ khác: "Với bản chất của người sống ở biên địa, những người này không biết dệt y. Chúng không biết chọn hương, không biết bó hoa."

Khi thấy vắng người nô lệ, Bồ-tát hỏi:

– Ta không thấy mặt Kaṭāhaka, nó đi đâu? Hãy cho đi tìm nó khắp nơi!

Một trong những người đi tìm kiếm đến tại chỗ ấy, thấy Kaṭāhaka, nhận diện được anh ta, nhưng không để lộ tông tích của mình, và đi về trình với Bồ-tát. Bồ-tát nghe tin như vậy, liền nói:

– Nó làm một việc không phải, ta sẽ đi đem nó trở về.

Sau khi xin phép vua, ngài ra đi với một số đông tùy tùng. Khắp nơi, mọi người đều biết vị triệu phú đi ra biên địa. Kaṭāhaka nghe tin Bồ-tát đến, liền suy nghĩ: "Không có lý do gì khác để vị triệu phú đến. Chính vì ta. Nếu ta chạy trốn thì sau không thể trở về được." Anh ta nghĩ ra phương kế: "Ta hãy đi đón ông chủ, làm bổn phận một người nô lệ và làm vui lòng ông chủ của ta." Bắt đầu từ đấy, giữa hội chúng, anh ta nói như sau:

– Những kẻ ngu khác, vì ngu si không biết các công đức của cha mẹ, khi cha mẹ ăn, họ không hầu hạ lại ngồi ăn với cha mẹ. Còn chúng tôi, khi cha mẹ ăn, chúng tôi đem lại bát, ống nhổ, chén đĩa, quạt và nước uống. Như vậy, chúng tôi hết lòng hầu hạ cha mẹ. Cho đến khi cha mẹ đi đại, tiểu tiện, chúng tôi cũng đem lại bình nước.

Tất cả mọi bổn phận phải làm của người nô lệ đối với chủ, Kaṭāhaka đều trình bày rõ. Sau khi đã dạy cho đám tùy tùng như vậy, Kaṭāhaka thưa với ông cha vợ:

– Thưa cha thân, con nghe tin cha của con sắp đến thăm cha. Cha hãy sửa soạn các món ăn loại cứng và loại mềm. Còn con đem theo quà tặng, con sẽ đi đón cha con.

Nhạc phụ chấp thuận:

– Tốt lắm, này con.

Kaṭāhaka đem theo nhiều quà tặng đi với một số gia nhân, đảnh lễ Bồ-tát và dâng quà tặng. Bồ-tát nhận quà tặng, đối xử với anh ta rất thân tình. Khi đến giờ ăn sáng, ngài cho dựng trại, đi vào chỗ kín để giải quyết mọi bức bách của thân. Kaṭāhaka ngăn ngừa tùy tùng của mình, lại tự cầm bình nước đi đến gần Bồ-tát, và sau khi lo hầu hạ xong, anh ta quỳ xuống chân Bồ-tát và thưa:

– Thưa ông chủ, ông chủ cần tài sản bao nhiêu con xin dâng đủ, xin chớ làm cho danh giá con mất đi.

Bồ-tát bằng lòng với bổn phận đầy đủ của nó và nói:

– Chớ sợ hãi, không có gì nguy hiểm đến với ngươi từ lời nói của ta cả.

Bồ-tát an ủi anh ta rồi đi vào thành phố biên địa và được tiếp đón long trọng. Còn Kaṭāhaka luôn luôn làm bổn phận của người nô lệ. Một thời, khi Bồ-tát ngồi thoải mái, người triệu phú biên địa thưa với ngài:

– Thưa Đại triệu phú, khi nhận được thư của ngài, tôi đã gả con gái của tôi cho con trai ngài.

Bồ-tát dùng lời thân ái thích hợp nói về Kaṭāhaka, khiến cho người triệu

phú hết sức hân hoan. Nhưng từ đấy trở đi, Bồ-tát không thể nhìn mặt của Kaṭāhaka!

Một hôm, Bồ-tát cho gọi cô con gái của vị triệu phú và nói:

– Này con thân, hãy tìm và bắt giúp chấy trên đầu ta!

Cô con gái đến bắt giúp. Bồ-tát nói lời thân ái với người con gái đang đứng và hỏi:

– Con ta đối với con khi vui, khi buồn, xử sự có tốt đẹp chăng? Hai con sống có hoan hỷ, hòa hợp với nhau không?

– Thưa cha thân, chồng con không có lỗi gì khác, chỉ có tật hay chê bai đồ ăn thôi.

– Này con thân, nó luôn luôn có tánh xấu ấy. Nhưng cha sẽ chỉ cho con một cách để làm cho chồng con im miệng. Con hãy học thuộc cách ta chỉ để trong giờ ăn, khi nào con ta mở miệng chê bai, con hãy đứng trước mặt chồng con và nói lên cách ta đã chỉ.

Nói vậy xong, Bồ-tát dạy cho cô học thuộc lòng bài kệ và ở lại đó vài ngày rồi đi trở về Ba-la-nại. Kaṭāhaka mang theo nhiều đồ ăn loại cứng và mềm, tiễn đưa ông chủ một chặng đường, cúng dường nhiều tài sản, đảnh lễ rồi trở về.

Từ khi Bồ-tát đi về, Kaṭāhaka lại càng sanh lòng kiêu mạn. Một hôm, khi con gái vị triệu phú đem lại một món ăn rất ngon, mang muỗng đến và mời chồng ăn, Kaṭāhaka bắt đầu chỉ trích món ăn. Cô liền đọc lên bài kệ mà Bồ-tát đã dạy:

125. Nó nói nhiều, đại ngôn, Khi đến xứ sở lạ,
Vị ấy sẽ trở lui, Và phá hoại tất cả,
Vậy Kaṭāhaka, Hãy ăn món này gấp!

Kaṭāhaka suy nghĩ: "Ôi thôi! Chắc vị triệu phú đã nói cho nàng biết tên ta và kể lại toàn bộ câu chuyện rồi!" Từ đó trở đi, anh ta không dám chê bai món ăn, cũng không dám kiêu mạn, và với ý hạ mình, anh ta ăn các món được đem đến. Rồi về sau, khi từ trần, anh ta đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Kaṭāhaka là Tỷ-kheo nói đại ngôn, còn vị triệu phú xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§126. CHUYỆN TƯỚNG CỦA KIẾM (*Asilakkhaṇajātaka*) (*J.* I. 455)

Cùng đồng một sự việc...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Bà-la-môn giỏi đoán tướng của kiếm tại cung vua nước Kosala. Nghe nói, vị này khi được người thợ của vua đem kiếm lại, chỉ ngửi cây kiếm cũng có thể nói lên tướng

của cây kiếm. Khi được lợi dưỡng từ tay của người nào, vị này nói cây kiếm của họ có tướng tốt, điềm lành. Khi không được lợi dưỡng từ tay của người khác, vị này chê trách cây kiếm của họ có tướng xấu.

Thế rồi, có một người thợ làm cây kiếm xong, bỏ nó vào trong bao với bột tiêu mịn, rồi đem cây kiếm dâng vua. Vua cho gọi người Bà-la-môn và bảo thử cây kiếm. Khi vị Bà-la-môn rút cây kiếm ra và ngửi, bột tiêu vào lỗ mũi khiến vị này muốn hắt hơi. Khi vị ấy hắt hơi, lỗ mũi va chạm vào lưỡi kiếm và bị cắt đứt làm hai. Câu chuyện lỗ mũi của vị ấy bị đứt, được chúng Tỷ-kheo biết đến. Một hôm, các Tỷ-kheo ở tại pháp đường bắt đầu câu chuyện:

– Này các Hiền giả, người giỏi đoán tướng kiếm của vua, trong khi đoán tướng cây kiếm đã bị chặt đứt lỗ mũi.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi họp và bàn vấn đề gì?

Khi được nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Bà-la-môn ấy ngửi cây kiếm và bị cắt đứt mũi. Thuở xưa, vị ấy cũng đã bị như vậy rồi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có người Bà-la-môn giỏi đoán tướng của kiếm. Tất cả giống như câu chuyện hiện tại. Vua truyền gọi những người giải phẫu, bảo họ gắn một cái mũi giả vào mũi vị ấy và cho vị ấy làm việc lại. Vua xứ Ba-la-nại không có con trai, chỉ có con gái và một người cháu trai. Vì thế, vua nuôi dưỡng cả hai bên cạnh vua cho đến lớn. Vì họ lớn lên gần nhau, họ sanh tâm luyến ái nhau. Vua cho gọi các vị đại thần và nói:

– Cháu trai của ta sẽ làm vua đất nước này. Sau khi gả con gái, ta làm lễ Quán đảnh cho nó.

Sau khi nói vậy, vua lại suy nghĩ: "Cháu ta là con cháu ta rồi. Hãy cưới cho nó một công chúa của vị vua khác, rồi làm lễ Quán đảnh. Ta sẽ gả con gái ta cho một vị vua khác. Như vậy, con cháu của ta sẽ đông hơn và chúng ta sẽ làm chủ cả hai vương quốc." Sau khi bàn bạc với các vị đại thần, vua nghĩ cần phải phân ly hai người ấy nên đã cho cháu trai sống một nơi và cho con gái sống một chỗ khác. Bấy giờ, cả hai được mười sáu tuổi và hết sức luyến ái nhau. Hoàng tử suy nghĩ: "Dùng phương tiện gì, ta có thể bắt cóc con gái của cậu ta khỏi cung vua?" Rồi chàng nghĩ ra một phương kế, bảo mời một bà thầy bói và cho bà một gói một ngàn đồng tiền vàng. Bà hỏi:

– Tôi phải làm gì?

– Bà làm cách nào cho tôi được nàng. Bà hãy bày cho một mưu kế, nhờ vậy tôi đem được công chúa ra khỏi nhà.

– Thưa ngài, được. Tôi sẽ đi đến hầu đức vua và nói như sau: "Thưa Đại vương, công chúa bị ma quỷ ám ảnh, đợi khi nào ma quỷ bỏ đi, không để ý, vào ngày ấy, tôi sẽ chở công chúa lên xe, đem theo nhiều người tay cầm vũ khí, với một số đông tùy tùng đưa đến nghĩa địa; tại đây, trong một vòng tròn có bùa phép, sau khi đặt một người chết nằm trên giường phía dưới, tôi sẽ đặt công chúa nằm phía trên ấy, và với một trăm lẻ tám bình nước thơm, tôi sẽ làm cho ma quỷ rời khỏi công chúa." Nói vậy xong, tôi sẽ đưa công chúa đến nghĩa địa. Trong ngày chúng tôi đi đến, xin ngài đi đến sớm một chút, cầm theo một ít bột tiêu với một số tùy tùng của ngài, mang vũ khí cầm tay vây quanh, leo lên xe, khi đến nghĩa địa, ngài hãy cho đậu xe vào một phía cổng, rồi đưa những người có vũ khí vào trong nghĩa địa. Còn ngài, tự mình đi đến chỗ có vòng tròn bùa phép và nằm trên ấy, che phủ lại như người chết. Rồi tôi đến chỗ ấy, trải một chỗ nằm nhỏ trên ngài và bảo công chúa nằm lên. Khi ấy, ngài sẽ bỏ hột tiêu vào lỗ mũi, hắt hơi ba lần. Khi ngài hắt hơi, chúng tôi sẽ bỏ công chúa lại và chạy trốn. Khi ấy ngài đến, hãy an ủi công chúa rồi đem công chúa về nhà.

Hoàng tử chấp thuận, cho đó là một mưu chước tuyệt diệu. Bà thầy bói đi đến trình vua vấn đề ấy và vua chấp thuận. Rồi bà nói chuyện riêng với công chúa và nàng cũng chấp nhận. Ngày ra đi, bà tin cho hoàng tử biết, và đi đến nghĩa địa cùng với một đoàn tùy tùng đông đúc. Với mục đích làm cho họ sợ hãi, bà bảo các người bảo vệ:

– Khi ta đặt công chúa lên giường, người chết ở giường dưới hắt hơi và từ chiếc giường dưới đi ra, nó thấy ai trước sẽ bắt người ấy. Hãy hết sức coi chừng!

Hoàng tử đã đến trước và nằm trên chỗ đã dặn. Bà thầy bói đỡ công chúa đi đến chỗ vòng tròn có bùa phép, dặn công chúa chớ sợ hãi và đặt nàng trên giường. Trong lúc ấy, hoàng tử bỏ bột tiêu vào lỗ mũi và hắt hơi. Khi hoàng tử vừa mới hắt hơi, bà thầy bói bỏ công chúa lại, hét một tiếng rất lớn rồi chạy trước hơn ai hết. Khi bà ta chạy, không một người nào dám đứng lại, tất cả đều quăng bỏ vũ khí mang theo và chạy thoát thân.

Hoàng tử làm tất cả mọi việc như đã bàn từ trước và đem công chúa đi về trú xứ của mình, còn bà già đi về trình vua mọi việc đã xảy ra. Nhà vua suy nghĩ: "Từ trước, ta đã có dụng ý dành công chúa cho nó rồi. Chúng như bơ chín bỏ trong cháo sữa." Sau một thời gian, vua cho cháu trai trị vì vương quốc và đặt công chúa lên làm hoàng hậu. Người cháu của vua sống hòa hợp với công chúa và trị nước đúng pháp. Người đại thần giỏi đoán tướng kiếm vẫn hầu cận vua mới. Một hôm, vị đại thần này hầu vua đứng giữa trời nắng, keo dán mũi giả của vị ấy chảy ra và cái mũi giả rơi xuống đất. Vị đại thần xấu hổ đứng dậy, cúi mặt xuống. Vua cười và nói:

– Này Sư trưởng, chớ để ý. Nhảy mũi là tốt đối với người này, là xấu đối với người kia. Khanh vì nhảy mũi nên bị đứt mũi. Còn ta nhờ nhảy mũi đã được vợ và được cả vương quốc.

Nói xong, vua đọc bài kệ này:

126. Cùng đồng một sự việc, Với người này là tốt,
Với người kia là xấu, Không tốt cho tất cả,
Cũng không xấu tất cả.

Như vậy, với bài kệ này, vua kể sự việc cũ, và trọn đời làm công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Với bài thuyết pháp này, bậc Đạo sư nêu rõ, không có vấn đề hoàn toàn thiện hay hoàn toàn ác như thế gian nghĩ. Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị đại thần giỏi đoán tướng kiếm là vị giỏi đoán tướng kiếm ngày nay, còn Ta là người cháu của vua, được vương vị.

§127. CHUYỆN NGƯỜI NÔ LỆ KALAṆḌUKA

(***Kalaṇḍukajātaka***) (*J.* I. 458)

Dòng họ, trú xứ anh...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo nói khoác. Ở đây, cả hai chuyện hiện tại và quá khứ đều giống *Chuyện người nô lệ Kaṭāhaka.*[121]

***

Ở đây, người nô lệ của triệu phú xứ Ba-la-nại tên là Kalaṇḍuka. Sau khi chạy trốn và lấy con gái người triệu phú biên địa, anh ta sống tại đấy với một đoàn tùy tùng đông đảo. Vị triệu phú xứ Ba-la-nại thấy vắng anh ta, không biết anh ta đi đâu, bèn sai con vẹt quý của mình đi tìm Kalaṇḍuka. Con vẹt bay chỗ này chỗ kia và đến tận thị trấn ấy.

Lúc bấy giờ, Kalaṇḍuka muốn đi chơi dưới nước, đã đem theo nhiều vòng hoa, hương thơm, thuốc thoa, cùng nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm đến con sông, leo lên thuyền với con gái người triệu phú và chơi giỡn trong nước. Tại địa phương ấy, khi đang chơi trên sông, các gia chủ thường uống sữa trộn với một loại thuốc cay, để khi ngâm mình trong nước một thời gian khỏi bị cảm lạnh. Nhưng khi Kalaṇḍuka này uống một ngụm sữa, lại súc miệng và nhổ sữa ra. Khi nhổ sữa ra, anh ta không nhổ trong nước, lại nhổ trên đầu người con gái vị triệu phú. Con vẹt đi đến bờ sông, đậu trên cành cây sung, nhìn xuống và nhận diện được Kalaṇḍuka, thấy anh ta nhổ trên đầu con gái nhà triệu phú, liền nói:

– Này nô lệ Kalaṇḍuka, hãy nhớ thọ sanh và vị trí của anh. Chớ ngậm bụm sữa, súc miệng rồi nhổ trên đầu con gái nhà triệu phú có tín ngưỡng, có đức hạnh và đầy đủ thọ sanh. Hãy biết lượng khả năng của mình!

---

[121] Xem *J.* I. 451, *Kaṭāhakajātaka* (*Chuyện người nô lệ Kaṭāhaka*), số §125.

Nói xong, con chim vẹt đọc bài kệ:

127. Dòng họ, trú xứ anh,
Ta hiểu được sự thật,
Hỡi Kalaṇḍuka,
Tuy là chim ở rừng,
Sẽ khiến người bắt anh,
Hãy uống sữa đi thôi!

Kalaṇḍuka nhận ra con vẹt, sợ nó sẽ tố cáo mình liền nói:

– Này ông chủ, hãy đến đây, ông chủ đến hồi nào?

Con vẹt nghĩ: "Đây không phải vì lợi ích cho ta. Nó nói vậy nhưng trong tâm nó chỉ muốn vặn cổ giết ta thôi." Biết vậy, vẹt nói:

– Ta không cần gì anh.

Nó liền bay lên, về đến Ba-la-nại, kể lại cho vị triệu phú sự việc như đã nhìn thấy. Vị triệu phú nói:

– Đồ lừa đảo đã làm một việc không phải.

Và ông cho người đem anh ta về Ba-la-nại, bắt anh ta sống làm người nô lệ như cũ.

***

Sau khi nói lên pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Kalaṇḍuka là Tỷ-kheo này, còn vị triệu phú xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§128. CHUYỆN CON MÈO (*Biḷārajātaka*) (*J.* I. 460)

Ai yêu cờ Chánh pháp...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo lừa đảo. Khi tánh lừa đảo của Tỷ-kheo này được trình lên bậc Đạo sư, Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này như vậy. Xưa kia, vị này cũng đã lừa đảo như vậy rồi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con chuột, thông minh sáng suốt, với thân hình to lớn giống như heo con, được vây quanh với vài trăm con chuột sống ở trong rừng. Có con chó rừng, lang thang chỗ này chỗ kia, thấy đàn chuột liền suy nghĩ: "Ta hãy lừa dối đàn chuột này và ăn thịt chúng." Nghĩ vậy, nó liền đến không xa hang các con chuột ấy, đứng trên một chân, mặt hướng về mặt trời và hứng gió, ngửi gió, hít gió vào.

Bồ-tát đi tìm đồ ăn, thấy con chó rừng, suy nghĩ: "Đây là một sinh vật có giới hạnh", bèn đi đến gần nó và hỏi:

– Thưa tôn giả, tôn giả tên gì?

– Ta tên là Dhammika (Như Pháp).

– Sao tôn giả không đứng trên bốn chân mà chỉ đứng một chân thôi?

– Nếu tôi đứng bốn chân thì trái đất không thể chở nổi. Do vậy, tôi chỉ đứng một chân.

– Vì sao tôn giả đứng lại há miệng?

– Tôi không ăn gì khác, tôi chỉ ăn gió mà thôi.

– Tại sao tôn giả đứng và hướng mặt về phía mặt trời?

– Tôi đảnh lễ mặt trời.

Bồ-tát nghe nó nói như vậy, suy nghĩ: "Đây là một sinh vật có giới hạnh." Từ đó về sau, buổi sáng và buổi chiều, Bồ-tát cùng với đàn chuột đi tới hầu con chó rừng. Khi đàn chuột hầu xong, trên đường đi về, con chó rừng bắt con chuột sau cùng ăn thịt, nuốt nó xong, chùi miệng rồi đứng như cũ.

Dần dần, đàn chuột ít đi. Các con chuột khác suy nghĩ: "Lúc trước, cái hang này không thể chứa chúng ta. Chúng ta đứng không có kẽ hở, nay lỏng lẻo. Như vậy, cái hang chứa không đầy. Vì sao lại như thế này?" Chúng trình sự việc lên Bồ-tát biết. Bồ-tát suy nghĩ: "Vì lý do gì các con chuột dần dần ít đi?" Nghi ngờ con chó rừng, Bồ-tát lại nghĩ: "Ta sẽ thử nó xem." Khi đến hầu con chó rừng. Bồ-tát để đàn chuột đi trước, còn mình đi sau cùng. Con chó rừng nhảy lên vồ chúa chuột. Bồ-tát thấy nó nhảy đến vồ mình, liền quay thân mình và nói:

– Tôn giả chó rừng, như vậy là sở hành giới cấm của ngươi không đúng Chánh pháp. Với mục đích làm hại những kẻ khác, nhà ngươi hành trì phi pháp, bêu xấu ngọn cờ Chánh pháp.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

128. Ai yêu cờ Chánh pháp, Bí mật làm điều ác,
Dụng ý để lường gạt, Các loài sinh vật khác,
Giới cấm kẻ như vậy, Được gọi thói con mèo.

Chúa đàn chuột nói như vậy xong, nhảy vào cắn cổ họng dưới hàm con chó rừng, làm đứt cuống họng và chấm dứt đời sống của nó. Cả đàn chuột trở lui, ăn thịt con chó rừng với tiếng kêu "mum mum", rồi bỏ đi. Nghe nói, những con đến trước có được thịt ăn, những con đến sau không có được gì. Từ đấy về sau, đàn chuột sống an ổn không sợ hãi.

***

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con chó rừng là Tỳ-kheo lừa đảo, còn chuột chúa là Ta vậy.

§129. CHUYỆN KẺ THỜ LỬA (*Aggikajātaka*) (*J.* I. 461)

Cái chỏm trên đầu này...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người lừa đảo.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm chúa đàn chuột sống ở trong rừng. Bấy giờ, lửa bùng lên, có con chó rừng không thể chạy trốn được, đứng gục đầu vào một thân cây để cho lửa cháy lông toàn thân của nó. Trên đỉnh đầu, tại chỗ gục vào cây, một nắm tóc còn lại giống như cái chỏm.

Một hôm, nó đang uống nước tại một vũng nước trên tảng đá, nó nhìn bóng mình, thấy cái chỏm và nghĩ: "Nay ta có tiền để mua đồ rồi." Nó đi lang thang trong rừng, thấy cái hang có đàn chuột và nghĩ: "Ta sẽ lừa dối và ăn những con chuột này." Như trước đã nói, nó đứng không xa cái hang chuột bao nhiêu. Vua loài chuột trong khi đi tìm đồ ăn thấy con chó rừng tưởng rằng nó có giới hạnh, liền đi đến gần và hỏi:

– Ngài tên gì?

– Ta tên là Bhāradvāja, kẻ thờ lửa.

– Sao ngài đến đây?

– Vì muốn bảo vệ các bạn.

– Làm thế nào ngài bảo vệ chúng tôi?

– Tôi biết đếm với ngón tay. Buổi sáng, khi các bạn đi ra để tìm đồ ăn, tôi sẽ đếm bao nhiêu con. Khi các bạn về, tôi sẽ đếm bao nhiêu con về. Như vậy, nhờ đếm buổi sáng và buổi chiều, tôi sẽ bảo vệ các bạn.

– Này cậu thân, vậy hãy bảo vệ chúng tôi!

Con chó rừng chấp nhận. Khi đến giờ ra đi, con chó rừng đếm một, hai, ba; khi đến giờ về, con chó rừng cũng đếm như vậy. Nó bắt con đi sau cùng và ăn thịt. (Mọi chuyện xảy ra như câu chuyện trước). Ở đây, con chuột chúa quay trở lui, đứng lại và nói:

– Này Tôn giả thờ lửa Bhāradvāja, đây không phải là cái chỏm trên đầu do thiện pháp của ông tạo nên mà chính do nhân duyên cái bụng [tham ăn] của ông tạo nên.

Rồi chuột chúa đọc bài kệ này:

129. Cái chỏm trên đầu này, Không do công đức tạo,
Cái chỏm trên đầu này, Do duyên cái bụng tạo,
Đếm ngón tay làm gì? Vừa thôi, kẻ thờ lửa!

***

Khi bậc Đạo sư nói pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là Tỷ-kheo này, còn chúa đàn chuột là Ta vậy.

§130. CHUYỆN NỮ BÀ-LA-MÔN KOSIYA (*Kosiyajātaka*)[122] (*J.* I. 465)

Hãy ăn như đã nói...

[122] Xem *J.* II. 208, *Kosiyajātaka* (*Chuyện con chim cú*), số §226.

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người đàn bà ở Xá-vệ. Nghe nói, nàng là vợ một Bà-la-môn cư sĩ có lòng tin. Nhưng nàng hành ác giới, theo ác pháp, ban đêm hành tà hạnh, còn ban ngày không làm công việc gì, cứ giả bộ đau ốm nằm rên. Người Bà-la-môn hỏi nàng:

– Hiền thê đau làm sao?

Nàng trả lời:

– Tôi bị gió hành.

– Hiền thê muốn gì?

– Muốn ăn đồ béo, bánh ngọt, các món ăn đặc biệt như cháo, món ăn có dầu, v.v...

Nàng muốn gì, người Bà-la-môn đều đem lại cho nàng, và ông ta làm tất cả mọi công việc như một người nô lệ. Khi vị Bà-la-môn có mặt ở nhà thì nàng nằm nghỉ. Khi vị Bà-la-môn đi ra ngoài, nàng sống với các tình nhân.

Vị Bà-la-môn suy nghĩ: "Gió hành hạ thân vợ ta, không có triệu chứng chấm dứt." Nghĩ vậy, vị Bà-la-môn đem hương, vòng hoa đi đến Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư, rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Bà-la-môn, sao lâu nay không thấy ông đến?

Vị Bà-la-môn thưa:

– Bạch Thế Tôn, nữ Bà-la-môn vợ con bị gió hành hạ. Con phải tìm bơ chín, dầu, v.v... và các món ăn đặc biệt cho vợ con. Nay thân nàng béo tốt và màu da nàng sáng tươi. Nhưng bệnh vì gió không có triệu chứng chấm dứt. Vì con săn sóc vợ con nên không có cơ hội đến đây.

Bậc Đạo sư biết được ác hạnh của nữ Bà-la-môn, liền hỏi:

– Này Bà-la-môn, do tự ngã chất chứa nhiều đời, ông không nhớ lời của các bậc Hiền trí đã nói với ông thời xưa. Cần phải làm những thuốc này, thuốc này đối với chứng bệnh của người đàn bà nằm như vậy.

Nói vậy xong, theo thỉnh cầu của vị Bà-la-môn, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị Bà-la-môn, sanh ra trong một gia đình rất cao quý, đi học tất cả tài nghệ ở Takkasilā và trở thành một bậc Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương. Các thanh niên trong hoàng tộc và các thanh niên Bà-la-môn ở tại kinh đô, phần lớn đến học nghề với Bồ-tát.

Một Bà-la-môn ở tỉnh thành, học ba tập Vệ-đà và mười tám học minh với Bồ-tát. Vị ấy được đặt vào chức vụ địa chủ ở Ba-la-nại. Hàng ngày, hai lần đi đến Bồ-tát. Vợ vị ấy là nữ Bà-la-môn có ác giới, theo ác hạnh. (Tất cả câu chuyện giống như câu chuyện hiện tại). Khi Bồ-tát hỏi và được nghe: "Do nhân

duyên này... con không có cơ hội nghe thuyết giảng." Bồ-tát biết nữ gia chủ này lừa đảo vị Bà-la-môn, bèn nghĩ: "Ta sẽ nói một phương thuốc thích hợp với chứng bệnh của nữ Bà-la-môn." Vì vậy, Bồ-tát nói với vị Bà-la-môn ấy:

– Này cư sĩ thân, bắt đầu từ hôm nay, chớ cho nữ Bà-la-môn bơ chín, sữa, các vị ngọt, v.v... Hãy lấy năm loại trái cây và phân bò, bỏ chúng vào trong một cái nồi bằng đồng mới, khiến chúng thấm nhiễm mùi của đồng, rồi cầm sợi dây thừng hay cây roi mây và nói: "Đây là món thích hợp với bệnh của bà, hãy uống thuốc này hoặc đứng dậy làm các công việc cho xứng với các món bà ăn." Sau đó, hãy đọc lên bài kệ này. Nếu vợ ông không chịu ăn uống, hãy lấy dây thừng hay cây roi mây đánh bà ta vài cái, hoặc nắm tóc kéo đi, hoặc lấy cùi chỏ đánh nhẹ, thế nào bà ta cũng dậy và làm công việc.

Người Bà-la-môn nói:

– Lành thay!

Và như đã được nghe nói, khi về nhà, vị ấy làm món thuốc và nói với bà vợ:

– Này hiền thê, hãy uống thuốc này!

– Ai nói làm thuốc này?

– Bậc Sư trưởng, hiền thê ạ.

– Hãy đem đi, tôi không uống đâu!

Thanh niên Bà-la-môn nói:

– Hiền thê không thích uống sao?

Vị ấy cầm sợi dây và nói: "Hoặc là uống thuốc này thích hợp với bệnh của hiền thê, hoặc là làm công việc cho xứng đáng với món ăn được cung cấp!"

Rồi vị ấy đọc bài kệ:

130. Hãy ăn như đã nói, Hãy nói như đã ăn,
Ngươi không làm cả hai, Cả nói và cả ăn,
Hỡi này Kosiya!

Nghe vậy, nữ Bà-la-môn Kosiya sợ hãi vì biết có sự can thiệp của vị Sư trưởng: "Ta không thể lừa đảo được nữa." Sau đó, nàng liền ngồi dậy làm các công việc. Vì lòng kính trọng bậc Đạo sư, nàng từ bỏ ác hạnh và trở thành có giới đức.

***

Khi nghe chuyện xong, nữ Bà-la-môn nhận thấy đức Phật đã hiểu ác hạnh của mình, bèn sợ hãi và không dám phạm tội nữa.

Sau khi kể câu chuyện này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Người chồng và người vợ thời ấy là người chồng và người vợ hiện tại, còn vị Sư trưởng là Ta vậy.

XIV. PHẨM KẺ VONG ÂN
(*ASAMPADĀNAVAGGA*)

§131. CHUYỆN KẺ VONG ÂN (*Asampadānajātaka*) (*J.* I. 465)

Nếu người này người kia...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Đề-bà-đạt-đa. Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường, khởi lên câu chuyện:

– Thưa các Hiền giả, Đề-bà-đạt-đa không biết ơn, không biết công đức của Như Lai.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi :

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp ở đây bàn vấn đề gì ?

Khi được nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói :

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Đề-bà-đạt-đa mới vô ơn. Trong quá khứ, kẻ ấy cũng đã vô ơn như vậy rồi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, ở Vương Xá trong nước Ma-kiệt-đà, khi một vị vua xứ Ma-kiệt-đà đang trị vì, Bồ-tát là một vị triệu phú tên Saṁkha có gia sản trị giá tám trăm triệu. Tại Ba-la-nại, một triệu phú tên là Piliya cũng có gia sản trị giá tám trăm triệu. Hai vị ấy là bạn thân với nhau. Trong thời ấy, vì một lý do nào đó, triệu phú Piliya gặp đại nạn và tất cả gia sản đều bị mất sạch, trở thành nghèo túng không nơi nương tựa. Piliya đoán biết triệu phú Saṁkha là chỗ có thể nhờ cậy được, liền đem vợ ra khỏi Ba-la-nại, đi bộ đến Vương Xá, đến tận trú xứ của triệu phú Saṁkha. Khi triệu phú Saṁkha thấy Piliya, liền ra đón và nói:

– Ồ, bạn thân của tôi đã đến!

Và ông đối xử với bạn rất kính trọng. Sau khi để cho bạn ở vài ngày, một hôm ông hỏi:

– Này bạn, bạn đến có mục đích gì?

– Này bạn, đại nạn đã xảy đến cho tôi. Tất cả tài sản đều mất sạch. Hãy giúp đỡ tôi!

– Lành thay, này bạn, chớ sợ hãi!

Saṁkha mở kho bạc, cho bạn bốn trăm triệu đồng tiền vàng, rồi chia tất cả

gia sản còn lại của mình, kể cả vật nổi, vật chìm, động sản, bất động sản thành hai phần và cho bạn một nửa. Piliya đem tài sản ấy đi về Ba-la-nại và sống tại đấy.

Sau một thời gian, một tai nạn tương tự xảy đến với triệu phú Saṁkha. Ông tìm chỗ để nương tựa và suy nghĩ: "Ta đã giúp đỡ rất nhiều cho bạn ta. Ta cho bạn nửa gia sản. Thấy ta, bạn sẽ không từ chối. Ta hãy đi đến bạn của ta." Nghĩ vậy, hai vợ chồng ông đi đến Ba-la-nại, rồi Saṁkha nói với vợ:

– Này hiền thê, thật không thích hợp nếu bà đi bộ với tôi giữa đường xa thế này. Bà hãy đi đến sau. Tối nay, tôi sẽ cho xe đến với một người tùy tùng để đưa bà vào thành cho đúng phép, hãy chờ tại đây!

Sau đó, Saṁkha để người vợ ở trong một nhà trọ, tự mình đi vào thành, đến nhà triệu phú và báo tin cho biết:

– Bạn của ngài tên là triệu phú Saṁkha đã từ Vương Xá đến.

Khi thấy Saṁkha, Piliya từ ghế đứng dậy, không đón mừng thân mật, chỉ hỏi:

– Bạn đến đây có mục đích gì?

– Tôi đến để thăm bạn.

– Hiện nay bạn ở đâu?

– Cho đến nay, tôi chưa có chỗ ở. Tôi để vợ tôi tại nhà trọ và đến đây.

– Ở đây, không có chỗ ở cho bạn. Hãy lấy một ít gạo, nấu tại một chỗ nào đó, ăn xong rồi đi! Đừng để tôi thấy mặt bạn nữa!

Rồi ông sai một người nô lệ:

– Hãy cho bạn ta một lon gạo có nhiều trấu và gói vào một góc vải!

Người ta nghe rằng, ngày trước đó, nó đã có được gạo đỏ tốt chở đầy một ngàn cỗ xe và sau khi cho sàng gạo đã chất đầy kho. Tên Piliya ngày trước đã được bạn cho bốn trăm triệu đồng cùng tài sản và đi về không biết ơn, nay tên đại cướp chỉ cho bạn ân nhân một lon gạo nhiều trấu. Theo lệnh chủ, người nô lệ đong một lon gạo trấu trong một cái giỏ rồi đi đến Bồ-tát. Bồ-tát suy nghĩ: "Con người phi nhân nghĩa này được ta cho bốn trăm triệu đồng, nay chỉ cho ta một lon gạo trấu, không biết ta có nên nhận hay không?" Rồi Bồ-tát suy nghĩ: "Người bạn ác vô ơn này đã phá vỡ tình bạn với ta khi ta gặp nạn. Nếu ta không nhận lon gạo trấu quá ít, ta sẽ phá vỡ tình bạn. Kẻ mù lòa ngu si không nhận vật cho ít ỏi, sẽ phá hoại tình bạn. Nhưng ta nhờ chế ngự được cơn giận vì lon gạo trấu do nó cho, sẽ duy trì được tình bạn."

Do vậy, Saṁkha cột vào vạt áo lon gạo được cho và từ lâu đài bước xuống đi đến nhà trọ. Vợ Saṁkha hỏi:

– Này ông, ông nhận được gì?

– Này hiền thê, triệu phú Piliya, bạn của chúng ta, đã cho một lon gạo trấu và đuổi chúng ta đi.

Bà vợ nói:

– Vì sao ông lại nhận? Và nào có xứng đáng gì với bốn trăm triệu đồng tài sản?

Rồi bà vợ khóc, Bồ-tát nói:

– Này hiền thê, chớ khóc. Vì sợ phá vỡ tình bạn nên ta nhận để duy trì tình bạn. Sao bà lại sầu muộn?

Nói xong Bồ-tát đọc bài kệ này:

131. Nếu người này người kia,
Với kẻ ngu, tình bạn,
Do vậy, ta vẫn nhận,
Ta không để tình bạn,
Ta muốn tình bạn này,

Không có cho chút gì,
Đi đến chỗ tối đen.
Lượng được nửa phần trấu.
Vì ta bị hủy diệt,
Mãi mãi được trường cửu.

Tuy nghe nói vậy, bà vợ triệu phú vẫn khóc. Trong lúc ấy, một người nô lệ do triệu phú Saṁkha đã cho triệu phú Piliya, đi ngang qua cửa nhà trọ, nghe tiếng khóc của bà triệu phú liền đi vào nhà trọ. Thấy ông bà chủ của mình, anh ta đảnh lễ dưới chân họ, khóc than và hỏi:

– Thưa ông bà chủ, ông bà chủ đến đây có việc gì?

Triệu phú kể lại tất cả sự việc. Người nô lệ nói:

– Thưa ông bà chủ, hãy để sự việc như vậy. Chớ lo nghĩ!

Sau khi an ủi cả hai người, anh ta đưa họ về nhà mình, dùng nước thơm để hai người tắm rửa, mời họ ăn cơm và tin cho các người nô lệ khác biết:

– Ông chủ, bà chủ cũ của các bạn đã đến.

Và anh ta bảo họ đến thăm. Một vài ngày sau, anh ta họp toàn thể nô lệ cùng đi đến sân chầu vua tạo ra tiếng vang lớn. Vua cho gọi họ vào và hỏi có việc gì. Họ trình lên vua hết tất cả sự việc. Vua nghe lời của họ xong, liền cho mời hai vợ chồng triệu phú đến và hỏi triệu phú Saṁkha:

– Có đúng sự thật chăng, này đại triệu phú, khanh đã cho triệu phú Piliya bốn trăm triệu đồng tiền vàng?

– Thưa Đại vương, khi bạn tôi đi đến Vương Xá và đặt lòng tin vào tôi, tôi không cho toàn thể tài sản của tôi nhưng tôi chia tất cả tài sản và bất động sản của tôi thành hai phần đồng đều và cho bạn tôi một nửa.

Vua hỏi triệu phú Piliya:

– Có đúng sự thật chăng?

Piliya trả lời:

– Thưa Đại vương, đúng sự thật.

– Còn khi bạn của ngươi đến đặt lòng tin vào ngươi, ngươi có lòng cung kính, tôn trọng bạn ngươi không?

Piliya im lặng.

– Có phải ngươi bảo đổ một lon gạo trấu vào một góc vải và cho bạn của ngươi chăng?

Nghe nói vậy, Piliya vẫn giữ im lặng. Sau đó, nhà vua hỏi ý kiến các đình thần nên xử trí thế nào. Cuối cùng, khi quyết định xong, vua ra lệnh:

– Hãy đi lấy tất cả tài sản trong nhà của triệu phú Piliya giao cho triệu phú Saṁkha.

Bồ-tát thưa:

– Tâu Đại vương, tôi không muốn gia sản của người khác, tôi chỉ xin nhận tài sản trước đây tôi đã cho.

Nhà vua giao gia sản theo yêu cầu của Bồ-tát. Sau khi nhận lại gia sản mình đã cho, Bồ-tát cùng với đoàn nô lệ vây quanh, đi về Vương Xá gầy dựng cơ nghiệp và trọn đời làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, triệu phú Piliya là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), còn triệu phú Saṁkha là Ta vậy.

§132. CHUYỆN NĂM DỤC LẠC (*Pañcagarujātaka*)[123] (*J.* I. 469)

Nghe theo lời khuyên tốt...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự cám dỗ của các con gái của Māra (Ma vương) tại cây bàng Ajapāla của người chăn dê.

Bậc Đạo sư đọc bài kinh, bắt đầu với những lời này:

Rực rỡ sáng, chúng đến, Ái, bất lạc và tham,
Ngay tại đấy, Đạo sư, Thổi chúng bay tán loạn,
Chẳng khác gì bông rơi, Tan tác trước gió thổi!

Sau khi Thế Tôn đọc xong bài kinh, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường, bắt đầu câu chuyện:

– Thưa các Hiền giả, trong khi các con gái của Māra tự tạo ra hàng trăm thiên sắc, đi đến với mục đích cám dỗ, bậc Chánh Đẳng Giác vẫn không thèm mở mắt để nhìn. Ôi, Phật lực thật là vi diệu!

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp ở đây và bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, thật không có gì vi diệu nếu Ta không nhìn các con gái của Māra khi Ta đã chứng được Toàn giác và đoạn tận tất cả các lậu hoặc. Trong thời quá khứ, khi Ta đang tìm đạo Bồ-đề, khi đang còn các kiết sử, Ta đã cương

[123] Bản Tích Lan viết *Pañcagarukajātaka*. Bản CST viết *Bhīrukajātaka*, nghĩa là *Chuyện run sợ*. Bản Thái Lan viết *Pañcabhīrukajātaka*, nghĩa là *Chuyện năm điều làm run sợ*.

quyết không nhìn các thiên sắc hóa hiện đến như vậy và do sự chế ngự ấy, Ta đã đạt được đại vương quốc.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là em trai út của một gia đình có một trăm anh em. Tất cả câu chuyện mạo hiểm của ngài cần được diễn tả đầy đủ ở đây cũng như ở *Chuyện bát dầu.*[124] Lúc bấy giờ, dân chúng trú ở thành Takkasilā dâng vương quốc cho Bồ-tát đang ở nhà trọ ngoài thành. Và sau khi ngài được làm lễ Quán đảnh phong vương, dân chúng trang hoàng thành phố như thành phố chư thiên và trang hoàng cung điện của vua như cung điện của Thiên chủ Indra (tức là Sakka hay Đế-thích).

Khi ấy, Bồ-tát vào thành, đi ngang qua hành lang lớn trong cung vua, ngự lên vương tòa làm bằng châu báu vi diệu, dưới một lọng trắng được giương cao và ngồi xuống với vẻ đẹp siêu phàm của vị Thiên chủ.

Các đại thần, Bà-la-môn, gia chủ, các hoàng tử trong vương tộc, tất cả đều trang sức lộng lẫy đứng bao vây xung quanh. Trong khi ấy, mười sáu ngàn vũ nữ đẹp như các thiên nữ, rất giỏi về đàn, múa, hát, đầy đủ sắc đẹp tuyệt trần, biểu diễn các điệu múa, các bài hát và các loại đàn cho đến khi toàn cung điện vang dội tiếng hát, tiếng đàn, giống như lòng đại dương vang dội tiếng sấm sét. Bồ-tát ngồi nhìn cảnh huy hoàng lộng lẫy của mình và suy nghĩ: "Nếu ta nhìn thiên sắc huyễn hóa của các nữ dạ-xoa ấy thì ta đã mạng chung rồi. Nhờ ta không nhìn chúng nên mới có cảnh huy hoàng lộng lẫy này. Nhờ nghe lời khuyên của các vị Độc Giác Phật nên ta mới đạt được kết quả này." Sau khi suy nghĩ như vậy, ngài nói lên lời cảm hứng với bài kệ:

132. Nghe theo lời khuyên tốt, Kiên trì không lay động,
Tiếp tục đi con đường, Không có gì sợ hãi.
Ta không muốn đi vào, Chỗ cám dỗ dạ-xoa,
Nên ta được an toàn, Khỏi sự sợ hãi lớn.

Như vậy, bậc Đại sĩ thuyết pháp với bài kệ này, rồi ngài trị vì quốc độ đúng pháp và trọn đời làm các công đức như bố thí, v.v... đến khi mạng chung, ngài đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Ta là hoàng tử đi đến Takkasilā và đạt được vương quốc.

§133. CHUYỆN LỬA CHÁY (*Ghatāsanajātaka*) (*J.* I. 471)

Tại chỗ được an ổn...

---

[124] Xem *J.* I. 393, *Telapattajātaka* (*Chuyện bát dầu*), số §96.

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một vị Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này lấy một đề tài thiền quán từ bậc Đạo sư, đi đến biên địa và an cư mùa mưa tại một trú xứ trong rừng, gần một ngôi làng nhỏ. Trong tháng đầu, khi đi vào làng khất thực, cái chòi lá bị cháy, bị mệt mỏi vì không có chỗ trú ẩn, Tỷ-kheo nói cho các vị hộ trì biết, họ đáp:

– Thưa Tôn giả, hãy yên tâm. Chúng tôi sẽ làm lại chòi lá cho Tôn giả.

Ban đầu họ đến nói vậy, nhưng ba tháng đã trôi qua, họ vẫn chưa làm. Vì không có trú xứ thích hợp, Tỷ-kheo ấy không đạt được kết quả đề tài thiền quán. Ngay cả một tia ánh sáng cũng không khởi lên cho vị ấy.

Khi an cư mùa mưa xong, vị ấy đi đến Kỳ Viên đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư tiếp đón Tỷ-kheo ấy thân mật và hỏi:

– Này Tỷ-kheo, đề tài thiền quán của ông có thích hợp không?

Tỷ-kheo ấy trình lên Thế Tôn biết về trú xứ của mình. Bậc Đạo sư nói:

– Thuở xưa, này Tỷ-kheo, ngay các loài bàng sanh cũng đã biết được trú xứ của mình, khi thích hợp thì chúng sống, khi không thích hợp thì chúng từ bỏ trú xứ ấy, đi đến chỗ khác trước khi trú xứ an lạc của chúng trở thành nguy hiểm. Và nếu loài bàng sanh cũng đã biết như vậy, vì sao ông lại không biết trú xứ thích hợp hay không thích hợp cho mình?

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con chim. Khi đến tuổi trưởng thành, đạt được dung sắc tối thượng, làm vua các loài chim, ở lại trong rừng sống với đàn chim tùy tùng, nương tựa vào một cây lớn. Cây ấy có nhiều lá sum suê với các cành lá vươn ra trên một hồ nước, và nhiều con chim sống trên các cành cây làm cho phân rơi trong nước.

Bấy giờ, có con rắn chúa tên Caṇḍa sống trong hồ nước ấy. Nó suy nghĩ: "Những con chim này làm rơi phân trong hồ nước của ta. Vậy ta hãy làm cho lửa từ trong nước cháy lên thiêu rụi cây và đuổi chúng đi." Trong cơn nóng giận, con rắn chúa đợi ban đêm, trong khi tất cả đàn chim đang nằm ngủ. Đầu tiên nó làm cho nước hồ sôi lên, kế đó làm cho khói bốc lên và phun cao hơn cây thốt nốt. Bồ-tát thấy lửa từ nước phun lên, liền gọi bầy chim:

– Này các bạn chim, nước thường hay dập tắt lửa. Nay chính nước đốt cháy. Chúng ta không thể ở đây được. Chúng ta sẽ đi tìm chỗ khác.

Nói xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

133. Tại chỗ được an ổn,
Chính ở giữa lòng nước,
Nay không nên trú ở,
Hãy bay tản các phương,

Tại đấy, rắn nổi lên,
Lửa từ đấy cháy lên,
Tại cây mọc trên đất,
Hồ này rất đáng sợ!

Sau đó, Bồ-tát đem các con chim nghe theo mình bay đi tìm chỗ khác. Còn những con chim không nghe lời Bồ-tát vẫn ở lại đều bị thiêu cháy.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng bốn sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo chứng đắc quả A-la-hán và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, các con chim nghe theo lời Bồ-tát là hội chúng của Như Lai, còn vua loài chim là Ta vậy.

§134. CHUYỆN SỰ TỊNH HÓA CỦA THIỀN (*Jhānasodhanajātaka*) (*J.* I. 473)

Những ai còn có tưởng...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về lời giải thích rộng rãi của vị Tướng quân Chánh pháp Sāriputta (Xá-lợi-phất) tại cửa thành Saṁkassa, liên hệ đến một vấn đề do bậc Đạo sư thuyết giảng vắn tắt. Câu chuyện quá khứ được kể như sau.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát mạng chung ở trong rừng đã nói:

– Phi tưởng phi phi tưởng.

Các vị tu khổ hạnh không tin lời giải thích của vị đệ tử đầu tay về lời dạy của vị Đạo sư. Vì vậy, Bồ-tát từ cõi trời Quang Âm trở về và đứng trên hư không đọc lên bài kệ này:

134. Những ai còn có tưởng, Chúng cũng đi ác thú,
Những ai không có tưởng, Chúng cũng đi ác thú.
Hãy từ bỏ cả hai, Đạt được lạc thiền chứng,
Không còn các uế nhiễm.

Như vậy, Bồ-tát thuyết pháp tán thán vị đệ tử của ngài và đi lên cõi Phạm thiên. Khi ấy, các vị tu hành khổ hạnh còn lại đã tin vị đệ tử đầu tay.

***

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị đệ tử đầu tay là Sāriputta, còn vị Đại Phạm thiên là Ta vậy.

§135. CHUYỆN ÁNH SÁNG CỦA MẶT TRĂNG (*Candābhajātaka*) (*J.* I. 474)

Nguyệt quang và nhật quang...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về lời giải thích một vấn đề của Trưởng lão Sāriputta tại cửa thành Saṁkassa.

***

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát vào lúc mạng chung ở trong rừng, đã trả lời các câu hỏi của các đệ tử với các chữ: "Ánh sáng của mặt trăng, ánh sáng của mặt trời." Nói xong, ngài sanh lên Quang Âm thiên.

Bấy giờ, vị đệ tử đầu tay giải thích lời của bậc Đạo sư, các vị khổ hạnh không tin tưởng vị ấy. Cho nên sau đó, Bồ-tát từ Quang Âm thiên xuất hiện xuống, đứng trên hư không và đọc lên bài kệ:

135. Nguyệt quang và nhật quang, Ai tu với trí tuệ,
Với thiền không tầm này, Được sanh Quang Âm thiên.

Như vậy, Bồ-tát dạy cho các vị tu khổ hạnh hiểu và tán thán đức hạnh của vị đệ tử đầu tay, rồi trở lại cõi Phạm thiên.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị đệ tử đầu tay là Sāriputta, còn Đại Phạm thiên là Ta vậy.

§136. CHUYỆN THIÊN NGA VÀNG (*Suvaṇṇahaṁsajātaka*)[125] (*J.* I. 474)

Được gì, hãy biết đủ...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tỷ-kheo-ni Thullanandā (Nandā Mập). Một nam cư sĩ ở Xá-vệ muốn cúng dường tỏi cho chúng Tỷ-kheo-ni, bảo người giữ ruộng:

– Khi nào các Tỷ-kheo-ni đến, hãy cho mỗi Tỷ-kheo-ni hai hay ba nhánh tỏi.

Từ khi ấy trở đi, các Tỷ-kheo-ni thường đi đến nhà người ấy, hay ra đồng ruộng để lấy tỏi. Một hôm vào một ngày lễ, trong nhà người ấy tỏi không còn nữa, Tỷ-kheo-ni Thullanandā đến nhà người ấy với một số tùy tùng và hỏi:

– Thưa ông, có tỏi không?

– Thưa Ni sư, tôi không có. Tỏi đem về đủ dùng hết rồi. Ni sư hãy đi ra ngoài đồng.

Nghe nói vậy, Thullanandā đi ra ngoài đồng, không chế ngự được lòng tham đã mang tỏi về quá nhiều. Người giữ ruộng tức giận:

– Vì sao các Tỷ-kheo-ni không biết vừa đủ, đem tỏi đi quá nhiều vậy?

Nghe nói vậy, các Tỷ-kheo-ni thiểu dục cũng bực bội, phiền muộn và các Tỷ-kheo ở nhà nghe các Tỷ-kheo-ni ấy nói, cũng bực bội và phiền muộn không kém. Sự phiền muộn của chư Ni được các Tỷ-kheo trình lên Thế Tôn rõ. Thế Tôn phê bình Tỷ-kheo-ni Thullanandā và nói:

[125] Xem *Vin.* IV. 258-59.

– Này các Tỷ-kheo, một người có lòng dục lớn, xử sự không thân ái, không làm vừa ý ngay cả mẹ sanh ra mình, không gây được lòng tin đối với những người chưa tin, không thể làm tăng trưởng lòng tin của những người đã có lòng tin, không tạo nên các lợi dưỡng chưa được tạo nên và đối với lợi dưỡng đã có rồi, cũng không thể duy trì được. Còn người ít dục, có thể làm khởi lên lòng tin ở người chưa có lòng tin, có thể làm tăng trưởng lòng tin với những người đã có lòng tin, tạo nên các lợi dưỡng chưa được tạo nên và đối với lợi dưỡng đã có rồi, vẫn có thể duy trì được.

Với phương pháp ấy, bậc Đạo sư thuyết giáo thích hợp cho các Tỷ-kheo ấy và nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Thullanandā mới có tham dục lớn, trong quá khứ, Thullanandā cũng đã có lòng dục lớn như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, họ cưới cho Bồ-tát một người vợ từ một gia đình ngang hàng. Với người vợ ấy, Bồ-tát có được ba con gái đều tên là Nandā. Khi Bồ-tát mạng chung, vợ và các con gái phải đi đến ở với các gia đình khác.

Bồ-tát tái sanh làm con ngỗng trời vàng, có trí nhớ được các đời trước. Khi con ngỗng trời vàng đến tuổi trưởng thành, thấy thân thể to lớn của mình, với lông vàng che thân, với sắc đẹp tuyệt trần, nó hướng tâm tìm hiểu: "Ta từ đâu mạng chung mà đến đây?"

Biết được mình từ loài người đến, Bồ-tát hiểu: "Nay nữ Bà-la-môn và các con gái ta ở đâu?" Được biết họ đang làm thuê cho người khác và sống một cách khó khăn, Bồ-tát suy nghĩ: "Trong các lông bằng vàng trên thân ta hiện nay, nếu ta cho họ một cái lông bằng vàng của ta thì với lông vàng ấy, vợ và các con gái ta sẽ sống hạnh phúc." Vì vậy, Bồ-tát đi đến chỗ họ ở và đậu trên cây xà ngang chính. Nữ Bà-la-môn và các con gái thấy Bồ-tát, liền hỏi:

– Thưa ngài, ngài từ đâu đến?

Bồ-tát trả lời:

– Ta là cha các con. Ta mạng chung được sanh làm con ngỗng trời vàng. Ta đến để thăm các con. Bắt đầu từ nay, các con không còn phải làm thuê cho người khác và sống một cách khổ sở như vậy nữa. Ta sẽ cho các con mỗi lần một cái lông vàng của ta. Các con bán lông ấy và sống hạnh phúc.

Nói xong, Bồ-tát cho họ một cái lông vàng và bay đi. Từ đó, với cách thức này, Bồ-tát tiếp tục đi đến và mỗi lần cho họ một cái lông vàng. Và các nữ Bà-la-môn được sống sung túc, hạnh phúc. Một hôm, nữ Bà-la-môn nói với các con gái:

– Này các con, tâm của loài súc sanh khó mà tin được. Một ngày nào đó, cha các con có thể không đến đây, vậy khi nào cha các con đến, chúng ta hãy nhổ tất cả lông vàng và lấy các lông ấy để dành.

Các cô gái không chịu, liền nói:

– Làm như vậy, cha chúng con sẽ đau đớn.

Tuy vậy, nữ Bà-la-môn vì lòng ham muốn quá lớn, một hôm, thấy con ngỗng trời vàng đến, bà kêu con ngỗng đến gần bà, với hai tay bắt giữ ngỗng và nhổ tất cả lông. Nhưng các lông của Bồ-tát có đặc điểm là nếu bị nhổ lên bằng sức mạnh ngoài ý muốn của mình thì chúng trở thành như lông con cò thường. Bấy giờ, Bồ-tát xòe hai cánh ra nhưng không có thể bay được. Nữ Bà-la-môn quăng Bồ-tát vào một cái thùng lớn và cho Bồ-tát ăn ở đấy. Theo thời gian, các lông của Bồ-tát được mọc lên nhưng chúng toàn màu trắng. Với cánh được mọc lại, Bồ-tát về chỗ ở của mình và không bao giờ trở lại nữa.

***

Sau khi kể câu chuyện quá khứ này, bậc Đạo sư lại nói:

– Này các Tỷ-kheo, Thullanandā không phải nay mới có ham muốn lớn. Thuở trước, nàng cũng đã có ham muốn lớn rồi. Lòng ham muốn lớn của nàng lúc ấy đã làm cho nàng mất vàng, cũng như lòng ham muốn lớn của nàng hôm nay, làm cho nàng mất tỏi. Cũng như Thullanandā, chính vì nàng, chúng Tỷ-kheo-ni còn lại không được tỏi. Do vậy, nếu được nhiều, phải biết lượng vừa đủ; nếu được ít, phải bằng lòng với đồ nhận được. Chớ mong mỏi nhiều hơn!

Rồi bậc Đạo sư đọc bài kệ:

136. Được gì, hãy biết đủ, Quá tham là ác pháp,
Do bắt chúa ngỗng trời, Bao nhiêu vàng tiêu hết.

Nói xong, bậc Đạo sư dùng nhiều phương tiện quở trách rồi đặt ra học giới: “Tỷ-kheo-ni nào ăn tỏi là phạm giới.”

Nói xong pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nữ Bà-la-môn là Thullanandā, ba người con gái ấy là ba chị em của nàng và con ngỗng trời vàng là Ta vậy. (Câu chuyện này được nói đến trong *Luật tạng*, tập IV).

§137. CHUYỆN CON MÈO (*Babbujātaka*)[126] (*J.* I. 477)

Tại chỗ cho một mèo...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một học giới liên hệ đến mẹ của Kāṇā.[127] Ở Xá-vệ, có một nữ cư sĩ được biết qua người con gái tên là Kāṇamātā (mẹ của Kāṇā). Nữ cư sĩ này đã chứng quả Dự lưu, một vị Thánh

[126] Xem *Vin.* IV. 79.
[127] Kāṇa có nghĩa là người “một mắt”.

đệ tử. Bà gả con gái cho một người đàn ông đồng giai cấp thọ sanh tại một ngôi làng khác. Vì một vài công việc, Kāṇā đi đến nhà mẹ. Chồng của Kāṇā, sau một vài ngày, sai một người đưa tin rằng chàng muốn Kāṇā hãy về. Kāṇā nghe lời đưa tin, hỏi mẹ:

– Thưa mẹ, con có nên đi về ngay không?

Bà mẹ nói:

– Con ở đây lâu như vậy, sao con có thể về tay không?

Rồi bà mẹ bắt đầu làm bánh. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo khất thực đi đến nhà nữ cư sĩ ấy. Bà mời vị ấy ngồi và cúng dường bánh đầy bát. Vị ấy ra đi, lại nói với một người khác đến khất thực và bà mẹ cũng cúng dường người ấy như vậy. Vị ấy ra đi, lại nói với một người khác nữa và bà mẹ cúng dường cho đến bốn người cùng được cúng dường như vậy. Vì vậy, bánh được làm ra đều hết sạch và Kāṇā không thể lên đường đi về. Chồng Kāṇā gửi người đưa tin thứ hai, rồi thứ ba. Đến lần gửi người đưa tin thứ ba, người chồng nhắn: "Nếu nàng không về, ta sẽ lấy vợ khác." Lần thứ ba, cũng vì lý do ấy, Kāṇā không đi về được. Chồng Kāṇā lấy một người vợ khác. Kāṇā nghe tin ấy liền đứng khóc.

Bậc Đạo sư biết được nguyên do, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến nhà mẹ của Kāṇā, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn và hỏi mẹ của Kāṇā:

– Vì sao Kāṇā này lại khóc?

Khi được nghe nói lý do, bậc Đạo sư an ủi mẹ của Kāṇā, thuyết pháp thoại xong, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi về tinh xá. Câu chuyện bốn Tỷ-kheo ba lần nhận lấy bánh ở nhà mẹ Kāṇā, vô tình ngăn chặn việc Kāṇā đi về được chúng Tỷ-kheo biết đến. Một hôm, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường, bắt đầu nói chuyện:

– Này các Hiền giả, bốn Tỷ-kheo trong ba lần ăn bánh do mẹ của Kāṇā nấu, đã làm trở ngại việc Kāṇā đi về. Do nguyên nhân ấy, người con gái bị chồng ruồng bỏ, khiến cho nữ cư sĩ sầu muộn.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp tại đây đang bàn vấn đề gì?

Khi được nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay bốn Tỷ-kheo mới ăn tài vật của mẹ Kāṇā, khiến bà ấy sinh sầu muộn. Thuở trước, họ cũng đã làm như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người thợ đẽo đá, khi đến tuổi trưởng thành, trở thành tinh xảo trong nghề. Trong nước Kāsi, tại một thị trấn có một nhà triệu phú rất giàu. Số tiền cất giữ lên đến bốn trăm triệu đồng tiền vàng. Vợ vị triệu phú mạng chung, vì

quá luyến ái tài sản nên tái sanh làm con chuột sống trên đống tài sản. Như vậy, dần dần tất cả gia đình đi đến hủy diệt. Người chồng cũng chết. Ngôi làng trở thành hoang phế và vắng người.

Lúc ấy, Bồ-tát đang đào và đẽo đá tại ngôi làng cũ. Rồi con chuột ấy đi tìm đồ ăn, thấy Bồ-tát nhiều lần, khởi lên tâm luyến ái, nghĩ như sau: "Tài sản lớn của ta vô cớ bị hủy diệt. Ta sẽ ăn tiêu tài sản cùng chung với người này!" Nghĩ vậy, một hôm, nó ngậm trong miệng một đồng tiền vàng và đi đến Bồ-tát. Bồ-tát thấy nó, liền nói lên lời thân ái:

– Này bạn, có gì khiến bạn đến đây với đồng tiền vàng?

– Này ông chủ, tiền này để ông chủ tiêu dùng cho mình và đem thịt cho ta.

Bồ-tát chấp nhận nói:

– Tốt lắm!

Rồi Bồ-tát lấy đồng tiền vàng đi về nhà, dùng một nửa mua thịt và đem đến cho con chuột. Con chuột lấy thịt đem về hang của mình và ăn thật thỏa thích. Từ đấy trở đi với cách thức này, hàng ngày, nó đem đến cho Bồ-tát một đồng tiền vàng và Bồ-tát lại cung cấp thịt cho nó. Một hôm, con chuột bị một con mèo bắt được. Nó nói:

– Này bạn, chớ giết ta.

– Vì sao? Ta nay đang đói muốn ăn thịt. Ta không thể không giết ngươi được.

– Trước hết, hãy nói cho ta biết, ngày nào bạn cũng đói hay chỉ đói hôm nay thôi.

– Ồ, ngày nào ta cũng đói cả.

– Vậy, nếu bạn muốn ăn thịt hàng ngày, xin hãy thả ta ra.

Con mèo nói:

– Ngươi nhớ đấy.

Và nó thả con chuột ra. Từ đấy trở đi, con chuột chia thành hai phần thịt, một phần cho nó, một phần cho con mèo. Một ngày kia, nó bị một con mèo khác bắt, nó cũng hứa tương tự và được thả ra. Từ đấy trở đi, chúng chia thịt thành ba phần và chúng ăn. Một ngày kia, nó bị một con mèo khác bắt, nó cũng hứa tương tự và được thả ra. Từ đó, chúng chia thịt thành bốn phần và chúng ăn. Rồi một con mèo khác bắt nó, nó cũng hứa tương tự và được thả ra. Giữ lời hứa, chúng chia thịt thành năm phần và ăn. Con chuột vì ăn ít, bị mệt mỏi và trở thành ốm yếu, gầy còm. Bồ-tát thấy con chuột như vậy, bèn hỏi:

– Này bạn, sao bạn ốm yếu thế?

Khi được biết lý do, Bồ-tát nói:

– Lâu nay sao bạn không nói với tôi? Ở đây, tôi sẽ biết việc gì nên làm.

Bồ-tát an ủi con chuột rồi làm một cái hang bằng đá pha lê trong suốt, đem đến và nói với con chuột:

– Này bạn, hãy vào trong hang này mà nằm. Với những ai đến đấy, hãy dọa nạt chúng với những lời thật là ác độc.

Con chuột vào trong hang nằm. Rồi một con mèo đến và nói:

– Hãy đem thịt cho ta!

Con chuột nói với nó:

– Ôi, con mèo độc ác kia, sao ta lại đem thịt cho ngươi? Hãy về ăn thịt các con mèo con của ngươi đi!

Con mèo không biết con chuột nằm trong hang bằng pha lê, quá tức giận, liền dùng sức mạnh nhảy đến để bắt con chuột, quả tim nó đập mạnh vào cái hang bằng pha lê bị vỡ, khiến hai con mắt lồi ra. Như vậy, con mèo chết và rơi xuống tại một chỗ kín. Cũng với cách thức ấy, bốn con mèo đều chết.

Từ đấy trở đi, con chuột không còn sợ hãi nữa, và hàng ngày đem cho Bồ-tát hai, ba đồng tiền vàng. Như vậy, dần dần nó cho Bồ-tát tất cả tài sản. Cả hai sống với nhau cho đến trọn đời với tình thân ái không chia rẽ, rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Khi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ này xong, với danh nghĩa bậc Chánh Đẳng Giác, Ngài nói lên bài kệ:

137. Tại chỗ cho một mèo, Mèo thứ hai hiện ra,
Rồi mèo thứ ba, bốn, Tất cả con mèo chết,
Vì chạm hang gương này.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, bốn con mèo là bốn Tỷ-kheo ấy, con chuột là mẹ của Kāṇā, và người thợ đẽo đá là Ta vậy.

§138. CHUYỆN CON KỲ NHÔNG (*Godhajātaka*)[128] (*J.* I. 480)

Kẻ ngu có ích gì...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ viên, bậc Đạo sư kể về một người lừa đảo. Các chi tiết câu chuyện cũng giống như *Chuyện con mèo*.[129]

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con kỳ nhông. Lúc bấy giờ, một vị tu khổ hạnh chứng được năm thắng trí, sống trong một chòi lá tại một khu rừng gần một ngôi làng ở biên địa. Những người trong

---

[128] Tham chiếu: *Pháp cú kinh* "Phạm chí phẩm" 法句經梵志品 (*T.*04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh* "Phạm chí phẩm" 出曜經梵志品 (*T.*04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Phạm chí phẩm" 法集要頌經梵志品 (*T.*04. 0213.33. 0798a01).

[129] Xem *J.* I. 460, *Biḷārajātaka* (*Chuyện con mèo*), số §128; *J.* III. 84, *Godhajātaka* (*Chuyện con kỳ nhông*), số §325.

làng hầu hạ vị tu khổ hạnh, rất kính trọng vị ấy. Bồ-tát sống trong một gò mối tại cuối con đường đi kinh hành của vị tu hành. Sống tại đây, Bồ-tát hàng ngày hai, ba lần đi đến vị tu khổ hạnh, nghe những lời liên hệ đến pháp, liên hệ đến nghĩa và đảnh lễ vị tu khổ hạnh rồi đi về trú xứ của mình.

Sau một thời gian, vị tu khổ hạnh ấy báo tin cho những người trong làng biết mình sẽ ra đi. Khi vị tu khổ hạnh có giới đức này ra đi, một vị tu khổ hạnh giả dối đến ở tại am thất ấy. Bồ-tát suy nghĩ: "Đây là vị có giới hạnh" và cũng đi đến vị ấy với cách thức như trước. Một hôm, trong mùa nắng hạn, một cơn dông trái mùa khởi lên, những con kiến, mối từ những gò mối bò ra; và các con kỳ nhông cũng bò ra để ăn chúng.[130] Những người trong làng đi ra, bắt nhiều con kỳ nhông, nấu chúng, xào trộn chua ngọt, rồi cúng dường cho vị tu khổ hạnh. Vị tu khổ hạnh ăn thịt kỳ nhông, tham đắm vị ngon, liền hỏi:

– Món thịt thật là ngon ngọt, đó là thịt gì vậy?

Khi được trả lời là thịt kỳ nhông, vị ấy suy nghĩ: "Có con kỳ nhông lớn thường đến với ta. Ta sẽ giết nó để ăn thịt." Nghĩ vậy, vị ấy đem lại xoong chảo để nấu, bơ chín, muối... các món gia vị, để chúng một bên, cầm một cái vồ, lấy áo che lại rồi ngồi tại cửa chòi lá để chờ Bồ-tát đến với một dáng điệu hết sức an tịnh.

Bồ-tát đi ra, suy nghĩ: "Vào buổi chiều, ta sẽ đi đến vị tu khổ hạnh." Khi đang đi đến, Bồ-tát thấy sắc diện của người tu khổ hạnh này đổi khác, liền suy nghĩ: "Người tu khổ hạnh này ngồi với dáng điệu khác những ngày trước. Hôm nay, vị ấy đang nhìn ta với cặp mắt như muốn nuốt sống ta và suy nghĩ: 'Ta sẽ bắt nó.'"

Con kỳ nhông là hiện thân của Bồ-tát, vì đứng trong gió dưới vị tu khổ hạnh, ngửi được mùi thịt kỳ nhông, suy nghĩ: "Người tu khổ hạnh dối trá này hôm qua đã được ăn thịt kỳ nhông, bị trói buộc bởi lòng tham vị nên hôm nay chờ ta đến gần để lấy vồ đánh ta, nấu và ăn ta." Nghĩ vậy, Bồ-tát không đi đến gần người ấy nữa và trở lui chỗ khác.

Người tu khổ hạnh biết rằng Bồ-tát không tới nữa, liền nghĩ: "Chắc con kỳ nhông này biết ta muốn giết nó nên nó không đến. Nhưng dầu nó không đến cũng không sao thoát được." Nghĩ vậy, vị ấy rút vồ và ném vào con kỳ nhông, nhưng chỉ trúng cái chóp đuôi của con kỳ nhông, Bồ-tát chạy mau vào gò mối, thò đầu ra từ một lỗ khác và nói:

– Này kẻ bện tóc giả dối kia, ta đi đến gần ngươi vì ta nghĩ ngươi là người có giới hạnh. Nay ta đã biết ngươi là kẻ giả dối. Một kẻ đại ăn cướp như ngươi thì xuất gia để làm gì?

Sau khi chỉ trích người tu khổ hạnh ấy, Bồ-tát đọc bài kệ trong *Kinh Pháp cú*:

---

[130] Xem *J.* III. 13, *Ekarājajātaka* (*Chuyện vị Thánh vương*), số §303.

138. Kẻ ngu có ích gì, Bện tóc với da dê,
Nội tâm đầy phiền não, Ngoài mặt đánh bóng suông.[131]

Như vậy, sau khi lên án kẻ tu khổ hạnh giả dối, Bồ-tát liền đi vào gò mối. Còn người tu khổ hạnh ác độc bỏ đi chỗ khác.

***

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người tu khổ hạnh giả dối là kẻ lừa đảo này, người tu khổ hạnh có giới đức trước là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và con kỳ nhông là Ta vậy.

§139. CHUYỆN CẢ HAI MẶT THẤT BẠI (*Ubhatobhaṭṭhajātaka*) (*J.* I. 483)

Mắt hư, áo bị mất...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Lúc bấy giờ, tại pháp đường, các Tỷ-kheo bắt đầu nói chuyện:

– Thưa các Hiền giả, như một que củi từ nghĩa địa, bị cháy hai đầu, ở giữa bị dính phân, không thể dùng làm củi rừng, cũng không thể dùng làm củi làng; cũng vậy, Devadatta được xuất gia trong giáo pháp dẫn đến giải thoát nhưng cả hai mặt đều thất bại, cả hai mặt bị vứt bỏ, đó là tài sản tại gia bị đoạn tận và Sa-môn hạnh không viên mãn.

Trong lúc ấy, bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nay đang ngồi họp và thảo luận vấn đề gì?

Khi được nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, Devadatta không phải chỉ nay mới gặp thất bại cả hai mặt, thuở xưa cũng đã thất bại như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm một thần cây. Lúc bấy giờ, tại một ngôi làng những người câu cá đang sống, có một người câu cá, mang theo lưỡi câu cùng với đứa con trai đến một đầm nước mà các người chài lưới thường bắt cá. Anh ta đi chỗ này chỗ kia quăng lưỡi câu. Lưỡi câu mắc vào một khúc cây đang ẩn kín trong nước. Người đánh cá không thể kéo lưỡi câu lên. Anh ta suy nghĩ: "Lưỡi câu này chắc mắc vào con cá lớn. Ta hãy bảo đứa con trai đi về nhà báo cho mẹ nó biết." Nghĩ vậy anh ta nói với đứa con:

– Con thân, hãy đi tin cho mẹ biết, chúng ta câu được con cá lớn và nói với mẹ, hãy tìm cách gây sự với hàng xóm để giữ họ ở nhà, vì thế sẽ không ai đến đòi chia phần cá của ta cả.

Đứa con ra đi, còn anh ta ở lại kéo lưỡi câu nhưng vì sợ đứt dây, bèn để

[131] Xem *Dh.* v. 394.

áo ngoài trên bờ, đi xuống nước. Vì say mê tìm bắt con cá nên anh ta va chạm vào khúc cây, bị hư hai con mắt. Một tên trộm lấy cắp cái áo anh ta để trên bờ. Trong cơn đau đớn, anh ta lấy tay bịt hai con mắt mù từ dưới nước đi lên, run rẩy đi tìm cái áo.

Trong lúc ấy, vợ anh ta huênh hoang với ý định: "Ta sẽ làm cho không một ai đến đòi chia phần." Nghĩ vậy, chị đeo một lá thốt nốt trên một tai, lấy nhọ nồi bôi một con mắt, ôm trong nách một con chó và đi đến gọi người hàng xóm. Một người bạn nói với chị:

– Chao ôi! Đeo lá thốt nốt vào tai của bạn, bôi một con mắt, ôm một con chó như đứa con thân yêu, bạn đi từ nhà mình đến nhà người ta, bạn điên rồi sao?

– Ta không điên. Ngươi không có lý do gì lại mắng ta, nhiếc ta? Nay hãy đi đến thôn trưởng, ta sẽ làm cho ngươi bị phạt tám đồng tiền vì tội mắng nhiếc ta.

Sau khi cãi vã như vậy, cả hai cùng đi đến gặp người thôn trưởng. Nhưng sau khi cuộc cãi vã được giải quyết thì chính vợ người đánh cá bị phạt. Người ta trói và đánh chị ta để đòi chị trả tiền phạt. Khi vị thần cây thấy sự việc xảy ra cho vợ người đánh cá ở làng và sự bất hạnh xảy ra cho người đánh cá ở trong rừng, vừa đứng ở trên nhánh chĩa ba của thân cây, vị thần cây vừa nói:

– Này bạn câu cá ơi, việc ác bạn làm dưới nước và trên cạn, cả hai đều thất bại.

Nói vậy xong, vị thần đọc bài kệ:

139. Mắt hư, áo bị mất,
Cãi vã, vợ bị đánh,
Hai việc đều hư hỏng,
Dưới nước và trên cạn.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thuở ấy, người câu cá là Devadatta, còn vị thần cây là Ta vậy.

§140. CHUYỆN CON QUẠ (*Kākajātaka*) (*J.* I. 484)

Tâm thường bị chấn động...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một vị Sư trưởng có danh tiếng. Các chi tiết của chuyện sẽ được kể ở chương XI, *Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla*.[132]

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con quạ. Một hôm, vị cố vấn tế tự của vua đi tắm trong một con sông ở ngoại thành, sau đó thoa nước thơm, đeo vòng hoa, mặc áo đẹp rồi đi vào thành. Có hai con quạ đang đậu trên lầu cạnh cửa thành, một con nói với con kia:

– Này bạn, tôi sẽ đi đại tiện trên đầu người Bà-la-môn này.

[132] Xem *J.* IV. 144, *Bhaddasālajātaka* (*Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla*), số §465.

Con kia can:

– Chớ làm như vậy, vị Bà-la-môn này có quyền thế, chúng ta không nên gây hận thù với người có quyền thế. Người này phẫn nộ có thể sát hại tất cả loài quạ.

Nhưng nó cương quyết:

– Tôi không thể không làm được.

– Nếu không nghe tôi, rồi bạn sẽ được nếm mùi.

Nói vậy xong, con quạ kia bay đi. Khi người Bà-la-môn đi đến dưới lầu canh, con quạ làm rơi phân trên đầu ông như làm rơi một tràng hoa. Vị Bà-la-môn phẫn nộ và nuôi lòng hận thù với loài quạ.

Lúc bấy giờ, một nữ tỳ được thuê để đập và phơi lúa giữa nắng. Tại cửa này, nó ngồi để giữ lúa rồi ngủ gật. Biết nó không để ý, một con dê lông dài đi đến ăn lúa. Người nữ tỳ thức dậy, thấy con dê bèn đuổi đi. Lần thứ hai, lần thứ ba, khi người nữ tỳ đang ngủ như vậy, con dê lại đến ăn lúa. Người nữ tỳ, sau ba lần đuổi con dê, suy nghĩ: "Con vật này tiếp tục ăn, ăn hết nửa phần lúa, sẽ thiệt hại nhiều cho ta, nay ta sẽ chặn con dê đến ăn lúa." Nó đứng dậy, lấy que lửa đánh con dê. Lông con dê bắt lửa. Con vật với thân bị cháy, chạy thật mau đến một kho chứa cỏ gần một chuồng voi để dập tắt lửa, và chà thân vào kho chứa cỏ, làm cho kho cỏ cháy lên, và từ đó, bắt cháy qua chuồng voi. Khi chuồng voi bị cháy, lưng voi bị cháy, và nhiều con voi bị vết thương ở thân. Các thầy thuốc voi không thể nào chữa cho các con voi lành bệnh liền báo cho vua biết. Vua hỏi vị cố vấn tế tự:

– Này Sư trưởng, các thầy thuốc không thể chữa trị các con voi lành bệnh. Khanh có biết thứ thuốc nào không?

– Thưa Đại vương, thần biết.

– Cần lấy thuốc gì?

– Thưa Đại vương, cần lấy mỡ quạ.

Vua nói:

– Vậy hãy giết quạ và đem mỡ quạ lại!

Từ đấy trở đi, họ giết các con quạ nhưng không tìm được mỡ. Tại chỗ này chỗ khác, họ chất thây quạ thành đống. Một nỗi sợ hãi lớn khởi lên trong loài quạ. Lúc bấy giờ, Bồ-tát sống với tám mươi ngàn con quạ vây quanh tại một khu rừng lớn dùng làm bãi tha ma. Một con quạ đến báo cho Bồ-tát biết về sự sợ hãi khởi lên cho loài quạ. Bồ-tát suy nghĩ: "Ngoài ta ra, không có một ai có thể giải tỏa sự sợ hãi khởi lên cho bà con ta. Ta sẽ giải tỏa sự sợ hãi khủng khiếp ấy." Rồi Bồ-tát hướng niệm mười Ba-la-mật, đề cao lòng từ Ba-la-mật, bay một mạch đến cung vua, vào cửa sổ mở lớn và đến núp dưới chiếc ngai của vua. Lúc bấy giờ, một người muốn bắt con quạ nhưng vua vừa đi vào cung ngăn anh ta lại. Bậc Đại sĩ nghỉ mệt một lát, rồi niệm lòng từ Ba-la-mật, và từ dưới chiếc ngai đi ra thưa với vua:

– Tâu Đại vương, một vị vua trị vì quốc độ không nên đi theo các dục, v.v... Khi cần làm việc gì, phải quan sát và rõ biết toàn bộ vấn đề rồi mới làm. Nếu vị vua làm một việc không có kết quả thì không nên làm, vì công việc ấy đưa đến sợ hãi hoặc chết chóc cho mọi loài. Vị cố vấn tế tự bị hận thù xúi giục đã nói láo, vì các con quạ không có mỡ.

Khi nghe nói vậy, vua rất bằng lòng với Bồ-tát, cho Bồ-tát ngồi trên ghế bằng vàng. Tại đây, Bồ-tát được thoa đôi cánh với những loại dầu được nấu trăm lần, ngàn lần, rồi cho Bồ-tát ăn các món thịt ngon dành cho vua, được đựng trong các bát đĩa bằng vàng. Sau khi cho Bồ-tát uống nước để được an lạc, vua nói với bậc Đại sĩ:

– Thưa bậc Hiền trí, ngài nói các loài quạ không có mỡ? Vì lý do gì chúng không có mỡ?

Bồ-tát nói:

– Vì lý do sau đây.

Với tiếng nói lớn, vang dậy cả cung điện, Bồ-tát thuyết pháp qua bài kệ này:

140. Tâm thường bị chấn động, Bị thế giới làm hại,
Do vậy không có mỡ, Bà con quạ chúng tôi.

Như vậy, sau khi nói lên lý do này, bậc Đại sĩ dạy vua như sau:

– Thưa Đại vương, các vị vua chớ làm những việc gì mà không quan sát, không biết rõ toàn bộ vấn đề.

Nhà vua với tâm tư thỏa mãn, cúng dường Bồ-tát cả vương quốc. Nhưng Bồ-tát không nhận vương quốc của vua, dạy vua giữ năm giới và xin vua chớ làm cho mọi loài chúng sanh sợ hãi.

Vua xúc động trước những lời này nên ban lệnh tha chết cho mọi loài, và đặc biệt, vua thường xuyên bố thí cho các loài quạ. Mỗi ngày, vua bảo nấu sáu đấu gạo rồi nêm gia vị thơm ngon và bố thí cho bầy quạ. Riêng bậc Đại sĩ được ban các thứ đồ ăn chỉ mình vua dùng.

***

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại là Ānanda và vua loài quạ là Ta vậy.

XV. PHẨM CON TẮC KÈ
(*KAKAṆṬAKAVAGGA*)

§141. CHUYỆN CON KỲ NHÔNG (*Godhajātaka*)[133] (*J.* I. 487)

Giao du với kẻ ác...

Câu chuyện này, khi ở tại Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo phản bội. Chuyện này giống như trong *Chuyện con voi Mahilāmukha.*[134]

***

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con kỳ nhông. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát sống trong một cái hang lớn trên bờ sông với vài trăm con tắc kè khác vây quanh. Bồ-tát có một con trai. Con kỳ nhông đực này làm bạn với một con tắc kè, sống thân mật với nó và thường đi đến ôm quấn lấy nó. Sự thân mật ấy được báo lên cho kỳ nhông cha biết. Kỳ nhông chúa cho gọi con mình lên và nói:

– Này con thân, con thân tình với chỗ không đáng thân tình. Con tắc kè thuộc gia đình hạ tiện, không nên làm thân với chúng. Nếu con làm thân với con tắc kè ấy, toàn bộ gia đình kỳ nhông sẽ lâm nạn. Bắt đầu từ nay, con chớ thân mật với nó!

Tuy vậy, kỳ nhông con vẫn thân với bạn như trước. Bồ-tát nói đi nói lại nhiều lần nhưng không thể ngăn cản sự thân mật của con mình với con tắc kè. Bồ-tát suy nghĩ: "Rất có thể vì con tắc kè này, sự sợ hãi sẽ khởi lên cho chúng ta. Khi sự sợ hãi ấy khởi lên, ta phải tìm con đường chạy trốn." Rồi Bồ-tát bảo đào một lỗ thông gió phía bên cạnh hang để có lối thoát khi cần.

Con kỳ nhông đực dần dần lớn với thân hình to lớn. Còn con tắc kè vẫn có thân thể nhỏ như xưa. Khi con kỳ nhông ôm chặt con tắc kè để hôn nó, con tắc kè có cảm giác như bị hòn núi đè nặng. Con tắc kè bị mệt mỏi, suy nghĩ: "Nếu con kỳ nhông ôm hôn ta như vầy vài ngày nữa thì ta chết mất. Vậy ta hãy âm mưu với một người thợ săn để sát hại gia đình kỳ nhông này."

Một hôm, nhân có cơn dông nổi lên giữa mùa hè, nhiều con kiến mối bay ra, và các con kỳ nhông từ chỗ này chỗ kia bò ra để ăn mồi. Một người thợ săn kỳ nhông cầm cuốc để đào hang kỳ nhông, đi vào rừng với những con chó. Con

[133] Xem *J.* I. 481, *Godhājātaka* (*Chuyện con kỳ nhông*), số §138.
[134] Xem *J.* I. 185, *Mahilāmukhajātaka* (*Chuyện con voi Mahilāmukha*), số §26.

tắc kè thấy người, liền nghĩ: "Hôm nay, ta sẽ thỏa mãn nguyện vọng của mình." Nó liền bò đến nằm không xa và hỏi:

– Thưa ông, ông vào rừng để làm gì?

Người thợ săn ấy nói:

– Để bắt các con kỳ nhông.

– Tôi biết một cái hang có hàng trăm con kỳ nhông, hãy đem lửa và rơm đến!

Rồi nó dẫn người thợ săn đến đấy và nói:

– Hãy bỏ rơm vào chỗ này, đốt lửa xông khói, đặt các con chó ở xung quanh! Ông hãy cầm một cái vồ lớn, đập các con kỳ nhông chạy ra, giết chúng và vun thành đống!

Nói vậy xong, nó nghĩ: "Hôm nay, ta sẽ thấy kẻ thù đại bại bỏ chạy." Nghĩ vậy xong, nó đến nằm một chỗ và ngóc đầu lên. Người thợ săn xông khói rơm và khói bay vào trong hang. Các con kỳ nhông bị khói làm mù mắt, hoảng sợ, bò ra với ý định chạy trốn. Người thợ săn đập các con chạy ra và giết hết. Những con nào chạy thoát khỏi tay anh ta thì các con chó chặn bắt. Đại nạn xảy ra cho các con kỳ nhông. Bồ-tát biết rằng do con tắc kè làm phát sanh sự sợ hãi, Bồ-tát than:

– Thật không nên giao du với loài ác độc! Do loài ác độc nên an lạc không có. Chính do một con tắc kè độc ác, các con kỳ nhông này bị hủy diệt.

Trong khi chạy trốn thông qua lỗ thông gió, Bồ-tát nói lên bài kệ:

141. Giao du với kẻ ác, Không đưa đến an lạc,
Do một con tắc kè, Toàn gia đình kỳ nhông,
Đã rơi vào đại nạn.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con tắc kè là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), kỳ nhông con của Bồ-tát không nghe lời giáo huấn là Tỳ-kheo phản bội, còn vua loài kỳ nhông là Ta vậy.

§142. CHUYỆN CON CHÓ RỪNG (*Sigālajātaka*) (*J.* I. 489)

Như vậy khó biết ngươi...

Câu chuyện này, khi trú ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) âm mưu sát hại đức Phật. Khi nghe câu chuyện, các Tỳ-kheo họp ở pháp đường bàn luận. Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới âm mưu sát hại Ta. Trong quá khứ, kẻ ấy cũng đã âm mưu như vậy rồi. Nhưng nó không thể giết Ta được, nó chỉ tự làm cực nhọc mình thôi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Trong thời quá khứ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con chó rừng, rồi trở thành chó rừng chúa với đàn chó rừng vây quanh, sống tại một ngôi rừng dùng làm bãi tha ma. Lúc bấy giờ, ở Vương Xá có ngày hội lớn. Phần đông người ta đều uống rượu. Tại đây, một số người ăn chơi cho đem nhiều rượu và thịt, mặc áo quần đẹp, uống rượu ăn thịt. Vào canh một, họ ăn hết thịt và còn lại nhiều rượu. Một người trong đám ấy nói:

– Hãy cho tôi thịt!

Khi nghe nói là thịt hết rồi, anh ta nói:

– Khi ta còn đứng ở đây thì thịt không thể hết được. Ta sẽ giết các con chó rừng đến ăn xác chết trong nghĩa địa này và đem thịt về.

Nói vậy xong, anh ta lấy một cái vồ, theo con đường ống cống đi ra khỏi thành đến bãi tha ma, cầm cái vồ và nằm xuống giả bộ chết. Lúc bấy giờ, Bồ-tát với các con chó rừng đến vây quanh người ấy. Thấy người ấy, Bồ-tát nói:

– Người này không chết. Ta sẽ quan sát kỹ lưỡng hơn.

Bồ-tát đi đến phía dưới gió, ngửi mùi thân thể, biết đúng sự thật là người ấy chưa chết, liền suy nghĩ: "Ta sẽ làm cho nó xấu hổ." Bồ-tát liền đi đến, cắn đầu cái vồ và kéo. Kẻ ăn chơi ấy không thấy Bồ-tát đến, cứ nắm chặt cái vồ lại. Bồ-tát liền đến gần anh ta và nói:

– Hỡi ông kia, nếu ông đã chết thì khi ta kéo cái vồ, ông sẽ không nắm chặt lấy. Chính vì vậy, ta biết ông chưa chết.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ:

142. Như vậy khó biết ngươi, Khi ngươi nằm giả chết,
Khi ta kéo gậy ngươi, Ngươi không thả chiếc gậy,
Do vậy ta biết được, Nhà ngươi chưa thật chết.

Nghe nói vậy, kẻ ăn chơi ấy đứng dậy lấy gậy ném Bồ-tát và nói:

– Con vật này biết ta chưa chết.

Cây gậy ném không trúng. Người ăn chơi ấy nói:

– Hãy đi đi, lần này ngươi thoát khỏi tay ta!

Bồ-tát quay lại và nói:

– Này con người kia, phải, ta thoát khỏi tay ngươi. Nhưng ngươi không thể thoát được mười sáu địa ngục nhỏ trong đại địa ngục.

Nói vậy xong, Bồ-tát bỏ đi. Kẻ ăn chơi ấy không được một chút gì, đi ra khỏi bãi tha ma. Sau khi tắm trong một vũng nước, anh ta đi vào thành theo con đường đã đi tới trước.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, kẻ ăn chơi là Devadatta, còn con chó rừng chúa là Ta vậy.

§143. CHUYỆN SỰ CHIẾU SÁNG (*Virocanajātaka*) (*J.* I. 490)

Với óc não nát bấy...

Câu chuyện này, khi trú ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đóng vai trò bậc Thiện Thệ ở Gayāsīsa.

Khi thiền chứng biến mất, lợi dưỡng và danh vọng bị tiêu tan, Devadatta đã nghĩ đến một phương tiện, xin bậc Đạo sư chấp nhận cho năm pháp. Khi bị từ chối, vị ấy liền phá hòa hợp Tăng, bỏ đi đến Gayāsīsa với năm trăm đệ tử của hai bậc Thánh đệ tử của đức Phật. Những đệ tử này mới xuất gia không bao lâu nên không thiện xảo trong Pháp và Luật. Vị ấy làm các Tăng sự riêng biệt với hội chúng này trong một giới xứ riêng.

Bậc Đạo sư biết được trí của những người này đã đến thời thuần thục, liền gửi hai đệ tử đầu tay đến đó. Khi thấy hai vị này, Devadatta rất hoan hỷ, thuyết pháp suốt đêm và suy nghĩ: "Ta sẽ làm theo uy nghi đức độ của Phật", bắt chước bậc Thiện Thệ nói với hai vị đệ tử đầu tay:

– Thưa Hiền giả Sāriputta (Xá-lợi-phất), chúng Tỷ-kheo không hôn trầm thụy miên, hãy thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo! Lưng ta bị đau mỏi, ta sẽ nằm nghỉ chốc lát.

Nói vậy xong, Devadatta đi nằm nghỉ. Hai đệ tử đầu tay thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, làm họ giác ngộ về Đạo và Quả và đem tất cả đi về Trúc Lâm.

Kokālika thấy tinh xá trống không, liền đi đến gặp Devadatta và nói:

– Này Hiền giả Devadatta, hội chúng của Hiền giả đã bị phá vỡ, hai vị Đại đệ tử của Thế Tôn đã làm cho tinh xá trống không và đã đi rồi. Còn Hiền giả thì vẫn nằm nghỉ.

Nói vậy xong, Kokālika lột thượng y của Devadatta, đá vào ngực Devadatta với gót chân, giống như đóng một cái nêm vào bức tường, khiến cho máu trào ra từ miệng vị ấy. Từ đó trở đi, Devadatta bị đau luôn. Bậc Đạo sư hỏi vị Trưởng lão:

– Này Sāriputta, khi ông đến, Devadatta đã làm gì?

– Bạch Thế Tôn, Devadatta thấy chúng con, liền nói: "Ta sẽ làm theo uy nghi đức độ của Phật", rồi bắt chước bậc Thiện Thệ và lâm vào nạn lớn.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Sāriputta, không phải chỉ nay Devadatta mới bắt chước Ta và gặp nạn. Thuở xưa, kẻ ấy cũng đã gặp nạn như vậy rồi.

Rồi theo lời Trưởng lão thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con sư tử có lông dài và trú ở hang Kañcana (Vàng) trong Tuyết sơn. Một hôm, sư tử hang Vàng đi ra, duỗi thân nhìn bốn phương, rống tiếng rống của loài sư tử xong, liền nhảy đi tìm mồi. Sư tử giết một con trâu lớn, ăn phần thịt tốt nhất, đi xuống một cái hồ, uống đầy bụng nước trong như pha lê rồi đi về hang.

Một hôm, một con chó rừng hấp tấp đi tìm mồi, thấy sư tử, không thể chạy trốn được, rơi xuống chân trước mặt sư tử và nằm xuống. Sư tử hỏi:

– Này chó rừng, ngươi muốn gì?

Con chó rừng nói:

– Thưa ngài, con muốn hầu hạ dưới chân ngài.

Sư tử nói:

– Tốt lắm, hãy đến hầu ta. Ta sẽ cho ăn phần thịt ngon.

Nói xong, sư tử đem con chó rừng về hang Vàng. Từ đấy trở đi, con chó rừng ăn phần thịt còn lại của các con thú do sư tử giết. Sau một thời gian, chó rừng trở thành to lớn. Một hôm, đang nằm trong hang, sư tử nói:

– Này chó rừng, hãy đứng trên chóp núi nhìn, khi thấy các con voi, ngựa, trâu đang đi dưới chân núi, hễ con nào ngươi muốn ăn thịt, hãy đến nói: "Con muốn ăn thịt con này."

Chó rừng đảnh lễ và leo lên chóp núi, nhìn các con thú, hễ thấy con nào nó muốn ăn thịt, nó liền đi vào hang Vàng và báo cho sư tử biết:

– Thưa ngài, có mồi rồi.

Sư tử lập tức nhảy ra, và dầu đó là con voi đang trong thời kỳ phát dục, sư tử cũng lập tức giết nó, tự mình ăn phần thịt ngon và cho chó rừng phần còn lại. Chó rừng ăn thịt đầy bụng, rồi đi vô hang nằm ngủ. Sau nhiều ngày đã qua, chó rừng trở thành kiêu mạn. Nó suy nghĩ: "Ta cũng là con thú có bốn chân. Vì sao ngày lại ngày ta sống nhờ loài khác nuôi dưỡng? Bắt đầu từ nay, ta sẽ giết các con voi, v.v... và ăn thịt. Ta sẽ bảo sư tử nói với ta: 'Thưa ngài chó rừng, đã có mồi.' Ta sẽ giết con voi tốt và ăn thịt." Nghĩ vậy, nó đi đến bên sư tử và nói:

– Thưa ngài, đã lâu ngày, tôi ăn thịt các con voi tốt do ngài giết, nay tôi muốn ăn thịt voi do tôi giết. Tôi sẽ nằm trong hang Vàng tại chỗ ngài nằm, còn ngài xem có con voi nào đi dưới chân núi, thì ngài đến tôi và nói: "Thưa ngài chó rừng, hãy bắt mồi!"

Nó yêu cầu con sư tử chớ miễn cưỡng khi cho phép nó làm việc này.

Sư tử nói:

– Này chó rừng, khả năng giết các con voi thuộc gia đình sư tử. Ở đời, chó rừng không có khả năng giết voi. Chớ ưa thích làm như vậy. Hãy sống và ăn thịt các con voi do ta giết!

Tuy sư tử nói như vậy, chó rừng không muốn từ bỏ ý định, vẫn tiếp tục yêu

cầu. Sư tử không thể ngăn chặn, cuối cùng chấp thuận và nói:

– Vậy hãy vào chỗ của ta và nằm tại đấy!

Sau khi bảo chó rừng nằm trong hang Vàng, sư tử nhìn thấy con voi phát dục dưới chân núi, liền đến cửa hang và nói:

– Thưa ngài chó rừng, hãy bắt mồi!

Con chó rừng đi ra khỏi hang, duỗi thân, nhìn bốn hướng, hú lên ba lần, nhảy lên và nghĩ: "Ta sẽ cắn trên đầu con voi đang phát dục", nhưng nó lại rơi xuống chân voi. Con voi giơ chân phải lên đạp trên đầu con chó rừng, nghiền nát xương đầu thành bột. Rồi với cái chân, con voi đạp nát thân chó rừng làm thành một đống, đi đại tiện trên ấy và rống lên rồi đi vào rừng. Bồ-tát thấy sự việc như vậy, liền nói lên bài kệ:

143. Với óc não nát bấy, Với đầu bị vỡ tan,
Với xương sườn gãy nát, Nay ngươi đã mất đầu.

***

Sau khi nói bài kệ này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là Devadatta, còn con sư tử là Ta vậy.

§144. CHUYỆN CÁI ĐUÔI BÒ (*Naṅguṭṭhajātaka*) (*J.* I. 493)

Ôi thần lửa sanh nhật...

Câu chuyện này, khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về tà khổ hạnh của các du sĩ tà mạng Ājīvakā. Lúc bấy giờ, các du sĩ tà mạng đang sống hành tà khổ hạnh khác nhau sau lưng Kỳ Viên. Một số lớn Tỷ-kheo thấy họ hành trì các tà khổ hạnh khác nhau[135] như: Tinh tấn ngồi chồm hổm, lắc qua lắc lại như dơi, nằm dựa trên gai, nướng thân với năm đống lửa, liền hỏi Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do tà khổ hạnh này, có gì tốt chăng?

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, do tà khổ hạnh này, không có gì tốt cả. Các bậc Hiền trí thuở xưa đã nghĩ rằng do khổ hạnh này, sẽ có gì tốt hơn lên. Vì vậy, họ đem lửa sanh nhật vào rừng, nhưng họ không thấy có gì lợi lạc từ những pháp thờ lửa, v.v... bèn dùng nước dập tắt lửa ấy. Nhờ lấy một đề tài thiền quán để tu tập và đắc các thắng trí và các thiền chứng, họ đạt cứu cánh Phạm thiên giới.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Trong thời quá khứ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở phương Bắc. Ngày Bồ-tát sanh ra, cha mẹ đốt

[135] Xem *M.* I. 77-8.

lên ngọn lửa sanh nhật và nuôi dưỡng lửa ấy. Khi Bồ-tát được mười sáu tuổi, cha mẹ ngài nói với con:

– Này con, chúng ta đã gìn giữ ngọn lửa sanh nhật của con. Nếu con muốn sống trong gia đình, hãy học ba tập Vệ-đà; nếu con muốn lên Phạm thiên giới, hãy lấy ngọn lửa để được Đại Phạm thiên ân sủng và đạt được cứu cánh Phạm thiên giới.

Bồ-tát nói:

– Con không thích đời sống gia đình.

Ngài cầm lấy lửa, đi vào rừng xây dựng một chòi am và sống trong rừng thờ lửa. Một hôm, Bồ-tát được cúng một con bò tại một làng biên địa, bèn dắt con bò ấy đến chòi am với ý định: "Ta sẽ cúng dường vị thần lửa thịt con bò." Rồi Bồ-tát suy nghĩ: "Ở đây không có muối, thần lửa không thể ăn thịt mà không có muối. Ta sẽ đem muối ở làng về và cúng dường thần lửa đồ ăn có muối."

Bồ-tát cột con bò tại đấy và đi đến làng để tìm muối. Trong khi Bồ-tát đi, nhiều người thợ săn đi đến tại chỗ ấy, thấy con bò, giết nó, nấu thịt ăn và vứt lại đuôi, ống chân và da, rồi mang theo thịt còn lại ra đi. Bồ-tát trở về, chỉ thấy đuôi, v.v... suy nghĩ: "Thần lửa này không thể hộ trì gia sản của chính mình, chắc không thể hộ trì ta được. Phải săn sóc ngọn lửa vô ích này, từ đây không tăng trưởng một điều tốt gì cho ta."

Vì vậy, Bồ-tát mất hết mọi ý nguyện săn sóc ngọn lửa. Bồ-tát nói:

– Thưa thần lửa, nếu ngài không thể hộ trì gia sản của ngài, làm sao ngài hộ trì tôi được? Thịt không còn, ngài phải tự bằng lòng với những vật này vậy.

Bồ-tát đặt đuôi, v.v… vào lửa và đọc bài kệ này:

144. Ôi thần lửa sanh nhật,[136]
Ta chỉ cúng cái đuôi,
Các loại thịt xứng đáng,
Ngài hãy vui chấp nhận,
Thần lửa không giá trị,
Hãy xem là nhiều vậy,
Hiện nay không có nữa,
Chỉ bộ phận cái đuôi!

Nói vậy xong, bậc Đại sĩ lấy nước dập tắt lửa, rồi xuất gia làm ẩn sĩ, chứng được các thắng trí và các thiền chứng, và đạt cứu cánh ở cõi Phạm thiên.

***

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vị khổ hạnh dập tắt ngọn lửa là Ta vậy.

§145. CHUYỆN CON VẸT RĀDHA (*Rādhajātaka*) (*J.* I. 495)

Rādha, em không biết...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự luyến ái người vợ cũ.

---

[136] Xem *J.* I. 214, *Vaṭṭakajātaka* (*Chuyện chim cút*), số §35.

Câu chuyện hiện tại sẽ được kể trong *Chuyện các căn*.[137] Bậc Đạo sư gọi Tỷ-kheo ấy vào nói:

– Không thể canh giữ nữ nhân, dầu có sắp đặt sự canh giữ cũng không thể canh giữ được nữ nhân. Thuở xưa, ông có sắp đặt sự canh giữ đối với nữ nhân ấy nhưng không thể được, thì nay làm sao ông canh giữ nàng?

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm một con vẹt. Một Bà-la-môn ở Kāsi nhận Bồ-tát và em của Bồ-tát làm con trong nhà và nuôi dưỡng cả hai. Bồ-tát được đặt tên là Poṭṭhapāda và vẹt em tên là Rādha. Vợ của vị Bà-la-môn ấy hành tà hạnh và ác giới.

Một hôm, vị Bà-la-môn ấy ra đi vì một vài công việc, ông nói với anh em con vẹt:

– Này hai con thân, nếu nữ Bà-la-môn, mẹ của hai con hành ác hạnh, hãy ngăn chặn lại!

Bồ-tát nói:

– Thưa vâng, cha thân. Nhưng nếu không ngăn được mẹ, con sẽ im lặng.

Như vậy, sau khi giao nữ Bà-la-môn cho các con vẹt trông coi, vị Bà-la-môn liền ra đi. Từ ngày người chồng ra đi, vợ vị Bà-la-môn bắt đầu hành tà hạnh, người đi vào, người đi ra không dứt. Thấy hành động của nữ Bà-la-môn như vậy, Rādha nói với Bồ-tát:

– Thưa anh, cha chúng ta có nói: "Nếu mẹ chúng con hành ác hạnh, hãy ngăn chặn lại!" Nói vậy xong, cha chúng ta ra đi. Nay mẹ chúng ta hành ác hạnh, chúng ta hãy ngăn chặn!

Bồ-tát nói:

– Này em thân, em nói toàn những lời ngu si. Dầu có bồng nữ nhân mà đi cũng không thể an toàn được, vậy chớ làm!

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

145. Rādha, em không biết, Nửa đêm mấy người đến,
Em nói không suy nghĩ, Nữ Bà-la-môn ấy,
Chỉ thiếu tình người vợ, Đối với chồng của mình.

Sau khi trình bày như vậy, Bồ-tát không cho Rādha nói với nữ Bà-la-môn. Đến nửa đêm, nữ Bà-la-môn hành tà hạnh thỏa thích. Khi Bà-la-môn về, ông hỏi Poṭṭhapāda:

– Này con thân, mẹ con như thế nào?

Bồ-tát thành thật kể cho vị Bà-la-môn rõ tất cả mọi việc và nói:

[137] Xem *J.* III. 461, *Indriyajātaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

– Thưa cha thân, sao cha còn liên hệ với người ác giới như vậy?

Rồi Bồ-tát thưa thêm:

– Thưa cha thân, nay con đã nói lỗi lầm của mẹ chúng con rồi, chúng con không còn có thể ở đây nữa.

Nói vậy xong, Bồ-tát đảnh lễ chân vị Bà-la-môn và cùng với Rādha bay vào rừng.

***

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư thuyết giảng bốn sự thật. Cuối bài thuyết giảng, vị Tỷ-kheo luyến ái người vợ cũ được an trú vào quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Vị Bà-la-môn và nữ Bà-la-môn thời ấy là hai người hiện tại, Rādha là Ānanda và Poṭṭhapāda là Ta vậy.

§146. CHUYỆN CON QUẠ (*Kākajātaka*) (*J.* I. 497)

Cổ chúng ta mệt mỏi...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về nhiều Tỷ-kheo lớn tuổi. Nghe nói, khi các Tỷ-kheo ấy còn là cư sĩ, họ là những người điền chủ giàu có, tài sản lớn, là bạn thân với nhau, một dạ một lòng với nhau làm các công đức. Sau khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, họ nói:

– Chúng ta đã lớn tuổi, đời sống gia đình có ý nghĩa gì đối với chúng ta? Chúng ta hãy xuất gia trong giáo pháp hoàn thiện của đức Phật để chấm dứt đau khổ!

Rồi họ cho các con trai và con gái tất cả gia sản của họ và xin xuất gia. Khi bậc Đạo sư cho xuất gia, họ không làm đúng Sa-môn pháp như bậc xuất gia. Họ không thông hiểu Chánh pháp vì đã lớn tuổi. Giống như khi còn làm cư sĩ, họ làm một xóm nhà lá bên cạnh ngôi tinh xá và cùng nhau ở đây. Khi họ đi khất thực, họ không đi đến chỗ nào khác hơn nhà những người con, người vợ của mình và ăn uống tại đây.

Người vợ cũ của một trong những vị này là người chủ hộ trì tất cả các vị Trưởng lão lớn tuổi. Do vậy, những người còn lại đem theo đồ ăn mà mình đã khất thực được ngồi tại nhà chủ hộ, cùng ăn uống với các món cà-ri, canh do người chủ hộ cúng dường. Một hôm, sau khi người vợ cũ ấy nhuốm bệnh và chết, các Trưởng lão lớn tuổi đi về tinh xá, ôm cổ nhau đi qua đi lại bên tinh xá và khóc:

– Ôi, người nữ cư sĩ tự tay cho ta các vị ngọt đã mạng chung!

Nghe tiếng họ khóc, các Tỷ-kheo đến hội họp lại chỗ ấy và hỏi:

– Thưa các Hiền giả, vì sao các Hiền giả khóc?

Họ nói:

– Vợ của người bạn chúng tôi, tự tay cho các vị ngọt đã mạng chung. Bà ấy là người chủ hộ lớn của chúng tôi. Từ đây, chúng tôi không được gặp bà ấy nữa. Vì lý do ấy, chúng tôi khóc.

Thấy họ có tâm trạng bất xứng như vậy, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường bắt đầu nói chuyện như sau:

– Thưa các Hiền giả, do lý do này, các Trưởng lão Tỷ-kheo lớn tuổi ôm cổ nhau đi qua đi lại mà khóc.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp ở đây, đang bàn câu chuyện gì?

Khi được nghe câu chuyện trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay, các người ấy đi qua đi lại khóc nữ nhân ấy chết; trong quá khứ, khi nữ nhân ấy sanh làm con quạ và chết trên biển, họ cũng hăng hái tát cạn biển để cứu nó. Rồi họ được thần biển cứu tánh mạng.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm vị thần biển. Có một con quạ cùng vợ đi tìm mồi trên bờ biển. Lúc bấy giờ, sau khi làm lễ cúng dường thần rắn với sữa, cháo, cá, thịt, rượu, v.v... người ta đã bỏ đi. Con quạ đi đến chỗ làm lễ cúng dường với con quạ mái, ăn sữa, cháo, cá, thịt... và uống nhiều rượu. Cả hai đều say rượu, chúng ngồi trên ven biển nô đùa và chúng bắt đầu tắm. Khi một ngọn sóng ào đến, cuốn con quạ mái và nhận chìm nó xuống biển, thì một con cá đớp con quạ mái và ăn thịt. Con quạ trống khóc than và nói:

– Vợ tôi đã chết rồi.

Nhiều con quạ khác nghe tiếng khóc than của nó, đều nhóm lại hỏi:

– Sao bạn than khóc vậy?

Con quạ trống nói:

– Vợ tôi đang tắm trên ven biển thì bị sóng cuốn đi rồi.

Tất cả con quạ khác đều kêu to và khóc ròng. Rồi chúng suy nghĩ: "Nước biển này và chúng ta, ai có khả năng hơn? Chúng ta hãy tát nước, làm cho biển khô cạn và cứu bạn chúng ta." Nghĩ vậy, chúng hút nước đầy miệng rồi nhổ ra ngoài. Khi cổ họng bị đắng chát vì nước biển, chúng bay lên trên đất liền để nghỉ. Hàm của chúng mệt mỏi, miệng khô cứng, mắt đỏ ngầu, mệt và buồn ngủ, chúng gọi lẫn nhau:

– Này các bạn, chúng ta lấy nước biển đem nhổ ra ngoài. Nhưng chỗ nước chúng ta lấy ra lại đầy nước lại ngay, chúng ta không thể làm cho biển khô cạn được.

Nói vậy xong, chúng đọc bài kệ:

146. Cổ chúng ta mệt mỏi, Miệng chúng ta khô cứng,
Cố tát cạn nước biển, Biển lớn lại đầy tràn.

Nói như vậy xong, tất cả con quạ ấy tán thán con quạ mái:

– Ôi, hình dáng đẹp như thế, tiếng dịu ngọt như thế, nên biển đã cướp mất nàng!

Khi chúng đang nói nhảm nhí như vậy, thần biển hiện lên với hình dáng khủng khiếp, khiến chúng bỏ chạy. Nhờ vậy, chúng được an toàn.

***

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con quạ mái là người vợ cũ này, con quạ trống là Trưởng lão Tỳ-kheo lớn tuổi, các con quạ là các Trưởng lão Tỳ-kheo lớn tuổi bạn của vị ấy, và thần biển là Ta vậy.

§147. CHUYỆN ÁO VẢI MÀU ĐỎ (*Puppharattajātaka*) (*J.* I. 499)

Khổ này không phải khổ...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỳ-kheo luyến ái. Khi được Thế Tôn hỏi:

– Này Tỳ-kheo, có thật chăng ông có luyến ái?

Tỳ-kheo ấy trả lời có thật. Bậc Đạo sư hỏi:

– Luyến ái ai?

Tỳ-kheo trả lời:

– Bạch Thế Tôn, luyến ái người vợ cũ. Nữ nhân ấy, bạch Thế Tôn, là người đã tự tay cho con các vị ngọt. Con không thể sống mà không có nàng.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỳ-kheo, nữ nhân ấy không làm lợi cho ông. Thuở trước, vì nàng, ông đã bị đâm và phơi thây trên cọc nhọn. Chính vì ông khóc nàng khi ông chết nên ông đã tái sanh vào địa ngục. Vậy nay sao ông lại luyến ái nàng?

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm vị thần tiên trên hư không. Thời ấy, tại Ba-la-nại có ngày lễ hội đêm rằm tháng Kattikā (tháng Mười). Thành phố được trang hoàng như thành phố chư thiên. Tất cả dân chúng đều vui chơi hội lớn. Có một người nghèo khổ chỉ có một cặp áo vải thô đã được giặt và ủi đến độ trở thành trăm, thành ngàn đường lằn. Vợ anh ta nói với anh ta:

– Thưa chàng, em muốn có áo màu đỏ cây kusumbha và đắp áo ấy, ôm cổ chàng đi chơi lễ hội đêm Kattikā.

– Này hiền thê, chúng ta nghèo, làm sao có được vải màu đỏ kusumbha? Hãy đắp vải sạch này và đi chơi.

– Không có được vải kusumbha thì chúng ta không đi chơi đâu cả. Chàng hãy lấy một nữ nhân khác mà đi chơi hội.

– Này hiền thê, sao làm khổ ta vậy, làm sao chúng ta có được vải kusumbha?

– Này chàng, khi người ta muốn, sao lại không có được? Chẳng phải trong nhà kho của vua có rất nhiều vải kusumbha đó sao?

– Này hiền thê, chỗ ấy chẳng khác gì một hồ nước do dạ-xoa canh giữ, có quân lính canh giữ, không thể đi đến được. Chớ ham thích như vậy. Hãy tự bằng lòng với những gì nàng có được!

– Chàng ôi, ban đêm tối trời thì có ai ngăn chặn được người muốn đến nơi mình thích?

Như vậy, do người vợ nói đi nói lại mãi và chịu ảnh hưởng lời nài nỉ của nàng, người chồng an ủi vợ:

– Thôi được, hiền thê chớ nghĩ ngợi gì nữa.

Vào ban đêm, không kể đến mạng sống, người chồng đi khỏi thành đến kho của vua, phá hàng rào và vào trong kho. Những người canh gác nghe tiếng hàng rào bị phá, liền bao vây kẻ trộm, bắt được anh ta, mắng chửi, đánh đập và trói anh ta. Khi trời vừa sáng, họ dẫn anh ta đến trước nhà vua. Vua bảo:

– Hãy đem nó đâm vào cọc nhọn!

Họ trói cánh tay anh ta ra đằng sau, dắt anh ta đi ra khỏi thành với tiếng trống hành quyết và đâm anh ta vào cọc nhọn. Anh ta cảm thấy rất đau đớn. Các con quạ đậu trên đầu, mổ con mắt anh ta với mỏ sắc bén như kiếm. Nhưng anh ta không nghĩ gì đến sự đau đớn như vậy mà chỉ nghĩ đến nữ nhân ấy: "Ta mất đi chơi hội Kattikā ban đêm với nàng mặc áo màu hoa đỏ và với cánh tay của nàng ôm ở cổ ta." Vì vậy, anh ta đọc bài kệ:

147. Khổ này không phải khổ,
Vì cọc nhọn đâm ta,
Vì ta bị quạ mổ,
Chính điều này mới khổ,
Vì vợ ta không thể,
Vui chơi ngày hội lớn,
Với áo màu hoa đỏ!

Như vậy, anh ta nói lời lảm nhảm về vợ mình, rồi chết và tái sanh vào địa ngục.

***

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Hai vợ chồng thời ấy là hai vợ chồng ngày nay, và vị thần tiên đứng trên hư không chứng kiến câu chuyện này chính là Ta vậy.

§148. CHUYỆN CON CHÓ RỪNG (*Sigālajātaka*) (*J.* I. 501)

Ta sẽ không làm nữa...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự nhiếp phục phiền não.

Nghe nói ở Xá-vệ có khoảng năm trăm người triệu phú giàu có thân thiết với nhau, sau khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, liền hiến dâng tâm lên giáo pháp, xuất gia, sống ở Kỳ Viên trong ngôi tinh xá được ông Cấp Cô Độc trải vàng giá bạc triệu.[138] Một hôm vào khoảng nửa đêm, tâm tư liên hệ đến phiền não, dục vọng khởi lên trong nhóm người ấy, họ khởi tâm tham luyến những phiền não, dục vọng mà họ đã từ bỏ.

Cũng vào giờ ấy, bậc Đạo sư khơi dậy ngọn đuốc Nhất thiết trí, suy nghĩ xem các Tỷ-kheo ở Kỳ Viên, đêm nay sống như thế nào. Ngài biết được các tư tưởng tham dục nổi lên trong các Tỷ-kheo ấy. Như người mẹ đối với đứa con duy nhất của mình, như người một mắt đối với con mắt còn lại, bậc Đạo sư bảo vệ các đệ tử của mình vào những buổi sáng hay bất cứ lúc nào. Khi các phiền não khởi lên trong các đệ tử, với mục đích không để cho chúng lớn lên, chính trong thời gian ấy, bậc Đạo sư chặn đứng chúng lại. Do vậy, bậc Đạo sư suy nghĩ: "Đây cũng giống như thời các tên trộm nổi lên trong nội thành của Vua Chuyển Luân. Nay Ta hãy thuyết pháp cho họ, chặn đứng các phiền não lại và khiến họ chứng quả A-la-hán!"

Rồi bậc Đạo sư từ hương phòng bước ra, với âm thanh dịu ngọt gọi Trưởng lão Ānanda, vị Thủ kho Chánh pháp:

– Này Ānanda!

– Bạch Thế Tôn dạy bảo việc gì?

Trưởng lão đi đến đảnh lễ và đứng một bên.

– Này Ānanda, hãy tập hợp tại hương phòng tất cả các Tỷ-kheo trú ở chỗ được trải vàng giá bạc triệu.

Theo truyền thuyết, bậc Đạo sư suy nghĩ như sau: "Nếu Ta chỉ cho gọi năm trăm Tỷ-kheo ấy mà thôi, họ sẽ nghĩ: 'Bậc Đạo sư đã biết các phiền não khởi lên trong nội tâm chúng ta.' Tâm tư họ sẽ bị dao động và sẽ không có thể chấp nhận pháp thoại." Do vậy, bậc Đạo sư nói:

– Hãy mời tất cả!

Trưởng lão đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế tôn.

Vị ấy cầm lấy chìa khóa, đi từ phòng này đến phòng khác, mời tất cả chúng Tỷ-kheo họp tại hương phòng, rồi sửa soạn Phật tòa. Bậc Đạo sư ngồi trên Phật tòa đã được sửa soạn, lưng thẳng như núi Tu-di, an trú trên đất bằng đá tảng, chói tỏa hào quang Phật sáu sắc từng đôi vòng, đôi vòng một. Những hào quang ấy được chia cắt thành những khối lớn bằng cái đĩa, lớn bằng cái lọng, lớn bằng thân của ngọn tháp, chói tỏa như chớp sáng trên bầu trời, chẳng khác gì khi mặt trời mới mọc khua động đáy biển sâu.

---

[138] Xem *SBE*. vol. XX, p. 188.

Chúng Tỷ-kheo đảnh lễ bậc Đạo sư, an trú tâm cung kính, ngồi xuống vây quanh Ngài như tấm màn màu đỏ giăng bủa. Bậc Đạo sư với Phạm âm, bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chớ trầm tư ba tầm bất thiện này: Đó là dục tầm, sân tầm, hại tầm. Chớ nghĩ rằng, phiền não khởi lên trong nội tâm là nhỏ mọn. Phiền não giống như kẻ thù và kẻ thù không bao giờ nhỏ bé, nếu có được cơ hội, kẻ thù sẽ gây nên tác hại; cũng như phiền não, dù nhỏ bé, đã khởi lên và lớn mạnh thì sẽ gây tác hại. Phiền não ví như thuốc độc làm chết người, như mụt ngứa mọc trên da, như con rắn lục, như lửa sét đánh; chớ nắm giữ lấy, nên sợ hãi chúng. Khi nào phiền não khởi lên thì với sức mạnh của giác sát, với sức mạnh của tu tập, chớ để nó ở trong tâm dù chỉ một khoảnh khắc. Như vậy, phải loại trừ nó như giọt nước rơi khỏi lá sen. Các bậc Hiền trí thuở xưa ghét bỏ phiền não, dầu nó hết sức nhỏ mọn cũng không cho nó khởi lên trong nội tâm và lập tức chế ngự phiền não ấy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con chó rừng, sống trong rừng trên một bờ sông. Thời ấy, một con voi già chết trên bờ sông Hằng, khi con chó rừng đi tìm mồi, nó thấy xác chết ấy và nghĩ: "Nay ta được cả kho đồ ăn."

Nó đi đến cắn cái vòi, giống như cắn cái cày. Nó nghĩ: "Đấy không phải là đồ ăn được." Nó cắn cái ngà, giống như cắn cái xương. Nó cắn cái tai, giống như cắn cái vành thúng sàng lúa. Nó cắn cái bụng, giống như cái thúng đựng hạt. Nó cắn cái chân, giống như cắn cái cối. Nó cắn cái đuôi, giống như cắn cái chày. Nó nghĩ: "Đây không phải là món ăn được."

Sau khi không tìm được chỗ nào khác có thể ăn, nó cắn nhằm chỗ đại tiện, thì giống như cắn cái bánh mềm. Nó nghĩ: "Cuối cùng, ta mới tìm được chỗ mềm trên cái thân này." Nó ăn từ chỗ ấy trở đi vào trong bụng, rồi ăn quả thận, quả tim, v.v... khi nó khát, nó uống máu. Nó nằm dài trong bụng voi để ngủ. Rồi nó suy nghĩ: "Thân con voi này giống như cái nhà, khiến ta sống thoải mái. Khi ta muốn ăn thì thịt rất đầy đủ. Vậy sao ta lại phải làm chỗ ở khác?" Nghĩ vậy, con chó rừng không đi đến chỗ khác, cứ ăn thịt trong bụng con voi và sống ở đấy.

Thời gian trôi qua, với sự xúc chạm gió mùa hạ và sức nóng tia sáng mặt trời, thân xác ấy bị khô và nhăn nhúm lại. Cửa vào của chó rừng bị đóng kín. Bụng con voi không có ánh sáng. Con chó rừng như vậy sống cách biệt với thế giới bên ngoài. Khi thân xác con voi khô héo, thịt bị khô héo, máu bị khô cạn, không tìm được lối thoát ra, nó hoảng sợ chạy qua chạy lại, đập chỗ này chỗ kia cố tìm cửa để thoát ra. Như vậy, nó trồi lên sụp xuống trong bụng con voi như một cục bột trong cái nồi đang sôi.

Sau một vài ngày, một cơn mưa lớn đổ xuống làm mềm thân xác ấy, làm thân xác voi phồng lên và trở lại hình thái cũ. Con đường đại tiện con voi được mở ra và hiện rõ như sao chói sáng. Con chó rừng thấy lỗ hở ấy, liền nói: "Nay ta được cứu sống rồi."

Từ đầu con voi, nó nhảy tới, chạy vụt ra, đầu đập vào con đường đại tiện ấy và thoát ra ngoài nhưng tất cả lông trên thân bị bầm dập, đều dính vào con đường đại tiện ấy. Với tâm tư xúc động, với cái thân trụi lông như thân cây thốt nốt, nó chạy một lát và ngồi xuống, quay lại nhìn cái thân mình, suy nghĩ: "Khổ này do ta tạo, không do ai khác, chỉ vì tham, vì y cứ vào tham nên ta làm như thế ấy. Từ nay trở đi, ta sẽ không để cho tham chi phối nữa, và ta cũng sẽ không đi vào xác con voi nào nữa."

Với tâm tư xúc động kinh hoàng, nó nói lên bài kệ:

148. Ta sẽ không làm nữa, Ta không làm lần nữa,
Ta thấy xác con voi, Như vậy ta hoảng sợ.

Nói xong, con chó rừng chạy xa xác con voi và nếu có thấy xác một con voi khác, nó cũng không quay nhìn lại. Từ đấy về sau, nó không còn bị lòng tham chinh phục nữa.

***

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chớ để cho phiền não nội tâm tăng trưởng. Ngay tại chỗ, hãy nhiếp phục chúng!

Nói vậy xong, bậc Đạo sư trình bày bốn sự thật và cuối bài giảng, năm trăm Tỷ-kheo ấy chứng được quả A-la-hán. Trong số Tỷ-kheo còn lại, một số chứng quả Dự lưu, một số chứng quả Nhất lai, một số chứng quả Bất lai.

Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Con chó rừng thời ấy là Ta vậy.

§149. CHUYỆN CÂY MỘT LÁ (*Ekapaṇṇajātaka*) (*J.* I. 504)

Cây này chỉ một lá...

Câu chuyện này, khi trú tại ngôi nhà có nóc nhọn ở Đại Lâm gần Vesāli (Tỳ-xá-ly), bậc Đạo sư đã kể về một hoàng tử xứ Licchavi độc ác ở Vesāli.

Lúc ấy, thành Tỳ-xá-ly được ba bức thành vây quanh, cách nhau khoảng một phần tư dặm có ba cửa với các tháp canh, được phồn thịnh phi thường. Tại đấy, luôn luôn có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy vị vua cai trị các vương quốc, với số phó vương, tướng quân, quan trông coi ngân khố cũng tương đương như vậy. Trong các hoàng tử của các vua ấy, có một hoàng tử được mệnh danh là "Hoàng tử độc ác xứ Licchavi", hay phẫn nộ, hung bạo, độc ác, luôn luôn nổi trận lôi đình, dùng hình phạt như một con rắn độc điên cuồng. Trước mặt hoàng tử, khi phẫn nộ, không ai có thể nói hai ba lời. Ngay cả cha mẹ, bà con và bạn bè thân

hữu, không ai có thể dạy chàng được. Rồi cha mẹ chàng suy nghĩ: "Đứa trẻ này quá độc ác, hung hãn. Ngoài bậc Chánh Đẳng Giác, không một ai có thể nhiếp phục được nó." Rồi cha mẹ dẫn hoàng tử đến bậc Đạo sư, đảnh lễ và thưa:

– Bạch Thế Tôn, đứa trẻ này hung bạo, ác độc, hay nổi cơn phẫn nộ, xin Đạo sư hãy khuyên dạy nó.

Bậc Đạo sư dạy bảo hoàng tử ấy như sau:

– Này Hoàng tử, làm người chớ nên hung hãn, độc ác, thô bạo, giận dữ. Người nói lời ác ngữ là xử sự không thân ái, không đẹp ý đối với cha mẹ, đối với con cái, đối với anh chị em, ngay cả vợ chồng, bạn bè hay bà con cũng vậy. Kẻ hung dữ như con rắn vươn lên để cắn, như kẻ cướp rình rập trong rừng, như con dạ-xoa nhảy lên để vồ mồi. Những ai hung hãn, độc ác... tâm sẽ bị dao động, hoảng hốt, nên lúc chết sẽ tái sanh vào địa ngục, ác thú, v.v... Người phẫn nộ, ngay trong hiện tại, dầu được tô điểm trang sức vẫn xấu xa. Mặt nó dầu có đẹp như vầng trăng tròn cũng trở thành xấu xí như hoa sen bị cháy sém, cũng như gương tròn bằng vàng bị nhơ bẩn. Do phẫn nộ làm cho hung dữ, chúng sanh cầm kiếm tự chém mình, uống thuốc độc, treo cổ, nhảy xuống vực sâu. Như vậy, do phẫn nộ chi phối, khi mạng chung, chúng sanh bị đọa vào địa ngục, v.v... Do làm cho người khác tổn thương, ngay trong hiện tại, chúng bị ghét bỏ và sau khi chết, chúng bị đọa vào địa ngục, v.v... Nếu được tái sanh làm người, ngay lúc chúng ra đời, chúng bị nhiều đau bệnh, với các chứng bệnh như: Bệnh đau mắt, bệnh đau tai, v.v... bắt đầu với một bệnh, chúng rơi vào một bệnh khác, không bao giờ thoát khỏi bệnh. Chúng bị đau khổ thường xuyên. Do vậy, mọi chúng sanh cần phải tu tập tâm từ bi, tâm lợi ích. Tu tập như vậy, chúng sẽ được giải thoát khỏi sự sợ hãi về địa ngục.

Hoàng tử được giáo giới như vậy, chỉ một lần giáo giới này, kiêu mạn được loại trừ, hoàng tử được nhiếp phục, chàng trở thành nhu mì, có tâm từ bi, nhu thuận, không còn mắng chửi đánh đập ai, như rắn có nanh bị nhổ ra, như con cua bị gãy càng, như con bò đực bị gãy sừng.

Khi được tin về tính tình hoàng tử thay đổi như vậy, các Tỳ-kheo bắt đầu nói chuyện tại pháp đường:

– Thưa các Hiền giả, cha mẹ và các bà con thường xuyên dạy bảo hoàng tử xứ Licchavi độc ác từ lâu nhưng không nhiếp phục được hoàng tử. Nhưng bậc Chánh Đẳng Giác chỉ với một lần giáo giới đã nhiếp phục, khiến chàng trở thành nhu mì, chẳng khác gì tạo sáu nhân duyên hàng phục các con voi điên loạn ngay lập tức. Lời khéo nói như con voi được nhiếp phục, được chế ngự bởi người huấn luyện voi bảo nó chạy phương nào thì nó chạy phương ấy; như con ngựa được nhiếp phục, được chế ngự bởi người huấn luyện ngựa bảo nó chạy phương nào thì nó chạy phương ấy; như con bò được nhiếp phục, được chế ngự bởi người huấn luyện bò bảo nó chạy phương nào thì nó chạy phương ấy. Cũng vậy, này các Hiền giả, con người được nhiếp phục, được chế ngự bởi đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, khiến con người chạy theo tám

phương, khiến con người có sắc, thấy các sắc ở ngoài tự thân. Như vậy là đức Phật và chỉ đức Phật mới được gọi là bậc Vô Thượng trong các Đạo sư huấn luyện, bậc Đánh Xe Điều Ngự những ai đáng được điều ngự. Này các Hiền giả, không có một bậc Đánh Xe Điều Ngự những ai đáng được điều ngự giống bậc Chánh Đẳng Giác.

Trong khi hội chúng đang tán thán công đức của Như Lai trong pháp đường thì bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp ở đây đang bàn vấn đề gì?

Và khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới nhiếp phục hoàng tử với một lần giáo giới mà thuở xưa cũng vậy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở phương Bắc. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài đi học tại Takkasilā, được dạy ba tập Vệ-đà và tất cả các tài nghệ, rồi làm gia chủ trong một thời gian. Sau khi cha mẹ mạng chung, Bồ-tát xuất gia làm vị ẩn sĩ, đạt được các thắng trí và thiền chứng và sống ở Tuyết sơn. Tại đấy, Bồ-tát sống lâu ngày, vì cần dùng muối, giấm, Bồ-tát đi xuống con đường của dân chúng, đến Ba-la-nại và ở công viên của vua.

Ngày hôm sau, khéo vấn, khéo đắp chiếc áo vỏ cây tốt nhất, đầy đủ dáng điệu của người khổ hạnh, Bồ-tát đi vào thành để khất thực và đến cửa cung vua. Vua nhìn qua cửa sổ thấy Bồ-tát, hoan hỷ với uy nghi, cử chỉ của vị ẩn sĩ: "Vị tu khổ hạnh này, với các căn thanh tịnh, với ý thanh tịnh, chỉ nhìn trong khoảng một tầm, bước từng bước một như đang đặt xuống một túi đựng một ngàn đồng vàng, đi đến với dáng điệu uy nghiêm của con sư tử. Nếu tịnh pháp có mặt ở một nơi nào, tịnh pháp phải có mặt ở trong người này." Sau khi suy nghĩ như vậy, vua nhìn một vị đại thần. Vị ấy hỏi:

– Thưa Thiên tử, thần cần làm gì?

– Hãy mời vị khổ hạnh này đến!

– Thưa vâng, Thiên tử.

Vị đại thần ấy đi đến gặp Bồ-tát, đảnh lễ, cầm lấy bát khất thực. Bồ-tát hỏi:

– Thưa bậc đại phước, có việc gì?

– Thưa Tôn giả, đức vua cho mời ngài.

Bồ-tát nói:

– Chúng tôi không đi đến cung vua, trú xứ của chúng tôi ở tại Tuyết sơn.

Người đại thần đi về và tâu lại vua rõ. Vua nói:

– Nay chúng ta không có người cố vấn trong cung vua. Hãy mời vị ấy đến!

Vị đại thần đi đến, đảnh lễ Bồ-tát và yêu cầu ngài vào cung điện của vua. Vua đảnh lễ Bồ-tát, mời Bồ-tát ngồi trên ngai vàng, dưới một lọng trắng uy nghiêm, đãi Bồ-tát dùng các món ăn đặc biệt dành riêng cho mình, rồi hỏi:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả ở đâu?

– Thưa Đại vương, chúng tôi ở Tuyết sơn.

– Nay Tôn giả đi đâu?

– Thưa Đại vương, chúng tôi đang tìm một trú xứ thích hợp cho mùa mưa.

– Thưa Tôn giả, hãy ở lại công viên của chúng tôi!

Sau khi được Bồ-tát chấp nhận, vua ăn xong rồi, đưa Bồ-tát đi đến công viên, cho dựng một thảo am, làm phòng ở ban đêm, phòng ở ban ngày, cung cấp tám dụng cụ cho người xuất gia. Sau khi giao trách nhiệm cho người giữ công viên, vua đi vào thành. Từ đấy trở đi, Bồ-tát sống ở công viên, mỗi ngày vua đi đến hầu thăm hai ba lần.

Vua có một hoàng tử độc ác, hung bạo mà vua cũng như các người bà con, các vị đại thần khác không thể nhiếp phục. Tất cả đại thần, Bà-la-môn, dân chúng đều đã nêu rõ những lỗi lầm của hoàng tử nhưng vô hiệu. Chàng không lưu ý đến lời khuyên can của ai. Rồi vua suy nghĩ: "Ngoài vị tu khổ hạnh đáng kính, có giới đức của ta, không một người nào khác có thể nhiếp phục được hoàng tử này. Vị tu khổ hạnh ấy sẽ nhiếp phục hoàng tử." Nghĩ vậy, vua đưa hoàng tử đến gần Bồ-tát và thưa:

– Thưa Tôn giả, hoàng tử này hung bạo, độc ác. Chúng tôi không có thể nhiếp phục nó. Mong ngài tìm một phương tiện dạy bảo nó.

Vua giao hoàng tử cho Bồ-tát rồi ra đi. Bồ-tát đưa hoàng tử cùng đi chơi trong công viên và đến một mầm cây nimba (cây sầu đâu, loại cây có lá rất đắng) mới mọc lên từ hột giống, chỉ có hai lá, một lá phía bên này, một lá phía bên kia. Thấy cây ấy, Bồ-tát nói với hoàng tử:

– Này Hoàng tử, hãy ăn lá của cây con này và xem vị của nó thế nào?

Hoàng tử lấy một lá của cây ấy, nhưng vừa đặt vào miệng và biết được vị, liền nhổ nó ra dưới đất với nước miếng kèm theo lời nguyền rủa. Bồ-tát hỏi:

– Này Hoàng tử, lá ấy thế nào?

Hoàng tử đáp:

– Thưa Tôn giả, cây ấy như thuốc độc giết người, nếu lớn lên, nó sẽ làm chết nhiều người.

Rồi hoàng tử nhổ cây con ấy lên với hai tay chà nát nó và nói lên bài kệ:

149. Cây này chỉ một lá, Cách đất bốn đốt tay,
Lá nó giống thuốc độc, Lớn lên sẽ làm gì?

Sau đó, Bồ-tát nói với hoàng tử:

– Này Hoàng tử, đối với cây nimba bé nhỏ này, Hoàng tử nghĩ rằng: "Nay

cây đắng như vậy, khi nó lớn lên thì cũng chẳng dùng được việc gì phải không?" Vì vậy, chính Hoàng tử đã nhổ cây ấy lên và chà nát. Cũng như Hoàng tử đã xử sự đối với cây này, những người ở trong nước sẽ nghĩ về Hoàng tử rằng: "Khi còn trẻ đã hung bạo, độc ác như vậy, thì khi lớn lên được làm vua, hoàng tử sẽ như thế nào nữa? Chúng ta dựa vào hoàng tử ấy, thì sự trưởng thành của chúng ta sẽ đi đến đâu?" Họ sẽ không cho Hoàng tử trị vì quốc độ thuộc sở hữu gia đình, sẽ nhổ bứng Hoàng tử lên như cây nimba con và đuổi Hoàng tử ra khỏi nước. Do vậy, hãy từ bỏ tánh xấu giống như cây nimba! Bắt đầu từ nay, hãy đầy đủ lòng kiên nhẫn, từ bi, hòa ái!

Hoàng tử từ đấy trở đi bỏ kiêu mạn, trở nên hiền lành, đầy đủ lòng kham nhẫn, từ bi, hòa ái, an trú vững chắc trên lời khuyên răn của Bồ-tát. Sau khi phụ vương mạng chung, chàng hưởng quốc độ, trọn đời làm các công đức rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới nhiếp phục vị hoàng tử xứ Licchavi ác độc. Trong thời quá khứ, Ta cũng đã làm như vậy.

Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, hoàng tử ác độc ấy là hoàng tử xứ Licchavi này, vua là Ānanda, còn vị tu khổ hạnh đã giáo giới hoàng tử chính là Ta vậy.

§150. CHUYỆN THANH NIÊN SAÑJĪVA (*Sañjīvajātaka*) (*J.* I. 508)

Ai theo kẻ bất thiện...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về Vua Ajātasattu (A-xà-thế) theo phe kẻ bất thiện.[139] Vua đã tin tưởng Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), kẻ theo ác giới, kẻ phản lại các đức Phật. Và vì theo phe kẻ bất thiện, phi chân nhân ấy, vua đã tôn trọng vị ấy, tiêu phí nhiều tài sản để xây dựng một tinh xá ở Gayāsīsa. Theo lời khuyên ác của Devadatta, vua đã giết phụ thân là một vị vua theo Chánh pháp, một vị Thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu; do đó, đã tự mình cắt đứt cận duyên chứng quả Dự lưu và sẽ gặp tai họa lớn.

Khi nghe Devadatta đã bị đất nuốt sống, vua suy nghĩ: "Ta cũng có thể bị đất nuốt", liền hoảng hốt lo sợ, không vui trong vương vị, ngủ không yên giấc, đi lang thang, hoảng hốt, run rẩy như con voi con bị những hình phạt sắc bén. Trong tưởng tượng, vua thấy như đất nứt nẻ ra, như lửa địa ngục Avīci (A-tỳ) phun lên, như mình bị đất nuốt xuống, như mình bị bắt nằm ngửa trên tấm đồng nung đỏ, như bị các cây gậy sắt đâm xuyên vào thân, như một con gà trống bị thương tích, không giây phút nào vua không run sợ.

---

[139] Xem *D.* I. 85; *SBE.* vol. XX, p. 242.

Vua muốn đến yết kiến bậc Chánh Đẳng Giác, muốn cầu hòa với Ngài và xin Ngài hướng dẫn nhưng không thể đi đến gần Ngài vì tội lỗi quá lớn.

Nhân ngày lễ hội Kattikā đêm rằm tháng Mười, thành Vương Xá được thắp đèn và trang hoàng như thành phố chư thiên, khi vua ngự trên ngai vàng với quần thần vây quanh trong cung điện lớn, và thấy Jīvaka ngồi không xa bao nhiêu, vua suy nghĩ: "Ta sẽ đem Jīvaka đi theo yết kiến bậc Chánh Đẳng Giác. Nhưng ta không có thể nói thẳng: 'Này bạn Jīvaka, ta không muốn đi một mình. Hãy đưa ta đến bậc Đạo sư!' Ta hãy dùng phương tiện tán thán đêm đẹp trời và sẽ nói: 'Hôm nay, chúng ta nên đến chiêm bái vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể làm tâm chúng ta được an lạc?' Nghe ta nói, các đại thần sẽ tán thán bậc Đạo sư của mình. Jīvaka sẽ tán thán bậc Chánh Đẳng Giác và ta sẽ đem Jīvaka theo, rồi đi đến bậc Đạo sư."

Vì vậy, vua tán thán đêm ấy với năm câu kệ:

Thật là điềm lành thay, Đêm rằm sáng trăng này!
Thật là diễm lệ thay, Đêm rằm sáng trăng này!
Thật là quyến rũ thay, Đêm rằm sáng trăng này!
Thật là thích thú thay, Đêm rằm sáng trăng này!
Thật là khả ái thay, Đêm rằm sáng trăng này![140]

Hôm nay, chúng ta nên đến chiêm bái vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, để vị ấy làm tâm chúng ta được an lạc?

Một đại thần tán thán Purāṇa Kassapa (Phú-lan Ca-diếp), một đại thần tán thán Makkhali Gosāla (Mặc-già-lê Cù-xá-lợi), một đại thần tán thán Ajita Kesakambala (A-kỳ-đa Kỳ-xá-khâm-bà-la), một đại thần tán thán Kakudha Kaccāyana (Bà-phù-đà Ca-chiên-diên), một đại thần tán thán Sañjaya Belaṭṭhiputta (Tán-nhã-di Tỳ-la-lê-phất), một đại thần tán thán Nigaṇṭha Nāthaputta (Ni-kiền-tử).

Vua nghe các đại thần ấy tán thán nhưng vẫn im lặng. Vua chờ đợi đại thần Jīvaka nói. Nhưng Jīvaka ngồi không xa, suy nghĩ: "Không biết vua có chờ đợi mình nói hay không?" Nên Jīvaka vẫn ngồi im lặng. Cuối cùng, vua nói với đại thần Jīvaka:

– Này Hiền khanh Jīvaka, sao khanh không nói gì?

Khi ấy, Jīvaka từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay vái về hướng Thế Tôn và thưa:

– Thưa Thiên tử, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nay đang trú ở rừng xoài của chúng thần với một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo. Tiếng đồn tốt đẹp như vậy được truyền đi về Thế Tôn.

Sau khi nói lên chín đức tánh, bắt đầu từ A-la-hán, Jīvaka trình bày những tướng tốt, v.v... từ khi sanh ra, uy lực của Thế Tôn đã vượt hẳn mọi dự đoán và mong đợi trước kia, rồi thưa:

---

[140] Xem *D.* I. 51.

– Thiên tử hãy đi đến chiêm bái Thế Tôn, nghe pháp và hỏi đạo!

Vua được toại ý liền nói:

– Này Hiền khanh Jīvaka, hãy cho thắng voi vào các cỗ xe!

Sau khi các cỗ xe được thắng xong, vua đi đến rừng xoài của Jīvaka với uy nghi của một vị vua. Thấy Thế Tôn được vây quanh với chúng Tỷ-kheo, với hương hoa, vòng hoa, nhìn thấy chúng Tỷ-kheo ở mọi nơi, không dao động, như biển hoàn toàn vắng lặng, vua suy nghĩ: "Một hội chúng như vậy, ta chưa bao giờ thấy." Vua hoan hỷ với uy nghi ấy, liền chắp tay vái chúng Tỷ-kheo, nói lên lời tán thán, đảnh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên, rồi hỏi về quả của Sa-môn hạnh.[141] Thế Tôn chia làm hai phần tụng *Kinh Sa-môn quả* (*Sāmaññaphala Sutta*). Cuối bài kinh, vua hoan hỷ, xin Thế Tôn tha thứ lỗi lầm, từ chỗ ngồi đứng dậy, thân bên hữu hướng về Thế Tôn rồi đi ra. Khi vua vừa đi không bao lâu, bậc Đạo sư nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, vua này đã bị tổn thương. Này các Tỷ-kheo, nếu vua ấy đã không vì tham vương quyền hại mạng vua cha, một Đại vương trị vì đúng pháp, thì vua ấy ngay trên chỗ ngồi này đã khởi lên Pháp nhãn không bụi, không dơ! Do nương tựa Devadatta, theo kẻ bất thiện nên vua đã không chứng quả Dự lưu.

Ngày hôm sau, các Tỷ-kheo bắt đầu nói chuyện tại pháp đường:

– Thưa các Hiền giả, nghe nói Vua Ajātasattu theo phe kẻ bất thiện, nương tựa Devadatta theo ác giới, làm ác pháp, đã tự mình giết cha nên mất quả Dự lưu. Như vậy, vua bị Devadatta làm hại.

Trong lúc ấy, bậc Đạo sư đi đến pháp đường hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp tại đây bàn câu chuyện gì?

Khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, Vua Ajātasattu không phải nay mới theo phe kẻ bất thiện và chịu thiệt hại lớn. Thuở xưa, vua cũng đã theo phe bất thiện và gặp đại nạn.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài đi đến Takkasilā học tất cả các nghề và trở thành một Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương, dạy nghề cho năm trăm thanh niên trong đó có một người tên là Sañjīva.

Bồ-tát dạy cho thanh niên ấy bùa chú, làm các vật chết sống dậy nhưng không dạy bùa chú chế ngự lại. Một hôm, vì kiêu mạn về năng lực của mình, anh ta đi cùng với các thanh niên vào rừng lượm củi, thấy một con cọp chết, liền nói với họ:

---

[141] *Như trên.*

– Thưa các hiền hữu, tôi sẽ làm cho con cọp chết này sống lại.

Các thanh niên ấy nói:

– Bạn không thể làm được.

– Các bạn cứ nhìn, tôi sẽ làm cho nó đứng dậy.

Nghe vậy xong, các thanh niên ấy liền leo lên trên cây. Sañjīva đọc bùa chú, lấy mảnh sành đánh cọp. Con cọp vùng đứng dậy, nhanh như chớp xông tới cắn vào cổ Sañjīva, hủy diệt mạng sống của anh ta và rơi xuống tại chỗ ấy. Sañjīva cũng rơi xuống. Cả hai đều nằm chết tại chỗ. Các thanh niên lượm củi xong, đi về và trình Sư trưởng câu chuyện ấy. Ngài gọi các thanh niên và nói:

– Này các con thân, do thân cận với kẻ bất thiện, do kính trọng những kẻ không xứng đáng nên nó phải gặp đại nạn như vậy!

Rồi ngài đọc bài kệ này:

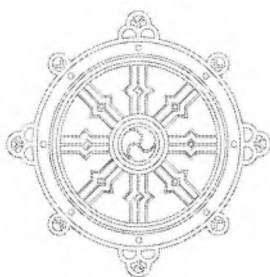
150. Ai theo kẻ bất thiện, Thân cận kẻ bất thiện,
Sẽ bị nó giết chết, Như cọp giết Sañjīva.

Bồ-tát thuyết pháp cho các thanh niên với bài kệ này và suốt đời làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, thanh niên làm sống dậy con cọp chết là Vua Ajātasattu, còn vị Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương là Ta vậy.



CHƯƠNG II

HAI KỆ

(*DUKANIPĀTA*)

I. PHẨM CỨNG RẮN

(*DAḶHAVAGGA*)

§151. CHUYỆN LỜI GIÁO GIỚI CHO VUA (*Rājovādajātaka*)[1] (*J*. II. 1)

Mallika xử sự...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về lời giáo giới cho vua. Câu chuyện sẽ được nói đến trong *Chuyện bình rượu*.[2]

Một hôm, vua xứ Kosala vừa xét xử một vụ kiện rất khó, liên hệ đến pháp luật xong, tay chưa khô ráo, vua ngự lên xe được trang hoàng đi đến bậc Đạo sư, đảnh lễ dưới chân Ngài, những ngón chân tuyệt đẹp như hoa sen nở rộ, rồi ngồi một bên. Bậc Đạo sư nói với vua xứ Kosala:

– Thưa Đại vương, Đại vương từ đâu đi đến quá sớm như vậy?

– Bạch Thế Tôn, mấy hôm nay trẫm phải xét xử một vụ kiện rất khó, liên hệ đến luật pháp nên không có được cơ hội đến yết kiến Thế Tôn. Nay công việc đã được giải quyết, ăn uống xong, với tay chưa khô ráo, trẫm đi đến hầu Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói:

– Thưa Đại vương, xét xử một vụ kiện đúng pháp và công bằng là một việc thiện, đây là con đường đưa đến chư thiên. Thật không có gì vi diệu khi vua nhận được lời giáo giới từ một vị Nhất Thiết Trí như Ta và đã xét xử vụ kiện đúng pháp và công bằng. Thật là vi diệu, thuở xưa khi các vua nghe lời các vị hiền triết không phải Nhất Thiết Trí, vẫn xét xử vụ kiện đúng pháp và công bằng, từ bỏ con đường đi đến ác thú, tuân theo mười vương pháp và đã đi lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

---

[1] Tham chiếu: *Dh*. v. 223; *Pháp cú kinh* "Phẫn nộ phẩm" 法句經忿怒品 (*T*.04. 0210.25. 0568a03); *Xuất diệu kinh* "Phẫn nộ phẩm" 出曜經忿怒品 (*T*.04. 0212.15. 0693b19); *Xuất diệu kinh* "Khuể phẩm" 出曜經恚品 (*T*.04. 0212.21. 0713b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Sân khuể phẩm" 法集要頌經瞋恚品 (*T*.04. 0213.20. 0787a09).

[2] Xem *J*. V. 109, *Tesakuṇajātaka* (*Chuyện ba con chim*), số §521.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vua, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập thai làm con bà chánh hậu của vua, và thai được săn sóc chu đáo nên đã sanh ra từ lòng mẹ an toàn. Đến ngày lễ đặt tên, Bồ-tát được đặt tên là Brahmadattakumāra. Hoàng tử tiếp tục lớn lên, khi được mười sáu tuổi đã trưởng thành, hoàng tử đến thành Takkasilā để học tập và tinh thông tất cả các tài nghệ.

Sau khi phụ vương mất, Bồ-tát được đặt lên vương vị, trị nước đúng pháp và công bằng phán quyết các vụ kiện, không dựa theo ý muốn của riêng mình. Bồ-tát trị vì đúng pháp như vậy nên các đại thần cũng xét xử các vụ kiện công bằng. Khi các vụ kiện được xét xử đúng pháp luật thì không còn ai tạo ra các vụ kiện lừa đảo nữa; do đó, các sự ồn ào trong sân vua do các vụ kiện tụng gây ra cũng được chấm dứt. Các đại thần ngồi cả ngày trong pháp đình, không thấy có một vụ kiện nào đưa đến để xét xử, cũng bỏ đi. Các pháp đình trở thành trống vắng.

Bồ-tát suy nghĩ: "Vì ta trị vì đúng pháp, không có ai đến kiện tụng, các tiếng ồn ào được chấm dứt, pháp đình trở thành trống vắng. Nay ta cần phải tìm xem ta có khuyết điểm gì, nếu có, ta sẽ từ bỏ nó và sẽ sống trong an lạc." Từ đấy, Bồ-tát đi tìm cùng khắp xem có ai nói lên khuyết điểm của mình không, nhưng trong các nội cung, ngài không tìm được ai nói lên khuyết điểm, chỉ nghe ca tụng công đức của mình. Bồ-tát suy nghĩ: "Những người này vì sợ ta, không nói lên khuyết điểm, chỉ nói lên công đức."

Bồ-tát đi ra ngoài nội cung để tìm, tại đấy cũng không thấy một ai, liền tìm trong nội thành, rồi ra tìm ở ngoại thành, hỏi những người ở tại bốn cửa thành. Tại đây cũng không thấy một ai nói lên khuyết điểm, chỉ nói lên công đức. Bồ-tát suy nghĩ: "Nay ta sẽ đi tìm tại các tỉnh thành."

Vua giao quốc độ cho các đại thần, ngự lên xe, chỉ đem theo người đánh xe. Ra khỏi thành, vua giả dạng để vẫn không một ai biết và đi khắp đất nước, cho đến khi đến biên địa vẫn không thấy một ai nói lên khuyết điểm, chỉ nghe nói đến công đức của mình. Từ biên địa, theo đường đại lộ vua trở về kinh thành.

Trong lúc ấy, vua nước Kosala tên là Mallika trị vì quốc độ đúng pháp cũng đi tìm khuyết điểm, từ trong nội cung, v.v... không thấy một người nào nói lên khuyết điểm, chỉ nghe nói về công đức của mình, liền đi tìm khắp nước và đến chỗ ấy. Cả hai người gặp mặt nhau trên một con đường chật hẹp chỉ đủ một xe đi chứ không có chỗ để xe này tránh xe kia. Rồi người đánh xe của Vua Mallika nói với người đánh xe của vua nước Ba-la-nại:

– Hãy tránh ra xe của bạn!

Người đánh xe kia nói:

– Này bạn đánh xe, hãy cho xe của bạn tránh ra! Trên xe này là vua nước Ba-la-nại, Đại vương Brahmadatta đang ngồi.

Người đánh xe trước nói:

– Này bạn đánh xe, trên xe này là vua nước Kosala, Đại vương Mallika đang ngồi, hãy cho xe của bạn tránh ra! Hãy nhường chỗ cho xe vua chúng tôi đi!

Người đánh xe của vua nước Ba-la-nại suy nghĩ: “Đây cũng là vua. Vậy phải làm sao đây? À, có phương tiện này. Sau khi hỏi tuổi, xe của vị nào trẻ hơn sẽ nhường chỗ cho vị lớn tuổi.” Suy nghĩ và thi hành như vậy, người ấy biết được cả hai vua đều đồng tuổi với nhau. Lại hỏi về diện tích vương quốc, thế lực, tài sản, danh vọng và những vấn đề liên hệ đến sanh chủng, dòng họ, gia đình, trú xứ; sau khi hỏi tất cả, người ấy được biết rằng cả hai đều làm chủ vương quốc rộng đến ba trăm do-tuần, đều đồng đẳng về uy lực, tài sản, danh vọng và những vấn đề đều liên hệ đến sanh chủng, dòng họ, gia đình, trú xứ. Rồi người đánh xe ấy suy nghĩ: “Ta sẽ nêu lên trường hợp ai thù thắng về giới đức”, và hỏi:

– Giới đức của vua bạn như thế nào?

Người đánh xe kia trả lời:

– Vua của chúng tôi có giới đức như thế này.

Và anh ta đọc bài kệ thứ nhất:

1. Mallika xử sự, Cứng rắn đối cứng rắn,
Mềm mỏng đối mềm mỏng, Thiện đức đối thiện đức,
Bất thiện đối bất thiện, Vua này là như vậy.
Này bạn đánh xe ơi, Hãy nhường đường vua ta!

Người đánh xe của vua xứ Ba-la-nại nói:

– Này bạn, có phải đấy là giới đức của vua bạn?

Khi được biết đúng như vậy, người ấy nói:

– Đấy là những công đức, còn những khuyết điểm gì?

– Như thế này, thế này... Nhưng hãy nói các công đức vua của bạn?

– Vậy hãy nghe.

Và người đánh xe của vua xứ Ba-la-nại đọc bài kệ thứ hai:

2. Lấy không giận thắng giận, Lấy thiện thắng không thiện,
Lấy thí thắng xan tham, Lấy chân thắng hư ngụy,
Vua này là như vậy. Này bạn đánh xe ơi,
Hãy nhường đường vua ta![3]

Khi nghe nói như vậy, Vua Mallika và người đánh xe, cả hai đều xuống xe, mở dây các con ngựa, đẩy xe sang một bên và nhường đường cho vua xứ Ba-la-nại. Rồi vua xứ Ba-la-nại giáo giới cho Vua Mallika:

– Đây là những việc cần phải làm!

Sau đó, vua đi về Ba-la-nại và suốt đời làm các công đức như bố thí, v.v... sau khi mạng chung, vua đi lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

---

[3] Xem *Dh*. v. 223.

Còn Vua Mallika ghi nhớ lời giáo giới trong lòng. Sau khi đi khắp đất nước và không tìm thấy ai chỉ trích mình, vua trở về thành. Tại đó, vua trọn đời làm thiện sự cho đến khi mạng chung, vua cũng lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

***

Khi bậc Đạo sư kể câu chuyện và thuyết pháp để giáo giới vua xứ Kosala xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người đánh xe của Vua Mallika là Moggallāna (Mục-kiền-liên), vua là Ānanda (A-nan), người đánh xe của vua xứ Ba-la-nại là Sāriputta (Xá-lợi-phất), còn vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§152. CHUYỆN CON CHÓ RỪNG (*Sigālajātaka*) (*J.* II. 5)

Ai làm không đắn đo...

Câu chuyện này, khi ở ngôi nhà có nóc nhọn, bậc Đạo sư kể về con một người cạo tóc trú ở Vesāli (Tỳ-xá-ly). Cha người ấy cạo râu, cắt tóc, uốn tóc cho vua, hoàng hậu, thái tử và các công chúa. Ông ta có đạo tâm, tín thành, quy y Ba ngôi báu, giữ năm giới, thỉnh thoảng để thì giờ nghe pháp của bậc Đạo sư.

Một hôm, khi làm việc trong cung vua, ông ta đem theo đứa con trai của mình. Cậu con trai thấy một công chúa xứ Licchavi phục sức và trang điểm đẹp như tiên nữ, liền sanh tâm luyến ái và bị phiền não chinh phục. Sau khi ra khỏi cung vua, cậu nói với cha:

– Nếu được thiếu nữ ấy, con sẽ sống. Nếu không, con sẽ chết.

Nói vậy xong, cậu bỏ ăn lên giường nằm.

Người cha nói:

– Này con thân, chớ ái luyến không phải chỗ. Con thuộc hạ sanh, con một người thợ hớt tóc! Công chúa xứ Licchavi là con gái thuộc dòng Sát-đế-ly, dòng họ cao quý, con không xứng đôi với công chúa. Ta sẽ hỏi cho con một thiếu nữ khác cùng giai cấp với con.

Nhưng cậu không nghe lời của cha. Rồi mẹ, anh, chị, dì, cậu, tất cả bà con, bạn bè thân hữu hội họp lại nhưng vẫn không khuyên giải cậu được. Cậu ngày càng héo mòn, xanh xao dần cho đến chết.

Sau khi tang lễ con vừa xong và cơn sầu muộn đã nhẹ bớt, người cha suy nghĩ: "Ta sẽ đến đảnh lễ bậc Đạo sư." Ông ta đem nhiều hương thơm, vòng hoa, hương sáp đi đến Đại Lâm cúng dường, đảnh lễ bậc Đạo sư rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này cư sĩ, sao mấy lúc này ông vắng mặt?

Ông ta liền thuật lại câu chuyện ấy. Bậc Đạo sư nói:

– Này cư sĩ, không phải chỉ nay con của ông mới luyến ái không đúng chỗ và bị nạn. Thuở xưa, nó cũng đã như vậy rồi.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vị cư sĩ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con sư tử ở Tuyết sơn. Là con út, Bồ-tát có sáu sư tử anh và một sư tử chị. Tất cả đều sống trong hang Vàng. Không xa hang Vàng có hang Pha lê trên núi Bạc. Tại đấy có một con chó rừng. Sau một thời gian, sư tử cha và sư tử mẹ đều chết. Các con sư tử đực thường để sư tử cái, chị của chúng ở lại hang Vàng, còn chúng ra đi tìm mồi, đem thịt về cho chị ăn.

Một hôm, con chó rừng thấy con sư tử cái ấy, liền sanh tâm luyến ái. Bấy giờ khi sư tử cha và sư tử mẹ còn sống, chó rừng không có cơ hội đi đến. Nhưng nay khi bảy con thú đã ra đi tìm mồi, từ hang Pha lê, nó đi đến miệng hang Vàng, đứng trước con sư tử cái nhỏ, nói lên những lời đường mật cám dỗ một cách thầm kín:

– Này em! Ta là thú bốn chân, em cũng là thú bốn chân. Ta rất thương yêu em và muốn em làm vợ ta. Ta sẽ là chồng em. Chúng ta sẽ sống hòa hợp hạnh phúc và em cũng sẽ thương yêu ta mãi mãi!

Sư tử cái nghe lời nói của chó rừng, suy nghĩ: "Chó rừng là loại thú hạ liệt trong các loại thú bốn chân, đê tiện giống như hạng người cùng đinh. Còn ta thuộc gia đình hoàng tộc ưu việt. Nó đã nói những lời không thích hợp, không tốt đẹp với ta. Sau khi nghe lời như vậy, ta còn sống làm gì? Ta sẽ nín hơi thở mà chết."

Nhưng rồi nó lại nghĩ: "Ta chết như vậy thật không xứng đáng. Chờ đến khi ta gặp các em của ta, nói cho họ nghe, rồi ta sẽ chết."

Con chó rừng không nghe sư tử cái trả lời, suy nghĩ: "Nàng không thương ta", liền ưu sầu đi vào hang Pha lê và nằm xuống.

Sau khi giết một con trâu, hay con voi, một con sư tử con liền ăn thịt, rồi đem phần về cho chị nó và nói:

– Này chị thân, thịt đây, chị hãy ăn đi!

– Này em, chị không ăn thịt, vì chị sẽ chết.

– Vì sao vậy?

Con sư tử chị kể lại câu chuyện đã xảy ra. Nó hỏi chị:

– Nay con chó rừng ở đâu?

Sư tử chị thấy chó rừng nằm trong hang Pha lê, tưởng rằng nó ở trên trời nên nói:

– Này em, sao em không thấy? Con chó rừng nằm ở trên trời tại núi Bạc.

Con sư tử tưởng thật nói:

– Ta sẽ giết nó.

Nó liền nhảy đến hang Pha lê mà nó tưởng trên trời với tốc độ của con sư tử săn mồi, tim nó đập vào hang Pha lê và rơi xuống chân núi chết tại chỗ ấy.

Một con sư tử khác đi đến. Con sư tử chị cũng nói lại như vậy. Con sư tử ấy cũng làm như con trước và rơi xuống chết ngay chân núi. Như vậy sáu anh em sư tử con đều chết. Cuối cùng khi Bồ-tát (tức sư tử út) đến, sư tử chị kể lại lý do. Bồ-tát hỏi:

– Nay con chó rừng ấy ở đâu?

Sư tử chị nói:

– Nó nằm ở trên trời tại đỉnh núi Bạc.

Bồ-tát suy nghĩ: "Các loài chó rừng không trú trên không. Chắc nó nằm ở hang Pha lê."

Bồ-tát đi xuống chân núi, thấy sáu sư tử anh đã chết, liền nghĩ: "Ta biết những anh này vì ngu si, không có trí tuệ, không biết đây là hang Pha lê, đã đập quả tim vào đó nên bị giết chết. Như vậy là việc làm không đắn đo và quá vội vã."

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ nhất:

3. Ai làm không đắn đo, Hấp tấp làm vội vã,
Như ăn đồ ăn nóng, Bị bỏng miệng mà chết.

Sư tử út nói bài kệ này xong, suy nghĩ: "Các anh của ta muốn giết con chó rừng nhưng không có phương tiện thiện xảo, nhảy tới nhanh chóng quá nên đã tự tạo cái chết. Ta sẽ báo thù cho các anh ta." Nó thấy chó rừng nằm trong hang Pha lê. Bồ-tát theo dõi con đường lên xuống của con chó rừng, rồi hướng về phía ấy, rống lên ba lần tiếng rống của sư tử khiến cho tất cả đất và trời dội vang tiếng rống. Con chó rừng nằm trong hang Pha lê hoảng hốt run sợ, vỡ tim ngay tại chỗ ấy mà chết.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Như vậy, con chó rừng chết khi nghe sư tử rống.

Và bậc Chánh Giác đọc bài kệ thứ hai:

4. Chính trên Daddara, Sư tử rống tiếng rống,
Khiến núi ấy vang động. Nghe tiếng con sư tử,
Con chó rừng ở núi, Hoảng hốt, sợ khiếp đảm,
Quả tim nó vỡ đôi, Tại đấy nó mạng chung.

Sư tử đã làm chó rừng chết như vậy. Sau đó nó chôn các anh vào một nấm mộ chung và kể cho chị nghe rằng chúng đã chết, rồi an ủi chị. Sư tử sống trọn đời trong hang Vàng cho đến khi mạng chung, nó đi theo thiện nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư liền thuyết giảng các sự thật và khi

kết thúc bài giảng, vị cư sĩ được an trú vào quả Dự lưu, rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là con trai người hớt tóc, sáu sư tử con là sáu vị Trưởng lão, sư tử chị là công chúa xứ Licchavi, còn sư tử trẻ nhất là Ta vậy.

§153. CHUYỆN CON HEO RỪNG (*Sūkarajātaka*) (*J.* II. 9)

Này bạn, ta bốn chân...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Trưởng lão lớn tuổi. Một hôm, trong một thời thuyết pháp ban đêm, bậc Đạo sư đứng trên tam cấp thang lầu bằng châu báu trước cửa hương phòng và sau khi giáo giới cho chúng Tỷ-kheo, đi vào hương phòng. Cùng lúc, Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất), vị Tướng quân Chánh pháp, đảnh lễ bậc Đạo sư rồi cũng đi vào phòng của mình. Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên), sau khi đi về phòng nghỉ một lát, lại đi đến Trưởng lão Sāriputta để hỏi các câu hỏi. Được hỏi từng câu hỏi, bậc Tướng quân Chánh pháp giải đáp, trình bày rõ ràng như mặt trăng mọc trên hư không. Cả bốn hội chúng ngồi nghe pháp. Trong hội chúng có một Trưởng lão lớn tuổi suy nghĩ: "Nếu giữa hội chúng này, ta hỏi một câu hỏi làm Sāriputta lúng túng, hội chúng này sẽ nghĩ ta là người thông thái và ta sẽ đạt danh vọng lớn." Vị ấy liền từ hội chúng đứng dậy, đi đến bậc Trưởng lão, đứng một bên và thưa:

– Thưa Hiền giả, chúng tôi chỉ hỏi Hiền giả một câu. Hãy cho chúng tôi được phép hỏi. Hãy cho chúng tôi một quyết định về diễn dịch hay quy nạp, bác bỏ hay chấp nhận, về thù thắng hay nghịch thù thắng!

Trưởng lão Sāriputta nhìn người lớn tuổi ấy và nghĩ: "Người này lớn tuổi, sở hành còn ham muốn, trống rỗng không biết gì." Rồi Trưởng lão không trả lời cho người ấy, khiêm tốn đặt quạt xuống, từ chỗ ngồi đi xuống về phòng. Những người đứng bên ngoài vùng dậy, đuổi theo Trưởng lão lớn tuổi ấy và nói lớn:

– Thầy không cho chúng ta được nghe pháp dịu ngọt.

Người lớn tuổi ấy chạy trốn, rơi vào đường nứt trong nhà xí tại biên địa ngôi tinh xá và khi đứng dậy mình dính đầy phân. Mọi người thấy vậy, hối hận và đi đến bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này các cư sĩ, sao các ông đến vào giờ bất thường như vậy?

Họ tường thuật sự việc lên bậc Đạo sư. Ngài nói:

– Này các ông, không phải chỉ nay kẻ lớn tuổi này mới kiêu mạn, không biết sức của mình, muốn đối nghịch với sức mạnh lớn hơn nên đã bị dính đầy phân. Thuở xưa, chính người ấy cũng kiêu mạn, không biết sức của mình, đối địch với sức mạnh hơn nên đã bị dính đầy phân.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của họ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con sư tử

trú ở trong hang núi tại Tuyết sơn. Không xa chỗ ấy bao nhiêu, nhiều con heo rừng sống gần một bờ hồ. Cũng gần cái hồ ấy, một số nhà tu khổ hạnh sống trong những am bằng lá.

Một hôm, con sư tử giết một con trâu rừng, v.v... và ăn thịt thật thỏa thích xong, nó đi xuống hồ uống nước rồi đi lên. Trong lúc ấy, một con heo to lớn bắt mồi gần hồ nước ấy. Con sư tử thấy nó, liền suy nghĩ: "Ta sẽ ăn thịt nó một ngày khác, nhưng nếu thấy ta hay ở đây, nó sẽ không đến nữa!" Vì vậy, sư tử từ hồ nước đi lên và tránh né một bên. Con heo rừng nhìn thấy vậy, liền suy nghĩ: "Nó thấy ta, sợ ta, nên không dám đến gần và chạy trốn. Hôm nay, sẽ có cuộc đối địch giữa ta và con sư tử ấy." Vì vậy, nó ngẩng đầu lên thách thức sư tử với bài kệ đầu tiên:

5. Này bạn, ta bốn chân, Bạn cũng vật bốn chân.
Sư tử hãy quay lại, Sao bạn sợ, chạy trốn?

Con sư tử nghe vậy liền nói:

– Này bạn heo rừng, hôm nay ta không đánh nhau với bạn. Nhưng hẹn sau bảy ngày, hãy đánh nhau chính tại chỗ này!

Nói vậy xong, con sư tử bỏ đi. Con heo rừng suy nghĩ: "Ta sẽ đánh nhau với con sư tử", và nó hân hoan thích thú báo tin cho bà con biết. Bà con nó nghe vậy, hoảng hốt nói:

– Chính ngươi sẽ làm hại tất cả chúng ta. Không biết sức mạnh của mình, ngươi lại muốn đánh nhau với con sư tử. Khi con sư tử đến, nó sẽ giết mạng sống của tất cả chúng ta. Chớ hành động hấp tấp như vậy!

Con heo rừng ấy sợ hãi, hốt hoảng hỏi:

– Nay tôi phải làm gì?

Các con heo rừng nói:

– Hãy đi đến bãi phân của các nhà tu khổ hạnh ấy, lấy thân lăn lộn trên chỗ ấy trong bảy ngày, phơi cho thân khô, đến ngày thứ bảy, tắm ướt với những giọt sương, rồi đến chỗ hẹn trước khi con sư tử tới, tìm hiểu hướng gió thổi và đứng trước ngọn gió. Con sư tử tánh ưa sạch sẽ, ngửi mùi hôi từ thân của bạn, sẽ tha cho bạn và bỏ đi.

Con heo rừng ấy làm theo như vậy, vào ngày thứ bảy nó đến đứng ở đấy. Con sư tử vừa ngửi mùi hôi trên thân con heo rừng, biết nó bôi phân, liền nói:

– Này bạn heo rừng, mưu chước ngươi nghĩ khá tốt đấy! Nếu ngươi không bôi phân thì ở đây ngươi đã bị ta giết hại rồi. Ta không thể cắn thân ngươi với miệng của ta, cũng không thể đánh ngươi với chân của ta. Do vậy, ta sẽ tha cho ngươi!

Nói vậy xong, con sư tử đọc bài kệ thứ hai:

6. Lông da ngươi dơ bẩn, Heo rừng, ngươi hôi thối,
Nếu ngươi muốn đánh nhau, Ta cho ngươi thắng trận!

Con sư tử quay trở lui, và bắt được mồi, sau đó uống nước hồ rồi đi về hang núi. Còn con heo rừng báo cho bà con biết:

– Con sư tử đã bị ta đánh bại!

Chúng sợ hãi hoảng hốt liền nói:

– Một ngày kia con sư tử lại đến và sẽ đoạt mạng sống của tất cả chúng ta.

Vì vậy chúng liền chạy trốn đi đến nơi khác.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, con heo rừng là Trưởng lão lớn tuổi này và con sư tử là Ta vậy.

§154. CHUYỆN CON RẮN (*Uragajātaka*) (*J.* II. 12)

Ở đây, đã trốn vào...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự tranh chấp của các võ quan. Cùng phục vụ vua xứ Kosala và cầm đầu binh lính, hai bậc đại thần này thấy mặt tại chỗ nào thì cãi lộn nhau ở chỗ ấy. Sự thù hằn của họ được toàn thành biết rõ. Ngay cả vua, bà con, thân hữu cũng không thể giảng hòa họ được.

Một hôm, bậc Đạo sư, vào buổi sáng sớm, quán sát xem ai có khả năng giác ngộ và thấy hai người này có duyên chứng được Dự lưu đạo. Hôm sau, bậc Đạo sư đi một mình vào Xá-vệ để khất thực, đứng trước cửa nhà của một trong hai người ấy. Người này đi ra, cầm lấy bát, mời bậc Đạo sư vào nhà, sửa soạn chỗ ngồi và mời Ngài. Bậc Đạo sư ngồi xuống, thuyết về lợi ích tu tập từ tâm, sau khi biết tâm người ấy đã sẵn sàng, liền thuyết về các sự thật. Cuối bài giảng, người ấy chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư biết người ấy đã chứng quả Dự lưu, liền bảo người ấy cầm bình bát đứng dậy và đi đến nhà của người kia. Người này thấy bậc Đạo sư đến liền ra đảnh lễ và mời Ngài vào nhà. Người này cũng cầm bình bát đi theo bậc Đạo sư và vào nhà với Ngài. Bậc Đạo sư tán thán mười một lợi ích của từ tâm và khi biết tâm của người sau này cũng đã thuần thục, liền thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, người này được an trú vào quả Dự lưu. Như vậy, cả hai đều đắc quả Dự lưu, thú nhận với nhau về lỗi lầm của mình, thứ lỗi cho nhau, hòa hợp, hoan hỷ với nhau và trở thành như một. Chính ngày ấy, họ cùng ăn với nhau trước mặt Thế Tôn. Sau khi ăn xong, bậc Đạo sư liền đi về tinh xá. Cả hai vị đem theo nhiều vòng hoa, hương thơm, bơ chín, mật, đường phèn, v.v... cùng đi với bậc Đạo sư về tinh xá. Sau khi nêu rõ các trách nhiệm và giáo giới cho các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư đi vào hương phòng. Các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, nói về câu chuyện ấy tại pháp đường:

– Thưa các Hiền giả, bậc Đạo sư đã nhiếp phục những người không thể nhiếp phục. Hai vị đại thần ấy chống đối với nhau đã lâu ngày, vua và bà con thân hữu không thể làm họ hòa hợp. Nhưng chỉ trong một ngày, Như Lai đã nhiếp phục được họ.

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi ở đây nói câu chuyện gì?

Khi nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới làm cho hai người này hòa hợp. Xưa kia Ta cũng làm cho họ hòa hợp rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, một số quần chúng lớn tụ họp để vui chơi ngày lễ hội. Nhiều nhóm người, chư thần, các loại rắn thần, Kim Sí điểu (chim thần Cánh Vàng),[4] v.v... tụ họp lại để xem lễ hội.

Tại một chỗ, một con rắn và một Kim Sí điểu xem hội cùng đứng với nhau. Con rắn không biết là Kim Sí điểu đứng bên cạnh, liền đặt tay lên vai nó. Kim Sí điểu xoay mình lại để xem ai đã đặt tay lên vai nó, và khi nhìn, nó biết đó là con rắn. Con rắn cũng nhìn, biết là Kim Sí điểu, hoảng hốt vì sợ chết, vội đi ra khỏi thành và chạy trốn trên mặt sông. Kim Sí điểu quyết định bắt lấy con rắn liền đuổi theo.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát là vị tu khổ hạnh, sống trong một chòi lá bên bờ sông ấy. Để làm dịu sức nóng ban ngày, ngài cởi áo ngoài bằng vỏ cây, mặc áo tắm và xuống sông tắm. Con rắn suy nghĩ: "Ta sẽ nhờ vị xuất gia này cứu mạng sống", liền từ bỏ nguyên hình, biến thành hòn ngọc và trốn vào giữa áo bằng vỏ cây. Kim Sí điểu đuổi theo thấy nó đi vào trong ấy, nhưng vì kính trọng áo bằng vỏ cây, nó không chạm cái áo và thưa với Bồ-tát:

– Thưa Tôn giả, hãy cầm lấy áo bằng vỏ cây. Trong đó có con rắn mà con muốn ăn.

Và để nêu rõ ý nghĩa này, nó đọc bài kệ đầu tiên:

7. Ở đây, đã trốn vào, Vị vua các loài rắn,
Con muốn giải thoát nó, Khỏi hình hòn đá ngọc,
Và vì trọng Phạm hạnh, Dầu đói, con không bắt.

Bồ-tát đứng dưới nước nói lời tán thán vua Kim Sí điểu qua bài kệ thứ hai:

8. Mong ngươi sống lâu ngày, Được Phạm thiên hộ trì,
Luôn hưởng món chư thiên, Mong ngươi được đầy đủ,
Vì kính trọng Phạm hạnh, Dầu đói, chớ ăn nó.

Như vậy, Bồ-tát đứng dưới nước nói lên lời tùy hỷ. Rồi Bồ-tát đi lên, mặc áo vỏ cây và đem cả hai cùng đi về thảo am. Ngài tán thán hạnh tu tập từ tâm, khiến cả hai hòa hợp. Từ đấy trở đi, cả hai đều sống hòa hợp, vui vẻ với nhau.

***

[4] Xem *JPTS*. 1893, p. 26.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, con rắn và Kim Sí điểu là hai vị đại thần này, còn vị tu khổ hạnh chính là Ta vậy.

§155. CHUYỆN NHẢY MŨI (*Gaggajātaka*)[5] (*J.* II. 15)

Mong cha sống trăm năm...

Câu chuyện này, khi trú ở Rājakārāma (Vương Lâm) do Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) xây dựng gần Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể như sau:

Một hôm, ngồi giữa bốn hội chúng ở Rājakārāma, trong khi thuyết pháp, bậc Đạo sư nhảy mũi. Các Tỷ-kheo lớn tiếng nói lên:

– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn sống lâu! Mong Thiện Thệ sống lâu!

Và họ tạo ra một tiếng ồn lớn. Do tiếng ồn ấy, pháp thoại bị chấm dứt. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, khi có ai nhảy mũi nếu Ta nói: "Mong hãy sống lâu" thì do nhân duyên ấy, một người có thể sống hay chết không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, khi nhảy mũi, chớ nói: "Mong hãy sống lâu!" Ai nói vậy thì phạm ác hạnh.

Lúc bấy giờ, khi các Tỷ-kheo nhảy mũi, các cư sĩ thường nói:

– Mong Tôn giả sống lâu!

Các Tỷ-kheo cảm thấy ray rứt nhưng không đáp lại. Các cư sĩ bực tức nói:

– Sao các Sa-môn Thích tử khi được chúc: "Mong Tôn giả sống lâu!" đã không đáp lại?

Họ trình sự việc này lên Thế Tôn. Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, các gia chủ hay mê tín ở điềm lành, vì vậy, khi các gia chủ nói: "Mong Tôn giả sống lâu!", các ông được phép trả lời: "Mong các người sống lâu!"

Các Tỷ-kheo hỏi Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, từ khi nào khởi lên tục lệ đáp lời chúc sống lâu?

Bậc Đạo sư trả lời:

– Tục lệ này được khởi lên từ ngàn xưa.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình Bà-la-môn ở xứ Kāsi. Thân phụ Bồ-tát làm nghề buôn để sống. Khi Bồ-tát lên mười sáu tuổi, người cha giao cho Bồ-tát hòn ngọc có bùa chú, cùng đi từ

[5] Bản Tích Lan viết *Gaggajātaka*. Bản CST và Thái Lan viết *Bhaggajātaka*. Xem *Cv.* V. 139.

làng này qua thị trấn khác rồi đến Ba-la-nại. Sau khi ăn cơm xong tại nhà người gác cổng, hai cha con không tìm được nhà để ở, bèn hỏi:

– Những người đi đến trễ trú ở chỗ nào?

Các người khác trả lời họ:

– Ngoài thành có một ngôi nhà. Nhưng nhà ấy có một phi nhân (quỷ thần) đang ở. Nếu các ông muốn, cứ đến đấy mà ở.

Bồ-tát nói:

– Thưa cha thân, hãy đi, chớ sợ dạ-xoa, con sẽ nhiếp phục nó, làm cho nó quỳ lạy dưới chân cha.

Nói xong, Bồ-tát đưa cha đến chỗ ấy. Rồi người cha nằm trên tấm ván, còn Bồ-tát ngồi bóp chân cho cha. Bấy giờ, con quỷ dạ-xoa trú tại đấy, sau mười hai năm phục vụ Vua Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn, một trong bốn Thiên vương), được cho ngôi nhà này với điều kiện: Trừ những người nào vào trong ngôi nhà này, khi nhảy mũi, nếu được chúc: "Mong sống lâu!", và đáp lại: "Mong sống lâu!", con quỷ ấy có thể ăn thịt những người khác không chúc sống lâu.

Con dạ-xoa ấy ở tại cột của cây kèo chính.[6] Nó nghĩ: "Ta sẽ làm cho người cha Bồ-tát nhảy mũi." Vì vậy, với thần lực của mình, nó làm đám bụi mịn bốc lên. Bụi ấy bay vào mũi người cha. Người cha nằm trên tấm ván nhảy mũi. Người con không nói: "Mong cha sống lâu!" Con dạ-xoa muốn ăn thịt người cha nên từ cột cây kèo đi xuống. Bồ-tát thấy nó xuống liền nghĩ: "Cha ta bị con quỷ này làm cho nhảy mũi. Con quỷ này, khi ai nhảy mũi mà không đáp: 'Mong sống lâu', sẽ trở thành mồi cho nó ăn thịt." Vì vậy, Bồ-tát nói lên bài kệ đầu với cha:

9. Mong cha sống trăm năm, Cộng thêm hai mươi tuổi,
Mong quỷ không ăn cha, Mong cha sống trăm thu!

Khi nghe lời Bồ-tát nói, con dạ-xoa nghĩ: "Vị thanh niên này trả lời: 'Mong cha sống trăm thu!' Ta không thể ăn thịt, nhưng ta sẽ ăn thịt người cha." Vì vậy, nó đi đến gần người cha. Thấy con dạ-xoa đi đến gần, ông liền suy nghĩ: "Con quỷ này sẽ ăn thịt những ai không đáp: 'Mong sống lâu.' Vậy ta sẽ đáp lại: 'Mong con sống lâu.'" Và người cha nói câu kệ thứ hai với con:

10. Mong con sống trăm năm, Cộng thêm hai mươi tuổi,
Mong quỷ ăn thuốc độc, Còn con sống trăm thu!

Con dạ-xoa suy nghĩ: "Cả hai người này, ta không thể ăn thịt được", liền quay trở lui. Nhưng Bồ-tát hỏi nó:

– Này dạ-xoa, vì sao ngươi ăn thịt những người đi vào trong ngôi nhà này?

– Do tôi phục vụ Vua Vessavaṇa mười hai năm nên được phép ăn tất cả mọi người, trừ những ai đáp lời chúc: "Mong sống lâu!"

– Này dạ-xoa, ngươi trước kia làm điều bất thiện nên phải sanh ra hung

---

[6] Xem *SBE*. vol. II, p. 3.

dữ, độc ác, làm hại người. Nay nếu ngươi làm hành động tương tự, ngươi sẽ đi từ cảnh đen tối này đến cảnh đen tối khác. Do vậy từ nay, ngươi hãy từ bỏ sát sanh, v.v...

Sau khi nhiếp phục con dạ-xoa, làm cho nó hoảng sợ với cảnh khổ của địa ngục, khuyên nó giữ năm giới, Bồ-tát thu phục con dạ-xoa trở thành người giúp việc.

Ngày hôm sau, nhiều người đi đến thấy con dạ-xoa, biết rằng nó đã được Bồ-tát nhiếp phục, liền báo cáo lên vua:

– Thưa Thiên tử, có một thanh niên đã nhiếp phục con dạ-xoa và đã làm nó trở thành người giúp việc.

Vua cho mời Bồ-tát, đặt Bồ-tát vào chức Đại tướng quân và thưởng cho thân phụ Bồ-tát nhiều danh vọng. Sau khi con dạ-xoa được vua phong làm người thu thuế, vua tuân theo lời khuyên răn của Bồ-tát, làm các công đức như bố thí, v.v... và khi chết, vua được sanh lên cõi trời làm đông đảo hội chúng chư thiên.

***

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, để giải thích phong tục trả lời: "Mong sống lâu", Ngài nói:

– Tục lệ này từ xưa đã có rồi.

Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nhà vua là Ānanda (A-nan), người cha là Kassapa (Ca-diếp) và người con trai là Ta vậy.

§156. CHUYỆN HOÀNG TỬ ALĪNACITTA

(***Alīnacittajātaka***) (*J.* II. 17)

Chính vì Alīnacitta...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Câu chuyện sẽ được nói lên trong chương XI, *Chuyện Vương tử Saṁvara.*[7] Bậc Đạo sư hỏi:

– Có phải chăng ông đã thối thất tinh tấn?

Tỷ-kheo ấy trả lời:

– Có thật, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói với vị ấy:

– Này Tỷ-kheo, thuở xưa chính ông đã tinh tấn lấy được vương quốc thành Ba-la-nại cách xa mười hai do-tuần và đã giao vương quốc ấy cho một đứa trẻ như cho một miếng thịt. Và nay, vì sao ông đã xuất gia trong giáo pháp giải thoát như vậy, lại thối thất tinh tấn?

---

[7] Xem *J.* III. 130, *Saṁvarajātaka* (*Chuyện Vương tử Saṁvara*), số §462.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một làng thợ mộc không xa thành Ba-la-nại bao nhiêu. Tại đấy, có năm trăm người thợ mộc ở. Họ đi thuyền ngược dòng sông, đốn cây góp lại để làm sườn của những ngôi nhà một tầng, hoặc hai tầng. Họ đánh dấu tất cả khúc gỗ, kéo gỗ đến bờ sông rồi đem lên thuyền chở về thành. Những ai muốn ngôi nhà thế nào, họ làm đúng như vậy rồi lấy tiền để sinh sống.

Trong khi họ đang làm việc như vậy thì một con voi đạp phải một miếng dăm gỗ vụn của cây keo. Miếng dăm gỗ ấy đâm vào chân con voi làm cho nó rất đau đớn. Chân nó bị sưng lên và làm mủ. Con voi nghe tiếng đốn gỗ, suy nghĩ: "Ta có thể nhờ những người thợ mộc này làm cho lành chăng?" Nghĩ vậy nó liền đi ba chân đến gần đám thợ mộc và nằm xuống. Các người thợ mộc thấy chân nó sưng, đi đến xem thì thấy miếng dăm gỗ. Họ lấy một con dao sắc cắt chung quanh miếng dăm gỗ, cột dây, kéo bật miếng dăm gỗ ra, lấy hết mủ, rửa với nước nóng và xức với nước thích hợp, không bao lâu thì vết thương được lành lại. Con voi lành mạnh suy nghĩ: "Nhờ những người thợ mộc này, ta được sống lại. Nay ta cần phải trả ơn họ."

Từ đấy trở đi, con voi nhổ các cây giúp những người thợ mộc, lăn tròn các khúc cây hoặc giúp họ đẽo gỗ. Hoặc nó mang đến cho họ bất cứ dụng cụ nào họ cần, và cầm mọi vật bằng chiếc vòi một cách cương quyết không sờn lòng. Vào giờ ăn, các người thợ mộc mỗi người đem đến một phần ăn và con voi được cả năm trăm phần. Bấy giờ, con voi ấy có một voi con toàn trắng, là một con voi thuần chủng tuyệt đẹp. Voi cha suy nghĩ: "Ta hiện tại đã lớn tuổi. Nay ta nên cho con ta làm các công việc giúp họ." Vì vậy, không thông báo cho các người thợ mộc biết, nó đi vào rừng dắt voi con ra và nói với họ:

– Voi con này là con của tôi. Các người đã giúp tôi. Nay tôi giao nó cho các người như trả tiền chữa trị. Bắt đầu từ nay, nó sẽ làm cho các người!

Rồi nó dạy con:

– Bắt đầu từ nay, những việc gì cha đã làm, con hãy làm thế!

Voi cha nói xong, để voi con ở lại với những người thợ mộc rồi đi vào rừng. Từ đó, voi con phục tùng, làm theo lời nói của những người thợ mộc, kham nhẫn chịu đựng tất cả mọi công việc và họ nuôi nó với năm trăm phần ăn như họ đã nuôi voi cha.

Khi voi con làm xong công việc, nó xuống sông chơi rồi trở lại. Những đứa con của người thợ mộc thường nắm vòi nó, chơi với nó dưới nước và trên bờ. Thời ấy, các con voi, con ngựa được loài người thuần hóa không đi đại tiện hay tiểu tiện trong nước; do vậy, con voi không đại tiện hay tiểu tiện trong nước, chỉ đại tiện ở ngoài trên bờ sông.

Một hôm trời mưa, một bãi phân khô của voi này rơi xuống sông, trôi đến

bến nước của thành Ba-la-nại, mắc vào một bụi cây và đứng lại. Những người nài của vua dắt năm trăm con voi đến để tắm. Khi các con voi ngửi mùi bãi phân của con voi thuần chủng, không một con voi nào chịu xuống sông chúng cong đuôi lên và cắm đầu bỏ chạy. Các người giữ voi báo cáo lên các người huấn luyện voi. Những người này nói:

– Chắc có gì chướng ngại trong nước.

Họ ra lệnh làm cho sạch nước thì thấy bãi phân của con voi thuần chủng ở bụi cây ấy và biết được đây là nguyên nhân của sự việc. Họ đem đến một cái chum chứa đầy nước, chà nát bãi phân ấy và rưới nước sạch lên thân các con voi, thân các con voi trở thành có mùi thơm. Lúc bấy giờ, các thuyền bè cột lại, đi ngược dòng và đến chỗ những người thợ mộc ở. Voi con chơi trên sông, nghe tiếng trống, liền đến gần các người thợ mộc. Họ liền đi đến đón vua và thưa:

– Thưa Thiên tử, Thiên tử cần loại gỗ nào, cần gì ngài lại đến đây cho nhọc? Sao không đưa tin báo cho chúng thần đem về?

– Này các khanh, ta đến đây không phải vì gỗ. Ta đến vì con voi này.

– Thưa Thiên tử, Thiên tử hãy bắt nó đem đi!

Nhưng con voi không muốn đi. Vua hỏi:

– Này bạn voi, bạn muốn gì?

– Thưa Thiên tử, hãy đem tiền cho các người thợ mộc này đã nuôi dưỡng tôi!

– Tốt lắm, này bạn.

Vua ra lệnh đem lại trăm ngàn đồng tiền vàng và cho đặt gần bốn chân voi và đuôi con voi với đống tiền ấy, nhưng con voi vẫn không đi. Nó đòi cho mỗi người thợ một cặp áo, cho các người vợ vải đủ để mặc, cho trẻ con tiền nuôi dưỡng. Rồi con voi quay mình lại nhìn và chào các người thợ mộc, các người đàn bà và các đứa trẻ rồi mới ra đi với vua.

Vua đem voi về, đi vào thành. Vua cho trang hoàng thành phố và chuồng voi, bảo con voi đi vòng quanh thành, rồi đưa con voi vào chuồng và trang hoàng chuồng voi thật lộng lẫy. Vua làm lễ Quán đảnh cho voi, phong cho nó làm vương tượng, đặt voi vào hàng bạn thân của mình, cho voi nửa vương quốc và lo săn sóc con voi như săn sóc chính mình. Từ khi con voi đến, toàn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) nằm trong tay trị vì của vua.

Theo thời gian, Bồ-tát nhập mẫu thai của bà chánh hậu. Khi bà hoàng hậu sắp sửa sanh thì vua mạng chung. Sợ rằng nếu con voi biết được vua mạng chung, chắc quả tim nó có thể vỡ ra nên người ta không nói gì cho con voi biết và vẫn hầu hạ nó như trước.

Nhưng ông vua láng giềng, vua xứ Kosala, biết được vua kia đã băng hà, suy nghĩ: "Vương quốc đã trống không", liền đi đến với một đạo quân lớn và vây hãm thành. Quân bảo vệ cho đóng cửa thành và đưa tin cho vua xứ Kosala:

– Hoàng hậu của chúng tôi sắp sanh. Từ đây đến bảy ngày, bà sẽ sanh con,

các người đoán tướng số đã nói như vậy. Nếu hoàng hậu sanh con trai vào ngày thứ bảy, chúng tôi sẽ giao chiến, không nhường vương quốc. Vậy hãy đợi đến ngày ấy!

Vua xứ Kosala chấp nhận. Vào ngày thứ bảy, hoàng hậu sanh được một hoàng nam. Đến ngày lễ đặt tên, thái tử được đặt tên là Alīnacittakumāra vì người ta tiên đoán hài nhi ra đời để thâu phục nhân tâm.

Bảy ngày sau khi thái tử sanh, toàn dân giao chiến với vua xứ Kosala. Vì thiếu người lãnh đạo nên khi giao chiến, quân đội dù lớn cũng dần dần thất thế và thối lui. Các đại thần trình sự việc này lên hoàng hậu:

– Tình thế thật hiểm nguy, quân đội bị thất thế thối lui, chúng tôi sợ thất trận. Vua đã mạng chung, thái tử mới sanh, nhưng vua xứ Kosala kéo quân đến giao tranh, còn vương tượng bạn thân thiết của vua chưa hay biết gì, tâu Hoàng hậu. Chúng tôi muốn báo tin cho voi biết. Xin chờ ý kiến Hoàng hậu.

Bà hoàng hậu chấp thuận, trang điểm cho thái tử, đặt nằm trên một tấm vải mịn, từ lâu đài đi xuống với các đại thần vây quanh, đến chuồng con voi, đặt thái tử nằm dưới chân voi và thưa:

– Thưa chúa voi, bạn của chúa voi đã mạng chung. Chúng tôi sợ chúa voi vỡ tim nên không tin cho chúa voi biết. Đây là con trai của bạn chúa voi. Vua xứ Kosala đã đến bao vây thành, giao chiến với con của bạn chúa voi và quân đội phải thối lui. Hoặc là chúa voi giết con của bạn mình, hay là lấy lại vương quốc cho con của bạn mình.

Ngay lúc ấy, con voi lấy cái vòi rờ thái tử, đỡ lên đặt lên trên đầu mình và than khóc lớn tiếng, rồi đỡ thái tử xuống đặt nằm trong tay bà hoàng hậu, đi ra khỏi chuồng voi và nói:

– Ta sẽ bắt sống vua xứ Kosala.

Các đại thần mặc áo giáp cho voi, trang hoàng mình voi và mở cửa thành, vây quanh con voi và hộ tống nó ra trận. Con voi ra khỏi thành liền rống lên, làm cho quần chúng khiếp sợ bỏ chạy và đánh tan quân thù, rồi nắm chỏm tóc của vua xứ Kosala, bắt vua đặt nằm dưới chân thái tử. Một số người đứng dậy muốn giết vua xứ Kosala. Con voi ngăn chặn và thả vua ấy đi với lời khuyên:

– Bắt đầu từ nay, chớ phóng dật. Chớ kiêu ngạo vì nghĩ rằng thái tử còn trẻ!

Từ đấy trở đi, toàn cõi Diêm-phù-đề đều nằm trong tay Bồ-tát và không một kẻ thù địch nào dám nổi lên chống đối.

Vào lúc bảy tuổi, Bồ-tát được làm lễ Quán đảnh, trở thành vị vua với tên Alīnacitta, trị vì nước đúng Chánh pháp và khi mạng chung, được sanh lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

***

Khi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ xong, là bậc Chánh Giác, Ngài nói lên hai bài kệ:

11. Chính vì Alīnacitta,
Bắt vua Kosala,
Với những gì mình có,
Đội quân lớn hân hoan,
Tham lam, không biết đủ,
Làm quân đội bằng lòng.

12. Cũng vậy vị Tỷ-kheo,
Tu tập theo thiện pháp,
Tuần tự chứng đạt được,
Tinh cần, nương tựa đủ,
Đạt an ổn khổ ách,
Đoạn diệt mọi kiết sử.

Sau khi bậc Đạo sư trình bày các sự thật tối thượng, đưa đến đỉnh cao là Niết-bàn bất tử, Ngài cho biết như sau:

– Khi kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã chứng quả A-la-hán.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, bà mẹ là Hoàng hậu Mahāmāyā, vua cha là Đại vương Suddhodana (Tịnh Phạn), con voi lấy lại quốc độ rồi dâng cho thái tử là Tỷ-kheo thối thất tinh cần, cha của con voi là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Alīnacittakumāra chính là Ta vậy.

§157. CHUYỆN CÔNG ĐỨC (*Guṇajātaka*) (*J.* II. 23)

Muốn gì làm cho được...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tôn giả Ānanda đã nhận được một ngàn tấm y. Câu chuyện Trưởng lão này thuyết pháp trong nội cung vua xứ Kosala đã được nói đến ở *Chuyện đại bảo vật*.[8] Khi Trưởng lão đang thuyết pháp cho nội cung vua, một ngàn tấm y đáng giá mỗi tấm một ngàn đồng tiền vàng được đem đến dâng vua. Vua lấy năm trăm tấm và cho các cung phi năm trăm tấm. Tất cả cung phi để các tấm y một bên, và hôm sau đem cúng cho Trưởng lão Ānanda, còn mình đắp tấm y cũ đi đến chỗ nhà vua dùng điểm tâm. Vua hỏi:

– Ta có ban cho các nàng các tấm y đáng giá mỗi tấm một ngàn đồng tiền vàng, sao các nàng không đắp?

– Thưa Đại vương, chúng thần thiếp đã cúng các tấm y cho Trưởng lão.

– Trưởng lão Ānanda đã nhận tất cả sao?

– Thưa Thiên tử, vâng.

– Bậc Chánh Đẳng Giác chỉ cho phép ba y, ta nghĩ rằng Trưởng lão Ānanda tính chuyện buôn bán vải nên mới nhận quá nhiều y như vậy.

Nhà vua tức giận Trưởng lão ấy, ăn điểm tâm xong liền đi đến tinh xá, vào phòng Trưởng lão, đảnh lễ, ngồi xuống rồi hỏi:

– Thưa Tôn giả, các nữ nhân trong cung của trẫm có đến học pháp hay nghe pháp với Tôn giả không?

[8] Xem *J.* I. 381, *Mahāsārajātaka* (*Chuyện đại bảo vật*), số §92; *Cv.* XI. 290.

– Thưa Đại vương, có. Các nữ nhân ghi nhận những gì đáng ghi nhận và nghe những gì họ đáng nghe.

– Thế nào, họ chỉ nghe pháp hay họ cúng dường cho Tôn giả các thượng y và hạ y?

– Thưa Đại vương, hôm nay họ đã cúng năm trăm y đáng giá một ngàn đồng tiền mỗi tấm.

– Tôn giả có nhận tất cả không?

– Thưa Đại vương, có.

– Thưa Tôn giả, nhưng bậc Đạo sư chỉ cho phép nhận ba y thôi?

– Vâng, thưa Đại vương. Thế Tôn cho phép mỗi Tỷ-kheo chỉ sử dụng ba y nhưng không ngăn cấm nhận lấy những gì được cúng dường. Do vậy, tôi nhận lấy các tấm y để cho những vị khác đang mang y mòn cũ.

– Nhưng khi các Tỷ-kheo ấy nhận các tấm y từ Tôn giả, họ sẽ làm gì với những tấm y cũ?

– Với các tấm y cũ, họ sẽ làm thượng y.

– Với các thượng y cũ, họ sẽ làm gì?

– Họ sẽ làm tấm nệm.

– Với những tấm nệm cũ, họ sẽ làm gì?

– Họ sẽ làm tấm thảm trải đất.

– Với những tấm thảm trải đất cũ, họ sẽ làm gì?

– Họ sẽ làm khăn lau chân.

– Với khăn lau chân cũ, họ sẽ làm gì?

– Thưa Đại vương, họ không được phép phí phạm đồ tín thí cúng dường. Do vậy, họ lấy dao cắt nhỏ các khăn lau chân cũ, trộn với bùn, đất và làm thành vôi hồ để làm nhà cửa.

– Thưa Tôn giả, ngay cả khăn lau chân được cúng dường cho Tôn giả cũng không được hủy hoại?

– Vâng, thưa Đại vương, chúng tôi không hủy hoại đồ cúng dường cho chúng tôi. Chúng đều được sử dụng.

Vua bằng lòng hoan hỷ, mang năm trăm tấm y còn lại được cất trong cung cúng dường Trưởng lão. Rồi vua nghe lời tùy hỷ công đức, đảnh lễ Trưởng lão, thân hướng về phía hữu và ra đi.

Trưởng lão cúng năm trăm tấm y nhận được lần đầu cho các vị có y đã cũ kỹ. Nhưng số Tỷ-kheo đồng trú với Trưởng lão là khoảng độ năm trăm. Một trong các vị này là một Tỷ-kheo trẻ tuổi, hầu hạ Trưởng lão nhiều việc, quét phòng, múc nước, dọn dẹp đồ ăn, đem tăm đánh răng, nước rửa mặt, dọn dẹp sạch sẽ nhà vệ sinh, đem nước nóng đến các phòng ở và làm các công việc cần khác như bóp tay, bóp chân, đấm lưng.

Trưởng lão lấy năm trăm tấm y được nhận lần sau đem cho Tỷ-kheo ấy, vì xứng đáng với tất cả sự hầu hạ giúp đỡ cho mình. Tỷ-kheo này, chia tất cả tấm y ấy cho những vị đồng sự với mình. Như vậy, tất cả Tỷ-kheo đều nhận các tấm y cúng dường. Họ cắt những tấm y ấy rồi nhuộm, quấn, đắp hạ y và thượng y được nhuộm vàng như bông kaṇikāra. Họ đến bậc Đạo sư đảnh lễ, ngồi xuống một bên và thưa:

– Bạch Thế Tôn, một Thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu có phải là một người nhìn mặt để bố thí không?

– Này các Tỷ-kheo, một Thánh đệ tử không phải là một người nhìn mặt để bố thí.

– Bạch Thế Tôn, Giáo thọ sư chúng con, vị Trưởng lão Thủ kho Chánh pháp đã đem năm trăm tấm y trị giá một ngàn đồng tiền vàng mỗi tấm cho một Tỷ-kheo trẻ tuổi và vị ấy đem chia các tấm y đã nhận cho chúng con.

– Này các Tỷ-kheo, Ānanda không phải là người nhìn mặt để bố thí. Tỷ-kheo thị giả ấy đã giúp đỡ thầy mình nhiều. Do vậy, vì hầu hạ, vì công đức, vì thích ứng đối với người đã hầu hạ mình nên vị ấy đã làm như vậy để giúp đỡ lại những ai đã giúp đỡ, vị ấy cho như vậy để báo đáp trả ân. Các bậc Hiền trí thời xưa cũng đã giúp đỡ lại những ai đã giúp đỡ mình.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của các Tỷ-kheo ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con sư tử sống trong một hang núi. Xung quanh chân núi ấy có một hồ nước lớn bao bọc. Trên một mảnh đất nổi lên của hồ nước, đất bùn dày đặc, cỏ mọc xanh mềm và trên đám bùn ấy, các loài thỏ, nai, v.v... các con vật nhanh nhẹn khác qua lại để ăn cỏ. Ngày hôm ấy, có một con nai đi qua lại ăn cỏ. Ở đấy, sư tử muốn ăn thịt con nai, từ trên núi nhảy xuống, với sức nhanh của mình, nó nhảy tới. Con nai hoảng sợ kêu lớn tiếng rồi bỏ chạy, sư tử không thể chạy mau hơn và rơi trên mặt bùn, bị lún xuống không đứng dậy được vì bốn chân đâm sâu như cây cột, bảy ngày đứng như vậy không ăn, không uống gì.

Một con chó rừng đi tìm mồi, chợt thấy sư tử liền hoảng sợ chạy trốn. Nhưng sư tử kêu nó lại:

– Này bạn chó rừng, chớ chạy, ta nay bị mắc dính trong bùn. Hãy cứu ta sống!

Chó rừng đi đến gần sư tử và nói:

– Nếu tôi kéo ngài lên, tôi sợ rằng ngài sẽ ăn thịt tôi.

– Chớ sợ, ta sẽ không ăn thịt ngươi. Trái lại, ta sẽ phục vụ, giúp đỡ ngươi rất nhiều. Hãy tìm một phương tiện kéo ta lên!

Chó rừng chấp nhận lời hứa, liền bới đất bùn xung quanh bốn chân sư tử,

đào bốn mương nước ở đó, dẫn nước chảy vào làm cho đất bùn mềm. Khi ấy chó rừng bò dưới bụng sư tử và nói:

– Hãy cố gắng lên, thưa ngài!

Rồi dùng đầu húc bụng sư tử lên. Sư tử vận hết sức mạnh vươn lên khỏi bùn, nhảy lên đứng trên đất cứng. Sư tử nghỉ ngơi một lát rồi đi xuống hồ rửa sạch bùn. Tắm xong, nó giết một con trâu và với những nanh ngoạm sâu vào thịt trâu, nó xé thịt ra đặt một số thịt trước mặt chó rừng:

– Này bạn hãy ăn đi!

Sau khi chó rừng ăn, sư tử mới ăn. Rồi chó rừng cất giữ lại một miếng thịt.

– Này bạn giữ miếng thịt để làm gì?

Chó rừng trả lời:

– Có bạn gái giữ nhà cho tôi, miếng thịt này dành cho nàng.

Sư tử nói:

– Được lắm, hãy lấy đi!

Rồi sư tử cũng lấy một miếng thịt cho vợ mình. Cả hai cùng đứng trên chóp núi và đồng ý sẽ về chỗ ở của hai bạn gái. Nói xong, sư tử đi đến đấy, đem thịt cho sư tử cái và chó rừng cái, rồi cùng nói:

– Bắt đầu từ nay, ta sẽ săn sóc các nàng.

Sau đó, sư tử đưa cả hai vợ chồng chó rừng vào chỗ ở của mình, để chúng ở tại một hang khác gần cửa hang của mình.

Từ đó trở đi, khi đi săn mồi, sư tử để sư tử cái và chó rừng cái ở lại, còn mình đi với chó rừng đực, giết chết nhiều loại thú. Cả hai ăn thịt ngay tại chỗ, rồi đem về hai phần cho hai con cái ăn. Như vậy, thời gian qua, sư tử cái sanh hai đứa con. Chó rừng cái cũng vậy. Tất cả bọn chúng sống hòa hợp với nhau. Một hôm, sư tử cái suy nghĩ: "Con sư tử này quá thương yêu chó rừng cái và các chó rừng nhỏ. Có thể nó có gian tình với chó rừng cái. Do đó, nó mới luyến ái như vậy. Vậy ta hãy hành hạ con này, làm cho nó hoảng sợ và bỏ trốn đi."

Trong khi sư tử đem chó rừng đi săn mồi, sư tử cái bắt đầu hành hạ, làm cho chó rừng cái hoảng sợ:

– Tại sao ngươi cứ ở đây? Tại sao không đi nơi khác?

Các sư tử con cũng làm cho các chó rừng con hoảng sợ như vậy. Chó rừng cái nói lại với chồng sự việc này:

– Rõ ràng sư tử muốn ám chỉ chúng ta đã ở đây quá lâu. Nay mai sư tử giết chúng ta. Vậy ta hãy trở về hang cũ đã sống trước kia.

Chó rừng gặp sư tử đực và thưa:

– Thưa ngài, chúng tôi đã ở với ngài quá lâu. Ai ở lâu cũng làm mất sự lưu luyến. Trong khi chúng ta đi săn mồi, sư tử cái hành hạ và dọa nạt vợ tôi và nói: "Sao các ngươi ở chỗ này, hãy trốn đi!" Các sư tử con cũng dọa các chó rừng

con như vậy. Nếu ai không ưa bạn láng giềng thì nên bảo họ đi làm ăn chỗ khác, chứ hành hạ như vầy có ích gì?

Sau khi nói vậy, chó rừng đọc bài kệ đầu:

13. Muốn gì làm cho được, Là thường pháp kẻ mạnh,
Con cái rống, tôi biết, Trước tôi nương, nay sợ.

Nghe chó rừng nói, sư tử bảo vợ:

– Này hiền thê, trong thời ấy ta đi săn mồi bị kẹt trong bùn đến ngày thứ bảy ta mới về với hai vợ chồng chó rừng này, hiền thê có nhớ không?

– Vâng, tôi có nhớ.

– Hiền thê có biết lý do nào sau bảy ngày ta mới về không?

– Thưa chàng, tôi không biết.

– Này hiền thê, ta nhảy vồ bắt một con nai, bị dính mắc vào bùn, không thể ra khỏi chỗ ấy được. Trong bảy ngày ấy, ta đứng đó, không ăn uống gì. Ta đã nhờ con chó rừng này cứu sống. Con vật này là bạn của ta, đã cứu mạng sống ta. Bạn nào có khả năng trung kiên trong tình bạn, bạn ấy không yếu hay nhỏ. Bắt đầu từ nay, hiền thê chớ có khinh thường như vậy đối với bạn ta, vợ bạn ta và các con bạn ta.

Rồi con sư tử nói bài kệ thứ hai:

14. Dù nhỏ bé, yếu đuối, Vẫn kiên trì tình bạn,
Chính bà con thân thích, Chính thân hữu bạn ta,
Này vợ răng nanh ta! Chớ khinh miệt bạn ấy,
Chính con chó rừng này, Đã cho ta mạng sống.

Sư tử cái nghe lời chồng, giảng hòa với gia đình chó rừng và từ đấy về sau, sống hòa thuận với chó rừng cái và các con của nó. Các sư tử con chơi giỡn với những con chó rừng con. Khi cha mẹ qua đời, chúng không chấm dứt tình bạn, vẫn sống hoan hỷ với nhau. Thật vậy, tình bạn của chúng kéo dài cho đến bảy đời.

***

Sau khi kể câu chuyện này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài thuyết giảng, một số vị Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu, một số đắc quả Nhất lai, một số đắc quả Bất lai và một số đắc quả A-la-hán.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là Ānanda và con sư tử là Ta vậy.

§158. CHUYỆN CON NGỰA SUHANU (*Suhanujātaka*) (*J.* II. 30)

Loài vật tính không khác...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về hai Tỷ-kheo hung bạo, độc ác. Lúc bấy giờ, ở Kỳ Viên, có một Tỷ-kheo hung bạo, độc ác, ở tỉnh thành cũng có một vị như vậy. Một hôm, Tỷ-kheo ở tỉnh thành vì một vài công việc

đi đến Kỳ Viên. Các Sa-di và các Tỷ-kheo trẻ biết tánh hung bạo của Tỷ-kheo ấy, họ nói:

– Chúng ta muốn thấy hai Tỷ-kheo hung bạo ấy cãi nhau.

Họ cười khúc khích dẫn Tỷ-kheo ấy đến phòng Tỷ-kheo ở Kỳ Viên. Cả hai vị hung bạo vừa thấy nhau liền mến nhau, xoa bóp tay chân và lưng cho nhau. Các Tỷ-kheo ở tại pháp đường nói về câu chuyện như sau:

– Thưa các Hiền giả, những Tỷ-kheo hung bạo này đối với người khác thường hay lỗ mãng, độc ác. Nhưng đối với nhau, cả hai lại hòa thuận, hoan hỷ, thương mến nhau.

Bậc Đạo sư đến pháp đường hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, hôm nay ở đây, các ông ngồi hội họp đang bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay là như vậy. Thuở xưa, họ cũng là người hung bạo, độc ác đối với những người khác; nhưng họ đối với nhau lại hòa hợp, hoan hỷ, sống thân ái.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là vị đại thần của vua, làm tất cả mọi việc, cố vấn cho vua về thế sự và thánh sự. Vua có tánh hơi tham. Trong chuồng ngựa của vua có một con ngựa lỗ mãng tên là Mahāsoṇa (Hạt Dẻ Lớn). Một số người buôn ngựa từ phương Bắc đem đến năm trăm con ngựa và báo cho vua biết. Từ trước, vị đại thần thường bảo họ tự định giá ngựa rồi trả tiền đầy đủ mà không đòi bớt lui gì. Nhà vua không được vui, cho gọi một đại thần khác và nói:

– Này khanh, hãy cho họ định giá các con ngựa. Trước hết hãy thả con ngựa Mahāsoṇa vào giữa đàn ngựa ấy, khiến nó cắn các con ngựa mới đến làm chúng bị thương và yếu sức, rồi bảo họ hạ giá và trả bớt tiền.

– Thưa vâng.

Đại thần ấy vâng lời làm như đã bảo. Các người buôn ngựa không hoan hỷ, báo cho Bồ-tát việc làm của vị đại thần ấy. Bồ-tát hỏi:

– Các ngươi có con ngựa lỗ mãng ở trong chuồng ngựa của các ngươi không?

– Thưa ngài, có. Con ngựa lỗ mãng ấy tên là Suhanu (Quai Hàm Mạnh), nó rất hung bạo, độc ác.

– Vậy khi nào các ngươi trở lại, hãy đem con ngựa ấy đến!

Họ nói:

– Thưa vâng, khi nào đến, chúng tôi sẽ đem theo ngựa lỗ mãng ấy đến.

Một hôm, vua nghe nói đoàn người buôn ngựa đã đến liền cho mở toang cửa sổ nhìn các con ngựa và bảo thả con ngựa Mahāsoṇa ra. Các người buôn

thấy con ngựa Mahāsoṇa đến, liền thả con ngựa Suhanu. Hai con ngựa ấy gặp nhau, liền đứng lại và liếm thân nhau. Vua hỏi Bồ-tát:

– Này khanh, hai con ngựa lỗ mãng này thật hung hãn, độc ác, bạo hành với con ngựa khác. Còn chúng đối với nhau lại đứng liếm thân và hoan hỷ với nhau, sao lại như vậy?

Bồ-tát thưa:

– Thưa Đại vương, vì tính của loài vật không khác nhau. Khi tính của chúng cùng loại với nhau thì chúng thương yêu nhau.

Và Bồ-tát đọc hai bài kệ:

15. Loài vật tính không khác,
Soṇa và Suhanu,
Cả hai đều hòa hợp,
Suhanu giống như vậy,
Cùng loại với Soṇa.

16. Hoang dã và ác độc,
Thường cắn những dây cương,
Như vậy ác, ác đồng,
Bất thiện, bất thiện đồng.

Sau đó, Bồ-tát thưa:

– Thưa Đại vương, một vị vua chớ nên quá tham lam. Chớ nên làm hại tài sản của người khác.

Sau khi khuyên răn nhà vua, Bồ-tát cho định giá ngựa và trả tiền đúng giá. Các người buôn ngựa nhận được tiền đúng giá, vui vẻ ra đi. Còn nhà vua tuân theo lời khuyên răn của Bồ-tát, rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, hai con ngựa là hai Tỷ-kheo độc ác, vua là Ānanda và vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§159. CHUYỆN CON CÔNG (*Morajātaka*) (*J.* II. 33)

Hãy mọc lên, mặt trời...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Tỷ-kheo ấy được các Tỷ-kheo dẫn đến trước bậc Đạo sư và Ngài hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có phải ông đã thối thất tinh tấn?

Tỷ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn, thật vậy.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Vì thấy gì?

Tỷ-kheo ấy đáp:

– Vì thấy một nữ nhân có thân thể trang sức đẹp đẽ.

Bậc Đạo sư nói với vị ấy:

– Này Tỷ-kheo, không lạ gì một nữ nhân rất dễ làm rối loạn tâm của một người như ông. Ngay các bậc Hiền trí thuở xưa, sau khi nghe tiếng nữ nhân, dầu tu hành trong bảy trăm năm không phạm giới vẫn bị uế nhiễm tức khắc. Ngay cả các bậc thanh tịnh cũng như vậy. Các vị đạt được danh vọng cùng tột khi đam mê nữ sắc cũng sẽ tiêu vong danh dự còn nói gì các vị không thanh tịnh như ông.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát tái sanh làm con chim công. Khi còn ở trong vỏ trứng màu vàng như nụ hoa kaṇikāra, Bồ-tát làm vỡ trứng thoát ra. Bồ-tát thành một con chim công vàng đẹp đẽ mỹ miều, dưới cánh có những đường viền đỏ chói. Để bảo vệ sự sống của mình, sau khi vượt qua ba dãy núi và trong dãy núi thứ tư, chim công lông vàng mới lựa chọn chỗ ở trên cao nguyên của ngọn núi vàng ở Daṇḍaka. Khi trời rạng đông, đậu trên chỏm núi nhìn mặt trời mọc lên, Bồ-tát đọc một câu chú để hộ trì cho mình bình an trước khi bay đi tìm mồi. Thần chú ấy bắt đầu với câu:

17. Hãy mọc lên, mặt trời, Vua độc nhất có mắt,
Với màu sắc vàng chói, Sáng rực cả đất liền.
Và ta đảnh lễ ngài, Bậc chói vàng quả đất,
Nay hãy bảo hộ ta, Sống an toàn trọn ngày!

Như vậy, sau khi đảnh lễ mặt trời với bài kệ này để bảo vệ mình, Bồ-tát lại đảnh lễ các đức Phật đã nhập diệt trong quá khứ và các công đức của chư Phật với bài kệ thứ hai:

Các vị Thánh, chân nhân, Bậc Tuệ Tri Mọi Pháp,
Con đảnh lễ các Ngài, Hãy hộ trì cho con!
Đảnh lễ chư Phật-đà, Đảnh lễ Bồ-đề vị,
Đảnh lễ bậc Giải Thoát, Đảnh lễ Giải thoát vị.

Sau khi đọc lên bài chú bảo hộ này, chim công liền đi tìm mồi. Như vậy ban ngày, chim công đi tìm mồi; vào buổi chiều, chim công đậu trên chóp núi nhìn mặt trời lặn, sau khi tưởng nhớ các công đức của chư Phật, con công lại làm bài chú khác để hộ trì trú xứ của mình, bài kệ bắt đầu với câu 'Hãy lặn xuống, mặt trời':

18. Hãy lặn xuống, mặt trời, Vua độc nhất có mắt,
Với màu sắc vàng chói, Sáng rực cả đất liền.
Và ta đảnh lễ ngài, Bậc chói vàng quả đất,
Nay hãy bảo vệ ta, Sống an toàn trọn đêm.
Chư vị Thánh, chân nhân, Bậc Tuệ Tri Mọi Pháp,
Con đảnh lễ các Ngài, Hãy hộ trì cho con!
Đảnh lễ chư Phật-đà, Đảnh lễ Bồ-đề vị,
Đảnh lễ bậc Giải Thoát, Đảnh lễ Giải thoát vị.

Sau khi đọc bài chú này để bảo vệ mình, chim công đi ngủ.

Bấy giờ, không xa Ba-la-nại bao nhiêu, có một người thợ săn ở tại một ngôi làng. Trong khi đi săn ở khu vực Tuyết sơn, thấy Bồ-tát đang đậu trên ngọn núi vàng ở Daṇḍaka, anh ta báo cho con trai biết.

Một hôm, hoàng hậu của vua xứ Ba-la-nại tên là Khemā (Thái Hòa) nằm mộng thấy một con công sắc vàng thuyết pháp, liền tâu vua:

– Thưa Đại vương, thiếp muốn nghe con công sắc vàng thuyết pháp.

Vua hỏi các đại thần việc ấy. Các đại thần đáp:

– Chắc các Bà-la-môn biết việc ấy.

Các Bà-la-môn thưa:

– Có loài chim công sắc vàng.

Vua lại hỏi:

– Chúng ở đâu?

Họ trả lời:

– Chắc chắn những người thợ săn có thể biết.

Vua cho họp các thợ săn lại để hỏi họ. Con trai của người thợ săn ấy thưa:

– Thưa có, tâu Đại vương, tại ngọn núi vàng ở Daṇḍaka, con chim công sắc vàng đang ở tại đấy.

– Vậy chớ giết chim công ấy, bắt nó đem về đây!

Người thợ săn đi đặt bẫy lưới tại chỗ tìm mồi của chim công. Nhưng tại chỗ chim công bước lên, lưới bẫy không sập. Người thợ săn không bắt được chim công, trải bảy năm đi săn như vậy và đã mạng chung. Hoàng hậu Khemā không đạt được ước nguyện cũng mạng chung. Nhà vua tức giận bảo:

– Vì một con chim công, hoàng hậu của ta đã mạng chung.

Vua bảo khắc trên một tấm vàng những dòng chữ sau đây: "Trên dãy Tuyết sơn, có ngọn núi vàng tên là Daṇḍaka. Tại đấy, có con chim công sắc vàng ở. Ai ăn thịt con chim công ấy sẽ trẻ mãi không bao giờ già."

Họ viết vậy xong, vua bỏ lá vàng ấy trong một cái hộp. Sau khi vua mạng chung, vị vua khác lên kế vị, đọc tấm lá vàng và ước: "Ta sẽ không bao giờ già." Vua liền cho gọi một thợ săn khác. Thợ săn ấy ra đi, không bắt được Bồ-tát và cũng mạng chung tại đấy. Theo diễn tiến như vậy, sáu vua lần lượt băng hà.

Rồi vị vua thứ bảy lên kế vị, cũng cho gọi một thợ săn. Người thợ săn ấy đi, nhận xét rằng tại chỗ chim công đạp lên, bẫy lưới không sập và biết chim công đã đọc câu bùa chú trước khi đi đến chỗ tìm mồi. Anh ta liền xuống chỗ đầm lầy ở biên địa, bắt một chim công mái, dạy nó múa hát và đem chim công mái ấy đến nơi này vào buổi sáng trước khi chim công đọc bùa chú. Người thợ dựng lên cái cọc bẫy sập, đặt bẫy lưới và khiến chim công mái kêu.

Chim công nghe tiếng con mái kêu khác thường, liền bị tiếng sét ái tình khơi dậy dục vọng trong lòng nên không thể đọc bùa chú, đi đến công mái và

bị mắc vào bẫy. Thợ săn bắt được chim công đem dâng cho vua xứ Ba-la-nại. Vua thấy sắc đẹp con chim công, rất bằng lòng. Sau khi ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, Bồ-tát liền hỏi:

– Thưa Đại vương, sao Đại vương bảo bắt thần?

Vua nói:

– Ta nghe rằng những ai ăn thịt ngươi sẽ không bao giờ già. Ta muốn trường xuân bất lão nên ta bảo bắt ngươi để ăn.

– Như vậy những ai ăn thịt thần sẽ được trường xuân bất lão. Như thế là thần sẽ chết.

– Phải, ngươi sẽ chết.

– Nhưng nếu thần chết thì người làm thần chết cũng sẽ chết theo.

Vua nói:

– Ngươi có sắc vàng, do vậy ta nghe nói những ai ăn thịt ngươi sẽ trẻ mãi không bao giờ già.

– Thưa Đại vương, thần sanh ra sắc vàng không phải là không có lý do. Thuở xưa, thần là vị Vua Chuyển Luân ngự trị tại thành phố này. Thần giữ gìn năm giới và khiến cho dân chúng trong toàn cõi thế giới giữ năm giới. Sau khi mạng chung, thần được sanh tại lâu đài cõi trời Ba Mươi Ba, sống tại đấy cho hết tuổi thọ và mạng chung. Chính vì kết quả của một nghiệp bất thiện, thần phải sanh làm con chim công nhưng nhờ sức mạnh của giới hạnh cũ, thần có màu sắc vàng.

– Nhà ngươi là Vua Chuyển Luân đã giữ giới! Do kết quả của giới sanh ra sắc vàng, điều này làm sao chúng ta tin được? Có gì làm bằng chứng?

– Thưa Đại vương, thần có một bằng chứng.

– Bằng chứng gì?

– Thưa Đại vương, khi thần làm Vua Chuyển Luân, thần thường ngồi trên xe bằng vàng bạc đi ngang qua hư không. Cỗ xe ấy của thần nay nằm chôn trong đất dưới cái hồ của Đại vương. Hãy cho đào dưới hồ lên và cái xe ấy sẽ làm chứng cho thần!

Vua chấp thuận việc ấy và đáp:

– Lành thay!

Rồi vua cho tát nước ra khỏi hồ, đào lên được cỗ xe và tin lời Bồ-tát. Bồ-tát thưa:

– Thưa Đại vương, trừ Niết-bàn bất tử, tất cả pháp khác đều là pháp hữu vi, không có thực tánh, vô thường, chịu sự hoại diệt.

Sau khi nói xong, Bồ-tát thuyết pháp cho vua và khuyên vua giữ năm giới. Nhà vua hoan hỷ, cúng dường quốc độ cho Bồ-tát và tỏ lòng hết sức cung kính. Bồ-tát không nhận vương quốc nhưng khuyên vua:

– Đại vương chớ phóng dật!

Rồi Bồ-tát bay lên hư không đi về núi vàng Daṇḍaka. Còn vua tuân theo lời khuyên của Bồ-tát làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, Bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc quả A-la-hán.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nhà vua là Ānanda và Ta là con chim công vậy.

§160. CHUYỆN CON NGỖNG VINĪLAKA (*Vinīlakajātaka*) (*J.* II. 38)

Giống Vua Videha...

Câu chuyện này, khi trú ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bắt chước bậc Thiện Thệ.

Khi hai vị Đại đệ tử[9] đi Gayāsīsa,[10] tại đấy Devadatta bắt chước bậc Thiện Thệ và gặp nạn. Hai vị Trưởng lão thuyết pháp và đem các vị Tỷ-kheo y chỉ mình đi về Trúc Lâm. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Sāriputta (Xá-lợi-phất), khi thấy các ông, Devadatta đã làm gì?

Hai vị thưa:

– Bạch Thế Tôn, Devadatta đã bắt chước bậc Thiện Thệ và đã gặp đại nạn.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Sāriputta, không phải chỉ nay Devadatta mới bắt chước Ta và gặp nạn mà thuở xưa, cũng đã như vậy rồi.

Nói xong, theo lời Trưởng lão thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa trong nước Videha, khi Vua Videha trị vì thành Mithilā, Bồ-tát nhập mẫu thai bà hoàng hậu. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được học tất cả tài nghệ ở Takkasilā, rồi khi vua cha mạng chung, Bồ-tát lên ngôi kế vị.

Lúc bấy giờ, một vị vua ngỗng trời sắc vàng sống chung với một con quạ cái ở bãi môi và đẻ ra một ngỗng đực. Con chim ấy không giống mẹ cũng không giống cha, toàn màu xanh tối và được gọi là Vinīlaka. Vua ngỗng trời thường đi đến thăm con. Rồi hai ngỗng trời con khác được sanh ra rất giống cha. Thấy cha thường hay đi đến thế giới loài người, chúng bèn hỏi cha lý do. Ngỗng cha nói:

– Các con thân, cha đã sống chung với một con quạ cái và sanh một con ngỗng đực tên là Vinīlaka. Vì thế ta hay đi đến thăm nó.

---

[9] Sāriputta and Moggallāna. Xem *Cv.* VII. 199.

[10] Tên một ngọn núi gần quận Gayā thuộc bang Bihar, nơi đức Phật thuyết bài pháp về Lửa cháy (*Ādittapariyāyasutta*) hóa độ ba anh em Tôn giả Uruvela Kassapa, Nadī Kassapa, Gayā Kassapa. Xem *S.* IV. 168.

Ngỗng con hỏi:

– Thế bọn chúng sống ở đâu?

– Hiện nay nó sống ở nước Videha, không xa Mithilā bao nhiêu, trên ngọn cây cọ dừa (tāla).

– Thưa cha thân, sống giữa thế giới loài người thật nguy hiểm, đáng sợ hãi. Cha đừng đi đến đó. Chúng con sẽ đi và đem nó về cho cha.

Hai ngỗng trời con được cha chấp thuận, liền đi đến chỗ ấy, bảo con ngỗng Vinīlaka ngồi trên một thanh cây, rồi chúng cắn hai đầu thanh cây và bay ngang qua thành Mithilā.

Trong lúc ấy, Vua Videha đang ngồi trên cỗ xe lộng lẫy được đàn ngựa Sindh thuần chủng gồm bốn con toàn trắng, kéo đi vòng quanh thành phố. Vinīlaka thấy vua liền suy nghĩ: "Ta và Vua Videha nào có khác gì. Vua ngồi trên cỗ xe được bốn ngựa Sindh kéo đi vòng quanh thành phố, còn ta ngồi trên cỗ xe được các con ngỗng trời kéo và đi trên hư không!" Khi nó đi ngang qua hư không, nó đọc lên bài kệ đầu:

19. Giống Vua Videha,
Được các ngựa thuần chủng,
Kéo ngang các ngôi nhà,
Tại thành Mithilā.
Cũng vậy, Vinīla,
Được hai ngỗng trời chở,
Giữa hư không bao la!

Các ngỗng trời con nghe lời nói ấy của Vinīlaka rất phẫn nộ. Trước tiên chúng có ý định: "Chúng ta sẽ bỏ nó rơi xuống ở đây và bay đi." Nhưng nghĩ lại: "Làm vậy, cha chúng ta thế nào cũng la mắng chúng ta." Vì sợ bị cha mắng, chúng đưa Vinīlaka đến với cha và kể cho cha nghe việc ngỗng kia đã làm. Ngỗng trời cha tức giận nói:

– Ngươi hơn các anh ngươi sao? Ngươi làm ra vẻ cao sang, tưởng mình là chúa tể và xem các anh ngươi như ngựa kéo xe à? Ngươi không biết tự lượng sức? Đây không phải chỗ tìm mồi của ngươi. Hãy đi về chỗ ở của mẹ ngươi!

Sau khi mắng nó, ngỗng cha đọc bài kệ thứ hai:

20. Vinīla, con thân,
Sống ở đây nguy hiểm,
Đây không chỗ cho ngươi,
Hãy sống tại cổng làng,
Nơi mẹ ngươi mong đợi,
Hãy đến đó vội vàng!

Cùng với lời la mắng Vinīlaka như vậy, ngỗng trời bảo các con:

– Hãy mang con này đem ra chỗ phóng uế là bãi phân ngoài thành Mithilā!

Và chúng làm theo lời cha bảo.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Vinīlaka là Devadatta, các ngỗng trời con là hai đệ tử đầu tay, ngỗng trời cha là Ānanda, còn Vua Videha là Ta vậy.

II. PHẨM THÂN GIAO
(*SANTHAVAVAGGA*)

§161. CHUYỆN ẨN SĨ INDASAMĀNAGOTTA
(*Indasamānagottajātaka*) (*J.* II. 41)

Chớ giao du thân mật...

Câu chuyện này, khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người tánh tình khó bảo. Hoàn cảnh câu chuyện sẽ được nói đến trong chương IX, *Chuyện chim thứu.*[11] Bậc Đạo sư nói với Tỳ-kheo ấy:

– Thuở trước, ông là một người khó bảo, vì không nghe lời các bậc Hiền trí nên đã bị con voi điên chà đạp đến chết.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài từ bỏ đời sống gia đình, xuất gia làm vị ẩn sĩ và trở thành bậc Sư trưởng lãnh đạo năm trăm ẩn sĩ sống tại dãy Tuyết sơn. Lúc bấy giờ, trong các vị ẩn sĩ có một vị tu khổ hạnh tên là Indasamānagotta là người khó bảo, không nghe lời khuyên răn. Người này có nuôi một voi con. Bồ-tát nghe nói vậy cho gọi vị ấy đến và hỏi:

– Có đúng sự thật chăng, con có nuôi một voi con?

– Thưa Sư trưởng, con có nuôi một voi con đã mất mẹ.

Bồ-tát bảo:

– Loài voi khi lớn lên thường giết hại người nuôi dưỡng. Vậy chớ nên nuôi dưỡng con voi ấy!

– Không có nó, con không thể sống được, thưa Sư trưởng!

– Vậy con sẽ thấy rõ.

Con voi được nuôi dưỡng, sau một thời gian, nó lớn lên rất nhanh. Một thời, các ẩn sĩ ấy đi lấy rễ và hái trái cây, v.v... trong rừng và ở tại đấy vài ngày. Khi gió nam bắt đầu thổi, con voi trở nên điên cuồng, có ý định: "Ta sẽ phá hoại chòi lá, đập vỡ ghè nước, quăng bỏ chiếc ghế nằm, xé nát giường nằm, giết người tu khổ hạnh này và ra đi!" Vì vậy, nó núp vào trong một lùm cây và đứng nhìn theo dõi con đường họ về.

[11] Xem *J.* III. 483, *Gijjhajātaka* (*Chuyện chim thứu*), số §427.

Sau khi lấy các đồ ăn cho con voi, Indasamānagotta đi về trước tất cả mọi người, thấy con voi, tưởng rằng mọi việc vẫn như cũ nên đi đến gần con voi. Con voi từ lùm cây chạy vụt ra, lấy vòi quấn vị ẩn sĩ quật ngã xuống đất, lấy chân đạp lên đầu, chấm dứt mạng sống của vị ấy, rồi rống lên và chạy vào rừng. Các ẩn sĩ còn lại báo tin này lên cho Sư trưởng. Bồ-tát nói:

– Không nên làm thân với kẻ ác.

Rồi Bồ-tát đọc hai bài kệ:

21. Chớ giao du thân mật / Với kẻ ác, bất thiện,
Bậc Thánh biết rõ ràng, / Xu hướng kẻ phi thánh,
Chóng hay chầy kẻ ác, / Cũng sẽ làm điều ác,
Như voi với ẩn sĩ, / Indasamāna.

22. Nếu ngươi thấy người nào, / Biết kẻ ấy như mình,
Về giới, về trí tuệ, / Và cả về nghe nhiều,
Hãy lựa người như vậy, / Làm bạn thân giao du,
Sống với bậc chân nhân, / Là sống chân hạnh phúc.

Như vậy, Bồ-tát khuyến giáo chúng ẩn sĩ:

– Chớ trái lời khuyến giáo, nên sống theo lời khéo dạy.

Rồi Bồ-tát làm tang lễ cho Indasamānagotta. Sau đó, Bồ-tát tu tập tứ vô lượng tâm và được sanh lên thế giới Phạm thiên.

***

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Indasamānagotta là Tỷ-kheo khó bảo này, còn vị Sư trưởng chúng ẩn sĩ là Ta vậy.

§162. CHUYỆN MỐI THÂN GIAO (*Santhavajātaka*) (*J.* II. 42)

Không gì độc hại hơn...

Câu chuyện này, khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về việc tế lễ lửa thần. Câu chuyện này giống như câu chuyện trước đã kể trong *Chuyện cái đuôi bò*.[12] Các Tỷ-kheo thấy các vị tế lễ lửa thần liền hỏi Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, các vị bện tóc hành trì nhiều loại tà khổ hạnh. Việc ấy có lợi ích gì?

Bậc Đạo sư đáp:

– Này các Tỷ-kheo, việc ấy không có lợi ích gì. Các bậc Hiền trí thuở xưa tưởng rằng có lợi ích trong sự tế lễ lửa thần nên đã tế lễ lửa thần trong một thời gian dài. Sau khi thấy được việc ấy không lợi ích, liền đổ nước dập tắt lửa và lấy những cành cây dập cho tan lửa rồi quay lưng lại không nhìn lui nữa.

---

[12] Xem *J.* I. 493, *Naṅguṭṭhajātaka* (*Chuyện cái đuôi bò*), số §144.

Sau khi nói vậy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Lúc Bồ-tát được mười sáu tuổi, cha mẹ lấy ngọn lửa khi Bồ-tát mới sanh, nói với Bồ-tát:

– Này con thân, con muốn cầm lấy ngọn lửa đản sanh này đi vào rừng và nuôi dưỡng ngọn lửa ấy hay là học ba tập Vệ-đà, xây dựng gia sản và sống đời gia đình?

Bồ-tát nói:

– Con không thích đời sống gia đình. Con sẽ nuôi dưỡng ngọn lửa trong rừng để được sanh lên Phạm thiên giới.

Bồ-tát lấy ngọn lửa đản sanh, đảnh lễ mẹ cha rồi đi vào rừng sống trong một chòi lá và nuôi dưỡng ngọn lửa thần.

Một hôm, đi đến chỗ mời ăn, Bồ-tát nhận được bơ chín và cháo sữa, bèn đem cháo sữa về, đốt lửa lên và nghĩ: "Ta sẽ đổ cháo sữa với bơ chín để cúng dường lửa thần." Bồ-tát đổ cháo sữa trên ngọn lửa nhưng vì đổ quá nhiều dầu trên lửa, ngọn lửa bừng cháy lớn lên và thiêu luôn chòi lá. Vị Bà-la-môn hoảng sợ chạy trốn, đứng ngoài xa và nói:

– Không nên thân giao với những kẻ ác. Nay chòi lá mà ta dựng lên một cách mệt nhọc đã bị ngọn lửa này đốt cháy.

Và Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

23. Không gì độc hại hơn, Là thân với kẻ ác,
Được đổ vào nuôi dưỡng, Với bơ chín, cháo sữa,
Ngọn lửa thiêu chòi lá, Ta dựng rất khó khăn.

Rồi Bồ-tát nói thêm:

– Ta không còn gì liên hệ với ngươi nữa, này bạn giả dối kia!

Nói vậy xong, Bồ-tát lấy nước dập tắt ngọn lửa và cành cây dập tan ngọn lửa, rồi đi sâu vào trong Tuyết sơn. Tại đó, ngài thấy một con hươu cái liếm mặt con sư tử, con cọp và con báo. Điều ấy khiến Bồ-tát nghĩ rằng không gì tốt hơn là thân giao với những bạn chân thật, rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

24. Không gì tốt lành hơn, Thân giao bạn chân thật,
Hãy xem con hươu đen, Thân mật liếm mặt mày,
Con sư tử, con cọp, Và cả con báo nữa.

Nói vậy xong, Bồ-tát đi sâu vào trong Tuyết sơn, sống đời xuất gia của vị ẩn sĩ, chứng được các thắng trí và các thiền chứng, đến khi mạng chung, ngài sanh lên Phạm thiên giới.

***

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§163. CHUYỆN VUA SUSĪMA (*Susīmajātaka*) (*J.* II. 45)

Hơn trăm voi toàn đen...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về sự bố thí tùy theo ý muốn. Tại Xá-vệ, đôi khi một gia đình cúng dường cho chúng Tỷ-kheo do đức Phật lãnh đạo; đôi khi họ bố thí cho các ngoại đạo; đôi khi nhiều người hội họp thành một tổ chức, chung nhau bố thí; đôi khi cùng chung một con đường; đôi khi toàn thể dân ở thành quyên góp tùy nguyện rồi bố thí.

Trong trường hợp này, toàn dân trong thành quyên góp tùy nguyện, nhưng khi sắp đặt tất cả vật dụng để bố thí, họ chia thành hai phe. Một số người muốn bố thí tất cả vật dụng cho các ngoại đạo; một số người muốn bố thí cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị lãnh đạo. Vì vậy có sự cãi vã, đệ tử các ngoại đạo bênh vực các ngoại đạo, đệ tử đức Phật bênh vực chúng Tỷ-kheo. Khi quyết định lấy số đông thì những người nói: "Chúng tôi bố thí cho chúng Tăng với đức Phật là vị lãnh đạo" chiếm đông hơn nên được chấp nhận. Đệ tử các ngoại đạo không thể ngăn chặn các sự bố thí cúng dường đức Phật. Các người thị dân mời chúng Tăng với đức Phật là vị lãnh đạo. Họ tổ chức bố thí lớn trong bảy ngày và đến ngày thứ bảy, họ cúng dường tất cả các vật dụng. Bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ công đức. Rồi Ngài chỉ dạy cho đại chúng về các quả tu chứng.

Tại tinh xá Kỳ Viên vào buổi chiều, các Tỷ-kheo hội họp tại pháp đường và nói lên câu chuyện này:

– Thưa các Hiền giả, đệ tử các ngoại đạo cố gắng ngăn chặn sự cúng dường đức Phật, nhưng họ không thể ngăn chặn. Tất cả vật dụng bố thí ấy đều được đặt dưới gót chân của đức Phật. Ôi, vĩ đại thay là sức mạnh của đức Phật!

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông hội họp tại đây và đang bàn vấn đề gì?

Khi được trả lời vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ngoại đạo mới cố gắng ngăn chặn sự bố thí cho Ta. Thuở xưa, họ đã cố gắng như vậy rồi. Nhưng các vật dụng bố thí trong tất cả trường hợp rồi cũng được đặt dưới gót chân của Ta.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, có một thời Vua Susīma trị vì Ba-la-nại. Lúc bấy giờ, Bồ-tát nhập mẫu thai một nữ Bà-la-môn là vợ của vị cố vấn tế tự cho vua. Khi Bồ-tát lên mười sáu tuổi, người cha mạng chung. Khi còn sống, người cha là vị chủ trì hội lễ voi. Tất cả những đồ trang bị, trang sức cho các con voi đi dự hội đều thuộc sở hữu người cha. Nhờ vậy, sau ngày hội lễ voi, người cha thâu hoạch

được mười triệu đồng tiền vàng. Lúc bấy giờ, hội lễ voi đã đến, các Bà-la-môn đi yết kiến vua và thưa:

– Tâu Đại vương, lễ voi năm nay đã đến. Chúng ta cần phải chuẩn bị tổ chức lễ cho thật tốt. Nay con trai của vị Bà-la-môn cố vấn tế lễ còn quá trẻ, lại không biết ba tập Vệ-đà và không biết tượng kinh (những vấn đề kiến thức liên hệ đến voi). Hãy để cho chúng thần tổ chức hội lễ voi!

Vua chấp thuận việc này. Các Bà-la-môn nghĩ: "Chúng ta không cho người con của vị cố vấn tế tự tổ chức hội lễ voi, chính chúng ta đứng ra tổ chức. Chúng ta sẽ thâu nhiều tiền." Họ hoan hỷ đi ra.

Còn bốn ngày nữa sẽ đến ngày lễ hội. Mẹ Bồ-tát được tin, suy nghĩ: "Suốt bảy đời truyền thống gia đình chúng ta đã tổ chức hội lễ voi. Truyền thống này sẽ chấm dứt ở gia đình chúng ta và tài sản sẽ bị tổn giảm." Vì vậy, bà mẹ sầu muộn và than khóc. Bồ-tát hỏi:

– Vì sao mẹ khóc?

Và khi nghe rõ lý do, Bồ-tát nói:

– Thưa mẹ, con sẽ tổ chức hội lễ voi.

Bà mẹ nói:

– Này con thân, con không biết ba tập Vệ-đà, lại không biết tượng kinh, làm sao con có thể tổ chức hội lễ được?

– Thưa mẹ, khi nào họ tổ chức hội lễ voi?

– Này con thân, còn bốn ngày nữa.

– Thưa mẹ, các Sư trưởng thuộc lòng ba tập Vệ-đà và tượng kinh sống ở đâu?

– Này con thân, Sư trưởng có tiếng nhiều phương đang sống ở Takkasilā, tại nước Gandhāra, cách xa khoảng hai ngàn do-tuần.

– Thưa mẹ, con sẽ không để hủy hoại truyền thống của gia đình chúng ta. Trong một ngày, con sẽ đi đến Takkasilā; trong một đêm, con sẽ học xong ba tập Vệ-đà và tượng kinh. Ngày sau, con sẽ trở về; và đến ngày thứ tư, con sẽ tổ chức hội lễ voi, mẹ chớ khóc nữa!

Với những lời này, Bồ-tát an ủi mẹ. Sau khi ăn xong, sáng sớm hôm sau, Bồ-tát ra đi một mình. Chỉ trong một ngày đi đến Takkasilā, Bồ-tát đảnh lễ vị Sư trưởng, vị Sư trưởng hỏi Bồ-tát:

– Này con thân, con từ đâu đến?

– Thưa Sư trưởng, con từ Ba-la-nại đến.

– Vì mục đích gì?

– Vì mục đích học ba tập Vệ-đà và tượng kinh từ Sư trưởng.

– Lành thay, này con thân, ta sẽ dạy cho con!

Bồ-tát thưa:

– Thưa Sư trưởng, con có công việc khẩn cấp.

Bồ-tát báo cho Sư trưởng biết mọi sự việc và thưa:

– Trong một ngày, con đã đi hai ngàn do-tuần đến đây. Hãy cho con cơ hội học một đêm nay. Đến ngày thứ ba, sẽ là ngày lễ hội voi rồi. Con sẽ học tất cả qua một bài thôi.

Sau khi thưa vậy, Bồ-tát được Sư trưởng bằng lòng, liền rửa đôi chân Sư trưởng, rồi đặt một ngàn đồng tiền vàng, đảnh lễ Sư trưởng và ngồi xuống một bên. Bồ-tát chăm chú học thuộc lòng cho đến lúc rạng đông đã xong ba tập Vệ-đà và tượng kinh, rồi hỏi:

– Thưa Sư trưởng, có gì khác nữa không?

Khi được trả lời:

– Này con thân, không có gì khác, tất cả đã xong.

Bồ-tát muốn sửa cách dạy của Sư trưởng, liền nói:

– Thưa Sư trưởng, trong quyển sách này, câu kệ ấy đến quá trễ, câu này đọc sai, từ nay về sau thầy phải dạy đệ tử như thế này.

Sau khi sửa sai xong, Bồ-tát ăn thật sớm, đảnh lễ vị Sư trưởng và trong một ngày đi về Ba-la-nại, đảnh lễ bà mẹ. Bà mẹ hỏi:

– Này con thân, con đã học nghề xong chưa?

Bồ-tát thưa:

– Con đã học xong.

Và Bồ-tát làm cho bà mẹ vui lòng. Ngày hôm sau, ngày hội lễ voi được sửa soạn. Khoảng một trăm con voi được đem ra sắp hàng, mọi thứ trang sức bằng vàng, cờ xí cũng bằng vàng, tất cả được bao phủ với một lưới bằng vàng mịn. Cả sân chầu ở cung điện vua cũng được trang hoàng tuyệt đẹp. Các Bà-la-môn nghĩ: “Chúng ta sẽ cử hành lễ hội voi, tất cả đều được trang sức tốt đẹp.” Vua Susīma trang sức rất lộng lẫy, rực rỡ ngự đến và truyền cho đem các vật dụng làm lễ. Còn Bồ-tát trang sức như một hoàng tử, với hội chúng của mình vây quanh, đi đến vua và thưa:

– Tâu Đại vương, có đúng sự thật chăng ngài chấm dứt truyền thống của gia đình chúng thần và cho các Bà-la-môn khác tổ chức hội lễ voi và cho họ các thứ trang sức trang bị của voi?

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

25. Hơn trăm voi toàn đen, Với những ngà trắng bạch,
Bao phủ với lưới vàng, Thần đều cúng Đại vương.
Hỡi Vua Susīma, Có phải ngài đã nói,
Ngài có nhớ đến chăng, Quyền lợi tổ tiên thần?

Vua Susīma nghe lời Bồ-tát, liền thốt lên bài kệ thứ hai:

26. Hơn trăm voi toàn đen, Với những ngà trắng bạch,
Bao phủ với lưới vàng, Đều thuộc sở hữu ta,

Ta nói, này thanh niên,	Ta cho khanh, cho khanh!
Ta thật có nhớ đến,	Quyền lợi tổ tiên khanh.

Rồi Bồ-tát thưa với vua:

– Thưa Đại vương, nếu Đại vương nhớ đến truyền thống của chúng thần, vì sao ngài bỏ thần một bên và giao cho người khác tổ chức hội lễ voi?

– Này khanh thân, ta được báo cáo khanh không biết ba tập Vệ-đà và tượng kinh nên ta cho các Bà-la-môn khác tổ chức hội lễ voi.

– Vậy tâu Đại vương, nếu một vị nào giữa các Bà-la-môn ấy có thể đọc lên một phần của ba tập Vệ-đà và tượng kinh với thần, xin hãy đứng lên! Trong toàn cõi Diêm-phù-đề không một ai khác trừ thần ra có thể biết ba tập Vệ-đà và tượng kinh để tổ chức hội lễ voi.

Như vậy, Bồ-tát rống lên tiếng rống con sư tử đáp lời vua. Không một Bà-la-môn nào có thể đứng dậy để địch lại Bồ-tát. Sau khi đòi lại truyền thống gia đình của mình, Bồ-tát liền tổ chức hội lễ voi, rồi mang nhiều tài sản đi về trú xứ của mình.

***

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài thuyết giảng các sự thật. Sau bài thuyết giảng, một số Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu, một số đắc quả Nhất lai, một số đắc quả Bất lai, một số đắc quả A-la-hán.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, bà mẹ là Mahāmāyā, người cha là Suddhodana (Tịnh Phạn vương), Vua Susīma là Ānanda, vị Sư trưởng có danh tiếng khắp nơi là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và thanh niên Bà-la-môn là Ta vậy.

§164. CHUYỆN CHIM DIỀU HÂU (*Gijjhajātaka*) (*J.* II. 50)

Diều hâu thấy xác chết...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo nuôi dưỡng mẹ. Hoàn cảnh câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện hiếu tử Sāma*.[13]

Bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, có phải ông nuôi dưỡng một nữ gia chủ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Họ có liên hệ gì với ông?

Bậc Đạo sư hỏi tiếp.

– Bạch Thế Tôn, đó là mẹ con.

Bậc Đạo sư nói:

– Lành thay, lành thay! Chớ tức giận Tỷ-kheo này. Các bậc Hiền trí thuở

[13] Xem *J.* VI. 68, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

xưa đã hầu hạ, giúp đỡ ngay cả những người không phải bà con của mình, chỉ vì muốn làm công đức. Còn người này giúp đỡ mẹ cha mình.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con diều hâu ở núi Linh Thứu, nuôi dưỡng mẹ và cha.

Một hôm, có cơn gió thổi mạnh và mưa lớn. Các con diều hâu không thể chịu đựng gió và mưa, liền bay đến Ba-la-nại. Khi đến gần bức tường thành, chúng liền đậu trên bức tường thành, run lên vì lạnh. Lúc bấy giờ, vị triệu phú xứ Ba-la-nại từ trong thành đi ra, đi đến sông tắm, thấy các con diều hâu khốn khổ này liền dụ chúng lại một chỗ không có mưa, cho đốt lửa, sai người đi đến bãi tha ma của bò, đem thịt bò về cho chúng ăn và đặt người bảo vệ chúng. Khi mưa gió chấm dứt, thân thể các con diều hâu lành mạnh, chúng liền bay về núi. Tại đấy, chúng hội họp lại và bàn tính như sau:

– Chúng ta được người triệu phú xứ Ba-la-nại giúp đỡ. Chúng ta phải trả ơn người đã giúp đỡ chúng ta. Do vậy bắt đầu từ nay, nếu có ai lượm được tấm vải hay đồ trang sức gì, hãy bay đến Ba-la-nại và thả rơi trong sân nhà triệu phú!

Từ đó trở đi, nếu các con diều hâu thấy người ta phơi vải hay đồ trang sức giữa nắng, chúng liền chờ đợi một phút lơ đãng, rồi nhanh như cắt chụp lấy đồ vật như chụp miếng thịt và bay đến thả rơi trong sân nhà người triệu phú xứ Ba-la-nại. Khi người triệu phú biết được là đồ vật do các con diều hâu mang lại, ông cất giữ chúng tại một chỗ.

Mọi người trình vua là các con diều hâu đang đánh cắp đồ vật trong thành phố. Vua ra lệnh:

– Hãy bắt cho được một con diều hâu, ta bảo chúng mang trả lại tất cả!

Vì vậy khắp nơi, dân chúng đặt bẫy sập và lưới, rồi con diều hâu nuôi dưỡng mẹ bị mắc vào bẫy. Bắt được con diều hâu, dân chúng đưa nó đến trình vua. Người triệu phú xứ Ba-la-nại đang đi đến hầu vua, thấy các người ấy bắt được con diều hâu, liền đi theo họ vì sợ họ làm nó bị thương.

Vua hỏi con diều hâu:

– Có phải các ngươi ăn cắp, mang đi vải và đồ vật khác trong thành phố?

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

– Các ngươi cho ai những vật ấy?

– Chúng tôi cho vị triệu phú Ba-la-nại.

– Vì nguyên nhân gì?

– Vì vị ấy cho chúng tôi mạng sống. Chúng tôi phải trả ơn người đã làm ơn cho mình nên chúng tôi đem cho vị ấy.

Rồi vua nói:

– Này diều hâu, nghe nói đứng xa một trăm do-tuần, các con diều hâu có thể thấy xác chết, vậy sao ngươi không thấy bẫy sập được bày ra?

Nói xong, vua đọc bài kệ đầu:

27. Diều hâu thấy xác chết, Cách xa trăm do-tuần,
Sao ngươi lại không biết, Va chạm lưới và bẫy?

Con diều hâu nghe hỏi vậy, liền thốt lên bài kệ thứ hai:

28. Chúng sanh gặp tai họa, Mạng sống gần tiêu vong,
Khi ấy không thể biết, Nên va chạm lưới bẫy.

Nghe con diều hâu đáp lại, vua hỏi vị triệu phú:

– Có thật chăng, này nhà đại triệu phú, các con diều hâu mang thả vào nhà ông các thứ vải và đồ vật?

– Thưa Đại vương, sự thật là vậy.

– Những đồ vật ấy nay ở đâu?

– Thưa Đại vương, tất cả đã được tôi góp lại một chỗ. Những ai là chủ của chúng, tôi sẽ trả lại nhưng xin ngài hãy thả con diều hâu này!

Sau khi can thiệp để thả con diều hâu, nhà đại triệu phú trả lại tất cả đồ vật cho chủ của chúng.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư liền thuyết giảng các sự thật. Sau bài giảng, vị Tỷ-kheo nuôi dưỡng mẹ đã đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda, nhà triệu phú là Sāriputta (Xá-lợi-phất), còn con diều hâu nuôi dưỡng mẹ là Ta vậy.

§165. CHUYỆN CON CHUỘT RỪNG (*Nakulajātaka*) (*J.* II. 52)

Này vật sanh bào thai...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về hai viên chức cãi lộn nhau. Hoàn cảnh câu chuyện này giống như câu chuyện đã kể trong *Chuyện con rắn.*[14] Ở đây, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, hai viên chức cao cấp này không phải nay mới được Ta làm cho hòa hợp. Thuở trước, Ta cũng đã làm cho họ hòa hợp rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình Bà-la-môn, tại một ngôi làng nhỏ ở Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát đi học tất cả tài nghệ ở Takkasilā. Rồi ngài từ bỏ gia đình, xuất gia làm vị ẩn

[14] Xem *J.* II. 14, *Uragajātaka* (*Chuyện con rắn*), số §154.

sĩ, đạt được các thắng trí và các thiền chứng. Ngài sống ở vùng Tuyết sơn bằng rễ cây và trái cây hái được trong rừng.

Tại cuối đường kinh hành của Bồ-tát, một con chuột rừng hay ăn rắn, trú ở trong một ổ mối. Gần hang đó trong một hốc cây có con rắn trú ẩn. Cả hai con chuột rừng và con rắn luôn luôn cãi lộn nhau. Bồ-tát khuyên dạy chúng về nguy hại của sự cãi lộn và những lợi ích của lòng từ bi:

– Chớ cãi lộn, nên sống hòa hợp với nhau!

Khi con rắn đi ra ngoài, con chuột rừng thò đầu ra miệng hang ổ mối ở cuối đường kinh hành, mở miệng thở ra, thở vô và nằm ngủ. Bồ-tát thấy con chuột rừng nằm ngủ như vậy bèn hỏi:

– Vì sao ngươi lại sợ hãi?

Và Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

29. Này vật sanh bào thai, Ngươi đã kết bạn được,
Với kẻ thù của ngươi, Sanh ra từ hòn trứng,
Sao lại ngủ nhe răng? Từ đâu ngươi sợ hãi?

Nghe Bồ-tát nói, con chuột rừng trả lời:

– Thưa Tôn giả, chớ khinh thường kẻ địch, phải luôn cảnh giác và đề phòng nó.

Nói vậy xong, con chuột rừng đọc bài kệ thứ hai:

30. Chớ khinh thường kẻ thù, Chớ tin tưởng bè bạn,
Từ không sợ, sợ sanh, Cái gốc bị cắt đứt.

Bồ-tát nói:

– Chớ sợ, ta đã khuyên nhủ con rắn không hại ngươi. Bắt đầu từ nay, ngươi chớ nghi ngờ nó.

Sau khi khuyên răn như vậy, Bồ-tát chuyên tu tập từ, bi, hỷ, xả và hướng đến Phạm thiên giới.

Và khi hai con vật kia mạng chung, chúng cũng đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con rắn và con chuột rừng là hai viên chức cao cấp này, còn vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§166. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN UPASĀḶHA (*Upasāḷhajātaka*) (*J.* II. 54)

Có mười bốn ngàn người...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Bà-la-môn quá khó tánh đối với nghĩa trang. Vị này giàu có, nhiều tài sản nhưng tà kiến, tuy sống gần tinh xá vẫn không có cảm tình với đức Phật. Nhưng người con trai là bậc Hiền trí, có trí tuệ. Khi vị Bà-la-môn về già, ông nói với con trai:

– Chớ thiêu đốt ta tại nghĩa trang nào của kẻ hạ tiện. Hãy thiêu đốt ta tại chỗ nào thật sự không có uế nhiễm!

– Thưa cha thân, con không biết chỗ nào thích hợp để thiêu đốt cha. Lành thay, nếu cha dắt con đến một chỗ và nói: "Hãy thiêu đốt tại chỗ này!"

Vị Bà-la-môn nói:

– Lành thay, này con thân!

Người triệu phú dắt con đi ra khỏi thành, leo lên chóp núi Linh Thứu và nói:

– Này con thân, đây không phải là nơi thiêu đốt người hạ tiện, hãy thiêu đốt ta ở đây!

Nói xong ông ta bắt đầu đi xuống núi với con. Trong ngày ấy vào buổi sáng, bậc Đạo sư quán sát xem những người nào đủ căn duyên giác ngộ và thấy cha con người ấy có căn duyên chứng quả Dự lưu. Ngài đi theo con đường của họ, đến chân núi và ngồi chờ họ từ chóp núi xuống. Hai cha con đi xuống nhìn thấy bậc Đạo sư. Ngài mở lời chào đón và hỏi:

– Này các Bà-la-môn, các ông từ đâu về?

Người thanh niên kể lại sự việc và nói:

– Bạch Thế Tôn, cha tôi chỉ khoảng giữa ba ngọn núi này.

Bậc Đạo sư nói:

– Này cậu trai, không phải chỉ nay cha cậu mới khó tánh, khắt khe đi tìm nghĩa trang, không phải chỉ nay cha cậu mới chỉ: "Hãy thiêu đốt ta tại chỗ này!" Thuở trước, cha cậu cũng chỉ chính chỗ này.

Và theo lời thỉnh cầu của cậu trai, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, tại Vương Xá này có một vị Bà-la-môn tên là Upasāḷha. Người này có một con trai. Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở nước Ma-kiệt-đà, học đầy đủ các tài nghệ rồi xuất gia làm vị ẩn sĩ, chứng được các thắng trí và thiền chứng, thích thú trong thiền định. Sau khi sống lâu ngày trong khu vực Tuyết sơn, vì vấn đề muối và các gia vị, Bồ-tát đến sống trong một chòi lá ở Linh Thứu. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn ấy nói với con trai đi tìm nghĩa trang đúng như cách thức đã nói ở trên. Người con trai yêu cầu:

– Cha hãy chỉ cho con địa điểm thích hợp.

Người cha chỉ chính chỗ này, rồi cùng con đi xuống núi, thấy Bồ-tát và đi đến gần ngài. Bồ-tát hỏi như cách thức đã kể ở trên. Sau khi nghe người con trai trả lời, Bồ-tát nói:

– Hãy đi! Chúng ta sẽ biết chỗ cha cậu chỉ là uế nhiễm hay không uế nhiễm.

Bồ-tát bảo họ trèo lên chóp núi. Cậu thanh niên nói:

– Đây là địa điểm không bị uế nhiễm giữa ba ngọn núi.

Bồ-tát đáp:

– Này cậu trai, chính tại địa điểm này đã có vô lượng người được thiêu đốt. Cha cậu sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Vương Xá này với tên là Upasāḷha, chính giữa ngọn núi này đã được thiêu đốt mười bốn ngàn lần. Trên toàn thế giới, không có một chỗ nào không phải là chỗ thiêu xác, không có một chỗ nào không phải là nghĩa trang, không có một chỗ nào không tràn đầy những đầu lâu.

Sau khi chỉ rõ, phân tích sự việc này với trí biết các đời trước, Bồ-tát đọc hai bài kệ này:

31. Có mười bốn ngàn người,
Tên Upasāḷha,
Bị thiêu tại chỗ này,
Không chỗ nào trên đời,
Lại không có người chết.

32. Chỗ nào có chân lý,
Chánh pháp và bất hại,
Có tiết chế, điều ngự,[15]
Chỗ ấy, bậc Thánh sống,
Chính chỗ ấy, thần chết,
Không thể tìm lối vào.

Nói xong, Bồ-tát thuyết pháp cho hai cha con, khiến họ tu tập từ, bi, hỷ, xả và khi chết được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

***

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài thuyết giảng các sự thật. Sau bài giảng các sự thật, hai cha con ấy đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Cha con thời ấy là cha con hiện tại, còn vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§167. CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SAMIDDHI (*Samiddhijātaka*)[16] (*J.* II. 56)

Tỷ-kheo đi khất thực...

Câu chuyện này, khi trú ở Vương Xá tại Tapodārāma, bậc Đạo sư kể về Trưởng lão Samiddhi. Một hôm, Tôn giả Samiddhi trọn đêm tinh cần, tu tập. Khi trời rạng đông, Tôn giả tắm xong, quấn nội y, cầm thượng y trên tay, đứng phơi cho khô, thân mình có sắc màu vàng chói giống như một tượng vàng được tạc tuyệt đẹp, vì thế có tên gọi Samiddhi (Thân Hình Tuyệt Đẹp).

Thấy thân sắc tuyệt đẹp của Tôn giả, một thần nữ sanh tâm say đắm, nói như sau với Trưởng lão:

– Này Tỷ-kheo, chàng còn trẻ với tuổi niên thiếu, tóc đen nhánh, với tuổi thanh xuân đầy nhựa sống, đẹp mắt, khả ái như vậy, sao chàng không hưởng thụ các dục, vì mục đích gì lại xuất gia? Hãy hưởng thụ các dục lạc trước, rồi sau sẽ xuất gia và hành Sa-môn pháp!

[15] Xem *Dh.* v. 261.

[16] Xem *S.* I. 8, *Samiddhisutta* (*Kinh Samiddhi*).

Trưởng lão nói với thần nữ ấy:

– Này thần nữ, đến một tuổi nào đó, ta sẽ chết. Ta không biết thời nào ta sẽ chết. Thời ấy đối với ta bị che kín. Do vậy, trong tuổi trẻ, ta hành trì Sa-môn pháp để chấm dứt đau khổ.

Thần nữ không cám dỗ được Trưởng lão liền biến mất tại chỗ. Trưởng lão đi đến bậc Đạo sư và thuật lại câu chuyện. Bậc Đạo sư nói:

– Này Samiddhi, không phải chỉ nay ông bị thần nữ luyến ái. Thuở trước, các thần nữ cũng luyến ái các vị xuất gia rồi.

Sau đó, theo lời thỉnh cầu của vị Trưởng lão, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn tại một làng ở Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành và đạt thành công trong tất cả tài nghệ, Bồ-tát xuất gia làm vị ẩn sĩ, đạt được các thắng trí và các thiền chứng, rồi sống gần một hồ thiên nhiên trong khu vực Tuyết sơn.

Bồ-tát suốt đêm tinh tấn tu tập. Đến rạng đông, sau khi tắm xong, Bồ-tát quấn tấm y làm bằng vỏ cây, còn tấm y kia cầm tay và đứng phơi thân cho khô. Rồi một thần nữ nhìn thân thể tuyệt đẹp của Bồ-tát, tâm tư say đắm, sanh luyến ái Bồ-tát và đọc bài kệ đầu:

33. Tỷ-kheo đi khất thực, Có biết hưởng dục chăng?
Chàng theo hạnh khất thực, Không hưởng thọ dục lạc.
Tỷ-kheo, hãy hưởng dục, Rồi sẽ hành khất thực,
Chàng chớ để thời gian Trôi qua thật uổng phí.

Bồ-tát nghe lời nói của thần nữ, liền nêu lên chí nguyện của mình qua bài kệ thứ hai:

34. Thời chết, ta không biết, Thời gian bị ngăn che,
Do vậy, không hưởng thụ, Ta hành trì khất thực,
Ta không để thời gian, Trôi qua thật uổng phí.

Thần nữ nghe Bồ-tát nói liền biến mất tại chỗ.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, thần nữ ấy là thần nữ này, còn Ta là vị tu khổ hạnh.

§168. CHUYỆN CHIM DIỀU HÂU (*Sakuṇagghijātaka*) (*J.* II. 58)

Diều hâu với sức mạnh...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về ý nghĩa bài *Kinh Khuyên dạy loài chim* (*Sakuṇovādasutta*).

Một hôm, bậc Đạo sư gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, khi các ông đi khất thực, mỗi người hãy giữ đúng địa hạt của mình.

Rồi Ngài đọc bài kinh ấy từ *Đại phẩm*, phù hợp với trường hợp này và nói thêm:

– Thuở xưa, các loài bàng sanh từ bỏ địa hạt nhà của mình, đi kiếm ăn không phải chỗ và rơi vào tay kẻ thù. Rồi nhờ trí tuệ và phương tiện thiện xảo của mình, chúng thoát khỏi tay của kẻ thù.

Nói như vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm chim cun cút, sống tìm mồi tại những mô đất do cày bừa để lại. Một hôm, chim cun cút ấy từ bỏ khu vực tìm mồi quen thuộc của mình để đi nơi khác và nó đi đến biên địa ngôi rừng. Thấy chim cun cút đang đi tìm mồi, tại chỗ ấy, một con diều hâu nhanh như cắt bay sà xuống chụp lấy cun cút và tha đi. Khi bị bắt, chim cun cút than:

– Ta thật đại bất hạnh! Ta thật là ít phước! Ta đã đi tìm mồi không phải chỗ, vào địa hạt của loài khác. Nếu nay ta đi tìm mồi trong khu vực tìm mồi của ông cha ta, trong địa hạt nhà của mình, thì con diều hâu này không đối địch với ta được khi có đánh nhau.

Nghe vậy, diều hâu hỏi:

– Này chim cút nhỏ bé kia, chỗ nào là chỗ tìm mồi trong địa hạt nhà của ngươi, nơi mà ông cha ngươi đã tìm mồi?

– Tại chỗ này, chỗ những mô đất do cày bừa để lại.

Rồi con diều hâu nới lỏng sức mạnh của mình và nói:

– Hãy đi, chim cun cút bé nhỏ kia, dù đi đến đấy, ngươi cũng không thoát khỏi ta đâu!

Con chim cun cút bay đến đấy, đậu lên một mô đất lớn và gọi:

– Này diều hâu, ta cám ơn ngươi, nay ngươi hãy đến đây!

Con diều hâu tập trung sức mạnh của mình, vận dụng cả hai cánh lại, mau lẹ sà xuống chụp lấy con chim cút. Con chim cút biết: “Con diều hâu này vồ bắt ta với tất cả sức mạnh”, liền xoay lại tránh qua phía những mô đất ấy. Chim diều hâu không thể trì hãm sức lực, đập mạnh cánh vào đấy, liền vỡ tim, lòi mắt và chết toi mạng.

***

Sau khi trình bày câu chuyện quá khứ này, bậc Đạo sư nói thêm:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, các loài bàng sanh khi đi tìm mồi không phải

chỗ đã rơi vào tay kẻ thù. Nhưng khi chúng đi tìm mồi trong địa hạt của mình, chúng đánh bại được kẻ thù. Do vậy, các ông chớ có đi không đúng chỗ và đến địa hạt của người khác. Khi ta rời địa hạt của mình, Ác ma sẽ đợi cơ hội, Ác ma sẽ được thuận duyên. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào là không đúng chỗ của Tỷ-kheo, là địa hạt của người khác? Đó chính là năm dục lạc. Thế nào là năm? Sắc do mắt nhận thức... Này các Tỷ-kheo, đấy không phải là chỗ của Tỷ-kheo, là địa hạt của người khác.

Nói vậy xong, bậc Chánh Giác đọc bài kệ đầu:

35. Diều hâu với sức mạnh, Sà xuống chụp con cút,
Con cút đang tìm mồi, Trên địa hạt của mình,
Vì sà chụp quá mạnh, Diều hâu chết toi mạng.

Khi diều hâu chết, chim cút mới đi ra và tuyên bố:

– Ta đã thấy được lưng kẻ thù.

Rồi đứng trên quả tim của con diều hâu, nó nói lên lời cảm hứng qua bài kệ thứ hai:

36. Ta biết phương tiện hay, Vui trên địa hạt nhà,
Ta mừng kẻ thù bại, Thọ hưởng lợi ích mình.

***

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, liền thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, nhiều Tỷ-kheo được an trú vào các Đạo và Quả.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con diều hâu là Devadatta, còn chim cút là Ta vậy.

§169. CHUYỆN ĐẠO SƯ ARAKA (*Arakajātaka*) (*J.* II. 60)

Ai chính với từ tâm...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư nói về *Kinh Từ bi* (*Mettasutta*).

Một thời, bậc Đạo sư nói như sau với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm sung mãn, được thành thạo, được thông suốt, được điêu luyện, được thiện xảo, được vững vàng, thì được mười một lợi ích.[17] Thế nào là mười một? Ngủ an lạc; thức dậy an lạc; không thấy ác mộng; loài người kính yêu; chư thiên bảo hộ; lửa, thuốc độc hay gươm không đến gần; tâm mau chóng được thiền định; sắc mặt tịnh tín; không hôn ám khi mạng chung; trí tuệ minh mẫn; sanh lên Phạm thiên giới. Này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát được thực hành sẽ được mười một lợi ích này.

Tán thán từ tâm giải thoát đem lại mười một lợi ích này, Ngài còn dạy thêm:

[17] Xem 11 lợi ích được đề cập trong *Miln*. 198.

– Một Tỷ-kheo cần phải tu tập từ bi đối với tất cả chúng sanh; dù được bảo làm hay không, cũng phải hướng lòng từ, lòng bi đối với mọi loài. Như vậy, đối với tất cả chúng sanh, dù được bảo làm hay không, một Tỷ-kheo cũng phải được tu tập từ tâm, bi tâm, hỷ tâm, xả tâm. Đó là bốn vô lượng tâm. Làm như vậy, khi thân hoại mạng chung vị ấy sẽ sanh lên Phạm thiên giới dù không đạt Đạo hay Quả. Các bậc Hiền trí thời xưa tu tập từ tâm trong bảy năm, đã an trú ở Phạm thiên giới trong suốt bảy thành kiếp, hoại kiếp.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, trong một đời, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài từ bỏ các dục, xuất gia làm vị ẩn sĩ, chứng được bốn vô lượng tâm và trở thành bậc Đạo sư tên là Araka. Bồ-tát sinh sống trong khu vực Tuyết sơn với một hội chúng lớn và Bồ-tát khuyên dạy hội chúng ẩn sĩ:

– Người xuất gia phải tu tập từ tâm, phải tu tập bi tâm, hỷ tâm, xả tâm. Từ tâm chứng được nhờ chú tâm trên đối tượng sửa soạn đưa vị ấy đến Phạm thiên giới.

Để nêu rõ những lợi ích của từ tâm, Bồ-tát đọc các bài kệ:

37. Ai chính với từ tâm, Thương xót mọi thế giới,
Trên, dưới và bề ngang, Vô lượng trùm tất cả.

38. Tâm từ bi vô lượng, Viên mãn, khéo tu tập,
Với nghiệp có hạn lượng, Tâm ấy không chất chứa.

Như vậy, Bồ-tát nói lên những lợi ích tu tập từ tâm cho các đệ tử. Rồi không từ bỏ thiền định, ngài sanh lên Phạm thiên và trong suốt bảy thành kiếp, hoại kiếp, ngài không trở lại thế giới này.

***

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, hội chúng ẩn sĩ là hội chúng của Như Lai và Đạo sư Araka là Ta vậy.

§170. CHUYỆN CON TẮC KÈ (*Kakaṇṭakajātaka*) (*J.* II. 63)

Người này không cúi đầu...

Chuyện con tắc kè này sẽ được trình bày trong *Chuyện đường hầm vĩ đại.*[18]

---

[18] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

III. PHẨM THIỆN PHÁP (*KALYĀṆADHAMMAVAGGA*)

§171. CHUYỆN THIỆN PHÁP (*Kalyāṇadhammajātaka*)[19] (*J.* II. 63)

Thưa Nhân chủ, ở đời...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một bà mẹ vợ điếc. Ở Xá-vệ, một điền chủ có lòng tin, tinh tấn, quy y Ba ngôi báu và giữ gìn năm giới. Một hôm, người ấy đem theo nhiều phẩm vật như bơ chín, hoa, hương và vải đi đến tinh xá để nghe bậc Đạo sư thuyết pháp. Trong khi người ấy đi, bà mẹ vợ đem theo các món ăn loại cứng, loại mềm đến thăm con gái bà. Bà già ấy có hơi điếc. Sau khi ăn với con gái, bà muốn xua đuổi sự buồn ngủ, bèn hỏi con gái:

– Này con, con sống với chồng có hoan hỷ, hòa hợp không?

– Thưa mẹ, sao mẹ hỏi vậy? Thật khó tìm được một người như anh ấy. Dù nhiều người xuất gia có giới đức và có đạo hạnh cũng khó sánh với con rể của mẹ.

Bà già nghe con gái nói, không phân biệt được rõ ràng, chỉ nắm lấy chữ xuất gia và la to:

– Sao con? Chồng con trở thành người xuất gia rồi ư?

Mọi người sống ở trong nhà nghe bà ta nói, bèn la lớn:

– Nghe nói người điền chủ của chúng ta đã xuất gia rồi!

Nghe tiếng la, quần chúng tụ họp ở cửa và hỏi :

– Sao, sự việc gì xảy ra vậy?

Và họ được trả lời:

– Nghe nói người chủ của nhà này đã xuất gia rồi!

Người điền chủ nghe bậc Đạo sư thuyết pháp xong, đi ra khỏi tinh xá và vào thành. Khi đi giữa đường, một người thấy ông liền hỏi:

– Thưa ông chủ, nghe nói ông xuất gia rồi phải không? Ở nhà ông, vợ con và những người phục vụ đang khóc đó!

Người điền chủ ấy suy nghĩ:

– Ta không xuất gia mà người này nói ta xuất gia. Một tiếng nói tốt về ta đã khởi lên, không nên để cho mất đi. Vậy hôm nay, ta phải xuất gia.

Người điền chủ quay trở lại, đi đến bậc Đạo sư. Ngài hỏi:

[19] Xem *J.* I. 170, *Naḷapānajātaka* (*Chuyện uống nước bằng cọng lau*), số §20.

– Này cư sĩ, nghe Như Lai thuyết giảng xong, Ta thấy ông đã đi về, sao nay ông còn trở lại?

Người điền chủ kể câu chuyện và thưa:

– Bạch Thế Tôn, một tiếng nói tốt khởi lên không nên để biến mất. Do vậy, con muốn xuất gia và con đã trở lại.

Thế Tôn cho người ấy được xuất gia, thọ Đại giới và chơn chánh hành trì, không bao lâu vị ấy chứng quả A-la-hán. Câu chuyện này được chúng Tỷ-kheo biết. Một hôm, các Tỷ-kheo đang ngồi hội họp ở pháp đường và nói về câu chuyện sau đây:

– Này các Hiền giả, người điền chủ với tên này, được nghe một lời nói tốt khởi lên. Không muốn cho nó biến mất, vị ấy đã xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, câu chuyện gì đang được các ông ngồi hội họp và bàn luận?

Khi nghe thuật câu chuyện trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, các bậc Hiền trí thuở xưa, vì không muốn một lời nói tốt đã khởi lên bị bỏ phí nên đã xuất gia.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì nước Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình triệu phú. Khi đến tuổi trưởng thành, cha chết, Bồ-tát được đặt vào địa vị người triệu phú. Một hôm, Bồ-tát từ nhà đi ra đến hầu vua, bà mẹ vợ của vị ấy đi đến nhà vị ấy để thăm người con gái. Bà ta có hơi điếc. Câu chuyện xảy ra giống như câu chuyện hiện tại. Khi Bồ-tát hầu vua xong, đang đi về nhà, một người thấy Bồ-tát và hỏi:

– Nghe nói ông đã xuất gia rồi. Tại nhà ông mọi người đang than khóc lớn.

Bồ-tát suy nghĩ: "Một tiếng tốt khởi lên không nên để cho mất đi." Vì thế, Bồ-tát đã trở lại và đi đến cung vua. Vua hỏi:

– Này nhà triệu phú, ông đã đi rồi sao còn trở lại?

– Thưa Đại vương, tôi chưa xuất gia nhưng dân chúng lại đồn tôi đã xuất gia nên khóc than. Một tiếng tốt đã khởi lên không nên để cho biến mất. Vì thế, tôi sẽ xuất gia. Mong Đại vương cho phép tôi xuất gia.

Để nói lên ý nghĩa này, Bồ-tát đọc những bài kệ:

41. Thưa Nhân chủ, ở đời, Được danh xưng thiện pháp,
Người có trí không nên, Để thối thất tổn giảm,
Hãy vì sự xấu hổ, Chấp nhận gánh nặng ấy.

42. Thưa Nhân chủ, tên này, Nay được tặng cho tôi,
Ở đời, chính tại đây, Tôi được tên Thiện Pháp,
Thấy vậy, tôi xuất gia, Tôi không ham dục lạc.

Bồ-tát nói vậy xong, liền được phép vua cho xuất gia. Sau đó, ngài đi đến khu vực Tuyết sơn xuất gia làm vị ẩn sĩ, đạt được các thắng trí và các thiền chứng; rồi sau khi mạng chung, ngài được sanh lên Phạm thiên giới.

***

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, liền nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda và vị triệu phú ở Ba-la-nại là Ta vậy.

§172. CHUYỆN NÚI DADDARA (*Daddarajātaka*) (*J.* II. 65)

Ai đã rống lớn tiếng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tỷ-kheo Kokālika. Lúc bấy giờ tại cao nguyên Manosilā, nhiều Tỷ-kheo học rộng, rống tiếng của con sư tử trẻ khiến cho sông Hằng thiên giới (Ngân hà) gần như rơi xuống và đọc lên những câu kinh ở giữa Tăng chúng. Kokālika không biết sự ngu dốt của mình đối với những câu kinh mà các Tỷ-kheo đã tụng đọc, và suy nghĩ: "Ta sẽ đọc những đoạn kinh đó." Kokālika đi vào giữa chúng Tỷ-kheo, nhưng không biết được danh hiệu dành cho mình, cứ đến chỗ này, chỗ kia và nói:

– Các Tỷ-kheo không yêu cầu ta đọc kinh. Nếu họ yêu cầu, ta sẽ đọc.

Chúng Tỷ-kheo đã rõ biết khả năng đọc kinh của Kokālika rồi, nhưng họ nghĩ: "Chúng ta sẽ thử Kokālika", nên họ nói như sau:

– Này Hiền giả Kokālika, hôm nay Hiền giả hãy đọc một vài đoạn kinh cho chúng Tăng!

Kokālika không biết sự ngu dốt của mình, chấp nhận và nói:

– Lành thay, hôm nay tôi sẽ đọc!

Kokālika uống nước cháo, ăn một số món ăn và dùng một món canh hợp khẩu vị. Khi mặt trời lặn, thời kỳ nghe pháp đã báo hiệu, chúng Tỷ-kheo đã họp, Kokālika quấn hạ y màu vàng của cây hoa chông, đắp thượng y màu vàng nhạt như hoa lòng mán lá phong, đi vào giữa chúng Tăng, đảnh lễ các vị Trưởng lão, bước lên pháp tòa đã được trang hoàng, đặt dưới một cái đình lớn đính châu báu, cầm một cái quạt có màu sắc rực rỡ và ngồi trên ấy với ý định: "Ta sẽ tụng đọc một đoạn kinh."

Chính khi ấy, những giọt mồ hôi bắt đầu toát ra khắp thân của Kokālika, vị ấy đọc câu kệ thứ nhất trong đoạn thứ nhất, nhưng vị ấy không thể nhớ được câu kế tiếp. Run rẩy, từ chỗ ngồi đi xuống, cảm thấy xấu hổ, Kokālika đi ra khỏi hội chúng và về phòng của mình. Một Tỷ-kheo khác có học nhiều đã đọc đoạn kinh kế tiếp. Từ đấy trở đi, tất cả các Tỷ-kheo đều biết được sự trống rỗng của Kokālika.

Một hôm, các Tỷ-kheo tại pháp đường bắt đầu nói về câu chuyện ấy:

– Này các Hiền giả, ban đầu thật khó biết được sự trống rỗng của Kokālika. Nhưng nay, Kokālika đã tự mình rống lên và tự phơi bày sự kém cỏi của mình.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi họp bàn câu chuyện gì?

Sau khi nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Kokālika mới phơi bày sự trống rỗng của mình. Trước kia, kẻ ấy cũng đã rống lên và phơi bày sự trống rỗng như vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con sư tử ở khu vực Tuyết sơn, là vua loài sư tử đông đảo sống trong hang Bạc. Gần đấy, một con chó rừng sống trong một cái hang khác.

Một hôm trời mưa, không đi được, tất cả sư tử họp tại cửa hang sư tử chúa, rống lên tiếng rống sư tử và chơi các trò sư tử. Trong khi chúng rống lên và chơi như vậy, con chó rừng cũng lên tiếng. Các con sư tử nghe tiếng của nó, suy nghĩ: "Đây là con chó rừng cũng rống lên với chúng ta." Chúng cảm thấy xấu hổ nên im lặng. Khi thấy chúng im lặng, con của Bồ-tát, một sư tử con hỏi cha:

– Thưa cha thân, các sư tử thường rống lên và chơi trò sư tử, nhưng khi nghe thấy tiếng con chó rừng lại xấu hổ và im lặng. Con vật ấy là con gì đã tự phơi bày tiếng rống hạ liệt của mình?

Sư tử con đọc bài kệ đầu để hỏi:

43. Ai đã rống lớn tiếng, Vang dội Daddara,
Vì sao các sư tử, Lại không rống đáp lại?
Con thú rống như vậy, Tên nó gọi là gì?

Khi nghe vậy, sư tử cha đọc bài kệ thứ hai:

44. Chính là con chó rừng, Đã rống, này con thân,
Con vật bần tiện nhất, Giữa các loại sanh thú,
Ghê tởm hạ sanh nó, Sư tử ngồi im lặng.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Kokālika với tiếng rống đã phơi bày sự kém cỏi của mình. Thuở trước, kẻ ấy cũng làm như vậy rồi.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là Kokālika, sư tử con là Rāhula (La-hầu-la), còn sư tử chúa là Ta vậy.

§173. CHUYỆN CON VƯỢN (*Makkaṭajātaka*) (*J.* II. 68)

Có một kẻ khốn cùng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một kẻ gian trá. Hoàn cảnh câu chuyện này sẽ được trình bày trong chương XIV, *Chuyện nam tử Uddālaka*.[20] Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này mới gian trá. Thuở xưa, kẻ ấy là con vượn, vì ngọn lửa, cũng đã gian trá như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng ở Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành và đã đi học đủ các tài nghệ ở Takkasilā, Bồ-tát lập gia đình. Nữ Bà-la-môn ở nhà, sanh được một con trai. Khi đứa con bắt đầu chạy qua chạy lại, nữ Bà-la-môn mạng chung. Bồ-tát làm xong tang lễ cho người chết, liền suy nghĩ: "Nay ta còn sống ở gia đình làm gì?" Và dắt con đi với ý định: "Chúng ta sẽ xuất gia."

Từ giã bà con, bạn bè tiễn đưa khóc lóc, Bồ-tát đem theo con đi vào Tuyết sơn, làm vị ẩn sĩ và sinh sống trong rừng với các thứ rễ và trái cây.

Một hôm, trong khi trời mưa, Bồ-tát đốt lửa củi lên, nằm xuống trên một tấm phản và hơ lửa cho ấm. Cậu con trai ngồi xoa bóp chân cha. Có một con vượn rừng bị lạnh hành hạ, chợt thấy ngọn lửa trong chòi lá của Bồ-tát, liền suy nghĩ: "Nếu ta vào đấy, chúng sẽ đập ta và la: 'Ôi con vượn, con vượn', và đuổi ta ra ngoài. Như vậy ta không sưởi lửa được. Nay ta có một cách, ta sẽ khoác áo một người tu khổ hạnh và trá hình đi vào." Vì vậy, nó choàng áo bằng vỏ cây của một người tu khổ hạnh đã chết, cầm lấy cái rổ và cái gậy có móc, dựa vào một cây cọ dừa ở cửa chòi lá và đứng đấy co ro cúm rúm. Cậu con trai thấy nó, không biết nó là con vượn, suy nghĩ: "Có một vị tu khổ hạnh lớn tuổi, bị rét muốn đến hơ lửa! Ta sẽ nói với cha ta cho vị này vào chòi lá và hơ lửa." Vì vậy, cậu gọi cha và đọc bài kệ đầu:

45. Có một kẻ khốn cùng, Dựa vào cây cọ dừa;
Đây ta có chòi lá, Cho nó vào, cha thân.

Bồ-tát nghe con nói liền đứng dậy, ra cửa chòi lá nhìn, biết đấy là con vượn, ngài bảo:

– Này con thân, bộ mặt như vậy không phải là người thường, nó là con vượn, chớ gọi nó vào.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

46. Con thân, chớ gọi nói, Nó làm nhớp nhà ta,
Bộ mặt vậy không phải, Hạnh tốt Bà-la-môn.

Bồ-tát cầm một nhánh củi, ném nó và la lớn:

– Ngươi đứng đấy làm gì?

[20] Xem *J.* IV. 293, *Uddālakajātaka* (*Chuyện nam tử Uddālaka*), số §487.

Và đuổi nó đi. Con vượn quăng bỏ áo bằng vỏ cây, leo lên cây và đi vào trong khóm rừng.

Sau đó, Bồ-tát tu tập bốn vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) và khi mạng chung được sanh lên Phạm thiên giới.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con vượn là Tỷ-kheo gian trá, con trai vị tu khổ hạnh là Rāhula (La-hầu-la) và vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§174. CHUYỆN CON VƯỢN LỪA DỐI

(*Dūbhiyamakkaṭajātaka*)[21] (*J.* II. 70)

Ta đã cho nhà ngươi...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Một hôm, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường, nói chuyện về Devadatta không nhớ ơn và phản lại bạn bè. Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới không nhớ ơn và phản lại bạn bè. Thuở trước, kẻ ấy cũng vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng ở Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát lập gia đình.

Lúc bấy giờ, trên một đại lộ trong xứ Kāsi có một cái giếng sâu, không ai xuống được. Những người qua lại con đường có các loài thú ở, muốn tạo công đức, thường dùng dây dài và cái gàu, múc nước đổ vào cái máng cho các loài thú uống. Xung quanh giếng ấy có rừng lớn bao bọc và nhiều con vượn sống tại đấy.

Rồi trên con đường ấy, trong hai, ba ngày số nước do người qua lại cung cấp đã cạn. Các loài thú không có nước uống. Một con vượn bị cơn khát hành hạ, cứ đi qua lại gần cái giếng để tìm nước. Bấy giờ, vì một vài công việc, Bồ-tát đi ngang qua đường ấy, kéo nước lên uống xong, Bồ-tát rửa tay chân và thấy con vượn ấy. Biết con vượn khát nước, Bồ-tát liền kéo nước lên, đổ đầy máng nước và cho nó uống. Rồi Bồ-tát nằm xuống một gốc cây để xem con vượn làm gì. Con vượn uống nước xong, ngồi xuống không xa với bộ mặt làm các trò khỉ để dọa Bồ-tát. Bồ-tát thấy nó làm vậy liền nói:

– Ôi, con vượn ác độc kia, ta thấy ngươi mệt mỏi, khát nước đã cho ngươi uống. Nay ngươi lại lấy bộ mặt này làm các trò khỉ dọa nạt ta. Ôi, giúp đỡ kẻ làm ác không có lợi ích chỉ nhọc công thôi!

---

[21] Bản Tích Lan viết *Dutiyamakkaṭajātaka*, nghĩa là *Chuyện thứ hai về con vượn.*

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

47. Ta đã cho nhà ngươi, Được nhiều nước như vậy,
Ngươi bị nóng bức bách, Ngươi bị khát hành hạ,
Nhưng nay đã uống xong, Ngươi ngồi làm trò khỉ,
Tốt nhất, vậy không nên, Liên hệ với kẻ ác.

Nghe vậy, con vượn phản bạn ấy nói:

– Ngươi tưởng rằng ta chỉ làm vậy thôi sao? Ta sẽ làm rơi phân trên đầu ngươi trước khi đi.

Rồi nó đọc bài kệ thứ hai:

48. Ai từng nghe hoặc thấy, Khỉ nào có giới đức?
Nay thả phân đầu ngươi, Thói chúng ta là vậy.

Nghe vậy, Bồ-tát đứng dậy bắt đầu đi. Con vượn ngay lúc ấy, leo lên ngồi trên một nhành cây, thả phân trên đầu Bồ-tát như vòng hoa rơi xuống và kêu lớn tiếng, rồi bỏ đi vào khóm rừng. Bồ-tát tắm xong rồi ra đi.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới như vậy. Thuở trước, kẻ ấy cũng không biết công đức Ta làm.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con vượn là Devadatta, còn vị Bà-la-môn là Ta vậy.

§175. CHUYỆN ĐẢNH LỄ MẶT TRỜI (*Ādiccupaṭṭhānajātaka*) (*J.* II. 72)

Nghe nói mọi chúng sanh...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một kẻ man trá.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học mọi tài nghệ ở Takkasilā. Rồi ngài xuất gia làm vị đạo sĩ, đạt được các thắng trí và các thiền chứng, trở thành Sư trưởng của một hội chúng đông đảo sống tại Tuyết sơn. Bồ-tát ở đấy lâu ngày, rồi vì mục đích lấy muối và giấm, ngài đi xuống núi, sống trong một chòi lá gần một làng ở biên địa.

Trong khi chúng đạo sĩ đi khất thực, một con vượn tham lam đến chỗ am thất, xáo trộn chòi lá, đổ nước ở các ghè ra, đập vỡ các bình và phóng uế vào căn nhà có thờ lửa. Sau khi an cư mùa mưa, các vị tu khổ hạnh nghĩ: "Nay ở Tuyết sơn đang thời kỳ nở hoa kết trái rất là đẹp mắt. Chúng ta sẽ đi về Tuyết sơn." Vì vậy, họ báo tin cho dân làng sống ở biên địa. Các dân làng nói:

– Thưa các Tôn giả, ngày mai chúng tôi sẽ đem theo thức ăn đi đến am thất. Các Tôn giả sẽ ăn rồi ra đi.

Ngày hôm sau, họ đem theo nhiều đồ ăn loại cứng, loại mềm và đi đến chỗ ấy. Thấy vậy, con vượn ấy suy nghĩ: "Ta sẽ lừa dối các người này khiến chúng hoan hỷ, đem cho ta các món ăn loại cứng và loại mềm." Rồi làm ra vẻ như người sống khổ hạnh đang giữ giới, nó đứng đảnh lễ mặt trời không xa các vị tu khổ hạnh. Các dân làng thấy nó, liền nói:

– Những ai sống gần các bậc Giới hạnh cũng có giới hạnh.

Rồi họ đọc bài kệ đầu:

49. Nghe nói mọi chúng sanh, Đều có giữ giới hạnh,
Hãy xem vượn khốn khổ, Sống ở trên cành này,
Đang đảnh lễ mặt trời.

Thấy các người ấy tán thán công đức của nó, Bồ-tát nói:

– Các ông không biết tánh hạnh của con khỉ tham lam này nên hoan hỷ khen ngợi nó không có căn cứ.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

50. Không biết tánh hạnh nó, Các người cứ ngợi khen,
Nó làm bẩn lửa thiêng, Đập vỡ các ghè nước.

Khi biết được sự man trá của con vượn, họ lấy đá và gậy đánh nó rồi cúng đồ ăn cho các đạo sĩ. Rồi các đạo sĩ đi về Tuyết sơn, tu tập thiền định không gián đoạn, cuối cùng, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Phạm thiên giới.

***

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con vượn là kẻ man trá này, hội chúng đạo sĩ là hội chúng của Như Lai và vị Sư trưởng hội chúng là Ta vậy.

§176. CHUYỆN NẮM HẠT ĐẬU (*Kalāyamuṭṭhijātaka*) (*J.* II. 74)

Thưa Nhân chủ, vượn này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về vua xứ Kosala.

Một thời, trong mùa mưa, bạo loạn bùng nổ ở biên địa. Quân lính đến đóng đồn tại đó và sau hai, ba trận giao chiến, họ không thể đánh bại quân địch liền dâng sớ trình vua. Mặc dù đang mùa mưa, vua vẫn ra đi và cắm trại trước Kỳ Viên. Rồi vua bắt đầu suy nghĩ: "Khởi binh trong mùa mưa, các khe đá, hang đá đều ngập nước, đường sá rất khó đi. Ta sẽ đi đến viếng thăm bậc Đạo sư. Khi Ngài hỏi: 'Thưa Đại vương, Đại vương đi đâu?', ta sẽ trình sự việc cho Ngài biết. Bậc Đạo sư không chỉ che chở làm lợi ích cho ta trong đời tương lai mà còn che chở cho ta trong hiện tại. Do vậy, nếu việc ra đi của ta không được thuận tiện, Ngài sẽ nói với ta: 'Thưa Đại vương, nay không đúng thời.' Còn nếu việc ra đi được thuận tiện, Ngài sẽ im lặng." Vì vậy, vua đi vào Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu đến quá sớm như vậy?

Vua trả lời:

– Bạch Thế Tôn, trẫm sắp đi dẹp loạn ở biên địa. Đảnh lễ Thế Tôn xong, trẫm sẽ đi.

Bậc Đạo sư nói:

– Thuở xưa, trước khi ra trận, nghe lời nói của các bậc Hiền trí, các Đại vương đã không xuất quân phi thời.

Rồi theo lời yêu cầu của vua, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị đại thần tâm phúc của nhà vua và cố vấn cho vua về các vấn đề tục sự và thánh sự. Thời ấy có một cuộc nổi loạn tại biên địa và các lính biên phòng gửi cho vua một bức thư. Vua xuất quân vào mùa mưa và đóng trại ở ngự viên. Bồ-tát đứng cạnh vua. Lúc ấy, có người nấu sôi một loại đậu cho ngựa ăn và đem đậu đổ vào máng. Một con vượn ở trong vườn, từ cây leo xuống lấy những hạt đậu từ nơi máng ấy, ngậm đầy miệng và nắm đầy tay, leo lên cây, lại ngồi đấy và bắt đầu ăn.

Trong khi nó đang ăn, một hạt đậu từ tay rơi xuống đất, nó quăng bỏ tất cả hạt đậu lấy từ miệng và từ tay, rồi từ cây leo xuống, tìm hạt đậu bị rơi ấy. Nhưng không thấy hạt đậu, nó lại leo lên cây, ngồi trên cành, buồn bã, xịu mặt như thua vụ kiện cả ngàn đồng. Vua thấy việc con vượn làm, chỉ cho Bồ-tát và hỏi:

– Này khanh, khanh nghĩ thế nào về việc làm này của con vượn?

Bồ-tát thưa:

– Thưa Đại vương, kẻ ngu kém trí bỏ ra nhiều tiền để mua được ít, chính là như vậy.

Rồi Bồ-tát đọc lên bài kệ đầu:

51. Thưa Nhân chủ, vượn này, Ngu si sống trên cành,
Trí tuệ nó không có, Nó đã quăng tất cả,
Nắm đậu nằm trong tay, Để tìm một hạt rơi.

Sau đó, vị đại thần đi đến gần vua và đọc bài kệ thứ hai:

52. Chúng ta và người khác, Tham lam cũng như vậy,
Thưa Đại vương, chúng ta, Mất nhiều để được ít,
Chẳng khác con vượn ấy, Xử sự với hạt đậu.

Vua nghe Bồ-tát nói vậy, liền quay trở lại và vào thành Ba-la-nại. Các bọn ăn cướp nghe tin vua xuất quân chinh phạt kẻ thù và đã đi ra khỏi thành, liền chạy trốn khỏi biên địa.

Vào thời có câu chuyện hiện tại, bọn ăn cướp nghe tin vua xứ Kosala đã đi ra khỏi thành, liền chạy trốn.

Vua nghe bậc Đạo sư thuyết pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, với thân bên hữu hướng về Ngài rồi đi về Xá-vệ.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nhà vua là Ānanda, và vị đại thần có trí là Ta vậy.

§177. CHUYỆN CÂY TINḌUKA (*Tinḍukajātaka*) (*J.* II. 76)

Tay cầm cung, ống tên...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về trí tuệ Ba-la-mật. Bậc Đạo sư nghe tán thán trí tuệ của mình như ở trong *Chuyện Hiền giả Mahābodhi*[22] và trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*[23] đã nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới có trí tuệ. Thuở xưa, Như Lai cũng có trí tuệ và phương tiện thiện xảo rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con khỉ với tám mươi ngàn khỉ con vây quanh, sống tại Tuyết sơn. Gần đấy, có một làng nhỏ ở biên địa, khi thì có người ở, khi thì không. Giữa ngôi làng ấy, có một cây tinḍuka sanh trái ngọt và cành lá sum suê. Khi không có người ở, đàn khỉ đến ăn trái cây.

Một thời, trong mùa có trái, làng ấy đầy người đến ở, một hàng rào được dựng lên xung quanh và có cửa canh gác. Cây ấy đứng tại đấy với cành cây nặng trĩu quả. Bầy khỉ suy nghĩ: "Trước kia tại làng ấy ta thường ăn trái cây tinḍuka. Cây ấy nay có nhiều trái hay không và có nhiều người ở đó hay không?" Nghĩ vậy, chúng cử một con khỉ đi thăm dò:

– Hãy đi và tìm cho biết tin này!

Con khỉ ấy đi, biết được cây ấy đầy trái và làng có nhiều người, liền về và báo tin lại. Đàn khỉ nghe cây đầy trái, chúng quyết đi hái trái để ăn, liền đến tìm khỉ chúa và báo tin ấy. Khỉ chúa hỏi:

– Làng có người ở hay không có người ở?

– Thưa chúa đàn, có người ở.

– Vậy chớ nên đi vì loài người rất xảo quyệt.

– Thưa chúa đàn, vào nửa đêm trong lúc loài người nằm ngủ, chúng tôi sẽ đến ăn.

[22] Xem *J.* V. 227, *Mahābodhijātaka* (*Chuyện Hiền giả Mahābodhi*), số §528.

[23] Xem chú thích 18 trang 398.

Cả đàn khỉ đông đảo xin được phép của khỉ chúa, từ Tuyết sơn đi xuống, nằm trên mặt một tảng đá không xa làng bao nhiêu, chờ cho đến lúc mọi người đi ngủ. Vào nửa đêm, khi mọi người đã ngủ say, chúng leo lên cây và ăn trái. Một người kia có việc cần ra khỏi nhà, đến giữa làng thấy các con khỉ, liền báo cho mọi người biết. Nhiều người nai nịt cung tên, tay cầm nhiều loại vũ khí, cầm đá, gậy và nghĩ: "Khi trời đã sáng, chúng ta sẽ bắt những con khỉ." Họ vây quanh cây và đứng chờ.

Tám mươi ngàn con khỉ thấy những người này, sợ chết, suy nghĩ: "Không có nơi nương tựa nào khác ngoài khỉ chúa", bèn đi đến gần khỉ chúa và đọc bài kệ đầu:

53. Tay cầm cung, ống tên, Mang các loại gươm tốt,
Chúng bao vây chúng tôi, Làm sao được giải thoát?

Nghe chúng nói, khỉ chúa an ủi:

– Chớ sợ, loài người có nhiều việc phải làm.

Khỉ chúa an ủi chúng xong, liền đọc bài kệ thứ hai:

54. Loài người có nhiều việc, Sẽ giải tán đám đông,
Những gì cây còn lại, Hãy ăn tinduka.

Bồ-tát an ủi đàn khỉ. Nếu chúng không được sự an ủi như vậy, tất cả sẽ vỡ tim và chết. Bồ-tát an ủi đàn khỉ rồi bảo họp lại tất cả bọn. Khi chúng đã họp, chúng không thấy con khỉ Senaka, cháu trai của khỉ chúa. Chúng báo cho khỉ chúa biết Senaka không đến, khỉ chúa nói:

– Nếu Senaka không đến, các ngươi chớ lo. Nay nó sẽ đem lại an toàn cho các ngươi đó.

Còn Senaka vẫn ngủ khi đàn khỉ ra đi. Sau khi thức dậy, không thấy ai, nó đi theo dấu chân chúng, thấy mọi người đến, và biết rằng đàn khỉ sẽ gặp nạn.

Khi thấy một ngôi nhà ở biên địa có lửa đốt lên và một bà già đang ngủ say, nó đi đến và làm như một đứa trẻ ở làng đi ra đồng, nó cầm lấy một que lửa và đứng theo chiều gió thổi, nó đốt làng cháy. Các người ấy liền bỏ đàn khỉ, vội vàng chạy đến dập tắt lửa. Trước khi chạy, mỗi con khỉ hái một trái cây mang theo về cho Senaka.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Senaka, cháu của khỉ chúa là Mahānāma, đàn khỉ là hội chúng của Như Lai, còn khỉ chúa là Ta vậy.

§178. CHUYỆN CON RÙA (*Kacchapajātaka*) (*J.* II. 79)

Tại đây ta sanh ra...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người được chữa

khỏi bệnh thổ tả. Một thời, tại một gia đình ở Xá-vệ, có bệnh thổ tả lan đến. Cha mẹ nói với con trai:

– Này con thân, chớ sống trong nhà này. Hãy phá tường và trốn đi, đến một chỗ nào đó và bảo vệ sự sống. Sau khi về, tại chỗ này có nhiều của chôn cất, con hãy đào lên, dựng lại cơ nghiệp và sống hạnh phúc.

Nghe nói vậy, người con trai vâng theo và phá bức tường chạy trốn. Khi chứng bệnh của mình đã chấm dứt, anh ta trở về, đào của cải lên và sống đời sống gia đình. Một hôm, anh ta đem theo bơ chín, dầu, vải và áo ấm... đi đến Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống. Sau khi tiếp đón anh ta, bậc Đạo sư liền hỏi:

– Chúng ta nghe nhà của con có bệnh dịch tả lây lan, làm thế nào con thoát được?

Anh ta kể lại sự tình. Bậc Đạo sư nói:

– Này cư sĩ, thuở xưa khi tai họa khởi lên, có những kẻ quá luyến tiếc trú xứ của mình và không đi chỗ khác nên đã không giữ được mạng sống. Còn những kẻ không quá luyến tiếc trú xứ và bỏ đi nơi khác thì đã cứu được mình.

Nói như vậy xong, theo lời yêu cầu của người con trai, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình làm đồ gốm ở một ngôi làng nhỏ. Bồ-tát cũng làm nghề gốm để nuôi dưỡng vợ con.

Lúc bấy giờ, có một hồ nước lớn gần một con sông lớn ở Ba-la-nại. Trong thời nước lớn, hồ ngập nước từ con sông tràn vào; trong thời nước yếu, hồ nước tách riêng. Các con cá và rùa biết: "Trong năm nay sẽ có mưa nhiều, hay trong năm nay sẽ có hạn hán." Vào thời có chuyện này, có con cá và rùa sanh trong hồ ấy biết: "Trong năm nay sẽ hạn hán."

Vì vậy, trong khi nước hồ còn hợp thành một với sông, chúng từ trong hồ bơi ra và đi đến con sông. Nhưng có một con rùa nghĩ: "Chỗ này ta sanh ra, chỗ ta lớn lên, chỗ ở của cha mẹ, ta không thể bỏ chỗ này được." Nghĩ vậy, nó không đi ra sông.

Trong thời kỳ mùa hạ, ở đấy, nước bị khô cạn, con rùa ấy đào đất tại chỗ Bồ-tát thường đến lấy đất sét. Bồ-tát đi đến đấy để lấy đất sét với cái cuốc lớn và đào đất lên, đập trên lưng con rùa, với cái cuốc hất nó lên và quăng nó trên mặt đất như một cục đất. Trong khi cảm thọ đau đớn, con rùa ấy nói:

– Do ta không từ bỏ chỗ ở nên phải gặp nạn diệt vong như vậy.

Nói vậy xong, nó khóc với những bài kệ:

55. Tại đây ta sanh ra, | Trong bùn này ta sống,
Bùn ấy hủy diệt ta, | Ta yếu đuối thế này,
Thế Tôn, con van Ngài, | Hãy nghe tiếng con thưa!

56. Ở làng hay tại rừng, | Chỗ nào được an lạc,
Với người có trí thức, | Là chỗ sanh, chỗ lớn.
Chỗ nào có sự sống, | Hãy đi đến chỗ ấy,
Tốt hơn chỗ trú ẩn, | Đem lại sự hủy diệt.

Như vậy, con rùa nói với Bồ-tát rồi chết. Bồ-tát lượm nó lên, họp mọi người trong làng lại, khuyến dạy họ như sau:

– Hãy xem con rùa này! Trong khi các loài cá, loài rùa khác đi ra trên sông lớn, nó không thể cắt đứt sự luyến ái đối với trú xứ, không cùng đi ra sông, đào đất ở chỗ ta đến lấy đất sét và núp tại đấy. Khi ta đến lấy đất sét, với cái cuốc lớn, ta đập vỡ lưng của nó và quăng nó lên mặt đất như một cục đất. Nó nhớ đến việc làm của mình, than khóc với hai bài kệ rồi chết. Như vậy, do luyến ái trú xứ của mình, nó phải chết. Các ngươi chớ làm như con rùa này. Bắt đầu từ nay, đừng nghĩ rằng: "Sắc của ta, tiếng của ta, các nam nô, nữ tỳ hầu hạ ta, vàng và bạc của ta, chớ có tham ái; vì thọ hưởng chấp thủ chúng, mọi chúng sanh phải trải qua ba hiện hữu (dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu)."

Như vậy, với sự tinh thông của một bậc Giác ngộ, Bồ-tát khuyên dạy đại chúng. Lời khuyên dạy của Bồ-tát lan rộng toàn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) và tồn tại đến bảy trăm năm. Đại chúng nghe lời Bồ-tát khuyên dạy, làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung, họ sanh lên thiên giới.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư liền giảng các sự thật. Cuối bài giảng, người thanh niên đã đắc quả Dự lưu.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con rùa là Ānanda, còn người làm đồ gốm là Ta vậy.

§179. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN SATADHAMMA
(*Satadhammajātaka*) (*J.* II. 82)

Nhỏ thay dư tàn ấy...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về hai mươi mốt sinh kế phi pháp. Một thời, nhiều Tỷ-kheo làm nghề thầy thuốc, nghề sứ giả, nghề đưa tin, nghề liên lạc đường bộ, đổi đồ ăn khất thực, v.v... Những pháp này sẽ được nói đến trong *Chuyện thành Sāketa*.[24] Khi bậc Đạo sư biết được các Tỷ-kheo đã sinh sống như vậy, Ngài nói:

[24] Xem *J.* I. 308, *Sāketajātaka* (*Chuyện thành Sāketa*), số §68; *J.* II. 234, *Sāketajātaka*, số §237.

– Nay nhiều Tỳ-kheo đã sinh sống phi pháp. Sinh sống như vậy, sẽ không giải thoát mà còn đọa làm dạ-xoa hay ngạ quỷ. Họ sẽ sanh làm những trâu bò chở nặng, một số sẽ thác sanh vào địa ngục. Vì hạnh phúc và an lạc cho họ, Ta cần phải nói lên một bài pháp liên hệ đến cá nhân.

Vì vậy, bậc Đạo sư bảo họp các Tỳ-kheo lại và nói:

– Này các Tỳ-kheo, các ông chớ làm hai mươi mốt sanh kế phi pháp. Đồ ăn khất thực nhận được phi pháp giống như hòn sắc nung đỏ, ví như nọc rắn độc; các sanh kế phi pháp này đã bị các đệ tử chư Phật, các Độc Giác Phật chỉ trích và bài xích. Hưởng thọ các món ăn khất thực nhận được do sanh kế phi pháp không đem lại vui cười hoan hỷ. Các đồ ăn khất thực nhận được như vậy trong Giáo hội của Ta chẳng khác gì món ăn tàn dư của kẻ hạ tiện.

Sau khi nói vậy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con một người ở giai cấp hạ tiện. Khi đến tuổi trưởng thành, vì một vài công việc, Bồ-tát lên đường ra đi và đem theo một giỏ gạo làm lương thực. Lúc bấy giờ, tại Ba-la-nại, có một thanh niên tên là Satadhamma, là con một gia đình đại Bà-la-môn phương Bắc cũng vì một vài công việc lên đường ra đi, nhưng không đem theo gạo để làm lương thực. Cả hai cùng gặp nhau trên con đường lớn. Thanh niên ấy hỏi Bồ-tát:

– Ngươi ở giai cấp gì?

Bồ-tát đáp:

– Tôi thuộc giai cấp hạ tiện.

Bồ-tát hỏi:

– Cậu ở giai cấp gì?

Anh ta đáp:

– Tôi thuộc giai cấp Bà-la-môn phương Bắc.

– Lành thay, chúng ta cùng đi!

Cả hai cùng đi. Khi đến giờ ăn sáng, Bồ-tát ngồi xuống tại chỗ có nước tốt, rửa tay, mở giỏ cơm và nói với thanh niên ấy:

– Hãy ăn cơm!

– Này tiện dân, ta không cần cơm.

Bồ-tát nói:

– Lành thay!

Rồi không để cho dư cơm thừa, Bồ-tát để cơm vừa đủ cho mình ăn trên một cái lá khác, cột cái giỏ lại, để nó một bên. Bồ-tát ăn xong, uống nước, rửa tay chân rồi cầm lấy cơm gạo còn lại và nói với thanh niên:

– Này cậu, chúng ta cùng đi!

Rồi họ lại lên đường. Cả ngày hai người cùng đi, đến chiều cả hai tắm tại một chỗ có nước tốt. Sau khi tắm xong, họ lên bờ. Bồ-tát ngồi một chỗ thoải mái, mở giỏ cơm, không mời cậu thanh niên kia và bắt đầu ngồi ăn. Cậu trai kia cả ngày đi mệt mỏi lại đói bụng, đứng nhìn và nghĩ: "Nếu nó cho ta cơm, ta sẽ ăn." Bồ-tát không nói gì, vẫn ăn. Cậu trai nghĩ: "Kẻ hạ tiện này không mời gì ta, lại ăn hết cả đồ ăn. Để khỏi bị đói bức bách, ta lấy một miếng, quăng đi phần cơm dơ bẩn ở trên và ăn phần cơm còn lại." Anh ta làm như anh đã nghĩ và ăn phần cơm được làm cho sạch sẽ. Vừa ăn xong, anh ta hết sức hối hận ăn năn. Anh nôn hết thức ăn và máu trào ra theo đó:

– Ôi, vì ta phóng dật, đã làm một việc không thích đáng. Ta đã làm nhục dòng họ, gia tộc cao quý của ta. Ta đã ăn phần cơm dư thừa của một tên hạ đẳng!

Sau khi khóc than, sầu muộn, anh ta nói lên bài kệ đầu:

57. Nhỏ thay dư tàn ấy, Nó cho rất khó khăn!
Ta sanh là Phạm chí, Món ăn bị nôn ra.

Cậu trai ấy than khóc như vậy:

– Hôm nay, ta đã làm một việc không thích đáng chỉ vì sự sống!

Nói vậy xong, anh ta đi sâu vào rừng, không để một ai thấy mình, rồi anh ta sầu muộn và chết trong cô độc.

***

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, giống như thanh niên Satadhamma, sau khi ăn đồ ăn dư tàn của kẻ hạ tiện, tự trách mình đã ăn không xứng đáng nên không vui cười, không hoan hỷ. Cũng vậy, ai xuất gia trong Giáo hội này và sống với sinh kế phi pháp, khi hưởng thọ thức ăn đã nhận được do cách thức như trên, đã sống một nếp sống bị đức Phật bài bác và chỉ trích, kẻ ấy sẽ không vui cười và hoan hỷ.

Rồi bậc Đạo sư đọc bài kệ thứ hai:

58. Ai hủy hoại Chánh pháp, Sinh sống theo phi pháp,
Như Satadhamma, Sống không được hoan hỷ.

Như vậy, bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, liền thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, nhiều Tỷ-kheo đã đắc các Đạo và Quả.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Ta là kẻ tiện dân ấy.

§180. CHUYỆN KHÓ CHO (*Duddadajātaka*)[25] (*J.* II. 85)

Cho những gì khó cho...

---

[25] Xem *J.* IV. 64, *Biḷārikosiyajātaka* (*Chuyện phú ông keo kiệt Biḷāri*), số §450; *J.* VI. 481, *Vessantarajātaka* (*Chuyện Đại vương Vessantara*), số §547; *S.* I. 39, *Maccharisutta* (*Kinh Xan tham*).

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự bố thí của hội chúng. Ở Xá-vệ, có hai người bạn là con trai của những điền chủ, cùng nhau đi quyên, rồi sắp đặt tất cả các món vật dụng, mời chúng Tỳ-kheo với đức Phật là vị lãnh đạo và tổ chức đại bố thí trong bảy ngày. Đến ngày thứ bảy, họ bố thí tất cả các món vật dụng, mời vị cao niên nhất trong hội chúng đảnh lễ bậc Đạo sư, rồi ngồi xuống một bên và thưa:

– Bạch Thế Tôn, trong sự bố thí này, có người cho nhiều, có người cho ít. Mong rằng bố thí này sẽ có quả báo lớn cho tất cả mọi người.

Vị cao niên dâng lễ cúng dường tác bạch như vậy. Bậc Đạo sư nói:

– Này các cư sĩ, các ông cúng dường chúng Tăng với đức Phật là vị lãnh đạo, dâng cúng như vậy là thiện nghiệp lớn. Các bậc Hiền trí thuở xưa, khi bố thí như vậy cũng tác bạch cúng dường như vậy.

Nói xong, theo lời yêu cầu của các vị ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở xứ Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát được học tập tại Takkasilā, sau đó xuất gia sống đời đạo sĩ, cùng với một hội chúng đệ tử đến sống ở vùng Tuyết sơn. Hội chúng sống lâu ngày trong khu vực Tuyết sơn, khi cần muối và giấm chua, đã đi xuống quốc lộ; họ đi đến Ba-la-nại và sống trong ngự uyển của vua.

Ngày hôm sau, Bồ-tát cùng với hội chúng đi khất thực tại ngôi làng gần cửa thành để dân làng bố thí đồ ăn. Ngày tiếp, Bồ-tát đi khất thực tại Ba-la-nại. Dân chúng vui vẻ bố thí đồ ăn. Họ họp thành đoàn thể, thâu góp đồ quyên được, sửa soạn bố thí và tổ chức một cuộc bố thí lớn cho hội chúng đạo sĩ. Cuối cuộc bố thí, bậc cao niên nhất nói về cách thức dâng đồ cúng dường. Bồ-tát nói:

– Này các Hiền giả, khi nào tâm hoan hỷ thì không có bố thí nào nhỏ cả.

Nói xong lời tùy hỷ, Bồ-tát đọc các bài kệ này:

59. Cho những gì khó cho, Làm những việc khó làm,
Kẻ xấu khó làm được, Pháp kẻ thiện khó theo.

60. Do vậy kẻ thiện, ác, Từ đây đi khác nhau,
Kẻ ác xuống địa ngục, Bậc thiện lên thiên giới.

Như vậy, Bồ-tát nói lời tùy hỷ, rồi sống tại đấy trong bốn tháng mùa mưa. Sau khi mùa mưa đã qua, ngài đi đến Tuyết sơn tu tập thiền định không gián đoạn và sau khi mạng chung, được sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, liền nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, chúng đạo sĩ là hội chúng của Như Lai, và Sư trưởng hội chúng là Ta vậy.

IV. PHẨM ASADISA
(*ASADISAVAGGA*)

§181. CHUYỆN HOÀNG TỬ ASADISA (*Asadisajātaka*) (*J.* II. 86)

Vị thiện xạ hoàng tử...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về cuộc xuất gia vĩ đại.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới thực hiện cuộc xuất gia vĩ đại. Thuở xưa, Như Lai cũng đã từ bỏ vương vị và xuất gia.

Nói vậy xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm con hoàng hậu, được sanh an toàn và trong ngày đặt tên, được gọi là Hoàng tử Asadisa (Vô Địch). Khi hoàng tử bắt đầu biết chạy, vị hữu tình khác có công đức cũng nhập thai làm con hoàng hậu, được sanh ra an toàn, và trong ngày đặt tên, được gọi là Hoàng tử Brahmadatta.

Khi được mười sáu tuổi, Bồ-tát đi Takkasilā, học ba tập Vệ-đà và mười tám tài nghệ với một sư trưởng có danh tiếng nhiều phương. Trong nghề bắn cung, Bồ-tát là vô địch. Học xong Bồ-tát trở về Ba-la-nại.

Khi vua mạng chung, vua có di chúc lập Hoàng tử Asadisa làm vua và Hoàng tử Brahmadatta làm Phó vương. Sau khi vua băng hà, Hoàng tử Asadisa từ chối vương vị và nói:

– Ta không muốn vương vị.

Và Hoàng tử Brahmadatta được làm lễ Quán đảnh. Bồ-tát không cần danh vọng, không muốn gì hết. Trong khi người em trị nước, Bồ-tát sống như một ông hoàng. Những người hầu cận vu cáo Bồ-tát với vua:

– Hoàng tử Asadisa muốn chiếm vương quốc.

Vua tin lời nói của họ, tâm tư bị mê hoặc, sai người đi bắt Bồ-tát. Một người hầu của Bồ-tát báo cho ngài biết tin này. Bồ-tát tức giận em, liền đi đến một nước khác và báo tin cho vua này biết rằng có một người bắn cung đang đứng đợi trước hoàng môn. Vua hỏi:

– Kẻ ấy muốn bao nhiêu tiền lương?

– Mỗi năm, một trăm ngàn đồng.

– Được, hãy đưa kẻ ấy đến!

Khi Bồ-tát đến yết kiến và đứng chầu, vua hỏi:

– Khanh là người bắn cung?

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

– Lành thay, hãy phục vụ ta!

Từ đấy trở đi Bồ-tát phục vụ nhà vua. Nhưng các người bắn cung cũ lấy làm bất mãn vì lương của Bồ-tát quá cao.

Một hôm, vua đi đến ngự uyển, tại chỗ đó dưới gốc xoài được dựng lên một lều vải trước bàn thạch dùng làm nghi lễ. Vua nằm trên sàng tọa lộng lẫy dưới gốc cây xoài, nhìn lên thấy một chùm xoài trên ngọn cây và suy nghĩ: "Không thể leo cây để hái chùm xoài quá cao", liền cho gọi các người bắn cung đến và nói:

– Các khanh có thể dùng mũi tên cắt đứt chùm xoài này và làm nó rơi xuống không?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, làm việc này không khó gì đối với chúng thần. Đại vương đã thấy tài nghệ chúng thần nhiều lần trước rồi. Người bắn cung mới tới nhận tiền lương nhiều hơn chúng thần, xin hãy bảo kẻ ấy bắn rơi chùm xoài.

Vua truyền Bồ-tát đến và hỏi:

– Khanh có thể bắn rơi chùm xoài ấy không?

– Thưa vâng, tâu Đại vương. Nếu được chọn chỗ đứng, thần có thể.

– Chỗ đứng nào?

– Chỗ đứng tại sàng tọa mà Đại vương nằm!

Vua bảo dời sàng tọa và nhường chỗ cho Bồ-tát. Bồ-tát không có cung tầm tay, nhưng thường nai nịt nó trong bộ áo sát thân, do vậy cần phải có cái lều để thay quần áo. Vua ra lệnh mang lều vải và cắm lều. Rồi Bồ-tát đi vào trong lều, cởi tấm vải trắng đã mang trên mình, rồi mặc một áo đỏ sát da, buộc dây nịt và khoác một áo cánh ngang hông màu đỏ.

Từ một cái túi, Bồ-tát lấy ra một cây kiếm được tách rời từng mảnh, ráp chúng lại và đeo vào phía bên trái. Kế đó, ngài mang một áo giáp bằng vàng, đeo ống tên sau lưng, lấy ra cái cung lớn bằng sừng dê được làm bằng nhiều mảnh. Bồ-tát lắp chúng lại, buộc dây cung đỏ như màu san hô, đội một chiếc khăn trên đầu, lấy móng tay quay mũi tên hai ba vòng và vén màn đi ra giống như hoàng tử rắn từ hang hiện lên. Bồ-tát đi đến chỗ bắn cung, lắp tên vào cung và hỏi vua:

– Tâu Đại vương, thần có thể cắt chùm xoài này với mũi tên bắn lên hay tên rơi xuống?

– Này khanh, ta thường thấy một vật rơi xuống do một mũi tên bắn lên, chứ

chưa hề thấy mũi tên từ trên rơi xuống. Vậy khanh nên làm mũi tên rơi xuống chùm xoài.

– Thưa Đại vương, mũi tên này sẽ được bắn lên xa đến tận trời của Bốn Thiên Vương rồi mới rơi xuống. Xin Đại vương chịu khó chờ đợi.

– Lành thay!

Vua chấp nhận. Rồi Bồ-tát nói:

– Thưa Đại vương, mũi tên này khi bắn lên sẽ cắt đứt cành xoài ở chính giữa; và khi rơi xuống, nó không rơi trật ra bên này bên kia dù chỉ một sợi tóc, nhưng rơi đúng chỗ mình muốn và mang theo chùm xoài. Đại vương hãy xem!

Với sự nhanh nhẹn, Bồ-tát bắn lên mũi tên ấy đâm đúng chỗ giữa của chùm xoài. Ngay khi biết mũi tên ấy đã lên đến cung điện của Bốn Thiên Vương, ngài bắn thêm một mũi tên khác, đi nhanh hơn cả mũi tên trước, và chạm vào lông của mũi tên đầu, khiến nó quay trở lại, còn mũi tên sau bay thẳng đến lâu đài ở cõi trời Ba Mươi Ba. Tại đây, chư thiên giữ lại mũi tên ấy. Tiếng xé gió của mũi tên rơi xuống vang động như tiếng sấm. Đại chúng hỏi:

– Đó là tiếng gì?

Bồ-tát trả lời:

– Đó là tiếng của mũi tên rơi xuống.

Bồ-tát biết rằng mọi người sợ mũi tên rơi trúng mình bèn an ủi họ:

– Chớ sợ hãi. Ta sẽ không cho mũi tên rơi xuống đất đâu.

Mũi tên rơi xuống, không đi trật ra bên này bên kia dù chỉ một sợi tóc, nhưng rơi đúng chính giữa và cắt đứt chùm xoài. Bồ-tát không cho chùm xoài và mũi tên rơi xuống đất, một tay bắt lấy chùm xoài, một tay bắt lấy mũi tên. Đại chúng thấy sự kiện kỳ diệu ấy tán thán bậc Đại sĩ:

– Chúng ta chưa bao giờ thấy sự kiện hy hữu này.

Họ la lên, vỗ tay, búng ngón tay và vẫy hàng ngàn khăn tay qua lại trên không. Trong sự hân hoan thỏa thích, hội chúng quần thần góp được mười triệu đồng tặng cho Bồ-tát. Còn vua ban cho Bồ-tát nhiều tặng vật và danh vọng lớn.

Trong khi Bồ-tát sống ở đây được vua này cung kính, tôn trọng, thì bảy vua khác nghe Hoàng tử Asadisa không có mặt ở Ba-la-nại, liền đi đến vây kinh thành và gửi tin cho vua:

– Phải đầu hàng hay giao chiến.

Vua hoảng hốt sợ chết và hỏi:

– Hiền huynh của ta nay ở đâu?

Khi được nghe ngài đang phục vụ một vua láng giềng, vua nói:

– Nếu anh ta không đến, ta sẽ mất mạng. Hãy ra đi và nhân danh ta, đảnh lễ dưới chân hiền huynh ta, xin lỗi và rước anh ta về!

Vua sai sứ giả ra đi báo tin ấy cho Bồ-tát. Ngài xin phép vua của mình trở

về Ba-la-nại, an ủi em đừng sợ, rồi cho khắc những chữ sau đây trên một mũi tên: "Ta, Hoàng tử Asadisa đã trở về. Chỉ bắn một mũi tên, ta có thể giết tất cả các ngươi. Ai còn yêu mạng sống hãy chạy trốn đi!"

Rồi đứng trên tháp canh, Bồ-tát bắn mũi tên này làm nó rơi vào chính giữa cái đĩa vàng mà bảy ông vua ấy đang ăn chung. Khi họ đọc các chữ ấy, họ hoảng hốt sợ chết và tất cả đều tháo chạy. Như vậy, bậc Đại sĩ không làm rơi một giọt máu để một con ruồi nhỏ có thể uống được và đã khiến cho bảy vua bỏ chạy. Rồi nhìn em trai, ngài từ bỏ các dục, xuất gia làm vị đạo sĩ, ngài đạt được các thắng trí và các thiền chứng, đến khi mạng chung, ngài được sanh lên Phạm thiên giới.

Bậc Đạo sư nói:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, sau khi đuổi bảy vua chạy và thắng trận, Hoàng tử Asadisa đã xuất gia làm vị đạo sĩ.

***

Rồi nhân danh bậc Chánh Giác, bậc Đạo sư đọc những bài kệ:

61. Vị thiện xạ hoàng tử, Tên Asadisa,
Bậc đại hùng vô địch, Bắn xa, nhanh như chớp,
Đã phá vỡ tan tành, Đại bộ phận quân địch.

62. Giao chiến giữa quân thù, Nhưng không hại một ai,
Cứu người em an toàn, Bồ-tát tự chế ngự.

Sau khi bậc Đạo sư nói xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người em trai là Ānanda, còn Hoàng tử Asadisa là Ta vậy.

§182. CHUYỆN CON VOI THIỆN CHIẾN

(***Saṁgāmāvacarajātaka***) (*J.* II. 92)

Anh hùng quen chiến trận...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tôn giả Nanda.

Từ khi trở về thành Kapila lần đầu tiên, cho người em trai là Hoàng tử Nanda (Nan-đà) xuất gia xong, bậc Đạo sư đã đi ra khỏi thành Kapila, tuần tự đi đến Xá-vệ và sống tại đây. Tôn giả Nanda nhớ lại khi cầm lấy bình bát của Thế Tôn, cùng với Thế Tôn đi ra khỏi nhà thì một Thích nữ có tình cảm đối với Nanda, nhìn ra cửa sổ với đầu tóc đang chải dở, thấy vậy nàng nói:

– Sao Hoàng tử Nanda lại đi ra với bậc Đạo sư? Mong Tôn giả hãy sớm trở về!

Nhớ tiếng nói của nàng, Tôn giả sanh luyến ái, không vui vẻ, trở thành vàng vọt và tay chân nổi gân. Bậc Đạo sư biết được tin này, suy nghĩ: "Ta sẽ khuyên dạy Nanda từ bỏ tiếng sét ái tình và tu đạo giải thoát."

Ngài đi đến phòng Nanda ở, ngồi xuống chỗ soạn sẵn và hỏi:

– Này Nanda, ông có an vui trong Pháp và Luật này không?

– Bạch Thế Tôn, tâm con bị nàng chi phối. Con không an vui.

– Này Nanda, trước đây ông đã đến chiêm bái Tuyết sơn chưa?

– Bạch Thế Tôn, con chưa đến.

– Vậy chúng ta hãy đi.

– Bạch Thế Tôn, nhưng con không có thần thông làm sao con đi được?

– Này Nanda, Ta sẽ đưa ông đi với thần lực của Ta.

Rồi bậc Đạo sư cầm lấy tay vị Trưởng lão bay lên hư không.

Giữa đường, hai vị đi qua một đám ruộng bị cháy, trên một khúc cây bị cháy, một con khỉ cái ngồi với mũi và đuôi bị sứt lông trụi hết, da ngoài bị cháy, chỉ còn da trong bê bết máu. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Nanda, ông có thấy con khỉ không?

– Dạ có, bạch Thế Tôn.

– Hãy nhìn nó cho kỹ.

Rồi bậc Đạo sư dắt Nanda và chỉ cho Nanda thấy trải dài sáu mươi do-tuần là cao nguyên Manosilā, bảy hồ lớn như hồ Anotatta kỳ vĩ, v.v... năm con sông lớn, toàn bộ Tuyết sơn có hàng trăm cảnh trí tuyệt đẹp với núi Vàng, núi Bạc, núi Bảo Châu. Rồi bậc Đạo sư hỏi:

– Này Nanda, trước đây ông có thấy cung điện cõi trời Ba Mươi Ba chưa?

– Bạch Thế Tôn, con chưa thấy.

– Hãy đi, này Nanda, Ta sẽ chỉ cho ông thấy cung điện cõi trời Ba Mươi Ba.

Rồi bậc Đạo sư dắt Nanda đến đấy và ngồi trên hoàng thạch tọa. Thiên chủ Sakka (Đế-thích) liền đi đến với chư thiên của hai thiên giới, đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống một bên. Hai mươi lăm triệu tiên nữ của Đế-thích và năm trăm thiên nữ với bàn chân bồ câu cũng đến đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư làm cho Nanda khởi tâm say đắm nhìn năm trăm thiên nữ ấy không chớp mắt.

– Này Nanda, ông có thấy các thiên nữ với bàn chân bồ câu này không?

– Bạch Thế Tôn, con đã thấy.

– Này Nanda, những thiên nữ này đẹp hay Thích nữ của ông đẹp?

– Bạch Thế Tôn, ví như con khỉ cái tàn phế so sánh với cung nữ của vua; cũng vậy, nếu so sánh Thích nữ của vua với các thiên nữ này.

– Này Nanda, nay ông sẽ làm gì?

– Bạch Thế Tôn, làm thế nào để được các thiên nữ ấy?

– Hành trì Sa-môn pháp sẽ được các thiên nữ ấy.

– Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn hứa với con rằng do hành trì pháp Sa-môn con sẽ được các thiên nữ ấy thì con sẽ hành trì pháp Sa-môn.

– Này Nanda, Ta hứa với ông đó, hãy hành trì đi!

Như vậy, vị Trưởng lão đứng giữa thiên chúng, sau khi được lời hứa của Thế Tôn, liền thưa:

– Bạch Thế Tôn, chớ quá chậm trễ. Chúng ta hãy đi về và con sẽ hành trì pháp Sa-môn.

Bậc Đạo sư đưa Nanda trở về Kỳ Viên và vị Trưởng lão bắt đầu hành trì pháp Sa-môn. Bậc Đạo sư gọi vị Tướng quân Chánh pháp và bảo:

– Này Sāriputta (Xá-lợi-phất), Nanda em của Ta, giữa thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba, vì thích thú các thiên nữ đã khiến Ta lấy lời hứa của Ta để khích lệ vị ấy.

Cùng cách ấy, bậc Đạo sư báo tin cho Trưởng lão Mahāmoggallāna, Trưởng lão Mahākassapa (Đại Ca-diếp), Trưởng lão Anuruddha (A-na-luật-đà), Trưởng lão Ānanda (A-nan), vị Thủ kho Chánh pháp, tất cả tám mươi vị Đại đệ tử và lần lượt các Tỷ-kheo còn lại đều biết. Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp đi đến Trưởng lão Nanda và nói:

– Có thật chăng, này Hiền giả Nanda, nghe nói giữa thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba, Hiền giả đã khiến bậc Đạo sư hứa là Hiền giả sẽ hành trì pháp Sa-môn để được các thiên nữ?

Rồi Trưởng lão nói tiếp:

– Nếu sự việc như vậy, thì Phạm hạnh của Hiền giả tùy thuộc nữ nhân và hệ lụy đến phiền não. Nếu Hiền giả hành trì pháp Sa-môn vì mục đích được các nữ nhân ấy thì có gì khác giữa Hiền giả và một người làm thuê để lấy lương?

Lời nói ấy khiến Tôn giả Nanda xấu hổ và liền dập tắt mọi ham muốn. Cũng với phương tiện này, tất cả tám mươi vị Đại đệ tử và các Tỷ-kheo còn lại đều khuyên răn khiến Tôn giả Nanda xấu hổ. Tôn giả Nanda suy nghĩ: "Điều ta làm thật không xứng đáng." Và với tàm quý, Tôn giả Nanda kiên trì nỗ lực, tăng trưởng thiền quán và chứng quả A-la-hán.

Rồi Tôn giả Nanda đi đến Thế Tôn và thưa:

– Bạch Thế Tôn, con xin giải tỏa Thế Tôn khỏi lời hứa.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Nanda, khi ông đã đạt quả A-la-hán thì Ta được giải tỏa khỏi lời hứa rồi.

Biết được sự việc này, các Tỷ-kheo tại pháp đường bắt đầu nói chuyện về Tôn giả Nanda:

– Hiền giả Nanda thật là dễ dạy. Chỉ một lời khuyên răn đã khiến vị ấy xấu hổ. Hiền giả Nanda liền hành trì pháp Sa-môn và chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo sư đi đến pháp đường và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang họp ở đây bàn câu chuyện gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà thuở xưa, Nanda cũng đã nghe lời khuyên dạy như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người huấn luyện voi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát đạt được sự thiện xảo trong nghề nghiệp và phục vụ một vị vua thù nghịch với vua xứ Ba-la-nại. Bồ-tát được bảo huấn luyện con voi quý của vua và đã huấn luyện nó tốt đẹp.

Vua ấy quyết định xâm chiếm quốc độ Ba-la-nại liền đem Bồ-tát đi theo, cưỡi lên con voi quý cùng với quân đội lớn đi đến Ba-la-nại, bao vây thành và gửi tối hậu thư cho vua xứ Ba-la-nại:

– Hãy giao quốc độ hay chiến đấu!

Vua Brahmadatta quyết định đánh, liền triệu tập đội binh hùng hậu tại các cửa thành, tháp canh và chiến đấu. Vua thù địch cho con voi quý mặc áo giáp, rồi tự mình mặc áo giáp cưỡi lên đầu con voi, cầm một câu móc sắc bén, thúc con voi tiến đến trước mặt thành và nói lớn:

– Ta sẽ công phá thành, giết mạng sống của tên vua thù địch, khiến vương quốc nó rơi vào trong tay ta.

Khi thấy các quân giữ thành đổ bùn sôi, ném các hòn đá từ máy ném, con voi ấy sợ chết, nên không thể tiến tới và lùi bước. Tức thì vị tượng sư đến và nói:

– Này voi thân, con là bậc anh hùng đã quen thuộc chiến trận. Tại trận địa như vậy, nếu con lùi bước thì thật là không xứng đáng.

Bồ-tát khuyên con voi với bài kệ này:

63. Anh hùng quen chiến trận, Voi được tiếng lẫy lừng,
Tấn công các cửa thành, Sao voi lại lùi bước?

64. Phá mau thanh cửa sắt, Nhổ lên các cột trụ,
Đạp nát các cửa thành, Hỡi voi, mau vào thành!

Nghe nói vậy, theo lời khuyên, con voi quay trở lại, lấy cái vòi quấn vào các cột trụ, nhổ chúng lên như nhổ các cọng nấm. Nó đạp nát cửa thành, bẻ gãy thanh cửa, đi vào thành và chiếm lấy vương quốc cho vua.

***

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài liền nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy con voi là Nanda, vua là Ānanda và Sư trưởng huấn luyện voi là Ta vậy.

§183. CHUYỆN NƯỚC LỌC TỪ ĐỒ TÀN THỰC

(***Vālodakajātaka***) (*J.* II. 95)

Nước tồi tệ, ít vị...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về năm trăm người sinh sống bằng cách ăn đồ ăn dư thừa.

Nghe nói ở Xá-vệ có năm trăm cư sĩ giao gánh nặng gia đình cho vợ con rồi sống với nhau và đến nghe pháp bậc Đạo sư giảng. Giữa họ có một số chứng quả Dự lưu, một số chứng quả Nhất lai, một số chứng quả Bất lai, không một người nào là không chứng quả.

Dân chúng mời bậc Đạo sư thọ thực và thường mời luôn các cư sĩ ấy. Nhưng họ có năm trăm người hầu hạ, đem que xỉa răng, nước rửa mặt, hương thơm, vòng hoa, và những người này sinh sống với đồ ăn dư thừa của chủ. Sau buổi ăn sáng, bọn ấy nằm ngủ; rồi khi thức dậy, cả bọn đến sông Aciravatī, la hét trên bờ sông và vật lộn nhau như những người Mallā. Còn năm trăm cư sĩ không làm ồn, không la hét và sống yên lặng tịnh cư. Bậc Đạo sư nghe tiếng ồn ào của những người hầu ăn đồ tàn thực ấy, liền hỏi Trưởng lão Ānanda:

– Tiếng ồn này là gì vậy?

Ngài được đáp lại:

– Bạch Thế Tôn, đây là tiếng ồn của những người hầu ăn đồ tàn thực.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Ānanda, không phải chỉ nay những người hầu này ăn đồ tàn thực xong và làm ồn ào. Còn những người cư sĩ này không phải chỉ nay mới quy tụ với nhau và giữ im lặng. Thuở xưa, họ cũng đã như vậy rồi.

Rồi theo lời Trưởng lão yêu cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một vị đại thần. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát làm người cố vấn cho vua về các vấn đề thánh sự và tục sự.

Một thời, vua nghe nói ở biên địa có nổi loạn, liền chuẩn bị năm trăm con ngựa Sindh cùng với bốn loại binh chủng ra đi và bình định biên địa. Sau khi trở về Ba-la-nại, vua ra lệnh:

– Vì các con ngựa Sindh đã mệt mỏi, hãy cho chúng ăn đồ tươi và uống nước nho!

Các chú ngựa Sindh uống nước thơm ngon rồi đi vào chuồng ngựa và đứng yên lặng trên chỗ của mình. Nhưng còn nhiều đồ ăn cặn bã với các chất ngon ngọt đã bị vắt hết. Các người ấy hỏi vua:

– Nay chúng con phải làm gì với những vật này?

Vua nói:

– Hãy nhồi chúng với nước, vắt khô với vải lọc và cho đàn lừa!

Các con lừa uống nước cặn bã, trở thành say sưa, kêu vang và chạy quanh khắp sân vua. Vua mở cửa sổ lớn nhìn xuống sân gọi Bồ-tát đang đứng gần và nói:

– Hãy nhìn xem, những con lừa này uống nước cặn bã xong trở thành say sưa, la hét, nhảy chồm lên và chạy quanh! Còn các con ngựa Sindh sanh ra thuần chủng, sau khi uống nước thơm, lại im lặng và đứng một chỗ, không chạy nhảy qua lại.

Vua hỏi vì sao như vậy và Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

65. Nước tồi tệ, ít vị, Chất tươi bị vắt sạch,
Uống vào lừa say sưa, Thưa Nhân chủ, ngài hỏi,
Ngựa Sindh loài thuần chủng, Uống loại nước thượng vị,
Đứng yên lặng tại chỗ, Không chạy nhảy say sưa.

Rồi Bồ-tát giải thích vấn đề qua bài kệ thứ hai:

66. Cũng vậy người hạ đẳng, Dù ăn món dư tàn,
Vẫn say sưa nhảy nhót, Sống thoải mái an nhàn.
Còn hạng người thuần tánh, Giữ tâm trí vững vàng,
Cho dù được uống cạn, Rượu thượng vị cao sang.

Vua nghe lời Bồ-tát nói, liền cho đuổi các con lừa ra khỏi sân chầu. Sau đó, vua tuân theo lời khuyên dạy của Bồ-tát làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung, vua đi theo nghiệp của mình.

***

Khi bậc Đạo sư nói pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, năm trăm con lừa là các người ăn đồ tàn thực này, năm trăm con ngựa Sindh là năm trăm cư sĩ này, vua là Ānanda, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§184. CHUYỆN NGƯỜI LUYỆN NGỰA GIRIDANTA

(*Giridantajātaka*) (*J.* II. 98)

Con ngựa Paṇḍava...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về một người thân cận kẻ ác. Câu chuyện đã được kể trong *Chuyện con voi Mahilāmukha.*[26] Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này mới thân cận kẻ ác. Thuở xưa, Tỷ-kheo này cũng đã thân cận kẻ ác rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

***

[26] Xem *J.* I. 185, *Mahilāmukhajātaka* (*Chuyện con voi Mahilāmukha*), số §26.

Thuở xưa, vào thời Vua Sāma trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình vị đại thần và khi đến tuổi trưởng thành, trở thành cố vấn cho vua về các vấn đề thánh sự và tục sự.

Bấy giờ, vua có con ngựa quý tên Paṇḍava và một người huấn luyện ngựa tên Giridanta, là người què chân. Con ngựa thường thấy người cầm dây cương đi phía trước, suy nghĩ: "Người ấy muốn dạy ta đi cà nhắc", nên nó học theo và đi cà nhắc. Người ta trình cho vua biết là con ngựa què. Vua sai mời thú y. Thú y không thấy bệnh gì trên thân ngựa, liền thưa với vua:

– Hạ thần không thấy bệnh gì trên thân ngựa.

Vua cho gọi Bồ-tát:

– Hãy đến, này khanh, và tìm nguyên nhân việc ấy!

Bồ-tát đi đến, biết con ngựa ấy què do thân cận với người huấn luyện ngựa bị què, liền tâu vua biết sự kiện này:

– Đây là cái hại do thân cận người xấu.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

67. Con ngựa Paṇḍava, Của Đại vương Sāma,
Bị tật nguyền tai hại, Vì Giridanta,
Nó bỏ bản tánh xưa, Học theo người huấn luyện.

Vua hỏi Bồ-tát:

– Này khanh, nay phải làm gì?

Bồ-tát đáp:

– Hãy tìm một người huấn luyện tốt, không què và con ngựa sẽ trở lại như xưa!

Nói xong, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

68. Tìm người đáng tin cậy, Có phong cách tốt lành,
Thắng dây cương vào ngựa, Tập nó chạy vòng tròn,
Nó mau bỏ tật cũ, Học theo người huấn luyện.

Vua làm theo như vậy. Con ngựa dần trở lại tốt lành như xưa. Vua khen Bồ-tát hiểu biết tánh tình các loài súc sanh, liền ban thưởng cho Bồ-tát nhiều danh vọng lớn.

***

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Giridanta là Devadatta, con ngựa là Tỷ-kheo thân cận người ác, vua là Ānanda, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§185. CHUYỆN TÂM BẤT TỊNH (*Anabhiratijātaka*) (*J.* II. 99)

Như nước đục vẩy bùn...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một thanh niên Bà-la-môn. Chàng tinh thông ba tập Vệ-đà, giảng dạy Thánh điển cho nhiều thanh niên Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn. Sau một thời gian, thanh niên ấy xây dựng gia đình, tâm tư suy nghĩ đến y phục, trang sức, nam nô, nữ tỳ, ruộng đất, trâu bò, vợ con, v.v... Bị tham, sân, si chi phối, tâm tư vẩn đục, chàng không thể đọc các chân ngôn theo thứ tự rõ ràng. Một hôm, người ấy đem theo nhiều hương, vòng hoa đi đến Kỳ Viên cúng dường, đảnh lễ bậc Đạo sư, rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư ân cần nói chuyện với người ấy và hỏi:

– Này cư sĩ, ông dạy học các chân ngôn, ông có thuộc lòng các chân ngôn ấy chăng?

– Bạch Thế Tôn, lúc trước con thuộc lòng các chân ngôn ấy, nhưng từ khi con lập gia đình, tâm con trở nên vẩn đục; do vậy, con không thuộc lòng các chân ngôn ấy như trước nữa!

Bậc Đạo sư nói:

– Này cư sĩ, không phải chỉ nay ông mới như vậy. Thuở trước, tâm ông không vẩn đục, ông đã thuộc lòng các chân ngôn. Nhưng khi ông bị các dục vọng chi phối thì ông không nhớ các chân ngôn nữa.

Nói vậy xong, theo lời yêu cầu của cư sĩ ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh vào một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát học thuộc lòng các chân ngôn ở Takkasilā và trở thành bậc Sư trưởng có danh tiếng. Khi trở về Ba-la-nại, Bồ-tát dạy các chân ngôn ấy cho một số đông thiếu niên Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn.

Trong số ấy có một thanh niên Bà-la-môn học thuộc lòng ba tập Vệ-đà mà không ngập ngừng một câu nào cả và trở thành phụ tá cho Sư trưởng dạy các chân ngôn. Sau một thời gian, vị ấy lập gia đình, luôn luôn bận tâm vì gia sự, nên tâm trở thành vẩn đục, không thể tụng đọc thuộc lòng các chân ngôn nữa. Rồi vị Sư trưởng đi đến thăm thanh niên ấy và hỏi:

– Này thanh niên, con có còn thuộc lòng các chân ngôn không?

Chàng đáp:

– Từ khi con lập gia đình, tâm con trở thành vẩn đục, con không thể đọc thuộc lòng các chân ngôn.

Vị Sư trưởng nói:

– Này con thân, khi tâm bị vẩn đục, dù con cố học kỹ lưỡng đến đâu đi nữa, cũng không thể đọc thuộc lòng các chân ngôn được. Nhưng khi tâm trong sáng thì có thể nhớ chúng rõ ràng.

Sau đó, Bồ-tát đọc hai bài kệ này:

69. Như nước đục vẩy bùn, Không thấy sò, hến, cá,
Sạn, cát nằm phía dưới, Cũng vậy tâm vẩn đục,
Không thấy được lợi mình, Không thấy được lợi người.

70. Như nước lặng trong suốt, Thấy sò, cá nằm dưới,
Cũng vậy tâm thanh thản, Thấy lợi mình, lợi người.

***

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài trình bày các sự thật. Cuối bài giảng ấy, thanh niên Bà-la-môn đắc quả Dự lưu và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn kia là thanh niên này và vị Sư trưởng là Ta vậy.

§186. CHUYỆN VUA DADHIVĀHANA (*Dadhivāhanajātaka*) (*J.* II. 101)

Đẹp, thơm và vị ngọt...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thân cận với kẻ ác. Câu chuyện này giống như câu chuyện trước. Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, thân cận kẻ ác là không tốt và có hại. Tại sao ta phải nói đến tác hại của bạn ác đối với con người? Trong thời gian quá khứ, do thân cận với cây nimba không ngọt và không tốt lành, một cây xoài dù thuộc loài vô tri, với vị ngọt sánh bằng thực phẩm chư thiên cũng trở thành chua và đắng.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, bốn anh em Bà-la-môn tại xứ Kāsi xuất gia làm đạo sĩ. Họ làm một dãy am thất bằng lá ở khu vực Tuyết sơn và sống tại đấy. Người anh cả mạng chung và sanh làm Thiên chủ Sakka (Đế-thích). Biết rõ thần lực của mình, sau khoảng bảy hay tám ngày, Đế-thích thường đến thăm và giúp đỡ đồ chúng.

Một hôm, Thiên chủ đi đến thăm vị khổ hạnh lớn tuổi nhất, đảnh lễ, ngồi xuống một bên, rồi hỏi:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả cần gì?

Vị này mắc bệnh hoàng đản, đáp:

– Tôi cần lửa.

Đế-thích cho một con dao kiếm có búa (con dao kiếm có búa được gọi như vậy là vì khi lắp cán vào có thể dùng như con dao hay cây búa). Vị tu khổ hạnh hỏi:

– Với dụng cụ này, ai mang củi lại cho ta?

Đế-thích nói:

– Thưa Tôn giả, khi Tôn giả cần củi, chỉ lấy tay gõ lên cây búa này và nói: "Hãy đem củi cho ta và nhen lửa", cây búa sẽ đem củi lại và nhen lửa cho Tôn giả.

Sau khi cho vị ấy con dao kiếm có búa thần ấy, Đế-thích đi đến vị thứ hai và hỏi:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả cần gì?

Gần chòi lá vị này có con đường voi đi. Các con voi làm vị này bực phiền. Vị này nói:

– Các con voi này làm ta khổ sở. Hãy đuổi chúng đi!

Đế-thích giao cho vị ấy một cái trống và nói:

– Thưa Tôn giả, đánh mặt phía bên này, Tôn giả sẽ đuổi các kẻ thù; đánh mặt phía bên kia, kẻ thù sẽ trở thành bạn tốt và bao vây Tôn giả với bốn loại binh chủng.

Nói vậy xong, Đế-thích cho vị này cái trống và đi đến vị trẻ tuổi nhất và hỏi:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả cần gì?

Vị này cũng bị bệnh hoàng đản nên nói:

– Tôi cần sữa đông.

Đế-thích cho vị này một ghè sữa đông và nói:

– Nếu Tôn giả muốn gì, hãy lật ngược ghè này, nó sẽ trở thành sông lớn, chảy dòng nước lớn, và có thể chiếm một quốc độ cho Tôn giả.

Nói vậy xong, Đế-thích ra đi. Từ đó trở đi, con dao kiếm có búa được dùng để đốt lửa cho người anh trưởng. Người thứ hai nhờ đánh mặt trống đuổi các con voi đi, còn người em út dùng sữa đông.

Lúc bấy giờ, một con heo rừng sống trong một ngôi làng cũ, chợt thấy một hòn ngọc có thần lực. Khi nó lấy miệng cắn hòn ngọc, nhờ thần lực hòn ngọc, nó bay lên hư không, đi đến một hòn đảo ở giữa biển, và nghĩ: "Nay ta sẽ ở lại đây." Nó đi xuống một chỗ tốt đẹp, dưới gốc cây udumbara và nó sống tại đấy.

Một hôm, con heo rừng để hòn ngọc trước mặt và nằm ngủ dưới gốc cây ấy. Có một người sống ở nước Kāsi, bị cha mẹ đuổi ra khỏi nhà vì không giúp ích được gì, bèn đi đến bờ biển, leo lên một chiếc tàu làm người giúp việc cho chủ tàu. Khi tàu bị chìm giữa biển, anh ta nằm trên tấm gỗ, trôi đến hòn đảo ấy. Trong khi đi tìm trái cây, thấy con heo rừng nằm ngủ, anh ta đi nhẹ đến gần và lấy hòn ngọc.

Nhờ thần lực hòn ngọc, anh ta bay lên hư không, ngồi trên cây udumbara và suy nghĩ: "Con heo rừng này nhờ thần lực hòn ngọc đi được trên hư không. Ta nghĩ có lẽ nó muốn sống ở đây. Trước hết, ta hãy giết nó, ăn thịt rồi sẽ đi." Anh ta bẻ một cây gậy và phóng cây gậy rơi xuống trên đầu con heo rừng. Con

heo rừng thức dậy, không thấy hòn ngọc, hoảng sợ chạy nhanh. Anh ta ngồi trên cây cười lớn. Con heo rừng nhìn lên, thấy anh ta liền húc đầu vào cây và chết tại chỗ. Anh ta trèo xuống đốt lửa nấu thịt con heo rừng, ăn xong liền bay lên hư không.

Khi bay ngang qua dãy Tuyết sơn, anh ta thấy am thất các đạo sĩ liền xuống am thất của người lớn tuổi nhất, ở đấy hai, ba ngày và được vị tu khổ hạnh chiêu đãi. Thấy thần lực của con dao kiếm có búa, anh ta nghĩ: "Ta phải lấy vật dụng này." Anh ta chỉ cho vị tu khổ hạnh thần lực của hòn ngọc và nói:

– Tôn giả hãy lấy hòn ngọc này của tôi và cho tôi con dao kiếm có búa.

Vị tu khổ hạnh mong muốn đi trên hư không, bèn lấy hòn ngọc và trao đổi con dao kiếm có búa với anh ta. Người ấy lấy con dao kiếm có búa, đi một lát, gõ vào vật ấy và nói:

– Này con dao kiếm có búa, hãy chém đầu người tu khổ hạnh và đem lại hòn ngọc cho ta!

Con dao kiếm có búa liền đi chém đầu người tu khổ hạnh và đem lại hòn ngọc. Anh ta cất con dao kiếm có búa tại một chỗ kín, đi đến gần vị đạo sĩ thứ hai và sống tại đấy vài ngày. Anh ta thấy được thần lực của cái trống bèn gạ đổi hòn ngọc để lấy cái trống. Với cách thức trước, anh ta bảo cái búa chém đầu người ấy, rồi đi đến người em út. Thấy thần lực của ghè sữa đông, anh ta cho hòn ngọc, đổi lấy cái ghè sữa đông; và với phương tiện trước, anh ta bảo con dao kiếm có búa chém đầu người ấy. Anh ta lấy lại hòn ngọc, con dao kiếm có búa, cái trống và cái ghè sữa đông, rồi bay lên hư không. Đứng không xa Ba-la-nại, anh ta gửi thư nhờ một người cầm tay mang đến cho vua:

– Hãy giao quốc độ cho ta hay muốn bị chém đầu!

Vua được tin liền nói:

– Ta sẽ bắt tên đạo tặc kia.

Và vua đi ra khỏi thành. Tên cướp ấy đánh trên một mặt trống, khiến bốn loại binh chủng vây quanh mình. Khi biết vua đã dàn bày thế trận, anh ta lật ngược cái ghè sữa đông, khiến dòng sông lớn tuôn chảy. Đại quân của vua bị sữa đông chìm ngập không thể ra được. Rồi anh ta gõ con dao kiếm có búa, bảo con dao chặt đầu vua. Con dao bay đi, đem đầu vua lại và quăng dưới chân anh ta. Không một ai có thể đưa binh khí lên chống anh ta. Với quân lực bao quanh, anh ta vào thành làm lễ Quán đảnh, trở thành vua tên là Dadhivāhana (Vua Mang Sữa Đông) và trị nước.

Một hôm, trong khi đang chơi thả lưới trên sông lớn, một trái xoài chín được chư thần sử dụng, trôi từ hồ Kaṇṇamuṇḍa (ở Tuyết sơn) xuống và mắc vào lưới. Khi lưới được kéo lên, thấy trái xoài ấy, các quan liền dâng vua. Trái xoài ấy lớn bằng cái ghè, tròn trịa, màu sắc vàng. Vua hỏi các người đi rừng:

– Trái cây gì vậy?

Khi nghe đáp là trái xoài, vua ăn xong, bảo đem gieo hột xoài vào vườn của mình, và tưới nước sữa. Cây mọc lên đến năm thứ ba đã sanh trái. Cây xoài được kính trọng, được tưới nước sữa, được cho hương liệu dày đến năm phân, các vòng hoa được giăng xung quanh. Cây được đốt đèn với dầu thơm, có màn vải bao bọc xung quanh để bảo vệ các trái chín có vị ngọt và sắc vàng.

Khi Vua Dadhivāhana gửi các trái xoài để tặng các vua khác, vì sợ sau này hột xoài sẽ mọc lên thành cây xoài, vua lấy gai chích tại chỗ mộng sanh cây. Các vua ấy ăn xoài xong, gieo hạt nhưng nó không mọc. Họ hỏi nguyên do và biết được sự việc. Một vị vua cho gọi người giữ vườn và hỏi:

– Người có thể phá hoại hương vị trái xoài của Vua Dadhivāhana, khiến nó trở thành đắng được không?

Người ấy đáp:

– Tâu Đại vương, có thể được.

Vua liền sai người ấy đi và cho một ngàn đồng tiền vàng. Người ấy đi đến Ba-la-nại, báo tin cho vua này biết có một người giữ vườn đến. Khi được vua cho gọi, anh ta vào thành, đảnh lễ vua. Vua hỏi:

– Ngươi có phải là người giữ vườn không?

Anh ta thưa:

– Tâu Đại vương, phải.

Và anh ta bắt đầu ca tụng khả năng của mình. Vua nói:

– Ngươi có thể làm phụ tá cho người giữ vườn của ta.

Từ đấy trở đi, hai người săn sóc ngự viên. Người giữ vườn mới tới không bao lâu đã làm cho cây trổ hoa trái mùa và sanh quả trái mùa, khiến cho khu vườn càng thêm xinh đẹp. Vua rất bằng lòng bèn đuổi người giữ vườn cũ đi và giao khu vườn cho anh ta. Ngay khi người giữ vườn ấy chiếm được khu vườn vào trong tay mình, anh ta liền bao vây cây xoài bằng cách trồng các cây nimba và các loại cây leo.

Dần dần các cây nimba lớn lên, rễ với rễ, cành với cành, chúng xen lẫn chằng chịt với cây xoài. Do xen lẫn với vị không tốt, trái xoài có vị ngọt trở thành đắng giống như là nimba. Vừa khi biết được trái xoài đã trở thành đắng, người làm vườn bỏ chạy trốn.

Vua Dadhivāhana đi đến thăm vườn và ăn trái xoài. Khi nước của trái xoài vào miệng có vị đắng như trái nimba không thể nào nuốt nổi, vua phải khạc nhổ ra. Lúc bấy giờ, Bồ-tát là vị cố vấn của vua về thánh sự và tục sự. Vua cho gọi Bồ-tát và hỏi:

– Thưa bậc Hiền trí, cây này được săn sóc cẩn thận như xưa, sự việc là vậy, sao trái trở thành đắng? Vì lý do gì vậy?

Và vua đọc bài kệ đầu:

71. Đẹp, thơm và vị ngọt,
Trái xoài xưa là vậy,
Vẫn được ta tôn quý,
Sao lại có vị đắng?

Để nêu lý do, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

72. Dadhivāhana,
Trái xoài chín của ngài,
Bị vây bởi nimba,
Rễ xen lẫn với rễ,
Cành xen lẫn với cành,
Chính cây đắng bao quanh,
Đã làm hư trái ngọt,
Do sống với bạn ác,
Trái ngọt trở thành đắng.

Vua nghe lời Bồ-tát, bảo chặt tất cả các cây nimba và cây leo, nhổ rễ lên, đào bỏ đất bùn không tốt xung quanh và đổ đất bùn tốt vào gốc cây ấy. Rồi cây được nuôi dưỡng cẩn thận với sữa, nước ngọt, nước thơm. Sau đó, nhờ được thấm nhuần đủ mọi vị ngọt nên trái cây trở lại ngọt như trước, vua liền giao khu vườn cho người giữ vườn trước kia săn sóc. Sau khi sống hết thọ mạng, vua đi theo nghiệp của mình.

***

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Ta là vị đại thần Hiền trí.

§187. CHUYỆN BỐN VẺ ĐẸP (*Catumaṭṭajātaka*) (*J.* II. 106)

Leo nhánh cây chỗ cao...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỳ-kheo lớn tuổi.

Một hôm, trong khi hai vị đệ tử Thượng thủ đang ngồi cùng nhau hỏi đáp về Chánh pháp, một Tỳ-kheo lớn tuổi đi đến gần hai vị này, trở thành người thứ ba, ngồi xuống và nói:

– Thưa các Tôn giả, chúng tôi sẽ hỏi câu này. Nếu các Tôn giả khó trả lời, hãy hỏi lại chúng tôi!

Các vị Trưởng lão chán ngấy vị này nên đứng dậy bỏ đi. Hội chúng ngồi nghe pháp từ các vị Trưởng lão, sau khi giải tán, đi đến yết kiến bậc Đạo sư. Họ được bậc Đạo sư hỏi:

– Vì sao đến giờ phi thời vậy?

Họ thuật lại câu chuyện ấy. Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên) nhàm chán vị ấy, không trả lời và bỏ đi. Thuở xưa, hai vị cũng đã bỏ đi rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một thần cây trú ở

trong rừng. Một hôm, có hai ngỗng trời con từ núi Cittakūṭa bay ra, đến đậu trên cây ấy để tìm mồi. Khi tìm mồi xong, chúng trở về nghỉ ngơi tại chỗ ấy rồi bay về núi Cittakūṭa. Trong khi đi qua đi lại, Bồ-tát trở thành quen thuộc với chúng. Đi đi, về về nhiều lần, họ hoan hỷ kết bạn với nhau, nói pháp cho nhau nghe rồi ra đi. Một hôm, hai ngỗng trời con đậu trên ngọn cây nói chuyện với Bồ-tát, một con chó rừng đứng dưới gốc cây nói bài kệ này với hai ngỗng trời con ấy:

73. Leo nhánh cây chỗ cao, Một mình ngồi ca hát,
Hãy xuống đây ngâm kệ, Cho vua loài thú nghe!

Các ngỗng trời con chán ngấy chó rừng, liền bay lên và trở về núi Cittakūṭa. Bồ-tát nói với chó rừng bài kệ thứ hai:

74. Cánh đẹp cùng cánh đẹp, Chư thiên cùng chư thiên,
Có đủ bốn vẻ đẹp, Sao chó lại ở đây?
Hỡi con chó rừng kia, Hãy về hang của chó!

***

Sau khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị Tỷ-kheo lớn tuổi là con chó rừng, hai ngỗng trời con là Sāriputta và Moggallāna, còn vị thần cây là Ta vậy.

§188. CHUYỆN SƯ TỬ LAI CHÓ RỪNG (*Sīhakoṭṭhukajātaka*) (*J.* II. 108)

Ngón chân và móng chân...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Kokālika.

Một hôm, khi nhiều vị đa văn đang nói pháp, Kokālika cũng muốn tự mình nói pháp. Mọi việc đều giống các chi tiết ở chuyện trước, *Chuyện núi Daddara*.[27] Khi nghe việc này, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không chỉ nay Kokālika mới phô bày bản chất qua tiếng nói của mình. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã làm như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một con sư tử ở khu vực Tuyết sơn, do cùng sống với một con chó rừng cái đã sanh một thú con. Con sư tử lai này về ngón chân, móng, lông bờm, màu sắc, hình dáng, mặt mày đều giống cha nhưng tiếng hú thì giống mẹ.

Một hôm, trời mưa, các sư tử họp lại, rống lên chơi các trò chơi sư tử, và con sư tử này cũng muốn rống lên giữa bọn chúng, nhưng chỉ hú lên tiếng hú của chó rừng. Nghe nó hú, các sư tử đều im lặng. Khi nghe tiếng ấy, một sư tử con cũng được sanh từ Bồ-tát, liền hỏi:

---

[27] Xem *J.* II. 65, *Daddarajātaka* (*Chuyện núi Daddara*), số §172; *J.* II. 108, *Sīhacammajātaka* (*Chuyện tấm da sư tử*), số §189; *Cv.* I. 16.

– Thưa cha, con sư tử này về dung sắc, v.v... giống chúng con nhưng tiếng hú lại khác. Con thú ấy là ai?

Rồi nó đọc bài kệ đầu:

75.	Ngón chân và móng chân,	Là ngón, móng sư tử,
	Nó có chân sư tử,	Để đứng dựa lên trên,
	Nhưng giữa chúng sư tử,	Tiếng kêu nó lại khác.

Nghe vậy, Bồ-tát nói:

– Này con thân, em con là con một chó rừng cái, giống cha về dung sắc, giống mẹ về tiếng.

Rồi Bồ-tát nói với con sư tử có mẹ là con chó rừng cái:

– Này con thân, bắt đầu từ nay, sống ở đây chớ lên tiếng! Nếu con lên tiếng, chúng sẽ biết con là giống chó rừng.

Khuyên dạy vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

76.	Này con thân chớ hú,	Sống im lặng trong rừng,
	Với tiếng, chúng biết con,	Tiếng con không giống bố!

Sau khi nghe lời khuyên dạy này, con thú ấy không bao giờ thử rống nữa.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là Kokālika, con sư tử cùng một cha là Rāhula (La-hầu-la), còn vua các loài thú là Ta vậy.

§189. CHUYỆN TẤM DA SƯ TỬ (*Sīhacammajātaka*)[28] (*J.* II. 109)

Tiếng hí này không phải...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Kokālika.

Trong thời này, Kokālika muốn tự tán tụng. Bậc Đạo sư biết được sự việc này, liền kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người nông phu. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát sống với nghề nông. Lúc bấy giờ, một nhà buôn làm nghề bán rong đồ vật do một con lừa chở. Khi ông đến một chỗ nào, ông lấy xuống các hàng hóa, trùm lên con lừa một tấm da con sư tử và thả nó giữa ruộng lúa gạo và lúa mì. Các người chủ ruộng thấy nó tưởng là con sư tử, không dám lại gần.

Một hôm, người lái buôn ấy đến trú tại một cửa hàng. Trong khi nấu cơm sáng, ông trùm lên con lừa một tấm da sư tử và thả nó vào ruộng lúa mì. Các

[28] Xem *Buddhist Birth Stories* (*Những chuyện tiền thân Phật giáo*), p. v.

người chủ ruộng nghĩ đó là con sư tử, không dám đến gần, bèn về nhà thông báo. Toàn dân trong làng cầm các binh khí, thổi tù và, đánh trống đi đến gần ruộng và la hét. Con lừa hoảng hốt vì sợ chết, vội hí lên tiếng lừa. Biết được nó là con lừa, Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

77. Tiếng hí này không phải, Tiếng sư tử hay cọp,
Cũng không phải tiếng beo, Con vật ti tiện này,
Dù trùm da sư tử, Cũng chỉ hí tiếng lừa.

Các người làng biết nó là con lừa, đánh cho nó gãy xương, rồi lấy tấm da sư tử và bỏ đi. Người lái buôn ấy đến, thấy con lừa lâm nạn, liền đọc bài kệ thứ hai:

78. Đã lâu lừa khôn khéo, Ăn lúa gạo, lúa mì,
Da sư tử trùm lên, Do tiếng kêu bị đánh.

Trong khi người lái buôn nói vậy, con lừa tắt thở. Người ấy bỏ con lừa lại và ra đi.

***

Bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, liền nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con lừa là Kokālika và người nông phu Hiền trí là Ta vậy.

§190. CHUYỆN LỢI ÍCH CỦA GIỮ GIỚI (*Sīlānisaṃsajātaka*) (*J.* II. 111)

Hãy nhìn kết quả này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một nam cư sĩ có lòng tin.

Một vị Thánh đệ tử có lòng tin, một hôm, trên đường đi đến Kỳ Viên, xuống con sông Aciravatī vào buổi chiều, chứng kiến dân chài kéo thuyền lên bờ để nghe thuyết pháp. Không thấy thuyền nào đậu tại bến, vị cư sĩ ấy sanh hoan hỷ, lấy đức Phật làm đề tài tu niệm, nên khi bước xuống sông, chân không chìm xuống nước.

Vị ấy đi như trên đất liền nhưng khi đến giữa sông thấy sóng nên đề tài tu niệm trở thành yếu và chân bắt đầu chìm xuống. Vị ấy liền kiên trì gìn giữ hỷ tâm, lấy đức Phật làm đề tài tu niệm nên vẫn đi trên mặt nước. Vào Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư, vị ấy ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư tiếp đón thân tình và hỏi:

– Này nam cư sĩ, mong rằng trên con đường đi đến đây, ông không mệt mỏi.

Vị ấy trả lời:

– Bạch Thế Tôn, nhờ hỷ tâm với đức Phật làm đề tài tu niệm nên con đi trên mặt nước như đặt chân trên đất liền và đến đây.

Bậc Đạo sư nói:

– Này cư sĩ, ông không phải là người đầu tiên nhờ niệm các công đức Phật mà được an toàn. Thuở trước, có những nam cư sĩ, khi tàu bị chìm, nhờ niệm các công đức Phật mà được an toàn.

Rồi theo lời yêu cầu của vị này, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, trong thời đức Phật Ca-diếp, có vị Thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu lên tàu đi cùng với một thợ hớt tóc giàu có. Người vợ nói với chồng:

– Này ông, ông hãy lo giúp đỡ, săn sóc vị cư sĩ này trong bất cứ hoàn cảnh vui buồn nào nhé!

Người thợ đi trên chiếc thuyền ấy. Sau một tuần, thuyền bị đắm giữa biển. Cả hai người nằm trên một tấm ván và trôi đến được một hòn đảo. Tại đấy, người hớt tóc giết các con chim, nấu ăn một phần và đem một phần cho vị nam cư sĩ. Người cư sĩ tự cho là vừa đủ nên không ăn thêm. Vị ấy nghĩ: "Tại chỗ này, ngoài Ba ngôi báu, chúng ta không có sự giúp đỡ nào khác." Rồi vị ấy niệm tưởng công đức của Ba ngôi báu. Trong khi người ấy niệm như vậy, một con rắn chúa đã sanh ở đảo ấy biến hóa thành một chiếc thuyền lớn, có một vị thần biển làm thuyền trưởng. Chiếc thuyền chứa đầy bảy báu: Ba cột buồm làm bằng ngọc xanh, cái neo làm bằng vàng, sợi dây làm bằng bạc và các tấm ván bằng vàng. Vị thần biển đứng trên thuyền gọi lớn:

– Có ai đi đến Diêm-phù-đề không?

Vị nam cư sĩ nói:

– Có chúng tôi về đó.

– Vậy hãy leo lên tàu!

Vị cư sĩ lên tàu và gọi người hớt tóc. Vị thần biển nói:

– Ngài thì được nhưng người kia thì không.

– Vì sao?

– Người ấy không có công đức. Vì vậy, tôi đưa ngài lên tàu nhưng không đưa người này.

– Thôi được, các công đức bố thí ta đã làm, các giới ta đã giữ, các sức mạnh ta đã tu tập, ta cho người này kết quả tất cả các hạnh ấy của ta.

Người hớt tóc nói:

– Thưa ông chủ, con rất hèn.

Vị thần biển nói:

– Nay ta nhận thêm người này lên tàu.

Rồi vị thần đưa cả hai người vượt biển và ngược dòng sông đi đến Ba-la-nại. Sau đó, với thần lực của mình, vị thần tạo ra tài sản trong nhà của hai người ấy và nói:

– Hãy thân cận những bậc Hiền trí! Nếu người thợ hớt tóc không thân cận với vị cư sĩ này, người ấy đã chết giữa biển rồi.

Để tán thán công đức thân cận với người Hiền trí, vị thần nói lên những bài kệ này:

79. Hãy nhìn kết quả này, Của tín, giới và thí,
Biến hình thành chiếc thuyền, Con rắn chở thiện nam.

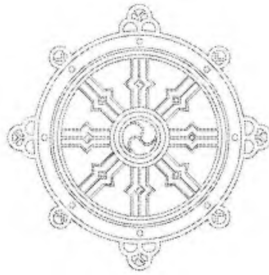
80. Hãy thân cận bậc lành, Hãy giao du kẻ tốt,
Chung sống với bậc thiện, Người hớt tóc an toàn.

Vị thần biển đứng trên hư không, sau khi thuyết pháp xong, liền cùng với con rắn chúa bay về cung điện của mình.

***

Sau khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị nam cư sĩ có lòng tin đắc quả Nhất lai và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị nam cư sĩ chứng quả Dự lưu đắc Niết-bàn, rắn chúa là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và vị thần biển là Ta vậy.



V. PHẨM TẾ SƯ RUHAKA (*RUHAKAVAGGA*)

§191. CHUYỆN TẾ SƯ RUHAKA (*Ruhakajātaka*) (*J.* II. 113)

Dây cung dù bị đứt...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự luyến ái người vợ cũ. Hoàn cảnh câu chuyện sẽ được đề cập ở chương VIII, *Chuyện các căn.*[29] Bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân ấy đã làm hại ông. Thuở xưa, cô ta đã làm nhục ông trước mặt vua và triều đình. Ngay sau đó, ông đã đuổi cô ta ra khỏi nhà.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con của hoàng hậu chánh cung. Khi đến tuổi trưởng thành, phụ vương mạng chung, Bồ-tát được đặt trên vương vị và trị nước theo Chánh pháp.

Bồ-tát có một cố vấn tế tự tên là Ruhaka. Ông ta có bà vợ già là một nữ Bà-la-môn. Vua cho vị Bà-la-môn một con ngựa với đầy đủ đồ trang sức, leo lên ngựa đi đến chầu vua. Khi ông ngồi trên lưng ngựa được trang sức như vậy, dân chúng đứng khắp nơi đều khen con ngựa ấy:

– Ôi, chói sáng thay con ngựa! Nó đẹp làm sao!

Người Bà-la-môn đi về nhà, lên lầu và nói với bà vợ:

– Này hiền thê, con ngựa của chúng ta tuyệt đẹp. Người đứng hai bên đường đều khen nó.

Nữ Bà-la-môn là người có chút ác tánh và hay lừa phỉnh, liền nói với chồng:

– Ông có biết nguyên nhân nào làm cho con ngựa này đẹp không? Con ngựa này đẹp là nhờ các thứ trang hoàng cho loài ngựa. Nếu ông muốn đẹp như con ngựa, hãy trang sức như con ngựa, rồi đi xuống giữa đường, vừa đi vừa nhún chân như con ngựa. Khi ông đến yết kiến vua, vua sẽ tán thán ông và mọi người ai cũng đều khen ông cả.

Vị Bà-la-môn ấy bản tánh ngu ngốc, nghe lời bà vợ, không biết ý đồ của vợ, cứ làm đúng như vậy. Những ai thấy người Bà-la-môn ấy đều cười lớn và nói:

– Đẹp thay là bậc Sư trưởng!

---

[29] Xem *J.* III. 461, *Indriyajātaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

Vua nói với người Bà-la-môn:

– Này Sư trưởng, có phải ông nổi giận rồi sao? Ông có điên không?

Câu nói của vua chê vậy khiến ông sanh hổ thẹn. Lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn biết: "Ta làm một việc không thích đáng", liền sinh lòng căm tức nữ Bà-la-môn:

– Nó đã làm ta xấu hổ trước mặt vua và quân đội. Ta sẽ đánh nó và đuổi nó ra khỏi nhà.

Ông đi về nhà với ý nghĩ trả thù như vậy. Nữ Bà-la-môn ác tánh biết chồng trở về với lòng căm giận mình, liền trốn ra khỏi nhà bằng một cửa nhỏ, đi đến cung điện của vua và ở tại đấy bốn, năm ngày. Vua biết được tin ấy, cho gọi vị cố vấn tế tự, khuyên ông tha thứ:

– Này Sư trưởng, đàn bà đầy lỗi lầm, ông nên tha thứ cho nữ Bà-la-môn.

Rồi với mục đích khuyến giáo vị ấy tha thứ, vua nói lên bài kệ đầu:

81. Dây cung dù bị đứt, Cũng có thể nối liền.
Hãy giảng hòa với vợ, Chớ để tâm hận hiềm.

Nghe xong, Ruhaka đọc bài kệ thứ hai:

82. Có vỏ làm dây khác, Lại có thợ biết làm.
Tôi sẽ tìm vợ mới, Vợ cũ, tôi chán nhàm!

Nói vậy xong, ông đuổi nữ Bà-la-môn ấy và cưới một nữ Bà-la-môn khác.

***

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài trình bày các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo có tâm luyến ái đã đắc quả Dự lưu.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người vợ cũ là nữ Bà-la-môn, Ruhaka là Tỷ-kheo có tâm luyến ái, còn vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§192. CHUYỆN THIÊN NỮ SIRI VÀ KĀḶAKAṆṆĪ
(*Sirikāḷakaṇṇijātaka*) (*J.* II. 115)

Nữ nhân có thể đẹp...

Chuyện thiên nữ Siri và Kāḷakaṇṇī này sẽ được trình bày ở *Chuyện đường hầm vĩ đại.*[30]

§193. CHUYỆN HOÀNG TỬ CULLAPADUMA
(*Cullapadumajātaka*) (*J.* II. 115)

Nàng chính là người ấy...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất

[30] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

tinh tấn. Chuyện này sẽ được trình bày trong *Chuyện kỹ nữ Ummadantī*.[31] Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỳ-kheo, có thật chăng ông thối thất tinh tấn?

Vị ấy trả lời:

– Bạch Thế Tôn, con thấy một nữ nhân mặc áo quần rất đẹp nên bị ái nhiễm và thối thất tinh tấn.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỳ-kheo, các nữ nhân đều vô ơn, phản bội tình bạn. Các bậc Hiền trí thuở xưa, với tâm tư điên cuồng đến độ cho họ uống máu đầu gối phải của mình, trọn đời mang tặng phẩm hiến dâng cho họ nhưng vẫn không chinh phục được tâm của nữ nhân.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con trai của bà hoàng hậu chánh cung, khi đến ngày đặt tên, được gọi là Hoàng tử Paduma (Liên Hoa). Sau Bồ-tát, còn có sáu người em trai nữa. Bảy người ấy tiếp tục lớn lên, lập gia đình, sống bên cạnh nhà vua. Một hôm, vua đứng nhìn xuống sân thấy họ đi đến hầu vua với một đoàn tùy tùng đông đảo, vua sinh lòng nghi ngờ: "Những người này có thể giết ta và cướp lấy quốc độ." Nghĩ vậy, vua cho gọi họ đến và nói:

– Này các con thân, các con không thể sống trong thành này. Hãy đi đến một chỗ khác, và sau khi ta băng hà, hãy trở về cai trị vương quốc, vì vương quốc là sở hữu của gia đình!

Các con vâng lời cha. Họ khóc than, đi về nhà, đem theo vợ con mình và nói:

– Chúng ta hãy đi bất cứ nơi nào và sống tại đấy.

Họ ra khỏi thành, lên đường đi đến một chỗ hoang vu không có đồ ăn nước uống, chịu đựng đói khát không nổi và nghĩ: "Chúng ta còn sống sẽ được nữ nhân khác."

Họ giết vợ của người em út, chia thành mười ba phần, rồi ăn thịt. Bồ-tát và vợ lấy phần mình chia làm ba, để lại một phần và ăn hai phần. Như vậy trong sáu ngày, họ giết sáu nữ nhân để ăn thịt. Mỗi ngày kế tiếp Bồ-tát để lại một phần, vì vậy có được sáu phần. Đến ngày thứ bảy, họ có ý định giết vợ của Bồ-tát. Nghe vậy, Bồ-tát cho họ ăn sáu phần còn lại, và nói:

– Hãy ăn sáu phần này, ngày mai sẽ tính.

Cho họ ăn thịt xong, khi họ nằm ngủ, Bồ-tát đem vợ chạy trốn. Người vợ đi một lát, rồi nói:

– Thưa chàng, em không thể đi được.

---

[31] Xem *J.* V. 209, *Ummadantījātaka* (*Chuyện kỹ nữ Ummadantī*), số §527.

Bồ-tát cõng vợ lên vai, đi đến rạng đông, ra khỏi được cảnh hoang vu. Khi mặt trời mọc, người vợ nói:

– Thưa chàng, em khát.

Bồ-tát nói:

– Này hiền thê, không có nước.

Nghe nàng nói đi nói lại, Bồ-tát lấy gươm đâm đầu gối chân phải của mình và nói:

– Này hiền thê, không có nước uống. Đây là máu đầu gối chân phải của ta. Hãy ngồi xuống và uống nó đi.

Người vợ làm như vậy. Họ tiếp tục đi, đến sông Hằng hùng vĩ, họ uống nước, tắm, ăn các loại trái và rau, v.v... rồi nghỉ ngơi tại một chỗ thoải mái. Gần một khúc quanh của sông Hằng, họ dựng lên một am thất và sống tại đấy.

Một hôm, một tên cướp ở thượng lưu sông Hằng, phạm tội phản nghịch vua nên tay chân, tai mũi đều bị cắt đứt, bị quăng nằm trong chiếc xuồng nhỏ và thả trôi trên sông Hằng rộng lớn, rên la vì đau đớn và trôi đến chỗ ấy. Bồ-tát nghe tiếng than đau thương bi ai của nó, liền đi đến bờ sông Hằng, kéo nó lên bờ, dắt nó đến am thất và xức thuốc chữa trị vết thương. Người vợ nói:

– Một đứa què lười biếng như thế này mà chồng ta lại mang từ sông Hằng về để săn sóc và cứu sống!

Nói vậy xong, nàng khinh bỉ nhổ vào mặt người què ấy. Khi các vết thương của nó được lành mạnh, Bồ-tát cho nó ở tại am thất với vợ mình, rồi đem trái cây và các loại khác từ rừng về nuôi nó và người vợ. Trong khi họ chung sống như vậy, nữ nhân ấy sanh ái luyến người què, thông dâm với nó và muốn giết Bồ-tát với phương tiện ác độc, liền nói với chồng:

– Thưa chàng, khi em ngồi trên lưng chàng ra đi khỏi khu vực hoang vu, em nhìn hòn núi này và cầu xin như sau: "Thưa vị thần núi, nếu con được sống an lành với chồng, con sẽ làm lễ cúng tạ ngài!" Nay thần ấy làm em hoảng sợ. Em phải làm lễ cúng tạ thần ấy.

Bồ-tát không biết vợ mình lừa dối liền bằng lòng, sửa soạn lễ cúng, giao cho vợ đĩa đựng đồ cúng, rồi leo lên chóp núi. Người vợ nói với chồng:

– Thưa chàng, không phải vị thần mà chính chàng mới là vị thần tối thượng. Trước hết, em sẽ cúng dường chàng hoa rừng, đi nhiễu xung quanh chàng, đảnh lễ chàng, rồi sau đó em cúng lễ cho vị thần núi.

Nói vậy xong, nàng đặt Bồ-tát đứng trên bờ vực thẳm, cúng dường Bồ-tát hoa rừng, đi nhiễu xung quanh và làm như muốn đảnh lễ chồng, nàng đứng phía sau đánh trên lưng Bồ-tát, rồi xô Bồ-tát rơi xuống vực thẳm và la lên vì thỏa mãn:

– Ta đã thấy cái lưng kẻ thù ta rồi!

Và nàng xuống núi đi với người què ấy.

Bồ-tát rơi từ trên núi xuống vực thẳm nhưng bị mắc vào một chùm lá không có gai trên chóp cây sung nên không thể xuống núi được. Bồ-tát ăn trái cây sung và sống giữa các cành cây.

Một con kỳ đà chúa có thân to lớn, từ chân núi thường leo lên ăn trái của cây sung ấy. Nó thấy Bồ-tát và chạy trốn. Ngày sau nó lại đến, ăn những trái ở một bên cây rồi bỏ đi. Nó đến nhiều lần như vậy cho đến khi nó kết thân với Bồ-tát và hỏi:

– Làm thế nào anh đến được chỗ này?

Khi được Bồ-tát nói cho biết lý do, nó nói:

– Thôi được, anh chớ sợ.

Rồi nó bảo Bồ-tát ngồi trên lưng mình, sau đó nó bò xuống núi, ra khỏi khu rừng, đặt Bồ-tát trên con đường lớn và nói:

– Hãy đi theo con đường này!

Bồ-tát đi đến một ngôi làng nhỏ và sống tại đấy. Khi nghe tin phụ vương đã mạng chung, Bồ-tát đi đến Ba-la-nại, lên ngôi kế vị trong vương quốc thuộc quyền sở hữu của gia đình và trở thành Vua Paduma. Nguyện theo mười vương pháp trị nước đúng luật, Bồ-tát cho xây sáu hội trường bố thí tại bốn cửa thành, tại chính giữa thành, tại trước cửa cung điện và mỗi ngày bố thí sáu trăm ngàn đồng tiền.

Trong lúc ấy, nữ nhân độc ác kia cõng người què trên lưng, đi ra khỏi rừng, xin ăn giữa con đường có người qua kẻ lại, thâu lượm cháo cơm để nuôi dưỡng người tình. Có người hỏi:

– Người này là ai đối với cô?

Nàng nói dối:

– Mẹ người này là chị của cha tôi. Người này là anh họ tôi. Người ta cho tôi người này. Dầu cho chàng bị đọa đày đến chết, tôi cũng sẽ mang chồng tôi trên vai đi khất thực và nuôi dưỡng chàng.

Mọi người khen:

– Thật là người vợ trung tín với chồng!

Từ đấy trở đi, người ta cho nàng cháo và cơm nhiều hơn trước. Những người khác nói với nàng:

– Chớ sống như thế này. Vua Paduma trị vì Ba-la-nại, công đức bố thí của ngài vang dội toàn cõi Diêm-phù-đề. Vua thấy nàng sẽ hoan hỷ, và sẽ cho nàng nhiều tài sản. Hãy để chồng nàng ngồi trong cái giỏ này và cõng đi!

Họ cổ vũ nàng và cho nàng một cái giỏ tre. Người đàn bà ác hạnh kia đặt người què ngồi trên lưng mình rồi đi đến Ba-la-nại, xin ăn tại các nhà bố thí và sống như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát thường hay ngồi trên lưng voi với trang sức lộng lẫy, đi đến

nhà bố thí và sau khi tự tay bố thí cho tám hay mười người, ngài lại đi về cung. Nữ nhân ác hạnh ấy đặt người què ngồi trong cái giỏ, mang nó trên lưng và đứng trên đường vua đi qua. Vua thấy họ bèn hỏi:

– Người này là ai vậy?

– Thưa Đại vương, một người vợ trung tín.

Vua cho gọi nàng đến, nhận diện nàng, liền bảo đưa người què ra khỏi cái giỏ, và hỏi:

– Người này là gì của nàng?

Nàng trả lời:

– Thưa Đại vương, người này là con của người chị cha tôi. Gia đình đó cho tôi và tôi nhận người này làm chồng tôi.

Các người không biết nội dung câu chuyện liền nói to:

– Ôi, thật là người vợ trung tín!

Và họ tán thán nữ nhân ác hạnh ấy. Vua hỏi thêm:

– Có phải người què này do gia đình cho nàng làm chồng không?

Nữ nhân ấy không nhận diện được vua nên mạnh dạn nói:

– Thưa Đại vương, đúng vậy.

– Và đây có phải là con vua xứ Ba-la-nại không? Nàng có phải là con gái của một vị vua, là vợ của Hoàng tử Paduma?

Sau khi dằn mặt nàng, vua vạch mặt nàng:

– Chính nàng uống máu từ đầu gối của ta và vì luyến ái với người què này, nàng đã xô ta xuống vực thẳm. Nàng nghĩ rằng ta đã chết nhưng ta vẫn còn sống. Nay nàng đến đây với dấu hiệu tử thần in trên trán đấy!

Rồi vua nói với các triều thần:

– Hỡi các triều thần, trước kia các khanh hỏi trẫm và trẫm đã trả lời như sau: Sáu người em trai trẫm đã giết vợ và đã ăn thịt vợ họ. Nhưng trẫm đã bảo vệ vợ mình an toàn, đưa nàng đến bờ sông Hằng và sống tại một am thất. Ở đấy, trẫm cứu một kẻ què bị xử tội chết và nuôi dưỡng nó. Còn nữ nhân đã sanh tâm luyến ái nó và xô trẫm xuống vực sâu, không ai khác mà chính là nữ nhân ác hạnh này. Nhưng trẫm đã tự cứu mình nhờ tỏ bày tình thân ái. Còn người què bị xử tội chết không ai khác mà chính là tên này!

Rồi Bồ-tát đọc những bài kệ này:

85. Nàng chính là người ấy, Còn ta không ai khác,
Người què chính là nó, Bị chặt tay, chính nó.
Tuy vậy, nàng vẫn nói, "Là chồng tôi lúc trẻ."
Đàn bà thật đáng chết, Chúng không có sự thật!

86. Hãy lấy một cái chày, Đánh chết tên khốn nạn,
Kẻ độc ác rình rập, Để cướp lấy vợ người.

Sau đó bắt người vợ, Ác độc, tà hạnh này,
Chấm dứt mạng sống nó, Cắt cả mũi lẫn tai!

Bồ-tát không thể dẹp được cơn phẫn nộ và ra lệnh trừng phạt chúng nhưng rồi không thi hành như đã ra lệnh. Để làm nguôi giận, Bồ-tát bảo cột cái giỏ vào đầu nàng thật chặt, để nàng không cởi nó ra được rồi quăng kẻ què vào giỏ và đuổi cả hai ra ngoài quốc độ của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật và cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc quả Dự lưu.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Sáu anh em thời ấy là sáu vị Trưởng lão, người vợ là thiếu nữ Ciñcā, người què phạm tội là Devadatta, con kỳ đà chúa là Ānanda, còn Vua Paduma là Ta vậy.

§194. CHUYỆN KẺ TRỘM NGỌC (*Maṇicorajātaka*) (*J.* II. 121)

Không có thiên thần nào...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) muốn sát hại mình.

Khi nghe Devadatta đang âm mưu sát hại mình, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà thuở xưa cũng vậy, Devadatta đã âm mưu sát hại Ta. Nhưng kẻ ấy cũng không thể làm như vậy được.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình của một gia chủ tại một ngôi làng nhỏ không xa Ba-la-nại bao nhiêu. Khi Bồ-tát đến tuổi trưởng thành, người ta đi cưới con gái của một gia đình từ Ba-la-nại về gả cho Bồ-tát. Nàng dễ thương, xinh đẹp, mỹ lệ giống như thiên nữ, yểu điệu giống như cây leo nở hoa, yêu kiều như con chim thần Kinnarī, có tên là Sujātā. Nàng thủy chung, có giới hạnh, luôn luôn làm tròn bổn phận đối với chồng. Nàng được Bồ-tát thương mến và quý trọng, vì vậy cả hai sống với nhau hoan hỷ, đồng tâm và thuận hòa.

Một hôm Sujātā thưa với Bồ-tát:

– Em muốn về thăm cha mẹ em.

– Lành thay, hiền thê. Hãy chuẩn bị thật đầy đủ lương thực đi đường!

Rồi Bồ-tát bảo nấu đủ loại đồ ăn và sắp đặt các lương thực đi đường. Chuẩn bị xong, Bồ-tát ngồi phía trước đánh xe, còn vợ ngồi phía sau. Cả hai đi đến gần thành Ba-la-nại, tháo đôi bò khỏi xe, tắm rửa và ăn uống. Rồi Bồ-tát cột bò vào xe lại và ngồi phía trước, còn Sujātā đã thay áo, trang điểm và ngồi phía sau.

Khi cỗ xe đi vào thành, vua xứ Ba-la-nại ngồi trên lưng con voi đẹp đang đi xung quanh thành và đến chỗ ấy. Sujātā vừa xuống xe và đi bộ sau xe. Vua thấy nàng, sanh tâm luyến ái, bảo một vị cận thần đi theo dò hỏi nàng ấy đã có chồng hay chưa, và về tâu với vua:

– Thần nghe nàng ấy đã có chồng và chồng nàng đang ngồi phía trước xe.

Vua không thể chế ngự tâm ái luyến của mình và tham dục đã tràn ngập trong lòng, vua suy nghĩ: "Với mọi phương tiện, ta sẽ giết tên này và lấy nữ nhân."

Vua gọi một người và bảo:

– Này người kia, hãy cầm lấy viên ngọc này, giả bộ đang đi trên đường, rồi bỏ rơi hòn ngọc trong xe của người ấy!

Nói vậy xong, vua giao cho anh ta một hòn ngọc và thúc giục anh ta đi. Người ấy vâng lời lấy hòn ngọc, đi đến thả nó vào trong xe rồi trở về thưa:

– Thưa Thiên tử, tôi đã thả hòn ngọc xong.

Vua la lớn:

– Ta đã mất một hòn ngọc!

Mọi người làm ầm ĩ lên và vua ra lệnh:

– Hãy đóng tất cả, cắt đứt mọi đường đi ra và bắt tên ăn trộm!

Các người hầu vua làm theo đúng lệnh. Còn người kia đem theo một số người, đi gần đến Bồ-tát và nói:

– Này ông, hãy để xe lại! Vua mất hòn ngọc trên vương miện. Chúng tôi phải khám xe của ông.

Anh ta khám xe, lấy hòn ngọc mà chính anh ta đã bỏ vào, rồi bảo Bồ-tát là kẻ ăn cắp hòn ngọc, lấy tay chân đánh đá ngài, cột tay ngài ra đằng sau, dẫn đến trình vua và thưa:

– Hãy xem, đây là tên trộm hòn ngọc!

Vua ra lệnh:

– Hãy chặt đầu nó!

Các người của vua tại các ngã tư đường đánh Bồ-tát bằng roi, rồi dẫn ngài ra ngoại thành qua cửa phía Nam.

Bấy giờ, Sujātā bỏ xe, giơ tay lên trời than khóc chạy theo chồng:

– Ôi, chồng tôi! Vì tôi mà chồng tôi phải chịu cảnh đau khổ này!

Nàng đi theo và khóc than như vậy. Các người hầu của vua bắt Bồ-tát nằm ngửa với ý định chặt đầu ngài. Thấy vậy, Sujātā nghĩ đến công đức giới hạnh của mình và nói thầm: "Ta chắc rằng trong đời này không vị thiên thần nào có khả năng chặn đứng bàn tay những người độc ác dã man làm hại những người có giới hạnh."

Rồi nàng than khóc và đọc bài kệ đầu:

87. Không có thiên thần nào,
Chắc các ngài đi vắng,
Có lẽ không một ai,
Bảo vệ cõi đời này.
Kẻ bạo ngược hung hãn,
Muốn làm gì thì làm,
Có lẽ không một ai,
Chặn đứng được bọn chúng!

Vì nàng là người có giới hạnh than khóc như vậy nên chiếc ngai của Thiên chủ Đế-thích trở thành nóng. Đế-thích nghĩ: "Ai lại muốn ta rời khỏi ngôi vị Thiên chủ của ta đây?" Rồi Đế-thích xem xét địa giới, biết sự việc đã xảy ra và nói:

– Vua xứ Ba-la-nại đang làm một điều thật ác độc khiến cho Sujātā có giới hạnh phải đau đớn. Nay ta cần phải đi xuống đó!

Đế-thích từ thiên giới đi xuống, với thần lực của mình bắt ông vua độc ác đang ngồi trên lưng voi phải rời khỏi voi và đặt vua nằm ngửa tại chỗ hành quyết thay Bồ-tát. Đế-thích đỡ Bồ-tát dậy, trang điểm ngài với mọi thứ đồ trang sức, rồi mặc áo mũ của vua và đặt ngài ngồi trên lưng voi của vua.

Quân hầu của vua giơ cao búa lên chém đầu. Khi chém xong, họ mới biết là đầu của vua! Thiên chủ Đế-thích hiện hình có thể thấy được, đi đến Bồ-tát, làm lễ Quán đảnh cho ngài và đặt Sujātā lên ngôi hoàng hậu. Các vị đại thần và các Bà-la-môn gia chủ, v.v... thấy Thiên chủ Đế-thích, sung sướng nói:

– Vua phi pháp đã bị giết, chúng ta nay được vua đúng pháp do Đế-thích ban cho chúng ta!

Đế-thích đứng giữa hư không nói:

– Đây là vua của các ngươi do Đế-thích ban cho. Bắt đầu từ nay, vua ấy sẽ trị vì quốc độ đúng pháp. Nếu vua làm việc phi pháp, trời sẽ mưa phi thời, đúng thời trời không mưa và có ba tai nạn về đói, về bệnh, về chiến tranh. Ba tai nạn này sẽ đến cho dân chúng vì vua ác.

Rồi Đế-thích thuyết giáo họ với bài kệ thứ hai:

88. Với nó, mưa phi thời,
Đúng thời, trời không mưa,
Từ trời, vua xuống đất,
Hãy nhìn rõ nguyên nhân,
Kẻ này đã bị giết.

Như vậy, Đế-thích thuyết giáo cho đại quần chúng xong, liền trở về cõi thiên của mình. Còn Bồ-tát trị nước đúng pháp và về sau đi lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua phi thời là Devadatta, Đế-thích là Anuruddha (A-na-luật-đà), Sujātā là mẹ của Rāhula (La-hầu-la), còn vị vua do Đế-thích đặt lên ngôi là Ta vậy.

§195. CHUYỆN HÒN NÚI ĐẸP (*Pabbatūpattharajātaka*) (*J*. II. 125)

Trải dài hòn núi đẹp...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về vua xứ Kosala.

Có tiếng đồn một vị đại thần thông dâm trong nội cung. Vua cho điều tra, biết được sự việc ấy có thật, liền đi đến Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Thế Tôn, nay trẫm phải làm gì với nó?

Bậc Đạo sư hỏi:

– Thưa Đại vương, đại thần ấy có giúp ích Đại vương không, và Đại vương có thương nữ nhân ấy không?

Vua đáp:

– Bạch Thế Tôn, đại thần ấy đã giúp ích nhiều cho trẫm, vị ấy cai quản toàn bộ triều đình, và trẫm yêu nữ nhân ấy.

Khi nghe nói vậy, bậc Đạo sư nói:

– Thưa Đại vương, khi các người hầu cận có lợi ích cho mình và khi các nữ nhân được thương yêu thì không thể hại họ được. Thuở xưa, các vua nghe theo lời các bậc Hiền trí đã giữ một thái độ thản nhiên đối với các việc như vậy.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình vị đại thần, khi trưởng thành, trở thành vị cố vấn cho vua trong các vấn đề thế sự và thánh sự. Bấy giờ, có một đại thần thông dâm trong nội cung. Khi biết được sự việc này, vua suy nghĩ: "Viên đại thần giúp ích nhiều cho ta, và ta yêu nữ nhân ấy, nên ta không thể làm hại hai người này được. Ta hãy hỏi vị đại thần Hiền trí. Nếu cần phải kham khẫn, ta sẽ kham nhẫn; nếu không cần, ta sẽ không kham nhẫn." Vua truyền mời Bồ-tát đến, rồi hỏi:

– Thưa bậc Hiền trí, trẫm muốn hỏi một câu.

– Thưa Đại vương, xin hãy nói và thần sẽ trả lời.

Vua liền hỏi qua bài kệ đầu:

89. Trải dài hòn núi đẹp, Có hồ nước trong xanh,
Biết sư tử bảo vệ, Chó rừng uống nước lành.

Nghe bài kệ, Bồ-tát suy nghĩ: "Chắc hẳn có đại thần thông dâm trong nội cung", và đọc bài kệ thứ hai:

90. Tất cả loài có chân, Đều uống nước sông lớn.
Sông vẫn là con sông, Nếu quý, hãy kham nhẫn!

Bậc Đại sĩ khuyên bảo vua như vậy. Vua vâng theo lời chỉ dạy của Bồ-tát và nói:

– Chớ làm tội lỗi như vậy nữa!

Rồi vua tha thứ cho hai người. Từ đấy về sau, họ không làm như vậy nữa. Còn vua trọn đời làm các công đức như bố thí, v.v... và khi mạng chung, vua đi lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

Sau khi nghe pháp thoại này, vua xứ Kosala đã tha thứ cho cả hai người ấy và giữ thái độ thản nhiên.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§196. CHUYỆN CON NGỰA BAY (*Valāhassajātaka*)[32] (*J.* II. 127)

Những ai không làm theo...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông thối thất tinh tấn?

Tỷ-kheo ấy đáp:

– Thưa, có thật.

Ngài lại hỏi:

– Vì nguyên nhân gì?

Vị ấy đáp:

– Vì thấy một nữ nhân trang sức xinh đẹp nên con bị phiền não chinh phục.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, các nữ nhân này với sắc, thanh, hương, vị, xúc của mình, với mưu chước cám dỗ của mình, đã làm đàn ông tham đắm, khiến đối phương rơi vào thế lực của mình; và khi đã bị chi phối, các nữ nhân ấy phá hoại giới đức, tài sản của kẻ si tình bằng các ác hạnh. Do vậy, nữ nhân được gọi là nữ dạ-xoa. Thuở xưa, các nữ dạ-xoa đi đến một đoàn lữ hành, với mưu chước, nữ nhân làm các thương nhân tham đắm, khiến họ rơi vào thế lực của chúng, rồi khi chúng thấy những người đàn ông khác, chúng liền giết và ăn thịt những người trước, chúng gặm xương nghe rạo rạo với máu thịt chảy dài hai bên má.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, tại đảo Tambapaṇṇi thuộc xứ Tích Lan, có một thành phố dạ-xoa tên là Sirīsavatthu, được các nữ dạ-xoa trú ẩn. Khi các tàu đắm, chúng ra sức trang điểm, đem theo các đồ ăn loại cứng, loại mềm, với nữ tỳ vây quanh, với trẻ con ôm bên nách, và đi đến gần các người lái buôn. Nhằm mục đích làm cho các người ấy tưởng đó là thành phố có loài người ở, chúng tạo ra khắp nơi

[32] Tham chiếu: *Pháp tập yếu tụng kinh* "Như Lai phẩm" 法集要頌經如來品 (*T.*04. 0213.21. 0787b22).

những người đang cày bừa, chăn bò, những đàn bò đang ăn cỏ và đàn chó chạy qua lại, v.v... Rồi chúng đi đến gần các người lái buôn và nói:

– Hãy uống cháo này, hãy ăn cơm này, hãy chia đồ ăn này, hỡi các vị khách phương xa!

Các người lái buôn không biết nên cứ thọ hưởng các món ăn do chúng cho. Khi các người lái buôn ăn xong, và trong lúc họ nghỉ ngơi, các nữ dạ-xoa thân mật hỏi:

– Các người ở đâu? Các người từ đâu lại? Các người sẽ đi đâu? Các người đến đây để làm gì?

Họ trả lời:

– Chúng tôi bị vỡ tàu nên đến đây.

Các nữ dạ-xoa nói:

– Tốt lắm, thưa các ông. Chồng của chúng tôi lên tàu ra đi đã quá ba năm. Chắc họ đã chết rồi. Các ông là những lái buôn, chúng tôi sẽ là những người hầu hạ các ông.

Sau khi nói vậy, chúng dùng mưu chước của đàn bà cám dỗ, làm các người lái buôn say đắm rồi đưa họ đến thành dạ-xoa. Nếu những người bị bắt trước còn sót lại, chúng trói họ với những sợi dây chuyền thần bí và quăng họ vào nhà cực hình. Nếu chúng không tìm được những người đắm tàu để ăn thịt, chúng thường sục sạo dọc theo bờ biển xa cho đến tận sông Kalyāni[33] phía bên kia và đảo Nāga phía bên này. Đây là việc làm hàng ngày của chúng.

Một hôm, năm trăm người lái buôn bị đắm tàu, lên được bờ gần thành của nữ dạ-xoa này. Các nữ dạ-xoa đi đến và làm cho họ say đắm, rồi đưa họ đến thành dạ-xoa. Chúng trói những người đã bị bắt trước kia với những sợi dây chuyền thần bí và quăng họ vào nhà cực hình. Nữ chúa dạ-xoa lấy người thuyền trưởng và các nữ dạ-xoa còn lại lấy những người kia, như vậy năm trăm nữ dạ-xoa lấy năm trăm người đi buôn ấy làm chồng.

Rồi ban đêm, khi các thương nhân đã ngủ say, nữ chúa dạ-xoa liền dậy đi đến nhà cực hình giết những người tại đấy, ăn thịt rồi trở về. Các nữ dạ-xoa còn lại cũng làm như vậy. Sau khi ăn thịt người, nữ chúa dạ-xoa trở về, thân thể trở thành lạnh. Người lái buôn trưởng ôm nàng, biết nàng là nữ chúa dạ-xoa, liền nghĩ: "Năm trăm nàng này là nữ dạ-xoa. Chúng ta phải chạy trốn."

Sáng sớm hôm sau, khi đi rửa mặt, anh ta nói với các người đi buôn kia:

– Những nàng này là nữ dạ-xoa, không phải là người. Khi có những người bị đắm tàu khác đến, chúng sẽ lấy những người ấy làm chồng và ăn thịt chúng ta. Vậy chúng ta hãy chạy trốn!

Hai trăm năm mươi người trong bọn nói:

[33] Xem *JPTS*. 1888, p. 20.

– Chúng tôi không thể bỏ các nữ dạ-xoa này được. Nếu các ông muốn thì hãy đi đi. Nhưng chúng tôi sẽ không chạy trốn đâu.

Sau đó, người lái buôn trưởng đem hai trăm năm mươi người nghe lời của mình chạy trốn.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm con ngựa toàn trắng với đầu như con quạ, với tóc như cỏ muñja, có thần thông, có thể bay trên hư không. Bồ-tát từ Tuyết sơn bay lên hư không, đến hòn đảo Tambapaṇṇi, trên các ao, hồ ở Tambapaṇṇi và ăn các loại lúa mọc tại đấy. Trong khi bay qua như vậy, vì lòng từ bi, ba lần Bồ-tát nói lớn tiếng với giọng người:

– Có người nào muốn trở về tổ quốc không?

Các người đi buôn nghe lời Bồ-tát, đi đến chắp tay và thưa:

– Thưa ngài, chúng con muốn trở về.

– Vậy hãy leo lên lưng ta!

Một số người leo lên thân ngựa, một số người nắm đuôi ngựa, một số người chắp tay và đứng im lặng kính cẩn. Bồ-tát dùng thần lực đem hai trăm năm mươi người ấy về tổ quốc của họ, rồi sau đó trở lại trú xứ của mình.

Và khi có những người khác đến đấy, các nữ dạ-xoa liền giết hai trăm năm mươi người còn lại tại chỗ để ăn thịt.

***

Bậc Đạo sư nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, giống như những người lái buôn bị rơi vào thế lực của các nữ dạ-xoa và đã mạng chung, nhưng những người khác làm theo lời của con ngựa thần biết bay đều trở về trú xứ của mình; cũng vậy, những ai không làm theo lời khuyên dạy của các đức Phật, dù là Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni, các nam nữ cư sĩ, đều bị đau khổ lớn trong bốn địa ngục và chịu các hình phạt trong năm loại xiềng xích. Còn những ai biết vâng lời khuyên đều đạt được ba sanh loại tốt đẹp, sáu cõi trời dục giới, hai mươi Phạm thiên giới và đạt trạng thái Niết-bàn bất tử, cực lạc.

Sau khi nói vậy, bậc Chánh Đẳng Giác đọc các bài kệ:

91. Những ai không làm theo, Lời dạy của đức Phật,
Họ sẽ gặp tai nạn, Họ giống các lái buôn,
Bị các nữ dạ-xoa, Ăn thịt và mạng chung.

92. Còn những ai làm theo, Lời dạy của đức Phật,
Họ sẽ được an toàn, Họ giống các lái buôn,
Được ngựa bay cứu giúp, Đưa về tận trú xứ.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc quả Dự lưu và nhiều vị khác đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất lai và A-la-hán. Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, hai trăm năm mươi người lái buôn làm theo lời con ngựa bay là hội chúng của Như Lai, còn con ngựa bay là Ta vậy.

§197. CHUYỆN BẠN VÀ THÙ (*Mittāmittajātaka*)[34] (*J.* II. 130)

Khi thấy, nó không cười...

Câu chuyện này khi ở Xá-vệ, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo.

Vị ấy nghĩ: "Nếu ta lấy cái này, vị Giáo thọ sư của ta sẽ không tức giận." Vì vậy, Tỷ-kheo ấy lấy một miếng vải do Giáo thọ sư để dành và làm thành một cái túi đựng dép, rồi sau mới xin phép thầy mình. Vị Giáo thọ sư hỏi:

– Vì lý do gì ông lấy vật ấy?

– Con tin tưởng rằng khi con lấy vật này, thầy sẽ không tức giận.

Sau khi nghe Tỷ-kheo nói vậy, vị Giáo thọ sư nổi nóng, đứng dậy đánh Tỷ-kheo ấy và nói:

– Có sự tin tưởng gì giữa ông và ta được chứ?

Việc làm ấy được các Tỷ-kheo biết. Một hôm, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường nói chuyện ấy với nhau:

– Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo trẻ tuổi có tên này, với lòng tin tưởng vị Giáo thọ sư, đã lấy tấm vải làm thành cái túi đựng dép. Sau đó, vị Giáo thọ sư đã nổi nóng và đứng dậy đánh Tỷ-kheo ấy.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp ở đây và đang bàn chuyện gì?

Khi được kể chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này mới mất tin tưởng đối với vị đồng trú của mình. Thuở xưa, vị ấy cũng đã như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra tại nước Kāsi, trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát xuất gia làm vị đạo sĩ, đạt được các thắng trí và các thiền chứng, rồi làm vị Sư trưởng tại khu vực Tuyết sơn.

Trong chúng đạo sĩ ấy, có một vị tu khổ hạnh không nghe lời Bồ-tát, nuôi dưỡng con voi đã mất mẹ. Khi con voi lớn lên, nó giết vị tu khổ hạnh ấy và đi vào rừng. Chúng đạo sĩ chôn cất vị tu khổ hạnh ấy, rồi đến vây quanh Bồ-tát và hỏi:

– Thưa Tôn giả, vì lý do gì, Tô.n giả có thể biết thế nào là bạn, thế nào không phải là bạn?

---

[34] Xem *J.* IV. 197, *Mittāmittajātaka* (*Chuyện bạn và thù*), số §473.

Bồ-tát trình bày lý do qua các bài kệ:

93. Khi thấy, nó không cười, Không hoan hỷ tiếp đón,
Không đưa cặp mắt nhìn, Và làm điều trái nghịch.

94. Với những hình tướng này, Biết nó không phải bạn,
Bậc trí thấy nghe vậy, Biết nó là kẻ thù.

Như vậy, Bồ-tát nói lên ý nghĩa thế nào là bạn và không phải là bạn. Sau đó, ngài tu tập bốn vô lượng tâm, rồi đi lên Phạm thiên giới.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị tu khổ hạnh nuôi con voi là vị Tỷ-kheo đồng trú, con voi là vị Giáo thọ sư, hội chúng đạo sĩ là hội chúng của Như Lai và Sư trưởng hội chúng là Ta vậy.

§198. CHUYỆN CON VẸT RĀDHA (*Rādhajātaka*) (*J.* II. 132)

Này con, ta đi xa...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Nghe nói, bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông thối thất tinh tấn?

Vị ấy đáp:

– Bạch Thế Tôn, thật vậy.

Khi được hỏi vì lý do gì, vị ấy đáp:

– Vì con thấy một nữ nhân trang sức đẹp đẽ nên phiền não khởi lên.

Bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, không thể canh giữ đàn bà được. Thuở xưa, có người đã sắp đặt việc canh cửa nhưng không có thể giữ họ được. Dầu ông có chiếm được đàn bà đi nữa, ông cũng không thể canh giữ họ được.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con vẹt tên là Rādha, và con vẹt em tên là Poṭṭhapāda. Khi còn trẻ, hai con vẹt bị một người thợ săn bắt được và đem cho một vị Bà-la-môn ở Ba-la-nại. Chúng được Bà-la-môn ấy săn sóc như con đẻ. Nhưng người vợ vị ấy theo ác giới, không ai canh giữ bà ta được.

Vị Bà-la-môn ấy có công việc phải đi xa và nói với hai con vẹt:

– Này các con thân, ta có công việc phải đi, dầu ban ngày hay ban đêm, các con hãy xem mẹ con làm gì. Hãy xem kỹ có người đàn ông nào khác đến thăm mẹ không!

Sau khi giao cho hai vẹt con coi sóc nữ Bà-la-môn, người cha ra đi. Nữ Bà-la-môn ở nhà liền hành động bất chánh, đêm ngày đều có vô số người đến và đi. Thấy vậy, Poṭṭhapāda nói với Rādha:

– Vị Bà-la-môn ra đi đã giao nữ Bà-la-môn cho chúng ta canh giữ. Nay bà đang làm ác hạnh, em sẽ nói với bà ấy.

Rādha bảo đừng nhưng vẹt em không nghe. Rồi Poṭṭhapāda nói với nữ Bà-la-môn:

– Thưa mẹ, vì sao mẹ làm ác hạnh?

Nữ Bà-la-môn ấy rất muốn giết Poṭṭhapāda nhưng làm bộ vỗ về nó và nói:

– Này con thân, con là con của ta, từ nay về sau, ta sẽ không làm như vậy nữa. Vậy này con thân, hãy đến đây!

Nữ Bà-la-môn làm bộ thương yêu gọi Poṭṭhapāda lại gần. Khi nó lại gần, nữ Bà-la-môn bắt nó và thét:

– Sao mày lại khuyên dạy ta à! Mày không biết lượng sức mình!

Nữ Bà-la-môn nắm cổ con vẹt, giết nó và quăng xác vào lò.

Khi vị Bà-la-môn trở về, nghỉ ngơi xong, ông liền hỏi Bồ-tát:

– Này Rādha thân, mẹ của chúng con như thế nào? Bà có làm tà hạnh hay không?

Hỏi vậy xong, vị Bà-la-môn đọc bài kệ đầu:

95. Này con, ta đi xa, Nay ta mới về nhà,
Mẹ con như thế nào, Có theo người khác không?

Rādha trả lời:

– Thưa cha thân, bậc Hiền trí không nói điều gì không đưa đến hạnh phúc, dầu sự việc ấy có xảy ra hay không.

Rādha giải thích việc này với bài kệ thứ hai:

96. Đây không phải khéo nói, Dù nói đúng sự thật,
Như Poṭṭhapāda, Nay đã phải nằm chết,
Bị cháy dưới than hồng, Con sợ chung số phận.

Như vậy Bồ-tát thuyết pháp cho vị Bà-la-môn, và nói:

– Nay con cũng không thể sống trong nhà này.

Sau khi xin phép vị Bà-la-môn, Bồ-tát bay đi vào rừng.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc quả Dự lưu và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Poṭṭhapāda là Ānanda, còn Rādha là Ta vậy.

§199. CHUYỆN NGƯỜI GIA CHỦ (*Gahapatijātaka*) (*J.* II. 135)

Cả hai, ta không nhẫn...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỳ-kheo thối thất tinh tấn. Trong lúc nói chuyện, bậc Đạo sư bảo:

– Không bao giờ có thể canh giữ nữ nhân được. Sau khi làm ác, chúng dùng mọi cách lừa dối chồng.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra làm con một người gia chủ ở nước Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát lập gia đình. Người vợ mới cưới theo ác giới, thông gian với một người thôn trưởng. Bồ-tát biết được, tìm cách bắt quả tang.

Lúc bấy giờ, tất cả thóc lúa đều bị trôi mất trong mùa mưa, vì thế có nạn đói. Nhưng đó cũng là thời các cây lúa bắt đầu mọc. Tất cả dân làng cùng đi đến vị thôn trưởng và thưa:

– Chúng tôi đang đói, hãy cho chúng tôi mượn cái gì để ăn. Hai tháng nữa, khi chúng tôi gặt hái, chúng tôi sẽ trả lúa.

Họ nhận được từ tay thôn trưởng một con bò già và ăn thịt con bò ấy. Một hôm, người thôn trưởng chờ Bồ-tát đi ra ngoài, liền đi vào nhà. Trong khi chúng đang hưởng hoan lạc với nhau thì Bồ-tát từ cổng làng đi về nhà. Người đàn bà ấy hướng mặt về phía cổng làng thấy Bồ-tát đi về, liền báo cho thôn trưởng biết. Thôn trưởng hoảng hốt run sợ. Nữ nhân ấy nói:

– Chớ sợ, em đã có cách và bày mưu. Hãy làm như ông đang đến đòi tiền thịt. Em sẽ leo lên vựa lúa đứng trước cửa và nói: "Không có lúa!" Còn ông đứng giữa nhà đòi nằng nặc: "Nhà chúng tôi có trẻ con. Hãy trả tiền thịt đây!"

Nói vậy xong, nữ nhân ấy leo lên vựa lúa, ngồi trước cửa vựa lúa. Người kia đứng giữa nhà và la to:

– Hãy trả tiền thịt đi!

Nữ nhân ấy nói:

– Trong vựa không có lúa. Khi nào gặt lúa, tôi sẽ trả. Hãy đi đi!

Khi vào nhà, Bồ-tát thấy chúng làm như vậy, liền suy nghĩ: "Đây là mưu mô do ác nữ nhân này bày ra", liền gọi người thôn trưởng và nói:

– Này ông thôn trưởng, chúng tôi ăn thịt con bò già của ông, có hứa đến hai tháng nữa chúng tôi mới trả lúa. Nửa tháng chưa qua, sao nay ông lại đến đòi? Ông đến đây không phải vì lý do này, ông đến đây vì lý do khác. Tôi không ưa hành động của ông làm. Nữ nhân vô hạnh, ác giới này biết rằng trong vựa không có lúa, nay lại leo lên vựa lúa và nói to: "Không có lúa!" Còn ông lại bảo: "Hãy đưa đây!" Ta không ưa hành động của hai người!

Để nêu rõ ý nghĩa này, Bồ-tát đọc những bài kệ:

97. Cả hai, ta không nhẫn,
Cả hai, ta không ưa.
Nữ nhân này leo lên,
Đứng một bên vựa lúa,
Lại nói lớn lên rằng,
"Tôi không thể trả được!"

98. Nghe đây, ông thôn trưởng,
Ta sống cực khổ thay,
Mượn con bò già gầy,
Sau hai tháng mới trả,
Thời chưa đến, đòi nợ,
Ta không thích chuyện đó!

Nói vậy xong, Bồ-tát nắm lấy cái búi tóc người thôn trưởng, kéo ra sân quăng gã xuống và nói:

– Mày là thôn trưởng lại vi phạm của cải trong nhà người khác!

Bồ-tát nói lên những lời mỉa mai, đánh gã cho đến kiệt sức, nắm cổ gã và tống ra ngoài nhà. Còn nữ nhân ác hạnh kia, Bồ-tát nắm lấy tóc, lôi nó từ vựa lúa xuống, đánh ngã nhào và dọa:

– Nếu ngươi còn làm như vậy nữa, ngươi sẽ biết tay ta!

Từ đấy trở đi, tên thôn trưởng không dám nhìn ngôi nhà ấy nữa, còn người vợ không dám phạm tội, cho đến ý nghĩ cũng không.

***

Sau khi nói lên pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo thối thất đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người gia chủ trừng phạt tên thôn trưởng là Ta vậy.

§200. CHUYỆN GIỚI HẠNH TỐT LÀNH (*Sādhusīlajātaka*) (*J.* II. 137)

Một người trẻ đẹp trai...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một vị Bà-la-môn.

Vị ấy có bốn con gái và cũng có bốn người đàn ông đến cầu hôn. Một người trai trẻ, thân hình đẹp; một người tuổi đã già; một người sanh trong gia đình quý phái; một người có đức độ. Vị Bà-la-môn suy nghĩ: "Khi con gái có nhiều người cầu hôn, không biết nên gả cho người nào?" Vị Bà-la-môn suy nghĩ không thể quyết đoán được, nên tự bảo: "Sự việc này cần phải trình bậc Chánh Đẳng Giác biết! Ta sẽ hỏi Ngài và ta sẽ gả cho ai là người xứng đáng trong những người ấy." Nghĩ vậy xong, vị Bà-la-môn đem theo hương liệu và vòng hoa đi đến tinh xá. Đảnh lễ bậc Đạo sư xong, vị ấy ngồi xuống một bên, bắt đầu kể lại việc và thưa:

– Bạch Thế Tôn, giữa bốn người này, con không biết chọn ai.

Bậc Đạo sư nói:

– Thuở trước cũng vậy, các bậc Hiền trí đã hỏi câu này, nhưng tái sanh nhiều lần, ông không nhớ được.

Rồi theo lời Bà-la-môn thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát đi học các tài nghệ ở Takkasilā, và khi về, trở thành vị Sư trưởng nổi tiếng nhiều phương.

Bấy giờ, một vị Bà-la-môn có bốn con gái và bốn người cầu hôn các cô gái ấy như trên đã nêu. Vị Bà-la-môn không biết nên gả cho người nào, tự nghĩ: "Sau khi hỏi Sư trưởng, ta sẽ gả chúng cho người nào xứng đáng nhất." Người Bà-la-môn đi đến Sư trưởng, hỏi việc ấy và đọc bài kệ đầu:

99. Một người trẻ đẹp trai, Một người tuổi lại lớn,
Một người sanh quý phái, Một người có giới hạnh,
Tôi hỏi bậc Sư trưởng, Chúng tôi nên chọn ai?

Nghe nói vậy, vị Sư trưởng trả lời:

– Một người đẹp trai và các đức tánh khác nhưng nếu không có giới hạnh thì cũng đáng chê trách. Chúng tôi chỉ thích những người có giới hạnh.

Để nêu lên ý nghĩ này, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

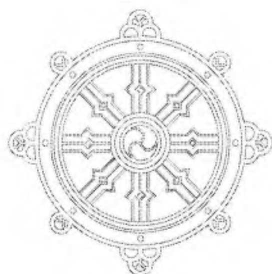
100. Thật tốt, người đẹp xinh, Người lớn tuổi nên trọng,
Cũng tốt, người thiện sanh, Nhưng ta thích đức hạnh.

Vị Bà-la-môn nghe theo lời của Sư trưởng và gả tất cả các con gái cho người đức hạnh.

***

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, liền thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Bà-la-môn đắc quả Dự lưu và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người này là vị Bà-la-môn, còn vị Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương là Ta vậy.



VI. PHẨM NATAṀDAḶHA
(*NATAṀDAḶHAVAGGA*)

§201. CHUYỆN NHÀ TÙ TRÓI BUỘC (*Bandhanāgārajātaka*)[35] (*J.* II. 139)

Bậc trí đã nói rằng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một nhà tù.

Nghe nói, thời ấy một số đông kẻ trộm cướp là những người phá nhà, cướp đường, giết người, đã bị bắt và dẫn đến trước vua xứ Kosala. Vua sai trói chúng lại với còng sắt, dây thừng và xích sắt.

Khoảng ba mươi Tỷ-kheo ở quê muốn yết kiến bậc Đạo sư, đã đi đến thăm viếng và đảnh lễ Ngài. Ngày hôm sau, trong khi đi khất thực, họ đi đến nhà tù và thấy các tên trộm cướp ấy. Sau khi đi khất thực trở về, vào buổi chiều, họ yết kiến đức Như Lai và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, hôm nay trong khi chúng con đi khất thực, chúng con được thấy nhiều tên trộm cướp trong nhà tù, bị còng sắt, v.v... trói buộc, chịu đựng nhiều đau khổ. Chúng không thể chặt đứt các còng sắt trói buộc ấy để chạy trốn. Có sự trói buộc nào khác kiên cố hơn các dây trói buộc ấy chăng?

Bậc Đạo sư đáp:

– Này các Tỷ-kheo, đấy là những dây trói buộc về thân, tuy đau khổ nhưng còn nhẹ. Trái lại, những dây trói như tham ái đối với tài sản, lúa gạo, vợ con, v.v... còn mạnh hơn trăm lần, ngàn lần những dây trói buộc trên. Tuy vậy, những trói buộc ấy, dầu to lớn và khó chặt đứt, cũng đã bị các vị Hiền trí thuở xưa chặt đứt khi họ quyết chí đi đến Tuyết sơn và trở thành ẩn sĩ.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình nghèo khổ. Khi Bồ-tát đến tuổi trưởng thành, người cha mạng chung. Bồ-tát làm thuê để nuôi mẹ. Bồ-tát không bằng lòng khi bà mẹ hỏi một người con gái cho Bồ-tát lập gia đình. Sau một thời gian, bà mẹ mất, thì người vợ đã cộ thai, Bồ-tát biết vợ mình có thai, nói với vợ:

[35] Tham chiếu: *S.* I. 76, *Bandhanasutta* (*Kinh Trói buộc*); *Thag.* v. 187; *Pháp cú kinh* "Ái dục phẩm" 法句經愛欲品 (*T.*04. 0210.32. 0570c16); *Pháp cú thí dụ kinh* "Ái dục phẩm" 法句譬喻經愛欲品 (*T.*04. 0211.32. 0600c22); *Xuất diệu kinh* "Dục phẩm" 出曜經欲品 (*T.*04. 0212.2. 0626c27); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Ái dục phẩm" 法集要頌經愛欲品 (*T.*04. 0213.2. 0778a02).

– Này hiền thê, hãy làm thuê để sống. Tôi sẽ xuất gia.

Người vợ nói:

– Em đang có thai. Chờ em sanh con và cha nó thấy đứa bé rồi hãy xuất gia.

Bồ-tát bằng lòng. Khi người vợ sanh xong, Bồ-tát nói:

– Này hiền thê, hiền thê đã sanh xong an toàn. Nay tôi sẽ xuất gia.

Người vợ nói:

– Nay đứa con trai còn bú. Chờ cho nó hết bú, hãy đi.

Nhưng rồi người vợ lại có thai, Bồ-tát suy nghĩ: "Nếu ta chấp nhận lời yêu cầu của vợ, ta sẽ không thể đi được. Vậy không cho nàng biết, ta sẽ trốn và xuất gia." Bồ-tát không nói cho nàng biết, ban đêm thức dậy và ra đi. Những người giữ cửa thành bắt Bồ-tát, Bồ-tát nói:

– Thưa các ông, tôi có bà mẹ phải nuôi, hãy thả tôi ra!

Bồ-tát làm cho họ thả mình ra, tạm trú tại một chỗ, rồi ra khỏi thành bằng cổng chánh, đi vào Tuyết sơn và sống đời xuất gia làm vị đạo sĩ. Sau thời gian tu tập, đã đắc được các thắng trí và các thiền chứng, Bồ-tát sống sung sướng với cảnh giới thiền. Sống tại đấy, Bồ-tát suy nghĩ: "Như vậy, ta đã cắt đứt dây trói buộc của phiền não, dây trói của vợ con thật khó chặt đứt", và nói lên nguồn cảm hứng của mình với những bài kệ:

101. Bậc trí đã nói rằng, "Không phải trói buộc chặt,
Còng sắt và gông gỗ, Cùng các loại dây trói,
Chính dục ái cường thịnh, Đối với ngọc, bông tai,
Đối với vợ và con, Mới thật chính buộc ràng!"

102. Bậc trí đã nói rằng, "Chính chúng trói buộc chặt,
Chúng kéo lui, lôi xuống, Mềm mỏng nhưng khó thoát."
Bậc trí chặt đứt chúng, Tất cả trói buộc này,
Đoạn tận các dục lạc, Không chờ đợi, ước mong.[36]

Như vậy, sau khi nói lên lời cảm hứng, Bồ-tát hành trì thiền định không gián đoạn, rồi sanh lên thế giới Phạm thiên.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng các sự thật. Cuối bài giảng, một số vị đắc Dự lưu đạo, một số đắc Nhất lai đạo, một số đắc Bất lai đạo, một số đắc A-la-hán đạo.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người mẹ là Mahāmāyā, người cha là Đại vương Suddhodana (Tịnh Phạn), người vợ là mẹ của Rāhula (La-hầu-la), người con trai là Rāhula. Vị từ bỏ vợ con và trở thành người xuất gia là Ta vậy.

---

[36] *Dh.* v. 345, 346.

§202. CHUYỆN TÁNH NGHỊCH NGỢM (*Keḷisīlajātaka*)[37] (*J.* II. 142)

Thiên nga, cò, chim công...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tôn giả Lakuṇṭaka hiền thiện.

Tôn giả được danh tiếng trong giáo pháp của đức Phật là người có trí tuệ, nói lời dịu ngọt, thuyết pháp dịu ngọt, đạt được biện tài, hoàn toàn đoạn tận các phiền não. Nhưng trong tám mươi bậc Trưởng lão, Tôn giả là vị nhỏ nhất về thân hình, như một người lùn. Tôn giả Lakuṇṭaka có dáng như một Sa-di nhỏ bé, như được nuôi để làm trò chơi.

Một hôm, Tôn giả đi đến cổng Kỳ Viên để đảnh lễ đức Như Lai. Lúc ấy, cũng có khoảng ba mươi Tỷ-kheo ở quê lên với mục đích đảnh lễ bậc Đạo sư. Khi vào Kỳ Viên, thấy Trưởng lão ấy trong khu vực tinh xá, họ tưởng Trưởng lão là một Sa-di. Họ nắm góc y của Trưởng lão, nắm tay, xoa đầu, bóp mũi, nắm lắc tai và đối xử nặng nề với Trưởng lão.

Rồi các Tỷ-kheo để y bát một bên, đi đến đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống một bên. Sau khi được bậc Đạo sư thân mật hỏi thăm, các Tỷ-kheo ấy hỏi:

– Bạch Thế Tôn, chúng con nghe nói có Tôn giả Lakuṇṭaka hiền thiện là đệ tử của Thế Tôn, một vị thuyết pháp rất dịu ngọt, nay Tôn giả ở đâu?

– Này các Tỷ-kheo, các ông có muốn yết kiến Tôn giả ấy không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, người mà các ông đã thấy ở gần cổng; người mà các ông đã nắm góc y, đã đối xử nặng nề, thô lỗ khi các ông đến, chính là Tôn giả ấy!

– Bạch Thế Tôn, vì sao một đệ tử đã được những gì cao thượng, thành tựu đầy đủ đại nguyện mà không có một chút uy lực?

Đạo sư nói:

– Vì tự mình đã làm ác nghiệp.

Rồi theo thỉnh cầu của các Tỷ-kheo ấy, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm Thiên chủ Đế-thích. Lúc bấy giờ, Vua Brahmadatta không thể chịu đựng khi nhìn thấy con voi, con ngựa hay con bò đã già yếu. Vua có tánh nghịch ngợm, thấy người và vật như vậy liền đánh đuổi đi; thấy cỗ xe cũ kỹ liền cho đập nát; thấy các bà già, vua gọi vào và đánh trên bụng, khiến họ ngã rồi dựng đứng họ lên và dọa nạt họ; thấy những ông già, vua bắt họ lăn lộn giữa đất và chơi đùa như những người nhào lộn.

---

[37] Tham chiếu: *S.* II. 279, *Lakuṇḍakabhaddiyasutta* (*Kinh Lakuṇḍaka Bhaddiya*); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1063. 0276a22); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.2. 0374a19).

Nếu không thấy ai nhưng nghe tại một nhà nọ có một người già, vua bèn cho gọi vào và đùa giỡn. Mọi người xấu hổ đưa cha mẹ mình ra khỏi nước, không còn có người hầu hạ cha mẹ. Các người hầu cận cũng nghịch ngợm như vậy. Vì thiếu đạo đức nên khi họ chết, họ bị đọa vào bốn đọa xứ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và a-tu-la), còn hội chúng chư thiên bị tổn giảm.

Đế-thích không thấy các thiên tử mới sanh, liền tìm hiểu nguyên nhân và quyết định: "Ta sẽ nhiếp phục nhà vua ấy." Đế-thích hóa thân làm một ông già, đặt hai ghè sữa bơ trên một cỗ xe gỗ cũ kỹ tồi tàn, thắng vào xe hai con bò già và đi dự ngày hội lớn. Vua Brahmadatta cưỡi trên lưng voi được tô điểm rực rỡ, đi nhiễu xung quanh thành được trang hoàng lộng lẫy khắp nơi.

Khi ấy, Đế-thích mặc áo rách rưới, đánh cỗ xe này đi đến gặp vua. Vua thấy cỗ xe cũ kỹ liền sai đuổi nó đi. Quân hầu nói:

– Thưa Thiên tử, cỗ xe nào, chúng con không thấy.

Do thần lực của mình, Đế-thích chỉ để riêng vua thấy cỗ xe mà thôi. Đế-thích đánh xe nhiều lần trên đầu vua, rồi đập cái ghè sữa bơ trên đầu vua và quay xe trở lại đập vỡ ghè sữa bơ thứ hai, và từ trên đầu của vua, khắp nơi mọi phía sữa bơ chảy xuống. Như vậy, Đế-thích quấy rầy, hành hạ vua trông thật đáng thương. Sau khi thấy vua khốn khổ như vậy, Đế-thích làm cỗ xe biến mất, rồi hiện thân Đế-thích, tay cầm cái chùy kim cương, đứng trên hư không và nói:

– Này tên vua ác hạnh và phi pháp kia, ngươi sẽ không già sao? Thân của ngươi sẽ không bị tuổi già tấn công sao? Sao ngươi lại thích đùa nghịch, hành hạ làm khổ nhục những người lớn tuổi? Chính do các việc của ngươi làm mà dân chúng chết đi tràn đầy bốn đọa xứ vì chúng không thể nuôi dưỡng cha mẹ. Nếu ngươi không từ bỏ hành động này, ta sẽ đánh vỡ đầu ngươi với chùy kim cương. Bắt đầu từ nay, ngươi chớ làm như vậy nữa!

Sau khi dọa nạt vua, Đế-thích nói lên công đức của cha mẹ và trình bày những lợi ích của các hành động kính trọng người lớn tuổi. Giáo huấn xong, Đế-thích trở về trú xứ của mình. Từ đấy, vua không còn khởi tâm làm các việc như trước nữa.

***

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nhân danh bậc Chánh Đẳng Giác, đọc những bài kệ này:

103. Thiên nga, cò, chim công,
Voi và nai có đốm,
Tất cả sợ sư tử,
Dù chúng không ngang bằng.

104. Cũng vậy giữa mọi người,
Còn trẻ nhưng có trí,
Vị ấy thật vĩ đại,
Kẻ ngu dầu thân lớn,
Không hề được như vậy.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, một số Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu, một số đắc quả Nhất lai, một số đắc quả Bất lai, một số đắc quả A-la-hán và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Lakuṇḍaka hiền thiện, vì tánh nghịch ngợm đối với người khác nên bị trêu ghẹo lại, còn Đế-thích là Ta vậy.

§203. CHUYỆN TU TẬP TỪ TÂM (*Khandhavattajātaka*)[38] (*J.* II. 144)

Ta khởi lên từ tâm...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo.

Trong khi đang ngồi chẻ củi ở cửa nhà tắm, một con rắn bò từ khúc cây mục ra cắn vào ngón chân của Tỷ-kheo ấy và vị ấy chết ngay tại chỗ. Tỷ-kheo ấy chết như thế nào cả tinh xá đều biết rõ. Các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bắt đầu nói chuyện sau đây:

– Thưa Hiền giả, nghe nói Tỷ-kheo tên này đang ngồi chẻ củi tại cửa nhà tắm, bị rắn cắn và chết tại chỗ.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ở đây đang bàn vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề này, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy đối với bốn loại gia đình vua rắn có khởi lên lòng từ thì con rắn đã không cắn vị ấy. Các vị tu khổ hạnh xưa, khi đức Phật chưa ra đời, tu tập lòng từ đối với bốn loại gia đình vua rắn, nên đã thoát khỏi sự sợ hãi khởi lên cho bốn loại gia đình vua rắn ấy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một Bà-la-môn ở nước Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát đoạn tận các dục, xuất gia làm đạo sĩ, đạt được các thắng trí và các thiền chứng, rồi xây dựng am thất tại một khúc quanh của sông Hằng gần chân Tuyết sơn và sống tại đấy, vui hưởng thiền lạc cùng với chúng đạo sĩ vây quanh.

Lúc bấy giờ, có nhiều loại rắn trên bờ sông Hằng làm hại các vị đạo sĩ và phần lớn các vị ấy mạng chung. Các vị tu khổ hạnh trình chuyện ấy với Bồ-tát. Ngài liền họp tất cả vị tu khổ hạnh lại và nói:

– Nếu các ông tu tập từ tâm đối với bốn loại gia đình vua rắn này, các con rắn sẽ không cắn các ông; do vậy, bắt đầu từ nay, hãy tu tập từ tâm như vậy đối với bốn loại vua rắn!

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

[38] Xem *A.* II. 72, *Ahirājasutta* (*Kinh Vua các loài rắn*); *Vin.* II. 105; *JPTS.* 1893, p. 64.

105. Ta khởi lên từ tâm, Với Virūpakkha,
Ta khởi lên từ tâm , Với Erāpatha,
Ta khởi lên từ tâm, Với Chabbyāputtā,
Ta khởi lên từ tâm, Kaṇhāgotama.

Như vậy, sau khi nêu tên bốn gia đình vua rắn, Bồ-tát nói:

– Nếu các ông có thể tu tập từ tâm đối với những loài vật này thì các con rắn không cắn và không bức hại các ông.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

Với các loài không chân, Ta khởi lên lòng từ.
Với các loài hai chân, Ta khởi lên lòng từ.
Với các loài bốn chân, Ta khởi lên lòng từ.
Nhiều chân hoặc không chân, Ta khởi lên lòng từ.

Như vậy, sau khi nêu rõ sự tu tập từ tâm của mình, Bồ-tát nói lên lời cầu nguyện với bài kệ:

Hỡi các loài không chân, Chớ có làm hại Ta!
Hỡi các loài hai chân, Chớ có làm hại Ta!
Hỡi các loài bốn chân, Chớ có làm hại Ta!
Hỡi các loài nhiều chân, Chớ có làm hại Ta!

Rồi nêu rõ sự tu tập không hạn chế, Bồ-tát đọc thêm bài kệ này:

Tất cả loài chúng sanh, Tất cả loài hữu tình,
Phàm tất cả sanh loại, Có mặt ở trên đời,
Mong được thấy tốt lành, Chớ có làm điều ác!

Như vậy, Bồ-tát nói:

– Hãy tu tập từ tâm đối với tất cả mọi loài chúng sanh không có hạn chế!

Rồi Bồ-tát tán thán công đức của Ba ngôi báu với thính chúng:

106. Vô lượng là Phật! Vô lượng là Pháp!
Vô lượng là Tăng!

Bồ-tát nói tiếp:

– Hãy ghi nhớ công đức của Ba ngôi báu này!

Sau khi trình bày công đức Ba ngôi báu là vô lượng, Bồ-tát nêu rõ các chúng sanh đều có hạn lượng, Bồ-tát nói thêm:

– Các loài bò sát, các loài rắn, các loài bò cạp, các loài một trăm chân, các loài nhện, các loài rắn mối, các loài chuột đều có hạn lượng.

Rồi Bồ-tát lại nói:

– Vì tham dục trong nội tâm của những chúng sanh này khiến chúng có hạn lượng.

Sau khi nêu rõ như vậy, Bồ-tát nói thêm:

– Mong rằng chúng ta sẽ được bảo vệ ngày đêm đối với các chúng sanh có hạn lượng này nhờ uy lực của Ba ngôi báu vô lượng. Vì vậy, hãy ghi nhớ công đức của Ba ngôi báu!

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ này để nêu rõ việc cần phải làm thêm nữa:

Nay ta được bảo vệ,
Nay ta được che chở,
Hỡi các loài sanh vật,
Hãy đi xa, tránh xa!
Con đảnh lễ Thế Tôn,
Và bảy đức Phật-đà,
Chư Phật đã tịch diệt.

Như vậy, Bồ-tát khuyên:

– Trong khi đảnh lễ, hãy ghi nhớ bảy đức Phật!

Rồi Bồ-tát trao thần chú che chở này cho các đạo sĩ. Bắt đầu từ đấy, các đạo sĩ vâng theo lời khuyên dạy của Bồ-tát, tu tập từ tâm, ghi nhớ công đức chư Phật. Như vậy, nhờ các đạo sĩ ấy ghi nhớ các công đức chư Phật, tất cả các loài rắn đều bỏ đi. Còn Bồ-tát tu tập các Phạm trú (bốn vô lượng tâm) và được sanh lên Phạm thiên giới.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, hội chúng đạo sĩ là hội chúng của Như Lai, còn Sư trưởng hội chúng là Ta vậy.

§204. CHUYỆN CON QUẠ VĪRAKA (*Vīrakajātaka*)[39] (*J.* II. 148)

Hỡi này Vīraka...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự bắt chước bậc Thiện Thệ.

Sau khi hai vị Trưởng lão đưa hội chúng của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) về, bậc Đạo sư hỏi các Trưởng lão:

– Này Sāriputta (Xá-lợi-phất), khi Devadatta thấy các ông, kẻ ấy đang làm gì?

Họ đáp:

– Devadatta bắt chước bậc Thiện Thệ.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Sāriputta, không phải chỉ nay Devadatta mới làm theo Ta và gặp nạn. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã như vậy rồi.

Rồi theo lời Trưởng lão thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con quạ nước ở dưới chân Tuyết sơn và sống gần một cái hồ. Vīraka là tên của Bồ-tát.

[39] Xem *Cv.* VII. 198.

Lúc bấy giờ, tại nước Kāsi có nạn đói. Dân chúng không thể cho quạ ăn hay làm lễ cúng cho các dạ-xoa và các loại rắn. Phần lớn các con quạ từ bỏ các địa phương có nạn đói và đi vào rừng. Tại đấy, có con quạ trú ở Ba-la-nại tên là Saviṭṭhaka, đem theo quạ mái đi đến chỗ của Vīraka và dựa vào hồ nước ấy làm chỗ ở một bên.

Một hôm, con quạ ấy tìm mồi ăn tại hồ, thấy Vīraka lặn xuống hồ ăn cá rồi đi lên và phơi thân cho khô. Nó nghĩ: "Nương tựa con quạ này có thể được nhiều cá, vậy ta hãy hầu nó." Nghĩ vậy xong, quạ Saviṭṭhaka đến gần Vīraka. Vīraka hỏi:

– Này bạn, bạn đến có việc gì?

Saviṭṭhaka đến gần đáp:

– Thưa ngài, tôi muốn hầu hạ ngài.

Khi được Vīraka ưng thuận, quạ Saviṭṭhaka bắt đầu hầu hạ Vīraka. Từ đấy về sau, Vīraka ăn vừa đủ cá để nuôi sống, số còn lại nó đem cho Saviṭṭhaka ngay khi vừa bắt được cá; và khi Saviṭṭhaka đã ăn vừa đủ để nuôi sống, nó đem số còn lại cho con quạ mái vợ nó. Sau một thời gian, Saviṭṭhaka khởi lên lòng tự ái: "Con quạ nước này màu đen, ta cũng màu đen. Nó có mắt, có mỏ, có chân, ta cũng không khác gì nó. Bắt đầu từ nay, ta không cần những con cá nó bắt, ta sẽ tự bắt cá." Nó đi đến Vīraka và nói:

– Này bạn, bắt đầu từ nay, tự tôi sẽ đi xuống hồ bắt cá.

Vīraka nói:

– Này bạn, bạn sanh ra không thuộc gia đình loài quạ xuống sông bắt cá, vậy chớ tự hại mình!

Dầu được Vīraka ngăn chặn, quạ Saviṭṭhaka vẫn không nghe lời. Nó xuống hồ, lặn vào trong nước, nhưng nó bị mắc vào giữa đám rong, chỉ trồi lên cái mỏ. Saviṭṭhaka không thể thở được và đã chết dưới nước. Con quạ cái không thấy nó trở về, liền đi đến tìm Vīraka để hỏi tin:

– Thưa ngài, Saviṭṭhaka không thấy về, không biết chàng ở đâu?

Rồi nó đọc bài kệ đầu:

107. Hỡi này Vīraka,
Bạn có thấy con chim,
Với giọng nói dịu ngọt,
Đấy là chồng của tôi,
Cổ như cổ chim công,
Tên Saviṭṭhaka?

Nghe quạ mái nói, Vīraka trả lời:

– Này bạn, tôi biết chồng bạn đi đâu rồi.

Nói vậy xong, Vīraka đọc bài kệ thứ hai:

108. Con chim có thể đi,
Trong nước, trên đất liền,
Luôn luôn nó được ăn,
Các loại cá tươi sống.
Còn Saviṭṭhaka,
Bắt chước loài chim ấy,
Mắc vướng trong đám rong,
Và đã chết tại đấy.

Nghe nói vậy, con quạ mái than khóc và bay trở về Ba-la-nại.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Saviṭṭhaka là Devadatta, còn Vīraka là Ta vậy.

§205. CHUYỆN CÁ SÔNG HẰNG (*Gaṅgeyyajātaka*) (*J.* II. 151)

Bầy cá sông Hằng đẹp...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về hai Tỷ-kheo trẻ. Tương truyền, có hai thiện nam tử trú ở Xá-vệ, xuất gia trong giáo pháp nhưng không tu tập quán bất tịnh, tham đắm sắc đẹp của mình và đi chỗ nào cũng khoe khoang sắc đẹp.

Một hôm, hai người ấy tranh nhau khoe sắc đẹp và bắt đầu tranh luận. Thấy một Trưởng lão già ngồi không xa bao nhiêu, họ nghĩ: "Vị này sẽ biết giữa hai chúng ta ai đẹp, ai không đẹp." Họ đến hỏi:

– Thưa Tôn giả, giữa chúng tôi ai đẹp hơn?

Vị ấy trả lời:

– Này các Hiền giả, ta đẹp hơn các ông.

Các Tỷ-kheo nói:

– Ông già này, không trả lời điều chúng ta hỏi, lại trả lời điều chúng ta không hỏi.

Sau khi mắng nhiếc vị ấy, họ bỏ đi. Câu chuyện ấy được chúng Tỷ-kheo biết rõ. Rồi một hôm, tại pháp đường, họ bắt đầu nói chuyện ấy:

– Thưa các Hiền giả, nghe nói vị Trưởng lão già cả làm xấu hổ các Tỷ-kheo trẻ ấy vì họ quá say mê sắc đẹp của mình.

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp ở đây đã bàn luận chuyện gì?

Khi nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay các người trẻ ấy mới tán thán sắc đẹp của mình. Thuở xưa, chúng đi chỗ nào cũng khoe khoang sắc đẹp như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một thần cây ở trên bờ sông Hằng. Lúc bấy giờ, ở tại chỗ sông Hằng và sông Yamunā giao nhau, có hai con cá gặp nhau, một con ở sông Hằng, một con ở sông Yamunā. Vì cãi nhau: "Tôi đẹp, bạn đẹp", chúng bắt đầu cuộc tranh luận. Chúng thấy một con rùa nằm không xa bao nhiêu trên bờ sông Hằng, liền nói:

– Vị này sẽ cho biết giữa chúng ta ai đẹp hơn ai?

Nghĩ vậy chúng đi đến gặp con rùa và hỏi:

– Thưa bác rùa, con cá ở sông Hằng đẹp, hay con cá ở sông Yamunā đẹp?

Con rùa đáp:

– Con cá ở sông Hằng đẹp, con cá ở sông Yamunā cũng đẹp, nhưng ta đẹp hơn rất nhiều so với hai ngươi!

Rồi để nêu rõ ý nghĩa này, con rùa đọc bài kệ đầu:

109. Bầy cá sông Hằng đẹp, Yamunā cũng đẹp,
Nhưng vật bốn chân này, Cổ dài như đòn gánh,
Tròn trịa như cây bàng, Tuyệt đẹp hơn tất cả!

Hai con cá nghe rùa nói vậy, liền kêu to:

– Ôi, lão rùa ác độc kia, lão không trả lời câu chúng ta hỏi, lại trả lời khác đi!

Rồi chúng đọc bài kệ thứ hai:

110. Điều hỏi, không trả lời, Trả lời khác câu hỏi,
Chỉ biết tự khen mình, Ta không ưa điều ấy!

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, hai con cá là các Tỷ-kheo trẻ, con rùa là vị Trưởng lão, còn vị thần cây ở trên bờ sông Hằng đã chứng kiến câu chuyện này là Ta vậy.

§206. CHUYỆN CON NAI NÚI (*Kuruṅgamigajātaka*) (*J.* II. 152)

Này rùa, hãy dùng răng...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư nghe Devadatta âm mưu sát hại Ngài, Ngài liền nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới âm mưu sát hại Ta. Trong thời quá khứ, kẻ ấy cũng đã như vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con nai núi, sống tại một bụi cây ở trong rừng không xa một cái hồ bao nhiêu; trên một ngọn cây gần hồ có một con chim gõ mõ làm tổ, trong hồ lại có một con rùa. Như vậy, ba con vật làm bạn với nhau và sống chung trong tình thương yêu nhau.

Một người thợ săn đang đi trong rừng nhận thấy dấu chân của Bồ-tát gần bến nước. Anh ta đặt một cái bẫy thòng lọng bằng da vững chắc như sợi dây bằng sắt, rồi bỏ đi. Bồ-tát đi đến uống nước trong canh một, bị mắc vào bẫy, liền lớn tiếng kêu cứu. Nghe tiếng kêu của Bồ-tát, lập tức chim gõ mõ từ ngọn cây bay xuống và con rùa từ dưới nước bò lên và bàn bạc chuyện phải làm. Con chim gõ mõ nói với con rùa:

– Này bạn, bạn có răng, hãy cắn đứt cái bẫy này! Còn tôi sẽ đi lập kế làm thế nào cho người thợ săn không thể đến đây được. Như vậy, hai chúng ta nỗ lực tối đa để bạn chúng ta khỏi mất mạng.

Để nêu rõ ý nghĩa của việc này, con chim gõ mõ đọc bài kệ đầu:

111. Này rùa, hãy dùng răng, Cắn đứt cái bẫy da,
Ta sẽ làm thợ săn, Không thể đến gần ta.

Con rùa bắt đầu nhai cắn sợi dây bằng da. Còn con chim gõ mõ đi vào làng người thợ săn để lập kế hoãn binh. Trời vừa tảng sáng, người thợ săn đã cầm con dao ra đi. Ngay khi con chim thấy anh ta ra khỏi trước cửa, nó kêu lên, đập đôi cánh và đánh vào miệng anh ta. Người thợ săn suy nghĩ: "Ta bị một con chim điềm xấu đánh", liền trở vào nằm một lát, rồi cầm dao đứng dậy.

Con chim suy nghĩ: "Người này lần đầu đi ra bằng cửa trước, nay sẽ đi ra bằng cửa sau." Biết vậy, nó liền bay đậu phía sau nhà. Người thợ săn cũng nghĩ: "Khi ta đi ra cửa trước, ta thấy một con chim điềm xấu. Nay ta sẽ đi ra bằng cửa sau." Vì vậy, anh ta đi ra bằng cửa sau. Nhưng con chim lại kêu lên, bay đến và đánh vào miệng anh ta. Người thợ săn thấy mình bị con chim điềm xấu đánh lần thứ hai ở miệng, suy nghĩ: "Con chim này không cho ta ra đi." Vì vậy, anh ta trở vào nằm xuống cho đến sáng và khi mặt trời đã lên cao, anh ta mới cầm dao ra đi.

Con chim gõ mõ vội vàng bay đi trước và nói với Bồ-tát:

– Người thợ săn sắp tới.

Lúc bấy giờ, con rùa đã nhai đứt tất cả sợi dây da, chỉ trừ một sợi. Cái răng của nó như sắp bị rụng ra và miệng nó lấm đầy máu. Bồ-tát thấy người thợ săn trẻ cầm dao trong tay đi đến nhanh như chớp, liền giựt đứt sợi dây và chạy vào rừng. Con chim gõ mõ bay lên đậu trên ngọn cây. Con rùa quá yếu nên nằm tại chỗ. Người thợ săn quăng con rùa vào cái túi và treo túi ấy trên một khúc cây. Bồ-tát trở lui nhìn, biết con rùa bị bắt, liền quyết định sẽ cứu sống bạn. Vì thế, nai liền giả vờ mất sức đứng ra để người thợ săn thấy. Người thợ săn nghĩ: "Con vật này yếu đuối rồi, ta sẽ giết nó", liền cầm dao đuổi theo Bồ-tát.

Bồ-tát dụ anh ta chạy vào rừng. Khi anh ta chạy đã xa, Bồ-tát tẩu thoát khỏi anh ta và dùng một con đường khác trở về nhanh như gió. Nai lấy cặp sừng nhấc bổng cái túi rơi xuống đất, rồi phá bỏ cái túi và cứu con rùa ra. Con chim gõ mõ từ trên cây bay xuống, Bồ-tát khuyên bảo cả hai bạn:

– Tôi nhờ hai bạn cứu mạng sống, tôi đã làm những gì cần phải làm để cứu hai bạn. Nay người thợ săn sắp tới bắt các bạn, vậy này bạn chim gõ mõ, hãy đem các con của mình dời đi nơi khác. Còn bạn rùa, hãy lặn xuống nước.

Và chúng làm đúng như vậy.

Bậc Đạo sư nhân danh bậc Giác Ngộ đọc bài kệ thứ hai:

112.	Con rùa bò xuống nước, Còn con chim gõ mõ, Vội đem bầy con nhỏ,	Con nai chạy vào rừng, Từ trên ngọn cây cao, Bay xa thật là mau.

Người thợ săn đi đến chỗ ấy, không thấy con vật nào cả. Anh ta thấy cái túi rách, đành lượm túi lên, lòng đầy buồn bực và đi về nhà.

Còn ba con vật ấy làm bạn với nhau, trọn đời sống trong tình bạn không bị gián đoạn và rồi lúc chết chúng đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi nói lên pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ người thợ săn là Devadatta, con chim gõ mõ là Sāriputta (Xá-lợi-phất), con rùa là Moggallāna (Mục-kiền-liên) và con nai là Ta vậy.

§207. CHUYỆN VUA ASSAKA (*Assakajātaka*) (*J.* II. 154)

Chính chỗ này tôi sống...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người luyến ái vợ cũ. Tỷ-kheo ấy được bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông bị ái nhiễm?

Vị ấy đáp:

– Thưa có thật vậy.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Ông luyến ái ai?

Tỷ-kheo đáp:

– Con luyến ái vợ cũ.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông luyến ái nữ nhân ấy. Thuở trước, vì luyến ái nữ nhân ấy, ông đã gặp đau khổ lớn.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, tại nước Kāsi, Vua Assaka trị vì thành Potali. Hoàng hậu tên là Ubbarī rất được vua yêu thương. Hoàng hậu khả ái, kiều diễm vượt xa sắc đẹp của các nữ nhân, dù chưa bằng một thiên nữ. Sau một thời gian, bà bị bệnh và mạng chung. Khi hoàng hậu mạng chung, vua sầu khổ, đau đớn, ưu tư. Vua để xác hoàng hậu nằm trong một cái hòm, ướp với dầu và chất dẻo đặt dưới long sàng. Vua đau khổ nằm dài, không ăn, khóc lóc, than thở. Mẹ cha, các bà con khác, thân hữu và các cận thần, Bà-la-môn, gia chủ... đều đến khuyên giải:

– Thưa Đại vương, chớ sầu muộn. Cuộc đời là vô thường.

Nhưng họ không thể làm vua nghe lời. Trong khi vua than khóc như vậy, bảy ngày đã trôi qua.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát là vị tu khổ hạnh đã đạt được năm thắng trí và tám thiền chứng, trú dưới chân Tuyết sơn. Ngài đầy đủ trí tuệ giác ngộ, và với thiên nhãn nhìn cõi Diêm-phù-đề, ngài thấy vua than khóc như vậy, liền quyết định giúp đỡ cho vị vua này. Bồ-tát dùng thần lực bay trên hư không rồi hạ xuống khu vườn của vua và ngồi xuống trên phiến đá tế lễ như một hình tượng bằng vàng. Rồi một thanh niên Bà-la-môn trú ở thành Potali đi đến khu vườn, thấy Bồ-tát, đảnh lễ ngài và ngồi xuống. Bồ-tát nói chuyện thân mật với thanh niên ấy và hỏi:

– Này cậu thanh niên, nhà vua có theo Chánh pháp không ?

– Thưa có, bạch Tôn giả, vua theo Chánh pháp. Nhưng hoàng hậu của vua vừa mạng chung, vua cho đặt thân hoàng hậu trong một cái hòm, nằm dài bên cạnh than khóc, nay đã là ngày thứ bảy. Sao Tôn giả không giải thoát vua khỏi nỗi đau khổ lớn như vậy? Nay là thời gian thích hợp để Tôn giả nhiếp phục nỗi đau khổ của nhà vua.

– Này cậu, ta không biết nhà vua, nhưng nếu vua đến hỏi ta, ta sẽ nói cho vua biết chỗ đầu thai của hoàng hậu và khiến nàng nói cho vua nghe.

– Vậy thưa Tôn giả, hãy ngồi lại đây cho đến khi tôi đưa vua đến.

Thanh niên ấy được Bồ-tát hứa, liền đi đến cung vua, báo tin ấy và khuyên vua:

– Đại vương nên đi đến gặp vị có thiên nhãn ấy.

Vua nói:

– Trẫm sẽ thấy hoàng hậu!

Vua vô cùng hoan hỷ ngự lên xe, đi đến đảnh lễ Bồ-tát, ngồi xuống một bên và hỏi:

– Có đúng sự thật chăng, trẫm nghe nói Tôn giả biết được chỗ đầu thai của hoàng hậu?

– Tôi có biết, thưa Đại vương.

– Hoàng hậu thọ sanh ở đâu?

– Thưa Đại vương, hoàng hậu say mê sắc đẹp của mình, vì vậy đã sống phóng dật, không làm các thiện nghiệp, nay sanh làm con sâu nhỏ ăn phân ngay chính trong vườn này.

– Trẫm không tin chuyện ấy.

– Nay tôi sẽ chỉ hoàng hậu cho Đại vương và bảo hoàng hậu nói cho Đại vương rõ.

Bồ-tát dùng thần lực của mình và ra lệnh:

– Cả hai con vật đang lăn một hòn phân bò hãy đi đến trước mặt vua!

Bồ-tát sai khiến hai con sâu đi đến như vậy rồi chỉ một con và nói:

– Thưa Đại vương, đây là Hoàng hậu Ubbarī của Đại vương. Nó bỏ Đại vương đi theo sau con sâu ăn phân làm chồng nó. Đại vương hãy nhìn xem!

– Thưa Tôn giả, Hoàng hậu Ubbarī sanh ra làm con sâu ăn phân ư? Trẫm không tin được chuyện ấy!

– Thưa Đại vương, tôi sẽ bảo nó nói lên.

– Thưa Tôn giả, hãy bảo nó nói đi.

Bồ-tát nói với thần lực của mình:

– Này Ubbarī!

Con sâu nói bằng tiếng người, đáp lại:

– Thưa Tôn giả, cái gì ạ?

Bồ-tát hỏi:

– Ngươi hãy nói tiền thân của ngươi tên là gì?

– Thưa Tôn giả, trước tôi là Ubbarī, hoàng hậu của Vua Assaka.

Con sâu đáp. Bồ-tát hỏi tiếp:

– Nay ngươi thương yêu Vua Assaka hay con sâu ăn phân này là chồng của ngươi?

– Thưa Tôn giả, trong đời sống trước đây của tôi, tôi đã sống với vua và cùng thưởng thức sắc, thanh, hương, vị, xúc trong ngôi vườn này. Nhưng vì qua nhiều đời sống chết cho đến nay, tôi không biết vua là ai! Tôi sẵn sàng giết Vua Assaka và lấy máu từ cổ vua để bôi hai bàn chân con sâu ăn phân là chồng của tôi!

Rồi giữa hội chúng của vua, con sâu đọc những bài kệ này bằng tiếng người:

113. Chính chỗ này tôi sống, Với Vua Assaka,
Yêu thương, được yêu thương, Tôi đi dạo quanh vườn.

114. Nay các khổ lạc mới, Làm.mờ cảm giác cũ,
Vậy đối với sâu chồng, Tôi yêu hơn Đại vương!

Nghe nói vậy, vua cảm thấy hối hận, ngay tại chỗ lập tức truyền lệnh đem xác hoàng hậu ra ngoài và gội đầu. Vua đảnh lễ Bồ-tát, rồi sau đó đi vào thành cưới một hoàng hậu khác và trị nước đúng Chánh pháp.

Còn Bồ-tát khuyến dạy vua xong, khiến vua hết sầu muộn, rồi đi về Tuyết sơn.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng các sự thật và cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo luyến ái đã đắc quả Dự lưu. Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ Ubbarī là người vợ cũ, Vua Assaka là Tỷ-kheo bị ái nhiễm, thanh niên Bà-la-môn là Sāriputta (Xá-lợi-phất), còn vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§208. CHUYỆN CON CÁ SẤU (*Suṁsumārajātaka*)[40] (*J.* II. 158)

Thôi đủ rồi, các trái...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) âm mưu sát hại mình.

Khi nghe các âm mưu này, Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới âm mưu sát hại Ta. Trước kia, kẻ ấy cũng đã làm như vậy rồi. Nhưng dù chỉ làm Ta sợ hãi, kẻ ấy cũng không làm được.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con khỉ ở khu vực Tuyết sơn. Bồ-tát lớn lên lực lưỡng, thân thể cường tráng, dung sắc tươi đẹp, sống ở trong rừng tại khúc quanh của sông Hằng.

Bấy giờ, một con cá sấu cũng sống ở sông Hằng. Vợ nó thấy thân thể Bồ-tát, sinh thèm thuồng quả tim Bồ-tát, liền nói với con cá sấu đực:

– Này chàng, em muốn ăn quả tim con khỉ chúa này.

Sấu đực nói:

– Này hiền thê, chúng ta tìm ăn dưới nước, nó tìm ăn trên cạn, làm sao chúng ta có thể bắt được nó?

– Hãy tìm mọi phương tiện bắt cho được con khỉ, nếu em không được ăn tim nó, em sẽ chết.

– Thôi được, chớ lo lắng. Ta đã có một mưu kế và ta sẽ cho em ăn thịt quả tim nó.

Con cá sấu đực an ủi con cá sấu cái.

Khi Bồ-tát uống nước sông Hằng xong, đang ngồi trên bờ, con cá sấu đi lại gần và nói:

– Thưa ngài khỉ chúa, tại nơi này bạn chỉ ăn được các trái cây hư thối, sao bạn lại thường đến chỗ cũ này? Ở bên kia bờ sông Hằng không bao giờ hết các loại quả ngọt như xoài, mít, v.v... sao bạn lại không qua bên ấy để ăn đủ loại quả?

Khỉ đáp:

– Này vua cá sấu, sông Hằng sâu và rộng. Làm sao tôi đi qua đó được?

– Nếu bạn muốn đi, tôi mời bạn leo trên lưng tôi và tôi đưa bạn qua.

Con khỉ tin lời con cá sấu, nói:

– Lành thay, bạn cá sấu!

Cá sấu bảo:

---

[40] Xem *Cv.* VII. 188.

– Vậy hãy leo lên lưng ta!

Bồ-tát liền lên lưng con cá sấu. Con cá sấu bơi đi một lát, rồi lặn xuống nước. Bồ-tát kêu to:

– Này bạn, sao bạn làm tôi chìm xuống? Để làm gì vậy?

Sấu đực đáp:

– Ta đưa ngươi qua có phải vì bản chất chơn chánh đâu? Vì vợ ta thèm quả tim của ngươi nên ta muốn lấy nó cho nàng ăn!

Khỉ nói:

– Này bạn, thật là tốt lành khi bạn nói với tôi như vậy. Cá sấu ạ, nếu trái tim nằm trong bụng chúng tôi thì khi tôi nhảy từ đầu cành này qua đầu cành khác, nó đã bị vỡ vụn ra như bột rồi!

Sấu đực hỏi:

– Vậy ngươi để quả tim ngươi ở đâu?

Bồ-tát chỉ một cây sung không xa bao nhiêu, đầy những chùm sung và nói:

– Hãy xem, đấy là những quả tim của chúng tôi đang treo lủng lẳng ở cây sung.

Sấu đực bảo:

– Nếu ngươi chỉ cho ta quả tim, ta sẽ không giết ngươi đâu.

– Vậy hãy đưa ta lại đấy, ta sẽ chỉ cho bạn quả tim đang treo lủng lẳng trên cây!

Con cá sấu đưa Bồ-tát đến chỗ ấy. Bồ-tát từ lưng cá sấu nhảy lên, ngồi trên cây sung và nói:

– Này bạn cá sấu ngu đần ơi, bạn nghĩ rằng các loài vật để các quả tim ở đầu cành cây sao? Bạn thật là ngu! Ta đã lừa bạn đấy! Bạn có thể giữ lại các trái cây này cho bạn. Thân của bạn to lớn nhưng bạn không có trí khôn.

Để làm sáng tỏ ý nghĩa này, Bồ-tát đọc các bài kệ sau:

115. Thôi đủ rồi, các trái,
Hồng đào, mít và xoài,
Được thấy bờ bên kia,
Ta không ham chúng nữa,
Cây sung ta tốt hơn.

116. Thân của bạn thật lớn,
Nhưng trí bạn quá nhỏ,
Này sấu, ta lừa bạn,
Hãy đi như bạn muốn.

Như đánh mất một ngàn đồng tiền, sấu đực buồn khổ, sững sờ đi về chỗ ở của mình.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con cá sấu đực là Devadatta, con cá sấu cái là thiếu nữ Ciñcā, còn khỉ chúa là Ta vậy.

§209. CHUYỆN CON CHIM MỒI (*Kakkarajātaka*) (*J*. II. 160)

Ta thấy nhiều cây rừng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo trẻ tuổi đồng trú với Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất), vị Tướng quân Chánh pháp.

Nghe nói, vị này khéo săn sóc thân mình, không dám ăn đồ quá lạnh hay quá nóng vì sợ thân sẽ không an lạc; không dám đi ra ngoài vì sợ nóng và lạnh sẽ làm thân mệt mỏi; và vị ấy không ăn cơm nấu quá nhão hay quá cứng.

Sự khéo léo săn sóc thân thể của Tỷ-kheo ấy được chúng Tăng biết đến. Các Tỷ-kheo ngồi ở pháp đường và nói chuyện:

– Này các Hiền giả, nghe nói Tỷ-kheo tên này khéo săn sóc thân thể lắm!

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi hội họp ở đây đang bàn luận vấn đề gì?

Và khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo trẻ này mới khéo léo săn sóc thân thể. Thuở xưa, vị ấy cũng đã như vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một thần cây ở trong rừng. Có một người thợ săn chim, với một con chim mồi, đem sợi dây thòng lọng làm bằng tóc và cây gậy vào rừng bắt chim. Khi đuổi theo một con chim già, anh ta bắt đầu cột con chim mồi và cho nó bay theo vào rừng. Con chim già ấy khéo biết bẫy sập, không để mình bị bắt, cứ bay lên rồi đậu xuống. Vì vậy, kẻ đi săn giấu mình dưới cành lá, tiếp tục dựng cây gậy và giơ bẫy mồi. Nhưng con chim muốn làm cho người thợ săn xấu hổ, dùng giọng người đọc bài kệ đầu:

117. Ta thấy nhiều cây rừng, Như assakaṇṇa,
Các cây ấy không làm, Như ông đã làm đâu!

Nói vậy xong, con chim ấy bay đến một chỗ khác.

Khi con chim đã bay đi rồi, người thợ săn đọc bài kệ thứ hai:

118. Chim cũ phá cái lồng, Đã bay đi mất rồi,
Khéo biết về bẫy sập, Thoát bẫy, nói giọng người!

Nói vậy xong, người thợ săn đi sâu vào rừng, lấy những gì có thể kiếm được rồi đi về nhà.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người thợ săn là Devadatta, con chim là Tỷ-kheo trẻ khéo léo săn sóc thân mình, còn vị thần cây đã chứng kiến mọi việc là Ta vậy.

§210. CHUYỆN CON CHIM GÕ MÕ (*Kandagalakajātaka*)[41] (*J.* II. 162)

Này bạn, cây gì đây...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về sự bắt chước bậc Thiện Thệ.

Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư nghe Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bắt chước bậc Thiện Thệ, Ngài nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới bắt chước Ta và bị hại. Thuở xưa, kẻ ấy cũng đã làm như vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con chim gõ mõ ở khu vực Tuyết sơn. Bồ-tát kiếm ăn ở trong rừng cây keo gai và có tên là Khadiravaniya (chim gõ mõ ở rừng cây keo). Bồ-tát có một con chim bạn tên là Kandagalaka (chim ăn cây mềm), và con chim này kiếm ăn trong một khu rừng đầy trái tốt.

Một hôm, con chim này đi đến gặp Khadiravaniya. Khadiravaniya thấy bạn đến liền dắt bạn đi vào rừng, lấy mỏ mổ khúc cây keo, khiến các con sâu từ cây bò ra và cho bạn ăn. Kandagalaka mổ các con sâu được bạn cho như ăn bánh ngọt. Trong khi ăn, Kandagalaka sinh lòng tự ái: "Con này là con chim gõ mõ, ta cũng vậy. Sao ta ăn các thứ do nó cho ta? Ta sẽ tự kiếm ăn trong rừng cây keo." Nó liền nói với Khadiravaniya:

– Này bạn, chớ chịu cực mãi. Tôi sẽ tự đi kiếm đồ ăn trong rừng cây keo.

Bồ-tát nói với bạn:

– Này bạn, bạn thuộc gia đình chim đi tìm đồ ăn ở các cây bông không có lõi cây, tại rừng cây có trái tốt. Nhưng cây keo có lõi cứng rắn. Bạn chớ nên làm như vậy.

Kandagalaka nói:

– Tôi là con gì? Tôi không phải là con chim gõ mõ sao?

Kandagalaka không nghe lời bạn, bay thật mau mổ vào cây keo. Trong chốc lát, mỏ nó bị gãy, mắt như muốn lồi ra và đầu như bị vỡ. Nó đứng trên thân cây không vững, phải rơi xuống đất và đọc bài kệ đầu:

119. Này bạn, cây gì đây, Lá mát lại có gai,
Tại đây, mổ một cái, Đầu tôi bị vỡ nát?

Nghe vậy, Khadiravaniya đọc bài kệ thứ hai:

120. Loại chim này chỉ quen, Mổ ăn loại cây mềm
Và các khúc gỗ mục, Không có lõi cây cứng.

---

[41] Xem *J.* II. 158, *Suṁsumārajātaka* (*Chuyện con cá sấu*), số §208.

Rủi thay, mổ cây keo,
Tại đấy con chim chết,

Loại cây có lõi cứng,
Đầu như bị vỡ ra.

Khadiravaniya nói thêm:

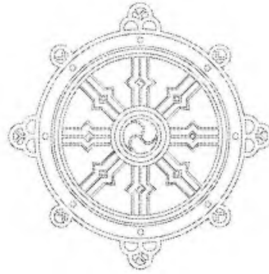
– Này bạn Kandagalaka, cây làm bạn vỡ đầu tên là cây keo gai, loại cây có lõi cứng như thép.

Còn con chim không nghe lời bạn phải chết tại chỗ.

***

Thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Kandagalaka là Devadatta, còn Khadiravaniya là Ta vậy.



VII. PHẨM ĐÁM CỎ BĪRAṆA (*BĪRAṆATTHAMBHAKAVAGGA*)

§211. CHUYỆN CHÀNG TRAI SOMADATTA (*Somadattajātaka*) (*J.* II. 164)

Thường xuyên học thuộc lòng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Trưởng lão Lāḷudāyī (Udāyī khờ khạo). Tương truyền khi ở trước mặt hai, ba người, vị ấy không thể nói được một lời. Vị ấy nhút nhát đến độ nghĩ thế này lại nói thế khác.

Các Tỷ-kheo ngồi trong pháp đường, bàn luận về vấn đề này của Trưởng lão. Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp tại đây đang bàn luận vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Lāḷudāyī mới nhút nhát quá đáng. Thuở trước, vị ấy cũng đã như vậy. Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở xứ Kāsi. Khi lớn lên, Bồ-tát học nghề ở Takkasilā xong, đi về nhà, biết được cha mẹ nghèo khổ và quyết định: "Ta sẽ xây dựng lại gia đình bị sa sút." Bồ-tát xin phép cha mẹ đi đến Ba-la-nại và trở thành người hầu hạ vua, được vua thương mến.

Bấy giờ, người cha của Bồ-tát làm nghề cày ruộng với hai con bò, nhưng một con vừa chết. Ông đi đến gặp Bồ-tát và nói:

– Này con thân, một con bò chết rồi, không thể cày ruộng được nữa. Hãy xin vua một con bò khác!

– Thưa cha thân, con mới hầu vua không lâu. Nay con xin bò không thích hợp. Cha hãy xin đi!

– Con thân, con không biết cha nhút nhát quá đáng. Trước mặt hai, ba người, cha không thể nói lên một lời. Nếu cha đi đến xin vua một con bò, cuối cùng cha sẽ cho vua con bò còn lại này.

– Thưa cha thân, cha đừng giận con. Con không thể xin vua nên con phải tập cho cha xin.

– Vậy thì hay lắm! Hãy tập cho cha xin đi!

Bồ-tát đem cha đến một nghĩa địa có đám cỏ thơm, cột từng nắm cỏ lại, rải cỏ chỗ này chỗ kia và lần lượt chỉ cho cha:

– Đây là vua, đây là phó vương, đây là tướng quân.

Và rồi Bồ-tát nói:

– Thưa cha thân, khi đi đến gặp vua, trước tiên cha nhớ nói: "Đại vương muôn năm", và đọc bài kệ này, rồi xin con bò.

Và Bồ-tát dạy cha học thuộc lòng bài kệ này:

Thưa Đại vương, thần có, Hai con bò cày ruộng,
Một con bị chết đi. Thưa bậc Sát-đế-ly,
Hãy cho con bò khác!

Vị Bà-la-môn cần một năm để học thuộc lòng câu kệ này, rồi nói với Bồ-tát:

– Này con thân! Cha đã thuộc lòng bài kệ này, cha có thể nói lên bài kệ ấy với bất cứ ai. Hãy đưa cha đến hầu vua!

– Lành thay, thưa cha thân!

Vì vậy, Bồ-tát đem theo quà tặng thích hợp, đưa cha đến yết kiến vua. Vị Bà-la-môn nói:

– Đại vương muôn năm!

Và ông dâng vua tặng phẩm. Vua hỏi:

– Này Somadatta, vị Bà-la-môn là gì đối với khanh?

– Thưa Đại vương, đó là cha thần.

– Ông đến đây có việc gì?

Lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn đọc bài kệ để xin bò:

– Thưa Đại vương, thần có hai con bò cày ruộng, một con bị chết đi. Thưa bậc Sát-đế-ly, hãy lấy con bò kia!

Vua biết vị Bà-la-môn nói sai, liền cười và nói:

– Này Somadatta, hình như ở nhà khanh có nhiều bò lắm ư?

– Tâu Đại vương, nếu có vậy là do Đại vương ban cho.

Vua bằng lòng với câu trả lời của Bồ-tát, liền cho vị Bà-la-môn mười sáu con bò với các dây đai trang sức, một ngôi làng để ở và bảo đưa người cha về với nhiều nghi lễ long trọng. Vị Bà-la-môn leo lên cỗ xe do ngựa Sindh toàn trắng kéo đi về làng với một số tùy tùng đông đảo trong cảnh huy hoàng. Bồ-tát ngồi trong xe cùng với cha và nói:

– Thưa cha thân, cả năm con đã dạy cha học thuộc lòng. Khi thời cơ đến, cha lại cho vua con bò!

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

121. Thường xuyên học thuộc lòng, Không bao giờ phóng dật,
Cả năm trường như vậy, Học với chùm cỏ thơm,

Khi đứng trước triều thần,
Thực hành không ích lợi,
Trả lời sai ý nghĩa,
Vì trí tuệ ít ỏi.

Nghe Bồ-tát nói vậy, vị Bà-la-môn đọc bài kệ thứ hai:

122. Somadatta thân,
Giữa hai điều được một.
Hoặc có được tài sản,
Người yêu cầu điều gì,
Hoặc không được gì cả,
Pháp yêu cầu là vậy.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Udāyī mới nhút nhát quá đáng. Thuở xưa, vị ấy cũng nhút nhát quá đáng như vậy rồi.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, cha của Somadatta là Lāḷudāyī, còn Somadatta là Ta vậy.

§212. CHUYỆN THỨC ĂN THỪA (*Ucchiṭṭhabhattajātaka*) (*J.* II. 167)

Trên đầu sắc lại khác...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự luyến ái người vợ cũ.

Tỷ-kheo ấy được bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, nghe nói ông bị ái nhiễm?

Vị ấy đã trả lời:

– Có thực vậy.

– Ông luyến ái ai?

– Con luyến ái người vợ cũ.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân này thuở trước đã làm hại ông và khiến ông ăn đồ ăn thừa của nhân tình nó.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người nhào lộn nghèo khổ, sống bằng cách ăn xin. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát nghèo khổ, thiếu thốn và xin ăn để sống.

Lúc bấy giờ, trong nước Kāsi, tại làng nhỏ, người vợ của một Bà-la-môn có tà hạnh, theo ác pháp, thường hành động tội lỗi. Một hôm, vì một vài công việc, vị Bà-la-môn đi ra ngoài, và người tình của nữ nhân ấy được cơ hội liền lẻn vào nhà. Sau khi hành lạc với nữ nhân ấy xong, gã nói:

– Ta muốn ăn một chút gì rồi sẽ đi.

Bà ta liền sửa soạn đồ ăn, dọn cơm, hâm canh và cho người tình ăn, còn mình đứng ở cửa canh chồng đi về.

Tại chỗ người tình ấy đang ăn, Bồ-tát đứng chờ xin cơm và chứng kiến câu chuyện. Khi vị Bà-la-môn xong việc, ông trở về nhà. Nữ Bà-la-môn thấy chồng về, liền đi nhanh vào nhà nói:

– Hãy đứng dậy, vị Bà-la-môn đang đi về!

Người vợ bảo tình nhân đi trốn vào kho chứa đồ và đón vị Bà-la-môn vào nhà. Khi vị Bà-la-môn ngồi xuống, bà vợ sửa soạn chỗ ngồi, đưa nước rửa tay và trên phần cơm nguội lạnh do người kia ăn thừa, bà thêm phần cơm nóng và mời ông ăn. Vị Bà-la-môn đặt tay xuống cơm, thấy cơm dưới nguội trên nóng suy nghĩ: "Cơm này có thể là cơm thừa của một người khác đã ăn rồi." Ông liền hỏi nữ Bà-la-môn với bài kệ đầu:

123. Trên đầu sắc lại khác, Phía dưới sắc lại khác,
Ta hỏi nữ Phạm chí, Sao dưới vậy, trên vậy?

Nữ Bà-la-môn sợ việc làm của mình bị bại lộ, dầu vị Bà-la-môn hỏi đi hỏi lại vẫn giữ im lặng. Lúc bấy giờ, người nhào lộn đang đứng xin ăn ở ngoài cửa suy nghĩ: "Người đàn ông núp trong kho chứa đồ chắc là tình nhân. Người này chắc là chủ nhà. Nữ Bà-la-môn sợ việc làm của mình bị bại lộ nên không nói gì. Vậy ta hãy phô bày việc làm của nữ Bà-la-môn ấy, nói cho vị Bà-la-môn biết chỗ nấp của người tình trong kho chứa đồ."

Bồ-tát liền đem toàn bộ câu chuyện nói cho vị Bà-la-môn biết, từ khi ông đi ra khỏi nhà, người kia đi vào nhà, hành lạc, ăn cơm ngon; và nữ Bà-la-môn đứng ở cửa nhìn ra đường, bảo người kia núp xuống trong kho chứa đồ. Người nhào lộn nói như vậy cho ông chủ nhà biết và đọc bài kệ thứ hai:

124. Kính thưa bậc Tôn giả, Tôi là người nhào lộn,
Tôi đã đi đến đây, Chỉ là để xin ăn,
Người núp trong kho chứa, Là người Tôn giả tìm.

Bồ-tát nắm búi tóc kẻ tình địch, kéo gã ra khỏi kho chứa, dặn gã chớ có làm việc ác như vậy nữa, rồi ra đi. Còn vị Bà-la-môn, đánh và dạy cả hai người chớ làm ác như vậy nữa. Rồi về sau ông mạng chung và đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo ấy đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nữ Bà-la-môn là người vợ trước, vị Bà-la-môn là vị Tỷ-kheo bị ái nhiễm, còn người nhào lộn là Ta vậy.

§213. CHUYỆN VUA BHARU (*Bharujātaka*) (*J.* II. 169)

Ta nghe vua Bharu...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về vua xứ Kosala.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn được vua xứ Kosala cung kính tôn trọng đảnh lễ, cúng dường, nhận các tặng vật dồi dào như đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cúng dường.

Hội chúng ngoại đạo thấy lợi dưỡng, danh vọng của họ bị giảm thiểu bèn hội họp bí mật, ngày đêm thảo luận như sau:

– Từ khi Sa-môn Gotama xuất hiện, các lợi dưỡng và danh vọng của chúng ta bị tổn giảm.[42] Sa-môn Gotama được lợi dưỡng và danh vọng tối thượng. Vì nhân duyên gì, Sa-môn ấy được thành công như vậy?

Một người trong hội chúng nói:

– Sa-môn Gotama có một trú xứ tối thượng, an toàn nhất ở cõi Diêm-phù-đề. Do vậy, Sa-môn Gotama được lợi dưỡng cung kính. Để có lợi dưỡng, chúng ta cũng xây dựng một tịnh thất ngoại đạo ở bên cạnh Kỳ Viên, như vậy chúng ta sẽ được cúng dường nhiều tặng vật.

Tất cả đi đến kết luận là như vậy. Nhưng rồi họ nghĩ: "Nếu chúng ta không báo tin cho vua biết việc xây tịnh thất này thì các Tỷ-kheo sẽ ngăn chặn chúng ta. Còn nếu vua nhận được quà tặng, vua sẽ không ngần ngại phá trú xứ của họ. Do vậy, chúng ta phải hối lộ vua và chúng ta sẽ lấy được chỗ làm tịnh thất."

Họ thỏa thuận, yêu cầu các cận thần đem dâng vua một trăm ngàn đồng và thưa:

– Thưa Đại vương, chúng tôi muốn làm một tịnh thất ngoại đạo ở bên cạnh Kỳ Viên. Nếu các Tỷ-kheo nói với Đại vương: "Chúng tôi không cho phép làm" thì Đại vương chớ trả lời họ.

Vì tham của hối lộ, vua chấp thuận việc ấy. Hội chúng ngoại đạo được vua chấp thuận, liền mời một kiến trúc sư bắt đầu công trình xây dựng và gây tiếng ồn ào. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Ānanda, tiếng ồn ào ầm ĩ này là tiếng gì?

– Bạch Thế Tôn, các người ngoại đạo đang xây dựng tịnh thất bên cạnh Kỳ Viên. Tiếng ồn ào nổi lên từ đấy.

– Này Ānanda, chỗ ấy không thích hợp cho tịnh thất ngoại đạo. Các phái ngoại đạo ưa lớn tiếng ồn ào. Không thể sống với họ được.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư họp chúng Tỷ-kheo lại và nói:

– Này các Tỷ-kheo, hãy đi báo cho vua biết, yêu cầu vua ngăn chặn việc làm tịnh thất ngoại đạo!

Chúng Tỷ-kheo đi đến và đứng tại cửa hoàng cung. Vua nghe chúng Tỷ-kheo đến, biết rằng họ đến để ngăn việc xây tịnh thất ngoại đạo. Nhưng tự mình đã nhận tiền hối lộ nên vua bảo người hầu cận ra nói rằng vua không có ở nhà.

[42] Xem *Divy*. 91.

Các Tỷ-kheo trở về trình bậc Đạo sư. Ngài biết vua nhận hối lộ nên làm vậy. Ngài cử hai vị Đại đệ tử ra đi. Vua nghe hai vị Đại đệ tử đến, cũng bảo người trả lời như trước. Hai vị Đại đệ tử ấy trở về trình bậc Đạo sư. Ngài nói:

– Này Sāriputta (Xá-lợi-phất), chắc chắn hôm nay vua không ở trong cung. Có lẽ vua đi ra ngoài.

Vào sáng hôm sau, bậc Đạo sư đắp y, cầm y bát, cùng với năm trăm Tỷ-kheo đi đến cửa cung. Vua nghe chư vị đến, liền từ trên lầu bước xuống cầm lấy bình bát của bậc Đạo sư. Vua cúng dường các món cơm cháo lên chúng Tăng với đức Phật là vị lãnh đạo, và đảnh lễ bậc Đạo sư, rồi vua ngồi xuống một bên.

Bậc Đạo sư bắt đầu thuyết giảng cho vua:

– Thưa Đại vương, các vua thuở trước đã nhận của hối lộ, do đó gây ra sự đấu tranh giữa các vị có giới đức nên đã mất chủ quyền nước mình và gặp đại nạn.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vua, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, tại nước Bharu, vua nước Bharu trị vì quốc độ. Lúc bấy giờ, Bồ-tát là vị khổ hạnh, đã đạt được năm thắng trí và tám thiền chứng, là bậc Sư trưởng một hội chúng cư trú lâu ngày tại khu vực Tuyết sơn.

Vì cần dùng muối và giấm, Bồ-tát cùng năm trăm vị tu khổ hạnh từ Tuyết sơn theo thứ tự đi đến thành Bharu. Tại đây, hội chúng khất thực xong, đi ra khỏi thành, ngồi xuống gần cổng phía Bắc, dưới gốc một cây bàng đầy cành lá. Họ dùng cơm và trú ở đấy.

Bấy giờ, khi chúng đạo sĩ ấy sống tại đấy khoảng nửa tháng, một vị Sư trưởng hội chúng khác với năm trăm đạo sĩ cùng đi đến khất thực trong thành xong, đi ra khỏi thành, ngồi xuống tại cổng phía Nam, dưới một gốc cây bàng tương tự. Sau khi ăn uống xong, họ cũng trú tại đấy. Như vậy, hai hội chúng đạo sĩ ăn uống ở đấy cho đến thỏa thích rồi đi về Tuyết sơn.

Khi hội chúng đi rồi, cây bàng ở cổng phía Nam bị khô héo. Lần sau, hai hội chúng ấy lại đến. Những vị trú ở cây bàng tại cổng phía Nam đến trước, và thấy cây bàng của mình bị khô héo. Sau khi đi khất thực, họ ra khỏi thành, đến gốc cây bàng tại cổng phía Bắc. Ăn uống xong, họ sống ở tại đấy. Các đạo sĩ của hội chúng kia đến sau, khất thực trong thành xong, đi đến gốc cây của mình, ngồi ăn uống và cũng muốn trú tại đấy. Họ nói:

– Cây này không phải là cây của các ông. Chính là cây của chúng tôi.

Như vậy, vì cái cây họ bắt đầu tranh cãi nhau. Cuộc tranh cãi trở thành lớn chuyện. Một số đạo sĩ này nói:

– Các ông không được lấy chỗ của chúng tôi ở trước kia.

Một số đạo sĩ khác nói:

– Lần này chúng tôi đến đây trước. Các ông không được lấy chỗ này. Như vậy chúng tôi là chủ.

Và vì vấn đề gốc cây, cả hai hội chúng đi đến hoàng cung. Vua quyết định cho hội chúng đạo sĩ đến ở trước tiên là chủ nhân của gốc cây ấy. Nhóm kia nói với nhau:

– Nay chúng ta không thể nhịn thua những người này.

Với thiên nhãn họ nhìn xung quanh, thấy một hòm xe xứng đáng là sở hữu của một vị Đại vương, liền mang xe báu ấy hối lộ cho nhà vua và thưa:

– Thưa Đại vương, hãy làm cho chúng tôi thành người chủ cái cây!

Nhà vua nhận hối lộ và quyết định cả hai hội chúng ở đây đều là chủ nhân. Nhóm đạo sĩ kia đem lại những bánh xe bằng bạc của chính hòm xe ấy, hối lộ vua và thưa:

– Thưa Đại vương, hãy làm chúng tôi trở thành người chủ độc nhất!

Vua làm đúng như vậy. Sau đó, hai hội chúng đạo sĩ suy nghĩ: "Chúng ta là những người đã đoạn tận các dục về sở hữu và các dục gây phiền não, xuất gia tu hành, nay lại vì một gốc cây mà sanh ra đấu tranh, rồi đem của hối lộ. Đây là việc không xứng đáng."

Họ ăn năn hối lỗi và vội vã đi về Tuyết sơn. Chư thần trú trong toàn nước Bharu đều nhất trí phẫn nộ đối với vua nước Bharu vì vua đã làm các vị có đức hạnh tranh đấu với nhau, một việc làm không thích đáng. Họ liền dâng nước lên tràn ngập xứ Bharu đến ba trăm do-tuần khiến cả nước ấy không còn nữa. Như vậy, chỉ vì vua nước Bharu, toàn dân trong nước Bharu gặp nạn diệt vong.

***

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nhân danh bậc Chánh Đẳng Giác, nói lên những bài kệ này:

125. Ta nghe vua Bharu, Làm đạo sĩ đấu tranh,
Tự mình gặp đại nạn, Cùng với cả quốc độ,
Như vậy vì tội ấy, Vua đi đến diệt vong.

126. Vậy bậc trí không khen, Dục chinh phục nội tâm,
Vị có tâm không nhiễm, Nói toàn lời chân thật.

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nói với đức vua:

– Thưa Đại vương, chớ để lòng dục ngự trị, làm cho hai hội chúng xuất gia đấu tranh với nhau là việc không nên.

Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Ta là người lãnh đạo nhóm các vị Hiền trí.

Khi cúng dường đức Như Lai xong và bậc Đạo sư đã ra về, vua sai người đến phá hủy tịnh thất ngoại đạo, khiến các phái ngoại đạo không có trú xứ.

§214. CHUYỆN CON SÔNG ĐẦY NƯỚC (*Puṇṇanadījātaka*) (*J.* II. 173)

Vật gì người ta nói...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về trí tuệ Ba-la-mật.

Một thời, tại pháp đường, các Tỷ-kheo nói chuyện liên hệ đến trí tuệ của Như Lai:

– Thưa các Hiền giả, bậc Chánh Đẳng Giác có trí tuệ vĩ đại, trí tuệ rộng rãi, minh trí, mẫn tiệp, trí tuệ sắc bén, trí tuệ thấu triệt và đầy đủ phương tiện.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông hội họp ở đây đang bàn luận vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà thuở trước cũng vậy, Như Lai đã có trí tuệ và phương tiện thiện xảo.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình của vị cố vấn tế tự. Khi trưởng thành, vị ấy đi học tất cả các nghề ở Takkasilā. Sau khi phụ thân mất, vị ấy nhận được chức vụ cố vấn tế tự cho vua về thánh sự và tục sự.

Sau một thời gian, vua nghe theo lời gièm pha của các nịnh thần, phẫn nộ không cho Bồ-tát ở gần và tẩn xuất vị ấy ra khỏi thành Ba-la-nại. Bồ-tát đem vợ con đi và sống tại một làng nhỏ ở Kāsi.

Sau một thời gian, vua nhớ lại công đức của Bồ-tát, suy nghĩ: "Nếu ta cử một sứ giả đi mời Sư trưởng về, như vậy không thích hợp. Ta hãy làm một bài kệ, viết trên lá cây, cho nấu thịt quạ, gói cả lá và thịt trong miếng vải trắng đóng dấu ấn của vua rồi gửi đi. Nếu Sư trưởng là bậc Hiền trí, sau khi đọc tấm lá và biết là thịt quạ, Sư trưởng sẽ đến. Nếu không, vị ấy sẽ không đến."

Vì vậy, nhà vua viết bài kệ này trên tấm lá:

127. Vật gì người ta nói, Uống được nước sông đầy?
Vật gì người ta nói, Được lúa mì che lấp?
Vật gì người ta nói, Người lữ hành đi xa?
Vật ấy, nay đã đến, Hãy ăn, Bà-la-môn!

Như vậy, vua viết bài kệ này trên tấm lá rồi gửi cho Bồ-tát. Bồ-tát đọc thư, tự nghĩ: "Vua muốn gặp ta", và đọc bài kệ thứ hai:

128. Vì vua còn nhớ ta, Nên mới gởi cho quạ,
Ngỗng trời, hạc, chim công, Vua cũng sẽ gửi thôi,
Nếu vua không gửi gì, Ấy là điều đáng ngại.

Bồ-tát cho thắng bò vào xe và đi đến yết kiến vua. Vì thế vua thỏa mãn, đặt Bồ-tát vào chức vụ cố vấn tế tự như cũ.

***

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, liền nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda, còn vị cố vấn tế tự là Ta vậy.

§215. CHUYỆN CON RÙA (*Kacchapajātaka*) (*J.* II. 175)

Con rùa nói lên lời...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Kokālika. Câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện Hiền giả Takkāriya*.[43] Bấy giờ, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Kokālika mới bị hại vì lời nói. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã bị hại như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một đại thần, khi lớn lên trở thành vị cố vấn của vua về thánh sự và thế sự. Nhưng vua có tánh hay nói nhiều. Khi vua nói, không cho ai cơ hội xen vào. Và Bồ-tát muốn ngăn chặn vua nói nhiều nên cố tìm một cơ hội.

Lúc bấy giờ, trong khu vực Tuyết sơn có một con rùa sống ở một hồ nước. Hai con ngỗng trời trẻ đi tìm mồi, đến kết thân với con rùa ấy. Dần dần, chúng trở thành rất thân thiết. Một hôm, ngỗng trời nói với rùa:

– Này bác rùa, chỗ chúng tôi ở tại Tuyết sơn, trên cao nguyên núi Cittakūṭa, trong một cái hang bằng vàng, trú xứ rất đẹp. Hãy đi với chúng tôi nhé!

– Ồ, làm sao tôi đi được!

– Chúng tôi sẽ đưa bác đi nếu bác có thể giữ gìn cái miệng của bác và đừng nói một điều gì hết.

– Được, tôi sẽ giữ gìn. Hãy đem tôi đi!

Chúng chấp thuận, bảo con rùa ngậm một cây gậy, còn chúng cắn vào hai đầu gậy, rồi bay lên hư không.

Bọn trẻ con trong làng thấy con rùa được các con ngỗng trời trẻ đưa đi như vậy, liền la lên:

– Hai con ngỗng trời mang con rùa trên cái gậy!

Con rùa muốn nói lên: “Nếu bạn ta đưa ta đi thì có can hệ gì đến các ngươi, đồ bọn vô loại kia?”

Trong khi ấy, hai con ngỗng trời đã bay mau đến khoảng trên cung điện vua

[43] Xem *J.* IV. 242, *Takkāriyajātaka* (*Chuyện Hiền giả Takkāriya*), số §481.

trong thành Ba-la-nại. Con rùa vừa nhả cây gậy định nói, liền rơi xuống trong sân trống và bị vỡ làm hai. Khi ấy tiếng ồn ào nổi lên:

– Con rùa rơi trên sân trống đã bị vỡ làm hai rồi!

Vua đem theo Bồ-tát cùng với các đại thần vây quanh, đi đến chỗ ấy, thấy con rùa, hỏi Bồ-tát:

– Này bậc Hiền trí, vì sao con rùa này rơi xuống?

Bồ-tát suy nghĩ: "Chờ đợi đã lâu, ta muốn giáo huấn vua và đang tìm một phương tiện. Nay thời cơ đã đến. Chắc con rùa này kết thân với những con thiên nga, được chúng đưa đi đến Tuyết sơn. Chúng bảo rùa ngậm cây gậy và đưa nó đi giữa hư không, rồi có lẽ con rùa nghe lời ai đó nói, không thể giữ gìn cái miệng, nó muốn nói nên nhả cái gậy ra, liền rơi từ hư không xuống như vậy và đi đến chỗ chết." Và Bồ-tát thưa với vua:

– Thưa Đại vương, những ai lắm mồm miệng, nói không dừng nghỉ, đều phải gặp tai họa như vậy.

Rồi Bồ-tát đọc các bài kệ này:

129. Con rùa nói lên lời, Lời nói tự hại mình,
Tuy khéo ngậm cái gậy, Mở miệng tự sát hại.

130. Hãy thấy rõ điều này, Bậc Nhân chủ vĩ đại,
Hãy nói lên vừa phải, Cẩn thận nói đúng thời.
Kẻ nào nói nhiều lời, Như con rùa gặp nạn.

Vua biết Bồ-tát kể chuyện này vì mình, liền nói:

– Thưa bậc Hiền trí, có phải vì trẫm mà bậc Hiền trí nói vậy?

Bồ-tát trình bày rõ ràng và trả lời:

– Dù Đại vương hay người khác, nếu nói quá lượng đều gặp nạn như vậy.

Từ đấy trở đi, vua bỏ tánh nói nhiều và trở thành người ít nói.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con rùa là Kokālika, hai con ngỗng trời là hai vị Trưởng lão lừng danh, vua là Ānanda, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§216. CHUYỆN CON CÁ (*Macchajātaka*) (*J.* II. 178)

Không vì lửa này đốt...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người luyến ái với vợ cũ.

Thế Tôn hỏi Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông bị ái nhiễm?

Tỷ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn, có thật vậy.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Vì ai?

– Bạch Thế Tôn, vì người vợ cũ.

Bậc Đạo sư nói với vị ấy:

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân này đã đem tai họa cho ông. Thuở xưa, vì nữ nhân này, ông gần bị cây cọc đâm và bị nướng trên lửa để làm đồ ăn. Nhờ các bậc Hiền trí, ông được cứu mạng.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là vị cố vấn tế tự cho vua ấy. Một hôm, các người đánh cá kéo lên một con cá bị mắc trong lưới, liền quăng con cá trên mặt cát nóng.

Họ đẽo nhọn một cái que và nghĩ: "Chúng ta sẽ nướng con cá này trên than đỏ và ăn." Con cá nghĩ đến con cá cái, khóc than và đọc hai bài kệ này:

131. Không vì lửa này đốt, Không vì dùi nhọn đâm,
Vì cá cái nghi tôi, Vui chơi với cá khác!

132. Chính lửa tình đốt tôi, Làm khổ tâm tư tôi,
Các ngài hãy thả tôi, Ái dục không đáng chết!

Lúc bấy giờ, Bồ-tát đi đến bờ sông nghe con cá ấy than khóc, liền đi đến gặp các người thợ săn và can thiệp để họ thả con cá ấy.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo bị ái nhiễm đã đắc quả Dự lưu.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con cá cái là người vợ thuở trước, Tỷ-kheo bị ái nhiễm là con cá, còn vị cố vấn tế tự là Ta vậy.

§217. CHUYỆN CON GÁI CỦA NGƯỜI BÁN RAU

(*Seggujātaka*) (*J.* II. 179)

Thế giới thích hoan lạc...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một nam cư sĩ bán rau trái. Câu chuyện này đã được nói đến trong chương I, *Chuyện người bán rau*.[44] Tại đây, bậc Đạo sư hỏi nam cư sĩ ấy:

[44] Xem *J.* I. 411, *Paṇṇikajātaka* (*Chuyện người bán rau*), số §102.

– Này nam cư sĩ, sao lâu ngày ông không đến?

– Bạch Thế Tôn, con gái của con thường hay cười. Sau khi thử thách nó, con đã gả nó cho con trai một gia đình quý tộc. Vì phải làm việc này, con không có dịp đến yết kiến Ngài.

Rồi bậc Đạo sư nói với nam cư sĩ ấy:

– Này nam cư sĩ, không phải chỉ nay con gái ông có giới hạnh. Thuở trước, nàng cũng có giới hạnh rồi. Không phải chỉ nay ông mới thử thách nàng. Thuở trước, ông cũng đã thử thách nàng.

Rồi theo lời nam cư sĩ thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm một vị thần cây.

Lúc bấy giờ, người nam cư sĩ buôn bán rau trái này nghĩ: "Ta sẽ thử con gái của ta." Rồi ông đem cô vào rừng, cầm tay cô làm như thể ông có ham muốn tội lỗi với cô. Sau đó, người cư sĩ đọc bài kệ đầu với con gái đang than khóc:

133. Thế giới thích hoan lạc,
Lại không khéo hiểu biết,
Nay con còn được gọi,
Bị ta bắt trong rừng,
Còn con gái của ta,
Đối với chuyện hạ liệt.
Thiếu nữ đồng trinh chăng?
Thôi con đừng khóc nữa!

Nghe vậy, cô con gái nói:

– Thưa cha thân, con vẫn là con gái! Con không biết gì về dâm dục cả.

Rồi vừa khóc, cô vừa đọc bài kệ thứ hai:

134. Người đáng bảo vệ con,
Người ấy là cha con,
Nay con khóc với ai,
Người đáng bảo vệ con,
Khỏi buồn phiền đau khổ,
Lại ác ý trong rừng,
Giữa núi rừng thanh vắng,
Lại muốn dùng sức mạnh?

Như vậy, người bán rau trái ấy thử con gái mình xong, liền đưa cô về nhà, và gả cô cho một chàng trai tốt. Về sau, ông mạng chung và đi theo nghiệp của mình.

***

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, người bán rau chứng quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người cha và cô con gái là hai người hiện tại, còn vị thần cây chứng kiến câu chuyện ấy là Ta vậy.

§218. CHUYỆN NGƯỜI ĐI BUÔN LỪA ĐẢO

(***Kūṭavāṇijajātaka***) (*J.* II. 181)

Man trá trị man trá...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người đi buôn lừa đảo.

Có hai người lái buôn ở Xá-vệ, một người lừa đảo và một người lương thiện. Hai người này hùn vốn với nhau, chất đầy hàng hóa trên năm trăm cỗ xe, di chuyển từ Đông sang Tây, buôn bán thâu hoạch lợi tức nhiều, rồi đi trở về Xá-vệ.

Người lái buôn lương thiện nói với người lái buôn lừa đảo:

– Thưa bạn, chúng ta sẽ chia hàng hóa.

Người lái buôn lừa đảo suy nghĩ: "Người này lâu ngày mệt mỏi vì thiếu ăn, thiếu ngủ; nay về nhà, được ăn uống đầy đủ các món ngon đặc biệt khác nhau sẽ chết vì không tiêu hóa được; khi ấy, tất cả hàng hóa thuộc về ta." Vì vậy, anh ta nói:

– Các sao trời hôm nay không được tốt, ngày cũng không được lành. Mai mốt chúng ta sẽ tính việc ấy.

Anh ta cố tìm cớ trì hoãn. Nhưng người lương thiện cứ thúc bách mãi nên họ cũng chia hàng hóa. Sau đó, vị ấy đem hương và vòng hoa đi đến cúng dường bậc Đạo sư, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Ông về từ bao giờ?

– Bạch Thế Tôn, con về khoảng nửa tháng.

Ngài lại hỏi:

– Tại sao ông chậm đến thăm Như Lai?

Vị ấy trình câu chuyện trên. Bậc Đạo sư nói:

– Này nam cư sĩ, không phải chỉ nay kẻ ấy lừa đảo như vậy. Thuở xưa, kẻ đó cũng là người lái buôn lừa đảo.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vị ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình của một đại thần. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được cử làm quan Tư pháp.

Lúc bấy giờ, có hai người lái buôn, một người ở làng, một người ở thành phố làm bạn với nhau. Người ở làng giao cho người ở thành phố năm trăm lưỡi cày. Người ở thành phố bán những lưỡi cày ấy giữ lấy tiền, và tại chỗ cất những lưỡi cày ấy, anh ta rải phân chuột.

Sau một thời gian, người ở làng đến và nói:

– Hãy trả các lưỡi cày cho ta!

Người lái buôn lừa đảo nói:[45]

– Các lưỡi cày của bạn đã bị chuột ăn hết!

[45] Xem *D.* I. 236, *Tevijjasutta* (*Kinh Tam minh*), số 13.

Và anh ta chỉ những đống phân chuột. Người kia nói:

– Ôi, những con chuột! Chúng mày đã ăn thì ta còn làm gì được nữa?

Khi đi tắm, anh ta đem theo con trai của người lái buôn lừa đảo, gửi nó trong nhà một người bạn và dặn không cho đứa bé đi đâu cả, cứ bắt nó ngồi trong phòng. Sau khi tắm xong, anh ta đến nhà người lái buôn lừa đảo. Người này hỏi:

– Con tôi đâu?

– Thưa bạn, tôi để con bạn trên bờ sông. Trong khi tôi lặn dưới nước thì một con diều hâu đến giơ móng vuốt bắt con bạn và bay lên không rồi. Tôi cố gắng đập nước, la lớn tiếng, nhưng không thể cứu nó được.

– Bạn nói láo, con diều hâu không thể bắt đứa trẻ đem đi được!

– Này bạn, sự thật là vậy. Việc không đáng xảy ra lại xảy ra thì tôi làm gì được? Con bạn đã bị con diều hâu bắt đi mất rồi!

Người kia mắng nhiếc:

– Ôi, tên lừa đảo độc ác! Ôi, kẻ giết người! Nay ta sẽ đi đến quan tòa và kéo mày đến đấy!

Rồi anh ta ra đi. Người lái buôn ở làng nói:

– Hãy làm như ý bạn muốn!

Và anh ta đi đến pháp đường trình quan. Người lái buôn lừa đảo nói với Bồ-tát:

– Thưa quan lớn, người này dắt con tôi đi tắm. Khi tôi hỏi con tôi đâu rồi, anh ta nói nó đã bị con diều hâu bắt đi rồi. Xin ngài xử vụ kiện này cho tôi.

Bồ-tát nói với người kia:

– Này ông, hãy khai sự thật!

– Thưa quan lớn, vâng đúng vậy. Tôi dẫn con nó đi, con nó bị diều hâu tha rồi. Sự thật là như vậy, thưa ngài.

– Nhưng ở đời làm sao diều hâu lại tha đứa trẻ đi được.

– Thưa quan lớn, tôi có một câu muốn hỏi ngài: Nếu các con diều hâu không thể bắt đứa trẻ và bay lên không được thì làm sao các con chuột lại ăn những lưỡi cày?

– Ông muốn nói gì thế?

– Thưa quan tòa, tôi có cất tại nhà người này năm trăm lưỡi cày. Khi tôi hỏi, anh ta nói những lưỡi cày ấy đã bị chuột ăn. Rồi anh ta chỉ cho tôi đống phân của các con chuột đã ăn các lưỡi cày. Thưa quan lớn, nếu các con chuột ăn được lưỡi cày thì các con diều hâu cũng có thể mang đi các đứa trẻ. Nếu các con chuột không ăn được thì các con diều hâu cũng sẽ không mang đứa trẻ đi được. Anh ta nói các con chuột đã ăn các lưỡi cày, xin ngài hãy phán xét, chúng có thể bị ăn hay không thể bị ăn. Hãy xử vụ kiện này cho tôi!

Bồ-tát biết anh ta nghĩ ra cách man trá để đối trị với cách man trá của tên kia, nên ngài nói:

– Thật là một sự suy nghĩ khôn ngoan!

Rồi Bồ-tát đọc hai bài kệ này:

135. Man trá trị man trá, Đây thật suy tính hay,
Dùng lừa đảo phản công, Đối trị kẻ lừa đảo,
Nếu cho rằng loài chuột, Có thể ăn lưỡi cày,
Thì sao các diều hâu, Lại không mang đứa trẻ?

136. Có những kẻ lừa đảo, Lừa đảo kẻ lừa đảo,
Có những kẻ lường gạt, Lường gạt kẻ lường gạt!
Mất con, ông hãy cho, Lưỡi cày kẻ đã mất,
Người đã mất lưỡi cày, Hãy trả con người khác!

Như vậy, kẻ mất con nhận lại con và kẻ mất lưỡi cày nhận lại lưỡi cày. Và về sau, cả hai đi theo nghiệp của mình khi mạng chung.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Người lái buôn lừa đảo thời bấy giờ và người ngày nay là một, người lái buôn lương thiện cũng là người hiện tại và vị quan Tư pháp là Ta vậy.

§219. CHUYỆN ĐÁNG CHỈ TRÍCH (*Garahitajātaka*) (*J.* II. 184)

Vàng ròng là của tôi...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn và không hoan hỷ.

Vị này không thể tập trung tư tưởng vào một đối tượng độc nhất, và sống với tâm luôn luôn bất mãn. Tăng chúng đưa Tỷ-kheo ấy đến bậc Đạo sư. Ngài hỏi:

– Có thật chăng ông thối thất tinh tấn?

Vị ấy trả lời:

– Thật vậy, vì con bị phiền não chi phối.

Bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, phiền não này, thuở trước đã bị ngay các loài bàng sanh khinh miệt. Ông đã xuất gia trong giáo pháp này, sao lại thối thất tinh tấn vì bị chi phối bởi thứ phiền não mà ngay các loài bàng sanh cũng khinh miệt?

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con khỉ

chúa ở khu vực Tuyết sơn. Bồ-tát bị một người đi rừng bắt đem về dâng vua. Sống lâu ngày trong cung vua, làm đầy đủ các bổn phận, Bồ-tát rõ biết việc làm, nếp sống trong thế giới loài người. Vua bằng lòng với sự phục vụ của khỉ chúa, liền cho gọi người thợ rừng và ra lệnh thả khỉ chúa tại chỗ trước kia nó đã bị bắt. Người đi rừng làm đúng như lệnh truyền. Khi đàn khỉ biết được Bồ-tát đã về, chúng đến thăm và hội họp trên một tảng đá lớn. Sau khi chào đón hỏi thăm Bồ-tát, chúng nói:

– Thưa chúa khỉ, trong thời gian dài như vậy, ngài sống ở đâu ?

– Trong cung vua tại Ba-la-nại, vua dùng ta như con khỉ làm trò mua vui và bằng lòng vì sự phục vụ của ta nên đã thả ta.

Các con khỉ ấy hỏi:

– Chắc ngài biết cách sống của loài người. Hãy nói cho chúng tôi biết! Chúng tôi muốn nghe chuyện ấy.

– Chớ có hỏi ta về nếp sống của loài người.

– Hãy nói đi, chúng tôi muốn nghe!

Bồ-tát nói:

– Loài người dầu là Sát-đế-lỵ hay Bà-la-môn đều nói: "Đây là tài sản của tôi!" Họ không hiểu tánh vô thường làm cho mọi vật biến hoại. Các bạn hãy nghe những hành động của những kẻ mù lòa ngu si ấy.

Rồi Bồ-tát đọc những bài kệ này:

137. Vàng ròng là của tôi, Vàng quý là của tôi!
Như vậy suốt ngày đêm, Chúng rêu rao lớn tiếng,
Những người ngu si ấy, Không nhìn đến Chánh pháp.

138. Trong nhà có hai chủ, Một chủ không có râu,
Vú dài, có tóc bện, Hai tai có đâm lỗ,
Được mua với nhiều tiền, Làm khổ đau mọi người.

Nghe vậy, tất cả đều nói:

– Chớ nói, chớ nói nữa, chúng tôi vừa nghe điều không đáng nghe!

Chúng bịt chặt tai với hai tay. Và chúng không ưa chỗ ấy vì chúng nói:

– Tại chỗ này chúng ta đã nghe một điều không xứng đáng nghe!

Vì vậy, chúng đi chỗ khác. Tảng đá chúng ngồi được gọi là tảng đá bị chỉ trích, người ta nói như vậy.

***

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại xong, Ngài thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, đàn khỉ là hội chúng của Như Lai, còn khỉ chúa là Ta vậy.

§220. CHUYỆN TẾ SƯ DHAMMADDHAJA

(***Dhammaddhajajātaka***) (*J.* II. 186)

Ngài sống vẻ an lạc...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về những âm mưu sát hại Ngài. Lúc bấy giờ, Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay mà thuở trước cũng vậy, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đã âm mưu sát hại Ta nhưng dù chỉ làm Ta sợ hãi cũng không thành.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở trước, Vua Yasapāṇi trị vì Ba-la-nại, vua có một vị Tướng quân tên là Kāḷaka (Hắc Nhân). Lúc bấy giờ, Bồ-tát là vị cố vấn tế tự tên là Dhammaddhaja (Ngọn Cờ Chánh Pháp). Vua có một người thợ hớt tóc và làm đồ trang sức đầu tóc cho vua tên là Chattapāṇi (Người Cầm Dù).

Vua trị vì theo Chánh pháp, nhưng vị tướng quân lo việc xử kiện thường ăn hối lộ và hay gièm pha. Khi đã lấy hối lộ, ông lừa đảo và chiếm đoạt tài sản của những người chủ sở hữu chính đáng.

Một hôm, một người bị thua trong một vụ kiện, huơ tay khóc lóc, khi đi ra khỏi pháp đình, thấy Bồ-tát đang hầu vua, liền gieo mình xuống chân Bồ-tát và thưa:

– Thưa ngài, trong khi ngài khuyến giáo vua về thánh sự và tục sự thì Tướng quân Kāḷaka lấy hối lộ, làm các người chủ sở hữu phải mất tài sản.

Và ông ta thuật lại vụ kiện của mình. Bồ-tát động mối bi tâm nói:

– Này bạn, hãy đi theo ta, ta sẽ xử vụ kiện cho bạn!

Bồ-tát đưa người ấy đến pháp đường. Một số đông quần chúng tụ họp lại. Bồ-tát xử vụ kiện của người ấy, và khiến người chủ sở hữu được lấy lại tài sản. Quần chúng đều hoan hô. Tiếng hoan hô làm thành tiếng ồn ào lớn. Vua nghe tiếng ồn ào liền hỏi:

– Tiếng ồn ào gì vậy?

– Thưa Đại vương, một vụ kiện xử sai đã được bậc Hiền trí Dhammaddhaja xử lại đúng pháp, vì vậy, đó là tiếng ồn ào do quần chúng hoan hô.

Vua bằng lòng, bảo mời Bồ-tát đến và hỏi:

– Thưa Sư trưởng, trẫm nghe nói Sư trưởng mới xử kiện?

– Thưa Đại vương, phải. Thần vừa xử xong một vụ kiện mà Tướng quân Kāḷaka đã xử sai.

Vua nói:

– Bắt đầu từ nay, Sư trưởng hãy xử các vụ kiện! Đôi tai trẫm sẽ sung sướng và thế giới sẽ tăng thịnh.

Bồ-tát không muốn xử kiện. Nhưng vua yêu cầu:

– Vì thương xót mọi loài hữu tình, Sư trưởng hãy ngồi xử kiện!

Vì vậy, Bồ-tát nhận lời. Từ đấy trở đi, Bồ-tát ngồi xử kiện và xử cho người chủ sở hữu chính đáng được thắng kiện. Còn Kāḷaka không được tiền hối lộ, lợi dưỡng bị hao hụt nên bắt đầu gièm pha Bồ-tát trước mặt vua. Ông ta tâu với vua:

– Thưa Đại vương, Dhammaddhaja muốn đoạt quốc độ của ngài.

Vua không tin và bảo ông ta đừng nói như vậy nữa. Kāḷaka nói:

– Nếu Đại vương không tin thần, khi nào Dhammaddhaja đi đến hầu, Đại vương hãy nhìn qua cửa sổ, rồi Đại vương sẽ thấy Dhammaddhaja đã làm cho toàn thành phố nằm trong tay của ông ta.

Vua thấy đám người được Bồ-tát xử kiện, tưởng rằng đấy là hội chúng của Bồ-tát. Vua sinh lòng nghi ngờ Bồ-tát và hỏi:

– Này tướng quân, nay chúng ta phải làm gì?

– Thưa Thiên tử, hãy giết nó!

– Chúng ta không thấy nó phạm trọng tội nào, làm sao ta giết nó được?

– Đã có một cách.

– Cách gì vậy?

– Hãy bảo nó làm một việc không thể làm được! Khi nó làm không được, ta lấy tội ấy và ta sẽ giết nó.

– Nhưng việc gì không thể làm được?

– Thưa Đại vương, một khu vườn có đất tốt, được trồng cây và chăm sóc phải cần từ hai đến bốn năm mới sanh trái được. Đại vương hãy cho gọi nó đến và bảo: "Ngày mai, trẫm muốn đến chơi tại một khu vườn. Hãy làm cho trẫm một khu vườn!" Nó sẽ không thể làm được. Chúng ta nhân tội ấy sẽ giết nó.

Vua mời Bồ-tát đến nói:

– Thưa bậc Hiền trí, trẫm đến chơi tại khu vườn cũ lâu ngày đã chán. Nay trẫm muốn đến chơi ở một khu vườn mới. Hãy xây dựng cho trẫm một khu vườn mới! Nếu khanh không làm được việc ấy, khanh sẽ mất mạng!

Bồ-tát biết: "Có lẽ vì Kāḷaka không nhận được tiền hối lộ nên nó làm cho vua chống đối ta." Bồ-tát nói với vua:

– Thưa Đại vương, thần biết, thần sẽ lo việc ấy.

Rồi đi về nhà, sau bữa ăn, Bồ-tát nằm trên giường suy nghĩ.

Lúc ấy, chiếc ngai của Đế-thích trở thành nóng. Đế-thích hướng tâm suy nghĩ, biết rằng Bồ-tát đang gặp khó khăn, liền vội vàng hiện đến phòng ngủ của ngài, đứng trên không và hỏi:

– Thưa bậc Hiền trí, ngài đang suy nghĩ gì?

– Người là ai?

– Ta là Đế-thích.

– Vua bảo ta làm một khu vườn nên ta suy nghĩ về vấn đề ấy.

– Thưa bậc Hiền trí, chớ lo âu, tôi sẽ làm cho ngài một khu vườn như rừng Nandana, như rừng Cittalata ở thiên giới. Ta sẽ làm tại chỗ nào?

– Hãy làm tại chỗ ấy!

Đế-thích làm khu vườn xong, đi về thành chư thiên. Ngày hôm sau, tận mắt thấy khu vườn, Bồ-tát đi báo cho vua:

– Thưa Đại vương, khu vườn đã làm xong cho ngài, xin hãy đi đến tiêu khiển.

Vua đi đến, thấy khu vườn có thành bao vây, rộng mười tám khuỷu tay, có sắc đỏ, có các cửa và vọng lầu, được tô điểm với nhiều loại cây nặng trĩu hoa và trái, vì vậy vua nói với Kāḷaka:

– Bậc Hiền trí đã làm như lời ta nói. Nay chúng ta phải làm gì?

– Thưa Đại vương, nếu nó có thể làm một ngôi vườn trong đêm thời sao nó không thể cướp đoạt vương quốc?

– Nay chúng ta phải làm cái gì?

– Chúng ta có thể bảo nó làm một việc khác không thể làm được.

– Việc gì vậy?

– Chúng ta bảo nó làm một cái hồ bằng bảy báu.

Vua nói:

– Tốt lắm.

Và vua cho gọi Bồ-tát đến và bảo:

– Thưa Sư trưởng, Sư trưởng đã làm xong khu vườn. Sư trưởng hãy làm một cái hồ bảy báu tương xứng với khu vườn này. Nếu không thể làm được, mạng sống của khanh không còn nữa!

Bồ-tát thưa:

– Tốt lắm, thưa Đại vương, có thể thần sẽ làm được.

Rồi Đế-thích làm một cái hồ tuyệt đẹp có một trăm cái bến, có một ngàn khúc cong, trên che kín với sen năm sắc, giống như hồ trong vườn Nandana ở thiên giới.

Hôm sau, Bồ-tát tận mắt thấy cái hồ ấy liền báo cho vua biết:

– Thưa Thiên tử, cái hồ đã làm xong cho ngài.

Vua thấy cái hồ, lại bảo Kāḷaka:

– Nay chúng ta phải làm gì?

– Thưa Đại vương, hãy bảo nó làm một cái nhà tương xứng với khu vườn!

Vua bảo Bồ-tát:

– Thưa Sư trưởng, nay hãy làm một ngôi nhà toàn bằng ngà tương xứng với

khu vườn và cái hồ này. Nếu khanh không làm được, mạng sống của khanh sẽ không còn.

Và Đế-thích làm một ngôi nhà đúng như vậy. Hôm sau, Bồ-tát tận mắt thấy ngôi nhà liền báo cho vua biết. Vua thấy ngôi nhà ấy, hỏi Kāḷaka:

– Nay chúng ta phải làm gì?

– Thưa Đại vương, hãy bảo nó làm một hòn ngọc tương xứng với ngôi nhà!

Vua bảo Bồ-tát:

– Này bậc Hiền trí, hãy làm một hòn ngọc tương xứng với ngôi nhà bằng ngà này! Với ánh sáng hòn ngọc, trẫm sẽ đi dạo chơi trong nhà. Nếu khanh không làm được, khanh sẽ không còn mạng sống nữa.

Rồi Đế-thích làm xong hòn ngọc. Hôm sau, Bồ-tát tận mắt thấy hòn ngọc liền trình vua. Vua hỏi Kāḷaka nên làm gì, Kāḷaka thưa:

– Thưa Đại vương, thần nghĩ có một vị thần nào đó đã làm theo ý muốn của Bà-la-môn Dhammaddhaja, nay hãy bảo nó làm một cái gì mà ngay các vị thần cũng không làm được. Các vị thần không thể làm được một con người đầy đủ bốn đức tánh. Do vậy, Đại vương hãy bảo nó làm một người giữ vườn đầy đủ bốn đức tánh!

Vua bảo Bồ-tát:

– Này Sư trưởng, Sư trưởng đã làm xong cho chúng ta một khu vườn, một cái hồ, một cung điện bằng ngà, một hòn ngọc chiếu tỏa ánh sáng. Nay khanh hãy làm một người giữ vườn đầy đủ bốn đức tánh để bảo vệ khu vườn của ta! Nếu khanh không thể làm được, khanh sẽ mất mạng.

Bồ-tát đáp:

– Thưa vâng, nếu có thể, thần sẽ lo làm việc ấy.

Rồi ngài đi về nhà. Sau bữa ăn ngon, ngài nằm nghỉ. Sáng sớm, ngài thức dậy ngồi trên mặt giường, suy nghĩ: "Thiên chủ Đế-thích đã làm những gì có thể làm được, nhưng Đế-thích không có thể làm con người giữ vườn đầy đủ bốn đức tánh. Sự việc là như vậy, thà chết cô độc trong rừng tốt hơn là chết trong tay người khác."

Vì vậy, không nói với một ai, Bồ-tát từ lầu đi xuống, ra khỏi thành bằng cổng chính, vào rừng và ngồi dưới một gốc cây suy tư về thiện pháp. Đế-thích biết sự việc ấy, hóa làm một người thợ rừng đến gặp Bồ-tát và thưa:

– Thưa ngài Bà-la-môn, ngài được nuôi dưỡng tế nhị, sao lại đi vào rừng này ngồi làm gì?

Để hỏi ý nghĩa này, Đế-thích đọc bài kệ đầu:

139. Ngài sống vẻ an lạc, Sao bỏ nước vào rừng?
Như một người khốn khổ, Một mình dưới gốc cây,
Ngồi thẫn thờ sầu muộn?

Nghe vậy, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

140. Ta sống vẻ an lạc, Nhưng bỏ nước vào rừng,
Như một người khốn khổ, Cô độc ngồi gốc cây,
Suy tư về thiện pháp.

Rồi Đế-thích thưa:

– Thưa ngài Bà-la-môn, sự việc là như vậy, sao ngài ngồi tại chỗ này?

– Vua bảo làm một người giữ vườn đầy đủ bốn đức tánh và vì không thể làm được một người như vậy nên ta suy nghĩ: "Sao ta lại chết trong tay người khác? Ta sẽ vào rừng và chết cô độc ở đó." Vì vậy nên ta đến đây.

– Thưa ngài Bà-la-môn, tôi là Thiên chủ Đế-thích, tôi đã làm ngôi vườn, v.v... cho ngài. Tôi không thể làm một người đầy đủ bốn đức tánh, nhưng trong nước của vua có một thợ hớt tóc tên là Chattapāṇi đầy đủ bốn đức tánh. Nếu phải có một người giữ vườn, hãy giới thiệu người hớt tóc này là người giữ vườn.

Đế-thích khuyên nhủ Bồ-tát, an ủi Bồ-tát chớ sợ gì nữa, rồi đi về thành phố chư thiên. Bồ-tát về nhà, ăn sáng xong, đi đến cửa cung thấy Chattapāṇi tại đấy. Ngài cầm tay anh ta và hỏi:

– Thưa bạn Chattapāṇi, nghe nói bạn có đủ bốn đức tánh phải không?

Chattapāṇi nói:

– Ai bảo ngài tôi có đầy đủ bốn đức tánh?

– Chính Thiên chủ Đế-thích!

– Vì nguyên nhân gì Đế-thích nói vậy?

Bồ-tát kể lại tất cả câu chuyện và nói lý do ấy.

Anh ta đáp:

– Thưa vâng, tôi có đầy đủ bốn đức tánh.

Bồ-tát liền cầm tay Chattapāṇi đi đến yết kiến vua và thưa:

– Thưa Đại vương, Chattapāṇi này có đủ bốn đức tánh. Nếu cần một người giữ vườn, Đại vương hãy bảo người này giữ vườn!

Vua hỏi Chattapāṇi:

– Có thật là khanh đầy đủ bốn đức tánh?

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

– Khanh có bốn đức tánh nào?

Vị ấy đọc bài kệ này:

Tôi không có ganh tị, Tôi cũng không uống rượu,
Tôi không có ái nhiễm, An trú không phẫn nộ,
Thiên tử, tôi là vậy.

Vua hỏi:

– Này Chattapāṇi, có phải khanh nói: "Tôi không có ganh tị?"

– Đúng vậy, thưa Thiên tử.

– Thấy những duyên cớ gì, khanh không có ganh tị?

– Thưa Đại vương, hãy nghe đây!

Chattapāṇi đọc bài kệ này, nói lên tính không ganh tị của mình:

Xưa vì một nữ nhân,
Là vua, tôi ra lệnh,
Bắt trói vị tế sư,
Nhưng vị ấy dạy tôi,
An trú vào Thánh pháp,
Do vậy, tôi không ganh.

Rồi vua hỏi Chattapāṇi:

– Này Chattapāṇi, do thấy tác hại gì, khanh là người không uống rượu?

Chattapāṇi đọc bài kệ này:

Kính thưa bậc Đại vương,
Xưa tôi uống rượu say,
Tôi đã ăn cả thịt,
Chính đứa con trai tôi,
Tôi khổ đau sầu muộn,
Thề từ bỏ uống rượu.

Rồi vua lại hỏi:

– Này bạn, do thấy duyên cớ gì bạn không còn ái nhiễm?

Chattapāṇi nói lên duyên cớ ấy với một bài kệ này:

Xưa tôi chính Đại vương,
Tên Kitavāsa,
Con tôi đã làm vỡ,
Bình bát Độc Giác Phật,
Và nó phải mạng chung,
Do vậy, không ái nhiễm.

Vua tiếp tục hỏi Chattapāṇi:

– Do duyên cớ gì, bạn trở thành người không phẫn nộ?

Chattapāṇi nói lên duyên cớ ấy với một bài kệ này:

Tôi là Araka,
Bảy năm tu từ tâm,
Bảy kiếp sống Phạm thiên,
Do vậy không phẫn nộ.

Khi Chattapāṇi đã nói lên bốn đức tánh của mình, vua khen ngợi Bồ-tát trước hội chúng. Ngay lúc ấy, các vị đại thần, Bà-la-môn, gia chủ, v.v... đều đứng dậy và la lớn:

– Ôi, đồ ăn hối lộ! Ôi, kẻ ăn trộm ác độc! Ngươi không được của hối lộ nên nói xấu bậc Hiền trí và muốn giết vị ấy.

Họ bắt giữ Kāḷaka, kéo ông ta ra khỏi cung vua, rồi chụp lấy bất cứ vật gì, kẻ lấy đá, người lấy côn, họ đánh ông ta vỡ đầu và chết ngay. Xong họ nắm chân ông ta lôi đi và quăng xác trên đống phân.

Từ đó về sau, vua trị nước thật đúng pháp, rồi đi theo nghiệp của mình lúc mạng chung.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, tướng Kāḷaka là Devadatta, người thợ hớt tóc Chattapāṇi là Sāriputta, còn Dhammaddhaja là Ta vậy.

VIII. PHẨM KĀSĀVA
(*KĀSĀVAVAGGA*)

§221. CHUYỆN TẤM Y VÀNG (*Kāsāvajātaka*)[46] (*J*. II. 196)

Ai đầy những uế nhiễm...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Một thời, vị Tướng quân Chánh pháp Sāriputta (Xá-lợi-phất) sống với năm trăm Tỷ-kheo ở Trúc Lâm. Devadatta sống với hội chúng Tỷ-kheo theo ác giới ở tại Gayāsīsa.

Lúc bấy giờ, dân chúng ở Vương Xá thường chung nhau lại để bố thí. Một thương gia đến đây để buôn bán, đem theo một tấm y vàng đượm mùi thơm có giá trị lớn và nói:

– Xin hãy cho tôi dự phần vào sự cúng dường, tôi xin cúng dường tấm y này!

Dân ở thành Vương Xá tổ chức một cuộc bố thí lớn. Tất cả những phẩm vật tùy nguyện đóng góp đều được phân phát hết, chỉ còn lại tấm y. Quần chúng hội họp lại và bàn tính:

– Chỉ còn tấm y đẹp và thơm tho này, chúng ta sẽ cúng dường cho ai? Cúng cho Trưởng lão Sāriputta hay Trưởng lão Devadatta?

Một số người nói:

– Trưởng lão Sāriputta chỉ sống ở đây một vài ngày rồi đi tùy theo sở thích. Còn Trưởng lão Devadatta luôn luôn sống gần thành phố của chúng ta trong lúc may mắn cũng như lúc rủi ro. Chúng ta hãy cúng dường Devadatta!

Khi so sánh xem nên cúng cho ai giữa hai Trưởng lão thì những người muốn cúng cho Devadatta chiếm đa số. Vì vậy, họ cúng dường tấm y ấy cho Devadatta. Vị ấy cắt may và nhuộm tấm y vàng. Sau khi hoàn thành, Devadatta đắp tấm y ấy.

Lúc bấy giờ, có ba mươi Tỷ-kheo đi từ Vương Xá về đảnh lễ bậc Đạo sư. Sau khi nói những lời chào đón hỏi thăm, các Tỷ-kheo báo tin ấy cho bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, Devadatta tự mình không xứng đáng, lại đắp biểu tượng của A-la-hán.

[46] Tham chiếu: *J*. V. 40, *Chaddantajātaka* (*Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta*), số §514; *Dh*. v. 9; *Thag*. v. 949; *Pháp cú kinh* "Song yếu phẩm" 法句經雙要品 (*T*.04. 0210.9. 0562a11); *Xuất diệu kinh* "Song yếu phẩm" 出曜經雙要品 (*T*.04. 0212.30. 0747c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Tương ưng phẩm" 法集要頌經相應品 (*T*.04. 0213.29. 0792c29).

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta không xứng đáng đắp biểu tượng của bậc A-la-hán. Thuở trước, Devadatta cũng đã như vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con voi trong một đàn voi ở khu vực Tuyết sơn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát là chúa đàn cùng với tám mươi con voi sống ở trong rừng.

Một người nghèo khổ sống ở Ba-la-nại thấy các thợ ngà tại một con đường đang làm các loại vòng tay, v.v... bằng ngà, liền hỏi:

– Nếu ta có ngà voi, các người có mua không?

Họ nói:

– Vâng, chúng tôi sẽ mua.

Rồi anh ta cầm binh khí, mặc một tấm vải vàng, giả dạng một vị Phật Độc Giác, buộc một búi tóc giả, đứng nấp tại con đường voi đi, dùng binh khí giết voi, lấy ngà bán tại Ba-la-nại và sinh sống với cách ấy.

Ngày này qua ngày khác, khi đàn voi đi qua, anh ta chỉ rình giết con voi đi cuối cùng của đàn voi do Bồ-tát làm chủ. Với thời gian, số voi dần dần giảm thiểu, và chúng hỏi Bồ-tát vì nguyên nhân gì số voi giảm thiểu. Bồ-tát tìm hiểu và suy nghĩ: "Có thể một người nào đó đội lốt Độc Giác Phật, đứng ở cuối đường các con voi đi qua, có thể nó đã giết các con voi. Ta sẽ tìm cho ra manh mối."

Một hôm, Bồ-tát cho các con voi đi đầu và mình đi sau cùng. Người ấy thấy Bồ-tát, liền cầm binh khí xông ra. Bồ-tát quay lại, đứng giương vòi ra và nghĩ: "Ta sẽ quật nó ngã xuống đất và giết nó!" Nhưng khi thấy tấm áo vàng người ấy mặc, Bồ-tát nghĩ: "Ta phải kính trọng biểu tượng của bậc A-la-hán mà nó lạm dụng để mặc."

Bồ-tát cuốn vòi lại và nói:

– Này ngươi, sao ngươi lại mặc biểu tượng của bậc A-la-hán khi ngươi không xứng đáng mặc?

Rồi Bồ-tát đọc những bài kệ này:

141. Ai đầy những uế nhiễm, Lại mặc áo cà-sa,
Tự mình không chế ngự, Không tôn trọng sự thật,
Kẻ ấy không xứng đáng, Được mặc áo cà-sa.

142. Ai gột sạch uế nhiễm, Vững vàng trong giới luật,
Tự mình có chế ngự, Biết tôn trọng sự thật,
Vị ấy thật xứng đáng, Được mặc áo cà-sa.

Như vậy, Bồ-tát nói lên những lời giáo hóa này với người ấy, rồi hăm dọa như sau:

– Bắt đầu từ nay chớ đến đây nữa. Nếu ngươi đến, ngươi sẽ mất mạng.

Và Bồ-tát đuổi anh ta đi.

***

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người giết voi là Devadatta, còn chúa voi là Ta vậy.

§222. CHUYỆN CON KHỈ CULLANANDIYA

(*Cullanandiyajātaka*)[47] (*J.* II. 199)

Đây là lời Sư trưởng...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Một hôm, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bắt đầu nói chuyện:

– Thưa các Hiền giả, Devadatta khắc nghiệt, độc ác, tàn nhẫn, thúc đẩy tên tướng cướp hại bậc Chánh Đẳng Giác. Rồi vị ấy xô hòn đá, thúc đẩy con voi Nāḷāgiri,[48] không có kham nhẫn, từ bi, lân mẫn đối với đức Như Lai.

Bậc Đạo sư đến tại pháp đường và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông hội họp ở đây đang bàn vấn đề gì?

Khi được nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không chỉ nay mà trước kia cũng vậy, Devadatta đã khắc nghiệt, độc ác, không có từ bi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con khỉ tên là Mahānandiya (Đại Hoan Hỷ), sống ở vùng Tuyết sơn. Con khỉ em của Bồ-tát tên là Cullanandiya (Tiểu Hoan Hỷ), cả hai được tám trăm ngàn con khỉ vây quanh và sống săn sóc mẹ mù. Chúng đặt mẹ nằm trong bụi cây và đi vào rừng hái những trái cây ngọt, v.v... gửi về cho mẹ, nhưng những con khỉ đem về không đưa trái cây cho bà nên bà bị đói hành hạ, chỉ còn da bọc xương.

Khi về, Bồ-tát nói với mẹ:

– Thưa mẹ, chúng con có gửi cho mẹ các loại trái cây ngon ngọt, sao mẹ ốm yếu thế này?

Bà mẹ trả lời:

– Này con thân yêu, mẹ không nhận được gì cả.

---

[47] Xem *J.* III. 158, *Dhonasākhajātaka* (*Chuyện cành cây tỏa rộng*), số §353; *Pe.* 23, *Sāsanapaṭṭhānadutiyabhūmi* (*Phần thứ hai, sự hình thành giáo pháp*); *Questions of Milinda* trong *SBE*. XXXV, p. 287.

[48] Xem *Cv*. VII. 190.

Bồ-tát suy nghĩ: "Nếu ta săn sóc đàn khỉ, mẹ ta sẽ chết mất. Ta sẽ rời đàn khỉ để săn sóc cho mẹ ta."

Bồ-tát gọi Cullanandiya và nói:

– Này em thân, hãy săn sóc đàn khỉ. Còn ta, ta sẽ săn sóc mẹ!

Cullanandiya nói:

– Thưa anh, em không thể lo lắng cho đàn khỉ. Em chỉ muốn săn sóc mẹ.

Như vậy, cả hai đều đồng một ý muốn, đi xuống Tuyết sơn, lựa một gốc cây bàng tại biên địa làm chỗ trú ẩn và nuôi dưỡng khỉ mẹ.

Bấy giờ, một thanh niên Bà-la-môn sống ở Ba-la-nại, sau khi học tất cả các nghề với một Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương ở Takkasilā, anh ta đến xin phép Sư trưởng để ra đi. Vị Sư trưởng có tài đoán tướng, biết người đệ tử này độc ác, tàn nhẫn, khắc nghiệt, liền nói:

– Này con thân, người độc ác, tàn nhẫn sẽ gặp tai nạn đau khổ lớn. Con chớ nên khắc nghiệt, chớ làm gì ác độc để sau phải hối hận!

Vị Sư trưởng khuyên dạy như vậy rồi để đệ tử ra đi. Thanh niên ấy đảnh lễ vị Sư trưởng rồi trở về Ba-la-nại và lập gia đình. Anh ta không thể sống với các nghề khác nên quyết định sống nhờ mũi nhọn cung tên. Anh ta trở thành một người thợ săn, và rời khỏi thành Ba-la-nại để kiếm sống tại một làng ở biên địa. Hàng ngày, nai nịt với cung tên, anh ta đi vào rừng, giết các loài thú đem về bán thịt và sống qua ngày.

Một hôm, anh ta không săn được gì trong rừng; khi về, anh ta thấy một cây bàng đứng ở cuối một khoảng rừng trống. Anh ta đi đến hướng cây bàng ấy với hy vọng tìm được vật gì ở đấy. Lúc bấy giờ, hai anh em nhà khỉ đang cho bà mẹ ăn các loại trái ngọt, và đặt bà ngồi trên thân cây. Khi thấy người thợ săn đi đến, hai anh em liền núp giữa các cành cây, xem anh ta sẽ làm gì. Con người tàn nhẫn ấy, khi đến gốc cây thấy khỉ mẹ của chúng mù lòa, già yếu, liền nghĩ: "Sao ta lại về tay không? Bắn con khỉ này xong ta sẽ đi." Rồi anh ta liền cầm cung lên để bắn. Thấy vậy, Bồ-tát nói:

– Này em Cullanandiya thân, người này muốn giết mẹ chúng ta. Anh sẽ thay thế mạng sống cho mẹ. Sau khi anh chết, em sẽ săn sóc mẹ.

Nói xong, Bồ-tát từ giữa cành cây đi ra và nói:

– Này người kia, chớ có bắn mẹ ta. Mẹ ta mù, già yếu, ta sẽ đổi mạng sống cho mẹ ta. Ông chớ giết mẹ ta, hãy giết ta!

Sau khi hứa với kẻ ấy, Bồ-tát liền ngồi xuống tại chỗ. Tên thợ săn ấy không có lòng từ, nhắm bắn Bồ-tát ngã xuống, rồi lắp cung tên định nhắm bắn khỉ mẹ. Cullanandiya thấy vậy, suy nghĩ: "Người độc ác này muốn bắn cả mẹ ta nữa. Nếu mẹ ta sống thêm một ngày là một ngày mẹ ta tăng thêm tuổi thọ, vậy ta sẽ cứu sống mẹ ta." Nó từ giữa cành cây đi ra và nói:

– Này người kia, chớ giết mẹ ta, ta sẽ chết để cứu mẹ được sống. Hãy bắn ta, bắt cả hai anh em chúng ta để mẹ chúng ta được sống!

Sau khi hứa với thợ săn, khỉ em ngồi xuống trong tầm mũi tên. Kẻ săn bắn độc ác giết luôn khỉ em và suy nghĩ: "Ta còn mấy đứa con ở nhà nữa. Ta phải bắn luôn khỉ mẹ, để đem thịt về cho chúng." Khi đã hạ sát ba mẹ con khỉ, anh ta mang cả ba xác khỉ trên một đòn gánh và về nhà. Trong lúc ấy, sấm sét nổi lên đánh xuống nhà kẻ độc ác, thiêu cháy vợ, con và cả cái nhà. Cái nhà bị sét đánh thiêu rụi chỉ còn lại bộ sườn nhà và các cây cột tre cháy đen.

Tại cổng làng, một người thấy anh ta liền báo tin ấy cho anh ta biết. Quá sầu khổ vì vợ con, ngay tại chỗ anh ta quăng đòn gánh, thịt, cây cung, bỏ cả áo mặc, trần truồng, huơ tay khóc than đi vào nhà. Khi ấy, một cây cột bị gãy, rơi xuống và đánh vỡ đầu anh ta. Cùng lúc ấy, đất mở rộng, lửa từ địa ngục A-tỳ (Vô Gián) phun lên đốt tan xác anh ta. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, anh ta nhớ lời khuyên giáo của vị Sư trưởng: "Đây là lời dạy mà Bà-la-môn Pārāsariya đã cho ta." Rồi anh ta than khóc và đọc hai bài kệ này:

143. Đây là lời Sư trưởng, Pārāsariya,
"Chớ nên làm điều ác, Khiến ngươi phải hối tiếc."

144. Việc gì con người làm, Sẽ thấy nó trên thân,
Làm việc lành được lành, Làm việc ác gặp ác,
Như gieo hột giống nào, Đem lại quả giống ấy.

Anh ta vừa đọc kệ xong, đất liền vùi lấp anh ta và ngay lúc ấy anh ta đọa vào địa ngục A-tỳ.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới cay nghiệt, độc ác. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã cay nghiệt, độc ác, không có lòng từ bi như vậy rồi.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, kẻ đi săn là Devadatta, vị Sư trưởng danh tiếng nhiều phương là Sāriputta, Cullanandiya là Ānanda, bà mẹ là Mahāpajāpati, còn khỉ chúa Mahānandiya là Ta vậy.

§223. CHUYỆN THỨC ĂN ĐI ĐƯỜNG (*Puṭabhattajātaka*)[49] (*J.* II. 202)

Cung kính người biết kính...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một điền chủ.

Tương truyền, một người điền chủ sống ở thành Xá-vệ có giao thiệp buôn bán với một người điền chủ ở thôn quê. Ông ta đem theo vợ đi đến gặp người có mắc nợ. Người mắc nợ nói:

[49] Xem *J.* III. 106, *Godhajātaka* (*Chuyện con kỳ nhông*), số §333.

– Tôi không thể trả được.

Và anh ta không trả gì. Người điền chủ này tức giận đi về và không ăn cơm. Trên đường đi, vài người thấy anh ta có vẻ đói quá liền cho một nồi cơm và nói:

– Hãy ăn và cho vợ anh ăn với!

Anh ta lấy nồi cơm ấy, nhưng không muốn chia phần cho vợ ăn nên nói:

– Này em, chỗ này là chỗ trú ẩn của bọn ăn cướp. Em hãy đi trước!

Anh ta bảo vợ đi trước, rồi ăn hết phần cơm và khi đưa vợ xem cái nồi trống, anh ta nói:

– Này em, người ta cho một cái nồi không có cơm.

Người vợ biết chồng đã ăn hết cơm một mình nên lòng rất buồn bã. Khi đi đến gần tinh xá Kỳ Viên, cả hai người muốn vào đó và xin nước uống.

Bậc Đạo sư ngồi nơi bóng mát của hương phòng, dõi nhìn dáng họ đang đi đến, như người thợ săn đang im [chờ mồi]. Thấy bậc Đạo sư, hai vợ chồng đi đến, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư thân mật đón tiếp và hỏi:

– Này nữ cư sĩ, chồng con có thương con và muốn con được hạnh phúc không?

– Bạch Thế Tôn, con thương chồng con nhưng anh ta không thương con, không kể những chuyện tệ bạc khác, ngay hôm nay, bạch Thế Tôn, giữa đường có một người cho anh ta một nồi cơm nhưng anh ta không cho con gì cả mà chỉ ăn một mình.

– Này nữ cư sĩ, con luôn luôn thương chồng con và con muốn anh ta hạnh phúc. Nhưng chồng con lại không thương con. Tuy vậy, nếu các bậc Hiền trí cho chồng con biết các đức tánh quý báu của con thì anh ta sẽ hết sức thương yêu, kính trọng con.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của người vợ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một vị đại thần. Khi lớn lên, ngài trở thành cố vấn cho vua về các vấn đề thánh sự và tục sự. Lúc bấy giờ, vua sợ con mình có âm mưu chống lại mình nên đuổi con đi. Hoàng tử đem vợ con theo, đi ra khỏi thành và đến sống tại một ngôi làng nhỏ ở nước Kāsi.

Một thời gian sau, hoàng tử nghe vua cha từ trần và suy nghĩ: "Nay ta sẽ nhận lấy vương quốc thuộc quyền sở hữu của gia đình." Hoàng tử trở về, giữa đường, có một người cho hoàng tử một nồi cơm và nói:

– Hãy ăn và cho vợ cậu ăn cùng!

Hoàng tử nhận lấy nồi cơm nhưng không cho vợ, chỉ ăn hết một mình. Vợ chàng suy nghĩ: "Người này thật là cay nghiệt!" và nàng cảm thấy lòng đầy sầu muộn.

Sau đó, hoàng tử về đến Ba-la-nại, nhận được vương quốc, phong vợ lên địa vị hoàng hậu và nghĩ: "Như vậy là đủ với vợ ta rồi." Vua đối với hoàng hậu không tỏ thêm một sự quan tâm hay tôn trọng gì khác, cho đến độ hoàng hậu đến hầu, vua cũng không hỏi: "Hiền thê sống ra sao?"

Lúc ấy, Bồ-tát là cố vấn của vua suy nghĩ: "Hoàng hậu này giúp ích vua nhiều và thương yêu vua. Nhưng vua không nghĩ gì đến hoàng hậu. Ta sẽ làm cho vua tôn trọng, kính nể hoàng hậu." Vì vậy, Bồ-tát đi đến gần hoàng hậu chào hỏi cung kính và đứng một bên.

Hoàng hậu hỏi:

– Này khanh, có việc gì?

Bồ-tát nói:

– Thưa Hoàng hậu, làm sao chúng thần có thể hầu lệnh bà được? Lệnh bà phải cho các người già cả một miếng vải hay một vắt cơm chứ?

– Này khanh thân, chính ta cũng không hề có một vật gì, làm sao ta có thể cho các người được? Khi ta có của, ta đâu có hà tiện, nhưng nay đức vua không cho ta gì cả. Đừng nói cái gì khác, ngay khi đức vua đi về để nhận quốc độ, giữa đường được người cho một nồi cơm, đức vua cũng không cho ta một chút cơm, chỉ một mình ăn hết!

– Thưa Hoàng hậu, lệnh bà có thể đi đến yết kiến vua và nói lên như vậy không?

– Này khanh thân, ta có thể nói.

– Vậy hôm nay, khi thần đứng gần vua và khi thần hỏi, lệnh bà hãy trả lời như vậy. Thần sẽ làm cho vua biết được công hạnh của lệnh bà.

Nói vậy xong, Bồ-tát đi đến đứng một bên vua. Hoàng hậu cũng đến và đứng gần vua. Rồi Bồ-tát hỏi:

– Thưa Hoàng hậu, lệnh bà thật là keo kiệt. Đúng ra, lệnh bà nên bố thí cho những người già một miếng vải hay một vắt cơm chứ?

Bà liền đáp:

– Này khanh, ta không nhận được từ đức vua một cái gì cả, làm sao ta có thể cho các người được?

– Phải chăng lệnh bà không phải là hoàng hậu chánh cung?

– Này khanh, khi không được một chút tôn trọng thì địa vị chánh cung hoàng hậu để làm gì? Nay đức vua có thể cho gì ta được nữa? Khi về nước, giữa đường, đức vua được cho nồi cơm nhưng đức vua không cho ta một chút gì, chỉ ăn một mình!

Bồ-tát hỏi:

– Thưa Đại vương, có phải như vậy chăng?

Vua xác nhận là có. Bồ-tát nghe vua xác nhận, liền thưa:

– Thưa Hoàng hậu, khi đức vua không yêu thương lệnh bà, sao lệnh bà còn

ở đây? Ở đời, khổ thay là chung sống không có tình thương! Khi lệnh bà ở đây, hết lòng chung thủy với đức vua nhưng đức vua không có tình thương, việc ấy chắc chắn sẽ đem lại khổ đau cho lệnh bà.

Bồ-tát khuyên dạy tiếp:

– Các loài chúng sanh san sẻ với những ai biết san sẻ. Ngay khi biết ai không có tánh san sẻ, ta cần phải bỏ đi chỗ khác vì còn có rất nhiều người sống ở đời này!

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc các bài kệ này:

145. Cung kính người biết kính, Chia với người biết chia,
Với ai làm bổn phận, Hãy làm đủ bổn phận,
Với ai làm lợi mình, Hãy làm lợi người ấy,
Với ai không san sẻ, Chớ nên san sẻ lại,
Hãy xử sự khinh xuất, Với những ai khinh xuất.

146. Chớ giữ lòng thương yêu, Với ai hết thương yêu,
Phải có lòng chia sẻ, Chung sống để an ủi,
Khi loài chim biết được, Cây không còn trái nữa,
Chúng bay đến cây khác, Thế giới thật lớn thay!

Nghe nói vậy, vua xứ Ba-la-nại liền dành cho hoàng hậu tất cả sự kính trọng và uy quyền. Từ đó trở đi, vua và hoàng hậu sống hòa hợp, hoan hỷ và thương yêu nhau hơn.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng các sự thật. Cuối bài giảng, hai vợ chồng ấy đắc quả Dự lưu. Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Hai vợ chồng này là hai vợ chồng thuở trước, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§224. CHUYỆN CON CÁ SẤU (*Kumbhīlajātaka*) (*J.* II. 205)

Ai đủ bốn pháp này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), như chương I, *Chuyện khỉ chúa*.[50]

147. Ai đủ bốn pháp này, Hỡi vua các loài khỉ,
Chân thật và chánh nghĩa, Kiên trì và xả thí,
Vị ấy vượt thắng lên, Các tà kiến bất chánh.

148. Ai không đủ bốn pháp, Công đức thiện thù thắng,
Chân thật và chánh nghĩa, Kiên trì và xả thí,
Vị ấy không vượt lên, Các tà kiến bất chánh.

[50] Xem *J.* I. 280, *Vānarindajātaka* (*Chuyện khỉ chúa*), số §57; *Cp.* 97, *Kapirājacariya* (*Hạnh của con khỉ chúa*).

§225. CHUYỆN ĐỀ CAO TÍNH KHAM NHẪN
(*Khantivaṇṇanajātaka*) (*J.* II. 206)

Thưa Thiên tử, thần có...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về vua xứ Kosala.

Bấy giờ, một vị đại thần giúp ích nhiều cho vua đã lợi dụng chức vụ và thông gian trong nội cung. Vua biết được kẻ phạm tội nhưng vì vị đại thần ấy giúp nhiều cho vua nên vua chịu đựng tội lỗi kia và thưa chuyện với bậc Đạo sư. Ngài nói:

– Các vua thuở trước, thưa Đại vương, cũng chịu đựng như vậy.

Rồi theo lời vua thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một đại thần thông gian trong nội cung. Vị đại thần ấy cũng có một người hầu cận thông gian trong nhà mình. Đại thần ấy không thể chịu đựng tội phạm ấy, vì thế đã đem nó đến trước vua và hỏi:

– Thưa Thiên tử, thần có một người hầu cận làm tất cả mọi việc cho thần nhưng nó lại thông gian tại nhà thần. Nay phải làm gì với nó?

Và vị ấy đọc bài kệ đầu:

149. Thưa Thiên tử, thần có, Một người giỏi nhiều việc,
Người ấy đã phạm tội, Ngài nghĩ phải làm gì?

Nghe vậy, vua đọc bài kệ thứ hai:

150. Và chính ta cũng có, Người như vậy đứng đây,
Người tốt thật khó tìm, Nên ta cần kham nhẫn!

Vị đại thần biết lời vua nói ám chỉ mình và từ đấy trở đi không dám thông gian trong nội cung nữa. Còn người hầu hạ ấy biết vấn đề đã được tâu với vua nên từ đấy trở đi không dám hành động sai quấy nữa.

***

Sau khi nói pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Ta là vua xứ Ba-la-nại, còn vị đại thần ấy biết vua đã thưa với bậc Đạo sư câu chuyện về mình, nên từ đấy trở đi không dám hành động sai quấy nữa.

§226. CHUYỆN CON CHIM CÚ (*Kosiyajātaka*) (*J.* II. 208)

Lành thay nếu xuất hành...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về vua xứ Kosala.

Vua ấy đi dẹp loạn ở biên địa nhưng xuất hành không đúng thời. Câu chuyện đã được kể ở chương II, *Chuyện nắm hạt đậu.*[51]

---

[51] Xem *J.* II. 74, *Kalāyamuṭṭhijātaka* (*Chuyện nắm hạt đậu*), số §176.

Cũng như trước, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ theo lời thỉnh cầu của vua.

***

Thuở xưa, vua xứ Ba-la-nại xuất hành phi thời, cắm trại ở một khu ngự viên. Lúc bấy giờ, một con chim cú bay vào một khóm tre và nấp tại đấy. Một đàn quạ cũng đến, vây quanh nó với ý định: "Khi nào nó ra, chúng ta sẽ bắt nó."

Không chờ đợi mặt trời lặn, chim cú đi ra không đúng thời và bắt đầu chạy trốn. Các con quạ vây quanh, lấy mỏ đánh nó, làm nó rơi xuống đất. Nhà vua gọi Bồ-tát và hỏi:

– Này bậc Hiền trí, vì sao những con quạ lại tấn công và đánh ngã con cú?

– Thưa Đại vương, hễ ai đi ra khỏi trú xứ của mình không đúng thời, đều phải gặp khổ nạn như vậy. Do vậy, chớ nên đi ra khỏi trú xứ của mình phi thời.

Và để nêu lên ý nghĩa này, Bồ-tát đọc hai bài kệ:

151. Lành thay nếu xuất hành, Đúng thời, không phi thời,
Khi xuất hành phi thời, Nhiều người hay chỉ một,
Thế nào cũng gặp nạn, Vì không rõ nghĩa này,
Như con cú khốn khổ, Phải chết vì quạ bầy.

152. Bậc trí biết quy luật, Biết nhược điểm người khác,
Chinh phục mọi kẻ thù, Như cú, nếu khôn ngoan,
Sẽ được nhiều an lạc.

Vua nghe lời Bồ-tát, liền quay về nhà, không đem quân đi đánh nữa.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda và vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§227. CHUYỆN CON BỌ ĂN PHÂN (*Gūthapāṇajātaka*) (*J.* II. 209)

Anh hùng địch anh hùng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo.

Lúc bấy giờ, cách xa Kỳ Viên khoảng hai, ba dặm, tại một thị trấn có nhiều đồ ăn được phát theo thẻ và theo hạn kỳ. Ở đây, có một kẻ thô lỗ hay hỏi khiêu khích, những ai đến để lãnh món ăn được phát theo thẻ hay định kỳ đều bị nó hỏi:

– Những ai nhai, những ai uống, những ai ăn?

Nếu không trả lời được, họ sẽ bị nó làm cho xấu hổ. Vì sợ kẻ ấy, nhiều người không đi đến làng ấy để lấy phần ăn nữa.

Một hôm, một Tỷ-kheo đi đến chỗ phát thẻ và nói:

– Thưa các Tôn giả, tại làng kia có đồ ăn phát theo thẻ và định kỳ phải không?

Có người trả lời:

– Thưa Hiền giả, có. Nhưng tại đấy có một kẻ cật vấn thô lỗ hỏi các câu và nếu ai không trả lời được sẽ bị nó mắng nhiếc, chửi rủa. Vì sợ nó nên không ai đi.

Tỷ-kheo ấy nói:

– Thưa các Tôn giả, hãy cho tôi đi lấy đồ ăn tại đấy, tôi sẽ nhiếp phục kẻ ấy, làm cho kẻ ấy khiêm tốn, khiến từ đây trở đi, khi thấy các Tôn giả, kẻ ấy sẽ xấu hổ và bỏ trốn.

Các Tỷ-kheo chấp thuận cho vị ấy đi lấy đồ ăn tại chỗ kia. Tỷ-kheo ấy đắp y đi đến cửa làng. Thấy Tỷ-kheo ấy, tên cật vấn thô lỗ liền đi mau đến như con cừu điên và nói:

– Này Sa-môn, hãy trả lời ta!

– Này cư sĩ, sau khi đi vào làng lấy cháo và trở lại phòng đợi này, tôi sẽ trả lời.

Khi Tỷ-kheo ấy lấy cháo và trở lại phòng đợi, kẻ ấy cũng hỏi như trước. Tỷ-kheo ấy nói:

– Hãy để ta ăn cháo xong, ta quét phòng và đi lấy phần cơm phát theo thẻ của ta!

Sau đó, Tỷ-kheo ấy đi lấy phần cơm về rồi đưa bình bát cho người ấy cầm và nói:

– Hãy đi theo ta, ta sẽ trả lời câu hỏi của anh!

Tỷ-kheo ấy dắt nó ra ngoài làng, xếp y lại, đặt y trên vai, lấy bình bát từ tay nó và đứng chờ đợi. Nó nói:

– Này Sa-môn, hãy trả lời câu hỏi của ta!

– Này cư sĩ, ta trả lời cho anh đây.

Tỷ-kheo ấy nói xong, với một cú đấm đánh ngã tên ấy, đánh nó nhừ xương rồi quăng phân vào mặt nó và dọa nó:

– Từ nay trở đi, nếu có Tỷ-kheo nào đến làng này, và anh còn hỏi câu nào thì anh biết ta.

Tỷ-kheo ấy nói vậy rồi bỏ đi. Từ đấy, chỉ vừa thấy bóng các Tỷ-kheo, nó liền chạy trốn. Sau một thời gian, việc này được chúng Tăng biết rõ. Một hôm, tại pháp đường, họ bắt đầu nói chuyện ấy:

– Này các Hiền giả, nghe nói Tỷ-kheo tên này, quăng phân vào mặt kẻ thô lỗ rồi bỏ đi.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông họp tại đây đang bàn vấn đề gì?

Và khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này tấn công kẻ ấy với đồ dơ. Thuở trước, vị này cũng đã làm như vậy rồi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, dân chúng hai nước Aṅga và Magadha thường hay đi qua lại thân thiết với nhau. Một ngày nọ, họ đến ở tại một ngôi nhà giáp ranh giữa hai nước để uống rượu, ăn thịt cá suốt đêm. Vào buổi sáng, khi tỉnh rượu, họ thắng bò vào xe rồi ra đi.

Khi họ đi rồi, một con bọ ăn phân, vì mùi phân bay đến, thấy rượu còn đọng lên đống phân bèn uống cho đã khát. Rồi say rượu, nó leo lên đống phân nằm. Trong khi nó leo lên, một viên phân nhỏ rơi xuống, nó la to:

– Trái đất không có thể đỡ ta nổi!

Ngay lúc ấy, có một con voi điên đi đến, ngửi thấy mùi phân, ghê tởm bỏ đi lui. Con bọ ăn phân thấy vậy tưởng rằng con voi sợ mình, liền nghĩ: "Nay ta phải đánh con vật lớn xác này một trận mới được", nó liền gọi con voi ấy qua bài kệ đầu:

153. Anh hùng địch anh hùng, Dũng mãnh, ta đánh nhau,
Hãy quay lại, voi kia, Sao sợ mà bỏ chạy?
Hãy cho dân hai nước, Aṅga, Magadha,
Thấy được sức hùng mạnh, Của bác và của ta.

Con voi lắng tai nghe tiếng con bọ nói, rồi trở lại gần nó và mắng trách nó với bài kệ thứ hai:

154. Ta không cần giết bọ, Bằng chân, ngà hay vòi,
Ta giết bọ bằng phân, Hỡi vật đầy hôi thối,
Hãy chết với đồ dơ!

Rồi con voi trút xuống một bãi phân lớn ngay trên đầu con bọ và đái trên đó. Con bọ bị giết ngay tại chỗ ấy. Rồi con voi rống lên như tiếng kèn và chạy vào rừng.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con bọ ăn phân là kẻ thô lỗ này. Con voi là vị Tỷ-kheo và vị thần cây trong rừng tận mắt chứng kiến việc ấy là Ta vậy.

§228. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN KĀMANĪTA (*Kāmanītajātaka*) (*J.* II. 212)

Ta tham muốn ba thành...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Bà-la-môn có tên Kāmanīta (dục tham chi phối). Chuyện này sẽ được nêu rõ trong chương XII, *Chuyện dục tham.*[52]

***

[52] Xem *J.* IV. 167, *Kāmajātaka* (*Chuyện dục tham*), số §467.

Thuở xưa, vua xứ Ba-la-nại có hai hoàng tử. Trong hai hoàng tử ấy, người anh cả đi đến Ba-la-nại và làm vua, còn người em làm phó vương. Người anh làm vua ham mê của cải, dục lạc và tham lam thắng lợi.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát làm Thiên chủ Đế-thích nhìn xuống cõi Diêm-phù-đề, biết vua đắm say các loại dục lạc này, liền nghĩ: "Ta sẽ khiển trách vua và làm cho vua xấu hổ." Bồ-tát hiện thân làm một thanh niên Bà-la-môn và đi đến đứng nhìn vua. Vua hỏi:

– Này thanh niên Bà-la-môn, ngươi đến với mục đích gì?

Thiên chủ Đế-thích trả lời:

– Thưa Đại vương, thần thấy ba thành phố an ổn, phú cường, nhiều voi, ngựa, cỗ xe, bộ binh, đầy những thứ trang sức bằng vàng ròng. Ba thành ấy có thể được chiếm lấy chỉ với một đội quân rất nhỏ. Thần sẽ đến lấy những thành ấy và dâng Đại vương.

Vua hỏi:

– Này thanh niên, khi nào chúng ta khởi binh?

– Ngày mai, thưa Đại vương!

– Vậy ngươi hãy đi và mai đến.

– Thưa vâng, Đại vương. Hãy mau chóng chuẩn bị quân đội!

Thiên chủ Đế-thích nói vậy rồi đi về trú xứ của mình. Ngày hôm sau, vua truyền đánh trống chuẩn bị quân đội, rồi gọi các đại thần và nói:

– Hôm qua, có một thanh niên Bà-la-môn đến và nói: "Thần sẽ chiếm đất của ba thành Uttarapañcāla, Indapatta và Kekaka dâng ngài." Nay ta sẽ đem nó đi để chiếm lấy ba thành ấy. Hãy gọi nó đến mau!

– Thưa Thiên tử, Thiên tử đã cho nó ở nơi nào?

– Ta không cho nó ở nơi nào hết.

– Nhưng Thiên tử đã cho nó tiền để trả nhà trọ không?

– Ta cũng không cho.

– Vậy sao chúng thần kiếm nó được?

– Hãy tìm nó tại những con đường trong thành!

Họ đi tìm nhưng không thấy vị ấy, liền trở về trình vua:

– Thưa Đại vương, chúng thần tìm không thấy nó.

Vua suy nghĩ: "Một vinh quang lớn như vậy đã bị tiêu tan." Nỗi sầu muộn khủng khiếp khởi lên, tâm vua trở thành nóng bức, máu bị dao động, và bệnh kiết lỵ phát ra tấn công vua, các thầy thuốc không thể chữa trị được.

Sau ba, bốn ngày, Đế-thích nghĩ đến vua, biết vua bị bệnh, ngài tự bảo: "Ta sẽ chữa trị cho vua." Đế-thích giả dạng một Bà-la-môn đi đến đứng trước cửa cung và báo tin: "Một thầy thuốc Bà-la-môn xin đến chữa bệnh cho Đại vương."

Khi nghe vậy vua nói:

– Các đại danh sư của triều đình cũng không thể chữa lành trẫm được. Thôi hãy cho nó một số tiền lộ phí rồi bảo nó đi.

Đế-thích nghe vậy, liền đáp:

– Ta không cần tiền trả nhà trọ, ta không lấy tiền chữa trị, ta sẽ chữa bệnh cho vua mau lành. Hãy để ta gặp vua!

Khi nghe vua nói:

– Vậy hãy để nó đến!

Đế-thích đi vào, chúc vua thắng trận và đứng một bên. Vua hỏi:

– Ngươi muốn chữa bệnh cho trẫm đó ư?

– Thưa Thiên tử, vâng.

– Vậy hãy chữa đi!

– Thưa Thiên tử, vâng. Hãy cho thần biết triệu chứng bệnh trạng. Do nhân duyên nào bệnh khởi lên. Do Đại vương ăn gì, uống gì hay do Đại vương thấy gì, nghe gì?

– Này khanh, bệnh của trẫm phát ra do nghe một chuyện.

– Thiên tử nghe chuyện gì?

– Này khanh, một thanh niên Bà-la-môn đến và nói: "Thần sẽ lấy ba thành dâng Đại vương." Nhưng trẫm không cho nó trú xứ ở, cũng không cho tiền để trả nhà trọ, chắc nó giận trẫm và đã đi đến một ông vua khác rồi! Trẫm nghĩ rằng một sự vinh quang lớn như vậy đã bị tiêu tan nên chứng bệnh phát ra. Nếu có thể, khanh hãy chữa trị chứng bệnh do tâm trẫm tham muốn.

Để rõ ý nghĩa này, vua đọc bài kệ đầu:

155. Ta tham muốn ba thành, Mỗi thành xây trên núi,
Thành tên Pañcāla, Kuruya, Kekaka,
Hỡi chàng Bà-la-môn, Ta còn muốn hơn nữa,
Hãy chữa ta căn bệnh, Nô lệ của dục tham.

Đế-thích nói:

– Thưa Đại vương, bệnh của ngài không thể chữa bằng thuốc rễ cây, v.v... bệnh của ngài chữa bằng thuốc tri kiến.

Rồi Đế-thích đọc bài kệ thứ hai:

156. Có người chữa trị được, Vết cắn của rắn đen.
Bậc Hiền trí chữa trị, Người bị ma quỷ ám.
Không ai chữa trị được, Người nô lệ dục tham.
Làm sao chữa trị được, Kẻ thối thất tinh cần?

Như vậy, bậc Đại sĩ nêu rõ ý nghĩa này rồi nói thêm như sau:

– Thưa Đại vương, nếu ngài có lấy được ba thành ấy và cai trị đất nước của bốn thành này, Đại vương có thể mang bốn bộ áo một lần chăng? Có thể ăn trong bốn đĩa bằng vàng chăng? Và nằm ngủ trên bốn long sàng lộng lẫy

chăng? Thưa Đại vương, không nên để dục tham chi phối! Dục tham là cội gốc của tội ác. Ai để dục tham tăng trưởng sẽ bị đọa vào tám địa ngục lớn, mười sáu địa ngục nhỏ cùng với nhiều loại khổ đau khác.

Như vậy, bậc Đại sĩ dọa vua ấy với những cảnh địa ngục rồi thuyết pháp cho vua nghe. Vua nghe pháp, hết sầu muộn và trong chốc lát được khỏi bệnh.

Đế-thích khuyến giáo vua xong, an trú vua vào giới luật và đi về thiên giới. Còn vua, từ đấy về sau làm các công đức bố thí, v.v... và khi mạng chung, đi theo nghiệp của mình.

***

Khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nhà vua bị tham dục chi phối là Tỷ-kheo này, còn Đế-thích là Ta vậy.

§229. CHUYỆN DU SĨ PALĀYI (*Palāyijātaka*) (*J.* II. 216)

Với các voi tối thắng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về du sĩ ngoại đạo Palāyi. Vì mục đích biện luận, vị này đi khắp mọi nơi ở Diêm-phù-đề và không gặp ai có khả năng đối thoại, liền đi đến Xá-vệ và hỏi các người tại đây:

– Có ai đủ khả năng biện luận với ta không?

Họ nói:

– Có một người đủ khả năng biện luận với một ngàn người như ông. Vị ấy là bậc Nhất Thiết Trí, bậc Tối Thắng giữa những loài hai chân, Đạo sư Gotama, bậc Pháp Vương, bậc Nhiếp Phục mọi đối thủ ngoại đạo trong toàn cõi Diêm-phù-đề; không người ngoại đạo nào có khả năng biện luận với bậc Thế Tôn ấy. Như các ngọn sóng tràn vào bờ biển, tất cả biện luận ngoại đạo chạm đến gót chân Ngài đều bị tan tác vỡ vụn.

Họ nói lên các công đức của đức Phật như vậy. Du sĩ ngoại đạo ấy hỏi:

– Vị ấy nay ở đâu?

– Ở Kỳ Viên.

– Nay ta sẽ có cuộc đối thoại với vị ấy.

Rồi được vây quanh với một đám đông người, du sĩ ấy đi vào Kỳ Viên, thấy cửa thành ngoài do Vương tử Jeta (Kỳ-đà) đã dùng chín mươi triệu đồng vàng để xây dựng liền hỏi:

– Đây có phải lâu đài trú xứ của Sa-môn Gotama không?

Khi được trả lời đây chỉ là cửa thành ngoài, du sĩ ấy nói:

– Cửa thành còn như vậy, thì trú xứ của vị ấy sẽ như thế nào nữa?

Khi nghe nói các hương phòng thật là vô lượng, vị ấy liền nghĩ: "Với một

Sa-môn như vậy, ai có thể biện luận được." Nói vậy xong, vị ấy liền bỏ trốn. Quần chúng la ó và ùa vào Kỳ Viên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Các ngươi đến phi thời như vậy vì mục đích gì?

Họ trình Ngài chuyện ấy. Ngài nói:

– Này các cư sĩ, không phải chỉ nay mà thuở trước cũng như vậy, chỉ thấy cửa thành ngoài trú xứ của Ta, vị ấy cũng bỏ chạy rồi.

Rồi theo thỉnh cầu của các cư sĩ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, tại xứ Gandhāra, Bồ-tát làm vua ở Takkasilā, còn Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại. Vua Brahmadatta quyết định lấy Takkasilā và mang đến một đạo quân lớn, cắm trại không xa thành bao nhiêu.

Vua Brahmadatta truyền lệnh bày binh bố trận như sau:

– Đây là chỗ các con voi, đây là chỗ các con ngựa, đây là chỗ các cỗ xe, đây là chỗ các bộ binh. Như vậy, các ngươi hãy tấn công và đánh phá với mọi vũ khí. Như trời đổ mưa xuống, các ngươi hãy làm một trận mưa tên đổ xuống!

Rồi vua đọc hai bài kệ này:

157. Với các voi tối thắng,
Như mây bão trên trời,
Với các ngựa tối thắng,
Quây tròn như vòng hoa,
Với xe như đợt sóng,
Với tên như mưa rào,
Với quân kiếm cầm tay,
Bủa vây chém dữ dội,
Chúng bao vây trọn vẹn,
Thành Takkasilā,
Cho đến khi địch quân,
Phải ngã nhào xuống đất!

158. Hãy xông tới đánh chúng,
Hãy nhào tới đạp chúng,
Hãy la lớn khởi binh,
Hãy hát khúc hành quân,
Trong khi các đàn voi,
Đồng thét lên vang dội,
Hãy cất cao giọng nói,
Náo động giữa chiến trường,
Như sấm chớp lóe sáng,
Ầm ầm giữa không gian!

Như vậy, vua la hét cho quân chuyển động và tiến đến gần cửa thành. Khi thấy cửa thành với lâu đài, tháp canh, Vua Brahmadatta liền hỏi:

– Đây có phải cung điện của vua chăng?

Họ trả lời:

– Đây là cửa thành với lầu tháp.

Vua ấy liền nói:

– Tháp ở cửa thành như vậy thì cung điện của vua sẽ như thế nào?

Họ trả lời:

– Cung điện giống như lâu đài Vejayanta của Thiên chủ Đế-thích.

Vua nghe vậy liền kết luận:

– Ta không bao giờ có thể chiến đấu với một vị vua vinh quang như vậy!

Và chỉ thấy lầu tháp ở cửa thành ngoài, vua liền quay trở lui bỏ chạy về Ba-la-nại.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại là du sĩ ngoại đạo Palāyi, còn vua xứ Takkasilā là Ta vậy.

§230. CHUYỆN DU SĨ PALĀYI, THỨ HAI (*Dutiyapalāyijātaka*) (*J.* II. 219)

Cờ xí ta vô lượng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một du sĩ ngoại đạo. Trong câu chuyện này, du sĩ ngoại đạo ấy đi vào Kỳ Viên. Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư được hội chúng đông đảo vây quanh, ngồi trên pháp tòa được trang hoàng rực rỡ trên tấm thảm đỏ, đang rống tiếng rống sư tử. Du sĩ ngoại đạo thấy thân hình bậc Đạo sư như thân hình Phạm thiên, thấy mặt Ngài sáng chói như trăng rằm, với cái trán như một cái đĩa bằng vàng, liền nghĩ: "Ai có thể chiến thắng một người như vậy!", liền quay trở lui, lẫn vào trong đám đông và bỏ chạy. Đại chúng đuổi theo kẻ ấy rồi quay vào, báo cáo câu chuyện cho bậc Đạo sư rõ. Ngài nói:

– Không phải chỉ nay du sĩ ngoại đạo ấy làm như vậy. Thuở trước, thấy mặt Ta sáng chói, kẻ ấy cũng bỏ chạy như vậy rồi.

Rồi Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, Bồ-tát làm vua trị vì Ba-la-nại. Còn tại Takkasilā, có một vị vua của xứ Gandhāra. Vua ấy nói:

– Ta sẽ đánh chiếm Ba-la-nại.

Rồi vua đi đến vây thành với bốn loại binh chủng. Đứng trước cửa thành, nhìn quân đội của mình, vua tự bảo:

– Ai có thể đánh thắng được một quân đội như vậy!

Rồi vua tán thán quân đội của mình với bài kệ:

159. Cờ xí ta vô lượng, Không ai đối địch nổi,
Dầu quạ bay từng đàn, Đâu chặn đứng được biển,
Chẳng khác gì ngọn núi, Không bị bão thổi bạt,
Nay ta cũng như vậy, Không ai chinh phục ta.

Bồ-tát nghe lời khoe khoang của vua xứ Gandhāra như vậy, liền xuất hiện trước cửa thành với gương mặt chói sáng như trăng rằm và nói:

– Này kẻ ngu si kia, đừng nói lảm nhảm vô ích! Nay ta sẽ đạp nát quân đội của ngươi như con voi điên đạp nát cánh rừng cây lau.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

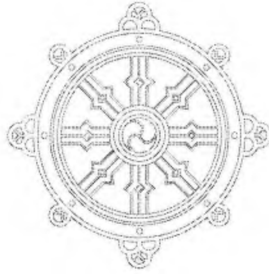
160. Chớ nói lời ngu muội,
Chẳng có ai bằng ngươi!
Ngươi lảm nhảm mất trí,
Sao chế ngự được ta?
Chẳng khác ngươi tấn công,
Con voi dữ độc hành,
Với chân chà ngươi nát,
Như chà nát cọng lau!

Khi vua xứ Gandhāra nghe lời Bồ-tát dọa chà nát, liền ngẩng đầu lên, thấy vầng trán của Bồ-tát như cái đĩa bằng vàng, ông ta hoảng hốt vì sợ bị bắt liền quay lùi, bỏ chạy về thành của mình.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong. Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua xứ Gandhāra là du sĩ ngoại đạo Palāyi, còn vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.



IX. PHẨM CHIẾC GIÀY
(*UPĀHANAVAGGA*)

§231. CHUYỆN CHIẾC GIÀY (*Upāhanajātaka*) (*J.* II. 221)

Như người mua giày hư...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Các Tỷ-kheo họp tại pháp đường, bắt đầu nói chuyện này:

– Thưa Hiền giả, Devadatta phản lại bậc Sư trưởng, trở thành kẻ chống đối, kẻ thù nghịch với đức Như Lai và gặp đại nạn.

Bậc Đạo sư đi đến pháp đường và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp đang luận bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới phản lại bậc Sư trưởng, trở thành kẻ chống đối, kẻ thù nghịch với Như Lai và gặp đại nạn. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người huấn luyện voi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát được thành thục trong nghề huấn luyện voi. Một thanh niên Bà-la-môn ở một làng của nước Kāsi đến học nghề với Bồ-tát. Trong khi dạy nghề, các vị Bồ-tát thường không giấu giếm điều gì cả. Những gì các vị hiểu biết đều đem dạy cho tất cả. Do vậy, thanh niên ấy học mọi nghề với Bồ-tát và hiểu biết không sót một chút gì. Khi người thanh niên học xong, liền thưa với Bồ-tát.

– Thưa Sư trưởng, nay con xin đi phục vụ vua.

Bồ-tát nói:

– Lành thay!

Rồi Bồ-tát đi đến yết kiến vua và thưa:

– Thưa Đại vương, đệ tử của thần muốn phục vụ ngài.

– Tốt lắm, hãy để nó phục vụ trẫm.

– Nhưng Đại vương có biết tiền lương là bao nhiêu?

– Đệ tử của khanh sẽ không nhận được tiền lương như khanh. Nếu khanh nhận được một trăm, nó sẽ nhận năm mươi. Nếu khanh nhận được hai, nó sẽ nhận một.

Bồ-tát đi về nhà báo tin cho đệ tử của mình. Anh ta nói:

– Thưa Sư trưởng, con biết nghề giống như Sư trưởng nên tay nghề bằng nhau. Nếu tiền lương bằng nhau thì con sẽ phục vụ. Nếu không, con sẽ không phục vụ.

Bồ-tát trình cho vua biết. Vua nói:

– Nếu nó làm được việc bằng khanh, nếu nó có thể cho thấy tài nghệ của nó bằng tài nghệ của khanh thì nó sẽ nhận lương bằng khanh.

Bồ-tát báo tin ấy cho đệ tử biết. Anh ta nói:

– Tốt lắm, con sẽ trổ tài.

Bồ-tát lại trình vua. Vua nói:

– Vậy ngày mai, các khanh sẽ trổ tài nghệ.

– Lành thay, chúng thần sẽ trổ tài.

Nhà vua liền ra lệnh đánh trống báo tin.

– Ngày mai cả Sư trưởng và đệ tử đều trổ tài nghệ huấn luyện voi. Ngày mai, những ai muốn xem hãy tụ họp tại sân của hoàng cung để xem.

Vị Sư trưởng suy nghĩ: “Đệ tử của ta quá huênh hoang tự mãn, nó tưởng nó có tài năng bằng ta trong khi nó chưa biết hết mọi phương tiện thiện xảo của ta.”

Sư trưởng chọn một con voi và trong một đêm, vị ấy dạy nó làm mọi việc trái ngược. Sư trưởng dạy nó đi lui trong khi bảo nó đi tới, và dạy nó đi tới trong khi bảo nó đi lui; dạy nó nằm khi bảo nó đứng dậy, dạy nó đứng khi bảo nó nằm; dạy nó thả rơi khi bảo nó nhặt lên và dạy nó nhặt lên khi bảo nó thả rơi.

Ngày hôm sau, Sư trưởng leo lên con voi ấy đi đến sân của hoàng cung. Người đệ tử cũng cưỡi một con voi thật đẹp. Một đám đông người tụ họp tại đó. Cả hai đều trổ tài nghệ giống nhau. Rồi Bồ-tát bảo con voi của mình làm việc trái ngược với mệnh lệnh. Khi bảo nó đi tới, nó lại đi lui; khi bảo nó đứng, nó lại nằm; khi bảo nó nằm, nó lại đứng dậy; khi bảo nó nhặt lên, nó thả rơi; khi bảo nó thả rơi, nó lại nhặt lên. Đại chúng la ó lên:

– Kẻ đệ tử độc ác kia, chớ đối địch với Sư trưởng của ngươi. Ngươi không biết lượng sức mình khi ngươi nghĩ: “Ta biết trổ tài như Sư trưởng.”

Quần chúng đánh anh ta với gạch, gậy gộc và giết chết anh ta ngay tại chỗ.

Bồ-tát từ trên voi bước xuống đi đến trước mặt vua và thưa:

– Thưa Đại vương, người ta học nghề để mưu cầu an lạc cho mình. Nhưng có một người do học nghề tự đem lại đại nạn, giống như chiếc giày hư đem lại khổ đau.

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

161. Như người mua giày hư, Mong giày đem an lạc,
Không ngờ, giày đem khổ, Bị nóng bức đốt cháy,
Gót chân bị bức bách, Chân người ấy bị thương.

162. Cũng vậy kẻ phàm phu, Sanh gia đình hạ tiện,
Đến người để học nghề, Và học cả mọi việc,
Chính do thiếu hiểu biết, Trở lại làm hại mình,
Kẻ nông nổi nóng vội, Giống như chiếc giày hư.

Vua vô cùng hoan hỷ và đem thưởng Bồ-tát nhiều danh vọng vinh hiển.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người đệ tử là Devadatta và vị Sư trưởng là Ta vậy.

§232. CHUYỆN CÂY ĐÀN LUÝT (*Vīṇāthūṇajātaka*) (*J.* II. 224)

Việc này do con nghĩ...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một thiếu nữ.

Nàng ấy là một triệu phú ở Xá-vệ, thấy trong nhà mình một con bò đực được cung kính, liền hỏi người vú:

– Này vú, ai lại được cung kính như vậy?

– Thưa cô, đó là con ngưu vương.

Rồi thiếu nữ ấy đứng trong lâu đài nhìn ra đường, thấy một kẻ lưng gù và suy nghĩ: "Giữa loài bò, con đầu đàn có một cái bướu trên lưng. Người đứng đầu loài người chắc cũng như vậy. Người này sẽ làm chủ loài người. Ta sẽ trở thành kẻ hầu hạ của người này."

Thiếu nữ ấy sai nữ tỳ báo cho người lưng gù này biết:

– Con gái nhà triệu phú muốn đi với chàng. Hãy đi đến chỗ ấy và đứng đợi!

Rồi nàng thu góp và đem theo các thứ nữ trang, vật dụng của mình, rồi cải trang, từ lầu bước xuống và trốn đi với người gù lưng.

Sau một thời gian, việc làm ấy được cả thành phố và chúng Tỷ-kheo biết đến. Tại pháp đường, các Tỷ-kheo bắt đầu nói chuyện này:

– Này các Hiền giả, con gái nhà triệu phú đã trốn đi với một người lưng gù.

Giữa lúc ấy, bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang họp bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay cô ta mới đam mê người lưng gù. Thuở trước, cô ta cũng như vậy rồi.

Và bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình vị triệu phú ở một thị trấn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát lập gia đình, sanh được một con trai và một con gái. Bồ-tát muốn cưới con gái một của vị triệu phú ở Ba-la-nại cho con trai mình và chọn ngày làm lễ cưới. Con gái vị triệu phú ấy thấy trong nhà mình một con bò đực được cung kính, liền hỏi người vú:

– Ai đấy?

Người vú nói:

– Đây là con bò chúa.

Sau đó, cô gái thấy một người lưng gù đang đi giữa đường lại nghĩ: "Đấy là người tối thượng giữa loài người", bèn đem theo mọi thứ trang sức, vật dụng và trốn theo người ấy.

Còn Bồ-tát suy nghĩ: "Ta sẽ rước con gái vị triệu phú về nhà", liền lên đường đi đến Ba-la-nại với một số đông tùy tùng. Người gù lưng và cô gái cũng đi trên con đường ấy. Suốt đêm người gù lưng bị lạnh, vào lúc rạng đông, anh ta bị cảm gió, thân thể run rẩy vô cùng đau khổ. Anh ta ngã xuống, nằm co quắp bên đường như cần cây đàn cầm bị gãy, con gái nhà triệu phú ngồi dưới chân anh ta. Bồ-tát và người tùy tùng nhận ra nàng, đi đến nói chuyện với con gái nhà triệu phú qua bài kệ đầu:

163. Việc này do con nghĩ, Ngu si, không người dắt,
Ở bên một kẻ gù, Không xứng đáng với con.

Nghe Bồ-tát nói vậy, con gái nhà triệu phú đọc bài kệ thứ hai:

164. Nghĩ là người tối thượng, Con yêu kẻ gù lưng,
Nay nó nằm cong queo, Như đàn cầm dây đứt.

Bồ-tát biết rằng nàng chỉ hóa trang đi theo người gù nên cho nàng tắm rửa, trang điểm cho nàng rồi đưa nàng lên xe về nhà.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, chính người này là con gái nhà triệu phú và vị triệu phú thành Ba-la-nại là Ta vậy.

§233. CHUYỆN MŨI TÊN (*Vikaṇṇakajātaka*) (*J.* II. 227)

Ngươi muốn đi chỗ nào...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỳ-kheo thối thất tinh tấn.

Vị ấy được đưa đến pháp đường và được bậc Đạo sư hỏi:

– Có thật thế chăng?

Tỷ-kheo ấy trả lời:

– Thật có vậy.

– Vì sao thối thất tinh tấn?

Vị ấy trả lời:

– Vì nhân duyên các dục.

Bậc Đạo sư nói:

– Các dục, này Tỷ-kheo, giống như mũi tên có ngạnh đâm vào trong tim. Khi đã đâm vào đấy, nó có thể giết người như mũi tên giết con cá sấu.

Nói xong, bậc Đạo sư kể một câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, Bồ-tát làm vua trị vì đúng pháp ở Ba-la-nại. Một hôm, vua đi vào công viên, đến trên bờ hồ xem những người thiện xảo về múa hát bắt đầu biểu diễn. Đàn cá và đám rùa thích nghe tiếng hát, tụ tập lại và đi theo vua. Vua thấy đàn cá dài bằng thân cây cọ dừa, liền hỏi các đại thần:

– Sao những con cá này lại đi theo ta như vậy?

Các đại thần trả lời:

– Chúng đang hầu Thiên tử.

Vua bằng lòng với lời nói ấy và ra lệnh cho chúng ăn cơm thường xuyên hàng ngày. Một số cá đến vào giờ ăn, một số khác không đến và cơm bị phí phạm. Các người hầu tâu với vua sự kiện này. Vua ra lệnh:

– Bắt đầu từ nay, vào giờ cho cơm hãy đánh trống. Khi nghe tiếng trống, các con cá tụ họp lại, hãy cho chúng cơm!

Từ đấy, người nào cho cá ăn cơm cũng đánh trống và khi đàn cá họp lại, anh ta cho chúng ăn cơm. Khi các con cá đang ăn cơm, một con cá sấu đến để ăn vài con cá. Người cho cơm trình vua việc ấy. Vua nghe nói vậy liền ra lệnh:

– Khi con cá sấu ăn cá, hãy bắn nó với mũi tên có ngạnh và bắt nó!

Người ấy nói:

– Thưa vâng, tốt lắm.

Rồi anh ta lên một chiếc thuyền và ngay khi con cá sấu đến ăn cá, anh ta bắn nó bằng một mũi tên có ngạnh. Mũi tên bắn vào lưng, con cá sấu đau đớn điên cuồng mang theo mũi tên chạy trốn. Người cho cơm biết mũi tên đã trúng con cá sấu, gọi nó với bài kệ đầu:

165. Ngươi muốn đi chỗ nào, Hãy đi đến chỗ ấy,
Mũi tên ta có ngạnh, Đã bắn trúng ngươi rồi.

Nghe tiếng trống gọi cơm, Ngươi tham lam đã đến,
Đuổi bắt ăn đàn cá, Nên ngươi phải mạng chung.

Con cá sấu đi về chỗ ở của mình và chết tại đấy.

***

Bậc Đạo sư là bậc Chánh Giác muốn giải thích sự việc này, liền đọc bài kệ thứ hai:

166. Các thú vật trong đời, Khi đã bị cám dỗ,
Và chúng bị chinh phục, Bởi dục vọng của mình,
Chúng sẽ bị giết hại, Giữa bà con, bạn bè,
Như con cá sấu ấy, Đi theo ăn đàn cá.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc quả Dự lưu và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§234. CHUYỆN NÀNG ASITĀBHŪ (*Asitābhujātaka*) (*J.* II. 229)

Nay chính nhờ chàng làm...

Câu chuyện này, bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về một thiếu nữ.

Ở Xá-vệ, trong gia đình một người hầu hạ hai vị Đại đệ tử của bậc Đạo sư có một thiếu nữ tuyệt sắc. Khi nàng lớn lên, nàng được gả cho một gia đình tương xứng. Nhưng người chồng không nghĩ gì đến nàng, thường tham đắm vui chơi các chỗ khác. Nàng không để ý đến sự lạnh nhạt của chồng đối với mình nên đã mời hai vị Đại đệ tử đến để cúng dường bố thí, nghe pháp và chứng quả Dự lưu. Từ đấy trở đi, nàng sống an lạc trong Đạo và Quả. Về sau nàng nghĩ: "Chồng ta không cần ta, ta không có việc gì phải sống trong gia đình, vậy ta sẽ xuất gia." Vì vậy, nàng báo tin cho cha mẹ rồi xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Việc làm của nàng được các Tỷ-kheo biết đến. Một hôm, tại pháp đường, các Tỷ-kheo bắt đầu nói chuyện này:

– Thưa các Hiền giả, người con gái của gia đình ấy cố gắng đi tìm mục đích tối thượng. Biết được người chồng không kể gì đến mình, nàng cúng dường hai vị Đại đệ tử, rồi nghe pháp với hai vị ấy và được an trú trong quả Dự lưu. Sau đó, nàng xin phép mẹ cha xuất gia và chứng quả A-la-hán. Như vậy, này các Hiền giả, thiếu nữ ấy đã đạt mục đích đối thượng.

Trong lúc ấy, bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông hội họp và bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay thiếu nữ ở gia đình này đi tìm mục đích tối thượng. Thuở trước, nàng cũng đã làm như vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát xuất gia làm vị ẩn sĩ khổ hạnh, đạt được các thắng trí và các thiền chứng, rồi sống tại khu vực Tuyết sơn. Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại thấy con mình là Hoàng tử Brahmadatta có nhiều tùy tùng sinh nghi ngờ và đuổi con ra khỏi quốc độ.

Hoàng tử đem theo vợ mình tên Asitābhū đi vào Tuyết sơn, ăn cá, thịt, các loại rau quả và trú tại một am thất bằng lá. Hoàng tử thấy một nữ thần chim và đam mê nàng; chàng muốn lấy nàng làm vợ, không đếm xỉa đến Asitābhū.

Asitābhū thấy chồng mình đi theo nữ thần liền nghĩ: "Người này không đếm xỉa gì đến ta và đi theo nữ thần, vậy ta cần người ấy làm gì?" Nghĩ vậy, tâm nàng không vui, nàng đi đến gặp Bồ-tát, đảnh lễ, và xin ngài dạy cho nàng một đối tượng để quán tưởng. Nàng nhìn vào đối tượng ấy, rồi phát triển các thắng trí và các thiền chứng. Nàng đi đến Bồ-tát và đảnh lễ, rồi trở về đứng trước cửa thảo am của mình.

Bấy giờ, Hoàng tử Brahmadatta đi theo nữ thần chim nhưng tìm khắp không thấy được con đường nữ thần chim ấy đi, chàng thất vọng hướng mặt về phía chòi lá của mình. Asitābhū thấy chồng đi đến, bèn bay lên hư không, đứng trên tầng trời có màu sắc châu báu và nói:

– Này Tôn giả trẻ tuổi, nhờ chàng, ta đã chứng được an lạc thiền định này.

Và nàng đọc bài kệ đầu:

167. Nay chính nhờ chàng làm, Ta hết say đắm dục,
Như ngà bị cưa đứt, Không thể gắn lại được.

Nói vậy xong, trước mắt chàng, nàng bay lên hư không và đến một chỗ khác. Khi nàng đi rồi, Hoàng tử Brahmadatta than thở qua bài kệ thứ hai:

168. Như tham lam quá độ, Làm tâm trí si mê,
Cướp đi mọi công đức, Ta đánh mất vợ ta!

Hoàng tử khóc than với bài kệ này, rồi sống một mình trong rừng. Khi vua cha băng hà, chàng trở về nhận vương quốc.

***

Khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, hoàng tử và công chúa là hai người này, còn vị ẩn sĩ khổ hạnh là Ta vậy.

§235. CHUYỆN ẨN SĨ VACCHANAKHA (*Vacchanakhajātaka*) (*J.* II. 231)

Này Vacchanakha...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Roja, một người của bộ tộc Mallā.

Người này là bạn cư sĩ của Tôn giả Ānanda, một hôm, gởi một bức thư nhắn tin mời Tôn giả đến thăm mình. Tôn giả xin phép bậc Đạo sư và ra đi. Sau khi đãi Tôn giả ăn các món thượng vị khác nhau, vị ấy ngồi xuống một bên, nói chuyện thân mật với Tôn giả, và mời Tôn giả thọ hưởng cuộc sống đầy đủ dục lạc ở nhà mình:

– Thưa Tôn giả Ānanda, nhà tôi rất nhiều kho động sản và bất động sản. Tôi sẽ chia tài sản này làm hai và tặng Tôn giả một nửa. Hãy đến đây, chúng ta chung sống trong một gia đình!

Vị Trưởng lão nói cho bạn biết sự nguy hiểm của các dục, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đi về tinh xá.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Ānanda, ông có gặp Roja không?

Trưởng lão trả lời:

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Roja nói chuyện gì với ông?

Trưởng lão trả lời:

– Bạch Thế tôn, Roja mời con sống đời gia đình. Con nói lên những nguy hiểm của một đời sống gia đình cho bạn con.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Ānanda, không phải chỉ nay Roja, người Mallā ấy mời các vị xuất gia sống đời gia đình. Lúc trước, kẻ ấy cũng đã làm như vậy rồi.

Rồi theo thỉnh cầu của Tôn giả Ānanda, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở một thị trấn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia làm vị ẩn sĩ, sống lâu ngày tại khu vực Tuyết sơn. Vì mục đích lấy muối và giấm, ngài đi đến Ba-la-nại trú ở công viên của vua. Hôm sau vị ẩn sĩ đi vào thành.

Bấy giờ, một vị triệu phú ở Ba-la-nại hoan hỷ với uy nghi của Bồ-tát, đưa ngài về nhà, mời ngài thọ trai. Ngay khi được ngài nhận lời ở lại với mình, vị ấy đem ngài vào ở trong hoa viên và thường đến phục vụ ngài đủ mọi nhu cầu. Hai người nảy sinh tình thân mến với nhau.

Một hôm, vị triệu phú ở Ba-la-nại, vì thương mến Bồ-tát, suy nghĩ như sau: "Đời sống xuất gia thật cực khổ. Ta sẽ khuyên bạn ta từ bỏ xuất gia. Ta sẽ chia tất cả tài sản của ta làm hai và cho bạn một nửa, rồi hai chúng ta cùng chung sống với nhau." Vì vậy, một hôm, sau khi ăn uống xong, nói chuyện thân mật với bạn, vị triệu phú ở Ba-la-nại nói:

– Thưa Tôn giả Vacchanakha, đời sống xuất gia đầy phiền toái, đời sống

gia đình đầy an lạc. Hãy hoàn tục và hai chúng ta cùng thọ hưởng các dục lạc với nhau!

Nói vậy xong, vị triệu phú đọc bài kệ đầu:

169. Này Vacchanakha, An lạc thay gia đình,
Đầy đủ thứ vàng bạc, Đầy đủ các món ăn,
Ở đây, ăn và uống, Rồi nằm dài thỏa thích!

Nghe vậy, Bồ-tát nói:

– Này đại triệu phú, bạn đắm say dục lạc; vì không có trí, bạn tán thán công đức của đời tại gia, không tán thán công đức của đời xuất gia. Tôi sẽ nói với bạn mọi phiền toái của đời sống gia đình. Nay hãy lắng nghe!

Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

170. Người sống trong gia đình, Không bao giờ an lạc,
Người ấy thường nói láo, Người ấy thường lừa đảo,
Người ấy thường đánh đập, Làm hại những người khác.
Các tội lỗi như vậy, Làm sao chế ngự được,
Vậy ai nay còn muốn, Sống ở trong gia đình?

Với những lời này, bậc Đại sĩ nói lên những khuyết điểm của đời sống gia đình, rồi đi đến hoa viên như cũ.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị triệu phú ở Ba-la-nại là Roja, người của bộ tộc Mallā; còn ẩn sĩ Vacchanakha là Ta vậy.

§236. CHUYỆN CON CÒ (*Bakajātaka*) (*J.* II. 233)

Thật trắng thay chim này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một kẻ giả dối. Khi kẻ ấy được đưa đến trước mặt bậc Đạo sư, Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, người này không những nay mà thuở xưa đã là một kẻ giả dối.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là vua cá, sống trong cái hồ ở khu vực Tuyết sơn cùng với một số lớn cá tùy tùng.

Lúc ấy, một con cò muốn ăn các con cá tại chỗ gần hồ nước. Vì vậy, nó cúi đầu, dang cánh ra, nhìn các con cá một cách mơ màng, chờ đợi khi nào chúng mất cảnh giác thì bắt chúng.

Bấy giờ, Bồ-tát cùng với đàn cá đi tìm mồi, đến tại chỗ ấy. Đàn cá thấy con cò đang rình mồi, liền đọc bài kệ đầu:

171. Thật trắng thay chim này, Loài chim hai lần sanh,
Chẳng khác gì hoa súng, Lặng lẽ dang hai cánh,
Im lặng, mơ màng nhìn, Như trầm tư mặc tưởng!

Bồ-tát nhìn con cò và đọc bài kệ thứ hai:

172. Con cò ấy làm gì, Các ngươi đâu biết được,
Vì không biết rõ ràng, Nên có lời tán tụng,
Chim hai lần sanh ấy, Đang đợi giết chúng ta,
Do vậy hai cánh nó, Không vẫy, không động đậy.

Nghe nói vậy, đàn cá vẫy nước và đuổi con cò đi.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con cò là kẻ giả dối này, còn vua cá là Ta vậy.

§237. CHUYỆN THÀNH SĀKETA (*Sāketajātaka*) (*J.* II. 234)

Thế Tôn, do nhân gì...

Câu chuyện này, khi ở gần Sāketa, bậc Đạo sư kể về sự sanh khởi luyến ái. Chuyện hiện tại và quá khứ giống như ở chương I, *Chuyện thành Sāketa.*[53]

Khi đức Như Lai đi vào tinh xá, các Tỳ-kheo hỏi:

– Bạch Thế Tôn, luyến ái bắt đầu như thế nào?

Và họ đọc bài kệ đầu:

173. Thế Tôn, do nhân gì, Ở đời có số người,
Tâm hết sức lạnh nhạt. Nhưng đối với kẻ khác,
Tâm lại rất yêu thương?

Bậc Đạo sư giải thích bản chất của luyến ái qua bài kệ thứ hai:

174. Xưa do vì sống chung, Nay do vì hạnh phúc,
Như vậy luyến ái sanh, Như sen mọc trong nước.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Hai người này là hai vợ chồng vị Bà-la-môn thời xưa và con trai của họ là Ta vậy.

§238. CHUYỆN MỘT CHỮ (*Ekapadajātaka*) (*J.* II. 235)

Cha thân, hãy nói lên...

---

[53] Xem *J.* I. 308, *Sāketajātaka* (*Chuyện thành Sāketa*), số §68.

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một vị điền chủ ở Xá-vệ.

Một hôm, đứa con trai của vị ấy ngồi trên bắp vế của cha và hỏi vị ấy về ý nghĩa cái cửa. Người điền chủ ấy nói:

– Câu hỏi này, trừ đức Phật, không một ai khác có thể trả lời.

Vì vậy, ông dắt con đi đến Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Thế Tôn, đứa con trai của con ngồi trên bắp vế con và hỏi về ý nghĩa cái cửa. Con không biết trả lời nên đến đây, mong Thế Tôn trả lời câu hỏi này.

Bậc Đạo sư nói:

– Này nam cư sĩ, đứa trẻ này, nay đang đi tìm lý tưởng. Thuở trước, nó cũng đã đi tìm lý tưởng và hỏi các nhà Hiền trí câu hỏi này rồi. Các nhà Hiền trí đã trả lời nó. Nhưng qua nhiều lần tái sanh chồng chất, nó không nhớ.

Rồi theo lời thỉnh cầu của người điền chủ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình triệu phú. Lúc lớn lên, cha chết, Bồ-tát được hưởng địa vị của người triệu phú.

Bấy giờ, con trai của Bồ-tát ngồi trên bắp vế cha và hỏi:

– Thưa cha thân, hãy nói cho con một việc chỉ gồm có một chữ nhưng bao hàm nhiều ý nghĩa!

Rồi nói lên đọc bài kệ đầu:

175. Cha thân, hãy nói lên,
Một chữ gồm nhiều nghĩa,
Với chữ ấy, chúng ta,
Thành đạt được lý tưởng.

Người cha nói lên bài kệ thứ hai:

176. Một chữ đáng kính trọng,
Một chữ gồm nhiều nghĩa,
Đó chính là tài năng,
Liên hệ với giới đức,
Gắn liền với nhẫn nhục,
Để con giúp bạn hữu,
Và cảnh giác kẻ thù.

Như vậy, Bồ-tát đã trả lời câu hỏi của con trai. Đứa con trai ấy dùng phương pháp mà người cha nêu ra để thành tựu lý tưởng. Về sau, khi mạng chung nó đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, cả hai cha con đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người con trai ấy là người con trai ngày nay, còn Ta là vị triệu phú thành Ba-la-nại.

§239. CHUYỆN CON NHÁI XANH (*Haritamātajātaka*)[54] (*J.* II. 237)

Khi ta là con rắn...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Vua Ajātasattu (A-xà-thế).

Khi phụ vương của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala gả con gái cho Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), có cho nàng một làng ở Kāsi như món tiền sắm lễ. Khi Ajātasattu giết cha là Vua Bimbisāra, không bao lâu, mẫu hậu mạng chung vì thương chồng. Sau khi mẹ mất, Vua Ajātasattu vẫn hưởng lợi tức của ngôi làng ấy. Vua nước Kosala quyết định không để ngôi làng thuộc tài sản gia đình mình cho tên nghịch tử đã giết cha và vua gây chiến với Ajātasattu.

Khi thì người cậu (tức là Vua Pasenadi) chiến thắng, khi thì người cháu (tức Ajātasattu) chiến thắng. Khi Ajātasattu thắng trận, vua giương cờ lên khắp trong nước và đi về thành với khí thế tưng bừng. Khi vua thất trận, vua về sầu muộn và không cho ai biết.

Một hôm, tại pháp đường, các Tỷ-kheo ngồi nói chuyện này:

– Thưa các Hiền giả, khi Ajātasattu thắng người cậu thì hân hoan, còn khi thất trận thì sầu muộn.

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi họp bàn vấn đề gì?

Khi được nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Không phải chỉ nay, ngày xưa cũng vậy, khi nào ai thắng trận cũng hân hoan, khi nào ai thất trận cũng sầu muộn.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con nhái xanh. Lúc bấy giờ, khắp nơi tại những hang lỗ sâu dưới sông, dân chúng thường đặt các lưới nơm để bắt cá. Một bầy cá lội vào trong một cái nơm ấy và một con rắn nước cũng bò vào đó để bắt cá. Đàn cá hợp lại và cắn con rắn nước toàn thân chảy máu. Con rắn không thấy ai cứu mình, sợ chết vội bò ra khỏi miệng nơm và nó vô cùng đau đớn, nằm nấp một bên bờ nước.

Lúc bấy giờ, con nhái xanh nhảy đến và rơi vào miệng cái lưới. Con rắn biết không ai có thể phán xử cho mình, thấy nhái xanh nằm đấy liền hỏi:

– Này bạn nhái xanh, bạn có bằng lòng với việc làm của đàn cá này không?

Rồi nó đọc bài kệ đầu:

177. Khi ta là con rắn, Đi vào trong miệng nơm,
Các con cá cắn ta, Bạn nhái có hoan hỷ,
Với việc đàn cá làm?

[54] Bản CST viết *Haritamaṇḍūkajātaka*. Xem *S.* I. 84, *Dutiyasaṅgāmasutta* (*Kinh Nói về chiến tranh, thứ hai*).

Con nhái xanh nói:

– Vâng, thưa bạn, tôi hoan hỷ. Vì sao vậy? Khi những con cá đi vào khu vực của bạn, bạn ăn chúng. Khi bạn vào khu vực đàn cá, chúng ăn bạn. Tại khu vực của mình, tại chỗ mình kiếm ăn, không ai là không có sức mạnh.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

178. Loài người thường ăn cướp, Khi nào thấy được lợi,
Khi người khác ăn cướp, Kẻ bị cướp, cướp lại.

Khi Bồ-tát phân xử vụ kiện này, đàn cá thấy chỗ yếu của con rắn nước, liền nói:

– Chúng ta sẽ bắt kẻ thù.

Đàn cá đi ra khỏi miệng nơm, giết con rắn ngay tại chỗ rồi bỏ đi.

***

Sau khi nói pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con rắn nước là Ajātasattu, còn con nhái xanh là Ta vậy.

§240. CHUYỆN VUA MAHĀPIṄGALA (*Mahāpiṅgalajātaka*) (*J.* II. 239)

Chính Vua Piṅgala...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Trong chín tháng Devadatta đã tìm mọi cách hãm hại bậc Đạo sư, sau đó đất nứt và chôn vị ấy vào trong lòng đất của Kỳ Viên. Những ai sống tại Kỳ Viên và toàn dân sống ở trong vùng ấy nghe tin đều hân hoan và nói:

– Devadatta, kẻ chống đối với bậc Đạo sư, đức Phật Chánh Giác, đã bị đất nuốt sống.

Khi nghe những lời này được lan truyền khắp nơi, dân chúng ở toàn cõi Diêm-phù-đề, các dạ-xoa, các loài hữu tình và chư thiên cũng đều hân hoan vui vẻ như vậy.

Một hôm, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường và bắt đầu nói chuyện:

– Thưa các Hiền giả, khi Devadatta bị nuốt vào lòng đất, quần chúng sanh hoan hỷ và nói: "Devadatta đã bị nuốt vào lòng đất rồi."

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp đang bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta chết, đại chúng hân hoan vui mừng. Thuở trước, đại chúng cũng hân hoan vui mừng như vậy.

Và bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, tại Ba-la-nại, Vua Mahāpiṅgala (Đại Hoàng Nhãn) trị vì phi pháp và bất công, làm các nghiệp ác theo ý muốn của mình. Vua dùng hình phạt thuế má, còng chân, bức hiếp quần chúng như nghiền mía trong máy ép. Vua cay nghiệt, độc ác, hung bạo, không có một chút tình thương đối với kẻ khác. Ở nhà, vua cư xử hà khắc, nghịch ý đối với vợ, con trai, con gái, đại thần, Bà-la-môn, gia chủ, v.v... Vua như là hột bụi rơi vào mắt, như viên sạn trong vắt cơm, như mũi dao đâm vào gót chân.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh ra làm hoàng tử của Vua Mahāpiṅgala. Suốt một thời gian dài, Vua Mahāpiṅgala trị vì rồi mạng chung. Khi ấy, dân chúng toàn thành Ba-la-nại hân hoan vui sướng, cười thật lớn, thiêu đốt thi hài vua với ngàn xe củi, và dập tắt lửa với hàng ngàn ghè nước.

Khi làm lễ Quán đảnh tôn Bồ-tát lên ngôi vua, họ hân hoan vui sướng vì được một vị vua trị vì đúng pháp, dân chúng đánh trống khắp nơi ở trong thành. Dân chúng treo cờ xí trang hoàng thành phố. Tại mỗi cửa nhà, họ dựng lều, rải hoa năm loại, năm màu, và ngồi ăn uống trong các lều được trang hoàng đẹp đẽ ấy trên các bục gỗ được tô điểm rực rỡ.

Còn Bồ-tát ngồi trên một vương sàng tuyệt đẹp, đặt trên một cái bệ cao, dưới chiếc lọng trắng che trên đầu thật oai phong lẫm liệt. Các đại thần, Bà-la-môn, gia chủ, người đánh xe, người giữ cửa đứng bao vây xung quanh ngài. Một người giữ cửa đứng không xa, đang khóc và thở dài. Bồ-tát thấy vậy hỏi:

– Này bạn giữ cửa, cha ta chết, mọi người đều hân hoan vui sướng, chơi đùa ồn ào, còn bạn sao lại đứng khóc vậy? Cha ta có tử tế với bạn và yêu quý bạn sao?

Bồ-tát hỏi xong, đọc bài kệ đầu:

179. Chính Vua Piṅgala, Làm hại khắp mọi người,
Nay vua đã chết đi, Ai cũng thấy thoải mái,
Phải chăng Vua Hoàng Nhãn, Đã được ngươi thương yêu?
Khiến ngươi phải than khóc, Hỡi người giữ cửa kia?

Nghe câu nói của Bồ-tát, người giữ cửa ấy nói:

– Tôi khóc không phải vì Vua Mahāpiṅgala chết làm tôi buồn. Nay tôi rất được an lạc. Trước kia, mỗi khi Vua Mahāpiṅgala đi từ lầu xuống hay lên lầu, thường dùng nắm tay đánh tôi tám cái trên đầu, như cái đánh của cây búa thợ rèn. Khi vua đi đến thế giới bên kia, vua sẽ đánh tám cái trên đầu của thần Yama giữ địa ngục như đã đánh đầu tôi. Dân chúng ở đấy sẽ nói: "Vua này quá ác đối với chúng tôi", và chúng sẽ gởi vua lên trên này lại. Tôi sợ vua sẽ đến và nắm tay lại đánh trên đầu tôi nên tôi khóc.

Để nêu rõ ý nghĩa này, anh ta đọc bài kệ thứ hai:

180. Tôi không hề thương mến, Vua có con mắt vàng,
Tôi chỉ sợ một việc, Vua sẽ trở lại đây.

Vì làm hại thần chết, Nên từ đây vua đi,
Thần chết bị vua hại, Lại đưa vua trở về.

Bồ-tát nói với anh ta:

– Vua ấy bị đốt với ngàn xe củi, được tưới với ngàn ghè nước, và chỗ đất được đào lên xung quanh, chúng sanh đi đến thế giới bên kia; do sức mạnh của nghiệp, không thể trở lại với thân trước được, ngươi chớ sợ.

Rồi để an ủi anh ta, Bồ-tát đọc bài kệ này:

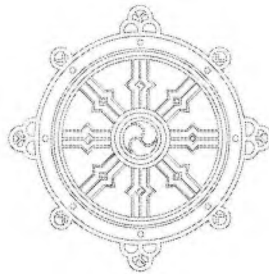
181. Bị ngàn xe củi đốt, Bị trăm ghè nước tưới,
Đất đã bị đào quanh, Chớ sợ vua trở lại.

Từ đấy trở đi, người giữ cửa được an tâm. Còn Bồ-tát trị vì đúng pháp và trọn đời làm công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Vua Pingala là Devadatta và vị Hoàng tử là Ta vậy.



X. PHẨM CHÓ RỪNG
(*SIGĀLAVAGGA*)

§241. CHUYỆN VUA CHÓ RỪNG SABBADĀṬHA
(*Sabbadāṭhajātaka*) (*J.* II. 242)

Kiên trì trong kiêu mạn...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Sau khi được Vua Ajātasattu (A-xà-thế) tín nhiệm, Devadatta được lợi dưỡng và cung kính, nhưng tình cảm ấy không thể duy trì lâu dài. Từ khi quần chúng thấy thần thông thị hiện[55] khi con voi Nāḷāgiri được thúc đẩy chống đức Phật thì lợi dưỡng và danh vọng của Devadatta cũng mất. Một hôm, các Tỷ-kheo trong pháp đường bắt đầu nói chuyện:

– Thưa các Hiền giả, Devadatta đã cố gắng tạo được lợi dưỡng và danh vọng nhưng không thể duy trì chúng lâu dài!

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông tụ tập ở đây và đang bàn vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới làm mất các lợi dưỡng và danh vọng của mình. Lúc trước, kẻ ấy cũng đã làm mất chúng như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm cố vấn tế tự cho vua, thông đạt ba tập Vệ-đà và mười tám học nghệ. Bồ-tát biết được thần chú "Chiến thắng thế giới." Bấy giờ thần chú này liên hệ đến thiền định.

Một hôm, Bồ-tát có ý nghĩ: "Ta sẽ tụng bài chú này." Rồi ngồi tại góc sân, trên một tảng đá phẳng, Bồ-tát bắt đầu tụng chú. Nghe nói, bài chú ấy không được đọc cho người khác nghe nếu không dùng một nghi lễ đặc biệt. Do vậy, Bồ-tát đọc tại chỗ ấy. Khi Bồ-tát đang đọc chú, một con chó rừng nằm trong hang nghe bài chú ấy và đã học thuộc lòng bài chú. Nghe nói con chó rừng ấy trong một đời sống trước đã là một Devadatta tự học thuộc bài chú chiến thắng thế giới ấy rồi.

Bồ-tát đọc chú xong, đứng dậy và nói:

---

[55] Xem *Cv.* VII. 194.

– Ta chắc chắn đã học thuộc lòng bài chú này.

Con chó rừng từ trong hang đi ra và kêu to:

– Này Bà-la-môn, bài chú ấy, ta đã thuộc lòng tốt hơn ông rồi!

Nói xong, con chó rừng bỏ chạy, Bồ-tát đuổi theo nó một khoảng cách và nói:

– Con chó rừng này sẽ làm điều đại bất hạnh, hãy bắt lấy nó!

Con chó rừng chạy trốn vào rừng, tìm được một con chó rừng cái, liền cắn nhẹ vào thân nó. Chó rừng cái hỏi:

– Thưa ngài, có việc gì?

Con chó rừng nói:

– Ngươi có biết ta hay không?

Con chó rừng cái trả lời:

– Tôi không biết.

Con chó rừng liền đọc bài chú, ra lệnh cho hàng trăm con chó rừng, tất cả voi, ngựa, sư tử, cọp, heo rừng, các con thú và tất cả các loài bốn chân tụ họp lại xung quanh nó; và con chó rừng trở thành vua của chúng tên là Sabbadāṭha (tất cả nanh vuốt) và tôn chó rừng cái làm hoàng hậu. Trên lưng hai con voi có con sư tử, và trên con sư tử, vua chó rừng Sabbadāṭha ngồi với hoàng hậu. Muôn loài vật đều tôn sùng kính trọng nó. Say mê danh vọng, con chó rừng sanh ra kiêu mạn và nói:

– Ta sẽ lấy thành Ba-la-nại.

Được vây quanh với tất cả loài thú bốn chân dài đến mười hai do-tuần, nó đứng không xa và đưa tin cho vua:

– Hãy giao quốc độ hay giao chiến!

Dân chúng Ba-la-nại hốt hoảng lo sợ, đóng các cửa thành và đứng chờ bên trong. Bồ-tát đi đến gần vua và thưa:

– Thưa Đại vương, chớ sợ. Thần chịu trách nhiệm giao chiến với con chó rừng Sabbadāṭha. Ngoài thần ra, không một ai khác có thể đánh nó được cả.

Như vậy, Bồ-tát trấn an vua và dân chúng ở trong thành. Bồ-tát leo lên một tháp canh trên cửa thành và hỏi to:

– Này Sabbadāṭha, ngươi làm gì để lấy thành?

– Ta sẽ ra lệnh cho các con sư tử rống lên làm đại chúng hoảng sợ và ta sẽ lấy thành!

Bồ-tát biết được như vậy, bèn từ tháp canh đi xuống bảo đánh trống ra lệnh:

– Toàn dân ở thành Ba-la-nại trong khoảng mười hai do-tuần hãy lấy bột gạo bịt tai lại!

Đại chúng vâng lệnh, bịt tai với bột gạo, cho đến khi họ không thể nghe tiếng của người khác, và họ cũng bịt tai các con mèo và các thú nhà khác.

Rồi Bồ-tát leo lên tháp canh lần thứ hai và gọi to:

– Này Sabbadāṭha! Ngươi làm gì để đánh lấy thành?

– Ta sẽ bảo các con sư tử rống lên, làm đại chúng hoảng sợ đến chết hết và ta sẽ lấy thành.

– Ngươi không thể làm cho các con sư tử rống lên được. Các con sư tử thuộc chủng tộc cao quý, với bốn chân vững mạnh, với bờm lông rậm rạp, sư tử sẽ không vâng lệnh một con chó rừng già như ngươi!

Con chó rừng cứng đầu kiêu mạn nói:

– Không chỉ các con sư tử khác mà ta sẽ làm cho con sư tử hiện ta đang ngồi trên lưng phải rống lên!

– Ngươi hãy làm cho sư tử rống lên nếu có thể được.

Con chó rừng liền lấy chân ra hiệu cho con sư tử mà nó đang ngồi trên lưng:

– Hãy rống lên!

Con sư tử liền kề miệng vào trán con voi, rống lên ba lần tiếng rống sư tử không đứt đoạn. Các con voi hoảng sợ làm cho con chó rừng rơi xuống dưới chân, chúng liền lấy chân giẫm lên trên đầu chó rừng và chà nó nát vụn như bột. Như vậy, Sabbadāṭha bị tiêu diệt. Và các con voi nghe tiếng rống sư tử đã kinh hoàng sợ chết, đạp lên nhau và chết tại chỗ. Trừ các con sư tử, tất cả các con thú còn lại như nai, heo rừng cho đến các con thỏ, con mèo, đều chết tại chỗ. Các con sư tử chạy trốn vào rừng. Suốt mười hai do-tuần đường được phủ bằng đống thịt thú vật.

Lúc ấy, Bồ-tát từ tháp canh đi xuống, cho mở rộng cửa thành, đánh trống và tuyên bố như sau:

– Tất cả mọi người hãy rút bột gạo ra khỏi tai của mình, và những ai muốn ăn thịt hãy đem thịt về.

Dân chúng ăn các loại thịt tươi và các thịt còn lại được họ phơi khô và để dành. Tương truyền, cách cất giữ thịt khô bắt đầu từ thời ấy.

***

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong. Ngài đọc những bài kệ đầy trí tuệ sau đây:

182. Kiên trì trong kiêu mạn,
Chó rừng ham hội chúng,
Làm vua cả đại địa,
Cả muôn loài có răng.

183. Cũng vậy là người nào,
Được nhiều người vây quanh,
Tạo nên danh vọng lớn,
Giống như vua chó rừng,
Với các loài bốn chân.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là Devadatta, vua là Ānanda, còn vị đại thần tế tự là Ta vậy.

§242. CHUYỆN CON CHÓ (*Sunakhajātaka*) (*J*. II. 246)

Ngu thay, con chó này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về con chó được ăn cơm tại một nhà nghỉ gần cửa lầu Ambala.

Người ta nói rằng từ khi nó mới sanh, nó được mấy người gánh nước đem về nuôi tại đó. Sau một thời gian, con chó ăn cơm tại đấy và thân thể trở thành to lớn. Một hôm, một người sống ở làng đến tại chỗ ấy, thấy con chó liền cho những người gánh nước một thượng y và một đồng tiền, rồi lấy dây thừng cột nó và dắt nó đi. Con chó bị dắt đi, không cưỡng lại, không kêu; nó ăn các đồ ăn được cho và đi theo người ấy. Người ấy nghĩ: "Con chó này đã thương mến ta nên tháo dây thừng cho nó!" Con chó vừa được thả, liền mau chóng chạy một mạch về ngôi nhà cũ.

Các Tỷ-kheo thấy con chó, biết rõ đầu đuôi sự việc, vào buổi chiều, tại pháp đường, họ bắt đầu nói chuyện này:

– Thưa các Hiền giả, con chó vừa khéo thoát khỏi dây trói buộc nay đã trở về ngôi nhà này.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi tại đây đang bàn luận vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay con chó ấy khéo thoát khỏi dây trói buộc. Thuở xưa, nó cũng đã như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình giàu có ở nước Kāsi. Khi trưởng thành, Bồ-tát xây dựng một nhà riêng cho mình.

Lúc bấy giờ, ở Ba-la-nại có một người có một con chó. Con chó ấy được cơm ăn đầy đủ cho đến khi thân thể trở thành to lớn. Một người ở làng đi đến Ba-la-nại, thấy con chó ấy, cho người kia một thượng y và một đồng tiền, rồi bắt con chó, lấy dây da cột nó lại và dắt nó đi. Đến cửa rừng, anh ta đi vào một cái chòi, cột con chó lại và nằm ngủ trên tấm thảm. Lúc bấy giờ, Bồ-tát có việc đi vào rừng, thấy con chó ấy bị dây da cột chặt, liền đọc bài kệ đầu:

184. Ngu thay, con chó này, Sao không cắn dây da?
Và thoát khỏi trói buộc, Hân hoan chạy về nhà!

Khi nghe nói vậy, con chó đọc bài kệ thứ hai:

185. Ý ta đã quyết định, Ta ghi nhớ trong tâm,
Ta chờ đợi thời cơ, Khi mọi người đi ngủ.

Nó nói vậy xong, chờ khi mọi người đã ngủ, nó cắn dây thừng và sung sướng chạy trốn về nhà chủ nó.

***

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Con chó lúc bấy giờ là con chó này, còn vị Hiền trí là Ta vậy.

§243. CHUYỆN NHẠC SĨ GUTTILA (*Guttilajātaka*)[56] (*J.* II. 248)

Tôi có một đệ tử...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo nói với Devadatta:

– Này Hiền giả Devadatta, nhờ bậc Chánh Đẳng Giác, Hiền giả học xong Ba tạng giáo điển và chứng được bốn thiền. Thật không xứng đáng nếu Hiền giả trở thành kẻ chống đối với bậc Sư trưởng.

Devadatta đáp:

– Này các Hiền giả, Sa-môn Gotama đâu có phải là Sư trưởng của ta? Chính do tự lực của ta, ta học Ba tạng giáo điển và chứng được bốn thiền.

Nói vậy xong, Devadatta từ bỏ bậc Sư trưởng.

Các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bắt đầu nói chuyện này:

– Hiền giả Devadatta từ bỏ bậc Sư trưởng, trở thành kẻ thù của bậc Chánh Đẳng Giác và đã gặp đại nạn.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông đang họp bàn vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới từ bỏ Sư trưởng, trở thành kẻ đối nghịch với Ta và gặp nạn. Thuở trước, kẻ ấy cũng như vậy rồi.

Và bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh vào một gia đình nhạc sĩ và được đặt tên là Guttilakumāra. Khi lớn lên, Bồ-tát thành thạo tất cả các ngành âm nhạc, và trở thành nhạc sĩ Guttila. Bồ-tát không lấy vợ và nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa.

Lúc bấy giờ, một số thương nhân sống ở Ba-la-nại đi đến Ujjenī để buôn bán. Nhân ngày lễ hội được tổ chức, họ họp nhau đem theo nhiều vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, các thức ăn và đến một chỗ vui chơi. Họ nói:

– Hãy trả tiền thuê để gọi các nhạc sĩ đến.

[56] Xem *Vv.* 42, *Guttilavimāna* (*Lâu đài Guttila*).

Lúc bấy giờ, nhạc sĩ Mūsila là vị nhạc trưởng ở Ujjenī. Họ mời Mūsila đến đàn cho họ nghe. Mūsila chơi đàn tỳ-bà, vặn dây rất căng rồi gảy đàn. Nhưng họ đã từng nghe nhạc sĩ Guttila chơi đàn nên nhạc của Mūsila chơi chẳng khác gì gảy trên chiếu. Vì vậy không một ai tỏ vẻ hài lòng.

Khi Mūsila thấy họ tỏ vẻ không hài lòng, ông ta nghĩ: "Có lẽ ta chơi đàn căng thẳng quá", ông ta vặn dây xuống bậc trung và gảy tiếp. Các người nghe vẫn tỏ vẻ thản nhiên, ông ta lại nghĩ: "Những người này không biết một chút gì về âm nhạc"; và làm như vẻ mình không biết, ông ta gảy đàn với dây hết sức chùng. Đến đây, họ cũng không nói một lời gì. Rồi Mūsila nói với họ:

– Này các thương nhân, tôi gảy đàn tỳ-bà không làm cho các ông thích thú sao?

Họ nói:

– Nhưng ông gảy đàn tỳ-bà đó sao? Chúng tôi nghĩ rằng ông chỉ lên dây đàn!

– Vậy các ông biết một nhạc trưởng nào giỏi hơn tôi, hay vì các ông không biết gì nên các ông không thích nghe tôi gảy?

Các thương nhân nói:

– Chúng tôi trước đây đã nghe tiếng đàn tỳ-bà của nhạc sĩ Guttila ở Ba-la-nại. Còn tiếng đàn của ông chẳng khác gì bà mẹ ru ngủ con nít!

– Vậy các ông hãy lấy lại tiền mướn. Tôi không cần tiền ấy. Chỉ khi nào các ông đi Ba-la-nại, hãy đem tôi theo!

Họ bằng lòng, và khi ra đi, họ đem theo Mūsila đến Ba-la-nại, chỉ cho ông ta biết chỗ ở của Guttila, rồi họ về nhà.

Mūsila đi vào nhà của Bồ-tát, thấy cây đàn tỳ-bà xinh đẹp của Bồ-tát được treo trên dây, liền lấy xuống và đàn. Bấy giờ, cha mẹ của Bồ-tát do mù nên không thấy Mūsila, nghĩ rằng có lẽ các con chuột đang ăn dây đàn tỳ-bà, liền nói:

– Suỵt, suỵt! Các con chuột ăn dây đàn tỳ-bà!

Lúc ấy, Mūsila đặt đàn xuống, chào cha mẹ Bồ-tát, và hai vị hỏi:

– Ông từ đâu đến?

Ông ta đáp:

– Tôi từ Ujjenī đến học nghề dưới chân Sư trưởng.

Hai vị nói:

– Lành thay!

Mūsila hỏi:

– Sư trưởng ở đâu?

– Này con thân, nó không có ở nhà nhưng hôm nay nó sẽ về.

Rồi Mūsila ngồi xuống đợi đến khi Bồ-tát về, liền nói lên những lời hỏi thăm và cho Bồ-tát biết lý do mình đến. Bồ-tát là người giỏi xem tướng, thấy người này không phải bậc chân nhân, liền từ chối:

– Này con thân, nghề này không phải là nghề của con.

Mūsila ôm chân cha mẹ Bồ-tát van lơn yêu cầu giúp đỡ.

– Hãy bảo con của ông bà dạy cho con học với!

Trước lời yêu cầu của cha mẹ, Bồ-tát không thể cưỡng lại, và dạy cho ông ta nghề nhạc. Rồi Mūsila đi với Bồ-tát đến cung điện vua, vua thấy ông ta liền hỏi:

– Này Sư trưởng, ai đấy?

– Tâu Đại vương, đây là đệ tử của thần.

Mūsila dần dần trở thành người thân tín của vua. Bồ-tát không phải là vị Sư trưởng giấu nghề, những gì mình biết, Bồ-tát đều dạy cho Mūsila.

Dạy xong, Bồ-tát nói:

– Này con thân, nghề con đã học xong.

Mūsila suy nghĩ: "Nay ta học thành tài xong. Thành Ba-la-nại này là kinh đô tối thượng trong cõi Diêm-phù-đề. Sư trưởng đã già. Nay ta phải sống tại đây."

Vì vậy ông ta liền thưa với Sư trưởng:

– Thưa Sư trưởng, nay con sẽ hầu vua.

Sư trưởng nói:

– Lành thay, con thân. Ta sẽ tâu với vua!

Bồ-tát đi tâu với vua:

– Đệ tử của thần muốn hầu hạ Đại vương. Hãy trả tiền lương cho nó!

– Nó sẽ nhận phân nửa lương của khanh.

Sư trưởng báo cho Mūsila biết tin này, Mūsila nói:

– Nếu con được trả tiền bằng lương của thầy, con sẽ hầu hạ vua. Nếu không được, con sẽ không hầu hạ.

– Vì sao? Phải chăng con biết tất cả nghề của Sư trưởng?

– Phải, con biết như vậy. Tại sao vua lại cho con phân nửa lương?

Bồ-tát tâu việc ấy với vua. Vua nói:

– Nếu nó có thể chứng tỏ tài nghệ nó bằng khanh, nó sẽ nhận lương ngang bằng.

Bồ-tát tin cho Mūsila biết. Ông ta đồng ý:

– Lành thay! Con sẽ trổ tài!

Khi vua được tin báo về việc này, vua nói:

– Lành thay! Ngày nào ngươi sẽ trổ tài?

– Tâu Đại vương, từ nay đến ngày thứ bảy.

Vua hỏi:

– Có thật chăng ngươi sẽ thi tài với Sư trưởng của ngươi?

– Thưa Đại vương, thật vậy!

Vua muốn ngăn chặn ông ta nên nói:

– Không nên có sự cạnh tranh giữa đệ tử và Sư trưởng! Chớ làm như vậy!

– Thôi vừa rồi, tâu Đại vương. Đến ngày thứ bảy sẽ có cuộc thử tài giữa thần với Sư trưởng của thần. Chúng ta sẽ biết ai là người có tài hơn.

Vua chấp thuận và cho người đánh trống truyền rao khắp kinh thành lời bố cáo này:

– Từ nay cho đến ngày thứ bảy, Sư trưởng Guttila và đệ tử Mūsila có cuộc tranh tài với nhau tại cung vua để biểu diễn tài nghệ. Quần chúng ở thành hãy tụ họp lại để xem tài nghệ của họ.

Bồ-tát suy nghĩ: "Mūsila còn trẻ đang độ thanh niên. Còn ta đã già, sức khoẻ yếu kém. Việc làm của người già không thể thành công. Nếu đệ tử thất bại thì cũng không có gì vinh dự cả. Nhưng nếu đệ tử thắng cuộc thì vào rừng mà chết còn tốt hơn sự ô nhục mà ta phải gánh chịu!"

Vì vậy, Bồ-tát đi vào rừng nhưng rồi sợ chết liền quay trở về, và rồi sợ nhục, lại đi vào rừng. Như vậy Bồ-tát đi đi, về về và sáu ngày trôi qua. Cỏ dưới chân Bồ-tát đã héo úa và con đường mòn do dấu chân ngài đi đã hiện ra. Trong lúc ấy, chiếc ngai của Thiên chủ Đế-thích trở thành nóng. Đế-thích hướng tâm tìm hiểu và biết sự việc xảy ra. Đế-thích suy nghĩ: "Nhạc sĩ Guttila đang chịu nhiều đau khổ trong rừng vì người đệ tử. Ta phải giúp đỡ nhạc sĩ Guttila."

Đế-thích vội vàng đi đến đứng trước Bồ-tát và hỏi:

– Thưa Sư trưởng, sao Sư trưởng lại đi vào rừng?

Bồ-tát hỏi:

– Ông là ai?

Đế-thích đáp:

– Ta là Đế-thích.

Bồ-tát thưa:

– Thưa Thiên chủ, tôi sợ đệ tử đánh bại nên trốn vào rừng.

Nói rồi, Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

186. Tôi có một đệ tử, Đã học đàn với tôi,
Đàn tỳ-bà bảy dây, Thật du dương êm ái,
Nó thách tôi biểu diễn. Thiên chủ Kosiya,
Xin hãy giúp đỡ tôi!

Thiên chủ Đế-thích đáp:

– Đừng sợ, ta là chỗ nương tựa và bảo vệ bạn.

Rồi Thiên chủ đọc bài kệ thứ hai:

187. Đừng sợ, ta sẽ giúp, Khi nào bạn cần ta,
Danh dự là phần thưởng, Xứng đáng với giáo sư.

Đừng sợ, vì đệ tử, Không thể đối địch thầy,
Và bạn sẽ chiến thắng.

Rồi Đế-thích dặn:

– Khi bạn gảy đàn tỳ-bà, hãy cắt đứt một dây và chơi với sáu dây. Tiếng đàn tỳ-bà của bạn vẫn hay như cũ. Mūsila cũng sẽ cắt đứt một dây nhưng tiếng đàn tỳ-bà của nó sẽ mất đi. Khi ấy, nó sẽ thua cuộc. Biết nó thất bại, bạn hãy cắt đứt dây thứ hai, dây thứ ba, dây thứ tư, dây thứ năm, dây thứ sáu, dây thứ bảy. Bạn sẽ gảy đàn với cái trục đàn mà thôi, tiếng đàn sẽ phát ra từ các đầu dây bị đứt và sẽ vang dội toàn thành Ba-la-nại rộng đến mười hai do-tuần.

Sau đó, Đế-thích cho Bồ-tát ba cây đũa thần và nói tiếp:

– Khi tiếng đàn tỳ-bà vang dội toàn thành, hãy quăng một đũa thần lên hư không. Khi ấy ba trăm thiên nữ sẽ hiện xuống và múa trước mặt bạn. Khi chúng múa như vậy, bạn sẽ quăng đũa thần thứ hai, ba trăm thiên nữ khác sẽ hiện xuống và múa trước đàn tỳ-bà của bạn. Rồi hãy quăng chiếc đũa thần thứ ba, khi ấy ba trăm thiên nữ khác sẽ hiện xuống và múa tại sân tròn của đấu trường. Ta cũng sẽ đến cùng với chúng. Hãy đi lên nào, chớ sợ hãi!

Vào buổi sáng, Bồ-tát đi về nhà. Tại cửa cung vua, một cái đình tròn được dựng lên và đặt một chiếc ngai. Vua từ trên lầu đi xuống, ngồi chính giữa trên sàng tọa ở trong cái đình được trang hoàng rực rỡ. Mười ngàn nữ nhân phục sức diễm lệ, cùng với các đại thần Bà-la-môn, nhân dân, v.v... vây xung quanh vua. Tất cả những người ở trong thành đều tụ họp lại. Trong sân chầu, họ sắp chỗ ngồi theo hình vòng tròn, hàng hàng lớp lớp chồng chất lên nhau.

Bồ-tát được tắm rửa, trang sức và thoa dầu thơm; sau khi ăn nhiều món thượng vị, ngài cầm cây đàn tỳ-bà và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Còn Đế-thích cũng đến, với phép tàng hình đứng trên hư không, được một hội chúng đông đảo vây quanh, nhưng chỉ Bồ-tát có thể thấy Đế-thích. Mūsila cũng đến và ngồi trên chỗ của mình. Đại quần chúng bao vây xung quanh họ.

Đầu tiên, cả hai đều gảy đàn giống nhau. Đại quần chúng thích thú với hai người gảy đàn và vỗ tay không ngớt.

Đế-thích đứng trên hư không nói với Bồ-tát:

– Hãy cắt đứt các dây!

Bồ-tát cắt đứt sợi dây bhamara (sợi dây ong). Dù sợi dây bị cắt, đầu sợi dây đứt vẫn phát ra tiếng như thiên nhạc. Mūsila cũng cắt đứt một dây nhưng từ sợi dây bị đứt, tiếng không phát ra.

Sư trưởng cắt đứt dây thứ hai, lần lượt đến sợi dây thứ bảy, tiếng vẫn phát ra từ cây đàn và vang dậy cả kinh thành. Quần chúng vẫy hàng ngàn khăn tay trên hư không, hàng ngàn người vỗ tay tán thưởng.

Bồ-tát liền quăng một đũa thần lên hư không, ba trăm thiên nữ liền hiện xuống và bắt đầu nhảy múa. Cũng vậy, khi Bồ-tát quăng đũa thần thứ hai, thứ ba, sáu trăm thiên nữ hiện xuống và cùng múa như Thiên chủ đã nói trước.

Lúc bấy giờ, vua ra dấu cho quần chúng. Quần chúng đứng dậy la to:

– Ngươi muốn đánh bại Sư trưởng! Ngươi phản thầy phản bạn, tưởng mình có thể đối địch thầy! Ngươi không biết lượng sức mình!

Họ la hét phản đối Mūsila, và đá với gậy, v.v... hay bất cứ cái gì đến tay, họ đánh ông ta đến chết và cầm chân ông ta, quăng xác trên một đống rác.

Vua rất hoan hỷ, ban cho Bồ-tát rất nhiều tặng phẩm như trời đổ mưa xuống và thị dân cũng làm như vậy.

Đế-thích thân mật chào mừng Bồ-tát và nói:

– Thưa bậc Hiền trí, ta sẽ cho thắng cỗ xe với một ngàn con ngựa thuần chủng, rồi gởi thần đánh xe Mātali xuống đây. Ngài sẽ ngự lên cỗ xe Vejayanta thù thắng có ngàn ngựa kéo và ngài sẽ du hành thiên giới.

Nói xong, Đế-thích ra đi. Khi Đế-thích trở về và ngồi trên ngai vàng của mình toàn bằng đá quý (ngai vàng bảo thạch), các thiên nữ liền hỏi:

– Thưa Thiên chủ, ngài đi ở đâu về?

Đế-thích kể lại cho thiên chúng rõ toàn câu chuyện với các chi tiết, rồi tán thán giới hạnh và công đức của Bồ-tát. Các thiên nữ thưa:

– Thưa Thiên chủ, chúng con muốn thấy vị Sư trưởng ấy. Hãy đưa Sư trưởng đến đây!

Đế-thích bảo Mātali:

– Này khanh, các thiên nữ muốn thấy nhạc sĩ Guttila. Hãy đi mời Bồ-tát ngồi trên cỗ xe Vejayanta và đưa vị ấy đến đây!

Thần lái xe Mātali vâng lời ra đi và đưa Bồ-tát đến. Đế-thích hoan hỷ chào đón vị ấy và nói:

– Thưa Sư trưởng, các thiên nữ muốn nghe nhạc của Sư trưởng.

Bồ-tát nói:

– Chúng tôi là nhạc sĩ, nương tựa vào nghề để sống. Hãy trả công rồi tôi sẽ chơi nhạc.

– Hãy chơi nhạc đi, ta sẽ trả công cho ngài!

– Tôi không cầu trả món gì khác trừ việc này: Hãy để cho các thiên nữ này nói lên thiện nghiệp của mình, rồi tôi sẽ chơi nhạc!

Các thiên nữ thưa:

– Sau khi được nghe nhạc thoải mái, chúng con sẽ nói lên các thiện nghiệp chúng con đã làm. Thưa Sư trưởng, vậy trước tiên hãy đánh nhạc.

Suốt bảy ngày Bồ-tát đánh nhạc, và nhạc của Bồ-tát vượt hơn cả thiên nhạc. Vào ngày thứ bảy, Bồ-tát hỏi các thiên nữ về thiện nghiệp của họ. Một thiên nữ, trong thời đức Phật Ca-diếp, đã cúng một thượng y cho một Tỷ-kheo. Sau khi tái sanh làm thị giả của Đế-thích, nàng trở thành thiên nữ có một ngàn tiên nữ khác hầu hạ. Bồ-tát hỏi nàng:

– Trong một đời trước, nàng đã làm gì khiến nàng được sanh tại đây?

Cách thức hỏi và câu trả lời của nàng đã được kể trong *Chuyện Thiên cung* (*Vīmānavatthu*) như sau:

Với dung sắc thù thắng,
Ôi, thiên nữ vinh quang,
Nàng chiếu khắp mọi hướng,
Chẳng khác gì sao mai,
Từ đâu, nàng huy hoàng,
Từ đâu, các lạc thú,
Xuất hiện ra cho nàng?
Các sở hữu khả ái,
Làm tâm trí ưa thích?
Hỡi thiên nữ đại lực!
Ta hỏi nàng điều này,
Nàng tạo công đức gì,
Khi nàng là nữ nhân,
Khiến nay nàng đạt được,
Đại thần lực chói sáng,
Và dung sắc rực rỡ,
Chiếu tỏa khắp mười phương?
Nàng là bậc nữ nhân,
Đã cúng dường thượng y,
Tối thắng giữa nam nhân,
Tối thắng giữa nữ nhân,
Khiến nay nàng đạt được,
Tối thắng giữa nữ nhân,
Chính nàng đã bố thí,
Vật khả ái như vậy,
Nên được sanh thiên cung,
Mỹ lệ và khả ái.
Hãy ngắm lâu đài ta!
Ta, thiên nữ đẹp nhất,
Hãy xem quả dị thục,
Các công đức ta làm,
Do vậy ta tuyệt mỹ,
Do vậy ta huy hoàng,
Ta được các sở hữu,
Khả ái, tâm ưa thích,
Do vậy ta đạt được,
Tối thắng về uy lực,
Và dung sắc của ta,
Chiếu tỏa khắp mười phương.

Sau khi đọc các bài kệ, các thiên nữ tiếp tục kể:

– Một thiên nữ khác đã cúng dường hoa cho một Tỳ-kheo đang đi khất thực. Một thiên nữ khác được yêu cầu cúng dường năm loại vòng hoa thơm ở điện thờ Phật Ca-diếp, và nàng đã cúng dường chúng. Một thiên nữ đã cúng dường các loại trái có vị ngọt. Một thiên nữ khác đã cúng dường năm thứ hương liệu. Một thiên nữ khác đã nghe pháp từ các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni đang hành đạo hay đang an cư mùa mưa tại nhà của một gia đình. Một thiên nữ khác đứng trong nước cúng dường một Tỷ-kheo thọ trai trong một chiếc thuyền. Một thiên nữ khác sống trong gia đình đã hầu hạ mẹ chồng, cha chồng và không bao giờ tức giận. Một thiên nữ khác chia phần món ăn mình nhận được cho một Tỷ-kheo và giữ giới hạnh. Một thiên nữ là nữ tỳ trong một gia đình, không phẫn nộ, không kiêu mạn, đã san sẻ phần ăn của nàng nên được sanh làm thị giả của Thiên chủ... Như vậy, tất cả ba mươi bảy thiên nữ đã được Bồ-tát hỏi do họ đã làm nghiệp gì và được sanh ở đây. Tất cả thiên chúng đã nói lên nghiệp của mình làm.

Khi nghe chuyện này, Bồ-tát nói:

– Thật lợi ích cho ta, thật vô cùng lợi ích cho ta! Ta đã đến đây và nghe các

thành quả đạt được nhờ các thiện nghiệp nhỏ nhặt biết bao. Từ nay khi trở về thế giới loài người, ta sẽ làm các thiện nghiệp như bố thí, v.v...

Rồi Bồ-tát thốt lên lời cảm hứng này:

Hôm nay ta may mắn, Rạng đông thật tốt lành,
Ta thấy các thiên nữ, Diễm lệ và cao sang,
Và nghe pháp dịu ngọt! Ta sẽ làm điều thiện,
Bố thí và chân thật, Tự chế và khắc kỷ,
Ta sẽ đến chỗ kia, Nơi không còn sầu muộn.

Bảy ngày đã qua, Thiên chủ Đế-thích ra lệnh cho thần lái xe Mātali mời Guttila lên ngồi và đưa ngài về Ba-la-nại. Khi về đến Ba-la-nại, ngài nói cho mọi người biết những việc mình đã thấy ở thiên giới. Từ đấy, mọi người quyết định làm việc lành với nỗ lực của họ.

***

Khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Mūsila là Devadatta, Đế-thích là Anuruddha, vua là Ānanda và nhạc sĩ Guttila là Ta vậy.

§244. CHUYỆN LY DỤC (*Vīticchajātaka*) (*J.* II. 257)

Cái thấy, nó không muốn...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một du sĩ đã chạy trốn.

Người ta nói vị này không tìm được một người đối thoại với mình trong toàn cõi Diêm-phù-đề nên đã đến Xá-vệ và hỏi:

– Ai có thể cùng với ta thảo luận?

Khi được nghe có bậc Chánh Đẳng Giác, vị ấy liền đi đến Kỳ Viên với quần chúng vây quanh, và hỏi Thế Tôn một câu trong khi Thế Tôn đang thuyết pháp giữa bốn hội chúng. Bậc Đạo sư trả lời cho vị ấy xong liền hỏi lại một câu. Du sĩ ấy không thể trả lời liền đứng dậy và bỏ chạy. Hội chúng đang ngồi đồng nói to:

– Bạch Thế Tôn, du sĩ ấy bị Thế Tôn đánh bại chỉ với một câu.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các nam cư sĩ, không phải chỉ nay Ta mới đánh bại kẻ ấy với một câu hỏi. Thuở xưa, Ta cũng đã làm như vậy rồi.

Và bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở nước Kāsi. Khi lớn lên, ngài từ bỏ các dục, xuất gia, trở thành vị ẩn sĩ du hành, sống lâu ngày trong Tuyết sơn. Rồi Bồ-tát xuống núi, sống trong một chòi lá tại một khúc quanh của sông Hằng, gần một thị trấn nhỏ.

Bấy giờ, có một du sĩ không tìm được một người đối thoại với mình trong toàn cõi Diêm-phù-đề, đã đến thị trấn ấy và hỏi:

– Ai có khả năng đối thoại với ta không?

Khi được trả lời có người và nghe nói đến uy lực của Bồ-tát, vị ấy cùng đại chúng vây quanh đi đến trú xứ của Bồ-tát và sau khi chào hỏi ngài, vị ấy liền ngồi xuống. Bồ-tát hỏi:

– Ông có uống nước sông Hằng được pha trộn với các loại hương rừng hay không?

Du sĩ ấy dùng lời mở rộng vấn đề và nói:

– Cái gì là sông Hằng? Cát là sông Hằng, nước là sông Hằng, bờ bên này là sông Hằng, bờ bên kia là sông Hằng chăng?

Bồ-tát nói:

– Hãy để một bên cát, nước, bờ bên này, bờ bên kia! Thế ông có được sông Hằng gì?

Du sĩ không trả lời câu ấy được, liền đứng dậy và bỏ chạy.

Khi kẻ ấy đã đi rồi, Bồ-tát thuyết pháp cho đại chúng ngồi nghe, và đọc các bài kệ này:

188. Cái thấy, nó không muốn,
Ta nghĩ nó đi lâu,
Cái không thấy, nó muốn,
Không được điều nó muốn.

189. Cái được, nó không thỏa,
Ước muốn nó không cùng,
Được rồi, nó không muốn,
Ta kính bậc Ly dục.

***

Khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, du sĩ ấy là du sĩ ngày nay, còn vị ẩn sĩ khổ hạnh là Ta vậy.

§245. CHUYỆN PHÁP MÔN CĂN BẢN

(*Mūlapariyāyajātaka*) (*J.* II. 259)

Thời gian ăn hữu tình...

Câu chuyện này, khi ở rừng Subhaga gần Ukkaṭṭhā, bậc Đạo sư kể về *Kinh Pháp môn căn bản* (*Mūlapariyāyasutta*).[57]

Nghe nói lúc bấy giờ, có năm trăm Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã xuất gia trong giáo pháp, đã học Ba tạng kinh điển và sanh lòng ngã mạn.

Họ suy nghĩ: "Bậc Chánh Đẳng Giác biết Ba tạng kinh điển, chúng ta cũng biết Ba tạng kinh điển. Như vậy, giữa chúng ta và bậc Chánh Đẳng Giác nào có khác gì?" Họ không đi đến hầu Thế Tôn, và họ sống với một hội chúng đệ tử ngang bằng hội chúng của bậc Đạo sư.

[57] Xem *M.* I. 1.

Một hôm, bậc Đạo sư đi đến gặp họ, và khi họ đã ngồi gần mình, bậc Đạo sư thuyết *Kinh Pháp môn căn bản* và tô điểm thêm tám thứ bậc tu chứng. Họ không hiểu được một lời gì. Trước kia, họ kiêu mạn nghĩ rằng không có bậc Hiền trí nào bằng họ. Nay đứng trước Phật, họ thấy mình không hiểu một tí gì. Họ tự bảo: "Thật không có ai hiền trí như chư Phật. Ôi, công đức chư Phật thật tối thắng!"

Từ đấy trở đi, họ không còn kiêu mạn, trở thành hiền lành như rắn bị rút nanh.

Bậc Đạo sư trú ở Ukkaṭṭhā cho đến khi thỏa thích, rồi đi Vesāli, đến điện thờ Gotama và giảng *Kinh Gotama*.[58] Cả ngàn thế giới đều rung động! Khi nghe kinh ấy xong, các Tỳ-kheo này trở thành các vị A-la-hán.

Nhưng khi bậc Đạo sư giảng xong *Kinh Pháp môn căn bản* và trú ở Ukkaṭṭhā, các Tỳ-kheo hội họp tại pháp đường, bắt đầu nói chuyện như sau:

– Thưa các Hiền giả, ôi uy lực của đức Phật thật vĩ đại! Các du sĩ Bà-la-môn ấy thường vẫn kiêu mạn tự đắc như vậy, nay đã diệt trừ kiêu mạn nhờ bài thuyết pháp về *Pháp môn căn bản* của Thế Tôn.

Bậc Đạo sư đến tại pháp đường và hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, các ông hội họp ở đây đang bàn luận vấn đề gì?

Khi biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay mới như vậy. Thuở xưa, những người này sống đầy tự cao, tự đại, Ta cũng đã nhiếp phục lòng kiêu mạn của họ.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài tinh thông ba tập Vệ-đà, trở thành bậc Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương và giảng dạy thần chú cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn. Năm trăm thanh niên ấy chú tâm học tập cho đến thành tựu viên mãn, rồi lòng kiêu mạn khởi lên, họ tự nghĩ: "Chúng ta hiểu biết chừng nào, vị Sư trưởng cũng hiểu chừng ấy thôi, không có gì khác." Vì vậy, họ không đi đến hầu Sư trưởng, cũng không làm các bổn phận đối với Sư trưởng.

Một hôm, họ thấy Sư trưởng ngồi dưới gốc cây táo, muốn nhạo báng Sư trưởng, họ lấy móng tay gõ vào cây táo và nói:

– Cây này thật sự không có lõi!

Bồ-tát biết họ nhạo báng mình, liền nói:

– Này các đệ tử, ta sẽ hỏi các anh một câu.

Họ thích thú nói:

– Hãy nói lên, chúng tôi sẽ trả lời!

---

[58] Xem *A*. I. 276.

Sư trưởng hỏi bằng cách đọc bài kệ đầu:

190. Thời gian ăn hữu tình, Ăn tất cả, ăn mình,
Ai là hữu tình ấy, Ăn cả đến thời gian,
Ai là người nấu chín, Thời gian nấu hữu tình?

Nghe câu hỏi này, không một ai trong đám thanh niên Bà-la-môn có thể hiểu được. Rồi Bồ-tát nói với chúng:

– Chớ tưởng rằng câu hỏi này nằm trong ba tập Vệ-đà! Các anh tưởng rằng mình biết tất cả mọi điều ta biết. Các anh hành động giống như cây táo. Các anh không biết rằng ta biết được nhiều hơn mọi điều các anh biết. Hãy đi đi! Ta cho các anh bảy ngày. Hãy nghiền ngẫm câu hỏi này suốt thời gian ấy!

Họ đảnh lễ Bồ-tát rồi đi về nhà của mình. Họ suy nghĩ suốt bảy ngày nhưng cuối cùng không giải quyết được câu hỏi. Sau bảy ngày, họ đi đến gặp Sư trưởng, đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Sư trưởng hỏi:

– Này các đệ tử với mặt mày hiền thiện kia, các anh có đáp được câu hỏi ấy không?

Họ trả lời:

– Thưa không, chúng tôi không biết.

Rồi Bồ-tát quở trách họ với bài kệ thứ hai:

191. Loài người có nhiều đầu, Trên đầu tóc mọc lên,
Đầu dính lên trên cổ, Bao nhiêu đầu có tai?

Bồ-tát tiếp tục chê trách các thanh niên Bà-la-môn ấy:

– Các anh là người ngu si, tai của các anh chỉ có lỗ chứ không có trí tuệ.

Sau đó, Bồ-tát trả lời câu hỏi. Nghe xong, họ nói:

– Ôi, Sư trưởng thật vĩ đại thay!

Họ liền xin lỗi, rồi nhiếp phục lòng kiêu mạn và hầu hạ Bồ-tát.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, năm trăm thanh niên Bà-la-môn là những Tỷ-kheo này, còn vị Sư trưởng là Ta vậy.

§246. CHUYỆN LỜI PHỈ BÁNG (*Telovādajātaka*)[59] (*J.* II. 262)

Người ác không tự chế...

Câu chuyện này, khi ở tại ngôi nhà có nóc nhọn gần Vesāli (Tỳ-xá-ly), bậc Đạo sư đã kể về Tướng quân Sīha. Sau ngày quy y đức Thế Tôn, vị này đã mời Ngài dùng cơm có thịt. Các Niganṭtha Nāthaputta (Ni-kiền-tử) nghe vậy liền phẫn nộ, không hoan hỷ. Muốn làm hại đức Như Lai, họ đã phỉ báng như sau:

[59] Bản Tích Lan viết *Telovādajātaka*, nghĩa là *Chuyện giáo giới về dầu.*

– Sa-môn Gotama tuy biết món thịt bất tịnh được làm cố ý vì mình mà vẫn ăn.

Do đó, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bắt đầu nói chuyện này:

– Này các Hiền giả, Nigaṇṭṭha Nāthaputta đi khắp nơi với hội chúng của mình và phỉ báng như sau: "Sa-môn Gotama tuy biết món thịt bất tịnh được làm cố ý vì mình mà vẫn ăn."

Nghe vậy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Nigaṇṭṭha Nāthaputta mới phỉ báng ta ăn món thịt được làm cố ý vì mình mà trước kia vị ấy cũng hành động như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia làm vị ẩn sĩ.

Vì mục đích lấy muối và giấm, ngài từ vùng Tuyết sơn đi đến Ba-la-nại, và ngày hôm sau vào thành khất thực. Có một điền chủ muốn làm hại vị tu khổ hạnh liền mời ngài vào nhà, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn và đãi món thịt cá. Sau bữa ăn, gia chủ ngồi xuống một bên vị ẩn sĩ thưa:

– Khi làm món thịt này, chính vì ngài mà tôi giết các loài vật hữu tình. Việc bất thiện này không thuộc chúng tôi mà chỉ thuộc về ngài thôi.

Rồi ông ta đọc bài kệ đầu:

192. Người ác không tự chế, Bảo giết, nấu, mời ăn,
Người ăn món thịt này, Bị ác làm ô nhiễm.

Nghe vậy, vị ẩn sĩ đọc bài kệ thứ hai:

193. Nếu người không tự chế, Giết vợ con, mời ăn,
Người có trí, tuy ăn, Không bị ác làm nhiễm.

Bồ-tát thuyết pháp như vậy rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

***

Khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, người điền chủ là Nigaṇṭṭha Nāthaputta, còn vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§247. CHUYỆN HOÀNG TỬ PĀDAÑJALI (*Pādañjalijātaka*) (*J.* II. 263)

Thật sự hoàng tử này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Trưởng lão Lāḷudāyī (Udāyī khờ khạo).

Một hôm, hai vị Đại đệ tử đang bàn luận một câu hỏi. Các Tỷ-kheo nghe cuộc bàn luận đều tán thán các Trưởng lão ấy. Trưởng lão Lāḷudāyī ngồi trong

hội chúng bĩu môi và suy nghĩ: "Làm sao họ hiểu biết bằng ta được!" Thấy vậy, các Trưởng lão đứng dậy và đi. Hội chúng liền giải tán.

Sau đó, các Tỷ-kheo ngồi ở pháp đường bắt đầu nói chuyện ấy:

– Này các Hiền giả, Lāḷudāyī chỉ trích hai vị đệ tử Tối thượng và bĩu môi.

Nghe chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà trước kia cũng vậy, ngoại trừ bĩu môi, Lāḷudāyī không biết gì khác.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một đại thần cố vấn cho vua về thế sự và thánh sự. Vua có một hoàng tử tên là Pādañjali, ngu đần và biếng nhác.

Sau một thời gian, vua mạng chung. Khi tang lễ của vua đã xong, các đại thần suy nghĩ: "Chúng ta hãy làm lễ Quán đảnh lên ngôi cho Hoàng tử Pādañjali." Nhưng Bồ-tát nói:

– Hoàng tử này ngu đần và biếng nhác. Chúng ta lựa hoàng tử ấy làm lễ Quán đảnh lên ngôi vua sao?

Sau đó, các đại thần tổ chức một cuộc xử án, đặt hoàng tử ngồi gần và xử không đúng đắn. Họ xử người chủ sở hữu trở thành người mất tài sản và hỏi hoàng tử:

– Thưa Hoàng tử, chúng tôi xử án như vậy có đúng không?

Hoàng tử bĩu môi. Bồ-tát suy nghĩ: "Ta tưởng hoàng tử ngu! Nhưng không phải, hoàng tử là người có trí biết vụ xử án không đúng đắn", và Bồ-tát đọc bài kệ:

194. Thật sự hoàng tử này, Trí tuệ sáng hơn người,
Hoàng tử bĩu môi vậy, Chắc thấy rõ chúng ta!

Ngày hôm sau, các đại thần lại tổ chức một cuộc xử án khác. Lần này, họ xử đúng đắn và hỏi:

– Thưa Hoàng tử, xử án như vậy có đúng không?

Hoàng tử cũng bĩu môi. Biết rằng hoàng tử chỉ là người ngu đần, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

195. Kẻ này không biết được, Pháp, phi pháp, chân, vọng,
Ngoài cái bĩu môi ra, Nó không biết gì cả.

Các đại thần biết được Pādañjali chỉ là kẻ ngu đần nên họ làm lễ Quán đảnh tôn Bồ-tát lên làm vua.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Pādañjali là Lāḷudāyī, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§248. CHUYỆN THÍ DỤ VỀ CÂY KIṀSUKA

(***Kiṁsukopamajātaka***) (*J.* II. 265)

Tất cả các con ta...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về *Kinh Thí dụ cây kiṁsuka* (*Kiṁsukopamasuttanta*).

Một hôm, bốn Tỷ-kheo đi đến gặp đức Như Lai và xin đề tài thiền quán để tu tập. Bậc Đạo sư gợi ý cho các vị ấy về đề tài thiền quán. Họ nhận được đề tài thiền quán sáu xứ, đi về trú xứ của mình. Một vị trong số họ liễu tri sáu xứ, đã chứng quả A-la-hán; còn một vị liễu tri năm uẩn; một vị liễu tri bốn đại; một vị liễu tri mười tám giới; tất cả đều chứng quả A-la-hán.

Bốn vị Tỷ-kheo trình lên bậc Đạo sư các quả chứng của mình. Khi ấy, một Tỷ-kheo khởi lên tư tưởng: "Những đề tài thiền quán này có khả năng đưa đến Niết-bàn, vì sao tất cả lại đạt được quả A-la-hán?", và vị này hỏi bậc Đạo sư.

Ngài đáp:

– Này các Tỷ-kheo, sự kiện này có khác gì những người anh em thấy cây kiṁsuka.

Nói vậy xong, theo lời yêu cầu của họ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vua có bốn con trai. Một hôm, họ gọi người đánh xe và nói:

– Này bạn, chúng tôi muốn thấy cây kiṁsuka. Hãy chỉ cây ấy cho chúng tôi!

Người đánh xe nói:

– Lành thay, tôi sẽ chỉ!

Nhưng người đánh xe không chỉ cây ấy cho bốn người cùng một lần. Anh ta đem người anh cả lên xe đi vào rừng, và chỉ cây kiṁsuka vào thời nó chỉ là một thân cây với các nụ mới mọc, rồi nói:

– Đây là cây kiṁsuka.

Sau đó, anh ta chỉ cho người thứ hai một cây kiṁsuka có lá còn xanh, rồi chỉ cho người thứ ba một cây đang trổ hoa, và chỉ cho người thứ tư một cây kiṁsuka đã sanh trái.

Sau một thời gian, bốn anh em ngồi với nhau, và nói câu chuyện này:

– Cây kiṁsuka giống như cây gì?

Một người nói:

– Giống như một khúc cây bị cháy!

Người thứ hai nói:

– Giống như cây bàng!

Người thứ ba nói:

– Giống như miếng thịt!

Người thứ tư nói:

– Giống như cây keo!

Họ không đồng ý với câu trả lời của mỗi người, liền đi đến vua cha và hỏi:

– Thưa Phụ vương, cây kiṁsuka giống cây gì?

Vua cha nói:

– Các con trả lời thế nào?

Và họ trình bày với vua cha câu trả lời của mình.

Vua nói:

– Bốn con đã thấy cây kiṁsuka. Nhưng khi người đánh xe chỉ cây kiṁsuka cho các con, các con không phân tích và hỏi: "Trong thời gian này, cây kiṁsuka giống cái gì? Trong thời gian khác, cây kiṁsuka giống cái gì?" Do không hỏi vậy nên các con sinh nghi ngờ.

Rồi vua đọc bài kệ đầu:

196. Tất cả các con ta, Đã thấy kiṁsuka,
Nhưng chính ở nơi đây, Cái gì làm con nghi?
Không hỏi người đánh xe, Cây ấy ở thời nào?

***

Sau khi nêu rõ sự việc, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, giống như bốn anh em ấy, vì không biết phân tích và không hỏi nên sinh nghi ngờ đối với cây kiṁsuka; cũng vậy, các ông đã phát sinh nghi ngờ về Chánh pháp này.

Rồi bậc Chánh Đẳng Giác đọc bài kệ thứ hai:

197. Như vậy những kẻ nào, Thiếu hiểu biết Chánh pháp,
Cũng phát sinh nghi ngờ, Đối với các Chánh pháp,
Giống như các anh em, Với cây kiṁsuka.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§249. CHUYỆN CON KHỈ SĀLAKA (*Sālakajātaka*) (*J.* II. 266)

Con là con độc nhất...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một đại Trưởng lão có danh tiếng.

Vị này đã truyền giới xuất gia cho một chàng trai và đã hành hạ người ấy. Sa-di này không chịu nổi sự hành hạ, bèn hoàn tục. Trưởng lão ấy đến và dỗ dành:

– Này chàng thanh niên, y của con sẽ là của con. Bát của con sẽ là của con. Y và bát ấy của ta ấy cũng sẽ trở thành y và bát của con. Hãy xuất gia!

Chàng thanh niên nói:

– Con không muốn xuất gia.

Nhưng vị Trưởng lão nói đi nói lại mãi nên cuối cùng thanh niên ấy cũng xuất gia. Khi thanh niên ấy trở lại với Tăng chúng, Trưởng lão ấy bắt đầu hành hạ anh ta như trước. Thanh niên ấy không chịu nổi sự hành hạ, liền từ bỏ Tăng chúng một lần nữa và dầu được yêu cầu nhiều lần, anh ta vẫn nói:

– Ông không chịu nổi tôi và cũng không chịu nổi không có tôi. Hãy đi đi! Tôi không muốn xuất gia!

Các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bắt đầu nói chuyện này:

– Thưa các Hiền giả, chàng thanh niên ấy thật có tâm bén nhạy. Anh ta biết được tâm tánh của vị đại Trưởng lão này nên không xuất gia lại.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông họp ở đây và bàn đến chuyện gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay thanh niên ấy mới có tâm bén nhạy. Lúc trước anh ta cũng như vậy rồi. Một lần anh ta thấy được lỗi lầm của người ấy nên không chấp nhận người ấy nữa.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người điền chủ. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát sống bằng nghề buôn bán lúa gạo. Một người khác làm nghề dụ rắn, đã dạy một con khỉ, bắt nó uống thuốc giải độc, rồi cho nó chơi với một con rắn, và sống với nghề ấy.

Vào ngày hội vui chơi được tổ chức, người dụ rắn muốn tham dự cuộc vui, liền giao con khỉ cho người buôn gạo này và dặn:

– Chớ xao lãng nó.

Sau khi vui chơi đến ngày thứ bảy anh ta trở về, đến nhà người bán gạo và hỏi:

– Con khỉ ở đâu?

Con khỉ nghe tiếng nói của chủ, mau chóng từ nơi tiệm bán gạo đi ra. Lập tức người chủ lấy que đánh nó trên lưng, đưa nó vào vườn trói nó một bên và

nằm ngủ. Ngay khi con khỉ biết người ấy đã ngủ, nó liền tự cởi trói, bỏ trốn và leo lên một cây xoài. Nó ăn trái xoài chín, rồi liệng hột xoài trên thân người dụ rắn. Anh ta thức dậy nhìn lên thấy con khỉ liền nghĩ: "Với lời dịu ngọt, ta sẽ dụ dỗ con khỉ ấy xuống và sẽ bắt nó." Vì vậy, anh ta đọc bài kệ đầu:

198. Con là con độc nhất, Sẽ là chủ nhà ta,
Hãy từ cây leo xuống, Hỡi con, Sālaka!
Này con hãy về nhà, Hãy sống chung với cha!

Nghe vậy, con khỉ đọc bài kệ thứ hai:

199. Phải chăng ông quá biết, Tâm tôi là thế nào!
Chính ông đã đánh tôi, Với cây gậy bằng tre.
Tôi vui sống rừng xoài, Có trái cây chín muồi,
Hãy đi về nhà ông, Vậy tôi xin từ biệt!

***

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con khỉ là Sa-di ấy, người dụ rắn là Trưởng lão này và người buôn lúa gạo là Ta vậy.

§250. CHUYỆN CON KHỈ (*Kapijātaka*) (*J.* II. 268)

Ẩn sĩ này vui thích...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo lừa dối.

Tánh lừa dối của vị này được các Tỷ-kheo biết rõ. Tại pháp đường, họ bắt đầu nói chuyện này:

– Này các Hiền giả, Tỷ-kheo ấy sau khi xuất gia trong giáo pháp giải thoát của đức Phật lại đầy những hành vi lừa dối.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông họp ở đây đang luận bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay kẻ ấy mới lừa dối mà thuở trước cũng đã như vậy rồi. Chỉ vì muốn hơ lửa mà khi còn là con khỉ, nó đã lừa dối.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở nước Kāsi. Khi Bồ-tát đến tuổi trưởng thành và đã có một con trai biết chạy chơi thì bà vợ, một nữ Bà-la-môn mạng chung. Bồ-tát ẵm con trai đi vào Tuyết sơn, xuất gia làm vị ẩn sĩ, cùng con trai hành trì khổ hạnh và sống trong một chòi lá.

Trong mùa mưa, khi mưa rơi không dứt, một con khỉ bị lạnh bức bách, đi lang thang, răng đánh khớp và run cầm cập. Bấy giờ, Bồ-tát mang về một đống củi lớn, đốt lửa, nằm trong giường nhỏ. Đứa con trai ngồi bóp chân cha.

Con khỉ ấy tìm được áo choàng của một người tu khổ hạnh đã chết, liền quấn vào đắp lên vai. Nó cầm cái gậy và ghè nước trong cái áo của ẩn sĩ, nó đi đến chòi lá. Vì muốn được hơ lửa, nó đứng tại đấy giả dạng một ẩn sĩ. Cậu bé tu khổ hạnh thấy nó, liền nói với cha:

– Này cha thân, có một nhà tu khổ hạnh đang đứng bị lạnh bức bách, đang run cầm cập. Hãy gọi vị ấy đến hơ lửa!

Rồi cậu đọc bài kệ đầu:

200. Ẩn sĩ này vui thích, An tịnh và chế ngự,
Nay đang đứng run rẩy, Ướt át và lạnh lẽo,
Hãy mời vị ấy vào, Trong nhà của chúng ta,
Để chế ngự cơn lạnh, Và tất cả khổ đau.

Bồ-tát nghe con nói liền đứng dậy nhìn, biết nó là con khỉ, bèn đọc bài kệ thứ hai:

201. Nó không phải ẩn sĩ, Vui an tịnh, chế ngự,
Nó chỉ là con khỉ, Tìm ăn giữa cành cây,
Nó thuộc loài độc ác, Sân hận và tham lam,
Nếu để nó vào đây, Nó làm bẩn nhà này.

Nói vậy xong, Bồ-tát lấy một que lửa dọa con khỉ và đuổi nó chạy. Con khỉ vội leo lên cây và dầu nó có ưa thích hay không ưa thích rừng núi, nó cũng không bao giờ trở lại chỗ ấy nữa.

Còn Bồ-tát làm sanh khởi các thắng trí và các thiền chứng. Ngài dạy cho cậu thanh niên khổ hạnh ấy một đề tài thiền quán và giúp cậu tu tập thiền quán; cậu cũng làm phát khởi các thắng trí và các thiền chứng. Cả hai không bao giờ thối thất thiền định, nên sau khi mạng chung được sanh lên Phạm thiên giới.

***

Bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này và nêu rõ:

– Này các Tỷ-kheo, người này không phải chỉ nay mà thuở xưa cũng đã lừa dối.

Sau đó, Ngài thuyết giảng các sự thật. Lúc chấm dứt bài giảng, một số Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu, một số đắc quả Nhất lai, một số đắc quả Bất lai.

Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con khỉ là Tỷ-kheo lừa dối này, đứa con trai là Rāhula và người ẩn sĩ là Ta vậy.

CHƯƠNG III

BA KỆ

(*TIKANIPĀTA*)

I. PHẨM TƯ DUY

(*SAṂKAPPAVAGGA*)

§251. CHUYỆN TƯ DUY (*Saṁkappajātaka*)[1] (*J*. II. 271)

Không có người bắn cung...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn.

Nghe nói, một thiện nam tử trú ở thành Xá-vệ, do lòng tin pháp nên đã xuất gia. Một hôm, đi vào thành Xá-vệ để khất thực, vị ấy thấy một nữ nhân trang điểm đẹp đẽ, ái dục khởi lên trong tâm và vị ấy không còn hoan hỷ trong nếp sống xuất gia.

Các vị Sư trưởng, Giáo thọ sư thấy vậy, liền hỏi nguyên nhân vì sao vị ấy không được hoan hỷ. Khi được biết ái dục của vị ấy khởi lên và tâm dao động khiến vị ấy có ý muốn hoàn tục, họ liền nói với nhau:

– Thưa các Hiền giả, bậc Đạo sư có khả năng đoạn diệt các phiền não của những ai bị ái dục bức bách. Ngài thuyết giảng các sự thật và đem lại cho họ các kết quả tu chứng. Chúng ta hãy dẫn Tỷ-kheo ấy đến gặp bậc Đạo sư.

Ngài hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, vì sao các ông lại đưa đến đây một Tỷ-kheo ngoài ý muốn của vị ấy?

Các Tỷ-kheo tường thuật rõ sự việc ấy. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông thối thất tinh tấn?

Vị ấy trả lời:

– Bạch Thế Tôn, sự thật là như vậy.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Do nguyên nhân gì?

---

[1] Bản Tích Lan viết *Saṅkappajātaka*. Bản CST và Thái Lan viết *Saṅkapparāgajātaka*, nghĩa là *Chuyện dục tâm*.

Tỷ-kheo ấy kể lại những sự việc đã xảy ra. Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, các nữ nhân này thuở trước đã làm uế nhiễm tâm của những bậc thanh tịnh, những người đã nhiếp phục ái dục bằng thiền lực. Còn đối với những hạng người trống rỗng như các ông, khi bị nữ sắc chinh phục thì làm sao không bị ái dục xâm chiếm? Các người thanh tịnh vẫn còn bị uế nhiễm, những vị có danh vọng tối thượng vẫn còn bị ô nhục thì nói gì đến các người không thanh tịnh? Khi một ngọn gió làm rung chuyển núi Tu-di thì sá gì mà không rung chuyển đống lá già cỗi được sao? Ái dục này đã thử thách tâm bất động của bậc Chánh Giác ngồi dưới cây Bồ-đề thì sao lại không làm dao động tâm mới tu tập của một người như ông được?

Nói vậy xong, theo lời yêu cầu của các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình Bà-la-môn đại phú, có tài sản lên đến tám trăm triệu đồng tiền vàng. Khi lớn lên, Bồ-tát học hết tất cả các tài nghệ ở Takkasilā rồi trở về Ba-la-nại lấy vợ.

Khi cha mẹ mất, Bồ-tát làm tròn tất cả các hiếu sự đối với song thân, Bồ-tát quan sát gia sản và nghĩ: "Tài sản cha mẹ tạo vẫn còn đây. Nhưng than ôi, những ai tạo ra gia sản này đâu còn nữa!" Vì vậy, ngài cảm thấy xúc động mạnh và mồ hôi chảy ra từ thân. Bồ-tát sống trong gia đình một thời gian, rồi bố thí tài sản lớn; ngài bỏ các dục, từ giã bà con thân thuộc và đi vào Tuyết sơn để làm ẩn sĩ.

Tại đấy, Bồ-tát sống theo hạnh lượm rễ, củ, trái cây rừng và những loại thực phẩm khác. Không bao lâu ngài đạt được các thắng trí và các thiền chứng, vui thích trong thiền lạc và sống một thời gian dài như vậy.

Sau đó, ngài suy nghĩ: "Ta sẽ đi vào con đường của dân chúng, dùng muối và giấm, như vậy thân ta sẽ trở thành mạnh mẽ. Ta sẽ đi bộ và những người cúng dường đồ ăn sẽ đảnh lễ một người giữ giới như ta. Sau khi mạng chung, họ sẽ tràn đầy thiên giới." Vì vậy, Bồ-tát từ núi đi xuống, tiếp tục đi bộ đến thành Ba-la-nại, vào lúc hoàng hôn, Bồ-tát tìm chỗ trú ẩn. Khi thấy khu vườn của vua, ngài nghĩ: "Chỗ này rất thích hợp vì yên tịnh, ta sẽ sống tại đây." Rồi Bồ-tát đi vào khu vườn, ngồi dưới một gốc cây, trải qua một đêm trong thiền lạc.

Ngày hôm sau, khi làm vệ sinh thân thể xong, vào buổi sáng, ngài sửa soạn bện tóc, áo da và áo vỏ cây, cầm bát đi khất thực. Với các căn yên tịnh, với ý tịch tịnh, đầy đủ uy nghi, Bồ-tát chỉ nhìn trước mặt khoảng một tầm, viên mãn đủ mọi mặt; với dung sắc sáng chói, ngài lôi cuốn cái nhìn của người đời; Bồ-tát đi vào thành khất thực và đến cửa cung vua. Bấy giờ, vua đang đi qua lại trên sân điện rộng lớn, nhìn ngang qua cửa sổ thấy Bồ-tát, vua hoan hỷ với uy nghi, đức độ của ngài nên nghĩ: "Nếu thực sự có pháp an tịnh viên mãn thì pháp ấy phải có trong người này." Vì vậy, vua ra lệnh cho một đại thần:

– Hãy đi mời vị khổ hạnh ấy!

Vị đại thần đến đảnh lễ, cầm bình bát khất thực của ngài và thưa:

– Thưa Tôn giả, vua cho mời Tôn giả.

Bồ-tát nói:

– Thưa bậc đại phúc, vua không biết chúng tôi.

– Vậy thưa Tôn giả, xin hãy chờ ở đây cho đến khi tôi trở về.

Nói xong, vị đại thần tâu vua lời của vị ẩn sĩ. Vua nói:

– Chúng ta không có vị khổ hạnh thân tín trong gia đình. Hãy đi mời vị ấy về!

Và từ cửa sổ, vua duỗi tay ra vẫy gọi:

– Thưa Tôn giả, hãy đến đây!

Bồ-tát đưa bình bát cho vị đại thần và bước lên sân bằng con đường lớn của cung điện. Rồi vua đảnh lễ Bồ-tát và mời Bồ-tát ngồi trên long sàng. Sau đó, vua mời Bồ-tát ăn cơm, cháo và các món đã được sửa soạn cho mình. Khi ngài ăn xong, vua hỏi chuyện và nghe trả lời, vua rất hoan hỷ, đảnh lễ và thưa:

– Thưa Tôn giả, ngài ở đâu? Từ đâu ngài đến đây?

Bồ-tát thưa:

– Tôi sống ở Tuyết sơn, thưa Đại vương. Từ Tuyết sơn, tôi đến đây.

Vua lại hỏi:

– Vì nhân duyên gì ngài đến đây?

Bồ-tát trả lời:

– Thưa Đại vương, trong mùa mưa, tôi cần có một chỗ nhất định.

Vua nói:

– Thưa Tôn giả, hãy sống trong vườn ngự uyển của trẫm. Tôn giả khỏi lo về bốn vật dụng cần thiết. Trẫm sẽ tạo công đức đưa đường lên thiên giới.

Bồ-tát nhận lời vua. Sau khi ăn sáng xong, vua cùng Bồ-tát đi đến khu vườn. Vua ra lệnh cho dựng một chòi lá và xây một lối đi kinh hành có mái che, sắp đặt chỗ ở ban đêm và ban ngày cho Bồ-tát cũng như các vật cần thiết của một vị xuất gia, rồi nhà vua nói:

– Thưa Tôn giả, hãy sống an lạc ở đây!

Và vua gởi gắm Bồ-tát cho người giữ vườn. Bồ-tát bắt đầu từ đấy sống tự tại suốt mười hai năm.

Một hôm, có cuộc nổi loạn xảy ra ở biên địa. Vua muốn đi dẹp cuộc nổi loạn ấy, liền gọi hoàng hậu và nói:

– Này Hoàng hậu, hoặc khanh hoặc trẫm phải ở lại thành này.

– Thưa Thiên tử, vì sao Thiên tử nói vậy?

– Này Hiền thê, vì vị khổ hạnh giữ giới ấy.

– Thưa Thiên tử, thần thiếp sẽ không xao lãng việc săn sóc Tôn giả của chúng ta. Đại vương hãy đi dẹp loạn, chớ lo lắng gì!

Vì vậy vua ra đi, hoàng hậu hầu hạ Bồ-tát rất chu đáo. Kể từ khi vua ra đi, hàng ngày đến thời đã định, Bồ-tát đi đến cung vua và ăn uống tại đấy.

Một hôm, Bồ-tát đi đến quá trễ, hoàng hậu sửa soạn các món ăn xong, tắm rửa, trang điểm và soạn một chỗ nằm thấp. Trong khi chờ đợi Bồ-tát đến, bà đắp sơ sài một tấm áo trên thân rồi nằm nghỉ. Bồ-tát xem giờ, liền cầm bình bát, đi ngang qua hư không và đến cửa sổ lớn.

Nghe tiếng áo vỏ cây sột soạt của Bồ-tát, hoàng hậu hấp tấp đứng dậy và áo choàng của bà rơi xuống. Bồ-tát để các căn bị chi phối bởi đối tượng đặc biệt khác thường này và đứng nhìn bà như bị thôi miên. Ác dục phiền não đã được chế ngự nhờ thiền lực trước kia, nay lại khởi lên giống như con rắn hổ phồng mang, ngóc đầu lên từ cái giỏ nó bị cầm giữ, giống như cây vú sữa bị búa chém. Do phiền não khởi lên, thiền định thối thất, các căn trở nên không thanh tịnh, khi ấy Bồ-tát giống như con quạ bị gãy cánh. Bồ-tát không thể ngồi xuống như trước nữa và không thể ăn uống gì được. Dầu được hoàng hậu mời ngồi, Bồ-tát cũng không thể ngồi yên.

Rồi hoàng hậu đặt các món ăn đủ loại cứng, loại mềm vào trong bình bát, nhưng Bồ-tát không thể ăn như trước được, và cũng không thể đi ra cửa sổ rồi bay ngang qua hư không. Cầm lấy các thức ăn, Bồ-tát đi xuống bằng thang lầu lớn và đi về khu vườn. Còn hoàng hậu biết được tâm của Bồ-tát đã say đắm đối với mình.

Bồ-tát đi về vườn, không ăn được, liền quăng thức ăn dưới chân giường; suốt một tuần, Bồ-tát nằm dài, miệng nói mê sảng:

– Ôi, hoàng hậu diễm kiều! Tay hoàng hậu đẹp làm sao! Chân đẹp làm sao! Thân thể đẹp làm sao! Bắp vế đẹp làm sao!

Trong khi bị chi phối bởi sắc đẹp ấy, Bồ-tát để đồ ăn thối và ruồi xanh đậu đầy trên mặt bát.

Sau khi dẹp loạn về, vua đi vòng quanh thành phố được trang hoàng lộng lẫy, luôn hướng về phía hữu rồi vua tiến về cung điện.

Sau đó, vua quyết định sẽ yết kiến Bồ-tát, liền đi đến khu vườn. Khi thấy am thất đầy rác dơ bẩn, nghĩ rằng Bồ-tát đã đi khỏi, vua mở cửa chòi lá và đi vào. Thấy Bồ-tát đang nằm, vua nghĩ: "Chắc Tôn giả có gì không ổn", liền bảo người hầu quăng các đồ ăn thối, dọn dẹp chòi lá và hỏi:

– Thưa Tôn giả, ngài có việc gì không ổn?

– Thưa Đại vương, tôi đã bị trúng tên.

Vua nghĩ: "Chắc kẻ thù của ta không tìm được cơ hội hại ta nên chúng quyết định làm hại người mà ta yêu mến! Chúng đến và gây ra vết thương này." Rồi vua lật ngửa thân Bồ-tát, tìm kiếm chỗ bị thương nhưng không thấy vết thương, liền hỏi:

– Thưa Tôn giả, ngài trúng tên ở đâu?

Bồ-tát nói:

– Thưa Đại vương, không ai bắn tôi. Chỉ có tôi tự bắn quả tim mình.

Rồi Bồ-tát đứng dậy, ngồi trên ghế và đọc những bài kệ này:

1-2. Không có người bắn cung, Phóng tên ở bên tai,
Không có tên bằng lông, Được nhổ từ cánh công,
Và được trang hoàng đẹp, Bởi người làm tên khéo.
Chính là tâm của ta, Được gột sạch tham ái,
Liên hệ với dục tầm, Bằng quyết tâm, trí tuệ,
Chính dục tạo vết thương, Thiêu đốt khắp tay chân,
Chẳng khác gì ngọn lửa.

3. Ta không thấy vết thương, Từ đấy máu rỉ chảy,
Do tâm không chân chính, Đã đâm thủng tự thân.

Như vậy, Bồ-tát thuyết pháp cho vua qua ba bài kệ này.

Rồi Bồ-tát khuyên vua đi ra khỏi chòi lá. Còn Bồ-tát chuẩn bị đề tài thiền định, làm phát khởi thiền định đã mất và từ giã chòi lá, ngồi trên hư không giáo giới cho vua rồi nói:

– Thưa Đại vương, tôi sẽ đi về Tuyết sơn.

Vua nói:

– Thưa Tôn giả, ngài không thể đi được.

Bồ-tát nói:

– Thưa Đại vương, khi tôi sống ở đây, tôi đã đổi thay nhục nhã như vậy. Nay tôi không thể ở đây được.

Mặc dù vua yêu cầu tha thiết, Bồ-tát vẫn bay bổng lên hư không đến Tuyết sơn và ở đó cho đến khi mạng chung, rồi sanh lên cõi trời Phạm thiên.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc quả A-la-hán, một số khác đắc quả Dự lưu, Nhất lai và Bất lai. Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua là Ānanda và vị ẩn sĩ tu khổ hạnh là Ta vậy.

§252. CHUYỆN NẮM HẠT MÈ (*Tilamuṭṭhijātaka*) (*J.* II. 277)

Hôm nay ta nghĩ đến...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người hay phẫn nộ. Nghe nói có một Tỷ-kheo hay phẫn nộ, nhiều phiền não. Dầu nghe ai nói ít bao nhiêu, vị ấy cũng phẫn nộ, nói lời thô lỗ, biểu lộ phẫn uất, sân hận, bất mãn.

Tại pháp đường, các Tỷ-kheo bắt đầu nói chuyện ấy:

– Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo có tên này hay phẫn nộ, nhiều ưu não, vị ấy thường nạt nộ người xung quanh như muối đổ vào lửa. Khi giận ai, Tỷ-kheo ấy nghiến răng kèn kẹt. Dù xuất gia trong giáo pháp từ bi và giải thoát, vị ấy không thể chế ngự cơn phẫn nộ của mình.

Bậc Đạo sư nghe nói vậy, liền bảo một Tỷ-kheo đi gọi vị ấy đến và hỏi:

– Này Tỷ-kheo, nghe nói ông hay phẫn nộ?

Tỷ-kheo ấy trả lời:

– Bạch Thế Tôn, có thật vậy.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này hay phẫn nộ mà trước kia vị ấy cũng đã như vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vua có một con trai tên là Hoàng tử Brahmadatta. Theo thông lệ, các vua thời xưa dầu trong thành của mình có những Sư trưởng danh tiếng, vẫn gửi con mình đi đến các nước phương xa để học hỏi các tài nghệ với hy vọng nhờ đó các hoàng tử có cơ hội nhiếp phục kiêu mạn, chịu đựng lạnh nóng và biết được cách sống ở đời.

Do vậy, khi hoàng tử lên mười sáu tuổi, vua gọi hoàng tử đến và cho chàng một đôi dép chỉ có một lớp đế, một cái dù bằng lá, một ngàn đồng tiền vàng và dặn:

– Này con thân, hãy đến Takkasilā và học các tài nghệ cho thật tinh thông.

Hoàng tử đáp lời phụ vương:

– Thưa vâng, tâu Phụ vương.

Chàng đảnh lễ phụ vương rồi đi đến Takkasilā. Hoàng tử đến nhà vị Sư trưởng, đúng lúc Sư trưởng vừa dạy các thanh niên Bà-la-môn xong, đang đi qua lại trước cửa nhà. Khi thấy vị Sư trưởng, hoàng tử liền cởi dép, xếp dù lại, đảnh lễ Sư trưởng rồi đứng một bên. Sư trưởng biết hoàng tử mệt mỏi liền thăm và tiếp đón người mới tới một cách thân tình.

Hoàng tử ăn xong, nghỉ một lát rồi đi đến Sư trưởng, đảnh lễ và đứng đợi. Sư trưởng hỏi:

– Này con thân, con từ đâu đến?

Hoàng tử đáp:

– Con từ Ba-la-nại đến.

– Con là con ai?

– Thưa Sư trưởng, con là con vua xứ Ba-la-nại.

– Vì mục đích gì con đến đây?

– Thưa Sư trưởng, vì con muốn học nghề.

– Con có đem tiền nộp học phí cho Sư trưởng không, hay con muốn làm đệ tử hầu hạ Sư trưởng?

Hoàng tử thưa:

– Con có đem tiền học phí dành cho Sư trưởng.

Hoàng tử liền đặt cái túi một ngàn đồng tiền vàng dưới chân vị Sư trưởng rồi đảnh lễ. Các đệ tử thường ở lại hầu thầy, ban ngày làm công việc cho Sư trưởng và buổi tối học nghề. Còn các đệ tử có nộp tiền học phí được xem như con trưởng trong nhà chỉ lo học nghề. Do vậy, vị Sư trưởng thu xếp thì giờ rỗi rảnh và thuận tiện dạy nghề cho hoàng tử.

Một hôm, hoàng tử đi tắm với Sư trưởng, thấy một bà già trải mè trắng ra phơi và đang ngồi canh chừng. Hoàng tử thấy mè trắng liền bóc lấy một nắm bỏ vào miệng và ăn. Thấy vậy, bà già nghĩ: "Chắc người này thèm ăn", nhưng ngồi yên không nói gì. Ngày hôm sau, cũng vào giờ ấy, sự việc tương tự lại xảy ra. Bà già cũng không nói gì. Đến ngày thứ ba, sự việc ấy tiếp tục xảy ra. Khi ấy, bà già giơ cánh tay lên khóc và than:

– Ôi! Vị Sư trưởng có danh tiếng để cho các đệ tử của mình lấy cắp mè của tôi!

Sư trưởng quay lại và hỏi:

– Thưa bà, việc gì vậy?

– Thưa Sư trưởng, tôi đang phơi mè trắng, đệ tử của ngài hôm nay ăn một nắm, bữa qua ăn một nắm, bữa trước ăn một nắm, cậu ấy ăn như vậy cho tan nát tất cả gia sản của tôi!

– Thưa bà chớ khóc, ta sẽ trả tiền đền cho bà.

– Thưa ngài, tôi không cần tiền, nhưng hãy dạy cậu ấy chớ làm như vậy nữa.

– Vậy bà hãy xem đây.

Rồi Sư trưởng bảo hai thanh niên nắm chặt hai tay của hoàng tử, lấy roi tre đánh trên lưng hoàng tử ba lần và nói:

– Chớ làm như vậy nữa!

Hoàng tử phẫn nộ với Sư trưởng; với cặp mắt đỏ kè, chàng nhìn Sư trưởng từ đỉnh đầu đến bàn chân. Sư trưởng biết với cái nhìn như vậy, hoàng tử đã phẫn nộ như thế nào.

Hoàng tử chú tâm học hành, và khi học xong nghề, vẫn giữ trong tâm niềm sân hận đối với việc Sư trưởng đã đánh, chàng nghĩ: "Ta sẽ trả thù và phải làm cho ông ta chết."

Đến thời từ biệt, hoàng tử đảnh lễ Sư trưởng và thưa:

– Khi nào con được làm vua xứ Ba-la-nại, con sẽ cho mời Sư trưởng, lúc ấy mong rằng Sư trưởng hãy đến.

Trước thái độ khẩn cầu của hoàng tử, Sư trưởng hứa nhận lời mời của chàng. Từ biệt Sư trưởng, hoàng tử đi về Ba-la-nại, đảnh lễ phụ vương, và trình bày những điều mình đã học. Vua suy nghĩ: "Ta còn sống để được thấy con ta. Mong rằng khi ta còn sống, ta sẽ thấy con ta trị vì đất nước huy hoàng!" Vì vậy vua đặt con lên ngôi kế vị.

Trong khi hưởng thụ uy lực của vương vị, hoàng tử nhớ đến sự xúc phạm trước đó của Sư trưởng và khởi tâm phẫn nộ. Với ý định: "Ta sẽ giết người ấy", vua liền gởi sứ giả đến mời Sư trưởng. Ông suy nghĩ: "Vị vua này còn trẻ, ta không thể nhiếp phục một tân vương được", nên ông không đi. Và ông đợi vua đến tuổi trung niên mới có thể đi nhiếp phục vua được.

Một thời gian sau, vua ấy đã bước vào tuổi trung niên, Sư trưởng đến trước cửa cung và nhờ báo tin vị Sư trưởng ở Takkasilā đã đến. Vua rất bằng lòng và cho mời vị ấy vào. Khi thấy Sư trưởng đến gần mình, vua sanh phẫn nộ, con mắt trở thành đỏ ngầu, liền nói với các cận thần:

– Này các khanh, hôm nay, chỗ thầy ta đã đánh ta vẫn còn nhức. Thầy ta đến chắc có mang theo cái chết được ghi ở trên trán. Hôm nay mạng sống của Sư trưởng sẽ không còn nữa.

Rồi vua đọc hai bài kệ đầu:

4. Hôm nay ta nghĩ đến, Sự việc ông đã làm,
Chỉ vì một nắm mè, Ông bắt trói tay ta,
Ông lấy cây gậy tre, Đánh ta thật đau đớn.

5. Ông không thích sống à? Phạm chí không sợ sao?
Khi bắt cánh tay ta, Đánh ta đến ba lần,
Nay còn dám đến đây!

Vua lấy cái chết dọa Sư trưởng như vậy. Nghe xong, Sư trưởng bình tĩnh đọc bài kệ thứ ba:

6. Bậc Thánh dùng gậy đánh, Nhiếp phục hạnh không lành,
Như vậy đúng giáo lý, Đây không phải hận thù,
Tất cả bậc Hiền trí, Đều biết rõ như vậy.

Do vậy, thưa Đại vương, ngài hãy tự biết điều này. Vấn đề này không xứng đáng để ngài khởi hận thù. Thưa Đại vương, nếu Đại vương đã không được tôi dạy bảo, ngài thử nghĩ chắc hẳn ngài sẽ tiếp tục lấy của cải người ta như bánh, kẹo, cây trái và các thứ khác. Rồi ham mê các hành vi trộm cướp, dần dần ngài sẽ bị lôi cuốn vào các việc như phá nhà, cướp đường, ám sát trong làng. Cuối cùng, chắc ngài đã trở thành kẻ ăn cướp đối nghịch với mọi người và sẽ bị bắt với tang vật, sẽ bị dẫn đến trước vua, và vua sẽ ra lệnh: "Hãy đem nó đi, tùy tội phạm của nó mà xử phạt!" Và như vậy, chắc ngài sẽ nhận được các hình phạt của nhà vua. Như vậy, do đâu Đại vương hưởng được tất cả thành công tốt đẹp như hôm nay? Có phải Đại vương nhờ tôi mà đạt được cảnh huy hoàng này không?

Bằng cách ấy, vị Sư trưởng đã thuyết phục vua. Các đại thần đứng xung quanh nghe ngài nói liền thưa:

– Tâu Thiên tử, sự thật là vậy. Tất cả uy lực huy hoàng này đều do vị Sư trưởng mà có.

Trong khoảnh khắc ấy, vua công nhận các đức tánh của Sư trưởng và thưa:

– Thưa Sư trưởng, trẫm xin dâng Sư trưởng mọi sự huy hoàng này, mong Sư trưởng hãy chấp nhận vương quốc!

Sư trưởng từ chối và nói:

– Tâu Đại vương, thần không cần vương quốc.

Vua liền sai sứ giả đi đến Takkasilā mời vợ con của Sư trưởng về, ban cho họ quyền lực lớn, và mời Sư trưởng làm vị quốc sư tế tự, đặt Sư trưởng vào hàng cố vấn của vua.

Từ đó, vua vâng theo lời giáo giới của Sư trưởng và trọn đời làm các công đức như bố thí... cuối cùng khi mạng chung được sanh lên cõi trời.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỳ-kheo hay phẫn nộ đã đắc quả Bất lai và nhiều vị khác đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất lai. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua ấy là Tỳ-kheo hay phẫn nộ, còn vị Sư trưởng là Ta vậy.

§253. CHUYỆN VUA RẮN MAṆIKAṆṬHA

(***Maṇikaṇṭhajātaka***)[2] (*J*. II. 282)

Mọi đồ ăn thức uống...

Câu chuyện này, khi ở điện thờ Aggāḷava gần Ālavī, bậc Đạo sư đã kể về học giới xây dựng các am thất.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở Ālavakā có tánh thích cầu xin, đang làm các chòi lá cho mình. Họ cầu xin nhiều, gợi ý và khi mở miệng, họ luôn luôn nói:

– Hãy cho một người làm công quả! Hãy cho một người phụ giúp làm chòi...

Mọi người quá bực mình vì sự cầu xin, gợi ý này đến nỗi khi thấy các Tỳ-kheo, họ liền sợ hãi và hoảng hốt bỏ chạy.

Rồi Tôn giả Đại Ca-diếp đến Ālavī, và đi quanh thị trấn để khất thực. Dân chúng thấy Trưởng lão cũng bỏ chạy như trước. Trưởng lão ăn xong, trên đường khất thực trở về, liền gọi các Tỳ-kheo và hỏi:

– Này các Hiền giả, xưa kia Ālavī này là nơi dễ nhận đồ khất thực. Nay vì sao nó trở thành khó khất thực như vậy?

---

[2] Xem *Vin*. III. 145.

Khi Tôn giả nghe nói lý do, liền đi đến gặp Thế Tôn đang ở tại điện Aggāḷava và thuật lại câu chuyện. Bậc Đạo sư nhân lý do này đã họp chúng Tỷ-kheo và hỏi các Tỷ-kheo ở Ālavī:

– Có thật chăng, này các Tỷ-kheo, các ông có tánh thích cầu xin mọi người giúp đỡ vì nay đang làm các chòi?

Họ trả lời:

– Bạch Thế Tôn, có thật vậy.

Bậc Đạo sư quở trách họ và nói thêm:

– Này các Tỷ-kheo, ngay trong thế giới loài rắn có đầy đủ bảy món báu, sự cầu xin này cũng làm phật ý chúng, còn nói gì loài người! Đối với dân chúng, lấy cho được một đồng tiền vàng cũng thật khó, không khác gì lột da từ hòn đá!

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi Bồ-tát đến tuổi chạy chơi, mẹ Bồ-tát sanh một con trai khác có đức hạnh. Hai anh em vừa đến tuổi trưởng thành thì cha mẹ quá cố. Quá xúc động vì cha mẹ mất và thấy cuộc đời quá mong manh, họ liền xuất gia làm ẩn sĩ. Cả hai anh em dựng chòi lá trên bờ sông Hằng và trú tại đấy. Người anh cả làm chòi lá phía trên sông Hằng, còn người em dựng chòi lá ở phía dưới sông Hằng.

Một hôm, vua rắn thần tên là Maṇikaṇṭha (cổ có châu báu) từ cung điện rắn thần đi ra, qua lại trên bờ sông Hằng, giả dạng một thanh niên Bà-la-môn, đến am thất của người em, đảnh lễ và ngồi xuống. Họ nói lời thăm hỏi ân cần với nhau rồi trở thành thân thiết đến độ họ không thể xa nhau được.

Vua rắn từ đó luôn luôn đến thăm người em tu khổ hạnh, mải mê trò chuyện và khi ra về, vua rắn quyến luyến vị ấy nên đã xuất lộ nguyên hình của mình, lấy thân cuộn tròn xung quanh vị ấy, ôm ấp vị ấy với cái mào lớn đặt lên trên đầu và nằm đấy trong chốc lát cho đến khi thỏa mãn sự luyến ái, rồi rời thân bạn ra, đảnh lễ từ giã bạn và về cung điện của mình. Vị tu khổ hạnh vì quá sợ hãi vua rắn, trở thành ốm yếu, tiều tụy xanh xao, vàng vọt, gân nổi trên da. Người em tu khổ hạnh một hôm đi đến thăm người anh.

Người anh hỏi:

– Sao em lại ốm yếu, tiều tụy, xanh xao, vàng vọt, gân nổi trên da như vậy?

Người em tường thuật câu chuyện cho anh rõ. Người anh hỏi:

– Em có thích con rắn ấy đến với em không?

Người em trả lời:

– Em không muốn!

– Vua rắn ấy khi đến với em có mang đồ trang sức không?

– Nó có mang một hòn ngọc quý.

– Được rồi! Vậy khi vua rắn đến thăm em, khi nó chưa ngồi, em liền xin: "Hãy cho tôi hòn ngọc!" Như vậy con rắn ấy sẽ không quấn thân xung quanh em nữa đâu và nó sẽ bỏ đi. Ngày mai lại, em sẽ đứng nơi cửa am xin hòn ngọc ấy khi nó vừa đến. Ngày thứ ba, khi nó vừa ra khỏi nước trên bờ sông Hằng, em hãy xin hòn ngọc ấy. Như vậy, nó sẽ không đến thăm em nữa.

Người em tu khổ hạnh đáp:

– Lành thay!

Và vị ấy đi về chòi lá của mình. Theo đúng lời dặn, ngày hôm sau, khi vua rắn ấy đến, chỉ vừa đứng lại, người em liền xin:

– Hãy cho tôi hòn ngọc báu trang sức của bạn!

Vua rắn ấy không kịp ngồi xuống liền vội vàng bỏ chạy. Ngày kế tiếp, người em đứng tại cửa am, khi vua rắn vừa đến, liền hỏi:

– Hôm qua, bạn không cho tôi hòn ngọc báu. Vậy hôm nay, bạn phải cho tôi!

Con rắn không đi vào am mà lập tức bỏ chạy. Đến ngày thứ ba, khi vua rắn ấy mới nổi lên trên mặt nước, người em liền nói:

– Hôm nay là ngày thứ ba tôi xin ngọc. Hôm nay, hãy cho tôi ngọc báu này!

Vua rắn đứng ở mặt nước, từ chối qua hai bài kệ này:

7. Mọi đồ ăn thức uống, Được sung mãn, đầy tràn,
Chính do hòn ngọc báu, Đem lại cho ta vầy.
Bạn cầu xin quá nhiều, Ta không muốn cho bạn,
Ta sẽ không đi đến, Am thất bạn nữa đâu.

8. Như đứa trẻ cầm tay, Một hòn sạn trơn láng,
Bạn làm ta sợ hãi, Khi xin hòn ngọc này!
Bạn cầu xin quá nhiều, Ta không muốn cho bạn,
Ta sẽ không đi đến, Am thất bạn nữa đâu.

Nói vậy xong, vua rắn lặn xuống nước đi về cung điện của mình, không bao giờ trở lại nữa. Còn người tu khổ hạnh ấy, vì không thấy vua rắn xinh đẹp của mình nên lại ốm yếu, tiều tụy, xanh xao, vàng vọt, gân nổi trên da nhiều hơn nữa. Người anh tu khổ hạnh muốn biết tin tức của em, đi đến thăm, thấy em lại càng vàng vọt hơn trước, liền hỏi:

– Tại sao em lại ốm yếu hơn trước?

Vị kia đáp:

– Bởi vì em không còn được thấy con rắn xinh đẹp ấy nữa.

Người anh nghe vậy liền suy nghĩ: "Người tu khổ hạnh này không thể sống mà không có vua rắn ấy!"

Và vị ấy đọc bài kệ thứ ba:

9. Chớ cầu xin người nào, Mà mình thường yêu mến,
Vì nếu xin quá nhiều, Mình trở thành đáng ghét!
Phạm chí này xin mãi, Hòn ngọc của rắn thần,
Nên nó không trở lại, Để thăm viếng nữa đâu!

Sau đó, người anh tu khổ hạnh an ủi em:

– Thôi từ nay em chớ sầu muộn nữa!

Rồi vị ấy đi về am thất của mình. Sau một thời gian tu tập, cả hai anh em đạt các thắng trí và các thiền chứng, cuối cùng khi mạng chung được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, như vậy ngay tại cung điện loài rắn có đầy đủ bảy báu vật nhưng các loài rắn cũng rất ghét cầu xin, còn nói gì loài người!

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người em là Ānanda, còn người anh cả là Ta vậy.

§254. CHUYỆN CON NGỰA QUÝ ĂN CÁM GẠO ĐỎ
(*Kuṇḍakakucchisindhavajātaka*) (*J.* II. 286)

Đã ăn cỏ và cháo...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất).

Một thời sau mùa an cư ở Xá-vệ, Thế Tôn đi du hành các xứ rồi Ngài trở về Xá-vệ. Dân chúng đón tiếp bậc Đạo sư và tổ chức cúng dường đức Phật cùng Tăng chúng. Họ mời một Tỷ-kheo truyền pháp ở trong tinh xá và tùy theo số người đến muốn cúng dường bao nhiêu Tỷ-kheo, vị này giới thiệu các vị ấy cho họ.

Có một bà già nghèo chỉ sửa soạn một phần ăn để cúng dường, nhưng các Tỷ-kheo đều đã được giới thiệu với những người đến trước. Khi mặt trời mọc, bà ấy đi đến vị Tỷ-kheo truyền pháp và nói:

– Thưa thầy, hãy giới thiệu cho tôi một Tỷ-kheo!

Vị ấy nói:

– Thưa bà, tất cả Tỷ-kheo đã được tôi giới thiệu. Nhưng ở tinh xá, chỉ còn Trưởng lão Sāriputta. Bà hãy cúng phần ăn cho vị ấy.

Bà già hoan hỷ nói:

– Lành thay, Tôn giả!

Và bà đứng đợi tại cổng Kỳ Viên. Khi Trưởng lão đến, bà đảnh lễ, tay cầm bình bát, đưa Trưởng lão về nhà và mời ngồi. Nhiều gia đình mộ đạo nghe nói:

"Một bà già đã mời được vị Trưởng lão Tướng quân Chánh pháp ngồi tại nhà của mình!"

Trong số những người nghe ấy có Vua Pasenadi nước Kosala. Vua lập tức gửi bà ấy các loại đồ ăn cùng với một chiếc áo, một túi có một ngàn đồng tiền vàng và nói:

– Mong rằng bà đón tiếp vị Tôn giả của chúng tôi thật chu đáo. Xin tặng bà cái áo này và một ngàn đồng tiền vàng để tiêu dùng vào việc tiếp đãi bậc Trưởng lão thật đầy đủ.

Cũng như vua đã làm, ông Cấp Cô Độc anh, ông Cấp Cô Độc em và đại tín nữ Visākhā đều gửi thí vật tương tự. Còn các gia đình khác gửi một trăm, hai trăm đồng tiền vàng, tùy theo khả năng của mình. Như vậy, chỉ trong một ngày, bà già ấy nhận được khoảng một trăm ngàn đồng tiền vàng.

Trưởng lão uống xong bát cháo của bà già ấy, ăn món bà ấy làm và dùng cơm bà ấy nấu. Khi vị ấy nói lời tùy hỷ công đức và khích lệ bà, làm cho bà phấn khởi đến độ bà được an trú vào quả Dự lưu, rồi vị ấy đi về tinh xá.

Tại pháp đường, các Tỳ-kheo bắt đầu nói chuyện và ca ngợi công đức của Trưởng lão:

– Thưa các Hiền giả, bậc Tướng quân Chánh pháp đã giải thoát một bà gia chủ già khỏi cảnh bần cùng và đã an trú vào quả Dự lưu. Tôn giả ấy đã trở thành nơi nương tựa chính của bà già. Tôn giả không khinh chê các món ăn mà bà ấy cúng và đã dùng chúng.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, nay các ông tụ họp ở đây và bàn vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề trên, Ngài nói:

– Này các Tỳ-kheo, Tôn giả Sāriputta không phải chỉ nay mới trở thành chỗ nương tựa của bà già ấy. Không phải chỉ nay vị ấy mới không khinh chê món ăn mà bà ấy cúng và đã ăn chúng. Thuở trước, vị ấy đã làm như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình của một người đi buôn ở một tỉnh phương Bắc. Thời ấy, có năm trăm người lái buôn thường đưa ngựa đến Ba-la-nại để bán.

Bấy giờ, một người buôn ngựa đem năm trăm con ngựa đang đi trên đường đến Ba-la-nại. Giữa đường, cách Ba-la-nại không xa, có một thị trấn. Người ta nghe kể rằng, trước kia có một vị triệu phú rất giàu có ở trong một tư thất rất lớn. Nhưng gia đình người ấy dần dần sa sút, chỉ còn lại một bà già hiện đang ở tại ngôi nhà ấy. Người buôn ngựa kia đến thị trấn ấy, trả một số tiền thuê phòng trong ngôi nhà ấy để ở và đem cột các con ngựa gần đó.

Ngày hôm ấy, thật là một ngày đầy may mắn, một con ngựa cái thuần chủng đẻ một con ngựa con. Người lái buôn ấy ở đấy hai, ba ngày rồi quyết định yết kiến vua, và đem ngựa ra đi. Bà già ấy nói với anh ta:

– Hãy đem trả tiền thuê nhà cho tôi rồi đi!

Anh ta đáp:

– Vâng, tôi sẽ trả.

Bà già nói thêm:

– Này con thân, trả tiền cho ta và hãy trừ bớt số tiền con ngựa con mà con đã nhường cho ta.

Người buôn ngựa làm đúng như vậy rồi ra đi. Bà già thương con ngựa con ấy như con đẻ của mình, cho nó ăn cơm dư phơi khô với thịt vụn, cỏ non và nuôi nó rất cẩn thận.

Sau một thời gian, Bồ-tát đem theo năm trăm con ngựa lên đường và cũng thuê chỗ trọ tại ngôi nhà ấy. Đàn ngựa của Bồ-tát đánh hơi con ngựa thuần chủng được bà già nuôi bằng bột cám gạo đỏ ấy, nên không một con nào dám vào trong nhà mà Bồ-tát thuê trọ. Bồ-tát hỏi bà già:

– Thưa bà, trong nhà này có con ngựa nào khác không?

Bà già đáp:

– Này con thân, ta chỉ nuôi một con ngựa con mà ta chăm sóc kỹ như là con ruột.

– Thưa bà, con ngựa ấy ở đâu?

Bà già nói:

– Nó đi ra đồng ăn cỏ rồi.

– Khi nào nó trở về?

– Nó sẽ trở về vào buổi chiều.

Bồ-tát ngồi đợi con ngựa con về, còn đàn ngựa của mình được cho ở phía ngoài. Chẳng bao lâu con ngựa thuần chủng đi ăn cỏ xong trở về. Khi vừa thấy con ngựa quý với cái bụng chứa đầy cám gạo đỏ, Bồ-tát nhìn kỹ các tướng tốt của nó và suy nghĩ: "Con ngựa thuần chủng này thật vô giá. Ta phải cho bà già này tiền để mua con ngựa này." Lúc ấy, con ngựa con đã vào nhà và đến chuồng của nó xong, cả đàn ngựa kia mới dám bước vào!

Bồ-tát ở lại đấy hai, ba ngày săn sóc đàn ngựa xong, khi ra đi, vị ấy nói:

– Thưa bà, bà hãy lấy số tiền và bán cho tôi con ngựa con này.

Bà già nói:

– Này con thân, con nói gì vậy? Đâu lại có chuyện bán con mình đi?

Bồ-tát lại hỏi:

– Thưa bà, bà nuôi nó bằng thức ăn gì?

Bà già trả lời:

– Cơm nấu, cháo gạo, cơm khô, thịt vụn và cỏ. Ngoài ra phải có nước cháo để nó uống. Này con, bà nuôi nó như vậy đó.

– Thưa bà, nếu được con ngựa ấy, tôi sẽ cho nó món ăn thượng hạng. Tại chỗ nó đứng, tôi sẽ giăng một cái lều và đặt nệm để nó đứng.

Bà già cảm động và nói:

– Này con thân, nếu sự việc như con nói thì mong rằng con ngựa của ta sẽ được sung sướng. Hãy lấy nó và đem đi!

Bồ-tát trả một giá riêng cho bốn chân, cho cái đuôi và cho cái đầu. Vị ấy đặt sáu túi tiền, mỗi túi một ngàn đồng tiền vàng tại mỗi chỗ trên và mặc cho bà già một tấm áo mới, trang điểm ngọc vàng cho bà rồi đặt bà trước con ngựa con. Con ngựa mở mắt nhìn bà và rơi lệ. Bà già vuốt lưng nó và nói:

– Bà đã nhận được tiền nuôi con lâu nay, này con thân, con hãy đi!

Khi ấy, con ngựa mới chịu đi. Hôm sau, Bồ-tát muốn thử con ngựa xem nó có biết sức mạnh của nó hay không. Vì vậy, vị ấy sửa soạn các món ăn bình thường, cho đổ cháo gạo đỏ trong cái máng để nó ăn. Nhưng con ngựa ấy không muốn uống nước cháo nên nói:

– Tôi sẽ không ăn món này.

Bồ-tát đọc bài kệ đầu để thử nó:

10. Đã ăn cỏ và cháo, Làm bằng cám gạo đỏ,
Món ăn ngon ngày trước, Sao nay con không ăn?

Nghe vậy, con ngựa thuần chủng đọc hai bài kệ tiếp:

11. Khi người nào không biết, Sanh chủng và huấn luyện,
Đối với bậc Phạm chí, Cháo cám đỏ vừa đủ.

12. Nhưng ông rõ biết tôi, Là ngựa nòi tối thượng,
Do vậy ở chỗ ông, Tôi không ăn cháo gạo!

Nghe vậy, Bồ-tát nói:

– Ta làm vậy để thử con, thôi con chớ giận dỗi!

Bồ-tát liền nấu các món ngon cho ngựa ăn, rồi đi đến hầu vua. Tại góc của sân chầu, Bồ-tát dựng một trại cho năm trăm con ngựa và một phía khác, Bồ-tát dựng một trại hình nón căng vải lều, trang hoàng thật đẹp. Dưới đất trải một tấm thảm, ở trên giương một cái tán, vị ấy cho con ngựa thuần chủng ở trong đó.

Khi vua đến, nhìn các con ngựa và hỏi Bồ-tát vì sao con ngựa này được ở riêng và đối xử đặc biệt như vậy.

Bồ-tát đáp:

– Thưa Đại vương, nếu con ngựa Sindh thuần chủng này không được ở riêng biệt, nó sẽ làm sống mất cả đàn ngựa kia.

Vua lại hỏi:

– Con ngựa thuần chủng này là một con ngựa thật đẹp chăng?

Bồ-tát đáp:

– Thưa phải, tâu Đại vương.

– Như vậy, trẫm muốn xem tốc lực của nó ra sao.

Bồ-tát nai nịt yên cương vào con ngựa, leo lên lưng nó và thưa:

– Thưa Đại vương, hãy xem sức ngựa chạy!

Rồi Bồ-tát đuổi mọi người ra khỏi sân chầu và leo lên cưỡi ngựa chạy quanh sân. Tất cả sân trở thành như thể được bao quanh bởi những con đường tròn ngựa chạy không gián đoạn. Rồi Bồ-tát nói:

– Thưa Đại vương, hãy xem con ngựa thuần chủng phi!

Rồi vị ấy cho con ngựa bắt đầu phi. Không ai thấy vị ấy ở đâu cả. Rồi vị ấy buộc một lá đỏ bên sườn ngựa. Khi ấy, người ta chỉ thấy một vòng tròn lá đỏ. Rồi Bồ-tát cho con ngựa phi trên mặt nước hồ trong một khu vườn của kinh thành. Tại đấy, con ngựa phi trên mặt nước và các móng chân của nó không dính nước. Rồi Bồ-tát cho ngựa phi trên các lá hoa sen và không một lá nào bị nhận chìm xuống nước.

Như vậy, Bồ-tát biểu diễn tốc lực tuyệt diệu của con ngựa xong, liền leo từ lưng ngựa xuống, vỗ tay, rồi đưa bàn tay ra với lòng bàn tay ngửa lên trên. Con ngựa leo lên bàn tay, chụm bốn chân làm một và đứng trên lòng bàn tay. Rồi Bồ-tát thưa với vua:

– Thưa Đại vương, tất cả bờ biển cũng không đủ để biểu diễn mọi kiểu phi tài giỏi của con ngựa thuần chủng này.

Vua rất hài lòng, ban cho bậc Đại sĩ nửa quốc độ, rảy nước lễ cho con ngựa con và đặt nó vào địa vị vương mã. Con ngựa ấy được vua ái mộ, thân thiết và được tôn trọng đặc biệt. Chỗ con ngựa ở được trang hoàng như vương phòng, nơi nào cũng đẹp, sàn được rảy bốn loại hương, quanh tường được treo các vòng hoa; phía trên mái lợp một cái tán bằng vải có đính các sao vàng giống như một cái đình đủ mọi vẻ đẹp chung quanh, luôn luôn có ngọn đèn dầu thơm soi sáng và tại chỗ đi đại tiểu tiện có đặt một cái chậu bằng vàng. Con ngựa ấy ăn các thực phẩm quý dành cho vua.

Từ khi con ngựa ấy đến, quyền cai trị của vua lan rộng khắp cõi Diêm-phù-đề. Rồi vua vâng theo lời giáo giới của Bồ-tát, làm các công đức như bố thí, v.v... và cuối cùng khi mạng chung được sanh lên cõi trời.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, nhiều vị đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất lai. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, bà già ấy là bà già này, con ngựa thuần chủng là Sāriputta, vua là Ānanda, còn người buôn ngựa là Ta vậy.

§255. CHUYỆN CON VẸT (*Sukajātaka*) (*J.* II. 291)

Khi nào con chim ấy...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo đã chết vì bội thực. Khi Tỷ-kheo này chết, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bàn luận về sự không tiết độ của Tỷ-kheo ấy như sau:

– Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo có tên như vậy, không biết lượng cái bụng của mình, đã ăn quá nhiều nên không tiêu hóa nổi và đã chết.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, khi các ông ngồi họp ở đây, các ông nói đến chuyện gì?

Khi nghe vấn đề trên, Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà trước kia cũng vậy, vị ấy vì ăn quá nhiều và đã mạng chung.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con vẹt ở Tuyết sơn. Bồ-tát là vua của vài ngàn con vẹt, sống ven biển trên sườn Tuyết sơn. Vị vua chim vẹt này sanh một đứa con. Khi nó lớn lên mạnh khỏe thì mắt Bồ-tát bị suy yếu. Người ta thường nói các con vẹt bay rất nhanh; do vậy, khi chúng trở về già thì mắt yếu trước. Con của vua chim vẹt để cha mẹ ở lại tổ, còn mình đi kiếm đồ ăn nuôi dưỡng cha mẹ.

Một hôm, nó đi tìm mồi, đứng trên đỉnh núi nhìn ra biển thấy một hòn đảo, tại đấy có một rừng xoài đầy trái màu vàng. Hôm sau, đến giờ đi tìm đồ ăn, nó bay và hạ xuống rừng xoài, uống nước ngọt của trái xoài, rồi lấy trái xoài chín đem về cho cha mẹ. Bồ-tát ăn trái xoài ấy, biết được vị trái xoài, liền nói:

– Này con thân, có phải trái xoài chín này ở tại đảo tên như vậy không?

Nó trả lời:

– Thưa cha thân, đúng vậy.

Bồ-tát nói:

– Này con thân, những con vẹt đi đến đảo ấy không bảo vệ mạng sống được lâu dài, con chớ nên đi đến hòn đảo ấy nữa.

Vẹt con không nghe theo lời cha và vẫn đi đến hòn đảo ấy. Một hôm, sau khi uống nhiều nước ngọt của xoài, nó mang về một trái xoài chín cho cha mẹ. Khi bay về trên mặt biển, thân trở thành mệt mỏi vì mang nặng, nó buồn ngủ nên vừa ngủ vừa bay, và trái xoài từ mỏ nó rơi xuống. Dần dần nó bỏ con đường về, bay sà xuống mặt nước rồi rơi xuống nước. Một con cá liền bắt lấy nó ăn thịt. Bồ-tát đợi con đã quá giờ mà không thấy nó trở về, biết rằng có lẽ nó đã rơi xuống biển và chết rồi. Kể từ đó, vẹt cha, vẹt mẹ không có đồ ăn, héo mòn rồi chết.

***

Sau khi kể câu chuyện quá khứ xong, bậc Đạo sư liền đọc các bài kệ này:

13. Khi nào con chim ấy, Biết đủ trong ăn uống,
Chim được thọ mạng dài, Và nuôi dưỡng cha mẹ.

14. Khi chim ăn quá nhiều, Không biết sự tiết độ,
Tại đấy chim chìm xuống, Không còn ai thấy nữa.

15. Do vậy, thật lành thay, Tiết độ, không tham ăn,
Không biết lường, chìm xuống, Biết lường đâu có chìm!

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, nhiều vị đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo không tiết độ trong ăn uống là con của vua loài vẹt, còn vua loài vẹt là Ta vậy.

§256. CHUYỆN CÁI GIẾNG CŨ (*Jarudapānajātaka*) (*J.* II. 294)

Các lái buôn cần nước...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về những người lái buôn tại Xá-vệ.

Nghe nói những người lái buôn ấy lấy hàng hóa ở Xá-vệ, chất đầy xe xong, khi đến thời ra đi để hành nghề, họ mời đức Thế Tôn đến và bố thí cúng dường lớn. Họ thọ tam quy, ngũ giới và được an trú vào các giới. Sau đó, họ đảnh lễ bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ lên đường dài để hành nghề. Sau đó, chúng con bán hết các hàng hóa, đạt được mục đích và trở về được an toàn thì chúng con sẽ đến yết kiến và đảnh lễ Thế Tôn lần nữa.

Rồi họ lên đường. Trên một đoạn đường khó khăn, họ thấy một cái giếng cũ xưa và nói:

– Giếng này không có nước. Chúng ta đang khát nước, vậy chúng ta hãy đào sâu giếng này.

Khi họ đào, họ tìm được nhiều lớp kim loại từ sắt đến lưu ly, v.v... Họ thỏa mãn với sự thu hoạch này, liền chở đầy châu báu trên các cỗ xe và trở về Xá-vệ an toàn. Sau khi cất số tài sản mà họ đã đem về, họ nghĩ: "Chúng ta đã được mục đích, vậy chúng ta sẽ cúng dường Tăng chúng các món ăn."

Họ mời đức Thế Tôn đến để bố thí cúng dường và đảnh lễ Ngài, rồi họ ngồi xuống một bên và tường thuật với bậc Đạo sư cách họ tìm được tài sản như thế nào.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các cư sĩ, các ông biết bằng lòng với các tài sản ấy và chấp nhận tài sản cùng nếp sống với ý thức biết đủ. Còn thời xưa, có những người không thỏa mãn, không tiết độ, không nghe lời bậc Hiền trí nên phải mạng chung.

Rồi theo lời thỉnh cầu của họ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình lái buôn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát trở thành người lãnh đạo một đoàn lữ hành.

Một dịp kia, Bồ-tát lấy hàng hóa chất đầy xe, đem theo nhiều người, làm thành một đoàn và tiến bước trên chính con đường khó khăn này, bỗng thấy cái giếng nước như hiện nay. Tại đây, các người đi buôn nói:

– Chúng ta muốn uống nước.

Họ bắt đầu đào cái giếng ấy và tình cờ lấy được nhiều kim loại và châu báu, v.v... Họ được nhiều kho báu như vậy, nhưng vẫn không thỏa mãn. "Chắc còn kho báu khác ở đây tốt đẹp hơn kho báu này", họ suy nghĩ và họ càng đào thêm nữa. Bồ-tát nói với họ:

– Thưa các vị thương gia, tham là nguồn gốc của tai họa, chúng ta đã được nhiều tài sản rồi. Với chừng ấy, chúng ta phải biết vừa đủ. Chớ có đào thêm nữa!

Dầu có sự can ngăn của Bồ-tát, họ vẫn đào. Bấy giờ, giếng ấy là chỗ của loài rắn thần. Vua loài rắn thần ở dưới thấy cung điện của mình bị phá vỡ, đá, bụi rơi xuống, liền phẫn nộ, dùng hơi độc từ lỗ mũi phun ra, giết chết tất cả mọi người chỉ trừ Bồ-tát. Rồi từ cung điện loài rắn, vua rắn đi ra, bảo cột các con vật vào các cỗ xe, chất đầy mọi xe với tất cả châu báu và đặt Bồ-tát ngồi trên cỗ xe tốt đẹp nhất, rồi bảo các rắn thần trẻ đánh xe chở Bồ-tát đến Ba-la-nại. Chúng đưa vị ấy vào nhà, sắp đặt tài sản xong, trở về lại cung điện của loài rắn.

Bồ-tát tiêu dùng tài sản, làm vang danh toàn cõi Diêm-phù-đề bằng cách bố thí, giữ giới, hành trì ngày trai giới; và cuối đời, khi mạng chung vị ấy được sanh lên cõi trời.

***

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư đọc các bài kệ này:

16. Các lái buôn cần nước, Đào cái giếng cũ xưa,
Ở đó họ tìm được, Sắt, đồng, chì và thiếc,
Hoàng kim và bạch ngân, Nhiều trân châu, lưu ly.

17. Nhưng họ không biết đủ, Cứ đào, đào thêm mãi,
Các rắn độc điên tiết, Phun lửa giết chết tiệt.

18. Vậy chớ đào quá sức, Quá mức gây tác hại.
Do đào, được tài sản, Đào quá lại mất sạch!

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua loài rắn là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và người lãnh đạo đoàn lữ hành là Ta vậy.

§257. CHUYỆN NGƯỜI HẦU CẬN GĀMAṆICAṆḌA

(***Gāmaṇicaṇḍajātaka***) (*J.* II. 297)

Nó không giỏi làm nhà...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự tán thán trí tuệ.

Tại pháp đường, các Tỷ-kheo ngồi họp và tán thán trí tuệ của đức Thế Tôn:

– Như Lai là bậc Đại Tuệ, Quảng Tuệ, Thiệp Tuệ, Mẫn Tuệ, Duệ Tuệ, Đạt Tuệ. Ngài vượt thế giới chư thiên và thế giới này về trí tuệ.

Bậc Đạo sư đến và nói:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông ngồi họp tại đây và bàn đến vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà xưa cũng vậy, Như Lai đã là bậc Đại Trí Tuệ.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, khi Vua Janasandha trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con của bà hoàng hậu chánh cung. Mặt Bồ-tát thanh tịnh, chói sáng, đạt được sắc đẹp tối thượng như mặt gương bằng vàng được đánh bóng. Đến ngày lễ đặt tên, ngài được gọi là Ādāsamukhakumāra (Hoàng tử có khuôn mặt như gương).

Trong thời gian bảy năm, phụ vương đã mời thầy về dạy hoàng tử ba tập Vệ-đà và mọi bổn phận phải làm ở đời. Bồ-tát học xong thì phụ vương mạng chung. Các đại thần tổ chức lễ tang vua rất long trọng và lập đàn bố thí cho các người chết. Đến ngày thứ bảy, quần thần hội họp tại triều đình và bàn luận: "Hoàng tử còn trẻ quá, không thể làm lễ Quán đảnh lên ngôi vua được. Chúng ta hãy thử tài hoàng tử rồi sẽ làm lễ Quán đảnh cho hoàng tử sau."

Một hôm, họ trang hoàng thành phố, tổ chức một pháp đình, sửa soạn chiếc ngai rồi đi yết kiến hoàng tử và nói:

– Thưa Thiên tử, Thiên tử hãy đến pháp đình!

Hoàng tử chấp thuận, cùng với một số đông tùy tùng đến pháp đình và ngồi xuống trên chiếc ngai. Khi Bồ-tát ngồi xuống để xử án, họ bắt một con khỉ đi hai chân, mặc áo giả làm một vị Sư trưởng giỏi nghề chọn vị trí tốt để làm nhà, rồi họ dẫn nó đến pháp đình. Họ nói:

– Thưa Thiên tử, trong thời đại của phụ vương ngài, người này là một Sư trưởng có thiên tài tiên đoán vị trí tốt để làm nhà và rất thuần thục trong nghề. Vị này thấy chỗ làm được hay không nên làm, và ngay cả chỗ có khuyết điểm dưới mặt đất sâu đến bảy khuỷu tay vị này cũng biết. Nhờ sự giúp đỡ của vị ấy, cung điện của vua đã được xây dựng. Thiên tử hãy nhận vị ấy và ban cho vị ấy một chức vụ.

Hoàng tử nhìn nó từ dưới lên và suy nghĩ: "Đây không phải là người mà chỉ là một con khỉ. Bọn khỉ chỉ biết phá hoại những gì đã được làm ra chứ chúng không biết làm gì cả hay xây dựng những công trình gì cả." Vì vậy, hoàng tử đọc bài kệ đầu cho các đình thần nghe:

19. Nó không giỏi làm nhà,
Đó là khỉ mặt nhăn,
Chỉ phá việc đã làm,
Thói của nòi giống đó.

Các đình thần nói:

– Thưa Thiên tử, có thể là như vậy.

Và họ dắt khỉ đi ngay. Sau một, hai ngày, họ cho con khỉ ấy mặc y phục sang trọng, dắt nó đến pháp đình và nói:

– Thưa Thiên tử, trong thời phụ vương ngài, người này là phán quan xử kiện. Thiên tử hãy sử dụng vị ấy và cho vị ấy xử kiện.

Hoàng tử nhìn nó và nghĩ: "Một người có tâm và có trí không có nhiều lông lá như vậy. Nó là con khỉ vô trí, không thể nào xử kiện được."

Vì vậy, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

20. Vật đầy lông lá này,
Không sao có tâm trí,
Nó chỉ là con thú,
Không gây được lòng tin,
Như phụ vương đã dạy,
Con này chả biết gì!

Các đình thần nghe câu kệ này, liền nói:

– Thưa Thiên tử, có thể là như vậy.

Rồi họ đem con khỉ ấy đi ngay. Một ngày khác, họ lại mặc y phục và trang điểm cho nó, dắt nó đến pháp đường và nói:

– Thưa Thiên tử, người này trong thời phụ vương ngài đã hầu hạ đầy đủ mẹ và cha, đã kính lễ các bậc lớn tuổi trong gia đình. Hãy sử dụng người này!

Hoàng tử nhìn nó và nghĩ: "Đây là con khỉ với tâm dao động. Nó không thể làm được công việc ấy."

Vì vậy, Bồ-tát đọc bài kệ thứ ba:

21. Con vật ấy không thể,
Giúp đỡ mẹ hay cha,
Hay là anh, chị, bạn,
Phụ vương dạy ta vậy.

Các đình thần nói:

– Thưa Thiên tử, có thể là vậy.

Rồi họ đem con khỉ đi ngay và họ nói với nhau:

– Hoàng tử là bậc Hiền trí, có thể trị vì vương quốc.

Sau đó, họ làm lễ Quán đảnh cho hoàng tử lên ngôi vua, rồi truyền đánh trống khắp thành và rao:

– Đây là những pháp lệnh của Quốc vương có khuôn mặt như gương sáng.

Từ đấy trở đi, Bồ-tát trị vì theo Chánh pháp, và tiếng đồn Bồ-tát là bậc Hiền trí được truyền đi khắp cõi Diêm-phù-đề. Với mục đích làm chói sáng trí tuệ của Bồ-tát, mười bốn vấn đề này được đem đến cho Bồ-tát giải quyết:

Con bò, chàng trai và con ngựa,
Thợ đan giỏ và vị thôn trưởng,
Kỹ nữ, thiếu phụ và con rắn,
Con nai, chim đa đa, nữ thần,
Rắn chúa và các vị khổ hạnh,
Cùng các thanh niên Bà-la-môn.

Ở đây, câu chuyện được lần lượt kể như sau:

Trong thời Bồ-tát được làm lễ Quán đảnh lên ngôi vua, một người hầu của Vua Janasandha tên là Gāmaṇicaṇḍa đã suy nghĩ: "Vương quốc này thật vinh quang nếu được vua cai trị cùng với sự phò tá của những người đồng lứa tuổi với vua. Ta nay già cả, không thể hầu hạ hoàng tử trẻ tuổi, vậy ta sẽ sống làm nghề nông ở thôn quê."

Vì vậy, ông ta ra khỏi thành phố khoảng ba do-tuần và sinh sống tại một ngôi làng nhỏ, nhưng ông không có bò để cày ruộng. Sau khi trời mưa, ông mượn hai con bò của một người bạn, cả ngày ông cày xong, cho các con bò ăn cỏ, rồi dắt bò về trả lại cho người chủ.

Trong lúc ấy, người chủ đang ngồi ăn cơm với vợ ở giữa nhà. Các con bò đi vào nhà rất quen thuộc. Trong khi các con bò đi vào, người chồng giơ bát lên, và người vợ đặt bát xuống. Gāmaṇicaṇḍa nhìn thấy suy nghĩ: "Họ không mời ta ăn", liền bỏ đi và không giao tận tay bạn các con bò. Đêm đến, bọn ăn trộm phá chuồng bò và dắt các con bò ấy đi.

Vào buổi sáng, người chủ đi vào chuồng bò, không thấy các con bò ấy, biết các con bò bị ăn trộm liền nghĩ: "Ta sẽ tóm cổ Gāmaṇi", rồi đi đến gặp ông ta và nói:

– Này ông, hãy trả các con bò cho tôi!

– Nhưng các con bò đã vào trong chuồng rồi.

– Nhưng ông có giao trả cho chúng tôi đâu?

– Không, tôi không giao trả.

– Vậy đây là sứ giả của vua đến mời ông đi.

Bấy giờ, những người dân xứ này có tục lệ khi họ lượm một hòn đá hay một vỏ sò và nói: "Đây là sứ giả của vua, xin mời đi." Nếu ai nghe nói: "Đây là sứ giả của vua" mà không đi, sẽ bị vua phạt. Do vậy, khi ông ta nghe chữ "sứ giả", ông liền đi theo. Trong khi hai người cùng đi đến cung vua, họ đi ngang ngôi làng có một người bạn của Gāmaṇi ở. Ông ta nói với người kia:

– Này ông, tôi rất đói. Ông cho tôi vào làng ăn xong và trở lại, ông hãy ở tại đấy.

Nói xong ông ta đi vào nhà người bạn. Nhưng người bạn không ở nhà. Người vợ bạn nói:

– Thưa ông, đồ ăn chín không có. Hãy chờ một lát, tôi nấu xong sẽ mời ông.

Người vợ leo thang lên kho gạo, vì quá hấp tấp nên té xuống đất khiến cho bà ấy sẩy thai. Vừa lúc ấy người chồng đi về, thấy vậy liền nói:

– Anh đánh vợ ta khiến bà ấy sẩy thai. Đây là sứ giả của vua, hãy đi ngay.

Anh ta dắt Gāmaṇicaṇḍa và ra đi. Từ đấy, hai người dắt Gāmaṇi ở giữa cùng đi với nhau.

Tại một ngôi làng nọ, có người giữ ngựa không thể bắt con ngựa quay lại, lúc nó đang chạy đến gần những người ấy. Người giữ ngựa thấy Gāmaṇi liền nói:

– Này cậu Gāmaṇi, hãy đánh con ngựa này với một vật gì khiến nó quay trở lui.

Gāmaṇi cầm hòn đá và ném con ngựa. Hòn đá ném trúng chân con ngựa, làm gãy chân nó như cọng cây y lan, người giữ ngựa kêu to:

– Ông làm gãy chân con ngựa của tôi rồi. Đây là sứ giả của vua.

Và anh ta dắt Gāmaṇi đi. Trong khi bị ba người dắt đi, ông ta suy nghĩ: "Những người này sẽ tố cáo ta trước mặt vua. Ta không thể trả tiền mấy con bò, còn nói gì đến tiền phạt làm sẩy thai, rồi ta đào đâu ra được tiền đền ngựa? Thà ta chết còn tốt hơn!"

Vì vậy khi họ đang đi, ông ta thấy một vực thẳm bên sườn đồi. Dưới bóng ngọn đồi ấy, hai cha con thợ đan giỏ đang dệt một tấm chiếu, Gāmaṇicaṇḍa nói:

– Thưa các ông, tôi muốn đi vệ sinh, hãy chờ đây một lát cho đến khi tôi trở lại.

Nói xong, ông ta leo lên ngọn đồi, thả mình xuống vực thẳm, lại rơi đúng trên lưng cha người thợ đan giỏ. Người thợ đan giỏ già bị thương nặng chết ngay tại chỗ. Gāmaṇi liền đứng dậy. Người con nói:

– Đồ ác độc, ông đã giết cha ta chết rồi! Đây là sứ giả của vua.

Anh ta nắm tay Gāmaṇi và đi khỏi lùm cây. Những người kia hỏi:

– Chuyện gì thế này?

Anh ta trả lời:

– Đây là tên đại ác đã giết cha tôi!

Từ đấy bốn người vây quanh dắt Gāmaṇi đi giữa. Họ đến trước cửa một ngôi làng khác. Vị thôn trưởng thấy Gāmaṇi liền hỏi:

– Chào cậu Gāmaṇi, cậu đi đâu vậy?

Ông ta trả lời:

– Đi gặp vua.

– Có thật chăng cậu đi đến gặp vua? Tôi muốn trình vua một chuyện, cậu có thể mang đến trình không?

– Vâng tôi sẽ mang.

– Tôi thường có sắc đẹp, tài sản, có danh tiếng và không có bệnh. Nay tôi nghèo khổ, lại mắc bệnh vàng da. Vì lý do gì vậy? Hãy hỏi vua như vậy. Người ta nói vua là bậc Hiền trí, vua sẽ nói với cậu và cậu sẽ đem lời vua về nói cho tôi.

Ông ta nhận lời, rồi tiếp tục đi. Tại cửa một làng khác, một kỹ nữ thấy ông ta liền gọi:

– Chào cậu Gāmaṇi, cậu đi đâu vậy?

Ông ta bảo đi gặp vua, kỹ nữ ấy nói:

– Người ta nói vua là bậc Hiền trí, cậu hãy mang theo câu chuyện của tôi trình vua. Trước kia, tôi thường được nhiều lợi dưỡng. Nay tôi không đáng giá một miếng trầu. Không ai đến tán tỉnh tôi. Cậu hãy hỏi vua tại sao vậy, và về nói lại cho tôi.

Rồi Gāmaṇi lại đi nữa. Tại cửa một ngôi làng khác, một thiếu phụ thấy ông ta cũng hỏi tương tự và nói:

– Tôi không thể sống trong nhà chồng cũng không thể sống trong gia đình tôi. Vì lý do gì vậy? Cậu hãy hỏi vua và về nói lại cho tôi.

Rồi Gāmaṇi đi nữa. Từ đấy đi qua một địa phận khác có một con rắn sống trong một gò mối, nó thấy ông ta liền hỏi:

– Này cậu Gāmaṇi đi đâu vậy?

Khi được đáp đi gặp vua, con rắn nói:

– Người ta nói vua là bậc Hiền trí. Hãy mang đến trình vua câu chuyện của tôi. Khi tôi đi ra tìm mồi và rời gò mối, tôi ốm yếu, đói lả nhưng thân tôi đầy cả hang mối, tôi phải kéo thân tôi khỏi ổ một cách khó khăn. Còn khi đi tìm mồi xong trở về, tôi được no nê thỏa mãn và thân lớn ra, nhưng bò vào hang thật mau lẹ, thân tôi không chạm sườn hang. Tại sao vậy? Hãy hỏi vua và đem câu trả lời về cho tôi.

Ông ta đi một đoạn nữa, một con nai thấy ông ta cũng hỏi tương tự:

– Tôi không thể ăn cỏ ở một chỗ nào khác ngoại trừ dưới gốc cây này. Vì lý do gì vậy? Hãy hỏi vua.

Đi qua một phần đất khác, một con chim đa đa thấy ông ta liền hỏi:

– Khi tôi đậu dưới chân một gò mối, tôi hót lên tiếng hót rất hay. Nhưng ở bất cứ chỗ nào khác, tôi không thể làm được như vậy. Vì lý do gì vậy? Hãy hỏi vua.

Ông ta đi tới một chỗ khác, một nữ thần cây thấy ông ta, hỏi:

– Này Gāmaṇi, đi đâu vậy?

Khi được trả lời đi gặp vua, nữ thần cây nói:

– Người ta nói vua là một bậc Hiền trí. Trước kia tôi rất được trọng vọng. Bây giờ, ngay cả một ít nhánh non tôi cũng không có được. Vì sao vậy? Hãy hỏi vua.

Đi qua một phần đất khác, một con rắn chúa thấy ông ta và hỏi tương tự:

– Người ta nói vua là một bậc Hiền trí. Trước kia trong hồ này, nước trong như pha lê. Nay nước hồ vẩn đục với bọt nước trùm khắp. Vì sao lại vậy? Hãy hỏi vua.

Đi tới một chỗ khác, có một số nhà tu khổ hạnh sống tại một khu vườn gần thành phố, thấy ông ta cũng hỏi tương tự:

– Người ta nói vua là một bậc Hiền trí, trước kia tại khu vườn này, các loại trái ngọt rất nhiều nhưng nay chúng trở nên lạt lẽo và lại đắng. Tại sao vậy? Hãy đến hỏi vua.

Từ đấy đi đến một chỗ khác, một số thanh niên Bà-la-môn đang ở trong một gian nhà gần cửa thành, thấy ông ta bèn hỏi:

– Này cậu Gāmaṇi, cậu đi đâu vậy?

Khi được trả lời đi đến gặp vua, họ nói:

– Vậy cậu hãy mang theo câu chuyện của chúng tôi: Trước kia chúng tôi học bất cứ đoạn kinh nào, chúng tôi đều nhớ rõ ràng. Nhưng nay, điều chúng tôi học không được giữ lại trong trí và không được hiểu rõ ràng, tất cả đều trở thành mù mờ như nước trong một cái ghè nứt rạn. Vì sao sự việc lại vậy? Hãy đến hỏi vua.

Thế là Gāmaṇicaṇḍa đến yết kiến vua với mười bốn câu hỏi như trên.

Khi ấy, vua đang ngồi tại pháp đình. Vua thấy Gāmaṇicaṇḍa và nhận ra ông ta: "Người này là người hầu hạ phụ vương ta, thường hay bồng bế ta thuở trước. Từ đấy cho đến nay, ông ta sống ở đâu?" Vì vậy vua hỏi:

– Này Gāmaṇi, trong thời gian qua khanh sống ở đâu? Đã lâu rồi khanh không trình diện. Vì mục đích gì khanh đến đây?

Gāmaṇi thưa:

– Tâu Thiên tử, từ khi Tiên vương lên cõi trời, thần đi về thôn quê làm nghề cày ruộng để sinh sống. Tại đấy, người này vì vấn đề kiện tụng hai con bò đã đem sứ giả của vua ra và kéo thần đến trước Thiên tử.

– Nếu không bị kéo đi, khanh sẽ không đến đây chứ gì? Nay khanh bị kéo đến như vậy là tốt rồi và ta mới thấy khanh. Vậy người kia ở đâu?

– Thưa Thiên tử, đó là người này.

– Có phải chính ông đưa sứ giả của trẫm đến bắt Caṇḍa?

– Tâu Thiên tử, thật vậy.

– Tại sao?

– Vì ông ta không chịu trả đôi bò của thần.

– Có đúng như vậy chăng Caṇḍa?

– Tâu Thiên tử, hãy nghe chuyện của thần!

Rồi Caṇḍa thuật lại tất cả câu chuyện. Nghe xong, vua hỏi người chủ của các con bò.

– Ngươi có thấy các con bò đi vào chuồng nhà ngươi không?

– Tâu Thiên tử, thần không thấy.

– Này người kia, từ trước ngươi chưa bao giờ nghe mọi nơi gọi ta là "Vua có mặt sáng như gương" sao? Ngươi hãy nói thật đi!

– Tâu Thiên tử, thần có thấy.

– Này Caṇḍa, khanh không dắt đôi bò về trả, như vậy khanh mắc nợ đôi bò. Người này có thấy nhưng nói không thấy, tức là cố ý nói láo. Do đó, khanh phải tự tay móc mắt người này và phần khanh phải trả cho anh ta hai mươi bốn đồng tiền vàng.

Nghe vua nói vậy, quân hầu dắt người chủ các con bò ra ngoài. Anh ta liền nghĩ: "Khi bị móc mắt, thì ta lấy tiền làm gì!" Vì vậy, anh ta sụp lạy dưới chân Gāmaṇi và nói:

– Thưa ngài Caṇḍa, số tiền các con bò ấy thuộc về ngài. Hãy lấy thêm những đồng tiền này nữa!

Nói vậy xong, anh ta đưa cho Caṇḍa một số tiền rồi bỏ chạy.

Người thứ hai nói:

– Tâu Thiên tử, người này đánh vợ tôi khiến cho bà ấy sẩy thai.

– Có thật vậy chăng, này Caṇḍa?

– Thưa Đại vương, xin hãy nghe thần.

Rồi ông ta thuật toàn bộ câu chuyện với các chi tiết. Vua hỏi:

– Có phải khanh đánh vợ người này và làm cho bà ta sẩy thai?

– Thưa Thiên tử, thần không làm như vậy.

– Này người kia, ngươi có thể chữa lại sự sẩy thai do người này đã gây ra không?

– Thưa Thiên tử, không thể được.

– Nay ngươi muốn làm gì?

– Tôi muốn phải có một đứa con trai.

– Này Caṇḍa, hãy đem vợ người này về nhà của khanh cho đến khi nào bà ta sanh một đứa con trai thì đưa nó đến và trả cho người này!

Người ấy nghe vậy liền sụp xuống lạy dưới chân Caṇḍa:

– Thưa ngài, chớ phá vỡ gia đình của tôi!

Rồi anh ta cho Caṇḍa một số đồng tiền vàng và bỏ chạy trốn.

Người thứ ba đến và nói:

– Tâu Thiên tử, người này đánh gãy chân con ngựa của tôi.

– Có thực chăng, này Caṇḍa?

– Thưa Đại vương, xin hãy nghe thần!

Rồi Caṇḍa tường thuật rõ ràng câu chuyện. Nghe xong, vua hỏi người chủ con ngựa:

– Có phải chính ngươi nhờ Caṇḍa đánh con ngựa khiến cho nó quay lui không?

– Tâu Thiên tử, tôi không nói.

Nhưng khi được hỏi thêm một lần nữa, anh ta nói:

– Thưa, tôi có nói.

Vua gọi Caṇḍa và bảo:

– Này Caṇḍa, người này có nói nhưng lại bảo không nói, như vậy là đã cố ý nói láo. Khanh hãy cắt lưỡi của nó rồi cho nó một ngàn đồng tiền vàng để bù lại con ngựa kia! Số tiền này ta sẽ cho khanh.

Nhưng kẻ giữ ngựa liền cho Caṇḍa một số tiền rồi bỏ chạy vì sợ bị cắt lưỡi.

Rồi đến con trai của người thợ đan giỏ nói:

– Tâu Thiên tử, người này là kẻ sát nhân đã giết chết cha tôi.

– Có thật như vậy chăng, này Caṇḍa?

– Tâu Thiên tử, xin hãy nghe thần.

Rồi Caṇḍa thuật lại câu chuyện một cách rõ ràng. Vua gọi người thợ kia:

– Nay ngươi muốn gì?

– Tâu Thiên tử, tôi muốn có được cha tôi.

– Này Caṇḍa, người này cần có một người cha. Nhưng khanh không thể đem lại cho nó người cha đã chết, vậy hãy đem mẹ của nó về nhà khanh và trở thành cha nó.

Con người đan giỏ vội nói:

– Thưa ngài, chớ phá vỡ gia đình người cha đã chết của tôi!

Nói xong, anh ta cho Caṇḍa một số tiền rồi bỏ chạy.

Gāmaṇi đã thắng các vụ kiện nên hoan hỷ rồi thưa với vua:

– Tâu Thiên tử, thần có nhiều vấn đề của nhiều người muốn hỏi Thiên tử. Thiên tử có bằng lòng cho thần nói không?

– Hãy nói đi, này Caṇḍa!

Caṇḍa theo thứ tự đảo ngược bắt đầu từ vấn đề các thanh niên Bà-la-môn trở về trước và kể ra từng vấn đề một.

Nhà vua lần lượt trả lời. Đối với vấn đề đầu tiên, khi nghe xong, vua đáp:

– Thuở trước, tại chỗ họ ở có một con gà biết gáy đúng giờ. Khi nghe tiếng

gà gáy, họ thức dậy lấy các bài chú ra đọc lớn tiếng cho đến khi trời sáng. Do đó, họ không quên mất điều đã học. Nhưng nay tại chỗ họ ở có một con gà trống gáy không đúng giờ. Nó gáy vào lúc còn đêm khuya hay đã quá sáng. Khi nghe tiếng gà gáy trong đêm khuya, họ thức dậy, lấy các bài chú ra học, nhưng quá buồn ngủ nên không thể đọc được. Rồi khi nghe tiếng gà gáy quá sáng họ thức dậy, nhưng không còn thì giờ tụng chú nữa. Do vậy, họ không nhớ rõ những điều đã học.

Khi nghe vấn đề thứ hai, vua trả lời:

– Những người ấy thuở trước hành trì Sa-môn pháp và chuyên tâm chuẩn bị các đề tài thiền định. Nhưng bây giờ, họ từ bỏ Sa-môn pháp và chuyên tâm vào các việc không nên làm. Các trái cây sanh ở trong vườn được họ lấy đem cho các người hầu hạ. Còn họ sống bằng tà mạng, thay phiên nhau đi khất thực. Do vậy, trái cây của họ trở thành không ngọt. Nếu họ hòa hợp với nhau như trước, chuyên tâm hành trì các Sa-môn pháp thì các trái cây, v.v... của họ sẽ ngọt như cũ. Các vị tu khổ hạnh ấy không biết trí tuệ của các vua chúa. Hãy bảo họ hành trì pháp Sa-môn chơn chánh!

Khi nghe vấn đề thứ ba, vua nói:

– Những rắn chúa ấy thường hay cãi nhau nên nước hồ trở thành đục. Nếu chúng hòa hợp với nhau như trước thì nước sẽ trở lại trong.

Khi nghe vấn đề thứ tư, vua nói:

– Nữ thần cây ấy trước kia bảo vệ các người đi qua lại khu rừng, do vậy nhận được nhiều đồ hiến cúng khác nhau. Nay nữ thần cây ấy không bảo vệ họ nên không nhận được đồ hiến cúng thượng hạng. Nữ thần cây ấy không biết sự có mặt của các vua chúa ở đời; do vậy, hãy dặn nàng bảo vệ những người đi qua khu rừng ấy!

Khi nghe vấn đề thứ năm, vua nói:

– Dưới gò mối mà con chim đa đa ấy đậu và hót với giọng khả ái có một cái ghè lớn chứa châu báu. Hãy đào lên và lấy ghè ấy!

Khi nghe vấn đề thứ sáu, vua nói:

– Dưới gốc cây mà con nai ấy có thể ăn cỏ tức là trên cây có một tổ ong mật lớn. Con nai ấy thèm ăn thứ cỏ được mật rớt dính vào, nên nó không thể ăn các thứ cỏ khác. Khanh hãy lấy tổ ong, gửi phần mật tốt nhất cho ta. Khanh ăn phần còn lại.

Khi nghe vấn đề thứ bảy, vua nói:

– Dưới gò mối mà con rắn ấy ở có một ghè lớn chứa châu báu. Con rắn ấy sống ở đó để bảo vệ châu báu ấy. Do vậy, khi nó bò ra, vì lòng tham châu báu, thân nó bám chặt vào hang. Nhưng khi kiếm thức ăn xong, thân không còn bám chặt vào hang vì tham châu báu nên nó bò vào thật mau và mạnh. Hãy đào ghè châu báu ấy lên và cất giữ kỹ!

Khi nghe vấn đề thứ tám, vua nói:

– Giữa làng người chồng và làng cha mẹ của thiếu phụ ấy có một ngôi nhà của tình nhân thiếu phụ ấy. Nàng nhớ tình nhân, không thể ở trong nhà người chồng, và vì luyến ái tình nhân, nàng nói nàng sẽ đi thăm cha mẹ. Nàng đi đến sống vài ngày trong nhà của tình nhân, rồi nàng đến nhà cha mẹ. Sau khi ở đấy vài ngày, nàng lại nhớ tình nhân, bèn nói nàng sẽ đi về nhà chồng, và nàng lại đi đến nhà của tình nhân. Khanh nói cho thiếu phụ ấy biết rằng còn có pháp luật của nhà vua. Bảo nàng phải sống với người chồng. Nếu không, vua sẽ truyền bắt nàng và nàng sẽ không còn mạng sống nữa. Hãy nói cho nàng biết phải cẩn thận!

Khi nghe vấn đề thứ chín, vua nói:

– Người phụ nữ ấy trước kia thường lấy tiền từ tay người đàn ông nào thì nàng không đi với người khác cho đến khi nàng đã để anh ta hưởng lạc xứng với số tiền kia. Do vậy, trước kia nàng đã nhận được nhiều tiền. Nay nàng đã từ bỏ nguyên tắc ấy của mình. Khi chưa từ giã một người mà nàng đã nhận tiền, nàng lại lấy tiền từ một người khác. Do vậy, nàng không có tiền vì không ai tìm đến nàng nữa. Nếu nàng duy trì nguyên tắc cũ của mình, sự việc sẽ giống như trước kia. Hãy bảo nàng duy trì nguyên tắc cũ của mình!

Khi nghe vấn đề thứ mười, vua nói:

– Người thôn trưởng ấy trước kia xử kiện đúng pháp và bình đẳng, do vậy được mọi người thương mến và thích thú. Vì thích ý, họ biếu anh ta nhiều quà tặng. Nhờ đó anh ta đẹp trai, có tài sản và danh vọng. Nay anh ta thích nhận tiền hối lộ và xử kiện không đúng pháp; do vậy, anh ta trở thành nghèo nàn, khốn khổ và bị bệnh vàng da. Nếu anh ta xử kiện đúng pháp như trước, mọi việc sẽ trở lại giống như trước. Anh ta không biết sự có mặt của vua chúa trong nước này. Hãy bảo anh ta phải xử kiện đúng pháp!

Như vậy, Gāmaṇicaṇḍa đã thuật lại tất cả vấn đề được nêu trên. Với trí tuệ của mình, vua đã giải quyết tất cả vấn đề ấy như đức Phật Nhất Thiết Trí và ban cho Gāmaṇicaṇḍa nhiều tài sản. Và ngôi làng Caṇḍa ở được vua ban thưởng cho ông ta như là một tặng vật dành cho một vị Bà-la-môn. Rồi vua bảo đưa ông ta đi về.

Caṇḍa ra khỏi thành, nói lại các câu trả lời của Bồ-tát cho các thanh niên Bà-la-môn, các vị khổ hạnh, con rắn chúa và nữ thần cây. Sau đó, ông ta lấy tài sản chôn tất cả tại chỗ chim đa đa đậu. Rồi ông ta lấy tổ ong mật từ thân cây mà dưới đó con nai ăn cỏ và gởi mật về dâng vua. Ông ta phá vỡ gò mối tại chỗ con rắn ở, thâu lượm tài sản chôn cất và thuật lại cách vua trả lời cho người thiếu phụ, người kỹ nữ và người thôn trưởng.

Rồi Caṇḍa đi về làng của mình với danh vọng lớn, và sống tại đấy cho đến hết đời, rồi đi theo nghiệp của mình. Còn vị vua có mặt sáng như gương ấy trọn

đời làm các công đức như bố thí, v.v... và sau khi mạng chung, ngài đi lên cõi trời làm đông đảo hội chúng chư thiên.

***

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới có đại trí tuệ mà thuở trước cũng đã có đại trí tuệ như vậy.

Sau khi kể pháp thoại này, Ngài thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, nhiều người chứng quả Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, quả A-la-hán. Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Gāmaṇicaṇḍa là Ānanda, còn vị vua có mặt sáng như gương ấy là Ta vậy.

§258. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG MANDHĀTU (*Mandhātujātaka*)[3] (*J.* II. 310)

Dầu có được bao nhiêu...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về chuyện một Tỳ-kheo thối thất tinh tấn.

Nghe nói Tỳ-kheo ấy đi khất thực ở Xá-vệ, thấy một nữ nhân trang sức đẹp đẽ và sanh tâm luyến ái. Các Tỳ-kheo đưa vị ấy đến pháp đường và trình diện với bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, đây là một Tỳ-kheo thối thất tinh tấn.

Bậc Đạo sư hỏi vị ấy:

– Có thật chăng ông thối thất tinh tấn?

Vị ấy nói:

– Thưa có thật, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỳ-kheo, ngay trong khi ông còn đang ở trong gia đình, ông có bao giờ thỏa mãn được ái dục này chăng? Ái dục giống như biển cả rất khó làm đầy. Thuở trước, có những vị Chuyển Luân Vương ngự trị trên bốn đại châu với hai ngàn hòn đảo vây quanh, bao trùm cả loài người, ngay cả khi ngự trị trên thiên giới của Bốn Đại Thiên Vương, hay ngự trị chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba, hoặc trên thiên giới của ba mươi sáu vị Thiên chủ Đế-thích; các vị ấy cũng không thể nào thỏa mãn được ái dục của mình, rồi mạng chung trước khi có thể thực hiện được việc ấy. Vậy làm sao ông có thể thỏa mãn ái dục này được?

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

[3] Tham chiếu: *Pháp cú kinh* "Lợi dưỡng phẩm" 法句經利養品 (*T*.04. 0210.33. 0571b26); *Xuất diệu kinh* "Dục phẩm"出曜經欲品 (*T*.04. 0212.2. 0626c27); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Ái dục phẩm" 法集要頌經愛欲品 (*T*.04. 0213.2. 0778a02).

Thuở xưa, trong những thời đại tối sơ của thế giới, Vua Mahāsammata có mặt ở đời. Vua có con trai tên là Roja. Roja có con trai tên là Vararoja. Vararoja có con trai tên là Kalyāṇa. Kalyāṇa có con trai tên là Varakalyāṇa. Varakalyāṇa có con trai tên là Uposatha. Uposatha có con trai tên là Mandhātu. Mandhātu có đầy đủ bảy báu vật, bốn thần thông và là bậc Chuyển Luân Vương trị vì quốc độ.

Khi tay trái vua co lại và vỗ nhẹ tay mặt thì cơn mưa bảy báu vật rơi xuống, ngập đến đầu gối, như một cơn mưa dông từ trời đổ xuống. Vua thật là một người kỳ diệu hy hữu. Ngài làm hoàng tử trong tám mươi bốn ngàn năm, làm phó vương cũng trong tám mươi bốn ngàn năm, làm vị Chuyển Luân Vương cũng trong tám mươi bốn ngàn năm. Tuổi thọ của ngài thật là vô lượng.

Một hôm, vì không thỏa mãn được ái dục, vua tỏ lộ vẻ bất mãn. Các đình thần thưa:

– Tâu Thiên tử, sao Thiên tử lại bất mãn?

– Khi xét đến sức mạnh công đức của ta thì vương quốc này để làm cái gì? Có trú xứ nào tốt đẹp khả ái hơn chăng?

– Tâu Đại vương, có thiên giới.

Vì thế, vua chuyển vận bánh xe báu, cùng với hội chúng đi lên cõi trời Bốn Thiên Vương. Bốn vị Đại vương với vòng hoa và hương thiên giới cầm tay, với thiên chúng vây quanh đi đến nghênh đón vua cùng lên thiên giới của chư vị và giao thiên giới ấy cho vua trị vì.

Vua cùng với hội chúng của mình trị vì thiên giới ấy trong một thời gian dài, nhưng tại đấy, vua không thể thỏa mãn ái dục và bắt đầu lộ vẻ bất mãn.

Bốn Thiên vương hỏi:

– Tâu Đại vương, sao Đại vương lại bất mãn?

– Có trú xứ nào đẹp hơn cõi trời này chăng?

– Tâu Thiên tử, chúng tôi giống như người hầu hạ của cõi trời trên! Cõi trời Ba Mươi Ba còn đẹp hơn cõi này nhiều!

Mandhātu chuyển bánh xe báu, với hội chúng của mình vây quanh đi tới, hướng mặt về cõi trời Ba Mươi Ba. Thiên chủ Đế-thích với vòng hoa và hương trời cầm tay, với thiên chúng vây quanh, đi đến nghênh đón, hướng dẫn vua và nói:

– Tâu Đại vương, hãy đi tới!

Vào thời vua cha đang du hành ở thiên giới giữa hội chúng chư thiên thì thái tử của ngài vận chuyển bánh xe báu đi xuống cõi người và ngự vào kinh thành của mình.

Đế-thích đưa Mandhātu đến cung điện cõi trời Ba Mươi Ba, chia một nửa vương quốc dâng vua này. Từ đấy trở đi, hai vị cùng trị vì cõi trời. Thời gian trôi qua như vậy cho đến khi Đế-thích đã sống ba mươi sáu triệu năm rồi mạng

chung và tái sanh cõi người. Một Đế-thích khác sanh ra trị vì thiên quốc, khi tuổi thọ hết liền mạng chung và tái sanh cõi người. Theo cách thức này, ba mươi sáu vị Đế-thích đã lần lượt mạng chung. Mandhātu với hội chúng của mình trị vì cõi trời. Như vậy, với thời gian trôi qua, lòng ái dục của vua càng tăng thịnh. Vua nghĩ: "Một nửa vương quốc có nghĩa gì đối với ta. Ta sẽ giết Đế-thích và ngự trị toàn vương quốc." Nhưng vua không thể giết Đế-thích được. Ái dục này là nguồn gốc tai họa của vua. Do vậy, thọ mạng của vua bắt đầu suy giảm. Tuổi già xâm chiếm thân ngài, nhưng một thân người không có thể tan rã trên cõi trời.

Từ thiên quốc, vua rơi xuống và đi vào một công viên. Người giữ công viên thấy vua liền báo tin cho hoàng gia. Họ liền đến nơi soạn một chỗ nằm cho ngài trong công viên, và vua nằm xuống trong sự mệt mỏi. Các đình thần hỏi:

– Tâu Thiên tử, khi Thiên tử mạng chung, Thiên tử sẽ nói lên lời dặn dò gì?

– Sau khi ta mạng chung, hãy nói cho quần chúng lời dặn này của ta: "Đại vương Mandhātu lên ngôi làm vị Chuyển Luân Vương, trị vì bốn đại châu lục, được vây quanh với hai ngàn hòn đảo, đã trị vì cõi trời Bốn Thiên Vương trong một thời gian và đã trị vì vương quốc ở thiên giới suốt thời gian dài bằng tuổi thọ của ba mươi sáu vị Đế-thích, nay đang mạng chung."

Nói vậy xong, vua mạng chung và đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư đọc những bài kệ này:

22. Dầu có được bao nhiêu, Mặt trăng và mặt trời,
Chiếu sáng khắp mọi phương, Tất cả là nô lệ,
Của Vua Mandhātu, Cùng tất cả chúng sanh,
Sống nương tựa cõi đất, Đều thuộc quyền Đại vương.

23. Dầu có mưa tiền vàng, Vẫn không thỏa ái dục,
Dục ít vị, khổ nhiều, Bậc trí ý thức vậy.[4]

24. Ngay cả các thiên dục, Cũng không đem an lạc,
Đệ tử bậc Chánh Giác, Chỉ thích ái diệt tận.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo thối thất và nhiều vị khác đắc quả Dự lưu.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, Đại vương Mandhātu là Ta vậy.

§259. CHUYỆN ẨN SĨ TIRĪṬAVACCHA (*Tirīṭavacchajātaka*) (*J.* II. 314)

Con thấy hạng người này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tôn giả Ānanda được

---

[4] *Dh.* v. 186-87.

cúng dường một ngàn tấm y, năm trăm tấm từ tay các cung nữ của vua xứ Kosala và năm trăm tấm từ chính tay vua. Câu chuyện này đã được diễn tả trong *Chuyện công đức*.[5]

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở nước Kāsi. Đến ngày lễ đặt tên, Bồ-tát được gọi là Tirīṭavaccha.

Đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát đi học các tài nghệ ở Takkasilā, sau đó lập gia đình. Khi cha mẹ mạng chung, Bồ-tát quá xúc động nên từ bỏ gia đình, xuất gia trở thành vị ẩn sĩ, tự nuôi sống bằng các thứ rễ cây và trái ở trong rừng và trú tại đấy. Trong khi Bồ-tát sống tại đấy thì ở biên giới Ba-la-nại có một cuộc dấy loạn. Chính vua cầm quân đi ra biên địa nhưng thua trận. Vua hốt hoảng vì sợ chết nên leo lên lưng voi và bỏ chạy theo con đường ven núi, đi lang thang trong rừng. Vào buổi sáng, trong khi Tirīṭavaccha đi tìm các loại trái cây thì vua đi đến am thất của Bồ-tát. Vua nghĩ: "Đây là trú xứ của các vị ẩn sĩ khổ hạnh", nên vua xuống voi. Mệt mỏi vì gió và nắng, vua khát nước liền tìm kiếm ghè nước để uống nhưng không thấy. Vua men theo đường kinh hành và thấy một giếng nước nhưng không tìm ra sợi dây gàu để kéo nước lên. Không chịu đựng nổi cơn khát nước, vua bèn lấy sợi dây nịt bụng con voi, cột dây vào thành giếng và sau đó cột dây vào chân của mình.

Vua leo xuống giếng nhờ dây nịt, nhưng dây nịt không đủ dài nên vua lấy thượng y cột vào đầu dây nịt để leo xuống, và cũng không tới mặt nước. Vua lấy ngón chân chạm đến nước, cũng không uống nước được, liền nghĩ: "Nếu không giải khát được, thà chết còn hơn", vua thả mình rơi xuống giếng, uống cho đến thỏa thích nhưng rồi không thể leo lên giếng được, bèn đứng tại chỗ ấy. Con voi được khéo huấn luyện, không đi chỗ khác; nó nhìn xuống vua và cũng đứng đợi vua.

Vào buổi chiều, Bồ-tát đem các trái cây về và thấy con voi liền nghĩ: "Nhà vua đã đến đây. Nhưng sao chỉ thấy con voi được nai nịt ở đây. Có việc gì vậy?" Vì thế, Bồ-tát đi đến con voi. Con voi biết Bồ-tát đi đến gần, liền đứng qua một bên. Bồ-tát đi đến thành giếng và thấy vua ở dưới đáy. Bồ-tát an ủi vua và nói: "Thưa Đại vương, chớ sợ hãi!" Bồ-tát cột một cái thang kéo vua lên, xoa bóp thân vua, bôi dầu, cho vua tắm, mời vua ăn các trái cây, v.v... và cởi áo giáp cho con voi.

Vua nghỉ tại đấy hai, ba ngày, rồi mời Bồ-tát nhận lời đến thăm vua và ra đi. Quân đội của vua đóng trại không xa thành phố, thấy vua đi đến liền vây quanh vua.

---

[5] Xem *J.* II. 23, *Guṇajātaka* (*Chuyện công đức*), số §157.

Còn Bồ-tát, sau một tháng rưỡi, đi đến Ba-la-nại và trú tại công viên. Sáng hôm sau, Bồ-tát đi đến cung vua khất thực. Lúc ấy, vua mở rộng cánh cửa sổ lớn và đang nhìn xuống sân, thấy Bồ-tát, nhận ra ngài, liền từ lâu đài đi xuống và đảnh lễ ngài. Rồi vua đưa Bồ-tát vào phòng hội lớn, đặt ngài ngồi trên long sàng có một lọng trắng che phía trên, mời ngài dùng món ăn dành riêng cho mình.

Sau khi ăn xong, vua đưa Bồ-tát về công viên, bảo xây dựng một con đường kinh hành có mái che nắng, một tịnh thất cho Bồ-tát và hiến cúng đầy đủ các vật dụng cần thiết của một vị xuất gia. Sau khi giao Bồ-tát cho người giữ vườn chăm sóc, vua đảnh lễ Bồ-tát rồi ra đi. Từ đấy, Bồ-tát ăn tại cung vua. Vua hết sức tôn trọng và cung kính Bồ-tát.

Nhưng các đình thần không chịu nổi việc như vậy, họ nói:

– Nếu một người lính được hưởng vinh dự như vậy thì nó làm được gì?

Rồi họ đi đến gặp vị phó vương và nói:

– Thưa Thiên tử, Đại vương của chúng thần quá ái mộ một vị tu khổ hạnh, không biết Đại vương thấy được gì ở vị ấy. Xin ngài bàn luận với Đại vương về vấn đề này.

Vị phó vương bằng lòng cùng với đình thần đến gặp vua, đảnh lễ và đọc bài kệ đầu:

25. Con thấy hạng người này,
Không có chút trí tuệ,
Nó không phải bà con,
Cũng không phải bạn vua.
Tại sao ẩn sĩ này,
Với ba cây que nhỏ,
Tirīṭavaccha,
Lại được ăn thượng vị?

Nghe như vậy, vua nói với hoàng tử:

– Này con thân, trước kia, khi cha đi đến biên địa đánh giặc và thất trận, cha đã không về hai, ba ngày con có nhớ chăng?

Hoàng tử trả lời:

– Con có nhớ.

Vua nói:

– Lúc ấy, cha nhờ người này cứu mạng sống.

Rồi vua kể toàn câu chuyện cho hoàng tử nghe. Vua nói:

– Này con thân, nay người cứu mạng cha đến với cha. Dầu cha có cho vị ấy cả vương quốc, cha cũng không thể đền đáp công đức của ngài.

Và vua đọc các bài kệ:

26. Trong khi ta gặp nạn,
Vì chiến đấu thất bại,
Ta chỉ có một mình,
Chính vị ấy đưa tay,
Trong rừng sâu ghê rợn,
Nhờ vị ấy, ta thoát,
Ra khỏi cảnh khó khăn,
Cơn đau khổ vây chặt.

27. Nhờ sự giúp đỡ này,
Ta đã trở về đây,
Thoát khỏi hàm thần chết,
Trở lại với đời sống.
Này hoàng tử con thân,
Tirīṭavaccha,
Xứng đáng được lợi dưỡng,
Hãy cúng dường tài sản,
Cùng các lễ tế đàn.

Như vậy, vua nói lên công đức của Bồ-tát, như làm trăng mọc lên giữa hư không. Và các công đức của Bồ-tát được tuyên dương khắp mọi nơi, nên ngài nhận được nhiều lợi dưỡng và lòng kính trọng.

Từ đấy về sau, vị phó vương hay các đình thần hay bất cứ ai khác đều không dám nói gì chống Bồ-tát với vua và vua vâng theo lời dạy của Bồ-tát, làm công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi lên làm đông đảo hội chúng thiên giới. Còn Bồ-tát đạt được các thắng trí và thiền chứng, cuối cùng được sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Rồi bậc Đạo sư nói thêm:

– Các bậc Hiền trí thời xưa cũng đã có lòng giúp đỡ.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nhà vua là Ānanda, còn vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§260. CHUYỆN SỨ GIẢ (*Dūtajātaka*) (*J.* II. 317)

Vì mục đích cái bụng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo tham lam. Câu chuyện này sẽ được trình bày trong chương IX, *Chuyện chim hồng nga.*[6] Bậc Đạo sư nói với vị ấy:

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông mới tham ăn. Thuở trước, ông cũng đã vậy rồi. Do lòng tham ông đã bị gươm chém đầu.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm hoàng tử. Khi đến tuổi trưởng thành, hoàng tử học các tài nghệ ở Takkasilā. Sau khi phụ thân mất, hoàng tử lên ngôi vua và rất ham thích các món cao lương mỹ vị nên được gọi là "Vua thích mỹ vị".

Người ta nói, vua dùng các món ăn một cách hoang phí đến độ chỉ một đĩa cơm cũng đã tiêu hết một trăm ngàn đồng tiền vàng. Khi ăn, vua không ăn trong nhà, vì muốn cho quần chúng trông thấy các buổi ăn sáng hoang phí của mình, vua truyền dựng một cái đình được trang hoàng châu báu tại cửa cung và

[6] Xem *J.* III. 520, *Cakkavākajātaka* (*Chuyện chim hồng nga*), số §434; *J.* III. 314, *Kākajātaka* (*Chuyện con quạ*), số §395.

đến giờ ăn, vua bảo trang hoàng ngôi đình ấy. Rồi vua ngồi trên long sàng toàn bằng vàng có lọng trắng che phía trên, hai bên có các công chúa vây quanh, vua dùng các món ăn có trăm vị tuyệt hảo trong các đĩa vàng trị giá trăm ngàn đồng tiền vàng.

Bấy giờ, có một người tham ăn nhìn sự hoang phí trong cách ăn uống của vua và thèm muốn đồ ăn ấy. Không thể đè nén cơn thèm, anh ta tìm ra một phương tiện, liền mặc áo nai nịt quanh bụng thật chặt chẽ, giơ hai tay lên cao và la lớn tiếng:

– Tâu Đại vương, tôi là sứ giả! Sứ giả!

Rồi anh ta chạy đi đến gần vua. Lúc bấy giờ, trong quốc độ ấy, nếu người nào nói: "Tôi là sứ giả" thì không ai ngăn cản người ấy. Do vậy, dân chúng chia ra làm hai, nhường chỗ cho anh ta đi qua. Anh ta chạy thật mau đến trước vua chụp lấy một miếng cơm từ đĩa của vua và bỏ vào miệng. Một vệ sĩ tuốt gươm ra định chém đầu anh ta. Nhưng vua ngăn cản vị ấy và nói:

– Chớ chém!

Rồi vua bảo anh ta:

– Chớ sợ gì cả, hãy ăn đi!

Sau khi rửa tay, anh ta ngồi xuống. Cuối bữa ăn, vua cho anh ta uống nước và ăn trầu của vua, rồi hỏi:

– Này người kia, vậy ngươi là sứ giả của ai?

– Thưa Đại vương, tôi là sứ giả của lòng tham, tôi là sứ giả của cái bụng. Chính lòng tham sai tôi đến đây.

Nói vậy xong, anh ta đọc hai bài kệ:

28. Vì mục đích cái bụng, Người ta đi thật xa,
Đi đến cả kẻ thù, Để cầu xin ân huệ,
Tôi đây là sứ giả, Của chính cái bụng mình.

29. Xin chớ phẫn nộ tôi, Ôi, Chúa tể vương xa!
Suốt cả ngày lẫn đêm, Mọi người trên đời này,
Đều rơi vào uy lực, Của cái bụng tham ăn.

Vua nghe nói vậy liền phán:

– Sự thật là vậy, những người này là sứ giả của cái bụng. Chúng bị tham dục chi phối nên chúng phải đi khắp nơi. Kẻ này đã nói lên thật khéo léo làm sao!

Vua bằng lòng với người ấy và đọc bài kệ thứ ba:

30. Hỡi này Bà-la-môn, Ta ban thưởng cho ông,
Một ngàn bò cái đỏ, Một bò đực thêm vào,
Đây là phần quà tặng, Giữa sứ giả với nhau,
Vì tất cả chúng ta, Là sứ giả cái bụng!

Nói vậy xong, vua tiếp:

– Ta vừa nghe một điều mà trước kia ta chưa từng nghe hay chưa từng nghĩ đến do vị đại nhân này nêu ra.

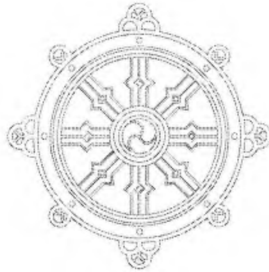
Vua hoan hỷ ban cho anh ta danh vọng lớn.

***

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng các sự thật và cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo tham ăn đã đắc quả Bất lai và nhiều người khác đắc các quả kia.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người tham ăn ấy là vị Tỷ-kheo tham lam này, còn vị vua thích cao lương mỹ vị là Ta vậy.



II. PHẨM KOSIYA
(*KOSIYAVAGGA*)[7]

§261. CHUYỆN HOA SEN (*Padumajātaka*) (*J.* II. 321)

Như tóc râu bị cắt...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một số Tỷ-kheo cúng dường vòng hoa tại cây Bồ-đề Ānanda. Câu chuyện sẽ được trình bày ở *Chuyện Vua Kāliṅga và cây Bồ-đề*.[8]

Cây này được gọi là cây Bồ-đề Ānanda, vì Trưởng lão Ānanda đã trồng cây ấy. Tin về cây Bồ-đề được Trưởng lão Ānanda trồng ở cổng tinh xá Kỳ Viên truyền đi khắp cõi Diêm-phù-đề.

Một số Tỷ-kheo ở thôn quê muốn cúng dường vòng hoa tại cây Bồ-đề Ānanda. Họ đi đến Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư và ngày hôm sau họ lại đi vào thành Xá-vệ, đến con đường bán hoa sen xanh. Nhưng không nhận được vòng hoa nào, họ liền đi đến Tôn giả Ānanda và thưa:

– Thưa Hiền giả, chúng tôi muốn cúng dường vòng hoa tại cây Bồ-đề và đi đến con đường bán hoa sen xanh, nhưng không nhận được một vòng hoa nào cả.

Vị Trưởng lão nói:

– Tôi sẽ đem hoa đến.

Rồi Trưởng lão đi đến con đường bán hoa sen xanh, và nhận được nhiều bó hoa sen xanh đem về cho các Tỷ-kheo ấy. Các vị này lấy các bó hoa ấy và làm lễ cúng dường cây Bồ-đề.

Biết được tin này, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường nói lên lời tán thán các công đức của Trưởng lão Ānanda:

– Thưa các Hiền giả, các Tỷ-kheo ở thôn quê ít phước đức nên đã đi đến con đường bán hoa sen xanh mà không nhận được vòng hoa nào. Còn Trưởng lão Ānanda đi đến sau lại đem về nhiều bó hoa.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nay hội họp ở đây đang bàn luận vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

---

[7] Bản Tích Lan và CST viết *Padumavagga*, nghĩa là *Phẩm Hoa sen*.

[8] Xem *J.* III. 228, *Kāliṅgabodhijātaka* (*Chuyện Vua Kāliṅga và cây Bồ-đề*), số §479.

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay những người ăn nói khéo léo nhận được vòng hoa mà thuở trước họ cũng đã nhận được như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là con trai vị triệu phú. Trong thành có một hồ sen thường nở hoa. Một người có lỗ mũi sứt canh giữ cái hồ ấy.

Một hôm, một ngày hội lớn được tổ chức ở Ba-la-nại, ba người con trai của triệu phú muốn đeo vòng hoa để vui chơi lễ hội, liền bảo nhau:

– Chúng ta sẽ tán tỉnh con người bị sứt mũi này và xin vài vòng hoa.

Vì vậy, vào giờ người ấy hái hoa sen, họ đi đến gần hồ và đứng đợi một bên. Một người trong bọn nói với người giữ hồ ấy qua bài kệ đầu:

31. Như tóc râu bị cắt, Sẽ mọc lên như cũ,
Cũng vậy lỗ mũi ông, Sẽ mọc lại như tóc,
Nay tôi xin hoa sen, Hãy cho tôi một bông!

Người giữ hồ tức giận không cho hoa sen. Rồi người thứ hai nói lên bài kệ thứ hai với người giữ hồ ấy:

32. Như hột giống mùa thu, Được gieo trong thửa ruộng,
Sẽ được mọc lên mau, Cũng vậy lỗ mũi ông,
Ước mong sẽ mọc lên, Nay tôi xin hoa sen,
Hãy cho tôi một bông!

Người giữ hồ vẫn tức giận không cho hoa sen. Rồi người thứ ba nói lên bài kệ thứ ba với người giữ hồ ấy:

33. Hai đứa nói nhảm nhí, Chúng nghĩ được bông sen,
Dầu nói có, nói không, Mũi cũng không mọc lại,
Này bạn hãy cho tôi, Hoa sen, tôi xin bạn!

Nghe lời anh ta, người giữ hồ sen nói:

– Cả hai người này đều nói láo. Chỉ có bạn nói đúng sự thật. Bạn xứng đáng được các bông sen.

Rồi người giữ hồ cho anh ta một bó hoa sen và đi về hồ của mình.

***

Khi bậc Đạo sư nói xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con trai vị triệu phú nhận được hoa sen là Ta vậy.

§262. CHUYỆN BÀN TAY MỀM MẠI (*Mudupāṇijātaka*) (*J.* II. 323)

Một bàn tay mềm mại...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Khi Tỷ-kheo ấy được đưa đến pháp đường, bậc Đạo sư hỏi:

– Có thật chăng ông thối thất tinh tấn?

Vị ấy trả lời:

– Bạch Thế Tôn, có thật vậy.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Tỷ-kheo, không thể nào canh giữ nữ nhân khỏi chạy theo dục vọng của chúng. Ngay cả các bậc Hiền trí thuở xưa cũng không thể canh giữ các con gái của họ. Dầu chúng đứng nắm tay cha, chúng vẫn chạy trốn theo người tình mà cha chúng không biết.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát tái sanh ra làm con hoàng hậu chánh cung. Đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát học các tài nghệ ở Takkasilā, khi phụ vương mạng chung, ngài được đặt lên vương vị và trị nước đúng pháp. Bồ-tát nuôi dưỡng con gái mình và con trai của người chị trong nội cung. Một hôm, vua nói với đình thần:

– Sau khi trẫm qua đời, cháu trai trẫm sẽ làm vua và con gái trẫm sẽ làm hoàng hậu chánh cung.

Sau một thời gian, khi cả hai đều khôn lớn, Bồ-tát ngồi nói với các đình thần:

– Trẫm sẽ đem về một công chúa khác cho cháu trai và sẽ gả con gái trẫm cho một hoàng gia khác. Như vậy chúng ta sẽ có nhiều bà con.

Các đình thần đều đồng ý. Bồ-tát gửi cháu trai ra ở ngoài và ngăn cấm chàng ra vào nội cung. Nhưng cả hai người ấy đã thương yêu nhau. Chàng trai nghĩ: "Không biết có phương tiện gì đem công chúa ra ngoài? À có phương tiện này!" Chàng trai đem cho bà vú một món quà, bà vú hỏi:

– Thưa Hoàng tử, cần phải làm gì?

Hoàng tử đáp:

– Này vú, làm thế nào để chúng tôi có cơ hội đưa nàng ra ngoài?

– Lành thay, thưa Hoàng tử, để tôi nói với công chúa rồi sẽ cho Hoàng tử biết sau!

– Lành thay, thưa vú!

Rồi bà vú đi đến công chúa và nói:

– Hãy để tôi bắt những con chấy trên đầu Công chúa!

Rồi bà đặt công chúa ngồi xuống một chiếc ghế thấp và bà ngồi xuống một chiếc ghế cao hơn và kê đầu công chúa trên bắp vế của mình. Trong khi bắt chấy, bà lấy móng tay gãi đầu công chúa. Công chúa hiểu: "Người này không

gãi với móng tay của mình mà gãi với móng tay của hoàng tử, con trai của cô ta." Vì vậy, công chúa hỏi:

– Này vú, vú có đi đến gặp hoàng tử không?

– Thưa Công chúa, có!

– Hoàng tử đã nói gì với vú?

– Thưa Công chúa, hoàng tử hỏi có phương tiện gì để đưa Công chúa ra ngoài.

Công chúa nói:

– Nếu hoàng tử là người hiền trí, hoàng tử sẽ biết.

Rồi công chúa đọc lên bài kệ đầu. Đọc xong, nàng nói:

– Này vú, hãy học thuộc bài kệ này và nói lại cho hoàng tử:

34. Một bàn tay mềm mại, Con voi khéo huấn luyện,
Và đêm tối trời mưa, Ấy là thời thích hợp.

Bà vú học thuộc lòng bài kệ ấy rồi đi đến hoàng tử. Chàng hỏi:

– Này vú, công chúa nói gì?

Bà đáp:

– Không nói gì khác, chỉ gửi bài kệ này.

Và bà vú đọc bài kệ. Chàng hiểu ý bài kệ liền nói với bà vú:

– Thôi vú hãy về đi!

Hoàng tử biết đúng đắn ý nghĩa bài kệ này, liền tìm một người hầu trẻ đẹp trai có bàn tay mềm mại và chuẩn bị công việc. Chàng lại hối lộ người nài giữ vương tượng huấn luyện con voi ấy trở thành bình thản, rồi hoàng tử ngồi chờ đợi thời cơ đến.

Đến ngày trai giới Bố-tát thuộc phần đêm tối trời, ngay sau canh giữa, mưa rơi xuống từ một đám mây đen dày đặc. Hoàng tử nghĩ: "Đây là ngày công chúa muốn nói", rồi chàng leo lên con voi, đặt người hầu trẻ có bàn tay mềm mại ấy ngồi trên lưng voi và ra đi. Ở phía đối diện cung vua, hoàng tử cho cột con voi vào bức tường lớn của cái sân chầu rộng, rồi chàng đứng ở cửa sổ với thân bị ướt đẫm nước mưa.

Bấy giờ, vua canh giữ công chúa, không cho phép nàng ngủ chỗ nào khác, trừ một chiếc giường nhỏ gần vua. Công chúa nghĩ: "Hôm nay hoàng tử sẽ đến", vì vậy, nàng nằm xuống nhưng không ngủ. Rồi công chúa nói:

– Thưa cha thân, con muốn tắm.

Vua nói:

– Hãy đi, này con thân!

Vua nắm tay công chúa, dắt đến gần cửa sổ và nói:

– Hãy tắm đi con!

Rồi vua bồng công chúa lên, đặt công chúa trên bệ đá hình hoa sen ở ngoài cửa sổ và nắm một tay công chúa.

Trong khi đang tắm, công chúa đưa tay cho hoàng tử. Hoàng tử cởi các chiếc vòng từ tay công chúa đeo vào tay người hầu trẻ, rồi bồng chàng trai trẻ ấy lên, đặt anh ta trên chỗ tượng hoa sen bên cạnh công chúa. Nàng nắm tay người hầu trẻ ấy và đặt nó vào tay của phụ vương. Vua nắm tay anh ta và thả tay công chúa, công chúa cởi các đồ trang sức từ bàn tay kia của mình và đeo chúng vào tay kia của người hầu trẻ, rồi đặt bàn tay ấy vào tay phụ vương và đi theo hoàng tử. Nhà vua cứ tưởng rằng người hầu trẻ ấy là con gái mình. Và khi tắm xong, vua cho anh ta nằm trên long sàng, đóng cửa và niêm lại, sau đó đặt một người canh rồi vua đi ngủ.

Vào sáng hôm sau, vua mở cửa thấy cậu trai trẻ liền hỏi:

– Sao lại thế này?

Cậu liền kể cách đi trốn của công chúa với hoàng tử. Vua rất thất vọng suy nghĩ: "Dầu ta có nắm tay, cũng không thể canh giữ nữ nhân khỏi trốn được. Như vậy, không ai có thể canh giữ nổi đàn bà."

Rồi vua đọc bài kệ khác:

35. Dầu lời nói dịu dàng, Chúng không hề biết đủ,
Chúng chìm, chìm sâu xuống, Rất khó làm đầy tràn,
Đàn ông hãy lánh xa, Chạy trốn chúng thật xa!

36. Nếu chúng phục vụ ai, Vì dục hay tiền tài,
Chúng thiêu sạch người ấy, Như chất đốt trong lửa.

Nói vậy xong, Bồ-tát thêm:

– Ta phải nâng đỡ cháu trai ta.

Rồi vua làm lễ gả công chúa cho hoàng tử thật long trọng, vinh hiển và đặt hoàng tử lên chức phó vương. Khi người cậu, tức vua cha mạng chung, chàng lên kế vị.

***

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nhà vua là Ta vậy.

§263. CHUYỆN ÍT DỤC THAM (*Cullapalobhanajātaka*) (*J.* II. 327)

Không phải rẽ nước biển...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Khi Tỷ-kheo ấy được đưa đến pháp đường, bậc Đạo sư hỏi:

– Có thật chăng ông thối thất tinh tấn?

Vị ấy trả lời:

– Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

Bậc Đạo sư nói:

– Các nữ nhân làm uế nhiễm ngay cả với các bậc thanh tịnh thuở xưa.

Rồi Ngài kể chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vua không có con trai. Vua nói với các cung phi của mình:

– Hãy cầu nguyện để sanh con trai!

Và họ liền cầu tự. Như vậy, một thời gian dài trôi qua, Bồ-tát từ Phạm thiên giới đi xuống và nhập thai của bà hoàng hậu chánh cung. Vừa sanh xong, sau khi tắm, Bồ-tát được đưa cho một người vú khác. Khi chạm tay nữ nhân, Bồ-tát lại khóc, không giữ im lặng. Rồi Bồ-tát được đưa cho một người hầu là nam nhân. Vừa được người hầu ấy bồng, hài nhi liền im lặng.

Từ đấy trở đi, chỉ những người nam ẵm hài nhi qua lại. Khi bú sữa, họ nặn sữa rồi cho Bồ-tát uống, hay đặt một cái màn giữa hài nhi và bà vú. Sau một thời gian, Bồ-tát lớn lên, nhưng vẫn không thể nhìn nữ nhân. Vua cha làm cho Bồ-tát một chỗ ngồi riêng biệt và một thiền thất riêng biệt.

Khi Bồ-tát lên mười sáu tuổi, vua suy nghĩ: “Ta không có một con trai nào khác. Còn đứa con trai này lại không hưởng thụ các dục, không muốn cai trị vương quốc. Thật sự ta có đứa con trai như vậy để làm gì?”

Bấy giờ, một kỹ nữ giỏi về múa, hát và nhạc, trẻ tuổi, có khả năng quyến rũ những người đàn ông mà nàng gần gũi. Nàng đến hầu vua và thưa:

– Tâu Thiên tử, ngài đang nghĩ gì vậy?

Vua kể lại sự việc ấy. Nàng kỹ nữ thưa:

– Tâu Thiên tử, hãy yên tâm! Thiếp sẽ quyến rũ hoàng tử và làm cho hoàng tử nếm hương vị của ái tình.

– Nếu nàng có thể quyến rũ con ta, một hoàng tử không hề biết đến hương vị đàn bà thì khi con ta làm vua, nàng sẽ làm hoàng hậu!

Nàng kỹ nữ ấy nói:

– Tâu Thiên tử, trách nhiệm ấy là của thiếp, Thiên tử chớ lo lắng!

Nói xong, nàng kỹ nữ đi đến những người đàn ông canh gác và nói:

– Sáng sớm tôi sẽ đến đứng ở ngoài thiền thất gần phòng hoàng tử nằm và tôi sẽ hát! Nếu hoàng tử tức giận, hãy nói cho tôi biết, tôi sẽ bỏ đi. Nhưng nếu hoàng tử lắng nghe thì hãy khen ngợi tôi!

Họ bằng lòng. Sáng hôm sau, nàng đến đứng tại chỗ ấy và cất tiếng hát với giọng ngọt lịm. Rồi tiếng đàn êm dịu trỗi lên không kém gì tiếng hát ngọt

ngào và tiếng hát ngọt ngào không kém gì tiếng đàn êm dịu. Hoàng tử nằm lắng nghe. Ngày kế đó, hoàng tử bảo kỹ nữ ấy đứng gần và hát; ngày kế nữa, chàng bảo nàng đứng trong thiền thất và hát; ngày kế nữa, chàng bảo nàng đứng gần mình và hát. Như vậy, dần dần dục vọng khởi lên trong lòng hoàng tử và hoàng tử đi theo thói thường của người đời, biết được hương vị của ái tình, đến độ hoàng tử cầm gươm và dọa:

– Ta không cho phép một ai khác thấy nữ nhân này!

Hoàng tử chạy ra ngoài đường, đuổi theo các người đàn ông. Vua truyền bắt hoàng tử và thiếu nữ kia rồi đuổi họ ra khỏi thành. Hai người đi vào rừng, xuống hạ lưu sông Hằng. Tại đó, một bên là sông Hằng, một bên là biển, họ dựng lên am thất sống với nhau. Thiếu nữ ngồi trong chòi lá nấu các củ và rau. Còn Bồ-tát mang củ quả từ rừng về.

Một hôm, trong khi Bồ-tát đi tìm quả trong rừng, một ẩn sĩ khổ hạnh từ một đảo trên biển đi ngang qua hư không để tìm đồ ăn khất thực, thấy khói liền hạ xuống trước am thất. Thiếu nữ ấy nói:

– Hãy ngồi chờ cho đến khi nấu xong!

Nàng mời vị khổ hạnh ấy ngồi xuống, và lấy vẻ duyên dáng của phụ nữ quyến rũ vị ấy, làm vị ấy không thể thiền định và mất Phạm hạnh. Vị tu khổ hạnh ấy giống như con quạ gãy cánh, không thể từ bỏ nàng, trọn ngày đứng tại đấy. Khi thấy Bồ-tát đi về, vị ấy liền chạy ra hướng biển thật mau. Bồ-tát nghĩ: "Đây chắc là một kẻ thù", liền rút kiếm đuổi theo, còn vị tu khổ hạnh làm cử chỉ như muốn bay, liền rơi xuống biển. Bồ-tát suy nghĩ: "Vị khổ hạnh này có lẽ đã đến đây ngang qua hư không, nay bị thối thất thiền định nên rơi xuống biển. Ta phải cứu vị ấy!" Vì vậy, vừa đứng trên bờ biển, Bồ-tát đọc những bài kệ này:

37. Không phải rẽ nước biển, Nhưng với thần thông lực,
Ngài du hành qua đây, Vào buổi mai thật sớm,
Liên hệ ác nữ nhân, Ngài phải chìm xuống biển.

38. Làm mọi người thối thất, Đầy mê hoặc huyễn ảo,
Quyến rũ người thanh tịnh, Khiến họ chìm dần xuống.

39. Kẻ trí biết nữ nhân, Nên xa lánh, từ bỏ.
Nữ nhân phục vụ ai, Vì dục hay tiền tài,
Chúng đốt sạch người ấy, Như lửa thiêu hủy củi!

Nghe lời Bồ-tát nói vậy, vị tu khổ hạnh đứng giữa biển làm phát khởi thiền lực đã mất và bay lên hư không, rồi đi về trú xứ của mình. Bồ-tát suy nghĩ: "Vị tu khổ hạnh này với gánh nặng như vậy, đã bay lên hư không như một nhúm bông. Ta cũng phải làm phát khởi thiền lực như vị ấy để có thể bay lên hư không."

Vì vậy, Bồ-tát về am dẫn nữ nhân ấy trở lại với quần chúng rồi bảo nữ nhân ấy ra đi, còn mình lui vào rừng dựng am thất tại một nơi xinh tốt và làm vị ẩn

sĩ. Ngài chọn đề tài thiền định, rồi đạt các thắng trí và các thiền chứng, về sau được sanh lên thiên giới.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, hoàng tử lúc nhỏ không liên hệ với nữ nhân là Ta vậy.

§264. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG MAHĀPANĀDA
(*Mahāpanādajātaka*)[9] (*J.* II. 331)

Vua Panāda có cung điện ấy...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài ghé đến bên bờ sông Hằng về thần thông của Trưởng lão Bhaddaji.

Một dịp kia, khi bậc Đạo sư đã an cư mùa mưa ở Xá-vệ, Ngài nghĩ nên ban ân đức cho một trưởng giả trẻ tuổi tên Bhaddaji. Vì thế, Ngài cùng các Tỷ-kheo lên đường tới thành Bhaddiya và ở lại đó ba tháng trong rừng Jātiyā chờ đợi cho đến khi chàng trai ấy thuần thục và kiện toàn về tri thức.

Bấy giờ, thanh niên Bhaddaji là một nhân vật cao sang, con trai độc nhất của một phú thương ở Bhaddiya, hưởng một gia tài tám trăm triệu đồng. Chàng có ba ngôi nhà dùng cho ba mùa khác nhau, mỗi mùa chàng ở bốn tháng trong một ngôi nhà. Sau thời kỳ ở trong một ngôi nhà, chàng cùng với bà con, bạn bè dời đến một ngôi nhà khác trong cảnh xa hoa lộng lẫy. Vào các dịp này, cả thành phố thường nô nức đi xem cảnh sang trọng của chàng thanh niên ấy và giữa các ngôi nhà ấy, người ta thường dựng lên biết bao chỗ ngồi theo hình vòng tròn, hàng hàng lớp lớp chồng chất lên nhau.

Sau khi đã trú nơi kia được ba tháng, bậc Đạo sư báo cho dân trong thành biết Ngài định ra đi. Dân trong thành xin Ngài hãy nán lại đến ngày mai. Thế là hôm sau, họ góp đủ thứ tặng vật để cúng dường đức Phật và các Tỷ-kheo đệ tử của Ngài. Họ dựng một cái rạp ở giữa thành phố, trang hoàng đẹp đẽ, sắp xếp các chỗ ngồi, rồi thông báo rằng đã đến giờ. Bậc Đạo sư cùng đoàn Tỷ-kheo thứ lớp đến ngồi vào đó. Mọi người đều đến cúng dường rất hào phóng. Khi thọ thực xong, bậc Đạo sư với giọng ngọt ngào như mật đã nói lời tùy hỷ công đức với họ.

Vào lúc này, thanh niên Bhaddaji đang từ một ngôi nhà của chàng dời sang ngôi nhà khác. Nhưng hôm đó, chẳng có người nào đến ngắm vẻ lộng lẫy, rực rỡ của chàng ngoài những người nhà của chàng. Vì thế, chàng hỏi những người của chàng vì sao như thế. Thường thường, tất cả thành phố đều nô nức xem chàng đi từ nhà này qua nhà nọ, các chỗ ngồi đã được sắp đặt vòng này trên

[9] Xem *J.* IV. 314, *Surucijātaka* (*Chuyện Đại vương Suruci*), số §489; *Thag.* v. 163, *Bhaddajittheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Bhaddaji*); *Mv.* V. 19; *Divy.* 57.

vòng nọ, dãy này trên dãy kia; ấy thế mà bây giờ chẳng có ai cả ngoài những kẻ tùy tùng của riêng chàng! Lý do gì như vậy?

Chàng được trả lời:

– Thưa chủ nhân, đức Phật đã ở suốt ba tháng gần thành phố và hôm nay Ngài ra đi. Ngài vừa thọ thực xong và đang thuyết pháp. Cả thành phố đều đang ở đó nghe Ngài dạy.

Chàng nói:

– Tốt lắm, chúng ta cũng sẽ đến đó nghe Ngài!

Thế rồi chàng trang sức lộng lẫy cùng với số đông tùy tùng đứng ở mé ngoài đám đông. Khi chàng nghe thuyết pháp, chàng vứt bỏ hết mọi tham dục cấu uế, đắc quả vị cao rồi đạt Thánh quả.

Bậc Đạo sư bảo vị thương gia thành Bhaddiya:

– Thưa ngài, con trai của ngài trông vẻ xa hoa, khi nghe Ta thuyết pháp đã trở thành một bậc Thánh; chính ngày hôm nay, vị ấy hoặc sẽ sống đời tu hành, hoặc sẽ nhập Niết-bàn.

Vị thương gia nói:

– Bạch Thế Tôn, tôi không muốn con tôi nhập Niết-bàn. Xin Ngài chấp nhận cho nó xuất gia. Rồi ngày mai, xin thỉnh Ngài cùng với nó đến nhà tôi!

Thế Tôn nhận lời mời ấy. Ngài đưa vị trưởng giả trẻ tuổi đến tinh xá, nhận chàng vào Giáo đoàn, sau đó thọ Tiểu giới và Đại giới. Suốt một tuần, cha mẹ của chàng trai ấy tiếp đãi chàng rất nồng hậu.

Sau bảy ngày như thế, bậc Đạo sư mang chàng theo khi đi khất thực, đến một ngôi làng tên là Koṭi. Dân làng Koṭi kính cẩn cúng dường đức Phật và đệ tử của Ngài. Sau khi thọ thực xong, bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ. Trong lúc ấy, chàng trưởng giả đi ra khỏi làng, ngồi bên một bến của sông Hằng dưới một gốc cây mà trầm tư quán tưởng và nghĩ rằng khi nào bậc Đạo sư đến, chàng sẽ đứng lên. Khi các Trưởng lão cao niên nhất đến gần, chàng vẫn không đứng dậy, nhưng khi bậc Đạo sư đến thì chàng đứng lên ngay.

Những người chưa hiểu đạo lấy làm bất bình vì chàng xử sự như thể một Tỷ-kheo thuộc hàng trưởng thượng, chàng đã không đứng dậy khi thấy các Trưởng lão cao niên nhất đến gần.

Dân làng làm những chiếc bè để đức Phật và các Tỷ-kheo sang sông. Sau đó, bậc Đạo sư hỏi Bhaddaji ở đâu.

– Bạch Ngài, kia kìa.

– Đến đây Bhaddaji, hãy lên bè của Ta!

Trưởng lão đứng lên, theo Ngài đến chiếc bè của Ngài. Khi bè ra tới giữa sông, bậc Đạo sư hỏi Bhaddaji:

– Này Bhaddaji, đâu là cung điện mà ông đã ở lúc Đại vương Panāda là vua?

Bhaddaji đáp:

– Thưa ở đây, phía dưới nước.

Những kẻ chưa hiểu đạo bảo với nhau:

– Trưởng lão Bhaddaji đang tỏ ra mình là một vị Thánh đấy!

Sau đó, bậc Đạo sư bảo vị ấy hãy đánh tan mối nghi ngờ của các bạn đồng tu. Lập tức, Trưởng lão cúi mình đảnh lễ bậc Đạo sư, và do thần lực, ông nắm toàn bộ khối cung điện trên đầu ngón tay rồi bay vụt lên không, mang theo cả tòa cung điện [bao trùm một khoảng tới hai mươi lăm do-tuần]. Sau đó, ông tạo một lỗ hổng bên trong và xuất hiện trước những chúng sanh đang có mặt trong cung điện dưới nước rồi tung cả tòa lâu đài lên khỏi mặt nước một do-tuần, rồi hai, rồi ba do-tuần. Những ai từng là bà con thân thích của ông trong tiền kiếp kia vì quá yêu thích cung điện ấy, nay đã trở thành cá, rùa, rắn nước, cóc, nhái sanh ra ngay tại nơi ấy.

Bấy giờ, khi cả tòa cung điện bị tung lên, chúng giãy giụa lăn lóc cả ra ngoài rồi rơi bì bõm xuống nước lại. Bậc Đạo sư thấy thế liền bảo:

– Này Bhaddaji, các bà con thân thích của ông đang khốn đốn đấy!

Nghe Ngài dạy thế, Trưởng lão liền thả cả tòa cung điện ra và nó chìm xuống tại chỗ cũ trước đây.

Bậc Đạo sư đã sang bên kia sông Hằng. Hội chúng sửa soạn cho Ngài một chỗ trên bờ. Đức Phật ngồi vào chỗ ấy giống như mặt trời ban mai đang phóng ra những tia sáng. Bấy giờ, các Tỳ-kheo hỏi Ngài rằng Trưởng lão Bhaddaji đã ở trong tòa cung điện ấy vào thời nào. Bậc Đạo sư trả lời:

– Vào thời Đại vương Panāda.

Rồi Ngài kể cho hội chúng nghe một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, có một ông vua tên Suruci trị vì Mithilā, một thành phố trong vương quốc Videha. Vua có một con trai cũng tên Suruci, rồi lại có thêm một con trai nữa tên là Mahāpanāda. Họ làm chủ cung điện kia. Do một nghiệp trong tiền kiếp, có hai cha con dựng một túp lều lá cùng các cành cây sung làm nơi cư trú dành cho một vị Độc Giác Phật.

Phần còn lại của câu chuyện sẽ được kể trong chương XIV, *Chuyện Đại vương Suruci*.[10]

***

Sau khi kể xong pháp thoại, bậc Đạo sư với trí tuệ toàn hảo, đọc lên các bài kệ sau:

---

[10] Xem *J.* IV. 314, *Surucijātaka* (*Chuyện Đại vương Suruci*), số §489.

40. Vua Panāda có cung điện ấy,
Mười sáu ngàn tầm rộng, một ngàn cao.
41. Ngàn tầm cao, cờ xí rợp muôn màu,
Ngọc bích kết cả trăm tầng lầu các,
Sáu ngàn văn công tới lui chơi nhạc,
Gồm bảy ban vẫn múa hát đồng thời.
42. Bhaddaji đã nói đúng như lời:
"Tâu Đế-thích, nô tài chờ thượng lệnh."

Bấy giờ, những kẻ chưa hiểu đạo không còn nghi ngờ gì nữa.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại, Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Bhaddaji là Đại vương Panāda, còn Ta là Đế-thích.

§265. CHUYỆN MŨI TÊN (*Khurappajātaka*) (*J.* II. 335)

Khi nhiều cung bắn vèo tên tới...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo mất hết mọi năng lực tinh tấn.

Bậc Đạo sư hỏi có thật Tỷ-kheo ấy đã mất năng lực tinh tấn không. Vị ấy trả lời thật như thế. Bậc Đạo sư bảo:

– Tại sao ông lại còn thối thất sau khi đã thọ trì giáo lý giải thoát này? Ngày xưa, các trí giả đã rất tinh tấn ngay cả trong những sự việc không đưa đến giải thoát.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình của một người kiểm lâm. Khi lớn lên, ngài đứng đầu một đoàn gồm năm trăm người kiểm lâm sống trong một ngôi làng tại lối vào một khu rừng. Ngài thường đứng ra tự nhận dẫn mướn cho những ai muốn qua khu rừng ấy.

Một hôm, có một người ở Ba-la-nại, con của một thương gia đến ngôi làng ấy cùng với một đoàn gồm năm trăm xe chở hàng. Ông ta gọi Bồ-tát đến, trao cho ngài một ngàn đồng để được ngài dẫn qua khu rừng. Ngài chấp thuận và nhận tiền từ tay người thương gia ấy. Cầm tiền xong, Bồ-tát tự xem là đã hiến đời mình để phục vụ vị thương gia. Thế rồi ngài dẫn ông ta đi qua khu rừng.

Vào đến giữa rừng, năm trăm tên cướp đột nhiên xuất hiện. Cả đoàn hộ tống vừa thấy bọn cướp này đã quỳ mọp xuống ngay. Chỉ riêng người trưởng đoàn kiểm lâm la hét lên, nhảy vọt tới và đánh đuổi được tất cả năm trăm tên cướp chạy trốn để cho vị thương gia kia an toàn thoát khỏi khu rừng.

Qua khỏi khu rừng, thương gia ấy cho cả đoàn cắm trại. Ông cho người trưởng đoàn kiểm lâm ăn những miếng thịt đủ loại ngon nhất và chính ông cũng ăn cho khỏi cơn đói. Ông vui vẻ ngồi bên cạnh người trưởng đoàn và bảo:

– Hãy nói cho tôi biết, làm sao trước cả năm trăm tên cướp đầy đủ khí giới trên tay bao vây dày đặc thế kia mà ngươi không cảm thấy chút sợ hãi gì trong lòng vậy?

Rồi ông ta đọc bài kệ thứ nhất:

43. Khi nhiều cung bắn vèo tên tới,
Nhiều bàn tay đưa lưỡi thép gần,
Trước hàng hung hãn tử thần,
Sao ngươi chẳng sợ giữa cơn hiểm nghèo?

Nghe thế, người kiểm lâm đọc hai bài kệ sau đây:

44. Khi nhiều cung bắn vèo tên tới,
Nhiều bàn tay đưa lưỡi thép gần,
Trước hàng hung hãn tử thần,
Hôm nay tôi thấy ngập tràn niềm vui.

45. Niềm vui ấy cho tôi thắng lợi,
Tôi liều thân nếu tới lúc cần,
Hành vi dũng liệt muốn toàn,
Làm anh hùng phải coi thường đời ta!

Ngài nói lên những lời trên như một trận mưa tên. Sau khi đã giải thích việc làm anh dũng của mình do đã thoát khỏi lòng ham sống, Bồ-tát từ giã thương gia trẻ tuổi ấy và quay về ngôi làng của mình. Suốt đời bố thí và hành thiện sự, khi mạng chung, ngài đi theo nghiệp của mình.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, vị Tỷ-kheo thối thất ấy đắc Thánh quả.

Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ta là trưởng đoàn kiểm lâm ấy.

§266. CHUYỆN CON NGỰA QUÝ TỐC NHƯ PHONG

(*Vātaggasindhavajātaka*) (*J.* II. 337)

Mẹ vì chàng vì ốm o vàng vọt...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một người chủ đất.

Tại Xá-vệ, người ta nghe nói một phụ nữ xinh đẹp thấy chàng này cũng đẹp trai liền đem lòng yêu. Nỗi say mê bừng lên như một ngọn lửa đốt cháy khắp thân thể nàng. Nàng mất hết tri giác cả thân lẫn tâm, nàng chẳng thiết gì ăn uống, chỉ nằm rũ liệt trên giường.

Các bạn bè và tỳ nữ hỏi vì sao nàng lại rối loạn tâm can đến nỗi phải nằm rũ liệt trên giường thế kia. Họ muốn biết nguyên nhân vì sao như vậy. Ban đầu, nàng không chịu trả lời nhưng vì họ cứ thúc ép mãi, nàng đành phải thú thật sự việc.

– Chị đừng buồn, chúng tôi sẽ mang chàng lại cho chị!

Họ bảo như vậy, rồi họ đến nói chuyện với chàng trai kia. Lúc đầu chàng từ chối nhưng rồi họ cứ năn nỉ mãi nên cuối cùng chàng chấp thuận. Thế là họ được chàng hứa sẽ đến với nàng kia vào ngày giờ đã định. Họ liền thuật lại cho nàng nghe. Nàng sửa soạn phòng ốc, mặc quần áo thật đẹp rồi ngồi trên giường chờ chàng đến. Chàng ngồi xuống bên cạnh nàng; bấy giờ, nàng bỗng suy nghĩ: "Nếu ta chấp thuận lời chàng tán tỉnh ngay lập tức và tự hạ giá mình thì lòng tự trọng của ta sẽ bị dẹp bỏ. Ngay buổi đầu tiên mà để chàng làm theo ý chàng thì thật là không thích hợp. Thôi hôm nay mình cứ làm vẻ khó tính rồi sau này sẽ nhượng bộ."

Thế là ngay khi chàng mới chạm vào nàng bắt đầu tỏ vẻ âu yếm suồng sã, nàng liền chụp lấy tay chàng và nghiêm nghị trách cứ chàng, bảo chàng đi ra vì nàng không thích chàng. Chàng giận dữ rút lui và ra khỏi nhà.

Khi các phụ nữ kia biết được sự việc nàng đã làm và thấy rằng người đàn ông kia đã ra đi thì họ trách nàng:

– Này chị, chị đã yêu người ta đến nỗi phải nằm liệt giường, chẳng thiết gì ăn uống, và chúng tôi cũng đã phải khó khăn lắm mới thuyết phục được chàng để cuối cùng mang chàng đến với chị, thế mà chị chẳng có gì để nói với chàng cả!

Nàng nói cho họ biết tại sao, họ liền bỏ đi và cảnh cáo rằng nàng sẽ bị người ta bàn tán. Chàng trai kia chẳng bao giờ đến với nàng nữa. Khi nàng nhận ra rằng nàng đã mất chàng, nàng bỏ cả ăn mà chết. Khi chàng trai kia được tin nàng chết, chàng mang một bó hoa, dầu thơm, hương liệu đến Kỳ Viên. Tại đó, chàng đảnh lễ bậc Đạo sư rồi ngồi xuống bên Ngài. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này cư sĩ, làm sao mà lâu nay chúng ta chẳng hề thấy ông đến đây vậy?

Chàng kể lại cho Ngài nghe toàn bộ câu chuyện và nói thêm rằng lâu nay chàng tránh đến hầu đức Phật vì chàng hổ thẹn. Bậc Đạo sư dạy:

– Này cư sĩ, người phụ nữ kia cho mời ông đến là do lòng say mê của nàng, thế rồi nàng chẳng muốn liên hệ gì với ông cả, lại xua đuổi ông đi khiến ông tức giận; và cũng đúng như thế, xưa kia nàng cũng đã yêu thương nhiều bậc trí giả, kêu gọi họ đến và khi họ đến thì lại chẳng muốn liên hệ gì với họ, cứ làm phiền nhiễu họ như vậy rồi xua đuổi họ đi.

Thế rồi do yêu cầu của vị ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện đời xưa.

***

Thuở xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là một con ngựa Sindh. Nó được đặt tên là Tốc Như Phong (nhanh như gió) và là con ngựa nghi lễ của vua.

Những người nài thường đem nó đi tắm ở sông Hằng. Nơi đây, một con lừa cái trông thấy nó liền đem lòng yêu nó. Rung động vì nỗi say mê, con lừa cái bỏ cả ăn uống, hao mòn tiều tụy, gầy ốm đến độ chỉ còn xương với da. Một trong những con lừa con của nó thấy mẹ tiều tụy như thế liền hỏi:

– Thưa mẹ, sao mẹ chẳng ăn uống gì cả, sao mẹ lại quá tiều tụy và nằm run rẩy một nơi thế kia? Có chuyện gì thế hở mẹ?

Con lừa cái chẳng nói gì, nhưng con nó cứ hỏi đi hỏi lại mãi, nó mới kể hết chuyện cho con nghe. Thế rồi con lừa con an ủi mẹ:

– Thưa mẹ, mẹ chớ sầu bi, con sẽ mang chú ngựa ấy đến cho mẹ.

Thế rồi khi ngựa quý Tốc Như Phong xuống tắm, chú lừa con đến gần nó và nói:

– Thưa ngài, mẹ tôi yêu ngài, bà chẳng ăn uống gì cả và đang hao mòn sắp chết. Xin hãy cứu sống mẹ tôi!

Tốc Như Phong bảo:

– Được rồi, này bạn, tôi sẽ cứu mẹ bạn. Khi tôi tắm xong, các anh nài sẽ để tôi thao dượt một chốc bên bờ sông, bạn hãy mang mẹ bạn đến đây!

Chú lừa con đi kiếm mẹ và đưa mẹ đến nơi ấy, rồi chú núp gần đó.

Người nài để Tốc Như Phong duỗi chân chạy. Nó dò tìm con lừa cái và đến với con kia. Tốc Như Phong đến gần nó và bắt đầu đưa mũi ngửi. Con lừa cái tự nghĩ: “Nếu ta tự hạ mình và cứ để cho chàng làm theo ý chàng trong lúc chàng vừa mới đến thì danh dự và lòng tự cao của ta sẽ tiêu tan. Ta phải làm như thể mình không muốn sự việc chàng làm.” Vì thế, nó đã làm vỡ hàm Tốc Như Phong và suýt giết chết chàng ngựa. “Nàng làm gì ta thế?” Tốc Như Phong tự nghĩ, cảm thấy xấu hổ rồi bỏ chạy đi.

Thế rồi con lừa cái hối hận, nằm vật ra đầy đau khổ. Chú lừa con đến gần và hỏi mẹ như sau:

46. Mẹ vì chàng ốm o vàng vọt,
Mẹ vì chàng chẳng chút uống ăn,
Ngựa yêu kia mới đến gần,
Cớ sao mẹ bỗng đâm sầm phóng đi?

Nghe con bảo thế, con lừa đọc bài kệ thứ hai:

47. Chàng kia đến một khi kề sát,
Nếu ban đầu nhường bước tức thời,
Tiêu ma giá ngọc cao vời,
Cho nên mẹ phải vội dời chân ngay!

Qua những lời này, con lừa giải thích bản tính đàn bà cho con trai hiểu.

***

Bậc Đạo sư với tuệ giác toàn hảo, đọc bài kệ thứ ba:

48. Nếu từ chối chàng trai sang trọng,
Đến bên nàng mong ngóng yêu đương,
Nàng đành dằng dặc sầu thương,
Như Công-đa-lợi đau buồn Như Phong!

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế. Cuối bài giảng tứ đế, người chủ đất kia đắc quả Dự lưu.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Người phụ nữ này, thời ấy là con lừa cái, còn Ta là con ngựa quý Tốc Như Phong.

§267. CHUYỆN CON CUA (*Kakkaṭajātaka*) (*J.* II. 341)

Con vật càng vàng, lồi cặp mắt...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể lúc Ngài trú tại Kỳ Viên về một phụ nữ.

Người ta nghe nói một người chủ đất ở Xá-vệ cùng với vợ đi về quê để thâu tiền nợ thì bị bọn cướp vây bắt. Người vợ vốn rất xinh đẹp và khả ái. Tên tướng cướp bị cuốn hút bởi sắc đẹp của nàng, có ý định giết người chồng để chiếm lấy nàng. Nhưng nàng lại là một phụ nữ đoan trang đức độ, một người vợ trung kiên, nàng phủ phục dưới chân tên cướp và kêu:

– Thưa ngài, nếu ngài giết chồng tôi vì yêu tôi, tôi sẽ dùng độc dược hoặc nín thở mà chết theo luôn! Tôi không thể sống với ngài được đâu! Xin chớ giết chồng tôi một cách vô ích!

Nàng van xin tên cướp như vậy. Cả hai vợ chồng ấy trở về Xá-vệ bình yên. Họ được dịp đi ngang qua tinh xá Kỳ Viên và họ muốn đến tham bái bậc Đạo sư. Vì thế họ vào hương phòng và sau khi đảnh lễ, họ ngồi xuống bên Ngài. Bậc Đạo sư hỏi họ từ đâu đến. Họ đáp:

– Chúng con đi thâu tiền nợ.

Ngài hỏi tiếp:

– Các người đi đường có bình yên không?

Người chồng nói:

– Dọc đường chúng con đã bị cướp bắt. Thế rồi tên cướp muốn giết con nhưng vợ con đây đã năn nỉ xin tha cho con và con đã mang ơn nàng cứu mạng.

Bậc Đạo sư dạy:

– Này cư sĩ, ông chẳng phải là kẻ độc nhất được nàng cứu mạng đâu! Vào thời xưa nàng cũng đã từng cứu mạng nhiều bậc trí giả khác.

Thế rồi do yêu cầu của vị ấy, bậc Đạo sư kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta làm vua xứ Ba-la-nại, trong dãy Tuyết sơn có một cái hồ rộng, nơi đó có một con cua vàng rất lớn. Vì cua sống ở đó nên nơi ấy được gọi là Hồ Cua. Con cua lớn lắm, lớn bằng cả cái sân đập lúa. Nó có thể bắt các con voi rồi giết và ăn thịt chúng. Vì sợ nó nên chẳng voi nào dám đến gần đó để ăn đọt non.

Bấy giờ, Bồ-tát đầu thai vào bụng một con voi cái là vợ của chúa voi đầu đàn, sống gần Hồ Cua. Voi mẹ muốn được an toàn cho đến lúc sanh con, đã tìm đến một nơi khác trong một ngọn núi và tại đó nó đã sanh một con voi đực. Theo thời gian, voi con lớn lên rất thông minh, to lớn, khỏe mạnh và thành tựu mọi mặt. Nó oai nghi, sừng sững như trái núi màu tím thẫm.

Nó chọn một con voi khác làm vợ và quyết bắt cho được con cua kia. Vì vậy, cùng với vợ và mẹ, nó tìm đến đàn voi và gặp cha nó để xin đi bắt cua. Voi cha bảo:

– Con không thể làm được việc ấy đâu con ạ!

Nhưng nó cứ nài nỉ xin phép cha mãi, cuối cùng cha nó bảo:

– Thôi được, con cứ thử xem!

Thế là chàng voi trẻ tập hợp tất cả các con voi quanh Hồ Cua lại và dẫn chúng đến gần hồ. Nó hỏi:

– Cua thường bắt voi lúc nào? Lúc voi đang đi tới hồ, hay lúc chúng đang ăn, hay lúc chúng quay trở lên?

Bọn voi đáp:

– Nó bắt lúc chúng quay trở về.

Voi nói:

– Được rồi, tất cả các bạn hãy đi tới hồ và cứ ăn thứ gì tùy thích rồi quay trở lên trước, tôi sẽ theo cuối cùng đằng sau các bạn.

Đàn voi làm theo như vậy. Cua thấy Bồ-tát trở lên sau rốt, liền chộp lấy chân voi, siết chặt vào càng giống như người thợ rèn kẹp khối sắt trong đôi gọng kềm khổng lồ. Vợ Bồ-tát cũng không rời chồng, nàng vẫn đứng đó sát bên chồng. Bồ-tát ra sức kéo nhưng vẫn không sao làm cua nhúc nhích được. Thế rồi, cua kéo và lôi được voi về phía mình.

Giữa lúc nguy khốn này, voi rống lên, rống lên. Nghe tiếng rống ấy, các voi khác quá kinh hãi, vụt chạy tán loạn, kêu thét như tiếng kèn đến nỗi vung vãi phân. Ngay cả vợ voi cũng chẳng đứng yên được và toan phóng chạy. Thế rồi để tỏ cho vợ biết mình đang bị bắt giữ và hy vọng làm cho vợ khỏi phóng chạy đi, voi đọc lên bài kệ đầu:

49. Con vật càng vàng, lồi cặp mắt,
Sống hồ, trần trụi, bọc trong mai,
Tôi kêu, nó kẹp, nghe đau đớn,
Nàng hỡi, thương tôi, chớ bỏ tôi!

Nghe thế, vợ voi quay lại đọc bài kệ thứ hai an ủi chồng:

50. Rời chàng, thiếp quyết chẳng khi nào,
Sáu chục năm đời, chúa tối cao,
Cả bốn phương trời đều chứng tỏ,
Chẳng ai thắm thiết sánh chàng đâu!

Vợ voi khích lệ chồng như thế và nói:

– Này bậc trượng phu, bây giờ thiếp sẽ bảo cua kia thả chàng ra.

Rồi vợ voi cầu xin cua qua bài kệ thứ ba:

51. Trong các loài cua ở biển xa,
Hoặc Yamunā, hoặc Hằng hà,
Ngài là tối thượng, nay tôi biết,
Xin để chồng tôi được thoát ra!

Khi nàng đọc xong, lòng kiêu hãnh hung hăng của cua bị tiếng nói phụ nữ hóa giải. Quên cả sợ, cua nới lỏng đôi càng, thả chân con voi ra, chẳng nghi ngờ gì đến việc voi sẽ làm gì sau khi được thả. Thế là voi nhấc chân lên, đạp lên lưng cua làm cho đôi mắt cua phải lòi ra lập tức. Voi sung sướng kêu lên. Các con voi kia chạy lại, kéo cua đi, đặt cua nằm trên đất rồi giẫm nát nó. Đôi càng cua bị gãy rời tả tơi. Thế rồi Hồ Cua, vì ở gần sông Hằng nên bị ngập trong một cơn nước dâng. Khi nước hạ, nước rút từ hồ ra tới sông Hằng. Đôi càng cua bị đẩy đi, bập bềnh trong nước sông Hằng. Một càng trôi ra biển, còn càng kia được mười anh em trong hoàng tộc tìm thấy khi họ đang tắm sông và họ dùng càng này làm cái trống nhỏ gọi là Ānaka. Các thần asura tìm được cái càng trôi ra biển kia và dùng nó làm trống gọi là Āḷambara. Về sau, các thần asura bị Thiên chủ Sakka đánh bại, phải chạy đi và bỏ lại cái trống. Sakka bảo giữ trống ấy để làm đồ dùng riêng. Do thế, người ta mới thường nói: "Sấm động như mây Āḷambara."

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế và cuối bài giảng, cả người chồng và người vợ đều đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, nữ cư sĩ này là con voi cái, còn Ta chính là con voi chồng.

§268. CHUYỆN KẺ LÀM HẠI VƯỜN (*Ārāmadūsakajātaka*)[11] (*J.* II. 345)

Giỏi nhất trong bọn là đây...

---

[11] Xem *J.* I. 249, *Ārāmadūsakajātaka* (*Chuyện kẻ làm hại vườn*), số §46.

Chuyện này do bậc Đạo sư kể lúc Ngài trú ở một vùng quê gần Dakkhiṇāgiri (Nam sơn) về con trai của một người giữ vườn.

Sau mùa an cư, bậc Đạo sư rời Kỳ Viên và đi khất thực ở một vùng gần Dakkhiṇāgiri. Một cư sĩ mời đức Phật và đoàn Tỷ-kheo của Ngài ngồi xuống khu vườn của ông để ông dâng cơm và bánh. Sau đó, ông bảo:

– Nếu có ai trong các vị muốn ngoạn cảnh thì xin cứ đi theo người giữ vườn.

Rồi ông sai người giữ vườn mời chư Tăng các trái cây mà họ thích.

Lát sau, họ đến một chỗ trống. Họ hỏi:

– Tại sao chỗ đất này trơ trụi và chẳng có cây cối gì cả thế?

Người giữ vườn đáp:

– Đó là do con trai của người giữ vườn đấy! Anh ta phải tưới cây con và nghĩ rằng tốt hơn là anh nên tưới nước thế nào cho hợp với độ dài của rễ cây. Vì thế, anh nhổ hết cây lên xem rễ để tùy theo đó mà tưới nước. Kết quả là nơi đây trở thành trơ trụi.

Các Tỷ-kheo trở về, kể lại chuyện với bậc Đạo sư. Ngài dạy:

– Chẳng phải chỉ bây giờ người kia mới phá hại vườn cây như vậy, trước đây anh ta cũng đã làm thế.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi một vị vua tên là Vissasena đang trị vì Ba-la-nại, một ngày lễ hội được tuyên bố. Người giữ vườn kia nghĩ rằng anh ta nên đi dự lễ, vì thế anh gọi các con khỉ sống trong khu vườn lại và dặn:

– Khu vườn này là nguồn lợi lớn cho các bạn. Nay ta muốn đi dự lễ, các bạn hãy tưới đám cây con vào ngày thứ bảy nhé!

Chúng đáp:

– Vâng ạ!

Anh ta giao các bình tưới cho chúng rồi ra đi. Bầy khỉ xách nước và bắt đầu tưới rễ cây. Con khỉ già nhất kêu lên:

– Khoan đã! Có đủ nước luôn luôn đâu phải dễ! Chúng ta phải tính sao cho tốt. Hãy nhổ cây lên và coi kỹ độ dài của rễ, nếu cây có rễ dài, chúng phải cần nhiều nước; còn nếu cây có rễ ngắn, chúng chỉ cần một ít nước thôi!

– Đúng thế, đúng thế!

Cả bọn khỉ đều đồng ý. Thế rồi vài con khỉ đi nhổ cây lên. Các con khác trồng chúng lại và tưới nước vào.

Bấy giờ, Bồ-tát là một trưởng giả trẻ tuổi sống tại Ba-la-nại. Nhân có việc, ngài đi ngang qua khu vườn và thấy việc các đàn khỉ đang làm. Ngài hỏi:

– Ai bảo các ngươi làm thế?

Bọn khỉ đáp:

– Trưởng đoàn của chúng tôi đấy!

Ngài nói:

– Nếu trí tuệ của trưởng đoàn đã như thế thì còn lại chúng bây có ra gì nữa!

Và để giải thích sự việc, ngài đọc bài kệ đầu:

52. Giỏi nhất trong bọn là đây,
Thông minh như kiểu thế này được sao?
Khỉ kia nếu chọn tối cao,
Những tên còn lại phận nào định đây?

Nghe phê phán như vậy, bọn khỉ đọc tiếp bài kệ thứ hai:

53. Lời kia, người cũng chẳng hay,
Thế này trách cứ la rầy chúng tôi!
Nếu không biết rễ ngắn dài,
Làm sao thấy được cây trồi lớn đây?

Nghe thế, Bồ-tát liền trả lời bằng bài kệ thứ ba:

54. Khỉ ơi, ta chẳng trách bây,
Cũng không trách bọn đó đây trong rừng.
Chủ kia mới thật điên khùng,
Ra đi giao hết cây trồng nhờ coi!

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Người phá hoại vườn cây thời ấy là con khỉ đầu đàn, còn Ta là vị trí giả kia.

§269. CHUYỆN NÀNG SUJĀTA (*Sujātajātaka*)[12] (*J.* II. 346)

Kẻ hưởng được vẻ ngoài duyên dáng...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một cô gái tên là Sujāta, con dâu ông Cấp Cô Độc, con gái của vị phú thương Dhanañjaya và là em út của nữ cư sĩ Visākhā.

Cô ta về làm dâu nhà ông Cấp Cô Độc với lòng đầy kiêu ngạo vì nghĩ rằng cô vốn xuất thân từ một gia đình sang trọng. Cô rất bướng bỉnh, thô lỗ, nóng nảy và hung tợn. Cô từ chối các bổn phận đối với cha mẹ mới hay đối với chồng mình. Cô đi khắp nhà nói năng thô lỗ và còn đánh đập cả mọi người.

---

[12] Tham chiếu: *Dh.* v. 363; *Pháp cú kinh* "Ngôn ngữ phẩm" 法句經言語品 (*T.*04. 0210.8. 0561c15); *Pháp cú kinh* "Sa-môn phẩm" 法句經沙門品 (*T.*04. 0210.34. 0571c29); *Xuất diệu kinh* "Phỉ báng phẩm" 出曜經誹謗品 (*T.*04. 0212.9. 0663c18); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Ngữ ngôn phẩm" 法集要頌經語言品 (*T.*04. 0213.8. 0781b03).

Một hôm, bậc Đạo sư cùng năm trăm Tỷ-kheo đến viếng ông Cấp Cô Độc. Mọi người ngồi xuống, vị đại thương gia ngồi bên cạnh Thế Tôn và nghe Ngài thuyết pháp. Lúc ấy, Sujāta đang la mắng những người giúp việc.

Bậc Đạo sư ngưng nói và hỏi tiếng gì ồn ào như vậy. Vị thương gia giải thích rằng đó là con dâu thô lỗ của ông. Cô ta đã không cư xử đúng đắn với chồng và cha mẹ chồng, cô chẳng hề bố thí và chẳng có điểm nào tốt cả; cô không có lòng tín thành mộ đạo, cô đi khắp nhà, la mắng suốt ngày đêm. Bậc Đạo sư truyền gọi cô ta đến.

Người phụ nữ kia đến và sau khi đảnh lễ bậc Đạo sư, cô đứng một bên. Rồi bậc Đạo sư hỏi cô:

– Này Sujāta, có bảy loại vợ mà một người đàn ông có thể gặp, cô thuộc về loại nào?

Cô ta trả lời:

– Bạch Thế Tôn, Ngài dạy vắn tắt quá, con không hiểu được, xin Ngài giải thích thêm.

Bậc Đạo sư dạy:

– Được rồi. Hãy chú ý nghe đây!

Rồi Ngài đọc các bài kệ sau:

Tâm địa xấu, điều hay chẳng thiết,
Yêu người ngoài, lại ghét bỏ chồng,
Của tiền chồng tạo phá tan,
Vợ này phá hoại nhà chàng xứng tên.

Vật chồng tặng do tiền mua bán,
Nghề tinh chuyên, cuốc xẻng nông gia,
Cố tình lấy cắp dần dà,
Vợ nào như thế, gọi là tặc gian.

Quên phận sự, hung tàn lười biếng,
Lại tham lam, xấu miệng sân đầy,
Chuyên quyền với kẻ dưới tay,
Mang danh là loại vợ đây cao cường.

Còn kẻ vẫn mến thương điều tốt,
Chăm sóc chồng như một mẹ hiền,
Của tiền chồng tạo giữ gìn,
Mẫu nghi mới gọi đúng tên vợ này.

Tôn trọng chồng cũng tày như thế,
Đàn em thơ kính nể người anh,
Nhún nhường, tuân phục chồng mình,
Vợ là hiền muội, đúng tình chất chơn.

Kẻ luôn mừng đón chồng khi thấy,
Như bạn bè sau mấy độ xa,
Hiền dâng, đức độ, nghiêm hòa,
Vợ nào như thế, gọi ra thân bằng.

Sợ hung tàn, tâm an chịu khổ,
Chẳng cuồng si, đầy đủ kiên trì,
Chân tình, chiều chuộng mãi ghi,
Vợ kia được gọi nô tỳ chính danh.

Này Sujāta, trên đây là bảy loại người vợ mà một người đàn ông có thể có. Ba loại người vợ bị gọi là vợ phá hoại, vợ bất lương và vợ cao cường sẽ tái sanh vào địa ngục. Bốn loại vợ còn lại sẽ được sanh vào cõi trời thứ năm.

Vợ cao cường, tặc gian, phá hoại,
Giận dữ hoài, chẳng biết kính ai,
Hết đời, bỏ xác, đầu thai,
Xuống miền địa ngục khó ngày thoát đi.

Vợ thân bằng, mẫu nghi, hiền muội,
Hoặc nô tỳ trong cõi đời này,
Ngoan hiền, tự chủ lâu dài,
Hết đời, bỏ xác, lên trời sống vui.

Khi bậc Đạo sư thuyết giảng về bảy loại người vợ như thế, Sujāta đắc quả Dự lưu, và khi bậc Đạo sư hỏi rằng nàng thuộc loại vợ nào thì nàng thưa:

– Bạch Ngài, con là kẻ nô tỳ.

Nói xong, nàng cung kính đảnh lễ đức Phật và được Ngài tha thứ.

Như vậy, chỉ với một lời khuyên bảo, bậc Đạo sư đã thuần hóa được người phụ nữ xấu tánh kia. Sau bữa ăn, Ngài tuyên thuyết về các bổn phận trong giáo hội và rồi Ngài vào hương phòng.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo họp tại pháp đường và ca ngợi bậc Đạo sư:

– Này các Pháp hữu, chỉ với một lần khuyên bảo duy nhất, bậc Đạo sư đã thuần hóa được người phụ nữ xấu tánh kia và khiến cho nàng đắc quả Dự lưu.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi xem họ ngồi với nhau đang thảo luận chuyện gì. Họ thuật lại như trên. Ngài dạy:

– Đây chẳng phải là lần đầu tiên Ta thuần hóa Sujāta bằng một lời khuyên bảo duy nhất đâu!

Rồi Ngài kể tiếp một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là thái tử do chánh cung hoàng hậu sanh ra. Ngài lớn lên và được giáo dục tại Takkasilā. Sau khi vua cha băng hà, ngài nối ngôi và trị vì rất công chính.

Mẫu hậu ngài là một người đàn bà nóng nảy, dữ tợn, thô lỗ, gắt gỏng, ác khẩu. Ngài chỉ mong sao khuyên bảo được mẹ, nhưng ngài cũng nhận thấy rằng không nên làm điều gì bất kính đối với mẹ. Vì thế, ngài cố tìm một cơ hội để hé lộ dần ẩn ý.

Một hôm, ngài đi vào vườn hoa và mẹ ngài cũng theo ngài. Một con chim cưỡng xanh đang kêu the thé trên đường. Khi ấy, các triều thần đều bịt tai lại và la lên:

– Cái giọng thật kinh khủng! Cái tiếng kêu ấy thật ghê rợn! Đừng gây ra cái tiếng ấy nữa!

Bấy giờ Bồ-tát đang đi qua vườn hoa với mẹ và đoàn người du lãm. Một con chim cu đậu trong đám lá rậm của một cây sāla, hót lên âm điệu ngọt ngào. Mọi người đứng đó đều thích thú khi nghe nó hót, vỗ đôi bàn tay rồi chìa tay ra và yêu cầu nó:

– Ôi, thật là giọng hót êm dịu, một giọng hót tốt lành, một giọng hót thanh lịch! Hót lên, chim ơi, hót lên đi!

Rồi họ cứ đứng đó, rướn cổ lên chờ nghe.

Bồ-tát chú ý đến hai sự việc này, nghĩ rằng đây là dịp may để tiết lộ ẩn ý của mình cho mẫu hậu. Ngài nói:

– Thưa mẹ, tiếng kêu của con chim cưỡng trên đường làm cho ai nghe cũng phải bịt tai và thốt lên: "Đừng gây ra cái tiếng ấy nữa! Đừng gây ra cái tiếng ấy nữa!" Và họ bịt tai lại vì âm thanh dữ dằn chẳng được ai ưa cả.

Thế rồi ngài đọc các bài kệ sau:

55. Kẻ hưởng được vẻ ngoài duyên dáng,
Thoạt nhìn vào tươi sáng đẹp thay,
Nhưng buông lời nói chối tai,
Đời này, đời kế chẳng ai yêu vì!

56. Chim cu kia thường khi mẹ thấy,
Lốm đốm đen xấu vậy mặc dầu,
Tiếng kêu êm dịu ngọt ngào,
Bao nhiêu kẻ đón người chào mến thương.

57. Mong tiếng mẹ dịu dàng thanh lịch,
Lời khôn ngoan bỏ hết tự kiêu,
Âm thanh êm ái mỹ miều,
Giảng bày Thánh pháp, ý nêu tỏ tường.

Khi Bồ-tát khuyến dụ mẫu hậu bằng ba bài kệ trên, ngài đưa mẹ vào cách suy nghĩ của mình. Sau đó, mẹ ngài sống theo Chánh đạo. Chỉ bằng một lời nói, Bồ-tát đã làm cho mẹ thành một người phụ nữ biết quên mình. Rồi về sau, khi từ trần, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Sujāta là mẹ của vị vua ở Ba-la-nại, còn Ta chính là vị vua ấy.

§270. CHUYỆN CON CHIM CÚ (*Ulūkajātaka*) (*J.* II. 350)

Cú là vua của các loài chim...

Chuyện này bậc Đạo sư kể lúc Ngài trú tại Kỳ Viên về sự tranh chấp giữa quạ và cú.

Vào thời kỳ ấy, ban ngày quạ thường ăn thịt cú, còn ban đêm cú lại bay tới cắn đứt đầu quạ khi quạ đang ngủ và giết đi.

Có một Tỷ-kheo sống trong một cái cốc ở vùng lân cận Kỳ Viên, mỗi lúc quét dọn thường phải đổ cả bảy tám chậu đầy đầu quạ rớt từ trên cây xuống. Vị ấy đem sự việc kia kể lại cho các Tỷ-kheo nghe.

Thế là trong pháp đường, các Tỷ-kheo bắt đầu bàn tán về chuyện ấy.

– Này Hiền hữu, vị Tỷ-kheo kia thấy nhiều đầu quạ quá, mỗi ngày phải đem chúng đổ đi ngay chỗ mình ở!

Bậc Đạo sư đi vào hỏi xem các Tỷ-kheo đang ngồi thảo luận việc gì. Họ kể cho Ngài nghe và hỏi tiếp rằng sự tranh chấp giữa quạ và cú đã xảy ra từ bao lâu rồi. Bậc Đạo sư trả lời:

– Từ thời nguyên thủy.

Rồi Ngài kể cho họ nghe một câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, loài người sống trong thời nguyên thủy, họp nhau lại và bầu một người đẹp đẽ, có tướng tốt, oai nghi hoàn hảo lên làm vua. Các loài bốn chân cũng tụ họp lại và bầu sư tử làm vua. Loài cá dưới biển cũng chọn vua là con cá tên Ānanda.

Thế rồi, tất cả chim chóc trên dãy Tuyết sơn cũng tụ họp nhau lại trên một phiến đá phẳng và kêu lên:

– Loài người đã có một ông vua, loài thú và loài cá cũng đã có, còn chim chóc chúng ta thì không. Chúng ta không thể sống hỗn loạn được, chúng ta cũng phải chọn một ông vua. Hãy chọn một con chim xứng đáng với ngôi vua!

Chúng tìm kiếm một con chim như vậy và chọn một con cú. “Đây là con chim mà chúng ta muốn”, chúng bảo thế và một con chim tuyên bố ba lần cho cả bọn biết rằng sẽ có một cuộc bầu cử về việc đó. Sau khi kiên nhẫn nghe thông báo hai lần, đến lần thứ ba, một con quạ đứng dậy la lên:

– Khoan đã, khi anh ta đang được tôn lên làm vua mà mặt mày còn như thế kia, huống chi khi anh ta giận dữ thì trông như thế nào nữa? Nếu anh ta nhìn chúng ta đang giận dữ thì chúng ta cũng tan xác như mè rán trên chảo nóng mà thôi. Tôi không muốn tôn anh ta làm vua đâu.

Và để tán rộng điều này, quạ đọc bài kệ đầu:

58. Cú là vua của các loài chim,
Xin phép, cho tôi tỏ nỗi niềm.

Chấp thuận cho quạ được nói, bọn chim đọc tiếp bài kệ thứ hai:

59. Giữa bọn trẻ kia, xin cứ nói,
Mong sao tốt đẹp, tỏ tường thêm!

Được cho phép nói, quạ đọc bài kệ thứ ba:

60. Trân trọng trình bày ý của tôi,
Tôi đây chẳng muốn cú lên ngôi,
Hãy nhìn mặt mũi kia như thế,
Hắn sẽ làm gì lúc giận sôi?

Đoạn quạ bay bổng lên không và kêu:

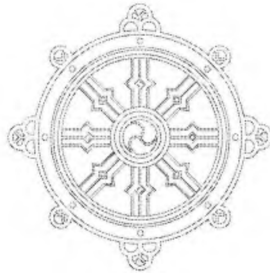
– Tôi chẳng thích thế đâu! Tôi chẳng thích thế đâu!

Cú bay lên đuổi theo quạ. Từ đấy về sau, cả hai đều nuôi lòng hận thù nhau. Còn lũ chim kia chọn một con ngỗng trời vàng lên làm vua rồi giải tán.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế và nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, con ngỗng trời được chọn làm vua chính là Ta vậy.



III. PHẨM KHU RỪNG
(*ARAÑÑAVAGGA*)[13]

§271. CHUYỆN KẺ LÀM BẨN GIẾNG NƯỚC
(*Udapānadūsakajātaka*) (*J.* II. 354)

Giếng được tạo do người ẩn dật...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Isipatana (trú xứ của chư thiên) về một con chó rừng đã làm bẩn giếng nước.

Người ta nghe nói có một con chó rừng thường đến làm bẩn cái giếng mà các Tỷ-kheo thường đến múc nước, rồi bỏ đi. Một hôm, các chú tiểu lấy đất ném nó để đe dọa. Sau đó, nó không bao giờ trở lại nơi ấy nữa.

Các Tỷ-kheo nghe chuyện ấy và bắt đầu bàn tán trong pháp đường:

– Này các Hiền hữu, con chó rừng thường làm bẩn giếng nước của chúng ta, từ khi bị các chú tiểu dùng đất ném đuổi đi đã không hề quay trở lại nữa.

Bậc Đạo sư đi vào và hỏi xem họ đang ngồi với nhau và thảo luận chuyện gì. Họ kể lại cho Ngài nghe. Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, đây chẳng phải là lần đầu tiên con chó rừng kia làm bẩn giếng nước. Trước kia nó cũng đã làm như thế.

Rồi Ngài kể cho họ nghe một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, chính cái giếng kia nằm tại nơi có tên là Isipatana, gần Ba-la-nại. Lúc bấy giờ, Bồ-tát được sanh ra trong một gia đình thiện hảo. Lớn lên, ngài sống đời tu hành và cư trú tại Isipatana cùng với một nhóm người tùy tùng. Một con chó rừng làm bẩn giếng nước như đã nói trên rồi phóng chạy đi. Một hôm, các ẩn sĩ vây bắt được nó và dẫn nó tới trước mặt Bồ-tát. Ngài nói với nó qua bài kệ đầu:

61. Giếng được tạo do người ẩn dật,
Độc cư nơi khoảng đất rừng sâu,
Nhọc nhằn khổ cực bấy lâu,
Bạn ơi, sao vấy dơ vào giếng trong?

Nghe vậy, chó rừng đọc tiếp bài kệ thứ hai:

---

[13] Bản Tích Lan, Campuchia viết *Araññavagga*, nghĩa là *Phẩm Khu rừng*. Bản CST viết *Udapānavagga*, nghĩa là *Phẩm Giếng nước*.

62. Đó là luật giống dòng tôi đấy,
Uống nơi nào là vấy cho dơ,
Tổ tiên làm thế đến giờ,
Lời ngài trách cứ, có ngờ sai chăng?

Bồ-tát trả lời bằng bài kệ thứ ba:

63. Nếu luật ấy chó rừng đã đặt,
Lạ lùng thay, phi pháp mất rồi!
Mong rằng lần cuối thấy ngươi,
Hành vi kia đúng hay sai, chớ làm.

Bậc Đại sĩ khuyên nhủ nó như vậy rồi bảo:

– Đừng đến đó nữa!

Từ đó về sau, ngay cả việc dừng lại để nhìn qua giếng, con chó rừng cũng không dám.

***

Kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế và nhận diện tiền thân:

– Cả hai trường hợp làm dơ bẩn giếng nước cũng đều do chính con chó rừng ấy, còn Ta là vị Sư trưởng kia.

§272. CHUYỆN CON CỌP (*Vyagghajātaka*) (*J.* II. 355)

Nếu do gần bạn tri âm...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể về Kokālika[14] khi Ngài trú tại Kỳ Viên.

Các tình tiết của câu chuyện này sẽ được kể trong chương XIII, *Chuyện Hiền giả Takkāriya.*[15] Ở đây, Kokālika lại nói:

– Ta sẽ đem Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên) theo với ta.

Vì thế, sau khi rời xứ sở của Kokālika, ông ta đi đến Kỳ Viên, vào đảnh lễ bậc Đạo sư rồi đi tiếp đến các vị Trưởng lão. Ông ta nói:

– Này các Hiền giả, dân chúng ở xứ của Kokālika muốn mời các Hiền giả, chúng ta hãy đến đó đi.

Sāriputta và Moggallāna trả lời:

– Hiền giả hãy đi đi, chúng tôi không đi đâu!

Sau lời từ chối này, Kokālika ra đi một mình.

Các Tỳ-kheo bắt đầu bàn tán chuyện ấy trong pháp đường:

– Này Hiền hữu, Kokālika không thể sống với Sāriputta và Moggallāna, và

[14] Kokālika là người theo nhóm Đề-bà-đạt-đa.

[15] Xem *J.* IV. 242, *Takkāriyajātaka* (*Chuyện Hiền giả Takkāriya*), số §481.

cũng không thể sống mà không có các vị ấy! Ông ta không chịu đựng nổi sự chung đụng với họ.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi mọi người đang bàn tán chuyện gì. Họ kể lại cho Ngài nghe. Ngài dạy:

– Xưa kia cũng như bây giờ, Kokālika không thể sống với Sāriputta và Moggallāna và cũng không thể sống mà không có hai vị ấy.

Rồi Ngài kể một câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta làm vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị thần cây sống trong một khu rừng nhỏ. Không xa trú xứ của ngài bao nhiêu có một vị thần cây khác sống trong một khu rừng rậm. Khu rừng rậm này lại là chỗ ở của một con sư tử và con hổ. Vì sợ chúng, không ai dám đến đó gieo trồng hoặc đốn cây, ngay cả dừng chân liếc qua chỗ đó cũng chẳng ai dám. Sư tử và hổ ăn thịt mọi loài. Thịt ăn còn dư, chúng vứt bỏ lại rồi đi. Vì thế, khu rừng đầy cả thịt bốc mùi hôi thối.

Vị thần kia điên tiết lên, chẳng kể phải quấy gì nữa, một hôm đã đến nói với Bồ-tát:

– Thưa Hiền giả, cả rừng kia đầy mùi hôi thối vì con sư tử và con hổ kia. Tôi sẽ đuổi chúng đi.

Bồ-tát bảo:

– Này Hiền giả, chính hai con thú ấy đã bảo vệ chỗ ở của chúng ta đấy! Một khi chúng bị đuổi đi thì chỗ ở của chúng ta sẽ bị hoang tàn. Nếu người ta không thấy dấu vết của hổ và sư tử thì họ sẽ tới đốt hết rừng, làm tất cả thành một khoảng đất trống để trồng trọt. Xin Hiền giả chớ làm thế!

Rồi ngài đọc hai bài kệ đầu:

64. Nếu do gần bạn tri âm,
Bình an có thể bị làm tiêu tan,
Còn gì cao trọng cho hơn,
Như tròng con mắt người khôn giữ gìn.

65. Nhưng khi bạn tri âm thực sự,
Làm tăng thêm mức độ bình an,
Hãy làm đời bạn an khang,
Hãy thương đời bạn như thương đời mình.

Tuy Bồ-tát đã giảng giải như thế, vị thần cuồng si kia cũng chẳng để tâm. Thế rồi một hôm, ông hiện hình thật khủng khiếp đuổi sư tử và hổ đi. Chẳng bao lâu, dân chúng không thấy vết chân hai con thú kia nữa, họ đoán rằng sư tử và hổ có lẽ đã bỏ đi sang rừng khác và họ chặt đi một phía rừng. Bấy giờ, vị thần kia mới đến gặp Bồ-tát và nói:

– Ôi thưa Hiền giả, tôi đã không theo lời Hiền giả mà lại đuổi hai con thú ác kia đi. Bây giờ người ta nhận ra rằng chúng đã ra đi và họ đang đốn hạ cả khu rừng. Chúng ta phải làm gì bây giờ đây?

Vị thần được trả lời rằng hai con thú ấy đang sống ở một khu rừng kia, phải đến đó mà tìm chúng về. Vị thần kia làm theo như thế. Đứng trước hai con thú, vị thần kính cẩn chào rồi đọc bài kệ thứ ba:

66. Xin quay trở lại rừng già,
Để rừng khỏi bị san ra đồng bằng.
Bạn đi, rìu sẽ hạ rừng,
Không rừng, mãi mãi bạn không có nhà!

Hai con thú khước từ lời thỉnh cầu và bảo:

– Đi đi, chúng tôi không đến đó đâu!

Thế là vị thần kia phải trở về một mình. Chỉ sau một vài ngày, dân chúng đã đốn hết rừng, làm thành một đồng ruộng để cày cấy, trồng trọt.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế và nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Kokālika là vị thần cuồng si, còn vị thần trí tuệ kia là Ta.

§273. CHUYỆN CON RÙA (*Kacchapajātaka*) (*J.* II. 359)

Ai kia đem bát xin ăn...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài đang trú tại Kỳ Viên về sự tranh cãi giữa hai đại thần trong triều vua xứ Kosala. Các tình tiết câu chuyện giống như đã được kể ở chương II, *Chuyện con rắn* và *Chuyện con chuột rừng*.[16]

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình ở Kāsi. Khi lớn lên, ngài được giáo dục tại Takkasilā. Sau khi đã thành tựu về mọi mặt, ngài lui về sống ẩn dật trong một túp lều lá tại dãy Tuyết sơn, bên bờ sông Hằng. Nơi đây, ngài đạt được các thắng trí và các thiền chứng. Nhờ đó, tâm ngài trở nên an lạc, đạt tới hạnh nhẫn nhục cao vời.

Bồ-tát thường tĩnh tọa ở trước lều. Bấy giờ, có một chú khỉ ngỗ nghịch, trơ tráo thường đến chọc phá ngài, nhưng nó không thể nào làm cho tâm ngài dao động. Ngài vẫn ngồi tĩnh lặng an bình.

Bấy giờ, có một con rùa cái, một hôm đang nằm giữa trời, há miệng ngủ thiếp bên dòng nước. Thấy thế, con khỉ trơ tráo kia liền đến và đút ngón tay vào

[16] Xem *J.* II. 12, *Uragajātaka* (*Chuyện con rắn*), số §154; *J.* II. 51, *Nakulajātaka* (*Chuyện con chuột rừng*), số §165.

miệng rùa. Rùa chợt tỉnh giấc và ngậm miệng lại, cắn chặt lấy tay khỉ. Đến khi chịu không nổi nữa, khỉ tự hỏi: "Ta phải cầu cứu ai giải thoát cho ta khỏi sự đau đớn cực điểm này?"

Khi nghĩ được rằng chỉ còn cách đến cầu cứu Bồ-tát, nó liền mang cả con rùa đến trước ngài. Với giọng hài hước, Bồ-tát nói với khỉ qua bài kệ đầu:

67. Ai kia đem bát xin ăn,
Vốn từ đâu lại, có phần gì chăng?

Khỉ đáp lại qua bài kệ thứ hai:

68. Con làm quấy, thật điên khùng,
Xin ngài cứu giúp, con mong vào rừng.

Bồ-tát đọc bài kệ thứ ba tiếp lời khỉ:

69. Quy, hầu hai giống vốn đồng,
Rùa ơi, tha khỉ cho xong đi nào!

Rùa nghe lời Bồ-tát thả khỉ ra. Khỉ kính cẩn chào Bồ-tát rồi phóng biệt vào rừng. Rùa cũng xin bái biệt ra đi. Còn Bồ-tát liên tục trú vào an lạc thiền định và sau cùng lên Phạm thiên giới.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế và nhận diện tiền thân:

– Hai ông quan nọ, bấy giờ là con khỉ và con rùa, còn Ta là vị ẩn sĩ kia.

§274. CHUYỆN THAM ĂN (*Lolajātaka*) (*J*. II. 360)

Cô hạc này là ai thế nhỉ...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo tham ăn và bị đưa ra trước thính đường.

Bấy giờ, bậc Đạo sư dạy:

– Chẳng phải bây giờ ông ấy mới tham ăn, trước kia ông ấy cũng đã vậy rồi. Tính tham ăn đã làm cho ông ấy mất mạng và cũng do thế mà các trí giả thời xưa đã bị đuổi ra khỏi nhà.

Rồi Ngài kể một câu chuyện.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, người đầu bếp của một phú thương nọ trong thành phố có treo một cái giỏ trong bếp để nhờ đó được công đức. Bấy giờ, Bồ-tát là một con bồ câu bay đến sống trong giỏ ấy.

Một con quạ tham ăn bay ngang qua nhà bếp và bị lôi cuốn bởi một số lượng lớn nhiều loại cá khác nhau nằm đây đó. Quạ thấy thèm cá quá, nó tự nghĩ: "Trên thế gian này dễ gì mình kiếm được vài con cá như thế kia!" Thế rồi

nó chợt nhìn thấy Bồ-tát và nó lại nghĩ: "Thế nào ta cũng phải được cá. Ta sẽ dùng tên kia làm lợi khí cho ta." Để thực hiện quyết định đó, quạ đã làm như sau đây.

Khi bồ câu ra ngoài để kiếm thức ăn hàng ngày, quạ liền bay theo, theo mãi rồi đến gặp nó. Bồ câu nói:

– Ông muốn gì tôi thế, ông quạ? Ông và tôi đâu có dùng chung một thứ thức ăn?

Quạ nói:

– Ồ, nhưng tôi thích ông. Hãy cho tôi được làm tôi tớ hèn mọn của ông và cùng đi kiếm thức ăn với ông!

Bồ-tát chấp thuận. Nhưng khi cả hai cùng đi kiếm thức ăn, quạ chỉ giả bộ cùng ăn với bồ câu, thỉnh thoảng nó lại quay sau mổ lấy vài miếng phân bò, gắp một hai con sâu. Khi quạ đã no nê, nó bay lên và kêu:

– Này ông bồ câu, đến bao giờ ông mới dùng xong bữa chứ? Ông thật chẳng hề biết điều độ là chi cả. Thôi chúng ta hãy quay về đi kẻo muộn quá rồi đấy!

Thế là chúng quay về. Khi hai con chim cùng quay về, người đầu bếp thấy bồ câu mang theo một chim bạn liền treo lên thêm một cái giỏ nữa.

Sự việc cứ như thế trong bốn hay năm ngày. Thế rồi một số lượng cá lớn được mua vào bếp của vị phú thương. Quạ mong mỏi khát khao được một vài con. Từ lúc tờ mờ, nó đã nằm rên ầm ĩ. Đến sáng, bồ câu bảo quạ:

– Này anh bạn, dậy ăn đi chứ!

Quạ nói:

– Ông cứ đi đi. Tôi đang đau bụng vì ăn không tiêu đây.

Bồ câu nói:

– Một con quạ lại bị chứng không tiêu à? Thật là vô lý! Ngay cả khi một cái bấc đèn nằm trong bao tử anh, hay dù cho thứ gì đi nữa, anh vừa ăn xong là tiêu hóa trong nháy mắt. Bây giờ hãy nghe tôi đi. Chớ có làm bộ ra thế chỉ vì thấy một con cá bé!

– Sao? Thưa ông, ông bảo gì chớ? Tôi đã nói với ông là tôi đau bụng mà.

Bồ câu nói:

– Được rồi, được rồi, cẩn thận đấy!

Và nó bay đi.

Người đầu bếp đã làm xong các đĩa thức ăn. Ông ta ra đứng trước cửa bếp lau mồ hôi. "Bây giờ là lúc của ta đây!" Quạ nghĩ thế rồi bay tới đậu trên một cái đĩa đầy cả thức ăn ngon. "Kịch... kịch..." Người đầu bếp nghe tiếng động nhìn quanh. "A!" Trong chớp mắt ông ta chộp lấy quạ, rồi nhổ trụi lông nó, chỉ còn chừa lại một cái chỏm trên đỉnh đầu. Rồi ông giã gừng, quế, trộn chung với bơ sữa rồi phết khắp mình quạ. "Đó là để phạt tội mày làm hư bữa ăn của chủ

tao, khiến tao phải đổ đi!" Ông ta bảo thế rồi ném nó vào trong giỏ. Ôi, thực là đau đớn!

Một lát sau, bồ câu đi kiếm ăn về. Vật đầu tiên nó thấy là chú quạ đang lóng cóng khổ sở. Dĩ nhiên tình cảnh trông thật nực cười! Bồ câu cảm hứng ngâm kệ như sau:

70. Cô hạc này là ai thế nhỉ,
Cô đâu có thể ở nơi đây?
Ra mau! Bạn quạ tôi gần đến,
E quạ sẽ làm hại hạc ngay!

Nghe thế, quạ trả lời bằng bài kệ khác:

71. Không, không, chẳng hạc chẳng ai mà,
Tên quạ tham ăn quả thật ta,
Ta chẳng muốn làm như được dặn,
Bạn nhìn, ta bị vặt lông ra.

Và bồ câu nói tiếp qua bài kệ thứ ba:

72. Tôi biết bạn còn phải muộn phiền,
Cũng do bản tính bạn gây nên,
Ai đâu để thịt mời chim nhỏ,
Khi đã dọn thành một đĩa lên?

Thế rồi bồ câu bay đi và nói:

– Ta không thể sống với tên này được.

Và quạ nằm đó rên la cho đến chết.

***

Kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc, vị Tỷ-kheo tham ăn kia đắc quả Nhất lai. Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vị Tỷ-kheo tham ăn ấy, ngày xưa là quạ tham ăn, còn Ta là bồ câu.

§275. CHUYỆN CON CHIM XINH XẮN (*Rucirajātaka*) (*J.* II. 365)

Hạc kia xinh đẹp là ai...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo tham ăn. Chuyện này và chuyện trước cũng chỉ là một, nhưng đây là bài kệ:

73. Hạc kia xinh đẹp là ai,
Cớ sao chú đến nơi đây mà nằm?
Bạn tôi, anh quạ dữ dằn,
Tổ anh ta đó, tôi cần chú hay!

74. Bạn chẳng nhận ra tôi sao bạn?
Ta cùng nhau thường vẫn đi ăn,

Chẳng làm như được bảo răn,
Nên lông bị vặt, bạn trông rõ ràng!

75. Tôi biết bạn hãy còn phiền muộn,
Đó là do tính bạn mà thôi,
Người ta làm đĩa thịt rồi,
Phải đâu là để đem mời chim ăn!

Cũng như trên, Bồ-tát nói:

– Ta không thể sống ở nơi đây nữa.

Rồi bồ câu bay đi nơi khác.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc, vị Tỷ-kheo tham ăn kia đắc quả Nhất lai. Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vị Tỷ-kheo tham ăn kia là quạ, còn Ta là bồ câu.

§276. CHUYỆN CHÁNH PHÁP NƯỚC KURU
(*Kurudhammajātaka*) (*J.* II. 365)

Biết ngài tín hạnh cao sâu...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo đã giết một con ngỗng trời.

Hai Tỷ-kheo kia là bạn thân với nhau, từ Xá-vệ đến đây tu học. Sau khi đã thọ Đại giới, họ thường cùng nhau đi đây đó. Ngày kia, họ đến Aciravatī. Sau khi tắm xong, họ đứng phơi nắng trên cát và vui vẻ trò chuyện với nhau. Lúc ấy, có hai con ngỗng trời bay ngang trên đầu họ. Một trong hai Tỷ-kheo trẻ tuổi ấy nhặt một hòn đá và nói:

– Tôi sẽ ném trúng mắt con ngỗng kia.

Người kia bảo:

– Hiền hữu không thể làm thế được đâu!

– Được chứ!

Người thứ nhất bảo thế rồi nhặt một hòn đá có ba góc và ném theo con ngỗng. Con ngỗng quay đầu lại vì nghe tiếng vút trong không khí. Thế rồi người ấy ném tiếp một viên đá tròn để nó trúng ngay vào mắt bên này và xuyên qua mắt bên kia. Con ngỗng kêu thét lên lăn lộn mấy vòng rồi rơi xuống ngay chân họ.

Các Tỷ-kheo khác đứng gần đó trông thấy thế, chạy đến và trách người ấy:

– Thật đáng xấu hổ vì hiền hữu đã là kẻ hành trì một giáo pháp như đạo của chúng ta mà lại còn sát sanh như thế ư?

Thế rồi họ bắt Tỷ-kheo ấy theo họ đến trước đức Như Lai. Bậc Đạo sư hỏi:

– Có đúng như lời các Tỷ-kheo này bảo không? Ông có thực đã sát sanh không?

Tỷ-kheo ấy đáp:

– Bạch Thế Tôn, quả thực như thế.

Bậc Đạo sư dạy:

– Này Tỷ-kheo, sao ông lại có thể làm như thế khi ông đã hành trì đại giáo pháp giải thoát như vậy? Các bậc trí giả ngày xưa trước khi đức Phật ra đời, mặc dù phải sống đời trần tục bất tịnh, họ cũng đã sám hối về những điều rất nhỏ nhặt, thế mà ông, kẻ tu hành theo đại giáo pháp này lại chẳng biết thận trọng! Một Tỷ-kheo phải biết chế ngự mình trong việc làm, lời nói và ý nghĩ.

Rồi Ngài kể một câu chuyện.

***

Ngày xưa, khi Dhanañjaya là vua xứ Indapatta trong vương quốc Kuru, Bồ-tát sanh ra là con của chánh cung hoàng hậu, ngài lớn lên và được giáo dục tại Takkasilā. Khi phụ vương qua đời, ngài lên nối ngôi. Người trưởng thành trong Chánh pháp Kuru, giữ đầy đủ mười bổn phận của vua. Chánh pháp Kuru chính là ngũ giới mà Bồ-tát rất tinh cần tuân phục trọn vẹn. Cũng như Bồ-tát, thái hậu, vương hậu, các vương đệ, phó vương, người tu tại gia, Bà-la-môn, người nài coi thú, quan lại, người đánh xe, người thủ kho, người chủ vựa thóc, nhà quý tộc, người gác cổng, nàng kỹ nữ, người nữ tỳ, ai ai cũng đều tuân theo giới luật.

Từ vua, thái hậu kể đi,
Lại thêm hoàng hậu, kế vì phó vương,
Thầy tế tự, kẻ coi lương,
Người nài, cùng kẻ trên đường đánh xe,
Người coi kho báu chuyên bề,
Thêm người gác cổng, ả nghề phấn son,
Mười người lẻ một vừa tròn,
Kuru Chánh pháp cung tôn, giữ gìn.

Như vậy, tất cả những người này đều chuyên tâm tuân trì ngũ giới. Nhà vua cho xây sáu nhà bố thí: Bốn nhà ở bốn cổng thành, một nhà ở trung tâm thành phố và một nhà ở ngay trước cung vua. Mỗi ngày, ngài phát tới sáu trăm ngàn đồng tiền bố thí. Toàn cả nước Ấn Độ đều phấn chấn và đâu đâu cũng tràn đầy tình yêu thương, đức từ bi hoan hỷ của nhà vua.

Vào thời kỳ ấy, có một vị vua tên là Kāliṅga ở thành Dantapura, trong vương quốc Kāliṅga. Trong nước ấy, đã lâu trời không mưa. Do hạn hán nên phát sinh nạn đói. Dân chúng nghĩ rằng thiếu lương thực có thể gây nên dịch tả và họ sợ hạn hán, sợ đói khát. Ba mối lo ấy thường xuyên ám ảnh họ. Dân chúng tay dắt con thơ, cùng khổ lang thang đây đó. Rồi tất cả tụ họp lại kéo đến Dantapura, đứng trước cung vua mà kêu than.

Nhà vua đang đứng bên cửa sổ, nghe tiếng ồn ào mới hỏi vì sao dân chúng lại náo động như thế. Ngài được trả lời:

– Ôi, tâu Đại vương, ba điều đáng sợ đã trùm lên vương quốc của ngài. Trời không mưa xuống, mùa màng hư hại, nạn đói phát sinh. Dân chúng đói khát, mệt mỏi bần cùng, tay dắt con thơ lang thang khắp chốn! Tâu Đại vương, xin ngài hãy làm sao cho có mưa!

Nhà vua hỏi:

– Các Tiên vương thường phải làm gì khi không có mưa?

– Tâu Đại vương, nếu trời không mưa thì các Tiên vương thường bố thí, giữ ngày trai giới, phát nguyện làm lành, nằm suốt bảy ngày trong phòng trên đệm cỏ. Như thế thì trời sẽ mưa.

– Được lắm.

Vua bảo và làm theo như thế. Dẫu vậy, trời vẫn không mưa. Bấy giờ, ngài phán bảo các triều thần:

– Các khanh bảo ta thế nào, ta đều làm thế ấy, vậy mà sao trời vẫn không mưa! Ta còn phải làm sao nữa đây?

– Tâu Đại vương, trong thành Indapatta có một con voi chúa tên là Añjanavasabha (Hắc Tượng Công). Đó là con voi của Dhanañjaya, vua xứ Kuru. Ta hãy tìm nó đem về thì trời sẽ mưa ngay!

– Nhưng sao ta có thể làm thế được? Dễ gì đánh bại được nhà vua và quân đội của ông ta?

– Tâu Đại vương, chẳng cần phải đánh nhau với ông ta. Vua ấy rất thích bố thí. Hễ ai xin cái gì, vua đều cho ngay. Ông còn có thể cắt cả cái đầu tôn nghiêm, móc cả đôi mắt từ ái, ngay cả đến ngai vàng của ông để bố thí nữa; huống chi một con voi, ta chẳng cần phải năn nỉ nhiều, ông ta cũng cho nó ngay.

Nhà vua hỏi:

– Nhưng ai có thể đến xin vua ấy?

– Tâu Đại vương, các Bà-la-môn.

Nhà vua chỉ định tám Bà-la-môn từ một ngôi làng Bà-la-môn với mọi nghi lễ trịnh trọng gởi họ đi xin voi. Họ mang theo lệ phí, mặc quần áo lữ hành, không nghỉ đêm tại một nơi nào cả mà cứ đi mãi cho đến vài ngày sau, họ đã dùng bữa tại nhà phát chẩn trước cổng thành. Sau khi đã ăn uống đầy đủ, họ hỏi:

– Khi nào đức vua đến nhà phát chẩn?

Họ được trả lời:

– Cứ mỗi nửa tháng, ngài đến đấy ba ngày: Rằm, mười bốn, mùng tám. Ngày mai là rằm trăng tròn, thế nào ngài cũng sẽ đến.

Vì thế, rạng ngày hôm sau, các Bà-la-môn đến đó theo lối vào cổng phía Đông. Bồ-tát tắm rửa, xức dầu thánh, phục sức trang điểm cực kỳ cao sang, ngự

trên một con voi được tô điểm cân đai rực rỡ. Ngài cùng với một đoàn tùy tùng đến nhà phát chẩn ở cửa Đông. Tại đó, ngài xuống voi và tự tay bố thí thức ăn cho bảy, tám người.

– Hãy bố thí như thế này!

Ngài bảo thế rồi ngự lên lưng voi, tiến về phía cửa Nam.

Ở cửa phía Đông, các Bà-la-môn không có cơ hội gặp ngài do lực lượng cận vệ ngăn cản, vì thế họ phải đi về phía cửa Nam và chờ nhà vua đến. Khi vua đến một bãi đất cao gần cổng thành, họ giơ cao tay và kính cẩn tung hô ngài. Vua thúc gậy nhọn vào voi để đưa nó đến chỗ họ đứng. Vua hỏi:

– Chào các Bà-la-môn, các vị muốn gì?

Các Bà-la-môn tuyên dương đức độ của Bồ-tát qua bài kệ đầu:

76. Biết ngài tín hạnh cao sâu,
Chúng tôi đến để mong cầu ngài đây,
Chỉ vì muốn có voi này,
Chúng tôi tiêu hết tiền tài quốc gia.

Nghe thế, Bồ-tát bảo:

– Này các Bà-la-môn, nếu tất cả tài sản của quý quốc lâu nay đã cạn kiệt để mong có được con voi này thì xin chớ ngại gì. Ta sẽ hiến nó cho quý vị cùng với tất cả những đồ trang sức xa hoa của nó.

Nói xong, ngài đọc hai bài kệ này:

77. Các người có làm sao chăng ấy,
Ta vẫn theo thầy dạy ngày xưa,
Hễ ai đã đến với ta,
Ta luôn chào đón, thiết tha mọc mời!

78. Trao quý vị thớt voi quà tặng,
Đáng một phần tài sản quân vương,
Voi đây, trang phục, xích vàng,
Và nài, mọi thứ, hãy mang trở về!

Bậc Đại sĩ bảo thế, vừa bước lên lưng voi rồi lại bước xuống và bảo các Bà-la-môn:

– Nếu trên mình voi có chỗ nào chưa được trang sức, ta sẽ trang sức chỗ ấy rồi mới trao voi cho quý vị.

Ngài đi quanh con vật ba lần, xem xét mọi chỗ mà vẫn không thấy chỗ nào là không được trang sức. Bấy giờ, ngài trao vòi voi vào trong tay các Bà-la-môn. Ngài dùng nước hoa đựng trong một cái bình bằng vàng rất đẹp tưới vào con vật rồi trao nó cho các Bà-la-môn. Họ nhận voi với đủ đồ trang sức của nó, rồi họ ngồi lên lưng voi cưỡi về Dantapura và trao nó cho vua của họ. Nhưng, mặc dầu con voi đã về tới, trời vẫn chưa mưa.

Thế rồi, nhà vua lại hỏi:

– Sao lại thế nhỉ?

Vua được trả lời:

– Dhanañjaya, vua xứ Kuru, tuân theo Chánh pháp Kuru, do đó, trong vương quốc của ông ta trời mưa cứ mỗi mười hay mười lăm ngày. Đó là do uy lực đức hạnh của ông ấy. Nếu con voi này có điều tốt thì cái tốt ấy cũng còn quá ít!

Bấy giờ, vua bảo:

– Hãy đem con voi này trang sức đủ mọi thứ của nó như cũ rồi đem trả nó lại cho ông vua ấy; đồng thời hãy lấy một tấm bảng bằng vàng, viết lên đó Chánh pháp Kuru mà ông ta đã hành trì rồi mang về đây!

Nói xong, vua phái các Bà-la-môn và các cận thần ra đi.

Đoàn người đến trước vua kia, giao trả con voi lại và thưa:

– Tâu Chúa thượng, dù con voi của ngài đã đến với chúng tôi, trời vẫn không mưa. Người ta bảo rằng ngài tuân theo Chánh pháp Kuru, vua chúng tôi cũng muốn chấp trì Chánh pháp ấy; do đó, ngài sai chúng tôi đến đây chép Chánh pháp ấy lên trên một tấm bảng bằng vàng rồi mang về cho ngài. Xin Chúa thượng đọc cho chúng tôi Chánh pháp này.

Nhà vua bảo:

– Này các Hiền hữu, thực ra ta cũng đã có lần hành trì Chánh pháp ấy; nhưng giờ đây, ta lại đang nghi ngờ về chính điều này. Chánh pháp ấy giờ đây không làm cho tâm ta an lạc, vì thế ta không thể trao cho các bạn.

Các bạn có thể hỏi rằng tại sao đức độ không làm cho nhà vua an lạc nữa? Này hãy nghe đây: Mỗi ba năm một lần vào tháng Kattikā, các vua chúa thường tổ chức một buổi lễ gọi là Kattikā (lễ hội rằm tháng Mười âm lịch). Lúc dự lễ hội, các vua chúa thường trang sức thật lộng lẫy và phục sức giống các vị thần. Họ đứng trước mặt quỷ dạ-xoa Cittarāja, là vua của muôn màu, và họ dùng những cây cung được trang hoàng bằng những tràng hoa được tô vẽ đủ màu để bắn đi bốn phương trời.

Bấy giờ, vị vua kia đi dự lễ đứng một bên cái hồ, trước mặt quỷ Cittarāja và bắn tên đi bốn phương. Mọi người đều nhìn thấy chỗ rơi của ba mũi tên đã được bắn đi, còn mũi tên thứ tư, vì đã được bắn phía trên mặt nước nên không ai trông thấy nó rơi vào đâu cả. Nhà vua tự nghĩ: “Có thể mũi tên của ta rơi xuống nước, trúng vào một con cá!” Vì nghi ngờ như thế, tội sát sanh đã tạo một vết nhơ trong đức hạnh của ngài. Và do đó, đức hạnh của ngài không làm cho tâm ngài an lạc như trước nữa.

Kể xong chuyện, vua nói thêm:

– Này các bạn, ta đang nghi ngờ về chính ta, không biết ta có giữ Chánh pháp Kuru hay không. Nhưng mẹ ta chấp trì rất tinh chuyên, các bạn có thể đến hỏi bà.

Họ nói:

– Nhưng, tâu Đại vương, Ngài không hề có ý định sát sanh. Đã không có ý định trong lòng thì không thể gọi là sát sanh được. Xin Ngài hãy đọc cho chúng tôi nghe Chánh pháp Kuru mà Ngài đã chấp trì!

– Thế thì chép đi!

Vua bảo thế rồi bảo cho họ chép trên tấm bảng vàng.

– Chớ sát sanh, chớ lấy của không cho, chớ tà dâm, chớ nói dối, chớ uống rượu mạnh.

Rồi ngài nói thêm:

– Tuy thế, Chánh pháp ấy không làm cho ta an lạc, quý vị hãy đến học hỏi mẹ ta.

Các sứ giả chào vua rồi đến yết kiến thái hậu. Họ nói:

– Thưa Lệnh bà, chúng tôi được nghe rằng Lệnh bà chấp trì Chánh pháp Kuru, xin Lệnh bà truyền dạy nó cho chúng tôi!

Thái hậu bảo:

– Các con ạ, thực ra ta cũng đã từng chấp trì Chánh pháp này, nhưng giờ đây, ta lại đang có những nỗi ngờ. Chánh pháp này không làm ta hạnh phúc, cho nên ta không thể trao truyền nó cho các con được.

Bấy giờ, ta biết được thái hậu có hai con trai, con lớn đang là vua và con kế là phó vương. Một vị vua gởi đến Bồ-tát những thứ dầu thơm làm bằng loại trầm rất quý, trị giá một trăm ngàn đồng và một cái vòng đeo cổ bằng vàng cũng trị giá một trăm ngàn đồng. Bồ-tát nghĩ rằng nên làm vinh dự mẹ, nên ngài gởi cả hai thứ cho mẹ ngài. Thái hậu tự nghĩ: “Ta không xức dầu thơm bằng gỗ trầm, cũng chẳng đeo vòng cổ, vậy ta nên gởi các thứ này cho vợ của các con ta.” Rồi bà lại nghĩ: “Vợ của con trưởng ta lại là hoàng hậu, nàng là chánh hậu, ta nên gởi cho nàng chiếc vòng cổ bằng vàng, còn vợ của con thứ ta thì nghèo, ta nên gởi cho nàng hương trầm.” Thế là một người bà cho vòng cổ, người kia bà cho hương trầm. Sau đó, bà chợt nghĩ: “Ta chấp trì Chánh pháp Kuru thì đối với ta, họ nghèo hay không nghèo đâu có thành vấn đề? Có thể rằng ta đã tỏ ra thương yêu đặc biệt con trưởng, như thế thì không thích hợp. Và có thể do thế, ta đã làm tỳ ố đức hạnh của ta.” Thế là thái hậu bắt đầu nghi ngờ. Đó là lý do vì sao bà đã nói như trên.

Các sứ giả nói:

– Một khi thứ gì đã ở trong tay Lệnh bà, Lệnh bà muốn cho thế nào tùy ý. Một chuyện quá nhỏ nhặt như thế kia mà Lệnh bà còn nghi ngờ thì làm sao Lệnh bà sẽ gây một tội lỗi nào được? Đức hạnh không bị rạn vỡ vì một điều như thế đâu! Xin Lệnh bà hãy truyền cho chúng tôi Chánh pháp xứ Kuru!

Thế là họ được thái hậu truyền Chánh pháp và họ chép vào tấm bảng vàng. Thái hậu bảo:

– Các con ạ, tuy vậy, ta cũng chẳng hạnh phúc trong Chánh pháp này. Nhưng con dâu ta vẫn tuân phục giới luật rất chuyên nhất, hãy đến hỏi nàng đi!

Thế rồi, họ kính cẩn từ giã thái hậu và đến hỏi xin hoàng hậu theo cách như trên. Và cũng như trên, bà bảo:

– Ta không thể truyền Chánh pháp ấy được vì chính ta đây cũng không chấp trì nó nữa.

Bấy giờ, một hôm, hoàng hậu đang ngồi ở cửa mắt cáo nhìn xuống, bà thấy nhà vua đang tham dự một cuộc diễu hành long trọng quanh kinh thành. Phó vương ngồi trên lưng voi, đằng sau ngài. Bà cảm thấy yêu vị phó vương và tự nghĩ: "Nếu ta làm bạn với chàng và khi anh chàng mất, chàng sẽ lên làm vua và lấy ta làm vợ thì sao?"

Thế rồi, bà chợt nghĩ: "Ta là kẻ chấp trì Chánh pháp Kuru, ta lại là kẻ đã có chồng, thế mà ta lại còn để mắt yêu thương một người đàn ông khác. Đây hẳn là một tỳ vết trong đức hạnh của ta!" Hoàng hậu cứ ray rứt ân hận mãi. Bà đã kể cho sứ giả nghe điều này.

Nghe xong, họ bảo:

– Tội lỗi không phải chỉ là sự phát khởi một ý nghĩ. Nếu chỉ vì việc quá nhỏ nhặt như thế mà Lệnh bà thấy hối hận thì Lệnh bà đâu có thể phạm tội lỗi nào được? Đức hạnh không thể bị rạn nứt vì một chuyện quá nhỏ nhặt như thế đâu! Xin hãy truyền Chánh pháp Kuru cho chúng tôi!

Thế là hoàng hậu đọc Chánh pháp và họ chép nó vào tấm bảng vàng. Nhưng hoàng hậu bảo:

– Này quý vị, tuy thế đức hạnh của ta cũng không được hoàn hảo. Nhưng vị phó vương vẫn tuân trì giới luật rất tinh chuyên. Hãy đến nơi ngài mà hỏi!

Thế là đoàn người lại đến với vị phó vương và cũng hỏi xin ngài Chánh pháp Kuru như trước. Phó vương vẫn thường mang theo đoàn tùy tùng đến hầu cận vua vào mỗi buổi chiều. Khi xe ngài và đoàn tùy tùng đến sân cung điện, nếu ngài muốn dùng cơm với nhà vua và ngủ đêm tại cung điện thì ngài sẽ gác dây cương và roi ngựa trên ách xe; đấy là dấu hiệu cho các tùy tùng lui ra và sáng hôm sau họ sẽ trở lại đứng chờ ngài đi ra, còn người đánh xe sẽ ở lại trong xe và mang xe trở lại thật sớm chờ ngài ở cổng cung vua. Nhưng nếu phó vương muốn ra đi ngay sau đó thì ngài để dây cương và roi ngựa trong xe rồi vào yết kiến nhà vua; rồi tùy tùng nhìn thấy dấu hiệu rằng ngài sẽ ra đi ngay, phải đứng chờ ngài trước cổng cung điện.

Một hôm, ngài làm như thế rồi vào yết kiến vua. Nhưng khi ngài vào bên trong thì trời bắt đầu mưa. Vua thấy thế nên không chịu cho ngài ra đi. Do đó, ngài cũng dùng cơm rồi ngủ tại cung điện. Nhưng đoàn tùy tùng đứng chờ phó vương bên ngoài vẫn phải đứng đó suốt đêm trong mưa.

Ngày hôm sau, khi ngài đi ra và thấy cả đoàn người ướt sũng đang đứng đó,

ngài tự nghĩ: "Ta là kẻ chấp trì Chánh pháp Kuru, thế mà ta lại để cho những người này phải khổ nhọc! Chắc chắn đây là một tỳ vết trong đức hạnh của ta!" Ngài cứ bứt rứt hối hận mãi. Vì thế, ngài bảo các sứ giả:

– Giờ đây, ta vẫn nghi ngờ không biết mình có thực sự chấp trì Chánh pháp không. Do đó, ta không thể truyền nó cho quý vị được.

Rồi ngài kể cho họ nghe vấn đề ấy.

Nghe thế, họ bảo:

– Nhưng ngài đã không hề có ý định làm khổ nhọc những người kia. Điều gì không do ý định thì không được kể là tội lỗi. Nếu vì một việc nhỏ nhặt như thế mà ngài còn cảm thấy hối hận thì ngài có thể phạm tội gì được?

Thế rồi họ được phó vương truyền Chánh pháp này và họ chép nó vào tấm bảng vàng. Ngài lại nói:

– Tuy thế, Chánh pháp này còn khiếm khuyết trong ta. Nhưng vị tế sư của ta vẫn chấp trì nó rất tinh chuyên, hãy đến gặp vị ấy mà xin hỏi!

Thế là sứ giả lại đến đó gặp vị tế sư. Bấy giờ, vị tế sư một hôm đến chầu vua, dọc đường ông trông thấy một chiếc xe màu sắc sặc sỡ như mặt trời ban mai, đó là một chiếc xe do một vị vua nọ gửi đến cho vua.

– Xe của ai thế?

Ông hỏi và được trả lời:

– Xe gửi đến cho đức vua đấy!

Thế rồi ông tự nghĩ: "Ta đã già rồi, nếu vua cho ta chiếc xe kia để ta dùng thì hay biết bao!" Khi đến yết kiến vua, ông chúc tụng rồi đứng một bên. Bấy giờ, chiếc xe được mang lại cho vua. Vua bảo:

– Chiếc xe đẹp quá, hãy trao tặng cho thầy ta đi!

Nhưng vị giáo sĩ không thích nhận; dù được nài nỉ nhiều lần, ông cũng vẫn không đồng ý! Tại sao như vậy? Bởi vì ông nghĩ: "Ta là kẻ hành trì Chánh pháp Kuru mà lại còn ham muốn của cải người khác, chắc chắn đây là một tỳ ố trong đức hạnh của ta."

Ông kể chuyện cho các sứ giả nghe và nói thêm:

– Các con ạ, ta đang nghi ngờ Chánh pháp Kuru; Chánh pháp này giờ đây không làm cho ta an lạc; do đó, ta không thể truyền dạy cho các con được.

Nhưng các sứ giả bảo:

– Một chút phát khởi tham dục không thể làm rạn nứt đức hạnh được. Nếu ngài cảm thấy ngần ngại về một điều nhỏ nhặt như thế kia thì ngài đâu có thể gây nên một tội lỗi thực sự nào được?

Thế là họ được ông truyền đọc giới luật và họ chép vào tấm bảng vàng.

Vị giáo sĩ bảo:

– Tuy thế, thiện pháp này giờ đây chẳng làm cho ta an lạc. Nhưng người quản tượng của hoàng gia vẫn hành trì nó rất cẩn trọng, hãy đến hỏi ông ta!

Thế là các sứ giả tìm đến hỏi người quản tượng. Một hôm, người quản tượng đang đo một cánh đồng. Ông buộc sợi dây thừng vào một cái cọc và đưa một đầu dây cho người chủ đất cầm, còn ông cầm đầu dây kia. Cây cọc ở cuối sợi dây và ông cầm tới ngay một cái hang cua. Ông tự nghĩ: "Nếu ta cắm cọc vào lỗ thì con cua trong lỗ sẽ bị thương. Nếu ta cắm cọc vào phía bên kia lỗ thì tài sản của nhà vua sẽ bị thiệt và nếu ta đặt cọc phía bên này lỗ thì người điền chủ sẽ bị thiệt. Phải làm sao đây?" Thế rồi ông lại nghĩ: "Con cua hẳn phải ở trong lỗ này, nhưng nếu nó ở trong đó thì nó phải tự lộ ra chứ." Thế là ông ta cắm cọc vào lỗ. Bên trong, con cua phát ra tiếng "cạch!" Ông liền nghĩ: "Chắc hẳn cây cọc đã đâm lên mình cua và rõ ràng là ta đã giết chết nó. Ta là kẻ tuân trì Chánh pháp Kuru và nay ta đã gây tỳ ố vào đó rồi!"

Người quản tượng thuật cho các sứ giả nghe như thế và nói thêm:

– Vì vậy, tôi đang nghi ngờ về Chánh pháp ấy, tôi không thể trao nó cho quý vị được.

Các sứ giả nói:

– Ông đã không cố ý muốn giết con cua. Làm điều gì mà không cố ý thì không phải tội lỗi. Nếu chỉ vì một chuyện quá nhỏ nhặt như thế kia mà ông còn cảm thấy e ngại thì ông đâu có thể gây một tội lỗi thực sự nào được?

Thế rồi họ được người quản tượng truyền Chánh pháp và họ chép vào tấm bảng vàng. Ông ta lại nói:

– Tuy giới luật này không làm cho tôi an lạc, người đánh xe vẫn hành trì nó rất tinh chuyên, quý vị hãy đến hỏi ông ấy đi!

Vì thế, đoàn người từ giã để đến gặp người đánh xe. Bấy giờ, ông ta đánh xe đưa nhà vua đến hoa viên. Nơi đây vua thưởng ngoạn suốt ngày, đến chiều mới trở lại và bước lên xe ra về. Nhưng vào lúc hoàng hôn, trước khi về đến thành phố, một cơn dông đổ xuống. Người đánh xe sợ nhà vua có thể ướt, ra roi quất vào đôi ngựa quý và chúng phóng thật nhanh về nhà.

Từ đó về sau, trên đường đi đến hoa viên hay từ hoa viên trở về, hễ ngang quãng đường đó là đôi ngựa phóng nhanh lên. Tại sao vậy? Bởi chúng nghĩ rằng hẳn phải có cái gì nguy hiểm ở quãng đó. Cho nên, người đánh xe tự nghĩ: "Nếu đức vua có bị ướt hay không thì đó đâu phải lỗi của ta? Thế mà một lúc không đáng, ta ra roi quất vào đôi ngựa quý vốn được luyện tập thuần thục này, khiến chúng cứ phải cố hết sức phóng nhanh lên, cố sức mãi cho đến khi mệt nhoài, đó là tại ta cả! Ta là kẻ tuân trì Chánh pháp Kuru, chắc chắn đây là một tỳ vết xấu rồi!"

Người đánh xe thuật chuyện cho các sứ giả nghe và bảo:

– Vì lý do như vậy mà tôi nghi ngờ về Chánh pháp ấy và không thể truyền nó cho quý vị.

Các sứ giả nói:

– Nhưng ông chẳng cố ý làm mệt các con ngựa kia. Làm việc gì không cố ý thì không phải là tội lỗi. Nếu chỉ vì một việc quá nhỏ nhặt như thế kia mà ông còn cảm thấy e ngại thì ông đâu có thể gây nên một tội lỗi thực sự nào được?

Thế là các sứ giả được người đánh xe đọc Chánh pháp ấy và họ chép nó vào tấm bảng vàng. Nhưng người đánh xe lại đề nghị họ tìm đến một vị trưởng giả kia và nói:

– Tuy Chánh pháp này không làm cho tôi an lạc, ông ta vẫn chấp trì nó rất cẩn trọng.

Các sứ giả lại đến gặp vị trưởng giả và hỏi xin Chánh pháp. Bấy giờ, vị trưởng giả một hôm ra thăm đồng lúa, thấy một chùm bông lúa nở nứt vỏ, ông đến cột túm lại bằng một túm lúa, và lấy một nắm cột vào một cây gậy. Thế rồi, ông chợt nghĩ: "Do từ cánh đồng này, ta phải dâng đức vua số lợi tức của ngài! Thế mà ta lại lấy đi một nắm lúa từ một thửa ruộng chưa chín! Ta là kẻ tuân trì Chánh pháp Kuru, chắc chắn ta đã phá vỡ nó rồi!" Ông ta kể chuyện cho các sứ giả và bảo:

– Giờ đây, tôi đang nghi ngại về Chánh pháp ấy, do đó tôi không thể truyền cho quý vị được.

Các sứ giả nói:

– Nhưng ông đã không hề có ý lấy cắp, không có ý nghĩ ấy thì không thể bị kết tội ăn cắp. Nếu ông cảm thấy ân hận chỉ vì một việc nhỏ nhặt như thế kia thì làm sao mà ông có thể lấy những gì của kẻ khác?

Thế là họ được vị trưởng giả đọc Chánh pháp ấy và họ chép nó vào tấm bảng vàng. Vị trưởng giả nói thêm:

– Mặc dầu tôi chẳng được sung sướng trong việc này, vị giữ kho thóc của nhà vua chấp trì giới luật này rất tinh chuyên. Hãy đến hỏi ông ấy!

Thế là các sứ giả đến hỏi xin viên chức coi kho thóc. Một hôm ông này đang ngồi trước cửa kho lo việc đếm số thóc nộp thuế cho vua, đã bốc một hạt thóc chưa được đong và bỏ nó riêng ra để làm dấu. Lúc ấy mưa bắt đầu rơi. Ông vội đếm các hạt thóc dùng để làm dấu xem bao nhiêu và quét gom lại rồi bỏ chúng vào đống thóc đã được đong đếm. Sau đó, ông vội chạy vào ngồi trong nhà người giữ cổng: "Ta đã bỏ các hạt thóc dùng làm dấu kia vào đống thóc được đong đếm hay vào đống thóc chưa đong đếm nhỉ?" Ông tự hỏi như vậy và chợt nghĩ: "Nếu ta đã bỏ các hạt thóc ấy vào đống thóc đã được đong đếm thì phần của vua được tăng lên và các chủ điền lại bị thiệt. Ta là kẻ chấp trì Chánh pháp Kuru, và nay ta đã có tỳ vết xấu rồi!"

Vì thế, ông ta thuật cho các sứ giả nghe chuyện này và nói thêm rằng vì ông ta nghi ngại về pháp ấy nên không thể truyền nó cho họ. Nhưng các sứ giả nói:

– Ông không có ý định lấy trộm và nếu không có ý định ấy thì không thể bị

kết tội là gian dối. Nếu chỉ vì một việc quá nhỏ nhặt như vậy mà ông còn e ngại thì ông đâu có thể lấy đồ vật gì của ai?

Thế là các sứ giả được viên chức coi kho thóc truyền Chánh pháp và họ chép nó vào tấm bảng vàng. Ông ta nói thêm:

– Tôi không giữ được toàn vẹn giới đức nhưng người gác cổng tuân trì nó rất tinh chuyên. Hãy đến ông ấy mà hỏi!

Thế là các sứ giả ra đi và đến hỏi người gác cổng. Bấy giờ, người gác cổng, một đêm vào giờ đóng cổng thành, đã gọi lớn lên ba lần. Một người nghèo khổ kia đang lượm củi, lượm lá trong rừng với cô em gái út, nghe tiếng gọi vội cùng em chạy lại. Người gác cổng nói:

– Này anh, há không biết nhà vua đang ở trong thành sao? Anh há không biết rằng đã đến giờ đóng cổng thành sao, thế mà anh lại đi vào trong rừng làm chuyện yêu đương!

Người kia đáp:

– Không đâu, thưa ông, đây không phải vợ tôi mà là em gái tôi.

Người gác cổng chợt nghĩ: “Bảo cô em gái là vợ thì thật là sàm sỡ quá! Ta là kẻ chấp trì giới luật Kuru, rõ ràng giờ đây ta đã phá vỡ nó rồi!” Ông kể chuyện cho các sứ giả và nói thêm:

– Như thế, tôi đang nghi ngờ không biết rằng tôi có thực sự chấp trì Chánh pháp Kuru hay không, do đó tôi không thể truyền nó cho quý vị.

Nhưng các sứ giả bảo:

– Ông đã nói như thế vì ông nghĩ như thế, điều ấy không làm rạn vỡ đức hạnh của ông. Nếu ông cảm thấy hối hận vì một điều quá nhỏ nhặt như thế kia thì ông đâu có thể nào buông một lời dối trá?

Thế là họ được người gác cổng đọc các giới hạnh ấy và họ chép chúng vào tấm bảng vàng. Thế rồi người gác cổng bảo:

– Tuy giới luật này chẳng làm tôi an lạc, nàng kỹ nữ kia lại chấp trì nó rất tinh chuyên, quý vị hãy đến hỏi nàng!

Các sứ giả làm theo như vậy. Nàng đã từ chối như những người đã kể trên kia vì lý do sau đây: Sakka, Thiên chủ Đế-thích, muốn thử đức độ của nàng, liền hóa ra một chàng trai đến trao cho nàng một ngàn đồng tiền và nói:

– Lát nữa tôi sẽ trở lại.

Thế rồi, ngài trở về trời và suốt ba năm không xuống thăm nàng. Còn nàng, vì danh dự, cũng suốt ba năm không nhận dù chỉ một miếng trầu từ bất cứ người đàn ông nào cả. Dần dần, nàng trở nên nghèo khó, rồi nàng tự nghĩ: “Người đàn ông cho ta một ngàn đồng kia đã ba năm nay không hề trở lại, và giờ đây ta trở nên nghèo khó. Ta không thể giữ gìn cả xác thân và tâm hồn cùng một lúc, nay ta phải đến kể cho ngài phán quan và sẽ kiếm tiền như trước đây.” Thế là nàng đến pháp đường và bảo:

– Cách đây ba năm, có một người đàn ông đến cho tôi một ngàn đồng rồi chẳng hề trở lại; tôi không biết ông ta đã chết rồi hay chưa. Tôi không thể giữ trọn vừa thân xác vừa linh hồn được. Thưa ngài, tôi phải làm sao đây?

Vị phán quan trả lời:

– Nếu đã ba năm mà ông ta không trở lại thì cô phải làm gì ư? Hãy kiếm tiền như trước kia đi!

Ngay sau khi nàng rời pháp đường với lời phán quyết kia, một người đàn ông đến trao tặng nàng một ngàn đồng. Trong khi nàng đang đưa tay lấy thì Đế-thích hiện thành chàng trai nọ. Nàng bảo:

– Đây là người đã cho tôi một ngàn đồng ba năm trước đấy, tôi không nên lấy tiền của ông ta.

Rồi nàng rụt tay lại. Bấy giờ, Đế-thích hiện nguyên hình của mình rồi bay lên không, sáng rỡ như mặt trời ban mai và gọi cả thành phố tụ tập lại. Đứng giữa đám đông, Đế-thích nói:

– Để thử lòng tốt của nàng, cách đây ba năm, ta đã cho nàng một ngàn đồng. Hãy làm như nàng, hãy giữ lấy danh dự của các người như nàng đã từng giữ danh dự của nàng!

Sau lời khuyên bảo ấy, ngài ban cho nhà nàng tràn ngập những châu ngọc đủ bảy loại và nói:

– Từ nay, hãy tỉnh giác phòng hộ!

Ngài khuyến dụ nàng như thế rồi bay lên trời. Vì câu chuyện trên đây, nàng kỹ nữ đã từ chối truyền giới luật cho các sứ giả và nói:

– Bởi vì trước kia tôi đã nhận tiền của một người, thế mà sau đó lại đưa tay ra muốn nhận tiền của một kẻ khác, thế là đức hạnh của tôi không được toàn hảo. Do đó, tôi không thể trao giới luật cho quý vị được.

Nghe thế, các sứ giả bảo:

– Mới chỉ đưa tay ra thì không xâm phạm gì đến đức hạnh, đức hạnh kia của cô thật là toàn hảo đệ nhất!

Và như vậy, nàng kỹ nữ là người sau cùng đã truyền giao các giới đức cho các sứ giả và họ đã chép chúng vào tấm bảng vàng. Họ mang tấm bảng vàng với các giới luật về thành Dantapura và thuật cho vua nghe mọi chuyện trong chuyến đi vừa qua.

Thế rồi, vua thành Dantapura thực hành theo các giới luật Kuru và tuân theo ngũ giới. Bấy giờ, trong khắp vương quốc Kāliṅga, đâu đâu cũng có mưa rơi xuống; ba mối lo sợ kia đã giảm đi, đất đai trở nên màu mỡ tốt tươi. Bồ-tát suốt đời bố thí, hành thiện rồi về sau cùng với quần thần đi lên làm đông đảo các cõi trời.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế và giải thích tiền thân. Ở phần kết thúc tứ đế, nhiều người đắc quả Dự lưu, nhiều người đắc quả Nhất lai, nhiều người đắc quả Bất lai và nhiều người đắc quả A-la-hán. Và tiền thân được bậc Đạo sư nhận diện như sau:

– Uppalavaṇṇā là nàng kỹ nữ, Puṇṇa là người gác cổng thành, người quản tượng là Kaccāna, Kolita là người coi vựa thóc, vị Trưởng giả là Sāriputta, người lái xe là Anuruddha, vị tế sư là Trưởng lão Mahākassapa, phó vương là Trí giả Nanda, mẹ của Rāhula là chánh hậu, thái hậu là bà Māyā, còn vị vua Kuru là Ta. Tiền thân rõ ràng là như thế.

§277. CHUYỆN CHIM BỒ CÂU (*Romakajātaka*) (*J.* II. 382)

Dãy đồi này, năm mươi năm lẻ một...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Trúc Lâm về một mưu toan giết hại. Các chi tiết của chuyện được diễn tả như sau:

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một con bồ câu, sống với một đàn bồ câu đông đúc ở giữa khu rừng, trong một cái động ở dãy đồi. Có một nhà tu khổ hạnh rất đức độ đến dựng một túp lều để ở bên trong một cái động khác của dãy đồi gần bìa làng, không xa chỗ ở của đàn bồ câu. Bồ-tát thường đến thăm và được nghe những lời dạy quý giá.

Sau khi sống ở đó một thời gian dài, nhà tu khổ hạnh ra đi. Bấy giờ lại có một người giả làm một nhà tu khổ hạnh đến đó ở. Bồ-tát cũng cùng đàn bồ câu đến viếng thăm, kính cẩn chúc tụng người ấy. Đàn chim cứ nhảy nhót suốt ngày quanh chỗ của người ẩn dật, mổ đồ ăn trước cửa động và đến chiều mới bay về nhà. Người tu khổ hạnh giả mạo kia sống ở đó hơn năm mươi năm.

Một hôm, người trong làng đến cho ông một số thịt bồ câu đã được nấu chín. Ông rất thích mùi vị ấy và hỏi xem đó là thịt gì thì được trả lời là thịt bồ câu. Ông tự nghĩ: “Từng đàn chim bồ câu thường đến nơi trú ẩn của ta, ta phải giết vài con để ăn mới được.” Thế là ông ta lấy gạo, bơ, sữa, ngò, tiêu và để sẵn sàng. Ông giấu một cái gậy trong chéo áo, ngồi trước cửa lều và chờ bầy chim bồ câu đến.

Khi Bồ-tát bay đến cùng đàn bồ câu, ngài phát hiện được việc ác mà người tu khổ hạnh giả mạo kia đang mưu định: “Nhà tu ác độc đang ngồi với bộ tịch giả dối kia, có lẽ ông đã ăn mất một số trong bọn ta rồi, ta sẽ vạch mặt ông ta!”

Thế rồi ngài đáp xuống phía dưới gió và đánh hơi kẻ ác kia, ngài nói:

– Đúng rồi, người này muốn giết chúng ta mà ăn thịt; chúng ta chớ đến gần ông ta!

Rồi ngài cùng cả đàn chim bay đi. Thấy Bồ-tát bay ra xa, người ẩn dật kia

tự nghĩ: "Ta sẽ nói vài lời ngọt ngào với nó để làm thân, rồi giết nó mà ăn thịt." Rồi ông ta đọc hai bài kệ sau:

79. Dãy đồi này, năm mươi năm lẻ một,
Lũ chim muông vẫn lui tới thăm ta.
Ở nơi đây bao đầm ấm, an hòa,
Đâu cần phải e dè hay sợ hãi!

80. Thế mà nay lũ cháu chắt con cái,
Ngại nơi này, bay đến ở đồi kia.
Chúng đã quên niềm kính trọng ngày xưa,
Chúng có phải bầy chim dòng giống cũ?

Bồ-tát liền quay lại đọc bài kệ thứ ba:

81. Ta chẳng khùng đâu, biết rõ ông,
Ta đây dòng giống của tôn tông,
Còn ông vẫn thế, rắp tâm hại,
Ẩn giả, ta đây phải ngại ngùng.

"Chúng đã vạch mặt ta rồi." Nhà tu khổ hạnh giả mạo kia nghĩ thế rồi ném cây gậy vào con chim nhưng ông không ném trúng được. Ông bảo:

– Đi đi, ta đã bắt hụt mi!

Bồ-tát nói:

– Ông bắt hụt chúng tôi, nhưng ông sẽ không bắt hụt bốn địa ngục đâu! Nếu ông còn ở đây, tôi sẽ gọi người trong làng và bảo họ đến bắt ông về tội trộm. Hãy cút đi nhanh lên!

Bồ-tát dọa ông ta như thế rồi bay đi. Kẻ ẩn dật kia không thể sống ở đó lâu hơn nữa.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Devadatta là kẻ tu giả mạo, còn vị tu khổ hạnh đầu tiên, người thiện hạnh là Sāriputta và con bồ câu đầu đàn chính là Ta đây.

§278. CHUYỆN CON TRÂU (*Mahisajātaka*)[17] (*J.* II. 385)

Sao ngài vẫn kiên trì…

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một con khỉ ngỗ nghịch.

Tại Xá-vệ, một gia đình kia có một con khỉ. Con khỉ này thường chạy đến chuồng voi, nhảy lên lưng một con voi hiền lành, phóng uế trên đó rồi bắt đầu chạy nhảy lung tung. Con voi kia vừa hiền lành vừa nhẫn nại, chẳng làm gì cả.

[17] Bản Tích Lan, Thái Lan viết *Mahisajātaka*. Bản CST viết *Mahiṃsarājajātaka*. Xem *Cp*. 87, *Mahiṃsarājacariya* (*Hạnh của con trâu chúa*).

Nhưng một ngày kia, một con voi trẻ và hung dữ đứng vào chỗ của con voi hiền nọ, khỉ cứ tưởng là con voi thường ngày, liền trèo lên lưng nó. Nó bị voi dùng vòi chộp lấy và quật xuống đất, khiến nó bị vỡ ra từng mảnh.

Các Tỷ-kheo biết được chuyện này và một hôm, họ đem ra bàn tán:

– Này các Hiền hữu, có nghe chuyện con khỉ ngỗ nghịch đã lầm tưởng con voi dữ là con voi hiền nên trèo lên lưng nó để mất mạng không?

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi đây bàn tán chuyện gì thế?

Và khi được các Tỷ-kheo kể chuyện ấy, Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên con khỉ ngỗ nghịch làm như thế, trước kia nó cũng đã làm như thế.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là một con trâu sanh ra trong vùng Tuyết sơn. Ngài lớn lên to lớn, khỏe mạnh và thường đi đây đó khắp đồi núi, đỉnh cao, hang sâu, rừng già. Lần nọ, ngài trông thấy một cái cây thích ý, liền đứng dưới cây để ăn.

Bấy giờ, một con khỉ ngỗ nghịch từ trên cây nhảy xuống trên lưng trâu. Khỉ nắm một sừng trâu, móc đuôi và đu đưa thân mình. Bồ-tát tràn đầy kiên nhẫn, đức độ, từ bi đã không để ý tới sự ngỗ nghịch của khỉ. Con khỉ kia cứ làm như thế mãi. Nhưng một hôm, vị thần cây đứng trên thân cây hỏi Bồ-tát:

– Thưa ngài trâu chúa, sao ngài cứ để mặc cho con khỉ ngỗ nghịch kia hỗn hào mãi thế? Hãy khiến nó chấm dứt đi thôi!

Và nói rộng điều này, vị thần cây đọc hai bài kệ sau đây:

82. Sao ngài vẫn kiên trì, Chịu đựng chuyện kỳ quặc,
Khỉ hỗn hào ích kỷ, Quấy phá ngài lắm khi?

83. Hãy đạp nó bằng chân, Hãy đâm nó bằng sừng,
Phải liền ngăn cản nó, Kẻo bọn trẻ khinh lờn.

Bồ-tát nghe thế liền trả lời:

– Này thần cây, chịu cho nó bạc đãi mà không nguyền rủa thọ sanh, dòng dõi, thế lực của nó, nếu điều ấy ta không giữ được thì nguyện ước của ta sao toàn vẹn? Nhưng rồi con khỉ kia cũng sẽ làm như thế đối với kẻ khác vì tưởng ai cũng như ta. Và nếu nó làm như thế với những con trâu khác thì nó sẽ bị hại ngay. Thế là ta được miễn đi sự phiền nhiễu và việc giết chóc.

Thế rồi ngài đọc tiếp bài kệ thứ ba:

84. Nếu nó quấy kẻ khác, Như đã quấy ta đây,
Nó liền bị hạ sát, Ta sẽ thảnh thơi ngay.

Ít ngày sau, Bồ-tát đi nơi khác. Một con trâu rừng khác hung hãn đến đứng vào chỗ của ngài. Con khỉ ngỗ nghịch kia tưởng con trâu mới đến là con trâu trước kia, liền trèo lên lưng và làm như trước. Con trâu rừng quật nó xuống đất, dùng sừng đâm thủng ngực nó rồi lấy chân giẫm nát nó.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài tuyên thuyết tứ đế và nhận diện tiền thân:

– Con trâu dữ trước kia là con voi dữ bây giờ, con khỉ ngỗ nghịch trước kia cũng chính là nó bây giờ, còn con trâu đức độ cao cả ấy chính là Ta.

§279. CHUYỆN CON HẠC (*Satapattajātaka*) (*J.* II. 387)

Như chàng trai trẻ trên đường…

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về Paṇḍuka và Lohita.

Có sáu người ngoại đạo, hai người là Mettiya và Bhummaja sống gần Vương Xá, hai người là Assaji và Punabbasu ở gần Kīṭāgiri và hai người sống ở Kỳ Viên gần Xá-vệ là Paṇḍuka và Lohita. Họ thường hạch hỏi những vấn đề nằm trong học thuyết. Hễ ai là bè bạn thân thiết với họ thì họ khích lệ và bảo:

– Này bạn, bạn chẳng thua kém ai ở đây về thọ sanh, dòng dõi và phẩm chất, nếu bạn phát biểu ý kiến của bạn, người ta sẽ học hỏi nhiều điều hay ở bạn đấy.

Một mặt họ bảo như thế, một mặt họ lại ngăn cản người kia phát biểu ý kiến của mình, do đó sanh ra gây gổ, bất hòa, tranh cãi. Các Tỳ-kheo kể lại sự việc cho Thế Tôn. Vì thế, Ngài họp các Tỳ-kheo để giảng giải, rồi cho mời Paṇḍuka và Lohita đến hỏi:

– Này các bằng hữu, có phải chính các ông đòi hỏi một số vấn đề ngăn cản người ta phát biểu ý kiến của họ không?

Họ đáp:

– Thưa vâng.

Ngài dạy:

– Thế thì thái độ của các bằng hữu cũng giống như chàng trai và con hạc.

Rồi Ngài kể một câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình tại một làng ở nước Kāsi. Khi ngài lớn lên, thay vì sinh sống bằng nghề nông hay bằng nghề buôn bán, ngài lại tụ họp năm trăm tên cướp rồi lên làm đầu đảng, sinh sống bằng cách chặn đường hoặc vào nhà cướp của.

Bấy giờ, có người chủ đất cho người kia vay một ngàn đồng tiền. Nhưng trước khi được trả tiền, ông ta lại chết đi. Ít lâu sau, người vợ đang hấp hối trên giường bệnh, gọi con trai và bảo:

– Này con, cha con có cho người kia mượn một ngàn đồng và đã chết đi khi chưa lấy lại tiền. Nếu mẹ chết rồi thì người kia sẽ không chịu trả cho con đâu. Bây giờ, con hãy đi bảo ông ta kiếm tiền mà trả lại!

Người con ra đi và đòi được tiền. Trước đó bà mẹ đã chết nhưng vì quá thương con nên bà liền hóa thành một con chó rừng chạy trên đường đứa con đang đi. Lúc bấy giờ, tên cướp và đồng bọn đang ở trên đường chờ cướp của hành khách. Khi thấy con mình vào tới cửa rừng, con chó rừng cứ quanh quẩn lui tới tìm cách giữ anh ta lại.

Chó rừng bảo:

– Con ơi, chớ vào rừng, bọn cướp đang ở đấy, chúng sẽ giết con và lấy mất tiền của con!

Nhưng người con không hiểu được ý mẹ, anh ta nghĩ: "Thật là xui, con chó rừng này cố cản đường ta!" Thế là anh dùng gậy và dùng vài cục đất để đuổi nó đi, rồi anh ta bước vào rừng.

Lại có một con hạc bay về phía bọn cướp và kêu lên:

– Người kia đang có trong tay một ngàn đồng đấy, hãy giết nó đi mà lấy tiền!

Anh bạn trẻ kia lại không biết hạc đang làm gì nên lại nghĩ: "May quá! Đây là con chim mang điều may! Thế là ta được điều lành đây!" Anh ta kính cẩn chào và la lên:

– Ngài ơi, hót lên đi, hót lên đi!

Bồ-tát vốn hiểu hết mọi thứ tiếng, quan sát các sự việc và nghĩ: "Con chó rừng kia phải là mẹ của người ấy nên mới cố ngăn anh ta và bảo rằng anh ta sắp bị giết và bị cướp, còn con hạc phải là kẻ đối nghịch nên mới bảo: 'Giết nó đi mà lấy tiền!' và người kia chẳng biết gì cả đã đuổi mẹ mình là kẻ cầu mong cho mình được tốt lành; trong khi con hạc là kẻ chỉ mong anh ta gặp điều hung dữ thì anh ta lại tôn kính, tin rằng đó là kẻ mang cho mình may mắn. Cái anh chàng này thật là rồ dại!"

(Các vị Bồ-tát, dù là những bậc Đại sĩ, đôi khi do sanh ra làm ác nhân cũng lấy của cải người khác. Người ta bảo đó là một sự sai lầm trong vận mệnh).

Thế là chàng thanh niên kia tiếp tục đi và chẳng bao lâu rơi vào tay bọn cướp, Bồ-tát bắt anh ta và hỏi:

– Quê anh ở đâu?

– Ở Ba-la-nại.

– Anh vừa từ đâu tới?

– Một người ở trong làng kia nợ tôi một ngàn đồng và tôi từ nơi đó tới đây.

– Anh đã lấy được tiền chưa?

– Vâng, tôi lấy được rồi.

– Ai sai anh đi?

– Thưa ngài, cha tôi đã chết, mẹ tôi đang bệnh, chính mẹ tôi đã sai tôi đi vì bà nghĩ rằng tôi sẽ không đòi được tiền khi bà đã chết.

– Anh có biết bây giờ mẹ anh ra sao không?

– Thưa ngài, không.

– Bà đã chết sau khi anh ra đi và vì quá thương anh mà bà liền hóa thành một con chó rừng và cố ngăn anh vì sợ anh sẽ bị giết. Chính bà lại bị anh đuổi đi. Còn con hạc kia là một kẻ thù của anh, chính nó đến bảo chúng ta hãy giết anh và đoạt tiền của anh. Anh thật là rồ dại vì nghĩ rằng mẹ anh là kẻ cầu họa cho anh trong khi bà chỉ mong anh được tốt lành; và ngược lại rằng, con hạc kia là kẻ cầu phúc cho anh trong khi nó lại cầu họa cho anh. Con hạc chẳng làm gì tốt cho anh, còn mẹ anh lại rất tốt với anh. Hãy giữ lấy tiền của anh và đi đi!

Rồi Bồ-tát thả cho anh ta đi.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, ngài đọc các bài kệ sau:

85. Như chàng trai trẻ trên đường,
Chó rừng ấy đã làm chùn bước chân,
Chàng ta nhầm tưởng ác nhân,
Nào ngờ là kẻ cho chàng điều hay,
Lại nhầm hạc chính bạn ngay,
Trong khi hạc lại quyết bày ác mưu.

86. Nay có kẻ được nhiều bạn tốt,
Lại hiểu lầm sai sót bạn hiền,
Tai không nghe tiếng bạn khuyên,
Những điều tốt đẹp dành riêng cho mình.

87. Hễ người ca tụng mới tin,
Ấy điều hung xấu đã liền hé ra,
Như chàng trai trẻ ngày xưa,
Yêu con hạc nọ bay qua đầu mình.

***

Khi bậc Đạo sư diễn giảng xong đề tài này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, tướng cướp chính là Ta.

§280. CHUYỆN KẺ PHÁ HƯ GIỎ (*Puṭadūsakajātaka*) (*J.* II. 390)

Hắn chúa đàn có tài khéo léo...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một kẻ phá hư giỏ.

Ở Xá-vệ, một vị quan nọ mời đức Phật và hội chúng đệ tử của Ngài và đưa các vị đến ngồi trong vườn của ông. Khi ông phân phát đồ dùng trong bữa cơm, ông bảo:

– Vị nào muốn đi dạo trong vườn thì xin cứ đi.

Các Tỷ-kheo đi đây đó trong vườn. Bấy giờ, người giữ vườn leo lên một cái cây rậm lá, hái một nắm lá và bảo:

– Cái này để đựng hoa, còn cái này để đựng quả.

Thế rồi, ông kết lá thành những cái giỏ và thả xuống gốc cây. Cứ mỗi cái giỏ rơi xuống liền bị ngay đứa con trai nhỏ của ông ta đến phá hư hết. Các Tỷ-kheo kể chuyện này cùng bậc Đạo sư. Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên cậu bé phá hư giỏ, trước kia cậu ấy cũng đã làm như thế.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình nọ ở Ba-la-nại. Ngài lớn lên và trở thành gia trưởng. Nhân có việc, ngài đi ngang qua một khu vườn, trong đó có một bọn khỉ đang sinh sống. Người giữ vườn đang ném xuống những cái giỏ bằng lá như đã kể trên, và con khỉ đầu đàn đến phá hư giỏ khi chúng vừa rơi xuống, con khỉ tưởng rằng xé các giỏ ấy là làm vui lòng chủ. Rồi ngài đọc bài kệ thứ nhất:

88. Hẳn chúa đàn có tài khéo léo,
Làm giỏ kia lắm nẻo công phu,
Đời nào ông lại làm hư,
Trừ phi giỏ khác ông trù làm thêm.

Nghe thế con khỉ đọc bài kệ thứ hai:

89. Từ cha mẹ đến tôi nữa đó,
Có thế nào làm giỏ như người?
Người làm, ta xé rã rời,
Tính riêng loài khỉ truyền đời là đây!

Và Bồ-tát trả lời bằng bài kệ thứ ba:

90. Nếu ta tính riêng bầy khỉ đột,
Quả là không thích hợp tính này!
Dù ngươi có đúng hay sai,
Cũng không đáng kể cả hai, cút liền!

Bồ-tát trách rầy như thế rồi ra đi.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, con khỉ là cậu bé phá hư các giỏ kia, còn người trí nọ là Ta.

IV. PHẨM CHÍNH TRUNG
(*ABBHANTARAVAGGA*)

§281. CHUYỆN CHÍNH TRUNG (*Abbhantarajātaka*) (*J.* II. 392)

Có cây nọ trên cành mang trái...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về sự việc Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất) biếu nước xoài cho Tỳ-kheo-ni Bimbādevī.

Khi đức Phật ngự tại Trùng Các giảng đường ở Vesāli (Tỳ-xá-ly), đang chuyển bánh xe Chánh pháp tôn quý thì bà Mahāpajāpatī Gotamī cùng với năm trăm phụ nữ Thích-ca xin xuất gia và được thọ Đại giới. Về sau, năm trăm Tỳ-kheo-ni này đắc Thánh quả khi nghe Tôn giả Nandaka thuyết pháp.

Bấy giờ, trong lúc bậc Đạo sư trú gần Xá-vệ, mẹ của Tôn giả Rāhula (La-hầu-la) tự nghĩ: "Trượng phu ta sống đời Phạm hạnh, đã trở thành bậc Toàn Trí. Con ta cũng đã là một vị xuất gia và đang sống cùng Ngài. Ta còn phải làm gì trong gia đình nữa? Ta sẽ sống đời sống Phạm hạnh kia, sẽ đi đến Xá-vệ và sẽ sống theo gương đức Phật và con ta."

Vì thế bà đến một Ni xá, gia nhập Giáo hội rồi đến sống trong một tịnh thất ở Xá-vệ cùng với các vị Sư trưởng và Giáo thọ sư. Bà thường chiêm ngưỡng bậc Đạo sư và con trai yêu dấu của bà. Sa-di Rāhula cũng thường đến thăm mẹ.

Một hôm, bà bị chứng sình bụng. Khi Rāhula đến thăm, bà không thể ra tiếp được, nhưng có người đến báo cho ông hay rằng mẹ ông đang bệnh. Thế rồi ông vào gặp mẹ và hỏi:

– Mẹ phải dùng thứ gì mới khỏi được?

Bà đáp:

– Con ơi, nếu như hồi còn ở nhà thì cơn đau này thường được chữa bằng nước xoài có pha với đường; nhưng giờ đây, chúng ta đang sống bằng khất thực thì kiếm đâu ra thứ đó?

Vị Sa-di đáp:

– Con sẽ kiếm thứ ấy cho mẹ.

Và ông ra đi. Bấy giờ, Sư trưởng của Tôn giả Rāhula là Tướng quân Chánh pháp Sāriputta và Giáo thọ sư của ông là Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên), chú ông là Trưởng lão Ānanda và thân phụ ông là đức Phật, như vậy ông thật có phước lớn. Tuy thế, ông chỉ đến xin cầu cứu Trưởng lão Sāriputta,

Sư trưởng của ông. Sau khi thi lễ, ông đứng trước mặt thầy với vẻ buồn rầu. Trưởng lão hỏi:

– Sao con có vẻ buồn rầu thế Rāhula?

Ông đáp:

– Bạch thầy, mẹ con đang mắc chứng sình bụng.

– Thế người phải dùng thứ gì?

– Có nước xoài ép với đường thì người mới khỏi bệnh.

– Được rồi, ta sẽ có, con chớ lo!

Hôm sau, Trưởng lão dẫn Rāhula đến Xá-vệ, bảo ngồi trong phòng đợi, còn Tôn giả đi vào cung vua. Vua xứ Kosala mời Trưởng lão ngồi. Ngay lúc ấy, người giữ vườn mang vào một giỏ xoài chín ngọt. Vua gọt vỏ, rắc đường, tự tay ép xoài rồi đổ đầy bình bát của Trưởng lão. Trưởng lão trở lại phòng đợi, giao xoài cho vị Sa-di bảo đem về cho mẹ. Vị Tỷ-kheo-ni khỏi bệnh ngay sau khi dùng nước xoài. Nhà vua cũng phái thị giả đến và bảo:

– Trưởng lão không ngồi đây để dùng nước xoài. Hãy đi xem ngài có cho ai chăng?

Người kia đi theo Trưởng lão, khám phá sự việc rồi trở về trình vua. Nhà vua tự nghĩ: "Nếu bậc Đạo sư trở về đời thế tục, Ngài sẽ là vị hoàng đế của cả thiên hạ, Sa-di Rāhula sẽ là hoàng thái tử, Thánh nữ Tỷ-kheo-ni ấy sẽ là hoàng hậu. Tất cả thế giới này đều thuộc quyền các vị ấy. Ta cần phải đến hầu thăm các vị ấy. Các vị đang sống gần đây, không nên để mất thì giờ." Thế là từ hôm ấy, vua vẫn tiếp tục cúng dường nước xoài cho vị Tỷ-kheo-ni.

Các Tỷ-kheo biết được sự việc Trưởng lão biếu nước xoài cho vị Thánh nữ Tỷ-kheo-ni. Và một hôm, họ bắt đầu bàn tán trong pháp đường:

– Này Hiền hữu, tôi nghe rằng Trưởng lão Sāriputta đã chữa lành bệnh Tỷ-kheo-ni Bimbādevī bằng nước xoài.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi:

– Các ông đang nói chuyện gì thế?

Và khi các vị ấy thuật lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên mẹ của Rāhula được Trưởng lão ấy chữa lành bệnh bằng nước xoài đâu; trước kia cũng đã từng xảy ra sự việc như vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn, sống tại một ngôi làng ở Kāsi. Lớn lên, ngài được giáo dục ở Takkasilā, rồi lập gia đình. Khi cha mẹ mất, ngài sống đời tu hành. Sau đó

ngài trú tại một vùng thuộc dãy Tuyết sơn, tu tập các thắng trí và thiền chứng. Một nhóm hiền giả đến tụ tập quanh ngài và ngài trở thành thầy của họ.

Một thời gian lâu sau, ngài xuống núi để kiếm muối, tương. Trên đường đi đây đó, ngài đến Ba-la-nại và trú tại một vườn cây nọ. Đức hạnh sáng ngời của hội chúng hiền giả này đã làm rung động cung điện của Thiên chủ Đế-thích. Đế-thích quán chiếu và thấy được sự việc. Ngài nghĩ: "Ta sẽ làm hại trú xứ của họ, như vậy chỗ ở của họ sẽ bị xáo trộn và họ sẽ chịu nhiều gian khổ nên không thể an định tâm trí. Sau đó, ta mới lại được yên ổn."

Ngài suy nghĩ phải làm thế nào để thực hiện được việc đó và vạch ra một kế hoạch: "Ta sẽ vào phòng chánh hậu vào đúng lúc nửa đêm rồi bay lên không và nói: 'Thưa hoàng hậu, nếu lệnh bà ăn một trái xoài Chính Trung, bà sẽ có một hoàng nam và hoàng nam ấy sẽ là vị hoàng đế trị vì cả thiên hạ.' Thế là bà ta sẽ kể lại với vua, vua sẽ sai vào vườn hái xoài. Ta sẽ làm cho tất cả trái biến mất đi. Người ta sẽ trình với vua rằng không còn trái nào cả và khi vua hỏi ai đã ăn hết thì sẽ được trả lời: 'Các nhà tu khổ hạnh đã ăn hết.'"

Đúng nửa đêm, Thiên chủ Đế-thích hiện ra trong phòng của hoàng hậu, để lộ đầu của ngài và vừa nói với hoàng hậu vừa ngâm hai bài kệ đầu tiên:

91. Có cây nọ trên cành mang trái,
Thật diệu kỳ tên gọi Chính Trung,
Phu nhân ăn trái vào lòng,
Sinh con ngôi báu nắm tròn thế gian.

92. Thưa Chánh hậu, bà hoàng trọng đại,
Đấng quân vương sủng ái người thay,
Hãy xin ngài bảo mang xoài,
Chính Trung trái ấy mà người cần ăn.

Đế-thích đọc cho hoàng hậu nghe hai bài kệ trên rồi bảo là hãy cẩn thận và chớ trì hoãn, phải đích thân đến nói chuyện với nhà vua. Nói xong Đế-thích khích lệ bà rồi quay trở về cung điện của mình.

Hôm sau, hoàng hậu nằm liệt như là đang bệnh và gọi các thị nữ đến dặn dò. Nhà vua đang ngồi trên ngai dưới chiếc lọng trắng và xem khiêu vũ. Không thấy hoàng hậu, vua hỏi một nữ tỳ xem bà ở đâu. Cô gái đáp:

– Hoàng hậu đang bệnh, thưa Đại vương.

Nhà vua đến thăm, ngồi bên cạnh và vỗ lưng bà. Ngài hỏi:

– Hoàng hậu làm sao thế?

Bà đáp:

– Thưa chẳng sao cả, có điều thiếp đây đang khao khát một chuyện.

Vua lại hỏi:

– Hoàng hậu muốn gì?

– Một trái xoài Chính Trung, thưa Đại vương.

– Ở đâu có các trái xoài Chính Trung ấy?

– Thần thiếp không biết trái xoài Chính Trung là gì, nhưng thần thiếp biết rằng thần thiếp sẽ chết nếu không có được một trái ấy.

– Được rồi, ta sẽ mang cho Ái khanh một trái, chớ buồn lo.

Nhà vua khuyên bảo bà như vậy rồi ra đi. Ngài ngủ trên vương sàng và cho đòi các cận thần đến rồi bảo:

– Hoàng hậu đang khao khát một trái xoài Chính Trung, bây giờ phải làm sao đây?

Có người tâu:

– Tâu Đại vương, một cây xoài Chính Trung là một cây xoài mọc giữa hai cây khác, hãy hái trái của nó rồi dâng cho hoàng hậu.

Thế là nhà vua sai người làm theo như vậy. Nhưng Đế-thích dùng quyền lực của mình làm cho tất cả trái cây biến mất như đã bị người ta ăn hết. Những người được phái đi kiếm xoài đã lục xét khắp vườn cây nhưng vẫn không kiếm được một trái xoài nào. Do đó, họ trở về tâu với vua là không còn trái nào cả. Vua hỏi:

– Ai đã ăn hết xoài thế?

– Tâu Đại vương, các nhà tu khổ hạnh đấy!

– Hãy lấy gậy đánh chúng rồi tống cổ chúng ra khỏi vườn cây!

Vua ra lệnh như thế và người ta thi hành theo. Đế-thích được toại nguyện, còn hoàng hậu cứ nằm dài khao khát trái xoài. Nhà vua không biết phải làm gì. Ngài họp các triều thần và các Bà-la-môn lại rồi hỏi:

– Các khanh có biết một trái xoài Chính Trung là gì không?

Các Bà-la-môn thưa:

– Tâu Đại vương, cây xoài Chính Trung là vật sở hữu của các vị thần. Nó mọc trong dãy Tuyết sơn, trên núi Vàng, chúng thần nghe truyền thuyết như vậy.

– Được rồi, ai có thể đi kiếm nó?

– Người thường không thể đi được, ta phải sai một con vẹt trẻ.

Bấy giờ, trong cung có một con vẹt trẻ và đẹp, to bằng cái đùm xe ngựa của các hoàng tử. Nó mạnh khỏe, khéo léo và nhiều mưu lược. Vua cho gọi con vẹt đến và bảo nó:

– Này vẹt yêu quý, ta đã ban cho con nhiều thứ. Con được ở trong một cái lồng bằng vàng, ăn các hạt ngon ngọt trong một cái đĩa bằng vàng, uống nước đường. Giờ đây, ta muốn con làm cho ta một việc.

Con vẹt nói:

– Tâu Đại vương, xin ngài cứ dạy.

– Này con, hoàng hậu rất thèm một trái xoài Chính Trung, cây xoài này mọc trong dãy Tuyết sơn, trên núi Vàng, đó là nơi ở của các vị thần, không ai có thể đến đó được. Con phải đến đó và mang trái ấy về đây.

Con vẹt đáp:

– Tốt lắm, thưa Đại vương, con sẽ làm như thế.

Nhà vua lấy một cái đĩa bằng vàng, bỏ vào đó thứ hạt ngon ngọt cho nó ăn, rồi cho nó uống nước đường. Ngài xức dầu thơm ở dưới đôi cánh nó bằng một thứ dầu trăm lần tinh luyện, rồi ngài cầm nó bằng cả hai tay, ra đứng trước cửa sổ và thả cho nó bay đi.

Con vẹt thực hiện nhiệm vụ nhà vua giao, bay mãi trên cao, vượt xa những lối đi của con người, cho đến khi nó đến chỗ những con vẹt trú ở vùng đồi đầu tiên của dãy Tuyết sơn.

Nó hỏi những con vẹt ấy:

– Cây xoài Chính Trung ở đâu? Hãy chỉ chỗ cho ta đi!

Chúng đáp:

– Chúng tôi không biết, nhưng bọn vẹt ở dãy đồi thứ hai sẽ biết nó ở đâu.

Con vẹt nghe xong liền bay đến dãy đồi thứ hai. Và cứ thế, nó bay đến dãy đồi thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu. Tại đây, bọn vẹt cũng nói:

– Chúng tôi không biết, nhưng bọn vẹt ở dãy đồi thứ bảy sẽ biết.

Thế là vẹt tiếp tục bay đến đó và hỏi cây xoài Chính Trung mọc ở đâu. Chúng đáp:

– Ở tại một nơi kia trên núi Vàng.

Vẹt nói:

– Hãy dẫn ta đến đó và kiếm cho ta trái cây kia.

– Đó là địa phận của Vua Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn Thiên vương) không thể đến gần được. Toàn bộ cái cây từ rễ trở lên đều được vây bọc bằng bảy lần lưới sắt, nó còn được canh gác bởi hàng ngàn triệu quỷ thần kumbhaṇḍa (cưu-bàn-trà), hễ thấy kẻ nào là chúng hại ngay. Chỗ ấy giống như lửa thiêu hủy và lửa địa ngục. Xin chớ đòi hỏi một việc như thế!

Vẹt nói:

– Nếu các bạn không muốn đi với tôi, xin hãy chỉ đường cho tôi!

Thế rồi bọn chúng chỉ cho con vẹt phải đi lối nào. Nó cẩn thận nghe theo những lời chỉ dẫn. Ban ngày nó giấu mình, rồi đợi đến đêm khuya khoắt, bọn quỷ đã ngủ, nó mới tiến đến gần cây mà nhẹ nhàng trèo lên. Nhưng... "cách!", lưới sắt rung, bọn quỷ thức dậy nhìn thấy con vẹt, liền vây lấy nó và la lên: "Trộm!" Rồi chúng bàn nhau phải làm gì với con vẹt.

Một con quỷ nói:

– Tôi sẽ đè bẹp nó, bỏ vào mồm rồi nuốt nó!

Một quỷ khác nói:

– Tôi sẽ đè bẹp nó, nhồi xác nó trong tay rồi làm nó rã ra từng miếng!

Con quỷ thứ ba nói:

– Tôi sẽ cắt nó ra làm hai, sẽ nướng nó trên than rồi ăn nó!

Con vẹt nghe chúng bàn tính cẩn thận. Nó bình tĩnh nói với bọn chúng:

– Này các bạn quỷ, các bạn là quân hầu của ai?

– Chúng ta thuộc quyền Vua Vessavaṇa.

– Này, các bạn có một ông vua làm chủ các bạn và tôi cũng có một ông vua khác làm chủ tôi. Vua xứ Ba-la-nại sai tôi tới đây tìm một trái của cây xoài Chính Trung. Tôi đã hiến ngay đời mình cho vua tôi và giờ đây tôi đang làm như thế. Kẻ nào hy sinh đời mình vì cha mẹ hay vì chủ thì lập tức được sinh lên cõi trời. Do đó, tôi sắp thoát xác loài vật để đi đến thế giới của thiên thần!

Rồi vẹt đọc bài kệ thứ ba:

93. Những người dũng cảm quên mình,
Một lòng sốt sắng hy sinh cuộc đời,
Chốn nào họ đạt đến rồi,
Nơi kia chốc lát nữa tôi tới gần.

Con vẹt thuyết giảng như vậy và đọc bài kệ xong, bọn quỷ lắng nghe và lấy làm vừa lòng. Chúng bảo:

– Này chim vẹt, bạn được tự do! Hãy an nhiên mà ra khỏi tay chúng ta!

Vẹt nói:

– Xin chớ để cho tôi tay không trở về, hãy cho tôi một trái xoài!

Bọn quỷ nói:

– Này vẹt, chúng ta không thể lấy ra khỏi cây một trái mà cho bạn được đâu! Tất cả trái trên cây này đều đã được đánh dấu. Nếu thiếu trái nào là chúng ta mất mạng ngay. Hễ Đại vương Vessavaṇa nổi giận lên và chỉ nhìn một cái là một ngàn quỷ sẽ vỡ vụn, vung vãi ra như đậu rang vung tóe trên chảo nóng. Vì thế, chúng ta không thể cho bạn trái nào được. Tuy nhiên, chúng ta chỉ cho bạn một chỗ bạn có thể lấy vài trái.

Con vẹt nói:

– Tôi chẳng cần biết ai cho, nhưng tôi phải có trái ấy. Hãy cho tôi biết tôi có thể kiếm nó ở đâu!

– Tại một trong những con đường mòn khúc khuỷu của núi Vàng có một nhà tu khổ hạnh tên là Jotirasa ở trong một chòi lá, canh chừng ngọn lửa thiêng được gọi là Kañcanapatti (Kim Diệp), ông ấy được Đại vương Vessavaṇa ưu ái. Đại vương Vessavaṇa vẫn thường gửi cho ông ta bốn trái cây kia, hãy đi đến đó!

Con vẹt từ giã rồi đến chỗ nhà tu khổ hạnh. Sau khi chào hỏi, nó ngồi xuống một bên. Nhà ẩn dật hỏi:

– Ngươi từ đâu đến?

– Từ cung vua xứ Ba-la-nại.

– Tại sao ngươi đến đây?

– Thưa ngài, hoàng hậu của chúng tôi ao ước một trái xoài Chính Trung, vì thế mà tôi đến đây. Bọn quỷ đã không cho tôi trái nào nhưng lại bảo tôi đến ngài.

– Ngồi xuống đi nào, ngươi sẽ có một trái.

Vị ẩn sĩ đi lấy bốn trái mà Đại vương Vessavaṇa vẫn thường gởi cho, ăn hết hai trái, cho con vẹt ăn một trái, sau đó ông treo trái thứ tư vào một sợi dây rồi cột chắc vào cổ con vẹt và để nó ra đi. Ông nói:

– Nào đi đi!

Con vẹt bay trở về và dâng trái xoài lên hoàng hậu. Bà ăn xoài, thỏa mãn điều ao ước kia, nhưng từ đó bà vẫn không có con trai.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc ấy, mẹ của Rāhula là hoàng hậu, Ānanda là con vẹt, Sāriputta là người tu khổ hạnh cho xoài kia, còn người tu sống trong vườn cây kia chính là Ta.

§282. CHUYỆN ĐIỀU TỐT HƠN (*Seyyajātaka*)[18] (*J*. II. 400)

Điều tốt nhất các khanh nên biết...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một quan đại thần của xứ Kosala.

Ông này rất đắc lực cho vua và người ta kể rằng ông làm hết mọi việc cần làm. Vì ông rất đắc lực nên vua rất quý trọng ông. Các quan khác ganh tị, âm mưu hạ nhục và vu cáo ông. Vua nghe lời họ mà không tra xét tội trạng. Dù ông rất đức hạnh và vô tội, vua vẫn cho trói ông lại bằng dây xích và bỏ ông vào ngục. Ông sống cô đơn trong ngục, nhưng nhờ đức hạnh ông vẫn an tâm; và nhờ tâm an tịnh, ông hiểu được những điều kiện của sự sống và ông đắc quả Dự lưu. Ít lâu sau, vua nhận ra ông vô tội nên phá bỏ xiềng xích cho ông và tôn quý ông còn hơn trước kia nữa. Ông muốn được bày tỏ lòng tôn kính trước bậc Đạo sư nên mang hương hoa đến tinh xá, đảnh lễ đức Phật rồi kính cẩn ngồi một bên. Bậc Đạo sư ân cần nói với ông:

– Chúng tôi có nghe ông gặp vận xui.

Ông thưa:

– Bạch Ngài, vâng, nhưng con đã làm cho vận xui ấy trở thành tốt, trong lúc ngồi tù, con đã đắc quả Dự lưu.

---

[18] Bản Tích Lan viết *Seyyaṃsajātaka*, nghĩa là *Chuyện điều tốt hơn một phần*.

Bậc Đạo sư bảo:

– Này Hiền hữu, không phải chỉ có ông là người đã đổi xấu thành tốt, những bậc trí giả ngày xưa cũng đã đổi cái xấu thành cái tốt như ông vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là con của chánh cung hoàng hậu. Ngài lớn lên và được giáo dục tại Takkasilā. Khi vua cha mất, ngài lên ngôi và giữ đúng mười điều luật của một vị vua; ngài bố thí, hành thiện và chấp trì ngày trai giới.

Một quan đại thần kia đã thông gian trong đám cung phi của vua. Các tôi tớ biết được và kể cho vua nghe, người nọ đang tiến hành một âm mưu. Nhà vua khám phá ra đúng sự thật của việc ấy rồi gọi ông ta lại:

– Đừng bao giờ để cho ta thấy mặt ngươi nữa!

Vua bảo thế rồi đuổi ông ta đi. Ông quan bỏ đi đến triều đình của một vị vua láng giềng, thế rồi mọi sự việc xảy ra như đã tả ở *Chuyện Vua Sīlavā vĩ đại.*[19] Ở đây cũng thế, vị vua này ba lần thử ông, tin theo ông và dẫn một đạo quân lớn đến Ba-la-nại để mong xâm chiếm. Được tin ấy, các tướng lãnh của vua xứ Ba-la-nại gần năm trăm vị đã nói với vua:

– Ông vua kia đã đến đây, phá hoại xứ sở để mong chiếm lấy Ba-la-nại. Xin cho chúng thần đi bắt ông ta!

Vua bảo:

– Ta không muốn giữ vương quốc bằng cách giết hại. Đừng làm gì cả!

Ông vua cướp nước kia bao vây thành phố. Các đại thần lại đến gần vua và nói:

– Tâu Đại vương, xin hãy lưu tâm. Hãy cho phép chúng thần bắt ông ta!

Vua phán:

– Không được làm gì cả! Hãy mở các cổng thành!

Rồi vua đoan nghiêm ngồi trên bệ, giữa các đại thần của triều đình.

Vua cướp nước vào thành, hạ các người giữ cổng rồi vào cung điện. Nơi đây, ông bắt giữ vua và các triều thần trói xích lại rồi tống tất cả vào ngục. Vua ngồi trong ngục thương xót kẻ cướp nước kia, nỗi xót xa cùng cực trào dâng trong ngài. Do lòng thương xót kia mà ông vua nọ bỗng cảm thấy giày vò bứt rứt trong thân, cả người như bị thiêu đốt gấp hai lần lửa bỏng. Bị ray rứt xốn xang vì trọng tội, ông ta hỏi các cận thần vì sao như vậy.

Họ trả lời:

– Ngài đã bắt giam một vị vua công chính, do thế mà ngài bị như thế kia.

---

[19] Xem *J.* I. 261, *Mahāsīlavajātaka* (*Chuyện Vua Sīlavā vĩ đại*), số §51.

Ông ta liền đến xin Bồ-tát thứ lỗi, giao trả lại vương quốc. Ông nói:

– Vương quốc của ngài phải là của riêng ngài. Từ nay về sau, xin hãy để các kẻ thù của ngài cho tôi lo liệu.

Rồi ông trừng phạt quan cố vấn xấu xa kia và quay trở về thành phố của mình.

Bồ-tát nghiêm trang ngồi trên bệ cao, trong lễ phục giữa đám triều thần, đọc cho họ nghe hai bài kệ sau:

94. Điều tốt nhất các khanh nên biết,
Việc tốt hơn hãy quyết lòng làm,
Kẻ kia, ta đối thiện tâm,
Nên ta cứu tử được năm trăm người.

95. Khuyên các khanh với đời hãy tỏ,
Vẻ khoan dung đức độ, hiền hòa,
Cõi trời vào hết chẳng riêng,
Dân Kāsi hỡi, hãy liền nghe ta!

Như vậy, bậc Đại sĩ ca ngợi đức hạnh về lòng từ bi đối với đại chúng. Sau đó, ngài rời ngai vàng trong kinh thành đồ sộ Ba-la-nại rộng tới mười hai do-tuần để đi vào dãy Tuyết sơn sống đời tu hành.

Bậc Đạo sư với trí tuệ toàn hảo đọc vần kệ thứ ba:

96. Ta là Đại đế Ba-la-nại,
Vua Kaṃsa có bấy nhiêu lời:
"Cung tên ta đã bỏ rời,
Thành người tự thắng, ta thời nên công."

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ānanda là ông vua cướp nước kia, còn vua xứ Ba-la-nại chính là Ta vậy.

§283. CHUYỆN CON HEO RỪNG CỦA NGƯỜI THỢ MỘC

(***Vaḍḍhakisūkarajātaka***) (*J.* II. 403)

Mồi ngon nhất bạn luôn luôn được...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về Trưởng lão Dhanuggahatissa.

Mahākosala, cha của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) khi gả con gái là công chúa xứ Kosala cho Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), đã cho một ngôi làng ở Kāsi và một số tiền là một trăm ngàn đồng để làm của hồi môn. Khi Vua Bimbisāra bị con là Ajātasattu (A-xà-thế) giết thì công chúa xứ Kosala cũng chết theo vì sầu khổ. Vua Pasenadi suy nghĩ: "Ajātasattu giết cha, em gái ta đã phải chết đi vì tiếc thương người chồng bất hạnh; ta sẽ không cho đứa giết cha kia ngôi làng ở Kāsi ấy nữa."

Thế là vua không chịu cho Ajātasattu ngôi làng kia. Do đó, chiến tranh thường xảy ra giữa hai bên vì ngôi làng. Ajātasattu rất kiêu căng và rất mạnh mẽ, còn Vua Pasenadi đã quá già nên cứ bị thua trận mãi và nhân dân của ông vẫn thường bị chinh phục. Bấy giờ, vua mới hỏi các triều thần:

– Chúng ta cứ bị đánh bại mãi, biết làm sao bây giờ?

Vua được trả lời:

– Tâu Đại vương, các vị sư phụ rất thiện xảo về chú thuật. Chúng ta phải nghe lời nói của các Tỷ-kheo đang trú tại tinh xá Kỳ Viên.

Vua phái các cận thần, bảo họ chờ thật đúng lúc nghe các Tỷ-kheo ấy nói chuyện. Bấy giờ, Trưởng lão sống trong một túp lều lá gần tinh xá tên là Utta và Trưởng lão Dhanuggahatissa đã ngủ hết canh đầu, canh thứ hai và thức dậy vào canh cuối cùng. Ông bỏ vài cành cây, nhúm lên một ngọn lửa rồi ngồi xuống bảo:

– Này Hiền hữu Utta!

– Gì vậy, Hiền hữu Tissa?

– Hiền hữu không ngủ à?

– Bây giờ chúng ta cùng thức cả rồi, làm gì đây?

– Thì dậy đi nào, hãy đến ngồi cạnh tôi đây!

Thế rồi Dhanuggahatissa bắt đầu nói với Utta:

– Lão bụng bự xứ Kosala khờ khạo kia chẳng bao giờ có được một bát cơm chín đầy mà không để cho nó thiu thối đi, làm sao mà toan tính một cuộc chiến tranh trong khi lão ta chẳng biết một tí gì cả? Lão luôn luôn bị đánh bại và phải chịu hao tổn.

– Thế thì lão ta phải làm gì nào?

Bấy giờ đúng là lúc các cận thần kia đang đứng nghe hai vị Trưởng lão nói chuyện. Dhanuggahatissa bàn về chiến thuật:

– Chiến thuật ư? Nó gồm ba loại: Đạo quân hoa sen, đạo quân bánh xe và đạo quân toa xe. Nếu những ai muốn bắt Ajātasattu thì họ sẽ đóng quân trên hai ngọn đồi cách thẳng nhau và giả bộ yếu mà chạy, chờ cho đến khi quân của hắn đuổi theo thì chặn ngay lối đi của hắn. Quân từ hai đồn trên đồi kia vọt ra giữ lấy đằng trước và đằng sau hắn, rồi reo hò ầm ĩ lên. Thế là sẽ nhanh chóng bắt được hắn như bắt một con cá trên đất, một con nhái trong nắm tay. Đấy, cứ thế là chộp được Ajātasattu ngay!

Các cận thần trở về thuật lại hết như vậy cho vua nghe. Vua cho thúc tiếng trống tấn công, dàn quân theo mẫu toa xe và bắt sống được Ajātasattu. Sau đó, khi vua gả con gái mình là Công chúa Vajirā cho con trai của em gái mình (tức con trai Ajātasattu) thì vua cho công chúa ngôi làng ở Kāsi kia để làm của hồi môn.

Các Tỷ-kheo biết được sự việc trên và một hôm, họ đem ra bàn tán trong pháp đường:

– Này Hiền hữu, tôi nghe rằng vua xứ Kosala đã thắng Ajātasattu nhờ những lời chỉ bảo của Dhanuggahatissa.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi đây bàn tán chuyện gì đó?

Khi nghe các vị ấy thuật lại, Ngài dạy:

– Đây không phải là lần đầu tiên Dhanuggahatissa khéo léo bàn tán về chiến thuật.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một vị thần cây. Bấy giờ, có vài người thợ mộc sống trong ngôi làng gần Ba-la-nại. Một người thợ mộc kia lúc vào rừng đốn cây, thấy một con heo rừng còn nhỏ bị rơi xuống hầm bẫy, liền mang về nhà nuôi. Con heo lớn lên mập mạp với những sừng nanh cong vút. Nó là một con vật rất dễ dạy. Vì người thợ mộc nuôi nó nên nó có tên là "Con heo rừng của người thợ mộc." Mỗi khi người thợ mộc đốn cây, con heo rừng dùng mõm trở cây lại, rồi dùng răng mang rìu, vạt, đục, vồ và cắn một đầu thước đo mà kéo theo. Người thợ mộc sợ người ta bắt nó ăn thịt nên đem nó thả vào rừng.

Con heo chạy vào rừng sâu, tìm kiếm một nơi an toàn và hợp ý để sống. Sau cùng nó trông thấy một cái hang lớn nằm bên sườn núi, nơi ấy có nhiều củ, rễ, trái thật là một nơi ăn ở rất tốt. Có vài trăm con heo rừng khác trông thấy nó, liền đến gần. Nó nói với chúng:

– Các bạn đúng là những vật ta đang tìm kiếm và thế là bây giờ ta đã kiếm được rồi. Đây có lẽ là một chỗ tốt. Bây giờ ta muốn sống ở nơi đây cùng các bạn.

Bọn heo rừng kia đáp:

– Hẳn là một chỗ tốt nhưng lại nguy hiểm.

Con heo nói:

– À, mới thoạt trông thấy các bạn, ta đã ngạc nhiên rằng sao những vật sống ở một nơi trù phú thế này lại gầy ốm, xanh xao như thế kia. Các bạn sợ cái gì vậy?

– Có một con hổ, cứ buổi sáng nó đến đây và trông thấy ai thì nó vồ ngay rồi mang đi.

– Việc ấy xảy ra luôn luôn hay thỉnh thoảng mới xảy ra?

– Luôn luôn.

– Có cả thảy bao nhiêu con hổ?

– Chỉ có một con thôi.

– Sao? Chỉ có một con mà lại quá nhiều đối với các bạn à?

– Vâng, thưa ngài.

– Ta sẽ bắt nó miễn là các bạn làm theo lời ta. Con hổ ấy sống ở đâu?

– Trên ngọn đồi kia kìa.

Thế rồi ban đêm, heo rừng luyện tập bọn ấy và chuẩn bị chiến đấu, nó giảng giải chiến thuật:

– Chiến trận bao gồm ba loại: Đạo quân hoa sen, đạo quân bánh xe, đạo quân toa xe.

Rồi nó sắp đặt bọn heo theo mẫu hoa sen. Nó biết được một nơi lợi thế, bèn nói:

– Ta phải tổ chức trận chiến nơi đây.

Các heo mẹ và heo con đang bú được sắp chính giữa, quanh đó là heo cái không có con thơ, vòng kế nữa là bọn heo nhỏ, rồi vòng tiếp theo là bọn heo trẻ và quanh bọn này là bọn heo sẵn sàng chiến đấu, mạnh khỏe, lực lưỡng. Nó sắp đặt từng đội theo nhóm từng chục hay từng hai chục. Phía trước vị trí của chính nó là một cái lỗ tròn, phía sau cái lỗ là một cái hố thoai thoải sâu dần có hình dạng như một cái giỏ sảy thóc. Nó đứng điều động trong đám heo, theo sau nó là sáu, bảy chục con, nó truyền cả bọn phải thật can đảm.

Đêm đã hết, con hổ thức dậy và nghĩ: "Tới giờ rồi!" Nó chạy đi rồi bắt gặp đàn heo. Nó đứng lại trên mô đất, trừng mắt thị uy bọn chúng. Con heo rừng của thợ mộc la lên và ra hiệu cho cả bọn:

– Trừng lại đi!

Tất cả đều trừng mắt nhìn lại hổ. Hổ há miệng gầm gừ một tiếng dài, cả bọn heo cũng làm như thế. Hổ phóng uế, bọn heo cũng vậy. Hễ hổ làm sao thì bọn heo cũng làm theo nó. Hổ tự nghĩ:

– Sao, việc này là thế nào? Mọi khi chúng nó thấy ta là liền vắt giò lên cổ mà chạy. Thực ra chúng quá sợ hãi đến chạy không nổi nữa. Nay chẳng những chúng không chạy mà lại còn đứng lên chống ta nữa. Ta làm gì chúng đều nhại lại. Có anh chàng kia đang đứng ở vị trí chỉ huy. Chính hắn là kẻ đã tổ chức cái bọn hỗn độn này. Thôi được, ta không thấy cách nào để thắng bọn chúng.

Thế rồi nó quay đi và trở về hang.

Bấy giờ, có một ẩn sĩ giả hiệu, thường được hổ chia cho một phần mồi. Lần này hổ trở về tay không, ông ta để ý sự việc ấy và đọc bài kệ sau đây:

97. Mồi ngon nhất bạn luôn luôn được,
Mỗi khi đi săn rượt heo rừng,
Bạn nay phiền muộn, tay không,
Nào đâu sức mạnh hào hùng trước đây?

Nghe thế, hổ đọc một bài kệ tiếp:

98. Trước kia chúng thường hay tháo chạy,
Tìm về hang, kinh hãi, tả tơi,
Nay thành hàng ngũ hẳn hoi,
Đứng lên dũng mãnh, quyết đòi ta lui.

Ẩn giả khích lệ:

– Ồ, đừng sợ chúng, chỉ một tiếng gầm, một cú vồ là đủ làm chúng kinh hãi, mất trí khôn và trở nên hỗn loạn ngay.

Hổ xiêu lòng trước lời khuyến dụ ấy, lấy can đảm quay trở lại và đứng lên mô đất kia. Chú heo rừng của thợ mộc đang đứng giữa hai cái hố, bọn heo la lên:

– Chủ tướng xem kìa, tên vô lại kia lại đến!

Nó nói:

– Ồ, chớ sợ, chúng ta sẽ tóm nó ngay.

Hổ gầm một tiếng rồi phóng tới vồ lấy chú heo rừng của người thợ mộc, ngay lúc ấy, chú heo né tránh và nhảy ngay xuống cái hố tròn. Hổ không dừng lại được, ngã lộn nhào và rơi trọn vào ngàm của cái hố thứ hai kia, nằm kẹt tại đó. Heo nhảy ra khỏi cái hố của nó, nhanh như chớp thúc sừng vào đùi con hổ, xé toang đến thận nó, vùi nanh vào khối thịt ngon ngọt của con vật và thúc cả vào đầu nó. Rồi nó lôi hổ ra khỏi hố và la lớn:

– Kẻ thù của các bạn đây, dành cho các bạn đây!

Bọn heo đến trước có thịt hổ mà ăn, còn bọn đến sau chỉ ngửi vào mồm bọn kia mà hỏi thịt hổ ăn giống như ăn thứ gì!

Nhưng bọn heo rừng vẫn chưa thỏa dạ. Chú heo kia đã nhận thấy thái độ của chúng, liền hỏi:

– Bây giờ còn điều gì nữa nào?

Chúng nó:

– Thưa chủ tướng, giết được một con hổ thì thật là tốt quá, thế nhưng ông ẩn sĩ giả mạo kia còn có thể mang đến cả chục con hổ nữa!

– Hắn ta là ai thế?

– Một nhà tu giả hiệu ác độc.

– Con hổ kia ta còn giết được, thế các bạn cho rằng một con người còn có thể chạm tới ta được chăng? Hãy đến đó đi và chúng ta sẽ tóm được hắn!

Thế là cả bọn tiến lên. Bấy giờ, ông kia đang lấy làm lạ rằng tại sao hổ lâu quá mà chưa trở về. "Không chừng bọn heo đã tóm được nó rồi", ông ta tự nghĩ như vậy và quyết ra đón hổ ở dọc đường. Khi ông ra thì đàn heo đã kéo đến!

Ông ta vội quơ các đồ dùng rồi phóng chạy. Bọn heo đuổi riết theo. Ông ném bỏ các thứ vướng víu rồi vụt trèo lên một cây sung.

Bọn heo la lên:

– Thưa chủ tướng, thế là xong hết cả rồi! Ông kia đã leo lên cây.

Chú heo lãnh đạo hỏi:

– Cây nào?

Chúng đáp:

– Cây sung!

– Ồ, thế thì tốt lắm, các chị heo nái mang nước lại, các bạn heo trẻ bới cây, các bạn tráng kiện có sừng nanh bứt rễ, đám còn lại vây quanh mà trông chừng.

Cả bọn làm theo các nhiệm vụ mà nó giao phó. Trong khi ấy, nó lao ngay vào một cái rễ to lớn, rồi như một nhát rìu bổ, nó tống ngã cái cây xuống đất. Bọn heo đang chờ sẵn, xông tới kết liễu vị tu sĩ giả mạo kia, xé ông ra từng mảnh và chỉ trong chốc lát, chúng gặm đến sạch xương.

Thế rồi, chúng đặt chú heo rừng của người thợ mộc trên thân cây; lấy chiếc vỏ sò của kẻ bạc mạng, đổ đầy nước rồi tưới vào chú heo rừng kia để tôn lên làm vua. Một chị heo trẻ cũng được chúng tôn lên làm hoàng hậu.

Người ta bảo rằng đó là nguồn gốc của tục lệ này vẫn còn được giữ. Ngày nay, khi muốn tôn ai lên làm vua, người ta để người ấy ngồi trên một chiếc ghế đẹp bằng gỗ cây sung, rồi dùng ba chiếc vỏ sò tưới vào.

Một vị thần sống ở trong rừng ấy chứng kiến sự việc kỳ diệu ấy, hiện ra trước bầy heo, đứng trong lỗ nứt của thân cây và đọc lên bài kệ thứ ba:

99. Ta đã thấy một kết đoàn kỳ đặc,
Vinh quang thay, những bộ tộc hợp quần!
Đám heo rừng đã đánh hổ tan hoang,
Bằng sức mạnh và sừng nanh hợp nhất.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Trưởng lão Dhanuggahatissa là chú heo rừng của người thợ mộc, còn Ta là vị thần cây.

§284. CHUYỆN VẬN MAY (*Sirijātaka*) (*J.* II. 409)

Những của cải do mình tạo dựng...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể về một vị Bà-la-môn ăn cắp vận may.

Các tình tiết trong câu chuyện tiền thân này giống như ở *Chuyện hố than lửa cây keo*.[20]

Cũng như trước kia, vị nữ thần tà giáo sống ở tháp cổng nhà ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) ăn năn hối lỗi, đem bỏ vào kho của ông năm trăm bốn mươi triệu

[20] Xem *J.* I. 226, *Khadiraṅgārajātaka* (*Chuyện hố than lửa cây keo*), số §40.

đồng tiền vàng và trở thành bạn của ông. Ông dẫn nàng đến trước bậc Đạo sư. Ngài thuyết giảng cho nàng, nhờ thế nàng nhập quả vị Dự lưu. Từ đó, danh tiếng của vị Trưởng giả lại vang lừng như trước.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn sống tại Kỳ Viên có tài xem dấu hiệu của vận may, suy nghĩ: "Ông Cấp Cô Độc bị nghèo khó rồi lại trở nên nổi danh. Ta giả bộ tới thăm hắn rồi lấy cắp vận may của hắn xem sao!"

Thế là ông ta đến nhà ông Cấp Cô Độc và được đón tiếp rất niềm nở. Sau những lần trao đổi xã giao, chủ nhà hỏi lý do cuộc viếng thăm. Vị Bà-la-môn để ý xem vận may của Trưởng giả kia nằm ở đâu. Bấy giờ, ông Cấp Cô Độc có một con gà trống trắng, trắng như một vỏ sò đã được cọ rửa, con gà được giữ trong một cái lồng bằng vàng, và vận may của vị Trưởng giả đang nằm trong cái mồng của nó. Thế là người Bà-la-môn ấy đã dò tìm được vận may nằm ở đâu rồi. Ông ta nói:

– Thưa Tôn giả, tôi dạy thần chú cho năm trăm người bạn trẻ. Chúng tôi đang bực mình vì một con gà trống cứ gáy không phải lúc. Con gà của ngài gáy đúng giờ giấc, vì thế mà tôi đến đây để xin nó. Ngài có thể cho tôi không?

Trưởng giả bảo:

– Vâng.

Và ngay khi ông thốt ra lời ấy thì vận may rời khỏi cái mồng gà và đến nằm trong một viên ngọc gắn ở cái gối. Người Bà-la-môn thấy vận may vào trong viên ngọc liền xin luôn viên ngọc. Và ngay khi chủ nhân thuận cho thì vận may lại rời viên ngọc mà vào nằm trong cái gậy dùng để tự vệ đang đặt trên gối. Người Bà-la-môn thấy thế lại xin thêm chiếc gậy.

– Hãy lấy đi rồi ra về!

Chủ nhân nói. Và ngay lúc ấy, vận may lại rời chiếc gậy mà vào nằm trên đầu người vợ chánh của chủ nhân, đó là phu nhân Puññalakkhaṇā (Phước Tướng). Thấy thế, vị Bà-la-môn gian xảo kia tự nghĩ: "Đây là thứ không thể nhượng lại, ta đâu có thể xin được!" Thế rồi ông nói với vị Trưởng giả:

– Thưa Trưởng giả, tôi đến nhà ngài chỉ để đánh cắp vận may của ngài. Vận may ấy nằm trong mồng con gà trống của ngài nhưng khi ngài cho tôi con gà trống, vận may lại chạy sang viên ngọc; khi ngài cho tôi viên ngọc, vận may lại sang chiếc gậy; khi ngài cho tôi chiếc gậy thì nó lại chạy thoát ra ngoài và vào trong đầu của phu nhân Puññalakkhaṇā. Chắc chắn đây là thứ không thể nhượng lại, vậy không bao giờ tôi có thể có được vận may ấy. Không thể nào đánh cắp vận may của ngài được. Vậy thì ngài hãy giữ nó!

Nói xong, ông ta đứng dậy và ra đi. Ông Cấp Cô Độc quyết định kể chuyện cùng bậc Đạo sư. Vì thế ông đến tinh xá. Sau khi thành kính đảnh lễ, ông ngồi xuống một bên và kể cùng đức Phật đầu đuôi sự việc. Bậc Đạo sư nghe xong và dạy:

– Này thiện nam tử, ngày nay, vận may của một người không đi sang người khác. Nhưng ngày xưa, vận may của những kẻ kém trí lại đi sang kẻ khôn lanh.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn tại vương quốc Kāsi. Lớn lên, ngài được giáo dục tại Takkasilā và sống trong gia đình của ngài. Nhưng khi cha mẹ mất, ngài quá sầu muộn, lui về sống ẩn dật trong dãy Tuyết sơn, tu tập các thắng trí và các thiền chứng.

Một thời gian lâu sau, ngài xuống các làng mạc để kiếm muối và đồ gia vị, rồi trú trong các vườn cây của vua xứ Ba-la-nại. Ngày hôm sau, trên đường khất thực, ngài ghé đến cổng nhà của một người dạy voi. Ông này cảm mến cung cách của ngài, cho ngài ăn rồi thuận cho ngài trú trong vườn nhà của ông và đều đặn hầu hạ ngài.

Bấy giờ, có một người kia làm nghề kiếm củi, từ trong rừng về muộn quá không kịp đến thành phố. Ông phải ngủ đêm tại một ngôi đền, đặt bó củi dưới đầu để làm gối nằm. Tại ngôi đền, có một số gà trống rừng đang đậu trên một ngọn cây. Đến sáng, con gà đậu trên cao đã để rơi phân trên lưng con đậu bên dưới. Con ở dưới kêu lên:

– Ai đã để rơi phân trên lưng tôi thế?

Con ở trên đáp:

– Tôi đấy!

– Sao vậy chứ?

– Mặc tôi.

Con đậu trên cao đáp, rồi lại nhỏ phân xuống. Thế là hai con bắt đầu gây gổ nhau và kêu to:

– Ngươi có quyền gì chứ, ngươi có quyền gì chứ.

Cuối cùng, con đậu phía dưới nói:

– Hễ ai giết ta, đem thịt ta quay trên than mà ăn thì sẽ được một ngàn đồng vào mỗi buổi sáng đấy!

Con gà đậu phía trên trả lời:

– Ồ, chớ quá phách lối vì một chuyện quá nhỏ nhặt như thế! Ta ấy à, hễ ai ăn toàn thịt của ta thì sẽ được làm vua; nếu ai ăn phần da bên ngoài của ta, người ấy sẽ được làm tể tướng hoặc làm chánh hoàng hậu, tùy theo người ấy là đàn ông hay đàn bà; còn nếu ai lấy xương ta mà gặm thịt thì sẽ được làm quan coi kho báu của nhà vua nếu người ấy là một gia trưởng, và nếu người ấy là một nhà tu thì sẽ được vua trọng vọng!

Người tiều phu nghe hết mọi sự việc và đắn đo suy nghĩ: "Nếu ta được làm vua thì đâu cần một ngàn đồng?" Thế rồi ông im lặng trèo lên cây, chộp lấy con gà trống đậu phía trên cao và giết nó đi. Ông cột túm con gà nhét vào túi áo rồi tự bảo: "Thế là ta sẽ làm vua!" Khi cổng thành vừa mở, ông đã bước ngay vào. Ông ta nhổ lông gà, rửa sạch rồi đem giao cho bà vợ, bảo bà ta làm món thịt thật ngon. Bà vợ làm món thịt với một ít gạo, rồi đem đặt trước mặt chồng và mời chồng ăn.

Người chồng nói:

– Bà nó này, thịt này có giá trị rất lớn, ăn thịt này tôi sẽ trở thành vua và bà sẽ trở thành hoàng hậu!

Rồi hai vợ chồng mang món thịt nấu với gạo ấy ra để trên bờ sông Hằng, họ định tắm xong rồi mới ăn. Thế là sau khi để thịt trên bờ, họ xuống tắm. Vừa lúc ấy, một ngọn gió dâng nước lên cuốn thịt đi. Món thịt trôi bập bềnh trên sông. Một người dạy voi, ấy là một nhân vật quan trọng, trong lúc cho voi tắm ở phía dưới dòng sông đã trông thấy món thịt ấy.

– Cái gì đây?

Ông ta bảo vớt nó lên. Có người trả lời:

– Thưa ngài, đây là món thịt nấu với gạo.

Ông ta sai gói lại, niêm phong và gởi về nhà cho vợ ông, dặn rằng khi ông trở về thì mở ra cho ông ăn. Còn ông tiều phu cứ chạy rong, từ bụng phun ra cả cát và nước mà ông đã nuốt vào.

Bấy giờ, một vị khổ hạnh kia là giáo sĩ của người dạy voi ấy, vốn có nhãn thông, tự nghĩ: "Ông bạn chủ ta vẫn giữ chức vụ với bầy voi mãi, biết bao giờ ông ta mới được thăng chức?" Suy nghĩ như vậy, và nhờ có nhãn thông ông thấy rõ người kia và hiểu cần phải làm gì. Ông liền đến trước, ngồi trong nhà người chủ. Người chủ trở về, kính cẩn chào giáo sĩ rồi ngồi xuống một bên. Ông ta sai dọn ăn, rồi bảo mang thức ăn, thức uống cho vị khổ hạnh. Vị ấy không nhận đồ ăn mang đến cho ông và nói:

– Tôi sẽ chia thức ăn này ra.

Người chủ chấp nhận. Vị giáo sĩ chia thịt ra từng phần, các phần thịt đưa cho người dạy voi, phần da đưa cho vợ của ông ấy, và lấy phần thịt dính ở xương cho mình. Bữa ăn chấm dứt, giáo sĩ nói với gia chủ:

– Ba ngày nữa, ông sẽ làm vua, hãy cẩn thận mọi việc ông làm!

Rồi vị ấy ra đi. Vào ngày thứ ba, một ông vua láng giềng đến vây Ba-la-nại. Vua bảo người dạy voi mặc áo của vua rồi lên voi và ra trận, còn chính ngài giả trang, lẫn lộn trong đám quân lính. Một mũi tên bay vọt tới cắm vào vua, thế là vua chết ngay tại chỗ. Người dạy voi biết rằng vua đã chết, liền bảo đưa đến một số tiền lớn rồi đánh trống lên và tuyên bố:

– Những ai muốn được tiền, hãy tiến lên và chiến đấu!

Đám quân lính trong nháy mắt đã giết được ông vua đối nghịch kia. Sau tang lễ của vua, các triều thần thương nghị ai là người được chọn làm vua. Họ bảo:

– Khi đức vua chúng ta còn sống, ngài đã mặc long bào cho người dạy voi. Chính người ấy đã chiến đấu và giữ được vương quốc, vậy thì vương quốc sẽ phải được trao cho người ấy!

Thế rồi họ tôn ông lên ngôi vua và vợ của ông được lên làm chánh hậu. Bồ-tát trở thành người thân tín của vua.

***

Sau khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, với trí tuệ toàn hảo, Ngài đọc hai bài kệ sau đây:

100. Những của cải do mình tạo dựng,
Chẳng phải nhờ may mắn mà thành,
Do ơn thần nữ phúc lành,
Người hay, kẻ dở đều dành phần cho.

101. Trên cuộc thế sờ sờ lắm kẻ,
Thiện hiền hay ác tệ hung tàn,
Cuối cùng được hưởng giàu sang,
Đúng ra nào phải là phần họ đâu?

Sau đó, bậc Đạo sư dạy thêm:

– Này thiện nam tử, những kẻ ấy chẳng có nguồn lợi nào khác ngoài công đức của họ tạo được trong các đời trước; điều này khiến cho ông đạt được những của báu ngay ở chỗ vốn chẳng có hầm mỏ gì.

Rồi Ngài đọc bài kệ sau đây:

Kho báu kia muôn điều thiện phúc,
Thỏa mãn bao nguyện ước trời, người:
Hình dung, tiếng nói tốt tươi,
Mặt mày xinh đẹp, sống đời quyền uy.

Mọi kiêu sa, oai nghi vương giả,
Hạnh phúc đầy và cả ngôi trời,
Trời, người phúc lạc đôi nơi,
Niết-bàn tự chứng, trí thời tự do.

Tình chân thiết dành cho bè bạn,
Với tự mình chiến thắng lấy mình,
Bích Chi Phật quả nên hình,
Giác tri, giải thoát, tu hành tinh chuyên.

Ấy tất cả ước nguyền vừa dẫn,
Kho báu kia vốn sẵn có rồi,

Diệu kỳ công đức cao vời,
Trí nhân, thắng giả muôn người ngợi ca.

Cuối cùng, bậc Đạo sư đọc vần kệ thứ ba để giải thích những báu vật ẩn chứa vận may của ông Cấp Cô Độc:

102. Gà kia, ngọc nọ, gậy này,
Rồi người vợ nữa, vận may luân hành,
Cho hay một kẻ thiện lành,
Kho tàng kia vẫn được dành phần riêng.

***

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vị vua thời đó chính là Trưởng lão Ānanda và giáo sĩ của gia đình kia chính là Ta, đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác.

§285. CHUYỆN HEO RỪNG TRONG HANG THỦY TINH (*Maṇisūkarajātaka*) (*J.* II. 415)

Ba chục chúng tôi đã sống trong...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về vụ sát hại Sundarī.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn rất được trọng vọng, kính nể. Các tình tiết cũng giống như ở *Kinh Phật tự thuyết*[21] và đây là phần tóm tắt của các tình tiết ấy.

Nghe nói đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo thường nhận được phẩm vật cúng dường và sự tôn kính như nước của năm con sông đổ vào biển lớn, các người ngoại đạo thấy rằng phẩm vật cúng dường và vinh danh của họ không còn được như trước nữa mà trở thành lờ mờ như bầy đom đóm trước lúc bình minh, họ liền họp nhau lại và bàn:

– Từ khi Sa-môn Gotama xuất hiện, lợi lộc và vinh danh của chúng ta đã rời bỏ chúng ta. Chẳng người nào biết rằng chúng ta đang có mặt trên đời. Ai có thể giúp ta đem lại tiếng xấu cho Sa-môn Gotama và làm cho ông ta không còn nhận được mọi lợi dưỡng này?

Thế rồi họ bỗng nghĩ: "Sundarī có thể giúp ta việc ấy." Một hôm, Sundarī đến thăm rừng cây của người ngoại đạo, họ chào cô ta mà chẳng nói gì cả. Cô ta cứ hỏi đi, hỏi lại mãi mà vẫn không được ai trả lời. Cô liền hỏi:

– Có việc gì mà các thánh phụ lại phiền não thế?

Các người ngoại đạo đáp:

– Này chị, há chị chẳng thấy Sa-môn Gotama đã làm chúng ta phiền não, đã tước đi của chúng ta những phẩm vật bố thí và vinh danh như thế nào ư?

Cô ta hỏi:

---

[21] *Ud.* 43, *Sundarīsutta* (*Kinh Sundarī*), số §8.

– Thế thì tôi có thể làm gì đây nào?

– Này chị, chị xinh đẹp lại đáng yêu. Chị có thể làm ô nhục cho Sa-môn Gotama, lời nói của chị sẽ gây ảnh hưởng đến quần chúng, và như vậy có thể phục hồi cho chúng ta những phẩm vật cúng dường và danh thơm như trước.

Cô ta nhận lời và từ giã ra đi. Sau đó, cô thường mang hoa, dầu thơm, hương liệu, long não, đồ gia vị và trái cây, vào mỗi buổi chiều, đám đông trở vào thành sau khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp thì cô quay mặt về phía Kỳ Viên. Hễ ai hỏi cô sắp đi đâu thì cô bảo:

– Tôi sắp đến với Sa-môn Gotama, tôi sống với ông ta trong một hương phòng.

Thế rồi cô ngủ đêm tại một xóm ngoại đạo và sáng hôm sau đi theo con đường từ Kỳ Viên vào thành phố. Hễ có ai hỏi cô đi đâu về thì cô bảo:

– Tôi đã ở với Sa-môn Gotama trong một hương phòng và ông ấy đã ân ái với tôi.

Vài ngày sau, các ngoại đạo mướn vài tên vô lại giết chết Sundarī trước phòng của đức Gotama rồi đem ném xác cô ta trong một đống rác. Bấy giờ, các người ngoại đạo mới la ầm lên về Sundarī rồi thông báo với nhà vua. Vua hỏi họ nghi ngờ chỗ nào, họ trả lời rằng cách đây ít ngày Sundarī có đến Kỳ Viên nhưng sau đó sự việc xảy ra thế nào thì họ không biết. Vua sai họ đi kiếm cô ta. Được lệnh, họ mang theo một số người hầu riêng của vua, và đi đến Kỳ Viên. Tại đó, họ kiếm quanh quẩn rồi tìm thấy Sundarī trong đống rác. Họ lấy một cái cáng mang thi thể cô về thành phố và trình vua rằng các môn đệ của đức Gotama đã giết Sundarī rồi ném xác vào đống rác để che giấu tội cho bậc Đạo sư của họ.

Vua sai các ngoại đạo ấy đi khắp thành phố, trên khắp các đường sá, họ vừa đi vừa la lớn:

– Hãy đến đây mà xem việc làm của các Tỳ-kheo môn đệ của Thái tử dòng họ Thích-ca!

Thế rồi họ trở lại cổng cung điện. Vua cho đặt thi thể Sundarī trên tấm bệ rồi đưa vào nghĩa địa canh giữ. Tất cả mọi người, trừ các Tỳ-kheo, đều đi khắp trong, ngoài thành, khắp các công viên, khắp rừng cây, nhục mạ các Tỳ-kheo và kêu lên:

– Xin tới mà xem việc làm của các môn đệ của Thái tử dòng họ Thích-ca.

Các Tỳ-kheo kể hết đầu đuôi câu chuyện cho đức Phật, bậc Đạo sư dạy rằng:

– Được rồi. Hãy đi ra và khiển trách những người này bằng các lời sau:

Vào địa ngục, người ưa nói dối,
Cùng người nào chối việc mình làm,
Cả hai, thân chết đã mang,
Như người ác hạnh vẫn thường tái sanh.[22]

[22] Xem *Dh*. v. 306; *Sn*. v. 661.

Nhà vua sai vài người đi tìm xem Sundarī còn bị kẻ nào giết nữa không. Bấy giờ, bọn vô lại đang uống rượu bằng thứ tiền vấy máu và gây gổ nhau. Một đứa trong bọn nói:

– Mày đã giết Sundarī bằng một cú đập rồi ném xác cô ấy vào trong đống rác, thế rồi giờ đây mày mua rượu bằng số tiền vấy máu ấy!

– Đúng đây rồi, đúng đây rồi!

Những người được vua sai đi nghe nói thế, rồi bắt bọn vô lại kia đem đến trình vua. Vua hỏi:

– Có phải chúng bây đã giết Sundarī không?

Chúng thú nhận đã làm như thế.

– Ai sai chúng bây?

– Tâu Đại vương, các người ngoại đạo.

Vua gọi các người ngoại đạo đến và phán:

– Hãy đỡ thi thể Sundarī lên rồi mang nàng đi khắp thành phố, vừa đi vừa kêu lớn: "Cô Sundarī này muốn làm nhục Sa-môn Gotama, chúng tôi đã bảo giết cô ta, đức Gotama cũng như các môn đệ của Ngài không hề có tội lỗi gì, chính chúng tôi mới là có tội!"

Bọn người ngoại đạo làm theo lệnh ấy. Số đông những người chưa được giáo hóa cũng đã tin như thế. Bọn ngoại đạo đã không còn gây tội ác vì phải bị trừng phạt về tội giết người. Từ đó về sau, tiếng tăm của đức Phật ngày càng lừng lẫy. Thế rồi một hôm, các Tỷ-kheo bắt đầu bàn tán trong pháp đường:

– Này Hiền hữu, bọn ngoại đạo tưởng bôi nhọ đức Phật nhưng chính họ chỉ tự bôi nhọ mà thôi. Từ đó, lợi lộc và danh vọng của chúng ta càng tăng thêm.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi các Tỷ-kheo đang bàn tán việc gì. Họ thuật cho Ngài nghe. Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không thể nào gây bất lợi cho đức Phật được. Cố sức bôi nhọ đức Phật cũng giống như cố sức bôi nhọ viên ngọc thượng hạng mà thôi. Vào thời xưa, người ta cũng đã từng mong làm vẩn đục một viên ngọc đẹp nhưng không cách nào làm được, đành phải chịu thất bại mà thôi.

Rồi Ngài kể một câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi ngài lớn lên, thấy rằng tham dục là khổ, ngài liền ra đi, vượt qua ba lớp núi của dãy Tuyết sơn và ngài trở thành một ẩn sĩ sống trong một túp lều lá. Gần lều của ngài có một hang bằng thủy tinh, trong đó có ba mươi con heo rừng đang sống. Một con sư tử thường lai vãng gần hang ấy. Bọn heo thường cứ thấy bóng sư tử phản chiếu vào hang và kinh sợ đến gầy ốm,

xanh xao. Chúng liền nghĩ: "Chúng ta thấy cái bóng phản chiếu ấy vì thủy tinh quá trong trẻo. Chúng ta nên làm cho thủy tinh dơ bẩn và mờ đục đi."

Thế rồi, chúng lấy bùn đất ở trong một vũng nước gần đó đem bôi chà vào thủy tinh. Nhưng thủy tinh được đánh bóng bằng lông heo rừng trở thành sáng loáng hơn bao giờ hết. Bọn heo không biết phải tính sao, liền quyết định đến hỏi vị ẩn sĩ kia làm thế nào để làm dơ bẩn thủy tinh. Chúng đến nơi, sau khi kính cẩn chào, chúng ngồi xuống một bên ẩn sĩ và đọc hai bài kệ:

103. Ba chục chúng tôi đã sống trong,
Thủy tinh động ấy bảy năm ròng,
Vẻ sáng động kia nay nhọc sức,
Chúng tôi chẳng thể vấy dơ xong.
Dù đã tốn công đem hết sức,
Làm lu mờ bóng sáng kia đi,

104. Bóng kia càng sáng hơn lên mãi,
Xin hỏi chẳng hay duyên cớ gì?

Nghe xong, Bồ-tát đọc bài kệ tiếp:

105. Thủy tinh kia quý giá dường bao,
Trong sáng, luôn luôn rực ánh hào,
Tuyệt chẳng vật gì ngăn vẻ sáng,
Heo nên dời chỗ ở đi nào!

Nghe lời Bồ-tát, bọn heo dời đi ở chỗ khác. Còn Bồ-tát chuyên tâm thiền định và tái sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi kể xong pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ta là vị ẩn sĩ nọ.

§286. CHUYỆN CON HEO SĀLŪKA (*Sālūkajātaka*) (*J.* II. 419)

Chớ ganh với món Liên Căn...

Chuyện này được bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về sự cám dỗ của một cô gái mập. Các tình tiết sẽ được trình bày trong *Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada.*[23]

Bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo ấy có thật đã yêu không, Tỷ-kheo ấy thưa vâng. Ngài hỏi:

– Ông yêu ai?

– Bạch Thế Tôn, con yêu cô gái mập.

Bậc Đạo sư dạy:

[23] Xem *J.* I. 196, *Muṇikajātaka* (*Chuyện con heo Muṇika*), số §30; *J.* IV. 219, *Cullanāradajātaka* (*Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*), số §477.

– Này Tỷ-kheo, cô kia chính là mối họa của ông. Xưa kia cũng như bây giờ, ông đã trở thành đồ ăn cho đám đông vì đám cưới cô ấy.

Thế rồi, do thỉnh cầu của các Tỷ-kheo, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một con bò đực, tên là Đại Hồng Mao, có một con bò em nó là Tiểu Hồng Mao. Cả hai con đều làm việc cho một gia đình ở một làng kia.

Trong gia đình này có một cô gái dậy thì, được một gia đình kia hỏi xin cưới. Gia đình cô gái có một con heo tên là Sālūka (Liên Căn) đang được nuôi mập tròn để làm tiệc trong ngày đám cưới. Con heo thường nằm ngủ trong chuồng.[24]

Một hôm Tiểu Hồng Mao bảo anh:

– Này anh, chúng ta làm việc cho gia đình này, giúp họ sinh sống. Thế mà họ chỉ cho chúng ta ăn cỏ và rơm; trong khi ấy, họ lại cho con heo kia ăn bột gạo với sữa, còn cho nó ngủ trong chuồng. Thử hỏi nó làm gì cho họ chứ?

Đại Hồng Mao bảo em:

– Này em, chớ thèm thứ bột gạo pha sữa ấy của con heo. Người ta muốn làm thịt con heo nhân ngày đám cưới của tiểu thư nhà ta đấy. Hãy chờ vài ngày nữa, em sẽ thấy nó bị lôi ra khỏi chuồng, bị giết chết, bị xẻ ra từng miếng và bị khách khứa ăn thịt.

Nói xong, Đại Hồng Mao sáng tác hai bài kệ đầu:

106. Chớ ganh với món Liên Căn,
Đồ ăn của nó là phần tử vong,
Rạ rơm kia, hãy bằng lòng,
Dài lâu cuộc sống, riêng phần của em.

107. Chẳng bao lâu khách quen sẽ tới,
Chuyện trò vui, cười nói này kia,
Liên Căn sẽ bị chặt ra,
Với mồm há bẹp thật là đáng thương.

Ít ngày sau, khách dự lễ cưới đến. Sālūka bị giết để làm tiệc. Cả hai con bò thấy số phận heo như vậy, nghĩ rằng rơm rạ của riêng chúng nó vẫn là thứ tốt nhất.

Bậc Đạo sư với trí tuệ toàn hảo, đọc bài kệ tiếp để giải thích sự việc:

108. Thấy Liên Căn trăm đường tội nghiệp,
Bị chặt rời, mõm bẹp phơi bày,
Đôi bò mới tỏ, nói lời này,
"Rạ rơm thô thiển tốt may hơn nhiều."

***

[24] Xem *Buddhist Birth Stories* (*Những chuyện tiền thân Phật giáo*), p. 277.

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế và ở phần kết thúc tứ đế, vị Tỷ-kheo kia đắc quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, cô gái mập mạp kia vẫn là một người trong cả hai câu chuyện. Tỷ-kheo bị ái nhiễm kia là Sālūka, Ānanda là Tiểu Hồng Mao, còn Ta chính là Đại Hồng Mao.

§287. CHUYỆN CHÊ BAI LỢI NHUẬN (*Lābhagarahajātaka*)[25] (*J.* II. 420)

Kẻ cuồng si, kẻ chuyên lời phỉ báng...

Chuyện này được bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo, bằng hữu của Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất).

Tỷ-kheo này đến chào Trưởng lão rồi ngồi xuống một bên, hỏi Trưởng lão nói cho biết làm cách nào để được lợi nhuận, làm sao để ông ta thâu được y phục, vật dụng, v.v... Trưởng lão đáp:

– Này Hiền hữu, có bốn cách khiến cho một người thành công trong việc đạt lợi nhuận. Người ấy phải từ bỏ lòng khiêm tốn, phải từ bỏ hội chúng, phải làm ra vẻ điên khùng dù mình chẳng điên khùng; người ấy phải nói ngang ngược; người ấy phải cư xử như phường múa hát; người ấy phải dùng lời ác độc ở khắp nơi.

Trưởng lão giảng cách thức khiến người thu đạt nhiều như vậy. Vị Tỷ-kheo kia không đồng ý với cách này và bỏ đi. Trưởng lão đến thuật chuyện cùng bậc Đạo sư. Ngài dạy:

– Đây không phải là lần đầu tiên vị Tỷ-kheo kia chê bai lợi nhuận. Trước kia ông ta cũng đã chê bai như thế.

Rồi do thỉnh cầu của Trưởng lão, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi lên mười sáu tuổi, ngài đã tinh thông ba bộ kinh Vệ-đà và mười tám ngành học thuật. Ngài trở thành vị thầy lừng danh, dạy dỗ năm trăm thanh niên. Một thanh niên kia mới học đạo, một hôm đến hỏi thầy:

– Những người này đạt lợi nhuận như thế nào?

Vị thầy trả lời:

– Con ạ, có bốn cách thâu lợi nhuận cho những người này.

Rồi ngài đọc bài kệ thứ nhất:

109. Kẻ cuồng si, kẻ chuyên lời phỉ báng,
Kẻ tinh ranh như những bọn phường chèo,

[25] Xem *J.* III. 28, *Chavakajātaka* (*Chuyện người tiện dân*), số §309; *J.* III. 32, *Sayhajātaka* (*Chuyện vị Quốc sư Sayha*), số §310; *J.* III. 515, *Lomasakassapajātaka* (*Chuyện Ca-diếp, vị khổ hạnh nhiều lông tóc*), số §433; *Vin.* IV. 204.

Kẻ nói ác, đều thu lợi thật nhiều,
Châm ngôn ấy, giữa đám người điên loạn.

Sau khi nghe lời thầy dạy, người học trò bày tỏ sự phản đối của mình về việc thâu lợi nhuận bằng hai bài kệ sau:

110. Hổ thẹn thay kẻ nào, Thâu đạt lợi danh vào,
Bằng hủy diệt tàn hại, Bằng tội lỗi gắt gao.

111. Trong tay một bình bát, Theo cuộc đời không nhà,
Còn hơn theo kiếp sống, Tham lam và ác tà.

Chàng thanh niên ca ngợi đặc tính cuộc đời đạo hạnh như thế, rồi ngay sau đó, trở thành một ẩn sĩ và ước mong của bố thí bằng cách chính đáng. Chàng tu tập thiền định cho đến khi tái sanh vào cõi Phạm thiên.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, vị Tỷ-kheo phản đối lợi nhuận là người thanh niên kia, còn thầy của người ấy chính là Ta.

§288. CHUYỆN XÂU CÁ (*Macchuddānajātaka*) (*J.* II. 423)

Nào ai tin được chuyện này...

Chuyện này được bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một thương gia không thật thà. Các tình tiết câu chuyện như đã kể ở trên.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình của một điền chủ. Khi lớn lên, ngài trở thành một người giàu có. Ngài có một người em trai. Khi người cha mất, hai anh em quyết định sắp đặt công việc của cha. Thế rồi họ đến một làng kia, nơi đây họ được trả một ngàn đồng. Trên đường về, trong lúc chờ thuyền bên sông, họ lấy cơm bới ra ăn. Bồ-tát ném phần thức ăn vào sông Hằng cho cá và cúng dường công đức ấy cho vị thần sông. Nữ thần rất vui lòng tiếp nhận việc này vì nó làm tăng thêm thần lực của bà, và khi nghĩ đến sự gia tăng năng lực, bà biết được việc đã xảy ra.

Bồ-tát cởi áo ngoài để trên cát rồi nằm xuống ngủ. Người em có tính gian tham. Anh ta muốn lấy tiền của Bồ-tát và giữ cho riêng mình. Thế là anh gói một gói đá trông giống như gói tiền rồi cất cả hai gói. Hai anh em lên thuyền. Khi thuyền ra giữa sông, người em làm bộ ngã vào mạn thuyền rồi cố ý để rơi cái gói đá ra khỏi thuyền. Thực ra anh ta đã lầm vì đó chính là gói tiền. Anh ta la lên:

– Anh ơi, gói tiền rơi mất rồi! Làm sao đây?

Người anh trả lời:

– Chúng ta biết làm sao được? Thôi việc gì đã qua thì cho qua luôn, đừng nghĩ tới nó nữa!

Nhưng vị thần sông nghĩ rằng bà thực quả vui mừng được nhận sự cúng dường và được gia tăng năng lực nên bà quyết định giữ gìn của cải cho người anh. Do thần lực, bà khiến một con cá miệng rộng nuốt lấy gói tiền và bà giữ gìn con cá cẩn thận. Khi kẻ gian tham kia về nhà khoái chí với thủ đoạn đã gây cho anh mình, nhưng khi mở gói ra chỉ thấy có sỏi đá mà thôi. Lòng héo hắt, anh ngã vật xuống giường, nằm ôm lấy ván.

Bấy giờ, mấy ngư ông vừa quăng một mẻ lưới. Do năng lực của vị thần sông, con cá kia rơi vào lưới. Các ngư ông đem nó về phố bán. Người ta hỏi giá bao nhiêu. Các ngư ông trả lời:

– Một ngàn đồng bảy hào đấy.

Ai cũng cợt nhạo:

– Kia kìa, một con cá với giá một ngàn đồng.

Họ cười ầm lên. Các ngư ông mang con cá đến cửa nhà Bồ-tát và hỏi ngài có mua cá không. Ngài hỏi:

– Giá bao nhiêu đấy?

Họ đáp:

– Xin trả bảy hào để lấy cá.

– Các ông đòi những người khác bao nhiêu chứ?

Họ đáp:

– Nếu là những người khác thì chúng tôi đòi một ngàn đồng bảy hào. Nhưng ngài chỉ phải trả bảy hào thôi.

Bồ-tát trả bảy hào để lấy cá, rồi giao cá cho vợ. Bà vợ mổ cá ra và thấy gói tiền. Bà gọi Bồ-tát. Ngài nhìn vào nhận ra các dấu vết và biết đó là gói tiền của chính mình. Ngài tự nghĩ: "Các ngư ông này đòi hỏi những người khác phải trả với giá một ngàn đồng bảy hào, còn ta, vì một ngàn đồng này vốn là của ta nên họ thuận cho ta chỉ trả bảy hào thôi. Nếu một ai khác không hiểu sự việc này thì không gì có thể làm cho người ấy tin được." Rồi ngài đọc bài kệ thứ nhất:

112. Nào ai tin được chuyện này,
Mấy con cá nọ giá ngay ngàn đồng,
Ta đây chỉ bảy hào con,
Mong gì mua được cá tròn một dây?

Đọc xong bài, Bồ-tát lấy làm lạ tại sao ngài tìm lại được số tiền ấy. Ngay khi ấy, vị thần sông bay ẩn mình trên không và nói:

– Ta là thần sông Hằng đây. Ngài đã cho bọn cá ăn phần còn thừa và đã cúng dường công đức cho ta, do đó ta đã giữ gìn của cải cho ngài.

Rồi bà đọc một bài kệ:

113. Người cho lũ cá ăn, Cúng dường ta có phần,
Ta ghi công đức ấy, Và đạo tâm vẹn toàn.

Thế rồi nữ thần kể lại thủ đoạn gian manh của người em. Bà còn nói thêm:

– Hắn nằm kia, lòng héo hon sầu khổ. Chẳng có lợi lộc gì dành cho kẻ gian lận. Ta mang lại cho ngài sở hữu của riêng ngài, đừng để cho mất đi, đừng đem cho đứa em gian tham kia. Hãy giữ tất cả cho mình!

Rồi bà đọc tiếp bài kệ thứ ba:

114. Tâm địa xấu, dối lừa, trộm cắp,
Gạt anh, em mong đoạt gia tài,
Ác tâm nào gặp vận may,
Quỷ thần chẳng chút tỏ bày kính tâm.

Vị thần nói như vậy, vì không muốn cho kẻ gian lận xấu xa kia được nhận tiền. Nhưng Bồ-tát nói:

– Không thể như thế được.

Và ngài liền gửi cho em năm trăm đồng.

***

Sau khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế và ở phần kết thúc tứ đế, thương gia kia đắc quả Dự lưu. Thế rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, người em là thương gia không thật thà kia, còn người anh chính là Ta.

§289. CHUYỆN MONG ƯỚC KHÁC NHAU

(*Nānacchandajātaka*) (*J.* II. 426)

Chúng tôi chung sống một nhà...

Chuyện này được bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về việc Tôn giả Ānanda nhận một vật phẩm có giá trị.

Tình tiết câu chuyện sẽ được diễn tả trong chương XI, *Chuyện Vương tử Juṇha*.[26]

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con trai của chánh hoàng hậu. Ngài lớn lên và được giáo dục tại Takkasilā, rồi lên ngôi vua sau khi phụ vương mất. Có một giáo sĩ của hoàng gia bị bãi chức đang sống rất nghèo khổ trong một ngôi nhà cũ kỹ.

---

[26] Xem *J.* IV. 95, *Juṇhajātaka* (*Chuyện Vương tử Juṇha*), số §456.

Một đêm kia, nhà vua giả trang vi hành trong thành phố để xem xét tình hình. Một đám trộm cướp xong việc, ghé đến uống rượu trong một quán, rồi ra về mang thêm một tí rượu đựng trong một cái bình. Chúng rình thấy vua đang đi trên đường, liền la lớn:

– Này anh là ai?

Chúng quật ngài xuống, giật lấy chiếc áo choàng, rồi lượm bình lên và đi, đồng thời mang ngài theo.

Vị Bà-la-môn nói trên, bấy giờ đang đứng ngoài đường xem thiên văn. Ông nhìn sao, biết được vua đang rơi vào tay bọn bất lương, liền gọi vợ, bà vội chạy đến hỏi việc gì. Ông bảo:

– Bà nó ạ, đức vua của chúng ta đã rơi vào tay bọn đối nghịch!

Bà vợ nói:

– Sao thưa ông, ông tính thế nào với nhà vua đấy? Các Bà-la-môn của ngài sẽ lo việc ấy thôi.

Vua nghe vị Bà-la-môn nói thế rồi đi được một đoạn, ngài năn nỉ bọn vô lại:

– Thưa các ông, tôi là một kẻ nghèo khó, các ông hãy lấy áo của tôi mà tha cho tôi đi!

Ngài cứ năn nỉ như vậy mãi, cuối cùng bọn chúng thương hại và thả ngài ra. Ngài để ý chỗ ở của hai vợ chồng kia, bèn quay trở lại.

Bấy giờ, vị Bà-la-môn nói với vợ:

– Bà nó ạ, đức vua đã thoát khỏi tay bọn đối nghịch kia rồi.

Vua nghe hết việc này cũng như trước kia. Rồi vua trở về cung điện.

Sáng hôm sau, vua cho gọi các vị Bà-la-môn của ngài và hỏi họ:

– Quý vị có xem thiên văn không?

– Thưa Đại vương, có.

– May hay rủi thế?

– Thưa Đại vương, may.

– Không có mây mờ hay nguyệt thực chứ?

– Không, tâu ngài, không có.

Vua phán:

– Đi kiếm đem về cho ta thầy Bà-la-môn ở chỗ nhà kia...

Vua chỉ chỗ cho họ. Thế là họ kiếm đem về vị giáo sĩ già kia. Bấy giờ vua hỏi ông ta:

– Thưa thầy, đêm hôm qua thầy có xem thiên văn không?

– Vâng, tâu Đại vương, thần có xem.

– Có mây mờ hay nguyệt thực nào không?

– Thưa Đại vương, có. Đêm hôm qua, ngài rơi vào tay những kẻ nghịch và một lúc sau ngài thoát ra được.

Nhà vua phán:

– Phải như vậy mới đúng là một chiêm tinh gia.

Ngài bèn đuổi các Bà-la-môn kia và bảo vị lão sư ấy rằng ngài rất bằng lòng rồi ban cho ông ta một ân huệ. Ông xin phép được về hỏi ý kiến gia đình và vua chấp thuận. Thầy Bà-la-môn về gọi vợ, con trai, con dâu và cô tớ gái đến và đặt vấn đề với họ:

– Vua ban cho ta một điều ước. Vậy ta phải xin gì?

Bà vợ đáp:

– Theo tôi, ông hãy xin một trăm con bò sữa.

Người con trai tên Chatta nói:

– Theo con, hãy xin một chiếc xe được kéo bởi những con ngựa nòi trắng thật đẹp.

Và người con dâu:

– Còn theo con, hãy xin đủ thứ trang sức, bông tai có gắn ngọc, v.v...

Rồi đến cô tớ gái tên là Puṇṇā:

– Theo con, hãy xin một bộ cối chày và một cái rổ sàng thóc.

Còn thầy Bà-la-môn ước được hưởng hoa lợi của một ngôi làng. Thế rồi, ông trở lại chầu nhà vua. Ngài muốn biết vợ ông có được hỏi ý kiến không, ông đáp:

– Tâu Đại vương, có. Nhưng mọi người được hỏi ý đều không ai đồng ý với nhau.

Rồi ông đọc hai bài kệ sau:

115. Chúng tôi chung sống một nhà,
Ý này, ý nọ chia ra mỗi người!
Trăm bò sữa, ý vợ tôi,
Còn tôi thì muốn một ngôi làng giàu,

116. Trai ưa ngựa kéo xe sau,
Hoa tai gắn ngọc, mong cầu gái kia,
Puṇṇā bé nhỏ, nữ tỳ,
Nói rằng nàng muốn cối đi cùng chày!

Vua phán:

– Được rồi! Tất cả đều được như ý.

Rồi ngài đọc bài kệ sau:

117. Hãy cho người vợ trăm bò,
Người chồng tốt bụng được cho ngôi làng,

Hoa tai ngọc tặng cô nàng,
Xe đôi ngựa kéo gởi chàng trai kia,
Còn cô giúp việc trong nhà,
Trao cho chày cối, thế là thỏa chung.

Thế là vua đã làm thỏa nguyện thầy Bà-la-môn ấy và ban cho cả danh vọng lớn lao. Vua còn ban lệnh từ nay về sau ông được tham dự vào các công việc của vua và giữ ông bên cạnh làm cố vấn riêng cho ngài.

***

Khi kể xong pháp thoại này, Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, thầy Bà-la-môn kia là Ānanda, còn vị vua chính là Ta.

§290. CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC

(*Sīlavīmaṁsajātaka*) (*J.* II. 429)

Cho rằng đức hạnh đáng yêu...

Chuyện này được bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Bà-la-môn thử nghiệm thanh danh của mình. Các tình tiết đưa đến câu chuyện và ngay cả câu chuyện ở đây đều giống như ở *Chuyện thử thách giới đức.*[27]

***

Khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, vị giáo sĩ của vua quyết định thử nghiệm thanh danh của mình về đức hạnh. Trong hai ngày đầu, mỗi ngày ông đều lấy một đồng tiền do người coi kho giữ. Vào ngày thứ ba, ông bị đưa đến trình vua vì bị kết tội ăn cắp. Dọc đường, ông chú ý đến mấy người bắt rắn đang làm cho rắn múa. Vua hỏi tại sao ông làm một việc như vậy. Thầy Bà-la-môn trả lời:

– Để thử nghiệm thanh danh của tôi về đức hạnh.

Rồi nói tiếp:

118. Cho rằng đức hạnh đáng yêu,
Người ta tôn quý bao nhiêu trên đời.
Xem kia! Rắn độc chết người,
Bảo rằng nó tốt, chẳng đòi giết ngay.

119. Tôi nay bảo, khắp đầy trần thế,
Đức hạnh là tôn quý đáng yêu,
Kẻ nào đạo đức vẫn nêu,
Con đường đạo quả bước theo mãi hoài.

[27] Xem *J.* I. 369, *Sīlavīmaṁsanajātaka* (*Chuyện thử thách giới đức*), số §86; *J.* II. 429, *Sīlavīmaṁsajātaka*, số §290; *J.* III. 18, *Sīlavīmaṁsanajātaka*, số §305; *J.* III. 100, *Sīlavīmaṁsajātaka*, số §330; *J.* III. 194, *Sīlavīmaṁsajātaka*, số §362.

120. Tình thân thiết, sáng ngời chúng bạn,
Rồi đến khi số tận mạng chung,
Kẻ nào tích đức sẵn sàng,
Cõi trời, kẻ ấy được phần tái sanh.

Sau khi thuyết giảng về cái đẹp của đức hạnh bằng ba bài kệ trên, giáo sĩ Bà-la-môn ấy nói tiếp:

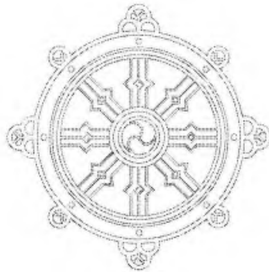
– Tâu Đại vương, gia đình tôi đã hiến dâng cho ngài bao nhiêu thứ: Tài sản của cha tôi, của mẹ tôi và cả những gì mà tôi đã có, điều ấy chẳng bao giờ dứt. Còn tôi đây, tôi đã lấy mấy đồng tiền kia trong kho báu chỉ để thử nghiệm giá trị của riêng tôi. Bây giờ, tôi thấy rằng thọ sanh, dòng dõi, huyết thống và gia đình chẳng có giá trị gì trên đời này và chỉ có đức hạnh là tốt nhất. Tôi muốn sống đời Phạm hạnh, xin ngài cho phép tôi được như vậy!

Giáo sĩ cứ năn nỉ mãi, cuối cùng vua đành chấp thuận. Thế là ông lìa bỏ thế gian, lui vào dãy Tuyết sơn để sống Phạm hạnh, tu tập các thắng trí và các thiền chứng cho đến khi tái sanh vào cõi Phạm thiên.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, vị giáo sĩ thử nghiệm thanh danh về đức hạnh kia chính là Ta.



V. PHẨM CÁI BÌNH
(*KUMBHAVAGGA*)

§291. CHUYỆN CÁI BÁT THẦN (*Bhadraghaṭajātaka*)[28] (*J.* II. 431)

Kẻ vô dụng một lần được bát...

Chuyện này được bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một người cháu của trưởng giả Cấp Cô Độc.

Người này đã hoang phí số tài sản kế thừa là bốn trăm triệu đồng vàng. Anh ta đến thăm người chú là ông Cấp Cô Độc và được trưởng giả cho một ngàn đồng để làm vốn mua bán. Anh ta tiêu xài hết số tiền rồi lại đến trưởng giả. Lần này anh được cho năm trăm đồng. Tiêu xài hết xong, anh lại đến và lần này chú anh chỉ cho anh hai bộ quần áo vải thô. Thế là khi anh đã hết luôn hai bộ quần áo kia và đến xin thêm một lần nữa thì bị chú anh tóm cổ ném ra cửa. Anh ta chẳng còn ai giúp đỡ, sau đó đã ngã xuống bên một xó đường và chết. Người ta kéo anh ra rồi ném ở đấy.

Ông Cấp Cô Độc đến kể với đức Phật về các sự việc đã xảy ra cho cháu ông. Bậc Đạo sư bảo:

– Làm sao ông mong làm thỏa mãn được một kẻ mà chính Ta ngày xưa cũng không thể làm thỏa mãn, dù rằng Ta đã cho anh ta một cái "bát ước".

Rồi do thỉnh cầu của trưởng giả, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là con một thương gia giàu có. Sau khi cha mất, ngài thay cha quán xuyến mọi việc. Trong nhà của ngài có chôn một kho tàng bốn trăm triệu đồng. Ngài có một con trai độc nhất. Bồ-tát bố thí, hành thiện cho đến khi chết và tái sanh làm Thiên chủ Đế-thích.

Con trai của Bồ-tát làm một cái rạp ngoài đường để ngồi uống rượu cùng với đám bạn bè tụ tập quanh anh ta. Anh ta trả một ngàn đồng cho bọn làm trò chạy nhảy, nhào lộn, bọn ca sĩ, vũ công, suốt ngày ăn nhậu trác táng. Anh ta rong chơi đây đó, chỉ đòi đàn địch múa ca, mải mê theo đám bạn thô lỗ, chìm đắm trong thói nhàn cư lười biếng. Vì thế, chỉ trong một thời gian ngắn ngủi, anh đã tiêu xài cả kho tàng bốn trăm triệu đồng, hết cả mọi sở hữu, của cải, đồ đạc rồi trở nên nghèo khó cực khổ đến độ phải lang thang, rách rưới tả tơi.

[28] Bản CST viết *Surāghaṭajātaka*.

Thiên chủ Đế-thích trong lúc suy xét biết rõ anh ta nghèo khổ như thế nào. Do lòng thương con thúc đẩy, ngài cho anh ta một cái bát ước và dặn:

– Con ạ, hãy giữ gìn, chớ làm vỡ cái bát này. Bao lâu con còn giữ được nó thì tài sản của con sẽ không cạn được. Vì vậy, hãy giữ gìn nó cẩn thận!

Nói xong, ngài quay về trời.

Sau đó, anh chàng kia chỉ lấy bát uống rượu chứ chẳng làm gì cả. Một hôm, trong lúc say sưa, anh ném bát lên không cho nó rơi xuống mà bắt lấy. Thế rồi, có lần anh bắt hụt, bát rơi xuống đất vỡ tan tành! Thế là anh lại trở nên nghèo khó, rách rưới tả tơi đi khắp đây đó cầm bát ăn xin rồi cuối cùng ngã xuống một bờ tường rồi chết.

***

Khi kể xong chuyện này, bậc Đạo sư đọc tiếp:

121. Kẻ vô dụng một lần được bát,
Lòng muốn gì, bát tất thỏa ngay,
Bao lâu còn giữ bát này,
Tiền tài luôn vẫn còn đầy cho anh.

122. Trong một lúc ngông nghênh say khướt,
Anh làm tan bát phước lành rồi!
Lõa lồ, rách rưới tả tơi,
Kẻ rồ tội nghiệp sống đời đắng cay.

123. Kẻ nào có gia tài đồ sộ,
Nhưng hưởng đời, tiết độ chẳng hay,
Phút giây tàn mạt cũng tày,
Anh chàng khờ khạo vỡ ngay bát thần.

Với trí tuệ toàn hảo, bậc Đạo sư đọc các bài kệ trên, rồi nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, người cháu của ông Cấp Cô Độc là anh chàng vô lại đã đánh vỡ cái bát phước lành kia, còn Ta chính là Đế-thích.

§292. CHUYỆN VUA QUẠ SUPATTA (*Supattajātaka*) (*J.* II. 433)

Ở nơi đây, thành Ba-la-nại...

Chuyện này được bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về việc Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất) dâng tặng bà Bimbādevī một bữa cơm trộn bơ tươi và cá hồng. Các tình tiết câu chuyện cũng giống như ở *Chuyện Chính Trung*.[29]

Ở đây, vị Tỷ-kheo-ni bị đau bao tử. Tôn giả Rāhula (La-hầu-la) đến thuật chuyện với Trưởng lão. Trưởng lão bảo Rāhula ngồi ở phòng đợi rồi ngài đến nhà vua, được cúng cơm, cá hồng và bơ tươi. Rāhula mang cơm ấy cho vị

[29] Xem *J.* II. 393, *Abbhantarajātaka* (*Chuyện Chính Trung*), số §281.

Tỷ-kheo-ni, mẹ ông. Khi bà dùng xong món ăn ấy thì bệnh dứt ngay. Vua sai người đi dò xem, rồi từ đó luôn luôn bảo đem cúng dường bà món ăn ấy.

Một hôm, các Tỷ-kheo bắt đầu bàn tán trong pháp đường:

– Này các Hiền hữu, Tướng quân Chánh pháp đã làm thỏa lòng vị Tỷ-kheo-ni ấy với món ăn như thế kia.

Bậc Đạo sư bước vào, hỏi các Tỷ-kheo đang bàn tán chuyện gì. Khi được thuật lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Sāriputta đã tặng mẹ của Rāhula món bà cần; trước kia, vị ấy cũng đã làm như thế.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một con quạ, lớn lên trở thành vị lãnh đạo của tám mươi ngàn con quạ. Vua quạ (ô vương) tên là Supatta (Hoàng Dực, Cánh Vàng). Vợ chánh của vua quạ tên là Suphassā (Nhu Hòa). Vị đại tướng là Sumukha (Mỹ Chủy, Mỏ Đẹp). Vua quạ sống với đàn quạ tám mươi ngàn con ở gần Ba-la-nại.

Một hôm, vua quạ và vợ đi kiếm ăn, bay qua bếp của nhà vua. Người đầu bếp của vua vừa làm xong một số đĩa thức ăn gồm đủ các loại cá. Ông chưa đậy các đĩa vì muốn để như thế một lát cho nguội. Ô hoàng hậu ngửi thấy mùi thơm của thức ăn và khao khát được một miếng. Nhưng hôm đó, nàng chẳng nói gì.

Thế nhưng đến ngày hôm sau, khi vua quạ đến rủ vợ đi ăn thì nàng bảo:

– Hãy đi một mình! Thiếp đang quá thèm muốn một thứ!

– Thứ gì vậy?

– Thiếp muốn ăn một ít đồ ăn của nhà vua và vì không thể có được nên thiếp sắp chết đây.

Vua quạ ngồi xuống và suy nghĩ. Sumukha đến gần vua và hỏi xem vua đang buồn về việc gì. Vua quạ kể lại sự việc.

– Ồ, sẽ được ngay mà!

Quạ tướng quân bảo thế, rồi nói thêm để cả hai được yên tâm:

– Hôm nay các ngài cứ ở đây, thần sẽ đi kiếm đồ ăn về.

Thế rồi, quạ tướng quân họp đàn quạ lại và kể lại mọi việc cho chúng.

– Nào chúng ta hãy đi lấy thứ ấy!

Rồi tất cả cùng bay đến Ba-la-nại. Quạ tướng quân cắt đặt từng nhóm quạ đậu đó đây gần nhà bếp để trông chừng, còn nó cùng với tám tên giỏi nhất, ngồi trên mái bếp. Trong khi chờ thức ăn của vua được dọn ra, nó ra lệnh cho chúng:

– Khi người kia mang thức ăn đi, ta sẽ làm cho ông ta để rơi các đĩa xuống. Một khi đã làm như thế là xem như đời ta tàn rồi. Vậy thì bốn đứa trong bọn

phải mổ và ngậm cơm đầy miệng, còn bốn đứa kia ngậm cá rồi bay về dâng cho vua và hoàng hậu của ta ăn; các ngài có hỏi ta đâu thì bảo rằng ta sắp về tới.

Người đầu bếp bấy giờ đã làm xong nhiều thức ăn cao lương móc vào đòn gánh và đem tới phòng của vua. Khi ông băng qua sân, quạ tướng quân ra hiệu cho bọn tùy tùng rồi bay đâm vào ngực ông, tấn công bằng những cái vuốt trương ra, bằng chiếc mỏ nhọn như mũi thương, nó mổ vào chóp mũi và bằng hai bàn chân nó khóa chặt hai hàm của ông ta.

Nhà vua đang đi dạo ở tầng trên, khi nhìn ra cửa sổ lớn trông thấy con quạ đang làm như thế, liền gọi người đầu bếp:

– Này, thả mấy cái đĩa xuống và bắt lấy con quạ!

Người kia liền thả đĩa xuống rồi nắm chặt con quạ. Vua kêu lên:

– Đến đây!

Thế là các con quạ kia tha hồ ăn, rồi mổ lấy phần còn lại như đã được dặn dò và mang đi. Sau đó, cả bọn quạ tụ tập lại và ăn phần dư thừa. Tám con quạ giỏi nhất kia mang đồ về cho quạ vua và hoàng hậu. Thế là cơn thèm khát của Suphassā lắng xuống.

Người hầu mang bữa ăn kia đem con quạ đến trình vua. Vua bảo:

– Này quạ, ngươi tỏ ra chẳng kính trọng gì ta! Ngươi đã làm vỡ mũi người hầu của ta! Ngươi đã liều lĩnh ném đi cả cuộc sống của ngươi! Điều gì khiến ngươi đã làm như thế?

Quạ trả lời:

– Tâu Đại vương, vua của tôi sống gần Ba-la-nại, tôi là chánh tướng quân của ngài. Vợ ngài tên Suphassā, quá khao khát muốn nếm thử đồ ăn của Đại vương. Vua của tôi nói cho tôi biết bà ấy đang thèm muốn thứ gì và liền đó tôi quyết hy sinh đời mình. Giờ đây, tôi đã gởi thức ăn về cho hoàng hậu rồi, nguyện ước của tôi đã trọn. Đó là lý do khiến tôi đã hành động như thế.

Để giải thích sự việc đó, nó đọc ba bài kệ sau đây:

124. Ở nơi đây, thành Ba-la-nại,
Tâu Đại vương, có vị quạ vua,
Tên Supatta với đàn kia,
Tám mươi ngàn quạ đều là thần dân.

125. Nhu hoàng hậu muôn phần mơ ước,
Bà khát khao có được bữa cơm,
Cá kia riêng của Đại vương,
Bắt tươi nấu chín vừa mang lên bàn.

126. Xin xem tôi như hàng sứ giả,
Vua tôi sai nên đã đến đây.
Kính vua, tôi tỏ lòng này,
Mũi người kia bị tôi gây đau phiền.

Nghe thế, vua liền nói:

– Ta đây đã ban danh vọng lớn lao cho lắm người nhưng không thể khiến họ thân thiết được. Ngay cả việc ban các tặng vật như toàn thể một ngôi làng đi nữa, ta cũng chẳng tìm thấy một kẻ dám hy sinh mạng sống cho ta. Thế mà con vật này, vốn chỉ là một con quạ, lại hy sinh đời mình cho vua của nó. Nó rất cao cả, nhu hòa, thiện hảo.

Rất đẹp lòng vì các tính nết tốt của quạ, vua tặng nó một cái lọng trắng để tỏ lòng sùng ái trân trọng. Quạ chỉ lễ bái vua về tặng vật kia, rồi lại ca ngợi đức hạnh của Supatta, vua của nó.

Nhà vua cho mời Supatta tới, nghe các lời giáo huấn của vua quạ rồi gửi cho vợ chồng vua quạ thức ăn của chính ngài, còn về phần bọn quạ kia thì mỗi ngày ngài đều sai nấu thật nhiều cơm để cho chúng. Chính ngài đi theo lời giáo huấn của vị Bồ-tát, che chở mọi loài sinh vật và hành thiện. Những lời giáo huấn của Vua quạ Supatta được ghi nhớ suốt bảy trăm năm.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda, tướng quân quạ là Sāriputta, còn Vua quạ Supatta chính là Ta.

§293. CHUYỆN THÂN HƯ HOẠI (*Kāyavicchindajātaka*)[30] (*J.* II. 436)

Bị cơn bệnh trầm kha quật xuống...

Chuyện này được bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một người đàn ông sống tại Xá-vệ. Ông ta bị bệnh hoàng đản và các thầy thuốc bảo rằng đây là trường hợp không hy vọng chữa khỏi được. Vợ con ông không biết ai có thể chữa lành bệnh cho ông. Ông ta tự nghĩ: "Nếu ta được lành bệnh, ta sẽ sống đời tu hành."

Thế rồi vài ngày qua, sau khi dùng một thứ gì đó, ông thấy khá rồi được lành bệnh. Bấy giờ, ông đến Kỳ Viên và xin gia nhập Giáo đoàn. Ông được bậc Đạo sư truyền Tiểu giới (Sa-di) và Đại giới (Tỷ-kheo), ít lâu sau, ông chứng Thánh quả.

Sau đó, một hôm các Tỷ-kheo bàn tán với nhau trong pháp đường:

– Này Hiền hữu, người kia bị bệnh hoàng đản và thệ nguyện rằng nếu được lành bệnh sẽ sống đời Phạm hạnh. Ông ta đã làm như thế và giờ đây đã đắc Thánh quả.

Bậc Đạo sư bước vào, hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi đây với nhau bàn tán chuyện gì. Sau khi họ thuật lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ riêng người ấy đã làm thế. Xưa kia, các

[30] Bản CST viết *Kāyanibbindajātaka*.

bậc trí giả khi được lành bệnh cũng sống đời Phạm hạnh rồi được phần lợi cho riêng mình.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Ngài lớn lên rồi bắt đầu thu góp của cải, nhưng ngài lại mắc bệnh hoàng đản. Các thầy thuốc cũng không thể làm gì cho ngài được, vợ ngài và cả gia đình cũng hết cả hy vọng. Ngài định rằng nếu được lành bệnh ngài sẽ sống đời tu hành. Thế rồi ngài dùng một thứ gì đó, cảm thấy khỏe rồi lành bệnh. Ngài ra đi, lên dãy Tuyết sơn và trở thành một ẩn sĩ. Ngài tu tập các thắng trí và các thiền chứng, rồi an trú trong thiền lạc. Ngài tự nghĩ: "Từ lâu nay, ta chưa hề được hạnh phúc lớn lao như thế này!" Rồi ngài nói lên niềm cảm hứng:

127. Bị cơn bệnh trầm kha quật xuống,
Ta nằm dài đau đớn sầu bi,
Thân ta chóng héo tàn đi,
Như hoa trên đất khô vì nắng kia.

128. Cao sang cũng như là hèn nhục,
Tinh khiết cùng vẩn đục như nhau,
Kẻ nào mù quáng biết đâu,
Tưởng vùng hư thối là màu đẹp tươi.

129. Thân bệnh hoạn này thời đáng thẹn,
Quá thối hư, bất tịnh mà thôi,
Kẻ cuồng si hễ biếng lười,
Lang thang khắp lối, cõi trời chẳng sinh.

Bậc Đại sĩ diễn tả bằng nhiều tính chất của bất tịnh và của đau khổ thường hằng, rồi chán chê thân xác và tất cả những thành phần của nó, ngài suốt đời tu tập bốn vô lượng tâm cho đến khi tái sanh vào cõi Phạm thiên.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế. Lúc ấy, nhiều vị Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu, v.v... Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ta chính là vị ẩn sĩ ấy.

§294. CHUYỆN CON CHIM ĂN TRÁI ĐÀO
(*Jambukhādakajātaka*)[31] (*J.* II. 438)

Ai đó ngồi cây đào đỏ hồng...

[31] Xem *J.* II. 440, *Antajātaka* (*Chuyện loài hạ liệt*), số §295.

Chuyện này được bậc Đạo sư kể tại Trúc Lâm về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) và Kokālika.

Bấy giờ, khi Devadatta bắt đầu mất vật phẩm cúng dường và thanh danh, Kokālika đi từ nhà này sang nhà khác bảo:

– Trưởng lão Devadatta là dòng dõi Sơ tổ Hoàng đế, thuộc Hoàng tộc Okkāka,[32] là hàng quý tộc đích truyền, đặc tài về mọi kinh điển, sung mãn thần thông, nói năng ngọt ngào, là một luật sư thiên hảo. Hãy cúng dường Trưởng lão, hãy giúp đỡ ngài!

Kokālika ca ngợi về Devadatta bằng những lời như thế. Mặt khác, Devadatta lại ca ngợi Kokālika như sau:

– Kokālika vốn thuộc một gia đình Bà-la-môn ở phía Bắc, ông sống đời tu hành, thâm nhập kinh điển, là một luật sư có tài. Hãy cúng dường ông ấy, hãy giúp đỡ ông ấy!

Họ đi khắp nơi, người này ca ngợi người kia như thế để được nhận đồ ăn của từng nhà. Một hôm, các Tỷ-kheo bắt đầu bàn tán chuyện ấy trong pháp đường:

– Này Hiền hữu, Devadatta và Kokālika đi khắp nơi ca ngợi đức hạnh của nhau trong khi họ chẳng có đức hạnh gì cả, và cứ thế, họ kiếm được lương thực.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn tán việc gì. Nghe họ thuật lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên các người ấy nhận được lương thực bằng cách ca ngợi nhau. Xưa kia, họ cũng đã làm như thế.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một thần cây trong một khu rừng hồng đào kia. Có một con quạ mái đậu trên cành cây của ngài và bắt đầu ăn quả. Một con chó rừng đến, nhìn lên và theo dõi quạ. Nó tự nghĩ: "Nếu ta nịnh tên này thì có lẽ ta sẽ được ăn vài quả đấy!" Vì thế, để nịnh quạ, nó đọc bài kệ đầu:

130. Ai đó ngồi cây đào đỏ hồng,
Giọng ca thanh lịch rót vào lòng,
Dáng thì uyển chuyển như công múa,
Và vẫn ngồi yên, vẫn lặng không!

Quạ lấy làm tự mãn, trả lời bằng bài kệ thứ hai:

131. Kẻ nào gia thế cao sang,
Mới khen kẻ khác là hàng quý cao,

---

[32] Xem *JPTS*. 1888, p. 17.

Chàng cùng mãnh hổ khác nào,
Đến đây, ăn thứ tôi trao tặng chàng!

Đọc xong bài kệ, quạ rung cành cho vài trái rơi xuống. Bấy giờ, vị thần của cây chứng kiến hai con vật đang ăn, sau khi nịnh hót nhau như thế, liền đọc bài kệ thứ ba:

132. Quân nói dối, ta đây rõ quá!
Tên quạ kia, tên chó rừng kia,
Chuyên ăn xác chết thối tha,
Nịnh nhau qua lại nghe ra om sòm!

Đọc xong bài kệ, vị thần cây liền hóa ra một hình thù hung tợn đuổi cả hai con vật kia đi.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, con chó rừng là Devadatta, con quạ là Kokālika, còn vị thần cây kia chính là Ta.

§295. CHUYỆN LOÀI HẠ LIỆT (*Antajātaka*)[33] (*J.* II. 439)

Như chàng bò mộng, tấm thân ông...

Đây là một chuyện nữa do bậc Đạo sư kể tại cùng một nơi, cũng là những người ấy và các tình tiết câu chuyện cũng giống như trên đây.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là thần cây thầu dầu mọc ở gần một ngôi làng kia. Ở trong làng có một con bò già bị chết. Người ta kéo xác bò và ném vào rừng cạnh cổng làng. Một con chó rừng đến ăn thịt xác ấy. Thế rồi, một con quạ cái đến đậu trên cây. Khi thấy chó rừng, quạ tìm cách nịnh hót xem có thể được một vài miếng thịt từ xác bò kia để ăn không. Vì vậy, nó đọc bài kệ thứ nhất:

133. Như chàng bò mộng, tấm thân ông,
Sinh hoạt như sư tử mạnh hùng,
Vinh hiển thay ông, vua các thú,
Đừng quên một miếng tặng tôi cùng.

Nghe thế, chó rừng đọc bài kệ thứ hai:

134. Những ai gia thế trọng cao,
Mới ca ngợi đúng kẻ nào quý sang,
Cổ cô giống cổ chim công,
Quạ ơi, bay xuống mà dùng thịt đây.

---

[33] Xem *J.* II. 438, *Jambukhādakajātaka* (*Chuyện con chim ăn trái đào*), số §294.

Vị thần cây thấy như vậy liền đọc bài kệ thứ ba:

135. Loài thú hèn nhất là chó rừng,
Trong loài chim, quạ bét sau cùng,
Thầu dầu hạ liệt nhất loài mộc,
Ba thứ chung đây, tối hạ tầng!

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là con chó rừng kia, Kokālika là con quạ, vị thần cây ấy là Ta.

§296. CHUYỆN BIỂN CẢ (*Samuddajātaka*) (*J.* II. 441)

Trên sóng biển ai bay qua đó...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về Trưởng lão Upananda. Vị Tỳ-kheo này là kẻ ăn uống quá thô bạo, bao nhiêu cũng không đủ cho ông được, dù cả vài xe thực phẩm cũng chẳng thỏa lòng ông. Trong thời an cư mùa mưa, ông thường sống tại nhiều trú xứ, nơi thì ông để giày dép, nơi thì ông để gậy, nơi thì ông để bình nước, còn ông lại ở một nơi khác. Khi đến viếng một tinh xá ở một vùng quê và thấy các Tỳ-kheo đã đủ sẵn các đồ dùng, ông bắt đầu giảng về bốn loại Sa-môn tri túc rồi lấy y phục của họ, khiến họ lượm đồ rách trong đống rác mà dùng; khiến họ dùng bát đất, cho ông những cái bát kim loại của họ và bất cứ bát nào mà ông thích. Thế rồi ông bỏ các thứ ấy vào một xe rồi mang chúng về Kỳ Viên.

Một hôm, các Tỳ-kheo bắt đầu bàn tán trong pháp đường:

– Này Hiền hữu, Upananda thuộc bộ tộc Thích-ca là một kẻ ăn bạo, một Tỳ-kheo tham lam, đi thuyết pháp cho người ta rồi mang về đầy cả một xe vật dụng của Tỳ-kheo!

Bậc Đạo sư bước vào và muốn biết các Tỳ-kheo đang ngồi bàn tán việc gì. Họ thuật chuyện xong, Ngài dạy:

– Này các Tỳ-kheo, trước khi thuyết giảng về hạnh tri túc, Upananda đã sai lầm rồi! Trước nhất ta phải tiết độ trong tham ái của ta rồi mới ca ngợi đức hạnh của kẻ khác:

Trước tiên an định phần mình,
Rồi sau giảng dạy, khỏi thành nhiễm ô.

Bậc Đạo sư trích lời kệ trên từ *Kinh Pháp cú*,[34] và quở trách Upananda, rồi dạy tiếp:

– Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Upananda tham lam. Xưa kia, ông ta đã nghĩ rằng ngay cả nước biển cũng cần được tiết kiệm kia.

[34] Xem *Dh*. v. 158.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị thần biển. Có một con quạ nước bay qua biển. Nó vừa bay đây đó, vừa la lên cố ngăn chặn các bầy cá, các đàn chim:

– Đừng uống quá nhiều nước biển đấy! Phải giữ gìn nước biển chứ!

Thấy nó như vậy, vị thần biển đọc bài kệ đầu:

136. Trên sóng biển ai bay qua đó?
Ai cố công cản trở thủy loài,
Ngăn đàn cá lội ngoài khơi,
Sợ rằng biển cả sẽ vơi dần dà?

Quạ nghe thế liền trả lời bằng bài kệ thứ hai:

137. Trên thế giới người ta vẫn nói,
Rằng tôi đây uống mãi chẳng vừa,
Ra công uống hết biển kia,
Làm cho biển chúa giang hà cạn khô.

Nghe thế, thần biển đọc bài kệ thứ ba:

138. Dù biển cả có vơi dần nước,
Cũng lại đầy cùng một ngày thôi,
Nào ai làm biển được vơi?
Uống vào nước ấy kể thời thấm chi!

Nói vậy rồi, thần hiện thành một hình thù dữ tợn và đánh đuổi con quạ nước đi.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Upananda là con quạ nước, còn vị thần kia chính là Ta.

§297. CHUYỆN DỤC TÌNH NHẢM NHÍ (*Kāmavilāpajātaka*) (*J.* II. 443)

Chim ơi, bay ở trên trời...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỳ-kheo đau khổ vì thương nhớ người vợ trước kia của ông. Tình tiết câu chuyện được diễn tả ở *Chuyện áo vải màu đỏ*[35] và câu chuyện quá khứ sẽ được kể ở *Chuyện các căn.*[36]

***

Người ấy bị xiên sống trên cọc như vậy. Trong lúc bị treo, anh ta nhìn lên

[35] Xem *J.* I. 498, *Puppharattajātaka* (*Chuyện áo vải màu đỏ*), số §147.

[36] Xem *J.* III. 462, *Indriyajātaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

và thấy một con quạ đang bay qua không gian. Chẳng quản gì đến nỗi đau đớn thống thiết, anh gọi con quạ để gửi lời nhắn nhủ đến cô vợ thân yêu của mình bằng ba bài kệ sau:

139. Chim ơi, bay ở trên trời,
Chim mang cánh nọ, cao vời xa bay,
Vợ tôi, đùi đẹp lắm thay,
Nhắn giùm nàng đã lâu rày phải chăng?

140. Nàng đâu biết tới đao, thương,
Giận hờn, nàng hẳn lắm đường so đo,
Việc kia, tôi sợ, tôi lo,
Chứ không do bị treo giò nơi đây.

141. Áo hoa sen, tôi nay bỏ lại,
Cùng ngọc ngà trên gối nằm kia,
Lụa Ba-la-nại mượt mà,
Để nàng thỏa ý cửa nhà giàu sang.

Anh ta than thở như vậy rồi chết.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế. Và ở phần kết thúc tứ đế, vị Tỷ-kheo ái nhiễm đắc quả Dự lưu. Bấy giờ, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Người vợ thời trước là người vợ bây giờ, còn vị thần chứng kiến sự việc ấy là Ta.

§298. CHUYỆN TRÁI SUNG (*Udumbarajātaka*) (*J.* II. 444)

Sung đã chín trên cây ngon đẹp...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo sống ẩn dật ở biên địa một ngôi làng nọ.

Trú xứ an lạc này nằm trên một phiến đá phẳng tại một gò đất được quét dọn sạch sẽ, có đủ nước để dùng, gần làng tiện cho việc đi vào làng khất thực và tiện cho người dân đến biếu thực phẩm. Một Tỷ-kheo kia trên đường đi ghé lại nơi ấy. Vị trưởng lão sống tại đó tiếp rước người mới đến theo đúng bổn phận của chủ nhân. Ngày hôm sau, trưởng lão mang theo người bạn mới đi khất thực. Người ta cúng dường thực phẩm cho họ và mời họ hôm sau đến nữa. Vị Tỷ-kheo mới đến này, sau vài ngày sống như vậy, liền nghĩ cách đuổi vị Tỷ-kheo kia đi để chiếm lấy chỗ ẩn cư nọ.

Một hôm, ông ta đến thăm vị trưởng lão và bảo:

– Này Hiền giả, có bao giờ Hiền giả đến tham bái đức Phật chưa?

– Ồ, chưa, Hiền giả! Vì không có ai coi sóc túp lều của tôi nếu không thì tôi đã đến lâu rồi!

– Ồ, tôi sẽ coi sóc túp lều trong khi Hiền giả đến tham bái đức Phật.

Trưởng lão nghe nói thế liền ra đi sau khi căn dặn người làng hãy lo chăm sóc vị Tỷ-kheo kia cho đến khi ông trở về. Vị Tỷ-kheo mới đến ấy bày mưu gièm pha trưởng lão bằng cách nói xa gần đến mọi tật xấu của trưởng lão với dân làng.

Vị trưởng lão đi viếng bậc Đạo sư rồi quay trở về. Nhưng vị Tỷ-kheo mới đến không cho ông ghé lại chỗ ở đó nữa. Trưởng lão phải kiếm một chỗ khác để trú ẩn và sáng hôm sau, ông vào làng khất thực. Nhưng người làng lại từ chối cúng dường cho ông. Ông ta buồn nản quá, liền quay trở về Kỳ Viên và kể hết đầu đuôi cho các Tỷ-kheo nghe. Họ bắt đầu bàn tán việc ấy trong pháp đường:

– Này các Hiền hữu, Tỷ-kheo kia đã đuổi Tỷ-kheo nọ ra khỏi trú xứ của vị này để rồi chiếm lấy cho riêng mình!

Bậc Đạo sư bước vào, và muốn biết các Tỷ-kheo đang bàn tán việc gì. Họ kể chuyện cho Ngài nghe. Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên người nọ đuổi người kia ra khỏi trú xứ của vị này.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là một thần cây ở trong rừng. Bấy giờ là mùa mưa, mỗi lần mưa thường kéo dài tới bảy ngày. Một con khỉ nhỏ bé mặt đỏ sống trong một cái hang đá tránh được mưa. Một hôm, nó đang ngồi trước cửa hang, khô ráo và rất sung sướng. Bấy giờ, một con khỉ mặt đen to lớn, ướt đẫm đìa, rã rời vì lạnh, nhìn thấy nó, rồi tự nghĩ: "Làm sao ta có thể đuổi anh bạn kia để sống trong hang của nó nhỉ?" Thế rồi nó trương bụng ra làm như thể mới được ăn no một bữa thịnh soạn, nó dừng lại trước con khỉ kia và đọc bài kệ đầu:

142. Sung đã chín trên cây ngon đẹp,
Khỉ nhà ta được dịp no nê,
Cùng ta đến đó ăn đi,
Bạn ơi, nào phải sợ gì đói đâu?

Khỉ mặt đỏ nghe thế liền tin ngay. Nó muốn có những trái cây ấy để ăn. Vì vậy nó ra đi săn đây kiếm đó vẫn chẳng thấy trái cây nào. Thế là nó quay trở về, và bấy giờ con khỉ mặt đen đã ngồi trong hang rồi! Khỉ mặt đỏ quyết đánh lừa con kia nên đến trước nó đọc bài kệ thứ hai:

143. Hạnh phúc thay kẻ nào cảm phục,
Và tôn sùng những bậc niên cao,

Tôi đây hạnh phúc làm sao,
Bao nhiêu trái ấy ăn vào thỏa thuê!

Con khỉ lớn nghe vậy liền đọc bài kệ thứ ba:

144. Người Hy Lạp gặp nhau sinh chiến,
Khỉ gặp nhau, nghĩ chuyện mưu xa,
Dù cho trẻ nọ tinh ma,
Đời nào lừa bắt chim già được đâu.

Thế là con khỉ mặt đỏ đành bỏ đi.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Tỷ-kheo chủ túp lều kia là con khỉ nhỏ, kẻ đến lấy phần kia là con khỉ đen lớn, còn vị thần cây chính là Ta.

§299. CHUYỆN ẨN SĨ KOMĀYAPUTTA (*Komāyaputtajātaka*) (*J.* II: 447)

Lúc trước đây ngươi thường nghịch phá...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Pubbārāma (Đông Viên) về một số Tỷ-kheo có tư cách thô lỗ, cộc cằn.

Các Tỷ-kheo này ở tầng bên dưới phòng của bậc Đạo sư. Họ cứ đem bàn tán những gì nghe thấy được rồi cãi cọ mắng nhiếc nhau. Bậc Đạo sư gọi Trưởng lão Moggallāna (Mục-kiền-liên) đến và sai đi làm cho họ biết kinh hãi. Trưởng lão bay lên trên không rồi chạm vào nền nhà bằng ngón chân to lớn của ông làm rung động tới cả bờ xa nhất của đại dương. Các Tỷ-kheo ấy sợ chết, vội chạy cả ra ngoài. Các Tỷ-kheo bắt đầu biết tư cách thô lỗ của những kẻ ấy, một hôm đem ra bàn trong pháp đường:

– Này Hiền hữu, có một số Tỷ-kheo đã ẩn cư vào ngôi nhà cứu độ này, lại là những kẻ thô lỗ cộc cằn; họ không thấy sự vô thường, khổ và vô ngã của cuộc đời và cũng chẳng làm bổn phận của họ.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn tán việc gì. Nghe thuật chuyện ấy, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên họ thô lỗ, cộc cằn. Trước kia họ cũng đã như thế.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là con trai của một gia đình Bà-la-môn trong một ngôi làng kia. Người ta gọi tên ngài là Komāraputta. Ít lâu sau, ngài bỏ nhà, đi tu tập trong dãy Tuyết sơn. Có mấy vị khổ hạnh hời hợt đã làm am ẩn dật tại vùng ấy, nhưng họ chẳng dùng phương tiện để phát khởi thiền định. Họ kiếm trái cây trong rừng để ăn rồi suốt ngày cứ

cười đùa, chọc ghẹo nhau. Họ có một con khỉ cung cách cũng thô lỗ như họ, cứ mãi làm cho họ vui bằng cách nhăn mặt và nhảy nhót nhào lộn.

Sau một thời gian dài sống nơi ấy, họ lại đến với dân làng để kiếm muối và các đồ gia vị. Khi họ đi rồi, Bồ-tát đến sống ở trú xứ của họ. Con khỉ lại diễn các trò đùa cho ngài vui như với những người kia. Bồ-tát búng tay chế nhạo nó và cho nó một bài học:

– Kẻ nào sống với những vị khổ hạnh tinh tấn tu tập thì phải có phẩm cách thích hợp, phải có thiện ý trong hành động và phải chuyên tâm quán tưởng.

Sau đó, con khỉ luôn giữ phẩm hạnh tốt và cư xử đúng đắn. Thế rồi Bồ-tát ra đi. Các vị khổ hạnh kia lại trở về mang theo muối và các đồ gia vị. Nhưng con khỉ không còn diễn trò đùa cợt nữa. Họ hỏi:

– Sao thế anh bạn? Sao bạn lại không chơi đùa như bạn vẫn thường làm?

Một người trong bọn họ đọc bài kệ thứ nhất:

145. Lúc trước đây ngươi thường nghịch phá,
Trong lều cùng ẩn giả chúng ta,
Hãy làm trò khỉ như xưa,
Thành người đức hạnh chẳng vừa lòng đây!

Nghe thế, khỉ đọc bài kệ thứ hai:

146. Komāya, bậc thầy trí tuệ,
Tôi đã nghe lời lẽ tuyệt vời,
Tôi nay đã khác xưa rồi,
Giờ đây suy tưởng tôi thời noi theo.

Thế rồi người ẩn sĩ đọc bài kệ thứ ba:

147. Nếu hạt kia người gieo trên đá,
Dù trời mưa, hạt chả nên cây,
Dù ngươi tuệ giác tròn đầy,
Suy tư ngươi chẳng mảy may được nào.

***

Khi kể xong pháp thoại này, Ngài tuyên thuyết tứ đế và nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo này là các ẩn sĩ hời hợt kia, còn Komāyaputta chính là Ta.

§300. CHUYỆN CHÓ SÓI (*Vakajātaka*) (*J*. II. 449)

Chó sói nọ chuyên bắt sống thú...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về tình bạn xưa cũ.

Các tình tiết giống như trong bộ *Luật tạng* (*Vinaya*),[37] đây chỉ là phần trích.

[37] Xem *Mv*. I. 58.

Tôn giả Upasena bấy giờ tu được hai năm, dẫn theo một Tỷ-kheo cùng trong tinh xá mới tu được một năm đến tham bái bậc Đạo sư. Người ấy bị bậc Đạo sư quở trách rồi lui về. Sau đó, ông đạt thiền quán đắc Thánh quả, với hạnh tri túc và các đức tính khác và đã thực hiện mười ba pháp tu tập của một Sa-môn, ông dạy chúng cho các bằng hữu. Khi Thế Tôn an cư ba tháng, ông cùng các Tỷ-kheo đồng trú bị đức Phật quở trách trước tiên vì nói sai và làm không đúng, nhưng lần sau được bậc Đạo sư khen với những lời này:

– Từ nay, hễ Tỷ-kheo nào muốn viếng thăm Ta thì cứ để cho họ đến, miễn là họ thực hiện mười ba pháp tu tập của một Sa-môn.

Được khích lệ như vậy, ông trở về thuật chuyện cho các Tỷ-kheo ấy. Sau đó, các Tỷ-kheo ấy đều theo đúng các hạnh nguyện trước khi đến tham bái bậc Đạo sư.

Thế rồi, khi bậc Đạo sư hết thời kỳ an cư, các Tỷ-kheo liền vứt bỏ các quần áo rách cũ và mặc y phục sạch sẽ. Khi bậc Đạo sư cùng tất cả hội chúng Tỷ-kheo đi quanh các phòng để xem xét, Ngài chú ý tới đồ rách rưới kia đang rải rác đây đó, liền hỏi tại sao. Nghe họ kể lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, việc hành trì của các vị ấy chẳng được lâu dài, cũng giống như việc con chó sói giữ ngày trai giới.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát sinh làm Thiên chủ Sakka (Đế-thích). Bấy giờ, có một con chó sói sống trên một phiến đá cạnh bờ sông Hằng. Nước lũ mùa đông tràn tới vây quanh phiến đá. Con chó sói nằm trên phiến đá, chẳng có gì để ăn và cũng chẳng có cách nào để kiếm đồ ăn cả. Nước cứ dâng lên, và chó sói tự nghĩ: "Đây chẳng có đồ ăn, cũng chẳng có cách gì kiếm được đồ ăn. Ta nằm đây, chẳng biết làm gì cả. Tốt hơn ta nên giữ ngày trai giới (Bố-tát). Thế là nó quyết định giữ ngày trai giới. Nó nằm xuống, trang trọng quyết giữ giới luật.

Đế-thích trong lúc suy xét thấy sự quyết định yếu đuối của con sói, ngài tự nghĩ: "Ta sẽ quấy phá con sói kia." Rồi ngài hóa thành một con dê rừng, tới đứng gần cho con sói trông thấy. "Để hôm khác rồi ta giữ ngày trai giới!" Sói nghĩ vậy khi nhìn thấy dê. Nó đứng lên và vồ lấy dê. Nhưng dê liền nhảy tránh nên sói không chộp được nó. Sói thấy rằng nó không thể bắt con vật kia được, nó chẳng biết làm gì hơn đành quay trở về, nằm xuống lại và tự nghĩ: "Được rồi, dù sao ngày trai giới của ta vẫn không bị phá." Bấy giờ, Đế-thích do thần lực bay lên không và nói:

– Quá thiếu cương quyết như ngươi thì làm sao giữ được ngày trai giới? Ngươi đã không biết ta là Đế-thích và ngươi đã muốn một bữa thịt dê!

Sau khi chế nhạo, khiển trách sói xong, Đế-thích quay về thiên giới:

148. Chó sói nọ chuyên bắt sống thú,
Làm bữa ăn với máu thịt kia,
Một lần phát thành nguyện ra,
Giữ ngày trai giới quyết là chẳng sai.

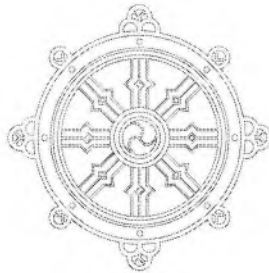
149. Trời Đế-thích biết ngay chuyện ấy,
Hóa thành dê đến đấy thử coi,
Sói kia khát máu vồ mồi,
Hạnh liền ném mất, quên lời nguyện ngay.

150. Người trên thế gian này cũng vậy,
Định việc mà chẳng thấy sức mình,
Sai đường mục đích chẳng thành,
Như khi sói nọ thấy hình dê kia.

***

Khi kể xong pháp thoại này, Ngài liền nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, chính Ta là Đế-thích.



CHƯƠNG IV
BỐN KỆ
(*CATUKKANIPĀTA*)

I. PHẨM HÃY MỞ RA
(*VIVARAVAGGA*)[1]

§301. CHUYỆN TIỂU VƯƠNG KĀLIṄGA (*Cullakāliṅgajātaka*) (*J.* III. 1)

Hãy mở cổng cho các nàng thiếu nữ...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về việc thâu nhận bốn nữ du sĩ ngoại đạo vào Giáo đoàn.

Theo truyền thuyết dòng họ Licchavi, một gia tộc cai trị gồm tới bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy người đều sống tại Vesāli (Tỳ-xá-ly). Họ là những người rất ham thích tranh biện.

Bấy giờ, có một du sĩ theo đạo Kỳ-na, có thể biện thuyết trôi chảy năm trăm đề tài khác nhau. Ông ta đến Vesāli và được đón nhận nồng nhiệt. Một nữ tu Kỳ-na khác cũng có đặc tài như vậy và cũng đến Vesāli. Những người trưởng thượng Licchavi tổ chức một cuộc tranh luận giữa hai người ấy. Khi cả hai đều chứng tỏ là những nhà biện luận đặc tài thì những người Licchavi nghĩ rằng cả hai người chắc chắn sẽ có những đứa con tài giỏi. Thế rồi, họ sắp đặt hôn nhân cho hai người. Bốn con gái và một con trai ra đời do sự kết hợp này.

Các cô gái tên là Saccā, Lolā, Avavādakā và Paṭācārā, còn cậu con trai tên là Saccaka. Năm người con này, khi đến tuổi trưởng thành đã học được một ngàn đề tài khác nhau, năm trăm đề tài do mẹ dạy và năm trăm do cha dạy. Hai vợ chồng căn dặn các con gái như sau:

– Nếu có người tại gia nào bài bác được các đề tài của các con thì các con hãy làm vợ người ấy, còn nếu một tu sĩ đánh bại các con thì các con hãy tôn vị ấy làm thầy!

Sau đó, hai vợ chồng chết đi. Chàng Kỳ-na Saccaka tiếp tục sống tại nơi ấy ở Vesāli, học tập kiến thức của dòng họ Licchavi; còn bốn chị em chàng cầm trong tay một cành hồng đào nhàn du đây đó, từ thành phố này sang thành phố

---

[1] Bản Tích Lan viết *Vivaravagga*, nghĩa là *Phẩm Hãy mở ra*. Bản CST viết *Kāliṅgavagga*, nghĩa là *Phẩm Kāliṅga*.

khác để tranh luận. Cuối cùng họ đến Xá-vệ. Họ cắm cành đào ở cổng thành và bảo mấy cậu trai ở đó:

– Nếu có người đàn ông nào, dù là cư sĩ hay tu sĩ, tranh luận ngang ngửa với chúng tôi về một đề tài thì cứ việc đá tung đống đất này và giẫm lên cành cây này.

Nói xong, họ vào thành để nhận đồ bố thí.

Bấy giờ, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất), sau khi đã quét tước sạch sẽ những nơi cần thiết, đổ nước vào các bình và săn sóc các người bệnh, liền đi vào Xá-vệ để khất thực. Khi trông thấy và nghe kể về cành cây kia, Tôn giả bảo các cậu trai hạ nó xuống và giẫm lên. Tôn giả nói:

– Bảo với mấy người trồng cành cây này rằng khi họ đã dùng bữa xong, hãy đến gặp ta tại căn phòng có nóc nhọn trên cổng tinh xá Kỳ Viên!

Thế rồi, Tôn giả vào thành. Sau khi dùng bữa xong, Tôn giả đứng trong căn phòng phía trên cổng tinh xá. Các nữ tu sĩ khổ hạnh, sau khi đi khất thực về, trông thấy cành cây bị giẫm lên. Họ hỏi ai đã làm như thế và được các cậu trai kia bảo rằng chính là Tôn giả Sāriputta, rằng nếu họ muốn tranh luận thì cứ đến căn phòng phía trên cổng tinh xá.

Họ quay trở lại thành phố, theo sau họ là một đám đông người đến tháp cổng tinh xá. Sau đó, họ đưa ra cho Tôn giả Sāriputta một ngàn đề tài. Tôn giả giải đáp mọi khó khăn khúc mắc của các đề tài ấy và sau đó hỏi xem họ còn biết gì nữa không. Họ trả lời:

– Thưa ngài, không còn gì nữa!

Tôn giả nói:

– Thế thì ta sẽ hỏi các ngươi một điều.

Họ đáp:

– Thưa ngài, xin ngài cứ hỏi, nếu chúng tôi biết, chúng tôi sẽ trả lời.

Tôn giả Sāriputta đưa ra một câu hỏi. Họ không trả lời được, Tôn giả liền giải đáp cho họ. Sau đó, họ bảo:

– Chúng tôi đã thua rồi, phần thắng đã về ngài.

Tôn giả hỏi:

– Các người sẽ tính sao đây?

Họ đáp:

– Cha mẹ chúng tôi có khuyên dạy như vầy: "Nếu một cư sĩ tranh luận đánh bại được các con, các con hãy làm vợ người ấy; nhưng nếu đó là một tu sĩ thì các con hãy tôn vị ấy làm thầy." Do đó, xin ngài nhận chúng tôi vào đời sống Phạm hạnh!

Tôn giả Sāriputta chấp thuận và đưa họ vào nhà của Tỳ-kheo-ni tên gọi là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc). Cả bốn người ấy chẳng bao lâu đều đạt Thánh quả.

Thế rồi một hôm, các Tỷ-kheo bắt đầu bàn tán việc ấy trong pháp đường. Họ bảo rằng Tôn giả Sāriputta đã cho bốn nữ ngoại đạo ấy chỗ an trú như thế nào, rằng nhờ Tôn giả mà cả bốn đều đạt Thánh quả ra sao. Khi bậc Đạo sư đến và nghe họ bàn tán, Ngài dạy:

– Không phải chỉ ngày nay mà từ xưa kia, Sāriputta đã cho bốn người ấy chỗ an trú. Ngày nay, ông đưa họ vào đời sống Phạm hạnh, còn ngày xưa, ông đưa họ lên ngôi chánh hậu.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Kāliṅga đang trị vì tại thành phố Dantapura trong vương quốc Kāliṅga, Assaka làm vua thành Potali trong xứ Assaka. Bấy giờ, Vua Kāliṅga có một quân đội tinh nhuệ và chính ông cũng mạnh như con voi nhưng ông chẳng tìm thấy ai có thể đánh nhau với ông được. Quá khao khát được đánh nhau, ông bảo các đại thần:

– Ta muốn chiến đấu nhưng chẳng tìm được ai có thể chiến đấu với ta cả.

Các đại thần nói:

– Tâu Đại vương, có một cách cho ngài. Ngài có bốn cô con gái đẹp tuyệt trần, ngài hãy bảo họ trang sức ngọc ngà và bảo họ ngồi trong một chiếc xe đóng kín rồi cho một đạo quân hộ tống đi từng làng, từng thành phố, từng kinh đô. Nếu có vị vua nào muốn đưa họ vào hậu cung thì chúng ta sẽ đánh nhau với ông ta.

Vua nghe theo ý kiến ấy. Nhưng đoàn người đi đến xứ nào, vua xứ ấy cũng sợ họ vào thành phố, liền gởi tặng vật và xin họ đóng quân ở bên ngoài tường thành. Cứ thế, họ đi ngang dọc khắp nước Ấn Độ cho đến khi tới thành Potali trong xứ Assaka. Nhưng Vua Assaka cũng đóng chặt cửa thành và chỉ gửi cho họ một tặng vật.

Bấy giờ, vua xứ này có một đại thần rất thông minh, đa tài và nhiều mưu lược tên là Nandisena. Nandisena tự nghĩ: "Người ta bảo rằng các công chúa này đã đi khắp nước Ấn Độ mà không tìm được ai chịu chiến đấu để chiếm lấy họ. Nếu đúng như thế thì Ấn Độ chỉ là cái tên rỗng. Ta sẽ chiến đấu với Vua Kāliṅga." Thế rồi, ông ta đến bảo các lính gác mở cổng thành cho họ vào và đọc vần kệ đầu:

1. Hãy mở cổng cho các nàng thiếu nữ,
Chúng ta đây đã giữ chắc được thành,
Nandisena sức lực vững vàng,
Sư tử của Vua Aruṇa đó.

Nandisena nói như thế để sai mở cổng thành, rồi đưa các cô gái đến ra mắt Vua Assaka. Ông nói với vua:

– Đại vương chớ sợ. Nếu phải chiến đấu, thần xin lo liệu. Hãy cho các công chúa xinh đẹp này làm chánh hậu!

Thế rồi, ông xức nước thánh cho họ để tôn họ lên ngôi hoàng hậu. Ông cho các người hầu ra về, dặn họ bảo với Vua Kāliṅga rằng các con gái của ông đã được làm chánh hậu. Khi người hầu về kể lại, Vua Kāliṅga bảo:

– Ta đoán rằng ông ấy chẳng biết ta mạnh như thế nào.

Liền đó, vua đốc suất một đạo quân lớn. Nandisena nghe ông đến gần, liền gởi sứ điệp như vầy:

– Kāliṅga hãy dừng chân, đừng lấn vào đất của chúng ta, và trận chiến sẽ xảy ra ở biên thùy của hai nước!

Vua Kāliṅga nhận được sứ điệp liền dừng lại ở ranh giới nước ông. Assaka cũng giữ quân của mình ở phía bên này ranh giới.

Bấy giờ, Bồ-tát đang theo đời tu khổ hạnh và sống ẩn dật trên một khoảng đất nằm giữa hai vương quốc. Vua Kāliṅga tự nghĩ: "Những nhà tu này là những người thông tuệ. Ai bảo rằng giữa hai bên, kẻ nào sẽ thắng, kẻ nào sẽ bại? Ta sẽ đi hỏi nhà tu kia." Thế là ông giả trang đi gặp Bồ-tát và kính cẩn ngồi một bên ngài. Sau khi chào hỏi, chúc tụng theo thông lệ, vua bảo:

– Thưa Tôn giả, Kāliṅga và Assaka, mỗi bên đều dàn quân lực ở biên thùy hai nước, chờ đánh nhau. Giữa hai bên, ai sẽ thắng, ai sẽ thua?

Bồ-tát trả lời:

– Thưa Đại vương, bên này sẽ thắng bên kia sẽ thua. Tôi không thể nói cho ngài biết gì hơn nữa. Nhưng Thiên chủ Đế-thích, vua của cõi trời sẽ đến đây. Tôi sẽ hỏi Thiên chủ và sẽ cho ngài biết nếu ngày mai ngài trở lại đây.

Khi Đế-thích đến tham bái Bồ-tát. Ngài nêu câu hỏi kia, Đế-thích trả lời:

– Kính thưa Tôn giả, Kāliṅga sẽ thắng, Assaka sẽ thua. Có những triệu điềm sẽ báo trước sự việc ấy.

Hôm sau, Vua Kāliṅga đến và lặp lại câu hỏi ấy. Bồ-tát đưa ra câu trả lời của Đế-thích. Bấy giờ, Vua Kāliṅga chẳng cần hỏi những triệu điềm ấy sẽ là gì, tự nghĩ: "Họ bảo rằng ta sẽ thắng." Rồi ông trở về, hoàn toàn thỏa mãn. Tin đồn lan ra. Khi Vua Assaka nghe được, liền cho mời Nandisena đến và nói:

– Người ta bảo rằng Kāliṅga sẽ thắng và chúng ta sẽ thua. Phải làm sao đây?

Nandisena trả lời:

– Thưa Đại vương, ai biết được điều ấy? Xin ngài chớ lo lắng về người nào sẽ thắng người nào sẽ thua.

Ông trấn an vua xong, liền đến gặp Bồ-tát, kính cẩn ngồi xuống một bên và hỏi:

– Kính thưa Tôn giả, ai sẽ thắng, ai sẽ bại?

Bồ-tát trả lời:

– Kāliṅga sẽ thắng và Assaka sẽ bị đánh bại.

Nandisena hỏi:

– Kính thưa Tôn giả, điềm gì sẽ thuộc người thắng và điềm gì thuộc kẻ bại?

Bồ-tát đáp:

– Thưa ngài, thần bảo hộ của kẻ thắng sẽ là một con voi đực toàn trắng, còn thần bảo hộ của người bại sẽ là một con voi đực toàn đen. Hai vị thần bảo hộ của hai vị vua ấy sẽ đánh nhau và sẽ có bên thắng, bên bại.

Nghe thế, Nandisena đứng dậy rồi đi họp các bạn đồng minh của Vua Assaka lại. Họ gồm khoảng một ngàn người và tất cả đều là những chiến sĩ. Ông đưa họ lên một ngọn núi gần đó và hỏi họ:

– Các người có chịu hy sinh đời mình cho đức vua không?

Họ đáp:

– Thưa ngài, chúng tôi sẵn lòng.

– Thế thì các người hãy gieo mình xuống dốc núi này đi.

Khi họ định làm theo lời ấy thì Nandisena ngăn họ lại và nói:

– Không cần phải thế. Các người tỏ ra là những người bạn trung kiên của đức vua và hãy dũng cảm chiến đấu vì ngài.

Tất cả đều thề sẽ làm như thế. Khi chiến trận sắp bắt đầu, Vua Kāliṅga vẫn yên chí ông sẽ thắng. Quân lính của ông cũng nghĩ: "Phần thắng sẽ về ta." Thế là họ mặc áo giáp, sắp xếp đội hình rời rạc, rồi mạnh ai nấy tiến lên. Đến lúc cần phải dốc toàn lực thì họ không thể nào làm được.

Rồi cả hai vua leo lên lưng ngựa xáp vào định đánh nhau. Còn hai vị thần bảo hộ của họ thì đánh nhau phía trước họ. Thần của Kāliṅga hiện hình là một con voi đực toàn trắng, còn thần của vua kia là một con voi đực toàn đen, cả hai cũng xáp gần nhau và đang đánh nhau. Nhưng chỉ riêng hai vua trông thấy hai con voi ấy, ngoài ra chẳng ai trông thấy được chúng. Bấy giờ, Nandisena hỏi Vua Assaka:

– Tâu Đại vương, Đại vương có trông thấy hai vị thần bảo hộ không?

Vua đáp:

– Có, ta có trông thấy họ.

Ông hỏi:

– Trông họ thế nào?

– Thần bảo hộ của Kāliṅga hiện hình là một con voi đực trắng, còn thần của chúng ta hiện hình một con voi đen và có vẻ đang nguy khốn.

– Xin Đại vương đừng sợ, chúng ta sẽ thắng và Vua Kāliṅga sẽ thua. Ngài chỉ cần xuống khỏi con ngựa Sindh khôn lanh của ngài và cầm lấy cây thương này, rồi dùng tay trái đấm một cú vào sườn nó. Thế rồi, ngài cùng với một ngàn người này xông ào lên. Ngài sẽ dùng cây thương đâm vào thần bảo hộ của Vua Kāliṅga cho ngã xuống. Trong lúc ấy, chúng tôi với một ngàn cây thương sẽ

đâm vào thần ấy. Thế là thần bảo hộ của Kāliṅga sẽ chết, Kāliṅga sẽ thua và chúng ta sẽ thắng.

Vua trả lời:

– Được rồi!

Khi Nandisena ra hiệu, vua dùng cây thương đâm vào thần bảo hộ của Kāliṅga cùng lúc với các vị triều thần đâm một ngàn cây thương kia. Thần bảo hộ của Vua Kāliṅga chết ngay tại chỗ. Khi ấy, Vua Kāliṅga bị thua, phải bỏ chạy. Thấy thế, một ngàn người kia la lớn lên:

– Kāliṅga đã bỏ chạy.

Kāliṅga sợ chết, vừa khi chạy thoát, ông đến trách cứ nhà tu khổ hạnh và đọc bài kệ thứ hai:

2. Quân Kāliṅga kiên cường thắng lợi,
Quân Assaka thất bại ê chề?
Ẩn giả ơi, ngài đã nói tôi nghe,
Người chân thật chớ bao giờ nói dối.

Khi Vua Kāliṅga chạy trốn, ông đến trách cứ vị ẩn sĩ như vậy, rồi từ chiến trận, ông chạy thẳng một mạch về kinh đô của mình, chẳng dám ngoảnh lại một lần.

Ít ngày sau, Đế-thích đến thăm vị ẩn giả. Nhà tu khổ hạnh nói với Thiên chủ bài kệ thứ ba:

3. Quý nhất của thần linh là chân thật,
Các vị thần chẳng chịu nói sai ngoa,
Thế mà nay, ngài nói dối, Sakka,
Xin ngài nói lý do cho tôi biết.

Nghe thế, Đế-thích đọc bài kệ thứ tư:

4. Bà-la-môn, há chẳng nghe,
Thần linh nào chẳng yêu vì hùng anh?
Những người dũng cảm, to gan,
Ở nơi chiến trận chiếm phần thắng ngay,
Kiên cường mạo hiểm dạn dày,
Assaka thắng trận này đúng thôi.

Sau cuộc đào tẩu của Vua Kāliṅga, Vua Assaka trở về kinh thành của mình với nhiều chiến lợi phẩm. Nandisena gởi một sứ điệp cho Vua Kāliṅga bảo vua ấy phải gởi phần hồi môn cho bốn công chúa. Ông còn thêm:

– Nếu không ta sẽ biết cách đối xử với ông ta.

Vua Kāliṅga nghe thế, vội báo rằng ông sẽ gởi phần xứng đáng cho họ. Thế là từ đó về sau, hai vua sống thân hữu với nhau.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, bốn nữ du sĩ trẻ tuổi kia là các con gái của Vua Kāliṅga, Sāriputta là Nandisena, còn Ta chính là vị ẩn sĩ.

§302. CHUYỆN ĐẠI KỴ SĨ (*Mahāassārohajātaka*) (*J.* III. 8)

Giúp cho kẻ dại người ngoa...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về Trưởng lão Ānanda.

Các tình tiết đưa đến câu chuyện đã được trình bày trước kia. Bậc Đạo sư dạy:

– Ngày xưa cũng thế, các trí giả hành động theo nguyên tắc một nghĩa cử đáng được đền đáp.

Rồi Ngài kể cho họ nghe một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, Bồ-tát là vua xứ Ba-la-nại, cai trị công chính, bố thí và giữ đúng luật lệ đạo đức. Để dẹp yên một vụ rối loạn ở biên thùy, ngài đốc suất một lực lượng quân lớn, nhưng bị thất bại, ngài lên ngựa chạy mãi cho tới khi ngài tới một ngôi làng ở biên địa. Bấy giờ, có ba mươi người dân trung thành sống ở đó. Họ đã họp nhau lại từ rất sớm tại trung tâm ngôi làng để làm công việc. Ngay lúc ấy, vua cỡi con ngựa có mặc giáp với đầy đủ trang phục và tiến đến gần cổng làng. Mọi người đều sợ hãi và nói:

– Gì thế kia?

Rồi ai nấy đều chạy về nhà mình, chỉ còn một người không chạy về nhà, đến đón tiếp vua. Ông ta kể cho người khách lạ hay rằng ông nghe nói vua đã ra tới biên thùy và hỏi khách là kẻ bảo hoàng hay là kẻ phiến loạn. Vua bảo:

– Thưa ngài, tôi theo đức vua.

– Thế thì hãy theo tôi!

Ông ta nói thế rồi dẫn vua về nhà ông, bảo vua ngồi vào chỗ của riêng mình. Ông nói với vợ:

– Hãy rửa chân bạn của chúng ta!

Khi bà vợ làm theo lời ông xong, ông dâng vua đồ ăn ngon nhất mà ông có thể làm được, rồi chuẩn bị sẵn giường cho vua, bảo vua nghỉ một chốc. Vua nằm xuống giường, rồi ông chủ nhà cởi giáp ngựa thả nó ra, cho nó uống nước, ăn cỏ và lấy dầu lau rửa nó. Ông săn sóc vua ba bốn ngày chu đáo như thế, rồi vua bảo:

– Này bạn, bây giờ tôi đi đây.

Người chủ lại làm đủ mọi việc để chuẩn bị cho vua và con ngựa của ngài. Sau khi dùng bữa xong và sắp từ giã, vua nói:

– Người ta gọi tôi là Đại kỵ sĩ. Nhà tôi ở tại trung tâm thành phố. Nếu khi

nào bạn có công việc gì đến đó, hãy đứng ở cái cửa bên tay phải và hỏi người gác cổng rằng Đại kỵ sĩ ở chỗ nào, rồi hãy cùng người ấy đến nhà tôi.

Nói xong vua lên đường. Bấy giờ, đạo quân kia không thấy vua ở đâu, vẫn đóng trại ở bên ngoài thành. Nhưng khi thấy được vua, họ đến đón tiếp ngài rồi hộ tống ngài về. Khi vào thành, vua đứng ở lối vào cổng, gọi người gác cổng và ra lệnh cho mọi người lui ra. Ngài bảo:

– Này bạn, có một người kia sống tại một làng ở biên địa sắp đến đây để mong được gặp ta. Người ấy sẽ hỏi nhà của Đại kỵ sĩ ở đâu. Hãy dắt tay người ấy và dẫn đến ra mắt ta. Làm xong việc bạn sẽ có một ngàn đồng.

Nhưng rồi người kia mãi không đến. Vua tăng thuế ở ngôi làng mà ông sống. Thuế đã lên cao vẫn không thấy ông ta đến. Vì thế, vua lại tăng thuế lần thứ hai, rồi lần thứ ba, ông ta vẫn không đến. Bấy giờ, dân làng ấy họp nhau lại và nói với ông ta:

– Thưa ông, từ khi kỵ sĩ kia đến với ông, chúng ta bị sưu thuế đè nặng đến nỗi chúng ta không cất đầu lên được. Ông hãy đến gặp Đại kỵ sĩ để nhờ ông ta làm đỡ bớt gánh nặng cho chúng ta.

Ông ta đáp:

– Được rồi, tôi sẽ đi. Nhưng tôi không thể đi với tay không đâu đấy! Bạn tôi có hai đứa con trai, vậy các người hãy chuẩn bị đồ trang sức, quần áo cho vợ con bạn tôi và cho cả chính anh ta nữa.

– Tốt lắm!

Họ trả lời rồi chuẩn bị đầy đủ mọi thứ để làm quà tặng.

Người chủ nhà kia mang cả quà tặng ấy cùng với một cái bánh rán tại nhà ông. Khi ông đến cửa bên tay phải, ông hỏi người gác cổng xem nhà của Đại kỵ sĩ ở đâu. Người gác cổng đáp:

– Hãy lại đây, tôi sẽ chỉ cho.

Rồi người gác cổng dắt ông tới cổng cung vua và nhắn:

– Người gác cổng đã đến và mang theo người đàn ông trú tại ngôi làng ở biên địa.

Vua nghe thế liền đứng dậy và nói:

– Hãy để cho bạn ta vào cung cùng các thứ ông mang theo.

Rồi ngài ra đón tiếp và ôm lấy ông. Sau khi hỏi thăm vợ con ông ta, ngài dắt tay ông bước lên bệ, đưa ông ngồi vào ngai dưới cây lọng trắng. Ngài gọi chánh hoàng hậu đến và bảo:

– Hãy rửa chân cho bạn ta!

Thế là hoàng hậu rửa chân cho ông. Trong khi hoàng hậu rửa chân ông xong, vua tưới nước trong một cái bình bằng vàng rồi xức dầu thơm vào chân ông ta. Vua hỏi:

– Bạn có gì cho chúng ta ăn không?

Ông ta đáp:

– Thưa ngài, có.

Rồi ông lấy bánh trong xách ra. Vua nhận bánh bỏ vào một cái đĩa bằng vàng và để tỏ lòng biết ơn, vua bảo:

– Hãy ăn các thứ bạn ta mang đến!·

Rồi ngài lấy bánh cho hoàng hậu, các đại thần và chính ngài cũng ăn bánh ấy. Sau đó, người khách lạ mang tặng vật khác ra. Vua muốn chứng tỏ ngài rất vui lòng nhận quà, liền cởi bỏ y phục lụa gấm của ngài ra và mặc vào bộ quần áo do ông ta mang tới. Hoàng hậu cũng bỏ áo lụa ra một bên rồi mặc áo và đồ trang sức do ông mang tới cho bà. Rồi vua dọn cho ông thức ăn dành cho vua, và gọi một đại thần đến bảo:

– Hãy đến cắt tỉa râu của ông ta như kiểu của ta vậy và để ông tắm trong bồn tắm nước hoa. Sau đó, cho ông ta mặc một chiếc áo giá trị một trăm ngàn đồng, trang sức cho ông ta theo cách vương giả rồi đưa ông ta đến đây!

Mọi sự đều được thi hành theo như thế. Vua cho đánh trống trong thành, họp các triều thần lại rồi cho may một sợi chỉ bằng châu sa thuần chất xuyên qua chiếc lọng trắng. Vua nhường cho ông ta một nửa vương quốc của mình. Từ đó, hai vị cùng ăn uống, ở chung với nhau và trở thành đôi bạn vững bền, bất ly.

Thế rồi vua cho mời vợ ông ta và gia đình đến, xây cho họ một ngôi nhà trong thành phố. Vua và người ấy lãnh đạo vương quốc thật hài hòa, tuyệt hảo. Bấy giờ, các đại thần tức giận đến và nói với thái tử:

– Thưa Điện hạ, đức vua cho người gia trưởng kia một nửa vương quốc. Ngài ăn uống và ở chung với ông ta, ra lệnh cho chúng ta phải kính chào các con của ông ta. Ông ta đã làm gì cho đức vua, chúng ta cũng chẳng rõ. Sao đức vua lại làm thế chứ? Chúng tôi cảm thấy thật hổ thẹn. Xin ngài hãy tâu chuyện với đức vua xem!

Thái tử chấp thuận ngay và tâu lại hết các lời trên cùng vua và nói:

– Tâu Đại vương, ngài chớ làm như thế.

Vua bảo:

– Con ơi, con có biết sau khi bại trận, ta đã trú ở đâu không?[2]

Thái tử đáp:

– Tâu phụ vương, con không biết.

Vua nói:

– Ta đã sống trong nhà của người này, và khi sức khỏe bình phục ta trở về và tiếp tục trị vì, làm sao ta lại không ban vinh dự cho ân nhân của ta chứ?

---

[2] Xem *J.* II. 23, *Guṇajātaka* (*Chuyện công đức*), số §157.

Rồi Bồ-tát nói tiếp:

– Con ạ, kẻ nào không cho kẻ xứng đáng cho thì khi kẻ ấy lâm hoạn nạn, chẳng được ai giúp đỡ.

Và để nêu rõ đạo lý ấy, ngài đọc các bài kệ sau:

5-8. Giúp cho kẻ dại người ngoa,
Đến khi khẩn cấp, ai mà cứu cho?
Thi ân cho kẻ hiền hòa,
Đến khi khẩn cấp, người đà giúp ngay.
Bao nhiêu công của dù dày,
Giúp cho kẻ xấu cũng tày như không.
Những ai là kẻ có lòng,
Ta tuy giúp ít mà công được bền.
Một lần việc nghĩa gây nên,
Ngai vàng xứng giá đáp đền cung nghênh.
Như từ mầm nhỏ trái sanh,
Từ hành vi tốt, hiển vinh đời đời.

Nghe thế, các đại thần và thái tử trẻ tuổi kia chẳng biết trả lời sao cả.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, chính Ānanda là người trú ở ngôi làng biên địa kia, còn Ta là vua xứ Ba-la-nại.

§303. CHUYỆN VỊ THÁNH VƯƠNG (*Ekarājajātaka*)[3] (*J.* III. 13)

Xưa Đại vương sống trong vương quốc...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một cận thần của vua xứ Kosala. Các tình tiết đưa đến câu chuyện đã được kể trong *Chuyện điều tốt hơn.*[4]

Lần này, bậc Đạo sư dạy:

– Ông chẳng phải là người độc nhất tạo được cái tốt từ trong cái xấu, các trí giả ngày xưa cũng đã tạo được cái tốt từ trong cái xấu.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, một quan cận thần của vua xứ Ba-la-nại phạm tà hạnh trong hậu cung của vua. Sau khi chính mắt chứng kiến lỗi lầm của ông, vua đuổi ông ra

---

[3] Xem *Cp.* 97, *Kapirājacariya* (*Hạnh của con khỉ chúa*).

[4] Xem *J.* II. 39, *Seyyajātaka* (*Chuyện điều tốt hơn*), số §282.

khỏi vương quốc. Ông ta đã đầu phục vua xứ Kosala tên là Dabbasena như thế nào, tất cả đều đã được kể trong *Chuyện Vua Sīlavā vĩ đại.*[5]

Nhưng trong chuyện này, Dabbasena bắt vua xứ Ba-la-nại khi vua đang ngồi trên ngai, giữa đám triều thần, rồi trói ngài và treo ngược đầu bằng một sợi dây mắc vào thanh cửa. Vua vẫn phát triển lòng từ đối với ông vua phản nghịch kia và nhờ định lực tinh tấn, ngài nhập trạng thái thiền định, làm bung các dây trói và ngồi kiết-già trên không. Ông vua phản loạn bị tấn công bởi cơn đau đốt cháy cả thân xác, lăn lộn trên đất và la:

– Ta bị đốt cháy, ta bị đốt cháy!

Khi ông hỏi các triều thần tại sao như thế thì họ trả lời:

– Đó là vì ông vua mà ngài treo ngược đầu xuống bằng một sợi dây mắc ở thanh cửa kia là một người vô tội và là một vị Thánh nhân.

Vua liền phán:

– Hãy thả vua ấy ra nhanh lên!

Quân hầu đến đó và thấy vua ấy đang ngồi kiết-già trên hư không, liền trở về kể lại cho Vua Dabbasena. Thế là vua này vội vã chạy đến cúi mình xin lỗi vị vua kia và đọc bài kệ đầu:

9. Xưa Đại vương sống trong vương quốc,
Hưởng bao nhiêu hạnh phúc, ai bằng!
Mặt ngài sao quá khinh an,
Giữa cơn địa ngục nhọc nhằn đớn đau?

Nghe thế, Bồ-tát đọc tiếp các bài kệ còn lại:

10. Xưa ta đã nguyện cùng trời đất,
Nhập vào hàng ẩn dật, chẳng dừng.
Ta nay vinh hiển sáng lừng,
Mặt ta há lại ra tuồng héo hon?

11. Đạt cứu cánh, ta tròn bổn phận,
Vua thù ta còn hận ta đâu?
Vinh danh, ta đạt mong cầu,
Mặt ta há lại đổi màu xấu xa?

12. Khi vui sướng chuyển ra khổ cực,
Kẻ bền lòng, lọc được an khang,
Khổ, vui nào phải hai đàng,
Khi người đời đạt Niết-bàn tịch không.

Nghe kệ xong, Dabbasena xin Bồ-tát tha thứ và thưa:

– Xin ngài hãy trị dân của chính ngài và tôi sẽ đánh đuổi bọn phiến loạn đối nghịch chống lại ngài!

---

[5] Xem *J.* I. 261, *Mahāsīlavajātaka* (*Chuyện Vua Sīlavā vĩ đại*), số §51.

Sau khi trừng phạt ông quan gian ác kia, Vua Dabbasena trở về xứ. Nhưng Bồ-tát lại trao vương quốc cho các đại thần rồi sống đời khổ hạnh của một ẩn sĩ và sau đó tái sanh vào cõi Phạm thiên.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ānanda là Dabbasena, còn Ta là vua xứ Ba-la-nại.

§304. CHUYỆN RẮN THẦN DADDARA (*Daddarajātaka*) (*J.* III. 15)

Daddara, ai mà chịu nổi...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo giận dữ. Các tình tiết đã được kể trước đây.

Ở đây, khi các Tỷ-kheo đang bàn tán tại pháp đường về tính sân si của Tỷ-kheo ấy thì bậc Đạo sư đến. Ngài hỏi và khi được nghe thuật lại, Ngài cho gọi Tỷ-kheo ấy đến và hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thực rằng ông đã sân si như họ bảo không?

Vị ấy trả lời:

– Vâng, bạch Thế Tôn, đúng như thế.

Bậc Đạo sư dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa ông này cũng đã rất sân si, và do thái độ sân si của ông ta, các trí giả xưa kia mặc dầu vẫn sống cuộc đời hoàn toàn trong sạch của những hoàng tử rắn thần (*nāga*), đã phải sống ba năm nơi đống rác dơ bẩn.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, dòng giống rắn thần trú ở chân núi Daddara trong vùng Tuyết sơn. Bồ-tát sanh ra là con trai của Sūradaddara, vua xứ ấy. Ngài tên là Mahādaddara và có một em trai tên là Culladaddara có tính sân si, hung dữ, thường la mắng đánh đập các nàng long nữ. Vua rắn thần nghe nó hung dữ như thế, liền đuổi nó ra khỏi xứ nāga. Nhưng Mahādaddara xin cha tha thứ cho em và cứu em khỏi bị đuổi. Lần thứ hai, đứa em lại bị vua giận, và cũng được anh xin vua tha thứ cho. Nhưng đến lần thứ ba, vua bảo:

– Ngươi cứ ngăn ta đuổi đứa vô tích sự này mãi; bây giờ, cả hai chúng bây phải rời khỏi xứ nāga mà đến sống ba năm trên một đống rác ở Ba-la-nại.

Vua đuổi cả hai ra khỏi xứ nāga, và hai anh em đến sống tại Ba-la-nại. Khi bọn trẻ trong làng thấy chúng đang kiếm ăn trong một rãnh nước vây quanh đống rác thì bọn này lập tức đánh chúng, lấy đất đá, que gậy ném chúng, dùng ná, nỏ bắn chúng và la lên:

– Cái gì thế kia, mấy con rắn nước đầu to, đuôi nhỏ như kim?

Rồi chúng nói đủ lời mắng nhiếc. Culladaddara do bản tính giận dữ sân si, không thể chịu được sự vô lễ như thế, liền nói:

– Anh ơi, bọn trẻ này nhạo báng chúng ta. Chúng không biết rằng chúng ta là rắn có nọc độc. Em không thể chịu sự xúc phạm của chúng đối với chúng ta như thế. Em sẽ phun hơi ra và giết chúng.

Rồi nó đọc bài kệ đầu để nói với anh nó:

13. Daddara, ai mà chịu nổi,
Chúng nhiếc ta: "Ăn nhái, ở bùn."
Bọn kia khờ dại đáng thương,
Trước nanh rắn độc, dám nhờn mặt sao?

Nghe thế, Mahādaddara đọc tiếp phần kệ sau:

14-16. Kẻ lưu đày bị vào chốn lạ,
Phải chịu bao nhục mạ tân toan.
Bậc hàng giai cấp ta mang,
Hạnh hiền đức độ há từng ai hay?
Kẻ ngu muốn tỏ bày ra dáng,
Rằng ta đây là hạng cao vời.
Trong nhà dù sáng như trời,
Ra ngoài phải chịu đựng người hạ lưu.

Cả hai anh em sống nơi đó ba năm. Thế rồi, vua cha gọi chúng về nhà. Từ đó, lòng tự phụ của Culladaddara giảm hẳn đi.

***

Khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, vị Tỷ-kheo giận dữ kia đắc quả Bất lai. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, vị Tỷ-kheo giận dữ này là Culladaddara, còn Ta là Mahādaddara.

§305. CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC (*Sīlavīmaṁsanajātaka*) (*J.* III. 18)

Thật ra chẳng việc nào tội lỗi...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về sự chê trách tội lỗi. Các tình tiết sẽ được kể trong chương XI, *Chuyện ngụm nước uống*.[6] Sau đây là phần tóm tắt.

Năm trăm Tỷ-kheo sống ở Kỳ Viên, gần đến lúc nửa đêm hôm ấy, đi sâu vào cuộc thảo luận về dục lạc. Bấy giờ, bậc Đạo sư vẫn luôn luôn trông chừng các Tỷ-kheo suốt sáu thời khắc của đêm ngày, giống như kẻ chột cẩn thận giữ gìn con mắt còn lại của mình, như người cha chăm sóc đứa con một, như con trâu rừng giữ kỹ cái đuôi của nó. Giữa đêm khuya, do thiên nhãn, Ngài quan sát

[6] Xem *J.* IV. 113, *Pānīyajātaka* (*Chuyện ngụm nước uống*), số §459.

khắp Kỳ Viên và chứng kiến việc các Tỷ-kheo bàn thảo kia, tựa như bọn cướp đã tìm thấy lối vào cung điện của một đại vương. Ngài mở cửa hương phòng, gọi Ānanda và sai ông họp các Tỷ-kheo bên trong tinh xá trên con đường lát vàng (tức Kỳ Viên) và bảo dọn cho Ngài một chỗ ngồi trước hương phòng. Tôn giả Ānanda làm theo lời dạy rồi báo cho Ngài hay. Bấy giờ, bậc Đạo sư ngồi vào chỗ ngồi đã dọn sẵn, bảo các Tỷ-kheo họp lại rồi dạy:

– Này các Tỷ-kheo, các trí giả ngày xưa nghĩ rằng không thể che giấu hành động sai trái và vì vậy họ cố tránh làm điều xấu.

Rồi Ngài kể cho họ một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, ngài được một vị thầy nổi danh thiên hạ trú trong thành phố ấy dạy dỗ. Ngài đứng đầu trong số năm trăm học trò. Bấy giờ, ông thầy ấy có một con gái đã đến tuổi dậy thì, ông ta nghĩ: "Ta sẽ thử đức hạnh của các thanh niên này, ta sẽ gả con gái ta cho người nào có đức hạnh cao nhất."

Một hôm, ông bảo các học trò:

– Này các con, ta có một con gái mới lớn, ta muốn kén chồng cho nó, nhưng ta phải có quần áo đẹp và đồ trang sức thích hợp cho nó. Các con hãy lấy cắp vài thứ ấy mà đừng cho các bạn khác biết rồi mang đến cho ta. Khi nào không ai trông thấy thì ta sẽ nhận, còn nếu các con mang món đồ bị người ta trông thấy thì ta sẽ từ chối.

Các học trò đều đồng ý và nói:

– Tốt lắm.

Thế là từ hôm ấy, họ lấy cắp quần áo, đồ trang sức mà các bạn bè không biết rồi mang đến cho thầy. Ông sắp xếp các thứ mà mỗi người mang đến ở từng nơi riêng biệt. Về phần Bồ-tát, ngài chẳng lấy cắp thứ gì cả.

Thấy thế, ông thầy bảo:

– Còn con, con chẳng mang đến gì cho ta ư?

Ngài đáp:

– Thưa thầy, đúng thế.

Thầy hỏi:

– Sao thế con?

Ngài trả lời:

– Nếu lấy đồ vật mà không kín đáo thì thầy không nhận. Nhưng con thấy rằng không thể nào che giấu hành động xấu của mình được.

Và để chứng minh chân lý này, ngài đọc hai bài kệ sau đây:

17. Thật ra chẳng việc nào tội lỗi,
Lại kín bưng đối với đời này,

Kẻ ngu tưởng kín đáo thay,
Thần linh cũng đã thấy ngay hết rồi.

18. Điều bí mật chẳng nơi giấu được,
Với tôi đây không nốt cái không,
Ở nơi chẳng có ai cùng,
Nhưng tôi có đó, hết luôn không rồi!

Ông thầy rất bằng lòng với lời lẽ ấy, liền bảo:

– Này con, nhà ta không thiếu của cải, nhưng ta muốn gả con gái ta cho một người có đức hạnh và ta đã làm như thế để thử các thanh niên ấy. Bây giờ, chỉ có con là xứng đáng với con gái ta.

Thế rồi, ông trang sức cho con gái và đem gả cho Bồ-tát, còn với những người kia ông bảo:

– Hãy lấy lại mọi thứ mà các anh đã mang đến cho ta và đưa về nhà của các anh đi!

***

Sau đó, bậc Đạo sư dạy:

– Này các Tỳ-kheo, thế đấy, những người học trò xấu kia vì tính không thật thà đã không lấy được cô thiếu nữ ấy, trong khi chàng trai trẻ khôn ngoan kia, do đức hạnh tốt đã lấy được nàng làm vợ.

Rồi Ngài đọc bài kệ khác:

19. Cậu Hoang, cậu Khánh, cậu Vui,
Lại thêm cậu Dễ, cậu Tồi, cậu Vinh,
Thảy mong được vợ cho mình,
Lầm đường lạc nẻo mà thành lông bông.

20. Thấy rõ pháp từ trong tuổi trẻ,
Luôn chấp trì Chân đế mà thôi,
Do lòng can đảm cao vời,
Bà-la-môn lấy được người vợ kia.

***

Sau khi chấm dứt bài thuyết giảng trang trọng này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế và ở các phần kết thúc tứ đế, năm trăm vị Tỳ-kheo kia đạt được Thánh quả. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là người thầy, còn Ta chính là chàng trai trẻ tuổi sáng trí kia.

§306. CHUYỆN HOÀNG HẬU SUJĀTĀ (*Sujātajātaka*) (*J.* III. 20)

Dáng như cái trứng, trái gì đây...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về Hoàng hậu Mallikā (Mạt-lợi).

Một hôm, tương truyền có xảy ra việc cãi cọ giữa hoàng hậu và vua. Người ta thường bảo đó là một chuyện xích mích trong hậu cung. Vua giận quá đến độ không cần biết tới sự có mặt của hoàng hậu nữa. Mallikā tự nghĩ: "Chắc bậc Đạo sư không biết rằng vua giận ta đến thế nào đâu!"

Nhưng bậc Đạo sư đã biết hết và quyết định sẽ giảng hòa giữa hai người. Vì thế tờ mờ sáng, Ngài đã mặc y trong, khoác y ngoài rồi cầm bình bát, dẫn theo năm trăm Tỷ-kheo vào Xá-vệ và đến cổng cung điện. Vua đỡ lấy bình bát của Ngài, đưa Ngài vào nội điện và mời Ngài ngồi vào chỗ được dọn sẵn cho Ngài. Vua rưới nước cúng dường trên tay trái Ngài và các Tỷ-kheo ở sau Ngài, rồi đem cơm bánh ra mời. Nhưng bậc Đạo sư lấy tay che bình bát của Ngài lại và nói:

– Thưa Đại vương, hoàng hậu đâu rồi?

Vua đáp:

– Bạch Thế Tôn, Ngài hỏi bà ấy làm gì? Bà ấy còn biết phải trái gì đâu! Bà đang say sưa vì danh dự mà bà được hưởng.

Bậc Đạo sư nói:

– Tâu Đại vương, trước kia chính ngài ban vinh dự cho người phụ nữ ấy; bây giờ ngài lại lấy hết đi và không chịu xóa bỏ lỗi lầm mà bà đã phạm đối với ngài thì ngài đã sai rồi.

Nghe bậc Đạo sư dạy như thế, vua cho mời hoàng hậu đến. Bà đến hầu cận bậc Đạo sư. Ngài dạy:

– Các vị phải sống với nhau hòa thuận.

Sau khi ca ngợi hạnh phúc của sự hòa hợp, Ngài ra đi. Từ đó, vua và hoàng hậu sống hạnh phúc bên nhau.

Các Tỷ-kheo bàn tán trong pháp đường rằng chỉ cần một lời, bậc Đạo sư đã hòa giải được vua và hoàng hậu. Bậc Đạo sư bước vào. Sau khi hỏi các Tỷ-kheo đang bàn tán việc gì và được họ kể lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải bây giờ mà xưa kia, Ta cũng đã hòa giải họ bằng một lời khuyến dụ.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là đại thần của vua, vừa là cố vấn về thế sự và thánh sự. Một hôm, vua đứng ở cửa sổ nhìn xuống sân cung điện. Ngay lúc ấy, một thiếu nữ thanh xuân xinh đẹp đang đội trên đầu một rổ táo và rao:

– Táo đây, táo chín đây, ai mua táo không?

Nhưng nàng không dám vào sân cung điện. Vua vừa nghe tiếng nàng đã yêu nàng ngay. Khi biết rằng nàng chưa có chồng, vua gọi nàng đến và cho lên ngôi chánh hoàng hậu, lại ban cho nàng vinh dự lớn lao. Bấy giờ, dưới mắt vua, nàng được yêu thương và làm vua hài lòng.

Một hôm, vua đang ăn táo đựng trong một cái đĩa bằng vàng. Thấy thế, Hoàng hậu Sujātā hỏi:

– Tâu Chúa thượng, ngài đang ăn cái gì vậy?

Và bà đọc bài kệ đầu:

21. Dáng như cái trứng, trái gì đây,
Trong đĩa vàng kia đặt trước ngài,
Sắc đỏ xinh thay, tâu Thánh thượng,
Trái cây này mọc ở đâu vậy?

Vua tức giận và nói:

– Này cô gái nhà bán rau quả kia, cô chuyên bán táo chín, cô lại há không nhận ra trái táo là trái đặc biệt của chính gia đình cô hay sao?

Rồi vua đọc hai bài kệ tiếp theo:

22. Áo quần mộc mạc, đầu không mão,
Ngày ấy nào cô hổ thẹn đâu?
Vạt áo đựng đầy bao trái táo,
Bây giờ lại hỏi trái cây nào!

23. Cô quá tự cao, hư hỏng ra,
Đời cô chẳng thấy thú đâu mà,
Đi đi, táo ấy, lui về lượm,
Cô chẳng còn là vợ của ta!

Thế rồi, Bồ-tát tự nghĩ: “Chẳng có ai ngoài ta ra có thể hòa giải đôi vợ chồng này được. Ta sẽ làm dịu cơn giận của vua và ngăn ngài đuổi bà ấy ra khỏi cửa.” Rồi ngài đọc bài kệ thứ tư:

24. Đây là tội của người phụ nữ,
Tăng trưởng theo ngôi thứ mà ra.
Xin ngài thôi giận, thứ tha,
Vì ngài đã tặng cho bà ngôi cao.

Vua nghe thế bèn bỏ hết lỗi lầm của hoàng hậu, phục hồi ngôi vị cũ của bà. Từ đó, hai người sống với nhau rất hòa ái.

***

Kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân.

– Bấy giờ, vua xứ Kosala là vua xứ Ba-la-nại, Hoàng hậu Mallikā là Sujātā, còn Ta chính là quan cận thần kia.

§307. CHUYỆN THẦN CÂY HỒNG ĐIỆP (*Palāsajātaka*)[7] (*J.* III. 23)

Bà-la-môn, sao người có trí...

Bậc Đạo sư lúc sắp diệt độ đã kể chuyện này về Trưởng lão Ānanda.

Tôn giả Ānanda biết rằng ngay trong đêm ấy, bậc Đạo sư sẽ diệt độ, bèn tự bảo: "Ta còn phải giữ giới luật, còn nhiều công hạnh phải thực hiện. Bậc Đạo sư chắc chắn sẽ diệt độ rồi. Thế là công việc trong suốt hai mươi lăm năm qua ta cung phụng Ngài sẽ chẳng có kết quả gì." Tràn ngập sầu bi, Trưởng lão gục vào then cửa có chạm hình đầu khỉ của phòng chứa đồ trong vườn và khóc nức nở.

Bậc Đạo sư thấy vắng Ānanda liền hỏi các Tỷ-kheo vị ấy ở đâu. Sau khi nghe thuật lại, Ngài gọi vị ấy vào và bảo:

– Này Ānanda, ông đã tích trữ cả một kho công đức. Hãy tiếp tục tinh cần rồi ông sẽ được thoát khỏi khổ đau của đời người, chớ nên sầu bi! Làm sao sự phụng dưỡng của ông đối với Ta bây giờ không có kết quả được, bởi vì những sự phụng dưỡng của ông trước kia trong những ngày ông còn mang tội lỗi đã không phải là không được đáp đền.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra mang hình hài của một thần cây hồng điệp. Bấy giờ, dân chúng ở Ba-la-nại rất sùng kính các vị thần như thế và vẫn thường đến cúng kiến.

Một người Bà-la-môn nghèo khó kia tự nghĩ: "Ta cũng sẽ đi cúng bái thần linh." Rồi ông ta tìm được một cây hồng điệp lớn mọc trên chỗ đất cao. Ông rải sỏi đá rồi quét tước xung quanh, săn sóc rễ cây sạch sẽ, nhổ cỏ... Ông dâng cúng một tràng đủ năm loại hoa thơm rồi đốt một cây nến làm lễ dâng hương hoa. Sau khi cung kính dâng thánh lễ, ông nói:

– Mong ngài được an bình!

Rồi ông bỏ đi. Ngày hôm sau ông lại đến thật sớm và ân cần chúc hỏi.

Một hôm, thần cây chợt nghĩ: "Người Bà-la-môn này chăm sóc ta rất kỹ lưỡng. Ta sẽ thử lòng ông ta và tìm xem tại sao ông ta tôn kính ta, rồi sẽ ban cho ông điều ước muốn của ông." Thế là khi người Bà-la-môn ấy đến quét tước quanh gốc rễ cây, vị thần liền hóa thành một Bà-la-môn lớn tuổi đứng gần đó và đọc bài kệ đầu:

25. Bà-la-môn, sao người có trí,
Lại hỏi han cây chỉ vô tri?
Lời cầu, lời chúc ra chi,
Cây trông thảm ấy đáp gì người đâu!

Nghe thế, người Bà-la-môn ấy trả lời bằng bài kệ thứ hai:

[7] Xem *Miln.* 172, *Rukkhācetanabhāvapañho* (*Câu hỏi về bản thể suy tư của cây cối*).

26. Cây nổi tiếng từ lâu vẫn đứng,
Chỗ an cư của những vị thần,
Thần kia tôi kính muôn vàn,
Chắc rằng thần giữ kho tàng nơi đây.

Vị thần cây nghe thế rất bằng lòng về ông ta, liền bảo:

– Này Bà-la-môn, ta sanh ra là vị thần của cây này. Đừng sợ ta, ta sẽ cho ngươi kho tàng ấy.

Và để làm an lòng ông, vị thần thể hiện thần lực, đứng lơ lửng trên không tại cổng vào lâu đài của mình và đọc thêm hai bài kệ:

27. Bà-la-môn tâm đầy từ ái,
Chính ta đây ghi lấy việc ngươi,
Hành vi sùng đạo trên đời,
Bao giờ kết quả cũng thời xứng cân.

28. Cây sung kia đổ tràn bóng mát,
Xứng cùng bao tặng vật cúng dường,
Dưới cây chôn một kho tàng,
Phần ngươi được thưởng, đào vàng mà xin.

Ngoài ra, vị thần còn nói thêm:

– Này Bà-la-môn, nếu ngươi phải đào kho tàng lên và mang theo thì ngươi sẽ vất vả quá. Vậy hãy ra đi trước, rồi ta sẽ mang kho tàng về nhà ngươi và để tại chỗ kia. Thế là ngươi được hưởng kho báu ấy suốt đời. Hãy bố thí và hãy giữ tròn đạo hạnh!

Sau khi khuyến dụ người Bà-la-môn như thế, vị thần cây liền thực hiện thần lực chuyển kho tàng vào trong nhà của người ấy.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Ānanda là người Bà-la-môn, còn Ta là vị thần cây.

§308. CHUYỆN CHIM GÕ KIẾN (*Javasakuṇajātaka*) (*J.* III. 25)

Bao nhiêu lòng tốt trong tôi...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về sự vô ơn của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Cuối cùng, Ngài dạy:

– Chẳng phải chỉ bây giờ mà từ xưa kia, Devadatta cũng đã tỏ ra vô ơn.

Sau đó, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một con chim gõ kiến sống trong vùng Tuyết sơn.

Bấy giờ, có một con sư tử, trong khi ăn mồi bị một miếng xương mắc trong cổ. Cổ nó sưng lên đến độ nó không thể ăn gì được và đau đớn khôn cùng. Chim gõ kiến đang kiếm đồ ăn, đậu trên một cành cây, trông thấy sư tử và hỏi nó:

– Này bạn, cái gì làm bạn đau thế?

Nghe sư tử bảo cho biết, chim nói:

– Bạn ạ, tôi có thể lấy cái xương ra khỏi cổ họng bạn nhưng tôi không dám chui đầu vào mồm bạn vì sợ bạn ăn tôi luôn!

– Bạn ơi, đừng sợ, tôi sẽ không ăn bạn đâu. Xin bạn hãy cứu sống tôi!

– Được rồi.

Chim nói thế và bảo sư tử nằm xuống một bên nó. Rồi nó nghĩ: "Ai biết được anh bạn này sẽ làm sao chứ?" Và để ngăn ngừa sư tử ngậm miệng lại, nó cắm một khúc cây giữa hàm trên và hàm dưới sư tử, thò đầu vào miệng con này rồi dùng mỏ gắp đầu mút xương. Cái xương rớt ra ngoài rồi mất đi. Gõ kiến rút đầu ra khỏi miệng sư tử, lấy mỏ đập khúc cây cho rớt ra rồi nhảy lên đậu trên chóp một cành cây. Sư tử được khỏi bệnh. Một hôm, nó đang ăn một con bò rừng mà nó vừa giết. Chim gõ kiến liền nghĩ: "Ta sẽ thử lòng hắn xem sao!" Đậu trên một cành cây phía trên đầu sư tử, nó nói với sư tử qua bài kệ sau:

29. Bao nhiêu lòng tốt trong tôi,
Tôi đây đã tỏ cho ngài lần kia,
Phần ngài chẳng nguyện cao xa,
Cho tôi đôi chút gọi là hảo tâm.

Nghe thế, sư tử trả lời bằng bài kệ thứ hai:

30. Ngươi gởi đầu vào hàm sư tử,
Loài vuốt nanh rực thứ máu hồng,
Nhưng ngươi vẫn sống như thường,
Hảo tâm ta đã tỏ tường cho ngươi.

Chim gõ kiến nghe thế, liền đọc thêm hai bài kệ nữa:

31. Bao việc tốt trên đời, Thi hành để giúp ngươi,
Giúp loài vô ơn nghĩa, Mong chi được đền bồi?

32. Đừng khởi ý chua cay, Đừng buông lời gắt gay,
Phường xấu xa như thế, Ta cần lánh xa ngay!

Nói vậy xong, chim gõ kiến bay đi.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Devadatta là con sư tử, còn Ta chính là con chim gõ kiến.

§309. CHUYỆN NGƯỜI TIỆN DÂN (*Chavakajātaka*)[8] (*J.* III. 27)

Thưa Đạo sư, thưa Vương đệ tử...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về hội chúng của nhóm sáu Tỷ-kheo. Chuyện được kể với đầy đủ chi tiết trong bộ *Luật tạng* (*Vinaya*), đây chỉ là phần tóm tắt.

Bậc Đạo sư gọi sáu Tỷ-kheo ấy đến và hỏi xem có thật họ đã ngồi giảng giới luật ở chỗ thấp trong khi các đệ tử của họ ngồi ở chỗ cao hơn. Họ thú nhận rằng thật như thế. Bậc Đạo sư quở trách họ về sự thiếu tôn trọng của họ đối với Giới Luật của Ngài và bảo rằng các trí giả xưa kia cũng đã phải quở trách người ta về việc ngồi ở chỗ thấp mà giảng dạy, dù là giảng dạy các học thuyết ngoại đạo đi nữa.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là con của một phụ nữ hạ tiện. Chàng lớn lên và trở thành gia trưởng. Vợ chàng đang mang thai, rất thèm muốn ăn xoài, và bảo chồng:

– Chàng ơi, em muốn ăn xoài quá.

Chàng đáp:

– Này em yêu, mùa này không có xoài, ta sẽ đem về cho em một vài trái chua khác.

Nàng bảo:

– Chàng ơi, nếu được ăn xoài thì em sống, nếu không thì em sẽ chết mất!

Người chồng quá mê say vợ liền nghĩ: "Ta kiếm đâu ra được một trái xoài bây giờ?" Bấy giờ, trong vườn của vua xứ Ba-la-nại có một cây xoài ra trái quanh năm. Vì thế, chàng nghĩ: "Ta sẽ đến đó hái một trái xoài chín để làm dịu cơn thèm của nàng." Ban đêm, chàng đến khu vườn ấy rồi trèo lên cây, bước từ cành này sang cành nọ mà tìm trái. Trong khi chàng miệt mài như thế thì trời bắt đầu sáng. Chàng tự bảo: "Nếu bây giờ ta tụt xuống mà ra đi, ta sẽ bị trông thấy và bị bắt như một tên trộm, ta nên chờ cho đến khi trời tối đã!" Thế rồi, chàng trèo lên chỗ chạc của cây và vào ngồi đó.

Lúc ấy, vua đang nghe vị giáo sĩ của ngài giảng kinh. Khi hai người vào vườn cây, vua ngồi xuống ở một chỗ cao nơi gốc cây xoài, để giáo sĩ ngồi một chỗ thấp hơn và nghe giáo sĩ thuyết giảng. Bồ-tát ngồi ở phía trên họ, tự nghĩ: "Ông vua này thật bậy quá, đang nghe giảng kinh mà lại ngồi chỗ cao. Còn giáo sĩ Bà-la-môn kia cũng bậy không kém, ngồi ở chỗ thấp mà dạy. Còn ta cũng bậy

---

[8] Xem *J.* II. 421, *Lābhagarahajātaka* (*Chuyện chê bai lợi nhuận*), số §287; *J.* III. 32, *Sayhajātaka* (*Chuyện vị Quốc sư Sayha*), số §310; *J.* III. 515, *Lomasakassapajātaka* (*Chuyện Ca-diếp, vị khổ hạnh nhiều lông tóc*), số §433; *Vin.* IV. 204.

nốt vì ta đã rơi vào uy lực của đàn bà, chẳng kể chi mạng sống của ta mà đi ăn trộm xoài thế này."

Thế rồi, chàng đu vào một cành cây đang treo lơ lửng, buông người xuống khỏi cây, đứng trước vua và giáo sĩ, nói:

– Tâu Đại vương, tôi là một kẻ đọa đày, ngài là kẻ cuồng si thô tục và giáo sĩ này là một người chết.

Vua hỏi chàng bảo như thế nghĩa là gì, chàng liền đọc bài kệ đầu:

33. Thưa Đạo sư, thưa Vương đệ tử,
Tôi thấy kia mọi sự lỗi lầm,
Hai ngài đọa khỏi thiên ân,
Hai ngài giới luật đều làm sai hư.

Giáo sĩ Bà-la-môn nghe thấy, liền đọc bài kệ thứ hai:

34. Gạo ta ăn lấy từ đồi nọ,
Mùi thơm ngon như có thịt vào,
Kẻ kia tội lỗi, tại sao,
Thánh đang dùng bữa, lại rao giới điều?

Bồ-tát nghe thế, liền đọc thêm hai bài kệ nữa:

35. Hãy dọc ngang mọi chiều mặt đất,
Bà-la-môn, người sẽ thấy ra,
Xem kia, đau khổ ấy là,
Số phần chung của người ta trên đời.

36. Do tội lỗi, đời người tàn ố,
Giá còn thua mảnh vỡ chiếc bình,
Coi chừng tham ý, dục tình,
Chúng đưa tới cõi khổ hình đau thương.

Vua rất hài lòng về việc trình bày giới luật của chàng, hỏi chàng thuộc giai cấp nào. Chàng thưa:

– Tâu Đại vương, tôi là hạng tiện dân.

Vua bảo:

– Này bạn, nếu bạn thuộc một gia đình có đẳng cấp cao thì ta đã đưa bạn lên làm vị vua độc nhất rồi. Nhưng từ nay, ta là vua ban ngày, còn bạn sẽ là vua ban đêm.

Vua nói xong, quàng vào cổ chàng tràng hoa mà ngài vẫn đeo và phong chàng làm quan tổng trấn. Từ đó, các quan trong thành có lệ mang một tràng hoa đỏ ở cổ. Cũng từ ngày đó trở đi, vua an trú trong lời dạy của ngài, rất kính trọng thầy dạy mình và vẫn ngồi ở chỗ thấp mà nghe thầy dạy kinh điển.

***

Thuyết giảng xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ānanda là vị vua, còn Ta chính là người tiện dân kia.

§310. CHUYỆN VỊ QUỐC SƯ SAYHA (*Sayhajātaka*)[9] (*J.* III. 30)

Trên đời chẳng ngai vàng, vương quốc...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất.

Tỷ-kheo này trong khi đi khất thực ở Xá-vệ, đã trông thấy một phụ nữ đẹp, rồi từ đó trở nên buồn chán và mất hết an lạc trong Đạo pháp. Các Tỷ-kheo đưa ông ra trước đức Thế Tôn. Ngài dạy:

– Này Tỷ-kheo, Ta nghe nói ông cứ buồn chán, có thật thế không?

Ông thú thật quả như thế. Sau khi biết được lý do buồn chán của ông, bậc Đạo sư dạy:

– Này Tỷ-kheo, tại sao ông lại khao khát cuộc đời sau khi đã thọ trì giới luật của một giáo pháp đưa đến giải thoát? Các trí giả ngày xưa, khi được ban vinh dự làm giáo sĩ hoàng gia, đã từ bỏ chức vị ấy và sống đời khổ hạnh.

Rồi Ngài kể cho các Tỷ-kheo nghe một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập mẫu thai bà vợ một Bà-la-môn giáo sĩ của hoàng gia và ra đời cùng một ngày với thái tử con vua. Khi vua hỏi các quan rằng có đứa trẻ nào sinh cùng ngày với thái tử không thì họ bảo:

– Tâu Đại vương có, đó là một đứa con của giáo sĩ hoàng gia.

Thế là vua truyền mang Bồ-tát đến giao cho các nhũ mẫu săn sóc cẩn thận cùng với thái tử ấu thơ kia. Cả hai cùng có đồ trang sức, cùng ăn, cùng uống các thứ như nhau. Khi lớn lên, họ cùng đến học ở Takkasilā và chẳng bao lâu đều thành đạt mọi ngành khoa học rồi trở về.

Vua phong cho con làm phó vương và ban danh dự lớn lao cho Bồ-tát. Từ đó, Bồ-tát cùng ăn, cùng uống, cùng sống với thái tử. Giữa hai người nảy nở một tình bằng hữu vững bền. Ít lâu sau, vua cha mất, thái tử lên nối ngôi và hưởng phú quý khôn cùng. Bồ-tát tự nghĩ: "Giờ đây bạn ta trị vì vương quốc, khi có dịp thích đáng thế nào ông cũng phong cho ta ngôi vị giáo sĩ hoàng gia. Ta phải làm gì với cuộc đời của một gia trưởng đây? Ta muốn trở thành một nhà tu khổ hạnh, dấn thân vào đời độc cư."

Vì thế, ngài đến đảnh lễ cha mẹ, xin được chấp trì giới hạnh. Ngài chối bỏ mọi của cải của trần gian và từ đó xuất gia một mình đi vào vùng Tuyết sơn.

[9] Bản Tích Lan và Thái Lan viết *Sayhajātaka*. Bản CST viết *Seyyajātaka*. Xem *J.* II. 421, *Lābhagarahajātaka* (*Chuyện chê bai lợi nhuận*), số §287; *J.* III. 28, *Chavakajātaka* (*Chuyện người tiện dân*), số §309; *J.* III. 515, *Lomasakassapajātaka* (*Chuyện Ca-diếp, vị khổ hạnh nhiều lông tóc*), số §433; *Miln. 219, Lomasakassapapañho* (*Câu hỏi về Lomasakassapa*); *Vin.* IV. 204.

Tại đó, trên một khoảnh đất thích hợp, ngài tự dựng một túp lều sống đời Phạm hạnh của một ẩn sĩ, ngài phát huy các thắng trí và các thiền chứng, hưởng an lạc của cuộc sống huyền nhiệm.

Bấy giờ, vua nhớ đến ngài và bảo:

– Không biết bạn ta thế nào rồi nhỉ? Sao không hề thấy ông ta đâu cả?

Các cận thần bảo rằng ngài đã chấp trì giới hạnh và nghe nói ngài đang sống trong một khu rừng tịnh lạc nào đó. Vua hỏi trú xứ của ngài và bảo một quốc sư tên Sayha:

– Hãy đi mang bạn ta về đây! Ta sẽ phong cho ông ấy làm giáo sĩ của ta.

Sayha sẵn sàng tuân lệnh. Từ Ba-la-nại, ông đi mãi đến một làng ở biên địa và trú ở đó, rồi cùng với vài người kiểm lâm đến nơi Bồ-tát ở. Ông thấy Bồ-tát ngồi như một bức tượng vàng trước túp lều của ngài. Sau khi chào hỏi, cung chúc theo thường lệ, ông ngồi xuống cách một khoảng để tỏ lòng kính cẩn và bảo:

– Thưa Tôn giả, đức vua muốn ngài quay trở về vì đang nóng lòng phong ngài lên ngôi vị giáo sĩ của hoàng gia.

Bồ-tát trả lời:

– Nếu ngoài chức giáo sĩ ra, ta còn được trao thêm cả nước Kāsi và Kosala, cả vương quốc Ấn Độ, cả sự vinh quang của một đế quốc hoàn vũ, ta cũng không chấp nhận đâu. Bậc trí giả không mang lấy những tội lỗi mà họ đã từng từ bỏ cũng giống như họ không nuốt cục đàm mà họ đã khạc ra.

Đoạn, ngài đọc các bài kệ sau:

37-38. Trên đời chẳng ngai vàng, vương quốc,
Chiếm lòng ta, gây nhục ta nào!
Xấu thay, danh lợi mong cầu,
Đưa người vào cảnh khổ đau ngập tràn.

39-40. Kiếp không nhà lang thang đây đó,
Cầm bát xin nhà nọ nhà kia,
Hơn làm vua, tạo phiền hà,
Trị vì độc đoán theo đà ác tham.

Mặc dù Sayha cứ năn nỉ mãi, Bồ-tát cũng không chấp nhận yêu cầu của ông ta. Không thể nào khuyên nhủ được Bồ-tát, Sayha đành tạ từ quay về trình vua là ngài từ chối trở lại.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài tuyên thuyết tứ đế. Khi kết thúc tứ đế, Tỷ-kheo thối thất kia đắc quả Dự lưu và nhiều Tỷ-kheo khác cũng đạt các quả vị như thế. Thế rồi, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ānanda là vị vua, Sāriputta là Sayha, còn Ta là vị giáo sĩ hoàng gia.

II. PHẨM CÂY PUCIMANDA
(*PUCIMANDAVAGGA*)

§311. CHUYỆN CÂY PUCIMANDA (*Pucimandajātaka*) (*J*. III. 33)

Anh trộm, dậy đi thôi...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Trúc Lâm về Tôn giả Moggallāna (Mục-kiền-liên).

Bấy giờ, Trưởng lão Moggallāna đang sống tại một túp lều trong khu vườn gần thành Vương Xá. Một tên trộm kia, sau khi bẻ khóa vào một nhà tại một ngôi làng ở ngoại ô, đã chạy thoát đi mang theo đầy các đồ vật trộm được. Khi chạy đến địa phận trú xứ của Trưởng lão, nó nghĩ rằng thế là thoát được rồi, bèn nằm xuống tại lối vào túp lều lá của Trưởng lão. Trưởng lão thấy nó nằm đó liền nghi ngờ ngay tư cách của nó và tự nhủ: "Nếu ta dính líu đến một tên trộm thì sẽ phiền cho ta lắm." Vì vậy, ngài bước ra khỏi lều, bảo tên trộm đừng nằm đó và đuổi nó đi. Tên trộm nhanh như cắt vụt chạy trốn đi. Mọi người đuốc trên tay, theo sát tên trộm mà đuổi, đến nơi họ nhìn thấy các chỗ đất ghi dấu vết tên trộm và nói:

– Nó đến đây theo lối này, nó đã đứng nơi đây. Nó không còn ở đây nữa đâu!

Thế là họ đổ xô đến chỗ này chỗ nọ và cuối cùng đành quay về vì không tìm thấy tên trộm.

Sáng hôm sau, Trưởng lão đi khất thực ở Vương Xá, và khi trở về ngài ghé đến Trúc Lâm và kể cho bậc Đạo sư sự việc đã xảy ra. Bậc Đạo sư dạy:

– Này Moggallāna, ông không phải là người độc nhất đã nghi ngờ trong một trường hợp nghi ngờ là phải. Các trí giả ngày xưa cũng đã nghi ngờ theo cách như thế.

Rồi do thỉnh cầu của Trưởng lão, bậc Đạo sư kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát ra đời là một thần cây nimba trong một khu rừng nghĩa địa của thành phố.

Bấy giờ, một tên trộm vừa phạm tội trộm trong một xóm lẻ kia trong thành phố rồi chạy vào khu rừng nghĩa địa, nơi đây có một cây nimba (cây có trái làm dầu thơm) và một cây đa đều đã già cỗi mọc cạnh nhau. Tên trộm đặt các đồ vật dưới gốc cây nimba rồi nằm xuống đó. Vào thời ấy, bọn trộm cướp bị bắt đều bị xử xiên người treo trên một cành cây nimba. Vì thế, thần cây nimba tự nghĩ:

"Nếu người ta đến đây và bắt tên trộm này, họ sẽ chặt một cành cây nimba này để làm cái gậy mà xiên người nó. Thế là cây sẽ bị hủy hoại. Vậy ta cần phải đuổi anh bạn này đi." Thần bèn đọc bài kệ đầu để nói với tên trộm:

41. Anh trộm, dậy đi thôi, Ngủ chi, gấp lắm rồi,
Người của vua sắp đến, Tội anh, họ quyết đòi.

Thần lại còn nói thêm:

– Chạy đi, kẻo người của vua đến bắt anh bây giờ!

Thế rồi, thần đuổi tên trộm đi. Tên trộm vừa chạy trốn đi thì thần cây đa đọc bài kệ thứ hai:

42. Tên trộm táo gan ấy, Bị bắt hay thoát đi,
Thần cây nimba xin hỏi, "Với ngài, đâu khác chi?"

Thần cây nimba nghe thế liền đọc bài kệ thứ ba:

43. Ngài đâu biết ta lo thầm kín,
Quân nhà vua sẽ đến nơi đây,
Bắt tên trộm, chặt cành cây,
Phạt xiên tội phạm, cây này còn chi!

Trong lúc hai vị thần trong rừng đang nói chuyện với nhau thì những người chủ gia sản, tay cầm đuốc theo dấu tên trộm đã đến nơi, họ nhìn thấy chỗ tên trộm đã nằm và nói:

– Xem kia, tên trộm vừa thức dậy rồi chạy trốn ngay từ chỗ này. Chúng ta chưa tóm được nó đấy, chứ nếu tóm được thì chúng ta sẽ quay trở lại đây, xiên người nó dưới gốc cây nimba này hoặc treo nó trên một trong những nhánh cây này.

Nói xong, họ đổ xô vào chỗ này chỗ nọ nhưng vẫn không tìm ra tên trộm, họ liền bỏ đi. Nghe mọi người bàn tán như trên, thần cây nimba đọc bài kệ thứ tư:

44. Mối nguy chưa thấy, vẫn lo ngay,
Cân nhắc so đo kẻo muộn thay,
Kẻ trí bao giờ trong hiện tại,
Cũng nhìn tình trạng của tương lai.

***

Sau khi chấm dứt bài thuyết giảng, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là thần cây đa và Ta là thần cây nimba ấy.

§312. CHUYỆN ẨN SĨ KASSAPA CHẬM TRỄ

(*Kassapamandiyajātaka*) (*J.* III. 36)

Nếu trẻ dại nói làm sai trái...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo lớn tuổi.

Tương truyền một nhà quý phái trẻ tuổi ở Xá-vệ thấy hậu quả xấu xa của các tham vọng tội lỗi, được bậc Đạo sư cho gia nhập Giáo đoàn, và do tinh tấn tu tập pháp môn thiền quán, chẳng bao lâu đạt Thánh quả. Về sau khi mẹ mất, ông đưa cha và em trai vào Giáo đoàn và cả ba người cùng trú tại Kỳ Viên.

Khi mùa mưa bắt đầu, nghe nói tại một trú xứ trong làng kia họ có thể được cúng dường pháp y dễ dàng;[10] cả ba người đều đến đó an cư và sau khi mùa an cư chấm dứt, họ về thẳng Kỳ Viên. Vị Tỷ-kheo trẻ bảo chú tiểu yên lặng đưa vị Tỷ-kheo già đi, còn chính ông đi nhanh trước để đến Kỳ Viên sửa soạn phòng xá. Vị Tỷ-kheo già đi thật chậm, chú tiểu cứ thúc đầu vào dùng sức kéo thầy đi và la lên:

– Nhanh lên thầy!

Tỷ-kheo già nói:

– Ngươi cứ ép ta mà kéo ta đi tới, trong khi ta không muốn đi như thế.

Rồi ông quay lại, bắt đầu đi từ khởi điểm. Họ cứ cãi nhau như thế. Mặt trời đã lặn và bóng tối đã kéo tới. Vị Tỷ-kheo trẻ sau khi quét tước lều, đổ nước đầy các bình vẫn chưa thấy họ đến, liền cầm đuốc đi tìm. Khi gặp họ, ông hỏi vì sao họ chậm trễ như vậy. Vị Tỷ-kheo già cho biết lý do. Ông bảo họ nghỉ rồi chậm rãi đưa họ đi tiếp. Thế là hôm ấy, ông không có thì giờ để đến tham bái đức Phật. Vì thế, hôm sau, khi ông đến tham bái đức Phật, đảnh lễ Ngài và ngồi vào chỗ xong, bậc Đạo sư hỏi:

– Ông về đến lúc nào?

– Bạch Ngài, hôm qua.

– Ông về đến từ hôm qua mà hôm nay mới đến tham bái Ta ư?

– Bạch Ngài, vâng.

Trả lời như thế xong, ông kể lại lý do. Bậc Đạo sư quở trách vị Tỷ-kheo lớn tuổi kia:

– Không phải chỉ bây giờ ông ấy mới làm như thế. Ngày xưa ông ấy cũng đã làm thế rồi. Giờ đây chính ông bị ông ấy làm phiền. Ngày xưa ông ấy đã làm phiền các trí giả.

Rồi do thỉnh cầu của vị Tỷ-kheo ấy, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn, tại một thành phố ở nước Kāsi. Khi ngài lớn lên thì mẹ ngài mất. Sau khi thực hiện các nghi thức tang lễ, ngài đem bố thí hết tất cả tiền bạc trong nhà, ngài mặc quần áo cũ rách xin của người khác, mang cha và em trai đi sống cuộc đời đạo hạnh của một ẩn sĩ tại vùng Tuyết sơn. Tại đó, ngài trú trong một khu rừng an lạc và sống qua ngày bằng cách mót lượm, ăn rễ cây, trái rừng.

---

[10] Xem *Mv*. III. 167.

Bấy giờ, ở vùng Tuyết sơn, suốt trong mùa mưa, mưa rơi không dứt. Không thể đào bới củ, rễ, không thể hái lượm trái rừng gì được cả, và lá bắt đầu rụng đi, các nhà tu khổ hạnh phần lớn đều phải rời bỏ dãy Tuyết sơn và tìm đến trú tại nơi có người ở.

Bồ-tát cũng thế, ngài cùng cha và em trai dời về sống nơi có người ở, và khi vùng Tuyết sơn bắt đầu ra hoa, kết trái trở lại thì ngài cùng cha và em quay về chỗ ẩn dật của mình trong dãy Tuyết sơn. Khi họ còn cách lều không xa thì trời chiều, ngài rời họ và nói:

– Cha và em cứ thủng thẳng mà đi. Con phải về trước để lo sắp xếp các thứ trong chỗ ở của chúng ta.

Vị ẩn sĩ trẻ kia cứ thấy cha tiếp tục đi thật chậm, liền thúc đầu vào hông cha. Người cha nói:

– Ta không thích cái lối ngươi đưa ta về nhà như thế đâu!

Rồi ông quay trở lại và bắt đầu đi từ chỗ hồi nãy. Họ cứ tranh cãi như thế và trời đã tối đen. Bồ-tát quét lều, xách nước xong, liền cầm một cây đuốc và quay lại tìm. Khi gặp cha và em, ngài hỏi tại sao họ quá chậm trễ như thế. Người em liền kể lại việc cha đã làm, nhưng Bồ-tát vẫn yên lặng đưa họ về nhà.

Sau khi đã cất chứa các vật dụng cần thiết của người tu sĩ, ngài đưa cha đi tắm rửa và xức dầu thơm vào hai bàn chân cha, chà tẩy lưng cha. Rồi ngài đem ra một chảo than hồng và khi cha ngài khỏe khoắn trở lại, ngài ngồi bên cạnh cha và bảo:

– Thưa cha, bọn trẻ cũng giống như cái bình lọ bằng đất, chẳng mấy chốc là vỡ ngay và khi đã vỡ thì không thể nào chắp gắn lại được. Người già nên kiên nhẫn chịu đựng chúng khi chúng có điều sai quấy.

Và để khuyến dụ cha ngài tên là Kassapa, ngài đọc các bài kệ sau đây:

45-46. Nếu trẻ dại nói làm sai trái,
Phần người khôn nhẫn nại bền lòng,
Người hiền tranh cãi chóng xong,
Kẻ rồ tan vỡ như hòn đất khô.

47-48. Kẻ cầu học biết cho mình lỗi,
Chẳng hề phai, tỏ mối thân tình,
Như mang gánh của em anh,
Và làm nhẹ bớt xung quanh láng giềng.

Bồ-tát khuyên cha như vậy. Và từ đó trở đi, ngài luôn luôn giữ mình trong giới hạnh.

***

Kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, vị Tỷ-kheo lớn tuổi này là người cha ẩn sĩ, chú tiểu là chú bé ẩn sĩ, còn Ta là người con đã khuyến dụ cha mình.

§313. CHUYỆN ĐẠO LÝ KHAM NHẪN (*Khantivādijātaka*) (*J.* III. 39)

Kẻ nào xẻo mũi, cắt tai...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo nóng giận. Các tình tiết của câu chuyện đã được tả trước đây.

Bậc Đạo sư bảo Tỷ-kheo ấy:

– Ông đã chấp trì giới luật theo giáo pháp của đức Phật, người chẳng hề biết nóng giận là gì, thế mà sao ông lại tỏ ra nóng giận? Các trí giả ngày xưa nghĩ rằng họ phải chịu trăm ngàn đau đớn, bị chặt chân tay, bị cắt tai, xẻo mũi vẫn không hề tỏ ra nóng giận người khác.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Kalābu trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn, thừa hưởng gia tài tám trăm triệu đồng. Bấy giờ, ngài là một thiếu niên tên Kuṇḍakakumāra. Khi lớn lên, ngài thành tựu mọi kiến thức về các ngành khoa học tại Takkasilā và sau đó trở thành một gia trưởng.

Khi cha mẹ mất đi, ngài nhìn đống tiền bạc và tự nghĩ: “Những người thân của ta đã tích nên tài sản này rồi lại ra đi mà chẳng mang theo được. Giờ đây, ta lại sở hữu tài sản này và lại đến lượt ta ra đi.” Thế rồi, ngài cẩn thận chọn những người có đức, xứng đáng bố thí và cho họ hết tất cả tài sản, rồi ngài vào vùng Tuyết sơn tu khổ hạnh. Ngài trú ở đó một thời gian lâu, sống bằng trái cây rừng. Sau đó, ngài xuống các nơi có người ở để kiếm muối và giấm, và đi lần đến Ba-la-nại; tại đó, ngài trú trong vườn cây của vua.

Ngày hôm sau, ngài đi khất thực trong thành phố và đến cửa nhà quan đại tướng. Vị quan này rất bằng lòng trước phong thái đặc biệt của vị ẩn sĩ, liền mời ngài vào nhà, dâng ngài các thức ăn dành riêng cho chính ông. Sau đó, ông đưa ngài trở lại trú xứ của ngài trong vườn cây của vua.

Một hôm, Vua Kalābu bị khích động vì rượu mạnh, đến vườn cây với đầy đủ mọi nghi trượng xa hoa, bao quanh ông là một đám vũ công. Ông cho đặt vương sàng tại đó và nằm gối đầu trên đùi một ái phi trong khi các nghệ nữ thiện xảo về đàn sáo nhảy múa trình diễn. Cả một khung cảnh thật là tráng lệ chẳng khác cảnh của Thiên chủ Đế-thích, vua cõi trời. Rồi nhà vua ngủ thiếp đi. Các phụ nữ kia bảo:

– Chính vì đức vua mà chúng ta tấu nhạc, nay ngài đã ngủ rồi. Chúng ta cần chi phải đàn hát nữa?

Rồi họ ném bỏ đàn sáo đó đây, đi vào vườn cây và mải mê vui chơi với cây trái, bông hoa trong vườn.

Bấy giờ, Bồ-tát đang ở trong vườn này dũng mãnh như một vương tượng. Ngài ngồi dưới gốc một cây sāla đang nở hoa, hưởng hạnh phúc tối đa của kẻ

từ bỏ thế tục. Các phụ nữ kia trong khi lang thang trong vườn, đến chỗ Bồ-tát ngồi. Họ bảo với nhau:

– Này các chị ơi, lại đây, chúng ta hãy ngồi xuống nghe vị tu sĩ đang ngồi dưới gốc cây này thuyết giảng cho đến khi đức vua thức dậy.

Họ đến chào ngài rồi ngồi vòng quanh ngài và nói:

– Xin giảng cho chúng tôi những điều đáng nghe.

Bồ-tát giảng đạo lý cho họ. Trong khi ấy, nàng vương phi sủng ái kia trăn trở thân mình làm vua thức dậy. Không thấy các phụ nữ kia đâu, vua hỏi:

– Bọn tiện tỳ ấy đi đâu cả rồi?

Nàng ái phi đáp:

– Tâu Đại vương, họ bỏ đi và đang ngồi quanh một nhà tu khổ hạnh.

Nhà vua cầm kiếm vội vã ra đi và nói:

– Ta sẽ cho tên ẩn sĩ giả hiệu kia một bài học.

Những người được vua sủng ái nhất trong đám phụ nữ kia thấy vua giận dữ liền đến nắm lấy kiếm của vua xin vua bớt giận. Vua bước tới đứng bên cạnh Bồ-tát và hỏi:

– Này, nhà tu kia, ông giảng đạo lý gì thế?

Ngài đáp:

– Tâu Bệ hạ, tôi giảng về đạo lý kham nhẫn.

Vua hỏi:

– Kham nhẫn là gì?

– Là không giận hờn khi người ta rầy la, đánh đập, mắng chửi mình.

Vua bảo:

– Được rồi, ta sẽ xem đức kham nhẫn của ông thực sự như thế nào.

Rồi vua cho gọi quan hành hình lại. Ông này đang đi hành sự, cầm một cái rìu và một cái roi gai, mặc áo vàng, mang một tràng hoa đỏ. Ông đến chào vua và thưa:

– Tâu Đại vương, tôi phải làm gì để vừa lòng ngài?

Vua phán:

– Tóm lấy và lôi cổ tên thầy tu xảo quyệt đê tiện ấy đi, ném nó xuống đất, dùng roi gai mà đánh nó đằng trước, đằng sau và cả hai bên, quất cho nó hai ngàn roi!

Lệnh ấy được thi hành. Da trong, da ngoài của Bồ-tát bị xé rách tới thịt, máu tuôn xối xả. Vua lại hỏi:

– Này thầy tu kia, ông dạy đạo lý gì?

Bồ-tát đáp:

– Tâu Đại vương, đức kham nhẫn. Ngài tưởng rằng đức kham nhẫn của tôi

chỉ nằm dưới da; không phải thế đâu, nó nằm bên trong tim tôi, ngài không thể trông thấy được đâu.

Viên quan hành hình lại hỏi vua:

– Tâu Đại vương, tôi phải làm gì để vừa lòng ngài?

Vua nói:

– Hãy cắt đứt hai bàn tay của tên thầy tu giả hiệu ấy đi!

Thế là người kia xách rìu, đặt tội nhân vào bên trong vành tử tội rồi chặt đứt cả hai bàn tay Bồ-tát. Vua lại nói:

– Chặt hai bàn chân luôn!

Thế là hai bàn chân của ngài cũng bị chặt đứt. Máu vọt từ đầu các bàn tay chân như nước tuôn từ một cái bình thủng. Vua lại hỏi ngài thuyết giảng đạo lý gì. Ngài đáp:

– Tâu Chúa thượng, đức kham nhẫn. Tâu Đại vương, ngài tưởng rằng đức kham nhẫn của tôi nằm tại các đầu bàn tay, bàn chân, thực không phải ở đó đâu, nó nằm ở nơi khác nữa kìa.

Vua nói:

– Hãy xẻo mũi và tai nó đi!

Viên quan hành hình làm theo như thế. Toàn thân Bồ-tát bấy giờ nhuốm đầy máu. Vua lại hỏi đến đạo lý của ngài. Vị ẩn sĩ nói:

– Ngài chớ tưởng rằng đức kham nhẫn của tôi nằm ở chóp mũi và chóp tai của tôi, đức kham nhẫn của tôi nằm sâu trong tim tôi kia.

Vua nói:

– Tên thầy tu giả mạo kia, nằm xuống đi rồi hãy ca ngợi đức kham nhẫn của ngươi.

Nói thế xong, vua giẫm lên ngực, chỗ phía trái tim của Bồ-tát rồi bỏ đi.

Khi vua đã đi rồi, vị đại tướng kia đến lau chùi máu trên thân thể của Bồ-tát, băng bó[11] các đầu bàn tay, bàn chân, tai, mũi ngài và nhẹ nhàng đặt ngài ngồi vào một chỗ, đảnh lễ ngài rồi ngồi xuống một bên. Ông bảo:

– Kính thưa Tôn giả, nếu ngài có giận hờn kẻ gây tội ác với ngài thì xin ngài hãy giận hờn đức vua, chớ đừng có giận hờn một ai khác!

Ông yêu cầu Bồ-tát qua bài kệ đầu:

49. Kẻ nào xẻo mũi, cắt tai,
Cùng là chặt đứt của ngài tay chân,
Xin hờn kẻ ấy riêng phần,
Tâm hồn oanh liệt, xin đừng hờn chung!

Bồ-tát nghe thế liền đọc bài kệ thứ hai:

---

[11] Xem *Mv.* VI. 204.

50. Mong vua vẫn được mạng trường,
Tay hung hủy hoại chẳng thương thân này,
Nhưng lòng thanh tịnh, ta đây,
Chẳng hề căm giận kẻ gây ác nào!

Khi vua rời khỏi vườn cây và ngay lúc ông vừa ra khỏi tầm nhìn của Bồ-tát, vùng đất kiên cố dày hai trăm bốn mươi ngàn do-tuần bỗng nứt ra làm hai, lửa từ ngục A-tỳ[12] vọt lên ập tới vua, trùm cả người ông như chiếc long bào hổ hoàng. Như vậy, vua chìm trong đất ngay chỗ cổng vườn cây và bị tống hẳn vào địa ngục A-tỳ. Bồ-tát cũng chết vào cùng ngày ấy. Triều thần của vua và dân chúng mang các tràng hoa, dầu thơm, hương liệu đến làm lễ tống táng Bồ-tát. Có người bảo rằng Bồ-tát đã đi thẳng về dãy Tuyết sơn, nhưng theo bài kệ sau đây thì người ta lại bảo không phải như vậy:

51. "Cổ Thánh nhân" người đời truyền tụng,
Vẫn tỏ ra đại dũng đại uy,
Thánh kia kham nhẫn kiên trì,
Bị vua của xứ Kāsi giết rồi.

52. Ôi món nợ chẳng hồi tiếc nuối,
Vua kia đành trả lại liền sau,
Tháng ngày ân hận dài lâu,
Một khi trú địa ngục sâu tận cùng.

Hai bài kệ trên được sáng tác từ trí tuệ toàn hảo của đức Phật.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết giảng xong, Ngài tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, vị Tỷ-kheo nóng giận kia đắc quả Nhất lai và nhiều vị khác đắc quả Dự lưu. Sau đó, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Devadatta là Kalābu, vua xứ Kāsi; Sāriputta là vị đại tướng; còn Ta là vị ẩn sĩ, người thuyết giảng về đức kham nhẫn.

§314. CHUYỆN ĐỊA NGỤC NỒI SẮT (*Lohakumbhijātaka*)[13] (*J.* III. 43)

Đúng phần của, ta nào ban bố...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một vị vua xứ Kosala.

Lúc ấy, vào một đêm kia, vua xứ Kosala nghe một tiếng do bốn sinh linh ở địa ngục phát ra, đó là bốn âm, mỗi âm do một sinh linh phát ra: "Du, sa, na, se." Truyền thuyết bảo rằng trong một đời trước họ vốn là bốn hoàng tử ở Xá-vệ và đã phạm tội gian dâm. Sau khi làm điều xấu xa với vợ của các láng giềng vốn

---

[12] Avīci: Vô Gián địa ngục.

[13] Xem *Pe.* 93, *Seṭṭhiputtapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ các nam tử của nhà triệu phú*); *Netti.* 128, *Sāsanapaṭṭhāna* (*Sự hình thành giáo pháp*).

được trông giữ cẩn thận, và cứ buông mình theo tham ái dục lạc, họ đã bị bánh xe của thần chết cắt đứt ngang cuộc sống xấu xa kia gần Xá-vệ. Họ tái sanh vào địa ngục Bốn Nồi Sắt. Sau khi chịu đau đớn sáu ngàn năm, họ trồi được lên cao và trông thấy bờ miệng của cái nồi, họ liền tự nghĩ: "Biết đến bao giờ chúng ta mới thoát khỏi cảnh khổ này?" Thế rồi cả bốn người lần lượt phát lên một tiếng kêu lớn. Vua sợ chết vì những âm thanh ấy, cứ ngồi yên không nhúc nhích và chờ cho đến sáng. Lúc bình minh, các vị Bà-la-môn đến vấn an vua. Vua bảo:

– Này các thầy, hôm nay chính ta đây phải nghe những tiếng kêu kinh khủng như thế kia thì làm sao ta khỏe khoắn cho được?

Các Bà-la-môn nhún vẫy tay. Vua hỏi:

– Gì thế hở các thầy?

Họ đoan chắc với vua rằng những tiếng kia là điềm rất hung xấu. Vua hỏi:

– Có cách gì chữa trị không?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, ngài có thể bảo rằng "không", nhưng chúng tôi đã lắm từng trải về các sự việc như thế.

Vua nói:

– Bằng cách nào các thầy có thể xua tan được các điều xấu ấy chứ?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, chúng tôi vốn có quyền năng chữa trị hiệu nghiệm và nhờ cuộc tế lễ tứ phần gồm đủ các loại sinh linh, chúng tôi sẽ xua tan hết mọi điều xấu.

Vua phán:

– Vậy thì nhanh lên, hãy bắt hết mọi sinh linh mỗi thứ bốn con: Người, bò, ngựa, voi xuống cho tới chim cút cùng các loài chim khác, và nhờ tế lễ tứ sinh như thế, tâm ta được an bình trở lại.

Các Bà-la-môn tuân lời, họ lấy đủ mọi thứ họ cần rồi cho đào một hố để tế lễ và trói đủ loại sinh linh khốn khổ kia vào các cột. Họ bắt các vật hy sinh nhiều hơn số cần thiết vì nghĩ rằng họ sẽ được ăn nhiều món ngon và hưởng nhiều lợi lộc. Họ đi khắp chỗ này chỗ nọ và bảo:

– Này, tôi phải có thế này, thế kia...

Hoàng hậu Mallikā đến hỏi vua tại sao các Bà-la-môn lại vui mừng đến thế. Vua đáp:

– Này Hoàng hậu, bà có liên hệ gì tới chuyện này chứ? Bà đang say đắm trong vinh quang của riêng bà và chẳng biết rằng ta đã đau khổ như thế nào.

– Sao thế, thưa Đại vương?

– Ta đã nghe những tiếng kêu khủng khiếp và khi ta hỏi các Bà-la-môn rằng kết quả việc nghe những tiếng kêu ấy là thế nào, thì họ bảo vương quốc của ta,

tài sản của ta đang bị đe dọa, nhưng nhờ tế lễ tứ sinh, họ sẽ làm cho tâm ta an bình. Giờ đây họ đang theo lệnh ta, đào một hố tế lễ và đang tìm kiếm các vật hy sinh mà họ cần.

Hoàng hậu nói:

– Tâu Hoàng thượng, thế ngài đã hỏi ý kiến vị Bà-la-môn trưởng ở thiên giới về nguồn gốc của những tiếng kêu này chưa?

Vua đáp:

– Hoàng hậu, ai là Bà-la-môn trưởng ở thiên giới?

Hoàng hậu trả lời:

– Tâu ngài, đó là đức Đại Cồ-đàm, là đức Phật tối cao.

– Ta đã không hỏi ý kiến đức Phật.

Hoàng hậu nói:

– Thế thì xin hãy đến hỏi Ngài đi.

Vua nghe theo lời hoàng hậu. Sau bữa ăn sáng, vua lên vương xa và đến tinh xá Kỳ Viên. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo sư, vua nói:

– Bạch Thế Tôn, trong đêm gần đây, trẫm có nghe bốn tiếng kêu và hỏi các thầy Bà-la-môn, họ cam đoan sẽ làm cho tâm trẫm an bình trở lại bằng cách tế lễ tứ sinh đối với mỗi loài và bây giờ họ đang sửa soạn tế lễ. Sự việc trẫm nghe các tiếng kêu như thế khiến điều gì xảy ra cho trẫm?

Bậc Đạo sư dạy:

– Chẳng xảy ra điều gì cả. Một số sinh linh ở địa ngục vì phải chịu đựng thống khổ nên kêu lớn lên. Những tiếng ấy không phải riêng ngài nghe đâu. Các vị vua ngày xưa cũng đã nghe như thế. Và họ cũng vậy, sau khi hỏi ý các Bà-la-môn, đã nóng lòng tổ chức lễ tế các vật hy sinh, nhưng rồi được các trí giả chỉ bảo, họ không làm như thế nữa. Các trí giả giảng cho họ tính chất của những tiếng kêu này và khuyên họ thả hết đám vật hy sinh đáng thương kia ra, cùng làm cho tâm họ an bình trở lại.

Rồi do thỉnh cầu của vua, bậc Đạo sư kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng nọ thuộc xứ Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài từ bỏ các dục lạc và sống đời tu hành. Ngài phát huy những thần lực do thiền định và an hưởng thiền lạc. Ngài trú tại một khu rừng tịnh lạc trong vùng Tuyết sơn.

Vua xứ Ba-la-nại bấy giờ rất kinh sợ vì nghe bốn tiếng kêu do bốn sinh linh trú trong địa ngục phát ra. Và khi các thầy Bà-la-môn bảo cũng y như thế rằng một trong ba tai họa phải xảy đến cho nhà vua, vua liền thuận theo đề nghị của họ là cử hành tế lễ tứ sinh để ngăn chặn tai họa. Vị giáo sĩ của hoàng gia được

các Bà-la-môn giúp chuẩn bị một hố tế lễ và một số lớn vật hy sinh được mang lại cột vào các cọc.

Thế rồi Bồ-tát, do lòng từ thúc đẩy, quan sát thế giới bằng thiên nhãn. Khi ngài thấy sự việc xảy ra, liền nghĩ: "Ta phải đến để lo an toàn cho các sinh linh này." Rồi do thần lực, ngài bay lên không và hạ xuống trong vườn cây của vua xứ Ba-la-nại. Ngài ngồi trên phiến đá của vua, trông giống như một tượng vàng.

Người đệ tử trưởng của vị giáo sĩ đến gần thầy và hỏi:

– Thưa thầy, trong kinh Vệ-đà chẳng phải viết rằng không có hạnh phúc cho những ai sát sanh đấy sao?

Giáo sĩ đáp:

– Ngươi cứ việc mang phẩm vật của vua lại đây và chúng ta sẽ có lắm thứ ngon để ăn. Cứ an tâm!

Ông nói thế và đuổi anh ta đi. Nhưng chàng trai tự nghĩ: "Ta sẽ không dự phần vào việc này đâu." Rồi anh ta vào vườn cây của vua và thấy Bồ-tát nơi đấy. Sau khi thân ái chào ngài, anh ngồi xuống cách ngài một khoảng để tỏ lòng kính trọng. Bồ-tát hỏi anh:

– Này chàng trai, vua trị nước có công chính không?

Anh đáp:

– Thưa Tôn giả, vua trị nước rất công chính, nhưng trong đêm ngài nghe bốn tiếng kêu và khi vua hỏi các thầy Bà-la-môn thì ngài được họ đoan chắc rằng họ sẽ làm cho tâm ngài an bình trở lại bằng cách tế lễ tứ sinh. Do đó, vua muốn lấy lại niềm an lạc, đang chuẩn bị đem các loài vật tế lễ và một số lớn các vật hy sinh đã được mang lại trói vào các cột tế lễ. Bây giờ, đối với những đạo nhân như Tôn giả, há chẳng nên giải thích nguyên do của các tiếng kêu kia mà cứu số đông sinh mạng đáng thương này khỏi nanh vuốt của tử thần ư?

Bồ-tát nói:

– Này anh bạn trẻ, vua chẳng biết ta, ta cũng chẳng biết vua, nhưng chính ta đây biết được nguồn gốc của tiếng kêu la ấy. Nếu vua đến đây hỏi ta nguyên do, ta sẽ giải quyết mối nghi cho ngài.

Chàng trai đáp:

– Thế thì thưa Tôn giả, xin Tôn giả chờ một lát, con sẽ đưa đức vua lại.

Bồ-tát chấp thuận. Chàng trai đến trình với vua mọi sự và dẫn vua đến gặp Bồ-tát. Vua đảnh lễ ngài, ngồi xuống một bên và hỏi có thật ngài biết nguồn gốc của các tiếng kêu ấy không. Bồ-tát đáp:

– Tâu Đại vương, thật thế.

Vua nói:

– Vậy thì thưa Tôn giả, xin ngài hãy nói cho ta nghe!

Ngài nói:

– Tâu Đại vương, những người kia trong một đời trước đã phạm tội gian dâm với những người phụ nữ ở gần Ba-la-nại, vốn là vợ của những người láng giềng, được canh giữ rất kỹ lưỡng. Và do đó, về sau họ bị tái sanh vào địa ngục Bốn Nồi Sắt. Nơi đây, sau khi phải chịu thống khổ suốt ba mươi ngàn năm trong một chất lỏng ăn mòn dày đặc được nấu sôi, có lúc họ bị chìm đụng đến đáy nồi, có lúc họ trồi lên đỉnh như một cái bọt nước.[14] Sau những năm như thế, họ thấy được miệng nồi và khi nhìn qua mép nồi, cả bốn người đều muốn đọc lên bốn bài kệ trọn vẹn nhưng họ không thể nào làm được như thế. Và khi mỗi người chỉ mới phát ra được một âm thì bị chìm trở lại trong nồi sắt. Bấy giờ, một người trong bọn bị chìm xuống sau khi phát ra âm "du" vốn muốn nói như sau:

53. Đúng phần của, ta nào ban bố,
Lại sống đời nhiễm ố, tà gian,
Không tìm cứu rỗi vững vàng,
Giờ đây phước lạc một đàng bay xa.

Người ấy không thể đọc lên bài kệ trên, nhưng Bồ-tát nhờ có trí tuệ riêng nên đã đọc lại toàn bộ bài kệ ấy. Và đối với ba người kia cũng thế. Người mới chỉ phát âm "sa" vốn muốn đọc bài kệ sau:

54. Sầu thảm thay, số này chịu cả,
Đến khi nào buông thả ra cho?
Qua vô số kiếp khôn dò,
Cực hình địa ngục bao giờ ngưng đâu!

Còn trường hợp người phát ra âm "ha" thì đây là bài kệ ông ta muốn đọc:

55. Nào dứt được khổ sầu đau đớn,
Số phận kia đã gán cho ta,
Ở trần gian tạo ác ra,
Chính phần ta phải nhận mà đền đây.

Và người đã phát ra âm "se" thì muốn đọc bài kệ sau đây:

56. Số phận này một mai thoát nhẹ,
Mang kiếp người, ta sẽ vươn lên,
Quyết làm nhiều việc thiện hiền,
Bằng công đức tự trang nghiêm lấy mình.

Sau khi đọc trọn từng bài kệ, Bồ-tát bảo:

– Tâu Đại vương, kẻ ở trong địa ngục muốn đọc trọn vẹn cả bài kệ nhưng vì tội của họ nặng quá nên họ không thể làm như thế được. Và khi lãnh nhận hậu quả ác nghiệp của họ như vậy, họ la lớn lên. Nhưng ngài chớ sợ, sẽ không một nguy hại nào đến gần ngài vì ngài đã nghe tiếng kêu ấy đâu.

Được Bồ-tát làm cho an tâm, vua truyền đánh trống vàng của ngài và tuyên bố rằng đám đông các vật hy sinh kia phải được thả ra và hố tế lễ bị phá bỏ. Còn

[14] Xem *Miln*. 357.

Bồ-tát sau khi đã cứu bao nhiêu sinh vật khổ nạn kia, ở lại đó ít ngày rồi quay về chốn cũ và không ngừng tu tập thiền định, ngài được sinh vào cõi Phạm thiên.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết giảng xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Sāriputta (Xá-lợi-phất) bấy giờ là người tu sĩ trẻ tuổi, còn Ta là vị ẩn sĩ kia.

§315. CHUYỆN MIẾNG THỊT (*Maṁsajātaka*) (*J.* III. 48)

Đối với kẻ cầu xin ân huệ...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về cách Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất) đã kiếm thức ăn ngon cho các Tỷ-kheo bị bệnh đang được chữa trị.

Bấy giờ, một số Tỷ-kheo ở Kỳ Viên sau khi dùng dầu để làm thuốc xổ, muốn được một ít đồ ăn ngon. Những người chăm sóc bệnh đã đến Xá-vệ tìm các thức ăn ngon, nhưng sau một vòng khất thực trên con đường tại các khu hàng quán ăn, họ đành trở về, không có được các thức ăn ấy. Đến gần trưa, Trưởng lão Sāriputta vào làng khất thực, gặp các Tỷ-kheo ấy liền hỏi họ vì sao quay về sớm như thế. Họ kể cho Tôn giả nghe. Tôn giả nói:

– Thế thì theo ta đây.

Rồi Tôn giả đưa họ đến cũng chính con đường ấy. Bấy giờ, dân chúng ở đó cúng dường Tôn giả đủ mọi thức ăn ngon. Những thị giả mang thức ăn về cho các Tỷ-kheo bị bệnh và họ đã thọ dụng chúng.

Thế rồi một hôm, cuộc bàn tán lại bắt đầu trong pháp đường rằng các thị giả đã phải rời thành mà không kiếm được thức ăn cho thầy của họ đang bị bệnh như thế nào, còn Trưởng lão Sāriputta trên đường khất thực đã mang họ theo trên một con đường thuộc khu quán xá thế nào, và Tôn giả đã gởi họ về với bao nhiêu là thức ăn ngon.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi các Tỷ-kheo đang bàn tán việc gì và sau khi nghe thuật lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, chẳng phải chỉ riêng Sāriputta kiếm được thức ăn như thế đâu; ngày xưa, các trí giả cũng đã có giọng dịu ngọt, đã biết nói năng vừa lòng người và đã nhận được các thứ như vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là con trai của một thương gia giàu có. Một hôm, một người bẫy nai kia săn được thịt, chở đầy xe quay về thành phố định đem thịt ra bán. Bấy giờ, bốn người con trai của các trưởng giả giàu có đang sống tại Ba-la-nại ra khỏi thành, gặp nhau tại ngã tư đường. Họ ngồi xuống và nói chuyện với nhau về những gì họ đã nghe thấy

được. Một trong những chàng trai ấy trông thấy chiếc xe chở đầy thịt kia liền đề nghị đến người bẫy nai kiếm một miếng thịt nai. Các chàng kia bảo anh ta cứ đến thử xem. Anh ta đến gặp người đi săn ấy và nói:

– Chào ông mãnh, cho tôi một miếng thịt nào!

Người đi săn trả lời:

– Người nào xin người khác thứ gì thì phải nói năng lịch sự, bạn sẽ có một miếng thịt xứng hợp với cách nói năng của bạn.

Rồi ông ta đọc bài kệ đầu:

57. Đối với kẻ cầu xin ân huệ,
Lời sao thô lỗ thế bạn ơi?
Món thô xứng đáng cùng lời,
Chỉ xương da đấy, thứ tôi treo này.

Một trong những người bạn kia hỏi anh ta đã dùng lời lẽ thế nào để xin một miếng thịt, anh ta đáp:

– Tôi nói: Chào ông mãnh!

Người kia nói:

– Tôi cũng sẽ đến xin ông ta.

Rồi anh ta đến gặp người đi săn và nói:

– Này ông anh, hãy cho tôi một miếng thịt nai nào!

Người đi săn đáp:

– Bạn sẽ nhận được một miếng xứng hợp với lời lẽ bạn dùng.

Rồi ông ta đọc bài kệ thứ hai:

58. Tên người anh, mối dây mạnh mẽ,
Nối tình thân những kẻ với nhau,
Lời hay của bạn vừa trao,
Khiến tôi tặng chỗ nối vào hai xương.

Nói thế xong, người đi săn ném cho anh ta một miếng khớp xương nai. Chàng trẻ thứ ba hỏi người vừa rồi đã xưng hô thế nào khi đến xin thịt, anh kia đáp:

– Tôi gọi ông ta là ông anh.

Anh này nói:

– Tôi cũng sẽ đến xin anh ta.

Rồi anh ta đến gần người đi săn và kêu:

– Này cha thân, hãy cho con một miếng thịt nai!

Người đi săn nói:

– Bạn sẽ được một miếng xứng hợp với lời bạn vừa nói.

Và ông đọc bài kệ thứ ba:

59. Tim người cha xót thương động chuyển,
Khi nghe kêu lên tiếng "cha thân",
Đáp lời bạn khẩn cầu ân,
Trái tim nai đấy tôi mang tặng liền.

Nói như thế xong, ông ta liền cho người ấy một miếng thịt ngon, nguyên phần cả trái tim con nai. Thế rồi, chàng trai thứ tư hỏi chàng thứ ba rằng anh đã dùng lời lẽ ra sao mà hỏi xin thịt. Người kia đáp:

– Ồ, tôi gọi anh ta là cha thân!

Người thứ tư bảo:

– Thế thì tôi cũng sẽ xin một miếng.

Rồi anh đến gần người đi săn và nói:

– Này bạn của ta ơi, hãy cho ta một miếng thịt!

Ông ấy bảo:

– Bạn sẽ nhận phần tùy theo lời bạn vừa thốt.

Rồi ông đọc bài kệ thứ tư:

60. Tôi dám nghĩ: Cuộc đời không bạn,
Chắc phải là hoang vắng đìu hiu,
Gồm trong tiếng "bạn" niềm yêu,
Nên tôi tặng hết bao nhiêu thịt này.

Ông ta nói thêm:

– Này bạn, tôi sẽ chở cả xe thịt này về nhà bạn.

Thế là người con trai của thương gia ấy được cả xe mang về và anh ta đến lấy thịt ra. Anh đối đãi với người đi săn đầy thịnh tình và kính trọng. Anh cho gọi vợ con ông ta, và đem ông ta ra khỏi nghề độc ác ấy và đến ở tại tư dinh chính anh. Từ đó, họ trở thành đôi bạn bất ly và sống thân ái với nhau suốt đời.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng, Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Sāriputta là người đi săn, còn Ta là con trai của người thương gia, kẻ đã được chia trọn cả phần thịt nai ấy.

§316. CHUYỆN CON THỎ (*Sasajātaka*)[15] (*J.* III. 51)

Bảy cá hồng tôi đã gọn mang...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về sự cúng dường vật dụng cho các Tỷ-kheo.

Một người chủ đất nọ tại Xá-vệ cung cấp đủ mọi thứ cần thiết cho Tăng đoàn, đứng đầu là đức Phật. Ông ta dựng một cái rạp ở trước cửa nhà ông rồi

[15] Xem *Cp.* 82, *Sasapaṇḍitacariya* (*Hạnh của con thỏ hiền trí*).

mời các Tỷ-kheo cùng đức Phật là vị dẫn đầu, đến ngồi vào chỗ trang nghiêm đã chuẩn bị sẵn và cúng dường các vị đủ mọi thức ăn cao lương thượng hạng. Ông còn nói:

– Ngày mai, xin quý vị trở lại.

Ông khoản đãi họ trọn một tuần và đến ngày thứ bảy, ông dâng cúng đức Phật cùng năm trăm vị Tỷ-kheo của Ngài đủ mọi thứ vật dụng cần thiết. Vào cuối bữa tiệc, bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ công đức:

– Này cư sĩ, ông tạo sự thỏa lòng mãn ý do sự bố thí này, thật là đúng lý. Vì đây là một truyền thống của hàng trí giả ngày xưa, những vị đã hiến cả thân mạng mình cho bất cứ kẻ hành khất nào mà họ gặp, họ còn cho những kẻ ấy ăn cả thịt của chính họ nữa.

Rồi do thỉnh cầu của gia chủ, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một con thỏ sống trong một khu rừng. Một phía rừng này là chân một ngọn núi, ở phía kia là một con sông và ở phía thứ ba là một ngôi làng biên địa. Thỏ có ba bạn: Một con khỉ, một con chó rừng và một con rái cá. Bốn con vật khôn ngoan này sống với nhau, mỗi con săn tìm thức ăn của mình trong một khu riêng biệt và đến chiều tối, chúng đến họp lại với nhau. Thỏ rất thông tuệ, có tài khuyến dụ, thường thuyết chân lý cho ba bạn kia, dạy các bạn ấy nên bố thí, nên tuân hành luật đạo đức và giữ gìn ngày trai giới. Chúng đều tiếp thu lời khuyến dụ ấy và mỗi con đến trú ở chỗ riêng của mình trong khu rừng ấy.

Thời gian trôi qua, một hôm Bồ-tát quan sát bầu trời, nhìn mặt trăng và biết rằng hôm sau là ngày trai giới liền dặn ba bạn kia:

– Ngày mai là trai nhật. Cả ba bạn hãy thực hành giới luật và giữ gìn ngày trai giới. Ai tỏ ra kiên định trong việc thực hiện đạo đức thì việc bố thí sẽ mang lại cho vị ấy kết quả xứng đáng. Thế thì hễ có kẻ nào đến xin bạn, bạn hãy cho họ ăn bằng chính thức ăn của bạn.

Tất cả đều đồng ý, rồi ai nấy về chỗ của mình. Tờ mờ sáng hôm sau, rái cá ra đi tìm mồi, xuống tới bờ sông Hằng. Bấy giờ, có một người đánh cá bắt được bảy con cá hồng, xâu cá vào một sợi mây rồi đem chôn chúng dưới cát trên bờ sông. Sau đó, ông ta lại xuống sông để bắt thêm cá. Rái cá đánh hơi được mấy con cá đang được chôn vùi kia, liền bới cát lên, trông thấy cá liền lôi ra và kêu lớn lên ba lần:

– Cá của ai đây?

Không thấy chủ nhân đâu, nó liền lấy răng cắn xâu cá ấy mang vào rừng đem về để vào nơi nó ở, định sẽ ăn vào lúc thích hợp. Thế rồi nó nằm xuống suy nghĩ: “Mình thật đạo hạnh quá!”

Con chó rừng cũng ra đi kiếm thức ăn và tìm thấy trong túp lều của một người trông coi đồng ruộng hai xiên thịt nướng, một con rắn mối và một lọ sữa đông. Nó kêu lớn lên ba lần:

– Các thứ này của ai đây?

Sau đó không thấy ai là chủ nhân, nó tròng dây vào cổ mang cái lọ, dùng răng cắn con rắn mối và hai cái xiên thịt mang về cất vào hang của nó. Nó tự nghĩ: "Vào lúc thích hợp, ta sẽ ăn các thứ này." Rồi nó nằm xuống, suy nghĩ vừa rồi nó giữ đạo hạnh thật tốt.

Con khỉ cũng vào trong lùm cây, lượm một cành xoài rồi mang lên cất vào khu của nó trong rừng, định sẽ ăn các trái xoài ấy vào lúc thích hợp. Rồi nó nằm xuống, suy nghĩ nó đã giữ đạo hạnh thật đúng.

Còn Bồ-tát vào lúc cần, ra ngoài định ăn đọt non trên bãi cỏ kusa và trong lúc nằm trong rừng, ngài chợt nghĩ: "Ta chẳng có dầu, chẳng có cơm, chẳng có các thứ như thế. Nếu có ai đến đây xin ta, ta đâu có thể lấy cỏ mà cho họ được. Nếu có người hành khất nào đến với ta, ta sẽ cho người ấy thịt của chính ta vậy." Sự biểu lộ đức hạnh sáng ngời ấy làm cho chiếc ngai bằng cẩm thạch trắng của Thiên chủ Đế-thích nóng lên. Đế-thích quán tưởng và khám phá ra duyên cớ, rồi quyết định thử lòng con thỏ chúa này. Trước hết, Thiên chủ giả làm một Bà-la-môn đến đứng gần nơi ở của con rái cá. Rái cá hỏi tại sao ông đứng đó, ông đáp:

– Này hiền giả, tôi vừa nhịn đói giữ trai giới, nếu có được thứ gì để ăn, tôi sẽ hoàn tất mọi bổn phận của một đạo sĩ.

Rái cá nói:

– Tốt lắm, tôi sẽ cho ngài thức ăn.

Rồi nó đọc bài kệ đầu để nói với Đế-thích:

61. Bảy cá hồng tôi đã gọn mang,
Từ dòng nước cả của sông Hằng,
Bà-la-môn hỡi, ăn cho thỏa,
Và ở lại đây chốn núi ngàn.

Vị Bà-la-môn bảo:

– Hãy để đến ngày mai rồi tôi sẽ tính.

Rồi ông đến với con chó rừng. Khi được hỏi vì sao ông đứng đó, ông cũng trả lời như trước kia. Chó rừng cũng sẵn sàng hứa tặng ông đồ ăn và nói với ông bằng bài kệ thứ hai:

62. Người coi đồng dành thức ăn tối,
Bình sữa kia, rắn mối nữa đây,
Và hai xiên thịt nướng này,
Tôi đây trót dại lấy ngay ấy mà.

Có bao nhiêu tôi đà tặng đấy,
Bà-la-môn xin hãy ăn thôi!
Nếu ngài hạ cố đến nơi,
Rừng này ở lại cùng tôi một hồi.

Vị Bà-la-môn bảo:

– Hãy để đến mai rồi tôi sẽ tính.

Rồi ông đến với con khỉ. Khi được hỏi vì sao ông đứng đó, ông cũng trả lời như trước. Khỉ sẵn sàng cho ông đồ ăn và nói với ông bài kệ thứ ba:

63. Dòng nước lạnh với cành xoài mọng,
Chốn rừng xanh rợp bóng yên lành,
Để ngài vui hưởng, sẵn dành,
Nếu ngài thỏa ý, rừng xanh nương mình.

Vị Bà-la-môn bảo:

– Hãy để đến mai rồi tôi sẽ tính.

Rồi ông đến con thỏ rừng tinh khôn. Khi được hỏi vì sao ông đứng đó, ông cũng trả lời như trên. Khi nghe ông ta muốn gì, Bồ-tát rất thỏa ý, liền nói:

– Này Bà-la-môn, ngài đến với tôi để kiếm đồ ăn thì thật là đúng lắm. Hôm nay, tôi muốn trao tặng một thứ mà trước đây tôi chưa bao giờ trao tặng, và ngài sẽ không phải phạm giới sát sanh. Này bằng hữu, khi ngài chất củi và nhóm lên một ngọn lửa xong thì hãy đến báo cho tôi biết, tôi sẽ nhảy vào trong lửa hiến mạng sống của tôi. Khi thân tôi đã được nướng chín, ngài hãy ăn thịt tôi rồi hoàn thành các bổn phận tu sĩ của ngài.

Rồi thỏ nói với ông bài kệ thứ tư:

64. Tôi chẳng có thức ăn mè, đậu,
Cùng gạo cơm để hậu đãi ngài,
Thịt tôi hãy nướng lửa thôi,
Nếu ngài sống với chúng tôi chốn này.

Thiên chủ Đế-thích nghe bảo thế, liền dùng thần lực tạo nên một đống than cháy đỏ rồi đến báo cho Bồ-tát hay, Bồ-tát từ chỗ nằm bằng cỏ kusa đứng lên và đến nơi ấy, ngài lắc mình ba lần để nếu có côn trùng nào nằm trong bộ lông của ngài rơi ra mà thoát chết.

Rồi để hiến dâng toàn cả thân mình, Bồ-tát nhảy vọt lên trong một niềm hoan lạc tràn trề. Ngài rơi xuống đống than cháy rực giống như một con thiên nga vương giả đáp xuống cụm hoa sen. Nhưng ngọn lửa tắt ngay khi chạm đến những lỗ chân lông trên toàn thân ngài giống như ngài rơi vào vùng sương giá. Ngài liền hỏi Đế-thích:

– Này Bà-la-môn, ngọn lửa ngài vừa nhóm lên giá lạnh quá, nó chẳng làm nóng được các lỗ chân lông trên thân thể tôi. Tại sao thế?

Đế-thích đáp:

– Thưa hiền giả, ta chẳng phải là một Bà-la-môn, ta là Đế-thích, ta đến đây để thử đạo hạnh của ngài.

Bồ-tát nói:

– Thưa Đế-thích, không những chỉ riêng ngài mà nếu tất cả mọi người trên thế gian này đến đây để thử tôi về cung cách bố thí như thế kia thì họ cũng sẽ không bao giờ thấy rằng tôi từ bỏ một ý định bố thí nào.

Nói xong, Bồ-tát thốt lên tiếng reo sảng khoái như tiếng rống của sư tử.

Bấy giờ, Đế-thích nói với Bồ-tát:

– Này thỏ hiền trí, mong cho đạo hạnh của ngài được sáng tỏa muôn đời.

Rồi Thiên chủ ép một trái núi, lấy nước tinh từ đó ra mà vẽ hình một con thỏ trên mặt trăng. Sau khi đặt thỏ vào chỗ nằm bằng cỏ non kusa, Thiên chủ quay về cung điện của mình ở trên trời.

Bốn con vật khôn ngoan kia sống hạnh phúc hài hòa bên nhau, giữ tròn giới luật, tuân hành các ngày trai giới, rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, người gia trưởng đã cúng dường các vật dụng cần thiết cho các Tỳ-kheo kia đắc quả Dự lưu, và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ Ānanda là con rái cá, Moggallāna (Mục-kiền-liên) là con chó rừng, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là con khỉ, còn Ta là con thỏ hiền trí ấy.

§317. CHUYỆN KHÓC NGƯỜI CHẾT (*Matarodanajātaka*) (*J.* III. 56)

Khóo người sống hết khóc kẻ chết...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một người chủ đất tại Xá-vệ.

Khi người anh của ông chết, ông quá đau đớn đến độ bỏ ăn, bỏ tắm rửa, không xức dầu thơm. Quá sầu khổ, cứ mỗi chiều là ông đến nghĩa địa khóc than. Bậc Đạo sư vào lúc sáng sớm, phóng tầm mắt nhìn khắp thế gian, quan sát thấy người ấy có khả năng đắc quả Dự lưu, liền nghĩ: "Ngoài Ta ra chẳng ai có thể làm dịu nỗi sầu đau của ông ta và đưa ông đến quả Dự lưu bằng cách kể cho ông ta chuyện xảy ra thời xưa được. Ta phải là nơi an trú cho ông."

Vì thế hôm sau, khi đi khất thực về, Ngài mang theo một Tỳ-kheo trẻ tuổi đến nhà ông ấy. Nghe có bậc Đạo sư đến, người chủ đất liền sai sửa soạn một chỗ ngồi và mời Ngài vào. Sau khi đảnh lễ Ngài, ông ngồi xuống một bên. Khi bậc Đạo sư hỏi vì sao ông sầu não như thế, ông bảo rằng ông buồn khổ từ khi anh ông chết. Bậc Đạo sư dạy:

– Tất cả mọi hiện hữu do kết hợp mà nên đều vô thường, cái gì phải tan rã thì tan rã. Ta chẳng nên phiền não vì điều này. Các trí giả ngày xưa vì biết như vậy nên không hề sầu khổ khi anh của họ chết.

Rồi do thỉnh cầu của ông ta, bậc Đạo sư kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát tái sanh trong một gia đình phú thương, có gia tài đến tám trăm triệu. Khi ngài trưởng thành thì cha mẹ chết. Thế rồi người anh của Bồ-tát quản lý tài sản của gia đình và ngài sống phụ thuộc vào ông ta. Chẳng bao lâu người anh cũng chết do một cơn bạo bệnh. Bà con, bè bạn gần xa đã đến than khóc thảm thiết. Chẳng ai kiềm chế nỗi xúc động của mình. Nhưng Bồ-tát lại chẳng sầu chẳng khóc gì cả. Mọi người đều bảo:

– Coi kìa, anh nó chết mà nó vẫn thản nhiên như không, thực là một kẻ tâm hồn quá sắt đá. Chắc là nó muốn anh nó chết để mong được hưởng gấp đôi phần gia tài đấy.

Một người thân thích cũng trách cứ ngài:

– Này, anh của anh chết mà anh cũng chẳng nhỏ một giọt nước mắt nào cả ư?

Nghe thế ngài bảo:

– Do ngu dại mù quáng, chẳng biết gì đến tám pháp ở thế gian (được mất - khen chê - vui buồn - vinh nhục), các người khóc than: "Ôi, anh ta đã chết!" Nhưng tôi và cả các người đều cũng sẽ chết hết. Tại sao các người lại không khóc khi nghĩ đến cái chết của chính mình? Mọi sự hiện hữu đều giả tạm, do đó không một vật kết hợp nào có thể giữ nguyên điều kiện bản chất của nó được. Dù các người, những kẻ ngu dại mù quáng, do vô minh không biết đến tám pháp ở thế gian mà cứ khóc than sầu khổ, còn tôi tại sao phải khóc chứ?

Nói xong, ngài đọc các bài kệ này:

65-66. Khóc người sống hết khóc kẻ chết,
Mọi sinh linh đều kết một thân,
Loài chim, loài thú bốn chân,
Rắn, người, thần thảy bước chung một đàng.

67. Chống số phận, ta càng bất lực,
Vui chết không khổ lạc thăng trầm,
Sao chìm trong mối thương tâm,
Vì người anh chết, lệ đầm đìa rơi?

68. Chuyện lừa đảo, chuyện đời phóng dật,
Kẻ dại cuồng hay bậc hùng oai,
Khôn ranh, chẳng biết điều ngay,
Khôn ngoan như thế cũng tày ngu si.

Bồ-tát thuyết giảng chân lý cho những người kia như thế và giải trừ mọi phiền não cho họ.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt bài giáo lý, Ngài tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc bài giảng tứ đế, người chủ đất đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, bậc trí giả giải trừ phiền não cho mọi người bằng cách thuyết giảng giáo lý kia chính là Ta.

§318. CHUYỆN VÒNG HOA KAṆAVERA (*Kaṇaverajātaka*) (*J.* III. 58)

Giữa ngày vui đẹp của xuân thời...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo cứ mơ tưởng đến người vợ mà ông đã rời bỏ. Các tình tiết đưa đến câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện các căn*.[16]

Bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Trước kia, đã một lần vì kẻ ấy mà ông bị chém đầu.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra tại một làng ở xứ Kāsi, trong nhà một gia trưởng nọ. Ngài ra đời dưới ngôi sao chiếu mạng của một kẻ cướp. Khi trưởng thành, ngài sống bằng nghề cướp bóc. Tiếng tăm ngài vang động khắp nơi rằng ngài là một kẻ táo bạo và mạnh như voi, không ai có thể bắt được. Một hôm, tên cướp ấy bẻ khóa vào nhà một phú thương nọ và mang đi bao nhiêu của cải. Dân chúng trong thành đến kêu với vua:

– Tâu Đại vương, có một tên cướp táo tợn đang vơ vét cả thành phố, xin ngài hãy sai bắt nó!

Vua ra lệnh cho quan tổng trấn bắt tên cướp. Trong đêm tối, quan tổng trấn bố trí người ở các nơi và bắt được tên cướp đang mang tiền bạc trong mình, rồi mang y đến trước vua. Vua ra lệnh chém đầu. Quan tổng trấn trói quặt hai cánh tay tên cướp ra đằng sau, cột vào cổ y một vòng hoa kaṇavera đỏ, rắc bụi gạch đá trên đầu y, lấy roi da quất vào y và đưa đi khắp công viên rồi dẫn y tới nơi hành quyết giữa những hồi trống vang động. Mọi người bảo:

– Tên cướp ngang tàng đã cướp khắp cả thành phố này bị bắt rồi.

Cả thành phố đều nô nức, xôn xao.

Bấy giờ, tại Ba-la-nại có một kỹ nữ tên Sāmā, giá mỗi ngày phải trả cho nàng là một ngàn đồng. Nàng rất được vua sủng ái và có cả một đoàn người hầu gồm năm trăm nữ tỳ. Nàng đang đứng bên cửa sổ ở tầng trên của lâu đài trông

[16] Xem *J.* III. 462, *Indriyajātaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

thấy tên cướp đang bị dẫn đi. Bấy giờ, y có vẻ đứng đắn dễ thương, sừng sững giữa đám người, thật oai vệ và sáng chói như một thiên thần. Thấy y bị dẫn đi qua như thế, nàng bỗng đâm ra yêu y và trong thâm tâm, nàng tự nghĩ: "Ta phải làm sao để chiếm được chàng làm chồng ta nhỉ?" Nàng lại bảo: "Có cách này đây." Rồi nàng sai các cô hầu gái đem một ngàn đồng đến cho quan tổng trấn và bảo:

– Hãy nói với ông ta rằng tên cướp ấy là anh của Sāmā, anh ta chỉ có thể trú ẩn tại nhà Sāmā mà thôi chứ không thể ở đâu khác được. Hãy xin ông ta nhận tiền này và để cho người tù ấy trốn thoát!

Cô hầu gái làm theo lời nàng. Nhưng quan tổng trấn bảo:

– Đây là một tên cướp khét tiếng, y đã bị bắt như thế rồi, ta không để cho y tự do ra đi như vậy. Nhưng nếu ta tìm thấy được một người nào thay thế y, ta sẽ để y vào một chiếc xe phủ kín và gửi đến cho nàng.

Người nô tỳ về thuật lại cho chủ nghe như vậy.

Lúc bấy giờ, có một phú thương trẻ tuổi nọ rất say mê Sāmā, mỗi ngày đều đến trao nàng một ngàn đồng. Vào lúc hoàng hôn của chính ngày hôm ấy, tình nhân của nàng lại đến nhà nàng như thường lệ cùng với số tiền kia. Sāmā nhận lấy tiền, đặt trên đùi và ngồi khóc. Khi được hỏi vì cớ sao nàng sầu bi như thế, nàng đáp:

– Chàng ơi, tên cướp ấy là anh của em, anh ấy không bao giờ đến thăm em vì người ta bảo em làm một nghề xấu xa. Khi em liên lạc với quan tổng trấn thì ông ta nhắn lại rằng nếu trao cho ông một ngàn đồng thì ông sẽ để cho tù nhân tự do ra đi. Bây giờ, em chẳng kiếm đâu được người mang tiền đến cho quan tổng trấn?

Chàng tuổi trẻ vì quá yêu nàng, liền bảo:

– Tôi sẽ đi.

Nàng nói:

– Thế thì đi và hãy cầm theo số tiền mà chàng đã mang đến cho em.

Thế là anh ta cầm lấy tiền và đến nhà quan tổng trấn. Quan tổng trấn giấu anh chàng phú thương vào một chỗ kín đáo, rồi sai chở tên cướp trong một chiếc xe đóng kín đến nhà Sāmā. Rồi ông tự nghĩ: "Khắp xứ, ai cũng đều biết tên cướp này. Trước tiên phải chờ thật tối, khi mọi người đều lui về nghỉ, ta sẽ hành quyết người này."

Ông ta kiếm cớ để hoãn lại cuộc hành quyết một lúc, rồi chờ cho ai nấy lui về nghỉ, ông mới cho một đại đội hộ tống chàng thương gia đến pháp trường. Ông sai lấy gươm chém đầu anh ta, xiên vào thân anh ta rồi quay về thành phố.

Từ đó, Sāmā không chịu tiếp một người đàn ông nào nữa cả. Nàng dành hết thời giờ để vui thú với riêng tên cướp này mà thôi. Thế rồi tên cướp chợt nghĩ:

"Nếu người đàn bà này đâm ra yêu một người nào khác nữa, nàng sẽ đưa ta đến chỗ chết để nàng vui thú với người ấy. Ta không nên ở đây lâu hơn nữa mà phải gấp gấp thoát đi mới được." Khi sắp ra đi, y lại nghĩ: "Ta không nên tay trắng mà ra đi, hãy lấy của nàng một số nữ trang." Thế là một hôm y bảo nàng:

– Này em yêu, chúng ta cứ sống mãi trong nhà như những con vẹt được nuôi trong lồng. Hôm nào đó chúng ta nên đến giải trí trong vườn cây nhỉ?

Nàng thuận ý và chuẩn bị các thức ăn loại cứng và loại mềm, và đeo hết đồ trang sức cùng với y ngồi trên một chiếc xe đóng kín đi đến vườn cây. Trong lúc cả hai đang tiêu khiển, y tự nghĩ: "Bây giờ là lúc ta nên trốn thoát." Rồi tỏ ra say mê nàng mãnh liệt, y đưa nàng vào trong những bụi cây kaṇavera rậm rồi ôm chầm lấy nàng, siết chặt nàng cho đến khi nàng bất tỉnh. Thả nàng xuống, y lột hết nữ trang, gói vào trong chiếc áo ngoài của nàng và đặt gói nữ trang lên vai rồi nhảy qua tường của vườn cây mà đi.

Khi hồi tỉnh, nàng đứng dậy và đến hỏi các người hầu gái xem phu quân trẻ tuổi của nàng ra sao rồi thì họ nói:

– Thưa phu nhân, chúng tôi không biết.

Nàng tự bảo: "Chàng nghĩ rằng ta đã chết nên sợ mà chạy trốn rồi."

Sầu muộn vì nghĩ như thế, nàng quay về nhà và tự bảo:

– Chừng nào ta chưa gặp lại được trượng phu yêu dấu của ta thì ta quyết không nằm trên một giường nào sang trọng.

Thế là nàng vẫn nằm trên đất mà thôi. Kể từ hôm ấy, nàng không mặc quần áo đẹp, không đeo hoa, không xức dầu thơm, và mỗi ngày nàng chỉ ăn một bữa cơm. Để quyết tìm lại người yêu bằng mọi cách, nàng gọi vài người diễn viên và cho họ một ngàn đồng. Họ hỏi:

– Thưa phu nhân, lấy tiền này chúng tôi phải làm gì?

Nàng trả lời:

– Hãy viếng khắp mọi nơi. Hãy đến từng làng, từng thành phố, từng kinh đô, tụ tập đám đông lại quanh các anh và cần nhất là phải hát bài hát này giữa mọi người!

Nàng dạy cho họ bài kệ đầu rồi dặn tiếp:

– Khi các anh hát bài hát ấy, nếu chồng ta là một người trong đám đông thì chàng sẽ đến nói chuyện với các anh ngay. Bấy giờ, các anh hãy nói với chàng rằng ta hoàn toàn khỏe mạnh, rồi mang chàng về đây cho ta, còn nếu chàng từ chối hãy gởi tin cho ta hay!

Nàng cho họ tiền phí tổn trong cuộc hành trình rồi bảo họ ra đi. Họ bắt đầu đi từ Ba-la-nại, cứ đến nơi này chỗ nọ kêu gọi dân chúng, cuối cùng họ đến một ngôi làng ở biên địa. Tên cướp từ khi tẩu thoát, đang sống ở nơi ấy. Các diễn viên tụ tập đám đông quanh họ và hát lên bài kệ đầu:

69. Giữa ngày vui đẹp của xuân thời,
Cây cối mang hoa rực ánh tươi,
Tỉnh dậy sau cơn mê ngất ấy,
Sāmā đang sống, sống vì người.

Tên cướp nghe thế liền đến gần người diễn viên và nói:

– Bạn bảo Sāmā đang còn sống nhưng ta không tin đâu.

Rồi y đọc bài kệ thứ hai:

70. Gió dữ lung lay được núi đâu?
Gió làm đất vững chãi rung sao?
Thấy người đã chết đang còn sống,
Chuyện ấy hóa ra quá nhiệm mầu!

Người diễn viên nghe các lời trên liền đọc bài kệ thứ ba:

71. Sāmā quả thực sống đời này,
Nàng chẳng kết duyên với một ai,
Nhịn hết, mỗi ngày ăn một bữa,
Riêng người, nàng giữ mối mê say.

Nghe xong, tên cướp liền bảo:

– Dù nàng còn sống hay đã chết, ta cũng không thích nàng.

Rồi y đọc bài kệ thứ tư:

72. Sāmā thay đổi mãi tình thôi,
Tha thiết yêu đương, lại hợt hời,
Cũng vậy với ta nàng sẽ phản,
Nếu ta chẳng quyết phải xa rời.

Các diễn viên trở về kể lại cho Sāmā mọi điều y đã nói với họ. Và nàng tràn đầy tiếc nuối, một lần nữa, nàng lại theo cuộc sống cũ của nàng.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết giảng xong, Ngài tuyên thuyết tứ đế, và ở phần kết thúc tứ đế, Tỳ-kheo có tâm thế tục kia đắc quả Dự lưu. Sau đó, Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Tỳ-kheo này là con trai của phú thương, người vợ mà ông ta đã rời bỏ là Sāmā, còn Ta chính là tên cướp.

§319. CHUYỆN CHIM ĐA ĐA (*Tittirajātaka*) (*J*. III. 64)

Đời hạnh phúc suốt ngày tôi sống...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại tinh xá Badarika gần Kosambī về Trưởng lão Rāhula (La-hầu-la).

Câu chuyện mở đầu đã được kể đầy đủ trong chương I, *Chuyện con nai có*

ba cử chỉ.[17] Bấy giờ, ở trong pháp đường, các Tỳ-kheo đang ca ngợi Tôn giả Rāhula, bảo rằng Tôn giả rất tinh cần, cẩn trọng, nhẫn nhục. Bậc Đạo sư bước vào và khi nghe kể lại đề mục luận bàn của các Tỳ-kheo, Ngài dạy:

– Không phải chỉ nay mà xưa cũng thế, Rāhula đã có các đức tính này.

Rồi Ngài kể cho họ nghe một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, ngài theo đuổi các học nghệ tại Takkasilā rồi ngài từ bỏ đời sống thế tục, sống đời khổ hạnh trong vùng Tuyết sơn, tu tập các thắng trí và các thiền chứng. Ngài thọ hưởng hạnh phúc của thiền định, sống trong một khu rừng tịnh lạc. Sau đó, ngài đến một làng ở biên địa để kiếm muối và giấm. Nhiều người khi trông thấy ngài đã trở thành các tín đồ, họ dựng cho ngài một túp lều lá ở trong rừng và cung cấp cho ngài đủ mọi vật dụng cần thiết của một người tu hành, rồi làm cho ngài một ngôi nhà ở nơi ấy.

Bấy giờ, một người bẫy chim trong làng ấy bắt được một con chim đa đa mồi, bỏ nó vào trong một cái lồng và luyện tập, săn sóc nó cẩn thận. Ông ta mang nó vào rừng để cho nó kêu lên nhử các con đa đa khác đến gần. Con đa đa tự nghĩ: "Do ta mà đồng loại phải lâm vào cái chết. Về phần ta đây là một hành vi ác độc." Vì thế, nó cứ lặng thinh không kêu nữa. Khi chủ nó thấy nó cứ lặng thinh liền lấy một miếng tre đập vào đầu nó. Con đa đa bị đau quá phải kêu lên. Thế là người bẫy chim cứ sinh sống bằng cách dùng nó để nhử các con đa đa khác.

Rồi con đa đa lại nghĩ: "Ừ, dẫu chúng nó có chết đi, về phần ta, ta không hề có ý định xấu. Nhưng những hậu quả xấu do hành động của ta có tác dụng đến ta không? Khi ta lặng thinh thì chúng không đến, khi ta kêu lên thì chúng đến. Và hễ con nào đến đều bị người kia bắt và giết chết. Về phần ta, hành động như thế là có tội hay không có tội?" Từ đó, ý nghĩ độc nhất của con đa đa là: "Ai chính là kẻ có thể giải quyết mối nghi của ta?" Thế là nó cứ tìm kiếm khắp nơi một bậc trí giả để giải quyết mối nghi ấy.

Một hôm, người bẫy chim bẫy được một số đa đa bỏ đầy giỏ, rồi đến căn lều của Bồ-tát xin một ngụm nước. Ông ta đặt lồng chim xuống bên cạnh Bồ-tát, uống nước rồi nằm dưới đất và lăn ra ngủ. Thấy người ấy ngủ, con đa đa tự nghĩ: "Ta sẽ hỏi vị ẩn giả này về mối nghi của ta, nếu ngài biết, ngài sẽ giải quyết nỗi khó khăn của ta." Thế là nằm trong lồng, bằng hình thức một câu hỏi, nó đọc lên bài kệ đầu:

73. Đời hạnh phúc suốt ngày tôi sống,
Đến cùng tôi đầy những thức ăn,

---

[17] Xem *J.* I. 160, *Tipallatthamigajātaka* (*Chuyện con nai có ba cử chỉ*) , số §16.

Nhưng tôi gặp cảnh khó khăn,
Tương lai tôi ấy, số phận ra sao?

Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai để giải quyết câu hỏi:

74. Nếu lòng chẳng tơ hào xấu ác,
Khiến bạn gây nên việc nhục hèn,
Do phần thụ động mà nên,
Bạn nào bị tội trói lên số phần!

Đa đa nghe thế liền đọc bài kệ thứ ba:

75. Chúng bảo rằng: "Họ hàng ta đấy!"
Cả đám đông đổ lại trông coi,
Phải chăng là tội của tôi,
Khiến cho chúng chết, xin ngài giải nghi?

Bồ-tát đọc bài kệ thứ tư:

76. Nếu tội không ẩn trì lòng bạn,
Thì hành vi sẽ chẳng tội tình,
Kẻ nào thụ động phần mình,
Thoát bao tội lỗi trở thành thong dong.

Bậc Đại sĩ an ủi con chim đa đa như vậy. Và nhờ ngài con chim ấy không còn bị ray rứt ân hận nữa. Thế rồi, người bẫy chim thức dậy, chào Bồ-tát và xách lồng ra đi.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết giảng xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Rāhula là con đa đa, còn Ta là vị ẩn sĩ kia.

§320. CHUYỆN DỄ CHO (*Succajajātaka*)[18] (*J.* III. 66)

Ngài có thể ban phần nhỏ nhặt...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một người chủ đất nọ.

Một hôm, ông ta cùng với vợ đến làng kia để đòi một món nợ. Ông lấy một chiếc xe xứng với ông và đem gửi xe cho một gia đình kia định rằng sau này sẽ đến lấy. Trên đường về Xá-vệ, hai vợ chồng thấy một trái núi. Người vợ hỏi ông ta:

– Giả như trái núi này biến thành toàn vàng, chàng có cho em một ít không nào?

Ông ta trả lời:

– Cô là cái thứ gì? Tôi chẳng cho cô mảy may nào đâu!

---

[18] Xem *J.* III. 196, *Hirijātaka* (*Chuyện hổ thẹn*), số §363; *J.* III. 251, *Āsaṁkajātaka* (*Chuyện thiên nữ Āsaṁka*), số §380; *S.* I. 23, *Ujjhānasaññisutta* (*Kinh Ujjhānasaññi*); *Thag*. v. 225, 262, 320.

Nàng kêu lên:

– Ôi, chàng thật là một kẻ có lòng sắt đá. Dù trái núi trở thành vàng ròng, chàng cũng chẳng cho ta một tí ti nào.

Thế là nàng rất buồn nản. Khi đến gần Kỳ Viên, họ cảm thấy khát nước nên vào tinh xá xin một ít nước để uống. Vào chiều hôm ấy, bậc Đạo sư thấy rằng họ có khả năng được giải thoát. Ngài ngồi trong hương phòng chờ họ đến và phóng hào quang sáu sắc của đức Phật. Sau khi đã thỏa cơn khát, hai vợ chồng đến hầu bậc Đạo sư, kính cẩn đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống. Sau những lời ân cần thăm hỏi thường lệ, bậc Đạo sư hỏi họ từ đâu lại.

– Bạch Thế tôn, chúng con đi đòi nợ về đây.

Ngài dạy:

– Này nữ cư sĩ, Ta mong rằng chồng bà muốn bà được lợi ích và sẵn sàng tỏ lòng tốt đối với bà.

Nàng thưa:

– Bạch Thế Tôn, con rất yêu chàng nhưng chàng chẳng có chút tình nào với con cả. Hôm nay khi trông thấy một trái núi, con hỏi chàng: "Giả như trái núi kia toàn bằng vàng ròng, chàng có cho em một ít không?" Chàng đáp: "Cô là cái thứ gì? Tôi chẳng cho cô mảy may nào đâu!" Chàng quả là có tấm lòng sắt đá!

Bậc Đạo sư dạy:

– Này nữ cư sĩ, ông ấy bảo như thế, nhưng nếu ông nhớ lại đức hạnh của bà thì ông sẵn sàng trao cho bà quyền thế cao nhất.

– Bạch Thế Tôn, xin Ngài giảng điều ấy cho chúng con.

Họ kêu lên và do thỉnh cầu của họ, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là đại thần của vua, phục vụ vua mọi việc đắc lực. Một hôm, vua thấy thái tử bấy giờ đang là phó vương đến tỏ lòng cung tôn đối với mình, thì tự nghĩ: "Anh chàng này có thể hại ta nếu nó gặp cơ hội thuận tiện." Vì thế vua gọi thái tử lại và bảo:

– Chừng nào ta còn sống, con không được ở lại kinh đô này. Hãy đi sống ở một nơi nào đó, rồi đến khi ta chết thì hãy về trị vì vương quốc!

Thái tử thuận theo điều kiện ấy. Chàng từ biệt vua cha rồi cùng với người vợ chánh rời khỏi Ba-la-nại. Khi đến một làng ở biên thùy, chàng tự dựng một túp lều lá trong một khu rừng rồi ở đó, sinh sống bằng rễ và trái cây rừng. Chẳng bao lâu nhà vua chết đi. Vị phó vương trẻ tuổi kia quan sát tinh tú biết rằng vua cha đã chết. Và trên đường trở về Ba-la-nại, hai vợ chồng trông thấy một trái núi. Người vợ nói với chàng:

– Thưa trượng phu, giả sử trái núi kia biến thành vàng ròng, chàng có cho em một ít không?

Chàng la lớn:

– Cô là cái thứ gì chứ? Ta chẳng cho cô một tí ti nào đâu!

Nàng tự nghĩ: "Ta đã yêu thương chàng như thế, đã vào sống trong khu rừng kia và không hề có tâm từ bỏ chàng, thế mà nay chàng nói với ta như thế. Chàng thực là một kẻ lòng dạ sắt đá. Nếu chàng làm vua, chàng sẽ làm gì tốt cho ta chứ?" Rồi nàng sầu muộn trong lòng.

Khi đến Ba-la-nại, người chồng được tôn lên làm vua, chàng phong cho vợ lên làm chánh hoàng hậu. Vua chỉ cho nàng chức vụ trên danh nghĩa mà thôi chứ chẳng tỏ ra kính trọng hay trao vinh dự cho nàng, cũng chẳng đoái hoài đến sự có mặt của nàng nữa.

Bấy giờ, Bồ-tát tự nghĩ: "Hoàng hậu vốn là người vợ tận tụy của vua, chẳng kể khổ cực sống cùng ngài ở nơi hoang vu vắng vẻ. Thế mà vua không nghĩ đến điều đó, cứ vui thú với những phụ nữ khác. Nhưng ta sẽ mang lại chức quyền cao nhất cho hoàng hậu."

Nghĩ như vậy, một hôm, ngài đến chào hoàng hậu và nói:

– Tâu Hoàng hậu, chúng thần chẳng hề được Lệnh bà cho một miếng cơm nào cả. Tại sao Lệnh bà lại có lòng dạ cứng cỏi, quá hững hờ với chúng thần như vậy?

Hoàng hậu đáp:

– Này khanh, nếu ta có nhận thứ gì thì ta mới cho khanh được, nhưng ta không được gì cả thì lấy chi mà cho khanh chứ? Đức vua ban cho ta thứ gì nào? Trên đường về đây, ta đã hỏi ngài: "Nếu trái núi kia toàn bằng vàng ròng thì chàng sẽ cho em gì nào?", thì ngài trả lời: "Cô là cái thứ gì, ta sẽ chẳng cho cô gì đâu!"

Bồ-tát nói:

– Được rồi, Lệnh bà có thể lặp lại chuyện này trước mặt đức vua không?

Hoàng hậu đáp:

– Này khanh, sao lại không chứ?

Bồ-tát nói:

– Thế thì khi đứng chầu đức vua, thần sẽ hỏi, Lệnh bà sẽ trả lời như thế nhé!

Hoàng hậu trả lời:

– Đồng ý.

Thế là khi Bồ-tát đến chầu vua, và tỏ lòng kính cẩn đối với vua, ngài hỏi hoàng hậu:

– Tâu Lệnh bà, sao chúng thần chẳng được tự tay Lệnh bà cho thứ gì cả?

Hoàng hậu đáp:

– Này khanh, ta đây có nhận được gì thì ta mới cho khanh chứ. Nhưng xem kìa, đức vua có thể cho ta gì nào? Khi ngài và ta ở trong rừng ra và trông thấy một trái núi, ta hỏi ngài: "Nếu trái núi kia toàn bằng vàng ròng thì chàng có cho em một ít không?" Ngài đáp: "Cô là cái thứ gì? Ta chẳng cho cô một chút gì cả!" Khi nói như thế, ngài từ chối cả những thứ dễ cho.

Để nêu rõ điều ấy, hoàng hậu đọc bài kệ đầu:

77. Ngài có thể ban phần nhỏ nhặt,
Đối với ngài có mất mát gì đâu!
Núi vàng, tôi cũng tặng trao,
Tôi xin mọi thứ, ngài đều bảo không!

Nghe thế vua đọc bài kệ thứ hai:

78. Khi có thể, bảo "vâng sẽ tặng",
Chớ hứa suông khi chẳng thể kham,
Lời ngoa khi hứa không làm,
Hiền nhân khinh ghét kẻ xàm dối thôi.

Hoàng hậu nghe thế, chắp hai tay đưa lên tỏ lòng kính cẩn và đọc bài kệ thứ ba:

79. Tâu Quân vương, chúng tôi cầu chúc,
Ngài ngôi cao chính trực vững vàng,
Sang giàu có thể tiêu tan,
Chỉ riêng chân lý ngài hằng hưởng vui.

Sau khi nghe hoàng hậu chúc tụng vua, Bồ-tát liền nêu lên các đức hạnh của bà và đọc bài kệ thứ tư:

80. Danh vợ hiền, Lệnh bà đã tỏ,
Chia sẻ bao vui khổ cuộc đời,
Phận bà xứng đáng lắm rồi,
Cùng hàng vương giả kết đôi bạn lòng.

Bồ-tát ca ngợi hoàng hậu như thế và bảo:

– Tâu Đại vương, Lệnh bà này lúc ngài đang gặp nghịch cảnh đã sống cùng ngài, chia sẻ cùng ngài bao sầu khổ trong rừng. Ngài nên làm vinh dự cho bà!

Khi nghe Bồ-tát nói, vua liền nhớ đến những đức hạnh của hoàng hậu và bảo:

– Này hiền khanh, nhờ hiền khanh mà ta nhớ lại các đức hạnh của hoàng hậu.

Vua nói thế rồi trao mọi quyền lực vào tay hoàng hậu. Ngoài ra, vua còn ban quyền hạn lớn lao cho Bồ-tát. Vua bảo:

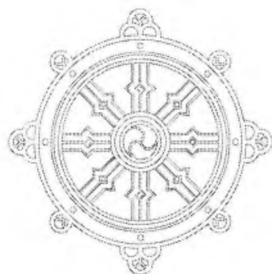
– Chính nhờ khanh mà ta nhớ lại các đức hạnh của hoàng hậu vậy.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài tuyên thuyết tứ đế. Ở phần cuối bài giảng tứ đế, người chồng cùng người vợ đắc quả Dự lưu.

Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, người chủ đất này là vua xứ Ba-la-nại, nữ cư sĩ này là hoàng hậu, còn Ta là vị quan Hiền trí nọ.



III. PHẨM KẺ ĐỐT LỀU
(*KUṬIDŪSAKAVAGGA*)

§321. CHUYỆN KẺ ĐỐT LỀU (*Kuṭidūsakajātaka*) (*J.* III. 71)

Khỉ ạ, tay chân mặt mũi ngươi...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một chú tiểu đốt túp lều lá của Trưởng lão Mahākassapa (Đại Ca-diếp).

Nhân duyên đưa đến câu chuyện vốn từ Vương Xá. Bấy giờ, Trưởng lão ấy sống trong một túp lều ở gần Vương Xá. Có hai chú tiểu lo giúp việc cho Trưởng lão, một chú rất được việc, còn chú tiểu kia có tánh hạnh xấu. Bất cứ việc gì chú kia làm, chú này làm như thể do chính chú làm vậy. Chẳng hạn như khi chú kia lấy nước cho Trưởng lão súc miệng, thì chú này lại đến gặp Trưởng lão và thưa:

– Bạch thầy nước đã sẵn, xin thầy súc miệng.

Và khi bạn chú thức dậy sớm để lo quét dọn lều của Trưởng lão, thì ngay khi Trưởng lão xuất hiện, chú cứ đụng tay vào thứ này vật nọ, làm như là toàn túp lều được chính chú dọn dẹp vậy.

Chú tiểu lo tròn nhiệm vụ kia tự nghĩ: "Anh bạn xấu tính này, hễ ta làm cái gì thì anh ta cứ nói như thể chính anh ta làm. Ta sẽ phơi bày tính xấu của anh ấy mới được." Vì thế, khi anh chàng dối trá kia từ làng trở về, ăn xong liền đi ngủ, chú tiểu này nấu nước nóng rồi đem giấu trong phòng và chỉ để lại ít nước trong nồi đun. Chú tiểu kia thức dậy, đi đến và thấy hơi bốc lên liền tự nghĩ: "Chắc chắn anh bạn ta đã đun nước và để trong buồng tắm." Thế là, chú đến gặp Trưởng lão và thưa:

– Thưa thầy, nước đã sẵn trong buồng tắm, xin thầy vào tắm.

Trưởng lão theo chú đi tắm, nhưng chẳng thấy có nước trong buồng tắm, liền hỏi chú nước đâu, chú vội trở vào bếp, bỏ gáo vào nồi trống và múc nước, chiếc gáo chạm vào đáy nồi kêu lạch cạch, từ đó về sau chú bị người ta gọi là "Gáo lạch cạch ".

Vào lúc ấy, chú tiểu kia vào lấy nước trong phòng sau rồi bảo:

– Thưa thầy, xin thầy vào tắm.

Trưởng lão tắm xong và bây giờ Trưởng lão đã biết tánh hạnh xấu của Gáo lạch cạch. Chiều hôm ấy, khi chú ta đến dọn cơm, Trưởng lão khiển trách chú:

– Khi kẻ nào đã phát nguyện tu hành, tự mình đã làm điều gì thì kẻ ấy mới có quyền báo: "Tôi đã làm điều ấy." Nếu không, thì đó chỉ là một lời nói dối có toan tính. Từ nay trở đi chớ có phạm ác hạnh như thế nữa!

Chú tiểu giận Trưởng lão và hôm sau chú không chịu theo Trưởng lão về thành phố khất thực. Nhưng chú tiểu kia đi theo Trưởng lão.

Còn Gáo lạch cạch đến viếng một gia đình thủ hộ của Trưởng lão. Người nhà hỏi Trưởng lão đâu, thì chú bảo ngài bị bệnh phải ở nhà. Họ hỏi chú cần gì, chú bảo:

– Hãy cho tôi các thứ như thế, như thế!

Rồi chú mang các thứ ấy đến một nơi chú thích và ăn xong trở về lều.

Hôm sau, Trưởng lão đến thăm gia đình ấy và ngồi xuống với họ. Họ nói:

– Phải chăng ngài không được khỏe? Nghe nói hôm qua ngài phải ở trong phòng. Chúng tôi có gởi ít thức ăn nhờ chú tiểu kia mang về, ngài có dùng các thứ ấy không?

Trưởng lão giữ vẻ bình thản không nói gì. Và sau khi dùng xong bữa, Trưởng lão trở về tinh xá. Vào buổi chiều, khi chú ấy đến hầu thầy, vị Trưởng lão bảo chú:

– Này chú, chú đến xin gia đình kia, trong làng kia, chú bảo: "Trưởng lão cần phải ăn các thứ như thế, như thế", rồi họ nói chính chú ăn các thứ ấy. Khất thực như thế là hết sức bất chánh. Hãy giữ gìn, chớ phạm ác hạnh như vậy nữa!

Thế là chú ấy cứ mãi nuôi lòng thù hận Trưởng lão, chú nghĩ: "Hôm qua chỉ do một chút nước, ông ấy mắng xối vào ta; còn bây giờ tức giận vì ta đã ăn một nắm cơm ở nhà thủ hộ của ông, ông ta gây sự với ta nữa, ta sẽ tìm cách cư xử xứng hợp với ông ấy."

Ngày hôm sau, khi Trưởng lão vào thành phố khất thực, chú ta lấy búa đập vỡ hết các bình bát để đựng thức ăn và châm lửa đốt túp lều lá rồi phóng chạy đi. Lúc còn sống, chú trở thành kẻ cùng khổ đói khát giữa đời này và tàn tạ dần cho đến khi chết, chú bị đọa vào đại địa ngục Avīci. Mọi người đều biết đến hành vi xấu xa của chú.

Một hôm, vài Tỷ-kheo từ Vương Xá đến Xá-vệ. Sau khi cất bình bát và áo ngoài vào trong phòng chung, họ đến đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống.

Bậc Đạo sư vui vẻ trò chuyện với họ và hỏi họ từ đâu đến.

– Bạch Thế Tôn, từ Vương Xá.

Ngài hỏi:

– Thế ai là pháp sư ở đó?

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Mahākassapa.

Ngài hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, Kassapa có được an lành không?

– Bạch Thế Tôn, Trưởng lão vẫn khỏe mạnh. Nhưng một chú tiểu giận dữ vì bị Trưởng lão quở trách đã nổi lửa đốt túp lều lá của vị ấy rồi bỏ đi.

Bậc Đạo sư nghe thế liền bảo:

– Này các Tỷ-kheo, Kassapa độc cư còn tốt hơn là sống chung với một kẻ ngu dại như thế.

Nói xong, Ngài đọc một bài kệ được ghi lại trong *Kinh Pháp cú*:[19]

Đừng đi cùng với bọn tầm thường,
Nên tránh giao du với lũ dại cuồng,
Chọn bạn bằng ta hay vượt trội,
Hoặc là đơn độc tiến trên đường.

Sau đó, Ngài lại bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, không phải bây giờ chú ấy mới phá hoại túp lều và cảm thấy căm giận người đã quở trách mình. Ngày xưa, chú ấy cũng đã căm giận như thế.

Rồi Ngài kể cho họ nghe một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một con chim Siṅgila (loài chim có sừng). Khi trở thành một con chim lớn, ngài đến trú tại vùng Tuyết sơn và xây một cái tổ đúng ý thích, có thể chống chọi với mưa gió.

Bấy giờ, vào mùa mưa, mưa hoài không dứt, một con khỉ kia ngồi gần bên Bồ-tát, răng đánh lập cập vì trời lạnh quá. Trông thấy khỉ khổ sở như vậy, Bồ-tát nói chuyện với nó và đọc bài kệ đầu:

81. Khỉ ạ, tay chân mặt mũi ngươi,
Xem ra thật giống với người thôi,
Sao không xây lấy nơi cư trú,
Để núp khi giông bão đến nơi?

Khỉ nghe thế liền đọc bài kệ thứ hai:

82. Chim hỡi, tay chân mặt mũi ta,
So cùng người thật giống không xa,
Trí khôn, lợi nhất người thừa hưởng,
Phần ấy ta đây bị loại ra.

Bồ-tát nghe xong liền đọc bài kệ nữa:

83. Kẻ nào vẫn trơ tráo hoài,
Tâm hồn hời hợt đổi thay không ngừng,
Tỏ ra cung cách thất thường,
Thì niềm hạnh phúc chẳng đường tìm ra.

---

[19] Xem *Dh*. v. 61.

84. Khỉ ơi, hạnh muốn tiến xa,
Ngươi cần gắng sức thật là tinh chuyên,
Đi đi, lều lá dựng lên,
Để mà trú ẩn tránh phiền gió đông.

Khỉ tự nghĩ: "Con vật này nhờ trú ẩn một nơi tránh được mưa tỏ ra khinh dể ta." Thế rồi, quyết bắt cho được Bồ-tát, nó phóng tới vồ lấy ngài. Nhưng Bồ-tát đã bay lên không, tung cánh đi nơi khác. Còn con khỉ, sau khi đập phá tổ chim, liền bỏ đi.

***

Sau khi chấm dứt bài thuyết giảng, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, chú tiểu nổi lửa đốt túp lều là con khỉ, còn Ta là con chim Siṅgila.

§322. CHUYỆN TIẾNG ĐỘNG MẠNH (*Daddabhajātaka*) (*J.* III. 74)

Từ nơi trú ẩn của tôi đây...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một số tà sư ngoại đạo.

Các tà sư ngoại đạo này tại nhiều nơi khác nhau gần Kỳ Viên, nằm trên gai, chịu năm cách lửa đốt (bốn ngọn lửa chung quanh và mặt trời ở trên) và thực hành tà khổ hạnh về nhiều loại khác nhau. Bấy giờ, có một số Tỷ-kheo trên đường khất thực từ xa về, trông thấy các tà sư ngoại đạo ấy đang thể hiện những khổ hạnh giả hiệu kia, liền đến hỏi bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, các tà sư ngoại đạo ấy thực hành khổ hạnh như vậy có công đức gì không?

Bậc Đạo sư dạy:

– Này các Tỷ-kheo, chẳng có công đức gì, cũng chẳng có giá trị đặc biệt nào trong việc ấy cả. Khi được quán xét và thử nghiệm, nó cũng giống như một đường mòn ở trên đống phân, hay giống như tiếng động mà con thỏ rừng đã nghe thôi.

Rồi do yêu cầu của các Tỷ-kheo, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một con sư tử. Khi đã trưởng thành, ngài sống trong một khu rừng. Bấy giờ, ở gần biển Tây có một khu rừng cây kè (thốt nốt) lẫn với cây vilva. Một con thỏ rừng sống ở đây, dưới một cây kè nhỏ, bên một gốc cây vilva.

Một hôm, sau khi ăn xong, thỏ đến nằm bên dưới cây kè nhỏ ấy, thế rồi nó chợt nghĩ: "Nếu đất này bị hủy hoại, ta sẽ ra làm sao nhỉ?" Ngay lúc ấy, một trái vilva chín rơi xuống trên ngọn lá kè. Nghe tiếng động ấy, thỏ liền nghĩ: "Đất

vững chắc này đang sụp xuống." Thế là nó vụt chạy, chẳng ngoái cổ nhìn lui. Một con thỏ rừng khác nhìn thấy nó phóng đi và có vẻ hãi hùng sắp chết như vậy, liền hỏi nó vì sao mà nó phải kinh hoàng vụt chạy. Thỏ đáp:

– Xin đừng hỏi tôi.

Con thỏ kia la lên:

– Này, cái gì vậy chớ?

Rồi cứ chạy theo nó. Nó dừng lại một chốc, chẳng quay nhìn lui mà nói:

– Đất ở đây đang vỡ ra đấy.

Nghe thế, con thỏ thứ hai chạy theo nó. Rồi cứ thế, con thỏ này chạy theo con thỏ khác nối nhau thành một trăm ngàn con phóng chạy. Rồi một con nai, một con heo rừng, một con hoẵng, một con trâu, một con bò rừng, một con tê giác, một con cọp, một con sư tử và một con voi trông thấy chúng chạy qua. Khi chúng hỏi làm sao mà chạy như thế thì đều được trả lời rằng đất sắp vỡ ra, chúng cũng phóng chạy với nhau luôn. Thế là cả đám loài vật ấy kéo ra dài cả một do-tuần.

Khi Bồ-tát trông thấy đám loài vật cứ cắm đầu phóng chạy và nghe duyên cớ là đất sắp đến lúc diệt tận, ngài liền nghĩ: "Chẳng có đâu đất đến lúc diệt tận cả. Chắc chắn phải có một tiếng động nào đó mà chúng đã hiểu lầm và nếu chính ta không nỗ lực thật nhiều thì chúng sẽ chết hết. Ta phải cứu mạng chúng mới được."

Với tốc độ của một con sư tử, Bồ-tát phóng đến chân núi trước chúng và ba lần rống lên tiếng rống của sư tử. Chúng quá kinh hãi trước sư tử bèn dừng lại đứng dùn nhau thành một đám hỗn loạn. Sư tử bước vào trong bọn chúng và hỏi tại sao chúng phóng chạy như vậy. Chúng trả lời:

– Đất đang sụp.

Sư tử hỏi:

– Ai thấy đất sụp?

Chúng đáp:

– Bọn voi biết rõ hết.

Sư tử liền hỏi bọn voi, chúng đáp:

– Chúng tôi không biết, bọn sư tử biết.

Nhưng bọn sư tử lại nói:

– Chúng tôi không biết, bọn cọp biết.

Bọn cọp nói:

– Bọn tê giác biết.

Bọn tê giác nói:

– Bọn bò rừng biết.

Bọn bò rừng nói:

– Bọn trâu.

Bọn trâu nói:

– Bọn hoẵng.

Bọn hoẵng nói:

– Bọn heo rừng.

Bọn heo rừng nói:

– Bọn nai.

Bọn nai nói:

– Chúng tôi không biết, bọn thỏ rừng biết.

Khi bọn thỏ rừng được hỏi, chúng chỉ vào một con thỏ và nói:

– Tên này đã bảo chúng tôi như thế.

Bồ-tát hỏi:

– Này ông bạn, có phải đất đang vỡ ra chăng?

Thỏ đáp:

– Vâng, thưa ngài, tôi đã thấy như thế.

Bồ-tát hỏi:

– Khi bạn thấy thế, bạn đang ở đâu?

Thỏ nói:

– Thưa ngài, ở gần biển trong một khu rừng kè xen lẫn với cây vilva tôi chợt nghĩ: "Nếu đất này vỡ ra, ta sẽ đi đâu?" Ngay lúc ấy, tôi nghe tiếng đất vỡ rồi phóng chạy.

Sư tử nghĩ: "Rõ ràng là một trái vilva chín đã rơi trên một ngọn lá kè gây nên một tiếng 'thụp' và chú thỏ này vội kết luận rằng đất đang đến lúc diệt tận, rồi chú liền chạy đi. Ta muốn tìm cho ra sự thật chính xác như thế nào."

Sư tử an ủi bầy thú kia và bảo:

– Ta sẽ mang chú thỏ này đi khám phá thật chính xác ngay tại chỗ mà chú ta đã chỉ để xem đất ở đó có sắp diệt tận hay không. Các bạn hãy ở đây cho đến khi ta quay trở lại!

Thế rồi đặt thỏ lên lưng mình, với tốc độ của sư tử, ngài phóng tới, để con thỏ xuống khi tới khu rừng kè và nói:

– Hãy đi, chỉ chỗ mà bạn đã muốn nói!

Thỏ nói:

– Thưa ngài, tôi không dám đâu.

Sư tử đáp:

– Đi đi, đừng sợ.

Con thỏ không dám đến gần cây vilva, cứ đứng xa mà kêu lên:

– Thưa ngài, đằng kia kìa, đó là nơi tiếng động khủng khiếp ấy.

Rồi nó đọc bài kệ đầu:

85. Từ nơi trú ẩn của tôi đây,
Tiếng "thụp" bỗng nghe kinh hãi thay,
Tiếng ấy là gì không thể nói,
Cũng không hiểu được bởi gì gây.

Sau khi nghe thỏ nói, sư tử liền đến gốc cây vilva, trông thấy chỗ thỏ đã nằm dưới bóng cây kè và thấy trái vilva chín đã rơi trên ngọn lá kè kia. Sau khi đã cẩn thận xác nhận rằng đất không bị vỡ, Bồ-tát liền đặt thỏ lên lưng và với tốc độ của sư tử, phóng về chỗ bọn thú đang đứng.

Thế rồi ngài kể cho chúng nghe toàn bộ sự việc và nói:

– Đừng sợ hãi nữa!

Sau khi an ủi bọn thú, ngài để cho chúng ra đi. Quả thật, nếu lúc ấy không nhờ Bồ-tát thì tất cả các con thú kia đều đổ xô vào biển mà chết. Chính nhờ Bồ-tát mà tất cả đều thoát chết.

86. Hãi hùng vì tiếng trái rơi ra,
Thỏ nọ, một lần vụt chạy xa,
Tất cả thú kia đều nối gót,
Rúng lòng vì thỏ hoảng kinh mà.

87. Chúng không xem rõ việc là gì,
Chuyện nhảm, không đâu, lắng tai nghe,
Cả đám đều vô cùng rối loạn,
Với niềm kinh hoảng rất ngu si.

88. Những ai đạt được hạnh thông cao,
Trí tuệ lạc an nhập được vào,
Việc xấu dù cho còn xúi gọi,
Kinh hoàng như thế, xá chi nào!

Ba bài kệ được sáng tác ra từ trí tuệ toàn hảo của đức Phật.

***

Sau khi chấm dứt bài thuyết giảng, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ta chính là con sư tử.

§323. CHUYỆN VUA BRAHMADATTA (*Brahmadattajātaka*) (*J.* III. 78)

Như thế này là đúng tính chất...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại đền thờ Aggāḷava, gần Ālavī, về các điều lệ phải giữ trong việc xây tinh xá.

Câu chuyện khởi đầu đã được kể trước đây trong *Chuyện vua rắn Maṇikaṇṭha*.[20] Nhưng ở đây, bậc Đạo sư dạy:

– Này các Tỷ-kheo, có phải các ông sống ở đây bằng cách gây phiền hà khi xin đồ vật và khất thực chăng?

Khi họ đáp "vâng", Ngài quở trách họ và bảo:

– Các bậc Hiền trí ngày xưa, khi được vua ban cho họ thứ mà họ thích, dù họ muốn xin đôi giày đế đơn và vì sợ vi phạm bản tính tinh tế cẩn trọng của họ nên trước mọi người, họ không dám nói một lời mà chỉ nói riêng thôi.

Rồi Ngài kể cho họ một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, trong vương quốc Kampilla, khi một vị vua xứ Pañcāla trị vì trong kinh thành Uttarapañcāla, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn, tại một thị trấn nọ. Khi lớn lên, ngài tiếp thu kiến thức về các học nghệ tại Takkasilā. Sau đó, ngài thọ giới luật của một ẩn sĩ và trú trong vùng Tuyết sơn. Ngài sống ở đó một thời gian lâu và sống bằng cách lượm nhặt trái, củ rừng.

Rồi khi lai vãng các nơi có người ở để kiếm muối và giấm, ngài đến thành Uttarapañcāla và trú trong vườn cây của nhà vua. Ngày hôm sau, ngài vào thành khất thực và đến cổng nhà vua. Vua rất hài lòng về cử chỉ, thái độ của ngài nên mời ngài ngồi trên bệ và dâng ngài các thức ăn xứng với vị vua. Vua long trọng hứa kết thân với ngài và giao cho ngài một chỗ ở trong khu vườn ấy.

Ngài ở mãi trong ngôi nhà của vua và khi mùa mưa chấm dứt, muốn trở lại vùng Tuyết sơn, ngài tự nghĩ: "Nếu ta lên đường, ta cần có một đôi giày đế đơn[21] và một cái dù lá. Ta hỏi xin đức vua các thứ ấy."

Một hôm, ngài đến vườn cây và thấy vua đang ngồi đó, ngài chào vua và định hỏi xin vua giày và dù. Nhưng ngài lại nghĩ: "Khi một người xin người khác và nói: 'Hãy cho tôi thứ ấy, thứ ấy...' thì người ấy muốn khóc lên được và khi người kia từ chối và nói: 'Tôi không có thứ ấy...' thì phần mình cũng muốn khóc lên được." Và để cho mọi người khỏi phải thấy ngài hoặc vua khóc, ngài nghĩ: "Cả hai chúng ta sẽ yên ổn khóc ở một nơi kín đáo." Vì thế, ngài nói:

– Tâu Đại vương, tôi muốn nói chuyện riêng với ngài.

Các cận thần của vua nghe thế liền bỏ đi. Nhưng Bồ-tát lại nghĩ: "Nếu vua từ chối lời thỉnh cầu của ta thì tình bạn giữa vua và ta sẽ chấm dứt. Vậy ta không nên hỏi xin vua thứ gì cả."

Hôm ấy, vì không dám nêu vấn đề, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy đi, để tôi xem lại chuyện này đã.

---

[20] Xem *J.* II. 282, *Maṇikaṇṭhajātaka* (*Chuyện vua rắn Maṇikaṇṭha*), số §253.

[21] Xem *Mv.* V. 184.

Hôm khác, khi vua vào vườn cây, cũng như trước, Bồ-tát nói thế này rồi thế kia và không thể bày tỏ lời thỉnh cầu của mình được. Và cứ thế, mười hai năm trôi qua.

Bấy giờ, vua tự nghĩ: "Vị giáo sĩ này bảo: 'Tôi muốn nói riêng', và khi các quan bỏ đi, ngài lại không có can đảm nói. Ngài mong muốn như thế đã mười hai năm qua. Ta nghĩ rằng sau mười hai năm sống đời tu hành lâu như thế, ngài đang tiếc nhớ cuộc đời này. Ngài muốn hưởng lạc thú và khao khát quyền cao. Nhưng vì không thể bày tỏ ra được tiếng 'vương quốc' nên người đành giữ im lặng. Hôm nay, từ vương quốc của ta trở xuống, hễ ngài muốn gì, ta đều trao cho cả." Thế là vua vào vườn cây chào Bồ-tát và ngồi xuống, Bồ-tát xin được nói riêng với vua và khi các cận thần ra đi, ngài lại không thể nói ra lời nào. Vua bảo:

– Đã mười hai năm nay, ngài cứ xin nói chuyện riêng với ta, thế mà khi có cơ hội thuận tiện, ngài lại không thể thốt lên được một lời. Ta thuận cho ngài mọi thứ, từ vương quốc của ta trở xuống. Ngài chớ có e ngại, cứ hỏi xin thứ gì mà ngài thích đi!

Bồ-tát nói:

– Tâu Đại vương, ngài có vui lòng cho tôi cái mà tôi thích chăng?

– Vâng, thưa Tôn giả, ta vui lòng.

– Tâu Đại vương, khi tôi lên đường ra đi, tôi cần có một đôi giày đế đơn và một cái dù lá.

– Ngài ơi, thế mà suốt mười hai năm qua, ngài đã không thể nào hỏi xin một điều quá nhỏ nhặt như thế được ư?

– Tâu Đại vương, thế đấy ạ.

– Tại sao ngài lại làm như thế chứ?

– Tâu Đại vương, khi một người bảo: "Hãy cho tôi thứ ấy..." người ấy phải rơi nước mắt và kẻ từ chối: "Tôi không có thứ ấy…" thì về phần mình, kẻ ấy cũng phải khóc. Nếu khi tôi xin mà ngài từ chối, tôi sợ rằng người ta có thể thấy chúng ta hòa lẫn nước mắt. Đó là lý do khiến tôi xin được kín đáo hỏi.

Thế rồi, ngài mở đầu bằng cách đọc ba bài kệ:

89. Như thế này là đúng tính chất,
Của lời xin, kính bạch Đại vương,
Nó luôn luôn vẫn sẽ mang,
Hoặc lời từ chối, hoặc phần tặng trao.

90. Tâu Chúa công, kẻ nào thỉnh nguyện,
Nước mắt kia đã muốn trào ra,
Còn người từ chối lời kia,
Cũng là khó giữ đầm đìa lệ rơi.

91. Tôi sợ rằng mọi người thấy được,
Chúng ta đây nhỏ nước mắt suông,
Nên điều tôi hỏi xin mang,
Bên ngài thầm kín, tôi cần rỉ tai.

Vua rất đẹp lòng vì sự biểu lộ lòng kính trọng kia ở phần Bồ-tát. Ngài ban tặng ân huệ cho Bồ-tát và đọc bài kệ thứ tư:

92. Ta tặng ngài một bầy bò đỏ,
Gồm ngàn con, thêm có người chăn.
Lời ngài cao quý muôn vàn,
Phần ta xúc cảm rộng lòng phát ban.

Nhưng Bồ-tát bảo:

– Tâu Đại vương, tôi không muốn những thú vui vật chất. Hãy cho tôi thứ tôi xin mà thôi!

Rồi ngài mang đôi giày đế đơn, cầm chiếc dù lá và khích lệ vua nhiệt tâm trong đạo, giữ giới luật và tuân hành ngày trai tịnh. Thế rồi, dù vua nài nỉ ngài ở lại, ngài vẫn ra đi vào dãy Tuyết sơn. Ở đây, ngài phát huy các thắng trí và các thiền chứng, sau đó tái sanh vào cõi Phạm thiên.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ānanda là vị vua ấy, còn Ta là ẩn sĩ nọ.

§324. CHUYỆN THẦY TU MẶC ÁO DA (*Cammasāṭakajātaka*) (*J.* III. 81)

Con vật hảo tâm tỏ ra khâm phục...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo mặc áo bằng da.[22]

Áo ngoài, áo trong của ông ta đều bằng da. Một hôm, khi ra khỏi tinh xá để đi khất thực ở Xá-vệ, ông đến đấu trường của cừu đực. Một con cừu đực trông thấy ông, liền thối lui định húc ông. Vị Tỷ-kheo tự nghĩ: "Nó làm như thế là để tỏ kính phục ta đấy." Và ông không chịu lùi bước. Con cừu phóng tới húc vào đùi ông, làm ông ngã xuống đất.

Trường hợp kính chào ảo tưởng kia được đồn đại trong chúng Tỷ-kheo. Đề mục được các Tỷ-kheo đem bàn tán trong pháp đường là vị khất sĩ mặc áo da kia tưởng được kính chào như thế nào và gặp cái chết ra sao. Bậc Đạo sư bước vào và hỏi họ đang bàn tán việc gì. Sau khi nghe kể lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà từ xưa kia cũng thế, tu sĩ ấy tưởng mình được kính chào và rồi phải mang lấy cái chết.

---

[22] Xem *Mv*. VIII. 305.

Rồi Ngài kể cho họ một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình thương gia và hành nghề buôn bán. Bấy giờ, có một khất sĩ nọ mặc quần áo bằng da đang đi khất thực, đến đấu trường của cừu đực và trông thấy một con cừu đực thối lui khi đối diện với ông, ông tưởng nó làm thế là tỏ dấu hiệu kính trọng nên ông không rút lui. Ông nghĩ: "Trên toàn cõi đời này, chỉ riêng con cừu này nhận biết các công hạnh của ta." Ông đứng đó, chắp tay giơ lên kính chào và đọc bài kệ đầu:

93. Con vật hảo tâm tỏ ra khâm phục,
Trước Bà-la-môn đạo thức, đẳng cao,
Thú kia, ngươi thiện hảo biết là bao,
Mong ngươi được vang danh khắp loài vật.

Bây giờ, một vị thương gia có trí tuệ đang ngồi trong cửa hàng mình, muốn can ngăn vị khất sĩ, liền đọc bài kệ thứ hai:

94. Bà-la-môn, chớ khinh thường tin nó,
Nó sẽ húc người ngã xuống đất ngay,
Cừu đực kia đang lui lại như vầy,
Để phóng mạnh tới tấn công người đó.

Trong lúc vị thương gia có trí tuệ ấy còn đang nói, con cừu đực phóng tới thật nhanh và húc vào đùi vị khất sĩ làm ông ngã xuống. Ông cuống cuồng lên vì đau đớn và cứ nằm đó kêu than. Sự việc ấy được bậc Đạo sư diễn tả bằng bài kệ thứ ba:

95. Bình bát lật úp và chân bị gãy,
Người tiếc than thân phận ấy đau buồn,
Đừng dang tay khóc lóc thật hoài công,
Mau cứu chữa trước khi người bị giết!

Và vị khất sĩ đọc bài kệ thứ tư:

96. Kẻ nào tỏ kính cung nơi chẳng xứng,
Đều sẻ chia số phận của tôi nay,
Bị cừu kia húc ngã xuống đất đây,
Tôi phải chết vì lòng tin vụng dại.

Ông ta than vãn như thế rồi sau đó chết đi.

***

Sau khi chấm dứt bài thuyết giảng, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Người mặc áo da hôm nay và thời xưa ấy cũng là một. Còn Ta là vị thương gia có trí tuệ kia.

§325. CHUYỆN CON KỲ NHÔNG (*Godhajātaka*)[23] (*J.* III. 84)

Kẻ nào đóng vai tu ẩn dật...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo xảo quyệt.

Câu chuyện mở đầu đã được kể đầy đủ trước đây. Trong dịp này, các Tỷ-kheo đưa ông ra trước bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Ngài, Tỷ-kheo này gian xảo.

Bậc Đạo sư dạy:

– Không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, ông ta đã xảo quyệt.

Rồi Ngài kể cho họ nghe một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một con kỳ nhông. Khi lớn lên và trở nên khỏe mạnh, lực lưỡng, ngài trú trong một khu rừng. Bấy giờ, một ẩn sĩ độc ác nọ dựng một túp lều lá trú gần ngài. Bồ-tát trong khi đi đây đó kiếm ăn, trông thấy túp lều lá và tự nghĩ: "Túp lều này hẳn phải là của một nhà tu khổ hạnh." Ngài đến chào hỏi nhà tu rồi quay về chỗ của mình.

Một hôm, ẩn sĩ giả mạo kia ăn một món ăn hợp khẩu do người thủ hộ nấu cho, bèn hỏi người ấy thịt gì thế. Khi nghe nói rằng đó là thịt kỳ nhông, ông trở thành nô lệ cho lòng ham muốn được ăn ngon, đến độ ông tự nghĩ: "Ta sẽ giết con kỳ nhông vẫn thường đến lều ta và nấu nó theo khẩu vị của ta mà ăn." Thế là ông lấy ra một ít bơ, sữa đông, gia vị, v.v... Rồi ông giấu kín chiếc gậy bên trong tấm y màu vàng của ông và đến ngồi ngay cửa lều, cố hết sức im lặng chờ Bồ-tát đến.

Khi Bồ-tát trông thấy con người tồi tệ ấy, ngài liền nghĩ: "Kẻ xấu này đã từng ăn thịt đồng loại ta. Ta sẽ thử xem có phải thế không." Thế rồi, ngài đứng dưới gió để đánh hơi kẻ xảo quyệt ấy. Khi biết ông ta đã từng ăn thịt một con kỳ nhông, ngài không đến gần mà quay lại và bỏ đi. Ẩn sĩ kia thấy ngài không đến, liền ném gậy vào người. Chiếc gậy không trúng vào thân thể ngài mà chỉ chạm vào chóp đuôi. Ẩn sĩ nói:

– Cút đi, ta để hụt mất ngươi.

Bồ-tát bảo:

– Vâng, ông đã trượt mất ta nhưng ông không hụt mất bốn cảnh khổ đâu.

Rồi ngài chạy chui biến vào trong một gò mối ở cuối lối đi và thò đầu ra bằng một lỗ khác mà nói với ông ta bằng hai bài kệ sau:

---

[23] Tham chiếu: *Dh.* v. 394; *J.* I. 480, *Godhajātaka* (*Chuyện con kỳ nhông*), số §138; *J.* II. 382, *Romakajātaka* (*Chuyện chim bồ câu*), số §277; *Pháp cú kinh* "Phạm chí phẩm" 法句經梵志品 (*T*.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh* "Phạm chí phẩm" 出曜經梵志品 (*T*.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Phạm chí phẩm" 法集要頌經梵志品 (*T*.04. 0213.33. 0798a01).

97. Kẻ nào đóng vai tu ẩn dật,
Chế ngự mình cần được tỏ ra,
Chính người ném gậy vào ta,
Người tu ẩn dật hẳn là giả danh.

98. Tóc bện ấy, da trần không áo,
Để che trùm tội giấu kín hoài,
Khùng thay! Lo sạch bề ngoài,
Bỏ quên mọi thứ xấu tồi bên trong.

Ẩn giả nghe thế liền đọc bài kệ thứ ba:

99. Kỳ nhông ơi, mau vòng quay lại,
Muối, dầu, ta chẳng phải thiếu đâu,
Cả tiêu, ta nảy ý cầu,
Một phần thích khẩu thêm vào món cơm.

Bồ-tát nghe thế liền đọc bài kệ thứ tư:

100. Ta ẩn náu êm đềm ấm cúng,
Giữa đám đông trong tổ mối này,
Muối, dầu, chuyện nhảm chớ bày,
Cả tiêu kia nữa, ta đây chán rồi.

Ngoài ra, ngài còn dọa:

– Này nhà tu giả mạo kia, thật đáng kinh tởm! Nếu ông còn ở đây, ta sẽ khiến mọi người sống trong vùng ta đi kiếm ăn bắt ông như một kẻ trộm và ông sẽ bị hại. Thế thì hãy lo mau mau cút đi!

Thế là nhà tu giả mạo kia liền bỏ chạy khỏi nơi ấy.

***

Thuyết giảng xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Tỷ-kheo xảo quyệt này là nhà tu giả hiệu kia, còn Ta là vua kỳ nhông.

§326. CHUYỆN THIÊN HOA KAKKĀRU (*Kakkārujātaka*) (*J.* III. 86)

Kẻ nào giữ mình không trộm cắp...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về cách Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đã gây ra sự ly gián trong Tăng đoàn như thế nào, rồi sau đó bỏ đi với các đệ tử trưởng của ông, và khi đám này tan rã, ông ta hộc ra một dòng máu nóng.

Các Tỷ-kheo đem chuyện ấy bàn trong pháp đường và bảo rằng Devadatta đã dùng vọng ngôn gây nên sự ly gián kia, sau đó mang bệnh và chịu bao nhiêu đau đớn. Bậc Đạo sư bước vào hỏi các Tỷ-kheo đang họp nhau ngồi bàn tán chuyện gì. Sau khi nghe kể lại, Ngài dạy:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà từ xưa kia, ông ta cũng đã là một kẻ nói dối; và không phải chỉ bây giờ mà từ xưa kia, ông ta cũng đã phải chịu khổ đau vì nói dối.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị thần ở cõi trời Ba Mươi Ba. Bấy giờ, có một cuộc lễ lớn tại Ba-la-nại. Một đám đông rắn thần (*nāga*) và Kim Sí điểu cùng các địa thần đến dự lễ. Và bốn thiên thần từ cõi trời Ba Mươi Ba mỗi vị mang một tràng thiên hoa Kakkāru cũng đến dự lễ. Suốt trong khoảng mười hai do-tuần của thành phố đều sực nức hương thơm của các hoa ấy. Mọi người đều xôn xao, tự hỏi không biết các vị mang các bông hoa ấy là ai. Các thần nói:

– Họ đang nhìn chúng ta đấy.

Rồi họ từ sân điện bay lên và dùng thần lực đứng ngay trên không. Đám đông tụ tập lại, vua cùng các hoàng tử đến hỏi các vị thần ấy từ cõi nào đến:

– Chúng ta từ cõi trời Ba Mươi Ba đến.

– Các ngài định đến đây để làm gì?

– Để dự lễ.

– Các hoa này là hoa gì thế?

– Chúng tên là thiên hoa Kakkāru.

– Thưa các ngài, ở thế giới thiên thần, các ngài có thể đeo hoa khác. Hãy cho chúng tôi hoa này!

Các thần trả lời:

– Các hoa này chỉ xứng với những vị thần có đại lực; còn đối với hạng thấp kém, những kẻ ngu si, tội lỗi trong cõi người thì hoa này không xứng hợp. Nhưng những ai trong cõi người có được những đức hạnh như thế như thế thì những bông hoa này xứng hợp với họ.

Rồi vị trưởng các thần ấy đọc lên bài kệ đầu:

101. Kẻ nào giữ mình không trộm cắp,
Miệng lưỡi luôn tránh tật dối lời,
Đạt nên danh vọng cao vời,
Giữ tâm yên ổn, xứng đòi hoa đây.

Nghe thế, một vị giáo sĩ hoàng gia tự nghĩ: "Ta chẳng có một đức tính nào trong các đức tính nói trên, nhưng ta sẽ nói dối để có được những bông hoa này. Được như thế mọi người sẽ tin rằng ta có các tính hạnh ấy." Rồi ông ta nói:

– Tôi có đủ những đức tính ấy.

Thế là ông ta được trao hoa để mang. Rồi ông ta đến xin vị thần thứ hai, vị này đọc bài kệ thứ hai:

102. Kẻ nào kiếm tiền tài chân thật,
Tránh gian manh để đạt giàu sang,
Thú vui quá độ tránh luôn,
Xứng phần được đóa thiên hương đây này.

Giáo sĩ nói:

– Tôi đầy đủ những đức tính ấy.

Và thế là ông ta được trao hoa để mang. Rồi ông đến xin vị thần thứ ba, vị này đọc bài kệ thứ ba:

103. Kẻ nào chẳng lệch xa mục đích,
Và lòng tin bất dịch chẳng rời,
Thức ăn ngon chẳng đoái hoài,
Chánh chân đòi hỏi hoa trời này đây.

Vị giáo sĩ nói:

– Tôi đầy đủ những đức tính ấy.

Thế là ông ta được trao hoa để mang. Rồi ông đến xin vị thần thứ tư, vị này đọc bài kệ thứ tư:

104. Kẻ nào chẳng phê bình người tốt,
Dù sau lưng hay trước mặt người,
Làm tròn việc đúng như lời,
Xứng đòi phần thưởng hoa trời này đây.

Giáo sĩ nói:

– Tôi đầy đủ các đức tính này.

Và ông được trao hoa để mang.

Như vậy, các vị thần tặng bốn tràng hoa cho vị giáo sĩ rồi quay về cõi trời. Khi các thần vừa ra đi, giáo sĩ bị một cơn đau khốc liệt tấn công, ở trong đầu như có mũi nhọn đâm và như có đồ vật bằng sắt đập vào. Cuồng trí vì đau đớn, ông lăn lộn vật vã và kêu la ầm ĩ. Khi mọi người hỏi:

– Thế này là sao?

– Tôi tự xưng có những đức hạnh mà tôi vốn không có. Tôi đã nói dối để xin các thần ấy những bông hoa này, hãy gỡ hoa ra khỏi đầu tôi!

Họ liền gỡ hoa ra nhưng không được vì hoa đã gắn chặt như một vành sắt. Thế rồi họ đỡ ông ta lên và đưa ông về nhà. Ông cứ nằm đó mà kêu ầm ĩ suốt bảy ngày. Vua bảo các cận thần:

– Bà-la-môn ác hạnh kia sắp chết, ta nên làm gì đây?

Các quan đáp:

– Tâu Đại vương, chúng ta hãy tổ chức một lễ hội. Các thiên thần sẽ trở lại.

Vua liền tổ chức một lễ hội và các thiên thần ấy trở lại và làm ngập tràn

thành phố với hương thơm của các bông hoa kia, họ đứng tại chỗ cũ trong sân chầu. Dân chúng tụ tập và mang Bà-la-môn ác hạnh kia đặt nằm sấp xuống trước các thiên thần. Ông ta van xin các thần:

– Kính lạy các ngài, xin hãy tha mạng cho tôi!

Các thần bảo:

– Các bông hoa này không thích hợp với một kẻ độc ác xấu xa. Trong tâm ông đã định lừa dối chúng ta và ông đã phải nhận lấy hậu quả của những lời ông nói dối.

Sau khi quở trách mọi người, các thần gỡ tràng hoa khỏi đầu ông, khuyến dụ mọi người rồi quay về trú xứ riêng của họ.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết giảng xong. Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Devadatta là Bà-la-môn ấy, Kassapa (Ca-diếp) là một trong các thiên thần, Moggallāna (Mục-kiền-liên) là vị thần thứ hai, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vị thần thứ ba, còn Ta là vị thần trưởng chúng.

§327. CHUYỆN HOÀNG HẬU KĀKĀTI (*Kākātijātaka*)[24] (*J.* III. 90)

Hương quyện quanh tôi là hơi thở...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo hối tiếc vì đã thọ giới xuất gia.

Vào dịp này, bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo ấy rằng có thật ông đã buồn chán không và khi ông trả lời:

– Bạch Thế Tôn, thật thế.

– Vì sao lại buồn chán?

– Bạch Thế Tôn, do ái nhiễm.

Bậc Đạo sư dạy:

– Tỷ-kheo không thể canh phòng phụ nữ. Không có cách gìn giữ họ an toàn. Các trí giả ngày xưa đã đặt một phụ nữ ở giữa biển, trong một cung điện gần hồ Simbalī (trên đỉnh núi Tu-di) mà vẫn không thể giữ danh tiết của nàng.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là thái tử, con của chánh hoàng hậu. Ngài lớn lên và khi vua cha mất, ngài nối ngôi, Kākāti là chánh hoàng hậu của ngài, xinh đẹp như một tiên nữ. Tích xưa của

---

[24] Bản Tích Lan và Thái Lan viết *Kākātijātaka*. Bản CST viết *Kākavatījātaka*. Xem *J.* III. 188, *Sussondijātaka* (*Chuyện Hoàng hậu Sussondī*), số §360.

chuyện này sẽ được kể đầy đủ trong *Chuyện chim chúa Kuṇāla*.[25] Sau đây chỉ là phần vắn tắt của chuyện.

Bấy giờ, có một vua Garuḍa[26] giả trang làm một người đàn ông đến chơi xúc xắc với vua xứ Ba-la-nại. Vua chim thần Garuḍa đâm ra yêu Hoàng hậu Kākāti, nên mang nàng về trú xứ của loài Garuḍa và sống hạnh phúc với nàng ở nơi ấy. Vua xứ Ba-la-nại mất nàng liền bảo một nhạc công tên là Naṭakuvera đi tìm nàng. Naṭakuvera thấy vua chim đang nằm trên đệm cỏ eraka (cỏ nến) ở một cái hồ nọ. Khi chim thần Garuḍa sắp rời nơi ấy, chàng liền ngồi giữa đám lông của vương điểu và nhờ cách ấy mà chàng được chở đến trú xứ của loài chim thần Garuḍa.

Tại đây, chàng được hưởng những đặc ân của hoàng hậu, sau đó chàng lại ngồi trên cánh chim thần kia và trở về nhà. Thế rồi, vào lúc vua chim Garuḍa đến chơi xúc xắc với vua xứ Ba-la-nại, chàng nhạc công cầm đàn bước lên chỗ hai người chơi xúc xắc, đứng trước vua và chàng đọc bài kệ đầu dưới hình thức một bài ca:

105. Hương quyện quanh tôi là hơi thở,
Của mối tình người ở nơi xa,
Kākāti đẹp ấy mà,
Khiến tôi rung động sâu xa trong lòng.

Nghe thế, chim thần Garuḍa trả lời bằng bài kệ thứ hai:

106. Vượt qua biển, qua dòng Kebukā,
Phải chăng ngươi đến được đảo ta?
Bảy vùng biển rộng bay qua,
Simbalī rừng ấy, người đà đến nơi?

Naṭakuvera nghe thế, liền đọc bài kệ thứ ba:

107. Khắp trời rộng, nhờ ngài tôi vượt,
Và tôi đây đến được Simbalī,
Bay ngang bao biển, bao sông,
Mối tình tôi gặp, nhờ phần ngài thôi.

Vương điểu Garuḍa đọc bài kệ thứ tư:

108. Thật cuồng si việc tôi xảo trá,
Khiến tôi thành một gã ngu đần,
Người yêu nên giữ riêng phần,
Kìa tôi phục vụ như hàng mối mai.

Thế rồi, chim Garuḍa nọ mang hoàng hậu trả về cho vua xứ Ba-la-nại và không bao giờ trở lại nữa.

***

[25] Xem *J.* V. 413, *Kuṇālajātaka* (*Chuyện chim chúa Kuṇāla*), số §536.
[26] Kim Sí điểu, chim thần Cánh Vàng.

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng và tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, Tỷ-kheo bất mãn đắc quả Dự lưu. Và Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ Tỷ-kheo bất mãn kia là Naṭakuvera, còn Ta là vua ấy.

§328. CHUYỆN KHÔNG KHÓC NGƯỜI CHẾT

(***Ananusociyajātaka***) (*J.* III. 92)

Sao ta nhỏ lệ vì em chứ...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một người chủ đất có vợ chết. Chàng chẳng thiết tắm rửa, ăn uống, bỏ bê công việc nông trại. Quá sầu đau, chàng lang thang khắp nghĩa địa mà than vãn trong khi cận y duyên cho Dự lưu đạo đang bừng lên như ánh lửa trong đầu chàng.

Bậc Đạo sư vào lúc sáng sớm, quan sát khắp thế gian đã thấy được chàng. Ngài tự nghĩ: "Ngoài Ta ra, không ai có thể giải được nỗi sầu muộn của người này và ban năng lực cho chàng nhập Dự lưu. Ta sẽ là chỗ an trú cho chàng."

Thế là khi Ngài đi khất thực trở về, và thọ thực xong, Ngài đem theo Tỷ-kheo thị giả và đi đến nhà người chủ đất ấy. Khi nghe bậc Đạo sư đến, chàng liền ra đón Ngài, cung kính mời Ngài ngồi vào chỗ đã soạn sẵn rồi đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Này cư sĩ, vì sao ông im lặng thế?

Chàng đáp:

– Bạch Thế Tôn, con đang sầu muộn vì nàng.

Bậc Đạo sư dạy:

– Này cư sĩ, cái gì có thể tan rã thì tan rã, nhưng khi điều này xảy ra, người ta không nên phiền muộn. Các bậc Hiền trí ngày xưa khi mất vợ, họ biết chân lý này và do đó họ không đau buồn.

Rồi do thỉnh cầu của chàng, bậc Đạo sư kể một chuyện đời xưa.

Câu chuyện này sẽ được kể trong chương X, *Chuyện Trí giả Cullabodhi*.[27] Sau đây chỉ là phần tóm tắt của câu chuyện.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, ngài theo đuổi tất cả các môn học tại Takkasilā rồi trở về với cha mẹ ngài. Ở tiền thân này, bậc Đại sĩ trở thành môn đồ của đạo Thánh hiền. Cha mẹ ngài bảo ngài là họ sẽ tìm cho ngài một người vợ. Bồ-tát nói:

– Con không muốn sống đời có vợ con. Khi cha mẹ qua đời, con sẽ sống đời của một nhà tu khổ hạnh.

[27] Xem *J.* IV. 22, *Cullabodhijātaka* (*Chuyện Trí giả Cullabodhi*), số §443.

Vì cha mẹ cứ nài nỉ mãi, ngài sai làm một bức tượng bằng vàng và bảo:

– Nếu cha mẹ kiếm cho con được một thiếu nữ giống như tượng này thì con sẽ lấy làm vợ.

Cha mẹ ngài liền sai vài thám tử cùng với một số lớn tùy tùng và bảo họ đặt tượng vàng trong một xe đóng kín rồi đi tìm kiếm khắp các đồng bằng nước Ấn Độ, đến khi nào tìm thấy được một tiểu thư Bà-la-môn giống như vậy thì đem tượng vàng đổi lấy và đem thiếu nữ về cho họ.

Bấy giờ, có một Thánh giả kia từ cõi Phạm thiên tái sanh dưới hình thức một thiếu nữ ở một thành phố thuộc vương quốc Kāsi, trong ngôi nhà của một Bà-la-môn có gia sản tới tám trăm triệu đồng. Thiếu nữ tên là Sammillabhāsinī. Ở tuổi mười sáu, nàng là một thiếu nữ tươi đẹp, dễ thương, giống như một tiên nữ mang đủ mọi nét đẹp nữ giới. Mãnh lực của đam mê tội lỗi không thể nảy sinh được một ý nghĩ xấu nào trong nàng, nên nàng thật là hoàn toàn thuần khiết.

Những người kia mang tượng vàng đi khắp đó đây cho đến khi họ tới ngôi làng ấy. Dân làng trông thấy tượng liền hỏi:

– Tại sao Sammillabhāsinī, con gái của người Bà-la-môn ấy lại được đặt ở đó?

Các thị giả nghe thế liền tìm đến gia đình Bà-la-môn ấy và chọn Sammillabhāsinī làm hôn thê cho chủ của họ. Nàng nhắn với cha mẹ:

– Khi cha mẹ mất, con sẽ sống đời tu hành, con không muốn lập gia đình.

Cha mẹ nàng bảo:

– Này con, con nghĩ gì thế chứ?

Rồi họ nhận tượng vàng và gởi con gái đi cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo. Lễ cưới được cử hành trái với ý nguyện của Bồ-tát và Sammillabhāsinī. Dù phải chia sẻ chung một phòng, một giường, cả hai vẫn không nhìn nhau bằng con mắt dục lạc tội lỗi mà cùng sống với nhau như hai nam hay hai nữ tu sĩ thanh tịnh.

Chẳng bao lâu, cha mẹ của Bồ-tát qua đời, ngài lo tang lễ, rồi gọi Sammillabhāsinī đến và bảo:

– Này em yêu, tài sản của gia đình ta lên tới tám trăm triệu đồng và tài sản của gia đình em cũng đáng giá tám trăm triệu đồng nữa. Em hãy lấy hết đi và hãy sống cuộc đời của một gia trưởng. Ta sẽ trở thành một người tu khổ hạnh.

Nàng trả lời:

– Chàng ơi, nếu chàng trở thành một ẩn sĩ thì em cũng sẽ trở thành một ẩn sĩ, em không thể bỏ chàng được.

Chàng nói:

– Thế thì nàng hãy làm như thế đi.

Như vậy, họ tiêu hết gia sản bằng cách bố thí và vứt bỏ gia tài của họ như nhổ bỏ một búng đàm, rồi cả hai người đi vào vùng Tuyết sơn và sống cuộc đời khổ hạnh. Sau khi đã sống một thời gian lâu bằng cách lượm hái trái, rễ cây, họ rời dãy Tuyết sơn đi xuống kiếm muối và giấm, rồi dần dần họ tìm thấy đường đến Ba-la-nại và sau đó họ trú trong vườn cây của nhà vua.

Trong khi họ sống ở đó, vị ẩn sĩ trẻ tuổi mảnh mai này vì phải ăn cơm nhạt của loại gạo trộn mà bị bệnh kiết lỵ hành hạ và không có được thuốc chữa nên nàng trở nên quá gầy yếu. Bồ-tát trong khi đi khất thực phải ẵm nàng theo, mang nàng đến cổng thành và đặt nàng nằm trên một cái ghế dài trong một tiền đường rồi vào thành khất thực. Khi Bồ-tát vừa mới ra đi thì nàng tắt thở. Mọi người thấy vị nữ tu khổ hạnh sắc đẹp phi thường, liền tụ họp đến quanh nàng khóc lóc tiếc thương. Sau khi đi khất thực trở về, Bồ-tát nghe nàng đã chết liền bảo:

– Cái gì có tính chất tan rã thì tan rã. Mọi hiện hữu vô thường đều thuộc loại này cả.

Nói thế xong, ngài ngồi xuống chiếc ghế dài nàng đang nằm và ăn thức ăn trộn rồi súc miệng. Mọi người đứng gần đó tụ tập lại quanh ngài và nói:

– Bạch Tôn giả, vị nữ tu khổ hạnh này là gì của ngài?

Ngài đáp:

– Khi tôi còn là cư sĩ, nàng đã là vợ tôi.

Họ nói:

– Bạch Tôn giả, trong khi chúng tôi khóc lóc tiếc thương và không thể ngăn được xúc động, tại sao ngài lại không khóc?

Bồ-tát bảo:

– Khi nàng còn sống, nàng đã thuộc về tôi theo một số phận nào đó. Khi nàng sang thế giới khác, chẳng có gì thuộc về nàng cả. Nàng đã bước vào lãnh vực của các vị khác. Thế thì tại sao tôi lại phải khóc nàng?

Rồi ngài thuyết giảng chân lý cho mọi người qua các bài kệ sau đây:

109. Sao ta nhỏ lệ vì em chứ,
Hỡi Sammillabhāsinī,
Em xinh đẹp đã chết đi,
Từ nay ta hẳn còn gì em đâu?

110. Kẻ yếu đuối âu sầu gì chớ?
Khóc lóc làm chi những thứ mượn vay?
Tử vong, đã thở hơi này,
Thì từng giờ phút trao tay tử thần.

111. Dầu ai đứng hay đang ngồi đó,
Đang nằm hay dời chỗ gì chăng,
Chỉ trong chớp mắt qua ngang,
Chỉ trong một lúc tử thần kề ngay.

112. Đời bất ổn ta đây đã tính,
Mất bạn bè chẳng tránh được ra,
Hãy yêu mọi thứ còn kia,
Chớ buồn khi chúng phải lìa xa ta.

Bậc Đại sĩ thuyết giảng Chánh pháp qua các bài kệ này và giải thích sự vô thường của vạn vật. Mọi người hoàn tất lễ tang cho vị nữ tu ấy. Còn Bồ-tát quay về dãy Tuyết sơn, đạt tuệ giác cao hơn do thiền định, rồi ngài tái sanh cõi Phạm thiên.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, người chủ đất đắc quả Dự lưu. Sau đó, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, mẹ của Rāhula (La-hầu-la) là Sammillabhāsinī, còn Ta là nhà tu khổ hạnh ấy.

§329. CHUYỆN CON KHỈ KĀLABĀHU (*Kālabāhujātaka*) (*J.* III. 97)

Ta từng hưởng lắm thức ăn...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Trúc Lâm về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) mất các lợi dưỡng và danh vọng.

Khi Devadatta đã nuôi lòng hiềm thù đức Phật một cách phi pháp và sai một xạ thủ giết Ngài. Tội lỗi của ông ta ai ai cũng biết qua việc ông thả con voi Nāḷāgiri [để làm hại đức Phật]. Thế rồi, mọi người lấy mất trú xứ và các khẩu phần của ông và vua chẳng đoái hoài đến ông nữa. Khi đã mất nguồn lợi dưỡng và danh vọng, ông ta đi khắp nơi sống bằng cách xin các nhà quyền quý.

Các Tỷ-kheo bắt đầu bàn tán trong pháp đường rằng Devadatta đã nghĩ ra cách thu đạt lợi dưỡng và danh vọng thế nào, và khi đã kiếm được chúng thì ông ta lại không thể giữ được chúng. Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn việc gì. Khi nghe kể lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, chẳng phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, Devadatta đã bị tước mất các lợi dưỡng và danh vọng.

Rồi Ngài kể cho họ nghe một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một con vẹt tên là Rādha. Ngài là một con vẹt khỏe mạnh, chân và cánh đều toàn hảo. Con vẹt em trai ngài tên là Poṭṭhapāda. Một người bẫy chim kia bẫy được đôi chim này và mang chúng đến dâng vua xứ Ba-la-nại. Vua bỏ cả hai con vào trong một chiếc lồng bằng vàng, chăm sóc chúng, cho chúng ăn mật và bắp rang đựng trong một chiếc đĩa bằng vàng và cho uống nước đường. Chúng được chú ý chăm sóc đặc biệt và đạt lợi dưỡng danh vọng cao vời nhất.

Thế rồi, một người thợ rừng nọ mang đến dâng vua một con khỉ đen lớn tên là Kālabāhu (Đen Lớn). Vì khỉ đến sau các con vẹt nên nó nhận được lợi dưỡng và cung kính nhiều hơn, trong khi ấy đôi vẹt lại không còn được trọng vọng như trước.

Bồ-tát nhờ có các đức tính của bậc giác ngộ nên chẳng nói một lời, nhưng em ngài vì không có đức tính ấy nên không thể chịu nổi sự trọng vọng mà người ta dành cho con khỉ, liền nói:

– Anh ơi, trước kia ở cung điện vua, họ cho chúng ta thức ăn ngon, còn bây giờ chúng ta chẳng được gì cả, họ dâng hết mọi thứ cho con khỉ Kālabāhu. Vì chúng ta không nhận được lợi dưỡng trọng vọng do vua ban, nơi đây chúng ta phải làm gì chứ? Này, chúng ta hãy đi vào rừng mà sống!

Vẹt em nói thế và đọc bài kệ đầu:

113. Ta từng hưởng lắm thức ăn,
Khỉ kia nay lại được phần ta xưa.
Rādha, hãy đến rừng già,
Cách người xử tệ sửa ra thế nào?

Rādha nghe thế, liền đọc bài kệ tiếp:

114. Dù là được, mất ra sao,
Khen, chê, vui, khổ, vinh cao, nhục dày,
Đều là giả tạo, đổi thay,
Sao em lại cứ ngập đầy sầu đau?

Nghe thế, Poṭṭhapāda vẫn không thể bỏ được hiềm thù với con khỉ liền đọc bài kệ thứ ba:

115. Rādha, chim trí tuyệt cao,
Hẳn anh phải biết việc nào xảy ra,
Ai sẽ là người đuổi tên kia,
Từ triều vua trở lại nhà nó xưa?

Rādha nghe thế, liền đọc bài kệ thứ tư:

116. Mặt nhăn, tai động ấy mà,
Sẽ làm bầy trẻ vương gia hãi hùng,
Khỉ kia tinh quái lạ thường,
Ngày kia sẽ chạy tìm đường kiếm ăn.

Chỉ ít lâu sau, khỉ ta lúc lắc đôi tay, chọc phá làm cho các vương tử bé nhỏ sợ hãi la ré lên. Vua hỏi xem việc gì đã xảy ra và khi nghe kể lý do, ngài phán:

– Đuổi nó đi!

Thế là con khỉ bị đuổi đi và đôi vẹt lại trở về hoàn cảnh như trước, được lợi dưỡng và trọng vọng.

***

Khi thuyết giảng xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Devadatta là Kālabāhu, Ānanda là Poṭṭhapāda, còn Ta là Rādha.

§330. CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC (*Sīlavīmaṁsajātaka*) (*J.* III. 100)

Quyền lực trên đời khó sánh tày...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Bà-la-môn từng thử thách đức hạnh của mình.

Hai câu chuyện tương tự có cùng tựa *Chuyện thử thách giới đức*[28] đã được kể trước đây. Ở đây, Bồ-tát là vị giáo sĩ hoàng gia của vua xứ Ba-la-nại.

***

Để thử thách đức hạnh của mình, luôn trong ba ngày, mỗi ngày ngài lấy một đồng tiền trong kho của vua. Ngài bị cáo là ăn trộm và bị đưa ra trước nhà vua. Ngài nói:

117. Quyền lực trên đời khó sánh tày,
Đức hiền uy lực diệu kỳ thay,
Khi mang lấy dáng dấp hiền hậu,
Rắn độc tránh điều tổn hại ngay.

Sau khi ca ngợi đức hạnh bằng bài kệ trên và được vua thỏa ý, ngài sống đời tu khổ hạnh. Bấy giờ, có một con diều hâu chộp được một miếng thịt trong một hàng bán thịt kia, cắp thịt vào chân và bay vù lên không. Bọn chim liền vây lấy nó, tấn công nó bằng chân, bằng vuốt và mỏ. Không chịu nổi đau đớn, diều hâu ấy đành thả miếng thịt. Một con khác chộp lấy thịt, con này cũng bị tấn công, bị đau như trước đành thả rơi miếng thịt. Rồi một con khác sà xuống vồ miếng thịt. Hễ con nào được thịt thì bị đám còn lại đuổi theo và con nào nhả thịt ra thì được yên thân. Bồ-tát thấy thế liền nghĩ: "Những tham dục của chúng ta cũng giống như những miếng thịt. Ai nắm lấy chúng thì bị đau khổ, ai thả chúng ra thì được an bình."

Và ngài đọc bài kệ thứ hai:

118. Chim cắt đang khi có thức ăn,
Bọn chim mồi đến mổ đau ran,
Khi chim đành thả rơi phần thịt,
Bọn chúng liền thôi, chẳng ngó ngàng.

Rồi vị khổ hạnh đi ra khỏi thành phố. Trên đường rong ruổi, ngài đến một ngôi làng kia và vào lúc chiều tối, ngài nằm nghỉ trong nhà của một người nọ.

Bấy giờ, có một nữ tỳ tên Piṅgalā hẹn hò với một nam nhân: "Anh hãy đến vào giờ ấy, giờ ấy..." Sau khi rửa chân cho chủ và gia đình chủ, và khi mọi người

---

[28] Xem *J.* I. 370, *Sīlavīmaṁsanajātaka* (*Chuyện thử thách giới đức*), số §86; *J.* II. 430, *Sīlavīmaṁsajātaka*, số §290.

đều nằm ngủ, cô ta ngồi ở bậc cửa chờ tình nhân đến. Suốt canh một và canh hai cô đều tự bảo: "Bây giờ chàng sắp đến rồi!" Nhưng khi trời sáng, cô hết hy vọng và tự bảo: "Thế là chàng không đến!" Rồi cô ta nằm xuống và ngủ ngon.

Bồ-tát thấy chuyện xảy ra như thế liền tự bảo: "Người phụ nữ này từng ngồi quá lâu như thế hy vọng người tình sẽ đến; nhưng bây giờ nàng biết anh ta không đến, trong cơn thất vọng, nàng ngủ thật an bình." Thế là ngài nghĩ rằng trong một thế giới xấu xa, hy vọng mang đến sầu khổ thì thất vọng mang lại an bình. Ngài liền đọc bài kệ thứ ba:

119. Vui thay mơ ước được hoàn thành,
Trái ngược dường bao, mộng vỡ nhanh,
Hy vọng tiêu tan, dù chán nản,
Pingalā đấy, ngủ an lành.

Ngày hôm sau, ngài ra khỏi làng và đi vào một khu rừng trông thấy một vị ẩn sĩ đang ngồi trên đất chuyên tâm thiền định. Ngài nghĩ: "Ở đời này và cả đời sau, không có hạnh phúc nào hơn niềm cực lạc của thiền định."

Rồi ngài đọc bài kệ thứ tư:

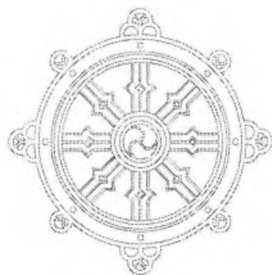
120. Ở cõi này hay ở cõi nào,
Không gì vượt hỷ lạc thiền đâu,
Kẻ nào miệt mài tu thanh tịnh,
Thân được bình an, hại chẳng vào.

Thế rồi ngài đi sâu vào rừng, sống cuộc đời ẩn dật của một vị rishi (tiên nhân chứng đạo), phát huy thắng trí do thiền định rồi được vào cõi Phạm thiên.

***

Thuyết giảng xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, vị giáo sĩ nọ chính là Ta.



IV. PHẨM CHIM CU
(*KOKILAVAGGA*)[29]

§331. CHUYỆN TRƯỞNG LÃO KOKĀLIKA (*Kokālikajātaka*)[30] (*J.* III. 102)

Kẻ phạm lỗi nói không thích đáng...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về Trưởng lão Kokālika. Câu chuyện khởi đầu được kể đầy đủ trong *Chuyện Hiền giả Takkāriya.*

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị đại thần rất được vua trọng vọng. Bấy giờ, vua có tính lắm lời. Bồ-tát tự nghĩ: "Ta sẽ làm dứt tính huyên thuyên của vua." Và ngài chờ đợi dịp thuận tiện để giảng giải cho vua.

Một hôm, vua vào trong vườn cây và ngồi trên một phiến đá dành cho mình. Vua ngồi xuống gốc cây xoài, trên đó có một con chim cu đen đẻ trứng vào tổ của một con quạ rồi bỏ đi. Con quạ mái chăm lo cái trứng con chim cu. Chẳng bao lâu, trứng nở ra một chim cu con. Quạ tưởng rằng đấy chính là con của nó nên nó chăm sóc chim cu, mang mồi về cho nó ăn. Con chim nhỏ còn chưa đủ lông đủ cánh, đã kêu lên tiếng chim cu non nớt. Quạ liền nghĩ: "Con chim non này ngay bây giờ đã thốt lên giọng lạ lùng. Khi nó lớn lên nó sẽ còn làm gì nữa?" Thế là quạ lấy mỏ mổ chết chim cu và ném nó ra khỏi tổ. Xác chim cu rơi xuống chân vua. Vua hỏi Bồ-tát:

– Này khanh, thế này là nghĩa gì?

Bồ-tát nghĩ: "Ta đang tìm việc tốt để giảng cho vua một bài học, và nay ta đã được dịp ấy rồi." Vì vậy, ngài nói:

– Tâu Đại vương, những hạng lắm lời, nói quá nhiều không đúng lúc, đều phải gặp như thế. Tâu Đại vương, chim cu nhỏ bé này được quạ nuôi nấng khi còn chưa đủ lông cánh, nó đã thốt lên một tiếng kêu quá sớm. Thế là quạ biết rằng đấy không phải là con của nó liền mổ chết và ném nó ra khỏi tổ. Tất cả những ai nói không đúng lúc và nói nhiều quá, dù cho đó là người hay vật đều phải chịu đau khổ như thế cả.

---

[29] Bản CST cũng viết *Kokilavaggo*. Bản Tích Lan viết *Kokālikavaggo*.

[30] Bản Tích Lan viết *Kokālikajātaka*. Bản CST viết *Kokilajātaka*, nghĩa là *Chuyện chim cu*. Xem *J.* II. 176, *Kacchapajātaka* (*Chuyện con rùa*), số §215; *J.* IV. 242, *Takkāriyajātaka* (*Chuyện Hiền giả Takkāriya*), số §481.

Rồi ngài đọc bài kệ sau:

121-22. Kẻ phạm lỗi nói không thích đáng,
Như chim cu tận mạng oan thôi,
Dù cho thuốc độc, gươm mài,
Cũng không tàn hại bằng lời nói sai.

123-24. Người khôn đắn đo hoài lời nói,
Với người thân không vội tỏ lòng,
Muốn trao lời, xét tận cùng,
Như Kim Sí điểu bắt thần rắn kia.

Từ khi Bồ-tát thuyết giáo như thế, vua trở nên đắn đo trong lời nói. Vua càng trọng vọng Bồ-tát và ban ân tứ cho ngài càng nhiều hơn mãi.

***

Sau khi thuyết giảng xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Kokālika là con chim cu nhỏ ấy, còn Ta là vị đại thần Hiền trí.

§332. CHUYỆN CHIẾC GẬY THÚC XE (*Rathalaṭṭhijātaka*) (*J.* III. 104)

Hại người, lại tỏ mình bị hại...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về vị giáo sĩ của vua xứ Kosala.

Tương truyền, khi vị giáo sĩ đang đánh xe đến một ngôi làng thuộc địa phận của ông bỗng gặp phải một đoàn xe trên một con đường hẹp. Ông la lên:

– Tránh ra các người!

Khi một chiếc xe không tránh ra ngoài đường đi, ông tức giận quá liền ném chiếc gậy thúc ngựa vào người đánh xe ấy. Chiếc gậy chạm vào ách xe ấy và dội trở lại trúng vào trán ông, khiến ông bị u đầu. Vị giáo sĩ quay trở về và đến tâu với vua rằng ông bị bọn đánh xe làm bị thương. Những người đánh xe ấy được gọi đến. Các phán quan tra cứu trường hợp ấy và thấy rằng chỉ riêng giáo sĩ có lỗi.

Một hôm, chuyện ấy được bàn tán trong pháp đường. Các Tỳ-kheo bàn về việc giáo sĩ của vua bảo rằng ông ta bị một số người đánh xe tấn công và khi được vua xử, ông ta bị thua kiện. Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỳ-kheo đang ngồi bàn việc gì. Khi được nghe kể lại, Ngài dạy:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa người kia cũng đã hành động giống y như thế.

Rồi Ngài kể cho họ nghe một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là vị phán quan của nhà vua. Vị giáo sĩ của vua đánh xe về ngôi làng do ông đứng đầu, thế rồi cũng

hành động giống y như chuyện trên đây. Nhưng ở chuyện này, khi vua nghe giáo sĩ kể chuyện, liền gọi những người đánh xe lại và chính vua ngồi xử. Vua chẳng có xem xét gì đến sự việc mà lại nói:

– Các ngươi đã đánh giáo sĩ của ta và làm cho trán của ông sưng lên.

Rồi vua ra lệnh thâu hết tài sản của họ. Bấy giờ, Bồ-tát nói với vua:

– Tâu Đại vương, ngài không tra xét sự việc mà lại phán rằng họ phải bị tịch thu hết của cải. Có nhiều người sau khi tự làm tổn thương mình lại tuyên bố rằng họ bị người khác làm tổn thương. Do đó, người nào thi hành luật pháp mà không xét vụ án thì thật là sai lầm. Vị ấy không nên hành động cho đến khi nghe hết mọi sự.

Rồi ngài đọc các bài kệ sau đây:

125-26. Hại người, lại tỏ mình bị hại,
Mình đánh người, than phải đòn thoi,
Trí nhân thận trọng xét soi,
Nghe hai bên trước, tuyên lời chánh chân.

127. Ghét thế nhân dục tầm, biếng nhác,
Người giả tu dối gạt rành rành,
Hôn quân thường quyết định nhanh,
Mà không nghe rõ sự tình ra sao.

128. Nóng giận không đời nào có thể,
Trong người hiền hợp lẽ biện minh,
Đời đời công chính vang danh,
Quân vương cân nhắc ban hành lệnh ra.

Nhà vua nghe lời Bồ-tát, liền phán xét thật công minh và vụ án kia được xét xử đúng đắn, phần lỗi thuộc về giáo sĩ ấy.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, vị Bà-la-môn đóng cùng một vai trong cả hai câu chuyện, còn Ta là vị quan Hiền trí.

§333. CHUYỆN CON KỲ NHÔNG (*Godhajātaka*) (*J.* III. 106)

Ngài cho tôi biết rõ ra...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một người chủ đất nọ. Câu chuyện khởi đầu đã được kể đầy đủ trước đây.[31] Nhưng ở đây, khi hai vợ chồng đi đòi nợ trở về, trên đường họ gặp một số người đi săn, những người này cho họ một con kỳ nhông nướng và bảo cả hai hãy ăn món ấy. Người chồng

[31] Xem *J.* III. 85, *Godhajātaka* (*Chuyện con kỳ nhông*), số §325; *J.* II. 201, *Puṭabhattajātaka* (*Chuyện thức ăn đi đường*), số §223.

bảo vợ đi kiếm nước, rồi anh ta ăn hết cả con kỳ nhông nướng. Khi vợ trở lại, anh ta nói:

– Này em, con kỳ nhông đã chạy mất rồi!

Nàng nói:

– Được rồi, thưa chàng, con kỳ nhông nướng chạy rồi thì ai làm gì được?

Nàng uống một ít nước, sau đó cả hai đến Kỳ Viên. Khi ngồi hầu bậc Đạo sư, Ngài hỏi người vợ như sau:

– Này nữ cư sĩ, ông này có ân cần, thương yêu và giúp đỡ bà không?

Nàng trả lời:

– Con thương yêu, ân cần với chàng nhưng chàng chẳng hề thương yêu con.

Bậc Đạo sư dạy:

– Được rồi, giả như ông đã cư xử với bà như thế thì cũng chớ buồn rầu. Khi ông nhớ lại các đức hạnh của bà, ông sẽ ban riêng cho bà quyền lực tối cao.

Rồi do thỉnh cầu của hai vợ chồng, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Chuyện kể này cũng giống chuyện kể trên, nhưng ở đây, khi hai vợ chồng thái tử đang trên đường trở về cung vua, một đám thợ săn thấy họ quá khốn khổ, đã cho họ một con kỳ nhông nướng và bảo họ chia nhau ăn. Người vợ lấy một cây leo làm dây cột nó rồi xách nó theo dọc đường. Khi đến một cái hồ, họ rời đường chính và đến ngồi dưới một gốc cây đa. Thái tử bảo:

– Này em, hãy đi xuống hồ, dùng một ngọn lá sen mà kiếm nước, sau đó chúng ta sẽ ăn phần thịt này!

Người vợ treo con kỳ nhông lên một cành cây và đi kiếm nước. Người chồng ăn hết cả con kỳ nhông, ngồi quay mặt đi. Khi nàng mang nước về, chàng nói:

– Này em, con kỳ nhông đã tụt xuống cành cây và chui vào một gò mối. Ta chạy theo và chộp được chóp đuôi nó. Nhưng nó đứt đôi ra và nó chui biến vào trong lỗ, để lại phần đuôi mà ta nắm được đây.

Nàng nói:

– Được rồi chàng ạ, chúng ta biết tính sao được khi con kỳ nhông đã nướng lại chạy thoát đi? Nào, chúng ta hãy lên đường!

Uống nước xong, hai vợ chồng đi đến Ba-la-nại. Thái tử lên ngôi, phong cho vợ làm chánh hoàng hậu nhưng đó chỉ là một cái chức hờ, vua chẳng ban cho nàng một danh vọng nào.

Bồ-tát muốn lấy danh dự cho nàng nên đứng trước vua, ngài hỏi nàng:

– Tâu Hoàng hậu, chẳng có lúc nào chúng thần được Lệnh bà cho thứ gì cả? Tại sao Lệnh bà lại chẳng kể gì đến chúng thần thế?

Hoàng hậu đáp:

– Này hiền khanh, ta chẳng nhận được gì của đức vua cả thì làm sao ta có thể ban tặng cho khanh được? Đức vua có thể ban tặng cho ta thứ gì nào? Hồi chúng ta còn trong rừng, ngài đã một mình ăn hết con kỳ nhông nướng.

Bồ-tát nói:

– Tâu Hoàng hậu, có lẽ đức vua không làm như thế đâu, Lệnh bà chớ nói về đức vua như thế.

Hoàng hậu đáp:

– Này khanh, sự việc này còn chưa rõ đối với khanh, nhưng đã quá rõ đối với vua và ta.

Rồi hoàng hậu đọc bài kệ đầu:

129. Ngài cho tôi biết rõ ra,
Ở trong rừng thẳm trước kia, tâu ngài,
Kỳ nhông nướng bứt dây gai,
Từ cành đa nọ thoát ngay ấy mà,
Bên trong lớp áo vỏ dà,
Giáp dày, gươm sắc, tôi đà rõ soi.

Hoàng hậu bày tỏ lỗi lầm của vua như thế trước các triều thần. Bồ-tát nghe xong liền nói:

– Tâu Hoàng hậu, từ khi đức vua không còn yêu Lệnh bà nữa, tại sao bà còn tiếp tục sống nơi đây làm cho cả hai người phải phiền hà như thế?

Rồi ngài đọc hai bài kệ:

130. Ai trọng ta, ta thời xứng trọng,
Tỏ hảo tâm, hành động đáp đền,
Chẳng nên tốt với bọn hèn,
Kẻ nào tránh mặt, chẳng nên yêu vì.

131. Kẻ bỏ ta, ta thì bỏ hắn,
Chớ yêu thương kẻ chẳng thương ta,
Như chim lìa bỏ cây khô,
Bay tìm trú xứ nơi xa trong rừng.

Khi nghe Bồ-tát nói, vua nhớ lại những đức hạnh của hoàng hậu, liền bảo:

– Này Ái hậu, đã lâu ta không để ý đến đức hạnh của nàng, nhưng qua lời nói của bậc Hiền trí này, ta nhận biết các đức hạnh ấy. Hãy thứ lỗi cho ta! Trọn vương quốc này của ta, ta tặng riêng nàng đấy.

Rồi vua đọc bài kệ thứ tư:

132. Chức quyền cao quân vương có sẵn,
Nên tỏ bày tình nặng nghĩa thâm,
Ta đem vương quốc tặng nàng,
Hãy ban tặng phẩm cho hàng ái ưu.

Nói xong vua ban quyền lực tối cao cho hoàng hậu và tự nghĩ: "Chính nhờ người ấy mà ta nhớ lại các đức hạnh của nàng." Vua cũng ban quyền cao cho vị Hiền trí ấy.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, cả hai vợ chồng ấy đều đắc quả Dự lưu. Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Hai vợ chồng trong chuyện ngày nay cũng chính là hai vợ chồng trong chuyện ngày xưa, còn Ta chính là vị Hiền trí.

§334. CHUYỆN KHUYẾN DỤ QUỐC VƯƠNG (*Rājovādajātaka*) (*J.* III. 110)

Con bò đực vượt dòng đi lạc hướng...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về việc khuyến dụ một ông vua. Câu chuyện khởi đầu sẽ được kể đầy đủ trong *Chuyện ba con chim*.[32] Nhưng ở đây, bậc Đạo sư dạy:

– Tâu Đại vương, các vị vua ngày xưa, khi được nghe những lời dạy của bậc Hiền trí, đã trị vì rất công chính và đã đạt đến cõi trời.

Rồi theo thỉnh cầu của vua, Ngài kể một câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, ngài theo đuổi tất cả các học nghệ rồi ngài sống đời tu hành, phát huy các thắng trí và các thiền chứng. Ngài trú trong một nơi tịnh lạc của dãy Tuyết sơn, sống bằng trái và rễ cây rừng.

Lúc bấy giờ, vua rất mong muốn tìm ra các khuyết điểm của mình, liền đi khắp nơi xem ai có thể nêu ra các lỗi lầm của ngài chăng. Nhưng ngài không tìm được ai nói đến khuyết điểm của ngài cả; trong triều, ngoài triều cũng không; trong thành, ngoài thành cũng đều không. Ngài nghĩ: "Tìm trong nước xem sao."

Rồi ngài giả trang đi khắp nước nhưng cũng không tìm được ai nói tới khuyết điểm, chỉ nghe nói tới công hạnh của ngài. Vua lại nghĩ: "Ở vùng Tuyết sơn thì sao?" Thế là vua vào rừng và lang thang đây đó cho đến khi gặp nơi ẩn dật của Bồ-tát. Nơi đây vua chào Bồ-tát, thân mật hỏi han ngài và ngồi xuống một bên. Bấy giờ, Bồ-tát đang ăn mấy trái sung chín mà ngài đã mang từ trong rừng về. Sung ngon và ngọt như đường mịn, Bồ-tát nói với vua:

– Thưa Đại vương, ngài hãy dùng trái sung này và uống một ít nước.

Vua theo lời, rồi hỏi Bồ-tát:

[32] Xem *J.* V. 110, *Tesakuṇajātaka* (*Chuyện ba con chim*), số §521.

– Thưa Tôn giả, sao trái sung chín này ngọt đến như vậy?

Bồ-tát đáp:

– Thưa Đại vương, vua hiện nay trị vì công chính, vì vậy trái sung này ngọt như thế đấy.

– Thưa Tôn giả, thế thì trong một đời vua bất chính, sung sẽ mất vị ngọt của nó chăng?

– Thưa Đại vương, đúng thế. Trong các thời vua bất chính thì dầu, mật, đường, v.v... ngay cả rễ cây, trái rừng cũng đều mất đi vị ngon ngọt của chúng. Chẳng những thế mà toàn cả vương quốc đều trở nên dở dang, vô vị; nhưng khi những nhà lãnh đạo công chính thì những thứ này trở nên ngon ngọt thơm tho và toàn thể vương quốc đầy vẻ thanh tao và hương ngào ngạt.

Vua nói:

– Thưa Tôn giả, chắc hẳn là như thế.

Rồi chẳng để cho Bồ-tát biết rằng mình là vua, ngài chào Bồ-tát và quay về Ba-la-nại. Để chứng nghiệm lời nói của vị ẩn sĩ, vua trị vì bất chính và tự nghĩ: "Ta sẽ biết rõ mọi việc đúng sai như thế nào." Chỉ ít lâu sau, vua quay trở lại rừng, chào Bồ-tát và kính cẩn ngồi xuống một bên. Bồ-tát cũng nói đúng như những lời trước kia, và mời ngài ăn một trái sung chín nhưng sung lại chát. Thấy sung chát, vua nhổ ra và nói:

– Thưa Tôn giả, sung chát quá!

Bồ-tát nói:

– Thưa Đại vương, hẳn vua là kẻ bất chính, vì khi các người lãnh đạo bất chính thì mọi vật, khởi đầu từ các trái cây trong rừng mất hết vị ngọt ngào thơm ngon của chúng.

Rồi ngài đọc bài kệ sau:

133-34. Con bò đực vượt dòng đi lạc hướng,
Đàn cái theo, hàng ngũ rối tan tành.
Người cầm đầu theo các lối loanh quanh,
Dẫn bọn kém đến đường cùng hèn mạt,
Toàn vương quốc, hận một đời phóng dật.

135-36. Bò đực kia nếu hướng dẫn thẳng đường,
Bầy cái theo sau nó sẽ ngay hàng.
Người cầm đầu nếu theo đường công chính,
Cả đám đông sẽ tránh điều bất hạnh,
Khắp nước nhà sẽ hưởng lạc tịnh an.

Sau khi Bồ-tát trình bày về Chánh pháp, vua cho ngài biết rằng mình là vua và nói:

– Thưa Tôn giả, trước đây chính do ta mà những trái sung được ngọt, rồi sau đó trở thành chát nhưng nay ta sẽ làm cho chúng ngọt trở lại.

Rồi vua chào Bồ-tát và trở về, trị vì công chính, làm cho mọi sự trở lại trạng thái nguyên thủy của nó.

***

Thuyết giảng xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ānanda là vị vua, còn Ta là vị ẩn sĩ nọ.

§335. CHUYỆN CHÓ RỪNG (*Jambukajātaka*) (*J.* III. 112)

Chó rừng, coi chừng đấy...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Trúc Lâm về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bắt chước đức Phật. Tình tiết dẫn đến câu chuyện đã được kể ở phần trước.[33] Đây là bản tóm tắt.

Khi bậc Đạo sư hỏi Sāriputta (Xá-lợi-phất) rằng Devadatta đã làm gì khi Trưởng lão đến gặp ông ta. Trưởng lão đáp:

– Bạch Thế Tôn, khi muốn bắt chước Ngài, ông ấy đặt một cái quạt vào tay con và nằm xuống, rồi Kokālika lấy đầu gối thúc vào ngực ông ta. Thế đấy, khi bắt chước Ngài, ông ta phải gặp nạn.

Bậc Đạo sư dạy:

– Điều ấy trước đã xảy đến với Devadatta rồi.

Rồi do thỉnh cầu của Trưởng lão, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một con sư tử, trú tại một cái động trong dãy Tuyết sơn. Một hôm, sau khi giết chết một con bò và ăn thịt nó xong, sư tử uống một ngụm nước rồi quay về hang. Một con chó rừng trông thấy sư tử và vì không thể chạy thoát được, nó nằm sấp xuống.

Sư tử hỏi:

– Này anh chó rừng, anh làm gì thế?

Chó rừng đáp:

– Thưa ngài, tôi mong làm tôi tớ của ngài.

Sư tử nói:

– Được, hãy làm thế đi!

Rồi sư tử dẫn nó về nơi mình ở, hàng ngày mang thịt về cho nó ăn. Chó rừng mập ra nhờ thịt vụn do sư tử mang về. Một hôm, cảm thấy niềm tự hào nổi lên trong mình, chó rừng liền đến gần sư tử và bảo:

– Thưa ngài, tôi là một vật chướng ngại cho ngài. Ngài cứ phải mang thịt

[33] Xem *J.* II. 149, *Vīrakajātaka* (*Chuyện con quạ Vīraka*), số §204.

về nuôi sống tôi mãi. Hôm nay, ngài hãy ở lại đây. Tôi sẽ đi giết một con voi và sau khi ăn no nê xong, tôi sẽ mang thịt về cho ngài.

– Này bạn chó rừng, chớ nuôi ý nghĩ ấy. Bạn đâu có phát xuất từ một dòng giống giết voi mà ăn thịt? Voi chắc chắn là thân thể to lớn. Đừng mang lấy điều gì trái với bản chất của bạn, hãy nghe lời ta đi!

Và sư tử liền đọc bài kệ đầu:

137. Chó rừng, coi chừng đấy! Đôi ngà voi dài ấy,
Loài bạn bé tí hon, Khó có được một con,
Dám đối mặt thú nọ, Oai hùng và đồ sộ.

Mặc dầu sư tử can ngăn, chó rừng vẫn ra khỏi hang. Hú lên ba lần tiếng hú của chó rừng. Nó nhìn xuống núi và trông thấy một con voi đang đi dưới ấy. Nó định nhảy xuống đầu voi, liền phóng lên, lộn nhào trên không rồi rớt xuống chân voi. Voi nhấc chân trước đạp vào đầu chó rừng vỡ ra từng mảnh. Chó rừng nằm đó rên la. Voi rống lên và bỏ đi.

Bồ-tát đến và đứng trên đỉnh dốc thấy chó rừng đã phải chuốc lấy cái chết như thế nào, liền tự bảo: "Chó rừng này bị giết vì quá tự phụ."

Rồi ngài đọc ba bài kệ sau:

138. Chó rừng nọ mang oai sư tử,
Đã một lần toan cự voi kia,
Ngã nhào, ngực vỡ kêu la,
Mới hay tiếc đã vội ra đối đầu.

139. Ai thích đấu kẻ nào siêu đẳng,
Sức mạnh kia nếu chẳng nhận ghi,
Sẽ đành chia sẻ tức thì,
Chó rừng số phận sầu bi thế này.

140. Kẻ biết lượng sức tài mình có,
Biết e dè khi tỏ lời ra,
Sống tròn bổn phận đời ta,
Bao nhiêu cừu địch cũng là thắng thôi.

Bồ-tát đọc các bài kệ trên, tuyên thuyết những phận sự đúng đắn phải làm trong cõi đời này.

***

Sau khi chấm dứt bài thuyết giảng, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Devadatta là con chó rừng, còn Ta là con sư tử.

§336. CHUYỆN VƯƠNG TỬ CHATTA VĨ ĐẠI

(*Brahāchattajātaka*) (*J.* III. 115)

"Cỏ" vẫn là tiếng ngài kêu mãi...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một kẻ xảo quyệt. Tình tiết đưa đến câu chuyện đã được kể trước đây.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là quan đại thần và là cố vấn của vua về thế sự và thánh sự. Vua xứ Ba-la-nại mang một đạo quân lớn đi đánh vua xứ Kosala, đến Xá-vệ và sau trận chiến đã vào thành bắt vua xứ Kosala làm tù nhân. Bấy giờ, vua xứ Kosala có một con trai là Vương tử Chatta. Chàng giả trang thoát đi. Đến Takkasilā, chàng học được ba bộ Vệ-đà và mười tám ngành văn học nghệ thuật. Thế rồi chàng rời Takkasilā, và trong khi nghiên cứu cách ứng dụng các học nghệ, chàng đến một làng ở biên địa. Ở một khu rừng gần đó có năm trăm ẩn sĩ sống trong các lều lá của họ. Vương tử đến với họ. Chàng mong mỏi học hỏi họ nên chàng cũng trở thành ẩn sĩ và sau đó chàng học được mọi kiến thức của họ. Chẳng bao lâu, chàng trở thành người lãnh đạo của đám môn đệ ấy.

Một hôm, chàng gọi các đạo hữu của chàng lại và nói:

– Này các Hiền giả, tại sao các bạn không đi đến vùng trung tâm?

Họ bảo:

– Thưa Tôn giả, chúng tôi nghe nói vùng trung tâm là nơi những người khôn ngoan sống. Họ đặt cho mình những câu hỏi, họ khiến mình phải cảm ơn, phải chúc tụng và họ trách cứ những kẻ thô lậu. Vì thế, chúng tôi không dám đến đó.

Chàng bảo:

– Chớ sợ, tôi sẽ lo các thứ ấy cho các bạn.

Họ bảo:

– Thế thì chúng tôi sẽ đi.

Rồi tất cả đều mang theo các vật dụng cần thiết để đi đường và đến Ba-la-nại.

Bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại sau khi chiếm lĩnh toàn thể vương quốc Kosala, đặt các viên chức tâm phúc ở lại làm quan cai trị, còn vua gom góp mọi tài sản quý giá rồi mang chiến lợi phẩm quay về Ba-la-nại. Vua bỏ đầy các vật quý giá kia trong các bình bằng sắt rồi đem chôn trong ngự viên và vẫn sống ở nơi ấy.

Các ẩn sĩ kia ngủ đêm ở trong ngự viên ấy, hôm sau vào thành khất thực, đến cổng cung điện. Vua rất thích cung cách của họ đến độ gọi họ vào và mời họ ngồi trên bệ, rồi mang tặng họ cơm, bánh. Trước lúc họ dùng bữa, vua hỏi họ nhiều vấn đề như vậy, như vậy. Chatta chiếm được lòng vua nhờ chàng đáp được hết mọi câu hỏi của vua. Khi bữa ăn chấm dứt, chàng bày tỏ nhiều cách cảm tạ vua. Vua lại càng bằng lòng hơn nữa và hứa cho tất cả được ở trong vườn cây của mình.

Bấy giờ, Chatta biết thần chú tìm ra kho tàng được chôn giấu. Trong lúc trú tại đó, chàng cứ tự nghĩ: "Đâu là chỗ ông ấy có thể cất giấu tiền bạc của cha ta

nhỉ?" Rồi đọc thần chú và kiếm tìm khắp nơi, chàng khám phá ra rằng của cải ấy được chôn trong vườn cây. Nghĩ rằng với tiền bạc ấy, chàng có thể khôi phục vương quốc của mình, chàng liền gọi các ẩn sĩ kia lại và bảo:

– Này các bằng hữu, tôi là con của vua xứ Kosala. Khi vương quốc của chúng tôi bị vua xứ Ba-la-nại chiếm, tôi đã giả trang trốn thoát và toàn mạng đến nay. Giờ đây, tôi đã chiếm được tài sản thuộc về gia đình tôi. Với tài sản này, tôi sẽ khôi phục vương quốc của tôi. Các bạn định sẽ làm gì nào?

Họ đáp:

– Chúng tôi sẽ cùng đi với ngài.

– Đồng ý.

Chàng bảo, rồi sai làm những cái bao lớn bằng da. Đêm đến, chàng đào lỗ ở khoảng đất kia và lấy các bình chứa tiền bạc lên. Chàng bỏ tiền vào các bao và lấy cỏ đựng đầy các bình kia. Chàng ra lệnh năm trăm đạo hữu cùng mang tiền bạc rồi chạy về Xá-vệ.

Nơi đây, chàng bắt hết các quan chức của vua và khôi phục lại vương quốc của chàng. Chàng xây thành, tháp canh và thực hiện nhiều công việc khác nữa. Chàng xây dựng một thành phố vững chắc chống lại cuộc tiến công của bất cứ một ông vua cừu địch nào và ở tại đó.

Vua xứ Ba-la-nại nghe trình:

– Các nhà tu khổ hạnh đã lấy kho tàng trong vườn của ngài và chạy đi rồi.

Vua vào vườn, mở các bình ra và thấy chỉ có cỏ trong đó mà thôi. Vì mất kho báu, vua ngập tràn sầu muộn. Vua vào thành phố vừa lang thang khắp nơi vừa thì thầm: "Cỏ, cỏ". Chẳng ai có thể làm vơi nỗi sầu muộn của vua được.

Bồ-tát tự nghĩ: "Vua đang gặp lúc quá khổ. Ngài cứ lang thang đây đó và nói nhảm mãi. Ngoài ta ra, không ai đủ sức để xua nỗi sầu muộn của ngài được. Ta sẽ giải thoát cho ngài khỏi cơn đau khổ."

Thế rồi, một hôm, Bồ-tát ngồi im lặng cùng với vua, khi vua bắt đầu nói nhảm, ngài đọc bài kệ đầu:

141. "Cỏ" vẫn là tiếng ngài kêu mãi,
Kẻ nào giành cỏ ấy của ngài?
Ngài cần chi với cỏ vậy,
Tại sao ngài cứ lời này thốt ra?

Vua nghe Bồ-tát nói thế, liền trả lời bằng bài kệ thứ hai:

142. Chính đạo sĩ Chatta nổi tiếng,
Như thế này câu chuyện xảy ra,
Nó đem cỏ thế vàng ta,
Ta đây trách cứ riêng nhà nó thôi.

Nghe thế, Bồ-tát đọc bài kệ thứ ba:

143. Bọn tinh ma vẫn noi đường lối,
"Cho ít thôi, nhưng đổi lấy nhiều."
Của riêng phần nó mang theo,
Cỏ kia để lại, há điều khôn ngoan?

Nghe thế, vua đọc bài kệ thứ tư:

144. Đức hạnh chẳng theo đàng lối nọ,
Đức này dành cho lũ ngu si,
Đức kia chắc hẳn đáng nghi,
Học theo cũng chẳng ích chi, hão huyền!

Khi vua trách cứ Chatta như vậy và nghe những lời ấy của Bồ-tát, vua liền thoát khỏi cơn sầu muộn và từ đó trị vì vương quốc của mình rất công chính.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Tỷ-kheo xảo quyệt kia là Vương tử Chatta, còn Ta là vị quan Hiền trí nọ.

§337. CHUYỆN CÁI SÀNG TỌA (*Pīṭhajātaka*) (*J.* III. 118)

Ôi, tôi đã chẳng mời ngồi...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo.

Tương truyền, ông ta từ vùng quê đến Kỳ Viên. Sau khi cởi bỏ y bát, ông đến đảnh lễ bậc Đạo sư và hỏi các chú tiểu:

– Này các chú, ai chăm lo các Tỷ-kheo ở nơi khác đến Xá-vệ?

Các chú tiểu đáp:

– Trưởng giả Cấp Cô Độc và nữ đại cư sĩ Visākhā trông nom cả Tăng đoàn thay thế bậc phụ mẫu của họ.

– Tốt lắm!

Ông ta nói như thế. Và lờ mờ sáng hôm sau, trước hơn ai hết, ông đến nhà ông Cấp Cô Độc. Vì ông đến vào giờ không hợp lý nên chẳng có ai chăm sóc ông cả. Không nhận được thứ gì nơi đây, ông liền bỏ đi và đến nhà bà Visākhā. Nơi đây, cũng vì đến quá sớm nên không nhận được gì cả. Sau khi quanh quẩn đó đây, ông trở lại và khi thấy cháo sữa đã hết, ông liền quay bỏ đi. Ông lại đi quanh quẩn đó đây, và khi trở về, thấy cơm đã hết, ông quay lại tinh xá và bảo:

– Các Tỷ-kheo ở đây nói rằng hai gia đình ấy thuộc những tín hữu thuần thành, nhưng thật ra cả hai đều chẳng tín thành và cũng chẳng là người mộ đạo.

Như thế, ông cứ đi khắp nơi trách cứ hai gia đình ấy.

Vì vậy, một hôm, các Tỷ-kheo bắt đầu bàn tán trong pháp đường rằng Tỷ-kheo ấy từ vùng quê đến cửa nhà của các gia trưởng kia lúc quá sớm nên đã không nhận được các thứ cúng dường và đi khắp nơi trách cứ các gia đình ấy.

Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn tán việc gì. Khi nghe kể lại, Ngài gọi Tỷ-kheo kia đến và hỏi ông ta có thực như thế không. Tỷ-kheo ấy nói:

– Bạch Thế Tôn, thật như thế.

Bậc Đạo sư dạy:

– Này Tỷ-kheo, tại sao ông lại giận chứ? Ngày xưa, trước khi đức Phật xuất hiện trên thế gian này, khi các nhà tu khổ hạnh viếng thăm một gia đình mà không nhận được tặng vật, họ không hề tỏ ra tức giận.

Cũng với lời này, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, ngài theo đuổi các học nghệ tại Takkasilā và sau đó ngài sống đời Phạm hạnh của một nhà tu ẩn dật. Sau khi sống một thời gian dài trong dãy Tuyết sơn, ngài đến Ba-la-nại để kiếm muối và giấm. Ngài trú trong một vườn cây và sáng hôm sau vào thành khất thực. Bấy giờ, có một thương gia ở Ba-la-nại là một tín hữu thuần thành. Bồ-tát hỏi tìm một gia đình thành tín và khi nghe nói đến gia đình thương gia nọ, liền đến nhà ông ta. Bấy giờ, vị thương gia đã đi bái kiến vua và người nhà của ông cũng chẳng có ai gặp ngài. Vì vậy, ngài quay trở ra.

Sau đó, thương gia ấy từ cung về trông thấy ngài, chào ngài rồi cầm lấy bình bát của ngài và mời vào nhà. Nơi đây, ông mời ngài ngồi và chăm sóc ngài, rửa và xức dầu thơm đôi bàn chân ngài, mang cơm, bánh và các thức ăn khác ra mời. Trong lúc ngài dùng bữa, ông hỏi ngài điều này, điều nọ:

– Thưa Tôn giả, mọi khách lạ đến nhà chúng tôi, dù là hành khất, đạo sĩ hay Bà-la-môn đều chẳng bao giờ phải ra đi mà không nhận những tặng vật biểu lộ sự cung tôn. Thế mà hôm nay người của chúng tôi lại không trông thấy ngài, khiến ngài phải ra đi mà không được dâng chỗ ngồi, nước uống, không được rửa chân, không được dâng cơm, cháo để ngài dùng. Đấy là lỗi của chúng tôi. Xin ngài tha thứ cho chúng tôi về điều ấy!

Rồi ông đọc bài kệ đầu:

145. Ôi, tôi đã chẳng mời ngồi,
Chẳng mang nước uống, chẳng mời ngài ăn,
Tôi đây thú thật tội phần,
Cầu xin Tôn giả một lần thứ tha.

Bồ-tát nghe thế liền đọc bài kệ thứ hai:

146. Thứ tha tôi có chi mà,
Tôi nào cảm thấy phiền hà gì đâu!
Lần kia, một ý thoáng mau,
"Người đây, thói tục phần nào lạ xa."

Vị thương gia nghe xong, liền trả lời bằng hai bài kệ nữa:

147. Thói tục từ lâu đời, Truyền tận đến chúng tôi,
Mỗi lần khách lạ đến, Ân cần vẫn đón mời.

148. Chỗ khách ngồi, mời mọc, Cung cấp thứ khách cần,
Mang nước đến rửa chân, Đãi khách như thân tộc.

Bồ-tát ở lại nơi ấy ít ngày, giảng dạy cho vị thương gia thành Ba-la-nại về bổn phận của mình. Sau đó, ngài lui vào dãy Tuyết sơn. Nơi đây, ngài phát huy các thắng trí và các thiền chứng.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, vị Tỷ-kheo kia đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ānanda là vị thương gia ở Ba-la-nại, còn Ta là vị ẩn sĩ nọ.

§338. CHUYỆN VỎ TRẤU (*Thusajātaka*) (*J.* III. 121)

Giác quan nhạy, chuột kia tinh xảo...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Trúc Lâm về Thái tử Ajātasattu (A-xà-thế).

Trong thời gian mang thai thái tử, con gái vua xứ Kosala thường xuyên thèm khát uống máu ở đầu gối của chồng bà là Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la). Bị các phu nhân hầu cận hỏi, bà kể rõ sự việc ấy cho họ nghe. Vua cũng nghe được, liền gọi các chiêm tinh gia của ngài đến và nói:

– Hoàng hậu bị ám ảnh bởi nỗi khát khao như thế. Kết quả sẽ ra sao?

Họ đáp:

– Đứa bé nằm trong bào thai sẽ giết ngài và chiếm lấy vương quốc của ngài.

Vua nói:

– Nếu con trai có giết ta và chiếm vương quốc của ta thì đâu có tai hại gì!

Rồi ngài lấy gươm khoét đầu gối bên phải của ngài cho máu chảy vào trong một cái đĩa bằng vàng và trao cho hoàng hậu uống. Bà tự nghĩ: "Nếu đứa con trai do ta sanh ra sẽ giết cha nó thì làm sao ta yêu thương nó được?" Thế là bà muốn trục thai ra. Vua nghe được liền gọi bà đến hỏi:

– Này Ái hậu, họ nói rằng con trai ta sẽ giết ta và chiếm lấy vương quốc của ta. Nhưng ta đâu có thoát được tuổi già và cái chết. Hãy chịu cho ta thấy mặt con ta. Từ nay đừng làm như thế nữa!

Thế nhưng, hoàng hậu vẫn đi vào vườn cây mà làm như trước. Vua nghe liền cấm hoàng hậu vào vườn. Khi đủ ngày đủ tháng, bà sanh ra một đứa con trai. Vào ngày lễ đặt tên, vì đứa bé đã là kẻ thù của cha nó từ khi chưa ra đời nên nó được đặt tên là Ajātasattu. Nó lớn lên giữa cuộc sống vương giả.

Một hôm, bậc Đạo sư cùng với năm trăm Tỷ-kheo đến cung điện vua và ngồi xuống. Chúng Tỷ-kheo cùng đức Phật được vua đãi thức ăn ngon gồm cả loại cứng và loại mềm. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo sư, vua ngồi xuống nghe Ngài thuyết pháp. Bấy giờ, thái tử bé bỏng kia được ăn mặc đẹp đẽ và được mang đến cho vua. Vua bày tỏ tình cảm nồng nàn đón tiếp đứa bé, đặt nó lên đùi, vuốt ve nó với tình thương yêu tự nhiên của một người cha đối với con. Thế là vua không còn nghe pháp nữa. Bậc Đạo sư thấy vua lơ đãng liền bảo:

– Tâu Đại vương, ngày xưa, khi các vị vua ngờ vực các con trai của mình, đã bắt giữ riêng chúng ở một nơi kín đáo và ra lệnh rằng khi nào họ chết đi thì chúng mới được mang về và lên nối ngôi.

Rồi do thỉnh cầu của vua, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một giáo sư nổi tiếng ở Takkasilā, dạy các học nghệ cho nhiều vương tử trẻ và nhiều con cái của các Bà-la-môn.

Bấy giờ, con trai của vua xứ Ba-la-nại lúc được mười sáu tuổi đã đến học với ngài. Sau khi tinh thông ba tập Vệ-đà và đủ mọi ngành văn học nghệ thuật, chàng từ giã thầy ra về. Do đặc tài tiên tri, vị giáo sư nhìn chàng và nghĩ: "Người này sẽ gặp nguy hiểm vì đứa con trai. Bằng thần lực, ta sẽ giải thoát cho chàng thoát khỏi họa ấy."

Giáo sư sáng tác bốn bài kệ, trao cho hoàng tử và dặn:

– Con ơi, sau khi con lên ngôi vua, khi con trai của con lên mười sáu tuổi, trong bữa cơm, con hãy đọc bài kệ đầu tiên; bài thứ hai trong buổi đại yến tiệc; bài thứ ba lúc con đứng ở bậc thang trên cùng khi con lên mái điện; và đọc bài thứ tư ngay ở ngưỡng cửa lúc con vào vương phòng.

Thái tử rất hài lòng, nghe theo lời thầy. Chàng từ giã giáo sư ra đi.

Sau một thời gian làm phó vương, khi vua cha mất, chàng lên nối ngôi. Con trai của vua khi lên mười sáu tuổi, nhân lúc vua đang dạo chơi trong vườn cây, nhận thấy cảnh cha mình cao sang, quyền lực bèn tha thiết muốn giết vua để chiếm lấy vương quốc của ngài. Chàng tỏ ý ấy cùng các quan hầu cận mình. Họ bảo:

– Thưa Điện hạ, đạt được quyền lực khi người ta đã già rồi thì có tốt lành gì. Bằng cách này hay cách nọ, ngài phải giết đức vua để chiếm lấy vương quốc cho riêng ngài.

Thái tử nói:

– Ta sẽ giết vua bằng cách bỏ thuốc độc vào thức ăn của ngài.

Rồi chàng lấy thuốc độc và ngồi ăn cơm tối với vua cha. Khi cơm được dọn ra bát, vua đọc bài kệ đầu:

149. Giác quan nhạy, chuột kia tinh xảo,
Trong phần cơm, nhận thấu rõ ra,
Tránh ăn nhiều vỏ trấu kia,
Lựa cơm từng hạt để mà ăn thôi.

"Ta bị lộ tẩy rồi", thái tử nghĩ thế và không dám bỏ thuốc độc vào bát cơm. Chàng đứng dậy cúi mình chào vua và đi ra. Chàng kể lại cho các vị hầu cận của chàng:

– Hôm nay ta bị lộ rồi, ta sẽ làm sao để mà giết vua đây?

Từ đó, họ vào nằm ẩn trong vườn cây, bàn bạc thì thầm với nhau:

– Còn một cách nữa, trong buổi đại tiệc, ngài hãy mang gươm, đứng lẫn giữa các quan, rồi khi thấy đức vua rời khỏi cận vệ thì ngài phải lấy gươm đâm vua một phát và giết chết vua.

Họ sắp đặt như thế, thái tử sẵn sàng chấp thuận. Trong buổi đại tiệc, chàng mang gươm vào, xê dịch từ chỗ này đến chỗ khác để tìm dịp thuận tiện mà đâm vua. Bấy giờ, vua đọc bài kệ thứ hai:

150. Chuyện bí mật ở trong rừng đó,
Chính ta đây hiểu rõ còn chi!
Trong làng, mưu định thầm thì,
Bao nhiêu cũng đã rõ ghi tai này.

Thái tử nghĩ: "Cha ta biết ta là kẻ địch của ngài rồi." Chàng liền bỏ chạy và kể lại cho các vị cận thần nghe. Sau một thời gian bảy, tám ngày, họ bảo:

– Thưa Điện hạ, đó là ngài chỉ tưởng tượng ra trong trí ngài như thế chứ cha ngài không biết ngài toan tính gì đâu. Hãy giết đức vua đi!

Thế rồi một hôm, chàng cầm gươm đứng trong căn phòng của vua ở trên cùng các bậc cầu thang. Vua đứng trên đầu cầu thang đọc bài kệ thứ ba:

151. Con khỉ nọ ra tay một bận,
Làm những điều tán tận ác nguy,
Khi con bé bỏng biết chi,
Sức kia há đủ để bì được chăng?

Thái tử nghĩ: "Cha ta muốn bắt ta." Quá sợ hãi, chàng phóng chạy đi và kể lại cho đám người hầu cận là chàng đã bị cha hăm dọa. Nửa tháng sau, họ lại bảo:

– Thưa Điện hạ, nếu đức vua biết điều này, ngài đã không để quá lâu như thế. Tất cả là do trí tưởng tượng của ngài khởi ra đấy. Hãy giết vua đi!

Thế là một hôm, chàng lại cầm gươm vào vương phòng ở trên tầng cao của cung điện và chui nằm dưới giường, định chờ vua đến mà giết ngay. Vua dùng cơm tối xong, đuổi người hầu đi để vào phòng nằm. Khi ngang ngưỡng cửa phòng, ngài đọc bài kệ thứ tư:

152. Ngươi thận trọng trườn thân giống với,
Dê chột kia, đồng cải lạc bầy,
Ngươi đang ẩn nấp dưới đây,
Là ai, ta cũng biết ngay cả rồi!

Thái tử nghĩ: "Cha ta đã nhận ra ta rồi. Bây giờ ngài định sẽ giết ta đây." Quá sợ hãi chàng chui ra khỏi giường, ném gươm dưới chân vua và nói:

– Xin phụ vương tha thứ cho con!

Và chàng nằm mọp trước vua cha. Vua phán:

– Ngươi tưởng rằng không ai biết ngươi toan tính gì ư?

Sau khi quở trách thái tử, vua ra lệnh xích chàng lại, bỏ vào ngục và cho người canh gác cẩn thận. Rồi vua suy tưởng về các đức hạnh của Bồ-tát. Về sau, ngài băng hà, khi người ta làm lễ an táng ngài xong, họ đưa thái tử ra khỏi ngục và tôn lên làm vua.

***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và nói:

– Thế đấy, tâu Đại vương, các vua chúa ngày xưa đã nghi ngờ trong những trường hợp nghi ngờ là đúng.

Và Ngài nêu sự kiện này nhưng vua cũng không lưu ý đến lời Ngài. Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, vị giáo sư nổi danh ở Takkasilā chính là Ta.

§339. CHUYỆN XỨ BĀVERU (*Bāverujātaka*) (*J.* III. 126)

Trước khi công có chỏm...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một số ngoại đạo sư mất các lợi dưỡng và vinh dự mà họ đã có. Các ngoại đạo sư này vốn nhận được lợi dưỡng và cung tôn, nhưng đến khi đức Phật ra đời thì họ không còn được như thế nữa. Họ trở nên giống như những con đom đóm giữa lúc bình minh.

Các Tỷ-kheo bàn luận về số phận của họ trong pháp đường. Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang họp nhau bàn tán vấn đề gì. Khi nghe họ thuật lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, trước khi những người có đức hạnh xuất hiện, những kẻ vô hạnh đạt được lợi dưỡng và cung tôn cao nhất; nhưng đến khi những người có đức hạnh xuất hiện thì những kẻ vô hạnh mất lợi dưỡng và cung tôn.

Rồi Ngài kể một chuyện ngày xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một

con công. Khi lớn lên, ngài rất xinh đẹp và sống trong một khu rừng nọ. Bấy giờ, có một số thương gia đến Bāveru mang theo trên tàu một con quạ lạ. Vào thời ấy, không có chim chóc nào ở Bāveru cả. Những người sinh trưởng ở xứ Bāveru thỉnh thoảng đến và thấy con chim này đậu trên chóp cột buồm. Họ bảo:

– Hãy để ý đến màu da của con chim này. Hãy nhìn cái mồm ở cuối cổ họng nó, đôi mắt giống như hai viên ngọc của nó.

Họ ca ngợi con quạ như thế và nói với các thương gia ấy:

– Này các ông, hãy cho chúng tôi con chim này đi! Chúng tôi cần nó, các ông có thể kiếm được một con khác trong xứ các ông.

Các thương gia bảo:

– Thế thì hãy theo giá cả mà lấy nó đi!

Họ bảo:

– Hãy bán nó cho chúng tôi với giá một đồng nhé!

Các thương gia trả lời:

– Chúng tôi không bán nó với giá ấy đâu.

Rồi cứ tăng dần giá tiền, những người kia bảo:

– Hãy bán cho chúng tôi với giá một trăm đồng!

Các thương gia nói:

– Con chim này rất lợi ích cho chúng tôi, nhưng thôi, hãy tạo tình bằng hữu giữa chúng ta vậy.

Và họ bán nó với giá một trăm đồng tiền. Những người dân địa phương ấy nhận lấy con quạ và bỏ nó vào trong một cái lồng vàng, cho nó ăn đủ thứ cá, thịt, trái cây rừng. Ở một nơi không có chim, một con quạ có mười đặc tính xấu lại được lợi dưỡng và trọng vọng cao nhất. Lần kế, những thương gia kia lại đến vương quốc Bāveru, họ mang theo một con công chúa mà họ dạy nó kêu lên khi họ búng ngón tay và nhảy múa khi họ vỗ tay. Khi đám đông tụ tập lại, con công đứng ở phần trước chiếc tàu, vỗ cánh kêu lên thật êm ái và nhảy múa. Mọi người trông thấy nó rất thích thú và họ bảo:

– Con vương điểu này thật đẹp và được khéo dạy quá. Hãy cho chúng tôi đi!

Các thương gia nói tiếp:

– Lần đầu, chúng tôi mang đến một con quạ, các ông đã lấy nó đi. Lần này, chúng tôi mang đến con công chúa này, các ông cũng đòi lấy nữa. Thiệt là không thể đến mà nêu tên bất cứ con chim nào tại xứ của các ông nữa!

Họ nói:

– Thưa các ông, hãy vui lòng cho chúng tôi con chim này và hãy kiếm một con khác trong xứ của các ông!

Sau khi tăng mãi giá lên, cuối cùng họ mua được con công chúa với giá một ngàn đồng. Họ bỏ nó vào trong một cái lồng được trang hoàng bằng bảy viên

ngọc, cho nó ăn cá, thịt và trái cây rừng, cũng như mật, bắp chiên, nước đường, v.v... Con công chúa đã tiếp nhận được lợi dưỡng và trọng vọng cao nhất. Từ khi con công đến, con quạ không còn được lợi dưỡng và trọng vọng nữa. Chẳng còn ai muốn nhìn tới nó nữa. Quạ không còn được đồ ăn loại cứng và loại mềm nữa, liền kêu "quạ, quạ" rồi bay đi, đậu trên một đống phân.

***

Bậc Đạo sư liên kết hai câu chuyện và với trí tuệ toàn hảo, ngài đọc các bài kệ sau đây:

153. Trước khi công có chỏm, Xuất hiện ở nơi đây,
Quạ được thịt, trái cây, Làm quà cúng dâng đến.

154. Giọng ngọt ngào trìu mến, Công đến Bāveru,
Quạ liền bị khước từ, Lợi dưỡng và danh vọng.

155. Người ta rất kính trọng, Nhiều đạo sĩ tu hành,
Đến khi Phật khai minh, Ánh hào quang chân lý.

156. Khi với giọng từ ái, Đức Phật thuyết pháp ra,
Ngoại đạo bị người ta, Tước đi mọi danh lợi.

Sau khi đọc bốn bài kệ này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, đạo sĩ Nigaṇṭha Nāthaputta là con quạ, còn Ta là con công chúa.

§340. CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ VISAYHA (*Visayhajātaka*) (*J*. III. 128)

Visayha, xưa người ban tặng...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về trưởng giả Cấp Cô Độc. Trường hợp dẫn đến câu chuyện đã được kể rõ trong *Chuyện hố than lửa cây keo*.[34] Ở đây, bậc Đạo sư gọi cư sĩ Cấp Cô Độc và bảo:

– Này cư sĩ, các bậc Hiền trí ngày xưa vẫn cứ bố thí, không nghe lời khuyên bảo của Thiên chủ Đế-thích, vua cõi trời, khi Thiên chủ đứng trên không vừa cố can ngăn họ vừa nói: "Đừng bố thí."

Rồi do yêu cầu của vị trưởng giả, bậc Đạo sư kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một đại thương gia tên là Visayha, tài sản tới tám trăm triệu đồng. Ngài có đầy đủ năm đức hạnh, rất rộng rãi về tiền bạc và ưa thích bố thí. Ngài cho xây các nhà bố thí tại bốn cổng thành, ở trung tâm thành phố và trước nhà riêng của ngài. Ở tại sáu nơi này, ngài đều đích thân đi đến bố thí, và mỗi ngày sáu trăm ngàn người đến xin. Thức ăn của Bồ-tát và thức ăn của các hành khất đều cùng một thứ y như nhau.

[34] Xem *J*. I. 227, *Khadiraṅgārajātaka* (*Chuyện hố than lửa cây keo*), số §40.

Ngài đã làm rung động nhân dân khắp nước Ấn Độ vì các tặng phẩm của ngài nên trú xứ của Đế-thích bị rung chuyển vì kết quả phi thường do lòng bác ái của ngài và chiếc ngai vàng bằng hoàng thạch của vị Thiên đế ấy đã nóng lên.

Đế-thích kêu lên:

– Ta chẳng biết ai muốn làm ta rời khỏi chỗ ngồi của ta ở trên trời thế này?

Thiên chủ nhìn quanh ngài, thấy vị đại thương gia ấy và tự nghĩ: "Visayha này bố thí và vì phân phát tặng phẩm ở khắp nơi nên làm rung động toàn cõi nước Ấn Độ. Bằng cách bố thí, không chừng y sẽ hạ bệ ta và tự trở thành Đế-thích đấy. Ta sẽ tiêu hủy của cải y, sẽ làm y thành một kẻ nghèo và do đó sẽ khiến y không thể tiếp tục bố thí nữa được."

Thế là Đế-thích làm cho dầu, đường, mật... cả kho chứa thóc cũng như các nô lệ, người làm công đều biến mất. Những người bị mất các tặng phẩm do trưởng giả bố thí đến nói với ông:

– Thưa ngài, nhà bố thí đã biến mất ở khắp nơi, chúng tôi không tìm thấy thứ gì do ngài cung cấp.

Vị trưởng giả nói:

– Từ nay hãy lấy tiền vậy. Đừng bỏ mất sự bố thí.

Rồi ông gọi vợ, bảo hãy giữ trọn lòng từ thiện. Bà tìm khắp nhà mà cũng không thấy được một đồng lẻ nào. Bà nói:

– Thưa ông, ngoài quần áo chúng ta đang mặc, tôi chẳng thấy gì nữa cả. Toàn cả nhà đều trống rỗng.

Mở bảy kho ngọc ra, họ cũng không tìm thấy được gì. Chẳng còn thấy ai cứu giúp vợ chồng vị thương gia cả, nô lệ cũng không, người làm cũng không nốt. Bồ-tát lại bảo vợ:

– Bà ơi, chúng ta không thể dứt bỏ nhiều việc từ thiện của chúng ta. Bà hãy kiếm khắp nhà cho đến khi bà tìm được một thứ gì đó.

Bấy giờ, một người cắt cỏ ném liềm hái, đòn và dây thừng bó cỏ trong phòng và chạy. Bà vợ của phú ông tìm thấy các thứ ấy và bảo:

– Ông ơi, đây là tất cả các thứ tôi tìm thấy được.

Rồi bà mang trao chúng cho ông. Bồ-tát nói:

– Bà ơi, suốt mấy năm nay tôi không hề cắt cỏ, nhưng hôm nay tôi sẽ cắt cỏ mang đi bán và nhờ đó sẽ chi tiêu vào việc bố thí thích đáng.

Vì sợ sẽ phải ngừng việc từ thiện, vị thương gia cầm lấy liềm hái, đòn và dây thừng rời khỏi thành phố đến một nơi có nhiều cỏ, cắt và bó cỏ lại thành hai bó và tự bảo: "Một bó là của gia đình ta, còn bó kia ta sẽ dùng cho việc bố thí."

Ông mang cỏ vào đòn, gánh đi bán ở cổng thành và nhận được hai đồng tiền nhỏ. Ông liền cho các hành khất phân nửa số tiền. Lúc ấy, có nhiều hành khất và họ cứ kêu xin:

– Hãy cho chúng tôi với!

Thế là ông cho luôn phần tiền còn lại và ngày hôm sau ông cùng với vợ phải nhịn đói. Cứ như thế, sáu ngày trôi qua. Sang đến ngày thứ bảy, trong khi ông đang nhặt cỏ, vì ông vốn đã mảnh mai lại phải chịu đói trong suốt bảy ngày, mặt trời chiếu nóng trên trán ông khiến ông hoa mắt, bất tỉnh ngã xuống làm vung cả cỏ. Quan sát việc Visayha làm, Đế-thích rất cảm động. Ngay lúc ấy, Thiên chủ hiện đến, đứng trên không và đọc bài kệ đầu:

157. Visayha, xưa người ban tặng,
Bố thí nhiều, mất hẳn giàu sang.
Nay giữ mình, chớ trao ban,
Niềm vui bền vững, người hằng sống luôn.

Bồ-tát nghe những lời ấy liền hỏi:

– Ngài là ai thế?

Thiên chủ nói:

– Ta là Đế-thích.

Bồ-tát bảo:

– Chính Đế-thích đã bố thí, hành trì những bổn phận đạo đức của mình, nhờ giữ gìn các ngày trai giới, làm tròn bảy hạnh nguyện nên đạt ngôi vị Đế-thích. Thế mà nay lại ngăn cấm việc bố thí đã tạo ra sự cao cả của chính ngài trước đây. Như vậy, quả thực ngài đã phạm vào một hành vi không xứng đáng rồi.

Nói thế xong, ngài đọc ba bài kệ sau đây:

158. Thế không đúng, đời thường vẫn bảo,
Hành vi hèn làm xấu cho danh.
Đấng Ngàn mắt, hãy ngó ngàng,
Cho tôi khỏi lỗi, dù đang khổ sầu.

159. Xin chớ để bao nhiêu của cải,
Tôi chi tiêu, ngu dại, phóng cuồng,
Chìm vào dục lạc, hư danh,
Chỉ xin như trước, thêm phần phúc may.

160. Theo xe xưa, xe nay vững tiến,
Còn sống đây, tôi vẫn trao ban,
Dù đang cảnh khổ tôi mang,
Ý tôi cao thượng xin đừng cản ngăn.

Đế-thích không thể nào khiến cho Bồ-tát ngưng bỏ ý định của ngài được, liền hỏi tại sao ngài bố thí. Ngài đáp:

– Tôi không ham muốn trở thành Đế-thích, thành Phạm thiên mà chính là mong tìm sự giác ngộ.

Nghe nói thế, Đế-thích tỏ vẻ hân hoan, lấy tay vuốt ve lưng Bồ-tát. Ngay

lúc được hưởng ân huệ ấy, toàn thân Bồ-tát tràn ngập cả niềm vui. Do năng lực siêu phàm của Đế-thích, toàn bộ tài sản của ngài trở lại với ngài. Đế-thích bảo:

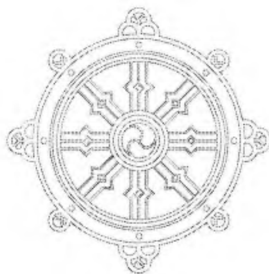
– Này đại thương gia, từ nay ngài hãy cứ bố thí, phân phát mỗi ngày một triệu hai trăm ngàn phần.

Sau khi tạo cho nhà Bồ-tát tài sản vô lượng, Đế-thích từ giã ngài và đi thẳng về trú xứ riêng của mình.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, mẹ của Rāhula (La-hầu-la) là vợ của vị thương gia, còn Ta chính là Visayha.



V. PHẨM CULLAKUṆĀLA (*CULLAKUṆĀLAVAGGA*)

§341. CHUYỆN VUA KAṆḌARĪ (*Kaṇḍarijātaka*)[35] (*J.* III. 133)

Câu chuyện tiền thân này sẽ được kể đầy đủ trong *Chuyện chim chúa Kuṇāla*.[36]

§342. CHUYỆN CON KHỈ (*Vānarajātaka*)[37] (*J.* III. 133)

Ta từ nước, cá ơi...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Trúc Lâm về cách Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) định giết đức Phật. Tình tiết dẫn đến câu chuyện đã được kể chi tiết trước đây *Chuyện con cá sấu*.[38]

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một con khỉ ở vùng Tuyết sơn. Khi lớn lên ngài sống bên bờ sông Hằng.

Bấy giờ, một con cá sấu cái sống trong sông Hằng, rất khao khát được ăn trái tim của Bồ-tát, liền ngỏ ý với chồng. Cá sấu đực tự nghĩ: "Ta sẽ giết con khỉ bằng cách nhận chìm nó xuống nước rồi lấy trái tim cho vợ ta."

Vì vậy, nó đến nói với Bồ-tát:

– Này bạn, chúng ta hãy đi ăn trái cây rừng trên một hòn đảo kia.

Bồ-tát nói:

– Làm sao mà tôi đến đó được?

Cá sấu trả lời:

– Tôi sẽ đặt bạn trên lưng tôi và mang bạn đến đó.

Bồ-tát không biết ý định của cá sấu, liền nhảy lên ngồi trên lưng nó. Cá sấu sau khi bơi một đoạn ngắn, liền bắt đầu lặn xuống. Khỉ bảo:

– Này ông, sao ông nhận chìm tôi xuống nước thế?

---

[35] Bản Tích Lan, Campuchia viết *Kinnarījātaka*. Bản CST viết *Kaṇḍarījātaka*. Bản Thái Lan viết *Kuṇḍalikajātaka*.

[36] Xem *J.* V. 417, *Kuṇālajātaka* (*Chuyện chim chúa Kuṇāla*), số §536.

[37] Xem *J.* III. 265, *Kukkuṭajātaka* (*Chuyện kê vương*), số §383; *J.* III. 437, *Sulasājātaka* (*Chuyện kiều nữ Sulasā*), số §419; *J.* IV. 56, *Kukkuṭajātaka* (*Chuyện kê vương*), số §448; *J.* V. 152, *Alambusajātaka* (*Chuyện thiên nữ Alambusā*), số §523.

[38] Xem *J.* II. 159, *Suṁsumārajātaka* (*Chuyện con cá sấu*), số §208.

Cá sấu nói:

– Ta sắp giết ngươi và cho vợ ta trái tim của ngươi.

Bồ-tát nói:

– Hỡi ông bạn khờ khạo, bộ ông tưởng rằng trái tim của tôi ở bên trong tôi đấy à?

– Thế thì ngươi để nó ở đâu?

– Ông không thấy nó đang treo ở cây sung đằng kia ư?

Cá sấu đáp:

– Ta thấy rồi, nhưng ngươi có chịu cho ta không?

Khỉ đáp:

– Vâng, chịu chứ.

Thế là cá sấu thật là ngu, mang khỉ và bơi đến gốc cây sung trên bờ sông. Bồ-tát phóng khỏi lưng cá sấu, đứng trên cây sung và đọc các bài kệ:

161. Ta từ nước, cá ơi, Lên tới đất khô này,
Há chỉ để sau rốt, Rơi vào thế lực ngươi?

162. Mít, hồng đào đó kìa, Khi ta đã chán ra,
Sung đây ta nên hái, Hơn trái xoài đằng xa.

163. Kẻ nào gặp dịp tốt, Mà chẳng vươn lên được,
Dưới chân kẻ nghịch.thù, Thảm thương nằm lạy lục.

164. Kẻ nào biết ngay liền, Nỗi nguy biến phần mình,
Không hề bị uy hiếp, Trước kẻ nghịch cường quyền.

Bồ-tát đọc bốn bài kệ trên về sự thành công trong các việc đời rồi, liền ngay đó vụt biến vào đám cây rậm.

***

Sau khi chấm dứt bài thuyết giảng, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Devadatta là con cá sấu, còn Ta là con khỉ.

§343. CHUYỆN CON HẠC (*Kuntanijātaka*) (*J.* III. 134)

Lâu nay tôi giúp đỡ nhà này...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một con hạc sống trong cung vua xứ Kosala.

Tương truyền, con hạc mái này mang thư tín cho vua, nó có hai con nhỏ. Vua sai hạc mang thư đến cho một ông vua nọ. Khi hạc đi xa, hai nam tử trong cung vua lấy tay bóp chết hai hạc con. Hạc mẹ trở về không thấy hai con, liền hỏi ai đã giết con nó. Người ta kể lại sự việc như vậy.

Bấy giờ, trong cung vua có nuôi con hổ dã man, dữ dằn, bị cột bằng dây

xích rất chắc. Hai cậu bé kia đến coi hổ, con hạc đi theo và tự nghĩ: "Hai con nhỏ của ta bị hai đứa bé này giết, vậy ta sẽ thanh toán chúng." Rồi nó nắm lấy hai cậu bé ném vào chân con hổ. Hổ gầm gừ một tiếng rồi nhai trọn cả hai. Hạc tự bảo: "Thế là ta được thỏa lòng mong ước." Rồi hạc bay lên không, thẳng tới dãy Tuyết sơn.

Các Tỷ-kheo nghe chuyện ấy, bắt đầu bàn tán trong pháp đường:

– Này các Hiền giả, nghe nói một con hạc kia trong điện vua đã ném hai cậu bé vào một con hổ vì hai cậu bé này đã giết chết hai con nhỏ của nó; và sau khi đã gây cái chết cho chúng, hạc bỏ đi.

Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang bàn tán chuyện gì. Rồi Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, con hạc ấy đã mang lại cái chết cho những kẻ đã giết con nó.

Và liền đó, Ngài kể lại một câu chuyện ngày xưa.

***

Ngày xưa, Bồ-tát ở Ba-la-nại trị vì vương quốc của ngài rất công chính. Một con hạc nọ ở trong điện của ngài, thường mang thư tín cho ngài. Câu chuyện xảy ra y như ở trên. Điểm đặc biệt ở đây là sau khi con hạc để cho con hổ giết chết các cậu bé, liền tự nghĩ: "Ta không thể ở đây nữa. Ta sẽ ra đi, nhưng dù ta bỏ đi, ta cũng sẽ không ra đi mà không nói với đức vua. Nói với vua xong, ta sẽ bỏ đi." Vì vậy, nó đến ngồi gần vua, vái chào và đứng xa xa một tí rồi thưa:

– Tâu Đại vương, chính ngài bất cẩn mà các hoàng tử đã giết các con nhỏ của tôi, và vì quá căm giận, tôi đã khiến cho họ chết để báo thù. Bây giờ, tôi không thể sống ở đây nữa.

Rồi nó đọc bài kệ đầu:

165. Lâu nay tôi giúp đỡ nhà này,
Như chính nhà tôi, được trọng thay,
Nhưng chính vì ngài làm thế đấy,
Bây giờ tôi phải bỏ đi ngay.

Vua nghe thế liền đọc bài kệ thứ hai:

166. Người ta thanh toán nỗi cừu oan,
Hại nọ, hại này phải xứng cân,
Thù hận thế là nên dẹp bỏ,
Hạc hiền, hãy ở lại, ta van!

Nghe thế, hạc đọc bài kệ thứ ba:

167. Kẻ bị hại cùng người tác hại,
Không bao giờ hòa hợp như xưa,
Tâu vua chớ giữ tôi đây nữa,
Thôi nhé, tôi đây đến chốn xa.

Vua nghe xong liền đọc bài kệ thứ tư:

168. Nếu họ khôn ngoan chẳng dại khờ,
Có cơ sống an ổn, hài hòa,
Kẻ gây hại với người mang hại,
Này hạc hiền ơi, ở lại mà!

Chim hạc nói:

– Tâu Đại vương, sự việc đã như vậy, tôi không thể ở lại nữa.

Rồi nó chào vua, bay lên không và về thẳng dãy Tuyết sơn.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và nhận diện tiền thân:

– Con hạc trong chuyện cổ là con hạc ngày nay, còn vua xứ Ba-la-nại chính là Ta.

§344. CHUYỆN NGƯỜI ĂN TRỘM XOÀI (*Ambacorajātaka*) (*J.* III. 137)

Cô nào đã ăn xoài ngài đó...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một ông già trông coi các trái xoài.

Tương truyền khi đã già, ông trở thành một nhà tu khổ hạnh, dựng một túp lều lá trong một vườn xoài ở ngoại ô Kỳ Viên. Chẳng những ông chỉ ăn trái xoài chín từ trên cây rụng xuống mà còn đem cho bà con của ông nữa. Trong khi ông bận đi khất thực, một bọn trộm đến hái xoài của ông xuống, ăn một số rồi mang theo một số còn lại. Bấy giờ, có bốn cô gái của một thương gia giàu có kia, sau khi tắm ở sông Aciravatī về, lang thang đây đó lạc vào trong vườn xoài ấy. Tu sĩ già kia trở về, thấy các cô ở đó liền buộc tội rằng các cô đã ăn xoài của ông.

Họ bảo:

– Thưa ngài. Chúng tôi vừa mới đến, chúng tôi không ăn xoài của ngài.

Ông ấy nói:

– Vậy các cô hãy thề đi.

– Thưa ngài, chúng tôi sẽ thề.

Họ bảo thế và nói lời thề. Tu sĩ già ấy làm nhục họ bằng cách khiến họ phải thề như thế rồi để cho họ đi.

Các Tỷ-kheo nghe ông ấy làm như vậy, bắt đầu bàn tán trong pháp đường rằng ông già ấy đã buộc các cô gái của một thương gia phải thề khi các cô vào trong vườn xoài mà ông ở, và sau khi làm họ phải hổ thẹn bằng cách bắt họ thề, ông ta đã để cho họ đi.

Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang bàn tán về việc gì. Nghe thuật xong, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, ông già ấy đã trông coi xoài, đã khiến các cô gái của một phú thương phải nói lời thề; sau khi làm họ phải xấu hổ như thế, ông ta để họ đi.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là Thiên chủ Đế-thích. Bấy giờ, có một vị khổ hạnh xảo quyệt dựng một túp lều lá để trú ẩn trong vườn xoài trên một bờ sông gần Ba-la-nại. Ông ta trông giữ xoài cho các đồng bạn của ông. Ông trú ở đó và kiếm sống bằng nhiều cách dối gạt khác nhau.

Bấy giờ Đế-thích, vua cõi trời, tự nghĩ: "Ta muốn biết ai trong cõi người đã phụng dưỡng cha mẹ, cung kính đối với các bậc trưởng thượng trong gia đình, bố thí, giữ giới hạnh và hành trì các ngày trai giới; những ai trong bọn họ sau khi đã sống đời tu hành, vẫn tiếp tục tận tụy làm các bổn phận xứng đáng với người tu; những ai trong đám tu hành ấy lại còn phạm ác hạnh."

Quan sát thế gian, nhìn thấy nhà tu ác hạnh này đang trông giữ vườn xoài của mình, Thiên chủ bảo: "Vị khổ hạnh giả mạo này bỏ bê các bổn phận của một tu sĩ như tinh tấn để thiền định phát sinh, v.v... mà lại cứ trông giữ một vườn xoài. Ta sẽ đe dọa cho lão sợ mới được." Thế là khi nhà tu hành kia vào làng khất thực, Đế-thích dùng thần lực làm rụng xoài xuống và làm như thể xoài bị bọn trộm vơ vét vậy.

Bấy giờ, có bốn cô gái con một thương gia ở Ba-la-nại vào vườn, tu sĩ giả mạo kia trông thấy liền chặn lại và hỏi:

– Các cô đã ăn xoài của ta?

Họ nói:

– Thưa ngài, chúng tôi vừa mới đến. Chúng tôi không ăn xoài của ngài đâu!

Ông ta nói:

– Vậy thì hãy thề đi.

Họ hỏi:

– Thề xong, chúng tôi được phép đi chứ?

– Chắc chắn là như thế.

Họ nói:

– Tốt lắm, thưa ngài.

Rồi cô lớn nhất trong bọn tuyên thệ bằng bài kệ đầu:

169. Cô nào đã ăn xoài ngài đó,
Sẽ gặp chồng thô lỗ cộc cằn,
Râu lông xoắn xám, xảo gian,
Tóc kia từng lọn uốn quăn trên đầu!

Vị khổ hạnh bảo:

– Cô hãy đứng sang một bên.

Rồi ông bảo cô con gái thứ hai của thương gia nêu lời thề. Cô này đọc bài kệ thứ hai:

170. Hãy cho cô trộm cây xoài ấy,
Kiếm mãi chồng vẫn thấy biệt tăm,
Hai mươi, rồi tuổi hai lăm,
Ba mươi gần đến biết làm sao đây!

Cô này sau khi nêu lời thề, liền đứng sang một bên, cô thứ ba đọc bài kệ thứ ba:

171. Kẻ nào đã vào ăn xoài ngọt,
Sẽ cô đơn khổ nhọc lên đường,
Đến nơi hò hẹn muộn màng,
Sầu đau khi thấy tình lang đi rồi!

Thế rồi, cô đứng sang một bên. Cô gái thứ tư đọc bài kệ thứ tư:

172. Cô nào đã làm hư cây hết,
Mặc đồ xinh, đầu kết hoa cài,
Dầu chiên-đàn vẫn xức hoài,
Nhưng giường kia vẫn miệt mài gái tân!

Nhà tu nói:

– Các cô đã thề bồi rất trang trọng, hẳn là những kẻ khác đã ăn xoài chứ không phải các cô. Bây giờ, các cô hãy đi đi!

Nói thế xong, ông ta cho họ ra đi. Lúc ấy, Đế-thích liền hiện ra một hình hài hung tợn đuổi nhà tu hành giả mạo kia ra khỏi nơi ấy.

***

Sau khi thuyết giảng xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, nhà tu sĩ giả mạo kia là ông già trông coi vườn xoài. Bốn cô gái của thương gia cũng chính là bốn cô gái này, còn Ta là Đế-thích.

§345. CHUYỆN CON RÙA LƯỜI BIẾNG (*Gajakumbhajātaka*) (*J.* III. 139)

Một khi lửa cháy lan rừng...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo lười biếng.

Nghe nói ông ta là một người thuộc dòng cao quý và sống ở Xá-vệ. Sau khi đã nhất tâm theo giáo pháp và thọ giới, ông lại trở nên lười biếng. Đối với việc học đạo, thuyết pháp, thiền định, đi khất thực thuộc bổn phận của tu sĩ, ông ta đã không thực hiện đầy đủ, bị tội lỗi tấn công, trấn áp và người ta luôn luôn trông thấy ông ở các chỗ nghỉ chân công cộng.

Các Tỷ-kheo bàn tán tính lười biếng của ông trong pháp đường:

– Này các Hiền hữu, người ấy sau khi thọ giới trong một giáo pháp cao vời dẫn đến giải thoát lại tiếp tục lười biếng, giải đãi và bị tội lỗi tấn công, trấn áp.

Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỳ-kheo họp lại bàn tán việc gì. Khi nghe thuật chuyện xong, Ngài dạy:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà từ xưa kia, ông ấy cũng đã lười biếng.

Rồi Ngài kể một câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là quan đại thần được sự trọng vọng của vua. Nhà vua có khuynh hướng lười biếng và Bồ-tát đang tìm mọi cách để vua tỉnh ngộ.

Một hôm, vua vào trong vườn cây cùng với quan đại thần của mình và trong lúc đang dạo chơi, vua trông thấy một con rùa lười biếng. Người ta bảo rằng những con vật biếng nhác như con này, dù di chuyển suốt cả ngày cũng chỉ nhích đi được một, hai phân mà thôi.

Vua trông thấy nó bèn hỏi:

– Này bạn, con vật ấy tên gì thế?

Bồ-tát trả lời:

– Tâu Đại vương, đây là một con rùa, nó quá lười, chậm đến nỗi dù nó di chuyển suốt cả ngày cũng chỉ dịch được một, hai phân mà thôi.

Rồi ngài gọi con rùa và nói:

– Này anh rùa, bộ dáng anh thật chậm chạp. Giả như có hỏa hoạn phát sinh trong rừng thì anh làm sao đây?

Rồi ngài liền đọc bài kệ đầu:

173. Một khi lửa cháy lan rừng,
Phải rời đi tránh con đường khói sau,
Hỡi anh lệt bệt, làm sao,
Tìm ra cho được cách nào an thân?

Rùa nghe thế liền đọc bài kệ thứ hai:

174. Nơi nào cũng lắm lỗ hang,
Cây nào cũng nứt ra từng hốc kia,
Đấy đều chỗ trú ấy mà,
Nếu không tìm được đành là chết luôn!

Bồ-tát nghe xong liền đọc hai bài kệ tiếp:

175. Ai hấp tấp khi cần nghĩ lại,
Và chậm lâu khi phải thực nhanh,
Sẽ làm tiêu phúc mong manh,
Như cành lá nọ dưới chân đạp đầy.

176. Nhưng hễ ai chờ ngay đúng lúc,
Thực hành không hấp tấp vội vàng,
Làm tròn mục đích mình mang,
Như vầng trăng vẫn trọn đường nó đi.

Vua nghe các lời này của Bồ-tát, từ đó không còn biếng nhác nữa.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng rồi nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Tỷ-kheo biếng nhác kia là con rùa, còn Ta là vị quan Hiền trí nọ.

§346. CHUYỆN ĐẠO SĨ KESAVA (*Kesavajātaka*) (*J.* III. 141)

Ngài vừa sống cùng hàng vương giả...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về sự đãi ngộ của tình bằng hữu.

Trong nhà của trưởng giả Cấp Cô Độc luôn luôn có năm trăm Tỷ-kheo được cấp dưỡng. Ngôi nhà thường vẫn giống như là một chỗ nghỉ ngơi dành cho chúng Tỷ-kheo, rực rỡ màu sắc của các y vàng và ngào ngạt hương thơm thánh thiện.

Một hôm, vua tham dự một cuộc diễu hành quanh thành phố, trông thấy chúng Tỷ-kheo trong nhà của trưởng giả liền tự nghĩ: "Ta sẽ cúng dường đều đặn cho hội chúng Thánh nhân này." Vua đến tinh xá và sau khi đảnh lễ bậc Đạo sư, liền đặt vấn đề cúng dường thường trực cho năm trăm Tỷ-kheo. Từ đó, trong cung vua luôn luôn có cuộc bố thí, thức ăn hảo hạng, cơm gạo thơm tho, nhưng lại chẳng có ai tự tay trao tặng vật với vẻ trìu mến thương yêu. Các vị quan cứ việc phân phát thức ăn và các Tỷ-kheo cũng chẳng muốn ngồi đó để ăn, mà lại lấy các thức ăn ngon đủ loại rồi mỗi vị đến từng nhà thủ hộ riêng của mình, cho họ các thức ăn ấy và ăn các thức ăn do chủ nhà dọn cho, không kể đạm bạc hay cao sang gì cả.

Một hôm, người ta mang đến dâng cho vua nhiều trái cây rừng. Vua bảo:

– Hãy mang cho hội chúng các Tỷ-kheo!

Họ mang trái đến phạn đường và trở về tâu vua:

– Không có một Tỷ-kheo nào ở đó.

Vua hỏi:

– Sao, chưa đúng giờ thọ thực ư?

Họ đáp :

– Tâu, đúng giờ đấy ạ, nhưng các Tỷ-kheo lấy thức ăn ở đây rồi mang đến nhà các thị giả trung tín của các vị và cho họ thức ăn, còn chính các vị ấy dùng bất cứ thức ăn gì được dọn ra, không kể đạm bạc hay cao sang gì cả.

Vua bảo:

– Thức ăn của ta thì cao sang. Thế mà tại sao trên đời này có người nhận lấy thức ăn từ chúng ta để rồi ăn thứ khác?

Vua tự nghĩ: "Ta sẽ hỏi bậc Đạo sư." Rồi vua đến tinh xá và hỏi Ngài.

Bậc Đạo sư nói:

– Thức ăn tốt nhất là thức ăn được cho với tình yêu thương. Vì thiếu những người tạo mối thân tình bằng cách bố thí với niềm yêu thương nên các Tỳ-kheo đã lấy thức ăn ở đó và mang đến ăn tại các nhà thân hữu của họ. Tâu Đại vương, không có vị ngọt nào bằng vị ngọt của tình thương. Thứ gì được cho mà không tình thương thì dù nó gồm bốn thứ ngon ngọt cũng không xứng bằng gạo rừng được cho với tình thương. Các trí giả ngày xưa, khi họ bị bệnh dù vua cùng với năm gia đình ngự y chữa trị thuốc men, nếu bệnh vẫn không giảm thì họ đến với các bằng hữu thân tình. Rồi nhờ ăn cháo gạo rừng và hạt cỏ không có muối, ngay cả rau cũng không muối, chỉ đổ nước vào thôi, thế mà họ được lành bệnh.

Nói xong, do yêu cầu của mọi người, bậc Đạo sư kể một câu chuyện ngày xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn tại vương quốc Kāsi, người ta gọi ngài là Kappakumāra (Nam tử Kappa). Khi lớn lên, ngài hoàn tất mọi học nghệ tại Takkasilā và sau đó sống đời tu hành.

Bấy giờ, có một nhà tu khổ hạnh tên là Kesava được năm trăm nhà tu hành khác theo hầu, rồi trở thành Sư trưởng của một đám môn đệ và trú trong dãy Tuyết sơn. Bồ-tát đến với ông rồi trở thành huynh trưởng của năm trăm đồ đệ, trú tại đó và tỏ ra trìu mến thương yêu Kesava. Sau đó, hai người trở thành đôi tri kỷ. Chẳng bao lâu, Kesava cùng với các nhà tu hành ấy đến Ba-la-nại để kiếm muối, giấm và trú trong vườn cây của vua. Hôm sau, họ vào thành và đến cổng cung vua. Vua trông thấy đoàn tu sĩ liền mời họ dùng bữa tại cung, hứa hẹn với họ, cho họ ở trong vườn cây của vua. Thế rồi khi mùa mưa chấm dứt, Kesava từ giã nhà vua. Vua bảo:

– Thưa Tôn giả, ngài đã già rồi, ngài nên ở gần chúng tôi và để các tu sĩ trẻ kia về Tuyết sơn.

Kesava chấp thuận, bảo đoàn tu sĩ cùng người huynh trưởng về Tuyết sơn, còn riêng ông ở lại. Kappa liền về Tuyết sơn và trú ở đó với các tu sĩ kia. Kesava đau khổ vì bị tách khỏi hội chúng của Kappa, ông cứ mong mỏi gặp Kappa nên không ngủ được. Vì mất ngủ, ông ăn không tiêu, ông bị chứng đi tiêu ra máu, đau đớn vô cùng. Nhà vua cùng năm gia đình ngự y săn sóc vị ẩn sĩ, nhưng bệnh của ông không bớt được. Vị ẩn sĩ hỏi vua:

– Tâu Đại vương, ngài muốn tôi chết đi hay lành bệnh?

Vua đáp:

– Thưa Tôn giả, tôi muốn ngài được lành bệnh.

Ông nói:

– Thế thì hãy cho tôi về dãy Tuyết sơn.

Vua đáp:

– Vâng, thưa Tôn giả.

Rồi vua sai một đại thần tên gọi Nārada, bảo ông ta đi cùng với một số thợ rừng đưa vị tu sĩ ấy về Tuyết sơn. Nārada đưa Kesava đến đó rồi quay về. Kesava chỉ mới trông thấy Kappa, tâm bệnh của ông liền dứt và nỗi khổ đau lắng xuống ngay. Thế rồi, Kappa dâng cho ông cháo nấu bằng hạt cỏ và gạo rừng trộn chung với rau rồi đổ nước vào, không muối, không gia vị. Ngay lúc dùng thứ ấy, bệnh kiết lỵ của ông thuyên giảm liền.

Vua lại gọi Nārada đến và bảo:

– Hãy đi hỏi thăm tin tức của ẩn sĩ Kesava!

Nārada đến nơi, thấy Kesava đã lành bệnh liền bảo:

– Thưa Tôn giả, đức vua xứ Ba-la-nại cùng với năm gia đình ngự y chữa trị ngài mà vẫn không thể chữa lành bệnh của ngài. Kappa đã chữa trị ngài như thế nào vậy?

Rồi ông đọc bài kệ đầu:

177. Ngài vừa sống cùng hàng vương giả,
Vua sẵn lòng cho thỏa nguyện ngài,
Lều Kappa có gì hay,
Kesava phải nơi đây lui về?

Kesava nghe thấy, liền đọc bài kệ thứ hai:

178. Mọi thứ đây tràn trề yêu mến,
Nārada, yêu đến cả cây,
Lời Kappa hỷ lạc đầy,
Dâng lên âm hưởng vui vầy lòng ta.

Sau lời ấy, Kesava lại nói:

– Kappa muốn làm cho ta hài lòng, đã cho ta ăn cháo nấu bằng hạt cỏ và gạo rừng trộn với rau rồi thêm nước vào, không có muối, gia vị và nhờ thế, bệnh tật của thân ta được ngăn chặn và ta đã lành hẳn.

Nārada nghe thế, liền đọc bài kệ thứ ba:

179. Quen gạo tinh nấu pha với thịt,
Món nhạt kia, ngài biết sao ăn?
Làm sao hạt cỏ, gạo hoang,
Ngài chia sẻ được với đoàn ẩn tu?

Nghe xong, Kesava liền đọc bài kệ thứ tư:

180. Thức ăn có thể là ngon, dở,
Chỉ ít ỏi hay có rất nhiều,
Nhưng ăn đầy đủ thương yêu,
Thương yêu, nước chấm tuyệt chiêu được tìm.

Nārada nghe thế liền quay về kể cho vua nghe:

– Kesava nói như thế, như thế...

***

Sau khi chấm dứt bài thuyết giảng, bậc Đạo sư nhận tiền thân:

– Bấy giờ, vua là Ānanda, Nārada là Sāriputta, Kesava là Phạm thiên Baka, và Kappa chính là Ta vậy.

§347. CHUYỆN CÁI CHÀY SẮT (*Ayakūṭajātaka*) (*J.* III. 146)

Tại sao giữa không trung, ngươi đang đứng...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về bổn phận phải hành thiện đối với mọi người. Trường hợp dẫn đến câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện đại hắc thiên cẩu.*[39]

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là con của chánh hoàng hậu. Khi lớn lên, ngài học đủ các học nghệ và khi vua cha mất, ngài được tôn lên ngôi vua và trị vì vương quốc rất công chính.

Bấy giờ, người ta rất sùng kính các thần linh, thường giết nhiều dê, cừu, v.v... để tế thần. Bồ-tát cho đánh trống tuyên bố:

– Không được giết hại sinh vật nào cả!

Bọn quỷ dạ-xoa (yakkha) mất các tế vật rất căm giận Bồ-tát, liền rủ nhau họp lại trong dãy Tuyết sơn rồi sai một quỷ dạ-xoa hung ác đi giết Bồ-tát. Nó cầm một khối sắt sáng loáng to bằng cái vòm nhà và ngay sau lúc nửa đêm, nó đến đứng đầu giường Bồ-tát để đập chết ngài. Ngay lúc ấy, chiếc ngai của Đế-thích nóng lên. Sau khi quan sát, Thiên chủ biết được nguyên nhân, liền cầm lưỡi tầm sét của mình đứng phía trên quỷ dạ-xoa kia. Bồ-tát thấy quỷ ấy liền nghĩ: “Sao nó lại đứng đây nhỉ? Đấy là nó muốn bảo vệ ta hay muốn giết ta?”

Bồ-tát nghĩ như thế rồi đọc bài kệ đầu:

181. Tại sao giữa không trung, ngươi đang đứng,
Hỡi dạ-xoa, chày sắt lớn trên tay,
Phải chăng ngươi ngăn kẻ hại ta đây,
Hay chính lúc ta bị ngươi làm hại?

---

[39] Xem *J.* IV. 181, *Mahākaṇhajātaka* (*Chuyện đại hắc thiên cẩu*), số §469; *J.* III. 359, *Bakabrahmajātaka* (*Chuyện Phạm thiên Baka*), số §405.

Bấy giờ, Bồ-tát chỉ trông thấy quỷ dạ-xoa mà không trông thấy Đế-thích. Dạ-xoa vì sợ Đế-thích nên không dám đập Bồ-tát.

Nghe Bồ-tát bảo thế, con quỷ nói:

– Tâu Đại vương, không phải tôi đứng đây để canh giữ ngài, tôi định đập ngài bằng khối sắt sáng ngời này, nhưng vì sợ Đế-thích nên tôi không dám đập.

Để giải thích ý mình, con quỷ đọc bài kệ thứ hai:

182. Là sứ giả của các thần la-sát,
Hiện ra đây, tôi nhắm giết ngài thôi,
Chày không vung đập xuống được đầu ngài,
Vì đầu ấy, chính Indra bảo vệ.

Nghe thế, Bồ-tát đọc thêm hai bài kệ nữa:

183-84. Nếu Indra là Sujā Chúa tể,
Đấng Đại vương, Thiên chủ đến giúp ta,
Dù xé trời, yêu quỷ thét gầm la,
Cũng chẳng đủ sức làm ta sợ hãi.
Hãy để bọn ma bùn, yêu tinh ấy,
Mặc sức mà xàm bậy nói lung tung,
Bọn chúng đâu đủ sức sánh ngang cùng,
Khi có cuộc đối đầu rất nghiêm trọng!

Thế rồi, Đế-thích đuổi dạ-xoa chạy. Thiên chủ khích lệ Bồ-tát và nói:

– Đại vương đừng sợ. Từ nay chúng ta sẽ bảo vệ ngài. Đừng sợ!

Nói xong, Thiên chủ quay thẳng về trú xứ của mình.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng ở đây rồi nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Anuruddha (A-na-luật-đà) là Đế-thích, còn Ta là vua xứ Ba-la-nại.

§348. CHUYỆN CHỐN RỪNG HOANG (*Araññajātaka*)[40] (*J.* III. 148)

Mối nghi này, thưa cha, xin giải tỏa...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một cô gái thô tục quyến rũ một chàng trai. Tình tiết đưa đến câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*.[41]

***

[40] Tham chiếu: *J.* III. 524, *Haliddirāgajātaka* (*Chuyện ước mơ chóng phai tàn*), số §435; *Dh*. v. 391; *Pháp cú kinh* "Phạm chí phẩm" 法句經梵志品 (*T*.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh* "Phạm chí phẩm" 出曜經梵志品 (*T*.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Phạm chí phẩm" 法集要頌經梵志品 (*T*.04. 0213.33. 0798a01).

[41] Xem *J.* IV. 219, *Cullanāradajātaka* (*Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*), số §477.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi ngài lớn lên và hoàn tất các học nghệ ở Takkasilā thì vợ ngài mất. Ngài sống đời tu hành và cùng với con trai vào trú trong dãy Tuyết sơn. Tại đó, ngài để con ở lại lều lá và đi hái lượm mọi thứ trái rừng. Bấy giờ, có một bọn cướp phá một ngôi làng ở biên địa rồi bỏ đi, mang theo nhiều tù nhân. Một cô gái kia chạy trốn vào túp lều ấy. Thế rồi, nàng ta quyến rũ chàng trai, làm hư đức hạnh của chàng. Nàng nói:

– Này, chúng ta hãy cùng đi với nhau!

Chàng đáp:

– Hãy chờ cha tôi trở về đã! Gặp ngài xong, tôi sẽ đi với cô.

Nàng nói:

– Được rồi, sau khi gặp ngài xong, hãy đến với em nhé!

Rồi nàng ra ngồi chính giữa đường. Khi cha chàng trở về, ẩn giả trẻ tuổi kia đọc bài kệ đầu:

185. Mối nghi này, thưa cha, xin giải tỏa,
Nếu từ rừng, con lạc tới làng kia,
Người tông môn, hay trường phái đâu là,
Con phải chọn để kết giao làm bạn?

Người cha muốn căn dặn con, liền đọc ba bài kệ sau đây:

186. Kẻ được con yêu mến, Đem tâm tình trao đến,
Là kẻ tin lời con, Nhẫn nhịn con trọn vẹn.

187. Ai tư tưởng, lời nói, Hành vi không phạm lỗi,
Con hãy chọn người này, Làm bạn lòng mãi mãi.

188. Với người hay thay đổi, Như loài khỉ lông bông,
Thà chịu phận cô đơn, Đừng hướng về kẻ ấy.

Nghe thế, ẩn giả trẻ tuổi liền nói:

– Thưa cha, làm sao con có thể tìm thấy một người có những đức tính ấy được. Con sẽ không đi nữa. Con chỉ sống cùng cha mà thôi.

Nói xong chàng quay lại. Thế rồi, cha chàng dạy cho chàng những pháp môn làm phát triển thiền định. Cả hai cha con không hề xa rời niềm an lạc thiền đạo và được sanh vào cõi Phạm thiên.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, chàng trai và cô gái này cũng chính là chàng trai và cô gái của chuyện trên kia. Vị ẩn giả ấy chính là Ta vậy.

§349. CHUYỆN LỜI GIÈM PHA (*Sandhibhedajātaka*) (*J.* III. 149)

Cặp này chẳng có gì chung...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về giới luật dành cho sự gièm pha.

Hồi ấy, bậc Đạo sư nghe rằng nhóm sáu Tỷ-kheo ấy cứ gom góp những chuyện nói xấu, liền gọi họ đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông gom góp những chuyện nói xấu của một số bằng hữu có tính hay gây gổ, cãi cọ, tranh chấp nhau; và vì vậy, những tranh cãi đáng lẽ không xảy ra đã xảy ra và khi đã xảy ra thì những tranh cãi ấy lại có xu hướng lớn lên chăng?

Họ đáp:

– Thật như thế.

Ngài quở rầy họ và dạy:

– Lời nói gièm pha cũng giống như một nhát gươm nhọn đâm. Tình bằng hữu bền vững chóng đổ vỡ vì sự nói xấu, và kẻ nào gièm pha có thể bị bạn hữu ghét giận giống như trường hợp con sư tử và con bò mộng.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là con vua. Ngài hoàn tất mọi học nghệ ở Takkasilā, và sau khi vua cha mất, ngài lên nối ngôi và trị vì rất công chính.

Bấy giờ, có người giữ bò kia chăn dắt bầy bò ở các chuồng trong rừng, khi quay về nhà, ông ta vô ý để lạc ra sau một con bò cái đang có chửa. Con bò cái này phát sinh tình bạn với con sư tử cái nọ. Khi đã trở thành đôi bạn thân thiết, chúng thường đi chung với nhau.

Thế rồi, sau một thời gian, bò cái sanh ra một con bê và sư tử sanh ra một con sư tử con. Hai chú thú nhỏ mới sinh này theo xu hướng của gia đình trở nên đôi bạn thân thiết, đi đâu cũng không rời nhau.

Một người thợ rừng thường mang các lâm sản đến Ba-la-nại để dâng vua. Một hôm, vua hỏi ông ta:

– Này bạn, bạn có thấy điều gì kỳ diệu khác thường không?

Ông đáp:

– Tâu Đại vương, tôi chẳng thấy điều gì kỳ diệu ngoài một con sư tử cái và một con bò mộng đi với nhau, đối với nhau rất thân ái.

Vua bảo:

– Nếu có một con vật thứ ba xuất hiện thì sẽ xảy ra tác hại ngay. Nếu bạn thấy hai con vật ấy liên kết với một con thứ ba thì hãy đến đây bảo cho ta hay.

Ông ấy đáp:

– Tâu Đại vương, chắc chắn tôi sẽ theo lời ngài.

Khi người thợ rừng rời Ba-la-nại, một con chó rừng đến phục vụ sư tử và bò mộng kia. Ông ta trở về rừng và thấy thế liền tự nhủ: “Ta sẽ báo với đức vua rằng con vật thứ ba đã xuất hiện.” Rồi ông đến thành phố.

Bấy giờ, con chó rừng tự nghĩ: “Ta chẳng có thịt nào để ăn ngoài thịt sư tử và bò. Bằng cách gây bất hòa giữa hai con vật này, ta sẽ được ăn thịt chúng.” Rồi nó nói:

– Tên kia nói về ông thế này này.

Thế là chó rừng chia rẽ hai con vật kia ra, rồi nó gây ra một cuộc tranh cãi khiến sư tử và bò đi đến tình trạng đấu nhau chí mạng.

Người thợ rừng đến tâu vua:

– Tâu Đại vương, con vật thứ ba đã đến.

Vua hỏi:

– Con gì thế?

– Tâu Đại vương, một con chó rừng.

Vua nói:

– Nó sẽ khiến cho hai con kia tranh cãi và làm cho chúng chết. Khi chúng ta đến nơi sẽ thấy chúng chết rồi!

Nói xong, vua lên xe, đi theo con đường mà người thợ rừng đã đi. Ngài đến nơi đúng lúc hai con vật gây gổ nhau, giết chết nhau. Chó rừng khoái chí, khi thì ăn thịt con sư tử, khi thì ăn thịt con bò mộng. Khi thấy cả hai con đều chết, vua vẫn đứng trên xe, gọi người đánh xe và đọc các bài kệ đây:

189. Cặp này chẳng có gì chung,
Vợ con, ăn uống, chẳng cùng sẻ chia,
Nhưng kìa, lời nói gièm pha,
Như gươm hai lưỡi thật là bén thay.

190. Xảo gian thủ thuật khéo bày,
Phân chia bằng hữu lâu ngày kết thân,
Thú kia hèn kém nhất trần,
Nhưng bò, sư tử phải thành mồi ngon.

191. Bạn lòng cũng sẽ khổ buồn,
Như đôi thú nọ một tuồng mà thôi,
Nếu như tai cố nghe lời,
Khiêu khích to nhỏ của người gièm pha.

192. Gièm pha vốn vẫn chia xa,
Những người bằng hữu thật là thiết thân,
Gièm pha nếu chẳng quan tâm,
Sẽ như tiên ở thiên đàng vinh quang.

Vua đọc các bài kệ trên xong liền nhặt lấy bờm, da, móng, răng của con sư tử rồi quay thẳng về thành.

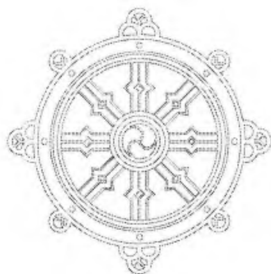
***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ta là vị vua nọ.

§350. CHUYỆN VẤN ĐỀ CỦA VỊ THIÊN
(*Devatāpañhajātaka*) (*J.* III. 152)

Chuyện này sẽ được kể trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*.[42]



[42] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

CHƯƠNG V
NĂM KỆ
(*PAÑCANIPĀTA*)

I. PHẨM BÔNG TAI BẰNG NGỌC
(*MAṆIKUṆḌALAVAGGA*)

§351. CHUYỆN BÔNG TAI BẰNG NGỌC (*Maṇikuṇḍalajātaka*) (*J.* III. 153)

Bị cướp hết niềm vui cuộc sống...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một ông quan phạm tội thông gian trong hậu cung của vua xứ Kosala. Trường hợp xảy ra câu chuyện này đã được kể đầy đủ trước đây.[1]

***

Ở đây cũng thế, Bồ-tát là vua ở Ba-la-nại. Ông quan xấu xa kia đến với vua xứ Kosala và khuyên vua đánh chiếm vương quốc Kāsi, rồi bắt Bồ-tát bỏ vào ngục. Đức vua xứ Ba-la-nại phát triển thiền định và ngồi bắt tréo chân ở trên không. Ông vua cướp nước kia bị nóng sốt toàn thân, liền đến gần vua xứ Ba-la-nại và đọc bài kệ đầu:

1. Bị cướp hết niềm vui cuộc sống,
Hết hoa tai, lọng ngọc, ngựa, xe,
Vợ yêu, con dấu mất đi,
Xem ra ngài chẳng tỏ chi phiền hà![2]

Nghe thế, Bồ-tát liền đọc các bài kệ sau:

2. Thú vui sẽ vội rời ta,
Thú vui rồi sẽ bay xa mấy hồi,
Vua kia tự hóa buồn thôi,
Như vầng trăng hiện trên trời, trăng non,
Đầy dần cho đến lúc tròn,
Khuyết đi rồi lại chẳng còn trăng đâu!

---

[1] Xem *J.* II. 401, *Seyyajātaka* (*Chuyện điều tốt hơn*), số §282; *J.* III. 15, *Ekarājajātaka* (*Chuyện vị Thánh vương*), số §303.

[2] Xem *Mnid.* 116, *Jarāsuttaniddeso* (*Diễn giải kinh về sự già*); *MNid.* 401, *Attadaṇḍasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân*).

3. Sưởi cho vạn vật tươi màu,
Mặt trời vội lặn bên bầu trời xa,
Luật đời là đổi thay mà,
Khổ đau không thể làm ta bận lòng.

Thế rồi, Bồ-tát giảng chân lý cho ông vua cướp nước kia nghe và đem đức hạnh của mình ra thử thách, ngài đọc các bài kệ sau:

4. Ghét thường nhân tham dục,
Vẫn theo thói biếng lười,
Kẻ tu hành giả mặt,
Phường xảo quyệt đấy thôi!

5. Hôn quân thường xử án,
Mà chẳng chịu lắng nghe,
Bậc trí mà nổi sân,
Như vậy là không tốt.

Chiếu vương phán một lời,
Cân nhắc thật hẳn hoi,
Chính chuyên lời phán ấy,
Vang danh mãi trên đời.

Vua xứ Kosala được Bồ-tát tha thứ, và sau khi trao trả lại vương quốc cho Bồ-tát, ông quay về xứ của mình.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ānanda là vua xứ Kosala, còn Ta chính là vua xứ Ba-la-nại.

§352. CHUYỆN CHÀNG SUJĀTA (*Sujātajātaka*)[3] (*J.* III. 155)

Sao con lại vội mang...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một người chủ đất có cha chết.

Khi cha ông mất, ông buồn bã đi khắp nơi, chẳng thể nào vơi được cơn sầu. Bậc Đạo sư nhận thấy người đàn ông này có khả năng đạt quả Giải thoát, cho nên khi Ngài vào thành Xá-vệ để khất thực, Ngài cùng với một thị giả đến nhà ông ta. Ngồi vào chỗ đã soạn sẵn cho Ngài, Ngài cúi xuống nói với gia chủ cũng đang ngồi đấy:

– Này cư sĩ, phải chăng ông đang sầu khổ?

Người ấy đáp:

– Vâng, bạch Thế Tôn, đúng như thế.

---

[3] Xem *PvA.* 38, *Gonapetavatthuvaṇṇanā* (*Chú giải Chuyện ngạ quỷ bò*).

Ngài dạy:

– Này bằng hữu, các bậc Hiền trí ngày xưa đã nghe lời nói trí tuệ của người chính trực và khi họ mất cha, họ không sầu khổ.

Rồi do thỉnh cầu của gia chủ, Ngài kể một chuyện tiền kiếp.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh vào nhà một gia chủ nọ. Ngài được gọi là Sujātakumāra (nam tử Sujāta). Khi ngài lớn lên thì ông nội của ngài mất. Từ ngày lão gia mất, thân phụ ngài rất sầu khổ. Ông lấy hài cốt của cha từ nơi hỏa táng rồi xây một nấm mồ trong vườn thưởng ngoạn của ông và đặt di cốt vào đấy. Mỗi khi đến thăm chỗ ấy, ông trang hoàng hoa lên mộ rồi mải miết than khóc. Ông chẳng tắm rửa, chẳng xức dầu thơm, cũng chẳng để ý đến việc kinh tài. Quan sát việc này, Bồ-tát tự nghĩ: "Từ khi ông nội ta mất, cha ta đi đâu cũng cứ đắm chìm trong sầu muộn. Ta chắc rằng chẳng ai ngoài ta ra có khả năng khuyên nhủ được người. Ta sẽ tìm cách giải thoát cho người khỏi cơn sầu khổ." Thế rồi, khi trông thấy con bò đực nằm chết ở bên ngoài thành phố, ngài mang cỏ và nước tới đặt trước con bò ấy và nói:

– Ăn đi, uống đi! Ăn đi, uống đi!

Mọi người đi qua thấy thế đều bảo:

– Này Sujāta, bạn điên đấy ư? Bạn đưa cỏ và nước cho một con bò chết ư?

Nhưng ngài không đáp một tiếng nào. Vì thế, họ đến bảo với thân phụ ngài:

– Con trai của ông bị điên rồi, anh ta lấy cỏ và nước đem cho một con bò chết đấy.

Nghe thế, người chủ đất ngưng sầu than cha mình mà lại bắt đầu sầu than đứa con trai. Ông vội chạy đến và kêu lên:

– Này Sujāta, con không được bình thường đấy ư? Sao con lại đưa cỏ cho cái xác bò chết?

Rồi ông đọc hai bài kệ sau:

6. Sao con lại vội mang, Cỏ mới cắt ngọt ngon,
Cho con vật đã chết, Lại kêu: "Dậy mà ăn"?

7. Không có thức ăn gì, Hồi sinh một bò chết,
Lời con vớ vẩn thật, Và do bởi mê si.

Bấy giờ, Bồ-tát đọc hai bài kệ:

8. Con vật này hẳn rồi, Vẫn còn đường sống lại,
Vì đủ cả đầu đuôi, Và bốn chân còn đấy.

9. Còn ông nội, rõ ràng, Đầu, tay, chân đã mất,
Kẻ khùng nào khóc than? Chỉ có cha độc nhất!

Nghe thế, thân phụ của Bồ-tát tự nghĩ: "Con ta thật thông tuệ. Nó biết điều gì đúng cần làm cho đời này và cho cả đời sau. Nó đã làm thế để khuyên nhủ ta." Rồi ông bảo:

– Này Sujāta, con trai yêu dấu và khôn ngoan của ta, ta đã hiểu được rằng mọi sự vật đang hiện hữu đều là vô thường. Từ nay ta sẽ không sầu khổ. Một đứa con như thế này hẳn là kẻ làm cho cha mình hết sầu khổ.

Để ca ngợi con trai, ông nói:

10-11. Như lửa dầu đang trong cơn cháy mạnh,
Nước đổ vào liền bị tắt ngay đi,
Cõi lòng ta đang nhức nhối sầu bi,
Con ta đã chữa lành đời ta sáng.[4]

12-13. Gai đã nhổ, tươi vui và tĩnh lặng,
Ta hết sầu, nghe lời của con ta,
Bậc thiện hiền khiến đời dứt phiền hà,
Cứu thân phụ như Sujā thông tuệ.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, người chủ đất đắc quả Dự lưu. Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ta là Sujāta.

§353. CHUYỆN CÀNH CÂY TỎA RỘNG (*Dhonasākhajātaka*)[5] (*J.* III. 157)

Nay dù bạn bình an, hạnh phúc...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại rừng Bhesakalā, gần Suṁsumāragiri (núi Cá Sấu) trong xứ của bộ tộc Bhaggā. Chuyện kể về Vương tử Bodhi (Bồ-đề).

Vương tử này là con Vua Udena, bấy giờ đang sống tại Suṁsumāragiri. Ông cho mời một người thợ thật giỏi, bảo xây cho mình một cung điện gọi là Kokanada và làm cho nó khác cung điện của bất cứ ông vua nào. Về sau, ông tự nghĩ: "Tên thợ này có thể xây một cung điện như thế cho một ông vua khác." Và do lòng đố kỵ, ông móc đôi mắt của người thợ ấy đi.

Các Tỳ-kheo biết được chuyện ấy. Họ bàn thảo trong pháp đường:

---

[4] Xem *J.* III. 214, *Migapotakajātaka* (*Chuyện chú nai con*), số §372; *J.* III. 389, *Somadattajātaka* (*Chuyện voi con Somadatta*), số §410; *J.* IV. 84, *Ghatajātaka* (*Chuyện Trí giả Ghata*), số §454; *VvA.* 322, *Maṭṭhakuṇḍalīvimānavaṇṇanā* (*Chú giải Chuyện lâu đài của vị thiên tử đeo vòng tai sáng chói*); *PvA.* 38, *Goṇapetavatthuvaṇṇanā* (*Chú giải Chuyện ngạ quỷ bò*); *PvA.* 93, *Kaṇhapetavatthuvaṇṇanā* (*Chú giải Chuyện ngạ quỷ Đại vương Kaṇha*); *PvA.* 93, *Maṭṭhakuṇḍalīpetavatthuvaṇṇanā* (*Chú giải Chuyện ngạ quỷ đeo vòng tai sáng chói*); *PvA.* 161, *Ubbaripetavatthuvaṇṇanā* (*Chú giải Chuyện ngạ quỷ Hoàng hậu Ubbari*).

[5] Bản Tích Lan và Campuchia viết *Dhonasākhajātaka*. Bản CST và Thái Lan viết *Venasākhajātaka*. Xem *J.* II. 202, *Cullanandiyajātaka* (*Chuyện con khỉ Cullanandiya*), số §222.

– Này các Hiền giả, Vương tử Bodhi đã móc mắt của người thợ như thế, như thế. Chắc chắn ông ta là một người tàn nhẫn, dữ dằn, hung bạo.

Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang bàn chuyện gì. Khi nghe thuật lại, Ngài dạy:

– Không chỉ bây giờ mà xưa kia tánh ông ta cũng như vậy. Ngày xưa cũng bằng cách như thế, ông ta đã móc mắt của một ngàn chiến sĩ và sau khi giết chết họ, ông đã đem thịt của họ ra tế lễ.

Rồi Ngài kể cho các Tỷ-kheo một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một giáo sư lừng danh tại Takkasilā. Các thanh thiếu niên thuộc giai cấp quý tộc, võ tướng và Bà-la-môn từ khắp nước Ấn Độ đến với ngài để được ngài dạy các học nghệ. Con vua xứ Ba-la-nại là Hoàng tử Brahmadatta cũng thế, được ngài dạy ba tập Vệ-đà. Ông ta là một kẻ tàn nhẫn, dữ dằn, hung bạo. Do tài tiên đoán, Bồ-tát biết được tính ấy của hoàng tử nên bảo:

– Này bạn, bạn tàn nhẫn, dữ dằn, hung bạo, và thực ra, quyền lực mà kẻ hung bạo đạt được không lâu dài. Khi quyền lực mất đi, người ấy giống như một chiếc tàu gặp nạn ngoài khơi, sẽ không đến bến bờ nào an ổn cả. Do đó, bạn chớ giữ tính tình như vậy.

Rồi ngài đọc hai bài kệ sau đây để khuyến dụ:

14. Nay dù bạn bình an hạnh phúc,
Hạnh phúc kia mấy chốc chẳng còn,
Của mất đi chớ khổ buồn,
Như người đi biển bão dồn ném xa.

15. Theo hành vi, chúng ta xuôi hướng,
Mùa gặt theo như hạt giống gieo,
Hai đằng ta phải nhận vào,
Cỏ hoang độc hại, cây cao tốt lành.

Thế rồi, hoàng tử từ biệt thầy và trở về Ba-la-nại. Sau khi trổ tài nghệ cho vua xem, ông được giao chức phó vương và khi vua cha chết, ông nối ngôi trị vì vương quốc. Vị giáo sĩ của nhà vua là một người tàn nhẫn, dữ dằn. Vì tham danh vọng, ông tự nghĩ: "Nếu ta khiến cho cho tất cả các nhà lãnh đạo của toàn Ấn Độ bị ông vua này bắt hết và nếu bấy giờ ông ta là hoàng đế độc nhất thì ta sẽ là giáo sĩ độc nhất."

Thế là ông làm cho vua nghe theo lời ông. Vua đem đại quân tiến ra, bao vây kinh đô của một vua kia rồi bắt giữ vua ấy. Bằng những cách thức tương tự, ông chiếm hết toàn lãnh thổ Ấn Độ và cùng với một ngàn ông vua trong đoàn của ông, ông tiến đánh vùng Takkasilā. Bồ-tát sửa sang các thành lũy để ngăn quân thù xâm nhập.

Vua xứ Ba-la-nại đặt bộ tham mưu của ông ở dưới gốc cây đa to lớn. Ông truyền dựng mái đình che phía trên, xung quanh có vây màn và có chỗ nằm trải sẵn cho ông. Khi chiến đấu trên các đồng bằng Ấn Độ, ông đã bắt được một ngàn vua, nhưng ông lại không thể tấn công vào Takkasilā được. Ông bèn hỏi vị giáo sĩ:

– Chúng ta đã đến đây cùng với đạo quân gồm các vua bị bắt nhưng chúng ta vẫn không thể chiếm được Takkasilā. Bây giờ phải làm sao?

Giáo sĩ trả lời:

– Tâu Đại vương, hãy móc mắt một ngàn vua kia, mổ bụng họ ra và lấy thịt họ cùng với năm món thơm ngon làm lễ cúng dâng vị thần cây đa này! Hãy đào một cái rãnh quanh cây và đổ máu cho ngập tới khoảng một tấc! Và như thế chẳng bao lâu chiến thắng sẽ về ta.

Vua sẵn sàng chấp thuận. Vua giấu kín các võ sĩ khỏe mạnh đằng sau bức màn rồi cho họ gọi riêng từng ông vua kia. Các võ sĩ dùng hai cánh tay siết từng người cho đến khi họ ngất đi, rồi vua sai móc mắt họ. Sau khi họ chết, vua cho mang xác ra ném ngoài sông Hằng. Thế rồi vua tổ chức tế lễ như đã nói trên, sau đó, sai đánh trống và mang quân ra trận.

Bỗng một tên quỷ dạ-xoa từ tháp canh xông tới móc con mắt phải của vua ra. Vua quá đau đớn đến điên cuồng liền đến nằm sóng sượt trên giường dành riêng cho ông ta dưới gốc cây đa.

Lúc bấy giờ, một con kên kên cắp một cái xương nhọn rồi đậu trên đọt cây ấy. Khi đang ăn thịt nó để rớt cái xương và đầu nhọn rơi xuống như dùi sắt trúng con mắt trái của vua, hủy luôn con mắt ấy. Lúc bấy giờ, vua nhớ lại lời dạy của Bồ-tát, ông tự nhủ: "Thầy ta đã từng nói: 'Người đời phải thọ kết quả tùy theo các việc làm của mình, cũng như trái cây hình thành tùy theo hạt giống vậy', hẳn là người đã thấy tất cả sự việc này bằng con mắt trí tuệ nên nói như thế."

Trong khi đang sầu đau, ông nói với giáo sĩ Pingiya qua hai bài kệ sau:

16. Nay mới hiểu lẽ chân thầy dạy,
Từ lúc ta trẻ tuổi dại ngây,
"Chớ gây tội ác, có ngày,
Ngươi làm việc xấu bị đày đọa thôi."

17. Nằm ở dưới tàng cây bóng mát,
Tẩm dầu thơm ngào ngạt chiên-đàn,
Địch vương, ta giết cả ngàn,
Nỗi đau họ chịu, ta đang chịu cùng.

Khi khóc than như thế, vua nhớ đến hoàng hậu của ông và đọc bài kệ này:

18. Ubbarī mặn mà, Ôi, hoàng hậu của ta,
Dáng người trông yểu điệu, Như cành moringa,
Tay chân nàng thơm ngát, Ướp dầu hương chiên-đàn,

Làm sao ta sống nổi, Khi chẳng thấy được nàng?
Ôi, chết không tàn khốc, Bằng nỗi này đau thương!

Trong khi còn đang lầm thầm các lời trên, vua chết đi và tái sanh vào địa ngục. Vị giáo sĩ tham quyền ấy không thể cứu được ông ta, ngay cả ông ta với quyền lực của mình vẫn không tự cứu được chính mình. Ngay khi vua chết đi, quân đội của ông tan vỡ và tháo chạy.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Vương tử Bodhi là ông vua cướp nước ấy, Devadatta là Piṅgiya, còn Ta chính là vị thầy lừng danh nọ.

§354. CHUYỆN CON RẮN (*Uragajātaka*)[6] (*J.* III. 162)

Người đời bỏ xác ra...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một chủ đất có con trai chết.

Câu chuyện mở đầu cũng giống như chuyện của người đàn ông mất cả vợ và cha. Ở đây cũng vậy, bằng cách ấy, bậc Đạo sư đến nhà ông và sau khi chào ông, Ngài ngồi xuống và bảo:

– Này thí chủ, ông đang sầu khổ đấy ư?

Và ông đáp:

– Bạch Ngài, vâng, từ khi con trai của con chết, con rất đau khổ.

Ngài dạy:

– Này thí chủ, quả thật, cái gì phải tan rã thì tan rã, và cái gì bị hủy diệt thì hủy diệt, điều ấy không chỉ xảy ra cho một người, không chỉ xảy ra ở trong một làng mà ở trong vô số cảnh vật. Trong ba cách hữu sinh tam giới, không có sinh vật nào không chết, không có sự vật hiện hữu nào có thể ở mãi trong cùng một hoàn cảnh được. Mọi chúng sanh đều phải chết, mọi kết hợp đều phải tan rã. Khi bị mất một đứa con, các bậc Hiền trí ngày xưa bảo: "Cái gì phải hủy diệt thì sẽ bị hủy diệt", và họ không sầu khổ.

Rồi do lời thỉnh cầu của người ấy. Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở một ngôi làng phía ngoài cổng thành Ba-la-nại và ngài nuôi sống gia đình bằng nghề cày ruộng. Ngài có hai con: Một trai và một gái. Khi con trai lớn lên, ngài cưới vợ cho anh ta từ một gia đình cùng đẳng cấp

[6] Xem *Pv.* 13, *Uragapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ rắn*), *PvA.* 61, *Uragapetavatthuvaṇṇanā* (*Chú giải Chuyện ngạ quỷ rắn*).

với ngài. Như thế cùng với một nữ tỳ, họ hợp thành một gia đình sáu người: Bồ-tát và vợ ngài, con trai và con gái, con dâu và nữ tỳ. Họ sống với nhau đầy tình thương và hạnh phúc. Bồ-tát khuyên dạy năm người kia:

– Tùy theo những thứ mà các người nhận vào, phải bố thí, hành trì các ngày trai giới, giữ gìn đức hạnh, sống với ý nghĩ về cái chết, chú ý đến tình trạng phải chết của con người. Trong hoàn cảnh của chúng sanh như chúng ta đây, cái chết là chắc chắn, cuộc sống không chắc chắn, tất cả sự vật hiện hữu đều là tạm bợ và phải chịu suy tàn. Do đó, ngày đêm phải chú ý đến lối sống của các người.

Mọi người đều nhận lãnh lời dạy của Bồ-tát và nghiêm túc sống với ý nghĩ về cái chết.

Một hôm, Bồ-tát cùng con trai đi cày ruộng. Người con nhặt cỏ rác rồi đốt. Cách đó không xa, có một con rắn sống trong một cái gò mối, bị khói làm xốn mắt, con rắn giận dữ bò ra khỏi hang và nghĩ: "Tất cả chuyện này là do tên ấy", và nó phóng tới cắn vào anh ta bằng bốn cái răng cửa của nó. Người thanh niên ngã xuống chết. Khi thấy người con ngã xuống, Bồ-tát rời mấy con bò chạy tới và thấy rằng người con đã chết. Ngài ẵm con lên và đặt nằm dưới gốc cây nọ. Ngài lấy áo choàng phủ lên con, không hề khóc lóc sầu đau. Ngài bảo:

– Cái gì phải tan rã thì tan rã, cái gì phải chết thì chết. Tất cả những hiện hữu kết hợp đều tạm bợ và phải chết.

Biết được tính chất tạm bợ của sự vật, ngài tiếp tục việc cày bừa. Trông thấy một người hàng xóm đi qua gần đám ruộng, ngài hỏi:

– Này bạn, có phải bạn đang về nhà đấy không?

Người ấy trả lời:

– Vâng.

Ngài bảo:

– Nhờ bạn đến nhà chúng tôi và nói với bà chủ, hôm nay không phải đem đồ ăn cho hai người như trước mà chỉ đem cho một người thôi. Và mọi khi chỉ một mình nữ tỳ mang thức ăn đến, thì hôm nay cả bốn người trong nhà phải mặc quần áo sạch sẽ và mang hương hoa đến đây.

– Được rồi.

Người ấy đáp và đi nói đúng các lời trên với vợ của vị Bà-la-môn ấy. Bà hỏi:

– Này bác, ai nhắn tin này thế?

Người ấy đáp:

– Thưa bà, ông Bà-la-môn đấy.

Thế là bà hiểu rằng con trai bà đã chết. Nhưng bà không run sợ, bà sai soạn thức ăn rồi cùng với những người khác trong gia đình ra đồng. Nhưng không ai kể cả bà, nhỏ một giọt nước mắt hay than van khóc lóc. Khi Bồ-tát dùng bữa xong, mọi người chất củi và nâng xác để lên giàn hỏa táng. Họ dâng hương,

hoa rồi châm lửa thiêu. Chẳng ai nhỏ một giọt nước mắt. Tất cả đều an trú vào ý nghĩ về cái chết.

Năng lực đức hạnh của họ làm cho ngai vàng của Thiên chủ Đế-thích nóng lên. Đế-thích tự bảo:

– Ủa, kẻ nào muốn hạ ta xuống khỏi ngai thế này?

Thiên chủ suy tưởng và phát hiện rằng hơi nóng này là do mãnh lực đức hạnh hiện hữu trong những người ấy. Rất sung sướng, Thiên chủ nói:

– Ta phải đến nơi họ và vui mừng la lớn như tiếng rống của sư tử rồi ngay sau đó sẽ lấy thất bảo đổ đầy chỗ của họ.

Thiên chủ vội vàng đến đó và đứng bên giàn hỏa táng nói:

– Các ngươi đang làm gì thế?

– Thưa ngài, chúng tôi đang thiêu xác của một người.

Thiên chủ nói:

– Không phải các ngươi đang thiêu một người, có lẽ các người đang quay thịt một con vật nào đó mà các người đã giết.

Họ đáp:

– Không phải thế đâu, thưa ngài, đúng là chúng tôi đang thiêu xác của một người.

Thế rồi Thiên chủ nói:

– Vậy chắc hẳn là một kẻ thù nào đấy.

Bồ-tát đáp:

– Đấy chính là con trai ruột của chúng tôi, chứ không phải kẻ thù nào cả.

– Thế thì hẳn anh ta không được ông yêu mến.

– Tôi rất yêu mến nó, thưa ngài.

– Thế tại sao ông không khóc?

Rồi để giải thích lý do tại sao ngài không khóc, Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

19. Đời người bỏ xác ra, Khi niềm vui sống qua,
Như rắn kia vẫn thế, Thường lột vỏ thay da.

20. Không lời nào thương tiếc, Chạm đến tro người chết,
Sao tôi phải buồn thương? Kẻ ấy đi tiếp đường.

Nghe xong những lời của Bồ-tát, Đế-thích hỏi bà vợ của ngài:

– Thưa bà, người chết liên hệ thế nào với bà?

– Tôi mang nó mười tháng trong bào thai, cho nó bú sữa của tôi, dạy cho nó cử động tay chân, đi đứng và thưa ngài nó là đứa con trưởng thành của tôi đấy.

– Thưa bà, do bản tính đàn ông, một người cha không khóc là phải, nhưng trái tim một người mẹ chắc chắn là mềm yếu. Thế sao bà lại không khóc?

Bà đọc hai bài kệ để giải thích vì sao bà không khóc:

21. Không gọi nó đến đây, Chẳng sai nó đi ngay,
Nó đi như nó đến, Sao lại phải sầu cay?

22. Không lời nào thương tiếc, Chạm đến tro người chết,
Sao tôi phải buồn thương? Kẻ ấy đi tiếp đường.

Nghe xong những lời của vợ Bồ-tát, Đế-thích hỏi cô em gái:

– Thưa cô, người chết là gì của cô?

– Thưa ngài, anh ấy là anh tôi.

– Thưa cô, chị em gái chắc chắn thương yêu anh em trai. Tại sao cô lại không khóc?

Để giải thích lý do tại sao mình không khóc, cô ta đọc hai bài kệ:

23. Dù nhịn đói, khóc than, Ích gì được cho con,
Ôi, bà con thân thuộc, Sẽ nhiều đau khổ hơn.

24. Không lời nào thương tiếc, Chạm đến tro người chết,
Sao tôi phải buồn thương? Kẻ ấy đi tiếp đường.

Nghe xong những lời của cô em gái, Đế-thích hỏi cô vợ:

– Thưa cô, anh ta là gì của cô?

– Thưa ngài, anh ấy là chồng của tôi.

– Khi chồng chết, các bà là những góa phụ bơ vơ. Tại sao cô không khóc?

Để giải thích lý do tại sao mình không khóc, cô ta đọc hai bài kệ:

25. Như con trẻ kêu gào, Đòi vô vọng trăng cao,
Khóc than người yêu mất, Người đời ngớ ngẩn sao!

26. Không lời nào thương tiếc, Chạm đến tro người chết,
Sao tôi phải buồn thương? Kẻ ấy đi tiếp đường.

Nghe xong những lời của cô vợ, Thiên chủ Đế-thích hỏi người nữ tỳ:

– Này bà, anh ấy là gì của bà?

– Thưa ngài, ông ấy là chủ của tôi.

– Chắc chắn rằng bà phải bị anh ta la mắng, đánh đập, áp bức, do đó bà nghĩ rằng may quá anh ta đã chết nên bà không khóc.

– Thưa ngài, chớ nói như thế. Cậu ấy không phải thế đâu. Cậu chủ tôi rất chịu đựng, yêu mến và thương xót tôi, cậu ấy cũng như con nuôi của tôi vậy.

– Thế thì tại sao bà không khóc?

Và để giải thích tại sao mình không khóc, người nữ tỳ đọc hai bài kệ:

27. Một bình đất đã vỡ, Ai ráp lại được vào,
Khóc than cho người chết, Chỉ chuốc thất bại vào.

28. Không lời nào thương tiếc, Chạm đến tro người chết,
Sao tôi phải buồn thương? Kẻ ấy đi tiếp đường.

Sau khi nghe tất cả mọi người nói, Đế-thích rất thích thú liền nói:

– Các ngươi đã thận trọng sống với ý nghĩ về cái chết. Từ nay các ngươi khỏi phải tự tay cày bừa nữa. Ta là Đế-thích, vua cõi trời, ta sẽ tạo ra vô số thất bảo trong nhà các ngươi. Hãy bố thí, giữ đạo đức, hành trì ngày trai giới, và quan tâm đến cách sống!

Sau khi khuyến dụ họ, Thiên chủ tạo ra vô số của cải trong nhà họ rồi ra đi.

***

Sau khi thuyết pháp, bậc Đạo sư tuyên dạy tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, người chủ đất đắc quả Dự lưu. Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Khujjuttarā là người nô tỳ, Uppalavaṇṇā là người con gái, Rāhula là con trai, Khemā là người mẹ, còn Ta là người Bà-la-môn ấy.

§355. CHUYỆN VƯƠNG TỬ GHATA (*Ghatajātaka*) (*J.* III. 168)

Khi kẻ khác khóc than sầu khổ...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một ông quan của vua xứ Kosala.

Câu chuyện khởi đầu giống chuyện đã kể. Nhưng ở đây, sau khi ban vinh dự lớn lao cho một ông quan, vua lại nghe lời sàm tấu và truyền bắt ông ta bỏ vào ngục. Khi nằm trong ngục, ông quan ấy nhập vào Dự lưu. Sau đó, vua biết được công đức của ông và thả ra. Ông mang một tràng hoa thơm và đến tham bái bậc Đạo sư, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống. Bậc Đạo sư hỏi xem có việc xấu nào đã xảy đến với ông không. Ông đáp:

– Bạch Thế Tôn, có. Nhưng qua việc xấu ấy, việc tốt lại đến với con. Con đã nhập vào Dự lưu.

Bậc Đạo sư dạy:

– Đúng thế, không phải chỉ bấy giờ, các bậc Hiền trí ngày xưa cũng được điều tốt từ điều xấu.

Rồi do thỉnh cầu của ông quan, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là con của chánh cung hoàng hậu. Người ta gọi ngài là Ghatakumāra (Vương tử Ghata). Sau đó, ngài đạt kiến thức về các học nghệ ở Takkasilā và trị vì vương quốc của ngài rất công chính.

Bấy giờ, một ông quan nọ có phẩm hạnh xấu trong nội cung. Sau khi tận mắt chứng kiến việc phạm gian, vua liền đuổi ông ra khỏi vương quốc. Lúc ấy,

có một vị vua tên là Vaṁka trị vì Xá-vệ. Ông quan đến phục vụ cho vua ấy đúng như câu chuyện trước đây,[7] được vua nghe lời và xúi giục vua chiếm vương quốc Ba-la-nại.

Sau khi chiếm đoạt vương quốc này, vua ấy bắt trói Bồ-tát bằng dây xích và bỏ ngài vào ngục. Bồ-tát nhập định và ngồi tréo chân trên không. Vaṁka bị nóng hừng hực trong thân thể, liền chạy đến Bồ-tát, trông thấy dung mạo của ngài sáng ngời, đẹp như một đóa hoa sen nở, giống như một tấm kính bằng vàng. Qua hình thức một lời hỏi, ông đọc bài kệ đầu:

29. Khi kẻ khác khóc than sầu khổ,
Má người kia lệ nhỏ đầm đìa,
Mặt ngài vẫn nụ cười kia,
Ghata há chẳng bao giờ kêu than?

Để giải thích tại sao ngài không sầu khổ, Bồ-tát đọc các bài kệ sau đây:

30. Chuyện đã qua, buồn nào thay đổi được,
Buồn nào gây hạnh phúc ở tương lai?
Cớ sao ta than vãn khổ đau này?
Sầu muộn chẳng đáng cho ta làm bạn.

31. Kẻ mang bệnh khổ sầu thì suy tận,
Các thức ăn thành vô vị nhạt màu,
Như trúng tên mồi thịt của sầu đau,
Làm trò tếu cho kẻ thù.tiêu khiển.

32. Nhà ta ở, dù trên đất, ngoài biển,
Dù trong làng hay heo hút rừng già,
Không bao giờ sầu não đến gần ta,
Hồn đã thiện, chẳng có gì để sợ.[8]

33. Còn kẻ nào chưa kiện toàn đến độ,
Bị nấu nung vì tham dục lắm đàng,
Cả cõi đời cùng của cải tệ tàn,
Cũng không hề đủ thỏa lòng tham muốn.

Sau khi nghe xong bốn bài kệ ấy, Vaṁka xin Bồ-tát tha thứ và giao trả lại vương quốc cho ngài rồi đi theo đường của mình. Bồ-tát trao vương quốc cho các đại thần, ngài lui vào dãy Tuyết sơn và trở thành một nhà tu khổ hạnh. Không hề ngưng thiền định, ngài được sanh vào cõi Phạm thiên.

***

Sau khi chấm dứt bài thuyết giảng, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

---

[7] Xem *J.* III. 14, *Ekarājajātaka* (*Chuyện vị Thánh vương*), số §303.

[8] Xem *Dh.* v. 98; *S.* I. 232, *Rāmaṇeyyakasutta* (*Kinh Khả ái, khả lạc*); *Thag.* v. 981, *Sāriputtattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Sāriputta*); *Pháp cú kinh* "La-hán phẩm" 法句經羅漢品 (*T.*04. 0210.15. 0564a28); *Pháp cú thí dụ kinh* "La-hán phẩm" 法句譬喻經羅漢品 (*T.*04. 0211.15. 0588b10); *Xuất diệu kinh* "Song yếu phẩm" 出曜經雙要品 (*T.*04. 0212.30. 0747c06).

– Lúc bấy giờ, Ānanda là Vua Vaṁka, còn Ta là Ghata.

§356. CHUYỆN NAM TỬ KĀRAṆḌIYA (*Kāraṇḍiyajātaka*)[9] (*J.* III. 170)

Sao một mình trong rừng...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về Tướng quân Chánh pháp Sāriputta.

Tương truyền, khi có bọn người ác như thợ săn, chài lưới, v.v... đến với ngài, Trưởng lão đều giảng đạo đức cho họ, và ngài cũng truyền giới cho bất cứ ai mà ngài có dịp gặp. Ngài bảo:

– Hãy nhận giới!

Do lòng tôn kính Trưởng lão, họ không thể cưỡng lời ngài nên nhận lời. Và khi nhận giới xong, họ không thể hành trì mà ai nấy cứ tiếp tục theo lối làm ăn riêng của mình. Trưởng lão đến thổ lộ với chúng Tỷ-kheo để hỏi ý kiến:

– Này các Hiền giả, những người ấy được tôi truyền giới nhưng không hành trì.

Các Tỷ-kheo trả lời:

– Thưa Tôn giả, ngài truyền giới cho họ trái với mong ước của họ và vì họ không dám cưỡng lại lời ngài nên họ chấp nhận đấy thôi. Từ nay, ngài chớ truyền giới cho những người như thế!

Trưởng lão không thuận ý. Nghe được chuyện ấy, các Tỷ-kheo bắt đầu bàn tán trong pháp đường cách Trưởng lão Sāriputta đã truyền giới cho bất cứ ai mà ngài gặp.

Bậc Đạo sư đến hỏi các Tỷ-kheo đang họp bàn chuyện gì. Khi nghe kể lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, ông ấy truyền giới cho bất cứ ai mà ông gặp dù họ chẳng yêu cầu.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra và lớn lên trong gia đình Bà-la-môn rồi trở thành đệ tử trưởng của một giáo sư lừng danh tại Takkasilā. Bấy giờ, vị giáo sư giảng về giới cho bất cứ người nào mà ông có thể gặp như những người đánh cá, v.v... Dù họ không muốn, ông luôn bảo họ nhận giới. Nhưng dù họ đã nhận giới, họ cũng không hành trì. Giáo sư nói điều ấy cho các môn đệ nghe. Các môn đệ thưa:

– Thưa thầy, thầy truyền giới cho họ ngược lại với những mong cầu của họ và do đó, họ phá bỏ giới. Từ nay, thầy hãy truyền giới cho những kẻ nào muốn nghe thầy thôi, đừng truyền giới cho những ai không muốn!

[9] Bản Tích Lan, Thái Lan viết *Kāraṇḍiyajātaka*. Bản CST viết *Koraṇḍiyajātaka*.

Vị giáo sư rất ân hận nhưng ông cứ truyền giới cho bất cứ ai mà ông gặp được.

Một hôm, một số người từ một ngôi làng kia đến mời giáo sư tham dự cuộc dâng bánh cho các Bà-la-môn. Ông cho gọi vị môn đệ tên là Kāraṇḍiya và bảo:

– Này con, ta không đi, con hãy đến đó với năm trăm môn đệ này rồi nhận bánh và mang về phần bánh được chia cho ta!

Ông sai vị môn đệ ấy như thế. Vị môn đệ ấy ra đi. Trên đường về, chàng trông thấy một cái hang và chợt có ý nghĩ: "Thầy ta truyền giới cho bất cứ ai ngài gặp mà không cần họ yêu cầu. Từ nay ta chỉ khiến ngài truyền cho những ai muốn nghe ngài thôi."

Thế rồi, trong khi các môn đệ khác đang ngồi nghỉ thoải mái, chàng đứng lên đi khuân những tảng đá lớn ném vào trong hang, chàng cứ khuân đá ném mãi. Những người kia đứng dậy và nói:

– Này đại huynh, anh đang làm gì thế?

Kāraṇḍiya không nói một lời nào. Họ vội trở về kể chuyện cho thầy họ nghe. Vị thầy đến nói chuyện với Kāraṇḍiya bằng bài kệ đầu:

34. Sao một mình trong rừng, Từng tảng đá con khuân,
Ném đá như có ý, Lấp bằng hang núi chăng?

Nghe thế, Kāraṇḍiya muốn thức tỉnh thầy mình liền đọc bài kệ thứ hai:

35. Con muốn làm đảo này, Phẳng như lòng bàn tay,
San bằng gò đồi nọ, Chỗ trũng, đá lấp đầy.

Thầy Bà-la-môn nghe thế liền đọc bài kệ thứ ba:

36. Đời nào một phàm nhân, Có sức lấp đất bằng?
Kāraṇ khó hy vọng, Đọ sức với hang cùng.

Người môn đệ nghe xong liền đọc bài kệ thứ tư:

37. Nếu một kẻ phàm nhân, Không thể san đất bằng,
Ngoại nhân há chịu nhận, Quan điểm thầy hay chăng?

Nghe thế, vị giáo sư tự nhủ: "Kāraṇḍiya nói có lý, ta sẽ không làm như thế nữa", và biết mình đã sai, ông đọc bài kệ thứ năm:

38. Này Kāraṇḍiya, Con khuyên tốt cho ta,
Đất không san phẳng được, Ý người chẳng đồng hòa.

Giáo sư ca ngợi môn đệ của mình. Và vị môn đệ sau khi khuyến dụ thầy mình như vậy liền dẫn thầy về nhà.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là người Bà-la-môn, còn Ta chính là môn sinh Kāraṇḍiya.

§357. CHUYỆN CHIM CÚT (*Laṭukikajātaka*) (*J.* III. 174)

Hỡi voi tuổi sáu mươi...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Trúc Lâm về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Một hôm, các Tỷ-kheo bàn thảo trong pháp đường:

– Này các Hiền giả, Devadatta thật hung ác, dữ dằn và tàn bạo. Ông ta chẳng chút lòng thương xót nào đối với chúng sanh.

Khi bậc Đạo sư đến, Ngài hỏi các Tỷ-kheo đang họp bàn chuyện gì và sau khi nghe kể lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa cũng thế, ông ấy cũng chẳng có chút thương xót nào.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một con voi. Khi lớn lên, ngài là một con vật chững chạc đàng hoàng. Ngài trở thành chúa của một đàn tám chục ngàn con voi và sống trong dãy Tuyết sơn.

Bấy giờ, có một con chim cút đẻ trứng trong vùng đất sinh sống của đàn voi. Khi trứng nở, bầy chim con phá vỏ trứng ra ngoài. Trước khi bầy chim mạnh cánh và đang lúc chưa thể bay được, Bồ-tát cùng với đàn tám chục ngàn con voi đi đây đó kiếm ăn, đã đến chỗ ấy. Khi trông thấy đàn voi, chim cút tự nghĩ: "Vương tượng này sẽ giẫm chết các con thơ của ta. Ta sẽ cầu xin ông ta che chở và bảo vệ cho tổ của ta." Thế rồi nó nhấc đôi cánh lên, đứng trước ngài và đọc bài kệ đầu:

39. Hỡi voi tuổi sáu mươi, Chúa rừng của đồng loài,
Ta chỉ là chim nhỏ, Còn ngài lãnh đạo bầy,
Cánh nâng, tôi kính cẩn, Xin tha lũ con này.

Bồ-tát bảo:

– Này cút, chớ lo sợ. Ta sẽ che chở cho các con thơ của ngươi.

Ngài đứng che lên trên bọn chim nhỏ trong khi tám chục ngàn con voi kia đi qua, rồi ngài dặn cút:

– Đằng sau bọn ta có một con voi lẻ bầy rất gian ác. Nó không chịu làm theo lời bọn ta. Khi nó đến, ngươi cũng phải van xin nó để bảo đảm an toàn cho lũ con ngươi.

Nói xong ngài bỏ đi, con cút đi đến gặp con voi kia và nâng cánh lên kính cẩn chào rồi đọc bài kệ thứ hai:

40. Khắp thung lũng, núi đồi, Ngài riêng một đường thôi,
Vua rừng, tôi năn nỉ, Nâng cánh cúi can ngài,
Tôi chỉ là cút mọn, Xin tha lũ con tôi.

Nghe cút nói xong, voi đọc bài kệ thứ ba:

41. Cút ơi, ta sẽ giết con mi,
Hèn mọn như mi giúp được chi?
Chân trái ta đây đè bẹp hết,
Mấy ngàn chim nhỏ vẫn thường khi.

Nói thế xong, nó giơ chân giẫm nát bọn chim nhỏ, rồi tiểu tiện lên chúng làm cho chúng trôi theo dòng nước, sau đó rống lên và bỏ đi. Con cút đậu trên một cành cây nói:

– Mi hãy cút đi và rống lên đi. Rồi đây mi sẽ thấy ta làm gì. Mi chẳng biết sức mạnh của thân thể và sức mạnh của trí óc khác nhau như thế nào. Được rồi! Ta sẽ dạy cho mi một bài học!

Hăm dọa voi như thế, cút đọc bài kệ thứ tư:

42. Bạo lực không là được lợi luôn,
Mạnh thường là họa của si cuồng,
Thú kia đã giết con ta chết,
Ác ấy ta đây sẽ tính đường.

Nói xong, ít lâu sau, cút đến thăm một con quạ. Bấy giờ, quạ đang cao hứng hỏi cút:

– Ta giúp gì được cho bạn đây?

Cút bảo:

– Chẳng có gì đâu bác ạ, tôi chỉ mong bác lấy mỏ móc hai con mắt con voi gian ác kia.

Quạ sẵn sàng nhận lời. Cút đến giúp việc cho một con ruồi xanh. Khi ruồi xanh hỏi:

– Ta làm gì được cho bạn đây?

Cút đáp:

– Khi con voi gian ác kia bị quạ móc mắt xong, tôi muốn bạn đẻ trứng vào mắt nó.

Ruồi xanh nhận lời xong, cút đến giúp một con ếch, và khi ếch bảo cần gì, cút bảo:

– Khi con voi gian ác kia bị mù, nó sẽ tìm nước để uống, bấy giờ bạn hãy đứng trên đỉnh núi và kêu lên. Khi voi trèo lên đỉnh núi thì bạn hãy xuống chân núi mà kêu lên. Đấy là điều tôi rất mong bạn giúp.

Sau khi nghe cút nói, ếch sẵn sàng nhận lời. Thế rồi một hôm, quạ dùng mỏ móc cả hai mắt con voi ấy, ruồi đẻ trứng vào mắt nó. Bị bọn dòi rút rỉa, voi cuồng lên vì đau đớn. Rồi bị cơn khát chế ngự, voi đi khắp nơi để tìm nước uống. Lúc ấy, ếch đứng trên đỉnh núi kêu lên. Voi tự nghĩ: "Nơi ấy hẳn phải có nước." Rồi nó trèo lên núi. Ếch liền xuống dưới chân núi mà kêu lên nữa. Voi

tự nghĩ: "Sẽ có nước nơi ấy", rồi lần mò tiến tới dốc núi và bị lăn cù, rơi xuống chân núi mà chết. Khi biết rằng voi đã chết, cút nói:

– Ta đã toàn thắng kẻ thù.

Và khi toàn thân ngập trong hạnh phúc cao độ, cút chết và đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư dạy:

– Này các Tỷ-kheo, ta không nên chuốc lấy thù hận với bất cứ ai. Bốn con vật ấy hợp lại với nhau đã diệt được con voi mạnh mẽ như thế kia.

43. Cút cùng quạ, ruồi xanh, ếch hợp lại,
Từng chứng minh kết quả của thù hằn,
Vương tượng kia vì chúng chết oan thân,
Vậy hãy tránh hết mọi điều tranh cãi.

Sau khi đọc bài kệ phát xuất từ trí tuệ toàn hảo, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Devadatta là con voi gian ác kia, còn Ta là con voi đầu đàn.

§358. CHUYỆN HOÀNG TỬ DHAMMAPĀLA

(***Culladhammapālajātaka***) (*J.* III. 177)

Hoàng hậu hèn của Đại Patāpa...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Trúc Lâm về cách Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) mưu toan giết Bồ-tát.

Trong tất cả các tiền thân khác, Devadatta không làm sao gây cho Bồ-tát một chút kinh hãi nào. Nhưng trong *Chuyện Hoàng tử Dhammapāla* (*Hộ Pháp*) này, khi Bồ-tát mới lên bảy tháng, ngài bị Devadatta chặt tay chân, chặt đầu và khắp thân thể ngài bị gươm đâm như có đeo vào một tràng hoa vậy. Trong *Chuyện núi Daddara*,[10] Devadatta giết Bồ-tát bằng cách vặn cổ, quay thịt ngài trong lò rồi ăn thịt ấy. Trong *Chuyện đạo lý kham nhẫn*,[11] Devadatta đánh Bồ-tát hai ngàn roi và ra lệnh chặt tay, chân, tai, mũi, nắm tóc kéo đi và khi ngài nằm ngã sóng soài ra thì ông ta đánh vào bụng ngài rồi bỏ đi, Bồ-tát chết ngay ngày hôm đó. Nhưng trong cả hai *Chuyện con khỉ Cullanandiya*[12] và *Chuyện đại hầu vương*,[13] ông ta chỉ ra lệnh giết ngài mà thôi. Trong một thời gian dài, Devadatta cứ lo toan tìm cách giết Bồ-tát và vẫn còn tiếp tục làm như thế ngay cả khi ngài đã trở thành một đức Phật.

Một hôm, các Tỷ-kheo bàn tán trong pháp đường:

---

[10] Xem *J.* II. 66, *Daddarajātaka* (*Chuyện núi Daddara*), số §172.

[11] Xem *J.* III. 40, *Khantivādijātaka* (*Chuyện đạo lý kham nhẫn*), số §313.

[12] Xem *J.* II. 199, *Cullanandiyajātaka* (*Chuyện con khỉ Cullanandiya*), số §222.

[13] Xem *J.* III. 370, *Mahākapijātaka* (*Chuyện đại hầu vương*), số §407.

– Này các Hiền giả, Devadatta vẫn tiếp tục lập âm mưu giết hại đức Phật. Cố ý giết đức Thế Tôn, ông ta sai bọn cung thủ bắn Ngài, ông ta lăn đá vào Ngài và thả con voi Nāḷāgiri đến hại Ngài.

Khi bậc Đạo sư đến, Ngài hỏi các Tỷ-kheo đang họp bàn vấn đề gì, khi nghe thuật lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, ông ta cứ tìm cách giết Ta, nhưng giờ đây ông ta không thể làm Ta mảy may sợ hãi. Dù xưa kia Ta là Hoàng tử Dhammapāla, dù Ta là con ruột của ông ta, ông ta cũng gây ra cái chết cho Ta bằng cách chặt, đâm gươm vào khắp cả thân Ta như thể nó mang một tràng hoa vậy.

Nói xong, Ngài kể chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Mahāpatāpa đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là con trai của Chánh hậu Candā và người ta đặt tên ngài là Dhammapāla.

Khi ngài lên bảy tháng, mẹ ngài tắm ngài trong nước thơm, mặc quần áo sang trọng cho ngài và ngồi chơi với ngài. Vua đến cung thất của hoàng hậu. Vì bà đang chơi với con trai, ngập tràn tình mẹ đối với con nên đã quên đứng dậy chào đón vua. Vua tự nghĩ: "Giờ đây người đàn bà này đầy tự hào về đứa con trai, coi ta không bằng một cọng rơm, đến khi đứa bé lớn lên, bà ta sẽ nghĩ: 'Ta chỉ có một người là con trai ta', và chẳng để ý gì đến ta. Ta sẽ bảo giết nó ngay!"

Vì thế, ông quay trở về, ngồi trên ngai và gọi viên quan hành hình đến trình diện cùng với mọi dụng cụ hành sự. Người ấy mặc áo vàng mang tràng hoa đỏ sẫm, vai vác rìu, tay cầm một cái thớt và một cái chậu đến đứng trước vua, chào vua và nói:

– Tâu Đại vương, ngài cần gì ạ?

Vua phán:

– Đến vương phòng của hoàng hậu và mang Dhammapāla lại đây!

Hoàng hậu biết rằng vua đã giận dữ bỏ đi nên bà đã đặt Bồ-tát vào lòng và ngồi khóc. Viên quan hành hình đến và tống một đấm vào lưng bà, giật Bồ-tát ra khỏi tay bà rồi mang đến cho vua và thưa:

– Tâu Đại vương, ngài cần gì nữa?

Vua sai mang một tấm ván đến đặt trước mặt ông và nói:

– Đặt nó vào đó!

Người ấy làm theo lời vua. Nhưng hoàng hậu đã đến đứng ngay sau con mình và khóc. Viên quan hành hình lại nói:

– Tâu Đại vương, ngài cần gì nữa ạ?

Vua bảo:

– Hãy chặt hai bàn tay của Dhammapāla!

Hoàng hậu thưa:

– Đại vương, con trai tôi chỉ là một đứa bé lên bảy tháng. Nó có biết gì đâu! Lỗi không phải là của nó. Nếu có lỗi nào thì đấy là lỗi của tôi. Do đó, ngài hãy sai chặt tay tôi đi!

Rồi để cho rõ nghĩa, bà đọc bài kệ đầu:

44. Hoàng hậu hèn của Đại Patāpa,
Chính là tôi, tội này riêng phải gánh.
Đại vương, hãy thả Hoàng tử Dhammapāla,
Và hãy chặt tay tôi, người bất hạnh!

Vua nhìn viên quan hành hình, y hỏi:

– Tâu Đại vương, ngài cần gì?

Vua phán:

– Chớ chần chờ, chặt tay đứa bé đi!

Lúc ấy, viên quan hành hình lấy cái rìu sắt chặt đứt hai bàn tay như những búp măng của Bồ-tát. Khi đôi tay bị chặt đứt, hài nhi vẫn không khóc, không than mà chỉ chịu đựng với lòng kham nhẫn, nhân từ. Nhưng Hoàng hậu Candā lượm các đầu ngón tay của con đặt vào lòng, máu vấy khắp, bà than khóc thảm thiết. Viên quan hành hình lại hỏi:

– Tâu Đại vương, ngài cần gì?

Vua đáp:

– Chặt hai bàn chân nó!

Nghe thế, Candā đọc đoạn thơ thứ hai:

45. Hoàng hậu hèn của Đại Patāpa,
Chính là tôi, tội này riêng phải gánh.
Đại vương, hãy thả Hoàng tử Dhammapāla,
Và hãy chặt chân tôi, người bất hạnh!

Nhưng vua ra hiệu cho viên quan hành hình và ông chặt cả hai chân Bồ-tát. Hoàng hậu Candā lượm hai bàn chân con đặt vào lòng, máu vấy khắp, bà than khóc và nói:

– Tâu Đại vương Mahāpatāpa, mẹ phải chăm nuôi con. Tôi sẽ làm việc để kiếm tiền chăm nuôi nó. Xin ngài giao nó cho tôi!

Viên quan hành hình nói:

– Tâu Đại vương, ngài đã thỏa ý chưa? Công việc của tôi thế là xong chưa?

Vua bảo:

– Chưa đâu!

– Tâu Đại vương, thế ngài cần gì nữa?

Vua bảo:

– Chặt đầu nó đi!

Candā lại đọc bài kệ thứ ba:

46. Hoàng hậu hèn của Đại Patāpa,
Chính là tôi, tội này riêng phải gánh.
Đại vương, hãy thả Hoàng tử Dhammapāla,
Và hãy chặt đầu tôi, người bất hạnh!

Nói xong, hoàng hậu đưa đầu mình ra. Viên quan hành hình lại bảo:

– Tâu Đại vương, ngài cần gì?

Vua phán:

– Chặt đầu đứa bé đi!

Thế rồi, người ấy chặt đầu Bồ-tát và hỏi:

– Tâu Đại vương, ngài đã thỏa ý chưa?

Vua bảo:

– Chưa.

– Thưa Đại vương, còn phải làm gì nữa?

Vua nói:

– Hãy lấy gươm đâm nó, lấy gươm mà cắt quanh thân nó, làm như nó có đeo tràng hoa vậy!

Người ấy tung thân Bồ-tát lên không, lấy mũi gươm đâm vào rồi cắt quanh thân ngài làm như thân có đeo một tràng hoa và rải các miếng thịt trên bệ. Candā đặt thịt của Bồ-tát vào lòng, ngồi xuống than khóc và đọc các bài kệ sau đây:

47. Cận thần chẳng ai can, Một lời với chúa công,
"Chớ giết kẻ thừa kế, Từ ruột ngài nên thân!"

48. Thân quyến chẳng một người, Nhẹ khuyên vua một lời,
"Chớ giết đi hoàng tử, Ngài đã ban cuộc đời!"

Đọc hai bài kệ ấy xong, Hoàng hậu Candā đè hai bàn tay lên ngực đọc bài kệ thứ sáu:

49. Hỡi Hoàng tử Dhammapāla, Dòng chính thống sanh ra,
Để trị vì trọn cõi, Tay con từng tắm gội,
Với dầu thơm chiên-đàn, Nay nằm đấy máu tràn,
Hỡi ôi, ta nghẹn thở, Nghẹn cả lời kêu than!

Trong khi bà than vãn như thế, trái tim bà vỡ ra như một cây tre nổ giữa khu rừng đang cháy và bà ngã xuống chết ngay tại đó. Vua cũng không thể ngồi trên ngai mà ngã xuống bệ. Ngay đó, đất nứt ra làm hai và vua rơi vào chỗ nứt ấy. Đất rắn chắc dù dày gấp hàng ngàn lần, hơn hai trăm bốn mươi ngàn do-tuần vẫn không thể chịu nổi sự hung ác của ông ta, đã nứt ra làm đôi và mở rộng khe ra. Lửa từ ngục Avīci (A-tỳ) vọt ra ập vào bọc lấy vua như một vương bào bằng len, rồi dìm ông vào ngục A-tỳ.

Các đại thần làm lễ tống táng Hoàng hậu Candā và Bồ-tát.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Devadatta là vua, Mahāpajāpati là Candā, còn Ta là Hoàng tử Dhammapāla.

§359. CHUYỆN CON NAI VÀNG (*Suvaṇṇamigajātaka*) (*J.* III. 182)

Hỡi chân vàng, hãy dồn hết sức...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một thiếu nữ thuộc gia đình quý phái ở Xá-vệ.

Cô ta là con gái của một người hầu cận hai vị Trưởng lão Tỳ-kheo ở Xá-vệ và là một tín đồ thuần thành, liên hệ thân thiết với Phật, Pháp, Tăng, thường xuyên làm việc thiện, thông tuệ đối với đạo giải thoát, chuyên tâm bố thí và làm những hành vi đạo đức như thế.

Một gia đình khác ở Xá-vệ, cùng một đẳng cấp nhưng theo ngoại đạo hỏi cưới cô ta. Cha mẹ cô bảo:

– Con gái của chúng tôi là một tín đồ thuần thành, quy y Tam bảo, bố thí và làm các việc thiện, nhưng ông bà lại có quan điểm ngoại đạo. Và vì ông bà sẽ không cho phép nó bố thí, hoặc nghe pháp, hoặc đến thăm tinh xá, giữ giới luật đạo đức, tuân hành các ngày trai giới như nó vẫn muốn nên chúng tôi sẽ không gả nó về nhà quý vị được. Hãy chọn một thiếu nữ thuộc một gia đình ngoại đạo giống như quý vị vậy!

Khi lời cầu hôn của gia đình kia bị từ chối, họ bảo:

– Xin cứ cho con gái của quý vị đến nhà chúng tôi và làm mọi việc như thế đúng theo ý muốn của cô ấy. Chúng tôi sẽ không ngăn cản cô ấy đâu. Xin hãy chấp thuận yêu cầu ấy.

Gia đình cô gái bảo:

– Thế thì quý vị hãy đem nó về đi.

Lễ cưới được cử hành vào một ngày tốt lành và cô gái được đưa về nhà chồng. Cô tỏ ra rất chuyên chính trong việc hoàn tất các bổn phận, là một người vợ tận tụy, một nàng dâu đảm đang đối với cha mẹ chồng.

Một hôm, cô nói với chồng:

– Chàng ơi, em muốn cúng dường các Tỳ-kheo mà gia đình ta hay cúng dường.

– Được lắm, em ạ. Em cứ cúng dường đúng như em thích.

Thế là một hôm, cô mời các Tỳ-kheo ấy và tổ chức một cuộc thiết đãi lớn. Cô cúng dường các thức ăn hảo hạng và cung kính ngồi cách xa các vị ấy và bảo:

– Bạch chư Tôn giả, gia đình này ngoại đạo và không có lòng tin. Họ không

biết giá trị của Tam bảo. Dù thế, xin chư vị cứ tiếp tục nhận thực phẩm nơi đây cho đến khi họ hiểu được giá trị của Tam bảo.

Các Tỷ-kheo nhận lời và tiếp tục thọ thực tại đó. Cô lại bảo với chồng:

– Chàng ơi, quý Tỷ-kheo vẫn thường xuyên đến đây luôn, sao chàng không ra gặp các ngài?

Nghe thế, chàng đáp:

– Tốt lắm, ta sẽ ra gặp các ngài.

Ngày hôm sau, khi các Tỷ-kheo thọ thực xong, cô ta lại nhắc chồng. Chàng đến ngồi xuống một bên và từ tốn thưa chuyện cùng các vị ấy. Thế rồi Tướng quân Chánh pháp Sāriputta thuyết pháp cho chàng. Chàng rất thích thú nghe giảng và nhìn thấy thái độ nhu hòa, ân cần của các Tỷ-kheo, nên từ hôm đó trở đi chàng luôn luôn soạn sẵn thảm cho các Trưởng lão ngồi và lọc nước cho các vị ấy dùng và trong khi các vị ấy thọ thực, chàng chăm chú nghe giảng pháp. Chẳng bao lâu, chàng không còn theo các quan điểm ngoại đạo nữa.

Thế rồi một hôm, Trưởng lão giảng pháp, tuyên thuyết tứ đế cho hai vợ chồng ấy và khi bài thuyết giảng chấm dứt, cả hai vợ chồng đều đắc quả Dự lưu. Từ đó, tất cả mọi người trong gia đình ấy, từ các bậc cha mẹ cho đến người giúp việc đều bỏ hết các tà kiến ngoại đạo và hết lòng vì Phật, Pháp, Tăng.

Một hôm, cô gái bảo với chồng:

– Chàng ơi, em có gì liên quan với đời sống gia đình nữa đâu? Em mong được sống đời tu hành.

Chàng đáp:

– Tốt lắm em ạ, ta cũng muốn trở thành một nhà tu khổ hạnh.

Thế là chàng vui vẻ dẫn cô đến một chỗ trú ngụ của Tỷ-kheo-ni và cô được đại chúng Ni cho xuất gia, còn chàng cũng đến chỗ bậc Đạo sư để xin xuất gia. Bậc Đạo sư cho chàng xuất gia. Cả hai đều đạt Tuệ nhãn và chẳng bao lâu đắc Thánh quả. Một hôm, các Tỷ-kheo bàn tán trong pháp đường:

– Này các Hiền giả, người phụ nữ nọ nhờ lòng tin của chính mình và của chồng mà trở thành một Sa-di-ni. Rồi cả hai người sống cuộc đời Phạm hạnh, đạt Tuệ nhãn và đắc Thánh quả.

Bậc Đạo sư đến hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn chuyện gì và sau khi nghe thuật lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ cô ấy mới giải thoát cho chồng khỏi những ràng buộc của khổ đau. Xưa kia cũng thế, cô cũng đã giải thoát các bậc Hiền trí khỏi những ràng buộc của cái chết.

Ngài dạy đến đó rồi im lặng, nhưng vì các Tỷ-kheo thỉnh cầu, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một con nai vàng và khi lớn lên, trở thành một con vật đẹp đẽ duyên dáng với màu sắc vàng ròng. Đôi chân trước và sau của ngài như được phủ bằng một thứ sơn bóng. Sừng như bằng bạc, mắt như những viên ngọc, miệng như một cuộn len đỏ. Con nai cái vợ ngài, cũng là một con vật rất xinh đẹp. Cả hai sống hòa hợp, hạnh phúc với nhau. Tám vạn nai đốm đi theo hầu Bồ-tát.

Trong khi bầy nai sống nơi ấy, một người thợ săn đặt bẫy vào chỗ nai lui tới. Một hôm, đang dẫn dắt bầy nai, Bồ-tát bị mắc chân vào bẫy. Để làm đứt dây thòng lọng, ngài giật mạnh đến đứt cả da chân. Ngài lại giật nữa và bị đứt tới thịt. Lần thứ ba, ngài lại giật và bị phạm tới gân. Rồi cái dây thắt vào tận xương. Không thể phá bẫy được, nai rúng động vì sợ chết đến độ kêu la từng hồi. Nghe thế bầy nai kinh hoàng chạy trốn. Nhưng con nai cái, trong lúc chạy trốn không thấy Bồ-tát trong bầy liền nghĩ: "Hẳn là nỗi kinh hoàng có liên hệ đến chồng ta rồi." Rồi nai cái vội phóng đến bên chồng tuôn trào nước mắt và than:

– Chàng ơi, chàng mạnh mẽ đến thế, sao lại không thắng được cái bẫy chứ? Hãy cố sức mà tàn phá bẫy đi!

Để khích lệ Bồ-tát, vợ ngài đọc bài kệ đầu:

50. Hỡi chân vàng, hãy dồn hết sức,
Để thoát ra cho dứt bẫy này,
Mất chàng há thiếp vui say,
Thảnh thơi rong ruổi đó đây trong rừng?

Nghe thế, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

51. Ta đây đã quá chừng cố gắng,
Tự do nào đạt đặng đâu mà,
Càng vùng để thoát thân ra,
Mối dây càng thắt thịt da thế này.

Thế rồi nai cái bảo:

– Chàng ơi, đừng sợ. Em sẽ hết sức van xin người thợ săn và sẽ hy sinh mạng sống của em và để xin đổi mạng cho chàng.

Vừa an ủi bậc Đại sĩ, vợ ngài vẫn tiếp tục ôm lấy Bồ-tát mình đang rớm máu. Nhưng người thợ săn tay cầm gươm và lao đã đến gần giống như một ngọn lửa hủy diệt vào lúc mở đầu một chu kỳ. Khi thấy người ấy, nai cái bảo:

– Chàng ơi, người thợ săn đã đến. Em sẽ đem hết khả năng để cứu chàng. Chàng chớ sợ!

An ủi chồng xong, nai cái đến gặp người thợ săn, đứng cách một khoảng để tỏ vẻ kính trọng, nai chào người ấy và nói:

– Thưa ngài, chồng tôi là một con nai có màu vàng ròng, đầy đủ mọi đức hạnh và là vua của tám vạn con nai.

Ca ngợi Bồ-tát xong, nai xin hy sinh mạng sống của mình để vua bầy nai khỏi bị hại. Rồi nai đọc bài kệ thứ ba:

52. Nơi đây, hãy trải lá dày,
Chúng tôi sẽ ngã xuống ngay đây mà,
Thợ săn, hãy rút gươm ra,
Giết tôi rồi giết tiếp là chồng tôi!

Nghe thế, người thợ săn rất kinh ngạc, liền nghĩ: "Ngay cả người ta cũng không hy sinh đời mình cho vua nữa huống chi là loài vật. Thế này nghĩa là gì chứ? Con vật nói với một giọng êm dịu như tiếng người. Hôm nay, ta sẽ tha mạng cho nó và cho chồng nó." Rất thích thú nai cái, người thợ săn đọc bài kệ thứ tư:

53. Con vật nói tiếng người, Ta chưa thấy trên đời,
Nai hiền an tâm nhé, Chân vàng dứt sợ thôi!

Thấy Bồ-tát được tha mạng, nai cái vô cùng sung sướng liền quay lại cám ơn người thợ săn và đọc bài kệ thứ năm:

54. Hôm nay tôi thích thú đầy tràn,
Nai vĩ đại này được thoát thân,
Vậy thợ săn, người vừa gỡ bẫy,
Hãy vui vầy với mọi thân nhân.

Bấy giờ, Bồ-tát tự nghĩ: "Người thợ săn này đã tha mạng ta, vợ ta và cả tám vạn nai kia. Ông đã là nơi nương nhờ của ta, vậy ta cũng phải là nơi nương nhờ của ông ta." Và với tính chất của một bậc đức hạnh tối cao, ngài nghĩ: "Ta phải đền ơn cho ân nhân của ta." Rồi ngài trao cho người thợ săn một viên ngọc kỳ diệu mà ngài đã tìm được ở nơi ngài thường đi kiếm ăn và nói:

– Này bằng hữu, từ nay chớ giết hại sinh vật nào nữa, với viên ngọc này, hãy xây dựng gia đình, vợ con, hãy bố thí và làm các việc thiện khác!

Khuyến dụ xong, nai biến vào trong rừng.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài dạy ở đây và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Channa (Xa-nặc) là người thợ săn, Tỷ-kheo-ni ít tuổi hạ ấy là con nai cái, còn Ta là nai chúa kia.

§360. CHUYỆN HOÀNG HẬU SUSSONDĪ (*Sussondijātaka*)[14] (*J.* III. 187)

Tôi ngửi thấy mùi hương rừng rậm...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất.

[14] Bản Tích Lan và Thái Lan viết *Susandhijātaka*. Bản CST viết *Suyonandījātaka*. Xem *J.* III. 91, *Kākātijātaka* (*Chuyện Hoàng hậu Kākāti*), số §327.

Bậc Đạo sư hỏi có thật ông ta thèm muốn đời thế tục và ông ta thấy điều gì khiến ông ta ân hận đã thọ giới. Vị Tỷ-kheo trả lời:

– Tất cả là do nét yêu kiều của một phụ nữ.

Bậc Đạo sư dạy:

– Thật thế, này Tỷ-kheo, không thể nào canh phòng được phụ nữ. Các bậc Hiền trí ngày xưa, dù họ thận trọng ở tại trú xứ của loài Garuḍa (Kim Sí điểu, chim thần Cánh Vàng), họ cũng không thể canh giữ phụ nữ.

Rồi do Tỷ-kheo ấy thỉnh cầu, Ngài kể một chuyện thời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Tamba trị vì Ba-la-nại, chánh hậu tên là Sussondī, là một phụ nữ đẹp tuyệt vời.

Bấy giờ, Bồ-tát sanh ra là một chim thần Garuḍa trẻ. Bấy giờ, đảo Nāga (Long Thần) được gọi là đảo Seruma. Ngài đến Ba-la-nại giả nam trang và chơi xúc xắc với Vua Tamba. Nhận thấy sắc đẹp của ngài, người ta bảo Sussondī:

– Một trang thanh niên như thế, như thế, thường chơi xúc xắc với đức vua.

Nàng ao ước được thấy ngài. Rồi một hôm, nàng trang điểm thật đẹp và đi đến phòng đánh xúc xắc. Đứng nơi ấy, trong đám hầu cận, nàng nhìn đăm đăm vào chàng thanh niên. Chàng cũng nhìn đăm đăm vào hoàng hậu và cả hai đâm ra yêu nhau. Vua chim thần Garuḍa dùng thần lực, khởi lên một cơn bão ập vào thành phố. Mọi người vì sợ nhà sập đã phóng chạy ra khỏi cung điện. Với quyền năng, Vua Garuḍa khiến cho cung điện tối đen rồi mang hoàng hậu theo mình bay lên không về chỗ trú ngụ của riêng mình ở đảo Nāga. Nhưng chẳng ai biết việc đi hay đến của Sussondī.

Vua Garuḍa vui thú với nàng và vẫn đến chơi xúc xắc với Vua Tamba. Bấy giờ, Vua Tamba có một nhạc công tên là Sagga. Không biết hoàng hậu đã đi đâu, vua gọi nhạc công ấy lại và nói:

– Bây giờ ngươi hãy khám phá xem điều gì đã xảy ra cho hoàng hậu!

Nói thế xong, vua truyền lệnh cho Sagga ra đi.

Sagga mang theo các thứ cần thiết cho cuộc hành trình và khởi sự tìm kiếm từ cổng thành, cuối cùng chàng đến Bharukaccha.[15] Lúc ấy, các thương gia ở Bharukaccha đang giương buồm đi đến vùng Kim Địa. Chàng đến gần họ và nói:

– Tôi là một nhạc công. Nếu các ông miễn tiền tàu cho tôi thì tôi sẽ làm như một nhạc công của các ông. Hãy mang tôi theo với!

Họ chấp thuận như thế, cho chàng lên tàu và nhổ neo. Khi thuyền đi được khá xa, họ gọi chàng và bảo chàng trỗi nhạc cho họ nghe. Chàng nói:

---

[15] Bản Tích Lan viết *Bharukacchā*. Bản CST viết *Kurukacchā*.

– Tôi muốn trỗi nhạc nhưng nếu làm thế, cá sẽ bị kích động đến nỗi thuyền của các ông sẽ chìm đấy.

Các thương gia nói:

– Nếu chỉ là một con người tầm thường trỗi âm nhạc thì chẳng có gì kích động đến phía cá. Cứ chơi nhạc đi cho chúng tôi nghe.

– Thế thì đừng tức giận tôi nhé!

Nói xong, chàng lên dây đàn, giữ cho lời ca hài hòa toàn hảo với tiếng dây đàn đệm theo rồi trỗi nhạc cho họ nghe. Bọn cá điên cuồng khi nghe âm thanh ấy và quẫy tung cả lên. Một con hải quái nhảy vọt lên, rơi vào thuyền và làm thuyền vỡ đôi.

Sagga nằm trên một tấm ván được gió đẩy đi cho đến khi chàng dạt vào một cây đa ở đảo Nāga, nơi vua chim thần Garuḍa ở. Bấy giờ, Hoàng hậu Sussondī, như mỗi lần vua chim thần Garuḍa đi chơi xúc xắc, vẫn từ nhà đi xuống và đi lang thang dọc bãi biển, nàng trông thấy và nhận ra nhạc công Sagga, nàng bèn hỏi chàng đến đây bằng cách nào. Chàng kể lại toàn bộ câu chuyện cho nàng nghe. Nàng an ủi chàng và nói:

– Đừng sợ.

Rồi ôm chàng trong đôi cánh tay, nàng đem chàng về chỗ nàng ở, và đặt chàng nằm trên một chiếc trường kỷ. Khi chàng phục hồi đầy đủ sức lực, nàng cho chàng ăn những thức ăn của thần tiên, tắm chàng trong nước hoa thần tiên, mặc cho chàng những y phục thần tiên và trang sức cho chàng bằng những bông hoa có mùi thơm thần tiên và để chàng nằm trên một sàng tọa thần tiên. Nàng săn sóc chàng như thế, và mỗi khi vua chim thần Garuḍa trở về, nàng đem giấu người yêu, và ngay khi vua ra đi, do ảnh hưởng của đam mê, nàng hưởng lạc thú với chàng.

Một tháng rưỡi sau, một số thương gia cư ngụ ở Ba-la-nại ghé lên dưới gốc cây đa trong đảo này để lấy củi và nước. Chàng nhạc công lên thuyền với họ và về tới Ba-la-nại đúng vào lúc chàng thấy vua đang chơi xúc xắc, chàng liền cầm đàn, tấu nhạc và đọc bài kệ đầu:

55. Tôi ngửi thấy mùi hương rừng rậm,
Tôi nghe ra biển thẳm rền la,
Vì tình tôi khổ, Tamba,
Sussondī đẹp cách xa tôi rồi!

Nghe thế, Vua Garuḍa đọc bài kệ thứ hai:

56. Biển bão tố, sao người qua được,
Seruma mà vẫn an hòa?
Cách nào, hãy nói, Sagga,
Sussondī đẹp, người đà đến ngay?

Bấy giờ, Sagga đọc ba bài kệ tiếp theo:

57. Từ Bharukaccha,
Cùng với đoàn thương gia,
Thuyền tôi đi bị đắm,
Vì hải quái gây ra,
Tôi nhờ vào tấm ván,
Mà ghé được vào bờ.

58. Một hoàng hậu thơm tho,
Với bàn tay dịu hiền,
Nhẹ nhàng nâng tôi lên,
Đặt tôi vào đầu gối,
Hẳn như tôi lúc ấy,
Là con thực của nàng.

59. Nàng cho mặc, cho ăn,
Và khi tôi nằm đấy,
Nàng nhìn chỗ tôi nằm,
Bằng đôi mắt đắm đuối,
Suốt cả ngày như vậy,
Chúa Tamba nên biết,
Đây lời thực tôi trình.

Khi chàng nhạc công nói như thế, vua chim thần Garuḍa vô cùng ân hận và nói:

– Dù ở tại trú xứ của chim thần Garuḍa, ta cũng không thể giữ nàng an toàn được. Người đàn bà xấu xa này đối với ta còn ra gì nữa?

Do đó, Vua Garuḍa mang nàng về trả lại cho Vua Tamba rồi bỏ đi và từ đó không quay lại nữa.

***

Sau khi chấm dứt bài giảng, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế. Khi Ngài kết thúc tứ đế, vị Tỷ-kheo có tâm trần tục kia đắc quả Dự lưu. Sau đó, Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ānanda là vua ở Ba-la-nại, còn Ta là vua chim thần Garuḍa.

II. PHẨM SẮC ĐẸP (VAṆṆĀROHAVAGGA)

§361. CHUYỆN SẮC ĐẸP (*Vaṇṇārohajātaka*)[16] (*J.* III. 190)

Có phải chăng Sudāṭha nói...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về hai vị Đại đệ tử.

Một lần nọ, hai vị Đại Trưởng lão quyết định suốt trong mùa mưa sẽ chuyên tâm độc cư. Vì vậy, họ từ biệt bậc Đạo sư, rời Tăng chúng, đi khỏi Kỳ Viên, tự tay mang theo y bát và đến sống trong một khu rừng gần một làng ở biên địa.

Một người đàn ông nọ phục vụ hai vị Trưởng lão và sống bằng các thức ăn thừa của họ, cũng ở riêng một nơi trong khu ấy. Khi thấy hai vị Trưởng lão sống với nhau một cách hạnh phúc như thế, anh ta nghĩ:

– Chẳng biết ta có làm cho họ bất hòa không nhỉ!

Thế là anh ta đến gần Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất) và bảo:

– Thưa Tôn giả, có thể có sự cãi cọ nào giữa ngài và Đại Trưởng lão Moggallāna (Mục-kiền-liên) không?

Trưởng lão hỏi:

– Vì sao ông bảo thế?

– Thưa Thánh giả, vị ấy chê bai ngài và bảo: "Khi ta vắng, Sāriputta có gì xứng đáng để so sánh với ta về đẳng cấp, dòng dõi, gia đình và xứ sở hoặc về năng lực chứng đạt các Thánh điển!"

Vị Trưởng lão mỉm cười và đáp:

– Đi đi, ông bạn!

Một hôm khác, người ấy lại đến gần Đại Trưởng lão Moggallāna và cũng bảo như thế. Vị này cũng mỉm cười và nói:

– Đi đi, ông bạn!

Moggallāna đến gặp Sāriputta và hỏi:

– Ông bạn sống bằng các thứ dư thừa của chúng ta ấy có nói gì với Hiền giả không?

– Vâng, có đấy, Hiền giả ạ.

– Và ông ta cũng nói đúng như thế với tôi. Chúng ta phải đuổi ông ta đi.

[16] Xem *J.* III. 150, *Sandhibhedajātaka* (*Chuyện lời gièm pha*), số §349.

– Tốt lắm Hiền giả, hãy đuổi ông ta đi!

Trưởng lão bảo:

– Ông không được đến đây.

Và búng tay tỏ ra khinh miệt anh ta, ngài đuổi anh ta đi. Hai vị Trưởng lão sống hạnh phúc với nhau, và khi quay về với bậc Đạo sư, họ đảnh lễ Ngài và ngồi xuống. Bậc Đạo sư ân cần nói chuyện với họ và hỏi họ có sống thời biệt cư của họ một cách hỷ lạc không. Họ bạch:

– Có một anh hành khất kia muốn làm cho chúng con bất hòa nhưng mưu toan thất bại, anh ta đã chạy xa rồi.

Bậc Đạo sư dạy:

– Thực thế, này Sāriputta, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, anh ta đã nghĩ cách làm cho các ông bất hòa nhưng mưu toan thất bại, anh ta đã chạy xa.

Rồi do thỉnh cầu của các Trưởng lão, Ngài kể một chuyện thời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị thần cây trong một khu rừng. Bấy giờ, có một con sư tử và một con hổ sống trong một cái động núi ở khu rừng ấy. Một con chó rừng hầu hạ chúng và nhờ sống bằng thịt ăn thừa của chúng, nó bắt đầu mập ra.

Thế rồi một hôm, nó chợt nghĩ: “Ta chưa bao giờ ăn thịt một con sư tử hay một con hổ. Ta phải làm cho hai con này bất hòa với nhau và kết quả của việc tranh cãi nhau là chúng phải chết, bấy giờ ta sẽ ăn thịt chúng.”

Thế là nó đến gần sư tử và nói:

– Thưa ngài, có sự tranh cãi nào giữa ngài và hổ không?

– Sao anh bảo thế?

Chó rừng nói:

– Thưa ngài, hổ chê bai ngài và bảo: “Khi ta đi vắng, tên sư tử này sẽ chẳng bao giờ được bằng một phần mười sáu sắc đẹp của ta, vóc dáng và vòng ngực của ta, sức mạnh và quyền năng tự nhiên của ta.”

Bấy giờ, sư tử nói với nó:

– Xéo đi, hổ sẽ chẳng bao giờ nói ta như thế!

Thế rồi, chó rừng cũng đến gần hổ và nói theo cách ấy. Khi nghe nó nói, hổ chạy đến sư tử và hỏi:

– Này bạn, có thật rằng bạn đã nói về tôi như thế, như thế?

Rồi hổ đọc bài kệ đầu:

60. Có phải chăng Sudāṭha nói,
“Đẹp sang về dòng dõi, hình dung,

Oai hùng, quyền lực trong vùng,
Subāhu cũng phải nhường thua tôi?"

Nghe thế, Sudāṭha (Sư Tử) đọc bốn bài kệ còn lại:

61. Có phải chăng Subāhu nói,
"Đẹp sang về dòng dõi, hình dung,
Oai hùng, quyền lực trong vùng,
Sudāṭha cũng phải nhường thua tôi?"

62. Nếu lời bạn chê bai như vậy,
Thì bạn đâu còn phải bạn tôi!
Chuyện tầm phào lắng nghe rồi,
Sẽ gây tranh cãi với người bạn ta.

63. Và trong thù hận cay chua,
Mối tình thân hữu sẽ là đứt ngang,
Đã là bè bạn tương thân,
Ai đâu nghi ngại chẳng nhân cớ nào,
Ai đâu tìm vạch gắt gao,
Những điều lầm lỗi của nhau làm gì!

64. Niềm tin bạn, ta thì vẫn giữ,
Như trẻ thơ tin vú mẹ thân,
Chẳng vì kẻ lạ nói năng,
Mà đành có lúc tách phân bạn lòng.[17]

Khi bốn bài kệ ấy đã nêu lên phẩm cách của một bạn thân, hổ nói:

– Tôi có lỗi.

Và nó xin lỗi sư tử. Sau đó, chúng cùng nhau sống hạnh phúc tại nơi ấy. Còn chó rừng ra đi và tìm đến nơi khác.

***

Sau khi chấm dứt bài dạy, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, con chó rừng kia là người hành khất sống bằng thức ăn thừa, con sư tử là Sāriputta, con hổ là Moggallāna, còn vị thần sống trong rừng ấy và chứng kiến tận mắt toàn bộ chuyện này là Ta.

§362. CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC (*Sīlavīmaṁsajātaka*)[18] (*J.* III. 193)

Đức hạnh và kiến thức...

---

[17] Xem *J.* III. 196, *Hirijātaka* (*Chuyện hổ thẹn*), số §363; *Sn.* 45, *Hirisutta* (*Kinh Xấu hổ*).

[18] Xem *J.* I. 370, *Sīlavīmaṁsanajātaka* (*Chuyện thử thách giới đức*), số §86; *J.* II. 430, *Sīlavīmaṁsajātaka*, số §290; *J.* III. 18, *Sīlavīmaṁsanajātaka*, số §305; *J.* III. 100, *Sīlavīmaṁsajātaka*, số §330.

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Bà-la-môn muốn thử thách năng lực của đức hạnh.

Người ta kể rằng, do ông nổi danh về đức hạnh, vua đã đặc biệt tôn trọng ông hơn hẳn các Bà-la-môn khác. "Đức vua đặc biệt tôn trọng ta, có phải vì ta có đức hạnh hay vì ta đạt kiến thức cao? Ta sẽ thử nghiệm xem đức hạnh và kiến thức bên nào quan trọng hơn."

Thế là một hôm, ông rút lấy một đồng trong kho tiền của vua. Người thủ kho vì kính ông đã không nói một lời nào. Việc ấy lại xảy ra lần thứ hai, người thủ kho cũng chẳng nói gì. Nhưng đến lần thứ ba, người thủ kho bắt ông ta như bắt một kẻ sinh sống bằng nghề trộm cắp và mang ông ta đến trước nhà vua. Vua hỏi người thủ kho ông ta bị tội gì, người ấy buộc tội ông đã ăn trộm tài sản của vua. Vua hỏi:

– Này Bà-la-môn, có thật thế không?

Ông ta bảo:

– Tâu Đại vương, tôi không có thói ăn trộm của ngài. Nhưng tôi nghi ngờ không biết đức hạnh và kiến thức bên nào quan trọng hơn, và khi thử nghiệm xem trong hai thứ đó, thứ nào là quan trọng hơn, tôi đã ba lần rút lấy một đồng tiền và thế rồi tôi bị bắt và mang đến trước ngài. Giờ đây tôi biết được rằng đức hạnh có hiệu năng lớn hơn là kiến thức. Tôi không còn muốn sống đời cư sĩ nữa, tôi sẽ trở thành một ẩn sĩ.

Khi được vua cho phép, chẳng cần phải nhìn tới cả nhà cửa, ông đi thẳng đến Kỳ Viên và xin quy y với bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư chấp nhận cho ông xuất gia và thọ giới Tỳ-kheo. Được vào Giáo đoàn không bao lâu, ông đạt tuệ giác và đắc quả vị cao nhất.

Sự việc này được bàn luận trong pháp đường rằng Bà-la-môn nọ sau khi chứng nghiệm được năng lực của đức hạnh, đã thọ giới xuất gia và đạt tuệ giác, chứng đắc Thánh quả như thế nào. Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỳ-kheo đang ngồi bàn luận vấn đề. Khi nghe kể lại, Ngài dạy:

– Không phải chỉ bây giờ người này mới làm thế mà các bậc Hiền trí ngày xưa cũng đã đem đức hạnh ra thử nghiệm và trở thành các ẩn sĩ đem lại sự giải thoát cho mình.

Rồi Ngài kể một câu chuyện ngày xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, ngài học mọi ngành văn học nghệ thuật ở Takkasilā, và khi trở về Ba-la-nại, ngài đến yết kiến vua. Vua giao cho ngài chức giáo sĩ hoàng gia, và vì ngài giữ năm giới, vua đối đãi kính trọng, xem ngài là một người có đức hạnh. Ngài nghĩ: "Phải chăng vua kính trọng

đối xử với ta như một người đức hạnh hay như một người chuyên tâm đạt kiến thức?" Và toàn bộ câu chuyện cũng đúng như sự việc ngày nay và ở đây, vị Bà-la-môn bảo: "Bây giờ tôi đã biết đức hạnh là quan trọng hơn kiến thức."

Rồi ngài đọc năm bài kệ sau đây:

65. Đức hạnh và kiến thức, Tôi đã thể nghiệm rồi,
Nay không còn ngờ vực, Đức hạnh tốt nhất đời.

66. Đức hạnh vượt thiên phú, Đẹp, sang suông đâu bì,
Khi ở xa đức hạnh, Kiến thức chẳng đáng chi!

67. Nông dân hay hoàng tử, Hễ đã vướng tội vào,
Ở cõi nào đâu chứ, Thoát khỏi niềm khổ đau?

68. Dù thuộc hàng thấp kém, Hay ở lớp quý cao,
Nếu đời này đức hạnh, Ở thiên giới ngang nhau.

69. Dòng dõi và trí thức, Thân tình chẳng đáng đâu!
Chỉ riêng thuần đức hạnh, Đem phước lạc mai sau.

Bậc Đại sĩ ca ngợi đức hạnh như thế, và sau khi được vua ưng thuận, ngay ngày hôm ấy, ngài đi vào vùng Tuyết sơn sống đời Phạm hạnh của một nhà ẩn tu. Ngài phát triển các thắng trí và các thiền chứng rồi được tái sanh vào cõi Phạm thiên.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, chính Ta đã đem đức hạnh ra thử nghiệm và nhận lấy cuộc đời Phạm hạnh của một nhà ẩn tu.

§363. CHUYỆN HỔ THẸN (*Hirijātaka*)[19] (*J.* III. 196)

Kẻ nào dù được kính vì...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi ngài trú tại Kỳ Viên về một vị phú thương bạn của ông Cấp Cô Độc, sống tại một tỉnh ở biên địa.

Hai sự việc diễn tiến được kể đầy đủ trong chuyện cuối cùng của phẩm IX, chương Một kệ, *Chuyện kẻ vong ân.*[20] Nhưng ở đây khi vị thương gia ở Ba-la-nại nghe rằng những người hầu của vị thương gia xa lạ bị đoạt hết tất cả tài sản, và sau khi mất hết mọi thứ đã có, họ phải bỏ trốn, ông nói:

– Vì họ không làm điều mà họ phải làm cho những người xa lạ đã đến với họ nên họ chẳng tìm thấy ai sẵn sàng đền đáp cho họ.

Nói thế xong, ông đọc các bài kệ sau:

---

[19] Xem *Sn.* 45, *Hirisutta* (*Kinh Xấu hổ*).

[20] Xem *J.* I. 377, *Akataññūjātaka* (*Chuyện kẻ vong ân*), số §90.

70. Kẻ nào dù được kính vì,
Khi làm phận tớ, lòng thì ghét ta,
Chẳng làm việc tốt đâu mà,
Còn riêng lời nói rườm rà nhiêu khê,
Ta nên phải quyết một bề,
Người nào như thế, chớ hề kết giao.

71. Một khi đã trót hứa vào,
Thực hành lời hứa làm sao cho tròn,
Việc nào chẳng thể làm xong,
Thì ta từ chối, quyết không hứa gì.

72. Người khôn quay mặt ngoảnh đi,
Những khoa trương rỗng đáng chi để lòng,
Một khi bạn đã nhau cùng,
Thì không tranh chấp khi không cớ nào.
Chẳng hề tìm vạch gắt gao,
Những điều lầm lỗi của nhau bao giờ,
Vững tin bạn, tựa trẻ thơ,
Tin vào vú mẹ chẳng ngờ chút chi.[21]

73. Dù người lạ nói, làm gì,
Cũng không hề muốn chia ly bạn lòng,
Tình bằng ai khéo chịu tròn,
Hẳn đời tăng ích, cao khôn phước phần.

74. Những người hưởng thú tịnh an,
Uống vào những ngụm lẽ chân ngọt ngào.
Riêng người ấy biết làm sao,
Thoát dây buộc tội, thoát bao khổ phiền.[22]

Như vậy, bậc Đại sĩ chán ngán tiếp giao với bạn bè xấu. Do sức mạnh của độc cư, ngài đã đưa giáo lý của ngài lên đến tột đỉnh và dẫn con người đến Niết-bàn vĩnh cửu.

***

Khi giảng xong pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ta là vị thương gia ở Ba-la-nại.

---

[21] Xem *J.* III. 69, *Succajajātaka* (*Chuyện dễ cho*), số §320; *J.* III. 192, *Vaṇṇārohajātaka* (*Chuyện sắc đẹp*), số §361; *J.* III. 251, *Āsaṁkajātaka* (*Chuyện thiên nữ Āsaṁka*), số §380; *S.* I. 23, *Ujjhānasaññisutta* (*Kinh Ujjhānasaññi*); *Sn.* 45, *Hirisutta* (*Kinh Xấu hổ*); *Thag.* v. 261, *Hāritattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Hārita*); *Thag.* v. 225, *Bākulattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Bākula*); *Thag.* v. 320, *Subhūtattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Subhūta*).

[22] Tham chiếu: *Dh.* v. 205; *Sn.* 45, *Hirisutta* (*Kinh Xấu hổ*); *Xuất diệu kinh* "Ác hành phẩm"出曜經惡行品 (*T.*04. 0212.29. 0741b24); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Tội chướng phẩm" 法集要頌經罪障品 (*T.*04. 0213.28. 0792a17).

§364. CHUYỆN CON ĐOM ĐÓM (*Khajjopanakajātaka*) (*J.* III. 197)

75-79. *Người nào đang có cây đèn…*

Chuyện con đom đóm sẽ được kể đầy đủ trong *Chuyện đường hầm vĩ đại.*[23]

§365. CHUYỆN NGƯỜI LUYỆN RẮN (*Ahiguṇḍikajātaka*) (*J.* III. 197)

Này ta nằm đây, khỉ xinh đẹp hỡi...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một vị Trưởng lão.

Chuyện này đã được kể đầy đủ trong *Chuyện con khỉ Sālaka.*[24]

Ở đây cũng thế, vị Trưởng lão sau khi truyền giới cho một chàng trai trong làng lại la mắng, đánh đập anh ta. Chàng trai ấy chạy trốn và hoàn tục. Trưởng lão một lần nữa truyền giới cho anh ta và lại la mắng, đánh đập như trước. Chàng trai trẻ sau khi hoàn tục ba lần, lại được khuyến dụ quay trở lại, đã chẳng còn muốn nhìn mặt Trưởng lão ấy nữa.

Chuyện ấy được bàn tán trong pháp đường về một Trưởng lão đã không thể sống với chú tiểu của ông mà cũng không thể sống thiếu chú ấy. Trong khi chàng trai trẻ đã thấy lỗi lầm của Trưởng lão, vì thiếu điềm tĩnh, anh ta lại là một chàng trai trẻ nhạy cảm nên đã không muốn nhìn ông nữa.

Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỳ-kheo đang bàn đề mục gì. Khi nghe trình việc ấy, Ngài dạy:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, chính chàng trai trẻ này đã làm một chú tiểu nhạy cảm sau khi quan sát thấy lỗi lầm của Trưởng lão ấy, đã chẳng muốn nhìn ông ta nữa.

Dạy thế xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra trong một gia đình làm lúa mì và khi lớn lên, ngài sinh sống bằng nghề bán lúa mì.

Bấy giờ, một người dụ rắn nọ bắt được một con khỉ rồi huấn luyện nó đóng trò với một con rắn. Thế rồi, khi một cuộc hội hè được mở ở Ba-la-nại, ông ta gởi con khỉ cho người bán lúa mì và đi rong khắp trong bảy ngày làm trò với con rắn. Trong thời gian ấy, vị thương gia nuôi con khỉ bằng thức ăn loại cứng, loại mềm.

Vào ngày thứ bảy, khi đã say sưa ở chỗ vui chơi hội hè ấy, người dụ rắn trở về và ba lần đánh đập con khỉ bằng một thanh tre rồi đem nó theo vào trong một khu vườn, cột nó lại và nằm ngủ. Con khỉ tháo được dây ra rồi trèo lên cây

[23] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

[24] Xem *J.* II. 267, *Sālakajātaka* (*Chuyện con khỉ Sālaka*), số §249.

xoài, ngồi đó ăn trái. Khi thức dậy người dụ rắn thấy con khỉ ngồi trên cây, liền nghĩ: "Ta phải bắt nó bằng cách tán tỉnh nó." Rồi khi nói chuyện với nó, ông đọc bài kệ đầu:

80. Này ta nằm đây, khỉ xinh đẹp hỡi,
Như người chơi bị xúc xắc phá tàn,
Hãy ném xoài đây, ta biết rõ ràng,
Ta sống được nhờ bạn nhiều mưu kế.

Khi nghe thế, con khỉ đọc các bài kệ còn lại:

81. Lời bạn khen, âm thanh vô nghĩa thế,
"Khỉ đẹp xinh", bao giờ kiếm cho ra!
Xin hỏi ai trong hàng quán say sưa,
Nay bỏ đói và đánh ta đau vậy?

82-83. Anh dụ rắn hỡi, ta đây nhớ lại,
Giường khổ đau nơi ta phải nằm vào,
Nếu có ngày ta lên nắm ngôi cao,
Chớ xin ta rỉ chút nào ân huệ.

84. Vì ta nhớ bạn từng hung ác thế,
Nhưng nếu ai vui vẻ sống trong nhà,
Hạng thanh cao, chịu đem của trao ra,
Thì sẽ được người khôn giao kết chặt.

Nói những lời này xong, con khỉ biến mất vào trong bầy khỉ bạn.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại ở đây và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Trưởng lão này là người dụ rắn nọ, chú tiểu là con khỉ, còn Ta là người bán lúa mì.

§366. CHUYỆN CON QUỶ GUMBIYA (*Gumbiyajātaka*)[25] (*J.* III. 200)

Thuốc độc giống như mật ngọt ngào...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỳ-kheo hối tiếc vì đã thọ giới.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỳ-kheo, có thật ông đã hối tiếc như thế không?

Ông ta đáp:

– Bạch Ngài, đúng thế.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Ông đã thấy điều gì khiến ông cảm thấy như thế?

[25] Xem *J.* I. 368, *Kimpakkajātaka* (*Chuyện trái cây kimpakka*), số §85.

Vị Tỷ-kheo đáp:

– Đấy là do vẻ duyên dáng hấp dẫn của một phụ nữ.

Bậc Đạo sư dạy:

– Này Tỷ-kheo, năm thứ ham muốn giống như mật có rảy thuốc độc giết người do quỷ Gumbiya để giữa đường.

Rồi do thỉnh cầu của Tỷ-kheo ấy, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, dưới triều Vua Brahmadatta, vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là một thương gia mang theo năm trăm chiếc xe chở hàng hóa đi bán. Đến đường cái, trước khi vào một khu rừng, ngài gọi các thành viên trong đoàn lại và nói:

– Này, trên con đường này có lá, hoa, trái, v.v... tất cả đều có thuốc độc đấy. Khi ăn, chớ ăn các thứ lạ mà không hỏi ta. Vì bọn quỷ đã để trên đường những rổ cơm mới và nhiều thứ quả hoang ngon ngọt và rưới thuốc độc lên. Hãy dứt khoát đừng ăn thức ăn ấy nếu không được ta chấp thuận!

Sau khi dặn dò như thế, ngài tiếp tục cuộc hành trình.

Bấy giờ, một quỷ dạ-xoa nọ tên gọi Gumbiya, rải lá trên một khoảng đất giữa rừng và thả vài miếng mật, trên đó có thuốc độc giết người, còn nó đi đây đó trên đường, giả vờ vỗ vào cây cối làm như đang tìm mật. Những người không biết gì cứ nghĩ: "Mật này được để đây, hẳn phải là một nghĩa cử." Thế là họ phải chết vì ăn mật ấy. Và bọn quỷ đến ăn thịt họ.

Trong thương đoàn của Bồ-tát cũng có một số người vốn tham ăn, khi thấy những thứ ngon này, không kìm lòng được liền ăn vào. Nhưng những người khác khôn ngoan bảo:

– Ta sẽ hỏi Bồ-tát trước khi ăn.

Và họ cầm các thức ăn ấy và đứng đó. Khi Bồ-tát thấy các thứ họ đang cầm trong tay, ngài bảo họ ném đi. Những người đã ăn trọn phần đều chết. Nhưng đối với những người chỉ mới ăn phân nửa, ngài khiến họ nôn ra, và sau khi họ đã nôn hết, ngài cho họ bốn thứ thơm ngọt. Do thần lực của ngài, họ được chữa lành. Bồ-tát đến nơi mà ngài muốn đến một cách bình an, và sau khi giao hàng, ngài trở về nhà.

85. Thuốc độc giống như mật ngọt ngào,
Khi ta ngửi, nếm hoặc nhìn vào,
Gumbiya để trong rừng đó,
Khi kiếm thức ăn, thật hiểm sao!

86-87. Hễ kẻ nào ham ăn hưởng mật,
Ăn vào phải chết giữa rừng sâu,
Những ai xét, tránh xa mồi nhử,
Giữ được an lành, khỏi khổ đau.

88. Tham dục cũng như mồi độc vậy,
Được bày ra để hại con người,
Và lòng dính mắc nơi mồi nhử,
Sẽ khiến thân này bị chết thôi.

89. Nhưng hễ kẻ nào luôn nỗ lực,
Tránh xa ác dục cuốn lôi người,
Chính là kẻ thoát dây ràng buộc,
Của nỗi thương đau, thoát khổ rồi.

***

Sau khi đọc các bài kệ trên được cảm tác do trí tuệ toàn hảo, bậc Đạo sư khai thị tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, vị Tỷ-kheo thối thất ấy đắc quả Dự lưu.

Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Ta là vị thương gia ấy.

§367. CHUYỆN CON SÁO (*Sāliyajātaka*) (*J.* III. 202)

Kẻ nào khiến bè bạn...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Trúc Lâm về một lời nói rằng Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đến cả kêu cứu cũng không thể được.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra trong nhà một gia chủ ở làng. Khi còn trẻ, ngài chơi đùa với các cậu trai khác dưới một gốc cây ở cổng làng. Bấy giờ, có một y sĩ già nghèo khổ, không có việc làm, lang thang ra khỏi làng và đến nơi ấy, trông thấy một con rắn nằm ngủ giữa nhánh chạc của một cây nọ, đầu rúc vào trong. Ông ta nghĩ: "Ta chẳng được gì ở trong làng cả. Ta sẽ dụ tụi bé con này, khiến cho con rắn cắn chúng và thế là ta sẽ được thứ gì đó vì đã chữa chúng." Vì thế, ông ta bảo Bồ-tát:

– Nếu cháu tình cờ trông thấy con sáo con, cháu có bắt nó không?

Bồ-tát đáp:

– Vâng, cháu bắt chứ.

Lão già bảo:

– Xem kìa, một con đang nằm giữa nhánh chạc của cây này đấy.

Không biết rằng đó là một con rắn, Bồ-tát trèo lên cây và chộp lấy cổ nó, nhưng khi thấy rằng đấy là một con rắn thì ngài không để cho nó quay lại phía ngài, mà kiềm chế lấy nó và ném vung nó ra xa. Con rắn rơi vào cổ của ông y sĩ già, cuốn quanh ông, cắn ông thật nặng đến nỗi răng nó cắm sâu vào thịt ông, lão già ngã xuống chết ngay tại chỗ, còn con rắn thoát đi. Mọi người xúm quanh bậc Đại sĩ và khi giảng pháp cho đám đông ấy, ngài đọc các bài kệ sau:

90. Kẻ nào khiến bè bạn,
Bắt con rắn độc tàn,
Bảo đây là sáo con,
Chính kẻ dạy ác này,
Phải chết vì rắn cắn.

91. Kẻ nào muốn giết chết,
Người không cướp, giết ai,
Kẻ ấy chết nằm dài,
Như kẻ bị rắn cắn.

92. Kẻ nào muốn giết chết,
Người không cướp, hại ai,
Kẻ ấy chết nằm dài,
Như kẻ bị rắn cắn.

93. Như người cầm nắm bụi,
Tung lên ngược chiều gió,
Bụi làm hại người này,
Kẻ rắn cắn cũng vậy.

94. Kẻ nào gây tai họa,
Trong sạch và vô tội,
Họa ác quay trở lại,
Cho chính kẻ ngu này,
Như bụi bay trở lại,
Khi tung ngược cuồng phong.[26]

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng ở đây và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, ông y sĩ già nghèo khổ là Devadatta, và cậu thiếu niên khôn ngoan là Ta.

§368. CHUYỆN DÂY TRÓI BUỘC (*Tacasārajātaka*) (*J.* III. 203)

Bị rơi vào giữa tay thù...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về trí tuệ toàn hảo.

Bấy giờ, bậc Đạo sư dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng vậy, Như Lai cũng đã chứng tỏ mình thông tuệ và nhiều phương tiện thiện xảo.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, dưới triều Vua Brahmadatta, vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra trong một gia đình của một chủ sở hữu trong làng. Toàn bộ câu chuyện diễn tiến đúng như chuyện tiền thân trước đây. Nhưng ở chuyện này, khi lão y sĩ chết, những người láng giềng của ông ta ở trong làng nói:

– Những thiếu niên này đã gây nên cái chết cho người ấy. Chúng ta sẽ mang chúng đến trình vua!

Rồi họ trói các chàng trai trẻ ấy lại và dẫn đến Ba-la-nại. Dọc đường, Bồ-tát an ủi và bảo các chàng trai trẻ kia:

---

[26] Tham chiếu: *Dh.* v. 125; *S.* I. 13, *Phusatisutta* (*Kinh Xúc chạm*); *S.* I. 164, *Bilangikasutta* (*Kinh Bilangika*); *Sn.* 123, *Kokālikasutta* (*Kinh Kokālika*); *Pháp cú kinh* "Ác hành phẩm" 法句經惡行品 (*T.*04. 0210.17. 0564c19); *Xuất diệu kinh*"Ác hành phẩm" 出曜經惡行品 (*T.*04. 0212.29. 0741b24); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Tội chướng phẩm" 法集要頌經罪障品 (*T.*04. 0213.28. 0792a17).

– Đừng sợ! Ngay cả khi các bạn bị đưa ra trước mặt vua, hãy tỏ ra không sợ hãi và lòng đầy hoan hỷ. Trước hết, vua sẽ nói chuyện với chúng ta và sau đó tôi sẽ liệu xem sẽ phải làm gì.

Cả bọn đều chấp nhận ngay lời khuyên bảo ấy và làm đúng theo như vậy. Khi vua thấy họ đều bình tĩnh và hoan hỷ, vua bảo:

– Những kẻ khốn khổ này bị xích trói và mang đến đây như những kẻ sát nhân, và dù phải khổ sở đến như vậy nhưng họ vẫn không sợ hãi mà còn hoan hỷ nữa. Ta sẽ hỏi họ lý do tại sao họ không buồn phiền.

Và vua đọc bài kệ đầu:

95. Bị rơi vào giữa tay thù,
Bị dây tre trói buộc như thế này,
Vẫn trông tươi tỉnh mặt mày,
Làm sao người giấu được ngay khổ sầu?

Nghe thế, Bồ-tát đọc tiếp các bài kệ sau:

96. Người kia than trách buồn đau,
Có đâu thu được lợi nào mảy may!
Đối phương thích thú lắm thay,
Khi trông thấy nỗi khổ giày vò ta.[27]

97. Thù nhân sẽ lắm ưu tư,
Khi ta ngẩng mặt tiến ra số phần,
Chẳng lùi như một trí nhân,
Khéo bề phán đoán tách phân mọi điều.

98. Dù nhờ bùa chú cao siêu,
Thì thầm nho nhỏ, dù nhiều tài cao,
Người thân quyền thế giúp vào,
Mà ta thoát nạn cách nào cũng hay.

99. Ta nên nỗ lực cho tày,
Chiếm phần ưu thắng về ngay phía mình.
Nhưng khi kết quả không thành,
Nhờ người giúp hoặc riêng mình chẳng xong,
Thì ta nên vẫn một lòng,
Sẵn sàng chấp nhận mà không đau buồn,
Số phần dù quá gian truân,
Ta đành nỗ lực gắng công tới cùng.

Nghe Bồ-tát giảng pháp, vua điều tra sự việc và thấy các thiếu niên kia đều vô tội, liền sai cởi trói cho họ, ban thưởng Bồ-tát nhiều vinh dự và phong ngài

[27] Các câu kệ 96-99, xem *A.* III. 54, *Alabbhanīyaṭhānasutta* (*Kinh Sự kiện không thể có được*); *A.* III. 57, *Nāradasutta* (*Kinh Tôn giả Nārada*).

làm cố vấn về thế sự và thánh sự, kiêm chức đại thần cao quý. Vua cũng ban vinh dự cho các thiếu niên kia và chỉ định họ vào nhiều chức vụ khác nhau.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng, Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ānanda là vua xứ Ba-la-nại, hàng phó giáo sĩ là các thiếu niên kia, còn Ta là chàng trai trẻ thông tuệ ấy.

§369. CHUYỆN CHÀNG TRAI MITTAVINDA

(*Mittavindajātaka*) (*J.* III. 205)

Việc xấu nào tôi đã trót gây...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phóng dật. Câu chuyện sẽ được đề cập rõ ở *Chuyện chàng trai Mittavinda*.[28]

***

Bấy giờ, khi Mittavinda bị thả xuống dưới biển, đã tỏ ra tham ái vô độ và ngày càng thái quá như vậy nên anh ta đến một nơi hành tội của các chúng sanh bị đọa vào địa ngục. Anh ta đi vào địa ngục Ussada, nhầm tưởng đấy là một đô thị và ở đó anh ta phải mang trên đầu một bánh xe bén như lưỡi dao cạo. Lúc ấy, Bồ-tát mang hình hài một vị thiên tử đi thi hành một sứ mạng đến ngục Ussada. Khi trông thấy ngài, Mittavinda đọc bài kệ đầu theo hình thức một câu hỏi:

100. Việc xấu nào tôi đã trót gây,
Khiến trời nguyền rủa phận tôi đây?
Ôi, đầu tôi hẳn là nứt vỡ,
Vì bánh xe quay hành tội này.

Nghe thế, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

101. Từ bỏ cửa nhà đầy phước lạc,
Đây thì dát ngọc, đấy pha lê,
Các phòng đều chói ngời vàng bạc,
Thảm cảnh do đâu đấy bạn về?

Thế rồi, Mittavinda đọc bài kệ thứ ba:

102. "Lạc thú nơi kia sẽ ngập tràn,
Chốn này kém cỏi chẳng so bằng."
Đấy là ý nghĩ gây tai ách,
Và đẩy tôi vào cảnh thảm thương.

Bồ-tát đọc những bài kệ sau cùng:

---

[28] Xem *J.* I. 235, *Losakajātaka* (*Chuyện Trưởng lão Losaka*), số §41; *J.* I. 363, *Mittavindajātaka* (*Chuyện chàng trai Mittavinda*), số §82; *J.* I. 414, *Mittavindajātaka*, số §104; *J.* IV. 1, *Catudvārajātaka* (*Chuyện bốn cổng thành*), số §439.

103. Từ bốn lên thành tám, Lên mười sáu, băm hai,
Lòng tham không biết thỏa, Cứ tăng trưởng lên hoài.
Và cứ thế đưa bạn, Sanh linh tham dục đầy,
Đến khi chịu đày đọa, Đầu mang bánh xe này.

104. Vậy tất cả thế nhân, Cứ đeo đòi tham ái,
Mãi vẫn chưa thỏa lòng, Vẫn đòi thêm, thêm mãi.
Đường tham lam rộng lớn, Họ vẫn bước chân vào,
Rồi phải mang như bạn, Bánh xe này trên đầu.

Nhưng trong khi Mittavinda còn đang nói thì bánh xe rơi xuống chà nát anh ta, khiến anh ta không nói thêm được nữa. Còn vị thiên tử quay thẳng về trú xứ của mình ở trên trời.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Tỷ-kheo phóng dật là Mittavinda, còn Ta là vị thiên tử.

§370. CHUYỆN CÂY HỒNG PHƯỢNG VĨ (*Palāsajātaka*) (*J.* III. 208)

Ngỗng này nói với cội judas...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về sự khiển trách dục tình. Sự việc dẫn đến câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện kỹ nữ Ummadantī* thuộc Nhóm *Năm mươi kệ*.[29]

Nhưng ở đây bậc Đạo sư bảo chúng Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, phải dè chừng dục tình. Dù dục tình nhỏ bằng một chồi cây đa, nó cũng có thể đưa đến sự hủy hoại. Các bậc Hiền trí ngày xưa cũng dè chừng điều gì có vẻ đáng nghi ngại.

Dạy thế xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, dưới triều Vua Brahmadatta, vua ở Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra là một con ngỗng vàng và khi lớn lên, ngài sống trong một cái hang vàng trong núi Cittakūṭa thuộc vùng Tuyết sơn và thường đến ăn lúa hoang mọc ở trên một cái hồ thiên nhiên. Trên con đường ngài vẫn thường qua lại có cây hồng phượng vĩ (judas) lớn. Cứ mỗi bận đi và về, ngài đều dừng nghỉ tại đó. Vì thế, một mối tình bạn nảy sinh giữa ngài và vị thần sống trong cây ấy.

Thế rồi có một con chim nọ, sau khi ăn trái chín của cây đa, đến đậu trên cây hồng phượng vĩ và rớt phân vào nhánh chạc của cây ấy. Sau đó, một cây đa con mọc lên nơi ấy, cao tới một tấc và rực rỡ với những chồi đỏ, lá xanh. Ngỗng chúa thấy thế liền bảo với thần giữ cây:

[29] Xem *J.* V. 209, *Ummadantījātaka* (*Chuyện kỹ nữ Ummadantī*), số §527.

– Này Hiền hữu, hễ cây nào bị chồi đa mọc đều bị hủy diệt vì chồi ấy lớn lên. Chớ để cho nó lớn lên, nếu không nó sẽ phá hủy chỗ ở của bạn đấy. Hãy trở về ngay, nhổ nó lên và ném nó đi! Ta phải dè chừng thứ gì tỏ ra đáng nghi ngại.

Nói với thần cây như thế xong, ngỗng đọc bài kệ đầu:

105. Ngỗng này nói với cội judas,
"Chồi của cây đa bám bạn kia,
Vật bạn vẫn nuôi trong bụng ấy,
E rồi sẽ xé bạn tơi ra."

Nghe như vậy, vị thần cây không chú ý đến những lời ấy, đọc bài kệ thứ hai:

106. Để nó lớn lên, tôi sẽ là,
Nơi nương tựa của một cây đa,
Tôi săn sóc nó, tình cha mẹ,
Phước lạc cho tôi, nó tỏ ra.

Thế rồi, ngỗng đọc bài kệ thứ ba:

107. Sợ rằng đấy là mầm tai ách,
Sâu tận trong lòng, bạn vẫn nuôi.
Từ biệt bạn thôi, tôi bay vút,
Hỡi ơi, nó lớn, bực lòng tôi!

Nói xong những lời kia, ngỗng chúa dang rộng cánh và bay thẳng về núi Cittakūṭa. Từ đó, ngỗng không quay lại nữa. Thế rồi cây đa lớn lên. Cây này cũng có vị thần cây. Cây đa to lớn làm hư gãy cây hồng phượng vĩ, vị thần cây đổ xuống cùng với nhánh cây. Bấy giờ, nghĩ lại những lời của ngỗng chúa, vị thần cây tự bảo: "Vua của loài ngỗng đã thấy được mối nguy hại sắp tới và báo cho ta biết nhưng ta chẳng nghe lời vị ấy." Sầu than như thế, thần đọc bài kệ thứ tư:

108. Quỷ hung cao tợ núi Tu-di,
Đã đẩy ta vào cảnh khốn nguy,
Lời bạn ngỗng kia ta miệt thị,
Giờ đây ta ngập nỗi sầu bi.

Như vậy, cây đa khi lớn lên làm đổ nguyên cả cây hồng phượng vĩ xuống, làm cho nó chỉ còn trơ một gốc và chỗ ở của vị thần cây bị mất hẳn.

109. Người khôn sanh sợ loài tầm gửi,
Chèn nghẹt vật chi nó bám mình,
Bậc trí dè chừng nguy cỏ dại,
Diệt ngay rễ trước lúc mầm sanh.

Đây là bài kệ được cảm tác do trí tuệ toàn hảo.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng ở đây tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, năm trăm vị Tỷ-kheo đắc Thánh quả và Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ta là ngỗng vàng nọ.

III. PHẨM MỘT NỬA (*ADḌHAVAGGA*)

§371. CHUYỆN HOÀNG TỬ CON VUA DĪGHITI XỨ KOSALA (*Dīghitikosalajātaka*)[30] (*J.* III. 211)

Ngươi đang thuộc quyền ta sanh sát...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một nhóm người tranh cãi nhau từ Kosambī.

Khi họ đến Kỳ Viên, giữa lúc họ hòa hợp lại với nhau, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông là pháp tử của Ta trong đạo, được sanh ra do những lời nói từ miệng Ta. Con cái không được phá bỏ lời khuyên của cha, thế mà các ông lại không theo lời khuyên dạy của Ta. Các trí giả ngày xưa khi bị bọn phiến loạn giết cha mẹ, chiếm vương quốc và bắt vào rừng, họ vẫn không giết bọn người ấy, bảo là: "Chúng ta sẽ không phá bỏ lời khuyên của cha mẹ ta đã ban cho."

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ. Trong tiền thân này, cả sự việc đưa đến câu chuyện và nội dung chính câu chuyện sẽ được kể đầy đủ trong phần *Kẻ chia rẽ Tăng chúng* (*Saṅghabhedakakhandhaka* thuộc *Luật tạng*).

***

Bấy giờ, Hoàng tử Dīghāvu khi thấy vua xứ Ba-la-nại nằm bên cạnh mình ở trong rừng, liền túm lấy chỏm tóc vua và nói:

– Bây giờ ta sẽ chặt tên cướp nước đã giết cha mẹ ta ra làm mười bốn miếng.

Và ngay khi chàng vung gươm, chàng nhớ lại lời cha mẹ đã khuyên dạy và tự nghĩ: "Dù ta phải hy sinh đời ta, ta cũng sẽ không giẫm lên lời khuyên của cha mẹ. Cứ dọa nó là thỏa bụng ta rồi." Và chàng đọc bài kệ đầu:

110. Ngươi đang thuộc quyền ta sanh sát,
Khi nằm đây úp mặt, vua kia,
Mưu nào ngươi tính nghĩ ra,
Cứu ngươi ra khỏi tay ta hãi hùng?

Và ông vua kia đọc bài kệ thứ hai:

[30] Tham chiếu: *M.* III. 152, *Upakkilesasutta* (*Kinh Tùy phiền não*), số 128; *Trường Thọ Vương bổn khởi kinh* 長壽王本起經 (*T.*01. 0026.72. 0532c09).

111. Nay ta chẳng còn phương cứu nữa,
Trên đất nằm lọt giữa tay ngươi,
Cách nào cũng chẳng biết nơi,
Để mong thoát được ra ngoài khốn nguy.

Thế rồi, Bồ-tát đọc các bài kệ còn lại:

112-15. Hỡi nhà vua, chẳng phải là của cải,
Mà chính là các lời nói, hành vi,
Vốn thiện hiền mà ta đã thực thi,
Đến giờ chết mới cho ta thư thái.
Nếu cứ bảo: "Ta đây từng khổ ải,
Kẻ này la và kẻ nọ đánh ta,
Và kẻ kia cướp của đến thứ ba."
Những kẻ nào nuôi các tình cảm ấy,
Chẳng bao giờ giận hờn nguôi lắng lại,
"Nó xưa kia từng đánh, mắng vào ta,
Nó đã gây lắm áp bức phiền hà."
Ý nghĩ ấy những ai không ham muốn,
Giận sẽ nguôi và hài hòa chung sống,
Xóa căm hờn đâu phải bởi căm hờn,
Xóa căm hờn chính là bởi yêu thương,
Đấy là luật miên trường cho an lạc.[31]

Sau những lời ấy, Bồ-tát bảo:

– Thưa Đại vương, tôi sẽ chẳng làm hại ngài đâu. Ngài cứ giết tôi đi.

Rồi ngài đặt cây gươm của mình vào trong tay vua ấy. Vua cũng bảo:

– Ta cũng sẽ chẳng làm hại người.

Vua tuyên thệ và đi đến thành phố cùng với Bồ-tát, đưa ngài đến gặp các cận thần và nói:

– Này các khanh, đây là Hoàng tử Dīghāvu, con trai của vua xứ Kosala, người đã tha mạng cho ta. Ta quyết chẳng làm điều chi hại đến người.

Nói thế xong, vua gả con gái cho Bồ-tát và đưa ngài lên ngôi trong vương quốc trước đây thuộc về cha ngài. Từ đấy, hai vua cùng trị vì một cách an lạc và rất hài hòa với nhau.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng và nhận diện tiền thân:

---

[31] Tham chiếu: *J.* III. 488, *Kosambījātaka* (*Chuyện ở Kosambī*), số §428; *M.* III. 152, *Upakkilesasutta* (*Kinh Tùy phiền não*), số 128; *Dh.* v. 3-5; *Vin.* I. 337, *Kosambakakkhandhaka* (*Chương Kosambī*); *Pháp cú kinh* "Song yếu phẩm" 法句經雙要品 (*T.*04. 0210.9. 0562a11); *Xuất diệu kinh* "Phẫn nộ phẩm" 出曜經忿怒品 (*T.*04. 0212.15. 0693b19); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Oán gia phẩm" 法集要頌經怨家品 (*T.*04. 0213.14. 0784a14).

– Vào thời ấy, người cha và người mẹ là những thành phần hiện nay trong hoàng gia, còn Hoàng tử Dīghāvu chính là Ta.

§372. CHUYỆN CHÚ NAI CON (*Migapotakajātaka*)[32] (*J.* III. 213)

Sầu thương vật đã chết rồi...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về một Trưởng lão nọ.

Chuyện kể rằng, ông nhận một thanh niên xuất gia vào hội chúng, và Sa-di này sau một thời gian phục vụ thầy rất nhiệt tình, dần dần lâm bệnh và từ trần. Vị Trưởng lão tràn ngập ưu phiền vì cái chết của nam tử kia nên cứ đi quanh quẩn than khóc kêu gào. Tăng chúng không thể nào an ủi ông cho khuây khỏa được, liền đưa vấn đề ra thảo luận tại pháp đường:

– Vị Trưởng lão kia có một Sa-di từ trần, cứ quanh quẩn than khóc mãi. Do triền miên suy tư mãi về cái chết, chắc chắn vị ấy sẽ trở thành kẻ bơ vơ, lạc lõng.

Khi bậc Đạo sư bước vào, Ngài hỏi Tăng chúng hội họp để bàn luận đề tài gì, và khi biết được câu chuyện, Ngài bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa, Trưởng lão ấy cũng đi quanh quẩn than khóc khi thanh niên này từ trần.

Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta (Phạm Thọ) trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm Thiên chủ Sakka (Đế-thích). Thời ấy, có một người sống trong quốc độ Kāsi, đi đến miền Tuyết sơn và sống đời khổ hạnh với các loại quả rừng.

Một hôm, vị ấy thấy một chú nai con mất mẹ. Vị ấy đem nó về thảo am, cho nó ăn và yêu quý nâng niu nó. Chú nai con lớn dần thành một con vật xinh đẹp thanh tao, và ẩn sĩ chăm sóc nó, đối đãi với nó như con đẻ mình vậy.

Một ngày kia, con nai chết thình lình vì bội thực, không tiêu hóa hết số cỏ vì ăn quá nhiều. Vị khổ hạnh cứ lang thang gào khóc:

– Con ta chết rồi!

Lúc ấy, Thiên chủ Sakka xem xét trần gian, nhìn thấy vị ấy, ngài nghĩ cách khuyến giáo ông, liền hiện xuống đứng giữa không trung và ngâm vần kệ đầu:

116. Sầu thương vật đã chết rồi,
Hỡi người khổ hạnh sống đời độc cư,
Thoát dây tục lụy xuất gia,
Giờ đây phát bệnh tâm tư buồn phiền!

[32] Xem *J.* III. 156, *Sujātajātaka* (*Chuyện chàng Sujāta*), số §352; *J.* III. 389, *Somadattajātaka* (*Chuyện voi con Somadatta*), số §410; *J.* IV. 60, *Maṭṭakuṇḍalijātaka* (*Chuyện nam tử đeo vòng tai*), số §449; *J.* IV. 84, *Ghatajātaka* (*Chuyện Trí giả Ghata*), số §454.

Vị khổ hạnh vừa nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ hai:

117. Nếu người bầu bạn thú hiền,
Tâu ngài Đế-thích ở trên cõi trời,
Buồn phiền vì mất bạn chơi,
Tuôn dòng nước mắt sẽ vơi nỗi sầu.

Thiên chủ Sakka lại ngâm hai vần kệ nữa:

118. Người đời lắm kẻ ước ao,
Mỗi khi vật mất, kêu gào tiếc thương,
Thôi đừng khóc nữa trí nhân,
Thánh hiền vẫn bảo hoài công thôi mà.

119. Nếu nhờ nước mắt tuôn ra,
Chúng ta có thể vượt qua tử thần,
Thì ta quyết phải hợp quần,
Để mà cứu mọi vật thân nhất trần.

Trong lúc Thiên chủ Sakka nói vậy, vị khổ hạnh nhận ra rằng khóc than cũng chẳng ích gì, liền ca ngợi tán thán Thiên chủ và ngâm ba vần kệ nữa:

120. Ví như ngọn lửa nóng hừng,
Đổ thêm bơ sữa cháy bừng thật cao,
Được vòi nước lạnh tưới vào,
Ngài vừa dập tắt nỗi sầu của ta.

121. Lòng ta nhức nhối xót xa,
Vì tên sầu não xuyên qua kinh hoàng,
Ngài đã chữa trị vết thương,
Và ngài hồi phục đời thường cho ta.

122. Mũi tên vừa được nhổ ra,
Lòng ta tràn ngập an hòa vui tươi,
Lắng nghe Đế-thích nhủ lời,
Ta không còn phải chơi vơi khổ sầu.

Sau khi đã khuyến giáo vị khổ hạnh như thế, Thiên chủ Sakka trở về cõi của ngài.

***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, vị Trưởng lão là nhà khổ hạnh, Sa-di là con nai và Ta chính là Thiên chủ Sakka.

§373. CHUYỆN CON CHUỘT (*Mūsikajātaka*) (*J.* III. 215)

Bọn chúng hỏi to: Nó ở đâu...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về Vua Ajātasattu (A-xà-thế). Chuyện này đã được kể đầy đủ trong *Chuyện vỏ trấu*.[33]

Trong câu chuyện này, bậc Đạo sư nhìn thấy nhà vua lúc ấy vừa chơi đùa với vương tử vừa nghe pháp, Ngài biết hiểm họa sẽ xảy đến cho vua vì vương tử này, Ngài nói:

– Thưa Đại vương, vua chúa thời xưa đã nghi ngờ những gì đáng nghi ngờ, nên đã giữ các vương tử lại một nơi và bảo: "Hãy để cho các hoàng nhi cai trị đất nước sau khi thân xác chúng ta đã được hỏa táng!"

Cùng với lời trên, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn và trở thành một giáo sư danh tiếng thế giới. Con vua xứ Ba-la-nại tên là Vương tử Yava (Lúa Mạch). Sau khi đã chuyên tâm học tập đủ mọi ngành học thuật với ngài, chàng liền nóng lòng ra đi và đến từ giã ngài. Vị giáo sư nhờ tài tiên tri biết trước rằng hiểm họa sẽ xảy ra cho vương tử do chính con trai vị ấy gây ra, liền suy xét cách thức làm thế nào diệt trừ mối hiểm họa này cho vương tử, và bắt đầu nhìn quanh để tìm một ví dụ chứng minh cho thích hợp.

Lúc bấy giờ, ngài có một con ngựa, trên chân ngựa xuất hiện một vết thương đau nhức. Con ngựa được giữ trong chuồng để ngài chăm sóc vết thương cẩn thận. Gần đó có một cái giếng. Thời ấy, một con chuột vẫn thường bạo gan bò ra khỏi lỗ để gặm chỗ vết thương ở chân ngựa. Con ngựa không thể cản nó được; và một hôm, không chịu nổi đau đớn, khi con chuột đến cắn nó, nó liền lấy móng chân đập chết con chuột và hất xác xuống giếng. Bọn chăn ngựa không thấy con chuột liền nói:

– Mọi ngày con chuột vẫn đến cắn vết thương nhưng bây giờ không còn thấy nó nữa. Nó có chuyện gì vậy?

Bồ-tát đã chứng kiến mọi việc và tự nhủ: "Người khác không biết nên hỏi: 'Con chuột đâu rồi?' Nhưng chỉ riêng mình ta biết con chuột đã bị ngựa giết và hất xuống giếng." Và lấy ngay sự việc này làm ví dụ chứng minh, ngài sáng tác vần kệ đầu rồi nói cho vương tử biết.

Trong khi nhìn quanh để tìm một ví dụ chứng minh khác, ngài lại thấy cũng con ngựa ấy, khi vết thương đã lành, liền chạy thẳng đến đồng lúa mạch để ăn lúa, rồi thọc đầu vào một lỗ trên hàng rào. Ngài lấy ví dụ này làm vần kệ thứ hai và đưa cho vương tử.

Sang vần kệ thứ ba, ngài sáng tác theo trí thông minh của riêng mình và cũng đưa cho vương tử. Rồi ngài bảo:

[33] Xem *J.* III. 121, *Thusajātaka* (*Chuyện vỏ trấu*), số §338.

– Này hiền hữu, khi bạn đã an vị trong vương quốc rồi, buổi tối bạn đi đến bồn tắm, vừa ra phía trước cầu thang vừa ngâm vần kệ đầu. Rồi khi bạn bước vào cung thất mình cư ngụ, hãy đi đến chân cầu thang và ngâm vần kệ thứ hai. Rồi sau đó, bạn đi lên đầu cầu thang và ngâm vần kệ thứ ba.

Cùng với các lời này, ngài bảo chàng ra đi. Vương tử trẻ tuổi ấy về kinh đô làm phó vương, và khi vua cha băng hà, vị phó vương lên kế ngôi. Tân vương này chỉ có một hoàng nam duy nhất, đến năm mười sáu tuổi chàng đã nôn nóng muốn lên làm vua. Khi đã có ý định giết cha, vương tử báo với đám hầu cận:

– Phụ vương ta vẫn còn trẻ. Đến khi ta nhìn thấy giàn hỏa táng của ngài thì ta đã già cả kiệt lực rồi. Lúc ấy mới lên ngôi thì có ích lợi gì cho ta nữa chứ.

Bọn chúng thưa:

– Tâu Điện hạ, ngài không thể nào tính chuyện ra biên địa làm một loạn thần được. Vậy ngài phải tìm cách này hay cách khác sát hại phụ vương và chiếm lấy quốc độ.

Vương tử chấp thuận ngay, vào buổi tối cầm kiếm đứng trong cung thất vua cha gần bồn tắm, sẵn sàng giết cha mình.

Tối hôm ấy, vua sai một nữ tỳ tên là Mūsikā (Chuột) đến và bảo:

– Ngươi hãy đi chùi bồn tắm, trẫm sắp đến tắm đấy!

Nữ tỳ đến đó và trong lúc chùi bồn tắm, nàng bắt gặp vương tử. Sợ âm mưu có thể bại lộ, vương tử lấy kiếm chặt nàng làm đôi và ném vào bồn tắm. Vua vừa đến nơi, mọi người bảo nhau:

– Hôm nay nữ tỳ Mūsikā không trở về. Nó đã đi đâu rồi nhỉ?

Vua bước đến cạnh bồn tắm và ngâm vần kệ đầu:

123. Bọn chúng hỏi to: Nó ở đâu,
Chuột ơi, mày đã trốn nơi nào?
Việc này chỉ một mình ta biết,
Nó đã chết nằm trong giếng sâu.

Vương tử nghĩ thầm: "Vua cha đã phát giác những việc ta làm", và vì quá kinh hãi, chàng chạy trốn về kể mọi việc cho đám hầu cận. Sau khoảng bảy tám ngày, bọn chúng lại thưa với chàng:

– Tâu Điện hạ, nếu Đại vương biết thì ngài đã không giữ yên lặng. Những điều ngài nói chỉ có thể là lời phỏng đoán mà thôi. Xin cứ hành thích ngài đi.

Vì thế một hôm, vương tử lại đứng cầm kiếm trong tay ở cầu thang. Khi vua đến, chàng cố tìm cơ hội đâm ngài. Ngài vừa bước vừa ngâm vần kệ thứ hai:

124. Giống như con vật đẩy xe đi,
Ngươi cứ xoay qua lại trở về,
Ngươi đã giết xong con chuột ấy,
Nay thèm ăn lúa mạch, ta nghi.

Vương tử nghĩ thầm: "Phụ vương đã thấy ta" và kinh hoảng chạy trốn. Nhưng sau nửa tháng, chàng lại nghĩ: "Ta quyết giết phụ vương bằng một nhát xẻng." Thế là chàng lấy một dụng cụ giống như cái muỗng có cán dài và cầm nó sẵn sàng, đứng đợi. Rồi vua lên đến đầu cầu thang và ngâm vần kệ thứ ba:

125. Ngươi là thằng nhãi quá ngu ngơ,
Như món đồ chơi với trẻ thơ,
Cầm vật cán dài hình chiếc muỗng,
Thằng kia, ta quyết giết bây giờ.

Hôm ấy, không thể nào trốn thoát được nữa, vương tử bò lết đến dưới chân phụ vương và thưa:

– Xin phụ vương tha mạng cho con!

Sau khi xem xét vương tử, vua truyền trói chàng lại bằng dây xích và thả vào ngục tối. Rồi trong lúc ngự trên vương tòa nguy nga lộng lẫy có che lọng trắng, ngài phán:

– Bậc thầy Bà-la-môn lừng danh của ta đã tiên đoán mối hiểm họa này xảy ra cho ta nên đã ban tặng ta ba vần kệ này.

Lòng tràn đầy hân hoan, trong lúc cảm hứng khởi lên cao độ, ngài ngâm nga luôn các vần kệ còn lại:

126. Ta chưa giải thoát tự do,
Bằng đường lạc thú an cư cõi trời,
Hoặc nhờ hiếu hạnh sáng ngời,
Đến khi con trẻ toan đòi mạng ta,
Cứu nguy nhờ mấy vần thơ.

127. Vậy cần học hỏi suy tư mọi điều,
Xét xem ý nghĩa cao siêu,
Dẫu chưa dùng cũng lợi nhiều ngày sau,
Những lời nghe được đã lâu.

Về sau, khi vua băng hà, vương tử được đưa lên ngôi báu.

***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Thời bấy giờ, vị giáo sư lừng danh chính là Ta.

§374. CHUYỆN CHÀNG TIỂU XẠ THỦ
(*Culladhanuggahajātaka*)[34] (*J.* III. 219)

Bờ kia chàng đã bước lên...

[34] Tham chiếu: *J.* III. 58, *Kaṇaverajātaka* (*Chuyện vòng hoa kaṇavera*), số §318; *Dh.* v. 252; *Xuất diệu kinh* "Quán phẩm" 出曜經觀品 (*T.*04. 0212.28. 0736b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Quán sát phẩm" 法集要頌經觀察品 (*T.*04. 0213.27. 0791b03).

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự cám dỗ một vị Tỷ-kheo do người vợ cũ của thời chưa xuất gia tu tập.

Khi vị Tỷ-kheo thú nhận chính vì người vợ này mà vị ấy đã từ bỏ hội chúng và hối tiếc việc xuất gia, bậc Đạo sư bảo:

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ nữ nhân này mới làm hại ông. Ngày xưa cũng vậy, chính vì người này mà ông đã bị chặt đầu.

Rồi theo lời thỉnh cầu của chư Tăng, Ngài kể chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm Thiên chủ Sakka. Thuở ấy, một thanh niên Bà-la-môn ở Ba-la-nại đã học xong mọi học thuật ở Takkasilā, và sau khi thiện xảo môn bắn cung, chàng nổi danh là Tiểu xạ thủ thông minh. Lúc ấy, vị giáo sư nghĩ thầm: "Thanh niên này đã đạt kỹ năng bằng ta", rồi đem gả con gái cho chàng. Chàng cưới vợ xong, lại muốn trở về Ba-la-nại, liền khởi hành.

Nửa đường có con voi tàn phá một vùng nọ, nên không ai dám đi lên chỗ ấy. Chàng Tiểu xạ thủ thông minh kia cứ đem vợ cùng trèo lên đường vào rừng, mặc dù mọi người cố cản ngăn. Khi chàng đến giữa rừng, con voi xuất hiện tấn công chàng. Chàng xạ thủ bắn một mũi tên vào trán voi xuyên thủng ra phía sau đầu nó, con voi ngã xuống chết ngay tại chỗ.

Sau khi làm cho nơi ấy bình an, chàng lại lên đường qua cánh rừng khác. Tại đó, năm mươi tên cướp đang phá hoại xa lộ. Cũng trên nơi này, mặc dù nhiều người cố ngăn cản, chàng cứ trèo lên cho đến khi tìm thấy một nơi bằng phẳng, bọn cướp đã giết nai đem nướng và ăn thịt sát bên xa lộ. Bọn cướp thấy chàng đi đến với cô vợ phục sức sang trọng rực rỡ, liền cố hết sức bắt lấy chàng.

Tên tướng cướp có tài đoán được tính tình người khác, chỉ vừa liếc nhìn chàng, đã nhận ra chàng là một anh hùng lỗi lạc, nên không chịu để cho bọn chúng nổi dậy chống lại chàng, dù chàng chỉ đơn thân độc kiếm. Còn chàng xạ thủ thông minh bảo vợ đi đến bọn cướp và dặn:

– Nàng hãy đến bảo với bọn chúng cho ta một miếng thịt và đem về cho ta.

Thế là nàng đi đến và bảo:

– Cho tôi một miếng thịt.

Tướng cướp nói:

– Ông ấy là người quý tộc đấy.

Và y bảo bọn cướp cho nàng một miếng thịt. Bọn kia đáp:

– Sao? Nó lại đòi ăn thịt nướng của ta ư?

Rồi bọn chúng cho nàng một miếng thịt sống. Chàng xạ thủ vốn tự cao về mình, liền nổi giận vì bọn cướp cho chàng thịt sống. Bọn chúng bảo:

– Sao nữa? Chỉ mình nó là nam nhi, còn chúng ta là nữ nhi ư?

Thế là vừa hăm dọa chàng, chúng vừa vùng lên chống phá chàng. Chàng xạ thủ bắn trọng thương ngã xuống đất bốn mươi chín tên cướp, trừ một tên, vì chàng không còn mũi tên nào để bắn tướng cướp kia. Trước đó, trong bao tên của chàng chỉ có năm mươi mũi tên, chàng đã dùng một mũi tên bắn chết con voi, nay chỉ còn số tên đủ để bắn cả bọn trừ một người. Vì thế, chàng đá tướng cướp xuống đất, ngồi trên ngực y và bảo vợ mang kiếm đến để chặt đầu y. Ngay lúc ấy, nàng bỗng đem lòng say mê tướng cướp, liền đặt chuôi kiếm vào tay y và vỏ kiếm vào tay chồng nàng. Tướng cướp chụp chuôi kiếm, đưa kiếm ra và chặt đầu chàng xạ thủ.

Sau khi giết chồng nàng xong, tướng cướp chiếm lấy người vợ và trong khi cả hai cùng lên đường, tướng cướp hỏi nguồn gốc, nàng bảo:

– Em là con gái của một giáo sư danh tiếng lẫy lừng thế gian ở Takkasilā.

Y hỏi:

– Bằng cách nào hắn lấy nàng làm vợ được?

Nàng đáp lại:

– Cha em rất hài lòng vì hắn đã học được mọi nghệ thuật như bậc thầy nên đem em gả cho hắn. Và vì em yêu chàng nên em để chàng giết chồng hợp pháp của mình.

Tướng cướp suy nghĩ: "Nữ nhân này giờ đây đã giết chồng hợp pháp của nó. Vậy khi thấy một đàn ông khác, nó cũng sẽ đối xử với ta như vậy. Ta phải từ bỏ nó mới được." Khi lên đường, tướng cướp thấy con đường bị chặn ngang bởi con suối nhỏ thường ngày, nay lại ngập nước, y bảo:

– Này ái nương, có con cá sấu hung dữ trong suối này. Ta phải làm sao bây giờ?

Nàng đáp:

– Tướng quân ôi, xin lấy hết nữ trang em đang đeo buộc thành một bó trong áo chàng, đem sang bên kia bờ suối rồi trở lại đây đưa em qua.

Y đáp lại:

– Tốt lắm.

Rồi cầm hết nữ trang của nàng, lội xuống dòng suối như thể một kẻ hết sức vội vàng, y đã lên bờ bên kia, bỏ rơi nàng và chạy trốn. Thấy vậy nàng kêu to:

– Lang quân ơi, chàng đi như thể chàng sắp bỏ em vậy. Sao chàng lại làm thế? Hãy trở lại đem em cùng đi!

Và nàng ngâm vần kệ đầu bảo:

128. Bờ kia chàng đã bước lên,
Với bao tài sản của em góp thành,
Mau mau quay trở lại nhanh,
Mang em qua với bạn tình, chàng ơi!

Tướng cướp nghe nàng nói trong lúc y đứng ở bờ bên kia, liền ngâm vần kệ thứ hai:

129. Ý nàng dời đổi nhất thời,
Từ lòng chung thủy luyện tôi bao lần,
Đến màn tình ái lông bông,
Chóng chầy nàng cũng thay lòng phản ta,
Nếu ta không kịp chạy xa,
Từ đây nàng hỡi, đôi ta chia lìa.

Nhưng khi tướng cướp bảo:

– Ta quyết đi đây, nàng cứ ở lại nơi này.

Nàng thì kêu gào than khóc, còn y chạy trốn với tài sản tư trang của nàng. Đó là số phận dành cho kẻ dại khờ tội nghiệp vì quá si mê tình ái.

Bỗng nhiên lâm cảnh bơ vơ khốn đốn như thế, nàng đành đến gần một bụi cây quế và ngồi khóc. Lúc ấy, Thiên chủ Sakka nhìn xuống trần gian, thấy nàng đắm say dục vọng, giờ đây than khóc vì mất cả phu quân lẫn tình lang. Nghĩ rằng ngài sẽ đi khiển trách nàng và khiến cho nàng biết hổ thẹn, ngài đem Mātali (thần lái thiên xa) và Pañcasikha (nhạc thần Ngũ kế) cùng đến bên bờ suối và bảo:

– Này Mātali, ngươi sẽ biến thành con cá, Pañcasikha sẽ biến thành con chim và ta sẽ biến thành chó rừng. Rồi ngậm một miếng thịt, ta sẽ đi đến trước nữ nhân kia và khi Mātali thấy ta ở đó thì phải nhảy ra khỏi nước, rớt ngay trước mặt ta, ta sẽ nhả miếng thịt đã ngậm trong miệng và nhảy lên chụp con cá. Vừa lúc ấy, Pañcasikha phải nhào đến chụp miếng thịt và bay lên không, còn Mātali lặn ngay xuống nước.

Thiên chủ Sakka dạy bảo các vị thần như thế, các vị đáp:

– Tốt lành thay, tâu Thiên chủ!

Mātali liền biến thành con cá, Pañcasikha biến thành con chim và Sakka biến thành chó rừng. Vừa ngậm miếng thịt trong mồm, ngài đi đến ngay trước nữ nhân. Con cá nhảy lên khỏi nước rơi mình xuống trước mặt chó rừng. Chó thả miếng thịt đang ngậm trong mồm, vùng lên bắt cá. Con cá nhảy nữa và rơi xuống nước, còn con chim chụp lấy miếng thịt bay vụt lên không. Như vậy, chó rừng mất cả thịt lẫn cá và ngồi ủ rũ nhìn về phía bụi quế. Nữ nhân thấy thế liền bảo:

– Vì quá tham lam nên chó mất cả thịt lẫn cá.

Và như thế nàng đã thấy rõ ý nghĩa trò đời trớ trêu này, nàng bật cười giòn giã. Chó rừng nghe thế, liền ngâm vần kệ thứ ba:

130. Ai làm bụi quế ngân nga,
Tiếng cười, dù chẳng múa ca tiệc tùng,
Vỗ tay thích thú, hồng nhan,
Đừng cười khi phải khóc than buồn phiền.

Nghe vậy, nàng ngâm vần kệ thứ tư:

131. Chó ngu, mày phải ước nguyền,
Giá đừng mất cá, thịt liền một khi,
Đồ ngu phải biết sầu bi,
Những gì xảy đến, ngu si do mày!

Chó rừng liền đáp vần kệ thứ năm:

132. Lỗi người dễ thấy lắm thay,
Chắc là khó thấy: "Lỗi này của tôi."
Nàng nên tính giá thiệt thòi,
Khi nàng mất hết cả đôi bạn đời.

Nghe thế, nàng lại đáp vần kệ này:

133. Cẩu vương quá đúng như lời,
Nên ta quyết chí vội dời chân nhanh,
Để tìm thêm bạn chung tình,
Cố làm người vợ trung thành khó chi!

Khi ấy, Thiên chủ Sakka nghe những lời nói của nữ nhân bạc ác vô hạnh kia, liền ngâm vần kệ cuối cùng:

134. Kẻ nào ăn trộm cái ghè,
Sẽ còn ăn trộm mai kia nồi đồng,
Người gây tai họa cho chồng,
Vẫn tàn tệ vậy, hoặc còn tệ hơn!

Lời Thiên chủ Sakka làm cho nàng phải hổ thẹn và hối hận ăn năn, rồi sau đó ngài trở về cõi của ngài.

***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại rồi tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Tỷ-kheo thối thất này là chàng xạ thủ, người vợ mà vị ấy đã rời bỏ là nữ nhân kia, và Ta chính là Thiên chủ Sakka.

§375. CHUYỆN CHIM BỒ CÂU (*Kapotajātaka*)[35] (*J.* III. 224)

Ta đây mạnh khỏe, dạ an vui...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo tham lam.

Chuyện vị Tỷ-kheo tham lam này đã được kể đầy đủ theo nhiều cách. Ở đây, bậc Đạo sư hỏi có thật ông tham lam chăng, và khi ông thú nhận quả đúng thế, Ngài bảo:

[35] Xem *J.* I. 241, *Kapotajātaka* (*Chuyện chim bồ câu*), số §42; *J.* II. 360, *Lolajātaka* (*Chuyện tham ăn*), số §274.

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa nữa, ông cũng tham lam và đã chết vì lòng tham ấy.

Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm bồ câu con và sống trong lồng kết bằng liễu gai ở nhà bếp của một phú thương thành Ba-la-nại.

Bấy giờ, một con quạ thèm ăn cá thịt lại làm bạn với bồ câu này và sống cùng chỗ ấy. Một hôm, nó chợt thấy nhiều cá thịt liền nghĩ: "Ta sẽ ăn đám cá thịt này", rồi nằm xuống rên rỉ trong lồng. Khi bồ câu đến bảo:

– Này bạn, ta cùng bay nhanh ra tìm mồi.

Quạ từ chối đáp:

– Tôi đang bị ốm liệt vì cơn đau bụng do bội thực, bạn đi đi.

Khi bồ câu khuất dạng, quạ tự nhủ: "Kẻ thù hay quấy phá ta đã đi rồi. Bây giờ ta muốn ăn thịt cá tùy thích." Nghĩ vậy, quạ ngâm vần kệ đầu:

135. Ta đây khỏe mạnh, dạ an vui,
Vì chú bồ câu đã biến rồi,
Ta muốn làm cơn thèm dịu xuống,
Rau thơm cùng thịt khỏe thêm người!

Vì thế, khi người đầu bếp chiên cá thịt xong, vừa bước ra khỏi bếp vừa chùi mồ hôi chảy ròng ròng, con quạ nhảy ra khỏi tổ và giấu mình trong chậu gia vị. Chậu ấy phát ra tiếng "cạch" khiến người đầu bếp vội quay lại, tóm lấy con quạ vặt hết lông. Rồi ông ta xay một ít gừng tươi và hạt cải trắng, giã chung với chà là thối, bôi lên khắp mình con quạ, vừa xát mạnh thân nó với một mảnh sành làm cho nó bị thương nặng. Sau đó, ông ấy lấy sợi dây treo mảnh sành lên cổ nó rồi lại ném vào thúng và bỏ đi.

Khi bồ câu trở về thấy quạ, liền bảo:

– Ông hạc nào đây lại nằm trong thúng của bạn thân ta đó kìa? Bạn ta tính tình nóng nảy sẽ về giết chim lạ mặt này ngay.

Nói đùa thế xong, bồ câu ngâm vần kệ thứ hai:

136. Con mây này với chiếc mào cao,
Ngài chiếm chỗ chim bạn tớ sao?
Ông hạc đến đây, thân hữu quạ,
Tính tình nóng nảy, biết không nào?

Quạ nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ ba:

137. Bạn cứ cười to trước cảnh này,
Ta lâm hoạn nạn đáng thương thay!

Hỏa đầu quân vặt lông trần trụi,
Gia vị chà là thối tẩm đầy.

Bồ câu vẫn còn muốn đùa, liền ngâm vần kệ thứ tư:

138. Tắm sạch dầu thơm xát ngạt ngào,
No say ăn uống thỏa dường bao!
Cổ ông sáng chói đồ trang sức,
Ông đến Ba-la-nại đó sao?

Quạ ngâm tiếp vần kệ thứ năm:

139. Bạn thiết hay cừu địch của ta,
Chớ đi Ba-la-nại bây giờ!
Mình trần chúng vặt còn trêu ghẹo,
Buộc mảnh sành trên ngực ấy mà!

Bồ câu nghe vậy, ngâm vần kệ cuối cùng:

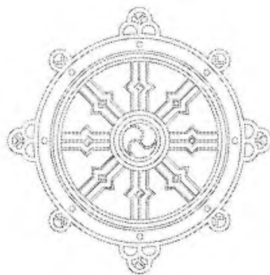
140. Bỏ các thói hư tật xấu kia,
Tính tình như quạ khó làm ghê!
Chim nên thận trọng bay xa lánh,
Thực phẩm loài người ăn thỏa thuê.

Sau khi khiển trách quạ xong, bồ câu không ở lại đó nữa mà giương đôi cánh bay đi nơi khác. Nhưng quạ chết ngay tại chỗ.

***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo tham lam đã đắc quả Bất lai. Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thuở ấy, con quạ là Tỷ-kheo tham lam này và bồ câu chính là Ta vậy.



CHƯƠNG VI
SÁU KỆ
(*CHANIPĀTA*)

I. PHẨM NGƯỜI LÁI ĐÒ
(*AVĀRIYAVAGGA*)

§376. CHUYỆN NGƯỜI LÁI ĐÒ (*Avāriyajātaka*) (*J.* III. 227)

Đừng bao giờ giận, hỡi Minh quân...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một người lái đò.

Người ta bảo kẻ này là phàm phu vô trí. Y không biết được các đức tính của Tam bảo và các bậc hiền nhân. Y nóng vội, thô lỗ và hung bạo. Một Tỷ-kheo ở vùng quê nọ muốn đi yết kiến đức Phật, vào buổi chiều đến bến đò trên sông Aciravatī và bảo người lái đò:

– Này chú, tôi muốn qua sông, chú cho tôi lên đò đi.

– Thưa Tôn giả, trời tối rồi, hãy ở lại đây.

– Này chú, ta không thể ở lại đây, cho ta qua sông.

Người lái đò bực tức nói:

– Vậy thì ngài Sa-môn hãy mau lên đi!

Rồi đưa vị Tỷ-kheo lên đò, nhưng y lái đò thật vụng về khiến nước văng vào mạn đò làm ướt y của vị Tỷ-kheo, và đến khi trời tối mới đưa được ông qua bờ kia. Khi vị Tỷ-kheo đến tinh xá, ông không thể kịp yết kiến đức Phật ngay hôm ấy. Hôm sau, ông đi đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư đáp lễ và hỏi ông đến khi nào.

– Bạch Thế Tôn, hôm qua.

– Thế sao mãi hôm nay ông mới đến thăm Ta?

Khi nghe rõ lý do, bậc Đạo sư bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa, kẻ ấy cũng thô lỗ, y làm phiền các trí nhân ngày xưa giống như đã làm phiền ông.

Rồi theo lời thỉnh cầu, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh vào một gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, ngài học tập đủ mọi môn nghệ thuật tại Takkasilā, rồi trở thành một vị khổ hạnh. Sau một thời gian dài sống bằng toàn củ quả rừng ở vùng Tuyết sơn, ngài đi đến Ba-la-nại để tìm muối và giấm. Ngài ở trong vườn ngự uyển và hôm sau vào kinh thành khất thực. Từ sân thượng hoàng cung, vua thấy ngài và hài lòng trước tướng mạo oai nghi của ngài nên cho người triệu ngài vào cung và cúng dường thực phẩm. Vua hứa mời ngài an trú trong ngự uyển và hàng ngày vua đến tham kiến ngài.

Bồ-tát bảo:

– Thưa Đại vương, một vị vua phải trị nước công bình, tránh xa bốn ác đạo, đầy nhiệt tâm tinh cần, kham nhẫn, từ ái, lân mẫn với toàn dân.

Với lời khuyến giáo thông thường như thế, ngài ngâm hai vần kệ đầu:

1. Đừng bao giờ giận, hỡi Minh quân!
Chúa tể trần gian, chớ hận sân,
Đừng lấy lòng sân bù mối hận,
Quân vương như vậy đáng suy tôn.

2. Dù ở rừng xanh hoặc ở làng,
Ở trên bờ biển, giữa trùng dương,
Chớ bao giờ giận, ta khuyên nhủ,
Mãi mãi từ nay, hỡi Đại vương!

Như vậy, Bồ-tát ngâm đôi vần kệ ấy hàng ngày cho vua nghe. Vua hoan hỷ ban tặng ngài một ngôi làng có số lợi tức là một trăm ngàn đồng vàng, song ngài từ chối. Bồ-tát sống cách này suốt mười hai năm liền. Sau đó ngài nghĩ: "Ta đã ở đây quá lâu, nay ta muốn du hành qua quốc độ rồi trở về."

Thế là không báo với vua, ngài chỉ nói riêng với người giữ vườn:

– Này hiền hữu, ta thấy chán, ta muốn du hành trong nước rồi trở về, nhờ bạn trình với đức vua.

Ngài đi ngay ra bến đò ở sông Hằng. Ở đó có gã chèo đò ngu ngốc tên là Avāriyapitā, y không hiểu đạo hạnh của bậc hiền nhân, cũng chẳng biết luôn cả việc ích lợi hay thiệt hại của riêng mình. Khi dân chúng muốn qua sông Hằng, trước tiên y đưa họ qua rồi sau đó đòi tiền đò. Có khi họ không trả tiền, y liền gây sự với họ, rồi chỉ nhận được lời mạ lỵ và đấm đá chứ rất ít tiền bạc, y thật ngu dại mù quáng đến thế.

***

Về gã này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ ba phát xuất từ trí tuệ tối thắng của Ngài:

3. Chú Avāriya,
Thuyền lướt sóng Hằng hà,
Trước tiên đưa du khách,
Rồi mới hỏi tiền phà,
Do vậy ăn đòn mãi,
Thật xui xẻo, dại khờ!

***

Bồ-tát đến gặp gã lái đò này và bảo:

– Hiền hữu, hãy đưa ta qua bờ kia!

Y đáp:

– Này Sa-môn, ngài sẽ trả tiền cho tôi chứ?

– Này hiền hữu, ta sẽ chỉ cho chú biết cách làm tăng trưởng tài lợi, an lạc và đức hạnh.

Gã lái đò nghĩ thầm: "Chắc chắn vị này sẽ cho ta một cái gì đó."

Rồi y đưa ngài sang sông và nói:

– Xin cho tôi tiền đò.

Bồ-tát bảo:

– Được rồi, này hiền hữu.

Và thế là muốn dạy cho y biết trước tiên phải làm cách nào để tăng thêm của cải, ngài ngâm vần kệ này:

4. Hỏi tiền trước lúc chở qua sông,
Chớ đến bờ kia hỏi nhọc công,
Chú chở bá nhơn nên bá tánh,
Tánh tình thay đổi trước sau luôn.

Gã lái đò nghĩ thầm: "Đây chỉ là lời vị ấy khuyên ta, nay phải cho ta thêm cái gì chứ." Song Bồ-tát bảo:

– Này hiền hữu, chú đã có cách làm ra tiền rồi đấy, nay hãy nghe cách làm tăng an lạc cùng đức hạnh.

Rồi ngài lại ngâm vần kệ khuyến giáo:

5. Dù ở rừng xanh hoặc ở làng,
Ở trên bờ biển, giữa trùng dương,
Chớ bao giờ giận, ta khuyên chú,
Mãi mãi từ nay, hỡi thiện nhân.

Như thế, sau khi đã dạy cách làm tăng trưởng an lạc và đức hạnh, ngài bảo:

– Vậy là chú có cách làm tăng an lạc và đức hạnh.

Nhưng gã ngu si kia không xem lời khuyến giáo của ngài ra gì cả, lại đáp:

– Này Sa-môn, đây là các thứ ngài cho tôi thế tiền đò đấy à?

– Đúng vậy, hiền hữu.

– Tôi không cần thứ ấy, cho tôi thứ khác kia.

– Này hiền hữu, ngoài thứ ấy ta không có gì khác.

– Thế tại sao ngài lại đi trên thuyền tôi?

Y đáp và ném vị khổ hạnh lên bờ, ngồi lên ngực ngài và đấm vào mồm ngài.

***

Bậc Đạo sư bảo:

– Các vị thấy khi nhà khổ hạnh khuyến giáo vua thì nhận được ân tứ một ngôi làng, còn khi khuyến giáo như vậy với một gã lái đò ngu ngốc thì được vài cái đấm vào mồm. Cho nên khi khuyến giáo phải lựa người thích hợp, chớ nói với người không thích hợp.

Rồi Ngài ngâm vần kệ xuất phát từ trí tuệ tối thắng của Ngài:

6. Vua nghe lời khuyến thiện đã ban,
Lợi tức phần ta cả một làng,
Chú lái đò nghe lời khuyến thiện,
Lại đánh người cho ngã xuống đàng.

Trong khi gã kia đánh vị Sa-môn, vợ y đem cơm lại cho y, thấy vậy liền bảo:

– Này chàng, đây là vị khổ hạnh trong triều vua, đừng đánh ngài!

Y nổi giận đáp:

– Cô lại cấm ta đánh kẻ tu hành giả mạo này ư?

Rồi y nhảy lên đánh vợ ngã xuống đất. Đĩa cơm đổ hết vỡ tan, còn vợ y phải trụy thai. Quần chúng vây y lại và la lớn:

– Quân khốn nạn giết người.

Họ trói y lại đưa đến nhà vua. Ngài xử phạt y theo pháp luật.

***

Với trí tuệ tối thắng, bậc Đạo sư giải thích vấn đề qua vần kệ cuối cùng:

7. Cơm đổ, vợ bị đánh tả tơi,
Thai nhi chết trước lúc ra đời,
Lời khuyên cho kẻ này vô dụng,
Như vàng ròng tặng thú hoang thôi.

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài tuyên thuyết các sự thật. Khi kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu):

– Vào thời ấy, gã lái đò là người lái đò ngày nay, vua là Ānanda và vị khổ hạnh chính là Ta.

§377. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN SETAKETU (*Setaketujātaka*) (*J.* III. 232)

Hiền hữu, hận sân chẳng lợi gì...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỳ-kheo lừa dối. Câu chuyện sẽ được nói rõ trong *Chuyện nam tử Uddālaka.*[1]

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một giáo sư danh tiếng lừng lẫy và dạy thánh kinh cho năm trăm đồ đệ. Vị huynh trưởng trong bọn là Setaketu, xuất thân từ một gia đình Bà-la-môn phương Bắc, vốn rất tự cao về giai cấp mình.

Một hôm, chàng ra khỏi thành phố cùng bè bạn, lúc trở về, chàng thấy một kẻ Chiên-đà-la (*Caṇḍāla*):

Chàng hỏi:

– Anh là ai?

– Tôi là một Chiên-đà-la.

Vị ấy sợ ngọn gió sau khi chạm vào người kẻ Chiên-đà-la sẽ đụng vào thân mình, nên thốt lên:

– Đồ khốn kiếp, này tên Chiên-đà-la xui xẻo kia, hãy tránh gió mau!

Rồi chàng chạy nhanh về phía gió. Song kẻ Chiên-đà-la cũng nhanh chân bắt kịp chàng và đứng trước gió cản. Chàng lại càng phỉ báng mạ lỵ kẻ kia nhiều hơn nữa. Kẻ Chiên-đà-la hỏi:

– Ông là ai?

– Ta là một thư sinh Bà-la-môn.

– Tốt lắm, nếu vậy thì ông có thể đáp câu hỏi của tôi.

– Đúng vậy.

– Còn nếu ông không đáp được, tôi sẽ kẹp ông lại giữa hai chân tôi đấy.

Vị Bà-la-môn đầy tự tin bảo:

– Cứ làm ngay đi.

Kẻ Chiên-đà-la muốn làm cả hội chúng hiểu chuyện này, liền hỏi:

– Này thanh niên Bà-la-môn, các phương hướng là gì?

– Đó là bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Kẻ Chiên-đà-la bảo:

– Tôi không hỏi loại phương hướng đó, còn ông không biết ngay đến chuyện này, mà lại ghê tởm luôn cả ngọn gió đụng vào người tôi!

Thế là kẻ ấy chụp lấy vai chàng đè xuống kẹp vào giữa hai chân mình.

Các học trò kia đem chuyện ấy kể với thầy. Vị thầy bảo:

---

[1] Xem *J.* IV. 299, *Uddālakajātaka* (*Chuyện nam tử Uddālaka*), số §487.

– Này cậu Setaketu, cậu đã bị kẹp giữa hai chân của một kẻ Chiên-đà-la ấy à?

– Thưa thầy, vâng, thằng oắt con, con của một tên nô lệ đã kẹp đệ tử giữa hai chân nó và bảo: "Ông này không biết ngay các phương hướng." Nhưng nay đệ tử đã biết phải làm gì với nó rồi.

Và như vậy, chàng lại phỉ báng kẻ Chiên-đà-la một cách giận dữ. Vị thầy khuyên nhủ:

– Này cậu Setaketu, đừng giận nó, nó có trí tuệ cao đấy. Nó đã hỏi cậu về một loại phương hướng khác, chứ không phải loại này. Thứ mà cậu không thấy, không nghe, không hiểu, còn cao xa hơn thứ mà cậu đã thấy và nghe nữa.

Rồi ngài ngâm hai câu kệ để khuyến giáo:

8-9. Hiền hữu, hận sân chẳng lợi gì,
Trí cao vượt quá chuyện mình nghe,
"Một phương" phải hiểu là cha mẹ,
"Thầy giáo" được dùng chỉ hướng kia,
"Gia chủ" cho y phục, uống ăn,
Cửa thường rộng mở, chính là "phương",
Còn "phương" trong nghĩa cao siêu nhất,
"Trạng thái vô ưu, lạc Niết-bàn."

Như vậy, Bồ-tát giảng giải bốn phương cho thanh niên Bà-la-môn này, song chàng nghĩ: "Ta đã bị kẹp giữa hai chân một kẻ Chiên-đà-la", liền rời nơi ấy và đến Takkasilā học đủ mọi môn nghệ thuật với một giáo sư danh tiếng lẫy lừng. Sau đó, được thầy cho phép, chàng rời Takkasilā, vừa du hành đây đó vừa học tập mọi nghề thực tiễn. Khi đến một làng biên địa, chàng gặp năm trăm nhà khổ hạnh sống gần đó và được thọ giới tu hành. Chàng học hỏi được mọi nghệ thuật, kinh điển và các phương pháp thực hành, rồi tất cả cùng vị ấy đi đến Ba-la-nại.

Hôm sau, chàng đi vào cung đình khất thực. Vua hoan hỷ trước phong cách các vị khổ hạnh, liền cúng dường thực phẩm ngay tại cung vua, và mời các vị ở lại ngự viên. Một hôm, vua bảo trong lúc cúng dường thực phẩm:

– Chiều tối nay trẫm sẽ đến đảnh lễ các Tôn giả ngay tại ngự viên.

Setaketu liền đến ngự viên, triệu tập các vị khổ hạnh và bảo:

– Các Tôn giả, hôm nay đức vua sẽ đến. Chỉ cần một lần hòa hợp với vua chúa, người ta có thể sống sung sướng suốt cả đời. Vậy bây giờ, một số vị làm kiểu khổ hình bằng cách lắc mạnh người, một số vị nằm trên giường gai, một số vị chịu đựng năm ngọn lửa, một số thực hành khổ hạnh bằng cách ngồi xổm, một số nhào lộn, một số đọc kinh.

Sau khi ra lệnh xong, chính vị ấy ngồi tại cửa am thất với gối dựa, đặt quyển sách bao bìa sáng loáng trên một giá gỗ có sơn và giảng kinh cho đám học trò thông minh chừng bốn năm người. Vừa lúc ấy nhà vua đến, thấy họ đang diễn trò khổ hạnh giả dối này lại rất hài lòng. Vua đến gần Setaketu, kính vái chàng,

rồi ngồi xuống một bên, sau đó ngâm vần kệ thứ ba nói chuyện với vị tế sư của hoàng gia:

10. Hàm răng bẩn, áo da dê, tóc bện,
Miệng thì thầm kinh thánh, dáng bình an,
Chẳng từ nan mọi phương tiện hiền nhân,
Chắc đã đạt chân như và giải thoát.

Vị tế sư nghe vậy, liền đáp vần kệ thứ tư:

11. Một trí nhân có thể làm ác hạnh,
Một trí nhân có thể chẳng chánh chân,
Ngàn câu Vệ-đà chẳng tạo an toàn,
Khi việc hỏng, hoặc cứu người lâm nạn.

Khi vua nghe lời này, liền lấy lại mọi ân sủng dành cho đám khổ hạnh kia. Setaketu nghĩ thầm: "Nhà vua ham thích đám khổ hạnh, song tế sư này đã phá hoại như thể lấy rìu chặt ngang sở thích của vua. Ta phải nói chuyện với tế sư mới được." Do thế, chàng ngâm vần kệ thứ năm nói chuyện với tế sư:

12. Một trí nhân có thể làm ác hạnh,
Một trí nhân có thể chẳng chánh chân,
Ngài bảo Vệ-đà là vật không cần,
Chỉ tu tập điều thân là thiết yếu.

Vị tế sư nghe vậy, liền đáp vần kệ thứ sáu:

13. Không, Vệ-đà không hoàn toàn vô dụng,
Dù điều thân tu tập đạo chánh chân,
Học Vệ-đà vẫn mang lại vinh quang,
Song ta đạt tối an nhờ chánh hạnh.

Như vậy, vị tế sư bài bác giáo lý của Setaketu. Ngài khuyên cả đám khổ hạnh hoàn tục, cho họ gươm, giáo, mộc để làm quan thị vệ cao cấp hầu cận vua. Từ đó, người ta bảo dòng dõi quan thị vệ cao cấp xuất hiện.

***

Khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Setaketu là Tỳ-kheo lừa dối này, kẻ Chiên-đà-la là Sāriputta và tế sư của nhà vua chính là Ta.

§378. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN DARĪMUKHA

(*Darīmukhajātaka*) (*J.* III. 238)

Dục lạc chỉ là đám bùn dơ bẩn...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về đại sự xuất thế.

Sự tình dẫn đến chuyện này đã được kể trước kia.

***

Một thuở nọ, vua xứ Magadha trị vì tại thành Rājagaha (Vương Xá). Bồ-tát được sinh làm con của chánh hậu, được đặt tên Vương tử Brahmadatta. Vào ngày ngài ra đời, vị tế sư của hoàng gia cũng sinh một nam tử, diện mạo tuấn tú, vì thế được đặt tên là Darīmukha (Miệng Hang Lớn). Cả hai cùng lớn lên trong cung đình và trở thành bạn thân. Năm mười sáu tuổi, hai vị đến Takkasilā học đủ mọi môn nghệ thuật. Sau đó, muốn tạo được các kiến thức có công dụng thực tiễn và tìm hiểu phong tục trong nước, hai vị du hành qua nhiều thành phố, thôn làng khắp mọi miền.

Vì vậy, hai vị đến Ba-la-nại trú ở trong một ngôi đền và hôm sau vào kinh thành khất thực. Có một nhà trong kinh thành đã nấu xong cháo gạo và chuẩn bị chỗ ngồi để cúng dường phần thức ăn cho các Bà-la-môn. Khi họ thấy hai nam tử này khất thực, họ nghĩ: "Các Bà-la-môn đã đến", liền mời vào và trải một tấm vải trắng tinh nơi chỗ ngồi của Bồ-tát và một thảm đỏ nơi chỗ ngồi của Darīmukha. Chàng quan sát điềm này và hiểu ngay thân hữu chàng sẽ làm vua ở Ba-la-nại và chính chàng sẽ làm đại tướng. Hai vị thọ thực xong phần mình rồi nói lời tùy hỷ công đức và ra đi về ngự viên. Bồ-tát nằm trên sàng tọa bằng đá của vua, còn Darīmukha ngồi xoa chân ngài.

Thời ấy, vua xứ Ba-la-nại băng hà đã bảy ngày. Vị tế sư hoàng gia làm lễ hỏa táng xong liền đưa vương xa ra khỏi thành suốt bảy ngày vì chưa có ai kế vị ngai vàng. Lễ rước vương xa này sẽ được giải thích trong *Chuyện Đại vương Mahājanaka*.[2] Vương xa rời kinh thành và đến cổng ngự viên, được bốn đạo quân xa, pháo, mã, tượng hộ tống và âm nhạc của hàng trăm nhạc khí trỗi dậy vang lừng.

Darīmukha nghe tiếng nhạc, nghĩ thầm: "Vương xa đến rước thân hữu ta đó, ngài sẽ lên ngôi vua hôm nay và phong ta chức đại tướng, song ta có nên làm người thế tục chăng? Ta muốn đi ngay làm ẩn sĩ khổ hạnh." Vì thế, không nói gì với Bồ-tát, chàng chạy sang một bên đứng ẩn mình.

Vị tế sư ngừng xe trước cổng ngự viên, vừa bước vào thấy Bồ-tát đang nằm trên bảo tòa của hoàng gia. Vừa quan sát các tướng tốt trên chân ngài, ông nghĩ: "Ngài có đủ đức độ và xứng đáng làm vua cả bốn đại châu cùng với hai ngàn hải đảo vây quanh. Song lòng can đảm của ngài ra sao đây?" Vì thế, ông ra lệnh mọi nhạc khí đồng trỗi dậy hết sức inh ỏi. Bồ-tát thức dậy, giở tấm khăn ra khỏi mặt và thấy đám đông. Rồi che mặt lại, ngài nằm xuống thêm chút nữa, xong trở dậy ngồi xếp bằng trên sàng tọa trong lúc xe vừa dừng lại. Vị tế sư quỳ xuống thưa:

– Tâu Chúa thượng, quốc độ được nhường cho Chúa thượng.

– Sao? Không ai kế vị à?

– Tâu Chúa thượng, không.

---

[2] Xem *J.* V. 30, *Mahājanakajātaka* (*Chuyện Đại vương Mahājanaka*), số §539.

– Thế thì tốt lắm.

Vậy là ngài nhận lời thỉnh cầu và hội chúng làm lễ Quán đảnh rảy nước thánh lên đầu ngài tại ngự viên. Trong giờ phút đại vinh quang ấy, ngài quên bẵng Darīmukha, ngài ngự lên vương xa đi giữa đám quần thần, uy nghi diễu vòng quanh kinh thành. Sau đó, dừng lại trước cung môn, ngài chỉ định vị trí của các triều thần xong bước lên lầu thượng.

Cùng lúc ấy, Darīmukha thấy ngự viên đã vắng người liền bước ra ngồi trên bảo tòa trong vườn. Một ngọn lá khô rơi xuống trước mặt Ngài. Thấy rõ các quy luật lão tử, Ngài bừng ngộ tam pháp ấn (vô thường, khổ, vô ngã) và chứng đắc quả vị Độc Giác Phật (Pacceka Buddha), liền reo mừng hoan hỷ làm vang dậy cả cõi trần. Ngay lập tức, các đặc tính của một phàm nhân biến mất khỏi thân Ngài, một bình bát và một tấm y kỳ diệu từ cõi thiên rơi xuống khoác vào người và Ngài có đủ tám món cần thiết cùng tứ oai nghi hoàn thiện của một Sa-môn cả trăm tuổi. Rồi nhờ thần lực, Ngài bay qua không gian đến tận động Nandamūla, nơi an trú của các vị Độc Giác Phật tại miền Tuyết sơn.

Phần Bồ-tát trị nước rất chân chánh. Song cảnh đại vinh quang đã làm ngài say đắm suốt bốn mươi năm ròng. Ngài quên hẳn Darīmukha. Đến năm thứ bốn mươi ấy ngài nhớ lại bạn và tự bảo: "Trẫm có thân hữu tên là Darīmukha, nay vị ấy ở đâu?" Ngài mong ước gặp lại bạn. Từ đó về sau, ngay trong hậu cung hay giữa quần thần, ngài thường bảo:

– Thân hữu Darīmukha nay ở đâu? Trẫm sẽ ban vinh hoa phú quý cho ai báo tin với trẫm về nơi bạn hiền cư trú.

Lại mười năm nữa trôi qua từ khi ngài thỉnh thoảng nhớ đến bạn. Còn Tôn giả Darīmukha đã trở thành Độc Giác Phật, sau năm mươi năm, suy xét lại và biết bạn cũng đang nhớ đến mình, Ngài liền nghĩ: "Nay bạn Ta đã già và tăng thêm đàn con cháu, Ta muốn đi thuyết pháp và truyền giáo cho bạn."

Nhờ thần lực, Ngài bay qua không gian và hạ mình xuống vườn ngự uyển, ngồi xuống bảo tòa như một bức tượng vàng ròng. Người giữ vườn thấy Ngài, đi đến hỏi:

– Thưa Ngài, Ngài từ đâu đến?

– Từ động Nandamūla.

– Thế Ngài là ai?

– Hiền giả, Ta là Phật Độc Giác Darīmukha.

– Thưa Ngài, thế Ngài biết đức vua của chúng tôi chăng?

– Ta biết. Ngài là thân hữu từ thời Ta còn ở thế tục.

– Thưa Ngài, đức vua ước ao hội kiến Ngài, tôi xin đi trình báo đức vua rằng Ngài đã đến.

– Hiền hữu cứ đi làm như vậy.

Người làm vườn liền đi trình vua rằng Tôn giả Darīmukha đã đến và hiện đang ngồi trên thạch tọa. Vua phán:

– Thế là Hiền hữu của trẫm đã đến, trẫm sẽ đi hội kiến ngay.

Vì vậy, ngài ngự lên vương xa cùng đám tùy tùng hộ tống đông đảo đến ngự viên, cung kính đảnh lễ vị Độc Giác Phật và ngồi xuống một bên. Vị Độc Giác Phật bảo:

– Này Brahmadatta, Đại vương nên trị nước chân chánh, đừng bao giờ theo ác đạo hay đàn áp dân chúng vì tiền bạc. Hãy làm mọi thiện sự với lòng nhân từ!

Và sau đó, khi ân cần đáp lễ, Ngài bảo thêm:

– Này Brahmadatta, nay Đại vương đã già, đã đến lúc Đại vương nên từ giã dục lạc và xuất gia.

Như thế, Ngài thuyết pháp và ngâm vần kệ đầu:

14. Dục lạc chỉ là đám bùn dơ bẩn,
"Nỗi kinh hoàng ba gốc" được gọi là,
Ta bảo rằng khói bụi với sương sa,
Hãy bỏ chúng, xuất gia lìa thế tục!

Nghe vậy, vua ngâm vần kệ giải thích ngài vẫn đang bị tham dục ràng buộc:

15. Trẫm say đắm, lún sâu bùn tham dục,
Bà-la-môn, dục lạc đáng khinh thay,
Song yêu đời, trẫm không thể bỏ ngay,
Trẫm xin nguyện suốt đời làm thiện sự.

Sau đó, mặc dù Bồ-tát bảo: "Ta không muốn thọ giới xuất gia", Độc Giác Phật Darīmukha cũng không bài bác vua và khích lệ lần nữa:

16. Ai bác bỏ lời bạn hiền khuyên nhủ,
Thương xót và mong bạn tránh đọa đày,
Cứ tưởng rằng: "Cõi thế tốt lành thay",
Sẽ không dứt tái sanh đầu thai mãi.

17. Nơi đày đọa đáng khinh: Phần kẻ ấy,
Đầy vật dơ, bị người thiện chê bai,
Kẻ tham kia dục vọng chẳng hề rời,
Thân xác chứa ngập đầy mầm nhục dục.

Như vậy, Độc Giác Phật Darīmukha nêu rõ sự khổ đau do nhập thai và vội vàng bày tỏ nỗi khổ đau vì sinh sản qua một vần kệ nữa:

18. Đầu máu mủ, vật hôi tanh thế tục,
Mọi hữu tình đều phải chịu tái sanh,
Những vật gì xúc chạm suốt đời mình,
Chỉ cốt để đem khổ đau trần giới.

19. Ta nói lên những điều ta trông thấy,
Chứ không lo người khác nói ta nghe,
Ta nhớ rành các đời kiếp xưa kia.

***

Lúc bấy giờ, với trí tuệ tối thắng, bậc Đạo sư bảo:

– Như thế, vị Độc Giác Phật đã dùng thiện ngôn cứu giúp nhà vua.

Và Ngài ngâm nửa vần kệ kết thúc:

Darīmukha đã rót vào tai bạn,
Bậc thiện tuệ lắm vần kệ ngọt ngào,
Hiển bày ra cả trí tuệ tối cao.

***

Vị Độc Giác Phật bày tỏ mọi khổ đau của tham dục và làm vua hiểu lời Ngài dạy xong, liền nói:

– Thưa Đại vương, dù Đại vương có thọ giới xuất gia hay không, Ta cũng đã nói hết nỗi khốn cùng của tham dục và hạnh phúc của đời xuất gia, xin Đại vương hãy tinh cần.

Rồi giống như một con Kim nga vương, Ngài bay bổng lên không, lướt mây về đến động Nandamūla. Còn bậc Đại sĩ đảnh lễ với mười ngón tay chắp vào nhau, và cúi đầu đứng yên cho tới khi Ngài khuất bóng. Sau đó, vua từ bỏ dục lạc, trong lúc quần chúng đông đảo than khóc kêu gào, ngài đi đến vùng Tuyết sơn dựng một lều lá và thọ giới làm ẩn sĩ. Chẳng bao lâu, ngài thành đạt các thắng trí và các thiền chứng; rồi lúc mạng chung, ngài được sinh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật, sau đó nhiều Tỷ-kheo đắc Sơ quả cùng các quả vị kia và Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, nhà vua chính là Ta.

§379. CHUYỆN NÚI NERU (*Nerujātaka*) (*J.* III. 246)

Hai chúng ta là loài chim ưu tú...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một vị Tỷ-kheo.

Chuyện kể rằng, vị ấy học được các phương thức hành thiền của bậc Đạo sư xong, liền ra một làng ở biên địa. Tại đó, dân chúng hài lòng với phong cách của ông, nên cúng dường thực phẩm, dựng một thảo am ở trong rừng và yêu cầu ông ở lại đó, rồi bày tỏ lòng tôn kính, trọng vọng ông. Nhưng sau đó, họ lại rời bỏ ông để đi theo các đạo sư thuộc phái Thường kiến; rồi lại bỏ các vị này để theo phái Đoạn kiến; xong lại bỏ phái này để theo phái Khổ hạnh lõa thể, vì

đạo sư các phái này cứ lần lượt xuất hiện. Do thế, vị Tỷ-kheo này rất phiền lòng khi sống chung với những người không phân biệt thiện ác kia.

Sau thời an cư mùa mưa và lễ Tự tứ (*Pavāraṇā*), vị ấy trở về hầu bậc Đạo sư và khi Ngài hỏi, ông kể lại những nơi ông đã cư trú trong mùa mưa vừa qua và ông đã phải phiền lòng ra sao vì những người không biết thiện ác. Bậc Đạo sư bảo:

– Các bậc trí ngày xưa, ngay khi còn là loài vật, cũng không sống chung một ngày với những kẻ không biết thiện ác, tại sao ông lại làm như vậy?

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm một chim thiên nga màu vàng óng. Ngài sống cùng em trai trên đỉnh núi Cittakūṭa và ăn lúa dại trên vùng Tuyết sơn. Một hôm, bay về Cittakūṭa, đôi chim thấy ngọn núi Neru màu vàng rực rỡ liền đến ở trên đỉnh. Chung quanh núi có nhiều loài chim và dã thú cùng sống để kiếm ăn trên bãi. Từ lúc bọn chúng đến đây, tất cả đều nhuộm màu vàng do ánh sáng từ núi chiếu ra. Chim em của Bồ-tát thấy vậy, song không hiểu lý do liền hỏi:

– Vì cớ sao ở đây lại như vậy?

Và chim cất tiếng ngâm hai vần kệ đầu nói chuyện cùng anh:

20-21. Hai chúng ta là loài chim ưu tú,
Trên núi này bên đám quạ, diều hâu,
Cả mọi loài cùng chỉ có một màu,
Chó hạ liệt đua tranh cùng loài hổ,
Và với chúa sơn lâm, đàn sư tử,
Vậy núi này có tên gọi là sao?

Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba đáp lại:

22. Neru là tên gọi núi tối cao,
Ở nơi đây muôn loài đều vàng óng.

Chim em nghe lời này liền ngâm ba vần kệ tiếp còn lại:

23-25. Hễ nơi nào thiện nhân không được trọng,
Hoặc ít hơn người khác, hãy đi liền,
Dẫu hiền, ngu, can đảm hoặc ươn hèn,
Đều nhất loạt được tôn sùng bình đẳng,
Thiện nhân chẳng thể cùng ngươi chung sống.
Hỡi núi cao không phán đoán phân minh!
Dầu tối ưu, hạ liệt hoặc trung bình,
Neru cũng chẳng thể nào suy xét,
Vậy hỡi ôi! Chúng ta đành từ biệt,
Núi Neru không biết lẽ biệt phân.

Cùng với lời này, cả đôi chim bay về núi Cittakūṭa.

***

Khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo kia đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, thiên nga em là Ānanda và thiên nga anh chính là Ta.

§380. CHUYỆN THIÊN NỮ ĀSAṀKA (*Āsaṁkajātaka*)[3] (*J.* III. 248)

Āsāvatī mọc trên vườn thiên giới...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự cám dỗ một Tỷ-kheo do người vợ cũ gây ra. Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện các căn*.[4]

Bậc Đạo sư nhận thấy vị Tỷ-kheo này thối thất do mơ tưởng đến người vợ cũ, vì thế Ngài bảo:

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân này đang làm hại ông, ngày xưa cũng vì kẻ ấy mà ông đã hy sinh cả bốn đạo quân và sống ba năm liền ở vùng Tuyết sơn trong cảnh đầy gian khổ.

Nói xong, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn tại một làng trong xứ. Khi ngài lớn lên, ngài học các nghệ thuật ở Takkasilā, sau đó trở thành một vị khổ hạnh đạt được các thắng trí và các thiền chứng, sống bằng củ quả ở vùng Tuyết sơn. Vào thời ấy, có một thiếu nữ đức hạnh vẹn toàn từ cõi trời Ba Mươi Ba giáng trần, đầu thai làm một thiếu nữ trong đóa hoa sen trên hồ nước. Trong khi các hoa khác già cỗi héo tàn rơi rụng thì hoa ấy lớn dần và đứng thẳng trên cành.

Vị khổ hạnh đến tắm trong hồ nhận thấy thế, nghĩ thầm: "Các hoa khác rơi rụng, song hoa này cứ lớn dần ra và thẳng đứng, sao lạ thế này?" Ngài liền mặc áo tắm và lội đến đó, mở đóa sen ra, ngài trông thấy bé gái. Ngài cảm thấy thương yêu cô bé như con mình, liền đem cô bé về thảo am, chăm sóc nuôi nấng. Cô bé lớn dần đến năm mười sáu tuổi trở nên rất xinh đẹp, dung sắc vượt hẳn dung sắc loài người, nhưng chưa đạt đến dung sắc chư thiên.

Một hôm, Thiên chủ Sakka hiện xuống hội kiến Bồ-tát. Thiên chủ thấy thiếu nữ này liền hỏi chuyện và được biết nàng ở đâu ra. Ngài hỏi:

---

[3] Xem *Ap.* I. 37, *Upālittheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Upāli*); *J.* III. 69, *Succajajātaka* (*Chuyện dễ cho*), số §320; *J.* III. 196, *Hirijātaka* (*Chuyện hổ thẹn*), số §363; *S.* I. 23, *Ujjhānasaññisutta* (*Kinh Ujjhānasaññi*); *Thag.* v. 261, 225, 320.

[4] Xem *J.* III. 461, *Indriyajātaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

– Nàng cần những thứ gì, thưa Tôn giả?

– Này Thiên chủ, một chỗ cư trú, y phục, nữ trang và thực phẩm.

Ngài liền hóa hiện một cung điện bằng pha lê cho nàng ở, cùng với bảo tòa, y phục, nữ trang, thực phẩm thần và tiên tửu. Thiên cung này bay xuống trần gian và dừng lại ở nơi nàng đang sống. Khi nàng bước vào trong cung, nó lại bay lên đến giữa không trung. Nàng chuẩn bị đủ mọi thứ phụng dưỡng Bồ-tát trong khi nàng sống trong cung này.

Một người kiểm lâm thấy nàng liền hỏi ngài:

– Thưa Tôn giả, nàng ấy là gì của ngài?

– Con gái ta đấy.

Người ấy liền đi về Ba-la-nại trình vua:

– Tâu Đại vương, tiểu thần vừa thấy trong vùng Tuyết sơn cô con gái của một vị khổ hạnh có dung sắc tuyệt thế.

Vua bị cám dỗ khi nghe chuyện này vội bảo người kiểm lâm làm hướng đạo cùng đi với vua và bốn đạo binh về hướng ấy. Cắm lều trại xong, vua đem người kiểm lâm và đám cận thần đến thảo am. Vua kính chào Bồ-tát và bảo:

– Thưa Tôn giả, nữ nhân là thứ bất tịnh đối với đời tu hành, vậy để trẫm chăm sóc tiểu thư.

Bấy giờ, Bồ-tát đã đặt cho cô gái tên Āsaṁkā (Nghi Hoặc) vì nàng được ngài đem về nuôi nhờ ngài lội qua hồ nước do lòng nghi hoặc: “Cái gì ở trong hoa sen này?” Ngài không nói thẳng với vua: “Hãy đem nàng đi”, mà lại bảo:

– Thưa Đại vương, nếu ngài biết tên con gái ta thì hãy đem nàng đi.

– Thưa Tôn sư, nếu ngài nói ra thì trẫm sẽ biết.

– Ta sẽ không nói đâu, khi nào ngài biết tên ấy thì cứ đem nàng đi.

Vua chấp thuận, từ đó cứ suy xét cùng với đám cận thần: “Tên nàng là gì nhỉ?” và đưa ra đủ thứ tên khó đoán với Bồ-tát: “Những tên nọ tên kia là tên nàng...” Song Bồ-tát bảo không phải và từ chối lời thỉnh cầu. Vì vậy, một năm trôi qua trong khi vua xem xét tên nàng, sư tử và nhiều dã thú đến vồ lấy mọi người và binh sĩ của vua, lại thêm nhiều hiểm họa vì rắn rết, ruồi muỗi. Nhiều người khác chết vì lạnh. Vua bảo Bồ-tát:

– Trẫm cần gì nàng ấy nữa?

Và vua bỏ đi. Thiếu nữ Āsaṁkā hiện ra trên cửa sổ pha lê mở rộng. Vua thấy nàng liền bảo:

– Chúng ta không tìm ra tên nàng nên chúng ta sẽ ra đi, nàng cứ ở lại Tuyết sơn này.

– Tâu Đại vương, nếu ngài ra đi, ngài sẽ chẳng bao giờ tìm được một vương phi như thiếp nữa. Trên cõi trời Ba Mươi Ba, tại vườn Cittalatā có một loài cây leo tên Āsāvati. Trái của nó chứa một thứ tiên tửu, những ai uống rượu ấy một

lần là phải say suốt bốn tháng nằm yên trên thiên tọa. Nó chỉ sinh trái một lần trong một ngàn năm, cho nên các thiên tử dù ham mê rượu nồng vẫn chịu nhịn khát để đón chờ tiên tửu ấy. Họ bảo nhau: "Ta sẽ hái quả cây này", rồi cứ liên tục đến canh chừng cây ấy suốt cả ngàn năm và bảo nhau: "Cây mọc có tốt chăng?" Còn Đại vương, chỉ trong vòng một năm đã sinh lòng bất mãn, hễ ai hái được kết quả của niềm hy vọng là đạt hạnh phúc. Thiếp xin ngài khoan bất mãn vội!

Do vậy, nàng ngâm ba vần kệ đầu:

26. Āsāvati mọc trên vườn thiên giới,
Một ngàn năm chỉ sinh trái một lần,
Chư thiên hằng kham nhẫn mãi chờ trông.

27. Quá hy vọng, Đại vương, đầy ngon ngọt,
Chim hy vọng không bao giờ tổn thất,
Nó đạt tròn mong ước dẫu xa vời.

28. Tâu Đại vương, quá hy vọng ngọt bùi!
Cứ hy vọng, Đại vương, hy vọng mãi!

Vua lại mê say vì lời nàng, rồi triệu tập quần thần một lần nữa và cố đoán tên nàng, cứ mỗi lần đoán mười tên mãi đến khi một năm nữa trôi qua. Song tên nàng vẫn không ở trong số mười lời phỏng đoán kia, nên Bồ-tát từ chối lời vua thỉnh cầu. Nàng lại hiện ra trên khung cửa sổ và vua bảo:

– Thôi nàng ở lại đây, trẫm sắp ra đi.

– Tại sao ra đi, tâu Đại vương?

– Vì trẫm không thể nào đoán ra tên nàng.

– Tâu Đại vương, tại sao ngài không thể đoán ra? Niềm hy vọng không phải là không có thành công. Một con hạc đậu trên đỉnh đồi cũng đạt được mong ước, tại sao ngài không thể đạt được chứ? Tâu Đại vương, hãy kham nhẫn! Một chim hạc đã tìm nơi ăn trong một hồ sen, song nó bay lên tận đỉnh đồi. Nó ở lại đó hôm ấy và hôm sau tự nhủ: "Ta sống thật an lạc tại đỉnh đồi này. Nếu không cần xuống đồi, ta cứ ở đây tìm thức ăn nước uống và đậu tại đây hôm nay thật thích thú biết bao." Chính ngay hôm ấy, Thiên chủ Sakka đã dẹp tan các thần asura và làm chúa tể cõi trời Ba Mươi Ba, tự nhủ: "Mọi mong ước của ta đã đạt được đỉnh cao thành tựu. Hôm nay có ai trong rừng chưa đạt niềm mong ước chăng?" Suy xét như vậy ngài thấy con hạc và nghĩ: "Ta sẽ làm cho niềm mong ước của con hạc được thành tựu." Không xa con hạc đậu có một dòng suối, Thiên chủ đưa con suối đầy thức ăn lên đỉnh đồi, như thế chim hạc không cần đi đâu vẫn có cá ăn nước uống thỏa thích suốt ngày ở nơi ấy. Sau đó, dòng suối đổ xuống và trôi đi xa. Tâu Đại vương, con hạc đã đạt kết quả niềm hy vọng của nó như vậy, tại sao Đại vương sẽ không đạt được kia chứ? Xin Đại vương cứ hy vọng nữa, hy vọng mãi!

Nàng nói và ngâm vần kệ còn lại. Vua nghe chuyện nàng kể, lại say mê sắc đẹp nàng, bị lời nàng lôi cuốn, nên ở thêm một năm nữa để phỏng đoán cả trăm tên nàng. Sau ba năm, vua tìm đến Bồ-tát và hỏi:

– Thưa Tôn giả, tên nàng có nằm trong trăm tên này chăng?

– Thưa Đại vương, ngài không biết tên ấy đâu.

Vua vái chào Bồ-tát và bảo:

– Chúng tôi xin từ giã lên đường.

Và vua ra đi. Thiếu nữ Āsaṁkā lại đứng bên cửa sổ pha lê. Vua trông thấy nàng liền bảo:

– Thôi nàng ở lại, chúng ta sắp lên đường.

– Tại sao thế, tâu Đại vương?

– Nàng làm ta đẹp lòng vì lời nói chứ không phải vì tình yêu của nàng. Ta say mê lời nói dịu ngọt của nàng, nên đã ở đây ba năm ròng, nay ta quyết ra đi.

Rồi vua ngâm các vần kệ sau:

29-30. Lời nói nàng nghe quả thật dịu êm,
Song hành động không thỏa lòng mong đợi,
Hoa hữu sắc vô hương là cỏ dại,
Lời hứa kia dẫu đẹp chẳng thi hành,
Với bạn thân, ta phải ném cho nhanh,
Chẳng đem tặng, cứ để dành mãi mãi,
Tình bạn kia tất nhiên là suy thoái.

31. Ta chỉ nên hứa trước việc mình làm,
Đừng hứa suông những việc chẳng đảm đang,
Nếu ta nói mà không làm phận sự,
Các trí nhân xét xem liền thấy rõ.

32. Đạo quân ta hao tổn, cạn kho lương,
Ta hoài nghi đời sống đã suy tàn,
Đã đến lúc ra đi, đành từ biệt.

Khi nàng Āsaṁkā nghe lời vua liền đáp:

– Tâu Đại vương, ngài biết tên thiếp rồi, ngài vừa nói ra tên ấy. Xin hãy nói cho phụ thân biết tên thiếp và đem thiếp cùng ra đi!

Nói vậy xong, nàng liền ngâm vần kệ:

33. Tâu Đại vương, vừa nói ra tên thiếp,
Hãy đến ngay, cha thiếp nhận cầu hôn.

Vua đến gặp Bồ-tát và nói:

– Thưa Tôn giả, tiểu thư tên là Āsaṁkā.

– Thưa Đại vương, ngài đã biết tên nàng, vậy hãy đem nàng ra đi!

Vua kính lễ Bồ-tát và đến cung pha lê bảo nàng:

– Này, quý cô nương, phụ thân nàng đã gả nàng cho ta, vậy hãy đến đây ngay.

Nàng bảo:

– Tâu Đại vương, thiếp sẽ đi xin phép phụ thân.

Rồi từ cung pha lê, nàng bước xuống đảnh lễ Bồ-tát, được ngài ưng thuận và cho phép ra đi cùng nhà vua. Vua đem nàng về Ba-la-nại, cùng nàng sống hạnh phúc, sinh được thêm nhiều hoàng tử và công chúa. Còn Bồ-tát tiếp tục hành thiền định và tái sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc các sự thật kết thúc, vị Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Āsaṁkā là người vợ cũ kia, vua là vị Tỷ-kheo bất mãn này và vị khổ hạnh chính là Ta.

§381. CHUYỆN CHIM THỨU MIGĀLOPA (*Migālopajātaka*)[5] (*J.* III. 255)

Đường con bay bổng, hỡi con thân...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo bất tuân giới luật.

Bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo:

– Có thật ông bất tuân giới luật chăng?

Vị ấy đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư bảo:

– Không phải ông bất tuân giới luật lần đầu mà xưa kia vì tính ngỗ nghịch không nghe lời khuyên của bậc trí, ông phải mạng vong vì gặp cuồng phong.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm chim thứu (kên kên) tên Aparaṇṇa sống cùng đoàn chim thứu tùy tùng ở Gijjhapabbata (núi Linh Thứu). Con ngài tên Migālopa cường tráng dũng mãnh phi thường. Nó bay cao vượt mức độ các chim thứu khác. Chúng liền kể cho thứu vương nghe con ngài bay quá cao. Ngài gọi Migālopa đến bảo:

– Này con, chúng bảo con bay quá cao. Nếu quả vậy, con tự gây tử vong cho mình đấy.

---

[5] Xem *J.* III. 483, *Gijjhajātaka* (*Chuyện chim thứu*), số §427.

Ngài lại ngâm ba vần kệ:

34. Đường con bay bổng, hỡi con thân,
Cha thấy chúng sao thật bất an,
Con vụt lên cao xa quá mức,
Vượt vùng ta sống thật an toàn.

35. Khi đất chỉ là một bãi vuông,
Hiện ra phía trước mắt con trông,
Thì nên quay lại thôi con nhé,
Đừng táo bạo bay vút giữa không.

36. Chim sải cánh bay tận cõi không,
Chúng thường gặp bão tố cuồng phong,
Khi đang nỗ lực lên cao mãi,
Vì chúng kiêu căng phải mạng vong.

37-38. Khinh lời khuyên nhủ thật khôn ngoan,
Của đấng lão thân, gặp hắc phong,
Tên gọi Verambā bão tố,
Vợ con, gia sản phải tan hoang.

39. Do vậy những ai chẳng chú tâm,
Nghe lời huynh trưởng vẫn khuyên răn,
Như chim kiêu mạn bay đi lạc,
Bất phục lệnh trên gặp tử thần.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Migālopa là Tỷ-kheo bất tuân giới luật và thứu vương Aparaṇṇa chính là Ta.

§382. CHUYỆN THIÊN NỮ SIRI VÀ KĀḶAKAṆṆĪ

(*Sirikāḷakaṇṇijātaka*) (*J.* III. 257)

Ai đây xanh thẳm hóa đen huyền...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Từ thời ông được an trú vào quả Dự lưu, ông hành trì ngũ giới trọn vẹn. Tất cả vợ con, gia nhân của ông đều làm như vậy.

Một hôm, tại pháp đường, Tăng chúng bắt đầu thảo luận xem ông Cấp Cô Độc và gia quyến ông có giữ Thánh đạo thanh tịnh chăng. Bậc Đạo sư bước vào và được hội chúng trình bày đề tài ấy, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, các bậc trí thời xưa cũng đã giữ cho toàn gia quyến được thanh tịnh.

Và Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một thương nhân, bố thí, trì giới và toàn thể con cháu, gia nhân trong nhà cũng làm như vậy. Cho nên ngài được gọi là thương nhân Suciparivāra (toàn gia thanh tịnh). Ngài suy nghĩ: "Nếu có vị nào giữ giới đức thanh tịnh hơn ta đến đây, và ta mời vị ấy ngồi trên ghế của ta hay nằm trên giường của ta thì không thích hợp, mà ta phải mời ngồi trên bảo tòa thanh tịnh chưa ai dùng." Như thế, ngài dặn gia nhân chuẩn bị một bảo tòa và một bảo sàng mới nguyên đặt vào một bên khách sảnh đặc biệt của ngài.

Vào thời ấy, trên cõi trời Tứ Thiên Vương có hai nàng tiên là: Kāḷakaṇṇī (Bất Hạnh), ái nữ của Virūpakkha (Quảng Mục Thiên vương); và Sirī (Hạnh Phúc), ái nữ của Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên vương) cùng đem nhiều vòng hoa và hương liệu đi đến hồ Anotatta để vui chơi tại đó.

Bấy giờ, tại hồ đó có nhiều chỗ tắm. Chư Phật có chỗ tắm riêng, các vị Độc Giác Phật có chỗ riêng, các Tỳ-kheo có chỗ riêng, các thiên tử sáu tầng trời dục giới (trong đó có Tứ Thiên Vương an trú ở tầng thứ nhất) có chỗ riêng và các thiên nữ có chỗ riêng. Hai thiên nữ này đến đấy và bắt đầu tranh cãi xem ai được tắm trước. Kāḷakaṇṇī nói:

– Ta ngự trì cõi trần, ta tắm trước mới hợp lý.

– Ta cai quản con đường giới hạnh đem lại địa vị tối cao của nhân loại. Ta tắm trước mới hợp lý.

Sirī đáp. Sau đó cả hai đều nói:

– Tứ Thiên vương sẽ biết giữa hai ta ai sẽ phải tắm trước.

Thế là hai nàng đi hỏi các Thiên vương rằng ai giữa hai nàng xứng đáng tắm trước tại hồ Anotatta. Hai Thiên vương Dhataraṭṭha và Virūpakkha đáp:

– Chúng ta không thể quyết định được.

Và hai vị giao phận sự ấy cho Virūḷha (Tăng Trưởng Thiên vương) và Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn Thiên vương). Hai vị này cũng bảo:

– Chúng ta không quyết định được, chúng ta muốn đưa chuyện đến bệ kiến Thiên chủ.

Rồi hai vị đưa chuyện đến Thiên chủ Sakka (Đế-thích). Thiên chủ nghe chuyện, thầm nghĩ: "Hai nàng này là ái nữ của Thiên vương chư hầu của ta, ta không thể quyết định được chuyện ấy", và bảo hai nàng:

– Tại thành Ba-la-nại có một thương nhân tên gọi Suciparivāra, trong nhà vị ấy có đặt sẵn một bảo tòa và một bảo sàng mới nguyên, nàng nào có thể nằm ngồi ở chỗ ấy trước thì xứng đáng là người được tắm trước.

Kāḷakaṇṇī nghe vậy lập tức khoác y phục màu xanh, tẩm dầu thơm màu

xanh và tô điểm nữ trang màu xanh (màu xanh tượng trưng cho điềm xấu). Rồi từ thiên giới, nàng giáng trần trên một thạch bàn do chiếc cung thần bắn ra. Sau canh giữa đêm, nàng trụ trên không, tỏa ra một làn ánh sáng xanh không xa vị thương nhân đang nằm trên một bảo tòa trong khách sảnh đặc biệt của lâu đài. Vị thương nhân nhìn lên thấy nàng, song đối với ngài, nàng không có vẻ nhân từ, khả ái. Ngài liền ngâm vần kệ đầu nói chuyện với nàng:

40. Ai đây xanh thẫm hóa đen huyền,
Không khả ái đâu trước mắt nhìn,
Con gái nhà ai, nàng ấy nhỉ,
Làm sao ta biết, hỡi cô tiên?

Nghe lời này, Kāḷakaṇṇī ngâm vần kệ thứ hai:

41. Quảng Mục Thiên vương chính phụ thân,
Kāli là bất hạnh, tai ương,
Xin ngài cho một phòng lưu trú,
Kề cận ngài như dạ ước mong.

Sau đó, Bồ-tát đáp vần kệ thứ ba:

42. Nàng vẫn sống theo giới hạnh gì?
Đường nào nhân thế bước chân đi?
Đây là câu hỏi xin nàng đáp,
Ta muốn chú tâm để lắng nghe.

Nàng lại ngâm vần kệ thứ tư, giải thích các đặc tính của nàng:

43. Giả dối, buông lung, cáu kỉnh luôn,
Vong ân, tật đố, dạ xan tham,
Ác nhân, ta giúp thành công để,
Thắng lợi làm cho chúng diệt vong.

Nàng còn ngâm thêm vần kệ thứ năm, thứ sáu và thứ bảy:

44-46. Sân hận lại còn thân thiết hơn,
Giao tranh, phỉ báng, lẫn hung tàn,
Kẻ ngu không biết người lương thiện,
Oán ghét lời khuyên, lẫn thiện nhân.
Người nào hành động trí ngu si,
Bằng hữu thảy đều phải chán chê,
Kẻ ấy với ta là bạn đó,
Ta tìm lạc thú ở người kia.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ tám khiển trách nàng:

47. Kāli, nàng hãy bước đi ngay,
Chẳng có gì vui thú ở đây,
Hãy đến các kinh thành xứ khác,
Biến cho nhanh ra khỏi chốn này!

Kāḷakaṇṇī nghe vậy, buồn rầu ngâm vần kệ đáp lời:

48. Ta vẫn biết ngài rõ lắm thay,
Không gì vui thú ở nơi đây,
Những người ác tạo nhiều mưu kế,
Huynh đệ ta làm biến mất ngay.

Khi nàng đã đi rồi, thiên nữ Sirī xuất hiện với y phục, dầu thơm, nữ trang toàn màu rực rỡ ngay trước cửa phòng khách, vừa tỏa ra một làn ánh sáng toàn màu vàng, nàng đứng trên đất bằng hai chân vững chắc và dáng điệu kính cẩn. Bồ-tát thấy nàng liền ngâm hai vần kệ đầu:

49. Ai đây màu sáng chói thiên thần,
Trên đất bình yên, dáng thật chân,
Con gái nhà ai, nàng ấy nhỉ,
Làm sao ta biết, hỡi tiên nương?

Sirī nghe vậy liền đáp vần kệ thứ hai:

50. Trì Quốc Thiên vương chính phụ thân,
Ta là Hạnh Phúc, trí am tường,
Thế nhân tán tụng, xin an trú,
Để sánh cùng ngài dạ ước mong.

Sau đó ngài hỏi:

51. Nàng vẫn sống theo giới hạnh gì?
Đường nào nhân thế bước chân đi?
Đây là câu hỏi xin nàng đáp,
Ta muốn chú tâm để lắng nghe.

Sirī đáp lại:

52. Người nào dù nóng, lạnh, phong ba,
Đói khát, ruồi gây bệnh, độc xà,
Phận sự ngày đêm làm trọn vẹn,
Ta luôn quý mến, hợp cho ta!

53. Nhã nhặn, thiết thân, hạnh chánh chơn,
Khoan dung, thẳng thắn, tánh không gian,
Đàng hoàng, thiện cảm, lời hiền dịu,
Đạt địa vị cao vẫn nhún nhường,
Có người nam ấy, ta thành trưởng,
Như sóng vỗ cao giữa đại dương.

54. Người nào đối bạn hay cừu nhân,
Đối với người hơn, kém, hoặc bằng,
Có lợi ích hay là chẳng lợi,
Mập mờ đối đãi hoặc công minh,

Người không hề nói lời thô lỗ,
Ta thuộc người này, dẫu tử sinh.

55. Song nếu kẻ ngu được mến thương,
Lại sinh ngạo mạn với kiêu căng,
Con đường bất thiện đầy ngoan cố,
Ta tránh xa như một vũng bùn.

56. Ai có một trong đức tánh trên,
Mà kiêu mạn, thiểu trí cho rằng,
"Sirī yêu dấu mê ta lắm!"
Ta sẽ tránh người như tránh phân.

Đó là lời giải đáp của Sirī khi được vị thương nhân hỏi. Bồ-tát hoan hỷ trước lời nàng, liền bảo:

– Đây là sàng tọa thanh tịnh, xứng đáng dành cho nàng. Hãy nằm ngồi lên đó!

Nàng ở lại đến sáng hôm sau giã từ về cõi trời Tứ Thiên Vương và tắm trước tiên tại hồ Anotatta. Sàng tọa được Sirī dùng tên là Sirisaya. Đó là nguồn gốc của từ *sirisayana* (bảo tòa, vương sàng) và vì lý do đó, nó được gọi như vậy cho đến ngày nay.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, thiên nữ Sirī là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) và thương nhân Suciparivāra chính là Ta.

§383. CHUYỆN KÊ VƯƠNG (*Kukkuṭajātaka*)[6] (*J.* III. 265)

Chim có cánh hồng sáng rực sao...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo mơ tưởng đời thế tục.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Tại sao ông mơ tưởng đời thế tục?

– Bạch Thế Tôn, chính vì tham dục con đã trông thấy một nữ nhân trang sức diễm lệ.

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân cũng như mèo cái, thường dối lừa và tán tỉnh để làm hại kẻ nào đã rơi vào uy lực của họ.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

[6] Xem *J.* III. 133, *Vānarajātaka* (*Chuyện con khỉ*), số §342; *J.* III. 437, *Sulasājātaka* (*Chuyện kiều nữ Sulasā*), số §419; *J.* IV. 56, *Kukkuṭajātaka* (*Chuyện kê vương*), số §448.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm gà trống sống trong rừng với đoàn tùy tùng hàng trăm gà trống khác. Không xa đó có một con mèo cái. Nó đã dùng nhiều mưu kế dụ dỗ nhiều gà trống để ăn thịt, ngoại trừ Bồ-tát, song Bồ-tát vẫn không rơi vào mãnh lực của nó. Mèo cái nghĩ thầm: "Con gà trống này thật tinh khôn, song nó biết đâu là ta cũng tinh khôn và đầy phương tiện tinh xảo. Nếu ta dụ dỗ nịnh hót nó và bảo: 'Thiếp muốn làm vợ chàng', rồi sẽ ăn thịt nó khi nó rơi vào tay ta thì tốt biết bao."

Mèo cái liền đến dưới gốc cây nơi gà trống đậu vừa khẩn cầu gà bằng giọng lưỡi tán tụng vẻ đẹp của gà trống vừa ngâm vần kệ đầu:

57. Chim có cánh hồng sáng rực sao,
Mồng cao rũ xuống đẹp dường bao,
Thiếp nay ước muốn nên chồng vợ,
Bỏ cây xuống với thiếp đây nào!

Bồ-tát nghe vậy suy nghĩ: "Nó đã ăn thịt tất cả họ hàng nhà ta, nay nó lại muốn phỉnh nịnh ta để ăn ta luôn. Ta quyết tìm cách tống nó đi." Vì thế, ngài ngâm vần kệ thứ hai:

58. Cô nàng quyến rũ, đẹp xinh ôi!
Nàng có bốn chân, tôi chỉ hai,
Chim, thú không bao giờ kết hợp,
Hãy tìm chàng khác thật cân đôi.

Mèo cái liền nghĩ: "Gà trống này tinh khôn khác thường, ta phải quyết dùng mưu này kế nọ dụ nó và ăn thịt nó mới được." Vì thế, nó ngâm vần kệ thứ ba:

59. Thiếp dâng chàng sắc đẹp thanh xuân,
Lời nói dịu êm nhã nhặn luôn,
Làm vợ quý yêu hay thị nữ,
Tùy nghi đối xử hợp phu quân.

Sau đó, Bồ-tát lại nghĩ: "Tốt nhất là phải mạ lỵ nó và tống cổ nó đi nơi khác", ngài liền ngâm vần kệ thứ tư:

60. Con mèo hút máu họ nhà gà,
Cướp giết bạo tàn thật xấu xa,
Vợ quý ư? Không hề quý trọng,
Trong lòng mèo lúc tán dương ta.

Mèo cái bị tống đi, từ đó không còn dám nhìn mặt gà được nữa.

***

61. Vậy khi chúng thấy một anh hùng,
Cả bầy nhi nữ thật tinh khôn,
Cố tìm cách để hòng lôi cuốn,
Cứ xem mèo cái với kê vương.

62. Ai không đối phó trước nguy nan,
Đành phải ngã dài ở dưới chân,
Cúi mặt phục tùng ngay địch thủ,
Trong niềm uất hận lẫn đau buồn.

63. Người kịp thời xem xét sự tình,
Gian nguy xảy đến số phần mình,
Như gà trống lánh xa mèo cái,
Cừu địch kia cần tránh thật nhanh.

Đây là các vần kệ phát xuất từ trí tuệ tối thắng của đức Phật.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân. Vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thuở ấy, Ta chính là vua gà ấy.

§384. CHUYỆN PHÁP ẤN (*Dhammaddhajajātaka*)[7] (*J.* III. 267)

Hành trì đức hạnh, hỡi chư huynh...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo lừa dối. Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, kẻ này không chỉ lừa dối lần đầu tiên.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm một con chim. Khi lớn lên ngài sống giữa bầy chim tùy tùng của ngài trên một đảo giữa biển cả.

Một hôm, có đoàn thương nhân đem theo một con quạ và khởi hành ra khơi, đến giữa biển tàu bị chìm. Con quạ bay đến đảo này, nghĩ thầm: "Đây có cả đàn chim lớn, nếu ta dùng kế lừa gạt chúng rồi ăn thịt cả trứng lẫn chim non thì hay biết bao." Thế rồi, nó bay xuống giữa bầy chim, vừa há mỏ vừa đứng một chân trên mặt đất. Bầy chim hỏi:

– Thưa tôn giả, ngài là ai?

– Ta là một thánh giả.

– Tại sao ngài chỉ đứng một chân?

– Nếu ta đặt chân kia xuống, quả đất không thể chịu đựng nổi ta.

---

[7] Tham chiếu: *Dh.* v. 168-169; *Pháp cú kinh* "Thế tục phẩm" 法句經世俗品 (*T.*04. 0210.21. 0566a19); *Xuất diệu kinh* "Phóng dật phẩm" 出曜經放逸品 (*T.*04. 0212.5. 0641c17); *Xuất diệu kinh* "Lạc phẩm" 出曜經樂品 (*T.*04. 0212.31. 0753a10); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Phóng dật phẩm" 法集要頌放逸品 (*T.*04. 0213.4. 0779a01); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Lạc phẩm" 法集要頌經樂品 (*T.*04. 0213.30. 0794a16).

– Thế tại sao ngài vừa đứng vừa há mỏ?

– Ta không ăn thực phẩm gì cả, chỉ hút gió.

Cùng với lời này, quạ gọi bầy chim lại bảo:

– Ta sẽ thuyết giáo cho các anh, hãy lắng nghe!

Rồi quạ ngâm vần kệ đầu để giảng giáo lý:

64. Hành trì đức hạnh, hỡi chư huynh,
Cầu chúc chư huynh đệ phước lành!
Ta nói lại: Hành trì đức hạnh,
Đời này, đời kế đạt an bình.

Đàn chim không biết quạ nói thế với âm mưu lừa dối chúng để ăn trứng chim, liền ca ngợi quạ và ngâm vần kệ thứ hai:

65. Chim này chánh hạnh, phước ân tràn,
Thuyết giảng chỉ cần đứng một chân.

Bầy chim đầy tin tưởng con quạ gian ác này, liền bảo:

– Thưa tôn giả, ngài không cần thực phẩm gì cả, chỉ cần hút gió mà sống, vậy xin ngài canh chừng lứa trứng này và bầy chim non của chúng tôi.

Như thế, chúng bay đi đến nơi ăn thường lệ. Khi chúng đã đi xa, con quạ độc ác này ăn đầy một bụng cả trứng lẫn chim non. Rồi khi bầy chim trở lại, nó liền đứng yên lặng trên một chân và há mỏ ra.

Đàn chim khi bay về tổ không thấy lũ chim non, liền kêu thét lên:

– Ai có thể ăn chúng rồi chứ?

Song chúng lại bảo nhau:

– Ông quạ này là một bậc thánh mà!

Chúng không nghi ngờ gì con quạ cả. Sau đó, một hôm, Bồ-tát nghĩ thầm: “Trước đây không có gì nguy hiểm xảy ra, chỉ từ khi có con quạ này đến mới bắt đầu có tai họa, vậy tốt hơn phải thử nó.”

Vì thế, ngài làm như thể sắp bay đi ăn cùng bầy chim kia, rồi ngài quay lại đậu một chỗ kín đáo. Con quạ tin tưởng bầy chim đã bay hết liền đứng lên, đến ăn cả trứng lẫn chim non, xong lại đứng trên một chân, há mỏ ra như cũ. Khi bầy chim bay về, chim chúa tụ tập chúng lại và bảo:

– Hôm nay ta đã quan sát mối hiểm họa đến với đàn con của chúng ta và ta thấy con quạ gian ác này đã ăn thịt chúng, vậy ta quyết bắt nó!

Như thế ngài họp bầy chim vây quanh con quạ và bảo:

– Nếu nó bay đi trốn, ta phải bắt lấy nó!

Rồi ngài ngâm các vần kệ tiếp theo:

66. Các con không biết tính chim này,
Khi tán các con, ngu dại thay!

“Đức hạnh” nó rao “đức hạnh” mãi,
Rồi ăn cả trứng lẫn con bầy!

67. Những điều nó giảng, giọng thanh thanh,
Song bọn chúng không thể thực hành,
“Đức hạnh” nó ồn ào trống rỗng,
Chánh chân của nó chẳng chân thành.

68. Giả dối trong tâm, lưỡi phỉnh phờ,
Nó là rắn hổ lén bò vô,
Nó nhờ áo khoác ngoài lừa gạt,
Dân chúng, vì chúng quá dại khờ.

69. Lấy mỏ, cánh lôi nó đánh ngay,
Xé tan nó với móng chim này.
Đời tàn cho đáng, tên hèn hạ,
Phản bội niềm tin chính nghĩa đây.

Cùng với những lời này, chính chim chúa vụt bay lên lấy mỏ đánh vào đầu quạ và cả đàn chim cũng lấy mỏ và chân đánh quạ cho đến chết.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con quạ là Tỷ-kheo lừa dối này và chim chúa chính là Ta.

§385. CHUYỆN LỘC VƯƠNG NANDIYA

(***Nandiyamigajātaka***) (*J.* III. 270)

Bà-la-môn, ngài có vào ngự uyển...

Bậc Đạo sư kể chuyện này tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình.

Ngài hỏi vị Tỷ-kheo:

– Có thật là ông phụng dưỡng người thế tục?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Họ là ai?

– Bạch Thế Tôn, đó là cha mẹ con.

– Tốt lành thay, tốt lành thay, này Tỷ-kheo, ông duy trì giới luật của các trí nhân ngày xưa, vì các vị ấy ngay khi sinh làm súc vật cũng hy sinh tính mạng vì cha mẹ!

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, lúc vua nước Kosala cai trị dân chúng tại Sāketa (Oudh), Bồ-tát được sinh làm con nai. Khi lớn lên, ngài có tên là Nandiyamiga (Hỷ Lộc) với tính tình và đức hạnh ưu thắng, ngài phụng dưỡng song thân của mình.

Vua nước Kosala có ý thích săn bắn, hằng ngày đi vào rừng cùng một đoàn tùy tùng đông đảo, vì thế dân chúng không thể làm nghề canh tác và nghề thương mãi của họ được. Họ tụ tập nhau bàn luận:

– Này các ông, đức vua của chúng ta đang hủy hoại nghề nghiệp của chúng ta, đời sống gia đình ta đang tàn tạ, nên chăng là chúng ta phải rào lâm viên Añjanavana lại, làm một cổng lớn, đào một hồ nước và gieo cỏ mọc lên, rồi vào rừng cầm gậy trong tay, đập vào các bụi rậm, như thế đuổi được bầy nai ra và đưa chúng đi vào lâm viên ở như bầy bò trong chuồng? Sau đó, chúng ta đóng cổng lại, trình đức vua việc ấy và đi làm công việc của chúng ta?

– Đó là cách ta phải làm.

Họ bảo nhau. Và họ đồng ý chuẩn bị lâm viên sẵn sàng, rồi vào rừng rào một khoảng rộng mỗi bề một dặm. Lúc ấy, Nandiya đã đem cha mẹ vào một bụi cây nhỏ và nằm xuống đất. Dân chúng cầm khiên mộc, vũ khí bao vây bụi rậm kề sát nhau, một vài người bước vào tìm. Nai Nandiya thấy họ liền nghĩ: "Thật tốt là ta sẽ hy sinh tính mạng mình hôm nay để cứu cha mẹ." Như thế, nai đứng dậy chào cha mẹ và nói:

– Thưa cha mẹ, đám người này sẽ trông thấy cả ba chúng ta nếu họ vào trong bụi, cha mẹ chỉ có thể sống sót được bằng một cách duy nhất, và mạng sống cha mẹ là tối thượng. Con sẽ hy sinh tính mạng của con vì cha mẹ, bằng cách đứng bên bờ bụi cây và chạy ra ngay khi họ đập vào bụi, sau đó họ sẽ nghĩ rằng chỉ có một con nai nhỏ trong bụi nhỏ này thôi, và sẽ không bước vào trong. Vậy cha mẹ hãy cố hết sức thận trọng!

Thế là nai xin được phép đứng lên sẵn sàng chạy ra.

Ngay khi bụi cây bị đám người đứng bên ngoài bờ đập mạnh và la hét, nai vụt chạy ra nên họ nghĩ rằng chỉ có một con nai trong ấy và không bước vào trong. Nandiya cùng đi với đám nai kia, được đám người ấy xua vào trong lâm viên, rồi họ đóng cổng lại và trình lên đức vua xong xuôi, họ trở về nhà. Từ đấy, bao giờ vua cũng tự mình đi bắn nai, rồi hoặc vua mang nai về, hoặc truyền người đi tìm nó mang về.

Bầy nai chuẩn bị chờ đến phiên mình, con nào đến phiên phải đứng sang một bên, rồi họ mang nó đi khi nó đã bị bắn chết. Nandiya cứ uống nước trong hồ và ăn cỏ, nhưng chưa đến phiên mình. Nhiều ngày sau cha mẹ ngài mong muốn gặp con, liền nghĩ: "Con ta Nandiya là lộc vương, mạnh khỏe như voi và hoàn toàn tráng kiện. Nếu còn sống chắc chắn nó sẽ nhảy rào về thăm chúng ta rồi." Vì thế hai vị đứng bên vệ đường, vừa thấy một Bà-la-môn, liền hỏi bằng giọng người:

– Thưa Tôn giả, ngài đi đâu thế?

Vị ấy đáp:

– Đi Sāketa.

Nghe vậy, hai vị muốn nhắn đôi lời cho con bèn ngâm vần kệ đầu:

70. Bà-la-môn, ngài có vào ngự uyển,
Khi ngài đi qua xứ Oudh kinh đô,
Xin tìm Nandiya yêu dấu của ta,
Và nhắn gửi một đôi lời chân thật,
"Qua tháng năm cha mẹ già kiệt lực,
Lòng khát khao mong mỏi đợi con về."

Vị Bà-la-môn bảo:

– Được lắm!

Và ông nhận lời.

Ngày hôm sau ông đi đến Sāketa, vào vườn ngự uyển và hỏi lớn:

– Nai nào là Nandiya?

Nai chúa đến gần ông và bảo:

– Ta đây!

Vị Bà-la-môn nói lại lời nhắn kia, Nandiya nghe vậy đáp:

– Này Bà-la-môn, ta có thể ra đi. Chắc chắn ta có thể nhảy rào trốn đi. Song ta đã thọ hưởng thức ăn nước uống đầy đủ của đức vua và việc ấy đối với ta như một món nợ. Ngoài ra, ta đã sống lâu nay với bầy nai này, thật không hợp lý nếu ta ra đi mà không làm ích lợi cho đức vua và bầy nai nữa, hoặc không chứng tỏ sức mạnh của ta. Vậy khi nào đến phiên ta, ta sẽ làm lợi ích cho cả người lẫn vật rồi an vui trở về.

Để giải thích điều này, ngài ngâm hai vần kệ:

71-72. Ta đội ơn vua, ăn uống tràn trề,
Chưa đi được, chờ khi làm ích lợi.
Trước cung vua, ta sẽ giơ sườn đợi,
Rồi về thăm cha mẹ để thanh minh.

Vị Bà-la-môn nghe lời này liền bỏ đi.

Sau đó, vào ngày đến lượt nai chúa, vua cùng đoàn tùy tùng đông đảo vào vườn ngự uyển. Bồ-tát đứng sang một bên. Vua bảo:

– Ta sẽ bắn nai này.

Và vua lắp một mũi tên nhọn vào dây cung. Bồ-tát chẳng bỏ chạy như các con nai khác khi sợ chết, mà lòng đầy can đảm và lấy từ ái làm kim chỉ nam. Ngài đứng yên phô bày bộ xương sườn thật cường tráng.

Do động lực của từ tâm ấy, vua không thể thả mũi tên ra. Bồ-tát bảo:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương không bắn? Xin hãy bắn đi!

– Này lộc vương, trẫm không thể bắn được.

– Tâu Đại vương, thế thì xin hãy xem các công đức của người giữ giới hạnh.

Sau đó, vua hoan hỷ với lời của Bồ-tát, liền thả cung xuống và bảo:

– Khúc gỗ vô tri giác này không biết đức độ của nai chúa, chứ trẫm là người có tri giác lẽ nào không hiểu? Hãy tha thứ cho trẫm, nay trẫm cho nai chúa được bình an.

– Tâu Đại vương, ngài cho ta được bình an, song còn cả đàn nai trong ngự viên này thì sao?

– Trẫm cũng sẽ cho chúng bình an nữa.

Như vậy, sau khi tạo được bình an cho tất cả bầy nai trong lâm viên, chim muông trên trời và bầy cá dưới nước, theo cách được miêu tả trong *Chuyện con nai Nigrodha*,[8] Bồ-tát làm vua an trú vào ngũ giới và bảo:

– Tâu Đại vương, tốt lành thay cho một đức vua cai trị quốc độ bằng cách từ bỏ mọi ác đạo, không xâm phạm thập vương pháp (mười đức tính của vị vua) và hành động chân chánh:

Bố thí, nhân từ, đức hạnh, công bình,
Thân ái, nhu mì, ôn hòa, nhẫn nhục,
Ăn năn, bi mẫn, là mười giới đức,
Ta thấy luôn vững chắc ở trong tâm,
Từ đó khởi sinh cả một từ ân,
Thật hoàn thiện và nội thân an lạc.

Cùng với những lời này, ngài nêu rõ mọi đức tính của một vị vua hiền qua hình thức một lời kệ. Sau vài ngày ở lại cùng nhà vua, ngài ra lệnh truyền một chiếc trống bằng vàng đi khắp kinh thành, công bố lời hứa bình an cho mọi loài. Sau đó, ngài bảo:

– Xin Đại vương hãy cẩn trọng phòng hộ!

Rồi ngài ra về thăm cha mẹ.

73-75. Xưa ta chính lộc vương trong xứ Oudh,
Tánh và danh là Hoan Hỷ, Nandiya,
Muốn giết ta trong ngự uyển, ngày kia,
Đức vua đến, tên nằm trên dây sẵn.
Ta phơi sườn trước tên vua đòi bắn,
Rồi về thăm cha mẹ để thanh minh.

Đây là những vần kệ phát sinh từ trí tuệ tối thắng của bậc Giác ngộ.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc các sự thật kết thúc, vị Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, song thân là phụ vương và mẫu hậu trong hoàng gia, vị Bà-la-môn là Sāriputta, vua là Ānanda và Ta chính là lộc vương.

---

[8] Xem *J.* I. 144, *Nigrodhamigajātaka* (*Chuyện con nai Nigrodha*), số §12.

II. PHẨM SENAKA
(*SENAKAVAGGA*)[9]

§386. CHUYỆN CON LỪA (*Kharaputtajātaka*) (*J.* III. 275)

Bậc trí bảo dê quả thật ngu...

Bậc Đạo sư kể chuyện này tại Kỳ Viên về sự cám dỗ của người vợ cũ đối với một Tỷ-kheo.

Khi Tỷ-kheo ấy thú nhận rằng mình đang mơ tưởng đời thế tục, bậc Đạo sư bảo:

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân này đang làm hại ông, ngày xưa ông cũng đã nhảy vào lửa vì kẻ ấy và đã được các trí nhân cứu mạng.

Rồi Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Senaka trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là Thiên chủ Sakka, Vua Senaka kết thân với một vua rắn thần (*nāga*). Tương truyền, vị vua rắn này thường rời thế giới nāga đi quanh quẩn trên cõi đất kiếm mồi. Bọn trai làng thấy vậy bảo nhau:

– Đây là con rắn.

Rồi chúng lấy đất đá đập rắn. Nhân lúc vua đang du ngoạn trong ngự viên thấy chúng và nghe chúng đang đánh một con rắn, liền bảo:

– Đừng cho chúng đánh rắn, đuổi chúng đi.

Và lệnh này được thi hành ngay. Do đó, vua rắn được cứu mạng, khi trở về thế giới nāga, vị ấy lấy nhiều châu báu, rồi nửa đêm đi đến cung thất vua dâng các tặng vật và thưa:

– Tiểu thần được ngài cứu mạng.

Từ đó, vị ấy kết giao với vua nên cứ lui tới yết kiến ngài.

Vua rắn truyền lệnh cho một cung nữ nāga, vốn tham đắm dục lạc vô độ, đến hầu cận vua và bảo vệ ngài. Vua rắn còn cho ngài một câu thần chú và bảo:

– Hễ khi nào ngài không thấy nàng ấy, xin cứ đọc thần chú này.

[9] Bản Tích Lan viết *Senakavagga*. Bản CST viết *Kharaputtavagga*, nghĩa là *Phẩm Con lừa*.

Một hôm, vua vào ngự viên cùng với cung nữ nāga và vui đùa trên hồ sen. Cung nữ nāga nhìn thấy một con rắn nước, liền bỏ lốt người và tình tự với rắn nước. Vua không thấy cô gái, liền hỏi:

– Nàng đi đâu rồi?

Và vua đọc thần chú. Ngay lúc đó, vua thấy tà hạnh của nàng nên lấy gậy tre đánh nàng. Nàng tức giận bỏ về thế giới nāga, và khi được hỏi:

– Tại sao nàng trở về?

– Thân hữu của ngài đánh thiếp trên lưng vì thiếp không tuân lệnh.

Nàng đáp và chỉ vết thương. Vua rắn không biết sự thật, liền gọi bốn thanh niên nāga ra lệnh cho họ vào vương thất Vua Senaka và dùng hơi độc thoát ra từ lỗ mũi để giết vua tan như trấu. Họ vào cung thất đúng giờ đi ngủ. Khi họ vừa đến, vua nói với hoàng hậu:

– Này Ái hậu, nàng có thấy cô gái nāga đâu không?

– Tâu Đại vương, thiếp không thấy.

– Hôm nay, lúc chúng ta đang tắm trong hồ, nàng nāga ấy bỏ lốt người và ân ái với một con rắn nước. Ta bảo đừng làm vậy, rồi đánh cho nó một gậy tre để trừng trị nó; nay ta sợ nó đã có thể trở về thế giới nāga và nói dối trá với thân hữu ta, tiêu hủy luôn thiện chí của vị ấy đối với ta.

Các thanh niên nāga nghe vậy liền quay về thế giới nāga lập tức và tâu trình vua rắn. Vị ấy xúc động liền đến ngay vương thất kể lại mọi chuyện và được vua tha thứ. Sau đó, vị ấy nói:

– Xin cho tôi chuộc lỗi và đền bù bằng cách này.

Rồi trao cho vua một thần chú biết được mọi thứ âm thanh:

– Tâu Đại vương, đây là một thần chú vô giá, nếu ngài cho ai thần chú này, lập tức ngài sẽ nhảy vào lửa mà chết.

– Quý báu thay!

Vua đáp và nhận thần chú.

Từ đó, vua hiểu được mọi tiếng nói, thậm chí cả tiếng loài kiến. Một hôm, ngài ngự trên bảo tòa ăn các thứ bánh cứng với mật ong và mật mía. Rồi một giọt mật ong, một giọt mật mía và một miếng bánh rơi xuống đất. Một con kiến thấy vậy liền kêu lên:

– Bình mật ong của vua bị vỡ trên bảo tòa rồi, xe mật mía và xe bánh đổ rồi. Mau mau đến ăn mật ong, mật mía và bánh ngọt, các bạn.

Vua nghe tiếng kêu ấy bật cười lớn. Hoàng hậu ngồi gần nghĩ thầm: "Chúa thượng thấy gì khiến ngài cười to vậy?"

Khi vua đã ăn phần thực phẩm cứng ấy, đã tắm mát xong, lại ngồi xếp bằng, một con ruồi bảo vợ nó:

– Này nàng ơi, chúng ta hãy ân ái cùng nhau!

– Này phu quân, xin hãy thứ lỗi cho thiếp, một lát nữa, nô tỳ đem hương liệu đến dâng đức vua, trong khi ngài xoa thân thể, một vài bụi phấn sẽ rơi xuống chân, thiếp sẽ đậu ở đó cho thơm tho rồi chúng ta sẽ ân ái cùng nhau trên lưng ngài.

Vợ nó đáp. Vua nghe tiếng ruồi liền bật cười lần nữa. Hoàng hậu lại nghĩ: "Ngài đã trông thấy gì khiến ngài cười lớn vậy?"

Lần khác, khi vua đang dùng bữa tối, một cục cơm rớt xuống đất, bầy kiến kêu to:

– Một xe cơm đã đổ trong cung vua, thế mà chẳng có ai ăn hết.

Vua nghe vậy lại cười lớn, hoàng hậu cầm chiếc muỗng vàng dâng thức ăn cho vua, suy nghĩ: "Có phải vì thấy ta mà Chúa thượng cười ta chăng?" Bà về hậu cung với nhà vua và đến giờ ngủ, bà hỏi:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương cười lớn ban nãy?

– Nàng có liên hệ gì đến việc ta cười ư?

Song cứ nghe hỏi đi hỏi lại mãi, vua đành kể chuyện cho bà. Sau đó, bà bảo:

– Cho thiếp thần chú hiểu biết âm thanh đó đi.

– Không thể được.

Ngài đáp. Song dù bị từ chối nhiều lần, bà vẫn thúc giục vua. Vua đáp:

– Nếu ta cho nàng thần chú này, ta sẽ chết mất.

– Dù Đại vương có từ trần đi nữa, cũng cứ cho thiếp thần chú ấy đi mà.

Vua bị mãnh lực nữ nhân thôi thúc, đành chấp nhận bảo:

– Thôi được.

Rồi vua ngự lên vương xa đi vào ngự viên và nói:

– Ta sẽ nhảy vào lửa sau khi cho thần chú này.

Ngay lúc ấy, Thiên chủ Sakka nhìn xuống cõi đất và thấy việc này, ngài bảo:

– Hôn quân si ám này biết mình sắp nhảy vào lửa do áp lực nữ nhân, hiện đang ra đi; vậy ta hãy cứu mạng vua ấy.

Vì thế, ngài đem theo Sujā, ái nữ của vua loài asura cùng xuống thành Ba-la-nại. Ngài biến thành dê đực, còn Sujā biến thành dê cái; rồi quyết định tránh cho dân chúng khỏi thấy hai vị, ngài đứng ngay trước vương xa. Vua và các con ngựa Sindh trông thấy ngài, ngoài ra không ai thấy được. Để khởi đầu câu chuyện, ngài làm như thể ngài đang tình tự với con dê cái. Một con ngựa Sindh kéo xe bảo:

– Này bạn dê, trước kia chúng ta từng nghe chứ chưa từng thấy rằng loài dê thật ngu xuẩn và vô liêm sỉ. Còn nay bạn đang làm việc ấy ngay trước mắt chúng ta, cái việc phải làm nơi kín đáo, riêng tư và không phải xấu hổ vì nó. Những gì chúng ta đã nghe trước kia thật phù hợp với điều chúng ta đang thấy.

Và vì thế, ngựa liền ngâm vần kệ đầu:

76. Bậc trí bảo dê quả thật ngu,
Những lời chân thật tự bao giờ,
Dê này không biết mình phô diễn,
Những việc phải làm kín đáo ư?

Dê nghe vậy, đáp lại hai vần kệ:

77. Này ông ngựa hỡi, nghĩ xem nào,
Rồi thấy là ông ngốc biết bao,
Ông bị buộc dây thừng trói chặt,
Hàm ông tréo, mắt chẳng nhìn cao.

78. Khi được thả ra chẳng chạy ngay,
Vì ông quen thói thật ngu thay,
Vua Senaka ấy ông chuyên chở,
Còn thật ngu hơn cả chú mày!

Vua nghe hiểu câu chuyện giữa hai con vật, liền bảo xe chạy thật nhanh. Con ngựa nghe dê nói chuyện liền ngâm vần kệ thứ tư:

79. Vậy này dê chúa, dám thưa ngài,
Tôi đại ngu, ngài hiểu quá rồi,
Còn chuyện Vua Senaka xuẩn ngốc,
Làm ơn giải thích rõ cho tôi.

Dê ngâm vần kệ thứ năm giải thích việc này:

80. Vua có một kho báu hiển linh,
Lại vì hoàng hậu ném cho nhanh,
Không khuyên hoàng hậu trung thành được,
Đành phải hy sinh tính mạng mình.

Vua nghe lời ấy, liền bảo:

– Này dê chúa, chắc chắn ngài sẽ làm ích lợi cho ta, vậy hãy cho ta biết phải làm gì bây giờ?

Dê đáp:

– Tâu Đại vương, đối với mọi loài hữu tình, không ai thân thiết hơn bản thân mình. Hủy hoại mình và hy sinh danh dự mình đã tạo được vì một vật thân thiết nào đó là điều không ích lợi gì cả.

Rồi dê lại ngâm vần kệ thứ sáu:

81. Như ngài ở địa vị vương quân,
Song phải bỏ ngay niềm ước vọng,
Nếu thân ngài phải chịu thương vong.
Đời người quả thật là quan trọng,
Còn kiếm gì cao hơn bản thân?

Nếu tính mạng duy trì trọn vẹn,
Thì không cần ước vọng cầu mong!

Bồ-tát khuyến giáo vua như vậy. Vua hoan hỷ hỏi:

– Này dê chúa, ngài từ đâu đến đây?

– Thưa Đại vương, ta là Thiên chủ Sakka, đến cứu ngài khỏi chết vì thương tưởng ngài đó.

– Tâu Thiên chủ, trẫm đã hứa cho hoàng hậu thần chú. Vậy nay trẫm phải làm gì?

– Không cần phải làm gì tổn hại đến hai vị. Chỉ cần ngài bảo: "Đây là cách được thần chú", rồi sai người đánh bà ấy vài roi; nhờ cách này, bà ấy sẽ không đòi nó nữa.

– Tốt lắm!

Vua đồng ý ngay. Sau khi khuyến cáo vua xong, Bồ-tát trở về cõi trời. Còn vua vào ngự viên, triệu hoàng hậu đến chầu và bảo:

– Này Hoàng hậu, nàng muốn có thần chú chăng?

– Tâu Chúa thượng, vâng.

– Vậy thì hãy theo thông lệ này.

– Thông lệ nào thế?

– Một trăm roi trên lưng nhưng không được kêu la.

Bà hoàng đồng ý vì quá ham mê thần chú. Vua bảo các nữ tỳ lấy roi đánh hai bên hông bà. Bà chỉ chịu được hai ba roi rồi kêu lớn:

– Thiếp không muốn thần chú nữa!

Vua bảo:

– Nàng đã có thể giết ta chỉ vì muốn có thần chú ấy.

Rồi vua tự tay đánh trầy da lưng hoàng hậu và đuổi đi. Từ đó về sau bà chẳng dám nói đến chuyện ấy nữa.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc các sự thật kết thúc, vị Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là vị Tỷ-kheo bất mãn, hoàng hậu là vợ cũ vị ấy, con ngựa là Sāriputta và Thiên chủ Sakka chính là Ta.

§387. CHUYỆN CÂY KIM (*Sūcijātaka*) (*J.* III. 281)

Xâu nhanh, trơn láng, thẳng ngay...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự thành tựu Tối

thắng trí. Câu chuyện sẽ được nói rõ trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*.[10] Bậc Đạo sư bảo chúng Tăng:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai có trí tuệ và nhiều phương tiện thiện xảo.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh ở quốc độ Kāsi trong nhà một thợ rèn và khi lớn lên ngài rất tinh thông nghề này. Cha mẹ ngài rất nghèo. Không xa làng này có một làng khác gồm một ngàn nhà. Người trưởng nghiệp đoàn của cả ngàn thợ rèn này là người được vua ân sủng, giàu tiền của và thế lực. Con gái vị này cực kỳ diễm lệ, chẳng khác nào một thiên nữ, đầy đủ mọi hảo tướng cát tường của một mệnh phụ phu nhân. Nhiều người từ các làng xung quanh đến nhờ rèn dao kiếm, rìu búa, lưỡi cày, gậy nhọn... đều trông thấy nàng.

Khi họ trở về làng, họ ca tụng sắc đẹp của nàng ở những nơi có đàn ông tụ tập và nhiều nơi khác. Chỉ mới nghe nói về nàng thôi, Bồ-tát đã cảm thấy say mê và nghĩ thầm: "Ta sẽ lấy nàng làm vợ." Vì thế, ngài lựa thứ sắt tốt nhất, làm một cây kim thật cứng và mạnh có thể đâm thủng con xúc xắc và nổi trên nước. Rồi ngài làm một cái bao bọc ngoài nó cùng thứ sắt ấy và cũng đâm thủng con xúc xắc với bao kim kia. Theo cách ấy, ngài làm bảy cái bao kim, phương pháp ngài làm chúng ra sao không được tiết lộ, vì việc ấy thành tựu nhờ trí tuệ hiểu biết vĩ đại của ngài. Sau đó, ngài đặt kim vào ống và để ống vào một cái hộp, ngài đi vào làng kia hỏi đường đến nhà trưởng phường thợ rèn. Rồi đứng tại cửa nhà ấy, ngài hỏi:

– Ai muốn mua cây kim loại đặc biệt này của tôi đổi lấy tiền chăng?

Và vừa đứng cạnh nhà ông trưởng phường thợ rèn, ngài ngâm vần kệ miêu tả cây kim:

82. Xâu nhanh, trơn láng, thẳng ngay,
Được bôi bóng nhoáng bột mài xanh xanh,
Đầu kim sắc nhọn thanh thanh,
Kim đây, ai muốn mua, mình trao tay?

Sau đó, ngài lại ca tụng cây kim lần nữa qua vần kệ thứ hai:

83. Xâu nhanh, vững mạnh, thẳng ngay,
Thân kim khéo luyện tròn đầy đẹp sao!
Sắt kia cũng sẽ xuyên vào,
Kim đây ai muốn mua nào ai ơi!

[10] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

Lúc ấy, cô gái đang quạt cho cha bằng chiếc quạt lá thốt nốt trong lúc ông nằm trên chõng tre để được thoải mái sau buổi điểm tâm. Khi nghe giọng ngọt ngào của Bồ-tát, nàng đã cảm thấy buồn nôn như thể nuốt một miếng thịt sống, và phải làm cho sự khó chịu ấy tan biến bằng cả ngàn ấm nước, nàng bảo:

– Người nào đây lại có thể rao bán kim với giọng ngọt ngào như thế trong một làng thợ rèn? Người ấy đến đây vì việc gì? Ta phải tìm xem sự việc ra sao.

Vì thế, nàng đặt cây quạt xuống và bước ra nói chuyện với ngài bên ngoài, đứng ở hành lang. Mục đích của chư Bồ-tát luôn đạt được thành tựu, chính vì nàng mà ngài đã đến ngôi làng này. Nàng bảo ngài:

– Này cậu, dân chúng trong nước đều đến làng này mua kim và các vật dụng tương tự. Còn cậu lại muốn bán kim trong làng thợ rèn thật là điên rồ! Dù cậu có ca tụng kim của cậu suốt ngày, cũng không ai mua hàng của cậu đâu. Nếu cậu muốn được giá thì qua làng khác.

Thế rồi, nàng ngâm hai vần kệ:

84. Móc câu ta đã bán rồi,
Làng trên xóm dưới ai người chẳng hay?
Thợ rèn ta ở thành này,
Còn ai bán được kim may nữa à?

85. Nghề rèn nổi tiếng chúng ta,
Việc làm khí cụ ai mà sánh ngang?
Thợ rèn ta ở trong làng,
Ai còn đem bán kim mang tới mình?

Bồ-tát nghe lời nàng, vội đáp:

– Thưa cô nương, cô nói vậy là do không hiểu biết gì cả đó.

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

86. Thợ rèn ta ở trong thành,
Nhưng người tài bán kim mình mới hay!
Tổ sư nghề sẵn trong tay,
Món hàng đệ nhất mua ngay kẻo hoài!

87. Một khi nghiêm phụ biết rồi,
Cây kim này đã do tôi tự làm,
Tôn ông chắc chắn sẽ ban,
Gia tài sản nghiệp cùng nàng cho tôi!

Người trưởng phường rèn nghe toàn thể câu chuyện, liền gọi con gái vào hỏi:

– Con đang nói chuyện với ai đó?

– Thưa cha, một cậu trai bán kim.

– Thế cho gọi cậu ấy vào đây.

Nàng ra gọi ngài vào. Bồ-tát kính chào vị trưởng phường rèn xong, đứng sang một bên. Ông hỏi:

– Cậu ở làng nào?

– Thưa tôn ông, tôi ở làng nọ, là con trai gia đình thợ rèn kia.

– Tại sao cậu đến đây?

– Thưa, để bán kim.

– Nào, đưa ta thử xem kim của cậu.

Bồ-tát mong muốn công bố mọi đặc tính của ngài giữa nhiều người, liền nói:

– Một vật được nhiều người xem lại chẳng tốt hơn chỉ được một người xem hay sao.

– Này bạn, đúng lắm.

Vì thế, vị trưởng phường tập hợp tất cả thợ rèn lại và đứng giữa đám đông, ông bảo:

– Nào bạn, hãy lấy kim ra đây!

– Thưa tôn ông, xin hãy bảo lấy một cái đe và một cái đĩa bằng đồng đựng đầy nước ra đây!

Việc ấy được thực hiện ngay. Bồ-tát lấy cây kim ra khỏi hộp đưa cho đám kia xem. Ông trưởng phường rèn cầm lấy và hỏi:

– Đây là cái kim chăng?

– Không, đó không phải là cái kim mà là cái bao.

Ông trưởng phường quan sát kỹ cũng không thấy đầu đuôi gì cả. Bồ-tát lấy lại, dùng móng tay rút cái bao ra và chỉ cho mọi người:

– Đây là cây kim, đây là cái bao.

Ngài đặt cây kim trong tay ông trưởng phường và cái bao dưới chân. Ông trưởng phường lại bảo:

– Ta chắc đây là cây kim rồi.

Ngài đáp:

– Đây cũng chỉ là cái bao kim.

Rồi ngài lấy móng tay đánh bật nó ra và cứ thế ngài đặt sáu cái bao liên tiếp dưới chân vị trưởng phường và nói:

– Đây là cây kim.

Và đặt kim vào tay vị kia. Cả ngàn người thợ rèn búng ngón tay một cách thích thú và bắt đầu vẫy khăn tung hô. Sau đó, vị trưởng phường hỏi:

– Này bạn, thế cây kim này có sức mạnh thế nào?

– Thưa tôn ông, hãy bảo một người lực lưỡng nâng nghiêng cái đe này lên và đặt chậu nước dưới cái đe. Sau đó, đâm thẳng cây kim vào cái đe.

Ông bảo làm đúng như vậy và đâm đầu nhọn của kim vào cái đe. Cây kim xuyên thủng cái đe và nằm ngang mặt nước không nhếch lên hay lệch xuống tý nào dù chỉ bằng một sợi tóc. Mọi người thợ rèn đồng thanh bảo:

– Chúng ta chưa từng bao giờ nghe thậm chí qua lời đồn đại hiện có những người thợ rèn tài giỏi như thế này!

Như thế họ lại búng ngón tay và tung vẫy cả ngàn chiếc khăn. Ông trưởng phường gọi cô con gái vào và đứng giữa đám đông, ông bảo:

– Đây là cô gái xứng đôi với cậu.

Ông liền rót nước giao kết trên tay hai vị và trao nàng cho ngài đem đi. Về sau, khi vị trưởng phường qua đời, Bồ-tát trở thành trưởng phường rèn trong làng ấy.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con gái người trưởng phường rèn là mẫu thân của Rāhula (La-hầu-la) và chàng thợ rèn thông minh chính là Ta.

§388. CHUYỆN CON HEO TUṆḌILA (*Tuṇḍilajātaka*) (*J.* III. 286)

Em lo chuyện lạ hôm nay...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo sợ chết.

Vị ấy là một thiện gia nam tử ở thành Sāvatthi (Xá-vệ) và được thọ giới trong giáo pháp, song ông sợ chết và thậm chí nghe một bụi cây hơi lay động, tiếng cành khô rơi hay tiếng chim, tiếng thú, ông cũng hoảng kinh vì sợ chết rồi bỏ chạy, run rẩy toàn thân như con thỏ bị thương ở bụng. Tăng chúng trong pháp đường bắt đầu bàn luận, bảo nhau:

– Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo kia sợ chết, cứ run rẩy bỏ chạy khi nghe dù chỉ là một tiếng động nhỏ. Giờ đây, đối với mọi loài trên thế giới, chết là việc tất nhiên, đời sống không có gì vững bền cả, điều này lại chẳng nên sáng suốt ghi nhớ trong tâm trí hay sao?

Bậc Đạo sư bước vào thấy đây là đề tài của chư vị, và vị Tỷ-kheo kia công nhận mình hay sợ chết, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu vị ấy sợ chết đâu.

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập thai vào một con heo rừng. Khi đến kỳ, heo mẹ sinh hai con heo đực. Một hôm, heo mẹ đem hai con vào nằm trong cái hố. Một bà già ở trong làng tại cổng thành Ba-la-nại đi về nhà với một thúng đầy bông vải hái ngoài đồng và gõ cây gậy xuống đất

kêu lốc cốc. Heo cái nghe tiếng động, sợ chết liền bỏ hai con chạy trốn. Bà già thấy hai heo con cảm thấy thương yêu như thể con đẻ của mình, liền bỏ chúng vào thúng và mang về nhà. Sau đó, bà đặt tên heo lớn là Mahātuṇḍila (Heo Lớn Mõm Dài) và heo nhỏ là Cullatuṇḍila (Heo Bé Mõm Dài), rồi nuôi nấng chúng như con đẻ.

Theo thời gian, chúng lớn dần và mập mạp. Khi bà già được ai hỏi bán heo để lấy tiền, bà đáp:

– Chúng là con tôi đấy.

Và bà không muốn bán.

Vào một ngày hội, có đám đàn ông thô tục đang uống rượu nồng; và khi thịt đã hết, họ tìm xem nơi nào có thể mua thịt. Khi thấy có heo trong nhà bà già, họ đem tiền tới nói:

– Mẹ ơi, lấy tiền này rồi cho chúng con một con heo đi.

– Thôi vừa rồi các chú, có ai lại muốn bán con mình cho người ăn thịt chăng?

Bà đáp rồi từ chối bọn họ.

– Mẹ ơi, heo làm sao thành con của người được? Xin mẹ cho chúng con đi nào.

Họ nói thế nhưng cũng không mua heo được, dù cứ hỏi đi hỏi lại mãi.

Sau đó, họ cho bà già uống rượu mạnh, đến khi bà đã say, họ nói:

– Này mẹ, mẹ định làm gì với đám heo này? Lấy tiền đi mà tiêu xài chứ.

Họ dúi số tiền vào tay bà già. Bà nhận tiền và bảo:

– Ta không thể cho các cậu con heo lớn, hãy bắt heo nhỏ đi!

– Nó đâu rồi?

– Nó nằm trong bụi cây kia.

– Gọi nó đi.

– Ta không có thức ăn để gọi nó.

Họ liền bảo đi mua một chảo cơm đem tới ngay. Bà già cầm chảo cơm, đổ đầy vào máng cạnh cửa lớn và đứng đợi gần đó. Ba mươi người đứng gần đó với thòng lọng trong tay. Bà già gọi:

– Này đến đây, Cullatuṇḍila, đến đây!

Heo lớn nghe thế, thầm nghĩ: "Lâu nay mẹ chưa hề gọi heo bé như thế, bao giờ mẹ cũng gọi ta trước. Chắc chắn có gì nguy hiểm xảy ra cho chúng ta hôm nay." Heo lớn bảo em:

– Này em, mẹ đang gọi em, hãy ra tìm xem!

Heo bé đi ra, thấy đám người đang đứng cạnh máng ăn, liền nghĩ: "Hôm nay chắc ta chết mất." Thế rồi vì sợ chết, nó run rẩy quay lại với anh, và khi đã trở về chỗ cũ, nó cũng không kiềm chế được mình nên cứ quay cuồng run rẩy mãi. Heo lớn thấy vậy bảo:

– Này em, hôm nay em run rẩy quay cuồng nhìn chằm chằm về phía cổng. Tại sao em làm vậy?

Heo bé ngâm vần kệ đầu giải thích sự việc nó đã thấy:

88. Em lo chuyện lạ hôm nay,
Mẹ mình đứng cạnh máng đầy thức ăn,
Người cầm thòng lọng đứng gần,
Đến ăn chắc hẳn hại thân mình rồi.

Bồ-tát nghe thế bảo:

– Này em heo bé, mục đích mẹ ta nuôi heo bấy lâu nay đến giờ đã thành tựu, thôi đừng buồn khổ nữa.

Rồi với giọng ngọt ngào và vẻ bình thản của một vị Phật, ngài thuyết pháp qua đôi vần kệ:

89. Hãi kinh, cầu cứu, run hoài,
Không ai cứu giúp em đòi trốn đâu?
Ăn đi, heo bé chớ sầu,
Mẹ nuôi ta béo vì cầu thịt heo!

90. Nhào vô ao nước trong veo,
Mồ hôi cấu uế thật nhiều, rửa đi!
Rồi em sẽ thấy diệu kỳ,
Dầu thơm mát dịu không hề biến suy.

Trong khi ngài xem xét thập hạnh viên mãn (Ba-la-mật), ngài đặt từ hạnh viên mãn ra trước mặt làm kim chỉ nam và ngâm hai vần kệ đầu, giọng ngài lan xa tận Ba-la-nại khắp cả mười hai dặm. Ngay lúc nghe giọng ấy, toàn dân Ba-la-nại từ quốc vương, phó vương trở xuống đều đi đến đây, cùng những ai không đến đều đứng nghe trong nhà họ.

Quân sĩ nhà vua chặt hết bụi cây, san bằng mặt đất và rải cát lên. Đám người thô tục đã tỉnh cơn say rượu, liền quăng bỏ thòng lọng và đứng nghe pháp; bà già nọ cũng tỉnh rượu luôn. Bồ-tát bắt đầu thuyết pháp cho heo bé giữa đám quần chúng. Heo bé nghe ngài, nghĩ thầm: "Anh ta bảo như vậy với ta, nhưng chúng ta chưa bao giờ có thói quen nhảy vào ao nước, rồi nhờ cách tắm rửa mồ hôi cho sạch thân thể và sau khi tẩy cấu uế cũ, liền tẩm dầu thơm mới vào. Tại sao anh ta lại bảo vậy với ta?" Do đó, heo bé ngâm vần kệ thứ tư:

91. Gì là ao nước pha lê,
Mồ hôi cấu uế nói về điều chi?
Dầu thoa kỳ diệu là gì,
Mùi hương ngào ngạt chẳng khi nào tàn?

Bồ-tát nghe vậy liền bảo:

– Hãy lắng tai nghe đây!

Và ngài ngâm các vần kệ thuyết pháp với dáng an tịnh của một bậc giác ngộ:

92. Pháp là ao nước trong ngần,
Mồ hôi cấu uế lỗi lầm mê si,
Dầu thơm đức hạnh tẩm đi,
Mùi hương mãi mãi chẳng hề tàn phai.

93. Người không sinh mạng là vui,
Người còn sinh mạng bời bời lo toan.
Con người phải chết, chớ buồn,
Hãy vui như hội trăng tròn quanh năm.

Như vậy, Bồ-tát thuyết pháp bằng giọng ngọt ngào với vẻ kỳ diệu của một vị Phật. Đám đông hàng ngàn người búng ngón tay, vẫy khăn tung hô và bầu không khí vang dậy tiếng reo:

– Tốt lành thay, tốt lành thay!

Vua xứ Ba-la-nại tôn kính mời Bồ-tát lên vương tòa, và làm cho bà già vinh hiển bằng cách truyền tắm hai chú heo với nước tẩm hương, mặc lễ phục, trang điểm vàng ngọc trên cổ và ban cho địa vị các vương tử trong kinh thành. Vì thế, vua bảo vệ hai chú heo với một đoàn quân hộ tống đông đảo.

Bồ-tát dạy ngũ giới cho vua và tất cả dân chúng ở Ba-la-nại cùng dân chúng Kāsi đều giữ ngũ giới. Bồ-tát thuyết pháp cho dân chúng vào các ngày trai giới (mùng tám và rằm) và ngồi xử án. Trong thời gian còn tại thế, không có người nào chịu bản án bất công cả. Sau đó vua băng hà, Bồ-tát cử hành tang lễ cho vua, rồi ngài truyền viết một sách ghi đủ các phán quyết và bảo:

– Các vị phải theo sách này để xử án!

Sau khi thuyết pháp cho quần chúng với nhiệt tâm, ngài cùng chú heo bé đi vào rừng trong lúc quần chúng than khóc kêu gào. Lời thuyết giảng của Bồ-tát lưu truyền suốt sáu mươi ngàn năm sau.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo sợ chết đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là Ānanda, Cullatuṇḍila là Tỷ-kheo sợ chết, quần chúng là Giáo hội của Như Lai và Ta chính là Mahātuṇḍila.

§389. CHUYỆN CON CUA VÀNG (*Suvaṇṇakakkaṭakajātaka*) (*J.* III. 293)

Một chú càng vàng với mắt lồi...

Bậc Đạo sư kể chuyện này lúc trú tại Trúc Lâm về việc Trưởng lão Ānanda hy sinh tính mạng vì Ngài.

Câu chuyện này sẽ được kể trong *Chuyện Tế sư Khaṇḍahāla*[11] về việc thuê đám xạ thủ và trong *Chuyện tiểu thiên nga*[12] về tiếng rống của con voi Dhanapāla (Tài Hộ). Khi Tăng chúng bắt đầu thảo luận trong pháp đường:

– Này các Tôn giả, có phải Trưởng lão Ānanda, vị Thủ kho Chánh pháp, đã đắc trí tuệ của một vị Hữu học, hy sinh tính mạng vì đức Phật tối thắng khi con voi Dhanapāla xông đến?

Bậc Đạo sư bước vào và được kể lại đề tài thảo luận, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, ngày xưa Ānanda cũng đã từng hy sinh tính mạng vì Ta.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, có một làng Bà-la-môn tên là Sālindiya ở phía Đông thành Rājagaha (Vương Xá). Bồ-tát được sinh ở ngôi làng ấy trong một gia đình Bà-la-môn làm ruộng. Khi lớn lên ngài lập nghiệp và canh tác trang trại khoảng một ngàn karīsa (khoảng tám ngàn mẫu) trong một huyện ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà) về phía Đông Bắc làng ấy.

Ngày kia, ngài cùng gia nhân ra đồng, bảo họ cày cấy xong, ngài đi đến một ao lớn cuối cánh đồng để rửa mặt. Trong ao ấy có một con cua màu vàng óng ả, xinh đẹp, khả ái. Bồ-tát bước xuống ao sau khi xỉa răng. Khi ngài rửa miệng, con cua đến gần, ngài liền nhấc con cua lên và đặt nó nằm trong áo khoác ngoài. Sau khi làm việc đồng áng xong, ngài đặt con cua xuống ao như cũ và đi về nhà. Từ đó, hễ mỗi lần ra đồng, ngài thường đến ao ấy trước tiên, đặt cua lên áo ngoài rồi ra đi làm việc. Vì thế, một tình cảm tin cậy thắm thiết nảy sinh giữa người và vật. Ngày ngày Bồ-tát vẫn đi làm ruộng đều đặn.

Bấy giờ, mắt ngài có năm vẻ đẹp và ba vòng tròn trong vắt. Một con quạ cái trên cây thốt nốt ở góc cánh đồng trông thấy mắt ngài, muốn ăn chúng, bèn bảo quạ đực:

– Này chàng, em có một điều ước.

– Nàng ước chuyện gì?

– Em ước được ăn đôi mắt của một vị Bà-la-môn.

– Điều ước của nàng thật chẳng hay ho tí nào. Ai có thể lấy đôi mắt ấy cho nàng chứ?

– Em biết chàng không thể lấy được; song ở gò mối gần cây này có một con rắn hổ đen, chàng hãy đến hầu hạ nó, rồi nó sẽ cắn vị Bà-la-môn để giết ông ấy; sau đó chàng mổ mắt ông ấy ra và mang về cho em.

Quạ đực đồng ý, sau đó nó đến hầu hạ con rắn hổ. Con cua cũng to lớn dần vào thời hạt giống do Bồ-tát gieo đã nảy mầm.

---

[11] Bản Tích Lan viết *Khaṇḍahālajātaka*, số 542. Bản CST viết *Candakumārajātaka*, số 544.

[12] Xem *J.* V. 333, *Cullahaṁsajātaka* (*Chuyện tiểu thiên nga*), số §533.

Một hôm, con rắn bảo quạ:

– Này bạn, bạn luôn phục vụ tôi, vậy tôi có thể làm gì cho bạn?

– Thưa tôn ông, nữ tỳ của ngài đã mang niềm ao ước có được đôi mắt của vị chủ đám ruộng này. Tôi đến hầu hạ ngài chỉ cốt hy vọng nhờ ngài ban ân lấy cho được đôi mắt ấy.

Rắn bảo:

– Được lắm, việc ấy không khó, bạn sẽ được đôi mắt kia.

Con rắn còn khích lệ con quạ như thế. Hôm sau, con rắn nằm đợi vị Bà-la-môn đến, nó ẩn mình dưới đám cỏ, cạnh bờ ruộng ngài sắp bước tới. Bồ-tát xuống ao rửa miệng, cảm thấy mối thân ái với con cua, nên ôm lấy nó đặt vào áo ngoài ra đồng.

Con rắn thấy ngài đến liền lao tới cắn vào bắp vế của ngài khiến ngài ngã xuống ngay tại chỗ, rồi nó trốn trong gò mối. Sự kiện Bồ-tát ngã xuống đó, con cua vàng nhảy ra khỏi áo và con quạ sà xuống đậu trên ngực Bồ-tát diễn ra liên tiếp nhau.

Con quạ vừa đậu xong, liền lấy mỏ chụp đôi mắt Bồ-tát. Con cua suy nghĩ: "Chính vì con quạ này mà hiểm họa đã xảy đến với vị thân hữu của ta. Nếu ta kẹp lấy nó thì con rắn sẽ bò tới." Vì vậy, con cua kẹp ngay cổ quạ với chiếc càng xiết chặt như thể gọng kềm, khiến nó mệt phải nới lỏng ra đôi chút. Con quạ cầu cứu con rắn:

– Này bạn, tại sao bỏ rơi tôi mà chạy trốn? Con cua này phá hại tôi. Hãy đến ngay trước khi tôi chết mất!

Rồi quạ ngâm vần kệ đầu:

94. Một chú càng vàng với mắt lồi,
Ở hồ, trần trụi, bọc xương mai,
Chụp tôi, nghe tiếng tôi kêu thét,
Sao bỏ bạn thân quý mến ngài?

Con rắn nghe tiếng, giương mào rộng bò đến an ủi con quạ.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ hai phát xuất từ trí tuệ tối thắng của Ngài, giải thích sự việc này:

95. Con rắn bỗng nhào lên chú cua,
Nó không muốn bỏ bạn bây giờ,
Rắn giương mào rộng vừa lao đến,
Cua tấn công ngay chú rắn bò.

***

Con cua mệt mỏi nới lỏng quạ ra đôi chút, con rắn suy nghĩ: "Loài cua chẳng hề ăn thịt quạ hay rắn, vậy vì lý do gì con cua này chụp chúng ta?" Rồi nó ngâm vần kệ hỏi cua:

96. Chẳng phải vì lo kiếm miếng mồi,
Mà cua bắt rắn, quạ trên trời,
Mắt lồi hãy nói cho tôi biết,
Sao chú lại kềm kẹp chúng tôi?

Nghe vậy, cua ngâm hai vần kệ giải thích lý do:

97. Ngài đem ta tự dưới ao kia,
Bày tỏ ân cần, quý mến ta,
Nếu chết, thời ta đây khổ não,
Ngài và ta, chỉ một thôi mà.

98. Thấy ta nay đã lớn lên dần,
Ai nấy đều mong giết hưởng phần,
Cua mập ngọt ngon đầy mỹ vị,
Nhìn ta, quạ muốn xé tan thân.

Nghe vậy rắn suy nghĩ: "Ta phải dùng mưu kế lừa nó, rồi ta và quạ thoát thân." Vì thế, nó ngâm vần kệ thứ sáu để lừa cua:

99. Nếu cua kẹp rắn, quạ vì ngài,
Ta sẽ rút chất độc ấy thôi,
Ngài tỉnh dậy, mau tha rắn, quạ,
Thấm sâu chất độc, ắt tàn đời.

Nghe vậy, cua suy nghĩ: "Con rắn này muốn làm cho ta thả cả hai ra bằng mưu kế lừa bịp rồi bỏ chạy, nó không biết tài năng khôn khéo của ta. Nay ta muốn nới càng đôi chút để con rắn có thể nhúc nhích nhưng ta không thả con quạ đây." Rồi nó ngâm vần kệ thứ bảy:

100. Ta thả rắn, không thả quạ đây,
Con tin là quạ buộc nơi này,
Ta không thả nó đi nơi khác,
Cho đến khi an ổn với ngài.

Nói xong, cua nới lỏng càng để cho rắn bò đi tự do. Con rắn thu hồi nọc độc và thân thể Bồ-tát thoát khỏi nọc rắn. Ngài đứng dậy vững vàng trong sắc thái tự nhiên.

Con cua suy nghĩ: "Nếu hai con vật này bình an, chắc chắn bạn thân của ta không được thịnh vượng. Ta muốn giết cả bọn chúng", rồi lấy càng chà nát đầu chúng cho chết đi. Con quạ mái liền bay đi trốn mất khỏi chỗ ấy. Bồ-tát lấy gậy đâm qua mình rắn ném vào bụi, để cua vàng bò xuống ao nước rồi tắm rửa và trở về Sālindiya. Từ đấy, tình thân hữu càng thắm thiết hơn giữa ngài và con cua ấy.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân qua những vần kệ cuối cùng:

101. Con rắn hổ là chính Ác ma,
Đề-bà-đạt ấy quạ đen kia,
A-nan thiện hạnh là cua nọ,
Điền chủ La-môn ấy chính Ta.

Khi các sự thật kết thúc, nhiều vị đắc Sơ quả (Dự lưu) và các đạo quả khác. Con quạ cái chính là Ciñcamānavikā, mặc dù điều này không được nhắc đến trong vần kệ cuối cùng.

§390. CHUYỆN CHIM MAYHAKA (*Mayhakajātaka*) (*J.* III. 299)

Có con chim được gọi Mayha...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một thương nhân lạ thường.

Tại thành Xá-vệ, có một thương nhân lạ thường, giàu tiền của và đầy thế lực. Song ông không thọ hưởng giàu sang cũng không cho ai cả. Nếu các món cao lương mỹ vị được dọn lên, ông cũng không muốn dùng mà chỉ ăn cháo cám với tương chua. Nếu y phục lụa tơ tẩm hương chiên-đàn được mang đến, ông bảo đem cất đi và chỉ mặc loại áo quần vải thô bằng lông để lọc đường. Nếu xe ngựa được trang hoàng ngọc vàng do giống ngựa thuần chủng kéo đến mời, ông bảo đem cất đi và chỉ đi chiếc xe cũ kỹ ọp ẹp với chiếc dù lá cây che đầu. Suốt đời ông không làm bố thí hay công đức gì cả nên khi chết bị tái sanh vào ngục Roruva. Gia sản của ông không người thừa kế, quan quân nhà vua liền chở vào cung suốt bảy ngày đêm. Khi của cải ấy được chở vào, vua đi đến Kỳ Viên sau buổi điểm tâm và kính bái bậc Đạo sư. Khi được hỏi tại sao không đến yết kiến đức Phật đều đặn, vua đáp:

– Bạch Thế Tôn, một thương nhân thật lạ thường vừa qua đời ở Xá-vệ. Suốt bảy ngày liền tài sản vị ấy được chở vào hoàng cung vì không người thừa kế. Tuy tài sản nhiều như vậy, trước kia ông không hề hưởng thụ phú quý cũng không đem cho ai cả. Tài sản ấy như thể một hồ sen được ác quỷ canh giữ. Một hôm, ông lăn đùng ra chết sau khi đã từ chối hưởng thụ cao lương mỹ vị suốt đời. Tại sao một người ích kỷ và đáng chê trách như vậy lại tạo được nhiều tài sản thế kia và duyên cớ gì ông không hề nghĩ đến việc thụ hưởng phú quý?

Đấy là câu hỏi mà vua nêu lên với bậc Đạo sư.

– Thưa Đại vương, lý do tại sao vị ấy tạo được tài sản, tuy thế lại không hưởng thụ nó, chính là đây!

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua, bậc Đạo sư kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một thương nhân ích kỷ, không mộ đạo ở kinh thành. Ông không hề bố thí hay cung cấp vật gì cho ai. Một hôm, đang đi chầu vua, ông thấy một vị Độc Giác Phật (Pacceka Buddha) tên là Tagarasikhi đang khất thực, liền đảnh lễ và hỏi:

– Thưa Tôn giả, Ngài đã khất thực chưa?

– Này thương nhân, Ta chưa khất thực.

Vị Độc Giác Phật đáp. Vị thương nhân ra lệnh cho người nhà:

– Này, đưa Ngài về nhà ta, mời lên sàng tọa của ta và dâng một chén cơm đầy thức ăn dành cho ta.

Kẻ gia nhân đem Ngài về nhà, mời ngồi xong, trình báo bà vợ thương nhân. Bà ấy dâng Ngài một chén cơm đầy cao lương mỹ vị. Ngài cầm thức ăn rời khỏi nhà kia và ra đi. Vị thương nhân từ triều đình trở về nhà, gặp Ngài lại vái chào và hỏi thăm Ngài đã nhận được thực phẩm chưa.

– Này thương nhân, Ta đã nhận rồi.

Vị thương nhân nhìn vào bát và không thể nào đồng ý việc ấy, lại suy nghĩ: "Giá như gia nô của ta ăn bát cơm này, chúng sẽ làm cho ta biết bao nhiêu việc nặng nhọc. Ôi, đấy thật là thiệt thòi cho ta!" Và ông không thể nào làm cho tư tưởng sau khi bố thí được hoan hỷ trọn vẹn. Vậy bố thí cúng dường chỉ sinh kết quả phong phú với kẻ nào biết làm cho tư tưởng sau khi bố thí được hoan hỷ trọn vẹn.

Nếu hoan hỷ khi mong cầu bố thí,
Thì hãy đem bố thí, dạ an vui,
Đừng tiếc chi khi ta sống ở đời,
Đàn con cháu chẳng bao giờ vong mạng.
Trước khi cho, niềm vui đầy tâm trạng,
Từ đó về sau tư tưởng hân hoan,
Bố thí kia đem phước đức vẹn toàn.

Như vậy, thương nhân kỳ dị này được nhiều tài sản do đã cúng dường Độc Giác Phật Tagarasikhi, song lại không thể hưởng thụ phú quý vì đã không làm cho tư tưởng được thanh tịnh sau khi bố thí.

– Bạch Thế Tôn, tại sao vị ấy không có con cái?

Bậc Đạo sư đáp:

– Thưa Đại vương, đây là duyên cớ vị ấy không có con.

Và theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình thương nhân giàu có đến tám trăm triệu đồng tiền. Khi trưởng thành, cha mẹ qua đời, ngài cung cấp tài sản cho em ngài và điều hành việc nhà. Ngài

lập một bố thí đường tại cổng nhà và làm gia chủ chuyên tâm bố thí. Khi con ngài biết đi chập chững, ngài nhận thấy nỗi khổ của tham dục và phước đức của đời sống xuất gia, liền giao hết tài sản cùng vợ con cho người em trai, khuyến khích em tiếp tục bố thí tinh cần. Rồi ngài trở thành vị khổ hạnh, đạt được các thắng trí và các thiền chứng, và sống ở vùng Tuyết sơn.

Em trai ngài nhận nuôi đứa cháu duy nhất ấy, song thấy nó lớn khôn, ông nghĩ: "Nếu con của anh ta sống, tài sản sẽ bị chia hai, ta muốn giết con anh ta." Vì thế một hôm, ông dìm cháu xuống sông cho chết. Sau khi tắm xong về nhà, chị dâu hỏi:

– Con trai tôi đâu?

– Nó chơi đùa dưới sông. Tôi tìm mãi nhưng không thể thấy nó đâu cả.

Bà chị chỉ khóc nhưng không nói gì cả. Bồ-tát biết việc này liền suy nghĩ: "Ta sẽ công bố chuyện này." Rồi du hành qua không gian, hạ xuống thành Ba-la-nại trong thượng y và hạ y chỉnh tề, ngài đứng ngay tại cửa, không thấy bố thí đường, ngài suy nghĩ: "Kẻ độc ác kia đã phá hủy bố thí đường."

Người em nghe tin ngài về, bước ra đảnh lễ Bồ-tát và mời ngài lên thượng lầu đãi tiệc thịnh soạn. Khi cơm nước xong, ngồi nói chuyện thân mật, ngài hỏi:

– Con trai ta không đến, nó đâu rồi?

– Thưa Tôn giả, nó chết rồi.

– Bằng cách nào?

– Tại một bến tắm, nhưng tiểu đệ không biết rõ cách nào.

– Không biết à? Này kẻ độc ác kia, hành động của chú đã được ta biết rõ. Chú đã không giết nó bằng cách ấy hay sao? Thế chú có đủ sức gìn giữ gia sản khi bị vua chúa, đạo tặc hay nhiều người khác đến phá hại chăng? Thế có gì khác nhau giữa chú và con chim Mayhaka đâu?

Như vậy, Bồ-tát ngâm vần kệ này thuyết pháp với vẻ an tịnh của một vị Phật:

102. Có con chim được gọi Mayha,
Nó sống trong hang dưới núi xa,
Trái chín trên cây sung cổ thụ,
"Của ta, ta nữa", nó kêu la.

103. Bầy chim kia lúc nó kêu vang,
Tụ tập chung quanh cả một đàn,
Ăn trái thỏa lòng tuy thấy thế,
Mayha vẫn cất tiếng kêu than.

104. Cũng vậy người kia lắm bạc vàng,
Nhưng không chia sẻ giữa thân bằng,
Cũng không thọ hưởng lần nào cả,
Y phục và luôn các thức ăn.

105. Hương liệu cùng vòng hoa rực rỡ,
Cũng không ân huệ với thân nhân,
"Của ta, ta mãi", kêu rền rĩ,
Nó giữ kho tàng thỏa dạ tham.

106. Vua chúa cường gian, các đứa con,
Chỉ mong sao nó sớm từ trần,
Cướp tài sản nó, trong khi ấy,
Kẻ bủn xỉn kêu khóc tiếc than.

107. Người có trí khôn được bạc vàng,
Thường đem giúp đỡ các thân bằng,
Do vậy danh vọng trên trần thế,
Thiên giới đời sau được phước phần.

Như thế, bậc Đại sĩ thuyết pháp khiến cho người em tiếp tục thực hành việc bố thí, rồi ngài trở về Tuyết sơn tu tập thiền định không ngừng và đời sau sinh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, thưa Đại vương, thương nhân kỳ dị kia không có con trai, con gái gì cả vì người ấy đã giết con của anh mình.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Người em là thương nhân kỳ dị và người anh chính là Ta.

§391. CHUYỆN VỊ TÀ THUẬT SƯ (*Dhajaviheṭhajātaka*)[13] (*J.* III. 304)

Dung mạo thanh cao, lại cúi đầu...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Ngài xuất gia vì lợi lạc của quần sinh. Câu chuyện sẽ được nói đến trong *Chuyện đại hắc thiên cẩu.*[14] Lúc ấy, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỳ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai xuất gia vì ích lợi cho cả cõi đời.

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm Thiên chủ Sakka. Thời ấy, có một tà thuật sư dùng thần lực nửa đêm xâm phạm

[13] Bản Tích Lan (*TTPV*) viết *Dhajaviheṭhajātaka*, nghĩa là *Bổn sanh Phá hủy biểu tượng*. Bản CST viết *Vijjādharajātaka*, nghĩa là *Chuyện vị tà thuật sư*. Bản Thái Lan viết *Pabbajitaviheṭhakajātaka*, nghĩa là *Chuyện đàn áp người xuất gia*.

[14] Xem *J.* IV. 180, *Mahākaṇhajātaka* (*Chuyện đại hắc thiên cẩu*), số §469.

tiết hạnh của chánh cung hoàng hậu ở Ba-la-nại. Các cung nữ của bà đều biết chuyện này. Chính hoàng hậu đến yết kiến vua và trình:

– Tâu Chúa thượng, có kẻ lạ mặt đột nhập cung thất và xúc phạm thần thiếp.

– Thế Hoàng hậu có thể làm một dấu hiệu nào đó lên kẻ ấy chăng?

– Tâu vâng, thiếp có thể.

Do đó, bà bảo lấy chén son đỏ thắm, khi kẻ ấy đến nửa đêm và ra đi sau cuộc truy hoan, bà hoàng liền in năm dấu ngón tay bà vào lưng y và sáng hôm sau trình vua. Ngài ra lệnh đám vệ sĩ đi tìm khắp nơi mang về kẻ nào có dấu son đỏ trên lưng.

Bấy giờ, sau khi phạm tà hạnh ban đêm, tà thuật sư đứng giữa ban ngày ở nghĩa địa thờ phụng mặt trời, quân nhà vua thấy được, bao vây y, song y tưởng rằng hành động của y đã bị mọi người phát giác, liền dùng tà thuật bay lên không. Vua hỏi đám vệ sĩ sau khi chứng kiến việc ấy trở về:

– Các ngươi thấy y chăng?

– Tâu Chúa thượng, chúng thần có thấy.

– Y là ai?

– Tâu Chúa thượng, một đạo sĩ.

Sau khi phạm tà hạnh ban đêm, y giả dạng làm đạo sĩ ban ngày. Vua nghĩ thầm: "Những kẻ này ban ngày đi quanh quẩn trong chiếc y khổ hạnh, còn ban đêm lại phạm tà dục." Do đó, vua đâm ra phẫn nộ với các đạo sĩ và chấp thủ tà kiến liền truyền công bố khắp kinh thành bằng trống lệnh rằng mọi đạo sĩ đều phải rời vương quốc và sẽ bị quân sĩ trừng phạt nếu bị bắt gặp bất kỳ ở đâu.

Mọi đạo sĩ khổ hạnh đều chạy trốn khỏi vương quốc Kāsi rộng ba trăm do-tuần và đến trú ở các kinh thành khác. Do đó, không có Sa-môn hay Bà-la-môn chân chánh nào thuyết pháp cho dân chúng Kāsi. Và vì không nghe được Chánh pháp, họ trở nên tàn bạo, ghét bỏ bố thí và trì giới, phần lớn phải tái sanh vào đọa xứ lúc mạng chung và không được sanh thiên.

Thiên chủ Sakka không thấy một vị thiên tử mới nào xuất hiện, liền xem xét lý do gì và thấy chính vì việc tống xuất các Sa-môn, Bà-la-môn ra khỏi vương quốc do vua xứ Ba-la-nại chấp thủ tà kiến trong lúc phẫn nộ vị tà sư. Sau đó, ngài suy nghĩ: "Trừ ta không ai có thể phá hủy tà kiến này của vua. Ta muốn cứu giúp vua và thần dân của nước này."

Vì vậy, ngài đến gặp các Độc Giác Phật tại động Nandamūla và bảo:

– Này các Tôn giả, hãy cho ta một vị Độc Giác Phật Trưởng lão, ta muốn đi cảm hóa quốc độ Kāsi vào đạo!

Ngài mời một vị Trưởng lão trong các vị ấy ra đi. Khi ngài đã cầm y bát của vị ấy, Thiên chủ Sakka mời vị ấy đi trước, ngài theo sau với dáng điệu cung kính đảnh lễ vị Độc Giác Phật. Ngài biến mình thành một Sa-môn trẻ tuổi, tươi

đẹp đi ba vòng quanh thành phố từ đầu đến cuối, rồi đến trước cổng hoàng cung, ngài đứng trên không trung. Quân canh đến trình với vua:

– Tâu Hoàng thượng, có một Sa-môn trẻ đầy hảo tướng cùng với một Sa-môn đang đứng trên không trung tại hoàng môn.

Vua từ bảo tòa đi ra và đứng ở lầu thượng hỏi:

– Này đạo sĩ trẻ, tại sao ông tuấn tú như vậy lại cung kính cầm y bát cho một Sa-môn dị tướng thế kia?

Rồi vua ngâm vần kệ đầu nói chuyện với ngài:

108. Dung mạo thanh cao, lại cúi đầu,
Sau người dị tướng, bước theo hầu,
Người này hơn, kém hay bình đẳng,
Xin nói tánh danh, trẫm thỉnh cầu.

Thiên chủ đáp:

– Tâu Đại vương, các Sa-môn ở địa vị của bậc Đạo sư,[15] vậy nếu ta nêu danh tánh ngài thì thất lễ, nhưng ta sẽ nói cho Đại vương biết tên ta.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ hai:

109. Chư thiên không nói họ cùng tên,
Của thiện nhân toàn hảo, Thánh hiền,
Riêng chỉ phần ta nêu tước hiệu,
Thiên chủ Sakka của chư thiên.

Vua nghe vậy, liền ngâm vần kệ thứ ba hỏi phước đức gì trong sự tôn sùng Đạo sư:

110. Người kính yêu Hiền thánh vẹn toàn,
Sau ngài, tiến bước dáng nghiêm trang,
Phần gì thừa hưởng, này Thiên chủ,
Phước đức đời sau sẽ phát ban?

Thiên chủ đáp lại vần kệ thứ tư:

111. Người kính yêu Hiền thánh vẹn toàn,
Sau ngài, cất bước dáng nghiêm trang,
Tiếng khen trần thế nay thừa hưởng,
Thiên giới đời sau lúc mạng chung.

Vua nghe lời Thiên chủ liền dứt bỏ mọi tà kiến và hoan hỷ ngâm vần kệ thứ năm:

112. Mặt trời số phận chiếu hôm nay,
Mắt trẫm nhìn Thiên chủ hiển bày,
Bậc Thánh xuất trần, này Đế-thích,
Trẫm làm thiện sự kể từ rày.

[15] Xem *Mv*. I. 92.

Thiên chủ Sakka nghe vua tán thán vị Đạo sĩ của ngài, liền ngâm vần kệ thứ sáu:

113. Chân chánh thay sùng bái Thánh nhân,
Tâm tư hướng đến trí cao thâm,
Giờ đây long nhãn đã chiêm ngưỡng,
Thiên chủ Sakka với Thánh nhân,
Mong ước từ nay nhiều phước nghiệp,
Sẽ là phận sự của Minh quân.

Nghe vậy, vua ngâm vần kệ cuối cùng:

114. Tư tưởng mang đầy đủ phước ân,
Từ nay lòng dạ trẫm ly sân,
Lắng tai nghe ngoại nhân cầu thỉnh,
Trẫm nhận lời khuyên nhủ chánh chân,
Trẫm sẽ diệt tan lòng ngã mạn,
Phụng thờ Thiên chủ, dạ tôn sùng.

Sau khi nói xong, vua từ thượng lầu bước xuống, đảnh lễ vị Độc Giác Phật và đứng một bên. Vị Độc Giác Phật ngồi bắt tréo chân trên không và nói:

– Thưa Đại vương, tà thuật sư không phải là đạo sĩ. Từ rày phải nhận thức người đời không phải toàn giả dối, còn có các Sa-môn, Bà-la-môn chân thiện. Do vậy, hãy bố thí, tuân thủ giới luật và hành trì các ngày trai giới (Bố-tát)!

Ngài thuyết pháp cho vua như vậy, còn Thiên chủ Sakka cũng dùng thần lực đứng trên không thuyết pháp cho quần chúng:

– Từ nay về sau, hãy nhiệt tâm tinh cần!

Ngài truyền ban hồi trống ra lệnh khắp kinh thành cho các Sa-môn và Bà-la-môn đã đi trốn phải hồi hương. Sau đó, cả hai vị trở về cõi của mình. Còn vua tuân thủ lời khuyến giáo và thực hành các phước nghiệp.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn, vua là Ānanda và Ta chính là Thiên chủ Sakka.

§392. CHUYỆN CỦ SEN VÀ HOA SEN (*Bhisapupphajātaka*)[16] (*J.* III. 307)

Ngài không được phép ngửi hương hoa...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo.

---

[16] Tham chiếu: *S.* I. 204, *Gandhatthenasutta*; *Thag.* v. 645, 981; *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1338. 0369a09); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.358. 0490c09).

Chuyện kể rằng, vị Tỷ-kheo ấy đã rời Kỳ Viên và trú tại quốc độ Kosala, gần một khu rừng. Một hôm, ông xuống hồ sen, khi thấy một hoa sen, ông đứng tránh gió và ngửi mùi hương sen. Vị nữ thần ở trong khu rừng ấy đe dọa ông:

– Này Tôn giả, ngài ngửi trộm hương, đây là một hình thức trộm cắp!

Ông hoảng sợ trở về Kỳ Viên, đến vái chào bậc Đạo sư và ngồi xuống một bên.

– Này Tỷ-kheo, lâu nay ông ở đâu?

– Bạch Thế Tôn, ở trong rừng nọ và vị nữ thần đe dọa con như vậy.

Bậc Đạo sư bảo:

– Ông không phải là người đầu tiên bị nữ thần đe dọa khi ngửi hương hoa. Các bậc trí ngày xưa cũng đã từng bị đe dọa như vậy.

Và theo lời thỉnh cầu của vị Tỷ-kheo, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn ở Kāsi. Khi lớn lên, ngài học các nghệ thuật ở Takkasilā và sau đó trở thành nhà khổ hạnh sống gần một ao sen. Một hôm, ngài bước xuống ao và đứng ngửi một đóa hoa đang nở, một nữ thần ở trong hốc cây gần đó ngâm vần kệ đầu đe dọa ngài:

115. Ngài không được phép ngửi hương hoa,
Dù chỉ một hoa mới nở ra,
Đó thật là hình thức đạo tặc,
Sa-môn, ngài trộm ngửi hương hoa.

Bồ-tát liền ngâm vần kệ thứ hai:

116. Ta chẳng hái, không bẻ gãy hoa,
Mùi hương ta ngửi tự đằng xa,
Ta không thể bảo nào duyên cớ,
Nàng nói ta đang ngửi trộm hoa.

Cùng lúc ấy, có một người đang đào bới ngó sen và củ sen, làm gãy nát thân cây sen. Bồ-tát thấy thế, liền nói:

– Nàng gọi một người ngửi mùi hương từ đàng xa là ăn trộm. Sao nàng không nói vậy với người kia?

Thế là ngài ngâm vần kệ thứ ba để nói chuyện này:

117. Kẻ nọ đang đào bới củ sen,
Phá thân cây gãy, đó nhìn xem,
Sao nàng không bảo cách hành động,
Kẻ ấy là bừa bãi, thấp hèn?

Nữ thần liền ngâm vần kệ thứ năm và thứ sáu giải thích tại sao nàng không nói với kẻ kia:

118. Những người phóng túng sống buông lơi,
Như áo vú em, đáng chán rồi,
Ta chẳng nói năng gì kẻ ấy,
Song ta chiếu cố nói ngài thôi.

119. Khi bỏ dục tham của thế nhân,
Và đi tìm cách tịnh thân tâm,
Tội dù chỉ nhỏ như đầu tóc,
Chẳng khác trên trời đám hắc vân.

Nghe nữ thần cảnh báo như vậy, Bồ-tát xúc động ngâm vần kệ thứ sáu:

120. Hiển nhiên thần nữ hiểu tinh tường,
Nên với ta, nàng đã đoái thương,
Nếu thấy ta rày còn tái phạm,
Xin nàng nói nữa, khẩn cầu nàng!

Sau đó, nữ thần ngâm vần kệ thứ bảy:

121. Ta chẳng sống đây phụng sự ngài,
Chúng ta không ở mướn cho ai,
Xin ngài tự kiếm đường đi tới,
Hạnh phúc tối cao giữa cõi đời.

Khích lệ ngài như thế xong, nữ thần trở về nơi cư trú của nàng. Còn Bồ-tát nhiệt tâm nhập đại định, về sau tái sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, nữ thần là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) và vị khổ hạnh chính là Ta.

§393. CHUYỆN VẬT THỰC CÒN THỪA (*Vighāsajātaka*)[17] (*J.* III. 310)

Hạnh phúc là ai sống giữa đời...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Đông Viên, liên hệ đến một số Tỷ-kheo thích lạc thú.

Trưởng lão Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) đã làm rung chuyển cả trú xứ của họ và cảnh báo họ. Tăng chúng bắt đầu bàn luận về lỗi lầm này tại pháp đường. Bậc Đạo sư được kể sự việc trên, liền bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên họ thích lạc thú.

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

[17] Tham chiếu: *J.* I. 219, *Tittirajātaka*, số §37; *Vin.* II. 146; *Xuất diệu kinh* "Niệm phẩm" 出曜經念品 (*T.*04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Ái lạc phẩm" 法集要頌經愛樂品 (*T.*04. 0213.5. 0779c23).

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là Thiên chủ Sakka. Có bảy anh em trong một làng ở Kāsi nhận thấy tai hại của lòng tham dục, liền rời bỏ thế tục và trở thành ẩn sĩ. Họ sống ở giữa rừng, nhưng vẫn ham thích các lạc thú, không chuyên tâm tu tập và chỉ làm theo thói quen của vật chất.

Thiên chủ Sakka bảo:

– Ta muốn đi cảnh báo bọn này.

Do đó, ngài biến mình thành chim anh vũ (chim két) đến trú xứ của họ, vừa đậu trên cây vừa ngâm vần kệ đầu cảnh báo họ:

122. Hạnh phúc là ai sống giữa đời,
Bằng tàn dư bố thí mà thôi,
Được người tán thán trên trần thế,
Số phận đời sau, lạc cõi trời.

Khi ấy, một người trong bọn họ nghe tiếng chim anh vũ, liền gọi đám kia lại và ngâm vần kệ thứ hai:

123. Bậc trí phải chăng nên lắng tai,
Khi anh vũ nói giọng như người,
Hãy nghe, các bạn, chim ca tụng,
Bọn chúng ta đây, rõ tuyệt vời!

Anh vũ liền ngâm vần kệ thứ ba phủ nhận điều này:

124. Chẳng phải ta ca tụng các thầy,
Bọn ăn xác chết, hãy nghe đây,
Các thầy ăn món đồ thừa thãi,
Chẳng phải tàn dư bố thí này.

Khi nghe chim nói, họ đồng thanh ngâm vần kệ thứ tư:

125. Xuất thế bảy năm, cạo tóc đen,
Nơi đây ta sống tháng ngày liền,
Ăn đồ tàn thực, sao chim trách,
Vậy thế ai người thật đáng khen?

Bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ năm khiển trách để họ phải ăn năn hối cải:

126. Món thừa sư, hổ, thú săn mồi,
Là thứ cần dùng của các người,
Quả thật chúng là đồ phế thải,
Dù người gọi "chỉ tàn dư thôi".

Nghe vậy, các vị ẩn sĩ lại hỏi:

– Nếu chúng ta không phải là người sống bằng tàn thực thì xin cho biết họ là những ai?

Ngài liền ngâm vần kệ thứ bảy nêu rõ ý nghĩa đích thực của việc này:

127. Người nào bố thí các Sa-môn,
Để đáp ứng ngay mọi thứ cần,

Rồi thọ những gì còn để lại,
Sống nhờ của bố thí dư tàn.

Như vậy, Bồ-tát làm cho họ ăn năn hối lỗi rồi trở về cõi của ngài.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, bảy ẩn sĩ kia là các Tỷ-kheo thích lạc thú này và Thiên chủ Sakka chính là Ta.

§394. CHUYỆN CHIM CÚT (*Vaṭṭakajātaka*) (*J.* III. 312)

Bơ, dầu đủ món cao lương...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo tham lam.

Khi thấy vị ấy tham lam, bậc Đạo sư bảo:

– Đây không phải lần đầu ông tham lam, ngày xưa có lần do tham lam, ông không thỏa mãn với các xác voi, bò ngựa và hy vọng kiếm được nhiều thức ăn ngon hơn, ông đã vào rừng sâu.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con chim cút sống ở rừng sâu bằng cỏ khô và hạt cây. Thời ấy, tại Ba-la-nại có một con quạ tham ăn, không hài lòng với các xác chết của voi, ngựa và nhiều súc vật khác, liền vào rừng kia với hy vọng tìm nhiều của ngon vật lạ hơn. Trong lúc ăn trái rừng, nó chợt thấy Bồ-tát liền nghĩ thầm: "Con chim cút này rất mập, ta đoán nó ăn nhiều thức ăn ngon ngọt, ta muốn hỏi nó về món kia và ăn để ta cũng mập hơn."

Quạ đậu trên bụi cây cao hơn Bồ-tát, dù nó không hỏi, Bồ-tát vẫn chào nó và ngâm vần kệ đầu:

128. Bơ, dầu đủ món cao lương,
Chú ơi, thực phẩm chú toàn thơm ngon,
Cho tôi biết rõ nguồn cơn,
Tại sao chú phải gầy mòn thế ư?

Nghe lời này, quạ ngâm ba vần kệ đáp lại:

129. Ta đang sống giữa kẻ thù,
Lòng ta cứ phải ưu tư rã rời,
Hãi kinh đi kiếm miếng mồi,
Muốn thành béo mập, cút ơi, cách nào?

130. Suốt đời quạ sống lo âu,
Trí luôn cảnh giác, đương đầu nguy nan,
Miếng mồi kiếm chẳng đủ ăn,
Cút ơi, vì thế gầy mòn thân ta!

131. Cỏ khô, hạt thóc quả là,
Thức ăn của cút chẳng no béo gì,
Vì sao cút mập thế kia,
Lại ăn ít ỏi, nói đi, bạn vàng!

Bồ-tát nghe vậy, ngâm các vần kệ giải thích lý do béo mập của mình:

132. Ta mong vừa đủ an nhàn,
Thong dong bay lượn quãng đường ngắn kia,
Kiếm ăn bất cứ vật gì,
Nên ta béo mập khó bì, quạ ơi!

133. Tràn đầy hạnh phúc, an vui,
Trong lòng biết đủ, thảnh thơi tháng ngày,
Mục tiêu dễ đạt lắm thay,
Đây phần ưu thắng đời này ta theo.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con quạ là Tỷ-kheo tham lam này và chim cút chính là Ta.

§395. CHUYỆN CON QUẠ (*Kākajātaka*)[18] (*J.* III. 314)

Ông bạn cũ ơi, hãy ngắm xem...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo tham lam. Câu chuyện này đã được kể ở trên.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là chim bồ câu sống trong cái thúng ở trong nhà bếp của một thương nhân xứ Ba-la-nại. Một chú quạ đến kết thân với bồ câu và cùng sống ở đó. Đến đây câu chuyện cần được trình bày đầy đủ chi tiết hơn. Người đầu bếp nhặt hết lông quạ, rắc bột lên rồi chọc thủng một vỏ ốc bóng loáng đeo trên cổ quạ và ném nó vào thúng.

Bồ-tát bay từ rừng về, thấy vậy và ngâm vần kệ đầu để trêu ghẹo quạ:

---

[18] Bản Tích Lan viết *Kākajātaka*, nghĩa là *Chuyện con quạ*. Bản CST viết *Pārāvatajātaka*, nghĩa là *Chuyện chim bồ câu*. Xem *J.* I. 241, *Kapotajātaka* (*Chuyện chim bồ câu*), số §42; *J.* II. 360, *Lolajātaka* (*Chuyện tham ăn*), số §274.

134. Ông bạn cũ ơi, hãy ngắm xem,
Nữ trang sáng rực rỡ đeo lên,
Bộ râu tỉa gọn oai ra phết,
Trông bạn thật tươi trước mắt nhìn!

Quạ nghe lời này, liền đáp vần kệ thứ hai:

135. Các lông, móng cứ mọc nhanh ghê,
Làm vương víu ta khắp mọi bề,
Thợ hớt tóc sau cùng bước tới,
Nên ta thoát lớp vỏ xù xì!

Sau đó, Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba:

136. Dĩ nhiên quạ được vặt lông đen,
Chú thợ cạo kia thật khéo khen!
Quanh cổ thì sao, xin nói rõ,
Cái gì lủng lẳng tựa chuông reng?

Tiếp theo, quạ ngâm hai vần kệ nữa:

137. Những người thanh lịch vẫn đeo hoài,
Quanh cổ ngọc châu, thói ở đời,
Muốn bắt chước người, ta cũng vậy,
Bạn đừng tưởng đó chuyện đùa chơi!

138. Còn nếu bạn ganh tị bộ ria,
Được khéo điểm tô chải chuốt kia,
Ta sẽ nhờ người này cạo giúp,
Rồi đeo ngọc, bạn cũng như ta.

Bồ-tát nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ sáu:

139. Không, chính ông phù hợp nhất đời,
Với râu và ngọc khéo ra oai,
Thấy ông hiện diện gây phiền toái,
Ta giã biệt ông, cất bước thôi!

Cùng với các lời này, bồ câu bay đi nơi khác, còn quạ chết ngay tại chỗ ấy.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo đã được an trú vào Tam quả (Bất lai). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con quạ là vị Tỷ-kheo tham lam này, còn bồ câu chính là Ta.

CHƯƠNG VII
BẢY KỆ
(*SATTANIPĀTA*)

I. PHẨM KUKKU
(*KUKKUVAGGA*)

§396. CHUYỆN KUKKU (*Kukkujātaka*) (*J.* III. 317)

Cái nóc nhà này cao thước rưỡi...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc giáo hóa một quốc vương. Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện ba con chim*.[1]

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là quốc sư về thế sự cũng như thánh sự. Vua ấy đi theo tà đạo, cai trị bất chánh và thâu góp tài sản bằng cách đàn áp dân chúng. Bồ-tát muốn khuyến giáo vua, liền quanh quẩn tìm một ví dụ.

Bấy giờ, nội thất trong cung làm chưa xong, nên mái nhà trên ấy chưa hoàn chỉnh. Các cây rui chống đỡ nóc nhọn chỉ vừa mới được đặt vào đúng vị trí. Vua du ngoạn trong ngự viên, khi trở về cung, vua nhìn lên và thấy nóc nhà hình tròn, sợ nó sẽ rớt xuống, vua bước ra đứng bên ngoài, rồi lại nhìn lên và suy nghĩ: "Làm thế nào nóc nhà này đứng yên như vậy. Các rui này ra sao?" Và vua liền ngâm vần kệ đầu hỏi Bồ-tát:

1. Cái nóc nhà này cao thước rưỡi,
Tám cây kèo lớn đỡ quây quần,
Gỗ siṁsapā với sāra thẳng,
Bởi vậy nóc nhà đứng vững chăng?

Nghe vậy, Bồ-tát suy nghĩ: "Ta đã có được một ví dụ để khuyến giáo nhà vua." Ngài liền ngâm các vần kệ sau:

2. Ba mươi rui nhỏ gỗ sāra,
Được xếp đều quanh dưới mái nhà,

[1] Xem *J.* V. 109, *Tesakuṇajātaka* (*Chuyện ba con chim*), số §521.

Áp sát vào nhau nâng thật vững,
Cho nên nóc đứng thẳng ngay mà.

3. Vậy người có trí được quây quần,
Với quốc sư hiền, bạn tận trung,
Sẽ chẳng sa cơ lúc mạt vận,
Như rui đỡ nóc mái thăng bằng.

Trong lúc Bồ-tát đang nói, vua xem xét kỹ hành vi xử thế của mình: "Nếu không có nóc nhà thì các cây rui không đứng vững, nóc nhà cũng không đứng vững nếu không được các cây rui nâng đỡ. Nếu các cây rui gãy thì nóc nhà sụp đổ. Cũng vậy, một vị vua ác hạnh không tập hợp các thân bằng, đại thần, quân đội, Bà-la-môn và gia chủ lại với nhau; và nếu đám quần thần tan rã, vua không được nâng đỡ sẽ mất hết quyền lực, vì thế vua phải sống công chính."

Ngay lúc ấy, đám thị nữ đem dâng vua một quả bưởi. Vua bảo Bồ-tát:

– Này Hiền hữu, hãy ăn bưởi này.

Bồ-tát cầm bưởi và thưa:

– Tâu Đại vương, người nào không biết cách ăn bưởi sẽ làm cho nó đắng hoặc cay. Song người có trí biết cách lấy chất đắng ra và không bỏ chất chua, hoặc làm hỏng hương vị của bưởi khi ăn.

Rồi dùng thí dụ này, ngài trình bày cho vua biết cách tạo tài sản chân chánh qua hai vần kệ:

4. Ăn bưởi luôn phần vỏ đắng cay,
Nếu không gọt vỏ với dao này,
Chỉ ăn phần ruột là thơm ngọt,
Nếu thêm vỏ thì hết ngọt ngay.

5. Vậy người có trí chẳng hung tàn,
Thâu góp thuế trong các xóm làng,
Tăng sản nghiệp nhưng không phạm tội,
Bước đường chân chánh tạo danh vang.

Vua vừa tham vấn Bồ-tát vừa đi đến hồ sen, khi nhìn một hoa sen đang nở có màu sáng đẹp như mặt trời mới mọc, không bị nước làm ô nhiễm, nhà vua bảo:

– Này Hiền hữu, hoa sen kia mọc thẳng lên không bị nước làm ô nhiễm sắc hương.

Bồ-tát liền đáp lại:

– Tâu Đại vương, một vị vua cũng phải như vậy.

Rồi ngài ngâm các vần kệ này để khuyến giáo:

6. Như hoa sen nở ở trong hồ,
Rễ trắng, nước trong bảo dưỡng cho,

Dưới ánh mặt trời hoa nở đẹp,
Không hề bụi bặm, chẳng bùn nhơ.

7. Vậy người có đức hạnh đưa đường,
Khéo luyện ôn nhu, đủ thiện lương,
Như đóa sen trong hồ nước ấy,
Bùn nhơ chẳng cấu uế tâm can.

Vua nghe lời Bồ-tát khuyến giáo, từ đó về sau trị nước chân chánh và thực hành các thiện sự, bố thí cùng nhiều phước nghiệp khác nên được sinh lên thiên giới.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là Ānanda và vị quốc sư có trí chính là Ta.

§397. CHUYỆN SƯ TỬ MANOJA (*Manojajātaka*)[2] (*J.* III. 321)

Cung nọ đã giương cao vút lên...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Trúc Lâm về một Tỷ-kheo thân cận bạn ác. Câu chuyện này đã được nêu đầy đủ chi tiết trong *Chuyện con voi Mahilāmukha.*[3]

Bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu kẻ này thân cận bạn ác.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là con sư tử sống với sư tử cái và hai con một trai, một gái. Sư tử con tên là Manoja. Khi lớn lên, nó lấy một sư tử cái làm vợ. Như thế, cả bầy có năm con sư tử.

Manoja thường giết trâu rừng và nhiều dã thú khác, nhờ đó nó đem thịt sống về nuôi cha mẹ, em và vợ. Một hôm, trong chỗ săn mồi, nó thấy một con chó rừng tên Giriya không chạy được và đang nằm sấp. Nó hỏi:

– Này bạn, sao thế?

– Tâu Chúa công, tôi muốn phục vụ ngài.

– Thế thì tốt.

Sau đó, nó đem chó rừng về hang, Bồ-tát thấy vậy bảo:

---

[2] Tham chiếu: *A.* I. 124, *Sevitabbasutta*; *A.* I. 126, *Jigucchitabbasutta*; *Xuất diệu kinh* "Thân phẩm" 出曜經親品 (*T.*04. 0212.26. 0727b09); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Thiện hữu phẩm" 法集要頌經善友品 (*T.*04. 0213.25. 0789c25).

[3] Xem *J.* I. 185, *Mahilāmukhajātaka* (*Chuyện con voi Mahilāmukha*), số §26.

– Này con Manoja, chó rừng là loài độc ác tham tàn, hay xúi giục điều xấu, đừng đưa thứ chó này về ở gần con.

Song ngài không ngăn cản được nó.

Thế rồi một hôm, chó rừng muốn ăn thịt ngựa, liền nói với Manoja:

– Tâu Chúa công, trừ thịt ngựa ra, chúng ta không có gì ăn cả. Vậy chúng ta hãy đi bắt ngựa!

– Song ở nơi đâu có ngựa thế bạn?

– Tại Ba-la-nại, cạnh bờ sông.

Manoja nghe lời khuyên này và cùng đi với chó rừng đến nơi có bầy ngựa tắm dưới sông. Nó bắt một con ngựa, mang trên lưng chạy nhanh về miệng hang. Sư tử cha ăn thịt ngựa và bảo:

– Này con, bầy ngựa là tài sản của vua, mà vua chúa thường có nhiều mưu kế, lại nhiều người thiện xạ bắn cung. Sư tử ăn thịt ngựa không sống lâu được đâu. Từ rày con đừng bắt ngựa nữa!

Sư tử con không theo lời cha khuyên nhủ, cứ tiếp tục bắt ngựa. Vua nghe có con sư tử đến bắt ngựa, liền bảo làm một hồ nước cho ngựa ở trong kinh thành. Song sư tử vẫn đến bắt ngựa. Vua truyền làm chuồng ngựa với máng thức ăn, nước uống đem đến tận nơi cho chúng. Sư tử nhảy vượt bức tường và bắt ngựa từ chuồng ra. Vua liền truyền gọi một xạ thủ có tài bắn nhanh như chớp, hỏi anh ta có thể bắn sư tử chăng. Anh ta tâu có thể, rồi làm một tháp canh gần bức tường, nơi sư tử thường đến và đợi tại đấy.

Sư tử đến, để chó rừng ở một nghĩa địa bên ngoài, còn nó nhảy vào thành bắt ngựa. Người xạ thủ suy nghĩ: “Tốc lực của sư tử này quá nhanh khi nó đến.” Cho nên anh ta chưa bắn nó; song khi nó trở về mang theo con ngựa, bị vướng víu vì gánh nặng kia, người xạ thủ liền bắn một mũi tên nhọn vào phía đùi sau của sư tử. Mũi tên đâm xuyên suốt ra phía đùi trước và bay vút lên không. Sư tử thét lên:

– Ta bị thương rồi!

Sau khi bắn sư tử xong, vị thiện xạ búng dây cung vang lên như sấm. Chó rừng nghe tiếng sư tử gầm và tiếng cung vang rền, liền suy nghĩ: “Bạn ta đã bị bắn, chắc hẳn phải chết; thôi chẳng còn tình bạn gì với vật đã chết, ta muốn đi về hang cũ trong rừng kia.” Rồi nó ngâm hai vần kệ:

8. Cung nọ đã giương cao vút lên,
Dây cung phát tiếng sấm vang rền,
Manoja, chúa sơn lâm ấy,
Thân hữu của ta bị giết liền.

9. Than ôi, ta phải kiếm khu rừng,
Cố sức hết lòng, thật gắng công,

Ta phải tìm về nơi trú ẩn,
Bỗng dưng tình bạn hóa thành không.

Sư tử con chạy vụt về ném xác ngựa trước miệng hang, rồi ngã ra chết. Thân quyến vội bước ra, thấy mình nó nhuộm đầy máu từ vết thương chảy xiết, vừa nằm chết vì đã đi theo bạn ác. Cha, mẹ, em và vợ sư tử lần lượt ngâm bốn vần kệ:

[Cha:]

10. Số phận con ta chẳng thịnh hưng,
Say mê kết hợp ác thân bằng,
Nhìn Mano ấy đang nằm đó,
Do bởi lời khuyên của chó rừng.

[Mẹ:]

11. Lòng mẹ chẳng vui khi thấy con,
Kết giao với bọn ác thân bằng,
Nhìn Mano ấy đang nằm đó,
Máu chảy nhuộm đầy cả tấm thân.

[Em:]

12. Cũng vậy, bước đi kẻ thấp hèn,
Trong đời tăm tối phải nằm yên,
Không hề nghe được lời khuyên nhủ,
Của bạn thật chân, bậc trí hiền.

[Vợ:]

13. Phần số tệ tàn hơn biết bao,
Khi người ở địa vị trên cao,
Lại tin tưởng bọn người hèn kém,
Nhìn chúa sơn lâm đã ngã nhào!

Và cuối cùng là vần kệ phát xuất từ trí tuệ tối thắng của bậc Giác Ngộ:

14. Ai theo bọn hạ tầng, Chính nó bị bỏ ruồng,
Ai thân người đồng đẳng, Chẳng hề bị phụ phàng,
Ai phục người tối thượng, Sẽ mau chóng thịnh hưng.
Vậy tìm người ưu việt, Để có chốn nương thân.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thân cận bạn ác đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, chó rừng là Devadatta, Manoja là vị Tỷ-kheo thân cận bạn ác, em gái là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), vợ của sư tử là Tỷ-kheo-ni Khemā (Thái Hòa), sư tử mẹ là mẫu thân của Rāhula và sư tử cha chính là Ta.

§398. CHUYỆN HIẾU TỬ SUTANU (*Sutanojātaka*) (*J.* III. 324)

Vua đã gửi ngươi một bát cơm...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng cha mẹ mình. Câu chuyện sẽ được nói rõ trong *Chuyện hiếu tử Sāma*.[4]

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình nghèo, cha mẹ đặt tên ngài là Sutanu. Khi lớn khôn, ngài làm việc kiếm tiền nuôi cha mẹ; đến lúc cha ngài qua đời, ngài phụng dưỡng mẹ mình.

Thời ấy, vua xứ Ba-la-nại thích săn bắn. Một hôm, vua cùng đông đảo quần thần đi vào một khu rừng rộng khoảng một hai do-tuần và truyền lệnh cho tất cả mọi người:

– Nếu có con nai nào chạy thoát ở điểm đứng canh của người nào thì người ấy bị thua.

Quần thần che một nơi ẩn nấp bên vệ đường và dâng cho vua dùng. Bầy nai bị chấn động vì tiếng la hét của đám người bao vây nơi trú ẩn của chúng, rồi một con nai chạy về địa điểm vua đứng canh. Vua nghĩ thầm: "Ta muốn bắn nó", rồi giương cung lên. Con vật biết dùng mưu kế đánh lừa, thấy mũi tên sắp bay đến gần sườn liền ngã lăn tròn như thể trúng tên. Vua nghĩ: "Ta đã bắn trúng nó" và chạy lại bắt nai. Nhưng con nai vùng lên lao vụt nhanh như gió. Quần thần và những người kia đều cười nhạo vua. Ông liền đuổi theo con nai cho đến khi nó mệt nhoài liền rút kiếm chặt nó làm đôi, rồi kéo con nai lên một khúc gỗ, ông khiêng nó lên như cái đòn gánh, vừa đi vừa nói: "Ta muốn nghỉ ngơi một lát." Ông đến gần một cây đa bên vệ đường và nằm xuống ngủ say.

Một con quỷ dạ-xoa tên là Makhādeva tái sanh ở cây đa này, được Thiên vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn) cho phép bắt mọi sinh vật nào đến gần nó để ăn thịt. Khi vua này thức dậy, dạ-xoa bảo:

– Cứ ở lại đây, ngươi là món mồi của ta!

Rồi nó cầm lấy tay vua. Vua hỏi:

– Ngài là ai?

– Ta là quỷ dạ-xoa, sanh ra tại đây. Ta bắt mọi người đến nơi đây để ăn thịt.

Vua lấy hết can đảm hỏi:

– Thế ngài chỉ ăn thịt hôm nay hay ăn mãi?

– Ta sẽ còn ăn mãi mọi vật ta bắt được.

– Thế thì hãy ăn con nai này hôm nay và để ta đi về. Từ ngày mai ta sẽ gửi cho ngài một người cùng với một đĩa cơm mỗi ngày.

---

[4] Xem *J.* VI. 68, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

– Vậy hãy cẩn thận đấy. Hễ ngày nào không gởi người đến thì ta sẽ ăn thịt ngươi.

– Ta là quốc vương xứ Ba-la-nại, chẳng có việc gì ta không làm được cả.

Quỷ dạ-xoa nhận lời hứa rồi để vua ra về. Khi vua đến kinh thành, ông đem chuyện ấy kể cho vị cận thần nghe và hỏi những gì cần phải làm.

– Tâu Đại vương, có hạn kỳ nhất định nào không?

– Không.

– Thế thì Đại vương đã tính việc sai rồi đấy. Nhưng không sao cả, có rất nhiều tù nhân trong ngục.

– Vậy khanh cố sắp đặt việc này để cứu mạng ta.

Vị cận thần đồng ý, mỗi ngày bắt một tù nhân từ trong ngục gửi ra cho quỷ dạ-xoa cùng với một đĩa cơm mà không nói gì với kẻ ấy cả. Quỷ dạ-xoa ăn hết cả cơm lẫn người. Sau một thời gian, các ngục thất đều trống vắng. Vua tìm không ra người đi đưa cơm, lòng run rẩy sợ chết. Vị cận thần an ủi ông và bảo:

– Tâu Đại vương, lòng tham tài sản còn mạnh hơn lòng tham sống. Ta hãy gói một ngàn đồng tiền đặt trên lưng voi, rồi lấy trống truyền lệnh: "Ai muốn đem cơm cho quỷ dạ-xoa và lãnh số tiền bạc này?"

Vua nghe lời làm theo như vậy. Bồ-tát suy nghĩ: "Ta chỉ làm công được một xu rưỡi mỗi ngày, khó lòng phụng dưỡng mẹ. Nay ta muốn lấy số tiền kia trao cho mẹ rồi đi gặp quỷ dạ-xoa. Nếu ta thắng nó thì tốt, còn nếu không thì mẹ ta cũng sống an nhàn sung túc." Vì thế, ngài nói chuyện với mẹ, song bà bảo:

– Mẹ vừa đủ rồi, mẹ không cần tiền bạc.

Rồi bà ngăn cản ngài hai lần. Nhưng lần thứ ba, ngài không xin phép mẹ nữa mà đến gặp quan quân nói:

– Thưa các quan, hãy đưa một ngàn đồng tiền, tôi nhận mang cơm đi!

Rồi đưa cho mẹ một ngàn đồng tiền, ngài bảo:

– Mẹ thân yêu, đừng lo buồn, con sẽ thắng quỷ dạ-xoa và đem hạnh phúc cho mọi người. Con sẽ trở về nhà khiến cho mẹ đang khóc than phải cười to lên đấy.

Sau khi chào mẹ xong, ngài cùng quan quân đi yết kiến vua, rồi kính lễ vua và đứng tại đó. Vua hỏi:

– Này thiện nam tử, cậu muốn đem cơm à?

– Tâu Đại vương, phải.

– Thế cậu cần mang theo vật gì bên mình?

– Tâu Đại vương, đôi hài bằng vàng của ngài.

– Tại sao thế?

– Tâu Đại vương, quỷ dạ-xoa kia chỉ ăn thịt kẻ nào đứng trên mặt đất dưới gốc cây của nó, còn tiểu tử sẽ đứng trên đôi hài, chứ không phải trên mặt đất.

– Thế còn vật gì nữa?

– Tâu Đại vương, chiếc lọng của ngài.

– Tại sao thế?

– Tâu Đại vương, quỷ dạ-xoa kia chỉ ăn thịt kẻ nào đứng dưới bóng cây của nó, còn tiểu tử đứng dưới bóng chiếc lọng chứ không phải bóng cây.

– Thế còn vật gì nữa?

– Tâu Đại vương, thanh kiếm của ngài.

– Để làm gì?

– Tâu Đại vương, ngay loài quỷ cũng sợ những người mang khí giới trong tay.

– Thế còn gì nữa chăng?

– Tâu Đại vương, cái bát vàng của ngài, đựng đầy ngự thiện dâng lên ngài.

– Này thiện nam tử, tại sao vậy?

– Một người có trí khôn như tiểu tử mà phải ăn cơm gạo thô trong đĩa đất thì không thích hợp chút nào.

Vua chấp thuận và sai các quan đem đủ mọi thứ ngài đã yêu cầu. Bồ-tát thưa:

– Tâu Đại vương, đừng sợ gì cả, tiểu tử nguyện sẽ trở về hôm nay sau khi chiến thắng quỷ dạ-xoa và đem lại an lạc cho ngài.

Thế rồi, ngài cầm mọi thứ cần dùng và đi đến nơi ấy. Ngài sắp đặt mọi người đứng không xa nơi ấy rồi mang đôi hài vàng vào chân, đeo thanh kiếm vào đai, che chiếc lọng trên đầu và cầm bát cơm bằng vàng đến gặp dạ-xoa.

Quỷ dạ-xoa nhìn ra đường thấy ngài, liền suy nghĩ: “Người này đến đây không giống bọn người đã đến trước kia, vì duyên cớ gì vậy?”

Bồ-tát đứng gần cây, lấy mũi kiếm đẩy đĩa cơm vào dưới bóng cây rồi đứng gần bóng cây, ngâm vần kệ đầu:

15. Vua đã gửi ngài một bát cơm,
Lại thêm thịt nấu thật ngon thơm,
Makhā có ở nhà không đấy,
Xin hãy bước ra nhận để ăn!

Nghe vậy, quỷ dạ-xoa suy nghĩ: “Ta muốn đánh lừa nó, rồi sẽ ăn thịt nó khi nó bước vào bóng cây.” Con quỷ liền ngâm vần kệ thứ hai:

16. Hãy bước vào trong, hỡi cậu trai,
Với cao lương mỹ vị trên tay,
Cả cơm cùng với thân người nữa,
Này cậu, ta xơi tuyệt lắm thay!

Tiếp theo, Bồ-tát đáp hai vần kệ:

17. Dạ-xoa sẽ mất vật to hơn,
Đổi lấy vật này bé cỏn con.
Tất cả mọi người đều sợ chết,
Chẳng còn ai đến biếu cao lương!

18. Vậy ngài sẽ được cấp cao lương,
Tinh sạch nêm gia vị ngọt ngon.
Song nếu ăn ta thì khó kiếm,
Một người nào khác đến đem cơm.

Quỷ dạ-xoa suy nghĩ: "Cậu trai này nói có lý", rồi đầy thiện ý, nó ngâm hai vần kệ:

19. Sutanu, quả thật đúng thay,
Mối lợi ta như cậu tỏ bày,
Hãy trở lại thăm hiền mẫu nhé,
Ta cho phép cậu bước đi ngay.

20. Lấy gươm, lọng, bát, cậu thanh niên,
Hãy nhắm đường đi, cất bước liền,
Thăm mẹ hiền trong niềm phấn khởi,
Cho bà sống hạnh phúc bình yên.

Nghe lời dạ-xoa, Bồ-tát hoan hỷ, ngài nghĩ thầm: "Bổn phận ta đã hoàn thành, quỷ dạ-xoa đã được chinh phục, ta được hưởng tài sản và lời hứa của vua đã được thực hiện." Ngài liền ngâm vần kệ cuối cùng:

21. Dạ-xoa cùng với mọi thân nhân,
Mong ước toàn gia được phước ân,
Lệnh vua đã thực hành viên mãn,
Tài sản ta nay được hưởng phần.

Ngài khuyến giáo quỷ dạ-xoa và bảo:

– Này bạn, xưa kia bạn đã tạo ác nghiệp, bạn tham tàn độc ác, ăn thịt nhiều người nên tái sanh làm quỷ dạ-xoa. Từ rày về sau đừng giết hại sinh mạng như vậy nữa.

Thế là ngài nêu rõ mọi công đức nhờ giữ giới hạnh và các nỗi khổ đau vì tạo ác nghiệp. Rồi an trú quỷ dạ-xoa vào ngũ giới, ngài bảo:

– Này, tại sao bạn ở trong rừng? Mau lên, ta sẽ để bạn cư ngụ cạnh cổng thành và bảo đem cao lương mỹ vị đến cho bạn.

Sau đó, ngài ra đi cùng quỷ dạ-xoa, bảo nó cầm kiếm cùng nhiều vật khác và đến thành Ba-la-nại. Quân sĩ báo tin Sutanu đã trở về cùng quỷ dạ-xoa. Vua cùng triều thần đi ra đón Bồ-tát và làm chỗ cư trú cho quỷ dạ-xoa tại cổng thành, rồi sai người đem cao lương mỹ vị cho nó. Xong, vua vào thành, lấy trống truyền lệnh hội họp toàn dân trong thành để tuyên dương công trạng của

Bồ-tát và phong cho ngài chức vụ thống lãnh quân đội. Còn vua được an trú vào lời dạy của Bồ-tát, thực hành nhiều thiện sự, bố thí và các công đức khác nên về sau tái sanh lên cõi trời.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ đã đạt Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, quỷ dạ-xoa là Aṅgulimāla (người đeo vòng ngón tay), vua là Ānanda và hiếu tử kia chính là Ta.

§399. CHUYỆN CHIM THỨU (*Gijjhajātaka*) (*J.* III. 330)

Làm sao thân lão biết tìm mồi...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm chim thứu (chim kên kên). Khi lớn lên, ngài đưa cha mẹ đã già, mù mắt vào ở trong hang thứu, và đem thịt quạ cùng nhiều loại khác về nuôi hai vị. Thời ấy, có một thợ săn đặt bẫy bắt chim thứu quanh nghĩa địa ở Ba-la-nại.

Một hôm, Bồ-tát đi kiếm thịt đến gần nghĩa địa và sa chân vào bẫy. Ngài không nghĩ đến mình mà chỉ nhớ đến cha mẹ già: "Giờ đây làm sao cha mẹ sống được? Ta chắc hai vị sẽ chết vì không biết ta mắc bẫy, sẽ bơ vơ khốn khổ và héo mòn dần trong hang núi ấy." Do vậy, ngài ngâm vần kệ đầu than khóc:

22. Làm sao thân lão biết tìm mồi,
Trong chốn hang sâu của núi đồi?
Ta bị buộc chân vào chiếc bẫy,
Làm nô lệ của Nilīya thôi.

Con trai người thợ săn nghe ngài than khóc, liền ngâm vần kệ thứ hai, (chim thứu ngâm vần kệ thứ ba và cứ liên tiếp xen kẽ như vậy).

[Con của thợ săn:]

23. Chim thứu, sao chim khóc ỷ ôi?
Tiếng chim đưa đến tận tai tôi,
Ta chưa từng thấy hay nghe được,
Chim biết thốt ra tiếng giống người.

[Chim thứu:]

24. Ta nuôi phụ mẫu đã già rồi,
Ở trong hang nọ dưới chân đồi,

Làm sao thân lão tìm mồi được,
Khi thứu trở thành nô lệ người.

[Con của thợ săn:]

25. Kên kên nhìn xác chết đằng xa,
Hơn cả một trăm dặm vượt qua,
Vì cớ sao chim không thấy rõ,
Lưới kia bẫy nọ thật gần mà?

[Chim thứu:]

26. Khi đời sắp đến vận suy tàn,
Thần chết đang đòi hỏi số phần,
Dù có đứng gần bên chiếc bẫy,
Cũng không thấy bẫy đặt dây giăng!

[Con của thợ săn:]

27. Thôi hãy về đi với lão thân,
Ở trong hang núi, hãy chăm nom,
Về thăm cha mẹ trong an lạc,
Chim được ta cho thỏa ước mong.

[Chim thứu:]

28. Hỡi thợ săn cùng cả họ hàng,
Cầu mong hạnh phúc đến nhà chàng!
Ta về với mẹ cha già yếu,
Chăm sóc hai thân ở dưới hang.

Sau đó, Bồ-tát được giải thoát khỏi nỗi sợ chết, vui mừng tạ ơn, vừa ngâm vần kệ cuối cùng vừa ngậm đầy thịt trong mỏ và bay về đưa mồi cho cha mẹ.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, người thợ săn là Channa (Xa-nặc), cha mẹ ta là thân quyến trong hoàng gia và chim thứu là Ta.

§400. CHUYỆN DABBHAPUPPHA (*Dabbhapupphajātaka*) (*J*. III. 332)

Này bạn Anu, chạy tới ngay...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về Upananda, một người của bộ tộc Thích-ca (Sākya).

Vị ấy xuất gia theo giáo pháp nhưng lại từ bỏ các hạnh tri túc và những đức hạnh khác nên trở thành tham lam. Đầu mùa mưa, ông đến ở thử hai, ba tinh xá, để lại một cái dù hay chiếc hài ở một tinh xá, và một chiếc gậy hay bình nước

ở một tinh xá khác, rồi ông đến an cư ở một tinh xá khác nữa. Ông bắt đầu trú mưa tại một tinh xá ở thôn quê và bảo:

– Chư Tỷ-kheo phải sống tri túc.

Rồi cố ra vẻ như đang làm cho mặt trăng xuất hiện trên trời, ông giải thích pháp môn đưa đến hạnh tri túc, tán thán đời sống tri túc với các nhu cầu tối thiểu. Nghe lời ông, Tăng chúng ném bỏ mọi y bát tốt đẹp, mang bát đất, phấn tảo y (y bằng giẻ rách). Ông liền đem các thứ kia về tư thất của mình. Sau khi mùa mưa và lễ Tự tứ (*Pavāraṇā*) đã xong, ông chất đầy một xe chở đến Kỳ Viên. Trên đường đi, dừng lại phía sau một tinh xá trong rừng, ông lấy dây leo quấn hai chân và nói:

– Chắc chắn có thể kiếm được vài thứ ở đây.

Rồi ông đi vào tinh xá, có hai Tỷ-kheo già đã an cư mùa mưa ở đó, họ kiếm được hai tấm y vải thô và một chiếc mền lông mịn, rồi chẳng biết phải chia chúng ra sao, họ hoan hỷ khi thấy ông đến, nghĩ thầm: "Trưởng lão này sẽ chia các vật dụng cho hai ta", liền nói:

– Này Hiền giả, chúng tôi không thể chia các y phục dùng cho mùa mưa này được, chúng tôi có bàn cãi về việc này, xin Hiền giả chia giùm chúng tôi.

Vị ấy bằng lòng, chia hai tấm y vải thô cho họ, còn ông lấy cái mền, và bảo họ:

– Vật này dành cho tôi là người biết giới luật.

Rồi ông bỏ đi. Hai trưởng lão này thích chiếc mền, liền cùng đi với ông đến Kỳ Viên và kể câu chuyện với chư Tăng hiểu biết giới luật, rồi hỏi:

– Có đúng là những vị biết giới luật lại cướp bóc tài sản như vậy chăng?

Tăng chúng thấy đống y bát do Tỷ-kheo Upananda đem đến, liền hỏi:

– Này Hiền giả, Hiền giả thật có đại phước đức, Hiền giả đã tạo được nhiều thực phẩm và y phục thế kia!

Ông đáp:

– Này các Hiền giả, tôi có phước đức gì đâu! Tôi chỉ lấy được các thứ này theo cách như vầy, như vầy.

Rồi ông đem mọi chuyện kể ra hết cho mọi người nghe.

Tại pháp đường, Tăng chúng nêu vấn đề thảo luận, bảo nhau:

– Này các Hiền giả, Tỷ-kheo Upananda thuộc bộ tộc Thích-ca rất tham lam tài vật.

Bậc Đạo sư nghe đề tài của các vị, liền bảo:

– Này các Tỷ-kheo, hành vi của Upananda không phù hợp để tinh tấn. Khi một Tỷ-kheo giảng giải hạnh tinh tấn cho người khác thì trước tiên tự mình phải cho phù hợp rồi mới giáo giới người khác.

Giữ mình đúng mực trước tiên,
Rồi sau thuyết giảng, bậc hiền vị tha.

Bằng cách ngâm vần kệ này, Ngài giải bày giáo pháp và nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải Upananda chỉ tham lam lần đầu mà xưa kia kẻ ấy cũng đã cướp bóc tài vật của loài khác nữa.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm một thần cây bên bờ sông. Một con chó rừng tên Māyāvī đã có vợ và sống một nơi gần bờ sông. Một ngày kia, vợ nó bảo chồng:

– Này chàng, thiếp có một niềm ao ước, thiếp muốn ăn cá hồng rohita tươi.

Chó rừng đáp:

– Cứ yên lòng, ta sẽ đem cá tươi về cho nàng.

Rồi nó ra phía con sông, quấn chân bằng dây leo đi dọc theo bờ. Lúc ấy, có hai con rái cá tên Gambhīracārī và Anutīracārī đang đứng trên bờ rình bắt cá. Gambhīracārī chợt thấy một con cá hồng rohita lớn, liền nhảy xuống nước chụp lấy đuôi cá. Con cá quá mạnh vùng ra được lôi theo rái cá. Nó liền gọi bạn:

– Con cá này to lắm, vừa đủ cho hai ta.

Rồi nó ngâm vần kệ đầu:

29. Này bạn Anu, chạy tới ngay,
Ta cầu khẩn bạn giúp ta đây,
Ta vừa bắt cá này to lớn,
Song nó kéo ta mạnh thế này!

Nghe vậy, con kia ngâm vần kệ thứ hai:

30. Gambhī, bạn tốt số dường nào,
Móng vuốt bạn cầm vững mạnh sao,
Chẳng khác đại bàng câu rắn nước,
Ta câu cá nọ nhấc lên cao!

Sau đó, cả hai rái cá kéo con cá hồng rohita đặt xuống đất và cắn nó chết xong, lại bảo nhau:

– Bạn chia cá ra nào.

Rồi chúng cãi nhau nhưng không chia cá được phải ngồi xuống và để cá nằm đó. Lúc ấy, chó rừng vừa bước tới chỗ ấy. Thấy chó, cả hai đều chào rất lễ phép và nói:

– Thưa tôn ông có lông màu cỏ xám, con cá này do hai chúng tôi bắt được, rồi sinh chuyện cãi nhau vì chúng tôi không biết cách chia cá. Xin tôn ông chia cá đều hai phần giùm cho.

Rồi chúng ngâm vần kệ thứ ba:

31. Một cuộc tranh giành giữa chúng tôi,
Tôn ông mang áo xám kia ôi!
Xin ông ổn định giùm tranh chấp,
Cho thật công bằng giữa cả đôi.

Chó rừng nghe vậy, liền tự xưng anh hùng qua vần kệ:

32. Ta đã giải phân lắm cạnh tranh,
Làm xong sứ mạng thật hòa bình,
Chư tôn hãy để điều tranh chấp,
Tại hạ công bình ổn định nhanh.

Ngâm vần kệ xong, chó chia cá và ngâm thêm vần kệ này:

33. Anu, hãy lãnh phần đuôi,
Còn chú Gambhī, thủ cấp rồi,
Phần giữa dành cho ta xử kiện,
Trả công xứng đáng thế này thôi!

Như vậy, sau khi chia cá xong, chó rừng bảo:

– Các ông ăn đầu đuôi cá, chớ đừng cãi nhau nữa!

Rồi ngậm khúc giữa vào mồm, nó chạy như bay trước mắt cặp rái cá. Chúng ngồi ủ rũ như thể vừa mất cả ngàn đồng tiền, rồi ngâm vần kệ thứ sáu:

34. Nếu không tranh cãi chuyện vừa rồi,
Chắc chắn là vừa đủ cá thôi,
Nay bị chó rừng mang hết thịt,
Chỉ còn để lại khúc đầu, đuôi!

Chó rừng rất hài lòng, nghĩ thầm: "Nay ta đem cá hồng rohita về cho vợ ta", rồi nó đi tìm vợ. Chó cái thấy nó đến liền đon đả chào mừng và ngâm vần kệ:

35. Như vua mãn nguyện được cầm quyền,
Thâu gọn giang sơn trị nước yên,
Mãn nguyện ta nhìn chàng trở lại,
Ngậm đầy trong mỏ cá tươi nguyên!

Rồi nó hỏi chó rừng bằng cách nào kiếm được mồi ngon qua vần kệ:

36. Chàng vốn sanh ra ở đất bằng,
Làm sao bắt cá giữa dòng sông?
Phu quân, chàng lập kỳ công ấy,
Cho biết vì sao, thiếp ước mong.

Chó rừng ngâm vần kệ giải thích phương cách ấy cho vợ nghe:

37. Vì cạnh tranh nên chúng yếu dần,
Cạnh tranh làm chúng phải suy tàn,
Cạnh tranh, rái cá mất phần hưởng,
Vì vậy Māyā được miếng ngon.

Và một vần kệ khác nữa xuất phát từ trí tuệ tối thắng của bậc Giác ngộ:

38. Cũng vậy, tranh giành giữa thế nhân,
Tìm người xử kiện, nó chia phần,
Gia tài của chúng suy tàn hết,
Công khố nhà vua được thịnh hưng.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, chó rừng là Upananda, hai con rái cá là hai người kia, và thần cây chứng kiến câu chuyện chính là Ta.

§401. CHUYỆN LƯỠI KIẾM XỨ DASAṆṆAKA

(***Dasaṇṇakajātaka***) (*J.* III. 336)

Bảo kiếm Dasaṇṇa thích máu hồng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về âm mưu quyến rũ một Tỷ-kheo do người vợ cũ gây ra.

Tỷ-kheo ấy thú nhận đã thối thất vì lý do này. Bậc Đạo sư bảo:

– Nữ nhân ấy đã làm hại ông. Thời xưa, ông cũng đã suýt chết vì tương tư kẻ ấy. Về sau, nhờ các bậc trí ông được cứu sống lại.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Đại vương Maddava trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con một gia đình Bà-la-môn. Cha mẹ đặt tên ngài là nam tử Senaka. Khi lớn lên, ngài đi học mọi nghệ thuật tại Takkasilā, và khi về Ba-la-nại, ngài trở thành quốc sư của Vua Maddava về thế sự cũng như thánh sự. Ngài được danh hiệu bậc Hiền trí Senaka và được cả kinh thành sùng kính như mặt trăng, mặt trời.

Thời ấy, con trai của vị tế sư hoàng gia đến yết kiến vua; thấy bà chánh hậu trang điểm ngọc vàng cực kỳ diễm lệ, đâm ra si tình; khi về nhà chẳng chịu ăn uống gì cả, cứ nằm dài ra. Bạn hữu liền hỏi thăm và chàng trai kể hết mọi chuyện. Vua hỏi:

– Con trai của vị tế sư hoàng gia không đến, việc này là thế nào?

Khi nghe duyên cớ, vua cho gọi chàng trai vào và bảo:

– Trẫm trao hoàng hậu cho cậu trong bảy ngày, cứ ở nhà cậu bảy ngày ấy xong, qua ngày thứ tám, cậu trả lại nàng cho ta.

– Thế thì tốt lắm, tâu Đại vương.

Chàng trai đáp rồi đem hoàng hậu về nhà thọ hưởng lạc thú với nàng. Hai người đâm ra say mê nhau và bí mật trốn khỏi nhà chạy sang một xứ khác,

không ai biết họ đi đâu và đường đi của họ chẳng khác nào đường của con tàu trên biển cả.

Vua truyền đánh trống thông báo khắp kinh thành, nhưng dù đã tìm mọi nơi, họ vẫn không thấy nàng đã đến đâu cả. Sau đó, nỗi đau buồn khủng khiếp vì thiếu nàng xâm chiếm trọn tâm can vua. Tim ông bừng nóng rực và trào máu ra ngoài. Tiếp theo đó, máu từ ruột gan chảy ra khiến bệnh trầm trọng thêm. Các ngự y tài danh đều không thể chữa trị được đành bó tay.

Bồ-tát suy nghĩ: "Bệnh này không phải do nội thân vua mà do vua mắc tương tư vì không thấy hoàng hậu. Ta thử dùng vài phương cách chữa trị xem sao." Ngài liền gọi hai quốc sư hiền trí của vua là Āyura và Pukkusa vào bảo:

– Đức vua không có bệnh gì, ngoại trừ tâm bệnh chỉ vì ngài không thấy hoàng hậu đó thôi. Giờ đây, ngài là bậc cứu hộ cao cả đối với thần dân. Ta quyết tìm mọi cách trị bệnh ngài. Ta muốn triệu tập một đám quần chúng vào sân chầu và bảo một người biết xảo thuật nuốt lưỡi kiếm sắc biểu diễn việc này. Ta sẽ đưa Hoàng thượng ra cửa sổ nhìn xuống đám đông. Ngài sẽ nhìn người nuốt lưỡi kiếm và hỏi: "Có việc gì khó hơn thế chăng?" Lúc ấy, này Tôn giả Āyura, xin hãy đáp: "Ta sẽ từ bỏ vật này vật kia, còn khó hơn nữa." Sau đó, ngài sẽ hỏi Tôn giả Pukkusa và Tôn giả cần phải trả lời: "Tâu Đại vương, nếu một người nói: 'Ta từ bỏ vật này vật kia', rồi lại không bỏ nó được, thì lời nói đó sẽ vô ích thôi. Không ai sống hay uống ăn bằng những lời như vậy, nhưng người nào hành động theo lời nói và đem cho một vật đúng theo lời hứa thì chính họ làm được một việc khó hơn việc kia nữa đấy." Sau đó, ta sẽ tìm cách tiến hành mọi sự tiếp theo.

Thế là ngài bảo tập hợp một đám đông. Rồi ba bậc trí nhân ấy vào trình vua:

– Tâu Đại vương, có đám đông trong sân chầu. Nếu ai nhìn xuống đó sẽ đổi sầu làm vui. Vậy xin Đại vương hãy cùng chúng thần đến đó xem sao!

Ba vị rước vua đến hé mở cửa sổ cho vua nhìn thấy đám đông. Nhiều người lần lượt biểu diễn các xảo thuật mà mình biết. Sau cùng, có một người nuốt lưỡi kiếm sắc cạnh dài ba mươi ba phân.[5] Vua thấy vậy, suy nghĩ: "Người này đang nuốt lưỡi kiếm, ta muốn hỏi các bậc trí nhân này xem có việc gì khó hơn không?"

Rồi vua ngâm vần kệ đầu hỏi Āyura:

39. Bảo kiếm Dasanna thích máu hồng,
Cạnh đều sắc nhọn thật hoàn toàn,
Giữa đông người, nó ăn thanh kiếm,
Chẳng có việc nào khó nữa chăng,
Ta hỏi có gì đem sánh được,
Nhờ khanh giải đáp, hỡi hiền nhân?

Āyura ngâm vần kệ thứ hai đáp lời:

---

[5] 33 phân Anh, khoảng 80cm.

40. Lòng tham dụ kẻ nuốt thanh gươm,
Cho dẫu lưỡi gươm bén thập toàn,
Song nói: "Ta cho, lòng tự nguyện",
Là điều khó thực hiện vô cùng,
Mọi điều gì khác đều không khó,
Đại đế Kiệt-đà, tôi giải phân.

Khi vua nghe lời Āyura, ông liền suy nghĩ: "Thế thì bảo: 'Ta cho vật này' còn khó hơn nuốt thanh kiếm. Vậy ta đã nói: 'Ta ban hoàng hậu cho con trai tế sư', tức là ta đã làm một việc rất khó." Nhờ thế, nỗi đau buồn trong tâm vua lắng dịu được một chút. Rồi vua suy nghĩ: "Có gì khó hơn nói: 'Ta cho người khác vật này' chăng?" Ông lại ngâm vần kệ thứ ba nói chuyện với Trí giả Pukkusa:

41. Āyura đã giải đáp lời ta,
Trí tuệ cao siêu quả thật là,
Ta hỏi giờ đây câu nữa nhé,
Còn gì khó nữa, hỡi Pukkusa,
Nếu đem so sánh điều trên ấy,
Hiền giả, xin mời giải đáp ta.

Trí giả Pukkusa ngâm vần kệ thứ tư đáp lại:

42. Người ta không sống được bằng lời,
Lời nói thốt ra uổng phí thôi,
Song nếu đem cho không tiếc nuối,
Việc này còn khó bội hơn rồi,
Mọi điều gì khác đều không khó,
Đại đế, đây lời đáp của tôi.

Vua nghe như vậy liền suy nghĩ: "Trước tiên ta nói: 'Ta sẽ đem hoàng hậu ban cho con trai tế sư,' rồi ta đã làm theo lời hứa và đem nàng cho đi. Hiển nhiên ta đã làm một việc rất khó." Do vậy, nỗi sầu của vua giảm bớt phần nào. Rồi ông chợt nghĩ: "Không có ai thông thái hơn Trí giả Senaka. Ta muốn hỏi vị ấy câu này." Ông liền ngâm vần kệ thứ năm hỏi ngài:

43. Pukkusa đã giải đáp lời ta,
Trí tuệ cao siêu quả thật là,
Ta hỏi giờ đây câu nữa nhé,
Còn gì khó nữa, hỡi Senaka,
Nếu đem so sánh điều trên ấy,
Hiền giả, xin mời giải đáp ta.

Senaka ngâm vần kệ thứ sáu đáp lời vua:

44. Nếu người có của đã đem cho,
Bất luận là gì, dẫu nhỏ to,
Đừng tiếc nuối sau khi bố thí,
Việc này quả thật khó hơn mà,

Mọi điều gì khác đều không khó,
Xin đáp Đại vương Ma-kiệt-đà.

Vua nghe lời Bồ-tát, lại suy nghĩ: "Ta đã đem hoàng hậu ban cho con trai tế sư do ta tự nguyện, nay ta lại không kiềm chế nỗi ưu tư, ta sinh phiền não, héo mòn. Thật không xứng đáng với ta. Nếu nàng thương yêu ta thì nàng đã không bỏ vương quốc mà chạy trốn như vậy. Ta còn phải liên hệ gì với nàng khi nàng đã không yêu thương ta và bỏ trốn đi!"

Trong lúc vua suy nghĩ như vậy, mọi sầu não đều rơi rụng hết như giọt nước đổ trên lá sen. Lập tức tâm vua được bình an. Ông hồi phục sức khỏe và an lạc ngâm vần kệ cuối cùng tán thán Bồ-tát:

45. Āyura giải đáp lời ta,
Thế rồi Trí giả Pukkusa cũng vầy,
Lời Senaka quả thật hay,
Trong ba lời giải, lời này tối ưu.

Sau khi tán thán, vua hoan hỷ ban thưởng ngài nhiều vàng bạc châu báu.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Khi các sự thật kết thúc, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, hoàng hậu là người vợ cũ, vua là Tỷ-kheo thối thất, Āyura là Moggallāna, Pukkusa là Sāriputta và Trí giả Senaka chính là Ta.

§402. CHUYỆN TÚI DA ĐỰNG BÁNH (*Sattubhastajātaka*) (*J.* III. 341)

Tâm tư lão rối loạn, ưu phiền...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự viên mãn của trí tuệ tối thắng. Chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện đường hầm vĩ đại.*[6]

***

Ngày xưa, có vị vua tên là Janaka trị vì Ba-la-nại. Thời ấy, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn, cha mẹ đặt tên ngài là nam tử Senaka. Khi lớn lên, ngài theo học các nghệ thuật tại Takkasilā rồi trở về Ba-la-nại yết kiến vua. Vua phong cho ngài chức vụ đại thần và ban cho ngài đại vinh hiển.

Ngài dạy vua về thế sự lẫn thánh sự. Là người thuyết pháp khả ái, ngài an trú vua vào ngũ giới, bố thí, hành trì ngày trai giới và thập thiện đạo. Như vậy, tức là an trú vua vào chánh hạnh. Toàn quốc độ được ở cảnh như thời có chư Phật xuất hiện. Vào các ngày trai giới nửa tháng một lần, nhà vua, các phó

[6] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

vương, cận thần đều tụ tập và trang hoàng phòng họp. Bồ-tát thuyết pháp trong một giảng đường tôn nghiêm trên bảo tòa nạm ngọc với vẻ uy nghi của một vị Phật. Lời ngài dạy chẳng khác gì lời dạy của chư Phật.

Thời ấy, có một Bà-la-môn già nua, xin tiền bố thí được một ngàn đồng, để dành trong một gia đình Bà-la-môn, rồi lại làm hành khất thêm nữa. Khi ông ra đi, gia đình nọ tiêu hết cả tiền. Sau đó, ông trở lại đòi số tiền. Vì gia chủ không có tiền trả nên gả con gái cho ông làm vợ. Vị Bà-la-môn già đem nàng về cư ngụ trong một làng Bà-la-môn không xa Ba-la-nại. Vì cô vợ còn trẻ nên không thỏa mãn tham dục và phạm tà hạnh với một Bà-la-môn trẻ.

Ở đời có mười sáu việc không thể nào thỏa mãn. Đó là mười sáu việc gì? Biển không thỏa mãn với các dòng sông; lửa không thỏa mãn với nhiên liệu; vua không thỏa mãn với quốc độ; kẻ ngu không thỏa mãn với ác nghiệp; nữ nhân không thỏa mãn với ba việc: Ân ái, nữ trang và sinh con; Bà-la-môn không thỏa mãn với Thánh kinh; bậc trí không thỏa mãn với thiền định; bậc Hữu học không thỏa mãn với danh vọng; người ly tham không thỏa mãn với khổ hạnh; người tinh tấn không thỏa mãn với nỗ lực; người hay nói không thỏa mãn với chuyện trò; nhà chính trị không thỏa mãn với hội nghị; người mộ đạo không thỏa mãn với việc phục vụ Giáo hội; người thích bố thí không thỏa mãn với việc bố thí; người đa văn không thỏa mãn với việc nghe pháp; tứ chúng không thỏa mãn với việc yết kiến đức Phật.

Vì thế, nữ nhân Bà-la-môn này không thỏa mãn việc ân ái, muốn đẩy chồng đi xa và phạm tà dục một cách táo bạo. Một ngày kia, cô ả nằm dài theo gian kế đã dự trù. Khi ông chồng hỏi:

– Nàng ơi, nàng làm sao thế?

Cô ả đáp:

– Chàng Bà-la-môn ơi, thiếp không thể làm việc nhà chàng được nữa, phải kiếm một nữ tỳ.

– Nàng ơi, ta không có tiền, vậy ta sẽ lấy gì để mua nữ tỳ chứ?

– Chàng hãy làm hành khất kiếm tiền mà thuê nữ tỳ.

– Thế nàng hãy sắp đặt vài vật để ta lên đường.

Cô ả đặt vào túi da đủ các thứ bột bánh đã nướng và chưa nướng, xong trao cho lão. Lão Bà-la-môn đi qua mọi thôn làng thành thị, kiếm được bảy trăm đồng, nghĩ thầm: "Số tiền này đủ để mua gia nô nữ tỳ rồi", lão liền trở về làng. Đến một địa điểm thuận tiện để uống nước, lão mở túi xách ăn một ít bánh nướng, rồi đi uống nước mà không buộc miệng túi. Lúc ấy, một con rắn hổ trong thân cây rỗng, ngửi được mùi bánh, bò vào túi nằm cuộn tròn ăn bánh. Lão trở lại, không nhìn vào túi, cứ buộc túi lại và vác lên vai ra đi.

Lúc ấy, một vị thần cây ngồi trên bộng thân cây ấy đến bảo cho lão biết trên đường đi:

– Này Bà-la-môn, nếu lão dừng lại trên đường, lão sẽ chết; còn nếu lão về nhà thì vợ lão sẽ chết đấy.

Xong vị thần biến mất. Lão nhìn quanh không thấy vị thần nên lòng kinh hoảng vì sợ chết, vừa đi đến cổng thành Ba-la-nại vừa khóc than.

Hôm ấy, vào ngày rằm trai giới, ngày Bồ-tát thuyết pháp, ngài đang ngồi trên bảo tòa trang nghiêm và một đám đông đem hương hoa đủ loại đến từng đoàn nghe pháp. Lão Bà-la-môn hỏi:

– Các người đi đâu thế?

Họ đáp:

– Này lão Bà-la-môn, hôm nay bậc Trí giả Senaka thuyết pháp với giọng êm dịu và với oai lực của một bậc Giác ngộ. Lão không biết ư?

Lão suy nghĩ: "Họ bảo ngài là một bậc thuyết pháp hiền trí, còn ta đang lo âu sợ chết; các bậc trí có khả năng diệt trừ các đại phiền não, vậy ta nên đến đó nghe pháp." Vì thế, lão cùng đi với họ, khi quần chúng và vua đã ngồi chung quanh Bồ-tát, lão đứng bên ngoài không xa pháp tòa, với túi thức ăn trên vai và nỗi sợ chết. Bồ-tát thuyết giảng chẳng khác nào ngài đang đưa cả dải thiên hà xuống trần giới hay đổ trận mưa đầy thực phẩm thiên giới cho đời.

Quần chúng vô cùng hoan hỷ tán thưởng, lắng tai nghe pháp. Các bậc trí thường nhìn xa thấy rộng. Vào lúc ấy, Bồ-tát mở đôi mắt có đủ năm vẻ đẹp nhìn khắp hội chúng, thấy vị Bà-la-môn, liền nghĩ: "Cả hội chúng đông đảo này tràn ngập hân hoan nghe pháp và tán thưởng, chỉ trừ một Bà-la-môn ủ rũ khóc lóc. Chắc hẳn phải có nỗi sầu tư nào trong lòng khiến lão tuôn lệ. Cũng giống như tẩy rỉ sét với chất chua, hay làm một giọt nước rơi khỏi lá sen, ta sẽ thuyết pháp cho lão giải sầu và an vui tâm trí." Vì thế, ngài gọi lão:

– Này lão Bà-la-môn, ta là Trí giả Senaka, nay ta muốn giải mối sầu cho lão, hãy mạnh dạn nói ra đi!

Ngài ngâm vần kệ đầu hỏi lão:

46. Tâm tư lão rối loạn, ưu phiền,
Nước mắt chảy là cớ hiển nhiên,
Lão mất gì, vào đây muốn kiếm,
Thứ gì? Hãy nói rõ ngay liền.

Sau đó, Bà-la-môn ngâm vần kệ bày tỏ duyên cớ nỗi sầu:

47. Vợ chết nếu tôi trở lại nhà,
Còn không, tôi sẽ hóa ra ma,
Điều này làm trái tim đau nhói,
Xin giải vấn đề, hỡi Senaka!

Nghe vị Bà-la-môn nói, Bồ-tát bủa giăng tấm lưới tri kiến như ném lưới vào biển cả và suy nghĩ: "Có nhiều nguyên nhân gây tử vong ở đời này: Một số chết chìm ngoài biển, hoặc bị loài cá dữ ăn thịt; một số rơi xuống sông Hằng,

hay bị cá sấu vồ; một số khác rơi từ cây xuống, hay bị gai nhọn đâm; một số bị khí giới đủ loại đánh vào người; một số khác ăn nhầm chất độc, bị treo cổ hay rớt xuống vực sâu, chết cóng vì giá buốt, hay các loại bệnh tấn công. Nay giữa mọi duyên cớ ấy, lão Bà-la-môn này phải chết vì cớ nào nếu lão ở nán lại trên đường đi hôm nay, hoặc vợ lão phải chết nếu lão về nhà?"

Trong lúc suy xét, ngài thấy cái túi trên vai lão và nghĩ: "Chắc hẳn có con rắn chui vào túi, có lẽ vì nó đã nghe mùi bánh khi lão ăn sáng và đi uống nước mà quên buộc miệng túi xách. Sau khi uống nước xong, lão Bà-la-môn trở lại và có lẽ đã tiếp tục lên đường sau khi buộc túi và cầm túi lên mà không thấy con rắn bò vào. Nếu lão ở nán lại trên đường, đến tối lão sẽ tự nhủ lúc dừng chân: 'Ta muốn ăn bánh.' Rồi mở túi ra, lão sẽ đặt tay vào, con rắn sẽ cắn tay lão gây tử vong. Đây chính là nguyên nhân lão sẽ chết nếu ở lại trên đường. Nhưng nếu lão về nhà, túi ấy sẽ đến tay vợ lão, bà ta sẽ nói: 'Ta muốn xem đồ đạc bên trong', rồi bà ta mở túi ra và đặt tay vào, con rắn sẽ cắn bà ta bỏ mạng. Đây chính là nguyên nhân vợ lão chết nếu lão về nhà hôm nay." Ngài biết được điều này do trí của ngài tinh xảo về mọi phương tiện.

Lúc ấy, ngài lại suy nghĩ: "Đây chắc hẳn là con rắn hổ đen táo bạo, không hề biết sợ, nên khi cái túi da đập vào sườn lão Bà-la-môn, nó chẳng nhúc nhích hay run rẩy gì cả. Nó cũng không tỏ dấu hiệu là nó đang có mặt tại hội chúng đông đảo này; do đó, nó phải là con rắn hổ đen táo bạo, không biết sợ."

Từ tri kiến tinh xảo các phương tiện, ngài biết điều này như thể ngài chứng kiến với thiên nhãn. Như vậy, ngài chẳng khác nào một người đứng gần đó nhìn con rắn bò vào túi, rồi quyết định sự việc bằng tri kiến tinh xảo của ngài. Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba đáp câu hỏi của vị Bà-la-môn ngay giữa hội chúng triều đình:

48. Suy xét mọi nghi hoặc trước tiên,
Nay ta tuyên bố sự đương nhiên,
La-môn, trong túi đồ ăn ấy,
Đã lẻn chui vào rắn hổ đen!

Nói vậy xong, ngài hỏi:

– Này lão Bà-la-môn, có thứ bánh nào trong túi xách của lão chăng?

– Thưa Trí giả, có.

– Thế lão có ăn bánh lúc điểm tâm sáng nay chăng?

– Thưa Trí giả, có.

– Thế lão đã ngồi đâu?

– Ở trong rừng, dưới một gốc cây.

– Thế khi lão ăn bánh xong và đi uống nước, lão có buộc miệng túi lại hay không?

– Thưa Trí giả, tôi không buộc.

– Khi lão đã uống nước và trở về, lão có buộc miệng túi sau khi nhìn vào trong không?

– Thưa Trí giả, tôi buộc miệng túi mà không nhìn vào trong.

– Này lão Bà-la-môn, khi lão đi uống nước, ta chắc là con rắn đã lẻn vào túi do ngửi mùi bánh mà lão không biết. Đây là trường hợp này. Vậy lão mau đặt túi xuống để ngay giữa hội chúng và mở miệng túi ra. Lấy gậy đập vào túi, rồi lão sẽ thấy con rắn hổ đen bò ra với chiếc mồng giương rộng và rít lên. Lão sẽ hết hồ nghi.

Ngài lại ngâm vần kệ thứ tư:

49. Cầm gậy đập lên chiếc túi dày,
Im hơi, hai lưỡi chính con này,
Trí ông hết rối vì nghi hoặc,
Mở túi rồi ông thấy rắn ngay!

Vị Bà-la-môn làm theo lời Bồ-tát bảo, mặc dù lão hết sức kinh hoàng chấn động. Con rắn bò ra khỏi túi khi đầu nó bị chiếc gậy đánh trúng, và nó dừng lại nhìn mọi người.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ năm giải thích vấn đề:

50. Kinh hãi, lão ra giữa đám đông,
Mở dây chiếc túi đựng đồ ăn,
Một con rắn hổ bò hung dữ,
Kiêu hãnh giương cao cả chiếc mồng!

Khi con rắn bò ra với chiếc mồng giương cao, đó là điềm báo hiệu Bồ-tát sẽ là vị Phật Chánh Đẳng Giác. Đám đông bắt đầu vẫy khăn và búng tay hàng ngàn người, bảy báu vật được ném tung ra như thể mưa rào, hàng ngàn tiếng hô: “Tốt lành thay!” vang dậy, ồn ào như đất lở.

Lời giải đáp một câu hỏi như vậy do uy lực của một bậc Giác ngộ chứ không phải nhờ vào nguồn gốc sinh trưởng, cũng không phải do uy lực của người giàu sang danh vọng. Vậy đó là uy lực gì? Chính là uy lực của tri kiến. Người có tri kiến làm trí tuệ tăng trưởng, mở rộng cánh cửa đi vào các Thánh đạo, chứng đắc Niết-bàn bất tử tối thượng và thành tựu viên mãn các quả vị Thanh văn, Độc giác và Chánh đẳng giác. Tri kiến là điều tối thắng giữa các đức tính đưa đến Niết-bàn bất tử tối thượng. Mọi thành phần khác đều là phụ thuộc. Do vậy, có câu tục ngữ:

51. Người thiện bảo tri kiến tối ưu,
Như trăng đi giữa các vì sao,
Tiền tài, đức hạnh, lòng công chánh,
Là các nô tỳ bậc trí cao.

***

Khi câu hỏi đã được Bồ-tát giải đáp xong, một người nhử rắn làm một chiếc khăn bịt miệng rắn rồi đến chụp lấy nó và đem thả vào rừng.

Vị Bà-la-môn đi đến yết kiến vua, kính chào xong, lại ngâm nửa vần kệ tán tụng vua:

Chúa thượng Janaka, lợi lạc thay,
Đại vương có bậc trí nhân này.

Sau khi ca tụng vua, lão cầm bảy trăm đồng tiền trong túi ra, vừa tán thán Bồ-tát vừa ngâm một vần kệ rưỡi bày tỏ ước muốn bố thí trong niềm hoan hỷ:

Trí ngài đáng sợ, hồ nghi biến,
Trước mắt ngài nhìn thấu suốt ngay.

52. Này đây có cả bảy trăm đồng,
Xin nhận lấy ngay vật hiến dâng,
Vì chính nhờ ngài, tôi được sống,
Cùng nguồn an lạc của thân nhân.

Nghe vậy, Bồ-tát ngâm vần kệ thứ chín:

53. Bậc trí không dùng vật cúng dâng,
Chỉ vì các khúc kệ ca ngâm,
Tốt hơn, ta tặng luôn tiền ấy,
Trước lúc lão về lại cố hương.

Nói vậy xong, Bồ-tát đưa trọn số tiền trả lại vị Bà-la-môn và hỏi:

– Ai bảo lão đi kiếm số tiền này?

– Thưa Trí giả, chính hiền nội.

– Thế hiền nội già hay trẻ?

– Thưa Trí giả, hiền nội còn trẻ.

– Thế thì cô ả đang phạm tà hạnh với kẻ khác nên đã bảo lão đi xa vì nghĩ cần phải hành động như thế cho an toàn. Nếu lão đem số tiền này về nhà, cô ả sẽ đem cho tình nhân số tiền do lão khổ công kiếm được. Vậy lão không nên về nhà ngay mà phải để số tiền ngoài thành phố, dưới gốc cây đâu đó.

Nói xong, ngài bảo lão ra đi. Khi lão đến gần làng, lão chôn tiền vào một gốc cây và về đến nhà lúc chiều tối. Lúc ấy, vợ lão đang ngồi với tình nhân. Vị Bà-la-môn đứng ở cửa gọi to:

– Nàng ôi!

Cô ả nhận ra tiếng lão, vội tắt đèn và ra mở cửa. Khi lão đã vào trong, cô ả dẫn kẻ kia ra cửa, rồi trở vào nhà, chẳng thấy món gì trong túi, liền hỏi:

– Này chàng Bà-la-môn, chàng kiếm được của bố thí gì trên đường đi thế?

– Một ngàn đồng tiền.

– Thế tiền đâu rồi?

– Nó được chôn ở chốn nọ, nhưng đừng lo, ngày mai ta sẽ đi lấy nó.

Cô ả liền đi báo cho tình nhân biết. Hắn đến đó lấy tiền ngay như thể tài sản của hắn vậy. Hôm sau, vị Bà-la-môn đến nhưng không thấy tiền đâu, liền đi tìm Bồ-tát, ngài hỏi:

– Này lão Bà-la-môn, có việc gì thế?

– Thưa Trí giả, tôi không thấy tiền đâu cả.

– Thế lão có nói cho vợ biết chăng?

– Thưa Trí giả, có.

Biết là cô vợ đã báo cho tình nhân rõ, Bồ-tát bảo:

– Này lão Bà-la-môn, thế có vị Bà-la-môn nào là bạn của vợ lão không?

– Thưa Trí giả, có.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ truyền người đem đến một số tiền đủ chi phí trong bảy ngày để cho lão và dặn:

– Hãy ra về và hai vợ chồng lão hãy đãi tiệc mời mười bốn vị Bà-la-môn đầu tiên, gồm bảy người bạn lão và bảy người bạn của vợ lão. Rồi từ đó về sau cứ mỗi ngày bớt một vị khách cho đến ngày thứ bảy, lão chỉ mời một Bà-la-môn và vợ lão mời một. Khi ấy, nếu lão thấy vị Bà-la-môn được vợ lão mời vào ngày thứ bảy ấy đã đến các lần trước thì hãy báo cho ta.

Lão Bà-la-môn làm theo lời ngài, rồi đến trình Bồ-tát:

– Thưa Trí giả, tôi đã nhận thấy vị Bà-la-môn luôn luôn đến làm thực khách của nhà tôi.

Bồ-tát sai người đi theo lão, đem vị Bà-la-môn ấy đến và hỏi:

– Có phải anh lấy một ngàn đồng tiền của lão này giấu ở dưới gốc cây nọ chăng?

– Thưa Trí giả, tôi không lấy.

– Thế anh biết ta là Trí giả Senaka ư? Ta muốn bảo anh đem số tiền ấy về đây.

Hắn sợ hãi thú nhận:

– Tôi đã lấy số tiền ấy.

– Thế anh đã làm gì?

– Thưa Trí giả, tôi cất ở chỗ nọ.

Bồ-tát lại hỏi vị Bà-la-môn già kia:

– Này lão Bà-la-môn, lão muốn giữ vợ lại hay lấy vợ khác?

– Thưa Trí giả, cho lão được phép giữ vợ lại.

Bồ-tát sai người đi lấy số tiền và đem cô vợ lão đến, trao số tiền từ tay kẻ trộm ấy lại cho lão Bà-la-môn, rồi ngài trừng phạt kẻ trộm, đuổi hắn ra khỏi tỉnh và trừng phạt luôn cô vợ. Về sau, ngài ban lão Bà-la-môn đại vinh dự bằng cách cho phép lão sống ở gần ngài.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, nhiều Tỷ-kheo đạt Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy vị Bà-la-môn là Ānanda, vị thần cây là Sāriputta, hội chúng là Tăng chúng của Như Lai và Trí giả Senaka chính là Ta.

§403. CHUYỆN TRÍ GIẢ AṬṬHISENA (*Aṭṭhisenajātaka*)[7] (*J.* III. 351)

Aṭṭhi, lắm kẻ đến mong cầu...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại đền Aggāḷava gần Ālavī về các điều lệ xây tịnh thất. Câu chuyện đã được nêu trong *Chuyện vua rắn Maṇikaṇṭha*.[8]

Bậc Đạo sư bảo Tăng chúng:

– Này các Tỷ-kheo, ngày xưa trước khi Bồ-tát ra đời, các ẩn sĩ ngoại đạo dù được vua ban đặc ân cũng không bao giờ cầu xin điều gì cả, vì thấy rằng cầu xin kẻ khác không đem lại an lạc thư thái.

Nói vậy xong Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn và được đặt tên là nam tử Aṭṭhisena. Khi lớn lên, ngài học các nghệ thuật ở Takkasilā; và về sau, nhận thấy nỗi đau khổ của tham dục, ngài xuất gia tu tập và thành đạt các thắng trí cùng các thiền chứng. Ngài sống ở vùng Tuyết sơn, sau đó xuống vùng dân cư tìm muối và giấm. Ngài đi đến Ba-la-nại, ở trong một lâm viên. Hôm sau ngài đi khất thực tại cung đình.

Vua hài lòng trước phong cách oai nghi của ngài, liền cho người mời ngài vào, đặt ngài ngồi lên sàng tọa trên sân thượng và cúng dường thực phẩm. Khi ngài nói lời tùy hỷ công đức, vua rất hân hoan, và nhận được lời ngài hứa hẹn sẽ cư ngụ trong ngự viên. Vua đến tham kiến Bồ-tát mỗi ngày hai, ba lần. Một hôm, vua hoan hỷ nghe ngài thuyết pháp xong, liền ban cho ngài một điều ước:

– Xin ngài hãy nói cho trẫm biết bất cứ điều gì ngài ước nguyện, từ quốc độ của trẫm trở xuống!

Bồ-tát không đáp: "Hãy cho ta vật này vật nọ"; nhiều kẻ khác đòi hỏi những vật nào họ mong ước, thường bảo: "Cho tôi vật này"; và vua ban vật đó nếu không ham thích nó nữa.

Một hôm, vua suy nghĩ: "Nhiều người mong cầu đặc ân hoặc các khất sĩ thường xin ta vật này vật nọ; nhưng Hiền giả Aṭṭhisena cao quý này, từ khi ta

[7] Tham chiếu: *S.* I. 117, *Sambahulasutta* (*Kinh Đa số*); *Miln.* 228, *Gāthābhigītabhojanakathāpañho* (*Câu hỏi giảng về vật thực do việc ngâm nga các bài kệ*); *Vin.* III. 145; *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1331. 0367c01); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.351. 0489b07).

[8] Xem *J.* II. 282, *Maṇikaṇṭhajātaka* (*Chuyện vua rắn Maṇikaṇṭha*), số §253.

ban điều ước, vẫn không xin gì cả. Ngài thật là bậc có trí tuệ và thiện xảo các phương tiện. Ta muốn hỏi ngài."

Thế rồi một hôm, sau buổi điểm tâm, nhà vua ngồi một bên, hỏi ngài lý do vì sao nhiều người khác cầu xin ân huệ còn ngài thì không; và vua ngâm vần kệ đầu:

54. Aṭṭhi, lắm kẻ đến mong cầu,
Cho dẫu họ xa lạ biết bao,
Lũ lượt xin ta ban thỉnh nguyện,
Còn ngài không ước vọng, vì sao?

Nghe vậy, Bồ-tát ngâm vần kệ thứ hai:

55. Hai kẻ cầu ân hoặc chối từ,
Thảy đều không đẹp ý bao giờ,
Đấy là duyên cớ, xin đừng giận,
Khiến tiểu thần không thỉnh nguyện vua.

Nghe lời ngài, vua ngâm tiếp ba vần kệ nữa:

56. Người nào kiếm sống, khẩn cầu hoài,
Chẳng đến cầu ân lúc hợp thời,
Làm kẻ khác suy tàn đức độ,
Chính mình chẳng có kế sinh nhai.

57. Người nào kiếm sống, khẩn cầu hoài,
Thường đến cầu ân lúc hợp thời,
Làm kẻ khác tăng dần đức độ,
Chính mình cũng được kế sinh nhai.

58. Bậc có trí không thấy hận sân,
Khi người lũ lượt đến cầu ân,
Nói đi, Thánh giả là thân hữu,
Điều ước ngài không thể lỗi lầm.

Như vậy, dù được ban tặng cả vương quốc, Bồ-tát cũng không cầu mong gì. Khi nguyện vọng của nhà vua đã được phát biểu như vậy, Bồ-tát liền bày tỏ đường lối của ẩn sĩ:

– Thưa Đại vương, người thế tục và gia chủ thường thích thỉnh nguyện, chứ không phải người xuất thế; vì từ khi phát nguyện xuất gia, ẩn sĩ phải sống đời thanh tịnh khác với gia chủ.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ sáu bày tỏ nếp sống ẩn sĩ:

59. Bậc trí không hề thỉnh nguyện đâu,
Thế nhân phải biết rõ như sau,
Trí nhân thỉnh nguyện ngồi im lặng,
Như thế là người trí thỉnh cầu.

Vua nghe lời Bồ-tát liền nói:

– Bạch Tôn giả, nếu một người phục vụ có trí tự nguyện cống hiến thân hữu mình những gì cần được cống hiến thì trẫm xin tặng Tôn giả những vật như vầy:

60. Ngàn bò trẫm tặng Bà-la-môn,
Bò đỏ, thêm người hướng dẫn đường,
Nghe các nghiệp ngài đầy thánh thiện,
Trẫm nay phát khởi nghiệp hiền lương.

Khi vua nói vậy, Bồ-tát từ chối và bảo:

– Thưa Đại vương, ta đã sống đời tu tập xa lìa cấu uế, ta không cần đàn bò.

Vua tuân thủ lời khuyến giáo của ngài, chuyên tâm bố thí và làm nhiều thiện sự khác nên được sinh lên thiên giới. Còn Bồ-tát không hề gián đoạn thiền định nên tái sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, nhiều Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là Ānanda và Aṭṭhisena chính là Ta.

§404. CHUYỆN HẦU VƯƠNG (*Kapijātaka*)[9] (*J.* III. 355)

Người trí không nên ở chốn nào...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bị quả đất nuốt sống.

Thấy Tăng chúng đang bàn luận việc này tại pháp đường, Ngài bảo:

– Đây không phải lần đầu Devadatta và hội chúng của kẻ ấy bị tiêu diệt mà xưa kia cũng vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập thai vào loài khỉ sống trong ngự viên, cùng cả đàn tùy tùng năm trăm con khỉ. Devadatta cũng được sinh làm khỉ, cùng sống tại đó với một bầy năm trăm con khỉ khác.

Một hôm, vị tế sư của nhà vua đi ra vườn tắm rửa, trang điểm thân thể xong, một con khỉ tinh nghịch leo lên ngồi trên cổng vòng cung của ngự viên, thả cục phân rơi trên đầu vị ấy lúc ông đi qua cổng. Khi vị tế sư nhìn lên, nó lại thả thêm một cục phân vào miệng ông. Vị tế sư quay lại, hăm dọa bầy khỉ:

– Được lắm, ta sẽ biết cách trừng trị ngươi.

Rồi ông lại tắm rửa và ra về. Bầy khỉ trình lại với Bồ-tát rằng vị tế sư nổi giận và hăm dọa chúng như vậy. Ngài thông báo cho cả bầy ngàn con khỉ:

---

[9] Xem *J.* I. 486, *Kākajātaka* (*Chuyện con quạ*), số §140.

– Ở gần nơi cư trú của kẻ sân hận là không an toàn, vậy cả đàn khỉ nên chạy trốn đi nơi khác.

Một con khỉ không vâng lệnh, giữ bầy khỉ của nó lại, không chạy trốn và bảo:

– Ta sẽ xét lại việc ấy sau.

Bồ-tát đem bầy khỉ đi vào rừng.

Một hôm, có một nữ tỳ giã gạo và phơi nắng một ít gạo; một con dê đến ăn gạo đã bị một cây đuốc đập vào mình, nó chạy trốn, mình cháy đỏ rực, vội chà mình vào vách lều cỏ gần chuồng voi. Ngọn lửa bắt vào lều cỏ lan qua chuồng voi làm lưng các con voi bị phỏng. Các thú y được mời đến chăm sóc bầy voi.

Vị tế sư hoàng gia vẫn luôn tìm cơ hội bắt bầy khỉ. Lúc vị ấy đang ngồi chầu nhà vua, nhà vua bảo:

– Này tế sư, nhiều con voi của ta bị thương và các thú y chuyên về voi lại không biết cách chữa trị, vậy khanh có biết cách chữa không?

– Tâu Đại vương, thần biết.

– Cách gì thế?

– Tâu Đại vương, mỡ khỉ.

– Làm sao có được thứ ấy?

– Có rất nhiều khỉ trong ngự viên.

Vua phán:

– Giết bầy khỉ để lấy mỡ.

Các xạ thủ đem cung tên đi giết cả năm trăm con khỉ. Một con khỉ già trốn thoát được dù nó bị thương do mũi tên và chưa ngã ngay tại chỗ, nó chỉ ngã xuống khi đến nơi ở của Bồ-tát. Bầy khỉ bảo nhau:

– Nó đã chết khi vừa đến chỗ ở của ta.

Và chúng kể lại với Bồ-tát rằng con khỉ kia chết do vết thương ấy. Ngài bước ra ngồi giữa bầy khỉ, ngâm các vần kệ này để khuyến giáo chúng với lời khuyên của bậc trí, đó là: "Người nào ở gần kẻ thù đều phải chết như vậy."

61. Người trí không nên ở chốn nào,
Cừu nhân cư trú, dẫu dài lâu,
Hay chỉ một, hai đêm cũng vậy,
Đến gần sẽ gặp nỗi sầu đau.

62. Kẻ ngu là địch thủ cho ai,
Vẫn trót tin lời nó nói sai,
Con khỉ ngu si đem đại họa,
Cho bầy của nó thế mà thôi.

63. Một kẻ ngu si đứng trưởng đoàn,
Vì kiêu căng muốn tỏ khôn ngoan,

Sẽ không khác khỉ này gây họa,
Mãi mãi đưa đường đến bại vong.

64. Kẻ mạnh ngu si chẳng tốt lành,
Lãnh phần bảo vệ cả đàn mình,
Nó là tai họa cho đồng loại,
Chẳng khác chim mồi đáng hãi kinh.

65. Trưởng đoàn hùng dũng trí khôn ngoan,
Làm tốt để canh giữ cả đoàn,
Chẳng khác Indra bên hội chúng,
Là phần thưởng của các thân bằng.

66. Người nào đủ giới hạnh hoàn toàn,
Trí tuệ tinh thông, học tập luôn,
Hành động người này đem phước lạc,
Cho mình cùng với các tha nhân.

67. Vậy thì giới hạnh lẫn đa văn,
Tri kiến học hành, luyện bản thân,
Như thể vị hiền nhân độc trú,
Hoặc lo bảo vệ đám thân bằng.

Như vậy, Bồ-tát trở thành hầu vương, và giảng giải đường lối học tập giới luật.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con khỉ không tuân lệnh là Devadatta, bầy khỉ của nó là hội chúng của Devadatta và hầu vương có trí là Ta.

§405. CHUYỆN PHẠM THIÊN BAKA (*Bakabrahmajātaka*)[10] (*J.* III. 358)

Chúng tôi tất cả bảy mươi hai...

Bậc Đạo sư kể chuyện này khi trú tại Kỳ Viên về Phạm thiên Baka.

Một tà kiến sinh khởi trong tâm vị Phạm thiên này, đó là: "Cõi sinh hữu này là trường tồn, thường hằng, vĩnh cửu, bất biến; ngoài nơi này ra không có sự cứu độ hay giải thoát gì nữa."

Trong một đời trước, vị Phạm thiên này đã thực hành thiền định, vì thế được tái sanh vào cõi trời Quảng Quả (Vehapphala). Sau khi đã trải qua đời sống ở đó trong năm trăm kiếp (*kappa*), vị ấy tái sanh vào cõi trời Biến Tịnh (Subhakiṇha). Sau khi đã trải qua sáu mươi bốn kiếp tại đó, vị ấy mạng chung và tái sanh vào cõi trời Quang Âm (Ābhassara), nơi đời sống kéo dài trong tám kiếp. Và chính tại đó, tà kiến này khởi lên trong tâm vị ấy.

[10] Xem *S.* I. 142, *Bakabrahmasutta* (*Kinh Phạm thiên Baka*).

Vị Phạm thiên này quên rằng mình đã từng sống ở các cõi Phạm thiên cao hơn và đã tái sanh vào cảnh giới này. Do nhận thức các điều trên, vị ấy chấp thủ tà kiến. Bậc Đạo sư thấu hiểu các tư tưởng của vị ấy, và thật dễ dàng như một lực sĩ duỗi cánh tay cho thẳng ra hay cong cánh tay trở lại, Ngài biến mất ở Kỳ Viên và xuất hiện ở Phạm thiên giới ấy. Vị Phạm thiên thấy Ngài liền thưa:

– Thiện lai Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy đến đây! Bạch Thế Tôn, thế giới này là trường tồn, thường hằng, vĩnh cửu, tuyệt đối, bất biến; thế giới này không sinh, không già, không chết, không biến hoại, không tái sanh. Ngoài thế giới này, không có sự cứu độ nào cao hơn nữa.

Khi lời này được vị Phạm thiên Baka nói ra, Thế Tôn bảo:

– Phạm thiên Baka đã si mê, đã lầm lạc khi nói rằng một vật không thường hằng là thường hằng, một vật không vĩnh cửu là vĩnh cửu, cùng những điều tương tự như ngoài thế giới này không có sự cứu độ nào cao hơn nữa trong khi vẫn có sự cứu độ khác.

Nghe lời này, vị Phạm thiên suy nghĩ: "Thế Tôn đang khuyến giáo ta khi nhận ra chính xác những lời ta nói."

Rồi như một kẻ trộm rụt rè sau khi bị đấm vài cái, vị ấy đáp:

– Đệ tử đâu phải là tên trộm duy nhất? Còn nhiều vị này, vị nọ cũng đều là các tên trộm khác nữa.

Rồi vị ấy nêu tên các vị thiên cùng một hội chúng; như vậy, vị Phạm thiên lo sợ đức Phật chất vấn nên đã ngâm vần kệ đầu tiên nói lên các vị thiên cùng hội chúng của mình:

68. Chúng tôi tất cả bảy mươi hai,
Chân chánh và cao cả tuyệt vời,
Sanh, lão chúng tôi đà giải thoát,
Cõi này là trí tuệ nhà trời,
Không thiên giới khác cao hơn nữa,
Nhiều kẻ tán đồng quan điểm tôi.

Nghe lời này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ hai:

69. Đời ngài ngắn ngủi ở thiên đàng,
Tưởng đời trường thọ quả sai lầm,
Một trăm ngàn kiếp trôi qua mất,
Ta biết đời ngài quá rõ ràng.

Nghe vậy, Baka ngâm vần kệ thứ ba:

70. Thế Tôn, trí đệ tử vô cùng,
Sanh, lão, sầu nằm ở dưới chân,
Xưa đã tạo nên bao thiện nghiệp,
Thế Tôn cho đệ tử hay chăng?

Sau đó, đức Thế Tôn ngâm bốn vần kệ kể cho vị ấy nghe những chuyện quá khứ:

71. Xưa lấy nước ban phát những người,
Lúc đang cơn khát sắp tàn hơi,
Dưới trời hạn hán như thiêu đốt,
Thiện nghiệp ngài qua đã mấy đời,
Ta biết là ta đều nhớ rõ,
Như vừa tỉnh giấc mộng mà thôi.

72. Sông Eṇi, thuở nọ bên bờ,
Ngài thả nhiều người được tự do,
Trong lúc bị giam cầm chặt chẽ,
Việc lành ngài tạo dẫu xa xưa,
Song ta biết rõ ta còn nhớ,
Như thể mới vừa tỉnh giấc mơ.

73. Ngày xưa trên bến nước sông Hằng,
Ngài cứu thuyền người nọ thoát thân,
Khi bị ác xà kia chụp lấy,
Vì thèm thịt sống, khỏi tai ương,
Việc lành ngài tạo dầu xa lắc,
Ta nhớ rõ như tỉnh giấc nồng.

74. Ta chính Kappa, đệ tử ngài,
Trí đức ngài, ta biết rõ mười,
Thiện nghiệp ngài làm, ta nhớ kỹ,
Như là mới tỉnh giấc mơ thôi.

Khi nghe các nghiệp quá khứ của mình do bậc Đạo sư thuyết giảng, Baka cảm tạ và ngâm vần kệ cuối cùng:

75. Thế Tôn biết mọi kiếp xưa xa,
Tuệ giác toàn tri quả Phật-đà,
Uy lực hào quang vinh hiển thực,
Sáng ngời khắp cõi Phạm thiên ta.

***

Như vậy, bậc Đạo sư vừa tỏ bày uy lực của một đức Phật vừa thuyết pháp khai thị các sự thật. Lúc kết thúc pháp thoại, tâm của mười ngàn vị Phạm thiên được giải thoát khỏi các ô nhiễm cấu uế. Do đó, đức Thế Tôn trở thành nơi an trú của các vị Phạm thiên, rồi trở về Kỳ Viên từ cõi Phạm thiên, Ngài thuyết pháp như trên và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Phạm thiên Baka là nhà khổ hạnh Kesava và đệ tử Kappa chính là Ta.

II. PHẨM GANDHĀRA
(*GANDHĀRAVAGGA*)

§406. CHUYỆN QUỐC VƯƠNG GANDHĀRA (*Gandhārajātaka*)[11] (*J*. III. 363)

Phố xá, vũ công mười sáu ngàn...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên, liên hệ giới điều về việc "tích trữ dược liệu". Tuy nhiên, hoàn cảnh đưa đến chuyện này lại xảy ra ở Vương Xá.

Khi Tỷ-kheo Pilindiyavaccha đến cung vua để giải thoát gia đình người giữ ngự viên, ông dùng thần thông lực biến cung vua thành tòa nhà bằng vàng, quần chúng hoan hỷ đến tặng ông năm thứ dược liệu. Ông đem phân phát khắp Tăng chúng. Do đó, Tăng chúng có nhiều dược liệu và khi nhận được các dược liệu, họ chứa đầy các chai, hũ, bình, túi... và cất để dành. Dân chúng thấy vậy thì thầm bảo nhau: "Các Tỷ-kheo tham lam kia đang tích trữ đồ đạc trong tinh xá."

Bậc Đạo sư nghe vậy liền công bố giới điều:

– Bất cứ dược liệu trị bệnh nào khi nhận được, phải được dùng trong vòng bảy ngày.

Và bảo:

– Này các Tỷ-kheo, các bậc trí nhân thuở xưa, trước khi đức Phật ra đời, dẫu xuất gia theo ngoại đạo và chỉ giữ ngũ giới cũng đã khiển trách những ai tích trữ muối và đường cho ngày hôm sau; còn các ông ngày nay dẫu đã được xuất gia theo giáo pháp giải thoát, lại tích trữ đồ đạc đến hai ba ngày ư?

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, Bồ-tát là vương tử của vua xứ Gandhāra. Khi vua cha băng hà, ngài lên ngôi vua trị nước chân chánh. Đồng thời, ở vùng trung thổ tại vương quốc Videha, có vị vua mệnh danh là Videha cai trị. Hai quốc vương này chưa hề gặp nhau, nhưng lại là thân hữu và tin cậy lẫn nhau.

Thời ấy, loài người trường thọ, đời sống dài ba mươi ngàn năm. Một hôm, vào ngày trai giới trăng tròn, vua xứ Gandhāra đã phát nguyện giữ giới và ngự trên bảo tòa giữa ngai vàng dành cho ngài, nhìn ra một cửa sổ rộng mở ở góc

---

[11] Xem *Mv*. VI. 208.

hướng Đông, ngài ngồi thuyết giảng cho quần thần về bản chất giáo lý. Lúc ấy, thần Rāhu[12] đã che hết mặt trăng tròn đầy đang tỏa sáng cả bầu trời. Ánh trăng biến mất, triều thần không thấy ánh trăng, liền tâu vua rằng thần Rāhu đã chụp lấy mặt trăng.

Vua quan sát mặt trăng, nghĩ thầm: "Mặt trăng đã mất ánh sáng vì bị một biến động bên ngoài làm hỏng. Nay triều thần chính là mối phiền lụy của ta. Ta không nên để mất ánh sáng như mặt trăng bị thần Rāhu chụp lấy. Ta muốn rời quốc độ như mặt trăng chiếu trên bầu trời trong sáng và trở thành ẩn sĩ. Tại sao ta lại giáo giới người khác? Ta muốn ra đi, từ giã thân quyến, thần dân và giáo giới bản thân ta mà thôi, điều ấy mới thích hợp với ta." Vì vậy, ngài phán:

– Các khanh cứ làm gì tùy ý.

Rồi ngài trao quốc độ cho triều thần. Ngài đã từ bỏ vương quốc và sống đời tu hành. Khi chứng đắc các thắng trí, ngài an cư mùa mưa ở vùng Tuyết sơn, chuyên tâm vào sự an lạc của thiền định.

Bấy giờ, khi hỏi thăm các thương nhân, vua xứ Videha bảo:

– Hiền hữu của ta có được khang an chăng?

Và được tin ngài đã ra đi sống đời tu hành, vua suy nghĩ: "Hiền hữu ta đã xuất gia tu tập, ta còn phải làm gì với quốc độ này?" Vì thế, ngài thoái vị ở kinh thành Mithilā dài bảy do-tuần và vương quốc Videha rộng ba trăm do-tuần gồm mười sáu ngàn làng với các cửa hiệu đầy hàng hóa, mười sáu ngàn nữ vũ công, rồi cũng không nghĩ đến các hoàng tử và công chúa, vua lên vùng Tuyết sơn sống đời tu hành. Tại đó, ngài chỉ sống bằng quả rừng trong đời độc cư thanh tịnh. Cả hai vị vua an tịnh độc cư như vậy, sau đó gặp nhau; tuy thế, hai vị vẫn sống cùng nhau trong cảnh đời an tịnh với tình thân hữu.

Ẩn sĩ xứ Videha phục vụ ẩn sĩ xứ Gandhāra. Vào một đêm đầy trăng, trong lúc hai vị ngồi dưới gốc cây đàm luận đạo lý, thần Rāhu che khuất mặt trăng đang sáng tỏa khắp bầu trời. Ẩn sĩ xứ Videha nhìn lên, hỏi:

– Tại sao ánh trăng bị mất?

Và khi thấy trăng bị thần Rāhu chụp, vị ấy hỏi:

– Bạch Tôn sư, tại sao nó che khuất mặt trăng làm cho tối tăm vậy?

– Này đồ đệ, đó là do duyên quấy nhiễu mặt trăng tên gọi là Rāhu, nó ngăn cản mặt trăng chiếu sáng. Chính ta khi thấy mặt trăng bị thần Rāhu che khuất đã suy nghĩ: "Mặt trăng sáng trở nên tối vì bị quấy nhiễu từ bên ngoài. Nay quốc độ là mối phiền nhiễu đối với ta, ta muốn theo đời tu hành để quốc độ không làm ta đen tối như thần Rāhu làm tối mặt trăng kia. Như vậy, lấy chuyện mặt trăng bị thần Rāhu che khuất làm chủ đề của ta, ta từ giã vương quốc và sống đời tu hành."

– Bạch Tôn sư, thế ngài là cựu vương nước Gandhāra ư?

[12] Rāhu (La-hầu): Vua của các thần a-tu-la.

– Chính phải.

– Bạch Tôn sư, chính đệ tử là cựu vương Videha, trong quốc độ Videha và kinh thành Mithilā, dù chúng ta chưa từng thấy nhau, chúng ta chẳng phải đã làm bạn với nhau đó sao?

– Thế chủ đề của Hiền hữu là gì?

– Đệ tử nghe Tôn sư đã xuất gia tu tập nên suy nghĩ: “Chắc chắn ngài đã tìm thấy lợi ích của nếp sống ấy, đệ tử xem ngài là chủ đề của mình, nên từ giã quốc độ và xuất gia.”

Từ đấy trở đi, hai vị trở nên hết sức thân thiết, quý mến nhau và chỉ sống bằng quả rừng. Sau một thời gian an trú tại đó, hai vị từ Tuyết sơn đi xuống tìm muối và giấm, dần dần đến một làng ở biên địa.

Dân chúng hoan hỷ vì phong cách hai vị nên đã cúng dường; và khi nhận được lời hứa, họ dựng thảo am để hai vị trú ban đêm và ở cả trong rừng nữa, rồi mời hai vị ở lại đó; bên vệ đường, họ còn dựng một phòng ăn ở một nơi đẹp có nước chảy.

Sau khi đi khất thực từ làng biên địa, hai vị ngồi dùng món ăn trong thảo am kia rồi trở về chỗ cư trú của mình. Dân chúng cúng dường thực phẩm, có hôm để muối lên một ngọn lá rồi đem đến cho hai vị, hôm khác lại đem thức ăn không có muối.

Một hôm, họ cúng dường hai vị rất nhiều muối trong một cái rổ bằng lá. Ẩn sĩ xứ Videha lấy muối đem vừa đủ phần Bồ-tát lúc dùng thức ăn, và cũng lấy phần vừa đủ cho mình, sau đó cất phần còn lại trong rổ lá đặt vào một cuộn cỏ, tự nhủ: “Cái này sẽ có ích cho ngày không có muối.”

Rồi một hôm, nhận được thức ăn không có muối, ẩn sĩ xứ Videha đem món khất thực đến ẩn sĩ Gandhāra, lấy muối trong cuộn cỏ ấy ra và bảo:

– Bạch Tôn sư, hãy lấy muối.

– Dân chúng hôm nay không cho ta muối, vậy đồ đệ lấy đâu ra muối?

– Bạch Tôn sư, hôm kia dân chúng cho nhiều muối nên đệ tử cất phần dư và bảo: “Cái này sẽ có ích cho ngày không muối.”

Bồ-tát liền quở trách vị này, bảo:

– Này kẻ ngu si kia, ông đã từ bỏ vương quốc Videha rộng ba trăm do-tuần, đã xuất gia tu hành và chứng đạt tâm ly dục, nay ông lại khởi lòng ham thích muối và đường!

Khuyến giáo như vậy xong, ngài ngâm vần kệ đầu:

76. Phố xá, thôn trang mười sáu ngàn,
Ông từ bỏ hết mọi giàu sang,
Kho tàng của cải nhiều vô tận,
Nay tích trữ gì đấy phải chăng?

Ẩn sĩ Videha bị khiển trách như vậy, không kham nhẫn lời khiển trách mà trở nên lạnh lùng bảo:

– Bạch Tôn sư, ngài không thấy lỗi của ngài, mặc dù ngài thấy lỗi của tôi. Ngài đã chẳng rời bỏ vương quốc và xuất gia, tự bảo: "Tại sao ta phải khuyến giáo kẻ khác? Ta muốn khuyến giáo bản thân ta mà thôi" ư? Thế sao nay ngài lại đang khuyến giáo tôi đấy?

Rồi vị ấy ngâm vần kệ thứ hai:

77. Ngài bỏ Gandhā, mọi phố phường,
Biết bao châu báu ở kho tàng,
Không còn ban lệnh cho ai nữa,
Nay lại truyền tôi lệnh ấy chăng?

Nghe vậy, Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba:

78. Chính vì chân chánh, ta khuyên răn,
Vì ghét những gì chẳng chánh chân,
Khi nói cho ông điều chánh hạnh,
Lỗi lầm ta chẳng phạm vào thân.

Ẩn sĩ xứ Videha nghe Bồ-tát nói, đáp lại:

– Bạch Tôn sư, thuyết giảng cho người khác sau khi đã làm kẻ ấy đau buồn giận dỗi là điều không thích hợp, dầu có thuyết giảng đúng vấn đề đi nữa. Tôn sư đang nặng lời gay gắt với tôi như thể cạo đầu tôi với con dao cùn!

Rồi vị ấy ngâm vần kệ thứ tư:

79. Bất cứ lời nào nếu nói ra,
Sẽ gây thương tổn đến người ta,
Trí nhân không nói ra lời ấy,
Cho dẫu tạo nên quá lớn mà!

Bồ-tát liền đáp vần kệ thứ năm:

80. Người nghe ta rắc trấu hay không,
Hay dẫu người kia bị tổn thương,
Khi nói ra điều gì chánh hạnh,
Lỗi lầm ta chẳng phạm vào thân.

Nói vậy xong, do ngài đã giữ vững sự thực hành phù hợp với lời dạy này của bậc Thiện Thệ: "Này Ānanda, Ta không sách tấn các ông như cách người thợ gốm đối với các đồ gốm chưa nung, chưa được nung chín. Này Ānanda, Ta sẽ nói hết lời khiển trách này đến lời khiển trách khác, vì rằng 'Cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ đứng vững'";[13] nên ngài chỉ rõ rằng: "Như cách người thợ gốm gõ đi gõ lại trên các món đồ gốm, rồi chọn lấy món đồ gốm đã nung kỹ chứ không chọn cái chưa nung; cũng vậy, sau khi khuyến giáo và khiển trách nhiều lần thì nên chọn người như chọn món đồ gốm được nung kỹ kia." Ngài nhắc nhở:

[13] Xem *M.* III. 110, *Mahāsuññatasutta* (*Kinh Đại không*), số 122.

81. Nếu trí đức không được luyện rèn,
Trong đời sống để mãi tăng thêm,
Nhiều người phiêu bạt chân buông thả,
Như thể trâu mù cứ bước lên.

82. Song các trí nhân khéo luyện rèn,
Để cho thiện hạnh mãi tăng thêm,
Chính nhờ đạo hạnh này thuần thục,
Nên các tha nhân bước tiếp liền.

Nghe lời này, ẩn sĩ xứ Videha nói:

– Bạch Tôn sư, từ nay về sau xin cứ giáo huấn đệ tử. Đệ tử trót lỡ nói lời bất nhã với ngài, xin tha thứ cho đệ tử!

Rồi cúi đầu đảnh lễ cung kính, vị ấy được Bồ-tát thứ lỗi.

Như vậy, hai vị đã sống hòa hợp với nhau và trở về Tuyết sơn. Sau đó, Bồ-tát dạy ẩn sĩ xứ Videha cách chứng đắc thiền định. Vị ấy tuân thủ và thành tựu các thắng trí cùng các thiền chứng. Hai vị không bao giờ gián đoạn thiền định nên về sau tái sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, ẩn sĩ xứ Videha là Ānanda và quốc vương xứ Gandhāra chính là Ta.

§407. CHUYỆN ĐẠI HẦU VƯƠNG (*Mahākapijātaka*)[14] (*J.* III. 369)

Chính thân ngài đã bắt ngang cầu khỉ...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về các thiện nghiệp đối với thân quyến. Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla*.[15]

Tăng chúng bắt đầu bàn luận trong pháp đường, bảo nhau:

– Đức Phật Toàn Giác đã làm nhiều thiện sự đối với thân quyến.

Khi bậc Đạo sư hỏi Tăng chúng và được trình bày đề tài trên, Ngài đáp:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai làm thiện nghiệp đối với thân quyến.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập mẫu thai vào

[14] Xem *J.* I. 188, *Abhiṇhajātaka* (*Chuyện đôi bạn thân thiết*), số §27.
[15] Xem *J.* IV. 144, *Bhaddasālajātaka* (*Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla*), số §465.

loài khỉ. Khi lớn lên, ngài có vóc dáng oai nghi lực lưỡng và cường tráng, cùng sống với một đàn tám mươi ngàn con khỉ ở Tuyết sơn.

Gần bờ sông Hằng có một cây xoài (nhiều người khác bảo là cây đa) với nhánh chồi tỏa bóng mát và lá rậm rạp như một đỉnh núi. Trái xoài ngọt, có mùi hương và vị tuyệt diệu, to bằng các bình nước. Trái từ một cành rơi xuống đất, từ một nhánh khác rơi xuống sông Hằng, từ hai nhánh khác rơi vào gốc cây.

Trong lúc ăn xoài cùng với loài khỉ, Bồ-tát nghĩ thầm: "Một ngày kia, tai họa sẽ xảy đến cho ta do trái xoài rơi xuống nước." Vì thế, không để lại trái xoài nào trên cành cây mọc trên bờ sông, ngài bảo bọn chúng ăn hết hoặc ném bỏ hoa đúng mùa ngay từ khi nụ hoa mới nhú bằng hột đậu.

Tuy thế, một trái xoài chín nằm kín trong một tổ kiến, nên cả tám mươi ngàn con khỉ không trông thấy, rớt xuống dòng sông và mắc vào cái lưới ở phía trên, vua xứ Ba-la-nại lúc ấy đang tắm sông vui đùa với một tấm lưới ở trên và một tấm ở dưới.

Khi vua đã vui đùa suốt ngày và sắp ra về lúc chiều tối, bọn người đánh cá đang kéo lưới lên, trông thấy trái cây, nhưng không biết loại gì, liền đem dâng vua, vua hỏi:

– Trái gì thế?

– Tâu Đại vương, chúng thần không biết.

– Thế ai biết?

– Tâu Đại vương, những người giữ rừng.

Vua truyền gọi những người giữ rừng và khi nghe họ bảo đó là trái xoài, vua lấy dao cắt nó ra, rồi trước hết bảo những người giữ rừng ăn xoài, sau đó chính nhà vua cũng ăn xoài. Hương vị xoài chín thấm nhuần khắp toàn thân vua. Do lòng ham muốn hương vị câu thúc, vua hỏi những người giữ rừng, cây ấy ở đâu. Khi nghe rằng cây ấy ở trên bờ sông về hướng Tuyết sơn, vua truyền ráp các chiếc bè lại và chèo ngược lên thượng nguồn của sông theo lộ trình được những người giữ rừng hướng dẫn. Số ngày đi đường chính xác là bao nhiêu không được nêu ra. Theo thời gian, họ đến nơi ấy, và những người giữ rừng trình vua:

– Tâu Đại vương, đó là cây xoài.

Vua dừng bè lại và cùng đám quần thần đông đảo đi bộ đến nơi, rồi truyền trải sàng tọa ngay dưới gốc cây, vua nằm ngủ sau khi đã ăn xoài và hưởng đủ mọi thứ hương vị tuyệt hảo. Khắp mọi phía quân lính canh gác cẩn thận và nhóm lửa lên. Khi mọi người đã ngủ yên, Bồ-tát cùng bầy khỉ đến đó lúc nửa đêm.

Tám mươi ngàn con khỉ chuyền từ cành nọ sang cành kia ăn xoài. Vua tỉnh giấc thấy bầy khỉ, liền đánh thức quân hầu và gọi đám xạ thủ đến bảo:

– Hãy bao vây loài khỉ đang ăn xoài để chúng không thoát được, rồi bắn cả đi! Ngày mai ta muốn ăn xoài với thịt khỉ.

Đám xạ thủ tuân lệnh, đồng đáp:

– Muôn tâu, được lắm.

Rồi họ bao vây cả cây với cung tên sẵn sàng. Bầy khỉ thấy họ, sợ chết vì chúng không thể trốn được, liền nhảy đến bên Bồ-tát và thưa:

– Tâu Đại vương, các xạ thủ đang vây quanh cây và bảo: "Ta sẽ bắn chết loài khỉ lang thang trộm cắp này." Chúng con phải làm gì bây giờ?

Chúng vừa đứng vừa run rẩy.

Bồ-tát bảo:

– Đừng sợ, ta sẽ cứu mạng các con!

Vừa an ủi bầy khỉ như vậy xong, ngài leo lên một cành mọc thẳng đứng, rồi đi qua một cành khác dài về phía sông Hằng, xong lại nhảy vọt về cuối cành ấy, vượt qua một trăm tầm cung và hạ xuống một bụi cây trên bờ. Khi xuống đến nơi, ngài đánh dấu khoảng cách và nói: "Đó là khoảng cách ta đã vượt qua." Rồi cắt một đọt tre sát gốc, lột vỏ và nói:

– Phần này sẽ được buộc vào cây ấy và phần kia sẽ ở trên không.

Khi tính hai chiều dài như vậy, ngài quên phần buộc vào thắt lưng mình. Ngài cầm đọt tre buộc một đầu vào thân cây trên bờ sông Hằng và phần kia vào thắt lưng, sau đó nhảy vọt qua khoảng cách một trăm tầm cung ấy với tốc độ của mây bay theo gió cuốn.

Do không tính phần tre buộc vào thân mình, ngài không tới tận cây ấy. Vì vậy, ngài lấy hai tay nắm chặt cành cây và ra hiệu cho cả đàn khỉ:

– Cầu chúc các con may mắn, qua nhanh lên, bước trên lưng ta mà đi dọc theo cây tre.

Cả tám mươi ngàn con khỉ trốn thoát được theo cách ấy, sau khi cung kính đảnh lễ Bồ-tát, xin phép ngài ra đi.

Thời ấy, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là một con khỉ trong đàn kia tự nhủ: "Đây là cơ hội để ta thanh toán kẻ thù." Vì thế, vừa trèo lên cây, nó nhảy vọt và ngã trên lưng Bồ-tát. Tim Bồ-tát như muốn vỡ nát, vô cùng đau đớn. Sau khi gây ra nỗi đau khổ thống thiết cho ngài như vậy, nó liền bỏ đi, chỉ còn Bồ-tát một mình.

Lúc ấy, vua tỉnh giấc thấy rõ mọi việc bầy khỉ đã làm cùng Bồ-tát, vua lại nằm xuống suy nghĩ: "Con vật này không kể đến tính mạng mình, đã cứu thoát cho cả đàn bình an."

Khi trời sáng, vua hoan hỷ về Bồ-tát, lại suy nghĩ: "Giết hại chúa khỉ này thật không phải đạo, ta muốn đem nó xuống và săn sóc nó." Vì vậy, vua quay bè xuống sông Hằng và dựng một cầu cao ở đó để Bồ-tát nhảy xuống nhẹ nhàng, truyền đem tấm y vàng phủ trên lưng ngài và tắm rửa ngài trên sông, cho ngài uống nước đường, lau thân thể ngài thật sạch và tẩm dầu thơm đã lọc kỹ cả ngàn lần, sau đó trải một tấm da đã được thoa dầu lên sàng tọa và đặt ngài nằm ở đó; còn vua ngồi ở một chỗ thấp hơn. Và vua ngâm vần kệ đầu:

83. Chính thân ngài đã bắt ngang cầu khỉ,
Cho cả đàn trốn thoát được bình an,
Này khỉ kia, ngài với chúng họ hàng,
Hay bọn chúng là gì với ngài vậy?

Nghe lời này, Bồ-tát ngâm các vần kệ khuyến giáo vua:

84. Tâu Đại vương, tôi trông nom bọn ấy,
Là hầu vương, tôi làm chủ cả đàn,
Khi bọn kia đầy dẫy nỗi kinh hoàng,
Vì các vị, lòng lo buồn đau đớn.

85. Tôi nhảy qua một trăm tầm cung lớn,
Được trải dài trên vị trí nằm ngang,
Rồi khi tôi đã buộc khúc tre non,
Thật vững chắc ở quanh sườn tôi đó.

86. Muốn đến cây như vầng mây bão tố,
Được cuồng phong thổi bạt cực kỳ nhanh,
Song mất đà, tôi chỉ đến đầu cành,
Cầm lấy nó, bàn tay tôi thật vững.

87. Khi tôi nằm trên cây treo lơ lửng,
Buộc chặt vào cành với khúc tre non,
Bầy khỉ kia đã bước cả lưng còm,
Giờ đây chúng được an toàn thoát nạn.

88. Tôi không sợ nỗi đau vì thiệt mạng,
Dẫu giam cầm tôi cũng chẳng đau buồn,
Khi bình an hạnh phúc với cả đàn,
Xưa bọn chúng, tôi đã từng cai trị.

89. Một ví dụ dành cho ngài, Đại đế,
Nếu ngài mong học đạo lý chánh chân,
Niềm an vui hạnh phúc của toàn dân,
Cùng quân đội và kinh thành, chiến mã,
Đối với ngài đều thiết thân tất cả,
Nếu ngài mong trị nước thật an bình.

Bồ-tát giáo huấn vua như thế xong liền từ trần. Vua gọi các đại thần đến truyền lệnh cho hầu vương được thọ hưởng tang lễ như một quốc vương. Rồi vua truyền bảo đám phi tần:

– Các nàng hãy đưa hầu vương ra tận nghĩa địa với tư cách là đoàn tùy tùng của hầu vương, mặc y đỏ, xõa tóc xuống và cầm đuốc trong tay!

Các đại thần làm giàn hỏa táng với một trăm xe củi. Sau khi đã chuẩn bị tang lễ của Bồ-tát theo nghi thức vua chúa, họ đem xương sọ của ngài đến trình vua. Vua truyền xây một đền thờ ở tại địa điểm hỏa táng Bồ-tát, làm lễ đốt đuốc

và dâng hương hoa cúng dường. Vua lại truyền khảm vàng vào xương sọ, nâng nó lên cao trên đầu ngọn giáo và đặt tại cổng thành rồi cúng dường hương hoa khi vua đến Ba-la-nại. Sau đó, truyền lệnh cho cả kinh thành trang hoàng thật trang nghiêm, nhà vua làm lễ suy tôn Xá-lợi suốt bảy ngày.

Khi đã nhận phần Xá-lợi và dựng đền thờ trong thành, vua đến đó cúng dường hương hoa suốt đời. Được an trú vào lời dạy của Bồ-tát, vua chuyên tâm bố thí cùng làm nhiều thiện sự khác và cai trị chơn chánh, nên về sau tái sanh thiên giới.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là Ānanda, đàn khỉ là hội chúng này và hầu vương chính là Ta.

§408. CHUYỆN NGƯỜI THỢ GỐM (*Kumbhakārajātaka*) (*J.* III. 375)

Cây xoài ta thấy ở rừng xanh...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc khiển trách lỗi lầm. Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện ngụm nước uống*.[16]

Thời ấy, tại Xá-vệ có năm trăm người bạn cùng xuất gia tu tập, an trú tại tinh xá trên con đường lát vàng (Kỳ Viên), lại khởi lên dục tưởng lúc nửa đêm. Bậc Đạo sư quan sát các đệ tử ba lần vào ban đêm và ba lần vào ban ngày, tức sáu lần suốt ngày đêm, như chim giẻ cùi ấp trứng, như bò yak gìn giữ cái đuôi, như bà mẹ chăm sóc đứa con yêu quý, như người chột canh chừng con mắt còn lại. Vì vậy, Ngài khiển trách ngay khi lỗi lầm vừa sanh khởi. Nửa đêm hôm ấy, Ngài quan sát Kỳ Viên và biết tâm tư của chúng Tăng, Ngài suy nghĩ: "Nếu lỗi lầm này tăng trưởng giữa Tăng chúng, nó sẽ hủy hoại Phạm hạnh đưa đến Thánh quả. Ta muốn khiển trách lỗi lầm này ngay bây giờ và nêu rõ đời sống Phạm hạnh."

Thế rồi, Ngài rời hương phòng và gọi Tôn giả Ānanda, truyền Tôn giả triệu tập chư Tăng tại đó đến họp lại và Ngài ngồi xuống sàng tọa đã soạn sẵn cho đức Phật. Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, sống dưới sức chi phối của các dục tưởng là không chơn chánh; nếu tham dục tăng trưởng sẽ gây họa lớn như một địch thủ. Mỗi Tỳ-kheo phải khiển trách mỗi một lỗi lầm dù là nhỏ nhặt. Các trí nhân ngày xưa thấy rõ ngay cả mọi duyên cớ thật nhỏ nên đã khiển trách mọi dục tưởng khi vừa mới khởi sinh, do vậy đã đắc quả Độc Giác Phật.

Nói xong, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

[16] Xem *J.* IV. 114, *Pānīyajātaka* (*Chuyện ngụm nước uống*), số §459.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình thợ gốm ở ngoại ô Ba-la-nại. Khi lớn lên, ngài trở thành gia chủ có một con trai, một con gái và nuôi dưỡng vợ con với nghề gốm của ngài.

Thời ấy, tại vương quốc Kāliṅga, trong kinh thành Dantapura, quốc vương mệnh danh là Karaṇḍu đang dạo chơi với quần thần đông đảo trong ngự viên, chợt thấy ở cổng vườn một cây xoài nặng trĩu quả ngọt.

Từ trên lưng voi, vua đưa tay ra hái một chùm xoài, sau đó vào ngự viên ngồi trên bảo tòa ăn xoài và ban vài trái cho những kẻ được ân sủng. Từ khi vua hái xoài, đám triều thần, Bà-la-môn, gia chủ nghĩ rằng người khác cũng nên làm như thế, họ hái xoài xuống và ăn trái cây ấy. Sau đó, họ đến nhiều lần, trèo cây lấy gậy đập vào làm cành lá gãy tả tơi, họ ăn xoài và không chừa lại những trái chưa chín.

Vua vui chơi trong ngự viên suốt ngày mãi tận chiều, đi ngang qua trên vương tượng, ngài bước xuống khi thấy cây xoài và đến gốc cây nhìn lên, suy nghĩ: "Sáng này cây tươi đẹp với cành nặng trĩu quả, nhưng đám người ngắm cảnh không thỏa mãn, nay nó đứng kia không còn tươi đẹp nữa vì trái cây đã bị phá nát và rớt xuống hết rồi."

Vua lại nhìn sang một cây kia không có trái và suy nghĩ: "Cây xoài này tươi tốt vì không sinh trái, khác nào núi trọc chứa đầy châu báu. Cây kia vì sinh trái nên đã gặp tai họa. Đời sống tại gia cũng giống như cây có trái, đời xuất gia giống như cây không trái; người giàu có hay sợ hãi, người nghèo khó chẳng sợ gì. Ta cũng chỉ muốn như cây không trái kia."

Như vậy, lấy cây sinh trái làm chủ đề, ngài đứng dưới gốc cây, quan sát ba đặc tính: Vô thường, khổ, vô ngã và đạt Tuệ giác; ngài đắc quả Độc Giác Phật, liền suy nghĩ: "Từ nay thai tạng đã xa rời ta, tái sanh trong ba cõi đã đoạn tận, các cấu uế của vòng luân hồi sinh tử đã được thanh tịnh, biển nước mắt đã khô cạn, thành xương khô đã sụp đổ, ta không còn tái sanh nữa." Ngài đứng uy nghi như thể được trang điểm mọi thứ ngọc vàng.

Sau đó, các đại thần bảo:

– Tâu Đại vương, Ngài đứng đã quá lâu.

– Ta không phải là Đại vương, Ta là Độc Giác Phật.

– Tâu Đại vương, các Độc Giác Phật không giống Ngài.

– Thế thì các vị ấy ra sao?

– Râu tóc các Ngài được cạo sạch, các Ngài khoác y vàng, không còn lưu luyến gia đình bộ tộc, các Ngài như mây trôi theo gió cuốn hay mặt trăng thoát khỏi thần Rāhu, và các Ngài an trú trên Tuyết sơn, ở động Nandamūla. Tâu Đại vương, các vị Độc Giác Phật là như vậy.

Ngay lúc ấy, vua đưa tay lên sờ đầu, lập tức các dấu hiệu của một gia chủ biến mất và các dấu hiệu của một Sa-môn xuất hiện:

Bộ ba y, bình bát với kim may,
Lưỡi dao cạo, đồ lọc nước, dây đai,
Là tám món một Sa-môn cần có.

Tám món cần thiết của một Sa-môn như vẫn thường được gọi, đã dính chặt vào thân Ngài. Đang trên không, Ngài thuyết pháp cho quần thần rồi bay qua bầu trời đến sơn động Nandamūla trên miền thượng Tuyết sơn.

Trong quốc độ Gandhāra ở kinh thành Takkasilā, vị vua mệnh danh là Naggaji ngự trên thượng lầu, giữa vương sàng, thấy một nữ nhân đeo vòng ngọc trên một tay, đang xay hương liệu gần đó, vua suy nghĩ: "Các vòng ngọc này không cọ xát hoặc kêu leng keng khi rời nhau", và cứ ngắm nghía nàng ấy mãi. Sau đó, nàng ấy đặt chiếc vòng từ tay phải sang tay trái và dùng tay phải thu góp hương liệu rồi bắt đầu xay tiếp. Chiếc vòng trên tay trái chạm vào chiếc vòng kia gây tiếng động.

Vua quan sát hai chiếc vòng cọ xát vào nhau gây âm thanh, liền suy nghĩ: "Vòng ấy khi để riêng không chạm vào vật gì cả, nay đụng vào vòng thứ hai gây tiếng động, khi hai ba chiếc vòng chạm nhau tạo thành tiếng ồn lớn. Nay ta trị thần dân ở hai quốc độ Kasmīra và Gandhāra, ta cũng cần phải ở riêng như chiếc vòng độc nhất để tự trị chứ không trị kẻ khác nữa." Như vậy, lấy việc cọ xát hai chiếc vòng làm chủ đề, trong lúc ngồi đó, vua nhận thức ba đặc tính trên và đạt Tuệ giác, đắc quả Độc Giác Phật. Phần cuối câu chuyện cũng như trên.

Trong quốc độ Videha, tại thành Mithilā, quốc vương mệnh danh là Nimi, sau buổi điểm tâm được các triều thần chầu quanh mình, đứng nhìn xuống đường phố qua cửa sổ mở rộng trong hoàng cung. Một con diều hâu sau khi chụp được miếng thịt từ chợ, đang bay vụt trên không. Một vài con kên kên và các thứ chim khác vây lấy diều hâu mọi phía, liên tiếp lấy mỏ mổ vào, lấy cánh đập và lấy chân đạp con kia để giành miếng thịt. Không chịu để cho chúng giết, diều hâu đành thả miếng thịt, một chim khác chụp ngay lấy và bọn chúng lại mổ con kia như trước. Vua thấy bầy chim, suy nghĩ: "Ai lấy miếng thịt, khổ đau đến với kẻ ấy; ai bỏ miếng thịt, hạnh phúc đến với kẻ ấy. Ai hưởng năm dục lạc, khổ đau đến với kẻ ấy; ai từ bỏ năm dục lạc, hạnh phúc đến với kẻ ấy. Nay ta có mười sáu ngàn cung nữ, ta cần phải sống trong hạnh phúc sau khi từ bỏ năm dục lạc như diều hâu bỏ miếng thịt."

Quan sát việc này với trí tuệ, ngay khi đứng tại đó, vua nhận thức ba đặc tính trên, chứng đắc Tuệ giác và thành đạt viên trí của quả Độc Giác Phật. Phần cuối câu chuyện cũng như trên.

Trong vương quốc Uttarapañcāla, tại kinh thành Kampilla, vị vua mệnh danh Dummukha, sau buổi điểm tâm, được trang điểm các món châu báu và quần thần vây quanh, đứng nhìn xuống sân chầu qua cửa sổ. Vào lúc ấy, có người mở cửa chuồng bò. Các con bò đực từ trong chuồng đang chạy theo một

con bò cái; một con bò đực lớn với cái sừng nhọn chợt thấy một con bò đực khác chạy đến, liền ghen tức lấy sừng nhọn đâm vào hông con kia. Do bị húc quá mạnh, nó đổ ruột ra ngoài chết ngay tại chỗ. Vua thấy cảnh này, suy nghĩ: "Mọi loài từ súc vật trở lên đều chịu khổ đau vì lòng dục, con bò này vì lòng dục phải chịu chết. Mọi loài khác đều bị tham dục gây phiền lụy. Ta cần bỏ hết mọi tham dục làm phiền lụy mọi loài."

Như vậy, trong lúc đang đứng, vua nhận thức ba đặc tính trên, chứng đắc Tuệ giác và thành đạt viên trí của quả Độc Giác Phật. Phần cuối câu chuyện cũng như trên.

Sau đó, một hôm, bốn vị Độc Giác Phật, xét thấy đến thời đi khất thực, liền rời động Nandamūla, sau khi chùi sạch răng bằng cách nhai cau tại hồ Anotatta; và sau khi đã hoàn tất mọi nhu cầu vệ sinh xong, các vị mang y bát, dùng thần thông bay lên không, lướt qua các đám mây ngũ sắc, rồi hạ xuống không xa một vùng ngoại ô của Ba-la-nại.

Tại một địa điểm tiện lợi, các vị khoác y, cầm bình bát đi vào vùng ngoại ô khất thực cho đến khi dừng lại trước cửa nhà Bồ-tát. Bồ-tát thấy các vị, lòng hoan hỷ mời vào nhà ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, ngài rót nước cung nghênh và đãi các món thượng vị đủ loại cứng và mềm. Sau đó, ngồi một bên, ngài kính chào vị Trưởng thượng và nói:

– Thưa Tôn giả, đời tu hành của Ngài quả thật tốt đẹp, các căn của Ngài thật an tịnh, làn da của Ngài thật trong sáng. Chủ đề suy tư gì đã khiến Ngài khởi đầu đời sống tu hành và xuất gia?

Cả bốn vị liền đáp:

– Tôi trước kia có tên như vậy, làm vua ở tại kinh thành nọ, trong quốc độ kia...

Đại khái như thế và theo cách này mỗi vị lần lượt ngâm vần kệ nêu nguyên nhân giã từ thế tục của mình:

90. Cây xoài ta thấy ở rừng xanh,
Đen rậm, cao to, trái trĩu cành,
Vì trái, con người đà phá gãy,
Lòng ta chính thế muốn cầm bình.

91. Vòng sáng nhờ tay thợ nổi danh,
Người đeo một chiếc chẳng âm thanh,
Chiếc kia va chạm gây huyên náo,
Vì thế lòng ta muốn chiếc bình.

92. Đàn chim xâu xé vật cô thân,
Đơn độc mang theo miếng thịt ăn,
Chim bị đánh đau vì miếng thịt,
Lòng ta chính thế muốn ly trần.

93. Bò đực kiêu căng giữa đám bò,
Vươn lưng khỏe đẹp, bước chân ra,
Chết vì lòng dục, sườn đâm mạnh,
Do vậy lòng ta muốn xuất gia.

Bồ-tát nghe mỗi vần kệ đều nói:

– Tốt lành thay, thưa Tôn giả, chủ đề của Ngài thật thích hợp!

Và như vậy, ngài tán thán mỗi vị Độc Giác Phật. Sau khi nghe các vị thuyết pháp, ngài trở nên chán ngán đời sống tại gia.

Khi các vị ra đi, sau buổi điểm tâm, ngài ngồi thư thái, gọi vợ lại bảo:

– Này hiền thê, bốn vị Độc Giác Phật rời bỏ vương quốc trở thành Sa-môn nay sống không lỗi lầm, không chướng ngại, hưởng niềm cực lạc của đời tu hành. Trong lúc ấy, ta phải tìm kế sinh nhai qua ngày. Ta còn phải làm gì với đời gia chủ nữa? Xin nàng nuôi các con và ở lại nhà.

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

94. Vua Karaṇḍu xứ Kāliṅga,
Vua Naggaji xứ Gandhāra,
Vua Dummukha xứ Pañcāla,
Đại đế Nimi xứ Videha,
Tất cả các Ngài rời bảo tòa,
Sống không lầm lỗi, giã từ nhà.

95. Các Ngài trông dáng tựa thiên thần,
Chẳng khác nào vầng lửa sáng bừng,
Ta cũng muốn ra đi tiến bước,
Xa lìa mọi vật thế nhân mong.

Nghe lời ngài, bà vợ đáp:

– Này phu quân, từ khi thiếp nghe giáo pháp của các vị Độc Giác Phật, thiếp cũng không muốn ở trong nhà nữa.

Và bà ngâm kệ:

96. Thời cơ, thiếp biết chính là đây,
Chẳng có Đạo sư hơn các Ngài.
Chàng hỡi, thiếp mong xuất thế nữa,
Như con chim được thoát bàn tay!

Bồ-tát nghe lời bà nói liền yên lặng. Bà vợ nôn nóng xuất gia tu hành trước ngài và đang muốn đánh lừa ngài, liền giả vờ nói:

– Này phu quân, thiếp sắp ra hồ nước, chàng hãy chăm nom các con!

Rồi bà cầm chiếc bình như thể đi đến đó và bà đi thẳng đến các vị ẩn sĩ ở ngoại thành xin truyền giới xuất gia. Bồ-tát không thấy bà trở về, đành phải tự tay chăm sóc các con.

Về sau, chúng lớn khôn hơn một chút và tự chúng có thể hiểu biết đôi chút, ngài muốn dạy chúng nấu cơm nên ngài thường nấu một ngày cơm hơi cứng và sống, một ngày cơm hơi sống, một ngày cơm chín, một ngày cơm nhão, một ngày không có muối, một ngày quá nhiều muối. Bầy trẻ nói:

– Cha ơi, hôm nay cơm chưa chín, hôm nay cơm nhão, hôm nay không có muối, hôm nay quá nhiều muối.

Bồ-tát đáp:

– Đúng vậy, các con thân yêu.

Rồi ngài suy nghĩ: "Các con nay đã biết cơm nào sống, cơm nào chín, cơm nào có muối, cơm nào không. Thế là chúng có thể sống riêng đời chúng rồi. Ta cần phải xuất gia." Sau đó, ngài đưa chúng đến gặp đám thân quyến xong, ngài liền xuất gia tu hành, cư trú ở ngoại thành. Một hôm, vị nữ tu khổ hạnh đi khất thực ở Ba-la-nại thấy ngài, liền kính chào và nói:

– Thưa Tôn giả, tôi chắc Tôn giả đã giết bầy trẻ rồi.

Bồ-tát đáp:

– Ta không giết bầy trẻ, khi chúng có thể tự mình biết việc, ta mới xuất gia. Còn bà đã không quan tâm đến chúng và vui lòng với việc xuất gia trước ta.

Rồi ngài ngâm vần kệ cuối cùng:

97. Thấy con biết mặn, nhạt khi ăn,
Cơm sống, chín, ta đã bước chân,
Nay để yên ta, người một nẻo,
Ta cùng theo giáo pháp chân nhân.

Khuyến giáo vị nữ tu khổ hạnh như vậy xong, ngài từ giã bà. Bà nhận lời khuyến giáo ấy, kính bái Bồ-tát và đi đến một nơi vừa ý.

Sau ngày ấy, hai vị không bao giờ gặp lại nhau. Bồ-tát chứng đắc thắng trí được tái sanh lên Phạm thiên giới.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Khi các sự thật kết thúc, năm trăm Tỳ-kheo đắc Thánh quả A-la-hán.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con gái là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), con trai là Rāhula (La-hầu-la), nữ tu sĩ là mẫu thân Rāhula và nhà tu khổ hạnh ấy chính là Ta.

§409. CHUYỆN VUA DAḶHADHAMMA

(***Daḷhadhammajātaka***) (*J.* III. 384)

Chính con khuân vác tự ngày xanh...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại rừng Ghosita (Cù-sư-la) gần Kosambī (Kiều-thưởng-di) về Bhaddavatikā, con voi cái của Vua Udena.

Hoàng tộc của Vua Udena và việc vua ban thưởng cho con voi cái này sẽ được nói rõ trong *Chuyện bậc Hiền trí Mātaṅga*.[17]

Một hôm, con voi này ra ngoại thành vào lúc sáng sớm, gặp đức Phật được Thánh chúng vây quanh, trong vẻ oai nghi tối thượng của một bậc Giác Ngộ, đang vào thành khất thực; nó quỳ xuống chân đức Như Lai, than khóc và cầu khẩn Ngài:

– Bạch Thế Tôn, bậc Toàn Tri Kiến, vị Cứu Khổ Toàn Thế Giới, khi con còn trẻ và có khả năng làm việc, Vua Udena, một vị minh quân đã thương yêu con và bảo: "Đời sống của ta cùng vương quốc và hoàng hậu đều nhờ nó tất cả." Rồi ngài ban cho con đại vinh hiển bằng cách trang điểm mọi thứ vàng ngọc, ngài truyền trát chuồng voi với đất trộn hương liệu, treo các đồ vật có màu sắc rực rỡ chung quanh, thắp đèn với dầu thơm, đặt đĩa trầm xông tại đó, ngài lại truyền đặt một chậu bằng vàng tại chỗ con đại tiện, cho con đứng trên thảm màu và cho con ăn toàn cao lương thượng vị của vua. Nay con đã già và không làm việc được nữa, nên ngài tước bỏ mọi đặc ân ấy, con sống bơ vơ khốn khổ không ai bảo vệ chăm sóc, chỉ ăn toàn quả ketaka trong rừng, con chẳng có nơi nương tựa nào nữa. Xin Thế Tôn nói cho Vua Udena nghĩ lại các công đức của con và phục hồi mọi vinh quang cũ cho con!

Bậc Đạo sư bảo:

– Con hãy đi về, rồi Ta sẽ nói với vua phục hồi mọi vinh quang cũ cho con!

Sau đó, Ngài đi đến cửa hoàng cung. Vua mời đức Phật vào, thiết đãi trọng thể tất cả hội chúng theo hầu đức Phật. Khi buổi thọ thực đã xong, bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ công đức và hỏi:

– Thưa Đại vương, con voi Bhaddavatikā đâu rồi?

– Bạch Thế Tôn, trẫm không biết.

– Thưa Đại vương, sau khi ban vinh hiển cho đám nô tỳ, ngài tước bỏ mọi ân huệ lúc chúng già là không phải đạo, vậy cần tỏ lòng biết ân chúng. Bhaddavatikā nay đã già, mòn mỏi vì tuổi tác và không được ai bảo vệ, chỉ sống bằng trái cây ketaka trong rừng. Đại vương để cho nó bơ vơ như vậy lúc già yếu là không hợp lý.

Rồi kể các công đức của con voi Bhaddavatikā, Ngài bảo:

– Đại vương hãy phục hồi mọi vinh quang cũ của nó!

Xong Ngài ra đi. Vua làm theo lời Ngài. Cả kinh thành truyền tin rằng vinh quang cũ của con voi đã được phục hồi nhờ đức Phật kể lại mọi công đức của nó.

Việc này được Tăng chúng biết và chư vị bàn luận trong lúc hội họp. Bậc Đạo sư bước vào và khi nghe đây là đề tài của các vị, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai làm cho nó được phục hồi mọi vinh quang cũ bằng cách kể các công đức của nó.

---

[17] Xem *J.* IV. 375, *Mātaṅgajātaka* (*Chuyện bậc Hiền trí Mātaṅga*), số §497.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, có một vị vua mệnh danh là Daḷhadhamma cai trị tại Ba-la-nại. Thời ấy, Bồ-tát thọ sanh vào gia đình một vị đại thần; khi lớn lên, ngài phục vụ nhà vua.

Ngài được vua ban nhiều vinh hiển và đứng địa vị của một đại thần quan trọng nhất trong triều. Vua có một con voi cái rất dũng mãnh, lực lưỡng.[18] Nó đi một trăm dặm một ngày, làm mọi phận sự sứ thần của vua; khi ra trận nó chiến đấu oanh liệt, giẫm nát quân thù. Vua bảo:

– Con voi này thật hữu ích đối với ta!

Rồi vua ban cho nó mọi thứ trang điểm và vinh quang giống như Vua Udena ban cho Bhaddavatikā ngày nay. Sau đó, khi nó già yếu, vua tước hết mọi đặc ân trên. Từ đó, nó không được ai bảo vệ và chỉ sống bằng các thứ cỏ lá trong rừng. Một hôm, các loại đồ gốm sứ trong cung vua không đủ dùng, vua truyền thợ gốm lại và phán:

– Đồ gốm không đủ dùng.

– Tâu Đại vương, tiểu thần không có bò kéo xe để mang phân bò về nung đất sét.

Vua nghe chuyện, liền phán:

– Con voi cái của ta đâu rồi?

– Tâu Đại vương, nó đang phiêu bạt tùy ý.

Vua bảo đem nó cho người thợ gốm:

– Từ nay ngươi buộc nó vào xe rồi đưa đi chở phân.

Người thợ gốm đáp:

– Tâu Đại vương, tốt quá.

Rồi gã làm theo lời dặn. Một hôm, ra ngoại thành, voi cái chợt thấy Bồ-tát đi đến, liền quỳ xuống chân ngài vừa than khóc vừa nói:

– Thưa Tể tướng, thời con còn trẻ, đức vua xem con rất hữu dụng và ban cho con đại vinh hiển; nay con già yếu, ngài tước bỏ mọi đặc ân và không còn nghĩ đến con nữa; con không được ai bảo vệ và chỉ sống bằng cỏ lá trong rừng, gặp cảnh khốn cùng thế này ngài lại đem con cho người thợ gốm buộc vào xe chở phân. Trừ Tể tướng ra, con không còn nơi nương tựa nào cả; chính Tể tướng đã biết mọi công lao con phục vụ đức vua, xin ngài cho con được phục hồi mọi vinh hiển đã mất!

Rồi voi cái ngâm ba vần kệ:

[18] Xem *JPTS*. 1887, p. 150.

98. Chính con khuân vác tự ngày xanh,
Như vậy đức vua đã thỏa tình?
Vũ khí con mang đầy trước ngực,
Xông pha chiến trận, bước hùng anh.

99. Con đã lập nên lắm chiến công,
Đức vua giờ hẳn có quên chăng,
Bao lần phục vụ nhiều công trạng,
Như đã định cho các sứ thần?

100. Nay con cô độc, quá bơ vơ,
Chắc chắn mạng chung đã đến giờ,
Phục vụ cho nhà người thợ gốm,
Con đành làm vật kéo phân dơ!

Bồ-tát nghe chuyện, liền an ủi nó và bảo:

– Thôi đừng buồn khổ nữa, ta sẽ đi trình đức vua và phục hồi vinh dự cho con.

Vì thế khi vào thành, ngài đi đến chầu vua sau buổi điểm tâm và bắt đầu câu chuyện, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, có phải con voi cái mang tên kia đã ra trận chiến tại những nơi nọ với các vũ khí buộc đầy ngực; rồi ngày khác nó lại mang quốc thư ở cổ đi cả trăm dặm làm sứ giả cho Đại vương và Đại vương ban cho nó nhiều vinh hiển chăng, nay nó đâu rồi?

– Trẫm đã giao nó cho người thợ gốm chở phân bò.

Bồ-tát liền đáp:

– Có hợp đạo lý chăng, tâu Đại vương, khi giao nó cho người thợ gốm buộc vào xe chở phân?

Rồi để khuyến giáo, ngài ngâm bốn vần kệ:

101. Do ích kỷ tham vọng cá nhân,
Người ta ban phát mọi vinh quang,
Như ngài đối với con voi nọ,
Ném bỏ như nô lệ yếu tàn.

102. Khi người quên hết các huân công,
Thiện sự ngày xưa hưởng trọn phần,
Mọi việc mà lòng đang dự tính,
Ngày sau chắc hẳn phải suy vong.

103. Khi người ghi nhớ các công ơn,
Thiện sự ngày xưa hưởng trọn phần,
Mọi việc mà lòng đang dự tính,
Ngày sau chắc hẳn sẽ thành công.

104. Ta nói điều chân lý trọn lành,
Cho thần dân tụ tập chung quanh,
Phải luôn ghi nhớ công ơn cũ,
Thiên giới dành phần sống hiển vinh.

Với lời khởi đầu này, Bồ-tát giáo hóa toàn thể dân chúng đang tụ tập ở đó. Nghe vậy, vua ban cho con voi già mọi vinh hiển cũ; và về sau được an trú vào lời dạy của Bồ-tát, vua bố thí cùng thực hành nhiều thiện sự khác nên được sinh lên cõi thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, voi cái là Bhaddavatikā, vua là Ānanda, vị đại thần chính là Ta.

§410. CHUYỆN VOI CON SOMADATTA (*Somadattajātaka*)[19] (*J.* III. 388)

Bước sâu vào tận trong rừng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Trưởng lão già cả.

Chuyện kể rằng, vị Trưởng lão này truyền giới cho một Sa-di làm đệ tử, phụng sự vị ấy, nhưng chẳng bao lâu lâm bệnh nặng qua đời. Trưởng lão đi quanh quẩn khóc than kêu gào vì cái chết của đệ tử.

Thấy vậy, Tăng chúng bắt đầu bàn tán trong pháp đường:

– Này các Hiền giả, vị Trưởng lão già cả này cứ lang thang kêu khóc vì một Sa-di chết, chắc hẳn vị ấy đã quên pháp môn quán tưởng về sự chết.

Bậc Đạo sư bước vào và khi nghe đề tài câu chuyện, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu người này khóc người kia chết.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là Thiên chủ Sakka. Một Bà-la-môn giàu tiền của, trước sống ở Ba-la-nại, sau giã từ thế tục và trở thành ẩn sĩ khổ hạnh ở vùng Tuyết sơn, nhặt củ quả rừng để ăn.

Một hôm, đi tìm quả rừng, ông thấy một chú voi con, liền đem về thảo am. Ông xem nó như thể con mình, gọi tên nó là Somadatta, nuôi nấng chăm sóc nó và cho nó ăn cỏ lá. Con voi lớn dần trở thành to lớn, song một hôm nó ăn quá nhiều nên phát bệnh vì bội thực. Vị khổ hạnh đem nó vào thảo am và đi tìm quả rừng. Song trước khi ông trở về, con voi đã chết. Khi đem về mớ quả, vị khổ hạnh suy nghĩ: "Các ngày khác con ta vẫn đón ta, sao hôm nay không thấy? Con ta bị việc gì chăng?" Thế là ông than khóc và ngâm vần kệ đầu:

---

[19] Xem *J.* III. 156, *Sujātajātaka* (*Chuyện chàng Sujāta*), số §352; *J.* III. 214, *Migapotakajātaka* (*Chuyện chú nai con*), số §372; *J.* IV. 60, *Maṭṭakuṇḍalijātaka* (*Chuyện nam tử đeo vòng tai*), số §449; *J.* IV. 84, *Ghatajātaka* (*Chuyện Trí giả Ghata*), số §454.

105. Bước sâu vào tận trong rừng,
Nó thường vẫn đến đón mừng ta ngay.
Nhưng sao chẳng thấy hôm nay,
Voi con đi lạc chẳng hay lối về?

Cùng với lời than khóc này, ông thấy con voi nằm cuối lối đi có mái che, liền ôm ngang cổ nó và ngâm vần kệ thứ hai tiếc thương nó:

106. Chính voi vừa chết nằm kia,
Như búp măng bị cắt lìa nát thân,
Voi nằm dưới đất ngã lăn,
Con voi ta đã lìa trần, than ôi!

Ngay lúc ấy, Thiên chủ Sakka quan sát cõi trần, suy nghĩ: “Vị khổ hạnh này từ giã vợ con để tu hành, nay lại than khóc con voi mà ông gọi là con. Ta muốn đến thức tỉnh ông và làm cho ông suy nghĩ lại.” Vì thế, ngài xuất hiện trước thảo am, đứng trên không và ngâm vần kệ thứ ba:

107. Sầu thương vật đã chết rồi,
Hỡi người khổ hạnh sống đời độc cư,
Thoát dây tục lụy, xuất gia,
Giờ đây phát bệnh tâm tư buồn phiền!

Nghe lời này, vị khổ hạnh ngâm vần kệ thứ tư:

108. Nếu người bầu bạn thú hiền,
Thưa ngài Đế-thích ở trên cõi trời,
Buồn phiền vì mất bạn chơi,
Tuôn dòng nước mắt sẽ vơi nỗi sầu!

Thiên chủ Sakka liền ngâm vần kệ khuyến giáo ông:

109. Người đời lắm kẻ ước ao,
Mỗi khi vật mất kêu gào tiếc thương.
Thôi đừng khóc nữa, trí nhân,
Thánh hiền vẫn bảo hoài công thôi mà.

110. Nếu nhờ nước mắt tuôn ra,
Chúng ta có thể vượt qua tử thần,
Thì ta quyết phải hợp quần,
Để mà cứu mọi vật thân nhất đời!

Nghe lời Thiên chủ nói, vị khổ hạnh nghĩ lại và được an ủi, bèn lau nước mắt và ngâm các vần kệ cuối cùng tán thán Thiên chủ:

111. Ví như ngọn lửa sáng ngời,
Đổ thêm bơ sữa cháy hoài thật cao,
Được vòi nước lạnh tưới vào,
Ngài vừa dập tắt nỗi sầu của ta.

112. Lòng ta nhức nhối xót xa,
Vì tên sầu não xuyên qua kinh hoàng,
Ngài đà chữa trị vết thương,
Và ngài hồi phục đời thường cho ta.

113. Mũi tên vừa được nhổ ra,
Lòng ta tràn ngập an hòa vui tươi,
Lắng nghe Thiên chủ nhủ lời,
Ta không còn phải chơi vơi khổ sầu.

Các vần kệ này đã được ngâm ở *Chuyện chú nai con.*[20]

Sau khi khuyến giáo vị khổ hạnh, Sakka trở lại cõi của ngài.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, voi con là Sa-di, vị khổ hạnh là Trưởng lão già cả này và Thiên chủ Sakka chính là Ta.

§411. CHUYỆN VUA SUSĪMA (*Susīmajātaka*) (*J.* III. 391)

Tóc ta đen nhánh từ ngày xưa...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về đại sự xuất thế.

Tăng chúng lúc ấy đang ngồi trong pháp đường tán thán đại sự xuất thế của đức Phật. Khi thấy đây là chủ đề của các vị, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không lạ gì ngày nay Ta lại làm đại sự xuất thế và giã từ thế tục khi Ta đã thực hành các công hạnh viên mãn (Ba-la-mật) trong hàng trăm ngàn kiếp, mà ngày xưa Ta cũng từ bỏ ngai vàng tại quốc độ Kāsi rộng ba trăm do-tuần và làm đại sự xuất thế.

Và vì vậy, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập mẫu thai của bà vợ vị tế sư hoàng gia. Trong ngày sanh ra ngài, hoàng hậu cũng sinh một con trai. Vào ngày lễ đặt tên, bậc Đại sĩ được gọi là nam tử Susīma và hoàng nam được đặt tên Vương tử Brahmadattakumāra.

Vua thấy đôi trẻ cùng sanh ra một ngày nên truyền đưa Bồ-tát giao cho nhũ mẫu cùng nuôi chung với vương tử. Cả hai trẻ lớn lên tươi đẹp như các thiên tử trên trời.

Cả hai đều học đủ mọi ngành nghệ thuật ở Takkasilā và trở về nhà. Vương tử trở thành phó vương, cùng ăn uống, sống chung với Bồ-tát. Lúc vua cha băng

[20] Xem *J.* III. 214, *Migapotakajātaka* (*Chuyện chú nai con*), số §372.

hà, vương tử lên làm vua, ban cho Bồ-tát mọi vinh hiển và phong chức tế sư hoàng gia.

Một hôm, tân vương truyền trang hoàng cả kinh thành, rồi được tô điểm rực rỡ như Thiên chủ Sakka, vua tham dự đám rước quanh kinh thành, ngự trên vai vương tượng chẳng khác nào bảo tượng Erāvaṇa của Thiên chủ trong niềm tự hào cùng với Bồ-tát ngồi phía sau trên lưng voi. Mẫu hậu nhìn ra từ cửa sổ trông thấy hoàng nam và chợt thấy vị tế sư sau lưng vua khi ngài từ đám rước trở về. Bà đâm ra si tình ngài, liền đi vào hậu cung nghĩ thầm: "Nếu ta không chiếm được chàng, ta sẽ chết tại đây." Vì thế, bà bỏ ăn uống và cứ nằm tại đó.

Vua không thấy mẹ liền hỏi thăm, khi nghe bà bị bệnh, vua đến hỏi thăm và cung kính hỏi bà bị bệnh gì. Bà không nói vì hổ thẹn. Vua liền ngự lên ngai, truyền chánh cung hoàng hậu đi tìm hiểu xem thái hậu bị bệnh gì.

Hoàng hậu đến, vừa hỏi thăm vừa vuốt ve lưng mẫu hậu. Nữ nhân thường không giấu nhau các chuyện bí mật, vì thế chuyện bí mật kia được tiết lộ. Hoàng hậu liền đi trình vua. Vua bảo:

– Được rồi, Ái khanh đi an ủi mẫu hậu, ta sẽ tôn vị tế sư lên làm vua và mẫu hậu lên làm chánh hậu của ngài.

Hoàng hậu liền đến an ủi thái hậu. Vua truyền mời vị tế sư đến kể lại vấn đề:

– Này Hiền hữu, hãy cứu mạng mẹ ta; khanh sẽ làm vua và mẹ ta sẽ lên làm chánh hậu, còn ta sẽ làm phó vương.

Vị tế sư đáp:

– Không thể được.

Song cứ bị khẩn cầu mãi, ngài bằng lòng và vua tôn ngài lên làm vua, mẫu hậu làm chánh hậu và chính mình làm phó vương. Tất cả mọi người đều sống hòa hợp, song Bồ-tát khô héo dần giữa cuộc sống tại gia. Ngài từ bỏ mọi dục lạc và hướng về đời tu hành.

Chẳng còn màng các lạc thú trần gian, ngài đi đứng nằm ngồi như tù nhân bị giam lỏng hay như con gà trống trong lồng son. Chánh hậu suy nghĩ: "Hoàng thượng tránh mặt ta, ngài đi đứng nằm ngồi một mình; giờ đây ngài vẫn tươi trẻ, còn ta đã già và có tóc bạc. Giả sử ta kể cho ngài nghe chuyện ngài đã có tóc bạc, khiến cho ngài tin chuyện ấy và đến bầu bạn với ta chăng?"

Một hôm, làm như thể lau đầu vua, bà nói:

– Hoàng thượng sắp già rồi đấy, có sợi tóc bạc trên đầu Hoàng thượng!

– Hãy nhổ nó ra và đặt vào tay trẫm!

Hoàng hậu nhổ một sợi tóc, nhưng lại ném nó đi và đặt vào tay ngài một sợi tóc bạc của bà. Khi thấy nó, nỗi sợ chết khiến mồ hôi đổ ra chảy xuống trán ngài, dù vầng trán bóng láng như một phiến vàng, ngài tự nhủ mình: "Này Susīma, ngươi đã già cỗi ngay tuổi thanh xuân, suốt bấy lâu nay ngươi chìm sâu

vào vũng bùn dục lạc như thể con heo vùng quê lặn lội trong đầm lầy dơ bẩn, ngươi không thể xa rời bùn nhơ được. Hãy rời bỏ tham dục và sống đời khổ hạnh ở vùng Tuyết sơn. Nay đã đến thời xuất gia rồi!" Cùng với ý tưởng này, ngài ngâm vần kệ đầu:

114. Tóc ta đen nhánh tự ngày xưa,
Vẫn mọc quanh vầng trán của ta,
Bạc trắng giờ đây, lưu ý nhé,
Đến thời tu tập giã từ nhà.

Như thế, Bồ-tát ca tụng đời tu hành, nhưng hoàng hậu thấy bà đã làm cho ngài rời bỏ bà chứ không phải yêu thương bà nên lòng sợ hãi; bà muốn cản trở ngài sống đời xuất gia bằng cách ngâm hai vần kệ ca tụng dung sắc ngài:

115. Tóc bạc thiếp đây, chẳng phải chàng,
Từ trên đầu thiếp mới đưa sang,
Vì chàng, thiếp nói điều hư vọng,
Xin lượng thứ cho lỗi thiếp làm!

116. Trông chàng tươi đẹp, dáng thanh tân,
Như một cây non trẻ giữa xuân,
Hãy trị nước nhà, cười với thiếp,
Đừng tìm việc của tuổi thu đông!

Nhưng Bồ-tát đáp:

– Này Hoàng hậu, bà đang nói đến những việc phải xảy đến, khi tuổi tác chín muồi, tóc đen này phải ngả màu bạc như vôi. Ta thấy sự biến hoại của xác thân theo năm tháng lúc đến tuổi lão thành; từ công nương cho đến mọi người khác, dù có dịu mềm như tràng hoa sen xanh, sáng đẹp như vàng ròng, và say sưa với niềm kiêu hãnh về tuổi xuân rực rỡ của mình. Này Hoàng hậu, đó là kết thúc đáng sợ của mọi loài hữu tình.

Hơn nữa, muốn trình bày chân lý với oai lực của một vị Giác ngộ, ngài ngâm hai vần kệ:

117. Ta thường trông thiếu nữ xuân thì,
Uyển chuyển như cành lả lướt kia,
Kiêu mạn vì hình dung diễm lệ,
Mọi người say ngắm bước chân đi.

118. Cũng chính nàng kia, ta ngắm trông,
Trải qua đã tám, chín mươi năm,
Run run chân bước, tay cầm gậy,
Thân thể còng như ngọn liễu rung.

Trong vần kệ này, bậc Đại sĩ nêu rõ nỗi khổ đau của dung sắc; và giờ đây, ngài tuyên bố nỗi bất mãn của ngài với đời sống tại gia:

119. Những ý tưởng này, ta xét luôn,
Tư duy vẫn đến giữa đêm đơn,
Đời người thế tục, ta không chuộng,
Đúng lúc tu hành, phải bước chân.

120. Dục lạc trong đời sống thế nhân,
Là nơi hèn yếu để nương thân,
Trí nhân cắt đứt theo đường khác,
Bỏ dục lạc, đầy đủ lực hùng.

Như vậy, trong khi tuyên bố các lạc thú lẫn khổ đau của tham dục, ngài giảng bày chân lý với vẻ kỳ diệu của bậc Giác ngộ, rồi ngài truyền đi mời thân hữu của ngài đến nhận lại vương quốc. Ngài từ giã vinh quang và quyền lực giữa tiếng than khóc vang rền của thân bằng quyến thuộc, rồi trở thành bậc hiền nhân khổ hạnh ở vùng Tuyết sơn và về sau chứng đắc thiền định; khi mạng chung ngài được tái sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và đem lại nguồn nước bất tử cho nhiều người, rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, chánh hậu là mẫu thân Rāhula, vua là Ānanda và Vua Susīma chính là Ta.

§412. CHUYỆN THẦN CÂY BÔNG VẢI (*Koṭisimbalijātaka*)[21] (*J.* III. 397)

Ta mang thân xác của xà vương...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc khiển trách lỗi lầm. Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện ngụm nước uống*.[22]

Vào dịp này, bậc Đạo sư nhận thấy năm trăm Tỷ-kheo sống trong tinh xá trên con đường lát vàng (Kỳ Viên) đang bị dục tưởng chi phối, liền tập hợp Tăng chúng lại và bảo:

– Này các Tỷ-kheo, cần phải hoài nghi nơi nào đáng hoài nghi, lỗi lầm vây phủ con người như rễ cây đa hay những cây tương tự mọc quanh các cây khác. Cũng vậy, ngày xưa một vị thần trú trên ngọn cây bông vải thấy một con chim thả phân có các hột đa nằm giữa các cành cây bông vải, sinh lòng lo sợ rằng nơi trú ẩn của mình sẽ bị tàn phá vì chúng.

Và do vậy, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là thần cây trú trên ngọn cây bông vải. Một chúa chim thần Cánh Vàng, Kim Sí điểu vương, biến

---

[21] Bản CST viết *Koṭasimbalijātaka*. Xem *J.* III. 208, *Palāsajātaka* (*Chuyện cây hồng phượng vĩ*), số §370.

[22] Xem *J.* IV. 113, *Pānīyajātaka* (*Chuyện ngụm nước uống*), số §459.

hình dài một trăm năm mươi do-tuần, rồi rẽ nước đại dương bằng trận cuồng phong do đôi cánh đập mạnh; nó chụp lấy đuôi một vua rắn thần (*nāga*) dài một ngàn trượng, khiến cho xà vương phải nhả hết mọi vật đã ngậm trong miệng, xong nó liền bay lên theo các ngọn cây về phía cây bông vải.

Xà vương suy nghĩ: "Ta sẽ làm cho nó thả ta ra để ta đi." Vì vậy, rắn thần dán sát đầu vào cây đa và quấn quanh cây thật chặt. Do sức mạnh của chúa chim thần và thân xác khổng lồ của xà vương, cây đa bị bật gốc. Song xà vương vẫn không rời cây đa. Chúa chim thần mang cả xà vương lẫn cây đa đến cây bông vải kia, đặt rắn thần lên thân cây, mổ bụng ra ăn thịt mỡ. Sau đó, nó ném xác rắn xuống biển.

Bấy giờ, trên cây đa có con chim nhỏ bay lên khi cây đa bị ném bỏ, rồi đậu trên một cành cây cao gần cây bông vải. Thấy con chim, thần cây liền run rẩy toàn thân vì sợ hãi và suy nghĩ: "Con chim này sẽ thả phân nó rơi trên thân ta, rồi một cây đa hay cây sung sẽ mọc lên và lan tràn khắp thân cây, thế là nơi trú ẩn của ta sẽ bị phá hoại." Lúc ấy, cây bông vải rung chuyển tận gốc vì cơn kinh hãi của thần cây. Kim Sí điểu vương thấy cây rung chuyển như vậy, liền ngâm đôi vần kệ hỏi lý do:

121. Ta mang thân xác của xà vương,
Cùng với thân ta lớn dị thường,
Thân rắn kia dài ngàn trượng chẵn,
Song cây không chuyển động kinh hoàng.

122. Nay mang chim nhỏ bé tí ti,
So với ta đây chẳng sá chi,
Cây lại run hoài vì sợ hãi,
Hỡi cây bông vải, lý do gì?

Sau đó, thần cây ngâm bốn vần kệ giải thích lý do:

123. Thịt mỡ ngài xơi, hỡi điểu vương,
Trái cây là thức của chim muông,
Hạt đa, sung với Bồ-đề nữa,
Nếu mọc, toàn thân ta chết luôn!

124. Hạt ấy về sau sẽ mọc cây,
Rồi che phủ cả hết thân này,
Ta không còn có cây nào nữa,
Vì bị chúng che kín phủ đầy.

125. Một khi cây đã lớn lên nhanh,
Rễ mạnh quanh thân, rậm rạp cành,
Chứng tỏ hạt do chim tích trữ,
Mang mầm hủy hoại đến cho mình.

126. Loại cây mọc bám sẽ chôn thây,
Ngay cả cây rừng vĩ đại này,

Vì vậy, điểu vương, ta rúng động,
Khi ta lo sợ thấy như vầy.

Nghe lời thần cây, điểu vương ngâm vần kệ cuối cùng:

127. Phải kinh hãi việc đáng kinh hoàng,
Hiểm họa đến thân phải hộ phòng,
Bậc trí lặng nhìn hai thế giới,
Nếu gây kinh hãi phải rời chân.

Nói vậy xong, điểu vương dùng sức mạnh đẩy con chim nhỏ ra khỏi cây ấy.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật bắt đầu bằng những lời: "Cần phải hoài nghi nơi nào đáng hoài nghi." Khi các sự thật kết thúc, năm trăm vị Tỷ-kheo được an trú vào Thánh quả A-la-hán.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Sāriputta là điểu vương và Ta chính là thần cây.

§413. CHUYỆN NGƯỜI CHĂN DÊ DHŪMAKĀRI

(***Dhūmakārijātaka***) (*J.* III. 400)

Một hôm, Minh đế Yudhiṭṭhila...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về đặc ân của Đại vương xứ Kosala đối với một người khách lạ.

Chuyện kể rằng, có thời vua không dành đặc ân cho các võ tướng cũ vẫn đến chầu vua như thường lệ, mà lại ban vinh dự và tỏ lòng hiếu khách đối với những người mới yết kiến lần đầu. Thời ấy, vua đi chinh chiến ở một tỉnh biên địa bị quấy phá. Nhưng các võ tướng cũ của vua không muốn giao chiến vì nghĩ rằng những võ tướng mới được hưởng đặc ân sẽ chiến đấu; và đám người mới này cũng không muốn chiến đấu vì nghĩ rằng những vị tướng cũ sẽ làm việc ấy. Do vậy, quân phiến loạn thắng trận.

Vua biết thất bại của mình là do sai lầm mình đã mắc phải khi ban ân huệ cho bọn người mới, liền trở về thành Xá-vệ. Vua quyết định hỏi đức Thế Tôn Đại Trí xem mình có phải là ông vua duy nhất chịu thất bại vì lý do kia chăng. Bậc Đạo sư đáp:

– Thưa Đại vương, Đại vương không phải là trường hợp duy nhất, vua chúa ngày xưa cũng bị bại trận vì đã ban đặc ân cho đám người mới.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, tại thành Indapattana, ở quốc độ Kuru, có vị vua cai trị mệnh danh là Dhanañjaya, thuộc dòng họ Yudhiṭṭhila. Bồ-tát được sinh vào gia đình

vị tế sư của vua. Khi lớn lên, ngài học tập mọi nghệ thuật ở Takkasilā. Sau ngài trở về Indapattana và khi thân phụ từ trần, ngài trở thành vị tế sư hoàng gia kiêm cố vấn của vua về thế sự cũng như thánh sự. Danh hiệu của ngài là Trí nhân Vidhūra.

Vua Dhanañjaya coi thường các võ tướng cũ của mình và ban đặc ân cho các người mới. Sau đó, vua đi chinh chiến ở một tỉnh biên thùy có loạn nhưng cả đám võ tướng cũ lẫn võ tướng mới đều không muốn giao chiến, mỗi phe đều nghĩ rằng phe kia sẽ chăm lo việc ấy. Do đó, vua bại trận.

Khi trở về Indapattana, vua nhận xét rằng sự thất bại ấy là do đặc ân mà mình đã dành cho đám người mới. Một hôm, vua suy nghĩ: "Có phải ta là vị vua duy nhất từng bại trận vì ban ân huệ cho đám người mới, hay cũng có nhiều kẻ khác cùng chung số phận này trước kia? Ta muốn hỏi Trí nhân Vidhūra." Vì thế, vua đưa lời chất vấn Trí nhân Vidhūra khi ngài đến yết kiến vua tại triều đình.

Bậc Đạo sư ngâm kệ nêu rõ lý do lời chất vấn của vua:

128. Một hôm, Minh đế Yudiṭṭhila,
Hỏi bậc Trí nhân Vidhūra,
"Hiền hữu Bà-la-môn có biết,
Tim ai sầu thống thiết hơn ta?"

Nghe vậy, Bồ-tát đáp:

– Tâu Đại vương, nỗi sầu của ngài chỉ là điều nhỏ nhặt. Ngày xưa, một Bà-la-môn chăn dê tên gọi Dhūmakāri nuôi một đàn dê lớn và làm chuồng cho chúng ở trong rừng. Vị ấy đốt lửa xông khói và sống bằng sữa dê tại đó để chăm sóc đàn dê. Khi thấy một bầy nai da vàng óng ả chợt đến, ông lại sinh lòng thương mến chúng và xao lãng bầy dê, ông tỏ hết lòng quý trọng bầy nai. Vào mùa thu, bầy nai lại di chuyển về vùng Tuyết sơn. Trong lúc bầy dê chết dần như thế, bầy nai cũng khuất dạng sau rặng núi. Do quá khổ não, ông mắc bệnh xanh xao vàng võ và từ trần. Ông đã bày tỏ đặc ân với đám nai mới và phải chết vì chịu buồn khổ thống thiết hơn Đại vương cả trăm ngàn lần.

Ngài liền ngâm vần kệ nêu rõ trường hợp này:

129. Bà-la-môn có một bầy dê,
Dòng họ Vāseṭṭha sang trọng kia,
Đốt lửa ngày đêm luôn bốc khói,
Sống đời an lạc chốn sơn khê.

130. Ngửi mùi khói bốc, một bầy nai,
Do bị nhặng đeo quấy rối hoài,
Tìm chỗ trú khi mưa gió đến,
Gần nhà mục tử Dhūmakāri.

131. Bầy nai giờ được mọi yêu thương,
Dê chẳng được ai thiết ngó ngàng,

Đi lại tự do không bảo hộ,
Cho nên chúng phải bị suy tàn.

132. Song nay nhặng đã bỏ khu rừng,
Thu đến, mùa mưa chấm dứt luôn,
Nai phải đi tìm bao đỉnh núi,
Cùng khe suối chảy ở trên nguồn.

133. Mục tử thấy nai đã bỏ đi,
Cả bầy dê cũng chết nằm kia,
Bệnh sầu não đến làm mòn mỏi,
Da dẻ ngày thêm một tái tê.

134. Vậy người nào bỏ mặc thân bằng,
Lại gọi người xa lạ thiết thân,
Như lão Dhūmakāri mục tử,
Một mình, dòng lệ đắng cay tuôn.

Đấy là câu chuyện do bậc Đại sĩ kể lại để an ủi vua. Vua được an ủi, lòng rất hoan hỷ liền ban tặng ngài nhiều châu báu. Từ đó trở đi, vua bày tỏ ân sủng đối với toàn dân, làm nhiều thiện sự công đức nên được sinh lên cõi trời.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua xứ Kuru là Ānanda, Bà-la-môn Dhūmakāri là Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala và bậc Trí nhân Vidhūra là Ta.

§414. CHUYỆN NGƯỜI TỈNH THỨC (*Jāgarajātaka*) (*J.* III. 403)

Ai thức tỉnh khi nhiều người đang ngủ...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một cư sĩ. Đó là một đệ tử đã đắc Nhập lưu đạo.

Một hôm, ông khởi hành từ Xá-vệ cùng với một đoàn xe đi theo đường rừng đến một nơi có cảnh đẹp và nước chảy, người trưởng đoàn buộc xe ngựa lại, sửa soạn thức ăn đủ loại cứng mềm và tạm ở lại đó. Mọi người nằm xuống ngủ rải rác khắp nơi. Còn vị cư sĩ cứ đi vòng quanh gốc cây cạnh người trưởng đoàn. Lúc ấy, năm trăm tên cướp dự định cướp đoàn xe. Cầm đủ mọi khí giới trong tay, chúng bao vây đoàn xe và chờ đợi. Khi thấy người cư sĩ đang đi dạo, chúng đứng đợi để bắt đầu đánh phá lúc ông đi ngủ. Nhưng ông cứ đi lại suốt đêm. Đến tảng sáng, bọn cướp ném vũ khí cùng gậy đá chúng đã lượm, rồi bỏ đi và bảo:

– Này ông trưởng đoàn lữ khách, ông làm chủ tài sản này vì ông đã được cứu mạng nhờ người kia tỉnh thức thật tinh chuyên. Ông cần phải suy tôn ông ấy.

Những người lữ khách thức dậy đúng giờ, thấy đám khí giới, gậy đá do bọn cướp ném bỏ, liền bày tỏ lòng cung kính, biết ơn vị cư sĩ vì hiểu rằng họ sống được là nhờ ông.

Vị cư sĩ ấy đến nơi đã định, làm công việc xong, trở về Xá-vệ và đến Kỳ Viên. Tại đó, ông đến yết kiến và đảnh lễ đức Như Lai, cung kính và ngồi dưới chân Ngài; rồi do lời Ngài yêu cầu, ông kể lại mọi chuyện cũ. Bậc Đạo sư bảo:

– Này cư sĩ, không phải chỉ riêng ông tạo được công đức đặc biệt lớn nhờ tỉnh thức và phòng hộ mà các bậc trí ngày xưa cũng đã làm như vậy.

Và theo lời thỉnh cầu của vị cư sĩ, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, ngài học tập đủ mọi nghệ thuật ở Takkasilā và trở về nhà sống đời gia chủ.

Sau một thời gian, ngài rời bỏ gia đình và trở thành ẩn sĩ. Chẳng bao lâu ngài đắc các thiền chứng và sống tại vùng Tuyết sơn, ngài chuyên tâm đi và đứng, chỉ kinh hành suốt đêm mà không ngủ.

Một vị thần cây ở cuối lối đi của ngài, hoan hỷ nhìn thấy ngài như vậy và ngâm vần kệ đầu:

135. Ai thức tỉnh khi nhiều người đang ngủ?
Ai ngủ khi bao người khác dậy rồi?
Ai là người hiểu câu đố của tôi?
Ai có thể giải đáp tôi điều đó?

Bồ-tát nghe lời của vị thần cây, liền ngâm vần kệ này:

136. Ta thức tỉnh khi nhiều người đang ngủ,
Ta ngủ khi bao người khác dậy rồi,
Ta là người hiểu câu đố của ngài,
Ta có thể giải đáp ngài điều đó.

Vị thần cây ngâm vần kệ hỏi lại câu này:

137. Sao ngài thức khi nhiều người đang ngủ,
Và ngủ khi bao kẻ khác dậy rồi?
Làm sao ngài hiểu câu đố của tôi,
Và giải đáp điều này ngay lập tức?

Bồ-tát giải thích vấn đề này:

138. Có nhiều kẻ vẫn quên rằng giới đức,
Nằm ở trong sự tiết dục điều thân,
Vậy bao người đang ngủ giấc mơ màng,
Còn ta thức, hỡi thần cây cổ thụ!

139. Tham, sân, si của số người nào đó,
Đã không còn hiện hữu ở trong lòng,
Vậy các người kia đã tỉnh giấc nồng,
Ta còn ngủ, hỡi thần cây cổ thụ!

140. Vậy ta thức khi nhiều người đang ngủ,
Và ngủ khi bao kẻ khác tỉnh rồi,
Vậy là ta hiểu câu đố của ngài,
Và giải đáp lại lời ngài rồi đó.

Khi bậc Đại sĩ đã giải đáp lời này, vị thần cây rất hoan hỷ và ngâm vần kệ tán thán:

141. Lành thay, ngài tỉnh thức khi người ngủ,
Và ngủ khi bao người khác tỉnh rồi!
Lành thay, ngài hiểu câu đố của tôi,
Lời giải đáp của ngài bao tốt đẹp!

Như vậy, sau khi tán thán Bồ-tát, vị thần cây trở vào nơi an trú của mình trên cây.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị thần cây là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) và nhà khổ hạnh chính là Ta.

§415. CHUYỆN PHẦN CHÁO SỮA CHUA

(***Kummāsapiṇḍajātaka***) (*J.* III. 405)

Cúng dường chư Phật quý cao thay...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về Hoàng hậu Mallikā (Mạt-lợi).

Nàng nguyên là con gái của vị trưởng nghiệp đoàn bán vòng hoa, cực kỳ diễm lệ và hiền thục. Khi nàng được mười sáu tuổi, trong lúc đi đến vườn hoa cùng các thiếu nữ khác, nàng mang theo ba phần cháo sữa chua trong giỏ hoa. Khi nàng rời thành phố, nàng trông thấy đức Thế Tôn vào thành, tỏa hào quang rực rỡ và được Tăng chúng vây quanh; nàng đem cúng dường Ngài ba phần cháo ấy. Bậc Đạo sư đưa bát của Ngài ra nhận cháo. Nàng đảnh lễ chân đức Như Lai và lấy niềm hoan hỷ ấy làm chủ đề thiền quán, nàng đứng sang một bên. Bậc Đạo sư nhìn nàng rồi mỉm cười. Tôn giả Ānanda tự hỏi tại sao đức Như Lai mỉm cười và hỏi Ngài vấn đề này. Bậc Đạo sư nói lý do:

– Này Ānanda, cô gái này hôm nay sẽ trở thành chánh hậu của vua xứ Kosala do phước báu cúng dường ba phần cháo này.

Còn cô gái tiếp tục bước đến vườn hoa. Ngay chính hôm ấy, vua xứ Kosala giao chiến với Vua Ajātasattu (A-xà-thế) và thất bại phải đào tẩu. Trong khi đang đi ngựa, vua nghe tiếng nàng hát rất hấp dẫn liền thúc ngựa vào khu vườn. Công đức của cô gái đã đến thời chín muồi, vì thế khi thấy vua, nàng không chạy trốn mà đi đến cầm lấy dây cương nơi mũi ngựa. Vua ngồi trên lưng ngựa hỏi nàng đã có chồng chưa. Khi nghe nàng đáp chưa, ông xuống ngựa và đang

mệt mỏi vì nắng gió, ông nằm nghỉ chốc lát trên đùi nàng. Sau đó, ông đưa nàng lên ngựa, cùng đạo quân hùng hậu đi vào thành, đưa nàng đến tận nhà riêng.

Chiều hôm ấy, vua phái một vương xa vô cùng vinh quang lộng lẫy đến rước nàng từ nhà nàng về đặt lên một bảo tòa đầy châu báu, làm lễ Quán đảnh cho nàng và phong nàng làm chánh hậu. Từ đó trở đi, nàng trở thành hoàng hậu thân thiết, tận tụy được vua sủng ái. Nàng có đầy đủ năm vẻ yêu kiều của nữ nhi, lại có đủ đám nô tỳ trung thành và nàng lại là một tín nữ nhận được nhiều hồng ân của chư Phật. Cả kinh thành loan tin rằng nàng được mọi vinh hoa ấy là vì nàng cúng dường bậc Đạo sư ba phần cháo.

Một hôm, Tăng chúng bắt đầu thảo luận trong pháp đường:

– Này các Hiền giả, Hoàng hậu Mallikā cúng dường đức Phật ba phần cháo; và do phước báo này, ngay chính hôm ấy bà được làm lễ Quán đảnh phong ngôi hoàng hậu. Công đức chư Phật thật vĩ đại dường nào!

Bậc Đạo sư bước vào, hỏi chuyện và khi được biết đề tài thảo luận của Tăng chúng, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không lạ gì nàng Mallikā trở thành chánh hậu của vua xứ Kosala nhờ cúng dường đức Phật Chánh Đẳng Giác ba phần cháo mà thôi, vì cớ sao? Đó là nhờ đại hồng ân của chư Phật. Các trí nhân ngày xưa cúng dường các vị Độc Giác Phật cháo không có muối hay dầu nữa, song nhờ thế trong đời sau đạt được vinh quang của đế vương tại Kāsi rộng ba trăm do-tuần.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một nhà nghèo. Khi lớn lên ngài tìm kế sinh nhai bằng cách làm công cho một nhà giàu. Một hôm, ngài mua bốn phần cháo ở cửa tiệm và suy nghĩ: "Cái này vừa đủ để ta ăn sáng." Rồi ngài ra làm việc ngoài đồng. Khi thấy bốn vị Độc Giác Phật đang vào Ba-la-nại khất thực, ngài suy nghĩ: "Ta có bốn phần cháo này, giả sử ta đem cúng dường các vị đang đến Ba-la-nại khất thực?" Vì thế, ngài đi đến đảnh lễ các vị và nói:

– Thưa các Tôn giả, con hiện đang cầm bốn phần cháo, con xin cúng dường các vị, mong các vị nhận lấy để cho con được phước đức đem lại an lạc lâu dài về sau.

Thấy các vị nhận lời, ngài liền rải cát và sắp đặt bốn chỗ ngồi, đặt các cành khô lên đó và mời chư vị Độc Giác Phật ngồi theo thứ tự. Ngài lấy rổ lá đem nước đến, rót nước cúng dường, và đặt bốn phần cháo vào bốn bình bát, vừa đảnh lễ cung kính vừa thưa:

– Thưa các Tôn giả, ước mong nhờ phước báu này con sẽ không sinh vào nhà nghèo nữa, ước mong đây sẽ làm nhân duyên cho con đắc quả vị Chánh giác.

Các vị Độc Giác Phật dùng cháo xong, nói lời tùy hỷ công đức và trở về động Nandamūla. Khi kính chào các vị, Bồ-tát cảm thấy niềm hoan hỷ được tiếp xúc các Độc Giác Phật, và sau khi các vị đã khuất dạng, ngài đã đi làm công việc, ngài vẫn nhớ các vị mãi cho đến lúc mạng chung. Nhờ phước báu này, ngài tái sanh vào mẫu thai của chánh hậu thành Ba-la-nại. Ngài được đặt tên là Brahmadattakumāra.

Từ lúc mới biết đi chập chững, nhờ năng lực nhớ lại những việc làm trong đời trước, ngài thấy rõ như thể soi bóng mình vào tấm gương sáng, rằng ngài tái sanh vào hoàn cảnh này do ngài đã cúng dường bốn phần cháo lên các vị Độc Giác Phật khi ngài là một tôi tớ đi làm thuê tại chính kinh thành này. Khi lớn lên, ngài học tập mọi môn nghệ thuật ở Takkasilā. Khi ngài trở về nhà, vua cha vô cùng hoan hỷ về các thành tựu của ngài nên phong ngài làm phó vương. Sau đó, khi vua cha băng hà, ngài lên ngự trị quốc độ, rồi kết hôn với công chúa tuyệt sắc của vua xứ Kosala và phong nàng ngôi chánh hậu.

Vào ngày đại hội "Giương chiếc lọng trắng" che lên ngài, quần thần trang hoàng kinh thành như thể một kinh thành thiên giới. Ngài dự đám rước quanh thành phố rồi ngự lên thượng lầu được trang hoàng lộng lẫy, sau đó bước đến đài cao an tọa trên ngai vàng có lọng trắng giương phía trên.

Khi ngồi đó, ngài nhìn xuống thần dân đang đứng chầu, một phía là triều thần, phía kia là các Bà-la-môn và gia chủ sáng rực trong vẻ đẹp muôn màu sắc, một phía khác nữa là quần chúng cầm tặng vật đủ loại trong tay, kế đến là đoàn nữ nhạc vũ công gồm cả mười sáu ngàn nàng, chẳng khác đoàn tiên tụ tập đông đủ trên thiên đình.

Nhìn mọi vẻ huy hoàng làm say mê lòng người như thế, ngài nhớ lại đời trước của mình và suy nghĩ: "Chiếc lọng trắng kết tràng hoa bằng vàng và chân trụ bằng vàng khối này, hàng ngàn con voi và cỗ xe này, và cả lãnh thổ rộng lớn của ta đầy ngọc vàng châu báu, tài sản, mễ cốc đủ loại, các nữ nhân như tiên nữ trên trời, mọi cảnh vinh quang này đều thuộc riêng về phần ta thôi; đó là do công đức cúng dường bốn vị Độc Giác Phật bốn phần cháo. Ta hưởng được tất cả mọi sự này nhờ đó."

Như vậy, trong khi nhớ lại hồng ân của chư Độc Giác Phật, rõ ràng ngài đã tuyên dương công đức của ngài trong đời trước. Ý tưởng ấy làm toàn thân ngài tràn ngập hoan lạc. Niềm hoan lạc thấm tận tâm can khiến ngài ngâm vang hai vần kệ đầy cảm hứng ngay giữa quần thần:

142. Cúng dường chư Phật quý cao thay,
Người bảo đừng xem rẻ việc này,
Đem tặng cháo dù không có muối,
Cho ta phước báu lớn như vầy.

143. Ngựa, voi cùng với đám trâu bò,
Vàng bạc, thóc ngô, cả nước nhà,

Đám mỹ nữ hình dung yểu điệu,
Cúng dường đem quả đến tay ta.

Như vậy, trong niềm hỷ lạc, Bồ-tát ngâm khúc hoan ca gồm hai vần kệ nhân ngày lễ "Giương chiếc lọng trắng." Từ đó về sau, chúng được xem là khúc ca được quốc vương ái mộ và mọi người đều hát điệu ấy từ các vũ nữ, vũ công, nhạc sĩ, cung nhân, thị vệ, cho đến dân chúng và ngay cả đám quần thần trong triều.

Sau một thời gian, chánh hậu mong muốn biết ý nghĩa bài hát, song bà không dám hỏi bậc Đại sĩ. Một hôm, nhà vua đẹp ý vì một đức tính của bà, liền phán:

– Này Ái hậu, ta muốn ban cho nàng một điều ước, hãy nhận đặc ân ấy!

– Tâu Hoàng thượng, tốt lành thay thiếp xin nhận đặc ân ấy.

– Ái hậu muốn ta ban gì, voi ngựa hay thứ nào khác?

– Tâu Hoàng thượng, nhờ ân sủng của Hoàng thượng, thiếp không thiếu gì cả, thiếp không cần các thứ ấy. Song nếu Hoàng thượng ban cho thiếp một đặc ân, xin hãy nói cho thiếp biết ý nghĩa khúc ca của ngài!

– Này Ái hậu, nàng cần gì đặc ân ấy? Hãy nhận thứ khác đi!

– Tâu Hoàng thượng, thiếp không cần một thứ nào khác cả. Đó là đặc ân thiếp muốn nhận.

– Được rồi, này Ái hậu, ta sẽ nói điều ấy, nhưng không phải đó là điều bí mật nói riêng với nàng, mà ta muốn gióng tiếng trống khắp kinh thành Ba-la-nại rộng mười hai do-tuần này; ta muốn dựng ngôi đình bằng ngọc ngay tại cung môn và đặt một chiếc ngai bằng ngọc tại đó, rồi ta sẽ ngồi đó giữa quần thần, Bà-la-môn, cùng mọi người khác gồm cả mười sáu ngàn nữ nhân và kể chuyện ấy.

Bà tuân lệnh vua truyền làm mọi việc như trên, rồi ngự lên ngai giữa đại chúng như Thiên chủ Sakka giữa chư thiên. Hoàng hậu phục sức đủ mọi thứ nữ trang ngọc vàng, đặt một kim đôn ngồi bên cạnh ở một vị trí thích hợp; rồi đưa mắt nhìn vua, bà thưa:

– Tâu Hoàng thượng, xin hãy giảng giải cho thiếp biết ý nghĩa khúc hoan ca mà ngài thường hát trong niềm hỷ lạc, như thể làm cho mặt trăng xuất hiện trên bầu trời.

Rồi bà ngâm vần kệ thứ ba:

144. Hoàng thượng đầy vinh hiển, chánh chân,
Khúc ca ngài hát đã bao lần,
Trong niềm hoan lạc đầy tâm trí,
Cho thiếp đặc ân biết ngọn nguồn.

Bậc Đại sĩ ngâm bốn vần kệ nêu rõ ý nghĩa khúc ca:

145. Chính tại thành này, kiếp trước đây,
Ở trong hoàn cảnh khác ngày nay,
Ta là tôi tớ cho người khác,
Làm mướn, song đức hạnh thẳng ngay.

146. Một hôm rời tỉnh để làm công,
Bốn Đạo sư kia, ta chợt trông,
Dáng điệu ly tham và tĩnh lặng,
Thiện toàn trong giới luật tu thân.

147. Tư tưởng ta quy ngưỡng Phật-đà,
Khi chư vị nghỉ dưới cây già,
Chắp tay đảnh lễ, ta đem đến,
Thành kính cúng dường món cháo hoa.

148. Thiện nghiệp tạo nên phước đức dày,
Quả thành ta gặt được giờ đây,
Vinh hoa phú quý đời vương giả,
Quốc độ do ta cai trị này.

Khi hoàng hậu nghe bậc Đại sĩ giảng giải đầy đủ thành quả thiện nghiệp của ngài, bà hân hoan đáp:

– Tâu Đại vương, nếu ngài nhận thấy rõ các thành quả của bố thí như vậy, từ nay về sau xin ngài nhận một phần cơm và đừng ăn cho đến khi nào chính ngài đã cúng dường thực phẩm lên các vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh.

Rồi hoàng hậu ngâm vần kệ tán thán Bồ-tát:

149. Hãy ăn, khi nhớ cúng dường rồi,
Chuyển bánh xe chân chánh khắp nơi,
Hoàng thượng tránh xa điều bất chánh,
Cầm quyền chân chánh nước non ngài.

Bậc Đại sĩ ngâm vần kệ chấp nhận lời hoàng hậu:

150. Ta vẫn tạo riêng một lối đường,
Bước theo đạo lộ chánh chân luôn,
Nơi người hiền thiện thường đi đến,
Đẹp mắt ta nhìn các Thánh nhân.

Sau khi nói xong, ngài nhìn dung sắc hoàng hậu và bảo:

– Này Mỹ hậu, ta đã kể đủ mọi thiện nghiệp ta làm đời trước, song giữa đám nữ nhân này không ai sánh kịp nàng về dung sắc và vẻ kiều diễm khả ái.

Rồi ngài ngâm vần kệ:

151. Ái hậu như tiên nữ cõi trời,
Trông nàng rực rỡ vượt bao người,
Vậy nhờ thiện nghiệp nào đưa đến,
Phước báu dung quang quá tuyệt vời?

Sau đó, hoàng hậu ngâm vần kệ nêu phước nghiệp đã tạo trong kiếp quá khứ:

152. Thiếp vốn nô tỳ một quý nương,
Ở hoàng cung của Amba vương,

Thiếp chuyên tâm thực hành khiêm tốn,
Đức hạnh và tu tập thiện ngôn.

153. Rồi một ngày kia, thiếp cúng dường,
Phần cơm vào bát một Sa-môn,
Tâm tư thiếp ngập tràn từ ái,
Nghiệp ấy quả này, tâu Đại vương!

Theo đây, hoàng hậu cũng biết chính xác và kể lại đời trước của mình.

Như vậy, cả hai vị đã công bố các nghiệp quá khứ xong. Từ ngày ấy, hai vị truyền lệnh xây sáu bố thí đường tại bốn cổng thành, giữa kinh thành và tại cung môn; rồi để khích lệ toàn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ), hai vị thực hành đại bố thí, giữ các đạo đức và các ngày trai giới, nên lúc mạng chung được tái sanh cõi thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, hoàng hậu là mẫu thân Rāhula và vua chính là Ta.

§416. CHUYỆN CẬN THẦN PARANTAPA (*Parantapajātaka*) (*J.* III. 414)

Lo sợ, kinh hoàng trong trí ta...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Trúc Lâm về âm mưu của Devadatta định giết Ngài.

Tăng chúng bàn luận tại pháp đường:

– Này các Hiền giả, Devadatta dự định giết đức Như Lai, vị ấy đã thuê bọn xạ thủ, ném đá trên núi xuống, thả voi say Nāḷāgiri và dùng nhiều phương tiện để giết đức Như Lai.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi đề tài thảo luận của các vị lúc ngồi đây. Khi các vị trình bày xong, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu kẻ ấy dự định mưu sát Ta. Song kẻ ấy thậm chí không đủ khả năng làm Ta lo sợ mà chỉ tạo khổ đau cho bản thân mình thôi.

Và do vậy, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm vương tử của chánh hậu. Khi lớn lên, ngài học tập đủ mọi nghệ thuật ở Takkasilā và biết được thần chú hiểu tiếng kêu của súc vật. Sau khi nghe đầy đủ lời thầy dạy, ngài trở về Ba-la-nại. Phụ vương phong ngài chức phó vương, nhưng dù vua đã làm như vậy, vua lại mong mỏi giết hại ngài và thậm chí không muốn nhìn thấy ngài nữa.

Thời ấy, một chó rừng cái đem hai chó con vào kinh thành theo một đường

cống ban đêm lúc mọi người đều nghỉ ngơi. Trong cung của Bồ-tát, cạnh tư thất ngài có căn phòng dành cho một người khách, kẻ ấy đã cởi giày ra và đặt trên sàn nhà bên chân mình rồi nằm trên tấm ván nhưng chưa ngủ.

Bầy chó con đói và kêu khóc. Mẹ chúng bảo theo giọng chó rừng:

– Này các con đừng làm ồn, có một người trong phòng kia đã cởi giày ra và đặt trên sàn nhà. Ông ta đang nằm trên tấm ván nhưng chưa ngủ. Khi ông ta ngủ rồi, mẹ sẽ đến lấy đôi giày cho các con ăn.

Nhờ thần chú, Bồ-tát hiểu tiếng chó rừng và rời phòng mình, mở cửa sổ gọi:

– Ai ở trên đó?

– Tâu Điện hạ, thần là một lữ khách.

– Thế giày của ông đâu?

– Tâu, ở trên sàn.

– Hãy lấy giày treo lên!

Nghe lời này, chó mẹ nổi giận với Bồ-tát. Một hôm, nó lại vào thành theo cách trên. Hôm ấy, có kẻ say rượu bước xuống nước trong một hồ sen, rồi té vào đó chết chìm. Kẻ ấy có hai chiếc áo đang mặc trên người, một ngàn đồng tiền để ở áo trong và một chiếc nhẫn trên ngón tay.

Bầy chó con lại kêu khóc đòi ăn. Mẹ chúng bảo:

– Im đi các con, có một người chết trong hồ sen này, ông ta có nhiều của cải như vậy mà đang nằm trong hồ sen, mẹ sẽ cho các con ăn thịt ông ta.

Bồ-tát nghe tiếng chó, mở cửa sổ ra hỏi:

– Ai trong phòng kia?

Một người thức dậy thưa:

– Chính tiểu thần.

– Hãy đi lấy bộ áo, ngàn đồng tiền và chiếc nhẫn của người đang nằm chết ở hồ sen đằng kia và làm cho xác chìm xuống để nó khỏi nổi lên mặt nước!

Người kia tuân lệnh làm theo. Chó rừng liền tức giận ngài: "Hôm trước ngài cản trở các con tôi ăn đôi giày, hôm nay ngài lại cản chúng tôi ăn xác chết. Được lắm, vào ngày thứ ba kể từ đây, một địch vương sẽ đến bao vây kinh thành, phụ vương ngài sẽ truyền ngài ra trận, họ sẽ chặt đầu ngài. Tôi sẽ uống máu từ cổ ngài cho hả giận. Ngài tự biến mình thành kẻ thù của tôi, vậy tôi quyết chí trả thù."

Như vậy, chó rừng cái vừa sủa vừa nhục mạ Bồ-tát, rồi nó đem các con đi.

Vào ngày thứ ba, vị địch vương đến bao vây kinh thành. Vua bảo Bồ-tát:

– Này con thân yêu, hãy ra trận!

– Tâu phụ vương, con đã thấy trước một điềm báo hiệu. Con không thể đi vì sợ rằng con sẽ mất mạng.

– Ngươi sống chết có nghĩa gì đối với ta! Đi ngay!

Bậc Đại sĩ tuân lệnh, cùng đem đám gia nhân theo, ngài tránh cổng thành nơi địch vương đang đóng quân và đi ra bằng một cổng khác ngài đã mở sẵn. Khi ngài ra đi, cả kinh thành như thể bị bỏ trống vì mọi người cùng theo ngài. Ngài đóng quân ở một khoảng đất rộng và chờ đợi.

Vua suy nghĩ: "Phó vương của ta đã bỏ trống kinh thành và chạy trốn với tất cả quân sĩ của ta, còn kẻ thù đang nằm quanh kinh thành. Ta chỉ là kẻ chết rồi." Để cứu mình, vua đem chánh hậu, vị tế sư hoàng gia và một cận thần duy nhất tên là Parantapa, cùng với họ, ban đêm vua giả dạng trốn vào rừng.

Nghe vua cha đã đào tẩu, Bồ-tát vào thành, đánh bại địch vương và chiếm lại quốc độ. Vua cha lúc ấy dựng lều lá bên bờ sông, sống bằng củ quả rừng. Vua và tế sư thường đi tìm trái cây. Còn cận thần Parantapa ở lại với hoàng hậu trong lều. Hoàng hậu lúc ấy đang có thai với vua, nhưng vì thường sống chung với Parantapa nên bà phạm tà hạnh với y. Một hôm, bà bảo với y:

– Nếu đức vua biết, chàng và thiếp đều không sống được đâu. Vậy hãy giết ngài đi!

– Bằng cách nào chứ?

– Ngài thường bảo chàng mang kiếm và áo tắm lúc ngài đi tắm, vậy hãy đem ngài đi xa người hộ vệ tại nơi tắm rồi chặt đầu ngài và lấy kiếm chặt thân ngài thành nhiều khúc, xong chôn xuống đất.

Y đồng ý. Một hôm, vị tế sư đã đi ra tìm quả rừng, ông đã trèo lên một cây to gần nơi vua tắm và đang hái trái. Còn vua muốn tắm nên ra bờ suối cùng Parantapa mang thanh kiếm và áo tắm của vua.

Lúc vua sắp tắm, Parantapa muốn giết vua nhân dịp vua không có người hộ vệ, liền nắm cổ vua và nhấc kiếm lên. Vua sợ chết thét lớn. Vị tế sư nghe tiếng kêu và từ trên cây ông thấy rõ Parantapa đang ám sát vua, nhưng ông cũng quá kinh hoàng vội từ cành cây tụt xuống ẩn mình vào bụi rậm.

Parantapa nghe tiếng sột soạt lúc ông tụt xuống, nên sau khi giết vua và chôn xác xong, y suy nghĩ: "Có tiếng gì sột soạt từ cành cây tụt xuống gần đây, kẻ nào vậy?" Nhưng không thấy ai, y tắm rửa và ra về.

Sau đó, vị tế sư bước ra khỏi chỗ ẩn. Nay biết vua đã bị chặt khúc và chôn trong cái hố, ông tắm rửa, và vì lo cho sinh mạng của mình, ông giả mù khi trở về lều. Parantapa thấy ông, liền hỏi việc gì đã xảy ra cho ông. Ông giả vờ không nhận biết y và nói:

– Tâu Đại vương, tiểu thần trở về với đôi mắt đã mù. Tiểu thần đã đứng cạnh một gò mối trong rừng đầy rắn và hơi thở của một con rắn độc nào đó đã xông vào người tiểu thần.

Parantapa nghĩ vị tế sư đang nói chuyện với y như thể nói với vua vì ông không biết gì nữa nên yên tâm bảo:

– Này vị Bà-la-môn, đừng lo, ta sẽ chăm sóc ngài.

Rồi y vừa an ủi ông vừa cho ông nhiều quả rừng.

Từ đó, chính Parantapa đi kiếm trái cây. Về sau, hoàng hậu sinh được một hoàng tử. Khi hoàng tử lớn lên, một hôm bà nói chuyện với Parantapa vào lúc tảng sáng nhân dịp ngồi nhàn nhã:

– Có ai thấy chàng lúc giết vua chăng?

– Không ai thấy ta cả, nhưng ta nghe tiếng động của vật gì tụt xuống từ bụi cây nọ, ta không biết đó là người hay vật. Tuy thế, bất cứ lúc nào trong lòng ta nổi lên mối lo sợ cũng đều do duyên cớ bụi cây sột soạt kia.

Rồi y ngâm vần kệ đầu nói chuyện với bà:

154. Lo sợ kinh hoàng trong trí ta,
Phát sinh ngay cả chính bây giờ,
Đều do thuở ấy người hay vật,
Lay động bụi cây ở chốn kia.

Hai người ấy tưởng vị tế sư đã ngủ, nhưng ông đang thức và nghe họ nói chuyện. Một hôm, khi Parantapa đã đi vào rừng hái trái, vị tế sư nhớ đến bà vợ Bà-la-môn của mình, lại ngâm vần kệ thứ hai để than thân:

155. Nhà vợ thân yêu ở cạnh đây,
Nhớ thương làm dạ tái tê thay,
Như Paran hiện đang gầy ốm,
Vì sợ lá cành rung động cây.

Hoàng hậu hỏi ông đang nói gì thế. Ông đáp:

– Thần chỉ suy nghĩ trong dạ mà thôi.

Nhưng một ngày khác, ông lại ngâm vần kệ thứ ba:

156. Nhà vợ ở Ba-la-nại thành,
Thiếu nàng, ta héo hắt thân mình,
Như Paran hiện đang xanh tái,
Vì sợ bụi cây rúng rẩy cành.

Một ngày khác nữa, ông lại ngâm vần kệ thứ tư:

157. Mắt nàng đen nhánh sáng long lanh,
Giọng nói, nụ cười mỉm tuyệt xinh,
Hồi tưởng làm ta tê tái dạ,
Như Paran sợ động cây cành.

Theo thời gian, hoàng tử ấu thơ lớn dần đến mười sáu tuổi. Lúc ấy, vị Bà-la-môn làm một cây gậy, cùng đi với cậu đến chỗ tắm và mở mắt ra nhìn. Hoàng tử hỏi:

– Này vị Bà-la-môn, ông không mù à?

– Ta không mù, nhưng nhờ cách này ta đã cứu mạng mình. Thế cậu có biết ai là thân phụ cậu không?

– Ta biết chứ.

– Người kia không phải là cha cậu đâu. Cha cậu là vua xứ Ba-la-nại, người kia chỉ là kẻ hầu cận của hoàng gia; y đã thông gian với mẹ cậu và giết cha cậu tại chỗ này, rồi chôn xác ở đây.

Nói vậy xong, ông kéo bộ xương lên chỉ cho hoàng tử thấy. Hoàng tử tức giận hỏi:

– Thế ta phải làm gì bây giờ?

– Cứ đối xử với kẻ kia như cách y đối xử với cha cậu.

Rồi ông trình bày mọi việc cho hoàng tử, và trong vài ngày dạy cho hoàng tử cách dùng kiếm. Sau đó, một hôm hoàng tử cầm kiếm và áo tắm, rồi bảo:

– Cha ơi, chúng ta đi tắm nhé!

Parantapa đồng ý ra đi với cậu. Khi y bước xuống nước, hoàng tử cầm chỏm tóc y bằng tay trái và kiếm trong tay phải, bảo:

– Ngay tại đây, ngươi đã nắm chỏm tóc cha ta và giết ngài trong lúc ngài thét lên. Vậy ta cũng sẽ làm thế với ngươi.

Parantapa sợ chết, gào thét lên và ngâm hai vần kệ:

158. Chắc tiếng động kia đến với ngươi,
Kể cho ngươi những chuyện xưa rồi.
Chắc người thuở nọ rung cành lá,
Đã đến kể ngươi chuyện thiếu thời.

159. Ý tưởng điên rồ đến với ta,
Đã cho ngươi biết chuyện bây giờ.
Ngày xưa làm chứng, người hay vật,
Ở đó và rung cổ thụ mà.

Kế tiếp, hoàng tử ngâm vần kệ cuối cùng:

160. Chính ngươi đã giết phụ vương thân,
Cùng với lời lừa phản dối gian,
Ngươi giấu thây ngài trong bụi ấy,
Giờ đây ngươi phải chịu kinh hoàng.

Nói vậy xong, cậu đâm y chết tại chỗ, vùi thây vào đó và lấy cành cây phủ lên. Sau đó, rửa sạch kiếm và tắm xong, cậu trở lại lều lá. Cậu kể cho vị tế sư nghe cách cậu đã giết Parantapa và khiển trách mẹ cậu xong, cậu lại hỏi khi cả ba trở về Ba-la-nại:

– Chúng ta sẽ phải làm gì bây giờ?

Bồ-tát phong hoàng đệ làm phó vương, rồi thực hành bố thí và nhiều thiện sự khác, về sau mạng chung ngài tái sanh lên thiên giới.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Devadatta là vua cha và Ta chính là vua con.

CHƯƠNG VIII
TÁM KỆ
(*AṬṬHANIPĀTA*)

I. PHẨM KACCĀNI
(*KACCĀNIVAGGA*)

§417. CHUYỆN HIỀN MẪU KACCĀNI (*Kaccānijātaka*) (*J*. III. 422)

Mặc áo trắng và tóc xõa vai...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một người phụng dưỡng mẹ mình.

Chuyện kể rằng, đó là một thiện gia nam tử ở Sāvatthi (Xá-vệ). Khi cha mất, chàng chuyên tâm săn sóc mẹ, hầu hạ mẹ các công việc: Súc miệng, đánh răng, tắm rửa, v.v... và đem cháo cơm, thức ăn cho mẹ.

Bà mẹ bảo:

– Này con, có nhiều phận sự khác trong đời gia chủ, con phải cưới một cô gái con nhà đàng hoàng, cô ấy sẽ săn sóc mẹ để con đi làm công việc khác thích hợp hơn.

– Mẹ ơi, chính vì lợi ích và niềm vui của con mà con hầu hạ mẹ, chứ ai khác có thể hầu để tăng gia sản của ta chứ. Con không màng đến đời sống gia đình. Con muốn phụng sự mẹ, sau khi mẹ qua đời, con sẽ làm ẩn sĩ khổ hạnh.

Bà mẹ cố nài ép con mãi và cuối cùng không cần thuyết phục con hay được con chấp thuận, bà cứ đưa về một cô gái con nhà tử tế. Chàng cưới vợ và sống với nàng vì chàng không muốn trái ý mẹ; thấy chồng rất có hiếu với mẹ nên muốn bắt chước chồng, nàng cũng chăm nom mẹ chồng chu đáo. Nhận thấy lòng tận tụy của vợ, chàng đem về cho nàng mọi thức ăn ngon mà chàng có thể kiếm được.

Theo thời gian, nàng dâu suy nghĩ ngu xuẩn theo kiểu kiêu hãnh của nàng: “Chàng cho ta mọi thức ăn ngon chàng kiếm được, chắc hẳn chàng mong muốn tống mẹ đi cho rảnh, vậy ta sẽ tìm cách làm việc đó.” Một hôm, nàng bảo:

– Chàng ơi, mẹ mắng tôi lúc chàng đi vắng.

Người chồng không nói gì. Nàng suy nghĩ: “Ta sẽ chọc tức bà già và làm cho con trai bà ấy không chịu nổi mẹ mình nữa.”

Từ đó, nàng đem cháo cho bà hoặc quá nóng hoặc quá lạnh, hoặc quá mặn hoặc quá nhạt. Khi bà lão than phiền cháo quá nóng hay quá mặn, nàng đổ thêm nước lạnh đầy đĩa; rồi khi nghe cháo quá lạnh hoặc quá nhạt, nàng thường kêu to:

– Mới đây mẹ bảo quá nóng và quá mặn, ai chiều chuộng bà cho được!

Lúc tắm rửa, nàng thường dội nước quá nóng lên lưng bà già, nghe bà bảo:

– Con ơi, lưng mẹ bỏng rồi đấy!

Nàng liền dội nước thật lạnh lên bà mẹ, rồi khi nghe bà than phiền, nàng bịa chuyện với hàng xóm:

– Bà già này khi thì bảo nước quá nóng, khi thì bảo nước quá lạnh, ai mà chịu đựng được sự trơ tráo của bà ấy nữa?

Nếu bà già than phiền giường bà đầy rệp, nàng sẽ đem giường ấy ra và giũ mạnh vạt giường của nàng lên đó rồi mang nó về chỗ cũ, bảo bà:

– Tôi đã giũ nó rồi.

Bà già hiền lành lại bị rận rệp cắn nhiều gấp đôi trước kia nên phải ngồi và than phiền bị rệp cắn suốt đêm. Nàng đáp lại:

– Giường mẹ mới được giũ hôm qua và hôm kia nữa, ai có thể chiều chuộng mọi yêu sách của bà già này chứ?

Muốn làm cho con trai bà phản đối mẹ, nàng lại rải đờm dãi, tóc bạc khắp nơi, rồi khi chàng hỏi ai làm cho nhà cửa bừa bãi, dơ bẩn như vậy, nàng thường bảo:

– Mẹ chàng làm đấy nhưng nếu tôi bảo mẹ đừng làm vậy thì mẹ lại la lối lên. Tôi không thể ở chung nhà với một bà chằn như vậy, chàng phải quyết định hoặc mẹ hoặc tôi ở lại đây thôi.

Chàng nghe nàng nói vậy liền bảo vợ:

– Nàng ơi, nàng còn trẻ và có thể ở nơi nào tùy ý, muốn đi đâu thì đi nhưng mẹ tôi già yếu, tôi là chỗ tựa của bà. Vậy nàng hãy đi về với người thân của mình.

Khi nghe vậy, nàng sợ hãi nghĩ thầm: "Chàng không thể xa cách người mẹ rất thân yêu đối với chàng. Còn nếu ta về nhà cũ, ta sẽ sống cuộc đời cô đơn khổ sở. Vậy ta muốn hòa giải với chồng và chăm sóc bà như xưa." Từ đó, nàng làm đúng như thời trước.

Một hôm, vị cư sĩ này đến Kỳ Viên nghe pháp, đảnh lễ bậc Đạo sư xong, chàng đứng một bên. Bậc Đạo sư hỏi có phải chàng vẫn không xao nhãng bổn phận cũ và vẫn tận tụy chăm sóc mẹ già chăng.

Chàng đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Mẹ con đem về cho con một cô gái để làm vợ trái ý con, nàng ấy đã làm nhiều việc không xứng đáng như vậy.

Rồi chàng kể hết mọi việc cho Ngài nghe:

– Song nàng ấy không thể ly gián mẹ con với con được nên bây giờ nàng ấy lại chăm sóc bà hết sức cung kính.

Bậc Đạo sư nghe chuyện và bảo:

– Ngày nay, ông không nghe theo lời vợ nhưng ngày xưa ông đã bỏ mẹ vì nghe lời vợ xúi giục và nhờ ta đưa bà ấy về lại cho ông chăm nom.

Rồi theo lời thỉnh cầu của chàng, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một thanh niên trong gia đình nọ hết lòng chăm sóc mẹ già khi cha cậu từ trần (giống như phần duyên khởi chuyện này, các chi tiết cũng được nêu ra đầy đủ như trên). Nhưng trong trường hợp này, khi người vợ bảo nàng không thể sống với bà chằn kia và chàng phải quyết định một trong hai người phải ra đi, thì chàng theo lời vợ cho rằng mẹ mình có lỗi và bảo:

– Mẹ ơi, mẹ luôn gây chiến trong nhà này, từ nay mẹ đi sống nơi khác tùy ý mẹ.

Bà mẹ nghe vậy, vừa khóc vừa đi đến nhà bạn đâu đó, làm thuê chật vật để sống qua ngày. Sau khi bà ra đi, con dâu bà mang thai sinh con trai, nên thường rêu rao với chồng và hàng xóm rằng việc sinh con ấy chưa hề xảy ra trước kia, khi còn có bà chằn ở trong nhà. Sau khi sinh con, nàng bảo chồng:

– Tôi chưa bao giờ sinh con lúc mẹ chàng còn ở trong nhà, nay tôi đã có con. Như thế chàng có thể thấy rõ bà ấy đúng là bà già chằn thuở trước rồi đó.

Bà già nghe chuyện sinh con trai được con dâu bà xem là do bà ra khỏi nhà, liền suy nghĩ: "Chắc chắn thần công chánh đã chết trên đời này. Vì nếu không phải như vậy, những kẻ này đã không sinh con trai và sống sung sướng sau khi đánh đuổi mẹ mình. Ta muốn làm lễ cúng tế thần công chánh đã chết."

Vì vậy, một ngày kia, bà đem mè xay, gạo cùng một cái nồi và muỗng nhỏ, bà ra nghĩa địa đốt lửa trong cái lò làm bằng ba sọ người, rồi bà xuống suối tắm rửa đầu mình, giặt áo quần xong trở lại nơi lò lửa, xõa tóc ra và bắt đầu vo gạo.

Thuở ấy, Bồ-tát là Thiên chủ Sakka và các Bồ-tát luôn chú tâm cảnh giác. Ngay lúc ấy, ngài nhìn xuống trần gian và thấy bà già khốn khổ kia đang làm lễ tống táng thần công chánh như thể thần công chánh đã chết. Muốn chứng tỏ uy lực của ngài trong sự cứu giúp bà, ngài giáng trần giả dạng một Bà-la-môn du hành trên đường. Khi nhìn thấy bà, ngài rời đường cái đến đứng bên bà, bắt đầu câu chuyện bằng cách hỏi:

– Mẹ ơi, người ta thường không nấu cơm trong nghĩa địa. Mẹ định làm gì với cơm và mè này khi nấu xong?

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

1. Mặc áo trắng và tóc xõa vai,
Kaccāni lại nấu nồi sôi.
Gạo mè bà rửa đằng kia đó,
Bà có dùng không lúc chín rồi?

Bà ngâm vần kệ thứ hai nói cho ngài biết:

2. Đại sĩ ơi, tôi chẳng muốn ăn,
Mè xay và cả món cơm hầm.
Giờ đây đã chết thần công chánh,
Tôi muốn cúng dâng lễ tế thần.

Thiên chủ, hiện thân của thần công chánh, đáp vần kệ thứ ba:

3. Khi quyết định, bà phải nghĩ suy,
Bà nghe ai nói vọng ngôn kia?
Ngài Ngàn mắt ấy đầy uy lực,
Công chánh thần không thể chết đi.

Nghe ngài nói, bà già ngâm đôi vần kệ tiếp theo:

4. La-môn, tôi chứng kiến rành rành,
"Công lý chết rồi" tôi phải tin,
Tất cả kẻ nào theo ác hạnh,
Hiện giờ đang hưởng đại phồn vinh.

5. Dâu của tôi ngày trước hiếm hoi,
Đánh tôi, rồi lại đẻ con trai,
Nó thành bà chủ trong nhà ấy,
Tôi bị lãng quên, bị bỏ rơi.

Thiên chủ Sakka liền ngâm vần kệ thứ sáu:

6. Không phải đâu, ta sống mãi mà,
Nay ta giáng thế chính vì bà.
Dâu bà đánh mẹ, song dâu cháu,
Sẽ hóa tro trong lửa của ta.

Nghe thế, bà lão kêu to:

– Than ôi, ngài vừa nói gì thế? Tôi sẽ cố sức giúp cháu tôi khỏi chết.

Rồi bà ngâm vần kệ thứ bảy:

7. Thiên chủ, mong sao hợp ý ngài,
Vì tôi, ngài đến tự trên trời.
Ước mong đôi trẻ và thằng cháu,
Được sống đời hòa thuận với tôi.

Sau đó, Thiên chủ Sakka ngâm vần kệ thứ tám:

8. Kātiyāni sẽ mãn nguyện, vì bà
Bị đánh, song bà tin tưởng ta,
Công chánh, vậy cùng con, cháu nội
Sống đời hòa thuận ở trong nhà.

Bấy giờ, sau khi nói xong, Thiên chủ Sakka hiện ra đủ mọi vẻ uy nghi của ngài, dùng thần lực đứng trên không và nói:

– Kaccāni, bà đừng sợ, nhờ thần lực của ta, con và dâu bà sẽ đến đây đem bà về nhà; hãy sống hòa thuận với chúng!

Rồi ngài trở về cõi của ngài. Nhờ uy lực của Thiên chủ, con và dâu bà nghĩ đến mọi tính tốt của bà trước kia và đi tìm khắp thôn làng, họ thấy bà đã đi về phía nghĩa địa. Họ theo con đường ấy và gọi bà, khi gặp lại bà, họ quỳ xuống chân bà xin lỗi và được bà tha thứ lỗi lầm cũ. Bà vui mừng chào đón cháu nội. Vì vậy, tất cả họ cùng hoan hỷ trở về nhà và từ đó sống chung với nhau.

9. Với con dâu thảo lại vui mừng,
Bà lão Kātiyāni đã sống chung.
Thiên chủ giải hòa xung đột cũ,
Cháu con săn sóc thật ân cần.

Vần kệ này được cảm tác do trí tuệ tối thắng của đức Phật.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Khi kết thúc các sự thật, vị cư sĩ được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, người cư sĩ phụng dưỡng mẹ mình là người đang phụng dưỡng mẹ ngày nay, người vợ thời ấy là người vợ thời nay và Thiên chủ Sakka chính là Ta.

§418. CHUYỆN TÁM TIẾNG KÊU (*Aṭṭhasaddajātaka*) (*J.* III. 428)

Ngày xưa thường gọi chốn này...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một tiếng động kinh hoàng không phân biệt được mà vua xứ Kosala đã nghe lúc nửa đêm. Hoàn cảnh câu chuyện này đã được tả trong *Chuyện địa ngục Nồi Sắt.*[1]

Tuy nhiên lần này, khi vua hỏi:

– Bạch Thế Tôn, việc trẫm nghe tám tiếng kêu ấy có mang lại điều gì chăng?

Bậc Đạo sư đáp:

– Thưa Đại vương, đừng sợ hãi! Không có mối nguy gì xảy ra cho Đại vương do các tiếng kêu ấy. Những âm thanh kinh hoàng khó phân biệt như thế không chỉ một mình Đại vương nghe được mà các đế vương ngày xưa cũng đã từng nghe những âm thanh tương tự. Và dự định theo lời khuyên của các Bà-la-môn dâng tế lễ bốn loại sinh vật nhưng sau khi nghe các bậc Hiền trí khuyên nhủ, các vua ấy đã thả tự do cho bầy gia súc được thâu góp để tế đàn và truyền đánh trống ra lệnh cấm mọi việc sát sanh.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

[1] Xem *J.* III. 43, *Lohakumbhijātaka* (*Chuyện địa ngục Nồi Sắt*), số §314.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn có gia sản đến tám trăm triệu đồng tiền. Khi lớn lên, ngài học mọi ngành nghệ thuật tại Takkasilā. Sau khi cha mẹ qua đời, ngài xem xét tất cả các kho tàng, rồi từ bỏ mọi của cải bằng cách bố thí, đoạn trừ tham dục và đến vùng Tuyết sơn trở thành một vị khổ hạnh chuyên tâm nhập định.

Sau một thời gian, ngài trở về chốn cư trú của quần chúng để tìm muối và giấm, đến tận Ba-la-nại, nghỉ ngơi trong ngự viên. Thời ấy, vua xứ Ba-la-nại nghe tám tiếng kêu lớn trong lúc đang ngủ trên vương sàng khoảng nửa đêm. Đầu tiên, một con hạc kêu trong vườn gần hoàng cung; thứ hai, ngay sau khi hạc kêu, một con quạ cái kêu từ cổng chuồng voi; thứ ba, một con mọt kêu ở nóc hoàng cung; thứ tư, một con chim sơn ca thuần dưỡng kêu trong hoàng cung; thứ năm, một con nai thuần dưỡng cũng kêu tại chỗ ấy; thứ sáu, một con khỉ thuần dưỡng cũng kêu tại đó; thứ bảy, một vị tiểu thần sống trong hoàng cung cất tiếng kêu than và thứ tám, ngay sau khi tiếng kêu cuối cùng ấy, một vị Độc Giác Phật thốt ra một âm thanh đầy hoan lạc khi bay qua mái hoàng cung tiến về phía ngự viên.

Vua rất kinh hãi khi nghe tám tiếng kêu trên. Hôm sau, vua liền tham vấn các Bà-la-môn. Họ đồng đáp:

– Tâu Đại vương, tai họa sắp xảy ra với Đại vương, hãy cho phép chúng thần dâng lễ tế đàn ngoài hoàng cung!

Rồi khi được vua cho phép họ làm điều họ muốn, họ hoan hỷ đến và bắt đầu chuẩn bị tế đàn. Bấy giờ, một đệ tử trẻ tuổi của vị tế sư Bà-la-môn trưởng thượng rất thông thái đa văn, chàng thưa với thầy:

– Bạch Tôn sư, không nên gây nhiều việc sát hại sinh vật độc ác và thô bạo như vậy!

– Này đệ tử, con biết gì về việc này chứ? Cho dẫu chẳng có gì khác xảy ra, chúng ta cũng được ăn một mẻ cá thịt no nê thỏa thích!

– Bạch Tôn sư, đừng vì cái bụng mà tạo ác nghiệp đưa đến tái sanh trong địa ngục!

Nghe vậy, các Bà-la-môn kia tức giận vị đệ tử muốn làm hỏng các mối lợi của họ. Vị đệ tử sợ hãi đáp:

– Thôi được, xin cứ tìm cách lấy thật nhiều cá thịt để ăn.

Rồi chàng rời kinh thành đi tìm một vị khổ hạnh thuần thành có khả năng ngăn cản vua việc tế đàn kia. Chàng vào ngự viên và thấy Bồ-tát, liền kính chào ngài và hỏi:

– Tôn giả không có lòng bi mẫn các sinh vật sao? Vua đã ra lệnh làm tế đàn gây chết chóc cho nhiều sinh vật, Tôn giả không muốn giải thoát cho những sinh linh ấy sao?

– Này thanh niên Bà-la-môn, ta không biết vua nước này, vua cũng không biết ta.

– Bạch Tôn giả, Tôn giả có biết hậu quả của các âm thanh mà nhà vua đã nghe sẽ ra sao chăng?

– Ta biết chứ.

– Nếu Tôn giả biết, tại sao Tôn giả không bảo cho vua?

– Này thanh niên Bà-la-môn, làm sao ta có thể kiêu hãnh đến bảo vua: "Ta biết!", được chứ? Nếu vua đến hỏi ta, ta sẽ bảo cho ngài.

Vị Bà-la-môn trẻ tuổi vội vàng đến cung đình và khi được hỏi có việc gì, chàng bảo:

– Tâu Đại vương, có một vị khổ hạnh biết nguyên nhân các âm thanh mà Đại vương đã nghe. Vị ấy đang ngồi trên vương tòa trong ngự viên và bảo vị ấy sẽ trình bày với Đại vương nếu Đại vương hỏi. Xin Đại vương hãy làm như vậy!

Vua vội vàng đến kính lễ vị khổ hạnh và sau khi ân cần chào nhau, vua ngồi xuống và hỏi:

– Có thật Tôn giả biết nguyên nhân tám tiếng kêu mà trẫm đã nghe chăng?

– Tâu Đại vương, phải.

– Vậy xin Tôn giả nói cho trẫm nghe!

– Tâu Đại vương, không có gì nguy hiểm liên hệ đến các âm thanh kia. Trước hết, có một con hạc trong ngự viên cũ của Đại vương thiếu thức ăn nên đói lả gần chết và thốt tiếng kêu ấy.

Như thế, do tri kiến của ngài, ngài vừa nêu rõ ý nghĩa tiếng kêu của con hạc, vừa ngâm vần kệ đầu.

10. Ngày xưa thường gọi chốn này,
Ao sâu, tôm cá lội đầy tung tăng.
Là nơi cư trú hạc vương,
Tổ tiên ta cũng sống thường trước kia.
Dẫu ăn ếch nhái bây giờ,
Chúng ta không thể xa bờ ao xưa.

– Tâu Đại vương, đó là tiếng kêu của con hạc trong cơn đói lả. Nếu Đại vương muốn nó khỏi đói, xin hãy ra lệnh dọn vườn sạch sẽ và đổ nước đầy ao!

Vua liền bảo một vị triều thần sai người làm việc này.

– Tâu Đại vương, có con quạ cái ở trên cổng chuồng voi của hoàng gia. Nó thốt tiếng kêu thứ hai khóc thương con nó. Đại vương không nên sợ việc này.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ hai.

11. Anh chàng một mắt Bandhura,
Là ai mà cứ phá nhà của tôi?

Bầy chim mới nở, than ôi!
Ai người thân thiện cứu tôi khốn cùng?

Rồi ngài hỏi vua về tên của người trưởng đám quản tượng ở chuồng voi.

– Thưa Tôn giả, tên y là Bandhura.

– Tâu Đại vương, y chỉ có một mắt ư?

– Thưa Tôn giả, phải.

– Tâu Đại vương, có một con quạ làm tổ trên cổng chuồng voi, nó đẻ trứng tại đó và đúng kỳ hạn trứng đã nở thành chim non. Mỗi khi người quản tượng ra vào chuồng voi để chăm sóc voi, y hay lấy cái móc đập vào con quạ và tổ chim non để phá tổ. Con quạ trong lúc nguy khốn chỉ muốn mổ mắt y nên thốt ra tiếng kêu ấy. Nếu Đại vương có thiện ý với nó, xin hãy truyền Bandhura vào chầu và cấm y phá tổ quạ.

Vua truyền gọi Bandhura vào, khiển trách y và giao chuồng voi cho kẻ khác.

– Tâu Đại vương, trên nóc hoàng cung có một con mọt gỗ, nó đã ăn hết gỗ sung tại đó và không thể ăn thứ gỗ cứng hơn. Vì thiếu thức ăn và không thể bò ra ngoài nên nó thốt tiếng kêu thứ ba để than vãn. Đại vương không cần sợ nó.

Rồi nhờ tri kiến của ngài, ngài vừa nêu rõ ý nghĩa tiếng mọt gỗ kêu vừa ngâm vần kệ thứ ba.

12. Ta vừa ăn hết gỗ sung,
Mọi nơi ta đã đi vòng quanh co.
Gỗ nào cứng, mọt khó ưa,
Còn thức ăn khác ở xa dưới mình!

Vua bảo một cung nhân tìm cách giải thoát con mọt.

– Tâu Đại vương, trong cung thất có con chim sơn ca thuần dưỡng nào chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ.

– Tâu Đại vương, con sơn ca ấy héo mòn vì mong mỏi về rừng mỗi khi nó nhớ lại quãng đời cũ:

"Làm sao rời khỏi lồng này,
Làm sao trở lại rừng cây thân tình!"

Vì thế, nó thốt lên tiếng kêu thứ tư, xin Đại vương chớ lo sợ việc ấy!

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tư.

13. Ước gì rời chốn cung đình,
Ước gì giải thoát thân mình tự do,
Hân hoan bay lượn rừng già,
Rồi ta xây tổ của ta trên cành!

Ngâm kệ xong, ngài thêm:

– Tâu Đại vương, chim sơn ca ấy đang mòn mỏi đợi chờ, xin Đại vương thả nó ra!

Vua nghe theo lời ngài.

– Tâu Đại vương, trong cung thất có con nai thuần dưỡng nào chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ.

– Tâu Đại vương, con nai ấy là trưởng đoàn. Nó nhớ nai cái và mòn mỏi vì nặng tình yêu thương nai cái nên nó thốt tiếng kêu thứ năm. Đại vương không nên sợ hãi chuyện ấy.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ năm.

14. Ước gì rời chốn cung đình,
Ước gì giải thoát thân mình vui sao,
Uống dòng nước suối trong veo,
Dẫn đàn nai vẫn bước theo sau mình!

Bậc Đại sĩ làm cho con nai được giải thoát và nói tiếp:

– Tâu Đại vương, có con khỉ thuần dưỡng nào ở trong cung chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ.

– Con khỉ ấy là chúa đàn khỉ ở vùng Tuyết sơn. Nó thích thú bầu bạn với đám khỉ cái. Trước kia nó được một thợ săn tên Bharata đem về đây. Nay nó đang mòn mỏi mong ước trở về chốn cư ngụ xưa nên nó thốt tiếng kêu ấy. Xin Đại vương đừng sợ chuyện này.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ sáu.

15. Lòng ta nặng trĩu dục tình,
Với bao ước vọng thân mình nhiễm ô.
Bharata lạp hộ bắt ta,
Ước mong phước phận lão gia tràn trề!

Bậc Đại sĩ bảo thả con khỉ ra và tiếp tục nói:

– Tâu Đại vương, có vị tiểu thần nào giữ kho báu ở trong cung chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ.

– Tâu Đại vương, vị ấy nhớ lại đời sống cũ với một nữ thần, vợ vị ấy, nên trong lúc đau khổ vì dục vọng đã thốt lên tiếng kêu thứ bảy. Một hôm, vị ấy cùng vợ trèo lên đỉnh non cao. Hai vị lượm hoa và tô điểm cho nhau nhiều loại hoa đủ màu sắc hương vị đặc biệt nên không hề lưu ý rằng mặt trời đang lặn và bóng đêm bao trùm trong khi họ leo xuống. Nữ thần bảo: "Này chàng, trời tối rồi, chàng hãy xuống cẩn thận kẻo ngã." Và vừa nắm tay chồng, nàng vừa đưa chồng xuống. Chính vì nhớ lại các lời nói của vợ mà vị thần này thốt tiếng kêu. Đại vương không cần phải sợ chuyện ấy.

Do tri kiến của ngài, ngài vừa giải thích trường hợp này một cách chính xác vừa ngâm vần kệ thứ bảy.

16. Bóng đêm dày đặc kéo về,
Trên non cao nọ tứ bề cô đơn.

"Xin chàng đừng ngã trượt chơn",
Nàng khe khẽ nhắc bên sườn đá xưa.

Như vậy, bậc Đại sĩ giải thích tại sao vị thần thốt tiếng kêu và ngài bảo thả vị ấy ra, rồi nói tiếp:

– Tâu Đại vương, còn âm thanh thứ tám là tiếng reo cực lạc. Một vị Độc Giác Phật ở động Nandamūla biết rằng các hành (các điều kiện tái sanh) sắp đoạn tận đối với vị ấy, liền đến nơi cư trú của quần chúng và suy nghĩ: "Ta muốn chứng đắc Niết-bàn Vô dư y trong ngự viên của vua xứ Ba-la-nại. Quân hầu của vua sẽ chôn cất Ta, làm lễ cúng dường và cung kính Xá-lợi của Ta, nhờ vậy sẽ sinh lên cõi thiên." Vị ấy dùng thần lực bay đến đây và ngay khi chạm mái hoàng cung, vị ấy liền buông xả gánh nặng sinh tử và ca khúc hoan lạc làm chói sáng lối vào cảnh giới Niết-bàn.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tám do vị Độc Giác Phật cảm tác.

17. Tái sanh đã tận với Ta,
Không vào thai mẹ từ giờ về sau.
Đây đời cuối ở địa cầu,
Sắp tàn cùng mọi khổ đau phàm trần.

Cùng với những lời cực lạc này, vị ấy đến ngự viên và đắc Niết-bàn Vô dư y dưới gốc cây sāla đang nở rộ hoa.

Rồi bậc Đại sĩ đưa vua đến nơi vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn và chỉ cho vua phần nhục thân của Ngài. Thấy vậy, vua cùng đoàn quân đông đảo đem hương hoa đến cung kính làm lễ cúng dường.

Theo lời khuyên của Bồ-tát, vua đình chỉ việc tế đàn, cho mọi sinh vật được sống, truyền rao trống lệnh khắp kinh thành cấm sát sanh, cử hành đại lễ suốt bảy ngày, rồi làm lễ hỏa táng thân vị Độc Giác Phật rất trọng thể trên hỏa đài chất đầy hương liệu và xây tháp ở ngã tư đường.

Bồ-tát thuyết giảng Chánh pháp cho vua và khuyên nhủ vua tinh cần. Sau đó, ngài trở về Tuyết sơn, thực hành tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) và không hề gián đoạn thiền định nên được sinh vào cõi Phạm thiên.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Thưa Đại vương, không có gì nguy hiểm cho Đại vương do các tiếng kêu ấy, vậy hãy đình chỉ tế đàn và ban sự sống cho các sinh vật này!

Rồi vua bảo truyền trống lệnh đi khắp kinh thành tha mạng các sinh vật.

Xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy nhà vua là Ānanda, vị đệ tử Bà-la-môn là Sāriputta và nhà khổ hạnh chính là Ta.

§419. CHUYỆN KIỀU NỮ SULASĀ (*Sulasājātaka*)[2] (*J.* III. 435)

Này đây là chiếc vòng vàng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một nữ tỳ của ông Cấp Cô Độc.

Chuyện kể rằng vào một ngày lễ hội, khi nàng sắp đi cùng đám gia nhân đến một lạc viên, nàng xin nữ chủ nhân Puṇṇalakkhaṇadevī (Phước Tướng) cho nàng một món nữ trang để đeo. Bà chủ cho nàng một món tư trang của bà trị giá một trăm ngàn đồng tiền. Nàng đeo vào cổ và cùng đám gia nhân đi đến chỗ vui chơi. Một tên trộm thèm món nữ trang kia, với dự định giết nàng để đoạt của, hắn lân la đến nói chuyện với nàng; tại khu vườn kia, hắn cho nàng ăn cá thịt và uống rượu mạnh. Nàng suy nghĩ: "Ta chắc chàng làm vậy vì chàng thích ta." Vào buổi chiều tối khi mọi người nằm xuống nghỉ ngơi sau các cuộc vui chơi, nàng đứng dậy đi tìm hắn. Hắn bảo:

– Này cô nương, chỗ này không kín đáo, ta hãy đi xa hơn một chút!

Nàng suy nghĩ: "Bất cứ việc gì thầm kín đều có thể xảy ra tại nơi này. Chắc chắn anh chàng muốn giết ta và đoạt món nữ trang ta đang đeo. Vậy ta sẽ dạy anh chàng một bài học." Vì thế, nàng bảo:

– Thưa tôn ông, em đang khát nước khô cổ họng vì uống rượu mạnh. Xin hãy kiếm cho em một ít nước!

Rồi đưa hắn đến giếng, nàng vừa bảo hắn kéo nước vừa chỉ cho hắn sợi dây thừng và chiếc gàu. Tên trộm thả gàu xuống. Rồi ngay khi hắn cúi mình để kéo nước lên, cô nữ tỳ vốn rất lực lưỡng, liền đẩy mạnh hắn với đôi bàn tay và hất hắn xuống giếng. Nàng bảo:

– Mi chẳng chết vì cách này đâu.

Rồi ném một cục gạch lớn trên đầu hắn. Hắn chết liền tại chỗ. Khi nàng trở về thành và trả lại bà chủ món nữ trang, nàng bảo:

– Con suýt bị giết hôm nay vì món nữ trang ấy.

Rồi nàng kể toàn bộ câu chuyện. Bà chủ kể lại chuyện với ông Cấp Cô Độc và ông trình với đức Như Lai. Bậc Đạo sư bảo:

– Này gia chủ, đây không phải là lần đầu người nữ tỳ có trí thông minh phát xuất kịp thời mà ngày xưa cũng vậy. Đây không phải lần đầu người này giết kẻ ấy mà trước kia cũng đã có lần giết nó.

Và theo lời thỉnh của ông Cấp Cô Độc, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

---

[2] Xem *Ap.* II. 560, *Kuṇḍalakesātherīapadāna* (*Ký sự về nữ Tôn giả Kuṇḍalakesā*); *J.* III. 133, *Vānarajātaka* (*Chuyện con khỉ*), số §342; *J.* III. 265, *Kukkuṭajātaka* (*Chuyện kê vương*), số §383; *J.* IV. 56, *Kukkuṭajātaka* (*Chuyện kê vương*), số §448.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, có một kiều nữ của kinh thành tên gọi là Sulasā, làm chủ một đoàn năm trăm kỹ nữ sang trọng, giá mỗi đêm hưởng lạc với nàng là một ngàn đồng tiền.

Cũng trong kinh thành này có một tướng cướp tên Sattuka, khỏe mạnh như voi, vẫn thường đột nhập các nhà giàu vào ban đêm để cướp của thỏa thích. Dân trong thành tụ tập lại lập cáo trạng tâu với vua.

Vua ra lệnh quân lính canh đóng rải rác khắp nơi để bắt tướng cướp và xử trảm. Họ trói tay hắn ra đằng sau và vừa dẫn hắn ra pháp trường vừa đánh roi khắp mình mẩy. Lúc ấy, nàng Sulasā đứng bên cửa sổ nhìn xuống đường, thấy tướng cướp bỗng nhiên đâm ra si tình hắn và suy nghĩ: "Nếu ta có thể giải nguy cho chàng chiến sĩ lực lưỡng này, ta sẽ từ bỏ cuộc đời xấu xa hiện nay của ta và sống chơn chánh với chàng."

Theo cách được tả trong *Chuyện vòng hoa kaṇavera*,[3] nàng lấy lại tự do cho hắn bằng cách gởi một ngàn đồng tiền vàng và đến tặng viên thị trưởng, rồi sau đó sống hạnh phúc hòa hợp với hắn. Sau chừng ba bốn tháng, tướng cướp suy nghĩ: "Ta sẽ chẳng bao giờ có thể ở một nơi như vầy nhưng ta không thể ra đi tay không. Nữ trang của Sulasā trị giá một trăm ngàn đồng tiền. Ta muốn giết nàng và lấy của."

Vì vậy một hôm, hắn bảo nàng:

– Ái nương ơi, khi ta đang bị quân lính nhà vua kéo đi, ta hứa cúng lễ vật cho một vị thần cây trên đỉnh núi, nay vị ấy đang đe dọa ta vì ta không trả lễ. Vậy chúng ta hãy đi dâng lễ thần.

– Thưa lang quân, tốt lắm, chúng ta hãy chuẩn bị lễ vật gửi đi cúng thần.

– Này ái nương, gửi lễ vật cúng thần không công hiệu gì đâu. Chúng ta hãy cùng đi dâng lễ mang theo mọi món tư trang và đám hầu cận.

– Thưa lang quân, được rồi, chúng ta cùng làm vậy.

Hắn bảo nàng chuẩn bị lễ vật và khi họ đến chân núi, hắn bảo:

– Này ái nương, vị thần này thấy đông người sẽ không nhận lễ vật. Vậy hai ta cùng đi lên núi dâng lễ.

Nàng thỏa thuận và hắn bảo nàng mang chiếc bình. Phần hắn đã chuẩn bị hết sức chu đáo. Khi cả hai đến đỉnh núi, hắn đặt lễ vật xuống gốc cây mọc cạnh bờ vực cao gấp trăm lần một người thường và bảo:

– Này ái nương, ta không đến đây để dâng lễ vật, mà ta đến với ý định giết nàng rồi trốn đi với mọi tư trang của nàng. Vậy hãy cởi ra hết và góp thành một bó trong áo khoác của nàng kia.

– Này lang quân, tại sao chàng muốn giết thiếp?

– Vì tiền của nàng đấy.

---

[3] Xem *J.* III. 58, *Kaṇaverajātaka* (*Chuyện vòng hoa kaṇavera*), số §318.

– Lang quân ơi, hãy nhớ lại mọi việc tốt lành mà thiếp đã làm cho chàng, khi chàng bị xiềng tay chân và kéo đi xử trảm, thiếp đã bỏ một anh chàng nhà giàu chỉ vì chàng và trả một số tiền lớn để cứu chuộc chàng. Dù thiếp có kiếm được một ngàn đồng tiền mỗi ngày, thiếp cũng không nhìn đến một nam nhân nào khác. Thiếp đã làm ân nhân của chàng như vậy. Xin chàng đừng giết thiếp. Thiếp nguyện trao cho chàng thật nhiều tiền và làm nô tỳ cho chàng.

Cùng với lời khẩn cầu này, nàng ngâm vần kệ đầu:

18. Này đây là chiếc vòng vàng,
Này đây ngọc bích cùng tràng hạt trai,
Lấy đi tất cả, chàng ôi,
Xin chàng cho thiếp làm tôi tớ chàng!

Khi ấy, Sattuka ngâm vần kệ thứ hai phù hợp với mục đích của hắn, đó là:

19. Để vàng ngọc xuống, kiều nương,
Và nàng đừng có khóc thương buồn phiền,
Ta nay muốn giết nàng liền,
Vì ta không chắc hưởng tiền hồi môn!

Trí khôn của Sulasā xuất hiện kịp thời, nàng suy nghĩ: "Tên cướp này không muốn cho ta sống. Vậy ta sẽ đoạt mạng hắn trước bằng cách ném hắn xuống vực sâu", và nàng ngâm hai vần kệ tiếp:

20. Suốt bao năm tháng lớn khôn,
Với bao hồi tưởng trong hồn thật chân,
Thiếp thề giữa cõi phàm trần,
Không người nào đã thiết thân hơn chàng!

21. Đến đây lần nữa cuối cùng,
Thiếp xin kính lễ trong vòng bàn tay,
Chẳng bao giờ ở đời này,
Đôi ta gặp mặt từ đây hỡi chàng!

Sattuka không thể hiểu được mục đích của nàng, liền nói:

– Tốt lắm, này ái nương, hãy đến ôm ta trong tay nàng!

Sulasā đi vòng quanh hắn cung kính cúi chào ba lần, vừa hôn hắn vừa bảo:

– Này lang quân, bây giờ, thiếp sắp đảnh lễ chàng tứ phía.

Nàng đặt đầu nàng lên chân hắn, vái chào hai bên xong, đi vòng ra phía sau hắn như thể sắp vái chào hắn tại đó; rồi với sức mạnh như voi, nàng nắm hai cẳng hắn ném hắn lộn ngược đầu xuống dưới vực thẳm của tử thần cao gấp trăm lần một người thường. Hắn tan thây và chết tại chỗ.

Thấy việc này, vị thần trên đỉnh núi ngâm các vần kệ sau:

22. Trí tuệ khôn ngoan cũng lắm khi,
Không dành riêng với bọn nam nhi,

Nữ nhi có thể nhiều minh trí,
Xuất hiện trong tình thế hiểm nguy.

23. Trí tuệ khôn ngoan cũng lắm khi,
Không dành riêng với bọn nam nhi,
Nữ nhi nhanh trí nhiều mưu kế,
Dự định làm công việc kịp thì.

24. Cô nàng bày tỏ trí khôn ngoan,
Hiểu biết tinh thông mọi lối đường,
Đã giết anh chàng này chẳng khác,
Giết con nai với chiếc cung giương.

25. Người nào khi gặp cảnh cùng đường,
Không thể vươn lên để thoát thân,
Sẽ ngã nhào như tên trộm ngốc
Ngã vào trong vực thẳm tan xương.

26. Còn kẻ tinh nhanh ấy sự tình,
Hiểm nguy đến với số phần mình,
Như nàng được thoát thân ra khỏi,
Cừu địch bên mình, đáng hãi kinh.

Như vậy, Sulasā đã giết tên cướp nọ. Khi nàng xuống núi và đứng giữa đám hầu cận, họ hỏi chồng nàng đâu, nàng bảo:

– Đừng hỏi ta nữa!

Rồi leo lên xe, nàng đi thẳng về kinh thành.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, hai kẻ đó chính là hai người bây giờ và vị thần núi ấy chính là Ta.

§420. CHUYỆN NGƯỜI GIỮ NGỰ VIÊN SUMAṄGALA (*Sumaṅgalajātaka*)[4] (*J.* III. 439)

Ý thức giận hờn, nét mặt cau...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc khuyến giáo một vị vua. Trong dịp này, theo lời yêu cầu của vua, bậc Đạo sư kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm hoàng tử của chánh hậu. Khi lớn lên, vua cha băng hà, ngài lên làm vua và thực hành đại bố thí. Ngài có một người giữ ngự viên tên là Sumaṅgala.

[4] Xem *Sn.* 56, *Kiṃsīlasutta* (*Kinh Thế nào là giới?*)

Thuở ấy, một vị Độc Giác Phật rời động Nandamūla để du hành khất thực và khi đến Ba-la-nại, Ngài ở lại trong ngự viên. Hôm sau, Ngài vào thành khất thực. Vua đón Ngài với vẻ ân cần đặc biệt, mời Ngài vào cung ngồi trên bảo tòa, thiết đãi đủ món ăn thượng vị loại cứng, loại mềm và nhận lời tùy hỷ công đức của Ngài xong, liền khẩn cầu Ngài hứa một lời rồi truyền đưa ngài trở lại ngự viên.

Sau bữa điểm tâm, vua thân hành đến sắp đặt nơi cư trú để Ngài ở suốt ngày đêm và cho người giữ ngự viên Sumaṅgala đến hầu cận Ngài xong mới trở về thành. Sau đó, vị Độc Giác Phật thường ăn uống tại cung vua và ở lại ngự viên một thời gian dài, còn Sumaṅgala vẫn cung kính hầu hạ Ngài.

Một hôm, Ngài ra đi, bảo Sumaṅgala:

– Ta sắp đi đến làng kia vài ngày, song Ta sẽ trở lại đây. Hãy trình với đức vua!

Sumaṅgala liền trình lên vua việc này. Sau vài ngày ở tại làng kia, vị Độc Giác Phật trở lại ngự viên vào buổi chiều tối. Sumaṅgala không biết Ngài trở lại nên cũng đã đi về nhà. Vị Độc Giác Phật cất y bát, và sau khi dạo chơi giây lát, Ngài ngồi xuống một phiến đá.

Hôm ấy, có vài người khách lạ đến nhà người giữ ngự viên. Muốn nấu món súp và cà-ri đãi khách, y cầm cung đi giết một con nai nuôi trong ngự viên. Y đang tìm nai thì chợt thấy vị Độc Giác Phật, tưởng đó là một con nai lớn, y nhắm một mũi tên và bắn Ngài. Vị Độc Giác Phật mở khăn trùm đầu ra và gọi:

– Sumaṅgala!

Vô cùng xúc động, Sumaṅgala đáp:

– Thưa Tôn giả, con không biết Tôn giả đã về nên bắn Tôn giả vì tưởng là nai. Xin Tôn giả tha thứ cho con!

– Được lắm, nhưng ông sẽ làm gì bây giờ? Này, hãy rút mũi tên ra mau!

Y đảnh lễ rồi rút mũi tên ra. Vị Độc Giác Phật cảm thấy vô cùng đau đớn và đắc Niết-bàn Vô dư y ngay tại đó. Người giữ vườn nghĩ rằng vua sẽ không tha thứ nếu biết chuyện này, y liền đem vợ con trốn đi.

Nhờ thần lực, cả kinh thành đều biết tin vị Độc Giác Phật đã đắc Niết-bàn và mọi người vô cùng xúc động. Hôm sau, một số người vào ngự viên, thấy di hài của Ngài, liền tâu trình vua rằng người giữ ngự viên đã chạy trốn sau khi giết vị Độc Giác Phật.

Vua cùng đông đảo tùy tùng đến lễ bái di hài ấy suốt bảy ngày, rồi hỏa táng trọng thể xong, lấy Xá-lợi và xây tháp thờ. Sau đó, vua vẫn thường cúng dường tháp Xá-lợi và cai trị đúng pháp.

Năm sau, Sumaṅgala quyết đi tìm hiểu xem vua nghĩ về việc này ra sao, y đến yết kiến và hỏi một vị triều thần để xem vua nghĩ gì về y. Vị triều thần ca ngợi Sumaṅgala trước mặt vua nhưng vua làm như thể không nghe gì cả. Ông

không nói thêm nữa nhưng sau đó báo cho Sumaṅgala biết vua không hài lòng về y.

Một năm sau nữa, y lại đến và năm thứ ba, y đem vợ con đến. Vị triều thần biết vua đã nguôi giận nên bảo Sumaṅgala ở cung môn và tâu vua rằng Sumaṅgala đã đến chầu. Vua truyền y vào, sau nghi thức chào mừng, vua hỏi:

– Này Sumaṅgala, tại sao ngươi giết vị Độc Giác Phật là người mà ta đang cúng dường để tạo công đức?

– Tâu Đại vương, tiểu thần không cố ý giết Ngài nhưng chỉ vì duyên cớ này mà tiểu thần phạm tội.

Rồi y kể lại chuyện cũ. Vua bảo y đừng sợ và vừa trấn an y vừa cho y giữ chức ngự viên như cũ.

Sau đó, triều thần hỏi:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương không trả lời khi nghe những lời ca ngợi Sumaṅgala hai lần trước và lần thứ ba nghe chuyện, Đại vương lại truyền y vào chầu và tha thứ cho y?

Vua phán:

– Này hiền khanh, một vị vua hành động vội vã lúc nóng giận là điều sai lầm. Vì vậy, trẫm im lặng hai lần trước và lần thứ ba khi trẫm hiểu mình đã nguôi giận, mới truyền gọi Sumaṅgala.

Về việc này, ngài ngâm các vần kệ nêu rõ phận sự quân vương:

27. Ý thức giận hờn, nét mặt cau,
Quân vương đừng giáng trận đòn đau,
Những điều bất xứng ngôi Thiên tử,
Sẽ tiếp theo sau cái gật đầu.

28. Ý thức tính tình bớt khắt khe,
Quân vương ban pháp lệnh ra uy,
Khi nào vụ án đà thông hiểu,
Hãy định các hình phạt thích nghi.

29. Không giận mình và chẳng giận ai,
Biết phân biệt rõ đúng và sai,
Dù vua ngự trị trên quần chúng,
Đức hạnh khiến vua vĩ đại hoài.

30. Vua chúa buông lung các việc công,
Thực hành roi trượng chẳng bao dung,
Ô danh dưới thế phần vua hưởng,
Địa ngục đợi chờ lúc mạng chung.

31. Người nào yêu đạo đức hiền nhân,
Trong sạch vẹn toàn khẩu, ý, thân,

Đầy đủ từ tâm, an tịnh, quý,
Vượt qua hai thế giới phàm trần.

32. Trẫm là vua chúa của thần dân,
Sân hận không ngăn cản ý tâm,
Khi trẫm cầm gươm đi trị tội,
Từ tâm thúc đẩy phạt công bằng.

Như vậy, vua đã nêu rõ mọi đức tính của mình qua sáu vần kệ, tất cả triều thần đều hoan hỷ và tán thán các công hạnh của vua qua lời tung hô:

– Các pháp thực hành đức hạnh ưu thắng như vậy thật xứng với Đại vương!

Sau khi cả triều đình tán thán xong, Sumaṅgala cung kính đảnh lễ vua và sau đó ngâm ba vần kệ ca ngợi ngài:

33. Uy lực vinh quang của Đại vương,
Đừng bao giờ bỏ đạo luân thường,
Thoát ly sân hận và kinh hãi,
Trị nước trăm năm mãi lạc an.

34. Vương tử có đầy đức tính trên,
Nhân từ song đạo hạnh trung kiên,
Trị toàn dân với lòng công chánh,
Khi bỏ cõi đời, đến cõi thiên.

35. Lời nói thật chân với thiện hành,
Dùng phương tiện tốt đạt công thành,
Trấn an quần chúng còn dao động,
Như đám mây mưa thật mát lành.

***

Sau bài pháp thoại liên hệ việc giáo hóa vua xứ Kosala, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn Vô dư y, Sumaṅgala là Ānanda và vua chính là Ta.

§421. CHUYỆN NGƯỜI HỚT TÓC GAṄGAMĀLA

(*Gaṅgamālajātaka*)[5] (*J.* III. 444)

Địa cầu nóng rực như than...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc thực hành các ngày trai giới.

Một hôm, bậc Đạo sư dạy các cư sĩ đang giữ ngày trai giới và bảo:

---

[5] Xem *CNid.* 6, *Ajitamāṇavapucchā* (*Câu hỏi của thanh niên Ajita*); *Mnid.* 1, *Kāmasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh về dục*); *Mnid.* 22, *Guhaṭṭhakasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh nhóm tám về hang*).

– Này các cư sĩ, giới hạnh của các ông thật tốt lành, khi giữ ngày trai giới, các ông phải bố thí, trì giới, không sân hận, khởi tâm từ và thực hành mọi phận sự trong ngày ấy. Các bậc trí nhân ngày xưa đạt đại vinh hiển dầu chỉ nhờ giữ được một phần các ngày trai giới.

Và theo lời thỉnh cầu của họ, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một phú thương trong kinh thành tên là Suciparivāra, gia sản lên tới tám trăm triệu đồng, chuyên tâm bố thí và làm các thiện sự khác. Vợ con và toàn thể gia nhân của ông cho đến người chăn trâu bò đều giữ sáu ngày trai giới mỗi tháng.

Thời ấy, Bồ-tát được sinh vào một nhà nghèo, kiếm kế sinh nhai chật vật bằng cách làm thuê. Vì mong có việc làm, ngài đến nhà phú thương Suciparivāra, khi chào chủ xong, ngồi xuống một bên và khi được hỏi đến đây có việc gì, ngài đáp:

– Tôi đến để xin việc làm công trong nhà ông.

Thời ấy, khi những người làm công đến, vị phú thương thường bảo họ:

– Trong nhà này mọi công nhân đều giữ ngày trai giới, nếu chú có thể giữ giới thì chú mới có thể làm việc cho ta!

Song đối với Bồ-tát, vị ấy không tỏ vẻ muốn nói đến chuyện giữ giới mà chỉ bảo:

– Tốt lắm, này thiện nam, chú có thể làm việc cho ta và trù liệu tiền lương của chú!

Từ đó, Bồ-tát làm mọi công việc của phú thương một cách nhẫn nại nhiệt tình, không hề nghĩ đến nỗi mệt nhọc riêng mình, ngài đi làm từ sáng sớm đến chiều tối mới trở về.

Một hôm, dân chúng làm lễ hội ở kinh thành, vị phú thương bảo người tỳ nữ:

– Hôm nay là ngày hội, cô phải nấu cơm cho công nhân thật sớm. Họ sẽ ăn sớm và giữ giới kiêng ăn từ đó đến hết ngày.

Bồ-tát dậy sớm và đi làm việc. Trước đó, không ai bảo ngài phải giữ giới kiêng ăn hôm ấy. Các công nhân kia ăn từ sớm và kiêng ăn. Vị phú thương cùng vợ con, gia nhân đều giữ giới kiêng ăn, mọi người đều trở về nhà riêng ngồi suy tư về các giới điều. Bồ-tát làm việc suốt ngày xong trở về nhà lúc trời tối. Người nữ tỳ đầu bếp đưa cho ngài nước rửa tay và một đĩa cơm lấy từ trong nồi. Bồ-tát bảo:

– Vào giờ này, ngày thường rất ồn ào, thế mọi người đi đâu cả hôm nay?

– Họ đang giữ giới kiêng ăn và mỗi người đều về nhà riêng rồi.

Ngài suy nghĩ: "Ta không muốn làm người duy nhất phạm giới giữa nhiều người giữ giới như vậy." Vì thế, ngài đi hỏi vị phú thương xem có thể giữ giới kiêng ăn bằng cách thi hành mọi phận sự vào giờ đó không. Ông bảo ngài

không thể thực hành mọi phận sự, bởi vì việc đó đã không được làm từ sáng sớm nhưng một nửa phận sự thì có thể làm được. Ngài đáp:

– Mong được như vậy.

Và thực hành phận sự ngay trước mặt chủ nhân, ngài bắt đầu giữ giới kiêng ăn, rồi về nhà nằm suy nghĩ về các giới điều. Vì ngài không ăn gì suốt ngày nên vào canh cuối ngài cảm thấy đau nhói như dao đâm. Vị phú thương mang cho ngài một số thuốc giảm đói và bảo ngài dùng chúng nhưng ngài bảo:

– Tôi sẽ quyết không phá giới kiêng ăn. Tôi đã nguyện trì giới dù phải thiệt mạng!

Cơn đau đớn trở nên mãnh liệt và đến tảng sáng ngài bất tỉnh. Họ bảo ngài sắp chết nên đem ngài ra ngoài, đặt vào một nơi an nghỉ. Ngay lúc lấy, vua xứ Ba-la-nại trên chiếc vương xa cùng đoàn hộ tống đông đảo đến nơi ấy trong lúc diễu quanh kinh thành. Bồ-tát thấy vẻ huy hoàng của vua, sinh lòng ao ước làm vua và cầu nguyện điều ấy. Khi mạng chung, do kết quả việc giữ nửa ngày trai giới trên, ngài được nhập vào mẫu thai vị chánh hậu.

Bà trải qua đủ mọi nghi lễ của thời kỳ thụ thai rồi sinh một hoàng nam sau mười tháng. Hài nhi được đặt tên là Udaya. Khi lớn lên, vương tử trở nên hoàn hảo trong mọi ngành học thuật; nhờ trí hồi tưởng các đời trước, ngài nhớ lại các công hạnh thuở xưa và nghĩ rằng chính nhờ một thiện nghiệp nhỏ tạo nên một phước báo lớn, ngài thường hát khúc ca hoan lạc nhiều lần. Khi vua cha băng hà, ngài được trao cả vương quốc và nhận thấy cảnh đại vinh quang của mình, ngài lại hát khúc ca hoan lạc cũ.

Một hôm, dân chúng chuẩn bị lễ hội trong kinh thành. Một đám đông tụ tập nhau, định bày trò vui chơi giải trí. Một người gánh nước sống gần cổng Bắc thành Ba-la-nại đã giấu nửa đồng xu trong viên gạch ở bức tường bao quanh thành, rồi đến cổng Nam kiếm sống. Tại đây, y sống chung với một người đàn bà nghèo khổ cũng làm nghề gánh nước. Vợ y bảo:

– Chàng ơi, hôm nay có lễ hội trong thành phố, nếu chàng có tiền, ta hãy đi vui chơi nhé!

– Nàng ơi, ta có tiền đấy.

– Bao nhiêu?

– Nửa xu.

– Ở đâu?

– Trong viên gạch bên cổng Bắc cách đây mười hai do-tuần, ta chôn tiền tại đó. Song nàng có gì trong tay chăng?

– Thiếp có đấy.

– Bao nhiêu?

– Nửa xu.

– Vậy nửa xu của nàng và của ta hợp thành một xu. Ta sẽ đi mua một tràng hoa với một phần ba số tiền ấy, hương liệu với một phần ba và rượu nồng với một phần ba. Nàng hãy đi tìm nửa xu ở nơi cất tiền đem đến đây.

Y thích thú với ý tưởng do lời vợ gợi lên, liền bảo:

– Nàng ơi, đừng lo gì, ta sẽ đi tìm nửa xu về đây.

Rồi y ra đi. Y mạnh như voi, vừa đi khoảng hơn sáu do-tuần và mặc dù trời giữa trưa, y vẫn rảo bước trên cát nóng như thể được rải than vừa tắt lửa vì y rất thích thú với nỗi ham muốn được bạc. Trong bộ y phục cũ màu vàng điểm thêm lá thốt nốt giắt bên tai, y vừa đi ngang sân chầu để theo đuổi mục đích của mình vừa ca hát. Vua Udaya đứng bên cửa sổ mở, thấy y đi đến, không biết y là ai mà lại coi thường nắng gió như vậy và còn vừa đi vừa hát, liền bảo nô tỳ đi gọi y vào. Y được lệnh:

– Hoàng thượng truyền gọi ngươi vào!

Nhưng y đáp:

– Hoàng thượng có nghĩa gì với ta chứ? Ta không biết hoàng thượng!

Y liền bị lôi vào và đứng chầu một bên. Sau đó, vua ngâm hai vần kệ hỏi y:

36. Địa cầu nóng rực như than,
Đất đai như đống tro than nóng bừng.
Song ngươi ca hát vang lừng,
Khí trời gay gắt chẳng nung ngươi nào.

37. Mặt trời kia ở trên cao,
Dưới này cát nóng khác nào lò than.
Song ngươi ca hát lừng vang,
Khí trời nắng gắt chẳng làm cháy ngươi.

Nghe lời vua, y liền ngâm vần kệ thứ ba:

38. Chính vì tham dục đốt tôi,
Chứ không phải ánh mặt trời nấu nung.
Chính vì phận sự trong lòng,
Thúc tôi vội vã làm xong mọi phần.

Vua hỏi y có việc gì. Y đáp:

– Tâu Đại vương, hạ thần sống gần cổng Nam với một người vợ nghèo. Vợ thần tỏ ý muốn chúng thần cùng vui chơi lễ hội nên hỏi thử thần có gì trong tay không. Thần bảo thần có tiền của chôn giấu trong bức tường cạnh cổng Bắc. Vợ thần bảo thần đi lấy tiền về để vui chơi. Những lời nói của vợ thần không rời tâm hồn thần và trong khi thần suy nghĩ mãi về chúng, tham dục cứ đốt cháy lòng thần. Công việc của thần là thế đấy.

– Vậy điều gì khiến ngươi thích thú nhiều đến độ ngươi xem thường nắng gió và vừa đi vừa hát?

– Tâu Đại vương, thần hát vì nghĩ rằng khi tìm được của chôn giấu, thần sẽ vui chơi thích thú với vợ.

– Này thiện nam, thế tiền của ngươi chôn giấu bên cổng Bắc được một trăm ngàn đồng tiền chăng?

– Tâu Đại vương, không phải.

Sau đó, vua hỏi liên tiếp có phải năm mươi ngàn, bốn mươi, ba mươi, hai mươi, mười, năm, bốn, ba, hai, một đồng tiền, nửa đồng tiền, bốn xu, ba xu, hai xu, một xu. Chàng trai đều đáp "không", trước các câu hỏi trên và nói:

– Chỉ nửa xu. Quả thực, tâu Đại vương, đó là tất cả gia sản của thần nhưng thần đang hy vọng tìm ra nó rồi đi vui chơi với vợ và trong niềm ước vọng thích thú kia, nắng gió không làm thần khó chịu.

Vua bảo:

– Này thiện nam, thôi đừng đi đến đó dưới nắng gắt này nữa. Ta sẽ cho ngươi nửa xu.

– Tâu Đại vương, thần sẽ nhận lời hứa của Đại vương và lấy tiền nhưng thần sẽ không bỏ nửa xu kia đâu. Thần không bỏ việc đi đến đó đem nó về đâu.

– Này thiện nam, hãy ở lại đây. Trẫm sẽ cho ngươi một xu, hai xu...

Rồi cứ đề nghị thêm nữa, vua tiếp tục nói mười triệu, một ngàn triệu, vô số vàng bạc, nếu chàng trai chịu ở lại nhưng chàng vẫn đáp:

– Tâu Đại vương, thần sẽ nhận tiền của nhưng thần vẫn đi kiếm nửa xu kia!

Sau đó, y được chiêu dụ bằng những lời vua hứa ban chức thủ kho và nhiều chức vụ khác nữa, kể cả chức vị phó vương. Cuối cùng, y được đề nghị chia nửa vương quốc nếu y chịu ở lại. Khi ấy, y mới chấp thuận. Vua bảo các đại thần:

– Này các khanh, hãy đưa hiền hữu của trẫm đi cạo râu, tắm rửa và trang điểm rồi đem người trở lại đây!

Họ tuân lệnh. Vua chia đôi giang sơn và tặng chàng trai một nửa. Song chuyện kể rằng y chọn phần nửa ở phía Bắc do lòng yêu thích nửa đồng xu cũ. Y được gọi là "Vua Nửa Xu". Hai vị vua đồng cai trị đất nước trong tình thân hữu hòa hợp.

Một hôm, hai vị cùng đi đến ngự viên. Sau khi vui chơi, Vua Udaya nằm xuống kê đầu vào lòng Vua Nửa Xu. Ngài ngủ thiếp, trong lúc đám hầu cận đi quanh quẩn vui chơi. Vua Nửa Xu suy nghĩ: "Tại sao ta chỉ được nửa vương quốc mãi thôi? Ta muốn giết vua này và làm vị vua độc nhất."

Vì thế, Vua Nửa Xu rút kiếm ra nhưng khi nghĩ đến việc đâm vua này, Vua Nửa Xu nhớ lại ngài đã đưa bạn mình từ chỗ nghèo hèn thành người đồng trị nước với ngài và ban cho bạn đại quyền lực. Nhận thức tư tưởng vừa khởi lên trong trí dự định giết một ân nhân như thế là vô cùng độc ác, Vua Nửa Xu liền tra kiếm vào bao. Lần thứ hai, rồi lần thứ ba, ý tưởng lại khởi lên. Cảm thấy

tư tưởng này khởi lên mãi sẽ đưa mình đến ác nghiệp, Vua Nửa Xu vứt kiếm xuống đất và đánh thức vua kia dậy, vừa nói vừa quỳ xuống chân ngài:

– Tâu Đại vương, xin hãy tha tội cho tôi!

– Này hiền hữu, bạn có làm gì sai trái với ta đâu.

– Tâu Đại vương, tôi đã làm một việc như vậy.

– Này hiền hữu, thế thì ta tha thứ cho bạn. Nếu như bạn muốn thì cứ làm vua một mình và ta sẽ làm phó vương phụng sự bạn.

Vua Nửa Xu đáp:

– Tâu Đại vương, tôi không cần vương quốc, tham vọng ấy sẽ khiến tôi tái sanh vào cõi dữ. Quốc độ này của Đại vương, xin nhận lấy nó, tôi muốn trở thành người khổ hạnh. Tôi đã thấy gốc rễ của dục tham, nó phát xuất từ ước vọng của con người. Vậy từ nay tôi không còn ước vọng như thế nữa.

Rồi ông ngâm vần kệ thứ tư trong niềm hoan lạc:

39. Nhận ra tham dục nguồn căn,
Ở trong ước vọng tiềm tàng khắp nơi.
Ta không muốn nữa vì ngươi,
Vậy ngươi, tham dục phải rời xa đi!

Nói vậy xong, ông ngâm vần kệ thứ năm thuyết pháp cho quần chúng đang đắm say tham dục:

40. Dục tham ít ỏi chẳng vừa,
Dục tham nhiều chỉ mang ta khổ buồn.
Này, luôn thiểu dục, ngu nhân,
Nếu ngươi muốn đắc trí thông, bạn hiền!

Thuyết pháp như vậy với quần chúng xong, ông giao quốc độ cho Vua Udaya. Rời bỏ quần chúng đang khóc than với nước mắt đầm đìa, ông đến vùng Tuyết sơn, trở thành ẩn sĩ khổ hạnh và đạt thắng trí. Trong thời gian vị ấy làm nhà khổ hạnh, Vua Udaya ngâm vần kệ thứ sáu bày tỏ nỗi hoan lạc trọn vẹn:

41. Thiểu dục đem ta mọi quả thành,
Udaya đạt đại quang vinh,
Người tinh cần được nhiều an lạc,
Làm ẩn sĩ, buông bỏ dục tình.

Không ai biết ý nghĩa vần kệ này. Một hôm, chánh hậu hỏi ngài ý nghĩa trên. Vua không muốn nói. Thời ấy, có người thợ hớt tóc trong triều tên là Gaṅgamāla, mỗi khi tỉa râu cho vua thường dùng dao cạo trước, rồi sau đó nhổ râu bằng cái nhíp.[6] Vua thích việc trước nhưng việc thứ hai làm vua đau. Về việc đầu, vua muốn thưởng cho y một đặc ân; còn việc thứ hai, vua chỉ muốn chém đầu y thôi.

---

[6] Xem *Cv.* V. 133.

Một hôm, vua nói chuyện với hoàng hậu, ngài bảo rằng người thợ hớt tóc trong triều là một tên ngu xuẩn. Khi hoàng hậu hỏi y phải làm gì trước, ngài bảo:

– Hãy dùng nhíp trước, rồi dùng dao cạo sau.

Hoàng hậu truyền gọi thợ hớt tóc vào và bảo:

– Này thiện nam, khi ngươi tỉa râu cho đức vua, ngươi nên dùng cái nhíp nhổ râu ngài trước, rồi dùng dao cạo sau. Nếu đức vua ban cho ngươi một điều ước, ngươi phải tâu rằng ngươi không cần gì cả, mà ngươi chỉ muốn biết ý nghĩa khúc ca của ngài thôi. Nếu ngươi làm vậy, ta sẽ cho ngươi nhiều tiền. Y đồng ý ngay. Hôm sau, khi y tỉa râu vua, y cầm cái nhíp trước. Vua hỏi:

– Gaṅgamāla, đây là kiểu mới của ngươi ư?

Y đáp:

– Tâu Đại vương, phải, thợ hớt tóc thường có kiểu mới.

Rồi y nhổ râu vua với cái nhíp trước và dùng dao cạo sau. Vua liền ban cho y một điều ước.

– Tâu Đại vương, thần không muốn gì cả. Xin Đại vương cho thần biết ý nghĩa khúc ca ấy.

Vua hổ thẹn khi phải nói đến nghề nghiệp của mình trong thuở hàn vi đời trước, liền bảo:

– Này thiện nam, điều ước kia có ích lợi gì cho ngươi đâu? Hãy chọn điều khác!

Nhưng người thợ hớt tóc cứ van xin điều ấy. Vua sợ thất hứa nên đồng ý. Như đã tả trong *Chuyện phần cháo sữa chua*,[7] vua truyền chuẩn bị mọi sự rất trọng thể rồi ngồi trên bảo tòa bằng ngọc, kể tất cả chuyện công đức trong đời vừa qua tại kinh thành này. Rồi ngài bảo:

– Điều ấy giải thích nửa vần kệ, còn nửa vần kia kể chuyện hiền hữu của ta trở thành nhà khổ hạnh trong lúc ta làm vị vua độc nhất trong niềm tự hào, điều ấy giải thích phần thứ hai của ca khúc hoan lạc ấy.

Nghe vậy, người thợ hớt tóc suy nghĩ: "Như vậy, đức vua được hưởng cả vinh quang này vì đã giữ nửa ngày trai giới. Đức hạnh quả thật là chánh đạo. Giả sử ta cũng trở thành nhà khổ hạnh và tìm đường giải thoát cho ta được chăng?"

Người thợ hớt tóc liền từ giã thân thuộc và tài vật thế gian, rồi xin phép vua trở thành nhà tu hành, đi về vùng Tuyết sơn làm vị khổ hạnh. Khi nhận thức được ba đặc tính của các pháp hữu hình (vô thường, khổ, vô ngã), vị ấy đạt thắng trí và trở thành vị Độc Giác Phật. Vị ấy có đủ các y bát nhờ thần lực.

Sau độ năm sáu năm ở trên Gandhamādana (Hương sơn), vị ấy muốn về thăm vua xứ Ba-la-nại, liền bay qua không trung đến ngự viên, rồi ngồi trên vương tòa. Người giữ vườn trình nhà vua rằng, Gaṅgamāla nay là vị Độc Giác

[7] Xem *J.* III. 406, *Kummāsapiṇḍajātaka* (*Chuyện phần cháo sữa chua*), số §415.

Phật đã phi hành trên không và đang ngồi trong ngự viên. Vua lập tức đến kính chào vị Độc Giác Phật và hoàng thái hậu cũng ra đi với con. Vua vào ngự viên, kính chào vị ấy và ngồi xuống một bên cùng đoàn tùy tùng. Vị Độc Giác Phật thân mật đàm đạo với vua và gọi ngài bằng tộc tánh:

– Này Brahmadatta, hiền hữu có chuyên tâm tinh cần, cai trị nước nhà đúng pháp, thực hành bố thí cùng các thiện sự khác chăng?

Thái hậu liền nổi giận:

– Đứa con người thợ hớt tóc hạ tiện này không biết phận mình. Nó dám gọi hoàng nhi quý tộc của ta là "Brahmadatta."

Rồi bà ngâm vần kệ thứ bảy:

42. Khổ hạnh xả ly hết lỗi lầm,
Thợ ghè, hớt tóc, mọi phàm nhân,
Gaṅgamāla nhờ đó thành vinh hiển,
Liền gọi "Brahmadatta", đấng quốc vương!

Vua vội ngăn cản thái hậu và tuyên bố mọi đặc tính của vị Độc Giác Phật, ngài ngâm vần kệ thứ tám:

43. Nhìn xem, vào lúc phải vong thân,
Khổ hạnh cho ta hưởng phước phần,
Người lễ bái ta trong kiếp trước,
Giờ đây vua chúa phải chào mừng.

Mặc dù vua đã ngăn cản thái hậu nhưng tất cả quần thần đều đứng lên bảo:

– Một người hạ tiện thế này dám xưng hô với Hoàng thượng bằng tên tộc như vậy là không đúng phép tắc.

Vua lại quở trách quần thần và ngâm vần kệ cuối tuyên bố các đức tính của vị Độc Giác Phật:

44. Chớ trách Gaṅgamāla nói thế này,
Bước đường đạo hạnh thiện toàn thay!
Ngài đã vượt đại dương phiền não,
Giải thoát khổ sầu chính tại đây.

Nói vậy xong, vua vái chào vị Độc Giác Phật và xin Ngài tha lỗi cho thái hậu. Vị Độc Giác Phật đồng ý và chúng quần thần của vua cũng được tha thứ luôn. Vua ước mong Ngài hứa về sau sẽ ở lại trong vùng lân cận nhưng Ngài từ chối; rồi đứng trên không trước mắt chúng triều thần, Ngài khuyến giáo vua xong trở về Hương sơn.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Này các cư sĩ, các vị ấy giữ trai giới là việc cần phải làm.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn Vô dư y, Vua Nửa Xu là Ānanda, thái hậu là mẫu thân Rāhula và Vua Udaya chính là Ta.

§422. CHUYỆN QUỐC VƯƠNG CETI (*Cetiyajātaka*) (*J.* III. 454)

Công lý tổn thương gây hiểm họa...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bị quả đất nuốt sống.

Một ngày kia, Tăng chúng bàn luận trong pháp đường về cách Devadatta nói dối như thế nào rồi bị chìm sâu vào lòng đất và đọa vào ngục Avīci (Vô Gián). Bậc Đạo sư bước vào và khi nghe đề tài thảo luận ấy, Ngài bảo:

– Đây không phải lần đầu kẻ ấy chìm sâu vào lòng đất.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi trong thời tối sơ khai, có vị vua mệnh danh là Mahāsammata với thọ mạng kéo dài một a-tăng-kỳ (*asaṅkheyya*) kiếp. Vị vương tử tên là Roja, vị này lại sinh con trai là Vararoja và kế tiếp đó là Kalyāṇa, Varakalyāṇa, Uposatha, Mandhātā, Varamandhātā, Cara, Upacara (còn được gọi là Apacara).

Vua này trị vì quốc độ Ceti, ở kinh đô Sotthivatī, có đầy đủ tứ thần thông: Vua có thể đi trên trời hoặc bay qua không gian, có bốn thiên thần ở bốn phương bảo vệ vua với kiếm tuốt trần, thân hình vua tỏa mùi hương chiên-đàn và miệng vua tỏa mùi hương sen.

Thời ấy, vị tế sư hoàng gia tên là Kapila. Em trai của vị Bà-la-môn này là Korakalamba, được học chung thầy với vua và là bạn cùng chơi với vua. Thời Apacara còn là vương tử, đã hứa sẽ phong Korakalamba làm tế sư hoàng gia khi nào mình lên ngôi.

Khi vua cha băng hà, vương tử lên ngôi song không thể đưa Kapila ra khỏi chức vụ tế sư hoàng gia được và khi tế sư Kapila đến chầu vua, vua vẫn bày tỏ nhiều đặc ân đối với vị ấy. Vị Bà-la-môn ấy quan sát điều này và nhận xét rằng một vị vua thường trị nước hoàn hảo nhất cùng với các quần thần đồng tuổi tác, còn ông có thể xin cáo quan về làm ẩn sĩ, nên đã trình:

– Tâu Đại vương, nay lão thần đã già cả, lão thần có một con trai ở nhà, xin Đại vương phong cho nó làm tế sư hoàng gia và lão thần sẽ trở thành ẩn sĩ.

Ông được vua chấp thuận phong con trai mình làm tế sư hoàng gia. Sau đó, ông đến ngự viên sống đời ẩn sĩ, đạt được các thắng trí và ở gần con trai. Còn Korakalamba cảm thấy căm hận anh mình, vì ông đã không trao cho mình chức vị tế sư khi trở thành ẩn sĩ. Một hôm, vua nói chuyện thân mật với Korakalamba:

– Này Korakalamba, hiền hữu không làm tế sư hoàng gia ư?

– Tâu Đại vương, không, huynh trưởng của thần xếp đặt việc ấy.

– Thế lệnh huynh chẳng trở thành ẩn sĩ rồi sao?

– Tâu vâng, song gia huynh đã để chức vụ ấy cho con mình.

– Thế thì hiền hữu hãy lo sắp xếp việc ấy.

– Tâu Đại vương, thần không thể đặt gia huynh qua một bên rồi nhận lấy chức vụ do cha truyền con nối ấy.

– Nếu vậy, ta sẽ làm hiền hữu thành vị trưởng tế sư và vị kia làm phụ tá cho hiền hữu.

– Tâu Đại vương, bằng cách nào?

– Bằng cách nói dối.

– Tâu Đại vương, thế Đại vương không biết gia huynh là pháp thuật sư cao cường có đại thần lực ư? Gia huynh sẽ dùng huyễn thuật đánh lừa Đại vương, làm cho bốn vị thiên thần biến mất, rồi làm cho một mùi hôi thối xông ra từ thân thể và miệng Đại vương, lại làm cho Đại vương rơi từ trên trời xuống đất và Đại vương sẽ bị quả đất nuốt sống; vì thế Đại vương không thể hành động theo lời nói dối kia được đâu.

– Đừng lo gì, ta sẽ sắp xếp việc này.

– Tâu Đại vương, khi nào Đại vương thực hiện điều này?

– Vào ngày thứ bảy kể từ đây.

Chuyện này lan truyền khắp kinh thành:

– Hoàng thượng sắp nói dối để làm vị trưởng thành phó và sẽ giao chức vụ cho vị phó. Lời nói dối là vật gì nhỉ, nó màu xanh, vàng hay màu khác nữa?

Quần chúng suy nghĩ rất nhiều về việc này. Tương truyền đó là thời mọi người thế gian đều nói thật, người ta không biết từ "nói dối" nghĩa là gì cả.

Con trai vị tế sư nghe chuyện này liền nói với cha:

– Thưa cha, dân chúng bảo đức vua sắp nói dối để làm cha thành con thứ, rồi giao chức vụ của cha cho chú con.

– Này con, đức vua sẽ không thể nói dối để tước đoạt địa vị này của ta đâu. Đức vua sắp thực hiện điều này vào ngày nào?

– Họ bảo vào ngày thứ bảy kể từ đây.

– Hãy báo cho cha biết khi đến thời điểm ấy!

Vào ngày thứ bảy, một đám đông tụ tập trong sân chầu, ngồi theo hàng hàng lớp lớp, hy vọng thấy lời nói dối. Vị tế sư trẻ đi báo tin cho cha. Vua chuẩn bị lễ phục đầy đủ xong, xuất hiện trên không ở sân chầu giữa đám đông.

Vị ẩn sĩ bay qua không gian, trải tọa cụ bằng da trước mặt vua, ngồi trên đó giữa không gian và hỏi:

– Tâu Đại vương, có thật là Đại vương muốn nói dối làm người em thứ thành anh trưởng và giao chức vụ cho người ấy?

– Thưa Tôn sư, trẫm đã làm như vậy.

Sau đó, vị ẩn sĩ khuyến giáo vua:

– Tâu Đại vương, lời nói dối là một cách phá hoại tàn khốc các đức tính tốt đẹp, nó tạo sự tái sanh vào bốn ác đạo; một vị vua nói dối sẽ tiêu diệt công lý và vì phá hủy công lý, chính vua ấy cũng bị tiêu diệt.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

45. Công lý tổn thương gây hiểm họa,
Sẽ đền bù với giá tai ương,
Vậy đừng làm tổn thương công lý,
Sợ hiểm nguy ào đến Đại vương.

Ngài lại khuyến giáo vua nhiều hơn nữa:

– Tâu Đại vương, nếu Đại vương nói dối, bốn pháp thần thông sẽ biến mất.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ hai:

46. Thần lực xa lìa kẻ vọng ngôn,
Miệng mồm hôi thối đáng kinh hồn,
Bước chân không vững trong trời đất,
Bất cứ kẻ nào đáp dối gian.

Nghe vậy, vua lo sợ nhìn Korakalamba. Vị ấy bảo:

– Tâu Đại vương đừng sợ, thần đã chẳng tâu Đại vương như vậy từ đầu sao?

Và tiếp theo những lời lẽ tương tự như vậy. Mặc dù đã nghe Kapila nói như vậy, vua vẫn tuyên bố câu xác định:

– Thưa Tôn sư, ngài là em thứ còn Korakalamba là anh trưởng.

Ngay lúc vua vừa thốt ra lời nói dối này, bốn thiên thần bảo rằng các vị không muốn hộ trì một người dối trá như vậy nữa, liền ném kiếm dưới chân vua và biến mất. Miệng vua bốc mùi thối như trứng hư vỡ tung tóe và thân thể vua như ống cống mở nắp. Rồi từ trên không rớt xuống, vua đứng trên đất, như thế cả bốn thần lực đều biến mất. Vị tế sư bảo:

– Tâu Đại vương, đừng sợ, nếu Đại vương nói thật, thần sẽ phục hồi mọi sự cho Đại vương!

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ ba:

47. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối giam ngài mãi,
Tại đất Ceti đến tận cùng.

Ngài lại nói:

– Tâu Đại vương, hãy xem, bốn thần lực của Đại vương biến mất vì nói dối lần đầu, xin Đại vương suy xét lại, vì bây giờ vẫn còn có thể phục hồi chúng!

Nhưng vua đáp:

– Đại sư muốn đánh lừa trẫm về việc này.

Vừa nói dối lần thứ hai như vậy, vua liền bị lún ngay xuống đất đến mắt cá chân. Vị Bà-la-môn một lần nữa lại nói:

– Xin Đại vương hãy suy nghĩ kỹ!

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tư:

48. Hạn hán vào thời phải đổ mưa,
Và mưa trút xuống lúc mùa khô,
Khi người nào cố tình gian dối,
Đối đáp vọng ngôn để hại ta.

Rồi ngài lại nói thêm một lần nữa:

– Do Đại vương nói dối, Đại vương bị lún vào mặt đất đến tận mắt cá chân, vậy xin Đại vương suy xét kỹ!

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ năm:

49. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống,
Tại đất Ceti mãi tới cùng.

Nhưng lần thứ ba vua nói:

– Tôn giả là em thứ và Korakalamba là anh trưởng.

Vừa nói lời dối trá này, vua lại bị lún dần vào mặt đất đến tận đầu gối. Một lần nữa, vị Bà-la-môn nói:

– Xin Đại vương suy xét lại!

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

50. Người lưỡng thiệt này, hỡi Đại vương,
Cũng như con rắn lắm mưu gian,
Người nào vẫn cố tình lừa dối,
Đối đáp những lời chẳng thật chân.

51. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống,
Tại đất Ceti mãi chẳng ngừng.

Rồi ngài còn nói thêm:

– Ngay bây giờ mọi sự vẫn có thể được phục hồi.

Vua chẳng quan tâm đến lời ngài, vẫn lặp lại lời nói dối lần thứ tư:

– Thưa Tôn giả, ngài là em thứ và Korakalamba là anh trưởng.

Vừa thốt lời này, vua bị chìm ngập đến tận hông. Vị Bà-la-môn lại bảo:

– Xin Đại vương hãy suy nghĩ kỹ!

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

52. Kẻ ấy như con cá, Đại vương,
Sẽ không có lưỡi ở trong mồm,
Người nào vẫn cố tình gian dối,
Đối đáp những lời lẽ vọng ngôn.

53. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống,
Tại đất Ceti mãi chẳng ngừng.

Lần thứ năm vua lặp lại lời nói dối và ngay đó bị chìm sâu xuống tận rốn. Vị Bà-la-môn một lần nữa kêu gọi vua xét kỹ và ngâm hai vần kệ:

54. Kẻ ấy chỉ sinh được gái thôi,
Sẽ không sinh được một con trai,
Kẻ nào vẫn cố tình gian dối,
Đối đáp vọng ngôn ở giữa đời.

55. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống,
Tại đất Ceti mãi chẳng ngừng.

Vua cũng không quan tâm, cứ lặp lại lời nói dối lần thứ sáu và chìm xuống tận ngực. Vị Bà-la-môn kêu gọi khẩn thiết một lần nữa và ngâm hai vần kệ:

56. Bầy con không ở với người kia,
Ở khắp mọi nơi, chúng chạy xa,
Người vẫn cố tình ưa nói dối,
Đáp lời hỏi với dạ gian tà.

57. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống,
Tại đất Ceti mãi chẳng ngừng.

Do thân cận ác bằng hữu, vua xem thường các lời trên và nói dối lần thứ bảy. Sau đó, mặt đất há miệng ra và lửa địa ngục Avīci bùng lên kéo vua xuống.

58. Chuyện kể bị truyền bởi trí nhân,
Vị vua từng bước giữa không trung,
Chìm thân, bị nuốt vào lòng đất,
Ngay đúng ngày quy định số phần.

59. Vậy trí nhân không thể tán đồng,
Dục tham xuất hiện ở trong lòng,
Người nào ly dục, tâm thanh tịnh,
Lời nói sẽ luôn giữ vững vàng.

Đây là hai vần kệ phát xuất từ trí tuệ tối thắng của đức Phật.

Quần chúng kinh hãi bảo nhau:

– Quốc vương Ceti phỉ báng bậc hiền nhân và nói dối nên đã bị đọa vào ngục Avīci.

Năm vị vương tử của vua đến gặp vị Bà-la-môn và nói:

– Xin Tôn sư giúp chúng đệ tử!

Vị Bà-la-môn đáp:

– Phụ vương của các vị đã hủy diệt chân lý, nói dối và phỉ báng hiền nhân. Do vậy, ngài đã vào hỏa ngục Avīci. Nếu công lý bị hủy diệt, nó sẽ hủy diệt lại ta. Các vị không được cư trú tại đây nữa.

Ngài lại bảo vị thái tử:

– Này Điện hạ thân yêu, hãy rời kinh thành bằng cổng Đông và tiếp tục đi thẳng chàng sẽ thấy một vương tượng toàn trắng nằm phủ phục, thân chạm vào mặt đất ở bảy chỗ: Hai ngà, vòi và bốn chân. Đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Tên kinh đô ấy sẽ là Hatthipura (Tượng thành).

Ngài bảo vương tử thứ hai:

– Điện hạ rời đây bằng cổng Nam và đi thẳng đến khi thấy một vương mã thuần bạch. Đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Kinh đô ấy sẽ được gọi là Assapura (Mã thành).

Ngài bảo vương tử thứ ba:

– Điện hạ rời đây bằng cổng Tây và đi thẳng tới khi thấy một sư tử có bờm. Đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Kinh đô ấy sẽ được gọi là Sīhapura (Sư Tử thành).

Ngài bảo vị vương tử thứ tư:

– Điện hạ rời đây bằng cổng Bắc và đi thẳng cho đến khi thấy một bánh xe làm toàn bằng ngọc. Đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Kinh đô ấy sẽ được gọi là Uttarapañcāla (Thượng Luân thành).

Ngài bảo vị vương tử thứ năm:

– Điện hạ không thể ở đây. Vậy hãy xây một đền thờ lớn trong kinh thành này, rồi đi về phía Tây Bắc và đi thẳng cho đến khi thấy hai ngọn núi đập vào nhau gây tiếng động "daddara". Đó sẽ là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú nơi ấy. Thành ấy sẽ được gọi là Daddarapura (thành Daddara).

Cả năm vương tử đều ra đi, theo các dấu hiệu kia dựng kinh đô và an trú ở đó.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu Devadatta nói dối và bị chìm vào lòng đất.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Vua Ceti là Devadatta và Bà-la-môn Kapila là Ta.

§423. CHUYỆN CÁC CĂN (*Indriyajātaka*) (*J.* III. 461)

Người nào tuân lệnh dục tham...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự quyến rũ của người vợ cũ đối với một Tỷ-kheo.

Chuyện kể rằng một thiện gia nam tử ở Sāvatthi (Xá-vệ) nghe giáo pháp của bậc Đạo sư và nghĩ rằng thật khó cho một người tại gia có thể sống đời Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ và thanh tịnh, nên ông quyết định xuất gia tu hành theo giáo lý cứu độ để diệt tận khổ ưu. Vì thế, ông để lại tài sản, nhà cửa cho vợ con và thỉnh cầu bậc Đạo sư truyền giới xuất gia cho mình. Bậc Đạo sư chấp thuận.

Vì ông chỉ là Sa-di trẻ tuổi, lúc khất thực cùng các vị Giáo thọ sư, Sư trưởng và Tăng chúng lại đông nên ông không có được ghế ngồi trong nhà cư sĩ hoặc trong trai đường mà chỉ có một ghế thấp nhỏ hoặc ngồi ở dãy ghế dài cuối chỗ các Sa-di. Thức ăn chỉ được múc vội vã cho ông bằng cái muỗng lớn. Ông nhận món cháo tấm, các món cứng thì hôi hám hoặc hư nát, hoặc các cọng rau đã khô héo, cháy sém và phần ăn này không đủ nuôi sống ông.

Ông liền đem các món ăn nhận được về cho người vợ cũ mà ông đã rời bỏ. Nàng cầm lấy bình bát, kính chào ông, đổ hết các thứ ấy ra và thay vào món cháo nấu thật ngon và cơm trộn sốt cà-ri. Vị Tỷ-kheo bị lòng ham thích các hương vị ấy lôi cuốn nên không thể rời người vợ.

Nàng suy nghĩ rằng nàng sẽ thử thách tình cảm của ông. Một hôm, nàng bảo một trai làng chải chuốt sạch sẽ và đến nhà nàng ngồi cùng một đám người nhà của y mà nàng đã mời, rồi nàng cho cả nhóm ăn uống vài thứ. Cả nhóm ngồi ăn chơi thỏa thích. Nàng lại bảo buộc đôi bò vào xe và chiếc xe đợi sẵn sàng ở cửa nhà, còn chính nàng ngồi ở nhà sau nấu nướng bánh mứt. Chồng nàng đi đến đứng ở cửa, thấy vậy, một lão bộc trình bà chủ rằng có một Tỷ-kheo ở cửa. Nàng bảo:

– Hãy ra chào vị ấy và bảo vị ấy qua nhà khác!

Nhưng dù ông ta đã làm vậy nhiều lần, ông ta thấy vị Tỷ-kheo vẫn đứng yên nên lại trình bà chủ. Nàng bước ra, vén tấm rèm lên nhìn và kêu lớn:

– Ồ, đây là cha bầy trẻ con tôi!

Nàng bước ra chào ông, vừa cầm lấy bình bát vừa mời ông bước vào. Nàng đem thực phẩm cúng dường. Khi ông đã ăn xong, nàng lại kính lễ và nói:

– Thưa Tôn giả, nay Tôn giả là một bậc Thánh, trước kia chúng ta đã luôn chung sống cùng nhau trong ngôi nhà này. Song giờ đây, cuộc sống tại gia lại

không thể thiếu người chủ nhà. Vì vậy, chúng ta sắp dời qua nhà khác và đi xa về vùng quê. Xin Tôn giả hãy nhiệt tâm làm thiện sự và tha thứ cho thiếp nếu thiếp làm điều sai trái.

Trong một lúc, chồng cũ của nàng cảm thấy như thể trái tim tan vỡ. Rồi ông đáp:

– Ta không thể rời nàng, xin nàng đừng đi. Ta sẽ trở lại đời thế tục. Hãy đưa cho ta y phục của người cư sĩ tại chỗ nọ, ta sẽ bỏ y bát và trở về với nàng!

Nàng đồng ý ngay. Khi vị Tỷ-kheo về tinh xá, trả bộ y bát lại cho các vị giám hộ và Giáo thọ sư. Khi được hỏi lý do, ông giải thích là ông không thể rời vợ và sắp trở lại đời thế tục. Dù ông không muốn, các vị ấy vẫn dẫn ông đến bậc Đạo sư và kể cho Ngài nghe rằng ông thối thất và muốn trở về đời thế tục. Bậc Đạo sư hỏi:

– Chuyện này có thật chăng?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ai làm cho ông thối thất?

– Vợ cũ của con, bạch Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân ấy là nguyên nhân gây ác nghiệp của ông. Chính vì người ấy mà ngày xưa ông đã sa đọa khỏi bốn cảnh giới thiền định và rất khốn khổ. Sau nhờ Ta, ông được giải thoát cảnh khổ và tái tạo công năng thiền định mà ông đã mất.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con trai vị tế sư hoàng gia và bà vợ vị ấy cũng là nữ nhân Bà-la-môn. Vào ngày ngài ra đời, có làn ánh sáng của binh khí lóe sáng khắp kinh thành, vì thế ngài được đặt tên Jotipāla (Hộ Minh, người hộ trì ánh sáng).

Khi lớn lên, ngài học đủ mọi ngành nghề nghệ thuật tại Takkasilā và chứng tỏ tài năng trước vua. Nhưng ngài lại từ giã địa vị của ngài không báo cho ai biết, ngài ra đi bằng cổng sau, vào rừng trở thành vị khổ hạnh ở thảo am Kaviṭṭhaka, được gọi là Sakkadattiya. Ngài chứng đắc thiền định viên mãn.

Trong khi trú tại đó, hàng trăm vị trí giả đến tham kiến hầu cận ngài. Ngài được một hội chúng đông đảo theo học và bảy đại đệ tử. Trong số ấy, trí giả Sālissara rời thảo am Kaviṭṭhaka để đến xứ Suraṭṭha và trú bên bờ sông Sātodikā cùng hội chúng vài ngàn trí giả khác. Meṇḍissara cùng vài ngàn trí giả sống gần thị trấn Lambacūḷaka trong quốc độ của Vua Pajaka. Pabbata cùng vài ngàn trí giả sống trong một xứ ở miền rừng núi. Kāḷadevala cùng vài ngàn trí giả sống trong núi rừng ở Avanti và Dekkan. Kisavaccha sống độc cư ở gần kinh thành Kumbhavatī trong ngự viên của Vua Daṇḍaki. Anusissa là thị giả của Bồ-tát ở

chung với ngài. Nārada, em của Kāḷadevala, sống độc cư trong thạch thất giữa dãy núi Arañjaragiri ở Majjhimadesa.

Bấy giờ, không xa núi Arañjaragiri có một thị trấn rất trù phú. Thị trấn này có con sông cả, nơi nhiều đàn ông đến tắm. Dọc theo bờ, các kỹ nữ xinh đẹp thường ngồi quyến rũ đám mày râu.

Vị khổ hạnh Nārada thấy một nàng kỹ nữ, đâm ra si tình, mất hết thiền lực và héo mòn vì không ăn uống gì cả, cứ nằm dài trong lưới tình trói buộc suốt bảy ngày liền. Vị huynh trưởng Kāḷadevala nhờ quan sát biết nguyên nhân việc kia, liền phi hành qua không gian vào đến động. Nārada thấy vị ấy liền hỏi tại sao đến đây. Vị ấy đáp:

– Ta biết hiền đệ bị bệnh nên đến chăm sóc đệ đây.

Nārada nói dối bảo vị ấy đi về:

– Đại huynh chỉ nói chuyện không đâu, toàn là hư vọng, hão huyền.

Nhưng vị kia từ chối ra đi và còn đem theo ba vị Sālissara, Meṇḍissara và Pabbata đến đó nữa. Nārada lại bảo tất cả ra về theo cách trên. Kāḷadevala liền bay đi tìm Đạo sư Sarabhaṅga và dẫn thầy đến đó. Khi bậc Đạo sư đến, ngài thấy Nārada đã rơi vào lưới kiềm tỏa của tham dục và hỏi có đúng vậy không. Nārada đứng lên nghe lời ngài, kính lễ thầy và thú nhận sự việc. Bậc Đạo sư bảo:

– Này Nārada, ai rơi vào lưới tham dục sẽ suy tàn trong khổ đau ở đời này và đời sau bị tái sanh vào địa ngục.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

60. Người nào tuân lệnh dục tham,
Mất hai thế giới, đời tàn về sau.

Nghe vậy, Nārada đáp:

– Bạch Tôn sư, mưu cầu tham dục là hạnh phúc. Tại sao Tôn sư lại gọi hạnh phúc ấy là khổ đau?

Đạo sư Sarabhaṅga đáp:

– Vậy hãy nghe đây!

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ hai:

61. Hân hoan cùng với khổ đau,
Vẫn thường giẫm bước lên nhau chẳng ngừng.
Con từng thấy chúng chuyển luân,
Hãy tìm hạnh phúc thật chân nhiệm mầu!

Nārada đáp:

– Bạch Tôn sư, khổ đau này thật khó chịu đựng. Con không thể kham nhẫn nó được.

Bậc Đại sĩ bảo:

– Này Nārada, khi khổ đau đến cần phải chịu đựng.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ ba:

62. Người nào kham nhẫn đối đầu,
Gian lao nhiếp phục khổ sầu bao phen.
Là người vững mạnh tiến lên,
Niết-bàn cực lạc, dứt phiền não xưa.

Song Nārada vẫn đáp:

– Bạch Tôn sư, hạnh phúc của dục tình là hạnh phúc tối cao, con không thể nào rời bỏ nó được.

Bậc Đại sĩ bảo:

– Không thể vì bất cứ lý do gì mà ta từ bỏ giới hạnh.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tư:

63. Con đừng phá hủy tiêu ma,
Quãng đời thanh hạnh, sa đà công năng.
Chỉ vì dục vọng, tham, sân,
Cầu mong lợi dưỡng, đau buồn nhỏ, to.

Sau khi Đạo sư Sarabhaṅga đã tuyên thuyết Chánh pháp qua bốn vần kệ, trí giả Kāḷadevala muốn khuyến giáo tiểu đệ liền ngâm vần kệ thứ năm:

64. Biết đời phiền lụy âu lo,
Thức ăn uống phải phát cho nhiều người.
Chẳng ham tích trữ tiền tài,
Chẳng sầu khi chúng hết thời tiêu tan.

Vần kệ thứ sáu do bậc Đạo sư ngâm phát xuất từ trí tuệ tối thắng của Ngài liên hệ đến lời khuyến giáo của Kāḷadevala đối với Nārada:

65. Deva Trí giả hắc nhân,
Giờ đây khuyên nhủ khôn ngoan nhất đời.
Ta không hề thấy có người,
Kém hơn kẻ chịu vâng lời dục tham.

Sau đó, Thánh giả Sarabhaṅga cảnh báo:

– Này Nārada, hãy nghe đây! Kẻ nào trước tiên không muốn làm những gì đáng làm, về sau sẽ kêu khóc than van như chàng trai đi vào rừng thuở xưa.

Rồi ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, trong một thị trấn ở thành Kāsi có một thanh niên Bà-la-môn đẹp trai, mạnh khỏe, lực lưỡng như voi. Chàng suy nghĩ: "Tại sao ta phải nuôi cha mẹ bằng cách làm ruộng, hoặc phải lấy vợ sinh con, hoặc làm các thiện sự nọ kia? Ta chẳng muốn nuôi ai hoặc làm thiện sự gì cả, mà ta chỉ muốn vào rừng nuôi bản thân bằng cách săn nai."

Thế rồi, với năm thứ vũ khí, chàng vào Tuyết sơn giết nai ăn thịt rất nhiều. Ở vùng Tuyết sơn, chàng thấy một thung lũng rộng lớn tứ bề có núi bao bọc, bên cạnh bờ sông Vidhavā, chàng liền sống ở đó với thịt thú săn được và nấu trên than hồng. Chàng lại suy nghĩ: "Ta sẽ không được khỏe mạnh mãi đâu, khi ta già yếu, ta sẽ không phiêu bạc trong rừng. Nay ta muốn bắt nhiều loại thú hoang vào trong thung lũng này, làm cổng rào lại và chẳng cần phải lang thang trong rừng nữa, ta sẽ giết chúng và ăn thỏa thích." Và chàng đã làm như vậy.

Thời gian trôi qua, chính điều ấy phải xảy ra, mọi thực tế của cuộc đời xuất hiện, chàng không còn sức điều khiển nổi tay chân, chàng không thể đi lại tự do đây đó, chàng không thể tìm được thức ăn uống, thân thể gầy gò khô héo như một bóng ma, lộ rõ mọi nếp nhăn nheo khắp mình như mặt đất mùa nắng. Chàng trở nên dị tướng, nhăn nheo, rã rời và vô cùng khổ sở.

Cũng như chàng kia, theo thời gian, vua nước Sivi mệnh danh là Sivi, ước mong hưởng món thịt rừng nướng trên than hồng trong rừng già, liền giao phó quốc độ cho các đại thần, đem theo năm món vũ khí đi vào rừng săn nai để ăn thịt. Vừa lúc vua đến chỗ ấy liền thấy người kia. Dù sợ hãi, vua cũng cố thu hết can đảm hỏi người kia là ai. Chàng đáp:

– Tâu Chúa công, tôi là một bóng ma đang hưởng nghiệp quả do tôi đã tạo. Thế Chúa công là ai?

– Ta là vua nước Sivi.

– Tại sao Chúa công đến đây?

– Để ăn thịt nai.

– Tâu Đại vương, tôi đã trở thành con ma trên đời vì tôi đã đến đây với mục đích ấy.

Rồi chàng kể đầy đủ chi tiết câu chuyện của chàng và để giải thích nỗi bất hạnh của mình, chàng ngâm các vần kệ cuối cùng:

66. Chính tôi đây, hỡi Quân vương,
Khác nào giữa chốn đấu trường địch quân.
Công lao, nghề nghiệp, tài năng,
Vợ con, nhà ở bình an một thời.
Đã tiêu tan hết cả rồi,
Tôi mang nghiệp quả ngay đời thế gian.

67. Giờ tôi tồi tệ muôn vàn,
Không người quyến thuộc, lang thang không nhà.
Từ đời chân chánh lạc xa,
Tôi như một cái bóng ma đọa đày.

68. Nay tôi phải sống cảnh này,
Vì tôi tạo khổ não thay vui mừng.

Quanh tôi như đám lửa bừng,
Tôi không cảm thấy trong lòng hân hoan.

Cùng với các vần kệ ấy, chàng nói thêm:

– Tâu Đại vương, do ham muốn dục lạc nên tôi đã tạo khổ đau cho nhiều loài khác và trở thành bóng ma ngay tại đời này. Xin Đại vương đừng gây ác nghiệp, xin hãy trở về kinh đô của Đại vương và thực hành thiện sự, bố thí cùng các phước nghiệp khác!

Nhà vua làm theo lời ấy và hoàn thành con đường lên thiên giới.

Vị khổ hạnh xúc động vì lời tường thuật của Đạo sư Sarabhaṅga về câu chuyện trên. Vị ấy được cảm hóa, rồi sau khi kính lễ Tôn sư và được ngài tha thứ, nhờ các pháp môn chơn chánh, vị ấy tái tạo năng lực thiền định đã mất. Đạo sư Sarabhaṅga không cho phép đệ tử ở lại đó nữa và đưa vị ấy cùng ngài về thảo am xưa.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Nārada là Tỷ-kheo thối thất này, Sālissara là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Meṇḍissara là Kassapa (Ca-diếp), Pabbata là Anuruddha (A-na-luật-đà), Kāḷadevala là Kaccāna (Ca-chiên-diên), Anusissa là Ānanda (A-nan), Kisavaccha là Moggallāna (Mục-kiền-liên) và Đạo sư Sarabhaṅga chính là Ta.

§424. CHUYỆN NGỌN LỬA ĐỐT CHÁY (*Ādittajātaka*)[8] (*J.* III. 469)

Thứ gì ta cứu thoát ra...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về lễ vật cúng dường tối thượng. Lễ vật cúng dường tối thượng này được miêu tả đầy đủ trong *Chú giải Kinh Đại Điển Tôn.*[9]

Ngày hôm sau lễ cúng dường ấy, Tăng chúng bàn luận trong pháp đường:

– Này các Hiền giả, vua xứ Kosala sau khi xem xét kỹ đã tìm được phước điền chính đáng, và cúng dường lễ vật tối thượng lên hội chúng do đức Phật đứng đầu.

Bậc Đạo sư đến và được kể lại đề tài câu chuyện trong lúc các vị ngồi đây, Ngài bảo:

– Này Tỷ-kheo, không lạ gì việc nhà vua sau khi quan sát kỹ đã cúng dường

---

[8] Xem *S.* I. 20, *Sādhusutta* (*Kinh Lành thay*); *S.* I. 31, *Ādittasutta* (*Kinh Thiêu cháy*); *A.* I. 156, *Dutiyadvebrāhmaṇasutta* (*Kinh Hai Bà-la-môn thứ hai*).

[9] *DA.* II. 467, *Mahāgovindasuttavaṇṇanā* (*Chú giải Kinh Đại Điển Tôn*), số 19.

đại lễ vật vào phước điền vô thượng ở đời, các trí nhân ngày xưa cũng đã cúng dâng lễ vật như thế sau khi quan sát kỹ.

Rồi Ngài kể một câu chuyện ngày xưa.

***

Ngày xưa, Vua Bharata trị vì tại Roruva trong quốc độ Sovīra. Vua thực hành thập vương pháp, thu phục nhân tâm bằng tứ nhiếp pháp, đối xử với quần chúng như cha mẹ đối với con, ban phát rộng rãi cho người nghèo, lữ hành, khất thực và những người đến cầu xin. Chánh hậu của ngài là Samuddavijayā đầy trí tuệ thông thái.

Một hôm, ngài nhìn quanh các bố thí đường và suy nghĩ: "Tặng vật của ta đều bị đám tham lam vô dụng ngốn ngấu cả. Ta không thích như vậy. Ta muốn cúng dường những vị Độc Giác Phật đức hạnh xứng đáng lễ vật tối thượng. Các vị hiện sống ở vùng Tuyết sơn. Ai sẽ đem các vị ấy về đây theo lời thỉnh cầu của ta và ta sẽ nhờ ai lãnh sứ mạng này?"

Ngài nói chuyện với hoàng hậu, bà đáp:

– Tâu Chúa thượng, không nên quan tâm lo lắng. Cứ gửi hoa đi, nhờ uy lực các lễ vật cúng dường xứng đáng của ta, nhờ đức độ và lòng thành tín của ta, ta sẽ thỉnh cầu các vị Độc Giác Phật và khi các vị đến, chính ta sẽ cúng dường lễ vật cùng các món cần thiết.

Vua đồng ý. Ngài ra lệnh đánh trống khắp kinh thành rằng tất cả dân chúng trong thành phải giữ giới, còn chính ngài và toàn thể hoàng gia đều giữ mọi phận sự của ngày trai giới, thực hành đại bố thí.

Ngài truyền đem đến một chiếc hộp bằng vàng đựng đầy hoa lài, từ hoàng cung bước xuống và đứng giữa triều đình. Tại đó, ngài phủ phục với năm phần chạm xuống đất, đảnh lễ về phương Đông và tung vãi nắm hoa cùng những lời nguyện:

– Đệ tử xin đảnh lễ các Thánh giả ở phương Đông. Nếu đệ tử có chút công đức nào, xin các vị tỏ lòng từ bi thâu nhận các lễ vật này.

Vì không có các vị Độc Giác Phật ở phương Đông nên hôm sau không vị nào đến. Ngày thứ hai, ngài lại đảnh lễ phương Tây nhưng cũng không ai đến. Ngày thứ ba, ngài lại đảnh lễ phương Bắc và sau khi đảnh lễ, ngài tung bảy nắm hoa cùng lời nguyện:

– Ước mong các vị Độc Giác Phật ở vùng Tuyết sơn thâu nhận các lễ vật cúng dường này!

Các hoa ấy bay đi xa, rơi trên mình năm trăm vị Độc Giác Phật ở động Nandamūla. Sau khi quan sát, các vị hiểu rằng quốc vương đã thỉnh cầu các vị. Vì thế, các vị gọi bảy vị trong số đó lại bảo:

– Này các Tôn giả, vua thỉnh cầu các vị, xin hãy bày tỏ đặc ân cho ngài!

Các vị Độc Giác Phật này du hành qua không gian và hạ xuống hoàng môn. Khi thấy các vị, vua hân hoan đảnh lễ, mời các vị lên thượng lầu, tỏ lòng tôn kính trọng thể và cúng dường các lễ vật.

Sau buổi thọ thực, ngài lại mời các vị hôm sau và cứ thế đến ngày thứ năm, vua thiết đãi suốt sáu ngày. Vào ngày thứ bảy, ngài chuẩn bị cúng dường mọi vật dụng cần thiết, sắp đặt bảo tòa và cẩm đôn chạm vàng rồi đặt trước bảy vị Độc Giác Phật các bộ ba y cùng các món ăn cần thiết của đời Thánh nhân.

Quốc vương cùng hoàng hậu trân trọng cúng dường các thứ này sau buổi thọ thực và đứng cung kính đảnh lễ. Tùy hỷ với công đức này, vị Trưởng lão của hội chúng ngâm hai vần kệ:

69. Thứ gì ta cứu thoát ra,
Lửa đang đốt cháy nhà ta rụi dần.
Những gì sót lại sau cùng,
Sẽ còn đó mãi riêng phần ta thôi.

70. Thế gian bừng cháy khắp nơi,
Sanh, già, bệnh, chết làm mồi lửa nhanh.
Cứu mình bằng các thiện hành,
Cúng dường, bố thí để dành thật chân.

Như vậy, bằng cách bày tỏ niềm hoan hỷ, vị Trưởng lão khuyến giáo vua tinh cần giữ đức hạnh. Sau đó, vị ấy bay lên không gian, xuyên thủng qua góc nhọn của cung điện và hạ xuống động Nandamūla. Các vật dụng cần thiết đã được cúng dường đều bay lên theo vị ấy và hạ xuống động. Còn toàn thân quốc vương và hoàng hậu tràn đầy niềm hoan hỷ. Sau khi vị ấy ra đi, sáu vị kia lần lượt nói lời tùy hỷ công đức qua mỗi vần kệ.

71. Người nào bố thí chánh nhân,
Kiên cường dõng lực, tinh cần tịnh tâm.
Vượt dòng nước lũ Ma vương,
Đạt nơi an trú kim đường cõi thiên.

72. Thiện hành nào khác trận tiền,
Trước vài địch thủ, chạy liền ba quân.
Cúng dường với cả tín tâm,
Đời sau hưởng lạc là phần ngài thôi.

73. Người cho làm đẹp ý trời,
Khôn ngoan xứng đáng làm vơi nhọc nhằn.
Cúng dường mang quả hưng long,
Cũng như hạt giống gieo vùng phì nhiêu.

74. Ai không hề nói lắm điều,
Tránh làm ác nghiệp, hại nhiều chúng sanh.
Người đời gọi yếu, chê khinh,
Chính vì sợ hãi, giữ mình thanh lương.

75. Tạo nên phước nghiệp thông thường,
Tái sanh nhân thế, quân vương oai quyền.
Phước nhiều đạt đến cõi thiên,
Công năng tối thượng, đắc miền tịnh cư.

76. Phước là bố thí đem cho,
Tuy nhiên, giáo pháp lợi to muôn phần.
Xưa nay chứng tỏ bao lần,
Nhờ đây bậc trí đạt toàn lạc an.

Sau đó, các vị ra đi cùng với các vật dụng cần thiết đã được cúng dường. Còn vị Độc Giác Phật thứ bảy, trong lời tùy hỷ công đức ấy, tán thán Niết-bàn bất diệt với vua và giáo hóa ngài một cách cẩn trọng xong, liền trở về cảnh cũ như đã nói trên. Quốc vương và hoàng hậu thực hành bố thí suốt đời nên đã hoàn thành con đường lên thiên giới.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, các bậc trí thời xưa bố thí cúng dường có phân biệt.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, các vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn, Samuddavijayā là mẫu thân Rāhula (La-hầu-la) và Vua Bharata chính là Ta.

§425. CHUYỆN NHỮNG SỰ KIỆN KHÔNG THỂ XẢY RA

(*Aṭṭhānajātaka*) (*J.* III. 474)

Làm sao lặng sóng Hằng hà...

Bậc Đạo sư kể lại chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỳ-kheo thối thất. Bậc Đạo sư hỏi vị ấy:

– Này Tỳ-kheo, có thật là ông đang thối thất?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Vì duyên cớ gì?

– Vì uy lực của dục tham.

– Này Tỳ-kheo, nữ nhân thật vô ơn, phản bội, không đáng tin cậy. Ngày xưa, các bậc trí không làm thỏa mãn một nữ nhân, thậm chí đã cho kẻ ấy một ngàn đồng tiền mỗi ngày. Một hôm, không nhận được một ngàn đồng tiền, kẻ ấy đã sai người lôi cổ họ quẳng ra ngoài. Nữ nhân là loài bạc nghĩa thế đấy. Ông đừng rơi mình vào uy lực của dục tham vì duyên cớ ấy nữa.

Rồi Ngài kể một câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Vương tử Brahmadattakumāra và Công tử Mahādhana, con của một phú thương ở Ba-la-nại, là bạn thân thiết cùng chơi với nhau và được giáo dục trong nhà một vị thầy. Vương tử lên ngôi khi vua cha băng hà và con vị phú thương vẫn ở gần vua mới.

Tại Ba-la-nại có một kỹ nữ sang trọng kiều diễm đang thời hưng thịnh. Con trai vị phú thương tặng nàng một ngàn đồng tiền mỗi ngày và thường xuyên hưởng lạc với nàng. Khi cha mất, chàng thừa kế tài sản và địa vị của cha nhưng cũng không rời bỏ nàng mà vẫn tiếp tục cho nàng một ngàn đồng tiền mỗi ngày.

Một hôm, chàng đi chầu vua vào buổi chiều. Trong lúc chàng đàm đạo với vua, mặt trời lặn và tối dần. Khi rời cung, chàng nghĩ: "Không còn thời giờ để về nhà rồi trở lại nữa, ta cứ đi thẳng đến nhà kỹ nữ ấy." Vì thế, chàng bảo đám hầu cận ra về và đi thẳng vào nhà một mình. Khi thấy chàng đến, nàng hỏi xem chàng có đem một ngàn đồng tiền không.

– Này ái nương, hôm nay ta ra trễ quá nên ta chỉ bảo đám hầu cận đi hết, chứ ta không về nhà, ta chỉ đến đây một mình nhưng ngày mai ta sẽ trao tặng nàng hai ngàn đồng tiền.

Nàng suy nghĩ: "Nếu ta tiếp đón chàng hôm nay, chàng sẽ đến tay không các ngày khác nữa và thế là ta mất dần của cải. Vậy ta không muốn tiếp chàng hôm nay nữa." Vì thế, nàng bảo:

– Thưa công tử, thiếp chỉ là một kỹ nữ, thiếp không ban đặc ân cho ai mà không có một ngàn đồng, vậy công tử hãy đem tiền lại đây!

– Ái nương ơi, ta sẽ tặng nàng gấp đôi số tiền ấy ngày mai đây.

Và chàng cứ van xin nàng như vậy mãi. Nàng kỹ nữ ra lệnh cho các nữ tỳ:

– Đừng để người ấy đứng đó mà nhìn ta. Hãy lôi cổ y kéo ra ngoài và đóng cửa lại!

Họ làm theo lời nàng. Chàng suy nghĩ: "Ta đã cho nàng tám trăm triệu đồng tiền, tuy thế chỉ một ngày ta đến tay không, nàng đã bảo chúng nắm cổ ta tống ra ngoài. Ôi, nữ nhân thật là độc ác, vô sỉ, vong ân, phản bội!"

Do vậy, chàng quan sát mãi về ác hạnh của nữ nhân cho đến khi chàng thấy chán ngán, ly tham và bất mãn với cuộc đời thế tục. Chàng suy nghĩ: "Tại sao ta phải sống đời thế tục? Ta muốn xuất gia hôm nay và thành người khổ hạnh."

Do vậy, chàng không trở về nhà nữa cũng không yết kiến vua nữa. Chàng rời kinh thành đi vào rừng. Chàng dựng thảo am bên bờ sông Hằng, cư trú tại đó như một ẩn sĩ khổ hạnh, đắc thiền định viên mãn và sống bằng củ quả rừng.

Vua nhớ bạn vắng mặt lâu ngày và đòi bạn vào chầu. Khắp kinh thành ai cũng biết rõ cách nàng kỹ nữ đối xử với chàng nên họ tâu vua vấn đề ấy và thêm:

– Tâu Đại vương, người ta bảo thân hữu của Đại vương vì tủi nhục đã không trở về nhà mà đã trở thành vị khổ hạnh sống trong rừng.

Vua truyền đưa nàng kỹ nữ vào và hỏi nàng xem chuyện nàng đối xử với thân hữu ngài có thật như vậy chăng. Nàng thú nhận.

– Này nữ nhân bạc ác kia, hãy mau đến nơi hiền hữu ta ở và đưa chàng về đây. Nếu không làm được việc ấy, ngươi phải bị mất mạng đấy!

Nghe lệnh vua, nàng sợ hãi, vội lên xe ra khỏi kinh thành cùng đoàn tùy tùng đông đảo. Nàng đi tìm nơi an trú và nghe lời đồn, nàng đến đó kính lễ và cầu xin:

– Bạch Tôn giả, xin hãy tha thứ lỗi lầm thiếp đã phạm trong lúc mù quáng ngu si. Thiếp quyết không tái phạm nữa.

– Được lắm, ta tha thứ cho nàng, ta không giận nàng đâu.

– Nếu Tôn giả tha thứ cho thiếp, xin hãy lên xe cùng thiếp. Chúng ta cùng trở về kinh thành và ngay khi vào thành, thiếp xin dâng ngài mọi tiền tài trong nhà thiếp.

Khi nghe vậy, ngài đáp:

– Này cô nương, ta không thể đi với cô nương bây giờ đâu, nhưng khi nào những chuyện chưa từng xảy ra trên đời này sẽ xảy ra thì có lẽ ta sẽ đi.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

77. Làm sao lặng sóng Hằng hà,
Như hồ sen nọ, sơn ca trắng ngần,
Cây đào sinh trái cau vân,
Thì điều như thế họa chăng có là!

Nhưng nàng lại nói:

– Mau lên, thiếp sắp đi rồi.

Ngài đáp:

– Ta sẽ đi.

– Khi nào?

– Vào thời như vầy, như vầy.

Ngài đáp và ngâm các vần kệ còn lại:

78. Bao giờ có đủ lông rùa,
Kết thành ba tấm áo đưa ta dùng,
Vào thời đông giá lạnh lùng,
Thì điều như thế họa chăng có là!

79. Bao giờ răng muỗi nhô ra,
Nàng xây cái tháp thật là khéo thay,
Tháp kia không thể chuyển lay,
Điều này chắc có cơ may, họa là!

80. Bao giờ sừng thỏ mọc ra,
Nàng làm thang đứng thật là khéo thay,

Bậc thang trèo đến tận mây,
Thì điều này có cơ may, hỡi nàng!

81. Bao giờ chuột nhắt leo thang,
Cùng nhau ăn hết mặt trăng sáng ngời,
Đem La-hầu xuống mặt trời,
Thì điều này hẳn có thời xảy ra!

82. Khi đàn ruồi uống từng vò,
Rượu nồng đầy đủ, tự do reo mừng,
Ẩn mình trong đám than bừng,
Thì điều như thế họa hoằn xảy ra!

83. Khi bầy lừa khéo điểm tô,
Môi hồng, mặt trắng làm trò khéo thay,
Trổ tài múa hát thật hay,
Điều này hẳn có cơ may, hỡi nàng!

84. Bao giờ quạ, cú từng đàn,
Cùng nhau tụ họp luận bàn riêng tư,
Tỏ tình âu yếm chuyện trò,
Điều này có thể xảy ra, hỡi nàng!

85. Bao giờ nhặt lá trên ngàn,
Từng cây rừng xuống kết làm dù che,
Chống mưa ồ ạt tứ bề,
Có cơ xảy đến điều kia, hỡi nàng!

86. Khi đàn chim sẻ cố mang,
Tuyết sơn đủ vẻ huy hoàng hùng anh,
Ngậm trong chiếc mỏ xinh xinh,
Họa may có thể sự tình xảy ra!

87. Khi chàng trai nhẹ đẩy đưa,
Chiếc thuyền buồm vượt biển xa ngàn trùng,
Với lòng can đảm anh hùng,
Điều này chắc hẳn mới mong, hỡi nàng!

Như thế, bậc Đại sĩ ngâm mười một vần kệ nêu rõ những sự kiện không thể xảy ra. Nàng kỹ nữ nghe xong, xin được ngài tha thứ và trở về Ba-la-nại. Nàng trình bày mọi việc với vua và xin tha mạng, vua liền ân xá cho nàng.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, nữ nhân thật là vô ơn, phản bội như thế.

Rồi Ngài tuyên thuyết các sự thật. Khi kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là Ānanda và vị khổ hạnh chính là Ta.

§426. CHUYỆN CON BÁO (*Dīpijātaka*) (*J.* III. 479)

Bác ơi, bác có được khang an...

Bậc Đạo sư kể lại chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một con dê cái.

Một thời, Trưởng lão Moggallāna ở trong một am thất có một cửa, trong một vùng đất được rào và núi đồi bao bọc. Có một lối đi có mái che gần cửa am thất, nghĩ rằng chỗ ấy là tốt cho đàn dê tới lui nên họ lùa dê vào đó và sống thoải mái.

Một hôm, họ đến vào buổi chiều đem cả bầy dê đi nhưng có một con dê cái đã lang thang quá xa, không thấy bầy dê ra đi và bị bỏ lại một mình. Sau đó, khi nó ra đi, một con báo thấy nó, muốn ăn thịt bèn đứng bên cửa của hàng rào. Dê cái nhìn quanh và thấy con báo. Dê suy nghĩ: "Báo đứng đó vì muốn giết ta và ăn thịt. Nếu ta quay đầu bỏ chạy, ta sẽ mất mạng. Vậy ta phải can đảm lên!" Rồi dê giương đôi sừng, vùng chạy thẳng trước mặt báo với tất cả dũng lực. Dê thoát được móng vuốt báo, dù con báo rung mình vì nó tưởng sẽ chụp được dê. Rồi chạy hết tốc lực, con dê bắt kịp cả đàn.

Vị Trưởng lão quan sát cách các con vật ấy đối xử với nhau. Hôm sau, vị ấy đi trình đức Như Lai:

– Bạch Thế Tôn, con dê cái đã đạt được một kỳ tích nhờ có sẵn mưu lược và thoát được con báo.

Bậc Đạo sư đáp:

– Này Moggallāna, lần này con báo không bắt được dê nhưng ngày xưa báo đã giết dê dù dê kêu lớn, rồi ăn thịt nó.

Và theo lời thỉnh cầu của Tôn giả Moggallāna, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, có thời Bồ-tát được sinh vào một làng ở quốc độ Magadha (Ma-kiệt-đà), trong một gia đình giàu có. Khi lớn lên, ngài từ bỏ tham dục và sống đời tu hành, đạt được thiền định viên mãn. Sau khi sống rất lâu ở Tuyết sơn, ngài đến Rājagaha (Vương Xá) để tìm muối và giấm, rồi về cư trú trong thảo am ngài đã dựng trong một thung lũng có rào chắn.

Giống như phần duyên khởi, các mục tử lùa bầy dê ra đi và cũng như trên. Một hôm, khi một dê cái đi ra chậm hơn bầy kia, một con báo đợi sẵn ở cửa, nghĩ cách ăn thịt nó. Khi con dê thấy con báo, nó suy nghĩ: "Đời ta tàn rồi, bằng một mưu kế nào đó ta phải dụ nó vào cuộc chuyện trò vui vẻ ân cần để làm dịu lòng nó và cứu mạng ta." Vừa đứng từ xa bắt đầu nói chuyện thân thiện với con báo, dê ngâm vần kệ đầu:

88. Bác ơi, bác có được khang an,
Và bác lâu nay mạnh khỏe chăng?

Mẹ cháu nhắn đưa lời kính hỏi,
Cháu mong cùng bác kết thân bằng!

Nghe vậy, báo suy nghĩ: "Con bé này muốn đánh lừa ta bằng cách gọi ta là bác, nó không biết ta hung dữ ra sao cả." Vì thế, báo ngâm vần kệ thứ hai:

89. Cô giẫm đuôi ta đấy, bé dê,
Và làm ta phải bị đau ghê,
Tưởng rằng nhờ gọi ta là bác,
Cô được tự do để trở về!

Khi nghe nói vậy, dê đáp:

– Thưa bác, xin đừng nói như vậy.

Và nó ngâm vần kệ thứ ba:

90. Tôi đi phía trước mặt, thưa ngài,
Ngài vẫn ngồi kia đối diện tôi,
Đuôi của ngài nằm sau phía ấy,
Làm sao tôi lại giẫm lên đuôi?

Báo đáp:

– Này dê cái, cô nói gì vậy? Có nơi nào lại không có đuôi của ta trải ra chứ?

Và nó ngâm vần kệ thứ tư:

91. Suốt cả trong toàn bốn đại châu,
Với sông hồ biển núi non cao,
Đuôi ta trải rộng ra cùng khắp,
Sao cẳng dê không giẫm nó nào?

Khi nghe vậy, dê cái nghĩ: "Con ác thú này không bị lời ngon ngọt quyến rũ. Vậy ta sẽ đáp lại nó như một kẻ thù." Rồi dê ngâm vần kệ thứ năm:

92. Ta biết đuôi ông ác thật dài,
Vì ta đã được báo tin rồi,
Anh em cha mẹ đều khuyên bảo,
Lúc trước ta bay bổng giữa trời!

Báo lại nói:

– Ta biết cô đã bay giữa trời nhưng khi cô đến, cô đã làm hỏng miếng mồi của ta bằng cách đáp xuống ấy!

Rồi báo ngâm vần kệ thứ sáu:

93. Bóng dáng cô dê ở giữa trời,
Bay qua không khí ấy mà thôi,
Đã làm kinh sợ đàn nai nọ,
Vì thế mồi ta bị hỏng rồi!

Nghe vậy, dê sợ chết không còn có thể tìm cớ nào khác nữa, liền kêu lớn:

– Bác ơi, xin đừng phạm một việc ác độc như thế, xin tha mạng cháu đi!

Nhưng dù dê kêu lớn, báo vẫn chụp vai, giết chết và ăn thịt dê.

94. Chính dê kêu lớn để cầu ân,
Song máu thịt kia mới thỏa lòng,
Dã thú chụp dê vào cổ họng,
Ác nhân không tỏ chút ân cần.

95. Kẻ ác không sao biết tỏ ra,
Ân tình, chánh hạnh, tránh đường tà,
Nó thù ghét những người lương thiện,
Thượng sách là nên xáp lá cà!

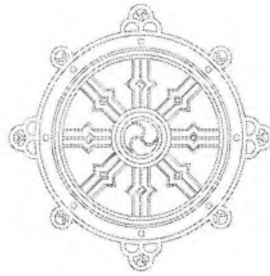
Đây là hai vần kệ phát xuất từ trí tuệ tối thắng của bậc Giác ngộ.

Một vị Thánh nhân khổ hạnh chứng kiến tất cả câu chuyện của hai con thú này.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con dê cái và con báo là con dê cái và con báo bây giờ, còn vị Thánh nhân khổ hạnh chính là Ta.



CHƯƠNG IX
CHÍN KỆ
(*NAVANIPĀTA*)

§427. CHUYỆN CHIM THỨU (*Gijjhajātaka*)[1] (*J.* III. 483)

Được làm bằng đám gỗ chênh vênh...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo bất tuân giới luật.

Chuyện kể rằng vị ấy là thiện gia nam tử và được truyền giới vào giáo pháp đưa đến giải thoát; được các vị Pháp sư, Giáo sư đầy thiện chí cùng các đồng Phạm hạnh giáo giới như vầy:

– Hiền giả phải đi tới hay đi lui như vầy, phải nhìn thẳng hay nhìn nghiêng như vầy, cánh tay phải duỗi ra hay co lại như vầy, các y trong và y ngoài phải được mang như vầy, bình bát phải được cầm như vầy. Khi Hiền giả nhận đủ các thức ăn để nuôi thân, sau khi tự quán sát, Hiền giả phải thọ dụng nó như vầy, hộ phòng các căn như vầy. Hiền giả phải tiết độ trong ăn uống và tỉnh giác. Hiền giả phải nhận thấy các bổn phận như vầy đối với chư Tăng đến và đi khỏi tinh xá. Đây là mười bốn quy tắc về phận sự của Tỷ-kheo và tám mươi trọng giới phải hoàn thành đúng đắn. Đây là mười ba pháp thực hành đầu-đà (*dhuta*) về nếp sống cẩn trọng. Tất cả các giới điều này phải được hoàn thành một cách nghiêm túc!

Tuy thế, vị ấy bất tuân giới luật và thiếu kham nhẫn, không chịu thọ giáo một cách kính cẩn và không tuân lời thầy, lại bảo:

– Tôi không chỉ trích các vị. Tại sao các vị nói với tôi như vậy? Tôi biết điều gì ích lợi cho tôi và điều gì không ích lợi.

Tăng chúng nghe được sự bất tuân giới luật của ông ta liền kể lại các lỗi lầm của ông trong lúc các vị ngồi tại pháp đường.

Bậc Đạo sư bước vào, hỏi các vị đang bàn luận đề tài gì và truyền gọi Tỷ-kheo ấy đến hỏi:

– Này Tỷ-kheo, tại sao khi đã được truyền giới vào giáo pháp đưa đến giải thoát, ông lại không nghe lời dạy của các vị Giáo thọ sư có thiện ý kia? Ngày

---

[1] Xem *J.* III. 255, *Migālopajātaka* (*Chuyện chim thứu Migālopa*), số §381.

xưa, ông cũng đã không nghe lời dạy của các Trí giả và gặp cuồng phong Verambā thổi tan thành tro bụi.

Sau đó, Ngài kể lại chuyện đời xưa.

***

Một thuở nọ, Bồ-tát được sinh làm chim thứu (kên kên) trên núi Linh Thứu. Bấy giờ, con của ngài là Supatta, thứu vương, cường tráng, đầy dũng lực và có đám tùy tùng nhiều ngàn chim thứu. Thứu vương phụng dưỡng song thân. Do có sức mạnh, thứu vương thường bay rất xa. Chim thứu cha vẫn thường khuyên nhủ:

– Này con thân, con đừng bay xa quá những điểm này.

Thứu vương đáp:

– Được lắm, thưa cha.

Nhưng một hôm trời mưa, thứu vương bay cùng các chim thứu khác, rồi rời đàn phía sau, một mình vượt giới hạn đã được khuyên bảo nên thứu vương bay vào cuồng phong Verambā và bị thổi tan thành tro bụi.

***

Với tối thắng trí, đức Phật ngâm các vần kệ này minh họa các sự kiện trên:

1. Được làm bằng đám gỗ chênh vênh,
Một lối đi xưa cũ dẫn lên,
Những đỉnh núi non cao chót vót,
Thứu con nuôi dưỡng các thân sinh.

2. Đôi cánh hùng cường đầy dũng lực,
Thứu đem mỡ rắn tặng song thân,
Khi cha nhìn thứu bay cao quá,
Liều lĩnh du hành, vẫy dạy răn.

3. "Khi con quan sát, hỡi con thân,
Quả địa cầu tròn với đại dương,
Bao bọc chung quanh, đừng tiến nữa,
Trở về ngay nhé, khẩn cầu con!"

4-5. Thứu vương thường cất cánh lên cao,
Bay lượn vòng quanh cõi địa cầu,
Với nhãn quan tinh tường thấu suốt,
Thứu con thấy rõ các rừng sâu,
Núi non phía dưới cao vời vợi,
Quả đất giống cha tả biết bao.

6-7. Một quả cầu tròn giữa đại dương,
Nhưng khi vượt quá mức thông thường,

Dẫu là chim thứu đầy oai lực,
Một trận đại phong thật nộ cuồng,
Đã thổi thứu tan tành bỏ mạng,
Bất tài không địch nổi cuồng phong.

8-9. Như vậy thứu con bởi bất tuân,
Tử vong bỏ mặc cả song thân,
Kẻ nào khinh bỉ người già cả,
Chế nhạo lời khuyên của trí nhân,
Cũng chết như chim khinh bạc trí,
Xem thường giới hạn bởi kiêu căng.

– Vì vậy, này Tỷ-kheo, đừng giống như chim thứu này mà phải tuân theo lời dạy của những người đầy thiện ý.

Khi được bậc Đạo sư giáo huấn như trên, từ đó về sau vị ấy biết vâng lời thầy.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Chim thứu bất tuân lệnh ngày xưa là vị Tỷ-kheo không vâng lời ngày nay và chim cha chính là Ta.

§428. CHUYỆN Ở KOSAMBĪ (*Kosambījātaka*)[2] (*J.* III. 486)

Khi Giáo hội bị phân chia hai nhóm...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại lâm viên Ghosita (Cù-sư-la) gần Kosambī (Kiều-thưởng-di) về một đám người tranh chấp nhau ở Kosambī. Sự kiện dẫn đến chuyện này có thể tìm được trong phần *Luật tạng* liên hệ đến Kosambī.[3] Sau đây là nội dung tóm tắt câu chuyện.

Tương truyền, thời ấy có hai Tỷ-kheo sống cùng một tinh xá, một vị thông hiểu giới luật và vị kia thông hiểu kinh điển. Một hôm, vị thứ hai có dịp đến chỗ rửa mặt, đi ra và bỏ sót một ít nước thừa để súc miệng trong cái ghè. Sau đó, vị thông hiểu giới luật đi vào và thấy nước, liền đi ra hỏi bạn xem có phải vị ấy đã để nước lại đó chăng. Ông đáp:

– Thưa Hiền giả, vâng.

---

[2] Tham chiếu: *J.* III. 211, *Dīghitikosalajātaka* (*Chuyện Hoàng tử con Vua Dīghiti xứ Kosala*), số §371; *M.* III. 152, *Upakkilesasutta* (*Kinh Tùy phiền não*); *Dh.* v. 3-6, 328-30; *Ud.* 61, *Sadhāyamānasutta* (*Kinh Lời nhiếc mắng*); *Sn.* 6, *Khaggavisāṇasutta* (*Kinh Con tê ngưu một sừng*); *Thag.* v. 275, 494; *Vin.* I. 337; *Trường Thọ Vương bổn khởi kinh* 長壽王本起經 (*T*.01. 0026.72. 0532c09); *Pháp cú kinh* "Song yếu phẩm" 法句經雙要品 (*T*.04. 0210.9. 0562a11); *Pháp cú kinh* "Tượng dụ phẩm" 法句經象喻品 (*T*.04. 0210.31. 0570b10); *Pháp cú thí dụ kinh* "Giáo học phẩm" 法句譬喻教學經 (*T*.04. 0211.2. 0577a15); *Xuất diệu kinh* "Phẫn nộ phẩm" 出曜經忿怒品 (*T*.04. 0212.15. 0693b19); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Oán gia phẩm" 法集要頌經怨家品 (*T*.04. 0213.14. 0784a14).

[3] Xem *Mv.* X. 340.

– Sao, thế Hiền giả không biết đó là lỗi lầm ư?

– Không, tôi không biết.

– Này Hiền giả, đó là lỗi lầm.

– Thế thì tôi sẽ sám hối việc ấy.

– Song nếu Hiền giả không có ý làm việc ấy thì đó không phải lỗi lầm.

Như vậy, vị ấy là người không thấy lỗi lầm trong một việc có lỗi lầm. Vị thông hiểu giới luật bảo các đệ tử mình:

– Vị thông hiểu kinh điển này dù đã phạm lỗi lầm lại không biết việc ấy.

Khi gặp các đệ tử của vị Tỳ-kheo kia, họ bảo:

– Thầy của các vị dù phạm lỗi lầm lại không nhận ra lỗi lầm.

Chúng đệ tử này đi về thưa lại với thầy. Vị ấy bảo:

– Vị thông hiểu giới luật này trước kia bảo đó không phải lỗi lầm, nay lại bảo đó là lỗi lầm. Vị này là kẻ nói dối.

Chúng đệ tử này đi nói với chúng đệ tử kia:

– Thầy của các vị là kẻ nói dối!

Do đó, hai nhóm gây sự tranh cãi lẫn nhau. Về sau, vị thông hiểu giới luật tìm được cơ hội đưa ra một hình thức tẩn xuất vị Tỳ-kheo đã không chịu nhận thấy sự vi phạm giới luật của mình.

Từ đó về sau, các cư sĩ cung cấp bốn vật dụng cần thiết cho Tăng chúng cũng chia ra hai phe. Các Tỳ-kheo-ni nhận sự giáo huấn của các Tỳ-kheo, các vị thần hộ pháp cùng các thân hữu quyến thuộc của họ, cùng chư thiên lên đến tận cõi Phạm thiên, thậm chí cả nhóm người ngoại đạo cũng họp thành hai phái và tiếng huyên náo vang lên đến toàn cõi Phạm thiên.

Sau đó, một Tỳ-kheo đến gần đức Như Lai và thông báo quan điểm của phe tẩn xuất là: "Người kia bị tẩn xuất theo đúng Chánh pháp", và quan điểm của những kẻ theo phe người bị tẩn xuất là: "Người ấy bị tẩn xuất một cách phi pháp." Cùng sự kiện, một số người dù bị phe tẩn xuất cấm đoán vẫn tụ họp lại để ủng hộ vị ấy. Đức Thế Tôn bảo:

– Có sự chia rẽ, quả thật có sự chia rẽ trong Giáo hội.

Ngài đến gặp hai phe, nêu rõ sự tai hại trong vấn đề tẩn xuất đối với những người tẩn xuất, cùng sự nguy hại theo sau sự che giấu lỗi lầm đối với phe kia, rồi Ngài ra đi.

Lần khác, khi hội chúng thực hành lễ Bố-tát cùng các Tăng sự khác trong cùng một nơi, trong một khu vực và lại tranh cãi ở trai đường cùng nhiều nơi khác, Ngài liền đưa ra điều luật rằng họ phải ngồi lại với nhau thảo luận lần lượt từng người một từ mỗi phe. Khi nghe họ vẫn tranh cãi trong tinh xá, Ngài đến bảo:

– Thôi đủ rồi, này các Tỷ-kheo, chúng ta không được tranh cãi!

Một vị trong phe phi chính thống không muốn phiền nhiễu đức Thế Tôn, liền thưa:

– Xin đức Thế Tôn hãy về tinh xá! Mong đức Thế Tôn được an tịnh độc cư, thọ hưởng diệu lạc đã chứng đắc ngay tại đời này! Chúng con sẽ tự làm cho chính bản thân ô danh vì cuộc khẩu tranh, luận tranh, đấu tranh, giao tranh này.

Nhưng bậc Đạo sư bảo họ:

– Này các Tỷ-kheo, ngày xưa, Vua Brahmadatta, quốc vương ở Kāsi, trị vì tại Ba-la-nại, đã chiếm đoạt vương quốc của Vua Dīghati ở Kosala và giết vua ấy, trong lúc vua ấy đang sống ẩn tích mai danh. Đến khi Vương tử Dīghāvu tha mạng Vua Brahmadatta, hai vị trở thành thân hữu trở về sau. Như vậy, chắc hẳn có nhiều khổ đau và thân ái giữa hai vị vua mang kiếm trượng ấy. Quả thật, này các Tỷ-kheo, các ông cần hiểu rõ rằng các ông đang sống đời tu tập theo Pháp và Luật được khéo giảng, thì các ông có thể tha thứ và bày tỏ từ tâm đối với nhau.

Giáo huấn Tăng chúng đến lần thứ ba, Ngài bảo:

– Thôi đủ rồi, này các Tỷ-kheo, không được tranh chấp nữa!

Và khi Ngài thấy họ không ngừng lại trước lệnh của Ngài, Ngài ra đi và bảo:

– Quả thật bọn người ngu si này giống như bị quỷ ám, chúng không dễ được thuyết phục.

Hôm sau, khi đi khất thực về, Ngài nghỉ trong hương phòng và sắp đặt phòng cho thứ tự, rồi cầm y bát, Ngài đứng trên không và ngâm các vần kệ này giữa hội chúng:

10. Khi Giáo hội bị phân chia hai nhóm,
Dân chúng thường mở lớn miệng kêu vang,
“Mỗi người đều tự tin tưởng khôn ngoan,
Và nhìn kẻ láng giềng đầy khinh bỉ.”

11. Tâm mê muội chứa đầy niềm tự thị,
Chúng mở mồm phạm thượng thật si cuồng,
Vậy là do khẩu nghiệp, chúng sai đường,
Chúng không biết ai dẫn đầu ra lệnh.

12. “Người này nhục mạ tôi, người kia đánh,
Người thứ ba chiến thắng, cướp bóc tôi!”
Những ai mang tư tưởng ấy trong người,
Không hề muốn giảm dần niềm sân hận.

13. “Xưa nó nhục mạ tôi và đánh đấm,
Nó thắng tôi và đàn áp tôi hoài!”
Ai chẳng mang ý tưởng đó trong người,
Sẽ xoa dịu hận thù, đem hòa hợp.

14-15. Không hận thù, chỉ tình thương đơn độc,
Làm hận thù tiêu diệt, luật ngàn năm,
Một số người khinh bỉ pháp điều thân,
Song kẻ biết giải hòa là chí thiện.

16. Nếu những kẻ bị thương trong tử chiến,
Cùng những người cướp của, đoạt mạng dân,
Và những ai tàn phá nước lân bang,
Nay có thể cùng cựu thù thân thiết.

17. Thế tại sao chúng Tăng không hòa hiệp,
Các ông nên tìm đồng bạn trí hiền,
Kẻ đồng tâm để chung sống bình yên,
Hiểm họa hết, bên người đồng tâm tính,
Ông suốt ngày hân hoan trong thiền định!

18. Song nếu ông không gặp bạn thân tình,
Thượng sách là ông phải sống một mình,
Như hoàng tử bỏ ngai vàng điện ngọc,
Hay voi già bước lang thang cô độc.

19. Vậy ưu tiên chấp nhận sống độc thân,
Bầu bạn ngu chỉ dẫn đến tranh phân,
Hay đeo đuổi đường đời trong phóng dật,
Như voi nọ trong rừng hoang đi lạc.

Khi bậc Đạo sư đã nói như vậy xong và Ngài vẫn không giải hòa được hội chúng này, Ngài liền đi đến làng Bālaka, nơi làm muối và thảo luận với Tôn giả Bhagu về sự an lạc của độc cư. Sau đó, Ngài lại đến nơi cư trú của ba thiện gia nam tử và nói chuyện với họ về hạnh phúc hòa hợp. Rồi Ngài du hành đến rừng Pārileyyaka, cư trú tại đó ba tháng và đi về thẳng Sāvatthi chứ không trở lại Kosambī. Quần chúng cư sĩ ở Kosambī thảo luận với nhau và bảo nhau:

– Hiển nhiên các Tôn giả Tỷ-kheo ở Kosambī đã làm hại chúng ta rất nhiều, bậc Đạo sư bị các vị ấy quấy nhiễu nên ra đi. Chúng ta quyết không trân trọng kính chào các vị ấy, cũng không cúng dường vật thực khi họ đến nhà, để rồi họ sẽ ra đi, hoặc hoàn tục, hoặc cầu hòa với bậc Đạo sư.

Và họ làm đúng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy bị túng quẫn vì hình thức xử phạt này, liền đến Sāvatthi thỉnh cầu đức Thế Tôn tha thứ.

***

Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua cha là Đại vương Suddhodana (Tịnh Phạn), mẫu hậu là Mahāmāyā (Ma-da) và Vương tử Dīghāvu chính là Ta.

§429. CHUYỆN ĐẠI ANH VŨ (*Mahāsukajātaka*) (*J.* III. 490)

Bất cứ khi nào cây trái sinh...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo.

Chuyện kể rằng, vị ấy sống trong rừng gần một làng biên địa ở Kosala và nhận được lời giáo huấn từ bậc Đạo sư theo các đề tài thiền quán. Dân chúng làm cho ông một am thất trong một nơi họ thường lui tới, cung cấp nơi cư trú cả ngày lẫn đêm, phụng sự ông rất tận tâm và chu đáo. Ngay tháng đầu tiên ông an cư mùa mưa, làng ấy bị đốt sạch và dân chúng không còn một hạt thóc nên không thể cúng dường thực phẩm thơm ngon vào bình bát của ông. Cho nên, mặc dù ông ở trong một nơi thoải mái, ông lại buồn khổ vì thiếu thực phẩm đến độ không thể nhập vào Thánh đạo hay Thánh quả được.

Vì vậy, khi hết ba tháng mưa, ông đến yết kiến bậc Đạo sư. Sau những lời ân cần chào hỏi, bậc Đạo sư bày tỏ hy vọng là mặc dù khó khăn về thực phẩm cúng dường, ông cũng có được một nơi an trú dễ chịu. Vị Tỷ-kheo trình Ngài về tình hình đã diễn tiến ra sao, khi nghe ông có được một trú xứ an lạc, bậc Đạo sư bảo:

– Này Tỷ-kheo, nếu sự tình là như vậy, một vị tu khổ hạnh nên dẹp bỏ các thói tham đắm và nên tri túc với những thức ăn gì mình nhận được để hoàn thành phận sự của người xuất gia. Các bậc trí ngày xưa khi được sinh vào loài súc vật, dù chỉ sống bằng bụi bặm trong cây hư mục mà mình cư trú cũng đã bỏ mọi tham dục, tự biết sống đủ để ở lại nơi kia và hoàn thành đạo lý về ân tình. Thế thì tại sao ông lại bỏ một nơi cư trú đầy an lạc chỉ vì thức ăn nhận được quá ít ỏi thô sơ?

Và theo lời thỉnh cầu của vị này, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, có vô số chim anh vũ (két) sống ở vùng Tuyết sơn trên bờ sông Hằng trong một rừng sung. Vua anh vũ ấy gặp lúc trái cây nơi mình cư trú đã hết mùa, phải ăn bất cứ cái gì còn sót lại, dù là mầm, lá, vỏ cây hoặc giác cây và uống nước sông Hằng, vẫn thấy an lạc và tri túc nơi mình sống.

Do tâm trạng an lạc và tri túc này, chiếc ngai của Thiên chủ Sakka rung động. Sakka tìm hiểu nguyên nhân và thấy anh vũ này. Rồi muốn thử thách công hạnh của chim, ngài dùng thần lực làm cho cây héo tàn, trở thành khúc thân cây mục đầy lỗ hổng đứng chơ vơ bị mưa gió vùi dập và bụi bặm bay ra từ các lỗ ấy. Anh vũ vương vẫn ăn bụi cây và uống nước sông Hằng, không đi đâu khác và vẫn đậu trên ngọn cây, chẳng quan tâm gì đến nắng gió.

Thiên chủ Sakka nhận thấy anh vũ sống rất tri túc, liền tự bảo: "Sau khi nghe chim nói về đức tính của tình bằng hữu, ta sẽ đến ban cho chim một đặc ân và làm phép cho cây sung sinh trái bất tử." Vì thế, ngài giả dạng một thiên nga cùng với hoàng hậu của ngài là Sujā đi trước, biến hình thành một nữ thần

a-tu-la, ngài đến rừng sung kia, đậu trên một khóm cây gần đó và ngâm kệ bắt đầu đàm thoại với anh vũ:

20. Bất cứ khi nào cây trái sinh,
Bầy chim đói lại đến đầy cành,
Song khi cây đã thành khô héo,
Lập tức bầy chim bỏ chạy nhanh.

Sau lời này, ngài lại ngâm vần kệ thúc giục chim đi chỗ khác:

21. Này ông mỏ đỏ, hãy đi mau,
Ông vẫn ngồi mơ mộng, cớ sao?
Hãy nói ta nghe, xuân điểu hỡi,
Sao ông bám khúc gỗ khô này?

Chim anh vũ đáp:

– Này thiên nga, do ân nghĩa, ta không rời bỏ cây này.

Rồi chim ngâm hai vần kệ:

22-24. Những ai thân thiết tự ngày xuân,
Biết rõ mọi điều thiện, chánh chân,
Dầu sống, chết hay khi khổ lạc,
Đều không hề bỏ mặc thân bằng.

Ta muốn ân cần giữ thiện tâm,
Với cây kết bạn đã lâu năm,
Ta mong sống, dẫu lòng không nỡ,
Rời bỏ cây khô đã chết dần.

Sakka nghe chim nói, rất hoan hỷ, vừa ca ngợi chim vừa muốn ban cho chim một điều ước, liền ngâm hai vần kệ:

25. Ta biết chim giao hữu thật tình,
Trí nhân chắc chắn phải hoan nghênh,
Ta ban chim thứ gì mong muốn,
Anh vũ ước cho thỏa ý mình.

Nghe vậy, anh vũ vương ngâm vần kệ thứ bảy nói lên điều mình ước:

26. Thiên nga, nếu bạn muốn ban ân,
Mong ước cho cây sống lại dần,
Lần nữa vươn lên sức mạnh cũ,
Quả ngon tươi mát mọc đầy thân.

Rồi Thiên chủ Sakka ngâm vần kệ thứ tám ban đặc ân này:

27. Bạn nhìn cây quý quả sai đầy,
Thích hợp cho chim ở chốn này,
Lần nữa vươn lên sức mạnh cũ,
Quả ngon ngọt mát lại tươi thay!

Cùng với các lời này, Sakka bỏ lốt thiên nga, thị hiện phép thần thông cùng Hoàng hậu Sujā lấy tay múc nước sông Hằng rảy vào thân cây sung. Lập tức, cây mọc lên cành lá sum suê đầy trái ngọt như mật, tạo thành một cảnh tượng kỳ diệu như đỉnh núi Ngọc Bích lồ lộ. Anh vũ thấy vậy, vô cùng hoan hỷ ngâm vần kệ thứ chín tán thán Thiên chủ Sakka:

28. Ước mong Thiên chủ, mọi thiên thần,
Đều hưởng thọ tràn ngập phước ân,
Hạnh phúc như chim đang thọ hưởng,
Khi nhìn cảnh tượng đẹp huy hoàng.

Sau khi ban điều ước cho anh vũ và làm phép để cây sung mọc trái bất tử, ngài cùng Hoàng hậu Sujā trở về cõi của ngài.

Để minh họa chuyện này, các vần kệ xuất phát từ trí tuệ tối thắng của bậc Giác ngộ được thêm vào đoạn cuối:

29. Ngay khi anh vũ chúa cầu mong,
Lần nữa cây kia trổ trái dần,
Đế-thích cùng bà hoàng biến mất,
Về vườn Thiên Lạc cõi thiên thần.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này Tỷ-kheo, các bậc trí này xưa dù sinh làm súc vật cũng dứt bỏ tham ái. Thế tại sao nay ông đã được thọ giới trong giáo pháp tối thượng này, lại còn theo các thói xan tham? Hãy về ở lại chỗ ấy!

Rồi Ngài trao cho vị này một đề tài thiền quán và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà) và anh vũ vương chính là Ta.

Vị Tỷ-kheo trở về và nhờ thiền quán đã đắc Thánh quả A-la-hán.

§430. CHUYỆN TIỂU ANH VŨ (*Cullasukajātaka*)[4] (*J.* III. 494)

Nhìn cây vô số ở quanh đây...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên, liên hệ đến *Phẩm Verañjā* của *Luật tạng*.[5]

Sau thời an cư mùa mưa tại Verañjā, khi bậc Đạo sư lên đường dẫn đến Sāvatthi, Tăng chúng ngồi tại pháp đường thảo luận và bảo nhau:

– Này các Hiền giả, đức Như Lai vốn là một vị quý tộc Sát-đế-lỵ được bảo dưỡng tế nhị, dù đã thành Phật có đủ thần thông lực, vẫn theo lời thỉnh cầu của một Bà-la-môn ở Verañjā an cư ba tháng với vị ấy. Rồi do áp lực của Ác ma, Ngài

[4] Bản Tích Lan viết *Cullasukajātaka*. Bản CST viết *Cūḷasuvajātaka*. Bản Thái Lan viết *Cullasuvakarājajātaka*.

[5] Xem *Vin.* III. 1ff.

không nhận được thực phẩm cúng dường từ tay vị Bà-la-môn ấy thậm chí một ngày thôi, Ngài liền từ bỏ mọi tham dục và cứ ở lại nơi ấy suốt ba tháng sống bằng nước lã và một ít cám xay. Kỳ diệu thay là hạnh tri túc của các đức Như Lai!

Khi bậc Đạo sư đến hỏi đề tài thảo luận của các vị, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không lạ gì ngày nay Như Lai đã bỏ hết mọi tham dục, vì ngày xưa khi được sinh làm súc vật, Ta cũng xả ly tham dục.

Và sau đó, Ngài kể một chuyện quá khứ. Bấy giờ, toàn bộ câu chuyện cũng được kể lại với đầy đủ chi tiết giống như chuyện trước.

***

[Sakka:]

30. Nhìn cây vô số ở quanh đây,
Toàn thể xanh tươi, trái mọc đầy,
Cớ sao anh vũ còn đeo đẳng,
Cây đã héo khô tội nghiệp này?

[Anh vũ:]

31. Chúng ta hưởng thọ đã lâu năm,
Trái ngọt ngon mà cây đã mang,
Vậy dẫu trái nay không còn nữa,
Cây cần phải được sự quan tâm.

[Sakka:]

32. Cây chẳng còn sinh trái, lá nào,
Than ôi! Cây đã chết, vì sao,
Nay chim còn trách bầy chim bạn,
Rằng chúng bay đi hết đã lâu?

[Anh vũ:]

33. Chúng yêu cây bởi trái cây thôi,
Nay trái cây không có nữa rồi,
Bọn ích kỷ ngu si tội nghiệp,
Thân tình ân nghĩa tếch mù khơi!

[Sakka:]

34. Ta đây công nhận mối ân tình,
Chim có lòng chung thủy tốt lành,
Đức hạnh như là anh vũ chúa,
Trí nhân mãi mãi sẽ hoan nghênh.

35. Ta muốn giờ đây ta tặng chim,
Điều gì chim ước nguyện trong tim,
Ta cầu chim nói cho ta biết,
Điều ước làm tâm được phỉ nguyền?

[Anh vũ:]

36. Mong cây này lại có cơ may,
Sinh sản lá tươi, trái trĩu đầy,
Ta sẽ vô cùng hoan hỷ thấy,
Bầy chim tìm được bảo tàng này!

37. Thế rồi cây ấy được Sakka,
Rảy nước hồi sinh để mọc ra,
Cành lá sum suê đầy bóng mát,
Xinh tươi khả ái vẫn như xưa.

38. Ước mong Thiên chủ, các thiên thần,
Đều hưởng thọ tràn ngập phước ân,
Hạnh phúc như chim đang thọ hưởng,
Khi nhìn cảnh tượng đáng hân hoan!

39. Như vậy là cây trái được sinh,
Nhờ lời anh vũ nguyện ân tình,
Sakka trở lại cùng hoàng hậu,
An hưởng vườn Thiên Lạc hiển vinh.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Sakka là Anuruddha và anh vũ vương chính là Ta.

§431. CHUYỆN NAM TỬ HĀRITA (*Hāritajātaka*) (*J.* III. 496)

Hāri hiền hữu, trẫm nghe rằng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo bất mãn.

Bấy giờ, Tỷ-kheo này trở nên bất mãn sau khi nhìn thấy một nữ nhân phục sức lộng lẫy, nên cứ để cho lông tóc, móng tay, móng chân dài ra và muốn hoàn tục. Khi ông miễn cưỡng bị các vị Giáo thọ sư và giám hộ đưa đi yết kiến bậc Đạo sư, Ngài hỏi xem có đúng là ông thối thất chăng và tại sao như vậy, ông đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn, chính vì uy lực của dục tham sau khi nhìn thấy một nữ nhân xinh đẹp.

Bậc Đạo sư bảo:

– Này Tỷ-kheo, tham dục hủy hoại công đức, hơn nữa rất đáng nhàm chán, nó làm cho con người tái sanh vào địa ngục, thế thì sao tham dục này lại không đưa đến sự suy tàn của ông? Bởi vì trận cuồng phong vùi dập đỉnh núi Sineru (Tu-di) vẫn không ngần ngại cuốn đi một ngọn lá khô héo. Chính vì tham dục này, những người thực hành theo tri kiến và trí tuệ đã đắc năm thắng trí và tám thiền chứng, dẫu là Thánh nhân vĩ đại vẫn không đủ khả năng ổn định tâm tư nên sa đọa đánh mất thiền lực vi diệu.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh ở một làng trong một gia đình Bà-la-môn có tài sản đến tám triệu đồng và do màu vàng ánh của ngài, cha mẹ đặt tên ngài là Hāritakumāra (nam tử Kim Sắc). Khi lớn khôn và đã được giáo dục tại Takkasilā, ngài trở thành vị gia chủ. Sau khi cha mẹ từ trần, ngài đi kiểm tra tất cả các kho báu của mình và suy nghĩ: "Tài sản kho báu tiếp tục tồn tại, còn những người tạo ra nó lại mất cả rồi. Ta cũng phải tan thành tro bụi khi chết."

Như vậy, do nỗi sợ chết báo động, ngài thực hành đại bố thí, rồi vào vùng Tuyết sơn sống đời tu hành, đến ngày thứ bảy ngài thành tựu các thắng trí và các thiền chứng. Ngài sống ở đó một thời gian bằng củ quả rừng, rồi xuống núi tìm muối và giấm, dần dần ngài đến tận Ba-la-nại.

Ngài sống trong ngự viên và ngày hôm sau khi đi khất thực ngài đến cửa cung vua. Vua rất hoan hỷ khi thấy ngài nên đã truyền mời ngài vào ngồi trên vương tòa dưới bóng mát của chiếc lọng trắng và cúng dường ngài đủ thứ cao lương mỹ vị. Khi nói lời tùy hỷ công đức, vua vô cùng đẹp ý hỏi:

– Bạch Tôn giả, ngài sắp đi đâu?

– Tâu Đại vương, chúng tôi tìm một nơi an cư mùa mưa.

Vua bảo:

– Thế thì tốt lắm, bạch Tôn giả!

Rồi sau buổi điểm tâm, vua cùng đi với ngài đến ngự viên, truyền dựng am thất ban ngày lẫn ban đêm cho ngài ở, chỉ định người giữ ngự viên làm người hầu cận của ngài, rồi vua kính chào ngài ra về. Từ đó, bậc Đại sĩ thường xuyên ăn uống ở cung vua và sống tại nơi ấy suốt mười hai năm liền.

Một hôm, vua đi dẹp loạn ở biên giới nên đã giao phó cho hoàng hậu chăm sóc Bồ-tát và bảo bà:

– Đừng xao lãng việc phụng sự "Phước điền" của chúng ta!

Từ đó trở về sau, hoàng hậu tự tay phục vụ bậc Đại sĩ rất chu đáo.

Một hôm, hoàng hậu đã chuẩn bị thực phẩm cho ngài xong và vì ngài đến muộn nên bà đi tắm nước hương thơm ngát, choàng chiếc y bằng lụa mỏng manh mềm mại, rồi mở cửa thượng lầu nằm xuống một vương sàng nhỏ để cho gió lùa trên thân thể bà.

Sau đó, Bồ-tát đắp hạ y và thượng y, cầm bình bát du hành qua không gian đi vào cửa sổ ấy. Khi hoàng hậu vội vàng đứng dậy vì nghe tiếng sột soạt của các tấm y bằng vỏ cây trên thân ngài, chiếc y bằng lụa mỏng rơi khỏi người bà. Một đối tượng lạ thường đập vào mắt bậc Đại sĩ. Rồi một dục tưởng đã ẩn trong tâm ngài từ vô lượng kiếp chợt bừng dậy như một con rắn nằm trong hộp, xua tan thiền lực của ngài.

Rồi không đủ khả năng ổn định tư tưởng, ngài đến chụp lấy hoàng hậu bằng đôi tay và hai vị lập tức kéo màn che phủ quanh người. Sau khi đã phạm tà dục với bà, ngài thọ thực và trở về ngự viên. Từ đó về sau, ngày nào ngài cũng đến làm như vậy. Tà hạnh của ngài vang dậy khắp kinh thành. Các cận thần của vua dâng sớ tâu trình vua: "Nhà khổ hạnh Hārita đang hành động như vậy, như vậy."

Vua suy nghĩ: "Họ nói như vậy để ly gián chúng ta" và vua không tin chuyện ấy. Khi vua đã bình định vùng biên địa xong, liền trở về Ba-la-nại và sau buổi diễn binh oai nghi khắp kinh thành, vua đến gặp hoàng hậu và hỏi:

– Có thật Thánh nhân khổ hạnh Hārita đã phạm tà dục với ái hậu chăng?

– Tâu Chúa thượng, quả đúng vậy.

Vua vẫn không tin lời bà và suy nghĩ: "Ta sẽ hỏi chính vị ấy." Rồi đi đến ngự viên, vua vái chào ngài, ngồi kính cẩn một bên và ngâm vần kệ đầu để hỏi chuyện:

40. Hāri hiền hữu, trẫm nghe rằng,
Tôn giả nay đang sống lỗi lầm,
Trẫm chẳng tin lời đồn đại ấy,
Ngài không phạm tội ý, thân chăng?

Ngài suy nghĩ: "Nếu ta nói ta không phạm tội lỗi, vị vua này sẽ tin ta nhưng trên thế gian này không có một căn cứ nào vững chắc bằng nói sự thật. Người nào từ bỏ sự thật, dù ngồi trong Bồ-đề đạo tràng linh thiêng cũng không thể đạt quả Phật. Vậy ta cần nói sự thật!"

Trong vài trường hợp, một vị Bồ-tát có thể sát sanh, lấy của không cho, phạm tà dục và uống rượu nồng nhưng vị ấy không được phép nói dối đi kèm với sự lừa phỉnh vi phạm chân lý của vạn vật. Vì thế, ngài ngâm vần kệ thứ hai chỉ nói lên sự thật:

41. Ta phạm ác hành, hỡi Đại vương,
Đúng như ngài đã được nghe rằng,
Mắc vào tà thuật trong trần thế,
Ta đã đi sai lạc bước đường.

Nghe vậy, vua ngâm vần kệ thứ ba:

42. Trí tuệ uyên thâm của thế nhân,
Hoài công vô ích, chẳng xua tan,
Dục tham bùng dậy trong lòng dạ,
Của bậc trí nhân đã lạc đường.

Sau đó, Hārita nêu rõ cho vua thấy uy lực của dục tham qua vần kệ thứ tư:

43. Bốn ác dục này ở thế gian,
Uy quyền lấn áp cứ lan tràn,
Tham, sân, vô độ và si ám,
Tri kiến không sao đứng vững vàng.

Vua nghe liền ngâm vần kệ thứ năm:

44. Thánh hạnh tràn đầy với trí minh,
Hāri hiền giả đáng tôn vinh!

Hiền giả Hārita ngâm tiếp vần kệ thứ sáu:

45. Ác tâm, tham dục do liên kết,
Hủy hoại trí nhân hướng Thánh hành.

Sau đó, vua ngâm vần kệ thứ bảy khuyên nhủ vị ấy quẳng bỏ mọi tham dục:

46. Vẻ đẹp trong tâm tịnh sáng ngời,
Bị hư vì ác dục sinh sôi,
Quẳng ngay, hạnh phúc đang chờ đón,
Quần chúng tuyên dương trí tuệ ngài!

Khi ấy, Bồ-tát đã phục hồi năng lực thiền định và quán sát sự đau khổ của tham dục, ngài ngâm vần kệ thứ tám:

47. Vì tham dục trói buộc thân này,
Sinh sản cho ta quả đắng cay,
Ta quyết cắt sâu cho tận gốc,
Mọi mầm tham dục khởi lên đây.

Nói vậy xong, ngài xin phép vua, rồi sau khi được chấp nhận, ngài về thảo am tập trung nhãn lực vào đề tài và nhập định. Sau đó, ngài bước ra khỏi am, ngồi bắt tréo chân trên không và giảng Chánh pháp cho vua, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, ta đã tạo nên sự chỉ trích của quần chúng vì ta cư trú một nơi mà ta không nên cư trú. Nhưng giờ đây, xin Đại vương hãy tỉnh giác hộ phòng! Còn ta sẽ trở về núi rừng thoát ly mọi ô nhiễm của nữ sắc.

Rồi giữa những giọt nước mắt và tiếng than khóc của vua, ngài trở về Tuyết sơn, rồi không gián đoạn thiền định, ngài lên cõi Phạm thiên.

***

Bậc Đạo sư biết toàn thể câu chuyện và bảo:

48. Như vậy, Hāri bậc trí nhân,
Đấu tranh vì Chánh pháp kiên cường,
Vừa khi rời bỏ niềm tham dục,
Hướng đến Phạm thiên tiến thẳng đường.

Sau khi ngâm vần kệ từ trí tuệ tối thắng, Ngài tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo có tâm thế tục ấy đã đắc Thánh quả.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời bấy giờ, vua là Ānanda và Hārita chính là Ta.

§432. CHUYỆN CẬU BÉ CÓ TÀI NHẬN DẤU CHÂN

(***Padakusalamāṇavajātaka***) (*J.* III. 501)

Pāta bị cuốn bởi sông Hằng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi trú tại Kỳ Viên về một cậu bé.

Người ta đồn cậu bé ấy là con của một gia chủ tại Sāvatthi, chỉ mới bảy tuổi đã có tài nhận ra dấu chân. Bấy giờ, cha cậu bé có ý định thử tài con, liền đi đến nhà người bạn mà không cho cậu biết. Cậu bé chẳng cần hỏi cha đã đi đâu, cứ theo vết chân của cha cậu, đến đứng trước mặt cha. Vì thế, một hôm cha cậu hỏi:

– Khi cha ra đi mà không nói với con, làm thế nào mà con biết cha đi đâu?

– Thưa cha, con nhận ra dấu chân của cha. Con có tài về chuyện này.

Sau đó, cha cậu lại muốn thử cậu, liền ra khỏi nhà sau khi ăn sáng, đi vào nhà kế cận, từ đó qua một nhà khác, từ nhà thứ ba ông lại quay về nhà mình, rồi sau đó đi ra cổng Bắc, xong đi một vòng quanh thành phố từ phải sang trái. Khi đến Kỳ Viên, ông đảnh lễ bậc Đạo sư, rồi ngồi xuống nghe pháp. Cậu bé hỏi cha ở đâu và người nhà báo:

– Ta không biết.

Cậu lần theo dấu chân cha bắt đầu từ nhà bên cạnh đi theo đúng con đường cha cậu đã đi qua. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo sư, cậu đứng trước mặt cha. Khi cha hỏi làm sao con đến đây được, cậu đáp:

– Con nhận ra dấu chân cha và lần theo dấu ấy đến đây.

Người cha nói:

– Bạch Thế Tôn, thằng bé này có tài nhận ra dấu chân. Muốn thử nó, con đã đến đây theo cách như vầy, như vầy. Nó không thấy con ở nhà, cứ lần theo dấu chân đến đây.

Bậc Đạo sư bảo:

– Không lạ gì việc nhận ra dấu chân dưới đất. Các bậc trí nhân ngày xưa còn nhận ra dấu chân trên không gian.

Và theo lời thỉnh cầu, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Thời xưa, dưới triều Vua Brahmadatta ở Ba-la-nại, vị chánh hậu bị vua chất vấn sau khi phạm tội tà dục, liền tuyên thệ:

– Nếu thần thiếp phạm tội với Chúa thượng, thần thiếp sẽ trở thành một con quỷ dạ-xoa cái có mặt ngựa.

Sau khi chết, bà trở thành con quỷ cái có mặt ngựa sống trong hang đá ở một khu rừng rậm dưới chân núi và thường bắt những người qua lại trên con đường từ biên giới Đông sang Tây để ăn thịt. Chuyện kể rằng, sau khi phục vụ

Thiên vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn) suốt ba năm, quỷ cái này được phép ăn thịt người trong một khu vực dài ba mươi do-tuần, rộng năm do-tuần.

Một hôm, một vị Bà-la-môn giàu sang, đẹp trai được một đoàn tùy tùng đông đảo hộ tống đi trên con đường ấy. Dạ-xoa thấy chàng liền cười lớn chạy xuống chụp chàng, còn đám tùy tùng chạy trốn cả. Với tốc lực nhanh như gió, quỷ cái bắt được chàng Bà-la-môn ném lên lưng nó và đưa vào hang. Do xúc chạm với chàng trai, quỷ cái bị lòng dục chi phối và cảm thấy yêu mến chàng nên thay vì ăn thịt chàng, nó lại lấy chàng làm chồng và cả hai sống hòa hợp với nhau.

Từ đó, mỗi khi quỷ cái bắt được đàn ông, nó lấy áo quần, lúa gạo, dầu mỡ cùng với mọi thứ khác phục vụ chàng đủ món cao lương mỹ vị, còn nó vẫn ăn thịt người. Khi nào nó đi xa, nó sợ chàng trốn thoát nên lấy hòn đá lớn đậy miệng hang trước khi đi. Trong thời gian họ sống an vui như vậy thì Bồ-tát vừa giã từ đời trước và nhập vào mẫu thai của quỷ cái với vị Bà-la-môn. Sau mười tháng, quỷ cái sinh một con trai, nó vô cùng thương yêu cả vị Bà-la-môn lẫn hài nhi nên nuôi nấng họ chu đáo. Dần dần, khi cậu bé lớn lên, quỷ cái đặt con vào trong hang với cha, rồi đóng cửa lại.

Một hôm, Bồ-tát biết mẹ đã đi xa liền giở hòn đá lên và đưa cha ra ngoài. Khi quỷ cái trở về, hỏi ai đã giở hòn đá, cậu bé đáp:

– Thưa mẹ, chính con, vì cha và con không thể ngồi trong tối mãi.

Do thương con, quỷ cái không nói lời nào nữa. Một hôm, Bồ-tát hỏi cha:

– Thưa cha, miệng cha khác với miệng mẹ, vì sao vậy?

– Con ơi, mẹ con là quỷ dạ-xoa sống bằng thịt người, còn cha và con là người.

– Nếu vậy, tại sao ta sống ở đây? Mau lên, chúng ta quyết trở về nơi chốn loài người.

– Con ơi, nếu ta cố chạy trốn, mẹ con sẽ giết chết cả hai ta đấy.

Bồ-tát an ủi cha và bảo:

– Cha đừng sợ, việc đem cha trở về chốn loài người là phận sự của con.

Hôm sau, khi mẹ cậu đã ra đi, cậu đem cha chạy trốn. Khi quỷ cái trở về thấy thiếu họ, nó liền chạy như gió bắt họ lại và nói:

– Này chàng Bà-la-môn, tại sao chàng bỏ chạy, chàng có thiếu gì ở đây chăng?

– Nàng ơi, xin đừng giận ta. Con nàng đem ta đi theo nó đấy!

Quỷ cái không nói gì thêm, do lòng thương con, nó an ủi hai cha con và mang họ trở về hang sau vài ngày bay vùn vụt.

Bồ-tát suy nghĩ: "Mẹ ta chắc hẳn phải có một ranh giới hoạt động. Giả sử ta hỏi mẹ về ranh giới mà mẹ có quyền hạn, rồi ta sẽ đi trốn bằng cách vượt qua ranh giới đó." Vì vậy, một hôm ngồi kính cẩn bên mẹ, ngài hỏi:

– Mẹ ơi, những gì thuộc về mẹ đều truyền cho con, vậy mẹ hãy nói cho con biết ranh giới vùng đất của chúng ta.

Quỷ cái liền cho biết mọi phạm vi đất đai núi rừng ở mọi hướng và chỉ rõ khu vực dài ba mươi do-tuần, rộng năm do-tuần ấy, xong lại bảo:

– Hãy xem, nó nhiều như vậy đấy con à!

Sau hai ba ngày, khi mẹ đã vào rừng, ngài cõng cha lên vai và chạy nhanh như gió theo dấu hiệu mẹ ngài đã cho biết, ngài đến bờ sông làm ranh giới. Quỷ cái trở về thấy thiếu họ liền đuổi theo. Bồ-tát mang cha ra giữa sông, còn quỷ cái đứng bên bờ thấy họ đã vượt phạm vi của nó, đành phải đứng lại và kêu:

– Con yêu quý ơi, hãy đến đây cùng với cha con! Mẹ có lỗi lầm gì nào? Có việc gì không vừa lòng con về phương diện nào? Xin chàng hãy trở về mau!

Quỷ cái van xin chồng con như vậy. Vị Bà-la-môn đã qua bên kia sông. Quỷ cái lại khẩn cầu con:

– Con yêu quý ơi, đừng làm như vậy. Hãy trở lại mau!

– Mẹ ơi, cha và con là người, còn mẹ là quỷ dạ-xoa. Cha và con không thể ở mãi với mẹ được.

– Thế con không muốn trở lại à?

– Không, mẹ ơi!

– Vậy nếu con không muốn trở lại mà sống trên thế giới loài người khổ lắm con ạ, những người không biết nghề gì thì không thể sống được. Mẹ có phép thuật cao cường, nhờ thần lực đó, ta có thể theo dõi dấu chân của người đã đi qua sau mười hai năm. Điều này sẽ làm kế sinh nhai của con. Này con, hãy nhận lấy phép thuật vô giá này!

Mặc dù lòng nặng trĩu đau buồn, do lòng thương con, quỷ cái cũng trao thần chú cho con. Bồ-tát đứng giữa sông chắp hai tay lại kính cẩn nhận thần chú và vái chào mẹ ngài:

– Mẹ ơi, con xin từ giã mẹ!

Quỷ cái bảo:

– Con ơi, nếu con không trở lại, mẹ không thể sống được.

Nó liền đấm vào ngực và ngay lập tức do sầu não vì con, tim nó tan nát ra nên nó chết tại chỗ. Bồ-tát biết mẹ đã chết, liền gọi cha và đi làm giàn hỏa thiêu xác mẹ. Sau khi dập tắt lửa, ngài cúng nhiều loại hoa đủ màu sắc, vừa than khóc vừa cùng cha trở về Ba-la-nại. Quân hầu tâu trình vua:

– Một cậu thanh niên có tài nhận ra dấu chân đang đứng chờ ở cửa.

Khi vua ra lệnh ngài vào chầu, ngài bước vào cung kính vái chào vua. Vua hỏi:

– Này hiền hữu, khanh biết nghề gì?

– Tâu Chúa thượng, tiểu thần biết theo dõi dấu chân của người đã trộm cắp tài vật cách mười hai năm trước và bắt lấy họ.

Vua bảo:

– Thế thì vào đây hầu hạ trẫm.

– Tiểu thần muốn phục vụ Chúa thượng với tiền công mỗi ngày một ngàn đồng.

– Tốt lắm, này hiền hữu, nhất định khanh sẽ phục vụ trẫm.

Rồi vua ban cho ngài một ngàn đồng tiền mỗi ngày. Một hôm, vị tế sư hoàng gia trình vua:

– Tâu Chúa thượng, chàng thanh niên chưa sử dụng xảo thuật để làm gì cả nên ta không biết chàng có tài hay không, vậy bây giờ ta quyết thử tài chàng.

Vua sẵn sàng chấp nhận. Hai vị thông báo cho các vị thủ kho và lấy các châu báu có giá trị nhất từ lầu thượng xuống, rồi sau khi đi lẩn quẩn ba vòng quanh cung điện, họ đặt cái thang trên nóc tường và theo đó đi ra ngoài.

Sau đó, họ vào pháp đình, ngồi xuống rồi trở ra đặt cái thang trên tường và leo xuống đi vào thành. Khi đến bờ hồ nước, họ đi vòng quanh ba vòng rất trang nghiêm, rồi thả các báu vật vào hồ và trèo lên lầu thượng như cũ.

Hôm sau có tiếng huyên náo và nhiều người kêu:

– Các báu vật đã bị mất trộm khỏi cung rồi.

Vua giả vờ không biết gì, triệu Bồ-tát đến bảo:

– Này hiền hữu, nhiều báu vật vừa bị mất trộm khỏi cung, ta phải tìm ra dấu vết.

– Tâu Chúa thượng, đối với một người có khả năng theo dấu vết bọn trộm cắp và thu hồi bảo vật cách mười hai năm trước thì chẳng có gì thần kỳ khi tìm được tài vật chỉ mất sau một ngày một đêm. Tiểu thần quyết đem lại đủ, xin Chúa thượng yên tâm.

– Vậy hiền hữu hãy thu hồi báu vật.

– Tâu Chúa thượng, được lắm.

Ngài nói xong, đi đảnh lễ hương hồn mẹ, rồi vừa niệm thần chú vừa đứng yên trên thượng lầu, rồi trình vua:

– Tâu Chúa thượng, dấu chân của bọn trộm sẽ được tìm ra.

Sau đó, theo dấu chân vua và vị tế sư, ngài vào cung thất, từ đó ra đi, ngài bước xuống khỏi thượng lầu và sau ba vòng đi quanh hoàng cung, ngài đến gần cái hồ. Đứng bên hồ, ngài bảo:

– Tâu Chúa thượng, bắt đầu ở nơi này từ bức tường, tiểu thần thấy dấu chân trên không. Xin đem cho tiểu thần một cái thang.

Sau khi nhờ đặt cái thang sát tường, ngài leo xuống và vẫn tiếp tục theo dõi dấu vết, ngài đến pháp đình. Rồi trở vào cung, ngài bảo đặt cái thang sát

tường và từ đó ngài leo xuống đi đến hồ nước. Sau khi đi quanh hồ nước ba lần, ngài bảo:

– Tâu Chúa thượng, bọn trộm đã vào hồ này.

Và vừa lấy báu vật ra như thể chính ngài đặt chúng vào đó, ngài dâng vua và trình:

– Tâu Chúa thượng, hai đạo tặc này là người đặc biệt, chúng đã vào cung bằng cách này.

Quần thần búng ngón tay biểu lộ hân hoan cực độ và rất nhiều khăn quàng tung vẫy lên. Vua suy nghĩ: “Có lẽ chàng trai này theo dõi dấu chân nên biết nơi bọn trộm cất báu vật nhưng chàng không bắt được chúng.” Sau đó, vua phán:

– Hiền hữu đã mang lại ngay báu vật được bọn trộm mang đi nhưng khanh có thể bắt bọn trộm và đưa chúng cho trẫm chăng?

– Tâu Chúa thượng, bọn trộm ở đây, chúng không ở đâu xa.

– Chúng là ai thế?

– Tâu Đại vương, bất cứ ai thích đều có thể làm kẻ trộm cả. Đại vương đã thu hồi báu vật rồi, sao Đại vương còn muốn bắt trộm làm gì nữa? Xin Đại vương đừng hỏi chuyện ấy.

– Này hiền hữu, trẫm ban cho khanh mỗi ngày một ngàn đồng tiền, vậy hãy đem bọn trộm đến cho trẫm.

– Tâu Chúa thượng, khi đã thu hồi báu vật, thì cần gì bắt bọn trộm nữa?

– Này hiền hữu, đối với mọi người, bắt bọn trộm còn quan trọng hơn thu hồi báu vật.

– Thế thì, tâu Chúa thượng, tiểu thần sẽ không tâu với Chúa thượng: “Bọn trộm là những người này, người nọ” nhưng tiểu thần sẽ kể một chuyện xảy ra đã lâu. Nếu Chúa thượng thông thái, Chúa thượng sẽ biết ý nghĩa của nó.

Rồi sau đó, ngài kể một chuyện cổ.

***

CHUYỆN VŨ CÔNG PĀṬALA

– Tâu Đại vương, ngày xưa có một vũ công tên là Pāṭala sống không xa thành Ba-la-nại, trong một ngôi làng bên bờ sông. Một hôm, y vào Ba-la-nại cùng với vợ và sau khi kiếm được tiền nhờ múa hát, y ăn cơm uống rượu no say vào dịp lễ hội chấm dứt.

Trên đường trở về làng cũ, y đến bờ sông vừa ngồi ngắm dòng nước chảy vừa uống rượu nồng. Trong lúc đang say không biết mình sức yếu, y bảo: “Ta sẽ buộc ống sáo lớn vào cổ và đi xuống sông.” Y dắt vợ trong tay bước dần xuống sông. Nước vào trong các lỗ ống sáo, rồi sức nặng của ống sáo làm y bắt đầu chìm xuống. Nhưng khi người vợ thấy y chìm dần, nàng bỏ mặc y, bước lên khỏi sông và đứng trên bờ.

Vũ công Pāṭala lúc chìm lúc nổi và bụng trướng lên vì uống nước. Vì vậy, vợ y suy nghĩ: "Chồng ta sắp chết, ta muốn xin chàng một bài hát và sẽ kiếm sống nhờ hát giữa đám đông", và nói:

– Chàng ơi, chàng sắp chìm xuống nước, xin hãy cho thiếp một bài hát, nhờ đó thiếp tìm ra cách nuôi thân!

Rồi nàng ngâm vần kệ:

49. Pāṭa bị cuốn bởi sông Hằng,
Ca vũ tài hoa tiếng lẫy lừng,
Chàng hỡi! Chàng trôi theo sóng nước,
Xin chàng cho thiếp khúc ca ngâm!

Lúc ấy, vũ công Pāṭala nói:

– Nàng ơi, làm sao cho nàng một khúc ca bây giờ đây? Nước vốn là nguồn cứu khổ cho con người, nay đang giết ta.

Và y ngâm một vần kệ:

50. Những người đang bất tỉnh mê man,
Nhờ tưới nước vào để cứu thương,
Ta bị chết ngay trong sóng nước,
Nơi nương tựa đã hóa tai ương.

Bồ-tát muốn giải thích vần kệ này, bảo:

– Tâu Đại vương, giống như nước là nơi nương tựa của mỗi con người. Cũng vậy, là vua chúa đối với dân. Nếu hiểm họa phát sinh từ vua chúa thì còn ai đề phòng được hiểm họa ấy nữa? Tâu Đại vương, đây là một vấn đề bí mật. Tiểu thần vừa kể một câu chuyện mà người hiền trí có thể hiểu được. Xin Đại vương cố hiểu nó.

– Này hiền hữu, trẫm không hiểu chuyện bí mật như thế này đâu. Hãy bắt bọn trộm đến cho trẫm!

Sau đó, Bồ-tát nói:

– Tâu Đại vương, thế thì xin hãy nghe chuyện này và sẽ hiểu.

Rồi ngài lại kể một chuyện khác.

***

CHUYỆN NGƯỜI THỢ GỐM

– Tâu Đại vương, ngày xưa, trong ngôi làng ngoài cổng thành Ba-la-nại, có một người thợ gốm thường tìm đất sét đem về làm đồ gốm và bao giờ cũng lấy đất sét ở một nơi mà y đào thành một cái hố sâu vào một hang núi.

Bấy giờ, một hôm, y đang đào đất sét, một cơn giông bão trái mùa bùng lên làm mưa rơi tầm tã, gây ngập lụt và làm sụp một bên hố khiến y bị vỡ đầu. Y than khóc, ngâm vần kệ:

51. Cái vật này nhờ hạt nảy mầm,
Để nuôi sống tất cả người trần,
Đã làm ta vỡ đầu ra đấy,
Chỗ dựa thành tai họa bản thân.

Tâu Đại vương, giống như đại địa cầu vốn là nơi nương tựa của loài người, lại làm vỡ đầu chú thợ gốm. Cũng vậy, khi vua vốn như là nơi nương tựa của toàn dân lại đứng lên đóng vai kẻ trộm thì còn ai có thể đề phòng hiểm họa ấy nữa? Tâu Đại vương, thế Đại vương có nhận ra tên trộm giả dạng trong câu chuyện này chăng?

– Này hiền hữu, chúng ta không cần ý nghĩa ẩn kín trong đó. Hãy nói rõ: "Đây là tên trộm", và bắt nó dẫn đến giao cho trẫm!

Vẫn bảo vệ nhà vua và không nói thành lời: "Chính Đại vương là tên trộm", ngài lại kể một chuyện khác.

***

CHUYỆN NGỌN LỬA

– Tâu Đại vương, ngay chính kinh thành này có một nhà người kia bị cháy. Y ra lệnh một người khác vào nhà đem tài sản của y ra. Đến khi chính chủ nhà này vào nhà và đem đồ vật ra thì cánh cửa chợt đóng lại. Y bị khói tỏa mù mịt không thể tìm đường thoát ra và bị ngọn lửa lên cao hành hạ đau đớn, y ở trong nhà vừa khóc than vừa ngâm vần kệ này:

52. Cái vật làm tan vỡ giá băng,
Và thiêu đốt hạt giống khô cằn,
Đang thiêu hủy tứ chi ta đó,
Chỗ dựa thành tai họa khổ thân.

Tâu Đại vương, có một người cũng giống như ngọn lửa, vốn là nơi nương tựa của quần chúng lại đi ăn trộm một số lớn châu báu. Xin Đại vương đừng hỏi tiểu thần về tên trộm này nữa!

– Này hiền hữu, cứ đưa tên trộm đến cho trẫm!

Vẫn không nói rõ cho vua chính vua là kẻ trộm, ngài lại kể một chuyện nữa.

***

CHUYỆN BỘI THỰC

– Tâu Đại vương, ngày xưa, chính tại kinh thành này có một người ăn thái quá nên không thể tiêu hoá thức ăn. Đau đớn điên cuồng, y than khóc, ngâm vần kệ:

53. Thức ăn nuôi sống biết bao người,
Đạo sĩ, La-môn ở giữa đời,
Đã giết chết ta đây trọn vẹn,
Nơi nương tựa hóa khổ đau rồi.

Tâu Đại vương, có một người vốn như lúa gạo, là nơi nương tựa của toàn dân lại ăn trộm tài vật. Khi tài vật đã được thu hồi, tại sao còn hỏi về tên trộm làm gì?

– Này hiền hữu, nếu khanh có tài thì cố đem tên trộm đến cho trẫm.

Ngài kể một chuyện khác để làm cho vua hiểu.

***

CHUYỆN GIÓ THỔI

– Tâu Đại vương, ngày xưa, ngay chính kinh thành này có ngọn gió thổi lên làm gãy tay chân một người. Y than khóc, ngâm vần kệ:

54. Những bậc trí nhân vẫn nguyện cầu,
Gió lành tháng sáu thổi lên mau,
Gió nay làm tứ chi ta gãy,
Chỗ dựa thành tai họa khổ đau.

Tâu Đại vương, như vậy quả thật hiểm nguy phát xuất từ nơi nương tựa của thần dân. Xin hãy hiểu chuyện này!

– Hiền hữu, hãy đem tên trộm cho trẫm!

Để làm cho vua hiểu, ngài lại kể một chuyện khác.

***

CHUYỆN CÀNH CÂY

– Tâu Đại vương, ngày xưa trên triền Tuyết sơn có một cây mọc lên chĩa ra nhiều nhánh làm nơi trú ẩn của vô số chim muông. Một hôm, hai cành cọ xát vào nhau, khói bốc ra từ đó và các đốm lửa rơi xuống. Thấy vậy, chim chúa ngâm vần kệ này:

55. Lửa phát sanh ra ở ngọn cây,
Chúng ta an trú bấy lâu nay,
Mau lên, giải tán bầy chim nhé,
Chỗ dựa thành nơi hiểm họa đầy.

Tâu Đại vương, giống như cây kia là nơi nương tựa của chim muông. Cũng vậy, vua là nơi nương tựa của thần dân. Nếu vua đóng vai kẻ trộm thì ai còn đề phòng hiểm họa ấy nữa? Xin Đại vương lưu ý điều này!

– Này hiền hữu, cứ đem tên trộm đến cho trẫm!

Sau đó, ngài lại kể một chuyện khác nữa.

***

CHUYỆN GIẾT MẸ GIÀ

– Tâu Đại vương, trong một làng ở Ba-la-nại, về phía Tây một nhà quý tộc, có con sông đầy cá sấu hung dữ, gia đình ấy chỉ có một trai. Lúc cha mất, cậu con chăm sóc mẹ già chu đáo.

Dù con trai không muốn, bà mẹ vẫn đem một cô gái quý tộc về làm vợ chàng. Ban đầu, nàng tỏ ra yêu thương mẹ chồng nhưng về sau dần dần nàng có đủ con trai con gái đông đúc, nàng lại muốn trừ khử bà đi. Mẹ của nàng cũng ở cùng nhà này. Trước mặt chồng, nàng tìm ra đủ mọi lỗi lầm của mẹ chồng để làm cho chồng có ác cảm với bà, và bảo:

– Thiếp không thể nuôi mẹ chàng được nữa. Chàng phải giết mẹ đi!

Khi chàng bảo:

– Sát nhân là chuyện hệ trọng, làm sao ta có thể giết mẹ được?

Nàng đáp:

– Khi nào mẹ chàng ngủ rồi, chúng ta sẽ đem bà đi, luôn cả giường chiếu đồ đạc, rồi ném bà vào sông cá sấu. Cá sấu sẽ kết liễu đời bà.

– Thế mẹ nàng ở đâu?

– Mẹ thiếp ngủ cùng phòng với mẹ chàng.

– Thế thì nàng đi đánh dấu vào chiếc giường mẹ ta nằm bằng cách buộc sợi dây thừng vào đó.

Nàng làm như vậy rồi bảo:

– Thiếp đã đánh dấu lên đó rồi.

Người chồng đáp:

– Hãy đợi ta một lát, để mọi người đi ngủ trước đã.

Rồi chàng nằm xuống giả vờ ngủ. Sau đó đi buộc sợi dây thừng vào giường mẹ vợ, chàng đánh thức vợ dậy, cả hai cùng đi khiêng bà mẹ lẫn tất cả giường chiếu đồ đạc ném xuống sông. Bầy cá sấu giết chết bà ăn thịt ngay tại chỗ. Hôm sau, nàng khám phá mọi việc đã xảy ra cho chính mẹ mình, liền nói:

– Chàng ơi, mẹ thiếp đã chết rồi, nay ta hãy giết mẹ chàng!

Chàng bảo:

– Được lắm. Chúng ta làm một giàn hỏa tại nghĩa địa, rồi thả bà vào đó để giết bà.

Thế là hai vợ chồng khiêng bà ra nghĩa địa trong lúc bà ngủ và đặt bà tại đó. Rồi người chồng hỏi vợ:

– Nàng có đem lửa theo không?

– Chàng ơi, thiếp đã quên rồi.

– Vậy đi tìm lửa đem về đây.

– Chàng ơi, thiếp không dám đi, còn nếu chàng đi, thiếp không dám ở lại đây. Vậy chúng ta cùng đi nhé!

Khi họ đi rồi, bà già tỉnh giấc vì gió lạnh, thấy đây là nghĩa địa, bà suy nghĩ: "Chúng nó muốn giết ta, chúng đã đi tìm lửa. Chúng không biết ta mạnh dạn ra sao đâu." Bà liền lấy một tử thi đặt lên giường và lấy khăn phủ kín, rồi chạy

đi trốn trong hang núi ở nơi ấy. Hai vợ chồng đem lửa về, tưởng tử thi ấy là bà già, họ đốt xác rồi ra về.

Có một kẻ trộm kia giấu một gói đồ vật trong hang núi ấy, lúc trở về thấy bà già, y suy nghĩ: "Đây chắc là quỷ dạ-xoa. Gói đồ đạc của ta bị quỷ ám." Thế là y đi tìm thầy bùa trừ tà. Thầy bùa đọc thần chú và đi vào hang. Bà già bảo:

– Ta không phải là quỷ dạ-xoa, nào chúng ta cùng hưởng số báu vật này.

– Làm sao tin được chuyện này?

– Cứ đặt lưỡi ông trên lưỡi ta đây.

Thầy bùa làm theo, bà già cắn một khúc lưỡi của thầy và nhả xuống đất. Thầy bùa suy nghĩ: "Chắc chắn đây là quỷ dạ-xoa." Thầy bùa vừa chạy vừa la to với cái lưỡi chảy máu ròng ròng. Hôm sau, bà già mặc y phục sạch sẽ và đi lấy gói báu vật đem về nhà. Nàng dâu thấy bà vội hỏi:

– Mẹ ơi, mẹ tìm gói này ở đâu thế?

– Con yêu quý ơi, hễ ai bị đốt cháy trên giàn hỏa trong nghĩa địa này đều tìm được một gói như vậy.

– Mẹ yêu quý ơi, thế con có thể tìm được gói này chăng?

– Nếu con cũng làm như ta thì con cũng có được.

Thế rồi, nàng không nói gì với chồng và trong lòng ước muốn có được số châu báu để đeo, nàng đi đến đó tự thiêu sống. Hôm sau, chồng nàng thấy vợ vắng, liền hỏi:

– Mẹ yêu quý ơi, giờ này sao con dâu mẹ chưa đến?

– Này đồ bất nhân kia, người chết làm sao trở về được?

Rồi bà già ngâm vần kệ:

56. Một gái xuân xanh đẹp biết bao,
Với vòng hoa trắng đội trên đầu,
Dầu thơm sực nức chiên-đàn tỏa,
Đã được ta ngày trước đón dâu.
Nương tử hân hoan mong ngự trị,
Trong nhà ta ở tự bao lâu,
Con dâu đuổi mẹ đi nơi khác,
Chỗ dựa thành tai họa thảm sầu!

Tâu Đại vương, giống như con dâu đối với mẹ chồng. Cũng vậy, vua là nơi nương tựa của toàn dân. Nếu hiểm họa xuất phát từ đó thì ta có thể làm gì được nữa? Xin Đại vương hãy chú ý điều này!

– Này hiền hữu, trẫm không hiểu những việc khanh nói với trẫm. Cứ đem tên trộm lại đây cho trẫm.

Ngài suy nghĩ: "Ta muốn che chở vua", rồi ngài lại kể một chuyện khác.

***

CHUYỆN ĐUỔI CHA GIÀ

– Tâu Đại vương, ngày xưa ngay trong kinh thành này, một người kia sinh con trai đúng như lời nguyện cầu. Khi đứa con ra đời, người cha vui mừng hớn hở vì ý tưởng có được con trai nên yêu quý nó lắm.

Khi đứa trẻ lớn lên, người cha cưới vợ cho con rồi dần dần ông già yếu không làm được việc nữa. Vì thế, con ông bảo:

– Cha không làm việc được nữa, cha phải ra khỏi đây.

Rồi nó đuổi cha ra khỏi nhà. Ông cha hết sức chật vật kiếm sống bằng nghề hành khất, vừa ngâm vần kệ vừa khóc than:

57. Kẻ mà ta ước muốn sanh ra,
Cũng chẳng hoài công mong đợi kia,
Lại đuổi ta đi, nơi trú ẩn,
Hóa thành tai họa khổ thân ta.

Tâu Đại vương, giống như người cha già phải được đứa con khoẻ mạnh chăm sóc. Cũng vậy, là toàn dân phải được vua bảo vệ, giờ đây mối hiểm họa lại xuất phát từ vua, người bảo vệ toàn dân. Tâu Đại vương, xin hãy hiểu từ việc này rằng kẻ trộm là người như vậy, như vậy.

– Trẫm không hiểu việc này, dù đó là sự thực hay không phải sự thực. Hoặc là ngươi phải mang kẻ trộm đến đây cho trẫm, hoặc chính ngươi là kẻ trộm ấy.

Vua cứ bảo chàng thanh niên như vậy mãi. Vì thế, ngài hỏi vua:

– Tâu Đại vương, Đại vương thực sự muốn kẻ trộm bị bắt chăng?

– Đúng vậy, hiền hữu.

– Thế thì tiểu thần sẽ công bố giữa quần chúng rằng kẻ trộm là người như vầy, như vầy.

– Hãy làm như vậy, này hiền hữu!

Khi nghe vua nói, ngài suy nghĩ: "Vua này không cho phép ta che chở nữa. Ta sẽ bắt tên trộm bây giờ." Khi quần chúng đã tụ tập đầy đủ, ngài ngâm vần kệ với họ:

58-59. Này dân thành thị đến thôn làng,
Tề tựu lắng nghe tất cả rằng,
Kìa! Nước lạnh nay đang bốc cháy,
Chốn bình an phát xuất kinh hoàng.
Đại vương, đạo sĩ cùng than vãn,
Quốc độ bị cường đạo phá tan,
Vậy mọi người dân lo tự vệ,
Nơi nương tựa bỗng hóa tai nàn.

Khi quần chúng nghe nói vậy, họ suy nghĩ: "Vị vua này, mặc dù phải bảo vệ thần dân, lại đổ lỗi cho người khác. Sau khi chính tay vua bỏ báu vật vào hồ,

vua lại bảo đi tìm kẻ trộm! Để cho vua khỏi đóng vai kẻ trộm trong tương lai, chúng ta phải giết hôn quân vô đạo này." Vì thế, họ đứng lên với trượng, chùy trong tay đánh vua và vị tế sư cho đến chết tại chỗ. Rồi họ làm lễ Quán đảnh (rảy nước thánh phong vương) Bồ-tát và đưa ngài lên ngôi.

***

Sau khi kể chuyện này để làm sáng tỏ các sự thật, bậc Đạo sư bảo:

– Này cư sĩ, không kỳ diệu gì khi nhận ra dấu chân trên mặt đất, vì các bậc trí ngày xưa còn nhận ra chúng trên không nữa.

Lúc kết thúc các sự thật, vị cư sĩ cùng con trai đắc Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, người cha là Kassapa (Ca-diếp) và chàng thanh niên có tài nhận dấu chân chính là Ta.

§433. CHUYỆN CA-DIẾP, VỊ KHỔ HẠNH NHIỀU LÔNG TÓC
(*Lomasakassapajātaka*)[6] (*J.* III. 514)

Đại vương sẽ giống hệt Indra...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo có tâm thế tục.

Bậc Đạo sư hỏi vị ấy có thật ông đang mơ tưởng chuyện thế tục chăng và khi ông công nhận là đúng như vậy, bậc Đạo sư bảo:

– Này Tỷ-kheo, ngay cả người đạt danh vọng tối cao đôi khi cũng phạm vào một việc ô danh. Những tội lỗi như thế làm ô uế những vị thanh tịnh, huống nữa là một kẻ như ông.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, Vương tử Brahmadattakumāra là con Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại và con trai vị tế sư hoàng gia tên là Kassapa là đôi bạn đồng học mọi nghệ thuật tại nhà một giáo sư. Dần dần, khi vua cha băng hà, thái tử lên trị vì quốc độ. Kassapa nghĩ: "Hiền hữu ta đã lên làm vua và sẽ ban đại quyền lực cho ta. Song ta có cần gì quyền lực! Ta muốn giã từ đức vua cùng song thân và trở thành vị khổ hạnh."

Vì vậy, ngài vào vùng Tuyết sơn sống đời tu hành. Vào ngày thứ bảy, ngài thành đạt các thắng trí cùng các thiền chứng và tự kiếm sống bằng những thứ nhặt được giữa đồng hoang. Quần chúng đặt cho ngài biệt danh nhà khổ hạnh Lomasakassapa (Ca-diếp có nhiều lông tóc).

---

[6] Xem *J.* II. 28, *Chavakajātaka* (*Chuyện người tiện dân*), số §309; *J.* II. 32, *Sayhajātaka* (*Chuyện vị Quốc sư Sayha*), số §310; *Vin.* IV. 204.

Vì hành hạ thân xác, ngài trở thành vị khổ hạnh khắc nghiệt cao độ. Do công năng khổ hạnh này, cung của Thiên chủ Sakka (Đế-thích) rúng động. Sakka suy xét duyên cớ, quan sát ngài và suy nghĩ: "Vị khổ hạnh này nhờ công năng tỏa nhiệt độ mãnh liệt như thế, có thể khiến ta rớt khỏi ngai Đế-thích. Ta sẽ phá hủy khổ hạnh của vị ấy sau khi bí mật hội kiến với vua xứ Ba-la-nại."

Nhờ thần lực của một vị Thiên chủ, Đế-thích vào cung của vua xứ Ba-la-nại lúc nửa đêm và chiếu sáng toàn thể cung thất với hào quang trên thân, vừa đứng trên không trước mặt vua, Thiên chủ vừa đánh thức vua dậy và nói:

– Thưa Đại vương, dậy đi!

Vua hỏi:

– Ngài là ai?

Thiên chủ đáp:

– Ta là Sakka.

– Ngài đến đây vì duyên cớ gì?

– Thưa Đại vương, Đại vương có muốn quyền ngự trị duy nhất toàn cõi Diêm-phù-đề này chăng?

– Dĩ nhiên trẫm muốn.

Nghe thế, Thiên chủ bảo:

– Vậy hãy đưa Lomasakassapa về đây và ra lệnh cho vị ấy làm lễ tế đàn bằng cách giết thú vật, rồi Đại vương sẽ trở thành vĩ đại như Thiên chủ Sakka (tức Indra), thoát khỏi già chết và cầm quyền khắp cõi Diêm-phù-đề.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

60. Đại vương sẽ giống hệt Indra,
Sẽ chẳng chết đi, cũng chẳng già,
Ví thử Kassapa nhận lệnh,
Tế đàn sinh vật tại cung vua.

Nghe lời ngài, vua sẵn sàng chấp thuận. Sakka bảo:

– Thế thì đừng chậm trễ.

Rồi ngài biến mất. Hôm sau, vua triệu vị quốc sư tên Sayha đến bảo:

– Này Tôn giả, xin đến gặp thân hữu Lomasakassapa của trẫm và nhân danh trẫm nói với người như vầy: "Nếu Đại vương khuyến dụ được ngài làm lễ hiến tế sinh vật, Đại vương sẽ trở thành vị chúa độc nhất ở toàn cõi Diêm-phù-đề và sau đó sẽ ban ngài nhiều vùng lãnh thổ như ý ngài muốn. Vậy xin ngài cùng đi với tôi về làm lễ tế đàn!"

Vị ấy đáp:

– Tâu Đại vương, xin vâng.

Sau đó, dùng trống lệnh truyền tìm chỗ vị khổ hạnh cư trú và khi có người

kiểm lâm bảo: "Tiểu thần biết", Sayha liền đi theo sự hướng dẫn của y cùng một đoàn tùy tùng đông đảo đến kính lễ vị Hiền nhân và vừa cung kính ngồi một bên vừa trình thông điệp của vua. Vị Hiền nhân liền bảo:

– Này Sayha, Tôn giả nói gì vậy?

Rồi ngài ngâm bốn vần kệ từ chối vị này:

61. Không hải đảo nào giữa đại dương,
Được người canh giữ thật an toàn,
Hòng mong lôi cuốn ta, Tôn giả,
Vào việc bạo tàn đại bất lương.

62. Lòng tham lợi dưỡng với vinh danh,
Tội ác từ đây vẫn phát sinh,
Đưa đến khổ ưu không gián đoạn,
Ác hành tai hại đáng chê khinh!

63. Thà làm kẻ khốn khó ly gia,
Khất thực kiếm ăn khắp mọi nhà,
Hơn phải tạo nên điều tội lỗi,
Sẽ mang ô nhục trút đầu ta.

64. Thà cầm bình bát ở trong tay,
Để tránh thật xa tội lỗi này,
Hơn chiếm được toàn quyền quốc độ,
Nhờ hành động ác độc như vầy.

Sau khi nghe ngài nói, vị quốc sư ra về trình vua. Vua suy nghĩ: "Nếu vị ấy không chịu đến đây thì ta làm gì được!" rồi ngồi im lặng. Nhưng nửa đêm, Thiên chủ Sakka lại đến đứng trên không và bảo:

– Thưa Đại vương, tại sao Đại vương không truyền gọi ẩn sĩ Lomasakassapa về và ra lệnh vị ấy làm lễ hiến tế súc vật?

– Khi được lệnh truyền gọi, vị ấy đã từ chối về đây.

– Thưa Đại vương, hãy trang điểm cho Công chúa Candavatī (Nguyệt Nương), ái nữ của Đại vương và nhờ chính tay Sayha đưa nàng đi và bảo vị ấy: "Nếu Tôn giả muốn về dâng tế lễ, Chúa thượng sẽ ban thưởng công nương này làm vợ ngài." Rõ ràng vị ấy sẽ sinh lòng say mê công chúa và về đây.

Vua sẵn sàng chấp thuận và hôm sau nhờ chính tay Sayha đưa công chúa đi. Sayha đem công chúa đến đó và sau lời chào hỏi thông thường cùng ca ngợi vị Hiền giả, vị quốc sư bảo đưa đến trình diện với ngài nàng công chúa diễm lệ khả ái như tiên nữ cung kính đứng xa xa. Vị khổ hạnh mất ngay giới đức khi nhìn thấy nàng và chỉ nhìn thế thôi, ngài đã tiêu tan hết thiền lực. Vị quốc sư thấy ngài đã đắm say luyến ái nàng, liền bảo:

– Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả muốn hiến tế, Chúa thượng sẽ ban công chúa này về làm vợ ngài.

Ngài rung động vì mãnh lực của tham dục liền hỏi:

– Chắc chắn Chúa thượng sẽ ban nàng cho ta chứ?

– Đúng vậy, nếu ngài làm tế lễ, Chúa thượng sẽ ban nàng cho ngài.

– Tốt lắm. Nếu ta được nàng, ta sẽ làm lễ hiến tế.

Rồi đem nàng đi cùng ngài ngay lúc ấy với các chòm tóc bện của một vị khổ hạnh và mọi thứ khác, ngài leo lên chiếc vương xa lộng lẫy đi về Ba-la-nại. Còn vua ngay khi nghe tin ngài chắc chắn sẽ đến đó, liền chuẩn bị lễ đàn ở hố hiến tế sinh vật.

Khi thấy ngài đã đến, vua bảo:

– Nếu hiền hữu dâng lễ hiến tế, trẫm sẽ sánh ngang với Thiên chủ Indra và khi tế lễ hoàn tất, trẫm sẽ ban công chúa cho hiền hữu.

Vị khổ hạnh Kassapa sẵn sàng chấp thuận. Vì thế hôm sau, vua cùng Công chúa Candavatī đi đến hố hiến tế sinh vật. Tại đó có đủ loại súc vật bốn chân như voi, ngựa, bò đực và các loài khác đặt thành một dãy. Ẩn sĩ Kassapa lãnh việc hiến tế bằng cách giết chết tất cả bọn chúng.

Lúc ấy, thần dân tụ tập quanh đó bảo:

– Hỡi Tôn giả Lomasakassapa, việc này không thích hợp cũng không xứng đáng với ngài, tại sao ngài làm như vậy?

Và vừa than vừa khóc, họ vừa ngâm hai vần kệ:

65. Nhật, nguyệt đều mang đại lực thần,
Thủy triều không nhượng lực phàm trần,
La-môn, đạo sĩ đầy oai lực,
Song vẫn kém xa lực nữ nhân.

66. Nguyệt Nương cũng vậy, đã làm cho
Ca-diếp hiền nhân mắc tội to,
Thúc giục ngài theo lời Chúa thượng,
Tế đàn sinh vật tại cung vua.

Vào lúc này, để bắt đầu tế lễ, Kassapa nhấc bảo kiếm lên để đánh vào cổ vương tượng. Con voi thấy thanh kiếm, kinh hoàng vì sợ chết, liền rống thật lớn. Khi nghe tiếng voi rống, các súc vật kia, cả bầy voi, ngựa, bò đực vì sợ chết, đồng rống lên thật lớn và quần chúng cũng kêu thét lên.

Kassapa nghe các tiếng rống kia, lòng xúc động và nghĩ lại các chòm tóc bện của mình. Lúc ấy, ngài nhờ nhớ đến các chòm tóc, râu và lông phủ khắp ngực và toàn thân, đầy hối hận, ngài kêu lớn:

– Than ôi, ta đã phạm ác nghiệp không xứng đáng với tính cách của ta!

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tám bày tỏ xúc động của mình:

67. Ác nghiệp này ta đã muốn làm,
Chính là kết quả của lòng tham,

Cái mầm dục vọng đang tăng trưởng,
Gốc rễ nó, ta quyết cắt ngang.

Sau đó, vua phán:

– Này hiền hữu, đừng sợ, hãy dâng tế lễ và ngay bây giờ trẫm sẽ ban cho hiền hữu Công chúa Candavatī cùng với vương quốc của trẫm và cả một đống châu báu cao ngất nữa!

Nghe thế, ẩn sĩ Kassapa đáp:

– Tâu Đại vương, ta không muốn tội ác này tràn ngập tâm ta.

Rồi ngài ngâm vần kệ kết thúc:

68. Đáng ghét bao tham dục thế thường,
Thà theo khổ hạnh tốt lành hơn,
Ta làm ẩn sĩ, nguyện ly dục,
Ngài giữ nước nhà với Nguyệt Nương.

Cùng với những lời này, ngài tập trung vào một đối tượng thiền quán. Khi phục hồi được định lực đã mất, ngài ngồi bắt tréo chân trên không, thuyết pháp cho vua, khuyên nhủ vua tinh cần làm thiện sự và bảo vua hủy bỏ tế đàn cùng ban lệnh ân xá cho quần chúng. Rồi thể theo lời thỉnh cầu của vua, ngài bay lên không trở về nơi an trú của mình. Trong thời gian ngài còn sống, ngài tu tập các Phạm trú viên mãn (bốn vô lượng tâm) và được sinh lên Phạm thiên giới.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỳ-kheo có tâm thế tục đã đắc Thánh quả A-la-hán.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thuở ấy, vị đại quốc sư là Sāriputta và vị khổ hạnh Lomasakassapa chính là Ta.

§434. CHUYỆN CHIM HỒNG NGA (*Cakkavākajātaka*) (*J.* III. 520)

Đôi chim lông óng ả, màu vàng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỳ-kheo tham lam.

Người ta bảo vị ấy tham muốn các vật dụng cần thiết trong đời sống xuất gia và bỏ quên mọi phận sự của một Sư trưởng và Giáo thọ sư hướng dẫn đệ tử, thường vào thành Sāvatthi thật sớm. Sau khi ăn cháo gạo tuyệt hảo với nhiều loại thực phẩm loại cứng tại nhà nữ cư sĩ Visākhā, lại suốt ngày ăn thêm nhiều loại cao lương mỹ vị với cơm thịt mà vẫn chưa thỏa mãn, ông đi từ đó đến nhà ông Tiểu Cấp Cô Độc, cung vua xứ Kosala và nhiều nơi khác nữa. Vì thế một hôm, có cuộc thảo luận tại pháp đường, liên hệ đến tính tham lam của ông. Khi bậc Đạo sư biết đề tài Tăng chúng đang thảo luận, Ngài truyền đưa vị Tỳ-kheo đến và hỏi có thật ông tham lam chăng. Và khi ông đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, tại sao ông tham lam? Ngày xưa cũng vì tham ăn, không thỏa mãn với những xác voi chết, ông đã rời Ba-la-nại, lang thang quanh quẩn bên bờ sông Hằng và vào tận vùng Tuyết sơn.

Và sau đó, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, một con quạ tham lam đi quanh quẩn ăn xác voi chết và không thỏa mãn, nó nghĩ: "Ta muốn ăn mỡ cá trên bờ sông Hằng." Rồi sau vài ngày ở tại đó ăn cá chết, nó vào vùng Tuyết sơn sống bằng các loại quả rừng.

Khi đến một hồ sen rộng có nhiều rùa cá, nó thấy hai con chim thiên nga với bộ lông vàng óng ả sống bằng cây rong sevāla, nó nghĩ: "Đôi chim này thật mỹ lệ, đầy hảo tướng. Thức ăn của chúng chắc phải thích thú lắm. Ta muốn hỏi chúng đó là thức ăn gì, rồi cũng ăn như thế và ta sẽ có màu lông óng ả kia." Vì vậy quạ đến gần, sau lời chào hỏi ân cần theo thông lệ với đôi chim khi chúng đang đậu trên ngọn cây, quạ ngâm vần kệ ca ngợi chúng:

69. Đôi chim lông óng ả, màu vàng,
Quanh quẩn đó đây, lạc thú tràn,
Chim loại gì, người yêu mến nhất,
Là điều ta muốn biết cho tường.

Nghe vậy, hồng nga ngâm vần kệ thứ hai:

70. Này quạ, vượt lên mọi dã cầm,
Hồng nga được hạnh phúc ban ân,
Mọi miền vang dậy tình thân ái,
Người lẫn chim đều vẫn tán dương,
Hãy biết hồng nga là ngỗng đỏ,
Bạo gan vùng vẫy nước sông Hằng.

Nghe vậy, quạ ngâm vần kệ thứ ba:

71. Trái gì sung mãn ở trên sông,
Tìm thấy "thịt" cho bạn ngỗng hồng?
Hãy nói món trời cho ngỗng hưởng,
Để sinh sắc đẹp, lực tăng cường?

Hồng nga liền ngâm vần kệ thứ tư:

72. Chẳng trái gì ăn ở giữa sông,
Và đâu có "thịt" với chim hồng,
Sevāla ấy đem chà vỏ,
Làm thức ăn không có lỗi lầm.

Sau đó, quạ ngâm hai vần kệ:

73. Ta chẳng thích lời ấy, ngỗng hồng,
Trước kia ta thưởng thức cần dùng,
Để nuôi ta sống, cần phù hợp,
Với dáng bề ngoài ta ước mong.

74. Nay ta nghi hoặc, bởi ta ăn,
Gạo, muối, dầu, bơ, thịt, quả ngon,
Như các anh hùng say yến tiệc,
Khi vừa trở lại khải hoàn môn.

Vậy ta thưởng thức đầy hương vị,
Song dẫu ta đang sống thật sang,
Hình dáng bề ngoài ta vẫn thế,
Bên hồng nga chẳng thể ngang bằng!

Sau đó, hồng nga bảo cho quạ biết lý do tại sao quạ không đạt được dung sắc mỹ lệ trong khi chính hồng nga đã đạt được qua các vần kệ còn lại:

75. Không thỏa vì hoa quả rớt rơi,
Trong vùng nghĩa địa hỏa thiêu người,
Tham lam, quạ vẫn bay lơ lửng,
Săn đuổi mồi ngon cám dỗ hoài.

76. Song những ai mong phạm ác hành,
Chỉ vì dục lạc giết sinh linh,
Lương tâm giày xéo thân mòn mỏi,
Vẻ đẹp tráng cường hủy hoại nhanh.

77. Vậy các thiện nhân chẳng hại ai,
Hình dung cường tráng, vẻ xinh tươi,
Bởi vì mỹ sắc, ta cần biết,
Chẳng phải thuộc vào thực phẩm thôi.

Như vậy, hồng nga dùng nhiều phương tiện chỉ trích quạ. Sau khi quạ bị khiển trách như vậy, nó bảo:

– Ta chẳng muốn có sắc đẹp của hồng nga nữa.

Và nó bay đi xa với tiếng kêu quác quác.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo tham lam đã đắc Nhị quả (Nhất lai).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con quạ là Tỷ-kheo tham lam này, hồng nga mái là mẫu thân Rāhula và hồng nga trống chính là Ta.

§435. CHUYỆN ƯỚC MƠ CHÓNG PHAI TÀN

(***Haliddirāgajātaka***)[7] (*J.* III. 524)

Trong chốn rừng hoang vắng một mình...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một chàng thanh niên bị một thiếu nữ thô tục cám dỗ. Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong chương XIII, *Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada.*[8]

***

Bấy giờ, theo cổ tích này, cô thiếu nữ biết rằng nếu chàng thanh niên khổ hạnh phá hủy giới đức, chàng sẽ rơi vào uy lực của nàng. Rồi nghĩ cách dụ dỗ chàng và đưa chàng trở lại cõi trần tục, nàng bảo:

– Giới đức được phòng hộ cẩn mật ở rừng sâu, nơi các đặc tính của dục lạc như sắc đẹp, tiếng hay và các thứ tương tự như thế không có mặt, nên giới đức ấy không mang lại nhiều kết quả; song nó sẽ mang kết quả sung mãn trong cõi đời thế tục khi đối diện trực tiếp với sắc đẹp cùng các thứ kia. Vậy chàng hãy đi cùng thiếp về phòng hộ giới đức tại đó!

Và nàng ngâm vần kệ đầu:

78. Trong chốn rừng hoang vắng một mình,
Con người có thể giữ tâm lành,
Dễ dàng chịu đựng trò lôi cuốn.
Song ở thôn quê hoặc thị thành,
Đầy rẫy biết bao mùi cám dỗ,
Người vươn đến hạnh phúc tối cao minh.

Khi nghe vậy, chàng trai khổ hạnh trẻ tuổi đáp:

– Cha ta đã vào rừng. Khi người trở lại, ta sẽ xin phép người và đi theo nàng.

Nàng suy nghĩ: "Có lẽ chàng còn thân phụ. Nếu vị ấy thấy ta ở đây, vị ấy sẽ lấy đầu mũi đòn gánh đánh chết ta. Ta phải chạy trốn trước." Vì thế, nàng bảo chàng trai:

– Thiếp sẽ ra đi lên đường về trước chàng và để lại dấu chân, sau đó chàng cần phải đi theo thiếp.

Khi nàng đã đi rồi, chàng không đem củi về, cũng không lấy nước uống mà chỉ ngồi thừ người suy nghĩ miên man, đến khi cha về chàng cũng không ra đón. Vì thế, cha chàng hiểu con ngài đã rơi vào uy lực của nữ nhân, liền bảo:

– Này con, sao con chẳng tìm củi hay mang nước về uống, cũng chẳng có gì ăn, sao con chẳng làm gì cả mà chỉ ngồi thừ người ra suy nghĩ?

---

[7] Tham chiếu: *J.* III. 148, *Araññajātaka* (*Chuyện chốn rừng hoang*), số §348; *J.* IV. 219, *Cullanāradajātaka* (*Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*), số §477; *Dh.* v. 391; *Pháp cú kinh, Phạm chí phẩm* 法句經梵志品 (*T.*04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh, Phạm chí phẩm* 出曜經梵志品 (*T.*04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh, Phạm chí phẩm* 法集要頌經梵志品 (*T.*04. 0213.33. 0798a01).

[8] Xem *J.* IV. 219, *Cullanāradajātaka* (*Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada*), số §477.

Chàng trai khổ hạnh đáp:

– Thưa cha, người ta nói rằng giới đức được phòng hộ trong rừng hoang không đem lại kết quả mấy nhưng nó sẽ phát sinh nhiều kết quả giữa cõi đời. Con muốn đi phòng hộ giới đức tại đó. Bạn đồng hành của con đã đi trước và bảo con theo sau. Vậy con muốn đi cùng bạn con nhưng khi sống tại đó, con phải cư xử theo cách nào?

Vừa hỏi câu này, chàng vừa ngâm vần kệ thứ hai:

79. Thưa cha, xin giải tỏa nghi nan,
Ví lỡ con đi lạc bước đường,
Từ chốn rừng này vào xóm nọ,
Người nào giữ đức độ hiền lương,
Hay là môn phái nào tu tập,
Con phải noi theo thật chánh chơn?

Sau đó, thân phụ chàng ngâm các vần kệ còn lại:

80-81. Một kẻ nào con tín nhiệm luôn,
Và con tạo được mối yêu thương,
Người này tin cậy lời con nói,
Tỏ với con kiên nhẫn nhịn nhường,
Người ấy chẳng bao giờ phạm lỗi,
Về lời nói, ý tưởng hay thân,
Hãy đem người ấy vào lòng dạ,
Theo sát người kia tựa bạn vàng.

82-83. Với hạng người thay đổi lạ lùng,
Như loài khỉ vượn nhảy lung tung,
Tính tình bất định thì con nhớ,
Đừng hướng tâm giao kết bạn cùng,
Dù số phần con quanh quẩn mãi,
Một mình trơ trọi ở trong rừng.

84. Hãy tránh xa đường hướng ác hành,
Như con tránh rắn dữ cho nhanh,
Hay như người lái xe xa lánh,
Một lối đi gai góc gập ghềnh!

85-86. Các nỗi khổ đau vẫn ngập tràn,
Khi người hầu cận hạng si cuồng,
Đừng giao kết bọn người ngu xuẩn,
Lời nói của cha phải phục tuân,
Làm bạn với phường vô tri ấy,
Chỉ làm mồi khổ não đau buồn.

Khi được cha khuyến giáo như vậy, chàng trai đáp:

– Nếu con đi đến chỗ người đời, con không thể tìm được các bậc hiền trí như cha. Con sợ đến đó lắm rồi. Con muốn ở lại đây hầu cận bên cha.

Sau đó, phụ thân chàng lại khuyến giáo nhiều hơn nữa và dạy chàng các nghi thức tu tập đưa đến thiền định vi diệu. Rồi chẳng bao lâu, chàng trai phát triển các thắng trí và các thiền chứng, về sau chàng cùng cha đều được sinh lên cõi Phạm thiên.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo mơ tưởng thế tục đã đắc Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị khổ hạnh trẻ tuổi là Tỷ-kheo có tâm hướng về thế tục này, cô gái thuở ấy là cô gái ngày nay và cha chàng chính là Ta.

§436. CHUYỆN CÁI HỘP (*Samuggajātaka*) (*J.* III. 527)

Kìa đến từ đâu, các bạn ta...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo có tâm hướng đến thế tục. Chuyện kể rằng, bậc Đạo sư hỏi có thật vị ấy đang tham đắm thế tục chăng và khi ông thú nhận đúng như vậy. Ngài bảo:

– Này Tỷ-kheo, tại sao ông ham muốn nữ nhân? Nữ nhân thật là độc ác, vô ơn. Ngày xưa, các ác quỷ (*asura*) nuốt nữ nhân vào bụng, và dù canh giữ nữ nhân trong bụng, chúng cũng không thể làm cho nữ nhân trung thành với một nam nhân được. Vậy thì bằng cách nào ông sẽ có khả năng làm chuyện ấy.

Rồi sau đó, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát từ bỏ dục lạc thế gian, vào vùng Tuyết sơn theo đời sống tu tập, ngài ở đó sống bằng quả rừng và phát triển các thắng trí cùng các thiền chứng.

Không xa thảo am của ngài, có một ác quỷ. Thỉnh thoảng nó đến gần bậc Đại sĩ và nghe pháp nhưng vẫn đứng nơi cánh rừng, chỗ giao lộ có nhiều người tu tập, nó bắt họ và ăn thịt.

Thời ấy, có một nữ nhân quý tộc ở quốc độ Kāsi, cực kỳ diễm lệ, sống ở một làng biên địa. Một hôm, nàng đi thăm cha mẹ và khi trở về, ác quỷ này thấy bọn người theo hộ tống nàng liền hóa hình khủng khiếp nhảy vào họ. Bọn người này đánh rơi khí giới cầm trong tay và chạy trốn. Ác quỷ thấy giai nhân ngồi trên xe ngựa, đâm ra say mê nàng, liền đem nàng về hang làm vợ.

Từ đó, ác quỷ đem cho nàng bơ, sữa, gạo, cá, thịt và các món ăn khác, cùng trái cây để ăn và điểm trang nàng với đủ thứ y phục, châu báu. Để canh giữ nàng cho an toàn, nó đặt nàng vào một cái hộp, rồi nuốt vào bụng và giữ nàng

trong bụng. Một hôm, nó muốn tắm, liền đến hồ nước kéo hộp ra và đem nàng ra ngoài. Nó tắm rửa, thoa dầu thơm cho nàng và khi đã mặc xiêm y cho nàng xong, nó bảo:

– Nàng hãy vui chơi giây lát ngoài trời!

Rồi không nghi ngờ có sự nguy hại nào, ác quỷ đi hơi xa để tắm. Vừa lúc ấy, chàng trai con của Vāyu, một tà thuật sư, đeo kiếm bên lưng, đang du hành trên không. Khi nàng thấy y, nàng đưa tay theo kiểu làm dấu hiệu cho y đến gần.

Tà thuật sư liền đáp xuống đất. Sau đó, nàng đặt y vào hộp rồi ngồi lên đó, đợi ác quỷ đến, trước khi nó bước lại gần chiếc hộp, nàng mở hộp ra và bước vào, nằm trên vị tà thuật sư, lấy xiêm áo của nàng phủ lên người y. Ác quỷ đến nơi, không quan sát kỹ chiếc hộp cứ tưởng chỉ có cô nàng nên lại nuốt hộp vào bụng và trở về hang.

Trong khi đi đường, nó suy nghĩ: "Đã lâu lắm từ khi ta thăm vị ẩn sĩ khổ hạnh. Hôm nay, ta muốn đi đảnh lễ ngài." Còn ngài đã thấy nó từ đằng xa, biết rằng có hai người trong bụng ác quỷ nên ngài ngâm vần kệ đầu bảo nó:

87. Kìa đến từ đâu, các bạn ta?
Chào mừng ba vị đến thăm nhà,
Vui lòng ở với ta giây lát,
Ta chắc các ngươi sống thuận hòa,
Hạnh phúc vì lâu ngày chẳng thấy,
Vị nào qua lại chốn đường xa.

Khi nghe vầy, ác quỷ suy nghĩ: "Ta đã đến đây một mình để thăm vị khổ hạnh này và ngài lại nói có ba người, ý ngài muốn ám chỉ gì vậy? Ngài nói vì biết rõ hiện trạng mọi việc, hay ngài hóa điên và nói nhảm nhí?" Sau đó, nó đến gần ngài kính cẩn ngồi một bên và ngâm vần kệ thứ hai đàm đạo với ngài:

88. Tôi đến thăm ngài chỉ một thân,
Chứ không người, vật khác đi cùng,
Cớ sao ngài nói, thưa Tôn giả,
"Kìa đến từ đâu, các bạn vàng,
Tất cả ba người cùng đủ mặt,
Hôm nay quả thật đáng chào mừng!"

Vị khổ hạnh này đáp:

– Ngươi có thật sự muốn nghe lý do chăng?

– Thưa vâng, bạch Thánh giả.

– Vậy hãy nghe đây!

Ngài đáp và ngâm vần kệ thứ ba:

89. Hãy biết rằng ngươi với vợ ngươi,
Nằm yên trong hộp ấy là hai,

Được canh phòng kỹ trong lòng kín,
Chơi với Vāyu tử thật vui!

Khi nghe vậy, ác quỷ suy nghĩ: "Các tà thuật sư chắc chắn phải đầy các trò xảo quyệt, giả sử hắn cầm kiếm trong tay và rạch bụng ta ra để trốn thoát thì sao?" Và vô cùng hốt hoảng, ác quỷ nhả chiếc hộp ra, đặt trước mặt nó.

Bồ-tát muốn làm sáng tỏ vấn đề với trí tuệ tối thắng của ngài, liền ngâm vần kệ thứ tư:

90. Ác quỷ vì gươm thấy hãi kinh,
Nhả ra chiếc hộp tự trong mình,
Đặt ngay xuống đất nhìn cô vợ,
Trang điểm vòng hoa thật đẹp xinh,
Như thể cô dâu cùng chú rể,
Vāyu tử nọ hưởng men tình!

Chiếc hộp vừa được mở ra thì vị tà thuật sư niệm thần chú, vừa chụp thanh kiếm vừa vụt lên không. Khi thấy vậy, ác quỷ hài lòng với bậc Đại sĩ đến độ nó ngâm các vần kệ được gợi cảm hứng cốt để ca tụng ngài:

Thánh giả, nhãn quan thấy rõ ràng,
Đắm chìm hạ liệt bọn nam nhân,
Làm thân nô lệ cho nhi nữ,
Tôi giữ nó vào trong bụng luôn,
Như chính đời tôi, song khốn nạn,
Nó chơi trò mất nết hư thân.

91. Ngày đêm săn sóc nó, canh chừng,
Như ẩn sĩ chăm chút lửa rừng,
Song nó vẫn sa vào tội lỗi,
Vượt ngoài vòng đạo lý công bằng,
Dính vào nữ giới, tất nhiên phải
Gánh chịu bao ô nhục cuối cùng.

92-93. Tưởng giấu trong mình chẳng thấy ai,
Nó là sở hữu của riêng tôi,
Song tên nó chính là "dâm phụ",
Nó phạm tội kia trái đạo trời,
Liên lụy nữ nhân ắt phải chịu,
Nhận bao ô nhục đến tàn đời.

94. Bọn nam nhi thật chỉ hoài công
Địch với ngàn mưu chước nữ nhân,
Tin tưởng phòng hộ là chắc chắn,
Giống như vực thẳm cứ xuôi dần,
Xuống miền địa ngục, bao chàng ngốc,
Nó đã lôi vào chỗ diệt vong.

95. Người tránh lối đường của nữ nhi,
Sống đầy hạnh phúc, thoát sầu bi,
Thấy niềm cực lạc trong cô tịch,
Xa lánh hồng nhan phản bội kia!

Cùng với những lời này, ác quỷ quỳ xuống chân bậc Đại sĩ, vừa tán thán ngài vừa nói:

– Bạch Thánh giả, con đã được ngài cứu mạng. Vì nữ nhân độc ác kia, con suýt bị tà thuật sư giết chết.

Sau đó, Bồ-tát thuyết pháp cho nó và bảo:

– Đừng làm hại nàng ấy! Hãy giữ giới hạnh!

Rồi ngài an trú nó vào ngũ giới. Ác quỷ nói:

– Dù con đã giữ nó trong bụng, con vẫn không thể giữ nó an toàn được. Vậy còn ai giữ được nó nữa?

Vì thế, nó thả cho nàng đi, rồi trở về hang cũ trong rừng.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo có tâm thế tục đã đắc Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị khổ hạnh có thần thông chính là Ta.

§437. CHUYỆN CHÓ RỪNG PŪTIMAṀSA (*Pūtimaṁsajātaka*) (*J.* III. 532)

Sao Pūti lại ngó trừng trừng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc ngụ tại Kỳ Viên về việc chế ngự dục tham.

Có một thời, nhiều Tỷ-kheo không phòng hộ các căn môn. Bậc Đạo sư bảo Trưởng lão Ānanda:

– Ta phải giáo huấn các Tỷ-kheo này.

Và do Tăng chúng thiếu sự điều phục thân tâm, Ngài triệu tập các Tỷ-kheo lại rồi ngồi trên bảo tòa được trang hoàng lộng lẫy, Ngài bảo các vị:

– Này các Tỷ-kheo, thật không chính đáng khi một Tỷ-kheo chịu sự chi phối của sắc đẹp cá nhân (tịnh tướng) khiến vị ấy sinh lòng luyến ái các đặc điểm thể chất hoặc tinh thần của con người. Vì giả sử vị ấy chết ngay lúc ấy, vị ấy sẽ bị tái sanh vào địa ngục, ác thú, đọa xứ; vậy các ông đừng sinh tâm luyến ái các đặc điểm thể chất cùng các thứ tương tự như thế. Một Tỷ-kheo không nên để tâm đến các đặc điểm tinh thần hay thể chất. Những ai làm như vậy ngay trong cảnh đời hiện tại này đều hoàn toàn bị hủy hoại. Vì thế, này các Tỷ-kheo, con mắt tham dục cần phải được tiếp xúc với cái đinh sắt nóng đỏ mới có ích lợi.

Đến đây, Ngài nói thêm chi tiết:

– Có lúc các ông cần quán sát tịnh tướng và có lúc các ông đừng quan tâm đến nó. Vào lúc quán sát tịnh tướng, đừng quán sát nó dưới ảnh hưởng của vật khả ái nhưng hãy quán sát nó dưới ảnh hưởng của vật bất khả ái. Như vậy, các ông sẽ không bị đọa lạc khỏi trú xứ chân chánh của mình. Và trú xứ này của các ông là gì? Đó chính là bốn thiền quán chơn chánh, Thánh đạo tám ngành và chín trú xứ siêu việt. Nếu các ông đi đúng trong lĩnh vực chơn chánh này của mình, Ác ma sẽ không tìm được lối vào; song nếu các ông bị tham dục chi phối và quán sát sự vật dưới ảnh hưởng của tịnh tướng cá nhân như con chó rừng Pūtimaṁsa thì các ông sẽ bị đọa lạc khỏi trú xứ chân chánh của mình.

Và cùng với các lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, dưới triều đại Vua Brahmadatta, quốc vương ở Ba-la-nại, hàng trăm con dê rừng trú trong một hang núi tại vùng rừng rậm trên sườn dãy Tuyết sơn. Không xa chỗ ở của chúng, có con chó rừng tên là Pūtimaṁsa sống trong hang với vợ nó là Veṇī.

Một hôm, nó quanh quẩn cùng vợ, rình rập bầy dê và suy nghĩ: “Ta phải tìm cách ăn thịt mấy con dê này.” Rồi nhờ mưu mẹo, nó giết được một con dê. Cả hai vợ chồng nó nhờ ăn thịt dê nên trở thành lực lưỡng, đẫy đà. Dần dần số dê giảm xuống. Trong số đó, có con dê cái khôn ngoan tên là Meḷamātā. Dù nhiều mưu kế tài giỏi, chó rừng cũng không thể giết dê được nên lúc bàn luận với vợ, nó bảo:

– Nàng ơi, tất cả bầy dê đã chết hết. Chúng ta phải bày mưu ăn thịt dê cái này, giờ đây là kế hoạch của ta. Nàng phải đi một mình, làm thân với dê cái rồi khi niềm tin tưởng đã phát sinh giữa nàng và nó, ta sẽ nằm xuống giả vờ chết. Sau đó, nàng đến gần dê cái, bảo: “Bạn ơi, chồng tôi đã chết, tôi đang khốn khổ, trừ bạn ra tôi không có ai cả. Vậy hãy đến đây cùng tôi than khóc và chôn xác chồng tôi!” Và cùng với những lời này, nàng hãy đến đưa dê lại đây với nàng. Sau đó, ta sẽ nhảy lên cắn cổ nó giết đi.

Chó cái sẵn sàng đồng ý. Sau cuộc kết giao bằng hữu với dê cái, khi lòng tin tưởng đã vững chắc, nó nói với dê cái những lời do chồng nó đưa ra. Dê cái đáp:

– Bạn ơi, cả họ hàng nhà tôi bị chồng nàng ăn thịt. Tôi sợ lắm, tôi không dám đi.

– Đừng sợ gì cả, chó chết rồi làm sao hại bạn được nữa?

– Chồng chị có ác ý lắm nên tôi sợ.

Nhưng sau khi bị nài nỉ van xin mãi, dê cái suy nghĩ: “Chắc có lẽ nó chết thật rồi” nên đồng ý đi với chó cái. Nhưng trên đường đi, nó suy nghĩ: “Ai biết chuyện gì sẽ xảy ra?” nên sinh lòng nghi ngờ, nó bảo chó cái đi trước và đề phòng chó đực rất tinh tế.

Chó đực nghe tiếng chân của chúng liền suy nghĩ: "Con dê đến rồi" nên ngẩng đầu lên và đảo mắt nhìn quanh. Dê cái thấy nó làm vậy liền nói: "Con chó khốn nạn độc ác này muốn dụ ta vào để giết ta, nó nằm kia giả vờ chết." Dê cái quay đi và chạy trốn.

Khi chó cái hỏi tại sao nó chạy trốn, dê cái ngâm vần kệ đầu nêu lý do:

96. Sao Pūti lại ngó trừng trừng,
Vẻ chó nhìn dê thật ghét căm,
Với bạn thế, ta cần thận trọng,
Và nên chạy trốn thật nhanh chân.

Cùng với các lời này, dê quay đi và chạy thẳng về chỗ ở của nó. Chó cái không thể ngăn dê được, rất tức giận con dê và trở về bên chồng, ngồi than khóc. Lúc ấy, chó rừng trách mắng vợ qua vần kệ thứ hai:

97. Veṇī vợ dại, kém thông minh,
Lại khoe đã kết bạn thân tình,
Bơ vơ trong bụi, ngồi than khóc,
Vì bị Meḷa phỉnh gạt mình.

Nghe vậy, chó cái ngâm vần kệ thứ ba:

98. Chàng cũng chẳng khôn khéo tí nào,
Ngu si, chàng đã ngẩng đầu cao,
Trừng trừng, chàng mở to hai mắt,
Dù giả vờ nằm chết đó sao?

99. Người nào khôn khéo đúng thời cơ,
Biết nhắm mắt và mở mắt to,
Ai mở mắt nhìn không đúng lúc,
Như Pūti nọ, phải buồn lo.

Đây là vần kệ xuất phát từ trí tuệ tối thắng của đức Phật.

Nhưng chó cái lại an ủi Pūtimaṁsa và bảo:

– Chàng ơi, đừng bực mình nữa, thiếp sẽ tìm cách mang dê lại đây và khi nó đến, chàng hãy canh chừng và chụp lấy nó!

Sau đó, nó đi tìm dê cái và bảo:

– Bạn ơi, bạn đến thăm thật ích lợi cho chúng tôi, vì ngay khi bạn vừa xuất hiện, chồng tôi đã hồi tỉnh và nay đã sống lại rồi, xin hãy đến đó nói chuyện thân tình với chàng!

Nói xong nó ngâm vần kệ thứ năm:

100. Tình bạn trước đây hãy phục hồi,
Xin đem bát cháo đến nhà tôi,
Chồng tôi tưởng chết nay hồi tỉnh,
Hãy viếng chàng, thăm hỏi thật vui.

Dê suy nghĩ: "Con chó cái khốn nạn độc ác này lại muốn dụ dỗ ta. Ta không nên hành động như một kẻ thù lộ diện mà ta sẽ tìm cách đánh lừa nó." Dê liền ngâm vần kệ thứ sáu:

101. Tình bạn cũ nay muốn phục hồi,
Ta đem bát cháo, dạ mừng vui,
Với đoàn hộ tống ta đi đến,
Ăn tiệc tưng bừng, nhanh bước thôi.

Sau đó, chó cái hỏi thăm đoàn hộ tống của dê và ngâm vần kệ thứ bảy:

102. Những ai hộ tống bạn bên mình,
Để đãi bạn, tôi phải nhiệt tình,
Danh tánh những ai thăm hỏi đó,
Xin cho tôi biết thật chân thành.

Dê ngâm kệ thứ tám đáp lời:

103. Chó săn nâu xám, bốn mắt lồi,
Hình quỷ Jambu hộ tống tôi,
Thôi hãy về nhà, mau sửa soạn,
Dồi dào yến tiệc để chào mời!

Nó còn nói thêm:

– Mỗi chó hình quỷ này được năm trăm chó khác hộ tống, do vậy ta sẽ có một đoàn tùy tùng cả hai ngàn con chó canh giữ. Nếu chúng không thấy thức ăn, chúng sẽ giết luôn bạn và chồng bạn để ăn thịt đấy.

Nghe vậy, chó cái kinh sợ đến độ suy nghĩ: "Ta đã chán ngán việc nó đến thăm nhà ta rồi. Ta sẽ tìm cách ngăn nó đến." Rồi chó cái ngâm kệ:

104. Đừng rời nhà bạn, kẻo ta e,
Đồ đạc sẽ nhanh chóng mất đi.
Ta sẽ đem lời dê nhắn gửi,
Đứng yên, đừng nói nữa, ta về!

Cùng với những lời này, chó cái ra sức chạy vội vàng để tự cứu mạng và đem luôn cả chồng nó chạy theo. Rồi từ đó, chúng không bao giờ dám trở lại chỗ ấy nữa.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy Ta là vị thần sống trên một cây cổ thụ tại khu rừng ấy.

§438. CHUYỆN CON GÀ GÔ (*Tittirajātaka*) (*J.* III. 536)

Nó đã ăn tươi bọn trẻ thơ...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại núi Linh Thứu về dự định của Devadatta mưu sát Ngài.

Chính vào thời ấy, Tăng chúng bắt đầu thảo luận tại pháp đường:

– Này các Hiền giả, than ôi, Devadatta thật là hạ liệt và vô liêm sỉ biết bao! Vị ấy kết hợp với Thái tử Ajātasattu lập mưu sát hại đức Phật Chánh Đẳng Giác bằng cách mua chuộc bọn xạ thủ, lăn đá xuống đồi và thả lỏng con voi Nāḷāgiri.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận việc gì lúc hội họp và khi nghe kể đề tài câu chuyện, Ngài bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà xưa kia nữa, Devadatta cũng đã mưu giết Ta, song cũng không thể làm gì cho Ta kinh hãi được.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một giáo sư danh tiếng lừng lẫy thế giới tại Ba-la-nại dạy các học thuật cho năm thanh niên Bà-la-môn.

Một hôm, vị ấy suy nghĩ: "Bao lâu ta còn ở đây, ta sẽ gặp trở ngại cho đời tu hành và các đồ đệ ta cũng không hoàn thành việc học của họ. Ta muốn về ẩn dật trong thảo am trên sườn Tuyết sơn và dạy học ở đó."

Vị ấy báo tin cho các đồ đệ, bảo họ đem mè, gạo xay, dầu, y phục hay đại loại như thế, rồi đi vào rừng dựng thảo am ở cạnh xa lộ. Mỗi vị đệ tử đến tự xây một thảo am cho mình. Thân quyến họ gửi gạo và các thứ kia, còn dân làng bảo nhau: "Người ta đồn một vị danh sư đang sống nơi kia trong rừng và thuyết giảng kiến thức học thuật", liền đem quà, lúa gạo đến tặng; các người giữ rừng cũng tặng quà, lại có một người tặng bò cái và bê con để chư vị lấy sữa.

Bấy giờ, có một con tắc kè cùng hai con nó đến ở trong lều vị giáo sư và một con sư tử cùng một con cọp hầu hạ vị ấy. Một con gà gô cũng thường xuyên ở tại đó và do nghe giáo sư dạy thánh kinh cho đệ tử, con gà dần dần hiểu ba tập Vệ-đà. Các Bà-la-môn trở nên thân thiện với gà gô. Về sau, trước khi các thanh niên này đạt tinh thông các học thuật thì vị giáo sư mất. Các đệ tử đem thi hài thầy hỏa thiêu, dựng một mô cát lên chỗ để tro, vừa than khóc vừa trang hoàng nơi ấy đầy đủ các loại hoa. Thấy vậy, gà gô hỏi tại sao họ khóc. Họ đáp:

– Thầy chúng ta đã mất trong khi việc học của chúng ta chưa hoàn mãn.

– Nếu chuyện là thế thì các vị đừng lo buồn nữa. Tôi sẽ dạy các vị kiến thức ấy.

– Làm sao gà biết được?

– Tôi thường nghe giáo sư của các vị trong lúc giảng dạy các vị nên đã học thuộc lòng ba tập Vệ-đà rồi.

– Thế gà hãy truyền cho chúng tôi những gì gà đã học thuộc lòng nhé!

Gà đáp:

– Nào lắng nghe đây!

Rồi gà thuyết giảng mọi điểm khúc mắc cho họ, dễ dàng như người đưa nước suối từ núi cao xuống. Các thanh niên Bà-la-môn vô cùng hân hoan và thu thập kiến thức từ con gà gô thông thái này. Con gà gô đậu trên chỗ giáo sư danh tiếng ấy thường ngồi và thuyết giảng về tri kiến Vệ-đà. Các thanh niên làm cho gà chiếc lồng vàng và buộc một tấm ván qua đó, cung cấp cho gà đủ mật ong, hạt ngũ cốc rang trong chiếc đĩa vàng, lại còn tặng đủ thứ hoa có màu sắc rực rỡ và tỏ vẻ vô cùng tôn kính gà gô.

Tiếng đồn vang dậy khắp Diêm-phù-đề rằng một con gà gô rừng đang dạy Thánh kinh cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn. Vào lúc ấy, dân chúng mở lễ hội lớn, tụ tập cùng nhau trên đỉnh núi. Cha mẹ các thanh niên này gửi lời nhắn các con đến xem lễ hội. Họ liền kể chuyện con gà gô, rồi ủy thác gà gô cùng thảo am của họ cho tắc kè chăm nom và họ ra đi đến nhiều kinh thành.

Lúc ấy, một vị khổ hạnh lõa thể độc ác du hành đây đó bước tới chốn này. Khi thấy vị ấy, con tắc kè đến nói chuyện thân thiện và bảo:

– Ở chỗ này chỗ kia, ngài sẽ thấy gạo, dầu và các món khác. Hãy nấu cơm và ăn uống no nê!

Nói xong, nó ra đi kiếm mồi. Sáng sớm, kẻ ác kia nấu cơm và giết luôn hai tắc kè con ăn thịt, làm một món ngon lành. Đến trưa, y giết và ăn thịt luôn con gà gô thông thái và con bê; đến chiều tối, y vừa thấy con bò về nhà liền giết nó luôn để ăn thịt. Rồi y nằm ngủ ngáy vang dưới gốc cây. Xế chiều, tắc kè trở về thấy vắng hai con liền đi quanh tìm chúng. Một vị thần cây quan sát tắc kè đang run rẩy toàn thân vì không tìm được các con thơ, liền dùng thần lực đứng trong bọng cây và nói:

– Này tắc kè, đừng run nữa, các con nhỏ ấy cùng gà gô, bê con và bò cái đều bị kẻ độc ác này ăn thịt rồi. Hãy cắn vào cổ cho nó chết đi!

Vị thần vừa nói chuyện như vậy với tắc kè vừa ngâm vần kệ đầu:

105. Nó đã ăn tươi bọn trẻ thơ,
Dù con cho nó thật nhiều quà,
Răng con hãy cắn sâu vào cổ,
Đừng để ác nhân trốn thoát ra!

Sau đó, tắc kè ngâm hai vần kệ:

106. Thâm tâm của nó tạo bùn nhơ,
Chẳng khác áo người giữ trẻ thơ,
Tôi e toàn thể thân mình nó,
Chống đỡ răng tôi mạnh lắm mà!

107. Lỗi lầm kẻ hạ liệt vong ân,
Đều thấy khắp nơi thật rõ ràng,
Tâm nó chẳng bao giờ thỏa mãn,
Với bao tặng vật của trần gian.

Tắc kè nói xong, suy nghĩ: "Kẻ này sẽ thức dậy và ăn thịt ta." Nó liền trốn đi để cứu mạng mình.

Bấy giờ, sư tử và cọp rất thân thiết với gà gô. Thỉnh thoảng, chúng thường đến thăm gà gô và đôi khi gà gô cũng bay đi thuyết pháp cho nó. Hôm ấy, sư tử bảo cọp:

– Chúng ta đi thăm gà gô đã lâu rồi, chắc cũng đã bảy tám ngày. Vậy bạn hãy đi đem tin tức của gà về đây!

Con cọp thỏa thuận và đi đến nơi đúng lúc con tắc kè đã chạy trốn, nó thấy kẻ gian ác ấy đang ngủ. Trên các bện tóc của y thấy có vài cái lông gà, gần đó lại có đống xương bò cái và bê con. Cọp chúa trông thấy cảnh ấy, lại thiếu gà gô trong lồng vàng, liền suy nghĩ: "Các con vật này chắc đã bị kẻ ác nhân này giết hết rồi." Nó đá mạnh đánh thức y dậy. Khi thấy cọp, y vô cùng sợ hãi. Rồi con cọp hỏi:

– Có phải ngươi giết và ăn thịt các con vật này chăng?

– Tôi chẳng giết cũng chẳng ăn thịt chúng.

– Kẻ khốn nạn ác độc kia, nếu anh không giết chúng thì hãy nói cho ta biết ai khác giết? Nếu anh không nói, anh phải chết đấy.

Sợ nguy đến tính mạng, y đáp:

– Vâng thưa ngài, tôi đã giết và ăn thịt các con tắc kè con, bò cái và bê con; song tôi không giết con gà gô.

Mặc dù y cứ phản đối mãi, cọp vẫn không tin y và bảo:

– Anh từ đâu đến đây?

– Tâu ngài, trước đây tôi bán hàng rong để kiếm sống ở xứ Kāliṅga và sau khi thử bán vài món xong thì tôi đến đây.

Nhưng sau khi người ấy đã kể hết mọi việc y làm, con cọp bảo:

– Này ác nhân kia, nếu anh không giết gà gô thì còn ai khác làm việc đó? Này, ta sẽ mang anh đến trước sư tử, chúa sơn lâm đấy.

Thế là cọp ra đi dẫn theo kẻ ấy trước mặt. Khi sư tử thấy cọp mang y đến, nó liền ngâm vần kệ thứ tư để đặt câu hỏi:

108. Đi đâu vội thế Subāhu,[9]
Sao kéo chàng trai trẻ thế ư,
Có việc gì cần, đây muốn biết,
Nói mau thành thật chớ chần chừ?

Nghe vậy, cọp ngâm vần kệ thứ năm:

109. Bạn quý gà gô của chúng ta,
Hôm nay, tôi đoán, hóa thành ma,

---

[9] Xem *J.* III. 192, *Vaṇṇārohajātaka* (*Chuyện sắc đẹp*), số §361.

Chuyện xưa kẻ ấy làm tôi sợ,
Nghe được hung tin của bạn gà.

Sau đó, sư tử ngâm vần kệ thứ sáu:

110. Chuyện xưa của kẻ ấy ra sao,
Tội lỗi gì y thú nhận mau,
Đã khiến cọp nghi ngờ đại họa,
Xảy ra cho bạn quý ta nào?

Để trả lời sư tử, cọp chúa ngâm các vần kệ còn lại:

111. Trong nước Kāliṅga nó bán rong,
Đi đường lởm chởm, gậy tay cầm,
Ở cùng bọn đánh đu nhào lộn,
Đánh bẫy bao súc vật buộc chum.
Nó cũng thường chơi trò xúc xắc,
Lưới giăng bắt sống lũ chim muông,
Đánh nhau từng đám dùng đao trượng,
Nó kiếm lời nhờ việc đếm đong.

112. Phản bội lời thề, đánh nửa khuya,
Bị thương, nó chảy máu dầm dề,
Bàn tay nó cháy vì gan góc,
Chụp lấy thức ăn nóng vụng về,
Nghe nó sống đời tồi tệ vậy,
Đó là tội ác chất đầu kia.

113. Vì ta đều biết con bò chết,
Giữa tóc người kia mấy sợi lông,
Xuất hiện nên tôi đây khủng khiếp,
Lo gà gô bạn ắt vong thân.

Sư tử chúa hỏi người kia:

– Thế anh đã giết gà gô thông thái rồi ư?

– Tâu chúa công, vâng, tôi đã giết.

Chúa sư tử nghe y nói thật nên muốn thả cho y ra đi nhưng cọp chúa bảo:

– Tên gian ác này đáng chết.

Và ngay tại chỗ, cọp dùng răng xé y tan xác. Rồi cọp đào hố quăng thây vào đó. Khi các thanh niên Bà-la-môn trở về, không thấy gà gô, họ than khóc và bỏ nơi ấy ra đi.

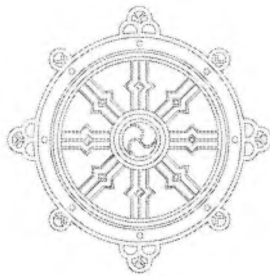
***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngày xưa Devadatta cũng đã lập mưu giết Ta.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị khổ hạnh là Devadatta, con tắc kè là Kisāgotamī, con cọp là Moggallāna, sư tử là Sāriputta, vị giáo sư lừng danh thế giới là Kassapa và gà gô thông thái chính là Ta.



PHỤ LỤC 1

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA BỘ

1. ĐÁNH SỐ THEO PHIÊN BẢN CST

Các bản kinh được đánh số lại theo hệ thống của *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* (CST) nhằm hỗ trợ cho các học giả dễ dàng tra cứu khi đối chiếu các văn bản: Pāli, Anh, Việt hoặc các ngôn ngữ khác. Nguồn: www.tipitaka.org.

2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIẾU HÁN VĂN

Nhằm hỗ trợ việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pāli và bản Hán, bộ *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*ĐCT*) được sử dụng làm tài liệu chính để tham chiếu. Nguồn: http://cbeta.org/.

3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT SỐ DỊCH GIẢ

Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản sư", "chính niệm", "chúng sinh"... đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư", "chánh niệm", "chúng sanh"... đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền).

4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM

Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

4.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, địa vị, chức vụ

4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết

- Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v...

- Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uẩn, ngũ căn, lục căn, lục độ, thất bảo, thất giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v…

- Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "Vô nhân luận", thuyết "Luân hồi tịnh hóa", v.v…

4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (*citta*), ý (*mana*), thức (*viññāṇa*), giới (*sīla*), định (*samādhi*), tuệ (*paññā*), v.v…

4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v…

4.1.4. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền-tử, Xá-lợi-tử, v.v...

4.1.5. Các từ chỉ quả vị đặc biệt, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v… Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dư Niết-bàn, v.v…

4.1.6. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo, Ta nhắc các ông rằng…"

4.1.7. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,…

4.2. Danh từ riêng

4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc.

4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già,...

4.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

4.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược "tiếp đầu ngữ" được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-đà" sửa thành "A-di-đà".

4.3. Mạo từ tôn xưng

Viết thường các mạo từ tôn xưng như “đức”, “bậc”, “đấng”, thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết.

4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm

4.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành.*

4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Trường bộ, Kinh Dược Sư, Kinh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược.*

4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: *The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics* (*A Translation of the Dhammasaṅgaṇī*).

5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN

5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

5.2. Viết bằng số ở cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách.

5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963.

5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963).

5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32.

5.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú)

- Các kệ từ 108-115 được viết 108-15.
- Trang 254-256 được viết là 254-56.
- *M.* I. 276-278 được viết là *M.* I. 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH

6.1. Chú thích theo ấn bản Pāli của PTS

6.1.1. Tên tập + (số tập) + số trang.

- *S.* I. 70 (*Saṃyutta Nikāya*, tập I, trang 70).
- *Sn.* 140 (*Suttanipāta*, trang 140).
- *J.* I. 389 (*Jātaka*, tập I, trang 389).

- *Vin*. II. 287 (*Vinaya*, tập II, trang 287).
- *Vbh*. 351 (*Vibhaṅga*, trang 351).
- *Kv*. 401 (*Kathāvatthu*, trang 401).
- *DA*. I. 41-2 (*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā*, tập I, trang 41 đến 42).

6.1.2. Tên tập + số kệ

- *Dh*. v. 10 (*Dhammapada*, kệ số 10).
- *Sn*. v. 600 (*Suttanipāta*, kệ số 600).
- *Thag*. v. 1196 (*Theragāthā*, kệ số 1196).

6.1.3. Tên tập + nhóm + số thứ tự kinh + đoạn

- *S*. 56.25: 1 (*Saṃyutta Nikāya*, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1).

6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh

Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục.

- *GS*. II. 42 nghĩa là *The Book of the Gradual Sayings*, vol. II, p. 42.

- *PC*. 338, n. 1 nghĩa là *Points of Controversy* (*A Translation of the Kathāvatthu*), p. 338, note 1.

6.3. Chú thích tên bài kinh kết hợp với tên tập kinh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kinh

Kinh Tham ái (*It*. I. I. §1) nghĩa là *Kinh Tham ái* này nằm trong *Kinh Phật thuyết như vậy*, chương I, phẩm I, kinh số 1.

Kinh Châu báu (*Sn*. II. §1) nghĩa là *Kinh Châu báu* này nằm trong *Kinh tập*, phẩm II, kinh số 1.

Kinh Bāhiya (*Ud*. I. §10) nghĩa là *Kinh Bāhiya* này nằm trong *Kinh Phật tự thuyết,* phẩm I, kinh số 10.

6.4. Chú thích tên kinh: Kết hợp ấn bản Pāli và tiếng Việt

- *D*. 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại niệm xứ*). Nghĩa là *Trường bộ*, kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pāli là *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta,* tên tiếng Việt là "*Kinh Đại niệm xứ.*"

- *D*. I. 113, *Soṇadaṇḍa Sutta* (*Kinh Chủng Đức*). Nghĩa là *Trường bộ*, tập I, trang 113, *Kinh Soṇadaṇḍa Sutta* bằng tiếng Pāli và *Kinh Chủng Đức* bằng tiếng Việt.

6.5. Trật tự của chú thích trong kinh có nguồn gốc Pāli

Pāli (viết tắt là P.), Sanskrit (viết tắt là S.), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassara, S. Ābhāsvara, H. 光音天, E. The Radian gods).

6.6. Chú thích theo Hán văn

6.6.1. Tên kinh biệt dịch được nêu ra trước

- *Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T*.01. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20.

- *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12.

6.6.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ *Trường A-hàm kinh* và *Trung A-hàm kinh.*

- *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ *Trường A-hàm kinh*, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trường A-hàm kinh*; trang 0088, cột b, dòng thứ 12.

- *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0026 là số hiệu của bộ *Trung A-hàm kinh*, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trung A-hàm kinh*; trang 0569, cột c, dòng thứ 23.

6.6.3. Tên bộ kinh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ *Tạp A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhất A-hàm*, vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ *Tạp A-hàm kinh*; trang 0299, cột c, dòng thứ 06.

- *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.111. 0414a18). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0100 là số hiệu của bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*; trang 0414, cột a, dòng thứ 18.

6.6.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như *Pháp cú kinh* hoặc các bộ kinh Đại thừa.

- *Pháp cú kinh* "Nê-hoàn phẩm" 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 04, 0210 là số hiệu của *Pháp cú kinh*, "Nê-hoàn phẩm" thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

6.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận.

- *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc *ĐCT*, tập 26; 1536 là số hiệu của *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận*, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22.

6.6.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng

- *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0125 là số hiệu của *Tăng nhất A-hàm kinh*, 11 là số thứ tự

của "Bất đãi phẩm", số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

- *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12.

7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH

Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm.

Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thống nhất đặt chúng trong ngoặc vuông [ ] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này.

Các chú thích có sẵn trong dịch phẩm vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ *Đại Chánh tạng* và *Nam truyền Đại tạng kinh.*

Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn dịch và tham chiếu của các cước chú.

Về từ "Pāli" (theo hệ thống Kaccāyana) hoặc Pāḷi (theo hệ thống Moggallāna) đều được sử dụng trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ*. Các nhà nghiên cứu và biên tập Tam tạng tại Tích Lan và PTS phần lớn đều dùng "Pāli" theo hệ thống đầu. Hòa thượng Thích Minh Châu cũng dùng "Pāli". Để nhất quán, chư Tôn đức Phật giáo Việt Nam sử dụng từ "Pāli" cho tất cả các bài liên hệ, riêng trong các dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda, vẫn giữ cách dùng từ "Pāḷi" của dịch giả.

Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện TTTĐPGVN.

Mọi sự góp ý, xin gởi về địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC TIỂU BỘ (KHUDDAKA NIKĀYA) CỦA CÁC ẤN BẢN

STT	VIỆT NAM (16 TẬP)	TÍCH LAN (17 TẬP)	MIẾN ĐIỆN, PTS & CST (18 TẬP)	THÁI LAN & CAMPUCHIA (15 TẬP)	CBETA (15 TẬP)
1	Tiểu tụng	Khuddakapāṭha	Khuddhakapāṭha	Khuddhakapāṭha	小誦經
2	Kinh Pháp cú	Dhammapada	Dhammapada	Dhammapada	法句經
3	Kinh Phật tự thuyết	Udāna	Udāna	Udāna	自說經
4	Kinh Phật thuyết như vậy	Itivuttaka	Itivuttaka	Itivuttaka	如是語經
5	Kinh tập	Suttanipāta	Suttanipāta	Suttanipāta	經集
6	Chuyện Thiên cung	Vimānavatthu	Vimānavatthu	Vimānavatthu	天宮事經
7	Chuyện Ngạ quỷ	Petavatthu	Petavatthu	Petavatthu	餓鬼事經
8	Trưởng lão Tăng kệ	Theragāthā	Theragāthā	Theragāthā	長老偈經
9	Trưởng lão Ni kệ	Therīgāthā	Therīgāthā	Therīgāthā	長老尼偈經
10	Chuyện Tiền thân	Jātaka	Jātaka	Jātaka	本生經
11	Diễn giải	Niddesa	Niddesa	Niddesa	義釋
12	Phân tích đạo	Paṭisambhidāmagga	Paṭisambhidāmagga	Paṭisambhidāmagga	無礙解道
13	Thánh nhân ký sự	Apadāna	Apadāna	Apadāna	譬喻經
14	Phật sử	Buddhavaṃsa	Buddhavaṃsa	Buddhavaṃsa	佛種姓經
15	Hạnh tạng	Cariyāpiṭaka	Cariyāpiṭaka	Cariyāpiṭaka	所行藏經
16		Nettipakaraṇa	Nettipakaraṇa		
17		Petakopadesa	Petakopadesa		
18	Milinda vấn đạo		Milindapañha		

PHỤ LỤC 3

THỐNG KÊ & ĐỐI CHIẾU SỐ KỆ CHUYỆN TIỀN THÂN GIỮA CÁC BẢN

CHƯƠNG / PHẨM	BẢN VIỆT NAM (Giống với CTS)		BẢN PTS	BẢN TÍCH LAN
	Số câu chuyện	Số kệ	Số kệ	Số kệ
CHƯƠNG I: MỘT KỆ (*EKANIPĀTA*)				
I. PHẨM KHÔNG LỖI LẦM (*Apaṇṇakavagga*)	1-10	1-10	1-9[1]	1-10
II. PHẨM GIỚI (*Sīlavagga*)	11-20	11-20	10-19	11-20
III. PHẨM SƠN DƯƠNG (*Kuruṅgavagga*)	21-30	21-30	20-29	21-30
IV. PHẨM TỔ CHIM CON (*Kulāvakavagga*)	31-40	31-40	30-39	31-40
V. PHẨM LỢI ÁI (*Atthakāmavagga*)	41-50	41-50	40-49	41-50
VI. PHẨM HY VỌNG (*Āsiṁsavagga*)	51-60	51-60	50-59	51-60
VII. PHẨM NỮ NHÂN (*Itthivagga*)	61-70	61-70	60-69	61-70
VIII. PHẨM CÂY VARAṆA (*Varaṇavagga*)	71-80	71-80	70-79	71-80
IX. PHẨM CHÚNG CON ĐÃ UỐNG (*Apāyimhavagga*)	81-90	81-90	80-89	81-90
X. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC THOA (*Littavagga*)	91-100	91-100	90-99	91-100

[1] *Chuyện đấu gạo* (*Taṇḍulanālijātaka*, số §5) trong PTS không có kệ, trong khi các bản khác đều có.

XI. PHẨM HƠN MỘT TRĂM NGƯỜI (*Parosatavagga*)	101-110	101-110	100-108[2]	101-110
XII. PHẨM THIÊN NGA (*Haṁsivagga*)	111-120	111-120	109-116[3]	111-120
XIII. PHẨM THẦN CÂY CỎ KUSA (*Kusanāḷivagga*)	121-130	121-130	117-126	121-130
XIV. PHẨM KẺ VONG ÂN (*Asampadānavagga*)	131-140	131-140	127-136	131-140
XV. PHẨM CON TẮC KÈ (*Kakaṇṭakavagga*)	141-150	141-150	137-146	141-150
TỔNG	**150**	**150**	**146**	**150**
CHƯƠNG II: HAI KỆ (*DUKANIPĀTA*)				
I. PHẨM CỨNG RẮN (*Daḷhavagga*)	151-160	1-20	1-20	151-172
II. PHẨM THÂN GIAO (*Santhavavagga*)	161-170	21-40	21-38	173-192
III. PHẨM THIỆN PHÁP (*Kalyāṇadhammavagga*)	171-180	41-60	39-58	193-212
IV. PHẨM ASADISA (*Asadisavagga*)	181-190	61-80	59-78	213-232
V. PHẨM TẾ SƯ RUHAKA (*Ruhakavagga*)	191-200	81-100	79-96	233-252
VI. PHẨM NATAṀDAḶHA (*Nataṁdaḷhavagga*)	201-210	101-120	97-119	253-276
VII. PHẨM ĐÁM CỎ BĪRAṆA (*Bīraṇatthambhakavagga*)	211-220	121-140	120-139	277-296
VIII. PHẨM KĀSĀVA (*Kāsāvavagga*)	221-230	141-160	140-159	297-316
IX. PHẨM CHIẾC GIÀY (*Upāhanavagga*)	231-240	161-181	160-179	317-337
X. PHẨM CHÓ RỪNG (*Sigālavagga*)	241-250	182-201	180-199	338-357
TỔNG	**100**	**201**	**199**	**207**

[2] *Câu hỏi về hỗn hợp đủ loại hương* (*Sabbasaṃhārakapañha*, số §110) được trình bày trong *Chuyện đường hầm vĩ đại* (theo PTS số §546, *Mahāummaggajātaka* và theo CST số §542, *Umaṅgajātaka*) có một bài kệ nhưng không được đánh số.

[3] Tương tự như trên, *Câu hỏi về con lừa* (*Gadrabhapañha*, số §111) và *Câu hỏi của Hoàng hậu Amarā* (*Amarādevīpañha*, số §112) được trình bày trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*, mỗi chuyện có một bài kệ nhưng không được đánh số.

CHƯƠNG III: BA KỆ (*TIKANIPĀTA*)				
I. PHẨM TƯ DUY (*Saṁkappavagga*)	251-260	1-30	1-30	358-387
II. PHẨM KOSIYA (*Kosiyavagga*)	261-270	31-60	31-60	388-417
III. PHẨM KHU RỪNG (*Araññavagga*)	271-280	61-90	61-90	418-447
IV. PHẨM CHÍNH TRUNG (*Abbhantaravagga*)	281-290	91-120	91-120	448-477
V. PHẨM CÁI BÌNH (*Kumbhavagga*)	291-300	121-150	121-150	478-507
TỔNG	**50**	**150**	**150**	**150**
CHƯƠNG IV: BỐN KỆ (*CATUKKANIPĀTA*)				
I. PHẨM HÃY MỞ RA (*Vivaravagga*)	301-310	1-40	1-40	508-547
II. PHẨM CÂY PUCIMANDA (*Pucimandavagga*)	311-320	41-80	41-80	548-587
III. PHẨM KẺ ĐỐT LỀU (*Kuṭidūsakavagga*)	321-330	81-120	81-120	588-627
IV. PHẨM CHIM CU (*Kokilavagga*)	331-340	121-160	121-160	628-667
V. PHẨM CULLAKUṆĀLA (*Cullakuṇālavagga*)	341-350	161-200[4]	161-192	668-707
TỔNG	**50**	**200**	**192**	**200**
CHƯƠNG V: NĂM KỆ (*PAÑCANIPĀTA*)				
I. PHẨM BÔNG TAI BẰNG NGỌC (*Maṇikuṇḍalavagga*)	351-360	1-59	1-59	708-766
II. PHẨM SẮC ĐẸP (*Vaṇṇārohavagga*)	361-370	60-109	60-104	767-816
III. PHẨM MỘT NỬA (*Aḍḍhavagga*)	371-375	110-140	105-135	817-847
TỔNG	**25**	**140**	**135**	**140**

[4] Phẩm này có sự chênh lệch số kệ giữa *Chánh tạng* (200 kệ) và *Chú giải* (196 kệ). Trong *Chánh tạng*, *Chuyện Vua Kaṇḍarī* (*Kaṇḍarijātaka,* số §341) gồm 4 kệ (161-64) và *Chuyện vấn đề của vị thiên* (*Devatāpañhajātaka,* số §350) gồm 4 kệ (197-200), nhưng trong *Chú giải* được viết lược đi nên không hiện số kệ. Do đó, *Chú giải* đánh nhầm số thứ tự kệ từ câu chuyện 342-49 (kệ 161-96). Bốn kệ (161-64) là 4 kệ (310-13) trong *Chuyện chim chúa Kuṇāla* (*Kuṇālajātaka*, số §536).

CHƯƠNG VI: SÁU KỆ (*CHANIPĀTA*)				
I. PHẨM NGƯỜI LÁI ĐÒ (*Avāriyavagga*)	376-385	1-75	1-77	848-923
II. PHẨM SENAKA (*Senakavagga*)	386-395	76-139[5]	78-141	924-987
TỔNG	**20**	**139**	**141**	**140**
CHƯƠNG VII: BẢY KỆ (*SATTANIPĀTA*)				
I. PHẨM KUKKU (*Kukkuvagga*)	396-405	1-75	1-75	988-1061
II. PHẨM GANDHĀRA (*Gandhāravagga*)	406-416	76-160	76-160	1062-1146
TỔNG	**21**	**160**	**160**	**159**
CHƯƠNG VIII: TÁM KỆ (*AṬṬHANIPĀTA*)				
I. PHẨM KACCĀNI (*Kaccānivagga*)	417-426	1-95	1-95	1147-1241
TỔNG	**10**	**95**	**95**	**95**
CHƯƠNG IX: CHÍN KỆ (*NAVANIPĀTA*)	427-438	1-113	1-114	1242-1354
TỔNG	**12**	**113**	**114**	**113**
CHƯƠNG X: MƯỜI KỆ (*DASANIPĀTA*)	439-454	1-179	1-153	1355-1531
TỔNG	**16**	**179**	**153**	**177**
CHƯƠNG XI: MƯỜI MỘT KỆ (*EKĀDASANIPĀTA*)	455-463	1-120	1-117	1532-1649
TỔNG	**9**	**120**	**117**	**118**
CHƯƠNG XII: MƯỜI HAI KỆ (*DVĀDASANIPĀTA*)	464-473	1-132	1-87	1650-1781
TỔNG	**10**	**132**	**87**	**132**
CHƯƠNG XIII: MƯỜI BA KỆ (*TERASANIPĀTA*)	474-483	1-151	1-151	1782-1932
TỔNG	**10**	**151**	**151**	**151**
CHƯƠNG XIV: TẠP KỆ (*PAKIṆṆAKANIPĀTA*)	484-496	1-289	1-288	1933-2218
TỔNG	**13**	**289**	**288**	**286**

[5] *Chuyện cây kim* (*Sūcijātaka,* số §387) trong *Chánh tạng* gồm 6 kệ (82-7), *Chú giải* ấn bản CST đánh số 2 lần kệ 84. Bản Việt chỉ đánh số 1 kệ.

CHƯƠNG XV: HAI MƯƠI KỆ (*VĪSATINIPĀTA*)	497-510	1-386	1-343	2219-2604
TỔNG	**14**	**386**	**343**	**386**
CHƯƠNG XVI: BA MƯƠI KỆ (*TIṂSANIPĀTA*)	511-520	1-369	1-342	2605-2972
TỔNG	**10**	**369**	**342**	**368**
CHƯƠNG XVII: BỐN MƯƠI KỆ (*CATTĀLĪSANIPĀTA*)	521-525	1-245	1-241	2973-3217
TỔNG	**5**	**245**	**241**	**245**
CHƯƠNG XVIII: NĂM MƯƠI KỆ (*PAṆṆĀSANIPĀTA*)	526-528	1-182	1-182	3218-3399
TỔNG	**3**	**182**	**182**	**182**
CHƯƠNG XIX: SÁU MƯƠI KỆ (*CHAṬṬHINIPĀTA*)	529-530	1-134	1-134	3400-3532
TỔNG	**2**	**134**	**134**	**133**
CHƯƠNG XX: BẢY MƯƠI KỆ (*SATTATINIPĀTA*)	531-532	1-183	1-185	3533-3716
TỔNG	**2**	**183**	**185**	**184**
CHƯƠNG XXI: TÁM MƯƠI KỆ (*ASĪTINIPĀTA*)	533-537	1-494	1-490	3717-4211
TỔNG	**5**	**494**	**490**	**495**
CHƯƠNG XXII: ĐẠI PHẨM (*MAHĀNIPĀTA*)	538-547	1-2440	1-2469	4212-6796
TỔNG	**10**	**2.440**	**2.469**	**2.587**
TỔNG CỘNG	**547**	**6.652**	**6.514**	**6.796**

Lưu ý:

1) Tựa các phẩm và câu chuyện theo nguyên tác Pāli bản PTS.

2) Bản Tích Lan dựa vào bản của Tỳ-khưu Indacanda phổ biến trên trang www.tamtangpaliviet.net.

PHỤ LỤC 4

TIÊU ĐỀ CÁC CÂU CHUYỆN TIỀN THÂN GIỮA 4 BẢN

BẢN VIỆT NAM	BẢN PTS	BẢN TÍCH LAN	BẢN CST
CHƯƠNG I: MỘT KỆ	**EKANIPĀTA**	**EKAKANIPĀTO**	**EKAKANIPĀTO**
I. Phẩm Không Lỗi Lầm	**Apaṇṇakavagga**	**Apaṇṇakavaggo**	**Apaṇṇakavaggo**
1. Chuyện không lỗi lầm	Apaṇṇakajātaka	Apaṇṇakajātakaṃ	Apaṇṇakajātakaṃ
2. Chuyện bãi sa mạc	Vaṇṇupathajātaka	Vaṇṇupathajātakaṃ	Vaṇṇupathajātakaṃ
3. Chuyện người buôn ghè Seriva	Serivāṇijajātaka	Serivāvāṇijajātakaṃ	Serivavāṇijajātakaṃ
4. Chuyện tiểu triệu phú	Cullakaseṭṭhijātaka	Cullaseṭṭhijātakaṃ	Cūḷaseṭṭhijātakaṃ
5. Chuyện đấu gạo	Taṇḍulanālijātaka	Taṇḍulanāḷijātakaṃ	Taṇḍulanāḷijātakaṃ
6. Chuyện Thiên pháp	Devadhammajātaka	Devadhammajātakaṃ	Devadhammajātakaṃ
7. Chuyện nàng lượm củi	Kaṭṭhahārijātaka	Kaṭṭhahārijātakaṃ	Kaṭṭhahārijātakaṃ
8. Chuyện Vua Gāmani	Gāmanijātaka	Gāmaṇijātakaṃ	Gāmaṇijātakaṃ
9. Chuyện Vua Makhādeva	Makhādevajātaka	Makhādevajātakaṃ	Maghadevajātakaṃ
10. Chuyện Trưởng lão Sukhavihāri	Sukhavihārijātaka	Sukhavihārijātakaṃ	Sukhavihārijātakaṃ
II. Phẩm Giới	**Sīlavagga**	**Sīlavaggo**	**Sīlavaggo**
11. Chuyện con nai Lakkhaṇa	Lakkhaṇajātaka	Lakkhaṇamigajātakaṃ	Lakkhaṇamigajātakaṃ
12. Chuyện con nai Nigrodha	Nigrodhamigajātaka	Nigrodhamigajātakaṃ	Nigrodhamigajātakaṃ

13. Chuyện mũi tên	Kaṇḍinajātaka	Kaṇḍinajātakaṃ	Kaṇḍijātakaṃ
14. Chuyện con nai gió	Vātamigajātaka	Vātamigajātakaṃ	Vātamigajātakaṃ
15. Chuyện con nai Kharādiyā	Kharādiyajātaka	Kharādiyajātakaṃ	Kharādiyajātakaṃ
16. Chuyện con nai có ba cử chỉ	Tipallatthamigajātaka	Tipallatthamigajātakaṃ	Tipallatthamigajātakaṃ
17. Chuyện gió thổi	Mālutajātaka	Mālutajātakaṃ	Mālutajātakaṃ
18. Chuyện đồ cúng người chết	Matakabhattajātaka	Matakabhattajātakaṃ	Matakabhattajātakaṃ
19. Chuyện lễ cúng do có lợi	Āyācitabhattajātaka	Āyācitabhattajātakaṃ	Āyācitabhattajātakaṃ
20. Chuyện uống nước bằng cọng lau	Naḷapānajātaka	Naḷapānajātakaṃ	Naḷapānajātakaṃ
III. Phẩm Sơn Dương	**Kuruṅgavagga**	**Kuruṅgavaggo**	**Kuruṅgavaggo**
21. Chuyện con nai sơn dương	Kuruṅgamigajātaka	Kuruṅgamigajātakaṃ	Kuruṅgamigajātakaṃ
22. Chuyện con chó	Kukkurajātaka	Kukkurajātakaṃ	Kukkurajātakaṃ
23. Chuyện con ngựa thuần chủng	Bhojājānīyajātaka	Bhojājānīyajātakaṃ	Gojānīyajātakaṃ
24. Chuyện đôi ngựa nòi tốt	Ājaññajātaka	Ājaññajātakaṃ	Ājaññajātakaṃ
25. Chuyện bến tắm	Titthajātaka	Titthajātakaṃ	Titthajātakaṃ
26. Chuyện con voi Mahilāmukha	Mahilāmukhajātaka	Mahilāmukhajātakaṃ	Mahiḷāmukhajātakaṃ
27. Chuyện đôi bạn thân thiết	Abhiṇhajātaka	Abhiṇhajātakaṃ	Abhiṇhajātakaṃ
28. Chuyện con bò Nandivisāla	Nandivisālajātaka	Nandivisālajātakaṃ	Nandivisālajātakaṃ
29. Chuyện con bò đen	Kaṇhajātaka	Kaṇhajātakaṃ	Kaṇhajātakaṃ
30. Chuyện con heo Muṇika	Muṇikajātaka	Munikajātakaṃ	Munikajātakaṃ

IV. Phẩm Tổ Chim Con	Kulāvakavagga	Kulāvakavaggo	Kulāvakavaggo
31. Chuyện tổ chim con	Kulāvakajātaka	Kulāvakajātakaṃ	Kulāvakajātakaṃ
32. Chuyện múa ca	Naccajātaka	Naccajātakaṃ	Naccajātakaṃ
33. Chuyện sống hòa hợp	Sammodamānajātaka	Sammodamānajātakaṃ	Sammodamānajātakaṃ
34. Chuyện con cá	Macchajātaka	Macchājātakaṃ	Macchajātakaṃ
35. Chuyện chim cút	Vaṭṭakajātaka	Vaṭṭakajātakaṃ	Vaṭṭakajātakaṃ
36. Chuyện con chim	Sakuṇajātaka	Sakuṇajātakaṃ	Sakuṇajātakaṃ
37. Chuyện con chim trĩ	Tittirajātaka	Tittirajātakaṃ	Tittirajātakaṃ
38. Chuyện con cò	Bakajātaka	Bakajātakaṃ	Bakajātakaṃ
39. Chuyện người nô lệ Nanda	Nandajātaka	Nandajātakaṃ	Nandajātakaṃ
40. Chuyện hố than lửa cây keo	Khadiraṅgārajātaka	Khadiraṅgārajātakaṃ	Khadiraṅgārajātakaṃ
V. Phẩm Lợi Ái	**Atthakāmavagga**	**Atthakāmavaggo**	**Atthakāmavaggo**
41. Chuyện Trưởng lão Losaka	Losakajātaka	Losakajātakaṃ	Losakajātakaṃ
42. Chuyện chim bồ câu	Kapotajātaka	Kapotakajātakaṃ	Kapotajātakaṃ
43. Chuyện con rắn tre	Veḷukajātaka	Veḷukajātakaṃ	Veḷukajātakaṃ
44. Chuyện con muỗi	Makasajātaka	Makasajātakaṃ	Makasajātakaṃ
45. Chuyện nữ tỳ Rohiṇī	Rohiṇījātaka	Rohiṇījātakaṃ	Rohiṇijātakaṃ
46. Chuyện kẻ làm hại vườn	Ārāmadūsakajātaka	Ārāmadūsakajātakaṃ	Ārāmadūsakajātakaṃ
47. Chuyện rượu mạnh	Vāruṇijātaka	Vāruṇidūsakajātakaṃ	Vāruṇidūsakajātakaṃ
48. Chuyện Bà-la-môn Vedabbha	Vedabbhajātaka	Vedabbhajātakaṃ	Vedabbajātakaṃ
49. Chuyện các vì sao	Nakkhattajātaka	Nakkhattajātakaṃ	Nakkhattajātakaṃ

50. Chuyện những kẻ vô trí	Dummedhajātaka	Dummedhajātakaṃ	Dummedhajātakaṃ
VI. Phẩm Hy Vọng	**Āsiṁsavagga**	**Āsiṃsavaggo**	**Āsīsavaggo**
51. Chuyện Vua Sīlavā vĩ đại	Mahāsīlavajātaka	Mahāsīlavajātakaṃ	Mahāsīlavajātakaṃ
52. Chuyện Tiểu Janaka	Cūḷajanakajātaka	Cūḷajanakajātakaṃ	Cūḷajanakajātakaṃ
53. Chuyện bình rượu đầy	Puṇṇapātijātaka	Puṇṇapātijātakaṃ	Puṇṇapātijātakaṃ
54. Chuyện trái cây	Phalajātaka	Kiṃphalajātakaṃ	Kiṃphalajātakaṃ
55. Chuyện năm vũ khí	Pañcāvudhajātaka	Pañcāvudhajātakaṃ	Pañcāvudhajātakaṃ
56. Chuyện khối vàng	Kañcanakkhandhajātaka	Kañcanakkhandha-jātakaṃ	Kañcanakkhandhajātakaṃ
57. Chuyện khỉ chúa	Vānarindajātaka	Vānarindajātakaṃ	Vānarindajātakaṃ
58. Chuyện ba pháp	Tayodhammajātaka	Tayodhammajātakaṃ	Tayodhammajātakaṃ
59. Chuyện tiếng trống	Bherivādajātaka	Bherivādajātakaṃ	Bherivādakajātakaṃ
60. Chuyển thổi tù và	Saṁkhadhamanajātaka	Saṅkhadhamanajātakaṃ	Saṅkhadhamajātakaṃ
VII. Phẩm Nữ Nhân	**Itthivagga**	**Itthivaggo**	**Itthivaggo**
61. Chuyện chú thuật Asāta	Asātamantajātaka	Asātamantajātakaṃ	Asātamantajātakaṃ
62. Chuyện cô gái trên lầu bảy tầng	Aṇḍabhūtajātaka	Andhabhūtajātakaṃ	Aṇḍabhūtajātakaṃ
63. Chuyện Hiền sĩ Chà Là	Takkajātaka	Takkajātakaṃ	Takkapaṇḍitajātakaṃ
64. Chuyện người vợ khó hiểu	Durājānajātaka	Durājānajātakaṃ	Durājānajātakaṃ
65. Chuyện nỗi bất mãn	Anabhiratijātaka	Anabhiratijātakaṃ	Anabhiratijātakaṃ
66. Chuyện Hoàng hậu Từ Tâm	Mudulakkhaṇajātaka	Mudulakkhaṇajātakaṃ	Mudulakkhaṇajātakaṃ
67. Chuyện người đàn bà thôn quê	Ucchaṅgajātaka	Ucchaṅgajātakaṃ	Ucchaṅgajātakaṃ

68. Chuyện thành Sāketa	Sāketajātaka	Sāketajātakaṃ	Sāketajātakaṃ
69. Chuyện con rắn phun nọc độc	Visavantajātaka	Visavantajātakaṃ	Visavantajātakaṃ
70. Chuyện Hiền trí Cái Cuốc	Kuddālajātaka	Kuddālajātakaṃ	Kuddālajātakaṃ
VIII. Phẩm Cây Varaṇa	**Varaṇavagga**	**Varaṇavaggo**	**Varaṇavaggo**
71. Chuyện cây Varaṇa	Varaṇajātaka	Varaṇajātakaṃ	Varuṇajātakaṃ
72. Chuyện tượng vương đức hạnh	Sīlavanāgajātaka	Sīlavanāgarājajātakaṃ	Sīlavahatthijātakaṃ
73. Chuyện đúng vậy chăng	Saccaṁkirajātaka	Saccaṃkirajātakaṃ	Saccaṃkirajātakaṃ
74. Chuyện luật cây rừng	Rukkhadhammajātaka	Rukkhadhammajātakaṃ	Rukkhadhammajātakaṃ
75. Chuyện con cá	Macchajātaka	Macchajātakaṃ	Macchajātakaṃ
76. Chuyện người không sợ hãi	Asaṁkiyajātaka	Asaṅkiyajātakaṃ	Asaṅkiyajātakaṃ
77. Chuyện giấc mộng lớn	Mahāsupinajātaka	Mahāsupinajātakaṃ	Mahāsupinajātakaṃ
78. Chuyện vị triệu phú Illīsa	Illīsajātaka	Illīsajātakaṃ	Illisajātakaṃ
79. Chuyện tiếng trống ồn ào	Kharassarajātaka	Kharassarajātakaṃ	Kharassarajātakaṃ
80. Chuyện người thợ dệt Bhīmasena	Bhīmasenajātaka	Bhīmasenajātakaṃ	Bhīmasenajātakaṃ
IX. Phẩm Chúng Con Đã Uống	**Apāyimhavagga**	**Apāyimhavaggo**	**Apāyimhavaggo**
81. Chuyện uống rượu	Surāpānajātaka	Surāpānajātakaṃ	Surāpānajātakaṃ
82. Chuyện chàng trai Mittavinda	Mittavindajātaka	Mittavindajātakaṃ	Mittavindakajātakaṃ
83. Chuyện Kāḷakaṇṇī	Kāḷakaṇṇijātaka	Kālakaṇṇijātakaṃ	Kāḷakaṇṇijātakaṃ
84. Chuyện cửa ngõ hạnh phúc	Atthassadvārajātaka	Atthassadvārajātakaṃ	Atthassadvārajātakaṃ

85. Chuyện trái cây kimpakka	Kimpakkajātaka	Kiṃpakkajātakaṃ	Kiṃpakkajātakaṃ
86. Chuyện thử thách giới đức	Sīlavīmaṁsanajātaka	Sīlavīmaṃsajātakaṃ	Sīlavīmaṃsakajātakaṃ
87. Chuyện điềm lành	Maṁgalajātaka	Maṅgalajātakaṃ	Maṅgalajātakaṃ
88. Chuyện con bò Sārambha	Sārambhajātaka	Sārambhajātakaṃ	Sārambhajātakaṃ
89. Chuyện kẻ lừa đảo	Kuhakajātaka	Kuhakajātakaṃ	Kuhakajātakaṃ
90. Chuyện kẻ vong ân	Akataññūjātaka	Akataññūjātakaṃ	Akataññujātakaṃ
X. Phẩm Đã Được Thoa	**Littavagga**	**Littavaggo**	**Littavaggo**
91. Chuyện đã được thoa	Littajātaka	Littajātakaṃ	Littajātakaṃ
92. Chuyện đại bảo vật	Mahāsārajātaka	Mahāsārajātakaṃ	Mahāsārajātakaṃ
93. Chuyện ngộ độc do luyến ái	Vissāsabhojanajātaka	Vissāsabhojanajātakaṃ	Visāsabhojanajātakaṃ
94. Chuyện nỗi kinh hoàng	Lomahaṁsajātaka	Lomahaṃsajātakaṃ	Lomahaṃsajātakaṃ
95. Chuyện Vua Đại Thiện Kiến	Mahāsudassanajātaka	Mahāsudassanajātakaṃ	Mahāsudassanajātakaṃ
96. Chuyện bát dầu	Telapattajātaka	Telapattajātakaṃ	Telapattajātakaṃ
97. Chuyện điềm lành của tên	Nāmasiddhijātaka	Nāmasiddhijātakaṃ	Nāmasiddhijātakaṃ
98. Chuyện người đi buôn lừa đảo	Kūṭavāṇijajātaka	Kūṭavāṇijajātakaṃ	Kūṭavāṇijajātakaṃ
99. Chuyện hơn một ngàn người	Parosahassajātaka	Parosahassajātakaṃ	Parosahassajātakaṃ
100. Chuyện sắc thân bất lạc	Asātarūpajātaka	Asātarūpajātakaṃ	Asātarūpajātakaṃ
XI. Phẩm Hơn Một Trăm Người	**Parosatavagga**	**Parosatavaggo**	**Parosatavaggo**
101. Chuyện hơn một trăm người	Parosatajātaka	Parosatajātakaṃ	Parosatajātakaṃ

102. Chuyện người bán rau	Paṇṇikajātaka	Paṇṇikajātakaṃ	Paṇṇikajātakaṃ
103. Chuyện kẻ thù	Verijātaka	Verījātakaṃ	Verijātakaṃ
104. Chuyện chàng trai Mittavinda	Mittavindajātaka	Mittavindajātakaṃ	Mittavindakajātakaṃ
105. Chuyện nhánh cây yếu ớt	Dubbalakaṭṭhajātaka	Dubbalakaṭṭhajātakaṃ	Dubbalakaṭṭhajātakaṃ
106. Chuyện múc nước	Udañcanijātaka	Udañcanījātakaṃ	Udañcanījātakaṃ
107. Chuyện nghề ném đá	Sālittakajātaka	Sālittakajātakaṃ	Sālittakajātakaṃ
108. Chuyện cô thôn nữ	Bāhiyajātaka	Bāhiyajātakaṃ	Bāhiyajātakaṃ
109. Chuyện bánh bột trấu đỏ	Kuṇḍakapūvajātaka	Kuṇḍapūvajātakaṃ	Kuṇḍapūvajātakaṃ
110. Câu hỏi về hỗn hợp đủ loại hương	Sabbasaṁhārakapañha	Sabbasaṃhārakapañho	Sabbasaṃhārakapañha-jātakaṃ
XII. Phẩm Thiên Nga	**Haṁsivagga**	**Haṁsavaggo**	**Haṁcivaggo**
111. Câu hỏi về con lừa	Gadrabhapañha	Gadrabhapañho	Gadrabhapañhajātakaṃ
112. Câu hỏi của Hoàng hậu Amarā	Amarādevīpañha	Amarādevīpañho	Amarādevīpañhajātakaṃ
113. Chuyện con chó rừng	Sigālajātaka	Sigālajātakaṃ	Siṅgālajātakaṃ
114. Chuyện con cá Nghĩ Vừa	Mitacintijātaka	Mitacintijātakaṃ	Mitacintijātakaṃ
115. Chuyện con chim cái khuyên răn	Anusāsikajātaka	Anusāsikajātakaṃ	Anusāsikajātakaṃ
116. Chuyện người khó dạy bảo	Dubbacajātaka	Dubbacajātakaṃ	Dubbacajātakaṃ
117. Chuyện chim đa đa	Tittirajātaka	Tittirajātakaṃ	Tittirajātakaṃ
118. Chuyện chim cút	Vaṭṭakajātaka	Vaṭṭakajātakaṃ	Vaṭṭakajātakaṃ
119. Chuyện con gà gáy phi thời	Akālarāvijātaka	Akālarāvijātakaṃ	Akālarāvijātakaṃ

120. Chuyện giải thoát sự trói buộc	Bandhanamokkhajātaka	Bandhanamokkha-jātakaṃ	Bandhanamokkhajātakaṃ
XIII. Phẩm Thần Cây Cỏ Kusa	**Kusanāḷivagga**	**Kusanāḷivaggo**	**Kusanāḷivaggo**
121. Chuyện thần cây cỏ Kusa	Kusanāḷijātaka	Kusanāḷijātakaṃ	Kusanāḷijātakaṃ
122. Chuyện kẻ ngu	Dummedhajātaka	Dummedhajātakaṃ	Dummedhajātakaṃ
123. Chuyện cái cán cày	Naṅgalīsajātaka	Naṅgalīsajātakaṃ	Naṅgalīsajātakaṃ
124. Chuyện trái xoài	Ambajātaka	Ambajātakaṃ	Ambajātakaṃ
125. Chuyện người nô lệ Kaṭāhaka	Kaṭāhakajātaka	Kaṭāhakajātakaṃ	Kaṭāhakajātakaṃ
126. Chuyện tướng của kiếm	Asilakkhaṇajātaka	Asilakkhaṇajātakaṃ	Asilakkhaṇajātakaṃ
127. Chuyện người nô lệ Kalaṇḍuka	Kalaṇḍukajātaka	Kalaṇḍukajātakaṃ	Kalaṇḍukajātakaṃ
128. Chuyện con mèo	Biḷārajātaka	Biḷāravatajātakaṃ	Biḷāravatajātakaṃ
129. Chuyện kẻ thờ lửa	Aggikajātaka	Aggikajātakaṃ	Aggikabhāradvājajātakaṃ
130. Chuyện nữ Bà-la-môn Kosiya	Kosiyajātaka	Kosiyajātakaṃ	Kosiyajātakaṃ
XIV. Phẩm Kẻ Vong Ân	**Asampadānavagga**	**Asampadānavaggo**	**Asampadānavaggo**
131. Chuyện kẻ vong ân	Asampadānajātaka	Asampadānajātakaṃ	Asampadānajātakaṃ
132. Chuyện năm dục lạc	Pañcagarujātaka	Pañcagarukajātakaṃ	Bhīrukajātakaṃ
133. Chuyện lửa cháy	Ghatāsanajātaka	Ghatāsanajātakaṃ	Ghatāsanajātakaṃ
134. Chuyện sự tịnh hóa của thiền	Jhānasodhanajātaka	Jhānasodhanajātakaṃ	Jhānasodhanajātakaṃ
135. Chuyện ánh sáng của mặt trăng	Candābhajātaka	Candābhajātakaṃ	Candābhajātakaṃ
136. Chuyện thiên nga vàng	Suvaṇṇahaṁsajātaka	Suvaṇṇahaṃsajātakaṃ	Suvaṇṇahaṃsajātakaṃ
137. Chuyện con mèo	Babbujātaka	Babbukajātakaṃ	Babbujātakaṃ

138. Chuyện con kỳ nhông	Godhajātaka	Godhajātakaṃ	Godhajātakaṃ
139. Chuyện cả hai mặt thất bại	Ubhatobhaṭṭhajātaka	Ubhatobhaṭṭhajātakaṃ	Ubhatobhaṭṭhajātakaṃ
140. Chuyện con quạ	Kākajātaka	Kākajātakaṃ	Kākajātakaṃ
XV. Phẩm Con Tắc Kè	**Kakaṇṭakavagga**	**Kakaṇṭakavaggo**	**Kakaṇṭakavaggo**
141. Chuyện con kỳ nhông	Godhajātaka	Godhajātakaṃ	Godhajātakaṃ
142. Chuyện con chó rừng	Sigālajātaka	Sigālajātakaṃ	Siṅgālajātakaṃ
143. Chuyện sự chiếu sáng	Virocanajātaka	Virocanajātakaṃ	Virocajātakaṃ
144. Chuyện cái đuôi bò	Naṅguṭṭhajātaka	Naṅguṭṭhajātakaṃ	Naṅguṭṭhajātakaṃ
145. Chuyện con vẹt Rādha	Rādhajātaka	Rādhajātakaṃ	Rādhajātakaṃ
146. Chuyện con quạ	Kākajātaka	Kākajātakaṃ	Samuddakākajātakaṃ
147. Chuyện áo vải màu đỏ	Puppharattajātaka	Puppharatajātakaṃ	Puppharattajātakaṃ
148. Chuyện con chó rừng	Sigālajātaka	Sigālajātakaṃ	Siṅgālajātakaṃ
149. Chuyện cây một lá	Ekapaṇṇajātaka	Ekapaṇṇajātakaṃ	Ekapaṇṇajātakaṃ
150. Chuyện thanh niên Sañjīva	Sañjīvajātaka	Sañjīvajātakaṃ	Sañjīvajātakaṃ
CHƯƠNG II: HAI KỆ	**DUKANIPĀTA**	**DUKANIPĀTO**	**Kakaṇṭakavaggo**
I. Phẩm Cứng Rắn	**Daḷhavagga**	**Daḷhavaggo**	**Daḷhavaggo**
151. Chuyện lời giáo giới cho vua	Rājovādajātaka	Rājovādajātakaṃ	Rājovādajātakaṃ
152. Chuyện con chó rừng	Sigālajātaka	Sigālajātakaṃ	Siṅgālajātakaṃ
153. Chuyện con heo rừng	Sūkarajātaka	Sūkarajātakaṃ	Sūkarajātakaṃ
154. Chuyện con rắn	Uragajātaka	Uragajātakaṃ	Uragajātaka
155. Chuyện nhảy mũi	Gaggajātaka	Gaggajātakaṃ	Bhaggajātakaṃ

156. Chuyện Hoàng tử Alīnacitta	Alīnacittajātaka	Alīnacittajātakaṃ	Alīnacittajātakaṃ
157. Chuyện công đức	Guṇajātaka	Guṇajātakaṃ	Guṇajātakaṃ
158. Chuyện con ngựa Suhanu	Suhanujātaka	Suhanujātakaṃ	Suhanujātakaṃ
159. Chuyện con công	Morajātaka	Morajātakaṃ	Morajātakaṃ
160. Chuyện con ngỗng Vinīlaka	Vinīlakajātaka	Vinīlakajātakaṃ	Vinīlajātakaṃ
II. Phẩm Thân Giao	**Santhavavagga**	**Santhavavaggo**	**Santhavavaggo**
161. Chuyện Ẩn sĩ Indasamānagotta	Indasamānagottajātaka	Indasamānagotta-jātakaṃ	Indasamānagottajātakaṃ
162. Chuyện mối thân giao	Santhavajātaka	Santhavajātakaṃ	Santhavajātakaṃ
163. Chuyện Vua Susīma	Susīmajātaka	Susīmajātakaṃ	Susīmajātakaṃ
164. Chuyện chim diều hâu	Gijjhajātaka	Gijjhajātakaṃ	Gijjhajātakaṃ
165. Chuyện con chuột rừng	Nakulajātaka	Nakulajātakaṃ	Nakulajātakaṃ
166. Chuyện Bà-la-môn Upasāḷha	Upasāḷhajātaka	Upasāḷhajātakaṃ	Upasāḷakajātakaṃ
167. Chuyện Trưởng lão Samiddhi	Samiddhijātaka	Samiddhijātakaṃ	Samiddhijātakaṃ
168. Chuyện chim diều hâu	Sakuṇagghijātaka	Sakuṇagghijātakaṃ	Sakuṇagghijātakaṃ
169. Chuyện Đạo sư Araka	Arakajātaka	Arakajātakaṃ	Arakajātakaṃ
170. Chuyện con tắc kè	Kakaṇṭakajātaka	Kakaṇṭakajātakaṃ	Kakaṇṭakajātakaṃ
III. Phẩm Thiện Pháp	**Kalyāṇadhamma-vagga**	**Kalyāṇadhamma-vaggo**	**Kalyāṇavaggo**
171. Chuyện thiện pháp	Kalyāṇadhammajātaka	Kalyāṇadhamma-jātakaṃ	Kalyāṇadhammajātakaṃ
172. Chuyện núi Daddara	Daddarajātaka	Daddarajātakaṃ	Daddarajātakaṃ

173. Chuyện con vượn	Makkaṭajātaka	Makkaṭajātakaṃ	Makkaṭajātakaṃ
174. Chuyện con vượn lừa dối	Dūbhiyamakkaṭajātaka	Dutiyamakkaṭajātakaṃ	Dubbhiyamakkaṭajātakaṃ
175. Chuyện đảnh lễ mặt trời	Ādiccupaṭṭhānajātaka	Ādiccupaṭṭhānajātakaṃ	Ādiccupaṭṭhānajātakaṃ
176. Chuyện nắm hạt đậu	Kalāyamuṭṭhijātaka	Kaḷāyamuṭṭhijātakaṃ	Kaḷāyamuṭṭhijātakaṃ
177. Chuyện cây tiṇḍuka	Tiṇḍukajātaka	Tindukajātakaṃ	Tindukajātakaṃ
178. Chuyện con rùa	Kacchapajātaka	Kacchapajātakaṃ	Kacchapajātakaṃ
179. Chuyện Bà-la-môn Satadhamma	Satadhammajātaka	Satadhammajātakaṃ	Satadhammajātakaṃ
180. Chuyện khó cho	Duddadajātaka	Duddadajātakaṃ	Duddadajātakaṃ
IV. Phẩm Asadisa	**Asadisavagga**	**Asadisavaggo**	**Asadisavaggo**
181. Chuyện Hoàng tử Asadisa	Asadisajātaka	Asadisajātakaṃ	Asadisajātakaṃ
182. Chuyện con voi thiện chiến	Saṁgāmāvacarajātaka	Saṅgāmāvacarajātakaṃ	Saṅgāmāvacarajātakaṃ
183. Chuyện nước lọc từ đồ tàn thực	Vālodakajātaka	Vāḷodakajātakaṃ	Vālodakajātakaṃ
184. Chuyện người luyện ngựa Giridanta	Giridantajātaka	Giridattajātakaṃ	Giridattajātakaṃ
185. Chuyện tâm bất tịnh	Anabhiratijātaka	Anabhiratijātakaṃ	Anabhiratijātakaṃ
186. Chuyện Vua Dadhivāhana	Dadhivāhanajātaka	Dadhivāhanajātakaṃ	Dadhivāhanajātakaṃ
187. Chuyện bốn vẻ đẹp	Catumaṭṭajātaka	Catumaṭṭhajātakaṃ	Catumaṭṭhajātakaṃ
188. Chuyện sư tử lai chó rừng	Sīhakoṭṭhukajātaka	Sīhakotthukajātakaṃ	Sīhakotthujātakaṃ
189. Chuyện tấm da sư tử	Sīhacammajātaka	Sīhacammajātakaṃ	Sīhacammajātakaṃ
190. Chuyện lợi ích của giữ giới	Sīlānisaṁsajātaka	Sīlānisaṃsajātakaṃ	Sīlānisaṃsajātakaṃ

V. Phẩm Tế Sư Ruhaka	**Ruhakavagga**	**Ruhakavaggo**	**Ruhakavaggo**
191. Chuyện Tế sư Ruhaka	Ruhakajātaka	Ruhakajātakaṃ	Ruhakajātakaṃ
192. Chuyện thiên nữ Siri và Kāḷakaṇṇī	Sirikāḷakaṇṇijātaka	Sirikālakaṇṇijātakaṃ	Sirikāḷakaṇṇijātakaṃ
193. Chuyện Hoàng tử Cullapaduma	Cullapadumajātaka	Cullapadumajātakaṃ	Cūḷapadumajātakaṃ
194. Chuyện kẻ trộm ngọc	Maṇicorajātaka	Maṇicorajātakaṃ	Maṇicorajātakaṃ
195. Chuyện hòn núi đẹp	Pabbatūpattharajātaka	Pabbatūpattharajātakaṃ	Pabbatūpattharajātakaṃ
196. Chuyện con ngựa bay	Valāhassajātaka	Valāhassajātakaṃ	Valāhakassajātakaṃ
197. Chuyện bạn và thù	Mittāmittajātaka	Mittāmittajātakaṃ	Mittāmittajātakaṃ
198. Chuyện con vẹt Rādha	Rādhajātaka	Rādhajātakaṃ	Rādhajātakaṃ
199. Chuyện người gia chủ	Gahapatijātaka	Gahapatijātakaṃ	Gahapatijātakaṃ
200. Chuyện giới hạnh tốt lành	Sādhusīlajātaka	Sādhusīlajātakaṃ	Sādhusīlajātakaṃ
VI. Phẩm Nataṁdaḷha	**Nataṁdaḷhavagga**	**Nataṃdaḷhavaggo**	**Nataṃdaḷhavaggo**
201. Chuyện nhà tù trói buộc	Bandhanāgārajātaka	Bandhanāgārajātakaṃ	Bandhanāgārajātakaṃ
202. Chuyện tánh nghịch ngợm	Keḷisīlajātaka	Keḷisīlajātakaṃ	Keḷisīlajātakaṃ
203. Chuyện tu tập từ tâm	Khandhavattajātaka	Khandhavattajātakaṃ	Khaṇḍajātakaṃ
204. Chuyện con quạ Vīraka	Vīrakajātaka	Vīrakajātakaṃ	Vīrakajātakaṃ
205. Chuyện cá sông Hằng	Gaṅgeyyajātaka	Gaṅgeyyajātakaṃ	Gaṅgeyyajātakaṃ
206. Chuyện con nai núi	Kuruṅgamigajātaka	Kuruṅgamigajātakaṃ	Kuruṅgamigajātakaṃ
207. Chuyện Vua Assaka	Assakajātaka	Assakajātakaṃ	Assakajātakaṃ
208. Chuyện con cá sấu	Suṁsumārajātaka	Suṃsumārajātakaṃ	Susumārajātakaṃ

209. Chuyện con chim mồi	Kakkarajātaka	Kakkarajātakaṃ	Kukkuṭajātakaṃ
210. Chuyện con chim gõ mõ	Kandagalakajātaka	Kandagaḷakajātakaṃ	Kandagalakajātakaṃ
VII. Phẩm Đám Cỏ Bīraṇa	**Bīraṇatthambhaka-vagga**	**Bīraṇatthambhaka-vaggo**	**Bīraṇathambhavaggo**
211. Chuyện chàng trai Somadatta	Somadattajātaka	Somadattajātakaṃ	Somadattajātakaṃ
212. Chuyện thức ăn thừa	Ucchiṭṭhabhattajātaka	Ucchiṭṭhabhattajātakaṃ	Ucchiṭṭhabhattajātakaṃ
213. Chuyện Vua Bharu	Bharujātaka	Bharujātakaṃ	Bharujātakaṃ
214. Chuyện con sông đầy nước	Puṇṇanadījātaka	Puṇṇanadījātakaṃ	Puṇṇanadījātakaṃ
215. Chuyện con rùa	Kacchapajātaka	Kacchapajātakaṃ	Kacchapajātakaṃ
216. Chuyện con cá	Macchajātaka	Macchajātakaṃ	Macchajātakaṃ
217. Chuyện con gái của người bán rau	Seggujātaka	Seggujātakaṃ	Seggujātakaṃ
218. Chuyện người đi buôn lừa đảo	Kūṭavāṇijajātaka	Kūṭavāṇijajātakaṃ	Kūṭavāṇijajātakaṃ
219. Chuyện đáng chỉ trích	Garahitajātaka	Garahitajātakaṃ	Garahitajātakaṃ
220. Chuyện Tể sư Dhammaddhaja	Dhammaddhajajātaka	Dhammaddhajajātakaṃ	Dhammadhajajātakaṃ
VIII. Phẩm Kāsāva	**Kāsāvavagga**	**Kāsāvavaggo**	**Kāsāvavaggo**
221. Chuyện tấm y vàng	Kāsāvajātaka	Kāsāvajātakaṃ	Kāsāvajātakaṃ
222. Chuyện con khỉ Cullanandiya	Cullanandiyajātaka	Cūḷanandiyajātakaṃ	Cūḷanandiyajātakaṃ
223. Chuyện thức ăn đi đường	Puṭabhattajātaka	Puṭabhattajātakaṃ	Puṭabhattajātakaṃ
224. Chuyện con cá sấu	Kumbhīlajātaka	Kumbhīlajātakaṃ	Kumbhilajātakaṃ
225. Chuyện đề cao tính kham nhẫn	Khantivaṇṇanajātaka	Khantivaṇṇanajātakaṃ	Khantivaṇṇajātakaṃ

226. Chuyện con chim cú	Kosiyajātaka	Kosiyajātakaṃ	Kosiyajātakaṃ
227. Chuyện con bọ ăn phân	Gūthapāṇajātaka	Gūthapāṇakajātakaṃ	Gūthapāṇajātakaṃ
228. Chuyện Bà-la-môn Kāmanīta	Kāmanītajātaka	Kāmanītajātakaṃ	Kāmanītajātakaṃ
229. Chuyện du sĩ Palāyi	Palāyijātaka	Palāsijātakaṃ	Palāyitajātakaṃ
230. Chuyện du sĩ Palāyi, thứ hai	Dutiyapalāyijātaka	Dutiyapalāsijātakaṃ	Dutiyapalāyitajātakaṃ
IX. Phẩm Chiếc Giày	**Upāhanavagga**	**Upāhanavaggo**	**Upāhanavaggo**
231. Chuyện chiếc giày	Upāhanajātaka	Upāhanajātakaṃ	Upāhanajātakaṃ
232. Chuyện cây đàn luýt	Vīṇāthūṇajātaka	Vīṇāthūṇajātakaṃ	Vīṇāguṇajātakaṃ
233. Chuyện mũi tên	Vikaṇṇakajātaka	Vikaṇṇakajātakaṃ	Vikaṇṇajātakaṃ
234. Chuyện nàng Asitābhū	Asitābhujātaka	Asitābhūjātakaṃ	Asitābhūjātakaṃ
235. Chuyện Ẩn sĩ Vacchanakha	Vacchanakhajātaka	Vacchanakhajātakaṃ	Vacchanakhajātakaṃ
236. Chuyện con cò	Bakajātaka	Bakajātakaṃ	Bakajātakaṃ
237. Chuyện thành Sāketa	Sāketajātaka	Sāketajātakaṃ	Sāketajātakaṃ
238. Chuyện một chữ	Ekapadajātaka	Ekapadajātakaṃ	Ekapadajātakaṃ
239. Chuyện con nhái xanh	Haritamātajātaka	Haritamātujātakaṃ	Haritamaṇḍūkajātakaṃ
240. Chuyện Vua Mahāpiṅgala	Mahāpiṅgalajātaka	Mahāpiṅgalajātakaṃ	Mahāpiṅgalajātakaṃ
X. Phẩm Chó Rừng	**Sigālavagga**	**Sigālavaggo**	**Siṅgālavaggo**
241. Chuyện vua chó rừng Sabbadāṭha	Sabbadāṭhajātaka	Sabbadāṭhajātakaṃ	Sabbadāṭhijātakaṃ
242. Chuyện con chó	Sunakhajātaka	Sunakhajātakaṃ	Sunakhajātakaṃ
243. Chuyện nhạc sĩ Guttila	Guttilajātaka	Guttilajātakaṃ	Guttilajātakaṃ

244. Chuyện ly dục	Vīticchajātaka	Vīticchajātakaṃ	Vigaticchajātakaṃ
245. Chuyện pháp môn căn bản	Mūlapariyāyajātaka	Mūlapariyāyajātakaṃ	Mūlapariyāyajātakaṃ
246. Chuyện lời phỉ báng	Telovādajātaka	Telovādajātakaṃ	Bālovādajātakaṃ
247. Chuyện Hoàng tử Pādañjali	Pādañjalijātaka	Pādañjalijātakaṃ	Pādañjalījātakaṃ
248. Chuyện thí dụ về cây kiṁsuka	Kiṁsukopamajātaka	Kiṃsukopamajātakaṃ	Kiṃsukopamajātakaṃ
249. Chuyện con khỉ Sālaka	Sālakajātaka	Sālakajātakaṃ	Sālakajātakaṃ
250. Chuyện con khỉ	Kapijātaka	Kapijātakaṃ	Kapijātakaṃ
CHƯƠNG III: BA KỆ	**TIKANIPĀTA**	**TIKANIPĀTO**	**TIKANIPĀTO**
I. Phẩm Tư Duy	**Saṁkappavagga**	**Saṅkappavaggo**	**Saṅkappavaggo**
251. Chuyện tư duy	Saṁkappajātaka	Saṅkappajātakaṃ	Saṅkapparāgajātakaṃ
252. Chuyện nắm hạt mè	Tilamuṭṭhijātaka	Tilamuṭṭhijātakaṃ	Tilamuṭṭhijātakaṃ
253. Chuyện vua rắn Maṇikaṇṭha	Maṇikaṇṭhajātaka	Maṇikaṇṭhajātakaṃ	Maṇikaṇṭhajātakaṃ
254. Chuyện con ngựa quý ăn cám gạo đỏ	Kuṇḍakakucchisindhava-jātaka	Kuṇḍakakucchisindhava-jātakaṃ	Kuṇḍakakucchisindhava-jātakaṃ
255. Chuyện con vẹt	Sukajātaka	Sukajātakaṃ	Sukajātakaṃ
256. Chuyện cái giếng cũ	Jarudapānajātaka	Jarūdapānajātakaṃ	Jarūdapānajātakaṃ
257. Chuyện người hầu cận Gāmaṇicaṇḍa	Gāmaṇicaṇḍajātaka	Gāmaṇicaṇḍajātakaṃ	Gāmaṇicandajātakaṃ
258. Chuyện Đại vương Mandhātu	Mandhātujātaka	Mandhātujātakaṃ	Mandhātujātakaṃ
259. Chuyện Ẩn sĩ Tirīṭavaccha	Tirīṭavacchajātaka	Tirīṭavacchajātakaṃ	Tirīṭavacchajātakaṃ
260. Chuyện sứ giả	Dūtajātaka	Dūtajātakaṃ	Dūtajātakaṃ

II. Phẩm Kosiya	**Kosiyavagga**	**Padumavaggo**	**Padumavaggo**
261. Chuyện hoa sen	Padumajātaka	Padumajātakaṃ	Padumajātakaṃ
262. Chuyện bàn tay mềm mại	Mudupāṇijātaka	Mudupāṇijātakaṃ	Mudupāṇijātakaṃ
263. Chuyện ít dục tham	Cullapalobhanajātaka	Cullapalobhanajātakaṃ	Cūḷapalobhanajātakaṃ
264. Chuyện Đại vương Mahāpanāda	Mahāpanādajātaka	Mahāpanādajātakaṃ	Mahāpanādajātakaṃ
265. Chuyện mũi tên	Khurappajātaka	Khurappajātakaṃ	Khurappajātakaṃ
266. Chuyện con ngựa quý Tốc Như Phong	Vātaggasindhavajātaka	Vātaggajātakaṃ	Vātaggasindhavajātakaṃ
267. Chuyện con cua	Kakkaṭajātaka	Kakkaṭakajātakaṃ	Kakkaṭakajātakaṃ
268. Chuyện kẻ làm hại vườn	Ārāmadūsakajātaka	Ārāmadūsakajātakaṃ	Ārāmadūsakajātakaṃ
269. Chuyện nàng Sujāta	Sujātajātaka	Sujātajātakaṃ	Sujātajātakaṃ
270. Chuyện con chim cú	Ulūkajātaka	Ulūkajātakaṃ	Ulūkajātakaṃ
III. Phẩm Khu Rừng	**Araññavagga**	**Araññavaggo**	**Udapānavaggo**
271. Chuyện kẻ làm bẩn giếng nước	Udapānadūsakajātaka	Udapānadūsakajātakaṃ	Udapānadūsakajātakaṃ
272. Chuyện con cọp	Vyagghajātaka	Vyagghajātakaṃ	Byagghajātakaṃ
273. Chuyện con rùa	Kacchapajātaka	Kacchapajātakaṃ	Kacchapajātakaṃ
274. Chuyện tham ăn	Lolajātaka	Lolajātakaṃ	Lolajātakaṃ
275. Chuyện con chim xinh xắn	Rucirajātaka	Rucirajātakaṃ	Rucirajātakaṃ
276. Chuyện Chánh pháp nước Kuru	Kurudhammajātaka	Kurudhammajātakaṃ	Kurudhammajātakaṃ
277. Chuyện chim bồ câu	Romakajātaka	Romakajātakaṃ	Romakajātakaṃ
278. Chuyện con trâu	Mahisajātaka	Mahisajātakaṃ	Mahiṃsarājajātakaṃ

279. Chuyện con hạc	Satapattajātaka	Satapattajātakaṃ	Satapattajātakaṃ
280. Chuyện kẻ phá hư giỏ	Puṭadūsakajātaka	Puṭadūsakajātakaṃ	Puṭadūsakajātakaṃ
IV. Phẩm Chính Trung	**Abbhantaravagga**	**Abbhantaravaggo**	**Abbhantaravaggo**
281. Chuyện Chính Trung	Abbhantarajātaka	Abbhantarajātakaṃ	Abbhantarajātakaṃ
282. Chuyện điều tốt hơn	Seyyajātaka	Seyyaṃsajātakaṃ	Seyyajātakaṃ
283. Chuyện con heo rừng của người thợ mộc	Vaḍḍhakisūkarajātaka	Vaḍḍhakīsūkarajātakaṃ	Vaḍḍhakīsūkarajātakaṃ
284. Chuyện vận may	Sirijātaka	Sirijātakaṃ	Sirijātakaṃ
285. Chuyện heo rừng trong hang thủy tinh	Maṇisūkarajātaka	Maṇisūkarajātakaṃ	Maṇisūkarajātakaṃ
286. Chuyện con heo Sālūka	Sālūkajātaka	Sālukajātakaṃ	Sālūkajātakaṃ
287. Chuyện chê bai lợi nhuận	Lābhagarahajātaka	Lābhagarahajātakaṃ	Lābhagarahajātakaṃ
288. Chuyện xâu cá	Macchuddānajātaka	Macchuddānajātakaṃ	Macchuddānajātakaṃ
289. Chuyện mong ước khác nhau	Nānacchandajātaka	Nānācchandajātakaṃ	Nānāchandajātakaṃ
290. Chuyện thử thách giới đức	Sīlavīmaṁsajātaka	Sīlavīmaṃsajātakaṃ	Sīlavīmaṃsakajātakaṃ
V. Phẩm Cái Bình	**Kumbhavagga**	**Kumbhavaggo**	**Kumbhavaggo**
291. Chuyện cái bát thần	Bhadraghaṭajātaka	Bhadraghaṭajātakaṃ	Surāghaṭajātakaṃ
292. Chuyện vua quạ Supatta	Supattajātaka	Supattajātakaṃ	Supattajātakaṃ
293. Chuyện thân hư hoại	Kāyavicchindajātaka	Kāyavicchandajātakaṃ	Kāyanibbindajātakaṃ
294. Chuyện con chim ăn trái đào	Jambukhādakajātaka	Jambukhādakajātakaṃ	Jambukhādakajātakaṃ
295. Chuyện loài hạ liệt	Antajātaka	Antajātakaṃ	Antajātakaṃ
296. Chuyện biển cả	Samuddajātaka	Samuddajātakaṃ	Samuddajātakaṃ

297. Chuyện dục tình nhảm nhí	Kāmavilāpajātaka	Kāmavilāpajātakaṃ	Kāmavilāpajātakaṃ
298. Chuyện trái sung	Udumbarajātaka	Udumbarajātakaṃ	Udumbarajātakaṃ
299. Chuyện Ẩn sĩ Komāyaputta	Komāyaputtajātaka	Komāyaputtajātakaṃ	Komāraputtajātakaṃ
300. Chuyện chó sói	Vakajātaka	Vakajātakaṃ	Vakajātakaṃ
CHƯƠNG IV: BỐN KỆ	**CATUKKANIPĀTA**	**CATUKKANIPĀTO**	**CATUKKANIPĀTO**
I. Phẩm Hãy Mở Ra	**Vivaravagga**	**Vivaravaggo**	**Kāliṅgavaggo**
301. Chuyện Tiểu vương Kāliṅga	Cullakāliṅgajātaka	Cullakāliṅgajātakaṃ	Cūḷakāliṅgajātakaṃ
302. Chuyện đại kỵ sĩ	Mahāassārohajātaka	Mahāassārohajātakaṃ	Mahāassārohajātakaṃ
303. Chuyện vị Thánh vương	Ekarājajātaka	Ekarājajātakaṃ	Ekarājajātakaṃ
304. Chuyện rắn thần Daddara	Daddarajātaka	Daddarajātakaṃ	Daddarajātakaṃ
305. Chuyện thử thách giới đức	Sīlavīmaṁsanajātaka	Sīlavīmaṃsajātakaṃ	Sīlavīmaṃsanajātakaṃ
306. Chuyện Hoàng hậu Sujātā	Sujātajātaka	Sujātājātakaṃ	Sujātajātakaṃ
307. Chuyện thần cây hồng điệp	Palāsajātaka	Palāsajātakaṃ	Palāsajātakaṃ
308. Chuyện chim gõ kiến	Javasakuṇajātaka	Javasakuṇajātakaṃ	Sakuṇajātakaṃ
309. Chuyện người tiện dân	Chavakajātaka	Chavakajātakaṃ	Chavakajātakaṃ
310. Chuyện vị Quốc sư Sayha	Sayhajātaka	Sayhajātakaṃ	Seyyajātakaṃ
II. Phẩm Cây Pucimanda	**Pucimandavagga**	**Pucimandavaggo**	**Pucimandavaggo**
311. Chuyện cây Pucimanda	Pucimandajātaka	Pucimandajātakaṃ	Pucimandajātakaṃ
312. Chuyện Ẩn sĩ Kassapa chậm trễ	Kassapamandiyajātaka	Kassapamandiya-jātakaṃ	Kassapamandiyajātakaṃ

313. Chuyện đạo lý kham nhẫn	Khantivādijātaka	Khantivādijātakaṃ	Khantīvādījātakaṃ
314. Chuyện địa ngục Nồi Sắt	Lohakumbhijātaka	Lohakumbhijātakaṃ	Lohakumbhijātakaṃ
315. Chuyện miếng thịt	Maṁsajātaka	Maṃsajātakaṃ	Sabbamaṃsalābhajātakaṃ
316. Chuyện con thỏ	Sasajātaka	Sasajātakaṃ	Sasapaṇḍitajātakaṃ
317. Chuyện khóc người chết	Matarodanajātaka	Matarodanajātakaṃ	Matarodanajātakaṃ
318. Chuyện vòng hoa kaṇavera	Kaṇaverajātaka	Kaṇaverajātakaṃ	Kaṇaverajātakaṃ
319. Chuyện chim đa đa	Tittirajātaka	Tittirajātakaṃ	Tittirajātakaṃ
320. Chuyện dễ cho	Succajajātaka	Succajajātakaṃ	Succajajātakaṃ
III. Phẩm Kẻ Đốt Lều	**Kuṭidūsakavagga**	**Kuṭidūsakavaggo**	**Kuṭidūsakavaggo**
321. Chuyện kẻ đốt lều	Kuṭidūsakajātaka	Kuṭidūsakajātakaṃ	Kuṭidūsakajātakaṃ
322. Chuyện tiếng động mạnh	Daddabhajātaka	Daddabhajātakaṃ	Duddubhajātakaṃ
323. Chuyện Vua Brahmadatta	Brahmadattajātaka	Brahmadattajātakaṃ	Brahmadattajātakaṃ
324. Chuyện thầy tu mặc áo da	Cammasāṭakajātaka	Cammasāṭakajātakaṃ	Cammasāṭakajātakaṃ
325. Chuyện con kỳ nhông	Godhajātaka	Godhajātakaṃ	Godharājajātakaṃ
326. Chuyện thiên hoa Kakkāru	Kakkārujātaka	Kakkārujātakaṃ	Kakkārujātakaṃ
327. Chuyện Hoàng hậu Kākāti	Kākātijātaka	Kākātijātakaṃ	Kākavatījātakaṃ
328. Chuyện không khóc người chết	Ananusociyajātaka	Ananusociyajātakaṃ	Ananusociyajātakaṃ
329. Chuyện con khỉ Kālabāhu	Kālabāhujātaka	Kāḷabāhujātakaṃ	Kāḷabāhujātakaṃ
330. Chuyện thử thách giới đức	Sīlavīmaṁsajātaka	Sīlavīmaṃsajātakaṃ	Sīlavīmaṃsajātakaṃ

IV. Phẩm Chim Cu	Kokilavagga	Kokākilavaggo	Kokilavaggo
331. Chuyện Trưởng lão Kokālika	Kokālikajātaka	Kokālikajātakaṃ	Kokilajātakaṃ
332. Chuyện chiếc gậy thúc xe	Rathalaṭṭhijātaka	Rathalaṭṭhijātakaṃ	Rathalaṭṭhijātakaṃ
333. Chuyện con kỳ nhông	Godhajātaka	Pakkagodhajātakaṃ	Pakkagodhajātakaṃ
334. Chuyện khuyến dụ Quốc vương	Rājovādajātaka	Rājovādajātakaṃ	Rājovādajātakaṃ
335. Chuyện chó rừng	Jambukajātaka	Jambukajātakaṃ	Jambukajātakaṃ
336. Chuyện Vương tử Chatta vĩ đại	Brahāchattajātaka	Brahāchattajātakaṃ	Brahāchattajātakaṃ
337. Chuyện cái sàng tọa	Pīṭhajātaka	Pīṭhajātakaṃ	Pīṭhajātakaṃ
338. Chuyện vỏ trấu	Thusajātaka	Thusajātakaṃ	Thusajātakaṃ
339. Chuyện xứ Bāveru	Bāverujātaka	Bāverujātakaṃ	Bāverujātakaṃ
340. Chuyện Trưởng giả Visayha	Visayhajātaka	Visayhajātakaṃ	Visayhajātakaṃ
V. Phẩm Cullakuṇāla	**Cullakuṇālavagga**	**Cūḷakuṇālavaggo**	**Cūḷakuṇālavaggo**
341. Chuyện Vua Kaṇḍarī	Kaṇḍarijātaka	Kinnarījātakaṃ	Kaṇḍarījātakaṃ
342. Chuyện con khỉ	Vānarajātaka	Vānarajātakaṃ	Vānarajātakaṃ
343. Chuyện con hạc	Kuntanijātaka	Kuntinījātakaṃ	Kuntinījātakaṃ
344. Chuyện người ăn trộm xoài	Ambacorajātaka	Ambacorajātakaṃ	Ambajātakaṃ
345. Chuyện con rùa lười biếng	Gajakumbhajātaka	Gajakumbhajātakaṃ	Gajakumbhajātakaṃ
346. Chuyện đạo sĩ Kesava	Kesavajātaka	Kesavajātakaṃ	Kesavajātakaṃ
347. Chuyện cái chày sắt	Ayakūṭajātaka	Ayakūṭajātakaṃ	Ayakūṭajātakaṃ
348. Chuyện chốn rừng hoang	Araññajātaka	Āraññajātakaṃ	Araññajātakaṃ

349. Chuyện lời gièm pha	Sandhibhedajātaka	Sandhibhedajātakaṃ	Sandhibhedajātakaṃ
350. Chuyện vấn đề của vị thiên	Devatāpañhajātaka	Devatāpañhajātakaṃ	Devatāpañhajātakaṃ
CHƯƠNG V: NĂM KỆ	**PAÑCANIPĀTA**	**PAÑCAKANIPĀTO**	**PAÑCAKANIPĀTO**
I. Phẩm Bông Tai Bằng Ngọc	**Maṇikuṇḍalavagga**	**Maṇikuṇḍalavaggo**	**Maṇikuṇḍalavaggo**
351. Chuyện bông tai bằng ngọc	Maṇikuṇḍalajātaka	Maṇikuṇḍalajātakaṃ	Maṇikuṇḍalajātakaṃ
352. Chuyện chàng Sujāta	Sujātajātaka	Sujātajātakaṃ	Sujātajātakaṃ
353. Chuyện cành cây tỏa rộng	Dhonasākhajātaka	Dhonasākhajātakaṃ	Venasākhajātakaṃ
354. Chuyện con rắn	Uragajātaka	Uragajātakaṃ	Uragajātakaṃ
355. Chuyện Vương tử Ghata	Ghatajātaka	Ghatajātakaṃ	Ghaṭajātakaṃ
356. Chuyện nam tử Kāraṇḍiya	Kāraṇḍiyajātaka	Kāraṇḍiyajātakaṃ	Koraṇḍiyajātakaṃ
357. Chuyện chim cút	Laṭukikajātaka	Laṭukikajātakaṃ	Laṭukikajātakaṃ
358. Chuyện Hoàng tử Dhammapāla	Culladhammapālajātaka	Culladhammapāla-jātakaṃ	Cūḷadhammapālajātakaṃ
359. Chuyện con nai vàng	Suvaṇṇamigajātaka	Suvaṇṇamigajātakaṃ	Suvaṇṇamigajātakaṃ
360. Chuyện Hoàng hậu Sussondī	Sussondijātaka	Susandhijātakaṃ	Suyonandījātakaṃ
II. Phẩm Sắc Đẹp	**Vaṇṇārohavagga**	**Vaṇṇārohavaggo**	**Vaṇṇārohavaggo**
361. Chuyện sắc đẹp	Vaṇṇārohajātaka	Vaṇṇārohajātakaṃ	Vaṇṇārohajātakaṃ
362. Chuyện thử thách giới đức	Sīlavīmaṁsajātaka	Sīlavīmaṃsajātakaṃ	Sīlavīmaṃsajātakaṃ
363. Chuyện hổ thẹn	Hirijātaka	Hirijātakaṃ	Hirijātakaṃ
364. Chuyện con đom đóm	Khajjopanakajātaka	Khajjopaṇakapañho	Khajjopanakajātakaṃ
365. Chuyện người luyện rắn	Ahiguṇḍikajātaka	Ahituṇḍikajātakaṃ	Ahituṇḍikajātakaṃ

366. Chuyện con quỷ Gumbiya	Gumbiyajātaka	Gumbiyajātakaṃ	Gumbiyajātakaṃ
367. Chuyện con sáo	Sāliyajātaka	Sāḷiyajātakaṃ	Sāḷiyajātakaṃ
368. Chuyện dây trói buộc	Tacasārajātaka	Tacasārajātakaṃ	Tacasārajātakaṃ
369. Chuyện chàng trai Mittavinda	Mittavindajātaka	Mittavindakajātakaṃ	Mittavindakajātakaṃ
370. Chuyện cây hồng phượng vĩ	Palāsajātaka	Palāsajātakaṃ	Palāsajātakaṃ
III. Phẩm Một Nửa	**Aḍḍhavagga**	**Aḍḍhavaggo**	**Aḍḍhavaggo**
371. Chuyện Hoàng tử con Vua Dīghiti xứ Kosala	Dīghitikosalajātaka	Dīghitikosalajātakaṃ	Dīghītikosalajātakaṃ
372. Chuyện chú nai con	Migapotakajātaka	Migapotajātakaṃ	Migapotakajātakaṃ
373. Chuyện con chuột	Mūsikajātaka	Mūsikajātakaṃ	Mūsikajātakaṃ
374. Chuyện chàng tiểu xạ thủ	Culladhanuggahajātaka	Culladhanuggahajātakaṃ	Cūḷadhanuggahajātakaṃ
375. Chuyện chim bồ câu	Kapotajātaka	Kapotajātakaṃ	Kapotajātakaṃ
CHƯƠNG VI: SÁU KỆ	**CHANIPĀTA**	**CHAKKANIPĀTO**	**CHAKKANIPĀTO**
I. Phẩm Người Lái Đò	**Avāriyavagga**	**Avāriyavaggo**	**Avāriyavaggo**
376. Chuyện người lái đò	Avāriyajātaka	Avāriyajātakaṃ	Avāriyajātakaṃ
377. Chuyện Bà-la-môn Setaketu	Setaketujātaka	Setaketujātakaṃ	Setaketujātakaṃ
378. Chuyện Bà-la-môn Darīmukha	Darīmukhajātaka	Darīmukhajātakaṃ	Darīmukhajātakaṃ
379. Chuyện núi Neru	Nerujātaka	Nerujātakaṃ	Nerujātakaṃ
380. Chuyện thiên nữ Āsaṁka	Āsaṁkajātaka	Āsaṅkajātakaṃ	Āsaṅkajātakaṃ
381. Chuyện chim thứu Migālopa	Migālopajātaka	Migālopajātakaṃ	Migālopajātakaṃ
382. Chuyện thiên nữ Siri và Kāḷakaṇṇī	Sirikāḷakaṇṇijātaka	Sirikālakaṇṇijātakaṃ	Sirikāḷakaṇṇijātakaṃ

383. Chuyện kê vương	Kukkuṭajātaka	Kukkuṭajātakaṃ	Kukkuṭajātakaṃ
384. Chuyện Pháp ấn	Dhammaddhajajātaka	Dhammadhajajātakaṃ	Dhammadhajajātakaṃ
385. Chuyện lộc vương Nandiya	Nandiyamigajātaka	Nandiyamigajātakaṃ	Nandiyamigarājajātakaṃ
II. Phẩm Senaka	**Senakavagga**	**Senakavaggo**	**Kharaputtavaggo**
386. Chuyện con lừa	Kharaputtajātaka	Kharaputtajātakaṃ	Kharaputtajātakaṃ
387. Chuyện cây kim	Sūcijātaka	Sūcijātakaṃ	Sūcijātakaṃ
388. Chuyện con heo Tuṇḍila	Tuṇḍilajātaka	Tuṇḍilajātakaṃ	Tuṇḍilajātakaṃ
389. Chuyện con cua vàng	Suvaṇṇakakkaṭakajātaka	Suvaṇṇakakkaṭaka-jātakaṃ	Suvaṇṇakakkaṭajātakaṃ
390. Chuyện chim Mayhaka	Mayhakajātaka	Mayhakajātakaṃ	Mayhakajātakaṃ
391. Chuyện vị tà thuật sư	Dhajaviheṭhajātaka	Dhajaviheṭhajātakaṃ	Vijjādharajātakaṃ
392. Chuyện củ sen và hoa sen	Bhisapupphajātaka	Bhisapupphajātakaṃ	Siṅghapupphajātakaṃ
393. Chuyện vật thực còn thừa	Vighāsajātaka	Vighāsajātakaṃ	Vighāsādajātakaṃ
394. Chuyện chim cút	Vaṭṭakajātaka	Vaṭṭakajātakaṃ	Vaṭṭakajātakaṃ
395. Chuyện con quạ	Kākajātaka	Kākajātakaṃ	Pārāvatajātakaṃ
CHƯƠNG VII: BẢY KỆ	**SATTANIPĀTA**	**SATTAKANIPĀTO**	**SATTAKANIPĀTO**
I. Phẩm Kukku	**Kukkuvagga**	**Kukkuvaggo**	**Kukkuvaggo**
396. Chuyện Kukku	Kukkujātaka	Kukkujātakaṃ	Kukkujātakaṃ
397. Chuyện sư tử Manoja	Manojajātaka	Manojajātakaṃ	Manojajātakaṃ
398. Chuyện hiếu tử Sutanu	Sutanojātaka	Sutanujātakaṃ	Sutanujātakaṃ
399. Chuyện chim thứu	Gijjhajātaka	Gijjhajātakaṃ	Mātuposakagijjhajātakaṃ
400. Chuyện Dabbhapuppha	Dabbhapupphajātaka	Dabbhapupphajātakaṃ	Dabbhapupphajātakaṃ

401. Chuyện lưỡi kiếm xứ Dasaṇṇaka	Dasaṇṇakajātaka	Dasaṇṇakajātakaṃ	Paṇṇakajātakaṃ
402. Chuyện túi da đựng bánh	Sattubhastajātaka	Sattubhastajātakaṃ	Sattubhastajātakaṃ
403. Chuyện Trí giả Aṭṭhisena	Aṭṭhisenajātaka	Aṭṭhisenajātakaṃ	Aṭṭhisenakajātakaṃ
404. Chuyện hầu vương	Kapijātaka	Kapijātakaṃ	Kapijātakaṃ
405. Chuyện Phạm thiên Baka	Bakabrahmajātaka	Bakabrahmajātakaṃ	Bakajātakaṃ
II. Phẩm Gandhāra	**Gandhāravagga**	**Gandhāravaggo**	**Gandhāravaggo**
406. Chuyện Quốc vương Gandhāra	Gandhārajātaka	Gandhārajātakaṃ	Gandhārajātakaṃ
407. Chuyện đại hầu vương	Mahākapijātaka	Mahākapijātakaṃ	Mahākapijātakaṃ
408. Chuyện người thợ gốm	Kumbhakārajātaka	Kumbhakārajātakaṃ	Kumbhakārajātakaṃ
409. Chuyện Vua Daḷhadhamma	Daḷhadhammajātaka	Daḷhadhammajātakaṃ	Daḷhadhammajātakaṃ
410. Chuyện voi con Somadatta	Somadattajātaka	Somadattajātakaṃ	Somadattajātakaṃ
411. Chuyện Vua Susīma	Susīmajātaka	Susīmajātakaṃ	Susīmajātakaṃ
412. Chuyện thần cây bông vải	Koṭisimbalijātaka	Koṭisimbalijātakaṃ	Koṭasimbalijātakaṃ
413. Chuyện người chăn dê Dhūmakāri	Dhūmakārijātaka	Dhūmakārijātakaṃ	Dhūmakārijātakaṃ
414. Chuyện người tỉnh thức	Jāgarajātaka	Jāgarajātakaṃ	Jāgarajātakaṃ
415. Chuyện phần cháo sữa chua	Kummāsapiṇḍajātaka	Kummāsapiṇḍajātakaṃ	Kummāsapiṇḍijātakaṃ
416. Chuyện cận thần Parantapa	Parantapajātaka	Parantapajātakaṃ	Parantapajātakaṃ

CHƯƠNG VIII TÁM KỆ	AṬṬHANIPĀTA	AṬṬHAKANIPĀTO	AṬṬHAKANIPĀTO
I. Phẩm Kaccāni	**Kaccānivagga**	**Kaccānivaggo**	**(Không có)**
417. Chuyện Hiền mẫu Kaccāni	Kaccānijātaka	Kaccānijātakaṃ	Kaccānijātakaṃ
418. Chuyện tám tiếng kêu	Aṭṭhasaddajātaka	Aṭṭhasaddajātakaṃ	Aṭṭhasaddajātakaṃ
419. Chuyện kiều nữ Sulasā	Sulasājātaka	Sulasājātakaṃ	Sulasājātakaṃ
420. Chuyện người giữ ngự viên Sumaṅgala	Sumaṅgalajātaka	Sumaṅgalajātakaṃ	Sumaṅgalajātakaṃ
421. Chuyện người hớt tóc Gaṅgamāla	Gaṅgamālajātaka	Gaṅgamālajātakaṃ	Gaṅgamālajātakaṃ
422. Chuyện Quốc vương Ceti	Cetiyajātaka	Cetiyajātakaṃ	Cetiyajātakaṃ
423. Chuyện các căn	Indriyajātaka	Indriyajātakaṃ	Indriyajātakaṃ
424. Chuyện ngọn lửa đốt cháy	Ādittajātaka	Ādittajātakaṃ	Ādittajātakaṃ
425. Chuyện những sự kiện không thể xảy ra	Aṭṭhānajātaka	Aṭṭhānajātakaṃ	Aṭṭhānajātakaṃ
426. Chuyện con báo	Dīpijātaka	Dīpijātakaṃ	Dīpijātakaṃ
CHƯƠNG IX: CHÍN KỆ	**NAVANIPĀTA**	**NAVAKANIPĀTO**	**NAVAKANIPĀTO**
427. Chuyện chim thứu	Gijjhajātaka	Gijjhajātakaṃ	Gijjhajātakaṃ
428. Chuyện ở Kosambī	Kosambījātaka	Kosambajātakaṃ	Kosambiyajātakaṃ
429. Chuyện đại anh vũ	Mahāsukajātaka	Mahāsukajātakaṃ	Mahāsuvajātakaṃ
430. Chuyện tiểu anh vũ	Cullasukajātaka	Cullasukajātakaṃ	Cūḷasuvajātakaṃ
431. Chuyện nam tử Hārita	Hāritajātaka	Hāritajātakaṃ	Haritacajātakaṃ
432. Chuyện cậu bé có tài nhận dấu chân	Padakusalamāṇavajātaka	Padamāṇavakajātakaṃ	Padakusalamāṇavajātakaṃ

433. Chuyện Ca-diếp, vị khổ hạnh nhiều lông tóc	Lomasakassapajātaka	Lomasakassapajātakaṃ	Lomasakassapajātakaṃ
434. Chuyện chim hồng nga	Cakkavākajātaka	Cakkavākajātakaṃ	Cakkavākajātakaṃ
435. Chuyện ước mơ chóng phai tàn	Haliddirāgajātaka	Haḷiddirāgajātakaṃ	Haliddirāgajātakaṃ
436. Chuyện cái hộp	Samuggajātaka	Samuggajātakaṃ	Samuggajātakaṃ
437. Chuyện chó rừng Pūtimaṁsa	Pūtimaṁsajātaka	Pūtimaṃsajātakaṃ	Pūtimaṃsajātakaṃ
438. Chuyện con gà gô	Tittirajātaka	Tittirajātakaṃ	Daddarajātakaṃ
CHƯƠNG X: MƯỜI KỆ	**DASANIPĀTA**	**DASAKANIPĀTO**	**DASAKANIPĀTO**
439. Chuyện bốn cổng thành	Catudvārajātaka	Catudvārajātakaṃ	Catudvārajātakaṃ
440. Chuyện Hiền giả Kaṇha	Kaṇhajātaka	Kaṇhajātakaṃ	Kaṇhajātakaṃ
441. Chuyện bốn vị giữ trai giới	Catuposathikajātaka	Catuposathikajātakaṃ	Catuposathiyajātakaṃ
442. Chuyện Bà-la-môn Saṁkha	Saṁkhajātaka	Saṅkhajātakaṃ	Saṅkhajātakaṃ
443. Chuyện Trí giả Cullabodhi	Cullabodhijātaka	Cullabodhijātakaṃ	Cūḷabodhijātakaṃ
444. Chuyện Hắc nhân Dīpāyana	Kaṇhadīpāyanajātaka	Kaṇhadīpāyanajātakaṃ	Kaṇhadīpāyanajātakaṃ
445. Chuyện Vua Nigrodha	Nigrodhajātaka	Nigrodhajātakaṃ	Nigrodhajātakaṃ
446. Chuyện cây hành	Takkaḷajātaka	Takkalajātakaṃ	Takkalajātakaṃ
447. Chuyện Đại nhân Dhammapāla	Mahādhammapālajātaka	Mahādhammapālajātakaṃ	Mahādhammapālajātakaṃ
448. Chuyện kê vương	Kukkuṭajātaka	Kukkuṭajātakaṃ	Kukkuṭajātakaṃ
449. Chuyện nam tử đeo vòng tai	Maṭṭakuṇḍalijātaka	Maṭṭakuṇḍalijātakaṃ	Maṭṭhakuṇḍalījātakaṃ
450. Chuyện phú ông keo kiệt Biḷāri	Biḷārikosiyajātaka	Biḷārakosiyajātakaṃ	Bilārakosiyajātakaṃ

451. Chuyện chim hồng nga	Cakkavākajātaka	Cakkavākajātakaṃ	Cakkavākajātakaṃ
452. Chuyện vấn đề trí tuệ	Bhūripañhajātaka	Bhūripaññajātakaṃ	Bhūripaññajātakaṃ
453. Chuyện điềm lành lớn	Mahāmaṅgalajātaka	Mahāmaṅgalajātakaṃ	Mahāmaṅgalajātakaṃ
454. Chuyện Trí giả Ghata	Ghatajātaka	Ghatapaṇḍitajātakaṃ	Ghaṭapaṇḍitajātakaṃ
CHƯƠNG XI: MƯỜI MỘT KỆ	**EKĀDASANIPĀTA**	**EKĀDASANIPĀTO**	**EKĀDASAKANIPĀTO**
455. Chuyện voi hiếu dưỡng mẹ	Mātiposakajātaka	Mātuposakajātakaṃ	Mātuposakajātakaṃ
456. Chuyện Vương tử Juṇha	Juṇhajātaka	Juṇhajātakaṃ	Juṇhajātakaṃ
457. Chuyện thiên tử Dhamma	Dhammajātaka	Dhammajātakaṃ	Dhammadevaputtajātakaṃ
458. Chuyện Vua Udaya	Udayajātaka	Udayajātakaṃ	Udayajātakaṃ
459. Chuyện ngụm nước uống	Pānīyajātaka	Pānīyajātakaṃ	Pānīyajātakaṃ
460. Chuyện Thái tử Yuvañjaya	Yuvañjayajātaka	Yudhañjayajātakaṃ	Yudhañcayajātakaṃ
461. Chuyện Đại vương Dasaratha	Dasarathajātaka	Dasarathajātakaṃ	Dasarathajātakaṃ
462. Chuyện Vương tử Saṁvara	Saṁvarajātaka	Saṃvarajātakaṃ	Saṃvarajātakaṃ
463. Chuyện Trí giả Suppāraka	Suppārakajātaka	Suppārakajātakaṃ	Suppārakajātakaṃ
CHƯƠNG XII: MƯỜI HAI KỆ	**DVĀDASANIPĀTA**	**DVĀDASANIPĀTO**	**DVĀDASAKANIPĀTO**
464. Chuyện tiểu điểu vương Kuṇāla	Cullakuṇālajātaka	Cūḷakuṇālajātakaṃ	Cūḷakuṇālajātakaṃ
465. Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla	Bhaddasālajātaka	Bhaddasālajātakaṃ	Bhaddasālajātakaṃ
466. Chuyện thương nhân trên biển cả	Samuddavāṇijajātaka	Samuddavāṇijajātakaṃ	Samuddavāṇijajātakaṃ

467. Chuyện dục tham	Kāmajātaka	Kāmajātakaṃ	Kāmajātakaṃ
468. Chuyện Đại vương Janasandha	Janasandhajātaka	Janasandhajātakaṃ	Janasandhajātakaṃ
469. Chuyện đại hắc thiên cẩu	Mahākaṇhajātaka	Mahākaṇhajātakaṃ	Mahākaṇhajātakaṃ
470. Chuyện phú ông keo kiệt Kosiya	Kosiyajātaka	Kosiyajātakaṃ	Kosiyajātakaṃ
471. Chuyện con dê	Meṇḍakajātaka	Meṇḍakapañhajātakaṃ	Meṇḍakapañhajātakaṃ
472. Chuyện Vương tử Paduma vĩ đại	Mahāpadumajātaka	Mahāpadumajātakaṃ	Mahāpadumajātakaṃ
473. Chuyện bạn và thù	Mittāmittajātaka	Mittāmittajātakaṃ	Mittāmittajātakaṃ
CHƯƠNG XIII: MƯỜI BA KỆ	**TERASANIPĀTA**	**TERASANIPĀTO**	**TERASAKANIPĀTO**
474. Chuyện trái xoài	Ambajātaka	Ambajātakaṃ	Ambajātakaṃ
475. Chuyện cây hồng phượng vĩ	Phandanajātaka	Phandanajātakaṃ	Phandanajātakaṃ
476. Chuyện thiên nga chúa thần tốc	Javanahaṁsajātaka	Javanahaṃsajātakaṃ	Javanahaṃsajātakaṃ
477. Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada	Cullanāradajātaka	Cullanāradajātakaṃ	Cūḷanāradajātakaṃ
478. Chuyện sứ giả	Dūtajātaka	Dūtajātakaṃ	Dūtajātakaṃ
479. Chuyện Vua Kāliṅga và cây Bồ-đề	Kāliṅgabodhijātaka	Kāliṅgabodhijātakaṃ	Kāliṅgabodhijātakaṃ
480. Chuyện Hiền giả Akitti	Akittijātaka	Akittijātakaṃ	Akittijātakaṃ
481. Chuyện Hiền giả Takkāriya	Takkāriyajātaka	Takkāriyajātakaṃ	Takkāriyajātakaṃ
482. Chuyện lộc vương Ruru	Rurujātaka	Rurumigajātakaṃ	Rurumigarājajātakaṃ
483. Chuyện lộc vương Sarabha	Sarabhamigajātaka	Sarabhamigajātakaṃ	Sarabhamigajātakaṃ

CHƯƠNG XIV: TẠP KỆ	PAKIṆṆAKA-NIPĀTA	PAKIṆṆAKA-NIPĀTO	PAKIṆṆAKANUPĀTO
484. Chuyện cánh đồng lúa Sāli	Sālikedārajātaka	Sālikedārajātakaṃ	Sālikedārajātakaṃ
485. Chuyện đôi ca thần Canda	Candakinnarajātaka	Candakinnarajātakaṃ	Candakinnarījātakaṃ
486. Chuyện chim ưng chúa	Mahāukkusajātaka	Mahā-ukkusajātakaṃ	Mahāukkusajātakaṃ
487. Chuyện nam tử Uddālaka	Uddālakajātaka	Uddālakajātakaṃ	Uddālakajātakaṃ
488. Chuyện củ sen	Bhisajātaka	Bhisajātakaṃ	Bhisajātakaṃ
489. Chuyện Đại vương Suruci	Surucijātaka	Surucijātakaṃ	Surucijātakaṃ
490. Chuyện năm vị hành trì trai giới	Pañcūposathajātaka	Pañcuposathajātakaṃ	Pañcuposathikajātakaṃ
491. Chuyện đại khổng tước	Mahāmorajātaka	Mahāmorajātakaṃ	Mahāmorajātakaṃ
492. Chuyện lợn rừng Taccha	Tacchasūkarajātaka	Tacchasūkarajātakaṃ	Tacchasūkarajātakaṃ
493. Chuyện vị đại thương nhân	Mahāvāṇijajātaka	Mahāvāṇijajātakaṃ	Mahāvāṇijajātakaṃ
494. Chuyện Đại vương Sādhīna	Sādhīnajātaka	Sādhīnajātakaṃ	Sādhinajātakaṃ
495. Chuyện mười hạng Bà-la-môn	Dasabrāhmaṇajātaka	Dasabrāhmaṇajātakaṃ	Dasabrāhmaṇajātakaṃ
496. Chuyện cúng thực phẩm đúng cấp bậc	Bhikkhāparampara-jātaka	Bhikkhāparampara-jātakaṃ	Bhikkhāparamparajātakaṃ
CHƯƠNG XV: HAI MƯƠI KỆ	**VĪSATINIPĀTA**	**VĪSATINIPĀTO**	**VĪSATINIPĀTO**
497. Chuyện bậc Hiền trí Mātaṅga	Mātaṅgajātaka	Mātaṅgajātakaṃ	Mātaṅgajātakaṃ
498. Chuyện đôi bạn Citta và Sambhūta	Citta-Sambhūta-jātaka	Cittasambhūtajātakaṃ	Cittasambhūtajātakaṃ

499. Chuyện Đại vương Sivi	Sivijātaka	Sivijātakaṃ	Sivijātakaṃ
500. Chuyện thần nữ Cát Tường	Sirimandajātaka	Sirimandajātakaṃ	Sirīmantajātakaṃ
501. Chuyện lộc vương Rohanta	Rohantamigajātaka	Rohantamigajātakaṃ	Rohaṇamigajātakaṃ
502. Chuyện thiên nga chúa	Haṁsajātaka	Cūḷahaṃsajātakaṃ	Cūḷahaṃsajātakaṃ
503. Chuyện anh vũ Sattigumba	Sattigumbajātaka	Sattigumbajātakaṃ	Sattigumbajātakaṃ
504. Chuyện Đại vương Bhallāṭiya	Bhallāṭiyajātaka	Bhallāṭiyajātakaṃ	Bhallātiyajātakaṃ
505. Chuyện Vương tử Somanassa	Somanassajātaka	Somanassajātakaṃ	Somanassajātakaṃ
506. Chuyện long vương Campeyya	Campeyyajātaka	Campeyyajātakaṃ	Campeyyajātakaṃ
507. Chuyện sức cám dỗ mạnh	Mahāpalobhanajātaka	Palobhanajātakaṃ	Mahāpalobhanajātakaṃ
508. Chuyện năm vị Hiền nhân	Pañcapaṇḍitajātaka	Pañcapaṇḍitapañho	Pañcapaṇḍitajātakaṃ
509. Chuyện Hiền giả Hatthipāla	Hatthipālajātaka	Hatthipālajātakaṃ	Hatthipālajātakaṃ
510. Chuyện Vương tử trong ngôi nhà sắt	Ayogharajātaka	Ayogharajātakaṃ	Ayogharajātakaṃ
CHƯƠNG XVI: BA MƯƠI KỆ	**TIṀSANIPĀTA**	**TIṂSATINIPĀTO**	**TIṂSANIPĀTO**
511. Chuyện mong muốn gì	Kiṁchandajātaka	Kiṃchandajātakaṃ	Kiṃchandajātakaṃ
512. Chuyện bình rượu	Kumbhajātaka	Kumbhajātakaṃ	Kumbhajātakaṃ
513. Chuyện Vương tử Jayaddisa	Jayaddisajātaka	Jayaddisajātakaṃ	Jayaddisajātakaṃ
514. Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta	Chaddantajātaka	Chaddantajātakaṃ	Chaddantajātakaṃ
515. Chuyện nam tử Sambhava	Sambhavajātaka	Sambhavajātakaṃ	Sambhavajātakaṃ

516. Chuyện khỉ chúa	Mahākapijātaka	Mahākapijātakaṃ	Mahākapijātakaṃ
517. Chuyện thủy thần	Dakarakkhasajātaka	Dakarakkhasapañho	Dakarakkhasajātakaṃ
518. Chuyện long vương Paṇḍara	Paṇḍarajātaka	Paṇḍarakajātakaṃ	Paṇḍaranāgarājajātakaṃ
519. Chuyện Hoàng hậu Sambulā	Sambulajātaka	Sambulājātakaṃ	Sambulājātakaṃ
520. Chuyện vị thần cây Tindu	Gaṇḍhatindujātaka	Gandhatindukajātakaṃ	Gandhatindukajātakaṃ
CHƯƠNG XVII: BỐN MƯƠI KỆ	**CATTĀLĪSA-NIPĀTA**	**CATTĀḶĪSA-NIPĀTO**	**CATTĀLĪSANIPĀTO**
521. Chuyện ba con chim	Tesakuṇajātaka	Tesakuṇajātakaṃ	Tesakuṇajātakaṃ
522. Chuyện Đại nhân thiện xạ Sarabhaṅga	Sarabhaṅgajātaka	Sarabhaṅgajātakaṃ	Sarabhaṅgajātakaṃ
523. Chuyện thiên nữ Alambusā	Alambusajātaka	Alambusājātakaṃ	Alambusājātakaṃ
524. Chuyện long vương Saṁkhapāla	Saṁkhapālajātaka	Saṅkhapālajātakaṃ	Saṅkhapālajātakaṃ
525. Chuyện Tiểu Sutasoma	Cullasutasomajātaka	Cullasutasomajātakaṃ	Cūḷasutasomajātakaṃ
CHƯƠNG XVIII: NĂM MƯƠI KỆ	**PAṆṆĀSANIPĀTA**	**PAÑÑĀSANIPĀTO**	**PAṆṆĀSANIPĀTO**
526. Chuyện Công chúa Naḷinikā	Naḷinikājātaka	Nalinikājātakaṃ	Niḷinikājātakaṃ
527. Chuyện kỹ nữ Ummadantī	Ummadantījātaka	Ummādantījātakaṃ	Ummādantījātakaṃ
528. Chuyện Hiền giả Mahābodhi	Mahābodhijātaka	Mahābodhijātakaṃ	Mahābodhijātakaṃ
CHƯƠNG XIX: SÁU MƯƠI KỆ	**CHAṬṬHINIPĀTA**	**SAṬṬHINIPĀTO**	**SAṬṬHINIPĀTO**
529. Chuyện Hiền giả Sonaka	Sonakajātaka	Soṇakajātakaṃ	Soṇakajātakaṃ
530. Chuyện Hiền giả Saṁkicca	Saṁkiccajātaka	Saṅkiccajātakaṃ	Saṃkiccajātakaṃ

CHƯƠNG XX: BẢY MƯƠI KỆ	**SATTATINIPĀTA**	**SATTATINIPĀTO**	**SATTATINIPĀTO**
531. Chuyện Đại đế Kusa	Kusajātaka	Kusajātakaṃ	Kusajātakaṃ
532. Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda	Sona-Nanda-jātaka	Soṇanandajātakaṃ	Soṇanandajātakaṃ
CHƯƠNG XXI: TÁM MƯƠI KỆ	**ASĪTINIPĀTA**	**ASĪTINIPĀTO**	**ASĪTINIPĀTO**
533. Chuyện tiểu thiên nga	Cullahaṁsajātaka	Cullahaṃsajātakaṃ	Cūḷahaṃsajātakaṃ
534. Chuyện đại thiên nga	Mahāhaṁsajāta	Mahāhaṃsajātaṃ	Mahāhaṃsajātakaṃ
535. Chuyện thực phẩm thiên giới	Sudhābhojanajātaka	Sudhābhojanajātakaṃ	Sudhābhojanajātakaṃ
536. Chuyện chim chúa Kuṇāla	Kuṇālajātaka	Kuṇālajātakaṃ	Kuṇālajātakaṃ
537. Chuyện Đại Sutasoma	Mahāsutasomajātaka	Mahāsutasomajātakaṃ	Mahāsutasomajātakaṃ
CHƯƠNG XXII: ĐẠI PHẨM	**MAHĀNIPĀTA**	**MAHĀNIPĀTO**	**MAHĀNIPĀTO**
538. Chuyện Vương tử què câm	Mūgapakkhajātaka	Mūgapakkhajātakaṃ	Mūgapakkhajātakaṃ
539. Chuyện Đại vương Mahājanaka	Mahājanakajātaka	Mahājanakajātakaṃ	Mahājanakajātakaṃ
540. Chuyện hiếu tử Sāma	Sāmajātaka	Sāmajātakaṃ	Suvaṇṇasāmajātakaṃ
541. Chuyện Đại vương Nimi	Nimijātaka	Nimijātakaṃ	Nimijātakaṃ
542. Chuyện đường hầm vĩ đại[1]	Khaṇḍahālajātaka	Khaṇḍahālajātakaṃ	Umaṅgajātakaṃ
543. Chuyện bậc Đại trí Bhūridatta	Bhūridattajātaka	Bhūridattajātakaṃ	Bhūridattajātakaṃ
544. Chuyện Candakumāra[2]	Mahānāradakassapa-jātaka	Mahānāradakassapa-jātakaṃ	Candakumārajātakaṃ

[1] Ngoại lệ: Vì đánh số theo bản CST nên số của câu chuyện số 542 này cũng theo bản CST, trong bản Tích Lan và PTS là số 546.

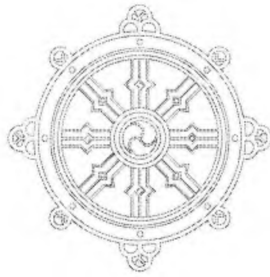
[2] Theo câu chuyện số 544 của CST, trong bản Tích Lan và PTS là số 542.

545. Chuyện bậc Đại trí Nārada Kassapa[3]	Vidhurapaṇḍitajātaka	Vidhurajātakaṃ	Mahānāradakassapajātakaṃ
546. Chuyện bậc Đại trí Vidhura[4]	Mahāummaggajātaka	Ummaggajātakaṃ	Vidhurajātakaṃ
547. Chuyện Đại vương Vessantara	Vessantarajātaka	Mahāvessantarajātakaṃ	Vessantarajātakaṃ

Lưu ý:

1) Tựa các phẩm và câu chuyện theo nguyên tác Pāli bản PTS.

2) Bản Tích Lan đang đề cập dựa vào bản của Tỳ-khưu Indacanda phổ biến trên trang www.tamtangpaliviet.net.



[3] Theo câu chuyện số 545 của CST, trong bản Tích Lan và PTS là số 544.

[4] Theo câu chuyện số 546 của CST, trong bản Tích Lan và PTS là số 545.

PHỤ LỤC 5

TÀI LIỆU THAM KHẢO PĀLI & TIẾNG ANH

(Được sử dụng trong bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PĀLI

Aṅguttara Nikāya, 6 vols., ed. by Morris, R., Hardy, E., Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1885-1910).

Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā (*Manoratthapūraṇī*), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.).

Apadāna, 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-27).

Apadāna Aṭṭhakathā (*Visuddhajanavilāsinī*), ed. by Godakumbura, C. E. (London: PTS, 1954).

Buddhavaṃsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā, ed. by Horner, I. B. (London: PTS, 1946).

Cariyāpiṭaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939).

Cūlaniddesa, ed. by Stede, W. (London: PTS, 1918).

Cūlavaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1925-27).

Dhammapada, ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914).

Dhammapada Aṭṭhakathā, 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. C., and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906, etc.).

Dhammasaṅgaṇī, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dhammasaṅgaṇī Commentary, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dīgha Nikāya, 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910).

Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā (*Sumaṅgalavilāsinī*), 3 vols., ed. by Rhys David, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-32).

Dīpavaṃsa, ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879).

Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889).

Itivuttaka Aṭṭhakathā, 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-36).

Jātaka, 6 vols., ed. by Fausböll, V. (London: PTS, 1877-96).

Kathāvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1894-97).

Kathāvatthu Aṭṭhakathā, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979).

Khuddakapāṭha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915).

Mahāvaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1908).

Majjhima Nikāya, 3 vols., ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1888-99).

Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (*Papañcasūdanī*), 5 vols., ed. by Woods, J. H., Kosambi, D., and Horner, I. B. (London: PTS, 1922-38).

Mahāniddesa, 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallée and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-17).

Milindapañha - Milinda Ṭikā, ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880).

Nettipakaraṇa, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902).

Niddesa Ṭikā (*Saddhammapajjoṭikā*), 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40).

Paṭisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1905-07).

Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (*Saddhammappakāsinī*), 3 vols., ed. by Joshi, C. V. (London: PTS, 1933-47).

Paṭṭhāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1908).

Petavatthu, ed. by Minayeff (London: PTS, 1888).

Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Puggalapaññatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883).

Puggalapaññatti Aṭṭhakathā, ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1914).

Saṃyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1884-1904).

Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (*Sārattappakāsinī*), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-37).

Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913).

Suttanipāta Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* II), 3 vols., ed. by Smith, H. (London: PTS, 1916-18).

Theragāthā - Therīgāthā, ed. by Oldenberg, H., and Pischel, R. (London: PTS, 1883).

Theragāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-59).

Therīgāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* VI), ed. by Müller, E. (London: PTS, 1893).

Udāna, ed. by Steinthal, P. (London: PTS, 1885).

Udāna Aṭṭhakathā, ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926).

Vinaya Piṭaka, 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-83).

Vibhaṅga, ed. by Rhys David, C. A. F. (London: PTS, 1904).

Vibhaṅga Aṭṭhakathā, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH

A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1900).

Buddhist Birth Stories, tr. by Rhys Davids, T. W. (London: Trübner and Co., 1880).

Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910).

Cūlavaṃsa (Translation), 2 vols., tr. by Mrs. Rickmers, C. Mabel (London: PTS, 1929-30).

Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. W., and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1899).

Divyāvadāna, ed. by Cowell, E. B. and Neil, R. A. (Cambridge: The University Press, 1886).

Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1915).

Psalms of the Early Buddhists I - *Psalms of the Sisters* (A Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1909).

Psalms of the Early Buddhists II - *Psalms of the Brethren* (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1913).

The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Piṭaka), tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1881).

The Book of the Kindred Sayings, 5 vols., tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-30).

The Book of the Gradual Sayings, 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-36).

The Collection of the Middle Length Sayings, 3 vols., tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1954-59).

The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, R., Rouse, W. H. D., Francis, H. T., Neil, R. A., Cowell, E. B., and ed. by Cowell, E. B. (London: PTS, 1895-1913).

The Path of Purity, 3 vols., tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31).

The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. W. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Rhys Davids, C. A. F., *A Manual of Buddhism* (London: Sheldon Press, 1932).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism: A Study of the Buddhist Norm* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, T. W., *American Lectures on Buddhism* (New York: G. P. Putnam'son, 1896).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist India* (New York: G. P. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin, 1903).

Tāranātha, *History of Buddhism in India*, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted).

Warren, Henry Clarke, *Buddhism in Translations* (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922).

Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. W. (London: PTS, 1882, etc.).

Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).

D. TỪ ĐIỂN

Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953).

Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. C. (London: PTS, 1874).

A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).

Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. P. (London: John Murray, 1937-38).

Encyclopaedia of Buddhism, 6 vols., ed. by Malalasekera, G. P., Buswell, R. E., Weeraratne, W. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99).

Encyclopedia of Religion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-27).

English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (Ceylon: Colombo *Apothecaries, 1955).*

Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. W. and Stede, William (London: PTS, 1921-25).

SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT

A

B

C

D

Đ

G

H

K

L

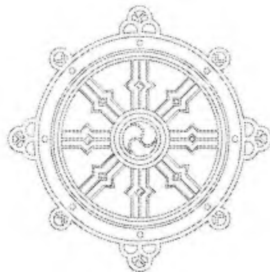
M

N

P

V

X



SÁCH DẪN PĀLI

A

Ā

I

U

E

O

K

KH

G

GH

C

CH

J

JH

T

TH

D

DH

N

P

PH

B

BH

M

Y

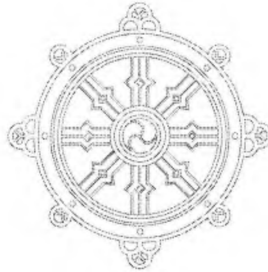
R

L

V

S

H



TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO CAO QUÝ

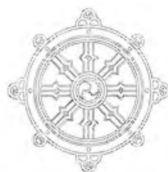
Trân trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

- Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: **3.000 bộ**.
- Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: **1.500 bộ**.
- Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: **500 bộ**.
- Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn.

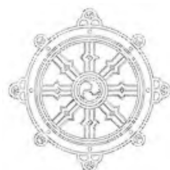
Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.



Thực hiện
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM - TẬP 06
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ - 06
KINH TIỂU BỘ (2)
(Khuddaka Nikāya)

Dịch giả: Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU
NGUYÊN TÂM – TRẦN PHƯƠNG LAN

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng Biên tập LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in
SC. Liên Kỉnh, Ngọc Thanh, Liên Ngọc, Mỹ Hòa, Thủy Tiên

Trình bày
Đặng Thái Trung

Đối tác liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

In: 7.000 bản, khổ: 19 x 27 cm, tại ***Công ty CP In Khuyến học phía Nam*** *(Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh). Số Xác nhận đăng ký XB: 2078-2021/CXBIPH/08-39/HĐ. Số Quyết định xuất bản của NXB: 436/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 20 tháng 07 năm 2021. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.*
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-328-958-9

